***ĐỀ 1.***

**ĐỀ THI HỌC SINH GIỎI NGỮ VĂN 8**

**CẤP HUYỆN**

ĐỀ BÀI

**Câu 1 (4 điểm):**

Cho khổ thơ sau:

*“ Nhưng mỗi năm mỗi vắng*

*Người thuê viết nay đâu?*

*Giấy đỏ buồn không thắm*

*Mực đọng trong nghiên sầu”.*

*( Ông Đồ - Vũ Đình Liên )*

Chỉ ra biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong khổ thơ trên? Phân tích cái hay của mỗi câu thơ.

**Câu 2 ( 6 điểm):**

Em có suy nghĩ như thế nào về thông điệp trong câu chuyện sau đây.

***Khi người ta gửi đi một nụ cười.***

*Cô gái cười với một người xa lạ rầu rĩ, nụ cười làm cho anh ta cảm thấy phấn chấn hơn. Anh mơ đến sự tử tế của một người bạn cũ và viết cho người ấy một lá thư cảm ơn. Người bạn này vui sướng vì nhận được thư của người bạn cũ lâu ngày không gặp đến nỗi sau bữa trưa anh boa một món tiền lớn cho chị hầu bàn. Chị hầu bàn ngạc nhiên vì món tiền bo quá lớn, đã quyết định mang tất cả đi mua vé số. Và trúng số. Ngày hôm sau chị đi nhận giải và cho người ăn mày trên phố một ít tiền lẻ. Người ăn mày rất biết ơn vì đã hai ngày nay anh ta chẳng được ăn gì. Sau bữa tối anh ta trở về ăn phòng tối tăm của mình. Trên đường về, anh ta thấy một chú chó con đang rét run lập cập, anh mang nó về để sửa ấm cho nó. Chú chó rất vui mừng vì được cứu khỏi cơn bão tuyết sắp đến gần. Đêm ấy, trong khi mọi người đang ngủ say thì ngôi nhà bốc cháy, chú chó con sủa sóng siết. Chú chó sủa cho đến khi đánh thức tất cả mọi người trong nhà dậy và cứu tất cả mọi người thoát chết. Một trong những chú bé được cứu thoát đêm ấy sau này trở thành bác sĩ tìm ra một loại vắc – xin chữa khỏi một căn bệnh vô cùng nguy hiểm cho loài người. Tất cả là nhờ một nụ cười.*

***(Góc tâm hồn****)*

***Câu 3 ( 10 điểm)***

*“ Chiếc lá dũng cảm, tình người bao la”*  Bằng kiến thức đã được học qua văn bản *“ Chiếc lá cuối cùng”* của OHen –ri em hãy làm sáng tỏ nội dung trên bằng một bài văn nghị luận.

-------------------------------Hết -------------------------------

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ THI OLYMPIC LỚP 8**

**Câu 1:**

* Yêu cầu về nội dung
* - Chữ *“ Nhưng*” đặt ở đầu câu nói lên sự thật, một tâm trạng người quen thuộc trở thành người xa lạ ( 1 điểm).

- Câu hỏi nghi vấn có từ nghi vấn, có dấu chấm hỏi cuối câu không có lời giải đáp, không có hồi âm như tan loãng vào không gian hun hút -> tâm trạng xót xa, ngao ngán ( 1 điểm).

- Sử dụng biện pháp nghệ thuật nhân hóa, thể hiện ở cụm từ “ *Giấy đỏ buồn” “ Nghiên sầu*”. -> Mượn hình ảnh này để diễn tả tình cảnh ông đồ thời tàn. Câu thơ là tiếng khóc âm thầm của Nhà thơ dành cho ông đồ ( 1 điểm).

**Câu 2:**

\* Yêu cầu về hình thức ( 1 điểm)

* Viết đúng thể loại, nội dung.
* Diễn đạt trôi chảy, mạch lạc, không mắc lỗi dùng từ, chính tả.
* Văn phong rõ ràng, giàu hình ảnh.

\* Yêu cầu về nội dung ( 5 điểm)

* Nêu được vấn đề cần nghị luận ( 05 điểm)
* Giải thích tình huống ( 0,5 điểm)

+ Nụ cười mang lại nhiều cảm xúc khác nhau Niềm vui, phấn chấn

May mắn, sẻ chia

Cứu giúp, nó ấm

Thành công, sáng tạo

* Ý nghĩa: Nụ cười có sức mạnh kì diệu, mang lại nhiều điều tốt đẹp cho con người.

\* Nội dung câu chuyện ( 3 điểm)

+ Tiếng cười là trạng thái cảm xúc vui mừng, soảng khoái của con người trước đời sống và trong mối quan hệ giữa con người với nhau.

+ Tiếng cười có sức mạnh kì diệu Tiếng cười tạo niềm vui nhân đôi

Tiếng cười giúp con người thắt chặt tình cảm.

Tiếng cười là sự động viên khích lệ.

+ Tiếng cười chỉ phát huy hết sức mạnh khi xuất phát từ tình cảm chân thành và phù hợp với từng tình huống hoàn cảnh.

+ Người thiếu tinh thần lạc quan, nhìn đời bằng cái bi quan sẽ không thấy hết sự đời kì diệu của tiếng cười.

+ Sống lạc quan, yêu đời không chỉ mang lại nhiều niềm vui, hạnh phúc cho mọi người xung quanh.

**Thông điệp** ( 1 điểm):

+ Câu chuyện là một thông điệp quý giúp chúng ta nhìn nhận khía cạnh khác của tiếng cười, đó là sức mạnh kì diệu của nó.

+ Nhắc nhở mọi người hãy sống lạc quan, yêu đời, đem niềm vui, chia sẻ tiếng cười cho mọi người xung quanh.

**Câu 3:**

* *Mở bài ( 1 điểm):* Dẫn dắt – đưa yêu cầu nội dung vào bài
* *Thân bài ( 9 điểm):* Làm rõ hai nội dung chính:

+ Chiến lá dũng cảm Tác phẩm hội họa đích thực ( 0,5 điểm)

Kiệt tác của họa sĩ già ( cụ Bơ – men) đã giúp Giôn – xi

chiến thắng cái chết, dần trở về với sự sống -> niềm tin và

nghị lực ( 4 điểm).

+ Tình người bao la Người hoạc sĩ già đã hiến dâng sự sống của mình để giành

lại sự sống và tuổi trẻ cho Giôn – xi ( 2 điểm).

Tình bạn bè, tấm lòng nhân ái, vị tha của Giôn – xi bao

la, sâu nặng vô bờ ( 2 điểm).

* OHen –Ri đã ngợi ca tình thương, tấm lòng vị tha cao cả của những con người nghèo khổ trên đất Mĩ đầu thế kỉ XX nói riêng, trên trái đất này nói chung. ( 0,5 điểm).
* *Kết bài (1 điểm)* Ý nghĩa tác phẩm Thông điệp gửi tới bạn đọc.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

***ĐỀ 2.* KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI CẤP HUYỆN**

**NĂM HỌC 2017-2018**

**MÔN THI: NGỮ VĂN 8**

**Phần I: Đọc hiểu** *(4,0 điểm):*

Đọc đoạn thơ sau và thực hiện các yêu cầu:

*Dải mây trắng đỏ dần trên đỉnh núi,*

*Sương hồng lam, ôm ấp nóc nhà gianh,*

*Trên con đường viền trắng mép đồi xanh,*

*Người các ấp tưng bừng ra chợ Tết.*

*Họ vui vẻ kéo hàng trên cỏ biếc;*

*Những thằng cu áo đỏ chạy lon xon,*

*Vài cụ già chống gậy bước lom khom,*

*Cô yếm thắm che môi cười lặng lẽ,*

*Thằng em bé nép đầu bên yếm mẹ,*

*Hai người thôn gánh lợn chạy đi đầu.*

*Con bò vàng ngộ nghĩnh đuổi theo sau.*

*Sương trắng rỏ đầu cành như giọt sữa,*

*Tia nắng tía nháy hoài trong ruộng lúa,*

*Núi uốn mình trong chiếc áo the xanh,*

*Đồi thoa son nằm dưới ánh bình minh.*

(*Chợ tết -* Đoàn Văn Cừ)

Câu 1: Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn thơ trên.

Câu 2: Nêu nội dung chính của đoạn thơ.

Câu 3: Liệt kê các từ thuộc trường từ vựng *màu sắc* có trong đoạn thơ.

Câu 4: Nhận xét vai trò của trường từ vựng trên trong việc thể hiện nội dung đoạn thơ.

Câu 5: Chỉ ra và nêu ngắn gọn biện pháp tu từ đặc sắc trong 4 dòng thơ cuối.

Câu 6: …

**Phần II: Làm văn** *(16,0 điểm):*

Câu 1: *(4,0 điểm)* Trình bày cảm nhận của em về hai dòng thơ sau bằng một đoạn văn:

*Chiếc thuyền im bến mỏi trở về nằm*

*Nghe chất muối thầm dần trong thớ vỏ.*

(*Quê hương – ­*Tế Hanh)

Câu 2: *(12,0 điểm)*

Trong truyện ngắn *Đời thừa,* nhà văn Nam Cao cho rằng: *Một tác phẩm có giá trị “phải chứa đựng một cái gì lớn lao, mạnh mẽ… Nó ca tụng lòng thương, tình bác ái… Nó làm cho người gần người hơn.”* Qua đoạn trích *Chiếc lá cuối cùng*  của O.Henri đã học trong chương trình Ngữ văn 8, em hãy làm sáng tỏ ý kiến trên. Từ đó, trình bày suy nghĩ của em về giá trị của tình người trong cuộc sống

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

**YÊU CẦU CỤ THỂ:**

**Phần I: Đọc hiểu (4.0 điểm)**

1. **Yêu cầu về kĩ năng:**

* Thí sinh có kĩ năng đọc hiểu văn bản.
* Diễn đạt rõ ý, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu.

1. **Yêu cầu về kiến thức:**

**Câu 1:** Phương thức biểu đạt: biểu cảm, (chính). *(1.0 điểm)*

**Câu 2:** Nội dung chính: niềm vui của tác giả trước khung cảnh trên đường ra chợ Tết đẹp đẽ, tưng bừng. *(1.0 điểm)*

**Câu 3:** Liệt kê trường từ vựng *màu sắc*: trắng (3), đỏ (2), hồng lam, xanh (2), biếc, thắm, vàng, tía. *(1 điểm)*

**Câu 4:** Vai trò: trường từ vựng phong phú về số lượng từ, phong phú về màu sắc với các gam màu tươi sáng đã bộc lộ rõ nét khung cảnh trên đường ra chợ Tết tươi vui, đầy sức sống và niềm vui, niềm yêu thích của tác giả về phiên chợ Tết. *(1 điểm)*

**Câu 5:**Biện pháp tu từ nhân hóa, tác dụng Làm cho cảnh vật thiên nhiên trở nên vui tươi có hồn, có sắc và gần gũi với con người. Thiên nhiên cũng hòa vui với cái tưng bừng trong không khí đón xuân như con người.

**Phần II: Làm văn (16.0 điểm)**

**Câu 1: (4.0 điểm)**

1. **Yêu cầu về kĩ năng:**

* Viết đoạn văn nghị luận lập luận chặt chẽ, đảm bảo yêu cầu về hình thức và nội dung.
* Diễn đạt trôi chảy, có hình ảnh và cảm xúc, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu.

1. **Yêu cầu về kiến thức:**

Thí sinh có thể trình bày theo những cách khác nhau. Sau đây là một hướng giải quyết:

* Con thuyền được nhân hóa “im”, “nằm” đối lập hoàn toàn với con thuyền lúc ra khơi hăng hái, chẳng khác gì một người con của làng chài. Nó mệt mỏi sau chuyến đi xa.
* Ẩn dụ chuyển đổi cảm giác “nghe” cho thấy con thuyền như đang suy tư, đang lắng nghe vị mặn mòi của biển thấm dần vào cơ thể. Hình như càng trải qua sóng gió, con thuyền càng dày dạn, cứng cáp hơn. *(1.0 điểm)*
* Tình yêu quê hương qua nỗi nhớ thuyền, nhớ bến của tác giả thật sâu nặng. Cái tình quê ấy đã khiến tác giả lắng nghe được cả sự sống của con thuyền. *(*

**Câu 2: (12.0 điểm)**

1. **Yêu cầu về kĩ năng:**

* Viết bài văn nghị luận, lập luận chặt chẽ, đảm bảo yêu cầu về hình thức và nội dung. *(0.5 điểm)*
* Diễn đạt trôi chảy, có hình ảnh và cảm xúc, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu. *(0.5 điểm)*

1. **Yêu cầu về kiến thức:**

Thí sinh có thể trình bày theo những cách khác nhau. Sau đây là một hướng giải quyết:

1. **Giải thích ý kiến:** *(1.0 điểm)*

* Tác phẩm có giá trị phải “ca tụng lòng thương, tình bác ái”: ca ngợi tình yêu thương giữa con người với con người. Đó là thứ tình cảm cộng đồng rộng lớn.
* Tác phẩm “làm cho người gần người hơn”: Tình người đẹp đẽ trong tác phẩm sẽ chạm vào những nơi sâu lắng nhất trong lòng người, đánh thức những tình cảm cao quý, nâng nó bay lên, tỏa ánh sáng vào cuộc sống.
* Đó chính là điều “lớn lao mạnh mẽ” chứa đựng trong một tác phẩm có giá trị.

1. **Chứng minh ý kiến:** *(7.0 điểm)*

***Có gì đẹp trên đời hơn thế***

***Người yêu người sống để yêu nhau***

Nếu truyện ngắn Lão Hạc nhà văn Nam Cao đã khắc họa những con người dù nghèo đói, dù gian khổ thì họ vẫn giữ được vẻ đẹp tâm hồn trong sáng, thánh thiện thì truyện ngắn Chiếc lá cuối cùng nhà văn Ohenri lại cho ta hiểu sâu sắc thế nào là đức hi sinh vì người khác. Ở đó ta bắt gặp tình người thật lớn lao thật vĩ đại đến mức quên mình. Vì thế nhận xét về giá trị của một tác phẩm nghệ thuật nhà văn Nam Cao cho rằng: *Một tác phẩm có giá trị “phải chứa đựng một cái gì lớn lao, mạnh mẽ… Nó ca tụng lòng thương, tình bác ái… Nó làm cho người gần người hơn.”* Điều đó một lần nữa thể hiện sâu sắc qua đoạn trích *Chiếc lá cuối cùng*  của O.Henri.

***Luận điểm 1:******Tác phẩm “Chiếc lá cuối cùng” đã ca ngợi tình yêu thương cao cả giữa con người với con người:***

* Ca ngợi Xiu đã chăm sóc tận tình cho Giôn-xi đang ốm nặng.
* Ca ngợi cụ Bơ-men đã hi sinh cao cả để giành lại sự sống cho Giôn-xi.

***Luận điểm 2:******Tác phẩm “Chiếc lá cuối cùng” đã khiến cho con người yêu thương nhau hơn:***

* Tác phẩm khẳng định: sự sống con người là quý nhất, tình thương giữa con người với con người là đẹp nhất.
* Tác phẩm tác động mạnh mẽ đến người đọc: đánh giá lại bản thân, yêu mọi người hơn…

***Luận điểm 3:******Đánh giá mở rộng: Ý kiến của nhà văn Nam Cao đã:***

* Khẳng định sức mạnh, chức năng của văn học.
* Đưa ra một cách đánh giá đúng đắn về tác phẩm văn học.

1. **Suy nghĩ về tình người trong cuộc sống:** *(3.0 điểm)*

* Bàn về giá trị của tình người trong cuộc sống:

+ Tình người là tình cảm cao quý giữa con người với con người, là điều quý giá nhất trên đời mà con người trao tặng nhau.

+ Tình người có sức mạnh rất lớn. Nó nâng đỡ con người, giúp con người vượt qua khó khăn, hoàn thiện nhân cách…

+ Góp phần làm cho xã hội tốt đẹp hơn.

* Rút ra bài học nhận thức và hành động:

+ Nhân thực sâu sắc về lẽ sống: mình vì mọi người.

+ Phê phán lối sống vô cảm.

+ Bồi đắp những tình cảm đẹp trong cuộc sống: nhân ái, vị tha…

### **Phân tích giá trị nhân đạo trong truyện ngắn Chiếc lá cuối cùng của O Hen-ri**

### **Bài tham khảo 1**

Trong một xã hội nhiễu nhương, đồng tiền ngự trị trên tất cả, con người dường như sống chẳng còn tình người. Nhưng chính trong cuộc sống ấy lại có những con người tuy nghèo khổ mà biết thương yêu nhau, hi sinh vì nhau. Điều đó được nhà văn O Hen-ri phản ảnh lại một cách cảm động trong tác phẩm Chiếc lá cuối cùng. Nếu nói văn học là nhân học như Mác-xim Go-rơ-ki thì quả thật Chiếc lá cuối cùng đã để lại một cách kín đáo mong muốn của mình: con người ngày một sống tốt đẹp hơn. Đây chính là tác phẩm để lại trong em niềm xúc động sâu sắc nhất.

Trong truyện tác giả đã kể lại cuộc sống nghèo khổ của các họa sĩ Mỹ tại một khu nhỏ phía tây công viên Oa-sinh-tơn. Đó là hai nữ họa sĩ trẻ tuổi Xiu và Giôn-xi cùng với Bơ-men, một họa sĩ già suốt đời chưa bao giờ thành đạt. Họ sống rất vất vả và chật vật trong những gian buồng chật chội, sát mái, ăn uống thiếu thốn làm việc cật lực để kiếm tiền. Nhưng về mặt tinh thần, về đời sống tình cảm họ lại là những người có tình yêu thương sâu sắc đằm thắm.

***Luận điểm 1: Ở đây chúng ta cảm nhận được tình bạn vô cùng chân thành và cảm động***. Đó là tấm tình trong sáng thuỷ chung của Xiu đôi với Giôn-xi. Hai người từ hai vùng đất rất xa nhau cùng tới Oa- sinh-tơn. Vì có cùng sở thích về nghệ thuật, về rau xà lách, về ống tay áo ngoài nên Xiu và Giôn-xi đã trở nên thân thiết nhau. Khi Giôn-xi bị ốm nặng, ta mới hiểu hết tình bạn thắm thiết của Xiu. Cô đã không bỏ rơi bạn, ngược lại Xiu còn làm việc hết sức mình để kiếm tiền nuôi bản thân và chạy chữa cho Giôn-xi. Cô đã trông nom, săn sóc từng li cho Giôn-xi, lúc nào Xiu cũng cố gắng động viên để Giôn-xi tin tưởng mình sẽ hết bệnh. Cô đã tìm mọi cách để gạt bỏ sự yếu đuối của bạn. Với những việc làm của Xiu, cô đã chứng tỏ cho ta thấy được một tình bạn thuỷ chung: Lúc vui buồn đều có nhau, lúc hoạn nạn lại không thể thiếu nhau, không thể bỏ rơi nhau. Xiu hoàn toàn không vụ lợi, không gợn một suy tính nhỏ nhen, Xiu chỉ có một ước nguyện duy nhất: Giôn-xi khỏi bệnh, tiếp tục ước mơ vẽ bức tranh về vịnh Na-plơ. Những người bạn như thế thật đáng quý, đáng trân trọng xiết bao!

***Luận điểm 2: Cảm động hơn, Chiếc lá cuối cùng còn là bài ca ca ngợi tấm lòng nhân đạo cao cả của bác Bơ-men.*** Bác là một họa sĩ già đã ngoài sáu mươi tuổi nhưng chưa thành đạt trên con đường nghệ thuật. Bác chỉ là người ở cùng nhà với hai nữ họa sĩ. Nhưng khi biết tin Giôn-xi bị bệnh, lại đang trong trạng thái tâm lí tuyệt vọng không muốn sống nữa, bác đã vô cùng bực tức, Bác la mắng Xiu và giận dữ kêu lên: Trên đời này có người nào lại ngớ ngẩn chết vì những chiếc lá rụng từ cái dây leo đáng nguyền rủa ấy hử? Bác vẫn chưa hề nghe thấy chuyện như vậy… Và cuối cùng bác đã tìm ra viên thần dược lấy lại niềm tin yêu cuộc sống cho Giôn-xi: Bức tranh vẽ chiếc lá cuối cùng. Đây là bức tranh đặc biệt nhất trong các bức tranh được vẽ trên thế giới. Nó được vẽ trong đêm đen, giữa mưa tuyết và giá lạnh, dưới ánh sáng một cái đèn bão. Người vẽ nó là một họa sĩ già bệnh tật ốm yếu đang trong cơn viêm phổi nặng. Người họa sĩ ấy đã bao nhiêu năm tháng qua ao ước vẽ được một kiệt tác. Nhưng sáu mươi năm đã qua, chưa bao giờ ông thành công, mãi mãi ông vẫn chỉ là bóng mờ của nghệ thuật. Thế mà hôm nay, với bức vẽ cuối cùng của ông, bức vẽ chiếc lá giữa đêm mưa lạnh rét mướt lại đưa ông tới đỉnh cao của nghệ thuật, được thừa nhận là kiệt tác. Bức vẽ chiếc lá ấy chính là sản phẩm của tấm lòng yêu thương sâu sắc con người của ông. Nó thể hiện một tình cảm chân thành xuất phát từ trái tim nhân đạo đầy tình người bao la. Ở đầu ngọn bút không phải là màu vẽ mà là sự sống của ông, là máu của con tim, là sự tha thiết giành lại sự sống cho Giôn-xi từ tay thần chết. Chất liệu vẽ nên bức tranh không đơn thuần là màu sắc, mà con vẽ bằng cả tình yêu thương vô hạn và đức hi sinh. Đến lúc này nghệ thuật đã nhập vào với cuộc đời và phát huy hết sức mạnh kì diệu của nó. Chiếc lá không rụng. Giôn-xi đã trở lại với cuộc đời và Bơ-men đã trút hơi thở cuối cùng sau khi thành công kiệt tác ấy. Một hình ảnh làm rung động lòng người. Có thể nói Bơ-men đã trao lại sự sống của mình cho Giôn-xi hay nói cách khác, cụ hi sinh bản thân mình để t hắp sáng một sự sống khác, một ước mơ và tương lai khác lớn hớn. Người họa sĩ già ấy đã nhường hơi thở cho tài năng trẻ tiếp tục sự nghiệp nghệ thuật của mình. Bác Bơ-men đã để lại trong lòng người đọc niềm cảm kích chân thành. Tác phẩm chiếc lá cuối cùng đã làm cho người đọc đi từ bất ngờ này đến bất ngờ khác. Giôn xi vốn ốm yếu, phút giây cận kề cái chết thì bổng dưng khỏe lại, cụ Bơ men vốn khỏe mạnh lại bị đột ngột ốm và qua đời, chiếc lá thường xuân tưởng chừng như sẽ rụng nhưng kì thật nó lại ở mãi trên tường. Đó là nghệ thuật đảo tình huống của câu chuyện. Chiếc lá thường xuân kí là mình chứng cho tình bạn, tình thương không giới hạn giữa con người với nhau là thắp sáng ước mơ cho những tâm hồn non trẻ khi chưa tìm một chỗ dựa tinh thần vững chắc.

***Luận điểm 3: Cả hai nhân vật Xiu và Bơ-men là hình ảnh tiêu biểu cho tình thương yêu bạn bè, đồng loại.*** Cuộc đời của họ, hành động của họ luôn tỏa sáng trong tâm hồn người đọc. Thế mới biết trong sự nghèo khổ cùng cảnh ngộ người ta đã thương nhau như thế nào! Chính những hình ảnh đẹp ấy đã có sức chinh phục và lay động lòng người, hướng con người tới một cuộc sống trong sáng đầy tình nghĩa không gợn những tính toán nhỏ nhen. Hai con người ấy là biểu tượng của tình bạn cao đẹp thủy chung, của lòng nhân đạo cao cả. Bơ-men đã nằm xuống nhưng trong lòng mọi thế hệ người đọc, ông vẫn còn sống mãi cùng bức kiệt tác của mình. Qua tác phẩm, với bức tranh Chiếc lá cuối cùng nhà văn đã thể hiện kín đáo tâm sự của mình, O Hen-ri muốn gởi tới người đọc lời kêu gọi chân tình: con người hãy yêu thương nhau, hãy quan tâm đến nhau.

Đúng như nhà thơ Tố Hữu đã từng nói: Người yêu người sống để yêu nhau, Chiếc lá cuối cùng là truyện ngắn thể hiện được tình yêu thương ấy. Tác phẩm đã toát ra một mong muốn sâu sắc: con người ngày một sống tốt đẹp hơn. Đó là vấn đề mà những nghệ sĩ chân chính quan tâm nhất. Rõ ràng văn học đã đưa chúng ta đến cái thiện, cái đẹp, nó giúp ta bỏ đi cái xấu, cái hèn luôn ẩn chứa trong ta.

### **- Bài tham khảo 2**

Với Chiếc lá cuối cùng của nhà văn Mỹ O Hen-ri chúng ta như được bước vào thế giới của một xã hội đương thời nhiễu nhương. Trong cái xã hội nghèo nàn ấy có những người nghệ sĩ nghèo chứa chan tình nhân đạo. Họ thương yêu nhau, hi sinh chính bản thân của mình vì nhau. Với bút pháp nghệ thuật điêu luyện nhà văn đã phản ánh một cách cảm động đồng thời đã để lại một giá trị nghệ thuật cao cả. Tác giả đã bộc lộ một cách kín đáo, một cuộc sống tốt đẹp.

Tác giả đã kể về họ: những người họa sĩ nghèo khổ ở phía tây công viên Oa-sinh-tơn. Hai nữ họa sĩ trẻ tuổi Xiu và Giôn-xi mang đầy năng khiếu và cụ Bơ-men đã già nhưng chưa thành đạt trên con đường nghệ thuật. Mặc dù họ sống chật vật, ăn uống thiếu thốn nhưng họ vẫn thương yêu nhau tha thiết. Một tình bạn chứa chan mà chân thành. Hai người đã gặp nhau rất tình cờ. Họ trùng sở thích nên kết bạn. Xiu và Giôn-xi đã chứng tỏ tình bạn cao cả cửa mình qua cơn ốm nặng của Giôn-xi. Giôn-xi phải cảm ơn Xiu rất nhiều, có thể là không trả hết. Xiu không bỏ rơi bạn trong họan nạn mà còn làm việc hết sức mình lấy tiền nuôi mình và chữa bệnh cho bạn. Cô gạt bỏ hết sự yếu đuối động viên Giôn- xi can đảm vượt qua mọi thử thách. Cô đã chia sẻ những nỗi buồn niềm vui với bạn. Họ đã có một tình cảm cao đẹp. Họ cảm thấy không thế thiếu tình cảm thiêng liêng đó. Xiu là một cô gái trong trắng, biết làm việc thiện không suy nghĩ nhỏ nhen hẹp hòi. Cô chỉ cầu mong điều lành đến với Giôn-xi, đó là khỏi bệnh và thực hiện ước muốn của mình để vẽ vịnh Na-Plơ. Chao ôi! Tình bạn quý giá biết bao. Cảm động hơn là tấm lòng nhân đạo của cụ Bơ- men. Cụ là hàng xóm với hai nữ nghệ sĩ. Khi nghe Xiu kể về tâm trạng tuyệt vọng của Giôn-Xi thì cụ vô cùng tức giận. Cụ mắng nhiếc Xiu và kêu lên: Trên đời này có người nào lại ngớ ngẩn chết vì những chiếc lá rụng từ cái dây leo đáng nguyền rủa ấy hử?. Cuối cùng cụ đã cứu sống được Giôn-xi, lấy lại niềm tin yêu của cuộc sống bằng Chiếc lá cuối cùng – một tác phẩm kiệt xuất của cụ. Nhưng chiếc lá đó chẳng bao giờ nó rung rinh hoặc lay động khi gió thổi. Cụ đã vẽ nó vào cái đêm đen, giữa mưa tuyết và giá lạnh, dưới ánh sáng một cái đèn bão. Tác giả của bức tranh kiệt xuất ấy là người họa sĩ già bệnh tật. Bức vẽ cuối cùng của cụ đã đạt đỉnh cao trên con đường nghệ thuật mà trước kia cụ hằng mong ước. Và để tạo được tác phẩm kiệt xuất ấy cụ đã không ngần ngại đổi bằng chính cuộc sống của mình. Bức vẽ chiếc lá ấy chính là sản phẩm của tấm lòng thương yêu sâu sắc giữa con người với con người. Nó thể hiện một tình cảm chân thành xuất phát từ trái tim nhân đạo đầy tình thương bao la. Dưới ngòi bút của o Hen-ri, con quỷ bệnh tật đang rình rập để hòng tước đoạt niềm tin vào cuộc sống ở Giôn-xi đã bị cụ Bơ-men già gầy guộc đánh bại. Cụ đã trả lại màu xanh cho chiếc lá úa vàng, màu hồng cho đôi má Giôn-xi bệnh tật, trả lại niềm tin, nghị lực cho những người yếu đuối. Đến lúc này nghệ thuật cần cho cuộc sống, hòa vào cuộc sống và phát huy hết sức mạnh kì diệu của nó. Chiếc lá cuối cùng không rụng, nó mãi mãi còn trên cái dây thường xuân. Giôn-xi đã trở lại với cuộc đời mà cụ Bơ- men ban cho. Cũng từ ấy cụ Bơ-men đã trút hơi thở cuối cùng sau khi thành công trên con đường nghệ thuật. Một hình ảnh làm rung động lòng người: Bơ-men đã trao sự sống của mình cho Giôn-xi. Người họa sĩ già ấy đã nhường hơi thở của mình cho tài năng trẻ tiếp tục sự nghiệp nghệ thuật của mình. Bơ-men đã phác họa nghệ thuật để sống mãi trong lòng người đọc. Cụ đã tạo cho màu xanh của chiếc lá thường xuân, tâm huyết của cụ.

Nó đã cứu sống cả mạng người. Chiếc lá cuối cùng trở thành niềm hy vọng của sự hồi sinh được dựng lên bằng tình bạn. Hai nhân vật Xiu và Bơ-men là hình ảnh tiêu biểu cho tình bạn bè, đồng loại. Họ luôn tỏa sáng trong tâm hồn người đọc. Trong sự nghèo khổ họ đã thương yêu nhau, đùm bọc lẫn nhau. Những hình ảnh, lòng thương ấy làm rung động lòng người. Những con người ấy chỉ mơ đến cuộc sống ấm no, đầy đủ nhưng chứa chan tình thương. Tình bạn bè cao đẹp trong sáng, lòng nhân ái bao la như trời xanh biển rộng. Qua đây tác giả O Hen-ri muốn gửi đến mọi người thông điệp về tình bạn tha thiết: con người phải biết thương yêu nhau, quan tâm lẫn nhau. Họ là những người bạn tốt không thể thiếu đối với chúng ta.

Tác phẩm đã toát lên một mong muốn khá giản dị nhưng sâu sắc: con người ngày một sống tốt đẹp hơn. Đó là ngụ ý sâu xa của nhà văn. Tố Hữu đã từng nói: người yêu người sống để yêu nhau. Không có con người, không có tình bạn thì cuộc sống chẳng có nghĩa. Những con người ấy, tình bạn ấy sẽ mãi là tấm gương để chúng ta học tập.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

***ĐỀ 3.***

**ĐỀ THI HSG MÔN: NGỮ VĂN 8 HUYỆN**

**NĂM HỌC 2018-2019**

**Thời gian làm bài: 120 phút**

**Câu 1:** *(2,0 điểm).*

Chỉ rõ và phân tích các biện pháp tu từ có trong hai câu thơ sau:

*Cánh buồm giương to như mảnh hồn làng*

*Rướn thân trắng bao la thâu góp gió...*

(Trích *“Quê hương” -* Tế Hanh)

**Câu 2:** *(8,0 điểm).*

a) Em hiểu gì về phẩm chất người mẹ, người vợ, người phụ nữ Việt Nam qua các văn bản: “*Tôi đi học”* (Thanh Tịnh), *“Trong lòng mẹ”*( Nguyên Hồng), *“Tức nước vỡ bờ”*( Ngô Tất Tố)? (*2,5 điểm).*

b) Viết một đoạn văn (6-8 câu) nêu suy nghĩ của em về phong thái ung dung và tinh thần lạc quan của Bác Hồ (trong văn bản “*Ngắm trăng”* – Hồ Chí Minh) có sử dụng câu cảm thán. Gạch chân câu cảm thán đó *(5,5 điểm).*

**Câu 3:** *(10,0 điểm).*

Kết thúc truyện *“Chiếc lá cuối cùng*” của O. Hen-ri, Xiu đã nói với Giôn-xi *“Đó là kiệt tác của cụ Bơ-men*”. Theo em, ***chiếc lá cuối cùng*** ấy có phải là một kiệt tác không? Hãy chứng minh.

...........................Hết...........................

**ĐÁP ÁN THI CHỌN HỌC SINH GIỎI CẤP HUYỆN**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| Câu 1  2điểm | a.Chỉ được biện pháp tu từ trong 2 câu thơ: so sánh và nhân hóa. | 0,5 |
| b.Phân tích giá trị:  - Sự so sánh liên tưởng độc đáo của tác giả đã khiến cho cánh buồm quen thuộc hiện lên với vẻ đẹp bất ngờ, lãng mạn, thơ mộng, lớn lao và thiêng liêng hơn. Cánh buồm đã trở thành biểu tượng của linh hồn làng chài, quê hương của Tế Hanh.  - Nhờ có các biện pháp ấy mà nhà thơ Tế Hanh đã vẽ được chính xác cái hình và cản nhận tinh tế cái hồn của sự vật. | 1.0  0.5 |
| Câu 2  8điểm) | a.Qua những nhân vật người vợ, người mẹ trong các tác phẩm *Tôi đi học, Trong lòng mẹ, Tức nước vỡ bờ* chúng ta thấy sáng ngời những phẩm chất cao quý của người mẹ - người phụ nữ Việt Nam. Đó là tình cảm thắm thiết, sâu nặng đối với chồng con dù trong những hoàn cảnh đau đớn tủi cực, gay cấn nhất. Họ không chỉ bộc lộ bản chất dịu hiền, đảm đang mà còn thể hiện sức mạnh tiềm tàng, đức hy sinh quên mình chống lại bọn bạo tàn để bảo vệ gia đình.   1. HS đảm bảo các yêu cầu sau:   \* Về kĩ năng: (1,0 điểm).  - Viết đúng kiểu bài phát biểu cảm nghĩ. Đúng thể thức của đoạn văn.  - Đảm bảo đúng số lượng câu theo quy định.  - Văn phong lưu loát. Ít sai lỗi câu từ, chính tả .  \* Về nội dung: (4,5 điểm)  - Bài thơ Ngắm trăng được Bác viết trong hoàn cảnh đặc biệt: trong ngục tù, mọi thứ đều thiếu thốn, bị đọa đầy cả về thể xác lẫn tinh thần.  - Cảnh tù ngục khắc nghiệt ấy không làm Bác vướng bận, tâm hồn vẫn tự do, ung dung, thèm được tận hưởng ánh trăng. Với tư thế *“thân thể ở trong lao, tinh thần ở ngoài lao*”, người chiến sĩ cách mạng đã thả tâm hồn vượt ra ngoài cửa sắt nhà tù để ngắm trăng sáng, để giao hòa với trăng.  - Đó là một cuộc vượt ngục về tinh thần, cho thấy sức mạnh kì diệu của người chiến sĩ cách mạng. Vượt trên xiềng xích, đói rét... của chế độ nhà tù, người chiến sĩ cách mạng vẫn để tâm hồn mình bay bổng tìm đến với vầng trăng tri âm.  - Bài thơ Ngắm trăng cho ta thấy sức mạnh tinh thần to lớn của người chiến sĩ cách mạng vĩ đại, một biểu hiện của tinh thần thép, là sự tự do nội tại, phong thái ung dung, vượt hẳn lên sự nặng nề, tàn bạo của nhà tù.  - Đoạn văn có sử dụng câu cảm thán và gạch chân. | 2.5  1,0  1,0  1,0  1,0  1,0  0,5 |
| Câu 3  10 điểm | **1.Về kĩ năng:** (2,0 đ)  - Viết đúng kiểu bài lập luận chứng minh ;  - Bài viết có kết cấu, lập luận chặt chẽ; dẫn chứng rõ ràng;  - Bố cục 3 phần rõ ràng, cân đối ; diễn đạt trôi chảy ;  - Trình bày sạch đẹp; ít sai lỗi câu, từ, chính tả. | 2.0 |
|  | **2. Về nội dung:** (8,0 đ)  a) Mở bài: (0,5đ) Giới thiệu tác giả tác phẩm và vấn đề cần chứng minh  b) Thân bài (7,0 đ) Khẳng định *“Chiếc lá cuối cùng”* là một kiệt tác, vì:   * Nó được vẽ trong một hoàn cảnh đặc biệt. (1,0đ) * Nó có giá trị nhân sinh (cứu người). (1,0đ) * Cái giá của nó quá đắt: cứu được một người nhưng lại cướp đi mạng sống của chính người tạo ra nó. (1,0đ) * Là kết tinh của trái tim nhân đạo và nghệ thuật. (1,0đ) * Đảo ngược tình thế của câu chuyện, làm cho câu chuyện bất ngờ hấp dẫn. (1,0đ) * HS lấy được dẫn chứng có trong tác phẩm để chứng minh cho các luận điểm trên. (2,0đ)   c) Kết bài: (0,5đ) khẳng định lại vấn đề | 8.0 |

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**ĐỀ 1:**

|  |  |
| --- | --- |
| PHÒNG GDĐT | **ĐỀ THI HSG CẤP HUYỆN - MÔN NGỮ VĂN**  **LỚP 8 - NĂM HỌC**  Thời gian: 150 phút. |

**ĐỀ BÀI**

**PHẦN I: ĐỌC- HIỂU (4 điểm)**

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

*“Phép dạy nhất định theo Chu Tử. Tuần tự tiến lên học đến tứ thư, ngũ kinh, chư sử . Học rộng rồi tóm lược cho gọn, theo điều học mà làm. Họa may kẻ nhân tài mới lập được công, nhà nước nhờ thế mới vững yên. Đó mới thực sự là cái đạo ngày nay có quan hệ tới lòng người. Xin chớ bỏ qua.”*

( Trích *Bàn luận về phép học*, Nguyễn Thiếp)

Câu 1: Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn trích trên

Câu 2: Câu văn: “*Họa may kẻ nhân tài mới lập được công, nhà nước nhờ thế mới vững yên.”* Xét về cấu trúc ngữ pháp thuộc loại câu gì? Vì sao?

Câu 3: Em rút ra được bài học gì về phương pháp học qua đoạn trích trên?

**PHẦN II: LÀM VĂN (16 điểm)**

**CÂU 1: (6 điểm)**

Viết đoạn văn trả lời câu hỏi: Vì sao chúng ta cần bảo vệ hòa bình?

**CÂU 2: (10 điểm)**

“*Những điều kì diệu và cảnh huy hoàng cuối cùng không khỏa lấp được lòng thương xót đối với số phận cô bé. Cô bé đã chết rồi, nhưng cái chết của em vẫn nhắn lại nhiều điều đối với những ai đang sống*”. ( Theo Trần Đình Sử, *Đọc văn, học văn*, NXBGD Hà Nội, 1999).

Qua “Cô bé bán diêm” của An-đéc-xen (SGK Ngữ văn 8, tập 1), em hãy làm rõ **những điều nhắn lại** từ tác phẩm đó mà ý kiến trên đã đề cập

**ĐÁP ÁN**

**(gồm 3 trang)**

A. Hướng dẫn chung

1. Giáo viên chấm cần nắm vững đáp án, thang điểm để đánh giá tổng quát bài làm của học sinh, tránh đếm ý cho điểm. Do đặc trưng của môn Ngữ văn nên cần chủ động, linh hoạt trong quá trình chấm.

2. Đánh giá cả hai mặt kiến thức và kĩ năng theo định hướng phát triển năng lực người học, phù hợp với đối tượng học sinh giỏi cấp huyện

3. Bài làm được chấm theo thang điểm 20, chiết đến 0.25

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | | **Điểm** |
| **Phần I: Đọc – Hiểu** | | | |
| **1** | | Phương thức biểu đạt chính : nghị luận | **0,5** |
| **2** | | - Câu văn: “*Họa may kẻ nhân tài mới lập được công, nhà nước nhờ thế mới vững yên.”* Là câu ghép. | **0,5** |
| - Giải thích: +Vì câu đó cáo 2 vế câu, ý giữa 2 vế câu không bao hàm nhau. | **0.5** |
| + Xác định 2 vế: ...kẻ nhân tài/ mới lập được công,  CN1 VN1  nhà nước/ nhờ thế mới vững yên  CN2 VN2 | **0.5** |
| **3** | | Nêu được một số bài học về phương pháp học qua đoạn trích: Cần học chắc; học rộng rồi mới học sâu; học cơ bản từ dưới lên lớp học, bậc học cao hơn; học đi đôi với hành; học vì mục đích để nắm rõ “đạo”, góp phần xây dựng đất nước.... | **2** |
| **II. Làm văn** | | | |
| **1** | | a. Đảm bảo cấu trúc đoạn văn nghị luận | **0.5** |
| b. Xác định đúng vấn đề nghị luận: Giải thích nguyên nhân vì sao cần bảo vệ hòa bình | **0.5** |
| c. Triển khai hợp lý nội dung đoạn văn. Sau đây là một hướng triển khai :  \*. Câu mở đoạn: Nêu vấn đề nghị luận | **0.5** |
| \*. Các câu tiếp theo:  - Khái niệm hòa bình: Là tình trạng không có chiến tranh hay xung đột vũ trang, là tôn trọng bình đẳng giữa các quốc gia, dân tộc, giữa con người với con người | **1** |
| - Nguyên nhân: + Hòa bình là điều tốt đẹp mà ai cũng mong muốn  + Hòa bình là để giữ cuộc sống bình yên, các nước sống trong mối quan hệ bình đẳng, tôn trọng, thân thiện, hữu nghị..., mọi người được sống yên bình, hạnh phúc, ấm no, có điều kiện để học hành, phát triển... | **1** |
| + Để có được hòa bình, nhiều nước phải đấu tranh, phải đổi lấy không biết bao nhiêu gian khổ, hy sinh... | **0.5** |
| + Nếu không giữ được hòa bình, chiến tranh xảy ra sẽ kéo theo vô vàn hậu quả nặng nề. | **0.5** |
| \* Câu cuối đoạn: Khẳng định lại vấn đề, liên hệ, rút ra bài học | **0.5** |
| d. Sáng tạo: Cách diễn đạt đọc đáo, có suy nghĩ riêng về vấn đề cần nghị luận | **0.5** |
| e. Chính tả, dùng từ, đặt câu: đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu… | **0.5** |
| **2**  **(10đ)** | | a. Đảm bảo cấu trúc của một bài văn nghị luận, kiểu bài chứng minh | **1** |
| b. **những điều nhắn lại** từ tác phẩm “Cô bé bán diêm” của An-đéc-xen | **1** |
| c. Triển khai hợp lí nội dung bài văn. Sau đây là một hướng triển khai:  - Giới thiệu vấn đề cần nghị luận, nêu ý kiến của Trần Đình Sử, chốt vấn đề và tác phẩm liên quan. | **0.5** |
| - Sơ lược về tác phẩm “Cô bé bán diêm”. | **0.5** |
| - Chứng minh chỉ rõ **những điều nhắn lại** từ tác phẩm với một số ý cơ bản:  + Gửi lại bức tranh hiện thực cuộc sống xã hội; cuộc đời, số phận của cô bé bán diêm. Lên án, phê phán xã hội; thái độ bàng quan, thiếu hơi ấm tình thương của người đời | **0.75** |
| + Nhắn gửi những mong muốn, khát vọng của tuổi thơ: Với trẻ thơ, các em ước mơ được sống cuộc sống vật chất đầy đủ, được hưởng thú vui tinh thần, và cần nhất là sự yêu thương, quan tâm, chia sẻ của mọi người. Đó cũng là khát vọng muôn đời của con người nói chung. | **0.75** |
| + Nhắn lại cho mọi người những thông điệp, bài học: Suy nghĩ về trách nhiệm đối với gia đình, người thân; Nhắc ai đó đang may mắn được sống trong tình yêu thương của người thân hãy nên biết trân trọng; hãy thấu hiểu trẻ thơ cần gì; hãy biết yêu thương, cảm thông với những cảnh đời bất hạnh; không nên thờ ơ, vô cảm trước nỗi đau của người khác...  => Nhắn gửi cộng đồng, xã hội, gia đình, mọi người, bản thân... những suy nghĩ về trách nhiệm của mình với trẻ thơ và những người xung quanh... | **1**  **0.5** |
| + Những gia trị nội dung (hiện thực, nhân đạo) và nghệ thuật mà tác phẩm để lại; ý nghĩa giáo dục mà tác phẩm đem đến cho người đọc | **1** |
| - Khái quát, đánh giá chung về tác phẩm “Cô bé bán diêm”, về những điều nhắn lại từ tác phẩm; về tài năng, thái độ, tấm lòng của tác giả; về ý kiến của Trần Đình Sử; bài học về cách viết và cách tiếp nhận tác phẩm liên quan đến vấn đề... | **1** |
| d. Sáng tạo: có cách diễn đạt mới mẻ, độc đáo, có suy nghĩ riêng về vấn đề nghị luận | **1** |
| e. Chính tả, dùng từ, đặt câu: đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu… | **1** |

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**ĐỀ 2:**

|  |  |
| --- | --- |
| **PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO** | **KÌ KIỂM TRA CHỌN HỌC SINH GIỎI**  **năm học 2018 – 2019**  **Môn kiểm tra: Ngữ văn 8**  Thời gian làm bài: 150 phút |

**PHẦN I. ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN** ( 8,0 điểm)

Đọc phần trích sau và trả lời các câu hỏi :

**TRUYỆN NGẮN**

Truyện ngắn là hình thức tự sự loại nhỏ. Truyện ngắn khác với truyện vừa ở dung lượng nhỏ, tập trung mô tả một mảnh của cuộc sống: một biến cố, một hành động, một trạng thái nào đó trong cuộc đời của nhân vật, thể hiện một khía cạnh của tính cách hay một mặt nào đó của đời sống xã hội. Do đó truyện ngắn thường ít nhân vật và sự kiện.

Cốt truyện của truyện ngắn thường diễn ra trong một không gian, thời gian hạn chế. Nó không kể trọn vẹn một quá trình diễn biến một đời người mà chọn lấy những khoảnh khắc, những “lát cắt” của cuộc sống để thể hiện. Kết cấu của truyện ngắn thường là sự sắp đặt những đối chiếu, tương phản để làm bật ra chủ đề. Do đó mà truyện ngắn thường là ngắn.

Truyện ngắn tuy ngắn nhưng có thể đề cập tới những vấn đề lớn của cuộc đời. Tác phẩm của nhiều bậc thầy trong thể loại này đã cho ta biết điều đó.

**(**Theo *Từ điển văn học)*

**Câu 1.** Xác định phương thức biểu đạt chính và nêu chủ đề của phần trích trên? *(1,0 điểm)*

**Câu 2.** Tìm 4 từ thuộc trường từ vựng *truyện ngắn* trong phần trích ? *(1,0 điểm)*

**Câu 3.** Trong phần trích trên, dấu hai chấm và dấu ngoặc kép cótác dụng gì? *(1,0 điểm)*

**Câu 4.** Đoạn 2 và đoạn 3 trong phần trích được liên kết với nhau bằng việc sử dụng phương tiện liên kết nào? *(1,0 điểm)*

**Câu 5.** Dựa vào gợi ý của phần trích trên, em hãy viết đoạn văn(từ 10 – 12 câu) thuyết minh về một trong các đặc điểm của truyện ngắn trên cơ sở truyện ngắn “Lão Hạc” – Nam Cao.*(4,0 điểm)*

**PHẦN II. TẠO LẬP VĂN BẢN** (12,0 điểm)

An-đéc-xen là nhà văn Đan Mạch nổi tiếng với loại truyện kể cho trẻ em. Những truyện ông biên soạn lại từ truyện cổ tích mang ***lại cho trẻ thơ nhiều niềm vui nhưng cũng tràn ngập nỗi buồn để ta phải suy ngẫm.***

Bằng hiểu biết về truyện ***Cô bé bán diêm*** *(SGK Ngữ văn 8 – Tập 1, NXB Giáo dục Việt Nam),* em hãy làm sáng tỏ ý kiến trên?

**---HẾT---**

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

**PHẦN I. ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN** *(8,0 điểm)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Đáp án** | **Biểuđiểm** |
| **1** | - Phương thức biểu đạt chính : Thuyết minh | *0,5 điểm* |
| - Chủ đề của phần trích : Đặc điểm của thể loại truyện ngắn | *0,5 điểm* |
| **2** | - Học sinh xác định đúng 4 từ trong số các từ sau của trường từ vựng ***truyện ngắn*** .  (Tự sự, nhân vật, cốt truyện, kết cấu, chủ đề, tác phẩm, thể loại) | *1,0 điểm* |
| **3** | Tác dụng của dấu câu:  + Dấu hai chấm : Đánh dấu (báo trước) phần giải thích cho một phần trước đó. | *0,5 điểm* |
| + Dấu ngoặc kép : Đánh dấu từ ngữ được hiểu theo nghĩa đặc biệt. | *0,5 điểm* |
| **4** | - Đoạn 2 và đoạn 3 trong phần trích được liên kết với nhau bằng việc sử dụng từ ngữ có tác dụng liên kết. | *0,5 điểm* |
| - Từ được dùng liên kết: truyện ngắn | *0,5 điểm* |
| **5** | - **Yêu cầu về hình thức :**  + Đảm bảo cấu trúc của một đoạn văn  + Đoạn văn khoảng 10 – 12 câu.  + Không mắc lỗi chính tả, dùng từ , đặt câu. | *1,0 điểm* |
| **- Yêu cầu về nội dung:**  Thông qua phần trích, học sinh biết **lựa chọn** một trong các đặc điểm của thể loại truyện ngắn để thuyết minh thông qua truyện ngắn Lão Hạc – Nam Cao. Cụ thể:  **+ Về hình thức :**  - Truyện ngắn có dung lượng nhỏ: truyện Lão Hạc dài khoảng 9 trang.  - Số nhân vật trong truyện ít : Lão Hạc, ông giáo, Binh Tư, vợ ông giáo, con trai Lão Hạc.  - Sự việc không nhiều: Lão Hạc trước khi bán chó  Lão Hạc sau khi bán chó.  Cái chết của Lão Hạc.  + **Về cốt truyện:**  - Truyện ngắn diễn ra trong một thời gian, không gian hạn chế, không kể trọn vẹn một quá trình diễn biến một đời người mà chọn lấy những khoảnh khắc , những *lát cắt* của cuộc sống để thể hiện...  Cụ thể : Trong truyện *Lão Hạc* cốt truyện tập trung viết về cuộc đời nghèo khó, bất hạnh của một lão nông trước CMT8/1945. Vợ chết, con phẫn trí bỏ đi làm đồn điền cao su, lão Hạc sống cô đơn thui thủi dưới mái tranh siêu vẹo, chỉ có con chó vàng làm bạn sớm hôm. Để giữ cho con trai mảnh vườn và số tiền ít ỏi, lão Hạc đã lo liệu xong xuôi, lão tự chọn cái chết để giải thoát khỏi mọi nỗi đau.  **+ Về kết cấu:**  - Kết cấu của truyện ngắn thường là sự sắp đặt những đối chiếu, tương phản để làm nổi bật chủ đề.  - Sự đối lập trong truyện ***Lão Hạc*** thể hiện qua cuộc đời nghèo khổ, nhiều bất hạnh của lão Hạc với phẩm chất cao đẹp: lương thiện, giàu lòng tự trọng, giàu tình yêu thương...Qua đó thể hiện một cách chân thực, cảm động số phận đau thương và phẩm chất cao quý tiềm tàng của người nông dân trong xã hội cũ.  **\*** Ngoài ra học sinh có thể thuyết minh về một số đặc điểm khác của truyện như : ngôn ngữ, chủ đề, tình huống truyện...  - **Biểu điểm:**  **Điểm 3**: Hiểu sâu sắc, đáp ứng tốt yêu cầu về nội dung .  **Điểm 2**: Học sinh không chọn mà thuyết minh về các đặc điểm của truyện ngắn Lão Hạc .  **Điểm 1:** Nội dung quá sơ sài, không bám sát yêu cầu của đề. | *3,0 điểm* |

**PHẦN II. TẠO LẬP VĂN BẢN**

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Về hình thức**:  - Xác định đúng kiểu bài : Nghị luận chứng minh.  - Bài viết có bố cục rõ ràng, mạch lạc, lập luận chặt chẽ.  - Trình bày sạch đẹp, không sai chính tả, ngữ pháp.  - Bài viết có sự sáng tạo độc đáo phù hợp... | **2,0 điểm** |
| **2. Về nội dung:** *Học sinh có thể có các cách lập ý và sắp xếp ý khác nhau nhưng cần tập trung làm rõ những nội dung sau:* | **10,0 điểm** |
| **2.1 Mở bài:** Giới thiệu chung về truyện ngắn“Cô bé bán diêm” của An-đéc-xen và vấn đề cần nghị luận. | *1,0 điểm* |
| **2.2 Thân bài**:  **a. Chứng minh:** | |
| **Luận điểm 1: Truyện *Cô bé bán diêm* mang lại nhiều niềm vui cho trẻ thơ.**  **+** Niềm vui được sưởi ấm trong những ngày đông giá lạnh.  + Niềm vui được ăn ngon dưới mái ấm của gia đình.  + Được vui chơi vào đêm giao thừa với những cây thông Nô-en trang trí lộng lẫy.  + Được yêu thương trong vòng tay của người thân. | *3,0 điểm* |
| **Luận điểm 2: Truyện *Cô bé bán diêm* còn chất chứa nhiều nỗi buồn tê tái .**  +Buồn vì hoàn cảnh nghèo khổ, bất hạnh: Phải đi bán diêm để kiếm sống trong một thời điểm hết sức đặc biệt ***đêm giao thừa,*** trong một không gian giá rét tuyết rơi***.***  ***+*** Buồn vì em bé phải sống cô đơn, thiếu tình yêu thương:  Trong gia đình: Mẹ mất; bà nội mất; người cha sẵn sàng đánh, mắng khi em không bán được bao diêm nào***.***  Xã hội: Người đời lạnh lùng, thờ ơ, vô cảm khi không ai bố thí cho em đồng nào lúc em đi bán diêm; khi chứng kiến cái chết của em.  ***+***  Buồn vì niềm vui chỉ đến với em trong mộng tưởng. Khi những que diêm tắt em lại phải đối diện với thực tại phũ phàng. | *3,0 điểm* |
| **Luận điểm 3: Khái quát, mở rộng và nâng cao**:  - Những niềm vui và nỗi buồn trong truyện *Cô bé bán diêm* đều thể hiện tình yêu thương con người sâu sắc của nhà văn :  - Qua đó tác giả lên án xã hội lạnh lùng, thờ ơ, vô cảm.  - Gửi bức thông điệp đến mọi người: Hãy sống yêu thương, chia sẻ...  - Bằng nghệ thuật kể chuyện hấp dẫn, đan xen giữa hiện thực và mộng tưởng, với các tình tiết diễn biến hợp lí, tác phẩm Cô bé bán diêm của An-đéc-xen truyền đến cho chúng ta lòng thương cảm sâu sắc với một em bé bất hạnh. | *2,0 điểm* |
| **2.3. Kết bài:**  - Khẳng định lại vấn đề cần chứng minh  - Liên hệ bản thân.. | *1,0 điểm* |

***\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\****

**ĐỀ 1.**

**Đề bài: Nhận xét về một trong những cảm hứng của Thơ mới Việt Nam giai đoạn 1930- 1945,có ý kiến nhận xét : “Tình yêu quê hương đất nước một khoảng rộng trong trái tim của thơ mới”. Bằng hiểu biết của mình về hai bài thơ *Nhớ rừng* của Thế Lữ và *Quê hương* của Tế Hanh em hãy làm sáng tỏ ý kiến về**Tình Yêu Quê Hương Đất Nước Qua Bài Thơ Nhớ Rừng Và Quê Hương.

**BÀI LÀM**

  Thơ mới là một hiện tượng nổi bật của văn học Việt Nam nói chung và thơ ca nói riêng trong thế kỷ XX. Nó vừa ra đời đã nhanh chóng khẳng định vị trí xứng đáng trong nền văn học dân tộc với các "hoàng tử thơ": Thế Lữ, Xuân Diệu, Huy Cận, Chế Lan Viên, Hàn Mặc Tử v..v… Phong trào Thơ mới đã tạo nên một thời đại rực rỡ phong phú trong lịch sử văn học Việt Nam. Hoài Thanh đã viết trong Thi nhân Việt Nam : “… trong lịch sử thi ca Việt Nam chưa bào giờ có một thời đại phong phú như thời đại này. Chưa bao giờ người ta thất xuất hiện cùng một kần một hồn thơ rộng mở như Thế Lữ. mơ màng như Lưu Trọng Lư, hùng tráng như Huy Thông, trong sáng như Nguyễn Nhược Pháp, ảo não như Huy Cận, quê mùa như Nguyễn Bính, kỳ dị như Chế Lan Viên… và thiết tha, rạo rực, băn khoăn như Xuân Diệu. Thơ mới là thời đại của những phong cách thơ độc đáo và một trong những nội dung tiêu biểu của thơ mới là tình yêu quê hương như một nhà nghiên cứu từng nhận xét:*“Tình yêu quê hương đất nước một khoảng rộng trong trái tim của thơ mới”.*

    Thơ mới ra đời trong hoàn cảnh đất nước chìm trong chế độ thực dân nửa phong kiến.Các nhà thơ mới nhận thức rõ nỗi đau mất nước, chán ghét thực tại nên họ gửi gắm nỗi niềm về đất nước, quê hương vào những vần thơ. Tình quê hương đấtnước trong Thơ mới thể hiện ở nhiều cung bậc khác nhau: lúc ca ngợi cảnh đẹp của quê hương, lúc nhớ quê hương da diết, lúc hoài niệm ngưỡng mộ và tiếc nuối một né đẹp văn hóa trong quá khứ, lúc gửi gắm niềm tâm sự thầm kín… Và một trong những bài thơ xuất sắc của phong trào thơ mới viết thành công với đề tài này, không thể không nhắc tới Thế Lữ với *Nhớ rừng*, Tế Hanh với *Quê hương*.

    Viết về tình yêu quê hương đất nước, thứ nhất, hai bài thơ này ca ngợi cảnh đẹp thiên nhiên.

    Bài thơ *Nhớ rừng*của Thế Lữ dựng lên hai khoảng không gian, đối lập : sự hùng vĩ của thiên nhiên và sự chật hẹp, tù túng của vườn bách thú nơi con hổ đang sống. Thiên nhiên trong bài thơ hiện lên thật đẹp đẽ, ấn tượng. Đó là cảnh *bóng cả*, *cây già*với những *g*ió *gào ngàn*, *nguồn hét núi*:

*"Nhớ cảnh sơn lâm bóng cả cây già*  
*Với tiếng gió gào ngàn, với giọng nguồn hét núi"*

    Cảnh thiên nhiên ở nơi rừng xanh, nơi con hổ từng là chúa tể của muôn loài trái ngược với những cảnh giả tạo, bắt chước của vườn bách thú.Và đặc biệt, ca ngợi vẻ đẹp của thiên nhiên, Thế Lữ đã rất thành công khi miêu tả hình ảnh bộ tranh tứ bình tinh xảo và độc đáo. Đầu tiên là bức tranh rừng núi trong đêm :

*"Nào đâu những đêm vàng bên bờ suối*

*Ta say mồi đứng uống ánh trăng tan."*

     Còn đâu nữa những đêm *vàng* khi con hổ được thưởng thức ánh trăng kì diệu.Nhớ làm sao những đêm vàng mộng mơ ấy.Khi mà giờ đây nó đang bị gông cùm trong vườn bách thú.

      Bức tranh hai, Thế Lữ cho chúa tể rừng xanh đối diện với sự gào thét của thiên nhiên hùng vĩ vào những ngày mưa:

*“Đâu những ngày mưa chuyển bốn phương ngàn*

*Ta lặng ngắm giang sơn ta đổi mới”*

    Mưa rừng không phải là mưa bụi phất phơ, mưa thu êm đềm mà là "mưa chuyển bốn phương ngàn". Mưa thật dữ dội làm sao. Thế Lữ thật tài tình khi  lấy sự gào thét dữ dội của thiên nhiên, cảnh tuôn rơi ồn ào của ngày mưa làm phông nền cho một hổ ta điềm nhiên lặng ngắm giang sơn đổi mới của mình. Quả là bức tranh của một nghệ sĩ kỳ tài.

   Còn đây là một cảnh khác, tươi sáng, tưng bừng của buổi bình minh.Chúa tể rừng xanh lúc nầy đang ngon giấc:

*“Đâu những bình minh cây xanh nắng gội*

*Tiếng chim ca giấc ngủ ta tưng bừng”*

     Khác với cảnh rừng mưa gió dữ dội ở trên, đến đây là những câu thơ êm ả, miêu tả một khung cảnh buổi bình minh tuyệt đẹp.Người đọc như đang được tắm mình trong khung cảnh nên thơ, huyền diệu ấy.Với tiếng chim ca, với ánh nắng, với màu xanh của cây.Mọi thứ trở nên thật êm ả, thanh bình.

      Bức tranh cuối cùng tuyệt đẹp, đẹp một cách lộng lẫy và bi tráng:

*“Đâu những chiều lênh láng máu sau rừng*

*Ta đợi chết mảnh mặt trời gay gắt”*

    Bức tranh thiên nhiên đến đây thật độc đáo.Có màu màu đỏ rực của máu và của ánh mặt trời sắp tắt.Hổ ta bây giờ không phải là đang thưởng ngoạn cảnh đẹp của chốn đại ngàn nữa mà là hiện nguyên hình là mãnh thú. Dưới chân hổ là cảnh “lênh láng máu” của những con thú yếu  hèn.

    Quả thật, bức tranh hoành tráng của rừng thẳm oai linh, của gió gào ngàn, nguồn hét núi, bóng cả, cây già. Trong cảnh thiên nhiên kỳ vĩ thâm nghiêm ấy làm nền cho hình bóng của chúa sơn lâm mang vẻ đẹp dõng dạc, đường hoàng với những đêm vàng, sáng xanh, chiều đỏ, tiếng chim ca tất cả mang vẻ đẹp lãng mạn, muôn màu muôn vẻ của thiên nhiên của cách nhìn lãng mạn và bút pháp lãng mạn.

    Nếu như thiên nhiên trong *Nhớ rừng*là vẻ đẹp của sự hùng tráng, mạnh mẽ của núi rừng, thì thiên nhiên trong thơ Tế Hanh lại êm đềm, đằm thắm với cảnh sông nước bình dị. Hình ảnh làng chài ven biển đẹp, trong trẻo thoáng đãng là tâm điểm mà nhà thơ muốn ca ngợi qua bài thơ *Quê hương*của mình.

Cái làng quê nghèo ở một cù lao trên sông Trà Bồng đã nuôi dưỡng tâm hồn Tế Hanh, đã trở thành nguồn cảm xúc vô tận để ông viết nên những vần thơ tha thiết, lai láng như : *Nhớ con sông quê hương, Quê hương, Trở lại con sông quê hương.*Mở đầu bài thư *Quê hương*, tác giả viết:

*"Làng tôi ở vốn nghề chài lưới  
Nước bao vây cách biển nửa ngày sông"*

    Hai câu đầu giới thiệu ngắn gọn “làng tôi”.Đây là hai câu thơ giản dị nhưng nếu thiếu lời giới thiệu này, quê hương sẽ trở nên trừu tượng, thiếu sức truyền cảm.Qua lời giới thiệu này, chúng ta thấy nhà thơ Tế Hanh rất tự hào về quê hương miền biển của mình.Niềm tự hào đó thể hiện sâu sắc tình yêu của ông dành cho quê hương.

    Đến những câu thơ tiếp theo bức tranh thiên nhiên được vẽ ra qua tự giới thiệu về làng tôi của tác giả. Khung cảnh được tác giả vẽ ra là một khung cảnh của buổi sớm mai, với không gian thoáng đạt, trời trong, gió nhẹ, nắng mai hồng, với hình ảnh những con người dân trai tráng bơi thuyền đi đánh cá

*"Khi trời trong gió nhẹ, sớm mai hồng*

*Dân trai tráng bơi thuyền đi đánh cá"*

    Thế đấy, quê hương trong thơ Tế Hanh hiện lên đẹp và mát dịu như vậy. Thiên nhiên trong thơ ông còn là bức tranh lao động rất đỗi bình dị, gần gũi nhưng đầy sức sống:

*"Ngày hôm sau, ôn ào trên bến đỗ*  
*Khắp dân làng tấp nập đón ghe về.*  
*"Nhờ ơn trời biển động cá đầy ghe*  
*Những con cá tươi ngon thân bạc trắng"*

    Có thể nói, qua con mắt của một người con yêu quê nhưng phải sống xa quê, bức tranh thiên nhiên qua thơ Tế Hanh hiện lên thật đẹp, tràn đầy nhựa sống. Nó khác hẳn với cái vẻ buồn bã, thê lương đang hiện hữu trong thơ mới giai đoạn này.

    Tiếp theo, chúng ta thấy, tình yêu quê hương của hai nhà thơ còn được thể hiện thông qua việc gửi gắm tâm sự thầm kín. Với Thế Lữ, ông gửi lòng yêu nước vào tâm sự thầm kín của con hổ trong bài thơ *Nhớ rừng*, nhớ biết bao nhiêu thời vàng son oanh liệt. Ta nghe đó như chính là nỗi nhớ lịch sử vàng son oanh liệt của đất nước. Tâm trạng của con hổ là một ẩn dụ thể hiệ ntâm trạng của tác giả của người dân Việt Nam lúc đó. Đó là những con người đang ở trong vòng nô lệ, chịu sự áp bức, bóc lột của bọn thực dân Pháp và của xã hội phong kiến. Con hổ muốn được thoát khỏi song sắt chật hẹp của vườn bách thú cũng giống như tâm trạng của người dân muốn thoát khỏi cái vòng vây nô lệ đó:

"*Ta đương theo giấc mộng ngàn to lớn"*

    Giấc mộng ngàn của chúa sơn lâm cũng là khao khát tự do thầm kín của con người được gửi gắm một cách tế nhị trong thơ.

    Còn đối với *Quê hương*của Tế Hanh, tình yêu quê hương đất nước là nỗi nhớ quê hương da diết khi xa quê.Mười bảy tuổi, xa quê, Tế Hanh luôn nhớ về quê hương làng vạn chài của mình. Với tấm lòng yêu quê hương sâu sắc, bức tranh làng chài thật sinh động và đậm nét qua cảm xúc của nhà thơ. Khi tả cảnh dân chài bơi thuyền đi đánh cá Tế Hanh đã dựng lên một không gian trong trẻo gió nhẹ rực rỡ nắng hồng… Con thuyền dũng mãnh vượt Trường Giang với sức sống mạnh mẽ mang một vẻ đẹp hùng tráng, bất ngờ hiếm thấy trong thơ mới, một bức tranh lao động đầy hứng khởi và đầy sức sống trong thơ mới. Phải cảm nhận được sức sống lao động của làng quê bằng cả tâm hồn thiết tha gắn bó mới viết được những câu thơ thật hay, thật đặc sắc:

*“ Cánhbuồm giương to như mảnh hồnlàng*

*Rướn thân trắng bao la thâu góp gió”.*

    Mảnh hồn làng ấy chính là nơi cho tâm hồn nghệ sỹ neo đậu với tấm lòng tha thiết nhớ thương về quê hương. Và đặc biệt hơn cả, nỗi nhớ quê hương, tình yêu quê hương được bộc lộ một cách trực tiếp ở khổ thơ cuối:

*"Nay xa cách, lòng tôi luôn tưởng nhớ:*  
*Màu nước xanh, cá bạc, chiếc buồm vôi,*  
*Thoáng con thuyền rẽ sóng chạy ra khơi,*  
*Tôi thấy nhớ cái mùi nồng mặn quá!"*

    Nhớ về quê hương miền biển của mình, nhà thơ nhớ: *màu nước xanh, cá bạc, chiếc buồm vôi,*nhớ *con thuyền rẽ sóng* và đặc biệt hơn cả là nhớ *mùi vị mặn mòi* của biển khơi – mùi vị đặc trưng mà chỉ có ở miền biển  mới có được. Nối nhớ thiết tha trong xa cách là chất thơ đày bình dị mà khỏe khoắn toát lên từ bứctranh thiên nhiên tươi sáng thơ mộng.

    Quả thực, khi viết về tình yêu quê hương trong thơ mới, đặc biệt qua hai bài thơ *Nhớ rừng*và *Quê hương*, chúng ta phải nhìn nhận rằng cái “tôi” trong mỗi tác giả vừa được giải phóng tỏa hương thành vườn hoa đầy hương sắc của Thơ mới. Và mặc dù tình quê hương đất nước trong các bài thơ tuy chưa tích cực như thơ văn Cách mạng nhưng đáng trân trọng. Đó là một khoảng rộng trong trái tim yêu dào dạt của các nhà thơ mới trong đó có Thế Lữ và Tế Hanh.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**ĐỀ 2**

**KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI CẤP HUYỆN**

**NÃM HỌC 2019-2020**

**MÔN THI: NGỮ VÃN 8**

**Phần I: Đọc hiểu** *(4,0 điểm):*

(1)Thành công và thất bại chỉ đơn thuần là những điểm mốc nối tiếp nhau trong cuộc sống để tôi luyện nên sự trưởng thành của con người. (2)Thất bại giúp con người đúc kết được kinh nghiệm để vươn tới chiến thắng và khiến những thành công đạt được thêm phần ý nghĩa.(3) Không có ai luôn thành công hay thất bại, tuyệt đối thông minh hay dại khờ, tất cả đều phụ thuộc vào nhận thức, tư duy tích cực hay tiêu cực của mỗi người. (4) Như chính trị gia người Anh, Sir Winston Churchill, từng nói, "Người bi quan nhìn thấy khó khăn trong mỗi cơ hội, còn người lạc quan nhìn thấy cơ hội trong mỗi khó khăn". (5) Sẽ có những người bị ám ảnh bởi thất bại, bị chúng bủa vây, che lấp những cơ hội dẫn tới thành công. (6) Tuy nhiên, đừng sa vào vũng lầy bi quan đó, thất bại là một lẽ tự nhiên và là một phần tất yếu của cuộc sống. (7) Đó là một điều bạn không thể tránh khỏi, nếu không muốn nói thực sự là trải nghiệm mà bạn nên có trong đời. (8) Vì vậy, hãy thất bại một cách tích cực.

Câu 1: Phương thức biểu đạt chính của đoạn văn.

Câu 2: Xác định chủ đề chính của đoạn trích?

Câu 3: Tại sao tác giả lại nói: … “thất bại là một lẽ tự nhiên và là một phần tất yếu của cuộc sống”…

Câu 4: Anh/chị hiểu như thế nào về lời khuyên: “Hãy thất bại một cách tích cực”

Câu 5: Điều anh chị tâm đắc nhất qua đoạn trích là gì?

Câu 6: Câu số 5,6,7, sử dụng phép liên kết hình thức nào?

**Phần II: Làm văn** *(16,0 điểm):*

**Câu 1:( 6 điểm)**

***“****Gia đình là nơi cuộc sống bắt đầu và tình yêu không bao giờ kết thúc”.*Từ thông điệp trên, em hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 300 từ) bàn về vai trò ý nghĩa của gia đình đối với mỗi con người.

**Câu 2:( 10 điểm)**

*“Thơ ca chính là tâm hồn con người.”* (M.Gorki)

Qua bài thơ ***Khi con tu hú*** của Tố Hữu và ***Ngắm trăng*** của Hồ Chí Minh em hãy làm sáng tỏ nhận xét trên.

----------------Hết---------------

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

1. **ĐỌC HIỂU**
2. **.**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **1** | Nghị luận |  |
| **2** | Xác định chủ đề chính của đoạn trích?              Chủ đề chính của đoạn trích là nói về sự tất yếu của thành công và thất bại trong cuộc sống của con người. |  |
| **3** | Tại sao tác giả lại nói: … “thất bại là một lẽ tự nhiên và là một phần tất yếu của cuộc sống”  +“Lẽ tự nhiên” hay “phần tất yếu” tức là điều khách quan, ngoài ý muốn con người và con người không thể thay đổi.  + Bởi vì trong cuộc sống không ai là không gặp thất bại. Có người thấy bại nhiều, thấy bại lớn. Có người thất bại ít, thất bại nhỏ.  Vì đó là điều tất yếu nên ta đừng thất vọng và chản nản. Hãy dũng cảm đối mặt và vượt qua. |  |
| **4** | Em hiểu như thế nào về lời khuyên: “Hãy thất bại một cách tích cực”  Thất bại một cách tích cực được hiểu theo những ý nghĩa sau:  + nghĩa là thất bại nhưng không bi quan, chán nản  + nghĩa là thất bại nhưng hiểu được nguyên nhân vì sao mình thất bại  + thất bại nhưng biết tự mình đứng lên, rút ra bài học và tiếp tục hành động. |  |
| **5** | Điều anh chị tâm đắc nhất qua đoạn trích là gì?  Không nên sợ thất bại. Cần nhận ra mặt tích cực của sự thất bại để không tiếp tục phạm phải sai lầm. |  |
| **6** | Phép liên kết thế và nối |  |

**II.TẠO LẬP VB**

**CÂU 1.**

|  |  |
| --- | --- |
|  | **1.Giải thích.**  + Tình thương: lòng nhân ái, cảm thông, chia sẻ, giúp đỡ người khác.  + Vườn hoa: nơi nảy sinh, nơi hình thành cái tốt đẹp.  + Không ánh nắng mặt trời: không có ánh sáng, hơi ấm, không có nguồn sống.  + Không có gì: sự phủ định hoàn toàn và triệt để.  + Đẹp đẽ và hữu ích: cái đẹp và cái tốt, cái thiện, cái có ích.  + Nảy nở: nảy sinh, tồn tại và phát triển  => Tóm lại, nếu không có tình thương thì cuộc sống của con người sẽ không thể có được những điều tốt đẹp và có ích. Nói cách khác, tình thương chính là thứ sẽ làm nảy sinh tất cả những điều tốt đẹp cho cuộc sống.  **2. Bình luận**..  \*. Chứng minh vai trò của tình thương trong cuộc sống  - Trong cuộc sống, bên cạnh những người may mắn và hạnh phúc, còn có rất nhiều người gặp cảnh đau khổ, bất hạnh, luôn cần sự sẻ chia, giúp đỡ, cần tình thương yêu. |
|  | **-** - Nếu thiếu tình thương, con người sẽ không thể làm được những điều  tốt đẹp, hữu ích cho người khác: không biết quan tâm, giúp đỡ, chia sẻ  và đồng cảm với người khác lúc họ gặp khó khăn, hoạn nạn; thậm chí  còn làm những điều xấu xa, tàn ác khiến người khác phải chịu mất mát,  đau khổ.  - Khi thiếu tình thương, con người cũng không thể tạo ra và gìn giữ được điều tốt đẹp cho chính mình (biến thành người vô cảm, tàn nhẫn và ích kỉ, xấu xa) và cho người khác.  - Ngược lại, con người có tình thương tạo ra nhiều điều tốt đẹp: sự đồng cảm, chia sẻ; sự bao dung,... Nói khác đi, tình thương là nền tảng nuôi dưỡng cho những phẩm chất, tình cảm, suy nghĩ tốt đẹp khác của con người.  \*Bình luận .  Trong câu nói, Huy-gô có cái nhìn đầy tính nhân văn, vừa rất mực tin yêu cuộ sống vừa tỉnh táo, sâu sắc.  + Trong xã hội ngày nay, có nhiều người biết mở rộng vòng tay yêu thương và nhân ái làm sáng ngời truyền thống “tương thân tương ái”, “thương người như thể thương thân”, “lá lành đùm lá rách” của dân tộc... Những người như thế đáng được ngợi ca và tôn vinh.  + Song bên cạnh đó, vẫn còn có bao kẻ vô tâm, vô cảm, ích kỉ và xấu xa, độc ác để thỏa mãn những dục vọng tầm thường, đê hèn. Chúng phải bị lên án và trừng trị nghiêm khắc. |
|  | **3.Bài học.**  - Cuộc sống chỉ trở nên tốt đẹp và có ý nghĩa khi con người biết yêu thương, chia sẻ, cảm thông với những số phận bất hạnh  -Hãy yêu thương người khác . Đó là cách chăm sóc khu vườn tâm hồn của mỗi người. |

**CÂU 2:**

|  |
| --- |
| **Nội dung cần đạt** |
| - Giới thiệu chung về bài thơ và giá trị hai bài thơ.  - Cảm nhận về bức tranh thiên nhiên và tâm hồn người chiến sĩ cách mạng trong hai bài thơ: (Cảm nhận từ nghệ thuật đến nội dung, đặt tác phẩm vào hoàn cảnh ra đời để thấy rõ giá trị).   1. ***Khi con tu hú*** của tác giả Tố Hữu:   - Hoàn cảnh sáng tác: 7/1939, tại nhà lao Thừa Phủ, khi nhà thơ còn rất trẻ.  - Bức tranh thiên nhiên:   Mùa hè quê hương tươi vui, khoáng đạt, được cảm nhận bằng các giác quan + trí tượng tượng phong phú của nhà thơ. (Phân tích từ ngữ, hình ảnh thơ, các biện háp tu từ... để làm nổi bật được luận điểm này)  - Vẻ đẹp tâm hồn:     + Yêu thiên nhiên, cuộc sống bên ngoài nhà tù.  + Sự ngột ngạt, uất hận, khao khát được "tháo cũi sổ lồng" khát khao tự do, yêu cuộc sống.  2.***Ngắm trăng***của tác giả Hồ Chí Minh:   - Hoàn cảnh sáng tác: Năm 1942 - 1943, trong nhà tù Tưởng Giới Thạch.   - Bức tranh thiên nhiên:           + Vẻ đẹp của trăng qua tâm trạng bối rối, xúc động đầy chất nghệ sĩ của người tù. (Đối thử lương tiêu nại nhược hà? - Trước cảnh đẹp đêm nay ta biết làm gì đây?)           + Vẻ đẹp đêm trăng làm người tù phút chốc quên đi những thiếu thốn vật chất, cực khổ của cảnh tù đầy.    - Vẻ đẹp tâm hồn:  Cảnh ngắm trăng trong tù, người tù vượt qua những chấn song sắt tàn bạo của cửa sổ nhà tù để đến với trăng, người và trăng như đôi bạn tri âm, tri kỉ       tâm hồn người nghệ sĩ yêu thiên nhiên, khát khao tự do của người chiến sĩ cách mạng  Chất thép trong tâm hồn người nghệ sĩ  **3. So sánh, nhận xét, đánh giá:**   - Điểm chung:         + Hai bài thơ đều được sáng tác trong tù, các tác giả là người hoạt động cách mạng (nhà thơ - chiến sĩ cách mạng)         + Thể hiện vẻ đẹp thiên nhiên, tâm hồn con người.  - Điểm riêng:     + ***Khi con tu hú*** - Tố Hữu: Đó là tình yêu quê hương - xứ Huế, lòng khát khao tự do....được thể hiện bằng nghệ thuật dùng từ, tả cảnh, tả tâm trạng và viết bằng thể thơ lục bát.     + ***Ngắm trăng*** - Hồ Chí Minh: Đó là thiên nhiên nơi đất khách, thể hiện chất thép trong tâm hồn của người chí sĩ cách mạng, với thể thơ tứ tuyệt Đường luật và được viết bằng chữ Hán...  **- Đánh giá:** Bức tranh thiên nhiên sống động, tâm hồn phong phú cao đẹp của những thi sĩ - chiến sĩ cách mnạg trong hai bài thơ đem lại cho người đọc sự hiểu biết, cảm xúc thẩm mĩ, giá trị đích thực của thơ ca dân tộc... |

***\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\****

|  |  |
| --- | --- |
| ***ĐỀ3:*** | **KỲ THI HỌC SINH GIỎI CẤP TRƯỜNG**  NĂM HỌC 2018 – 2019  **Môn: Ngữ văn lớp 8**  *Thời gian làm bài: 150 phút* |

**I. Phần đọc hiểu** (4,0 điểm)

Đọc đoạn thơ sau rồi trả lời các câu hỏi bên dưới:  
Các anh đứng như tượng đài quyết tử  
Thêm một lần Tổ quốc được sinh ra  
Dòng máu Việt chảy trong hồn người Việt  
Đang bồn chồn, thao thức với Trường Sa  
Khi hy sinh ở đảo đá Gạc Ma  
Họ đã lấy ngực mình làm lá chắn  
Để một lần Tổ quốc được sinh ra  
(Nguyễn Việt Chiến)  
1. Đoạn thơ trên viết theo thể thơ nào?  
2. Hãy chỉ ra và nêu hiệu quả của phép tu từ được sử dụng trong câu thơ: “Các anh đứng như tượng đài quyết tử”.  
3. Hai từ “bồn chồn”, “thao thức” thể hiện tình cảm gì đối với Trường Sa?

**PHẦN II. Làm văn** *(16 điểm)*

**Câu 1:** *(6,0 điểm)*

Viết bài văn ngắn trình bày suy nghĩ của em về câu nói sau:

“Đời phải trải qua giông tố nhưng không được cúi đầu trước giông tố”.

**Câu 2:** *(10 điểm)*

Nhận xét về 2 bài thơ “Nhớ rừng” (Thế Lữ) và “Khi con tu hú” (Tố Hữu), có ý kiến cho rằng: “Cả hai bài thơ đều thể hiện lòng yêu nước và niềm khao khát khao tự do cháy bỏng của tầng lớp thanh niên trí thức. Tuy nhiên thái độ đấu tranh cho tự do ở mỗi bài lại hoàn toàn khác nhau”. Em hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.

.............. ...…… **HẾT**…....................

**B.YÊU CẦU CỤ THỂ**.

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu** | **Yêu cầu** |
| **Câu 1** | 1. Thể thơ 8 tiếng  2. Biện pháp tu từ so sánh  => Tinh thần dũng cảm, kiên cường, quyết chiến với kẻ thù của những người chiến sĩ trong nhiệm vụ bảo vệ biển đảo quê hương  3. Thể hiện tâm trạng lo lắng, sẻ chia, yêu thương của những dòng máu Việt dành cho Trường Sa  4. HS nên trình bày dưới dạng đoạn văn ngắn từ 5-7 câu với những nội dung chính sau:  - Ý thơ gợi nhiều suy nghĩ trước những hy sinh to lớn của các chiến sĩ Gạc Ma: cảm phục, trân trọng, ghi sâu công ơn của những người anh hùng quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh  - Vai trò của những người chiến sĩ cũng chính là vai trò của nhân dân – những con người làm nên đất nước- Thế hệ hôm nay cần nhận thức rõ trách nhiệm của mình trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc |
| **Câu 2** | **1. Yêu cầu về kĩ năng:**  - Viết bài văn ngắn lập luận chặt chẽ, đảm bảo yêu cầu về hình thức và nội dung.  - Diễn đạt trôi chảy, có hình ảnh và cảm xúc, không mắc lỗi chính tả, dùng từ đặt câu.  **2. Yêu cầu về hình thức**: Thí sinh cần trình bày được.  ***a). Giải thích khái niệm của đề bài.***  - Giông tố ở đây dùng để chỉ cách dân gian đầy thử thách hoặc việc xảy ra dữ dội.  - câu nói khẳng định: cuộc đời có thể trải qua nhiều gian nan nhưng chớ cúi đầu trước khó khăn ,chớ cúi đầu trước thử thách.,gian nan.( Đây là vấn đề nghị luận).  ***b) Giải thích, chứng minh vấn đề.***  Có thể triển khai các ý:  - Cuộc sống nhiều gian nan, thử thách con người không khuất phục  - Gian nan thử thách chính là nơi tôi luyện con người.  ***c) Khẳng định, bàn bạc mở rộng vân đề.***  - Câu nói chính là tiếng nói của một lớp trẻ sinh ra và lớn lên trong thời đại đầy bão táp, sống thật đẹp và hào hùng.  - Câu nói thể hiện một quan niệm nhân sinh tích cực: sống không sợ gian nan, thử thách, phải có nghị lực và bản lĩnh.  - Câu nói gợi cho bản than nhiều suy nghĩ: trong học tập, cuộc sống bản thân phải luôn có ý thức phấn đấu vươn lên. Bởi cuộc đời không phải con đường bằng phẳng mà đầy chông gai, mỗi lần vấp ngã không được chản nản bi quan mà phải biết đứng dậy vươn mình. |

**Câu 2:** *(10 điểm)*

|  |  |
| --- | --- |
|  | **1. Mở bài**  (Đây chỉ là một cách)  – Nửa đầu thế kỉ XX, đất nước ta rơi vào ách đô hộ của thực dân Pháp => nhiều bài thơ hay về tự do, về tinh thần đấu tranh ra đời, trong đó có Nhớ rừng của Thế Lữ và Khi con tu hú của Tố Hữu.  – Nhận xét về hai bài thơ này, có ý kiến cho rằng: “Cả hai bài thơ đều thể hiện lòng yêu nước và niềm khát khao tự do cháy bỏng của tầng lớp thanh niên trí thức. Tuy nhiên, thái độ đấu tranh cho tự do ở mỗi bài thơ lại hoàn toàn khác nhau”. |
|  | **2. Thân bài**  **2.1. Hai bài thơ này đều thể hiện lòng yêu nước và khao khát tự do của tầng lớp thanh niên trí thức.**  a. Bài thơ “Nhớ rừng”  – Nhớ rừng mượn lời con hổ trong vườn bách thú để gián tiếp thể hiện một cách kín đáo lòng yêu nước và khao khát tự do của thanh niên trí thức nói riêng và nhân dân Việt Nam nói chung thời kì đó.  + Con hổ buồn bã, uất hận vì hiện tại tù túng, tầm thường, mất tự do.  Đối lập với tư thế là chúa sơn lâm, đầy oai hùng, kiêu hãnh, được vạn vật nể sợ.  + Con hổ “nhớ rừng” – nhớ “cảnh nước non hùng vĩ” – ngôi nhà thân yêu, bao la và tự  do mà nó được làm chủ; nhớ thời oanh liệt, huy hoàng của nó ở nơi ấy.  Vì thế, con hổ khát khao trở về, khát khao được tự do => nó gửi mình theo “giấc mộng ngàn to lớn// Để hồn ta được phảng phất gần ngươi// Hỡi cảnh rừng ghê gớm của ta ơi!”  Liên hệ, bài thơ ra đời năm 1936, hoàn cảnh đất nước ta bấy giờ, chịu đô hộ, mất tự do => nỗi lòng của người dân mất nước: yêu nước, uất hận, khao khát tự do.  KL: Qua việc thể hiện tâm sự, nỗi lòng của con hổ trong vườn bách thú, tác giả kín đáo bộc lộ tình yêu nước thiết tha của một thanh niên trí thức. Đồng thời, ta cũng thấy được sự uất hận, khao khát vươn tới cuộc sống tự do của toàn dân tộc.  **b. Bài thơ “Khi con tu hú”**  – Bài thơ sáng tác năm 1939, khi nhà thơ đang bị giam ở nhà lao Thừa Thiên. Khi con tu hú là lời bộc lộ tâm trạng mãnh liệt, sôi nổi của người chiến sĩ bị tù đày. Hoàn cảnh này cũng giống như con hổ trong vườn bách thú, bị tước mất tự do.  – Tình yêu nước và khao khát tự do của người chiến sĩ thể hiện qua:  + Cảnh thiên nhiên: người chiến sĩ tinh tế và thiết tha với cuộc sống tự do bên ngoài mới có thể vẽ nên bức tranh đẹp và có sống động như vậy. Cuộc sống ấy tươi đẹp và bình dị vô cùng, nó gắn bó với tất cả con người Việt Nam.  “Khi con tu hú gọi bầy  Lúa chiêm đương chín, trái cây ngọt dần  Vườn râm dậy tiếng ve ngân  Bắp rây vàng hạt đầy sân nắng đào  Trời xanh càng rộng càng cao  Đôi con diều sáo lộn nhào tầng không”  + Khát khao tự do: nhân vật trữ tình muốn bung phá, phản kháng lại sự tù túng, chật hẹp của hoàn cảnh. Khát vọng ấy mạnh mẽ, quyết liệt vô cùng (hành động “đạp tan phòng”).  “Ta nghe hè dậy bên lòng,  Mà chân muốn đạp tan phòng hè ôi.  Ngột làm sao, chết uất thôi,  Con chim tu hú ngoài trời cứ kêu”  + Tố Hữu là nhà thơ chiến sĩ \_ thơ ông là thứ thơ trữ tình – chính trị độc đáo. Do đó, nổi lên trong bài thơ này, ta thấy tình yêu đất nước tha thiết và khát khao tự do cháy bỏng của một chiến sĩ cách mạng.  **2.2. Sự khác nhau trong thái độ đấu tranh cho tự do ở hai bài thơ**  **Hai bài thơ đều thể hiện lòng yêu nước và nhất là khát vọng tự do cháy bỏng, nhưng thái độ đấu tranh cho tự do lại hoàn toàn khác nhau.**  **\* Nhớ rừng**: con hổ bi quan, buồn bã trước hoàn cảnh tù đày, giải thoát bằng hoài niệm và mơ ước.  – “Gậm một khối căm hờn trong cũi sắt  Ta nằm dài trông ngày tháng dần qua …”  = > Thái độ chán nản, tuy đầy uất hận nhưng lại bế tắc, buông xuôi trước hoàn cảnh đó. Nó “nằm dài” trong cũi sắt để gặm nhấm “khối căm hờn” đã hóa đá trong lòng. – Đối mặt với hoàn cảnh ấy, con hổ gửi hồn tìm về quá khứ oai hùng để nhớ tiếc, và nương theo giấc mộng để hồn được phảng phất gần cảnh nước non hùng vĩ xa xôi đó = > cách giải quyết theo tinh thần lãng mạn.  + “Ta sống mãi trong tình thương nỗi nhớ  Thủa tung hoành hống hách những ngày xưa”  + “Có biết chăng trong những ngày ngao ngán,  Ta đương theo giấc mộng ngàn to lớn  Để hồn ta phảng phất được gần ngươi,  – Hỡi cảnh rừng ghê gớm của ta ơi!”  **\* Khi con tu hú:** Thái độ quyết liệt, mạnh mẽ, không chịu buông xuôi trước hoàn cảnh. Tình yêu nước và khát khao tự do đã thôi thúc nhân vật trữ tình hành động, đấu tranh để giành lấy tự do.  + Khổ cuối dồn nén tâm trạng của nhân vật trư tình:  “Ta nghe hè dậy bên lòng  Mà chân muốn đạp tan phòng, hè ôi  Ngột làm sao, chết uất thôi  Con chim tu hú ngoài trời cứ kêu”  = > Tiếng chim tu hú trở thành tiếng kèn xung trận, hồi trống giục giã tâm hồn con người. Người chiến sĩ khát khao hành động, muốn “đạp tan phòng”, phá vỡ sự giam hãm kia, ra ngoài để bảo vệ sự yên bình, tự do của dân tộc.  + Cảnh thiên nhiên: bắp ngô, trái cây ngọt chín, tiếng chim tu hú, chim chóc, … = > hiện thân của cuộc sống tự do mà yên bình, hạnh phúc. Đó là cuộc sống mà nguời chiến sĩ muốn bảo vệ. Dù hoàn cảnh hiện tại là đau khổ, tù đày nhưng không hề khiến anh buồn bã, chán nản, mà nó chỉ càng hun đúc thêm tinh thần chiến đấu sắt thép của anh.  **\* Lí giải nguyên nhân khác nhau:**  + Thế Lữ là một nhà thơ lãng mạn của trong phong trào Thơ mới 32- 45. Các nhà thơ mới với cái tôi cá nhân còn non trẻ, trước hiện thực nô lệ của nước nhà, họ đi sâu mãi vào cái bản thể, vào thế giới nội tâm để trốn tránh thực tại. Người thoát lên tiên cảnh, người tìm về quá vãng, hay say đắm trong tình yêu, … Thế Lữ cũng không nằm ngoài xu hướng chung ấy. Với Nhớ rừng, ông không giống nói trực tiếp tâm tư, tình cảm của mình như Tố Hữu mà phải gián tiếp qua lời con hổ trong vườn bách thú. Trước hiện thực phũ phàng, cách giải quyết của ông theo khuynh hướng lãng mạn: là tìm quá khứ và mơ mộng. + Tố Hữu: là nhà thơ cách mạng. Vì thế, thơ ông là tiếng nói lạc quan, đậm tính sử thi. Bài thơ Khi con tu hú được sáng tác khi nhà thơ đang trong cảnh tù đầy, nhưng nó không làm bài thơ mang vẻ u sầu, tuyệt vọng. Ngời sáng lên vẫn là tinh thần lạc quan cách mạng, là khát khao tự do cháy bỏng và gắn liền với nó là khát khao hành động để giành lấy tự do: “Ta nghe hè dậy bên lòng Mà chân muốn đạp tan phòng hè ôi” |
|  | **3. KẾT BÀI** – Khẳng định đây là hai bài thơ hay, thể hiện tinh thần yêu nước của một thế hệ thanh niên trí thức hồi bấy giờ. – Sự khác nhau trong thái độ tranh đấu cho tự do của tác phẩm góp phần làm nên nét riêng của thơ lãng mạn và thơ cách mạng; đồng thời cho chúng ta thấy phần nào phong cách riêng biệt của mỗi nhà thơ. |

***\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\****

***ĐỀ4.* KỲ THI học sinh giỏi cấp huyệ**

**MÔN THI: NGỮ VĂN 8**

*Thời gian làm bài 150 phút, không kể thời gian giao đề*

**ĐỀ BÀI**

**I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)**

***Đọc văn bản và thực hiện các yêu cầu từ câu 1 đến câu 4:***

**Đoạn 1: “***Thế giới cần nâng niu quá đỗi. Ta sống đời lại thô tháp làm sao. Ta làm tổn thương những dòng sông. Ta làm tổn thương những mặt đầm. Ta làm tổn thương những mảnh vườn. Ta làm tổn thương những mùa hoa trái. Ta làm tổn thương những bình minh yên ả. Ta làm tổn thương những canh khuya trong vắng. Ta làm đau những niềm người quá đỗi mong manh...*

**Đoạn 2:** *Mặt đất ngàn đời quen tha thứ. Đại dương bao la quen độ lượng. Cánh rừng mênh mông quen trầm đặc. Những dòng sông quen chảy xuôi. Những đầm hồ quen nín lặng. Những nẻo đường quen nhẫn nhịn. Những góc vườn quen che dấu. Những thảm rêu vốn không biết dỗi hờn. Những đóa hoa không bao giờ chì chiết. Những giấc mơ chỉ một mực bao dung. Những yêu thương không bao giờ trả đũa... Và ta cứ yên chí đi qua thế giới này với bước chân quen xéo lên cỏ hoa. Thỉnh thoảng bàn chân nên bị gai đâm, để ta được giật mình: tổn thương là rỉ máu***”**.

(Chu Văn Sơn, *Nên bị gai đâm*)

**Câu 1:** Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn trích. (0,5 điểm)

**Câu 2:** Em hãy cho biết chủ đề của đoạn văn 1. (1,0 điểm)

**Câu 3:** Chỉ ra và phân tích tác dụng của biện pháp nghệ thuật nổi bật được sử dụng trong đoạn văn 2. (2,0 điểm)

**Câu 4:** Theo em, tại sao tác giả cho rằng: “*Thỉnh thoảng bàn chân nên bị gai đâm, để ta được giật mình: tổn thương là rỉ máu*”? (2,5 điểm)

**II. TẠO LẬP VĂN BẢN (14,0 điểm)**

**Câu 1 (4,0 điểm):** Từ nội dung ở phần đọc hiểu, em hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ, tương đương 20 - 25 dòng) nêu suy nghĩ của em về ***lòng vị tha***.

**Câu 2 (10,0 điểm):**

Giáo sư, nhà giáo, nhà lý luận - phê bình văn học Lê Ngọc Trà có nhận định cho rằng: “*Nghệ thuật bao giờ cũng là tiếng nói tình cảm của con người, là sự tự giãi bày và gửi gắm tâm tư*”.

Em hiểu nhận định trên như thế nào? Từ bài thơ “Khi con tu hú” (Tố Hữu) hãy làm sáng tỏ nhận định trên. Liên hệ với bài thơ “Tiếng gà trưa” (Xuân Quỳnh, Ngữ Văn 7, tập 2) để làm rỏ sự “*tự giãi bày và gửi gắm tâm tư*” của nhà thơ.

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Yêu cầu** | **Điểm** |
| **I.** | **ĐỌC – HIỂU** | **6,0đ** |
| 1. | Phương thức biểu đạt chính: Nghị luận. | 0,5 |
| 2. | Chủ đề đoạn văn: Con người ta quá vô tình trước những tội lỗi, tổn thương do chính mình gây nên đối với thế giới tự nhiên và người khác. | 1,0 |
| 3. | - Biện pháp nghệ thuật nổi bật: Điệp từ “quen”, điệp cấu trúc câu “Những... quen...”  - Tác dụng:  + Nhấn mạnh sự vô tư, bao dung, rộng lượng, tha thứ và sẻ chia của tự nhiên đối với con người.  + Tạo cho đoạn văn giàu tính nhạc. | 0,5  1,0  0,5 |
| 4. | - Vì con người ta quá vô tư trước những tổn thương mà mình gây ra cho kẻ khác, vì vậy mà bản thân chúng ta cũng nên bị “thương” để hiểu được tổn thương người khác cũng chính là làm đau chính mình và mọi người, tổn thương chính là rỉ máu.  - Lúc ấy ta sẽ biết yêu thương, chia sẻ; ta sẽ hòa vào thế giới này bằng trái tim độ lượng, bao dung, sẽ biết thấu hiểu, trân trọng, nâng niu thiên nhiên, đồng loại, dẹp bỏ đi thói vị kỉ, vô tâm, thờ ơ vô cảm để quan tâm nhiều hơn đến mọi người. | 1,25  1,25 |
| **II.** | **LÀM VĂN** | **14,0đ** |
| **1.** | **Nghị luận xã hội** | **4,0đ** |
|  | **a.** *Đảm bảo cấu trúc của một đoạn văn nghị luận:* Mở đoạn giới thiệu vấn đề nghị luận; Thân đoạn làm rõ vấn đề nghị luận, triển khai được luận điểm; Kết đoạn khái quát được nội dung nghị luận. | 0,25 |
|  | **b.** *Xác định đúng vấn đề nghị luận* | 0,25 |
|  | **c.**  *HS triên khai vấn đề nghị luận cụ thể, rõ ràng. Có thể trình bày theo định hướng sau:*  - Giải thích khái niệm: Vị tha là biết quan tâm, chăm lo một cách vô tư đến lợi ích của người khác mà hi sinh lợi ích của cá nhân mình. Lòng vị tha ở con người chứng tỏ một tinh thần vô cùng bao dung, nhân ái.  - Biểu hiện của lòng vị tha: Thể hiện thái độ vô tư, không mưu toan tính toán khi giúp đỡ người khác làm một việc gì đó. Sẵn sàng giúp đỡ bạn bè, biết cảm thông giúp đỡ những người có hoàn cảnh khó khăn, sẵn sàng tha thứ cho lỗi lầm của người khác, biết quan tâm đến những người xung quanh, sống hòa mình với mọi người, biết yêu thương đồng bào, đồng loại...  - Vai trò của lòng vị ta: Đối với bản thân, con người sẽ cảm thấy thanh thản trước cuộc đời bởi thấy rằng mình có ích, được mọi người mến yêu, quý trọng. Đối với mọi người: Lòng vị tha giúp người khác thấy cuộc sống có ý nghĩa, góp phần làm cho xã hội ngày càng tốt đẹp hơn.  - Mở rộng: Phê phán thái độ sống ích kỉ, chỉ biết quan tâm đến lợi ích bản thân, có khi vì mình mà làm hại cho tập thể, cho dân, cho nước.  - Bài học: Lòng vị tha là đức tính quý báu cần có của mỗi con người. Sống vị tha mỗi người sẽ cảm thấy thêm yêu cuộc sống, có động lực để sống tốt hơn trong cuộc đời này. | 0,5  0,75  0,75  0,5  0,5 |
|  | **d.** *Sáng tạo:* có cách diễn đạt độc đáo, thể hiện những suy nghĩ, kiến giải mới mẻ về vấn đề. | 0.25 |
|  | **e.** *Chính tả, dùng từ, đặt câu:* đảm bảo những quy tắc về chuẩn chính tả, dùng tự, đặt câu. | 0.25 |
| **2.** | **Nghị luận văn học** | **10,0đ** |
|  | **a.** *Đảm bảo cấu trúc của một bài văn nghị luận*: Có đầy đủ phần Mở bài, Thân bài, Kết bài. Mở bài giới thiệu vấn đề nghị luận; Thân bài làm rõ được nhận định, triển khai được các luận điểm; Kết bài khái quát được nội dung nghị luận. | **0,25** |
|  | **b.** *Xác định đúng vấn đề nghị luận* | **0,25** |
|  | **c.** *Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; thể hiện sự nhận thức sâu sắc và vận dụng tốt các thao tác lập luận; có sự kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng.*  Thí sinh có thể giải quyết vấn đề theo hướng sau:  **\* Giới thiệu chung về vấn đề nghị luận.**  - Dẫn dắt vấn đề nghị luận, trích dẫn ý kiến của Lê Anh Trà.  - Khẳng định vấn đề trong tác phẩm “Khi con tu hú” của Tố Hữu, liên hệ tác phẩm “Tiếng gà trưa” của Xuân Quỳnh: cả hai văn bản đều là sự giải bày và gửi gắm tâm tư, thể hiện những tình cảm cao đẹp của con người  **\* Triển khai làm sáng tỏ vấn đề nghị luận.**  **1. Giải thích ý kiến:**  - Tiếng nói tình cảm trong văn học được bày tỏ rất đa dạng: "Gửi gắm tâm tư" là bộc lộ tình cảm âm thầm kín đáo, mong chờ tiếng nói đồng vọng tri âm tri kỉ.  - Văn học phải thể hiện được mọi khía cạnh trong cuộc sống con người: số phận, tư tưởng, trí tuệ và đặc biệt là tình cảm. Văn học phải chuyên chở mọi cung bậc tình cảm của con người, là cầu nối giữa biết bao tâm hồn, biết bao cảm xúc.  - Cảm xúc trong văn học không phải là thứ cảm xúc vu vơ, hời hợt mà bao giờ nó cũng phải là một cảm xúc mãnh liệt. Nó không phải cái mãnh liệt ồn ào bên ngoài mà nó là sự cô đặc về chất của cảm xúc.  - Cảm xúc của văn học phải được soi chiếu dưới lý tưởng của thời đại, phải được dẫn dắt bởi một tư tưởng.  **🡺** Nhận định của giáo sư Lê Ngọc Trà đã đề cập đến đặc trưng quan trọng trong nội dung của tác phẩm văn học: tính cảm xúc. Từ sự tự giãi bày và gửi gắm tâm tư, văn học cất lên tiếng nói chung, tạo ra tiếng vọng kêu gọi những tấm lòng đồng cảm, để biết bao người đọc tìm thấy mình trong từng con chữ của người nghệ sĩ.  **2. Chứng minh nhận định qua bài thơ “Khi con tu hú”:**  ***Khái quát về bài thơ:*** Tố Hữu sáng tác bài thơ khi con tu hú tại nhà lao Thừa Phủ (Huế) vào mùa hè năm 1939, sau khi bị thực dân Pháp bắt giam. Bài thơ thể hiện tâm trạng xốn xang, bức bối của người thanh niên cộng sản đang bị cầm tù, khi nghe thấy tiếng chim tu hú báo hiệu mùa hè đến đã muốn phá tung xiềng xích để trở về với đồng bào, đồng chí yêu thương.  ***\*Luận điểm 1.*** ***Tiếng chim tu hú là yếu tố gợi mở để mạch cảm xúc trào dâng mãnh liệt, là sự "tự giãi bày" của người tù cộng sản:***  - Tiếng chim tu hú gọi bầy gợi cho nhà thơ nghĩ đến khung cảnh lồng lộng bên ngoài và càng cảm thấy ngột ngạt trong xà lim chật chội, càng khao khát cháy bỏng cuộc sống tự do (dẫn chứng).  - Đó là tín hiệu của mùa hè rực rỡ, của sự sống tưng bừng sinh sôi nảy nở. tiếng chim vô tình tác động đến tâm hồn người tù trẻ tuổi. Nằm trong xà lim chật hẹp, tối tăm, cách biệt với thế giới bên ngoài, nhà thơ lắng nghe tiếng chim rộn rã, lắng nghe mọi âm thanh cuộc đời bằng tâm hồn và trái tim nhạy cảm của người nghệ sĩ. Một tiếng chim thôi cũng gợi trong tâm tưởng nhà thơ cả một trời thương nhớ về những mùa hè nồng nàn của quê hương (dẫn chứng, phân tích).  - Sáu câu thơ lục bát uyển chuyển mở ra cả một thế giới rộn ràng, tràn trề nhựa sống. Nhiều âm thanh, hình ảnh tiêu biểu của mùa hè được đưa vào bài thơ: tiếng về ngân vang trong vườn cây, lúa chiêm chín vàng trên cánh đồng, bầu trời cao rộng với cánh diều chao lượn, trái cây chín mọng ngọt lành... tiếng chim tu hú khởi đầu và bắt nhịp cho mùa hè rộn rã âm thanh, rực rỡ màu sắc, ngọt ngào hương vị... trong cảm nhận của người tù. đoạn thơ thể hiện khả năng cảm nhận tinh tế và khát vọng tự do cháy bỏng của người chiến sĩ cách mạng trẻ trung, yêu đời nhưng đang bị quân thủ trước mất tự do.  - Sức sống mạnh nhiên của mùa hè chính là sức sống mãnh liệt của tuổi trẻ khát khao lý tưởng cách mạng, khát khao hoạt động, cống hiến cho dân, cho nước. Tiếng chim tu hú là tiếng gọi thôi thúc của cuộc sống đối với người chiến sĩ cách mạng đang bị giam cầm. Bên ngoài là tự do, phóng khoáng, đối lập với sự tù túng, bức bối trong nhà giam (dẫn chứng).  ***\*Luận điểm 2.*** ***Tiếng chim tu hú không chỉ gợi nhớ yêu thương, mà còn là lời giục giã người chiến sĩ nhanh chóng trở về với cách mạng, cũng là sự " gửi gắm tâm tư" của người tù cộng sản.***  - Tâm trạng đau khổ, uất ức bật thốt thành lời thơ thống thiết. Cách ngắt nhịp bất thường kết hợp với các từ ngữ có khả năng đặc tả và những từ cảm thán như truyền đến độc giả cái cảm giác uất hận cao độ và niềm khao khát cháy bỏng muốn thoát ra khỏi cảnh tù ngục, trở về với cuộc sống tự do bên ngoài của người thanh niên yêu nước đang bị giam cầm trong tù lao đế quốc (dẫn chứng).  - Những câu thơ chứa đựng nỗi khắc khoải, vật vã, day dứt khôn nguôi cả về thể xác lẫn tâm hồn của nhà thơ trẻ. Trong hoàn cảnh ấy, thời khắc ấy, người cộng sản phải tự đấu tranh với bản thân để làm chủ mình, vượt vượt lên những đắng cay nghiệt ngã của lao tù đế quốc, nuôi dưỡng ý chí, giữ vững khí tiết và tinh thần đấu tranh cách mạng.  - Tiếng chim tu hú cứ kêu hoài như nhắc nhở tới nghịch cảnh của nhà thơ, giục giã nhà thơ phá tung tù ngục để giành lại tự do. Bốn câu thơ sau căng thẳng như chứa đựng một sức mạnh bị dồn nén chỉ chực bật tung ra. Đó là tâm trạng của người chiến sĩ cách mạng trẻ tuổi hoạt động Chưa được bao lâu đã lâm vào cảnh tù ngục, lúc nào cũng khao khát tự do, muốn thoát khỏi bốn bức tường xà lim lạnh lẽo để trở về với đồng bào, đồng chí thân yêu.  - Tiếng chim tu hú chỉ trong một khoảnh khắc ngắn ngủi đã làm dậy lên tất cả cảnh và tình mùa hè trong tâm tưởng nhà thơ. Người tù thấu hiểu được cảnh ngộ trớ trêu của mình trong chốn lao tù ngột ngạt, giữa lúc cuộc sống bên ngoài đang đẩy, sinh sôi. Phải bứt tung xiềng xích, phá tan những nhà ngục hữu hình và vô hình đang giam hãm cả dân tộc trong vòng nô lệ.  - Bài thơ hay ở những hình ảnh thơ gần gũi, giản dị mà giàu sức gợi cảm, ở nghệ thuật sử dụng thể thơ lục bát uyển chuyển, tự nhiên và cả ở những cảm xúc thiết tha, sâu lắng, thể hiện được nguồn sống sục sôi của người cộng sản.  ***\*Luận điểm 3. Bài thơ “Tiếng gà trưa” (Xuân Quỳnh) là sự bộc lộ tình cảm yêu quê hương, đất nước chân thành, sâu lắng của nhà thơ qua hình tượng tiếng gà trưa, cũng là sự "tự giãi bày và gửi gắm tâm tư" của nhà thơ.***  - Khái quát về bài thơ: bài thơ “Tiếng gà trưa” được viết trong những năm đầu của cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ trên phạm vi cả nước. Trong hoàn cảnh nước sôi lửa bỏng ấy, hàng triệu thanh niên đã lên đường với khí thế "Xẻ dọc Trường Sơn đi đánh Mỹ, Mà lòng phơi phới dậy tương lai". Nhân vật trữ tình trong bài thơ là người chiến sĩ trẻ đang cùng đồng đội trên đường hành quân vào Nam chiến đấu. Tiếng gà trưa đã gợi nhớ về những kỉ niệm đẹp đẽ của tuổi thơ và tình bà cháu. Tình cảm gia đình, quê Hương đã làm sâu sắc thêm tình yêu đất nước.  - Bao trùm bài thơ là nỗi nhớ cồn cào, da diết. Chỉ một tiếng gà trưa bất chợt nghe thấy khi dừng chân bên xóm nhỏ là đã gợi dậy cả một trời thương nhớ, thể hiện sự rung cảm cao độ trong tâm hồn chiến sĩ (dẫn chứng).  - Quê nhà hiện lên rõ nét trong tâm tưởng và những kỷ niệm tuổi thơ lần lượt sống dậy qua những hình ảnh thân thương. Tiếng gà trưa khiến người cháu xa nhà nhớ đến người bà kính yêu một đời tần tảo (dẫn chứng).  - Nổi bật qua gần suốt bài thơ là hình ảnh người bà chắt chiu, giành giụm yêu thương cháu. Bà đã luôn ân cần, hi sinh và mệt nhọc. hình ảnh người bà được miêu tả gắn bó thân thuộc với quê hương làng xóm, hơn thế nó còn là những kỷ niệm không bao giờ phai nhạt (dẫn chứng).  - Tâm trạng người chiến sĩ trẻ từ những kỉ niệm về tuổi thơ của mình mà khi quay về thực tại với con đường hành quân trở nên giàu lòng hăng hái với giọng thơ tràn trề sinh khí. Xuân Quỳnh đã khẳng định mục đích chiến đấu hôm nay đó là vì tổ quốc, vì bà, vì kỷ niệm tuổi thơ êm đềm của mình. và nhà thơ khẳng định mình chiến đấu hôm nay chính là vì muốn bảo vệ quê hương, bảo vệ sự yên bình của mọi mái nhà trên tổ quốc (dẫn chứng).  🡺 Tiếng gà trưa gợi những nỗi nhớ về người bà, về những kỉ niệm tuổi thơ, về quê hương làng xóm và mục đích chiến đấu của người chiến sĩ chính là "sự giãi bày" tình cảm của người chiến sĩ trẻ.  - Tiếng gà cũng là tiếng gọi thân yêu của bà, của mẹ, của quê hương. Tiếng gọi thân yêu ấy như là niềm tin cho người chiến sĩ trong cuộc chiến đấu bảo vệ quê hương yêu dấu, là tình cảm tiền tuyến - hậu phương của nhân dân ta trong cuộc kháng chiến, gian khổ có thể làm mệt mỏi, bom đạn có thể hủy diệt mọi thứ nhưng những tình cảm về bà, vì những kỉ niệm ấu thơ cùng tiếng gà trưa không bao giờ chết mà vẫn còn nguyên lửa, vẫn cứ trào dâng trong lòng. Đó là tình cảm, cảm xúc được gửi gắm kín đáo trong bài thơ.  - Bài thơ “Tiếng gà trưa” của nhà thơ Xuân Quỳnh là một bài thơ hay, những câu từ trong bài thơ bắt nguồn từ những thứ giản dị, gần gũi và mộc mạc nhưng lại có giá trị lớn lao và cao đẹp.  ***\*Đánh giá chung.***  - Hai bài thơ “Khi con tu hú” (Tố Hữu) và “Tiếng gà trưa” (Xuân Quỳnh) tuy sáng tác ở hai thời kỳ khác nhau, có những nét khác biệt về nội dung và nghệ thuật song đều là những bài thơ hay của dòng văn học cách mạng Việt Nam.  - Cả hai bài thơ đều hướng tới ngợi ca những tình cảm cao đẹp của người Việt Nam: tình yêu thiên nhiên, tình cảm gia đình, tình yêu đất nước... Những tình cảm đó chính là "sự giãi bày và gửi gắm tâm tư" của nhà thơ đến với bạn đọc thông qua sáng tác của mình.  - Khẳng định nhận định của giáo sư, nhà giáo, nhà phê bình văn học Lê Ngọc Trà là hoàn toàn chính xác bởi đặc trưng quan trọng trong nội dung của tác phẩm văn học chính là tính cảm xúc.   |  | | --- | |  | | **9,0**  0,25  1,0  0,25  0,25  0,5  0,5  0,5  0,5  0,5  0,5  0  0,75 |
|  | **d.** *Sáng tạo:* Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng về vấn đề nghị luận. | **0,25** |
|  | **e.** *Chính tả, dùng từ, đặt câu:* Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa Tiếng Việt. | **0,25** |

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

***ĐỀ5.***

**ĐỀ THI HỌC SINH GIỎI MÔN NGỮ VĂN 8 CẤP HUYỆN**

**NĂM HỌC 2018-2019**

**Thời gian: 150 phú**

**ĐỀ BÀI**

**Phần I: Đọc hiểu (4,0 điểm)**

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:

*Vẫn như xưa vườn dừa quê nội*

*Sao lòng tôi vẫn thấy yêu hơn*

*Ôi thân dừa đã hai lần máu chảy*

*Biết bao đau thương, biết mấy oán hờn.*

*Dừa vẫn đứng hiên ngang cao vút*

*Lá vẫn xanh rất mực dịu dàng*

*Rễ dừa bám sâu vào lòng đất*

*Như dân làng bám chặt quê hương.*

(Trích *Dừa ơi*- lê Anh Xuân, nguồn https://thivien.net)

Câu 1. (1,0 điểm): Xác định từ láy có trong văn bản

Câu 2. (1,0 điểm): “*Vườn dừa quê nội*” được tác giả miêu tả qua những từ ngữ, hình ảnh nào ?

Câu 3. (2,0 điểm): Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ trong hai câu thơ: “*Rễ dừa bám sâu vào lòng đất/ Như dân làng bám chặt quê hương”.*

**Phần II: Làm văn (16,0 điểm)**

**Câu 1 (6,0 điểm)**

**Câu chuyện bút chì**

Khi ra đời, một cây bút chì luôn thắc mắc rằng cuộc sống bên ngoài xưởng làm bút chì sẽ ra sao bởi thỉnh thoảng nó nghe những người thợ nói chuyện với nhau. Bút chì băn khoăn mãi, anh em của nó cũng không biết gì hơn. Cuối cùng, trước hôm được mang đến các cửa hàng, bút chì hỏi người thợ làm bút rằng nó và anh em nó sẽ ra sao ở bên ngoài cuộc sống rộng lớn kia.

Người thợ làm bút mỉm cười. Ông nói:

– Có năm điều cháu và các anh em của cháu nên nhớ khi bắt đầu cuộc sống. Nếu cháu nhớ và làm được thì cháu sẽ trở thành cày bút chì tốt nhất.

Thứ nhất: Cháu có thể làm được những điều kì diệu nhất nếu cháu nằm trong bàn tay một người nào đó và giúp họ làm việc.

Thứ hai: Cháu sẽ cảm thấỵ đau đớn mỗi khi bị gọt, nhưng phải như thế cháu mới tốt hơn và có thể tiếp tục cuộc sống của mình.

Thứ ba: Nếu cháu viết sai một lỗi, cháu hãy nhớ để sửa lại là được.

Thứ tư: Điều quan trọng nhất đối với cháu và những người dùng cháu không phải là nước sơn bên ngoài cháu, mà là những gì bên trong cháu đấy.

Và cuối cùng: trong bất cứ trường hợp nào, cháu cũng vẫn phải tiếp tục viết Đó là cuộc sống của cháu, cho dù cháu gặp tình huống khó khăn như thế nào cũng vẫn phải viết thật rõ ràng, để lại những dấu ấn của mình.

(Trích *Sống đẹp - Những câu chuyện bổ ích*, Lê Thị Luận, tập hai, NXB Giáo dục Việt Nam, 2012, tr.64,65)

Từ nội dung câu chuyện trên, hãy trình bày suy nghĩ về một bài học cuộc sống có ý nghĩa nhất với bản thân em ?

**Câu 3:** (10,0 điểm)

Có ý kiến cho rằng: *Thơ mới thể hiện lòng yêu nước ở nhiều khía cạnh khác nhau*.

Qua một số bài thơ thuộc dòng văn học lãng mạn trong chương trình ngữ văn lớp 8, em hãy làm sáng tỏ nhận định trên.

……………………..Hết………………………

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

**B. HƯỚNG DẪN CỤ THỂ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** | **ĐỌC HIỂU** | | **4,0** |
| **1** | Từ láy: dịu dàng | 1,0 |
| **2** | “Vườn quê nội” được tác giả miêu tả qua những từ ngữ, hình ảnh: “Thân dừa đã hai lần máu chảy”, “dừa đứng hiên ngang cao vút”, “lá vẫn xanh rất mực dịu dàng”, “rễ bám sâu vào lòng đất”… | 1,0 |
| **3** | - Biện pháp tu từ so sánh.  - tác dụng: hình ảnh “Rễ bám sâu vào lòng đất” như con người miền Nam bám trụ vững chắc để bảo vệ quê hương. Thông qua hình ảnh so sánh để ngợi ca phẩm chất, ý chí anh dũng, kiên cường, thủy chung gắn bó và đầy tự hào với mảnh đất quê hương của con người miền Nam trong cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước… | 2,0 |
| **II** | **LÀM VĂN** | | **16,0** |
|  | **1** | **Trình bày suy nghĩ về một bài học cuộc sống có ý nghĩa nhất với em từ “Câu chuyện cây bút chì”** | **6,0** |
|  | a. *Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận*: *Mở bài* giới thiệu được vấn đề, *Thân bài* triển khai được vấn đề, *Kết bài* khái quát được vấn đề | 0,25 |
| b. *Xác định đúng vấn đề cần nghị luận:* một bài học cuộc sống có ý nghĩa nhất với em từ “Câu chuyện cây bút chì” | 0,25 |
| c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm:  Triển khai luận điểm theo trình tự hợp lí, có sự liên kết chặt chẽ; sử dụng tốt thao tác lập luận để làm rõ luận điểm; biết kết hợp giữa nêu lí lẽ và đưa dẫn chứng; dẫn chứng phải phù hợp, cụ thể sinh động  - Thí sinh có thể trình bày theo nhiều cách, nhưng cần làm nổi bật các ý sau: | 0,5  0,5  1,0  2,5  0,5 |
| \* ***Giới thiệu câu chuyện và vấn đề nghị luận***  \* ***Khái quát những bài học cuộc sống được nhắn gửi qua câu chuyện***: qua câu chuyện giản dị, tự nhiên về cây bút chì, tác giả đã gửi gắm nhiều bài học sâu sắc về cuộc sống như:  - Con người muốn sống có ích, phát huy được giá trị bản thân phải biết chấp nhận quá trình tôi luyện, rèn giũa  - Con người cần biết nhận lỗi và sửa chữa khi mắc phải sai lầm  - Đề cao giá trị bên trong của mỗi con người  - Con người cần có nghị lực, cố gắng kiên trì vượt qua tất cả mọi khó khăn, trở ngại trong cuộc sống…  \* ***Nghị luận về một bài học cuộc sống có ý nghĩa nhất đối với bản thân***: Học sinh cần biết lựa chọn một bài học có ý nghĩa nhất với bản thân và làm sáng tỏ lí do lựa chọn bài học ấy  - Nhấn mạnh bài học cuộc sống có ý nghĩa nhất với bản thân em  - Vai trò, ý nghĩa của bài học; nêu và phân tích những tấm gương cụ thể trong đời sống thể hiện rõ vấn đề; phê phán những biểu hiện tiêu cực  - Rút ra bài học, liên hệ bản thân |
| d. Chính tả, dùng từ, đặt câu. Đảm bảo quy tắc chính tả, ngữ nghĩa, dùng từ, đặt câu. | 0,25 |
| e. Sáng tạo: Có cách diễn đạt độc đáo, sáng tạo (viết câu, sử dụng từ ngữ, hình ảnh và các yếu tố biểu cảm…; thể hiện được quan điểm và thái độ riêng, sâu sắc nhưng không trái với chuẩn mực xã hội) | 0,25 |
| **2** | **Phân tích truyện ngắn *Lão Hạc* để thấy: “*những cảnh đời éo le, chua chát”*** | **10,0** |
|  | a. *Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận*: *Mở bài* giới thiệu được vấn đề, *Thân bài* triển khai được vấn đề, *Kết bài* khái quát được vấn đề | 0,5 |
| b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: Phân tích truyện ngắn *Lão Hạc* để thấy: “*những cảnh đời éo le, chua chát”* | 0,5 |
| c. Triển khai vấn đề nghị luận  Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm theo trình tự hợp lí, có sự liên kết chặt chẽ; sử dụng tốt thao tác lập luận để làm rõ luận điểm; biết kết hợp giữa nêu lí lẽ và đưa dẫn chứng; dẫn chứng phải phù hợp, cụ thể sinh động  - Thí sinh có thể triển khai theo nhiều cách, miễn là hợp lí, thuyết phục. Sau đây là một định hướng: | **8,0** |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu 3** | **Có ý kiến cho rằng: *Thơ mới thể hiện lòng yêu nước ở nhiều khía cạnh khác nhau*.**  **Qua một số bài thơ thuộc dòng văn học lãng mạn trong chương trình ngữ văn lớp 8, em hãy làm sáng tỏ nhận định trên.** | **10,0** |
|  | **1. Yêu câu về kỹ năng:**  Viết một bài văn nghị luận về tác phẩm, đoạn trích thơ trữ tình với những yêu cầu cụ thể sau:  - Hình thức một bài văn: bố cục rõ ràng, lập luận chặt chẽ, có sự phân tích, bình giá, cảm thụ về nội dung cảm xúc, các yếu tố nghệ thuật (ngôn từ, hình ảnh, thể thơ, nhịp điệu, các thủ pháp tu từ…)  - Diễn đạt rõ ràng, linh hoạt, uyển chuyển; không mắc các lỗi viết câu, dùng từ, chính tả.  **2. Yêu cầu về kiến thức:**  **a. Giới thiệu vấn đề nghị luận:**  - Giới thiệu khái quát sự ra đời của thơ mới và những đặc trưng cơ bản của thơ mới.  - Dẫn dắt ý kiến của đề bài.  **b. Chứng minh lòng yêu nước trong thơ mới:**  - Yêu nước là nỗi chán ghét cuộc sống ngục tù, nô lệ; là niềm khao khát tự do mãnh liệt. ( Chứng minh qua Nhớ rừng, Thế Lữ).  - Yêu nước là niềm tiếc nuối những nét đẹp văn hóa, những giá trị truyền thống của dân tộc đã bị quên lãng, biến mất. ( Chứng minh qua Ông đồ, Vũ Đình Liên).  - Yêu nước còn là nỗi nhớ quê hương da diết của người con xa quê ( Chứng minh qua Quê hương, Tế Hanh).  **c. Đánh giá chung:**  Các tác phẩm thơ mới với những lối viết mang đậm cá tính của nhà thơ, với cảm xúc, tư tưởng riêng nhưng đều thể hiện tâm sự yêu nước thầm kín. Đây cũng là đặc trưng của thơ mới giai đoạn 1930- 1945. | 1,0  1,0  3,0  2,0  2,0  1,0 |

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

***ĐỀ 6***

**KỲ THI HỌC SINH GIỎI VĂN HOÁ CẤP HUYỆN**

**MÔN THI: Ngữ văn; LỚP: 8**

**Thời gian 15o phut**

**Câu 1.***(4,0 điểm)*

Cho đoạn trích sau:

*Chà! Giá quẹt một que diêm mà sưởi cho đỡ rét một chút nhỉ? Giá em có thể rút một que diêm ra quẹt vào tường mà hơ ngón tay nhỉ? Cuối cùng em đánh liều quẹt một que. Diêm bén lửa thật là nhạy. Ngọn lửa lúc đầu xanh lam, dần dần biến đi, trắng ra, rực hồng lên quanh que gỗ, sáng chói trông đến vui mắt.*

(*Cô bé bán diêm* – An-đéc-xen, *Ngữ văn 8*, T1, NXB giáo dục Việt Nam, 2011, tr.64 - 65)

a. Việc sử dụng các câu hỏi trong đoạn trích trên có ý nghĩa gì?

b. Tìm các từ cùng thuộc một trường từ vựng trong đoạn trích trên? Tác dụng của trường từ vựng đó.

**Câu 2.***(6,0 điểm)*

Trong truyện ngắn *Chiếc lá cuối cùng* của O Hen-ri, hình ảnh chiếc lá thường xuân được cụ Bơ-men vẽ trên bức tường đã giữ lại sự sống cho Giôn-xi trong lúc cô tuyệt vọng nhất.

Hình ảnh ấy đã đem đến cho em bài học gì về cuộc sống?

**Câu 3.***(10,0 điểm)*

Cảm nhận của em về hai đoạn thơ sau:

*… Cánh buồm giương to như mảnh hồn làng*

*Rướn thân trắng bao la thâu góp gió…*

*Ngày hôm sau, ồn ào trên bến đỗ*

*Khắp dân làng tấp nập đón ghe về.*

*“Nhờ ơn trời biển lặng cá đầy ghe”,*

*Những con cá tươi ngon thân bạc trắng.*

*Dân chài lưới làn da ngăm rám nắng,*

*Cả thân hình nồng thở vị xa xăm;*

*Chiếc thuyền im bến mỏi trở về nằm*

*Nghe chất muối thấm dần trong thớ vỏ.*

(*Quê hương* – Tế Hanh, *Ngữ Văn 8*, T2, NXB Giáo dục Việt Nam, 2011, tr.16 - 17)

*Khi con tu hú gọi bầy*

*Lúa chiêm đang chín trái cây ngọt dần*

*Vườn râm dậy tiếng ve ngân*

*Bắp rây vàng hạt đầy sân nắng đào*

*` Trời xanh càng rộng càng cao*

*Đôi con diều sáo lộn nhào từng không…*

(*Khi con tu hú* – Tố Hữu, *Ngữ văn 8*, T2, NXB Giáo dục Việt Nam, 2011, tr.19)

**--------------------------------Hết-------------------------------**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | | | | **HƯỚNG DẪN CHẤM** | |
| **Câu** | **Ý** | **Nội dung** | | **Điểm** |
| **Câu 1** |  | **Tiếng Việt** | | **4,0** |
|  | **a.** | **Ý nghĩa của việc sử dụng các câu hỏi trong đoạn trích tác phẩm *Cô bé bán diêm(2,0 điểm)*** | |  |
|  | - Các câu hỏi được sử dụng: *Giá quẹt một que diêm mà sưởi cho đỡ rét một chút nhỉ?; Giá em có thể rút một que diêm ra quẹt vào tường mà hơ ngón tay nhỉ?*  - Ý nghĩa:  + Đây là câu hỏi mà nhân vật cô bé bán diêm tự đặt đặt ra cho mình như một hình thức tự giãi bày, tự bộc lộ cảm xúc, tâm trạng.  + Thể hiện ước muốn, khao khát đốt lên ngọn lửa, tạo ra hơi ấm xua tan đi giá lạnh, rét buốt đêm đông. | | 0,5  0,5  1,0 |
| **b.** | **Các từ cùng thuộc trường từ vựng và tác dụng của trường từ vựng đó trong đoạn trích tác phẩm *Cô bé bán diêm(2,0 điểm)*** | |  |
|  | - Các từ cùng một trường: *ngọn lửa, xanh lam, trắng, rực hồng, sáng chói* chỉ màu sắc và ánh sáng của ngọn lửa.  - Tác dụng:  + Miêu tả ngọn lửa của que diêm cháy lung linh, huyền ảo qua cái nhìn đầy mơ mộng của cô bé bán diêm.  + Thể hiện ước mơ về một ngọn lửa ấm áp, một thế giới đầy ánh sáng, một cuộc sống tươi đẹp, hạnh phúc của cô bé nghèo đang sống trong hoàn cảnh bi đát. | | 1,0  0,5  0,5 |
| **Câu 2** |  | **Bài học từ hình ảnh *chiếc lá cuối cùng* mà nhân vật họa sĩ Bơ-men vẽ trong tác phẩm cùng tên của O Hen-ri.** | | **6,0** |
|  |  | **Yêu cầu về mặt kỹ năng** | |  |
|  | Học sinh vận dụng các kỹ năng, thao tác nghị luận để viết một đoạn, hoặc một bài văn nghị luận ngắn về bài học rút ra từ hình ảnh *chiếc lá cuối cùng* trong truyện ngắn cùng tên của O Hen-ri. Bài (đoạn) văn cần đảm bảo yêu cầu sau:  - Bố cục mạch lạc, lập luận chặt chẽ, lí lẽ thuyết phục, dẫn chứng tiêu biểu, xác thực, phù hợp.  - Diễn đạt lưu loát, linh hoạt; hành văn uyển chuyển, kết hợp các thao tác chứng minh, giải thích, bình luận, phân tích, bác bỏ…  - Không mắc các lỗi về viết câu, dùng từ, chính tả. | |  |
|  | **Yêu cầu về kiến thức** | |  |
|  | Đây là một dạng đề mở, học sinh có thể có nhiều cách hiểu, rút ra nhiều bài học khác nhau từ một hình ảnh giàu sức gợi trong tác phẩm. Do đó, bài làm có thể tập trung nghị luận về một hoặc nhiều bài học mà học sinh rút ra từ hình ảnh này. Dưới đây là một số khả năng nghị luận:  - Niềm tin, nghị lực trong cuộc sống.  - Tình yêu thương, sự đồng cảm, sẻ chia.  - Nét tính cách bao dung, vị tha.  - Lối sống nhân ái, giàu đức hy sinh, sẵn sàng cho, thậm chí là cả cuộc sống của mình vì người khác.  Tuy nhiên, dù nghị luận theo hướng nào cũng cần thể hiện được những luận cơ bản sau:  - Giải thích rõ ý nghĩa của hình ảnh *chiếc lá cuối cùng* theo cách hiểu của học sinh, rút ra bài học về lẽ sống từ đó.  - Luận bàn về bài học đã được rút ra:  + Những biểu hiện cụ thể.  + Ý nghĩa, tác dụng.  + Liên hệ thực tế đời sống và bản thân.  + Phương hướng rèn luyện để hình thành cho mình tư tưởng, lẽ sống tích cực. | | 2,0  1,0  1,0  1,0  1,0 |
| **Câu 3** |  | **Cảm nhận về đoạn thơ trong bài *Quê hương* của Tế Hanh và đoạn thơ trong bài *Khi con tu hú* của Tố Hữu.** | | **10,0** |
|  |  | **Yêu cầu về mặt kỹ năng:** | |  |
|  | Viết một bài văn nghị luận về tác phẩm, đoạn trích thơ trữ tình với những yêu cầu cụ thể sau:  - Hình thức một bài văn: bố cục rõ ràng, lập luận chặt chẽ, có sự phân tích, bình giá, cảm thụ về nội dung cảm xúc, các yếu tố nghệ thuật (ngôn từ, hình ảnh, thể thơ, nhịp điệu, các thủ pháp tu từ…) trong hai đoạn trích thơ.  - Diễn đạt rõ ràng, linh hoạt, uyển chuyển; không mắc các lỗi viết câu, dùng từ, chính tả. | |  |
|  | **Yêu cầu về kiến thức:** | |  |
|  | ***a. Giới thiệu vấn đề nghị luận (1,0 điểm)***  - Giới thiệu về tác giả Tế Hanh và bài thơ *Quê hương*, tác giả Tố Hữu và bài *Khi con tu hú*.  - Dẫn dắt và trích hai đoạn thơ trong đề bài.  ***b. Cảm nhận về hai đoạn thơ(7,0 điểm)***  **\* Về đoạn thơ trong bài *Quê hương* của Tế Hanh**  *- Nội dung, cảm xúc:*  + Đoạn thơ thể hiện vẻ đẹp của quê hương miền biển qua nỗi nhớ của nhân vật trữ tình khi đã rời xa, với hình ảnh gần gũi, bình dị mà xúc động.  + Khung cảnh làng quê với không gian bao la, kỳ vĩ của biển cả, của bầu trời mang tầm vóc vũ trụ, mang điệu hồn riêng của làng chài.  + Không khí lao động khẩn trương, sôi nổi, tấp nập khi đoàn thuyền đánh cá về bến đỗ với tôm cá đầy khoang. Khung cảnh ấy gợi ra một cuộc sống yên bình, ấm no, vui tươi và hạnh phúc.  + Hình con người lao động quê nhà bình dị, chất phác, lam lũ, cơ cực mà vạm vỡ, mạnh mẽ, lớn lao sánh ngang với sự kỳ vĩ của thiên nhiên, biển trời.  + Tình yêu, sự gắn bó sâu sắc và niềm tự hào của nhân vật trữ tình về vẻ đẹp thiên nhiên, cuộc sống và con người quê hương.  *- Nghệ thuật:*  + Hình ảnh thơ giản dị, mộc mạc, giàu sức gợi, mang ý nghĩa biểu tượng cao, để lại ấn tượng mạnh mẽ.  + Ngôn ngữ giàu sức sợi, giàu chất tạo hình và biểu cảm, cùng với cách diễn đạt gần với lời ăn tiếng nói của người miền biển; các biện pháp tu từ ẩn dụ, nhân hóa, so sánh… được sử dụng linh hoạt, tinh tế.  + Giọng điệu say mê, hào sảng, xen với giọng trữ tình đằm thắm của nỗi nhớ.  **\* Về đoạn thơ trong bài *Khi con tu hú* của Tố Hữu.**  *- Nội dung, cảm xúc:*  + Đoạn thơ là những dòng hồi ức về quê hương, về đồng ruộng thân yêu, quen thuộc được đánh thức từ tiếng chim tu hú gọi hè vang vọng vào nhà nhà ngục khi tác giả bị giam cầm trong xà lim ở Thừa Thiên.  + Khung cảnh quê hương được mở ra với không gian mênh mông, bát ngát của đồng ruộng vào mùa, của bầu trời xanh trong, của vườn đang đơm hoa kết trái.  + Hình ảnh quê nhà trong ký ức của người tù – nhân vật trữ tình hiện ra lung linh trong nắng hè với màu sắc, âm thanh, ánh sáng, hương vị… được miểu tả sống động, ngập tràn vẻ đẹp và nhựa sống.  + Nỗi nhớ đồng quê gắn với niềm cô đơn, u uất, với khát vọng tự do của người tù phải xa cuộc sống, xa đồng bào đồng chí.  *- Nghệ thuật:*  + Thể thơ lục bát với giọng điệu tâm tình, ngọt ngào, tha thiết; ngôn ngữ giàu hình ảnh, giàu cảm xúc.  + Hình thơ bình dị, mộc mạc mà bay bổng, lãng mạn; kết hợp nhiều giác quan trong việc cảm nhận và thể hiện vẻ đẹp của quê hương, đồng ruộng.  ***c. Điểm tương đồng và khác biệt của hai đoạn thơ(2,0 điểm).***  ***- Điểm tương đồng:***  + Cả hai đoạn thơ đều thể hiện nỗi nhớ về quê hương với những hình ảnh thân thương, gần gũi, hằn sâu trong tâm tưởng, với không bao la, bát ngát mang hồn cốt riêng của mỗi vùng quê qua tình yêu mãnh liệt, cảm xúc sâu lắng.  + Ngôn ngữ gợi hình, gợi cảm; hình ảnh thơ dung dị, mộc mạc mà ý nghĩa biểu tượng cao; giọng điệu tha thiết, say mê.  *-* ***Sự khác biệt:***  + Khung cảnh quê hương trong đoạn thơ của Tế Hanh mang nét đặc trưng của không gian miền biển, gắn với những kỷ niệm tuổi thơ, với cuộc sống, lao động của con người; cảm xúc thơ nghiêng về yêu thương, tự hào về mảnh đất, vẻ đẹp của con người quê hương. Còn đoạn thơ của Tố Hữu khắc họa khung cảnh đồng quê ngày hè với âm thanh, màu sắc, ánh sáng, hương vị đặc trưng, với vẻ đẹp lung linh, sống động; cảm xúc thiên về nỗi niềm cô đơn, khắc khoải của một người tu khao khát tự do bị cách ly khỏi cuộc sống.  + Tế Hanh sử dụng thể thơ thất ngôn; hình ảnh, thi liệu thiên về những trải nghiệm, những quan sát thực tế tuổi thơ với những ấn tượng đậm nét nhất trong ký ức. Còn nhà thơ Tố Hữu lại sử dụng thể thơ lục bát mang đậm phong vị dân gian; hình ảnh, thi liệu mang đậm cảm xúc lãng mạn, bay bổng trong tương quan đối lập giữa thế giới đồng quê tươi đẹp với không gian ngục tù tăm tối, mất tư do.  **\*Đánh giá chung** | | 1,0  0,5  0,5  0,5  0,5  0,5  0,5  0,5  0,5  0,5  0,5  0,5  0,5  0,5  0,5  0,5  0,5  0,5  0,5 |
| **Tổng điểm toàn bài:** | | | | **20,0** |

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**Đề 7:**

**ĐỀ THI HỌC SINH GIỎI LỚP 8 CẤP HUYỆN**  
**MÔN: NGỮ VĂN**  
**Thời gian: 150 phút**

**Câu 1 (4 điểm).** Hai câu thơ dưới đây, tác giả đều sử dụng nghệ thuật so sánh:

- Chiếc thuyền nhẹ hăng như con tuấn mã.

- Cánh buồm giương to như mảnh hồn làng.

Em thấy hai cách so sánh trên có gì khác nhau?Mỗi cách có hiệu quả nghệ thuật riêng như thế nào?

**Câu 2 (6 điểm):** Đọc đoạn văn sau:

*"Chao ôi! Đối với những người ở quanh ta, nếu ta không cố tìm mà hiểu họ, thì ta chỉ thấy họ gàn dở, ngu ngốc, bần tiện, xấu xa, bỉ ổi... toàn những cớ để cho ta tàn nhẫn; không bao giờ ta thấy họ là những người đáng thương; không bao giờ ta thương ..."*

(Nam Cao, Lão Hạc)

Từ tâm sự của nhân vật ông giáo thể hiện qua đoạn văn trên, em hãy trình bày những suy nghĩ của mình về vai trò của tình yêu thương đối với mỗi con người trong cuộc sống?

**Câu 3 (10 điểm):** Phân tích hình ảnh người chiến sĩ cách mạng qua hai bài thơ: "Ngắm trăng" (Vọng nguyệt) của Hồ Chí Minh và "Khi con tu hú" của Tố Hữu?

**Đáp án đề thi học sinh giỏi môn Ngữ văn lớp 8**

**Câu 1:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | -Hai câu thơ trên tác giả đều dùng biện pháp so sánh. Tuy nhiên mỗi câu lại có hiệu quả nghệ thuật riêng:   * -So sánh con thuyền ra khơi "hăng như con tuấn mã" tức là con thuyền chạy nhanh như con ngựa đẹp và khỏe (tuấn mã) đang phi, tác giả so sánh cái cụ thể, hữu hình này với cái cụ thể hữu hình khác. * -So sánh "Cánh buồm với mảnh hồn làng" tức là so sánh một vật cụ thể hữu hình, quen thuộc với một cái trừu tượng vô hình có ý nghĩa thiêng liêng. * =>Cách so sánh trong câu thơ thứ nhất làm nổi bật vẻ đẹp, sự mạnh mẽ của con thuyền ra khơi. * =>Cách so sánh trong câu thơ thứ hai làm cho hình ảnh cánh buồm chẳng những trở nên cụ thể sống động mà còn có vẻ đẹp lớn lao, trang trọng, thiêng liêng. Cánh buồm no gió ra khơi trở thành biểu tượng rất phù hợp và đầy ý nghĩa của làng chài. |  |

**Câu 2:**

Về kĩ năng: Học sinh biết viết bài văn (đoạn văn) nghị luận đúng về hình thức, biết vận dụng một số thao tác lập luận để bày tỏ suy nghĩ, quan niệm của bản thân.

Về kiến thức: Cần đảm bảo một số ý

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | a. MB: Học sinh đưa dẫn vấn đề từ câu nói của nhà văn Nam Cao trong truyện Lão Hạc để khẳng định tình yêu thương rất cần trong cuộc sống. |  |
|  | b.TB:  -Giải thích: Tình yêu thương là tình cảm tốt đẹp giữa con người với con người. Đó là sự sẻ chia, thông cảm, đồng cảm, yêu thương, giúp đỡ lẫn nhau... trong cuộc sống.  -Vai trò, ý nghĩa của tình yêu thương trong cuộc sống:   * +Tình yêu thương có ý nghĩa và sức mạnh lớn lao. Tình yêu thương đem đến cho con người niềm vui, hạnh phúc, cao hơn là mang lại sự sống, sự cảm hoá kì diệu, tiếp thêm sức mạnh để con người vượt qua mọi thử thách, khó khăn. (Dẫn chứng) * +Người cho đi tình yêu thương cũng cảm thấy thanh thản, hạnh phúc trong lòng. (Dẫn chứng) * +Tình yêu thương làm cho cuộc sống tốt đẹp hơn, là lực hấp dẫn kéo gần con người lại với nhau. Đáng sợ biết bao khi thế giới này chỉ có hận thù, chiến tranh.   -Bàn luận (Mở rộng):   * +Phê phán những kẻ sống ích kỉ, thơ ơ vô cảm trước nỗi đau đồng loại * Tuy nhiên tình yêu thương không phải là thứ có sẵn trong mỗi người, chỉ có được khi con người có ý thức nuôi dưỡng, vun trồng. * Tình yêu thương cho đi phải trong sáng, không vụ lợi có thể nó mới có ý nghĩa. * +Hãy biến yêu thương thành hành động, yêu thương đúng cách, không mù quáng...   =>Rút ra bài học nhận thức và hành động: Sống yêu thương, trân trọng tình yêu thương của người khác dành cho mình và cũng cần biết san sẻ tình yêu thương với mọi người. |  |
|  | c, KB: Khẳng định lại vấn đề: tình yêu thương là thứ tình cảm không thể thiếu trong cuộc sống của mỗi con người.  Chú ý: Học sinh có thể trình bày dưới dạng một bài văn hoặc một đoạn văn, miễn sao đầy đủ bố cục. GK linh hoạt cho điểm hợp lí. |  |

**Câu 3:** Về kĩ năng: Hs biết viết bài nghị luận văn học đúng về hình thức, biết vận dụng một số thao tác lập luận để bày tỏ suy nghĩ, quan niệm của bản thân.

Về kiến thức: Cần đảm bảo một số ý

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | a. Mở bài:   * Giới thiệu khái quát về tác giả, tác phẩm. * Đưa dẫn nội dung phân tích: Hình ảnh người chiến sĩ cách mạng. |  |
|  | b. Thân bài:  **\* Luận điểm 1**: Tâm hồn tinh tế, nhạy cảm, tình yêu thiên nhiên, yêu cuộc sống tha thiết.   * -Cảm nhận bức tranh thiên nhiên đặc sắc về mùa hè trong cảnh tù đày, giam hãm: với tiếng chim tu hú, tiếng ve ngân, hình ảnh đồng lúa chín, sân bắp vàng, nắng hồng, đôi con diều sáo tự do bay lượn.... -> Bức tranh mùa hè được cảm nhận bằng nhiều giác quan, vừa có hình ảnh, màu sắc, lại có cả hương vị, âm thanh -> tâm hồn tinh tế, hòa mình vào không gian tự do, khoáng đạt (Khi con tu hú). * -Cảm nhận không gian đêm trăng sáng giữa chốn lao tù: vô vàn thiếu thốn, gian khổ (không rượu, không hoa, không tự do) nhưng con người và thiên nhiên vẫn có sự giao hòa (người ngắm trăng, trăng ngắm người) nên thơ, thi vị... * -> tâm hồn nhạy cảm, tình yêu thiên nhiên tha thiết của Bác. (Ngắm trăng)   **\* Luận điểm 2**: Lòng yêu nước, sự khao khát tự do mãnh liệt.   * -Tâm trạng ngột ngạt, u uất; lòng khao khát tự do, muốn phá tan căn phòng giam chật hẹp, tù túng trở về với tự do, với cuộc sống, về với hoạt động cách mạng còn đang dang dở. (Khi con tu hú) * -Cuộc vượt ngục bằng tinh thần, thoát ra khỏi chốn nhà lao tối tăm, chật chội để được thả hồn vào thiên nhiên thơ mộng, làm bạn với vầng trăng, với thiên nhiên. (Ngắm trăng)   **\* Luận điểm 3:** Chất chiến sĩ hòa cùng chất thi sĩ.   * -Hồ Chí Minh cảm nhận tất cả vẻ đẹp thanh cao của trăng như các thi nhân xưa -> Mở đầu bằng hình ảnh nhà tù với biết bao thiếu thốn, giữa bài thơ là trăng sáng, cuối bài thơ là hình ảnh con người trong thân phận bị giam cầm giữa song sắt đã trở thành nhà thơ đang say sưa mơ mộng -> phong thái ung dung tự tại, ý chí tinh thần lạc quan cách mạng, khát vọng tự do -> khúc hát tự do của người tù mang phong thái thi sĩ, chiến sĩ -> chất cổ điển kết hợp với chất hiện đại -> chất thép ở con người Hồ Chí Minh. (Ngắm trăng) * -Hình ảnh một chàng trai trẻ sôi nổi, một thi nhân với tâm hồn nhạy cảm, khát vọng tự do qua bức tranh mùa hè tưởng tượng sinh động, sống động, rực rỡ sắc màu, hình ảnh -> nỗi khắc khoải, day dứt khôn nguôi cả thể xác lẫn tâm hồn -> người chiến sĩ cộng sản tự đấu tranh với bản thân vượt lên bản thân để làm chủ mình, vượt lên những nghệt ngã của lao tù, nuôi dưỡng ý chí giữ vững khí tiết và tinh thần đấu tranh cách mạng -> tiếng lòng của người chiến sĩ cách mạng trẻ tuổi, tiếng thơ của một thi sĩ tràn đầy sức sống, sức trẻ... (Khi con tu hú)   **\* Đánh giá:**   * -Cả 2 bài thơ đều là những sáng tác của các chiến sĩ cách mạng, ra đời trong hoàn cảnh tù đày khổ ải. * Hình ảnh thơ quen thuộc nhưng đặc sắc, tinh tế thể hiện qua tâm hồn mẫn cảm. Thể thơ dân tộc, nhịp thơ nhanh, nhiều động từ, tính từ mạnh... (Khi con tú hú), thể thơ Đường luật giản dị mà hàm súc, ngôn ngữ chắt lọc, nghệ thuật đối ... (Ngắm trăng). * -Những bức tranh thiên nhiên nhiều màu sắc, những cung bậc cảm xúc khác nhau... được thể hiện qua những tâm hồn mẫn cảm, con mắt tinh tế, óc tưởng tượng phong phú vượt lên trên tất cả lao tù, xiềng xích... * Chất chiến sĩ hòa với chất thi sĩ, chất thơ hòa với chất thép. * Liên hệ mở rộng |  |
|  | c. Kết bài:   * Khẳng định lại nội dung phân tích. * Bày tỏ suy nghĩ của bản thân sau khi học xong tác phẩm. |  |

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**ĐỀ 8.**

**ĐỀ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI CẤP HUYỆN**

Ngữ văn - Lớp 8 Thời gian: 150 phút (không kể thời gian giao đề)

**Câu 1**( 2,0 điểm): Đọc đoạn văn sau và thực hiện yêu cầu từ 1 đến 2: "Cũng như tôi, mấy cậu học trò mới bỡ ngỡ đứng nép bên người thân, chỉ dám nhìn một nửa hay dám đi từng bước nhẹ. Họ như con chim con đứng bên bờ tổ, nhìn quãng trời rộng muốn bay, nhưng còn ngập ngừng e sợ. Họ thèm vụng và ước ao thầm được như những người học trò cũ, biết lớp, biết thầy để khỏi phải rụt rè trong cảnh lạ."(Ngữ văn 8 - tập 1) 1) Đoạn văn trên trích từ văn bản nào?Tác giả là ai? 2) Chỉ ra và nêu hiệu quả biện pháp tu từ sử dụng trong đoạn văn trên.

**Câu 2**( 3,0 điểm)

THUỐC CHỮA ĐAU BUỒN

Chuyện kể về một người phụ nữ vừa mất con trai. Trong nỗi đau thương tột cùng, bà tìm đến một nhà hiền triết.“Có lời cầu nguyện nào, câu thần chú nào mà ông biết có thể làm con trai tôi sống lại không?” – lời của người mẹ thật sự tuyệt vọng. Thay vì từ chối hoặc khuyên bà mẹ hãy nguôi ngoai, nhà hiền triết đáp: "Hãy tìm về đây cho ta một hạt giống cây mù tạc từ gia đình nào chưa từng biết đến đau khổ. Nó có thể dùng để xua tan đi nỗi đau của bà.” Người phụ nữ cảm tạ và lập tức lên đường tìm hạt giống thần kì. Đầu tiên, bà tìm đến một căn nhà lớn rất sang trọng, gõ cửa và hỏi: “Tôi đang tìm hạt giống cây mù tạc từ ngôi nhà không bao giờ biết đến đau khổ. Có phải nơi này không?”.Họ trả lời rằng bà đã nhầm chỗ.Họ kể với bà những chuyện bi thảm đã xảy ra đến với mình. Nghe chuyện, bà ngồi lại và an ủi họ. Rồi bà lại tiếp tục cuộc tìm kiếm gia đình hạnh phúc nhất. Nhưng bất cứ nơi nào bà ghé vào, từ những căn nhà cao sang hay gác xép tồi tàn, bà đều được trả lời bằng những câu chuyện buồn. Bà trở nên quan tâm và muốn giúp đỡ, chia sẻ nỗi bất hạnh của người khác, đến nỗi sau cùng bà đã quên đi câu hỏi về hạt giống cây mù tạc thần kì. Mà tự bao giờ hạt giống thần kì đó cũng đã mang nỗi đau trước kia ra khỏi cuộc đời bà rồi. (Theo songdep.xitrum.net) Em hãy trình bày suy nghĩ của mình về cách chữa trị đau buồn trong câu chuyện trên.

Câu 3( 5,0 điểm) Có ý kiến cho rằng: "Thơ ca Cách mạng Việt Nam trước năm 1945 đã thể hiện sâu sắc vẻ đẹp tâm hồn của người chiến sĩ cách mạng trong cảnh tù đày." Dựa vào bài thơ "Ngắm trăng" của Hồ Chí Minh và "Khi con tú hú" của Tố Hữu hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.

----------------------Hết-----------------------

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

A. HƯỚNG DẪN CHUNG.

- Bài làm chỉ được điểm tối đa khi đảm bảo đủ các ý và có kĩ năng làm bài, có khả năng diễn đạt tốt.

- Khuyến khích những bài viết sáng tạo và có cách trình bày khoa học, chữ viết sạch đẹp. - Điểm toàn bài là tổng điểm thành phần của từng câu, cho điểm lẻ đến 0,25.

B. HƯỚNG DẪN CỤ THỂ.

**Câu 1** Đọc hiểu đoạn văn 2,0 điểm

|  |  |
| --- | --- |
| 1 | Đoạn văn trích trong văn bản " Tôi đi học" của Thanh Tịnh. |
| 2 | - Đoạn văn sử dụng biện pháp nghệ thuật so sánh “ Họ như con chim non… ngập ngừng e sợ”, " Họ thèm vụng và ước ao thầm được như những người học trò cũ..."  - Hiệu quả: + “ Họ như con chim non… ngập ngừng e sợ” diễn tả tâm trạng của ”tôi” và các cô cậu lần đầu tiên đến trường với những tâm trạng bỡ ngỡ, rụt rè, e sợ.  Mái trường như tổ ấm, mỗi cô cậu học trò như cánh chim non đang ước mơ được khám phá chân trời kiến thức, nhưng cũng rất lo lắng trước chân trời kiến thức mênh mông, bao la bất tận ấy. + " Họ thèm vụng và ước ao thầm được như những người học trò cũ..." thể hiện khát vọng bay bổng của tác giả khi được đi học. |
|  |  |

**Câu 2** Viết bài văn nghị luận bày tỏ suy nghĩ về mẩu chuyện 3,0 điểm

|  |  |
| --- | --- |
| a | . Đảm bảo cấu trúc của bài nghị luận 0,25 đ  Có đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài.  Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài kết luận được vấn đề. |
| b | Xác định đúng vấn đề cần nghị luận. 0,25 đ Cách chữa trị đau buồn hiệu quả là biết yêu thương, chia sẻ với những người có nhiều đau buồn trong cuộc sống. |
| c | Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; vận dụng tốt các thao tác lập luận; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; rút ra bài học nhận thức và hành động.  - Giải thích: Từ việc dựa vào mẩu chuyện, thí sinh nêu khái quát vấn đề cần nghị luận.  - Bàn luận:  + Khẳng định thông điệp đưa ra là đúng hay sai, hợp lí hay không hợp lí.  + Bày tỏ thái độ, suy nghĩ về thông điệp bằng những lí lẽ, dẫn chứng phù hợp, có sức thuyết phục.  - Bài học nhận thức và hành động. Cán bộ chấm thi có thể tham khảo gợi ý sau:  - Giải thích được việc người phụ nữ quên đi được nỗi đau khủng khiếp của mình là nhờ bà đã biết tìm đến, chia sẻ, an ủi những người đau khổ khác.  Từ đó rút ra vấn đề cần nghị luận: Cách chữa trị đau buồn hiệu quả là biết yêu thương, chia sẻ với những người có nhiều đau buồn trong cuộc sống.  - Bàn luận. + Khi tìm đến với những người có nhiều đau khổ khác, bản thân mỗi người sẽ thấy không chỉ có mình khổ, nỗi đau của mình có khi còn không bằng nỗi đau của người khác, mình sẽ bớt đau buồn hơn.  + Chia sẻ, yêu thương, an ủi những người đau khổ, mỗi người sẽ tìm thấy niềm đồng cảm, niềm vui, ý nghĩa trong cuộc sống và không còn nhiều thời gian để nghĩ đến nỗi khổ của bản thân.  + Trong cuộc sống có nhiều người đã biết chữa trị buồn đau của mình bằng những việc làm nhân ái, giàu yêu thương với những người bất hạnh.  + Phê phán những người chìm đắm trong đau khổ, không biết chia sẻ yêu thương để chữa trị đau buồn cho mình và cho người khác.  - Bài học nhận thức và hành động: Không chìm đắm trong đau buồn, không trông chờ vào phép màu, sống yêu thương, chia sẻ để tìm niềm vui. |

**Câu 3**

Chứng minh "Thơ ca Cách mạng Việt Nam trước năm 1945 đã thể hiện sâu sắc vẻ đẹp tâm hồn của người chiến sĩ cách mạng trong cảnh tù đày." qua bài thơ "Ngắm trăng" của Hồ Chí Minh và "Khi con tú hú" của Tố Hữu. 5.0 điểm

a. Đảm bảo cấu trúc của bài nghị luận 0,25 điểm Có đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| MB | Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài kết luận được vấn đề.  **\* Giới thiệu được những nét cơ bản về hai tác giả, hai tác phẩm và khẳng định** được hai sáng tác đặc sắc nhất về hình ảnh người tù cách mạng trong các sáng tác thuộc dòng văn học cách mạng Việt Nam trước cách mạng. Nêu được vấn đề nghị luận. |  |
| TB | **\* Bàn luận ý kiến**: Vẻ đẹp tâm hồn của người tù cách mạng qua hai bài thơ:  - Trước tiên là vẻ đẹp về tình yêu thiên nhiên đất nước, yêu cái đẹp luôn thường trực trong trái tim những người tù cách mạng mà ở đây là ( Hồ Chí Minh, Tố Hữu). Có lẽ, trước hết, họ là những nhà thơ, là những người nghệ sĩ biết trân trọng và sáng tạo cái đẹp.  + Ở bài thơ " Khi con tu hú" là bức tranh thiên nhiên đặc sắc mùa hè trong cảnh tù đầy: với tiếng chim tu hú, tiếng ve ngân, hình ảnh đồng lúa chín, sân bắp vàng, nắng hồng, đôi con diều sáo tự do bay lượn....  -> Bức tranh mùa hè được cảm nhận bằng nhiều giác quan, vừa có hình ảnh, màu sắc, lại có cả hương vị, âm thanh -> tâm hồn tinh tế, hòa mình vào không gian tự do, khoáng đạt, thanh bình, nên thơ.  + Ở bài thơ " Ngắm trăng" lại là vẻ đẹp không gian đêm trăng sáng giữa chốn lao tù: vô vàn thiếu thốn, gian khổ (không rượu, không hoa, không tự do) nhưng con người và thiên nhiên vẫn có sự giao hòa (người ngắm trăng, trăng ngắm người) nên thơ, thi vị...  ->tâm hồn nhạy cảm, tình yêu thiên nhiên tha thiết của Bác.  - Vẻ đẹp thứ hai của người chiến sĩ cách mạng trong tù đầy là khát vọng tự do mãnh liệt:  + Tâm trạng ngột ngạt, u uất; lòng khao khát tự do, muốn phá tan căn phòng giam chật hẹp, tù túng trở về với tự do, với cuộc sống, về với hoạt động cách mạng còn đang dang dở. (Khi con tu hú)  + Cuộc vượt ngục bằng tinh thần, thoát ra khỏi chốn nhà lao tối tăm, chật chội để được thả hồn vào thiên nhiên thơ mộng, làm bạn với vầng trăng, với thiên nhiên. (Ngắm trăng).  - Trong hoàn cảnh tù đầy, người chiến sĩ cách mạng luôn lạc quan yêu đời:  + Hồ Chí Minh cảm nhận tất cả vẻ đẹp thanh cao của trăng như các thi nhân xưa, phong thái ung dung tự tại, ý chí tinh thần lạc quan luôn tin tưởng vào tương lai tốt đẹp, cách mạng thành công.  + Với Tố Hữu, đó là một chàng trai trẻ sôi nổi, một thi nhân với tâm hồn nhạy cảm, khát vọng tự do qua bức tranh mùa hè tưởng tượng sinh động, sống động, rực rỡ sắc màu, hình ảnh; là tiếng lòng của người chiến sĩ cách mạng trẻ tuổi, tiếng thơ của một thi sĩ tràn đầy sức sống, sức trẻ.. |  |
|  | **- Đánh giá:**  + Cả 2 bài thơ đều là những sáng tác của các chiến sĩ cách mạng, ra đời trong hoàn cảnh tù đày gian khổ.  + Hình ảnh thơ quen thuộc nhưng đặc sắc, tinh tế thể hiện qua tâm hồn mẫn cảm. Thể thơ dân tộc, nhịp thơ nhanh, nhiều động từ, tính từ mạnh... (Khi con tú hú), thể thơ Đường luật giản dị mà hàm súc, ngôn ngữ chắt lọc, nghệ thuật đối ... (Ngắm trăng).  + Những bức tranh thiên nhiên nhiều màu sắc, những cung bậc cảm xúc khác nhau... được thể hiện qua những tâm hồn mẫn cảm, con mắt tinh tế, óc tưởng tượng phong phú vượt lên trên tất cả lao tù, xiềng xích...  + Chất chiến sĩ hòa với chất thi sĩ, chất thơ hòa với chất thép.  \* Khẳng định lại vấn đề nghị luận, bày tỏ suy nghĩ của bản thân |  |

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**ĐỀ 9.**

**ĐỀ THI NGỮ VĂN 8 CẤP HUYỆN**

**Thời gian: 150 phút**

**Câu 1: (4,0)**

Trong bài thơ “Quê hương”, Tế Hanh viết:

*Chiếc thuyền nhẹ hăng như con tuấn mã*

*Phăng mái chèo mạnh mẽ vượt trường giang.*

*và*

*Chiếc thuyền im bến mỏi trở về nằm*

*Nghe chất muối thấm dần trong thớ vỏ.*

Tìm, nêu giá trị phép tu từ trong các câu thơ đó.

Câu 2:

Đọc kỹ đoạn văn sau:

“ *Chao ôi! Đối với những người ở xung quanh ta, nếu ta không cố tìm mà hiểu họ, thì ta chỉ thấy gàn dở, ngu ngốc, bần tiện, xấu xa, bỉ ổi… toàn những cớ dể cho ta tàn nhẫn; không bao giờ ta thấy họ là những người đáng thương; không bao giờ ta thương…”.*

Viết một văn bản ngắn (khoảng 1 trang giấy thi) trình bày hiểu biết của em về ý kiến được nêu trong đoạn văn trên.

Câu 3: Có ý kiến cho rằng: *Đặc sắc trong phong cách thơ trữ tình Hồ Chí Minh là vừa có màu sắc cố điển vừa mang tinh thần thời đại.* Bằng hiểu biết của mình về bài thơ “Tức cảnh Pác Bó” và bài thơ “ Ngắm trăng” của Hồ Chí Minh, em hãy làm sáng tỏ lời nhận xét trên.

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ THI NGỮ VĂN 8**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Câu 1: (4,0đ)***  \* Về nội dung:  **- Chỉ nghệ thuật so sánh**: **“Chiếc thuyền hăng như con tuấn mã”.**  - Tác dụng”  + Diễn tả thật ấn tượng khí thế băng tới dũng mãnh của con thuyền ra khơi.  + Toát nên sức sống mạnh mẽ, vẻ đẹp hùng tráng của con thuyền, đó cũng chính là khí thế lao động đầy hứng khởi, dạt dào sức sống của người dân làng chài.  - **Chỉ ra nghệ thuật nhân hóa được thể hiện qua các từ ngữ: “im, mỏi, trở về, nằm, nghe”.**  Tác dụng của biện pháp nhân hóa:  + Biến con thuyền vô tri, vô giác trở nên sống động, có hồn như con người.  + Các từ “im, mỏi, trở về, nằm” cho ta cảm nhận được giây phút nghỉ ngơi thư giãn của con thuyền, giống như con người, sau một chuyến ra khơi vất vả cực nhọc, trở về.  + Từ “nghe” gợi cảm nhận con thuyền như một cơ thể sống, nhận biết chât muối của biển đang ngấm dần, lặn dần vào da thịt của mình; cũng giống như những con người từng trải, với con thuyền, vị muối càng ngấm vào nó thì nó như càng dày dạn lên. Hình ảnh con thuyền vất vả cực nhọc đống nhất với với cuộc sống người dân chài.  \* Về hình thức: Có sự liên kết đối chiếu làm nổi bật sự khác nhau trong hình ảnh con thuyền ở mỗi khổ thơ. Diễn đạt mạch lạc, trong sáng, không sai, mắc các lỗi câu. | 0,5đ  0,5đ  0,5đ  0,5đ  0,5đ  0,5đ  0,5đ  0,5đ |
| ***Câu 2: 6đ***  \* Về nội dung:  - Giới thiệu khái quát vị trí của đoạn văn nằm ở cuối truyện “ Lão Hạc”.  - Lời nói đó là của ông giáo (thực chất là lời của Nam Cao) khi ông chứng kiến những khổ đau, bất hạnh cũng như vẻ đẹp của Lão Hạc.  - Đây là lời nói có tính triết lý lẫn cảm xúc trữ tình xót xa của Nam Cao.  - Nam Cao muốn khẳng định một thái độ một các ứng xử mang tính nhân đạo, không nhìn những người xung quanh bằng cái nhìn phiến diện, bằng cặp mắt lạnh lùng, vô cảm mà nhìn nhận bằng sự thông cảm thấu hiểu, bằng lòng nhân ái của con người.  - Con người cần biết phát hiện, nâng niu, trân trọng những vẻ đẹp, những điểu đáng quý ẩn sau mỗi con người. Đó là quan niệm đúng đắn khi đánh giá con người.  - Lấy dẫn chứng để phê phán một số quan điểm đánh giá con người bằng cái nhìn phiến diện, bằng cặp mặt lạnh lùng, vô cảm.  - Lấy dẫn chứng và nêu tác dụng của cách nhìn nhận con người bằng cái nhìn cảm thông, thấu hiểu, bằng lòng nhân ái của con người.  - Nêu bài học cho bản thân mình trong cách ứng xử.  \* Về hình thức: Hình thức một bài văn: bố cục rõ ràng, lập luận chặt chẽ. Diễn đạt rõ ràng, linh hoạt, uyển chuyển, không mắc các lỗi viết câu, dùng từ, chính tả) |  |
| ***Câu 3: 10đ***  \* Yêu cầu về kỹ năng:  Viết một bài văn nghị luận về tác phẩm với những yêu cầu cụ thể sau:  - Hình thức một bài văn: bố cục rõ ràng, lập luận chặt chẽ, có sự phân tích, bình giá, cảm thụ về nội dung cảm xúc, các yếu tố nghệ thuật( ngôn từ, hình ảnh, thể thơ các thủ pháp tu từ…) trong hai bài thơ.  - Diễn đạt rõ ràng, linh hoạt, uyển chuyển, không mắc các lỗi viết câu, dùng từ, chính tả)  \* Yêu cầu về kiến thức  **a. Giới thiệu vấn đề nghị luận**  - Giới thiệu về tác giả Hồ chính Minh và hai bài thơ “Tức cảnh Pác Bó”, “ Ngắm trăng” .  - Dẫn dắt nêu vấn đề nghị luận.  **b. Chứng minh màu sắc cổ điển và tinh thần thời đại ở hai bài thơ.**  **Bài *Tức cảnh Pác Bó***  ***\* Màu sắc cổ điển*.**  - “Thú lâm tuyền”  + Câu thơ đầu ngắt nhịp 4/3 tạo thành hai vế sóng đôi toát nên cảm giác về sự nhịp nhàng, nề nếp, giọng điệu thật thoải mái, phơi phới cho ta thấy Bác sống thật ung dung hòa điệu với nhịp sống núi rừng.  + Câu thơ 2 tiếp tục mạch cảm xúc đó, có chút đùa vui: lương thực, thực phẩm ở đây đầy đủ đến mức dư thừa.  + Câu thơ thứ nhất nói về việc ở, câu thơ thứ hai nói về việc ăn, câu thơ thứ 3 nói về việc làm của Bác. Tất cả đều hòa hợp cùng thiên nhiên toát nên cảm giác thích thú, bằng lòng.  + Giọng điệu thoải mái pha chút đùa vui hóm hỉnh có phần khoa trương tạo cho nhân vật trữ tình mang dáng dấp một ẩn sĩ, một khách lâm tuyền thực thụ.  ***\*Tinh thần thời đại.***  + Bác đến tìm đến thú lâm tuyền không giống với người xưa là để “lánh đục tìm trong” hay tự an ủi mình bằng lối sống” an bần lạc đạo” mà đến với thú lâm tuyền để “dịch sử Đảng” tức là làm cách mạng. Nhân vật trữ tình mang dáng vè một ẩn sĩ song thự chất vẫn là người chiến sĩ.  + Trung tâm của bức tranh Pác Bó là hình tượng người chiến sĩ được đặc tả bằng những nét đậm, khỏe đầy ấn tượng qua tử láy “ chông chênh” và 3 chữ “ dịch sử đảng” toàn vần trắc, toát nên vẻ khỏe khoắn, mạnh mẽ.  + Niềm vui sống giữa thiên nhiên hòa quện trong niềm vui làm cách mạng.  **Bài “Ngắm trăng**”.  *\* Màu sắc cổ điển.*  + Phân tích đề tài “Vọng nguyệt” và thi liệu cổ: “rượu, hoa, trăng”  + Phân tích dáng dấp thi nhân xưa của Bác qua: Cấu trúc đăng đối, nghệ thuật nhân hóa ở hai câu thơ cuối, nhất là chủ thể trữ tình yêu trăng, coi trăng như người bạn gắn bó, tri kỷ.  *\* Tình thần thời đại*:  + Phân tích hồn thơ lạc quan, tinh thần vượt lên trên hoàn cảnh khó khăn gian khổ biểu hiện ở sự tự do nội tại, phong thái ung dung, vượt hẳn lên sự nặng nề, tàn bạo của ngục tù.  + Phân tích tâm hồn thi sĩ hòa quện trong tâm hồn chiến sĩ. |  |

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**ĐỀ 10.**

**ĐỀ KHẢO SÁT CHẤT LƯỢNG HỌC SINH GIỎI THCS**

**Môn: Ngữ văn 8**

Thời gian làm bài: 150 phút *( không kể thời gian giao đề)*

**Câu 1**(4 điểm)

Chỉ rõ và phân tích giá trị biểu đạt của phép tu từ từ vựng trong các câu văn sau được trích trong truyện "Tôi đi học" của nhà văn Thanh Tịnh.

          “Tôi quên thế nào được những cảm giác trong sáng ấy nảy nở trong lòng tôi như mấy cành hoa tươi mỉm cười giữa bầu trời quang đãng.”

          “Trong lúc ông ta đọc tên từng người, tôi cảm thấy như quả tim tôi ngừng đập.”

**Câu 2**(6 điểm):

Đọc đoạn văn sau:

"Chao ôi! Đối với những người ở quanh ta, nếu ta không cố tìm mà hiểu họ, thì ta chỉ thấy họ gàn dở, ngu ngốc, bần tiện, xấu xa, bỉ ổi…toàn những cớ để cho ta tàn nhẫn; không  bao giờ ta thấy họ là những người đáng thương; không bao giờ ta thương …"

                                                                             (Trích “Lão Hạc” – Nam Cao)

          Từ triết lí tình thương của ông giáo thể hiện qua đoạn văn trên, hãy nêu lên suy nghĩ của em về vai trò của tình thương trong cuộc sống.

**Câu 3**(10 điểm):

Một trong những cảm hứng của thơ ca đầu thế kỉ XX là ca ngợi vẻ đẹp của thiên nhiên. Qua bài thơ “Quê hương” của nhà thơ Tế Hanh và bài thơ “Khi con tu hú” của nhà thơ Tố Hữu, em hãy làm sáng tỏ ‎ý kiến trên.

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

**Câu 1**(4 điểm)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | Chỉ ra phép tu từ từ vựng có trong câu văn:  + Câu văn: Tôi quên thế nào được những cảm giác trong sáng ấy nảy nở trong lòng tôi như mấy cành hoa tươi mỉm cười giữa bầu trời quang đãng.  - So sánh: *những cảm giác trong sáng ấy nảy nở trong lòng tôi như mấy cành hoa tươi mỉm cười giữa bầu trời quang đãng*(0,25 điểm)         - Nhân hóa: *mấy cành hoa tươi mỉm cười*(0,25 điểm)    - Hình ảnh *cành hoa tươi* biểu trưng cho cái đẹp, đáng nâng niu của tạo hoá ban cho con người. Dùng hình ảnh *cành hoa tươi*nhằm diễn tả những cảm giác, những rung động trong buổi đầu tiên thật đẹp đẽ, đáng yêu. Vẻ đẹp ấy không chỉ sống mãi trong tiềm thức, kí ức mà luôn tươi mới, vẹn nguyên. (1 điểm)  - Phép nhân hoá *mỉm cười*(0,25 điểm)            Tác dụng: diễn tả niềm vui, niềm hạnh phúc tràn ngập rạo rực và cả một tương lai đẹp đẽ đang chờ phía trước. Rõ ràng những cảm giác, cảm nhận đầu tiên ấy sống mãi trong lòng ''tôi'' với bao tràn ngập hy vọng về tương lai. (0,75 điểm)    - Qua phép tu từ so sánh và nhân hóa thấy kỉ niệm thật sâu nặng của nhà văn Thanh Tịnh trong ngày đầu đi học. (0,5 điểm)  + Câu văn:       Trong lúc ông ta đọc tên từng người, tôi cảm thấy như quả tim tôi ngừng đập.  - Nói quá: quả tim ngừng đập. (0,25 điểm)            Tác dụng: Nhấn mạnh cảm giác quá hồi hộp của nhân vật tôi, góp phần diễn tả những kỉ niệm khó quên của nhân vật tôi trong ngày đầu tiên tới trường (0,75 điểm). |  |

**Câu 2** (6 điểm)

**Về kĩ năng** : Hs biết viết bài văn nghị luận đúng về hình thức, biết vận dụng một số thao tác lập luận để bày tỏ suy nghĩ, quan niệm của bản thân.

**Về kiến thức** : Cần đảm bảo một số ý

|  |  |
| --- | --- |
| a, Mở bài: (0,25 điểm)            Học sinh đưa dẫn vấn đề từ câu nói của nhà văn Nam Cao trong truyện Lão Hạc để khảng định tình yêu thương rất cần trong cuộc sống. |  |
| b, Thân bài: (5,5 điểm)  **- Giải thích:** Tình yêu thương  là tình cảm tốt đẹp giữa con người với con người. Đó là sự sẻ chia, đồng cảm, yêu thương, giúp đỡ lẫn nhau…trong cuộc sống (0,5 điểm)  **-Ý nghĩa:** Tình yêu thương có ý nghĩa và sức mạnh lớn lao.     Tình yêu thương đem đến cho con người niềm vui, hạnh phúc, cao hơn là mang lại sự sống, sự cảm hoá kì diệu, tiếp thêm sức mạnh để con người vượt qua mọi thử thách, khó khăn. (Dẫn chứng) (1 điểm)       Người cho đi tình yêu thương cũng cảm thấy thanh thản, hạnh phúc trong lòng. (Dẫn chứng) (1 điểm)     Tình yêu thương làm cho cuộc sống tốt đẹp hơn, là lực hấp dẫn kéo gần con người lại với nhau. Đáng sợ biết bao khi thế giới này chỉ có hận thù, chiến tranh. (0,5 điểm)  **- Bàn luận (Mở rộng):**  + Phê phán những kẻ sống ích kỉ, thơ ơ vô cảm trước nỗi đau đồng loại (0,5 điểm)  +Tuy nhiên tình yêu thương không phải là thứ có sẵn trong mỗi người, chỉ có được khi con người có ý thức nuôi dưỡng, vun trồng. (0,5 điểm)  + Tình yêu thương cho đi phải trong sáng, không vụ lợi có thể nó mới có ý nghĩa. (0,5 điểm)  + Hãy biến yêu thương thành hành động, yêu thương đúng cách, không mù quáng... (0,5 điểm)    - Rút ra bài học nhận thức và hành động : Sống yêu thương, trân trọng tình yêu thương của người khác dành cho mình và cũng cần biết san sẻ tình yêu thương với mọi người. (0,5 điểm) |  |
| c, Kết bài (0,25 điểm).            Khẳng định lại tình yêu thương là thứ tình cảm không thể thiếu trong cuộc sống của mỗi con người. |  |

Câu 3 (10 điểm):

**Yêu cầu chung**

**Về kĩ năng**: Biết viết bài văn có bố cục rõ ràng, biết vận dụng linh hoạt các thao tác lập luận, các phương thức biểu đạt. Diễn đạt trong sáng, giàu hình ảnh và cảm xúc

**Về kiến thức**: Hiểu được nội dung ý kiến, phân tích làm sáng tỏ nội dung ấy trong bài thơ, nghệ thuật biểu hiện tiếng lòng của tác giả.

**\*Yêu cầu cụ thể: Cần đảm bảo một số ý cơ bản sau :**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **a, Mở bài**(0,5 điểm)  **-**Dẫn dắt một cách hợp lí, logic: Khái quát về hai tác giả, hai bài thơ  **-**Giới thiệu vấn đề: những cảm hứng của thơ ca đầu thế kỉ XX thường ca ngợi vẻ đẹp của thiên nhiên. |  |
|  | **b. Thân bài** (9 điểm)     Bài thơ Quê hương của nhà thơ Tế Hanh:            Bức tranh thiên nhiên được vẽ ra qua tự giới thiệu về làng tôi của tác giả. Khung cảnh được tác giả vẽ ra là một khung cảnh của buổi sớm mai, với không gian thoáng đạt, trời trong, gió nhẹ, nắng mai hồng, với hình ảnh những con người dân trai tráng bơi thuyền đi đánh cá (1 điểm)  Khi trời trong gió nhẹ, sớm mai hồng  Dân trai tráng bơi thuyền đi đánh cá            Nổi lên trên nền trời nước mênh mông là những cánh buồm trắng đang rướn thân mình mạnh mẽ vượt trường giang  Chiếc thuyền nhẹ hăng như con tuấn mã  Phăng mái chèo mạnh mẽ vượt trường giang  Cánh buồm giương to như mảnh hồn làng  Rướn thân trắng bao la thâu góp gió     Việc sử dụng nghệ thuật so sánh *Chiếc thuyền nhẹ hăng như con tuấn mã*và *Cánh buồm giương to như mảnh hồn làng,*nghệ thuật ẩn dụ*mảnh hồn làng* kết với dùng động từ mạnh phăng, vượt  gợi hình ảnh cánh buồm no gió, căng đầy. Dáng vóc thật hiên ngang, phóng khoáng tràn đầy sinh lực, trần trề nhựa sống. Đó còn là khát vọng của người dân làng chài muốn chinh phục thiên nhiên biển cả, không gian với nhiều vùng biển xa xôi. Cánh buồm còn là biểu tượng cho những tâm hồn khoáng đạt bay bổng của làng quê. Không chỉ vẽ ra vẻ đẹp của làng quê qua hình ảnh buổi sơm mai hồng, con thuyền, dân trai tráng. Cảnh thiên nhiên trong bài thơ còn được thể hiện trong những buổi dân làng đón ghe về: (1,5 điểm)  Ngày hôm sau ồn ào trên bến đỗ  Khắp dân làng tấp nập đón ghe về            Cảnh thật ồn ào náo nhiệt của một vùng quê đón những người đi biển trở về thật là tấp nập, những âm thanh vui vẻ của một đời sống thanh bình khi kết quả lao động thật tốt đẹp *biển lặng, cá đầy ghe*. (1 điểm)  Chiếc thuyền im bến mỏi trở về nằm  Nghe chất muối thấm dần trong thớ vỏ.            Nghệ thuật nhân hóa *im bến mỏi trở về nằm* và ẩn dụ chuyển đổi cảm giác làm cho con thuyền trở nên như con người. Sau chuyến đi biển dài ngày con thuyền thanh thản trở về nằm nghỉ mà nồng nàn hơi thở mặn mòi của biển cả. Chỉ có một tình yêu thiên nhiên đến tha thiết, một nỗi nhớ quê da diết, cảnh sắc thiên nhiên của quê hương Tế Hanh dường như lúc nào cũng thường trực trong tâm tưởng nhà thơ, xa quê tác giả nhớ tới cái đặc trưng của làng chài: Màu nước xanh, cá bạc, chiếc buồm vôi và cái mùi nồng mặn của biển cả (1,5 điểm).  Nay xa cách lòng tôi luôi tưởng nhớ  Màu nước xanh, cá bạc, chiếc buồm vôi,  Thoáng con thuyền rẽ sóng chạy ra khơi,  Tôi thấy nhớ cái mùi nồn mặn quá!            Với Tố Hữu thì bức tranh thiên nhiên được vẽ ra không chỉ ở một quê cụ thể nào mà đó là không gian của cả một mùa hè ngọt ngào hương vị, khoáng đạt nên thơ. Mỗi hình ảnh thơ được viết ra từ tình yêu thiên nhiên, làng quê của tác giả (1 điểm)  Khi con tu hú gọi bầy  Lúa chiêm đang chín, trái cây ngọt dần  Vườn râm dậy tiếng ve ngân  Bắp rây vàng hạt đầy san nắng đào  Trời xanh càng rộng càng cao  Đôi con diều sáo lộn nhào từng không.            Khung cảnh thiên nhiên được mở ra với âm thanh của con chim tu hú. Thật là một bức tranh thiên nhiên tràn trề nhựa sống, đầy sắc màu của hương đồng gió nội: Sắc lúa đang chín vàng, trái chín , thêm sắc vàng của ngô đang phơi dưới cái nắng đào.  (1 điểm)            Bức tranh thiên nhiên ở đây cũng thật rộn rã âm thanh: âm thanh của tiếng chim tu hú kêu, âm thanh của tiếng ve ngân râm ran, tiếng sáo diều vi vu.. Trong bức tranh cũng đã có sự chuyển hóa hoạt động của sự vật lúa chiêm đanng chín, trái cây ngọt dần, diều đương lộn nhào. Chỉ có những con người có tình yêu thiên nhiên, yêu cuộc sống đến tha thiết như nhà thơ Tố Hữu mới vẽ ra một bức tranh thiên nhiên trần  trề nhựa sống đầy đủ sắc màu đến như vậy. (1,5 điểm)  \* Đánh giá:            Bức tranh thiên nhiên ở hai bài thơ được vẽ ra đầy ắp những sáng tạo về câu chữ, nhịp điệu thơ sử dụng các biện pháp nghệ thuật hợp lý đã tạo nên những bức trang về quê hương thật đặc sắc. Bức tranh được tạo ra khi chỉ là một làng chài ven biển cũng có khi là cả một vùng quê rộng lớn nhưng đêu chất chứa tình cảm, tình yêu với quê hương đất nước. (0,5 điểm) |  |
|  | **c, Kết bài: (0,5 điểm)**   Khẳng định lại ý kiến nhận định |  |

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**ĐỀ 11.**

.

**ĐỀ thi OLYMPIC lỚp 8**

Môn thi : Ngữ văn

*(Thời gian : 150 phút)*

**Câu 1 : (4 điểm)**

   Trình bày sự cảm nhận của em về đoạn văn sau :

*" Ta thường tới bữa quên ăn, nửa đêm vỗ gối ; ruột đau như cắt, nước mắt đầm đìa ; chỉ căm tức chưa xả thịt, lột da, nuốt gan uống máu quân thù . Dẫu cho trăm thân này phơi ngoài nội cỏ, nghìn xác này gói trong da ngựa, ta cũng vui lòng" .*

                                                (Trích *Hịch tướng sĩ* – Trần Quốc Tuấn)

**Câu 2 : (6 điểm)**

    Nhà viết truyên cổ tích nổi tiếng thế giới An-đéc-xen từng quan niệm :

*"Người sống lâu nhất không phải là người nhiều tuổi nhất mà là người có cảm xúc trước cuộc đời nhiều nhất" .*

    Theo em, *cảm xúc* đóng vai trò như thế nào trong việc hoàn thiện nhân cách con người cũng như trong việc học Văn .

**Câu 3: (10 điểm)**

     Khát vọng tự do là một trong những tư tưởng phổ biến trong nhiều tác phẩm thơ ca Việt Nam hiện đại trước 1945 . Hãy làm sáng tỏ điều đó qua hai đoạn thơ sau :

*Gậm một khối căm hờn trong cũi sắt,*

*Ta nằm dài trông ngày tháng dần qua,*

*Khinh lũ người kia ngạo mạn ngẩn ngơ,*

*Giương mắt bé giễu oai linh rừng thẳm .*

*Nay sa cơ, bị nhục nhằn tù hãm,*

*Để làm trò lạ mắt thứ đồ chơi,*

*Chịu ngang bầy cùng bọn gấu dở hơi,*

*Với cặp báo chuồng bên vô tư lự .*

                                           (Trích *Nhớ rừng* – Thế Lữ)

Và :

*Ta nghe hè dậy bên lòng*

*Mà chân muốn đạp tan phòng, hè ôi !*

*Ngột làm sao, chết uất thôi*

*Con chim tu hú ngoài trời cứ kêu !*

                                                (Trích *Khi con tu hú* – Tố Hữu)

**Hết**

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

**Câu 1 : (4 điểm)**

\* **Về hình thức (1 điểm) :**

- Có thể trình bày bằng cách viết đoạn văn hoặc bài văn ngắn .

- Lập luận rõ ràng chặt chẽ, có chất văn, không mắc lỗi diễn đạt .

\* **Về nội dung (3 điểm)** :

- HS chỉ rõ đây là đoạn văn hay nhất, hào hùng nhất trong hịch . Từ xưa đến nay được nhiều người truyền tụng .(0,5 điểm)

- Đoạn văn thể hiện rõ nỗi lòng của vị chủ tướng (1điểm) : Yêu nước, căm thù giặc, ý chí quyết tâm chiến đấu chống kẻ thù .

- Các nét đặc sắc về nghệ thuật (1điểm) : Cấu trúc trùng điệp, mạch văn cắt thành nhiều vế cân xứng. Lời văn đanh thép giàu hình ảnh . Hình ảnh ẩn dụ so sánh . Các động từ mạnh . Lối nói khoa trương, các điển tích  -> Làm nổi bật nỗi lòng của Trần Quốc Tuấn .

- Đoạn văn dấy lên trong ta lòng yêu nước và ý thức bảo vệ chủ quyền của đất nước trong thời hiện tại . (0,5 điểm)

**Câu 2** **:(6 điểm)**

**\*Về hình thức (1 điểm) :**

Yêu cầu bài viết cần được trình bày dưới dạng một bài văn nghị luận hoàn chỉnh  . Bố cục rõ ràng, lập luận chặt chẽ, mắc ít lỗi diễn đạt .

**\*Về nội dung (5 điểm)** : Đảm bảo đầy đủ các ý sau :

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | 1- Cảm xúc đóng vai trò quan trọng trong việc hoàn thiện nhân cách của con người . (3 điểm)  - Cảm xúc là những biểu hiện tình cảm của con người trước cuộc sống, những vui buồn, yêu ghét, mừng lo . Nhờ nó mà cuộc sống của mỗi cá nhân được kết nối với cộng đồng, với xã hội . Lạnh lùng, vô cảm là tự tách mình ra khỏi cuộc sống của con người .  - Cảm xúc dẫn con người tới những hành động, giúp con người có những trải nghiệm về đời sống, nhờ đó mà rút ra những bài học, những kinh nghiệm sống làm trí tuệ ngày càng được mở mang, tâm hồn ngày càng trở nên phong phú (HS cho dẫn chứng). Chính vì lẽ đó mà nhà văn An-đéc-xen mới gọi họ là "những người sống lâu nhất" .  - Tất nhiên không phải cảm xúc nào cũng có tác dụng tích cực đối với đời sống con người . Sự thù hận, thói ganh ghét, kiêu căng, tự phụ có thể đầu độc cuộc sống con người . Chính vì thế mà con người phải biết làm chủ cảm xúc của mình, phải biết trau dồi nuôi dưỡng những cảm xúc tốt đẹp . Đó cũng là một phần trong quá trình hoàn thiện nhân cách con người .  2- Cảm xúc đóng vai trò quan trọng trong việc học văn (2 điểm) :  - Tác phẩm văn học là sự kết tinh trí tuệ, tâm hồn, tình cảm của nhà văn. Không có cảm xúc thật mãnh liệt, nhà văn không thể sáng tác được những tác phẩm có giá trị (dẫn chứng) .  - Đọc tác phẩm văn học, nếu người đọc không có được sự đồng cảm với người viết, không hòa mình vào dòng cảm xúc dâng trào của nhà văn thì sẽ không nghe được cái tiếng nói của nhà văn . |  |

**Câu 3 (10 điểm)**

**I. Yêu cầu chung**

- Học sinh tạo lập được một văn bản nghị luận văn học hoàn chỉnh, bàn, phân tích một nội dung liên quan đến hai tác phẩm đã học.

- Trình bày rõ ràng, ít mắc lỗi diễn đạt, chính tả, có cảm xúc khi viết.

**II. Yêu cầu cụ thể**

Học sinh trình bày được các nội dung chính sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **1. Giới thiệu chung:(1 điểm)**  - Giới thiệu được hai tác phẩm, hai tác giả: *Nhớ rừng*của Thế Lữ là tác phẩm tiêu biểu của Thơ mới 1932 - 1945; *Khi con tu hú*là một trong nhiều sáng tác trong tù đặc sắc của Tố Hữu trong tập thơ *Từ ấy,*tiêu biểu cho thơ ca cách mạng trước 1945.  - Vị trí hai đoạn thơ: đoạn thơ trích trong *Nhớ rừng* là đoạn đầu của bài; đoạn thơ trích trong *Khi con tu hú*là phần cuối của bài. |  |
|  | **2. Phân tích, chứng minh: (8 điểm)**  **a. Tổng quát: (1 điểm)**  - Giải thích *khát vọng (khao khát, khát khao) tự do*là khao khát, ước muốn có tự do, thoát khỏi tình cảnh tù túng, mất tự do, mong muốn được sống đúng với lý tưởng, hoài bão, giá trị bản thân, không bị trói buộc bởi ngoại cảnh. Khát vọng tự do là tư tưởng chủ yếu được thể hiện trong hai bài thơ.  - Khái quát về đặc điểm Thơ mới (Văn học lãng mạn) và thơ ca cách mạng trước 1945: Thơ mới là một bộ phận của Văn học lãng mạn trước 1945, xu hướng đổi mới thơ ca về hình thức nghệ thuật và nhất là nội dung tư tưởng; Thơ mới chủ yếu hướng đến giải phóng cái Tôi cá nhân, đề cao bản ngã, tự do cá nhân. Thơ ca cách mạng trước 1945 lại là xu hướng thơ thể hiện tiếng nói đấu tranh cách mạng theo khuynh hướng vô sản, có nội dung tư tưởng tiến bộ, là vũ khí đấu tranh cách mạng của các chiến sỹ cộng sản, thể hiện khát vọng tự do cao cả. Hai đoạn thơ đại diện cho hai khuynh hướng thơ ca Việt Nam trước 1945.  **b. Phân tích hai đoạn thơ để chứng minh: (6 điểm)**  **\* Điểm tương đồng: Khát vọng tự do đều thể hiện ở chỗ:**(2đ)  - Hai đoạn thơ đều thể hiện tâm trạng bức bối, căm uất của những thân phận tù ngục, mất tự do trong cảnh nô lệ tăm tối của đất nước. (dẫn chứng và phân tích)  - Hai đoạn thơ đều hướng đến cuộc sống tự do bên ngoài, đấu tranh để thoát khỏi cảnh ngục tù, mất tự do.  **\* Điểm riêng độc đáo: Cách thể hiện khát vọng tự do, biểu hiện cụ thể của khát vọng này ở hai đoạn thơ khác nhau**:(4đ)  - Đoạn thơ trong *Nhớ rừng* của Thế Lữ: Là những vần thơ đậm chất lãng mạn, dạt dào cảm xúc, rất mới về ngôn từ. Khát vọng tự do thể hiện qua: tình cảnh tù ngục, mất tự do rất đỗi thê thảm của chúa sơn lâm; nỗi căm uất cho thân phận; thể hiện sự ý thức rõ về thân phận *sa cơ*, bị hạ thấp, bị biến thành trò mua vui cho người đời; tâm trạng tủi nhục vì thân phận mất tự do. (dẫn chứng và phân tích).  - Đoạn thơ trong *Khi con tu hú*của Tố Hữu thể hiện khát vọng tự do qua tâm trạng căm uất của một chiến sỹ cộng sản khi bị tù đày mà *nghe* hè về bên ngoài. Thể hiện khát vọng tự do qua cảm giác ngột ngạt, bức bối vì mất tự do. Đặc biệt, khát vọng ấy thể hiện  qua khao khát tung phá, đập tan gông cùm, xiềng xích tù đày để đến với tự do. (dẫn chứng và phân tích).  - Đoạn thơ trong *Nhớ rừng* của Thế Lữ là những vần thơ lãng mạn, đại diện cho khát vọng tự do, tâm sự của cả một lớp trí thức bế tắc trước thời cuộc. Trong khi đó, đoạn thơ trong *Khi con tu hú* của Tố Hữu lại là những vẫn thơ cách mạng đầy nhiệt huyết tuổi trẻ, đại diện cho khát vọng tranh đấu vì độc lập tự do của dân tộc - một lý tưởng cao cả của thời đại, là tiếng nói đấu tranh của những chiến sỹ cộng sản kiên trung.  **c. Đánh giá, mở rộng: (1 điểm)**  - Hai đoạn thơ tuy đại diện cho hai trào lưu khác nhau, cách thức thể hiện khác nhau, nhưng đều hướng đến mong muốn tự do, khao khát tự do cháy bỏng. Đây cũng chính là tâm sự chung, khát vọng chung của một dân tộc đang chìm trong đêm đen nô lệ.  - Có thể liên hệ đến các bài thơ khác thuộc Thơ mới và thơ ca yêu nước, cách mạng trước 1945 |  |
|  | **3. Kết luận chung: (1 điểm)**  Khẳng định lại giá trị hai đoạn thơ, hai tác phẩm và bộc lộc suy nghĩ riên |  |

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**Đề 12**

|  |  |
| --- | --- |
| **GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO**  §Ò chÝnh thøc | **ĐỀ KHẢO SÁT CHẤT LƯỢNG HỌC SINH GIỎI**  **NĂM HỌC 2019 - 2020**  MÔN: **NGỮ VĂN** -LỚP **8**  Thời gian làm bài: 120 phút |

**I. ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)**

*…Lãng phí thời gian là mất tuyệt đối. Mất tiền có thể kiếm lại được tiền, mất xe có thể sắm lại được xe nhưng mất thời gian thì chịu, đố ai có thể tìm lại được. Thời gian là một dòng chảy thẳng; không bao giờ dừng lại và cũng không bao giờ quay lui. Mọi cơ hội, nếu bỏ qua là mất. Tuổi trẻ mà không làm được gì cho đời, cho bản thân thì nó vẫn xồng xộc đến với tuổi già. Thời gian là một dòng chảy đều đặn, lạnh lùng, chẳng bao giờ chờ đợi sự chậm trễ. Hãy quý trọng thời gian, nhất là trong thời đại trí tuệ này, nền kinh tế trí thức đã và đang làm cho thời gian trở nên vô giá. Chưa đầy một giờ, công nghệ Nhật Bản đã có thể sản xuất một tấn thép; con tầu tốc hành của các nước phát triển trong vài giờ đã có thể vượt qua được vài ngàn kilômét. Mọi biểu hiện đủng đỉnh rềnh ràng đều trở nên lạc lõng trong xu thế hiện nay. Giải trí là cần thiết nhưng chơi bời quá mức, để thời gian trôi qua vô vị là có tội với đời, với tương lai đất nước…*

(**Phong cách sống của người đời** – nhà báo Trường Giang)

**Câu 1.** Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản.

**Câu 2.** Theo tác giả, vì sao lãng phí thời gian là mất tuyệt đối?

**Câu 3.** em hiểu như thế nào về ý kiến: *Mọi biểu hiện đủng đỉnh rềnh ràng đều trở nên lạc lõng trong xu thế toàn cầu hiện nay?*

**Câu 4.** Em có đồng tình với quan niệm: Giải trí là cần thiết nhưng chơi bời quá mức, để thời gian trôi qua vô vị là có tội với đời, với tương lai đất nước? Vì sao?

**II. LÀM VĂN (10 điểm)**

**Câu 1:(6đ) Thử thách lớn nhất của đời người là thành công rực rỡ (G.Welles)**

**Trình bày suy nghĩ về câu nói trên.**

**Câu 2: (10đ)Thiên hướng của người nghệ sĩ là đưa ánh sáng vào trái tim con người.**

(George Sand).Hãy làm sáng tỏ qua 1 tác phẩm trong chuong trình ngữ văn 8.

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

**I.ĐỌC HIỂU**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **Trả lời câu hỏi phần đọc hiểu** |  |
| 1 | Phương thức biểu đạt chính: Nghị luận |  |
| 2 | Theo tác giả, lãng phí thời gian là mất tuyệt đối vì: *Mất tiền có thể kiếm lại được tiền, mất xe có thể sắm lại được xe nhưng mất thời gian thì chịu, đố ai có thể tìm lại được.* |  |
| 3 | *Mọi biểu hiện đủng đỉnh rềnh ràng đều trở nên lạc lõng trong xu thế toàn cầu hiện nay* vì:  Trong thời đại trí tuệ này, nền kinh tế tri thức đã và đang làm cho thời gian trở nên vô giá. Nhịp sống rất hối hả, khẩn trương, các nước đang phát triển với tốc độ như vũ bão… |  |
| 4 | Học sinh trình bày quan điểm riêng và có những lí giải hợp lí, thuyết phục. Có thể theo hướng đồng tình với quan niệm: *Giải trí là cần thiết nhưng chơi bời quá mức, để thời gian trôi qua vô vị là có tội với đời, với tương lai đất nước.*  Vì:  - Thời gian vô cùng quan trọng, là quà tặng kì diệu của tạo hóa, không lặp lại.  - Thời gian là sẽ giúp ta làm lên những giá trị đích thực. Lãng phí thời gian sẽ dần rơi vào sự lạc lõng, chán nản – trở thành đời thừa…  - Đời người chỉ sống có một lần và duy nhất. Và cuộc sống là một cuộc “ *chạy”* tiếp sức của các thế lực. |  |

**PHÂN II.**

**Câu 1:**

Thử thách lớn nhất của đời người là thành công rực rỡ (G.Welles)  
Trình bày suy nghĩ về câu nói trên:  
Bài làm:  
Cuộc sống luôn đặt ra cho ta những thử thách, ai cũng từng biết hay được dạy rằng, bất cứ rào cản nào cũng cần bản lĩnh để vượt qua, chiến thắng chính bản thân mình để vượt qua khó khăn. Nhưng, đã có ai vượt qua sự thành công của mình? Đứng trước vinh quang cũng không mất phương hương? Nói tới điều này, ta nghe G Welles từng nói: “Thử thách lớn nhất của đời người là thành công rực rỡ”

Không phải ngẫu nhiên, mà G.Welles một nhà văn học người anh nổi tiếng, lại phải đưa ra một câu nói mang chiều sâu như vậy. Bằng khối óc của một nhà văn lớn, G Welles đã nhận ra một khía cạnh khác của chướng ngại vật nguy hiểm không kém trong cuộc sống mỗi người. Ta có thể dùng cách này hay cách khác để thành công, đạt được thứ mình khao khát, nhưng rồi, cái tôi của mỗi người có thể đủ bản lĩnh để vượt qua chính điều đó? Chính sự “thành công” ấy mà không bị gục ngã, mù quáng, mất phương hướng và bước đi sai lầm?

Câu nói của G Welles nghe qua có vẻ phi lí, vì thử thách nào lại là thử thách về thành công? Vì ta thường chỉ nghe thành công là một phần thưởng xứng đáng khi mình nỗ lực vượt qua những thử thách mà thôi. Nhưng không, suy nghĩ kĩ, ta mới thấy chính xác và đúng đắn. Trong câu nói, “thử thách” được nói theo nghĩa thực, đó là những khó khăn, cản trở do cuộc sống, công việc đặt ra trên con đường tìm kiếm thành công. Còn “những thành công rực rỡ” cũng chính là những thắng lợi vẻ vang, to lớn, mang lại lợi ích cho mình, và sự tự hào, kiêu hãnh. Nói chung, ý của cả câu, nhằm nhấn mạnh tới khía cạnh thành công suy cho cùng, cũng chính là một trở ngại, trở ngại này đòi hỏi con người phải có bản lĩnh, tỉnh táo nghị lực mới có thể vượt qua, sự thử thách này đôi khi còn nguy hiểm hơn nhiều lần, so với những gì mà ngoại cảnh đem lại.

Thành công cũng được xem như một trở ngại, vì thành công là thứ duy nhất dễ khiến con người ta tự mãn và tự cao với chính mình. Thành công đem đến cho ta những thứ ta ao ước và xứng đáng, nhưng cũng là con dao hai lưỡi nếu với ai không có sự khiêm tốn và một thái độ đúng đắn. Thành công dễ khiến ta ảo tưởng thái quá về khả năng của mình. Cũng là một trong những thứ sẽ triệt tiêu động lực phấn đấu của ta trên con đường tiếp theo. Như bạn học sinh cố gắng đạt điểm 10, vì mục tiêu chỉ vì điểm số, có thể về sau bạn ấy sẽ không còn cố gắng nữa… và cũng có những người luôn khiêm tốn về thành công của mình, như Hồ Chí Minh, vị lãnh tụ đáng kính của Việt Nam, dù là người góp công vô cùng lớn với hòa bình đất nước, nhưng Bác mãi vẫn giữ hình ảnh một vị chủ tịch giản dị, và không ngừng đặt ra cho mình những mục tiêu tiếp tục cố gắng cống hiến vì nước, vì dân…

Câu nói của G Welles rất hay, nói đúng bản chất của vấn đề. Đòi hỏi ta phải biết tự đánh giá, khiêm tốn học hỏi không ngừng, đừng choáng ngợp trước hào quang chiến thắng. Và qua đó cũng học cho mình một tâm thế bản lĩnh để vươn tới thành công. Phê phán những ai luôn tự cao, tự đại về bản thân mình, có thái độ chủ quan và kiêu ngạo.

Câu nói của ông giúp ta tỉnh táo hơn trước thành công của chính mình, giúp ta nhìn nhận lại hành vi của chính mình và rèn luyện mình ngày càng tốt hơn, để luôn chiến thắng chính mình

**Câu 2**

**Lập dàn ý chi tiết cho đề cầu trên**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 1 | Yêu cầu về kỹ năng:  Thí sinh biết cách làm bài nghị luận về một vấn đề văn học. Luận điểm rõ ràng, lô gíc; lập luận sắc sảo, thuyết phục. Văn giàu cảm xúc, hình ảnh; không mắc lỗi diễn đạt, dùng từ, chính tả…. |  |
| 2 | Yêu cầu về kiến thức:  Thí sinh có thể trình bày vấn đề theo những cách khác nhau, song bài viết phải làm nổi bật được các nội dung chính sau: |  |
| a | **a. Giải thích**  – Thiên hướng: là khuynh hướng thiên về những điều có tính chất tự nhiên. Thiên hướng của người nghệ sĩ: là khuynh hướng chủ đạo của người cầm bút.  – ánh sáng: gợi ra vẻ đẹp lung linh, kì diệu và có khả năng soi rọi, chiếu tỏ; đó là khả năng kì diệu trong việc tác động vào nhận thức, tư tưởng, tình cảm của con người.  – Thiên hướng của người nghệ sĩ là đưa ánh sáng vào trái tim con người: Nghĩa là người nghệ sĩ thông qua tác phẩm nghệ thuật được viết nên từ cái tài cái tâm của mình, đem đến cho bạn đọc những hiểu biết về thế giới xung quanh, giúp người đọc nhận thức sâu sắc về bản chất cuộc sống và con người, nhận ra những bài học quí giá về lẽ sống, thắp sáng trong trái tim con người những tư tưởng tình cảm đẹp đẽ nhân văn giúp con người sống tốt hơn, nhân văn hơn.  à Ý kiến đã đề cập đến thiên chức cao cả, sứ mệnh vinh quang nhất của nhà văn đó là nâng niu, trân trọng và hướng con người tới những điều tốt đẹp, đó cũng chính là chức năng của văn học đối với cuộc đời, con người. |  |
| b | **\* Bàn luận**  – Ý nghĩa tồn tại của văn chương thực chất là hướng con người tới cái đẹp, cái thiện, là đưa ánh sáng vào trái tim con người. Ánh sáng văn chương chính là vẻ đẹp của cảm xúc, tư tưởng, tình cảm của nhà văn chuyển hóa vào tác phẩm thông qua hình thức nghệ thuật độc đáo. Ánh sáng ấy có khả năng kì diệu, soi sáng nhận thức, thắp sáng niềm tin, giúp con người hiểu hơn về cuộc sống và con người, từ đó soi chiếu nhận thức về chính mình. Ánh sáng văn chương có tác dụng khơi dậy, bồi đắp những tình cảm đẹp đẽ trong tâm hồn con người, giúp con người sống đẹp đẽ, nhân văn hơn.  – Việc sáng tạo của nhà văn có khuynh hướng tư tưởng, luôn xuất phát từ nhu cầu giãi bày, thể hiện tâm tư, tình cảm vì thế nên nâng đỡ cho cái tốt không chỉ là thiên chức, là trách nhiệm mà còn là mong mỏi, nhu cầu của người cầm bút. Bằng cái tâm, tầm tư tưởng bén nhạy, người nghệ sĩ thấy được bản chất cuộc sống, khái quát thành những quy luật tâm lí, từ đó chuyển tải đến người đọc những thông điệp ý nghĩa về cuộc sống và con người. Để đưa ánh sáng vào trái tim con người, người nghệ sĩ còn ý thức phát huy cái tài trong cách sử dụng ngôn từ, sáng tạo hình ảnh, xây dựng hình tượng, tạo kết cấu tác phẩm … với sức truyền cảm cao nhất của hình thức nghệ thuật. Ánh sáng được đưa vào trái tim con người từ tác phẩm văn học chính là sự hòa quyện của cái tâm, cái tài của người nghệ sĩ trong hành trình sáng tạo nghệ thuật nhiều vui sướng mà cũng lắm khổ đau.  – Giá trị của một tác phẩm, sức sống lâu bền của tác phẩm trong lòng người đọc chính là ở ánh sáng mà người nghệ sĩ đưa vào trái tim con người. Chính vì vậy, người nghệ sĩ cần phải sống sâu với cuộc đời, có được tình cảm chân thành, mãnh liệt, nắm bắt và phản ánh được những vấn đề cuộc sống và con người, có tài năng và bền bỉ nghiêm túc luyện rèn ngòi bút để có thể đưa ánh sáng vào trái tim con người  hiệu quả nhất. Người đọc khi đến với tác phẩm vì thế cần có ý thức bồi đắp tâm hồn, biết khám phá, đón nhận thứ ánh sáng đặc biệt từ tác phẩm, lĩnh hội được những ý tình sâu sắc mà nhà vân gửi gắm để hiểu cuộc sống, hiểu con người, hiểu chính mình hơn, từ đó sống đẹp, sống nhân vân hơn. |  |
| c | **Đánh giá:**  – Ý kiến của George Sand đã khẳng định yếu tố cốt tử để người nghệ sĩ viết nên những tác phẩm giá trị, hoàn thành sứ mệnh cao cả của ngòi bút và khẳng định vị trí trên văn đàn, đó là đưa ánh sáng vào trái tim con người. Đây cũng là lời khẳng định ý nghĩa về chức năng, giá trị của văn học đối với con người.  –  Ý kiến của  George Sand là một định hướng cho người nghệ sĩ trong hành trình sáng tạo: hướng bạn đọc đến các giá trị Chân – Thiện – Mĩ. Phải nâng đỡ cái tốt, nhà văn mới mong góp phần mà bồi đắp tâm hồn người đọc mới vươn về, hướng tới níu giữ tình người cho con người.Và người đọc cũng nhờ ý kiến này mà có căn cứ để tiếp nhận và đánh giá chính xác hơn về giá trị của một tác phẩm văn chương. Để nhận ra thứ ánh sáng riêng từ tác phẩm, người đọc cần có ý thức bồi đắp tâm hồn, biến quá trình nhận thức thành quá trình tự nhận thức và hoàn thiện bản thân. |  |

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**ĐỀ 13.**

**KỲ THI HỌC SINH GIỎI CẤP HUYỆN**

**MÔN: NGỮ VĂN – LỚP 8**

Thời gian:  150 phút (không kể thời gian giao đề)

**Câu 1**: **(*2 điểm*)**: Đọc câu chuyện sau rồi trình bày suy nghĩ của em bằng một đoạn văn (khoảng 10 câu):  
           Có người cha mắc bệnh rất nặng. Ông gọi hai người con trai đến bên giường và ân cần nhắc nhở: “Sau khi cha qua đời, hai con cần phân chia tài sản một cách thỏa đáng, đừng vì chuyện này mà cãi nhau!”  
           Hai anh em hứa sẽ làm theo lời cha. Khi cha qua đời, họ phân chia tài sản làm đôi.Nhưng sau đó, người anh cho rằng người em chia không công bằng và cuộc tranh cãi nổ ra.  
           Một ông già thông thái đã dạy cho họ cách chia công bằng nhất: Đem tất cả đồ đạc ra cưa đôi thành hai phần bằng nhau tuyệt đối. Hai anh em đó đồng ý.  
           Kết cục tài sản ấy được chia công bằng tuyệt đối nhưng đó chỉ là đống đồ bỏ đi.

**Câu 2 (*4 điểm*):**Hãy phân tích tác dụng của biện pháp nghệ thuật trong hai câu thơ sau:

                           “ Chiếc thuyền im bến mỏi trở về nằm

                              Nghe chất muối thấm dần trong thớ vỏ”

***( Quê hương – Tế Hanh )***

***Câu 3***: **(*5 điểm*):**Trình bày cảm nhận của em về nhân vật Chị Dậu qua đoạn trích “Tức nước vỡ bờ” (“Tắt đèn” – Ngô Tất Tố).

**Câu 4:** ***(9 điểm)***:

          Sự phát triển của ý thức độc lập và tinh thần tự hào dân tộc qua “Chiếu dời đô” (Lý Công Uẩn), “Hịch tướng sĩ” (Trần Quốc Tuấn) và “Nước Đại Việt ta” (Trích “Bình Ngô đại cáo” – Nguyễn Trãi).

**HƯỚNG DẪN CHẤM MÔN**

***Câu 1***:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | -Về hình thức: viết đoạn văn có bố cục rõ ràng, mạch lạc.  -Về nội dung: theo suy nghĩ của học sinh có thể theo các ý sau:       + Trên đời này không tồn tại sự công bằng tuyệt đối. (0.5đ)       + Nếu lúc nào cũng tìm kiếm sự công bằng tuyệt đối thì kết cục chẳng ai được lợi gì. (0.5đ)       + Sự công bằng chỉ tồn tại trong trái tim chúng ta (tình yêu thương, lòng vị tha) (0.5đ)       + Bài học: Trong bất cứ chuyện gì đừng nên tính toán quá chi li; nhường nhịn chính là tạo nên sự công bằng tuyệt đối. (0.5đ) |  |

***Câu 2***:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | -Biện pháp nghệ thuật trong hai câu thơ:    1. Nhân hoá: con thuyền (“mỏi”, “nằm”) (0.5đ)    2. Ẩn dụ chuyển đổi cảm giác: “nghe chất muối” (vị giác chuyển thành thính giác) (0.5đ)   –**Tác dụng** :     + Gợi hình: Gợi lên hình ảnh chiếc thuyền như một người dân chài sau khi vật lộn với sóng gió biển khơi trở về. Tác giả không chỉ “thấy” con thuyền đang nằm im trên bến mà còn thấy sự mệt mỏi, say sưa, còn “ cảm thấy” con thuyền ấy như đang lắng nghe chất muối thấm dần trong từng thớ vỏ của nó. Con thuyền vô tri đã trở nên có hồn, một tâm hồn rất tinh tế. Cũng như người dân chài, con thuyền lao động ấy cũng thấm đậm vị muối mặn mòi của biển khơi. (1.5đ)     + Gợi cảm: Cho thấy tác giả có một tâm hồn tinh tế, tài hoa, một tấm lòng gắn bó sâu nặng với con người cùng cuộc sống lao động làng chài quê hương thì mới có những câu thơ hay đến như vậy. (1.5đ) |  |

***Câu 3***: Học sinh trình bày theo suy nghĩ của mình nhưng cần đảm bảo các ý sau:

        Chị Dậu là hình t­ượng tiêu biểu, một mẫu mực vừa gần gũi vừa cao đẹp của ng­ời phụ nữ nông thôn Việt Nam thời kì trư­ớc cách mạng tháng Tám 1945: Có phẩm chất của ng­ười phụ nữ truyền thống, có vẻ đẹp của ng­ười phụ nữ hiện đại (Những phẩm chất đáng quý của chị Dậu). Cụ thể: (0.5đ)

**– Chị là người phụ nữ hết lòng yêu thương chăm sóc chồng**: (1đ)

          + Anh Dậu bị chúng đánh đập ngất xỉu và trả về cho chị, được hàng xóm cứu giúp anh Dậu tỉnh lại.

          + Chị nấu cháo, dỗ dành chồng ăn cho lại sức: cử chỉ, lời nói âu yếm thiết tha.

      \****Cảm nhận***: Chị Dậu là một người vợ hiền dịu, sống tình nghĩa, thủy chung, hết mực yêu thương chồng. Đây là một nét đẹp trong nhân cách của người phụ nữ Việt Nam.

**– Chị có sức mạnh và tinh thần phản kháng tiềm tàng trước bọn người độc ác:**(1đ)

           Chính vì lòng yêu chồng, thương con, bảo vệ chồng, bảo vệ con, bảo vệ gia đình chị đã phải vùng lên chống lại cường quyền bạo lực.

           + Lúc đầu: Chị bình tĩnh cố giảng giải, van xin có tình có lí.

           + Chị cãi lại chúng bằng lí lẽ, bình đẳng (thể hiện sự hiểu biết, ngang hàng với chúng)

           + Chị xông vào cự lại chúng.

   \* ***Cảm nhận***: (2.5đ)

        – Lòng căm giận của chị Dậu như trào sôi, thể hiện trong ngôn ngữ, thái độ, hành động: Hình ảnh của chị Dậu đã thay đổi: Một người đàn bà nhà quê bị nhiều oan ức, đè nén ấy trong nháy mắt đã thay đổi hành động.

        – Sự vùng lên của chị Dậu không phải là bộc phát, không phải là sự liều lĩnh vô ý thức mà bắt nguồn từ trong ý thức rõ ràng, mạnh bạo và thật dứt khoát. Bởi vì, sau khi “chiến thắng” nghe chồng vừa trách, vừa than thở: “ U nó không được thế………. Mình đánh người ta thì mình phải ngồi tù, phải tội”, chị đã trả lời: “ Thà ngồi tù…. Để cho chúng nó làm tình làm tội mãi thế tôi không chịu được”. Điều này thể hiện thái độ hiên ngang, thách thức trước tất cả mọi kẻ cầm quyền, từ những tên quan to nhất đến mấy kẻ tay sai nhỏ nhất lúc bấy giờ.

      – Chị Dậu hiện rõ vẻ đẹp của một người phụ nữ nông dân giàu tình thương, có tư thế hiên ngang, bất khuất, dũng cảm vùng lên chống lại cường quyền bạo lực. Chị xứng đáng là người phụ nữ  nông dân tiêu biểu cho thế hệ phụ nữ Việt Namtrong văn học giai đoạn hiện thực phê phán.

**Câu 4:** ***(9 điểm)***

**A. YÊU CẦU:**

***a. Kỹ năng:***

          – Làm đúng kiểu bài nghị luận văn học.

          – Biết cách xây dựng và trình bày hệ thống luận điểm; sử dụng yếu tố biểu cảm, tự sự và miêu tả một cách hợp lí.

          – Bố cục rõ ràng; kết cấu chặt chẽ; diễn đạt lưu loát, mạch lạc.

          – Không mắc các lỗi: chính tả, dùng từ, ngữ pháp,…

***b. Nội dung:***

          \* Làm rõ sự phát triển của ý thức độc lập và tinh thần tự hào dân tộc qua một số tác phẩm văn học yêu nước trung đại (từ thế kỉ XI –> XV): ***“Chiếu dời đô”*** *(Lý Công Uẩn)*, ***“Hịch tướng sĩ”****(Trần Quốc Tuấn)* và ***“Nước Đại Việt ta”*** *(****“Bình Ngô đại cáo”****– Nguyễn Trãi).*

***\* Học sinh có thể làm bài theo dàn ý sau:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | ***1. Mở bài:****(1đ)*  – Dẫn dắt vấn đề: Truyền thống lịch sử hào hùng của dân tộc Việt Nam.  – Nêu vấn đề: ý thức độc lập và tinh thần tự hào dân tộc trong ***“Chiếu dời đô”*** *(Lý Công Uẩn)*, ***“Hịch tướng sĩ”****(Trần Quốc Tuấn)* và ***“Nước Đại Việt ta”*** *(****“Bình Ngô đại cáo”****– Nguyễn Trãi).* |  |
|  | ***2. Thân bài:****(7đ)*  \*Sự phát triển của ý thức độc lập và tinh thần tự hào dân tộc trong:***“Chiếu dời đô”***, ***“Hịch tướng sĩ”***  và ***“Nước Đại Việt ta”*** là sự phát triển liên tục, ngày càng phong phú, sâu sắc và toàn diện hơn.     a. Trước hết là ý thức về quốc gia độc lập, thống nhất với việc dời đô ra chốn trung tâm thắng địa ở thế kỉ XI ***(Chiếu dời đô)***  – Khát vọng xây dựng đất nước hùng cường, vững bền, đời sống nhân dân thanh bình, triều đại thịnh trị:  + Thể hiện ở mục đích của việc dời đô.   + Thể hiện ở cách nhìn về mối quan hệ giữa triều đại, đất nước và nhân dân. – Khí phách của một dân tộc tự cường:  + Thống nhất giang sơn về một mối.  + Khẳng định tư cách độc lập ngang hàng với phong kiến phương Bắc.  + Niềm tin và tương lai bền vững muôn đời của đất nước.  b. Sự phát triển của ý thức độc lập và tinh thần tự hào dân tộc được phát triển cao hơn thành quyết tâm chiến đấu, chiến thắng ngoại xâm để bảo toàn giang sơn xã tắc ở thế lỉ XIII ***(Hịch tướng sĩ).***  – Lòng yêu nước, căm thù giặc sâu sắc:  + Ý chí xả thân cứu nước…  – Tinh thần quyết chiến, quyết thắng:  + Nâng cao tinh thần cảnh giác, tích cực chăm lo luyện tập võ nghệ.  + Quyết tâm đánh giặc Mông – Nguyên vì sự sống còn và niềm vinh quang của dân tộc   c. Ý thức độc lập và tinh thần tự hào dân tộc được phát triển cao nhất qua tư tưởng nhân nghĩa vì dân trừ bạo và quan niệm toàn diện sâu sắc về sự tồn tại độc lập có chủ quyền của dân tộc Đại Việt ***(Nước Đại Việt ta).***    – Nêu cao tư tưởng “nhân nghĩa”, vì dân trừ bạo…  – Chân lí về sự tồn tại độc lập có chủ quyền của dân tộc:   + Có nền văn hiến lâu đời.  + Có cương vực lãnh thổ riêng.   + Có phong tục tập quán riêng.   + Có lịch sử trải qua nhiều triều đại.   + Có chế độ chủ quyền riêng với nhiều anh hùng hào kiệt.     Tất cả tạo nên tầm vóc và sức mạnh Đại Việt để đánh bại mọi âm mưu xâm lược, lập nên bao chiến công oanh liệt… |  |
|  | ***c. Kết bài:****(1đ)*   – Khẳng định vấn đề…   – Suy nghĩ của bản thân…. |  |

 \*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**ĐỀ 14.**

**ĐỀ THI HSG MÔN NGỮ VĂN 8 HUYỆN**

**NĂM HỌC: 2017 - 2018**

**Thời gian: 150 phút**

**ĐỀ BÀI**

**I. ĐỌC HIỂU (6 điểm).**

***Đọc văn bản và thực hiện các yêu cầu từ câu 1 đến câu 4:***

(1)*“*Thế giới cần nâng niu quá đỗi. Ta sống đời lại thô tháp làm sao. Ta làm tổn thương những dòng sông. Ta làm tổn thương những mặt đầm. Ta làm tổn thương những mảnh vườn. Ta làm tổn thương những mùa hoa trái. Ta làm tổn thương những bình minh yên ả. Ta làm tổn thương những canh khuya trong vắng. Ta làm đau những niềm người quá đỗi mong manh...

(2) Mặt đất ngàn đời quen tha thứ. Đại dương bao la quen độ lượng. Cánh rừng mênh mông quen trầm mặc. Những dòng sông quen chảy xuôi. Những hồ đầm quen nín lặng. Những nẻo đường quen nhẫn nhịn. Những góc vườn quen che giấu. Những thảm rêu vốn không biết dỗi hờn. Những đoá hoa không bao giờ chì chiết. Những giấc mơ chỉ một mực bao dung. Những yêu thương không bao giờ trả đũa… Và ta cứ yên chí đi qua thế giới này với bước chân quen xéo lên cỏ hoa. Thỉnh thoảng bàn chân nên bị gai đâm, để ta được giật mình: tổn thương là rỉ máu*”.*

(Chu Văn Sơn, *Nên bị gai đâm*)

**Câu 1**. Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn trích.

**Câu 2**. Em hãy cho biết chủ đề của đoạn văn (1).

**Câu 3**. Chỉ ra và phân tích tác dụng của biện pháp nghệ thuật nổi bật được sử dụng trong đoạn văn (2).

**Câu 4**. Theo em, tại sao tác giả lại cho rằng: *“Thỉnh thoảng bàn chân nên bị gai đâm, để ta được giật mình: tổn thương là rỉ máu*.*”?*

**II. TẠO LẬP VĂN BẢN (14 điểm).**

**Câu 1.** Từ nội dung ở phần đọc – hiểu, em hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ, tương đương 20 – 25 dòng) nêu suy nghĩ của em về ***lòng vị tha***.

**Câu 2.** Giáo sư, nhà giáo, nhà lý luận - phê bình văn học Lê Ngọc Trà có nhận định cho rằng: “*Nghệ thuật bao giờ cũng là tiếng nói tình cảm của con người, là sự tự giãi bày và gửi gắm tâm tư.”*.

Em hiểu nhận định trên như thế nào? Phân tích bài thơ “Khi con tu hú” (Tố Hữu) để làm sáng tỏ nhận định trên. Liên hệ với bài thơ “Tiếng gà trưa” (Xuân Quỳnh, Ngữ văn 7, tập 2) để làm rõ sự *“tự giãi bày và gửi gắm tâm tư”* của nhà thơ.

***--- Hết –***

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

*.*

**Hướng dẫn cụ thể:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Yêu cầu** | **Điểm** |
| **Phần I ĐỌC - HIỂU** | |  |
| 1. | Phương thức biểu đạt chính: Nghị luận. |  |
| 2. | Chủ đề đoạn văn: Con người ta quá vô tình trước những tội lỗi, tổn thương do chính mình gây nên đối với thế giới tự nhiên và người khác. |  |
| 3. | - Biện pháp nghệ thuật nổi bật: Điệp từ *(quen)*, điệp cấu trúc câu *(Những … quen …)*.  - Tác dụng:  + Nhấn mạnh sự vô tư, bao dung, rộng lượng, tha thứ và sẻ chia của tự nhiên đối với con người.  + Tạo cho đoạn văn giàu tính nhạc. |  |
| 4. | - Vì con người ta quá vô tư trước những tổn thương mà mình gây ra cho kẻ khác vì vậy mà bản thân chúng ta cũng nên bị “thương” để hiểu được tổn thương người khác cũng chính là làm đau chính mình và mọi người, tổn thương chính là rỉ máu.  - Lúc ấy ta sẽ biết yêu thương, chia sẻ; ta sẽ hòa vào thế giới này bằng trái tim độ lượng, bao dung, sẽ biết thấu hiểu, trân trọng, nâng niu thiên nhiên, đồng loại, dẹp bỏ đi thói vị kỉ, vô tâm, thờ ơ vô cảm để quan tâm nhiều hơn đến mọi người. |  |
| **Phần II.LÀM VĂN** | |  |
| **1.** | **Nghị luận xã hội** |  |
|  | **a.** *Đảm bảo cấu trúc của một đoạn văn nghị luận:* Mở đoạn giới thiệu vấn đề nghị luận; Thân đoạn làm rõ vấn đề nghị luận, triển khai được luận điểm; Kết đoạn khái quát được nội dung nghị luận. |  |
|  | **b.** *Xác định đúng vấn đề nghị luận* |  |
|  | **c**. *HS triển khai vấn đề nghị luận cụ thể, rõ ràng. Có thể trình bày theo định hướng sau:*  - Giải thích khái niệm: Vị tha là biết quan tâm, chăm lo một cách vô tư đến lợi ích của người khác mà hi sinh lợi ích của cá nhân mình. Lòng vị tha ở con người chứng tỏ một tinh thần vô cùng bao dung, nhân ái.  - Biểu hiện của lòng vị tha: thể hiện ở thái độ vô tư, không mưu toan tính toán khi giúp đỡ người khác làm một việc gì đó. Sẵn sàng giúp đỡ bạn bè, biết cảm thông giúp đỡ những người có hoàn cảnh khó khăn, sẵn sàng tha thứ cho lỗi lầm của người khác, biết quan tâm đến những người xung quanh, sống hoà mình với mọi người, biết yêu thương đồng bào, đồng loại....  - Vai trò của lòng vị tha: đối với bản thân, con người sẽ cảm thấy thanh thản trước cuộc đời bởi thấy rằng mình có ích, được mọi người mến yêu, quý trọng. Đối với mọi người: lòng vị tha giúp người khác thấy cuộc có ý nghĩa, góp phần làm cho xã hội ngày càng tốt đẹp hơn.  - Mở rộng: Phê phán thái độ sống ích kỉ, chỉ biết quan tâm đến lợi ích bản thân, có khi vì mình mà làm hại cho tập thể, cho dân, cho nước.  - Bài học: Lòng vị tha là đức tính quý báu cần có của mỗi con người. Sống vị tha mỗi người sẽ cảm thấy thêm yêu cuộc sống, có động lực để sống tốt hơn trong cuộc đời này. |  |
| **d.** *Sáng tạo:* có cách diễn đạt độc đáo, thể hiện những suy nghĩ, kiến giải mới mẻ về vấn đề |  |
| **e.***Chính tả, dùng từ, đặt câu:* đảm bảo những quy tắc về chuẩn chính tả, dùng từ, đặt câu. |  |
| **2.** | **Nghị luận văn học** |  |
|  | **a.***Đảm bảo cấu trúc của một bài văn nghị luận*: Có đầy đủ phần Mở bài, thân bài, kết bài. Mở bài giới thiệu vấn đề nghị luận; Thân bài làm rõ được nhận định, triển khai được các luận điểm; kết bài khái quát được nội dung nghị luận. |  |
|  | **b.** *Xác định đúng vấn đề nghị luận* |  |
|  | ***c.*** *Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; thể hiện sự nhận thức sâu sắc và vận dụng tốt các thao tác lập luận; có sự kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng.*  Thí sinh có thể giải quyết vấn đề theo hướng sau:  **\* Giới thiệu chung về vấn đề nghị luận.**  - Dẫn dắt vấn đề nghị luận, trích dẫn ý kiến của Lê Anh Trà.  **-** Khẳng định vấn đề trong tác phẩm *Khi con tu hú* của Tố Hữu, liên hệ tác phẩm *Tiếng gà trưa* của Xuân Quỳnh: cả hai văn bản đều là “sự giải bày và gửi gắm tâm tư”, thể hiện những tình cảm cao đẹp của con người.  **\* Triển khai làm sáng tỏ vấn đề nghị luận.**  **1. Giải thích ý kiến:**  - Tiếng nói tình cảm trong văn học được bày tỏ rất đa dạng: “sự giãi bày” là thể hiện tình cảm một cách trực tiếp, chân thành; “gửi gắm tâm tư” là bộc lộ tình cảm âm thầm kín đáo, mong chờ tiếng nói đồng vọng tri âm tri kỉ.  **-** Văn học phải thể hiện được mọi khía cạnh trong đời sống con người: số phận, tư tưởng, trí tuệ, và đặc biệt là tình cảm. Văn học phải chuyên chở mọi cung bậc tình cảm của con người, là cầu nối giữa biết bao tâm hồn, biết bao cảm xúc.  - Cảm xúc trong văn học không phải là thứ cảm xúc vu vơ hời hợt, mà bao giờ nó cũng phải là một cảm xúc mãnh liệt. Nó không phải cái mãnh liệt ầm ào bên ngoài, mà nó là sự cô đặc về chất của cảm xúc.  - Cảm xúc của văn học phải được soi chiếu dưới lý tưởng của thời đại, phải được dẫn dắt bởi một tư tưởng.  🡺 Nhận định của giáo sư Lê Ngọc Trà đã đề cập đến đặc trưng quan trọng trong nội dung của tác phẩm văn học: tính cảm xúc. Từ sự tự giãi bày và gửi gắm tâm tư, văn học cất lên tiếng nói chung, tạo ra tiếng vọng kêu gọi những tấm lòng đồng cảm, để biết bao người đọc tìm thấy mình trong từng con chữ của người nghệ sĩ.  **2. Chứng minh nhận định qua bài thơ “Khi con tu hú”:**  ***Khái quát về bài thơ***: Tố Hữu sáng tác bài thơ Khi con tu hú tại nhà lao Thừa Phủ (Huế) vào mùa hè năm 1939, sau khi bị thực dân Pháp bắt giam vì “tội” yêu nước và làm cách mạng. Bài thơ thể hiện tâm trạng xốn xang, bức bối của người thanh niên cộng sản đang bị cầm tù, khi nghe thấy tiếng chim tu hú báo hiệu mùa hè đến đã muốn phá tung xiềng xích để trở về với đồng bào, đồng chí yêu thương.  ***\* Luận điểm 1. Tiếng chim tu hú là yếu tố gợi mở để mạch cảm xúc trào dâng mãnh liệt, là sự “tự giải bày” của người tù cộng sản:***  - Tiếng chim tu hú gọi bầy gợi cho nhà thơ nghĩ đến khung trời lồng lộng ở bên ngoài và càng cảm thấy ngột ngạt trong xà lim chật chội, càng khao khát cháy bỏng cuộc sống tự do (dẫn chứng).  - Đó là tín hiệu của mùa hè rực rỡ, của sự sống tưng bừng sinh sôi nảy nở. Tiếng chim vô tình tác động đến tâm hồn người tù trẻ tuổi. Nằm trong xà lim chật hẹp, tối tăm, cách biệt với thế giới bên ngoài, nhà thơ lắng nghe tiếng chim rộn rã, lắng nghe mọi âm thanh cuộc đời bằng tâm hồn và trái tim nhạy cảm của người nghệ sĩ. Một tiếng chim thôi cũng gợi trong tâm tưởng nhà thơ cả một trời thương nhớ về những mùa hè nồng nàn của quê hương (dẫn chứng, phân tích).  - Sáu câu thơ lục bát uyển chuyển mở ra cả một thế giới rộn ràng, tràn trề nhựa sống. Nhiều âm thanh, hình ảnh tiêu biểu của mùa hè được đưa vào bài thơ: tiếng ve ngân trong vườn cây, lúa chiêm chín vàng trên cánh đồng, bầu trời cao rộng với cánh diều chao lượn, trái cây chín mọng ngọt lành… Tiếng chim tu hú khởi đầu và bắt nhịp cho mùa hè rộn rã âm thanh, rực rỡ màu sắc, ngạt ngào hương vị… trong cảm nhận của người tù. Đoạn thơ thể hiện khả năng cảm nhận tinh tế và khát vọng tự do cháy bỏng của người chiến sĩ cách mạng trẻ trung, yêu đời nhưng đang bị quân thù tước mất tự do.  - Sức sống mãnh liệt của mùa hè chính là sức sống mãnh liệt của tuổi trẻ khát khao lí tưởng cách mạng, khát khao hoạt động, cống hiến cho dân, cho nước. Tiếng chim tu hú là tiếng gọi thôi thúc của cuộc sống đối với người chiến sĩ cách mạng đang bị giam cầm. Bên ngoài là tự do, phóng khoáng, đối lập với sự tù túng, bức bối trong nhà giam (dẫn chứng).  ***\* Luận điểm 2. Tiếng chim tu hú không chỉ gợi nhớ yêu thương, mà còn là lời giục giã người chiến sĩ nhanh chóng trở về với cách mạng, cũng là sự “gửi gắm tâm tư” của người tù cộng sản.***  - Tâm trạng đau khổ, uất ức bật thốt thành lời thơ thống thiết. Cách ngắt nhịp bất thường kết hợp với các từ ngữ có khả năng đặc tả và những từ cảm thán như truyền đến độc giả cái cảm giác uất hận cao độ và niềm khao khát cháy bỏng muốn thoát ra khỏi cảnh tù ngục, trở về với cuộc sống tự do bên ngoài của người thanh niên yêu nước đang bị giam cầm trong lao tù đế quốc (dẫn chứng).  - Những câu thơ chứa đựng nỗi khắc khoải, vật vã, day dứt khôn nguôi cả về thể xác lẫn tâm hồn của nhà thơ trẻ. Trong hoàn cảnh ấy, thời khắc ấy, người cộng sản phải tự đấu tranh với bản thân để làm chủ mình, vượt lên những đắng cay nghiệt ngã của lao tù đế quốc, nuôi dưỡng ý chí, giữ vững khí tiết và tinh thần đấu tranh cách mạng.  - Tiếng chim tu hú cứ kêu hoài như nhắc nhở tới nghịch cảnh của nhà thơ, giục giã nhà thơ phá tung tù ngục để giành lại tự do. Bốn câu thơ sau căng thẳng như chứa đựng một sức mạnh bị dồn nén chỉ chực bật tung ra. Đó là tâm trạng của người chiến sĩ cách mạng trẻ tuổi hoạt động chưa được bao lâu đã lâm vào cảnh tù ngục, lúc nào cũng khao khát tự do, muốn thoát khỏi bốn bức tường xà lim lạnh lẽo để trở về với đồng bào, đồng chí thân yêu.  - Tiếng chim tu hú chỉ trong một khoảnh khắc ngắn ngủi đã làm dậy lên tất cả cảnh và tình mùa hè trong tâm tưởng nhà thơ. Người tù thấu hiểu được cảnh ngộ trớ trêu của mình trong chốn lao tù ngột ngạt, giữa lúc cuộc sống bên ngoài đang nảy nở, sinh sôi. Phải bứt tung xiềng xích, phá tan những nhà ngục hữu hình và vô hình đang giam hãm cả dân tộc trong vòng nô lệ.  - Bài thơ hay ở những hình ảnh thơ gần gũi, giản dị mà giàu sức gợi cảm, ở nghệ thuật sử dụng thể thơ lục bát uyển chuyển, tự nhiên và cả ở những cảm xúc thiết tha, sàu lắng, thể hiện được nguồn sống sục sôi của người cộng sản.  ***Luận điểm 3. Bài thơ “Tiếng gà trưa” (Xuân Quỳnh) là sự bộc lộ tình cảm yêu quê hương, đất nước chân thành, sâu lắng của nhà thơ qua hình tượng tiếng gà trưa, cũng là sự “tự giãi bày và gửi gắm tâm tư”của nhà thơ***.  - Khái quát về bài thơ: Bài thơ Tiếng gà trưa được viết trong những năm đầu của cuộc kháng chiến chống đế quốc Mĩ trên phạm vi cả nước. Trong hoàn cảnh nước sôi lửa bỏng ấy, hàng triệu thanh niên đã lên đường với khí thế “xẻ dọc Trường Sơn đi đánh Mĩ, Mà lòng phơi phới dậy tương lai”. Nhân vật trữ tình trong bài thơ là người chiến sĩ trẻ đang cùng đổng đội trên đường hành quân vào Nam chiến đấu. Tiếng gà trưa đã gợi nhớ về những kỉ niệm đẹp đẽ của tuổi thơ và tình bà cháu. Tình cảm gia đình, quê hương đã làm sâu sắc thêm tình yêu đất nước.  - Bao trùm bài thơ là nỗi nhớ cồn cào, da diết. Chỉ một tiếng gà trưa bất chợt nghe thấy khi dừng chân bên xóm nhỏ là đã gợi dậy cả một trời thương nhớ, thể hiện sự rung cảm cao độ trong tâm hồn chiến sĩ (dẫn chứng)  *-* Quê nhà hiện lên rõ nét trong tâm tưởng và những kỉ niệm tuổi thơ lần lượt sống dậy qua những hình ảnh thân thương. Tiếng gà trưa khiến người cháu xa nhà nhớ đến người bà kính yêu một đời tần tảo (dẫn chứng).  - Nổi bật qua gần suốt bài thơ là hình ảnh người bà chắt chiu, giành giụm yêu thương cháu. Bà đã luôn ân cần, hi sinh và mệt nhọc. Hình ảnh người bà được miêu tả gắn bó thân thuộc với quê hương làng xóm, hơn thế nó còn là những kỉ niệm không bao giờ phai nhạt (dẫn chứng).  - Tâm trạng người chiến sĩ trẻ từ những kỉ niệm về tuổi thơ của mình mà khi quay về thực tại với con dường hành quân trở nên giàu lòng hăng hái với giọng thơ tràn trề sinh khí. Xuân Quỳnh đã khẳng định mục đích chiến đấu hôm nay đó là vì tổ quốc, vì bà, vì kỉ niệm tuổi thơ êm đềm của mình. Và nhà thơ khẳng định mình chiến đấu hôm nay chính là vì muốn bảo vệ quê hương, bảo vệ sự yên bình của mọi mái nhà trên tổ quốc (dẫn chứng).  🡺 Tiếng gà trưa gợi những nỗi nhớ về người bà, về những kỉ niệm tuổi thơ, về quê hương làng xóm và mục đích chiến đấu của người chiến sĩ chính là “sự giải bày” tình cảm của người chiến sĩ trẻ.  - Tiếng gà cũng là tiếng gọi thân yêu của bà, của mẹ, của quê hương. Tiếng gọi thân yêu ấy như là niềm tin cho người chiến sĩ trong cuộc chiến đấu bảo vệ quê hương yêu dấu, là tình cảm tiền tuyến - hậu phương của nhân dân ta trong cuộc kháng chiến, gian khổ có thể làm mệt mỏi, bom đạn có thể hủy diệt mọi thứ nhưng những tình cảm về bà, về những kỉ niệm ấu thơ cùng tiếng gà trưa không bao giờ chết mà vẫn còn nguyên lửa, vẫn cứ trào dâng trong lòng. Đó là tình cảm, cảm xúc được gửi gắm kín đáo trong bài thơ.  - Bài thơ “Tiếng gà trưa” của nhà thơ Xuân Quỳnh là một bài thơ hay, những câu từ trong bài thơ bắt nguồn từ những thứ giản dị, gần gũi và mộc mạc nhưng lại có giá trị lớn lao và cao đẹp.  **\* Đánh giá chung.**  - Hai bài thơ “Khi con tu hú” (Tố Hữu) và “Tiếng gà trưa” (Xuân Quỳnh) tuy sáng tác ở hai thời kỳ khác nhau, có những nét khác biệt về nội dung và nghệ thuật song đều là những bài thơ hay của dòng văn học cách mạng Việt Nam.  - Cả hai bài thơ đều hướng tới ngợi ca những tình cảm cao đẹp của người Việt Nam: tình yêu thiên nhiên, tình cảm gia đình, tình yêu đất nước… Những tình cảm đó chính là “sự giải bày và gửi gắm tâm tư” của nhà thơ đến với bạn đọc thông qua sáng tác của mình.  - Khẳng định nhận định của giáo sư, nhà giáo, nhà phê bình văn học Lê Ngọc Trà là hoàn toàn chính xác bởi đặc trưng quan trọng trong nội dung của tác phẩm văn học chính là tính cảm xúc. |  |
|  | **d.** *Sáng tạo:* Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng về vấn đề nghị luận. | ***0,25*** |
|  | **e.** *Chính tả, dùng từ, đặt câu:* Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa tiếng Việt. | ***0,25*** |

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**Đề 15.**

**KỲ THI HỌC SINH GIỎI CÁC LỚP NĂM HỌC**

**ĐỀ THI MÔN: NGỮ VĂN LỚP 8**

***Thời gian: 150 phút (không kể thời gian giao đề)***

**Câu 1**. (3 điểm)

Tìm hai nhóm từ thuộc hai trường từ vựng có trong câu văn sau “*Dượng Hương Thư như một pho tượng đồng đúc, các bắp thịt cuồn cuộn, hai hàm rang cắn chặt, quai hàm bạnh ra, cặp mắt nảy lửa ghì trên ngọn sào giống như một hiệp sĩ của Trường Sơn oai linh, hùng vĩ*.”.

**Câu 2**. (7 điểm) Viết bài văn ngắn (không quá 40 dòng) làm sáng tỏ niềm khao khát tình mẹ và cảm giác vui sướng cực điểm của nhân vật bé Hồng ở trong lòng mẹ qua đoạn trích “Trong lòng mẹ” của Nguyên Hồng (SGK Ngữ văn 8, tập 1)

**Câu 3**. (10.0 điểm)

*Bàn tay cầm hoa đi tặng*

*Bàn tay đó sẽ thơm*

(*Dương Thuấn*)

Viết bài văn trình bày suy nghĩ của em về ý nghĩa của hai câu thơ trên.

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ THI HSG MÔN: NGỮ VĂN LỚP 8**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **Câu 1**. | Tìm hai nhóm từ thuộc hai trường từ vựng có trong câu văn sau  “*Dượng Hương Thư như một pho tượng đồng đúc, các bắp thịt cuồn cuộn, hai hàm răng cắn chặt, quai hàm bạnh ra, cặp mắt nảy lửa ghì trên ngọn sào giống như một hiệp sĩ của Trường Sơn oai linh, hùng vĩ*.”. | **3.0** |
| HS phát hiện đúng các trường từ vựng:  - Trường từ vựng về hành động:*cắn chặt, bạnh ra, nảy lửa* | **1.5** |
| *-* Trường từ vựng về bộ phận con người:*bắp thịt, hàm răng, quai hàm, cặp mắt* | **1.5** |
| **Câu 2** | Viết bài văn ngắn (không quá 40 dòng) làm sáng tỏ niềm khao khát tình mẹ và cảm giác vui sướng cực điểm của nhân vật bé Hồng ở trong lòng mẹ qua đoạn trích “Trong lòng mẹ” của Nguyên Hồng (SGK Ngữ văn 8, tập 1) | **7.0 điểm** |
| - Hình thức: Viết đúng hình thức đoạn văn theo yêu cầu. Đảm bảo độ dài đoạn văn theo yêu cầu. Lập luận chặt chẽ. Văn phong trong sáng, giàu cảm xúc, linh hoạt, sáng tạo. | **1** |
| Nội dung:  - Những cảm nhận sâu sắc, tinh tế, Niềm khao khát tình mẹ: Khi “thoáng thấy một bóng người ngồi trên xe kéo”, chú bé đã: gọi bối rối, thở hồng hộc, trán đẫm mồ hôi, ríu cả chân lại. Hàng loạt động từ đã cho thấy khao khát gặp mẹ mãnh liệt của Hồng. Nhưng do cuộc gặp gỡ quá sung sướng, bất ngờ nên Hồng nghĩ “mình đã lầm”. Nếu người quay lại đó không phải thì thật là một điều tủi cực, thất vọng lớn cho Hồng. “không khác nào người bộ hành sắp gục ngã giữa sa mạc mênh mông bắt gặp ảo ảnh của bóng râm và dòng suối...” Từ đây ta thấy được tâm trạng hồi hộp, niềm khát khao cháy bỏng mong được gặp mẹ của Hồng | **3** |
|  | - Cảm giác vui sướng cực điểm của nhân vật bé Hồng ở trong lòng mẹ:  + Khi biết đó chính là mẹ, cậu bé òa khóc nức nở. Đây là những giọt nước mắt bị dồn nén bấy lâu nay, là những giọt nước mắt hạnh phúc  Cậu nằm trong lòng mẹ và cảm nhận hơi ấm từ mẹ sang mình.  + Cảm nhận của Hồng thật gần gũi, thân quen lại vừa có gì đó mới mẻ, lạ lẫm: “vạt áo nâu”, “gương mặt tươi sáng với đôi mắt trong” vẫn thật ấm áp, quen thuộc. Nhưng từ hơi quần áo đến hơi thở của mẹ đều “thơm tho lạ thường”. Những cảm giác của tình mẫu tử bao lâu nay mất đi thì bỗng lại mơn man khắp da thịt: “để bàn tay người mẹ vuốt ve từ trán xuống cằm, và gãi rôm ở sống lưng cho, mới thấy người mẹ có một êm dịu vô cùng”. Lúc này chỉ còn tình mẹ con, tình mẫu tử thiêng liêng tồn tại còn bao nhiêu lời nói, ý nghĩ cay độc của bà cô đều tan biến hết thảy. | **3.0** |
| **Câu 3**. | *Bàn tay cầm hoa đi tặng*  *Bàn tay đó sẽ thơm*  (*Dương Thuấn*)  Viết bài văn trình bày suy nghĩ của em về ý nghĩa của hai câu thơ trên. | **10.0 điểm** |
|  | ***\* Yêu cầu về kỹ năng***:  - Bài làm phải được tổ chức thành bài làm văn hoàn chỉnh.  - Biết vận dụng kiểu bài nghị luận để trình bày suy nghĩ của mình.  **-** Lập luận chặt chẽ. Hệ thống luận điểm rõ ràng, có dẫn chứnglinh hoạt, phù hợp lời văn trong sáng, mạch lạc, ít lỗi chínhtả. | **1** |
|  | * ***Yêu cầu về kiến thức***: Cần đáp ứng được các ýsau:   **a. Mở bài**: Dẫn dắt và nêu được vấn đề nghị luận:  - Thế giới mà chúng ta đang sống hôm nay đang cần lắm những bàn tay của con người sẵn sàng mở rộng lòng nhân ái. Hạnh phúc và niềm vui được sẻ chia thì hạnh phúc và niềm vui thì sẽ được nhân đôi.  - Con người khi trao đi yêu thương cho người khác, tức là họ cũng đã nhận lại yêu thương cho mình, và con người đó luôn có được những điều tốt đẹp cho bản thân và cho những người xung quanh. Có lẽ đó cũng chính là nội dung mà *Dương Thuấn* muốn gửi gắm:  *Bàn tay cầm hoa đi tặng*  *Bàn tay đó sẽ thơm.* | **0,5** |
|  | b.**Thânbài**:  - Giải thích được:  + Hoa: nó là biểu tượng cho cái đẹp, tình yêu và hạnh phúc từ bao đời nay.  + Tặng: đó là hành động mà con người trao cho con người một điều gì đó.  + Thơm: luôn lưu giữ được mùi hương, cái đẹp, tình yêu thương, sự thanh thản, niềm vui cho bản thân mình.  🡪 nghĩa đen: Một con người khi tặng ai một bông hoa - đại diện cho cái đẹp, trên tay mình cho người khác thì luôn đem lại cho bản thân mình mùi hương thơm của chính bông hoa đó. Hương thơm đó khi cho đi rồi thì sẽ không hề bị mất đi mà vẫn sẽ được lưu giữ lại, phảng phất mùi thơm bên cạnh người đã tặng hoa.  🡪 Nghĩa bóng: khi ta cho đi bất cứ điều gì ta đang có, thì ta cũng sẽ nhận lại được chính tình yêu thương mà ta đã cho đi. Trái tim luôn rộng mở với tất cả mọi thứ thì sẽ có thể thấy được sự thanh thản nơi tâm hồn mình. Khi cho đi, không phải là ta đã mất đi mà chính là "cho đi và luôn được nhận lại", cho đi tình yêu thương, sự quan tâm chia sẻ, và ta sẽ nhận lại niềm hạnh phúc cho bản thân. | **1** |
|  | - Ý nghĩa của câu nói đến mỗi người: giúp mỗi người nhận ra rằng mình sẽ nhận được nhiều hạnh phúc khi cho đi, và sẽ luôn vui khi trao đi tình yêu thương cho bất cứ một ai. | **1** |
|  | **- Liên hệ bản thân và xã hội:**  + Bạn đã bao giờ hành động như câu nói trên hay chưa? Và khi làm được thì tâm hồn bạn có thấy thanh thản không?  + Ngoài xã hội có những con người luôn mong muốn cống hiến cho xã hội, làm nhiều việc tốt, và họ luôn nhận lại cho mình niềm vui. (dẫn chứng)  \* Ca sĩ Ngọc Sơn, người từng bị cộng đồng mạng tẩy chay vì những hành động vui “thái quá” . Có ai ngờ được rằng đằng sau con người ấy lại là một trái tim giàu nghĩa, giàu tình. Anh là nhà từ thiện hàng đầu trong làng giải trí Việt: hàng tháng anh phát hàng tấn gạo cho người nghèo; hơn 10 năm qua, mỗi tháng anh ủng hộ cho quỹ trẻ em nghèo thành phố Hồ Chí Minh với số tiền là 20 triệu đồng; năm 2011 vừa qua, anh làm đơn xin hiến xác cho y học để các sinh viên nghành y có điều kiện học tập tốt hơn. Anh còn xuất hiện trong hầu hết các chương trình ca nhạc từ thiện gây quỹ cho người nghèo…  \* Cô sinh viên tên Thúy trong chương trình “Viết tiếp ước mơ của Thúy”. Dù bị bệnh ung thư giai đoạn cuối nhưng Thúy vẫn chiến đấu với bệnh tật để đem trái tim yêu đời của mình để kết nối với muôn triệu trái tim con người Việt Nam cùng nhau làm nên chương trình thiện nguyện: Vì trẻ em bị bệnh ung thư. Cũng như vậy, tôi lại nhớ đến câu chuyện về bạn Nguyễn Thúy Vy (Đà Nẵng), bị bệnh ung thư gan giai đoạn cuối nhưng Vy vẫn thi ĐH và sau kỳ thi ĐH năm 2010, Vy đã đến bệnh viên Đa khoa Đà Nẵng, tình nguyện hiến trái tim mình cho bệnh viện để kéo dài sự sống cho những người mắc chứng bệnh tim. Cùng đó là những anh chị sinh viên, học sinh, thanh niên tham gia phong trào Hiến máu nhân đạo. Một giọt máu hồng là một sự sống được tiếp nối, một giọt máu hồng là một tấm lòng ngan ngát hương thơm trao đi để kéo dài sự sống cho biết bao nhiêu người.  \* Văn học là tấm gương phản ánh cuộc sống. Câu chuyện trong Chiếc lá cuối cùng của O’ Henry thật cảm động; khi mà tình yêu thương được lên ngôi nơi một phố trọ nghèo, cái phố trọ ấy thật gần gũi bởi cuộc đời đã bước vào văn chương. Cụ Berhman hi sinh cả sự sống của mình để đem lại cho Giônxi niềm tin vào cuộc sống- đúng hơn là sự sống của chính cô. Cô gái ấy đã chiến thắng được cái chết và lại tiếp tục thực hiện những ước mơ của mình. Chính là nhờ từ “đóa hồng” của cụ Berhman. Điều kỳ diệu ấy đã khiến cho sự ra đi của cụ mới nhẹ nhàng, thanh thản vô cùng. Ông họa sĩ già ra đi trong sự mãn nguyện bởi tình cảm yêu thương, lòng biết ơn của Giônxi và Xiu dành cho cụ mãi là đoá hồng ngát hương giữa đời. Anh thanh niên không tuổi không tên trong lặng lẽ Sa Pa mãi là một khúc nhạc của lòng hi sinh và sự hiến dâng cho đời. Họ mãi mãi là những con người ban phát hoa cho những ai đang cần ban tặng. | **4** |
|  | **- Bài học nhận thức và hành động.**  + Câu nói là lời nhắc nhở, cảnh tỉnh cho con người về một quan niệm nhân sinh. Hãy trao tặng tất cả những gì bạn có, đừng chần chừ hay e ngại bởi những gì bạn nhận được còn nhiều hơn thế nữa.  + Một điều đáng buồn là không phải ai cũng hiểu được ý nghĩa của yêu thương. Nhiều bạn trẻ suốt ngày không lo học tập mà chỉ biết chơi bời, học đòi lối sống thời thượng. Họ ăn chơi sa đọa, tiêu tiền như nước vào các trò chơi vô bổ như: quán Bar, vũ trường, đua xe… để từ đó, tương lai và tuổi trẻ của họ cũng tuột xuống dưới con dốc của cuộc đời. Thói ăn chơi ấy là căn nguyên của Bệnh vô cảm đang lấn áp và có nguy cơ biến con người thành tộc ác. Đúng như một hiền triết phương Tây đã từng nói “Nơi lạnh lẽo nhất không phải là Bắc cực mà là nơi thiếu tình thương của con người”. Vậy tại sao chúng ta không góp phần đem yêu thương để đẩy lùi sự vô cảm ấy? | **2** |
|  | **3. Kết bài:**  - Khẳng định lại vấn đề và mở rộng.  Cuộc sống đã ban tặng cho ta bao điều kỳ diệu. Vì vậy mà bản thân chúng ta cần luôn tâm niệm rằng: cuộc sống là sự sẻ chia và yêu thương. Nếu như chúng ta ai cũng sẻ chia, yêu thương thì thế giới này sẽ không còn khổ đau và bất hạnh mà chỉ toàn là hạnh phúc và niềm vui.  *Xin gửi lại bạn đời yêu quý nhất*  *Còn mấy vần thơ một nắm tro*  *Thơ gửi bạn đường tro bón đất*  *Sống là cho, chết cũng là cho*  *(Tố Hữu)* | **0,5** |

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**Đề 15.**

**ĐỀ THI HỌC SINH GIỎI CẤP THÀNH PHỐ**

**Năm học: 2017-2018**

**Môn: Ngữ văn lớp 8**

*Thời gian làm bài: 150 phút*

**Câu 1: (4,0 điểm)**

Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:

*Nhưng, ô kìa! Sau trận mưa vùi dập và những cơn gió phũ phàng kéo dài suốt cả một đêm, tưởng chừng như không bao giờ dứt, vẫn còn một chiếc lá thường xuân bám trên bức tường gạch. Đó là chiếc lá cuối cùng trên cây. Ở gần cuống lá còn giữ màu xanh sẫm, nhưng với rìa là hình răng cưa đã nhuốm màu vàng úa, chiếc lá vẫn dũng cảm treo bám vào cành cách mặt đất chừng hai mươi bộ.*

(Chiếc lá cuối cùng- O Hen-ri)

a. Chỉ rõ thán từ trong đoạn văn trên.

b. Tìm các từ cùng trường từ vựng trong câu văn sau và nêu tác dụng của trường từ vựng đó: Ở gần cuống lá còn giữ màu xanh sẫm, nhưng với rìa là hình răng cưa đã nhuốm màu vàng úa, chiếc lá vẫn dũng cảm treo bám vào cành cách mặt đất chừng hai mươi bộ.

c. Nêu ý nghĩa của hình tượng chiếc lá trong đoạn văn trên.

**Câu 2: (6,0 điểm)**

Trong bài phát biểu nhân kỷ niệm 1000 năm Thăng Long - Hà Nội, giáo sư Vũ Khiêu đã nói:

Để giàu sang, một người có thể chỉ mất vài ba năm, nhưng để trở thành người có văn hóa có thể phải mất hàng chục năm, có khi cả cuộc đời.

Hãy trình bày suy nghĩ của em về ý kiến trên.

**Câu 3: (10,0 điểm)**

Nhà văn A-na tô-li Phơ-răng nói: *Đọc một câu thơ nghĩa là ta gặp gỡ một tâm hồn con người.*

Em hiểu gì về câu nói trên của nhà văn Pháp? Cảm nhận của em về vẻ đẹp tâm hồn của người chiến sĩ cộng sản qua hai bài thơ Ngắm trăng (Hồ Chí Minh) và Khi con tu hú (Tố Hữu).

**......................Hết......................**

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

**MÔN: NGỮ VĂN 8**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Yêu cầu** | **Điểm** |
| **1**  **4.0đ** | a. Thán từ: ô kìa | **0.5** |
| b. - Trường từ vựng màu sắc: xanh sẫm, vàng úa. | **0.5** |
| - Tác dụng: Miêu tả chiếc lá giống như thật: một chiếc lá thường xuân vừa trải qua một đêm mưa gió tưởng như sắp rụng vẫn dũng cảm đeo bám vào cành. | **0.5** |
| c. Ý nghĩa của hình tượng chiếc lá trong đoạn văn trên:  - Tác dụng trong việc xây dựng tình huống truyện (thắt nút, mở nút bất ngờ mà hứng thú). (0,5 điểm)  - Gợi nhiều liên tưởng:  - Gợi liên tưởng đến số phận con người. Vì nghèo đói và bệnh tật mà Giôn-xi tuyệt vọng, bi quan về cuộc sống. (0,5 điểm)  - Chiếc lá còn gợi liên tưởng đến ý chí, nghị lực của con người. (0,5 điểm)  - Đặc biệt, chiếc lá cuối cùng là hình tượng đẹp thể hiện tình yêu thương giữa những người nghèo khổ. (1 điểm) | **2.5** |
| **2**  **6.0đ** | **a. Về kĩ năng:**  - Biết cách làm bài văn nghị luận xã hội, bố cục rõ ràng, lập luận chặt chẽ, vận dụng tốt các thao tác lập luận, dẫn chứng tiêu biểu, chọn lọc.  - Bài viết trong sáng, mạch lạc, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp. |  |
| **b. Về kiến thức:**  Học sinh có thể bày tỏ những suy nghĩ khác nhau, nhưng cần đảm bảo các ý cơ bản sau:  **1. Dẫn dắt và giới thiệu vấn đề** | **0.5** |
| **2. Giải thích ý kiến**  - Văn hóa: Một khái niệm rộng bao gồm mọi lĩnh vực của đời sống, từ khoa học cho đến nghệ thuật, từ đời sống tâm hồn, tâm linh đến thói quen sinh hoạt, thị hiếu thẩm mĩ, giao tiếp ứng xử,... của con người.  - Khái niệm văn hóa trong câu nói của Vũ Khiêu bàn đến văn hóa của một người. Bằng những mệnh đề tương phản: giàu sang - có văn hóa; ba năm - chục năm, cả cuộc đời, nhà văn hóa Vũ Khiêu muốn khẳng định sự dày công trong việc dạy dỗ, giáo dục, rèn luyện để một con người trở nên có văn hóa. | **1.0** |
| **3. Bàn luận, mở rộng vấn đề**  - Khẳng định ý kiến hoàn toàn đúng đắn và xác đáng.  - Để giàu sang, một người có thể chỉ mất vài ba năm: Với một con người, việc tạo lập một sản nghiệp, một cuộc sống đủ đầy có thể chỉ mất một thời gian ngắn. Sự cần cù và sáng tạo trong lao động có thể khiến họ nhanh chóng trở thành người giàu có. Để trở thành một người có văn hóa, có thể phải mất hàng chục năm, có khi cả cuộc đời:  - Để hình thành nền tảng văn hóa tri thức, con người cần rèn luyện, tích lũy trong khoảng thời gian hàng chục năm khi ngồi trên ghế nhà trường và trong suốt cả cuộc đời, Học, học nữa, học mãi (Lênin).  - Mỗi người phải mất cả cuộc đời để hoàn thiện những giá trị văn hóa tinh thần: Đó là vẻ đẹp tâm hồn với các giá trị đạo đức như: tình yêu thương, nhân ái, lòng vị tha, khoan dung, sự sẻ chia, đồng cảm; lòng yêu nước, ý thức dân tộc, cộng đồng; thái độ trân trọng lịch sử, trân trọng quá khứ; văn hóa giao tiếp ứng xử giữa người với người trong cuộc sống...  - Văn hóa tri thức và đạo đức nhân cách của con người có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Những người có trình độ văn hóa cao thường là những nhân cách đáng trọng. Tuy nhiên điều đó không hoàn toàn đúng với mọi trường hợp bởi trên thực tế, nhiều người có trình độ văn hóa cao vẫn có thể có những suy nghĩ ấu trĩ, vẫn có thể mắc những sai lầm trong giao tiếp ứng xử.  - Vì vậy song song với việc bồi đắp tri thức văn hóa, con người ta còn phải học làm người, tăng cường rèn luyện kĩ năng sống. | **3.0** |
| **4. Bài học nhận thức và hành động**  - Việc rèn luyện để trở thành con người có văn hóa là quan trọng, cần thiết.  - Để đào luyện một con người có văn hóa cần có sự chung tay của cả gia đình, nhà trường, xã hội. Tuy nhiên yếu tố quyết định là ở mỗi người, ở việc trau dồi ý thức làm người. | **1.5** |
| **3**  **10.0đ** | **A. Yêu cầu chung:**  - Về hình thức: trình bày, diễn đạt, liên kết câu...  - Về nội dung: làm rõ vẻ đẹp tâm hồn người chiến sĩ cộng sản trong hai bài thơ. |  |
| **B. Yêu cầu cụ thể:**  Học sinh có thể bày tỏ những suy nghĩ khác nhau, nhưng cần đảm bảo các ý cơ bản sau:  ***I. Mở bài:***  Dẫn dắt, đưa nhận định | **0.5** |
| ***II. Thân bài:***  **1. Giải thích:**  Đúng như nhà văn A-na tô-li Phơ-răng đã nói: “Đọc một câu thơ nghĩa là ta gặp gỡ một tâm hồn con người”. Có nghĩa là đọc một câu thơ, chúng ta không chỉ cảm nhận được vẻ đẹp của ngôn từ mà còn cảm nhận được vẻ đẹp tâm hồn của nhà thơ gửi gắm trong đó. Bởi thơ là tiếng nói của tâm hồn, tình cảm con người. Mỗi câu thơ ra đời là kết quả của những trăn trở, suy tư, nung nấu ở người nghệ sĩ. | **0.5** |
| **2. Chứng minh:**  HS tìm các phương diện vẻ đẹp tâm hồn của người chiến sĩ của cả hai bài thơ để phân tích. (Hoặc có thể phân tích vẻ đẹp tâm hồn người chiến sĩ theo từng bài thơ). Sau đây là gợi ý:  **a. Luận điểm 1:** Dù sống trong ngục tù nhưng những người chiến sĩ vẫn dành cho thiên nhiên một tình yêu sâu sắc:  - Trong bài thơ “Khi con tu hú”, tình yêu thiên nhiên, yêu cuộc sống khiến người tu tưởng tượng một mùa hè chan hoà ánh sáng, rực rỡ sắc màu rộn ràng âm thanh và ngọt ngào hương vị (dẫn chứng)  - Bài thơ “Ngắm trăng”:  - Bác nghĩ đến trăng và việc ngắm trăng ngay cả khi bản thân bị giam cầm, đày đọa. Người thấy thiếu mọi nghi thức thông thường. Cái thiếu “ rượu” và “hoa” là cái thiếu của một thi nhân chứ không phải là cái thiếu của một tù nhân (dẫn chứng)  - Sự xốn xang, bối rối rất nghệ sĩ trước cảnh đẹp đêm trăng của Bác (dẫn chứng)  - Sự giao hoà tự nhiên, tuyệt vời giữa con người và vầng trăng tri kỷ. Qua nghệ thuật đối và nhân hoá làm nổi bật tình cảm song phương, cho thấy mối quan hệ gắn bó tri âm giữa trăng và người (dẫn chứng) | **3.0** |
| **b. Luận điểm 2:** Họ luôn khao khát tự do mãnh liệt:  - Niềm khao khát mãnh liệt về với tự do còn được bộc lộ trực tiếp trong những câu cuối: d/c. Cách ngắt nhịp độc đáo, kết hợp với những từ ngữ mạnh (đập tan phòng, chết uất) và những từ cảm thán (ôi, làm sao, thôi) làm nổi bật cái cảm giác ngột ngạt cao độ, niềm khao khát cháy bỏng muốn thoát ra khỏi cảnh ngục tù để trở về với cuộc sống tự do bên ngoài. Tiếng chim tu hú mở đầu và kết thúc bài thơ đã tạo nên một sự hô ứng. Tiếng chim ban đầu là âm thanh đẹp của tự nhiên gợi lên trong tâm hồn người tù cách mạng trẻ tuổi một mùa hè tự do, khoáng đạt đầy sức sống. Còn tiếng chim tu hú ở cuối bài thơ lại là âm thanh giục giã, như thúc giục những hành động sắp tới.  - Còn Bác luôn hướng ra ánh sáng. Đó là vầng trăng, là bầu trời, là tự do và đó cũng là hy vọng, là tương lai. | **3.0** |
| **c. Luận điểm 3:** Người chiến sĩ cộng sản ấy cũng mang một phong thái ung dung, lạc quan trong bất kỳ hoàn cảnh nào: Hoàn cảnh khắc nghiệt của nhà tù Tưởng Giới Thạch không trói buộc được tinh thần và tâm hồn người tù, không làm mất đi nét thư thái ung dung vốn sẵn có ở Bác. Bác tự do rung động với vầng trăng, với cảnh đẹp bất chấp hoàn cảnh, bất chấp cái song sắt tàn bạo - biểu tượng cụ thể của nhà tù (cuộc vượt ngục tinh thần). | **2.0** |
| **3. Tổng hợp:**  - Như vậy, qua hai bài thơ, người đọc sẽ hiểu hơn về tâm hồn của người chiến sĩ cộng sản khi ở trong tù. Và vẻ đẹp tâm hồn của họ là cội nguồn tạo nên vẻ đẹp, giá trị tác phẩm.  - Đọc thơ hay, gặp gỡ tâm hồn người nghệ sĩ, người đọc thơ được thanh lọc, hoàn thiện tâm hồn mình. | **0.5** |
| ***III. Kết bài:*** Khẳng định lại nhận định và cảm nghĩ, liên hệ… | **0.5** |

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**Đề 16.**

**ĐỀ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI CẤP HUYỆN**

NĂM HỌC 2018 – 2019

Môn thi: **NGỮ VĂN 8 –**

Thời gian: 150 phút (không kể thời gian giao đề)

**Câu 1: *(4,0 điểm)***

Hai câu thơ dưới đây trích trong bài thơ “*Quê hương*” của Tế Hanh, tác giả đều sử dụng nghệ thuật so sánh:

*- Chiếc thuyền nhẹ hăng như con tuấn mã.*

*- Cánh buồm giương to như mảnh hồn làng.*

Em thấy hai cách so sánh trên có gì khác nhau? Mỗi cách có hiệu quả nghệ thuật riêng như thế nào?

**Câu 2: *(6,0 điểm)***

Trong lá thư gửi En -ri - cô, nhà văn A - Mi -Xi đã viết:

"*Trường học là bà mẹ hiền thứ hai... Trường học đã nhận con từ hai bàn tay mẹ lúc con vừa mới biết nói, nay trả con lại cho mẹ ngoan ngoãn chăm chỉ. Mẹ cầu phúc cho nhà trường, còn con con không bao giờ được quên nhà trường..*."

(Trích Những tấm lòng cao cả A-Mi-Xi)

Những dòng thư trên gợi cho em suy nghĩ gì về vai trò của nhà trường, nơi em gắn bó một phần cuộc đời mình.

**Câu 3: *(10 điểm)***

Cảm nhận của em về bức tranh thiên nhiên và vẻ đẹp tâm hồn của người chiến sĩ cách mạng qua bài **“*Khi con tu hú*”** (Tố Hữu) và **“*Ngắm trăng*”** (Hồ Chí Minh)

*------------*Hết*------------*

*(Đề gồm có 01 trang)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CÂU** | **HƯỚNG DẪN CHẤM** | **ĐIỂM** |
| **1**  **4.0đ** | **Hình thức:** Viết đúng đoạn văn, liên kết chặt chẽ, không mắc lỗi chính tả, diễn đạt*...* | 0,5 |
| **Nội dung*:***  - Hai câu thơ trên tác giả đều dùng biện pháp so sánh:  + So sánh con thuyền ra khơi “ *hăng như con tuấn mã*” tức là con thuyền chạy nhanh như con ngựa đẹp và khỏe ( tuấn mã) đang phi nước đại, tác giả so sánh cái cụ thể, hữu hình này với cái cụ thể hữu hình khác.  + So sánh “*Cánh buồm với mảnh hồn làng*” tức là so sánh một vật cụ thể hữu hình, quen thuộc với một cái trừu tượng vô hình có ý nghĩa thiêng liêng. | 0,75  0,75 |
| - Tuy nhiên mỗi câu lại có hiệu quả nghệ thuật riêng:  + Cách so sánh trong câu thơ thứ nhất làm nổi bật vẻ đẹp, sự mạnh mẽ của con thuyền ra khơi.  + Cách so sánh trong câu thơ thứ hai làm cho hình ảnh cánh buồm chẳng những trở nên cụ thể sống động mà còn có vẻ đẹp lớn lao, trang trọng, thiêng liêng. Cánh buồm no gió ra khơi trở thành biểu tượng rất phù hợp và đầy ý nghĩa của làng chài. | 0,75  0,75 |
| **-**Tình yêu, nỗi nhớ quê hương của Tế Hanh được gửi vào những sự vật gần gũi, thân thuộc ( con thuyền, cánh buồm) nhưng đó lại là linh hồn của quê hương. | 0,5 |
| **2**  **6.0đ** | **Yêu cầu chung:**  - Hiểu được yêu cầu của đề bài. Tạo lập được một văn bản nghị luận xã hội có bố cục rõ ràng , lập luận chặt chẽ, lời văn trong sáng, có cảm xúc và giọng điệu riêng. Trình bày sạch đẹp khoa học. | 0,5 |
| **Yêu cầu cụ thể:**  -HS có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng phải làm nổi bật các ý sau:  ***1-Giải thích ý kiến:***  -Hình ảnh so sánh*“Trường học là bà mẹ hiền thứ hai”*:Trường học cũng giống như những người mẹ nuôi dưỡng, dạy dỗ con nên người.  *-“Mẹ cầu phúc cho nhà trường, còn con con không bao giờ được quên nhà trường..*.":Mẹ luôn biết ơn nhà trường và khuyên con không được quên nơi đó. | 1,0 |
| ***2- Khẳng định***  -Nhà trường có vai trò to lớn trong cuộc hành trình đi tìm kiến thức và kĩ năng cuộc đời mỗi con người. Ai thành đạt cũng từ ngôi trường mà lớn lên và đó là niềm hạnh phúc của mỗi chúng ta trên bước đường học tập. | 0,5 |
| ***3- Bàn luận:***  -Vai trò to lớn của nhà trường: nhà trường là một thế giới kì diệu, một thế giới mới lạ, vô cùng đẹp đẽ:  + Thế giới của tri thức, trí tuệ, sự hiểu biết…  + Thế giới của tình bạn, tình thầy trò, tình yêu thương, lòng nhân hậu, sự quan tâm, giúp đỡ, sẻ chia…  + Thế giới của ý chí, nghị lực, khát vọng và niềm tin…  -Giai đoạn ở trường là giai đoạn quan trọng nhất cuộc đời mỗi con người.  -Trách nhiệm nghĩa vụ của mỗi con người: "*không bao giờ đượcquên nhà trường..."* mọi người phải có lòng biết ơn thầy cô, biết ơn nhà trường - cái nôi nuôi mình khôn lớn, chắp cánh ước mơ cho mình. Đó là truyền thống đạo lý "*Uống nước nhớ nguồn*", "*Ăn quả nhớ kẻ trồng cây*". Đó là tình cảm thiêng liêng, sự gắn bó biết ơn sâu nặng  -Phê phán những kẻ vô ơn... | 3,0 |
| ***4- Bài học nhận thức và hành động***:  - Chúng ta cần phải bày tỏ tình cảm chân thật của mình với mái trường, thầy cô, bạn bè...  - Tu dưỡng rèn luyện thể lực, trí tuệ, nhân cách | 1,0 |
| **3**  **10.0đ** | **A. Về kĩ năng:**  - Biết cách làm bài văn nghị luận văn học, bố cục rõ ràng, vận dụng tốt các thao tác lập luận.  - Biết cách phân tích dẫn chứng để làm sáng tỏ vấn đề nghị luận.  - Bài viết mạch lạc, trong sáng, có cảm xúc, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp. | 1,0 |
| **B. Về kiến thức:**  Học sinh có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng cần đảm bảo các ý cơ bản sau:  **I-Mở bài:**  *- Dẫn dắt và nêu vấn đề cần nghị luận:*  + Giới thiệu khái quát về Tố Hữu và bài thơ “ *Khi con tu hú*”  + Giới thiệu khái quát về Hồ Chí Minh và bài thơ “ *Ngắm trăng*”  + Hai bài thơ của hai tác giả đều được sáng tác trong hoàn cảnh tù đầy, các tác giảkhông chỉ vẽ nên những bức tranh thiên nhiên tươi đẹp mà còn bày tỏ niềm lạc quan yêu đời, khát vọng tự do... của người tù cách mạng. | 0,5 |
| **II- Thân bài:**  *Xuất phát từ nội dung và nghệ thuật của hai bài thơ, học sinh làm nổi bật được:*  ***1- Bức tranh thiên nhiên tươi đẹp:***  *a- “ Khi con tu hú” ( Tố Hữu)*  - Sáu câu đầu bài thơ là bức tranh mùa hè nơi đồng quê vô cùng khoáng đạt, thanh bình,nên thơ.Có âm thanh báo hiệu hè sang ( tiếng chim tu hú kêu, tiếng ve ngân, tiếng sáo diều vi vu trên trời cao...) như một bản nhạc sôi động đầu mùa. Có màu sắc vàng ( của lúa chín, của bắp ngô), hồng( của nắng mới), xanh thẳm (của bầu trời lồng lộng)...những gam màu tươi sáng, giàu sức sống, tượng trưng cho sự tự do. Có hình ảnh ( cánh đồng lúa chín, trái cây bắt đầu chín) báo hiệu mùa hè, khoảnh khắc giao mùa từ xuân sang hạ. Có đường nét ( sáo diều “ lộn nhào” giữa nền trời xanh thẳm)cảnh vật, đường nét có cặp có đôi tràn trề sức sống thanh xuân. Có hương vị ( cỏ cây, hoa trái) ... | 1,0 |
| *b- “ Ngắm trăng” ( Hồ Chí Minh)*  -Bài thơ gợi ra trước mắt người đọc cái bát ngát lung linh của vầng trăng- khoảng trời trong sự cảm nhận của người tù thi nhân- Hồ Chí Minh. Ánh trăng phải rất sáng, rất trong, rất đẹp, như đang tỏa mộng giữa bầu trời như mời gọi quyến rũ khiến người tù- thi nhân bối rối, xốn xang... để rồi bất chấp cả những thiếu thốn chốn lao tù ( *vô tửu, vô hoa*) vẫn nồng nàn tha thiết, say sưa với ánh trăng... | 1,0 |
| ***2- Vẻ đẹp tâm hồn của người chiến sĩ cách mạng:***  *a- Tình yêu thiên nhiên đất nước, yêu cái đẹp*:  Tình yêu thiên nhiên đất nước, yêu cái đẹp luôn thường trực trong trái tim những người tù cách mạng( Tố Hữu, Hồ Chí Minh). Bởi họ là những nhà thơ- những nghệ sĩ luôn trân trọng và sáng tạo nên cái đẹp. Họ phải vô cùng tinh tế, nhạy cảm với thiên nhiên( ngắm nhìn, lắng nghe, tưởng tượng...) mới vẽ nên được bức tranh mùa hè rộn rã âm thanh, rực rỡ sắc màu, ngọt ngào hương vị, tràn trề sức sống... ( *Khi con tu hú*); bức tranh đêm trăng đẹp đến “*nại nhược hà*?” ( *Ngắm trăng*) | 2,0 |
| ***b- Khát vọng tự do:***  -Trong bài “*Đề từ*” trên trang đầu cuốn *“ Nhật kí trong tù*” Hồ Chí Minh đã viết “ *Thân thể ở trong lao/ Tinh thần ở ngoàilao*” và Tố Hữu trong “ *Tâm tư trong tù*” cũng đã từng khẳng định “ *Tôi lắng nghe tiếng đời lăn náo nức/ Ở ngoài kia vuisướng biết bao nhiêu*”. Sống trong cảnh giam hãm tù ngục nhưng tâm hồn những người tù cách mạng luôn hướng ngoại, luôn muốn *“ vượt ngục*”, “ *đạp tan phòng*” đến với tự do, đến với con đường cách mạng còn dang dở. Quả thật “ *Xiềng xích chúng bay không khóa được/ Trời đầy chim và đất đầy hoa/ Súng đạn chúng bay không bắn được/ Lòng dân ta yêu nước thương nhà”* ( Nguyễn Đình Thi) | 2,0 |
| ***c- Ý chí cách mạng, tinh thần lạc quan yêu đời*:**  -Trong hoàn cảnh lao tù gian khổ, thiếu thốn ( cơm ăn, áo mặc, nước uống, chăn đắp, chỗ nằm... kể cả cái tối thiểu nhất là tự do cũng không có), bị tra tấn hết sức dã man... nhưng người tù cách mạng không thối chí nản lòng vẫn vượt lên tất cả, vẫn tìm về với cuộc sống, với cái đẹp, với con đường cách mạng mà họ đã lựa chọn. Với người tù Hồ Chí Minh, mở đầu bài thơ “ *Ngắm trăng*”là cảnh *“ Ngụctrung vô tửu diệc vô hoa*” nhưng kết thúc bài thơ không thấy bóng dáng “ tù nhân” đâu mà chỉ còn lại nhà thơ và trăng “ *Nguyệt tòng song khích khán thi gia*”. Với người tù Tố Hữu, mở đầu bài thơ *“ Khi con tu hú*” là tiếng chim tu hú “ *gọi bầy*” và kết thúc là “ *Con chim tu hú ngoài trời cứ kêu*”- tiếng chim như tiếng đời, tiếng gọi tự do; như giục giã, thôi thúc đấu tranh. | 2,0 |
| **III- Kết bài:**  ***-Khẳng định vấn đề:*** Vẻ đẹp tâm hồn của Hồ Chí Minh, Tố Hữu...những người tù cách mạng, những chiến sĩ cộng sản với tình yêu thiên nhiên, yêu cuộc sống; tinh thần lạc quan yêu đời; ý chí cách mạng...  ***-Suy nghĩ của bản thân:*** Đó là những hình ảnh đẹp là niềm ngưỡng vọng tự hào, là những tấm gương sáng ngời để thế hệ trẻ hôm nay và mai sau soi vào...tự xác định trách nhiệm của bản thân với đất nước. | 0,5 |

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**Đề 17.**

**ĐỀ THI HSG MÔN NGỮ VĂN 8**

**NĂM HỌC 2018 - 2019.**

**Thời gian: 90 phút**

**Câu 1: (7 điểm)**

Về cách bay của những đàn chim di cư, các nhà khoa học đã rút ra nhiều điều thú vị: *Trước hết chúng thường bay theo hình chữ V để tiết kiệm nhiều sức lực của mình trong những chuyến bay đường dài vô cùng mệt mỏi. Khi con chim đầu đàn xuống sức, nó sẽ chuyển sang vị trí bên cạnh và một con chim khác sẽ dẫn đầu. Đôi khi các con chim đằng sau đồng thanh kêu lên để động viên con chim đang ở vị trí đầu đàn, cũng là nhắc nhau giữ vững tốc độ. Nếu một con chim bị bệnh hay bị thương rơi xuống, hai con chim khác sẽ rời khỏi bầy để cùng hạ xuống với con chim bị thương và chăm sóc nó. Chỉ đến khi con chim bị thương có thể bay lại được hoặc là chết, chúng sẽ nhập vào một đàn khác và tiếp tục hành trình bay về phương Nam xa xôi.*

Từ những điều thú vị ấy, chúng ta nhận được nhiều bài học cho cuộc sống. bằng một đoạn văn nghị luận (không quá một trang giấy thi), trình bày theo cách diễn dịch, em hãy viết về những điều em nhận được từ đó.

**Câu 2: (13 điểm)**

Các bài thơ “*Khi con tu hú”, “Ngắm trăng”, “Đi đường”*…cho thấy người tù cách mạng đã vượt lên hoàn cảnh thực tại để giữ nguyên vẹn tâm hồn nhạy cảm, luôn bết yêu quí, rung động trước cái đẹp thiên nhiên và cuộc sống.

Bằng một văn bản nghị luận có sử dụng phép đảo trật tự từ trong câu và dùng tình thái từ để tạo câu cảm thán, em hãy làm sáng tỏ điều đó. (*Gạch chân phép đảo trật tự từ trong câu, tình thái từ, câu cảm thán đã được sử dụng và ghi chú rõ ràng)*

--------------------------------Hết---------------------------

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

**I.Hướng dẫn chung:**

**-** Đề bài gồm 2 câu: Câu 1 là nghị luận kiểm tra kiến thức xã hội, câu 2 là bài nghị luận kiểm tra kiến thức văn học…

*-* Giám khảo cần nắm vững yêu cầu của hướng dẫn chấm để đánh giá tổng quát bài làm của học sinh.

- Do đặc trưng của bộ môn Ngữ văn nên giám khảo cần chủ động, linh hoạt trong việc vận dụng đáp án và thang điểm; khuyến khích những bài viết có cảm xúc và sáng tạo.

- Điểm cho tới 0,5 và không làm tròn điểm.

**II. Hướng dẫn cụ thể và thang điểm:**

**1. Yêu cầu kĩ năng: ( Hướng dẫn chung cho cả hai câu)**

- Trình bày đúng yêu cầu về hình thức:

+ Câu 1: đoạn văn nghị luận theo hạn định, trình bày theo cách diễn dịch.

+ Câu 2: văn bản nghị luận chứng minh, có sử dụng phép đảo trật tự từ trong câu va dùng phép tình thái để tạo câu cảm thán ( gạch chân, ghi chú), bố cục 3 phần, có hệ thồng luận điểm,biết phân đoạn rõ ràng, mạch lạc.

- Thể hiện quan điểm đúng đắn, có ý nghĩa và nhất quán…

- Trình bày có trọng tâm, bố cục hợp lí…

- Diễn đạt tốt, sử dụng đa dạng các loại câu …

- Các kĩ năng cảm thụ thẩm mĩ, giao tiếp tiếng Việt…được thể hiện rõ nét.

**2. Yêu cầu kiến thức:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **1**  **7 điểm** | -Từ cách bay của đàn chim di cư, qua việc kết hợp những kiến thức, kĩ năng đã học về tinh thần đoàn kết, tương trợ và hợp tác trong nhóm, trong tập thể, học sinh cần rút ra những bài học thực tiễn của đời sống xã hội con người như:  + Các thành viên cần tôn trọng định hướng công việc của tập thể.  + Biết cảm thông, chia sẻ, động viên, giúp đỡ nhau mới tạo được sức mạnh để vượt qua mọi khó khăn để cùng hoàn thành nhiệm vụ.  + Luôn coi trọng sự hòa nhập, hợp tác.  -Đoạn văn có kết hợp giải thích với một vài dẫn chứng để chứng minh và biết liên hệ để thấy đoàn kết, tương trợ là truyền thống tốt đẹp của dân tộc ta. |  |
| **2**  **13 điểm** | **1. Yêu cầu kiến thức**  *- Học sinh biết vận dụng kiến thức đã nắm vững ở ba bài thơ từ đó khái quát và làm rõ vẻ đẹp về tinh thần và tâm hồn của người chiến sĩ cách mạng ( trọng tâm).*  ***\* Sau đây là một vài gợi ý dàn bài:*** |  |
| **Mở bài:** |  |
| Dẫn dắt, đưa vấn đề một cách hợp lí. Có báo phạm vi: chứng minh qua các bài thơ *“Khi con tu hú”, “Ngắm trăng”, “Đi đường”*… |  |
| **Thân bài:**  **\* Giới thiệu sơ lược về tác giả và hoàn cảnh ra đời các bài thơ.** |  |
| **\*Luận điểm 1:** Các bài thơ *“Khi con tu hú”, “Ngắm trăng”, “Đi đường”*… cho thấy người tù cách mạng đã vượt lên hoàn cảnh thực tại. Sau đó chứng minh làm sáng tỏ được luận điểm qua phân tích hoàn cảnh bị giam cầm nhưng các bài thơ vẫn sáng ngời ý chí cách mạng, phong thái ung dung, tinh thần lạc quan của người tù cách mạng  **\*Luận điểm 2: Tập trung làm rõ nội dung trọng tâm của đề bài:** Các bài thơ *“Khi con tu hú”, “Ngắm trăng”, “Đi đường”*…cho thấy người tù cách mạng đã vượt lên hoàn cảnh thực tại để giữ nguyên vẹn tâm hồn nhạy cảm, luôn bết yêu quí, rung động trước cái đẹp thiên nhiên và cuộc sống dù trong tù ngục. Qua các dẫn chứng,thí sinh biết phan tích, làm nổi bật vẻ đẹp tâm hồn qua những biểu hiện cụ thể ở mỗi bài.  + Bài thơ *“Khi con tu hú”*: bút pháp trữ tình, lãng mạn đã phác họa bức tranh mùa hè sôi động…cho thấy tâm hồn trẻ trung, nhạy cảmvới cái ẹp, yêu thiên nhiên, yêu cuộc sống… |  |
| + Hai bài thơ *“Ngắm trăng”, “Đi đường”* được sáng tác bằng chữ Hán, đậm màu sắc cổ điển là tiếng lòng của người chiến sĩ cách mạng trước nghịc cảnh vẫn hướng về thiên nhiên, với tình yêu say mê, tràn đầy cảm hứng của tâm hồn luôn vươn từ bóng tối ra ánh sáng; niềm vui sướng bồi hồi, hạnh phúc trước thiên nhiên… |  |
| **\*Đánh giá, nâng cao**: Khẳng định những sáng tạo nghệ thuật chân chính của hai tác giả, hai chiến sĩ cách mạng đã hướng ta tới khát vọng tự do, trân trọng cái đẹp, yêu quê hương, đất nước… |  |
| **Kết bài:** |  |
| Đánh giá: Khẳng định lại nội dung đã được triển khai. |  |
| Liên hệ: Nêu ý nghĩa, tác dụng và suy nghĩ chân thành về vấn đề đã đề cập. |  |
| **Chú ý yêu cầu**: sử dụng phép đảo trật tự từ trong câu và dùng tình thái từ, câu cảm thán đã được sử dụng và ghi chú rõ ràng (gạch chân). Không đáp ứng hoặc sai thì trừ từ 0,5 tới 2,0 điểm… |  |

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**ĐỀ 18**

**ĐỀ THI HỌC SINH GIỎI MÔN NGỮ VĂN**

**NĂM HỌC**

**Thời gian: 150 phút**

**ĐỀ BÀI**

**Câu 1:** (4,0 điểm)

Cảm nhận của em về đoạn thơ sau:

*Gió may nổi bờ tre buồn xao xác*

*Trên ao bèo tàn lụi nước trong mây*

*Hoa mướp rụng từng đóa vàng rải rác*

*Lũ chuồn chuồn nhớ nắng ngẩn ngơ bay*.

(Sang thu - Anh Thơ )

**Câu 2:** (6,0 điểm)

Amonimus cho rằng: *Con đường gần nhất để ra khỏi gian nan là đi xuyên qua nó.*Nhưng có người lại khuyên: *Hãy học cách ứng xử của dòng sông: gặp trở ngại, nó vòng đường khác.*

Hãy bày tỏ quan điểm của em về những ý kiến trên.

**Câu 3:** (10,0 điểm)

Có ý kiến cho rằng: *Thơ mới thể hiện lòng yêu nước ở nhiều khía cạnh khác nhau*.

Qua một số bài thơ thuộc dòng văn học lãng mạn trong chương trình ngữ văn lớp 8, em hãy làm sáng tỏ nhận định trên.

……………………..Hết………………………

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

**A. HƯỚNG DẪN CHUNG**

- Đánh giá điểm tối đa khi đảm bảo đầy đủ các yêu cầu về kiến thức và kĩ năng.

- Do đặc trưng của bộ môn Ngữ văn nên GV cần chủ động, linh hoạt trong việc vận dụng đáp án và thang điểm; khuyến khích những bài viết có cảm xúc, sáng tạo.

- Điểm toàn bài thi là tổng điểm thành phần của từng câu, cho điểm lẻ đến 0,25.

**B. HƯỚNG DẪN CỤ THỂ**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Yêu cầu** | **Điểm** |
| **Câu 1** | **Cảm nhận của em về đoạn thơ sau:**  ***Gió may nổi bờ tre buồn xao xác***  ***Trên ao bèo tàn lụi nước trong mây***  ***Hoa mướp rụng từng đóa vàng rải rác***  ***Lũ chuồn chuồn nhớ nắng ngẩn ngơ bay*.** | **4,0** |
|  | **1. Yêu cầu về kĩ năng**: Học sinh viết thành một đoạn văn cảm nhận được giá trị về nội dung và nghệ thuật của đoạn thơ.  **2. Yêu cầu về kiến thức**:  - Đoạn thơ là bức tranh thiên nhiên mùa thu điển hình của làng quê Bắc Bộ với những hình ảnh, cảnh vật đơn sơ, giản dị, man mác buồn nhưng đầy gợi cảm.  - Bức tranh thu được vẽ bằng màu sắc rất thu: Bức tranh tràn ngập một màu vàng đặc trưng: màu vàng hoa mướp, màu vàng của nắng, màu vàng của cánh chuồn chuồn.  - Trời mới chớm thu, tất cả cảnh vật phơi bày nội tâm đầy bí ẩn của mình. Bằng việc sử dụng tinh tế biện pháp nghệ thuật nhân hóa kết hợp với các từ láy giàu giá trị biểu cảm, Anh Thơ đã khảm vào "*bờ tre*" nỗi buồn "*xào xạc"'*, vào cánh chuồn kia một chút "*ngẩn ngơ*" vì nhớ "*nhớ nắng*". Vẻ đẹp của đất thi vị của mùa thu làng quê Bắc Bộ qua con mắt tinh tế giản dị của nữ nhà thơ vùng đất Bắc Giang - Anh Thơ.  - Thể hiện tình yêu, sự gắn bó của nhà thơ đối với thiên nhiên, quê hương, đất nước. | 0,5  1,0  1,0  1,0  0,5 |
| **Câu 2** | **Amonimus cho rằng: *Con đường gần nhất để ra khỏi gian nan là đi xuyên qua nó.*Nhưng có người lại khuyên: *Hãy học cách ứng xử của dòng sông: gặp trở ngại, nó vòng đường khác.***  **Hãy bày tỏ quan điểm của em về những ý kiến trên.** | **6,0** |
|  | **1. Yêu cầu về kĩ năng**:  - Biết cách làm bài nghị luận xã hội về tư tưởng, đạo lí. - Vận dụng nhuần nhuyễn, linh hoạt các thao tác lập luận: giải thích, chứng minh, bình luận, so sánh, phản bác, ... - Lời văn trong sáng, diễn đạt rõ ràng, mạch lạc, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp. | 0,5 |
|  | **2. Yêu cầu về kiến thức:**  **a. Giải thích:**  - Ý kiến 1: Cuộc sống ngắn ngủi, con người sẽ không đủ thời gian để thực hiện ước mơ, vì vậy không nên mơ ước quá nhiều, quá xa rời thực tại. - Ý kiến 2: Con người cần mơ ước nhiều hơn, khát khao mãnh liệt hơn để đủ sức mạnh biến những điều mơ ước thành hiện thực. | 1,0 |
|  | **b. Bàn luận:**  - Ước mơ và khát vọng sống làm nên vẻ đẹp cuộc sống: Trong cuộc sống, nếu không có nhiều mơ ước, không có những ước mơ cao, xa, con người sẽ không thể vượt lên thực tại để thực hiện những điều tốt đẹp, kì diệu. - Không nên ước mơ xa vời, viễn vông, ước mơ phải thiết thực: Không phải cứ ước mơ thật nhiều, khát khao mãnh liệt thì tất cả đều trở thành hiện thực. - Phải biết kết hợp giữa ước mơ và thực tại, ước mơ phải bắt nguồn từ cuộc sống. Phải theo đuổi ước mơ nhưng đừng mơ ước hão huyền. - Hai ý kiến trên bổ sung cho nhau, có ý nghĩa hướng con người vươn tới lối sống đẹp, sống có ý nghĩa. | 1,0  1,0  0,5  0,5 |
|  | **c. Bài học nhận thức, hành đông:**  - Phải biết kết hợp ước mơ và thực tại, ước mơ phải bắt nguồn từ cuộc sống, phải có ước mơ, có những khao khát mãnh liệt, cháy bỏng nhưng đừng mơ ước hão huyền.  - Phải vạch ra những kế hoạch để biến ước mơ thành hành động. - Phải trau dồi tri thức, phải rèn luyện ý chí, những kĩ năng sống, rèn đức luyện tài để có khả năng biến ước mơ thành hiện thực. | 0,5  0,5  0,5 |
| **Câu 3** | **Có ý kiến cho rằng: *Thơ mới thể hiện lòng yêu nước ở nhiều khía cạnh khác nhau*.**  **Qua một số bài thơ thuộc dòng văn học lãng mạn trong chương trình ngữ văn lớp 8, em hãy làm sáng tỏ nhận định trên.** | **10,0** |
|  | **1. Yêu câu về kỹ năng:**  Viết một bài văn nghị luận về tác phẩm, đoạn trích thơ trữ tình với những yêu cầu cụ thể sau:  - Hình thức một bài văn: bố cục rõ ràng, lập luận chặt chẽ, có sự phân tích, bình giá, cảm thụ về nội dung cảm xúc, các yếu tố nghệ thuật (ngôn từ, hình ảnh, thể thơ, nhịp điệu, các thủ pháp tu từ…)  - Diễn đạt rõ ràng, linh hoạt, uyển chuyển; không mắc các lỗi viết câu, dùng từ, chính tả.  **2. Yêu cầu về kiến thức:**  **a. Giới thiệu vấn đề nghị luận:**  - Giới thiệu khái quát sự ra đời của thơ mới và những đặc trưng cơ bản của thơ mới.  - Dẫn dắt ý kiến của đề bài.  **b. Chứng minh lòng yêu nước trong thơ mới:**  - Yêu nước là nỗi chán ghét cuộc sống ngục tù, nô lệ; là niềm khao khát tự do mãnh liệt. ( Chứng minh qua Nhớ rừng, Thế Lữ).  - Yêu nước là niềm tiếc nuối những nét đẹp văn hóa, những giá trị truyền thống của dân tộc đã bị quên lãng, biến mất. ( Chứng minh qua Ông đồ, Vũ Đình Liên).  - Yêu nước còn là nỗi nhớ quê hương da diết của người con xa quê ( Chứng minh qua Quê hương, Tế Hanh).  **c. Đánh giá chung:**  Các tác phẩm thơ mới với những lối viết mang đậm cá tính của nhà thơ, với cảm xúc, tư tưởng riêng nhưng đều thể hiện tâm sự yêu nước thầm kín. Đây cũng là đặc trưng của thơ mới giai đoạn 1930- 1945. | 1,0  1,0  3,0  2,0  2,0  1,0 |

***\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\****

***ĐỀ 19***

**KỲ THI OLYMPIC**

Môn thi: **NGỮ VĂN 8**

Thời gian làm bài: 150 phút

**ĐỀ BÀI**

**Câu 1** (*8,0 điểm*)

Truyền thống đầu năm 2017 phản ánh về tinh thần chen lấn, xô đẩy, cướp lộc, đốt vàng mã ở một số lễ hội như sau:

“Sáng ngày 2 – 2 (mùng 6 tháng giêng) lễ hội chùa Hương đã long trọng diễn ra. Sau khi kết thúc màn khai hội, một nhà sư đã có hành động phát lộc (dây chỉ đỏ đeo cổ có hình đức Phật)... Hành động này đã khiến du khách chen lấn, xô đấy, giành giật, gây ra hình ảnh không đẹp mắt tại nơi thờ tự.”

(Theo An ninh Thủ đô, ngày 3 tháng 2 năm 2017)

“Tại sân đền Thiên Trường, cảnh cướp lộc cầu may lại tái diễn. Những người vào đến đền đầu tiên lập tức lao đến bàn thờ Trung Thiên đặt ở sân đền và bàn thờ trong đề giật lấy bất cứ cành lộc, hoa nào đang bày tại đây để làm vật cầu may.

Lúc 23 giờ 55 phút, sau khi hoàn thành thủ tục đóng dấu khai ấn, Bân tổ chức quyết định mở hàng rào cho người dân, du khách vào trong đền Thiên trường và Cổ Trạch làm lễ. Ngay lập tức, tại đây diễn ra cảnh chen lấn, xô đẩy, thậm chí leo trèo, dẫm đạp lên nhau để tiến vào đền.”

(Theo Báo mới, ngày 11 tháng 2 năm 2017)

“Có lẽ không ở đâu mà lòng thành của người lễ “quy đổi” rõ ràng như ở đền Bà Chúa Kho... Tiến lễ xong, từng đoàn mâm lớn mâm bé lại được đốt thành tro. Nguyên buổi sáng, bể hóa vàng tại đây liên tục được tiếp lửa không ngơi. Tính ra, mỗi năm cả trăm tỷ đồng tiền thật đã được hóa tro tại đây theo cách này.”

(Theo VTV 24, Đốt vàng mã, lãng phí tiền tỉ, Ngày 3 tháng 2 năm 2017)

Em có suy nghĩ gì về các hiện tượng chen lấn, xô đẩy, cướp lộc cầu may và đốt vàng mã trong các lễ hội như truyền thống nêu trên.

**Câu 2** (*12 điểm*)

Đánh giá về phong trào Thơ mới, ông Nguyễn Đăng Mạnh cho rằng:

“Thơ mới thuộc vào mạch văn dân tộc không chỉ ở hình thức mà còn ở nội dung nữa. Lòng yêu nước, tinh thần dân tộc là nguồn tình cảm đáng trân trọng nhất của nó...”.

Qua các bài thơ “Nhớ rừng” của Thế Lữ, “Ông đồ” của Vũ Đình Liên, “Quê hương” của Tế Hanh và các bài thơ khác thuộc phong trào Thơ mới mà em biết hãy làm sáng tỏ ý kiến: “*Lòng yêu nước, tinh thần dân tộc là nguồn tình cảm đáng trân trọng nhất của nó*...”

..............................Hết..................................

**ĐÁP ÁN**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **Câu** | **NỘI DUNG** |  |
| **Câu 1** (*8,0 điểm*) | **1. Yêu cầu về kỹ năng**  - Nắm vững phương pháp làm bài nghị luận xã hội. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận có đủ ba phần: mở bài - thân bài – kết bài.  - Diễn đạt ít mắc lỗi chính tả, ngữ pháp ; văn viết trôi chảy, thuyết phục ; dùng từ, đặt câu phù hợp.  - Thể hiện sâu sắc vấn đề nghị luận xã hội.  - Bài viết có ý sáng tạo (nhưng phải phù hợp). |  |
|  | **2. Yều cầu về nội dung:**  **2.1. Mở bài**: Giới thiệu hiện tượng: chen lấn, xô đẩy, cướp lộc, đốt vàng mã ở một số lễ hội  **2.2. Thân bài:**  - Phân tích nguyên nhân:  + Thể hiện niềm tin mù quáng của con người vào các lực lượng siêu nhiên (thánh, thần, trời, phật,...)  + Phản ánh sự tham lam, thiếu hiểu biết ở một số người khi tham gia lễ hội.  + Bộc lộ sự kém cỏi về ý thức văn hóa của một số người khi tham gia lễ hội.  - Đánh giá tác hại:  + Gây lên tình trạng phản cảm, hỗn loạn, mất trật tự ở chốn tôn nghiêm ; làm mất hình ảnh đẹp đẽ của các danh thắng, di tích trong con mắt du khách.  + Gây ảnh hưởng tới sức khỏe của người tham gia lễ hội (tranh cướp, xô đẩy nhau có thể dẫn đến thương tích, đánh nhau,...).  + Tạo điều kiện cho bọn buôn thần bán thánh phát triển, lợi dụng.  + Lãng phí tiền của.  + Gây ô nhiễm môi trường.  - Bày tỏ thái độ:  + Đi lễ chùa, đình, đền đầu năm là một phong tục đẹp của người Việt Nam. Đến chùa, đình, đền con người được thư giãn, vãn cảnh ; được mở rộng hiểu biết về non sông đất nước hoặc truyền thống lịch sử. Đồng thời đến đền, đình, chùa lễ phật, thánh, thần chúng ta thể hiện sự biết ơn đối với tiền nhân và phần nào cũng tạo được tâm lí lạc quan cho con người trong công việc và cuộc sống. Tuy nhiên chúng ta cần phải đến đình, đền, chùa với một thái độ và hành vi có văn hóa để tạo hình ảnh đẹp cho các lễ hội.  + Phê phán hiện tượng chen lấn, xô đẩy, cướp lộc, đốt vàng mã.  - Đề xuất ý kiến:  + Các nhà chùa, đình, đền cần phải hướng dẫn, giáo dục du khách, phật tử khi tham gia lễ hội.  + Nhà nước phải có các biện pháp quản lí : tuyên truyền, giáo dục nhân dân khi tham gia lễ hội ; xử lý nghiêm túc các hiện tượng vi phạm ; tăng cường an ninh bảo vệ các lễ hội.  **2.3. Kết bài:**  - Khẳng định lại hiện tượng chen lấn, xô đẩy, cướp lộc, đốt vàng mã ở một số lễ hội là phản cảm, đáng phê phán.  - Rút ra bài học cho bản thân khi tham gia lễ hội. |  |
| **Câu 2** (*12 điểm*) | **1. Yêu cầu về kỹ năng**  - Nắm vững phương pháp làm bài nghị luận. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận có đủ ba phần: mở bài - thân bài – kết bài.  - Diễn đạt ít mắc lỗi chính tả, ngữ pháp ; văn viết trôi chảy, thuyết phục ; dùng từ, đặt câu phù hợp.  - Xác định đúng vấn đề nghị luận (*Lòng yêu nước, tinh thần dân tộc là nguồn tình cảm đáng trân trọng nhất của nó)*, triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm, vận dụng tốt các thao tác lập luận ; kết hợp tốt lí lẽ và dẫn chứng để làm sáng tỏ vấn đề.  - Bài viết có ý sáng tạo (nhưng phải phù hợp). |  |
|  | **2. yêu cầu về nội dung**  **2.1. Mở bài** : Dẫn dắt và nêu được vấn đề cần làm sáng tỏ  **2.2. Thân bài :**  - Giải thích : *Lòng yêu nước, tinh thần dân tộc là nguồn tình cảm đáng trân trọng nhất của nó.*  Trong hoàn cảnh mất nước, các tác giả Thơ mới không giống như các nhà thơ yêu nước và cách mạng là trực tiếp tố cáo tội ác của giặc Pháp và bọn tay sai hay trực tiếp kêu gọi đấu tranh, cứu nước mà đã kín đáo gửi gắm lòng yêu nước một cách thầm kín, gián tiếp : ca ngợi vể đẹp của con người và cảnh vật quê hương ; bày tỏ khát khao được tự do và nỗi tủi nhục, mất tự do của thân phận người dan nô lệ ; thể hiện sự luyến tiếc về một vẻ đẹp truyền thống văn hóa của dân tộc đã bị mai một, lãng quên... Lòng yêu nước, tinh thần dân tộc này là một đóng góp của Thơ mới vào kho tàng thi ca của dân tộc. Nguồn tình cảm này cũng rất quý giá, đáng trân trọng.  - Chứng minh:  + Ca ngợi vẻ đẹp của con người và cảnh vật quê hương: *Quê hương* – Tế Hanh.  + Thể hiện nỗi tủi nhục, mất tự do và khao khát được tự dom của thân phận người dân nô lệ qua hình ảnh con hổ: *Nhớ rừng* – Thế Lữ.  + Bày tỏ sự luyến tiếc về một vẻ đẹp văn hóa truyền thống của dân tộc đã bị mai một, lãng quên: *Ông đồ* - Vũ Đình Liên.  **2.3. Kết bài:**  - Khẳng định ý kiến của Nguyễn Đăng Mạnh là đúng.  - Rút ra thái độ của mình với các tác phẩm Thơ mới có nội dung yêu nước, có tinh thần dân tộc: trân trọng, giữ gìn... |  |

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**ĐỀ 20**

**ĐỀ KHẢO SÁT HỌC SINH GIỎI CẤP HUYỆN**

**Môn: Ngữ văn 8**

**Năm học: 2017-2018**

Thời gian làm bài: 150 phút, không kể thời gian giao đề.

**ĐỀ BÀI**

**Câu 1.** (*5,0điểm)*

Chỉ ra và phân tích giá trị của biện pháp tu từ trong đoạn thơ sau:

*“Ông trời   
Mặc áo giáp đen  
Ra trận  
Muôn nghìn cây mía  
Múa gươm  
Kiến  
Hành quân   
Đầy đường”*  
(Trần Đăng Khoa - ***Mưa***)

**Câu 2.***(5,0 điểm)*

Viết một đoạn văn nghị luận *(không quá một trang giấy thi)* trình bày suy nghĩ của em về lời tâm sự của nữ nhà văn Mĩ Helen Keller: *“Tôi đã khóc vì không có giày để đi cho đến khi tôi nhìn thấy một người không có chân để đi giày”.*

**Câu 3.***(10,0 điểm)*

*"Tôi đọc trăm bài trăm ý đẹp*

*Ánh đèn tỏa rạng mái đầu xanh*

*Vần thơ của Bác vần thơ thép*

*Mà vẫn mênh mông bát ngát tình".*  
                                                          (Hoàng Trung Thông)

Em hiểu thế nào về ***chất thép, chất tình*** trong đoạn thơ trên? Qua hai bài thơ *Ngắm trăng*, *Đi đường* trong tập *Nhật kí trong tù* của Hồ Chí Minh em hãy làm sáng tỏ vấn đề đó.

**-----------------------Hết------------------------**

**ĐÁP ÁN**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **Câu 1.** (*5,0điểm)* |  | **5,0** |
| **- Biện pháp tu từ:** Nhân hóa | 0.5 |
| + Bầu trời được gọi là “ông”, có hành động “ mặc áo giáp”, “ra trận”. | 0,5 |
| + Mía “múa gươm”. | 0.25 |
| + Kiến “hành quân”. | 0,25 |
| **- Giá trị biểu đạt của các biện pháp tu từ:** |  |
| + Biện pháp nhân hóa kết hợp với sự liên tưởng, tưởng tượng phong phú đã tái hiện cảnh trời sắp mưa ở làng quê giống như cảnh tượng một cuộc ra trận của con người với khí thế mạnh mẽ, khẩn trương. | 1,0 |
| + Bầu trời đầy mây đen trở thành vị tướng mặc áo giáp đen đang dẫn quân xuất trận. | 0,5 |
| + Vườn mía với muôn nghìn cây lá dài, sắc nhọn quay cuồng, ngả nghiêng trong gió được hình dung thành những lưỡi gươm khua lên trong tay các chiến sĩ của một đội quân đang múa gươm, chuẩn bị ra trận. | 0,5 |
| + Kiến đi tránh mưa từng hàng dài, có hàng lối thành đoàn quân đang hành quân vội vàng. | 0,5 |
| + Với việc sử dụng biện pháp tu từ nhân hóa khiến cho cảnh vật thiên nhiên bình dị ở làng quê trở nên sống động, có hồn, gần gũi với con người. | 0,5 |
| => Đoạn thơ cho thấy cách cảm nhận tinh tế, trong sáng, rất trẻ thơ của tác giả, qua đó khơi gợi tình yêu thiên nhiên làng quê, yêu cuộc sống nơi bạn đọc. | 0,5 |
| **Câu 2.***(5,0 điểm)* |  | ***5,0*** |
| ***\* Yêu cầu về kĩ năng:*** Thí sinh viết được đoạn văn nghị luận giải thích ngắn *(không quá một trang giấy thi)*. Bài viết có bố cục rõ ràng, lập luận chặt chẽ, diễn đạt lưu loát; không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu | 0,5 |
| **\* Yêu cầu về kiến thức:** Thí sinh trình bày được nội dung cơ bản của đề bài: bài học rút ra từ lời tâm sự của nữ nhà văn Mĩ Helen Keller: “Tôi đã khóc vì không có giày để đi cho đến khi tôi nhìn thấy một người không có chân để đi giày”. |  |
| \* Giải thích:  - “khóc”: Sự buồn bã, đau xót và tuyệt vọng, buông xuôi | 0,25 |
| - “không có giày để đi”: Hoàn cảnh thiếu thốn, khó khăn (về vật chất). | 0,25 |
| - “không có chân để đi giày”: Hoàn cảnh bất hạnh, nghiệt ngã (của số phận). | 0,5 |
| - *“đã… cho đến khi”:* Sự nhận thức, “ngộ” ra vấn đề cuộc sống. | 0,5 |
| -> Ý nghĩa của lời tâm sự:Sự thiếu thốn, khó khăn của riêng ta chẳng thấm gì nếu so sánh với những xót đau, bất hạnh của nhiều người khác quanh ta. | 0,5 |
| \* Bình luận - Rút ra bài học:  - Cuộc sống của mỗi người vốn luôn có thể gặp nhiều khó khăn, trắc trở. Trước những điều đó, con người nếu thiếu bản lĩnh, nghị lực và nhận thức dễ buồn đau, thất vọng, buông xuôi. | 0,5 |
| - Tuy nhiên, nếu bước ra cuộc đời, hoặc nhìn lại xung quanh, ta sẽ thấy còn có những con người phải chịu những thiệt thòi, bất hạnh hơn ta rất nhiều. | 0,5 |
| - Nhận thức về điều đó, một mặt, ta phải tự vươn lên hoàn cảnh của chính mình, bởi thực ra nó chưa thực sự đáng sợ như ta nghĩ; mặt khác phải hiểu rằng: chính hoàn cảnh khó khăn ấy là sự thử thách, tôi luyện để ta ngày càng trưởng thành, hoàn thiện. | 0,5 |
| - Cuộc sống của mỗi người được quyết định bởi sự tự nhận thức, bản lĩnh và nghị lực vươn lên không ngừng. Hơn thế nữa, ta còn phải nhìn ra cuộc đời để nhận biết, đồng cảm, chia sẻ; từ đó có thêm động lực, thêm tin yêu để sống, làm việc và cống hiến. | 0,5 |
| - Khẳng định lại vấn đề, liên hệ thực tế, định hướng hành động của bản thân. | 0,5 |
| **Câu 3.***(10,0 điểm)* |  | **10,0** |
| **1. Yêu cầu về kĩ năng:** Học sinh viết được bài văn nghị luận văn học. Bố cục đầy đủ, rõ ràng, kết cấu chặt chẽ; diễn đạt lưu loát, mạch lạc, không mắc các lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp,... | 1,0 |
| **2. Yêu cầu về kiến thức:** Học sinh có thể vận dụng tổng hợp các thao tác nghị luận để thấy được rõ *chất thép, chất tình* trong hai bài thơ *“Ngắm trăng”* và *“Đi đường”* của Hồ Chí Minh. Bài viết có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau, song cần đạt một số yêu cầu sau: |  |
| **\* Mở bài:** Giới thiệu vấn đề nghị luận. | 1,0 |
| **\* Thân bài:** |  |
| - Giải thích: |  |
| + Chất thép được hiểu là tinh thần "thép" vượt lên trên hoàn cảnh; sự tự do về mặt tinh thần, tinh thần lớn lao, cao cả; lạc quan tin tưởng vào thắng lợi của cách mạng. | 1,0 |
| + Chất tình chính là tâm hồn nghệ sĩ nhạy cảm trước vẻ đẹp của thiên nhiên, yêu thiên nhiên tha thiết, mãnh liệt. | 1,0 |
| - Chứng minh: |  |
| *Bài "Ngắm trăng"*  + Chất thép: Cuộc vượt ngục về mặt tinh thần, tinh thần lạc quan yêu đời*.* | 1,0 |
| + Chất tình: Yêu trăng, băn khoăn, bối rối không biết lấy gì để thưởng trăng, cho xứng với vẻ đẹp có trăng; trăng và thi nhân có cuộc giao cảm độc đáo... *(dẫn chứng).* | 1,0 |
| *Bài "Đi đường"*  + Chất thép: Vượt lên trên hoàn cảnh gian khó của quãng đường đèo núi khi bị giải từ nhà lao này đến nhà lao khác mà Bác đã trải qua *(dẫn chứng).* | 1,0 |
| + Chất tình: Sự mãn nguyện với cảnh đẹp thiên nhiên mở ra khi lên đến đỉnh cao nhất *(dẫn chứng).* | 0,5 |
| + Lớp nghĩa ẩn dụ bộc lộ chất thép: tin tưởng vào thắng lợi to lớn của cách mạng sau khi trải qua muôn vàn khó khăn, thử thách... | 0,5 |
| **- Đánh giá:** Chất thép chất tình hòa quyện trong thơ Bác, nó có mối quan hệ độc đáo. Đó cũng là vẻ đẹp "chiến sĩ" và "thi sĩ" trong thơ Bác. | 1,0 |
| **\* Kết bài:** |  |
| - Khẳng định lại vấn đề nghị luận.  - Suy nghĩ của bản thân về nhân cách của Người. | 1,0 |
|  | | |

**---------------------------------Hết---------------------------------**

ĐỀ 21

**ĐỀ THI OLYMPIC MÔN NGỮ VĂN 8**

**NĂM HỌC: 2019 - 2020**

*Thời gian làm bài: 120 phút*

**PHẦN I: ĐỌC - HIỂU (*4.0 điểm*)**

Đọc phần trích sau và thực hiện các yêu cầu:

...*Một buổi sáng mùa thu rỗi rãi, trời hơi lành lạnh, ngồi ăn một bát phở gà có đủ rau mùi,hành sống, vừa ăn vừa nghĩ thì phở gà cũng có một phong vị riêng của nó, khác hẳn phở bò. Điều người ta nhận thấy trước nhất là phở gà thanh hơn phở bò: thịt dùng vừa đủ chứ không nhiều; ở giữa đám bánh phở nổi lên mấy miếng thịt gà thái nhỏ xen mấy sợi da vàng nhạt, điểm mấy cọng hành sống xanh lưu ly, mấy cái rau thơm xanh nhạt, vài miếng ớt đỏ tươi. Tất cả những thứ đó tắm trong nước dùng thật trong đã làm cho bát phở gà như có phong vị của một cô gái thanh tân, như sánh với bát phở bò với chàng trai hào khí bốc lên ngùn ngụt.*

*Thường thường, ngoài thịt gà thái mỏng, vẫn có những miếng gan, lòng, mề, tiết thái nhỏ đệm vào cho vui mắt và vui miệng.*

( Theo *Vũ Bằng – Miếng ngon Hà Nội)*

*a.* Phần trích trên được viết theo phương thức biểu đạt chính nào

*b.* Người viết đã dùng những thủ pháp gì để làm rõ nội dung?

*c.* Tìm và đặt tên cho 2 trường từ vựng có trong đoạn .

*d.* Dấu hai chấm có trong đoạn được dùng để làm gì ?

**PHẦN II: LÀM VĂN (14,0 điểm)**

**Câu 1*(4.0 điểm)***

Viết hai đoạn văn theo cách diễn dịch trình bày cảm nhận của em về số phận và vẻ đẹp của nhân vật Lão Hạc trong trong truyện ngắn cùng tên của Nam Cao.

**Câu 2*(12.0 điểm)***

Cảm nhận của em về những bức tranh thiên nhiên trong các bài thơ *Nhớ rừng* của Thế Lữ và *Khi con tu hú* của Tố Hữu

------------------ HẾT ------------------

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

**I. HƯỚNG DẪN CHUNG**

- Giám khảo cần nắm bắt được nội dung trình bày trong bài làm để đánh giá một cách tổng quát, tránh đếm ý cho điểm.

- Cần chủ động linh hoạt trong việc vận dụng đáp án và thang điểm, khuyến khích những bài viết giàu cảm xúc, sáng tạo. Coi trọng kĩ năng và năng lực tư duy

- Tổng điểm trong bài là 20 điểm, chi tiết điểm đến 0,5 điểm

**II. HƯỚNG DẪN CỤ THỂ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **PHẦN/ CÂU** | **Ý** | **NỘI DUNG** | **ĐIỂM** |
| **I** | **ĐỌC – HIỂU** | | **4,0** |
|  | **a** | Phương thức biểu đạt chính được sử dụng: Thuyết minh | 1,0 |
| **b** | Thủ pháp đối chiếu, so sánh | 1,0 |
| **c** | HS xác định và đặt tên được 2 trong các trường từ vựng:  - Gia vị: mùi, hành, rau thơm, ớt  - Thịt gà: da, gan, lòng, mề, tiết  - Màu sắc: vàng nhạt, xanh lưu ly, xanh nhạt, đỏ tươi.  - Phở: gà, bò, bánh phở, nước dùng | 1,0 |
| **d** | Dấu hai chấm báo trước sự xuất hiện của một bộ phận giải thích | 1,0 |
| **II** | **LÀM VĂN** | | **14 ,0** |
| **Câu 1**  **(4,0 )** | \* | **Về kĩ năng** |  |
|  | Đảm bảo cấu trúc một đoạn văn đúng cách diễn dịch. Tìm đúng luận điểm.Lập luận và triển khai ý tốt. Diễn đạt mạch lạc rõ ràng, trong sáng, ngắn gọn. Có sự liên kết 2 đoạn. (Nếu HS nhập thành một đoạn mà diễn đạt tốt 2 ý thì cho không quá 3,0 điểm |  |
| **\*** | **Về kiến thức:** |  |
|  | - Học sinh cảm nhận được.  *1. Lão Hạc là một lão nông có số phận đau khổ*:  - nhà nghèo, vợ chết sớm, con trai bỏ đi làm phu đồn điền , sống cô đơn thui thủi, tai họa dồn dập; tình cảnh sống cùng quẫn, không lối thoát, chết bi thảm.  2. *Lão Hạc là một lão nông có vẻ đẹp nhân cách đáng trọng.*  + Hiền lành, nhân hậu  + Rất mực thương con  + Giàu lòng tự trọng | 2,0  2,0 |
| **Câu 2 (12,0)** | \* | **Yêu cầu về kĩ năng** |  |
|  | Học sinh làm đúng kiểu bài nghị luận văn học.  - Bố cục cân đối, luận điểm rõ ràng, lập luận chặt chẽ. Dẫn chứng phù hợp, biết bám vào hình tượng ngôn ngữ để phân tích dẫn chứng. Diễn đạt mạch lạc, khúc chiết . | 1,0 |
|  | **Yêu cầu về kiến thức** | 11.0 |
|  | Học sinh có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau tuy nhiên bài làm cần đảm bảo các ý sau: |  |
|  | ***1. Đó là những bức tranh đẹp được vẽ bằng ngôn ngữ:***  - Bức tranh rừng thiêng trong bài *Nhớ rừng* đẹp một vẻ đẹp vừa hùng vĩ, hoang dã, phi thường vừa rực rỡ, tráng lệ và thơ mộng (Đoạn cảnh sơn lâm và bộ tranh tứ bình ...) được vẽ bằng ngôn ngữ thơ đẹp giàu hình ảnh, nhạc điệu của Thế Lữ.  - Bức tranh mùa hè trong bài *Khi con tu hú* mang vẻ đẹp tươi vui, khoáng đãng , thanh bình và tràn đầy sức sống... ( qua sắc màu, âm thanh, hương vị...) được vẽ bằng lời thơ trong sáng, mượt mà của Tố Hữu.  ***2. Những bức tranh thiên nhiên ấy*** đều thể hiện tâm tưởng của nhân vật trữ tình trong hoàn cảnh tù ngục.  Là biểu tượng cho cái đẹp, cái cao cả; là hình ảnh của cuộc sống phóng khoáng và tự do.  Đằng sau bức tranh là vẻ đẹp của hồn thơ lãng mạn và hồn thơ cách mạng. |  |
|  |  |  |

**-------------------------------- Hết -------------------------------**

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**ĐỀ 22**

|  |  |
| --- | --- |
|  | **ĐỀ THI HSG LỚP 8**  **Năm học 2019-2010**  **Môn: Ngữ văn** |

**I. ĐỌC HIỂU (4.0 điểm)**

**Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:**

*Jonathan, một người có bộ óc thông minh, nhanh nhạy trong những phân tích về tình hình kinh tế, ông sống và làm việc hết sức chăm chỉ. Hiện Jonathan đang là một tỉ phú. Và Authur cũng là một người có trí thông minh không kém, chỉ cần ba mươi phút để giải ô chữ của tờ NewYork Times, phân tích tình hình kinh tế Mĩ Latinh trong vòng nửa giờ và tính nhẩm nhanh hơn hầu hết mọi người dù họ có dùng máy tính. Nhưng hiện giờ, Authur đang là tài xế của Jonathan. Điều gì giúp Jonathan đường hoàng ngồi ở băng ghế sau của xe limousine còn Authur thì ở phía trước cầm lái? Điều gì phân chia mức độ thành đạt của họ? Điều gì giải thích sự khác biệt giữa thành công và thất bại?*

*Câu trả lời nằm trong khuôn khổ một cuộc nghiên cứu của trường đại học Standford. Những nhà nghiên cứu tập hợp thật đông những trẻ em từ 4 đến 6 tuổi, sau đó đưa chúng vào một căn phòng và mỗi em được phát một viên kẹo. Chúng được giao ước: có thể ăn viên kẹo ngay lập tức hoặc chờ thêm mười lăm phút nữa sẽ được thưởng thêm một viên kẹo cho sự chờ đợi. Một vài em ăn kẹo ngay lúc đó. Những em khác thì cố chờ đợi để có phần kẹo nhiều hơn. Nhưng ý nghĩa thực sự của cuộc nghiên cứu chỉ đến mười năm sau đó, qua điều tra và theo dõi sự trưởng thành của các em. Các nhà nghiên cứu nhận thấy rằng những đứa trẻ kiên trì chờ đợi phần thưởng đã trưởng thành và thành đạt hơn so với những trẻ vội ăn ngay viên kẹo.*

*Điều đó được giải thích ra sao? Điểm khác biệt mấu chốt giữa thành công và thất bại không chỉ đơn thuần là làm việc chăm chỉ hay sở hữu bộ óc của thiên tài mà đó chính là khả năng trì hoãn những mong muốn tức thời. Những người kiềm chế được sự cám dỗ của “những viên kẹo ngọt” trên đường đời thường vươn tới đỉnh cao thành công. Ngược lại, những ai vội ăn hết phần kẹo mình đang có thì sớm hay muộn cũng sẽ rơi vào cảnh thiếu thốn, cùng kiệt. (…) Có thể nói, cuộc đời như một viên kẹo thơm ngọt, nhưng khi nào thưởng thức và thưởng thức nó như thế nào thì đó là điều chúng ta phải tìm hiểu.*

*(*Joachim de Posada & Ellen Singer – ***Không theo lối mòn***, NXB Tổng hợp TP.Hồ Chí Minh, 2016, tr.03)

**Câu 1.** Theo tác giả,ông Jonathan và ông Authur giống và khác nhau ở điểm nào**?**

**Câu 2.** Từ câu chuyện về ông Jonathan và Authur, tác giả chỉ ra điểm khác biệt mấu chốt giữa thành công và thất bại là gì?

**Câu 3.** Ngoài sự lí giải của tác giả, anh/chị hãy chỉ ra ít nhất 2yếu tố khác tạo nên thành công theo quan điểm của mình.

**Câu 4.** Anh/chị có đồng tình khi tác giả cho rằng “*cuộc đời như một viên kẹo thơm ngọt*” không? Vì sao?

**Câu 2 : *(6 điểm)*** Suy nghĩ của em về ý nghĩa giáo dục của câu chuyện sau đây:

**II. LÀM VĂN (16.0 điểm)**

*Câu 1 (6 điểm)* **Đọc mẩu chuyện sau:**

**Người ăn xin.**

Một người ăn xin đã già. Đôi mắt ông đỏ hoe, nước mắt ông giàn giụa, đôi môi tái nhợt, quần áo tả tơi. Ông chìa tay xin tôi.

Tôi lục hết túi nọ đến túi kia, không có lấy một xu, không có cả khăn tay, chẳng có gì hết. Ông vẫn đợt tôi. Tôi chẳng biết làm thế nào.Bàn tay tôi run run nắm chặt lấy bàn tay run rẩy của ông:

-Xin ông đừng giận cháu! Cháu không có gì cho ông cả.

Ông nhìn tôi chăm chăm, đôi môi nở nụ cười:

-Cháu ơi! Cảm ơn cháu! Như vậy là cháu đã cho lão rồi.

Khi ấy tôi chợt hiểu ra:cả tôi nữa, tôi cũng vừa nhận một cái gì đó của ông".

*Hãy nêu suy nghĩ của em về những điều tác giả muốn gửi gắm qua câu chuyện trên.*

**Câu 2 ( 10 điểm):**

Nhận xét về một trong những cảm hứng của ***Thơ mới*** Việt Nam giai đoạn 1930- 1945,có ý kiến nhận xét : “*Tình yêu quê hương đất nước một khoảng rộng trong trái tim của thơ mới.”*

Bằng hiểu biết của mình về hai bài thơ ***“ Nhớ rừng”*** của Thế Lữ và ***“ Quê hương”*** của Tế Hanh em hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.

**Đáp án và thang điểm**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **4.0** |
|  | **1** | Ông Jonathan và ông Authur giống và khác nhau ở chỗ:  - Giống: đều có bộ óc thông minh, nhanh nhạy  - Khác: Ông Jonathan là tỉ phú. Ông Authur là người lái xe cho Jonathan. | 1.0 |
| **2** | Từ câu chuyện về ông Jonathan và Authur, tác giả chỉ ra điểm khác biệt mấu chốt giữa thành công và thất bại là: khả năng trì hoãn những mong muốn tức thời, kiềm chế được sự cám dỗ trên đường đời. | 1.0 |
| **3** | Ngoài sự lí giải của tác giả, chỉ ra một điểm khác biệt tạo nên thành công và thất bại theo quan điểm của mình: Học sinh chọn ít nhất 2 lí giải khác, miễn là hợp lí (mỗi lí giải đúng đạt 0.5 điểm):  - Những mục tiêu và quyết định đúng đắn.  - Sự đam mê và kiên trì.  - Sử dụng thời gian khôn ngoan… | 1.0 |
| **4** | Học sinh nêu ý kiến của mình và lí giải được quan điểm đó. Học sinh có thể trả lời:  - Đồng tình, vì: tác giả cho rằng *cuộc đời như một viên kẹo thơm ngọt* là một ví von để chỉ cuộc đời rất nhiều cám dỗ ngọt ngào đòi hỏi con người phải tỉnh táo kiềm chế để vươn tới thành công.  - Đồng tình nhưng bổ sung thêm ý kiến riêng: vì cuộc đời có thể như viên kẹo thơm ngọt nhưng cũng có thể như viên thuốc đắng, quan trọng là thái độ ứng phó với cám dỗ cũng như trở ngại để vươn tới thành công.  - Nếu học sinh trả lời không đồng tình, nhưng giải thích hợp lí vẫn cho điểm. | 1.0 |

**II. LÀM VĂN (16.0 điểm)**

**Câu 1:**

**\* Yêu cầu về kĩ năng** ( 1,5 điểm):

- Xác định đúng kiểu bài nghị luận xã hội, dạng nghị luận mở.

- Bài viết có bố cục 3 phần.

- Hệ thống ý (luận diểm) rõ ràng, lập luận chặt chẽ, thuyết phục, dẫn chứng cụ thể.

- Biết vận dụng tổng hợp các phương pháp lập luận: giải thích, phân tích, chứng minh, bình luận...

- Có kĩ năng vận dụng yếu tố tự sự, miêu tả, biểu cảm vào bài văn nghị luận.

**\* Yêu cầu về nội dung** (4,5 điểm):

- Có thể trình bày bài viết của mình theo nhiều cách nhưng cần đảm bảo một số ý cơ bản mang tính định hướng sau:

*\*Khái quát nội dung câu chuyện* (1 điểm):

Câu chuyện ngắn gọn, giản dị, hấp dẫn nhưng chứa đựng một đạo lí tốt đẹp, đó là tình yêu thương, sự trân trọng, sự cảm thông sâu sắc giữa con người với con người. Cả ông lão và cậu bé đều nhận được ở nhau điều đó dù họ chẳng có gì cho nhau về vật chất.

*\*Ý nghĩa câu chuyện:*

* Câu chuyện mang đến cho người đọc một ý nghĩa triết lí sâu sắc, tinh tế và cảm động (0.5 điểm)

+ Đối với một người ở vào hoàn cảnh khốn khổ, bần cùng như ông lão

( thường bị xã hội coi thương) nhưng cậu bé đã không làm thế. Thái độ, cử chỉ hành động của cậu rất chân thành, thể hiện sự tôn trọng, lòng thương và sự quan tâm, chia sẻ thực sự với ông lão. Ông lão đã nhận thấy điều đó ở cậu và như vậy cậu đã cho lão nhiều lắm. Tình cảm chân thực đó có khi còn hơn cả tiền bạc. (0.5 điểm)

+ Còn cậu bé cũng chợt hiểu ra từ cái nhìn chăm chăm và nụ cười nhân hậu, câu nói của ông lão, cậu cũng nhận thấy như vừa nhận được một tình cảm, sự hiểu biết tinh tế và sự cảm thông của ông lão đối với mình. Cách cư xử đầy yêu thương và trân trọng giữa hai con người với nhau thật quý giá và cảm động. (0.5 điểm)

- Yêu thương, cảm thông, chia sẻ, quan tâm giúp đỡ lẫn nhau là một đạo lí tốt đẹp của xã hội. (0.25 điểm)

- Con người có tình yêu thương với nhau sẽ giúp cho mối quan hệ thêm gần gũi, gắn bó nhất là những người gặp cảnh éo le, nghèo khổ như ông lão sẽ có thêm sức mạnh, niềm tin vào cuộc sống (0.5 điểm):

*\* Bài học rút ra:*

- Cần yêu thương, cảm thông, chia sẻ, quan tâm giúp đỡ lẫn nhau trong cuộc sống (0.25 điểm)

- Giúp đỡ người khác cũng phải thật sự chân thành. Tình thương ấy phải xuất phát từ thiện tâm của mình, không vì sự vụ lợi, hay giúp đỡ người khác với thái độ hàm ơn, bề trên, coi thương, bố thí khiến người nhận giúp đỡ mặc cảm, tủi thân (0.5 điểm).

- Không nên thờ ơ, trước nỗi đau, sự nghèo khó của đồng loại mà luôn sẵn sàng nhường cơm, sẻ áo, tương thân tương ái ( Lấy ví dụ thực tế) (0.5 điểm)

**Câu 2 (10 điểm)**

**A. Yêu cầu:**

***1. Về kỹ năng***

Hiểu đúng yêu cầu của đề bài. Biết cách làm bài văn nghị luận văn học bố cục rõ ràng, kết cấu hợp lí, diễn đạt tốt, không mắc các lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp.

**2*. Về nội dung***

Học sinh có thể sắp xếp trình bày theo nhiều cách khác nhau, có thể có những cảm nhận riêng, miễn là phải bám sát tác phẩm, tránh suy diễn tùy tiện và có sức thuyết phục người đọc. Cần làm nổi bật được tình quê hương đất nước qua hai bài thơ “***Nhớ rừng***” của Thế Lữ và ***“ Quê hương*** ” của Tế Hanh. Cần đảm bảo được một số ý cơ bản sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***a.*** | ***Khái quát về tình quê hương đất nước trong “Thơ mới”.***  “*Thơ mới*” ra đời trong hoàn cảnh đất nước chìm trong chế độ thực dân nửa phong kiến. Các nhà thơ mới nhận thức rõ nỗi đau mất nước, chán ghét thực tại nên họ gửi gắm nỗi niềm về đất nước, quê hương vào những vần thơ. Tình quê hương đất nước trong “*Thơ mới*” thể hiện ở nhiều cung bậc khác nhau: lúc ca ngợi cảnh đẹp của quê hương, lúc nhớ quê hương da diết, lúc hoài niệm ngưỡng mộ và tiếc nuối một nét đẹp văn hóa trong quá khứ, lúc gửi gắm niềm tâm sự thầm kín… |  |
| ***b*** | ***Tình quê hương đất nước qua hai bài thơ “Nhớ rừng” và “Quê hương”***  *b1*. *Ca ngợi cảnh đẹp thiên nhiên*.  - Bức tranh hoành tráng của rừng thẳm oai linh, của gió gào ngàn, nguồn hét núi, bóng cả, cây già. Trong cảnh thiên nhiên kỳ vĩ thâm nghiêm ấy làm nền cho hình bóng của chúa sơn lâm mang vẻ đẹp dõng dạc, đường hoàng với những đêm vàng, sáng xanh, chiều đỏ, tiếng chim ca tất cả mang vẻ đẹp lãng mạn, muôn màu muôn vẻ của thiên nhiên của cách nhìn lãng mạn và bút pháp lãng mạn ( *dẫn chứng phân tích trong Nhớ rừng - Thế Lữ ).*  - Hình ảnh làng chài ven biển đẹp, trong trẻo thoáng đãng ( *dẫn chứng , phân tích trong “ Quê hương” của Tế Hanh )*  *b2 Gửi gắm tâm sự thầm kín*  - Thế Lữ gửi lòng yêu nước vào tâm sự thầm kín của con hổ trong bài thơ *“Nhớ rừng*”, nhớ biết bao nhiêu thời vàng son oanh liệt. Ta nghe đó như chính là nỗi nhớ lịch sử vàng son oanh liệt của đất nước. Tâm trạng của con hổ là một ẩn dụ thể hiện tâm trạng của tác giả của người dân Việt Nam lúc đó.  *b3*. *Tình yêu và nỗi nhớ quê hương*  - Với tấm lòng yêu quê hương sâu sắc ấy, bức tranh làng chài thật sinh động và đậm nét qua cảm xúc của nhà thơ. Khi tả cảnh dân chài bơi thuyền đi đánh cá Tế Hanh đã dựng lên một không gian trong trẻo gió nhẹ rực rỡ nắng hồng… Con thuyền dũng mãnh vượt Trường Giang với sức sống mạnh mẽ mang một vẻ đẹp hùng tráng, bất ngờ hiếm thấy trong thơ mới, một bức tranh lao động đầy hứng khởi và đầy sức sống trong thơ mới. Phải cảm nhận được sức sống lao động của làng quê bằng cả tâm hồn thiết tha gắn bó mới viết được những câu thơ “ *Cánh buồm giương to như mảnh hồn làng / Rướn thân trắng bao la thâu góp gió*”. Mảnh hồn làng ấy chính là nơi cho tâm hồn nghệ sỹ neo đậu với tấm lòng tha thiết nhớ thương về quê hương.  - Nối nhớ thiết tha trong xa cách, nhớ “ *màu nước xanh, cá bạc, chiếc buồm vôi*” cùng với con thuyền rẽ sóng trong hương vị mùi nồng mặn đặc trưng của quê hương cái hương vị đầy quyến rũ, là chất thơ đày bình dị mà khỏe khoắn toát lên từ bức tranh thiên nhiên tươi sáng thơ mộng. |  |
| ***c*** | ***Đánh giá:***- Cái *“tôi*” trong mỗi tác giả vừa được giải phóng tỏa hương thành vườn hoa đầy hương sắc của Thơ mới, vẫn dào dạt một nỗi niềm chung đó là tình yêu quê hương đất nước.  - Tình quê hương đất nước trong các bài thơ tuy chưa tích cực như thơ văn Cách mạng nhưng đáng trân trọng. Đó là một khoảng rộng trong trái tim yêu dào dạt của các nhà thơ mới trong đó có Thế Lữ và Tế Hanh |  |

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**ĐỀ 23**

**ĐỀ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI CẤP TP**

**Đê chính thức NĂM HỌC 2020 -2021**

**Môn thi: Ngữ văn**

**Ngày thi 6/10/2020**

*(Đề thi gồm 01 trang)* *Thời gian làm bài: 150 phút*

**I. ĐỌC HIỂU***(6.0 điểm)*

Đọc đoạn trích sau và thực hiện những yêu cầu:

“Tôi vẫn còn nhớ mẹ thường hay nói với tôi, khi một ai đó buồn, họ cần rất nhiềungười để chia sẻ. Nỗi buồn chỉ vơi đi bằng tình thương chứ không có một phương thuốc nào hết. Khi chia sẻ một nỗi buồn, chúng ta sẽ không buồn hơn, nhưng người khác lại vui hơn. Và đừng bao giờ quay lưng lại với một con người như vậy. Họ cần những khuôn mặt hơn là những viên thuốc. Họ cần những bàn tay, những tô cháo, những quả ổi hái để đầu giường. Họ cần mỗi buổi tối ghé ngồi lại với họ trong im lặng. Họ cần chúng ta dẫn họ lên đồi cuốc một mảnh vườn và thỉnh thoảng hỏi có thích ăn bắp rang không.

(Nguyễn Ngọc Thuần ,Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ, NXB trẻ 2012, tr120)

Câu 1. *(1.0 điểm)*Xác định câu chủ đề của đoạn trích trên?

Câu 2. *(1.0 điểm)*Vì sao chúng ta “đừng bao giờ quay lưng lạị” với một người khi họgặp nỗi buồn?

Câu 3. *(2.0 điểm)*Chỉ ra và nêu hiệu quả của phép điệp được sử dụng trong đoạn trích?

Câu 4. *(2.0 điểm)*Em có đồng tình với quan điểm của tác giả: “Nỗi buồn chỉ vơi đibằng tình thương chứ không có một phương thuốc nào hết” không? Vì sao?

II. TẠO LẬP VĂN BẢN *(14 điểm)*

Câu 1. *(4.0 điểm)*

Từ đoạn trích ở phần đọc hiểu, em hãy viết một đoạn văn*(không quá 200chữ)*, trình bày suy nghĩ về ý nghĩa của sự sẻ chia trong cuộc sống.

**Câu 2:** *( 10 điểm)*

*“Cái đẹp trong nghệ thuật bắt nguồn từ đời sống nhưng quan trọng và trực tiếp hơn cả là cái đẹp trong chính người nghệ sĩ.”.*

Em hiểu ý kiến như thế nào? Cảm nhận bài thơ ***Quê hương*** của Tế Hanh *(SGK Ngữ văn 8 – tập I, NXBGD 2017*), liên hệ với bài thơ ***Tiếng gà trưa*** của Xuân Quỳnh (*SGK Ngữ văn 7 – tập 1, NXBGD 2017)* để làm sáng rõ ý kiến trên./.

*------------hết--------------*

**HƯỚNG DẪN CHẤM THI CHỌN HSG THÀNH PHỐ THANH HÓA**

**NĂM HỌC 2020 – 2021**

**Môn thi: Ngữ văn**

*( Hướng dẫn chấm gồm 06 trang)*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
|  | **1** | Câu chủ đề:Tôi vẫn còn nhớ mẹ thường hay nói với tôi, khi một ai đó buồn, họ cần rất nhiềungười để chia sẻ. | **1.0** |
| **2** | Bởi vì: Họ cần những khuôn mặt; Cần những bàn tay, những tô cháo, những quả ổi hái để đầu giường; Cần mỗi buổi tối ghé ngồi lại với họ trong im lặng; Chúng ta dẫn họ lên đồi cuốc một mảnh vườn và thỉnh thoảng hỏi có thích ăn bắp rang không. (*Trả lời 1 ý cho 0.25 điểm; 3- 4 ý cho tối đa 1.0 điểm; Nếu học sinh trả lời theo cách rút ra ý nghĩa từ những chi tiết trên: Vì họ cần được người khác chia sẻ một cách chân thành, tự nguyện, thì vẫn cho điểm tối đa)* | **1.0** |
| **3** | - Học sinh chỉ ra phép điệp từ/điệp ngữ, điệp cú pháp: + Điệp từ, điệp ngữ: *Họ cần, nỗi buồn/buồn…* + Điệp cú/lặp cú: Một loạt câu bắt đầu từ*“Họ”(chủ ngữ) cần…(vị ngữ)* có kết cấu lặp lại - Tác dụng: Nhấn mạnh giá trị cần thiết của sự chia sẻ tự nguyện, trong sáng, chân tình trong cuộc sống để con người vượt qua được nỗi buồn;bộc lộ niềm khao khát được sẻ chia trong cuộc sống. (*Phải phát hiện đủ hai dạng điệp trên mới cho điểm tối đa*). | **2.0** |
| **4** | Học sinh có thể đồng tình/không đồng tình/hoặc chỉ đồng tình một phần, miễn là có những lí giải thuyết phục. Sau đây chỉ là gợi ý: - Nếu đồng tình: Tình thương xuất phát từ tự nguyện, chân tình sẽ tạo niềm tin, động lực để con người vượt qua nỗi buồn. - Nếu không đồng tình: Trong xã hội hiện đại, con người có nhiều cách để vượt qua nỗi buồn (mà đôi khi không cần đến cả tình thương của người khác) | **2.0** |
| **II.** | **Câu 1** | Viết một đoạn văn 200chữ, trình bày suy nghĩ về ý nghĩa của sự sẻ chia trong cuộc sống | **4.0** |
| *\*Đảm bảo cấu trúc đoạn văn nghị luận.* | **0.25** |
| *b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận:* ý nghĩa của sự sẻ chia trong cuộc sống | **0.25** |
| *c. Triển khai vấn đề nghị luận thành một đoạn văn: Vận dụng tốt các thao tác lập luận; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; rút ra bài học nhận thức và hành động.Học sinh lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề nghị luân theo nhiều cách nhưng cần hướng đến các ý sau:* - *Giải thích:*  Sự chia sẻ: Là một tình cảm đẹp mà ở đó con người cùng tự nguyệnsan sẻ những giá trị của cuộc sống để cùng hưởng hoặc cùng chịu ( vật chất hoặc tinh thần) mà không hề toan tính thiệt hơn. - *Bàn luận ý nghĩa sẻ chia:* + Con người sống trên đời có một hoàn cảnh, số phận, một nghịch cảnh riêng, vì thế sẻ chia là cần thiết; Sự sẻ chia sẽ tiếp thêm sức mạnh, nghị lực, niềm tin, làm giảm đi những đau khổ; có vai trò quan trọng góp phần hoàn thiện nhân cách con người, xây dựng một xã hội văn minh, nhân ái, làm cho mối quan hệ giữa mọi người gần gũi gắn bó hơn…(dẫn chứng minh họa) + Phê phán lối sống ích kỉ, vô cảm, thờ ơ hay những sẻ chia toan tính, có mục đích riêng - *Bài học*: Mỗi con người cần học cách quan tâm, đồng cảm với người khác bằng tất cả tình cảm chân thành, trong sáng, giản dị. | **0.5**  **1.5**  **0.5**  **0.5** |
| *d. Sáng tạo:* Có cách diễn đạt sáng tạo thể hiện suy nghĩ sâu sắc mới mẻ. | **0.25** |
| *e. Chính tả, dùng từ , đăt câu* : Đảm bảo qui tắc chính tả, dùng từ, đặt câu | **0.25** |
| **Câu 2** | *“Cái đẹp trong nghệ thuật bắt nguồn từ đời sống nhưng quan trọng và trực tiếp hơn cả là cái đẹp trong chính người nghệ sĩ.”* Em hiểu ý kiến như thế nào? Cảm nhận bài thơ *Quê hương* của Tế Hanh, liên hệ với bài thơ *Tiếng gà trưa* của Xuân Quỳnh để làm sáng rõ ý kiến . | **10.0** |
| **a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận.**  *Mở bài giới thiệu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài khái quát được vấn đề.* | **0.25** |
| **b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận:** *Cái đẹp của nghệ thuật bắt nguồn từ đời sống và qua lăng kính của người nghệ sĩ.* | **0.25** |
| **c. Triển khai vấn đề cần nghị luận** : H/s biết vận dụng tốt các thao tác lập luân, huy động kiến thức lí luận văn học, tác phẩm văn học, khả năng cảm nhận tác phẩm văn chương để làm bài. HS có thể trình bày nhiều cách khác nhau nhưng phải đảm bảo các ý sau:  **Mở bài**:  *Giới vấn đề nghị luận: dẫn ra vấn đề nghị luận (trích dẫn câu nhận định)* **Thân bài:** **\*Giải thích ý kiến**:  - *“Cái đẹp”:* là một phạm trù mĩ học, chỉ những giá trị tích cực có khả năng bồi đắp tâm hồn, nhận thức, trí tuệ và hoàn thiện nhân cách của con người.  - *“Cái đẹp của nghệ thuật bắt nguồn từ đời sống”:* nguồn gốc cái đẹp trong nghệ thuật được gợi cảm hứng từ chính cuộc đời.  - *“Quan trọng và trực tiếp hơn cả là cái đẹp trong chính người nghệ sĩ”*: nhấn mạnh vai trò của cái đẹp trong bản thân người sáng tạo, những giá trị thuộc về tư tưởng, tâm hồn nhận thức, thái độ và tài năng nghệ thuật.  => Ý kiến bàn về mối quan hệ giữa nghệ thuật và đời sống: đời sống khơi nguồn cảm hứng cho nghệ thuật, đồng thời nhấn mạnh vai trò có tính quyết định của người nghệ sĩ trong việc sáng tạo cái đẹp ở tác phẩm nghệ thuật  **\*Bàn luận:**  - *“Cái đẹp của nghệ thuật bắt nguồn từ đời sống”:* Hiên thực của cuộc sống là chất liệu để người nghệ sĩ sáng tạo nên cái đẹp trong tác phẩm.Cái đẹp trong các tác phẩm văn chương rất phong phú đa dạng ở nhiều góc độ, nhiều lĩnh vực khác nhau: về quê hương, đất nước, con người trong lao động, trong học tập, chiến đấu. Nhà văn phản ánh hiện thực theo quy luật của cái đẹp, nhằm thỏa mãn nhu cầu của con người..  -“*Cái đẹp trong nghệ thuật bắt nguồn trong cái đẹp của người nghệ sĩ”*: Văn học phản ánh hiện thực, nhưng hiện thực được khúc xạ, lắng lọc qua tư tưởng tình cảm của nhà văn. Cái đẹp trong nghệ thuật luôn mang dấu ấn chủ quan của nhà văn được thể hiện ở cách cảm, cách nghĩ. Sự quan sát tinh tế, trí tưởng tượng phong phú, vốn hiểu biết, trải nghiệm sâu rộng, tài năng sử dụng ngôn từ, hình ảnh, các thủ pháp nghệ thuật … độc đáo và sáng tạo.  ***2. Cảm nhận bài thơ Quê hương của Tế Hanh và liên hệ với bài thơ Tiếng gà trưa của Xuân Quỳnh để làm sáng rõ ý kiến .***  a. Cảm nhận bài thơ Quê Hương của Tế Hanh.  \* Giới thiệu khái quát tác giả, tác phẩm.  - Tế Hanh (1921 -2009) , sinh tại quãng Ngãi, có mặt trong phong trào thơ mới ở chặng cuối (1940 – 1945) với những bài thơ mang nặng nỗi buồn và tình yêu quê hương, đất nước thắm thiết.  – Bài thơ được rút trong tập nghẹn ngào (1939), sau được in trong tập Hoa niên, xuất bản năm 1945.  \* *Cái đẹp từ hiện thực cuộc sống được tái hiện trong bài “Quê hương”.*  Đó là một bức tranh thiên nhiên và cuộc sống con người được thể hiện cụ thể, chân thực sinh động, đầy âm thanh, sắc màu. - Cảnh dân chàira khơi đánh cá trong một buổi bình minh đẹp, khoáng đạt: bầu trời cao rộng, trong trẻo được điểm bởi những tia nắng hồng rực rỡ. Chỉ một câu thơ: *Khi trời trong, gió nhẹ, sớm mai hồng*, tác giả đã vẽ được một không gian rộng lớn, vô tận. - Nổi bật giữa không gian êm ả ấy, thuyền băng mình ra khơi với khí thế dũng mãnh của một con tuấn mã. Hình ảnh so sánh và một loạt các động từ mạnh đã làm toát lên sức sống mạnh mẽ và vẻ đẹp hùng tráng, bất ngờ của những con người lao động. - Hình ảnh cánh buồm căng gió vốn mang một vẻ đẹp lãng mạn, có thể quan sát được, bất ngờ được so sánh với hồn làng là những gì lớn lao, thiêng liêng, phi vật thể. Sự so sánh này không làm cho cánh buồm được miêu tả cụ thể hơn nhưng nó đã gợi nên một vẻ đẹp mới, lớn lao, thiêng liêng, vừa thơ mộng, vừa hùng tráng. Biểu hiện linh hồn làng chài bằng hình ảnh cánh buồm trắng no gió biển khơi là một sáng tạo độc đáo của Tế Hanh. Cảnh dân chài đón thuyền cá về bến cũng là một bức tranh lao động náo nhiệt, đầy ắp niềm vui và sự sống.(phân tích dẫn chứng) - Hình ảnh người dân chài vừa nổi bật với vẻ đẹp ngoại hình rắn rỏi, vạm vỡ: *"làn ra ngăm rám nắng",* vừa gợi mở vẻ đẹp của một tâm hồn mộc mạc, đằm thắm, mặn mà - vẻ đẹp của biển cả. Đó là một vẻ đẹp vừa chân thực vừa lãng mạn  - Con thuyền vô tri đã trở thành một tâm hồn tinh tế không kém chủ nhân của nó. Sau bao ngày tháng lênh đênh, miệt mài trên biển, giờ đây, nó đang nằm và lắng nghe chất muối mặn mòi của biển thấm dần vào từng thớ vỏ, như một người lao động đang nằm và ngẫm nghĩ lại cả chặng đường vất vả, những giọt mồ hôi mà mình đã đổ xuống để có được thành quả lao động như ngày hôm nay.  \* *Cái đẹp trong chính tâm hồn, tài năng của Tế Hanh là yếu tố làm nên cái đẹp của bài thơ*.  Cái đẹp trong tâm hồn thể hiện ở nhưng rung động tinh tế, đắm say trước vể đẹp của thiên nhiên, yêu quê hương sâu nặng . - Trong cách miêu tả của Tế Hanh, ta thấy có sự gắn bó làm một giữa thiên nhiên cuộc sống với tâm hồn con người nơi đây. Và dù tác giả không biểu lộ trực tiếp tình cảm của mình nhưng trong cách miêu tả của ông, người đọc cảm nhận được sợi dây tình cảm thiêng liêng sâu nặng nối liền tâm hồn ông với thiên nhiên, cuộc sống và con người nơi đây. Không phải là một người con yêu dấu của quê hương, không yêu quê hương bằng tình yêu máu thịt và không có sự tinh tế tài hoa của một nhà nghệ sĩ thì không thể viết được những câu thơ sâu xa, xúc động như vậy.  -Vẻ đẹp tài năng : sự quan sát tinh tế sáng tạo trong hệ thống hình ảnh chân thực mà bay bổng lãng mạn. **Hình ảnh** so sánh giàu hình ảnh, có giá trị biểu cảm cao, phép nhân hóa. Phép **ẩn dụ,** đảo trật tự từ trong câu. Hàng loạt **động từ mạnh,** tính từ, phép liệt kê. Sử dụng phương pháp biểu đạt tự sự đan xen miêu tả và biểu cảm, ngôn từ giản dị, giọng thơ khỏe khắn của tác giả.  b. Liên hệ với bài thơ tiếng gà trưa của Xuân Quỳnh.  \*Giới thiệu tác giả, tác phẩm   Xuân Quỳnh (1942-1988), quê ở làng La Khê, tỉnh Hà Tây (nay thuộc Hà Nội) là nữ nhà thơ xuất sắc trong nền thơ hiện đại Việt Nam; thường viết về những tình cảm gần gũi, bình dị trong đời sống gia đình và cuộc sống thường ngày, biểu lộ những rung cảm và khát vọng của một trái tim phụ nữ chân thành, tha thiết và đằm thắm.  -Tiếng gà trưa viết trong thời kì đầu của cuộc kháng chiến chống đế quốc Mĩ, in lần đầu trong tập “Hoa dọc chiến hào” (1968) .  \**Cái đẹp của bài thơ“Tiếng gà trưa là bức tranh đời sống của làng quê bình dị với những kí ức tuổi thơ gắn liền với người bà*  ( HS phân tích được một vài dẫn chứng)  Hình ảnh: gà mái mơ, mái vàng và ổ trứng hồng đẹp như tranh *"Ổ rơm hồng những trứng Này con gà mái mơ*…” Hình ảnh bà đầy yêu thương, chắt chiu. Niềm vui và mong ước nhỏ bé của tuổi thơ: được quần áo mới… \**Yếu tố quyết định đến giá trị bài thơ là vẻ đẹp tâm hồn và tài năng của nhà thơ.*  Tiếng gà trưa đã trở thành tiếng nói của tình yêu gia đình, tình yêu làng quê, tình yêu đất nước… . Những kỉ niệm tuổi nhỏ bên người bà yêu thương đã trở thành cảm hứng sáng tác cho nhà thơ. Từ đó, được Xuân Quỳnh mở rộng và hướng đến những tình cảm lớn lao – mang tên Tổ quốc. Thể hiện qua thể thơ 5 chữ, điệp ngữ, hình ảnh thơ bình dị, gần gũi… ***3. Nhận xét, điểm tương đồng và khác biệt*** - Vẻ đẹp trong hai bài thơ đều bắt nguồn từ vẻ đẹp của hiện thực cuộc sống nơi làng quê và vẻ đẹp của tâm hồn tài năng của hai người nghệ sĩ.  -Cái đẹp trong “Quê hương” là tình yêu nỗi nhớ, niềm tự hào về một làng quê vùng biển được Tê Hanh thể hiện qua thể thơ 8 chữ chân thành tự nhiên, khỏe khoắn với những hình ảnh bay bổng lãng mạn.  -Còn cái đẹp trong “Tiếng gà trưa” là Từ những kỉ niệm tuổi thơ thấm đẫm tình bà cháu, cảm hứng của bài thơ đã được mở rộng, hướng tới tình yêu đất nước. Xuân Quỳnh đã sử dụng thể thơ ngũ ngôn với sự sáng tạo linh hoạt. Ngôn ngữ thơ giản dị, trong sáng. Lời thơ vô cùng xúc động.  ***4. Đánh giá và mở rộng lời bàn***  - Ý kiến khẳng định mối quan hệ mật thiết giũa văn học và cuộc sống, đặc biệt là nhấn mạnh vai trò quan trọng của người nghệ sĩ trong quá trình sáng tác. Vẻ đẹp của tâm hồn, tài năng của người nghệ sĩ chính là cội nguồn làm nên sự phong phú, đa dạng trong cái đẹp của nghệ thuật.  -Ý kiến gợi mở bài học cho cả người sáng tạo và tiếp nhận văn học:  + Người nghệ sĩ cần nhận thức sâu sắc về mối quan hệ giữa đời sống và nghệ thuật; đem tài năng và tấm lòng để thực hiện sứ mệnh cao cả của mình trong sáng tác văn chương.  +Người tiếp nhận cần nhận diện được dấu ấn cuộc sống, tâm hồn, tài năng của người nghệ sĩ trong tác phẩm để cảm nhận trọn vẹn giá trị của một tác phẩm văn chương  **Kết bài :** Khát quát vấn đề nghị luận; nêu cảm xúc bản thân. | **0.5**  **0.25**  **0.25**  **0.25**  **0.25**  **0.5**  **0.5**  **0.5**  **2.0**  **1.5**  **0.25**  **0.75**  **0.5**  **0.5**  **0.25**  **0.25** |
|  | **d. Chính tả , dùng từ , đặt câu :**  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ nghĩa, ngữ pháp tiếng Việt. | **0.25** |
| **e. Sáng tạo**: Có cách diễn đạt mới mẻ, thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề cần nghị luận. | **0.25** |

*\*Lưu ý: Giám khảo linh hoạt trong khi chấm, khuyến khích những bài có chất văn.*

**1. Đề thi học sinh  giỏi môn Ngữ văn lớp 8 Phòng GD&ĐT Nông Công**

**Phần 1: Đọc hiểu (6 điểm)**

**Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu sau:**

Một người cs hai chiếc bình lớn để chuyển nước. Một chiếc bình bị nứt nên khi gánh từ giếng về, nước trong bình chỉ còn một nửa. Chiếc bình lành tự hào về sự hoàn hảo của mình, còn chiếc bình nứt thấy dằn vặt, cắn rứt vì không hoàn thành nhiệm vụ.

Một ngày nọ chiếc bình nứt nói với ông chủ: "Tôi thực sự thấy xấu hổ về mình. Tôi muốn xin lỗi ông."

"Ngươi thấy xấu hổ về chuyện gì?" - Người chủ hỏi.

"Chỉ vì tôi nứt mà ông không nhận đủ những gì xứng đáng với công sức mà ông bỏ ra" - Chiếc bình nứt nói.  
Không đâu!" - Ông chủ trả lời. "Khi về người có chủ ý đến luống hoa bên đường hay không? Ngươi không thấy hoa chỉ mọc bên đường phía nhà ngươi sao?" Ta biết được vết nứt của ngươi nên gieo hạt giống hoa bên ấy. Nếu không có người ngôi nhà của ta có ấm cúng và duyên dáng được thế này không?"

Cuộc sông của chúng ta như chiếc bình nứt, không ai hoàn hảo cả.

**Câu 1 (1 điểm):**Xác địn phương thức biểu đạt chính của văn bản trên.

**Câu 2 (1 điểm):** Hình ảnh vết nứt trên bình ẩn dụ cho điều gì?

**Câu 3 (2 điểm):**Nhận xét về cách ứng xử của người gánh nước với chiếc bình nứt.

**Câu 4 (2 điểm):** Trình bày suy nghĩ của em về một bài học sâu sắc được rút ra từ câu chuyện trên.

**Phần 2. Tạo lập văn bản (14 điểm)**

**Câu 1 (4 điểm):** Nhà văn, nhà giáo Nguyễn Ngọc Ký tâm sự trên báo Văn nghệ trẻ: "Con người ta chỉ sợ khiếm khuyết tâm hồn... Còn bất cứ khiếm khuyết nào trên cơ thể cũng không đáng sợ." (Theo báo Văn nghệ trẻ ngày 16/01/2008). Từ câu chuyện trên em hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ ) trình bày suy nghĩ của em về lời tâm sự trên.

**Câu 2 (10 điểm):** Sông Hồng có nhận xét: "Thơ cũng là thơ nhưng cũng là họa, là nhạc, là chạm khắc riêng." Bằng việc phân tích bài tho **Nhớ rừng** của Thế Lữ, hãy làm sáng tỏ ý kiến trên. Từ đó liên hệ với khổ thơ đầu của bài thơ **Khi con tu hú** của Tố Hữu.

**ĐỀ 1.**

**Câu 1 :** *(4 điểm)*

Có ý kiến cho rằng : “Bài thơ Nhớ rừng của Thế Lữ (Ngữ văn 8, tập 2) tràn đầy cảm xúc lãng mạn”. Em hãy cho biết cảm xúc lãng mạn được thể hiện trong bài thơ như thế nào ?

**Câu 2 :** *(6 điểm)*

          Đọc câu chuyện sau và nêu suy nghĩ của em bằng một đoạn văn khoảng 10 câu:

        Có người cha mắc bệnh rất nặng. Ông gọi hai người con trai đến bên giường và ân cần nhắc nhở: “Sau khi cha qua đời, hai con cần phân chia tài sản một cách thỏa đáng, đừng vì chuyện đó mà cãi nhau nhé!”  
        Hai anh em hứa sẽ làm theo lời cha. Khi cha qua đời họ phân chia tài sản làm đôi. Nhưng sau đó người anh cho rằng người em chia không công bằng và cuộc tranh cãi nổ ra. Một ông già thông thái đã dạy cho họ cách chia công bằng nhất:” Đem tất cả đồ đạc ra cưa đôi thành hai phần bằng nhau tuyệt đối”.  Hai anh em đã đồng ý.

       Kết cục tài sản đã được chia công bằng tuyệt đối nhưng đó chỉ là đống đồ bỏ đi. 

**Câu 3:***(10 điểm)*

    Trong tác phẩm “Lão Hạc”, Nam Cao viết:

**“…***Chao ôi*!*Đối với những người sống quanh ta , nếu ta không cố mà tìm hiểu họ, thì ta chỉ thấy họ gàn dở, ngu ngốc, bần tiện, xấu xa, bỉ ổi…toàn những cớ để cho ta tàn nhẫn; không bao giờ ta thấy họ là những người đáng thương; không bao giờ ta thương*…*cái bản tính tốt của người ta bị những nỗi lo lắng, buồn đau, ích kỉ che lấp mất…”*

         Em hiểu ý kiến trên như thế nào? Từ các nhân vật: Lão Hạc,ông giáo, vợ ông giáo, Binh Tư trong tác phẩm “Lão Hạc”, em hãy làm sáng tỏ nhận định trên.

—————Hết————-

**Hướng dẫn chấm**

|  |  |
| --- | --- |
| **CÂU** | YÊU CẦU-NỘI DUNG CẦN ĐẠT |
| **Câu 1 :**    ***(4điểm)*** | Nêu được nội dung cơ bản sau:  – Bài thơ “Nhớ rừng” là bài thơ hay của Thế Lữ, nhưng cũng là bài thơ hay của phong trào Thơ Mới. Điểm nổi bật của tâm hồn lãng mạn là giàu mộng tưởng, khát vọng và cảm xúc. Người nghệ sỹ lãng mạn Việt Nam trước cách mạng tháng Tám-1945 cảm thấy cô đơn, tù túng trong xã hội bấy giờ nhưng bất lực, họ chỉ còn biết tìm cách thoát li thực tại ấy bằng chìm đắm vào trong đời sống nội tâm tràn đầy cảm xúc. Tâm hồn lãng mạn ưa thích sự độc đáo, phi thường, ghét khuôn khổ, gò bó và sự tầm thường. Nó có hứng thú giãi bầy những cảm xúc thiết tha mãnh liệt, nhất là nỗi buồn đau.  – Cảm xúc lãng mạn trong bài thơ nhớ rừng được thể hiện khá rõ ở những khía cạnh sau: (1điểm).  + Hướng về thế giới mộng tưởng lớn lao, phi thường tráng lệ bằng một cảm giác trào dâng mãnh liệt. Thế giới ấy hoàn toàn đối lập với thực tại tầm thường, giả dối. Trong baì thơ, thế giới mộng tưởng chính là cảnh đại ngàn hùng vĩ và kèm theo đó là cảnh oai hùng của chúa sơn lâm.  + Diễn tả thấm thía nỗi đau trong tinh thần bi tráng, tức là nỗi uất ức xót xa của hòm thiêng khi sa cơ lỡ vận. |
| **Câu 2 :**  ***(6 điểm)*** | – Trên đời này không tồn tại sự công bằng tuyệt đối. Nếu lúc nào cũng tìm kiếm sự công bằng thì kết cục chẳng ai được lợi gì.   – Sự công bằng chỉ tồn tại trong trái tim chúng ta . Trong bất cứ chuyện gì đừng nên tính toán quá chi li.   – Nhường nhịn chính là tạo nên sự công bằng tuyệt đối |
| **Câu 3:**  ***(10 điểm)*** | **A.Yêu cầu chung:**  ***Thể loại*:** Giải thích kết hợp chứng minh.  ***Nội dung****:*Cách nhìn, đánh giá con người cần có sự cảm thông, trân trọng con người.  **Yêu cầu cụ thể**  **1.Mở bài: (1 điểm)**  -Dẫn dắt vấn đề:Con người là tổng hòa của các mối quan hệ xã hội nên việc đánh giá con người phải có sự tìm hiểu cụ thể.  -Đặt vấn đề:Cách nhìn, đánh giá con người qua câu nói trên.  **2.Thân bài(8 điểm)**  ***a. Giải thích nội dung của đoạn văn:***  + Lời độc thoại của nhân vật “Ông giáo”- thông qua nhân vật này- tác giả Nam Cao thể hiện cách nhìn, đánh giá đầy sự cảm thông, trân trọng con người:  – Phải đem hết tấm lòng của mình, đặt mình vào hoàn cảnh của họ để cố mà tìm hiểu, xem xét con người ở mọi bình diện thì mới có được cái nhìn đầy đủ, chắt gạn được những nét phẩm chất đáng quý của họ, nếu chỉ nhìn phiến diện thì sẽ có ác cảm hoặc những kết luận sai lầm về bản chất của con người.  ***b. Chứng minh ý kiến trên qua các nhân vật:***  + Lão Hạc: Thông qua cái nhìn của các nhân vật (trước hết là ông giáo), lão Hạc hiện lên với những việc làm, hành động bề ngoài có vẻ gàn dở, lẩm cẩm  – Bán một con chó mà cứ đắn đo, suy nghĩ mãi. Lão Hạc sang nhà ông giáo nói chuyện nhiều lần về điều này làm cho ông giáo có lúc cảm thấy ***“nhàm rồi”.***  – Bán chó rồi thì đau đớn, xãt xa, dằn vặt như mình vừa phạm tội ác gì lớn lắm.  – Gửi tiền, giao vườn cho ông giáo giữ hộ, chấp nhận sống cùng cực, đói khổ: ăn sung, rau má, khoai, củ chuối…  – Từ chối gần như hách dịch mọi sự gióp đỡ.  – Xin bả chó.  + Vợ ông giáo: nhìn thấy ở lão Hạc một tính cách gàn dở ***“Cho lão chết ! Ai bảo lão có tiền mà chịu khổ ! Lão làm lão khổ chứ ai…”,*** vô cùng bực tức khi nhìn thấy sự rỗi hơi của ông giáo khi ông đề nghị giúp đỡ lão Hạc **“*Thị gạt phắt đi”.***  + Binh Tư: Từ bản tính của mình, khi nghe lão Hạc xin bả chó, hắn vội kết luận ngay “Lão…cũng ra phết chứ chả vừa đâu”.  + Ông giáo có những lúc không hiểu lão Hạc: “Làm quái gì một con chó mà lão có vẻ băn khoăn quá thế ?”, thậm chí ông cũng chua chát thốt lên khi nghe Binh Tư kể chuyện lão Hạc xin bả chó về để **“*cho nó xơi một bữa…lão với tôi uống rượu*”: “*Cuộc đời cứ mỗi* *ngày càng thêm đáng buồn…”***Nhưng ông giáo là người cã tri thức, có kinh nghiệm sống, có cái nhìn đầy cảm thông với con người, lại chịu quan sát, tìm hiểu, suy ngẫm nên phát hiện ra được chiều sâu của con người qua những biểu hiện bề ngoài:  – Ông cảm thông và hiểu vì sao lão Hạc lại không muốn bán chó: Nó là một người bạn của lão, một kỉ vật của con trai lão; ông hiểu và an ủi, sẻ chia với nỗi đau đớn, dằn vặt của lão Hạc khi lão khóc thương con chó và tự xỉ vả mình. Quan trọng hơn, ông phát hiện ra nguyên nhân sâu xa của việc gửi tiền, gửi vườn, xin bả chã, cái chết tức tưởi của lão Hạc: Tất cả là vì con, vì lòng tự trọng cao quý. ông giáo nhìn thấy vẻ đẹp tâm hồn của lão Hạc ẩn giấu đằng sau những biểu hiện bề ngoài có vẻ gàn dở, lập dị.  – Ông hiểu và cảm thông được với thái độ, hành động của vợ mình: Vì quá khổ mà trở nên lạnh lùng, vô cảm trước nỗi đau đồng loại **“…*Vợ tôi không ác, nhưng thị khổ quá rồi. Một ngưêi đau chân cã lóc nào quên được cái chân đau của mình để nghĩ đến một cái gì khác* *đâu ?* *cái bản tính tốt của người ta bị những nỗi lo lắng, buồn đau, ích kỉ che lấp mất…”* . ông biết vậy nên “*Chỉ buồn chứ không nì giận*”.**   Ông giáo là nhân vật trung tâm dẫn dắt câu chuyện, từ việc miêu tả các nhân vật mà quan sát, suy ngẫm để rồi rót ra những kết luận cã tính chiêm nghiệm hết sức đóng đắn và nhân bản về con người. Có thể nói tác giả đã hóa thân vào nhân vật này để đưa ra những nhận xét, đánh giá chứa chan tinh thần nhân đạo về cuộc đời , con người. Đây là một quan niệm hết sức tiến bộđịnh hướng cho những sáng tác của nhà văn sau này.  **3.Kết bài: (1 điểm)**    -Khẳng định tính triết lí của câu nói trên. Đó cùng là quan niệm sống,tình cảm của tác giả.  – Suy nghĩ của bản thân em… |

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

***ĐỀ 2.***

|  |  |
| --- | --- |
|  | **KÌ THI HỌC SINH GIỎI CẤP HUYỆN**  **Môn thi: Ngữ văn 9**  *Thời gian 150 phút (không kể thời gian giao đề)* |

**I- ĐỌC HIỂU** (6.0 điểm)

Đọc đoạn thơ sau và trả lời câu hỏi:

*Ta nghe hè dậy bên lòng*

*Mà chân muốn đạp tan phòng, hè ôi!*

*Ngột làm sao, chết uất thôi*

*Con chim tu hú ngoài trời cứ kêu!*

(Tố Hữu. *Khi con tu hú*)

a. Nêu hoàn cảnh ra đời của bài thơ.

b. Câu thơ *Mà chân muốn đạp tan phòng, hè ôi!* thuộc kiểu câu gì? Nêu chức năng của kiểu câu đó.

c. Tâm trạng nhân vật trữ tình khi nghe tiếng tu hú kêu ở đoạn đầu và đoạn cuối bài thơ khác nhau như thế nào?

**II- LÀM VĂN**

**Câu 1:** (4.0 điểm)

Trong bài thơ *Một khúc ca xuân*, nhà thơ Tố Hữu viết:

*Nếu là con chim, chiếc lá,  
Thì con chim phải hót, chiếc lá phải xanh.  
Lẽ nào vay mà không trả  
Sống là cho, đâu chỉ nhận riêng mình?*

Em hãy viết một văn bản ngắn nêu suy nghĩ của mình về lẽ sống được thể hiện trong bốn câu thơ trên.

**Câu 2:** (10 điểm)

Có ý kiến cho rằng: *Đọc một tác phẩm văn chương, sau mỗi trang sách, ta đọc được cả nỗi niềm băn khoăn, trăn trở của tác giả về số phận con người*. Dựa vào hai văn bản *Lão Hạc* (Nam Cao) và *Cô bé bán diêm* (An - đéc - xen), em hãy làm sáng tỏ nỗi niềm đó.

----------------------------- Hết --------------------------------

|  |  |
| --- | --- |
|  | **HƯỚNG DẪN CHẤM** |

**I- ĐỌC HIỂU** (6.0 điểm)

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung yêu cầu** | **Điểm** |
| a. Bài thơ được viết trong tháng 7/1939 khi Tố Hữu đang bị thực dân Pháp bắt giam trong nhà lao Thừa Phủ. | 1.0 |
| b. Kiểu câu: cảm thán  Chức năng: bộc lộ cảm xúc (bực bội, ngột ngạt, muốn phá tan xiềng xích). | 1.0  1.0 |
| c. Tâm trạng nhân vật trữ tình:  - Đoạn đầu: Tiếng tu hú kêu báo hiệu mùa hè -> niềm hân hoan trước mùa hè sôi động.  - Đoạn cuối: Tiếng tu hú kêu như âm thanh thúc giục hành động -> tâm trạng uất ức, bực tức, đau khổ khi bị giam cầm uổng phí và khát khao phá tan bức tường nhà giam ngột ngạt để trở về với cuộc sống tự do. | 1.5  1.5 |
| **Tổng điểm** | **6.0** |

**B- LÀM VĂN**

**Câu 1:** (4.0 điểm)

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung yêu cầu** | **Điểm** |
| **I. Yêu cầu về kĩ năng**  - Học sinh biết cách làm bài văn nghị luận.  - Bài làm có bố cục chặt chẽ, rõ ràng, hoàn chỉnh; kết cấu hợp lí  - Hành văn mạch lạc, trôi chảy; diễn đạt trong sáng; không mắc lỗi diễn đạt, ngữ pháp, dùng từ, đặt câu. |  |
| **II. Yêu cầu về nội dung và cách cho điểm**  (Học sinh có thể sắp xếp, trình bày theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo một số ý cơ bản mang tính định hướng dưới đây) |  |
| **a. Mở bài**  Giới thiệu vấn đề nghị luận:  Lẽ sống đẹp: sống không chỉ là nhận về, là hưởng thụ mà phải sống có ích, biết cho đi, biết cống hiến, trao tặng. | 0.5 |
| **b. Thân bài**  - Lẽ sống đẹp:  + Sống có ích (chim phải hót, lá phải xanh)  + Sống có vay có trả:  +) "vay", "nhận": được thừa hưởng thành quả của người khác, của xã hội.  +) "trả", "cho": xây dựng, bảo vệ, phát huy thành quả; biết chia sẻ, cống hiến, hi sinh.  - Biểu hiện ngược lại của lẽ sống đẹp: sống ích kỉ, lười biếng... | 2.0 |
| \* *Bài học giáo dục:*  - Khích lệ mọi người biết sống cống hiến cho xã hội, cho đất nước.  - Phê phán lối sống hưởng thụ, ích kỉ, thiếu trách nhiệm. | 0.5 |
| \* *Liên hệ mở rộng:* (trong văn học, trong cuộc sống) | 0.5 |
| **c. Kết bài**  - Khẳng định lại ý nghĩa của đoạn thơ.  - Liên hệ bản thân | 0.5 |
| **Tổng điểm** | **4.0** |

**Câu 2:** (10 điểm)

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung yêu cầu** | **Điểm** |
| **I. Yêu cầu về kĩ năng**  - Học sinh biết cách làm bài văn nghị luận.  - Bài làm có bố cục chặt chẽ, rõ ràng, hoàn chỉnh; kết cấu hợp lí  - Hành văn mạch lạc, trôi chảy; diễn đạt trong sáng; không mắc lỗi diễn đạt, ngữ pháp, dùng từ, đặt câu. |  |
| **II. Yêu cầu về nội dung và cách cho điểm**  (Học sinh có thể sắp xếp, trình bày theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo một số ý cơ bản mang tính định hướng dưới đây) |  |
| **1. Mở bài**  - Dẫn dắt vấn đề  - Giới thiệu vấn đề nghị luận: nỗi niềm băn khoăn, trăn trở của tác giả về số phận con người.  - Giới hạn phạm vi dẫn chứng: hai văn bản *Lão Hạc* và *Cô bé bán diêm*. | **1.0** |
| **2. Thân bài**  ***a. Giải thích nhận định***  Qua tác phẩm, tác giả thể hiện tình cảm thương yêu trân trọng, thương xót, day dứt đối với những số phận bất hạnh, khốn cùng. | **0.5** |
| ***b. Nỗi niềm của tác giả thể hiện qua hai văn bản***  \* Truyện ngắn *Lão Hạc*:  - Băn khoăn, trăn trở về số phận bần cùng của người nông dân trước Cách mạng tháng Tám: | **3.0** |
| + Nhân vật lão Hạc: có phẩm chất tốt đẹp (tình nghĩa, thủy chung, trung thực, tự trọng, nhân hậu, thương con sâu sắc...), nhưng số phận bất hạnh, khốn cùng (vợ chết, con trai không có tiền cưới vợ nên phẫn chí bỏ đi làm phu đồn điền cao su, đói khổ, túng quẫn, chết đau đớn...) |
| + Nhân vật con trai lão Hạc: số phận không lối thoát của tầng lớp thanh niên nông thôn. |
| - Băn khoăn, trăn trở về số phận người trí thức nghèo: nhân vật ông giáo có học, nhân hậu (đồng cảm, xót xa trước tình cảnh và nhân cách lão Hạc...) nhưng phải sống nghèo túng. |
| \*Truyện *Cô bé bán diêm*:  Băn khoăn, trăn trở về số phận của trẻ em nghèo, bất hạnh trong xã hội:  - Sống nghèo khổ (sống "chui rúc trong một xó tối tăm","trên gác sát mái nhà", giữa đêm giao thừa giá rét nhưng vẫn phải đầu trần, chân đất, bụng đói lang thang ngoài phố bán diêm kiếm sống...).  - Thiếu tình thương (mẹ chết, bà nội qua đời, sống với bố nhưng không được yêu thương). | **2.5** |
| ***c. Liên hệ, mở rộng*** (trong văn học, trong cuộc sống) | **1.0** |
| ***d. Nhận định, đánh giá chung***  - Giá trị hiện thực: khắc họa những số phận bi kịch trong xã hội.  - Giá trị nhân đạo: đồng cảm, thương yêu, chia sẻ. | **0.5**  **0.5** |
| **3. Kết bài**  Khẳng định, khái quát vấn đề | **1.0** |
| **Tổng điểm** | **10** |

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

***\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\****

**ĐỀ 3 ĐỀ THI HỌC SINH GIỎI MÔN NGỮ VĂN 8 HUYỆN**

**NĂM HỌC**

**Thời gian: 150 phút**

**I. ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN** ***( 6,0 điểm)***

Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi bên dưới:

*Cánh cò cõng nắng qua sông*

*Chở luôn nước mắt cay nồng của cha*

*Cha là một dải ngân hà*

*Con là giọt nước sinh ra từ nguồn.*

*Quê nghèo mưa nắng trào tuôn*

*Câu thơ cha dệt từ muôn thăng trầm*

*Thương con cha ráng sức ngâm*

*Khổ đau, hạnh phúc nảy mầm từ hoa.*

*Lúa xanh, xanh mướt đồng xa*

*Dáng quê hòa với dáng cha hao gầy*

*Cánh diều con lướt trời mây*

*Chở câu lục bát hao gầy tình cha.*

(***“Lục bát về cha” -*** Thích Nhuận Hạnh)

Câu 1: (1 điểm) Liệt kê những từ ngữ / hình ảnh khắc họa người cha trong văn bản trên?

Câu 2: (1 điểm) Em hiểu gì về ý nghĩa của từ *“ hao gầy”* trong bài thơ?

Câu 3: (2 điểm) Tác dụng của phép tu từ nổi bật trong 2 câu thơ :

*Cha là một dải ngân hà*

*Con là giọt nước sinh ra từ nguồn.*

Câu 4: *(2 điểm)* Thông điệp của bài thơ là gì? *(Trình bày bằng một đoạn văn không quá 10 dòng).*

**II. TẬP LÀM VĂN *( 14,0 điểm)***

**Câu 1.** ( 4,0 điểm)

Từ nội dung bài thơ ở phần Đọc hiểu, em hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của em về vai trò của người cha trong gia đình.

**Câu 2.** ( 10,0 điểm)

“Trên trang sách cuộc sống tuyệt vời biết bao nhưng cũng bi thảm biết bao. Cái đẹp còn trộn lẫn nỗi niềm sầu muộn. Cái nên thơ còn lóng lánh giọt nước mắt ở đời”.

( Nguyễn Văn Thạc – Mãi mãi tuổi 20)  
 Anh/chị hãy làm sáng tỏ ý kiến trên qua hai văn bản “***Trong lòng mẹ***” của Nguyên Hồng và “***Lão Hạc***” của Nam Cao. (Ngữ văn 8, tập 1)./.

--------------HẾT------------

**HƯỚNG DẪN CHẤM VÀ BIỂU ĐIỂM**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **PHẦN I: ĐỌC HIỂU** | | **6.0** |
| **1** | Từ ngữ, hình ảnh: *nước mắt cay nồng, là dải Ngân Hà, dệt thơ, ráng sức ngâm, hao gầy…* | **1,0** |
| **2** | *“Hao gầy”:* miêu tả hình ảnh cha vóc dáng gầy gò, sọp đi -> đức hi sinh, tất cả vì con của cha…. | **1,0** |
| **3** | * Phép tu từ so sánh đặc sắc: *cha - dải ngân hà; con - giọt nước sinh ra từ nguồn.* * Tác dụng:   + Ca ngợi tình cha đẹp đẽ, tinh túy, bao la, vĩ đại. Con là giọt nước nhỏ bé mà tinh khiết sinh ra từ nguồn cội sáng đẹp ấy.  + Niềm tự hào, hạnh phúc vì là con của cha. | **2,0** |
| **4** | ***-*** *Học sinh có thể nêu các ý sau: (7 đến 10 dòng)*  + Những vần thơ đẹp viết theo thể thơ dân tộc, thể hiện niềm xúc động, sự thấu hiểu, yêu kính, biết ơn cha sâu nặng.  + Đó cũng là truyền thống đạo lí của dân tộc Việt Nam về đạo làm con đối với đấng sinh thành.  + Tình phụ tử thiêng liêng cao quý, đáng trân trọng. | **2,0** |
| **PHẦN II: LÀM VĂN** | | **14.0** |
| **1** | **Viết đoạn văn khoảng 200 chữ.** | **4.0** |
| ***a. Đảm bảo thể thức của một đoạn văn hoàn chỉnh, trọn vẹn.*** | **0,5** |
| ***b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: Vai trò của người cha trong gia đình.*** | **0,5** |
| ***c. Triển khai hợp lí nội dung của đoạn văn****:*  Vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. Có thể viết bài theo nhiều cách, dưới đây là một số gợi ý về nội dung:  + Người cha là trụ cột gánh vác mọi trọng trách của gia đình *(làm việc nặng, lao động tạo ra của cải vật chất nuôi sống gia đình…)* + Người cha chỗ dựa vững chắc lớn lao về mặt tinh thần (*cứng cỏi, tâm hồn cao thượng, không yếu mềm…*) + Cùng với người mẹ, người cha tạo ra một mái ấm hạnh phúc mang đến thuận hòa trong gia đình.  + Phê phán những người cha thiếu trách nhiệm có thói vũ phu, bạo hành. …  + Người cha có vai trò rất quan trọng trong gia đình. Con cái cần phải yêu kính và hiếu thuận với cha mẹ. | **2,0** |
| ***d. Sáng tạo:*** Có cách diễn đạt độc đáo có suy nghĩ riêng về vấn đề nghị luận. | **0,5** |
| ***e. Chính tả, dùng từ đặt câu:*** Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa tiếng Việt. | **0,5** |
| **2.** | ***a. Đảm bảo thể thức của một bài văn nghị luận có đầy đủ bố cục*** | **0,5** |
| ***b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận.*** | **0,5** |
| ***c. Triển khai hợp lí nội dung của bài văn:*** Vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. Trình bày theo nhiều cách. Có thể viết bài theo định hướng sau: |  |
| \* Cuộc sống được đề cập trong văn học luôn có 2 mặt: vừa có những hạnh phúc tuyệt vời vừa có những đau khổ bất tận; vừa có nụ cười trong sáng vừa có giọt nước mắt cay đắng.  - Sở dĩ như vậy vì văn học là tấm gương phản ánh cuộc sống với nhiều chiều kích của nó. | **2,0** |
| \* HS phân tích tác phẩm để chứng minh.  - Giới thiệu khái quát về tác giả, xuất xứ, hoàn cảnh ra đời của 2 văn bản. Hiện thực cuộc sống phản ánh trong tác phẩm là giai đoạn 1930 – 1945, dưới chế độ thực dân nửa phong kiến.  - Cuộc sống tuyệt vời với cái đẹp, cái nên thơ chính là những giá trị tốt đẹp của cuộc sống: lòng yêu thương, đồng cảm, sẻ chia, sự tự trọng, sự rung động trước cái đẹp…  + Vẻ đẹp của người phụ nữ khát khao tình yêu hạnh phúc, yêu thương con, … (mẹ bé Hồng).  + Tình yêu thương mẹ sâu nặng của bé Hồng; Tình yêu thương con, yêu thương Cậu Vàng và lòng tự trọng cao quí của Lão Hạc.  + Sự đồng cảm, sẻ chia, thấu hiểu của ông Giáo.  - Cuộc sống bi thảm với niềm sầu muộn và giọt nước mắt chính là những mặt hạn chế, tiêu cực. Đó là nỗi khổ, cái ác, cái xấu, những mặt trái của con người, …  + Hoàn cảnh bi thảm của mẹ con bé Hồng, của cha con Lão Hạc; sự nghèo túng của ông Giáo…  + Bà cô cay nghiệt, ích kỉ, tàn độc, là hiện thân của lễ giáo phong kiến hẹp hòi.  + Thói xấu của Binh Tư, sự ích kỉ của vợ ông Giáo…nảy sinh do áp lực cuộc sống trong xã hội thực dân nửa phong kiến thối nát đẩy con người tới sự cùng cực.  \* Đánh giá chung:  - Văn học không phản ánh cuộc sống một cách đơn điệu, một chiều mà ở góc nhìn đa chiều. Trong mặt tốt, tích cực có cái tiêu cực, hạn chế.  - Cái đẹp mà văn học đem lại là cái đẹp của sự thật đời sống được khám phá một cách nghệ thuật.  - Nhận xét về tài năng, tâm hồn tác giả, giá trị nội dung, nghệ thuật của các tác phẩm, liên hệ mở rộng… | **6,0** |
| ***d. Sáng tạo***: Có cách diễn đạt độc đáo có suy nghĩ riêng về vấn đề nghị luận. | **0, 5** |
| ***e. Chính tả, dùng từ đặt câu:*** Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa tiếng Việt. | **0, 5** |

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**ĐỀ 4.**

Đề bài: Bằng những hiểu biết về các văn bản truyện đã học ở chương trình Ngữ văn lớp 8, em hãy chứng minh rằng Văn Học Của Dân Tộc Ta Luôn Ngợi Ca Tình Yêu Thương Giữa Con Người

Bài làm

Văn học là nhân học. Mục đích cao cả của các tác phẩm văn chương là hướng người đọc đến sự hiểu biết và ca ngợi tình yêu thương vô bờ bến giữa con người với con người. Các văn bản truyện trong chương trình Ngữ văn lớp 8 như *Trong lòng mẹ* của Nguyên Hồng, *Tức nước vỡ bờ* của Ngô Tất Tố hay *Lão hạc*của Nam cao đã thể hiện rõ nền văn học dân tộc ta luôn ngợi ca tình yêu thương đó.

Các tác phẩm văn học này nằm trong trào l­ưu văn học hiện thực. Đó là trào lưu văn học gồm các nhà văn hư­ớng ngòi bút vào việc phơi bày thực trạng bất công, thối nát của xã hội và đi sâu phản ánh thực trạng thống khổ của các tầng lớp quần chúng bị áp bức bóc lột đư­ơng thời. Nói chung các sáng tác của trào l­ưu văn học này có tính chân thực cao và thấm đư­ợm tinh thần nhân đạo.

Tinh thần nhân đạo hay còn gọi là tình yêu thương giữa người với người thể hiện qua nhiều mối quan hệ xã hội, đó là tình cảm xóm giếng, tình cảm gia đình.

Tình cảm xóm giếng được thể hiện đặc sắc trong hai tác phẩm *Tức nước vỡ bờ* của Ngô Tất Tố và *Lão hạc*của Nam cao.

Đoạn trích *Tức nước vỡ bờ*thuộc tiểu thuyết *Tắt đèn (1939),*tác phẩm tiêu biểu nhất của Ngô Tất Tố, « một thiên tiểu thuyết có tính luận đề xã hội hoàn toàn phụng sự dân quê, một áng văn có thể là kiệt càng, tùng lai chưa từng thấy » (Vũ Trọng Phụng).Qua câu chuyện về chị Dậu và gia đình chị, *Tắt đèn*tập trung thể hiện nỗi khốn cùng của ngừoi nông dân dưới ách sưu thuế của chế độ thực dân, sự bóc lột hà hiếp của bọn địa chủ cường hào, quan lại.

Bên cạnh ngòi bút hiện thực sắc sắc, sinh động, phản ánh được hiện thực bất nhân của xã hội thực dân phong kiến đương thời thì thiên tiểu thuyết còn thấm đẫm tình người.Một trong những tình cảm cao quý mà chúng ta phải nhắc đến đó là tình cảm của hàng xóm, láng giềng, của bà lão láng giềng với vợ chồng chị Dậu.

Ngô Tất Tố viết về tình cảm xóm giềng này trong đoạn đầu của đoạn trích *Tức nước vỡ bờ*. Đó là lúc anh Dậu được giải từ ngoài đình về: « Đêm hôm ấy, người ta cõng anh Dậu rũ rượi như một xác chết ở ngoài đình về… ». Khi anh Dậu mới ở ngoài đình về, bà lão láng giềng đã « lật đật chạy sang:

– Bác trai đã khá rồi chứ? »

Ngay cái dáng vẻ « lật đật » của bà lão đã chứng tỏ rằng bà rất lo lắng cho vợ chồng nhà chị Dậu. Không những thế, bà lão còn đưa ra những lời khuyên cho chị Dậu: « Này bảo bác ấy có trốn đi đâu thì trốn. Chứ cứ nằm đấy, chốc nữa họ vào thúc sưu, không có, họ lại đánh trói thì khổ. Người ốm rề rề như thế, nếu lại phải một trận đòn, nuôi mấy tháng cho hoàn hồn »

Lời nói của bà lão hàng xóm thể hiện nỗi lo của bà, bà lo cho anh Dậu vừa mới khỏe lại được một tí nếu bọn thúc sưu đến bị đánh trói thì khổ ra, thì « nuôi mấy tháng cho hoàn hồn ». Bà lão còn giục thêm: « giục anh ấy ăn mau lên ». Sau khi khuyên bảo xong, bà lão lại « lật đật trở về với vẻ mặt boăn khoăn ».

Chỉ một đoạn văn ngắn thôi, Ngô Tất Tố đã thể hiện được tình cảm hàng xóm, láng giềng sâu sắc giữa gia đình chị Dậu và bà lão. Mặc dù, giữa họ không có quan hệ ruột thịt với nhau, nhưng bà lão với cái dáng vẻ « lật đật » của mình đã thể hiện được sự lo lắng, sự quan tâm chân thành dành cho gia đình chị Dậu. Tình cảm đó thật xúc động biết bao.

Nếu như trong tác phẩm *Tức nước vỡ bờ*tình cảm làng xóm đầy xúc động như vậy, thì trong truyện ngắn *Lão Hạc* của Nam cao tình cảm ấy được thể hiện như thế nào. Đó là tình cảm giữa lão Hạc và ông giáo.

Lão Hạc là một người nông dân có hoàn cảnh và số phận đáng thương.Nhà nghèo, không có tiền cho con cưới vợ, người con trai duy nhất của lão đã phải bỏ đi làm đồn điền cao su.Vợ lão lại mất sớm, lão chỉ có mỗi con chó vàng làm bầu bạn. Nhưng thật may thay, lão có ông giáo – người hàng xóm tốt bụng ở bên cạnh. Đối với lão Hạc, ông giáo không chỉ là một người bạn thân thiết mà còn là một người thầy đáng kính trọng, có thể tin tưởng và nhờ vả được. Khi muốn bán chó, lão đều hỏi ý kiến của ông giáo như một vị cố vấn của mình: « Có lẽ tôi bán con chó đấy, ông giáo ạ! ». Sau khi bán chó, đau đớn, xót xa lão cũng sang tâm sự với ông giáo: « Cậu vàng đi đời rồi, ông giáo ạ! » và lão không dấu cảm xúc ăn năn hối hận của mình trước sự việc bán « cậu vàng ». Đặc biệt, sau khi bán chó, tất cả tài sản mà lão dành dụm được bao gồm mảnh vườn và những đồng tiền cuối cùng lão đều nhờ ông giáo giữ hộ để sau này sau anh con trai đi đồn điền cao su về thì đưa cho nó. Phải nói rằng lão Hạc đã đặt tất cả niềm tin của mình vào ông giáo.

Về phần ông giáo, lúc đầu dường như ông không hiểu được nỗi băn khoăn của lão Hạc, nhưng sau đó, sau khi đã hiểu ra hoàn cảnh đáng thương của lão, ông giáo hết sức thông cảm và giúp đỡ lão Hạc.

Mối quan hệ bà con, xóm giềng của lão Hạc và ông giáo quả thật là một mối quan hệ tối đẹp, mặc dù xét về trình độ và tuổi tác họ đều lệch nhau và dường như không có bất kì một điểm chung nào.

Mảng tình cảm gia đình là mảng tình cảm đặc sắc được thể hiện trong truyện. Đó là tình mẫu tử trong tác phẩm *Trong lòng mẹ* của nhà văn Nguyên Hồng, đó là tình cha con trong tác phẩm *Lão Hạc*của Nam Cao, đó là tình vợ chồng trong *Tức nước vỡ bờ*của nhà văn Ngô Tất Tố.

Tình mẫu tử trong tác phẩm của Nguyên Hồng được cảm nhận sâu sắc từ phía đứa con. Xã hội phong kiến xưa đã đày đoạ hai mẹ cọn chú bé, đẩy hai người vào tình cảnh trớ trêu: mẹ phải bỏ con mà đi tha phương cầu thực, để rồi chú bẹ trở thành tiêu điểm của những lời dị nghị, chê trách, mỉa mai, đay nghiến của mọi người. Điều khiến chú bé tiếp tục sống và chịu đựng chính là hình ảnh người mẹ hiền từ, cái tình mẫu tử thiêng liêng mà chú khao khát có được. Chú bé Hồng muốn tiếp tục sống để bảo vệ mẹ khỏi những người đố kị và ghen ghét của cái xã hội phong kiến thối nát đầy hủ tục.

*“Hồng! Mày có muốn vào Thanh Hoá chơi với mẹ mày không?”.* Thoạt nghe ta tưởng như đây là lời hỏi chân tình, thương cảm nhưng đâu phải như thế. Giọng điệu cay độc, mỉa mai, cố tình ngân ra thật dài và nụ cười rất kịch của người cô đủ làm bé Hồng hiểu ra ý nghĩa đằng sau đó. Đây không phải là duy nhất một lần mà ngày này qua ngày khác, người cô giày vò tâm hồn chú bé và không phải ai cũng có thể phân biệt đúng sai mà giữ trọn cho mình hình tượng người mẹ kính yêu như bé Hồng. Không chỉ hiểu được dã tâm độc ác của cô, chú bé còn dũng cảm thể hiện thái độ bênh vực mẹ, dù cho nó là yếu ớt, cô độc nhưng phải yêu mẹ biết nhường nào thì Hồng mới có những cách ứng xử như vậy. Người cô dùng lời lẽ thâm độc như mũi dao chọc vào trái tim bé nhỏ của cậu bé, mặc cho đứa cháu vẫn còn rất nhỏ tuổi và sống thiếu thốn tình cảm từ bé. Liệu có ai bình thường được khi phải nghe người khác nhục mạ mẹ của mình, hơn nữa Hồng vẫn còn là một cậu bé? Lòng của chú thắt lại quặn đau, mắt cay cay rồi chẳng biết khi nào nước mắt đã đầm đìa. Tác giả miêu tả chú bé “cười dài trong nước mắt“, một cảm giác mà dường như chỉ những người từng trải mới có được. Phải chăng “sự từng trải” ở chú bé có được là do quá trình “rèn luyện” của người cô?

*“Giá những cổ tục đã đày đoạ mẹ tôi là một vật như hòn đá hay cục thuỷ tinh, đầu mẩu gỗ, tôi quyết vồ ngay lấy mà cắn, mà nhai, mà nghiến cho kì nát vụn mới thôi”*. Phản ứng tâm lí này khiến ta thật bất ngờ khi nó tồn tại trong tâm hồn của một đứa trẻ. Bé Hồng mong muốn một cái vô hình chính là những hủ tục kia biến thành vật hữu hình để chú có thể xả cơn căm tức, trút bỏ tất cả sự nhẫn nhục, tủi thân vào. Ai cũng yêu thương những người thân của mình nhưng để có thể bất chấp tất cả, hi sinh chỉ để bênh vực và giữ trọn tình cảm thiêng liêng đó thì quả thực Hồng là một đứa con yêu mẹ vô cùng, dù cho cậu bé vẫn còn rất nhỏ. Ta tưởng rằng ở cái tuổi này thì Hồng phải rất hồn nhiên và trong sáng như bao bạn cùng lứa nhưng hoàn cảnh đã khiến trong đầu chú bé hình thành những suy nghĩ già dặn và chín chắn. Nó giúp chú nhận ra được bộ mặt cay độc của người cô, để đứng về phía tình mẫu tử cao quý, nơi đó có người mẹ mà Hồng vô cùng yêu thương. Nếu không tồn tại những hủ tục kia thi biết đâu người mẹ có thể tìm thấy hạnh phúc đích thực cho mình mà vẫn có thể sống đường hoàng cùng hai anh em chú. Ban đầu là sự tủi nhục, đau đớn rồi đẩy lên căm tức, phẫn nộ xã hội thối nát xưa mà đặc biệt hiện thân là người cô, bé Hồng cho thấy thái độ kiên quyết của mình không để cho*“những rắp tâm tanh bẩn xâm phạm đến”*. Cậu luôn tự nhủ với bản thân và còn khẳng định với người cô:*“… Cuối năm thế nào mợ cháu cũng về”* để chứng tỏ một niềm tin vào người mẹ yêu quý sẽ không bao giờ quên được anh em chú như người cô đã nói. Bé Hồng thiếu thốn tình mẫu tử từ nhỏ nhưng càng vì thế mà chú càng khao khát nó và quyết gìn giữ khỏi những ý đồ xấu xa, vì cậu tin rằng, sẽ có một ngày, một ngày rất gần thôi: Hồng sẽ được sà vào lòng người mẹ thân yêu.

Mẹ của bé Hồng phải thực dũng cảm khi trở về để vừa giỗ đầu chồng. Bà sẵn sàng đối mặt với những người họ hàng cay nghiệt, độc ác, cổ hủ bởi tình mẫu tử là không thể nào quên được. Tình cảm mẹ con dường như là rất tự. Cái ngày không xa đó đã đến. Một chiều tan học về, cậu thấy có bóng người ngồi trên xe kéo. Một cảm giác rất lạ rằng đó chính là mẹ, cậu chạy với theo và gọi: “Mợ ơi! Mợ ơi!”. Hình ảnh so sánh “khác gì cái ảo ảnh của một dòng nước trong suốt chảy dưới bóng râm đã hiện ra trước con mắt gần rạn nứt của người bộ hành ngã gục giữa sa mạc” làm ta nhận thấy được sự yêu thương mãnh liệt của chú bé sau những ngày tháng tủi cực vừa qua. cảnh hai mẹ con đoàn tụ thật xúc động. Đối với Hồng, chú thấy mẹ đẹp lạ thường, phải chăng do lâu ngày xa cách mà cảm giác vui mừng đoàn tụ khiến em nhìn mẹ mình yêu thương hơn, đẹp đẽ hơn. Hơi quần áo, hơi thở và đặc biệt là hơi ấm từ lòng mẹ làm Hồng thấy hạnh phúc và sung sướng biết bao, như quên hết tất cả rắp tâm bẩn thỉu của người cô.

Nhưng trong hoàn cảnh của Hồng và mẹ của chú thì nó lại vô cùng khó khăn và trắc trở.Cả hai đều phải vượt qua những thử thách riêng để cuối cùng họ được đoàn tụ, gặp nhau trong niềm vui khôn xiết. Người mẹ rối rít hỏi con thời gian qua sống ra sao rồi cứ quấn quýt mãi không rời. Bà đã truyền cho đứa con hơi ấm đích thực từ tình yêu thương của mẹ mà bấy lâu nay đã không thể làm, bà đã ở bên Hồng, ôm chú vào lòng mà mong sao xoá đi những kí ức cô đơn, lẻ loi của cậu bé. Thời gian lúc đó cũng như ngừng trôi để khoảnh khắc hai mẹ con được bên nhau cứ dài thêm, dài thêm.

Tình mẫu tử trong đoạn trích về câu chuyện của bé Hồng thật thiêng liêng và quý giá biết bao. Chính chú bé đã đứng về phía mẹ mình, bảo vệ mẹ trước cái xã hội phong kiến mà hình ảnh tiêu biểu là người cô. Tác giả đã thể hiện sự khổ sở, đau lòng của người mẹ trong hoàn cảnh trớ trêu mà đặc biệt là khao khát tình yêu thương mãnh liệt của bé Hồng. Vì nó mà chú có thể làm tất cả để đấu tranh với cái hủ tục, lề lối cổ xưa để nhất quyết giữ trọn hình ảnh người mẹ dịu hiền và lương thiện trong mình, cảm xúc này của một đứa trẻ làm ta thực sự phải rung động và bất ngờ.

Lão Hạc là người nông dân có hoàn cảnh đáng thương nhưng rất mực yêu thương con. Nhắc đến con trai lão, ta hiểu lão yêu con sâu sắc đến nhường nào! Lão thương con không lấy được vợ, phẫn chí phải ra đi. Trong việc lỡ dở tình duyên này, lão luôn day dứt vì mình không phải. Ai đời làm cha mà không lo nổi hạnh phúc cả đời cho con, để nó phải đi làm đồn điền cao su? Lão thương con đứt ruột nhưng lại bất lực để con ra đi vì những hủ tục của xã hội đương thời. Lão không cho nó bán vườn đâu phải vì không thương nó, đứa con mới lớn sao hiểu được sự lo lắng của người cha đã từng trải, suy nghĩ thấu đáo cho tương lai của con: “ Ai lại bán vườn đi lấy vợ? Vả lại bán vườn đi thì cưới vợ về ở đâu?Với lại, nói cho cũng nữa, nếu đằng gái họ cứ khăng khăng đòi như vậy, thì dẫu có bán vườn đi cũng không đủ cưới”. Con trai lão “thấy bố nói thế thì thôi ngay”, “thôi” nhưng nó có vẻ buồn vì “hai đứa mê nhau lắm”. Trước lúc đi xa, nó không những không giận bố mà còn biếu bố hẳn 3 đồng bạc.Đối với lão, tất cả những chi tiết ấy như một kỉ vật thiêng liêng về lòng hiếu thảo, Bởi vậy khi nhắc đến con trong những cuộc trò chuyện với ông giáo, đôi mắt lão Hạc lại rưng rưng. Lão ngậm ngùi trong tiếng nấc, bất lực, cam chịu thấy con ra đi: “ Thẻ của nó, người ta giữ. Hình của nó, người ta chụp rồi.Nó lại đã lấy tiền của người ta. Nó là người của người ta rồi, chứ đâu có còn là con tôi?”. Con trai đi rồi, lão cô đơn nay lại càng cô đơn hơn. Lí lẽ lão biện hộ để giữ lại mảnh vườn cho con rất lạ: lão đứng về phía con mà chống lại mọi thứ. Viết giấy làm văn tự nhượng lại cho ông giáo là người nhiều chữ nghĩa, lí luận đã đành, lão còn chống lại cả chính mình nữa: “ của mẹ nó tậu thì nó hưởng”. Ông giáo khuyên cứ để tiền đấy mà ăn, lão năn nỉ: “ Đã đành rằng thế. Nhưng tôi bòn vườn của nó bao nhiêu, hết tiền cả. Nó vợ con chưa có, ngộ nó không lấy gì lo được, lại bán vườn thì sao? Tôi cắn rơm cắn cỏ tôi lạy ông giáo! Ông giáo có nghĩ cái tình tôi già nua tuổi tác mà thương thì ông giáo cứ cho tôi gửi”. Thì ra tình thương con không chỉ thể hiện qua cách ứng xử, với lão Hạc, nó là một nguyên tắc sống. Chính lão không cho phép mình động chạm vào thứ mực thước tinh thần do chính lão đặt ra. Cuộc đời lão như dòng sông bên lở bên bồi. Lão là bên lở cứ lở mãi để bên bồi của con được bồi đắp thêm phù sa màu mỡ. tươi tốt Lão âm thầm hi sinh chỉ mong con có một tương lai tốt đẹp. Lão còn bán cả cậu vàng – con chó mà lão rất mực thương yêu vì sợ ăn phạm vào những đồng bạc cuối cùng của con trai lão. Và kết cục lão đành chọn cái chết vì muốn giữ lại mảnh vườn và tiền cho con trai. Cái chết tự nguyện của lão xuất phát từ lòng yêu con âm thầm mà lớn lao.

Chị Dậu trong “Tắt đèn” của Ngô Tất Tố là một hình tượng tiêu biểu cho người phụ nữ thương chồng, thương con. Chồng chị ốm đau, vụ thuế đến cùng biết bao tai hoạ… Nào là phải chạy đôn, chạy đáo để cho đủ số tiền nộp sưu cho chồng mà không có một hạt cơm nào vào bụng. Chị như phải mò kim dưới đáy bể, như lạc vào cái sa mạc cát nóng bỏng, gió thổi tạt vào người như lửa. Trong cảnh “nửa đêm thuế thúc trống dồn” không có tiền nộp sưu cho chồng, vay mượn thì đều là bạn nghèo ai cũng không có, kẻ nhà giàu địa chủ thì đòi trả lãi với giá cắt cổ, chị đành phải bán đứa con ngoan ngoãn bé bỏng mà chị đã mang nặng đẻ đau, mà đã đến lúc nó có thể giúp chị rất nhiều. Chúng ta có thể cảm nhận được nỗi đau như đứt từng khúc ruột của chị khi bán cái Tý. Cái cảnh chị nuốt nước mắt vào trong mà van lạy cái Tý, thằng Dần để chúng đồng ý cho chị dẫn cái Tý sang nhà Nghị Quế làm người đọc không cầm lòng được. Cuộc đời chị bất hạnh này lại nối tiếp khổ đau kia. Sau khi bán con và đàn chó mới đẻ, cóp nhặt đem tiềm nộp sưu cho chồng xong tưởng chừng nạn kiếp đã xong mà cố gắng sống những ngày bình yên bên người chồng ốm yếu, nhưng bọn lý trưởng, chánh tổng trong làng lợi dụng thuế má muốn đục nước béo cò bắt chị phải nộp thêm suất sưu cho em chồng đã chết từ năm ngoái. Người đã chết, đã đi vào cõi hư vô, còn đâu mà bắt người ta đóng thuế, thật quá bất công. Rồi chị còn phải chứng kiến cảnh chổng ốm đau bệnh tật, rũ rượi như một chiếc lá héo khô bị ném vào nhà, chị chăm sóc cho anh chưa kịp hoàn hồn thì bọn cai lệ và người nhà lý trưởng xông vào định bắt trói anh điệu ra đình vì thiếu sưu của em mình. Trong hoàn cảnh ấy không thể chịu đựng được nữa, tình yêu thương chồng và nỗi tức giận bị đè nén bấy lâu đã thôi thúc chị hành động. Chị đã xông vào bọn chúng đánh trả quyết liệt sau những lời van xin thiết tha không hiệu nghiệm để rồi kết quả là cả hai vợ chồng chị bị bắt giải ra đình để quan tư phủ xử tội vì đã chống lại “người nhà nước”. Những khổ cực mà chị Dậu phải chịu cũng như những tâm lý uất ức trào dâng bột phát thể hiện thành hành động phản kháng của chị chính là hình ảnh chân thực về cuộc sống của người nông dân trước cách mạng tháng Tám.

Bằng những dẫn chứng trên, chúng ta có thể khẳng định lại rằng: văn học của dân tộc ta luôn ngợi ca tình yêu thương giữa con người với con người.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**ĐỀ 5**

**ĐỀ THI HỌC SINH GIỎI CẤP HUYỆN**

**NGỮ VĂN 8**

**Câu 1.(8*,0 điểm*)**Vich-to Huy –gô cho rằng:

*“Con người sống không có tình thương cũng giống như vườn hoa không có ánh nắng mặt trời: không có gì đẹp đẽ và hữu ích có thể nảy nở trong đó được”.*

Suy nghĩ của em về ý kiến trên.

**Câu 2.(12 *điểm*)**Nhận xét về người nông dân trong văn học Việt Nam trước Cách mạng tháng 8-1945 có ý kiến cho rằng:

*“Người nông dân tuy nghèo khổ, lam lũ, ít học nhưng không ít tấm lòng”.*

Bằng hiểu biết của em về nhân vật Lão Hạc trong truyện ngắn cùng tên của nhà văn Nam Cao, hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.

------------------------------------------------

**HƯỚNG DẪN**

**Câu 1.(8*,0 điểm***

|  |  |
| --- | --- |
| Câu | Hướng dẫn chấm |
| 1 | **1.Giải thích.**  + Tình thương: lòng nhân ái, cảm thông, chia sẻ, giúp đỡ người khác.  + Vườn hoa: nơi nảy sinh, nơi hình thành cái tốt đẹp.  + Không ánh nắng mặt trời: không có ánh sáng, hơi ấm, không có nguồn sống.  + Không có gì: sự phủ định hoàn toàn và triệt để.  + Đẹp đẽ và hữu ích: cái đẹp và cái tốt, cái thiện, cái có ích.  + Nảy nở: nảy sinh, tồn tại và phát triển  => Tóm lại, nếu không có tình thương thì cuộc sống của con người sẽ không thể có được những điều tốt đẹp và có ích. Nói cách khác, tình thương chính là thứ sẽ làm nảy sinh tất cả những điều tốt đẹp cho cuộc sống. |
| **2. Bình luận**..  \*. Chứng minh vai trò của tình thương trong cuộc sống  - Trong cuộc sống, bên cạnh những người may mắn và hạnh phúc, còn có rất nhiều người gặp cảnh đau khổ, bất hạnh, luôn cần sự sẻ chia, giúp đỡ, cần tình thương yêu.  - Nếu thiếu tình thương, con người sẽ không thể làm được những điều tốt đẹp, hữu ích cho người khác: không biết quan tâm, giúp đỡ, chia sẻ và đồng cảm với người khác lúc họ gặp khó khăn, hoạn nạn; thậm chí còn làm những điều xấu xa, tàn ác khiến người khác phải chịu mất mát, đau khổ.  - Khi thiếu tình thương, con người cũng không thể tạo ra và gìn giữ được điều tốt đẹp cho chính mình (biến thành người vô cảm, tàn nhẫn và ích kỉ, xấu xa) và cho người khác.  - Ngược lại, con người có tình thương tạo ra nhiều điều tốt đẹp: sự đồng cảm, chia sẻ; sự bao dung,... Nói khác đi, tình thương là nền tảng nuôi dưỡng cho những phẩm chất, tình cảm, suy nghĩ tốt đẹp khác của con người.  \*Bình luận .  Trong câu nói, Huy-gô có cái nhìn đầy tính nhân văn, vừa rất mực tin yêu cuộc sống vừa tỉnh táo, sâu sắc.  + Trong xã hội ngày nay, có nhiều người biết mở rộng vòng tay yêu thương và nhân ái làm sáng ngời truyền thống “tương thân tương ái”, “thương người như thể thương thân”, “lá lành đùm lá rách” của dân tộc... Những người như thế đáng được ngợi ca và tôn vinh.  + Song bên cạnh đó, vẫn còn có bao kẻ vô tâm, vô cảm, ích kỉ và xấu xa, độc ác để thỏa mãn những dục vọng tầm thường, đê hèn. Chúng phải bị lên án và trừng trị nghiêm khắc. |
|  | **3.Bài học.**  - Cuộc sống chỉ trở nên tốt đẹp và có ý nghĩa khi con người biết yêu thương, chia sẻ, cảm thông với những số phận bất hạnh  -Hãy yêu thương người khác . Đó là cách chăm sóc khu vườn tâm hồn của mỗi người. |
| **Câu 2. (12 *điểm*)** | \* Về kĩ năng: Hiểu đúng yêu cầu của đề bài. Biết cách làm bài nghị luận văn học dạng giải thích chứng minh nhận định . Bố cục rõ ràng. Lập luận chặt chẽ. Không mắc lỗi diễn đạt, chính tả, dùng từ, ngữ pháp.  \* Về nội dung:  - Học sinh có thể trình bày theo những cách khác nhau nhưng phải làm sáng tỏ vấn đề nghị luận. Dù triển khai theo trình tự nào cũng cần đạt được các ý sau. |
| ***1.Mở bài.***  - Dẫn dắt , nêu vấn đề nghị luận, trích dẫn ý kiến, nêu phạm vi dẫn chứng. |
| ***2.Thân bài.***  a. Giải thích.  - Khái quát hình ảnh người nông dân trước cách mạng tháng 8: Họ có cuộc ***sống nghèo khổ lam lũ, ít học***, một cổ hai tròng: *Chị Dậu*- Tắt đèn- Ngô tất Tố, anh Pha trong *Bước đường cùng* – Nguyễn Công Hoan, *Lão Hạc, Chí Phèo*- Nam Cao nhưng họ ***không ít tấm lòng***. Dù cuộc sống và số phận có đẩy họ vào bước đường cùng nhưng họ không ít tấm lòng- giàu tình yêu thương, lòng tự trọng, cứng cỏi mạnh mẽ, nhân hậu… Dù có phải chết, người nông dân vẫn giữ được phẩm tốt đẹp của mình.  - *Lão Hạc* là tác phẩm xuất sắc của Nam cao viết về đề tài người nông dân. Từ cuộc đời của Lão Hạc , Nam Cao đã thể hiện chân thực cảm động về số phận đau thương , cuộc sống nghèo khổ lam lũ ít học nhưng vẫn sáng ngời phẩm chất lương thiện, tốt đẹp. Lão là *con người không chỉ khổ mà còn rất đẹp*.( Quế Hương)  b. Chứng minh.  *\* Lão Hạc là người nông dân nghèo khổ lam lũ ít học.*  - Cảnh ngộ của Lão Hạc thật bi thảm: Nhà nghèo, vợ chết, hai cha con lão sống lay lắt rau cháo qua ngày.  - Vì nghèo nên lão cũng không đủ tiền cưới vợ cho con nên khiến con trai lão phải bỏ đi làm ở đồn điền cao su.  - Chính vì nghèo khổ nên ông không có điều kiện học hành vì thế mà lão không biết chữ, mỗi lần con trai viết thư về lão lại phải nhờ ông giáo đọc hộ và cả đến khi muốn giữ mảnh vườn cũng lại nhờ ông giáo viết văn tự hộ.  - Sự túng quẫn ngày càng đe dọa lão nên sau trận ốm kéo dài, không có việc, rồi bão ập đến phá sạch hoa màu…không lấy tiền đâu để nuôi con Vàng nên lão đã phải dằn lòng quyết định bán cậu Vàng – kỉ vật mà đứa con trai lão để lại.  - Lão sống đã khổ chết cũng khổ.  ***(Hs lấy dẫn chứng phân tích, chứng minh)***  *\*. Lão Hạc là người nông dân nghèo khổ nhưng không ít tấm lòng. Lão là một người cha vô cùng thương con, một người nhân hậu và giàu tự trọng.*  - Lão Hạc rất yêu con: +cả đời yêu con một cách thầm lặng, chả thế mà từ ngày vợ chết lão ở vậy nuôi con đến khi trưởng thành. Lão chắt chiu dè sẻn để có tiền lo cưới vợ cho con ấy vậy mà cả đời dành dụm cũng không đủ vì thế mà khi chứng kiến nỗi buồn nỗi đau của con lão luôn day dứt đau khổ. ***(HS lấy dẫn chứng chứng minh)***  + Thương con lão chọn cho mình một cách hi sinh, đặc biệt là hi sinh cả mạng sống của mình cho con***.*** Mọi hành động của lão đều hướng về con. Lão chọn cái chết để giữ tài sản cho con để trọn đạo làm cha  - Nhân hậu: Vì yêu và thương con nên khi xa con tình yêu con của lão được thể hiện gián tiếp qua việc chăm sóc con chó- kỉ vật mà đứa con để lại. Lão vô cùng đau đớn dằn vặt khi bán con chó vàng. Qua đó thấy được tấm lòng nhân hậu của lão***( HS lấy dẫn chứng chứng minh)***  - Tự trọng:  + Tuy lão nghèo nhưng không hèn. Lão từ chối mọi sự giúp đỡ của ông Giáo...  + . Lão đã lựa chọn đạo lí: chết trong còn hơn sống đục***. (HS lấy dẫn chứng chứng minh)***  - Qua cuộc đời khốn khổ và phẩm chất cao quý của lão Hạc nhà văn đã thể hiện tấm lòng yêu thương trân trọng đối với người nông dân.  *\*. Nghệ thuật*  - Truyện được kể ở ngôi thứ nhất người kể chuyện là ông Giáo làm câu chuyện dẫn dắt tự nhiên sinh động hấp dẫn  - Nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật qua ngôn ngữ độc thoại nội tâm. |
|  | **c. Đánh giá.**  - Nhận xét trên hoàn toàn xác đáng . Lão Hạc có thể xem là nhân vật đẹp nhất đời Nam Cao. Bởi lão còm cõi xơ xác chịu nhiều đau thương, bất hạnh nhưng chưa bao giờ vì hoàn cảnh mà tha hoá thay đổi bản chất tốt đẹp lương thiện của mình.. Nam Cao đã phản ánh số phận bi thảm của người nông dân, ca ngợi phẩm chất , trân trọng yêu thương và tố cáo xã hội gây ra những bất hạnh cho họ. lão hạc tiêu biểu cho ***“Người nông dân tuy nghèo khổ, lam lũ, ít học nhưng không ít tấm lòng”.*** |
|  | *3.Kết luận.*   * Khẳng định và nâng cao vấn đề nghị luận. |

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**ĐỀ 6.**

**ĐỀ KHẢO SÁT CHẤT LƯỢNG HỌC SINH GIỎI**

MÔN: **NGỮ VĂN** -LỚP **8**

Thời gian làm bài: 150 phút

**Câu 1.** (4 điểm)

Đọc đoạn văn sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

“Dưới gốc tre, tua tủa những mầm măng. Măng trồi lên nhọn hoắt như mũi gai khổng lồ xuyên qua đất lũy mà trỗi dậy, bẹ măng bọc kín thân cây non, ủ kĩ như áo mẹ trùm lần trong lần ngoài cho đứa con non nớt. Ai dám bảo thảo mộc tự nhiên không có tình mẫu tử?”

*(Lũy làng - Ngô Văn Phú)*

a. Tìm những từ thuộc trường từ vựng “cây tre” có trong đoạn văn trên.

b. Xác định câu nghi vấn trong đoạn văn và nêu rõ chức năng của câu nghi vấn đó.

c. Trong đoạn văn trên tác giả sử dụng những biện pháp nghệ thuật nào? Phân tích tác dụng của các biện pháp nghệ thuật đó.

**Câu 2.** (6 điểm)

Có ý kiến cho rằng: “Giá trị của con người không phải là được thể hiện ở ngoại hình, hay không chỉ đơn giản là trình độ học vấn, địa vị trong xã hội; mà nó được thể hiện rõ nhất bằng lòng tự trọng của con người”.

Em hãy viết đoạn văn bày tỏ suy nghĩ về lòng tự trọng.

**Câu 3.** (10 điểm)

Có ý kiến cho rằng: “*Dù được sáng tác theo trào lưu lãng mạn hay hiện thực, những trang viết của những nhà văn tài năng và tâm huyết đều thấm đượm tinh thần nhân đạo sâu sắc”*

Qua các văn bản “Tức nước vỡ bờ” của Ngô Tất Tố và văn bản “Lão Hạc” của Nam Cao em hãy làm sáng tỏ ý kiến trên?

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

**Câu 1.**(4 điểm)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | a. Những từ thuộc trường từ vựng “cây tre”: gốc(tre), mầm măng, măng, lũy, bẹ măng, thân cây  b. - Câu nghi vấn: Ai dám bảo thảo mộc tự nhiên không có tình mẫu tử?  - Chức năng: Khẳng định  c. - Trong đoạn văn tác giả đã sử dụng các biện pháp tu từ: đảo ngữ, so sánh kết hợp nhân hóa.  - Nghệ thuật đảo ngữ: “tua tủa những mầm măng” nhấn mạnh số lượng nhiều và sự vươn lên đầy sức sống của những mầm măng.  - Nghệ thuật so sánh: “Măng trồi lên nhọn hoắt như mũi gai khổng lồ xuyên qua đất lũy mà trỗi dậy” kết hợp nghệ thuật nhân hóa “măng trồi lên” “mũi gai…trỗi dậy” nhấn mạnh sự vươn lên, trỗi dậy đầy sinh lực của những măng tre.  - Nghệ thuật so sánh: “Bẹ măng bọc kín thân cây non, ủ kĩ như áo mẹ trùm lần trong lần ngoài cho đứa con non nớt” làm nổi bật đặc điểm của măng tre, gợi sự bao bọc tình nghĩa để vươn lên mạnh mẽ.  - Sự kết hợp các biện pháp nghệ thuật làm cho lời văn sinh động, gợi cảm khiến sự vật hiện lên như con người mạnh mẽ, tình nghĩa.  - Qua đó ta thấy được sự quan sát tinh tế và tài năng nghệ thuật của tác giả |  |

**Câu 2.** (6 điểm)

**Yêu cầu chung:**

-Về nội dung: hiểu được vấn đề nghị luận, có kĩ năng vận dụng các thao tác lập luận, diễn đạt trôi chảy, có cảm xúc.

-Về hình thức: Biết trình bày một đoạn văn nghị luận phù hợp với yêu cầu của đề bài.

**Lưu ý**: Đề bài không hạn định số câu. Song, vì là một đoạn, thí sinh phải biết cân đối cho phù hợp với yêu cầu đề bài. Nếu đủ ý nhưng chỉ có tính chất điểm ý, không có dẫn chứng, quá ngắn, diễn đạt không hay, không cho điểm tối đa. Không đếm ý cho điểm. Ngược lại thí sinh viết quá dài dòng, lan man trừ 0,5đ kĩ năng.

**Yêu cầu cụ thể**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **1. Giới thiệu nội dung nghị luận** | (0,5) |
|  | **2. Giải thích**  Lòng tự trọng là ý thức coi trọng và giữ gìn phẩm cách, danh dự của bản thân, coi trọng giá trị của bản thân.  **3. Bàn luận**  Chấp nhận các cách triển khai khác nhau, song cần chú ý bám sát và làm rõ định hướng bàn luận.  - Biểu hiện của lòng tự trọng: (1,0 điểm)  + Có suy nghĩ, hành động và cách ứng xử đúng với lương tâm và đạo lí.  + Nói đi đôi với làm  + Khi có khuyết điểm chân thành sửa sai và nhận lỗi. Nhìn thẳng vào hạn chế của mình khi không đủ khả năng đảm đương một công việc. Luôn có ý thức tự giác vươn lên để khẳng định mình ngay cả khi gặp khó khăn, trắc trở.  + Chú ý cả đên lời nói khi giao tiếp.  - Vai trò của lòng tự trọng: (1,5 điểm)  + Luôn giúp ta tự tin vào việc mình làm, luôn chủ động vững vàng trong mọi công việc, sẵn sang đối mặt với những khó khăn thử thách.  + Luôn giúp ta lạc quan, yêu đời  + Luôn giúp ta được mọi người tôn trọng  + Góp phần xây dựng xã hội văn minh.  - Cần phân biệt tự trọng với tự cao, tự đại (0,5 điểm)  - Phê phán những con người thiếu lòng tự trọng: lười lao động, học tập, sống lợi dụng, dựa dẫm, gặp khó khăn thì nản chí, nản lòng…đánh mất nhân cách của bản thân. (0,5 điểm) | (0,)  (3,5 điểm) |
|  | **4. Bài học nhận thức và hành động.**  + Để xây dựng lòng tự trọng bản thân mỗi con người phải luôn có ý thức học tập và rèn luyện, nói phải đi đôi với làm.  + Rèn luyện lòng tự trọng là đấu tranh với chính bản thân mình để có suy nghĩ và hành động đúng đắn.  + Gia đình, nhà trường cần giáo dục cho con em mình lòng tự trọng để có thái độ sống tốt. | (1,5 điểm) |

**Câu 3.** (10 điểm)

|  |  |
| --- | --- |
| **I.Yêu cầu chung**  - Về nội dung: Hiểu yêu cầu đề bài, nắm vững tác phẩm, biết phân tích theo định hướng, văn viết mạch lạc, có cảm xúc.  - Về hình thức: Trình bày ý rõ ràng, biết cân đối với hai câu trên. |  |
| **II. Yêu cầu cụ thể**  Chấp nhận trình tự, cách thức khai triển khác nhau, miễn là thí sinh có ý thức bám sát và làm sáng rõ định hướng sau: |  |
| **1. Mở bài:** Dẫn dắt giới thiệu vấn đề nghị luận, trích dẫn và giới hạn vấn đề |  |
| **2. Thân bài**  **a. Giải thích ý kiến**  *\* Học sinh cần giải thích được ý của nhận định*  - Tinh thần nhân văn nhân đạo: là nói đến mối quan hệ tốt đẹp giữa con người với con người, những gì vì con người cho con người cho những điều tốt đẹp của bản thân mỗi người. Thường thể hiện ở tiếng nói yêu thương, trân trọng con người, ca ngợi vẻ đẹp của tình người và sự cảm thông với những số phận khổ đau bất hạnh đồng thời lên án phê phán tố cáo cái xấu, cái ác, ngọn nguồn của những đau khổ bất hạnh..  - Ý kiến muốn khẳng định: Trong sáng tác văn học các trào lưu lãng mạn và hiện thực chủ nghĩa có cách thức và nội dung phản ánh hiện thực khác nhau nhưng trên những trang viết các nhà văn tài năng đều thể hiện tinh thần nhân đạo sâu sắc....  **b. Chứng minh*:***  **\* Giới thiệu ngắn gọn chung về Nam Cao và Ngô Tất Tố cùng hai văn bản để thấy đây là hai nhà văn tài năng và tâm huyết và khẳng định với những cách khác nhau hai văn bản đều tỏa sáng tinh thần nhân văn nhân đạo**  - Nam Cao và Ngô Tất Tố đều là những nhà văn tài năng và tâm huyết của văn học hiện thực của văn học Việt Nam giai đoạn 1930-1945.  + Nam Cao được bạn đọc yêu mến bởi những trang viết chân thực và sâu sắc về người nông dân nghèo đói bị vùi dập và người trí thức cùng phẫn phải sống mòn, bế tắc trong xã hội cũ...Truyện ngắn “Lão Hạc” là truyện tiêu biểu...  + Ngô Tất Tố được coi là “nhà văn của nông dân” là một nhà văn am tường trên nhiều lĩnh vực nghiên cứu, học thuật sáng tác. Văn bản “ Tức nước vỡ bờ” là trang viết sinh động trong Tiểu thuyết “Tắt đèn” nổi tiếng của ông....  - Bằng hai cách viết khác nhau nhưng cùng theo trào lưu hiện thực văn bản “Lão hạc” của Nam Cao và “Tức nước vỡ bờ” của Ngô Tất Tố đều là những trang viết thấm đẫm tinh thần nhân đạo của những nhà văn tài năng và tâm huyết: Đó là tiếng nói đồng cảm với nỗi khổ đau của người nông dân trong xã hội cũ, trân trọng ngợi ca vẻ đẹp của người nông dân và lên án tố cáo các thế lực tàn ác đẩy người nông dân vào bần cùng, khổ đau bất hạnh...  **\* Phân tích, chứng minh tinh thần nhân đạo trong hai văn bản “Lão Hạc” và “Tức nước vỡ bờ”.**  *b.1. Thứ nhất tinh thần nhân đạo thể hiện tiếng nói cảm thông với những khổ đau bất hạnh của con người:*  **\* Truyện “ Lão Hạc**”  + Nam Cao cảm thương cho Lão Hạc một lão nông dân nghèo khổ bất hạnh, đáng thương sống trong thời kì thực dân phong kiến (HS đưa dẫn dẫn chứng về nỗi khổ vật chất, tinh thần của Lão Hạc)  + Cảm thông với tấm lòng của người cha rất mực yêu thương con luôn vun đắp dành dụm những gì có thể có để con có cuộc sống hạnh phúc...  **\* Văn bản“ Tức nước vỡ bờ”**  - Ngô Tất Tố đã thấu hiểu, cảm thông sâu sắc về tình cảnh cơ cực, bế tắc của người nông dân qua tình cảnh thê thảm đáng thương của gia đình chị Dậu trong buổi sáng lúc bọn tay sai ập đến ( HS đưa dẫn chứng về tình thế, hoàn cảnh của gia đình chị Dậu)  *b.2. Tinh thần nhân đạo ấy còn được thể hiện qua lời ngợi ca trân trọng, tin tưởng những phẩm chất tốt đẹp của con người..*  + Với “Lão Hạc” Nam Cao đã trân trọng ngợi ca lão Hạc lão nông dân nghèo khổ nhưng có phẩm chất vô cùng cao đẹp: tấm lòng đôn hậu, trái tìm giàu tình yêu thương, lối sống tự trọng (HS đưa dẫn chứng phân tích làm rõ lời ngợi ca của tác giả với Lão Hạc)  + Trong “Tức nước vỡ bờ” Ngô Tất Tố với tinh thần nhân đạo của nhà văn đầy tâm huyết đã phát hiện và ngợi ca tâm hồn cao đẹp của chị Dậu người phụ nữ nông dân Việt Nam hiền lành chất phác nhưng giàu tình yêu thương chồng con với tinh thần phản kháng mãnh liệt (HS đưa dẫn dẫn chứng về sự ngợi ca về tình yêu thương chồng con của chị Dậu và sự phản kháng của chị Dậu..)  *b.3. Tinh thần nhân đạo ấy thể hiện qua tiếng nói lên án phê phán cái xấu cái ác, sự bất công ngọn nguồn của những khổ đau bất hạnh đối với con người.*  - Văn bản “Lão Hạc” gián tiếp tố cáo xã hôi phong kiến với hủ tục, với chính sách thuế khóa nặng nề khiến con trai Lão Hạc vì nhà nghèo mà không lấy được vợ phải phẫn chí bỏ đi làm đồn điền cao su để Lão Hạc phải sống trong cảnh tuổi già cô đơn không người chăm sóc.(HS đưa dẫn chứng)  - Với “Tức nước vỡ bờ” Ngô Tất Tố đã lên án bộ mặt tàn ác bất nhân của xã hội thực dân nửa phong kiến đương thời qua việc miêu tả lối hành xử của các nhân vật thuộc bộ máy chính quyền thực dân nửa phong kiến, đại diện cho giai cấp thống trị ( HS đưa dẫn về sự lên án tố cáo thái độ hống hách, táng tận lương tâm của nhà văn với tên cai lệ và người nhà lí trưởng)  **c. Nghệ thuật thể hiện tinh thần nhân văn nhân đạo trong hai tác phẩm***.*  - Với Nam Cao qua văn bản “Lão Hạc” bằng nghệ thuật kể chuyện đặc sắc: kết hợp tự sự, trữ tình lập luận thể hiện nhân vật qua chiều sâu tâm lí với diễn biến tâm trạng phức tạp cùng việc lựa chọn ngôi kể hợp lí, sử dụng ngôn ngữ hiệu quả, lối kể chuyện khách quan...  - Còn Ngô Tất Tố qua đoạn tiểu thuyết “Tức nước vỡ bờ” đầy kịch tính, lối kể chuyện, miêu tả nhân vật chân thực sinh động (từ ngoại hình ngôn ngữ, hành động tâm lí...)  Hai nhà văn tài năng, tâm huyết Nam Cao và Ngô Tất Tố đã thể hiện tinh thần nhân đạo theo cách của riêng mình như để khẳng định trong xã hội thực dân phong kiến dù bị đẩy đến bần cùng những người nông dân luôn giữ cho mình phẩm giá cao đẹp không thể bị hoen ố dù phải sống trong cảnh khốn cùng. Họ là những bông sen thơm chốn “bùn lầy nước đọng”  **3. Kết bài**  Ý kiến nhận định cho thấy tinh thần nhân đạo như sợi chỉ xuyên suốt trong sáng tác của những nhà văn có tài năng và tâm huyêt. Nó luôn chi phối các nhà văn cầm bút sáng tác để họ hướng ngòi bút của mình về con người, vì con người. Tinh thần nhân đạo trong các tác phẩm thơ ca chính là tiếng lòng của những nhà văn tài năng tâm huyết góp phần tạo nên sức mạnh của văn chương chân chính của“ Nghệ thuật vị nhân sinh”. ..... |  |

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**ĐỀ 7**

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |

**I. ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)**

*…Lãng phí thời gian là mất tuyệt đối. Mất tiền có thể kiếm lại được tiền, mất xe có thể sắm lại được xe nhưng mất thời gian thì chịu, đố ai có thể tìm lại được. Thời gian là một dòng chảy thẳng; không bao giờ dừng lại và cũng không bao giờ quay lui. Mọi cơ hội, nếu bỏ qua là mất. Tuổi trẻ mà không làm được gì cho đời, cho bản thân thì nó vẫn xồng xộc đến với tuổi già. Thời gian là một dòng chảy đều đặn, lạnh lùng, chẳng bao giờ chờ đợi sự chậm trễ. Hãy quý trọng thời gian, nhất là trong thời đại trí tuệ này, nền kinh tế trí thức đã và đang làm cho thời gian trở nên vô giá. Chưa đầy một giờ, công nghệ Nhật Bản đã có thể sản xuất một tấn thép; con tầu tốc hành của các nước phát triển trong vài giờ đã có thể vượt qua được vài ngàn kilômét. Mọi biểu hiện đủng đỉnh rềnh ràng đều trở nên lạc lõng trong xu thế hiện nay. Giải trí là cần thiết nhưng chơi bời quá mức, để thời gian trôi qua vô vị là có tội với đời, với tương lai đất nước…*

(**Phong cách sống của người đời** – nhà báo Trường Giang)

**Câu 1.** Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản.

**Câu 2.** Theo tác giả, vì sao lãng phí thời gian là mất tuyệt đối?

**Câu 3.** em hiểu như thế nào về ý kiến: *Mọi biểu hiện đủng đỉnh rềnh ràng đều trở nên lạc lõng trong xu thế toàn cầu hiện nay?*

**Câu 4.** Em có đồng tình với quan niệm: Giải trí là cần thiết nhưng chơi bời quá mức, để thời gian trôi qua vô vị là có tội với đời, với tương lai đất nước? Vì sao?

**II. LÀM VĂN (10 điểm)**

**Câu 1:(6đ) Thử thách lớn nhất của đời người là thành công rực rỡ (G.Welles)**

**Trình bày suy nghĩ về câu nói trên.**

**Câu 2: (10đ)Thiên hướng của người nghệ sĩ là đưa ánh sáng vào trái tim con người.**

(George Sand).Hãy làm sáng tỏ qua 1 tác phẩm trong chuong trình ngữ văn 8.

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

**I.ĐỌC HIỂU**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **Trả lời câu hỏi phần đọc hiểu** |  |
| 1 | Phương thức biểu đạt chính: Nghị luận |  |
| 2 | Theo tác giả, lãng phí thời gian là mất tuyệt đối vì: *Mất tiền có thể kiếm lại được tiền, mất xe có thể sắm lại được xe nhưng mất thời gian thì chịu, đố ai có thể tìm lại được.* |  |
| 3 | *Mọi biểu hiện đủng đỉnh rềnh ràng đều trở nên lạc lõng trong xu thế toàn cầu hiện nay* vì:  Trong thời đại trí tuệ này, nền kinh tế tri thức đã và đang làm cho thời gian trở nên vô giá. Nhịp sống rất hối hả, khẩn trương, các nước đang phát triển với tốc độ như vũ bão… |  |
| 4 | Học sinh trình bày quan điểm riêng và có những lí giải hợp lí, thuyết phục. Có thể theo hướng đồng tình với quan niệm: *Giải trí là cần thiết nhưng chơi bời quá mức, để thời gian trôi qua vô vị là có tội với đời, với tương lai đất nước.*  Vì:  - Thời gian vô cùng quan trọng, là quà tặng kì diệu của tạo hóa, không lặp lại.  - Thời gian là sẽ giúp ta làm lên những giá trị đích thực. Lãng phí thời gian sẽ dần rơi vào sự lạc lõng, chán nản – trở thành đời thừa…  - Đời người chỉ sống có một lần và duy nhất. Và cuộc sống là một cuộc “ *chạy”* tiếp sức của các thế lực. |  |

**PHÂN II.**

**Câu 1:**

Thử thách lớn nhất của đời người là thành công rực rỡ (G.Welles)  
Trình bày suy nghĩ về câu nói trên:  
Bài làm:  
Cuộc sống luôn đặt ra cho ta những thử thách, ai cũng từng biết hay được dạy rằng, bất cứ rào cản nào cũng cần bản lĩnh để vượt qua, chiến thắng chính bản thân mình để vượt qua khó khăn. Nhưng, đã có ai vượt qua sự thành công của mình? Đứng trước vinh quang cũng không mất phương hương? Nói tới điều này, ta nghe G Welles từng nói: “Thử thách lớn nhất của đời người là thành công rực rỡ”

Không phải ngẫu nhiên, mà G.Welles một nhà văn học người anh nổi tiếng, lại phải đưa ra một câu nói mang chiều sâu như vậy. Bằng khối óc của một nhà văn lớn, G Welles đã nhận ra một khía cạnh khác của chướng ngại vật nguy hiểm không kém trong cuộc sống mỗi người. Ta có thể dùng cách này hay cách khác để thành công, đạt được thứ mình khao khát, nhưng rồi, cái tôi của mỗi người có thể đủ bản lĩnh để vượt qua chính điều đó? Chính sự “thành công” ấy mà không bị gục ngã, mù quáng, mất phương hướng và bước đi sai lầm?

Câu nói của G Welles nghe qua có vẻ phi lí, vì thử thách nào lại là thử thách về thành công? Vì ta thường chỉ nghe thành công là một phần thưởng xứng đáng khi mình nỗ lực vượt qua những thử thách mà thôi. Nhưng không, suy nghĩ kĩ, ta mới thấy chính xác và đúng đắn. Trong câu nói, “thử thách” được nói theo nghĩa thực, đó là những khó khăn, cản trở do cuộc sống, công việc đặt ra trên con đường tìm kiếm thành công. Còn “những thành công rực rỡ” cũng chính là những thắng lợi vẻ vang, to lớn, mang lại lợi ích cho mình, và sự tự hào, kiêu hãnh. Nói chung, ý của cả câu, nhằm nhấn mạnh tới khía cạnh thành công suy cho cùng, cũng chính là một trở ngại, trở ngại này đòi hỏi con người phải có bản lĩnh, tỉnh táo nghị lực mới có thể vượt qua, sự thử thách này đôi khi còn nguy hiểm hơn nhiều lần, so với những gì mà ngoại cảnh đem lại.

Thành công cũng được xem như một trở ngại, vì thành công là thứ duy nhất dễ khiến con người ta tự mãn và tự cao với chính mình. Thành công đem đến cho ta những thứ ta ao ước và xứng đáng, nhưng cũng là con dao hai lưỡi nếu với ai không có sự khiêm tốn và một thái độ đúng đắn. Thành công dễ khiến ta ảo tưởng thái quá về khả năng của mình. Cũng là một trong những thứ sẽ triệt tiêu động lực phấn đấu của ta trên con đường tiếp theo. Như bạn học sinh cố gắng đạt điểm 10, vì mục tiêu chỉ vì điểm số, có thể về sau bạn ấy sẽ không còn cố gắng nữa… và cũng có những người luôn khiêm tốn về thành công của mình, như Hồ Chí Minh, vị lãnh tụ đáng kính của Việt Nam, dù là người góp công vô cùng lớn với hòa bình đất nước, nhưng Bác mãi vẫn giữ hình ảnh một vị chủ tịch giản dị, và không ngừng đặt ra cho mình những mục tiêu tiếp tục cố gắng cống hiến vì nước, vì dân…

Câu nói của G Welles rất hay, nói đúng bản chất của vấn đề. Đòi hỏi ta phải biết tự đánh giá, khiêm tốn học hỏi không ngừng, đừng choáng ngợp trước hào quang chiến thắng. Và qua đó cũng học cho mình một tâm thế bản lĩnh để vươn tới thành công. Phê phán những ai luôn tự cao, tự đại về bản thân mình, có thái độ chủ quan và kiêu ngạo.

Câu nói của ông giúp ta tỉnh táo hơn trước thành công của chính mình, giúp ta nhìn nhận lại hành vi của chính mình và rèn luyện mình ngày càng tốt hơn, để luôn chiến thắng chính mình

**Câu 2**

**Lập dàn ý chi tiết cho đề cầu trên**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 1 | Yêu cầu về kỹ năng:  Thí sinh biết cách làm bài nghị luận về một vấn đề văn học. Luận điểm rõ ràng, lô gíc; lập luận sắc sảo, thuyết phục. Văn giàu cảm xúc, hình ảnh; không mắc lỗi diễn đạt, dùng từ, chính tả…. |  |
| 2 | Yêu cầu về kiến thức:  Thí sinh có thể trình bày vấn đề theo những cách khác nhau, song bài viết phải làm nổi bật được các nội dung chính sau: |  |
| a | **a. Giải thích**  – Thiên hướng: là khuynh hướng thiên về những điều có tính chất tự nhiên. Thiên hướng của người nghệ sĩ: là khuynh hướng chủ đạo của người cầm bút.  – ánh sáng: gợi ra vẻ đẹp lung linh, kì diệu và có khả năng soi rọi, chiếu tỏ; đó là khả năng kì diệu trong việc tác động vào nhận thức, tư tưởng, tình cảm của con người.  – Thiên hướng của người nghệ sĩ là đưa ánh sáng vào trái tim con người: Nghĩa là người nghệ sĩ thông qua tác phẩm nghệ thuật được viết nên từ cái tài cái tâm của mình, đem đến cho bạn đọc những hiểu biết về thế giới xung quanh, giúp người đọc nhận thức sâu sắc về bản chất cuộc sống và con người, nhận ra những bài học quí giá về lẽ sống, thắp sáng trong trái tim con người những tư tưởng tình cảm đẹp đẽ nhân văn giúp con người sống tốt hơn, nhân văn hơn.  à Ý kiến đã đề cập đến thiên chức cao cả, sứ mệnh vinh quang nhất của nhà văn đó là nâng niu, trân trọng và hướng con người tới những điều tốt đẹp, đó cũng chính là chức năng của văn học đối với cuộc đời, con người. |  |
| b | **b. Bàn luận**  – Ý nghĩa tồn tại của văn chương thực chất là hướng con người tới cái đẹp, cái thiện, là đưa ánh sáng vào trái tim con người. Ánh sáng văn chương chính là vẻ đẹp của cảm xúc, tư tưởng, tình cảm của nhà văn chuyển hóa vào tác phẩm thông qua hình thức nghệ thuật độc đáo. Ánh sáng ấy có khả năng kì diệu, soi sáng nhận thức, thắp sáng niềm tin, giúp con người hiểu hơn về cuộc sống và con người, từ đó soi chiếu nhận thức về chính mình. Ánh sáng văn chương có tác dụng khơi dậy, bồi đắp những tình cảm đẹp đẽ trong tâm hồn con người, giúp con người sống đẹp đẽ, nhân văn hơn.  – Việc sáng tạo của nhà văn có khuynh hướng tư tưởng, luôn xuất phát từ nhu cầu giãi bày, thể hiện tâm tư, tình cảm vì thế nên nâng đỡ cho cái tốt không chỉ là thiên chức, là trách nhiệm mà còn là mong mỏi, nhu cầu của người cầm bút. Bằng cái tâm, tầm tư tưởng bén nhạy, người nghệ sĩ thấy được bản chất cuộc sống, khái quát thành những quy luật tâm lí, từ đó chuyển tải đến người đọc những thông điệp ý nghĩa về cuộc sống và con người. Để đưa ánh sáng vào trái tim con người, người nghệ sĩ còn ý thức phát huy cái tài trong cách sử dụng ngôn từ, sáng tạo hình ảnh, xây dựng hình tượng, tạo kết cấu tác phẩm … với sức truyền cảm cao nhất của hình thức nghệ thuật. Ánh sáng được đưa vào trái tim con người từ tác phẩm văn học chính là sự hòa quyện của cái tâm, cái tài của người nghệ sĩ trong hành trình sáng tạo nghệ thuật nhiều vui sướng mà cũng lắm khổ đau.  – Giá trị của một tác phẩm, sức sống lâu bền của tác phẩm trong lòng người đọc chính là ở ánh sáng mà người nghệ sĩ đưa vào trái tim con người. Chính vì vậy, người nghệ sĩ cần phải sống sâu với cuộc đời, có được tình cảm chân thành, mãnh liệt, nắm bắt và phản ánh được những vấn đề cuộc sống và con người, có tài năng và bền bỉ nghiêm túc luyện rèn ngòi bút để có thể đưa ánh sáng vào trái tim con người  hiệu quả nhất. Người đọc khi đến với tác phẩm vì thế cần có ý thức bồi đắp tâm hồn, biết khám phá, đón nhận thứ ánh sáng đặc biệt từ tác phẩm, lĩnh hội được những ý tình sâu sắc mà nhà vân gửi gắm để hiểu cuộc sống, hiểu con người, hiểu chính mình hơn, từ đó sống đẹp, sống nhân vân hơn. |  |
| c | **Đánh giá:**  – Ý kiến của George Sand đã khẳng định yếu tố cốt tử để người nghệ sĩ viết nên những tác phẩm giá trị, hoàn thành sứ mệnh cao cả của ngòi bút và khẳng định vị trí trên văn đàn, đó là đưa ánh sáng vào trái tim con người. Đây cũng là lời khẳng định ý nghĩa về chức năng, giá trị của văn học đối với con người.  –  Ý kiến của  George Sand là một định hướng cho người nghệ sĩ trong hành trình sáng tạo: hướng bạn đọc đến các giá trị Chân – Thiện – Mĩ. Phải nâng đỡ cái tốt, nhà văn mới mong góp phần mà bồi đắp tâm hồn người đọc mới vươn về, hướng tới níu giữ tình người cho con người.Và người đọc cũng nhờ ý kiến này mà có căn cứ để tiếp nhận và đánh giá chính xác hơn về giá trị của một tác phẩm văn chương. Để nhận ra thứ ánh sáng riêng từ tác phẩm, người đọc cần có ý thức bồi đắp tâm hồn, biến quá trình nhận thức thành quá trình tự nhận thức và hoàn thiện bản thân. |  |

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**ĐỀ 8.**

**KỲ THI HỌC SINH GIỎI MÔN VĂN 8**

**LỚP 8 CẤP HUYỆN NĂM HỌC**

*Thời gian: 150 phút (Không kể thời gian giao đề)*

**ĐỀ BÀI**

**Phần I: Đọc - hiểu** *(6.0 điểm):*

**Đọc phần trích sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:**

“Tuổi thiếu niên là tuổi của ước mơ và hoài bão.Nó gắn liền với khát vọng chinh phục thử thách và giải được mật mã cuộc đời. Khát vọng luôn xanh và cuộc sống luôn đẹp, nhưng trong một thời khắc nào đó, có thể nhiều bạn trẻ đã thấy cuộc đời như một mớ bòng bong của những điều bỡ ngỡ với bao trăn trở không dễ tỏ bày. Đi qua tuổi thơ, cuộc đời mở ra trước mắt bạn một hành trình dài, nhiều hoa hồng nhưng cũng không ít chông gai.Cuộc sống, với tất cả sự khắc nghiệt vốn có của nó sẽ khiến cho bước chân bạn nhiều lần rớm máu. Và những giọt máu đó, hoặc sẽ thấm xuống con đường bạn đang đi và lưu lại đó dấu son của một vị anh hùng, hoặc sẽ trở thành dấu chấm hết cho những khát vọng đoản mệnh của một kẻ nhụt tâm, chùn bước. Nhưng dù thế nào đi chăng nữa, bạn hãy nhớ rằng: để trưởng thành, những thử thách và thất bại bao giờ cũng là điều cần thiết”.

(Theo ***Hạt giống tâm hồn dành cho tuổi teen, tập 2***

NXB Tổng hợp TP HCM, 2012)

**Câu 1*.****(0.5 điểm):* Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn trích trên?

**Câu 2**.*(1.5 điểm):* Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ trong câu: “*Đi qua tuổi thơ, cuộc đời mở ra trước mắt bạn một hành trình dài, nhiều hoa hồng nhưng cũng không ít chông gai”.*

**Câu 3**. *(2.0 điểm):*Tại sao có thể nói:*“Cuộc sống, với tất cả sự khắc nghiệt vốn có của nó sẽ khiến cho bước chân bạn nhiều lần rớm máu”.*

**Câu 4**.*(2.0 điểm):*Thông điệp mà em rút ra từ câu nói: “*Và những giọt máu đó, hoặc sẽ thấm xuống con đường bạn đang đi và lưu lại đó dấu son của một vị anh hùng, hoặc sẽ trở thành dấu chấm hết cho những khát vọng đoản mệnh của một kẻ nhụt tâm, chùn bước”*?

**II. Phần II: Tập làm văn** *(14.0điểm)*

**Câu 1.***(4.0 điểm):*

Hãy viết một đoạn văn *(khoảng 200 chữ)* trình bày suy nghĩ của em về câu nói trong phần đọc - hiểu:*“Để trưởng thành, những thử thách và thất bại bao giờ cũng là điều cần thiết”.*

**Câu 2.***(10 điểm):*

Bàn về truyện ngắn, Nguyễn Minh Châu cho rằng: **“Dựng được một tình huống đặc sắc là vấn đề sống còn với người viết truyện ngắn”.**

Em hiểu ý kiến trên như thế nào? Hãy làm sáng tỏ qua truyện ngắn “Lão Hạc” của Nam Cao (Ngữ văn 8- tập 1), có liên hệ với truyện “Chiếc lá cuối cùng” của O Hen-ri(Ngữ văn 8- tập 1).

------------------Hết-------------------

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

**I. Hướng dẫn chung:**

- Giám khảo vận dụng hướng dẫn chấm chủ động, linh hoạt, tránh cứng nhắc, máy móc và phải biết cân nhắc trong từng trường hợp cụ thể để ngoài kiểm tra kiến thức cơ bản, giám khảo cần trân trọng những bài làm thể hiện được tố chất của một học sinh giỏi (kiến thức vững chắc, có năng lực cảm thụ văn học sâu sắc, tinh tế, kỹ năng làm bài tốt, diễn đạt có cảm xúc, có giọng điệu riêng...) đặc biệt khuyến khích những bài làm có sự sáng tạo, có phong cách riêng.

- Giám khảo cần đánh giá bài làm của học sinh một cách tổng thể ở từng câu và cả bài, không đếm ý cho cho điểm nhằm đánh giá bài làm của học sinh trên cả hai phương diện: kiến thức và kỹ năng.

- Hướng dẫn chấm thi chỉ nêu ý chính và thang điểm cơ bản, trên cơ sở đó, giám khảo có thể thống nhất để định ra ý chi tiết và thang điểm cụ thể hơn.

- Nếu thí sinh làm bài theo cách riêng nhưng đáp ứng được yêu cầu cơ bản, hợp lý, có sức thuyết phục, giám khảo căn cứ vào thực tế bài làm để cho điểm một cách chính xác, khoa học, khách quan, công bằng.

- Tổng điểm toàn bài là 20 điểm.

**II. Hướng dẫn cụ thể:**

| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| --- | --- | --- | --- |
| ĐỌC  HIỂU | 1  2  3  4 | PTB Đ Chính : Nghị luận | **0,5**  **0,5**  **1,0**  **2,0**  **2,0** |
| Câu văn: “ *Đi qua tuổi thơ, cuộc đời mở ra trước măt bạn một hành trình dài, nhiều hoa hông nhưng cũng không ít chông gai”.*  - Biện pháp tu từ : Ân dụ :“ Đi qua” ( sống , trải qua) ; “Hoa hồng” ( niềm vui, niềm hạnh phúc, thuận lợi ,thành công…); Chông gai: ( nỗi buồn, khó khăn, thất bại …)  -Tác dụng: Ẩn dụ giúp cho sự diễn đạt giàu hình ảnh, gợi cảm. Mượn hình ảnh cụ thể để diễn tả về giá trị cuộc đời: Để có được niềm vui , niềm hạnh phúc thành công trong tương lai, chúng ta phải trải qua, phải đối mặt với nhiều khó khăn thử thách… |
| -Có thể nói: *Cuộc sống, với tất cả sự khắc nghiệt vốn có của nó sẽ khiến cho bước chân bạn nhiều lần rớm máu.*  - Bởi vì: Cuộc sống luôn phong phú và đa dạng,vì vậy bản thân nó luôn chứa đựng những khó khăn ,thử thách . Vượt qua được những thử thách đó chúng ta phải chấp nhận đau đớn,thậm chí phải trả giá bằng nhiều thứ, không phải chỉ một lần mà là nhiều lần. Mỗi lần như thế sẽ giúp ta tường thành hơn trong cuộc đời.  - Điều quan trọng là mỗi người cần phải có dũng khí đề đương đầu với nghịch cảnh, khó khăn và biết đứng lên sau vấp ngã. |
| - Thể thức : viết đúng quy ước của đoạn văn  - Nội dung: HS có thể viết theo gợi ý sau:  + Khó khăn thử thách là môi trường để con người rèn luyện ý chí và nghị lực.  + Sự nỗ lực, cố gắng, sự trải nghiệm của bản thân mỗi người sẽ đem đến thành công, vinh quang cho bạn và ngược lại : nếu nhụt tâm, chùn bước bạn sẽ chỉ nhận thất bại… |
| TẬP LÀM VĂN | 1  (4 đ) | - Xác định đúng vấn đề nghị luận; Đảm bảo thể thức của một đoạn văn. Triển khai hợp lý nội dung đoạn văn: Vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng.  - Có thể viết đoạn văn theo hướng sau :  **1. Giải thích:**  **-** Thử thách là những yếu tố gây khó khăn, cản trở đến việc thực hiện một công việc , một kế hoạch, mục tiêu …nào đó buộc con người phải vượt qua.  - Thất bại là trạng thái không đáp ứng được mục tiêu, mong muốn hoặc dự định. Thất bại có thể để lại hậu quả không mong muốn, gây thiệt hại về vật chất và tinh thần từ nhỏ đến lớn.  => Trong cuộc sống , thử thách và thất bại luôn tồn tại như một quy luật tất yếu trong sự vận động và phát triển của mỗi cá nhân cũng như toàn xã hội :  **2. Bàn luận vấn đề:**  - Con người luôn phải đối diện với những thử thách, thất bạị trong cuộc sống, lao động , học tập và trong cả những mối quan hệ xã hội . Không có ai sống mà không phải đối diện với khó khăn, thử thách và không từng nếm trải một lần thất bại trong cuộc đời  - Những thử thách, thất bạị có thể do khách quan hoặc chủ quan đem lại, có thể hữu hình, cũng có thể vô hình. Thử thách và thất bạị có mặt ở khắp mọi măt đời sống, tồn tại dưới mọi hình thức  - Con người cần phải có những khó khăn, thử thách , thất bại để phát triển. Đây cũng là động lực đê con người phấn đấu vươn lên trong cuộc sống.Chỉ có dũng cảm đương đầu với thách thức, thất bại, mới có thể có cơ hội tồn tại ,phát triển và thành công.  ( dẫn chứng )  **3. Mở rộng:**  **-** Trong thực tế vẫntồn tại số ít những con ngườiđã đầu hàng trước thử thách (dù là thử thách nhỏ) và chấp nhận thất bại.Thậm chí còn ảnh hưởng xấu đến cộng đồng, xã hội.  **4. Bài học nhận thức và hành động.**  **-** Thử thách, thất bại luôn là môi trường để rèn luyện con người. tuổi trẻ cần học tập, rèn luyện để vượt qua thử thách, không run sợ trước thất bai để vươn lên. | **0,25**  **1,0**  **2,0**  **0,25**  **0,5** |
|  | 2  (10 đ) | *a. Đảm bảo cấu trúc của một bài văn nghị luận có đầy đủ 3 phần*: Mở bài, thân bài, kết bài. Mở bài giới thiệu về vấn đề nghị luận; Thân bài triển khai các luận điểm làm rõ được nhận định; Kết bài khái quát được nội dung nghị luận.  *b. Xác định đúng vấn đề nghị luận Triển khai vấn đề thành các luận điểm*, thể hiện sự cảm nhận sâu sắc và vận dụng các thao tác lập luận, có sự kết hợp giữa các lí lẽ và dẫn chứng.  \* Thí sinh có thể giải quyết vấn đề theo các hướng sau:  **1. Giải thích ý kiến: *“Dựng được một tình huống đặc sắc là vấn đề sống còn với người viết truyện ngắn”.***  - Tình huống truyện là sự kiện đặc biệt của đời sống được nhà văn xây dựng theo lối “lạ hóa” , là hoàn cảnh có vấn đề mà nhà văn đặt nhân vật vào để nhân vật được thử thách và bộc lộ tính cách , số phận…  - Vấn đề sống còn : là vấn đề có ý nghĩa quan trọng, cốt tử, quyết định nên sự thành công của truyện ngắn.  =>Đây là nhận định đúng đắn, sâu sắc, đặt ra yêu cầu tất yếu đối với một tác phẩm có giá trị và sức sống lâu dài. Giá trị và sức sống ấy chỉ có được khi tác phẩm có chất lượng nghệ thuật cao, đặc biệt là nghệ thuật xây dựng tình huống .  **2.Lí giải quan điểm của NMC:**  - Tại sao NMC lại cho rằng: ***“Dựng được một tình huống đặc sắc là vấn đề sống còn với người viết truyện ngắn”.***  **Vì :-** Tình huống truyện là sự việc xảy ra trong bối cảnh đặc biệt; tình huống là "thứ nước rửa ảnh diệu kì" mà nhờ đó nhân vật nổi hình, nổi sắc, tư tưởng và tài năng của nhà văn được bộc lộ một cách rõ nét;  - Xây dựng được một tình huống truyện độc đáo là vấn đề sống còn của truyện ngắn, là chiếc chìa khoá để có thể mở được cánh cửa đi vào khám phá giá trị của một tác phẩm văn chương.  -Điều này đòi hỏi nhà văn phải có tài năng khám phá , phát hiện những khía cạnh nghịch lý của đời sống , có vốn sống, sự trải nghiệm sâu sắc để sáng tạo được những tình huống truyện độc đáo, hấp dẫn.  **3.Chứng minh qua các tác phẩm: (7,5 đ)**  Thí sinh có thể triển khai theo nhiều cách, song cần bám sát định hướng của đề, cần đạt được những yêu cầu cơ bản sau:  **\* Truyện ngắn “ Lão Hạc” .**  a. Giới thiệu tác giả Nam Cao.  - Giới thiệu truyện ngắn LH, nêu ý kiến của MNC.  b. Chứng minh ý kiến:  - Truyện Lão Hạc của Nam Cao đã thực sự thành công khi nhà văn xây dựng được các tình huống có giá trị:  + Tình huống 1: Cuộc trò chuyện giữa ông giáo và lão Hạc về chuyện bán con chó Vàng :  - Phân tích, lí giải giá trị của tình huống ( có dẫn chứng cụ thể)  **\* Gợi ý :**  *Nam Cao xây dựng một tình huống truyện bình thường ( Ai nuôi chó mà chả giết thịt hay bán đi) nhưng làm nổi bật một nhân cách phi thường*  - Lão Hạc nhà nghèo, vợ chết ,con trai bỏ đi; sống tuổi già cô dơn côi cút, bệnh tật, lay lắt qua ngày…  - Lão nuôi con chó vàng để bầu bạn sớm tối ( cho nó ăn trong bát…, tắm cho nó, trò chuyện, tâm sự ,mắng yêu….)  - Nhiều lần lão nói chuyện : Sẽ bán cậu Vàng với ông giáo, vì lão “ không nuổi nổi”, vì “ Cả tôi và cậu Vàng ngày ăn hết ba hào gạo ….mà vẫn đói deo đói dắt…”  -Phải dứt ruột bán đi cậu Vàng, lão Hạc đau đớn, khổ tâm, dằn vặt, ân hận, tự trách móc bản thân: “ tôi già bằng ngần này tuổi còn đi lừa một con chó” …..  - Bán xong cậu Vàng, lão Hạc lấy tiền gửi ông giáo để lo hâụ sự cho mình. Từ đó lão sống vật vờ, qua ngày và rơi vào bế tắc cùng quẫn…  => Qua đó khái quát được ý: Lão Hạc, một người nông dân hiền lành, nhân hậu, tốt bụng , có lòng tự trong. Cuộc đời dù gặp nhiều đau khổ ,bất hạnh nhưng nhân cách vẫn cao đẹp, đáng nể phục. + Tình huống 2: Lão Hạc xin bả chó và cái chết đầy bất ngờ, dữ dội.  - Phân tích, lí giải giá trị của tình huống ( có dẫn chứng cụ thể)  **\* gợi ý:**  *Nam Cao xây dựng một tình huống truyện bất thường ( lão Hạc tự đánh bả chính mình ) nhưng làm nổi bật một khát vọng phi thường. (quan niệm sống tự trọng, đói cho sạch, rách cho thơm ở lão Hạc).*  - Lão Hạcnói dối Binh Tư xin bả để đánh bẫy con chó lạ , nhưng thực chất là lão “ đánh bẫy” chính mình. => Chi tiết lão Hạc xin Binh Tư ít bả chó đã khiến câu chuyện trở nên gay cấn, gợi sự tò mò cho người đọc và sự hiểu nhầm nơi ông giáo.  - Lão Hạc chết một cách bất thường : Vật vã, đau đớn, khổ sở  ( dẫn chứng ) suốt hai giờ đồng hồ rồi mới nhắm mắt.  - Cái chết dữ dội, tủi nhục nhưng là sự giải thoát cho lão Hạc và có giá trị tố cáo hiện thực xã hội sâu sắc.  => Qua đó khái quát được ý: Nhà văn Nam Cao đã đặt nhân vật vào những hoàn cảnh éo le nhằm giúp nhân vật tự bộc lộ tính cách bản thân. Cũng như làm nổi bật chủ đề của tác phẩm : Phản ánh hiện thực xã hội PK đen tối, bất công; Cảm thông sâu sắc với số phận bất hạnh của người nông dân trong xã hội cũ.  **\* Liên hệ với truyện ngắn : Chiếc lá cuối cùng**  - Nhà văn O Hen-ri đã rất khéo léo khi xây dựng nghệ thuật đảo ngược tình huống hai lần.  + Lần đảo ngược thứ nhất: Giôn-xi bị bệnh hiểm nghèo, cô tuyệt vong nằm chờ cái chết , bỗng khỏe lại, yêu đời và chiến thắng bệnh tật.  + Lần đảo ngược thứ hai: cụ Bơ-men từ môt người khỏe mạnh đến cuối truyện mắc bệnh và qua đời.  => Một con người đi từ sự sống đến cái chết, một con người người từ cái chết tìm lại sự sống.  \* HS : Lí giải giá trị của tình huống nêu trên trong việc làm nổi bật nhân vật và chủ đề tư tưởng của t/p (có dẫn chứng cụ thể ,phù hợp )  **5. Đánh giá nét sáng tạo riêng trong việc xây dựng tình huống truyện của cả hai tác giả:**  - Vốn sống,vốn trải nghiệm của mỗi nhà văn:  + Nam Cao am hiểu sâu sắc cuộc sống và tâm lí người nông dân , chọn được những tình huống độc đáo góp phần làm nổi bật số phận nhân vật và chủ đề tác phẩm.  + Ô - Hen ri cảm thông sâu sắc trước cảnh ngộ éo le của hai cô họa sĩ nghèo, Đặt nhân vật vào tình huống gay cấn , làm nổi bật cảnh ngộ, tính cách nhân vật và chủ đề của tác phẩm……..  **4. Bàn luận, khái quát vấn đề:**  Khẳng định giá trị, vẻ đẹp, sức sống của thể loại truyện ngắn.  - Truyện ngắn rất quan trọng tình huống. "Tình huống truyện như một lát cắt trên thân cây cổ thụ mà qua từng đường vân thớ gỗ, ta có thể thấy được trăm năm của một đời thảo mộc".  - Đối với người sáng tác: Phải có hiểu biết sâu sắc về đặc trưng thể loại , lao động nghệ thuật sáng tạo, đặc biệt chú trọng cách dựng tình huống truyện độc đáo để tác phẩm có ý nghĩa và sức sống lâu dài, vượt tầm thời đại.  - Đối với người đọc: trân trọng giá trị của những tác phẩm truyện ngắn ; Càm nhận vể truyện qua phân tích tình huống truyện là một con đường tiếp cận tác phẩm đúng đắn. | **0,5**  **1,0**  **1,0**  **5,0**  **1,5**  **0,5**  **0,5** |

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**Đề 9.**

**ĐỀ THI HSG MÔN NGỮ VĂN 8 HUYỆN**

**Thời gian: 150 phút**

**Câu 1: (2.0 điểm)**

Hai câu thơ dưới đây, tác giả đều sử dụng biện pháp so sánh:

- *Chiếc thuyền nhẹ hăng như con tuấn mã.*

- *Cánh buồm giương to như mảnh hồn làng*.

Em thấy hai cách so sánh trên có gì khác nhau? Mỗi cách có hiệu quả nghệ thuật riêng như thế nào?

**Câu 2: (3.0 điểm)**

Trình bày cảm nhận của em về khổ thơ sau *(bằng một đoạn văn ngắn*):

*Ông đồ vẫn ngồi đấy*

*Qua đường không aihay*

*Lá vàng rơi trêngiấy;*

*Ngoài giời mưa bụi bay.”*

(*Ông đồ, Vũ Đình Liên- Sách giáo khoa Ngữ văn 8-Tập II*)

**Câu 3: (5.0điểm)**

VàotrongphòngtriểnlãmởVườnQuốcgiaCúcPhương(huyệnNhoQuan,tỉnh Ninh Bình), em sẽ thấy trên tường có một ô cửa bằng gỗ gắn tấm biển ghi dòng chữ ***“Kẻ thù của rừng xanh”***, mở cánh cửa ra là một tấm gương soi chính hình ảnh của conngười.

Từ thông điệp trên, em hãy viết một bài văn nghị luận ngắn bàn về việc bảo vệ rừng hiện nay.

**Câu 4: (10,0 điểm)**

Có ý kiến cho rằng: “*Chị Dậu và Lão Hạc là những hình tượng tiêu biểu cho phẩm chất và số phận của người nông dân Việt Nam trước cách mạng tháng Tám.”*

Qua đoạn trích *Tức nước vỡ bờ* (Ngô Tất Tố) và *Lão Hạc* (Nam Cao) em hãy làm sáng tỏ nhận định trên.

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

**II. YÊU CẦU CỤ THỂ**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **Câu 1**  **(2 đ)** | **Tiếng Việt** | **2.0** |
| Hai câu thơ trên tác giả đều dùng biện pháp so sánh. Tuy nhiên mỗi  câu lại có hiệu quả nghệ thuật riêng: |  |
| - So sánh con thuyền ra khơi “ *hăng như con tuấn mã*” tức là con thuyền chạy nhanh như con ngựa đẹp và khỏe ( tuấn mã) đang phi, tác giả so sánh cái cụ thể, hữu hình này với cái cụ thể hữu hình khác. Sự so sánh này làm nổi bật vẻ đẹp, sự mạnh mẽ của con thuyền ra khơi. | **1.0** |
| - So sánh “*Cánh buồm với mảnh hồn làng*” tức là so sánh một vật cụ thể hữu hình, quen thuộc với một cái trừu tượng vô hình có ý nghĩa thiêng liêng. Cách so sánh này làm cho hình ảnh cánh buồm chẳng những trở nên cụ thể sống động mà còn có vẻ đẹp lớn lao, trang trọng, thiêng liêng. Cánh buồm no gió ra khơi trở thành biểu tượng rất phù hợp và đầy ý nghĩa của làng chài. | **1.0** |
| **Câu 2**  **(3.0 đ)** | **Cảm nhận về khổ thơ** | **3.0** |
| \* Về kỹ năng: HS viết đúng dạng một đoạn văn ngắn, lập luận chặt chẽ, lời văn trong sáng, không mắc lỗi chính tả. |  |
| **\***  Về kiến thức: Nêu được các ý sau: |  |
| - Giới thiệu vị trí và nội dung khổ thơ: Đoạn thơ trên trích trong bài thơ “*Ông đồ”* của Vũ Đình iên miêu tả tâm trạng ông đồ thời suy tàn. | **0.5** |
| **-** Thân đoạn  + Bằng các biện pháp nghệ thuật đối lập, tả cảnh ngụ tình để thể hiện niềm cảm thương trước hình ảnh ông đồ lạc lõng, trơ trọi “*vẫn ngồi đấy*” như bất động, lẻ loi và cô đơn khi người qua đường thờ ơ vô tình không ai nhận thấy hoặc đoái hoài tới sự tồn tại của ông. | **1.0** |
| + Qua hai câu thơ tả cảnh ngụ tình tuyệt bút, hiểu được nỗi buồn của con người thấm sâu vào cảnh vật. Hình ảnh “*lá vàng, mưa bụi*” giàu giá trị tạo hình vẽ nên một bức tranh xuân lặng lẽ, âm thầm, tàn tạ với gam màu nhạt nhòa, xám xịt. | **0.75** |
| - Khái quát lại khổ thơ  Khổ thơ cực tả cái cảnh thê lương của nghề viết và sự ám ảnh ngày tàn của nền nho học đồng thời thể hiện sự đồng cảm xót thương của nhà thơ trước số phận những nhà nho và một nền văn hóa bị lãng quên. | **0.75** |
| **Câu 3** | **Nghị luận xã hội** | **5.0** |
| \* ***Về kỹ năng***: Đảm bảo một bài văn nghị luận xã hội ngắn. Biết vận dụng phối  hợp nhiều thao tác, lập luận chặt chẽ, bố cục chặt chẽ có dẫn chứng thuyết phục  \* ***Về kiến thức***: Bài viết cần đảm bảo các ý sau: | **0.5** |
| **1. Mở bài: Dẫn dắt vấn đề:**  Từ lời giới thiệu hấp dẫn, người viết cần khẳng định “ *Kẻ thù của rừng xanh”*không ai khác chính là con người vì: con người kém hiểu biết,vô trách nhiệm đối với rừng hoặc do con người hámlợi,coi thường pháp luật màchặt phá rừng. Từ đó khẳng định dù trực tiếp hay gián tiếp con người chính là kẻthù trực tếp gây ra tội ác cho rừng xanh. | **0.5** |
| **2. Thân bài: Triển khai vấn đề**  ***2.1. Giải thích*** | **0.5** |
| ***2.2. Thực trạng rừng hiện nay ở nước ta***  Qua lời giới thiệu và tấm gương phản chiếu conn gười chúngta nhận ra đ ược bao nhiêu điều hệ lụy do nạn phá rừng gây nên.   * Diện tích rừng bị thu hẹp, cây cối bị chặt phá, muông thú bị sănbắn ngày càng bị cạn kiệt đến mức báo động.(có dẫn chứng và số liệu kèmtheo). * Môi trường bị tàn phá,lũlụ tthường xuyên bị đe dọa,khí hậu bị biến đổi đang hủy hoại môi trường và sự sống của chúng ta.(códẫn chứng cụthể). | **1.5** |
| ***2.3 Từthựctrạngtrênđềrađượcgiảiphápđểbảovệrừng-bảovệlá phổi xanh của Tráiđất.***   * Tích cực trồng cây gâyrừng. * Bên cạnh khai thác rừng có kế hoạch, cần phải trồng bổ sung,chăm sócrừng. * Tuyên truyền lợi ích, tác dụng của việc trồng cây gây rừng vàtác hại của việc chặt phá rừng bừabãi. * Nhà nước cần có chính sách khuyến khích nhân dân trồng và chăm sóc, bảo vệ rừng và có chế tài nghiêm khắc để ngăn chặn, trừng phạt những *“ kẻ thù của rừngxanh*”. | **1.5** |
| **3. Kết bài:**  Khẳng định sống hòa hợp với thiên nhiên là quy luật sống lành mạnh từ ngàn đời nay. | **0.5** |
| **Câu 4**  **(10.đ)** | **Nghị luận văn học** | **10.0** |
| * ***Về kỹ năng***: Đảm bảo một bài văn nghị luận văn học, có bố cục và lập luận chặt chẽ. Hệ thống luận điểm rõ ràng, có dẫn chứng linh hoạt, phù hợp. ời văn trong sáng, mạch lạc, ít lỗi chínhtả.   ***Về kiến thức*** : Cần đáp ứng được các ýsau | **0.5** |
| **4.1. Mở bài**  Dẫn dắt và nêu được vấn đề nghị luận: Chị Dậu và Lão Hạc là những hình tượng tiêu biểu cho phẩm chất và số phận của ngườinôngdânViệtNamtrướccáchmạngthángTám. | **0.5** |
| **4.2 Thân bài** | **8.5** |
| ***a. Chị Dậu và Lão Hạc là những hình tượng tiêu biểu cho phẩm chất tốt đẹp của những người nông dân Việt Nam trước cách mạng:*** | 4.0 |
| *\* Chị Dậu:* là một hình ảnh vừa gần gũi, vừa cao đẹp tượng trưng cho người phụ nữ nông thôn Việt nam thời kỳ trước cách mạng:   * Là một người phụ nữ giàu tình yêu thương chồng con(dẫnchứng) * Là người phụ nữ cứng cỏi,dũng cảm bảo vệ chồng.(dẫnchứng). | 2.0 |
| *\* Lão Hạc* là tiêu biểu cho phẩm chất của người nông dân:   * Là một lão nông chất phát, hiền lành, nhân hậu.(*dẫnchứng*) * Là một lão nông nghèo khổ giàu lòng tự trọng. có tình yêu thương con sâu sắc.(*dẫnchứng*) | 2.0 |
| ***b. Họ là những hình tượng tiêu biểu cho số phận đau khổ, bi thảm của người nông dân Việt nam trước cách mạng:*** | 3.0 |
| * *ChịDậu:*Sốphậnđiêuđứng,nghèokhổ,bịbóclộtđếntậnxương tủy, chồng ốm, có thể bị bắt, bịđánh... | **1.0** |
| * *Lão Hạc*: Số phận đau khổ, bi thảm: nhà nghèo, vợ mất sớm, con trai không cưới được vợ bỏ làng đi đồn điền cao su, lão sống thui thủi một mình cô đơn làm bạn với cậuVàng.   -> Tai họa dồn dập đổ xuống cuộc đời lão, phải bán cậu Vàng, sống trong đau khổ, cuối cùng chọn bả chó để tự tử- một cái chết vô cùng đau đớn và dữ dội. | **1.0**  **1.0** |
|  | ***c. Bức chân dung của chị Dậu và ão Hạc đã tô đậm giá trị hiện thực và nhân đạo của hai tác phẩm:***  Thể hiện cách nhìn vền gười nông dân của hai tác giả.Cả hai nhà văn đều có sự đồng cảm,xót thương đối với bi kịch của người nông dân; đau đớn phê phán xã hội bất công, tàn nhẫn. Chính xã hội ấy đã đẩy người nông dân vào hoàn cảnh bần cùng, bi kịch. Tuy vậy, mỗi nhà văn cũng có cách nhìn riêng:NgôTất Tố có thiên hướng nhìn người nông dân trên góc độ đấu tranh giai cấp còn Nam Cao chủ yếu đi sâu vào phản ánh sự thức tỉnh trong nhận thức về nhân cách một con người. | **1.5** |
|  | **4.3 Kết bài:** Khẳng định lại vấn đề.  \* **Lưu ý** : *GK căn cứ vào thực tế bài làm của HS để cho điểm phù hợp* | **0.5** |

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**Đề 10.**

**KỲ THI HỌC SINH GIỎI CÁC LỚP NĂM HỌC**

**ĐỀ THI MÔN: NGỮ VĂN LỚP 8**

***Thời gian: 150 phút (không kể thời gian giao đề)***

**Câu 1**. (3 điểm)

Tìm hai nhóm từ thuộc hai trường từ vựng có trong câu văn sau “*Dượng Hương Thư như một pho tượng đồng đúc, các bắp thịt cuồn cuộn, hai hàm rang cắn chặt, quai hàm bạnh ra, cặp mắt nảy lửa ghì trên ngọn sào giống như một hiệp sĩ của Trường Sơn oai linh, hùng vĩ*.”.

**Câu 2**. (7 điểm) Viết bài văn ngắn (không quá 40 dòng) làm sáng tỏ niềm khao khát tình mẹ và cảm giác vui sướng cực điểm của nhân vật bé Hồng ở trong lòng mẹ qua đoạn trích “Trong lòng mẹ” của Nguyên Hồng (SGK Ngữ văn 8, tập 1)

**Câu 3**. (10.0 điểm)

*Bàn tay cầm hoa đi tặng*

*Bàn tay đó sẽ thơm*

(*Dương Thuấn*)

Viết bài văn trình bày suy nghĩ của em về ý nghĩa của hai câu thơ trên.

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ THI HSG MÔN: NGỮ VĂN LỚP 8**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **Câu 1**. | Tìm hai nhóm từ thuộc hai trường từ vựng có trong câu văn sau  “*Dượng Hương Thư như một pho tượng đồng đúc, các bắp thịt cuồn cuộn, hai hàm răng cắn chặt, quai hàm bạnh ra, cặp mắt nảy lửa ghì trên ngọn sào giống như một hiệp sĩ của Trường Sơn oai linh, hùng vĩ*.”. | **3.0** |
| HS phát hiện đúng các trường từ vựng:  - Trường từ vựng về hành động:*cắn chặt, bạnh ra, nảy lửa* | **1.5** |
| *-* Trường từ vựng về bộ phận con người:*bắp thịt, hàm răng, quai hàm, cặp mắt* | **1.5** |
| **Câu 2** | Viết bài văn ngắn (không quá 40 dòng) làm sáng tỏ niềm khao khát tình mẹ và cảm giác vui sướng cực điểm của nhân vật bé Hồng ở trong lòng mẹ qua đoạn trích “Trong lòng mẹ” của Nguyên Hồng (SGK Ngữ văn 8, tập 1) | **7.0 điểm** |
| - Hình thức: Viết đúng hình thức đoạn văn theo yêu cầu. Đảm bảo độ dài đoạn văn theo yêu cầu. Lập luận chặt chẽ. Văn phong trong sáng, giàu cảm xúc, linh hoạt, sáng tạo. | **1** |
| Nội dung:  - Những cảm nhận sâu sắc, tinh tế, Niềm khao khát tình mẹ: Khi “thoáng thấy một bóng người ngồi trên xe kéo”, chú bé đã: gọi bối rối, thở hồng hộc, trán đẫm mồ hôi, ríu cả chân lại. Hàng loạt động từ đã cho thấy khao khát gặp mẹ mãnh liệt của Hồng. Nhưng do cuộc gặp gỡ quá sung sướng, bất ngờ nên Hồng nghĩ “mình đã lầm”. Nếu người quay lại đó không phải thì thật là một điều tủi cực, thất vọng lớn cho Hồng. “không khác nào người bộ hành sắp gục ngã giữa sa mạc mênh mông bắt gặp ảo ảnh của bóng râm và dòng suối...” Từ đây ta thấy được tâm trạng hồi hộp, niềm khát khao cháy bỏng mong được gặp mẹ của Hồng | **3** |
|  | - Cảm giác vui sướng cực điểm của nhân vật bé Hồng ở trong lòng mẹ:  + Khi biết đó chính là mẹ, cậu bé òa khóc nức nở. Đây là những giọt nước mắt bị dồn nén bấy lâu nay, là những giọt nước mắt hạnh phúc  Cậu nằm trong lòng mẹ và cảm nhận hơi ấm từ mẹ sang mình.  + Cảm nhận của Hồng thật gần gũi, thân quen lại vừa có gì đó mới mẻ, lạ lẫm: “vạt áo nâu”, “gương mặt tươi sáng với đôi mắt trong” vẫn thật ấm áp, quen thuộc. Nhưng từ hơi quần áo đến hơi thở của mẹ đều “thơm tho lạ thường”. Những cảm giác của tình mẫu tử bao lâu nay mất đi thì bỗng lại mơn man khắp da thịt: “để bàn tay người mẹ vuốt ve từ trán xuống cằm, và gãi rôm ở sống lưng cho, mới thấy người mẹ có một êm dịu vô cùng”. Lúc này chỉ còn tình mẹ con, tình mẫu tử thiêng liêng tồn tại còn bao nhiêu lời nói, ý nghĩ cay độc của bà cô đều tan biến hết thảy. | **3.0** |
| **Câu 3**. | *Bàn tay cầm hoa đi tặng*  *Bàn tay đó sẽ thơm*  (*Dương Thuấn*)  Viết bài văn trình bày suy nghĩ của em về ý nghĩa của hai câu thơ trên. | **10.0 điểm** |
|  | * ***Yêu cầu về kỹ năng***:   - Bài làm phải được tổ chức thành bài làm văn hoàn chỉnh.  - Biết vận dụng kiểu bài nghị luận để trình bày suy nghĩ của mình.  **-** Lập luận chặt chẽ. Hệ thống luận điểm rõ ràng, có dẫn chứnglinh hoạt, phù hợp lời văn trong sáng, mạch lạc, ít lỗi chínhtả. | **1** |
|  | * ***Yêu cầu về kiến thức***: Cần đáp ứng được các ýsau:   **a. Mở bài**: Dẫn dắt và nêu được vấn đề nghị luận:  - Thế giới mà chúng ta đang sống hôm nay đang cần lắm những bàn tay của con người sẵn sàng mở rộng lòng nhân ái. Hạnh phúc và niềm vui được sẻ chia thì hạnh phúc và niềm vui thì sẽ được nhân đôi.  - Con người khi trao đi yêu thương cho người khác, tức là họ cũng đã nhận lại yêu thương cho mình, và con người đó luôn có được những điều tốt đẹp cho bản thân và cho những người xung quanh. Có lẽ đó cũng chính là nội dung mà *Dương Thuấn* muốn gửi gắm:  *Bàn tay cầm hoa đi tặng*  *Bàn tay đó sẽ thơm.* | **0,5** |
|  | b.**Thânbài**:  - Giải thích được:  + Hoa: nó là biểu tượng cho cái đẹp, tình yêu và hạnh phúc từ bao đời nay.  + Tặng: đó là hành động mà con người trao cho con người một điều gì đó.  + Thơm: luôn lưu giữ được mùi hương, cái đẹp, tình yêu thương, sự thanh thản, niềm vui cho bản thân mình.  🡪 nghĩa đen: Một con người khi tặng ai một bông hoa - đại diện cho cái đẹp, trên tay mình cho người khác thì luôn đem lại cho bản thân mình mùi hương thơm của chính bông hoa đó. Hương thơm đó khi cho đi rồi thì sẽ không hề bị mất đi mà vẫn sẽ được lưu giữ lại, phảng phất mùi thơm bên cạnh người đã tặng hoa.  🡪 Nghĩa bóng: khi ta cho đi bất cứ điều gì ta đang có, thì ta cũng sẽ nhận lại được chính tình yêu thương mà ta đã cho đi. Trái tim luôn rộng mở với tất cả mọi thứ thì sẽ có thể thấy được sự thanh thản nơi tâm hồn mình. Khi cho đi, không phải là ta đã mất đi mà chính là "cho đi và luôn được nhận lại", cho đi tình yêu thương, sự quan tâm chia sẻ, và ta sẽ nhận lại niềm hạnh phúc cho bản thân. | **1** |
|  | - Ý nghĩa của câu nói đến mỗi người: giúp mỗi người nhận ra rằng mình sẽ nhận được nhiều hạnh phúc khi cho đi, và sẽ luôn vui khi trao đi tình yêu thương cho bất cứ một ai. | **1** |
|  | - Liên hệ bản thân và xã hội:  + Bạn đã bao giờ hành động như câu nói trên hay chưa? Và khi làm được thì tâm hồn bạn có thấy thanh thản không?  + Ngoài xã hội có những con người luôn mong muốn cống hiến cho xã hội, làm nhiều việc tốt, và họ luôn nhận lại cho mình niềm vui. (dẫn chứng)  \* Ca sĩ Ngọc Sơn, người từng bị cộng đồng mạng tẩy chay vì những hành động vui “thái quá” . Có ai ngờ được rằng đằng sau con người ấy lại là một trái tim giàu nghĩa, giàu tình. Anh là nhà từ thiện hàng đầu trong làng giải trí Việt: hàng tháng anh phát hàng tấn gạo cho người nghèo; hơn 10 năm qua, mỗi tháng anh ủng hộ cho quỹ trẻ em nghèo thành phố Hồ Chí Minh với số tiền là 20 triệu đồng; năm 2011 vừa qua, anh làm đơn xin hiến xác cho y học để các sinh viên nghành y có điều kiện học tập tốt hơn. Anh còn xuất hiện trong hầu hết các chương trình ca nhạc từ thiện gây quỹ cho người nghèo…  \* Cô sinh viên tên Thúy trong chương trình “Viết tiếp ước mơ của Thúy”. Dù bị bệnh ung thư giai đoạn cuối nhưng Thúy vẫn chiến đấu với bệnh tật để đem trái tim yêu đời của mình để kết nối với muôn triệu trái tim con người Việt Nam cùng nhau làm nên chương trình thiện nguyện: Vì trẻ em bị bệnh ung thư. Cũng như vậy, tôi lại nhớ đến câu chuyện về bạn Nguyễn Thúy Vy (Đà Nẵng), bị bệnh ung thư gan giai đoạn cuối nhưng Vy vẫn thi ĐH và sau kỳ thi ĐH năm 2010, Vy đã đến bệnh viên Đa khoa Đà Nẵng, tình nguyện hiến trái tim mình cho bệnh viện để kéo dài sự sống cho những người mắc chứng bệnh tim. Cùng đó là những anh chị sinh viên, học sinh, thanh niên tham gia phong trào Hiến máu nhân đạo. Một giọt máu hồng là một sự sống được tiếp nối, một giọt máu hồng là một tấm lòng ngan ngát hương thơm trao đi để kéo dài sự sống cho biết bao nhiêu người.  \* Văn học là tấm gương phản ánh cuộc sống. Câu chuyện trong Chiếc lá cuối cùng của O’ Henry thật cảm động; khi mà tình yêu thương được lên ngôi nơi một phố trọ nghèo, cái phố trọ ấy thật gần gũi bởi cuộc đời đã bước vào văn chương. Cụ Berhman hi sinh cả sự sống của mình để đem lại cho Giônxi niềm tin vào cuộc sống- đúng hơn là sự sống của chính cô. Cô gái ấy đã chiến thắng được cái chết và lại tiếp tục thực hiện những ước mơ của mình. Chính là nhờ từ “đóa hồng” của cụ Berhman. Điều kỳ diệu ấy đã khiến cho sự ra đi của cụ mới nhẹ nhàng, thanh thản vô cùng. Ông họa sĩ già ra đi trong sự mãn nguyện bởi tình cảm yêu thương, lòng biết ơn của Giônxi và Xiu dành cho cụ mãi là đoá hồng ngát hương giữa đời. Anh thanh niên không tuổi không tên trong lặng lẽ Sa Pa mãi là một khúc nhạc của lòng hi sinh và sự hiến dâng cho đời. Họ mãi mãi là những con người ban phát hoa cho những ai đang cần ban tặng. | **4** |
|  | **- Bài học nhận thức và hành động.**  + Câu nói là lời nhắc nhở, cảnh tỉnh cho con người về một quan niệm nhân sinh. Hãy trao tặng tất cả những gì bạn có, đừng chần chừ hay e ngại bởi những gì bạn nhận được còn nhiều hơn thế nữa.  + Một điều đáng buồn là không phải ai cũng hiểu được ý nghĩa của yêu thương. Nhiều bạn trẻ suốt ngày không lo học tập mà chỉ biết chơi bời, học đòi lối sống thời thượng. Họ ăn chơi sa đọa, tiêu tiền như nước vào các trò chơi vô bổ như: quán Bar, vũ trường, đua xe… để từ đó, tương lai và tuổi trẻ của họ cũng tuột xuống dưới con dốc của cuộc đời. Thói ăn chơi ấy là căn nguyên của Bệnh vô cảm đang lấn áp và có nguy cơ biến con người thành tộc ác. Đúng như một hiền triết phương Tây đã từng nói “Nơi lạnh lẽo nhất không phải là Bắc cực mà là nơi thiếu tình thương của con người”. Vậy tại sao chúng ta không góp phần đem yêu thương để đẩy lùi sự vô cảm ấy? | **2** |
|  | **3. Kết bài:**  - Khẳng định lại vấn đề và mở rộng.  Cuộc sống đã ban tặng cho ta bao điều kỳ diệu. Vì vậy mà bản thân chúng ta cần luôn tâm niệm rằng: cuộc sống là sự sẻ chia và yêu thương. Nếu như chúng ta ai cũng sẻ chia, yêu thương thì thế giới này sẽ không còn khổ đau và bất hạnh mà chỉ toàn là hạnh phúc và niềm vui.  *Xin gửi lại bạn đời yêu quý nhất*  *Còn mấy vần thơ một nắm tro*  *Thơ gửi bạn đường tro bón đất*  *Sống là cho, chết cũng là cho*  *(Tố Hữu)* | **0,5** |

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**Đề 11**

**KÌ THI HỌC SINH GIỎI LỚP 8**

**Môn thi : NGỮ VĂN**

Thời gian : 150 phút (*không kể giao đề*)

**ĐỀ BÀI**

**Câu 1: (1.0 điểm)**

Cho câu ghép: *“Tôi nói mãi nhưng nó không nghe tôi nên nó thi trượt”.*

1. Xác định các cụm C-V trong câu ghép trên.
2. Phân tích mối quan hệ giữa các vế trong câu ghép đó.

**Câu 2: (2.0 điểm)**

Tế Hanh đã sử dụng biện pháp so sánh ở hai câu thơ:

“*Chiếc thuyền nhẹ hăng như con tuấn mã*”

và

*“Cánh buồm giương to như mảnh hồn làng”*

Theo em, hai cách so sánh trên có gì khác nhau? Mỗi cách có hiệu quả nghệ thuật riêng như thế nào?

**Câu 3: (2.0 điểm)**

Hơn 10 ngày trước, người hâm mộ bóng đá nức lòng với chiến thắng của đội tuyển U23 Việt Nam. Phát biểu chúc mừng đội tuyển, Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Thị Kim Ngân xúc động nhấn mạnh:

*“Các em làm nên điều kì diệu, làm rung động trái tim người dân Việt Nam từ miền xuôi tới miền ngược, từ thành thị tới nông thôn”.*

Theo em, *điều kì diệu* ấy là gì?

*(Bài viết không quá 1,5 trang giấy thi)*

**Câu 4: (5.0 điểm)**

Có nhận định rằng: “*Văn học của ta đi sâu vào đời sống xã hội để ca ngợi tình yêu thương giữa con người với con người qua nhiều mối quan hệ, làm cho người đọc như chính họ đang sống trong tác phẩm”.*

Bằng những hiểu biết về các văn bản truyện đã học ở chương trình Ngữ văn lớp 8, em hãy làm sáng tỏ nhận định trên.

HẾT

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **Câu 1a** | Hs xác định đủ 3 kết cấu C-V.  *(1)Tôi nói mãi*  *(2)nó không nghe tôi*  *(3) nên nó thi trượt.*  Xác định sai hoặc không đầy đủ | *0,5đ*  0đ |
| **1b** | Phân tích được các mối quan hệ: Có 2 loại quan hệ trong câu ghép đó:  -Vế (1) và (2) có quan hệ tương phản.  -Vế (2) và (3) có quan hệ nguyên nhân, kết quả. | 0,25đ  0,25đ |
|  | Hai câu thơ trên tác giả đều dùng biện pháp so sánh. Tuy nhiện mỗi câu lại có hiệu quả nghệ thuật riêng: | 0,25đ |
| **Câu 2** | - So sánh con thuyền ra khơi *“hăng như con tuấn mã”* tức là con thuyền chạy nhanh như con ngựa đẹp và khỏe ( tuấn mã) đang phi, tác giả so sánh cái cụ thể, hữu hình này với cái cụ thể hữu hình khác. Sự so sánh này làm nổi bật vẻ đẹp, sự mạnh mẽ của con thuyền ra khơi. | 0,75đ |
|  | - So sánh *“Cánh buồm” với “ mảnh hồn làng”* tức là so sánh một vật cụ thể, hữu hình, quen thuộc với một cái trừu tượng vô hình có ý nghĩa thiêng liêng. Cách so sánh này làm cho hình ảnh cánh buồm chẳng những trở nên cụ thể, sống động mà còn có vẻ đẹp lớn lao, trang trọng, thiêng liêng. | 0,75đ |
|  | Cánh buồm no gió ra khơi trở thành biểu tượng rất phù hợp và đầy ý nghĩa của làng chài. | 0,25đ |
| **Câu 3** | Yêu cầu về kĩ năng: Hs biết kĩ năng làm một bài viết nghị luận giải thích về một luận điểm mang tính xã hội.  HS làm bài theo hướng sau:  -Hs thể hiện cảm xúc hòa nhịp với niềm vui chung của dân tộc khi đội U23 Việt Nam vào vòng chung kết và chơi Fair play.  -Hs cảm nhận điều kì diệu theo suy nghĩ cá nhân, có thể là:  + Các em dã thể hiện trên sân cỏ, lần lượt vượt qua đối thủ lớn với ý chí kiên cường, với hơn 100% khả năng để giành chiến thắng. Bản lĩnh và tinh thần đó làm sống lại niềm tin và tình yêu bóng đá của nhiều người.  + Ý chí của nhiều tuyển thủ vượt qua khó khăn trong cuộc sống, khổ luyện để có thành công; Ý chí vượt qua hoàn cảnh của dân Việt Nam lại được khẳng định thêm lần nữa để vươn đến chiến thắng.  + Chưa bao giờ người Việt Nam đoàn kết, thương yêu, gắn kết và được truyền cảm hứng to lớn như trước, trong và sau trận đấu.  + Người dân Việt Nam đến “phát cuồng” vì đội tuyển và có lẽ sẽ bắt đầu yêu bóng đá và yêu đến suốt đời.  Sức lan tỏa kì diệu của bóng đá, thôi thúc hơn nữa tinh thần đoàn kết mãnh liệt, cùng với đó là niềm tin, niềm tự hào mang tên U23Việt Nam.  Kết quả vừa qua cho thấy dân tộc Việt Nam có thể làm được nhiều diều to lớn hơn nữa trong nhiều lĩnh vực, là động lực tinh thần cho người dân Việt Nam, nhất là lớp trẻ phấn đấu làm nên thành tựu cho đất nước.  *Tùy vào khả năng trình bày cảm nhận của hs mà giáo viên có thể định điểm bài biết cho học sinh theo khung điểm của câu.* | 2,0đ |
| **Câu 4** | **1.Yêu cầu cần đạt:**  a. Thể loại: Sử dụng thao tác lập luận chứng minh. Hs cần thực hiện tốt các kĩ năng làm văn nghị luận đã được học ở lớp 7 và lớp 8: dựng đoạn, nêu và phân tích dẫn chứng, vận dụng kết hợp đưa các yếu tố miêu tả, tự sự và biểu cảm vào bài văn nghị luận.  b. Nội dung:  -Văn học của ta luôn đề cao tình yêu thương giữa người với người ở nhiều mối quan hệ.  -Người đọc tác phẩm cảm nhận được các mối quan hệ đó gần gũi, như chính họ sống trong tác phẩm.  ->Hs cần nắm vững nội dung, ý nghĩa và tìm dẫn chứng phù hợp với nội dung vấn đề cần giải quyết.  -> Hệ thống các dẫn chứng tìm được sắp xếp theo từng phạm vi nội dung, tránh lan man, trùng lặp.  ->Dẫn chứng lấy trong các văn bản truyện đã học trong chương trình Ngữ văn 8, chủ yếu là phần văn học hiện thực.  c. Về hình thức: Bài viết có bố cục chặt chẽ, đủ ba phần; dẫn chứng chính xác; văn viết trong sáng, có cảm xúc; không mắc lỗi chính tả và lỗi diễn đạt; trình bày sạch sẽ, chữ viết rõ ràng. |  |
|  | **2.Định hướng Dàn ý:**  a. Mở bài:  -Có thể nêu mục đích của văn chương (văn chương hướng người đọc đến với sự hiểu biết và tình yêu thương).  -Giới thiệu vấn đề cần giải quyết. | 0,5đ |
|  | b. Thân bài:  Tình yêu thương của người với người thể hiện qua nhiều mối quan hệ xã hội:   * Tình cảm láng giềng:   + Bà lão láng giềng với vợ chồng chị Dậu (*Tắt đèn*-Ngô Tất Tố).  + Ông giáo với lão Hạc (*Lão Hạc*-Nam Cao).   * Tình cảm gia đình:   + Tình cảm vợ chồng: Chị Dậu ân cần chăm sóc chồng chu đáo, quên mình để bảo vệ chồng (*Tắt đèn*-Ngô Tất Tố).  + Tình cảm cha mẹ và con cái:  \*Lão Hạc thương con (*Lão Hạc*-Nam Cao); Người mẹ âu yếm đưa con đến trường (*Tôi đi học*-Thanh Tịnh) –Hs cố gắng phát hiện được ý này.  \*Bé Hồng thông cảm, bênh vực, bảo vệ mẹ, cảm xúc mãnh liệt của Hồng khi được nằm trong lòng mẹ. (Trích *Trong lòng mẹ-*Nguyên Hồng)  \*Con trai lão Hạc thương cha (*Lão Hạc*-Nam Cao); Hs cố gắng phát hiện được ý này.  Bản chất của văn học là cuộc sống đi vào văn chương. Các cung bậc tình cảm đó luôn gần gũi với bao người. Vì vậy họ thấy mình như đang được sống trong chính các tác phẩm của nhà văn. | 1,0 đ  1,0 đ  1,0 đ  1,5đ  0,5đ |
|  | c.Kết bài: Nêu tác dụng của văn chương(khơi dậy tình cảm nhân ái cho con người để con người sống tốt đẹp hơn). | 0,5đ |

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**Đề 12.**

**ĐỀ THI HSG MÔN NGỮ VĂN 8**

**ĐÊ GIAO LƯU OLYMPIC**

**NĂM HỌC 2018 - 2019.**

**Thời gian: 120 phút**

**Câu 1** (4 điểm)

**CÁ CHÉP VÀ CON CUA**

Cá chép con dạo chơi trong hồ nước. Lúc đi ngang nhà cua, thấy cua đang nằm, vẻ mặt rất đau đớn, cá chép con bèn *bơi lại gần và hỏi:*

*– Bạn cua ơi, bạn làm sao thế?*  
*Cua trả lời:*

*– Tớ đang lột xác bạn à..*

*– Ôi, chắc là bạn đau lắm. Nhưng tại sao bạn lại phải làm như thế?*

*– Họ hàng nhà tớ ai cũng phải lột xác thì mới lớn lên và trưởng thành được, dù rất đau đớn cá chép con ạ.*

*– À, bây giờ thì tớ đã hiểu.*

*(Những mẩu chuyện thiếu nhi chọn lọc, NXB Kim Đồng, 2009)*

*Suy nghĩ của em bài học rút ra từ câu chuyện trên.*  
**Câu 2** (6 điểm):

Có ý kiến cho rằng:

*Dù viết về những số phận, những cảnh đời khác nhau nhưng những trang viết của các nhà văn tài năng và tâm huyết vẫn luôn thấm đượm tinh thần nhân đạo sâu sắc.*

Qua văn bản “*Lão Hạc”* của Nam Cao và “*Chiếc lá cuối cùng”* của O Hen-ri, em hãy làm sáng tỏ nhận định trên.

------------------------------------Hết-----------------------------------

**HƯỚNG DẪN CHẤM HSG MÔN NGỮ VĂN**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Câu | Đáp án | Điểm |
| 1  (4 điểm) | **a. Về kĩ năng** |  |
| - Biết cách viết một bài văn nghị luận xã hội. | 0,25 |
| - Bố cục bài viết mạch lạc, lập luận chặc chẽ, lí lẽ thuyết phục; không mắc lỗi chính tả, diễn đạt… | 0,25 |
| **b. Về nội dung** |  |
| *Thí sinh có thể viết bài theo nhiều cách, dưới đây là những gợi ý định hướng chấm bài.* |  |
| **1. Mở bài:**  - Dẫn dắt và giới thiệu câu chuyện.  - Giới thiệu vấn đề nghị luận :Để đi đến thành công con người cần phải qua quá trình “lột xác” đau đớn. | 0,25 |
| **2. Thân bài:** |  |
| **1. Tóm tắt, phân tích ý nghĩa câu chuyện:**  + Câu chuyện nhấn mạnh đến cách thức mà cua con “lớn lên và trưởng thành” – đó là “lột xác”. “Lột xác” là trút bỏ lớp vỏ cũ, hình thành và phát triển một lớp vỏ hoàn toàn mới, vừa vặn hơn với cơ thể. Mỗi lần lột xác là loài cua lại lớn hơn. Song quá trình “lột xác” lại rất đau đớn và thường gặp nguy hiểm nữa. Tuy nhiên, loài cua không thể lớn lên mà không lột xác. | 0,25 |
|  | + Điều quan trọng là cách chấp nhận rất tự nhiên của cua con với quá trình “lột xác” của họ hàng nhà mình, coi như đó là cách duy nhất để lớn lên và trưởng thành. | 0,25 |
| **2**. **Giải thích và chứng minh ý nghĩa câu chuyện**  Câu chuyện đã gợi cho ta bài học nhân sinh sâu sắc về quá trình lớn lên và trưởng thành của muôn loài và con người: muốn lớn lên và trưởng thành, muốn đạt đến thành công thì tất cả muôn loài và con người cần phải trải qua chông gai thử thách, qua những quá trình “lột xác” đau đớn. | 0,25 |
| – Cuộc đời con người là một hành trình dài, trong đó có những dấu mốc thành công không thể phai mờ, nó đánh dấu sự trưởng thành của mỗi chúng ta trên đường đời. Nhưng để đi đến những thành công ấy, con người đã phải qua quá trình “lột xác” đau đớn. Quá trình này là tự thân, không ai thay thế được chính bản thân ta. Do đó, để “lớn lên và trưởng thành”, con người phải tự thân vận động vượt qua khó khăn, thử thách, chông gai cũng như loài cua, cua con cũng phải tự “lột xác” mới lớn lên được. | 0,5 |
| – Thái độ chấp nhận thử thách, khó khăn như một điều tất yếu trong cuộc sống là thái độ cần thiết để con người có thể “lớn lên và trưởng thành” và đạt tới thành công. Vượt qua thử thách cũng là một cách để thể hiện bản lĩnh, ý chí, nghị lực sống của con người, khẳng định ý nghĩa sự sống của mỗi con người. | 0,5 |
| – Từ quá trình “lột xác” của cua con, câu chuyện cũng đưa ra một quy luật của sự sống: sự sống là một sự phát triển liên tục mà ở đó cái mới thay thế cái cũ là điều tất yếu. Con người cần nhận thức được quy luật của sự phát triển ấy để thích ứng và làm chủ bản thân trong những thử thách và chông gai trên đường đời. Mỗi cá nhân đều cần lột xác để trưởng thành, từ đó thúc đẩy sự phát triển đi lên của xã hội. \*(Lưu ý: Mỗi ý trên đều có phân tích dẫn chứng để làm sáng tỏ. Dẫn chứng phải tiêu biểu, toàn diện, xác đáng) | 0,5 |
| **3. Mở rộng vấn đề:** – Phê phán lối sống nhu nhược, sợ hãi, không dám đương đầu với thử thách và chông gai, giam mình trong vỏ ốc, cả đời không đạt đến thành công. – Phê phán lối sống ỷ lại, không tự thân vận động, ngại thay đổi, phụ thuộc vào người khác. **4. Bài học:** – Con người cần biết dũng cảm đương đầu với khó khăn, trong | 0,5  0,25 |
| phong ba bão táp, con người sẽ trưởng thành rất nhanh chóng và đạt đến những thành công trên đường đời. |  |
| **3. Kết bài:**  - Đánh giá ý nghĩa vấn đề nghị luận.  - Liên hệ bản thân**.** | 0,25 |
| **a. Yêu cầu chung:**  - Hiểu yêu cầu đề bài, nắm vững tác phẩm, biết phân tích theo định hướng, văn viết mạch lạc, có cảm xúc.  - Về hình thức: Trình bày ý rõ ràng. | 0,25 |
| 2  (6 điểm) | **b. Yêu cầu cụ thể:**  Trình tự, cách thức triển khai khác nhau, miễn là thí sinh có ý thức bán sát và làm sáng rõ định hướng sau: |  |
| **1. Mở bài:** Dẫn dắt, giới thiệu vấn đề nghị luận, trích dẫn ý kiến và giới hạn vấn đề. | 0,25 |
| **2. Thân bài:**  **- Giải thích ý kiến:**  + Tinh thần nhân đạo: Là nói đến mối quan hệ tốt đẹp giữa con người với con người, những gì vì con người, cho con người, cho những gì tốt đẹp của bản thân mỗi người. Thường thể hiện ở tiếng nói yêu thương, trân trọng con người, ca ngợi những vẻ đẹp của tình người và sự cảm thông với những số phận khổ đau bất hạnh đồng thời nên án phê phán, tố cáo cái xấu, cái ác, ngọn nguồn của những đau khổ, bất hạnh. | 0,25 |
| + Ý kiến muốn khẳng định: Trong sáng tác văn học, các trào lưu lãng mạn và hiện thực chủ nghĩa có cách thức và nội dung và phản ánh hiện thực khác nhau nhưng trên những trang viết các nhà văn tài năng đều thể hiện tinh thần nhân đạo sâu sắc … và được thể hiện rõ qua hai văn bản *“Lão Hạc”* của Nam Cao và *“Chiếc lá cuối cùng”* của O Hen-ri | 0,25 |
| **- Chứng minh:** | **4** |
| **+ Giới thiệu chung về 2 nhà văn cùng hai văn bản để thấy đây là hai nhà văn tài năng và tâm huyết và khẳng định với những cách khác nhau hai văn bản đều tỏa sáng tình thần nhân văn nhân đạo.**  -> Hai văn bản đều thấm đẫm tinh thần nhân đạo của những nhà văn tài năng và tâm huyết. Đó là tiếng nói đồng cảm của Nam Cao với nỗi khổ đau của người nông dân trong xã hội cũ, trân trọng ngợi ca vẻ đẹp của người nông dân và nên án tố cáo các thế lực tàn ác đẩu người nông dân vào bần cùng, khổ đau, bất hạnh…. Đó là sự đồng cảm, yêu thương nhau, hi sinh vì nhau của những con người nghèo khổ được O Hen-ri thể hiện đầy cảm động trong *“Chiếc lá cuối cùng”.*  **+ Phân tích, chứng minh tinh thần nhân đạo trong hai văn bản *“Lão Hạc”* và *“Chiếc lá cuối cùng”.*** | 0,75 |
| ***2.1. Thứ nhất tinh thần nhân đạo thể hiện tiếng nói cảm thông với những khổ đau bất hạnh của con người.***  **\* Truyện *“Lão Hạc”***  - Nam Cao cảm thương cho lão Hạc một lão nông dân nghèo khổ, bất hạnh, đáng thương sống trong thời kì thực dân phong kiến (HS đưa dẫn chúng về nỗi khổ về vật chất, nỗi khổ về tinh thần của lão Hạc).  - Cảm thông với tấm lòng của người cha rất mực thương con và luôn vun đắp dành dụm những gì có thể để con có cuộc sống hạnh phúc…  **\* Truyện *“Chiếc lá cuối cùng”***  - Hoàn cảnh và mối quan hệ của Xiu, Giôn-xi và cụ Bơ-men: Họ là những người nghệ sĩ, cống hiến nghệ thuật nhưng phải sống rất vất vả và chật chội, trong những gian buồng nhỏ bé, họ ăn uống rất thiếu thốn nhưng phải làm việc cật lực để kiếm tiền.  - Giôn-xi bị bệnh viêm phổi, rơi vào tuyệt vọng, đếm những chiếc lá thường xuân bám trên tường, chờ khi nào chiếc lá cuối cùng rụng xuống cô cũng lìa đời. | 1 |
| ***2.2. Tinh thần nhân đạo ấu còn được thể hiện qua lời ngợi ca trân trọng, tin tưởng những phẩm chất tốt đẹp của con người.***  - Với *“Lão Hạc”,* Nam Cao đã trân trọng ngợi ca lão Hạc là lão nông dân nghèo khổ nhưng có phẩm chất vô cùng cao đẹp: tấm lòng đôn hậu, trái tim giàu tình yêu thương, lối sống tự trọng (HS đưa dẫn chứng, phân tích làm rõ lời ngợi ca của tác giả với lão Hạc).  - Với *“Chiếc lá cuối cùng”*: Giá trị nhân đạo thể hiện ở tình cảm của Xiu, cụ Bơ-men dành cho Giôn-xi; Xiu đã không bỏ rơi bạn mà còn có cố gắng làm việc hết sức mình, kiếm tiền nuôi bản thân và chữa chạy cho Giôn-xi; Cụ Bơ-men tuy chỉ là người ở cùng nhà với hai nữ họa sĩ nhưng khi biết tin Giôn-xi mắc bệnh lại thêm tâm lí tuyệt vọng, cụ đã vẽ một bức tranh kiệt tác của cuộc đời mình. Bức tranh cụ vẽ là sản phẩm của lòng yêu thương sâu sắc, tình cảm chân thành xuất phát từ trái tim nhân đạo đầy tình người. | 1,25 |
| ***2.3. Tinh thần nhân đạo ấy thể hiện qua tiếng nói lên án phê phán cái xấu, cái ác, sự bất công ngọn nguồn của những khổ đau bất hạnh đối với con người.***  Văn bản *“Lão Hạc”* gián tiếp tố cáo xã hội phong kiến với hủ tục, với chính sách thuế khóa nặng nề khiến con trai lão Hạc vì nhà nghèo mà không lấy được vợ phải phẫn chí bỏ đi làm đồn điền cao su để lão Hạc phải sống trong cảnh tuổi già cô đơn không người chăm sóc (HS đưa dẫn chứng) | 1 |
| **- Đánh giá: Nghệ thuật va tinh thần nhân đạo qua hai tác phẩm**  + Với Nam Cao, qua văn bản *“Lão Hạc”* bằng nghệ thuật kể chuyện đặc sắc; kết hợp giữa tự sự và trữ tình; diễn biết tâm trạng qua chiều sâu tâm lí vô cùng phức tạp cùng việc lựa chọn ngôi kể hợp lí, sử dụng ngôn ngữ hiệu quả, lối kể chuyện khách quan.  + Với O Hen-ri, văn bản *“Chiếc lá cuối cùng”* đã xây dựng được nghệ thuật nổi bật đảo ngược tình huống hai lần:  ./ Người đọc thương cảm, lo lắng cho Giôn-xi khi thấy cái chết của nàng sắp cận kề. Nhưng kết thúc truyện, tình huống bỗng đảo ngược: Giôn-xi trở lại yêu đời, khỏe mạnh, ham sống, thoát khỏi cơn bệnh hiểm nghèo… làm cho Xiu và người đọc bất ngờ và nhẹ nhõm…  ./ Cụ Bơ-men đang khỏe mạnh, đến cuối truyện bỗng chết vì xưng phổi, lần này khiến cho người đọc một lần nữa bất ngờ, đầy cảm động.  => Hai nhà văn tài năng, tâm huyết Nam Cao và O Hen-ri đã thể hiện tinh thần nhân đạo theo cách của riêng mình như để khẳng định trong xã hội thực dân phong kiến bị tù đày đến bần cùng những người nông dân luôn giữ cho mình phẩm giá cao đẹp không thể bị hoen ố dù phải sống trong cảnh khốn cùng. Và đối với những người nghèo khổ, dù trong hoàn cảnh nào họ vẫn luôn yêu thương nhau và biết hi sinh vì nhau. | 0,75 |
| **3. Kết bài:**  Khái quát vấn đề nghị luận qua hai tác phẩm *“Lão Hạc”* của Nam Cao và *“Chiếc lá cuối cùng”* | 0,25 |

-----------------------------Hết--------------------------

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**ĐỀ 13.**

**ĐỀ THI HSG MÔN NGỮ VĂN**

**NĂM HỌC 2019 - 2020.**

**Thời gian: 150 phút**

**Câu 1 (4,0 điểm):**

Tìm và phân tích tác dụng của các biện pháp tu từ trong đoạn thơ sau:

"Chúng ta hãy bước nhẹ chân, nhẹ nữa

Trăng ơi trăng, hãy yên lặng cúi đầu

Suốt cuộc đời Bác có ngủ yên đâu

Nay Bác ngủ, chúng ta canh giấc ngủ"

(*"Chúng con canh giấc ngủ Bác, Bác Hồ ơi!"* - Hải Như).

**Câu 2: (6.0 điểm(**

Đọc câu chuyện sau và thực hiện yêu cầu bên dưới:

**CHIẾC BÌNH NỨT**

Hồi ấy có một người gánh nước mang hai chiếc bình ở hai đầu một cái đòn gánh trên vai. Một trong hai bình ấy bị vết nứt, còn bình kia thì tuyệt hảo, luôn mang về đầy một bình nước. Cuối đoạn đường dài, từ con suối về nhà, chiếc bình nứt lúc nào cũng chỉ còn một nửa bình nước. Suốt hai năm tròn, ngày nào cũng vậy, người gánh nước chỉ mang về có một bình rưỡi nước.

Dĩ nhiên, cái bình nguyên vẹn rất tự hào về thành tích của nó. Nó luôn hoàn thành tốt nhất nhiệm vụ mà nó được tạo ra. Còn tội nghiệp chiếc bình nứt, nó xấu hổ về khuyết điểm của mình, nó khổ sở vì chỉ hoàn tất được một nửa công việc mà nó phải làm. Trong hai năm nó phải chịu đựng cái mà nó cho là thất bại chua cay.

Một ngày nọ, chiếc bình nứt bèn lên tiếng với người gánh nước bên bờ suối: “Con thật là xấu hổ vì vết nứt bên hông làm rỉ mất nước suốt dọc đường đi về nhà bác”. Người gánh nước trả lời: “Con không để ý thấy chỉ có hoa mọc bên đường phía của con à?.

Đó là vì ta luôn biết khuyếm khuyết của con nên đã gieo hạt hoa dọc đường bên phía của con và mỗi ngày đi về con đã tưới nước cho chúng…. Hai năm nay, ta vẫn hái được nhiều hoa đẹp để trên bàn. Nếu mà con không phải là con như thế này, thì trong nhà đâu thường xuyên có hoa đẹp để thưởng thức như vậy”.

***Nêu ý nghĩa và bài học rút ra từ câu chuyện trên.***

**Câu 3 (10 điểm)**

Một trong những thành công của truyện kí đầu thế kỉ XX (1930 – 1945) là đã thể hiện sâu sắc, cảm động tình cảm gia đình ấm cúng, thiêng liêng, cao đẹp. Qua các văn bản “Tôi đi học” (Thanh Tịnh), “Trong lòng mẹ” (Trích “Những ngày thơ ấu” – Nguyên Hồng), “Tức nước vỡ bờ” (Trích “Tắt đèn” – Ngô Tất Tố), “Lão Hạc” (Nam Cao), em hãy làm sáng tỏ nội dung trên.

**……………..HẾT………………**

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung cần đạt** | **Điểm** |
| **I** | **Câu 1**  **4 điểm** | *- Phát hiện và giải thích các biện pháp nghệ thuật:*  + Nhân hóa: trăng được gọi như người *(trăng ơi trăng),* trăng cũng *"bước nhẹ chân", "yên lặng cúi đầu", "canh giấc ngủ"* | **0,5** |
| + Điệp ngữ: *"nhẹ", "trăng"*, thể hiện sự xúc động, tình cảm tha thiết của mọi người muốn giữ yên giấc ngủ cho Bác. | **0,5** |
| + Ẩn dụ: ***"ngủ"*** (trong câu thơ thứ tư), lòng thành kính đối với Bác. | **0,5** |
| ***- Cảm nhận về ý nghĩa:*** Mượn hình ảnh ánh trăng nhà thơ nói lên tình cảm yêu thương chan chứa đối với Bác Hồ, lời nhắn nhủ làm cho trăng trở nên gần gũi, sâu lắng. Trăng cũng như con người, cùng nhà thơ và dòng người vào lăng viếng Bác. Trăng là người bạn thuỷ chung suốt chặng đường dài bất tử của Người. Ca ngợi sự hi sinh quên mình của Bác. Đoạn thơ là cách nói rất độc đáo và giàu cảm xúc về tình cảm của nhà thơ và của nhân dân ta nói chung đối với Bác Hồ. | **2,5** |
| **Câu 2**  **6 điểm** | 1.Mở bài:  - Dẫn dắt vấn đề, nêu câu chuyện.  -Nêu vấn đề nghị luận.  Trong cuộc sống mỗi chúng ta đều có thể như chiếc bình nứt (Con người không hoàn hảo nhưng vẫn có thể tạo ra những điều tốt đẹp ý nghĩa.) | 0,75 |
| 2.Thân bài:  \* Ý nghĩa câu chuyện  Câu chuyện khẳng định: Cuộc sống của mỗi chúng ta đều có thể như chiếc bình nứt- chúng ta đều có thể là những con người không hoàn hảo nhưng vẫn tạo nên những giá trị tốt đẹp. | 0,75 |
| -Giải thích:  +Vết nứt của chiếc bình tượng trưng cho những khiếm khuyết, hạn chế, những gì không trọn vẹn của con người. 0,5 | 0,5 |
| +Những luống hoa là tượng trưng cho những giá trị, những đóng góp có ích cho đời mà do chính những con người không hoàn hảo tạo nên. | 0,5 |
| →Câu chuyện giúp cho những người khiếm khuyết có đủ sự tự tin, tránh tự ti mặc cảm, có niềm lạc quan và niềm tin vào cuộc sống. Đồng thời cũng giúp cho những người chưa nhận thấy những khiếm khuyết của bản thân có thể nhìn nhận lại chính mình. | 0,75 |
| **Bài học:**  + Nếu là những chiếc bình nứt thì hãy cứ tự tin, lạc quan miễn là trở thành những chiếc bình nứt không vô dụng. | 0,5 |
| + Hãy biết yêu những “vết nứt” của bản thân, vì chính những vết nứt ấy lại là những động lực để ta vươn tới những khát khao mơ ước. | 0,5 |
| +Nếu có thể hãy biến những những “vết nứt” đó trở nên lành nặn bằng cách kiên trì, quyết tâm, nỗ lực không ngừng. | 0,5 |
| +Không nên xa lánh, dè bỉu, khinh miệt những người có những “vết nứt”/ | 0,5 |
| 3.Kết bài:  -Khẳng định lại ý nghĩa của câu chuyện.  -Liên hệ bản thân | 0, 75. |
| **II** | **Câu 3**  **10 điểm** | Một trong những thành công của truyện kí đầu thế kỉ XX (1930 – 1945) là đã thể hiện sâu sắc, cảm động tình cảm gia đình ấm cúng, thiêng liêng, cao đẹp. Bằng các văn bản “Tôi đi học” (Thanh Tịnh), “Trong lòng mẹ” (Trích “Những ngày thơ ấu” – Nguyên Hồng), “Tức nước vỡ bờ” (Trích “Tắt đèn” – Ngô Tất Tố), “Lão Hạc” (Nam Cao), em hãy làm sáng tỏ nội dung trên. | **10** |
| 1.Mở bài  -Giới thiệu đề tài tình cảm gia đình  -Nêu phạm vi: qua các văn bản Tôi đi học” (Thanh Tịnh), “Trong lòng mẹ” (Trích “Những ngày thơ ấu” – Nguyên Hồng), “Tức nước vỡ bờ” (Trích “Tắt đèn” – Ngô Tất Tố), “Lão Hạc” (Nam Cao)  Khái quát: Tình cảm gia đình được thể hiện trong các tác phẩm trên: Tình mẫu tử, tình phụ tử, tình cảm vợ chồng. | 1 |
| **2. Thân bài** | **8** |
| a. Truyện kí đầu thế kỉ XX thể hiện sâu sắc, cảm động tình cảm gia đình ấm cúng, thiêng liêng, cao đẹp. (6 điểm) | **6** |
| ***\* Truyện “Tôi đi học”***  - Câu chuyện là dòng hồi tưởng lại kí ức về ngày đầu tiên tựu trường của nhân vật *tôi* – tác giả.  - Tình cảm gia đình trong văn bản được hiện lên qua sự quan tâm, chăm lo của những bậc phụ huynh cho con của mình trong ngày đầu tiên đến trường.  + Người mẹ của nhân vật *tôi* chuẩn bị chu đáo mọi đồ dùng cho con, “âu yếm dắt tay” con trên con đường làng đến trường, cùng con tham gia buổi tựu trường đầu tiên.  + Mẹ chia sẻ cùng con những lo lắng trước khi vào lớp, nhìn con bằng ánh nhìn trìu mến, đẩy con đến phía trước bằng “một bàn tay dịu dàng” như một sự động viên, khích lệ, rồi nhẹ nhàng vuốt mái tóc con âu yếm.  + Người mẹ là hình ảnh đại diện cho những phụ huynh quan tâm đến con cái, thế hệ trẻ. Họ đang làm trìn bổn phận, trách nhiệm của những người làm cha, làm mẹ đối với con cái để chúng có một tương lai tốt. Tất cả điều ấy được xuất phát từ tình mẫu tử thiêng liêng, tình cảm gia đình sâu nặng. | 1,5 |
|  |  |
| ***\* Văn bản “Trong lòng mẹ”***  - Là chương hồi kí ghi lại những buồn tủi trong tuổi thơ nhiều bất hạnh của chú bé Hồng.Tác giả đã đặt ra những tình huống đặc biệt để nhân vật chính bộc lộ tình cảm gia đình sâu sắc  - Trong cuộc trò chuyện với bà cô, Hồng đã bộc lộ sâu sắc tình yêu thương mẹ.  + Trước những lời lẽ cay độc của người cô, tâm trạng cậu bé thay đổi từ “cúi đầu không đáp”, rồi thấy lòng “thắt lại, khóe mắt cay cay”, “nước mắt chan hòa” và “cổ họng nghẹn ứ khóc không ra tiếng” (HS chỉ rõ dẫn chứng và phân tích).  + Cậu ước “giá những cổ tục đã đầy đọa mẹ tôi là một vật như hòn đá hay cục thủy tinh, đầu mẩu gỗ, tôi quyết vồ ngay lấy mà cắn, mà nhau, mà nghiến cho ki nát vụn mới thôi”.  - Cảnh hai mẹ con Hồng gặp nhau chính là những giây phút xúc động nhất về tình mẫu tử.  + Thoáng nhìn thấy bóng người giống mẹ, cậu bé vội đuổi theo và gọi “bối rối”, vừa đuổi theo chiếc xe, cậu vừa nghĩ: “Nếu người quay lại ấy là một người khác thì thật là một trò cười tức bụng cho lũ bạn tôi…giữa sa mạc”.  + Cậu bé hạnh phúc khi được ngồi trong lòng mẹ, cảm nhận hơi ấm của mẹ.  + Mẹ dỗ dành,an ủi cậu bé bằng những lời lẽ cảm động “Con nín đi! Mợ đã về với các con rồi mà”.  ***\* Văn bản “tức nước vỡ bờ”***  Tình cảm gia đình được thể hiện qua tình yêu thương chồng tha thiết của chị Dậu (HS chỉ rõ dẫn chứng và phân tích)  - Hoàn cảnh gia đình chị Dậu  - Chị Dậu chăm sóc chồng:  + Chị nấu cháo, múc cháo la liệt cho chóng nguội  + Mời chồng ăn bằng giọng ngọt ngào “Thầy em hãy cố ngồi dậy húp ít cháo cho đỡ xót ruột”  + Chị ngồi “chờ xem chồng chị ăn có ngon miệng hay không”.  - Chị Dậu bảo vệ chồng  + Chị cố nài nỉ, van xin bằng những lời lẽ thiết tha, chị gọi chúng bằng “ông”, xưng “cháu” nhún nhường.  + Chị “xám mặt” khi thấy cai lệ và người nhà lí trưởng định xông đến đánh trói anh Dậu.  + Chị sẵn sàng cự lại bằng lí lẽ và bằng hành động để bảo vệ chồng. | 1,5 |
| =>Tình yêu thương chồng đã tạo nên sức mạnh để chị chiến thắng mọi cường quyền, bạo lực. | 1,5 |
| ***\* Truyện ngắn “Lão Hạc”***  Văn bản thể hiện tình cảm cha con thiêng liêng, sâu nặng (HS lấy dẫn chứng và phân tích)   * Lão không lấy vợ khác, sống cảnh gà trống nuôi con. * Khi con trai lão không lấy được vợ vì nhà nghèo, lão thương con, chỉ dám khuyên bảo con nhẹ nhàng chứ không dám xẵng. * Lão đau đớn, xót xa khi con lão phẫn chí bỏ đi đồn * điền cao su. * Mọi việc làm, suy nghĩ của lão đều hướng đến con, lão chưa bao giờ hết hi vọng con lão sẽ trở về. * Lão chọn cái chết vì muốn bảo vệ mảnh vườn cho con. | 1,5 |
| b. Nghệ thuật (1 điểm)  - Thể loại: Văn học đầu thế kỉ XX sử dụng nhiều thể loại khác nhau: truyện kí, hồi kí, tiểu thuyết, truyện ngắn song đều thể hiện tình cảm gia đình sâu sắc  - Nghệ thuật miêu tả nhân vật qua lời nói, cử chỉ, hành động, tâm trạng để làm nổi bật đề tài tình cảm gia đình:  + “Tôi đi học”: là truyện ngắn giàu chất thơ, không có cốt truyện, tác phẩm không có nhiều xung đột, nhân vật không được đặt trong những tình huống bất ngờ, gay cấn; cả câu chuyện là dòng cảm nghĩ của nhân vật *tôi* trong ngày đầu tiên đến trường được diễn tả bằng nghệ thuật tự sự xen lẫn mêu tả và biểu cảm.  + “Trong lòng mẹ”: là đoạn trích thể hiện sâu sắc diễn biến tâm trạng nhân vật *tôi*  trong cuộc trò chuyện với bà cô, khi được gặp mẹ; từ đó làm nổi bật cảm xúc, tình cảm của nhân vật.  + “Tức nước vỡ bờ”: là đoạn trích thể hiện rõ tâm trạng nhân vật qua những cử chỉ, hành động, lời nói, đặc biệt trong văn bản, tình huống truyện được đẩy lên đỉnh điểm để bộc lộ tình yêu thương chồng tha thiết của chị Dậu.  + “Lão Hạc”: là truyện ngắn thành công khi miêu tả diễn biến tâm lí nhân vật lão Hạc để làm nổi bật tình thương con của lão.  c. Đánh giá (1 điểm)  - Dù đều viết về tình cảm gia đình nhưng mỗi nhà văn lại có cách khai thác đề tài riêng nhưng tất cả đều đọng lại trong lòng bạn đọc một tình cảm ấm cúng, thiêng liêng, cao đẹp. Chính sự khác nhau ấy đã tạo nên giá trị cho mỗi văn bản, làm phong phú hơn những trang văn đầu thế kỉ XX. | 1 |
| - Những văn bản ấy đã làm ấm lên trong lòng bạn đọc một tình cảm gia đình thiêng liêng. Chính tình cảm ấy đã trở thành ngọn lửa sưởi ấm chúng ta trong mọi hoàn cảnh khó khăn nhất. Đồng thời, qua những trang văn ấy, các nhà văn đã bồi đắp thêm tình cảm gia đình trong mỗi chúng ta, để chúng ta thấy yêu thương hơn những người thân bên mình và trân trọng hơn những tình cảm quý giá mà ta có được. | 1 |
| **3. Kết bài (1 điểm)**  - Tình cảm gia đình là một trong những nội dung lớn của văn học Việt Nam trong giai đoạn 1930 – 1945.  - Các văn bản: “Tôi đi học” (Thanh Tịnh), “Trong lòng mẹ” (Trích “Những ngày thơ ấu” – Nguyên Hồng), “Tức nước vỡ bờ” (Trích “Tắt đèn” – Ngô Tất Tố), “Lão Hạc” (Nam Cao) thể hiện sâu sắc và thấm thía tình cảm gia đình ở nhiều khía cạnh khác nhau.  - Bài học liên hệ: Qua những trang văn ấy, em rút ra bài học cho bản thân | 1 |

--------------------------------Hết---------------------------

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**ĐỀ 14.**

**ĐỀ THI HSG CẤP THÀNH PHỐ - MÔN NGỮ VĂN**

**LỚP 8 - NĂM HỌC**

Thời gian: 150 phút.

**ĐỀ BÀI**

**Câu 1( 8 điểm)**

Em hãy viết bài nghị luận với nhan đề: ***Giữ chữ tín***.

**Câu 2( 12 điểm)**

*“ Đối với những người ở quanh ta, nếu ta không cố tìm mà hiểu họ, thì ta chỉ thấy họ gàn dở, ngu ngốc, bần tiện, xấu xa, bỉ ổi…toàn những cớ để cho ta tàn nhẫn; không bao giờ ta thấy họ là những người đáng thương; không bao giờ ta thương*…”

( Trích “***Lão Hạc***” – Nam Cao, Ngữ văn 8, tập I)

Qua nhân vật mẹ bé Hồng ( “***Trong lòng mẹ” -*** Nguyên Hồng) và nhân vật ông giáo ( “***Lão Hạc” –*** Nam Cao), em hãy làm sáng tỏ quan điểm trên. Từ đó, em rút ra cho mình bài học gì về cách nhìn nhận, đánh giá con người trong cuộc sống ?

HẾT

**ĐÁP ÁN**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Câu | Nội dung | Điểm |
| 1 | ***I. Yêu cầu chung:***  ***-*** Câu này kiểm tra năng lực tạo lập văn bản NLXH của thí sinh; đòi hỏi thí sinh phải huy động những hiểu biết về đời sống xã hội, về kĩ năng viết bài văn nghị luận xã hội và khả năng bày tỏ thái độ, chủ kiến của bản thân để làm bài.  - Thí sinh có thể triển khai vấn đề, trình bày các ý, diễn đạt...bằng nhiều cách khác nhau nhưng bài viết phải có lí lẽ xác đáng, dẫn chứng phù hợp, lập luận phải chặt chẽ thuyết phục. Được bày tỏ chủ kiến nhưng thái độ phải nghiêm túc, phù hợp với chuẩn mực đạo đức xã hội và lí tưởng sống của người học sinh. |  |
| ***II. Yêu cầu về kiến thức:***  Đây là đề mở, vì vậy HS có thể trình bày những cách nghĩ khác nhau xung quanh vấn đề nghị luận, có thể có những cách lập luận khác nhau, nhưng về cơ bản phải hướng đến những ý sau: |  |
| **\* Điểm nội dung:**  *1. Giữ chữ tín* là coi trọng lòng tin của mọi người đối với mình, biết trọng lời hứa và biết tin tưởng nhau. | 1 điểm |
| *2. Phân tích đánh giá***:** nêu các lí lẽ và dẫn chứng để làm nổi bật các ý  - Nêu 1 số biểu hiện thường gặp trong cuộc sống( trong học tập, trong kinh doanh, trong giao tiếp ứng xử…): giữ đúng lời hứa, nói đúng sự thật, đúng hẹn, làm đúng cam kết, làm tròn trách nhiệm được giao… | 1.5đ |
| -Ý nghĩa : Người giữ chữ tín sẽ luôn thanh thản, vui vẻ, sẽ nhận được sự tín nhiệm tin cậy của người khác đối với mình, giúp mọi người đoàn kết và dễ dàng hợp tác với nhau…Giữ chữ tín làm cho xã hội tốt đẹp hơn, phát huy lối sống lành mạnh, giữ được nền tảng đạo đức xã hội. Giữ chữ tín cũng là chìa khóa mở cánh cửa dẫn đến thành công. | 1.5 đ |
| *3. Bàn bạc mở rộng*  - Người không giữ chữ tín sẽ bị mất lòng tin và đây cũng là một trong những nguyên nhân của sự thất bại.  - Phê phán những người thất hứa, thiếu trách nhiệm, phê phán những kẻ lợi dụng lòng tin của mọi người để làm điều xấu, …  - Phân biệt giữ chữ tín với những trường hợp mê tín, cuồng tín… hoặc là sự bảo thủ lạc hậu không chịu thay đổi quan niệm, tư duy tiếp thu cái mới để tiến bộ, phát triển.  **-** Rút ra bài học nhận thức và hành động. | 1.5 điểm |
| **\* Điểm hình thức:**  - Bài viết đủ bố cục 3 phần | 0.5 điểm |
| - Không mắc lôi diễn đạt, dùng từ, đặt câu…chữ viết trình bày sạch đẹp, rõ ràng… | 1 điểm |
| **\* Điểm sáng tạo:**  Biết cách lập luận thuyết phục, bài văn có cảm xúc, có dẫn chứng thực tế tiêu biểu và biết liên hệ bản thân, liên hệ với giới trẻ ngày nay. | 1 điểm |
| 2 | ***I. Yêu cầu chung:***  - Câu này kiểm tra năng lực tạo lập văn bản NLVH của học sinh; đòi hỏi học sinh phải huy động kiến thức về tác phẩm văn học, lí luận văn học, kĩ năng tạo lập văn bản nghị luận và khả năng cảm thụ văn chương của mình để làm bài.  - Học sinh có thể kiến giải, lựa chọn, cảm nhận và diễn đạt theo những cách khác nhau nhưng bài viết phải đưa ra được hệ thống lí lẽ, dẫn chứng hợp lí, lập luận thuyết phục, không mắc lỗi chính tả, dùng từ và ngữ pháp. |  |
| **\* Điểm nội dung**   1. *Dẫn dắt giới thiệu nhận định và vấn đề cần bàn.* | 1 điểm |
| 1. *Trình bày quan điểm về nhận định:*   - Đây là ý nghĩ của nhân vật ông giáo, là triết lí lẫn cảm xúc trữ tình xót xa của nhà văn Nam Cao. Với triết lí này nhà văn đã khẳng định một thái độ sống, một cách ứng xử mang tinh thần nhân đạo: cần phải quan sát suy nghĩ đầy đủ về những con người hàng ngày sống quanh mình, cần phải nhìn nhận họ bằng lòng đồng cảm bằng đôi mắt của tình thương để biết nâng niu trân trọng những điều đáng quý, đáng thương ở họ.  - Nam Cao đã nêu lên một phương pháp đúng đắn, sâu sắc khi đánh giá con người: Ta cần biết tự đặt mình vào cảnh ngộ cụ thể của họ thì mới có thể hiểu đúng, cảm thông đúng. | 1.0 đ  0.5 đ |
| 1. *Chứng minh*   Học sinh chọn một số dẫn chứng phân tích để làm rõ vấn đề  ***a. Mẹ bé Hồng***  - Mẹ bé Hồng: thông qua cái nhìn của bà cô (hiện thân của những cổ tục phong kiến lạc hậu) thì mẹ Hồng là người xấu xa, rách rưới, thảm hại, bỏ con cái và gia đình đi tha hương, chưa đoạn tang chồng đã chửa đẻ với người khác….Nếu chỉ nhìn nhận theo cách nhìn của bà cô thì bạn đọc cũng có thể chê trách mẹ Hồng là người phụ nữ xấu xa không đoan chính, không yêu thương con….  - Trong cảm nhận bằng tình yêu thương mẹ của Hồng: mẹ em vẫn đẹp, rất đáng được cảm thông, và đã mang đến cho em niềm hạnh phúc cực điểm của tình mẫu tử. Hồng rất thương yêu và tin cậy mẹ (dẫn chứng phân tích). | 2.5đ |
| ***b. Ông giáo***  - Có lúc cũng hiểu lầm lão Hạc.  - Ông là người trí thức, có kinh nghiệm sống lại có cái nhìn mang tinh thần nhân đạo nên ông đã tìm hiểu, suy ngẫm và phát hiện ra chiều sâu tâm hồn con người.  + Ông hiểu được đằng sau vẻ ngoài lẩm cẩm , gàn dở của lão Hạc là vẻ đẹp phẩm chất đáng quý đáng trọng: trong sạch, lương thiện, giàu lòng tự trọng, giàu đức hy sinh, giàu tình thương….  + Ông hiểu và cảm thông được với vợ: vì quá khổ mà thị trở nên lạnh lùng, tàn nhẫn, ích kỉ nên ông chỉ buồn chứ không nỡ giận.  (dẫn chứng phân tích). | 2.5đ |
| ***c. Đánh giá khái quát tài năng và tấm lòng của 2 tác giả***  - Nguyên Hồng thể hiện nhân vật qua dòng hồi kí thấm đẫm chất trữ tình.  - Nam Cao chọn điểm nhìn trần thuật là nhân vật ông giáo để thuận lợi trong việc gửi gắm những triết lí về cách nhìn nhận con người trong cuộc đời.  - Hai nhà văn đều thành công trong nghệ thuật miêu tả nội tâm nhân vật qua hành động và lời nói (đặc biệt là qua độc thoại nội tâm)…  - Hai nhà văn đã thể hiện tinh thần nhân đạo cao cả. | 1 điểm |
| 1. *Bài học liên hệ bản thân*   - Biết cách nhìn nhận đánh giá con người một cách toàn diện.  - Nhìn nhận đánh giá con người bằng cả trí tuệ và trái tim. | 1 điểm |
| **\* Điểm hình thức:**  - Bài viết đủ bố cục 3 phần | 0.5 điểm |
| - Không mắc lôi diễn đạt, dùng từ, đặt câu…chữ viết trình bày sạch đẹp, rõ ràng… | 1 điểm |
| **\* Điểm sáng tạo:**  Học sinh biết cách lập luận thuyết phục, bài văn có cảm xúc đặc biệt ở phần đánh giá tài năng, tấm lòng của nhà văn và phần sử dụng lí luận văn học, cảm nhận riêng, phần bài học liên hệ… | 1 điểm |

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**-----------Hết---------------------------------**

**ĐỀ 15: KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI CẤP HUYỆN**

**NĂM HỌC 2019-2020**

**MÔN THI: NGỮ VĂN**

**I. ĐỌC HIỂU (3.0 điểm)**

**Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:**

*Có những ngã ba nối những dòng sông lớn của   
 một đại châu, sóng dựng trùng trùng;   
Có những ngã ba nối những con đường dài chạy từ các thủ đô to   
Như những mạch máu khổng lồ   
Trên thân hình trái đất   
Trong đó mỗi con người là một hạt hồng cầu đỏ chói,   
Có những ngã ba là nơi gặp gỡ của những dòng   
 văn minh lớn, đông, tây, kim cổ....   
Tất cả những ngã ba trên, con có thể học biết   
 (trong sách địa dư, trên những bản đồ),   
Mai sau lớn lên con có thể đến thăm và chụp ảnh nữa...   
Xong rồi, con có thể quên   
Nhưng con ơi, con chớ có quên ngã ba Đồng Lộc.*

*Trong đời mỗi người cũng có những ngã ba đường quyết định,   
Trong đời mỗi dân tộc cũng có những ngã ba   
Những ngã ba vận mệnh   
Những cái nút trên dặm dài lịch sử   
Gặp những ngã ba đời, con sẽ nghĩ suy   
Và con ơi, muốn tìm đúng hướng đi   
Con sẽ nhớ đến ngã ba Đồng Lộc …*

(Trích *Ngã ba Đồng Lộc* – Huy Cận, NXB Chính trị Quốc gia, 2009)

**Câu 1.** Văn bản trên được viết theo thể thơ gì? Căn cứ vào đâu để xác định thể thơ đó?

**Câu 2.** Chỉ ra và phân tích giá trị nghệ thuật của các biện pháp tu từ trong đoạn thơ sau:

*Có những ngã ba nối những con đường dài chạy từ các thủ đô to   
Như những mạch máu khổng lồ   
Trên thân hình trái đất   
Trong đó mỗi con người là một hạt hồng cầu đỏ chói,*

**Câu 3.** Xác định nội dung chính của văn bản.

**Câu 4.** Anh/chị có đồng tình với lời khuyên của người cha trong hai câu thơ: *Và con ơi, muốn tìm đúng hướng đi - Con sẽ nhớ đến ngã ba Đồng Lộc*? Vì sao?

**II. LÀM VĂN (17.0 điểm)**

**Câu 1 (5.0 điểm)**

Viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về câu thơ được trích trong văn bản phần Đọc hiểu: *Trong đời mỗi người cũng có những ngã ba đường quyết định.*

**Câu 2: ( 12 điểm):**Tinh thần nhân đạo của Nam Cao, Oheri, qua tác phẩm …..

----------------- HẾT -----------------

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ THI HS GIỎI**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung cần đạt** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **3,0** |
| **1** | Thể thơ: Tự do  Căn cứ để xác định thể thơ: Số tiếng dài ngắn khác nhau. | 0,5 |
| - *Điểm 0,5:* Trả lời chính xác hai nội dung trên.  - *Điểm 0,25:* Trả lời đúng một trong hai nội dung.  - *Điểm 0:* Không trả lời hoặc trả lời sai hoàn toàn |  |
| **2** | Biện pháp tu từ: So sánh *như những mạch máu khổng lồ*, nhân hóa *thân hình trái đất*, ẩn dụ *hạt hồng cầu đỏ chói*.  Giá trị nghệ thuật: Cách diễn đạt sinh động, cho thấy vai trò, tầm quan trọng lớn lao của những ngã ba đường đối với sự lưu thông, nối liền giữa các nước trên trái đất. Qua đó bộc lộ niềm tự hào của tác giả. | 1,0 |
| - *Điểm 1,0:* Trả lời được 2 trên 3 biện pháp tu từ và tác dụng của các biện pháp tu từ đó.  - *Điểm 0,5 - 0,25:* Trả lời được 1 trên 3 biện pháp tu từ và phân tích chung chung tác dụng của biện pháp tu từ đó.  - *Điểm 0:* Không trả lời hoặc trả lời sai hoàn toàn |  |
| **3** | Nội dung chính của văn bản: Lời khuyên đối với con: Đừng quên ngã ba Đồng Lộc, đừng quên những người đã ngã xuống để bảo vệ đất nước. Đồng thời khẳng định vai trò to lớn của ngã ba Đồng Lộc đối với mỗi người và toàn dân tộc. | 0,5 |
| - *Điểm 0,5:* Trả lời đúng đáp án  - *Điểm 0,25:* Trả lời đúng một trong hai nội dung của đáp án.  - *Điểm 0:* Không trả lời hoặc trả lời sai hoàn toàn |  |
| **4** | Học sinh trình bày được suy nghĩ riêng của mình theo hướng đồng tình hoặc không đồng tình với lời khuyên của người cha:  - Nếu lập luận theo hướng đồng tình, học sinh cần nhấn mạnh:  Ngã ba Đồng Lộc là nơi gắn liền với sự hi sinh anh dũng của 10 cô gái trẻ. Con đường mà các cô đã chọn là lí tưởng sống cao đẹp của cả một dân tộc trong mọi thời đại. Vì thế nhớ về ngã ba Đồng Lộc cũng là củng cố và hun đúc cho bản thân lí tưởng sống cao đẹp, con đường đi đúng đắn vì lợi ích của bản thân và dân tộc.  - Nếu lập luận theo hướng không đồng tình, cần nhấn mạnh: Việc tìm đúng hướng đi từ những tấm gương ở hiện tại sẽ giúp chúng ta rút ra cho mình những kinh nghiệm bổ ích hơn và dễ dàng gặt hái được thành công trong cuộc sống.  - Nếu lập luận cả theo hướng vừa khẳng định vừa phủ định ý kiến thì cần kết hợp cả hai nội dung trên. | 1,0 |
| *- Điểm 1,0:* HS trình bày được suy nghĩ của mình; lập luận chặt chẽ, thuyết phục.  *- Điểm 0,75:* Cơ bản đáp ứng được các yêu cầu trên, song các ý triển khai còn chưa đầy đủ hoặc liên kết chưa thật chặt chẽ.  *- Điểm 0,5- 0,25:* Giải thích còn chung chung, chưa rõ ý.  *- Điểm 0:* Không trả lời hoặc trả lời sai hoàn toàn |  |
| **II** | **1** | **Trình bày suy nghĩ về câu thơ: Trong đời mỗi người cũng có những ngã ba đường quyết định.** | **5,0** |
| *a. Đảm bảo yêu cầu về hình thức đoạn văn* | 0,25 |
| *b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận:*Vai trò, ý nghĩa của sự lựa chọn đúng đắn hướng đi trước những bước ngoặc, ngã rẽ trong cuộc đời mỗi người. | 0,25 |
| *c. Triển khai vấn đề nghị luận*  Thí sinh lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận theo nhiều cách khác nhau nhưng phải đảm bảo các ý chính sau:  - Giải thích ý nghĩa câu thơ: Nhấn mạnh, khẳng định trong cuộc đời của mỗi con người luôn có những ngã rẽ quan trọng mà bản thân phải đưa ra sự lựa chọn đúng đắn.  - Bình luận:  + Trong cuộc đời của mỗi người không ai là không trải qua những ngã rẽ, những bước ngoặt quan trọng.  + Sự lựa chọn hướng đi đúng đắn trước những ngã rẽ của cuộc đời giúp chúng ta thành công trong cuộc sống.  + Phê phán những con người sống không có chủ kiến, không có mục đích sống cao đẹp.  - Bài học: Mỗi người cần sáng suốt, bản lĩnh trong lựa chọn hướng đi trước những ngã rẽ của cuộc đời, phải luôn học tập, rèn luyện để nâng cao trí tuệ và bản lĩnh của bản thân, đồng thời tham khảo ý kiến của những người đi trước để có sự lựa chọn đúng đắn. | 4 |
| *d. Chính tả, dùng từ, đặt câu* | 0,25 |
| *e. Sáng tạo* | 0,25 |
| **2** | Tinh thần nhân đạo của Nguyễn Dữ qua tác phẩm ***Chuyện người con gái Nam Xương*** | **12đ** |
| *a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận*  Trình bày đầy đủ các phần Mở bài, Thân bài, Kết luận. Phần Mở bài biết dẫn dắt hợp lí và nêu được vấn đề; phần Thân bài biết tổ chức thành nhiều đoạn văn liên kết chặt chẽ với nhau cùng làm sáng tỏ vấn đề; phần Kết bài khái quát được vấn đề và thể hiện được ấn tượng, cảm xúc sâu đậm của cá nhân. | 0,25 |
| *b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận:* | 0,25 |
| *c. Triển khai vấn đề nghị luận* |  |
| *\* Giới thiệu ngắn gọn về tác giả, tác phẩm* | 1 |
| *\* Cảm nhận giá trị nhân đạo trong tác phẩm:* Thí sinh có thể cảm nhận theo nhiều cách khác nhau nhưng đáp ứng các yêu cầu sau: | 8 |
| *- Về nội dung:* Phân tích làm rõ các vẻ đẹp của Vũ Nương  *.   Ngợi ca trân trọng vẻ đẹp truyền thống của người phụ nữ việt Nam ( qua nhân vật Vũ Nương):*  -        Nhan sắc, tư dung tốt đẹp  -        Hiền thục, đoan trang, đảm đang, tháo vát  -        Hiếu thảo, thủy chung, yêu chồng, thương con  -        Trọng danh dự, khao khát hạnh phúc gia đình, được sống trong sạch  -        Vị tha, bao dung, nặng tình với cuộc đời  *2.   Thể hiện niềm thương cảm sâu sắc đối với số phận oan nghiệt của người phụ nữ dưới chế độ phong kiến:)*  -        Hóa thân vào nỗi đau oan khuất của Vũ nương để cùng thổn thức xót xa với nỗi niềm của nhân vật  + Mô tả một cách cảm động nỗi niểm của vũ Nương khi xa chồng, phải gánh vác vất vả lo toan; để cho nhân vật được bộc bạch tâm tình ( 3 lời thoại).  + Đi vào lòng người đọc nỗi chua xót về số phận mỏng manh và bi thảm của người phụ nữ trong xã hội đầy rẫy bất công oan trái ( qua việc xây dựng chi tiết chiếc bóng quyết định số phận Vũ Nương)  -        Bày tỏ tình cảm thương yêu mến trọng dành cho nhân vật, muốn nhân vật được sống trong yêu thương và sự chở che tôn trọng ( xây dựng màn truyền kì cuối truyện)  *3.   Lên án, tố cáo xã hội phong kiến đã không đảm bảo quyền sống, quyền hạnh phúc cho con người; lên tiếng bảo vệ phẩm giá và danh dự của người phụ nữ: ( 2 đ)*  -        Chiến tranh phong kiến đã gián tiếp tước đoạt cuộc sống hạnh phúc của người phụ nữ  -        Tư tưởng nam quyền ( hiện thân là Trương Sinh độc đoán, vũ phu) đã đẩy người phụ nữ đến cái chết oan uổng, bi thảm. |  |
| *- Về nghệ thuật: Xây dựng chi tiết thắt , mở nút*  *- Chi tiết kì ảo*  *-Điển tích, ước lệ* | 1,0 |
| *\* Liên hệ với vẻ đẹp của người phụ nữ ngày nay* | 0,5 |
|  |  |
|  |  |

-----------------------------Hết--------------------------

***ĐỀ 16.***

|  |  |
| --- | --- |
|  | **ĐỀ THIHỌC SINH GIỎI**  **NĂM HỌC**  **MÔN THI: NGỮ VĂN 8.**  **Ngày thi:**  *Thời gian làm bài 150 phút, không kể thời gian giao đề* |

**Câu 1.** *(4.0 điểm)* : Đọc bài thơ sau và thực hiện các yêu cầu nêu ở dưới.

Nếu nhắm mắt trong vườn lộng gió

Sẽ được nghe nhiều tiếng chim hay

Tiếng lích rích chim sâu trong lá

Con chìa vôi vừa hót vừa bay.

Nếu nhắm mắt nghe bà kể chuyện

Sẽ được nhìn thấy các bà tiên

Thấy chú bé đi hài bảy dặm

Quả thị thơm cô Tấm rất hiền.

Nếu nhắm mắt nghĩ về cha mẹ

Đã nuôi em khôn lớn từng ngày

Tay bồng bế, sớm khuya vất vả

Mắt nhắm rồi, lại mở ra ngay.

(***Nói với em***- Vũ Quần Phương)

a. Nội dung của bài thơ nói với chúng ta điều gì?

b. Chỉ ra và phân tích hiệu quả diễn đạt của biện pháp tu từ được sử dụng trong bài thơ.

**Câu 2.** *(6.0 điểm)* Viết bài văn trình bày suy nghĩ của em về vấn đề được gợi ra từ khổ thơ cuối của bài thơ.

**Câu 3.** *(10.0 điểm)*

*Nhà văn phải là người gắng đi tìm những hạt ngọc ẩn giấu trong bề sâu tâm hồn của con người*. (Nguyễn Minh Châu)

Em hiểu ý kiến trên như thế nào? Hãy làm sáng tỏ qua một tác phẩm văn học trong chương trình ***Ngữ văn 8 tập 1.***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | | | **HƯỚNG DẪN CHẤM** |
| Câu 1 |  | NỘI DUNG | | | Điểm |
|  | a | - Nội dung của bài thơ là lời khuyên với mỗi chúng ta nếu nhắm mắt mà nghe, mà nghĩ rồi tưởng tượng, chúng ta có thể thấy, gặp được những điều tốt đẹp mà chúng ta cần, chúng ta hằng mơ ước, những điều rất gần gũi nhưng vô tình chúng ta đã bỏ qua. | | | 1.0 |
| b | - Bài thơ sử dụng phép điệp ngữ: “Nếu nhắm mắt”.  - Tác dụng: - Nhấn mạnh lời khuyên chân thành tha thiết của nhà thơ với mỗi con người để cảm nhận được và tưởng tưởng ra những điều thú vị và thiêng liêng trong cuộc sống.  - Tạo cho lời thơ một âm điệu nhịp nhàng, hấp dẫn. | | | 1,0  2,0 |
| Câu 2. |  |  | | | **(6,0 điểm)** |
| 1 | **Về kĩ năng** | | |  |
|  | - Biết cách viết một bài văn nghị luận xã hội.  - Ý tưởng sáng tạo, thể hiện được quan điểm, suy nghĩ của mình.  - Văn phong trong sáng, có cảm xúc; lập luận chặt chẽ, kết hợp tốt các phương thức biểu đạt trong hành văn. | | |  |
|  |  | | |  |
| 2 | **Về nội dung** | | |  |
|  | *Thí sinh có thể trình bày quan điểm của mình theo nhiều cách. Nhưng dù viết theo cách nào cũng phải làm rõ được vấn đề nghị luận.* | | |  |
|  | *Giới thiệu vấn đề nghị luận:*  Hãy nghĩ về những yêu thương chăm chút, những vất vả khó nhọc của cha mẹ khi nuôi dưỡng chúng ta khôn lớn từng ngày và sống sao cho xứng đáng với những tình cảm ấy.  2. *Bàn luận vấn đề*.  - Khẳng định tình yêu thương của cha mẹ với mỗi con người:  + Đó là tình cảm thiêng liêng cao cả, tình cảm ấy không chỉ nuôi dưỡng chúng ta trưởng thành mà còn là nguồn động lực to lớn giúp ta vượt qua mọi khó khăn trở ngại.  + Để nuôi dưỡng chúng ta nên người,cha mẹ đã phải chịu biết bao nỗi vất vả đắng cay.  - Mỗi chúng ta cần phải thấu hiểu, biết ơn cha mẹ, từ đó phải biết sống sao cho xứng đáng với những vất vả hi sinh mà cha mẹ đã dành cho mình.  3. *Phê phán những người con bất hiếu với cha mẹ.*  *4. Rút ra bài học cho bản thân*. | | | 1,0  3,0  1,0  1,0 |
| **Câu 3** |  |  | | | (10,0 điểm) |
|  | **1** | **Về kĩ năng** | | |  |
|  | - Biết cách viết một bài văn nghị luận văn học.  - Thể hiện năng lực cảm thụ văn học.  - Lập luận chặt chẽ, có cảm xúc, hành văn lưu loát, không mắc các lỗi chính tả, diễn đạt. | | |  |
| **2** | **Về kiến thức** | | |  |
|  | Thí sinh có thể trình bày bài viết theo nhiều cách nhưng về cơ bản, cần đảm bảo những yêu cầu sau:  *1. Giới thiệu vấn đề nghị luận.* | | | **1,0** |
|  |  | *2. Giải thích, bàn luận vấn đề:*  + “Người cầm bút có tâm”: Người có tấm lòng, có trái tim biết yêu thương, quý trọng con người. Thấu hiểu thế giới nội tâm của con người- của nhân vật.  *- Những hạt ngọc ẩn dấu trong bề sâu tâm hồn con người* – là nét đẹp khuất lấp, ẩn sâu trong tâm hồn con người mà ta mới nhìn không thể thấy được.  + Vẻ đẹp ấy là vẻ đẹp của một tình yêu thương gia đình, yêu thương chồng con.  + Đó là vẻ đẹp của một nhân cách sống, một khát khao sống, nghị lực sống cao đẹp.  - Những vẻ đẹp ấy trong văn học thường rất bình dị, thường bị khuất lấp đi sau những cuộc đời, những số phận, những hoàn cảnh bất hạnh. Nhiêm vụ của nhà văn là phải phát hiện, khám phá ra điều đó để nó luôn đẹp đẽ, sang trong như những hạt ngọc. | | | **3,0** |
|  | *3. Chứng minh qua tác phẩm* *bất kì trong chương trình.****.*** | | | **6,0** |

|  |  |
| --- | --- |
| ***Đề 17 .*** | **KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI CẤP HUYỆN**  **NĂM HỌC 2019-2020**  **MÔN THI: NGỮ VĂN 8**  *Thời gian làm bài 150 phút, không kể thời gian giao đề* |

**Câu 1.** *(4.0 điểm)*:

Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:

*Một nữ sinh khi bị lộ đoạn phim chứa những hình ảnh nhạy cảm đã phải chọn cách từ bỏ cuộc sống vì nhiều bình luận độc địa từ những người không quen biết. Một bác sĩ đã mất việc vì bị dư luận chỉ trích do lỡ gác chân lên giường bệnh.**Mới đây, ngay sau khi đăng quang Hoa hậu Hoàn vũ Việt Nam 2017, H’Hen Niê đã lập tức phải đối mặt với hàng loạt bình luận ác ý, thậm chí mang tính xúc phạm về nhan sắc trên mạng xã hội. Cách đây không lâu, Lê Âu Ngân Anh sau khi trở thành Hoa hậu Ðại dương 2017 cũng phải hứng chịu nhiều chế giễu quá đà về nhan sắc theo hướng xúc xiểm. Và danh sách nạn nhân của mạng xã hội không chỉ gồm người đẹp, người nổi tiếng, người của công chúng… mà có thể là bất kỳ ai.**Dường như, chê bai, xúc phạm người khác thông qua mạng xã hội đang là một "thú vui thời thượng" của quá nửa cư dân mạng xã hội...*

*(*Theo *Nhandan.com)*

a. Nội dung của đoạn văn đề cập tới hiện tượng nào trong đời sống?

b. Xét về cấu tạo, câu văn sau thuộc kiểu câu gì?

*Một bác sĩ đã mất việc vì bị dư luận chỉ trích do lỡ gác chân lên giường bệnh.*

c. Xác định kiểu hành động nói được thực hiện trong câu văn sau:

*Dường như, chê bai, xúc phạm người khác thông qua mạng xã hội đang là một "thú vui thời thượng" của quá nửa cư dân mạng xã hội...*

**Câu 2.** *(6.0 điểm)*:

Viết bài văn trình bày suy nghĩ của em về vấn đề được gợi ra từ nội dung đoạn văn trên.

**Câu 3.** *(10.0 điểm)* :

*Tác phẩm chân chính không bao giờ kết thúc ở trang cuối cùng, không bao giờ hết khả năng kể chuyện khi câu chuyện về các nhân vật đã kết thúc.* (Aimatop)

Em hiểu ý kiến trên như thế nào? Hãy chứng minh qua một tác phẩm văn học bất kì.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **HƯỚNG DẪN CHẤM** |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Câu 1 |  |  | Điểm |
|  | a | - Đoạn văn đề cập tới hiện tượng ném dá hội đồng trên mạng xã hội. | 1,5 |
| b | - Xét về cấu tạo câu văn thuộc kiểu câu đơn.  (lưu ý: Nếu HS xác định câu đơn mở rộng tp vẫn cho điểm) | 1,5 |
| c | - Hành động trình bày. | 1,0 |
| Câu 2 |  |  | 6đ |
|  | 1 | **Về kĩ năng** |  |
|  | - Biết cách viết một bài văn nghị luận xã hội.  - Ý tưởng sáng tạo, thể hiện được quan điểm, suy nghĩ của mình.  - Văn phong trong sáng, có cảm xúc; lập luận chặt chẽ, kết hợp tốt các phương thức biểu đạt trong hành văn. |  |
| 2 | **Về nội dung** |  |
|  | *Thí sinh có thể trình bày quan điểm của mình theo nhiều cách. Nhưng dù viết theo cách nào cũng phải làm rõ được sự cần thiết của việc giữ gìn, bảo vệ và phát huy sự trong sáng của tiếng Việt trong xu thế hiện nay.*  *Dưới đây là một số gợi ý định hướng chấm bài*: |  |
|  | *Giải thích*  - *Ném đá hội đồng trên mạng xã hội là một hiện tượng a dua theo đám đông,người ta hùa nhau phản đối một sự việc, 1 hiện tượng hay một phát ngôn theo số đông với những lời lẽ mang tính miệt thị, chê bai,xúc phạm.*  2. *Bàn bạc, phân tích vấn đề:*.  - Khẳng định đây là một hiện tượng vô cùng phổ biến.  - Hiện tượng này đã và đang mang lại những tác động tiêu cực cho đời sống xã hội;gây ra những hậu quả khôn lường cho những nạn nhận bị “ném đá”.  - Chỉ ra một vài hiện tượng cụ thể.  - Phân tích nguyên nhân của hiện tượng.  *3. Quan điểm, ý kiến của cá nhân trước hiện tượng này.*  *4. Rút ra bài học cho bản thân.* | 1,0  3,0  1,0  1,0 |
| **Câu 3** |  |  | 10đ |
| **1** | Về kĩ năng |  |
|  | - Biết cách viết một bài văn nghị luận văn học.  - Thể hiện năng lực cảm thụ văn học.  - Lập luận chặt chẽ, có cảm xúc, hành văn lưu loát, không mắc các lỗi chính tả, diễn đạt. |  |
| **2** | Về kiến thức |  |
|  | Thí sinh có thể trình bày bài viết theo nhiều cách nhưng về cơ bản, cần đảm bảo những yêu cầu sau:  *1. Giới thiệu vấn đề nghị luận.* | **1,0** |
|  |  | *2. Giải thích, bàn luận vấn đề:*  \- Tác phẩm văn học chân chính bao giờ cũng hướng tới con người, tôn vinh vẻ đẹp và phẩm chất con người. Việc tôn vinh ấy không thể hiện qua những lời ngợi ca chung chung mà được thể hiện bằng những hình thức nghệ thuật đặc sắc, độc đáo do nhà văn sáng tạo nên bằng tài năng và tâm huyết của mình.  - Tác phẩm văn học chân chính không kết thúc ở trang cuối cùng: nghĩa là một tác phẩm văn học chân chính có khả năng lưu lại trong lòng người đọc những cảm xúc, những ấn tượng khó phai.  - Ý kiến trên góp phần khẳng định và đề cao giá trị tư tưởng và giá trị thẩm mĩ của một tác phẩm văn học chân chính. | **2,0** |
|  | *3. Chứng minh qua tác phẩm* *văn học bất kì*  *4. Đánh giá* | **6,0**  2,0 |

***Đề 18 .***

**KÌ KIỂM TRA CHỌN HỌC SINH GIỎI HUYỆN HƯNG HÀ**

**Môn kiểm tra: NGỮ VĂN 8**

Thời gian làm bài: 120 phút

(Đề kiểm tra này gồm 01 trang)

1. **PHẦN ĐỌC HIỂU** (8 điểm):

Quan sát bài thơ sau:

**Chiều xuân ở thôn Trừng Mại**

Phân phất mưa phùn xâm xẩm bay

Mặc manh áo ngắn giục trâu cày

Nàng dâu sớm đã gieo dưa đó

Bà lão chiều còn xới đậu đây

Mía cạnh giậu tre đang nảy ngọn

Khoai trong đám cỏ đã xanh cây

Điền viên nghĩ thật nguồn vui thú

Dẫu chẳng “hành môn” đói cũng khuây.

*(Nguyễn Bảo)*

**Câu 1**. Bài thơ được làm theo thể thơ nào? Viết đoạn văn ngắn giới thiệu về đặc điểm thể thơ đó (khoảng 5 đến 7 dòng)

**Câu 2.** Em hiểu gì về ***thú điền viên***? Liệt kê ít nhất năm từ thuộc trường từ vựng ***điền viên*** trong bài thơ trên?

**Câu 3.** Viết bài văn ngẳn (khoảng 1 mặt của tờ giấy thi) trình bày cảm nhận của em về vẻ đẹp của bài thơ trên.

**Câu 2** *(12 điểm):*

Về nội dung phần đầu truyện ***Người thầy đầu tiên***, sách Hướng dẫn thực hiện chuẩn kiến thức kỹ năng môn Ngữ Văn THCS – tập 2, viết: “***Đoạn trích là bài ca về tình yêu quê hương xứ sở, bài ca về người thầy chân chính.”***

Qua văn bản ***Hai cây phong*** trích phần đầu truyện ***Người thầy đầu tiên*** của nhà văn Ai-ma-tốp, em hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ Hết \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA**

1. **PHẦN ĐỌC - HIỂU** (8 điểm)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CÂU** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **Câu 1** |  |  |
|  | - Bài thơ được làm theo thể thơ Thất ngôn bát cú đường luật | 0,25đ |
|  | * Đoạn văn giới thiệu qua về đặc điểm thể thơ:   + Thể thơ xuất hiện từ đời Đường, Trung Quốc.  + Một bài gồm 8 câu, mỗi câu 7 chữ; niêm luật chặt chẽ.  + Bố cục gồm 4 phần: Đề, thực, luận, kết; đối ở câu 3 và 4, 5 và 6  + Nhiều nhà thơ Việt Nam rất thành công với thể thơ này: Bà Huyện Thanh Quan, Nguyễn Khuyến, Tản Đà…   * Thể thơ đẹp, trang nhã… | 0,4đ  0,4đ  0,4đ  0,4đ  0,4đ |
| **Câu 2** |  |  |
|  | **- Thú điền viên**: Thú vui với ruộng vườn, thường dùng để tả cuộc sống thảnh thơi ở chốn thôn quê, thoát khỏi sự ràng buộc của công danh. | 0,5đ |
|  | - Các từ thuộc trường từ vựng ***điền viên*** trong bài thơ: trâu, cày, gieo, dưa , xới, đậu, mía, giậu tre, khoai, cỏ, cây (0,25 đ) | 0,25đ |
| **Câu 3** |  |  |
|  | **\*Hình thức:** |  |
|  | - Xây dựng được một văn bản hoàn chỉnh gồm 3 phần mở, thân, kết. | 0,5đ |
|  | - Cách viết văn biểu cảm linh hoạt diễn đạt lưu loát, thuyết phục. | 1,0đ |
|  | - HS đảm bảo dung lượng theo yêu cầu của đề. (Quá trên, dưới 5 dòng trừ 1điểm) | 0,5đ |
|  | **\* Về nội dung:** |  |
|  | - Bài thơ có đề tài thôn dã, nhà thơ viết về thiên nhiên và cuộc sống con người ở chính làng quê mình, từ đó bộc lộ tình quê đằm thắm.  - Bức tranh thiên nhiên trong câu thơ mở đầu gợi ra một buổi chiều xuân có mưa bụi bay, mây trời dần sẫm lại trong khoảng khắc ngày tàn.  - Ba câu tiếp theo: trong cảnh chiều muộn, mây trời bắt đầu sẫm lại, mưa bụi lất phất bay nhưng trên đồng làng Trừng Mại, người nông phu vẫn miệt mài cày ruộng. Buổi sớm, nàng dâu đảm đã gieo dưa, buổi chiều, bà mẹ chồng tảo tần còn vun xới ruộng đậu. Mọi ngưòi chăm chỉ làm ăn, là niềm vui, là ý nghĩa của cuộc đời.  - Vẻ đẹp của đồng quê còn được gợi ra qua những hình ảnh thiên nhiên quen thuộc, dân dã: mía, dậu tre, khoa, cỏ... Qua đó tác giả bộc lộ tình cảm gắn bó tha thiết với làng quê yêu dấu.  -> Cảnh lao động trên đồng làng Trừng Mại đẹp một cách bình dị, hồn hậu. Vẻ đẹp đó được cảm nhận bằng tâm hồn một con người suốt đời dành cho quê hương những tình cảm chân thành, thắm thiết. | 1,5 đ |
|  | \* Về nghệ thuật:  - Thể thơ thất ngôn bát cú đường luật đẹp và trang nhã, phù hợp cảnh và tình trong bài.  - Phương thức: biểu cảm kết hợp với miêu tả.  - Ý thơ cô đúc, lời thơ trang nhã, dồn nén tối đa sự kiện.  - Nghệ thuật đối trong hai câu thực góp phần gợi ra cảnh lao động cần cù của những phụ nữ Thái Bình cả đời gắn bó với đồng đất quê hương, coi lao động là hạnh phúc của đời mình. Đồng thời góp phần tạo nên vẻ đẹp hài hoà, cân xứng của bức tranh thơ, gợi ra sức sống kì diệu của một mùa xuân trong những cây cỏ thân thuộc chốn đồng quê.  -> Cảm xúc nồng hậu và vẻ đẹp của bức tranh quê trong bài thơ được thể hiện bằng hình thức thơ thất ngôn mẫu mực, ngôn ngữ trang nhã, hàm súc, nhiều từ láy có khả năng tạo hình và biểu cảm, giàu hình ảnh, nhạc điệu. | 1,0đ |
|  | \* Lưu ý:  - Cảm nhận bài thơ cần đặt trong thời điểm sáng tác (thế kỉ XIV) và có được những hiểu biết về tác giả: Nguyễn Bảo là một danh nhân văn hoá Thái Bình, có tài học, thành đạt trong đường khoa cử và làm quan. Thơ ông có cốt cách bình dị, thanh tao, giàu mằu sắc dân tộc.  - Có thể cảm nhận bài thơ trong sự so sánh với một số văn bản khác... | 0,5đ |

1. **PHẦN TẬP LÀM VĂN** (12 điểm)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CÂU** | **Nội dung** | **Điểm** |
|  | **I. Yêu cầu chung**  - Viết đúng kiểu bài nghị luận chứng minh ;  - Bài viết có kết cấu, lập luận chặt chẽ; dẫn chứng rõ ràng;  - Bố cục 3 phần rõ ràng, cân đối; diễn đạt trôi chảy ;  - Trình bày sạch đẹp; ít sai lỗi câu, từ, chính tả. | **2,0đ** |
|  | II. Yêu cầu cụ thể  Chấp nhận trình tự, cách thức khai triển khác nhau, miễn là thí sinh có ý thức bám sát và làm sáng rõ định hướng sau: | **10đ** |
|  | ***1.Giới thiệu về tác giả Ai-ma tốp và văn bản Hai cây phong***   * Ai-ma-tốp là nhà văn nước Cộng hoà Cư-rơ-gư-xtan…Đề tài chủ yếu trong các truyện ngắn của Ai-ma-tốp là cuộc sống khắc nghiệt nhưng cũng đầy chất lãng mạn của người dân vùng đồi núi Cư-rơ-gư-xtan, tình yêu, tình bạn, tinh thần dũng cảm … “Người thầy đầu tiên” là một trong những tác phẩm nổi tiếng nhất của ông. Bối cảnh của truyện là một vùng quê hẻo lánh thuộc Cư-rơ-gư-xtan giữa những năm 20 của thế kỉ XX khi nơi đây tư tưởng phong kiến và gia trưởng, còn nặng nề, do đó phụ nữ và trẻ mồ côi bị coi thường và rẻ rúng. * Đoạn trích “Hai cây phong” trong sách giáo khoa do người biên soạn đặt là phần đầu của truyện người thầy đầu tiên. * Hình ảnh hai cây phong được miêu tả với một tâm trạng đầy xúc động của người kể chuyện. Nó dẫn dắt người đọc trở lại với 40 năm trước để chứng kiến những tình cảm sâu nặng giữa thầy Đuy-sen và cô trò nhỏ An-tư-nai. Người kể chuyện xưng "tôi" (có lúc là "chúng tôi") cũng là người gắn bó với làng quê Ku-ku-rêu, nơi có hai cây phong thân thuộc, gắn với bao kỉ niệm tuổi thơ của mình. | 0,5 đ  0,5 đ  0,5 |
|  | 1. Làm sáng tỏ ý đoạn trích là ***bài ca về tình yêu quê hương xứ sở*** : từ câu chuyện về hình ảnh hai cây phong, Ai-ma-tốp đã gợi lên trong lòng người đọc về cuộc sống tình yêu với quê hương đất nước trong mỗi người - nơi cội nguồn của mỗi cuộc đời - thật giản dị, sâu sắc mà cảm động :   + Hình ảnh hai cây phong trong cảm nhận của người họa sĩ là biểu tượng của quê hương: như “những ngọn hải đăng ở trên núi, chúng có “tiếng nói riêng”, có “ tâm hồn riêng”… Đó là hình ảnh của quê hương, cũng là biểu tượng cho sức sống mạnh mẽ mà đẻo dai, kiêu hung bất khuất mà dịu dàng thân thương của những con người Ku-ru-rêu; tình yêu quê hương trong tâm hồn nhà văn như ngất ngây hòa quyện cùng đất trời, cây lá, con người của quê hương…  + Hai cây phong còn gắn liến với những kỷ niệm tuổi thơ đẹp đẽ không thể nào quên “Tuổi trẻ của tôi đã để lại nơi ấy, bên cạnh chúng như một mảng vỡ của chiếc gương thần xanh... ".Hai cây phong nơi ấy chứa bao kỷ niệm của tuổi học trò với những trò chơi thuở nhỏ "Khi bắt đầu nghỉ hè, bọn con trai chạy ào lên đấy phá tổ chim". Ấn tượng sâu đậm trở thành điểm nhớ về hai cây phong trong ký ức của nhân vật ở đây chính là "thế giới diệu kỳ được mở ra trong tâm hồn trẻ thơ" từ góc nhìn, tầm nhìn mà hai cây phong ấy đem lại…. Và trong cõi sâu thẳm ta hiểu rằng nỗi nhớ và cảm xúc cùng thế giới tuổi thơ vẫn đọng lại nguyên vẹn trong hai cây phong ấy chính là tình yêu quê hương da diết. | 0,5 đ  2,0 đ  2,0 đ |
|  | 1. Làm sáng tỏ ý ***đoạn trích là bài ca về người thầy chân chính***   + Hai cây phong là nhân chứng của câu chuyện hết sức xúc động về Đuy-sen, người thầy đầu tiên và cô bé An- tư-nai gần bốn mươi năm về trước. Chính thầy Đuy-sen đã đem hai cây phong về trồng trên đồi cao này cùng với cô bé An-tư-nai và thầy đã gửi gắm ở hai cây phong non ước mơ, hy vọng những đứa trẻ nghèo khổ, thất học như An-tư-nai sau này sẽ lớn lên, ngày càng được mở mang kiến thức và trở thành những con người hữu ích.  + Qua hình ảnh hai cây phong nhân vật tôi đã thể hiện lòng biết ơn thầy Đuy-sen - người thầy chân chính | 1,5 đ  0,5 đ |
|  | 1. ***Tổng hợp nâng cao***  * Khái quát luận điềm * Từ câu chuyện về hình ảnh hai cây phong, Ai-ma-tốp gợi lên trong lòng người đọc về cuộc sống tình yêu với quê hương đất nước trong mỗi người - nơi cội nguồn của mỗi cuộc đời - thật giản dị, sâu sắc mà cảm động bởi hình ảnh quê hương được gửi gắm qua hình tượng hai cây phong in đậm trong tâm trí người kể chuyện y nguyên chẳng phai mờ.   - Quê hương chính là cái nôi nuôi dưỡng tâm hồn và đó còn là nền tảng để con người có thể đứng lên trong bất kì hoàn cảnh nào. Đó chính là cảm xúc lòng biết ơn của người họa sĩ đối với quê hương nơi chôn rau cắt rốn của mình. Tác phẩm như một lời thức tỉnh đối với chúng ta cho chúng ta những cảm nhận thật gần gũi về quê hương.   * Hs có thể so sánh, liên hệ một cách phù hợp với các tác giả, tác phẩm khác… | 0,75 đ  0,75 đ  0,5 đ |
|  | **\* Lưu ý:**  - Hướng dẫn chấm chỉ nêu những ý cơ bản, trên cơ sở các gợi ý đó giám khảo (GK) có thể vận dụng linh họat, tránh cứng nhắc và nên cân nhắc trong từng trường hợp cụ thể để phát hiện những bài làm thể hiện tố chất của học sinh giỏi (*kiến thức vững chắc, năng lực cảm thụ sâu sắc, tinh tế, kĩ năng làm bài tốt…)*  - GK nên khuyến khích những bài làm có sự sáng tạo, có phong cách riêng song hợp lí. Có thể thưởng điểm cho các bài viết sáng tạo song không vượt quá khung điểm của mỗi câu theo quy định. |  |

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ Hết \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

|  |  |
| --- | --- |
| ***Đề 19 .*** | **ĐỀ KHẢO SÁT HỌC SINH NĂNG KHIẾU**  **Năm học 2020 – 2021**  **Môn: Ngữ văn 8**  *Thời gian làm bài: 150 phút*  *Ngày thi: 15 tháng 4 năm 2021* |

**Câu 1 (4 điểm)**

Một gia đình nọ vừa dọn đến ở trong một khu phố mới. Sáng hôm sau, vào lúc ăn điểm tâm, đứa con thấy bà hàng xóm giăng tấm vải trên giàn phơi. “Tấm vải bẩn thật" - Cậu bé thốt lên. “Bà ấy không biết giặt, có lẽ bà ấy cần một thứ xà bông mới thì giặt sẽ sạch hơn”. Người mẹ nhìn cảnh ấy nhưng vẫn im lặng. Cậu bé vẫn cứ tiếp tục lời bình phẩm ấy mỗi lần bà hàng xóm phơi tấm vải.

Ít lâu sau, vào một buổi sáng, cậu bé ngạc nhiên vì thấy tấm vải của bà hàng xóm rất sạch, nên cậu nói với mẹ: “Mẹ nhìn kìa ! Bây giờ bà ấy đã biết giặt tấm vải sạch sẽ, trắng tinh rồi!” Người mẹ đáp: “Không, sáng nay mẹ đã lau kính cửa sổ nhà mình đấy”.

Hãy viết một bài văn nghị luận trình bày suy nghĩ của em về câu chuyện trên đây.

**Câu 2 (6 điểm)**

*“Văn học đã viết lên những bản tình ca xúc động về tình mẫu tử, tình phụ tử”.* Qua văn bản **“Trong lòng mẹ”** của Nguyên Hồng và **“Lão Hạc”** của Nam Cao, em hãy làm sáng tỏ nhận định trên.

---------------------Hết-------------------

|  |  |
| --- | --- |
|  | **ĐÁP ÁN** |

**A. YÊU CẦU CHUNG**

- Hướng dẫn chấm chỉ mang tính chất định tính, vì vậy giám khảo phải nắm được nội dung trình bày trong bài làm của thí sinh, tránh đếm ý cho điểm. Vận dụng linh hoạt hướng dẫn chấm, sử dụng nhiều mức độ điểm một cách hợp lí, khuyến khích những bài viết có cảm xúc, sáng tạo.

- Học sinh có thể làm bài theo nhiều cách nhưng nếu đáp ứng những yêu cầu cơ bản của đề, diễn đạt tốt vẫn cho đủ điểm.

- Điểm bài thi có thể cho lẻ đến 0,25 điểm và không làm tròn số.

**B. YÊU CẦU CỤ THỂ**

**Câu 1: (4,0 điểm)**

Học sinh có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng cần đảm bảo các ý cơ bản sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Điểm tối đa** |
| **1a**  **(1,5đ)** | **a. Mở bài:** Giới thiệu vấn đề nghị luận  **b. Thân bài:**  **\* Nêu ngắn gọn nội dung, ý nghĩa của câu chuyện:**   * Câu chuyện sử dụng những hình ảnh sống động để giúp ta thấy những thói quen thường thấy trong cuộc sống. Cậu bé quan sát tấm vải qua khung cửa sổ, thấy tấm vải màu đen sạm và kết luận người chủ tấm vải bẩn thỉu, không biết cách giặt giũ... Có vẻ như cậu là người tinh ý, biết quan tâm, nhận xét thế giới quanh mình. Thậm chí cậu còn nghĩ tới cả giải pháp giúp người khác thay đổi. Đấy là điểm tích cực ở cậu. * Tuy nhiên, đến một ngày, cậu bé thấy tấm vải trắng sáng. Lúc này, cậu mới thay đổi cách nghĩ về người chủ của nó: bà ấy bắt đầu biết giặt đồ, tấm vải bẩn thỉu đã trắng lên. Không ngờ, điều thay đổi không phải là tấm vải và người chủ của nó, điều thay đổi là khung cửa sổ nhà cậu bé.   -> Cái nhìn thiên kiến, lệch lạc, mang tính chủ quan, áp đặt, thiếu chính xác.  **\*Vận dụng lí lẽ, dẫn chứng để khẳng định vấn đề:**   * Khung cửa sổ là ẩn dụ cho khung cửa tâm hồn. Cậu bé mắc phải tật xấu là đánh giá người khác qua cái nhìn chủ quan và đầy định kiến của mình. Bằng cái nhìn, ý nghĩ xấu về người khác thì cái gì dưới con mắt cậu cũng sẽ trở nên xấu mà thôi. * Khi nhìn nhận bất cứ vấn đề gì, cần có cái nhìn toàn diện ở nhiều khía cạnh khác nhau. Thậm chí phải đặt vào hoàn cảnh cụ thể để hiểu đúng vấn đề. Không nên chỉ nhìn bề ngoài để đánh giá bản chất. Cần có thời gian trải nghiệm để tự nhận ra bản chất của vấn đề. * Cần dùng con mắt yêu thương để nhìn nhận vấn đề, có như vậy mới nhìn thấy được những điều tốt đẹp ẩn sâu bên trong dù bề ngoài có vẻ xù xì, xấu xí. * Trước khi phê bình ai, ta nên kiểm tra trước phẩm chất cái nhìn của ta. Ta xuất phát từ động cơ gì, từ thiện chí ra sao đối với người khác. Đừng xét nét, hẹp hòi với người khác cũng như vội vàng đánh giá, kết luận, về họ mà chưa soi lại cách nhìn nhận, đánh giá cả mình.   - Học sinh lấy những ví dụ thực tế để làm sáng tỏ suy nghĩ, lí giải của mình: tờ giấy trắng và vết mực đen, cái nhìn của nhân vật ông giáo trong "Lão Hạc" của Nam Cao,...  **\* Bàn luận, mở rộng vấn đề, nêu ra bài học:**  - Phê phán những người có cái nhìn hẹp hòi với người khác, thiển cận, phiến diện theo kiểu "Thầy bói xem voi", hoặc "Ếch ngồi đáy giếng"...   * Trong cuộc đời cũng như thế: Mọi sự tuỳ thuộc vào sự sạch sẽ của khung cửa sổ tâm hồn mà qua đó chúng ta quan sát các sự việc! Con mắt là cửa sổ tâm hồn, ta hãy lau sạch cửa sổ tâm hồn của mình bằng sự thiện chí, công tâm, khách quan và cầu tiến. Ta cần trau dồi tri thức để có cái nhìn khoa học, chính xác, tiến bộ,...   **c.Kết bài:**  - Khẳng định lại ý nghĩa, tác dụng của vấn đề.  - Liên hệ bản thân... | **(0,5 đ)**  **(0,5 đ**)  **(2đ)**  **(0,5 đ)**  **(0,5 đ)** |

**Câu 2 (6.0 điểm)**

**a. Về kĩ năng**

Biết cách viết bài văn nghị luận chứng minh một vấn đề văn học. Vận dụng linh hoạt các thao tác lập luận. Bố cục hợp lí, chặt chẽ, văn viết mạch lạc, trong sáng, có cảm xúc, không mắc lỗi về chính tả, diễn đạt.

**b. Về kiến thức**

Học sinh có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng cần đảm bảo những nội dung cơ bản sau:

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung** | **Điểm tối đa** |
| **1.Mở bài:**  Giới thiệu vấn đề NL. | **(0,5đ)** |
| **2.Thân bài**  **\* Giải thích:**  - Văn học: là một hình thức được các nhà văn sáng tác, tái hiện lại các vấn đề, sự vật, hiện tượng trong đời sống xã hội- con người, qua đó bộc lộ cái nhìn, tư tưởng, tình cảm của nhà văn với cuộc sống.  - Văn học viết lên những bản tình ca về tình mẫu tử, phụ tử: Tức là văn học phản ánh những điều chân thực về các tình cảm đó và ngợi ca chúng.  -> Đánh giá về vai trò của văn học và thiên chức của nhà văn trong đời sống.  **\* Phân tích- chứng minh vấn đề:**  **- Luận điểm 1: Tình mẫu tử trong văn bản “Trong lòng mẹ”.**  *1.1. Tình cảm của Hồng dành cho mẹ:*  - HS nêu hoàn cảnh của cậu bé Hồng: Sống xa mẹ, cô đơn, thiếu thốn tình cảm.  - Phân tích 2 tình huống truyện: Hồng trò chuyện với bà cô và Hồng gặp lại mẹ sau thời gian xa cách.  - Tình cảm mà Hồng dành cho mẹ là sâu nặng, chiến thắng được sự xa cách về không gia, thời gian, chiến thắng được sự nghiệt ngã của đời như âm mưu chia rẽ của người cô, những định kiến nặng nề của xã hội.  - Tình cảm ấy không chỉ là yêu thương nhớ mong, trân trọng mà còn chuyển hóa thành sự căm phẫn những thế lực làm khổ cuộc đời người mẹ.  - Tình cảm Hồng dành cho mẹ được thể hiện trực tiếp bằng những mong ngóng, khát khao tình mẹ.  - Tình cảm Hồng dành cho mẹ được thể hiện bằng niềm vui sướng, hân hoan, hạnh phúc hả hê, mãn nguyện khi được gặp mẹ.  -> Xây dựng nhân vật bé Hồng còn nhỏ tuổi nhưng tình cảm dành cho mẹ lại không hề nhỏ, ngược lại lớn lao vô cùng. Tình cảm ấy chiến thắng tất cả để trở thành bất tử, đó là bản tình ca đẹp mà một tâm hồ trẻ thơ, trong sáng dành để yêu thương đấng sinh thành.  *1.2. Tình cảm của người mẹ.*  - Hs nêu hoàn cảnh của người mẹ.  - Mẹ đã sinh ra nuôi dưỡng Hồng và em trong thiếu thốn, nợ nần, chồng nghiện, nhà sa sút.  - Tình cảm mà mẹ dành cho con cũng chiến thắng tất cả. Người mẹ vì cùng túng phải tha hương nhưng không bao giời quên con, vẫn vượt lên mọi định kiến để trở về bên con.  -> Ngợi ca người mẹ, ngợi ca tình mẫu tử thiêng liêng.  **- Luận điểm 2: Tình phụ tử trong văn bản “Lão Hạc”.**  - Nêu hoàn cảnh của nhân vật LH.  - Tình cảm mà LH dành cho con được thể hiện qua nhiều cung bậc cẩm xúc khác nhau: Day dứt khi không lo được cho con để con phải đi đồn điền cao su, nhớ mong khi con đi xa, qua những câu chuyện kể về con trai với ông giáo hàng xóm… Lão coi cậu Vàng như con cũng là một cách biểu hiện khác của tình cảm mà lão dành cho con mình.  - Lão yêu thương và dành dụm, bảo vệ tài sản cho con: Ngôi nhà, mảnh vườn,  - Lão yêu con hơn cả mạng sống của mình.  -> LH chọn cái chết để kết thúc cuộc đời nhưng tình cảm mà lão dành cho con là bất tử. Cái chết đáng thương của LH, những tình cảm yêu thương, hi sinh cho con là bản tình ca bất tử về tình phụ tử sống mãi qua thời gian  **-Luận điểm 3: Khái quát, mở rộng.**  - Khái quát giá trị NT và ND chính của 2 TP.  - Khẳng định giá trị của tình phụ tử, mẫu tử.  - Nhấn mạnh lại thiên chức của các nhà văn, nhà thơ trong vai trò phản ánh và ngợi ca cái đẹp của cuộc sống. | **(0,5đ)**  **(3đ)**  **(0,5đ)** |
| **\*Kết bài:**  - Khẳng định lại vấn đề NL. | **(0,5đ)** |

*\* Ghi chú: Trong từng câu, học sinh có thể không trình bày đủ ý trong hướng dẫn nhưng lại có những kiến giải riêng, hợp lí, thuyết phục, cách khai thác riêng, độc đáo thì giám khảo vẫn đánh giá, cho điểm nhưng không vượt quá điểm tối đa của từng phần và toàn bài./.*

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

***Đề 20 .***

**ĐỀ OLYMPIC NGỮ VĂN 8**

**Năm học 2020- 2021**

***Thời gian :*** *150 phút (không kể thời gian giao đề)*

**PHẦN I** (8 điểm)

Trình bày cảm nhận của em về đoạn thơ sau (khoảng 01 trang giấy kiểm tra)?

*Nhưng mỗi năm mỗi vắng*

*Người thuê viết nay đâu?*

*Giấy đỏ buồn không thắm;*

*Mực đọng trong nghiên sầu...*

*Ông đồ vẫn ngồi đấy,*

*Qua đường không ai hay,*

*Lá vàng rơi trên giấy;*

*Ngoài giời mưa bụi bay.*

**PHẦN II** (12 điểm)

Trong bài thơ “Một khúc ca xuân” nhà thơ Tố Hữu viết:

“*Nếu là con chim, là chiếc lá*

*Thì chim phải hót, chiếc lá phải xanh.*

*Lẽ nào vay mà không trả*

*Sống là cho, đâu chỉ nhận riêng mình?*”

Em hiểu ý thơ trên như thế nào? Bằng một số văn bản đã học trong chương trình Ngữ văn 8: *Lão Hạc (Nam Cao),* *Tức nước vỡ bờ (Ngô Tất Tố), Chiếc lá cuối cùng (O - Hen ri)*, em hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ OLYMPIC MÔN NGỮ VĂN LỚP 8**

**NĂM HỌC 2020- 2021**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **PHẦN** | **KIẾN THỨC – KĨ NĂNG** | **ĐIỂM** |
| **I** | **A. Về kĩ năng:**  - HS lựa chọn được cách viết đoạn văn (diễn dịch, quy nạp, T-P-H) hoặc bài văn ngắn. Có độ dài đúng yêu cầu. Bài viết ngắn quá hoặc dài quá (trừ 0.5 đ) *( Tùy vào mức độ dài, ngắn để trừ điểm hợp lí)*  - Biết vận dụng kết hợp các thao tác lập luận trong đoạn.  - Diễn đạt lưu loát, trong sáng, có cảm xúc và sức thuyết phục.  - Không mắc lỗi diễn đạt, chính tả, ngữ pháp...  **B. Về nội dung kiến thức:**  **\* Mở bài, mở đoạn (0.5 điểm)**  - Gới thiêu tác giả, văn bản, nội dung đoạn trích:  + Đoạn thơ trên được trích trong bài thơ“ Ông đồ” của Vũ Đình Liên đã rất thành công trong việc khắc họa hình ảnh ông đồ thời Nho học suy tàn…..  **\* Thân bài, thân đoạn (6.0 điểm): cần đảm bảo các ý sau:**  - Chữ “nhưng” đứng đầu khổ thơ thể hiện sự đối lập, nó như cánh cửa khép - mở hai ý thơ, diễn tả 2 thời kì (vàng son >< tàn lụi) của ông đồ. (1.0 điểm)  - Khổ thơ là một sự hụt hẫng trong ánh mắt kiếm tìm: “Người thuê viết nay đâu?”. Chữ “ mỗi” điệp lại trong 1 dòng thơ nói lên nhịp bước của thời gian là sự khắc khoải đến đau lòng: “mỗi năm mỗi vắng”  - Trong sắc phai bẽ bàng của giấy, sự kết đọng lạnh lòng của mực tự thân nó đã dâng lên một nỗi buồn tủi.  - Là ngoại cảnh nhưng cũng là tâm cảnh, một nỗi buồn thấm thía, xót xa phả vào cả những sự vật vô tri, vô giác khiến cho chúng cũng nhuốm màu tâm trạng qua nghệthuật nhân hóa(giấy, mực)  *“một mình mình biết, một mình mình buồn”, “trĩu nặng những ưu tư, xót xa trước thời thế đổi thay”.*  - Và càng đáng buồn hơn, đến khổ thơ thứ tư thì còn lại cái hình ảnh của ông đồ của sự lặng lẽ, cô đơn giữa dòng đời tấp nập:  - Chữ “ vẫn” nén trong nó một sự cố công, chờ đợi với hi vọng mong manh còn lại, chút gắng gỏi để níu giữ nét đẹp truyền thống đang dần lụi tàn *“ông đồ vẫn ngồi đấy”*  + Nhưng đáp lại sự đợi chờ đó là nỗi đau vô vọng , ông đã bị lãng quên ngay khi còn đang hiện hữu  + Nghệ thuật tả cảnh ngụ tình qua hình ảnh *“ lá vàng và mưa bụi”. Lá vàng gợi sự tàn úa,rơi rụng… nay lại rơi xuống tờ giấy viết câu đối của ông đồ, phải chăng muốn nói: sự nghiệp của ông đồ đã chấm dứt ở đây*  + Làn mưa bụi mịt mờ thật ám ảnh, khiến cho con người dâng lên bao nỗi xót xa, đánh động vào lương tri của mỗi người. Không gian hoang vắng đến thê lương, mịt mù  - Sự đối lập giữa ông đồ và cuộc sống và lòng người khiến nhà thơ ngậm ngùi thương cảm, xót xa, đó cũng là nguồn cảm hứng “ thương người và niềm hoài cổ” của Vũ Đình Liên  **\* Kết bài, kết đoạn (0.5 điểm)*:*** Khẳng định lại nghệ thuật và nội dung, vị trí của khổ thơ.  *\** ***Lưu ý****: Đoạn văn phải biết kết hợp khai thác các tín hiệu nghệ thuật để đi đến giá trị nội dung; nếu bài viết chỉ diễn xuôi thơ, không cho quá tối đa là 4.0 điểm*  **\* Biểu điểm:**   * Điểm 7,5- 8: Hiểu rõ yêu cầu của đề bài, đảm bảo các yêu cầu về kĩ năng và kiến thức, có lập luận chặt chẽ, có sự kết hợp nhuần nhuyễn các thao tác lập luận, bài viết có cảm xúc, diễn đạt lưu loát. * Điểm 6,5- 7: Hiểu rõ yêu cầu của đề bài, đáp ứng hầu hết các yêu cầu về kĩ năng và kiến thức, có lập luận tương đối chặt chẽ, có sự vận dụng thành công các thao tác lập luận, diễn đạt tương đối tốt. * Điểm 4,5- 5: Hiểu yêu cầu của đề bài, đáp ứng được cơ bản các yêu cầu về kĩ năng và kiến thức, lập luận chưa chăt chẽ, có thể còn một số lỗi nhỏ về diễn đạt. * Điểm 3,5- 4: Chưa nắm vững yêu cầu của đề bài, chưa đáp ứng được ½ yêu cầu về kĩ năng và kiến thức, mắc lỗi chính tả và diễn đạt. * Điểm 1,5- 2: Chưa nắm vững yêu cầu của đề bài, chưa đáp ứng được 1/3 yêu cầu về kĩ năng và kiến thức, mắc lỗi chính tả và diễn đạt nhiều * Điểm 0: để giấy trắng | **1.0**  **7.0**  **0.5**  **6.0**  1.0  0.5  0.5  0.5  0.5  0.5  0.5  0.5  0.5  1.0  **0.5** |
| **II** | **A. Yêu cầu về kĩ năng và hình thức:**  - Xác định đúng kiểu bài giải thích, chứng minh một ý kiến .  - Viết bài phải có bố cục rõ ràng, có luận điểm, luận cứ, luận chứng.  - Trình bày sạch đẹp, câu chữ rõ ràng, hành văn giàu cảm xúc và trôi chảy. | **1.0 đ** |
| **B. Yêu cầu về nội dung:**  **1. Mở bài (1.0 điểm)**  - Dẫn dắt vào VĐNL: HS có thể dẫn dắt bằng nhiều cách song phải phù hợp với vấn đề NL.  - Nêu VĐNL: Dựa vào yêu cầu của đề  - Nêu được phạm vi dẫn chứng: Ba văn bản Lão Hạc (Nam Cao);  Tức nước vỡ bờ (Ngô Tất Tố); Chiếc lá cuối cùng (O- Hen ri) đã học trong chương trình Ngữ văn 8. | **11 đ** |
| **2. Thân bài**  HS có thể có những bố cục khác nhau nhưng cần có những ý sau:  **\* Giải thích ý thơ trong phần đề bài (1.5 điểm)**  + “*Nếu là con chim, là chiếc lá*  *Thì chim phải hót, chiếc lá phải xanh.*  Hai câu thơ này cần hiểu**:** *con chim, chiếc lá* đều biết mang lại vẻ đẹp, sống có ích cho đời (*con chim phải biết hót, chiếc lá phải xanh*) (0.5)  -> Cũng như vậy, con người cần sống đẹp, có ích. (0,25)  *+ Lẽ nào vay mà không trả*  *Sống là cho, đâu chỉ nhận riêng mình?*”  + Con người biết cho đi những gì ta có, biết cống hiến những giá trị tinh thần, sức lực, khả năng, tài đức của mình cho gia đình, nhân dân, đất nước...(0.5đ)  + Biết nhận về những gì mà cuộc sống dâng tặng cho ta một cách xứng đáng. Nhưng trước hết, ta phải biết cho rồi hãy nhận.(0.25 đ)  => Đoạn thơ của Tố Hữu bày tỏ về một lẽ sống đẹp. Sống đẹp là sống biết vay - trả, cho - nhận. Đây cũng là sống có lí tưởng, có hành động ứng xử đúng đắn, hiểu được trách nhiệm của một công dân với cộng đồng, đất nước, sống là cho, là cống hiến. (0.5 điểm)  **\* Chứng minh qua một số văn bản đã học trong chương trình Ngữ văn lớp 8 (7.5 điểm):**  - HS cần chứng minh làm sáng tỏ VĐNL theo các luận điểm  ***\* Luận điểm 1***: Giới thiệu khái quát chung về 3 tác phẩm, khẳng định cả 3 tác phẩm đều thể hiện rõ lẽ sống đẹp mà ý thơ đã đề ra **(0.5 điểm)**  \* ***Luận điểm 2***: Những nhân vật chính trong các văn bản đều là những con người có phẩm chất tốt đẹp, đáng trân trọng, đó là nền tảng cho một lẽ sống có ích, có giá trị trong cuộc sống **(1,5 điểm)**  Dẫn chứng:  - Lão Hạc: Là người nông dân hiền lành, chất phác, giàu lòng tự trọng, chân thực và có tình yêu với loài vật, yêu con, biết, rất cần cù, chịu khó….  - Chị Dậu: Là một người vợ yêu thương chồng con, nhẫn nhục, chịu đựng, dịu hiền, chung thủy, nhưng lại có sức phản kháng tiềm tàng,…  - Xiu và cụ Bơ men: là những người tốt, biết quan tâm chia sẻ, có ước mơ, hoài bão  => Họ đều là những con người sống đẹp, sống có ích, biết ước mơ và dám thực hiện ước mơ…  ***\* Luận điểm 3***: Những nhân vật chính trong các văn bản đều là những con người biết cho đi những gì mình có, biết cống hiến những giá trị tinh thần, sức lực, khả năng, tài đức của mình cho gia đình, người thân và xã hội. **(3.5 điểm)**  Dẫn chứng :  - Lão Hạc: Yêu thương và hi sinh tất cả vì con trai, luôn lo lắng cho tương lai của con nên chọn cái chết để giữ tấm lòng trong sách cũng như chút ít tài sản của mình cho con*...(d/c, phân tích)* ................  - Chị Dậu: Yêu thương, chăm sóc chồng chu đáo, đảm đang, tháo vát…; dám đứng lên chống lại người nhà nước để bảo vệ chồng, con ...  *(d/c, phân tích) .......................*  - Xiu: Yêu thương, chăm sóc, động viên an ủi Giôn xy hết lòng mà không hề kêu ca, một tình bạn đẹp*....(d/c, phân tích)*  - Cụ Bơ men: Quan tâm, yêu thương và hy sinh cả tính mạng để vẽ chiếc lá cứu Giôn xy mặc dù họ chỉ cũng cảnh ngộ mà không phải là ruột thịt…  …….(*d/c, phân tích) ..................*  ***\* Luận điểm 4:***  Chính các tác giả Nam Cao, Ngô Tất Tố, O- Hen ri đã cho đời những tác phẩm kết tinh của sự trải nghiệm, của tài hoa nghệ thuật, có giá trị hiện thực, nhân đạo sâu sắc...**(1.0 điểm)**  => Họ đều có hành động ứng xử đúng đắn, hiểu được trách nhiệm, nghĩa vụ... của mình đối với những người thân yêu, hiểu được sứ mệnh của nghệ thuật - *“Nghệ thuật vị nhân sinh”*  ***\*Luận điểm 5:*** Đánh giá, khái quát chung và mở rộng về vấn đề nghị luận (cho - nhận) từ 3 tác phẩm cũng như trong cuộc sống*( có thể đối chiếu, so sánh…..)*  **(1,0 điểm)**  - HS biết bình, nâng cao vấn đề về lối sống đẹp cho – nhận. Đưa ra lời phê phán, phản biện. | **9,0 đ** |
|  | **Kết bài:**  - Khẳng định lại vấn đề  - Liên hệ và bộc lộ tình cảm, suy nghĩ của bản thân về vấn đề vừa làm sáng tỏ | **1,0 đ** |

**\* Biểu điểm:**

- Điểm 11- 12: Hiểu rõ yêu cầu của đề bài, đảm bảo các yêu cầu về kỹ năng và kiến thức, có lập luận chặt chẽ, có sự kết hợp nhuần nhuyễn các thao tác lập luận, bài viết có cảm xúc, diễn đạt lưu loát.

- Điểm 9- 10: Hiểu rõ yêu cầu của đề bài, đáp ứng hầu hết các yêu cầu về kỹ năng và kiến thức, có lập luận tương đối chặt chẽ, có sự vận dụng thành công thao tác lập luận, diễn đạt tương đối tốt.

- Điểm 7- 8: Hiểu yêu cầu của đề bài, đáp ứng được cơ bản các yêu cầu về kỹ năng và kiến thức, văn phong khá tốt, có dẫn chứng để làm sáng tỏ nhưng lập luận chưa thật chặt chẽ.

- Điểm 5- 6: Hiểu yêu cầu của đề bài, đáp ứng được cơ bản các yêu cầu về kỹ năng và kiến thức, văn phong khá tốt, có dẫn chứng để làm sáng tỏ nhưng lập luận chưa thật chặt chẽ. Còn thiếu ý, đôi chỗ diễn đạt lủng củng

- Điểm 3- 4: Chưa hiểu yêu cầu của đề bài, chưa đáp ứng được cơ bản các yêu cầu về kỹ năng và kiến thức, văn phong không tốt, lập luận không logic, mắc lỗi chính tả

- Điểm 1- 2: Không hiểu yêu cầu của đề bài, chưa đáp ứng được cơ bản các yêu cầu về kỹ năng và kiến thức, kể lại dài dòng, diễn xuôi thơ, mắc lỗi chính tả, lan man không đúng ý….

***Lưu ý:*** *Hướng dẫn chấm chỉ nêu một số nội dung cơ bản mang tính định hướng, giám khảo cần hết sức linh hoạt khi vận dụng hướng dẫn chấm; tránh đếm ý cho điểm một cách máy móc; cẩn trọng và tinh tế đánh giá bài làm của học sinh; phát hiện, trân trọng những bài có ý kiến và giọng điệu riêng. Chấp nhận các cách trình bày khác nhau, kể cả không có trong hướng dẫn chấm, miễn là hợp lý, có sức thuyết phục.*

*Khuyến khích các bài làm sáng tạo, mới mẻ, giàu cảm xúc.*

--------------------------Hết-----------------------------

***Đề 21 .***

|  |  |
| --- | --- |
|  | **ĐỀ THI CHỌN HSG LỚP 8 CẤP HUYỆN**  **NĂM HỌC: 2020-2021**  Môn thi: Ngữ văn8  *Thời gian: 150 phút (không kể thời gian giao đề)*  Ngày thi: 04/4/2021  *(Đề thi gồm 02 trang)* |

**I. ĐỌC - HIỂU (6,0 điểm):**

**Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:**

*Một cậu phụ hồ nghèo rớt nuôi giấc mơ vào Nhạc viện! Nhiều người khuyên cậu nên theo một ước mơ khác, thực tế hơn. Nhưng cậu tin vào bản thân và không có mục tiêu nào có thể làm cậu xao lãng. Tôi nghe tim mình nhói lên, vì một điều đã cũ, “người nghèo nhất không phải là người không có một xu dính túi,mà là người không có lấy một ước mơ”.*

*…Năm tháng qua đi, bạn sẽ nhận ra rằng ước mơ không bao giờ biến mất. Kể cả những ước mơ rồ dại nhất trong lứa tuổi học trò- lứa tuổi bất ổn định nhất. Nếu bạn không theo đuổi nó, chắc chắn nó sẽ trở lại một lúc nào đó, day dứt trong bạn, thậm chí dằn vặt bạn mỗi ngày.*

*Nếu vậy, sao ta không nghĩ đến điều này ngay từ bây giờ?*

*Sống một cuộc đời cũng giống như vẽ một bức tranh vậy. Nếu bạn nghĩ thật lâu về điều mình muốn vẽ, nếu bạn dự tính được càng nhiều màu sắc mà bạn muốn thể hiện, nếu bạn càng chắc chắn về chất liệu mà bạn sử dụng, thì bức tranh trong thực tế càng giống với hình dung của bạn. Bằng không, có thể nó sẽ là những màu sắc mà người khác thích, là bức tranh mà người khác ưng ý, chứ không phải bạn. Dan Zadra viết rằng: “ Đừng để ai đánh cắp ước mơ của bạn”. Vậy thì hãy tìm ra ước mơ cháy bỏng nhất của mình, nó đang nằm ở nơi sâu thẳm trong tim ta đó, như một ngọn núi lửa đợi chờ được đánh thức…*

*( Theo,* Phạm Lữ Ân*, Nếu biết trăm năm là hữu hạn, NXB Hội nhà văn, 2012)*

**Câu 1(1,0 điểm)**: Xác định phương thức biểu đạt của đoạn trích? Theo tác giả, thế nào là người nghèo nhất?

**Câu 2(1,0 điểm)**: Nêu nội dung đoạn trích?

**Câu 3(2,0 điểm)**:Em hiểu như thế nào về câu: *Sống một cuộc đời cũng giống như vẽ một bức tranh vậy?*

**Câu 4(2,0 điểm)**:Thông điệp nào trong đoạn trích có ý nghĩa nhất đối với em? Vì sao?

**II.TẠO LẬP VĂN BẢN*(14,0 điểm)***

**Câu 1(4,0 điểm):**

Nhà văn Mĩ Ernest Hemingway đã khẳng định: *Hạnh phúc giữ trong tay chỉ là hạt, hạnh phúc mang ra san sẻ mới trổ hoa.*

Hãy viết đoạn văn nghị luận(khoảng 200 chữ), trình bày suy nghĩ của em về quan điểm trên.

**Câu 2(10,0 điểm):**

Trong cuốn Sổ tay viết văn, nhà văn Tô Hoài tâm sự: ***Tôi cho rằng ngay trong văn xuôi, cần phải đượm hồn thơ, có như thế văn xuôi mới trong sáng cất cao.***

Em hiểu ý kiến trên như thế nào? Qua truyện ngắn *Tôi đi học* của Thanh Tịnh, liên hệ đến văn bản *Trong lòng mẹ*  (Trích *Những ngày thơ ấu*, Nguyên Hồng), em hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.

.......**HẾT**.......

*Thí sinh không được sử dụng tài liệu, giám thị không giải thích gì thêm.*

|  |  |
| --- | --- |
| **PHÒNG GD&ĐT THỌ XUÂN** | **HƯỚNG DẪN CHẤM**  **ĐỀ THI CHỌN HSG LỚP 8 CẤP HUYỆN**  **NĂM HỌC: 2020-2021**  **MÔN THI: NGỮ VĂN LỚP 8**  *( Hướng dẫn chấm gồm có 04 trang)* |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung cần đạt** | **Điểm** |
|  |  | **Đọc văn bản và trả lời câu hỏi** | **6,0** |
| **I**  **ĐỌC-HIỂU** | **1** | - Phương thức biểu đạt của văn bản: Nghị luận  - Theo tác giả: *người nghèo nhất không phải là người không có một xu dính túi, mà là người không có lấy một ước mơ.* | **1,0** |
| **2** | Nội dung chính của đoạn trích:  - Sự khâm phục của tác giả về niềm tin vào bản thân và ý chí, lòng quyết tâm thực hiện ước mơ của cậu bé phụ hồ nghèo.  - Lời khuyên của tác giả đối với mọi người đặc biệt là thế hệ trẻ: cần phải có ước mơ và luôn theo đuổi ước mơ để không bao giờ phải nuối tiếc. Đặc biệt là hãy tìm ra và đánh thức ước mơ cháy bỏng nhất ẩn sâu trong trái tim mình. | **1,0** |
| **3** | HS có thể giải thích theo những ý sau:  - Chúng ta là người hoàn toàn chủ động tạo dựng, vẽ lên cuộc sống của chính mình, sống cuộc đời mà mình mong muốn cũng giống như người họa sĩ chủ động sáng tạo suy ngẫm về điều mình muốn vẽ, màu sắc, chất liệu…  - Cuộc đời của mỗi người chính là bức tranh đa sắc màu mà ta vẽ lên trong suốt cả một hành trình. Vì vậy, để bức tranh ấy trở nên đẹp đẽ, có giá trị ta cần phải biết đánh thức những ước mơ trong trái tim mình. | **2,0** |
| **4** | *HS có thể dựa vào những gợi ý dưới đây để hoàn thành đoạn văn của mình.*  - Thông điệp có ý nghĩa nhất:  + Niềm tin vào bản thân để thực hiện ước mơ.  + Luôn biết nuôi dưỡng và không ngừng theo đuổi ước mơ.  - HS nêu rõ vì sao thông điệp đó có ý nghĩa nhất đối với bản thân một cách thuyết phục. | 2,0 |
| **II**  **TẠO LẬP VĂN BẢN** | **1** | **Viết đoạn văn** | **4,0** |
| **a** | Đảm bảo cấu trúc đoạn văn nghị luận khoảng 200 chữ, có đủ các phần mở đoạn, phát triển đoạn, kết đoạn; lập luận thuyết phục, có lí lẽ và dẫn chứng cụ thể. | **0,25** |
| **b** | Xác định đúng vấn đề nghị luận. | **0,25** |
| **c** | *Triển khai vấn đề nghị luận*  Học sinh lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận theo nhiều cách nhưng phải làm sáng tỏ vấn đề.Có thể theo hướng sau:  **1.Giải thích vấn đề:**  + *Hạnh phúc:* là niềm vui khi con người đạt được những điều mong ước trong cuộc sống(tình yêu thương, học vấn, sự nghiệp, gia đình…).  + *Hạnh phúc giữ trong tay chỉ là hạt:* Niềm vui sướng của con người chưa thực sự có ý nghĩa, có giá trịkhi mỗi người giữ nó cho riêng mình.  *+ Hạnh phúc mang ra san sẻ mới trổ hoa:* Niềm vui sướng của con người chỉ thực sự có ý nghĩa, có giá trị và làm đẹp cho đời khi mỗi người biết san sẻ.  -> Đề cao lối sống đồng cảm, chia sẻ.  **2. Phân tích, bàn luận:**  + Khi chưa được chia sẻ, những giá trị mà mình có được chỉ thỏa mãn cho cá nhân nên hạnh phúc ấy nhỏ nhoi, hạn hẹp, chưa mang lại nhiều ý nghĩa lớn lao cho cuộc đời*.(HS lấy dẫn chứng trong đời sống: người cá nhiều may mắn, thành công nhưng sống ích kỉ; thờ ơ, vô cảm với những người kém may mắn hơn mình).*  + Khi được sẻ chia, hạnh phúc của cá nhân sẽ đem đến cho mọi người niềm vui và những giá trị có ý nghĩa. Người chia sẻ niềm vui, hạnh phúc cũng nhận được tình cảm yêu thương, quý trọng của mọi người. Từ đó mà niềm vui được nhân lên. Cuộc sống sẽ ngày càng đẹp hơn*.(HS lấy dẫn chứng trong đời sống).*  + Biết chủ động sẻ chia niềm vui, quan tâm đến những người xung quanh không có nghĩa là để cho lòng tốt của bản thân bị lợi dụng.  + Phê phán lối sống ích kỉ, chỉ biết đến quyền lợi và hạnh phúc của riêng mình.  **3. Bài học nhận thức và hành động:**  +Rèn luyện cho mình lối sống: biết đống cảm, thấu hiểu, sẻ chia.  +Luôn có ý thức tu dưỡng, rèn luyện lối sống vì người khác. | **1,0**  **1,5**  **0,5**  **0,5**  **0,25**  **0,25**  **0,5** |
| **d** | *Sáng tạo:* Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng về vấn đề nghị luận. | **0,25** |
| **e** | *Chính tả, dùng từ, đặt câu:*Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa Tiếng Việt. | **0,25** |
| **2** | **Bài nghị luận văn học** | **10,0** |
|  | Đảm bảo cấu trúc một bài văn nghị luận:  - Có đầy đủ mở bài, thân bài, kết bài. Mở bài giới thiệu được vấn đề; Thân bài triển khai được vấn đề; Kết bài khái quát được vấn đề.  - Đảm bảo đúng quy tắc về chuẩn chính tả, dùng từ, đặt câu.  Xác định đúng vấn đề nghị luận: chất thơ trong truyện ngắn *“Tôi đi học”* | **0,5** |
| *Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; thể hiện sự cảm nhận sâu sắc và vận dụng tốt các thao tác lập luận, có sự kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. Học sinh có thể giải quyết vấn đề theo hướng sau:* |  |
| **1. Giải thích:**  - Giải thích khái niệm, từ ngữ:  + Khái niện *văn xuôi* ở đây chỉ tác phẩm tự sự, thể loại văn học phản ánh đời sống trong toàn bộ tính khách quan của nó, qua hệ thống các sự kiện, biến cố, với các tình tiết, chi tiết, các nhân vật cụ thể sống trong không gian và thời gian nhất định.  + *Thơ* là thể loại trữ tình, phản ánh thế giới nội tâm con người bằng thứ ngôn ngữ tinh luyện, hàm súc, giàu hình ảnh và nhịp điệu.  + *Hồn thơ* hay *chất thơ* được hiểu là tính chất trữ tình - tính chất được tạo nên từ sự hoà quyện giữa những khám phá về vẻ đẹp cuộc sống, vẻ đẹp của cảm xúc, tâm trạng với vẻ đẹp của hình thức nghệ thuật.  => Ý kiến của Tô Hoài đã khẳng định vai trò quan trọng của *hồn thơ*, chất thơ trong văn xuôi. Theo nhà văn, văn xuôi thấm đượm *hồn thơ* mới *trong sáng cất cao,* mới thực sự là văn xuôi nghệ thuật, có sức mạnh thúc gọi, dẫn dắt, bồi đắp những tư tưởng, tình cảm nhân văn cho tâm hồn bạn đọc. | **0,5** |
| **2. Làm sáng tỏ ý kiến qua tác phẩm *Tôi đi học* của Thanh Tịnh**  ***\**** HS giới thiệu đôi nét về tác giả Thanh Tịnh và truyện ngắn *Tôi đi học*  ***a. Tôi đi học*là áng văn xuôi *đượm hồn thơ*:**  ***\* Đề tài đậm chất thơ:***  **-** Truyện viết về đề tài mái trường, cụ thể là kỉ niệm ngày đầu tiên đi học thường để lại ấn tượng sâu đậm, khó quên.  - Đề tài gắn liền mái trường, với tuổi thơ là những gì vô tư, trong sáng, đẹp đẽ nhất khác với các loại đề tài: chiến tranh, thế sự…  =>Đề tài giúp tác giả có điều kiện phát triển mạch trữ tình và chất thơ trong tác phẩm.  ***\* Chất thơ tỏa ra từ dòng hồi tưởng của nhân vật tôi trong ngày tựu trường đầu tiên.***  *-*Trên đường tới trường.  **-** Đến sân trường.  **-** Vào lớp học  ->*Tôi đi học* êm dịu như một bài thơ mà ở đó mỗi dòng văn là một tâm tình, một kí ức ngọt ngào cùng với những tình cảm trong sáng làm nên chất thơ cho tác phẩm.  ***\* Chất thơ tỏa ra từ vẻ đẹp nghệ thuật của tác phẩm:***  ***- Cốt truyện:***  +Tác phẩm gần như không có cốt truyện, không có những xung đột kịch tính không gây sự hồi hộp, căng thẳng cho người đọc.  +Không xuất hiện nhiều nhân vật, không có nhiều lời thoại.  ***- Giọng điệu:***  Không xuất hiện các giọng điệu thường gặp trong truyện ngắn như: chế giễu; đau buồn; bất bình; triết lí…Chủ yếu *Tôi đi học* là giọng điệu tâm tình, êm ái  ***- Hình ảnh:*** đều mang đặc điểm chung: đẹp, lãng mạn và thi vị  + Các hình ảnh giàu chất thơ thường xuyên xuất hiện.  + Nhiều hình ảnh so sánh đẹp, gợi cảm.  **- *Từ ngữ và câu văn:***  **+** Từ ngữ: số lượng từ láy lớn, sử dụng nhiều tính từ, lời văn dung dị.  + Câu văn: với những câu văn dài tạo nên nhịp điệu êm ái.  ***Lưu ý***: *Thí sinh cần lựa chọn dẫn chứng tiêu biểu để phân tích.*  **b. Chất thơ đã góp phần làm cho *Tôi đi học* trong sáng cất cao:**  **-** Chất thơ giúp cho chủ đề truyện được thể hiện rõ nét và sâu sắc; truyền thấm vào lòng người đọckỉ niệm trong sáng của tuổi học trò, nhất là buổi tựu trường đầu tiên thường được ghi nhớ mãi.Thanh Tịnh đã diễn tả tinh tế cảm xúc này qua dòng cảm nghĩ trong trẻo của nhân vật “tôi” về những kỉ niệm ngày đầu tiên đi học.  **-** Chất thơ làm nên sự đặc sắc trong văn phong và khẳng định sự tìm tòi, sáng tạo trong nghệ thuật của tác giả. Từ đó, hình thành nên một nét phong cách nghệ thuật độc đáo của Thanh Tịnh. | **6,0**  ***0,5***  ***5,0***  0,5  3,0  1,5  ***0,5*** |
|  | **3. Liên hệ:** Chất thơ trong đoạn trích *Trong lòng mẹ* được thể hiện ở các yếu tố sau:  - Câu chuyện được kể qua sự hồi tưởng, dòng cảm xúc với nhiều cung bậc tình cảm đan xen.Đặc biệt, xuyên suốt đoạn trích là tình yêu thương mãnh liệt của chú bé đối với người mẹ bất hạnh của mình.(Phân tích dẫn chứng)  - Chất trữ tình còn được thể hiện ở những hình ảnh so sánh đặc sắc (dẫn chứng), ở lời văn nhiều khi mê say, dào dạt khác thường (Đoạn cuối: *Phải bé lại….êm dịu vô cùng*)  => Chất thơ trong đoạn trích xuất phát tự một trái tim nhạy cảm, dễ bị tổn thương, dễ rung động đến cực điểm về nỗi đau và niềm hạnh phúc.  **4. Đánh giá:**  Hai văn bản cùng là dòng hoài niệm về những kỉ niệm ấu thơ, đều có sự kết hợp hài hòa giữa tự sự và trữ tình.*Tôi đi học* bố cục theo dòng hồi tưởng, đan xen giữa hiện tại và quá khứ; ngôn ngữ diễn tả tinh tế, giàu nhạc điệu, đượm chất thơ. Còn*Trong lòng mẹ* (Trích *Những ngày thơấu*) thể hiện phong cách viết của Nguyên Hồng trong thể loại hồi kí, lời văn tự truyện chân thành giàu sức truyền cảm. | **2,0**  **1,0** |

**Lưu ý:***Giám khảo vận dụng hướng dẫn chấm phải chủ động, linh hoạt, tránh cứng nhắc, máy móc và phải biết cân nhắc trong từng trường hợp cụ thể để ngoài việc kiểm tra kiến thức cơ bản, giám khảo cần phát hiện và trân trọng đối với những bài làm thể hiện được tố chất của một học sinh giỏi( kiến thức vững chắc, có năng lực cảm thụ sâu sắc, tinh tế, kĩ năng làm bài tốt, diễn đạt có cảm xúc, có giọng điệu riêng…) đặc biệt khuyến khích những bài làm có sự sáng tạo, phong cách.*

*\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_Hết\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_*

|  |  |
| --- | --- |
| ***Đề 22 .***  **ĐỀ THI CHÍNH THỨC** | **HỌC SINH GIỎI LỚP 8 CÁC MÔN VĂN HÓA CẤP TỈNH**  Năm học: 2021 - 2022  Môn thi: Ngữ Văn  Thời gian: 150 phút *(không kể thời gian giao đề)*  *(Đề thi này gồm có 01 trang)* |

**I. PHẦN ĐỌC HIỂU (6điểm):**

Đọc đoạn trích sau đây và thực hiện các yêu cầu:

*“Mảnh hồn làng trong em*

*Là bà*

*Là cha, là mẹ*

*Là ngọt bùi củ sắn, mớ khoai*

*Là mùi mồ hôi ngai ngái trên vai cha*

*Là hương sữa lúa đọng trên tà áo mẹ*

*Là làn da ngăm đen vì nắng gió miền Trung*

*Là tiếng đặc trưng “mô, tê, răng, rứa...”*

*Và con luôn thầm hứa*

*Mãi giữ mảnh hồn làng huyền bí trong tim”*

( “*Mảnh hồn làng*” – Thanh Hoa)

***Câu 1 (1điểm)***:Xác định thể thơ và phương thức biểu đạt chính của đoạn trích?

***Câu 2 (1điểm)***: Mảnh hồn làng trong con là những gì?

***Câu 3 (2điểm)***: Phân tích tác dụng của những biện pháp tu từ nổi bật được sử dụng trong đoạn thơ?

***Câu 4 (2điểm):*** Thông điệp mà tác giả muốn gửi gắm trong câu thơ cuối là gì? Em hãy trình bày bằng một đoạn văn khoảng 7 dòng!

**PHẦN II. TẠO LẬP VĂN BẢN (14,0 điểm)**

*Câu 1 (4,0 điểm):*Em hãyviết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của em về câu nói: **“Người ta có nhiều nơi để đến nhưng chỉ có một chốn để quay về: gia đình”**

***Câu 2 (10 điểm):***

Trong bài viết đôi điều về truyện ngắn, nhà văn Nguyễn Minh Châu cho rằng: **Cuối cùng truyện ngắn cũng như tiểu thuyết, điều chính yếu là qua nhân vật mà người viết đàm luận với người đọc về vai trò và số phận con người sống giữa xã hội và cuộc đời.**

Em hiểu ý kiến trên như thế nào? Qua văn bản *Lão Hạc*  của Nam Cao (Ngữ văn 8, Tập 1), liên hệ với văn bản *Chiếc lá cuối cùng* của O. Hen-ri (Ngữ văn 8, tập 1) em hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.

---------------- Hết ---------------

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Phần | Nội dung | Điểm |
| I. **Đọc hiểu** | **Câu 1:**  - Thể thơ: Tự do  - Phương thức biểu đạt: Biểu cảm | 0,5  0,5 |
| **Câu 2:**  - Mảnh hồn làng trong con là: bà, mẹ, cha, củ sắn, mớ khoai, mồ hôi cha, hương sữa lúa...  - Đó là những gì thân quen, gần gũi với mỗi con người. | 0,5  0,5 |
| **Câu 3:**  **-** Biện pháp tu từ nổi bật được sử dụng trong đoạn thơ:  + Điệp từ “là”.  + So sánh: So sánh cái trừu tượng với cái cụ thể (Mảnh hồn làng với bà, cha, mẹ...)  + Liệt kê các hình ảnh thân thuộc, gần gũi, thiêng liêng...  - Phân tích tác dụng cần hướng tới các ý sau:  + Việc kết hợp các biện pháp nghệ thuật trên trong một đoạn thơ thể hiện những rung cảm tinh tế, chân thành, mãnh liệt của tác giả khi nghĩ về “mảnh hồn làng”; về quê hương, xứ sở, là nơi chôn rau cắt rốn của mỗi con người.  + Vừa mang ý nghĩa khẳng định bởi các điệp từ trùng điệp, các hình ảnh liệt kê, so sánh bình dị, thân quen, giúp mỗi người nhận ra rằng cái hồn vía riêng của mỗi làng quê chính là những điều bình dị, mến thương đang hiện hữu quanh ta. | 0.25  0.25  0.25  0.75  0.5 |
| **Câu 4:** *Thông điệp mà tác giả muốn gửi gắm qua câu thơ cuối:*  - Biết lưu giữ “*mảnh hồn làng huyền bí trong tim*” là biết nâng niu, trân trọng những người thân ruột thịt, những con người yêu thương, gần gũi, hiểu được cả nỗi nhọc nhằn, vất vả của cha mẹ.  - “*Mảnh hồn làng*” là nơi chắp cánh để ta đi xa, giúp ta “chân cứng đá mềm” trong hành trình dài rộng của cuộc đời nhưng cũng là nơi vẫy gọi ta về.  - “*Mãi giữ mảnh hồn làng huyền bí trong tim*” là tình yêu, sự gắn bó máu thịt với quê hương, xứ sở, mà nói rộng ra là tình yêu Tổ Quốc dạt dào.  - Phê phán những kẻ “*lai căng*” học đòi, tiếp thu văn hóa, tiếp thu cái mới không chọn lọc trong cuộc sống hiện nay. | 0.5  0.5  0.5  0.5 |
| ***II. Làm văn*** | **Câu 1:** |  |
| 1. Đảm bảo cấu trúc đoạn văn nghị luận: Có câu mở đoạn, các câu phát triển ý và câu kết đoạn. Đảm bảo số lượng chữ phù hợp với yêu cầu (khoảng 200 chữ), không quá dài hoặc quá ngắn. | *0,25* |
| 2. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận:“Người ta có nhiều nơi để đến nhưng chỉ có một chốn để quay về: gia đình” |  |
| 3. Triển khai vấn đề nghị luận thành một đoạn văn hoàn chỉnh, lôgic; vận dụng tốt các thao tác lập luận; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; rút ra được bài học cho bản thân. |  |
| a. Giới thiệu vấn đề cần nghị luận: | *0,25* |
| b. Phân tích, bàn luận vấn đề: |  |
| \* Trong cuộc sống, con người ta có nhiều nơi để đến bởi mỗi người luôn được đặt trong nhiều mối quan hệ, nhiều công việc cần phải giải quyết; mỗi người cũng có những ước mơ, những dự định… họ đi nhiều nơi, khám phá nhiều điều, có trải nghiệm, nhiều niềm vui, niềm hạnh phúc và cả những nỗi buồn. | *0,25* |
| \* Người ta có nhiều nơi để đến nhưng chỉ có một chốn để quay về: gia đình:  - Những nơi ta đến chủ yếu để giải quyết những yêu cầu của công việc, cuộc sống, ta không thể ở mãi nơi đó nhưng gia đình là nơi ta gắn bó cả cuộc đời mình, từ lúc sinh ra, lớn lên và trưởng thành.  - Nhiều nơi ta đến nhưng không phải nơi nào cũng đem lại cho ta niềm vui mà ngược lại, nhiều nơi còn tạo cho ta áp lực nhưng gia đình luôn đón đợi ta sau những bộn bề của cuộc sống; trở về với mái ấm gia đình, ta sẽ tìm thấy sự bình yên, sự động viên, san sẻ của các thành viên trong gia đình.  - Nhiều nơi ta đến có thể đem đến cho ta sự thành công và cả những thất bại nhưng gia đình sẽ xoa dịu tất cả, chia sẻ niềm vui, vơi bớt nỗi buồn.  - Những nơi ta đến, những người ta gặp có thể đối xử với ta không thật lòng nhưng trong gia đình, ta luôn được đón nhận tình cảm yêu thương chân thành, đó là động lực, là điểm tựa tinh thần để ta qua khó khăn, đạt được ước mơ của mình.  - Nhiều nơi ta đến sẽ có nhiều cám dỗ nhưng điểm tựa gia đình sẽ giúp ta vượt qua những cám dỗ đó để sống mạnh mẽ hơn, bản lĩnh hơn. | *2,5* |
| \* Bài học nhận thức và hành động: Gia đình có một vị trí quan trọng trong cuộc đời mỗi con người nhưng không phải ai cũng hiểu được điều đó mà nhiều người vẫn muốn đi nhiều nơi và ngại trở về, chưa biết trân trọng hạnh phúc gia đình và tình cảm gia đình. | *0,25* |
| \* Liên hệ bản thân: trân quý gia đình, có những việc làm cụ thể góp phần xây dựng gia đình hạnh phúc… | *0,25* |
| c. Có cách diễn đạt mới mẻ, thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu. | *0,25* |
| **Câu 2:** |  |
| **1. Yêu cầu về kĩ năng:** Học sinh hiểu đúng yêu cầu của đề bài, có kĩ năng làm bài văn nghị luận văn học. Bố cục bài viết chặt chẽ, luận điểm, luận cứ rõ ràng; diễn đạt sáng rõ, lưu loát, có cảm xúc; không mắc lỗi chính tả, lỗi dùng từ và đặt câu… | *0,5* |
| **2. Yêu cầu về kiến thức:** HS có thể trình bày nhiều cách khác nhau, có thể có những cảm nhận riêng, miễn là phù hợp với yêu cầu của đề và cần đảm bảo những nội dung cơ bản sau: | 9,5 |
| **2.1. Mở bài:** Nêu vấn đề nghị luận, trích dẫn ý kiến, Giới hạn phạm vi dẫn chứng: hai văn bản *Lão Hạc* và *Chiếc lá cuối cùng*. | 0,5 |
| **2.2. Thân bài:**  **a. Giải thích ý kiến:**  *Truyện ngắn* là thể loại tự sự cỡ nhỏ cũng giống như tiểu thuyết (thể loại tự sự cỡ lớn), truyện ngắn có khả năng đề cập, khái quát những vấn đề lớn của xã hội. Rõ ràng truyện ngắn có dung lượng nhỏ nhưng sức chứa lớn.  - *Nhân vật* là hình tượng nghệ thuật được nhà văn xây dựng để phản ánh hiện thực và bộc lộ tư tưởng.  - *Người viết đàm luận với người đọc về vai trò và số phận con người sống giữa xã hội và cuộc đời*: qua hình tượng nghệ thuật nhà văn thể hiện cái nhìn, thái độ, gửi gắm tư tưởng, quan niệm, triết lí về con người và xã hội.  => Nguyễn Minh Châu khẳng định nhân vật có vai trò quan trọng bậc nhất trong việc thể hiện nội dung, tư tưởng, quan điểm và tiếng nói đối thoại của nhà văn, đặc biệt là ở thể loại truyện ngắn. | 1,0 |
| **b. Chứng minh qua truyện ngắn “Lão Hạc”.**  \* Truyện ngắn*Lão Hạc* viết về cảnh ngộ của người nông dân qua nhân vậtLão Hạc:  - Hoàn cảnh sống:  + Sống mòn mỏi cơ cực (dẫn chứng...)  + Chết đau đớn, dữ dội, thê thảm (dẫn chứng...)  - Phẩm chất: sống lương thiện, trung thực, có nhân cách cao quý (dẫn chứng...).  -> Sự cảm thông, thấu hiểu với cảnh ngộ và phát hiện, ngợi ca những phẩm chất tốt đẹp của người nông dân.  \* Qua nhân vật ông giáo, Nam Cao thể hiện bi kịch của người trí thức nghèo và bộc lộ cái nhìn về con người, cuộc đời:  - Ông giáo là người có nhiều chữ nghĩa có nhân cách đáng trọng ... nhưng phải sống trong cảnh nghèo túng: bán những cuốn sách...  - Cái nhìn về con người, cuộc đời: tấm lòng thấu hiểu, đồng cảm, trân trọng đối với người trí thức nghèo.  =>*Lão Hạc* là một truyện ngắn có ý nghĩa tư tưởng sâu sắc, rộng lớn. Với lão Hạc và ông giáo, Nam Cao đã thể hiện cái nhìn tinh tế và trái tim yêu thương trân trọng con người của mình | 5,0đ  3,0đ  2,0đ |
| **c. Liên hệ với truyện ngắn “Chiếc lá cuối cùng”**.  \* Truyện ngắn *Chiếc lá cuối cùng* viết về số phận của những người họa sĩ nghèo: họ phải trải qua cuộc sống nhàm chán, u tối, những lo toan vật chất đã vắt kiệt sức sáng tạo nghệ thuật. Họ cần phải sống trước khi có thể vẽ -> đó là quy luật nghiệt ngã.  \* Những con người nghèo khổ, song lại có tâm hồn đẹp tựa như viên ngọc trai bất chấp cái xấu xa của cuộc đời.  =>Nói về cái chết nhưng lại khơi gợi sự sống, nói về những điều giản dị, nhẹ nhàng nhưng lại gợi về sự hi sinh cao cả. Chiếc lá cuối cùng là bản giao hưởng được dệt nên bởi niềm tin, khát vọng và tình người. Đó chính là thông điệp mà nhà văn muốn gửi tới người đọc. | 2,0 |
| **d. Đánh giá chung**  - Hai tác phẩm đều khắc họa những số phận bi kịch...-> giá trị hiện thực sâu sắc. Các nhà văn đồng cảm, chia sẻ, cất tiếng nói đòi quyền sống cho con người với tinh thần nhân đạo cao cả....truyền cho chúng ta sự cảm thông trân trọng...  - Tuy vậy, mỗi nhà văn có cách nhìn riêng: Nam Cao băn khoăn trăn trở về số phận của người nông dân, người trí thức nghèo trước cách mạng. O. Hen-ri lại băn khoăn trăn trở về số phận của những người họa sĩ nghèo. | 0,5 |
| **3.Kết bài:**  - Khẳng định lại vấn đề...  - Liên hệ... | *0,5* |
|  |  |

**Lưu ý chung:**

*1. Đây là đáp án mở, thang điểm có thể không quy định chi tiết đối với từng ý nhỏ, chỉ nêu mức điểm của phần nội dung lớn nhất thiết phải có.*

*2. Chỉ cho điểm tối đa theo thang điểm với những bài viết đáp ứng đầy đủ những yêu cầu đã nêu ở mỗi câu, đồng thời phải được triển khai chặt chẽ, diễn đạt lưu loát, có cảm xúc.*

*3. Khuyến khích những bài viết có sáng tạo. Chấp nhận bài viết không giống đáp án, có những ý ngoài đáp án nhưng phải có căn cứ xác đáng và lí lẽ thuyết phục.*

*4. Không cho điểm cao đối với những bài chỉ nêu chung chung, sáo rỗng.*

*5. Cần trừ điểm đối với những lỗi về hành văn, ngữ pháp và chính tả.*

**BÀI 1: VĂN BẢN TRUYỆN KÍ VN HIỆN ĐẠI**

**TÔI ĐI HỌC**

**Thanh Tịnh**

**I.Khái quát về văn học VN từ đầu thế kỉ XX- CMT8-1945**

**A. Mục tiêu cần đạt** :

+ HS nắm được một cách khái quát về hoàn cảnh lịch sử , tình hình xã hội ,tình hình phát triển văn học và những thành tựu nổi bật của thời kỳ văn học này .

+ HS hiểu khái quát những nét chính về nội dung , nghệ thuật tiêu biểu ở từng giai đoạn văn học .

+ Luyện các kỹ năng phân tích , biình giảng các chi tiết , các hình ảnh thơ có trong các văn bản thể hiện chủ đề nội dung tư tưởng .

+ Lập dàn ý theo các kiểu văn bản theo yêu cầu của đề ra sau khi đã tìm hiểu xong văn bản + Giáo dục cho HS tình yêu quê hương đất nước , lòng căm thù giặc ngoại xâm , có sự đồng cảm với số phận những người cùng khổ trong xã hội .

**B. Nội dung bài học** :

**1. Về tình hình xã hội và văn hoá** :

**a.Hoàn cảnh lịch sử và xã hội** :

- Thực dân Pháp đặt xong được ách đô hộ vào Việt Nam và tiến hành khai thác thuộc địa . Xã hội Việt Nam từ xã hội phong kiến chuyển sang xã hội thực dân nửa phong kiến .

- Sự thay đổi lớn lao về chế độ xã hội ấy kéo theo sự thay đổi về cơ cấu giai cấp , ý thức hệ văn hoá khá sâu sắc và nhanh chóng .

- Mâu thuẫn giữa dân tộc ta với thực dân Pháp ,giữa nhân dân ta với (chủ yếu là nông dân ) với phong kiến ngày càng trở nên sâu sắc và quyết liệt .

\* văn học Việt Nam từ đầu thế kỷ XX đến cách mạng tháng Tám 1945 sẽ phát triển trong điều liện xã hội mới và tình hình văn hoá mới .

**b.Tình hình văn hoá** :

- Nền văn hoá phong kiến cổ truyền ( từng gán bó với văn hoá khu vực Đông Nam á , đặc biệt là gắn bó với văn hoá Trung Hoa , với nền Hán học ) bị nền van hoá tư sản hiện đại ( đặc biệt là văn hoá Pháp ) nhanh chóng lấn át. Chế đọ thi cử chữ Hán bị bãi bỏ ( bỏ các kỳ thi hương ở Bắc kỳ nam 1915 ,ở trung kỳ năm 1918 ).

- Tầng lớp trí thức nho sĩ phong kiến là trụ cột của nền văn hoá dân tộc suốt thời trung đại nay đã hết thời không được coi trọng nữa . Tầng lớp trí thức Tây học thay thế tầng lớp nho sĩ cũ , trở thành đội quân chủ lực làm nên bộ mặt văn hoá Việt Nam nửa đầu thế kỷ XX .

- Đời sống văn học , phương tiện văn học có những thay đổi lớn : một tầng lớp công chúng mới có thị hiếu thẩm mỹ , có nhu cầu văn học mới xuất hiện . Một thế hệ nhà văn mới ra đời , có điệu sống mới , cảm xúc mới , vốn văn hoá nghệ thuật mới , khác nhiều so với văn sĩ , thi sĩ Nho gia ngày xưa .

**2 .Tình hình văn học** :

**a. Quá trình phát triển của văn học từ đầu thế kỷ XX đến cách mạng tháng Tám 1945**

- Văn học chia ra làm ba chặng lớn :

+ Hai thập kỷ đầu của thế kỷ XX .

+ Những năm 20 của thế kỷ XX .

+ Từ đầu những năm 30 đến cách mạng tháng Tám 1945 .

- Văn học gồm hai khu vực :

+ Văn học hợp pháp :tồn tại và phát triển trong vòng pháp luật của chính quyền thống trị đương thời ( thơ văn của Tản Đà ,của Hồ Biểu Chánh ..

+ Văn học bất hợp pháp :văn học yêu nước và cách mạng ( thơ văn Phan Bội Châu ,Phan Châu Trinh , Hồ Chí Minh …

-Văn học phát triển theo ba trào lưu chính :  
 + Văn học yêu nước và cách mạng .

+Văn học viết theo cảm hứng hiện thực .

+Văn học viết theo cảm hứng lãng mạn

\* Văn học thời kỳ này bắt đầu và hoàn thành qúa trình đổi mới văn học diễn ra ở mọi phương diện , mọi thể loại .

+ Nội dung : Đổi mới trên các mặt : tư tưởng ,tình cảm ,cảm xúc ,tâm hồn , cách cảm, cách nghĩ …của các nhà văn , nhà thơ trước cuộc đời , trước đất nước , trước con người và cả trước nghệ thuật . Ví dụ như khi nói về đất nước là nói đến nước là gắn với dân : “dân là sân nước , nước là nước dân ” , còn nòi về con người , bên cạnh con người xã hội , con người công dân còn phải nói đến con người tự nhiên , con người cá nhân .

+ Hình thức : đó là việc thay đổi về chữ viết ( chữ quốc ngữ ) , xuất hiẹn nhiều thể loại văn học mới , viết theo lối mới . Bên cạnh đó còn có sự đổi mới về ngôn ngữ : mang tính cá thể ,gắn với đời sống bình thường , có tính dân tộc đậm đà hơn .

**Văn bản : Tôi đi học**

**1.Vài nét về tác giả - Tác phẩm**

**\*Tác giả.**

- Thanh Tịnh sinh năm 1911, mất năm 1988. Tên khai sinh là Trần Văn Ninh. Trước năm 1946 ông vừa dạy học, vừa làm thơ. Ông có mặt ở trên nhiều lĩnh vực : Thơ, truyện dài, ca dao, bút ký....nhưng thành công hơn cả là truyện ngắn

Truyện ngắn của ông trong trẻo mà êm dịu. Văn của ông nhẹ nhàng mà thấm sâu, mang dư vị man mác buồn thương, vừa ngọt ngào, vừa quyến luyến

Ông để lại sự nghiệp đáng quý:

+ Về thơ: Hận chiến trường, sức mồ hôi, đi giữa mùa sen.

+ Truyện: Ngậm ngải tìm trầm, Xuân và Sinh

**\* Tác phẩm:**

- Tôi đi học in trong tập truyện ngắn Quê mẹ(1941), thuộc thể loại hồi ký: ghi lại những kỷ niệm đẹp của tuổi thơ trong buổi tiu trường

**2.Phân tích tác phẩm**

**a.Tâm trạng của chú bé trong buổi tựu trường**

**\*Trên đường tới trường:**

- Là buổi sớm đầy sương thu và gió lạnh chú bé cảm thấy mình trang trọng và đứng đắn trong chiếc áo vải dù đen dài – Lòng chú tưng bừng, rộn rã khi được mẹ âu yếm nắm tay dắt di trên con đường dài và hẹp – Cậu bé cảm thấy mình xúc động, bỡ ngỡ, lạ lùng – Chú suy nghĩ về sự thay đổi – Chú bâng khuâng thấy mình đã lớn.

**\*Tâm trạng của cậu bé khi đứng trước sân trường**

- Ngạc nhiên, bỡ ngỡ, vì sân trường hôm nay thật khác lạ, đông vui quá - Nhớ lại trước đây thấy ngôi trường cao ráo sạch sẽ hơn các nhà trong làng. Nhưng lần này lại thấy ngôi trường vừa xinh xắn, oai nghiêm đĩnh đạc hơn – Chú lo sợ vẩn vơ, sợ hãi khép nép bên người thân – Chú cảm thấy trơ trọi, lúng túng, vụng về.... – Khi nghe ông đốc gọi tên, chú bé giật mình, lúng túng , tim như ngừng đập ... oà khóc nức nở.

***\**Tâm trạng của cậu bé khi dự buổi học đầu tiên.**

- Khi vào lớp học, cảm xúc bâng khuâng, hồi hộp dâng lên man mác trong lòng cậu . Cậu cảm thấy một mùi hương lạ bay lên. Thấy gì trong lớp cũng lạ lạ hay hay rồi nhìn bàn ghế rồi lạm nhận đó là của mình.

**b. Hình ảnh người mẹ**

- Hình ảnh người mẹ là hình ảnh thân thương nhất của em bé trong buổi tựu trường. Người mẹ đã in đậm trong những kỷ niệm mơn man của tuổi thơ khiến cậu bé nhớ mãi. Hình ảnh người mẹ luôn sánh đôi cùng nhân vật tôi trong buổi tựu trường. Khi thấy các bạn mang sách vở, tôi thèm thuồng muồn thử sức mình thì người mẹ cúi đầu nhìn con, cặp mắt âu yếm, giọn nói dịu dàng “thôi để mẹ cầm cho ” làm cậu bé vô cùng hạnh phúc. Bàn tay mẹ là biểu tượng cho tình thương, sự săn sóc động viên khích lệ . Mẹ luôn đi sát bên con trai , lúc thì cầm tay, mẹ đẩy con lên phía trước , lúc bàn tay mẹ nhẹ nhàng xoa mái tóc của con....

**3.Cách xây dựng truyện**

1. Phương thức biểu đạt
2. Bố cục :

Đoạn 1: Từ đầu ...... rộn rã (Hồi tưởng kỷ niệm ngày đầu tiên tới trường)

Đoạn 2: Tiếp ......... ngọn núi(Kỷ niệm trên đường tới trường)

Đoạn 3: Tiếp ....... ngày nữa (Kỷ niệm trước sân trường)

Đoạn 4: Còn lại (Nhớ lại kỷ niệm trong buổi học đầu tiên)

**4.Chất thơ trong truyện ngắn**

1. Chất thơ được thể hiện trong cốt truyện: Dòng hồi tưởng, tâm trạng của nhân vật tôi ở những thời điểm khác nhau.
2. Chất thơ được thể hiện đậm đà qua những cảnh vật , tâm trạng, chi tiết dạt dào cảm xúc.
3. Giọng văn nhẹ nhàng, trong sáng, gợi cảm .
4. Chất thơ còn thể hiện ở những hình ảnh so sánh tươi mới giàu cảm xúc...

**.Bài tập:**

**Đề 1:** Hãy phân tích để làm sáng tỏ chất thơ của truyện “Tôi đi học” (Nâng cao ngữ văn trang 10)Để hiểu vì sao *Tôi đi học*là một truyện ngắn giàu chất thơ, chúng ta cần hiểu chất thơ là gì?

    Chất thơ là tính chất trữ tình – tính chất được tạo nên từ sự hoà quyện giữa vẻ đẹp của cảm xúc, tâm trạng, tình cảm với vẻ đẹp của cách biểu hiện nó để có thể khơi gợi những rung động thẩm mĩ và tình cảm nhân văn. Chất thơ là một thuật ngữ lý luận chỉ một phẩm chất đặc biệt của văn xuôi. Tác phẩm văn xuôi được xem là có chất thơ khi nội dung của nó đi sâu vào trạng thái cảm xúc, diễn tả diễn biến trong trạng thái chủ quan với những rung động tinh tế. Chất thơ còn nằm trong hình thức thể hiện. Đó là tính nhạc, sự hàm xúc của ngôn từ, đó là sự linh hoạt của các thủ pháp nghệ thuật tạo cho giọng văn, lời văn sức truyền cảm lớn. Một truyện ngắn (hoặc tác phẩm văn xuôi) được coi là giàu chất thơ khi mối bận tâm của người viết không đặt vào việc kể lại một biến cố, sự việc, hành động mà là việc làm bật lên một trạng thái của đời sống hoặc của tâm hồn con người.

 chất thơ trong Tôi đi học được biểu hiện một cách rõ nét, đậm đà qua cốt truyện, cảnh vật, tâm trạng, tình tiết,… vô cùng dào dạt và tràn đầy cảm xúc.

+ Trước hết, chất thơ được thể hiện ở chỗ truyện ngắn không có cốt truyện mà chỉ là dòng chảy cảm xúc, là những tâm tư tình cảm của một tâm hồn trẻ dại trong buổi khai trường đầu tiên với những cảm xúc ngọt ngào, man mác buồn nhưng cũng tưng bừng khi lần đầu tiên được cắp sách tới trường: “Hàng năm cứ vào cuối thu lá ngoài đường rụng nhiều và trên không có những đám mây bàng bạc, lòng tôi lại náo nức những kỷ niệm mơn man của buổi tựu trường… Buổi mai hôm ấy, một buổi mai đầy sương thu và gió lạnh, mẹ âu yếm nắm tay tôi dẫn đi trên con đường làng dài và hẹp”. Những câu văn trong sáng, gợi cảm và giầu chất thơ kiểu như thế này đã để lại những dấu ấn đậm nét trong hành trang tinh thần của nhiều thế hệ bạn đọc. Có thể dễ dàng tìm thấy nhiều câu văn, nhiều đoạn văn đẹp và tha thiết trong các trang viết của ông. Thanh Tịnh thuộc loại nhà văn viết không nhiều. Tác phẩm của ông không gây ra những choáng váng, đột ngột mà nhẹ nhàng thấm sâu. Chừng nào con người còn yêu thương cảm xúc, còn nặng lòng gắn bó với quê hương, đồng loại thì còn tìm thấy trong những trang viết của Thanh Tịnh mối dây đồng cảm và niềm an ủi. Con người trong

tình yêu, tình bạn, tình vợ chồng, cha con, con người với quê hương… tất cả đều được ngòi bút của ông trình bày một cách nhẹ nhàng, thanh thoát và đằm thắm.

**Đề 2:** Cảm nghĩ về truyện ngắn “Tôi đi học”

A. Mở bài: + Giới thiệu nhà văn Thanh tinhj và truyện ngắn tôi đi học + Dòng cảm xúc của nhân vật "tôi" : vẻ đẹp đáng yêu của tuổi thơ ngây

B. Thân bài: 1) tổng + Giới thiệu sơ lược nội dung truyện + Giọng kể chuyện trưc tiếp của nhà văn tạo cảm giác gần gũi với người đọc , giúp người đọc có cùng cảm giác với nhà văn .

2)Phân tich

a) ko gian con đường đến trường đc cảm nhận có nhiều điều khác lạ (so với lúc chua đi hoc ) . Cảm giác thick thú hôm nay tôi đi học . Chất thơ trư tình lan toa mạch văn

b) Cảm giác trang trọng và đứng đắn của "tôi" : đi học là tiếp xúc với 1 thề giới lạ , khác hẳn với đi chơi thả diều

c) Cảm nhận của tôi và các cậu bé khi vừa dến truềong : không gian ngôi trường tạo ấn tượng lạ lẫm và oai nghiêm , khiến cho các bạn hoc sinh cùng chung cảm giác choáng ngợp

d) hình ảnh ông đốc hiền tư và nhân hậu , nỗi sợ hãi nhỏ bé khi phải xa mẹ . Bởi thế khi nghe đến tên ko khỏi giật mình và lúng túng

e) khi vào lớp "Tôi" cảm thấy một cách tư nhiên , không khí gần gũi khi được tiếp xúc với bạn be cùng trang lúa . Bài học đầu đời và buổi học đầu tiên khơi dậy những ước mơ tương lai như cánh chim sẽ được bay vào khoảng trời rộnh .

3) Hợp

+ những cảm xúc hồn nhiên của ngày đầu tiên đi học là kỉ niệm đẹp đẽ và thiêng liêng của một đời người . giọng kể của nhà văn giúp ta dc sống cùng những ki niẹm

+ Chất thơ lan toa trong cach mieu ta , kể chuyện và khắc hoạ tâm lí đăc sác lam nên chất thơ trong trẻo --> đây la lời nhận xét sau khi đã lam các phần o trên , cảm nhan theo các trình tự o tren roi phàn cuối nay là hợp - nghia là hợp các ý dã nêu trên )

C) Kết bài : Nêu ấn tượng của bản thân về truyện ngắn (hoăc nêu những cảm nghĩ của nhân vật tôi trong sự liên hệ bản thân ) VD: mở bài : " Hang năm ,cư vào cuối thu ....những kỉ niệm mơn man của buổi tuuwj trường , những câu văn ấy của thanh tịnh trên văn đàn Vn hơn 60 năm rồi! thế nhưng "tôi đi hoc " vẫn là một trong những áng văn gợi cảm , trong trẻo đầy chất thơ của văn xuôi 

### **Đề 3:Đề bài**: Dàn ý Cảm nhận về truyện ngắn Tôi đi học

### **Bài làm**

**A. Mở bài:**

- Giới thiệu tác giả, tác phẩm: “Tôi đi học” là truyện ngắn nổi tiếng của nhà văn Thanh Tịnh.

- Khái quát nội dung, nghệ thuật chính của tác phẩm: Tác phẩm là dòng hồi tưởng về những kỉ niệm trong sáng của ngày đầu tiên đi học.

**B. Thân bài:**

*Luận điểm 1: Cảm nhận về nội dung: Diễn biến tâm trạng nhân vật “tôi” trong ngày đầu tiên đến trường*

\* Tâm trạng nhân vật tôi trên con đường tới trường

- Thiên nhiên: Những kỉ niệm của buổi tựu trường đầu tiên trong đời được nhân vật “tôi” nhớ lại là thời điểm cuối thu, cây cối đang mùa thay lá. Những chiếc lá khô xào xạc trên đường tưởng như vô tri vô giác ấy đã trở thành những màu sắc thông điệp, thanh âm riêng hối gọi lòng người nhớ về ngày khai trường đầu tiên.

- Con người: Hình ảnh trực tiếp tác động đến tác giả để tác giả nhớ tới buổi khai trường của chính mình đó là hình ảnh mấy em nhỏ rụt rè trong lần đầu tiên tới trường

- Tâm trạng nhân vật:

    + Nhớ về những kỉ niệm mơn man thuở bé của mình

    + Vui sướng, háo hức như buổi khai giảng của chính mình

- Những kỉ niệm của nhân vật tôi:

    + Tác giả nhớ rất rõ từng chi tiết trong khung cảnh trên con đường đến trường, sương thu và gió lạnh với con đường dài và hẹp dường như trở nên khác lạ trong đôi mắt trẻ thơ bởi một điều vô cùng đơn giản: “Hôm nay tôi đi học”.

    + Những suy nghĩ, hành động, từng cảm nhận về chính bản thân mình, từ bộ quần áo đến những hành trang mang theo đều cho thấy sự thay đổi, khôn lớn trong cậu bé nhưng đâu đó vẫn còn nét hồn nhiên, ngây thơ của một đứa trẻ lên 5.

\* Tâm trạng nhân vật “tôi” khi tập trung ở sân trường

- Cảm nhận của cậu học trò về ngôi trường đã có sự thay đổi rõ rệt, cậu vừa ngỡ ngàng, vừa cảm thấy nhỏ bé, lo sợ trước một ngồi trường đầy uy nghi, trang trọng trước mắt.

- Cả cậu bé và những người bạn xung quanh đều “như con chim con đứng bên bờ tổ, nhìn quãng trời rộng muốn bay, nhưng còn ngập ngừng e sợ”. Hình ảnh so sánh thể hiện sự hồn nhiên, ngây thơ trong tâm hồn cậu bé và tâm trạng lo sợ, hoang mang trong bước đi đầu tiên của cuộc đời.

- Những suy nghĩ, cảm nhận của cậu bé trước tất cả sự thay đổi, trước bạn bè, trước thầy cô vừa thể hiện sự hồn nhiên, ngây thơ, vừa bộc lộ tâm trạng bối rối, cảm xúc vừa háo hức vừa có chút bơ vơ, lạc lõng bởi đây là lần đầu tiên cậu xa mẹ.

\* Tâm trạng nhân vật khi vào lớp và học bài học đầu tiên

- Lớp học là một thế giới khác biệt, cách biệt với thế giới ở bên ngoài khung cửa. Ngồi trong lớp, cậu bé thấy xốn xang những cảm giác lạ và quen đan xen, trái ngược nhau bởi đó là giây phút sang trang của một tâm hồn trẻ dại, tạm biệt thế giới ấu thơ chỉ biết nô đùa, nghịch ngợm để bước vào thế giới tuổi học trò nghiêm chỉnh đầy khó khăn mà biết bao hấp dẫn.

⇒ Diễn biến tâm trạng nhân vật “tôi” để lại nhiều cảm xúc trong lòng người đọc, không chỉ bởi sự hồn nhiên, ngây thơ mà còn bởi nó khiến mỗi chúng ta nhớ về tuổi thơ của chính bản thân mình.

*Luận điểm 2: Cảm nhận về nghệ thuật*

- Nghệ thuật khắc họa tâm ký nhân vật vô cùng tinh tế

- Sự kết hợp giữa phương thức tả và kể giúp cho cảm xúc, tâm trạng nhân vật được thể hiện một cách tự nhiên hợp lí.

**C. Kết bài:**

- Khẳng định lại giá trị tác phẩm: “Tôi đi học” không chỉ hấp dẫn người đọc ở nghệ thuật kể chuyện, xây dựng hình ảnh, mà còn khơi gợi trong mỗi chúng ta những kỉ niệm riêng, đẹp đẽ, trong sáng của ngày tựu trường.

**Đề 3**: Tìm những nét tương đồng trong cảm xúc của nhà thơ Huy Cận trong bài “Tựu tr­]ờng” và nhà văn Thanh Tịnh trong “Tôi đi học”.

B. PHƯƠNG PHÁP

1. Tài liệu tham khảo: Nâng cao NV8

- Các bài viết về đoạn trích “Tôi đi học”.

2. Đề văn nghị luận, chứng minh, tự sự, cảm nhận về 1 đoạn văn.

" Không biết bao nhiêu thế hệ học trò đã từng đọc, từng học và từng nhầm lẫn một cách rất đáng yêu rằng truyện ngắn “Tôi đi học” của nhà văn Thanh Tịnh chính là bài tâp đọc đầu tiên của mình. Sự nhầm lẫn vô lí mà lại hết sức có lí. Vô lí vì bài tập đọc đầu tiên hẳn phải là các câu văn, đoạn văn hay bài thơ chứ khó có thể là cả một truyện ngắn. Còn có lí bởi học trò các thế hệ có thể quên đi nhiều bài tập đọc khác, nhưng hình như­ ít ai hoàn toàn quên được những cảm xúc trong trẻo nguyên sơ mà từng dòng từng chữ của “Tôi đi học” gợi lên trong miền kí ức tuổi thơ của mình. Liệu có phải Thanh tịnh cũng cảm thấy điều này không khi ông đã viết cả một truyện ngắn nhan đề “Tôi đi học” để rồi lại kết truyện bằng một câu như­ thế này: “Tôi vòng tay lên bàn chăm chỉ nhìn thầy viết và lẩm nhẩm đánh vần đọc: Bài viết tập: Tôi đi học”?

Bài tập đọc đầu tiên, buổi tựu tr­ường đầu tiên, lần đầu tiên con đư­ờng “đã quen đi lại lắm lần” bỗng tự nhiên thấy lạ, lần đầu tiên đứng trư­ớc ngôi tr­ường đã từng vào chơi bỗng cảm thấy vừa thân quen vừa lạ lẫm, cũng là lần đầu tiên chỉ rời mẹ một lát mà cảm thấy xa mẹ hơn cả những lần đi chơi xa mẹ cả ngày…Trong cuộc đời, có những cảm xúc đầu tiên mà mỗi ngư­ời đều phải trải qua. Với “Tôi đi học”, Thanh Tịnh đã làm ngân lên một trong những cảm xúc đó trong lòng mỗi ng­ười đang là học trò hay đã từng là học trò: cảm xúc về ngày tựu trư­ờng đầu tiên. Tính chất đầu tiên của cảm xúc ấy đã đ­ược Thanh Tịnh diễn tả một cách giản dị mà lại hết sức tinh tế như­ chính tâm hồn trẻ thơ vậy. Đâu phải lần đầu tiên nhân vật “tôi” đi trên con đường làng, nh­ưng đây là lần đầu tiên “tôi” thấy “cảnh vật chung quanh tôi đều thay đổi, vì chính lòng tôi đang có sự thay đổi lớn: hôm nay tôi đi học”. Thanh Tịnh không miêu tả những cảnh tượng lạ, những âm thanh lạ hay những con ng­ười lạ lần đầu tiên nhân vật nhìn thấy, nghe thấy hay cảm thấy, mà ông miêu tả một cái cách “tôi” lần đầu khám phá ra trong những điều tư­ởng chừng như quá quen thuộc những cảm nhận lạ lùng. Cảnh vật, con người và từng sự kiện, từng chi tiết của ngày tựu trường được thuật lại một cách khá cặn kẽ tỉ mỉ, phần nào chứng tỏ chúng ta đã được soi chiếu qua cặp mắt háo hức tò mò của một cậu bé lần đầu tham dự ngày tựu trường. Cái ý thức về một ngày đặc biệt trong cuộc đời đã tạo lên tâm trạng vừa bỡ ngỡ vừa hồi hộp và không phải không pha chút tự hào của một cậu bé bỗng cảm thấy mình đang là một người lớn. Chính vì thế mà cậu bé con mới ngày hôm qua thôi chắc hẳn còn bé bỏng, nghịch ngợm và vô tâm xiết bao, ngày hôm nay đã biết để ý vẻ đẹp của thiên nhiên- “một buổi mai đầy sương thu và gió lạnh”, đã cảm nhận đ­ược một cách thật sâu sắc vẻ “âu yếm” trong bàn tay người mẹ, vẻ hiền từ và cảm động” trong cái nhìn của ông đốc trường Mĩ Lí hay thái độ nhẹ nhàng của các thầy giáo, của các phụ huynh đối với mình và những cậu bé nh­ư mình… Dường như đây chính là lần đầu tiên cậu khám phá ra những điều đó vậy! Ngoài ra, cũng cần phải nói rằng “tôi đi học” vốn là những dòng hồi tưởng, cái hiện lên qua truyện ngắn không đơn thuần là một ngày tựu trường mà là những kỷ niệm mơn man của buổi tựu trường. Bên cạnh cái nhìn của nhân vật “tôi” trong quá khứ – cậu bé con lần đầu tiên đi học, còn có cái nhìn của nhân vật “tôi” trong hiện tại – người đang ngồi ghi lại những ký ức về buổi tựu trường đầu tiên của mình, đang dõi theo từng bước chân của “tôi’ trong quá khứ một cách bao dung (vì thế nên trong truyện ngắn mới có thể xuất hiện những chi tiết như: “*Tôi muốn thử sức mình nên nhìn mẹ tôi: - Mẹ đưa bút th­ước cho con cầm. mẹ tôi cúi đầu nhìn tôi với cặp mắt thật âu yếm: - Thôi để mẹ cầm cũng được . Tôi có ngay cái ý nghĩ vừa non nớt vừa ngây thơ này: chắc chỉ ngư­ời thạo mới cầm nổi bút thước*”. Chi tiết trên mặc dù đ­ược nhìn bằng cặp mắt của “tôi”- cậu bé trong quá khứ nhưng rõ ràng những nhận xét như­ “cái ý nghĩ vừa non nớt vừa ngây thơ” chỉ có thể là của tôi trong hiện tại). Sự đan xen hai cái nhìn này thật hoà hợp với phong cách của truyện ngắn, từ cách lựa chọn từ ngữ, cách so sánh ví von cho đến giọng văn đều toát lên vẻ trong trẻo mà lại hiền hoà. Đây phải chăng là một trong những lí do làm cho ng­ời đọc dù thuộc thế hệ nào, lứa tuổi nào cũng tìm thấy chính mình trong nhân vật “tôi” của truyện?

B­ước vào khu vườn kí ức có cái tên “Tôi đi học”, ta dường như­ được một bàn tay tin cậy và êm ái dẫn dắt đi từ dòng đầu đến dòng cuối. Tôi đi học giống như một nốt lặng, một mảnh nhỏ, một góc khuất trong cuộc sống rộng lớn. Truyện ngắn không viết về những cái mới, cái lạ (có mới lạ gì đâu một ngày đầu tiên đi học mà học trò nào cũng phải trải qua?), như­ng nó đem lại cho người ta cái cảm giác đây là lần đầu tiên mình khám phá ra những điều như­ vậy. Và có khó tin quá không khi có những người nói rằng giữa bao bộn bề lo toan thường nhật, họ đã dần quên mất ngày tựu trường đầu tiên của mình, như­ng khi đọc “Tôi đi học”, những kỷ niệm tưởng đã ngủ yên trong ký ức lại hồi sinh, và họ bỗng nhớ lại ngày đó thậy rõ ràng sống động dường như­ nó chư­a bao giờ bi lãng quên cả, để rồi họ lại có thể bất giác ngâm nga một cách rất chân thành: “*Hằng năm cứ vào cuối thu, lá ngoài đường rụng nhiều và trên không có những đám mây bàng bạc, lòng tôi lại nao nức những kỷ niệm mơn man của buổi tựu trư­ờng…*”

**4,Cảm nghĩ về tâm trạng của nhân vật tôi trong truyện ngắn “Tôi đi học” (Thanh Tịnh)**

**Mở bài:**

Ngày đầu tiên đi học là một sự kiện trọng đại đới với mỗi con người trong cuộc đời mình. Nhà văn Thanh Tịnh đã tỏ ra thấu hiểu và nắm bắt sâu sắc cảm xúc ấy thông qua nhân vật “tôi”, có thể là hình ảnh của tác giả lúc thiếu thời.

**Thân bài:**

Diễn biến tâm trạng của nhân vật “tôi” được miêu tả theo sự biến đổi của không gian và dòng chảy của thời gian. Trên đường đến trường, nhân vật “tôi” cảm thấy thật hồi hộp. Cậu cố trấn tĩnh mình nhưng những cảm xúc mới mẻ ấy cứ cuộn trào không thôi. Cậu muốn thử sức mình cầm tập bút để thể hiện mình đã khôn lớn hơn và có thể tự mình làm lấy việc ấy.

Khi đứng trước sân trường, cũng như bao học trò mới khác, cậu bắt đầu thấy lo sợ và lúng túng. Lo sợ bởi cậu đang ở nơi đông người và một lát nữa cậu phải rời xa vòng tay mẹ. Cậu thấy lúng túng là bởi đó là lần đầu tiên cậu làm học trò, phải làm theo nội quy trường lớp. Tất cả tuy không khó lắm nhưng quá mới mẻ. Tâm trạng lúng túng thể hiện rõ nhất lúc cậu xếp hàng chuẩn bị vào lớp học.

Lúc nghe ông Đốc gọi tên mình vào lớp, quả tim cậu như ngừng đập vì đó là lần đầu tiên, tên họ của cậu được gọi to trước đám đông. Cậu cũng thấy xe mẹ hơn lúc nào hết bởi trước đây, cậu có đi bẫy chim cả ngày thì cũng chẳng có cảm giác ấy vì cậu muốn về với mẹ lúc nào thì cậu về. Nhưng lần này thì khác, cậu phải ở lại trường đến hết buổi và không được tự rời đi theo ý mình. Điều dó khiến cậu vô cùng lo lắng.

Khi đã ngồi trong lớp học, cậu ngắm nghía từng thứ một, nó vừa lạ lại vừa rất quen. Quen là bởi lớp học này cậu từng nhìn vào nhiều lần mỗi khi đi qua. Còn lạ là bởi đây là lần đầu tiên cậu được ngồi trong lớp và xung quanh có rất nhiều bạn học mới. Cảm giác vừa quen vừa lạ khiến cậu tự lạm nhận tất cả là của mình và vui sướng với ý nghĩa ấy.

**Kết bài:**

Qua dòng tâm trạng của nhân vật “tôi”, tác giải đã ghi lại chân thực và sinh động cảm giác hồi hộp, tâm trạng bỡ ngỡ của mỗi con người trong ngày đầu tiên đi học. Đó cũng là những kỉ niệm không bao giờ quên được. Nó được gìn giữ mãi mãi như những kỉ vật thiêng liêng không bao giờ tàn phai

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**BÀI 2:**

**TRONG LÒNG MẸ**

**Nguyên Hồng**

**I. Vài nét về tác giả, tác phẩm**

**1. Tác giả:**

- Nguyên Hồng sinh ở thành phố Nam Định, nhưng Hải Phòng cửa biển đã khơi dậy và gắn bó với ông, với sự nghiệp văn chương của ông. Tác phẩm của ông thường viết về những con người nghèo khổ dưới đáy xã hội, với một lòng yêu thương đồng cảm vì vậy ông được coi là nhà văn của những con người cung khổ .

- Trong thế giới nhân vật của ông xuất hiện nhiều người bà, người mẹ, người chị , những cô bé, cậu bé khốn khổ nhưng nhân hậu . Ông viết về họ bằng cả trái tim yêu thương và thắm thiết của mình. Ông được mệnh danh là nhà văn của phụ nữ và trẻ em. Văn xuôi của ông giàu chát trữ tình, nhiều khi dạt dào cảm xúc và hết mực chân thành. Ông thành công hơn cả ở thể loại tiểu thuyết.

**2. Tác phẩm**

- Những ngày thơ ấu là tập hồi ký tự truyện gồm 9 chương:

Chương 1: Tiếng kèn.

Chương 2: Chúa thương xót chúng tôi.

Chương 3: Truỵ lạc.

Chương 4: Trong lòng mẹ

Chương 5: Đêm nôen

Chương 6: Trọn đêm đông.

Chương 7: Đồng xu cái .

Chương 8: Sa ngã.

Chương 9: Bước ngoặt

**II.Phân tích :**

**1. Nhân vật bé Hồng**

**a. Hoàn cảnh:**

Là kết quả của cuộc hôn nhân không có tình yêu. Bố nghiện ngập, gia đình trở nên sa sút rồi bần cùng. Bố chết, chưa đoạn tang chồng, nhưng vì nợ nần cùng túng quá, mẹ phải bỏ đi tha phương cầu thực . Bé Hồng mồ côi, bơ vơ thiếu vắng tình thương của mẹ, phải sống trong sự ghẻ lạnh của bà cô và họ hàng bên cha. Luôn bị bà cô tìm cách chia tách tình mẫu tử.

**b. Đặc điểm:**

Bé Hồng luôn hiểu và bênh vực mẹ: Mẹ dù đi tha hương cầu thực, phải sống trong cảnh ăn chực nằm chờ bên nội . Bà cô luôn soi mói, dèm pha tìm cách chia cắt tình mẫu tử . Với trái tim nhạy cảm và bản tính thông minh, Hồng đã phát hiện ra ý nghĩ cay độc trong giọng nói khi cười rất kịch của bà cô. Em biết rất rõ bà cô cố gieo rắc vào đầu óc em những ý nghĩ để em khinh miệt vf ruồng rẫy mẹ. Bằng tình yêu thương mẹ, bé Hồng đã rất hiểu , thông cảm với cảnh ngộ của mẹ nên em đã bênh vực mẹ . Càng thương mẹ bao nhiêu, em càng ghê tởm, căm thù những cổ tục phong kiến đã đầy đoạ mẹ . Một ý nghĩ táo tợn như một cơn giông tố đang trào dâng trong em.

Bé Hồng luôn khao khát được gặp mẹ. Khao khát đó của Hồng chẳng khác nào khao khát của người bộ hành trên sa mạc khao khát một dòng nước, và em sẽ gục ngã khi người ngồi trên chiếc xe kéo kia không phải là mẹ . Em đã ung sướng và hạnh phúc khi được ngôi trong lòng mẹ . Khi mẹ gọi, em trèo lên xe, mừng ríu cả chân lại. Em oà lên và cứ thế nức nở. Đó là giọt nước mắt của sự tủi thân bàng hoang. Trong cái cảm giác sung sướng của đứa con ngôi cạnh mẹ, em đã cảm nhận được vẻ đẹp của mẹ. Em mê man, ngây ngất đắm say trong tình yêu thương của mẹ.

**2. Nhân vật mẹ bé Hồng**:

- Là phụ nữ gặp nhiều trái ngng, bất hạnh trong cuộc đời . Thời xuân sắc là một phụ nữ đẹp nhất phố hàng cau, bị ép duyên cho một người hơn gấp đôi tuổi mình. Bà chôn vùi tuổi xuân trong cuộc hôn nhân ép buộc. Chồng chết, với trái tim khao khát yêu thương, bà đã đi bước nữa thì bị cả xã hội lên án.

- Luôn sống tình nghĩa : Đến ngày giỗ đầu của chồng- về.

- Yêu thương con: Khi gặp con khi được ôm hình hài máu mủ đã làm cho ngươi mẹ lại tươi đẹp.

**3. Hình ảnh bà cô**

Có tâm địa xấu xa độc ác. Bà là người đại diện, là người phát ngôn cho những hủ tục phong kiến. Bà được đào tạo từ xã hội phong kiến nên suy nghĩ của bà mang nặng tính chất cổ hủ.

**4. Nghệ thuật đoạn trích**

Những ngày thơ ấu là cuốn tiểu thuyết tự truyện thuộc thể hồi ký có sự kết hợp hài hoà giữa sự kiện và bày tỏ cảm xúc, là tác phẩm tiêu biểu cho phong cách nghệ thuật của Nguyên Hồng tha thiết, giàu chất trữ tình và thấm đẫm cảm xúc.

**NGUYÊN HỒNG VÀ HỒI KÝ “NHỮNG NGÀY THƠ ẤU”**

**A.**- Mở rộng, luyện đề củng cố kiến thức chuyên đề.

**B. NỘI DUNG:**

**1. Giới thiệu về tác giả Nguyên Hồng**

*Anh bình dị đến như­ là lập dị*

*Áo quần ­? Rách vá có sao đâu?*

*Dễ xúc động, anh thư­ờng hay dễ khóc*

*Trải đau nhiều nên th­ương cảm nhiều hơn.*

(Đào Cảng)

- Nguyễn Tuân: “Tôi là một thằng thích phá đình phá chùa mà anh đúng là một ng­ười thích tô t­ượng đúc chuông”.

- Nguyễn Đăng Mạnh: Văn Nguyên Hồng bao giờ cũng lấp lánh sự sống. Những dòng chữ đầy chi tiết….thống thiết mãnh liệt.

**2. Giới thiệu khái quát về “*Những ngày thơ ấu*”**

a) Thể loại: Hồi ký là thể loại văn học mà ng­ười viết trung thành ghi lại những gì đã diễn ra trong cuộc sống của mình, tôn trọng sự thật. Đặc điểm của hồi ký là không thể hư­ cấu vì nếu thế tác phẩm sẽ không hay, sẽ tẻ nhạt nếu những gì diễn ra trong cuộc đời nhà văn không có gì đặc sắc. ***Những ngày thơ ấu*** là một tập hồi ký ghi lại những gì đã diễn ra thời thơ ấu của chính nhà văn. Ta có thể cảm nhận đ­ược tất cả những tình tiết, chi tiết trong câu chuyện đều có thật. Có n­ước mắt của Nguyên Hồng thấm qua từng câu chữ.

b) Tóm tắt hồi ký:

Chú bé Hồng – nhân vật chính – lớn lên trong một gia đình sa sút. Ng­ười cha sống u uất thầm lặng, rồi chết trong nghèo túng, nghiện ngập. Ngư­ời mẹ có trái tim khao khát yêu đ­ương đành chôn vùi tuổi thanh xuân trong cuộc hôn nhân không hạnh phúc. Sau khi chồng chết, ng­ười phụ nữ đáng thư­ơng ấy vì quá cùng quẫn đã phải bỏ con đi kiếm ăn ph­ương xa. Chú bé Hồng đã mồ côi cha lại vắng mẹ, sống thui thủi cô đơn giữa sự ghẻ lạnh, cay nghiệt của những ng­ười họ hàng giàu có, trở thành đứa bé đói rách, lêu lổng, luôn thèm khát tình th­ương yêu mà không có. Từ cảnh ngộ và tâm sự của đứa bé “côi cút cùng khổ”, tác phẩm còn cho thấy bộ mặt lạnh lùng của xã hội đồng tiền, cái xã hội mà cánh cửa nhà thờ đêm Nô-en cũng chỉ mở rộng đón những ngư­ời giàu sang “khệnh khạng bệ vệ” và khép chặt tr­ước những kẻ nghèo khổ “trơ trọi hèn hạ”; cái xã hội của đám thị dân tiểu tư­ sản sống nhỏ nhen, giả dối, độc ác, khiến cho tình máu mủ ruột thịt cũng thành khô héo; cái xã hội đầy những thành kiến cổ hủ bóp nghẹt quyền sống của ngư­ời phụ nữ…

c) Giá trị nội dung và nghệ thuật.

**LUYỆN TẬP**

# **BT1:**Phân tích hình ảnh so sánh diễn tả tình yêu thương mẹ mãnh liệt của bé Hồng mà em cho là hay nhất trong đoạn trích Trong lòng mẹ

Nhận xét về con người và văn chương Nguyên Hồng, giáo sư Nguyễn Đăng Mạnh đã viết: “Nguyên Hồng đã sống hơn 60 năm, viết hơn 40 năm, ông đã đổ ra bao nhiêu nước mắt cho đời và cho nghệ thuật. Bây giờ nằm dưới ba tấc đất dòng nước mắt ấy có vơi cạn được không?”. Và trong rất nhiều những giọt nước mắt ông đã đỗ ra ấy, có những giọt nước mắt xót xa cho đời mình, cho người mẹ dấu yêu, cho hồi kí “Những ngày thơ ấu” làm lòng người rưng rưng. Đoạn trích “Trong lòng mẹ” thuộc chương IV được coi là đoạn trích hay nhất, nó không chỉ làm “đỗ ra bao nhiêu nước mắt” của chính người viết mà còn là rất nhiều thế hệ độc giả cũng nhòa lệ khi đọc những trang văn viết về tình mẫu tử thiêng liêng ấy.

Đoạn trích có nhiều hình ảnh so sánh gây ấn tượng nhưng xúc động hơn cả là hình ảnh so sánh viết về khát khao gặp mẹ của bé Hồng khi vừa mới tan trường.

Nếu người quay lại ấy là người khác… Và cái lầm đó không những làm cho tôi thẹn mà còn tủi cực nữa, khác gì cái ảo ảnh của một dòng nước trong suốt chảy dưới bóng râm đã hiện ra trước con mắt gần rạn nứt của người bộ hành ngã gục giữa sa mạc.

Lần theo từng dòng hồi kí, với lời văn vừa tự sự, miêu tả lại giàu sắc thái biểu cảm, người đọc như cảm nhận được bé Hồng đang bấm từng đốt ngón tay mong ngày mẹ trở về.

Gần đến ngày giỗ đầu thầy tôi, mẹ tôi ở Thanh Hoá vẫn chưa về… Nhưng đến ngày giỗ đầu thầy tôi, tôi không viết thư gọi mẹ tôi cũng về… Có thể nói ước mong gặp mẹ của bé Hồng thật mãnh liệt. Dường như bao nhiêu cay đắng, tủi cực của một thời thơ ấu xa vắng mẹ đã trào lên đầu ngọn bút để Nguyên Hồng diễn tả thật tinh tế, xúc động những xúc động cực điểm của một linh hồn bé dại được gặp mẹ sau bao ngày trông ngóng.

Người đọc có lẽ khó cầm được nước mắt, cảm thương, xót thương cho nỗi hoài mong đến tội nghiệp của bé. Người mẹ trở về, niềm hạnh phúc đến với bé quá đột ngột, bất ngờ khiến bé không dám tin vào mắt mình nữa và nghĩ rằng:

Nếu người quay lại ấy không phải là mẹ tôi… để khát khao gặp mẹ của bé được ví như người khách bộ hành ngã gục giữa sa mạc với đôi mắt gần rạn nứt còn người mẹ được ví như ảo ảnh của dòng nước trong suốt chảy dưới bóng râm.

Trước hết đây là hình ảnh so sánh vừa chính xác vừa gợi cảm. Bằng lời văn miêu tả giàu sắc thái biểu cảm câu văn như truyền thẳng đến người đọc rung động mãnh liệt về tình mẫu tử thiêng liêng.

Ba sẽ là cánh chim, cho con bay thật xa; Mẹ sẽ là nhành hoa, cho con cài lên ngực. Ba mẹ là lá chắn, che chở suốt đời con. Mồ côi cha, lại phải sống xa mẹ giữa họ hàng giàu có mà băng giá tình thương, luôn reo rắc vào đầu bé những rắp tâm tanh bần về người mẹ nhưng trong trí óc non nớt thơ ngây của bé Hồng, tình thương và lòng yêu mẹ vẫn vẹn nguyên, lúc nào bé cũng tưởng đến khuôn mặt rầu rầu của mẹ, khát khao được gặp mẹ. Sâu thẳm trong tâm hồn bé có một niềm tưởng nhớ không bao giờ hết, đó là mẹ.

Nhà văn đã dùng hình ảnh người khách bộ hành ngã gục giữa sa mạc với đôi mắt gần rạn nứt để so sánh với bé Hồng vừa diễn tả được chính xác hoàn cảnh sống của bé Hồng, vừa diễn tả khát khao gặp mẹ của bé thật cháy bỏng, mãnh liệt. Khát khao ấy giống như ánh nhìn mòn mỏi đau đáu của người khách bộ hành giữa sa mạc mênh mông nóng bỏng mơ về một dòng nước trong mát.

Còn người mẹ nhà văn đã so sánh giống như dòng nước trong suốt chảy dưới bóng râm đã hiện ra trước con mắt gần rạn nứt của người bộ hành gục ngã trước sa mạc. Đây là hình ảnh so sánh đẹp bởi mẹ vốn bao dung, hiền hoà nhân hậu, mẹ vốn dịu dàng như nước suối nguồn trong mát, tắm mát tâm hồn con trước mọi nỗi đắng cay của cuộc đời.

Nhà văn đã đẩy sự vật so sánh và hình ảnh so sánh đến tận cùng của cái chết và sự sống, với lối văn biểu cảm đế nhấn mạnh và làm nồi bật nỗi khát khao gặp mẹ của bé Hồng là mãnh liệt đến vô cùng. Với bé, niềm hạnh phúc, niềm khát khao duy nhất lúc này đó chính là mẹ. Mẹ là tất cả.

Qua hình ảnh so sánh này, ta càng thấu hiểu, cảm thông với nhà văn, với những tuổi thơ bất hạnh. Tuổi thơ có bao điều khao khát ước mơ, nhưng có khát khao, ước mơ nào lớn hơn là khao khát tình mẹ. Có lẽ không chỉ với tuổi thơ, mà với cả cuộc đời mỗi con người, mẹ chính là điều thiêng liêng nhất vì mỗi khi va vấp ưu phiền, mỗi khi hạnh phúc êm đềm, con chỉ tìm về với mẹ thôi.

Cũng qua hình ảnh so sánh này, nhà văn càng diễn tả niềm đau đớn tuyệt vọng, cùng cực của bé Hồng nếu không được gặp mẹ. Ta hãy tưởng tượng giữa sa mạc mênh mông cát trắng nóng bỏng xuất hiện trước mắt người khách bộ hành ngã gục dòng nước trong suốt nhưng chao ôi đó chỉ là ảo ảnh chứ không phải sự thật, ta mới cảm thông với niềm đau vô hạn của bé Hồng nếu người đàn bà ngồi trên xe kéo không phải là mẹ.

Hình ảnh so sánh trên không chỉ chính xác, gợi cảm mà còn rất phù hợp với cách nói truyền thống. Thơ ca biết bao lời hay, ý đẹp viết về tình mẹ, nhưng lời nào cũng gắn liền tình mẹ với dòng nước mát:

Công cha như núi Thái Sơn,

Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra.

Hay là từ lời bài hát ngọt ngào: Lòng mẹ bao la như biển Thái Bình dạt dào.

Chẳng biết tự bao giờ, trong trái tim mỗi người con, mẹ chính là suối nguồn trong mát không vơi cạn, là đại dương mênh mông, đầy ắp tình thương. Qua trang văn của Nguyên Hồng, một lần nữa, người đọc lại cảm nhận được tình mẫu tử thiêng liêng qua dòng chữ thấm đẫm nước mắt của trái tim người con yêu mẹ, xa vắng mẹ.

Có nhà văn đã từng nói: Khi tôi viết nghĩa là tôi đau ở đâu đó. Có lẽ bao nhiêu kỉ niệm của thời thơ ấu đắng cay, xa vắng mẹ của chính nhà văn đã hoá thành dòng chữ, dòng nước mắt rung động nức nở lòng người đọc.

**Đề 2:** Có nhà nghiên cứu nhận định: “Nguyên Hồng là nhà văn của phụ nữ và nhi đồng”. Hãy chứng minh.

Văn của Nguyên hồng giàu cảm xúc, ngọt ngào và nhuần nhị rất hợp với những kỉ niệm về mẹ và về tuổi thơ. Ông thường viết về những phụ nữ và trẻ em chịu nhiều đau khổ, bất hạnh (như trong các tác phẩmNhững ngày ấu thơ, Bi vỏ, Cửa biển…)

   “Trong lòng mẹ” là một đoạn trích ngắn gọn gồm ba nhân vật: hai người phụ nữ và một cậu bé trai. Ba nhân vật khác nhau về tính cách nhưng đều đã hiện lên sinh động và đầy ấn tượng dưới ngòi bút của Nguyên Hồng. Đoạn trích chứng tỏ sự am hiểu sắc của nhà văn về phụ nữ và trẻ em. Đặc biệt là sự nắm bắt cá tính và tâm lý.

 Nhà văn thấu hiểu, đồng cảm cho nỗi bất hạnh của phụ nữ, trẻ nhỏ; đồng thời ca ngợi tâm hồn, đức tính cao quý của họ. Ông luôn lên tiếng bênh vực, bảo vệ người phụ nữ; trân trọng những khao khát muôn đời của trẻ nhỏ được sống trong vòng tay yêu thương, che chở, bao bọc của mẹ.

**BT3:** Chất trữ tình thấm đư­ợm “Trong lòng mẹ”.

**BT4: Qua đoạn trích Trong lòng mẹ, hãy chứng minh rằng văn Nguyên Hồng giàu chất trữ tình.**

**Trả lời:**

Chất trữ tình thấm đượm trong văn bản Trong lòng mẹ

Trong văn bản Trong lòng mẹ, chất trữ tình thấm đượm từ tình huống nội dung câu chuyện đến những cảm xúc căm giận, xót xa và yêu thương thống thiết và cách thể hiện trong lời văn của tác giả.

Trước hết là tình huống và nội dung câu chuyện. Nhân vật chính đoạn này là bé Hồng bị rơi vào một tình huống đáng thương: bố mất , mẹ đi thêm bước nữa nên bị gia đình nhà chồng ruồng rẫy. Bé Hồng nhờ họ hàng nhà nội và bị họ hắt hủi. Tuy phải sống xa mẹ, lại luôn nghe những lời xúc xiểm nói xấu về mẹ nhưng bé Hồng luôn dành trọn lòng thương yêu và sự tin cậy cho người mẹ của mình.

Kế đó là những cảm xúc căm giận, xót xa và yêu thương thống thiết của chú bé Hồng. Những tình cảm đó thật sâu sắc, nồng nàn và thắm thiết. Chất, trữ tình còn thấm đượm ở cách thể hiện của tác giả, nói cụ thể hơn là sự kết hợp giữa tự sự miêu tả và trữ tình. Dưới ngòi bút của tác giả, các hình ảnh thể hiện tâm trạng, các so sánh đều gây ấn tượng mạnh mẽ và giàu sức gợi cảm. Cả mạch văn nữa, cứ như nước suối cuồn cuộn tuôn ra đầu ngòi bút

**Đề 5:** Qua nhân vật trẻ em trong đoạn trích “Trong lòng mẹ”của Nguyên Hồng hãy phân tích để làm sáng tỏ: “*Công dụng của văn chư­ơng là giúp cho tình cảm và gợi lòng vị tha*” (Hoài Thanh).

**Yêu cầu đề 4:**

- Ph­ương pháp: Biết cách làm bài văn nghị luận, chứng minh thể hiện trong các thao tác: tìm ý, chọn ý, dựng đoạn, liên kết đoạn bố cục văn bản đặc biệt là cách lựa chọn phân tích dẫn chứng.

- Nội dung: Trên cơ sở hiểu biết về đoạn trích “Trong lòng mẹ” của Nguyên Hồng phân tích làm sáng tỏ ý liến của Hoài Thanh về công dụng của văn chương: “Giúp cho tình cảm và gợi lòng vị tha”. Học sinh có thể trình bày bố cục nhiều cách khác nh­ưng cần tập trung vào các vấn đề sau:

+ Tình yêu thư­ơng con người: Bé Hồng có tình yêu mãnh liệt với ng­ười mẹ đáng thương.

+ Giàu lòng vị tha: Bé Hồng bỏ qua những lời dèm pha thâm độc của bà cô lúc nào cũng nghĩ tới mẹ với niềm thông cảm sâu sắc, mong muốn đ­ược đón nhận tình yêu thương của mẹ.

+ Bồi đắp thêm về tâm hồn tình cảm.

**6.Nhân vật bà cô trong đoan trích Trong lòng mẹ (Những ngày thơ ấu - Nguyên Hồng) có những lời nói và hành động thể hiện bản chất tàn nhẫn, mất hết tình người, đáng lên án. Phân tích nhân vật này để làm rõ ý kiến trên**

**Gợi ý**

Nhân vật bé Hồng có một hoàn cảnh vô cùng bất hạnh. Cha mất, mẹ bỏ đi theo người khác nên bị gia đình chồng thù ghét, Hồng ở với họ hàng bên nội. Sau khi cha Hồng mất gần một năm, sắp đến ngày giỗ đầu của ông, mẹ ở Thanh Hóa vẫn chưa về. Người bà cô của Hồng gọi chú bé lại trò chuyên với một tâm địa xấu xa, độc ác. Bà ta vừa cười vừa hỏi Hồng. Đây không phải là sự lo lắng, nghiêm nghị, cũng không phải âu yếm.Cái cười này thể hiện một sự không thiện chí. Câu hỏi của mụ ta: có muốn vào Thanh Hoá thăm mợ mày không cũng chứa đựng ý nghĩa cay độc một sự giả dối.

Nhận ra ý nghĩ cay độc của cô, Hồng cúi đầu không đáp. Nhưng sau đó, chú cười đáp lại: "không cháu không muốn vào, cuối năm thế nào mợ cháu cũng về". Thái độ đó, chứng tỏ chú rất yếu thương và kính trọng mẹ, chú nhận ra được ý nghĩ cay độc của bà cô trong giọng nói và nét mặt khi cười rất kịch của bà cô.Em không thể để tình yêu thương và lòng kính mến mẹ bị những rắp tâm tanh bẩn xâm phạm đến.

Người bà cô *"Giọng vẫn ngọt":* "sao không vào mợ mày phát tài lắm, có như dạo trước đâu!", *"Hai con mắt long lanh của cô chằm chặp nhìn"* vào Hồng rồi *"Vỗ vai cười nói”* "mày dại quá,vào bắt mẹ mày may vá sắm sửa cho và bế em bé chứ". Giọng mụ ta bình thản nhưng mỉa mai.Cái nhìn của bà chứng tỏ bà cô rắp tâm muốn kéo đứa cháu đáng thương vào một trò chơi độc ác đã dàn tính sẵn.Cử chỉ vỗ vai, cười nói - thể hiện sự giả dối độc ác. Câu nói "mày dại quá..." không chỉ lộ rõ sự ác ý mà còn chuyển sang chiều hướng châm chọc, nhục mạ với một giọng điệu cay nghiệt, độc ác.

Vẫn chưa chịu buông tha Hồng, bà cô tiếp tục *kể về tình cảnh tội nghiệp của* mẹ Hồng. Đó là sựvôcsắclạnhđếnghêngười..Chúngcom khiến tâm trạng của Hồng đau đớn, uất ức đến cựcđiểm. Cử chỉ *đổi g iọng, vỗ vai, nghiêm nghị* của bà cô thực chất là sự thay đổi đấu pháp tấn công. Khi thấy cháu tức tưởi phẫn uất bà mới hạ giọng tỏ sự ngậm ngùi thương xót người đã mất.Khi đó, sự giả dối thâm hiểm trơ trẽn của bà cô đã phơi bày toàn bộ.

Qua đoạn trích "Trong lòng mẹ" *(Những ngày thơ ấu* của Nguyên Hồng) người bà cô bộc lộ bản chất là một kẻ lạnh lùng, độc ác, thâm hiểm.Đây là hình ảnh mang ý nghĩa tố cáo hạng người sống tàn nhẫn, khô héo cả tình máu mủ ruột rà trong xã hội thực dân nửa phong kiến lúc đó.

Nhân vật bà cô trong đoạn trích nói riêng và toàn bộ tác phẩm nói chung mang giá trị hiện thực sâu sắc. Nó ẩn chứa sức mạnh tố cáo hạng người giả dối, tàn nhẫn, mất hết sự trắc ẩn của tình người, tình máu mủ... Đồng thời, nó cùng khẳng định tấm lòng đồng cảm, yêu thương của nhà văn đối với những số phận bất hạnh trong xã hội phong kiến nửa thực dân xưa.

**7:**Nguyên Hồng xứng đáng là nhà văn của phụ nữ và trẻ em. Bằng sự hiểu biết của em về tác phẩm Trong lòng mẹ, em hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.

**Hướng dẫn**:

1. **Giải thích:**

Vì sao Nguyên Hồng được đánh giá là nhà văn của phụ nữ và trẻ em

Đề tài: Nhìn vào sự nghiệp sáng tác của Nguyên Hồng, người đọc dễ nhận thấy hai đề tài này đã xuyên suốt hầu hết các sáng tác của nhà văn: Những ngày thơ ấu, Hai nhà nghỉ, Bỉ vỏ...

Hoàn cảnh: Gia đình và bản thân đã ảnh hưởng sâu sắc đến sáng tác của nhà văn. Bản thân là một đứa trẻ mồ côi sống trong sự thiếu thốn cả về vật chất lẫn tinh thần lại còn bị gia đình và xã hội ghẻ lạnh .

Nguyên Hồng được đánh giá là nhà văn của phụ nữ và trẻ em không phải vì ông viết nhiều về nhân vật này. Điều quan trọng ông viết về họ bằng tất cả tấm lòng tài năng và tâm huyết của nhà văn chân chính. Mỗi trang viết của ông là sự đồng cảm mãnh liệt của người nghệ sỹ , dường như nghệ sỹ đã hoà nhập vào nhân vật mà thương cảm mà xót xa đau đớn, hay sung sướng, hả hê.

**2. Nguyên Hồng là nhà văn của phụ nữ** .

**a. Nhà văn đã thấu hiểu và đồng cảm sâu sắc cho nỗi bất hạnh của người phụ nữ**

Thấu hiểu nỗi khổ về vật chất của người phụ nữ. Sau khi chồng chết vì nợ nần cùng túng quá, mẹ Hồng phải bỏ đi tha hương cầu thực, buôn bán ngược xuôi để kiếm sống . Sự vất vả, lam lũ đã khiến người phụ nữ xuân sắc một thời trở nên tiều tụy đáng thương “Mẹ tôi ăn mặc rách rưới, gầy rạc đi ”…

Thấu hiểu nỗi đau đớn về tinh thần của người phụ nữ : Hủ tục ép duyên đã khiến mẹ Hồng phải chấp nhận cuộc hôn nhân không tình yêu với người đàn ông gấp đôi tuổi của mình. Vì sự yên ấm của gia đình, người phụ nữ này phải sống âm thầm như một cái bóng bên người chồng nghiện ngập. Những thành kiến xã hội và gia đình khiến mẹ Hồng phải bỏ con đi tha hương cầu thực , sinh nở vụng trộm dấu diếm.

**b. Nhà văn còn ngợi ca vẻ đẹp tâm hồn, đức tính cao quý của người phụ nữ:**

Giàu tình yêu thương con. Gặp lại con sau bao ngày xa cách, mẹ Hồng xúc động đến nghẹn ngào. Trong tiếng khóc sụt sùi của người mẹ, người đọc như cảm nhận được nỗi xót xa ân hận cũng như niềm sung sướng vô hạn vì được gặp con. Bằng cử chỉ dịu dàng âu yếm xoa đầu, vuốt ve, gãi rôm...mẹ bù đắp cho Hồng những tình cảm thiếu vắng sau bao ngày xa cách.

**c. Là người phụ nữ trọng nghĩa tình**

Dẫu chẳng mặn mà với cha Hồng song vốn là người trọng đạo nghĩa, mẹ Hồng vẫn trở về trong ngày dỗ để tưởng nhớ người chồng đã khuất.

**d. Nhà văn còn bênh vực, bảo vệ người phụ nữ:**

Bảo vệ quyền bình đẳng và tự do , cảm thông vời mẹ Hồng khi chưa đoạn tang chồng đã tìm hạnh phúc riêng.

Tóm lại: Đúng như một nhà phê bình đã nhận xét “Cảm hứng chủ đạo bậc nhất trong sáng tạo nghệ thuật của tác giả. Những ngày thơ ấu lại chính là niềm cảm thương vô hạn đối với người mẹ . Những dòng viết về mẹ là những dòng tình cảm thiết tha của nhà văn. Không phải ngẫu nhiên khi mở đầu tập hồi ký Những ngày thơ ấu, nhà văn lại viết lời đề từ ngắn gọn và kính cẩn: Kính tặng mẹ tôi” . Có lẽ hình ảnh người mẹ đã trở thành nguồn mạch cảm xúc vô tận cho sáng tác của Nguyên Hồng để rồi ông viết văn học bằng tình cảm thiêng liêng và thành kính nhất.

**2. Nguyên Hồng là nhà văn của trẻ thơ.**

**a. Nhà văn thấu hiểu và đồng cảm sâu sắc cho nỗi khổ, nội bất hạh của trẻ thơ.**

Nhà văn thấu hiểu nỗi thống khổ cả vạt chất lẫn tinh thần : Cả thời thơ ấu của Hồngđược hưởng những dư vị ngọt ngào thì ít mà đau khổ thì không sao kể xiết : Mồ côi cha, thiếu bàn tay chăm sóc của mẹ, phải ăn nhờ ở đậu người thân. Gia đình và xã hội đã không cho em được sống cuộc sống thực sự của trẻ thơ ...nghĩa là được ăn ngon, và sống trong tình yêu thương đùm bọc của cha mẹ, người thân. Nhà văn còn thấu hiểu cả những tâm sự đau đớn của chú bé khi bị bà cô xúc phạm ...

**b. Nhà văn trân trọng, ngợi ca phẩm chất cao quý của trẻ thơ:**

Tình yêu thương mẹ sâu sắc mãnh liệt. Luôn nhớ nhung về mẹ. Chỉ mới nghe bà cô hỏi “Hồng, mày có muốn vào Thanh Hoá chơi với mợ mày không?”, lập tức, trong ký ức của Hồng trỗi dậy hình ảnh người mẹ.

Hồng luôn tin tưởng khẳng định tình cảm của mẹ dành cho mình. Dẫu xa cách mẹ cả về thời gian, không gian, dù bà cô có tính ma độc địa đến đâu thì Hồng cũng quyết bảo vệ đến cùng tình cảm của mình dành cho mẹ. Hồng luôn hiểu và cảm thông sâu sắc cho tình cảnh cũng như nỗi đau của mẹ. Trong khi xã hội và người thân hùa nhau tìm cách trừng phạt mẹ thì bé Hồng với trái tim bao dung và nhân hậu yêu thương mẹ sâu nặng đã nhận thấy mẹ chỉ là nạn nhân đáng thương của những cổ tục phong kiến kia. Em đã khóc cho nỗi đau của người phụ nữ khát khao yêu thương mà không được trọn vẹn. Hồng căm thù những cổ tục đó: “Giá những cổ tục kia là một vật như .....thôi”

Hồng luôn khao khát được gặp mẹ. Nỗi niềm thương nhớ mẹ nung nấu tích tụ qua bao tháng ngày đã khiến tình cảm của đứa con dành cho mẹ như một niềm tín ngưỡng thiêng liêng, thành kính. Trái tim của Hồng như đang rớm máu, rạn nứt vì nhớ mẹ. Vì thế thoáng thấy người mẹ ngồi trên xe, em đã nhận ra mẹ, em vui mừng cất tiếng gọi mẹ mà bấy lâu em đã cất dấu ở trong lòng.

**c. Sung sướng khi được sống trong lòng mẹ.**

Lòng vui sướng được toát lên từ những cử chi vội vã bối rối từ giọt nước mắt giận hờn, hạnh phúc tức tưởi, mãn nguyện.

**d. Nhà thơ thấu hiẻu những khao khát muôn đời của trẻ thơ:**

Khao khát được sống trong tình thương yêu che chở của mẹ, được sống trong lòng mẹ.

**Đề 8**:

**Đánh giá về đoạn trích Trong lòng mẹ (chương IV) của thiên hồi kí Những ngày thơ ấu, Thạch Lam cho rằng: “Nguyên Hồng đã miêu tả thành công những rung động cực điểm của một linh hồn bé dại“.Bằng những hiếu biết của em về đoạn trích Trong lòng mẹ hãy chứng minh.**

BÀI LÀM

Có tuổi thơ nào chẳng đầy ắp những kĩ niệm ngọt ngào về tình mẹ, tình quê hương, về mái trường yêu dấu. Nhưng có tuổi thơ đã hoá trang văn, mà mỗi trang ấy là trang đời về một thời thơ ấu thiếu tuổi thơ đầy cay đắng. Đó chính là Những ngày thơ ấu của Nguyên Hồng được hiện lên qua dòng chữ đẫm nước mắt, trong đó đoạn trích Trong lòng mẹ , chương IV của tác phẩm gây ấn tượng sâu sắc trong lòng người đọc. Đánh giá về đoạn trích này, sinh thời nhà văn Thạch Lam cho rằng: Nguyên Hồng đã miêu tả thành công những rung động cực điểm của một linh hồn bé dại về người mẹ yêu thương của mình. Nhân vật tôi (bé Hồng) là kết quả của một cuộc hôn nhân gượng ép, không có tình yêu, cha bé vì cờ bạc, nghiện ngập mất sớm. Mẹ vì nợ nần, cùng túng phải tha phương, cầu thực. Bé sống trong sự ghẻ lạnh của cả một họ hàng giàu có luôn tìm mọi cách chia cắt tình mẹ con.

Đoạn trích không đầy bốn trang giấy, nhưng mỗi dòng chữ dường như cũng phập phồng, thổn thức bởi những rung động cực điểm của một trái tim thơ ngây yêu mẹ tha thiết, cháy lòng. Chất trữ tình của một ngòi bút nhân đạo thống thiết thấm đẫm qua lời kể của nhân vật tôi (bé Hồng) và những lời bình luận trữ tình ngoại đề của tác giả.

Hiển hiện qua những dòng hồi kí, người đọc như cảm thấu được mọi cung bậc: đau đớn, tủi hận, xót xa, căm giận, sung sướng, hạnh phúc… của bé Hồng. Tất cả cung bậc đó được khởi nguồn từ một trái tim yêu mẹ.

Trước hết những rung động ấy được thể hiện bằng phản ứng quyết liệt của bé Hông trước lời nói của người bà cô xấu bụng.

Xa mẹ, rất nhớ mẹ, muốn gặp mẹ nhưng khi cô nói Hồng, có muốn vào Thanh Hoá chơi với mợ mày không, tưởng đến khuôn mặt rầu rầu và hiền từ của mẹ, bé toan trả lời có nhưng nhận ra ý nghĩa cay độc trong giọng nói và trên nét mặt rất kịch của người cô, bé cúi đầu không đáp rồi lại cười đáp: Không! Cháu không muốn vào. Đây có thể coi là phản ứng thông minh, xuất phát từ một trái tim nhạy cảm và lòng tin yêu mẹ sâu sắc.

Nhưng vì trái tim non nớt, khi người bà cô ngọt ngào: Mày dại quá, cứ vào đi, tao chạy cho tiền tàu và thẫm em bé nữa chứ thì lòng bé thắt lại, khoé mắt cay cay… nước mắt ròng ròng rớt xuống hai bên mép rồi chan hoà đầm đìa ở căm, ở cổ… cười dài trong tiếng khóc. Các từ rớt, ròng ròng, chan hòa, đầm đìa cũng một trường nghĩa, miêu tả giọt nước mắt đớn đau của bé Hồng vì thương mẹ đên vô hạn. Nỗi đau của bé âm thầm cố kìm nén bên trong giờ đây không thể nào kìm giữ nổi đã vỡ ra thành nước mắt, Mặc dù không đời nào tình thương mẹ của bé lại bị những rắp tâm tanh bẩn xâm phạm đến nhưng lời nói của người bà cô quả như mũi dao ghê gớm, sắc lạnh đã chạm tới nơi dễ tổn thương nhất của một trái tim thơ ngây đã từng rỉ máu vì nỗi đau xa mẹ, yêu mẹ đến vô cùng.

Tình thương và niềm tin yêu mẹ trào dâng với bao xúc cảm thơ ngây bồng bột vì người mẹ tội nghiệp: Tôi thương mẹ tôi và căm tức sao mẹ tôi lại sợ hãi những thành kiến tàn ác mà xa lìa anh em tôi để sinh nở một cách giấu giếm, trốn tránh như một kẻ giết người lúng túng với con dao vấy máu.

Từ nỗi đớn đau vì thương mẹ, bé Hồng căm giận những cỗ tục đày đọa mẹ bé qua hình ảnh so sánh thật dữ dội.

Đến đây tình thương mẹ trào lên như bão nỗi, giằng xé với bao phẫn uất: Giá những cổ tục đày đọa mẹ tôi là một vật như hòn đá hay cục thuỷ tinh, đầu mâu gỗ, tôi quyết vồ ngay lấy mà cắn, mà nhai, mà nghiến cho kì nát vụn mới thôi.

Nhà văn đã sử dụng các động từ chỉ hành động mạnh: vồ, cắn, nhai, nghiến với sắc thái biểu cảm ngày càng tăng, khiến lời văn dường như sôi sục, tuôn trào đặc tả tâm trạng phẫn uất, căm giận cao độ của bé Hồng với những thành kiến vô hình đã làm khổ mẹ bé. Qua đó, ta càng thấu hiểu bé Hồng thương yêu mẹ đến chừng nào.

Trong xã hội phong kiến xưa, biết bao người phụ nữ đã phải chôn vùi tuổi xuân vì những thành kiến vô hình mà ác nghiệt ấy: Gió đưa cây trúc ngã quỳ/Ba năm trực tiết còn gì là xuân.

Từ câu chuyện riêng của mẹ mình, Nguyên Hồng đã truyền tới người đọc nội dung mang ý nghĩa xã hội sâu sắc bằng những dòng văn giàu cảm xúc và hình ảnh thật ấn tượng. Thông qua những rung cảm của trái tim người con, Nguyên Hồng đã phát biểu quan điểm nhân đạo tiến bộ của mình, dứt khoát đứng về phía người phụ nữ mà thông cảm, bênh vực họ trước những thành kiến tàn ác của xã hội phong kiến.

Từ tình thương và niềm tin yêu mẹ, có một niềm khát khao âm thầm, cháy bỏng luôn ấp ủ trong lòng bé Hồng: được gặp mẹ. Xa mẹ nhưng bé Hồng dường như vẫn bấm đốt ngón tay, tính từng ngày khắc khoải, chờ mong mẹ về: Gần đến ngày giỗ đầu thầy tôi, mẹ tôi ở Thanh Hoá vẫn chưa về… Nhưng đến ngày giỗ đầu thầy tôi, tôi không viết thư gọi mẹ tôi cũng về… Người mẹ đã trở về, nỗi nhớ, niềm mong của bé Hồng đã trở thành hiện thực. Đến đây có thể nói những rung động về mẹ của bé Hồng đã đến độ cực điểm qua ngòi bút miêu tả của nhà văn. Đầu tiên là cảm giác bối rối, hồi hộp đến nghẹn ngào của bé Hồng khi vừa tan trường ra nhìn thấy người đàn bà ngồi trên xe kéo giống mẹ, bé đuổi theo gọi bối rối: Mợ ơi! Mợ ơi! Mợ ơi!

Tiếng gọi ấy bao lâu nay chỉ là tiếng nấc thầm đau khổ của trái tim thơ dại như: Bé Hồng thở hồng hộc, trán đẫm mồ hôi,… ríu cả chân lại vì mừng rỡ sung sướng, vội vã đến cuống quýt tội nghiệp như sợ bóng hình mẹ tan biến mất.

Mong ngóng bao ngày, giây phút gặp mẹ, bé Hồng vẫn cảm thấy như quá đột ngột, niềm vui, niềm hạnh phúc được gặp mẹ khiến bé bất ngờ không dám tin vào mắt mình nữa để nghĩ rằng: Nếu người quay lại ấy là người khác… Và cái lầm đó không những làm cho tôi thẹn mà còn tủi cực nữa, khác gì cái ảo ảnh của một dòng nước trong suốt chảy dưới bóng râm đã hiện ra trước con mắt gần rạn nứt của người bộ hành ngã gục giữa sa mạc.

Lời văn miêu tả với hình ảnh so sánh gợi cảm, nhà văn đã lấy hình ảnh người khách bộ hành ngã gục giữa sa mạc, với đôi mắt đăm đắm trông nhìn đến gần rạn nứt để so sánh với khát khao gặp mẹ cháy bỏng mãnh liệt của bé Hồng. Còn người mẹ lại được so sánh như Dòng nước trong suốt chảy dưới bóng râm giữa sa mạc để nói rằng mẹ bé Hồng chính là nguồn sống, là sự hiền hòa bao dung như dòng nước mát làm dịu lòng con trước nỗi đắng cay của cuộc đời. Chỉ có mẹ mới đưa con từ cõi chết trở về với sự sống, con sống được là nhờ có mẹ.

Được ngồi lên xe cùng mẹ, bé oà lên khóc nức nở khiến người mẹ cũng sụt sùi theo. Các từ oà, nức nở, sụt sùi cùng trường nghĩa nối tiếp nhau miêu tả cung bậc khác nhau của tiếng khóc, của dòng nước mắt càng làm tăng tính biểu cảm của đoạn văn và diễn tả rõ nét tình cảm của bé Hồng khi gặp mẹ.

Trước đây nước mắt bé Hồng đã từng chan hoà, đầm đìa, ròng ròng rơi xuống từ niềm đau, nỗi khổ của mẹ. Bây giờ vẫn là dòng nước mắt nhưng nó vỡ “oà ra” vì bàng hoàng, sung sướng đến tột cùng. Đó là dòng nước mắt nhân lên niềm vui, nở bừng ánh sáng hạnh phúc trong giây phút hội ngộ của tình mẫu tử thiêng liêng.

Những rung động của bé Hồng khi được ngồi kề bên mẹ, được ôm ấp trong lòng mẹ cứ trào lên từng giây, từng phút. Được tận mắt nhìn thấy mẹ, thấy gương mặt mẹ tôi vẫn tươi sáng, đôi mắt trong và nước da mịn, làm nổi bật màu hồng cùa hai gò má chứ không còm cõi, xơ xác như lời người bà cô, úé thấy mẹ bé vẫn tươi đẹp như thuở còn sung túc. Với bé, mẹ chính là cô Tấm thảo hiền, là cô tiên dịu dàng xinh đẹp bởi mẹ em chỉ có một trên đời.

Được ôm ấp, được sống trong lòng mẹ đùi áp đùi mẹ tôi, đầu ngã vào cánh tay mẹ tôi, tôi thấy những cảm giác ấm áp đã bao lâu mất đi bỗng lại mơn man khắp da thịt, hơi quần áo mẹ tôi và những hơi thở ở khuôn miệng xinh xắn nhai trầu phả ra lúc đó thơm tho lạ thường, bé Hồng tưởng như trên đời không còn hạnh phúc nào bằng. Ngôn ngữ của Nguyên Hồng đã diễn tả thật chính xác, sinh động, cảm xúc, cảm giác, những rung động của một người con được ôm ấp trong lòng mẹ, cảm nhận được mùi vị riêng của người mẹ từ hơi quần áo, hơi thở. Đó chính là những rung động chỉ có được ở người con thiết tha yêu kính mẹ. Đó cũng chính là cộng hưởng của cảm xúc, của nỗi khát khao bao ngày được sóng trong lòng mẹ của bé Hồng.

Bằng chính rung động của trái tim mình, Nguyên Hồng đã vẽ lên bằng kí ức bức tranh đẹp, lãng mạn về tình mẫu tử muôn đời: tràn ngập ánh sáng, thoang thoảng hương thơm, sắc màu tươi tắn, được hoạ nên bởi muôn hồng ngàn tía toả ra từ tình mẹ với con, tinh con với mẹ. Ta chợt nhớ tới câu của một nhà thơ Nga: Chỉ mẹ là nguồn vui ánh sáng diệu kì.

Được sống trong vòng tay yêu thương của mẹ, bé Hồng lại khao khát, một khao khát thật dễ thương là: Phải bé lại lăn vào lòng một người mẹ, áp mặt vào bầu sữa nóng của người mẹ, để bàn tay người mẹ vuốt ve từ trán xuống cằm, và gãi rôm ở sống lưng cho, mới thấy người mẹ có một êm dịu vô cùng.

Đây là lời bình luận trữ tình ngoại đề hay chính là lời độc thoại nội tâm của nhân vật ẩn chứa khát khao thơ ngây và cũng thật chính đáng của mỗi con người. Ta như bồi hồi sống lại tuổi thơ, được mẹ yêu thương vỗ về, được làm nũng, hưởng sự vuốt ve, chiều chuộng, được cánh tay hiền của mẹ đưa nôi cùng với điệu à ơi để mai này có lúc:

Ngồi buồn nhớ mẹ ta xưa

Miệng nhai cơm búng lưỡi lừa cá xương

Bé Hồng bồng bềnh như trôi trong cảm giác sung sướng, rạo rực ru mình trong giấc mơ về tình mẹ dịu êm.

Tôi còn nhớ câu chuyện Cô bé bán diêm của nhà văn An-đéc-xen Đan Mạch, trong đêm đông lạnh giá, em bé đốt đến que diêm cuối cùng để ru mình trong giấc mơ rực sáng, ở đây bé Hồng đang ru mình vào giấc mơ giữa ban ngày, giấc mơ trong hiện thực với tình mẹ thiêng liêng, tình con cháy bỏng để quên đi tất cả.

Văn chính là người, văn của Nguyên Hồng chính là hạt trai long lanh kết tụ từ nước mắt rơi xuống của chính cuộc đời nhà văn. Trang hồi kí của ông thực sự là tiếng lòng của ông vọng về từ một thời thơ ấu, chính vì thế mới là những rung động cực điểm của một linh hồn bé dại, về một tuổi thơ bất hạnh luôn khao khát tình mẹ. Ta càng cảm thông, xót xa hơn cho những tuổi thơ xa vắng mẹ. Tất cả có thể mất đi, có thể nhạt phai nhưng có một điều không thể nào chia rẽ được. Đó là tình mẫu tử. Với ý nghĩa nhân văn sâu sắc ấy, đoạn trích sẽ còn lay động mãi tới tất cả những trái tim biết yêu mẹ, hiếu lễ với đấng sinh thành.

**ĐỀ 9:**

***Nguyên Hồng xứng đáng là nhà văn của phụ nữ và trẻ em. Bằng sự hiểu biết của em về tác phẩm Trong lòng mẹ, em hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.***

**Hướng dẫn**:

1. **Giải thích:**

Vì sao Nguyên Hồng được đánh giá là nhà văn của phụ nữ và trẻ em

Đề tài: Nhìn vào sự nghiệp sáng tác của Nguyên Hồng, người đọc dễ nhận thấy hai đề tài này đã xuyên suốt hầu hết các sáng tác của nhà văn: Những ngày thơ ấu, Hai nhà nghỉ, Bỉ vỏ...

Hoàn cảnh: Gia đình và bản thân đã ảnh hưởng sâu sắc đến sáng tác của nhà văn. Bản thân là một đứa trẻ mồ côi sống trong sự thiếu thốn cả về vật chất lẫn tinh thần lại còn bị gia đình và xã hội ghẻ lạnh .

Nguyên Hồng được đánh giá là nhà văn của phụ nữ và trẻ em không phải vì ông viết nhiều về nhân vật này. Điều quan trọng ông viết về họ bằng tất cả tấm lòng tài năng và tâm huyết của nhà văn chân chính. Mỗi trang viết của ông là sự đồng cảm mãnh liệt của người nghệ sỹ , dường như nghệ sỹ đã hoà nhập vào nhân vật mà thương cảm mà xót xa đau đớn, hay sung sướng, hả hê.

**2. Nguyên Hồng là nhà văn của phụ nữ .**

**a. Nhà văn đã thấu hiểu và đồng cảm sâu sắc cho nỗi bất hạnh của người phụ nữ**

Thấu hiểu nỗi khổ về vật chất của người phụ nữ. Sau khi chồng chết vì nợ nần cùng túng quá, mẹ Hồng phải bỏ đi tha hương cầu thực, buôn bán ngược xuôi để kiếm sống . Sự vất vả, lam lũ đã khiến người phụ nữ xuân sắc một thời trở nên tiều tụy đáng thương “Mẹ tôi ăn mặc rách rưới, gầy rạc đi ”…

Thấu hiểu nỗi đau đớn về tinh thần của người phụ nữ : Hủ tục ép duyên đã khiến mẹ Hồng phải chấp nhận cuộc hôn nhân không tình yêu với người đàn ông gấp đôi tuổi của mình. Vì sự yên ấm của gia đình, người phụ nữ này phải sống âm thầm như một cái bóng bên người chồng nghiện ngập. Những thành kiến xã hội và gia đình khiến mẹ Hồng phải bỏ con đi tha hương cầu thực , sinh nở vụng trộm dấu diếm.

**b. Nhà văn còn ngợi ca vẻ đẹp tâm hồn, đức tính cao quý của người phụ nữ:**

Giàu tình yêu thương con. Gặp lại con sau bao ngày xa cách, mẹ Hồng xúc động đến nghẹn ngào. Trong tiếng khóc sụt sùi của người mẹ, người đọc như cảm nhận được nỗi xót xa ân hận cũng như niềm sung sướng vô hạn vì được gặp con. Bằng cử chỉ dịu dàng âu yếm xoa đầu, vuốt ve, gãi rôm...mẹ bù đắp cho Hồng những tình cảm thiếu vắng sau bao ngày xa cách.

**c. Là người phụ nữ trọng nghĩa tình**

Dẫu chẳng mặn mà với cha Hồng song vốn là người trọng đạo nghĩa, mẹ Hồng vẫn trở về trong ngày dỗ để tưởng nhớ người chồng đã khuất.

**d. Nhà văn còn bênh vực, bảo vệ người phụ nữ:**

Bảo vệ quyền bình đẳng và tự do , cảm thông vời mẹ Hồng khi chưa đoạn tang chồng đã tìm hạnh phúc riêng.

Tóm lại: Đúng như một nhà phê bình đã nhận xét “Cảm hứng chủ đạo bậc nhất trong sáng tạo nghệ thuật của tác giả. Những ngày thơ ấu lại chính là niềm cảm thương vô hạn đối với người mẹ . Những dòng viết về mẹ là những dòng tình cảm thiết tha của nhà văn. Không phải ngẫu nhiên khi mở đầu tập hồi ký Những ngày thơ ấu, nhà văn lại viết lời đề từ ngắn gọn và kính cẩn: Kính tặng mẹ tôi” . Có lẽ hình ảnh người mẹ đã trở thành nguồn mạch cảm xúc vô tận cho sáng tác của Nguyên Hồng để rồi ông viết văn học bằng tình cảm thiêng liêng và thành kính nhất.

**2. Nguyên Hồng là nhà văn của trẻ thơ.**

**a. Nhà văn thấu hiểu và đồng cảm sâu sắc cho nỗi khổ, nội bất hạh của trẻ thơ.**

Nhà văn thấu hiểu nỗi thống khổ cả vạt chất lẫn tinh thần : Cả thời thơ ấu của Hồngđược hưởng những dư vị ngọt ngào thì ít mà đau khổ thì không sao kể xiết : Mồ côi cha, thiếu bàn tay chăm sóc của mẹ, phải ăn nhờ ở đậu người thân. Gia đình và xã hội đã không cho em được sống cuộc sống thực sự của trẻ thơ ...nghĩa là được ăn ngon, và sống trong tình yêu thương đùm bọc của cha mẹ, người thân. Nhà văn còn thấu hiểu cả những tâm sự đau đớn của chú bé khi bị bà cô xúc phạm ...

**b. Nhà văn trân trọng, ngợi ca phẩm chất cao quý của trẻ thơ:**

Tình yêu thương mẹ sâu sắc mãnh liệt. Luôn nhớ nhung về mẹ. Chỉ mới nghe bà cô hỏi “Hồng, mày có muốn vào Thanh Hoá chơi với mợ mày không?”, lập tức, trong ký ức của Hồng trỗi dậy hình ảnh người mẹ.

Hồng luôn tin tưởng khẳng định tình cảm của mẹ dành cho mình. Dẫu xa cách mẹ cả về thời gian, không gian, dù bà cô có tính ma độc địa đến đâu thì Hồng cũng quyết bảo vệ đến cùng tình cảm của mình dành cho mẹ. Hồng luôn hiểu và cảm thông sâu sắc cho tình cảnh cũng như nỗi đau của mẹ. Trong khi xã hội và người thân hùa nhau tìm cách trừng phạt mẹ thì bé Hồng với trái tim bao dung và nhân hậu yêu thương mẹ sâu nặng đã nhận thấy mẹ chỉ là nạn nhân đáng thương của những cổ tục phong kiến kia. Em đã khóc cho nỗi đau của người phụ nữ khát khao yêu thương mà không được trọn vẹn. Hồng căm thù những cổ tục đó: “Giá những cổ tục kia là một vật như .....thôi”

Hồng luôn khao khát được gặp mẹ. Nỗi niềm thương nhớ mẹ nung nấu tích tụ qua bao tháng ngày đã khiến tình cảm của đứa con dành cho mẹ như một niềm tín ngưỡng thiêng liêng, thành kính. Trái tim của Hồng như đang rớm máu, rạn nứt vì nhớ mẹ. Vì thế thoáng thấy người mẹ ngồi trên xe, em đã nhận ra mẹ, em vui mừng cất tiếng gọi mẹ mà bấy lâu em đã cất dấu ở trong lòng.

**c. Sung sướng khi được sống trong lòng mẹ.**

Lòng vui sướng được toát lên từ những cử chi vội vã bối rối từ giọt nước mắt giận hờn, hạnh phúc tức tưởi, mãn nguyện.

**d. Nhà thơ thấu hiẻu những khao khát muôn đời của trẻ thơ:**

Khao khát được sống trong tình thương yêu che chở của mẹ, được sống trong lòng mẹ.

## ĐỀ 10. Nụ cười và nước mắt trong đoạn trích “Trong lòng mẹ” của Nguyên Hồng

**Nguyễn Thanh Truyền**

Những ngày thơ ấu của Nguyên Hồng là tập hồi kí gây xúc động và ám ảnh cho nhiều thế hệ bạn đọc ngay từ khi ra đời (1940) đến nay. Trong tác phẩm nổi tiếng này, mỗi chương tác giả kể về một kỉ niệm sâu sắc hằn in trong kí ức mình, những kỉ niệm ít niềm vui mà nhiều cay đắng. Cùng với những cảnh ngộ, nỗi lòng, những trang văn viết về tuổi thơ của Nguyên Hồng còn ám ảnh chúng ta bởi những chi tiết tưởng chừng rất nhỏ. Và ám ảnh nhất chính là những chi tiết nhà văn miêu tả nụ cười và nước mắt trong đoạn trích Trong lòng mẹ.

Trong lòng mẹ trích trọn vẹn chương IV hồi kí Những ngày thơ ấu, kể lại hai sự việc diễn ra trong hai thời điểm cách xa nhau nhưng đều liên quan đến nhân vật người mẹ: “ Gần đến ngày giỗ đầu thầy tôi, mẹ tôi ở Thanh Hoá vẫn chưa về”,

“cô tôi gọi tôi đến bên..và “Nhưng đến ngày giỗ thầy tôi, tôi không viết thư gọi mẹ tôi cũng về”. Cái nguyên cớ sắp đặt hai sự việc ấy trong một chương chính là sự kiện “giỗ đầu thầy tôỉ’. Nhưng cái giỗ không có nhiều điều để kể, những chuyện xung quanh nó – được viết ở chương này – mới là những điều chẳng thể quên. Nó nói lên cái tình thế đáng thương của nhân vật Hồng: bố mới chết, mẹ phải đi tha hương cầu thực, Hồng phải sống nhờ vả bên nội trong sự ghẻ lạnh của họ; sống trong nỗi cô độc và mong ngóng mẹ từng phút từng giờ. Chính đó là cảnh ngộ dễ làm nảy sinh “những rung động cực điểm của một linh hồn trẻ dại (Thạch Lam), dễ nảy sinh những khóc cười…

Quả vậy, nhân vật chính của đoạn trích ngay từ đầu đã suýt bật khóc khi được hỏi “Hồng! Mày có muốn vào Thanh Hoá chơi với mợ mày không?’. Suýt bật khóc bởi nhắc đến mẹ, ngay lập tức nỗi niềm tủi nhớ thường trực bật lên “ Tưởng đến vẻ mặt rầu rầu và sự hiền từ của mẹ tôi, và nghĩ đến cảnh thiếu thốn một tình thương yêu ấp ủ từng phen làm tôi rớt nước mắt’. Nên, trước câu hỏi ấy, Hồng đã “toan trả lời có”. Nhưng rồi Hồng không nói, cũng không khóc, chính xác là chưa khóc. Hồng kìm nén những giọt nước mắt thường ngày luôn chực trào ra khi cậu nhớ mẹ. vốn là đứa trẻ rất nhạy cảm nhưng sớm đối mặt với cuộc sống cô độc, bản năng tự vệ đã khiến Hồng trở nên cứng cỏi, có được sự lạnh lùng cần thiết, biết giấu kín những suy nghĩ thật, những ước muốn trong sâu thẳm trái tim mình. Những tháng ngày xa mẹ, đứa trẻ non nớt ấy đã nếm đủ mùi vị ăn nhờ ở đậu, mùi vị của sự ghẻ lạnh xúc xiểm, nếm đủ bao mánh khoé mà “người ta bắn tin”/ đặt điều về mẹ. Đứa trẻ ấy đã đủ “trải nghiệm” đểcó thể có những ứng xử rất “biết điều”, phù hợp hoàn cảnh. Trước thái độ và sự quan tâm bất thường của người cô “gọi tôi đến bên, cười hỏì”, Hồng đã “nhận ra những ý nghĩa cay độc trong giọng nói và trên nét mặt khi cười rất kịch” ấy, nên “cúi đầu không đáp”. Không những thể hiện sự nhạy cảm khi biết kìm nén cảm xúc, không bật thốt ra mong muốn thực, Hồng còn có phản ứng thông minh khi biết nói lên những lời trái với suy nghĩ của mình qua thái độ rất chân thành với mục đích bảo vệ “tình thương yêu và lòng kính mến mẹ” trong lòng mình trước “những rắp tâm tanh bẩn” từ bên ngoài: “Tôi cũng cười đáp lại cô tôi: – Không! Cháu không muốn vào. Cuối năm thế nào mợ cháu cũng về”. Sự nhanh trí thể hiện ở chỗ khi người cô “cười hỏi”, Hồng “cũng cười” đáp lại, rất lễ phép và phải phép! Nụ cười của bé Hồng, từ lúc này, đã không còn là nụ cười hồn nhiên của một đứa trẻ hồn nhiên nữa. Và, càng về sau càng không thể hồn nhiên (đặc biệt là cái “cười dài trong tiếng khóc”).

Không còn hồn nhiên bởi, như đã thấy, Hồng đang đối diện với cái “cười hỏi” của bà cô. Nghe nội dung câu hỏi ngỡ là quan tâm chân thành, nhưng nhìn cái điệu bộ “cười hỏi” thì thấy rõ đó là sự quan tâm giả tạo. Rồi sau đó, trong khi đứa cháu đã đắm chìm trong nước mắt thì bà cô hết “cười hỏi” lại “cười mà nói”, “hai con mắt long lanh” lại “ vẫn cứ tươi cười kể các chuyện”… Chẳng ai có thể cười trong nỗi đau của người khác như thế, nếu không mang tâm địa xấu xa, thâm độc, nham hiểm.

Chỉ qua miêu tả nụ cười của các nhân vật, Nguyên Hồng đã dựng lên hai thế giới tương phản. Một bên, là cái cười với “rắp tâm tanh bẩn” và đắc ý của bà cô. Một bên, là cái cười lảng tránh để tự vệ và “cười dài trong tiếng khóc đớn đau, uất ức của bé Hồng. Một cái cười của lòng ích kỉ, nhân  
tính cằn khô. Một cái cười xuất phát từ tình thương yêu, kính mến vô bờ.

Nụ cười từ tình yêu vô bờ ấy còn một biến thể của nó: là nước mắt. Nụ cười của nhân tính cằn khô không có biến thể/ dạng thức tồn tại khác. Dễ nhận thấy, nhân vật bà cô trong đoạn trích không hề rơi nước mắt, không thấy bà cô ấy mảy may xúc động dù trước đứa cháu đang khóc đầm đìa hay khi “tỏ sự ngậm ngùi thương xót” người anh mới mất. Có lẽ bởi không có nước mắt nên người cô của bé Hồng đã nhìn chị dâu bằng cái nhìn tàn nhẫn, với những định kiến, cổ tục hẹp hòi. Khi nhìn đời và nhìn người bằng đôi mắt lạnh lùng, vô cảm, nhẫn tâm thì chỉ thấy toàn những xấu xa, hư hỏng mà thôi. Thật đúng như lời Francois Coppée: “Người ta chỉ xấu xa, hư hỏng trước đôi mắt ráo hoảnh của phường ích kỉ; và nước mắt là một miếng kính biến hình vũ trụ”!(1)

Cũng có thể mượn ý Francois Coppée để nói về những giọt nước mắt của nhân vật Hồng trong đoạn trích. Nước mắt ở đây vừa mang nghĩa thực vừa mang nghĩa biểu tượng. Nước mắt với tư cách “một miếng kính biến hình của vũ trụ” là hình ảnh của cách nhìn đời nhìn người bằng tình yêu thương và lòng nhân ái, bằng sự cảm thông và lòng bao dung. Từ đầu đoạn trích dù luôn bị “người ta” cố tình cung cấp thông tin gây nhiễu, nhưng bé Hồng vẫn nhìn sự việc bằng cái nhìn của “tình thương yêu và lòng kính mến” mẹ. Dù “người ta” tìm nhiều cách làm méo mó hình ảnh mẹ trong cậu, thì với tất cả những gì được chứng kiến từ nhỏ Hồng đủ hiểu thấu bản chất sự việc: mẹ cậu không “xấu” như lời người cô nói.

Khi nhắc đến mẹ, nỗi nhớ trào dâng, nhưng những giọt nước mắt sớm được Hồng nén kìm. Trong cuộc đối thoại với bà cô, từ sâu thẳm trái tim, những giọt nước mắt bé Hồng là nước mắt của lòng thương và nỗi hận, càng thương lại càng hận, thương mẹ bao nhiêu lại hận những cổ tục đày đoạ mẹ bấy nhiêu!

Cậu bé Hồng thường buồn tủi khi “nghĩ đến cảnh thiếu thốn một tình thương ủ ấp”. Gặp lại mẹ, cảnh thiếu thốn ấy được khoả lấp. Ngòi bút Nguyên Hồng tái hiện sinh động đến từng cảm giác của cuộc gặp gỡ vô cùng cảm động ấy. Sau phút bối rối khi thoáng thấy người giống mẹ, vượt qua nỗi thẹn và nỗi tủi cực đến mức tuyệt vọng nếu nhầm lẫn, Hồng đuổi theo đến ríu cả chân, mẹ con vui sướng nhận ra nhau. Nhưng lên xe, Hồng lại “oà lên khóc rồi cứ thế nức nở khiến mẹ “cũng sụt sùi theo”. Những giọt nước mắt khi gặp mẹ cứ oà vỡ trào tuôn không phải kìm nén trông chừng, không nghẹn ngào uất ức. Nước mắt ấy được hoà cùng với đôi mắt mẹ sũng nước sụt sùi. Nước mắt ấy được thoải mái bật ra thành tiếng nấc, nức nở trong tiếng dỗ dành ấm dịu thân quen “Con nín đi! Mợ đã về với các con rồi mà.” rồi được mẹ “lấy vạt áo nâu thấm nước mắt cho”… Những giọt nước mắt đưa cậu bé vào thế giới của tình mẹ, được tận hưởng niềm hạnh phúc “êm dịu vô cùng”, “những cảm giác ấm áp đã bao lâu mất đi bỗng lại mơn man khắp da thịt…”. Đó không còn là nước mắt cay đắng, tủi cực, đớn đau mà là nước mắt tuôn trào từ niềm hạnh phúc, hân hoan, rạo rực trong tình mẫu tử thiêng liêng, bất diệt!

Nếu như các chi tiết về nụ cười của các nhân vật cho ta thấy hai thế giới đối lập thì các chi tiết về những giọt nước mắt đã cho ta thấy một tương quan khác – nhà văn đưa ta lắng lại ở điểm tương đồng. Trong mỗi sự việc những giọt nước mắt được miêu tả khác nhau. Trước bà cô là những giọt nước mắt tức tưởi, đớn đau cùng cực. Trong cuộc gặp cảm động với mẹ là những giọt nước mắt của sướng vui, ấm áp. Tuy nhiên, cần biết rằng, tất cả nước mắt ấy đều khởi nguồn từ sâu thẳm: tình yêu thương, tình mẫu tử. Ở sự việc thứ nhất, nước mắt uất nghẹn trào ra bởi có mẹ – ở – trong – lòng, trọn vẹn, thiêng liêng và bất khả xâm phạm, ở sự việc thứ hai, bởi đã được ở – trong – lòng – mẹ, khao khát thành hiện thực, tiếng khóc nức nở vỡ oà. Chương IV được nhà văn đặt tên Trong lòng mẹ, có phải ông muốn bất tử hoá cái khoảnh khắc quý giá được ở trong lòng mẹ mà bé Hồng hằng khát khao cháy bỏng này chăng?

Nụ cười và nước mắt là hai hình ảnh quen thuộc biểu lộ cảm xúc của con người. Hiểu theo chiều thuận, nếu không có gì bất thường, thì cười và khóc chính là hình ảnh của niềm vui và nỗi buồn, hạnh phúc và bất hạnh, sung sướng và đớn đau, hân hoan và tủi nhục,… Nhưng trong đoạn trích này Nguyên Hồng không miêu tả giản đơn một chiều theo kiểu vui thì cười, buồn thì khóc. Những chi tiết khóc và cười đầy uẩn khúc đã góp phần khắc hoạ sinh động chân dung/ bản chất từng nhân vật. Ngòi bút tinh tế của Nguyên Hồng lách sâu vào nội tâm, để những khóc cười của nhân vật làm hiện lên trong đoạn trích một bức tranh cuộc sống chân thực và cảm động: đầy cay đắng, tủi cực nhưng cũng ngập tràn khao khát yêu thương, luôn hướng về tình người bao dung ấm áp. Sức hấp dẫn của đoạn trích Trong lòng mẹ cũng như của văn chương Nguyên Hồng bắt rễ từ chính “những tình cảm thống thiết được “ép ra từ trái tim vô cùng nhạy cảm”(2) của ông!

**BT12.** **Suy nghĩ về tình mẫu tử trong đoạn trích Trong lòng mẹ (trích Những ngày thơ ấu) của Nguyên Hồng.**

– Viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong tác phẩm văn xuôi.

– Xem lại đoạn trích Trong lòng mẹ, nên tìm đọc thêm Những ngày thơ ấu của Nguyên Hồng.

– Tìm hiểu đề, tìm luận điểm và xây dựng dàn ý trước khi viết.

– Tránh thuật lại các chi tiết trong truyện (nhầm lẫn lí lẽ trong văn nghị luận với lời kể của tự sự).

**2. Gợi ý**

– Tình mẫu tử bao hàm tình cảm của người mẹ với đứa con và ngược lại của đứa con đối với mẹ. Ở đoạn trích cơ hẳn là tình cảm của bé Hồng với mẹ, tình cảm của mẹ với bé Hồng chỉ là phụ.

– Cần khai thác những biểu hiện bên ngoài cùng với trạng thái tâm lí đầy dằn

vặt đau đớn của bé Hồng.

– Chú ý đến người thuật : ẩn dụ so sánh, giọng văn tràn đầy cảm xúc để thấy được Nguyên Hồng là nhà văn của phụ nữ và trẻ em.

– Bài viết cần gợi cảm, sinh động để tạo được xúc động cho người đọc.

**3. Lập dàn ý**

a. Mở bài

* Những ngày thơ ấu là cuốn hồi kí mang tính tự thuật của Nguyên Hồng; là lời tâm sự về tuổi thơ cay đắng, đau khổ của nhà văn.
* Đoạn trích Trong lòng mẹ tụy ngắn nhưng đã gợi nên niềm xúc động bởi tình cảm mẫu tử thiêng liêng của mẹ con bé Hồng.

b. Thân bài

– Giới thiệu khái quát về cuộc đời của Hồng và đoạn trích Trong lòng mẹ :

– Số phận sớm bất hạnh : mồ côi bố, mẹ bỏ đi xa, ở nhờ nhà nội, người cô ruột ghét chị dâu nên thường đem cháu ra để dày vò cho hả giận.

– Nỗi nhớ mẹ, mong chờ mẹ của bé Hồng.

– Tình mẫu tử thể hiện ở bé Hồng :

– Khi mẹ đi xa :

+ Bảo vệ mẹ bằng mọi hình thức : im lặng nghe cô mát mẻ, cạnh khoé, nói dối cô (không muốn vào Thanh Hoá).

+ Đau đớn khi nghe cô nói xấu mẹ (“cứời dài trong tiếng khóc…”).

+ Căm giận hủ tục phong kiến đã chà đạp lên quyền sống, quyền hưởng hạnh phúc của con người, (nghệ thuật so sánh)

+ Thương nhớ mẹ không có thể làm thay đổi được tình cảm đó. (“không một rắp tâm tanh bẩn nào…”)

+ Mong muốn mẹ ở nhà và sẵn sàng đứng về phía mẹ để đối mặt với mọi dư luận, mọi lời chỉ trích, mọi thái độ thù ghét (hình ảnh con dao vấy máu).

– Khi mẹ trở về :

+ Gọi mẹ, sợ nhầm (nghệ thuật ẩn dụ so sánh..)

+ Niềm hạnh phúc vô bờ khi được ở trong lòng mẹ (tận hưởng bằng tất cả các giác quan, quên đì mọi đau khổ…).

– Tình cảm của người mẹ :

+ Vui mừng, âu yếm con.

+ Mạnh dạn trở về trong ngày giỗ đầu người chồng (dù biết rõ thái  độ của nhà chồng) để được gặp con.

+ Mong muốn đoàn tụ với các con, được chăm sóc, yêu thương con.

– Suy nghĩ về tình mẫu tử (có thể viết xen vào các phần trên hoặc tách riêng).

+ Đó là tình cảm thiêng liêng, sâu sắc.

+ Tạo nên nét đẹp đầy tính truyền thống của người Việt Nam.

+Trở thành sức mạnh tinh thần giúp con người vượt qua muôn ngấn gian khổ, khó khăn.

c. Kết bài : Nguyên Hồng là nhà văn của phụ nữ và trẻ em vì đã ca ngợi tình mẫu tử thiêng liêng.

Qua nhiều tác phẩm của nhà văn Nguyên Hồng, tất cả mỗi chúng ta đều cố thể nhận thấy rằng chất liệu chủ đạo mà ông sử dụng cho sáng tác của mình được lấy từ cuộc sống của những con người khốn khó hay của chính mình. Hồi kí Những ngày thơ ấu của ông cũng là một trong những tác phẩm như vậy. Tình mẫu tử như một sợi chỉ đỏ xuyên suốt toàn bộ đoạn trích Trong lòng mẹ của hồi kí này.

Mẫu là mẹ, tử là con. Tình mẫu tử là tĩnh yêu thương chăm sóc mẹ dành cho con, sự kính trọng biết ơn mà con dành cho mẹ. Tất thảy những tình cảm đó tưởng chừng như bình thường, vậy mà dưới ngòi bút của Nguyên Hồng nó lại trở nên cụ thể và máu thịt, từ sự kết nối đó tạo nên ba chữ tình mẫu tử. Và trong đoạn trích này, tình cảm thiêng liêng đó được phát triển và trở thành đỉnh điểm của tình cảm con người.

Ngay từ phần đầu đoạn trích, với nghệ thuật xây dựng diễn biến tâm lí nhân vật, nhà văn đã tạo dựng nên tình huống đối thoại giữa nhân vật người cô với chú bé Hồng. Những lời nói cay độc và đay nghiến của người cô đã khiến bé Hồng bộc lộ rõ tình yêu thương mẹ cháy bỏng khi người mẹ đáng thương đó phải đi tha hương cầu thực nơi đất khách quê người.

Có thể thấy ngay từ câu hỏi đầu tiên, người cô đã trút lên đầu đứa cháu tội nghiệp những lời mỉa mai độc địa :

– Mày có muốn vào Thanh Hoá chơi với mẹ mày không ?

Với nụ cười nửa miệng và câu hỏi thăm đó, bà đã chạm đến nỗi đau đớn vì phải xa mẹ của chú bé. Người cô ruột đó đại diện cho sự lạnh lùng nghiệt ngã của những hủ tục phong kiến ngày xưa, cho nên sẵn sàng nói cho sướng miệng, cho hả lòng hả dạ. Không mảy may nghĩ đến nỗi đau của đứa cháu đáng thương. Hai anh em mới mấy tuổi đầu mà đã mồ côi cha, mẹ đi biệt xứ, không được sống trong tình yêu thương, em phải sống trong sự ghẻ lạnh của họ hàng, sự khinh ghét của người cô ruột. Có thể nói cuộc sống quanh em là những đau khổ và bất hạnh. Muốn Hồng khinh ghét, ruồng rẫy mẹ, muốn Hồng quay lưng lại với người phụ nữ đã từng là chị dâu của mình, bà ta đã không từ một thủ đoạn bỉ ổi nào dù có thể làm cho đứa cháu ruột của mình đau đớn đến tuyệt vọng.

Trong hoàn cảnh đó, tình yêu mẹ đã khiến em không dễ bị,những rắp tâm tanh bẩn của người cô đánh lừa. Em yêu thương mẹ bằng nguyên vẹn trái tim mình. Không gì có thể khiến em thay lòng đổi dạ và em đã khẳng định “cuối năm nhất định mợ cháu sẽ về”. Câu trả lời đó thật cứng cỏi, thật chắc chắn bởi nó được thốt ra từ chính miệng em, từ chính trái tim, từ chính lòng yêu quý, sự tin tưởng mà em dành cho mẹ mình.

Suốt cả đoạn trích, ta thấy đứa trẻ với một bản năng tự vệ, phải gồng lên để bạo vệ người mẹ đang biệt xứ nơi xa. Em đã kín đáo bảo vệ mẹ. Nhiều lúc chú bé “cười trong nước mắt”, lúc khác lại “nước mắt ròng ròng”. Những giọt nước mắt đó là nỗi đau, là sự day dứt mà chú bé đã hứng chịu thay mẹ, khác nào giơ vai ra đỡ những nhát dao đâm vào mẹ. Có thể thấy trong tâm hồn em đang có một sự đấu tranh quyết liệt. Em mong muốn được bảo vệ mẹ để không ai có thể xen vào tình cảm mẹ con, để niềm tin vào một ngày đoàn tụ trong em không bao giờ tan vỡ. Em muốn cùng mẹ đối mặt với lễ giáo phong kiến. Em không muốn mẹ mình cứ phải sống chui sống lủi, giấu giếm như một kệ ăn cắp hay một tên giết người vởi con dao đang vấy máu. Đứa trẻ đó có một mong ước cháy bỏng “giá những cổ tục đã đày đoạ mẹ tôi là một vật như hòn đá hay cục thuỷ tinh, đầu mẩu, tôi quyết vồ ngay lấy mà cắn, mà nhai, mà nghiến cho kì nát vụn mới thôi”. Chỉ có tình cảm mẫu tử thiêng liêng mới tạo cho nó cái sức mạnh lớn lao đến vậy?

Ở cuối đoạn trích, khi hai mẹ con Hồng đã được gặp nhau là trường đoạn thấm đẫm tình cảm yêu thương, trìu mến của tình mẹ con. Thoáng thấy bóng mẹ là em đã cất tiếng gọi. Hồng đã run rẩy vì sợ bị nhầm. Hình ảnh so sánh sự sợ sệt đó với “người bộ hành đi trên sa mạc” thật là sâu sắc. Tiếng gọi của Hồng như xé tan khoảng không gian u ám của sự xa cách trong chế độ phong kiến xưa. Được mẹ ôm vào lòng, hơi ấm của mẹ đã xua tan đi những nỗi đau từ trước, trái tim rạn nứt đó trở nên lành lặn và khoẻ mạnh. Mọi rắp tâm tanh bẩn dường như không còn tồn tại nữâ mà thay thế vào đó là tình mẫu tử đẹp đẽ và chite chan niềm hạnh phúc “gương mặt mẹ tôi vẫn tươi sáng với đôi mắt trong và nước da mịn, làm nổi bật màu hồng của hai gò má”. Được cảm nhận tình thương, được ngửi thấy“hơi thở ở khuôn miệng xinh xắn nhai trầu phả ra…” – những thứ thật bình thường vậy mà đối với Hồng lại là những điều thật sự thú vị và thiêng liêng. Đây được coi là đỉnh điểm của tình mẫu tử ở đoạn trích Trong lòng mẹ của Nguyên Hồng.

Cảm ơn Nguyên Hồng, ông đã giúp cho chúng ta cảm nhận được tình mẹ con sâu nặng, tình mẫu tử cao quý và thiêng liêng.

**BT13.Cảm nhận hình ảnh nhân vật bé Hồng qua đoạn trích “Trong lòng mẹ”**

**Mở bài:**

Đoạn trích “Trong lòng mẹ” phơi bày cuộc sống đắng cay của nhận vật bé Hồng, lúc mẹ Hồng đi làm ăn xa, Hồng ở nhà một mình chống chọi lại với nghịch cảnh của mình. Bé Hồng là hình ảnh một tuổi thơ nhiều bất hạnh nhưng vẫn tỏa sáng một trái tim thương yêu sâu sắc, để lại ấn tượng xúc động trong lòng người đọc.

**Thân bài:**

Chú bé Hồng là kết quả của một cuộc hôn nhân miễn cưỡng, không hạnh phúc. Sau ngày cha mất, mẹ chú vì cùng túng quá đã bỏ đi tha phương cầu thực, bỏ chú sống đơn độc trong sự ghẻ lạnh của họ hàng. Giữa những con người vô tâm, tàn nhẫn, chú bé Hồng đã gắng gượng sống và chờ đợi mẹ trở về. Người cô ích kỷ, với sự thù ghét cố hữu đối với mẹ hồng, đã luôn tìm cơ hội gièm pha, cạnh khóe, cố tình làm cho cạu phải đau khổ, tủi nhục, căm phẫn và ruồng rẫy mẹ mình.

Tàn nhẫn hơn, người cô luôn giấu ý đồ đó sau vỏ bọc quan tâm, niềm nở đối với chú bé tội nghiệp, đáng thương. Người cô chẳng khác gì một con sói gian ác đang đùa giỡn với cảm xúc của con cừu non bé bỏng, ngây thơ và yếu đuối. Hồng nhận ra tất cả sự giả dối ấy nhưng cậu đã phải gắng sức chịu đựng, kìm nén. Song nỗi đau thương cho mình và cho mẹ vượt quá sự chịu đựng của đứa trẻ,chú đã phải khóc rất nhiều, nước mắt ngậm ngùi của đứa trẻ thầm vụng tủi cực *“nước mắt ròng ròng rớt xuống hai bên mép rồi chan hòa, đầm đìa ở cằm và ở cổ”.*

Sự xúc phạm hình ảnh người mẹ, tình yêu thương và lòng kính trọng mẹ của chú bé Hồng cứ tăng dần lên. Đúng ở vai bề trên, người cô đã tỏ ra thắng thế và thực hiện mưu đồ của mình một cách dễ dàng. Hồng cứ thế mà chịu trận, chẳng thể nào thoát ra được. Tâm trạng đau đớn, uất ức của chú bé dâng đến cực điểm khi nghe người cô cứ tươi cười kể về tình cảnh tội nghiệp của mẹ mình. Nghĩ về nỗi vất vả, cơ cực và khổ nhục của mẹ khiến chú không thể nào kìm nén nổi cảm xúc.

Nỗi căm hận những cổ tục đã đày đoạn người mẹ khiến lòng bé Hồng sôi sục nhưng cũng phải cố dằn lại trước mưu đồ độc ác của người cô: *“Giá những cổ tục đã đày đoạ mẹ tôi là một vật như hòn đá hay cục thuỷ tinh,đầu mẩu gỗ, tôi quyết vồ ngay lấy mà cắn,mà nhai,mà nghiền cho kì nát vụn mới thôi”.*Điều đó thể hiện sự phản kháng quyết liệt và cũng rất hồn nhiên, trẻ con của chú bé Hồng. Sự căm tức dữ dội ấy chính là biểu hiện đầy đủ của tình yêu thương mẹ tha thiết.

Khi người mẹ trở về, mọi công sức của bé Hồng được đền đáp. Chỉ thoáng thấy bóng người ngồi trên xe kéo giống mẹ mình thôi, bé Hồng đã cuống quýt đuổi theo và bối rối “*Mợ ơi! Mợ ơi! Mợ ơi!….”.*Hình ảnh người mẹ và nỗi khao khát được gặp lại mẹ luôn luôn thường trực trái tim chú bé. Chú bé lúc nào cũng nhớ mong và yêu thương mẹ vô cùng. Dường như bao nhiêu sầu khổ dồn nén trong suốt thời gian xa mẹ dài đằng đẵng lúc này bỗng vỡ oà. Tiếng khóc của chú bé là tiếng khóc dỗi hờn và hạnh phúc, tức tưởi và mãn nguyện của xa cách, mong nhớ.

Khi ngồi trong lòng mẹ, chú hạnh phúc đắm mình trong tình mẫu tử. Chú thấy mẹ vẫn đẹp như thuở nào *“vẫn tươi sáng với đôi mắt trong và nước da mịn làm nổi bật màu hồng của hai gò má”.*Chú cũng cảm nhận được niềm hạnh phúc bên con của người mẹ. Chú bé cảm thấy ngây ngất sung sướng khi được sà vào lòng mẹ,cảm giác mà chú đã mất từ lâu. Cậu còn cảm nhận thấm thía hơi thở vô cùng thân thiết, thơm tho lại thường.

Kỉ niệm ngọt ngào làm chú sung sướng đến nghẹn ngào. Lúc ấy, bé Hồng như quên đi tất cả những cay độc, buồn tủi*mà người cô đã cố chì chiết xúc phạm mẹ mình.*Hạnh phúc lớn lao, choáng ngập niềm sung sướng được ở bên mẹ tràn ngập trong bé Hồng, không một rắp tâm tanh bẩn nào xâm phạm được, nó cũng như một liều thuốc hữu hiệu đã nhanh chóng chữa lành mọi tổn thương trong em bấy lâu nay, đó chính là hanh phúc lớn lao của tình mẫu tử thiêng liêng và cao cả.

**Kết bài:**

Đoạn trích tiêu biểu cho bút pháp đậm chất trữ tình của văn Nguyên Hồng. Nhà văn tỏ ra sâu sắc và tinh tế trong việc diễn tả tâm lí nhân vật, kết hợp khéo léo giữa kể, tả, bộc lộ cảm xúc chân thực và cảm động.

**C.PHƯ­ƠNG PHÁP:**

1. HS và GV tìm đọc các tư liệu tham khảo sau:

- Bài đọc thêm “Tôi viết bỉ vỏ” của Nguyên Hồng: Trang 27 – 31 sổ tay văn học.

- Bài đọc thêm trích “Nguyên Hồng, một tuổi thơ văn”: Trang 16 – 18 t­ư liệu ngữ văn.

- Hồi ký “Những ngày thơ ấu”.

- Các bài viết bàn về đoạn trích “Trong lòng mẹ”.

2. Đề văn nghị luận, chứng minh, tự sự, cảm nhận về một đoạn văn.

VD: Luyện viết đoạn văn chứng minh:

Niềm hạnh phúc vô bờ khi ở trong lòng mẹ theo cách: Diễn dịch và quy nạp.

- Bắt buộc HS ghi nhớ một đoạn văn hay trong đoạn trích.

GỢI Ý ĐỀ 1

**- Lòng yêu th­ương mẹ tha thiết của bé Hồng:** Xa mẹ, vắng tình th­ương, thiếu sự chăm sóc, lại phải nghe những lời dèm pha xúc xiểm của ng­ười cô độc ác như­ng tình cảm của bé Hồng hướng về mẹ vẫn mãnh liệt duy nhất một phư­ơng, không bị **“*những rắp tâm tanh bẩn xúc phạm đến****”*. Chính tình yêu thương mẹ tha thiết đã khiến cho bé Hồng có một thái độ kiên quyết, dứt khoát.

**- Sự căm thù những cổ tục đã đầy đoạ mẹ:** Lòng căm ghét của bé Hồmg được diễn đạt bằng những câu văn có nhiều hình ảnh cụ thể, gợi cảm và có nhịp điệu dồn dập tựa như­ sự uất ức của bé ngày một tăng tiến: *“****Cô tôi nói chư­a dứt câu, cổ họng tôi đã nghẹn ứ không ra tiếng. Giá những cổ tục đã đầy đoạ mẹ tôi là một vật như­ hòn đá, cục thuỷ tinh, đầu mẩu gỗ, tôi quyết vồ ngay lại mà cắn, mà nhai, mà nghiến cho kỳ nát vụn mới thôi”.***

- **Khát khao gặp mẹ cháy bỏng:** Ngòi bút của nhà văn đã thể hiện thành công đặc sắc khi miêu tả với phương pháp so sánh như khát khao của người bộ hành đi giữa sa mạc nghĩ về bóng râm và dòng nước mát. Hình ảnh chú bé phải xa mẹ lâu ngày, hơn nữa phải sống trong sự ghẻ lạnh của những ng­ười xung quanh.

- **Sự cảm động, sung s­ướng, bối rối khi gặp mẹ. Niềm hạnh phúc vô bờ khi ở trong lòng mẹ:** Để tô đậm niềm sung sư­ớng tột độ của em bé mất cha, xa mẹ lâu ngày, nay đ­ược ngồi bên mẹ, lúc thì nhà văn miêu tả những cảm giác cụ thể: ***“Tôi ngồi trên đệm xe, đùi áp vào đùi mẹ tôi, đầu ngả vào cánh tay mẹ … mơn man khắp da thịt***”, lúc thì chen những lời bình luận thấm đẫm chất trữ tình: **“*Phải bé lại*…”,** khi thì nghĩ đến câu nói độc ác, đay nghiến của bà cô và **“*Khômg mảy may nghĩ ngợi gì nữa*.”** bởi vì bé Hồng được gặp mẹ rất bất ngờ, niềm vui quá lớn. Nêu chính mình ch­ưa phải trải qua nỗi đau xa mẹ, ch­a có niềm sung sướng tột độ khi được gặp mẹ, chắc Nguyên Hồng khó có được những đoạn văn gây ấn tượng mạnh mẽ cho ng­ười đọc như­ vậy.

**NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯ­U Ý**

Hồi ký là một thể loại văn học mà ng­ười viết trung thành ghi lại những gì đã diễn ra trong cuộc sống của mình, tôn trọng sự thật. Đặc điểm của hồi ký là không thể hư­ cấu vì thế tác phẩm sẽ không hay, sẽ tẻ nhạt nếu những gì diễn ra trong cuộc đời của nhà văn không có gì đặc sắc. “Những ngày thơ ấu" của Nguyên Hồng là một tập hồi ký ghi lại những gì đã diễn ra thời thơ ấu của chính nhà văn Nguyên Hồng. Ta có thể cảm nhận được tất cả những tình tiết, chi tiết trong câu chuyện đều rất thật. Có n­ước mắt của Nguyên Hồng thấm qua từng câu chữ.

Ở ch­ương IV của tác phẩm, Nguyên Hồng đã thể hiện rất thành công nghệ thuật xây dựng tâm lý nhân vật. Cùng một lúc ở bé Hồng diễn ra những tình cảm rất trái ngư­ợc nhau. Có sự nhất quán về tính cách và thái độ. Khi bà cô thể hiện nghệ thuật xúc xiểm và nói xấu về ng­ười mẹ của bé Hồng ở một mức độ cao mà một đứa bé bình th­ường rất dễ dàng tin theo thì con ng­ười độc ác này đã thất bại. Bé Hồng không những không tin lời bà cô mà càng thư­ơng mẹ hơn.

Trong điều kiện lúc bấy giờ, một ng­ời phụ nữ ch­a đoạn tang chồng đã mang thai với ng­ười khác, là một điều tuyệt đối cấm kỵ. Ai cũng có thể xa lánh thậm chí phỉ nhổ, khinh thư­ờng. Hơn ai hết bé Hồng hiểu rất rõ điều này. Vì thế tình th­ơng của bé Hồng đối với mẹ không chỉ là tình cảm của đứa con xa mẹ, thiếu vắng tình cảm của mẹ mà còn là th­ương ng­ời mẹ bị xã hội coi th­ường khinh rẻ. Bé Hồng lớn khôn hơn rất nhiều so với tuổi của mình. Điều đặc biệt là dù có suy nghĩ chín chắn, từng trải như­ng bé Hồng vẫn là một đứa trẻ, vẫn có sự ngây thơ.

Vì thế, làm nên sức hấp dẫn của tác phẩm, điều đầu tiên phải nói tới cảm xúc chân thành:

- Những tình tiết, chi tiết trong ch­ơng IV của tác phẩm “Những ngày thơ ấu” diễn ra hết sức chân thật và cảm động. Có thể nói ở bé Hồng nỗi đau xót, niềm bất hạnh đ­ược đẩy lên đến đỉnh cao. Niềm khát khao đ­ược sống trong vòng tay yêu thư­ơng của ng­ời mẹ cũng ở mức độ cao nhất không gì so sánh bằng. Cuối cùng thì hạnh phúc bất ngờ đến cũng vô cùng lớn, đư­ợc diễn tả thật xúc động. Có thể biểu diễn những cung bậc của tình cảm của bé Hồng bằng sơ đồ như­ sau:

+ Nỗi bất hạnh (cha chết, mẹ phải đi kiếm ăn ở nơi xa, bị mọi ngư­ời khinh rẻ)

+ Nỗi căm tức những cổ tục, niềm khát khao gặp mẹ.

+ Hạnh phúc vô bờ bến khi sống trong vòng tay yêu thư­ơng của mẹ.

**- Chữ “tâm” và chữ “tài” của Nguyên Hồng:**

Nguyên Hồng là một cây bút nhân đạo thống thiết. ở chương IV của tác phẩm, nhà văn không những thể hiện sâu sắc niềm đồng cảm với ngư­ời mẹ Hồng mà còn khẳng định những phẩm chất tốt đẹp cao quý của mẹ, khi mẹ lâm vào những tình cảnh nghiệt ngã nhất. Đằng sau câu chữ, ta đọc đ­ược tấm lòng trăn trở yêu th­ương con ng­ười chân thành, thấm thía, đặc biệt là tình yêu th­ương phụ nữ và trẻ em – những ng­ười vốn chịu nhiều thiệt thòi, đau khổ nhất.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**BÀI 3**

**TỨC NƯỚC VỠ BỜ**

**Ngô Tất Tố**

**I- Tác giả**

- Ngô Tất Tố (1893- 1954) sinh tại Lộc Hà, huyện Từ Sơn tỉnh Bắc Ninh (nay thuộc Đông Anh- Hà Nội)

- Thuở nhỏ học chữ Nho nổi tiếng thông minh, đỗ đầu kì thi khảo hạch vùng kinh Bắc, được ái mộ, gọi là “đầu xứ Tố”. Khi nền Hán học suy tàn : “ông nghè, ông cống cũng nằm co”(Tú Xương), Ngô Tất Tố tự học chữ Quốc ngữ và học tiếng Pháp. Ông trở thành một nhà văn, nhà báo, nhà dịch thuật và khảo cứu nổi tiếng.

+ Về hoạt động báo chí, ông được coi là “một tay ngôn luận xuất sắc trong đám nhà nho” (lời Vũ Trọng Phụng), có mặt trên nhiều tờ báo trong cả nước với hàng chục bút danh, với một khối lượng bài báo đồ sộ, đề cập nhiều vấn đề thời sự, xã hội, chính trị, văn hoá, nghệ thuật. Đó là một nhà báo có lập trường dân chủ tiến bộ, có lối viết sắc sảo, điêu luyện giàu tính chiến đấu, nhiều bài là những tiểu phẩm châm biếm có giá trị văn học cao

+ Về sáng tác văn học, ông là một trong những nhà văn xuất sắc nhất của trào lưu văn học hiện thực trước cách mạng. Là cây bút phóng sự, là nhà tiểu thuyết nổi tiếng. Gọi NTT là “nhà văn của nông dân” bởi ông chuyên viết về nông thôn và đặc biệt rất thành công ở đề tài này.

VD: Các phóng sự : Tập án cái đình (1939), Việc làng (1940) là các tập hồ sơ lên án những hủ tục “quái gở”, “man rợ” đang đè nặng lên cuộc sống người nông dân ở nhiều vùng nông thôn khi đó. Tiểu thuyết “Tắt đèn” là “thiên tiểu thuyết có luận đề xã hội hoàn toàn phụng sự dân quê, một áng văn có thể gọi là kiệt tác, tòng lai chưa từng thấy (Lời Vũ Trọng Phụng trong bài “báo thời vụ”). Tiểu thuyết “Lều chõng” (1939) tái hiện tỉ mỉ sinh động cảnh hà trường và thi cử thời phong kiến. Nhưng khác với những tác phẩm đương thời cùng đề tài, “lều chõng” đã vạch trần tính chất nhồi sọ và sự trói buộc khắc nghiệt bóp chết óc sáng tạo của chế độ giáo dục và khoa cử phong kiến. Tác phẩm ít nhiều có ý nghĩa chống lại phong trào phục cổ do thực dân đề xướng lúc bấy giờ.

- Sau cách mạng tháng Tám, NTT sống và hoạt động văn hóa văn nghệ tại chiến khu Việt Bắc, ông qua đời trước mấy ngày chiến dịch Điện Biên Phủ toàn thắng.

**II- Tóm tắt tác phẩm “Tắt đèn”**

- Câu chuyện trong “Tắt đèn” diễn ra trong một vụ đốc sưu, đốc thuế ở một làng quê- làng Đông xá dưới thời Pháp thuộc. Cổng làng bị đóng chặt. Bọn hào lý và lũ tay chân với roi song, dây thừng, tay thước nghênh ngang đi lại ngoài đường thét trói kẻ thiếu sư. Tiếng trống ngũ liên, tiếng tù và nổi lên suốt đêm ngày.

- Sau hai cái tang liên tiếp(tang mẹ chồng và tang chú Hợi), gia đình chị Dậu tuy vợ chồng đầu tắt mặt tối quanh năm mà vẫn không đủ ăn, áo không đủ mặc, đến nay đã lên đến “bậc nhất nhì trong hạng cùng đinh”. Anh Dậu lại bị trận ốm kéo dài mấy tháng trời không có tiến nộp sưu, anh Dậu đã bị bọn cường hào “bắt trói” như trói chó để giết thịt. Chị Dậu tất tả chạy ngược chạy xuôi, phải dứt ruột bán đứa con gái đầu lòng và ổ chó cho vợ chồng Nghị Quế để trang trải “món nợ nhà nước”. Lí trưởng làng Đông Xá bắt anh Dậu phải nộp suất sưu cho chú Hợi đã chết từ năm ngoái vì “chết cũng không trốn được nợ nhà nước”. Bị ốm, bị trói, bị đánh …. Anh Dậu bị ngất đi, rũ như xác chết được khiêng trả về nhà. Sáng sớm hôm sau anh Dậu còn đang ốm rất nặng chưa kịp húp tí cháo thì tay chân bọn hào lí lại ập đến. Chúng lồng lên chửi mắng, bịch vào ngực và tát đánh bốp vào mặt chị Dậu. Chị Dậu van lạy chúng tha trói chồng mình. Nhưng tên Cai Lệ đã gầm lên, rồi nhảy thốc vào trói anh Dậu khi anh Dậu đã bị lăn ra chết ngất. Chị Dậu nghiến hai hàm răng thách thức, rồi xông vào đánh ngã nhào tên Cai Lệ và tên hầu cận lý trưởng, những kẻ đã “hút nhiều xái cũ”.

- Chị Dậu bị bắt giải lên huyện. Tri Phủ Tư Ân thấy Thị Đào có nước da đen dòn, đôi mắt sắc sảo đã giở trò bỉ ổi. Chị Dậu đã “ném tọt” cả nắm giấy bạc vào mặt con quỷ dâm ô, rồi vùng chạy. Món nợ nhà nước vẫn còn đó, chị Dậu phải lên tỉnh đi ở vú. Một đêm tối trời, cụ cố thượng đã ngoài 80 tuổi mò vào buồng chị Dậu. Chị Dậu vùng chạy thoát ra ngoài trong khi “trời tối đen như mực”

**III- Giới thiệu “Tắt đèn”.**

**1. Về nội dung tư tưởng**

**a. “Tắt đèn” là một tác phẩm giàu giá trị hiện thực**: Tố cáo và lên án chế độ sưu thuế dã man của thực dân Pháp đã bần cùng hóa nhân dân. “Tắt đèn” là một bức tranh xã hội chân thực, một bản án đanh thép kết tội chế độ thực dân nửa phong kiến.

**b. “Tắt đèn” giàu giá trị nhân đạo**

- Tình vợ chồng, tình mẹ con, tình xóm nghĩa làng giữa những con người cùng khổ, số phận những người phụ nữ, những em bé, những người cùng đinh được tác giả nêu lên với bao xót thương, nhức nhối và đau lòng.

- “Tắt đèn” đã xây dựng nhân vật chị Dậu, một hình tượng chân thực đẹp đẽ về người phụ nữ nông dân Việt Nam. Chị Dậu có bao phẩm chất tốt đẹp : cần cù, tần tảo, giầu tình thương, nhẫn nhục và dũng cảm chống cường hào, áp bức. Chị Dậu là hiện thân của người vợ, người mẹ vừa sắc sảo, vừa đôn hậu, vừa trong sạch.

**2. Về nghệ thuật**:

- Kết cấu chặt chẽ, tập trung. Cái tình tiết, chi tiết đan cài chặt chẽ, đầy ấn tượng làm nổi bật chủ đề. Nhân vật chị Dậu xuất hiện từ đầu đến cuối tác phẩm

- Tính xung đột, tính bi kịch cuốn hút, hấp dẫn

- Khắc hoạ thành công nhân vật: các hạng người từ người dân cày nghèo khổ đến dịa chủ, từ bọn cường hào đến quan lại đều có nét riêng rất chân thực, sống động.

- Ngôn ngữ từ miêu tả đến tự sự, rồi đến ngôn ngữ nhân vật đều nhuần nhuyễn đậm đà.

=> Tóm lại, đúng như Vũ Trọng Phụng nhận xét : “Tắt đèn” là một thiên tiểu thuyết có luận đề xã hội hoàn toàn phụng sự dân quê, một áng văn có thể gọi là kiệt tác.

**IV. Tìm hiểu đoạn trích “Tức nước vỡ bờ”**

**1. Giới thiệu đoạn trích**:

Trong tiểu thuyết “Tắt đèn”, chí ít người đọc cũng nhớ chị Dậu, người phụ nữ rất mực dịu dàng và biết chịu đựng nhẫn nhục, đã ba lần vùng lên chống trả quyết liệt sự áp bức của bọn thống trị để bảo vệ nhân phẩm của mình và bảo vệ chồng con. Trong đó thì tiểu biểu nhất là cảnh “tức nước vỡ bờ” mà nhà văn viết thành một chương truyện đầy ấn tượng khó phai, chương thứ 18 của tiểu thuyết “Tắt đèn” nổi tiếng của văn học hiện thực phê phán Việt Nam giai đoạn 1930- 1945.

**2. Tiêu đề “Tức nước vỡ bờ” thâu tóm được** :

- Các phần nội dung liên quan trong văn bản: chị Dậu bị áp bức cũng quẫn, buộc phải phản ứng chống lại Cai lệ và người nhà lí trưởng.

- Thể hiện đúng tư tưởng của văn bản : có áp bức, có đấu tranh

- Từ tên gọi của văn bản, có thể xác định nhân vật trung tâm của đoạn trích này là chị Dậu.

**3. Bố cục**: Chuyện tức nước vỡ bờ của chị Dậu diễn ra ở hai sự việc chính:

- Phần 1: Từ đầu đến chỗ “ngon miệng hay không”: Chị Dậu ân cần chăm sóc người chồng ốm yếu giữa vụ sưu thuế

- Phần 2: Từ “anh Dậu uốn vai đến hết”: Chị Dậu khôn ngoan và can đảm đương đầu với bọn tay sai phong kiến như Cai Lệ và người nhà Lý trưởng.

Câu hỏi: Theo em, hình ảnh chị Dậu được khắc hoạ rõ nét nhất ở sự việc nào? vì sao em khẳng định như thế?

- Sự việc chị Dậu đương đầu với Cai Lệ và người nhà lí trưởng. Vì khi đó tính cách ngoan cường của chị Dậu được bộc lộ. Trong hoàn cảnh bị áp bức cùng cực, tinh thần phản kháng của chị Dậu mới có dịp bộc lộ rõ ràng.

**4. Phân tích:**

**a. Tình huống truyện hấp dẫn thể hiện mối xung đột cao độ giữa kẻ áp bức và người bị áp bức**.

- Giữa vụ sưu thuế căng thẳng, gia đình chị Dậu bị dồn đến bước đường cùng trong cơn khốn quẫn nhất: phải bán con, bán đàn chó mới đẻ mới đủ suất tiền sưu cho anh Dậu để cứu chồng đang ốm yếu bị đánh đập ngoài đình. Nhưng nguy cơ anh Dậu lại bị bắt nữa vì chưa có tiền nộp sưu cho người em ruột đã chết từ năm ngoái.

- Nhờ hàng xóm giúp, chị Dậu ra sức cứu sống chồng nhưng trời vừa sáng, cai lệ và người nhà lí trưởng đã sầm sập tiến vào với những roi song tay thước và dây thừng, tính mạng của anh Dậu bị đe doạ nghiêm trọng. Anh chưa kịp húp ít cháo cho đỡ xót ruột như mong muốn của người vợ thương chồng thì bọn đầu trâu mặt ngựa đã ào vào như một cơn lốc dữ khiến anh lăn đùng ra không nói được câu gì.

=> Như vậy, tình huống vừa mới mở ra mà xung đột đã nổi lên ngay, báo trước kịch tính rất cao đề dẫn đến cảnh “tức nước vỡ bờ” như là một quy luật không thể nào tránh khỏi.

**b.Bộ mặt tàn ác bất nhân của bọn cai lệ và người nhà lí trưởng.**

Trong phần hai của văn bản này xuất hiện các nhân vật đối lập với chị Dậu. Trong đó nổi bật là tên cai lệ. Cai lệ là viên cai chỉ huy một tốp lính lệ. Hắn cùng với người nhà lí trưởng kéo đến nhà chị Dậu để tróc thuế sưu, thứ thuế nộp bằng tiền mà người đàn ông là dân thường từ 18 đến 60 tuổi (gọi là dân đinh) hằng năm phải nộp cho nhà nước phong kiến thực dân; sưu là công việc lao động nặng nhọc mà dân đinh phải làm cho nhà nước đó. Gia đình chị Dậu phải đóng suất thuế sưu cho người em chồng đã mất từ năm ngoái cho thấy thực trạng xã hội thời đó thật bất công, tàn nhẫn và không có luật lệ.

- Theo dõi nhân vật cai lệ, ta thấy ngòi bút hiện thực NTT đã khắc họa hình ảnh tên cai lệ bằng những chi tiết điển hình thật sắc sảo.

+ Vừa vào nhà, cai lệ đã lập tức ra oai “gõ đầu roi xuống đất”, hách dịch gọi anh Dậu là “thằng kia”, “mày” và xưng “ông”, “cha mày”. “Thằng kia! Ông tưởng mày chết đêm qua, còn sống đấy à? Nộp tiền sưu mau!”

+ Cai Lệ trợn ngược hai mắt, hắn quát: “mày định nói cho cha mày nghe đấy à? Sưu của nhà nước mà dám mở mồm xin khất!”

+ Vẫn giọng hầm hè: “Nếu không có tiền nộp sưu cho ông bây giờ, thì ông sẽ dỡ cả nhà mày đi, chửi mắng thôi à!....”

+ Đùng đùng, cai lệ giật phắt cái thừng trong tay anh này và chạy sầm sập đến chỗ anh Dậu : “tha này! tha này!.. Vừa nói hắn vừa bịch luôn vào ngực chị Dậu mấy bịch rồi lại sấn đến để trói anh Dậu.”

=> Ngòi bút của NTT thật sắc sảo, tinh tế khi ông không dùng một chi tiết nào để miêu tả suy nghĩ tên cai lệ trong cảnh này. Bởi vì lũ đầu trâu mặt ngựa xem việc đánh người, trói người như là việc tự nhiên hàng ngày, chẳng bao giờ thấy động lòng trắc ẩn thì làm gì chúng còn biết suy nghĩ? Nhà văn đã kết hợp các chi tiết điển hình về bộ dạng, lời nói, hành động để khắc hoạ nhân vật. Từ đó ta thấy tên cai lệ đã bộc lộ tính cách hống hách, thô bạo, không còn nhân tính. Từ hình ảnh tên cai lệ này, ta thấy bản chất xã hội thực dân phong kiến là một xã hội đầy rẫy bất công tàn ác, một xã hội có thể gieo hoạ xuống người dân lương thiện bất kì lúc nào, một xã hội tồn tại trên cơ sỏ của các lí lẽ và hành động bạo ngược.

**c. Hình ảnh đẹp đẽ của người nông dân lao động nghèo khổ.**

Truyện “Tắt đèn” của Ngô Tất Tố đã tạo dựng được hình ảnh chân thực về người phụ nữ nông dân bị áp bức cùng quẫn trong xã hội phong kiến nhưng vẫn giữ được bản chất tốt đẹp của người lao đông, đó là chị Dậu.

**\* Trước hết là tấm lòng của người vợ đối với người chồng đang đau ốm được diễn tả chân thật và xúc động từ lời nói đến hành động.**

- Chị Dậu chăm sóc anh Dậu trong hoàn cảnh : Giữa vụ sưu thuế căng thẳng, nhà nghèo, phải bán chó, bán con mà vẫn không lo đủ tiền sưu. Còn anh Dậu thì bị tra tấn, đánh đập và bị ném về nhà như một cái xác rũ rượi…

=> Trước hoàn cảnh khốn khó, chị Dậu đã chịu đựng rất dẻo dai, không gục ngã trước hoàn cảnh.

- Trong cơn nguy biến chị đã tìm mọi cách cứu chữa cho chồng: Cháo chín, chị Dậu mang ra giữa nhà, ngả mâm bát múc la liệt. Rồi chị lấy quạt quạt cho chóng nguội. Chị rón rén bưng một bát đến chỗ chồng nằm: Thầy em hãy cố ngồi dậy húp ít cháo cho đỡ xót ruột. Rồi chị đón lấy cái Tỉu và ngồi xuống đó như có ý chờ xem chồng ăn có ngon miệng không.

=> Đó là những cử chỉ yêu thương đằm thắm, dịu dàng của một người vợ yêu chồng. Tình cảm ấy như hơi ấm dịu dàng thức tỉnh sự sống cho anh Dậu. Tác giả miêu tả thật tỉ mỉ, kĩ lưỡng từng hành động cử chỉ, từng dấu hiệu chuyển biến của anh Dậu : “anh Dậu uốn vai ngáp dài một tiếng”… Dường như mỗi cử chỉ, hành động của anh Dạu đều có ánh mắt thấp thỏm, lo lắng của chị Dậu dõi theo da diết. Cứ tưởng rằng đây là một phút giây ngắn ngủi trong cả cuộc đời đau khổ của chị Dậu để chị có thể vui sướng tràn trề khi anh Dậu hoàn toàn sống lại. Nhưng dường như chị Dậu sinh ra là để khổ đau và bất hạnh nên dù chị có khao khát một giây phút hạnh phúc ngắn ngủi nhưng nào có được. Bọn Cai lệ và người nhà lí trưởng đã sầm sập tiến vào như cơn lốc dữ dập tắt ngọn lửa sống đang nhen nhóm trong anh Dậu. Nỗi cay đắng trong chị Dậu không biết lớn đến mức nào. Nhưng giờ đây chị sẽ phải xử sự ra sao để cứu được chồng thoát khỏi đòn roi.

\* Theo dõi nhân vật chị Dậu trong phần thứ hai của văn bản “tức nước vỡ bờ”, ta thấy **chị Dậu là một người phụ nữ cứng cỏi đã dũng cảm chống lại bọn cường hào để bảo vệ chồng.**

- Ban đầu chị **nhẫn nhục** chịu đựng:

+ Chị Dậu cố van xin thiết tha bằng giọng run run cầu khẩn: “Hai ông làm phúc nói với ông lí cho cháu khất”

=> Cách cư xử và xưng hô của chị thể hiện thái độ nhẫn nhục chịu đựng. Chị có thái độ như vậy là vì chị biết thân phận bé mọn của mình, người nông dân thấp cổ bé họng, biết cái tình thế khó khăn, ngặt nghèo của gia đình mình (anh Dậu là kẻ có tội thiếu suất sưu của người em đã chết, lại đang ốm nặng). Trong hoàn cảnh này, chị chỉ mong chúng tha cho anh Dậu, không đánh trói hành hạ anh.

- Khi tên cai lệ chạy sầm sập đến trói anh Dậu, tính mạng người chồng bị đe doạ, chị Dậu “xám mặt” vội vàng chạy đến đỡ lấy tay hắn, nhưng vẫn cố van xin thảm thiết: “Cháu van ông ! Nhà cháu vừa mới tỉnh được mọt lúc, ông tha cho”. (“Xám mặt”tức là chị đã rất tức giận, bất bình trước sự vô lương tâm của lũ tay sai. Mặc dù vậy, lời nói của chị vẫn rất nhũn nhặn, chị đã nhẫn nhục hạ mình xuống- chứng tỏ sức chịu đựng của chị rất lớn. Tất cả chỉ là để cứu chồng qua cơn hoạn nạn.

- Nhưng chị Dậu không thuộc loại người yếu đuối chỉ biết nhẫn nhục van xin mà còn tiềm tàng một khả năng phản kháng mãnh liệt.

+ Khi tên cai lệ mỗi lúc lại lồng lên như một con chó điên “bịch vào ngực chị mấy bịch” rồi “tát đánh bốp vò mặt chị thậm chí nhảy vào chỗ anh Dậu”…. tức là hắn hành động một cách dã man thì mọi sự nhẫn nhục đều có giới hạn. Chị Dậu đã kiên quyết **cự lại**. Sự cự lại của chị Dậu cũng có một quá trình gồm hai bước.

Thoạt đầu, chị cự lại bằng **lí lẽ** : “Chồng tôi đau ốm, ông không được phép hành hạ”. -> Lời nói đanh thép như một lời cảnh cáo. Thực ra chị không viện đến pháp luật mà chỉ nói cái lí đương nhiên, cái đạo lí tối thiểu của con người. Lúc này chị đã thay đổi cách xưng hô ngang hàng nhìn vào mặt đối thủ. Với thái độ quyết liệt ấy, một chị Dậu dịu dàng đã trở nên mạnh mẽ, đáo để.

Đến khi tên cai lệ dã thú ấy vẫn không thèm trả lời còn tát vào mặt chị một cái đánh bốp rồi cứ nhảy vào cạnh anh Dậu thì chị đã **vụt đứng dậy** với niềm căm giận ngùn ngụt: Chị Dậu nghiến hai hàm răng “mày trói chồng bà đi, bà cho mày xem!”. Một cách xưng hô hết sức đanh đá của phụ nữ bình dân thể hiện tư thế “đứng trên đầu thù” sẵn sàng đè bẹp đối phương. Rồi chị “túm cổ cai lệ ấn dúi ra cửa, lẳng người nhà lí trưởng ngã nhào ra thềm”. Chị Dậu vẫn chưa nguôi giận. Với chị, nhà tù thực dân cũng chẳng có thể làm cho chị run sợ nên trước sự can ngăn của chồng, chị trả lời: “thà ngồi tù. Để cho chúng nó làm tình làm tội mãi thế, tôi không chịu được”.

**Câu hỏi: Em thích nhất chi tiết nào ? Vì sao?**

=> Chi tiết chị Dậu quật ngã bọn tay sai hung ác trong tư thế ngang hàng, bất khuất với sức mạnh kì lạ. Vừa ra tay chị đã nhanh chóng biến tên tay sai hung hãn vũ khí đầy mình thành những kẻ thảm bại xấu xí, tơi tả. Sức mạnh kì diệu của chị Dậu là sức mạnh của lòng căm hờn, uất hận bị dồn nén đến mức không thể chịu đựng được nữa. Đó còn là sức mạnh của lòng yêu thương chồng con vô bờ bến. Hành động dã man của tên cai lệ là nguyên nhân trực tiếp làm cho sức chịu đựng của chị lên quá mức. Giọng văn của Ngô Tất Tố trở nên hả hê. Dưới ngòi bút của ông, hình ảnh chị Dậu hiện lên khoẻ khoắn, quyết liệt bao nhiêu thì hình ảnh bọn tay sai hung ác trở nên nhỏ bé, hèn hạ, nực cười bấy nhiêu. Và chúng ta khi đọc đến những dòng này cũng sung sướng, hả hê như Ngô Tất Tố. Ông đã chỉ ra một quy luật tất yếu trong xã hội “có áp bức có đấu tranh”, “con giun xéo mãi cũng quằn”, chị Dậu bị áp bức dã man đã vùng lên đánh trả một cách dũng cảm.

- Kết hợp các chi tiết điển hình về cử chỉ

**Câu hỏi: Nhận xét về nghệ thuật khắc hoạ nhân vật chị Dậu trong đoạn . Tác dụng của các biện pháp nghệ thuật đó?**

với lời nói và hành động.

- Tư sự kết hợp miêu tả và biểu cảm

- Từ nhũn nhặn, tha thiết van xin đến cứng cỏi thách thức, quyết liệt

- Dùng phép tương phản tính cách chị Dậu với bọn cai lệ và người nhà lí trưởng.

=> Tác dụng:tạo được nhân vật chị Dậu giống thật, chân thực, sinh động, có sức truyền cảm. Tính cách chị Dậu hiện lên nhất quán với diễn biến tâm lí thật sinh động. Chị Dậu mộc mạc, hiền dịu, đầy vị tha, giầu tình yêu thương, sống khiêm nhường, biết nhẫn nhục chịu đựng nhưng hoàn toàn không yếu đuối, chỉ biết sợ hãi mà trái lại vẫn có một sức sống mạnh mẽ, một tinh thần phản kháng tiềm tàng.

- Từ hình ảnh của chị Dậu ta liên tưởng đến người nông dân trước cách mạng tháng Tám: tự ti, nhẫn nhục, an phận do bị áp bức lâu đời. Nhưng họ sẽ đứng lên phản kháng quyết liệt khi bị áp bức bóc lột tàn tệ.

- Sự phản kháng của chị Dậu còn tự phát, đơn độc chưa có kết quả (chỉ một lúc sau, cả nhà chị bị trói giải ra đình trình quan) tức là chị vẫn bế tắc nhưng có thể tin rằng khi có ánh sáng cách mạng rọi tới, chị sẽ là người đi hàng đầu trong cuộc đấu tranh. Chính với ý nghĩa ấy mà Nguyễn Tuân viết: “tôi nhớ như có lần nào, tôi đã gặp chị Dậu ở một đám đông phá kho thóc Nhật ở một cuộc cướp chính quyền huyện kì tổng khởi nghĩa.

=> Như vậy, từ hình ảnh “cái cò lặn lội bờ sông. Gánh gạo đưa chồng tiếng khóc nỉ non” và từ hình ảnh người phụ nữ trong thơ xưa đến hình ảnh chị Dậu trong “Tắt đèn”, ta thấy chân dung người phụ nữ Việt Nam trong văn học đã có một bước phát triển mới cả về tâm hồn lẫn chí khí.

**5. Nội dung và nghệ thuật đặc sắc của văn bản “Tức nước vỡ bờ”**

- Với ngòi bút hiện thực sinh động, Ngô Tất Tố đã vạch trần bộ mặt tàn ác, bất nhân của xã hội thực dân phong kiến đương thời đã đẩy người nông dân vào tình cảnh vô cùng cực khổ. Nhà văn còn ca ngợi một phẩm chất tốt đẹp của người phụ nữ nông dân nghèo khổ: giàu tình thương yêu và có sức sống tiềm tàng mạnh mẽ.

- Đây là một văn bản tự sự kết hợp miêu tả và biểu cảm. Tình huống truyện hấp dẫn thể hiện nổi bật xung đột. Khắc hoạ nhân vật bằng kết hợp các chi tiết điển hình về cử chỉ, lời nói và hành động. Thể hiện chính xác quá trình tâm lí nhân vật. Có thái độ rõ ràng đối với nhân vật. Ngôn ngữ kể chuyện, miêu tả của tác giả và ngôn ngữ đối thoại của nhân vật rất đặc sắc.

**\*\*\*\*Bài tập**

**1. Em hiểu về như thế nào về nhan đề “Tức nước vỡ bờ” đặt cho đoạn trích? Theo em đặt tên như vậy có thoả đáng không?**

- Kinh nghiệm của dân gian được đúc kết trong câu tục ngữ đó đã bắt gặp sự khám phá chân lí đời sống của cây bút hiện thực NTT, được ông thể hiện thật sinh động, đầy sức thuyết phục.

- Đoạn trích chẳng những làm toát lên cái lô gic hiện thực “tức nước vỡ bờ”, “có áp bức, có đấu tranh” mà còn toát lên cái chân lí: con đường sống của quần chúng bị áp bức chỉ có thể là con đường đấu tranh để tự giải phóng, không có con đường nào khác. Vì vậy mà tuy tác giả “Tắt đèn” khi đó chưa giác ngộ cách mạng, tác phẩm kết thúc rất bế tắc, nhưng nhà văn Nguyễn Tuân đã nói rằng: Ngô TẤt Tố với “tắt đèn” đã xui người nông dân nổi loạn. NTT chưa nhận thức được chân lí cách mạng nên chưa chỉ ra được con đường đấu tranh tất yếu của quần chúng bị áp bức, nhưng với cảm quan hiện thực mạnh mẽ, nhà văn đã cảm nhận được xu thế “tức nước vỡ bờ” và sức mạnh to lớn khôn lường của sự “vỡ bờ” đó. Và không quá lời nếu nói rằng cảnh “tức nước vỡ bờ” trong đoạn trích đã dự báo cơn bão táp quần chúng nông dân nổi dậy sau này.

**3.Nhà văn Nguyễn Tuân khi đọc đến đoạn trích Tức nước vỡ bờ (tiểu thuyết Tắt đèn) đã cho rằng Ngô Tất Tố: "xui người nông dân nổi loạn". Viết đoạn văn nói rõ ý kiến của em**

**Gợi ý**

Trong đoạn trích *Tức nước vỡ bờ,* ở thời điểm ra đời của nó, Ngô Tất Tố tuy chưa nhận thức được chân lí cách mạng (vì thế mà chưa chỉ ra được con đường đấu tranh tất yếu của quần chúng bị áp bức) nhưng bằng cảm quan hiện thực mạnh mẽ, nhà văn đã cảm nhận được xu thế tức nước vỡ bờ và sức mạnh to lớn của sự "vỡ bờ" đó. Đoạn trích có thể coi là cao trào của một vở kịch mà mâu thuẫn, xung đột được thể hiện tập trung trong mối quan hệ giữa nông dân và địa chủ.Những người nông dân bị đẩy đến bước đường cùng đã bật lên hành động phản kháng.Tuy chỉ là hành động tự phát nhưng nó đã báo hiệu ngày tận thế của chế độ thực dân nửa phong kiến đã gần kề. Cái nhan đề do người soạn sách đặt đã thể hiện được đầy đủ cái tình thế ấy. Đoạn trích chẳng những cho ta thấy được cái lô-gíc hiện thực: có áp bức, có đấu tranh, mà còn cho thấy cái chân lí: con đường sống của quần chúng bị áp bức chỉ có thể là con đường đấu tranh để tự giải phóng mình. Vì thế, cũng có thể nói, đoạn trích như là một sự dự báo về một cơn bão táp cách mạng sẽ đến sau này.

  Đó là nghệ thuật xây dựng nhân vật qua tình huống bằng 2 thủ pháp: tăng cấp và đối lập.

+ Tăng cấp: Khi bọn tay sai vào nhà, mỉa mai anh Dậu và hằm hè tróc tiền sưu thì chị Dậu đã đấu tình bằng thái độ mềm mỏng, van xin thống thiết bằng từ xưng “nhà cháu-các ông”. Khi tên cai lệ nhảy xổ vào anh Dậu để trói anh thì chị Dậu đấu lí với chúng bằng cách ngăn cản để bảo vệ chồng qua các từ xưng hô ngang hàng “tôi- các ông”. Đến khi hai tên tay sai cố tình trói anh Dậu và đánh chị thì thái độ vùng lên đấu lực của chị đã quyết liệt, mạnh mẽ; lúc này từ xưng hô “bà- mày” và sức mạnh thể chất đã chiến thắng hai tên “người nhà nước”. Cảnh đó chính là biểu tượng của sức mạnh tiềm tàng của người nông dân.

+ Đối lập: Một bên là người phụ nữ yếu mềm, nhà nghèo, chồng đau ốm, đơn độc nhưng yêu chồng hết mực, tảo tần, tháo vát – một bên là tên cai lệ và người nhà lí trưởng với tay thước tay song, thái độ “bề trên”, có quyền trong tay nhưng bất nhẫn, bất nhân, hành động như một cái máy của chính quyền tay sai, sẵn sàng đánh đập, trói bắt, dọa nạt người nông dân thấp cổ bé hong.

-         Về nhân xét của Nguyễn Tuân: Ý nói đến nội dung hướng đến tính hành động của tác phẩm. Đó là ý nghĩa tích cực về cảm quan hiện thực và khả năng dự báo của tác phẩm. Ngô Tất Tố đã dự báo về xu hướng đấu tranh của người nông dân- lực lượng đông đảo và bị áp bức nhiều nhất, đối với thế lực thống trị thực dân phong kiến bấy giờ. Tác phẩm “Tắt đèn” có tác động, ảnh hưởng đến tư tưởng của quần chúng nhân dân, nhất là nông dân trong việc chống lại bọn cường hào ác bá ở nông thôn. Đó cũng là minh chứng nguồn gốc và giá trị của văn học khi văn học bắt nguồn từ đời sống thực tế để rồi quay lại thúc đẩy xã hội phát triển.

**4. Từ đó, có thể nhận ra thái độ nào của nhà văn NTT đối với thực trạng xã hội và đối với phẩm chất của người nông dân trong xã hội cũ?**

- Lên án xã hội thống trị áp bức vô nhân đạo

- Cảm thông với cuộc sống cùng khổ của người nông dân nghèo

- Cổ vũ tinh thần phản kháng của họ

- Lòng tin vào phẩm chất tốt đẹp của họ.

**LUYỆN TẬP NÂNG CAO**

**BT1.Hãy chứng minh nhận định "Cái đoạn chị Dậu đánh nhau với tên cai lệ là một đoạn tuyệt khéo" của Vũ Ngọc Phan là đúng**

**Gợi ý**

Tác phẩm “Tắt đèn” của nhà văn Ngô Tất Tố là một trong những tác phẩm xuất sắc nhất viết về đề tài người nông dân Việt Nam trước cách mạng tháng Tám. Bao trùm “Tắt đèn” là một không gian chật chội, ngột ngạt bởi nỗi tủi nhục, sự ấm ức của người nông dân. Nhưng đó đây trong tác phẩm vẫn lóe lên những điểm sáng bất ngờ. Đọc đoạn trích “Tức nước vỡ bờ”, nhà văn Nguyễn Tuân từng đánh giá đó là khoảnh khắc cháy sáng trong tác phẩm. Còn nhà nghiên cứu Vũ Ngọc Phan thì nhận xét: “Cái đoạn chị Dậu đánh nhau với tên cai lệ là một đoạn tuyệt khéo”.

Cái chật chội, ngột ngạt trong “Tắt đèn” bị gây nên bởi nạn sưu thuế trong xã hội Việt Nam phong kiến nửa thực dân xưa.Gia đình chị Dậu nghiêng ngả, xô dạt cũng vì cái nạn ấy.Vốn là gia đình nghèo khổ “hạng cùng đinh” trong làng, nhà chị Dậu không có tiền đóng sưu thuế cho anh Dậu. Để cứu chồng khỏi đòn roi tù ngục, chị Dậu đành cắn răng bán con bán chó. Nhưng tai họa vẫn tiếp tục ập xuống: chị Dậu còn phải đóng thuế cho người em chồng đã chết. Anh Dậu vừa về đã bị bọn lính lệ ập đến bắt đi. Đoạn trích “Tức nước vỡ bờ” trích từ chương XVIII trong tác phẩm thuật lại cuộc giằng co giữa chị Dậu và đám cai lệ đến bắt chồng chị. Đoạn trích đã thể hiện phẩm chất cao đẹp của chị Dậu, một người phụ nữ có lòng thương chồng rất mực đồng thời có tinh thần phản kháng thế lực áp bức.

“Cái đoạn chị Dậu đánh nhau với tên cai lệ là một đoạn tuyệt khéo”. Nhà nghiên cứu Vũ Ngọc Phan đã lấy nội dung sự việc trong đoạn trích để gọi tên đoạn trích. Và khi đánh giá đó là “một đoạn tuyệt khéo”, Vũ Ngọc Phan đã đề cập đến thành công trong nghệ thuật khắc họa tính cách nhân vật, nghệ thuật miêu tả, ngôn ngữ tác phẩm...

Đoạn trích tuy ngắn nhưng tính cách các nhân vật hiện lên thật rõ nét, sinh động. Đặc biệt là nhân vật chị Dậu và tên cai lệ. Là một người phụ nữ nông dân, chị Dậu rất mực thương chồng. Với chồng, chị tỏ ra rất nhẹ nhàng, nấu cháo, mời chồng ăn cháo. Ngay cả với đám cai lệ và người nhà lí trưởng, lúc đầu chị cũng rất mực lễ phép: “van xin tha thiết”, xưng “cháu” gọi “ông”. Hơn cả lễ phép, đó còn là sự nhẫn nhục cam chịu đến hạ mình. Nhưng khi thái độ đó không lay chuyển được đám đầu trâu mặt ngựa, chị Dậu trở nên mạnh mẽ lạ thường. Chị “cự tên cai lệ bằng lí lẽ: “Chồng tôi đau ốm, ông không được phép hành hạ!”. Cách xưng hô đã thể hiện vị trí ngang hàng “tôi” - “ông”. Rồi khi bị cai lệ “tát vào mặt”, chị Dậu chuyển từ đấu lí sang đấu lực “Mày trói chồng bà đi, bà cho mày xem!”. Cách xưng hô “bà” - “mày” đã thể hiện một vị thế khác của chị Dậu, một mối quan hệ khác giữa chị và cai lệ: “bà” - người trên, “mày” - kẻ dưới. Không dừng lại ở đó, chị còn thể hiện ở hành động quyết liệt “túm lấy cổ”, “ấn dúi ra cửa”, “túm tóc lẳng cho một cái”... Có thể nói, tính cách nhân vật chị Dậu trong đoạn trích này được khắc họa rất khéo léo, độc đáo.Vừa bộc lộ được những nét truyền thống vừa thể hiện được sức sống tiềm tàng, mạnh mẽ.

Bên cạnh hình ảnh chị Dậu với những đặc điểm tiêu biểu của người phụ nữ nông dân Việt Nam là nhân vật cai lệ, người nhà lí trưởng - đám đầu trâu mặt ngựa hung hăng bất nhân thú tính. Chúng là đại diện trực tiếp cho quyền lực bất nhân của “nhà nước”, của chế độ thực dân phong kiến đương thời. Hình ảnh của chúng được khắc họa bằng những hành động, lời nói bộc, lộ bản chất hung bạo, không chút tình người. Đến nhà một người ốm yếu, nghèo hèn mà chúng “sầm sập tiến vào”, “trợn ngược hai mắt”, “đùng đùng giật phắt cái thừng”, “bịch luôn vào ngực chị Dậu”... Chẳng những vậy, trước những lời “van xin tha thiết” và sự nhẫn nhục của chị Dậu, chúng chẳng chút động lòng vẫn sấn sổ đánh, bắt vợ chồng nhà chị.

Miêu tả các nhân vật và cuộc ẩu đả trong đoạn trích, Ngô Tất Tố cũng thể hiện một ngòi bút linh hoạt, sống động.Ngôn ngữ nhân vật rất độc đáo, thể hiện tính cách và những diễn biến tinh tế trong cảm xúc nhân vật. Chị Dậu ban đầu xưng “cháu” gọi “ông” với cai lệ. Khi ấy chị đang lo lắng cho sức khỏe của chồng và sợ hãi vì thái độ hung hãn của hai tên tay sai. Nhưng khi bị chúng "bịch vào ngực”, lòng căm phẫn trào lên, chị “cự lại” xưng “tôi” gọi “ông”. Và khi lòng căm phẫn dâng lên tột điểm, chị đã vùng lên xưng “bà” đầy uy quyền và gọi “mày” rất coi thường, khinh bỉ. Cuộc ẩu đả giữa chị Dậu và hai tên tay sai cũng được miêu tả rất chỉ tiết, tỉ mỉ và sinh động. Hành động của tên cai lệ được diễn tả bằng những động từ, tính từ giàu sức biểu cảm “sầm sập”, “trợn ngược”, “đùng đùng giật phắt”... Hành động vùng lên đánh lại hai tên tay sai lại càng đặc biệt. Chỉ trong một câu văn, Ngô Tất Tố dùng đến bốn động từ diễn tả sức mạnh và hành động chớp nhoáng của chị Dậu: “túm lấy cổ hắn, ấn dúi ra cửa, túm tóc lẳng cho một cái...”.Trước sức mạnh của người đàn bà lực điền, hai tên mạt hạng “chổng quèo”, “ngã nhào” ra hè.

Bên cạnh nghệ thuật miêu tả là ngôn ngữ kể chuyện và ngôn ngữ đối thoại khá đặc sắc.Nó vừa bộc lộ sắc nét tính cách nhân vật vừa phản ánh được những diễn biến tâm lí nhân vật.

“Tức nước vỡ bờ” quả là “một đoạn tuyệt khéo”.Nhờ vậy, nhà văn đã dựng lên hình ảnh một người phụ nữ nông dân đầy sức mạnh, dám bứt phá để đòi quyền sống trong cái xã hội ngột ngạt đầy rẫy áp bức bất công. Cái khéo của Ngô Tất Tố là đã khêu một tia lửa lóe lên giữa bóng đêm phủ chụp “Tắt đèn”. Và nói như Nguyên Tuân, lúc ấy Ngô Tất Tố đã “xui người nông dân nổi loạn”

BÀI LÀM TK.

Nhà Phê bình văn học Vũ Ngọc Phan cho đây “ là một  đoạn tuyệt khéo”.

Vận dụng những kiến thức chương trình Ngữ văn THCS đổi mới ta thử lý giải.

1.Đoạn văn là một đoạn tự sự, một đoạn kể chuyện đặc sắc.

Đoạn văn mô tả hợp lý, đúng quy luật “ con giun xéo lắm phải quằn”, từ “tức nước” đến “vỡ bờ” là quá trình tất yếu: Các nhân vật được đặt vào tình huống đặc biệt. Hai nhân vật, hai tuyến…Cuộc chiến bất người đã bộc lộ  những hiện thực: Tương quan giữa hai con người, “ người đàn bà lực điền” – “người nhà nước”, hai lực lượng nông dân- công cụ đàn áp của giai cấp phong kiến. Một chân lý cuộc sống ” ở đâu có áp bức, đấy có đấu tranh” được trình bày bằng một màn kịch ngắn hết sức giản dị. Đây là đoạn tự sự có tính tư tưởng cao, phản ánh một phần chủ đề tác phẩm.

Một đoạn văn ngắn có chuyện, chủ đề rõ ràng, có nhân vật chính, nhân vật phụ, có cốt có mâu thuẩn, có thắt nút, mở nút, có cao trào…Chuuyện diễn biến bất ngờ, hấp dẫn…trong một tình huống bất ngờ bản chất của hiện thực được phát lộ cũng thật bất ngờ: Người đàn bà nông dân đã đánh ngã “ người nhà nước” và “ người nhà Lý trưởng”.

Các phương thức biểu đạt như tự sự, miêu tả, biểu cảm được sử dụng linh hoạt. Các nhân vật được khắc hoạ rất đậm nét cả sắc thái tình cảm, thái độ, tư thế …Nhân vật chính, nhân vật phụ đều được miêu tả rất cụ thể trong từng tình huống. Chị Dậu thì “xám mặt”, “đỡ lấy tay”, khi cầu xin; “liều mạng cự lại” ,”nghiến chặt hai hàm răng” rồi “ túm lấy cổ  hắn ấn dúi ra cửa” khi “không chịu được”. Nhân vật phụ của vở kịch cũng được đặc tả rất thành công công cụ đàn áp vô lương được miêu tả bằng cơn cuồng nộ của một hung thần với một loạt động thái : “đùng đùng”, “giật phắt”,”sầm sập”, “sấn đến”…Thế nhưng chỉ một cái “duí” của “người đàn bà lực điền” thì hắn “chạy không kịp” , “ngã chỏng quèo”, “miệng nham nhảm thét trói vợ chồng ke thiếu sưu”…Ngoài ra đoạn văn còn một phương tiện biểu cảm khác: dấu câu, đoạn văn sử dụng 5 dấu cảm.

Phép tương phản được sử dụng tài tình. Trong một nhân vật cũng chứa đựng sự tương phản: thái độ chị Dậu ở đầu và cuối màn kịch. Hành động và sức vóc của cai lệ. Hai nhân vật trong màn kịch đối lập tuyệt đối về vị thế xã hội, vị thế trong màn kịch, trong hành động, trong phát ngôn, trong tính cách, trong bản chất…khắc hoạ sâu thêm mâu thuẩn vở kịch  ngắn: ‘Tức nứơc vỡ bờ”.

Ngôn ngữ tự sự giản dị; lời thoại ngắn gọn, khúc chiết; lời kể trong sáng gần với khẩu ngữ và rất biểu cảm, nhất là từ  miêu tả, từ láy tượng hình, động từ, tính từ, phó từ…sử dụng rất tốt trong kể và tả. Câu văn ngắn, nhân vật hành động tạo nên nhịp điệu gấp gáp, liên tục tạo không khí kịch…Đặc sắc nhất là cách sử dụng linh hoạt các đại từ nhân xưng tạo nên giọng văn hài hứơc, hóm hỉnh: một chị Dậu tự xưng là “cháu”, là “tôi”, là “bà”, hạ đối thủ từ “ông” xuống “mày”. Người kể chuyện thay đổi cách gọi nhân vật của mình liên tục. Chị Dậu, khi thì “chị”, khi” người đàn bà lực điền” hay “chị chàng con mọn”. Cai lệ khi hung hăng đánh trói thì được gọi là “hắn”, Đến khi bị chị Dậu xô ngã  dúi ra cửa thì được gọi là “anh chàng nghiện” . “Người nhà Lý trưởng” được thay thế bằng “anh chàng hầu cận ông lý” khi bị” chị chàng con mọn lẳng cho một cái”…tất cả những cái đó góp phần tạo nên sắc thái của

Người kể chuyện ( ngôi thứ ba) rất khách quan. đứng ngoài cuộc quan sát, thuật lại chính xác những gì vốn có như nó xẩy ra  trong tưởng tượng…Không thêm thắt, không đánh giá, không bình luận, chỉ kể và tả thôi nhưng vẫn thấy rất rõ thái độ ngươì viết: một nụ cười hóm hỉnh, một cái nhìn nồng hậu với chị Dậu, một nụ cười mĩa mai cho cai lệ và người nhà lý trưởng. Ông hả hê với khám phá của mình. Sự hả hê đó được truyền cho người đọc.

2.Đoạn văn mô tả được một nhân vật văn học thật dẹp.

Hình ảnh nhân vật chị Dậu có tầm vóc tư thế của một giai cấp, một thời đại.

Người Phụ nữ nông dân có vẽ đẹp của người phụ nữ Việt Nam truyền thống: Yêu chồng, thương con, nhẫn nhục, chịu đựng và sẵn sàng vùng lên đấu tranh để bảo vệ chồng con . Khi thấy chồng có nguy cơ bị đánh, trói chị hạ mình : “xám mặt” “vội vàng”, “ lạy” van xin. Khi thấy chồng bị hành hạ đến mức không chịu được chị “liều mạng cự lại” , “nghiến chặt hai hàm răng”…Chị Dậu biết tình thế của mình và chọn cách xử lý các tình huống hợp lý. Chị xin, chị đôi co, rồi bất ngờ vùng lên bằng sức mạnh quật khởi. Có thể xem đây là hành động tự khám phá, một cuộc đấu tranh tự giải phóng (dù tự  phát). Chính vì thế mà “Tắt đèn xui người ta nổi loạn” ( Nguyễn Tuân)

Đằng sau hình ảnh người đàn bà con mọn là vẽ đẹp thể chất cường tráng. Nó phản ánh qua nội lực của những hành động phản kháng dứt khoát, mạnh mẽ, ngoan cường. Hành động thách thức cường quyền :“ Mày trói chồng bà đi, bà cho mày xem”, hành động đấu tranh quyết lịêt, tự phát hoang dã: “ chị túm lấy cổ hắn ấn dúi ra cửa”…

Vẽ đẹp mang tính biểu tượng: một tư thế mạnh mẽ, một thái độ dứt khoát, một lời thách thức quyết liệt của nhân vật chị Dậu chính là sức mạnh hiện thực của người đàn bà nông dân. Là sự dự báo về tiềm năng sức mạnh đấu tranh tự giải phóng của một tầng lớp, một giai cấp bị áp bức trong tương lai.

Đoạn văn là một đoạn hội thoại mẫu mực .

Trong mười hai câu ngữ pháp thì có đến năm câu nói, năm lượt lời. Hành động sản sinh liên tục các sản phẩm lời nói với những mục đích khác nhau. Chị Dậu với ba lượt lời vừa trình bày “nhà cháu vừa mới tỉnh được một lúc” vừa cầu khiến “ cháu van ông…ông tha cho !”, “chồng tôi đau ốm ông không được phép hành hạ” vừa đe doạ,thách thức , bộc lộ cảm xúc: “ mày trói chồng bà đi , bà cho mày xem” . Lời qua tiếng lại tạo nên không khí căng thẳng, đẩy nhanh tốc độ diễn biến sự việc. Ngôn ngữ bộc lộ rõ nét thái độ, tình cảm của nhân vật trong từng tình huống. Hành động nói được kết hợp với  hành động khác của nhân vật thúc đẩy xung đột lên đến đỉnh điểm.

Đoạn văn cũng là đoạn đối thoại đặc sắc. Hai nhân vật có hai kiểu phát ngôn phù hợp với mục đích giao tiếp và vai giao tiếp. Một chị Dậu hiểu rất rõ vị thế của mình trong từng tình huống: hạ mình để cầu xin “ cháu van ông, nhà cháu vừa mới tỉnh được một lúc, ông tha cho” , chị lý sự “ chồng tôi đau ốm , ông không được phép hành hạ” , chị thách thức, hăm doạ “ mày trói chồng bà đi , bà cho mày xem” …chỉ bằng những lời  thoại ta thấy rất rõ là “ ngưòì đàn bà lực điền” nhún nhường khi tình thế bắt buộc nhưng cũng rất tự tin trong cuộc chiến bảo vệ chồng con. Chị thay đổi cách xưng hô tức cũng chủ động thay đổi “vai” cuả mình theo cảm xúc, theo thái độ ứng xử mà tình thế thúc đẩy: từ “ cháu” lên “bà “. Một tên cai lệ hung hăng,  vũ phu, ỷ thế làm càn với những hành động “ giật phắt”, “ nhảy” , “ sầm sập chỉ một lời nói cộc lốc : “tha này! tha này!” bổng chốc trở nên yếu thế , dưới cơ trong cách gọi của chị Dậu “Mày trói chồng bà đi bà cho mày xem!” .Qua ngôn ngữ hội thoại ta thấy được tư thế của hai nhân vật , đại diện cho hai lực lượng . Ngôn ngữ hội thoại bộc lộ rõ thái độ , tình cảm, vị thế , tính cách nhân vật.

## ****BT2.Đề bài: Phân tích nhân vật chị Dậu trong đoạn trích Tức Nước Vỡ Bờ****

Ngô Tất Tố được đánh giá chính là nhà văn hiểu biết sâu sắc đời sống và tâm trạng của quần chúng. Nhà văn cũng lại có cái nhìn đúng đắn, bằng tấm lòng yêu thương đối với quần chúng rất nhiều. **Nhân vật chị Dậu trong “Tắt đèn”** là một người nghèo khổ cũng lại bị bị áp bức bóc lột tàn tệ. Có thể nói cuộc đời của chị quằn quại trong bùn lầy và bóng tối không lối thoát thế những lại bộc lộ được những phẩm chất cao quý cũng như thật đẹp đẽ**. Hình ảnh chị Dậu trong đoạn trích “Tức nước vỡ bờ”** là một đoạn trích hay nói về tinh thần phản kháng của người nông dân khi bị áp bức.

Nhà văn Ngô Tất Tố cũng đã xây dựng lên nhân vật chị Dậu là người hiền lành, thật thà và chị cũng là một người chăm chỉ làm ăn, thương chồng và cũng vô cùng thương con rất mực. Chị Dậu dường như cũng lại có thể tiêu biểu cho lớp phụ nữ nông dân Việt Nam đó là những phẩm chất đó chính là một sự cần cù lao động, chịu thương, chịu khó và chị cũng thật đáng được trân trọng biết bao nhiêu. Nhưng thật khó ai có thể tin được một người hiền lành, tốt bụng như chị Dậu cũng có lúc gồng mình lên để bảo vệ cho chồng mình. Hành động đó của chị mới dừng lại ở một sự tự phát, mang tính nhất thời thế nhưng cũng đã phần nào nói lên được ý chí của chị, của những người nông dân hiền lành thấp cổ bé họng.

Có thể nhận thấy được đối lập với quần chúng là bè lũ thống trị, Chính những bọn mặt người dạ thú, tàn bạo và cũng vô cùng tham lam và dâm dục. **Nhà văn Ngô Tất Tố**thành công trong việc biểu hiện quần chúng đồng thời ông cũng đã lại thành công trong việc tố cáo những cái xấu xa thối nát của giai cấp thống trị. Cũng chính vì sưu thuế là tai họa đối với nhân dân nhưng đồng thời cũng chính lại là món béo bở đối với chúng. Sưu thuế cũng đã khiến cho chị Dậu đã bán khoai, bán lúa, bán chó, bán con gái ruột của mình và đồng thời cũng chính vì sưu thuế anh Dậu bị cùm kẹp và bị đánh đập suýt chết.

Khi người nhà lý trưởng cũng như những tên cai lệ đã mang anh Dậu từ ngoài đình về trông chẳng khác gì cái xác cả. Lúc đó chị Dậu cũng rón rén bưng một bát cháo lớn đến chỗ chồng năm và dịu dàng nói với anh Dậu là "Thầy hãy cố dậy húp một ít cháo cho đỡ xót ruột". Người đọc nhận thấy được đây rõ ràng chị đã tận tụy, hết lòng chăm sóc chồng của mình.

hế rồi anh Dậu đang run rẩy và bê bát cháo lên thì bọn cai lệ và người nhà lí trưởng lại kéo đến. Trong tay bọn chúng đầy roi, tay thước để bắt anh Dậu đi. Chị Dậu cũng van xin chúng và cũng hạ thấp mình xuống xin cho anh Dậu gọi chúng là ông. Nhưng chúng cứ hung hăng vào bắt anh Dậu. Không chịu được nữa chị Dậu chủ động hơn, không thể chấp nhận được chị tự đặt minh trên kẻ thù và giành thế chủ động về mình với câu nói đầy thách thức "Mày trói ngay chồng bà đi, bà cho mày xem". Không những vậy thì chị nắm ngay gậy cùa hắn, túm tóc lẳng cho một cái ngã nhào ra thềm.

Người đọc như cũng nhận thấy được câu nói đầy vẻ thách thức cùng với hành động quyết liệt của chị Dậu dường như cũng chính là một biểu hiện của sự yêu thương chồng và lại thể hiện một tinh thần chiến đấu kiên cường trước các thế lực. Thông qua đoạn trích mang được đúng tinh thần của nhân dân ta đó chính là ở đâu có áp bức thì ở đó có đấu tranh.

Nhận xét về hành động của chị Dậu trong đoạn trích độc đáo “Tức nước vỡ bờ” chính là một sự phản kháng của chị Dậu. Đồng thời cũng chính là một biểu hiện tinh thần đấu tranh chống áp bức kiên cường. Cho dù mang tính cách tự phát, và có tính nhất thời thôi, thế nhưng vẫn thể hiện một tiềm lực tốt cùa giai cấp nông dân trong thời đại cũ. Khi mà những người nông dân này có sự lãnh đạo của Đảng, giai cấp nông dân vùng lên đấu tranh với sức mạnh quật khời nhất chắc chắc họ sẽ giành được độc lập tự do cho nước nhà.

Tóm lại, bằng tài năng của mình thì **nhà văn Ngô Tất Tố** đã xây dựng thành công nhân vật chị Dậu. Đó cũng chính là một hình tượng chân thực nhất và đẹp đẽ về người phụ

nữ nông dân trước Cách mạng tháng Tám

**BT3.Phân tích đoạn trích Tức nước vỡ bờ trong tác phẩm Tắt đèn của Ngô Tất Tố**Ngô Tất Tố là một trong những nhà văn hiên thực phê phán nổi tiếng nhất thời kì cách mạng. các tác phẩm của ông luôn đi liền với hình ảnh những người nông dân khốn khổ, luôn bị bóc lột, bị áp bức mà không thể tìm ra được lối thoát. Và nhắc tới ông, có lẽ chúng ta sẽ được nghe đầu tiền là tác phầm “tắt đèn”. Và trong tác phẩm , phân đoạn “ tức nước vỡ bờ” là một trong những đoạn văn gây nhiều xúc động và có ý nghĩa nhất trong lòng người đọc.

Tác giả lấy đề tài từ vụ thuế hàng năm ở những làng quê Bắc Bộ, với những hình ảnh như in đậm vào tâm trí của người đọc, hiện lên số phận bi thảm của những người phụ nữ nói chung và những người nông dân nói riêng cùng bản chất của giai cấp thống trị trong xa hôi đương thời. Đó là tình cảnh của người nông dân “một cổ hai tròng” khi vừa chịu ách bóc lột của những kẻ tàn dư phong kiến còn sót lại, vừa của những kẻ đi theo thực dân pháp, bán đứng tổ quốc. Trong tác phẩm, tác giả đã sử dụng ngòi bút hiện thực để vẽ nên chân dung của hàng loạt những nhân vật ở trong tác phẩm. Điển hình cho những kẻ áp bức con người là vợ chồng Nghị Quế, luôn lợi dụng tình cảnh của những con người đang gặp khó khăn nhằm trục lợi hay những bọn tay sai cường hào tuy chỉ là những kẻ làm thuê nhưng chúng lại không biết thương yêu những người đồng loại vất vả mà lại chỉ biết áp bức những người nông dân tay không tấc sắt. đó chính là những con người đại diện tầng lớp tiêu biểu phong kiến tàn dư của xã hội. Ngoài ra, tác giả còn rất khéo léo xây dựng hình tượng vô cùng kiên cường mà cũng đầy cảm động về hình ảnh của  chị Dậu- một người phụ nữ luôn hết lòng chăm lo cho chồng cho con mà không nghĩ cho mình bao giờ. Tốt đẹp là thế nhưng họ luôn phải chịu sự áp bức từ kẻ khác. Họ cũng không có cách nào để phản kháng hoàn toàn bởi chính họ còn không biết làm cách nào thoát ra khỏi vũng lầy Mở đầu là cảnh chị Dậu chăm sóc người chồng ốm yếu vừa bị bọn hào lí trong làng đánh đập dã man chỉ vì thiếu tiền nộp sưu. Chị Dậu đã cô gắng hết sức để cứu chồng nhưng cuối cùng anh Dậu vẫn không tránh được sự bắt bớ, hành hạ. Có thấy được tình thương yêu chổng con sâu sắc của chị Dậu, ta mới hình dung được sự dũng cảm quên mình của chị. Chị tất tả chạy ngược chạy xuôi, vay được nắm gạo nấu nồi cháo loãng. Cảm động thay là cảnh chị Dậu múc cháo ra mấy cái bát cũ kĩ, sứt mẻ và quạt cho cháo mau nguội rồi ân cần mời mọc: Thầy em cố dậy húp tí cháo cho đỡ xót ruột. Trong ánh mắt và giọng nói của người vợ nghèo khổ ấy toát lên một tình cảm tha thiết đến nao lòng.

Chị Dậu đã trở thành trụ cột của cái gia đình đang quẫn bách khốn khổ vì sưu, vì thuế. Chồng bị đánh đập, gông cùm. Một tay chị chèo chống, chạy vạy, phải bán tất cả những gì có thể bán được, kể cả đứa con gái đầu lòng ngoan ngoãn, hiếu thảo mà chị thương đứt ruột để lấy tiền nộp sưu, cứu chồng khỏi vòng tù tội. Chị đã phải đổ bao mồ hôi nước mắt để anh Dậu được trả tự do trong tình trạng tưởng như chỉ còn là một cái xác không hồn. Giữa lúc anh Dậu vừa bưng bát cháo kề vào miệng thì cai lệ và người nhà lí trưởng đã sầm sập sấn vào với những roi song, tay thước và dây thừng, hò hét bắt anh phải nộp tiền sưu. Quá khiếp đảm, anh Dậu đã lăn đùng ra không nói được câu gì, chỉ còn chị Dậu một mình phải đối phó với những kẻ độc ác, luôn đòi ra tay với vợ chồng chị

Ban đầu, khi bọn chúng ập vào định lôi anh Dậu đi nhưng chưa hành hung mà chỉ chửi bới, mỉa mai, đe dọa thì chị Dậu vẫn nhũn nhặn van xin tên cai lệ độc ác. Vả lại, kinh nghiệm lâu đời đã thành bản năng của người nông dân thấp cổ bé họng là phải biết rõ thân phận mình. Thói quen nhẫn nhục khiến chị chỉ dám năn nỉ, khơi gợi lòng nhân từ của tên cai lệ: Cháu van ông, nhà cháu vừa mới tĩnh được một lúc, ông tha cho! Cách xưng hô ông, cháu của chị Dậu là cách xưng hô của kẻ dưới với người trên, biểu hiện sự hạ mình. Bọn chúng chẳng thèm nghe mà sầm sập chạy đến chỗ anh Dậu, định bắt trói anh một lần nữa thì chị Dậu đã giận xám mặt nhưng vẫn cố chịu đựng, níu tay tên cai lệ van nài: Cháu xin ông! Mọi lời nói, hành động của chị Dậu đều không ngoài mục đích để bảo vệ chồng.

 Đến khi giới hạn của sự chịu đựng bị phá vỡ thì tính cách cứng cỏi của chị Dậu mới thật sự bộc lộ. Lúc tên cai lệ đáp lại lời van xin của chị bằng những cú đấm thô bạo rồi sấn đến trói anh Dậu thì chị tức quá không thể chịu được nên đã liều mạng chống cự lại. Sự bùng nổ tính cách này là kết quả tất yếu của quá trình chịu đựng lâu dài sự tàn ác, bất công. Điều đó đúng với quy luật có áp bức, có đấu tranh. Người đọc xót thương một chị Dậu phải hạ mình van xin bao nhiêu thì càng đồng tình, nể phục một chị Dậu đáo để, quyết liệt bấy nhiêu.

Lúc đầu, chị cự lại tên cai lệ bằng lí lẽ: Chồng tôi đau ốm, ông không được phép hành hạ! Thực ra, chị chỉ nói đốn lòng nhân đạo tối thiểu của con người. Chị không còn xưng cháu và gọi tên cai lệ bằng ông nữa mà xưng là tôi – ông, ngẩng cao đầu nhìn thẳng vào mặt đối thủ.

Từ vị thế thấp hèn của kẻ dưới, chị Dậu vụt trở thành ngang hàng với những kẻ xưa nay vẫn đè đầu cưỡi cổ mình. Câu nói của chị là lời cảnh cáo cứng rắn mà vẫn có đủ tình, đủ lí. Nhưng cái ác thường không biết chùn tay. Tên cai lệ cứ sấn tới đánh chị và nhảy vào định lôi anh Dậu đi. Lòng yêu thương chổng tha thiết đã thúc đẩy chúng phải hành động chống trả quyết liệt lũ tay sai tàn ác đang cố tình phá nát gia đình chị.

Chị không chấp nhận để chồng mình bị hành hạ thêm một lần nữa. Hành động chống trả bọn tay sai diễn ra thật bất ngờ nhưng thực ra mầm mống phản kháng đã ẩn chứa tử lâu dưới vẻ ngoài cam chịu nhẫn nhục thường ngày của chị. Sự chịu đựng kéo dài và sự áp bức lên đến tột đỉnh khiến cho thái độ phản kháng bùng lên dữ dội. Tiếp sau lời cảnh cáo đanh thép là hành động phản kháng mạnh mẽ. Rồi chị túm lấy cổ hắn, ấn dúi ra cửa. Sức lẻo khẻo của anh chàng nghiện chạy không kịp với sức xô đẩy của người đàn bà lực điền, hắn ngã chỏng quèo trên mặt đất… Còn tên người nhà lí trưởng hung hăng kết cục cũng bị chị Dậu túm tóc; lẳng cho một cái, ngã nhào ra thềm Do đâu mà chị Dậu có sức mạnh lạ lùng một lúc quật ngã hai tên tay sai hung hãn như vậy ? Đó là sức mạnh của lòng căm hờn mà cái gốc của lòng căm hờn ấy lại chính là tình yêu thượng và ý thức bảo vệ chồng con của người đàn bà nghèo khổ.

Tuy vậy, sự phản kháng của chị Dậu mới chỉ là hành động tức nước vỡ bờ của một cá nhân chứ chưa phải là hành động vùng lên phá vỡ áp bức bất công để tự giải phóng của một giai cấp, một dân tộc. Thế nhưng nó cũng chứng minh cho quy luật có áp bức, có đấu tranh. Áp bức càng nhiều thì đấu tranh càng quyết liệt.

Ý nghĩa của câu tục ngữ tức nước vỡ bờ qua ngòi bút hiện thực của Ngô Tất Tố đã được thể hiện thật sống động và đầy thuyết phục. Tuy tác giả khỉ đó chưa giác ngộ cách mạng và tác phẩm kết thúc bằng cảnh ngộ bế tắc của chị Dậu nhưng nhà văn Nguyễn Tuân đã nhận xét rằng Ngô Tất Tố, với Tắt đèn đã “xui người nông dân đấu tranh cách mạng…”

## BT3.Em hãy viết bài băn phân tích đoạn trích Tức nước vỡ bờ trong tác phẩm Tắt đèn củaNgô Tất Tố.

Ngô Tất Tố (1893 – 1954), quê ở làng Lộc Hà, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh, nay thuộc Đông Anh, Hà Nội; là một nhà Nho sống ở nông thôn, có vốn hiểu biết Hán học khá sâu rộng, ông nổi tiếng trên lĩnh vực báo chí và văn chương trong giai đoạn đầu thế kỉ XX. Tắt đèn là tác phẩm tiêu biểu trong sự nghiệp sáng tác của Ngô Tất Tố và trong trào lưu văn học hiện thực trước Cách mạng tháng Tám 1945.

Tác giả lấy đề tài từ một vụ thu thuế hàng năm ở một làng quê Bắc Bộ, qua đó phản ánh số phận bi thảm của nông dân và bản chất tàn bạo của giai cấp thống trị trong xã hội đương thời. Có thể nói tác phẩm Tắt đèn là bức tranh thu nhỏ của nông thôn Việt Nam dưới thời Pháp thuộc.

Trong tác phẩm Tắt đèn, bằng ngòi bút tả thực sắc sảo, nhà văn đã vẽ lên chân dung sinh động của một loạt nhận vật. Từ vợ chồng lão Nghị Quế keo kiệt bất nhân đến bọn cường hào tham lam hống hách. Từ một quan “phụ mẫu” oai vệ mà bỉ ổi đến bọn tay sai đầu trâu mặt ngựa. Mỗi đứa một vẻ nhưng đều giống nhau ở bản chất tàn ác và tư cách đê tiện. Những nhân vật phản diện này tiêu biểu cho tầng lớp phong kiến thống trị ở nông thôn lúc bấy giờ.

Đặc biệt, Ngô Tất Tố đã thành công xuất sắc trong việc xây dựng hình tượng điển hình về người phụ nữ nông dân qua nhân vật chị Dậu. Nhà văn miêu tả chân thực và cảm động về số phận tủi cực của người nông dân bị áp bức, bóc lột, bị dồn đến bước đường cùng. Nhà văn chân thành ca ngợi phẩm chất đáng quý của họ trong hoàn cảnh sống tối tăm, ngột ngạt.

Thái độ yêu ghét của Ngô Tất Tố thể hiện rất rõ ràng qua từng trang viết. Tình cảm yêu mến, trân trọng mà ông dành cho người nông dân khiến ông thật sự là tri âm, tri kỉ của họ. ông cũng không giấu diếm sự khinh bỉ và căm ghét đối với bọn thống trị sâu mọt ở nông thôn. Về nghệ thuật, Tắt đèn được coi là tiểu thuyết hiện thực xuất sắc mà thành công lớn nhất là tác giả đã dựng nên một thế giới nhân vật sinh động, trong đó có những điển hình độc đáo.

Đoạn Tức nước vỡ bờ trích từ chương XVIII của tác phẩm, nội dung xoay quanh những biến động ghê gớm xảy ra với gia đình chị Dậu trong mùa sưu thuế.

Vụ thuế đang trong thời điểm gay gắt nhất. Quan trên sắp về tận làng để đốc thuế. Bọn tay sai hung hãn xông vào nhà những người chưa nộp thuế để đánh trói, bắt bớ và giải ra đình tiếp tục cùm kẹp, tra khảo. Chị Dậu đã phải bán khoai, bán chó, bán cả đứa con gái lớn để nộp sưu cho chồng, nhưng bọn hào lí ngang ngược lại bắt anh Dậu phải nộp cả suất của người em đã chết từ năm ngoái. Thành thử, anh Dậu vẫn cứ là người thiếu thuế, bọn chúng chắc chắn sẽ không buông tha. Đã thế anh Dậu lại đang ốm rề rề sau trận đòn, tưởng chết đêm qua. Nếu bị chúng đánh trói lần nữa thì mạng sống của anh khó mà giữ được. Vấn đề quan trọng nhất đối với chị Dậu giờ đây là làm sao bảo vệ được chồng trong tình thế nguy ngập này. Đoạn trích tiếp nối câu chuyện trên.

Qua đoạn trích, tác giả phơi bày và lên án bản chất tàn ác bất nhân của chế độ thực dân phong kiến lúc bấy giờ và phản ánh tình cảnh đau thương của nông dân cùng quy luật có áp bức có đấu tranh. Nhà văn giúp chúng ta thấy được vẻ đẹp tâm hổn và sức sống tiềm tàng của người phụ nữ nông dân nghèo khổ. Trong đoạn trích có hai nhân vật chính là chị Dậu và tên cai lệ.

Mở đầu là cảnh chị Dậu chăm sóc người chồng ốm yếu vừa bị bọn hào lí trong làng đánh đập dã man chỉ vì thiếu tiền nộp sưu. Chị Dậu đã cô gắng hết sức để cứu chồng nhưng cuối cùng anh Dậu vẫn không tránh được sự bắt bớ, hành hạ. Có thấy được tình thương yêu chổng con sâu sắc của chị Dậu, ta mới hình dung được sựdũng cảm quên mình của chị. Chị tất tả chạy ngược chạy xuôi, vay được nắm gạo nấu nồi cháo loãng. Cảm động thay là cảnh chị Dậu múc cháo ra mấy cái bát cũ kĩ, sứt mẻ và quạt tia lịa cho cháo mau nguội rồi ân cần mời mọc: Thầy em cố dậy húp tí cháo cho đỡ xót ruột. Trong ánh mắt và giọng nói của người vợ nghèo khổ ấy toát lên một tình cảm tha thiết đến nao lòng.

Chị Dậu đã trở thành trụ cột của cái gia đình đang quẫn bách khốn khổ vì sưu, vì thuế. Chồng bị đánh đập, gông cùm. Một tay chị chèo chống, chạy vạy, phải bán tất cả những gì có thể bán được, kể cả đứa con gái đầu lòng ngoan ngoãn, hiếu thảo mà chị thương đứt ruột để lấy tiền nộp sưu, cứu chồng khỏi vòng tù tội. Chị đã phải đổ bao mồ hôi nước mắt để anh Dậu được trả tự do trong tình trạng tưởng như chỉ còn là một cái xác không hồn. Giữa lúc anh Dậu vừa bưng bát cháo kề vào miệng thì cai lệ và người nhà lí trưởng đã sầm sập sấn vào với những roi song, tay thước và dây thừng, hò hét bắt anh phải nộp tiền sưu. Quá khiếp đảm, anh Dậu đã lăn đùng ra không nói được câu gì, chỉ còn chị Dậu một mình đối phó với lũ ác nhân.

Chị Dậu đã đương đầu với bọn nha dịch tay sai để bảo vệ chổng như thế nào?

Ban đầu, khi bọn chúng ập vào định lôi anh Dậu đi nhưng chưa hành hung mà chỉ chửi bới, mỉa mai, đe doạ thì chị Dậu vẫn nhũn nhặn van xin tên cai lệ độc ác. Bọn đầu trâu mặt ngựa hung hãn nhân danh phép nước, người nhà nước để ra tay, còn chồng chị là hạng cùng đinh đang có tội (!) cho nên chị phải van xin. Vả lại, kinh nghiệm lâu đời đã thành bản năng của người nông dân thấp cổ bé họng là phải biết rõ thân phận mình. Thói quen nhẫn nhục khiến chị chỉ dám năn nỉ, khơi gợi lòng nhân từ của tên cai lệ: Cháu van ông, nhà cháu vừa mới tĩnh được một lúc, ông tha cho! Cách xưng hô ông, cháu của chị Dậu là cách xưng hô của kẻ dưới với người trên, biểu hiện sự hạ mình. Bọn chúng chẳng thèm nghe mà sầm sập chạy đến chỗ anh Dậu, định bắt trói anh một lần nữa thì chị Dậu đã giận xám mặt nhưng vẫn cố chịu đựng, níu tay tên cai lệ van nài: Cháu xin ông! Mọi lời nói, hành động của chị Dậu đều không ngoài mục đích để bảo vệ chồng.

Đến khi giới hạn của sự chịu đựng bị phá vỡ thì tính cách cứng cỏi của chị Dậu mới thật sự bộc lộ. Lúc tên cai lệ đáp lại lời van xin của chị bằng những cú đấm thô bạo rồi sấn đến trói anh Dậu thì chị tức quá không thể chịu được nên đã liều mạng chống cự lại. Sự bùng nổ tính cách này là kết quả tất yếu của quá trình chịu đựng lâu dài sự tàn ác, bất công. Điều đó đúng với quy luật có áp bức, có đấu tranh. Người đọc xót thương một chị Dậu phải hạ mình van xin bao nhiêu thì càng đồng tình, nể phục một chị Dậu đáo để, quyết liệt bấy nhiêu.

Lúc đầu, chị cự lại tên cai lệ bằng lí lẽ: Chồng tôi đau ốm, ông không được phép hành hạ! Thực ra, chị chỉ nói đốn lòng nhân đạo tối thiểu của con người. Chị không còn xưng cháu và gọi tên cai lệ bằng ông nữa mà xưng là tôi – ông, ngẩng cao đầu nhìn thẳng vào mặt đối thủ

Từ vị thế thấp hèn của kẻ dưới, chị Dậu vụt trở thành ngang hàng với những kẻ xưa nay vẫn đè đầu cưỡi cổ mình. Câu nói của chị là lời cảnh cáo cứng rắn mà vẫn có đủ tình, đủ lí. Nhưng cái ác thường không biết chùn tay. Tên cai lệ cứ sấn tới đánh chị và nhảy vào định lôi anh Dậu đi. Lòng yêu thương chổng tha thiết đã thúc đẩy ctìị phải hành động chống trả quyết liệt lũ tay sai tàn ác đang cố tình phá nát gia đình chị.

Chị không chấp nhận để chồng mình bị hành hạ thêm một lần nữa. Hành động chống trả bọn tay sai diễn ra thật bất ngờ nhưng thực ra mầm mống phản kháng đã ẩn chứa tử lâu dưới vẻ ngoài cam chịu nhẫn nhục thường ngày của chị. Sự chịu đựng kéo dài và sự áp bức lên đến tột đỉnh khiến cho thái độ phản kháng bùng lên dữ dội.

Khi tên cai lệ dã thú ấy tát vào mặt chị một cái đánh bốp rồi cứ hung hăng sấn tới chỗ anh Dậu, thì chị đã nghiến hai hàm răng thách thức: Mày trói ngay chồng bà đi, bà cho mày xem! Không còn ông – cháu, tôi – ông gì nữa, chị chuyển phắt sang xưng bà và gọi tên cai lệ là mày. Điều đó thể hiện thái độ căm giận, khinh bỉ đến cao độ, đồng thời khẳng định tư thế của chị là sẵn sàng đè bẹp đối phương. Chị Dậu là một lò lửa đang bùng cháy dữ dội. Chị không thèm đấu lí với tên cai lệ bất lương mà thẳng tay trừng trị hắn.

Tiếp sau lời cảnh cáo đanh thép là hành động phản kháng mạnh mẽ. Rồi chị túm lấy cổ hắn, ấn dúi ra cửa. Sức lẻo khẻo của anh chàng nghiện chạy không kịp với sức xô đẩy của người đàn bà lực điền, hắn ngã chỏng quèo trên mặt đất… Còn tên người nhà lí trưởng hung hăng kết cục cũng bị chị Dậu túm tóc; lẳng cho một cái, ngã nhào ra thềm.

Đoạn văn miêu tả cuộc đối đầu giữa chị Dậu và lũ người độc ác được tác giả miêu tả thật sinh động và thu vị. Trong xã hội mà tội ác hoành hành, còn gì hả hê hơn khỉ mọi người được chứng kiến cái ác bị trừng trị đích đáng?!

Do đâu mà chị Dậu có sức mạnh lạ lùng một lúc quật ngã hai tên tay sai hung hãn như vậy? Đó là sức mạnh của lòng căm hờn mà cái gốc của lòng căm hờn ấy lại chính là tình yêu thượng và ý thức bảo vệ chồng con của người đàn bà nghèo khổ. Khi rón rén bưng cháo cho chồng và theo dõi xem chồng ăn có ngon miệng không, khi hạ mình van xin kẻ ác và khi nghiến răng quật ngã chúng, trước sau, lúc nào chị Dậu cũng vì người chồng đang đau ốm. Tình yêu chồng, thương con cộng với tỉnh thần phản kháng âm ỉ bấy lâu đã thổi bùng ngọn lửa phản kháng trong lòng chị. Nỗi sợ cố hữu của kẻ bị áp bức phút chốc tiêu tan, chỉ còn lại nhân cách cứng cỏi của một con người chân chính. Hành động chống đối bộc phát đó chính là biểu hiện cụ thể của tình yêu thương mãnh liệt trong trái tím người phụ nữ dường như sinh ra để suốt đời nhường nhịn, hi sinh.

Tuy vậy, sự phản kháng của chị Dậu mới chỉ là hành động tức nước vỡ bờ của một cá nhân chứ chưa phải là hành động vùng lên phá vỡ áp bức bất công để tự giải phóng của một giai cấp, một dân tộc. Thế nhưng nó cũng chứng minh cho quy luật có áp bức, có đấu tranh. Áp bức càng nhiều thì đấu tranh càng quyết liệt.

Chứng kiến cảnh xô xát giữa vợ mình với tên cai lệ và người nhà lí trưởng, anh Dậu sợ quá muốn dậy can vợ, nhưng mệt lắm, ngồi lên lại nằm xuống, vừa run lại vừa kêu: – u nó không được thế! Người ta đánh mình không sao, mình đánh người ta là phải tù, phải tội. Anh Dậu cố nhắc cho vợ nhớ cái sự thật phổ biến trong xã hội lúc bấy giờ, nhưng chị Dậu không chấp nhận điều vô lí đó. Chị phẫn uất hét lên: Thà ngồi tù, để chúng nó làm tình làm tội mãi thế tôi chịu không được… Câu nói này khẳng định chị Dậu không muốn cúi đầu cam chịu mãi cảnh áp bức, bất công.

Ý nghĩa của câu tục ngữ tức nước vỡ bờ qua ngòi bút hiện thực của Ngô Tất Tố đã được thể hiện thật sống động và đầy thuyết phục. Tuy tác giả khỉ đó chưa giác ngộ cách mạng và tác phẩm kết thúc bằng cảnh ngộ bế tắc của chị Dậu nhưng nhà văn Nguyễn Tuân đã nhận xét rằng Ngô Tất Tố, với Tắt đèn đã “xui người nông dân đấu tranh cách mạng…”.

Bằng cảm quan hiện thực mạnh mẽ, Ngô Tất Tố đã cảm nhận được xu thế “tức nước vỡ bờ” và sức mạnh to lớn khôn lường của nó. Cố thể nói đoạn trích này đã dự báo cơn bão táp của quần chúng nông dân nổi dậy dưới sự tập hợp, lãnh đạo của Đảng và Bác Hồ sẽ hất phăng chế độ thực dân phong kiến tham tàn, mục nát.

Nhân vật cai lệ trong đoạn trích tiêu biểu chọ lũ tay sai chuyên nghiệp, là công cụ đàn áp đắc lực của giai cấp thống trị. Để khẳng định vai trò của mình trong vụ thuế, hắn đánh người, trói người vô tội vạ. Trong bộ máy thống trị ở nông thôn, tên cai lệ này chỉ là một gã tay sai mạt hạng. Hắn hung dữ, sẵn sàng gây tội ác mà không chùn tay vì không hề bị ai ngăn chặn. Hắn vênh váo tự cho mình là đại diện cho nhà nước. Hắn nhân danh phép nước để làm những điều tàn ác đối với người nghèo. Vì vậy, có thể nói, tên cai lệ vô danh đó là hiện thân đầy đủ nhất của cái guồng máy “nhà nước” bất nhân lúc bấy giờ. Tuy chỉ xuất hiện trong một đoạn văn ngắn nhưng nhân vật cai lệ được ngòi bút tả thực của tác giả khắc họa nổi bật, có giá trị khái quát cao.

Đoạn trích Tức nước vỡ bờ là một đoạn văn hay, tiêu biểu cho bút pháp tả thực tài tình của Ngô Tất Tố. Ngôn ngữ kể chuyện, miêu tả và đối thoại của nhân vật rất đặc sắc. Đó là lời ăn tiếng nối bình dị, tự nhiên của đời sống hằng ngày. Mỗi nhân vật đều có ngôn ngữ riêng. Ngôn từ của tên cai lệ thì thô lỗ, đểu cáng. Lời lẽ của chị Dậu khi thì thiết tha mềm mỏng, khi đanh thép quyết liệt. Lời lẽ của bà cụ hàng xóm thì thật thà, hiền hậu… Lời ăn tiếng nói của nông dân được tác giả sử dụng nhuần nhuyễn, rất hợp cảnh, hợp tình.

Nhà văn Ngô Tất Tố đã dành cho nhân vật chính là chị Dậu tình cảm yêu thương, thông cảm và trân trọng. Những tình tiết sinh động và đầy kịch tính trong đoạn trích đã góp phần hoàn thiện tính cách của người phụ nữ nông dân đẹp người, đẹp nết.

Chị Dậu mộc mạc, hiền dịu, vị tha, sống khiêm nhường, biết nhẫn nhục chịu đựng… nhưng hoàn toàn không yếu đuối, trái lại vẫn có một sức sống mạnh mẽ, một tỉnh thần phản kháng tiềm tàng. Khi bị đẩy tới bước đường cùng, chị đã vùng dậy chống trả quyết Hệt. Đó là thái độ cứng còi, bất khuất, dám đối đầu với cái ác trong xã hội.

**BT4:** Bàn về chị Dậu trong tiểu thuyết Tắt đèn của Ngô Tất Tố, nhà văn Nguyễn Tuân viết: “Ngô Tất Tố đã đưa ra, đã dám đưa ra một nhân vật đàn bà nông thôn khỏe khoắn, lành mạnh như chị Dậu”. Hãy phân tích nhân vật chị  Dậu qua đoạn trích “Tức nước vỡ bờ” để làm sáng tỏ ý  kiến trên.

**I. MỞ BÀI:**

– Triết lí của Trang Tử.

– Giới thiệu tác giả Ngô Tất Tố, tác phẩm Tắt đèn và đoạn trích Tức nước vỡ bờ.

– Nêu vấn đề nghị luận.

          Hơn hai nghìn năm trước, Trang Tử đã từng có một triết lí rất hay về biển cả: “Biển cả là nơi mà tất cả các nguồn nước trên thế gian này đều đi ra từ đó, nhưng nó không vơi, và nó cũng là nơi đón nhận tất cả các nguồn nước, nhưng nó không đầy”. Văn học cũng như những nguồn nước – đều đi ra từ biển cả cuộc đời. Và hàng ngày, tiếng sóng thủy triều vẫn âm vang chuyên chở ấy có bao giờ ngừng nghỉ, cũng như mảnh đất hiện thực có bao giờ vơi đi những người nghệ sĩ đến đó để chở nắng, chở gió cuộc đời và tưới mát muôn cây? Ngô Tất Tố cũng giống như bao người nghệ sĩ khác, tâm hồn ông, niềm vui nỗi khổ của ông luôn gắn chặt với mỗi cảnh đời, mỗi con người để từ đó kết tinh thành những trang văn tài hoa, nhức nhối.

          “Tắt đèn” là điểm son sáng chói trong cuộc đời cầm bút “phụng sự dân quê” của Ngô Tất Tố. Giá trị lớn nhất của tác phẩm “Tắt đèn” không phải ở chỗ phê phán xã hội đương thời, mà ở chỗ nhà văn đã xây dựng được một hình tượng đẹp đẽ chân thực về người phụ nữ nông dân – chị Dậu. Bàn về hình tượng chị Dậu, nhà văn Nguyễn Tuân viết: “Ngô Tất Tố đã đưa ra, đã dám đưa ra một nhân vật đàn bà nông thôn khỏe khoắn, lành mạnh như chị Dậu”.Điều đó được thể hiện rất rõ trong đoạn trích “Tức nước vỡ bờ” – trích chương XVIII của tác phẩm.

**II. THÂN BÀI:**

**1. Giải thích ý kiến:**

– Khỏe khoắn, lành mạnh: là những phẩm chất, đức tính của chị Dậu:

+ Khỏe khoắn: phản kháng, nghị lực => nét mới.

+ Lành mạnh: thủy chung, yêu thương chồng con, giàu đức hi sinh => nét truyền thống.

=> một điển hình về người phụ nữ truyền thống và hiện đại.

– “Khỏe khoắn” và “lành mạnh” là những phẩm chất, đức tính của chị Dậu.

+ Trong đó, sự khỏe khoắn chính là sức quật khởi, sự phản kháng tiềm tàng trong con người chị Dậu; là ý chí nghị lực giúp chị đứng vững và chống chọi với những sóng gió của cuộc đời.

+ Còn lành mạnh là những phẩm chất tốt đẹp của một người phụ nữ thủy chung, yêu thương chồng con, đảm đang tháo vát, giàu đức hi sinh,…

– Chính sự khỏe khoắn và lành mạnh đó đã khiến chị Dậu trở thành một điển hình về người phụ nữ có sự kết hợp của vẻ đẹp truyền thống và hiện đại.

**2. Chứng minh:**

**a. Chị Dậu là một nhân vật đàn bà nông thôn lành mạnh:**

– Chị Dậu là một người đảm đang tháo vát: đứng trước khó khăn tưởng chừng như không thể vượt qua, phải nộp một lúc hai suất sưu, anh Dậu thì ốm đau, đàn con bé dại… tất cả đều trông vào sự chèo chống của chị.

–   Chị Dậu là một người có tinh thần vị tha, yêu thương chồng con tha thiết:

+ Khi anh Dậu bị bọn cai lệ và người nhà lí trưởng đánh đập hành hạ chết đi sống lại chị đã chăm sóc chồng chu đáo.

+ Chị đã tìm mọi cách để bảo vệ chồng: Từ hạ mình van xin đến đấu lí với bọn cai lệ và người nhà lí trưởng.

– Chị Dậu là “một nhân vật đàn bà nông thôn lành mạnh”.***Sự lành mạnh ấy, trước hết thể hiện ở sự đảm đang, tháo vát của chị trong cuộc mưu sinh.***

+ Làng Đông Xá lúc bấy giờ chìm trong không khí ngột ngạt, căng thẳng của những ngày sưu thế – “một di tích trung cổ […], một thứ thuế đánh vào đầu người dân chỉ vì cái lí do giản dị là người ấy đã sinh ra làm người” (Qua Ninh, Tô Dân). Bởi nhà nghèo “lên đến bậc nhất, bậc nhì trong hạng cùng đinh”,để nộp được suất sưu cho chồng, chị Dậu phải chạy đôn chạy đáo khắp nơi, bán đi tất cả mọi thứ có thể bán: gánh khoai, đàn chó, và thậm chí là dứt ruột bán đi đứa con gái đầu lòng bảy tuổi.

+ Tưởng rằng cơn bão cơ cực đã qua, ngờ đâu tất cả mới chỉ là cơn giông trước bão, bởi gia đình chị bị buộcphải đóng thêm suất sưu cho người em chồngđã chết từ năm ngoái. Vậy ra thứ thuế kia không chỉ đánh vào đầu người sống, mà còn đánh cả vào đầu người chết! Thật là cùng đường!*Nỗi oan rành rành ra đó mà chẳng thể nào giải được. Bao lần lên phủ, lên huyện ăn chực, nằm chờ để kêu oan, nhưng có ai nghe đâu mà kêu với réo.*

+ Thiếu tiền sưu, chồng chị đang đau ốm vẫn bị bọn nha sai trói ra đình đánh đập dã man, rồi nửa đêm đem trả về cho chị như một cái xác không hồn.

=> Chồng đau ốm, con bé dại, lại một lúc phải nộp hai suất sưu,… Biết làm sao để thoát ra khỏi được cái bế tắc của cuộc đời? Khó khăn chồng chất ập đến, tất cả trông chờ vào sự chèo chống của chị Dậu. Trên thực tế, chị Dậu trở thành chỗ dựa cho cả gia đình.

***– Sự “lành mạnh” ở nhân vật chị Dậu còn thể hiện ở chỗ chị là một người phụ nữ yêu chồng, thương con tha thiết.***

+ Khi anhDậu bị bọn cai lệ và người nhà lí trưởng đánh đập hành hạ đến chết đi sống lại rồi trả về cho chị như một cái xác không hồn, chị đã chăm sóc chồng chu đáo.

+Trong cơn nguy kịch, chị Dậu đã lay gọi và tìm mọi cách cứu chữa cho chồng. Hàng xóm kéo đến, người an ủi, người cho vay gạo nấu cháo…

+ Cháo chín, chị múc ra bát, lấy quạt quạt cho nguội để chồng “ăn lấy vài húp” vì anh đã “nhịn suông từ sáng hôm qua tới giờ còn gì”. Chị lo cho chồng đến mức quên cả nỗi vất vả chạy ngược chạy xuôi để lo cho đủ hai đồng bảy tiền nộp sưu.

+ Tất cả tình cảm của chị dồn cả vào hành động giành cho anh “bát cháo lớn” và “rón rén bưng”.

+ Cách nói của chị khi bưng cháo đến cho chồng cũng tràn đầy tình cảm: “Thầy em cố gắng dậy húp ít cháo cho đỡ xót ruột”. Lời người đàn bà nhà quê mời chồng ăn cháo lúc hoạn nạn chứa đựng biết bao tình yêu thương, an ủi, vỗ về.

+ Cái cử chỉ chị bế cái Tửu ngồi xuống cạnh chồng “cố ý chờ xem chồng ăn có ngon miệng không” đã biểu lộ sự săn sóc và yêu thương của người vợ đối với người chồng đang đau ốm, tính mạng đang bị bọn cường hào đe doạ. Tình cảm ấy là hơi thở dịu dàng thức tỉnh sự sống cho anh Dậu. Dường như mỗi cử chỉ, hành động của anh Dậu đều có ánh mắt thấp thỏm, lo lắng của chị Dậu dõi theo.

+ Chính vì yêu thương, lo lắng cho chồng nên khi bọn cai lện sầm sập tiến vào bắt trói anh Dậu, chị đã tìm mọi cách để bảo vệ chồng, từ hạ mình van xin đến đấu lí với bọn cai lệ và người nhà lí trưởng, thậm chí dám vùng lên đánh lại bọn chúng. Đó là biểu hiện đẹp đẽ nhất của tình yêu thương chồng trong chị. Chị quả là một người mẹ, người vợ giàu tình yêu thương.

Có thể thấy, chị Dậu mang đầy đủ những phẩm chất của người phụ nữ Việt Nam truyền thống: hiền lành, thật thà, chăm chỉ làm ăn, đảm đang thương chồng, thương con hết mực,….

**b. Chị Dậu là một nhân vật đàn bà nông thôn khỏe khoắn:**

+ Thiết tha van xin: cho cháu khất, nhà cháu mới tỉnh được một lúc.

+ Đấu lí: chồng tôi đau ốm.

+ Đấu sức: mày trói chồng bà đi.

– Chị Dậu còn là “một nhân vật đàn bà nông thôn khỏe khoắn”. Sự khỏe khoắn ấy thể hiện ở sức sống tiềm tàng của chị trong màn đối mặt với cai lệ và người nhà lí trưởng.

+ Khi bọn tay sai “sầm sập tiến vào với những roi song, tay thước và dây thừng” thét trói kẻ thiếu sưu, chị Dậu đã nhẫn nhục chịu đựng, cố “thiết tha” van xin bằng giọng run run cầu khẩn: “Hai ông làm phúc nói với ông lí cho cháu khất”. Đây là sự nhịn nhục của kẻ dưới, là cách ứng xử đã thành thói quen, thành nếp của những người nông dân thấp cổ bé họng, thường xuyên bị áp bức trong xã hội cũ. Nhưng tên cai lệ không những không động lòng thương mà lại còn chửi mắng chị thậm tệ, chạy sầm sập đến định trói anh Dậu. Cái hình ảnh cả một bọn nha sai hung hãn, hách dịch, ỷ đông hè nhau xông vào để trấn áp một người phụ nữ nông dân cô lẻ khiến người ta phải thét lên tiếng thét gào cùng cực cho những kiếp người mà thân phận quá rẻ rúng, lại đã trót sống phải thời kỳ mạt vận, khi mà bọn cường hào ác bá cấu kết với nhau và không từ bất cứ thủ đoạn nào để vơ vét làm giàu trên những cái xác khô cằn của đồng loại. Chúng là hiện thân cho một xã hội tàn nhẫn, đày đọa con người. Tính mạng người chồng đang bị đe doạ, chị Dậu “xám mặt” vội vàng đỡ lấy tay hắn nhưng vẫn cố van xin thảm thiết: “Cháu van ông! Nhà cháu mới tỉnh được một lúc, ônh tha cho”.

+ Biết không thể van xin, chị Dậu chuyển sang đấu lí. Trước sự tàn bạo, bất nhân của cai Lệ, “tức quá không thể chịu được”, chị “liều mạng cự lại”. Từ vị thế của kẻ dưới: “Cháu van ông…,” chị Dậu thoắt nâng mình lên ngang hàng với kẻ xưa nay vẫn đè đầu cười cổ mình: “Chồng tôi đau ốm, ông không được phép hành hạ”. Câu nói cứng rắn mà vẫn có đủ tình, đủ lí, không chỉ viện đến pháp luật mà còn nói tới cái lí đương nhiên, cái đạo lí tối thiểu của con người.

+ Nhưng cái ác thường không biết chùn tay. Tên cai lệ cứ sấn tới đánh chị và nhảy vào định lôi anh Dậu đi. Thói thường con giun xéo mãi cũng quằn. Sự tàn ác của tên cai lệ đã đẩy chị vào tình thế phải “liều mình”. Tức thì, sau tiếng thách thức đầy phẫn nộ của kẻ trên đối với kẻ dưới: “Mày trói ngay chồng bà đi, bà cho mày xem!” là hành động phản kháng dữ dội: “Rồi chị túm lấy cổ hắn, ấn dúi ra cửa” khiến “hắn ngã chỏng queo trên mặt đất”, “còn tên người nhà lí trưởng kết cục cũng bị chị Dậu túm tóc, lẳng cho một cái, ngã nhào ra thềm”. Màn đấu lực này chính là đỉnh cao của tinh thần phản kháng. Đó là một kết cuộc tất yếu trước mọi sự đè ép, bất công quá mức trong cuộc đời. Và, trong cuộc đấu, phần thắng thuộc về người đàn bà lực điền. Cách xưng hô bà – mày cho thấy chị Dậu đã ở trong một tư thế khác, tư thế của kẻ bề trên. Nhà văn Nguyên Tuân đã có một nhận xét rất thú vị về cảnh này: “Trên cái tối trời, tối đất của cái xã hội ngày xưa, hiện lên một chân dung lạc quan của chị Dậu… bản chất cuả chị Dậu rất khoẻ, cứ thấy lăn xả vào bóng tối mà phá ra…”.

**\* Nhận xét về hành động phản kháng của chị Dậu:**

+ Hành động phản kháng của chị Dậu hoàn toàn mang tính manh động, tự phát và nhất thời. Đó mới chỉ là cái thế tức nước vỡ bờ của một cá nhân mà chưa phải là cái thế của một giai cấp, một dân tộc vùng lên phá tan xiềng xích áp bức bất công.

+ Tuy nhiên, hành động của chị Dậu không phải diễn ra một cách bất ngờ. Bởi phải chịu nỗi áp bức, bóc lột kéo dài, mầm mống phản kháng này thực chất đã tồn tại từ lâu, ẩn chứa dưới vẻ ngoài cam chịu, nhẫn nhục của chị Dậu, để rồi khi gặp một mồi lửa nó đã bùng lên dữ dội. Nó đúng với quy luật: “Tức nước” ắt “vỡ bờ”, có áp bức, có đấu tranh, áp bức càng nhiều thì đấu tranh càng quyết liệt và hành động của chị Dậu đã chứng minh cho chân lí ấy. Nó cho thấy sức mạnh tiềm tàng của người nông dân, đồng thời cũng là một đốm lửa báo hiệu một cuộc bùng nổ rộng lớn có tổ chức, có lãnh đạo của giai cấp nông dân chống lại bọn đế quốc và phong kiến, địa chủ trong tương lai.

+ Và, tuy thái độ chống trả của chị Dậu tuy chỉ là một hành động đấu tranh tự phát đơn độc, chưa có ý thức, chưa có phương hướng nhưng trong văn học công khai đương thời, nhân vật này vẫn là một cái mốc cao nhất, một hình tượng phụ nữ mạnh khỏe và tươi sáng nhất. “Tinh thần giai cấp” là một điểm mới mà Ngô Tất Tố đã thấy được trong vấn đề xây dựng nhân vật phụ nữ, bởi trước đó văn học chỉ đặt vấn đề tự do yêu đương, tự do hôn nhân, nhằm giải phóng người phụ nữ ra khỏi những ràng buộc khắt khe của lễ giáo phong kiến.

**3. Đánh giá:**

– Người phụ nữ mang vẻ đẹp truyền thống – hiện đại.

– Khắc họa tính cách nhân vật bằng cách:

+ Đặt nhân vật vào tình huống đầy kịch tính.

+ Kể kết hợp miêu tả hành động cử chỉ.

– Có thể thấy, nhân vật chị Dậu là sự kết tinh giữa truyền thống và hiện đại. Chị mang vẻ đẹp của người Việt Nam truyền thống – những nét đẹp từng thấy qua trong bóng dáng các nhân vật nữ của các truyện Nôm khuyết danh như Cúc Hoa, Phương Hoa… Còn vẻ đẹp hiện đại của chị toát lên qua việc bất chấp khó khăn để bảo vệ mình, bảo vệ người khác, bảo vệ chân lí. Chính vì phẩm chất mới có tính hiện đại đó mà Nguyễn Tuân cho rằng hình như đã gặp người phụ nữ này trong đám người phá kho thóc Nhật, hoặc đám người biểu tình cướp phủ huyện trong thời kì tiền khởi nghĩa: “Với một cái tiền thân ngay thẳng lành mạnh như vậy, tôi nghĩ rằng chị Dậu thế tất phải có một hậu thân trong các đoàn thể cách mạng; và tôi nhớ như có lần nào, tôi đã gặp chị Dậu ở một đám đông phá kho thóc Nhật, ở một cuộc họp cướp chính quyền huyện kì tổng khởi nghĩa; và nếu không thì, chí ít, tôi cũng đã gặp chị trong những ngày địch o ép, chị đi tải thương hoặc đạy nắp hầm bem cho cán bộ cơ sở”.

– Xây dựng nhân vật chị Dậu, Ngô Tất Tố đã đặt nhân vật vào tình huống đầy kịch tính để khắc họa tính cách, phẩm chất của nhân vật. Đó là những khó khăn chồng chất ập đến thử thách đôi vai nhỏ bé của người đàn bà, là sự lựa chọn giữa nhẫn nhịn chịu đựng hay phản kháng trước cảnh bọn tay sai đòi bắt trói anh Dậu một lần nữa… Bên cạnh đó, tính cánh của nhân vật chị Dậu cũng được bộc lộ qua lời kể kết hợp miêu tả hành động cử chỉ.

– Như vậy, hình tượng chị Dậu xứng đáng là một điển hình xuất sắc về người phụ nữ nông dân trước cách mạng.

**III. KẾT BÀI:**

-Khái quát lại những phẩm chất của chị Dậu.

- Khẳng định vẻ đẹp của hình tượng chị Dậu qua nhận xét của Nguyễn Tuân.

Tóm lại, bằng thái độ trân trọng, bằng những hiểu biết sâu sắc về nông thôn và người nông dân, Ngô Tất Tố đã xây dựng thành công nhân vật chị Dậu với vẻ đẹp “lành mạnh” mộc mạc của người phụ nữ nông dân Việt Nam truyền thống: đẹp người, đẹp nết, yêu chồng thương con, đảm đang tháo vát…; đồng thời cũng mang nét “khỏe khoắn” của người phụ nữ Việt Nam trước cách mạng với sức mạnh tiềm tàng và tinh thần phản kháng. Chính những điều này đã khiến chị Dậu trở thành một “đốm sáng đặc biệt” giữa hoàn cảnh hoạn nạn, một “chân dung lạc quan”, luôn muốn “tung ra khỏi bóng tối” (Nguyễn Tuân), vượt qua cái nhìn bi quan bế tắc về người nông dân của Ngô Tất Tố cũng như của các nhà văn hiện thực đương thời. Xây dựng thành công nhân vật chị Dậu, Ngô Tất Tố đã góp vào văn học Việt Nam một điển hình chân thực, hấp dẫn. Nói như Nguyễn Tuân, chị Dậu xứng đáng là “tất cả của “Tắt đèn”, và “Nếu ví toàn truyện “Tắt đèn” là một khóm cây, thì chị Dậu là cả gốc, cả ngọn, cả cành, và chính chị Dậu đã nổi gió lên mà rung cho cả cái cây dạ hương Tắt đèn đó lên”.

**=================================**

# **BT5.** Phân tích nhân vật chị Dậu trong tác phẩm Tắt đèn làm rõ nhận xét của Nguyễn Tuân: Trên cái tối giời, tối đất của đồng lúa ngày xưa hiện lên một cái chân dung lạc quan của chị Dậu

**BÀI LÀM**

Ngô Tất Tố là nhà văn xuất sắc trong dòng văn học hiện thực phê phán, cũng là nhà văn xuất sắc của người dân quê Việt Nam. ông viết về họ với sự thấu hiểu tận cùng những nổi khổ đau, mất mát của cõi người trong xã hội phong kiến. Đồng thời ông cũng viết về họ với tất cả niềm yêu thương, trân trọng và gửi găm hi vọng vào bản chất tốt đẹp không bị những khốn khổ của cuộc đời làm khuất lấp. Tắt đèn với nhân vật trung tâm – chị Dậu là một tác phẩm như vậy. Chị Dậu để lại nhiều ấn tượng đẹp trong lòng người đọc. Bởi thê, khi nhận xét về nhân vật này, nhà văn Nguyễn Tuân đã viết: “Trên cái tối giời, tối đất của đồng lúa ngày xưa, hiện lên một cái chân dung lạc quan của chị Dậu”. Ta hãy tìm trong bức chân dung ấy niềm “lạc quan” như nhà văn Nguyễn Tuân nhận xét.

Phải khẳng định rằng nhận xét của Nguyễn Tuân sắc sảo, ông chỉ ra giá trị hiện thực của Tắt đèn – một tác phẩm đã phản ánh sự đen tối lầm than của nông thôn Việt Nam dưới thời Pháp thuộc, đồng thời khẳng định thành công của Ngô Tất Tố khắc hoạ nhân vật chị Dậu một chân dung lạc quan hiện lên giữa cái tối giời tối đất của đồng lúa ngày xưa. Chị Dậu có bao phẩm chất tốt đẹp: nghèo khổ mà phẩm giá trong sạch, thương chồng thương con, đảm đang tháo vát, dũng cảm chống lại bọn cường hào… Bản chất của nhân vật chị Dậu rất khoẻ, cứ thấy lăn xả vào bóng tối mà phá ra…

Cái tối giời tối đất của đồng lúa ngày xưa được nói đến trong Tắt đèn là làng Đông Xá giữa mùa sưu thuế. Tiếng trống ngũ liên, tiếng tù và, tiếng mõ đốc sưu nỗi lên suốt đêm ngày nghe rất rùng rợn. cổng làng bị bọn cường hào đóng chặt để tróc sưu. Bọn cai lệ, bọn tay chân của lí trưởng với roi song, tay thước, dây thừng, nghênh ngang đi lại ngoài đường thét bắt trói kẻ thiếu sưu. Lí trưởng làng Đông Xá ra lệnh cho lũ tay chân: Tha hồ đánh! Tha hồ trói! Thằng nào bướng bỉnh đánh chết vô tội vạ! Anh Dậu vì tội thiếu sưu mà bị bọn cường hào bắt trói như trói chó để giết thịt. Em trai anh Dậu chết từ năm ngoái nhưng anh Dậu vẫn phải nộp thay vì chết cũng không trốn được sưu nhà nước! Có biết bao gia đình nông dân nghèo khổ bị điêu đứng, bị bắt đánh trói dã man! Chị Dậu phải bán khoai, bán ổ chó, bán đứa con gái đầu lòng lên bảy tuổi cho Nghị Quế. Chị phải đi ở vú… để kiếm tiền trang trải hai suất sưu cho chồng và đứa em chồng đã chết! Có thể nói Tắt đèn là bức tranh chân thực về xã hội nông thôn đen tối trước cách mạng, đồng thời là bản án đanh thép đối với cái xã hội ấy. Đọc Tắt đèn, ta rùng mình cảm thấy cái tối giời tối đất của đồng lúa ngày xưa như Tố Hữu đã viết:

Nửa đêm thuế thúc trống dồn,

Sân đình máu chảy, đường thôn lính đầy…

                                                       (Ba mươi năm đời ta có Đảng)

Giữa cái xã hội đen tối, hãi hùng ấy đã hiện lên một cái chân dung lạc quan của chị Dậu. Ngô Tất Tố không những thấu hiểu đời sống nông thôn mà còn có tình cảm gắn bỏ với những người dân cày lam lũ, nghèo khổ. Ông đã dành cho nhân vật chị Dậu sự đồng cảm, xót thương và quý trọng, ông đã vẽ nên cái chân dung lạc quan của chị Dậu bằng những lời đẹp nhất từ trái tim ông. Chị Dậu cần cù chịu khó làm ăn đầu tắt mặt tối thế mà cơm không đủ ăn, áo không đủ mặc. Tai hoạ dồn dập: hai cái tang mẹ chồng và em chồng, rồi anh Dậu bị ốm nặng kéo dài mấy tháng trời, gia đình chị trở thành cùng đinh. Thiếu sưu, chồng bị bắt, bị đánh trói dã man. Một nách ba đứa con thơ, trong nhà không còn một hột gạo, chị Dậu tất tả ngược xuôi tìm mọi cách để cứu chồng. Bán khoai, bán chó, bán con mới trả đủ một suất sưu cho chồng? Suất sưu còn lại chị phải trả bằng cách đi ở vú. Trước mọi tai hoạ, chị đã vững vàng chống đỡ.

Trong cảnh Tức nước vỡ bờ, cái chân dung lạc quan của chị Dậu đã toả sáng. Chị nấu cháo, lấy quạt quạt cho cháo chóng nguội, ân cần mời chông, an ủi chồng đang ốm rề rề ăn cháo. Trước sự chửi mắng và thái độ hách dịch côn đồ của tên cai lệ, chị đã nhún mình van xin tha cho chồng. Nhưng khi bị tên cai lệ bịch vào ngực, tát đánh bốp vào mặt, anh Dậu sắp bị trói, chị Dậu đã nghiến hai hàm răng thách thức: Mày trói ngay chồng bà đi, bà cho mày xem. Với quyết tâm bảo vệ chồng, với sức mạnh và lòng dũng cảm, chị Dậu đã đánh ngã cả cai lệ và bọn tay chân của hắn. Chị căm giận phủ định mọi thế lực tàn ác của chính quyền thực dân. Chị nói với chồng sau khi đã trừng trị lũ đầu trâu mặt ngựa: Thà ngồi tù. Để cho chúng nó làm tình làm tội mãi thế, tôi không chịu được… Chân dung chị Dậu “lạc quan” lắm chứ! Đẹp lắm chứ!

Đói cho sạch, rách cho thơm. Đọc Tắt đèn, ta còn khâm phục trước phẩm cách trong sạch của chị Dậu. Chị Dậu đã vứt toẹt nắm bạc vào mặt tên tri phủ Tư Ân khi hắn giở trò chó má! Chị cũng đã đẩy cụ cố Thượng ra, khi lão già ôm lấy chị… Bạo lực, tù đày, chị không sợ. Tiền bạc không mua chuộc được người đàn bà nhà quê này! Trong đêm tối như mực, ta lại thấy hiện lên một cái chân dung lạc quan của chị Dậu.

Có người cho rằng chị Dậu manh động! Lại có ý kiến cho rằng kết thúc của Tắt đèn nhuốm màu bi quan? Nhà văn Nguyễn Tuân đã phát hiện ra Bản chất của chị Dậu rất khoẻ, cứ thấy lăn xả vào bóng tối mà phá ra. Đó là một suy nghĩ rất hay, rất đặc sắc.

Ngày nay, nông thôn Việt Nam đã có nhiều đổi mới. Xóm làng đã ngói hoá, ánh điện đã toả sáng khắp xóm thôn. Những cái Tý đã được cắp sách đến trường. Đọc Tắt đèn là một dịp để mọi người trông cũ biết mới, qua đó ta thấy cái tâm và cái tài của Ngô Tất Tố khi ông miêu tả bức chân dung lạc quan của chị Dậu.

**BT6.** **Bản chất tàn bạo và bất nhân của xã hội thực dân phong kiến thể hiện trong đoạn trích Tức nước vỡ bờ (trích Tắt đèn của Ngô Tất Tố).**

BÀI LÀM

Đúng như cách gọi tên dòng văn học “Hiện thực”, các tác phẩm thuộc dòng văn học này đã phơi bày hiện thực về xã hội thực dân nửa phong kiến. Phơi bày những kiếp người khốn khổ thuộc đủ mọi tầng lớp trong xã hội ấy. Và cũng phơi bày tất cả những thủ đoạn tàn ác, mánh khoé đê tiện của bọn quan lại, cường hào nhằm bóc lột người dân. Tắt đèn của Ngô Tất Tố là một trong những tác phẩm phản ánh hiện thực xuất sắc của dòng văn học ấy.

Tắt đèn được viết vào giữa những năm 30 của thế kỉ XX. Đó là thời kì đen tối nhất của xã hội phong kiến Việt Nam. Cũng là lúc cao trào dân chủ 1936 – 1939 diễn ra mạnh mẽ, thực dân Pháp phải nới lỏng chế độ kiểm duyệt văn chương. Bởi thế Ngô Tất Tố có cơ hội để phản ánh tận cùng sự khốn nạn của xã hội thực dân nửa phong kiến ở Việt Nam và bộ mặt vô nhân tính của giai cấp thống trị. Đoạn trích Tức nước vỡ bờ đã giúp người đọc cảm nhận được sự tàn bạo và bất nhân của xã hội.

Dung lượng chưa đầy ba trang. Thế nhưng với dung lượng ít ỏi ấy mà ngòi bút thần tình của Ngô Tất Tố đã phơi bày ra trước mắt người đọc những gì xâu xa, độc ác nhất của xã hội đương thời.

Mở đầu tác phẩm là không khí ngột ngạt của làng quê Việt Nam trong những ngày sưu thuế. Tiếng trống, tiếng tù và inh ỏi, tiếng thét, đánh đập, tiếng kêu khóc vang lên như trong một cuộc săn người. Để vơ vét cho đầy túi tham, chính quyền cai trị thực dân phong kiến đặt ra hàng trăm thứ thuê vô lí, bất công. Ngô Tất Tố không đi sâu vào phản ánh những thủ đoạn bóc lột thuê má của bọn thực dân phong kiến, ông chỉ tập trung vào một thứ thuế dã man nhất: thuế thân (còn được gọi là sưu). Đó là thứ thuế đánh vào đầu những suất đinh (đàn ông trưởng thành). Để trói cho đủ sưu, bọn quan cai địa phương không từ bất cứ thủ đoạn nào, không cần nương nhẹ tay với bất cứ ai, kể cả kẻ khốn cùng nhất: chết cũng không trốn được sưu của nhà nước. Và thế là, chúng gô cổ tất cả những kẻ thiếu sưu, điệu ra đình để trừng phạt. Ngay cả anh Dậu, một người đang ốm, gia cảnh lại quá khốn đốn, cũng không thoát. Nếu không có tiền nộp sưu anh Dậu sẽ chết.

Trước tình thế ấy, chị Dậu đã phải dứt ruột bán đứa con gái đầu lòng mới tròn bảy tuổi cho Nghị Quế bên thôn Đoài để lấy tiền nộp sưu cho chồng. Ngờ đâu anh Dậu còn phải nộp thêm suất sưu cho người đã chết từ năm ngoái. Thật là vô lí! Và thế là, mặc cho những tiếng kêu uất ức của chị Dậu – kẻ thấp cổ bé họng vang lên thảm thiết giữa sân đình, anh Dậu vẫn bị trói. Chỉ đến khi anh rũ ra như một cái xác, chúng mới trả anh về cho chị Dậu. Nhờ bà con láng giềng cứu giúp, anh mới tỉnh lại. Nhưng vừa mới tỉnh lại, chưa kịp hớp một hớp cháo sau mấy ngày nhịn suông, bọn chúng đã ập đến. Bọn chúng ở đây được đại diện bằng tên cai lệ và tên người nhà lí trưởng.

Cai lệ là hình ảnh tiêu biểu của bọn tay sai đầu trâu mặt ngựa hung hãn, với bản chất tàn ác và tư cách đê tiện, không chút tình người, hắn như một công cụ bằng sắt hữu dụng của chính quyền thực dân phong kiến. Trong bộ máy thống trị của xã hội thực dân đương thời, hắn chỉ là một tên tay sai mạt hạng. Nhưng dưới ngòi bút của Ngô Tất Tố, hắn là hình ảnh tượng trưng và tiêu biểu của chính quyền thực dân phong kiến, hung dữ, sẵn sàng gây tội ác mà không hề chùn tay. Và thử hỏi, cái kẻ mạt hạng nhất trong bộ máy thống trị là còn khốn nạn đến vậy, thử hỏi những kẻ trên hắn sự khốn nạn còn tới cỡ nào.

Hắn sầm sập tiến vào nhà kẻ thiếu sưu đang ốm nặng với bộ mặt hằm hằm, với roi song, tay thước và dây thừng. Bất chấp tình trạng anh Dậu vừa thoát khỏi bàn tay tử thần, còn đang ốm lê bê lệt bệt, bỏ ngoài tai mọi lời van xin tha thiết của chị Dậu, hắn cứ xông vào để trói anh Dậu. Trong tiềm thức của hắn, hình như hắn chỉ nghĩ đến việc ra tay đánh trói kẻ thiếu sưu. Hắn đáp lại lời van xin tha thiết của chị Dậu bằng những tiếng chửi rủa mày định nói cho cha mày nghe đấy à? Sưu của nhà nước mà dám mở mồm ra khất!, nếu không có tiền nộp sưu cho ông bây giờ, thì ông sẽ dỡ cả nhà mày đi, chứ chửi mắng thôi à! và những hành động tàn bạo vừa nói hắn vừa bịch luôn vào ngực chị Dậu máy bịch rồi lại sấn đến để trói anh Dậu, cai lệ tát vào mặt chị Dậu một cái đánh bốp rồi hắn cứ nhảy vào cạnh anh Dậu…

Có thể nói, tàn bạo, không chút tính người, là bản chất và tính cách của tên cai lệ! Tính cách ấy được Ngô Tất Tố thể hiện rất rõ nét trong đoạn trích. Dưới ngòi bút đầy căm phẫn của nhà văn, cai lệ hiện nguyên hình là một con thú dữ, chỉ biết sủa, rít, gầm; chỉ biết lăn xả vào cắn xé người lương thiện, cắn xé những kẻ khốn khổ.

Cai lệ không phải là một tên tay sai bất lương vô danh, hắn là hiện thân của cái nhà nước bất nhân lúc bấy giờ. Chính xã hội thực dân phong kiến đã nhào nặn nên hắn, nuôi dưỡng hắn, biến hắn thành một công cụ đắc lực để phục vụ cho những thủ đoạn thống trị, bóc lột tàn bạo của chúng. Hắn tận tụy với chức trách, với công việc đến mức khi bị chị Dậu ấn dúi ra cửa, gã chỏng quèo trên mặt đất mà miệng vẫn nham nhảm thét trói vợ chồng kẻ thiếu sưu.

Cai lệ là một nhân vật phụ trong tác phẩm, nhưng lại là hình tượng điển hình cho bộ mặt và tội ác của chế độ thực dân phong kiến. Thông qua việc xây dựng nhân vật cai lệ và vạch trần bản chất xấu xa, độc ác, bĩ ổi của hắn, Ngô Tất Tố đã viết một bản cáo trạng đanh thép cái xã hội thực dân phong kiến tàn bạo, bất nhân ấy. Dường như bao nhiêu sự căm giận của ông đều trào ra ngòi bút thành những trang văn bất hủ.

**BT7.Suy nghĩ của em về sức sống và tinh thần phản kháng của người nông dân Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám, qua hình tượng nhân vật chị Dậu trong đoạn trích Tức nước vỡ bờ (Trích Tắt đèn của Ngô Tất Tố)**

BÀI LÀM

Nhân vật chị Dậu trong tiểu thuyết Tắt đèn của Ngô Tất Tố là hình tượng điển hình bất hủ của văn học Việt Nam, là hình ảnh tuyệt đẹp về người nông dân Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám, với những phẩm chất cao đẹp.

Chị Dậu là một nhân vật có tính cách, một tính cách điển hình. Nét nổi bật trong tính cách của chị là sức sống mạnh mẽ và tinh thần phản kháng tiềm tàng.

Để nhân vật có thể bộc lộ đầy đủ tính cách của mình, Ngô Tất Tố đặt chị vào trong một tình huống điển hình đầy kịch tính. Một mình chị, với sức vóc của một người đàn bà chân yếu tay mềm, với thân phận của một kẻ thấp cổ bé họng, phải đối phó lại với hai tên tay sai hung hãn của chính quyền thực dân phong kiến thống trị, có trang bị cả roi song, tay thước và dây thừng, được nhà nước bảo hộ, đang thi hành việc công đánh trói kẻ thiếu sưu.

Trong đoạn trích, bọn tay sai sầm sập tiến vào giữa lúc anh Dậu vừa mới tỉnh lại, chị Dậu đang hồi hộp chờ xem chồng chị ăn có ngon miệng không. Vì quá ốm yếu và khiếp đảm đã lăn đùng ra không nói được câu gì. Chỉ còn chị Dậu một mình đứng ra đối phó với lũ ác nhân. Có thể nói, lúc này, tính mạng của anh Dậu phụ thuộc vào sự đối phó của chị Dậu.

Ban đầu, chị cố tha thiết van xin. Vì sao chị phải van xin? Chị quá nhu nhược yếu đuối hay quá hèn nhát? Không! Chị Dậu không nhu nhược yếu đuối, cũng không hèn nhát! Nhưng, chị hiểu rõ tình thế của chồng mình. Dù sao anh Dậu cũng bị coi là kẻ… có tội (tội trốn sưu của nhà nước). Còn bọn tay sai hung hãn kia, đang nhân danh phép nước, người nhà nước để thi hành công vụ của nhà nước. Hơn nữa, chị Dậu ý thức được rất rõ thân phận thấp cổ, bé họng của mình, lại vốn là người có bản tính hiền lành, quen nhẫn nhục, khiên chị chỉ biết van xin rất lễ phép, cố khơi gợi lòng từ tâm và lương tri của ông cai.

Tất cả những lời van xin tha thiết, vừa có tình, vừa có lí của chị cũng chăng có kết quả gì. Ngược lại, chị được đáp trả lại bằng những lời chửi rủa tục tĩu, bằng những quả bịch vào ngực, bằng hành động nhảy xổ vào chỗ anh Dậu của tên cai lệ.

Con giun xéo mãi cũng quằn, tức nước thì phải vỡ bờ, đến lúc này, chị Dậu không thê chịu đựng hơn được nữa! Sức sống tiềm tàng trong người chị trỗi dậy, chị bất chấp tất cả, liều mạng cự lại.

Trước hết, chị cự lại bằng lí lẽ. Chồng tôi đau ốm, ông không được phép hành hạ. Một lí lẽ thật cứng cỏi và cũng thật sắc sảo! Chị không cần việc đến pháp luật (Vì làm gì có pháp luật và công lí cho người nghèo? Chúng lại đang thi hành phép nước kia mà!), chị đem đạo lí tối thiểu của con người ra để đấu với chúng. Như vậy, chị Dậu đã nhân danh con người để chống lại cái ác! Một chân lí thật đẹp mà bọn mặt người dạ thú kia không thể có.

Khi đã nhân danh con người, vị thế của chị cũng có sự thay đổi, từ thân phận thấp bé, chị Dậu vụt đứng thẳng lên ngang hàng với bọn tay sai – ngang hàng với chính quyền thực dân pháp luật: tôi và ông! Lúc này, chị đàng hoàng, dũng cảm đối mặt với kẻ thù của mình.

Trước thái độ của chị Dậu, cai lệ dấn thêm một bước. Hắn tát vào mặt chị một cái đánh bốp và nhảy xổ vào anh Dậu. Bao nhiêu uất ức dồn nén, tích tụ bấy lâu nay biến thành ngọn lửa căm giận ngùn ngụt bốc cháy trong chị Dậu:

Chị Dậu nghiến hai hàm răng:

– Mày trói ngay chồng bà đi, bà cho mày xem!

Lời lẽ của chị Dậu thể hiện sự căm giận và khinh bỉ cao độ đối với kẻ thù của mình; đồng thời thể hiện bản lĩnh và tư thế đứng trên đầu thù, sẵn sàng đè bẹp đối phương. Trong văn học đương thời viết về người phụ nữ nông dân, chưa hề có một bản lĩnh và khí phách kiên cường đến như thế!

Lòng căm giận và khinh bỉ đã biến thành sức mạnh ghê gớm và tư thế ngang tàng của chị Dậu trong cuộc đọ sức với kẻ thù của mình. Chị đã nhanh chóng túm cỗ tên cai lệ, ấn dúi ra cửa, khiến hắn ngã chỏng quèo trên mặt đất. Tiếp đó, chị giằng co với tên người nhà lí trưởng, khi tên này sấn sổ bước đến giơ gậy chực đánh chị. Hai người giằng co nhau, rồi chị túm tóc hắn lẳng cho một cái ngã, nhào ra thềm. Cuộc đọ sức diễn ra hết sức nhanh chóng. Chị Dậu đã chiến thắng, biến những tên tay sai hùng hỗ, hung hãn, có trang bị bằng vũ khí và phép nước, trở thành những kẻ bại trận thảm hại, tơi tả. Đọc đến đây, không ít bạn đọc phải bật lên tiếng cười hê hả và mãn nguyện.

Sự chống trả quyết liệt của chị Dậu là hành động tất yếu phù hợp với quy luật Tức nước vỡ bờ, có áp bức thì có đấu tranh. Vậy do đâu mà chị Dậu lại có sức mạnh lạ lùng đến như vậy? Sức mạnh của chị Dậu là sức mạnh của lòng căm hờn: căm hờn với những thái độ tội ác, bất nhân của bọn tay sai của chính quyền thực dân phong kiến. Cội nguồn sâu xa của lòng căm hờn lại chính là lòng yêu thương. Sức mạnh của chị Dậu chính là sức mạnh của lòng yêu thương. Hành động chống trả quyết liệt và dữ dội của chị Dậu bắt nguồn từ lòng yêu thương chồng con tha thiết, từ ý thức quyết tâm bảo vệ chồng. Ngọn lửa căm hờn ngùn ngụt bốc lên trong lòng chị chính là biểu hiện của một trạng thái yêu thương chồng con mãnh liệt của người phụ nữ Việt Nam.

Sau trận đấu này, có thể chị Dậu sẽ phải ngồi tù, nhưng chị không sợ: Thà ngồi tù. Để cho chúng nó làm tình làm tội mãi thế, tôi không chịu được. Hành động của chị Dậu tuy là bộc phát và vẫn rơi vào bế tắc nhưng nó thể hiện sức sống mạnh mẽ và tinh thần ngoan cường rất đáng cảm phục của chị.

Sức sống mạnh mẽ và tinh thần phản kháng tiềm tàng của chị Dậu chính là sức sống và tinh thần phản kháng của giai cấp nông dân Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám, nó sẽ biến thành một sức mạnh quật khởi, thành cơn thác lũ cách mạng khi có ánh sáng của Đảng rọi vào. Đúng như nhà văn Nguyễn Tuân đã nhận xét: Viết Tắt đèn, Ngô Tất Tố đã xui người nông dân nổi loạn.

**BT8:** Tiểu thuyết Tắt đèn của nhà văn Ngô Tất Tố có nhiều nhân vật, nhưng chị Dậu là một hình tượng trung tâm, là linh hồn của tác phẩm có giá trị hiện thực. Bởi chị Dậu là hình ảnh chân thực, đẹp đẽ của người phụ nữ nông dân Việt Nam  trước cách mạng tháng tám năm 1945.

Bằng những hiểu biết của em về tác phẩm “Tắt đèn” của Ngô Tất Tố, hãy làm sáng tỏ nhận định trên.

**Bài làm:**

Chứng minh làm rõ những phẩm chất của nhân vật chị Dậu, người phụ nữ nông dân Việt Nam dưới chế độ phong kiến trước năm 1945 .

a) Mở bài:

– Giới thiệu khái quát tác giả , tác phẩm.

– Tiểu thuyết Tắt đèn có nhiều nhân vật nhưng chị Dậu là một hình tượng trung tâm, là linh hồn của tác phẩm Tắt đèn. Bởi chị Dậu là hình ảnh chân thực đẹp đẽ về người phụ nữ  nông dân Việt Nam trước cách mạng tháng tám 1945.

b) Thân bài:**Làm rõ những phẩm chất đáng quý của chị Dậu.**

– Chị Dậu là một người có tinh thần vị tha, yêu thương chồng con tha thiết.

+ Khi anh Dậu bị bọn cai lệ và người nhà lí trưởng đánh đập hành hạ chết đi sống lại chị đã chăm sóc chồng chu đáo.

+ Chị đã tìm mọi cách để bảo vệ chồng.

+ Chị đau đớn đến từng khúc ruột khi phải bán con để có tiền nộp sưu.

– Chị Dậu là một người đảm đang tháo vát: đứng trước khó khăn tưởng chừng như không thể vượt qua, phải nộp một lúc hai suất sưu, anh Dậu thì ốm đau, đàn con bé dại… tất cả đều trông vào sự chèo chống của chị.

–  Chi Dậu là người phụ nữ thông minh sắc sảo:

 Khi bọn cai lệ định xông vào trói chồng – Chị đã cố van xin chúng tha cho chồng nhưng không được. => chị đã đấu lý với chúng: “ Chồng tôi đau ốm, các ông không được phép hành hạ”.

– Chị Dậu là người phụ nữ có tinh thần quật khởi, ý thức sâu sắc về nhân phẩm.

+ Khi cai lệ và người nhà Lí trưởng có hành động thô bạo với chị, với chồng chị, chị đã vùng lên quật ngã chúng.

+ Mặc dù điêu đứng với số tiền sưu nhưng chị vẫn sẵn sàng ném nắm giấy bạc và mặt tên tri phủ Tri Ân. Hai lần bị cưỡng hiếp chị vẫn thoát ra được.

Đây chính là biểu hiện đẹp đẽ về nhân phẩm của tinh thần tự trọng.

c) Kết bài:

Khái quát khẳng định về phẩn chất nhân vật:

– Yêu thương chồng con, thông minh sắc sảo, đảm đang tháo vát, có tinh thần quật khởi, ý thức sâu sắc về nhân phẩm…

– Nhân vật chị Dậu toát lên vẻ đẹp mộc mạc của người phụ nữ nông dân đẹp người, đẹp nết.

– Hình tượng nhân vật chị Dậu là hình tượng điển hình của phụ nữ  Việt Nam trước cách mạng tháng 8 năm 1945.

– Tác phẩm “Tắt đèn” của Ngô Tất Tố không chỉ là tác phẩm có giá trị hiện thực mà còn có giá trị nhân đạo sâu sắc, là tác phẩm tiêu biểu  của văn học hiện thực phê phán.

**BT9: “Tắt đèn” đã tái hiện một cách chân thực và cảm động số phận bi thương của người nông dân trong xã hội cũ**

Có lẽ không phải ngẫu nhiên mà tất cả các nhà nghiên cứu, phê bình văn học đều phải thừa nhận rằng “Tắt đèn” của Ngô Tất Tố là tác phẩm xuất sắc nhất khi viết về đề tài người nông dân trước cách mạng. Có thể nói, với tác phẩm này, Ngô Tất Tố đã đi sâu vào đời sống quần chúng lao khổ, thẳng thắn vạch trần bộ mặt tàn bạo, bất nhân của một xã hội mà ở đó chỉ có đồng tiền, quyền lực ngự trị. Tác phẩm như một bản cáo trạng đanh thép lên án chế độ thực dân phong kiến đã đẩy người nông dân đến bước đường cùng khiến cho cuộc sống của họ còn khốn khổ hơn cả địa ngục. Thế nhưng từ trong hố sâu của cái “địa ngục trần gian” ấy, những người nông dân lương thiện vẫn khát khao quyền được sống, được đấu tranh và dù thế nào đi chăng nữa họ vẫn giữ được những phẩm chất cao đẹp của con người.

“Tắt đèn” được xây dựng trong bối cảnh của một vụ sưu thuế ở làng Đông Xá, một làng quê vùng Bắc bộ Việt Nam thời bấy giờ. Cổng làng đóng chặt, khắp nơi vang lên tiếng trống mõ, tiếng tù và inh ỏi, tiếng thét lác, đánh đập, tiếng kêu khóc thảm thiết, tiếng chó sủa đinh tai… Tất cả những âm thanh đó cộng hưởng lại với nhau khiến cho không khí của cái làng ấy trở nên căng thẳng, ngột ngạt và khẩn thiết như trong một cuộc săn người. Nổi lên trên cái nền cảnh ấy chính là gia cảnh đáng thương của nhà chị Dậu. Với một ông chồng suốt ngày ốm đau, ba đứa con nhỏ, dù đã cật lực nhưng nhà chị vẫn được xếp vào dạng nhất nhì trong hạng cùng đinh. Đã thế chị lại phải chạy vạy ngược xuôi, bán con, bán chó nhưng cũng chỉ đủ nộp một suất sưu cho chồng và còn thiếu một suất sưu của người em chồng đã chết từ năm ngoái.

Giữa đình làng, tiếng kêu uất ức của chị vang lên thảm thiết. Đêm hôm ấy, anh Dậu được người ta trả về rũ rượi như một cái xác chết. May được sự giúp đỡ của bà con hàng xóm, anh đã dần tỉnh lại . Một bà lão hàng xóm ái ngại cho cảnh nhà chị nhịn đói tư hôm qua, mang đến cho chị một bát gạo để nấu cháo. Sáng sớm hôm sau, khi anh Dậu vừa ngồi dậy cầm bát cháo chưa kịp đưa vào miệng thì cai lệ và người nhà lý trưởng đã sầm sập tiến vào với roi song, tay thước và dây thừng. Van xin tha thiết không được, chị Dậu liều mạng đánh lại hai tên tay sai nhưng sau đó thì bị bắt giải lên huyện. Lão quan phủ Tư Ân lợi dụng bố trí giở trò bỉ ổi. Chị đã kiên quyết chống cự và chạy thoát về nhà. Cuối cùng để có tiền nộp sưu, chị đành gửi con lên tỉnh đi ở vú, hàng ngày vắt sữa của mình cho một tên quan phủ già uống. Và tên này cũng đốn mạt không kém những tên kia, trong một đêm “tắt đèn”, đã mò vào vào buồng của chị giở bỉ ổi. Chị đã gạt mạnh bàn tay bẩn thỉu của hắn và vùng chạy ra ngoài, giữa lúc trời tối đen như mực, tối đen như cái tiền đồ của chị.

Tắt đèn đã tái hiện một cách chân thực và cảm động số phận bi thương của người nông dân trong xã hội cũ. Khi đọc tác phẩm này, chúng ta không khỏi căm phẫn cái lũ thống trị thực dân đốn mạt, vô nhân tính. Bọn chúng mỗi kẻ một vẻ mặt, một cách biểu hiện khác nhau nhưng bản chât thì đều đê hèn như nhau: vợ chồng Nghị Quế thì giàu có nhưng tham lam, keo kiệt và không kém phần độc ác; bọn quan lại thì dâm ô, bỉ ổi, bọn tay sai thì hung hãn, hống hách. Tất cả, tất cả bọn chúng như lũ cá mập luôn chực sẵn để nuốt những con mồi thấp cổ bé họng vào bụng. Và đối lập với chúng là những người nông dân đáng thương với “hai hàng nước mắt chan cơm và những giọt mồ hôi rơi xuống gò má” như tình cảnh của chị Dậu.

Có thể nói, cái bóng dáng bé nhỏ, liêu xiêu với cái nón mê rách nát và tiếng kêu gào thảo thiết của chị đã trở thành một nỗi ám ảnh trong lòng độc giả. Cũng như bao con người khác, chị muốn những người thân yêu của chị được sống. Vì thế chị đã tất tả ngược xuôi để chăm lo gia đình, trang trải sưu thuế. Nhưng hình như trong xã hội ấy, người nông dân càng nhẫn nhục, chịu đựng thì bọn tay sai lại càng đè đầu cưỡi cổ. Và cuối cùng không thể chịu được nữa, họ đã phải vùng dậy để đấu tranh. Thế mới nói, tức nước thì vỡ bờ. Tuy nhiên nói đến cùng thì sự đấu tranh của chị Dậu cũng chỉ là sự đấu tranh mang tính tự phát bởi cuối cùng chị vẫn bị bắt, phải chạy trốn và… có lẽ những chuỗi ngày sau đó của chị cũng tăm tối như cái đêm “tắt đèn” ấy. Dù vậy Ngô Tất Tố đã nhìn thấy được sức mạnh quật cường của người nông dân trong hình ảnh của chị Dậu. Họ lương thiện, chịu thương chịu khó, luôn biết nhẫn nhịn nhưng họ không ươn hèn, yếu đuối. Và có lẽ đó là sức mạnh tiền đề để nhân dân ta làm nên cuộc cánh mạng Tháng Tám thành công, kết thúc gần một trăm năm nô lệ thực dân.

Có thể nói, chỉ với hình ảnh của chị Dậu, gia đình nhà chị Dậu, chế độ sưu thuế mà người dân làng Đông Xá phải chịu, Ngô Tất Tố đã dựng lên được một bức tranh chân thực, khái quát, điển hình về phẩm chất, cuộc sống, số phận của người nông dân trong xã hội cũ. Bằng ngòi bút sắc sảo và cái nhìn dứt khoát, nhà văn đã vạch trần bộ mặt bỉ ổi, thối tha, đốn mạt vô nhân tính của cái xã hội ăn thịt uống máu người này. Đồng thời với tấm lòng nhân đạo của mình, ông luôn đứng về phía những người nông dân thấp cổ bé họng để bênh vực, bảo vệ và ủng hộ họ.

Dù hiện tại, cuộc sống của họ như những ngọn đèn đang lụi tắt nhưng với Ngô Tất Tố, ông luôn tin vào sức sống mãnh liệt của người nông dân, tin rằng, một ngày nào đó, những ngọn đèn ấy sẽ được thắp sáng lên, mãi mãi và không bao giờ tắt để người nông dân có cuộc sống ấm no hơn, hạnh phúc hơn và cái chế độ bạo tàn của lũ thực dân phong kiến không bao giờ còn tồn tại trên quê hương, đất nước ta nữa.

**BT10.Cảm nghĩ về hành động phản kháng tất yếu của nhân vật chị Dậu qua đoạn trích “Tức nước vỡ bờ”**

**Mở bài**

Tiểu thuyết “Tắt đèn” là lời phê phán kịch liệt bộ mặt thối nát và tàn bạo của xã hội thực dân phong kiến ở nước ta trước Cách mạng. Tác phẩm cũng là tấm lòng cảm thông, thương cảm của nhà văn trước những cảnh đời éo le, sự tiếc thương cho những kiếp người bị dồn vào bước đường cùng của lề xã hội. Đoạn trích **Tức nước vỡ bờ** trích trong truyện ngắn Tắt đèn của Ngô Tất Tố miêu tả tinh tế diễn biến tâm lí của một tính cách nhất quán của nhân vật chị Dậu. Chị Dậu có thể nhẫn nhục, chịu đựng, nhưng khi đã bị đáy tới chân tường, thì cũng biết vùng lên chống trả quyết liệt, thể hiện một khả năng phản kháng tiềm tàng.

**Thân bài**

Đoạn trích “Tức nước vỡ bờ” mở đầu những xung đột kịch liệt giữa bọn quan sai thống trị và người nông dân lao động cùng khổ. Nổi bậc và gây chú ý trong đoạn trích là hình ảnh của bọn sai nha, những kẻ tàn bạo, không có tính người. Ở đâu và lúc nào thì sự xuất hiện của chúng cũng đồng nghĩa với tai họa đối với người nông dân khốn khổ. Bọn chúng, những kẻ vô lương, chính là sứ giả của bóng tối, của tai ương và sự đau khổ. Không có cái gì khác, bọn chúng là hiện thực của trật tự xã hội tàn nhẫn, đày dọa con người.

Tác giả đã chú trọng đến việc khắc họa chân thực và đậm nét hình ảnh tên cai Lệ. Cai lệ rõ ràng là một tên tay sai chuyên nghiệp. Nghề của hắn là đánh người, trói người. Hắn mẫn cán là thành thạo. Mất hết tính người, hắn là một con dã thú.

Trong hệ thống cai trị thực dân phong kiến, cái chức cai lệ cũng chẳng có gì to tát cả. Thế nhưng, hãy xem thái độ của hắn khi xông đến nhành chị Dậu. Hắn tỏ ra ngang ngược, hống hách với hành động và lời lẽ đày tính đe dọa, quát tháo, dọa nạt người khác như thể ở dây hắn quyết định mọi thứ, kể cả sinh mệnh con người. Hắn kiêu căng, ngạo mạn, hách dịch đến cùng cực. Cai lệ đích thực là sản phẩm của chế dộ, do *“nhà nước”*đào tạo và trở thành một nhân vật đại diện cho bản chất, trật tự của chế độ của nhà nước tàn bạo ấy.

So với cai lệ, tên người nhà lí trưởng có vẻ nhút nhát hơn nhưng cũng không kém phần tàn ác. Hắn cũng sẵn sàng trói người, đánh người, bức ép con người đến bước đường cùng. Đối với hắn, mạng người cũng như cỏ rác, cũng không có cái gì khác tốt đẹp hơn cả.

Trong đoạn trích, tình thế đặt chị Dậu trước sự lựa chọn: hoặc là để yên cho chúng giày xéo, bắt bớ anh Dậu, hoặc đứng lên chống lại chúng và chấp nhận tai họa về sau để cứu chồng. Một cách tự phát của diễn biến, chị đã vùng dậy một cách quyết liệt. Đó là sự vùng dậy của lòng yêu thương, của nhân tính, của itnhf người cao cả.

Lúc đầu, chị *“cố thiết tha”* van xin theo kiểu mềm nắn rắn buông, mong chúng rũ lòng thương mà tha cho kẻ khốn khó. Van xin là cách duy nhất để *“mong”* hai tay sai tha cho anh Dậu. Đây là sự nhịn nhục của kẻ dưới. Bởi chị biết thân biết phận hèn mọn của mình, không dám cãi lại hoặc làm trái kẻ có chức quyền. Đó cũng là cách ứng xử tự nhiên của người nông dân thấp cổ bé họng tước cường quyền, ác bá xưa nay.

Trước sự hách dịch và tàn bạo của cai Lệ, ch Dậu bắt đầu có những phản kháng. Đầu tiên là bằng lời lẽ phân bua. Sau đó là thái độ cứng rắn. Cuối cùng là ra tay đánh lại.

Khi tên cai lệ hùng hổ xông tới chỗ anh Dậu, không van xin được, chị cự lại:*“Chồng tôi đau ốm, ông không được phép hành hạ”.* Cách xưng hô thấy chị không còn*“nằm yên”* trong tư cách kẻ dưới mà ngang hàng. Đó cũng là sự cảnh báo đầu tiên của mọt người đàn bà đã bị dồn ép vào thế khó. và chắc chắn đó chưa phải là hành động cao nhất, quyết liệt nhất. Bọn chúng đã không nghe, sấn tới quyết bắt trói anh Dậu cho bằng được. Như dòng nước bị bức bí bấy lâu, cơn giận và sự căm tức của chị Dậu lên đến tột đỉnh, bộc phát thành hành động: *Mày trói chồng bà đi, bà cho mày xem.*

Chị Dậu đã chuyển từ tư thế kẻ yếu sang tư thế của kẻ bề trên ngự trị:*bà – mày*. Sự căm giận, khinh bỉ kẻ thù dã lên đến tột độ. Và trong màn đấu lực xảy ra sau đó, chị Dậu đã toàn thắng.

Hành động phản kháng của chị Dậu xuất phát từ một qui luật: *“Con giun xéo lắm cũng quằn”.* Mặc dù tự phát, song hành động của chị cho thấy sức mạnh tiềm tàng của người nông dân. Sức mạnh ấy bắt nguồn từ ý thức nhân phẩm, từ tình yêu chồng thương con và sự căm phẫn đến tận xương tủy cái chế độ *“ăn thịt người”*tàn bạo của bọn cai trị thời bấy giờ. Đây là đoạn văn sảng khoái nhất trong hơn một trăm trang Tắt đèn.

Hành động phản kháng của chị Dậu là hành động tất yếu của người nông dân bị dồn vào bước đường cùng không còn có lối thoát. trước sự sống và cái chết, họ buộc phải phản kháng lại. Dĩ nhiên, chị thắng bọn chúng lúc này, giải cứu anh Dậu khỏi nguy kịch nhưng sau đó, chị vẫn bị bọn chúng đàn áp. Chung cuộc là chị vẫn thua chúng. Chị thua cái ché độ cai trị bề thế và đồ sợ sẵn sàng nghiền nát mọi sự phản kháng của con người. Thế nhưng, hành động của chị là một bài ca cỗ vũ cho tinh thần phản kháng của người nông dân mong muốn tìm thấy được một con đường giải phóng mình ra khỏi ngục tù tăm tối ấy.

**Kết bài**

Giá trị của đoạn trích được thể hiện rõ nét qua nhân vật chị Dậu. Tấm lòng thương yêu chồng con và tinh thần phản kháng trước sự áp bức của các thế lực thống trị đã làm nổi bật nhân vật chị Dậu trong đoạn trích.

# BT11.Phân tích tấm lòng thương con, yêu chồng tha thiết; tính vị tha và đức hi sinh cao cả của nhân vật chị Dậu

**Mở bài**

Tiểu thuyết Tắt đèn là tác phẩm xuất sắc nhất của nhà văn Ngô Tất Tố và của nền văn học hiện thực phê phán. Trông đó, nhân vật chị Dậu là hình ảnh tiêu biểu của đòi sống người nông dân cùng khổ trong xã hội thực dân phong kiến trước cách mạng. Nét nổi bật ở chị Dậu là tấm lòng yêu chồng thương con tha thiết, là tính vị tha và đức hi sinh cao cả.

**Thân bài**

Ngô Tất Tố đã rất chú trọng khi xây dựng nhân vật chị Dậu, một người phụ nữ nông dân có nhiều phẩm chất cao đẹp. Những phẩm chất có ở chị Dậu cũng là những phẩm chất vốn có của con người Việt nam ta lúc nào cũng biết tôn trọng, giữ gìn và trau dồi phẩm chất của mình, dù là trong hoàn cảnh cơ cực, khốn khổ nhất.

Trước hết, ở chị Dậu ta thấy, chị là một người phụ nữ nông dân hiền lành, đôn hậu, thực thà, chất phác. Trong làng, chị Dậu chưa từng xích mích với ai. Chị chỉ biết làm việc kiếm tiền nuôi con. Tuy khổ nhưng chẳng bao giờ lừa dối. Việc nhà, việc đồng chị đều giỏi giang. Một tay chị quán xuyến, vun vén cho cuộc sống của mấy người trong nhà.

Chị Dậu còn là người yêu chồng, thương con tha thiết. Dù trong mọi hoàn cảnh, chị Dậu vẫn luôn dành trọn tình cảm đối với chồng, con mà không hề nghĩ đến bản thân mình, đến những khó khăn vất vả mà mình chịu đựng. Đói chị chịu đói, rách chị chịu rách, cái gì chị cũng dành cho chồng, cho con. Nhìn những đứa nhỏ đói rét mà chị như cắt cứa ở trong lòng.

Đối với chồng, nghèo khổ có nhau, bảo bồng, đùm bọc, chẳng vì giàu sang phú quý mà phụ tình, bạc nghĩa. Tình yêu chồng của chị Dậu thể hiện rõ nhất ở lần anh Dậu bị bọn sai nha đánh cho thừa chết thiếu sống chỉ vì anh chị không có tiền nộp cho xuất sưu của người em đã chết từ năm ngoái. Mỗi lằn roi trên người anh Dậu cũng là mỗi vết thương trong lòng chị. Nhìn anh Dậu nằm thoi thóp, rũ rượi trong cái đói cơn đau mà chị không cầm được nước mắt.

Nhờ bà hàng xóm cho bát gạo, chị vội vàng đem đi nấu cháo cho chồng ăn đỡ đói. Sau khi nấu được nồi cháo, chưa nghĩ đến con cái, chị múc ngay cháo ra một bát lớn, quạt cho chóng nguội rồi ân cần mời chồng ăn. Anh Dậu vì đau quá không muốn ăn, chị tìm lời động viên trìu mến. Xong, chị đón lấy cái Tĩu và ngồi xuống đó như có ý chờ xem chồng chị ăn có ngon miệng hay không.

Tình thương chồng của chị còn được biểu hiện qua việc chị bất chấp hiểm nguy quyết bảo vệ chồng khỏi đòn roi của bọn cai lệ. Bọn chúng xong đến nhà khi anh Dậu chưa kịp ăm miếng cháo. Bọn chúng, những kẻ vô lương, không màng đến sức khỏe, sinh mệnh của kẻ cùng đinh, quyết bắt anh Dậu ra đình đánh tiếp cho đến khi anh nộp sưu. Những kẻ không có tính người, bị lún chìm trong ma lực của đồng tiền dơ bẩn, không cần sự sống của anh mà cần có tiền để làm xong nhiệm vụ với bọn quan trên.

Rõ ràng, chúng biết anh Dậu làm gì có tiền để nộp sưu ngay hôm nay. Lần này chúng đến (và sẽ còn nhiều lần nữa) là để gay áp lực để anh Dậu (và những người còn thiếu sưu khác nữa) thấy được sức mạnh của cường quyền, của pháp chế. Chúng đến để hăm dọa và hành hạ con người. Bởi thế, chúng hùng hổ đời bắt trói anh Dậu.

Chao ôi, anh Dậu đã bị đánh thế kia, bị đói thế kia, bị sợ đến xanh tím mặt mày chắc sẽ chết nếu bị đánh tiếp. Chắc chắn là anh sẽ không chịu nổi đòn roi chồng chất đòn roi như thế. Hiểu được tình cảnh ấy, chị Dậu đã đứng lên. Chị đứng lên có sự tính toán kĩ lưỡng. Ban đầu, chị dùng lời nài nỉ, van lơn. Không được, chị lại hết lời cầu khẩn mong chúng rũ lòng thương hại mà tha cho kẻ khó lần này. Chúng vẫn không chịu buông tha, chị nghiêm giọng nhắc nhở, cảnh báo.

Thế nhưng, sự cảnh báo của chị cùng hành động đỡ lấy tay roi của cai lệ chẳng khác nào như đổ dầu vào lửa làm bùng len sự dữ tợn của con thú ấy. Tên cai lệ sấn tới chỗ anh Dậu, gặp ngăn cản, hắn bịch luôn vào ngực chị Dậu mấy cái đau điếng. Quá tức giận và căm phẫn, chị đã phản kháng lại, ra mặt thách thức. Không để chúng kịp trở tay, chị đã quật cho chúng một trận nhớ đời.

Chính việc thương chồng, lo chồng bị đánh đã biến thành sức mạnh để chị chiến thắng tên cai lệ và người nhà lí trưởng, bảo vệ chồng mình.

Chị Dậu còn là hình ảnh một người mẹ rất mực yêu thương con. Với chị, không có gì quý hơn con cái. Có cái gì ăn, chị cũng dành cho con hết. Còn mình chỉ ăn vài miếng cho đỡ đói. Chị thấy hạnh phúc khi nhìn các con ăn. Chúng ăn vội vã vì đói quá. Đêm đêm, ôm chúng vào lòng, nghĩ đến cái tương lai mờ mịt đáng sợ, chị khóc một mình.

Phải bán cái Tí để có tiền nộp sưu, vượt thoát khỏi kiếp nạn, chị như dứt từng khúc ruột. Nhìn cái Tí đau buồn mà chị như muốn chết đi. Biết là mình sai nhưng bán nó đi có thể nó được sống, gia đình sẽ được sống. Còn không bán đi, cả nhà có thể sẽ chết vì bị áp bức, hành hạ, vì đói khát. Nỗi khổ tâm ấy, chị không thể nào thấu rõ cùng con được.

Tình cảm yêu chồng thương con của nhân vật chị Dậu cũng là phẩm chát cao đẹp của người phụ nữ Việt Nam một lòng lo lắng, hi sinh cho hạnh phúc gia đình. Bao nhiêu thời đại thay đổi, bao nhiêu kiếp người đi qua, phẩm chất ấy vẫn còn nguyên vẹn, chẳng phai mờ.

**Kết bài**

Qua đoạn trích Tức nước vỡ bờ, ta thấy nổi bật lên hình ảnh người phụ nữ nông dân Việt Nam trước Cách mạng với tình yêu chồng, thương con tha thiết, giàu lòng vị tha, đức hi sinh. Chị Dậu chiếm được cảm tình của đông đảo người đọc từ trước tới nay.

**BT12.Phân tích giá trị tư tưởng và nghệ thuật của tác phẩm “Tắt đèn” của nhà văn Ngô Tất Tố**

**Mở bài**

Tiểu thuyết Tắt đèn của Ngô Tất Tố là một tác phẩm xuất sắc của dòng văn học hiện thực 1930 – 1945. Về mặt tư tưởng và nghệ thuật, Tắt đèn đều có giá trị to lớn.

**Thân bài**

**\* Nội dung tư tưởng:**

Tắt đèn giàu giá trị hiện thực. Tác giả đã tố cáo và lên án chế độ sưu thuế đã biết bao người phải bán vợ đợ con để trang trải *“món nợ nhà nước”.* Vụ sưu thuế đến xóm thôn rùng rợn trong tiếng trống ngũ liên thúc giục liên hồi suốt đêm ngày. Cảnh bọn cường hào ác bá bắt trói, đánh đập tàn nhẫn những kẻ thiếu thuế, thiếu sưu diễn ra trên khắp mặt đất. Tiếng kêu khóc thảm thiết của nhũng người nông dân thiếu nợ vang lên thảm thiết, nỗi đau khổ thấu tận trời xanh. Cái sân đình xồi thịt đã trở thành trại giam hành hạ những người nông dân nghèo khổ hiền lành vô tội.

Có thể nói Tắt đèn là một bức tranh xã hội chân thực, một bản án đanh thép kết tội chế độ thực dân nửa phong kiến đã áp bức bóc lột, đã làm bần cùng hóa nhân dân ta, đẩy người nông dân vào bước đường cùng không lối thoát.

**\* Giá trị nhân đạo:**

Tắt đèn là một tác phẩm giàu giá trị nhân đạo. Tình vợ chồng, tình mẹ con, tình nghĩa xóm làng giữa những con người cùng khổ được nói đến một cách chân thực. Số phận người phụ nữ, những em bé, những người cùng đinh được tác giả nêu lên với bao xót thương, nhức nhối và đau lòng.

Tắt đèn đã xây dựng nhân vật Chị Dậu – một hình tượng chân thật, đẹp dẽ về người phụ nữ nông dân Việt Nam. Chị Dậu có bao phẩm chất tốt đẹp, cần cù, tần tảo, giàu tình thương, nhẫn nhục và dũng cảm chống cường hào, chống áp bức. Chị Dậu là hiện thân của người vợ, người mẹ vừa sắc sảo, vừa nhân hậu, trong sạch. Một sức sống tiềm tàng mãnh liệt chưa bao giờ tắt trong người phụ nữ nông dân ấy.

**\* Giá trị nghệ thuật:**

Tắt đèn, một cuốn tiểu thuyết có quy mô khiêm tôn, trên dưới 200 trang, nhưng có giá trị nghệ thuật đặc sắc.

Về kết cấu, nhà văn đã rất chú trọng xây dựng kết cấu truyện rất chặt chẽ, tập trung và nhất quán. Các tình tiết, chi tiết đan cài chặt chẽ, đầy ấn tượng làm nổi bật chủ đề. Hầu như nhân vật chị Dậu đã xuất hiện trong tác phẩm từ đầu chí cuối và tham gia vào hầu hết các sự kiện.

Tính xung đột, tính bi kích cũng được đẩy lên cao độ nhằm thu hút, cuốn hút người đọc và làm tăng tính hấp dẫn ho cau chuyện. Nhà văn tập trung khắc họa thành công hình ảnh các nhân vật. Các hạng người từ người dân cày nghèo khổ đến địa chủ, từ bọn cường hào đến quan lại đều có những nét riêng, rất chân thực, sống dộng.

Ngôn ngữ trong Tắt đèn chủ yếu là miêu tả và tự sự. Ngôn ngữ nhân vật đều nhuần nhuyễn, đậm đà. Câu văn xuôi thanh thoát.

**Kết bài**

“Tắt đèn” là một thiên tiểu thuyết có luận đề xã hội hoàn toàn phụng sự dân quê, một áng văn có thể gọi là kiệt tác” (Vũ Trọng Phụng).

**BT13.Suy nghĩ của em về sức mạnh phản kháng của nhân vật chị Dậu trong đoạn văn Tức nước vỡ bờ trích từ tác phẩm “Tắt đèn” của nhà văn Ngô Tất Tố**

**Mở bài**

Ngô Tất Tố là nhà văn hiện thực nổi tiếng giai đoạn 1930-1945. Với sự ra đời của tiểu thuyết Tắt đèn (1939), lần đầu tiên trong văn học Việt Nam xuất hiện hình tượng điển hình về người phụ nữ nồng dân với những phẩm chất quý báu. Đó là nhân vật chị Dậu trong tác phẩm Tắt đèn của Ngô Tất Tố. Đoạn trích Tức nước vợ bờ thể hiện tập trung nhất, rõ ràng nhất tính cách và sức mạnh phản kháng của nhân vật chị Dậu trong tình cảnh khốn cùng.

**Thân bài**

Chị Dậu là một người vợ đảm đang, hết lòng yêu thương chồng.Chỉ vì không có tiền nộp cho xuất sưu của anh Sửu, người em trai đã chết từ năm ngoái, anh Dậu bị bọn sai nha đánh cho thừa chết thiếu sống. Buổi chiều, chúng lôi anh về rũ rượi như một cái xác chết.

Thương chồng bị hành hạ, nhưng chị Dậu cũng không biết làm thế nào. Chị đã bán đàn chó, bán cả đứa con gái đâu lòng mà vẫn không đủ tiền xoay sở. Tình cảnh thật là khốn khổ, bi đát. Thương tình, bà lão hàng xóm cho bát gạo để chị nấu cháo cho chồng ăn. Mấy ngày nay, cả nhà không ăn gì rồi. Anh Dậu bị đánh thế kia sợ không cầm cự nổi. Mấy đứa nhỏ đói khát đến phờ phạc. Tình thế của gia đình chị Dậu không những khốn khó mà còn hết sức nguy kịch.

Tất cả hi vọng đều trông cậy vào chị Dậu cả. Chị hiểu điều đó. Thế nên, chị không màng đến bản thân. Cháo chín, chị múc ra la liệt cho mau nguội để chồng và con ăn. Đứa con vì đói quá húp cháo soàn soạt. Anh Dậu dẫu bị đau nhưng vì thương vợ cũng gắng gượng ngồi dậy cố ăn một miếng. nhìn thấy cảnh ấy, chị Dậu rươm rướm nước mắt. Chị không ăn vì chị còn khỏe. Chị muốn dành cả cho chồng cho con.

Khi bọn sai nha hầm hập kéo đến, chúng quyết bắt trói anh Dậu lôi ra đình đánh tiếp, chị Dậu van xin không được đã quyết liệt chóng lại chúng. Chị bất chấp tai họa thế nào chỉ để cứu anh Dậu ngay trong lúc nguy kịch này.

Một người phụ nữ nông dân đã yêu thương chồng con như thế ấy, đã mạnh mẽ như thế ấy khiến kẻ cường quyền kia phải nể sợ. Chị đã khiến chúng vô cùng bất ngờ vì trong cái làng này, chưa có một người phụ nữ nào (kể cả là đàn ông) dám cãi lời hay chống lại chúng.

Chị Dậu là người phụ nữ dũng cảm dám đứng lên chống lại áp bức, bất công. Lúc đầu, như lẽ bình thường, chị cố gắng nhẫn nhục, van xin tên cai lệ để hắn động lòng thương mà tha cho anh Dậu. Thế nhưng, chị càng van xin, chúng càng hống hách và dữ tợn hơn. Như những con thú không có tính người, chúng hô hét ầm ĩ, rồi sầm sập chạy đến định bắt trói anh Dậu. Biết điều không hay sắp xảy đến, chị Dậu sợ đến xám mặt  tiếp tục cầu khẩn, giải bày nhưng vẫn không thể khơi được từ tâm vốn đã khô kiệt bên trong bọn ác nhân ấy.

Chúng ào ạt xông tới. Chị ngăn cản, cảnh cáo bằng lời:

*– Chồng tôi đau ốm, các ông không được làm thế.*

Từ vị thế kẻ dưới, chị Dậu đã nâng mình lên vị thế của người trên để mắng chửi chúng cho hả giận. Rồi chị ngăn cản bằng hành động: đỡ lấy tay tên cai lệ. Bị ngăn cản, như một phản xạ quen thuộc của bọn sai nha, cai lệ bịch vào ngực chị mấy cái đau điếng.

Quá giận dữ và bất lực trước sức mạnh của đạo lí nhân tình, chị Dậu nghiến răng quyết liệt chống lại chúng. Chị ra lời thách thức, bắt đầu một cuộc đối đầu không cân sức:

*– Mày đánh chồng bà, bà cho mày xem.*

Hành động chống trả quyết liệt của chị Dậu chứng tỏ bản lĩnh cứng cỏi, không sợ cái xấu, cái ác, cường quyền. Đây mới chỉ là hành động bộc phát, chưa phải là sự vùng lên của một người dân đã được giác ngộ cách mạng. Thế nhưng, nó cũng mở ra một hướng đi mới cho những người nông dan cùng khổ, bị đè nén đến cùng cực trong xã hội thực dân phong kiến đương thời.

Có thể sau đó, chị Dậu bị đàn áp, bị bắt bớ, xử phạt nặng nề hơn nhưng hành động của chị đã cứu sống anh Đậu, đã cảnh tỉnh bọn ác nhân, đã chứng minh rằng người nông dân cùng khổ nếu không vùng lên cũng sẽ chết trong chính sự cam chịu yếu đuối, nhu nhược của mình.

**Kết bài**

Đoạn trích Tức nước vỡ bờ là một trong những đoạn hay nhất của tác phẩm Tắt đèn. Nhà văn đã dành tình cảm ưu ái, xót thương và cảm phục cho nhân vật chị Dậu. Sức mạnh phản kháng của chị Dậu khởi đầu cho những phẫn uất của người nông dân trước cách mạng quyết vùng lên vượt thoát ra khỏi cảnh sống ngột ngạt, bế tắt, tìm lấy con đường sống trong tăm tối mịt mù.

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**BÀI 4 LÃO HẠC**

**Nam Cao**

**I.Tác giả**

- Nam Cao là bút danh của Trần Hữu Trí. Ông sinh năm 1915 tại làng Đại Hoàng, phủ Lý Nhân, tỉnh Hà Nam.

- Trước năm 1945, ông dạy học tư và viết văn. Ông là một nhà văn hiện thực xuất sắc với những truyện ngắn, truyện dài chân thực viết về người nông dân nghèo đói bị vùi dập và người trí thức nghèo sống mòn mỏi, bế tắc trong xã hội cũ.

- Sau cách mạng tháng Tám, ông chân thành, tận tuỵ sáng tác phục vụ kháng chiến : làm phóng viên mặt trận, rồi làm công tác văn nghệ tại chiến khu Việt Bắc. Cuối năm 1951, ông đi công tác vào vùng sau lưng địch, hi sinh trong tư thế một nhà văn- chiến sĩ.

- Nam Cao được nhà nước truy tặng « Giải thưởng Hồ Chí Minh » về văn học nghệ thuật (năm 1996).

- Nam Cao là tác giả của cuốn tiểu thuyết « Sống mòn » và khoảng 60 truyện ngắn tiêu biểu nhất là các truyện « Chí Phèo », « Lão Hạc », « Mua nhà », « Đời thừa », « Đôi mắt »....

- Nam Cao có tài kể chuyện, khắc họa nhân vật bằng độc thoại với bao trang đời éo le, đầy bi kịch. Người nông dân nghèo, người trí thức nghèo là hai đề tài in đậm trong truyện của Nam Cao. Tác phẩm của Nam Cao biểu hiện « *một chủ nghĩa nhân đạo thống thiết*» (Nguyễn Đăng Mạnh).

**Nam Cao – Nhà văn hiện thực xuất sắc, Nhà nhân đạo chủ nghĩa lớn**

Nam Cao (1915 – 1951) là một trong số những nhà văn lớn nhất của nền văn xuôi hiện đại Việt Nam. Sáng tác của ông đã vượt qua những thử thách khắc nghiệt của thời gian.

Nam Cao là nhà văn lớn nhất của trào lưu văn học hiện thực phê phán 1930 -1945. Trong số các nhà văn hiện thực, ông là cây bút có ý thức sâu sắc nhất về quan điểm nghệ thuật của mình. Ông phê phán khá toàn diện và triệt để tính chất thoát ly, tiêu cực của văn chương lãng mạn đương thời, coi đó là thứ “ánh trăng lừa dối”, đồng thời yêu cầu nghệ thuật chân chính phải trở về với đời sống, phải nhìn thẳng vào sự thật, nói lên được nỗi thống khổ của hàng triệu nhân dân lao động lầm than (Giăng sáng).

Xuất hiện trên văn đàn khi trào lưu hiện thực chủ nghĩa đã đạt được nhiều thành tựu xuất sắc, Nam Cao ý thức sâu sắc rằng: “Văn chương chỉ dung nạp được những người biết đào sâu, biết tìm tòi, khơi những nguồn chưa ai khơi, và sáng tạo những cái gì chưa có” (Đời thừa). Và Nam Cao đã thực sự tìm được cho mình một hướng đi riêng trong việc tiếp cận và phản ánh hiện thực. Nếu như Nguyễn Công Hoan, Vũ Trọng Phụng, Ngô Tất Tố – những nhà văn hiện thực xuất sắc thời kỳ Mặt trận dân chủ (1936 – 1939) đều tập trung phản ánh trực tiếp những mâu thuẫn, xung đột xã hội thì sáng tác của Nam Cao – đại biểu ưu tú nhất của trào lưu hiện thực chặng đường cuối cùng (1940 – 1945), trừ truyện ngắn Chí Phèo (mà theo tôi là dư âm còn sót lại của thời kỳ 1936 – 1939) trực tiếp đề cập tới xung đột giai cấp, còn các tác phẩm khác đều tập trung thể hiện xung đột trong thế giới nội tâm của nhân vật. Hoàn cảnh lịch sử lúc bấy giờ không tạo điều kiện cho Nam Cao đi thẳng vào những vấn đề cấp bách nhất của xã hội, không trực tiếp miêu tả những sự kiện có ý nghĩa xã hội lịch sử rộng lớn.

Nhiều tác phẩm của ông được dệt lên bằng toàn những “cái hàng ngày” chủ yếu liên quan đến cuộc sống riêng tư của các nhân vật, những sự kiện vặt vãnh, nhỏ nhoi, tủn mủn mà nhà văn gọi là “những chuyện không muốn viết”. Chưa bao giờ cái vặt vãnh hàng ngày lại có một sức mạnh ghê gớm như trong sáng tác của Nam Cao. Chỉ có tiếng con khóc, tiếng vợ gắt gỏng cũng đủ sức lôi tuột văn sĩ Điền đang nhởn nhơ trên chín tầng mây với ánh trăng giống như “cái vú mịn tròn đầy” xuống mặt đất với biết bao cực khổ lầm than (Giăng sáng). Miếng cơm, manh áo hàng ngày cùng với những xích mích vặt vãnh, những ghen tuông vớ vẩn, những đố kị nhỏ nhen cũng dư thừa sức mạnh khống chế, giam cầm chung thân mấy anh giáo khổ trường tư trong cái ao tù ngột ngạt của những kiếp Sống mòn. Cả lý tưởng nhân đạo cao cả, cả hoài bão nghệ thuật chân chính đều có nguy cơ chết mòn trước sự tấn công quyết liệt, dai dẳng và tàn bạo của cái đói (Đời thừa).v.v… Từ những chuyện vụ vặt đời thường, Nam Cao đã thực sự động chạm đến vấn đề có tính chất nhân bản, đã đặt ra những vấn đề sâu sắc về cuộc sống, về thân phận của con người, về vấn đề cải tạo xã hội, về tương lai của dân tộc và nhân loại. Bi kịch của đời thường, của những cái vặt vãnh hàng ngày, qua ngòi bút đầy tài năng của Nam Cao đã trở thành những bi kịch vĩnh cửu.

Nam Cao là nhà văn của chủ nghĩa hiện thực tâm lý. Điều đó có quan hệ mật thiết tới quan niệm về con người của ông. Nam Cao viết trong Sống mòn: “Sống tức là cảm giác và tư tưởng. Sống cũng là hành động nữa, nhưng hành động chỉ là phần phụ: có cảm giác, có tư tưởng mới sinh ra hành động”. Một quan niệm về con người như thế đã chi phối thủ pháp chủ nghĩa hiện thực tâm lý của Nam Cao. Sự chú ý đặc biệt tới thế giới bên trong của con người đã thường xuyên chế ước hứng thú nghệ thuật ngày càng tăng của nhà văn đối với tính chất nhiều dự định của cá tính con người, động cơ nội tại của hành vi nhân vật và quan hệ phức tạp của nó với hiện thực xung quanh.

Đối với Nam Cao, cái quan trong hơn cả trong nhiệm vụ phản ánh chân thật cuộc sống là cái chân thật của tư tưởng, của nội tâm nhân vật. Xét tới cùng, cái quan trọng nhất trong tác phẩm không phải là bản thân sự kiện, biến cố tự thân mà là con người trước sự kiện, biến cố. Vì vậy, trong sáng tác của Nam Cao, hứng thú của những chi tiết tâm lý thường thay thế cho hứng thú của chính bản thân các sự kiện, biến cố. Như vậy, nguyên tắc các sự kiện, biến cố, tình tiết chỉ giữ vai trò “khiêu khích” các nhân vật, để cho nhân vật bộc lộ những nét tâm lý, tính cách của mình. Cho nên, trong Mua nhà, Nam Cao không tập trung miêu tả sự việc mua được cái nhà gỗ rẻ mà tập trung xoáy sâu vào những suy nghĩ, dằn vặt, những ân hận, dày vò của nhân vật người kể chuyện về tình trạng “hạnh phúc chỉ là một cái chăn quá hẹp. Người này co thì người kia bị hở”. Đời thừa cũng không hướng vào việc miêu tả nỗi khổ áo cơm mà tập trung thể hiện phản ứng tâm lý của con người trước gánh nặng áo cơm làm mai một tài năng và xói mòn nhân cách. Cho nên, trước khi bán một con chó, lão Hạc phải trải qua biết bao băn khoăn, day dứt, dằn vặt và khi buộc phải bán nó thì lão vô cùng ân hận, tột cùng đau đớn, tuổi già mà khóc hu hu như con nít. Chí Phèo, con quỷ dữ của làng Vũ Đại, ăn trong lúc say, ngủ trong lúc say, đập đầu rạch mặt, chửi bới, dọa nạt trong lúc say, như là con vật sống trong vô thức, vậy mà sau lần gặp Thị Nở ở bờ sông, cứ “vẩn vơ nghĩ mãi”. Còn Thị Nở, người đàn bà vô tâm có cái tật đột nhiên muốn ngủ không sao chữa được, về nhà lên giường muốn ngủ hẳn hoi mà vẫn không sao ngủ nổi, thị cứ “lăn ra lăn vào”.v.v…

Nam Cao chẳng những miêu tả sinh động những chi tiết, những biểu hiện tâm lý nhỏ nhặt nhất mà còn theo dõi, phân tích quá trình tích tụ của chúng dẫn tới sự nảy sinh những phẩm chất mới trong tâm hồn con người. Không chỉ dừng lại ở những khoảnh khắc, Nam Cao đã miêu tả thành công những quá trình tâm lý của nhân vật. Ngòi bút của ông tỏ ra có biệt tài trong khi miêu tả những trạng thái tâm lý phức tạp, những hiện tượng lưỡng tính dở say, dở tỉnh, dở khóc, dở cười, mấp mé ranh giới giữa thiện với ác, giữa hiền với dữ, giữa con người với con vật… Nam Cao đã khắc phục được tính phiến diện, đơn giản trong việc miêu tả tâm lý nhân vật. Qua ngòi bút của ông, tâm lý con người được thể hiện một cách phong phú đa dạng với nhiều sắc thái tinh vi.

Trong sáng tác của Nam Cao, tâm hồn con người là sân khấu bi kịch và bi hài kịch của những xung đột tư tưởng, ý tưởng. Thi pháp chủ nghĩa hiện thực tâm lý của Nam Cao thích ứng với việc nghiên cứu, phân tích và khám phá bằng nghệ thuật tâm lý của nhân vật hơn là việc phân tích và miêu tả những biến cố, xung độ đích thực của chính bản thân đời sống xã hội. Đối với Nam Cao, sự phân tích tâm lý hầu như là điều kiện cơ bản nhất của việc thể hiện con người theo phương pháp hiện thực có chiều sâu của ông. Nam Cao đã lấy thế giới nội tâm nhân vật làm đối tượng chính của sự miêu tả. Ông đã hướng ngòi bút của mình vào việc khám phá con người trong con người miêu tả và phân tích mọi chiều sâu, mọi chuyển biến trong thế giới tâm hồn của nhân vật. Chính vì vậy mà đối với ông, việc miêu tả ngoại hình chỉ có ý nghĩa khi nó nhằm thể hiện và làm nổi rõ bộ mặt tinh thần của nhân vật. Những cảnh thiên nhiên cũng chỉ có lý do tồn tại khi nó gắn liền với tâm trạng của con người. Giữa những bức tranh phong cảnh thoáng nhìn tưởng chỉ thuần tuý những cảnh vật thiên nhiên, nhà văn đã khéo léo treo lên những mảnh tâm hồn của nhân vật.

Nam Cao mong muốn khai thác những vấn đề của cuộc sống không phải ở bề rộng mà là ở bề sâu. Thoát khỏi cách nói chút ít về tất cả, ông đã tập trung bút lực vào việc miêu tả nội tâm của nhân vật. Nhà hiện thực chủ nghĩa Nam Cao đã mở rộng việc phản ánh hiện thực bằng cách khai thác sâu sắc thế giới tâm hồn của con người. Qua ngòi bút ông, thế giới bên trong của con người, kể cả những “con người bé nhỏ”, thậm chí cả những kẻ khốn khổ tủi nhục nhất như Chí Phèo và Thị Nở cũng là cả một vũ trụ bao la! Đối với Nam Cao, việc phân tích tâm lý nhân vật không tách rời việc phân tích cuộc sống xã hội nói chung. Thông qua việc miêu tả, phân tích tâm lý để thể hiện những mâu thuẫn, xung đột xã hội, Nam Cao đã mở ra một khuynh hướng phân tích mới cho phương pháp hiện thực chủ nghĩa trong văn học Việt Nam. Có thể nói, cảm hứng phân tích phê phán thấm nhuần trong toàn bộ sáng tác của Nam Cao. Nó là một đặc điểm nổi bật, trở thành “linh hồn”, “cốt tuỷ” chủ nghĩa hiện thực của Nam Cao.

Cái gốc, nền tảng vững chắc của chủ nghĩa hiện thực của Nam Cao là chủ nghĩa nhân đạo. Trong truyện ngắn Đời thừa, Nam Cao khẳng định: “Một tác phẩm thật giá trị, phải vượt lên bên trên tất cả bờ cõi và giới hạn, phải là một tác phẩm chung cho cả đời người. Nó phải chứa đựng một cái gì lớn lao, mạnh mẽ, vừa đau đớn, vừa phấn khởi. Nó ca tụng lòng thương, tình bác ái, sự công bình… Nó làm cho người gần người hơn”. Như vậy, trong quan niệm của Nam Cao, chủ nghĩa nhân đạo được đặt ra, như một yêu cầu tất yếu đối với những tác phẩm “thật có giá trị”.

Trong mỗi trang văn của Nam Cao đều bộc lộ tấm lòng của một con người đau đời và thương đời da diết. Nam Cao yêu thương những con người bị cuộc đời đày đọa. Xã hội cũ đã làm cho ông đau xót khi mà đa số những nhân vật của ông bị đẩy vào cảnh khốn cùng, không đạt được gì trong cuộc đời, không có đủ điều kiện để phát huy những khả năng tiềm tàng ưu việt của mình.

Nam Cao là nhà văn của những người nông dân nghèo khổ và bất hạnh, nhà văn của những người khốn khổ, tủi nhục nhất trong xã hội thực dân phong kiến. Trái tim nhân đạo và cái nhìn sắc sảo của ông đã thấu hiểu những hoàn cảnh thiếu nhân tính làm cho con người bị tha hóa. Viết về những con người dưới đáy của xã hội, Nam Cao đã bộc lộ sự cảm thông lạ lùng của một trái tim nhân đạo lớn. Thế giới, cuộc đời con người, mối quan hệ giữa những con người được nhìn nhận bằng những con mắt của chính họ. Nhà văn, trong những đánh giá và nhận xét, đã xuất phát từ lợi ích và yêu cầu của chính những con người cùng khổ nhất, không có quyền, bị xã hội áp bức, chà đạp xuống tận bùn đen.

Nam Cao đã bảo vệ, bênh vực, minh oan, “chiêu tuyết” cho những con người thấp cổ bé họng, bị cuộc đời xua đuổi, hắt hủi, khinh bỉ một cách bất công. Với trái tim đầy yêu thương của mình, Nam Cao vẫn tin rằng trong tâm hồn của những người không còn được là người, những con người bề ngoài được miêu tả như những con vật vẫn còn nhân tính, vẫn còn những khát khao nhân bản.

Ông nhận ra đằng sau những bộ mặt xấu xí đến “ma chê quỷ hờn” của Thị Nở (Chí Phèo) của mụ Lợi (Lang Rận) của Nhi (Nửa đêm). v.v… vẫn là một con người, một tâm tính người thật sự, cũng khao khát yêu thương. Và khi được ngọn lửa tình yêu sưởi ấm, những tâm hồn tưởng chừng đã cằn cỗi, khô héo ấy cũng ánh lên những vẻ đẹp với những hồi hộp, vui mừng sung sướng, cũng lườm, nguýt, âu yếm, cũng e lệ, làm duyên theo kiểu cách riêng của họ. Thậm chí, trong đáy sâu tâm hồn đen tối của một kẻ cục súc, u mê như Chí Phèo – một kẻ đã bị cuộc đời tàn phá, huỷ hoại từ nhân hình đến nhân tính – nhà văn vẫn nhìn thấy những rung động thật sự của tình yêu của niềm khao khát muốn trở lại làm người lương thiện. Có thể nói, cùng với việc lên án gay gắt những thành kiến, định kiến tồi tệ, những sự nhục mạ danh dự và phẩm giá con người, chính việc phát hiện ra cái phần con người còn sót lại trong một kẻ lưu manh trân trọng những khao khát nhân bản và miêu tả những rung động trong sáng của những tâm hồn tưởng chừng đã bị cuộc đời làm cho cằn cỗi, u mê đã làm cho Nam Cao trở thành một trong số những nhà văn nhân đạo lớn nhất trong nền văn học hiện đại Việt Nam.

Nam Cao là nhà văn của những người trí thức nghèo, của những kiếp “Sống mòn” có hoài bão, có tâm huyết, tài năng, muốn vươn lên cao nhưng lại bị chuyện áo cơm ghì sát đất. Nếu như mỗi tác phẩm viết về đề tài người nông dân của Nam Cao đều là sự trả ơn, gửi gắm ân tình với người nghèo khổ thì mỗi trang viết về đề tài người trí thức đều chứa đựng tâm sự, nỗi đau và niềm khát khao cháy bỏng của chính nhà văn.

Nam Cao giống với Xuân Diệu, Thạch Lam ở chỗ đã thức tỉnh sâu sắc về ý thức cá nhân, về sự tồn tại có ý nghĩa về ý thức cá nhân trên đời. Họ hết sức nhạy cảm với những kiếp sống nhỏ bé, cơ cực, sống mòn mỏi, lắt lay, quẩn quanh, bế tắc. Những con người không hề biết sống làm vui, không bao giờ biết đến ánh sáng và hạnh phúc. Đến trong ước mơ mà vẫn cứ quẩn quanh không biết mơ ước gì hơn một chuyến tàu đêm vụt đi qua cái phố huyện nghèo (Thạch Lam – Hai đứa trẻ). Xuân Diệu cũng không sao chịu nổi “nỗi đìu hiu của cái ao đời bằng phẳng” (Tỏa nhị kiều) và khao khát: “Thà một phút huy hoàng rồi chợt tối/ Còn hơn le lói suốt trăm năm” (Giục giã). Nhưng có lẽ, không ai trong số họ lại đau đớn khôn nguôi, phẫn uất cao độ như Nam Cao trước tình trạng con người không sao thoát khỏi tình trạng sống mòn. Trước cách mạng, không có nhà văn nào có cách nhìn sâu sắc, có tầm triết lý, tổng hợp khái quát cao về tình trạng chết mòn của con người như nhà văn lớn Nam Cao. Mỗi nhân vật của ông là một kiểu đời thừa, một lối sống mòn, một cách chết mòn. Một cuộc sống vô lý, vô ích, vô nghĩa, “chết mà chưa làm gì cả”, “chết trong lúc sống”, “chết mà chưa sống”.

Nam Cao không chấp nhận sự sống của con người chỉ là sự tồn tại sinh học. Ông coi đó không phải là cuộc sống xứng đáng của con người: “Có thú vị gì cái lối sống co quắp vào mình, cái lối sống quá ư loài vật, chẳng còn biết một việc gì ngoài cái việc kiếm thức ăn đổ vào dạ dày?”. Cuộc sống xứng đáng với danh hiệu cao quý của con người, theo quan niệm của Nam Cao, là phải có đời sống tinh thần cao đẹp, sống với đầy đủ giá trị của sự sống. Xuất phát từ tư tưởng cao sâu đó, Nam Cao đã đồng cảm sâu sắc và đau đớn vô hạn trước bi kịch của những con người muốn sống có ý nghĩa bằng sự cống hiến của mình mà rốt cuộc phải sống như một kẻ vô ích, một “người thừa”. “Còn gì đau đớn hơn cho một kẻ vẫn khao khát làm một cái gì mà nâng cao giá trị đời sống của mình, mà kết cục chẳng làm được cái gì, chỉ những lo cơm áo mà đủ mệt?” (Đời thừa).

Qua những nhân vật trí thức tâm huyết của mình, những Điền, những Hộ, những Thứ…, Nam Cao thể hiện niềm khao khát, một lẽ sống lớn, khao khát một cuộc sống sâu sắc mãnh liệt, có ích và có ý nghĩa. Hộ trong Đời thừa hằng tâm niệm: “Kẻ mạnh không phải là kẻ giẫm lên vai kẻ khác để thoả mãn lòng ích kỉ. Kẻ mạnh chính là kẻ giúp đỡ kẻ khác trên đôi vai của mình” và mơ ước viết được “một tác phẩm thực sự có giá trị (…) làm cho người gần người hơn”. Thứ trong Sống mòn đã từng “thích làm một việc gì có ảnh hưởng đến xã hội ngay” và mong muốn đem “những sự đổi thay lớn lao đến cho xứ sở mình”. Hơn một lần Thứ mơ ước: “Mình cũng là một vĩ nhân, một anh hùng, vượt lên trên sự tầm thường để chỉ nghĩ đến một cái gì vĩ đại thôi. Y nghĩ đến những phương kế để xoay ngược lại, đồng thời xếp đặt cho người với người ổn thoả hơn”.

Những con người mang hoài bão lớn ấy khi chạm trán với cuộc đời đều nếm trải đắng cay, đau đớn, đều lâm vào tình trạng “sống mòn”. Nhưng dẫu bị “áo cơm ghì sát đất”, tuy “sống mòn” nhưng họ chưa hoàn toàn cạn kiệt hết niềm tin, niềm hi vọng, vẫn khao khát được sống, được cống hiến, được phát triển; vẫn khao khát mỗi cá nhân được phát triển “đến tận độ” để góp vào “công việc tiến bộ chung” của loài người. Cao cả và đẹp đẽ biết bao lý tưởng nhân văn của Nam Cao được gửi gắm qua những dòng suy ngẫm của nhân vật Thứ về sự sống: “Thứ vẫn không thể nào chịu được rằng sống chỉ là làm thế nào cho mình và vợ con mình có cơm ăn, áo mặc thôi. Sống là để làm một cái gì cao đẹp hơn nhiều, cao quý hơn nhiều. Mỗi người sống phải làm thế nào cho phát triển đến tận độ những khả năng của loài người chứa đựng ở trong mình. Phải gom góp sức lực của mình vào công việc tiến bộ chung. Mỗi người chết đi, phải để lại một chút gì cho nhân loại”. Như vậy, trong quan niệm của Nam Cao, ý thức cá nhân, sự tồn tại có ý nghĩa của mỗi cá nhân trên đời đâu chỉ một chiều là tranh thủ từng giây, từng phút để tận hưởng những khoảnh khắc đang có cho “chếnh choáng mùi thơm”, cho “đã đầy ánh sáng”, cho “no nê thanh sắc của thời tươi” (Xuân Diệu).

Nam Cao đòi hỏi để cho mỗi cá nhân được phát triển đến tận độ với một ý thức đầy trách nhiệm và trong mối quan hệ mật thiết với sự phát triển chung của xã hội loài người. Tư tưởng nhân văn mới mẻ và sâu sắc đó chưa từng có trong nền văn học hiện đại Việt Nam trước cách mạng. Đó là một tư tưởng lớn vượt ra ngoài cả thời đại Nam Cao.

Có thể nói, tư tưởng nhân đạo thấm nhuần trong sáng tác của Nam Cao. Ông là nhà văn đồng tình với khát vọng sống lương thiện và khát vọng được phát huy đến tận độ tài năng của con người. Tư tưởng nhân đạo mới mẻ, phong phú và sâu sắc đó cho thấy nhà văn không chỉ dừng lại ở chỗ tố cáo những thế lực tàn bạo chà đạp quyền sống của con người mà còn đòi hỏi xã hội tạo những điều kiện để con người được sống một cuộc sống thực sự có ý nghĩa.

**II. Về truyện ngắn "Lão Hạc":**

***1.Giới thiệu vắn tắt giá trị của truyện ngắn « Lão Hạc »***

Viết về đề tài người nông dân trước cách mạng, « Lão Hạc » là một truyện ngắn xuất sắc của nhà văn Nam Cao, đăng báo lần đầu năm 1943. Truyện đã thể hiện một cách chân thực, cảm động số phận đau thương của người nông dân trong xã hội cũ và phẩm chất cao quý, tiềm tàng của họ. Đồng thời, truyện còn cho thấy tấm lòng yêu thương, trân trọng đối với người nông dân và tài năng nghệ thuật xuất sắc của nhà văn Nam Cao, đặc biệt trong việc miêu tả tâm lý nhân vật và cách kể truyện.

***2. Giá trị nội dung***

**a. Tình cảnh cùng khổ và số phận bi đát của người nông dân trước cách mạng tháng Tám.**

**\*Cũng như bao người nông dân khác, cuộc đời lão Hạc bị vây bủa trong sự nghèo đói.** Đã nghèo, lại góa vợ, lão Hạc lầm vào cảnh một thân gà trống nuôi con.

- Không có ruộng cầy, toàn bộ gia tài của lão chỉ là một con chó và một mảnh vườn. Mảnh vườn ấy có được là do vợ lão cố thắt lưng buộc bụng, dè sẻn mãi mới để ra được năm mươi đồng bạc tậu ». Đó là mảnh vườn còm cõi, hoa màu của nó cũng chỉ đủ để lão « bòn mót ». Cho nên lão phải làm thuê làm mướn, đem sức mình đổi lấy miếng ăn.

=> Đó là tất cả cuộc đời lão đã khiến lão thấm thía cái kiếp nghèo tủi nhục của mình, mà có lần lão đã chua xót thốt lên rằng : « nó chỉ nhỉnh hơn cái kiếp của một con chó »

**\* Mất con**

- Chính cái nghèo đã kiến cho lão Hạc trở thành người cha phải bó tay trước hạnh phúc không thành của người con trai độc nhất. Cái nghèo không cho lão dựng vợ cho con để trọn cái đạo làm cha. Anh con trai vì không đủ tiền cưới vợ đã phẫn chỉ bỏ đi đồn điền cao su tận Nam Kì biền biệt 5,6 năm chưa về. Thế là cái nghèo lại cướp nốt đứa con trai của lão. Lão vô cùng đau xót về điều này, kể lại chuyện với ông giáo mà nước mắt rân rấn : « Thẻ của nó người ta giữ. Hình của nó người ta chụp rồi. Nó lại đã lấy tiền của người ta. Nó là người của người ta rồi, chứ đâu còn là con tôi ». Câu nói của lão nhói lên một nỗi đau, bởi nó đã khái quát cả một cảnh đời cùng khổ một số phận thảm thương của người nông dân trong chế độ cũ.

**\*.Bán chó :**

- Anh con trai đi biền biệt, lão sống thui thủi, trơ trợ một mình trong nỗi bất hạnh ngày thêm chồng chất. Chỉ có con chó là bầu bạn sớm tối, con chó thành « cậu Vàng », thành một người trong nhà lão. « Con chó là của cháu nó mua đấy chứ ». Lão vẫn không quên con chó là kỉ vật thiêng liêng, là tài sản của đứa con trai. Có một mối dây liên lạc rất lạ lùng giữa lão Hạc, con chó và đứa con trai vắng mặt. Cho nên, có bao nhiêu niềm thương, nỗi nhớ chất chứa trong lòng, lão dồn hết vào con chó. Lão yêu quý «cậu vàng » như con, như cháu tưởng như không thể nào có thể rời xa nó, tưởng như cuộc đời lão không thể thiếu nó.

-Vậy mà, tình cảnh đói nghèo khốn quẫn đã buộc lão phải chia tay với nó. Lão bị ốm một trận kéo dài 2 tháng 18 ngày, không một người thân bên cạnh đỡ đần, săn sóc cho một bát cháo, hay một chén thuốc ! Tình cảnh ấy thật đáng thương ! Tiếp theo một trận bão to, cây cối, hoa màu trong vườn bị phá sạch sành sanh. Làng mất nghề sợi. Đàn bà congái trong làng đi làm thuê rất nhiều, giành hết mọi việc. Sau trận ốm, lão Hạc yếu hẳn đi, chẳng ai thuê lão đi làm nữa. Lão Hạc thành ra thất nghiêp.Thóc cao, gạo kém, sức cùng, lực kiệt, lão Hạc đành phải bán con chó mà lão rất yêu quý. Bán con chó là bán đi niềm vui, niềm an ủi cuối cùng của lão. Lão đã đắn đo, do dự mãi khi quyết định bán con chó.

- Và khi buộc lòng phải bán nó lão vô cùng đau đớn. Bán nó xong, lão Hạc bị đẩy sâu xuống đáy vực bi thảm. Lão cảm thấy mình là một kẻ « tệ lắm », đã già mà còn đánh lừa một con chó ». Kể lại chuyện bán chó với ông giáo mà « Lão cố làm ra vui vẻ. Nhưng trông lão cười như mếu và đôi mắt ầng ậc nước ». Lão tự nhận là một kẻ bất nhân, là tên lừa đảo đối với một con chó vốn tin yêu mình. Có lẽ đây là giây phút đau đớn nhất trong cuộc đời lão, khiến cho « mặt lão đột nhiên co rúm lại. Những vết nhăn xô lại với nhau, ép cho nước mắt chảy ra. Cái đầu lão ngoeo về một bên và cái miệng móm mém của lão mếu như con nít. Lão hu hu khóc.. »

=> Cuộc đời lão Hạc là một dòng nước mắt chảy dài của những nỗi đau bất lực. Nước mắt lão khi thì « rân rấn », lúc « ầng ậng », cả khi « cười cũng như mếu ». Nước mắt ấy dường như đã cạn kiệt trong cuộc đời khổ đau, tủi cực của lão. Cho nên khi khóc, « mặt lão đột nhiên co rúm lại ». Những vết nhăn xô lại với nhau ép cho nước mắt chảy ra ». Nhiều người cho rằng đây là cái tài miêu tả cuả Nam Cao, nhưng trước hết đó là cái tình của nhà văn đối với kiếp người tủi cực trong chế độ cũ. Không có một sự cảm thông sâu sắc, không có một tình xót thương chân thành, không thể vẽ lên một nỗi đau hằn sâu trên khuôn mặt lão Hạc như vậy. Một nét vẽ mà như cô đúc cả một cảnh đời, một kiếp người trong xã hội cũ.

**\*Cái chết**

- Nhưng thê thảm nhất vẫn là cái chết của lão Hạc sau những ngày ăn khoai, ăn củ chuối, sung luộc, rau má, củ ráy, hay bữa trai, bữa ốc... để rồi cuối cùng lão đã ăn bả chó mà chết. Dĩ nhiên, lão lựa chọn cái chết ấy là vì đứa con trai nhưng suy cho cùng thì chính tình cảnh khốn quẫn, sự đói khổ đã đẩy lão đến bước đường cùng phải chết.

- Đó là một cái chết thật là dữ dội và cũng vô cùng bi thảm :  « Lão Hạc đang vật vã ở trên giường, đầu tóc rũ rượi, quần áo xộc xệch, hai mắt long sòng sọc. Lão tru tréo, bọt mép sùi ra, khắp người chốc chốc lại bị giật mạnh một cái, nảy lên... Lão vật vã đến hai giờ đồng hồ mới chết.

=> Như vậy, nghèo khổ đã đẻ nặng lên cuộc đời làm thuê làm mướn khiến cho lão sức cùng lực kiệt ; nghèo khổ lại cướp nốt đứa con trai của lão ; cướp nốt cả « cậu vàng » thân yêu, niềm an ủi cuối cùng của lão ; và nghèo khổ lại đẩy lão đến cái chết đau đớn và thảm khốc như chưa từng thấy. Cái chết ấy đã kết thúc một cảnh đời tủi cực và một số phận bi đát của người nông dân trước cách mạng tháng Tám. Cuộc sống cùng khốn và cái chết bi thương của lão Hạc đã nói lên thấm thía số phận thê thảm của người nông dân lao động trong xã hội tăm tối đương thời. Không chỉ là nỗi đau, cái chết ấy còn là một lời tố cáo sâu sắc và mạnh mẽ cái chế độ tàn ác, bất nhân đã gây nên những cảnh đời thê thảm như lão Hạc. Với chủ nghĩa nhân đạo thống thiết, Nam Cao đã nói lên bao tình thương xót đối với những con người đau khổ, bế tắc phải tìm đến cái chết thê thảm. Chí Phèo tự sát bằng một mũi dao, Lang Rận thắt cổ chết.... và lão Hạc đã quyên sinh bằng bả chó. Lão Hạc đã từng hỏi ông giáo : « Nếu kiếp người cũng khổ nốt thì ta nên làm kiếp gì cho thật sướng ? Câu hỏi ấy đã thể hiện nỗi đau khổ tột cùng của một kiếp người.

**\* Số phận anh con trai lão**- nhân vật không xuất hiện, chỉ hiện ra trong nỗi nhớ của lão Hạc- cũng thật đáng thương : chỉ vì quá nghèo mà cô gái anh yêu thương trở thành vợ kẻ khác ; anh phẫn chí ra đi nuôi mộng « cố chí làm ăn, bao giờ có bạc trăm mới về », không có tiền, sống khổ sống sở ở cái làng này nhục lắm ». Nhưng, thật tội nghiệp, cái nơi mà anh ta tìm đến với hi vọng làm giầu lại là đồn điền cao su Nam Kì, một địa ngục trần gian, thân phận phu cao su chỉ là thân phận nô lệ. Còn lão Hạc thì cứ mong con mỏi mắt suốt tận ngày cuối đời...

**b. Vẻ đẹp tâm hồn và nhân cách cao cả của lão Hạc.**

Chính trong cảnh đời thê thảm ấy, ta lại thấy bừng sáng lên một vẻ đẹp tâm hồn và nhân cách cao cả của lão Hạc. Lão Hạc sống lủi thủi, thầm lặng, bề ngoài lão có vẻ như lẩm cẩm, gàn dở ; vợ ông giáo cũng chẳng ưa gì lão : « cho lão chết ! Ai bảo lão có tiền mà chịu khổ ? Lão làm lão khổ chứ ai làm lão khổ ! » Chính ông giáo cũng có lúc từng nghĩ là lão « quá nhiều tự ái », còn Binh Từ thì « bĩu môi nhận xét : Lão làm bộ đấy ! thật ra thì lão chỉ tẩm ngẩm thế, nhưng cũng ra phết chứ chả vừa đâu ! » Nhưng kì thực lão Hạc có một nhân cách hết sức cao quý mà bề ngoài không dễ thấy. Đằng sau « manh áo rách » là một tấm lòng vàng ». Nó được thể hiện qua tấm lòng của lão đối với con trai, đối với « cậu Vàng », qua việc gửi gắm vườn tược, tiền bạc cho ông giáo và nhất là qua cái chết thảm khốc mà lão đã lựa chọn cho chính mình.

**\* Lão Hạc, một con người chất phác, hiền lành và nhân hậu vô cùng**

**- Cái tình của lão đối với « cậu Vàng » thật là hiếm có, đặc biệt và Nam Cao đã ghi lại tỏng những dòng chữ xúc động.**

+ Bởi không còn là con chó thường, cậu “vàng” đã trở thành người thân, niềm vui, niềm an ủi đối với cuộc sống cô đơn, lủi thủi một mình của lão. + Lão “gọi nó là cậu Vàng như bà mẹ hiếm hoi gọi đứa con cầu tự. Thỉnh thoảng không có việc gì làm, lão lại bắt rận cho nó hay đem nó ra ao tắm, cho nó ăn cơm trong một cái bát như một nhà giầu (…) Lão cứ nhắm vài miếng lại gắp cho nó một miếng như người ta gắp thức ăn cho con trẻ.

+ Rồi lão chửi yêu nó, lão nói với nó như nói với một đứa cháu bé về bố nó”. Đoạn lão nói chuyện với cậu Vàng về việc « định giết cậu để cưới vợ cho con trai rồi lại không giết nữa, để nuôi » đã bộc lộ sâu sắc tình cảm của lão Hạc đối với con chó thân yêu.

=> Có thể nói, cậu Vàng được lão Hạc chăm sóc, nuôi nấng như con, như cháu. Nó là nguồn vui, chỗ dựa tinh thần, nơi san sẻ tình thương, giúp lão Hạc vợi đi ít nhiều nỗi buồn cô đơn, cay đắng. Cậu Vàng là một phần cuộc đời lão Hạc. Nó đã toả sáng tâm hồn và làm ánh lên bản tính tốt đẹp của lão nông đau khổ, bất hạnh này. Vì thế, sau khi bán cậu Vàng đi, từ túng quấn, lão Hạc chìm xuống đáy bể bi kịch, dẫn đến cái chết vô cùng thảm thương.

+ Tình thế cùng đường khiến lão phải tính đến việc bán “cậu Vàng” thì trong lão diễn ra một sự dằn vặt đau khổ. Lão kể lại cho ông giáo việc bán “cậu vàng” với tâm trạng vô cùng đau đớn: “lão cười như mếu, đôi mắt ầng ậc nước”. Đến nỗi ông giáo thương lão quá “muốn ôm chầm lấy lão mà oà lên khóc”. Khi nhắc đến việc cậu Vàng bị lừa rồi bị bắt, lão Hạc không còn nén nổi nỗi đau đớn cứ dội lên : “mặt lão đột nhiên co dúm lại. Những vết nhăn xô lại với nhau, ép cho nước mắt chảy ra. Cái đầu lão ngoẹo về một bên và cái miệng móm mém của lão mếu như con nít. Lão hu hu khóc. Lão Hạc đau đớn đến thế không phải chỉ vì quá thương con chó, mà còn vì lão không thể tha thứ cho mình vì đã nỡ lừa con chó trung thành của lão. Ông lão “quá lương thiện” ấy cảm thấy lương tâm đau nhói khi thấy trong đôi mắt của con chó bất ngờ bị trói có cái nhìn trách móc… Thì ra tôi già bằng này tuổi đầu rồi còn đánh lừa một con chó, nó không ngờ tôi nỡ tâm lừa nó. Phải có trái tim vô cùng nhân hậu và trong sạch thì mới bị dày vò lương tâm đau đớn đến thế, mới cảm thấy có lỗi với một con chó như vậy.

*\** **Tấm lòng người cha ở lão Hạc đối với anh con trai mới thực cảm động,** làm nên tâm sự chính của nhân vật và mạch truyện chủ yếu của tác phẩm. Nó liên quan đến cái tình của lão đối với cậu vàng, đến việc lão gửi gắm nhờ gửi ông giáo, và giải thích rõ cái chết thảm khốc của lão ở cuối truyện. Đó là tấm lòng của người cha thương con, suốt cả cuộc đời lo lắng cho con và sẵn sàng hi sinh tất cả- kể cả tính mạng – cho đứa con thân yêu của mình. Nam Cao đã thấu hiểu cái tình cha con, thiêng liêng, sâu sắc đó ở người lão nông nghèo khổ này và đã diễn tả thật cảm động trên từng trang viết của tác phẩm.

+ Đầu tiên là việc anh con trai tính chuyện bán vườn để lo cưới vợ nhưng nghe lời bố, lại thôi. Thấy con buồn, lão Hạc « thương con lắm, nhưng biết làm sao được ?... » Đó là tình thương đầy bất lực của một người cha nghèo.

+ Sau đó, anh con trai « sinh phẫn chí », bỏ làng, lìa cha, kí giấy đi làm dồn điền cao su. Đứa con trai độc nhất của lão đã bị cái nghèo cướp nốt, lão vô cùng đau đớn. Nỗi đau mất con khiến lão « chỉ còn biết khóc chứ biết làm thế nào nữa ? Bởi « nó là người của người ta rồi, chứ đâu còn là con tôi ». Lão Hạc kể lại chuyện khóc con, giống như lão đang khóc, đang đau nỗi đau xé ruột của người cha hoàn toàn bất lực khi thấy con trai tuột ra khỏi tay mình để trở thành người của người ta.

+ Trong nỗi đau ấy, khi chỉ còn sống cô đơn, thủi thủi một mình thì lão Hạc đã biết chọn một cách sống cho con, vì con. Đó là cách sống không tính đến bản thân mình, khiến cho tình yêu thương và lòng nhân hậu của lão đã hoá thành một nhân cách làm người, nhân cách làm cha. Ta thấy trong từng nếp nghĩ của lão bao giờ cũng thấm đẫm đức hy sinh cao cả. Trước khi đi phu, anh con trai dặn bố : « bòn vườn đất với làm thuê làm mướn cho người ta thế nào cũng đủ ăn ». Nhưng lão đã tự xóa đi cái quyền sở hữu của mình đối với mảnh vườn ấy : « cái vườn là của con ta (...) của mẹ nó tậu thì nó hưởng. Lớp trước ta không bán là ta có ý giữ cho nó chứ có phải giữ để ta ăn đâu ! ». Cho nên, lão làm thuê làm mướn để kiếm ăn. Hoa lợi của khu vườn được bao nhiêu, lão để riêng ra. Lão chắc mẩm, thế nào đến lúc con lão trở về cũng có được một trăm đồng bạc. Lão tính tiền ấy lão sẽ thêm vào cho con cưới vợ, nếu con đã đủ tiền cưới vợ thì cho nó để có chút vốn mà làm ăn. Thương con mà vị tha, hi sinh như thế thì đó chính là lòng thương con mộc mạc, cụ thể mà cao cả biết bao của những người lao động nghèo, ngay cả khi họ phải sống khốn quẫn nhất trong xã hội cũ. Đến cả chuyện buộc phải bán chó, thì không phải chỉ vì không nuôi nổi nó, mà cái chính vẫn là vì con : « bây giờ tiêu một xu cũng là tiêu vào tiền của cháu. Tiêu lắm chỉ chết nó ».

+ Nhưng cái chết mới là đỉnh cao của đức hy sinh, lòng vị tha-mà ở đây chính là tình thương yêu sâu sắc của lão Hạc đối với đứa con trai.

- Hoàn cảnh ngày càng cùng cực đã đẩy lão tới một sự lựa chọn đầy nghiệt ngã, bi đát : tiếp tục kéo dài sự sống tàn để trở thành kẻ báo hại cho con hay là chết đi để trọn đạo làm người, trọn đạo làm cha. Và lão đã chọn cái chết, không phải cho xong đời mình, mà chết cho con, vì con.

+Lão đã âm thầm chuẩn bị cho cái chết từ lúc quyết định bán con chó, bán đi niềm vui, niềm an ủi cuối cùng của đời mình ; từ khi gửi gắm vườn tược, tiền bạc cho ông giáo ; và cả những lúc ăn sung luộc, ăn củ ráy... để cuối cùng lão quyết định xin Binh Tư bả chó !... Có nỗi đau bán chó, có sự chu đáo và cẩn trọng trong việc gửi gắm nhờ vả ông gia,s có sự nhịn ăn mấy ngày liền thì mới có việc xin bả chó để tự kết liễu đời mình. Có nghĩa là lão đã chuẩn bị chu đáo mọi việc cho con (và cả cho mình nữa) để sắn sàng đi vào một cái chết thật dữ dội và bi thảm. Tất cả vì con, một sự hi sinh thầm lặng cực kì to lớn !

=> Lão Hạc là một nông dân không được học hành, không có chữ nghĩa, càng không biết nhiều lí luận về tình phụ tử. Nhưng cái chết dữ dội của lão là bằng chứng cảm động về cái tình phụ tử nguyên sơ, mộc mạc, nhưng thăm thẳm, thiêng liêng biết chừng nào.

**\* Lão Hạc là một nông dân nghèo khổ mà trong sạch, giầu lòng tự trọng.**

- Lão Hạc đã tìm đến cái chết mặc dù trong tay vẫn còn mấy chục bạc (không kể vẫn còn mảnh vườn đáng giá mà không ít kẻ nhòm ngó)

- Bất đắc dĩ phải bán con chó ; bán xong rồi, lão đau đớn, lương tâm dằn vặt « thì ra tôi già bằng này tuổi đầu rồi còn đánh lừa một con chó ».

- Ba sào vườn gửi lại nguyên vẹn cho con trai như một lời nguyền đinh ninh : « Cái vườn là của con ta (...) của mẹ nó tậu thì nó hưởng ». Trước khi chết, lão gửi lại ông giáo mảnh vườn cho con, và gửi lại 30 đồng hàng xóm. Lão thà nhịn đói chứ không tiêu xu nào vào món tiền mà lão cậy ông giáo cầm giúp đó.

- Với lòng tự trọng cao độ và nhân cách hết sức trong sạch, lão Hạc không muốn hàng xóm nghèo phải phiền luỵ về cái xác già của mình, đã gửi lại ông giáo toàn bộ số tiền dành dụm bằng nhịn ăn, nhịn tiêu của lão, để nhờ ông giáo đưa ra nói với bà con hàng xóm lo giúp cho lão khi lão chết. Khi đã đem gửi hết đồng tiền cuối cùng, lão chỉ còn ăn uống đói khát qua bữa, bằng khoai ráy, củ chuối, rau má..., nhưng lại kiên quyết từ chối mọi sự giúp đỡ của người khác, kể cả sự giúp đỡ của ông giáo mà chắc lão hiểu là rất thân tình.

- Nam Cao đã tinh tế đưa nhân vật Binh Tư, một kẻ « làm nghề ăn trộm » ở phần cuối truyện, tạo nên một sự đối sánh đặc sắc, làm nổi bật tấm lòng trong sạch, tự trọng của lão Hạc, một lão nông chân quê đáng trọng. Lão Hạc dù nghèo đói vẫn quyết sống bằng bàn tay lao động của mình trong khi ở xã hội đó có nhiều người đã bị ngã quỵ trước bản năng (cái đói và miếng ăn) như Chí Phèo, Binh Tư... Lang Rận... Với cái chết đau đớn dữ dội mà lão Hạc tự chọn, ra đi vẫn giữ được tâm hồn thanh thản, nhân cách trong sạch, lão Hạc đã trở thành một vị thánh. Là một ông già nông dân cùng khổ, lão Hạc đã thể hiện một khí tiết cao quý, có thức thức nhân phẩm rất cao. Lão Hạc là con người của câu tục ngữ : « đói cho sạch, rách cho thơm », « thà thác trong còn hơn sống đục ». Đó cũng là một nét nhân cách đáng trọng của người lao động nghèo.

=> Tóm lại, cuộc đời của lão Hạc đầy nước mắt, nhiều đau khổ và bất hạnh. Sống thì âm thầm, nghèo đói, cô đơn ; chết thì quằn quại, đau đớn. Tuy thế, lão Hạc lại có bao phẩm chất tốt đẹp như hiền lành, chất phác, nhân hậu, trong sạch và tự trọng... Lão Hạc là một điển hình về người nông dân Việt Nam trong xã hội cũ được Nam Cao miêu tả chân thực, với bao trân trọng, xót thương, thấm đượm một tinh thần nhân đạo thống thiết.

**c. Nhân vật «Tôi »- người kể chuyện** (cũng chính là tác giả, tuy vậy không nên đồng nhất hoàn toàn với nhân vật về nguyên mẫu).

- Bên cạnh nhân vật lão Hạc là ông giáo, một nhân vật để lai bao ấn tượng đối với mỗi chúng ta về người trí thức nghèo trong xã hội cũ.

-Không rõ họ tên là gì. Hai tiếng « ông giáo » đã khẳng định vị thế của một con người giữa làng quê trước năm 1945 « nhiều chữ nghĩa, nhiều lí luận, người ta kiêng nể ». Hai tiếng « ông giáo » từ miệng lão Hạc nói ra, lúc nào cũng đượm vẻ thân tình, cung kính, trọng vọng : « cậu vàng đi đời rồi ông giáo ạ !... « Vâng, ông giáo dạy phải ! Đối với chúng mình thì thế là sung sướng »... « Tôi cắn rơm, cắn cổ lạy ông giáo »....

- Hãy đi ngược thời gian, tìm về thời trai trẻ của ông giáo. Là một con người chăm chỉ, ham mê, sống vì một lý tưởng đẹp, với bao mộng tưởng. Ông đã từng lặn lội vào tận Sài Gòn, « hòn ngọc Viễn Đông » thời ấy để làm ăn, để học tập, để gây dựng sự nghiệp. Cái va li « đựng toàn những sách » được người thanh niên ấy rất nâng niu », cái kỉ niệm « đầy những say mê đẹp và cao vọng » ấy, hơn sáu chục năm còn làm cho ta xúc động và quý trọng một nhân cách đẹp.

- Con người « nhiều chữ nghĩa » ấy lại nghèo. Sau một trận ốm nặng ở Sài Gòn, quần áo bán gần hết, về quê chỉ có một va li sách. Nếu lão Hạc quý cậu Vàng bao nhiêu thì ông giáo lại quý những quyển sách của mình bấy nhiêu. Bởi lẽ những quyển sách ấy đã làm bứng lên trong lòng ông « như một rạng đông » thời trai trẻ, làm cho cuộc đời thêm sắc màu ý vị, sống say mê, « trong trẻo, biết yêu và biết ghét »

- Cái nghèo vẫn đeo đẳng ông giáo mãi, « ông giáo khổ trường tư ». Vận hạn xẩy ra luôn như ông nghĩ : « Đời người ta không chỉ khổ một lần ». Sách cứ bán dần đi. Chỉ còn giữ lại 5 quyển sách với lời nguyền : « dù có phải chết cũng không bán ». Như một kẻ cùng đường phải bán máu. Đứa con thơ bị chứng kiết lị gần kiệt sức, ông giáo đã phải bán nốt đi 5 cuốn sách cuối cùng, cái gia tài quý giá nhất của người trí thức nghèo. « Lão Hạc ơi ! Ta có quyền giữ cho ta một tí gì đâu ? » Lời than ấy cất lên nghe thật não nuột, đã thể hiện một nhân cách đẹp trước sự khốn cùng : biết sống, và dám hi sinh vì cuộc sống !

**- *Ông giáo là một trí thức có trái tim nhân hậu rất đáng quý***. Ông là chỗ dựa tinh thần, là niềm an ủi, tin cậy của lão Hạc. Ông giáo là nơi để lão Hạc san sẻ bao nỗi đau, nỗi buồn. Nhờ đọc hộ một lá thư, nhờ viết hộ một lá thư cho đứa con trai đi phu đồn điền. Tâm sự về mảnh vườn và và chuyện đứa con trai « phẫn cí » không lấy được vợ. San sẻ về nỗi đau buồn sau khi bán cậu Vàng cho thằng Mục, thằng Xiên... Có lúc là một điếu thuốc lào, một bát nước chè xanh, một củ khoai lang « lúc tắt lửa tối đèn có nhau ». Ông giáo đã đồng cảm, đã thương xót, đã san sẻ với lão Hạc với tất cả tình người. Ai đã từng là độc giả của Nam Cao, chắc sẽ không bao giờ quên mẩu đối thoại này :

*- Tôi bùi ngùi nhìn lão, bảo :*

*- Kiếp ai cũng thế thôi, cụ ạ ! Cụ tưởng tôi sung sướng hơn chăng ?*

*- Thế thì không biết nếu kiếp người cũng khổ nốt thì ta nên làm kiếp gì cho thật sướng ?*

*Lão cười và ho sòng sọc. Tôi nắm lấy cái vai gầy của lão, ôn tồn bảo :*

*- Chẳng kiếp gì sung sướng thật, nhưng có cái này là sung sướng : bây giờ cụ ngồi xuống phải này chơi, tôi đi luộc mấy củ khoai lang, nấu một ấm chè tươi thật đặc : ông con mình ăn khoai, uống nước chè, rồi hút thuốc lào... Thế là sướng.*

*- Vâng ! Ông giáo dậy phải ! Đối với chúng mình thì thế là sung sướng* ».

- Ông giáo đã thương lão Hạc « như thể thương thân ». Không chỉ an ủi, động viên, mà ông còn tìm mọi cách để « ngấm ngầm giúp » khi biết lão Hạc đã nhiều ngày ăn khoai, ăn rau, ăn củ ráy... trong lúc đàn con của ông giáo cũng đang đói ; cái nghĩa cử « lá lành đùm lá rách » ấy mới thật cao đẹp biết bao !

- *Ông giáo nghèo mà đức độ lắm*. Trước khi ăn bả chó, lão Hạc đã gửi ông giáo 30 đồng để phòng khi chết « gọi là của lão có tí chút.. », gửi lại ông giáo ba sào vườn cho đứa con trai. Tình tiết ấy nói lên lão Hạc rất tin ông giáo. Ông giáo là người để lão Hạc « chọn mặt gửi vàng ». Giữa cái xã hội đen bạc thời ấy, một bà cô dành cho đứa cháu nội một bát nước cháo đã vữa ra như một sự bố thí (Những ngày thơ ấu), vợ tên địa chủ bắt bí, bóp nặn người đàn bà khốn cùng để mua rẻ đứa con gái lên bảy tuổi và ổ chó (Tắt đèn), một tên phụ mẫu ăn bẩn đồng hào đôi của chị nhà quê (Đồng hào có ma)... ta mới thấy niềm tin, sự kính trọng của kẻ khốn cùng đối với ông giáo thật là thánh thiện.

- Trước cái chết dữ dội của Lão Hạc, cái chết « đau đớn và bất lình lình », chỉ có ông giáo và Binh Tư hiểu... Ông giáo khẽ cất lời than trước vong linh người láng giềng hiền lành tội nghiệp. Trong giọt lệ là những lời hứa của một nhân cách cao đẹp, đáng trọng : « Lão Hạc ơi ! Lão Hạc ơi ! Lão hãy yên lòng mà nhắm mắt ! Lão đừng lo gì cho cái vườn của lão. Tôi sẽ cố giữ gìn cho lão. Đến khi con trai lão về, tôi sẽ trao lại cho hắn và bảo hắn : Đây là cái vườn mà ông cụ thân sinh ra anh đã cố để lại cho anh trọn vẹn ; cụ thà chết chứ không chịu bán đi một sào... »

- Cùng chung với ông giáo Thứ trong « sống mòn », Điền trong « Trăng sáng », nhân vật « tôi » trong « mua nhà », hình ảnh ông giáo trong truyện « lão Hạc » đã kết tinh cái tâm và cái tài của Nam Cao trong nghệ thuật xây dựng nân vật- nhà văn nghèo, ông giáo khổ trường tư- trong xã hội thực dân nửa phong kiến. Đó là những con người nghèo mà trong sạch, hăm hở và nhiệt tâm từng ôm ấp bao mộng đẹp, sống nhân hậu, vị tha. Có người đã cho rằng, ông giáo là một nhân vật tự truyện, mang dáng dấp hình bóng Nam Cao. Ý kiến ấy rất lí thú.

- Trong truyện « Lão Hạc », ông giáo vừa là nhân vật, vừa là người dẫn chuyện. Không phải là nhân vật trung tâm, nhưng sự hiện diện của ông giáo đã làm cho « bức tranh quê » ngày xa xưa ấy thêm sáng tỏ. Nhân vật ông giáo là chiếc gương soi sáng cuộc đời và tâm hồn lão Hạc, đã tô đậm giá trị nhân đạo của truyện ngắn đặc sắc này.

**d. Cách nhìn người của nhà văn Nam Cao.**

Nam Cao đã phát biểu suy nghĩ về cách nhìn người : «Chao *ôi! Đối với những người ở quanh ta, nếu không cố tìm và hiểu họ, thì ta chỉ thấy họ gàn dở, ngu ngốc, bần tiện, xấu xa, bỉ ổi... toàn những cớ để cho ta tàn nhẫn, không bao giờ ta thấy họ là những người đáng thương ; không bao giờ ta thương (...) Cái bản tính tốt củ người ta bị những nỗi lo lắng buồn đau, ích kỉ che lấp mất »*

- Suy nghĩ của nhân vật «tôi» trên đây chính là một điểm quan trọng trong ý thức sáng tác của nhà văn Nam Cao. Đó chính là vấn đề mà sau này Nam Cao gọi là « Đôi mắt » ; phải xác định « đôi mắt » đúng đắn trong cách nhìn về quần chúng nghèo khổ. Trong « Lão Hạc », nhà văn cho rằng đối với người nông dân lao động thì phải « cố mà tìm hiểu họ » thì mới thấy rằng chính những con người bề ngoài lắm khi « gàn dở, ngu ngốc, bần tiện, xấu xa, bỉ ổi » ấy chỉ là « những người đáng thương » và có « bản tính tốt », có điều, « cái bản tính tốt » ấy của họ thường bị những nỗi khổ cực, những lo lắng trong cuộc sống « che lấp mất ». Tức là, nhà văn đặt ra vấn đề phải có tình thương, có sự cảm thông, và phải có cách nhìn có chiều sâu, không hời hợt, phiến diện chỉ thấy cái bề ngoài, nhất là không thành kiến, tàn nhẫn. Có thể nói, chẳng những trong « Lão Hạc » mà trong cả « Chí Phèo », « Lang Rận », « một bữa no », « Tư cách mõ »... và hầu hết truyện dài của Nam Cao, nhà văn đều đặt ra vấn đề « đôi mắt ». Ông chính là luật sư đứng ra bênh vực cho một Chí Phèo, một anh Cu Lộ, một Lang Rận, một bà cái Tí, khẳng định rằng họ đều có tình cản rất « đáng thương » và đều « bản tính tốt », nhưng chính cuộc đời quá khắc nghiệt đã đẩy họ vào con đường lưu manh hoặc làm những việc xấu xa... Sau cách mạng, trong truyện ngắn « Đôi mắt » (1948), Nam Cao đã trực diện đặt ra vấn đề cần xác định « đôi mắt » đúng đắn để thấy được bản chất cách mạng của quần chúng nông dân đang là chủ lực của cuộc kháng chiến chống Pháp khi đó.

Cho nên, có thể nói, vấn đề « đôi mắt » là một đặc điểm quan trọng trong quan điểm sáng tác của Nam Cao, trở thành ý thức nghệ thuật thường trực trong suốt cuộc đời cầm bút của nhà văn có tấm lòng gắn bó sâu nặng với nhân dân.

**3. Giá trị nghệ thuật đặc sắc của truyện**

« Lão Hạc » là một trong những truyện ngắn hay nhất của cây bút truyện ngắn bậc thầy Nam Cao. Tài nghệ bậc thầy đó thể hiện ở nhiều khía cạnh và có những điểm nổi bật sau :

- Xây dựng nhân vật :

+ Không được miêu tả thật kĩ về ngoại hình, cũng không có nhiều hành động, song được tập trung soi sáng từ bên trong.

+ Tác giả đã đi sâu vào những tâm tư, những lo tính của lão Hạc chung quanh việc bán « cậu Vàng » và việc lặng lẽ chuẩn bị cho cái chết, chính từ đó mà số phận đau thương, tính cách độc đáo của nhân vật hiện ra thật rõ nét. Nhân vật lão Hạc chân thực, sinh động, có bề dầy xã hội và đồng thời có cá tính độc đáo, chủ yếu được nhà văn khắc hoạ bằng miêu tả tâm lý. Chẳng hạn, qua cản lão Hạc trò chuyện với « cậu Vàng », có thể thấy rõ cảnh sống cô đơn của lão, chất người trung hậu ( thể hiện qua thái độ âu yếm, chiều chuộng đối với cậu Vàng) và tình thương sâu nặng đối với đứa con trai đang ở xa. Hoặc những chi tiết thể hiện phản ứng tâm lí của lão Hạc xung quanh việc mà lão cho rằng đã « lừa cậu Vàng » : đau đớn, chua xót, hối hận, đã cho thấy rất rõ tâm hồn, tính cách ông lão nông dân nhân hậu, đáng thương ấy.

- Cách dựng truyện, bút pháp trần thuật linh hoạt, mới mẻ. Tác giả đi thằng vào giữa truyện ( cảnh lão Hạc nói chuyện với « tôi » về việc sẽ phải bán « cậu Vàng ») rồi mới nhẩn nhà đi ngược thời gian, kể về cảnh ngộ nhân vật, từ chuyện « con chó là của cháu nó mua đấy » chuyển sang chuyện anh con trai đã bỏ đi phu, để lại lão Hạc sống cô đơn và giờ đây đang lâm cảnh cùng đường... Cách dẫn chuyện rất thoải mái, tự nhiên, có vẻ lỏng lẻo song kì thật thật chặt chẽ, tập trung, khắc hoạ nhân vật và thể hiện chủ đề.

- Truyện rất mực chân thực, đồng thời thấm đượm cảm xúc trữ tình. Qua nhân vật « Tôi », người kể chuyện, tác giả đã biểu lộ tự nhiên những cảm xúc, suy nghĩ của mình. Chất trữ tình thể hiện ở giọng kể, ở những câu cảm thán nhiều khi không nén được cảm xúc, tác giả đã gọi tên nhân vật lên để trò chuyện, than thở : ( Lão Hạc ơi ! Bây giờ thì tôi hiểu tại sao lão khong muốn bán con chó vàng của lão ! Hỡi ơi lão Hạc ! Thì ra đến lúc cùng lão cũng có thể làm liều hơn ai hết.. ! », « Lão Hạc ơi, lão hãy yên lòng nhắm mắt...) Chất trữ tình còn thể hiện ở những lời mang giọng tâm sự riêng của « tôi », như chung quanh việc « Tôi » phải bán mấy quyển sách : « ôi những quyển sách rất nâng niu(...) kỷ niệm một thời hăng hái và tin tưởng đầy những say mê đẹp và cao vọng » Và thể hiện rõ nhất là ở những đoạn văn trữ tình ngoại đề đậm màu sắc triết lý : « Chao ôi ! Đối với những người ở quanh ta.... » Những câu văn triết lý đó không hề có giọng sách vở, trìu tượng mà là những suy nghĩ gan ruột nên có sức thuyết phục đặc biệt.

=> Vừa tỉnh táo, chân thực, vừa trữ tình thắm thiết và đậm đà ý vị triết lí, đó chính là đặc điểm bút pháp văn xuôi Nam Cao được thể hiện rõ nét trong « Lão Hạc »

**III- Kết bài** :

Tác phẩm « Lão Hạc » đã làm cho em vô cùng xúc động. Một truyện ngắn chứa chan tình người, lay động bao nỗi xót thương khi tác giả kể về cuộc đời cô đơn bất hạnh và cái chết đau đớn của một lão nông nghèo khổ. Nhân vật Lão Hạc đã để lại trong lòng ta bao ám ảnh khi nghĩ về số phận con người, số phận người nông dân Việt Nam trong xã hội cũ. Có biết bao nhiêu người nông dân đã sống nghèo khổ, cơ cực và cùng quẫn như lão Hạc. Xin cảm ơn nhà văn Nam Cao, ông đã giúp ta nhìn thấy vẻ đẹp tâm hồn và nhân cách cao cả của họ, đem đến cho ta một niềm tin sâu sắc vào con người.

**RÈN LUYỆN KĨ NĂNG NGỊ LUẬN VỀ MỘT NHÂN VẬT, ĐOẠN TRÍCH…**

**TRÁNH HS ĐI TÓM TẮT.**

**PHÂN TÍCH NHÂN VẬT LÃO HẠC**

**BT1.**

**Mở bài 1:**

Viết về đồ tài nông dân trước cách mạng, *“Lão Hạc”* là một truyện ngăn độc đáo, đặc sắc của nhà văn Nam Cao. Một truyện ngắn chứa chan tình người, lay động bao nỗi xót thương khi tác giả kể về cuộc đời cô dơn bất hạnh và cái chêt đau đớn của một lão nông nghèo khổ. Nhân vật lão Hạc đã đổ lại trong lòng ta bao ám ảnh khi nghĩ về số phận con người, số phận người nông dân Việt Nam trong xã hội cũ.

**Mở bài 2:**

Nam cao là một trong những nhà văn xuất sắc của nền văn học Việt Nam hiện đại. Trong sự nghiệp sáng tác của mình, ông đã để lại nhiều tác phẩm nổi tiếng. Truyện ngắn lão hạc viết 1943 là một trong những tác phẩm tiểu biểu nhất của ông. Truyện đã thể hiện thành công nhân vạt Lão Hạc dù rơi vào hoàn cảnh bi đát nhưng vẫn giữ được tấm lòng lượng thiện, trong sáng của mình.

**Mở bài 3:** Cũng viết về đề tài người nông dân trong xã hội cũ nhưng nếu Tắt đèn nhà văn Ngô Tất Tố đã để`cho nhân vật của mình vùng lên đấu tranh chống lịa cường quyền thì với tá phẩm lão Hạc Nam Cao lại để cho Lão hạc phải chết trong đau đớn, quằn quại. Tuy kết thúc khác nhau nhưng lại đều thể hiện cuộc sống bần cùng, bế tăc và vẻ đẹp sáng ngời nhân cách của họ. Lão Hạc chính là một con người như thế.

**Luận điểm 1:*Đọc tác phẩm, ta thấy Lão Hạc, một con người nghèo khổ, hất hạnh****.* Ba sào vườn vợ lão thắt lưng buộc bụng tậu về, một túp lêu, một con chó vàng là của con trai lão mua... đó là tài sản, vốn liếng của lão. Thì ra tài sản lão làm ra chẳng có gì, tất cả đều của vợ và con lão. Vợ chết đã lâu, cảnh gà trống nuôi con, lão lần hồi làm thuê kiếm sống. ***Nhận xét đánh giá*** *🡆*Có ai hiểu được gia cảnh lão khi không có bàn tay của người vợ, người mẹ thế mà lão vẫn cố sống đẻ nuôi con. Đó là một sự hi sinh không hề nhỏ. Đó là tất cả cuộc đời của lão khiến lão phải thốt lên rằng: “cuộc đời như thế chỉ “nhỉnh” hơn cái kiếp con chó”! Và cũng chính từ cái nghèo, cái đói mà người cha như lão đành phải chịu khuất phục trước hạnh phúc của đứa con trai “độc đinh”. Thế rồi, con trai lão quyết chí đi đồn điền cao su để có tiền cho “bõ tức”. Cuộc đời của lão như nhói lên một nỗi đau, một cảnh đời cùng khổ của những người nông dân trước cách mạng Tháng Tám. ***Nhận xét đánh giá*** *🡆*Tuổi già, sống cô quạnh, nỗi bất hạnh ngày thêm chồng chất. Lão Hạc chỉ còn biết làm bạn với con chó vàng. Khổng một người thân bên cạnh đỡ đần, săn sóc cho một bát cháo, một chén thuốc! Tinh cảnh ấy thật đáng thương! ***Nhận xét đánh giá*** *🡆*Có lẽ khi viết về hoàn cảnh nghèo đói của lão hạc, nhà văn Nam Cao đã không cầm được nước mắt xót thương cho Lão Hạc. ***Nhận xét đánh giá*** *🡆*Có lẽ khi viết về gia cảnh Lão Hạc, nhà văn Nam Cao như ứa từng giọt lệ bởi lẽ ở cái tuổi gần đất xa trời nhưng bên cạnh lão không có người thân để nương tựa mỗi khi trái gió trở trời. Niềm an ủi duy hất của lão chính là cậu vàng nên lão xem ó như một vật báu. Ngòi bút của Nam Cao như tuôn từng dòng lệ khi viết về cuộc đời của người nông dân trước cách mạng.***Bình, đánh giá*=>Qua số phận nhân vật ta nhận ra bóng dáng của thời đại, nhận ra bức tranh hiện thực của xã hội mà nhân vật đang sống.**

**Luận điểm** 2: . Sống trong nghèo đói nhưng ở con người ***Lão Hạc vẫn toát lên một tình yêu thương vô bờ bến. Đó là tình yêu con đến cả quên mình.***  Lão rất yêu con, biết con buồn vì không có tiền để cưới vợ *“lão thương con lắm... ”.* Lão đau đớn khi con sắp đi làm phu đổn điền cao su. Lão chỉ biết khóc: *“Thẻ của nó, người ta giữ. Hình của nó, người ta đã chụp rồi (...). Nó là người của người la rồi, chứ dâu còn là con tòi? “Cao su đi dễ khó về”* (Ca dao). Có nỗi đau nào lớn hơn nỗi đua mất con, có nỗi đau nào khi người cha không lo nỗi hạnh phúc riêng cho đứa con độc nhất của mình. Cho nên mỗi khi nhắc đến con là lão lại rấn rấn nước mắt với một giọng buồn thương. Con trai lão Hạc đã đi *“bẳn bặt ”* năm, sáu năm chưa về. Hoa lợi trong vườn, bán được bao nhiêu lão dành dụm cho con, hi vọng khi con trở về *“có chút vốn mà làm ăn ”.* Lão tự bảo: *“Manh vườn là của con ta... Của mẹ nó tậu thì nó hưởng...”.* Đói khổ quá, nhưng lão Hạc đã giữ trọn vẹn ba sào vườn cho con. Lão đã tìm đến cái chết, *“thà chết chứ không chịu bán đi một sào* ”. Tất cả vì con, một sự hi sinh thầm lặng cực kì to lớn! ***Nhận xét đánh giá*** *🡆* Có thể nói nỗi đau lớn nhất của lão Hạc là nỗi đau thân phận làm cha nhưng cũng có thể nói rằng sự hi sinh của lão đối với con cũng không gì sánh được. Một người cha sẵn sàng hi sinh cả sự sống của mình chỉ để giữ thêm chút tiền cho con thật là chưa từng có.Bình=>Cái chết củ lão hạc là cái chết đồi sự sống,sống trong sạch như bông sen giữa bùn nhơ của xã hội thực dân phong kiến cũng đồng thời là tiếng nói tố cáo đã đẩy con người đến bước đường cùng đầy nghiệt ngã.Chi tiết cái chết của lão hạc đã kết thúc một chuỗi dài những bi kịch của cuộc đời lão và trở thành chi tiết điển hình của tác phẩm.Nó chở đc những thông điệp của tác phẩm cũng như nỗi lòng nhân ái của tác giả.LH,NX=>Đến đây ta nhớ đến tác phẩm một bữa no của nhà văn, cái đói quay quắt để rồi khi no lại chết. Nam Cao đã phải thốt lên- **cuộc đời này không ăn uống sẽ giản dị biết bao**. Lão hạc thì lại khác, ông lựa chọn cái chết để giữ cho mình trong sạch.. thế mới thấy sự hi sinh của tình người cha lớn nhường nào!**Bình,đánh giá.** Phải chăng nhà văn đã đứng trong lao khổ, mở hồn đón lấy mọi vang động của cuộc đời để viết nên những trang văn chân thực, giàu tình người, tình yêu thương đến thế!mỗi trang văn không chỉ là trang đời mà còn là những dằn vặt trăn trở suy nghĩ của nhà văn.Đó chính là sự tổng hòa của cái tâm cao cả, cái tài, cái tình của nhà văn Nam cao.Thật đúng khi nhận xét rằng:không có câu chuyện cổ tích nào đẹp hơn câu chuyện do cuộc sống viết ra.Lão Hạc chết đi nhưng hình ảnh, tình yêu thương, nhân cách sống của nhân vật vẫn sống mãi trong lòng người đọc.

Á­

>

í  
I.

Luận điểm 3: ***Tình yêu thương của lão còn thể hiện sâu sắc đối với cậu vàng, mà người con trai để lại.*** Lão quý nó, đặt tên nó là *“cậu Vàng ”.* Cho nó ăn cơm trong bát sứ như nhà giàu. Bắt rận hoặc đem nó ra cầu ao tắm. Lão ăn gì cũng chia cho cậu Vàng cùng ăn. Lão ngồi uống rượu, cậu Vàng ngồi dưới chân, lão nhắm một miếng lại gắp cho nó một miếng như người ta gắp thức ăn cho con trẻ. Lão tâm sự với cậu Vàng như tâm sự với một người thân yêu ruột rà. ***Nhận xét đánh giá*** *🡆* Có thể nói, cậu Vàng được lão Hạc chăm sóc, nuôi nấng như con, như cháu; no là nguồn vui, chỗ dựa tinh thần, nơi san sẻ tình thương, giúp lão Hạc vợi đi ít nhiều nỗi buồn cô đơn, cay đắng. Cậu Vàng là một phần cuộc đời lão Hạc. Nó đã tỏa sáng tâm hồn và làm ánh lên bản tính tốt đẹp của ông lão nông đau khổ, bất hạnh này. Vì thế, sau khi bán cậu Vàng đi, từ túng quẫn, lão Hạc chìm xuống đáy bể bi kịch, dẫn đến cái chết vô cùng thảm thương.Bình.=>Tình yêu thương khiến Lão Hạc quên đi mọi khổ đau, hiện thực cám cảnh trước mắt, lão như sống ở một thế giới khác- thế giới êm ái lạ lùng mênh mang như lơ lửng ở một tầng khác- đó là thế giới của tình yêu thương, tình phụ tử thiêng liêng cao cả.

>

t

tí

‘3

\*

***Lão Hạc là một nông dân nghèo khổ mà trong sạch, giàu lòng tự trọng.***Trong đói khổ cùng cực phải ăn củ chuối, củ ráy..., ông giáo mời lão ãn khoai, uống nước chè, lão cười hồn hậu và khất *“ông giáo cho để khi khác ”.* ông giáo ngấm ngầm giúp đỡ, lão từ chối *“một cách gần như hách dịch* Bất đắc dĩ phải bán con chó; bán xong rồi, lão đau đớn, lương tâm dằn vặt: *“Thì ra tôi già bằng này tuổi đầu rồi còn đánh lừa một con chó".****Nhận xét đánh giá*** *🡆*Một người đớn dau, dằn vặt vì bán đi một con chó, một người khổ tâm, buồn bã đến phải tự tử vì mất đi một con chó làm bầu bạn có lẽ chỉ có Lão hạc mà thôi.Ba sào vườn gửi lại nguyên vẹn cho con trai, như một lời nguyền đinh ninh: *“Cái vườn là của con ta (...). Của mẹ nó tậu thì nó hưởng ”.* Trước khi chết, lão gửi lại ông giáo mảnh vườn cho con, và gửi lại 30 đổng bạc để *“lỡ có chết... gọi là của lão có tí chút... ”,* vì lão không muốn làm phiền đến hàng xóm. ***Nhận xét đánh giá*** *🡆*Nam Cao đã tinh tế đưa nhân vật Binh Tư, một kẻ *“làm nghề ăn trộm ” ở* phần cuối truyện, tạo nên một sự đối sánh đặc sắc, làm nổi bật tấm lòng trong sạch, tự trọng của lão Hạc, một lão nông chân quê đáng trọng.

R

L;

ị

'ti

'P

/

**Luận điểm: Đoạn trích phản ánh hiện thực xã hội sâu sắc.**

Đến với đoạn trich “Lão Hạc” Nam cao như đang cho cúng ta xem một thước phim cận cảnh trở về quá khứ - thời đại nhân vật sống. Nam Cao đã đưa chúng ta đến với những mặt trái của xã hội , những bức xúc nhức nhối của xã hội, của một thời đại được phơi bày một cách không khoan nhượng, để rồi nõi đau của nhân vật trở thành nỗi đau của con người, nỗi đau của nhân loại.

**Luận điểm : Đoạn trích thể hiện tình thần nhân đạo sâu sắc.** Đó là nhà văn đã vạch trần bộ mặt tàn ác của xã hội thực dân phong kiến với hàng loạt cái xấu xa. Là lòng trân trọng trước vẻ đẹp tâm hồn của người nông dân cũng như sự cảm thông, chia sẻ với số phận bất hạnh của người nông dân trong xã hội cũ. Giá trị nhân đạo của đoạn trích còn là sự hướng con người đến cuộc sống tốt đẹp hơn.NXĐG=>Thế mới thấy văn học chính là cuộc đời.Mỗi tác phẩm văn học cũng là một mảnh đời, một số phận, tiếng nói lương tri của thời đại.Văn chương không chỉ nói chuyện lòng người mà còn nói chuyện cuộc đời.những khoảnh khắc hiện thực đầy biến cố.

***Nhận xét đánh giá*** *🡆*Tóm lại, cuộc đời của lão Hạc đầy nước mắt, nhiều đau khổ và bất hạnh. Sống thì âm thầm, nghèo đói, cô đơn; chết thì quằn quại, đau đớn. Tuy thế, lão Hạc lại có bao phẩm chất tốt đẹp như hiền lành, chất phác, vị tha, nhân hậu, trong sạch và tự trọng... Lão Hạc là một điển hình về người nông dân Việt Nam trong xã hội cũ được Nam Cao miêu tả chân thực, với bao trân trọng xót thương, thấm đượm một tinh thần nhân đạo thống thiết.

**'í**

Ị

7

1

’

**BT2.Em có suy nghĩ gì về cái chết của lão Hạc trong truyện ngắn cùng tên của Nam Cao?**

**Gợi ý**

Cái chết của lão Hạc không phải là sự manh động, tiêu cực. Lão đã rất bền bỉ, đã gắng để sống: "Luôn mấy hôm, tôi thấy lão Hạc chỉ ăn khoai. Rồi thì khoai cũng hết. Bắt đầu từ đấy, lão chế tạo được món gì, ăn món ấy. Hôm thì lão ăn củ chuối, hôm thì lão ăn sung luộc, hôm thì ăn rau má, với thỉnh thoảng một vài của ráy hay bữa trai, bữa ốc" mà không được. Bi kịch là thế đấy.

Nếu không muốn sống thì lão đã không phải cố duy trì sự sống bằng mọi cách như thế. Lão có thể tự sát ngay sau khi ủy thác cho ông giáo mảnh vườn và tiền làm tang. Dường như, trong mòn mỏi, lão vẫn cố chờ điều gì... Chờ con trai trở về. Biết đâu trong những ngày gắng sống ấy nó trở về! Không thể chờ thêm được nữa, cuối cùng (tận đến cuối cùng) thì lão Hạc phải chấp nhận một sự thật của chính mình, để lão không vi phạm lẽ sống của lão: *muốn sống màvẫn tự chết.* Tại sao lão tự trọng đến "hách dịch" như thế cơ chứ? Lão có thể cậy nhờ để sốngqua ngày cơ mà, dân gian chẳng đã từng nói "hàng xóm láng giềng tối lửa tắt đèn có nhau" là gì! Đến ngay tiền làm ma cho mình lão còn không động đến nữa là cậy nhờ! Thế mới là lão Hạc. Cậu Vàng chết để có thêm 5 đồng vào 25 đồng thành 30 đồng lão gửi ông giáo làm tang nếu lão có mệnh hệ nào."Đâu vào đấy" là cay đắng thế ư?Khi con chó phải chết, lão Hạc mong hóa kiếp cho nó; đến khi lão chết, con chó còn là 5 đồng để tiễn đưa hương hồn lão.Cơ cực đến thế là cùng.Chẳng gì khác, xã hội thực dân nửa phong kiến đen tối đã đẩy cuộc sống người nông dân đến đường cùng; cái nghèo khó, cùng cực đã đẩy lão Hạc đến một lựa chọn đau đớn, nghiệt ngã.

**BT3.**

**Kể về lão Hạc, Binh Tư cho rằng lão "cũng ra phết chứ chẳng vừa đâu". Viết đoạn văn nêu ngắn gọn ý kiến của em về chủ đề này**

**Gợi ý**

Chi tiết lão Hạc xin Binh Tư được Nam Cao sắp xếp vào phần sau của câu chuyên như là một chi tiết có ý "đánh lừa" dòng cảm xúc của người đọc. Kể về lão Hạc với ông giáo, Binh Tư cho rằng lão “cũng ra phết chứ chẳng vừa đâu”.

Sự việc và lời nhận xét ấy đã đẩy những suy nghĩ tốt đẹp của người đọc và ông giáo sang hướng khác (hoài nghi, buồn). Thế nhưng cái chết bất ngờ của lão lại khiến cho cả ông giáo và chúng ta nữa phải giật mình suy ngẫm về số kiếp con người trong xã hội xưa. Cách sắp xếp tình tiết như vậy đã làm nổi bật lên giá trị nhân cách cũng như cái tình thế quẫn bách tột cùng của lão Hạc. Đồng thời cũng hiểu được sự cảm thông sâu sắc của ông giáo đối với lão Hạc. Ý nghĩ của nhân vật “tôi” (có thể coi là tác giả): “Chao ôi! Đối với những người ở quanh ta, nếu ta không cố tìm mà hiểu họ, thì ta chỉ thấy họ gàn dở, ngu ngốc, bần tiện, xấu xa, bỉ ổi... toàn là những cớ để cho ta tàn nhẫn; không bao giờ ta thấy họ là những người đáng thương; không bao giờ ta thương (...) Cái bản tính tốt của người ta bị những nỗi lo lắng, buồn đau, ích kỉ che lấp mất” thể hiện một quan niệm và một triết lí sống sâu sắc và tiến bộ. Đây là một thái độ yêu thương, trân trọng nhằm khám phá những nét tốt đẹp của con người.

**BT4.Lão Hạc là một lão nông đáng kính bởi phẩm hạnh một con người đôn hậu, giàu lòng tự trọng và rất mực yêu thương con**

**Mở bài**

Lão Hạc là truyện ngấn xuất sắc của nhà văn Nam Cao. Truyện không những phản ánh chân thực tình cảnh khốn khổ của người nông dân trước tai trời ách đất, trước xã hội suy tàn mà đáng chú ý hơn là cả là đã nêu bật được hình ảnh một lão nông dân đáng kính với phẩm chất của một con người đôn hậu giàu, lòng tự trọng và rất mực yêu thương con. Cuộc đời và sốp hận bi thương của nhan vật lão Hạc đã để lại trong lòng người đọc niềm xót xa, cảm thương và mến phục.

**Thân bài**

**Tấm lòng đôn hậu, rất mực yêu thương con của lão Hạc:**

Vợ lão Hạc chết sớm, lão sống một mình trong cảnh gà trống nuôi con, lão yêu con hết mực. Việc con trai không có đủ tiền lấy vợ, quẫn chí bỏ đi làm phu đồn điền khiến lão vô cùng đau xót và dằn vặt.

Lão đối xử rất tử tế với con Vàng – kỉ vật duy nhất của người con trai – như một dứa con. Lão cho nó ăn vào bát như chó nhà giàu. Cái bát ấy lúc nào cũng sạch sẽ và cất giữ cẩn thận. Lão ăn gì thì nó ăn nấy. Lão nâng niu, bế bồng nó như bà mẹ hiếm hoi chiều chuộng đứa con cầu tự. Những lúc vui buồn, lão đều trò chuyện, tâm tình với nó, coi nó như người bạn tâm giao.

Đến khi túng quẫn, lão phải đứt ruột khi bán con chó. Một việc làm khiến lão vô cùng ân hận. Sau khi bán chó, lão cảm thấy hụt hẫng, thiếu vắng vô cùng. Khi kể lại câu chuyện bán chó với ông giáo mà lão không cầm được nước mắt.

**Lão Hạc là người có lòng tự trọng: Tự trọng với mọi người, với đứa con và với chính bản thân mình.**

Trong làng, trong xóm, chưa bao giờ lão làm phiền lòng một ai. Cuộc sống cơ cực, đói khổ nhưng lão một mình tự vượt qua. Trận ốm kéo dài đã khiến lão suy sụp, lão không còn đủ sức để làm và cũng không còn gì để ăn. Nhưng lòng tự trọng không cho phép lão ăn phạm vào số tiền dành dụm của con. Vì tương lai của con, vì lòng tự trọng của mình, lão đã quyết định đi đến cái chết sau đó.

Lão Hạc đã từ chối gần như hách dịch tất cả mọi sự giúp đỡ của mọi người. Lão không muốn mang ơn ai vì đối với lão ai có ơn thì phải trả. Thế nhưng, lão biết, lão không thể nào trả được. Tuổi già và bệnh đâu đang vắt kiệt từng ngày sinh lực của lão.

Đến khi chết, lão cũng quyết giữ gìn cái danh dự của lão đù đó là cái chết không lấy gì làm danh dự cho lắm. Mặc dù vậy, lão vẫn đạt được nguyên tắc mà lão luôn tuân thủ: không làm phiền người khác. Tiền lo cho hậu sự lão đã gửi cho ông giáo rồi, trăm sự lão nhờ ông giáo lo. Lão chết ngay trong chính ngôi nhà của lão.

Nam Cao đã hướng nhân vật vào cái thiện, qua đó bộc lộ những phẩm chất cao đẹp của lão Hạc nói riêng và của những người nông dân ở nông thôn Việt Nam trước cách nói chung. Đối với với họ, không có gì đáng quý hơn gia đình, danh dự.

**Kết bài**

Trong tác phẩm, lão Hạc hiện lên là một người cha mẫu mực, một người nông dân cao quý, một lão nông đáng kính với đức tính đôn hậu và rất giàu lòng tự trọng. Cái tự trọng của lão Hạc không khỏi khiến ta ngậm ngùi, thương xót.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**BÀI 5 LUYỆN ĐỀ**

**ĐỀ 2 :**

Cuộc đời lão Hạc chồng chất những bi kịch: bi kịch làm cha và bi kịch làm người. Hãy phân tích truyện ngắn **Lão Hạc** để làm rõ nhận định trên.

**Dàn ý**

**I. Mở bài:**

Giới thiệu về nhà văn Nam Cao-một đại diện tiêu biểu trong dòng văn học hiện thực phê phán 30-45.

**II. Thân bài:**

\* Giới thiệu khái quát nội dung truyện ngắn ***"Lão Hạc"*** trong sự so sánh với các tác phẩm khác của Nam cao.

**1. Bi kịch làm cha của lão Hạc:**

- Bất lực không có tiền cho con cưới vợ, để người con trai duy nhất phẫn chí đi làm đồn điền cao su.

- Đau xót khi tonà bộ số tiền dành dụm chắt chiu cho con, vì một trận ốm mà hết sạch.

**2. Bi kịch làm người của lão Hạc:**

- Dằn vặt, đau đớn vì trót lừa "Cậu Vàng".

- Bị đẩy vào sự lựa chọn khốc liệt: nếu muốn sống thì lỗi đạo làm cha, phạm đạo làm người; nếu muốn trọn đạo làm người thì buộc phải chết.

- Lão Hạc chọn cái chết để giữ trọn phẩm giá.

**3. ý nghĩa của những bi kịch:**

- Phản ánh chiều sâu nội tâm đầy mâu thuẫn của nhân vật.

- Thể hiện sâu sắc phẩm cách cao quý của nhân vật.

- Có giá trị tố cáo sâu sắc xã hội đương thời.

**III. Kết bài**

**ĐỀ 3 :**

Hình tượng người nông dân qua ngòi bút của Ngô Tất Tố và Nam Cao.

**Dàn ý:**

**I. Mở bài:**

- NTT và NC là hai tác giả xuất sắc của văn học Việt Nam giai đoạn 1930-1945.

- Cả hai ông đều quan tâm đến số phận người nông dân.

- Viết về người nông dân, hai ông đều có một điểm chung: Khắc hoạ nỗi đau khổ cùng cực và phát hiện ra phẩm chất ngời sáng của học.

**II. Thân bài :**

**1. Người nông dân với số phận bần cùng, đau khổ:**

- Gia đình chị Dậu phải đối mặt với mùa sưu thuế:

+ Anh Dậu đau ốm vẫn bị đánh đập hành hạ dã man.

+ Chị Dậu phải bán con, bán chó lấy tiền nộp sưu mà còn bị nhà Nghị Quế giàu có tham lam ăn bớt mất hào bạc lẻ.

+ Cái Tí bé bỏng không được sống cùng cha mẹ mà sớm phải chịu kiếp tôi đòi.

+ Đủ tiền nộp sưu anh Dậu vẫn không được tha vì bọ cường hào bắt đóng thuế cho cả người em trai đã chết.

=> tình cảnh bi thảm cùng quẫn.

- Lão Hạc của Nam Cao phải đối diện với sự nghèo đói :

+ Ví nghèo mà gia đình lão li tán, vợ chết , con lão bỏ đi xa vì không đủ tiền cưới vợ.

+ Có con chó nuôi làm bạn cũng không thể giữ bên mình được vì nghèo.

+ Phải đi làm thuê làm mướn kiếm sống qua ngày mà cũng không được.

=> Người nông dân là tầng lớp bần cùng, bị đè nén áp bức, bóc lột tàn bạo, bị chà đạp không thương tiếc, hiện tại cúng quẫn, tương lai mịt mờ, tăm tối.

**2. Người nông dân với phẩm chất lương thiện, tốt đẹp :**

- Chị Dậu đảm đang tháo vát, làm trụ cột cho gia đình ;yêu chồng, thương con ;mạnh mẽ, cứng cỏi ; tâm hồn trong sáng.

- Lão Hạc hiền lành, lương thiện, rất mực thương con, giàu tự trọng, thà chết cũng không làm phiền hàng xóm .

**III. Kết bài :**

- Chị Dậu và lão Hạc là những hình tượng điển hình của người nông dân Việt Nam đau khổ mà đẹp đẽ.

- Nam Cao và Ngô Tất Tố đã xây dựng lên họ bằng cả tấm lòng yêu thương trân trọng.

**ĐỀ 4 :**

Phân tích đoạn trích Tức nước vỡ bờ của Ngô Tất Tố để làm sáng tỏ nhận định của nhà phê bình Vũ Ngọc Phan : " Cái đoạn chị Dậu đánh nhau với tên cai lệ là một đoạn tuyệt khéo".

**Dàn ý:**

**I. Mở bài:**

- Tắt đèn là một tác phẩm thành công viết về người nông dân trong chế độ cũ của NTT.

- Ngôn ngữ văn học và nghệ thuật kể chuyện ở Tắt đèn đã đạt đến độ nhuần nhuyền, tinh tế.

- Đoạn trích Tức nước vỡ bờ được nhà phê bình Vũ Ngọc Phan đánh giá là tuyệt khéo về phương diện nghệ thuật.

**II. Thân bài:**

**1. Nghệ thuật tạo tình huống:**

- Tác giả đã đẩy nhân vật chị Dậu vào một tình huống cùng cực nhất: phải nộp tiếp một xuất sưu, chồng bị đánh đập như một cái xác không hồn gọi mãi mới tỉnh, nhà hết gạo...

- Tình huống có vấn đề giúp tác giả triển khai hành động và sự việc diễn ra trong đoạn trích một cách hợp lý.

**2. Nghệ thuật xây dựng nhân vật:**

- Nhân vật anh Dâụ ốm yếu được xây dựng chủ yếu thông qua hành động: uể oải, vừa rên vừa ngỏng đầu lên, run rẩy, lăn đùng ra, hoảng quá, sợ quá, vừa run vừa kêu => Hình ảnh người ốm được xây dựng khá sinh động, tạo ấn tượng về sự yếu đuối trái ngược với sự mạnh mẽ của chị Dậu.

- Nhân vật cai lệ được xây dựng rất sắc sảo thông qua ngoại hình, hành động và lời nói : ngoại hình lẻo khẻo nghiện ngập, giọng khần khàn vì hút nhiều xái cũ, hành động vú phu vô nhân tính, không nói mà chỉ có quát với thét bằng những lời lẽ cục súc => Khắc hoạ chân thực tên tay sai mạt hạng của thực dân Pháp , làm toát lên tính ách và bản chất của giai cấp thống trị tàn bạo mà hắn làm đại diện trong đoạn trích.

- Nhân vật chị Dậu : Miêu tả hành động lời nói để làm toát lên diễn biến tâm lí và tính cách : Đối với chồng thì dịu dàng, chu đáo quan tâm chăm sóc. Đối với bọn cai lệ và người nhà lí trưởng lúc đầu thì nhún nhường van xin tha thiết. Sau vì bị bọn chúng dồn ép đến chân tường nên đã vùng lên phản kháng=> thể hiện khí chất mạnh mẽ tiềm tàng, tâm lý phát triển biến đổi một cách hợp lý và nhất quán với tính cách, hiện lên đầy sức sống trong đoạn trích.

**3. Nghệ thuật kể chuyện hấp dẫn :**

- Tạo ra một diễn biến giàu tính kịch với cả xung đột, phát triển, cao trào, thắt nút và mở nút khiến người đọc hồi hộp theo dõi và sung sướng hả hê ở đoạn mở nút câu chuyện.

**4. Ngôn ngữ kể chuyện chính xác và tinh tế*:***

- Lời người kể chuyện hấp dẫn với những chi tiết miêu tả ít nhưng có tác dụng đắc địa tạo lên không khí truyện.

- Lời kể có sự dẫn dắt chi tiết và cụ thể khiến người đọc dễ dàng hình dung ra hành động và sự việc diễn ra trong truyện.

- Lời nhân vật được lựa chọn kỹ càng góp phần làm toát lên tính cách nhân vật.

**III. Kết bài :**

- Mọi phương diện nghệ thuật của đoạn trích đều đặc sắc.

- Nhà văn tỏ ra am tường và tinh tế trong quan sát, miêu tả và hiểu tâm lý nhân vật.

- Ngôn ngữ vừa chính xác vừa gợi cảm có tác dụng khắc hoạ nhân vật và sự việc một cách chân thực và sinh động.

- Đoạn trích xứng đáng với lời khen ngợi của nhà phên bình Vũ Ngọc Phan là *tuyệt khéo.*

**LUYỆN ĐỀ**

**1. *Nhận xét về nghệ thuật khắc hoạ nhân vật chị Dậu trong đoạn . Tác dụng của các biện pháp nghệ thuật đó?***

với lời nói và hành động.

- Tư sự kết hợp miêu tả và biểu cảm

- Từ nhũn nhặn, tha thiết van xin đến cứng cỏi thách thức, quyết liệt

- Dùng phép tương phản tính cách chị Dậu với bọn cai lệ và người nhà lí trưởng.

=> Tác dụng:tạo được nhân vật chị Dậu giống thật, chân thực, sinh động, có sức truyền cảm. Tính cách chị Dậu hiện lên nhất quán với diễn biến tâm lí thật sinh động. Chị Dậu mộc mạc, hiền dịu, đầy vị tha, giầu tình yêu thương, sống khiêm nhường, biết nhẫn nhục chịu đựng nhưng hoàn toàn không yếu đuối, chỉ biết sợ hãi mà trái lại vẫn có một sức sống mạnh mẽ, một tinh thần phản kháng tiềm tàng.

- Từ hình ảnh của chị Dậu ta liên tưởng đến người nông dân trước cách mạng tháng Tám: tự ti, nhẫn nhục, an phận do bị áp bức lâu đời. Nhưng họ sẽ đứng lên phản kháng quyết liệt khi bị áp bức bóc lột tàn tệ.

- Sự phản kháng của chị Dậu còn tự phát, đơn độc chưa có kết quả (chỉ một lúc sau, cả nhà chị bị trói giải ra đình trình quan) tức là chị vẫn bế tắc nhưng có thể tin rằng khi có ánh sáng cách mạng rọi tới, chị sẽ là người đi hàng đầu trong cuộc đấu tranh. Chính với ý nghĩa ấy mà Nguyễn Tuân viết: “tôi nhớ như có lần nào, tôi đã gặp chị Dậu ở một đám đông phá kho thóc Nhật ở một cuộc cướp chính quyền huyện kì tổng khởi nghĩa.

=> Như vậy, từ hình ảnh “cái cò lặn lội bờ sông. Gánh gạo đưa chồng tiếng khóc nỉ non” và từ hình ảnh người phụ nữ trong thơ xưa đến hình ảnh chị Dậu trong “Tắt đèn”, ta thấy chân dung người phụ nữ Việt Nam trong văn học đã có một bước phát triển mới cả về tâm hồn lẫn chí khí.

2. ***Em hiểu về như thế nào về nhan đề “Tức nước vỡ bờ” đặt cho đoạn trích? Theo em đặt tên như vậy có thoả đáng không?***

- Kinh nghiệm của dân gian được đúc kết trong câu tục ngữ đó đã bắt gặp sự khám phá chân lí đời sống của cây bút hiện thực NTT, được ông thể hiện thật sinh động, đầy sức thuyết phục.

- Đoạn trích chẳng những làm toát lên cái lô gic hiện thực “tức nước vỡ bờ”, “có áp bức, có đấu tranh” mà còn toát lên cái chân lí: con đường sống của quần chúng bị áp bức chỉ có thể là con đường đấu tranh để tự giải phóng, không có con đường nào khác. Vì vậy mà tuy tác giả “Tắt đèn” khi đó chưa giác ngộ cách mạng, tác phẩm kết thúc rất bế tắc, nhưng nhà văn Nguyễn Tuân đã nói rằng: Ngô TẤt Tố với “tắt đèn” đã xui người nông dân nổi loạn. NTT chưa nhận thức được chân lí cách mạng nên chưa chỉ ra được con đường đấu tranh tất yếu của quần chúng bị áp bức, nhưng với cảm quan hiện thực mạnh mẽ, nhà văn đã cảm nhận được xu thế “tức nước vỡ bờ” và sức mạnh to lớn khôn lường của sự “vỡ bờ” đó. Và không quá lời nếu nói rằng cảnh “tức nước vỡ bờ” trong đoạn trích đã dự báo cơn bão táp quần chúng nông dân nổi dậy sau này.

3. ***Viết đoạn văn tổng phân hợp khoảng 15 câu để làm rõ câu chủ đề sau:***

- ***Nhưng chị Dậu không thuộc loại người yếu đuối chỉ biết nhẫn nhục van xin mà còn tiềm tàng một khả năng phản kháng mãnh liệt***. Thật vậy, khi bị đẩy tới đường cùng, chị đã vùng dậy chống trả quyết liệt, thể hiện một thái độ thật bất khuất. Khi tên cai lệ dã thú ấy vẫn không thèm trả lời, còn “tát vào mặt chị một cái đánh bốp” rồi cứ nhảy vào cạnh anh Dậu, thì chị đã vụt đứng dậy với niềm căm giận ngùn ngụt: “chị Dậu nghiến hai hàm răng: “mày trói ngay chồng bà đi, bà cho mày xem!” Chị chẳng những không còn xưng hô “cháu - ông”, mà cũng không phải “tôi – ông” như kẻ ngang hàng, mà lần này, chị xưng “bà”, gọi tên cai lệ bằng “mày”! Đó là cách xưng hô hết sức đanh đá của phụ nữ bình dân, thể hiện sự căm giận và khinh bỉ cao độ, đồng thời khẳng định tư thế “đứng trên đầu thù”, sẵn sàng đè bẹp đối phương. Lần này chị Dậu đã không đấu lí mà quyết ra tay đấu lực với chúng. Cảnh tượng chị Dậu quật ngã hai tên tay sai đã cho ta thấy sức mạnh ghê gớm và tư thế ngang hàng của chị Dậu, đối lập với hình ảnh, bộ dạng thảm hại hết sức hài hước của hai tên tay sai bị chị “ra đòn”. Với tên cai lệ “lẻo khoẻo” vì nghiện ngập, chị chỉ cần một động tác “túm lấy cổ hắn, ấn dúi ra cửa”, hắn đã “ngã chỏng quèo trên mặt đất! Đến tên người nhà lí trưởng, cuộc đọ sức có dai dẳng hơn một chút (hai người giằng co nhau, du đẩy nhau, rồi ai nấy đền buông gậy ra, áp vào vật nhau), nhưng cũng không lâu, kết cục, anh chàng “hầu cận ông lí” yếu hơn chị chàng con mọn, hắn bị chị này túm tóc lẳng cho một cái, ngã nhào ra thềm! Vừa ra tay, chị Dậu đã nhanh chóng biến hai tên tay sai hung hãn vũ khí đầy mình thành những kẻ thảm bại xấu xí, tơi tả. Lúc mới xông vào, chúng hùng hổ, dữ tợn bao nhiêu thì giờ đây, chúng hài hước, thảm hại bấy nhiêu. Đoạn văn đặc biệt sống động và toát lên một không khí hào hứng rất thú vị “làm cho độc giả hả hê một chút sau khi đọc những trang rất buồn thảm.

**4. *Giới thiệu vắn tắt giá trị của truyện ngắn « Lão Hạc »***

Viết về đề tài người nông dân trước cách mạng, « Lão Hạc » là một truyện ngắn xuất sắc của nhà văn Nam Cao, đăng báo lần đầu năm 1943. Truyện đã thể hiện một cách chân thực, cảm động số phận đau thương của người nông dân trong xã hội cũ và phẩm chất cao quý, tiềm tàng của họ. Đồng thời, truyện còn cho thấy tấm lòng yêu thương, trân trọng đối với người nông dân và tài năng nghệ thuật xuất sắc của nhà văn Nam Cao, đặc biệt trong việc miêu tả tâm lý nhân vật và cách kể truyện.

***5.Hãy viết bài văn thuyết minh ngắn, giới thiệu về nhà văn Nam Cao và giá trị truyện ngắn “Lão Hạc”.***

**Gợi ý phần tự luận**

Yêu cầu cần đạt: Học sinh cần nắm được cách viết một bài văn thuyết minh, các phương pháp thuyết minh, đồng thời cần có những hiểu biết cơ bản, chính xác về nhà văn Nam Cao và truyện ngắn “Lão Hạc” đã học. Dù viết ngắn hay dài bài viết cũng cần có 3 phần đầy đủ: mở bài, thân bài, kết bài. Văn phong sáng sủa, không dùng từ sai, câu đúng ngữ pháp, chữ viết rõ ràng. Bài viết cần nêu được các ý chính sau:

1. Giới thiệu khái quát Nam Cao và truyện ngắn “Lão Hạc”: Nam Cao được coi là một nhà văn hiện thực xuất sắc trước cách mạng tháng Tám; truyện ngắn “Lão Hạc” là một trong những truyện ngắn hay và tiêu biểu nhất của ông.

2. Thuyết minh về cuộc đời và sự nghiệp của Nam Cao (dựa vào phần chú thích sao ở cuối văn bản Lão Hạc trong SGK ngữ văn 8)

3. Giới thiệu vắn tắt giá trị của truyện ngắn Lão Hạc. Dựa vào phần ghi nhớ của tác phẩm này trong sgk Ngữ văn 8 để nêu lên một số ý chính về nội dung và nghệ thuật

4. Nêu cảm nghĩ của người viết đối với tác giả Nam Cao và truyện ngắn “LH”

# 6.Chứng minh người nông dân vẫn giữ trọn phẩm chất tốt đẹp qua Lão Hạc và Tức nước vỡ bờ

BÀI 1:

Việt Nam, đất nước nông nghiệp, cái nôi của nền văn minh lúa nước. Trước cách mạng tháng Tám hơn 90% dân số sống bằng nghề nông. Và từ buổi đầu khi văn học ra đời và phát triển, đề tài người nông dân đã trở thành mảnh đất tốt để ươm lên những mầm cây văn học với những tác phẩm đặc sắc. "Tắt đèn" của Ngô Tất Tố và "Lão Hạc" của Nam Cao là hai tác phẩm như vậy. Đọc những sáng tác này ta thấy vẻ đẹp tỏa sáng trong tâm hồn của tầng lớp lao động: "Mặc dù gặp nhiều đau khổ bất hạnh nhưng người nông dân trước cách mạng tháng Tám vẫn giữ trọn phẩm chất tốt đẹp của mình".

Trước hết đọc hai văn bản điều làm ta ấn tượng về người nông dân Việt Nam trước cách mạng tháng Tám chính là cuộc sống đau khổ, bất hạnh với cảnh lầm than khổ cực.

Chị Dậu trong "Tắt đèn" của Ngô Tất Tố là một hình tượng tiêu biểu. Chị Dậu đầu tắt mặt tối không dám chơi ngày nào mà vẫn "cơm không đủ no, áo không đủ mặc". Gia đình chị đã "lên đến bậc nhì, bậc nhất trong hạng cùng đinh". Chồng chị ốm đau, vụ thuế đến cùng biết bao tai hoạ... Nào là phải chạy đôn, chạy đáo để cho đủ số tiền nộp sưu cho chồng mà không có một hạt cơm nào vào bụng. Chị như phải mò kim dưới đáy bể, như lạc vào cái sa mạc cát nóng bỏng, gió thổi tạt vào người như lửa. Trong cảnh "nửa đêm thuế thúc trống dồn" không có tiền nộp sưu cho chồng, vay mượn thì đều là bạn nghèo ai cũng không có, kẻ nhà giàu địa chủ thì đòi trả lãi với giá cắt cổ, chị đành phải bán đứa con ngoan ngoãn bé bỏng mà chị đã mang nặng đẻ đau, mà đã đến lúc nó có thể giúp chị rất nhiều. Chúng ta có thể cảm nhận được nỗi đau như đứt từng khúc ruột của chị khi bán cái Tý. Cái cảnh chị nuốt nước mắt vào trong mà van lạy cái Tý, thằng Dần để chúng đồng ý cho chị dẫn cái Tý sang nhà Nghị Quế làm người đọc không cầm lòng được. Cuộc đời chị bất hạnh này lại nối tiếp khổ đau kia. Sau khi bán con và đàn chó mới đẻ, cóp nhặt đem tiền nộp sưu cho chồng xong tưởng chừng nạn kiếp đã xong mà cố gắng sống những ngày bình yên bên người chồng ốm yếu, nhưng bọn lý trưởng, chánh tổng trong làng lợi dụng thuế má muốn đục nước béo cò bắt chị phải nộp thêm suất sưu cho em chồng đã chết từ năm ngoái. Người đã chết, đã đi vào cõi hư vô, còn đâu mà bắt người ta đóng thuế, thật quá bất công. Rồi chị còn phải chứng kiến cảnh chồng ốm đau bệnh tật, rũ rượi như một chiếc lá héo khô bị ném vào nhà, chị chăm sóc cho anh chưa kịp hoàn hồn thì bọn cai lệ và người nhà lý trưởng xông vào định bắt trói anh điệu ra đình vì thiếu sưu của em mình. Trong hoàn cảnh ấy không thể chịu đựng được nữa, tình yêu thương chồng và nỗi tức giận bị đè nén bấy lâu đã thôi thúc chị hành động. Chị đã xông vào bọn chúng đánh trả quyết liệt sau những lời van xin thiết tha không hiệu nghiệm để rồi kết quả là cả hai vợ chồng chị bị bắt giải ra đình để quan tư phủ xử tội vì đã chống lại "người nhà nước". Những khổ cực mà chị Dậu phải chịu cũng như những tâm lý uất ức trào dâng bột phát thể hiện thành hành động phản kháng của chị chính là hình ảnh chân thực về cuộc sống của người nông dân trước cách mạng tháng Tám.

Nếu đọc "Tắt đèn" của Ngô Tất Tố, ta cảm thương cho thân phận của người phụ nữ nông dân dưới chế độ phong kiến thực dân bao nhiêu thì khi đọc "Lão Hạc" của Nam Cao ta lại càng thương cảm và xót xa cho số phận của người nông dân với cuộc sống mòn mỏi trong chờ đợi và hy vọng mong manh mà cuộc sống cô đơn gặm nhấm tâm hồn và thể xác già nua của lão Hạc. Lão phải sống cô đơn buồn tủi, trong những ngày xa con, lão chỉ có "cậu Vàng" làm bạn. "Vàng" là kỷ niệm thiêng liêng của đứa con để lại, càng thương nhớ con lão càng quý mến con Vàng. Lão âu yếm trò chuyện với nó như người ông hiền hậu ân cần với đứa cháu ngoan. Yêu thương cậu vàng như vậy nhưng bị dồn vào bước đường cùng, lão đành làm một việc nhẫn tâm là phải bán nó đi. Khi kể lại với ông giáo, lão đau đớn xót xa tột cùng: "Mặt lão đột nhiên co rúm lại. Những nếp nhăn xô lại ép cho nước mắt chảy ra. Cái đầu lão ngoẹo về một bên và cái miệng móm mém của lão mếu như con nít...". Lão khổ tâm dằn vặt vì chuyện bán chó. Và cái đói cứ đeo đẳng làm cho lão dù đã phải bòn củ chuối, rau má, sung luộc để kiếm bữa cho qua ngày mà vẫn không xong. Cuối cùng lão phải kết liễu cuộc đời bằng liều bả chó xin được của Binh Tư. Ôi cái chết thật đau đớn và dữ dội, lão "vật vã trên giường, đầu tóc rũ rượi, áo quần xộc xệch, lão tru tréo, bọt mép sùi ra...". Hình ảnh lão Hạc gợi trong ta ký ức buồn đau của thảm cảnh 2 triệu người chết đói năm 1945 trước khi cách mạng tháng Tám nổ ra.

Người nông dân trong xã hội cũ gặp nhiều đau khổ bất hạnh là thế nhưng vượt lên trên những đau khổ bất hạnh đó, họ vẫn luôn giữ trọn những phẩm chất cao đẹp của mình mà đọc tác phẩm dù hiện thực có buồn thương nhưng nhân cách và phẩm chất cao quý của họ vẫn ngời sáng trong đêm tối khiến ta thêm tin yêu con người, tin yêu cuộc sống.

Ngay trong hoàn cảnh bất hạnh khổ cực vì bị hà hiếp bóc lột chị Dậu vẫn thể hiện vẻ đẹp tâm hồn của người phụ nữ yêu thương chồng con đảm đang tháo vát. Trong văn bản "Tức nước vỡ bờ" hình ảnh chị dùng những lời lẽ van xin thảm thiết và dám xông vào chống trả quyết liệt tên cai lệ và người nhà lý trưởng để cứu chồng là biểu hiện sâu sắc nhất tình cảm yêu thương hy sinh vì chồng con của chị Dậu. Cử chỉ bê bát cháo đến bên chồng với những lời nói tự nhiên như tấm lòng chân thành của chị đối với chồng Thầy em cố dậy húp ít cháo cho đỡ mệt..." đã làm người đọc xúc động thực sự trước tấm lòng thơm thảo, vẻ đẹp nữ tính dịu dàng với tình cảm mộc mạc của người phụ nữ ấy. Ở chị là sự hội tụ những vẻ đẹp tự nhiên của người phụ nữ Việt Nam mà Ngô Tất Tố muốn ngợi ca.

Cũng xuất phát từ tình yêu chồng mà chị đã vùng lên quật ngã tên cai lệ và người nhà lý trưởng để bảo vệ chồng. Hành động của chị dù là bột phát nhưng suy nghĩ đầy ý thức "Thà ngồi tù, để cho nó làm tình làm tội mãi thế tôi không chịu được". Ý thức đó phải chăng là ý thức phản kháng tiềm tàng trong người nông dân mà Ngô Tất Tố dường như đang "xui người nông dân nổi loạn" (theo nhận xét của Nguyễn Tuân) để nhằm phản ánh quy luật: có áp bức có đấu tranh, "Tức nước vỡ bờ".

Nếu như chị Dậu tiêu biểu cho người phụ nữ nông dân trong những vẻ đẹp nhân ái vị tha và tiềm tàng sức sống, sự phản kháng mãnh liệt thì ở nhân vật lão Hạc ta lại cảm nhận được tâm hồn và tình yêu tha thiết, niềm tin cháy bỏng và một nhân cách cao thượng đáng nể trọng của người nông dân già nua nghèo hèn phải tìm đến cõi chết. Nếu nói lão Hạc chết vì đói nghèo quả là hoàn toàn chưa hiểu hết ý đồ của nhà văn. Nam Cao đã khơi vào "luồng chưa ai khơi" trong hiện thực lúc bấy giờ là tinh thần trách nhiệm, tình yêu thương nhân ái, đức hy sinh cao cả của người cha trong hoàn cảnh vật lộn với cái đói. Lão Hạc chết là để bảo toàn danh dự và nhân cách, để giữ trọn tình yêu cho con, để thanh thản ra đi sau những gửi gắm về mảnh vườn, tiền cưới vợ cho con, tiền lo ma chay để khi ra về nơi miền cực lạc xa xôi còn có hàng xóm lo cho. Chính sự chất phác lương thiện đã giúp lão có những hành động đầy tự trọng ấy, lão không muốn liên lụy đến ai mà chỉ âm thầm chịu khổ một mình.

Lão Hạc còn là người rất đôn hậu và cao cả, lão đã khóc hu hu, đã xót xa đến tột cùng khi phải bán con chó, lão ân hận, lão khóc như người có tội, lương tâm lão bị dày vò, cắn dứt chỉ vì không thuỷ chung với một con chó. Lòng nhân ái của lão khiến ta cảm động biết nhường nào.

Những đức tính khiến chúng ta phải cảm phục nhất ở lão Hạc đó là lòng yêu thương con bao la, đức hy sinh cao cả. Chính tình yêu con đã giúp lão ngăn con không bán vườn. Lúc khoẻ lão cố cày thuê cuốc mướn, đồng áng từ lúc bình minh đến khi hoàng hôn buông xuống, tất cả chỉ để dành dụm cho con ít tiền. Nhưng sau trận ốm, lão đã chẳng còn gì, thương con nên lão không muốn tiêu phạm vào một đồng tiền nào dành cho con. Lão nhịn ăn, nhịn mặc, một lòng vì con: để rồi lão đã chọn con đường quyên sinh để giữ trọn mảnh vườn cho con. Cái chết dữ dội và kinh hoàng lắm. Lão thương con ngay đến những giây phút cuối cùng của cuộc đời, nhưng lòng lão thanh thản đến êm dịu.

Cảm ơn Ngô Tất Tố, cảm ơn Nam Cao! Họ đã cho chúng ta hiểu rõ cái cuộc sống cùng quẫn, bi thảm của người nông dân, làm chúng ta càng cảm phục trước những phẩm chất cao quý, đẹp đẽ và trong sáng của họ. Giữa bùn đen nhưng tâm hồn họ vẫn tỏa hương thơm ngát như đoá hoa sen đồng nội. Nhìn vào cuộc sống của người nông dân ngày nay ta càng xót xa cho cha ông thuở trước và thêm tin yêu cuộc sống mới.

BÀI 2. Có nhà văn nào đó từng nói rằng: văn chương chân chính dù nói về cái xấu, cái ác vẫn phải hướng về cái đẹp, cái thiện, đó là thanh nam châm thu hút mọi thế hệ. Vâng, phải chăng cái xấu cái ác hay cũng chính là cái khổ đau, bất hạnh và cái đẹp cái thiện chính là niềm tin tưởng của nhà văn hướng người đọc tin vào vẻ đẹp của nhân vật, để giúp người đọc một bài học về nhân cách. Và qua Tức nước vỡ bờ và Lão Hạc, chứng minh rằng: Mặc dù gặp nhiều đau khổ, bất hạnh, người nông dân trước cách mạng tháng 8 vẫn giữ trọn những phẩm chất tốt đẹp của mình.

Văn học và đời sống là hai vòng tròn đồng tâm mà tâm điểm chính là con người. bởi vậy nên, vấn đề chung về con người đã là mẫu số chung, là mảnh đất muôn thuở của thi nhân muôn đời. Nhưng, qua mỗi trang văn nhà văn chân chính phải mang đến một phát minh về hình thức, một khám phá mới về nội dung. Đó là đòi hỏi của nghệ thuật, không chấp nhận sự lặp lại người khác và lặp lại chính mình. Đó là cách duy nhất để anh tồn tại trong sân chơi nghệ thuật. cũng chính vì hiểu được điều ấy mà đến với đề tài người nông dân, một đề tài quen thuộc mà thi nhân muôn đời đã đi mòn đứt cỏ thì cả Ngô Tất Tố và Nam Cao đều có những khám phá riêng của mình, chính vì vậy số phận người nông dân đã được khắc họa sinh động, đa chiều và sâu sắc. Nếu như trong trang văn của Ngô Tất Tố, người nông dân phải chịu nỗi khổ về sưu cao, thuế nặng, hà hiếp áp bức, ngay cả người chết rồi mà vẫn phải nộp sưu thuế. Thật là vô lý. Thì trong trang văn của Nam Cao người nông dân được nhìn trong bi kịch bị tha hóa về nhân cách, phải chịu đựng sự giằng xé giữ dội về cái đói và miếng ăn. Hoặc là chấp nhận sống nhưng bị tha hóa vì miếng ăn, hoặc là chết để bảo toàn nhân phẩm, lão Hạc là một ví dụ điển hình. Song chính việc soi chiếu và nhìn nhận riêng của mỗi nhà văn như thế đã giúp người đọc nhìn nhận được bản chất và vẻ đẹp của người nông dân Việt Nam.

Nhưng dù là Lão Hạc hay chị Dậu thì ở cả hai nhân vật ấy, nhà văn đều cho chúng ta thấy được rằng dù gặp nhiều đau khổ, bất hạnh nhưng người nông dân trước cách mạng tháng Tám vẫn giữ trọn nhân phẩm của mình. Chị Dậu của Ngô Tất Tố, một người phụ nữ mộc mạc, lương thiện, hết mực yêu thương chồng và con, hy sinh không quản vì sự sống của chồng mình. Có lúc vì túng quẫn quá mà chị phải bán chó, bán con nhưng tuyệt đối đó không phải là hành động vô nhân tính mà là hành động của một người phụ nữ sắc sảo, bản lĩnh và mạnh mẽ đến kiệt cùng, dù đớn đau đến cắt từng khúc ruột khi phải bán con vẫn một mực chịu đựng vì nghĩ về sự sống của chồng. ngay cả khi bán chó, gia đình cái con sinh vật Nghị Quế chồng, Nghị Quế vợ có ăn bớt, làm điêu thì cũng chỉ hạ một câu: lão Nghĩ giàu đến thế mà còn... Không một chút phản kháng, cũng không văng bất kì một lời lẽ tục tĩu nào. Ngay cả khi lên huyện. Sống trong môi trường khác chị vẫn một mực nghĩ về chồng, về con, không bị lây nhiễm thói xấu. Khi thấy cai lệ hành hạ chồng, chị đã vùng lên mạnh mẽ, chị đã bước ra khỏi nỗi sợ của bản thân để chiến đấu, đánh bật hai tên cai lệ lực lưỡng. Chị không chịu khuất phục, Và chính với điều này, Ngô Tất Tố như đã xui người nông dân nổi loạn. Đó chính là phẩm chất cao đẹp mà Ngô Tất Tố đã luôn tin tưởng vào người nông dân trước cách mạng.

Với Nam Cao, ông luôn nhìn đời bằng con mắt tình thương. Chính vì quan niệm ấy mà những trang văn của Nam Cao luôn đặt nhân vật của mình trong tình thế cheo leo giữa nhân tính và thú tính, giữa say và tỉnh, giữa sự sống và cái chết. Nhưng đến cuối cùng Nam Cao vẫn cho thấy sự tin tưởng của mình vào phẩm chất lương thiện của người nông dân. Với lão Hạc, một người cha giàu lòng yêu thương con, có lòng tự trọng cao và đặc biệt là một người ân nghĩa, lão nghĩa tình với cả con vật của mình. Khi đã tuổi già sức yếu, không làm gì để kiếm ăn được, lão chẳng dám đụng vào số tiền bòn vườn của con, chỉ dám ăn sung luộc. Để rồi lão có thể chọn sống bằng cách bán mảnh vườn đi, nhưng không lão đã tìm đến cái chết, một cái chết đau đớn, tức tưởi thậm chí nhục nhã bằng bả chó. Nhưng chính cái chết ấy khẳng định được nhân cách thanh cao của lão, khẳng định được tính người trong con người của lão Hạc-một người nông dân bần cùng nhưng không bần nghĩa bần tình. Cái chết của Lão đã cho thấy niềm tin của Nam Cao vào vẻ đẹp của người nông dân lương thiện, dù đau đớn, bất hạnh nhưng vẫn giữ trọn phẩm chất tốt đẹp của mình.

Vậy là chỉ qua hai tác phẩm ngắn, nhưng Nam Cao và Ngô Tất Tố đã cho thấy vẻ đẹp của người nông dân trong những trang viết của mình. Đó chính là tinh thần nhân đạo của các nhà văn hiện thực, song ở thời điểm bấy giờ, vì chưa có ánh sáng của cách mạng vậy nên họ vẫn rơi vào bi kịch, bế tắc, đó cũng là một hạn chế mà ta cần xem xét.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

***BÀI 6****.*

**CỤM VĂN BẢN NƯỚC NGOÀI**

**CÔ BÉ BÁN DIÊM**

**An-đéc-xen**

**A.MỤC TIÊU**

-Giúp học sinh cảm nhận được hình ảnh đáng thương của cô bé bán diêm,sự lạnh lùng của xã hội đối với số phận của em.Nắm được ưu điểm, khuyết điểm trong cặp nhân vật tương phản bất hủ trong văn học.

-Cảm nhận được tình yêu thương gắn bó giữa các con người nghệ sĩ, thấy được sức mạnh nghệ thuật chân chính, giúp con người chiến thắng được tuyệt vọng, bệnh tật, cáI chết.

-Cảm nhận được tình cảm của con người với biểu tượng quê hương thể hiện tình yêu quê hương tha thiết.Đồng thời khám phá các hình thức nghệ thuật đặc sắc của văn bản.

**B.NỘI DUNG**

I.Tác giả tác phẩm:

Giáo viên nhắc lại để học sinh nắm được những nét cơ về tác giả, tác phẩm.

II.Nội dung: Giáo viên nhắc lại nội dung chính của văn bản để học sinh khắc sâu kiến thức.

III.Đề văn luyện tập:

**Đề 1:** Nghệ thuật kể chuyện hấp dẫn và câu chuyện xúc động chứa chan tình cảm nhân ái của An-đéc- xen qua truyện Cô bé bán diêm.

Dàn ý:

Mở bài:

- Giới thiệu nhà văn An-đéc-xen và tác phẩm cô bé bán diêm

-Sức hấp dẫn của tác phẩm gắn liền nghệ thuật kể chuyện hấp dẫn và câu chuyện xúc động chứa chan tình cảm nhân ái của nhà văn.

Thân bài:

1.Tổng:- Giới thiệu nhân vật sẽ phân tích: cô bé bán diêm nghèo khổ

- Cách kể chuyện nhập vai của nhà văn, dẫn dắt người đọc đi sâu vào tâm trạng của cô bé.

2.Phân:

a.Khung cảnh lạnh giá của đêm giao thừa:

- Các ngôi nhà ấm áp và mùi ngỗng quay đối lập với ngoài trời gió tuyết mưa lạnh

- Dòng hồi tưởng của cô bé về dĩ vãng tươi đẹp và bà nội hiền từ nhân hậu đối lập với thực tại vừa đói vừa rét.Cô bé đáng thương vì có cuộc sống đắng cay, thiếu tình thương và sự quan tâm của người cha, luôn phảI sống trong sợ hãi.

b.Những ánh lửa diêm và thế giới ảo mộng:

- Que diêm thứ nhất: Hình ảnh lò sưởi ấm áp gắn với thực tại phải chống chọi cái giá rét khắc nghiệt.Cảm giác vui thích của cô bé khi chứng kiến ánh sáng của ngọn lửa mở ra một thế giới ảo tưởng huy hoàng.

- Que diêm thứ hai: Bàn ăn và ngỗng quay gắn với thực tại bụng đói cồn cào.Cô bé chống chọi cái đói bằng giấc mơ.

- Que diêm thứ ba: Hình ảnh cây thông nô en gắn với khát khao được vui chơi của tuổi thơ, sớm phải chịu thiệt thòi vì hoàn cảnh nghèo khổ.

- Que diêm thứ tư: Em bé được gặp lại bà nội đã khuất.Thực ra đây không còn là ảo mộng mà là sự thực trước phút em bé bị chết rét nhưng tấm lòng nhà văn đã để cho em có những khoảnh khắc hạnh phúc được sống trong tình thương

- ánh sáng huy hoàng đón em về trời cùng bà chính là lời tiễn đưa đầy thương cảm dành cho một em bé ngoan.

c.Buổi sáng đầu năm mới:

- Sự vô cảm của mọi người trước cái chết của em bé

- Tình cảm nhà văn bộc lộ trực tiếp như muốn dành lời an ủi cho một số phận bất hạnh

3.Hợp:

- Đánh giá ý nghĩa sâu sắc của tác phẩm, bức thông điệp giàu tình người

- Câu chuyện xúc động lòng người còn nhờ tài kể chuyện của an-đéc-xen tạo được những đồng cảm cho người nghe, người đọc.

Kết bài:

-Nêu cảm nghĩ riêng về vẻ đẹp tâm hồn và số phận bất hạnh của cô bé bán diêm: Liên hệ thực tiễn để rút ra bài học về lòng nhân ái.

**III.LUYỆN TẬP**

1.***Vì sao thế giới mộng tưởng của em bé bán diêm được bắt đầu bằng hình ảnh lò sưởi và kết thúc bằng hình ảnh người bà nhân từ?***

\*Vì em đang phải chịu cái rét khủng khiếp của đêm giao thừa với gió và tuyết lạnh, hơn nữa phải chịu cả cái rét của sự thiếu vắng tình thương – hình ảnh bà xuất hiện-> tô đậm những bất hạnh của em bé trong thế giới hiện thực.

2. ***Hãy chỉ ra sự chuyển hóa giữa mộng và thực trong truyện?***

\*Thế giới mộng tưởng của em bé trước tiên được dệt lên từ những chất liệu rất thực: lò sưởi, ngỗng quay….đây là những cảnh sinh hoạt rất thực đang bao quanh em, mọi người có nhưng em thì không -> cái thực đã thành mộng tưởng, chỉ trong mộng tưởng, em mới tìm được cái thực đã mất; còn người bà đã mất nhưng với em hình ảnh bà hiện lên rất thực…

3, ***Theo em, kết thúc truyện có phải là kết thúc có hậu không? Vì sao?***

\*Không, vì truyện cổ tích thường kết thúc có hậu, nhân vật tìm được hạnh phúc ngay trong hiện thực còn cô bé tìm thấy hạnh phúc trong mộng tuởng và chết trong cô đơn, giá lạnh, trong một thế giới mà chẳng ai biết về nó -> nỗi xót xa làm day dứt người đọc.

**2.Cảm nhận của em về truyện Cô bé bán diêm của An-đéc-xen**

**Gợi ý**

An-đec-xen là nhà kể chuyện cổ tích nổi tiếng của thế giới phương Tây. Ngoài việc sưu tầm ông còn sáng tạo. Cô bé bán diêm là một sáng tác độc đáo, một câu chuyện cổ tích về thời hiện đại, thể hiện tài năng kể chuyện bậc thầy của ông. Thời hiện đại ở đây chính là thời đại mà tác giả sống, thời đại mà con người đã biết chế tạo và sử dụng diêm, con người biết đi lại bằng những cỗ xe song mã, biết tổ chức đón giao thừa với những cây thông Nô-en lộng lẫy. Câu chuyện *Cô bé bán diêm* kể về xã hội ấy, kể lại cái chết thương tâm của một cô bé nghèo khổ.

Mở đầu câu chuyện, tác giả giới thiệu một bối cảnh khắc nghiệt và khác thường.Khắc nghiệt bởi vì "trời đã tối hẳn" mà "tuyết rơi" không ngừng, và "rét dữ dội". Khác thường là vì: "Đêm nay là đêm giao thừa" nghĩa là một thời điểm đặc biệt đối với mỗi gia đình và đối với mỗi người. Đêm giao thừa ở đâu cũng vậy, đều là thời điểm mà năm cũ với những buồn vui lẫn lộn lùi vào quá khứ và một năm mới với những hi vọng tràn trề đang chờ đợi mọi người được mở ra.Nhưng đêm giao thừa ở phương Tây rất rét, vì lúc này đang giữa mùa đông.Khắp nơi đầy tuyết phủ, khắp nơi đầy giá lạnh.Ấy thế mà trong cái giá lạnh đó, trong cái đêm giao thừa đó "một em gái nhỏ đầu trần, chân đi đất, đang dò dẫm trong đêm tối”. Em bé đi đâu vậy? Em phải đi bán diêm vì "nếu không bán được ít bao diêm, hay không ai bố thí cho một đồng xu nào" thì "em không thể nào về nhà", bởi lẽ khi đó "nhất định là cha em sẽ đánh em". Bởi vì từ khi "Thần Chết đã đến cướp bà em đi mất, gia sản tiêu tan, và gia đình em đã phải lìa ngôi nhà xinh xắn có dây trường xuân bao quanh, nơi em đã sống những ngày đầm ấm, để đến chui rức trong một xó tối tăm, luôn luôn nghe những lời mắng nhiếc chửi rủa". Hơn nữa "ở nhà cũng rét thế thôi. Cha con em ở trên gác sát mái nhà, và mặc dầu đã nhét giẻ rách vào các kẽ hở lớn trên vách, gió vẫn thổi rít vào trong nhà". Như vậy em bé bán diêm này là một em bé có hoàn cảnh nghèo khổ.

Em bé đáng thương không tên tuổi này giống như kẻ lạc loài, bơ vơ trên mặt đất đầy tuyết phủ. "Em cố kiếm một nơi có nhiều người qua lại.Nhưng trời rét quá, khách qua đường đều rảo bước rất nhanh, chẳng ai đoái hoài đến lời chào hàng của em cả". Vì thế "suốt ngày em chẳng bán được gì cả và chẳng ai bố thí cho em chút đỉnh... Em bé đáng thương vẫn bụng đói cật rét lang thang trên đường". Em đi dưới trời mưa tuyết tới mức: "bông tuyết bám đầy trên mái tóc dài xõa thành từng búp trên lưng em, em cũng không để ý" và những người qua đường cũng không ai để ý đến một đứa trẻ đang bị tuyết phủ dần dần. Chắc chắn là em đã đi

trong mưa tuyết như vậy rất lâu. Giờ đây em không còn đi được nữa. "Em ngồi nép vào mộtgóc tường, giữa hai ngôi nhà, một cái xây lùi vào chút ít". Đó là một nơi mà ai đi qua cũng phải tránh nhưng cũng buộc mọi người phải chú ý. Em bé ngồi chỗ đó với hy vọng sẽ có người chú ý đến em, sẽ có người mua diêm cho em. Xung quanh em "cửa sổ mọi nhà đều sáng rực ánh đèn và trong phố sực nức mùi ngỗng quay".Mùi ngỗng quay nhắc em "đêm nay là đêm giao thừa".Mùi ngỗng quay còn nhắc em nhớ tới thời kỳ đầm ấm của gia đình em trước đây.Còn hiện tại em đang ngập chìm trong tuyết lạnh."Em thu đôi chân vào người, nhưng mỗi lúc em cảm thấy rét buốt hơn”. "Lúc này đôi bàn tay" của em bé bán diêm tội nghiệp "đã cứng đờ ra". Em bé nghĩ tới việc đánh diêm để "hơ ngón tay". Và "em đánh liều một que".Ngọn lửa bùng lên trong đêm giao thừa giá lạnh, mang lại cho em một niềm vui. "Ngọn lửa lúc đầu xanh lam, dần dần biến đi, trắng ra, rực hồng lên quanh que gỗ*,* sáng chói trông đến vui mắt". Em bé hơ bàn tay giá lạnh trên ánh lửa nhỏ nhoi của que diêm mà tưởng tượng rằng em đang ngồi trước một cái lò sưởi nơi đó đang "tỏa ra một hơi nóng dịu dàng". Nhưng đây chỉ là một điều mong ước, chỉ là một điều mộng tưởng.Bởi lẽ "em vừa duỗi chân ra sưởi thì lửa vụt tắt, lò sưởi biến mất"."Em bần thần cả người và chợt nghĩ ra rằng cha em đã giao cho em bán diêm".Thật đáng buồn biết bao vì giữa ước mơ và hiện thực là mệt khoảng cách xa vời. Một cái lò sưởi trong đêm đông giá rét, một mái nhà ấm cũng mãi mãi là ước mơ, là khát vọng của em bé.

Cùng với cái rét, cái đói cũng hiện về.Que diêm thứ hai "cháy và sáng rực lên". Que diêm cho em thấy: "bàn ăn đã dọn, khăn trải bàn trắng tinh, trên bàn toàn bát đĩa sứ quý giá, và có cả một con ngỗng quay. Nhưng điều kỳ diệu nhất là ngỗng ta nhảy ra khỏi đĩa và mang cả dao ăn, phuốc-sét cắm trên lựng, tiến về phía em bé". Thật hấp dẫn biết bao. Một bữa ăn vừa ngon vừa sang dành cho em bởi vì em đói lắm rồi, song bữa ăn đó cũng chỉ là ước mơ, mộng tưởng. Vì thế khi que diêm vừa tắt thì "thực tế đã thay cho mộng mị.chẳng có bàn ăn thịnh soạn nào cả, chỉ có phố xá vắng teo, lạnh buốt, tuyết phủ trắng xóa, gió bấc vi vu và mấy người khách qua đường quần áo ấm áp vội vã đi đến những nơi hẹn hò, hoàn toàn lãnh đạm với cảnh nghèo khổ của em bé bán diêm". Bên cạnh em giờ đây chỉ có đói và rét, và để chống lại em dùng ánh sáng và hơi ấm của que diêm. Trong ánh sáng ngắn ngủi của que diêm, em tưởng tượng ra những thứ mình cần, em tạo ra thế giới cho riêng em, bởi lẽ gió rét ngăn cản mọi người đến với em, cái đói cũng ngăn cản những người khác đến với em, trước mặt em cũng như sau lưng em chỉ còn lại "những bức tường dày đặc và lạnh lẽo". Những bức tường câm lặng, những bức tường không biết nói do chính con người tạo ra để che chở cho người này và để tạo ra sự cách ngăn với người khác.

Em bé còn lại một mình trong cái thế giới của em, thế giới đó bị tuyết trắng và đêm đen bao phù. Để xua đi màn đêm và giá rét, "em bé quẹt que diêm thứ ba". "Em thấy hiện ra một cây thông Nôen", "cây này lớn và trang trí lộng lẫy" với "hàng ngàn ngọn nến sáng rực, lấp lánh trên cành lá xanh tươi, và rất nhiều bức tranh màu sắc rực rỡ"... Cây thông Nôen gợi nhớ một truyền thống tặng quà và quan tâm đến trẻ em của phong tục phương Tây, nhưng có lẽ câu chuyện về ông già Nôen cũng chỉ là một huyền thoại xa vời còn trong thực tại em bé bán diêm còn đang ngập chìm trong tuyết lạnh. Em cũng chẳng cần đến những món quà của ông già Tuyết nữa bởi lẽ tuyết và giá rét quanh em đã quá thừa rồi.Que diêm thứ ba cũng tắt.Sự sống của nó cũng quá ngắn ngủi.Nó không xua đi được màn đêm nhưng màn đêm không thắng nổi nó. Que diêm tắt thì tất cả những ngọn nến mà cô bé bán diêm thấy trên cây thông

…….biến thành những ngôi sao trên trời". Khi đó em nghĩ tớicái chết, vì bà em, "người hiền hậu độc nhất đối với em" thường nói: "Khi có một vì sao đổi

ngôi là có một linh hồn bay lên trời với Thượng đế". Nhưng thật buồn vì bà em đã chết từ lâu. Nhưng cũng chẳng hề gì bởi những người đang sống không ai nghĩ về em, không ai nghĩ đến em thì em đi tìm nguồn an ủi nơi người bà yêu quý. Và thế là em quẹt diêm. "Em thấy rõ ràng là bà em đang cười với em", "em reo lên" và van xin bà "cho cháu đi với", "cháu van bà, bà xin Thượng đế chí nhân, cho cháu về với bà. Chắc người không từ chối đâu".

Thật đau đớn xiết bao khi em bé bán diêm bị xã hội bỏ rơi, bỏ quên trong tuyết phủ đã quyết khước từ cuộc sống, quyết tâm tìm về thế giới bên kia. Trong thế giới của những người sống em không có chỗ đứng, không có điều kiện để sống. Bởi lẽ chỉ cần bán được vài bao diêm thôi cũng đủ mang lại cho em cuộc sống, nhưng cả cái thế giới đi xe song mã ấy, cả cái thế giới nấp sau những cánh cửa sổ sáng rực ánh đèn ấy "chẳng ai đoái hoài đến lời chào hàng của em". Không giao tiếp được với thế giới những người đang sống*,* em bé bán diêm tìm cách xác lập mối quan hệ giao tiếp với bà em. "Em quẹt tất cả những que diêm còn lại trong bao để níu bà em lại".Kết quả là "Chưa bao giờ em thấy bà em to lớn và đẹp lão như thế này.Bà cụ cầm tay em, rồi hai bà cháu bay vụt lên cao, cao mãi, chẳng còn đói rét đau buồn nào đe dọa họ nữa".

Em bé đã chết một cách thê lương như vậy trong đêm giao thừa. Cái chết mang trong nó sức mạnh tố cáo xã hội. Cho dù người ta nhìn thấy trong xó tường "một em bé gái có đôi má hồng và đôi môi đang mỉm cười", bên cạnh "một bao diêm đã đốt hết nhẵn" thì những người đang sống cũng không thể nào biết được "những cái kỳ diệu mà em bé đã trông thấy, nhất là cảnh huy hoàng lúc hai bà cháu bay lên để đón những niềm vui đầu năm". Bởi vì những người đó ngoài việc sử dụng cái đói, cái rét để tạo sự ngăn cách của họ với em bé thì họ còn xây dựng những bức tường hoặc hữu hình hoặc vô hình để tạo ra sự ngăn cách mới giữa họ và em bé. Họ không có quyền được nhìn thấy, được tận hưởng những gì do mộng tưởng của em tạo ra. Bởi vì em thuộc về một thế giới khác. Cái chết của em bé còn là sự phê phán lối sống ích kỷ, co cụm, chỉ biết mình của thế giới hiện đại. Đó là sự cảm thông sâu sắc của nhà kể chuyện thiên tài Anđecxen.

**3. Cảm nhận của em về truyện *“Cô bé bán diêm"* của An-đéc-xen**

Trong chúng ta, chắc là đã có nhiều bạn từng đọc *“Bầy chim thiên nga”,* đọc *“Nàng tiên cá”,...* của nhà văn An-đéc-xen - nhà văn nổi liếng của Đan Mạch trong thế kỉ XIX. Ông là nhà văn của *“mỗi thời, mọi người và mọi nhà”* với loại truyện kể cho trẻ em. Cái phong vị phương Bắc, với hoa tuyết, với cánh thiên nga, với nàng tiên cá, với ngọn lửa diêm thần kì,... như đưa tuổi thơ chúng ta sống với bao giấc mơ huyền ảo, những giấc mơ tuyệt đẹp.

Truyện *“Cô bé bán diêm”* được An-đéc-xen viết vào năm 1845, khi ông đã có trên 20 năm cầm bút, tên tuổi lừng danh thế giới. Nó thuộc loại truyện vừa thực vừa ảo, vừa mang màu sắc cổ tích thần kì, vừa đậm đà chất thơ trữ tình, gợi lên một tình thương, một vẻ đẹp nhân văn sáng giá. Em bé bán diêm đã chết cóng trong tuyết, với má hổng và đôi môi như mỉm cười tưởng được ru bằng những giấc mơ huyền thoại!

Luận điểm 1: ***Đọc truyện cô bé bán diêm, cảm nhận đầu tiên của người đọc là cảnh nghèo khổ, bất hạnh của em.*** An-déc-xcn dẫn chúng ta di theo con dường bán diêm của cô bé. Một thời điểm điển hình nói lên sự nghèo khổ, nói lên nỗi bốt hạnh lột cùng của một em bé. Đó là một đêm giao thừa *“rét dữ dội, tuyết rơi*”, em với đầu trần chân đất, bụng đói đi bán diêm trong đêm giao thừa ***Nhận xét đánh giá*** *🡆*Nhìn em, ai mà chẳng thương tâm? Nhà văn tạo nên hai nghịch cảnh một đêm giao thừa. Một em bé di bán diêm suốt một ngày mà chẳng bán dược một bao diêm nào, “bụng đói cật rét” đi lang thang trên đường, chẳng dược ai bố thí cho cm chút đỉnh! Mái tóc và lưng em bám dầy tuyết. Trái lại, cửa sổ mọi nhà đều cửa sổ mọi nhà đều r*ực ánh dèn”* và trong phố thì “xực *nức mùi ngông quay”.* Đó là hai cảnh trái ngược. Câu chuyện trở nên thấm vị dời cay đắng! Trên bước đường bán diêm kiếm sống giữa đêm giao thừa, em bé đang sống trong cô đơn, buồn tủi. Một quá khứ hạnh phúc trở về trong tâm hổn em. Mái nhà xưa với dây trường xuân, với hình ảnh bà nội, đầm ấm thế, yên vui thố! Nay còn đâu? Mái nhà hiện lại thì tồi tàn, suốt ngày em chỉ luôn nghe lời mắng chửi. ***Nhận xét đánh giá*** *🡆*Số phân em bé bán diêm thật cay đắng và đáng thương biết bao! Một tuổi thơ thấm đầy lệ. Đàng sau cảnh đời, số phận em bé bán diêm đêm giao thừa là một cái nhìn dõi theo của nhà văn An-đéc-xen với nhiều trắc ẩn, với nỗi lo khôn nguôi.

***Luận điểm 2: Cô bé bán diêm ngoài cái rét, đơn côi,... còn có một nỗi đau tinh thần, luôn luôn bị giày vò, ám ảnh hết sức nặng nề.*** ở nhà thì bị bố mắng nhiếc chửi rủa, lang thang trong đêm tuyết, giao thừa, nếu không bán được ít bao diêm hay không ai bố thí cho một đồng xu nào đem về, nhất định em sẽ bị bố đánh! ***Nhận xét đánh giá*** *🡆*Nỗi bất hạnh này thật đáng sợ, nó luôn luôn đè nặng tâm hồn em. ***Bình luận****🡆* Có biết rằng: *"Tình thương của cha mẹ là thiên đường tuổi thơ”* mới thấy cái sâu sắc trong tấm lòng nhân ái của nhà văn Đan Mạch. Ông nhắc khẽ ai đó đang được sống yêu thương, sung sướng trong vòng tay bố mẹ mình nên biết cảm thông với cái khổ tâm, nỗi thương đau của các bạn nhỏ bất hạnh như cô bé bán diêm này. Bởi lẽ, biết san SC cùng đồng loại cũng là hạnh phúc.

***Luận điểm 3: Phần cảm động nhất, hay nhất khi tác giả nói về những cơn mơ của em bé bán diêm.*** Em đã đánh hết cả một bao diêm trên tay. Lúc đầu là *“đánh liều”* quẹt một quc, với ý định *“sưởi cho dỡ rét một chút”.* Ngọn lửa của một que diêm sao có thể chống lại cả một đêm dày sương tuyết? Lúc đầu em chỉ thấy, em chỉ phát hiện ra ngọn lửa diêm dầu là “xanh lam”, rồi “trắng ra”, *“rực hồng lèn quanh que gồ trông đến vui mắt ”.* Từ niềm vui nhỏ nhoi, bình dị của một em bé con nhà nghèo như thế, em đã bước vào những cơn mơ kì diệu. Mỗi que diêm từ tay em bé quẹt lên là có một ngọn lửa *“thần kì”.* Que diêm thứ nhất *“sáng rực như than hồng”*làm cho em “tưởng chừng như dang ngồi trước một lò sười bằng sắt có những hình nổi bằng đồng bóng nhoáng”. ***Nhận xét đánh giá*** *🡆*Đó cũng là mơ ước của những thân phận nghèo khổ trên đời giữa mùa dông giá rét dài lô thê! Nhà văn có cái nhìn đẹp, cái lấm lòng nhân hậu và giàu trí tưởng tượng mới đồng câm với những em bé nghèo khổ qua những ước ước bình dị như vây. Hình ảnh chiếc lò sưởi cũng chính là ẩn dụ cho ước mở bé nhỏ mà giản dị nhưng cũng rất xa vời với một cô bé nghè như em đó là được sưởi ấm trong đêm giá buốt.

Que diêm thứ hai bùng cháy dẫn hổn em đến một mái nhà êm ấm có “tấm rèm bàng vai màu”, có một mâm cỗ sang trọng. Một bàn an có khăn trải bàn trắng tinh, có bát đĩa bằng sứ quý giá, có ngỗng quay. Em thấy có một điều kì diệu nhất là *“ngỗng bay ra khỏi đĩa và ...tiến vê phía em'.* Que diêm tắt, mộng tan. Em bé bán diêm vẫn ngồi cô đơn một mình dưới trời tuyết trong đêm giao thừa. Hỡi ai còn mang trong lòng mình lòng trắc ân chắc chắn sẽ chảy lệ khi nghĩ về thân phận em bé sau khi que diêm thứ hai tắt, mộng tan. Hình ảnh con ngổng quay cũng chính là ẩn dụ cho nỗi khát khao, thèm muốn một bữa ăn thịnh soạn no đủ trong đêm giáo thừa.

Lại que diêm thứ ba nữa bùng cháy. Em bé như thây trước mắt mình một cây Nô-en được trang trí lộng lẫy với hàng ngàn ngọn nến sáng rực, lấp lánh trên cành lá xanh tươi... Em đang giơ tay với về phía cây... thì diêm tăt. Lần này, em thấy các ngọn nến bay lên cao mãi *rồi “biến thành những ngói sao trên trời’.* ***Nhận xét đánh giá*** *🡆*Chất văn và cảm xúc của câu chuyện kể đã mang một nồng độ mới. Từ ngọn nến trên cây Nô-en (trong mơ) em nghĩ đến trời sao lấp lánh, rồi chập chờn vê một ngôi sao đổi ngôi, một linh hổn nào đó đã *“bay lên trời với Thượng đế“.****Nhận xét đánh giá*** *🡆*Hình ảnh Thượng đế trong câu chuyện kể của An-đéc-xen, đó là một biểu tượng về niềm tin hướng tới cái vô cùng cao cả, thiêng liêng và tốt đẹp. Thượng đế trong ước mơ, chứ không phải trong đạo giáo, cũng như Tiên, Phật trong cổ tích Việt Nam vậy. Em bé chìm dần vào giấc mơ huyền diệu tuổi thơ khi em quẹt que diêm thứ tư. Trong ánh lửa xanh toa ra từ cây diêm, em bé *“nhìn thấy rõ ràng bà em dang mỉm cười với em”.* Và lần này cũng vậy, diêm cháy rồi tàn, làm tan giấc mộng: *“Que diêm tắt phụt, và ảo ảnh rực sáng trên khuôn mặt em bé cũng biến mất* ”. ***Bình luận****🡆* Đã hơn một thế kỉ trôi qua từ ngày An-đéc-xen viết truyện này (1845) nhưng người đọc khắp hành tinh - những cô, cậu học trò nhỏ bé đáng yêu - hình như vẫn còn nghe văng vẳng đâu đây lời nguyện cầu của cô bé bán diêm tội nghiệp. Cháu vẫn ngoan ngoãn đấy bà ơi! *“Cháu van bà, bà xin Thượng dế chí nhân cho cháu về với bà... ”.*

Chập chờn trong mơ tưởng. Đêm càng về khuya, rét càng dữ và tuyết càng phủ dày mặt đất. Diêm nối nhau chiếu sáng. Bà em hiện lên to lớn và đẹp lão. Bà nội cầm tay em bay lên cao, cao mãi “chẳng còn đói rét, đau buồn nào đe dọa em nữa. Hai bà cháu *“đã về chầu Thượng dế”.****Bình luận****🡆* Cái tài của An-đéc-xen là đã nói về cái chết của em bé bán diêm, chết đói, chết rét trong tuyết mà không gợi ra sự bi thảm hãi hùng. Em chưa chêt và em không chết! Em đã cùng bà nội giã từ cái hiện thực cay đắng, phũ phàng và côi cút này để bước sang thế giới mới tươi dẹp hơn, hạnh phúc hon. Đó là nơi mơ ước của em; lên trời với Thượng đế chí nhân. Hình ảnh em bé bán diêm chết nằm trẽn tuyết, giữa những bao diêm, trong đó có một bao dđã dốt hết nhăn *"có dôi má hồng và dôi môi dang mím cười”* trong ngày mồng một ì'ốt là một hình ảnh nhiều ý nghĩa gợi lên bao xót xa trong lòng người. Bầu trời thì xanh nhạt, mặt trời lèn chói chang, tuyết vẫn phủ mặt đất. Mọi người vui ve ra khói nhà. Và họ bâo nhau: *“Chắc nó muốn sưởi cho ấm!”.* Trái đất vù bàu trời vẫn dẹp. Vần có kê vô tình trước nỗi đau của đồng loại. Đời vân nhiều nghịch cảnh dau buồn như “tuyết vẫn phủ kín mặt đất”. Ai mà biết dược *“cảnh huy hoàng lúc hai bà cháu bav lên để đón lấy những niềm vui dầu năm? “****Bình luận****🡆* Bốn lần quẹt diêm là mốn lần ước mơ và cũng là bốn lần tuyệt vọng trong đớn đau, buồn tủi. Hình ảnh cô bé bán diêm của một xử sở xa xăm nhưng sao vẫn thấy gần gũi vo cùng. Hình như xung quanh ta đây vẫn còn bao em bé bán diêm ngày đêm đâng đối mặt với cái đói, cái khát và cả cái bạo hành của chính người thân mình. Cái thông điệp mà nhà văn An đec xen gửi đến cho chúng ta chính là lòng yêu thương là sự đồng cảm sẻ chia cho những cảnh đời bất hạnh.

**Luận điểm 4: Đoạn trích thể hiện tình thần nhân đạo sâu sắc.** Đó là nhà văn đã vạch trần bộ mặt tàn ác của xã đương thời với sự lạng lùng vô cảm của con người với con người. Là lòng cảm thông, chia sẻ với số phận bất hạnh của người dân trong xã hội. Giá trị nhân đạo của đoạn trích còn là sự hướng con người đến cuộc sống tốt đẹp hơn

Bằng cách kể chuyện rất li kì, lí thú, cách tạo tình huống hợp lí...kết hợp nghệ thuật đối lập, tương phản....nhà văn đã mang đến cho người đọc bao cảm xúc. Có khi đau đớn, có khi nghẹn ngào, có khi hạnh phục và cả thất vọng. Hình ảnh cô bé bán diêm là một bức thông điệp cho cả thế giới. Đó là tình yêu.

**BT4.Đề bài: Hóa thân vào những que diêm kể lại câu chuyện theo diễn biến và kết thúc của truyện Cô bé bán diêm (hoặc diễn biến sự việc tương tự, nhưng kết thúc khác).**

.Trời đã tối, cửa sổ mọi nhà đều sáng rực ánh đèn và trong phố sực nức mùi ngỗng quay. Giây phút đón giao thừa sắp đến. Vậy mà chúng tôi vẫn cùng cô bé tội nghiệp rong ruổi qua từng con phố. Chúng tôi tự nhủ hãy nằm yên, nằm yên và cầu nguyện để tất cả chúng mình sẽ đi về nhà ai đấy. Chỉ có vậy và chỉ có vậy thôi, cô chủ mới được về nhà để đón Tết trong ấm cúng.

Thế nhưng thật oái oăm thay. Đêm ba mươi, ai còn đi mua diêm làm chi nữa. Giờ này họ đã yên ổn cả rồi. Họ đang ngồi bên lò sưởi và chờ đến giờ phá cỗ. Chúng tôi biết vậy và cả cô chủ nhỏ tội nghiệp của chúng tôi cũng thế. Nhưng cô vẫn cứ đi, lang thang trong rét mướt và hy vọng. Niềm hy vọng ấy trong cái đêm nay thật quá nhỏ nhoi. Vậy mà nó chỉ chực chờ để tan biến mất.

Trời đã về khuya. Và chúng tôi cảm thấy đôi bàn tay của cô chủ đang cứng lại. Cô dừng lại và ngẫm nghĩ về một điều gì đó. Bỗng đột nhiên, cô rút một trong số chúng tôi ra và quẹt sáng. Anh bạn của chúng tôi bén lửa rất nhanh loáng qua rồi biến đi trên nền than hồng rực. Chúng tôi không biết cô bé nghĩ gì nhưng ánh mắt cô bé rất vui và hình như miệng cô còn ánh lên cả một nụ cười thì phải.

Cô bé duỗi chân ra nhưng đờ đẫn nhìn que diêm vụt tắt. Cô lại bần thần và suy nghĩ hồi lâu. Chắc cô bé đang lo không bán được diêm, về nhà sẽ bị cha chửi mắng.

Thế rồi, mạnh mẽ hơn, cô lại quẹt lửa anh bạn thứ hai. Lửa lại cháy và sáng rực. Ánh mắt cô bé lại vui lên. Khuôn mặt đỏ hồng rạng rỡ. Nhưng không đầy một phút sau, anh bạn tôi vụt tắt. Trước mặt cô bé chỉ còn là những bức tường lạnh lẽo, dày đặc, tối tăm. Phố xá vẫn vắng teo và lạnh buốt. Tuyết phủ trắng xóa, gió bấc vi vu và mấy người khách qua đường quần áo ấm áp vội vã đi đến nơi hò hẹn.

Cô chủ không còn nghĩ về cha. Cô không còn sợ. Cô quẹt thêm một que diêm nữa. Lần này cảm giác như anh bạn của chúng tôi bốc cháy lâu hơn. Niềm vui cũng dừng lại trên khuôn mặt của cô chủ tôi lâu hơn đôi chút. Không biết lúc này cô bé đang nghĩ đến cái gì, đến cây thông Nô-en hay đến người bà yêu quý.

Cô bé lại quẹt thêm một que diêm nữa. Một ánh sáng xanh tỏa ra xung quanh. Cô bé cười và reo lên hạnh phúc:

– Bà ơi! Cho cháu đi với! Cháu biết rằng diêm tắt thì bà cũng biến đi mất như lò sưởi, ngỗng quay và cây thông Nô-en ban nãy. Nhưng xin bà đừng bỏ cháu ở nơi đây. Trước khi bà về với Thượng đế chí nhân, bà cháu ta đã từng sung sướng biết nhường nào. Dạo ấy bà từng chủ cháu rằng nếu cháu ngoan ngoãn, cháu sẽ được gặp lại bà. Bà ơi! Cháu van bà, bà xin với Thượng đế chí nhân cho cháu về với bà. Chắc Người không từ chối đâu.

Anh bạn thứ tư của chúng tôi vụt tắt. Thế là cái ảo ảnh rực sáng trên khuôn mặt cô chủ nhỏ cũng biến mất luôn. Nhưng cô bắt đầu lôi ra tất cả chúng tôi và quẹt sáng. Dường như cô chủ của chúng tôi đang muốn níu kéo một điều gì. Chúng tôi nối nhau chiếu sáng như giữa ban ngày. Và chúng tôi nhận ra trên khuôn mặt kia đang nở ra một nụ cười mãn nguyện. Một xó tường bỗng vụt sáng lên nhưng cũng chỉ một phút sau nó lại trở về với cái tối tăm lạnh lẽo. Chúng tôi đã thắp lên những tia sáng cuối cùng còn cô chủ của chúng tôi thì bỗng nhiên gục xuống. Có lẽ cô mệt quá. Cô đã không ăn và không nghỉ suốt những ngày qua nên chắc bây giờ đang đói lả. Chúng tôi thương cô chủ quá và cầu mong sao cho đêm giao thừa qua thật là nhanh.

Sáng ngày mùng một, tuyết vẫn phủ kín mặt đất, nhưng mặt trời lên, trong sáng và chói chang trên bầu trời xanh nhợt. Chúng tôi – những que diêm còn sót lại trong túi của cô chủ đêm qua bỗng nghe thấy tiếng gọi của một người phụ nữ:

– Cháu bé ơi! Cháu bé ơi! Cháu là con cái nhà ai mà ra nông nỗi thế này.

Người đi đường cũng bắt đầu xúm lại. Họ tò mò đoán và ngắm nghía cô gái có đôi má hồng và đôi môi đang cười mỉm nằm giữa những bao diêm, trong đó có một bao đã đốt hết hẳn. Người đàn bà khi nãy rẽ đám đông ra để chen vào. Tay bà mang theo một cốc sữa đang còn nóng và một chiếc áo lông cừu đang còn mới. Uống một cách khó khăn vài ngụm sữa, cô chủ đã mơ màng tỉnh lại. Mấy người đàn ông giúp người phụ nữ đưa cô chủ về một ngôi nhà nhỏ rồi họ tản mác đi chơi. Bây giờ cô chủ đã tỉnh hẳn và đang ngồi bên lò sưởi.

– Cháu cảm ơn bà! Cô chủ nói.

Người phụ nữ nhanh nhảu đáp:

– Không có gì đâu cháu ạ! Nhìn cháu ta đã đoán ra tất cả mọi việc rồi. Ta cũng buồn như cháu. Trước đây ta cũng có một cô cháu gái nhưng Thượng đế chí nhân đã rước nó đi. Giờ ta gặp cháu đâu phải chăng là Thượng đế thương ta mà trả cho ta đứa cháu. Ta tuy nhỏ nhưng rất rộng lòng thương. Nếu cháu muốn, cháu có thể ở đây với ta làm bạn.

Cô bé không đáp lời người phụ nữ. Mắt cô bé rưng rưng nhìn những bông tuyết đang rơi trắng xóa ngoài khung cửa. Nhưng rồi bỗng nhiên cô quay lại, sà vào vòng tay âu yếm của người thiếu phụ và nức nở: Bà ơi! Bà ơi! Bà thương cháu mà trở về với cháu thật hay sao!

# BT5.SUY NGẪM VỀ TÌNH NGƯỜI TRONG TRUYỆN “CÔ BÉ BÁN DIÊM”

Người ta vẫn nói rằng Nam cực là hoang mạc lạnh của Trái đất, còn tôi, tôi lại cho rằng hoang mạc lạnh của Trái đất chính là nơi tận cùng của sự vô tâm, vô cảm của trái tim con người. Quả đúng như vậy, đọc truyện “Cô bé bán diêm” của nhà văn Andecxen, bạn sẽ thấu hiểu điều đó.

Câu chuyện lấy bối cảnh vào một đêm giao thừa rét buốt ở xứ ở Bắc Âu lạnh giá. Ai cũng biết, giao thừa là thời khắc chuyển giao giữa năm cũ và năm mới, là thời khắc được người ta xem là thiêng liêng và trang trọng nhất: thời khắc của sự sum vầy đoàn tụ, thời khắc của những bữa tiệc no đủ và sung túc, thời khắc tiễn đưa năm cũ và chào đón năm mới cùng với niềm hạnh phúc bên cạnh những người mà mình yêu thương. Thế nhưng...đâu đó ngoài kia vẫn còn đó hình ảnh một cô bé bán diêm nhà nghèo, mồ côi mẹ, đầu trần, chân đất, bụng đói đang dò dẫm trong bóng tối, đối mặt với những trận gió bấc thổi vi vút, với cái lạnh thấu xương của tuyết phủ kín mặt đất và điều đáng thương hơn đó là cả ngày em chưa bán được bao diêm nào.

Cô bé ngồi đó, cố nép mình trong một góc tường, giữa hai ngôi nhà...

Em thu đôi chân vào người nhưng mỗi lúc em càng thấy rét buốt hơn. Thế nhưng em không thể về nhà nếu không bán được ít bao diêm hay khống ai bố thí cho một đồng xu nào mang về vì như vậy nhất định em sẽ bị cha cha đánh...

Thế đấy! Cô bé bán diêm, một cô bé không có tên, không có tuổi nhưng cô có tất cả những nỗi bất hạnh mà con người trên đời không nên có: mẹ chết, bà nội, người gần gũi với em nhất cũng qua đời. Em mất mẹ, mất bà, mất luôn cả ngôi nhà xinh xắn có giây trường xuân bao quanh; mất cả những giây phút sum vầy hạnh phúc, thậm chí mất luôn cả cái quyền tối thiểu nhất mà một đứa trẻ phải có đó là được học hành, chăm sóc, yêu thương. Có lẽ em chỉ còn cha...Thế nhưng người cha này cũng chỉ suốt ngày đánh đập, chửi rủa em, bắt em đi kiếm tiền và ném em, một đứa trẻ thơ dại đáng thương, vào vòng xoáy của cuộc mưu sinh. Em bé ngồi đó, chơ vơ, đơn độc như một cái bóng vô hình, không ai để ý đến sự tồn tại của em. Bởi vì, cha em vẫn đang đắm chìm trong những nỗi cay cú của sự khốn cùng trong cuộc sống đến nỗi khô héo cả tình máu mủ để khiến em rơi vào cảnh ngộ, có nhà, dù là căn gác rách nát, nhưng không thể về, có người thân nhưng không thể gọi là gia đình và không có nổi một chút hơi ấm của tình yêu thương con người. Sự giá lạnh đáng sợ mà cô bé đang phải chịu không phải là sự giá lạnh của đất trời mà đó là sự giá lạnh trong tâm hồn của con người. Tất cả họ, trong bộ quần áo ấm áp, vội vã đi đến những nơi hò hẹn. Chẳng ai bận tâm đến sự khốn khổ của cô bé bất hạnh. Có thể nói sự tồn tại của em trong đêm giao thừa như một nốt nhạc trầm trong bản nhạc sôi động của ánh sáng, của niềm vui và hạnh phúc trong các gia đình vào khoảnh khắc chuyển giao của thời gian.

Một khắc, hai khắc...tiếng chuông đồng hồ vẫn điểm, cố bé vẫn ngồi đó, đói rét và cô độc. Không gian mịt mùng, lạnh giá bủa vây lấy thân thể bé dại của em. Lẽ ra em sợ... Nhưng em không sợ nữa... cái đói, cái rét, và cả nỗi đơn độc đã chiếm chỗ của nỗi sợ hãi... Em không dám mong sẽ được sum vầy hạnh phúc trong những ngôi nhà có cửa sổ sáng rực ánh đèn, cũng không dám mong được ngồi trong một bàn ăn thịnh soạn mà mong ước của em lúc này là “giá có thể quẹt một que diêm mà sưởi cho đỡ rét một chút nhỉ?”. Chao ôi, một đứa trẻ, ngày vui đón năm mới, lẽ ra phải ước được tặng quà, được ăn ngon mặc đẹp, được chạy nhảy vui vẻ, còn cô bé này...chỉ ước được quẹt một que diêm cho đỡ rét thôi. Thật là xót xa...Giá trị vật chất của một que diêm thì quá nhỏ nhoi nhưng nếu được làm điều đó thì đối với em đó là cả một điều hết sức lớn lao. Em phải ước... “giá như”. Ồ, hoá ra một que diêm đối với người khác có thể chẳng là gì nhưng với em thì đó là một điều xa xỉ, vì nó là toàn bộ cuộc sống sinh tồn của hai cha con em! Thật đáng thương biết nhường nào! Ấy thế nhưng trong cái xã hội ấy, trong cái không gian bao la mịt mùng ấy, em bé, hoàn cảnh của em bé chỉ như một chấm nhỏ bị lẩn khuất trong muôn vàn niềm vui, hạnh phúc của mọi người mà thôi.

Hiện thực đó quá nghiệt ngã, nghiệt ngã như chính số phận của cô bé bán diêm. Chính vì thế những ảo ảnh mà cô bé nhìn thấy khi quẹt các que diêm có thể tan biến rất nhanh nhưng ít ra trong cái thế giới của ảo ảnh đó không có đói, không có rét, không có cô độc, không có đòn roi. Hay nói chính xác hơn, dù chỉ là mơ thôi, nhưng chính những giấc mơ đó đã cứu rỗi linh hồn của em bé, để em bớt đau thương hơn, bớt bất hạnh hơn và ít ra trước khi lìa bỏ cõi đời này em còn lưu lại được “đôi má hồng và đôi môi đang mỉm cười”. Và một lần nữa ở phần kết của câu chuyện, Andecxen lại cho ta thấy sự thờ, lạnh lùng của người đời khi họ chứng kiến cái chết của cô bé bán diêm lúc họ phát hiện ra thi thể của em bé ngồi giữa những bao diêm nhưng họ chỉ lạnh lùng bảo với nhau: “chắc nó muốn sưởi cho ấm”, cũng chẳng ai thèm cúi xuống, ôm ấy thi thể của em bé, hay thể hiện một chút lòng thương cảm. Chao ôi, điều đáng buồn nhất trên đời không phải là đói khát, rét mướt hay thậm chí là đau khổ, điều đáng sợ nhất đó là sống trong xã hội loài người mà con người không tồn tại hai chữ: yêu thương, để đến nỗi cạn khô hết cả cảm xúc và tình cảm.

Câu chuyện đã khép lại nhưng trước mắt tôi vẫn hiện ra hình ảnh thi thể của cô bé bán diêm với “đôi má hồng và đôi môi đang mỉm cười” và văng vẳng bên tai tôi tiếng mọi người bảo nhau” “chắc nó muốn sưởi cho ấm”. Tôi cảm thấy day dứt, day dứt vì số phận bi đát đáng thương của một em bé thơ dại, day dứt vì cách ứng xử vô tâm giữa những con người trong xã hội. Và có thể biết đâu quanh đây, nơi tôi sống, nơi tôi từng “vội vã” đi qua cũng tồn tại vô số những mảnh đời như thế. Và biết đâu có thể đôi lúc, tôi cũng vô tình như những con người trong câu chuyện này. Đọc “Cô bé bán diêm” của Andecxen, tôi mới thực sự thấm thía câu: Hãy sống chậm lại, nghĩ ít đi và yêu thương nhiều hơn. Cảm ơn nhà văn xứ Đan Mạch đã cho tôi nhận ra được ý nghĩa thực sự của cuộc sống, của tình yêu thương con người. Bởi như nhà văn đã từng nói: “Không có câu chuyện cổ tích nào đẹp bằng câu chuyện cổ tích được viết lên từ chính cuộc sống”!

**BT6.Thông điệp về tình đời, tình người trong truyện ngắn “Cô bé bán diêm” của An-dec-xen**

 Đêm giao thừa, một đêm đông lạnh cóng, một em bé một mình lạc lỏng giữa màn đêm. Hoàn cảnh em thật đáng thương, tội nghiệp, em cần lắm một tình thương. Thế nhưng người thân em đã lần lượt bỏ em ra đi, ngày trước đã có thời em sống hạnh phúc cùng người bà yêu quí trong một ngôi nhà xinh xắn, có dây trường xuân rất đẹp, nhưng bà em đã bỏ em lại một mình trên thế gian, bà đã đi xa, xa lắm, bà đã về với thượng đế chí nhân

Thực ra thì em vẫn còn có cha, nhưng cha em nào có cho em một cái gì đâu! Cha em là một người thô lỗ cục cằn, có lẻ cái đói cái khổ đã làm cha em trở thành một con người tàn nhẫn! Em làm sao dám về nhà khi không bán được bao diêm nào?

Còn lại một mình em đối diện với đêm đông với những bao diêm còn nguyên vẹn, xung quanh em thành phố sáng rực ánh đèn, nhà nào cũng lộng lẫy bỡi những cây thông Nô en được trang hoàng cầu kì, đẹp mắt. Đặc biệt là nhà nào cũng sực nức mùi ngỗng quay! Mọi người dang hạnh phúc bên mái ấm gia đình. Đã có biết bao người vội vàng đi ra phố nhưng có ai để ý đến em đâu ! nhà giàu, lại còn đêm giao thừa nữa thì ai cần gì đến những bao diêm. Họ không cần mua diêm nhưng họ đâu có biết rằng em rất cần bán nó, em rất cần một sự quan tâm của người đời .

Nhà văn tạo nên hai nghịch cảnh trong một đêm giao thừa (Một em bé bán diêm… Một bên là nhà nào cũng sáng rực ánh đèn….) Khiến câu chuyện trở nên thấm vị đời cay đắng! Trên bước đường kiếm sống giữa đêm giao thừa, em bé đang sống trong cô đơn buồn tủi

Sáng ngày mồng một tết mọi người nhìn thấy thi thể của em cùng với những bao diêm đã đốt hết họ vẫn thờ ơ vô tình họ lạnh lùng bảo nhau “Chắc nó sưởi cho ấm”. Họ có biết rằng từ ngọn lửa diêm em đã sống những phút giây hạnh phúc: Được ăn ngon, được sưởi ấm,có cây thông tràng hoàng rất đẹp, có cả bà nội yêu quý đón em đi cùng…

Trong một xã hội thiếu tình thương, nhà văn An đéc xen đã viết nên câu chuyện với tất cả sự cảm thông, thương yêu với em bé bất hạnh, chính tình thương yêu ấy đã khiến ông viết nên những trang viết xúc động khi tả lại những giấc mơ của em bé qua những lần quẹt diêm, phải cảm thông sâu sắc đến mức nào nhà văn mới có những trang viết lung linh ước mơ tuổi thơ như thế! Có cảm thông yêu thương đến mức nào nhà văn mới miêu tả cái chết của em đẹp đến như vậy.

Người đời thờ ơ lạnh lùng, tàn nhẫn đối với em nhưng cuộc đời này vẫn còn đó những tấm lòng nhân ái. Chính tấm lòng tác giả đã làm cho câu chuyện mang một vẻ đẹp nhân văn.

**BT7.Bài học về tình đời, tình người qua truyện cổ tích “Cô bé bán diêm” của Andecxen**

Andersen là nhà văn nổi tiếng người Đan Mạch. Ông đã từng thể hiện ngòi bút qua nhiều thể loại nhưng không thu được nhiều thành công đáng kể. Sau này khi ông chuyển sang viết truyện, đặc biệt là truyện cổ tích thì ông đã đạt được những thành công rực rỡ. Truyện của ông không chỉ được độc giả trên cả thế giới biết đến mà cho đến tận bây giờ, nó vẫn còn để lại trong lòng người đọc những ấn tượng sâu sắc cho dù rất nhiều thế hệ đã đi qua.

Đương thời, Andersen bị xem là một nhà văn ngây thơ, đắm chìm trong thế giới cổ tích, hư ảo, phi thực. Tuy nhiên, đi ngược lại với những gì xã hội đã đánh giá về ông, những câu chuyện nhân văn như:Chú lính chì dũng cảm, Bộ quần áo mới của Hoàng đế, Bà Chúa Tuyết… lặng lẽ đi sâu vào tâm hồn trẻ thơ và kết tinh ở đó biết bao phẩm chất tốt đẹp, tạo nên nền tảng cho đạo đức của con người sau này.

Andersen chỉ viết về trẻ thơ và cho trẻ thơ. Có lẽ, không một nhà văn nào đã ưu ái “phục vụ” trẻ thơ nhiều và chân thành như ông. Những tác phẩm của ông đều có ghi “Truyện cổ tích dành cho trẻ em”. Từ đề tài đến cách thể hiện, Andersen lúc nào cũng chú ý làm sao cho nó phù hợp với sở thích và tiếp nhận của trẻ thơ nhất. Nhưng, người lớn khi đọc, vẫn thấy mình ở trong đó. Andersen đem thiên tài của mình để vào vai một người kể chuyện cho trẻ em và một nhà thơ đối với người lớn, trong một hình thức vô cùng hấp dẫn của thể loại truyện kể. Bởi hình thức này, sinh thời ông, cho phép ông né tránh một “sự kiểm duyệt nội tâm” – cái nỗi lo âu sợ hãi mà ông đã trải nghiệm trên con đường quanh co đến vinh quang và danh vọng. Ông đã thấy những sự phê bình đương thời đối với ông đôi khi đến mức vô tâm và vô cảm như thế nào. Trong khi ông mang tới những truyện kể với sự hài hước độc đáo vô song đồng thời cũng đầy tính nghiêm túc và tình cảm.

Như một giọt nước ngọt ngào và long lanh, truyện ngắn **Cô bé bán diêm** lặng lẽ đọng lại trên chiếc lá héo khô của tình đời, tình người. Giọt nước tinh khôi mà Andersen đã dành hết trái tim mình để vun vén ấy chính là một giọt nước thần tiên, giọt nước của ngôn từ cổ tích, một giọt máu rỉ ra từ tình yêu thương con người đến cháy bỏng.

“Đọc là khám phá, sáng tạo lại tác phẩm và cũng đồng thời là khám phá, sáng tạo chính bản thân mình”. Truyện ngắn Cô bé bán diêm quả thực đã khơi dậy hơi thở cuộc sống, tình yêu thương con người ở người đọc. Không hẳn ở lớp ngôn từ sóng sánh cổ tích mà chính ở bởi những khát vọng, ước mơ, hoài tưởng của cô bé mãi mãi lan tỏa vào lòng nhân loại, cho đến khi nào trái tim nhân loại còn thổn thức, lí trí nhân loại còn trăn trở thì những hoài vọng ấy hãy còn tiếp tục sưởi ấm, thôi thúc con người vươn lên.

Cô bé bán diêm mang trên mình một số phận bất hạnh đến cùng cực: mẹ mất sớm, bà cũng đã qua đời, cô bé sống cùng người cha nghiện ngập và tàn bạn trong một căn gác xép tồi tàn, bẩn thỉu và tối tăm. Mọi nhu cầu tối thiểu và giá trị của cuộc sống chân thực, đối với cô bé dường như đã không tồn tại. Và tàn nhân hơn, hình ảnh con người cùng sự sống, gần như chẳng liên quan gì đến cô bé. Tất cả chìm trong bóng tối của vũ trụ và của tình người. Tất cả, những gì sinh động nhất chỉ là những cái bóng đen lặng lẽ, âm thầm, vội vã, lướt qua cô trong đêm tối mịt mờ.

Andersen lại đặt nhân vật trong một không gian khắc nghiệt, đầy thử thách: đó là đêm giao thừa giá rét và tăm tối. Vào đêm đó, cô bé bán diêm khốn khổ đã chết. Em đã ra đi cùng với những giấc mơ giản gị mà đối với em là những giấc mơ bất tận không thể thành sự thật. Đó là giấc mơ được no đủ, đó là giấc mơ được có quần áo ấm để mặc và giấc mơ được gặp người bà mà em hằng yêu kính. Ở trên cuộc đời này, có lẽ sẽ chẳng bao giờ những số phận nghèo khổ như em có thể biến những giấc mơ của mình trở thành hiện thực được. Bởi vậy Andersen đã đưa họ đến một thế giới khác. Nơi đó có thể che chở đùm bọc và bảo vệ những linh hồn khốn khổ này.

Truyện của Andersen khép lại nhưng lòng người đọc vẫn không nguôi băn khoăn, trăn trở, day dứt suy nghĩ về con người, cuộc đời, về tình người, tình đời. Nhà văn không né tránh hiện thực nghiệt ngã. Cô bé có tâm hồn trong sáng, thánh thiện ấy đã chết, chết trong chính đêm giao thừa, trong cái đói, cái rét hành hạ. Một năm mới sang hứa hẹn những khởi đầu mới nhưng cô bé đã kết thúc cuộc hành trình của mình tại chính ngưỡng cửa của năm mới.

Chẳng có cơ hội, chẳng có tương lai nào cho em. Đó là một hiện thực tàn nhẫn. và tàn nhẫn hơn nữa, chẳng có tình yêu thương nào dành cho em. Trước khi chết vì đói, vì rét, em đã chết vì chính sự lạnh lùng, vô cảm, tàn nhẫn, ích kỉ của con người. Em không dám về nhà vì sợ những lời chửi mắng, đánh đập của bố, em trơ trọi, bơ vơ, tuyệt vọng chống chọi với cái giá rét trước ánh mắt vô cảm, thờ ơ của những người qua đường, em cô đơn, buồn tủi khi mọi người vui vẻ, hân hoan đón chào năm mới, em nằm đó trong những lời đàm tiếu vô tâm của mọi người. Em từ giã cõi đời, giã từ cuộc sống vì không ai thương em, không ai che chở, bảo vệ em.

Cái chết của em mãi mãi để lại nỗi xót thương vô hạn, niềm day dứt khấp khởi trong lòng mỗi người. Ngay khi nhân loại đã ý thức rõ được những nhu cầu sống, quyền được sống hạnh phúc của trẻ em thì ở đâu đó, trong thế giới này, vẫn còn có những em bé bất hạnh như em bé bán diêm. Chiến tranh, đói nghèo, thiên tai, suy giảm kinh tế thế giới,… phủ trùm bóng đen khủng khiếp xuống số phận biết bao em bé tội nghiệp, vốn chưa có đủ khả năng để tự sinh tồn. Trong góc tối, những ngã đường, trên bãi rác thải,… có biết bao em bé đã lặng lẽ ra đi. Có lẽ, trong tâm trí của các em, nơi cuộc sống chưa kịp làm hoen ố đi, cũng đã có những mơ ước lung linh trước khi đi vào bóng tối.

Phải chăng, những tham vọng của loài người đang dần dần lấy đi sự hồn nhiên của trẻ thơ và biến thế giới này thành một thế giới của những quan hệ vật chất khô khan giữa những thiết bị vô tri, vô cảm. Thế giới này sẽ ra sao khi trẻ con không được tôn trọng, bị “tước đoạt” sự hồn nhiên và bị “huỷ hoại” niềm tin cổ tích? Thế giới này sẽ ra sao nếu tất cả trẻ con đều không tin “ông già Noel”, “bà chúa Tuyết”, “nàng tiên Cá”… là có thật? Thế giới này sẽ ra sao nếu tất cả trẻ con đều không tin rằng muôn loài, hoa lá, cỏ cây cũng có linh hồn, cũng biết đớn đau và khát khao được sống? Và thế giới này sẽ ra sao khi những đứa trẻ con bị sớm thành người lớn đó trưởng thành và làm chủ hành tinh này?

Bất chấp những khó khăn, bất hạnh và sự đối xử không công bằng của cuộc đời, Andersen đã mang đến thế giới này một câu chuyện cảm động, một câu chuyện được viết nên từ một bộ óc thông minh, một trái tim nhân hậu và một cái nhìn hồn nhiên trong trẻo về cuộc sống. Một câu chuyện được viết nên với lòng yêu thương và “kính trọng” trẻ em, một câu chuyện mang niềm tin bất diệt về sức mạnh của điều thiện và sự chiến thắng của lòng nhân ái…

Ánh lửa sáng từ que diêm của cô bé nghèo đánh lên trong đêm giao thừa thắp lên ngọn lửa trong trái tim của mỗi con người và tiếp tục giữ ấm ngọn lửa yêu thương của nhân loại. Trong ánh lửa nhỏ bé nhưng mạnh mẽ ấy, có lò sưởi, có ngỗng quay, có cây thông Noel, có người bà yêu thương, có thiên đàng, và tất nhiên, có cả cái chết, những vì sao đổi ngôi. Giọt nước và ánh lửa, phản chiếu cuộc đời một cách trung thực nhất, đồng thời cũng huyền ảo nhất của Andersen.

Hai trăm năm đã trôi qua, biết bao thế hệ trẻ em của thế giới này đã được lớn lên bằng dòng sữa mẹ và ước mơ về một thế giới thần tiên mà Andersen đã tạo ra… Ở đó, con người sống với lòng dũng cảm của “chú lính chì”, lòng nhân hậu của “bác sồi già”, sự trung thực của “cô bé với đôi giày đỏ”, tình yêu của “nàng tiên cá” và niềm lạc quan, yêu đời của “chú hoạ mi” cùng những mộng tưởng xa xăm của cô bé bán diêm trong đêm giao thừa. Ở đó, vạn vật trong vũ trụ, từ những nhành cây, chiếc lá, bông hoa đến chú vịt con xấu xí, bầy chuột đồng nghịch ngợm, cô thiên nga xinh đẹp…đều có linh hồn và tiếng nói, đều tồn tại cùng với con người trong một thế giới chung, một thế giới được “vận hành” theo quy luật của lòng nhân ái và điều chí thiện sẽ chiến thắng cái tàn ác, sự bao dung và chính trực sẽ chiến thắng những lọc lừa, giả dối và tàn bạo…

Mọi thứ rồi sẽ đi qua, chỉ còn tình người ở lại. Hai trăm năm cũng đủ dài để loài người nhận ra rằng Andersen không chỉ là một nhà văn của trẻ thơ: ẩn chứa đằng sau mỗi câu chuyện cổ tích dành cho con trẻ của ông là một câu chuyện ngụ ngôn viết cho người lớn, những câu chuyện ngụ ngôn làm thức tỉnh tình đời, tình người ở con người, nó truyền cho chúng ta niềm tin, sức mạnh và tình yêu cuộc sống. Nó dẫn dắt ta đến với thế giới của tình yêu thương, nơi đó, mỗi con người cần được tôn trọng, chia sẻ, yêu thương, gắn kết. Nó nhắc nhở ta về vai trò và ý nghĩa của gia đình, thức tỉnh trách nhiệm của chúng ta đới với gia đình. Nó khẳng định không có thế giới nào tươi đẹp, con người được hạnh phúc bằng thé giới cuộc sống trên mặt đất này, trong gia đình, với những người thân yêu.

Có lẽ sẽ không là cường điệu khi nói rằng chính những câu chuyện cổ tích dành cho người lớn của Andersen đã góp phần đưa nhân loại vượt qua hai thế kỷ đầy biến động… Hãy yêu quý và tôn trọng trẻ em, hãy nuôi dưỡng sự hồn nhiên và lòng nhân ái, hãy yêu và nhìn thế giới này bằng trái tim và đôi mắt trẻ thơ…Đó chính là thông điệp mà Andersen cùng những câu chuyện cổ tích của mình muốn gửi đến cho nhân loại…

Nếu không có Andersen, không biết đến bao giờ thế giới cổ tích gần gũi và hiện thực đối với con người như thế. Và nếu không có Andersen, chúng ta sẽ không có những bầu trời mộng tưởng, những khát khao vươn tới thế giới cổ tích, trái tim không biết rung động trước số phận khắc nghiệt của con người, không tìm thấy tình yêu cuộc sống. Andersen không làm nên tất cả nhưng thiếu Andersen là thiếu một sắc màu lung linh trong bức tranh về hiện thực những gì nhân loại đã trải qua trong mấy ngàn năm qua.

**BT8.Cảm nhận thông điệp cuộc sống từ truyện ngắn Cô bé bán diêm của An-dec-xen**

An-đéc-xen(1805-1875) là nhà văn Đan Mạch nổi tiếng với truyện kể cho trẻ em. Những tác phẩm của ông đã trở nên quen thuộc và gần gũi với bạn đọc khắp năm châu như: “Cô bé bán diêm, Bầy chim thiên nga, Nàng tiên cá, Bộ quần áo mới cho hoàng đế,…” Trong số đó phải kể đến câu chuyện “Cô bé bán diêm” là một tác phẩm nổi tiếng để thể hiện lòng cảm thông sâu sắc của tác giả đối với một em bé bán diêm có số phận bất hạnh, qua đó thấy được lòng nhân đạo của tác giả đối với những em bé nghèo khổ.

Không khí đón giao thừa ở một con phố nhỏ trên đất nước Đan Mạch được đưa đến với người đọc thông qua câu chuyện. Ngoài đường trời rét mướt, tuyết rơi phủ kín mặt đất nhưng “cửa sổ mọi nhà đều sáng rực ánh đèn và trong phố sực nức mùi ngỗng quay” mọi người đang náo nức chờ đón giao thừa, chờ đón một năm mới. Đối lập với những hình ảnh đó là hình ảnh của một cô bé bán diêm “đầu trần, chân đi đất đang ngồi nép trong một góc tường giữa hai ngôi nhà cao to” bụng đói vì cả ngày chưa được ăn uống gì. Đó là một cô bé có hoàn cảnh hết sức tội nghiệp, mẹ chết sớm, bà nội qua đời, em phải sống: “chui rúc trong một xó tối tăm trên gác xép, mái nhà cùng với người bố nát rượu và khó tính, em luôn phải nghe những lời mắng nhiếc chửi rủa”. Hàng ngày, em phải lang thang trên phố đi bán diêm để kiếm sống. Trong đêm giao thừa khi mọi người đang rất hạnh phúc trong ngôi nhà ấm cúng thì em phải chịu cảnh: “bụng đói, cật rét” lang thang trên phố không dám về nhà, sợ bố mắng vì cả ngày chẳng bán được bao diêm nào.

Như vậy, chỉ qua vài lời giới thiệu thông qua những ý nghĩ của em, đặc biệt là cách sử dụng thủ pháp đối lập tương phản, An-đéc-xen đã làm nổi bật tình cảnh khốn khó của em bé, sự đói rét và cô đơn. Qua đó, giúp người đọc hình dung ra được sự bất công của xã hội đương thời.

Tuy nhiên, sự thành công của câu chuyện không chỉ ở bức tranh hiện thực mà còn ở thế giới mộng tưởng được An-đéc-xen xây dựng rất thành công ở phần cuối tác phẩm. Thế giới mộng tưởng ấy được bắt đầu từ những hồi ức của cô bé và những ngày tháng đẹp đẽ và được sống hạnh phúc: “trong ngôi nhà xinh xắn có dây trường xuân bao quanh với người bà hiền hậu và những đêm giao thừa ấm cúng”.

Nhưng thế giới mộng tưởng đó được hiện lên thật rõ nét khi cô bé quẹt những que diêm để sưởi ấm. Lần thứ nhất, cô bé quẹt diêm trong ánh sáng của que diêm thứ nhất hiện lên một chiếc lò sưởi bằng đồng bóng nhoáng. Lần thứ hai, một bàn ăn thịnh soạn với khăn trải bàn trắng tinh, có con ngỗng quay trên lưng cắm dao ăn, phuốc-sét tiến về phía em đã hiện lên trong ánh sáng của que diêm thứ hai vì vào lúc này em đang rất đói. Hình ảnh cây thông Nô-en với hàng trăm ngọn nến sáng rực hiện lên trong ánh sáng của que diêm thứ ba trong lần quẹt diêm thứ ba của cô bé vì em muốn được đón giao thừa như bao người khác.

Trong lần quẹt diêm cuối cùng, hình ảnh của bà nội hiền từ và nhân hậu đã hiện lên trong ánh sáng của que diêm thứ tư vì lúc này cô bé rất cô đơn và đang khao khát có được tình thương yêu. Chỉ có điều khi que diêm cháy hết thì những ảo ảnh đó cũng tan biến hết trả lại em với hiện thực phũ phàng. Nhưng điều kì lạ là những mộng tưởng ấy đã đánh thức niềm khao khát trong cô bé ; khao khát được sống cùng bà, được sống trong yêu thương, muốn thoát khỏi khổ cực để rồi cô bé đã quẹt tất cả những que diêm còn lại trong bao để giữ hình ảnh của bà ở lại, được bà cầm tay bay vút lên cao, cao mãi về chầu thượng đế. Bằng ngòi bút nhân đạo và trái tim chan chứa yêu thương, nhà văn đã miêu tả cái chết của cô bé bán diêm thật huy hoàng, hạnh phúc. Chết mà đôi môi vẫn đang mỉm cười một cách mãn nguyện. Bởi tất cả những gì em đã thấy qua ánh lửa diêm trong giây phút cuối cùng.

Câu chuyện “Cô bé bán diêm” cho chúng ta thấy rõ tình cảnh khốn khổ, sự đói rét, hoàn cảnh đáng thương của một cô bé bán diêm. Thấy rõ được lòng thương cảm, nhân đạo của tác giả đối với cô bé bán diêm và những em bé cùng khổ. Thông qua đó, nhà văn An-đéc-xen muốn gửi tới mỗi chúng ta một thông điệp: Hãy yêu thương con trẻ, dành cho chúng một cuộc sống bình yên và hạnh phúc; hãy biến những mộng tưởng đằng sau ánh lửa lóe lên của cô bé bán diêm thành hiện thực. Tất cả những điều đó đã làm nổi bật lên giá trị sâu sắc của tác phẩm.

*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\**

**BÀI 8**

**CHIẾC LÁ CUỐI CÙNG**

**O Hen-ri**

**I. Tác giả** : O Hen ri là nhà văn Mĩ (1862 -1910), tên thật của ông là Po-tơ. Cha ông là thầy thuốc, mẹ ông qua đời khi ông mới lên ba.

- Thuở nhỏ, ở với bố, ông không được học hành nhiều mà vừa đi học vừa đi lao động. Năm 15 tuổi đã phải thôi học đến làm công kiếm sống tại một hiệu thuốc, ở trại chăn nuôi. Sau đó còn phải làm nhiều nghề khác để kiếm ăn như : nhân viên kế toán, vẽ tranh, thủ quỹ ngân hàng. Nhưng rồi một chuyện không đâu, anh bị cầm tù với mức án 5 năm. Nhưng mới chỉ thụ án 3 năm 3 tháng, anh đã được tự do. Ra tù, anh lấy bút danh là Ô.hen ri từ đó (Ohenri là tên của một người cai ngục nhân hậu mà Po- tơ vô cùng cảm mến, được dùng làm bút danh để nhớ mãi hình ảnh một ân nhân của mình)

- Mười năm cuối đời, ông sống ở New ước, tài năng phát triển một cách kì lạ, và trở thành một nhà văn chuyên nghiệp về sở trường truyện ngắn. Ông sáng tác rất nhiều, lao động sáng tạo miệt mài bèn bỉ. Hầu như tuần nào ông cũng có truyện in trên các báo và tạp chí. Có tháng, ông đăng báo đến 10 truyện ngắn. Có năm như 1904, 1905, ông đã viết 65 truyện ngắn in ở nhiều bào. Danh tiếng nổi lên như cồn

- Có thể kể các tập : Bắp cải và vua chúa (1904), Bốn triệu (1906), Trung tâm miều Tây (1907), Tiếng nói của thành phố (1908), Những sự lựa chọn (1909).

- Truyện của ông phong phú, đa dạng về đề tài, nhưng phần lớn hướng vào cuộc sống nghèo khổ, bất hạnh của người dân Mĩ. Một số truyện mang ý nghĩa phê phán xã hội rõ rệt.

- Về nghệ thuật, truyện ngắn của ông có lối viết nhẹ nhàng, đầy tình huống hấp dẫn, kết cấu chặt chẽ... đã tạo nên giá trị tư tưởng và nghệ thuật trong những tác phẩm của O.Hen ri và rất lôi cuốn sự hứng thú của bạn đọc.

- Năm 1910, Ô.Hen ri qua đời, để lại một sự nghiệp văn chương đồ sộ : khoảng 600 truyện ngắn. Nổi tiếng nhất là những truyện ngắn kiệt tác như : Căn gác xép, Cái cửa xanh, Chiếc lá cuối cùng, Quà tặng của những nhà hiền triết, Tên cảnh sát và gã lang thang, Sương mù ở Xen-tôn, Khi người ta yêu.

- Vinh dự lớn nhất của O.Henri là gần 10 năm sau khi ông qua đời, hội nghệ thuật và khoa học Mĩ đã lấy tên ông làm giải thưởng cho 3 truyện ngắn hay nhất hàng năm.

**Hai tình huống đảo ngược trong truyện ngắn Chiếc lá cuối cùng của O.Henri**

**Mở bài:**

Nhà văn O Hen-ri đã rất khéo léo khi xây dựng nghệ thuật đảo ngược tình huống hai lần. Lần đảo ngược thứ nhất, Giôn-xi như đang tiến dần đến cái chết bỗng khỏe lại, yêu đời và chiến thắng bệnh tật. Lần đảo ngược thứ hai liền tiếp sau đó, cụ Bơ-men từ môt người khỏe mạnh đến cuối truyện mắc bệnh và qua đời. Một con người đi từ sự sống đến cái chết, một con người người từ cái chết tìm lại sự sống. Tất cả đã được nhà văn kể lại thật tự nhiên và  cảm động.

* **Thân bài:**

***Tình huống đảo ngược trước tiên diễn ra với nhân vật Giôn – xi.***Hoàn cảnh túng thiếu lại ốm nặng, cô luôn tự nói với mình rằng cô sẽ không sống lâu nữa và khi cây thường xuân rụng hết lá cô cũng chết.Thấy thân cây chỉ còn vài chiếc lá Giôn-xi và Xiu đều nghĩ rằng ngày mai sẽ chẳng còn chiếc lá nào bám trên cành cây nữa. Vì vậy, Xiu cũng đã vô cùng tuyệt vọng. Cô không còn gì để khuyên Giôn-xi trước thái độ quả quyết của cô ấy. Nếu ai đọc cũng đều nghĩ cứ cố chấp như vậy Giôn-xi sẽ chết. Nhưng cũng vào đúng cái lúc người đọc tin rằng lá thường xuân rụng hết thì một tình huống bất ngờ đã làm đảo lộn mọi dự đoán

***Lần thứ nhất***, Ơ hen-ri viết:*“Nhưng ô kìa! Sau trận mưa vùi dập và bao cơn gió phũ phàng…”. “Vẫn còn một chiếc là thường xuân bám trên bức tường gạch”.* Có lẽ người vui mừng nhất lúc này là Xiu. Giôn-xi nhận ra: *“Đó là chiếc lá cuối cùng”, và khẳng định: “Hôm nay nó sẽ rụng thôi và cùng lúc đó thì em sẽ chết”*. Sự cố chấp ấy quả thật đáng chê trách. Lại một ngày, một đêm mưa gió trôi qua.Sáng hôm sau, Giôn-xi lại ra lệnh kéo mành lên.

***Lần thứ hai***, cả người trong truyện và người đọc đều vô cùng bất ngờ và sửng sốt vì chiếc lá thường xuân vẫn còn trụ lại trên cành. Chiếc lá đã chiến thắng được thời tiết, tạo ra thay đổi trong suy nghĩ của Giôn-xi. Cuối cùng, cô ấy đã nhận ra sự bi quan của bản thân mình. Chiếc lá cuối cùng đã cứu một mạng người ,không còn chán đời như trước và có thêm khát vọng sống .Cô nhận ra: “có một cái gì đấy đã làm cho chiếc lá cuối cùng vẫn còn đó để cho thấy rằng em đã ích kỉ như thế nào .Ngày sau khi làm lại cuộc đời ,Giôn-xi bắt đầu mơ ước về tương lai: “một ngày nào đó em hi vọng sẽ vẽ được vịnh Na- plơ”. Vậy là Giôn-xi đã từ cõi chết trở về sự sống

***Sự đảo ngược tình huống còn diễn ra đối với cụ Bơ-men.***Khác Giôn-xi, lâu nay, cụ vẫn khỏe mạnh. Thế mà, thật bất ngờ, hai ngày sau khi Giôn-xi hồi sinh, cụ lại ra đi cũng bởi căn bệnh viêm phổi. Bơ-men chết, người ta mới hiểu hết tấm lòng cao thượng của người nghệ sĩ đã thất bại trong đường đời.

Thì ra ngay trong khi làm mẫu cho Xiu, cụ Bơ-men đã có một quyết định sâu sắc .Khi bắt tay vào công việc, người nghệ sĩ ấy đã âm thầm hành động với ước nguyện thật cao cả: trả lại niềm tin vào sự sống cho Giôn-xi. Để thực hiện giải pháp tình thế ấy, cụ Bơ men đã bất chấp thời tiết khắc nghiệt. Có lẽ cụ cũng không ngờ đó là bức vẽ cuối cùng của đời mình. Điều mà cụ Bơ-men quan tâm lúc đó là làm thế nào để Giôn-xi thôi không bị ám ảnh bởi cái chết của Giôn-xi giúp cô tiếp tục vươn lên giữa cuộc đời. Giôn-xi đã thức tỉnh nhờ nhận ra sức sống mãnh liệt của chiếc lá cuối cùng – tác phẩm của cụ Bơ-men.

* **Kết bài:**

Cụ Bơ-men chính là đại diên của sự cao thượng, đại diện cho tấm lòng thương người, đức hi sinh cao cả. Truyện kết thúc bằng một sự đảo ngược tình huống lần thứ hai. Chiếc lá cuối cùng chỉ là một bức vẽ nhưng nó đem lại niềm tin vào s ự sống cho một con người. Hiệu quả mà nó thì vô cùng lớn lao. Vì vậy nó thành kiệt tác.

**II.Phân tích :**

« Chiếc lá cuối cùng » là một trong những truyện tiêu biểu cho bút pháp nghệ thuật của O.Henri. Số lượng nhân vật không nhiều, chỉ có 3 nhân vật : Giôn xi- cô hoạ sĩ bị ốm và xiu- cô bạn cùng chung phòng trọ, người bác sĩ đến chữa bệnh cho Giôn xi và cụ già Bơ-men- hoạ sĩ già sống cùng ngôi nhà trọ đó.

Với « Chiếc lá cuối cùng », chúng ta bước vào thế giới của những nghệ sĩ nghèo. Họ tìm đến quảng trường Gri-niz gần công viên Oa sinh tơn không phải vì cái vẻ cổ kính, kì quặc, cũng không phải vì cái phong cảnh tuyệt vời của nó mà vì « tiền thuê rẻ ». Trong cái xã hội mà thước đo là đồng tiền thì « tiền thuê rẻ » cũng nói lên khá nhiều điều và tác giả cũng mỉa mai nhận xét : « Phố này có một khả năng rất quý. Hãy tưởng tượng xem một tay thu ngân nào đó mang hoá đơn đòi tiền sơn hay giấy và vải vẽ đi qua con đường này, đột nhiên lại gặp ngay chính mình quay trở ra, tiền nợ không thu được một xu nhỏ ». Và cái không gian đó cho dù nó được gọi là quảng trường thì nó vẫn bị chia nhỏ thành những quảng trường « chằng chịt » khiến cho phạm vi không gian bị thu hẹp lại. Sự « chật hẹp » hiện ra như « mọc rêu » khiến cho khu nhà càng thêm vẻ cô quạnh, hoang tàn. Cái không gian nghèo nàn ngay từ vẻ bên ngoài ấy chỉ tiếp nhận những con người ngụ cư.

***A. « CHIẾC LÁ CUỐI CÙNG » LÀ BỨC THÔNG ĐIỆP MÀU XANH VỀ TÌNH THƯƠNG VÀ SỰ SỐNG CON NGƯỜI***

***1.Tình bạn cảm động.***

**-** Hai nữ hoạ sĩ trẻ ở hai miền quê khác nhau : một cô từ bang Men tới, cô kia quê ở Ca-li-pho-ni-a và họ cùng thuê chung một phòng trọ nơi phố nghèo.

***a.Điều gì đã gắn kết Xiu và Giôn xi lại với nhau ?***

+ Cùng sở thích về món rau diếp xoăn trộn dầu dấm và kiểu ống tay rộng

+ Cùng lựa chọn nghề hội hoạ : « hàng ngày làm việc lát con đường dẫn tới nghệ thuật bằng những bức tranh minh hoạ cho những truyện ngắn của các tạp chí, do các nhà văn trẻ viết để lát con đường của họ dẫn tới văn học »

+ Cùng cảnh nghèo. Họ vẽ tranh để kiếm cái lèn chặt dạ dầy thường hay trống rỗng của họ và cao hơn nữa là để duy trì sự sống của chính họ mỗi khi mùa đông băng giá đến.

***b Sụ kiện nào cho ta thấy sự gắn bó giữa hai cô hoạ sĩ này không đơn thuần chỉ là mối quan hệ của những người trọ cùng một nhà mà thân thiết như chị em ruột thịt ?***

**-** Sự việc Giôn xi bị ốm. Mùa đông năm ấy, chứng viêm phổi hoành hành đã « đánh ngã hàng chục nạn nhân ». Đối với những người nghèo, cho dù họ là hoạ sĩ, thì đói rét và bệnh tật thường xuyên là khách không mời, thường xuyên gõ cửa rình rập và đe doạ họ. Trong mùa đông, điều đó càng trở nên ác liệt hơn.

=> Đây là nghệ thuật tạo dựng tình huống. Tác giả chọn bệnh tật làm đối tượng miêu tả trực tiếp để đặc tả những phương diện khác. Chọn một nhân vật trong trạng thái ốm đau bệnh tật làm tiêu điểm cho hành vi hoạt động của các nhân vật khác là đòn bẩy để từ đó làm nổi lên các tình cảm nhân đạo, tạo ra thước đo phẩm chất nhân vật (chính trong hoàn cảnh bi đát ấy, tình bạn được thử thách). Đây là một cách tạo dựng tình huống có vấn đề để dẫn dắt tới cách giải quyết đột biến bất ngờ khi kết thúc truyện**.**

***Theo dõi phần thứ nhất của văn bản cho biết : bệnh tật của Giôn Xi có gì đặc biệt ?***

- Giôn xi bị viêm phổi, nằm liệt giường. Bác sĩ nói : « Bệnh tình của cô ấy có thể nói là mười phần chỉ còn hy vọng được một thôi ».

- Bản thân Giôn xi là một cô gái ốm yếu và thiếu máu

- Nghèo , không có tiền

- Chưa từng thành công trong sự nghiệp

=> Giôn xi không có một sợi dây ràng buộc nào đáng kể với cuộc sống.

**-  *Cảnh ngộ ấy ảnh hưởng đến tâm trạng của Giôn xi như thế nào ?***

***Tại sao Giôn xi « mở to cặp mắt thẫn thờ nhìn tấm mành mành và thều thào ra lệnh « kéo nó lên ».Hình dung như thế nào về nhân vật Giôn xi từ chi tiết miêu tả dáng vẻ « thẫn thờ » và giọng nói « thều thào » của cô ?***

*-* Cô muốn nhìn xem chiếc lá thường xuân cuối cùng bên cửa sổ đã rụng chưa.

- Một cô gái trong tình trạng sức khoẻ yếu ớt, gần như cạn kiệt sức sống.

*Em hiểu gì về trạng thái tinh thần của Giôn xi từ câu nói của cô : « Đó là chiếc lá cuối cùng.... Em cứ tưởng là nhất định trong đêm vừa qua nó đã rụng.... Hôm nay nó sẽ rụng thôi và cùng lúc đó thì em sẽ chết* ».

- Giôn xi cảm thấy mình bất hạnh, bất lực trước bệnh tật, không tha thiết với cuộc sống, đó là tâm trạng chán nản của kẻ chờ đợi phút chia tay với cuộc đời.

***Chi tiết Giôn xi đã không đáp lại những lời lẽ yêu thương của bạn, tâm hồn đang chuẩn bị sẵn sàng cho chuyến đi xa xôi bí ẩn của mình cho ta biết thêm điều gì về Giôn xi ?***

**-** Cô vô cùng yếu đuối và tuyệt vọng. Giôn xi có những dự cảm mình sẽ chết, đáng sợ hơn là Giôn xi không cảm thấy luyến tiếc cuộc sống. Tâm hồn cô đã chuẩn bị sẵn sàng cho một chuyến đi xa, chỉ chờ cho chiếc lá thường xuân bé nhỏ đang quằn quại trong gió lạnh kia rụng xuống.

***Con người yếu đuối và tuyệt vọng như Giôn xi gợi cho em những cảm xúc gì ?***

- Sự sụp đổ về tinh thần của cô hoạ sĩ trẻ bất hạnh làm cho bệnh tình ngày thêm trầm trọng. Cuộc sống của Giôn xi giờ đây được ví như chiếc lá nhỏ nhoi, yếu ớt, mảnh mai kia. Và cuộc đấu tranh để bảo vệ cái cuộc sống nhỏ nhoi, yêu ớt ấy là một cuộc đấu tranh với sự chiến thắng tuyệt vời của tình người.

(Cô bệnh nhân ấy « yên trí là mình không thể khỏi được » đã bình thản lạnh lùng làm vái việc nhìn qua cửa sổ trong tư thế nằm trên giường bệnh đếm từng chiếc lá thường xuân đang rụng dần trong gió lạnh. Đối với Giôn Xi : chiếc lá là biểu tượng của thước đo thời gian, thước đo cuộc đời. Cuộc đời của cô, cô đã xây dựng cho mình một niềm tin bất hạnh : cô sẽ ra đi khi chiếc lá thường xuân cuối cùng rụng xuống. Một niềm tin định mệnh đớn đau. « Trong khắp thế gian, cái cô đơn nhất là một tâm hồn đã chuẩn bị sẵn sàng cho chuyến đi xa xôi bí ẩn của mình. Những sợi dây ràng buộc cô với tình bạn, với thế gian này cứ lơi lỏng dần từng cái một thì ý nghĩ kì quặc kia hình như lại càng choán lấy tâm trí cô mạnh mẽ hơn ». Sự so sánh cuộc đời con người với chiếc lá mong manh trước làn gió mạnh trong giá rét phũ phàng của mùa đông là một sự so sánh tuyệt vời sâu sắc. Đồng thời nó cũng nói lên sự đồng cảm xót xa của nhà văn trước đồng loại. Nghèo thường đi đôi với hèn, nhưng ở đây không phải là hèn trong phẩm cách mà là yếu đuối trong niềm tin, trong bản lĩnh. Trong cuộc sống tựa vai vào người khác như vậy, Giôn xi tự cảm thấy mình là gánh nặng cho người khác, cô đau khổ tự giầy vò vì thấy người khác phải chăm sóc mình, phải bận tâm vì mình. Niềm hi vọng ở đây duy nhất cô đặt cả vào chiếc lá thường xuân vàng úa, mỏng manh, nhỏ nhoi đang quằn quại trong gió lạnh. Cuộc đời của cô sẽ chấm dứt khi chiếc lá cuối cùng đó lìa cành. Đây quả là một sự so sánh tuyệt vời rất phù hợp với kiểu tư duy hình tượng Đông phương. Cuộc đời được ví với những cái mảnh mai yếu ớt, để đổ, dễ vỡ, là ngọn đèn cạn dầu leo lét trước gió. Và cuộc đấu tranh để bảo tồn cái nhỏ nhoi ấy, để bảo vệ cái yếu ớt ấy là phẩm chất tuyệt vời của tình người)

***c.Xiu đã làm gì để bảo vệ Giôn xi ?***

Chính trong hoàn cảnh bi đát ấy, tình bạn được thử thách, Xiu thương bạn vô cùng, cô đã khóc « đến ướt đẫm cả một chiếc khăn trải bàn Nhật Bản ». Xiu lo âu và đã làm tất cả để cứu Giôn xi

- Cô vẽ nhiều hơn để có tiền mua thuốc và mua thức ăn cho bạn.

- Cô chăm sóc động viên bạn, nén nỗi xót thương lo lắng để nâng đỡ tinh thần cho bạn. khi đứa em tội nghiệp « nằm yên lặng và trắng nhợt như một pho tượng bị đổ » thì Xiu vẫn kiên nhẫn an ủi em. Cô nói qua làn nước mắt : « Em thân yêu, em yêu dấu !... Em hãy hứa với chị là hãy nhắm mắt lại và không nhìn ra ngoài cửa sổ nữa... Em hãy cố ngủ đi »

- Xiu đã tận tình chăm sóc em, lúc thì quấy nước súp gà, lúc thì pha sữa với rượu Boóc đô, lúc thì đặt thêm gối, lúc thì mời bác sĩ, lúc thì cầu cứu bác Bơ men. Xiu đã giành giật với tử thần để chạy chữa cho đứa em nuôi bé bỏng tội nghiệp.

=>Xiu là hiện thân của lòng trắc ẩn, vị tha, là một con người giầu đức hy sinh thầm lặng, có một trái tim nhân hậu mênh mông. Xiu là một nhân vật rất đẹp làm ta xúc động và ngưỡng mộ về một tình bạn, tình chị em thuỷ chung, cao quý. Nhân vật Xiu toả sáng « bức thông điệp màu xanh » của « chiếc lá cuối cùng »

***d. Bí mật chiếc lá cuối cùng***

***Theo dõi phần cuối văn bản « Chiếc lá cuối cùng » cho biết sự thật về chiếc lá vẫn còn đó liên quan đến nhân vật nào ? (cụ Bơ men)***

***Bơ men được tác giả giới thiệu như thế nào ?***

- Bác Bơ men là một hoạ sĩ nghèo đã 60 tuổi, không thành đạt trong nghệ thuật : « cụ múa cây bút vẽ đã bốn mươi năm mà vẫn không với tới được gấu áo vị nữ thần của mình » nhưng sống rất lương thiện và luôn khát vọng sáng tạo một kiệt tác. Đã ngoài sáu mươi, nhưng bác Bơ men vẫn sống cô độc « trong một gian buồng tối om om ở tầng dưới » Chỉ có những người nghèo mới phải ở trong một gian buồng như thế. Trong một gian buồng như thế thì vẽ thế nào được tranh, cho nên trên giá vẽ ở góc buồng của bác vẫn là một tấm vải trống trơn chưa có một nét vẽ. Không có tranh để bán, hàng ngày bác « kiếm được chút ít bằng cách ngồi làm mẫu cho các nghệ sĩ trẻ không đủ tiền thuê người làm mẫu chuyên nghiệp ». Cuộc sống của Bác thật khổ và thật bấp bênh.

- Tuy sống trong nghèo khổ, suốt đời chỉ uống loại rượu nặng rẻ tiền, nhưng ước mơ sáng tạo lúc nào cũng cháy bỏng trong lòng bác. Bác luôn có ý định vẽ một bức tranh kiệt tác. Ước mơ, khát vọng của bác thật đẹp, thật chân chính.

***Ở đây, cụ Bơ men đã vẽ bức tranh chiếc lá cuối cùng với mục đích gì ?***

Để cứu người khỏi tai hoạ, kéo dài sự sống cho một tâm hồn yếu đuối đáng đếm lá rụng chờ chết, có những con người đứng trước cái chết không hề sợ chết. Cụ già Bơ-men, một hoạ sĩ già là một con người giầu đức hi sinh như vậy.

***Hoạ sĩ già*  *Bơ men đã vẽ bức tranh chiếc lá cuối cùng như thế nào ?***

**-** Vẽ âm thầm, bí mật trong đêm mưa gió lạnh buốt ngoài trời, chứng cớ là « *người ta tìm thấy một chiếc đèn bão vẫn còn thắp sáng và một chiếc thang đã bị lôi ra khỏi chỗ để của nó, và vài chiếc bút lông rơi vung vãi, và một bảng pha màu có màu xanh và màu vàng trộn lẫn* ».

*Người hoạ sĩ già ấy đã phải trả giá như thế nào cho bức vẽ chiếc lá cuối cùng của mình* ?

- BỊ viêm phổi nặng và đã chết vì sưng phổi

*Nêu cảm nhận của em về cái chết của cụ Bơ men ?*

Cái chết của Bơ men thật là cao cả. Ông không chỉ thương xót, mà đã tìm ra cách để chữa căn bệnh nguy hiểm trong trí não giôn-xi, dù ông có phải xông pha trong bão tuyết. Bơ Men trở về và làm việc thầm lặng dưới ngọn đèn bão tuyết tù mù. Trong đêm mưa rét ấy, một kiệt tác đã hoàn thành, kịp thời thay thế cho chiếc lá vừa rung. Và cũng trong đêm mưa gió bão bùng ấy, sau khi vẽ bức kiệt tác trong tình thương của mình lên bức tường cáo tới sáu thước, bước xuống khỏi cái thang chông chênh, ông già đã bị viêm phổi nặng, rồi hai ngày sau ông đã lặng lẽ đi vào cõi vĩnh hằng. Cái chết lặng lẽ, sự hi sinh thầm lặng của ông ít ai biết đến, nhưng chính nó đã cứu sống được một mạng người- một con người còn rất trẻ và biết đâu, đó lại là một tài năng vĩ đại sau này sẽ tiếp tục con đường nghệ thuật chân chính mà Bơ men đã theo đuổi suốt đời. Cái chết là rất đáng ghét nhưng trong trường hợp của Bơ men, nó vô cùng đang kính trọng, bởi nó càng khẳng định lòng yêu thương con người, sự hi sinh cao cả vì con người của người nghệ sĩ già. Bác Bơ men đã chết nhưng tác phẩm kiệt xuất của bác vẫn sống mãi với hai cô gái nghèo, vẫn sống mãi trong lòng các thế hệ bạn đọc. Bởi vì tác phẩm đó đã biểu hiện tất cả phẩm chất cao đẹp của bác : nghèo nhưng vô cùng nhân hậu, giàu lòng yêu thương và đức hi sinh. Bác là biểu tượng của nghệ thuật vị nhân sinh cao cả.

**Tại sao nói rằng trong truyện ngắn Chiếc lá cuối cùng của O.Hen-ri, chiếc lá cụ Bơ-men vẽ trên tường là một kiệt tác**

**Gợi ý**

Có thể nói trong truyện ngắn "Chiếc lá cuối cùng” của O.Hen-ri, chiếc lá cụ Bơ-men vẽ trên tường là một kiệt tác.Chiếc lá ấy là sản phẩm nghệ thuật của một hoạ sĩ.Nó là một kiệt tác trước hết bởi nó sinh động và giống như thật. Giống đến mức con mắt hoạ sĩ của cả Giôn-xi và Xiu-đi đều không phát hiện ra. Cụ Bơ-men đã vẽ chiếc lá ấy với tất cả tài năng, tâm huyết của cả đời mình.Tấm vải vẽ căng ra đợi chờ hai mươi năm trong phòng cụ chứng tỏ chiếc lá là tác phẩm duy nhất trong khoảng thời gian đằng đẵng ấy. Hơn thế, cụ đã vẽ nó bởi tình yêu thương tha thiết cụ dành cho Giôn-xi, con mèo nhỏ, người họa sĩ trẻ mà có lẽ cụ coi như đứa con, đứa cháu nhỏ của mình. Chiếc lá đã được vẽ bằng tâm hồn, bằng tấm lòng và cả mạng sống của một người nghệ sĩ tâm huyết với nghệ thuật và cuộc đời.Không những thế, chiếc lá cuối cùng đã cứu sống được Giôn-xi, nhờ chiếc lá, cô đã khỏi bệnh. Kiệt tác của cụ Bơ-men đã khẳng định sự phụng sự chân thành của nghệ thuật đến sự sống tuyệt vời của con người.

# \*Chiếc lá cuối cùng – Kiệt tác luôn bắt nguồn từ những điều nhỏ bé

## Như thể mây phải có gió, nắng phải có mưa, văn học đối với con người cũng giống như một đôi bạn tri kỉ, luôn lặng lẽ đi theo phía sau mà ghi lại cuộc đời của mỗi con người, để mà thương, để mà đau mà xót. Và chiếc lá cuối cùng là một tác phẩm như vậy.

*Chiếc lá cuối cùng*, thiên truyện ngắn mà mỗi lần đọc lại là một lần đau. Tác phẩm nói về cuộc sống của những họa sĩ nghèo, Xiu, Giôn-Xi, Bơ-men. Trong một lần bị viêm phổi, Giôn-Xi gặp nguy hiểm đến tính mạng, từ đó, mở ra hàng loạt các chi tiết, tình huống khắc họa tình yêu thương, sự đồng cảm giữa những con người làm nghệ thuật, để lại trong người đọc những day dứt khôn nguôi.

**Cuộc gặp gỡ giữa những con người bất hạnh, ở ngoài đời, bên trong trang sách.**

*“ Tác phẩm nghệ thuật sẽ chết nếu nó miêu tả cuộc sống chỉ để miêu tả, nếu nó không phải là tiếng thét đau khổ hay lời ca tụng hân hoan, nếu nó không đặt ra câu hỏi và trả lời những câu hỏi đó”- Bêlinxki*

Thật kì lạ, khi ngôn từ cũng có tâm hồn riêng của nó. Những con chữ nằm im lìm trên trang giấy, lại có khả năng khơi gợi ra cả một kiếp người. O. Henry, một cuộc đời giống như một truyện ngắn, truân chuyên và đầy vất vả. Không quá khi cho rằng mọi bất hạnh trên cuộc đời ông đều đã trải qua. Lớn lên không sự yêu thương của cha mẹ, ông phải làm đủ nghề kiếm sống, áp lực khiến ông tìm đến rượu để vơi đi nỗi buồn. Cuộc đời đó một lần nữa xuất hiện trong *Chiếc lá cuối cùng*, giống như hình ảnh thứ hai của nhà văn. Những người họa sĩ nghèo- Xiu, Giôn-Xi, Bơ-men đã gặp gỡ nhau nhờ sợi dây của số phận, họ cùng trải qua một cuộc sống nhàm chán, u tối. Đau đớn thay khi những lo toan về vật chất vắt kiệt sức sáng tạo nghệ thuật. Xót xa thay khi khát vọng lớn lao lại phải nhường chỗ cho những suy nghĩ bình thường. Họ cần phải sống trước khi có thể vẽ, là một người hoạt động nghệ thuật, O. Henry càng hiểu rõ quy luật nghiệt ngã đó.

Không quá khi nói rằng Chiếc lá cuối cùng là sợi dây kết nối hai số phận, bên thực bên ảo, song cùng gặp gỡ nhau ở bất hạnh. Hình ảnh của những họa sĩ trong thiên truyện cũng chính là hình ảnh của nhà văn, nặng nề nỗi buồn song đều có khát khao nghệ thuật cháy bỏng.

## Tình huống truyện đặc sắc và giàu sức gợi

*Chiếc lá cuối cùng* không phải là cuốn sách dùng để đọc, mà để nghĩ, để khơi gợi tình thương và sự xót xa, căm hận và đồng cảm, khát vọng và ước mơ. Việc đặt Giôn- Xi vào hoàn cảnh bị mắc bệnh hiểm nghèo đã gợi ra rất nhiều hình ảnh bị lẩn khuất trong bóng tối mà chính những nhân vật đã tạo ra để che lấp đi phần ánh sáng trong họ. Những con người nghèo khổ, song lại có tâm hồn đẹp tựa như viên ngọc trai, bất chấp cái xấu xa của cuộc đời. Xiu, Giôn-Xi và Bơ-men đều là những con người có tấm lòng nhân hậu và bao dung, họ luôn chăm sóc và yêu thương lẫn nhau, họ thể hiện tình cảm đó một cách rất giản dị và chân thật. Và vẻ đẹp đó càng thể hiện rõ nét khi Giôn-Xi bị bệnh. Có thể họ là những con người nghèo vật chất, nhưng đồng thời cũng là những người giàu nhất về tinh thần.

Không nằm ngoài dòng chảy của cuộc đời, nhưng cũng chính cuộc đời thôi thúc O.Henry đi tìm cái trong ngần trong tâm hồn con người ở những thời khắc tối tăm nhất. Việc xây dựng tình huống Giôn- xi bị bệnh không nhằm mục đích khắc họa hiện thực khổ đau của những người hoạt động nghệ thuật nghèo, mà là đòn bẩy làm bật lên cái đẹp xung quanh chính cái chết. Chỉ khi cô bị bệnh, người ta mới thấy được sự quan tâm của cụ Bơ-men dành cho cô mà ta cứ ngỡ trước đó ông là một người thờ ơ, dữ tợn, cả ngày chìm trong rượu. Chỉ vào lúc mà Giôn-xi sắp lìa xa cuộc đời, ta mới  thấy được sự hi sinh của Xiu, cũng như tình cảm to lớn của Xiu dành cho Giôn-xi. Nói về cái chết nhưng lại khơi gợi sự sống, nói về những điều giản dị nhẹ nhàng nhưng lại gợi về sự hi sinh cao cả*, Chiếc lá cuối cùng* là bản giao hưởng được dệt nên bởi niềm tin, khát vọng , và tình người.

## Chiếc lá cuối cùng- kiệt tác của lòng trắc ẩn, sự hi sinh và nghệ thuật mang tên sự sống.

*“ Bồ nhìn ra ngoài cửa sổ xem, nhìn chiếc lá thường xuân cuối cùng trên tường ấy. Bồ có đặt nghi vấn tại sao nó không bao giờ bay lất phất khi có gió thổi không? Cưng ơi, đó là kiệt tác của ông Bơ-men đấy, ông đã vẽ nó vào đúng đêm chiếc lá cuối cùng rơi rụng…*Rốt cuộc điều gì làm nên một kiệt tác? Nghệ thuật đặc sắc hay ngôn từ đẹp đẽ? Không! Kiệt tác nằm ở giá trị của một tác phẩm, chỉ khi nào nó có ích và sẽ có ích cho một ai đó, tác phẩm lập tức sẽ trở thành kiệt tác, bất chấp vẻ bề ngoài bình thường của nó. Thử hỏi liệu có mấy tác phẩm nghệ thuật trên đời này có khả năng cứu sống được tính mạng của một con người? Vậy mà bức tranh vẽ chiếc lá thường xuân của cụ Bơ-men lại làm được điều phi thường đó.

Giôn-xi vào những năm tháng bệnh trở nặng, đã mang cả sinh mệnh của mình đặt vào những lá thường xuân, vào giây phút chiếc lá thường xuân cuối cùng rụng xuống, cô sẽ tự buông bỏ cuộc sống của mình. Thật may mắn khi vào giây phút định mệnh đó, chiếc lá của cụ Bơ-men đã thế chỗ, chiếc là kiệt tác cả đời cụ vẫn hằng mong muốn vẽ được. Bởi nó đã được đánh đổi bằng cả tính mạng của cụ. Độc giả sẽ không thể nào quên hình ảnh của một ông cụ già yếu chân đứng không vững vượt mình trong bão táp để mà vẽ nên chiếc lá thường xuân. Cũng không thể nào quên giây phút con người ấy ngã xuống, mãi mãi đi về nơi vĩnh hằng để gieo mầm sự sống cho một người khác. Đau lòng thay, song cũng khâm phục thay!

Bức tranh được coi là kiệt tác còn bởi sự kì diệu của nó. Chiếc lá đã đem lại hi vọng trong Giôn-xi, cô bắt đầu khát khao được sống mà mạnh mẽ đương đầu với bệnh tật. Không còn dáng vẻ của một bệnh nhân ủ rũ, sức sống mới được thổi bùng lên trong nhân vật. Đó chính là sự kì diệu của một tác phẩm nghệ thuật chân chính, bắt nguồn từ lòng người, đi qua sự trắc ẩn, kết tinh bằng sự hi sinh rồi lại trở về với con người, để đưa họ về với thế giới của niềm tin và hi vọng. *Chiếc lá cuối cùng* không chỉ là câu chuyện, nó còn là bài học cho những người đang sáng tạo nghệ thuật, dạy họ làm ra những tác phẩm bằng cả trái tim.

Chiếc lá cuối cùng sẽ là lựa chọn hoàn hảo cho những ai yêu thích giọng văn nhẹ nhàng, giản dị nhưng tầng ý nghĩa lại sâu xa, khơi gợi nhiều cảm xúc.

### BT1:Bài văn phân tích tác phẩm "Chiếc lá cuối cùng" của O Hen-ri

Cách đây 86 năm, trên bầu trời văn học nước Mĩ, một ngôi sao sáng đã lặn. Ngôi sao ấy là O. Hen-ri. Sự ra đi của ông quả thật, đã để lại cho nhân dân nước Mĩ nhiều tiếc nuối. Thế nhưng, đúng như có người đã nói: "Văn học nằm ngoài những định luật của băng hoại, chỉ mình nó không thừa nhận cái chết".

Mặc dù ngôi sáng ấy lặn khá lâu rồi song dư quang của nó vẫn lấp lánh tỏa sáng trên những trang văn mà ông O. Hen-ri để lại cho đời. Sự nghiệp sáng tác của ông không đồ sộ như M.Gorđki, L.Tônxlôi nhưng hầu hết các tác phẩm mà nhà văn viết ra đều có giá trị lớn. "Chiếc lá cuối cùng" là một trong những tác phẩm như thế.

Tiếp xúc với thiên truyện ngắn Chiếc lá cuối cùng, ta sẽ được nhà văn đưa đến phía Tây công viên Oa-sinh-tơn của nước Mĩ. Đó là một địa điểm nhỏ, phố xá nhằng nhịt không có lối ra rõ ràng. Hầu như khu công viên nhỏ này bị một màn xám bao phủ, vây quanh. Nó đã làm cho cuộc sống của những con người như Xiu, Giôn-xi và bác Ba-men thiếu sinh khí: "Hãy tưởng tượng một tay thu ngàn nào đó mang hoá đơn đòi tiền sơn hay giấy và vải vẽ đi qua con đường này, đột nhiên lại gặp ngay chính mình quay trở ra, tiền nự không thu một xu nhỏ".

Cách nói rất hình ảnh của tác giả đã cho ta cảm nhận được cái nghèo nàn, đạm bạc của những con người ở đây. Ở đây hầu hết là giới nghệ sĩ chung sống với nhau. Họ phải bỏ tiền ra thuê những căn phòng tối om và vẽ những bức vẽ bình thường đổ kiếm sống. Họ chăm chỉ làm ăn là thế mà nghèo vẫn hoàn nghèo, thiếu thốn vẫn hoàn thiếu thốn.

Ta tưởng như họ sống trong hôm nay mà chẳng đến hết ngày mai. Những họa sĩ (Giôn-xi, Xiu, Bơ-men) trong ý thức họ vẫn muốn hẹn một cuộc sống tốt đẹp, một tương lai sáng lạn. Thế nhưng cơ hội lại chưa mỉm cười với họ. Thành ra họ chỉ còn biết chờ đợi với tình cảm mông lung, huyễn tưởng. Rõ ràng ta nhận thấy O. Hen-ri không thi vị hóa cuộc sống. Ngòi bút của ông hướng về hiện thực, tái hiện chân thực những cảnh đời đói khổ.

Nhưng, để tránh hiểu lầm, có lẽ cũng cần phải nói thêm: nhà văn phản ánh hiện thực không chỉ để phản ánh, để phơi bày hiện thực mà cái chính là qua bức ảnh chụp đó, tác giả muốn bày tỏ thái độ đối với con người. Dù chỉ là một góc phố nhỏ thôi - nhà văn cũng lách ngọn bút vào để tìm tòi khám phá. Những tâm tư, tình cảm của Bơ-men, Xiu, Giôn-xi đều được nhà văn chăm chú lắng nghe để rồi khơi lên trong lòng độc giả những tia nước nguồn thương.

Nguồn thương của tác giả rung lên khi nhân vật gặp tình huống éo le. Ông tỏ ra rất quan tâm tới số phận của những con người này. Ông thương cảm cho Giôn-xi, một "phụ nữ nhỏ bé", thiếu máu vì những cơn gió hiu hiu, bị mắc chứng bệnh viêm phổi. Ông đồng tình với ước mơ chính đáng của bác Bơ-men: muốn có một kiệt tác để lại cho đời. Với Bơ-men, tác giả thấy con người này thật đáng thương.

Ông đã "ngoài sáu mươi ", đã "múa cây bút vẽ bốn mươi năm" mà vẫn không "với tới được gấu áo vị nữ thần của mình". Nói chung, cuộc đời cơ cực nào cũng chiếm được trái tim nhân đạo của nhà văn. Ông đã viết về họ như viết về chính mình, cho nên dễ hiểu, dễ đọc, dễ làm xúc động lòng người.

Cái dễ làm xúc động lòng người ấy không phải ngẫu nhiên mà có. Ta thấy trong thực tế, cuộc đời của tác giả cũng gặp nhiều nỗi gieo neo. Ông đã từng trải nghiệm qua rất nhiều nghề để kiếm sống, cảnh đời thật đã cho ông yêu sống phong phú. Khi viết truyện, ông đặt cái tâm nóng hổi của mình lên trang giấy. Từ bác Bơ-men đến Giôn-xi, Xiu, hầu hết đều có sự hóa thân của tác giả...

Cuộc sống sao mà đắng cay đến thế! Nhưng càng trong sự đắng cay, đen tối tâm hồn con người càng toả sáng và ngát hương. Nhà văn đã phát hiện ra trên đầm bùn, trên thảo nguyên hoang dại bỗng rực cháy sáng lên "ngọn lửa Đan- cô" ngọn lửa của tình thương yêu của con người với con người.

Trước hết, ông muốn bày tỏ thái độ ca ngợi về nét đẹp trung trinh của Xiu và Giôn-xi. Với ông, ở họ có một tình hạn rất đẹp đẽ, trong sáng và rất đáng trân trọng. Cuộc sống nghèo khổ, sở thích tương đồng, tình cờ đã giúp họ xích lại gần nhau. Khi Giôn-xi bị bệnh, Xiu không lãnh đạm, không thờ ơ, không bỏ mặc bạn. Ngược lại, cô chăm nom, săn sóc Giôn-xi rất chu đáo. Cô mời bác sĩ về chữa bệnh cho bạn.

Tình cảm của Xiu dành cho Giôn-xi thật là gắn bó, thật là cảm động. Nghe bác sĩ nói bệnh tình của Giôn-xi "mười phần chỉ còn hi vọng được một" thì Xiu đã vào phòng làm việc và "khóc đến ướt đẫm cả một chiếc khăn trải bàn Nhật Bản". Giọt nước mắt ấy là giọt nước mắt của tình thương. Trái tim cô không hề "chai sạn" mà luôn rung lên những nhịp đập đớn đau khi nghĩ đến cảnh: chỉ vài ngày nữa thôi cô bé sẽ mất đi một người bạn yêu quý.

Thương thì thương vậy đấy, thế nhưng cô vẫn muốn kìm nén nỗi đau, cố chạy trên thực tại phũ phàng ("thản nhiên") để Giôn-xi yên tâm. Rồi cô tỏ ra thực sự "lo lắng" khi phải chứng kiến ý nghĩ "kỳ quái" của bạn mình. Xiu luôn muốn được ở "bên cạnh" bạn để săn sóc, luôn tìm cách động viên an ủi Giôn-xi: "Ông bác sĩ đã nói với chị là em sẽ chóng hình phục thôi (...) khả năng khỏe là mười phần chắc chín".

Thực ra, đây là một lời nói dối. Nhưng sự nói dối của Xiu, trong hoàn cảnh này không hề có tội. Sự nói dối của cô chẳng qua chỉ là sự bất đắc dĩ, xuất phát từ tình yêu thương bạn, muốn giúp bạn bớt lo lắng và có niềm tin, niềm hi vọng vào cuộc sống. Tình yêu thương của Xiu không chỉ thể hiện qua lời nói mà còn biểu lộ qua việc làm cụ thể. Cô nấu cháo cho bạn ăn.

Cô dồn tâm sức để vẽ nhiều tranh ảnh để kiếm tiền chăm sóc cho Giôn-xi. Tình cảm của Xiu là tình cảm chân thành. Tình cảm ây làm ta rưng rưng cảm động. Trong thâm tâm Xiu, Giôn-xi là một người em ruột. Cô đã chăm bẵm bạn theo cấp độ tình cảm máu thịt, chân tình ấy.

Bơ-men, người hoạ sĩ già, cũng là nhân vật được tác giả Chiếc lá cuối cùng dành cho những dòng văn ưu ái, trân trọng. Như đã nói, cuộc đời ông thất bại trong nghệ thuật và nghèo khổ trong cuộc sống. Do chí riêng không thoả, cuộc sông tẻ nhạt mà ông thưc ng hay cáu gắt với mọi người. Nhưng điều đó không có nghĩa là ông ta đã mất hết tình người. Ông tự nhận là "con chó xồm lớn chuyên gác cửa bảo vệ hai nữ nghệ sĩ trẻ ở phòng vẽ tầng trên".

Khi nghe Xiu kể chuyện, Bơ-men đã quái lo: "Sao trên đời này lại có những người ngớ ngẩn" vậy. "Lời nói của ông đích thực là một lời coi thường, một tiếng chửi. Thế nhưng trong lời chửi "độc mồm" ấy vẫn tiềm ẩn lòng thương con người "Chà, tội nghiệp cô bé Giôn-xi".

Lòng yêu thương ấy dường như là một điểm gợi hứng, là một điểm khơi nguồn để bác Bơ-men sáng tác lên một bức tranh kiệt tác? Có thể là như thế. Sự nguy kịch có liên quan đến sự sống còn của một con người dường như đã thôi thúc trái tim bác phải làn một điều gì đó để giúp họ. Và thế là trong một đêm khủng khiếp, bất chấp cả mưa gió bác Bơ-men đã âm thầm một mình cùng với chiếc đèn, chiếc thang, chiếc bút lông ngồi hí hoáy vẽ chiếc lá thường xuân.

Cuối cùng với sự cố' gắng, với sức mạnh của tình yêu thương, bác đã vẽ xong bức tranh đó. Tiếc thay, khi bác hoàn thành xong tác phẩm cũng là lúc bác phải vĩnh biệt cõi đời. Sự ra đi của bác chỉ là sự ra đi của xác thịt, còn tâm hồn của bác thì chắc chắn sẽ còn kết tủa lại mãi với thời gian. Với nghị lực của mình, trái tim của mình, bác đã cho đời một kiệt tác.

Kiệt tác ấy chính là kết quả của sự tích lũy tổng hòa hơn 40 năm cầm cọ, là sự dồn tụ cao độ của cái tâm và tài trong đời nghệ sĩ. Đến đây thì ông đã thực hiện được ước mơ, khát vọng cháy bỏng của mình từ trước. "Những rìa lá hình răng cưa đã nhuộm vàng úa" tượng trưng cho tuổi tác, sự ra đi về thân xác của Bơ-men. "Cuống lá còn giữ màu xanh sẫm", tượng trưng cho mảnh tâm hồn sáng trong của cả một đời người họa sĩ già tích góp được.

Kiệt tác của bác có ý nghĩa lớn lao vô cùng. Nó không chỉ là sự mãn nguyện, thoả ước mơ của bác mà nó còn là bức tranh cứu người. Bức tranh đã đem lại sự sống cho Giôn-xi, đã làm cho hồn Giôn-xi sắp chết bỗng được tái sinh. Bức tranh ấy đã đem lại cho Giôn-xi niềm tin vào cuộc sống, giúp cô nhận ra ý nghĩa của đời người: "Mình đã tộ như thế nào, muôn chết là một tội".

Nó chính là điểm cao trào của tình yêu thương con người. Bác Bơ-men đã hi sinh, đã trút cái sức lực còn lại của mình vì sự sống của Giôn-xi. Chiếc lá cuối cùng đúng là điểm sáng toàn truyện. Nó được vẽ giống như thật; nó đã ra đời trong một hoàn cảnh lao động vất vả, nó dũng cảm bất chấp quy luật, vươn lên tất cả để chiến thắng nghèo đói, bệnh tật. Tình người còn lớn hơn cả nghệ thuật, nó làm cho nghệ thuật trở thành sự sống bất tử. Và đó mới là tác phẩm "đáng thờ", xứng đáng tồn tại với thời gian.

Ai đó đã nói rằng: Văn học nghệ thuật của ngôn từ. Nếu không có bơi chèo nghệ thuật thì chiếc thuyền nội dung sẽ đứng im, bất động. Nó sẽ không chuyển tải đến được tâm hồn bạn đọc những bức thông điệp giá trị nhân văn. Ở đây, tác phẩm này có giá trị nghệ thuật rất cao.

Nhà văn đã tạo nên trong tác phẩm một hơi thở riêng độc đáo. Đây là một câu chuyện giàu kịch tính. Nhà văn đã khéo léo đặt nhân vật vào các tình huống, các hoàn cảnh mang tính điển hình để khắc hoạ rõ tính cách của nhân vật. Với cách tạo tình huống này, nhà văn tạo nên sự hấp dẫn ở độc giả (các nhân vật sẽ phản ứng như thế nào, giải quyết như thế nào, buộc họ phải theo dõi tiếp).

Theo dõi câu chuyện, ta thấy cách giải quyết từng tình huống của nhà văn rất hợp lý: Khi Giôn-xi bị bệnh, Xiu không bàng quan mà tìm mọi cách (mời bác sĩ, bán tranh kiếm tiền) để cứu bạn; hoặc khi Giôn-xi có những ý nghĩ kỳ quái, cô tỏ ra lo lắng và cố gắng giảng giải để bạn hiểu ra sai lầm.

Câu chuyện này còn có nhiều chi tiết bất ngờ. Độc giả bị bất ngờ ngay từ lúc Giôn-xi có ý nghĩ kỳ quặc: tại sao cô lại mê tín về điều đó. Tâm trạng lo lắng (Giôn-xi sẽ chết khi chiếc lá cuối cùng rụng xuống) cứ theo độc giả suốt từ đó đến kết thúc chuyện.

Đỉnh điểm của sự thắt nút là chi tiết: Chiếc lá cuối cùng. Trong vô số những chiếc lá thường xuân, vẫn còn một cái trụ lại trên cành. Mạch cảm xúc, suy đoán của người đọc bị đảo ngược: trong cảnh mưa tuyết như thế sao chiếc lá kia không rụng? Sự hồ nghi này được nhà văn cởi nút ở chi tiết cuối truyện: thì ra chiếc lá ấy chính là bức tranh mà bác Bơ-men vẽ, vẽ giống như thật, đến các nhân vật trong truyện cũng không nhận ra đó là chiếc lá giả.

Nội chừng ấy cũng đã đủ nói lên thành công to lớn của tác phẩm. Với "Chiếc lá cuối cùng", O. Hen-ri đã gởi lại cho thế hệ sau bức thông điệp viết trên màu xanh của lá cây: hãy thương yêu con người, hãy vì sự sống của con người. Đó là lẽ tồn tại cao nhất của nghệ thuật vì con người.

### BT2:Bài văn phân tích tác phẩm "Chiếc lá cuối cùng" của O Hen-ri

Nhắc tới O Hen Ri là nhắc tới một nhà văn vĩ đại của thế kỷ 20. Sinh ra tại Mỹ, O Hen Ri rất nổi tiếng với những tác phẩm truyện ngắn. Trong đó đã có những tác phẩm được bình chọn là truyện ngắn hay nhất. Và ông đã để lại cho kho tàng văn học thế giới với những tác phẩm bất hủ. Trong đó tiêu biểu nhất là tác phẩm “Chiếc lá cuối cùng” đã được đưa vào văn học Việt Nam.

Trong tác phẩm, nhà văn O Hen Ri đã xây dựng nên ba nhân vật chính là những họa sĩ nghèo khó là Giôn Xi, Xiu, cụ già Bơ Men. Một tác phẩm với những diễn biến và tình tiết ngắn gọn nhưng rất lưu loát, diễn biến hay để lại rất nhiều cảm xúc cho người đọc. Nổi bật nhất trong toàn tác phẩm là diễn biến về trận ốm của Giôn Xi hay là về cái chết của cụ Bơ Men đầy bất ngờ.

Tác phẩm “Chiếc lá cuối cùng” là một thông điệp kêu gọi về tình yêu và sự sống của con người. Một giá trị nhân văn vô cùng sâu sắc. Truyện Chiếc lá cuối cùng tiêu biểu cho bút pháp nghệ thuật của O Hen-ri. Truyện chỉ có ba nhân vật, những họa sĩ nghèo: Xiu, Giôn-xi và cụ già Bơ-men. Truyện có kết cấu chặt chẽ, hầu như không có chi tiết nào thừa. Diễn biến xúc động như khi nói về trận ốm kéo dài của Giôn-xi và cái chết bất ngờ của cụ Bơ-men.

Có ý kiến cho rằng: Truyện "Chiếc lá cuối cùng" của O Hen-ri là bức thông điệp màu xanh về tình thương và sự sống của con người. Truyện "Chiếc lá cuối cùng" đã thể hiện một tình bạn cao quý cảm động. Giôn-xi và Xiu là hai nữ họa sĩ trẻ, tuy nghèo nhưng nhiều mơ ước, nhiều yêu thương. Họ gắn bó với nhau về những sở thích và về nghệ thuật mà kết thành chị em cùng chung nhau thuê một phòng họa nơi phố nghèo.

Mùa đông năm ấy, chứng viêm phổi hoành hành đã đánh ngã hàng chục nạn nhân. Giôn-xi cũng bị cảm lạnh, nằm liệt giường. Mọi thứ thuốc men, đều trở thành vô dụng, cô yên trí là mình không thể khỏi được. Gion-xi lại bị ám ảnh, một khi chiếc lá cuối cùng của cây thường xuân phía cửa sổ rụng xuống là cô sẽ ra đi. Sự sụp đổ về tinh thần của cô họa sĩ trẻ bất hạnh làm bệnh tình ngày thêm trầm trọng.

Chính trong hoàn cảnh bi đát ấy, tình bạn được thử thách. Xiu thương đứa em nuôi vô cùng. Cô đã khóc đến ướt đẫm cả một chiếc khăn trải bàn Nhật Bản. Xiu lo âu. Xiu săn sóc và hết lòng chạy chữa cho em. Xiu làm việc nhiều hơn để kiếm thêm tiền mua thuốc và thức ăn cho Giôn-xi. Khi đứa em tội nghiệp nằm yên lặng và trắng nhợt như một pho tượng bị đổ thì Xiu vẫn kiên nhẫn an ủi em. Cô nói qua nước mắt:

Em thân yêu, em yêu dấu!… Em hãy hứa với chị là hãy nhắm mắt lại và không nhìn ra ngoài cửa sổ nữa… Em hãy cố ngủ đi… Xiu đã tận tình săn sóc em, lúc thì khuấy nước súp gà, lúc thì pha sữa với rượu Boóc-đô, lúc thì đặt thêm gối, lúc thì mời bác sĩ, lúc thì cầu cứu bác Bơ-men. Xiu đã giành giật với tử thần để chạy chữa cho đứa em nuôi bé bỏng tội nghiệp.

Xiu là hiện thân của tấm lòng trắc ẩn vị tha, là một con người giàu đức hi sinh thầm lặng, có một trái tim nhân hậu mênh mông. Xiu là một nhân vật rất đẹp làm ta xúc động và ngưỡng mộ về một tình bạn, tình chị em thủy chung, cao quý. Nhân vật Xiu tỏa sáng bức thông điệp màu xanh của Chiếc lá cuối cùng.

Tác phẩm đã khắc họa những con người sống trong khó khăn, nhưng vẫn luôn muốn vươn tới những tầm cao mới, không hề sợ chết. Đó là hình ảnh của cụ già Bơ Men, đã hơn 40 năm cầm bút vẽ. Và ở độ tuổi 60 nhưng vẫn chưa đạt tới được đỉnh cao gấu áo vị nữ thần nghệ thuật nhưng vẫn luôn tin tưởng “một ngày kia tôi sẽ vẽ một tác phẩm kiệt xuất” khi chia sẻ với cô Xiu.

Và trong giá rét, cơn mưa lạnh lẽo dai dẳng. Cụ già Bơ Men không còn ngồi đó đó làm mẫu nữa và chỉ mặc trên mình một chiếc áo sơ mi màu xanh mỏng trong đêm để vẽ nên tuyệt tác để đời của cuộc đời mình đó là “Chiếc lá cuối cùng”. Một chiếc lá tượng trưng cho sự dũng cảm. Chiếc lá ấy vẫn vững chắc trong gió bấc dữ dội, bám chặt vào cành cây. Chiếc lá ấy đã cứu vớt cho số phận của cô Giôn Xi. Cụ Bơ Men đã ra đi vĩnh viễn để lại một tác phẩm để đời cứu vớt một sinh mạng nghèo khó. Cụ chính là một tấm gương quên mình với hành động cao cả.

Giôn Xi đã khỏi bệnh và đứng lặng ở đó ngắm nhìn bức tranh đã cứu vớt số mạng của cô. Trong sự xúc động ngập tràn khi nghĩ tới những lời Xiu nói “Cụ vẽ nó ở đấy vào cái đêm mà chiếc lá cuối cùng đã rụng với tất cả tình thương và lòng biết ơn vô hạn”. Và cho đến hơn một thế kỷ nay đã có rất nhiều độc giả trên trái đất này. Đã cảm phục cụ già Bơ Men vì những nghĩa cử cao đẹp, cái chết quên mình vì người khác của cụ.

Tác phẩm “Chiếc lá cuối cùng” có thể nói là một trong những tác phẩm có tính nhân văn sâu sắc nhất của nhân loại. Tác phẩm là một bức tranh tả thực về đời sống của những con người trong khốn khó. Nó đem lại cho độc giả nhiều cảm xúc và tâm tư suy nghĩ. Một thông điệp lớn với những khát khao vươn lên những tầm cao mới. Một thông điệp về sự trân trọng tình yêu thương giữa người với người.

Như một sự nhắn nhủ mỗi chúng ta hãy tôn trọng những giá trị nghệ thuật đem lại hạnh phúc cho con người. Hãy thể hiện tình yêu thương lẫn nhau qua những tác phẩm nghệ thuật. Hình ảnh người nghệ sĩ Bơ Men đã ngã xuống vì nghệ thuật. Vì tình yêu thương sự sống của người khác có lẽ đã trở thành một đỉnh cao của nghệ thuật với những giá trị bền vững nhất.

Chiếc lá cuối cùng là một sự lừa dối nhưng lại là sự lừa dối cao cả để đem lại niềm tin vào sự sống cho con người. Kiệt tác cuối cùng của người họa sĩ già đã được ra đời nằm ngoài sự đoán của công chúng. Nhưng chiếc lá cuối cùng ấy mãi mãi là bằng chứng của tình yêu thương con người. Càng đọc, ta càng thấy giá trị nhân đạo cao cả và nghệ thuật đặc sắc, hấp dẫn của truyện.

# BT3.\* Người nghệ sĩ trong truyện Chiếc lá cuối cùng

### Bài làm

Trong nhịp sống tất bật, hối hả quay cuồng, nếu không có một khoảng lặng, một phút dừng lại ngắm nhìn cuộc đời, hẳn con người sẽ không bao giờ tìm được chút bình yên, thanh thản cho tâm hồn mình. Những lo toan thường nhật, cuộc mưu sinh bận rộn với bao toan tính, đắn đo đã cuốn con người vào vòng quay bất tận. Nhưng không, ở đâu đó, hơi ấm tình người vẫn lặng lẽ tỏa sáng. Ngay trong một khu phố nhỏ tồi tàn, vẫn cất lên bản nhạc dịu dàng giữa một xã hội phồn vinh, rộng lớn. Nơi ấy, nhà văn Mĩ O. Henri, bằng tấm chân tình của mình, đã giúp người đọc phát hiện bao vẻ đẹp của tình thương yêu giữa những người lao động nghèo khổ. Đoạn trích trong “Chiếc lá cuối cùng” diễn tả đầy đủ vẻ đẹp những trái tim nhân hậu cao cả.

“Chiếc lá cuối cùng” là truyện ngắn kể về những người nghệ sĩ nghèo. Xiu và Giôn-xi là hai nữ họa sĩ trẻ sống trong một căn hộ thuê rẻ tiền ở khu quảng trường Gri-niz, gần công viên Oa-sinh-tơn. Bệnh viêm phổi và sự nghèo túng đã khiến Giôn- xi ngã gục trên con đường tìm về với sự sống. Cô nằm bất động trên giường bệnh, dõi theo những chiếc lá thường xuân qua ô cửa sổ và tin rằng mình sẽ ra đi khi chiếc lá cuối cùng rụng xuống, vẻ chán nản làm bệnh tình của cô ngày một trầm trọng. Xiu vô cùng lo lắng và bộc lộ nỗi niềm với cụ Bơ- men – người họa sĩ nghèo luôn ấp ủ ước mơ vẽ một kiệt tác nhưng chưa bao giờ thực hiện được, đành sống qua ngày bằng tiền vẽ tranh quảng cáo và ngồi làm mẫu cho các họa sĩ trẻ cùng xóm… Một buổi sáng, Giôn-xi lại thều thào ra lệnh cho Xiu kéo chiếc màn cửa sổ để cô nhìn ra ngoài. Sau trận mưa vùi dập và những cơn gió phũ phàng đêm trước, một chiếc lá vẫn bướng bỉnh bám trên cành thường xuân. Đó là chiếc lá cuối cùng của cây. Cả ngày hôm ấy, Giôn-xi chờ cho chiếc lá rụng xuống và cô sẽ chết. Nhưng sáng hôm sau, chiếc lá vẫn còn nguyên trên cây, tiếp thêm cho Giôn-xi sức sống và niềm hi vọng một ngày nào đó sẽ được vẽ vịnh Na-plơ. Khi Giôn-xi gần như chiến thắng được bệnh tật thì cụ Bơ-men qua đời, vì bệnh lao phổi. Chiếc lá thường xuân giúp Giôn-xi vượt qua cơn nguy hiểm là kiệt tác cụ Bơ-men đã vẽ trên tường trong đêm mưa gió dữ dội, tàn bạo, cái đêm mà chiếc lá cuối cùng không chịu nổi sức gió đã lìa cành… Đoạn trích thấm đượm tình người đã rung lên những sợi dây cảm xúc trong tâm hồn độc giả.

Câu chuyện khép lại bằng lời kể của Xiu mà không để Giôn-xi có phản ứng gì thêm. Biết đâu mỗi lần ngắm chiếc lá là một lần Xiu và Giôn-xi được tiếp thêm sức lực và bản lĩnh để vượt qua những khó khăn, gian khổ trong cuộc sống? Truyện đã dừng lại, nhưng dư âm vẫn còn vang vọng trong lòng người đọc với bao suy nghĩ, dự đoán…

Ngoài nghệ thuật miêu tả diễn biến tâm lí và khắc họa tính cách ba nhân vật, nhà văn O. Hen-ri đã thành công trong việc xây dựng hai tình huống bất ngờ, thú vị. Ngay từ đầu, Giôn-xi đã đem đến bao lo lắng, thương cảm khi từng giờ phút chiến đấu và dần buông xuôi trước tử thần, nhưng theo thời gian, tình huống bỗng đảo ngược, Giôn-xi trở nên yêu đời, ham sống, tạo nên tiếng thở phào nhẹ nhõm. Ngược lại, cụ Bơ-men khỏe mạnh bỗng chết vì bệnh viêm phổi, một cái chết để lại những giọt nước mắt cảm động. Cả hai lần đảo ngược tình huống đều xoay quanh một trục: Bệnh viêm phổi, chiếc lá cuối cùng, có khác chăng là hành trình đi từ sự sống đến cái chết của một họa sĩ già để kéo cô gái trẻ từ cõi chết ngược về sự sống. Nghệ thuật đặc sắc ấy đã góp phần làm nên sức hấp dẫn của truyện.

ĐềBT4 : Phân tích nghệ thuật mô tả tâm trạng và xây dựng truyện ngắn đặc sắc của nhà văn Mỹ O’Hen-ri trong tác phẩm **Chiếc lá cuối cùng** để làm rõ bức thông điệp nghệ thuật cảm động của ông.  
**Bài làm**

Trong nhịp sống tất bật, hối hả quay cuồng , nếu không có một khoảng lặng, một phút dừng lại ngắm nhìn cuộc đời, hẳn con người sẽ không bao giờ tìm được chút bình yên, thanh thản cho tâm hồn mình. Những lo toan thường nhật, cuộc mưu sinh bận rộn với bao toan tính, đắn đo đã cuốn con người vào vòng quay bất tận. Nhưng không, ở đâu đó, hơi ấm tình người vẫn lặng lẽ toả sáng. Ngay trong một khu phố nhỏ tồi tàn, vẫn cất lên bản nhạc dịu dàng giữa một xã hội phồn vinh, rộâng lớn. Nơi ấy, nhà văn Mĩ O’ Henri, bằng tấm chân tình của mình, đã giúp người đọc phát hiện bao vẻ đẹp của tình thương yêu giữa những người lao động nghèo khổ. Đoạn trích trong “Chiếc lá cuối cùng” diễn tả đầy đủ vẻ đẹp những trái tim nhân hậu cao cả .  
 “Chiếc lá cuối cùng” là truyện ngắn kể về những người nghệ sĩ nghèo. Xiu và Giôn-xi là hai nữ hoạ sĩ trẻ sống trong một căn hộ thuê rẻ tiền ở khu quảng trường Griniz gần công viên Oa-sinh-tơn. Bệnh viêm phổi và sự nghèo túng đã khiến Giôn- xi ngã gục trên con đường tìm về với sự sống. Cô nằm bất động trên giường bệnh, dõi theo những chiếc lá thường xuân qua ô cửa sổ và tin rằng mình sẽ ra đi khi chiếc lá cuối cùng rụng xuống. Vẻ chán nản làm bệnh tình của cô ngày một trầm trọng. Xiu vô cùng lo lắng và bộc lộ nỗi niềm với cụ Bơ-men – người hoạ sĩ nghèo luôn ấp ủ ước mơ vẽ một kiệt tác nhưng chưa bao giờ thực hiện được, đành sống qua ngày bằng tiền vẽ tranh quảng cáo và ngồi làm mẫu cho các hoạ sĩ trẻ cùng xóm… Một buổi sáng, Giôn- xi lại thều thào ra lệnh cho Xiu kéo chiếc màn cửa sổ để cô nhìn ra ngoài. Sau trận mưa vùi dập và những cơn gió phũ phàng đêm trước, một chiếc lá vẫn bướng bỉnh bám trên cành thường xuân. Đó là chiếc lá cuối cùng của cây. Cả ngày hôm ấy, Giôn-xi chờ cho chiếc lá rụng xuống và cô sẽ chết. Nhưng sáng hôm sau, chiếc lá vẫn còn nguyên trên cây, tiếp thêm cho Giôn- xi sức sống và niềm hi vọng một ngày nào đó sẽ được vẽ vịnh Na-plơ. Khi Giôn-xi gần như chiến thắng được bệânh tật thì cụ Bơ-men qua đời, vì bệnh lao phổi. Chiếc lá thường xuân giúp Giôn-xi vượt qua cơn nguy hiểm là kiệt tác cụ Bơ-men đã vẽ trên tường trong đêm mưa gió dữ dội, tàn bạo, cái đêm mà chiếc lá cuối cùng không chịu nổi sức gió đã lìa cành… Đoạn trích thấm đượm tình người đã rung lên những sợi dây cảm xúc trong tâm hồn độc giả.  
 Tình người cao đẹp được thể hiện trước hết ở nhân vật Bơ-men và bức kiệt tác của cụ. Ngay từ đầu đoạn trích, người hoạ sĩ già khắc khổ này chỉ xuất hiện qua một vài chi tiết: Xiu và cụ Bơ-men “sợ sệt ngó ra ngoài cửa sổ, nhìn cây thường xuân. Rồi họ nhìn nhau một lát, chẳng nói năng gì”; “cụ Bơ-men mặc chiếc áo sơ mi cũ màu xanh, ngồi đóng vai một tay thợ mỏ già trên cái ấm đun nước lật úp giả làm tảng đá” và cuối cùng chỉ thấp thoáng qua lời kể của Xiu. Nhưng có lẽ đôi hình ảnh hiếm hoi ấy mãi còn lại trong tâm trí bao người. Giây phút “nhìn cây thường xuân” đầy lo lắng là lúc cụ cảm nhận rõ nhất dáng ngủ yếu ớt cũng như mạng sống mong manh của Giôn-xi. Không ai biết trong ánh nhìn lặng lẽ chẳng nói năng và cái dáng ngồi làm mẫu bất động, cụ đang ấp ủ một điều gì. Đã từ lâu, ông cụ già “nhỏ nhắn dữ tợn” tự coi mình là một con chó xồm lớn chuyên canh gác và bảo vệ cuộc sống của hai nữ hoạ sĩ trẻ yếu đuối Xiu và Giôn-xi.Với cụ Bơ-men cô độc, có lẽ hai cô gái không khác gì những người ruột thịt, những người thân yêu nhất trong những năm tháng tuổi già hiu quạnh. Thường ngồi làm mẫu cho những bản vẽ của cô chị và hay tâm tình về tác phẩm kiệt xuất của mình, phải chăng đó là những tình cảm ấm áp mà cụ dành cho họ? Cụ hiểu tâm trạng Giôn-xi và nỗi lòng Xiu. Và… O’ Hen-ri không kể ông cụ làm gì sau khi về căn hộ cũ tồi tàn của mình. Cách cắt đoạn tạo một khoảng không gian riêng mà trong đó, chẳng ai có thể đoán được cụ Bơ-men sẽ có những hành đông cụ thể nào. Nhưng rồi, qua lời kể của cô chị Xiu, Giôn-xi và người đọc chợt ngỡ ngàng hiểu rõ công việc mà cụ đã âm thầm làm trong im lặng, trong những tiếng gào thét dữ dội của giông bão. Một mình cụ, với ngọn đèn bão, với bảng màu và chiếc thang mà có lẽ phải vất vẻ lắm cụ mới có thể lôi được nó ra khỏi chỗ cũ…. đã hoàn thành bức kiệt tác của cuộc đời mình. Thân già khổ sở trong đêm tối khủng khiếp đang nhăm nhe quật ngã mọi thứ, phải dũng cảm, chịu khó, bến bỉ như thế nào thì cụ Bơ-men nhỏ nhắn mới có thể gắng sức đương đầu với cơn mưa phũ phàng như vậy? Hơn nữa, vẽ – dẫu chỉ là vật nhỏ nhoi như một chiếc lá – trong hoàn cảnh khắc nghiệt, không ai giúp đỡ lại càng khó khăn gấp bội. Chiếc lá rất thật: “tuy ở gần cuống lá vẫn còn giữ màu xanh sẫm, nhưng rìa lá hình răng cưa đã nhuốm màu vàng úa” được vẽ nên bằng tất cả tấm lòng, tâm huyết và tài năng của người hoạ sĩ già Bơ-men. Nhưng điều quan trọng nhất là mục đích cuối cùng của người hoạ sĩ “thất bại trong nghệ thuật” đã đạt được. Chiếc lá mỏng manh chống chọi, thách thức cùng gió rét đã tiếp thêm sức sống và niềm tin cho Giôn-xi, kéo cô từ vực sâu của chết chóc và bệnh tật lên đỉnh chiến thắng. Nhưng bù lại, cụ Bơ-men đã vĩnh viễn ra đi. Hoá ra ông cụ già “hay chế nhạo cay độc sự mềm yếu của bất kì ai” lại là một người có thể hi sinh mạng sống của mình vì người khác. Chiếc lá là minh chứng cho tất cả tâm lòng thương yêu và sự quyết tâm cứu cô hoạ sĩ trẻ đầy tài năng với tương lai phía trước của cụ. Có thể cụ không nghĩ rằng đó là một kiệt tác. Dẫu bức tranh chẳng phải là tác phẩm có thể đưa cụ và hai cô gái trẻ ra khỏi nơi ẩm thấp rẻ tiền mà họ đang trú ngụ, nhưng có lẽ dưới suối vàng cụ vẫn sẽ mỉm cười mãn nguyện. Ngay hành động của cụ cũng đã là một kiệt tác, một kiệt tác vô giá dù không màu sắc, không đường nét, không âm thanh… nhưng chan chứa tình người. Tác giả không trực tiếp miêu tả mà tiết lộ cách “sáng tác” âm thầm, lặng lẽ ấy qua lời nói của Xiu tạo một sự bất ngờ cho người đọc, đồng thời tô đậm thêm tấm lòng cao cả và đức hi sinh như thánh thần của một hoạ sĩ già nghèo khổ.  
 Cũng như cụ Bơ-men, khi nhìn cây thường xuân chỉ còn trơ trọi vài chiếc lá, Xiu đã không giấu được nỗi lo sợ của mình. Giôn-xi tuy không ruột rà máu mủ gì với cô, nhưng cô thương Giôn-xi như một người em gái. Khoảnh khắc lặng nhìn cây thường xuân là khoảng lặng nặng nề đè trĩu tâm tư Xiu. Vì thế, sáng hôm sau, khi Giôn-xi yêu cầu kéo rèm cửa lên, cô “làm theo một cách chán nản”. Rõ ràng trong cô vẫn bị ám ảnh bởi tâm trạng bi quan của Giôn-xi. Cô không tin vào điều định mệnh về “chiếc lá cuối cùng” mà Giôn-xi nghĩ đến, nhưng cô sợ, với tình cảnh này, Giôn-xi sẽ thực sự rời xa cô mất. Cụ Bơ-men không nói gì với cô về việc làm của mình, về ý định thay thế chiếc lá thiên nhiên đã rơi rụng bằng một chiếc lá “nhân tạo” nên khi thấy trên cành chỉ còn duy nhất một chiếc la ùlay lắt, mỏng manh, yếu ớt, Xiu không khỏi thắt lòng lo sợ. Tiếng thều thào đoán định của Giôn-xi: “Hôm nay nó sẽ rụng thôi và cùng lúc đó thì em sã chết” như bóp nghẹt trái tim Xiu. Trước mặt Giôn-xi, Xiu tỏ ra mạnh mẽ là thế – một Xiu luôn cứng cỏi gạt bỏ những suy nghĩ tiêu cực của em – nhưng Giôn-xi có biết từ sâu thẳm tâm hồn Xiu cũng yếu đuối và đa cảm lắm? Cô thương Giôn-xi đến nỗi lo sợ không biết rồi mình sẽ ra sao nếu Giôn-xi chết đi “Em thân yêu, thân yêu! Em hãy nghĩ đến chị, nếu em không còn nghĩ đến mình nữa. Chị sẽ làm gì đây?” Lời động viên tràn đầy tình thươmng yêu  để Giôn-xi hiểu rằng với Xiu, Giôn-xi như nửa cuộc đời cô. Giôn-xi mất đi rồi, liệu cuộc sống của cô có còn gì gọi là ý nghĩa? “Ngày hôm đó trôi qua, và ngay cả trong ánh hoàng hôn, họ vẫn có thể trông thấy chiếc lá thường xuân đơn độc níu vào cái cuống của nó trên tường”, một câu kể ngỡ như bình thường mà chứa đựng bao nỗi niềm. Trong bóng tối đang dần buông xuống, những đôi mắt vẫn không ngừng dõi theo chiếc lá cuối cùng như muốn chứng kiến cảnh chống chọi của nó với thiên thiên khắc nghiệt. Niềm hi vọng vẫn còn đó, nhưng có thể phụt tắt bất cứ lúc nào, khác gì ngọn đèn leo lét trước cơn gió dữ. Nhà văn không dùng một từ ngữ nào để miêu tả tâm trạng Xiu khi sang ngày sau nữa, chiếc lá vẫn dũng cảm bám chặt trên cành, nhưng vẫn có thể hình dung nét mặt tươi tắn của cô. Hẳn Xiu rất mừng khi Giôn-xi muốn ăn cháo. Những cử chỉ chăm sóc tận tình đã được đáp lại. Lời nói của vị thầy thuốc “Được năm phần mười rồi. Chăm sóc chu đáo thì chị sẽ thắng” càng khơi dậy niềm hi vọng vốn có lúc tưởng như tắt lụi. Cùng với sự cổ vũ của “chiếc lá dũng cảm” – kiệt tác của cụ Bơ-men – Xiu đóng một vai trò quan trọng trong việc giúp Giôn-xi tìm lại được niềm tin và sự sống. Tình bạn và tấm lòng chân thật đã chiến thắng lão già viêm phổi quái ác. Lại một khoảng thời gian nữa trôi qua, khoảng thời gian thể hiện sự tinh tế và chín chắn trong vai trò làm chị của Xiu. Khi Giôn-xi đã lấy lại được sự vui vẻ, Xiu mới nhỏ nhẹ nói cho em sự thật mà có lẽ cô cũng chỉ mới biết không bao lâu. Nếu Xiu biết trước ý định của cụ Bơ-men thì truyện sẽ mất đi nhiều sức hấp dẫn, và chắc chắn cũng sẽ không có đoạn văn thể hiện tâm trạng lo lắng thấm đượm tình người của Xiu. Cô không phải là trung tâm tác phẩm nhưng lại đem đến cho người đọc một tình cảm êm dịu, hiền hoà, góp thêm một phần vào bức tranh với những gam màu sáng của tình người cao đẹp.  
 Còn Giôn-xi, người biết sự thật cuối cùng? Cảnh ngộ của cô thật đáng thương. Cái nghèo túng cùng cơn bệnh hoành hành cướp đi của cô tất cả sức lực. Cô gần như tuyệt vọng. Mỗi tiếng đếm  lùi khi từng chiếc lá rơi xuống là mỗi lúc cô cảm thấy gần kề với cái chết hơn. Lưỡi hái tử thần cứ chập chờn trước mặt Giôn-xi đầy đe doạgắn với hình ảnh của nhưng chiếc lá thường xuân nhỏ bé. Sự sống mong manh của cô khác nào những chiếc lá ấy, chỉ một cơn gió thoảng qua là có thể lìa cành? Người đọc chợt căng thẳng, hồi hộp mỗi khi Giôn-xi bảo Xiu kéo mành lên. Ngay ngày hôm trước, sự tuyệt vọng của Giôn-xi làm nên nỗi niềm lo sợ trong Xiu và cụ Bơ-men, để rồi nỗi lo sợ lại len lỏi vào lòng người đọc. Lần thứ nhất kéo mành chỉ còn lại một chiếc lá, khiến không ai có thể dứt mắt khỏi sự sống nhỏ nhoi ấy suốt một ngày một đêm. Lần kéo mành thứ hai, liệu chiếc lá có còn và tính mạng của Giôn-xi sẽ ra sao? Giôn-xi có tàn nhẫn quá không khi bóp nghẹt trái tim người thân yêu bằng cách ra lệnh kéo mành như thế? Thật khó mà hồn nhiên, vui vẻ khi nghĩ rằng mình sắp chết, nhất là lúc con người đang ở vào độ tuổi đẹp nhất của cuộc đời! Nghe những lời thủ thỉ tâm tình của Xiu, Giôn-xi cũng cô đơn lắm chứ. “Cái cô đơn nhất trong khắp thế gian là một tâm hồn đang chuẩn bị sẵn sàng cho chuyến đi xa xôi bí ẩn của mình”. Cô đơn “khi những mối dây ràng buộc cô với tình bạn và với thế giới xung quanh cứ lơi lỏng dần từng sợi một”. Và nỗi sợ hãi choán hết tâm trí cô. Nhưng khi đêm đã qua rồi mà chiếc lá cuối cùng vẫn chưa lìa cành, Giôn-xi “nằm nhìn chiếc lá hồi lâu”,cái nhìn như dần sưởi ấm trái tim yếu đuối giá lạnh của cô. Có lẽ cô đang nghĩ và so sánh mình với sự mạnh mẽ của chiếc lá: “Có một cái gì đấy đã làm cho chiếc lá cuối cùng vẫn còn đó để cho em thấy mình đã tệ như thế nào” và chợt nhận ra “muốn chết là cái tội”. Khoảng thời gian diễn ra sự hồi sinh diệu kì trong tâm hồn cô. Chiếc gương tay, ý muốn được ngồi dậy xem Xiu nấu nướng là những biểu hiện rõ rệt nhất của sự sống. Và niềm hi vọng được vẽ cảnh vịnh Na-plơ lại bùng cháy. Nhận được sự dộng viên, khích lệ âm thầm lặng lẽ của cụ Bơ-men, của Xiu, Giôn-xi đã tự mình biến cái không tưởng thành hiện thực. Tất cả sẽ trở nên vô nghĩa nếu như giờ phút này cô lại chấp nhận buông xuôi. Nhưng không, người đọc có thể thở phào nhẹ nhõm trước một sự sống mới đang hình thành.  
Câu chuyện khép lại bằng lời kể của Xiu mà không để Giôn-xi có phản ứng gì thêm. Biết đâu mỗi lần ngắm chiếc lá là một lần Xiu và Giôn-xi được tiếp thêm sức lực và bản lĩnh để vượt qua nhưng khó khăn, gian khổ trong cuộc sống? Truyện đã dừng lại, nhưng dư âm vẫn còn vang vọng trong lòng người đọc với bao suy nghĩ, dự đoán…  
Ngoài nghệ thuật miêu tả diễn biến tâm lí và khắc hoạ tính cách ba nhân vật, nhà văn O’hen-ri đã thành công trong việc xây dựng hai tình huống bất ngờ, thú vị. Ngay từ đầu, Giôn-xi đã đem đến bao lo lắng, thương cảm khi từng giờ phút chiến đầu và dần buông xuôi trước tử thần, nhưng theo thời gian, tình huống bỗng đảo ngược, Giôn-xi trở nên yêu đời, ham sống, tạo nên tiếng thở phào nhẹ nhõm. Ngược lại, cụ Bơ-men khoẻ mạnh bỗng chết vì bệnh viêm phổi, một cái chết để lại những giọt nước mắt cảm động. Cả hai lần đảo ngược tình huống đều xoay quanh một trục: Bênh viêm phổi, chiếc lá cuối cùng, có khác chăng là hành trình đi từ sự sống đến cái chết của một hoạ sĩ già để kéo cô gái trẻ từ cõi chết ngược về sự sống. Nghệ thuật đặc sắc ấy đã góp phần làm nên sức hấp dẫn của truyện.  
 Cả ba nhân vật xuất hiện bổ sung và hoàn chỉnh dần bức tranh thấm đượm tình người, dẫu là những con người không ruột thịt máu mủ. Và một nhân vật cứ im lìm, bất động, lặng lẽ chứng kiến sự đổi thay kì diệu. Chỉ vài trang kết truyện “Chiếc lá cuối cùng” với lối xây dựng theo kiểu có nhiều tinh tiết hấp dẫn, sắp xếp chặt chẽ khéo léo, kết cấu đảo ngược tình huống hai lần, O’Hen-ri đã gây hứng thú và làm cho chúng ta rung cảm trước tình yêu thương cao cả giữa những con người nghèo khổ.

## BT5.Ý nghĩa hình tượng Chiếc lá cuối cùng

Chiếc lá cuối cùng nhà văn Mĩ O Hen-ri là một trong những truyện nổi tiếng trên toàn thế giới, tác giả kể lại cuộc sống nghèo khổ của các họa sĩ lúc đó gồm họa sĩ trẻ Xiu và Giôn-xi cùng với Bơ-men, họ đang trải qua một cuộc sống vất vả “cơm áo gạo tiền” trong một không gian chật hẹp và ăn uống thiếu thốn. Trái ngược với cuộc sống đó là tinh thần họ vẫn luôn vui vẻ, tình cảm gắn bó.

“Chiếc lá cuối cùng” tác giả gửi thông điệp về tình bạn cao quý, nhắn nhủ mọi người hãy biết yêu thương nhau. Xiu và Bơ-men là hai nhân vật làm nổi bật tình cảm cao đẹp trên. Hai họa sĩ nghèo này khác nhau về tuổi tác nhưng lại có chung một mối điều quan tâm đó là làm sao cứu sống được Giôn-xi. Xiu đã phải làm việc kiếm tiền mua thuốc, chăm sóc bạn. Xiu là một người bạn thủy chung, hết lòng giúp đỡ bạn bè trong những lúc khó khăn nhất. Chỉ như vậy thôi chưa đủ bệnh viêm phổi của Giôn-xi ngày càng nặng hơn và có thể tước đi mạng sống của cô bất cứ khi nào.

Bệnh thì có thể chữa trị nhưng tinh thần thì không, Giôn-xi tuyệt vọng với cái chết đang đến gần, cụ Bơ-men đã nhận ra điều đó và chính cụ đã mang lại niềm hi vọng cho Giôn-xi. Bằng tài năng của mình, cụ đã vẽ lên bức kiệt tác của mình bức tranh cuối cùng mang lại niềm tin, hi vọng sống cho Giôn-xi.

Chiếc lá cuối cùng và sự hi sinh thầm lặng của cụ Bơ-men thật đáng trân trọng, hi sinh bản thân vì cuộc sống của người khác, qua hình ảnh chiếc lá cuối cùng tác giả còn muốn nói đến mục đích cao quý của nghệ thuật trong cuộc sống.  Câu chuyện đơn giản nhưng lại có ý nghĩa nhân đạo sâu sắc, hình ảnh chiếc lá cuối cùng chính là điểm nhấn quan trọng trong truyện giúp mang lại hi vọng, niềm tin cho Giôn-xi vượt qua bệnh tật và ca ngợi sự hi sinh thầm lặng của cụ Bơ-men.

## *BT6.* Chứng minh truyện ngắn “Chiếc lá cuối cùng” là “Bức thông điệp màu xanh”

*Chiếc lá cuối cùng* là tác phẩm của nhà văn bậc thầy ở Mĩ, nhà văn O. Hen-ri. Ông tên thật là Uy-liêm Xit-nây Po-tơ. Thời trẻ, để kiếm sông ông đã lang thang nhiều nơi, làm nhiều nghề khác nhau, có lần bị giam giữ trong ba năm. Ông lấy bút danh O. Hen-ri có lẽ để kỉ niệm một người bạn tốt đã giúp đỡ ông nhiều trong thời kì này. Sau khi ông mất, Hội Nghệ thuật và Khoa học ở Mĩ lập một giải thưởng mang tên O. Hen-ri để tặng cho các truyện ngắn hay hằng năm.   
  
*Chiếc lá cuối cùng* là “bức thông điệp màu xanh” tác giả gửi đến người đọc để cangợi tình bạn thuỷ chung cao quý, nhắn nhủ mọi người hãy yêu thương con người, hãy biết hi sinh vì sự sống con người. Xiu và Bơ-men là hai nhân vật bổ sung cho nhau nhằm làm nổi bật tình cảm cao đẹp trên. Hai hoạ sĩ nghèo này khác nhau về tuổi tác, nhưng lại có chung một mối lo lắng: làm sao cứu sống được Giôn-xi khỏi bàn tay lạnh giá của Thần Chết. Xiu đã phải làm việc rất nhiều, không tiếc sức mình để kiếm tiền mua thuốc, mời bác sĩ, mua thức ăn... và chăm sóc bạn từng li từng tí, từ việc nấu cháo xúp tới việc dỗ dành bạn ăn bằng được. Xiu đúng là một người bạn thuỷ chung, cùng chia sẻ gian nan, hoạn nạn với bạn. Nhưng chỉ như vậy cũng chưa thể cứu được Giôn-xi, cô bị viêm phổi nặng đồng thời lại mang tâm trạng tuyệt vọng, tin rằng mình không thể sống được khi chiếc lá thường xuân cuối cùng của cái cây bên kia cửa sổ rụng xuống.   
  
Chữa bệnh viêm phổi, y học có thể làm được, nhưng chữa tâm trạng tuyệt vọng, bác sĩ cũng bó tay. Bằng sự nhạy cảm của một người giàu lòng nhân ái, bác Bơ-men đã nhận ra chiếc chìa khoá mở cánh cửa đưa Giôn-xi trở lại cuộc sống. Bằng tài năng, bác đã vẽ nên bức kiệt tác của mình – cũng chính là bức tranh cuốicùng – để mang lại cho Giôn-xi niềm tin yêu vào cuộc sống. Cả hai con người ấy, Xiu và Bơ-men tượng trưng cho lòng nhân đạo cao cả, cho tình yêu thương giữa những con người. Nhưng thông qua bức vẽ cuối cùng gắn liền với sự hi sinh lặng thầm của Bơ-men, tác giả còn muốn nói tới một vấn đề nữa: mục đích của nghệ thuật, ý nghĩa cao quý của nghệ thuật. Suốt bốn mươi năm lao động, bác Bơ-men luôn thất bại, chưa bao giờ ngòi bút của tác giả chạm tới tà áo của Nàng Nghệ thuật, nhưng vì mục đích giành lại sự sống cho mọi người, bác đã hoàn thành kiệt tác của mình trong một hoàn cảnh khác thường: đêm đông, gió lạnh, tuyết rơi, một mình với chiếc đèn bão trên một chiếc thang chênh vênh. Tác phẩm của cụ Bơ-men trở nên bất tử vì nó hiện hình trong sự sống của một con người, sự sống của một tài năng.   
  
Cốt truyện của *Chiếc lá cuối cùng* thật đơn giản. Câu chuyện sống được không chỉ vì ý nghĩa nhân đạo sâu sắc của nó, mà còn vì ngòi bút dựng truyện, khắc hoạ nhân vật đầy tài năng của tác giả. Về mặt kết cấu, ông đã sử dụng thành công thủ pháp đảo lộn tình thế hai lần một cách đột ngột, bất ngờ để hấp dẫn người đọc. Trong truyện, lần thứ nhất là khi Giôn-xi đi đến trạng thái tuyệt vọng, buông thả mọi ý chí, phó mặc cho Thần Chết đưa lưỡi hái ra cắt đứt đời mình. Cô đã đoán chắc với Xiu: “Khi chiếc lá lìa cành thì chắc chắn em cũng lìa đời”. Cô diễn tả tâm trạng của mình trong sự tuyệt vọng “chờ đợi làm em chán lắm rồi, nghĩ ngợi cũng làm em chán lắm rồi. Em muốn buông tay ra khỏi tất cả những thứ em còn đang nắm và lướt xuống, hệt như một trong những chiếc lá mệt mỏi đáng thương đó”. Người đọc cảm thấy nghẹt thở tưởng như vô phương cứu chữa trước một con người không còn một tơ vương nào vào cuộc sống. Nhưng kì diệu thay, chiếc lá cuối cùng không rụng. Nó còn đó mãi mãi như sự bất tử của cuộc đời. Rồi Giôn-xi bắt đầu bình phục.   
  
Lần đảo lộn tình thế thứ hai tiếp liền sau khi Giôn-xi bình phục, ởđoạn trên, ông già Bơ-men xuất hiện thoáng qua rồi mất hút, người đọc bị hấp dẫn bởi cuộc đấu tranh giành sự sống trong Giôn-xi cũng đã quên mất ông. Chính lúc ấy, lời kể của Xiu làm cho cả Giôn-xi và người đọc sống lại một sự kiện bi tráng. Chiếc lá cuối cùng thật đã rụng. Còn lại mãi mãi trên tường là chiếc lá của tình thương yêu, là lòng yêu mến cuộc sống cháy bỏng của người hoạ sĩ già. Sự bất ngờ này đưa Bơ-men thành nhân vật quan trọng nhất thể hiện sâu đậm chủ đề của câu chuyện.   
  
*Chiếc lá cuối cùng* là truyện ngắn về những con người bình thường, những việc bình thường nhưng lại khó quên vì ánh sáng nhân đạo toả sáng mãi của tác phẩm. Mãi mãi người đọc sẽ nhớ tới bác Bơ-men có hình dáng như người thợ mỏ khắc khổ nhưng lại có tấm lòng và hành động của một vị thánh. Mãi mãi người đọc sẽ nhớ tới bức thông điệp màu xanh kêu gọi sự yêu thương giữa con người với con người, kêu gọi nghệ thuật hướng về con người.

# BT7.Vẻ đẹp tác phẩm văn học: Niềm tin sáng tạo từ một chiếc lá không rơi

**Từcái chết của họa sĩ già, đến sựhồi sinh cuộc sống một cô gái sau khi hoàn thành bức họa kiệt tác - vẽmột chiếc lá không bao giờrơi - đã đẻra bao nhiêu tầng ý nghĩa thú vị.**

1. Truyện ngắn Chiếc lá cuối cùng của nhà văn Mỹ O.Hen-ri từ lúc ra đời đến nay luôn có mặt trong những lần tuyển chọn các truyện ngắn hay thế giới. Và được đưa vào chương trình phổ thông từ lâu. Sức hấp dẫn của truyện gợi ra từ sự lung linh của nghệ thuật, lấp lánh của nội dung và ngập tràn tính nhân văn, nhân bản... Bài viết dưới đây khai thác một trong những khía cạnh tạo nên sức hấp dẫn ấy: Một niềm tin trong sáng tạo nghệ thuật.

Đầu tiên là việc xây dựng nhân vật trong tác phẩm. Thế giới nhân vật trong truyện khép kín và ít ỏi. Ngoài vị bác sĩ khám bệnh, thì ba nhân vật chính của truyện là những họa sĩ. Gồm cả hai thế hệ già và trẻ: Ông già Bơ-men, người đã xế bóng cuộc đời ngụp lặn trong những thất bại về nghệ thuật; Giôn-xi và Xiu-đi, những họa sĩ trẻ mới bắt đầu tìm vị trí cho mình. Lựa chọn và xây dựng nhân vật là yếu tố quan trọng hàng đầu khi thai nghén tác phẩm. Nó thể hiện chủ ý sáng tác của tác giả. Xây dựng hệ thống nhân vật như thế, O.Hen-ri muốn làm cơ sở cho việc thể hiện chủ đề câu chuyện. Nhân vật sống, hoạt động, suy nghĩ, đối thoại… đều trên một nền tư tưởng nhất định. Mà ở đây cảm hứng sáng tạo, hay niềm tin sáng tạo là yếu tố quan trọng trong hệ tư tưởng nhân vật. Với công việc tay chân, người thợ xây có thể xây những công trình của mình bằng các tâm trạng khác nhau. Song người nhạc sĩ không thể diễn tả những nốt nhạc hoành tráng, khoáng đạt bằng tâm trạng buồn ủ dột của mình. Không có cảm hứng sáng tạo và niềm tin thì không thể có nghệ thuật với đỉnh cao của nó.

2. Cảm hứng sáng tạo thực sự đã tắt lịm trong các họa sĩ này. O.Hen-ri đã miêu tả cụ thể các hoàn cảnh làm tiền đề cho sự tắt lịm đó: Hoàn cảnh khách quan và hoàn cảnh chủ quan (nhân tố chủ quan). Hoàn cảnh khách quan là khu “kiều dân” khổ sở, khắc nghiệt đang bị hoành hành bởi một căn bệnh của “gã viêm phổi” - theo như cách nói của khu này: “Không có tư cách cao thượng của một hiệp sĩ thời xưa”.

Hoàn cảnh khách quan hẹp là thế, rộng hơn là sự ngột ngạt của cuộc sống xã hội Mỹ đối với tầng lớp người nghèo khổ lúc bấy giờ. Con người bị lệ thuộc và chi phối hoàn toàn vào hoàn cảnh, bị đẩy vào tình thế nguy kịch. Người ta khó có thể sống thanh tao với nghề của mình một cách đúng nghĩa. Nổi tiếng và đầy tài năng như bác Bơ-men cũng chỉ đáng ngồi làm mẫu cho những bức tranh quảng cáo. Đầy nhiệt huyết như Xiu-đi cũng buộc phải hành nghề bằng cách vẽ minh họa cho một số trang sách báo nhảm nhạt… Hoàn cảnh khách quan làm tiền đề cho nhân tố chủ quan. Đây là tâm lý con người. Bi kịch tâm lý này được ngụ ý dưới một trạng cảnh: Căn bệnh của Giôn-xi. Thật sự là Giôn-xi đang rơi vào tình huống mất hết nghị lực và cảm hứng sáng tác. Những niềm tin, những ước mộng được làm những gì to tát giờ đã chết gục trước sự khắc nghiệt của cuộc sống. Những mầm xanh của nghệ thuật bị thui chột dưới cái nắng trời ác quái của mưu sinh. Căn bệnh của Giôn-xi chỉ là dụng ý của tác giả về tinh thần hơn là sinh lý. Hãy nghe lời đối thoại đầu tiên của truyện giữa vị bác sĩ và Xiu-đi: “Cô ấy mười phần chỉ sống nổi, chúng ta hãy nói là một thôi. Và một phần đó còn tùy ở cô ta muốn sống hay không…”.  Câu hỏi tiếp theo của vị bác sĩ làm dụng ý của tác giả rõ hơn một chút: “Cô ấy có điều gì vương vấn trong đầu không nhỉ?”. Và Xiu-đi đã trả lời: “Cô ấy… cô ấy muốn một ngày nào đó sẽ vẽ bức tranh về vịnh Na-plơ”.

3. Có thể nói, từ khi bước chân vào khu nhỏ phía tây quảng trường Washington lộn xộn và đầy khắc nghiệt này, Giôn-xi đã tắt hẳn niềm tin sáng tạo. Ước mơ được vẽ vịnh Na-plơ bây giờ lại như đèn dầu treo trước bão. Nhân tố khách quan là căn bệnh viêm phổi, cả sự phũ phàng của những chiếc lá ngoài ô cửa cứ vô tình rơi bởi sự khắc nghiệt của tiết trời. Nhưng nhân tố chủ quan là nghị lực, ý chí của con người - Giôn-xi có đủ nghị lực và niềm tin hay không để vượt lên hoàn cảnh mà đạt được ước mơ về sáng tạo nghệ thuật.

Kịch tính dâng đến đỉnh điểm. Cái chết của Giôn-xi ngày một gần hơn. Nhưng đến cuối truyện, tình thế lại đảo ngược hoàn toàn. Một ông già gầy yếu, mang trong mình mầm bệnh viêm phổi, đã lắm phen thất bại chua chát trước nghệ thuật, đã chứng minh cho một chân lý: Con người có thể bị hoàn cảnh chi phối chứ nhất định không chịu đầu hàng hoàn cảnh. Sự sống sẽ hồi sinh nếu con người còn nghị lực. Giá vẽ căng sẵn đầy bụi nhặng giờ đã có những nét màu để lưu lại trần thế kiệt tác: Một chiếc lá không rơi. Nếu đặt nhân vật ông già Bơ-men và Giôn-xi trong tương quan so sánh sẽ thấy sự nghịch đối: Một người đã qua xế bóng cuộc đời, mang trong mình mầm bệnh, nhưng được tự chữa chạy bằng liều thuốc tinh thần, nên đã đạt được mục đích, ước mơ. Một người trẻ tuổi, nhưng lại đổ bệnh trầm trọng vì do thiếu nghị lực, đuối tinh thần. Thì ra con người ta sống được là ở tinh thần chứ không phải thể xác. Mà niềm tin chính là phương thuốc hữu hiệu nhất nuôi dưỡng ước mơ và xua tan bệnh tật. Một kiệt tác ấp ủ bấy lâu đã được thực hiện. Một chân lý đã được kiểm chứng. Bác Bơ-men đã hoàn thành một “món nợ” để trả cho đời bằng chính tình thương của mình với Giôn-xi. Bởi không ít những lần ông cụ đã thốt lên trong tác phẩm: “Tội nghiệp con bé!”.

4. Từ niềm tin sáng tạo này, truyện ngắn Chiếc lá cuối cùng đã đem đến cho người đọc những thông điệp triết lý vô cùng ý nghĩa: Con người còn niềm tin khi còn tình thương lẫn nhau. Và niềm tin muốn tồn tại, có giá trị phải vì nhân sinh, vì con người. Chỉ có con người mới tạo ra niềm tin, nuôi dưỡng nó và thực hiện nó. Điều quan trọng nhất là: Người này muốn tạo niềm tin cho người khác hiệu quả nhất là chứng tỏ niềm tin của chính bản thân mình.

Bức tranh chiếc lá cuối cùng không chỉ đơn thuần là đã vẽ giống như thật một chiếc lá không bao giờ rơi. Vì đã là lá, lại đúng mùa phải rụng thì tất sẽ rụng. Điều hiển nhiên ấy chắc hẳn Giôn-xi thừa hiểu và sẽ làm cho cô tuyệt vọng hơn. Cho nên đằng sau chi tiết ấy là cả một dụng ý nghệ thuật của tác giả: Trong tình huống kiệt cùng, con người vẫn có thể làm chủ được tình thế bằng chính niềm tin vào bản thân.

Cái chết chỉ là sự ra đi. Còn niềm tin thì ở lại mãi mãi. Đã có một sự sống đang trỗi dậy từ cái chết. Tình thương và niềm tin của ông già Bơ-men là tấm gương nghị lực để vực Giôn-xi đứng lên từ căn bệnh. Trong truyện, O.Hen-ri đã thể hiện niềm tin đó qua chi tiết cuối của tác phẩm, khi Giôn-xi nói với Xiu-đi: “Xiu ạ, một ngày nào đó em hy vọng  được vẽ vịnh Na-plơ!”.

**BT8:Cảm nhận nhân vật họa sĩ Bơ-men trong Chiếc lá cuối cùng của O.Henri**

**Mở bài:**

Chiếc lá cuối cùng là một trong những kiệt tác văn học của thế giới. Không những phản ánh một cách chân thực và cảm động cuộc sống con người, tác phẩm cũng rất thành công trong nghệ thuật xây dựng nhận vật. Bên cạnh 2 nhân vật Giôn-xi và Xiu, nhân vật Bơ-men cũng được khắc họa đậm nét, để lại nhiều ấn tượng sâu sắc trong lòng người đọc.

**Thân bài:**

Cụ Bơ-men sống trong một căn hộ tồi tàn. Cụ là một họa sĩ trẻ nghèo và giàu khát vọng nhưng cuộc đời lại hết sức bất hạnh. Cụ không vợ, không con, cả cuộc đời đeo đuổi giấc mơ thành công trong nghệ thuật nhưng 40 năm qua ước nguyện vẫn chưa thành.

Tuy nghèo khó nhưng cụ sống trong sạch, biết yêu thương và giúp đỡ người khác, nhất là đối với hai nữ họa sĩ trẻ cùng dãy trọ. Lúc nào người ta cũng thấy cụ điềm đạm, lặng lẽ. Cuộc sống cô đơn khiến tâm hồn cụ cũng héo mòn.

Đối với cụ, nghệ thuật là một niềm đam mê bất tận. Cụ hi sinh cả cuộc đời cho nghệ thuật, gắng công tạo nên một kiệt tác để đời. Dù chừng ấy năm, cụ chưa có mọt tác phẩm nào đáng giá, cuộc sống ngày càng khó khăn, thế nhưng cụ không hề oán trách. Cụ nhận thức rất rõ, nghệ thuật là sự dâng hiến đích thực, làm nghệ thuật là vì cái đẹp, vì con người chứ không phải lợi ích.

Cụ Bơ-men sống giàu tình thương, luôn quan tâm đến mọi người. Cụ là người có đức hi sinh cao cả. Khi biết họa sĩ trẻ Giôn-xi mắc bệnh hiểm nghèo và đang trong tình trạng tuyệt vọng, Cụ đã bí mật làm một việc ý nghĩa: vẽ chiếc lá ngay trong đêm mưa bão. Chính chiếc lá ấy cũng gieo niềm tin, nghị lực vào lòng cô gái trẻ, kéo cô gái từ vực thẳm và vươn lên tiếp tục sống. Bởi thế,***“Chiếc lá cuối cùng” của O.Hen-ri là bức thông điệp màu xanh về tình thương và sự sống của con người.***

Cái chết của cụ Bơ-men là biểu tượng của đức hi sinh vì nghệ thuật, vì cuộc sống con người, là bài ca ca ngợi tình yêu nghệ thuật, tình yêu cuộc sống. Cụ chết đi nhưng sự sống lại được tái sinh trong Giôn-xi. Sự sống và tình yêu nghệ thuật thiết tha của cụ lại trở thành ngọn lửa bùng cháy trong Giôn-xi, một họa sĩ trẻ tuổi và giàu khát khao.

**Kết bài:**

Nhân vật họa sĩ Bơ-men là điển hình của người nghệ sĩ suốt đời phụng sự cho nghệ thuật. Cụ lấy nghệ thuật làm lẽ sống. Lẽ sống ấy không gì khác là làm đẹp cuộc đời. Đức hi sinh và cái chết của cụ là điểm sáng nhất trong tác phẩm, soi bước cho hai nghệ sĩ trẻ tiếp tục dũng cảm dấn thân cống hiến cho nghệ thuật, cống hiến cho cuộc đời.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**PHONG TRÀO THƠ MỚI**

**ÔNG ĐỒ**

**I.Mục tiêu :**

- Giúp học sinh nắm lại một số bài thơ tiêu biểu của phong trào Thơ Mới đã đựơc học trong chương trình về nội dung và nghệ thuật

-Hình thành kỹ năng phát hiện, phân tích, bình giảng

-Qua làm các đề giúp học sinh khả năng diễn đạt

**II.Chuẩn bị :**

Giáo viên: nghiên cứu soạn bài ra đề

Học sinh: học theo hướng dẫn của giáo viên

**III.Tiến trình dạy học:**

**\***Thơ mới: Xuất hiện 1932 - 1945

Là tiếng nói chủ yếu của giai cấp tiểu tư sản thành thị

Sự xuất hiện của các giai cấp tư sản và tiểu tư sản thành thị những tình cảm, những thị hiếu thẩm mỹ mới cùng với sự giao lưu văn hoá đông tây là nguyên nhân chính làm cho phong trào thơ mới ra đời.Ban đầu thơ mới ra đời để chống lại sự quy phạm của thơ cũ

Thơ nới có sự đổi mới về nội dung phi pháp

Đề tài ca ngợi tình bạn, tình yêu say đắm, vẻ đẹp thiên nhiên

\*Cái Tôi trữ tình trong thơ mới

Trong thơ trữ tình cái Tôi chính là bóng dáng của nhà thơ và đấy là quan điểm chính trị, triết học, tôn giáo của nhà thơ về cuộc sống được bộc lộ dưới dạng những cảm xúc

Thi sỹ thơ mới đã đối lập mình với thực tại bằng cách quay lưng khước từ những mối quan hệ bằng cách hướng vào bên trong nhưng tự mình thu lại trong cảm hứng riêng.Vì vậy nhà thơ ngày càng biến thành trung tâm vũ trụ đứng bằng cách chon von cô độc

Khát vọng thoát ly bản thân người nghệ sỹ đòi hỏi cái gì cũng phải tuyệt bích tuyệt mỹvà hoàn hảo.Họ ao ước chân trời khoáng đạt để sáng tác nhưng giữa thời buổi “ mưa âu gió mỹ” khát vọng đó không trở thành hiện thực, họ đâm ra vỡ mộng không tìm thấy hưóng đI không hoà nhập với phong trào cách mạnh của quần chúng, họ cố gắng tìm cho mình một con đường để thoát ly cuộc sống thực tại đồng thời cũng đI tìm một điểm tựa nào đó cho cuộc đời nhưng càng đi tìm họ càng lạc lối, càng đi sâu vào cái tôi lại càng cô dơn vắng lặng

Thoát ly: - trốn vào tình yêu: đây là con đường phổ biến nhất( Xuân Diệu)

-Họ hướng đến thế giới lý tưởng mà họ ước mơ ( trăng, sao, vũ trụ, thiên đường)

-Họ trở về với quá khứ vàng son ( Thế Lữ, Vũ Đình Liên)

Tóm lại thơ mới là tiếng thơ hướng nội – thoát ly buồn nhưng giàu nhân bản

**BÀI THƠ :ÔNG ĐỒ**

### I**. Đôi nét về tác giả Vũ Đình Liên**

- Vũ Đình Liên (1913 - 1996)

- Quê quán: Quê gốc là ở Hải Dương nhưng sống chủ yếu ở Hà Nội

- Cuộc đời và sự nghiệp sáng tác:

   + Là một trong những nhà thơ lớp đầu tiên của phong trào thơ mới

   + Ngoài sáng tác thơ, ông còn nghiên cứu, dịch thuật, giảng dạy văn học

**3. Giá trị nội dung**

- Tác phẩm khắc họa thành công hình cảnh đáng thương của ông đồ thời vắng bóng, đồng thời gửi gắm niềm thương cảm chân thành của nhà thơ trước một lớp người dần đi vào quá khứ, khới gợi được niềm xúc động tự vấn của nhiều độc giả

**4. Giá trị nghệ thuật**

- Bài thơ được viết theo thể thơ ngũ ngôn gồm nhiều khổ

- Kết cấu đối lập đầu cuối tương ứng, chặt chẽ

- Ngôn từ trong sáng bình dị, truyền cảm

### **III. Dàn ý phân tích bài thơ Ông Đồ**

**I/ Mở bài**

- Khái quát về tác giả Vũ Đình Liên, một nhà thơ nổi bật với thiên hướng văn chương mang nặng nỗi tiếc thương và sự hoài niệm quá khứ

- Giới thiệu bài thơ Ông đồ: Một trong những bài thơ bình dị mà cảm động, nhìn vào đó, mỗi người sẽ có cảm giác “sám hối...với lớp người đang đi về cõi chết”- ông đồ

**II/ Thân bài**

**1. Hình ảnh ông đồ thời Nho học thịnh hành**

- Thời gian: Mùa xuân với hoa đào nở

- Hành động: bày mực tàu, giấy đỏ - công cụ chủ yếu của các nhà nho

- Địa điểm: Bên phố đông người ⇒ sự đông vui, náo nhiệt lúc xuân về

⇒ Hình ảnh gần gũi, quen thuộc trong mỗi dịp tết đến xuân về thưở xưa

- “Bao nhiêu người thuê viết....khen tài”: Sự thịnh thế của Hán học, các nhà Nho khẳng định vị trí của mình trong lòng người, đó là những con người được ngưỡng mộ vì tài năng, học vấn

⇒ Góp phần không nhỏ khắc gợi không khí náo nhiệt truyền thống, nét văn hòa không thể bỏ qua của mùa xuân trong tâm thức cổ truyền của dân tộc

⇒ Nhịp thơ nhanh ⇒ giữa không khí náo nức, ông đồ như một người nghệ sĩ, mang hết tài năng của mình hiến cho cuộc đời

**2. Hình ảnh ông đồ khi Nho học lụi tàn**

- “Nhưng mỗi năm mỗi vắng”: từ “nhưng” tạo bước ngoặt trong cảm xúc người đọc, sự suy vi ngày càng rõ nét, người ta có thể cảm nhận một cách rõ ràng, day dứt nhất

- “Người thuê viết nay đâu?”: câu hỏi thời thế, cũng là câu hỏi tự vấn

⇒ Sự đối lập của khung cảnh với 2 khổ đầu ⇒ nỗi niềm day dứt, vẫn ông đồ xưa, vẫn tài năng ấy xuất hiện nhưng không cần ai thuê viết, ngợi khen

- “Giấy đỏ ...nghiên sầu”: Hình ảnh nhân hoá, giấy bẽ bàng sầu tủi, mực buồn động trong nghiên hay chính tâm tình của người nghệ sĩ buồn đọng, không thể tan biến được

- “Lá bàng...mưa bị bay”: Tả cảnh ngụ tình: nỗi lòng của ông đồ. Đây là hai câu thơ đặc sắc nhất của bài thơ. Lá vàng rơi gợi sự cô đơn, tàn tạ, buồn bã, mưa bụi bay gợi sự ảm đạm, lạnh lẽo ⇒ tâm trạng con người u buồn, cô đơn, tủi phận

**3. Tình cảm của nhà thơ:**

- Thời gian: Mùa xuân với hoa đào nở (lại: sự lặp lại tuần hoàn của cảnh thiên nhiên)

- Hình ảnh: “Không thấy”, phủ nhận sự có mặt của một người đã từng trở thành niềm ngưỡng vọng

⇒ Kết cấu đầu cuối tương ứng làm nổi bật chủ đề bài thơ

- “Những người muôn năm cũ...bây giờ?”: Câu hỏi đặt ra dường như không phải để tìm một câu trả lời, đó như một niềm than thân, thương phận mình.

⇒ Câu hỏi tu từ nhằm bộc lộ niềm tiếc thương, day dứt hết sức chân thành của tác giả trước sự suy vi của Nho học đương thời

**III/ Kết bài**

- Khái quát giá trị nội dung, nghệ thuật của bài thơ: Khắc họa thành công hình ảnh ông đồ và câu chuyện về cuộc đời của người nghệ sị Nho học với kết cấu chặt chẽ, ngôn từ gợi cảm...

- Liên hệ bài học hiện nay: Giữ gìn những giá trị tốt đẹp của văn hóa truyền thống

**1.Phân tích bài thơ ông đồ của Vũ Đình Liên.**

1. *Mở bài*.

- Vũ Đình Liên là thi sĩ của trào lưu *thơ mới* giai đoạn 1930 – 1945.

- Nội dung bài thơ *ông đồ* kể về một ông đồ già viết thuê chữ Hán bên lề đường mỗi độ tết đến, xuân về. Dần dần, cả ông đồ và những nét chữ đẹp đẽ, bay bướm của ông bị chìm vào sự lãng quên của người đời, để lại niềm nuối tiếc, thương cảm không nguôitrong lòng nhà thơ.

2. *Thân bài*.

\* Hình ảnh ông đồ già trong những năm đắt khách.

- Hiện lên trong tâm tưởng của nhà thơ.

**+** Ông đồ xuất hiện cùng với hoa đào nở báo hiệu mùa xuân sang: *Mỗi năm….lại* *thấy*… có nghĩa là điều đó đã thành quy luật.

+ *Ông đồ già* làm công việc viết thuê:

Bày mực tàu giấy đỏ

Bên phố đông người qua.

Có sự tương phản giữa giá trị của chữ nghĩa thánh hiền ( vốn chỉ ở nơi trang trọng,tôn nghiêm) với chốn phố phường bụi bặm, tầm thường. Câu thơ hàm ý đạo nho đã đến lúc suy tàn, ông đồ già giờ đây phải bán chữ để kiếm sống qua ngày.

- Nhiều người còn biết quý trọng chữ Hán thuê ông đồ viết và *tấm tắc* khen chữ ông đẹp như *phượng múa rồng bay*. Ông đồ vui vì còn được trân trọng và an ủi.

\* Hình ảnh ông đồ già trong những năm vắng khách.

- Buổi giao thời, tâm lí nhiều người hướng tới cái mới, quay lưng với cái cũ, trong đó có đạo nho. Số khách thuê viết chữ Hán *mỗi năm mỗi vắng*. niềm vui của ông đò già lụi tắt dần và cách kiếm sống của ông càng ngày càng khó. Thủ pháp ngghệ thuật nhân hoá

Giấy đỏ buồn không thắm

Mực đọng trong nghiên sầu

đã thể hiện nỗi buồn sâu sắc , thấm thía của ông đồ già và nâng hai câu thơ lên mức tuyệt bút, làm rung động hồn người.

- Hình ảnh ông đồ già tội nghiệp ngồi bó ngối lặng im giữa trời *mưa bụi bay*, trước mặt là *lá vàng rơi trên giấy* có khả năng gợi sự liên tưởng rất lớn. Ông đồ già chỉ còn là chững tích của một thời tàn, hoàn toàn bị lãng quên giữa dòng đời xuôi ngược.

Ông đồ vẫn ngồi đấy

Qua đường không ai hay

\* Hình ảnh ông đồ trong sự hoài niệm, nuối tiếc của nhà thơ.

- Quy luật thiên nhiên vẫn lặp lại đều đặn: *Năm nay đào lại nở.*

- Quy luật xuất hiện của ông đồ không còn nữa: *Không thấy ông đồ xưa.*

- Có thể *ông đồ* đã thành người *muôn năm cũ*, giống như cả thế hệ nho học của ông đã thực sự bị đẩy lùi vào quá khứ. Nhà thơ thương xót, ngậm ngùi và luyến tiếc vẻ đẹp một thời của họ.

3. Kết bài.

- Bài thơ *ông đồ* ngắn gọn, hàm súc, đặt ra cho người đọc nhiều vấn đề cầm suy ngẫm về nhân tình thế thái.

- Ngôn ngữ thơ tự nhiên, giản dị, tinh tế, cổ điển.

- Hình tượng nhân vật có sức biểu cảm cao, lối nhân hoá, tượng trương sắc sảo tạo cho bài thơ một vể đẹp nghệ thuật độc đáo.

- Bài thơ khẳng định tên tuổi của Vũ Đình Liên trên thi đàn Việt Nam đầu thế kỉ XX.

**2. Cảm nhận của em về bài thơ cùng tên của Vũ Đình Liên**

-Tác giả phác hoạ hình ảnh Ông Đồ đI từ thời quá khứ đến hiện tại, từ còn đến mất, từ thời khắc hoàn kim cho đến khi chỉ còn vang bóng.

-Hình ảnh Ông Đồ thời quá khứ, thời điểm còn, thời khắc hoàng kim ( nho học đang chiếm vị thế quan trọng trong đời sống.

-Từ không khí vui tươI của ngày tết, hình ảnh Ông Đồ bày mực tàu giấy đỏ bên một góc phố đông để viết chữ là hình ảnh quen thuộc, không thể thiếu.Ông Đồ đã góp phần tạo nên đông vui của ngày tết bởi mọi người xúm xít thuê ông viết.Ông Đồ lúc này là vị trí trung tâm, mọi người đều tấm tắc khen tài, ngưỡng mộ truớc tài năng của Ông.

Thế rồi thời thế thay đổi, Nho học, Hán học lụi tàn.Ông Đồ vận động từ còn đến mất.

Ngày xuân trước, phố đông bao nhiêu người thuê viết 🠆 nay vắng.Ngày trước họ tấm tắc ngợi khen tài thì bây giờ họ qua đường không ai hay.Họ dửng dưng lạnh nhạt, Ông Đồ không còn là vị trí trung tâm nữa.Ông Đồ lạc lõng cô đơn, Ông bị người đời gạt ra bên lề của cuộc đời.

Nỗi buồn của Ông nó lan toả sang cả các vật vô tri vô giác ‘ giấy …sầu’ ( phân tích nghệ thuật nhân hoá)

Người buồn thì cảnh vật cũng buồn ‘ lá … bay’ ( phân tích nghệ thuật tả cảnh ngụ tình)

Cuối cùng hình ảnh Ông Đồ đã trở thành người thiên cổ.Mùa xuân đến hoa đào nở nhưng Ông Đồ không xuất hiện.Ông đã nhập vào những ngưòi muôn năm cũ.

⮆ Hình ảnh Ông Đồ cứ mờ dần, mờ dần rồi mất hút trên con đường vô tận của thời gian, hình ảnh Ông Đồ chính là di tích tiều tuỵ đáng thương của một thời tàn.

Tác giả thể hiện tình cảm chân thành thương cảm.

**3.Chứng minh rằng: Với bài thơ Ông đồ Vũ Đình Liên đã chạm được vào những rung cảm tâm linh của giống nòi nên nó còn tha thiết mãi**

**Gợi ý**

Trước kia, vào những ngày Tết, trên bàn thờ tổtiên, bên cạnh cặp bánh chưng, mâm ngũ quả là đôi câu đối Tết. Bởi chính vậy, những ông đồ già trên vỉa hè, phố xá rất đông khách thuê viết. Hình ảnh ông đồ đội khăn xếp, mặc áo the viết câu đối đã khắc ghi vào sâu trong tâm trí nhà thơ Vũ Đình Liên.Với bài thơ "Ông đồ", Vũ Đình Liên đã chạm được vào những dung cảm tâm linh của giống nòi nên nó còn tha thiết mãi đến những thế hệ sau này.

Nhà thơ viết lên bài với một tấm lòng yêu thương, trân trọng, ngợi ca những tài năng, sự đóng góp của những lớp người đi trước với nền văn hoá của dân tộc. Nhà thơ đã làm như vậy khi viết bốn câu thơ đầu:

*"Mỗi năm hoa đào nở*

*Lại thấy ông đồ già*

*Bày mực tàu giấy đỏ*

*Bên phố đông người qua."*

"Một thời vang bóng" của lớp người đã được xã hội trọng vọng, lúc mà nền tảng Hán học đang có một địa vị vững chắc. Gắn liền với sự hưng trịnh đó là hình ảnh những ông đồ giữa phố phường đông vui đầy sắc màu. Màu thắm của hoa đào, màu đỏ của giấy, màu đen nhánh của mực tầu và mái tóc hoa râm của ông đồ.Tất cả đã hài hoà, quyện với nhau thành một tác phẩm tranh lộng lẫy, ngoạn mục giữa phố xá tấp nập. Một vẻ đẹp sao vui tươi quá vậy!

Đây mới là những hình ảnh thoáng qua như gió xuân hây hẩy nhưng cũng đã đủ để gợi lên cái gì đó thật quen trong lòng người.

Ở khổ tiếp theo, hình ảnh ông đồ vẫn không phai nhạt:

*"Bao nhiêu người thuê viết*

*Tấm tắc ngợi khen tài*

*Hoa tay thao những nét*

*Như phượng múa rồng bay."*

Quả thực, đến lúc này, tài năng của ông đồ đã được phô bầy trong không khí phố phường, lúc này mọi người chú ý và trân trọng tài năng đó. Cái tài năng "Phượng múa rồng bay" của ông đồ dưới một bàn tay đầy khéo léo nghệ thuật đã làm rạng danh cho nên Hán học. Những con người đi trước với nền văn hoá dân tộc. Những câu chữ thánh hiền ông viết đã tặng cho mọi người về làm quà đón xuân, trang trí ngôi nhà ấm cúng, tình cảm gia đình thật ấm áp hơn.

Thật đáng buồn biết bao, một truyền thống đẹp của dân tộc đã bị mai một đi, một hình ảnh đầy sắc màu mùa xuân đã dần mất đi khi nền văn hoá phương Tây du nhập vào nước ta.Người ta quên lãng đi câu đối tết và thay vào đó những bức tranh màu sắc rất sặc sỡ.

*"Nhưng mỗi năm mỗi vắng*

*Người thuê viết nay đâu?*

*Giấy đỏ buồn không thắm*

*Mực đọng trong nghiên sầu."*

Độc giả đã hụt hẫng, cảm xúc tươi vui đã bị mất đi khi đọc khổ thơ này.

Trước sự tàn tạ, ra đi của ông đồ và lớp người xưa cũ, lòng thương người của nhà thơ Vũ Đình

Liên được biểu hiện ở sự cảm thông, nỗi xót xa và niềm tiếc nuối khôn nguôi.Ở 2 câu thơ:

*Nhưng mỗi năm mỗi vắng*

*Người thuê viết nay đâu?*

Ta như thấy nhà thơ bâng khuâng đi tìm lại bóng dáng của lớp người xưa cũ. Giọng thơ xót xa khi những con người tài hoa đã bị đẩy ra ngoài lề đường. Trong bối cảnh ấy, tình cảnh ông đồ dần trở nên buồn chán. Người thuê viết giảm đi theo thời gian và năm tháng "mỗi năm mỗi vắng”. Hình ảnh ông đồ giữa đường phố đông vui chỉ còn là một thứ bóng mờ xa xôi. Nỗi xót thương của nhà thơ được bộc lộ rõ nét khi ông đồ và lớp người xưa cũ dần mất đi:

*"Giấy đỏ buồn không thắm*

*Mực đọng trong nghiên sầu."*

Người buồn, nên những vật dụng từng gắn bó thân thiệt với ông cũng sầu đạm theo: giấy không đỏ như xưa, mực trong nghiên cũng sầu não theo. Có lẽ, giấy, nghiên mực không có tâm trạng, nhưng cái bi kịch tâm trạng của giấy, mực mà nhà thơ Vũ Đình Liên nhìn thấy chính là những nỗi xót xa, bẽ bàng của ông đồ nói riêng và lớp người xưa cũ nói chung. Nỗi buồn ấy không chỉ thấm vào phương tiện mưu sinh mà còn thấm đẫm vào cảnh vật thiên nhiên, cảnh vật đã làm cho không gian thêm hiu quạnh và hoang vắng.

*"Ổng đồ vẫn ngồi đấy*

*Qua đường không ai hay*

*Lá vàng rơi trên giấy*

*Ngoài trời mưa bụi bay."*

Cho dù, ông đồ vẫn ngồi đấy nhưng đã bị mọi người quên lãng.Ông chỉ còn là một di tích tiều tuy đáng thương của "một thời tàn".Và có lẽ từ đó, ông vĩnh viễn vắng bóng.Đấy âu cũng là sự dĩ nhiên, phũ phàng.Một Tết nào đó, khi hoa đào lại nở, người đời đã thảng thốt nhận ra sự vắng bóng của ông đồ trước cảnh nhộn nhịp của chốn phố phường. Một tiếng gọi tha thiết vang lên:

*"Năm nay đào lại nở*

*Không thấy ông đồ xưa*

*Những người muôn năm cũ*

*Hồn ở đâu bây giờ?"*

* hai khổ thơ đầu gợi lên cho độc giả niềm phấn chấn, tươi vui thì ba khổ thơ sau là một hình ảnh buồn bã, xót thương, sắc màu cũng phai nhạt theo. Giờ đây, ông đồ và lớp người xưa cũ đã trở nên vô nghĩa giữa cuộc đời. Bài thơ khép lại bằng những hình ảnh, câu thơ mang nặng nỗi buồn tha thiết của tác giả Vũ Đình Liên.

Đọc bài thơ "Ông đồ" xong, ta thấy Vũ Đình Liên đã diễn tả được tình yêu thương con người sâu sắc trước số phận hẩm hiu của ông đồ, nhưng nó đẹp biết bao. Bài thơ còn thể hiện một tâm hồn cao cả và nhân hậu, một con người rất giàu tình yêu thương sâu đậm, ngợi ca những tài năng của người xưa và khuyên răn chúng ta hãy sống để giữ gìn và phát huy những tinh hoa văn hoá của dân tộc. Nền văn hoá đó xứng với một tầm cao mới.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**RÈN HS CÁCH CÁCH NGHỊ LUẬN VỀ TÁC PHẨM THƠ**

**TÁC PHẨM ÔNG ĐỒ**

**BT1.**

1.Vài nét về tác giả

Vũ **Đình Liên** (1913 - 1996) quê ở Hà Nội, là một trong những nhà thơ lớp đầu tiên của phong trào Thơ mới. Thơ ông thường mang nặng lòng thương người và niềm hoài cổ. Ngoài sáng tác thơ, ông còn nghiên cứu, dịch thuật, giảng dạy văn học.

**1.Ông dồ** là bài thơ tiêu biểu nhất cho hồn thơ giàu thương cảm của Vũ Đình Liên. Tuy sáng tác thơ không nhiều nhưng chỉ với bài thơ **Ong dô,** Vũ Đình Liên đã có vị trí xứng đáng trong phong trào Thơ mới.

Bài thơ được viết theo thể thơ năm chữ, gieo vần gián cách, vần bằng vần trắc xen kẽ đều đặn. Bài thơ gồm 5 khổ, mỗi khổ 4 câu:

* Khổ 1-2: hình ảnh ông đồ thời “vàng son” của Nho học.
* Khổ 3-4: hình ảnh ông đồ lúc Nho học đã suy tàn.
* Khổ 5: sự vắng bóng của ông đồ và niềm bâng khuâng tiếc nhớ của nhà thơ.

**A.Đọc - Hiểu văn bản**

**Mở bài: Các em tự làm theo công thức đã hướng dẫn**

**Luận điểm 1: Mở đầu bài thơ là hình ảnh ông đồ thời hoàng kim.**

Mỗi năm hoa đào nở

Lại thấy ông đồ già

Bày mực tàu giấy đỏ

Bên phố đông người qua

**Phân tích nghệ thuật** 🡆Bằng giọng thơ tự sự kết hợp với miêu tả và biểu cảm, nhà thơ gợi lại một hình ảnh đã trở thành thân quen trong đời sống văn hoá tinh thần của người Việt Nam. Hình ảnh hoán dụ hoa đào nở báo hiệu Tết đến xuân về, lại thấy ông đồ già bày mực tàu giấy đỏ bên hè phố đông người qua lại. Theo phong tục, khi Tết đến, người ta sắm câu đôì hoặc một đôi chữ nho viết trên giây điều dán lên vách, lên cột, vừa để trang hoàng nhà cửa ngày Tết, vừa gửi gắm lời cầu chúc tốt lành.

Bao nhiêu người thuê viết

Tấm tắc ngợi khen tài

Hoa tay thảo những nét

Như phượng múa rồng bay

**Nhận xét, đánh giá** 🡆Sự có mặt của ông đã thu hút sự chú ý của mọi người, ông chính là trung tâm của sự kính nể và ngưỡng mộ. Khi đó, ông đồ được người ta tìm đến, và ông có dịp trổ tài. Ông đồ trong bài thơ được “bao nhiêu người thuê viết”. Trong không khí rộn rã, tưng bừng của ngày Tết, trong sắc màu tươi thắm của hoa đào, hình ảnh ông đồ với sắc màu rực rỡ của mực tàu và giấy đỏ đã thu hút bao người xúm đến. Hình ảnh ông đồ vừa hài hòa, vừa nổi bật giữa không khí của phố xá ngày Tết. Người ta xúm xít quanh ông không chỉ vì cần thuê viết chừ, mà còn để thưởng thức tài viết chữ đẹp của ông. Mọi người tấm tắc ngợi khen tài ông, khen ông có hoa tay, khen nét chữ của ông như phượng múa rồng bay. Mọi người nhìn ông bằng ánh mắt thán phục, ngưỡng mộ. Đó là thời kì “vàng son” của ông đồ.

**Nhận xét, đánh giá, bình luận** 🡆 Người đọc nhận ra đàng sau mỗi câu thơ là cả một sự thán phục, ngưỡng mộ trước tài năng của ông đồ và đó cũng là nét đẹp, thú vui tao nhã của nền văn hóa xa xưa. **Phân tích từ ngữ** 🡆 “Mỗi năm” “lại thấy” như một quy luật, một mốc thời gian gần như cố định. Nghĩa là không cần hẹn nhưng cứ tết đến xuân vsề là ông đồ xuất hiện bên góc phố

**Luận điểm 2: Đến khổ Trong khổ 3 và khổ 4, vẫn hiện lên hình ảnh ông đồ với mực tàu, giấy đỏ bên hè phố ngày Tết, nhưng tat cả đã khác xưa.**

Nhưng mỗi năm mỗi vắng

Người thuê viết nay đâu?

**Phân tích từ ngữ** 🡆Từ “nhưng” đặt ngay ở dòng thơ tiếp theo như tạo ra một bước ngoặt có phần cay đắng, tủi thân của sự nghiệp ông đồ. “mỗi năm mỗi vắng” nghĩa là hình nhr phố xá đông vui, nhộn nhịp vẫn còn, tết đến xuân về vẫn như xư nhưng người tìm đến ông đồ cứ vắng dần vắng dần theo thời gian. Giọng thơ như chùng xuống, nhịp thơ cũng chậm lại như diễn tả đúng cái sự đổi thay kia. **Nhận xét, đánh giá** 🡆 Cái câu hỏi tu từ kia như xoáy sâu vào tâm can người đọc bao thế hệ. Người thuê viết nay đâu? Có phải nét chữ ông đồ không còn như phượng múa rồng bay nữa hay có sự đổi thay nào khác lớn hơn. Câu thơ không chỉ hỏi mà còn thể hiện một cảm xúc luyến tiếc khi một nét đẹp vắn hóa truyền thống đã lụi tàn khi nền văn hóa phương Tay du nhập. Nỗi buồn tủi thấm cả vào những vật vô tri vô giác:

Giấy đỏ buồn không thắm

Mực đọng trong nghiên sầu

**Phân tích từ ngữ, hình ảnh** 🡆Giấy đỏ và mực là nguyên liệu làm nên nét vẽ tài hoa “phượng múa rồng bay” thế nhưng giờ đây vẫn đỏ mà không thắm lên được - vì chẳng ai đụng đên - nên trở thành vô duyên, bẽ bàng. Nghiên mực không hề được chiêc bút lông chấm vào, nên mực đọng lại bao sầu tủi, nghiên trở thành nghiên sầu.**Phân tích nghệ thuật** 🡆Các từ buồn, sầu như thổi hồn vào sự vật cùng với phép nhân hóa đã khiến cho giấy đỏ, mực tàu vốn vo tri bỗng trở nên có hồn có suy nghĩ như con người. Nỗi buồn đó của ông đồ không chỉ thấm vào những đồ dùng mưu sinh hằng ngày mà cảm xúc đó của ông còn lan ra khung cảnh thiên nhiên, cảnh vật khiến không gian trở nên thật đìu hiu, xót xa:

**Luận điểm 3: Nếu như khổ thơ trên miêu tả khách vắng dần, ông đò lạnh lẽo thì đến đây, ông đồ trở nên mất hút trong mắt mỗi người.Phân tích từ ngữ** 🡆 “Mỗi năm mỗi vắng”, tức là dù ít ỏi nhưng vẫn còn người thuê viêt, vẫn còn người biết đến ông. Nhưng rồi cuối cùng cũng đến lúc:

Ồng đồ vẫn ngồi đấy

Qua đường không ai hay

**Đánh giá nghệ thuật** 🡆Có sự đôì lập đầy xót xa giữa cái không thay đổi và cái đã đổi thay. Ông đồ vẫn ngồi đấy như xưa, không có gì thay đổi, nhưng cuộc đời đã khác xưa. Đường phố vẫn đông người qua lại, nhưng “qua đường không ai hay”, không một ai biết đến sự có mặt của ông. Một sự lãng quên tuyệt đối! ông đồ vẫn kiên trì cố bám lấy sự sống, vẫn muốn có mặt trong cuộc đời, nhưng cuộc đời đã quên hẳn ông! Lạc lõng giữa cuộc đời, lẻ loi giữa phố đông, đó là một nỗi niềm đầy bi kịch. **Bình luận**🡆 “không ai hay” hay chính là lòng người đã đổi? Người ta không thây ông hay chính là một sự lãng quên một net đẹp truyền thống. Câu thơ vừa miêu tả, tự sự nhưng vừa bày tỏ cảm xúc đau đớn, u sầu biết bao. Vũ Đình Liên như thấy hết cả nỗi sầu của ông đồ và cả nỗi sầu của chính cảnh vật. Lòng ông trống vắng, sụp đổ nên trời đất cũng lạnh lẽo, thê lương:

Lá vàng rơi trên giấy

Ngoài giời mưa bụi bay

**Bình luận** 🡆Hai câu thơ tả cảnh nhưng chính là tả nỗi lòng, là ngoại cảnh nhưng kì thực là tâm cảnh. Trong thơ gọi đó là phép mượn cảnh ngụ tình. Đây là hai câu thơ giàu tính tạo hình, đặc săc nhât trong cả bài thơ. Trước mắt người đọc hiện lên hình ảnh ông đồ ngồi bó gôi bên vỉa hè. Lá vàng rơi trên giấy đỏ, không buồn nhặt. Mắt ngơ ngác, buồn rầu nhìn ra màn mưa bụi mịt mờ. Cảnh ngày Tết, nhưng lại không thây có hoa đào - bởi ông đồ nào có biết Tết! Chỉ thây lá vàng và mưa bụi, những hình ảnh mang theo nỗi niềm của lòng người. Lá vàng rơi bao giờ cũhg gợi lên cảm giác buồn bã, tàn tạ - cũng như vận ông đồ đã đến lúc tàn suy. Mưa bụi nhẹ bay lât phâ't đầy trời gợi lên một không gian mịt mờ, ảm đạm - như chính sô phận của ông đồ.

**Luận điểm 1: ở khổ cuối cùng, không còn thây hình ảnh ông đồ.**I

Năm nay đào lại nở

Không thấy ông dồ xưa

Đã bao nhiêu năm, sự xuất hiện của ông đồ luôn gắn với hình ảnh hoa đào ngày Têt. Năm nay, hoa đào lại nở, nhưng không còn thây ông đồ xưa. Cái còn gợi nhớ về cái mất, tạo nên cảm giác hụt hẫng, chơi vơi. Rõ ràng là hình ảnh ông đồ cứ mất hút dần, mất hút dần vào dĩ vàng. **Bình luận**🡆Từ chỗ “mỗi năm mỗi vắng” đến “qua đường không ai hay” và rồi “không thấy ông đồ xưa” Hai câu thơ buộc người đọc nhớ lại mở đầu bài thơ “Mỗi năm hoa đào nở - Lại thây ông đồ già”. **Nhận xét, đánh giá** 🡆Kiểu kết cấu đầu cuối tương ứng như vậy có tác dụng làm nổi bật chủ đề của bài thơ. Ta gặp lại nỗi buồn “cảnh ấy, người đâu” trong thơ Thôi Hộ đời Đường:

Trước sau nào thấy bóng người

Hoa đào năm ngoái còn cười gió đông

**Bình luận**🡆Cảnh cũ còn đó, người xưa đã vắng xa. Bài thơ khép lại bằng một câu hỏi đầy bâng khuâng tiếc nhớ, trực tiếp bày tỏ tâm tư của nhà thơ:

Những người muôn năm củ ..

Hồn ở đâu bây giờ?

Những chữ “xưa”, “muôn năm cũ” khơi sâu vào nỗi xa vắng, ngậm ngùi. Từ sự vắng bóng “ông đồ xưa”, nhà thơ bâng khuâng, xót xa nghĩ đến “những người muôn năm cũ”, nghĩ đên bao thê hệ nhà nho đã bị vùi sâu vào quên lãng trong buổi Nho học suy tàn. Trong tâm sự của nhà thơ, có niềm cảm thương chân thành trước những số phận hẩm hiu, bất hạnh; có niềm hoài cổ ngưỡng mộ và tiếc nhớ một nét đẹp văn hoá trong quá khứ. Không phải nhà thơ bảo thủ đến mức cứ khư khư với mực tàu giấy đỏ, điều chủ yếu là nhà thơ biết gắn bó và trân trọng một lớp người tài hoa đáng kính, một nét đẹp văn hoá đã ăn sâu vào tiềm thức của bao thế hệ người Việt. Đó là một tình cảm, môt thái độ giàu chất nhân văn. Đặt bài thơ vào hoàn cảnh mất nước, câu hỏi “Hồn ở đâu bây giờ?” còn làm day dứt biết bao trái tim Việt Nam yêu nước và yêu văn hoá dan tọc.

Bằng những câu thơ năm chữ bình dị mà cô đọng, gợi cảm, Sử dụng thành công các hình ảnh nhân hóa, ẩn dụ...bài thơ **Ông dồ** đã thể hiện sâu sắc tình cảnh đáng thương của ông đồ, qua đó toát lèn niềm cảm thương chân thành trước một lớp người đang tàn tạ và nỗi nhớ da diết của tác giả đối với cảnh cũ người xưa. Đã hơn nửa thế kỉ trôi qua nhưng mỗi lần đọc lại bài thơ ông đồ người đọc vẫn không khỏi bâng khuâng xoa xuyến, ngậm ngùi tiếc thương về một t hời xưa cũ nhưng đậm chất văn hóa của người Việt. Xin cảm ơn nhà t hơ Vũ ĐÌnh Liên đã cho thế hệ chúng ta một thước phim cũ nhưng hồn vẫn mãi mãi xanh tươi.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**BT2.**

**Đọc bài thơ Ông đồ của Vũ Đình Liên, ông Vũ Quần Phương đã nhận xét: “Văn tả thật ít lời mà cảnh hiện ra như vẽ, không chỉ bóng dáng ông đồ mà cả cái tiêu điều của xã hội qua mắt ông đồ”. Phân tích bài thơ để chứng minh ý kiến trên**

**Gợi ý**

Trong phong trào Thơ mới 1932 - 1945, bên cạnh những vần thơ tình say mê rạo rực, bên cạnh những cái mới, cái “tân thời”... vẫn còn những nỗi niềm hoài cổ thê thiết xót xa. Người đọc bắt gặp những tứ thơ như thế trong bài thơ “Ông đồ” của Vũ Đình Liên. Khi đọc bài thơ này, Vũ Quần Phương đã nhận xét: “Văn tả thật ít lời mà cảnh hiện ra như vẽ, không chỉ bóng dáng ông đồ mà cả cái tiêu điều của xã hội qua mắt ông đồ”.

“Ông đồ” là những ai?Họ vốn là những thầy giáo mẫu mực, uyên thâm của chế độ cũ.Thuở đắc thế, họ được người đời trọng vọng, tôn kính. Ngày lễ tết hằng năm, người đời đến với họ không chỉ để bày tỏ tấm lòng thành mà còn để cung kính xin lấy những nét chữ “Tâm”, “Đức”, “Thọ”, “Lộc”,... vuông vắn, đầy đặn: cái chữ vừa thể hiện cái tài, vừa thể hiện cái tâm của người cầm bút.

Nhưng thời thế thay đổi, khi nền văn hóa phương Tây tràn vào nước ta rồi dần chiếm lĩnh vị trí độc tôn trong sự học thì những ông đồ dần vắng bóng. Cái tài, cái tâm của họ chỉ còn được thể hiện qua con chữ được bày bán bên đường. Cảm với nỗi xót xa, bẽ bàng của “một lớp người tàn” ấy, Vũ Đình Liên viết nên một “ông đồ” làm rung động lòng người.

Bài thơ là một thành công lớn của Vũ Đình Liên nói riêng và đối với Thơ mới nói chung. Bài thơ được viết theo thể năm chữ, vẻn vẹn năm khổ hai mươi câu nhưng đã làm sống lại hình ảnh ông đồ những năm đầu thế kỉ hai mươi và cả cái thời đại tiêu điều khi ấy. Bởi vậy, Vũ Quần Phương hẳn rất thấm thía bài thơ khi nhận xét rằng: “Văn tả thật ít lời mà cảnh hiện ra như vẽ, không chỉ bóng dáng ông đồ mà cả cái tiêu điều của xã hội qua mắt ông đồ”.

*"Mỗi năm hoa đào nở*

*Lại thấy ông đồ già*

*Bày mực tàu giấy đỏ*

*Bên phố đông người qua."*

“Mỗi năm... lại thấy”, hai cụm từ này cho thấy hình ảnh ông đồ đã trở nên quá quen thuộc.Cùng với màu thắm của hoa đào, màu đỏ của giấy, màu đen nhánh của mực tàu và sự đông vui tấp nập của phố phường, hình ảnh ông đồ đã trở nên không thể thiếu trong khung cảnh mùa xuân.

* khổ thơ tiếp theo, hình ảnh ông đồ đã trở thành trung tâm để mọi người chiêm ngưỡng và ngợi ca:

*"Bao nhiêu người thuê viết*

*Tấm tắc ngợi khen tài*

*Hoa tay thảo những nét*

*Như phượng múa rồng bay."*

Từ “bao nhiêu” cho biết ông đồ đang được người đời trọng vọng, cần nhờ vả đến. Với tài năng của ông họ “Tâm tắc ngợi khen tài”, ba phụ âm “t” cùng xuất hiện trong một câu thơ như tràng pháo tay giòn giã để ngợi khen sự tài hoa của ông đồ. Cái tài năng "Phượng múa rồng bay" của ông đồ dưới một bàn tay đầy khéo léo nghệ thuật đã làm rạng danh cho nền Hán học. Cái tài ấy của ông đã được tặng cho mọi người về làm quà đón xuân, trang trí ngôi nhà ấm cúng tình cảm gia đình thật ấm áp hơn.

Nhưng dẫn sao, trong tiếng cười vui vẫn không sao giấu được nỗi ngậm ngùi. Chữ Nho vốn được coi là chữ “Thánh hiền”, chữ Nho ông đồ viết là sự tụ hội của cái tài và cả cái tâm người cầm bút. Nhưng giờ đây, những giá trị thiêng liêng ấy đã bị xô dạt đến bên đường phố để làm thứ cho “thuê”. Chỉ một chữ ấy thôi mà đã thấy băn khoăn, thoảng buồn biết mấy.

Thật đáng buồn biết bao, một truyền thống đẹp của dân tộc đã bị mai một đi, một hình ảnh đầy sắc màu mùa xuân đã dần mất đi khi nền văn hoá phương Tây du nhập vào nước ta. Rồi đã đến lúc người ta quên lãng đi câu đối tết để ngày Tết thưa thớt, thiếu vắng đi những bóng hình quen thuộc:

*"Nhưng mỗi năm mỗi vắng*

*Người thuê viết nay đâu?*

*Giấy đỏ buồn không thắm*

*Mực đọng trong nghiên sầu."*

Cũng là “mỗi năm” nhưng lại thêm từ “mỗi” và lại đứng sau chữ “nhưng” - con chữ thường làm đảo lộn mọi trật tự quen thuộc. Vũ Đình Liên đã phác họa một cảnh tượng đầy xót xa vẫn trên nền hoa đào, ông đồ ngồi ủ rũ, thấp thoáng những bóng người xa dần. Giá như có một sự đột biến nào đó khiến người ta không thích chữ ông nữa thì là một lẽ, đằng này những người đến với ông đồ cứ vơi dần đi, lòng người với thư pháp cũng đã nhạt đi nhiều lắm. Họa chăng có ai còn nghĩ đến ông cũng chỉ bởi lòng thương hại đó thôi. Các thủ pháp nhân hoá được sử dụng liên tiếp “giấy đỏ buồn”, “mực đọng”, “nghiên sầu” chỉ tô đậm thêm nỗi thất vọng của ông đồ. Người buồn, nên những vật dụng từng gắn bó thân thiết với ông cũng sầu đạm theo: giấy không đỏ như xưa, mực trong nghiên cũng sầu não. Có lẽ, giấy, nghiên mực không có tâm trạng, nhưng cái bi kịch tâm trạng của giấy, mực cũng chính nhà thơ Vũ Đình Liên cũng không thể nhìn thấy nỗi xót xa, bẽ bàng của ông đồ nói riêng và lớp người xưa cũ nói chung. Nỗi buồn ấy không chỉ thấm vào phương tiện mưu sinh mà còn thấm đẫm vào cảnh vật thiên nhiên, cảnh vật đã làm cho không gian thêm hiu quạnh và hoang vắng.

*"Ông đồ vẫn ngồi đấy*

*Qua đường không ai hay*

*Lá vàng rơi trên giấy*

*Ngoài trời mưa bụi bay."*

Cho dù, ông đồ vẫn ngồi đấy nhưng đã bị mọi người quên lãng.Ông chỉ còn là một di tích tiều tụy đáng thương của "một thời tàn".Và có lẽ từ đó, ông vĩnh viễn vắng bóng.Có lẽ lúc bấy giờ trên thế gian này chỉ còn lại mỗi nhà thơ là có thể cảm thông được với nỗi buồn của ông đồ.Chỉ cảm thông thôi chứ nỗi buồn ấy lớn quá làm sao chia sẻ nổi. Sự cách biệt của tuổi tác, và nhất là của hai nền văn hóa khác nhau khiến cho nhà thơ chỉ biết đứng xa xa nhìn ông đồ mà thương cảm. Và kì lạ thay là một chiếc lá vàng:

*Lá vàng rơi trên giấy*

*Ngoài trời mưa bụi bay*

Mưa bụi thì rõ, vì đang là tiết xuân. Nhưng sao lại có một chiếc lá vàng đơn độc? Đây chắc không phải là dấu vết của mùa đông mà chỉ có thể lý giải như thế này: nước ta thuộc miền nhiệt đới, bốn mùa cây cối xanh tươi, vậy thì lá vàng cũng có thể rơi bất cứ lúc nào. Nếu đang vui, có lẽ không ai để ý đến chiếc lá vàng lặng lẽ rời cành khi đã hoàn thành sứ mệnh của nó.

Nhưng lúc buồn tâm hồn ta rất nhạy cảm, và lại càng nhạy cảm với nỗi buồn. Thì ra đã suốt một đời nuôi cây, khi rụng xuống chiếc lá vàng vẫn còn kịp gửi đến người đời một bứcthôngĐiệp…

đậu ngay trên trang giấy giờ đã trở nên vô tích sự, bằng chứng hiển nhiên cho nỗi buồn sâu nặng của ông đồ. Bây giờ thì có muốn đem lại những niềm vui dẫu thật nhỏ bé cho cuộc đời thì cũng không ai cần đến nữa.

Bức tranh thứ năm tương phản rõ rệt với bức tranh thứ nhất:

*Năm nay đào lại nở*

*Không thấy ông đồ xưa...*

Thông điệp mùa xuân đã gửi đến rồi. Nhà thơ theo thói quen lại ra phố ngắm cảnh cũ người xưa. Lẽ ra chẳng phải ngạc nhiên.Với tình cảnh như năm ngoái thì ông đồ không thể xuất hiện một lần nữa, không thể nuôi mãi hy vọng về một thời đã qua.Vậy mà trong tâm thức nhà thơ, hình ảnh ông đồ không thể thiếu trong bức tranh xuân của mình.Cho nên mới phải hẫng hụt.Ấn tượng sâu nặng quá khiến nhà thơ tưởng như ông đồ đã ra đi từ lâu lắm. Ông đã thành “ông đồ xưa”, thành người “muôn năm cũ” khiên, nhà thơ bật lên tiếng gọi:

*Những người muôn năm cũ*

*Hồn ở đâu bây giờ?*

Bài thơ tuy ngắn ngủi nhưng hàm súc, cô đọng và chứa đựng bao niềm đồng cảm, xót thương đối với những kiếp người tàn trong xã hội.Bài thơ quả đã dựng lên “bóng dáng ông đồ” và “cả cái tiêu điều của xã hội qua mắt ông đồ”.

Vũ Đình Liên đã dành cho số phận các ông đồ những tình cảm sâu sắc, xuất phát từ sự cảm thông rất đỗi chân thành.Đó không chỉ là sự cảm thông đối với một thế hệ bị lãng quên mà còn là nỗi xót xa trước một vẻ đẹp, một ngành nghệ thuật xưa cũ đã một đi không trở lại.

**BT3.TT**

**Phân tích bài thơ Ông đồ của Vũ Đình Liên**

**Gợi ý**

Trong những ngày Tết đến xuân về náo nức trên mọi nẻo đường, người yêu thơ lại khẽ lắng mình trong một nhịp thơ giản dị đầy nhân văn của nhà thơ Vũ Đình Liên: bài thơ "Ông đồ".

Bài thơ ra đời khi ông đồ đã trở thành cái di tích của một thời tàn. Nho học đã bị thất sủng, người ta đua nhau chạy theo thời đại với chữ Pháp chữ Tây.

Hai đoạn đầu bài thơ, tác giả giới thiệu những ngày huy hoàng của ông đồ:

*Bao nhiều người thuê viết*

*Tấm tắc ngợi khen tài*

*Hoa tay thảo những nét*

*Như phượng múa rồng bay.*

Những lời khen thật hào phóng, nhưng nghĩ kĩ đó chỉ là lời khen của những người ngoài giới bút nghiên. Đi viết câu đối thuê, bản thân việc ấy đã là nỗi lận đận, là bước thất thế của người theo nghiệp khoa bảng. Đỗ cao thành quan nghè, quan thám, đỗ thấp thì cũng ông cử, ông tú, chứ ông đồ là chưa đỗ đạt gì, công chưa thành, danh chưa toại, đành về quê dạy học, bốc thuốc, hay xem lí số ở nơi đô hội như có lần Tản Đà đã làm. Ngày tết, mài mực bán chữ ngoài vỉa hè chắc cũng là việc bất đắc dĩ của nho gia.Chữ thì cho chứ ai lại bán.Bán chữ là cái cực của kẻ sĩ ở mọi thời. Bà con yêu quý và cũng thán phục cái thứ chữ mà bà con không biết, hay chỉ võ vẽ, nên mới khen lao đến vậy. Lời khen này không mang lại vinh quang cho ông đồ, có thể ông còn tủi nữa, nhưng nó an ủi ông nhiều, nó là cái tình của người đời vào hồi vận mạt của ông. Tác giả giới thiệu: cùng với hoa đào, mỗi năm mới có một lần chứ nhiều nhặn gì đâu, giấy đỏ mực tàu, chữ nghĩa thánh hiền bày trên hè phố. Đừng nghĩ đến chuyện khoa bảng, hãy nghĩ trên cương vị người bán, thì đây là hai đoạn thơ vui vì nó nói được sự đắt hàng, ông đồ còn sống được, có thể tồn tại trong cái xã hội đang biến động này. Nhưng cuộc đời đã không như thế mãi, cái ý thích của người ta cũng thay đổi theo thời cuộc. Lớp người mới lớn không có liên hệ gì để mà quyến luyến cái thứ chữ tượng hình kia. Cái tài viết chân, thảo, triện, lệ của ông đồ chữ tốt kia, họ không cần biết đến:

: *Nhưng*.com *mỗi năm mỗi vắng*

*Người thuê viết nay đâu?*

*Giấy đỏ buồn không thắm*

*Mực đọng trong nghiên sầu...*

*Ông đồ vẫn ngồi đấy*

*Qua đường không ai hay*

*Lá vàng rơi trên giấy*

*Ngoài giời mưa bụi bay*

Ông đồ rơi vào tình cảnh một nghệ sĩ hết công chúng, một cô gái hết nhan sắc.*Còn duyênkẻ đón người đưa, Hết duyên đi sớm về trưa một mình.*Ông đồ vẫn ngồi đấy mà không ai hay.Cái hiện thực ngoài đời là thế và chỉ có thế, nó là sự ế hàng.Nhưng ở thơ, cùng với cái hiện thực ấy còn là nỗi lòng tác giả nên giấy đỏ như nhạt đi và nghiên mực hóa sầu tủi.Hay nhất là cộng hưởng vào nỗi sầu thảm này là cảnh mưa phùn gió bấc.Hiên thực trong thơ là hiện thực của nỗi lòng, nỗi lòng đang vui như những năm ông đồ "đắt khách" nào có thấy gió mưa.Gió thổi lá bay, lá vàng cuối mùa rơi trên mặt giấy, nó rơi và nằm tại đấy vì mặt giấy chưa được dùng đến, chẳng có nhu cầu gì phải nhặt cái lá ấy đi.Cái lá bất động trên cái chỗ không phải của nó cho thấy cả một dáng bó gối bất động của ông đồ ngồi nhìn *mưa bụi bay.* Văn tả thật ít lời mà cảnh hiện ra như vẽ, không chỉ bóng dáng ông đồ mà cả cái tiêu điều của xã hội qua mắt của ông đồ. Tác giả đã có những chi tiết thật đắt: nơi ông đồ là bút mực, nơi trời đất là gió mưa, nơi xã hội là sự thờ ơ không ai hay. Thể thơ năm chữ vốn có sức biểu hiện những chuyện dâu bể, hoài niệm, đã tỏ ra rất đắc địa, nhịp điệu, khơi gợi một nỗi buồn nhẹ mà thấm. Màn mưa bụi khép lại đoạn thơ thật ảm đạm, lạnh, buồn, vắng. Như vậy cũng chỉ với tám câu, bốn mươi chữ, đủ nói hết những bước chót của một thời tàn. Sự đối chiếu chi tiết ở đoạn này với đoạn trên: mực với mực, giấy với giấy, người với người, càng cho ta cái ấn tượng thảng thốt, xót xa của sự biến thiên.

Có một khoảng thời gian trôi qua, khoảng trống của đoạn thơ trước khi vào bốn câu kết:

*Năm nay đào lại nở*

*Không thấy ông đồ xưa*

*Những người muôn năm cũ*

*Hồn ở đâu bây giờ?*

*đào nở*để thấy quy luật cũ không còn đúng nữa.Ông đồ đã kiên nhẫn *vẫn ngồi đấy,* nhưng năm nay ông không còn kiên nhẫn được nữa:

*Không thấy ông đồ xưa.*Ông đã cố bám lấy xã hội hiện đại, lũ người hiện đại chúng ta đã nhìnthấy sự cố sức của ông, đã thấy ông chới với, nhưng chúng ta đã không làm gì, để đến bây giờ quay nhìn lại, mới biết ông đã bị buông rơi tự bao giờ. Bóng dáng ông đâu phải bóng dáng của một người, của một nghề, mà là dáng của cả một thời đại, bóng dáng kí ức của chính tâm hồn chúng ta.Đến bây giờ chúng ta mới thấy luyến tiếc, nhưng quá muộn rồi. Chúng ta hỏi nhau hay tự hỏi mình? Hỏi hay khấn khứa tưởng niệm, hay ân hận sám hối. Hai câu thơ hàm súc nhất của bài, chúng ta đọc ở đấy số phận của ông đồ và nhất là đọc được thái độ, tình cảm của cả một lớp người đối với những gì thuộc về dân tộc. Về ngữ pháp câu thơ này rất lạ, nhưng không ai thấy cộm: *Những người muôn năm cũ. Muôn năm,* thật ra chỉ là vài ba năm, nhưng nói muôn năm mới đúng, thời ông đồ đã xa lắc rồi, đã lẫn vào với những bút, những nghiên rất xa trong lịch sử.Chữ *muôn năm cũ* của câu trên dội xuống chữ bây giờ của câu dưới càng gợi bâng khuâng luyến nhớ.Câu thơ không phải là nỗi đau nức nở, nó chỉ như một tiếng thở dài cảm thương, nuối tiếc khôn nguôi.

**BT4.Phân tích giá trị biểu cảm của hai câu thơ sau trong bài thơ Ông đồ của Vũ Đình Liên: Giấy đỏ buồn không thắm - Mực đọng trong nghiên sầu**

**Gợi ý**

*“Giấy đỏ buồn không thắm*

*Mực đọng trong nghiên sầu”.*

“Giấy đỏ” là giấy dùng để viết chữ của ông đồ.Thứ giấy ấy rất mỏng manh, chỉ một chút ẩm ướt giấy cũng có thể phai màu. "Giấy đỏ buồn không thắm”, “không thắm” bởi đã lâu ngày không được dùng đến nên phối pha, ứa tàn theo năm tháng. Mực cũng vậy: "mực đọng trong nghiên sầu”. Đó là thứ mực tàu đen thẫm, dùng để viết chữ lên “giấy đỏ”.Khi viết, phải mài mực rồi đùng bút lông họa lên những nét chữ “Như phượng múa rồng bay”. Nhưng nay “Mực đọng trong nghiên” có nghĩa là mực đã mài từ lâu, đã sẵn sàng cho bàn tay tài hoa của ông đồ thực hiện phép màu nhưng đành đợi chờ trong vô vọng. Các từ “buồn”, “sầu” như thổi hồn vào sự vật.Nhờ phép nhân hóa này, nỗi sầu tủi về thân phận của ông đồ như đã thấm sâu vào từng sự vật, nó bao trùm không gian và đè nặng mỗi tấm lòng.

**BT5.Viết đoạn văn phân tích cái hay của hình ảnh thơ: Lá vàng rơi trên giấy - Ngoài giời mưa bụi bay (Ông đồ - Vũ Đình Liên)**

**Gợi ý**

*“Lá vàng rơi trên giấy*

*Ngoài giời mưa bụi bay”*

Hình ảnh “lá vàng” gợi đến sự tàn phai, rơi rụng.Nhưng đầu xuân sao lại có “lá vàng”?"Lá vàng rơi trên giấy”, giấy ấy chính là “Giấy đỏ buồn không thắm”.Hình ảnh “lá vàng” gợi đến thân phận ông đồ trong bài thơ. Ông đã bị xã hội bỏ rơi, ông đã gắng níu kéo cuộc đời thầm lặng bẽ bàng ngồi bên lề phố “đông người qua” nhưng so với thời đại mới đang sục sôi, bon chen thì ông chỉ là chiếc lá úa tàn đang rụng rơi cay đắng. Nỗi buồn ấy âm thầm và tê tái, nó khiến cơn mưa xuân vốn chứa đựng sức sống bền bỉ, dai dẳng cũng trở thành đìu hiu, xót xa:

*“Ngoài giời mưa bụi bay”.*

“Giời” chứ không phải là “trời”.Đó là cách gọi của dân gian, của những “người muôn năm cũ", trong đó có ông đồ.Câu thơ gợi cái ngước nhìn buồn thảm của ông trước làn mưa bụi nhạt nhòa. Dẫu chỉ là mưa bụi, mưa bay nhưng nó cũng đủ sức xóa mờ đi dấu vết của cả một lớp người. Âu cũng bởi lớp người ấy quá mong manh, bé nhỏ!

## ****BT6:Bình giảng bài thơ Ông Đồ****

Tất cả, năm khổ thơ với vỏn vẹn trăm từ, thoáng qua như một phim tài liệu cực ngắn. Nhưng do đâu điệu buồn của nó chưa thôi day dứt lớp người ở những năm cuối của thế kỷ 20, mà phần lớn xa lạ với Hán học và có khi chưa một lần nhìn thấy hình ảnh ông đồ khăn đóng, áo the của một thời ! Những bạn đọc của thời mở cửa, đang háo hức với một ngoại ngữ phổ biến hơn cả thứ tiếng đã thay thế chữ nghĩa của ông đồ ngày nào, đồng cảm thế nào với bài thơ ? Họ tìm thấy điều gì gần gủi ở ông già cô đơn ấy khi ngay những kẻ cùng thời đã tỏ ra hững hờ ?

Trong một bài phỏng vấn, tác giả đã giải đáp hộ điều mà bao lâu những bạn đọc tinh ý lấy làm ngờ. Đúng là nhà thơ có dụng ý mượn hình ảnh hoa đào và không khí bùi ngùi, man mác của Thôi Hộ trong bài Đường thi lưu danh thiên cổ. Lạ cho loài hoa nổi tiếng phương Đông, đẹp và sang đến thế, lại thêm một lần bị thi nhân bắt chứng kiến chuyện biệt ly, dâu bể. Ai chẳng biết so về nhan sắc với mỹ nhân thì chỉ thiệt thòi cho ông đồ già, nhưng sự vắng bóng của ông khi hoa đào y như năm cũ lại nở — hợp qui luật thiên nhiên mà cũng vô tình biết bao — vẫn gây được hiệu quả tình cảm và nghệ thuật.

Không có cái chắt lọc, đài các như ngôn ngữ Thôi Hộ. Ngôn ngữ của Vũ hiền lành, giản dị, nhịp điệu chậm rãi, khoan thai như bất giác lây lan phong thái của nhân vật “Ông đồ”. So với

 “Mái chèo mơ để bâng khuâng trôi đến  –   Một phương trời mây lạc bóng trăng khuya.”

cũng chính của tác giả và cùng một đề tài hoài cổ, thì thấy rõ lối hành văn giản dị ở đây là kết quả của sự dụng công.

Sự gò bó và giọng đều đều thường thấy ở thơ ngũ ngôn lại giúp cho bài thơ mở đầu có giọng khách quan, kềm chế tình cảm. Hai khổ thơ toàn tả thực cũng hỗ trợ tốt cho mục đích này :

“Mỗi năm hoa đào nở           
Lại thấy ông đồ già  
Bày mực tàu giấy đỏ   
…………….  
Bao nhiêu người thuê viết  
Tấm tắc ngợi khen tài.”

Nhưng chỉ qua khổ thơ thứ 3, giọng khách quan này liền bị phá vỡ bởi hai câu thơ vào loại xuất thần :    “Giấy đỏ buồn không thắm –  Mực đọng trong nghiên sầu..”

Chao ôi, đến hoa mà phương Đông tin là có thần, có hồn còn vô tình “y cựu tiếu đông phong”, nghĩa là hóa ra vẫn là loài vô tri, vô giác, nói chi hạng giấy, mực. Thứ mực phảng phất sầu và loại giấy buồn mà không thắm ấy chỉ có thể là thứ giấy và mực bị nhòe đi, rưng rưng trước mắt nguời biết chuyện đấy thôi !

Màu giấy đỏ và sắc hoa đào. Những xác lá vàng lay lắt rơi rơi quanh cái dáng đen sẫm, bất động của ông đồ già. Tình người nhạt dần theo mỗi khổ thơ:

“Nhưng mỗi năm một vắng   
Người thuê viết nay đâu ?  
…………….  
Ông đồ vẫn ngồi đấy  
Qua đường không ai hay.”

Cho đến khi lụi tàn hẳn, và đất trời hình như cũng muốn hòa vào cuộc ngậm ngùi chung bằng làn mưa bụi bay và cái tiết trời bỗng dưng da diết.

Cảnh ấy, sắc ấy, tình ấy hòa hợp với nhau đưa cảm xúc cao dần để tiếng thở dài cuối cùng:   “Những người muôn năm cũ  –   Hồn ở đâu bây giờ ?”

trở nên sâu lắng hơn, lay động tình người hơn.

Ở mặt khác bài thơ lại đan chéo những cặp đối nghịch: cái tất bật của khách qua đường và sự đơn độc của ông đồ, cái buồn thấu xương của kiếp người bên cảnh phố phường rộn ràng mừng xuân mới, và bất nhẫn làm sao, sự lặng lẽ của người đại diện cuối cùng của nền Hán học tàn tạ, lặng lẽ cả lúc rút lui, lại diễn ra ở một nơi ồn ào, trần ai bậc nhất trên thế gian: hè phố ! Cái đám tang tự đưa giữa phố đông hững hờ mà người tri âm duy nhất lại có mặt khi cỗ xe khuất bóng từ lâu rồi !

Có sự dồn nén thái quá những cặp hòa hợp và đối nghịch trên vuông thơ nhỏ hẹp có 100 từ này. Nhưng là sự thái quá làm nên kiệt tác. Mỗi chúng ta sau phút lặng người, và gần như tránh mặt nhau vì cái cảm giác đồng trách nhiệm nào đó, bỗng bắt đầu giành nhau lên tiếng. Nhưng tất cả như bị hút, bị dạt đi trong cái từ trường do chính sự im lặng của nhân vật. Vâng, âm thanh có trọng lượng nhất mà bài thơ tạo được chính là sự im lặng tuyệt đối của ông đồ. Nó đè nặng lên tim. Nó khuấy động não bộ. Nó tạo trạng thái tinh thần bất ổn cần thiết để đối mặt với bất cứ một vấn đề nghiêm túc nàọ.  Có điều đâu thực sự là v/đ, là tầng cảm xúc chính của bài thơ ?

Theo Hoài Thanh thì “**Ông Đồ**” là “lời sám hối của cả bọn thanh niên chúng ta đối với lớp người đang đi về cõi chết”, những con người mà một thời họ đã “xúm nhau lại chế giễu họ quê mùa, mạt sát họ hủ lậu”. Nhà phê bình đã có một trích dẫn quan trọng từ bức thư của chính Vũ Đình Liên: “Ông chính là di tích đáng thương của một thời tàn”, và dựa vào ý này, tác giả “Thi nhân Việt Nam” kết luận: “Bài thơ của người có thể xem là một việc nghĩa cử”

Sẽ là một chuyện thất lễ và dường như vô lý nữa khi nghi ngờ ý kiến của chính tác giả và nhà phê bình uy tín. Nhưng khi ở một đoạn khác, Hoài Thanh gọi đối tượng của nhà thơ bằng cụm từ không úp mở “Những kẻ thân tàn ma dại” đang “đi về cõi chết” thì chúng tôi e rằng giọng tuyên ngôn hùng hồn mà ông bắt buộc phải dùng khi hạ huyệt thơ cũ và tôn xưng vị trí của thơ mới có ảnh hưởng phần nào tới việc bình thơ chăng ? Nếu đọc một bài thơ khác cũng cùng điệu hoài cổ, bài “Lòng ta là một hàng thành quách cổ”, chúng ta nhận ra giọng thương tiếc trang trọng hơn là lối thương hại của kẻ thắng cuộc. Và tiếng thở dài băn khoăn ở cuối bài thơ “Ông Đồ” có một chiều sâu hơn thứ tình cảm biết điều của người đang đi dự tang lễ, đang đi làm chuyện nghĩa cử. Khi một cực là Đường Thi với Thôi Hộ, và cực kia là ý thơ của Francois Villon (Làm sao tìm lại được tuyết năm xưa ? Mais où sont les neiges d’antan ?) đã gợi hứng cho “Ông Đồ” như chính tác giả thừa nhận, thì cái sầu thuần một màu tê tái trong cả hai dòng thơ Đông Tây rõ ràng cùng một gam màu với điệu buồn trong những câu thơ của Vũ Đình Liên. Nói khác đi, sự dùng dằng kẻ ở người đi trong cõi nhân tình không thể giản đơn, rành rẽ mới, cũ như những nhà chính luận mong muốn. Nghệ thuật luôn cần cái lung linh mê hoặc dễ len vào hồn người\.

Nhưng hoài cổ ở đây không phải là tiếc nuối thứ chữ “rồng bay phg múa” của ông đồ. Từ ngày ông đồ già không trở lại, x/h đã mấy lần chứng kiến cảnh thay bậc, đổi ngôi về ngôn ngữ — bản thân nhà thơ là một người giỏi tiếng Pháp, thứ ngôn ngữ đã thay thế thứ chữ mà ông đồ đã viết trên giấy hồng điều thuở nào — nhưng không thấy s/tác nào về “Ông đồ” Tây hay “Ông đồ” Nga … xuất hiện. Chưa nói dẫu có, chúng cũng không thể tạo được sự đồng cảm rộng rãi như đã thấy với “Ông đồ”.

Sự thực, sự thay đổi từ Hán học qua Tây học có một ý nghĩa đặc biệt của nó. Suốt bao thế kỷ, Hán học gắn với dân tộc, gắn với những giá trị nhân bản của phương Đông. Đấy là thứ chữ ông cha ta đã dùng để trước tác. Nó không những là ngôn ngữ hành chính, thi cử mà còn là ngôn ngữ tâm linh của đền chùa, kinh kệ, văn tế… Tựa như gác chuông, tháp chùa, hình ảnh ông đồ, câu đối… từ lâu đã thân thuộc với mọi người\. Đã đành việc thế chân của Tây học là một tất yếu của thời đại và của hoàn cảnh đất nước ngày đó. Chưa nói cái học từ chương, nệ cổ đã góp phần suy vi sức mạnh của dân tộc. Nhưng một dân tộc tự trọng từng trải qua bao thế kỷ tự chủ và từng dùng chữ Hán như ngôn ngữ chính của một quốc gia độc lập, không thể quên rằng Tây học đã “nhập khẩu” vào đất nước mình như một áp đặt cùng với tàu chiến và đại bác, mà cảnh sụp đổ của cái học cũ luôn gợi lại vết thương vong quốc của mình.

Và có thể vượt qua ý đồ của t/g và nhà phê bình, bài thơ đã tìm thêm được sự đồng cảm trong tâm thức dao động, phức tạp của cả một dân tộc trong buổi giao thời khi giá trị tr/thống có nguy cơ mai một. Trong lúc cái mới chưa thu phục được nhân tâm, nó đánh vào lòng tự trọng bị xúc phạm và cả tâm lý phù suy, xót thương kẻ khó. Mặt khác, nó còn gợi tâm trạng khắc khoải đi tìm nguồn cội trước một cuộc triển lãm khổng lồ của những cảnh lố lăng, kệch cỡm thường thấy ở các buổi giao thời.

Sự biểu lộ tình cảm với ông đồ già và sự lưu luyến với hình ảnh đã mai một ấy trong lòng bạn đọc suốt hơn nửa thế kỷ qua, hẳn phản ảnh những tâm sự phức tạp, những ưu tư đa dạng hơn chúng ta tưởng.

Cuối thế kỷ 20, con tàu Việt Nam lại đang qua ngã rẽ mới. Không còn không khí tủi buồn thuở nào. Đất nước đang lạc quan. Nhưng tình tự về nguồn và việc xác lập lại những giá trị tinh thần đã được thử thách của dân tộc ở mặt nào đó sẽ gặp thách thức. Buổi “giao thời” hôm nay vẫn hứa hẹn những hoạt cảnh lố lăng, lai căng mà hơn một lần chúng ta đã chứng kiến. Sự vồ vập với những giá trị ngoại lai đáng nghi ngại, thái độ “vô tri bất mộ” đối với di sản quý báu của người đi trước, và nói riêng mặt ngôn ngữ, tiếng nói cha ông đang có nguy cơ trở thành một thứ “ngoại ngữ” thất sủng ngay trên quê hương mình.

Và vì vậy, người ta vẫn còn ngậm ngùi, băn khoăn khi đọc “Ông Đồ”. Việc rút lui lặng lẽ không đơn từ khiếu nại của ông không chỉ gợi thương tâm, mà tiếp tục mời gọi, khuấy động những vấn đề sâu xa cho xã hội cùng suy ngẫm.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**BÀI**

**NHỚ RỪNG**

**I.Yêu cầu:** - Hiểu sâu sắc hơn về Thơ mới và phong trào Thơ mới: hoàn cảnh lịch sử làm xuất hiện Thơ mới, cuộc đấu tranh giữa thơ cũ và Thơ mới.

- Hiểu sâu sắc hơn về Thơ mới và phong trào Thơ mới qua việc tìm hiểu về một số nhà thơ tiêu biểu: Thế Lữ, Vũ Đình Liên, Tế Hanh…

- Cảm nhận đư­­ợc cái hay, cái đẹp về nội dung và nghệ thuật của những bài thơ tiêu biểu.

- Ôn tập lại các kiến thức và rèn kĩ năng cảm thụ qua bài *Nhớ rừng*

**II.Nội dung:**

- Khoảng sau năm 1930, một loạt các thi sĩ trẻ xuất thân Tây học lên án thơ cũ là khuôn sáo,trói buộc. Họ đòi hỏi đổi mới thi ca và sáng tác những bài thơ không hạn định về số câu, chữ -> Thơ mới.

- Phong trào Thơ mới ra đời và phát triển mạnh mẽ rồi đi vào bế tắc ch­­a đầy 15 năm.Thơ mới chủ yếu là thơ tự do7 hoặc 8 tiếng. So với thơ cũ, nhất là thơ Đ­­ờng luật, thì Thơ mới tự do , phóng túng, linh hoạt hơn, không còn bị ràng buôc bởi những quy tắc nghiệt ngã của thi pháp thơ cổ điển.

Hai chữ Thơ mới trở thành tên gọi của một phong trào thơ (còn gọi là thơ lãng mạn), gắn liền với tên tuổi của thế Lữ, Chế Lan Viên, Huy Cận, Xuân Diệu...

**\*Thế Lữ**

**1.Vài nét về cuộc đời và sự nghiệp thơ ca**

? Trình bày những nét chính về cuộc đời và sự nghiệp của Thế Lữ

Nhà thơ chọn bút danh Thế Lữ ngoài ý nghĩa để chơi chữ còn ngụ ý tự nhận mình là ng­­ười khách tiên của trần thế, chỉ biết đi tìm cái đẹp:

Tôi là ng­­ười bộ hành phiêu lãng

Đường trần gian xuôi ng­­ược để vui chơi...

Tôi chỉ là ng­ười khách tình si

Ham cái đẹp muôn hình muôn vẻ

**2. Đôi nét về hồn thơ Thế Lữ**

- Thơ mới vừa ra đời, Thế Lữ nh­­ư vừng sao đột hiện sáng chói khắp cả trời thơ Việt Nam

? Đặc điểm phong cách thơ Thế Lữ

- Thế Lữ không bàn về Thơ mới, không bênh vực Thơ mới, không bút chiến, không diễn thuyết. Thế Lữ chỉ lặng lẽ, điềm nhiên b­­ước những bư­­ớc vững vàng mà trong khoảnh khắc cả hàng ngũ thơ x­ưa phải tan rã.

- Thơ Thế Lữ về thể cách mới không chút rụt rè, mới từ số câu, số chữ, cách bỏ vần cho đến tiết tấu âm thanh.

- Thơ Thế Lữ là nơi hẹn hò giữa hai nguồn thi cảm;: nẻo về quá khứ mơ màng, nẻo tới t­­ương lai và thực tế...Sau một hồi mơ mộng vẩn vơ, thơ TL như­­ một luồng gió lạ xui ng­­ười ta biết say s­­ưa với cái xán lạn của cuộc đời thực tế, biết cư­­ời cùng hoa nở chim kêu.

- Thơ ông mang nặng tâm sự thời thế đất n­­ước.

? Vai trò, vị trí của Thế Lữ trong phong trào Thơ mới

-> Thế Lữ không những là ng­ời cắm ngọn cờ thắng lợi cho phong trào Thơ mới mà còn là nhà thơ tiêu biểu nhất cho phong trào Thơ mới thời kì đầu.

**\*Tác phẩm Nhớ rừng**

? Trình bày xuất xứ bài thơ? Vị trí của bài thơ trong sự nghiệp thơ ca của Thế Lữ

- Là một trong những bài thơ tiêu biểu nhất của Thế Lữ và là tác phẩm mở đư­­ờng cho sự thắng lợi của Thơ mới

? Thái độ tiếp nhận của công chúng thời đó với bài thơ? Vì sao bài thơ lại đ­­ược tiếp nhận nồng nhiệt như vậy

- Nhớ rừng là lời con hổ trong v­­ườn bách thú.Tác giả m­­ượn lời con hổ để nói lên tâm sự u uất của lớp thanh niên thế hệ 1930- đó là những thanh niên trí thức Tây học vừa thức tỉnh ý thức cá nhân cảm thấy bất hòa sâu sắc với thực tại xã hội tù túng, ngột ngạt đ­­ương thời. Họ khao khát cái tôi cá nhân đ­­ược khẳng định và phát triển trong một cuộc đời rộng lớn, tự do. Đó cũng đồng thời là tâm sự chung của ng­­ười dân mất n­­ước bấy giờ. Vì vậy*,* ***Nhớrừng*** đã có đ­­ược sự đồng cảm đặc biệt rộng rãi, có tiếng vang lớn. Có thể coi ***Nhớ rừng*** nh­­ư một áng văn thơ yêu nư­­ớc tiếp nối mạch thơ trữ tình yêu n­­ước hợp pháp đầu thế kỷ XX.

- Bài thơ tràn trề cảm hứng lãng mạn: thân tù hãm mà hồn vẫn sôi sục, khao khát tự do.Cảm thấy bất hòa sâu sắc với thực tại tầm th­­ường tù túng như­­ng không có cách gì thoát ra đ­­ược, nó chỉ biết buông mình trong mộng tư­ởng để thoát ly hẳn cái thực tại đó, tìm đến một thế giới khoáng đạt, mạnh mẽ, phi thư­­ờng.

**\*Bài tập**

**Đề bài 1**: **Cảm nhận của em về bài thơ “*Nhớ rừng*” của Thế Lữ?**

**Dàn ý**

**a. Mở bài:** -Thế Lữ (1907- 1989) là nhà thơ tiêu biểu của phong trào thơ mới. Bài thơ *Nhớ rừng* in trong tập “*Mấy vần thơ”* là bài thơ tiêu biểu của ông góp phần mở đường cho sự thắng lợi của thơ mới.

**b. Thân bài*\* Khổ 1***- Tâm trạng của con hổ khi bị nhốt trong cũi sắt được biểu hiện qua những từ ngữ: Gặm một khối căm hờn trong cũi sắt, bị nhục nhằn tù hãm, làm trò lạ mắt, đồ chơi Đang được tung hoành mà giờ đây bị giam hãm trong cũi sắt bị biến thành thứ đồ chơi, nỗi nhục bị ở chung với những kẻ tầm thường, thấp kém, nỗi bất bình.

- Từ “gậm”, “Khối căm hờn” (Gậm = cắn, dằn … , Khối = danh từ chuyển thành tính từ) trực tiếp diễn tả hành động, và t­ư thế của con hổ trong cũi sắt ở vườn bách thú. Cảm xúc hờn căm kết đọng trong tâm hồn, đè nặng, nhức nhối, không có cách nào giải thoát, đành nằm dài trông ngày tháng dần qua, buông xuôi bất lực

- Nghệ thuật tương phản giữa hình ảnh bên ngoài buông xuôi và nội tâm hờn căm trong lòng của con hổ thể hiện nỗi chán ghét cuộc sống tù túng, khao khát tự do.

***\*Khổ 2***- Cảnh sơn lâm ngày x­ưa hiện nên trong nỗi nhớ của con hổ đó là cảnh sơn lâm bóng cả, cây già, tiếng gió gào ngàn, giọng nguồn hét núi,thét khúc trường ca dữ dội... Điệp từ ''với'', các động từ chỉ đặc điểm của hành động gợi tả sức sống mãnh liệt của núi rừng đại ngàn, cái gì cũng lớn lao phi thường, hùng vĩ, bí ẩn chúa sơn lâm hoàn toàn ngự trị…

- Trên cái nền thiên nhiên đó, hình ảnh chúa tể muôn loài hiện lên với tư thế dõng dạc, đường hoàng, lượn tấm thân ...Vờn bóng ... đều im hơi. Từ ngữ gợi hình dáng, tính cách con hổ (giàu chất tạo hình) diễn tả cảm xúc vẻ đẹp vừa uy nghi, dũng mãnh vừa mềm mại, uyển chuyển của chúa sơn lâm. Tâm trạng hổ lúc này hài lòng, thoả mãn, tự hào về oai vũ của mình

***\* Khổ 3***- Cảnh rừng ở đây đ­ược tác giả nói đến trong thời điểm: đêm vàng, ngày mưa chuyển bốn phương ngàn, bình minh cây xanh bóng gội, chiều lênh láng máu sau rừng  thiên nhiên rực rỡ, huy hoàng, tráng lệ

- Giữa thiên nhiên ấy con hổ đã sống một cuộc sống đế vương: *- Ta say mồi ... tan- Ta lặng ngắm ...Tiếng chim ca ...- Ta đợi chết ... điệp từ ''ta'*': con hổ uy nghi làm chúa tể. Cảnh thì chan hoà ánh sáng, rộn rã tiếng chim, cảnh thì dữ dội. ... cảnh nào cũng hùng vĩ, thơ mộng và con hổ cũng nổi bật, kiêu hùng, lẫm liệt. Đại từ “ta” đ­ược lặp lại ở các câu thơ trên thể hiện khí phách ngang tàng, làm chủ, tạo nhạc điệu rắn rỏi, hào hùng.

- Điệp ngữ, câu hỏi tu từ: nào đâu, đâu những, tất cả là dĩ vãng huy hoàng hiện lên trong nỗi nhớ đau đớn của con hổ và khép lại bằng tiếng than u uất ''Than ôi!”. Con hổ bộc lộ trực tiếp nỗi nhớ tiếc cuộc sống tự do của chính mình.

***\*Khổ 4***- Cảnh vườn bách thú hiện ra dưới cái nhìn của con hổ chỉ là hoa chăm, cỏ xén, lối phẳng, cây trồng, giải nước đen giả suối ... mô gò thấp kém, ... học đòi bắt chước cảnh đáng chán, đáng khinh, đáng ghét. Tất cả chỉ là người tạo, do bàn tay con người sửa sang, tỉa tót nên nó rất đơn điệu, nhàm tẻ, giả dối, tầm thường chứ không phải thế giới của tự nhiên, mạnh mẽ, bí hiểm- Giọng thơ giễu nhại, sử dụng một loạt từ ngữ liệt kê liên tiếp, ngắt nhịp ngắn, dồn dập  thể hiện sự chán chường, khinh miệt, đáng ghét…, tất cả chỉ đơn điệu, nhàn tẻ không thay đổi, giả dối, nhỏ bé, vô hồn.

- Cảnh vườn bách thú tù túng đó chính là thực tại xã hội đương thời được cảm nhận bởi những tâm hồn lãng mạn. Thái độ ngao ngán, chán ghét cao độ đối với cảnh vườn bách thú của con hổ cũng chính là thái độ của họ đối với xã hội. Tâm trạng chán chường của hổ cũng là tâm trạng của nhà thơ lãng mạn và của người dân Việt Nam mất nước trong hoàn cảnh nô lệ nhớ lại thời oanh liệt chống ngoại xâm của dân tộc

***\* Khổ 5***- Giấc mộng ngàn của con hổ hư­ớng về một không gian oai linh, hùng vĩ, thênh thang nhưng đó là không gian trong mộng (nơi ta không còn được thấy bao giờ) - không gian hùng vĩ. Đó là nỗi nhớ tiếc cuộc sống tự do. Đó cũng là khát vọng giải phóng của người dân mất nước.Đó là nỗi đau bi kịch. Điều đó phản ánh khát vọng được sống chân thật, cuộc sống của chính mình, trong xứ sở của chính mình. Đó là khát vọng giải phóng, khát vọng tự do.

**c. Kết bài**- Bài thơ tràn đầy cảm hứng lãng mạn: mạch cảm xúc sôi nổi, cuồn cuộn tuôn trào thể hiện tâm trạng

chán ghét của con hổ trong cảnh ngộ bị tù hãm ở vườn bách thú, qua đó thể hiện khát vọng về cuộc sống tự do, cao cả chân thật. Đó cũng là tâm trạng của thế hệ con ng­ười lúc bấy giờ.

**Đề 2 :Tâm trạng con Hổ trong bài thơ ‘ nhớ rừng’ của Thế Lữ.**

Mở bài: Giới thiệu bài thơ và hình tượng con hổ

Nhớ rừng là một trong những bài thơ vào hàng kiệt tác của Thế Lữ và của cả phong trào thơ mới.

Con hổ là hình tượng trung tâm của bài thơ.Mượn lời con hổ bị nhốt ở vườn bách thú, tác giả diễn tả niềm khao khát tự do mãnh liệt và tâm sự yêu nước của con người những ngày nô lệ.

Thân bài: Tâm trạng can hổ trong cảnh giam cầm ở vườn bách thú

+ niềm căm uất và nỗi ngao ngán ( đoạn 1)

+ tâm trạng chán chường và tháI độ khinh miệt sự tầm thường giả dối ở vườn bách thú ( đoạn 4)

-Nỗi nhớ rừng da diết khôn nguôI của con hổ ( đoạn 2,3,5)

+ con hổ nhớ cảnh nước non hùng vỹ với tất cả những gì lớn lao dữ dội

+ con hổ nhớ tiếc về một thời tung hoành hống hách của ngày xưa

Kết bài: Tâm trạng của ocn hổ là một ẩn dụ để thể hiện một cách kín đáo tình cảm của tác giả cũng là tâm trạng của sự yêu nước của những người dân Việt Nam thửa ấy.Họ chán ghét cuộc sống tù túng tầm thường của thực tại nô lệ và khao khát tự do.

Tâm trạng ấy đã làm nên giá trị và sức sống bền lâu của nhà thơ

**ĐỀ 3.Em có nhận xét gì về câu nói của Hoài Thanh khi đọc bài Nhớ rừng: Thế Lữ như một vị tướng điều khiển đội quân Việt ngữ với một mệnh lệnh không thể cưỡng lại được**

**Gợi ý**

Nhà phê bình Hoài Thanh đã đã ca ngợi Thế Lữ như một viên tướng điều khiển đội quân Việt ngữ bằng những mệnh lệnh không thể cưỡng được.Điều này nói lên nghệ thuật sử dụng từ ngữ điêu luyện, đạt đến độ chính xác cao.Chỉ riêng về âm thanh rừng núi, Thế Lữ cho ta nghe thấy tiếng gió gào ngàn, giọng nguồn hét núi, tiếng thét khúc trường ca dữ dội. Để tạo ra sự nuối tiếc quá khứ oanh liệt, nhà thơ dùng những điệp từ "nào đâu...", "đâu..." thể hiện nỗi tiếc nuối khôn nguôi của hổ về quá khứ vinh quang, oai hùng. Cũng có thể thấy câu thơ Thế Lữ miêu tả dáng hiên ngang, hùng dũng, mềm mại của chúa sơn lâm:

*Ta bước chân lên, dõng dạc, đường hoàng*

*Lượn tấm thân như sóng cuộn nhịp nhàng*

*Vờn bóng âm thầm, lá gai, cỏ sắc*

Mấy câu thơ trên có sự nhịp nhàng, cân đối, gợi hình ảnh con hổ khoan thai, mềm mại, với bước chân chậm rãi thật tài tình.

Hay một đoạn khác tả cảnh tầm thường của con người bắt chước, học đòi thiên nhiên:

*Những cảnh sửa sang, tầm thường giả dối*

*Hoa chăm, cỏ xén, lối phẳng, cây trồng*

*Dải nước đen giả suối, chẳng thông dòng*

Câu thơ: *"Hoa chăm, cỏ xén, lối phẳng, cây trồng"* được viết theo cách ngắt nhịp đều nhau,vị giốngnhau đónhư mô phỏng sự đơn điệu, tầm thường của cảnh vật.

Được sáng tác trong hoàn cảnh đất nước còn đang bị kẻ thù đô hộ, giày xéo, bản thân tác giả cũng không tránh khỏi thân phận của một người dân nô lệ nhưng *Nhớ rừng* không rơi vào giọng điệu uỷ mị, yếu đuối. Ngược lại, nó đã thể hiện một sức sống mạnh mẽ, tiềm ẩn, chỉ có

* những con người, những dân tộc không bao giờ biết cúi đầu, luôn khao khát hướng đến tự do.

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**GIÚP HỌC SINH HIÊU HƠN VỀ CÁCH NGHỊ LUẬN VỀ 1 ĐOẠN THƠ, BÀI THƠ.**

**NHỚ RỪNG - THẾ LỮ**

Chủ đề VB: Mượn lời con hổ ở vườn bách thú, tác giả dã thổ hiện tâm sự u uất và niềm khao khát tự do mãnh liệt, cháy bỏng của con người bị giam câm, nô lộ. Bài thơ đã khơi dậy tình cảm yêu nước, niềm uất hân và lòng khao khát tự do của con người Việt Nam khi dang bị ngoại bang thống trị.

**I, KIẾN THỨC CƠ BẢN**

**1, Tác giả:** Thế Lữ ( 1907 – 1945)

- Quê Bắc Ninh. Là nhà thơ tiêu biểu của phong trào Thơ mới. Được nhà nước truy tặng giải thưởng HCM về VHNT

- Hồn thơ dồi dào, lãng mạn.

+ Tên thật: Nguyễn Thứ Lễ, bút danh đặt theo cách chơi chữ, nói lái; còn có hàm ý là người lữ khách trên trần thế chỉ biết đi tìm cái đẹp:

**2. Văn bản**

**a. Hoàn cảnh sáng tác:**

- In trong tập Mấy vần thơ( 1943)

- Tiêu biểu, mở đầu cho sự thắng lợi của Thơ mới.

- Bài thơ sáng tác năm 1934 lúc đó nước ta đang là thuộc địa của Pháp. Nhân dân ta đang sống trong than phận nô lệ bị mất tự do, bị áp bức bóc lột đủ đường.

**b. Thể thơ:** tự do 8 chữ vần liền; vần bằng, trắc hoán vị đều đặn.

**c. Bố cục:**

- Bố cục: 3 phần.

+ Phần 1: Đoạn 1, 4:Con hổ trong vườn bách thú.

+ Phần 2: Đoạn 2, 3: Con hổ thời quá khứ

+Phần 3: Đoạn 5: Khao khát giấc mộng ngàn.

**d. Giá trị nghệ thuật:**

- Hình ảnh mang tính chất biểu tượng, giàu chất tạo hình

- Ngôn ngữ và nhạc điệu phong phú, giàu tính biểu cảm.

**e. Giá trị nội dung:**  Bài thơ mượn lời con hổ nhớ rừng để thể hiện sự u uất của lớp những người thanh niên trí thức yêu nước, đồng thời thức tỉnh ý thức cá nhân. Hình tượng con hổ cảm thấy bất hòa sâu sắc với cảnh ngột ngạt tù túng, khao khát tự do cũng đồng thời là tâm trạng chung của người dân Việt Nam mất nước bấy giờ. Tài liệu của Thu Nguyễn

**II, LUYỆN TẬP**

**A, DẠNG ĐỀ ĐỌC HIỂU**

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**

|  |
| --- |
| **Đọc đoạn thơ sau và trả lời câu hỏi:**  Gậm một khối căm hờn trong cũi sắt  Ta nằm dài trông ngày tháng dần qua,  Khinh lũ người kia ngạo mạn, ngẩn ngơ  Giương mắt bé giễu oai linh rừng thẳm  Nay sa cơ bị nhục nhằn tù hãm  Để làm trò lạ mắt thứ đồ chơi  Chịu ngang bầy cùng bọn gấu dở hơi  Với cặp báo chuồng bên vô tư lự  **Câu 1:** Đoạn thơ trên trích trong văn bản nào? Của tác giả nào? Hãy giới thiệu về tác giả và văn bản đó?  **Câu 2:** Hãy xác định từ loại của từ“gậm”, “khối căm hờn” **.** Nêu cách hiểu của em về từ “gậm”, “khối căm hờn” và nêu tác dụng của cách dùng từ này?  **Câu 3:** Ta có thể thay từ“**gậm**” bằng từ**“ngậm”** và từ **“ khối”** bằng từ **“nỗi”** được không?  **Câu 4:** Tư thế “ nằm dài trông ngày tháng dần qua” nói lên tình thế gì của con hổ?  **Câu 5:** Nêu tác dụng của việc lựa chọn trật tự từ của tác giả trong đoạn thơ?  **Câu 6:** Nhà thơ tả tâm trạng của con hổ với dụng ý nghệ thuật gì?  **Câu 7:** Trình bày cảm nhận của em về khổ thơ trên theo kiểu diễn dịch trong đó có sử dụng một kiểu câu đã học chỉ rõ và gạch chân kiểu câu đó? |

**GỢI Ý:**

**Câu 1:** Đoạn thơ trên trích trong văn bản “ Nhớ rừng” của tác giả Thế Lữ.

**a) T**ác giả ( 1907 – 1945)

- Quê Bắc Ninh. Là nhà thơ tiêu biểu của phong trào Thơ mới. Được nhà nước truy tặng giải thưởng HCM về VHNT

- Là Hồn thơ dồi dào, lãng mạn.

**b) Tác phẩm**

- In trong tập Mấy vần thơ( 1943)

- Tiêu biểu, mở đầu cho sự thắng lợi của Thơ mới.

**Câu 2:**

- Gậm(Động từ)

- Một khối căm hờn(cụm dt).

**-** “gậm”: nghĩa là dùng răng, miệng mà ăn dần, cắn dần từng chút một cách chậm chạm, kiên trì., “khối căm hờn”: cảm xúc căm hờn kết đọng thành khối đông cứng, đè nặng nhức nhối.

**=>** Diễn tả hành động bứt phá của con hổ, bộc lộ tâm trạng uất hận, căm hờn cao độ.

**Câu 3:**

+ **Ngậm** là giữ một vật ở trong miệng lâu->sự chủ động của chủ thể, không gây khó chịu.

+ **Nỗi**: ý nghĩa trìu tượng, không thể hiện được tâm trạng uất hận của con hổ.

**+ Gậm:** hành động gậm nhấm một cách khó khăn 1 vật gì đó

**+ Khối:** ý nghĩa cụ thể, 1 vật lớn và cứng

-> Ta không thể thay thế được vì hai từ đó không thể hiện được tâm trạng không chấp nhận thực tại, không an phận của con hổ. Dường như nỗi uất hận trong lòng nó đã tích tụ thành hình, thành khối.

**Câu 4:** Tư thế “ nằm dài trông ngày tháng dần qua” nói lên tình thế của con hổ: buông xuôi, bất lực, ngày đêm gậm nhấm khối căm hờn, mà theo thời gian cứ một rắn thêm, lớn thêm.

**Câu 5:** Tác giả đảo từ “ gậm” và từ “giương” ở thành phần vị ngữ lên đứng đầu câu, đã diễn tả chính xác tâm trạng uất ức tủi hận của một chúa sơn lâm tài cao nhưng “ phận thấp” khi “sa cơ lỡ bước” đành “nằm dài” nhìn sự ngạo mạn, ngẩn ngơ” dám “ giễu oai linh rừng thẳm”.

**Câu 6:** Nhà thơ tả tâm trạng của con hổ với dụng ý nghệ thuật: nói lên nỗi đau đớn của tầng lớp trí thức khi chứng kiến cảnh đất nước nô lệ mà bản thân không giúp được gì cho Tổ quốc, cho đồng bào, chỉ biết thét lên trong câm lặng, nỗi căm hờn uất ức giận sôi. Qua đấy tác giả gửi gắm tấm lòng yêu nước thầm kín của mình.

**Câu 7:**

**\* Mở đoạn( Câu chủ đề):** Đoạn thơ trên trích trong văn bản “ Nhớ rừng” của tác giả Thế Lữ đã rất thành công trong việc thể hiện tâm trạng của con hổ trong thời hiện tại.

**\* Thân đoạn:**

- Mở đầu đoạn thơ, nhà thơ Thế Lữ đã vẽ ra không gian nhỏ hẹp mà đầy tù túng, bức bối nơi con hổ bị giam cầm. Nỗi cô đơn, sự bực bội, phẫn uất của con hổ được thể hiện trọn vẹn. Qua hình ảnh đó ta có thể cảm nhận được phần nào tình cảnh mất tự do cũng như tâm trạng đầy phẫn uất của chúa sơn lâm rừng già. Thế Lữ đã sử dụng động từ "gậm" để thể hiện sự bức bối lâu dài, dai dẳng, nó không thể nguôi ngoai mà luôn tồn tại, hiển hiện khiến tâm trạng luôn bị vây hãm trong bế tắc, cần được giải thoát. "Khối căm hờn" là những thù hằn, căm giận mà con hổ luôn"gậm" trong mình. "Trong cũi sắt" lại tái hiện chân thực không gian sống giam hãm, nhỏ hẹp khiến cho con hổ bị mất tự do.

- Vì vậy, con hổ chỉ có thể "nằm dài" trong chán chường đau khổ mà lặng lẽ "trông ngày tháng dần qua. Càng tù túng bao nhiêu, càng uất hận bao nhiêu thì sự khinh bỉ dành cho những con người ngoài kia càng nhiều bấy nhiêu "Khinh lũ người kia ngạo mạn ngẩn ngơ". "Lũ người" ở đây ta có thể hiểu là những người đã bắt giam, đẩy con hổ vào chốn tù đầy mất tự do này.

- Nhà thơ cũng thể hiện rõ thái độ của mình ở đây, đó là sự coi thường, chế giễu những hành động phi lí của chúng: "khinh", "giễu" : "Giương mắt bé giễu oai linh rừng thẳm" câu thơ là sự thể hiện cái tinh thần ngạo nghễ, kiêu hùng của con hổ về chốn "oai linh rừng thẳm".

- Trở về với thực tại, con hổ cảm nhận được thấm thía cảnh ngộ của mình, đó là sự "sa cơ lỡ vận" nên phải chịu cuộc sống "nhục nhằn tù hãm". Vì nhận thức được thời thế, hoàn cảnh của mình nên con hổ càng cảm thấy đau khổ, nhục nhã. Đường đường là chúa sơn lâm của rừng đại ngàn, thống trị muôn loài, nay cuộc sống tù hãm khiến cho nó đau khổ. Đau khổ hơn nữa , đó chính là phải làm những việc tầm thường, vô vị "Để làm trò lạ mắt thứ đồ chơi", oai hùng là vậy nhưng khi đã sa cơ, hình ảnh tù hãm vốn đầy đau khổ uất hận lại trở thành những "trò lạ mắt", những "trò chơi" cho người người thưởng thức.  Sống tù túng song không phải ai cũng có tâm trạng giống con hổ, lối sống thanh cao, hơn người nay bị đặt chung hàng với những con vật tầm thường "Chịu ngang bầy cùng lũ gấu dở hơi"; càng thấy buồn hơn khi thấy "cặp báo chuồng bên vô tư lự", chúng không biết mình ở hoàn cảnh nào, không biết tức giận, phẫn uất mà lúc nào cũng "vô tư lự". Câu thơ cũng thể hiện sự đánh giá của nhà thơ về một bộ phận con người trong xã hội,dù sống trong hoàn cảnh mất tự do nhưng không biết lo, không có ý thức cần đứng lên mà phó mặc tất cả cho số phận.

**\* Kết đoạn**: Tóm lại, với viêc sử dụng những từ ngữ chọn, thể thơ tự do, đoạn thơ đã diễn tả sâu sắc tâm trạng uất ức, bất lực, buông xuôi vì mất tự do của chúa sơn lâm, phải chăng qua đó tác giả bộc lộ lòng yêu nước thầm kín của mình?( câu nghi vấn)

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**

|  |
| --- |
| Cho câu thơ: **“ Ta bước chân lên dõng dạc đường hoàng”**  **Câu 1:** Hãy chép tiếp những câu thơ để hoàn thiện khổ thơ?  **Câu 2:** Cho biết đoạn thơ em vừa chép thuộc bài thơ nào? Của ai?  **Câu 3:** Nêu nội dung chính của khổ thơ em vừa chép?  **Câu 4:** Nhận xét cách sử dụng từ ngữ của tác giả trong đoạn thơ và phân tích tác dụng?  **Câu 5:** Nêu cảm nhận của em về hình ảnh con hổ trong đoạn thơ bằng một đoạn văn diễn dịch khoảng 7 đến 10 câu trong đó có sử dụng một câu nghi vấn gạch chân câu nghi vấn đó? |

**Gợi ý:**

**Câu 1:** Hs chép tiếp những câu thơ để hoàn thiện khổ thơ.

**Câu 2:** Đoạn thơ em vừa chép thuộc là bài thơ: “Nhớ rừng” của Thế Lữ

**Câu 3:** Nêu nội dung chính của khổ thơ : đoạn thơ tái hiện hình ảnh dũng mãnh, oai vệ, uy quyền tuyệt đối của con hổ chốn rừng xanh .

**Câu 4:**

- Tác giả sử dụng một loạt các động từ chỉ hoạt động kết hợp với các tính từ “dõng dạc, bước, ...” làm nổi bậy sự xuất hiện đầy oai vệ của chúa tể rừng xanh

- Đại từ “ta” vang lên đầy kiêu hãnh, tự hào, khẳn định quyền uy của con hổ

**Câu 5:** Đoạn văn tham khảo

**\* Mở đoạn:** (Câu chủ đề) Khổ thơ trên trích trong văn bản “ Nhớ rừng” của tác gải Thế Lữ đã rất thành công trong việc nói về hình ảnh dũng mãnh, oai vệ và quyền uy tuyệt đối của con hổ chốn rừng xanh.

**\* Thân đoạn:**

- Giữa cảnh thiên nhiên hùng vĩ, hổ xuất hiện với vẻ đẹp oai phong, lẫm liệt của một vị chúa tể.

- Tác giả sử dụng một loạt các động từ chỉ hoạt động kết hợp với các tính từ “dõng dạc, bước, ...” làm nổi bậy sự xuất hiện đầy oai vệ của chúa tể rừng xanh.

- Những câu thơ sống động, giàu chất tạo hình đã diễn tả chính xác vẻ đẹp của con hổ. Đó là vẻ đẹp vừa uy nghi, dũng mãnh, vừa mềm mại, uyển chuyển. Đại từ “ta” vang lên đầy kiêu hãnh, tự hào, khẳn định quyền uy của con hổ. **Phải chăng với cương vị là “chúa tể cả muôn loài” giữa chốn rừng thiêng, quyền uy của chúa Sơn Lâm là tuyệt đối?( Câu nghi vấn)**

**\* Kết đoạn:** Tóm lại, với việc sử dụng thành công các tính từ, đại từ, động từ tác giả đã tái hiện hình ảnh chúa sơn lâmdũng mãnh, oai vệ và quyền uy tuyệt đối của con hổ chốn rừng xanh.

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3**

|  |
| --- |
| Cho câu thơ: “ Nào đâu những đêm vàng bên bờ suối”  **Câu 1:** Hãy chép tiếp 9 câu thơ để hoàn thiện khổ thơ?  **Câu 2:** Nêu nội dung chính của đoạn thơ em vừa chép?  **Câu 3:** Trong đoạn thơ em vừa chép, kiểu câu phân theo mục đích nói nào được sử dụng nhiều nhất? Chúng được dùng trực tiếp hay gián tiếp? Nêu ngắn gọn hiệu quả nghệ thuật của việc sử dụng kiểu câu ấy trong việc biểu đạt nội dung đoạn thơ?  **Câu 4:** “Than ôi! Thời oanh liệt nay còn đâu?” thuộc kiểu câu gì? (xét theo mục đích nói)  **Câu 5:** Viết một đoạn văn từ 7 đến 10 câu trình bày theo cách diễn dịch cảm nhận đoạn thơ trên?( có một câu nghi vấn dùng để bộc lộ cảm xúc.) |

**GỢI Ý:**

**Câu 1:** Hs chép chính xác 9 câu thơ

**Câu 2: N**ội dung: Đoạn thơ là bộ tranh tứ bình lộng lẫy hiện ra giữa nỗi nhớ tiếc khôn nguôi và tâm trạng uất hận của con hổ khi sa cơ, thất thế .

**Câu 3:** Trong đoạn thơ em vừa chép, kiểu câu được sử dụng nhiều nhất là câu nghi vấn

Chúng được dùng gián tiếp

-> Khắc họa thành công nỗi nhớ tiếc quá khứ vàng son và sự bất lực của con hổ ở hiện tại

**Câu 4:**

**-** “Than ôi” là câu cảm thán.

- “ Thời oanh liệt nay còn đâu?” là câu nghi vấn.

**Câu 5:**

**\* Mở đoạn( câu chủ đề):** Đoạn thơ trên trích trong văn bản “ Nhớ rừng” của tác giả Thế Lữ đã rất thành công trong việc thể hiện bộ tranh tứ bình lộng lẫy hiện ra giữa nỗi nhớ tiếc khôn nguôi và tâm trạng uất hận của con hổ khi sa cơ, thất thế .

**\* Thân đoạn:**

- Trước hết là nỗi nhớ khôn nguôi “những đêm vàng bên bờ suối”. Nghệ thuật ẩn dụ biến không gian đêm trăng trở nên lãng mạn với hình ảnh con hổ ung dung say mồi, uống ánh trăng tan bên bờ suối.

- Nỗi nhớ ngẩn ngơ về những ngày mưa rừng với hình cảnh con hổ ngắm giang sơn trong niềm tự hào. Đại từ “ta” vang lên đầy kiêu hãnh hai lần trong một câu thơ khẳng định quyền tự do, quyền sở hữu tuyệt đối trong niềm kiêu hãnh của con hổ.

- Kỉ niệm thứ ba đầy mày sắc và âm thanh nhưng tất cả đã lùi sâu vào dĩ vãng. Điệp từ “đâu” với câu hỏi tu từ cất lên như một lời than, nhớ tiếc, xót xa.

- Nỗi nhớ của con hổ quay về cảnh chiều tà trong khoảnh khắc hoàng hôn chờ đợi. Bức tranh bốn là cảnh khắc của buổi chiều dữ dội với vị thế tuyệt đối duy nhất của con hổ giữa núi rừng.

- Giấc mơ huy hoàng của con hổ khép lại trong tiếng than u uất: “Than ôi! Thời oanh liệt nay còn đâu”. Phải chăng đó cũng chính là tiếng thở dài của người dân VN mất nước lúc bấy giờ?

**\* Kết đoạn:** Tóm lại, chỉ bằng tám câu thơ, với các biện pháp nghệ thuật đặc sắc, Thế Lữ đã tái hiện được bức tranh vừa có thơ, có nhạc , có cả họa tái hiện sâu sắc nhớ tiếc khôn nguôi và tâm trạng uất hận của con hổ khi sa cơ, thất thế .

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4**

|  |
| --- |
| **Hãy đọc lời nhận xét sau:** “Nhà thơ phản ánh rất thành công nỗi bất bình sâu sắc và niềm tự khao khát tự do mãnh liệt của chúa sơn lâm trước thực tại tù túng, ngột ngạt. Bút pháp khoa trương của tác giả đã đạt tới độ thần diệu trong cảnh giam cầm, hổ chỉ cần biết gửi hồn về chốn nước non hùng vĩ, giang sơn của giống hầm thiêng ngự tại thuở ngàn xưa. Bất bình với hiện tại nhưng không thể thoát khỏi xiềng xích nô lệ. Vị chúa tể sơn lâm đầy uy vũ ngày nào giờ đành buông xuôi, tự an ủi mình bằng những giấc mộng ngàn to lớn trong quãng đời tù túng còn lại. Một nỗi buồn tê tái thấm đẫm tâm hồn. Than ôi! Quá khứ hào hùng oanh liệt giờ chỉ còn hiện lên trong giấc mộng! Tự đáy lòng vị chúa tể rừng xanh bật thốt lên tiếng than ân oán: “Hỡi cảnh rừng ghê gớm của ta ơi!”  **Câu 1:** Lời nhận xét viết về bài thơ nào? Tác giả là ai?  **Câu 2:** Em hãy chép nguyên văn 4 câu thơ mà em thích trong bài thơ ấy? Nêu lí do vì sao em thích?  **Câu 3:** Câu thơ “Hỡi cảnh rừng ghê gớm của ta ơi!” thuộc kiểu câu gì?  **Câu 4:** Vì sao nói bài thơ trên thể hiện được lòng yêu nước thầm kín của người dân mất nước thuở ấy? Theo em thế hệ trẻ ngày nay phải làm gì để thể hiện lòng yêu nước của mình? |

**Gợi ý**

**Câu 1:** Lời nhận xét viết về bài thơ “Nhớ rừng” của tác giả Thế Lữ.

**Câu 2:** Học simh chép nguyên văn 4 câu thơ mà em thích trong bài thơ ấy.

**Chẳng hạn:**

Trong hang tối , mắt thần khi đã quắc.

Là khiến cho mọi vật đều im hơi

Ta biết ta chúa tể của muôn loài

Giữa chốn thảo hoa không tên không tuổi.

Em thích 4 câu thơ trên vì nó đã thể hiện sự dũng mãnh, oai vệ và quyền uy tuyệt đối của con hổ. Giữa cảnh đẹp thiên nhiên hùng vĩ, con hổ xuất hiện với vẻ đẹp oai phong, lẫm liệt của một vị chúa tể. Những câu thơ sống động, giàu chất tạo hình đã diễn tả chính xác vẻ đẹp của con hổ. Đại từ “ta” vang lên đầy kiêu hãnh tự hào, khẳng định quyền uy của con hổ.

**Câu 3:** Câu thơ “Hỡi cảnh rừng ghê gớm của ta ơi!” thuộc kiểu câu cảm thán, nó được dùng để bộc lộ cảm xúc.

**Câu 4:**

+ Vì :

Bài thơ thể hiện tâm trạng ngột ngạt, uất ức, tù túng

Nỗi chán ghét thực tại, tầm thường, giả dối.

Niềm khát khao tự do, mãnh liệt của con hổ

+ Để thể hiện lòng yêu nước của mình chúng ta cần: học tốt, tự hào về dân tộc, bảo vệ chủ quyền của tổ quốc, ...

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 5**

|  |
| --- |
| **Cho câu thơ : “**Nay ta ôm niềm uất hận ngàn thâu,”  **Câu 1:** Hãy nhớ và chép những câu thơ còn lại để có 1 đoạn thơ hoàn chỉnh đoạn thơ.  **Câu 2:** Hãy trình bày nội dung chính của khổ thơ bằng 1 câu văn có đủ chủ ngữ và vị ngữ.  **Câu 3:** Chỉ ra ít nhất một biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong khổ thơ và nêu tác dụng?  **Câu 4:** Hãy viết 1 đoạn văn ngắn trình bày cảm nhận của em về khổ thơ trên |

**Gợi ý:**

**Câu 1:** Hs nhớ và chép những câu thơ còn lại để có 1 đoạn thơ hoàn chỉnh đoạn thơ.

**Câu 2:** Con hổcăm gét đối với những cảnh tầm thường giả dối trong vườn bách thú.

**Câu 3:** Nghệ thuật liệt kê:“ hoa chăm”, “ cỏ xén”, “ lối phẳng”, “ cây trồng”….Đây là những cảnh đáng chán, đáng khinh , đáng gét. Tất cả chỉ là người tạo, do bàn tay con người sửa sang, tỉa tót nên nó rất đơn điệu, giả dối, tầm thường chứ không phải thế giới của tự nhiên, mạnh mẽ, bí hiểm.

**Câu 4:**

**\* Mở đoạn:** Đoạn thơ trên trích trong văn bản “ Nhớ rừng “ của tác gải Thế Lữ đã rất thành công trong việc diễn tả tâm trạng của con hổ ngao ngán, chán gét với cảnh ở vườn bách thú.

**\* Thân đoạn:** Cảnh vườn bách thú hiện ra dưới cái nhìn của con hổ chỉ là “ hoa chăm”, “ cỏ xén”, “ lối phẳng”, “ cây trồng”….Đây là những cảnh đáng chán, đáng khinh , đáng gét. Tất cả chỉ là người tạo, do bàn tay con người sửa sang, tỉa tót nên nó rất đơn điệu, giả dối, tầm thường chứ không phải thế giới của tự nhiên, mạnh mẽ, bí hiểm.. Bằng giọng thơ chế diễu, sử dụng nghệ thuật liệt kê, cách ngắt nhịp dồn dập tác giả đã cho ta thấy sự chán trường, khinh miệt, đáng ghét, tất cả chỉ đơn điệu, nhỏ bé, giả dối, vô hồi. Cảnh vườn bách thú từ túng ấy chính là thực tại xã hội đương thời. Tâm trạng chán trường của con hổ cũng chính là tâm trạng của nhà thơ và của người dân Việt Nam thuở bấy giờ.

**\* Kết đoạn:** Tóm lại, chỉ bằng đoạn thơ ngắn, với các biện pháp nghệ thuật đặc sắc, Thế Lữ đã tái hiện được tâm trạng của con hổ ngao ngán, chán gét với cảnh thực tại ở vườn bách thú.

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 6**

|  |
| --- |
| **Cho câu thơ : “**Hỡi oai linh, cảnh nước non hùng vĩ!,”  **Câu 1:** Hãy nhớ và chép những câu thơ còn lại để có 1 đoạn thơ hoàn chỉnh đoạn thơ.  **Câu 2:** Nêu nội dung chính của khổ thơ em vừa chép.  **Câu 3:** Nhận xét về giọng thơ của khổ cuối?  **Câu 4:** Chỉ ra một biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong khổ thơ và nêu tác dụng?  **Câu 5:** Hãy viết 1 đoạn diễn dịch trình bày cảm nhận của em về khổ thơ trên có sử dụng một kiểu câu đã học và gạch chân chỉ rõ? |

**Gợi ý:**

**Câu 1:**

"Hỡi oai linh, cảnh nước non hùng vĩ  
Là giống hầm thiêng ta ngự trị  
Nơi thênh thang ta vùng vẫy ngày xưa  
Nơi ta không còn được thấy bao giờ!  
Có biết chăng trong những ngày ta ngao ngán  
Ta đương theo giấc mộng ngàn to lớn  
Để hồn ta phảng phất được gần ngươi  
- Hỡi cảnh rừng ghê gớm của ta ơi!"

**Câu 2:** Nội dung chính của khổ thơ : Tâm trạng khao khát tự do mãnh liệt của con hổ, đồng thời cũng ẩn hiện trong đó là tấm lòng yêu nước sâu sắc và sự bất lực trước thời cuộc của con người.

**Câu 3:** Điệp ngữ "Nơi"( 3 lần)-> làm tăng thêm xúc cảm cũng như nỗi xót xa của nhân vật trữ tình, sự lưu luyến với những hồi ức tốt đẹp, sự tiếc thương đầy bất lực.

**Câu 4:** Giọng thơ chuyển đổi từ một tiếng thét bi tráng cho đến đây thì dần trầm xuống, mang cảm giác đau thương và bất lực.

**Câu 5:**

**\* Mở đoạn( Câu chủ đề):** Đoạn thơ trên trích trong văn bản “ Nhớ rừng” của tác gỉa Thế Lữ đã rất thành công trong việc diễn tả tâm trạng khao khát tự do mãnh liệt của con hổ, đồng thời cũng ẩn hiện trong đó là tấm lòng yêu nước sâu sắc và sự bất lực trước thời cuộc của con người.

**\* Thân đoạn:**

+ Khao khát tự do mãnh liệt đang dần sục sôi trong lòng con hổ, một lòng chỉ muốn hướng về nơi đại ngàn mênh mông với giọng gọi đầy tha thiết, bi tráng.   
+ Từ "hỡi" được đặt ở đầu câu thơ gợi ra cảm giác oai hùng của chúa sơn lâm, bộc lộ tư thế hiên ngang, phong thái cai trị lừng lẫy của một vị vua.  
- Phải chăng tâm trạng của con hổ chính là một hình tượng tiêu biểu cho hồn thơ của Thế Lữ, những trí thức tiểu tư sản cùng thời đều phải chịu chung một thực tại ấy là nỗi đớn đau mất nước, mất chủ quyền tộc, bế tắc trong cái vòng luẩn quẩn trước khi được giác ngộ cách mạng?( câu nghi vấn)  
=> Thỏa mình trong thơ ca, khát khao vươn tới những cái Đẹp xa xăm, nhiều mộng tưởng, thoát ly khỏi cuộc sống trần tục, có nhiều khốn khổ và chán chường.  
- Thể hiện khốn cảnh chung của dân tộc Việt Nam, cái thực tại tầm thường, giả dối ở đây chính là luận điệu "khai sáng", "bảo hộ" đầy xảo trá của thực dân Pháp. Còn nhân dân ta trở thành con hổ bị nuôi nhốt, bị kiềm chế về mọi mặt phải chịu nhục nhã, khốn đốn và bế tắc nhưng vẫn luôn có một khao khát mãnh liệt về cuộc sống tự do. Vẫn nhớ mãi, tiếc nuối mãi cảnh đất nước thanh bình, tươi đẹp thuở trước.

**\* Kết đoạn:** Tóm lại, chỉ bằng đoạn thơ ngắn, với các biện pháp nghệ thuật đặc sắc, Thế Lữ đã tái hiện được tâm trạng của con hổ ngao ngán, chán gét với cảnh thực tại ở vườn bách thú.

III. BÀI TẬP NÂNG CAO

BT1. Phân tích bài thơ "Nhớ rừng” của Thế Lữ

Thế Lữ (1907-1989) là bút danh của Nguyễn Thứ Lễ. Làm thơ, viết truyện, viết kịch, làm đạo diễn. Chủ tịch Hội nghệ sĩ sân khấu Việt Nam. Phương diộn nào ông cũng có thành tựu xuất sắc.

Thế Lữ là thi sĩ tiên phong, được ngợi ca là "Đệ nhất thi sĩ' trong phong trào "Thơ mới" (1932-1941). Tác phẩm thơ: "Mấy vần thơ" thể hiện một "hồn thơ rộng mở”, với cảm hứng lãng mạn dào dạt, nồng nàn, say đắm và thiết tha.

Bài thơ "Nhớ rừng" được Thế Lữ viết năm 1934, in trong tập "Mấy vần thờ' xuất bản năm 1935. Mượn lời con hổ bị nhốt ở vườn Bách thú, tác giả thể hiện tâm sự u uất, cãm hờn và niềm khao khát tự do mãnh liệt của con người bị giam cầm, nô lệ.

**\*Luận điểm 1: Nỗi đau đớn, căm hờn khi bị giam cầm**

Bị nhốt "trong cũi sắt", căm hờn uất hận đã chứa chất thành "khối", "gậm" mãi mà chẳng tan, càng "gậm" càng cay đắng. Chỉ còn biết "nằm dài" bất lực, đau khổ. Bị "giễu”, bị "nhục nhằn từ hãm”, trở thành "thứ dồ chơi" cho ” lũ người kia ngạo mạn, ngẩn ngơ”. Đau khổ nhất là chúa sơn lâm nay bị tầm thường hóa, vị thế bị xuống cấp:

"Chịu ngang bầy cùng bọn gấu dở hơi,

Với cặp báo chuồng bên vô tư lự".

Đó là một nét tâm trạng điển hình đầy bi kịch của chúa sơn lâm khi bị sa cơ, thất thế, bị giam cầm. Trong hoàn cảnh lịch sử đất nước ta khi bài thơ ra đời (1934) thì nỗi tủi nhục, căm hờn, cay đắng của con hổ cũng đồng điệu với bi kịch của nhân dân ta trong xích xiềng nô lệ sống trong tăm tối "nhơ nhuốc lầm than".

**Luận điểm 2: Bất lực trước thực tại, con hổ nhớ về một thời quá khứ vàng son lấy lừng**

"Tình thương nỗi nhớ” sống mãi, chẳng bao giờ quên. Nhớ "thuở tung hoành...”, "nhớ cảnh sơn lâm bóng cả cây già". Nhớ khúc nhạc rừng hùng tráng dữ dội. Chữ "nhố',chữ "với”**Nhận xét đánh giávề nghệ thuật** 🡆và cách ngắt nhịp (4-2-2, 5-5, 4-2-2...) biến hoá, cân xứng đã làm dội lên nỗi nhớ tiếc khôn nguôi, nhớ cồn cào, nhớ da diết. Sự phong phú về nhạc điệu đã khắc họa đời sống nội tâm vô cùng mạnh mẽ của một nhân vật phi thường từng có một quá khứ oanh liệt. Một tấm thân "như sóng cuộn nhịp nhàng". Một bước chân cao sang đầy uy lực "dõng dạc, dường hoàng". Một cặp "mắt thần" và khi "đã quắc"\ "mọi vật đều im hơi". Một sức mạnh của uy quyền bất khả xâm phạm.

**Luận điểm 3: Những vần thơ đầy nhạc điệu nói về nỗi nhớ cứ liên tiếp nhau như những cơn sóng lòng không bao giờ dứt**

"Nhớ cảnh sơn lâm, bóng cả, cây già

Với tiếng gió gào ngán, với giọng nguồn hét núi.

Với khi thét khúc trường ca dữ dội

**Nhận xét đánh giávề nghệ thuật** 🡆Các động từ "gào, hét, thét" đặc tả khúc trường ca dữ dội của rừng núi, suối ngàn thiêng liêng, hùng tráng. Đó là những câu thơ tuyệt bút làm sang trọng cho cả bài thơ. Hình ảnh thơ " Ta nằm dài"... rồi "ta sống mãi trong tình thương nỗi nhớ". Nhớ khi "ta bước chân lên...", nhớ một thời vàng son ngự trị:

'Ta biết ta chúa tể cả muôn loài,

Giữa chôn thảo hoa không tên, không tuổi".

**Nhận xét đánh giá,bình về nghệ thuật** 🡆Một chữ "ta" vang lên đầy kiêu hãnh tự hào. Chúa sơn lâm được miêu tả, được khắc hoạ trong chiều sâu của tâm linh, trong chiều cao của uy quyền được khẳng định. Các câu hỏi tu từ liên tiếp xuất hiện như một nỗi niềm lay tỉnh và khơi gợi nỗi "nhớ" trào lên: "nào đâu những...", "đâu những ngày...", "đâu những bình minh...", "đâu những chiều...". Nhớ mãi không nguôi, nhớ đêm trăng và suối, nhớ những ngày mưa rừng, nhớ bình minh, nhớ giấc ngủ, nhớ tiếng chim ca. Và nhớ "những chiều lênh láng máu...".**Bình luận**🡆Đoạn thơ tráng lệ nói về 4 nỗi nhớ của chúa sơn lâm, nhớ triền miên ngày và đêm, sớm và chiều, mưa và nắng, thức và ngủ, lúc say mồi và lúc lặng ngắm, lúc đợi chờ... Một không gian nghệ thuật được tái hiện và mô tả qua bộ tứ bình của một nhà danh họa. Chúa sơn lâm có lúc mơ mộng giữa cảnh suối trăng, có lúc trầm ngâm trong chiêm nghiệm, có lúc nén xuống, kiên nhẫn đợi chờ để "tung hoành..." và "quắc mắt..."ì

Đoạn thơ 10 câu này là đoạn thơ hay nhất trong bài "Nhớ rừng":

"Nào đâu những đêm vàng bên bờ suối,

Ta say mồi đứng uống ánh trăng tan?

Đâu những ngày mưa chuyển bốn phương ngàn

Ta lặng ngắm giang sơn ta đổi mới?

Đâu những bình minh cây xanh nắng gội,

Tiếng chim ca giấc ngủ ta tưng bừng?

Đâu những chiềú lênh láng máu sau rừng

Ta đợi chết mảnh mặt trời gay gắt

Để ta chiếm lấy riêng phần bí mật?

- Than ôi! Thời oanh liệt nay còn dâu?"

Sau nỗi nhớ một thuở vàng son, một thời oanh liệt, bỗng chúa sơn lâm chợt tỉnh mộng, trở về thực tại với cái cũi sắt, đau đớn và cay đắng vô cùng. Như một trái núi sụp đổ xuống, mãnh hổ cất lời than. Sự kết hợp giữa cảm thán với câu hỏi tu từ làm dội lên một lời thơ, một tiếng than của "hùm thiêng sa cơ", của một kẻ phi thường thất thế. Đó cũng là tiếng thở dài của một lớp người khao khát tự do ngày ấy: 'Than ôi! Thời oanh liệt nay còn đâu?". Câu hỏi của chúa sơn lầm cũng chính là của lớp người tiểu tư sản khi quá khứ vàng son đã lụi tàn, sa cơ thất thế trước thực tài phủ phàng. Đó là lí do vì sao tâm tưởng của họ luôn hướng nội, hướng về quá khứ huy hoàng và cái tôi cá nhân trổi dậy.

Luận điểm 4: Câu thơ kết thúc là nỗi niềm uất hận, nghẹn ngào của con hổ. Lại trở về nỗi buổn đau và nỗi nhớ "cảnh nước non hùng vĩ'. Chỉ còn biết nhắn gửi thiết tha và bổn chồn:

"Hỡi cảnh rừng ghê gớm của la ơi!"

"Nhớ rừng" là bài thơ tuyệt bút. Nó được xếp vào loại 10 bài thơ hay nhất của "Thơ mới" (1932-1941). Hình tượng tráng lệ, kì vĩ. Lối diễn tả và sử dụng ngôn ngữ biên hóa. Chất nhạc đa thanh và phức điệu tạo nên những vần thơ du dương. Thơ nên họa nên nhạc như cuốn hút và làm mê say hồn ta. Hình tượng chúa sơn lâm với nỗi nhớ rừng được nói đến với bao "lớp lớp sóng dồi". Trong nỗi đau sa cơ, thất thế có niềm kiêu hãnh tự hào. Bài thơ như một lời nhắn gửi thiêt tha về tình yêu thương đất nước. Tư tưởng lớn nhất của bài thơ là nói lên cái giá tự do, và khát vọng tự do.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

BT2: Cảm nhận của em về hình tượng con hổ trong bài thơ “Nhớ rừng" của Thế Lữ

"Nhớ rừng” là bài thơ kiệt tác của Thế Lữ, nhà thơ tiên phong của 'Thơ mới” (1932-1941). Với nhạc điệu du dương, với cảnh sắc thiên nhiên tráng lệ, đặc biệt với hình tượng con hổ, bài thơ "Nhớ rừng" đã chinh phục mỗi chúng ta, đã chiếm lĩnh nơi sâu kín nhất cõi tâm hồn bao người trong hơn nửa thế kỉ qua.

**Luận điểm 1: Con hổ được thi sĩ nói đến với bao cảm thông và ngưỡng mộ.** Nó đang nằm trong cũi sắt vườn Bách thú. Chúa sơn lâm trong cảnh tù hãm vô cùng cay đắng uất hận "gậm một khối căm hờn", muốn cắn nát, muốn nhai vụn mọi uất ức căm hờn đã tích tụ, đã chứa chất thành "một khối" trong lòng bấy lâu nay. **Nhận xét đánh giá** 🡆Không căm hờn sao được khi phải "nằm dài trông ngày tháng dần qua" trong cũi sắt? Không uất ức, cay đắng sao được khi chúa sơn lâm "oai lình rừng thẳm” đang bị lũ người "giương mắt bé giễu", đang trở thành "thứ dồ chơi", với cặp báo "vô tư lự' trong vườn Bách thảo? Thế Lữ đã thể hiện tâm trạng cay đắng, căm hờn của con hổ mất tự do đầy ám ảnh:

"Gậm một khối căm hờn trong cũi sắt

Ta nằm dài, trông ngày tháng dần qua...

(...) Nay sa cơ, bị nhục nhằn tù hãm...".

Qua đó, ta càng thấy rõ: "Anh hùng thất thế sa cơ cũng hèn" (Truyện Kiều); ta càng thấm thìa: "Trên đời nghìn vạn điều cay đắng - Cay đắng chi bằng mất tự dó" (Nhật kí trong tù).

**Luận điểm 2: Những câu thơ tiếp theo là nỗi nhớ cứ dâng trào cuộn sóng**. Năm tháng dần trôi qua, chúa sơn lâm có bao giờ nguôi được nỗi nhớ rừng. Nhớ "Thuở tung hoành hống hách những ngày xưa", nhớ vương quốc "miền đất thiêng" mà "ta" ngự trị:

"Nhớ cảnh sơn lủm, bóng cả, cây già,

Với tiếng gió gào ngàn, với giọng nguồn hét núi"...

Nhớ tư thế cao sang, oai hùng của "la”. Một cái bước chân. Một tấm thân lượn sóng. Một cái vờn bóng... Tất cả đều "dõng dạc, dường hoàng". Một chữ "ta" vang lốn dầy kiêu hãnh lự hào của chúa sơn lâm:

'Ta bước chân lên, (lõng dạc, dường hoàng

Lượn tấm thán như sóng cuộn nhịp nhàng

Vờn bóng âm thầm, lá gai, cỏ sắc".

**Nhận xét đánh giá** 🡆Quyền uy của "ta” là tuyệt đối. Mọi vật đều phải khiếp sợ, phải "im hơi" khi "mắt thần" của ta "dã quắc". "Ta biết" giữa chốn thảo hoa, "ta chúa tể cả muôn loài": "Trong hang tối, mắt thần khi dã quắc

Là khiến cho mọi vật đều im hơi

Ta biết ta chúa tể cả muôn loài

fGiữa chốn thảo hoa không tên, không tuổi".

'Nỗi nhớ rừng thiêng, nhớ quyền uy... của chúa sơn lâm chính là nhớ những năm tháng không thể nào quên. Nỗi nhớ ấy chính là khát vọng sống, khát vọng tự do cháy bỏng.

**Luận điểm 3: Hổ nhớ rừng là nhớ đến những kỉ niệm chói lọi một thời vàng son, một thời oanh liệt**.

Cảnh vật tráng lệ. Nhạc của thơ cũng là nhạc của rừng:

"Nào dâu những đêm vàng bên bờ suối,

Ta say mồi đứng uống ánh trăng tan?

Đâu những ngày mưa chuyển bốn phương ngàn

Ta lặng ngắm giang sơn ta đổi mới?

Đâu những bình mình cây xanh nắng gội Tiếng chim ca giấc ngủ ta tưng bừng?

Đâu những chiều lênh láng máu sau rừng

Ta đợi chết mảnh mặt trời gay gắt

’ Để ta chiếm lấy riềng phần bí mật?

- Than ôi! Thời oanh liệt nay còn đâu?"

**Nhận xét đánh giá về nghệ thuật** 🡆Các luyến láy, điệp ngữ: "dâu những đêm vàng...", "đáu nhiĩng ngày mưa...","đâu những bình minh...", "đáu những chiều...", "nay còn dâu?" xuất hiện nối tiếp trong 5 câu hỏi tu từ tạo nên nhạc điệu du dương, triền miên, da diết, thổ hiện sâu sắc tình thương nỗi nhớ của hùm thiêng sa cơ, nhớ rừng, tiếc nuối một thời ‘ị oanh liệt nay đã trở thành hoài niệm, quá vãng. Chúa sơn lâm nhớ đêm, nhớngày, nhớ bình minh, nhớ chiều tà. Nhớ suối, nhớ trăng. Nhớ cảnh giang san trong màn mưa rừng. Nhớ "cây xanh nắng gội". Nhớ chim hót tưng bừng lúc bình minh. Nhớ măt trời gay gắt trong khoảnh khắc hoàng hôn... **Nhận xét đánh giá** 🡆Nỗi nhớ tiếc ấy là nỗi đau buổn bị tước đoạt mất tự do, cũng là nỗi khát khao tự do. **Bình luận**🡆Thế Lữ đã sáng tạo nên những vần thơ giàu hình tượng và nhạc điệu, dào dạt cảm xúc để thể hiện nỗi nhớ rừng của hùm thiêng sa cơ... Một tiếng than như xiết lấy lòng người, khơi 7 gợi và lay tỉnh: 'Than ói! Thời oanh liệt nay còn dâu?"

Luận điểm 4: Những câu thơ cuối là nỗi nhớ rừng khôn nguôi của con hổ. Đau đón và uất

I hận biết đến bao giờ có thể nguôi? Như một tiếng thở dài ngao ngán:

"Nay ta ôm niềm uất hận ngàn thâu".

Hổ "nhớ cảnh sơn lâm, bóng cả, cây già" rồi "uất hận" căm ghét những cảnh "không dời nào thay đổi", tẻ nhạt, vô vị, vô nghĩa "tầm thường, già dôi , nho be:

"Hoa chăm, cỏ xén, lối thẳng, cây trồng;

Dái nước đen giả suối, chẳng thông dòng

Len dưới nách những mỏ gò thấp kém”.

Uất hận cảnh tù hãm, chán ghét những cảnh vật tầm thường nhỏ be do "lũ người kia ngạo mạn” bày ra, hổ lại nhớ day dứt, nhớ khôn nguôi ''cảnh nước non hùng vĩ'. Nhớ rừng là nhớ vương quốc tự do ngày nào:

"Là nơi giống hầm thiêng ta ngự trị

Nơi thênh thang ta vùng vay ngày xưa”.

Trước thực tại đau đớn, hổ chỉ còn biết thả hồn mình theo "giấc mộng ngàn”. Chúa sơn lâm cất tiếng gọi rừng thiêng với bao nhớ thương bồi hồi, da diết:

"Hỡi cảnh rừng ghê gớm của ta ơi!"

"Nhớ rừng” là một trong mười bài thơ hay nhất của "Thơ mới" (1932-1941). Thể thơ tự do, lời thơ đẹp, hình tượng kì vĩ, tráng lệ. Nhạc điệu du dương, cảm xúc "nhớ rừng" dào dạt. Hình tượng con hổ sa cơ, đau đớn uất hận, da diết nhớ rừng được khắc họa sâu sắc, đầy ám ảnh.

Trong hoàn cảnh bài thơ ra đời (1934), tâm trạng tủi nhục, đau đớn, uất hận... của con hổ nhớ rừng đổng điệu với bi kịch của nhân dân ta đang rên xiết trong xích xiềng nô lệ. Nhớ rừng là khao khát sống, khao khát tự do. Bài thơ mang hàm nghĩa như một lời nhắn gửi kín đáo, tha thiết về tình yêu giang sơn đất nước. Tư tưởng lớn nhất của bài thơ là cái giá của tự do. Hình tượng con hổ nhớ rừng là sự thể hiện tuyệt vời tư tưởng vĩ đại ấy.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

BT3.Phân tích, Bình giảng đoạn thơ sau trong bài thơ "Nhớ rừng” của Thê Lữ

..."Nào đâu những đêm vàng bên bờ suối,

Ta say mồi đứng uống ánh trăng tan?

Đáu những ngày mưa chuyển bốn phương ngàn

Ta lặng ngắm giang sơn ta đổi mới?

Đâu những bình mình cây xanh nắng gội,

Tiếng chim ca giấc ngủ ta tưng bừng?

Đáu những chiều lênh láng máu sau rừng

Ta đợi chết mảnh mặt trời gay gắt

Để ta chiếm lấy riêng phần bí mật?

- Than ôi! Thời oanh liệt nay còn dâu?"

Tác phẩm "Mấy vần thờ' đã cắm một cái mốc son chói lọi của nền "Thơ mới” Việt Nam, đã khẳng định vai trò tiên phong của Thế Lữ trong nền thi ca Việt Nam hiện đại. Bài thơ "Nhớ rừng" in trong tập "Mấy vần thờ', là bài thơ kiệt tác mang tính hàm nghĩa, có hình tượng tráng lệ, nhạc điệu du dương, lôi cuốn hấp dăn. Bài thơ thể hiện tâm trạng nhớ rừng của con hổ bị sa cơ, qua đó nói lên nỗi tủi nhục uất hận bị tù hãm và khát vọng tự do. "Nhớ rừng" gồm có 5 đoạn thơ, mỗi đoạn thơ là một nét tâm trạng của chúa sơn lâm. Đây là đoạn thơ thứ ba:

"Nào (làu nhũng dèm vàng bên bờ suối...

- Than ôi! Thời oanh liệt nay còn dâu?"

Nàm trong cũi sắt. chúa sơn lâm "sống mãi trong lình thương nỗi nhớ...". Nhớ cành rừng thiêng "bóng cả, cây già" nơi hùm thiêng từng "ngự trị". Rồi nhớ đến những kỉ niệm một thời oanh liệt. Nhớ "những dâm vàng bên bờ suối". Nhớ "những ngày mưa chuyển bốn phương ngàn...". Nhớ "những bình minh cây xanh nắng gội...". Nhớ "những chiểu lênh láng máu sau rửng...". Mõi nỗi nhớ gắn liền với một cảnh vật, một sinh hoạt, một khoảnh khắc thời gian. Cấu trúc đoạn thơ là cấu trúc tứ bình mang vẻ đẹp nghệ thuật cổ điển, có ít nhiều cách tân sáng tạo.

**Luận điểm 1: Trước hết là nỗi nhớ khôn nguôi, nhớ suối, nhớ trăng, nhớ những "đêm vàng", nhớ lúc "say mồi" ung dung thỏa thích bên bờ suối:**

"Nào dâu những đêm vàng bên bờ suối,  
Ta say mồi đứng uống ánh trăng tan?"

Hai chữ "nào đáu" phiếm chỉ, hỏi một kỉ niệm đẹp đã lùi sâu vào quá vãng. Biết bao nhớ tiếc bâng khuâng. Thơ nên họa, cảnh vật đầy màu sắc và ánh trăng. Ánh trăng chan hòa trên dòng suối, "tan" vào nước suối. Hổ say mồi và say trăng. Hình ảnh "đêm vàng bên bờ suối" một ẩn dụ đầy mộng ảo nên thơ. Bức tranh thứ nhất trong bộ tứ bình được Thế Lữ vẽ bằng bút pháp tài hoa gợi lên hình ảnh chúa sơn lâm say mồi trong niềm vui hoan lạc giữa một đêm trăng bên bờ suối.

**Luận điểm 2: Bức tranh thứ hai nói lên nỗi nhớ ngẩn ngơ man mác của hổ về những ngày mưa rừng.** Hổ ung dung "lặng ngắm" cảnh giang san, một mình ngự trị, xúc động cảm thấy "giang san ta đổi mới". Chữ "đâu" lần thứ hai xuất hiện, biểu lộ nỗi lòng tiếc nuối, ngẩn ngơ. Điệp từ "ta" thể hiện niềm tự hào về những kỉ niệm đẹp thuở "vùng vẫy ngày xưa":

"Đáu những ngày mưa chuyển bổn phương ngàn

Ta lặng ngắm giang san ta đổi mới?"

Bức tranh thứ hai gợi tả một không gian nghệ thuật hoành tráng của giang san chúa sơn lâm mang tầm vóc "chuyển bốn phương ngàn". Kỉ niệm xưa đang mờ dần theo năm tháng, sao không ngẩn ngơ, sao không nuối tiếc?

**Luận điểm 3: Kỉ niệm thứ ba nói về giấc ngủ của hổ trong cảnh bình mình. Vương quốc tràn ngập trong màu xanh và ánh nắng: "bình minh cây xanh nắng gội".**

Hổ nằm ngủ trong khúc nhạc rừng tưng bừng của tiếng chim ca:

"Đâu những bình minh cây xanh nắng gội,

Tiếng chim ca giấc ngủ ta tưng bừng?"

Bức tranh thứ ba đầy màu sắc và âm thanh. Có màu hổng bình minh, màu vàng nhạt của nắng sớm, màu xanh bát ngát của cây rừng. Có tiếng ca tưng bừng của đàn chim. Còn có nhạc của thơ. **Phân tích nghệ thuật 🡆** Các điệp thanh "bình - minh", "tưng - bừng" hòa thanh với vần lưng "ca - ta" như mở ra một không gian nghệ thuật, một cảnh sác thơ mộng thần tiên. Điệp từ "đâu" với câu hỏi tu lừ cất lên như một lời than nhớ lice, xót xa... Kỉ niệm đẹp ngày xưa, nay còn đâu nữa!

Quá khứ càng đẹp, càng oanh liệt bao nhiêu thì nỗi nhớ tiếc càng đau đáu bấy nhiêu. Xưa là "tung hoành", là "vùng vẫy". Nay là tù hãm, là "nằm dài" trong cũi sắt. Nuối tiếc thời oanh liệt với bao nỗi buồn đau, mãnh hổ sa cơ chỉ còn biết cất lời than:

"Than ôi! Thời oanh liệt nay còn đâu?"

**Đánh giá nội dung🡆**Làm nôi bật sự đôi lập, tương phản của hai cảnh tượng, hai thê giới, nhà thơ đã thê hiện nôi bât hoà sâu sắc đối với thực tại và niềm khao khát tự do mãnh liệt. Đó là tâm trạng của nhân vật lãng mạn - con hổ bị giam cầm trong cũi săt, ngao ngán, căm uất vì phải sống trong cảnh tù túng tầm thường, da diêt nhớ thời oanh liệt nơi núi rừng hùng vĩ. **Liên hệ với thời đại🡆**Đó cũng là tâm trạng của người dân Việt Nam mất nước lúc bây giờ. Con người phải sông trong cảnh nô lệ bị nhục nhằn tù hãm”, cũng “gậm một khôi căm hờn trong cũi săt ’, cũng tiêc nhớ khôn nguôi một “thời oanh liệt” của lịch sử dân tộc, và khao khát được tự do, trở về với “nơi thênh thang ta vùng vẫy ngày xưa”. Nhưng, ngay trong niềm khao khát ây dường như đã chới với một nỗi tuyệt vọng: “Nơi ta không còn được thấy bao giờ!” Câu thơ thể hiện nỗi nhớ tiếc xót xa của nó thể hiện khát vọng sống tự do. Ý tưởng ấy rất đẹp và giàu ý nghĩa đối với con người Việt Nam gần 70 năm về trước khi phải sống tủi nhục trong vòng nô lệ lầm than. Ý tưởng ấy mở ra nhiều liên tưởng và lay tỉnh.

**Đánh giá về nghệ thuật 🡆**Bài thơ "Nhớ rừng" có giá trị nghệ thuật đặc sắc. Ngôn ngữ thơ giàu hình tượng, màu sắc và âm thanh. Nhạc điệu du dương, trầm bổng. Từ ngữ được sử dụng sắc sảo, đích đáng. Đặc biệt các điệp ngữ "đáu những", "còn đâu", "ta", các câu hỏi tu từ và cảm thán đem đến bao ám ảnh mênh mang.

Cũng là cấu trúc tứ bình nhưng bút pháp của Thế Lữ có nhiều sáng tạo đổi mới. Đâu chỉ có tứ mùa (xuân, hạ, thu, đông), tứ hữu (trúc, mai, lan, cúc), tứ linh (long, lân, quy, phượng), v.v... Bức tranh tứ bình trong "Nhớ rừng" rất đa dạng, sinh động. Có thời gian nghệ thuật: đêm trăng, ngày mưa, bình minh và chiều tà. Có không gian nghệ thuật: suối và trăng, giang san và bốn phương ngàn, cây xanh nắng gội và tiếng chim ca "lênh lánh máu", sau rừng và mảnh mặt trời gay gắt. Có tâm trạng nghệ thuật, bao trùm ìà nỗi nhớ nuối tiếc một thời oanh liệt xa xưa. Hổ lúc thì "say mồi dửng uống ánh trăng tan" bên bờ suối, lúc thì trầm tư "lặng ngắm cảnh giang san" qua màn mưa rừng. Có lúc nằm ngủ trong tiêng chim ca bình minh. Lại có lúc đợi chờ mặt trời lặn "dể chiếm lấy riêng phần bí mật" của rừng đêm. Qua dó, ta càng thấy rõ doạn thơ với bức tranh tứ bình dược thể hiện bằng một bút pháp nghệ thuật điêu luyện, dộc dáo.

"Thơ đích thực dể lại dấu ấn tâm hồn nghệ sĩ". Đoạn thơ trên dây đã để lại dấu ấn tâm hổn Thế Lữ bảy mươi năm về trước, một hổn thơ lãng mạn tuyệt dẹp. Một niềm khao khát tự do cháy bỏng tâm hổn.

**Luận điểm 4: Nhớ đêm trăng, nhớ ngày mưa, nhớ bình minh,... rồi hổ nhớ lại những chiều tà trong khoảnh khắc hoàng hôn chờ đợi**. Trong cảm nhận của mãnh hổ, trời chiều không đỏ rực mà là "lênh lánh máu sau rừng'. Mặt trời không lặn mà là "chêì”. Phút chờ đợi của chúa sơn lâm trong khoảnh khắc chiều làn và hoàng hôn thật dữ dội. Chúa sơn lâm sẽ "('hiểm lấy riêng phần hỉ mật" của rừng đêm, để "tung hoành". Ngôn ngữ thơ tráng lệ, nghệ thuật dùng từ sắc, mạnh, giàu giá trị gợi tả. Bức tranh thứ tư của bộ tứ bình là cảnh sắc một buổi chiều dữ dội, phút đợi chờ '7ể/z đường” của chúa sơn lâm. Càng nhớ càng xót xa nuối tiếc:

''Đâu những chiếu lênh láng máu sau rừng

Ta đợi chết mảnh mặt trời gay gắt

Để ta chiếm lấy riêng phần bí mật?"

Phân tích bức tranh tứ bình trong bài thơ Nhớ rừng của Thế Lữ

Bức tranh đêm trăng, bức tranh ngày mưa hay bức tranh lúc bình minh là những ý chính cần phân tích khi tìm hiểu bức tranh tứ bình trong bài thơ Nhớ rừng của Thế Lữ.

1. Bức tranh đêm trăng và sự say sưa của chúa sơn lâm

Phân tích bức tranh tứ bình trong bài thơ Nhớ rừng, thì bức tranh đầu tiên xuất hiện chính là hình ảnh hổ trong đêm trăng thơ mộng:

“Nào đâu những đêm vàng bên bờ suối

Ta say mồi đứng uống ánh trăng tan?”

Cảnh đêm trăng hiện hữu trong không gian tràn đầy màu sắc ánh vàng của vầng trăng trên cao đang soi chiếu khắp nhân gian. Đặc biệt khung cảnh khi có sự xuất hiện của dòng suối với tiếng chảy róc rách lại càng trở nên sinh động, tươi mát. Trước cảnh ấy con hổ đứng bên bờ ngắm nhìn trong trạng thái say mồi, sảng khoái thưởng thức dòng suối mát trong.

Có lẽ cái làm cho hổ kia phải say không chỉ đơn thuần bởi miếng mồi ngon mà còn là cái say trước sự lung linh, kì ảo của khung cảnh đang hiện hữu trước mắt. Hổ say mồi nhưng càng thỏa mãn hơn khi được uống vào những hớp nước có sự soi vàng của bóng trăng. Bao nhiêu nét gân guốc, dữ tợn của chúa tể vùng sơn lâm nhờ có cảnh đẹp hình như cũng trở nên mềm mại, bình thản hơn để có thể hòa vào cảnh vật. Tìm hiểu bức tranh tứ bình trong bài thơ Nhớ rừng, ta thấy tất cả những điều trên đã tạo nên sự thơ mộng, kì ảo của một bức tranh có sự hài hòa của cả cảnh và vật.

Cảnh có đẹp, có thơ mộng và diệu kì đến nhường nào, hổ có bao lần được hòa mình vào “những đêm vàng bên bờ suối” để “say mồi đứng uống ánh trăng tan”, nhưng thực tại những giây phút sảng khoái cũng chỉ còn trong trí nhớ. Sự “say mồi” đầy thỏa mãn hay tư thế “đứng uống” chễm chệ trong những đêm tự do ấy nay đã lùi xa vào quá khứ nhưng với hổ thì những kỉ niệm và cảm giác ngây ngất ấy vẫn hiển hiện rất rõ rệt như chỉ mới diễn ra ngày hôm qua. Câu hỏi tu từ như xoáy mãi vào tâm can của chúa sơn lâm, tất cả đã trở thành quá khứ. Hai câu thơ như dáng dấp của một nhà thi sĩ đang ngắm nghĩa cái khung cảnh thiên nhiên thơ mông trữ tình.

2. Bức tranh ngày mưa và sự điềm nhiên của chúa sơn lâm

Ở bức tranh thứ hai, tác giả lại dùng ngôn từ của mình vẫn để thể hiện hình ảnh trung tâm là con hổ trên phông nền của khung cảnh ngày mưa:

“Đâu những ngày mưa chuyển bốn phương ngàn

Ta lặng ngắm giang sơn ta đổi mới?”

Chúa sơn lâm lúc này đã không còn say sưa bên dòng suối mát lành và miếng mồi hấp dẫn như trong bức tranh trước đó. Trong khung cảnh “những ngày mưa chuyển bốn phương ngàn” của núi rừng, thiên nhiên dường như cũng trở nên dữ dội, mịt mù. Mưa giăng khắp lối khiến cho vạn vật cũng rung chuyển theo. Ấy thế mà vị chúa tể của ta vẫn không hề có một chút nao núng trước những sự gào thét dữ dội của thiên nhiên và sự ngả nghiêng của vạn vật.

Hổ vẫn hiên ngang, điềm tĩnh, bệ vệ trước cảnh ấy để thu vào trong mắt tất cả những chuyển biến của đất trời. Mưa gió càng tác động lên tất cả mọi thứ mạnh mẽ, đáng sợ bao nhiêu thì hổ ta vẫn giữ một thái độ của một bậc vương giả. Khi phân tích bức tranh tứ bình trong bài thơ Nhớ rừng, ta thấy trên hết, hổ còn xem việc “những ngày mưa chuyển bốn phương ngàn” trên thực chất là sự tác động để “giang sơn ta đổi mới”. Thế nên, trong trạng thái “lặng ngắm” kia, hổ thực chất đang đứng ở tư thế làm chủ vạn vật.

Con hổ trong những ngày mưa to gió lớn chốn rừng thiêng vẫn giữ phong thái điềm nhiên, tĩnh tại ấy lại chỉ là một hình ảnh của thời đã qua. Hổ giờ đây bị giam hãm trong chốn ngục tù, dù có râm mát, dù không bị tắm ướt bởi mưa nhưng đó chưa bao giờ là điều nó mong muốn. Ngày trước khi còn tự do giữa núi rừng đất trời và có lúc phải đón những cơn mưa rừng xối xả, dữ dội nhưng chúa sơn lâm chưa bao giờ phiền lòng vì điều đó. Ngược lại, trong cảnh mưa tuôn mịt mờ ấy, nó lại càng cảm thấy bản thân mạnh mẽ và oai hùng. Nói cách khác, thiên nhiên có thách thức như thế nào, hổ vẫn giữ được bản lĩnh của riêng mình. Khi bị giam cầm, bản lĩnh ấy vẫn còn và chỉ tiếc là nó lại không được thể hiện như trong chính nơi nó cần thuộc về. Nhưng tất cả cũng chỉ là quá khứ mà thôi. Con hổ đang tự hỏi mình hay nó đang nhớ nhung, tiếc nuối? Ở bức tranh thứ hai, hổ như một nhà hiền triết đang say mê ngắm giang sơn hùng vĩ của mình.

3. Bức tranh bình minh và sự uy nghi của chúa sơn lâm

Ở câu thơ thứ ba, thứ tư của đoạn thơ, tác giả đã giúp cho ta nhìn thấy sự tươi mới, rộn ràng của khung cảnh đất trời trong khoảnh khắc của ngày mới:

“Đâu những bình minh cây xanh nắng gội

Tiếng chim ca giấc ngủ ta tưng bừng?”

Ngày mưa qua đi như làm cho bầu trời buổi sớm thêm phần trong trẻo, tươi sáng. Trong khung cảnh ấy, cây cối sau khi được tắm mát trong những trận mưa rừng đã đầy lại được gội mình trong nắng mới nên càng trở nên tươi tắn và tràn đầy sức sống. Góp vào sức sống bừng lên trên từng nhánh cây ngọn cỏ ấy là tiếng reo ca rộn rã của bầy chim rừng. Trong khung cảnh ấy, hổ xuất hiện trong giấc ngủ, nhưng lại là giấc ngủ “tưng bừng”.

Nếu trong đêm khi tất cả mọi vật đều sâu giấc thì hổ thức để say sưa cùng vũ trụ, những ngày mưa ai ai cũng tìm nơi ẩn trú thì hổ “lặng ngắm giang sơn” và giờ đây khi bình minh ló dạng thì hổ chìm vào giấc ngủ. Đặc biệt, vị chúa sơn lâm lại còn được dỗ giấc bằng không khí mát mẻ và cả những âm thanh tươi vui của vạn vật.

Có thể thấy, khi sống trong môi trường của mình, hổ rất đỗi tự do vì có thể tự ý làm những điều mình muốn. Nó luôn đứng ở vị thế chế ngự đầy uy nghi và có thể chi phối kẻ khác chứ không bao giờ chịu phụ thuộc. Hình ảnh hổ lúc đó khác hẳn với tình cảnh bây giờ: không chỉ “làm trò lạ mắt, thứ đồ chơi” mà còn phải “chịu ngang bầy cùng bọn gấu dở hơi”, “với cặp báo chuồng bên vô tư lự”. Ở đây, ta thấy hổ như một bậc đế vương được hàng ngàn loài chim ru ngủ.

4. Bức tranh về chiều cùng màu sắc của sự bi tráng

Bình minh qua, ngày tàn là thời khắc hoàng hôn gõ cửa. Bức tranh thứ tư của bài chính là diễn tả thời khắc ấy của cảnh rừng. Đây là bức tranh cuối cùng nhưng có thể gây được ấn tượng mạnh mẽ nhất:

“Đâu những chiều lênh láng máu sau rừng

Ta đợi chết mảnh mặt trời gay gắt”

Cảnh tượng hiện lên thật dữ dội trong hình ảnh “chiều lênh láng máu sau rừng”. Gam màu nóng trở thành gam màu chủ đạo của bức tranh. Đó có thể là màu của máu đỏ cũng có thể là màu của ánh sáng mặt trời. Nếu như ban ngày, mặt trời làm nhiệm vụ soi tỏa ánh sáng xuống nhân gian, sự sống của vạn vật cũng nương theo ánh sáng ấy mà vận hành thì đến khi mặt trời khuất bóng thì vạn vật cũng lấy khoảng thời gian mặt trời lặn xuống ấy để ngưng mọi hoạt động mà nghỉ ngơi. Thế nhưng, vị chúa tể lại đang chờ đón khoảnh khắc “chết mảnh mặt trời gay gắt” ấy để:

“Để ta chiếm lấy riêng phần bí mật?”

“Bí mật” ấy phải chăng chính là quyền lực từ tay vũ trụ. Hổ muốn chớp lấy cơ hội để đoạt được quyền lực ấy mà chế ngự hoàn toàn thế giới của nó.

Khát khao tuy to lớn, khung cảnh trong bốn bức tranh tuy hùng vĩ, nguy nga nhưng chỉ là những hình ảnh thuộc về dĩ vãng, dù có lúc hiển hiện rõ rệt nhưng kèm theo đó chỉ là nỗi nhớ da diết tới đau đớn của con hổ. Các điệp ngữ “nào đâu”, “đâu những” cùng hàng loạt các câu hỏi tu từ đã có vai trò diễn tả rất sâu sắc sự nhớ tiếc của con hổ đối với những gì nó đã trải qua.

Thời oanh liệt của những ngày xưa cũ được tung hoành ngang dọc thực chất đã khép lại và có khi không bao giờ trở về. Với vị chúa tể, sau tất cả có lẽ còn lại chỉ là một tiếng than u uất không có sự đáp hồi:

“- Than ôi! Thời oanh liệt nay còn đâu?”

Đó là lời than của con hổ, là nỗi niềm của nhà thơ nhưng thực chất cũng là tiếng lòng, tâm trạng chung của những con người phải sống trong sự kìm kẹp, giam hãm. Đối với thời buổi người dân Việt Nam phải sống cảnh nô lệ, bài thơ của Thế Lữ đã thay họ thể hiện niềm tiếc nuối về những chiến công vẻ vang chống giặc ngoại xâm của một thời oanh liệt của dân tộc mình. Đó có lẽ lí do khiến bài thơ được đón nhận rất nồng hậu, say sưa ngay từ khi ra đời.

Kết bài: Những câu thơ khắc họa bốn bức tranh về thiên nhiên núi rừng và sự hiện hữu của chúa tể sơn lâm thực sự là những dòng tuyệt bút của bài thơ “Nhớ rừng”. Thông qua việc sử dụng điệp ngữ, câu hỏi tu từ và hàng loạt các hình ảnh gợi màu sắc, đường nét của cảnh vật thiên nhiên, Thế Lữ không chỉ làm xuất hiện trước mắt người đọc tuyệt phẩm diễn tả sự kì vĩ, hùng tráng của chốn rừng thiêng mà còn làm bộc lộ tâm sự, nỗi niềm của chúa tể sơn lâm. Đó cũng chính là tâm sự, nỗi niềm chung của con người thời đại…

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**BÀI 4.Dàn ý bức tranh tứ bình trong bài thơ nhớ rừng của Thế Lữ**

Để giúp bạn nắm được các ý chính trong bài viết trên cũng như tư tưởng và nội dung của tác phẩm, sẽ giúp bạn khái quát để lập dàn ý bức tranh tứ bình trong bài thơ Nhớ rừng của Thế Lữ.

Mở bài phân tích bức tranh tứ bình trong bài thơ Nhớ rừng

Đôi nét chính về tác giả Thế Lữ: người cầm lá cờ chiến thắng cho phong trào Thơ Mới…

Giới thiệu tác phẩm Nhớ rừng của Thế Lữ: nêu khái quát tư tưởng cùng nội dung của bài thơ.

Dẫn dắt đến bức tranh tứ bình trong bài thơ Nhớ rừng.

Thân bài phân tích bức tranh tứ bình trong bài thơ Nhớ rừng

Bức tranh đêm trăng và sự say sưa của con hổ.

Bức tranh ngày mưa và sự điềm nhiên của chúa sơn lâm.

Bức tranh lúc bình minh với sự uy nghi của con hổ.

Bức tranh chiều tàn cùng những sắc màu bi tráng.

Kết bài phân tích bức tranh tứ bình trong bài thơ Nhớ rừng

- Khái quát lại toàn bộ giá trị nội dung và nghệ thuật điển hình trong tác phẩm.

- Nhấn mạnh lại ý nghĩa sâu sắc của bài thơ Nhớ rừng.

- Khẳng định bức tranh tứ bình trong bài thơ Nhớ rừng là một điểm nhấn mang đến giá trị lớn cho tác phẩm này.

- Có thể thấy, tác phẩm Nhớ rừng đã thể hiện là một khúc trường ca dữ dội qua tâm trạng của chúa sơn lâm. Hơn hết, bài thơ còn là một họa phẩm, nổi bật lên trên những câu chữ là hình ảnh nhân dân Việt Nam dưới gót giày của quân giặc… Bức tranh tứ bình trong bài thơ Nhớ rừng nhấn mạnh đến tính tạo hình đặc sắc của tác phẩm. Người đọc có thể thấy bút pháp tạo hình của nhà thơ vừa có họa pháp của một người họa sĩ, lại vừa có thi pháp của một thi nhân… Hình ảnh chúa sơn lâm hiên lê thật bạo tàn đầy thách thức.

Bốn bức tranh là bốn câu hỏi tu từ, là bốn nỗi nhớ nhung, tiếc nuối là 4 thời đại anh hùng của chúa sơn lầm. Nhưng đó còn là bốn nổi đau đớn khôn nguôi. Điệp ngữ “nào đâu, đâu” cứ khắc khoải cứ dồn nén, cứ du dương như những khúc nhạc của đại ngàn đang vẫy gọi.

**BÀI 5.Nêu cảm nhận của em về đoạn thơ sau: “Nào đâu những đêm vàng bên bờ suối... Ta đợi chết mảnh mặt trời gay gắt”. (Nhớ rừng - Thế Lữ)**

**Gợi ý**

Trong những năm tháng rực rỡ nhất của phong trào Thơ mới, Thế Lữ hiện lên như một vì sao mai sáng lòa, lấp lánh. Còn lại với thời gian hôm nay, Thế Lữ gắn bó với bạn đọc bởi bài thơ nổi tiếng nhất của ông: bài thơ *Nhớ rừng.* Bài thơ ấy dưới tiêu đề của nó, tác giả đã đề một dòng chữ nhỏ: “Lời con hổ trong vương bách thú”. Xuyên suốt tác phẩm, người đọc hiểu rằng bài thơ là những tâm sự đầy uất hận của con hổ trước cảnh đời hiện tại bức bách, tù túng; nó mơ về những ngày xưa tung hoành, lẫm liệt. Bài thơ đã kín đáo bộc lộ tấm lòng yêu nước của người dân ta thuở đó.Nhưng không dừng lại ở đó, thành công của bài thơ còn nằm ở những đoạn thơ tả cảnh tuyệt mĩ - cảnh rừng sơn lâm trong hồi ức đau thương của con hổ “nhớ rừng”. Tiêu biểu phải kể đến bức tranh tứ bình trong đoạn thơ sau:

*“Nào đâu những đêm vàng bên bờ suối*

*Ta say mồi đứng uống ánh trăng tan*

*Đâu những ngày mưa chuyển bốn phương ngàn*

*Ta lặng ngắm giang san ta đổi mới*

*Đâu những bình minh cây xanh nắng gội*

*Tiếng chim ca giấc ngủ ta tưng bừng*

*Đâu những chiều lênh láng máu sau rừng*

*Ta đợi chết mảnh mặt trời gay gắt”.*

(*Nhớ rừng -* Thế Lữ)

Đoạn thơ nằm trong chuỗi hồi ức về những ngày tháng lẫm liệt chốn rừng xanh uy nghi của

con hổ. Giữa cảnh núi rừng dữ dội, lộng lẫy nó là vị chúa tể độc tôn. Đoạn thơ dựng lên bốn cảnh rừng tuyệt mĩ: cảnh đêm trăng, cảnh mưa rừng, cảnh bình minh và cảnh hoàng hôn. Mỗi cảnh được thể hiện bằng hai câu thơ, câu thứ nhất tả cảnh rừng, câu thứ hai miêu tả hình ảnh con hổ trên nền thiên nhiên kì vĩ ấy.

*“Nào đâu những đêm vàng bên bờ suối*

*Ta say mồi đứng uống ánh trăng tan”.*

“Đêm vàng” là hình ảnh ẩn dụ chỉ đêm trăng sáng mọi vật như được nhuộm vàng, ánh trăng như vàng tan chảy trong không gian. Trong đêm trăng, đứng bên bờ suối càng khiến ta cảm nhận hết được sắc màu rực rỡ của thiên nhiên.Mặt nước trong trẻo đón nhận trọn vẹn sắc vàng của trăng càng trở nên lóng lánh kì lạ. Đứng trước khung cảnh ấy, con hổ “say mồi” không chỉ bởi bữa ăn no nê mà còn bởi "uống ánh trăng tan". Đó là một hình ảnh lãng mạn, nó tưởng như mình được chiếm lĩnh trọn vẹn cái đẹp của vũ trụ.

Nếu như hình ảnh đêm trăng thanh bình bao nhiêu thì cảnh mưa rừng dữ dội bấy nhiêu:

*“Đâu những ngày mưa chuyển bốn phương ngàn*

*Ta lặng ngắm giang san ta đổi mới”*

Cơn mưa ngàn dữ dội, mịt mờ làm rung chuyển núi rừng, làm kinh hoàng những con thú hèn yếu. Nhưng với hổ thì khác, nó không những không sợ hãi trước uy lực của trời đất mà còn coi đó là một thú vui: “Ta lặng ngắm giang san ta đổi mới”. Cái im lặng say mê trong từ “lặng ngắm” của hổ chứa đựng những sức mạnh chế ngự của một bản lĩnh vững vàng. Nó đang lấy cái tĩnh của một vị chúa tể để chế ngự cái dữ dội của rừng già đại ngàn.Hình ảnh của hổ hiện lên thật phị thường, dũng mãnh.

Câu thơ vừa căng lên đã nhanh chóng tan ra trong tiếng reo ca của cảnh bình minh:

*“Đâu những bình minh cây xanh nắng gội*

*Tiếng chim ca giấc ngủ ta tưng bừng”.*

Sau ngày mưa bầu trời bình minh tươi sáng hơn. Con hổ càng khẳng định được vị trí của mình. Ban đêm thì nó thức cùng vũ trụ. Ngày mưa nó “lặng ngắm” giang san. Lúc vạn vật thức dậy thì nó say sưa trong giấc ngủ. Hình ảnh của chúa sơn lâm tự do tự tại muốn gì được nấy, hổ có thể chi phối, chế ngự kẻ khác chứ không ai có thể chế ngự được mình.

Dữ dội nhất, say mê nhất là cảnh rừng thời khắc hoàng hôn:

*“Đâu những chiều lênh láng máu sau rừng*

*Tađợi*.**c**om*hết mảnh mặt trời gay gắt*

Bức tranh rừng rực rỡ trong gam màu đỏ, đó là màu của máu, màu của ánh sáng mặt trời. Khi chiều tà, ánh mặt trời chuyển sang màu đỏ rực, đó cũng là lúc mặt trời lặn xuống. Nhưng trong con mắt của hổ, thứ ánh sáng bỏng rẫy kia là máu của mặt trời và mặt trời thì đang lịm dần trong cái chết dữ dội. Hổ đang giành lấy quyền lực từ tay vũ trụ để ngự trị.

Đoạn, thơ là bộ tranh từ bình đẹp lộng lẫy. Bốn cảnh thiên nhiên, cảnh nào cũng có núi rừng hùng vĩ tráng lệ với hình ảnh con hổ uy nghi. Nhưng đau xót thay, đây chỉ là cảnh trong dĩ vãng huy hoàng, chỉ hiện ra trong nỗi nhớ. Trước mỗi cảnh thơ đều xuất hiện cụm từ “nào đâu”, “đâu những”, chúng thể hiện niềm nuối tiếc khôn nguôi, nỗi xót xa đau đớn trong lòng hổ. Giấc mơ huy hoàng khép lại trong tiếng than: "Than ôi! Thời oanh liệt nay còn đâu".

**BÀI 6.Phân tích đoạn thơ: "Nào đâu những đêm vàng bên bờ suối... - Than ôi! Thời oanh liệt nay còn đâu?” (Nhớ rừng - Thế Lữ)**

**Gợi ý**

**Đề bài2:**

“Đằng sau sự hồi tưởng về một quá khứ huy hoàng của con hổ (trong bài thơ *Nhớ rừng* - Thế Lữ) ta còn thấy tâm trạng nuối tiếc đầy bất lực cùng một khát vọng tự do tha thiết. Và tất cả những điều đó đã được thể hiện bằng một ngòi bút thật tài hoa”:

Phân tích đoạn thơ sau để làm rõ ý trên:

*"Nào đâu những đêm vàng bên bờ suối*

*Ta say mồi đứng uống ánh trăng tan?*

*"Đâu những ngày mưa chuyển bốn phương ngàn*

*Ta lặng ngắm giang sơn ta đổi mới?*

*Đâu những bình minh cây xanh nắng gội,*

*Tiếng chim ca giác ngủ ta tưng bừng?*

*Đâu những chiều lênh láng máu sau rừng*

*Ta đợi chết mảnh mặt trời gay gắt,*

*Để ta chiếm lấy riêng phần bí mật?*

*- Than ôi! Thời oanh liệt nay còn đâu?”*

*(Nhớ rừng -* Thế Lữ)

**Bài làm**

Nếu Thế Lữ được coi là người mở đường thành công cho Thơ mới thì bài thơ "Nhớ rừng" của ông chính là tác phẩm giành cho Thơ mới sự thắng lợi hoàn toàn. Đọc "Nhớ rừng" của Thế Lữ, có ý kiến cho rằng: “Đằng sau sự hồi tưởng về một quá khứ huy hoàng của con hổ ta còn thấy tâm trạng nuối tiếc đầy bất lực cùng một khát vọng tự do tha thiết. Và tất cả những điều đó đã được thể hiện bằng một ngòi bút thật tài hoa”.

Đoạn thơ sau trong bài thơ đã thể hiện rõ điều ấy:

*“Nào đâu những đêm vàng bên bờ suối*

*Ta say mồi đứng uống ánh trăng tan?*

*“Đâu những ngày mưa chuyển bốn phương ngàn*

*Ta lặng ngắm giang sơn ta đổi mới?*

*Đâu những bình minh cây xanh nắng gội,*

*Tiếng chim ca giấc ngủ ta tưng bừng?*

*Đâu những chiều lênh láng máu sau rừng*

*Ta đợi chết mảnh mặt trời gay gắt,*

*Để ta chiếm lấy riêng phần bí mật?*

*- Than ôi! Thời oanh liệt nay còn đâu?”*

(*Nhớ rừng -* Thế Lữ)

"Nhớ rừng" ra đời trong những năm tháng nước nhà bị tù túng trong cảnh xiềng xích nô lệ. Mỗi người dân Việt Nam chân chính đều không khỏi cảm thấy ngột ngạt, bức bối... Một buổi trưa hè, khi Thế Lữ đang chậm chạp nện gót trên đường về, ông đi qua vườn bách thú bất chợt nhìn thấy vị chúa sơn lâm - con hổ đang ngồi trong lồng. Nhà thơ chạnh lòng nghĩ đến thân phận người dân nô lệ.Cảm xúc ấy đã khiến ông viết nên bài thơ tuyệt bút này.

Khổ thơ trên là khổ thơ thứ ba trong bài, tái hiện những ngày tháng oai hùng của hổ giữa chốn rừng xanh dữ dội, hùng vĩ. Đó đồng thời là một bức tranh tứ bình tuyệt bút.

*"Nào đâu những đêm vàng bên bờ suối,*

*Ta say mồi đứng uống ánh trăng tan?"*

Buổi đêm là khoảng thời gian con hổ nhắc đến đầu tiên có lẽ bởi đó là thời khắc nó tung hoànhchốnsơnlâm"bóngcảcây.gọi đó là "đêm vàng" bởi đêm trong vắt, ánh trăngtràn khắp nơi nơi. Không chỉ vậy, đó còn là ánh trăng chiếu rọi xuống lòng suối, ánh sáng

phản chiếu khiến mặt suối bừng lên sắc vàng huy hoàng lộng lẫy. Nổi bật giữa"cảnh tượng kì vĩ ấy là hình ảnh con hổ "say mồi đứng uống ánh trăng tan" như một vị vua đang say men chiến thắng. Phép ẩn dụ chuyển đổi cảm giác "uống ánh trăng tan" khiến ánh trăng thêm phần huy hoàng, ánh trăng giống như dòng ánh sáng tuôn xuống rừng đêm kì ảo vậy.

Trong nỗi nhớ của hổ có cả:

*"Đâu những ngày mưa chuyển bốn phương ngàn*

*Ta lặng ngắm giang san ta đổi mới?"*

Cơn mưa rừng dữ dội tạo nên những âm thanh vang động, ào ạt. Nó khiến muôn loài hoảng loạn trốn tránh, nín thở.Nhưng với hổ thì ngược lại, hổ lấy tư thế của một vị chúa sơn lâm để bình thản "ngắm giang san ta đổi mới". Từ "lặng ngắm" khiến hình ảnh hổ trở thành nốt nhạc trầm tĩnh trọng bản hoà ca hùng tráng của cơn mưa rừng. Hổ đang lấy cái tĩnh của bản thân để chế ngự cái động dữ dội của đại ngàn. Sau những ngày mưa, bình minh rừng trở nên trong trẻo hơn bao giờ hết:

*"Đâu những buổi bình minh cây xanh nắng gội*

*Tiếng chim ca giấc ngủ ta tưng bừng?"*

Thời khắc bình minh là lúc vạn vật bắt đầu ngày mới nhưng đó cũng là khi hổ bắt đầu giấc ngủ của mình sau bữa ăn đêm dữ dội. Cái xôn xao, rạo rực của vạn vật khi ngày mới bắt đầu, với hổ, đó lại là bản nhạc du dương đưa nó vào giấc ngủ. Hình ảnh của hổ oai hùng nhất, kì vĩ nhất được thể hiện trong ba câu thơ:

*"Đâu những chiều lênh láng máu sau rừng*

*Ta đợi chết mảnh mặt trời gay gắt*

*Để ta chiếm lấy riêng phần bí mật?"*

Khi hoàng hôn buông xuống, mặt trời khuất dạng phía tây để lại trần gian sắc đỏ gay gắt, rực rỡ.Nhưng với hổ, đó lại là máu của kẻ thù lênh láng nơi bìa rừng sau trận đấu tàn khốc. Quả thực, thời điểm mặt trời khuất rạng cũng là khi hổ bắt đầu ngày lao động của mình. Đêm tối lạ lẫm và đầy sợ hãi kia thuộc hoàn toàn về nó. Và dưới mắt hổ, mặt trời - ông hoàng bất tử của vũ trụ cũng chỉ là kẻ bại trận thê thảm với cái chết thảm khốc "lênh láng máu sau rừng", "để ta chiếm lấy riêng phần bí mật".

Nhưng quá khứ vẫn chỉ là quá khứ. Bừng tỉnh khỏi những vinh quang chói lọi của ngày qua, trở về với thực tại tù túng, hổ ai oán thốt lên:

*- Than ôi! Thời oanh liệt nay còn đâu!*

Những điệp từ "nào đâu...", "đâu..." thể hiện nỗi tiếc nuối khôn nguôi của hổ về quá khứ vinhquang, oai hùng. Đặc biệt, thán từ "than ôi!" cùng lời than "Thời oanh liệt nay còn đâu" còn là nỗi xót xa đau đớn của hổ khi phải đối diện với thực tại tầm thường giả dối nơi vườn bách thú tù túng này.

Khổ thơ trích dẫn trong bài là một khổ thơ đầy màu sắc huy hoàng, hình ảnh kì vĩ, nó chẳng những thể hiện tâm trạng nuối tiếc đầy bất lực của hổ mà còn bộc lộ khát vọng tự do tha thiết. Tất cả những điều đó đã được thể hiện bằng một ngòi bút thật tài hoa.

**BT7: Phân tích và làm rõ giá trị nghệ thuật bài thơ Nhớ Rừng**  
Thế Lữ (1907 – 1989) tên thật là Nguyễn Thứ Lễ, sinh ra ở vùng Kinh Bắc, là nhà thơ tiêu biểu nhất trong phong trào Thơ mới (1932 – 1945) buổi đầu. Với một hồn thơ dồi dào lãng mạn, Thế Lữ góp phần quan trọng vào việc đổi mới thơ ca và đem lạichiến thắng cho Thơ mới. Ngoài sáng tác thơ, Thế Lữ còn viết truyện. Sau đó, ông chuyển sang hoạt động sân khấu và trở thành một trong những người có công đầu xây dựng ngành kịch nói ở nước ta.

Bài thơ “Nhớ rừng” được Thế Lữ viết năm 1934, in trong tập “Mấy vần thơ” xuất bản năm 1935. Bài thơ mượn lời con hổ bị nhốt ở vườn Bách thú để thể hiện ý chí căm hờn, u uất và niềm khát khao tự do mãnh liệt của tác giả cũng như những người bị giam cầm, bị nô lệ.

Bài thơ mở đầu bằng câu thơ chứa đầy uất hận của tác giả:

Gậm một khối căm hờn trong cũi sắt.

Bị nhốt trong cũi sắt, căm hờn, uất hận đã chứa thành khối, gậm mãi mà chẳng tan, càng gậm càng cay đắng. Chỉ còn biết nằm dài bất lực, đau khổ. Bị chế giễu, bị nhục nhằn tù hãm, trở thành thứ đồ chơi cho lũ người ngạo mạn, ngẩn ngơ. Lũ người ngạo mạn kia không ai khác chính là bọn thực dân cướp nước. Đau khổ nhất là chúa sơn lâm nay bị tầm thường hóa, vị thế trước đây nay bị đánh mất:

Chịu ngang bầy cùng bọn gấu dở hơi

Với cặp báo chuồng bên vô tư lự.

Đó là một tâm trạng điển hình đầy bi kịch của chúa sơn lâm khi bị sa cơ, thất thế, bị giam cầm. Hiểu hoàn cảnh lịch sử đất nước khi bài thơ ra đời mới thấy tính chất đồng điệu trong nỗi cay đắng, tủi hờn của con hổ với nỗi tủi nhục của nhân dân ta khi sống trong xiềng xích nô lệ.

Câu thơ tiếp theo gợi lại cuộc sống của con hổ nơi vườn bách thú:

Ta sống mãi trong tình thương nỗi nhớ.

Tình thương và nỗi nhớ của con hổ cho thấy sự luyến tiếc, nhớ nhung cuộc sống mà nó từng trải qua, nhớ thuở tung hoành, nhớ cảnh sơn lâm bóng cả cây già. Những khúc nhạc rừng hùng tráng, dữ dội. Chữ nhớ, chữ với và cách ngắt nhịp 4/2/2; 5/5; 4/2/2 làm gia tăng nỗi nhớ nhung của con hổ. Sự phong phú về nhạc điệu đã khắc họa đời sống nội tâm vô cùng mạnh mẽ của nhân vật oai hùng từng có một quá khứ oanh liệt. Những câu thơ tiếp theo là hồi ức đẹp về khung cảnh rừng xanh, nơi chúa sơn lâm một thời thống trị, nhưng nay chỉ còn trong kí ức:

Nhớ cảnh sơn lâm, bóng cả, cây già,

Với tiếng gió gào ngàn, với giọng nguồn hét núi,

Ta biết ta là chúa tể cả muôn loài,

Giữa chốn thảo hoa không tên, không tuổi.

Nào đâu những đêm vàng bên bờ suối

Ta say mồi đứng uốngánh trăngtan?

Các động từ gào, thét, hét miêu tả khúc trường ca dữ dội của núi rừng, suối ngàn thiêng liêng và hùng tráng. Đó là những câu thơ tiêu biểu trong phong trào Thơ mới. Tiếp đó, chúa sơn lâm mới trở về với thực tại: ta nằm dài, ta sống mãi trong tình thương nỗi nhớ. Các từ ta xuất hiện trong câu làm xuất hiện vẻ kiêu hãnh tự hào của chúa sơn lâm. Hình ảnh chúa sơn lâm được khắc họa trong chiều sâu tâm linh, trong chiều cao uy quyền được khẳng định. Khi chúa bước lên là muôn loài đều nể phục, tuy nhiên thời vàng son ấy nay không còn nữa.

Các câu hỏi tu từ liên tiếp xuất hiện: nào đâu những, đâu những ngày, đâu những bình minh, đâu những chiều làm cho nỗi nhớ thêm dâng trào. Vào mỗi thời điểm trong ngày là một khoảnh khắc tự do và oai hùng của con hổ. Trong cuộc sống có ánh trăng và suối, có mưa rừng, có bình minh, có tiếng chim ca… Đoạn thơ nói về những nỗi nhớ của con hổ như một bức tranh nghệ thuật diễn tả quá khứ hào hùng của chúa sơn lâm. Chúa sơn lâm có lúc mơ mộng giữa cảnh suối trăng, có lúc trầm ngâm trong chiêm nghiệm, có lúc nén xuống, kiên nhẫn đợi chờ. Những câu thơ nói về hồi tưởng của con hổ là những câu hay nhất trong bài:

Đâu những ngày mưa chuyển bốn phương ngàn

Ta lặng ngắm giang sơn ta đổi mới?

Đâu những bình minh cây xanh nắng gội,

Tiếng chim ca giấc ngủ ta tưng bừng?

Đâu những chiều lênh láng máu sau rừng

Ta đợi chết mảnh mặt trời gay gắt,

Để ta chiếm lấy riêng phần bí mật?

Than ôi! Thời oanh liệt nay còn đâu?

Sau một nỗi nhớ vàng son, oanh liệt, chúa sơn lâm chợt tỉnh mộng, trở về với thực tại là cũi sắt, là cái khung cảnh giả tạo do con người đặt ra, chúa sơn lâm cảm thấy đau đớn và cay đắng vô cùng. Lời than của con hổ cũng là tiếng than vãn của những người dân lầm than bị áp bức bóc lột. Sự kết hợp giữa cảm thán với câu hỏi tu từ làm dội lên một lời thơ, một tiếng than của chúa bị sa cơ. Đó cũng là tiếng thở dài của những người khao khát tự do ngày ấy:

Than ôi! Thời oanh liệt nay còn đâu?

Câu thơ: Nay ta ôm niềm uất hận ngàn thâu gợi lại nỗi niềm của con hổ. Để rồi sau đó chúa sơn lâm chỉ biết nhắn gửi

**BT8:Bốn kí ức kì vĩ của con hổ trong bài thơ “Nhớ rừng ” của Thế Lữ**

**Mở bài:**

Bài thơ “Nhớ rừng” của Thế Lữ không chỉ là một “khúc trường ca dữ dội” thể hiện tâm trạng vĩ đại của chúa sơn lâm mà còn là một họa phẩm hoành tráng từng bước làm nổi hằn lên trên mặt bằng của câu chữ hình tượng vị “chúa tể cả muôn loài”. Tính tạo hình được thể hiện rất đặc sắc trong bài thơ đặc biệt là thông qua bức tranh tứ bình.

**Thân bài:**

Người xưa thường khái quát một hiện thực toàn vẹn nào đó vào bộ tranh gồm bốn bức. Cho nên tự thân tứ bình là một cấu trúc, một chỉnh thể, một thế giới. Thời gian thì Xuân Hạ Thu Đông, thảo mộc thì Tùng Trúc Cúc Mai, nghề nghiệp thì Ngư Tiều Canh Mục, nghệ thú thì Cầm, Kỳ, Thi, Hoa .v.v… Nảy sinh từ hội họa, về sau tứ bình xâm nhập vào nhiều nghệ thuật khác. Người đọc thơ có thể thấy ở Chinh phụ ngâm, những đoạn như nỗi nhớ chồng của nàng chinh phụ diễn ra trọn vẹn khi “trông bốn bề”, mỗi bề là một phía, một cung bậc, một nông nỗi của nhung nhớ. Tâm trạng buồn nản, hãi hùng của Thuý Kiều trước lầu Ngưng Bích cũng diễn thành tứ bình với điệp khúc “buồn trông”… Vậy, dùng tứ bình thì chưa phải là gì thật đáng nói. Đáng nói là: cả bốn bức tứ bình ở đây đều là những chân dung tự họa khác nhau của cùng một con hổ. Nó đã khái quát trọn vẹn về cái “thời oanh liệt” của chúa sơn lâm.

*“Nào đâu những đêm vàng bên bờ suối*  
*Ta say mồi đứng uống ánh trăng tan ?*  
*Đâu những chiều mưa chuyển bốn phương ngàn*  
*Ta lặng ngắm giang sơn ta đổi mới ?*  
*Đâu những bình minh cây xanh nắng gội*  
*Tiếng chim ca giấc ngủ ta tưng bừng ?*  
*Đâu những chiều lênh láng máu sau rừng*  
*Ta đợi chết mảnh mặt trời gay gắt*  
*Để ta chiếm lấy riêng phần bí mật ?”*

Đọc đoạn thơ ta dễ thấy đây là đoạn tuyệt bút của “ Nhớ rừng” mà tiêu biểu nhất là lối tạo hình bằng thơ. Bốn bức là bốn nỗi hoài niệm đầy tiếc nuối, uất hận. Đồng thời, là bốn câu hỏi mà giọng điệu càng lúc càng dữ dằn. Mỗi bức một khung cảnh, một gam màu, một dáng điệu của vị “chúa tể cả muôn loài”. Bức thứ nhất thật thi vị :

*“Nào đâu những đêm vàng bên bờ suối*  
*Ta say mồi đứng uống ánh trăng tan?”*

Gam màu vàng lóng lánh của ánh trăng in trên suối vắng. Đối với con hổ giờ đang bị giam cầm trong cũi sắt, đó không chỉ là những kỷ niệm lấp lóa trăng vàng, mà thực sự là những “đêm vàng” – những kỷ niệm được đúc bằng vàng ròng – không bao giờ còn có lại. Chúa sơn lâm hiện ra như nhà thi sĩ của chốn lâm tuyền, với cử chỉ uống ánh trăng tan đầy thơ mộng. Bức thứ hai, chúa sơn lâm hiện ra như một minh đế trước giang sơn của mình

*“Đâu những chiều mưa chuyển bốn phương ngàn*  
*Ta lặng ngắm giang sơn ta đổi mới?”*

Đêm trăng đã nhường chỗ cho chiều mưa. Gam vàng đã chuyển qua gam xám bạc điểm ánh tươi xanh. Đấng vương chủ của chốn rừng già đang phóng tầm mắt bao quát toàn cảnh vương quốc đương thay da đổi thịt dưới sự trị vì của mình. Trang nghiêm, ưu tư, và đầy kiêu hãnh.

Bức thứ ba, chiều mưa đã chuyển sang rạng đông, nền tranh đã rạng rỡ cái gam màu thắm nắng bình minh. Chúa sơn lâm hiện trong dáng điệu một lãnh chúa cứ nghiễm nhiên ườn mình trong giấc ngủ trễ tràng khi ngày đã lên mà thụ hưởng cái lạc thú cung – đình – rừng – xanh của mình:

*“Đâu những bình minh cây xanh nắng gội*  
*Tiếng chim ca giấc ngủ ta tưng bừng?”*

Đọc câu thơ ta có thể hình dung: cây xanh nắng gội là màn trướng, còn chim chóc như những bầy cung nữ đang hân hoan ca múa quanh giấc nồng của hổ vương. Bộ tứ bình khép lại bằng bức cuối cùng, cũng là bức ấn tượng hơn cả :

*“Đâu những chiều lênh láng máu sau rừng*  
*Ta đợi chết mảnh mặt trời gay gắt*  
*Để ta chiếm lấy riêng phần bí mật?”*

Giọng điệu không còn là thở than, mà đã thành chất vấn đầy giận dữ và oai linh đối với quá khứ mà cũng là đối với hiện tại. Tương ứng với giọng điệu, chúa sơn lâm hiện ra cũng với một tư thế hoàn toàn khác: tư thế kiêu hùng của một bạo chúa. Nền cảnh thuộc gam màu máu. Mấy chữ “lênh láng máu” thật dễ sợ! Qua cảm nhận của chúa sơn lâm, ánh mặt trời lúc hoàng hôn đỏ rực giống hệt sắc máu lênh láng. Trong chốn thảo hoa không tên tuổi ấy dường như chỉ có mặt trời là đối thủ duy nhất và xứng đáng phô bày quyền uy sánh cùng với hổ. Nhưng mảnh mặt trời kia cũng đang hấp hối trong tư thế gục ngã, lênh láng máu.

Dưới con mắt mắt ngạo mạn và khinh bỉ của con mãnh thú, ngôi vị cao cả của mặt trời cũng không là gì, mặt trời kia củng chỉ là những mảnh vụn tầm thường. Quyền uy của chúa sơn lâm như càng bao trùm cả vũ trụ mà mặt trời cũng phải dần lùi bước. Đến câu “Ta đợi chết mảnh mặt trời gay gắt”, bức tứ bình cuối cùng dường như đã thể hiện được bàn chân ngạo nghễ siêu phàm của con thú như dẫm đạp lên bầu trời, cái bóng của nó dường như đã trùm kín cả vũ trụ. Hình ảnh con hổ vờn bóng, như dẫm nát mặt trời là hình ảnh đẹp đẽ và dữ dội nhất diễn tả đỉnh điểm của quyền lực kẻ thống trị vũ trụ.

Ghê gớm thật! Ngay đến mặt trời cũng trở nên tầm thường, thì xem ra sự phi thường đã tới vô biên rồi vậy! Sự hồi tưởng đã xong: thời oanh liệt của cái tôi – hùm thiêng đạt cực điểm . Một thi sĩ rình trăng chốn lâm tuyền. Một vương chủ say ngắm giang sơn. Một lãnh chúa rừng xanh giữa bầy ca điểu. Một bạo chúa ngạo mạn với mặt trời. Bốn kí ức kiêu hùng, bốn khoảnh khắc hoành tráng.

**Kết bài:**

Thơ Thế Lữ tràn đầy chất lãng mạn, lời thơ giàu hình ảnh, màu sắc và nhạc điệu; câu thơ mở rộng, ào ạt như để chứa đựng mọi cung bậc của những cảm xúc phức tạp, tinh vi trong tâm hồn. Đọc “Nhớ rừng” và đặc biệt cảm nhận bức tranh tứ bình thì thực sự thấy lời nhận xét trên hoàn toàn đúng.

**BT9.Tâm sự của con hổ trong vườn bách thú (Nhớ rừng-Thế Lữ)**

**Mở bài:**

Thế Lữ đến với phong trào Thơ mới ngay từ buổi đầu từ buổi đầu. Không hề có những tuyên bố lớn lao, hay định hướng rõ ràng cho tư tưởng, Thế Lữ âm thầm đóng góp những bài thơ và từng bước khẳng định vị trí của mình trong làng thơ.

Có lẽ, đó là tính cách của Thế Lữ khi ông cho rằng nghệ thuật là phải thầm lặng. Trong nghệ thuật không nhất thiết phải kêu ca. Ông dùng sức mạnh của nghệ thuật để khẳng định xu hướng mới chứ không đi vào lí luận dài dòng. Và trong giai đoạn đầu ông đã thắng lớn, khẳng định mạnh mẽ sự tồn tại và phát triển của nền thơ mới, tạo đông lực cho thế hệ sau tiếp tục phát triển đến thắng lợi hoàn toàn. Một trong những bài thơ tiêu biểu, đầy sức mạnh của ông trong giai đoạn ấy chính là Nhớ rừng.

**Thân bài:**

Ở trong Nhớ rừng , Thế Lữ đã thể hiện một tâm sự u uất, chán nản và khát vọng tự do cháy bỏng tha thiết qua lời mượn của con hổ trong vườn bách thú. Đó cũng là tâm sự chung của những người Việt Nam yêu nước trong hoàn cảnh mất nước.

Trở lại thời kì này, vào những năm đầu thế kỉ 20, tình cảnh đất nước thật điêu đứng. Sau những cuộc khai thác thuộc địa tàn khốc của thực dân Pháp khiến cho đất nước ta rơi vào tình trạng kiệt quệ, người dân vô cùng cực khổ, tình hình xã hội hết sức căng thẳng, tù túng. Những người trẻ tuổi như thế hệ của Thế Lữ luôn khao khát tìm lấy một hướng giải thoát nhưng đành bất lực trước thực tại. Thêm vào đó, trào lưu tư tưởng phương Tây không ngừng xâm nhập vào nước ta, tình thần tự do và khát vọng sống không ngừng sôi sục tiếp thêm sức mạnh cho nền văn học phát triển.

Chính vì vậy Thơ Mới có khuynh hướng thoát ly thực tại, thể hiện tâm trạng bất hoà, bất lực trước thực trạng xã hội. Qua đó, Thơ Mới cũng đã bộc lộ sự phản kháng gay gắt trước thực tại tầm thường giả dối, tù túng giam hãm ước mơ con người.

Đầu thế kỉ 20, bối cảnh ở nước ta vô cùng bức bối. Pháp tăng cường vơ vét của cải và đàn áp khốc liệt các cuộc khởi nghĩa của nhân dân. Trong khi đó, các luồng văn hóa mới mẻ phương Tây không ngừng xâm nhập vào nước ta hình thành một tầng lớp thành niên mới. Họ cảm thấy bức bách trong hoàn cảnh khủng bố ngột ngạt và không ngừng khao khát tìm kiếm một cuộc sống mới.

Mượn lời con hổ ở vườn bách thú để nói lên tâm trạng chính mình, Thế Lữ đã dựng lên một khung cảnh vừa rất thực vừa ẩn chứa những điều thầm kín sâu xa. Chính bị giam cầm một cách vô lí, nó cảm thấy tiếc nhớ về quá khứ oanh liệt nơi núi rừng hùng vĩ và không ngừng mơ ước được tự do.

Mở đầu bài thơ, Thế Lữ dưng lên bức tranh con hổ trong vườn bách thú thấm đẫm tâm trạng buồn rầu:

“Gậm một khối căm hờn trong cũi sắt  
Ta nằm dài trông ngày tháng dần qua”.

Từ “gậm” thể hiện rõ ràng tâm trạng uất ức tột cùng của hổ. Ở đây lại là “gậm một khối căm hờn” . Nghĩa là nó tự nghiền ngẫm cái bi kịch của mình mà không hiểu tại sao lại như thế. Bởi không hiểu cho nên nó chán chường, mệt mỏi. Nó buông xuôi bấy lâu nay trong tư thế “nằm dài trong ngày tháng dần qua”.

Thật đáng sợ thay khi mà ta mong mỏi một điều gì đó mà không tin rằng nó chưa hẳn là có thật. Và càng đáng sợ hơn khi bao quanh con hổ là chiếc lồng sắt vững chắc. Cái mà nó không thể phá được và sẽ giam cầm nó vĩnh viễn. Thế nhưng, dù bất lực nhưng cái oai hùng của nó vẫn không hề mất đi:

“Khinh lũ người kia ngạo mạn, ngẩn ngơ,  
Giương mắt bé diễu oai linh rừng thẳm”.

Trước mắt hổ, những gì quen thuộc cứ lặp đi lặp lại một cách nhàm chán. Loài người kia dù đã đủ sức giam cầm nó nhưng nó không hề sợ mà còn tỏ ra khinh thương, khiêu khích, không ngừng đe dọa. Nó tự bào chữa cho tình thế của mình và xem đó chỉ là một rủi ro. Bởi lỡ bước sa cơ nên phải chịu cảnh “nhục nhằn tù hãm”. Dường như, vai trò và sức mạnh của nó đã hoàn toàn bị loài người đánh cắp.

Nó luôn tự kiêu về sức mạnh của mình và liên tục hồi tưởng quá khứ mỗi khi tâm trạng rơi vào trạng thái bế tắc như thế này:

“Ta sống mãi trong tình thương nỗi nhớ  
Thuở tung hoành hống hách những ngày xưa  
Nhớ cảnh sơn lâm bóng cả cây già  
Với tiếng gió gào ngàn, với giọng nguồn hét núi  
Với khi thét khúc trường ca dữ dội…”

Chốn rừng thiêng xưa nơi hổ từng ngự trị là một khung cảnh ghê gớm. Qua nỗi nhớ của hổ, ta thấy rõ điều đó. Khung cảnh hiện lên với “bóng cả, cây già” thâm u,bí hiểm. Chốn sơn lâm với “tiến gió gào ngàn, giọng nguồn hét núi” làm kinh thiên động địa khiến muôn loài phải khiếp sợ mà lẩn tránh. Bản lĩnh của một vị chúa sơn lâm luôn thể hiện xứng đáng quyền lực tối cao của mình với sức mạnh phi thường dữ dội. Ở đó, con hổ đã hiện lên với tư thế hiên ngang ngạo nghễ nhưng vẫn toát lên vẻ đẹp oai phong lẫm liệt giữa núi rừng hùng vĩ:

“Ta bước chân lên dõng dạc đường hoàng  
Lượn tấm thân như sóng cuộn nhịp nhàng  
Vờn bóng âm thầm lá gai cỏ sắc  
Trong bóng tối mắt thần khi đã quắc  
Là khiến cho mọi vật phải im hơi  
Ta biết ta chúa tể của muôn loài  
Giữa chốn thảo hoa không tên không tuổi”.

Từng sắc thái của hổ hiện lên trước mắt người đọc qua lớp ngôn từ sống động, đầy sức biểu cảm. Con hổ với tư thế tự do, kiêu hãnh, bước đi như sóng cuộn, mây vờn, lặng lẽ giữa bao la vũ trụ. Không có loài nào dám sánh bước cùng nó. Nó nhìn khắp không gian với đôi mắt thần sắc. Kể cả trong bóng tối cũng không gì che giấu nổi nó. Đó là một tư thế hoàn toàn tự chủ, thống trị cả ánh sáng lẫn màn đêm. Nó nhận thấy muôn loài đang run sợ, đáng thương như sắp đi vào cõi chết. Sức mạnh oai quyền của nó đủ sức lấn át mọi sự đối nghịch và sẵn sàng tiêu diệt tất cả.

Đó là uy quền tuyệt đỉnh của vị chứa tể rừng xanh không gì địch nổi. Không gian thần bí với những loài cây không tên không tuổi mà con người chưa từng biết đến hay đặt chân đến. Nó tự hào về điều đó. Những gì nó biết và ngự trị vượt xa những gì con người đã biết và chiếm lĩnh. Đó là một bí mật mà nó không bao giờ muốn chia sẻ.

Chưa hết, hồi ức của hổ tiếp tục mơ về những tháng ngày lẫm liệt, gắn chặt với kỉ niệm không bao giờ quên:

“Nào đâu những đêm vàng bên bờ suối,  
Ta say mồi đứng uống ánh trăng tan?  
Đâu những ngày mưa chuyển bốn phương ngàn,  
Ta lặng ngắm giang san ta đổi mới?  
Đâu những bình minh cây xanh nắng gội,  
Tiếng chim ca giấc ngủ ta tưng bừng?  
Đâu những chiều lênh láng máu sau rừng.  
Ta đợi chết mảnh mặt trời gay gắt,  
Để ta chiếm lấy riêng phần bí mật?

Chín câu thơ là bốn bức tranh tuyệt đẹp về cảnh tượng đại ngàn và niềm vui sướng ngự trị của hổ. Nó say sưa thưởng thức và tự hào dù chỉ qua hồi tưởng. Những cảm xúc cuộn trào dữ dội, không ngừng làm cho nó say mê. Đó là những đêm vàng ánh trăng bên bờ suối êm đềm. Sau cuộc đi săn nó đắm mình trong ánh trăng huyền ảo. Đó là những ngày mưa chuyển bốn phương ngàn, vũ trụ đi vào cơn quần vũ khủng khiếp. Đó là những bình minh rực rỡ ánh sáng và rộn rã tiếng chim ca ru mềm giấc ngủ. Đó là những chiều lênh láng máu sau rừng biểu hiện sức mạnh chinh phục và giết chóc của chúa sơn lâm.

Tất cả diễn ra trong âm thầm, lặng lẽ đến đáng sợ. Con hổ chiếm giữ một sức mạnh phi thường ngang tầm trời đất. Ta có cảm tưởng như chính con hổ đã tạo ra quy luật trong một thế giới riêng nào đó mà ở đó nó định đoạt tất cả. Không có đối thoại, không có đối lực, tất cả đều tuân phục một cách triệt để.

Thế nhưng, câu thơ cuối đã trả người đọc về với thực tại. Tất cả bây giờ chỉ là một giấc mơ, một giấc mơ hùng tráng, lẫm liệt để hồi cố nhằm lấy lại nghị lực mà sống tiếp. Thực tại khép lại giấc mơ huy hoàng:

– Than ôi! Thời oanh liệt nay còn đâu?

Nếu ở trên kia nó ngạo nghê bao nhiêu thì giờ đây nó lại chán chường bấy nhiêu. Hai từ “than ôi!” như là tiếng kêu thống thiết , bất lực trước thực tại và tiếc nuối chốn cũ rừng xưa đã mãi mãi không còn. Bây giời, nó quay về đối điện và khinh miệt thực tại:

“Nay ta ôm niềm uất hận ngàn thâu,  
Ghét những cảnh không đời nào thay đổi,  
Những cảnh sửa sang, tầm thường, giả dối:  
Hoa chăm, cỏ xén, lối phẳng, cây trồng;  
Dải nước đen giả suối, chẳng thông dòng  
Len dưới nách những mô gò thấp kém;  
Dăm vừng lá hiền lành, không bí hiểm,  
Cũng học đòi bắt chước vẻ hoang vu  
Của chốn ngàn năm cao cả, âm u”.

Trước mắt hổ, khung cảnh vườn bách thú thật tầm thường và giả dối. Tất cả đã bị ngụy tạo một cách vụng về, không che giấu nổi sự thấp kém của nó. Hổ khinh mạn điều đó khi so sánh với chốn rừng thiêng bí hiểm, âm u. Cảnh vật giả tạo, phù phiếm khiến nó thất vọng. Tất cả tầm thường, không một chút tương xúng nào với nó. Càng nhìn ngắm, nó càng ngao ngán.

Bởi thế, nó không nguôi nhung nhớ vì cảnh vật trước mắt càng làm cho nó thêm chán ghét. Ít ra, khi giam cầm nó cũng phải có cái gì đó đáng để cho nó khâm phục hoặc tự hào. Nhưng ở đây, sự đối lập quá lớn, quá tàn nhẫn. Điều đó khiến cho những mâu thuẫn trong nó không ngừng trỗi dậy trong tiếng kêu than thảm thiết:

Hỡi oai linh, cảnh nước non hùng vĩ!  
Là nơi giống hùm thiêng ta ngự trị.  
Nơi thênh thang ta vùng vẫy ngày xưa,  
Nơi ta không còn được thấy bao giờ!  
Có biết chăng trong những ngày ngao ngán,  
Ta đương theo giấc mộng ngàn to lớn  
Để hồn ta phảng phất được gần ngươi,  
– Hỡi cảnh rừng ghê gớm của ta ơi!

Câu thơ “Nơi ta không còn được thấy bao giờ!” xác nhận sự bất lực hoàn toàn của con hổ. Giờ đây, nó đã xác nhận phải sống với thực tại thấp kém này và tự nhắc nhở mình thôi mong nhớ hay hi vọng. Chiếc khung lòng mỏng manh nhưng giam giữ quá chắt. Kể cả sức ạnh như nó cũng không thể nào phá nổi. Nó chỉ khẩn xin một điều rằng những giấc mơ kia dẫu chỉ là mơ mộng thôi nhưng cứ tiếp tục đến để hồn của hổ được an ủi, được vỗ về mà tiếp tục sống hết những tháng ngày còn lại.

Qua tâm sự của con hổ, Thế Lữ cũng đã kín đáo thể hiện khát vọng tự do và tinh thần yêu nước của mình và thế hệ thanh niên yêu nước lúc bấy giờ. Tuy không tìm được lối thoát, cuối cùng cũng rơi vào bế tắc nhưng bài thơ đã thể hiện được sức sống của dân tộc trong thời kì nô lệ, luôn khát vọng vươn lên dù bất cứ trong hoàn cảnh nào. Niềm mơ mộng có sức mạnh cổ vũ tinh thần con người tiếp tục sống và đợi chờ cơ hội vượt thoát để làm nên cuộc cách mạng vĩ đại sau này.

**Kết bài:**

Nếu xét về lý tưởng, Thế Lữ đã không có đóng góp gì đáng kể. Nhưng qua bài thơ Nhớ rừng người đọc nhận rõ đước sức mạnh sử dụng ngôn từ của ông. Nó giống như một đoàn quân ồ ạt xông tới, tung hoành mạnh mẽ. Người đọc không cần làm gì thêm, cứ thản nhiên đón nhận. Một thành công nữa của Thế Lữ là đã thể hiện một trí tưởng tượng phong phú khi mượn hình ảnh con hổ trong vườn bách thú để nói hộ cho những tâm sự kín đáo sâu sắc của mình. Qua đó diễn tả nỗi chán ghét cảnh sống tù túng. Đồng thời khơi lên tình cảm yêu nước của người dân thuở ấy.

***BT10:*** *“Nhớ rừng”* của Thế Lữ là một bài thơ hay, tiêu biểu của phong trào Thơ mới và của tác giả trên hai phương diện: tính điêu luyện, phóng khoáng, già dặn của Thơ mới và tình cảm yêu nước kín đáo, âm thầm.

Em hãy làm sáng tỏ nhận xét trên?

**Lập dàn ý:**

**\* Mở bài**

- Giới thiệu tác giả Thế Lữ, bài thơ (phong cách, về đóng góp trong Thơ mới)

- Nêu nội dung câu nhận xét và khẳng định.

**\* Thân bài**

**1. Nội dung nhận định và khẳng định nhận định:**

Phần này học sinh có thể lồng ghép trong các phần của bài làm

***Nhớ rừng của Thế Lữ là một bài thơ hay, tiêu biểu của phong trào Thơ mới và của tác giả trên hai phương diện: tính điêu luyện, phóng khoáng, già dặn của Thơ mới và tình cảm yêu nước kín đáo, âm thầm.***

**+ Điêu luyện: đạt đến trình độ cao, do được trau dồi, luyện tập nhiều (thường nói về nghệ thuật, kĩ thuật)**

##### + Phóng khoáng: không bị gò bó, trói buộc bởi những điều vụn vặt. Ở đây cần hiểu là không bị gò bó về những gì có từ trước đó, những khuôn mẫu về nghệ thuật và nội dung của thơ ca.

+ Già dặn: đã trưởng thành, vững vàng về mọi mặt, do đã từng trải, được rèn luyện nhiều.

+ Tình cảm yêu nước kín đáo, âm thầm: Không bộc lộ một cách trực tiếp mà thể hiện qua hình ảnh biểu tượng, kín đáo trong ngôn từ.

##### >> Đánh giá về tài năng nghệ thuật của Thế Lữ trong “Nhớ rừng”: Đã đạt đến trình độ cao, không hề bị gò bó bởi khuân mẫu, đã đạt đến giá trị cao về cách viết Thơ mới. Đồng thời bài thơ cũng thể hiện nội dung tư tưởng yêu nước một cách gián tiếp khéo léo.

**2. Chứng minh tính đúng đắn của ý kiến: 8đ**

HS có thể chứng minh song song cả hai phương diện ở từng đoạn thơ, khổ thơ hoặc tách riêng các phương diện để chứng minh. Dưới đây là các ý định hướng cần có:

***\* Trong việc chọn đề tài và xây dựng hình tượng trung tâm***

- Thế Lữ không lấy những hình tượng đã trở thành khuôn mẫu của thơ ca trung đại (cánh chim, cá chậu chim lồng v…v) mà lấy hình tượng mới mẻ với tính chất cao cả, hùng vĩ đó là mãnh hổ, chúa tể đại ngàn bị giam hãm trong cũi sắt vườn bách thú

=> thể hiện khuynh hướng đặc sắc của thơ Mới đó là phát huy tối đa cá tính sáng tạo của nhà thơ, giải phóng cái tôi cá nhân khỏi những quan niệm, khuôn khổ, hình tượng đã trở thành sáo mòn của thơ ca trung đại

- Đề tài này bề ngoài khẳng định không phải viết về con người (lời tựa) nhưng lại khơi gợi sự suy diễn, liên tưởng của người đọc, càng đọc càng thấy thấm thía bởi sự lồng ghép điêu luyện: khát vọng tự do, chán ghét thực tại tầm thường giả dối, tù túng của con hổ hay chính là tâm sự gửi gắm của người sáng tác và cũng là tâm sự chung của những người Việt Nam yêu nước trong hoàn cảnh mất nước.

=>Đề tài thể hiện sự điêu luyện, phóng khoáng, già dặn trong nghệ thuật nhưng cũng đã thể hiện sâu sắc nội dung tư tưởng yêu nước thầm kín:

**\* Trong ý tưởng:**

- Thông qua thế giới hoài niệm của mãnh hổ ( khổ 2,3) ca tụng quá khứ huy hoàng của nó cũng đã giúp tác giả khẳng định quan niệm thẩm mỹ đầy phóng khoáng: cái đẹp nằm ở những cái phi thường, cao hơn cuộc sống hằng ngày buồn tẻ, đơn điệu, bé nhỏ, tầm thường *(hoa chăm, cỏ xén, lối phẳng, cây trồng)…*

**\* Trong chuyển đổi tình cảm và giọng điệu thơ, cấu tứ độc đáo của bài thơ:**

- Hai dòng đầu giới thiệu hiện trạng và tình cảm của con hổ:

+ Từ “gậm”> tự mình gậm nhấm, nhấm nháp khối căm hờn của mình.

+ Khối căm hờn>tình cảm căm hờn to lớn, nguyên vẹn, chưa tan

+ Tư thế nằm dài> sự chán ngán, bất lực, hổ đã đánh mất tư thế uy nghi của nó.

- 6 dòng thơ tiếp theo thể hiện tâm hồn bên trong của hổ vẫn còn nguyên là con hổ với những kỉ niệm mãnh liệt, với những tình cảm ngang tàng

- 22 dòng tiếp kể về tình thương nỗi nhớ một thời oanh liệt đã mất.

- Đoạn cuối bài thơ thể hiện tình cảm tha thiết nhưng bi đát, vô vọng.

=> chủ đề *nhớ rừng* lúc chậm chạp, buồn nản ở phần đầu, dâng cao, dạt dào khi trở về quá khứ, lại tắt lặng đi một cách nặng nề, uất nghẹn khi chứng kiến hiện tại tù túng, tầm thường. Và cuối cùng lại *nhớ rừng* với sự thiết tha, nuối tiếc.

=> Bằng việc luôn chuyển đổi tình cảm và giọng điệu thơ, Thế Lữ đã diễn tả hết cung bậc cảm xúc của một tâm trạng cô đơn và đầy day dứt.

**\* Điêu luyện, phóng khoáng, già dặn trong nội dung tư tưởng*)***

- Bài thơ là khát vọng tự do, phóng khoáng, khát vọng làm chủ giang sơn, đồng thời lại cất lên tiếng thở dài mang ý vị vĩnh biệt một thời oanh liệt.

- Nhưng bài thơ cũng là tuyên ngôn quyết liệt không hòa nhập với thế giới giả tạo, tầm thường. + Dù thời oanh liệt không còn nữa, dù một đi không trở lại thì con hổ mãi mãi thuộc về thời kiêu hãnh, chứ không cam tâm làm đồ chơi, mua vui cho con người, không hòa nhập vào hoàn cảnh tầm thường đồng hóa.

+ Con hổ biết mình chiến bại nhưng chưa chịu làm tôi tớ cho sự tầm thường, giải dối của cảnh ngục từ, nó bất lực nhưng không hoàn toàn khuất phục và thỏa hiệp.

- Sự từ chối thực tại, dẫu chỉ trong mộng tưởng đó thể hiện tình yêu nước kín đáo, âm thầm.

**\* Đầy ắp những sáng tạo về câu chữ, nhịp điệu, số câu thơ, số chữ trong dòng thơ, cách bỏ vần, tiết tấu âm thanh**

- Các từ mới tạo: bốn phương ngàn, giấc mộng ngàn, …

- Hình ảnh lạ, ám ảnh: chiều lênh láng máu, chết mảnh mặt trời

- Các từ khẩu ngữ kiểu như văn xuôi: bọn gấu dở hơi, len dưới nách những mô gò thấp kém,…được xếp bên cạnh những từ thi vị

- Câu thơ co duỗi thoải mái, khác hẳn thơ luật truyền thống, các điệp từ luyến láy “với…

- Những chữ bị xô đẩy, bị dằn vặt…

=> Tất cả những sáng tạo trong phương diện nghệ thuật (tính điêu luyện, phóng khoáng, già dặn của Thơ mới) để nổi bật giá trị nội dung tình cảm yêu nước kín đáo, âm thầm của tác giả, của người dân Việt Nam. Tài liệu của Thu Nguyễn

**\* Trong chất hội họa của những hình ảnh, đường nét, màu sắc,…**

Ở mỗi luận điểm học sinh đều phải lấy dẫn chứng cụ thể, phân tích dẫn chứng để làm rõ nhận định ở hai phương diện

**\* Kết bài**

- Khẳng định lại thành công của bài thơ ở hai phương diện.

- Liên hệ đánh giá được giá trị của văn bản.

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**QUÊ HƯƠNG- TẾ HANH**

**I, KIẾN THỨC CƠ BẢN**

**1, Tác giả:**

- Tế Hanh tên khai sinh là Trần Tế Hanh (1921-2009).

- Tình yêu quê hương tha thiết là điểm nổi bật trong thơ Tế Hanh.

- Ông được nhà nước trao tặng giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật VN 1996.

- Các tác phẩm chính :

+ Tập thơ : “ Hoa niên” - 1945; “Gửi miền Bắc” - 1955; “Tiếng sóng” - 1960; “Hai nửa yêu thương” - 1963 “ Câu chuyện Quê Hương” 1973...

**2. Văn bản**

**a. Hoàn cảnh sáng tác:** - Bài thơ sáng tác năm 1939, lúc tác giả 18 tuổi đang là học trò sống xa quê hương (từ Quảng Ngãi ra Huế học). Bài thơ được viết trong cảm xúc nhớ nhà, nhớ quê với một tâm hồn trong trẻo.

**b. Thể thơ:** : tự do 8 chữ, bài thơ có nhiều khổ, số dòng trong khổ không đồng đều, gieo vần linh hoạt ở tiếng cuối mỗi dòng thơ.

**c. Phương thức biểu đạt:** - Phương thức biểu đạt: biểu cảm kết hợp tự sự và miêu tả.

**d. Mạch cảm xúc và bố cục:**

***- Mạch cảm xúc***: Giới thệu chung ->Tái hiện cụ thể về quê hương ->Bộc lộ tình cảm, cảm xúc.

***- Bố cục***: 2 phần

+ 3 khổ đầu: *Hình ảnh quê hươngtrong tâm hồn tác giả*

+ Khổ cuối: *Nỗi nhớ quê hương của tác giả*

**e. Giá trị nghệ thuật:**

- Biểu cảm kết hợp với miêu tả

- Tính từ gợi tả, những động từ mạnh, điệp ngữ, nhân hóa, so sánh

**f. Giá trị nội dung:**

**-** Bức tranh tươi sáng, sinh động về một làng quê ven biển

- Bài thơ thể hiện tình yêu tha thiết của tác giả đối với quê hương làng biển.

**II, LUYỆN TẬP**

**A, DẠNG ĐỀ ĐỌC HIỂU**

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**

|  |
| --- |
| Đọc hai câu thơ sau và trả lời câu hỏi:  **“Làng tôi ở vốn làm nghề chài lưới**  **Nước bao vây cách biển nửa ngày sông”**  **Câu 1:** Hai câu thơ trên trích trong văn bản nào? Của tác giả nào? Hãy giới thiêu đôi nét về tác giả và văn bản đó?  **Câu 2:** Tác giả đã giới thiệu về quê hương của mình qua những chi tiết nào? Nhận xét về cách giới thiệu của tác giả về quê hương?  **Câu 3:** Qua cách giới thiệu đó em cảm nhậnđược điều gì về quê hương của tác giả?  **Câu 4:** Viết đoạn văn diễn dịch, nêu cảm nhận của em về hai câu thơ, trong đó có sử dụng một câu cảm thán, gạch chân câu cảm thán đó? |

**Gợi ý:**

**Câu 1:** Hai câu thơ tren trích trong văn bản Que hương của tác giả Tế Hanh.

\* Tác giả

- Tế Hanh tên khai sinh là Trần Tế Hanh (1921-2009).

- Tình yêu quê hương tha thiết là điểm nổi bật trong thơ Tế Hanh.

- Ông được nhà nước trao tặng giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật VN 1996.

- Các tác phẩm chính :

+ Tập thơ : “ Hoa niên” - 1945; “Gửi miền Bắc” - 1955; “Tiếng sóng” - 1960; “Hai nửa yêu thương” - 1963 “ Câu chuyện Quê Hương” 1973... Tài liệu của Thu Nguyễn

\* Văn bản

- Bài thơ sáng tác năm 1939, lúc tác giả 18 tuổi đang là học trò sống xa quê hương (từ Quảng Ngãi ra Huế học). Bài thơ được viết trong cảm xúc nhớ nhà, nhớ quê với một tâm hồn trong trẻo.

- Thể thơ 8 chữ.

- Phương thức biểu đạt: biểu cảm kết hợp tự sự và miêu tả.

**Câu 2:** Giới thiệu:

- Nghề của làng: chài lưới ( đánh cá)

- Vị trí của làng: Cửa sông, ven biển, bốn bề là nước **(**Đi xuôi sông nửa ngày thì ra tới biển)

Cách giới thiệu:

- 2 câu thơ đầu sử dụng nhịp 3/5 tạo nên giọng điệu nhịp nhàng, đều đặn như tâm tình, thủ thỉ.

- Cách đo khảng cách ở đây rất đắc biệt: đo bằng thời gian( nửa ngày sông) chứ không phải bằng km. Câu thơ vừa giới thiệu về nghề nghiệp, vị trí của làng, vừa giới thiệu được cách cảm, cách nghĩ rất riêng của người dân nơi đây.

-> Giới thiệu ngắn gọn, mộc mạc về làng chài ven sông cửa biển.

**Câu 3:** Đây là một làng quê miền biển, sống chủ yếu bằng nghề đánh cá.

**Câu 4:**

**\* Mở đoạn(Câu chủ đề):** Hai câu thơ trên trích trong văn bản “ Quê hương” của tác giả Tê Hanh đã rất thành công trong việc giới thiệu về làng quê của mình.

**\* Thân đoạn:**

- Chỉ qua hai câu thơ ngắn gọn, Tế Hanh đã cho người đọc biết đến một vùng quê ven biển, với nghề chài lưới”.

- Cách gọn” làng tôi” thật dân giã, thân mật, khiến câu thơ không giấu nổi niềm cảm xúc tự hào. Nhà thơ đã đặc tả cụ thể vị trí của làng “Nước bao vây cách biển nửa ngày sông”. Ngôi làng hiện ra như một hòn ngọc giữa màu xanh trong của nước biển.

- Cách đo bằng không gian “ nửa ngày sông”, không gian của sông nước thật độc đóa tạo cho người đọc ấn tượng mạnh mẽ về vùng quê chài lưới thanh bình tươi đẹp.

- Như vậy, qua hai câu thơ cho ta thấy được làng quê của tác giả không chỉ có nước bao vây mà khoảng cách cũng được đo bằng nước- một cách tính mang đặc trưng rất riêng của người dân vùng sông nước. Sông được nói đến là con sông Trà Bồng- dòng sông đã tắm mát cả tuổi thơ tác giả. Tế Hanh kể: trước khi đổ ra biển, dòng sông lượn vòng ôm trọn làng biển quê tôi. Cách giới thiệu về quê hương của Tế Hanh thật bình dị, chân thật như bản chất người dân làng chài quê ông vậy. Qua đó ta thấy tình yêu làng của ông thật trong sáng và thiết tha biết bao !

**\* Kết đoạn:** Tóm lại, với hai câu thơ giản dị, nhà thơ đã giới thiệu thật tự nhiên về làng quê của mình.

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**

|  |
| --- |
| **Cho câu thơ:**  **“Khi trời trong gió nhẹ sớm mai hồng”**  **Câu 1:** Chép tiếp năm câu tiếp theo để tạo thành một đoạn thơ hoàn chỉnh?  **Câu 2:** Nêu nội dung chính của đoạn thơ em vừa chép?  **Câu 3:** Trong đoạn thơ có những hình ảnh nào làm em chú ý hơn cả? Vì sao?  **Câu 4:** Các từ “hăng”, “phăng”, “vượt” thuộc từ loại gì? Nêu tác dụng của chúng trong đoạn thơ?  **Câu 5:** Có mấy hình ảnh so sánh trong đoạn thơ? Hãy phân tích tác dụng của các hình ảnh so sánh đó?  **Câu 6:** Xét về mặt cấu tạo ngữ pháp từ “mạnh mẽ” thuộc từ loại gì?  **Câu 7:** Phân tích cấu tạo ngữ pháp của câu thơ “dân trai tráng bơi thuyền đi đánh cá” ?  **Câu 8:** Viết một đoạn văn diễn dịch từ 7- 10 câu nêu cảm nhận của em về đoạn thơ trên trong đó có sử dụng một kiểu câu đã học, gạch chân và chỉ rõ? |

**Gợi ý:**

**Câu 1:** Chép 5 câu tiếp:

**Câu 2:** Nội dung chính của đoạn thơ: Cảnh đoàn thuyền ra khơi trong một buổi sáng đẹp trời.

**Câu 3:** Có hai hình ảnh đáng chú ý: Hình ảnh con thuyền và hình ảnh cánh buồm trắng. Đáng chú ý là vì chúng được miêu tả với nhiều sáng tạo.

**Câu 4:** Từ “hăng” thuộc tính từ, “phăng”, “vượt” thuộc động từ.-> góp phần diễn tả thật ấn tượng khí thế băng tới dũng mãnh của con thuyền đè sóng ra khơi, làm toát lên sức sống mạnh mẽ, vẻ đẹp hùng tráng bất ngờ.

**Câu 5:** Có hai hình ảnh so sánh:

- So sánh “con thuyền” như “con tuấn mã”-> Diễn tả ấn tượng khí thế băng tới dũng mãnh của con thuyền khi ra khơi làm toát lên sức sống mạnh mẽ, một vẻ đẹp hùng tráng đầy hấp dẫn thể hiện một bức tranh lao động đầy hứng khởi, dạt dào sức sống.

- So sánh “cánh buồm” với “mảnh hồn làng”-> Không làm cho hình ảnh cánh buồm cụ thể hơn nhưng nó bỗng trở nên lớn lao, kì vĩ, thiêng liêng, và rất thơ mộng. Nhà thơ chợt nhận ra cái linh hồn của làng chài quê hương trong hình ảnh cánh buồm

**Câu 6:** Xét về mặt cấu tạo ngữ pháp từ “mạnh mẽ” thuộc từ láy

**Câu 7:** Dân trai tráng // bơi thuyền đi đánh cá

CN VN

**Câu 8:**

**\* Mở đoạn( Câu chủ đề):** Đoạn thơ trên trích trong văn bản “ Quê hương” của tác giả Tế Hanh trích trong tập thơ “ Nghẹn ngào” năm 1939 đã rất thành công trong việc miêu tả cảnh đoàn thuyền ra khơi trong một buổi sáng đẹp trời.

**\* Thân đoạn:** Các ý chính:

- Đoàn thuyền xuất phát giữa cảnh bình minh trong sáng dịu mát và rực rỡ nắng mai hồng.

- Hình ảnh người lao động xuất hiện với vẻ đẹp khỏe mạnh, vạm vỡ, hăng hái trèo thuyền ra khơi.

- Chiếc thuyền được so sánh với con tuấn mã cùng với các động từ, tính từ mạnh: “hăng, phăng, vượt” cho thấy khí thế mạnh mẽ, dũng mãnh băng mình vươn tới khi ra khơi

- Hình ảnh so sánh, giàu ý nghĩa “cánh buồm – hồn làng” làm cho hình ảnh cánh buồm trở nên lớn lao, kì vĩ, thiêng liêng và rất thơ mộng. Nhà thơ chợt nhận ra cái linh hồn của làng chài quê hương trong hình ảnh cánh buồm. Phải yêu quê lắm thì Tế Hanh mới viết được hình ảnh so sánh tinh tế đến như vây?( Câu nghi vấn bộc lộ cảm xúc)

- Cánh buồm được nhân hóa như một con người nó đang rướn cao thân mình thu hết gió của đại dương đẩy con thuyền đi nhanh hơn.

**\* Kết đoạn:** Tóm lại, với việc sử dụng thành công biện pháp so sánh, nhân hóa, từ láy, tính từ, động từ bốn câu thơ vừa là phong cảnh thiên nhiên tươi sáng vừa tả bức tranh lao động đầy hứng khởi và dạt dào sức sống.

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**

|  |
| --- |
| Đọc câu thơ sau và làm theo các yêu cầu bên dưới:  “Ngày hôm sau ồn ào trên bến đỗ”  **Câu 1:** Chép chính xác 7 câu thơ tiếp theo để hoàn chỉnh khổ thơ?  **Câu 2:** Nêu nội dung chính của đoạn thơ đó?  **Câu 3:** Vì sao câu thơ thứ ba của khổ thơ lại được đặt trong dấu ngoặc kép?  **Câu 4:** Hãy chỉ ra và phân tích tác dụng của các biện pháp tu từ được sử dụng  trong hai câu thơ cuối đoạn?  **Câu 5:** Hai câu thơ: “Ngày hôm sau ồn ào trên bến đỗ  Khắp dân làng đón ghe về”  Thuộc kiểu câu gì? Thực hiện hành động nói nào?  **Câu 6:** Viết đoạn văn theo kiểu quy nạp trình bày cảm nhận của em về đoạn thơ trên có sử dụng một kiểu câu đã học và gạch chân chỉ rõ?  **Câu 7:** Tình yêu quê hương được thể hiện như thế nào trong bài thơ? |

**Gợi ý:**

**Câu 1:** Hs chép bảy câu tiếp.

**Câu 2:** Nội dung đoạn thơ : Cảnh đoàn thuyền trở về bến.

**Câu 3:** Câu thơ thứ ba của đoạn được đặt trong dấu ngoặc kép là để trích nguyên văn lời cảm tạ trời yên biển lặng cho dân chài trở về an toàn , cho chuyến ra khơi thắng lợi.

**Câu 4:** Các biện pháp tu từ là: nhân hóa, ẩn dụ chuyển đổi cảm giác

-> Các từ “im, mỏi, trở về, nằm” cho ta cảm giác nhận được giây phút nghỉ ngơi thư giãn của con thuyền sau những phút giây vật lộn với sóng gió biển khơi. Nghệ thuật nhân hóa đã khiến con thuyền vô tri bỗng trở nên sống động có hồn như con người

+ Từ “nghe” thể hiện sự chuyển đổi cảm giác thật tinh tế. Con thuyền như một cơ thể sống, nhận biết được chất muối của biển đang ngấm dần, lặn dần vào da thịt của mình.

-> Hình ảnh con thuyền đồng nhất với cuộc sống của người dân làng chài. Hai câu thơ cho ta cảm nhận được một tâm hồn nhạy cảm, tinh tế và tình yêu sự gắn bó máu thịt với quê hương mình của nhà thơ Tế Hanh.

**Câu 5:** Thuộc kiểu câu trần thuật-> thực hiện hành động nói trình bày.

**Câu 6:**

**\* Mở đoạn:** Đoạn thơ trên trích trong văn bản “ Quê hương” của tác giả Tế Hanh trích trong tập thơ “ Nghẹn ngào” năm 1939 đã rất thành công trong việc miêu tả cảnh đoàn thuyền đoàn thuyền trở về bến sau một ngày lao động vất vả.

\* **Thân đoạn:** Các ý chính:

**-** Câu thơ đầu tả hình ảnh dân chài làn da ngăm đen vì nắng gió là tả thực, làm nổi bật một nét riêng của màu da dân biển. Câu thơ tiếp theo “ Cả thân hình nồng thở vị xa xăm” mới là sáng tạo: Nước da ngăm nhuộm nắng, gió và những chuyến đi xa của biển cả. Hình ảnh người dân chài vừa chân thực vừa lãng mạn với tầm vóc phi thường. Câu thơ đầu được tả chủ yếu qua thị giác, qua cái nhìn, quan sát của đôi mắt, câu sau mới là tả tâm hồn và cảm quan lẵng mạn của nhà thơ.

- Các từ “im, mỏi, trở về, nằm” cho ta cảm giác nhận được giây phút nghỉ ngơi thư giãn của con thuyền sau những phút giây vật lộn với sóng gió biển khơi. Nghệ thuật nhân hóa đã khiến con thuyền vô tri bỗng trở nên sống động có hồn như con người

- Từ “nghe” thể hiện sự chuyển đổi cảm giác thật tinh tế. Con thuyền như một cơ thể sống, nhận biết được chất muối của biển đang ngấm dần, lặn dần vào da thịt của mình. Hình ảnh con thuyền đồng nhất với cuộc sống của người dân làng chài.

Hai câu thơ cho ta cảm nhận được một tâm hồn nhạy cảm, tinh tế và tình yêu sự gắn bó máu thịt với quê hương mình của nhà thơ Tế Hanh.

**\* Kết đoạn ( Câu chủ đề):** Tóm lại, với việc sử dụng thành công biện pháp nhân hóa, ẩn dụ chuyển đổi cảm giác 8 câu thơ đã diễn tả chân thực cảnh người dân làng chài sau ngày lao động trở về và thể hiện sự gắn bó máu thịt với quê hương của nhà thơ Tế Hanh.

**Câu 7:** Yêu thương, trân trọng, tự hào và gắn bó với cảnh vật, cuộc sống và con người của quê hương.

- Được thể hiện ở cách nhìn của Tế Hanh về cảnh vật, cuộc sống quê hương mình. Trong con mắt của Tế Hanh, cảnh vật của quê hương rất đẹp : cảnh đoàn thuyền ra khơi hào hùng, hoành tráng, đầy khí thế, cảnh đoàn thuyền trở về trong sự chờ đón của dân làng, trong đông vui nhộn nhịp và cả tình yêu thương ấm áp.

- Tình yêu quê hương được thể hiện ở cách cảm nhận của tác giả về các sự vật thân thuộc, gần gũi của quê hương: Tế Hanh đã cảm nhận bằng tất cả tình yêu và tâm hồn mình nên ông nhìn thấy và nắm bắt được cái hồn, cái thần thái của từng sự vật, cảm nhận thấy chúng rất bình dị nhưng rất thiêng liêng vì những sự vật ấy đều mang trong nó cái hồn quê mặn mà, sâu lắng.

- Tình yêu quê hương được bộc lộ trực tiếp qua những câu thơ cuối, qua nỗi nhớ thương luôn thường trực, da diết, cồn cào cháy bỏng. Tình cảm của nhà thơ chân thành và bền bỉ, thiêng liêng.

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3**

|  |
| --- |
| Chép thuộc lòng khổ thơ cuối của bài thơ “ Quê hương” và trả lời câu hỏi  **Câu 1:** Các từ “xanh, bạc, nồng mặn” thuộc từ loại nào?  **Câu 2:** Ở đoạn thơ trên tác giả đã sử dụng phương thức biểu đạt chính nào?  **Câu 3:** Nhớ làng người thanh niên Tế Hanh nhớ những gì?  **Câu 4:** Tại sao tác giả lại nhớ nhất cái mùi nồng mặn của quê hương mình? **Câu 5: Trong bài thơ Quê hương của tác giả Tế Hanh ,hình ảnh con thuyền được xuất hiện rất nhiều lần.Chép lại những hình ảnh đó.Chỉ ra biện pháp tu từ và nêu tác dụng của biện pháp tu từ trong những câu thơ vừa chép.** **Câu 6:** Hãy trình bày cảm nhận của em về khổ thơ trên bằng một đoạn văn?  **Câu 7:** Viết một đoạn văn ngắn (7 – 10 câu) nêu suy nghĩ của em về vai trò của quê hương đối với cuộc đời mỗi con người. |

**Gợi ý:**

**Câu 1:** Các từ “xanh, lục, nồng mặn” thuộc từ loại: tính từ

**Câu 2:** Tác giả đã sử dụng phương thức biểu đạt chính là: biểu cảm

**Câu 3:**

- Nhà thơ bày tỏ lòng yêu thương trân trọng quê hương của mình. Dù đi xa, tác giả vẫn luôn nhớ về mảnh đất quê hương yêu dấu của mình. Nhớ màu nước biển xanh, nhớ thân cá bạc, nhớ chiếc buồm vôi, nhớ cả cảnh những chiếc thuyên rẽ sóng chạy ra khơi và nhà thơ cảm nhận được cái mùi nồng mặn xa xăm của quê biển.

**Câu 4:** Vì đó chính là mùi vị nồng nàn đặc trưng của quê hương lao động, cái hương vị riêng đầy quyến rũ đối với những người con vô cùng yêu quí quê hương mình. Tài liệu của Thu Nguyễn

**Câu 5:**

- Chiếc thuyền nhẹ hăng như con tuấn mã

Biện pháp tu từ so sánh: chiếc thuyền với con tuấn mã. Tác dụng: gợi được vẻ đẹp khỏe khoắn, hăng hái rắn rỏi của con thuyền giống như tuấn mã. Từ đó gợi ra được vẻ đẹp hình thể của những người dân làng chài

- Phăng mái chèo mạnh mẽ vượt trường giang

Biện pháp nhân hóa: được thể hiện qua từ "phăng", "vượt" diễn tả được tư thế, hào khí phăng phăng, tràn ngập sức sống của con thuyền cũng như người dân làng chài đang hăm hở về 1 chuyến đi đánh cá thắng lợi và thành công.

- Cánh buồm giương to như mảnh hồn làng

Biện pháp tu từ so sánh, ẩn dụ. So sánh, ẩn dụ cánh buồm với mảnh hồn làng là để hình tượng hóa mảnh hồn làng cũng như linh thiêng hóa cánh buồm. Cánh buồm ra khơi mang theo những ước mơ khát vọng của những người dân làng chài ra khơi. Mảnh hồn làng chính là những tâm tư, ước mơ, khát vọng của người dân làng chài. Biện pháp này làm cho hình ảnh cánh buồm trở nên sinh động và thiêng liêng.

- Rướn thân trắng bao la thâu góp gió

Biện pháp tu từ nhân hóa được thể hiện qua từ “rướn" , "thâu góp" làm cho con thuyền trở nên sinh động chân thực như 1 con người

- Chiếc thuyền im bến mỏi trở về nằm / Nghe chất muối thấm dần trong thớ vỏ

Biện pháp tu từ nhân hóa cùng ẩn dụ chuyển đổi cảm giác. Biện pháp nhân hoá làm con thuyền giống như 1 con người đang nghỉ ngơi sau 1 chuyến đi chăm chỉ. Chất muối bình thường được cảm nhận bằng vị giác nhưng được cảm nhận bằng nghe--> ẩn dụ chuyển đổi cảm giác, làm cho những mệt nhọc trong con thuyền trở nên tinh tế hơn. **Câu 6:** Trình bày cảm nhận đoạn thơ

**\* Mở đoạn:** Đoạn thơ trên trích trong văn bản “ Quê hương” của tác giả Tế Hanh trích trong tập thơ “ Nghẹn ngào” năm 1939 đã rất thành công trong việc thể hiện nỗi nhớ làng quê của tác giả.

\* **Thân đoạn:** Các ý chính:

- Nỗi nhớ quê hương qua những hình ảnh quen thuộc: Tác giả nhớ về “Màu nước xanh, cá bạc, chiếc buồm vôi”, đó là những hình ảnh quen thuộc, gắn liền với người dân miền biển. Màu nước biển trong xanh nơi những con thuyền giương cánh buồm vôi trắng thâu góp gió rẽ ra biển khơi, tìm đến những mẻ cá bạc sau bao gian lao mưa nắng và hiểm nguy, vất vả.

- Nỗi nhớ về khung cảnh sinh hoạt của người dân làng chài: ”. Đâu đó trong tiềm thức của nhà thơ, vẫn mường tượng ra cảnh sinh hoạt đánh bắt cá của người dân quê hương, họ đang ngày đêm ra khơi đánh bắt với sự hăng say và tinh thần yêu lao động, lái những con thuyền vươn ra biển cả, đương đầu với sóng gió và thử thách của đại dương mênh mông để rồi từ đó thu về những mẻ cá nặng trong niềm vui hân hoan .

Nỗi niềm dâng trào trong cảm xúc của nhà thơ: Phải có sự gắn bó sâu sắc và tình yêu sâu đậm với ngôi làng chài này lắm, tác giả mới có những cảm nhận tinh tế, cách miêu tả đầy sống động và lãng mạn như thế. “Cái mùi nồng mặn” ấy chính là mùi của biển cả, của vị xa xăm nồng thở trong thân hình người dân trai tráng, của chất muối thấm trong thớ gỗ con thuyền  
  
**\* Kết đoạn:** Tóm lại, qua 4 câu thơ thông qua các hình ảnh thân thuộc của quê hương, ta thấy được nỗi nhớ quê hương thật da diết củ tác giả Tê Hanh, điều đó đã làm nên thành công cho bài thơ này.

**Câu 7:**Gợi ý: Ta có thể hiểu vai trò của quê hương:

- Là nơi chôn rau , cắt rốn, nơi cho bao thế hệ ra đời   
- Là nơi để chúng ta nhớ về cội nguồn .  
- Là nơi lưu giữ bao nhiêu kỉ niệm đẹp thời thơ ấu ( nếu có )  
- Là nơi mãi mãi không thể quên hoặc rời bỏ

**Đoạn văn tham khảo:**

Quê hương- hai tiếng gọi sao mà thân thương và tha thiết đến thế! Từ khi còn thơ ấu, tôi luôn tự hỏi mẹ: " Quê hương là gì hả mẹ/ Mà cô giáo dạy phải yêu?". Và đến bây giờ, khi trưởng thành hơn, tôi nhận ra, quê hương với tôi quan trọng vô cùng. Đó là chiếc nôi nới tôi sinh ra, khóc tiếng khóc chào đời và tập những bước đi chập chững đầu tiên. Chẳng thể nào quên được nơi chôn rau cắt rốn ấy, nơi mà chứa đựng cả tuổi thơ vô tư, hồn nhiên không thể thắm lại. Quê hương với tôi là hình ảnh người mẹ tần tảo ra đồng sớm hôm, là những bữa cơm rau dưa đạm bạc, tiếng lũ bạn gọi nhau í ới đi học, đi chăn châu, là tiếng khói nghi ngút mỗi lần nướng khoai... Chẳng nơi đâu có thể chan chứa tình thương và mở rộng tấm lòng chào đón bạn trở về như chính quê hương của bạn. Mỗi lần đi xa, tôi tự hứa sẽ học hành chăm chỉ và rèn luyện lối sống đạo đức bản thân, để chí ít, lòng tôi cảm thấy tự hào về chính quê hương nơi tôi đang sống. Tôi hiểu ra: " Quê hương nếu ai không nhớ/ Sẽ không lớn nổi thành người! ".

### Quê hương của Tế Hanh nhìn từ phía đề từ

1.Với tư cách là "thành phần nằm ngoài văn bản của một tác phẩm"(1), lời đề từ "Chim bay dọc biển đem tin cá" trong bài thơ Quê hương nổi tiếng của Tế Hanh ít khi được người đọc dành cho sự quan tâm cần thiết, thậm chí có lúc còn bị lãng quên. Ngay cả tuyển thơ Thi nhân Việt Nam (1941) cũng bỏ qua lời đề từ ấy. Trong lời "Nhỏ to..." in cuối cuốn sách, các tác giả bộc bạch: "Tôi xin lỗi vì đã tự tiện bỏ hầu hết những lời đề tặng trên các bài thơ. Trong một quyển hợp tuyển những lời ấy sẽ thành vô nghĩa. Tôi chỉ giữ lại những lời đề tặng cần phải có mới hiểu được ý thơ"(2). Các tác giả Thi nhân Việt Nam là những người có phong cách cẩn trọng và quan điểm phê bình "lấy hồn tôi để hiểu hồn người". Với lời đề tặng mà cân nhắc như thế, thì với đề từ chắc chắn họ sẽ rất đắn đo. Bởi thế, trong phạm vi tư liệu có thể tìm hiểu, chúng tôi chỉ hơi ngạc nhiên về điều thiếu sót này. Có thể nhà soạn sách chép thơ theo trí nhớ chăng?! Nhưng đáng ngạc nhiên hơn ở chỗ: sách giáo khoa hiện hành đã in nguyên dạng rồi (SGK chú thích nguồn: trong Thi nhân Việt Nam??), mà nhiều người vẫn sơ ý bỏ qua.   
  
2. Hơn một lần, cả trong thơ và trong những bài trả lời phỏng vấn của bạn văn, Tế Hanh nhắc đến lời đề từ ấy. Xin trích một đoạn điển hình: "Tôi đến với thi ca khá sớm. Cha tôi là một nhà nho (...) Ông thường đọc cho tôi nghe những bài thơ chữ Hán của các nhà thơ đời Đường và của ông cha ta trước kia, dù không hiểu gì mấy nhưng tôi vẫn thấy hay. Ngoài ra, cha tôi còn làm nhiều bài thơ chữ Nôm. Tôi nhớ nhất là bài tả cảnh quê nhà, trong đó có hai câu mà tôi rất thích: Chim bay dọc biển đem tin cá/ Nhà ở kề sân, sát mái nhà. Khi làm bài thơ Quê hương vào năm 1939, tôi đã lấy câu thơ của cha tôi làm tiêu đề."(3) Như vậy, có thể khẳng định Tế Hanh đã sử dụng câu đề từ (ông gọi là "tiêu đề") "Chim bay dọc biển đem tin cá" và chú thích dòng chữ "Câu thơ của thân phụ tôi" ngay khi sáng tác bài thơ và chép tay vào tập "Nghẹn ngào" (tập thơ đoạt giải thưởng Tự lực văn đoàn, năm 1945 bổ sung tái bản với cái tên "Hoa niên"). Điều này rất có ý nghĩa. Nó chứng tỏ dù là "thành phần nằm ngoài văn bản" nhưng trong trường hợp này giữa lời đề từ và văn bản thơ "Quê hương" chắc chắn có mối quan hệ hữu cơ. Cách gọi đề từ là "tiêu đề" cũng rất đáng lưu tâm. Có thể nhà thơ của chúng ta không mấy quan tâm đến thuật ngữ, nhưng chữ "tiêu đề" mà ông dùng trong trường hợp này nó gợi một cách hiểu linh hoạt. Tiêu đề chính thức của văn bản là Quê hương, phải chăng theo thi nhân nó còn có thể có một tiêu đề khác nữa? Nếu thế, cái "tiêu đề" mà Tế Hanh nói chẳng phải đã cùng sinh mệnh với 20 dòng thơ kia rồi sao?! Mặt khác, chúng ta cũng cần chú ý tới thái độ hết sức kính trọng của tác giả trong cách chú thích lời đề từ: "Câu thơ của phụ thân tôi". Trong thái độ kính trọng phụ thân còn biểu hiện sự hàm ơn. Hàm ơn không chỉ bởi nhà thơ tưởng nhớ công sinh thành trời biển mà còn vì công "nuôi dưỡng tâm hồn" (Thơ đã hóa tâm hồn/ Sách đã thành tri kỷ - bài Cái tủ sách của cha tôi), công lao dắt dẫn mình vào thế giới diệu kì của thi ca. Bài Quê hươngviết trong xa cách, trong nỗi niềm da diết nhớ quê. Nỗi nhớ quê gắn liền với nỗi nhớ gia đình và người thân, đặc biệt là nỗi nhớ người cha thích cảm tác và ngâm vịnh văn chương. Không bắt đầu từ những gì gắn bó nhất, thân thuộc nhất, máu thịt nhất, liệu cảm xúc có trào dâng và tài năng Tế Hanh có thăng hoa để Quê hương có thể thành kiệt tác? Câu trả lời tưởng đã quá rõ! Nói theo cách của các tác giả Từ điển thuật ngữ văn học thì ở đây chính lời đề từ đã "khơi nguồn cảm hứng cho tác giả trong quá trình sáng tạo"(4). Và như vậy, nhìn phía lời đề từ nghĩa là nhìn phía tâm lý sáng tạo, trong trường hợp này là nhìn phía sự kiện đời sống làm bật nảy tứ thơ, khơi dậy và định hình dòng cảm xúc mãnh liệt trong bài thơ. Nhìn phía lời đề từ, bởi thế, cũng là một góc nhìn giúp người đọc thấy thêm nhiều vẻ đẹp của tác phẩm, có thêm cơ hội chiếm lĩnh được bài thơ trong tính chỉnh thể toàn vẹn của nó.   
  
3. Nhưng nhiều người chắc chẳng thấy thuyết phục bởi cách lý giải theo quy luật bếp núc ấy? Họ sẽ cho đó là suy diễn. Nói gì thì nói, văn chương là sáng tạo, là nghệ thuật của ngôn từ, là "cây đời xanh tươi", không thể quy kết nếu không bám vào thế giới hình tượng. Thế nên, chúng ta cần nhận rõ mối quan hệ hữu cơ giữa lời đề từ và văn bản thơ Quê hương. Vì sao trong vô số bài thơ mà người cha từng đọc, nhà thơ lại nhớ và thích nhất câu thơ "Chim bay dọc biển đem tin cá"? Là người có lòng với văn chương nhưng cụ Trần Tất Tố hình như không có duyên cùng chữ nghĩa. Bạn đọc biết đến lòng yêu văn chương của cụ có lẽ chỉ bởi câu thơ được con trai cụ lấy làm đề từ trong bài thơ nổi tiếng này thôi. Câu thơ rất bình thường trích trong một bài thơ cụ làm tả cảnh quê nhà. Nói là bình thường bởi dù viết với hình thức thất ngôn với mục đích vịnh cảnh nhưng lời thơ rất giản dị, nôm na. Thế nhưng, khi tách khỏi bài thơ, nó lại có sức gợi lạ lùng. Nó giản dị như một câu tục ngữ nhưng lại có sức gợi mạnh mẽ như ca dao trữ tình. Có lẽ Tế Hanh cảm nhận được vẻ đẹp kì diệu đó của câu thơ chỉ từ khi chàng trai 15 tuổi mang theo nó trong kí ức xa quê, trải nghiệm trong nỗi niềm nhớ quê? Và có lẽ mỗi lúc nhớ quê, chàng trai ấy lại hướng lòng về xứ Quảng và ngâm nga "Chim bay dọc biển đem tin cá/ Nhà ở kề sân, sát mái nhà"?!... Câu thơ thứ hai thuần tả cảnh, giản đơn. Câu thứ nhất vừa tả cảnh vừa tái hiện bức tranh cuộc sống sinh động. Câu thơ viết về cảnh "chim bay dọc biển" khiến người đọc hình dung một không gian cao rộng, trải dài, khoáng đạt của trời biển bao la. Những cánh chim bay "dọc biển" gợi sự thanh bình, yên ả của cuộc sống, nhất là cuộc sống của dân chài lưới ven biển, bám biển. Vế sau của câu thơ, đặt trong mối liên hệ với vế trước còn hé lộ một kinh nghiệm sống của dân chài: Chim bay dọc biển đem tin cá. Với dân biển, muốn biết tình hình thời tiết để ra khơi, theo kinh nghiệm xưa, họ quan sát bầu trời để thu thập thông tin rồi mới quyết định. Những cánh chim bay "dọc biển" là một trong rất nhiều thông số quan trọng. Nếu chim bay gấp gáp, loạn xạ, có khi như lao vút, như muốn đâm đầu vào những xóm mạc ở đất liền... chính là dấu hiệu chẳng lành, là tín hiệu của bão tố, phong ba. Những cánh chim hiền hòa "dọc biển" dạo bay trong không gian một bên là bờ bãi và một bên là biển cả xanh biếc mênh mông mang theo thông điệp bí mật và tinh tế của thiên nhiên về những ngày trời yên bể lặng. Chim đem tin, và dân biển sẽ nhận tin! Bộc lộ một tình cảm gắn bó với quê hương, gợi một cảnh vật điển hình và mang chở một kinh nghiệm truyền thống quý báu trong một hình thức ngôn từ giản dị, đó là vẻ đẹp của câu thơ "Chim bay dọc biển đem tin cá". Ngẫm câu thơ này, chợt nhớ một ý của Hữu Thỉnh: "Những câu thơ hay thường có xu hướng tách ra khỏi bài thơ để trở thành các giá trị độc lập. Nói một cách khác, những câu thơ hay thường xóa bỏ xuất xứ của nó"(5). Có thể coi câu thơ chúng ta đang đọc thuộc vào số ấy. Cụ Trần Tất Tố tả cảnh mà gợi được cái thần sắc, cái linh hồn kì diệu của cảnh đã có sức khơi gợi mạnh mẽ những vùng sáng trong kí ức người đọc. Người đọc tâm đắc trước hết của cụ chính là Trần Tế Hanh, con trai cụ. Chính câu thơ gợi linh hồn làng biển của cụ đã thức dậy cảm hứng mãnh liệt của Tế Hanh, để nhà thơ trẻ viết nên kiệt tác về quê hương vạn chài - ở kiệt tác ấy linh hồn làng biển hiện lên đầy hình sắc. Nói câu thơ đề từ là sự kiện đời sống làm bật nảy tứ thơ,khơi dậy và định hình dòng cảm xúc mãnh liệt trong bài thơ là nói theo ý nghĩa ấy. Câu đề từ gợi hứng, hình ảnh và kỷ niệm bừng dậy, bài thơ cứ thế hình thành một cách hết sức tự nhiên như bức tranh cuộc sống vốn vậy. Đọc Quê hương, nếu bỏ qua những điều vừa nói ở trên, liệu có làm mất đi cơ hội thấy thêm nhiều vẻ đẹp của tác phẩm, có thể chiếm lĩnh được bài thơ trong tính chỉnh thể toàn vẹn của nó? Rất có thể. Ở trên, ta vừa nói đặc sắc của bài thơ quê hương là đã gợi hình sắc linh hồn làng biển từ trong nỗi nhớ. Thực tế, vì sơ ý bỏ qua lời đề từ, nhiều người đã đọc và giảng dạyQuê hương theo những hướng khác nhau, ít chú ý khai thác điểm đặc sắc, có tính khác biệt của nhà thơ xứ Quảng trong bài thơ về một chủ đề quá quen thuộc. Về hai câu thơ mở đầu bài thơ, các tác giả của Sách giáo viên Ngữ văn 8, tập 2, tr. 23 hướng dẫn: "Hai câu thơ mở đầu rất bình dị, tự nhiên, tác giả giới thiệu chung về làng quê của mình, nội dung hầu như chỉ có ý nghĩa thông tin,...". Nói Tế Hanh giới thiệu chung về làng quê "bình dị", "tự nhiên" là đúng nhưng nói "nội dung hầu như chỉ có ý nghĩa thông tin" thì không chính xác. Chi tiết thơ "cách biển nửa ngày sông" là cách nói quá quen thuộc với tác giả - người có 15 năm tuổi thơ gắn bó với quê hương làng chài, nhưng lại lạ lẫm với tất cả chúng ta. Đó là cách nói đặc trưng của người dân có gốc gác "vốn làm nghề chài lưới". "Từ đất quế, sông Trà Bồng thẳng một dòng chảy về hướng đông. Đến đoạn thôn Giao Thủy, xã Bình Thới, huyện Bình Sơn, sông tách ra làm đôi ôm kín một vùng đất rồi hợp dòng xuôi về cửa biển Sa Cần. Đất cù lao ấy có tên gọi là xa Bình Dương, nơi chôn nhau cắt rốn của nhà thơ Tế Hanh."(6) Vị trí, khoảng cách ấy qua thơ Tế Hanh thật khác. Cách đo khoảng cách bằng "ngày sông" chẳng phải là lối nói bằng hình tượng độc đáo của những con người mộc mạc chốn làng quê đó sao?! Cách nói, cách nghĩ của người dân quê nơi nào thường gắn với thổ ngơi nơi ấy! Ở đoạn thơ thứ hai, trong cảm hứng mà câu thơ "Chim bay dọc biển..." khơi gợi, tác giả nhớ lại và đặc tả cảnh dân chài bơi thuyền ra khơi đánh cá. Đó là bức tranh cuộc sống lao động sáng tươi và khỏe khoắn. Kí ức về cảnh sinh hoạt quê nhà trong Tế Hanh như vẫn nguyên sơ. Trung tâm bức tranh là hình ảnh con thuyền và người dân chài. Những dòng thơ tả cảnh, tả người ở đây đều sinh động, tài hoa. Tả con thuyền "hăng như con tuấn mã/ Phăng mái chèo, mạnh mẽ vượt trường giang" mà gợi lên vẻ đẹp cường tráng, dồi dào của người dân lao động miền quê biển. Đặc biệt, linh hồn làng biển hiện hình qua câu thơ tài hoa chớp được cận cảnh "Cánh buồm giương to như mảnh hồn làng/ Rướn thân trắng bao la thâu góp gió". Phép so sánh thông thường chỉ làm cho sự vật hiện lên cụ thể, sao qua cách so sánh của Tế Hanh sự vật bỗng trở nên trừu tượng, lớn lao, kì vĩ và linh thiêng?! Tế Hanh không có ý định tái hiện cảnh lao động một cách trọn vẹn, mà chỉ tập trung thể hiện những dáng nét ấn tượng, thân quen. "Quảng Ngãi ơi! Nơi đã sinh ta/ Đến tuổi mười lăm sống tại nhà/ Từ đấy ta đi, quê khắp xứ/ Suốt đời quê mẹ vẫn không xa." Đó là bài thơ Gửi Quảng Ngãi (1983), một kênh lý giải cội nguồn cảm hứng trong sự nghiệp thơ của ông, và góp phần cho chúng ta hiểu hơn bài thơ Quê hương. Những hình ảnh làng quê hiện về trong kí ức, thức dậy những kỷ niệm, và vì không trải nghiệm cuộc sống thực sự của người dân đánh cá nên thi sĩ không nói về cảnh "Ra đậu dăm khơi dò bụng biển/ Dàn đan thế trận lưới vây giăng" (Đoàn thuyền đánh cá - Huy Cận), chỉ nhớ cảnh trên bờ. Với tình cảm sâu sắc, khả năng quan sát tinh tế, Tế Hanh đã thể hiện được nhiều nét thần tình. Một câu nói quá đỗi quen thuộc của người dân chài "Nhờ ơn trời biển lặng cá đầy ghe" được nhớ lại, gợi nhắc không khí náo nhiệt, đặc tả niềm vui bình dị, tình cảm chân thành cảm tạ thiên nhiên. Cảm tạ "ơn trời" phải chăng là cảm tạ từ ân huệ thiên nhiên ban tặng qua tín hiệu "Chim bay dọc biển..."? Màu sắc tín ngưỡng trong câu thơ giản dị khắc họa rõ nét thêm vẻ đẹp mộc mạc của tâm hồn người lao động! Với cảm hứng tái hiện nét thần tình của cảnh vật đang dâng trào mãnh liệt, Tế Hanh đã có được những dòng tuyệt bút: "Dân chài lưới làn da ngăm rám nắng/ Cả thân hình nổng thở vị xa xăm;/ Chiếc thuyền im bến mỏi trở về nằm/ Nghe chất muối thấm dần trong thớ vỏ". Con thuyền đánh cá ở biển và người dân lao động làng chài đã hiện lên đúng thần thái, hồn vía và trở nên sống động phi thường. Trong đoạn kết trực tiếp bộc lộ nỗi nhớ quê, nhà thơ đã khái quát những nét tiêu biểu đọng lại trong tâm tưởng khi "xa cách": màu nước biển biếc xanh, màu cá bạc tươi ngon, màu của cánh buồm vôi lộng gió... Tất cả vẫn còn hằn in. Cùng với đó là hình ảnh "động": "Thoáng con thuyền rẽ sóng chạy ra khơi". Quê hương tươi nguyên trong trái tim người xa cách không chỉ với những ảnh hình từ "tĩnh" đến "động" mà còn với cả "cái mùi nồng mặn" đặc trưng. Đó là cái vị xa xăm mặn mòi của biển khơi ngấm đọng trong thân hình dân chài lưới, cái mùi thấm sâu trong từng thớ gỗ của những con thuyền hòa lẫn cái mùi phảng phất trên khắp vùng quê biển "Gió đưa thơm mùi cá nướng ngọt ngào"... Cái mùi ấy mơ hồ nhưng chính nó khiến cho nỗi nhớ quê thường trực, da diết trở nên hiện hữu, sâu sắc và ám ảnh lòng người hơn bao giờ hết!   
  
4. Chế Lan Viên nói Tế Hanh có "khả năng nhìn thấy hồn sự vật"(7), bài thơ Quê hương có lẽ là minh chứng thuyết phục nhất cho điều đó. Thuyết phục bởi nó thuộc vào số những tác phẩm đầu tay, khi phẩm chất thi sĩ bộc lộ một cách hồn nhiên, trong sáng nhất. Thuyết phục còn bởi trong sự nghiệp thơ ca của Tế Hanh đóng góp lớn cho thơ ca dân tộc, đây là một trong những bài xuất sắc điển hình. Cái khả năng "nhìn thấy hồn sự vật" ấy phải chăng là biểu hiện gien trội di truyền từ ông đồ nho Trần Tất Tố từng kết tinh ở câu thơ "Chim bay dọc biển đem tin cá" ngày xưa?!

**I. Vài nét về tác giả, tác phẩm.**

\* Tác giả: Tên khai sinh là Trần Tế Hanh, sinh 1921, quê ở 1 làng chài ven biển - Quảng Ngãi.

- Là nhà thơ trong pt Thơ mới - chặng cuối (40 - 45).

- Quê hương là cảm hứng lớn trong suốt đời thơ của TH.

\* Tác phẩm: là sáng tác mở đầu cho nguồn cảm hứng về quê hương.

+ Nhà thơ đã viết “Quê hương” bằng cả tấm lòng yêu mến thiên nhiên thơ mộng và hùng tráng của quê hương, mến yêu những con người lao động tràn trề sức lực; bằng những kỉ niệm sâu đậm, nồng nàn của thời niên thiếu.

+ Bài thơ được viết theo thể 8 chữ, kết hợp cả 2 kiểu gieo vần: liên tiếp và vần ôm.

### \***II. Đôi nét về bài thơ Quê hương**

**1. Hoàn cảnh sáng tác**

- Bài thơ viết năm 1939, khi Tế Hanh đang học tại Huế trong nỗi nhớ quê hương-một làng chài ven biển tha thiết. Bài thơ được rút trong tập Nghẹn ngào (1939) và sau đó được in trong tập Hoa niên (1945)

**2. Bố cục**

- 2 câu đầu: Giới thiệu chung về làng quê.

- 6 câu tiếp: Cảnh dân chài bơi thuyền ra khơi đánh cá

- 8 câu tiếp: Cảnh thuyền cá về bến.

- 4 câu tiếp: Nỗi nhớ làng chài, nhớ quê hương

**3. Nội dung**

- Bài thơ đã vẽ ra một bức tranh tươi sáng, sinh động về một làng quê miền biển. Trong đó nổi bật lên hình ảnh khỏe khoắn, đầy sức sống của người dân chài và cảnh sinh hoạt lao động chài lưới. Qua đó cho thấy thấy tình cảm quê hương trong sáng, tha thiết của nhà thơ.

**4. Nghệ thuật**

- Ngôn ngữ bình dị mà gợi cảm, giọng thơ khỏe khoắn hào hùng

- Hình ảnh thơ phong phú, giàu ý nghĩa

- Nhiềuphép tu từ được sử dụng đạt hiệu quả nghệ thuật

\*Trong bài thơ Quê hương tác giả đã sử dụng một số các biện pháp tu từ cần lưu ý:

-Biện pháp so sánh: “Cánh buồm giương to (như) mảnh hồn làng” .Cánh buồm trắng hình ảnh quen thuộc được so sánh như là linh hồn của quê hương đang nằm trong cánh buồm. Hình ảnh “Chiếc thuyền nhẹ hăng (như) con tuấn mã” sự so sánh chiếc thuyền như tuấn mã đã giúp người đọc có cảm giác được sự mạnh mẽ của chiếc thuyền vượt qua mọi sóng gió biển cả. Động từ “hăng” được sử dụng thể hiện sự hiên ngang, sức sống mãnh liệt của chiếc thuyền.

-Biện pháp tu từ nhân hóa:  cánh buồm: “rướn thân trắng bao la thâu góp gió” và hình ảnh “Chiếc thuyền im bến mỏi trở về nằm”.

-Sử dụng ẩn dụ chuyển đổi cảm giác: “Nghe chất muối thấm dần trong thớ vỏ”.

Bài thơ quê hương có nhiều yếu tố nghệ thuật cùng với sự sáng tạo trong các hình ảnh thể hiện sự quan sát, cảm nhận vô cùng sắc sảo của nhà thơ về cuộc sống miền biển. Hình ảnh thơ chân thực, gần gũi khiến cho bài thơ thêm phần thi vị, bay bổng.

Bài thơ Quê hương có sử dụng phương thức miêu tả và biểu cảm, chủ yếu yếu tố miêu tả giúp các yếu tố biểu cảm, trữ tình thêm phần rõ nét. Với sự kết hợp các phương thức miêu tả và biểu cảm, trữ tình giúp bài thơ Quê hương thể hiện được tinh tế và đầy chân thực cuộc sống con người nơi đây.

# Các bước phân tích bài thơ Quê hương của Tế Hanh

### Đôi nét về nhà thơ Tế Hanh

Tế Hanh (sinh năm 1921 – mất năm 2009) có tên khai sinh là Trần Tế Hanh. Ông sinh thành tại một làng chài ven biển ở xã Bình Dương, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi. Làng chài có dòng sông Trà Bồng bao quanh ấy chính là hình ảnh để lại ấn tượng đậm sâu trong lòng nhà thơ và trở đi trở lại rất nhiều trong những sáng tác của nhà thơ sau này. Tế Hanh có khoảng thời gian gắn bó, học tập ở làng quê sau đó ông có cơ hội ra Huế học trung học vào năm 15 tuổi.

Cái duyên của Tế Hanh với thơ ca xuất phát từ niềm ham mê thuở nhỏ khi có cha làm nghề dạy học. Bên cạnh đó, khoảng thời gian học tập ở Huế đã cho ông nhiều trải nghiệm với thơ ca khi được gặp gỡ những nhà thơ tiêu biểu của phong trào Thơ Mới, được tiếp xúc với những bài thơ trữ tình, lãng mạn của Pháp, ông bắt đầu có những sáng tác đầu tay.

Đến năm 1945, ông đã bắt đầu *“dấn thân”* vào sự nghiệp cách mạng và hoạt động văn hóa văn nghệ ở Liên khu V. Khoảng thời gian tập kết ra Bắc vào năm 1954 cũng là thời gian Tế Hanh gắn bó với các hoạt động ở Hội Nhà văn Việt Nam. Đó là dịp để ông có thể thể hiện khả năng sáng tác của bản thân và chính nhờ những nỗ lực của mình mà năm 1996, Tế Hanh đã nhận được Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật.

Bên cạnh những tác phẩm viết về niềm khát khao cháy bỏng Nam Bắc hai miền sum họp một nhà, Tế Hanh thường được biết đến với những sáng tác viết về những bài thơ thể hiện nỗi nhớ thiết tha, trìu mến với quê hương bằng giọng thơ nhỏ nhẹ, hiền hòa và đằm thắm. Ông có những tác phẩm có thể kể đến như: *“Hoa niên”* (năm 1945, còn có tên khác là *“Nghẹn ngào”*), *“Gửi miền Bắc”* (năm 1955), *“Tiếng sóng”* (năm 1960), *“Hai nửa yêu thương”* (năm 1963), và *“Khúc ca mới”* (năm 1966)…

### Những nét chính về bài thơ Quê hương

Trước khi phân tích bài thơ Quê hương của Tế Hanh, ta cần nắm được hoàn cảnh cùng những nét chính về tác phẩm này. *“Quê hương”* là bài thơ được rút ra từ tập *“Nghẹn ngào”* (năm 1939). Đây là một trong những sáng tác đầu tay, cũng là bài thơ mở đầu cho nguồn cảm hứng lớn về quê hương của suốt đời thơ Tế Hanh. Bài thơ được viết theo thể thơ 8 chữ với âm hưởng khỏe khoắn, đã diễn tả được những tình cảm đậm đà, sáng trong mà nhà thơ dành cho làng chài*“cách biển nửa ngày sông”* của nhà thơ.

## Phân tích bài thơ Quê hương của Tế Hanh

Tâm tình về “làng tôi”, bức tranh sinh hoạt của làng quê miền biển, những tình cảm chân thành và nỗi nhớ da diết của tác giả… là những nét chính khi phân tích bài thơ Quê hương của Tế Hanh.

### Lời giới thiệu về “làng tôi” bình dị đầy mến thương

Để khơi nguồn cảm xúc cho bài thơ, nhà thơ đã nhắc lại *“câu thơ của phụ thân”*: *“Chim bay dọc biển đem tin cá”* và rồi cánh chim ấy đã mang về biết bao hình ảnh đẹp tươi về quê hương của nhà thơ.

Qua hai câu thơ đầu của bài thơ, Tế Hanh đã giới thiệu về làng quê của mình một cách rất bình dị và tự nhiên:

*“Làng tôi ở vốn làm nghề chài lưới*

*Nước bao vây, cách biển nửa ngày sông.”*

Phân tích bài thơ Quê hương của Tế Hanh sẽ thấy trong lời thơ ấy, ta như thấy gợi lên ở đó một hình ảnh của một làng chài nhỏ ven biển. Ở nơi ấy, những người dân quê ông mưu sinh bằng cái nghề cả đời gắn liền với nắng gió, với từng hơi thở của biển – chài lưới. Cả một đời bám biển bằng những chuyến tàu đi về của họ đã trở thành một ấn tượng sâu đậm mà khi cất tiếng gọi thân thương *“làng tôi”*, để rồi hình ảnh về con người quê mình cũng đồng thời hiện ra cùng lúc.

Nhớ về quê hương, tác giả cũng nhớ về cái địa thế đặc biệt của làng mình khi đó là một nơi *“nước bao vây”*khắp các bề như một đặc ân đem về cho họ nguồn sống bất tận. Chỉ với hai câu thơ ngắn gọn nhưng tác giả đã vẽ ra trước mắt người đọc một bức tranh yên bình, thân thuộc của một làng chài ven biển.

### Bức tranh làng quê miền biển và cảnh lao động chăm chỉ

Sau hai câu thơ mở đầu, nhà thơ đã dành những dòng viết tiếp theo để miêu tả cảnh dân làng ra khơi đánh cá vào một ngày có sự ủng hộ của tiết trời:

*“Khi trời trong, gió nhẹ, sớm mai hồng*

*Dân trai tráng bơi thuyền đi đánh cá.*

*Chiếc thuyền nhẹ hăng như con tuấn mã*

*Phăng mái chèo, mạnh mẽ vượt trường giang.”*

Đó là những câu thơ đẹp với những hình ảnh vừa rất thực tại và cũng vừa lãng mạn như*“trời trong”*, *“gió nhẹ”* và *“sớm mai hồng”*. Những hình ảnh ấy đã mở ra cảnh tượng trong trẻo, thoáng đãng của bầu trời có pha vào đó màu hồng tươi tắn của ánh nắng ban mai. Trên phông nền của cảnh ấy, hình ảnh đoàn thuyền băng mình ra khơi xuất hiện thật nổi bật. Chúng xuất hiện bên những *“trai tráng”* khỏe mạnh, lực lưỡng, vạm vỡ và dũng cảm và dưới sự lèo lái của họ, những chiếc thuyền lao đi hăng hái như những con tuấn mã được thúc vó băng vạn dặm xa.

Phân tích bài thơ Quê hương của Tế Hanh sẽ thấy thông qua hình ảnh so sánh *“con tuấn mã”* kết hợp với hàng loạt các động từ *“hăng”*, *“phăng”*, *“vượt”*, nhà thơ đã diễn tả một không khí hồ hởi, một sức sống mạnh mẽ và cả vẻ đẹp hùng tráng đầy lôi cuốn của con người trong khoảnh khắc khởi đầu đầy ấn tượng. Do đó, những câu thơ không còn là những nét vẽ đơn thuần về một bức tranh phong cảnh thiên nhiên với sắc màu tươi sáng mà còn lột tả cả bức tranh lao động sôi nổi, hào hứng như hứa hẹn một ngày lao động gặt hái nhiều kết quả tốt đẹp.

Khí thế băng băng tới trùng khơi dũng mãnh của đoàn thuyền cũng có lúc hiện lên với vẻ đẹp lãng mạn ở cách miêu tả cánh buồm no gió trong hai câu thơ tiếp theo:

*“Cánh buồm giương to như mảnh hồn làng*

*Rướn thân trắng bao la thâu góp gió…”*

Giữa biển khơi muôn trùng sóng nước, cánh buồm căng gió làm cho bức tranh lao động trở nên thơ mộng đến vô cùng. Cánh buồm khi cùng con người trong hành trình ra khơi đã không còn là một vật vô tri mà trở thành một sinh thể, là *“mảnh hồn làng”*. Nó biết *“rướn thân trắng”* để *“thâu góp gió”*, tiếp sức cho đoàn thuyền vươn khơi mạnh mẽ.

Khi phân tích bài thơ Quê hương của Tế Hanh, ta thấy hình ảnh cánh buồm khiến cho ta dễ liên tưởng công việc ra khơi đánh bắt của những người đàn ông miền biển. Bên cạnh đó thì những người ở lại cũng vẫn đồng hành cùng với họ bằng sự dõi theo, bằng sự nguyện cầu về những điều tốt lành và bằng cả niềm hi vọng về cuộc mưu sinh thuận lợi. Đó phải chăng chính là ý nghĩa thiêng liêng mà tác giả muốn gửi gắm vào hình tượng miêu tả ấy?

Cảnh ra khơi được tái hiện bằng một bức tranh tươi sáng, hứng khởi và lúc đoàn thuyền trở về, nó lại hiện hữu trong một bức tranh náo nhiệt, đầy ắp niềm vui:

*“Ngày hôm sau ồn ào trên bến đỗ*

*Khắp dân làng tấp nập đón ghe về.*

*“Nhờ ơn trời biển lặng cá đầy ghe”,*

*Những con cá tươi ngon thân bạc trắng”*.

Không khí *“ồn ào”*, *“tấp nập”* được tái hiện bởi trong mỗi người dân đều ánh lên niềm vui trong mắt bởi thu về *“cá đầy ghe”*. Trông *“những con cá tươi ngon thân bạc trắng”* lấp lánh trong ngày thuyền cập bến, ắt hẳn người làng chài đã cảm thấy rất đỗi hạnh phúc vì sự hăng say, nhiệt thành trong lao động của họ đã được đáp đền lại bằng một thành quả vô cùng ngọt ngào và xứng đáng.

Họ cũng nhận ra rất rõ một điều là để thu về những sản phẩm lao động giá trị như vậy cũng là nhờ vào sự ủng hộ của trời đất khi giúp họ bằng cách để sóng yên, biển lặng. Thế nên, với sự giúp sức ấy, họ cũng thầm gửi đến một sự cảm tạ chân thành.

Sau khi đã phăng phăng, phơi phới *“vượt trường giang”*, giờ là lúc con người và con thuyền được nghỉ ngơi trên bến:

*“Dân chài lưới làn da ngăm rám nắng*

*Khắp thân hình nồng thở vị xa xăm;*

*Chiếc thuyền im bến mỏi trở về nằm*

*Nghe chất muối thấm dần trong thớ vỏ.”*

Không biết tự bao giờ, cái nắng gió của biển trời, vị xa xăm của gió khơi đã in hình, khắc tạc vào trong vóc dáng của những người con làng chài. Họ là những con người có tầm vóc phi thường nhưng sự phi thường ấy lại được đắp bồi bởi những thứ đặc trưng của quê hương, xứ sở.

Phân tích bài thơ Quê hương của Tế Hanh sẽ thấy cách miêu tả con thuyền trong trạng thái *“trở về nằm”* cũng không kém phần đặc sắc. Nếu như lúc vươn khơi, nó *“hăng như con tuấn mã”* thì khi về nó lắng lại để bến bờ dỗ giấc. Vốn là một sinh thể có hồn, lúc ra khơi nỗ lực, hăng hái giúp người dân thì sau ngần ấy những nỗ lực, nó cảm nhận rõ sự mỏi mệt để rồi gác lại cái sôi nổi ban đầu, nó tự *“lắng nghe chất muối thấm dần trong thớ vỏ”* của nó. Trong sự im lặng vẫn hiện tồn sự chuyển động…

Giống như con người, với biển khơi, con thuyền cũng có một sự gắn bó đậm sâu khi ngấm vào trong mình chất muối đặc trưng. Với ngòi bút tài hoa và sự thấu hiểu đến tường tận con người và cảnh vật quê hương, tác giả đã tạo ra những câu thơ xuất thần và thật ý nghĩa.

### Tình cảm sâu nặng cùng nỗi nhớ tha thiết của tác giả với quê hương

Ở những câu thơ cuối cùng, nhà thơ đã viết nên những dòng thơ nói về tâm tư, nỗi lòng của riêng mình với quê hương trong hoàn cảnh xa cách:

*“Nay xa cách lòng tôi luôn tưởng nhớ,*

*Màu nước xanh, cá bạc, chiếc buồm vôi,*

*Thoáng con thuyền rẽ sóng vượt ra khơi,*

*Tôi thấy nhớ cái mùi nồng mặn quá!”*

Những dòng trên đã được viết bằng tấm lòng thơm thảo của người con xa xứ luôn hướng về quê hương của mình. Với nhà thơ, từ hình ảnh *“màu nước xanh”*, *“cá bạc”*, từ *“chiếc buồm vôi”* căng gió, *“con thuyền rẽ sóng”* mạnh mẽ và đặc biệt là *“cái mùi nồng mặn quá”*, nhà thơ đều khắc ghi rõ trong tâm trí đến từng chi tiết.

Tác giả nhớ tất cả những điều đó bởi một lẽ rất giản đơn, đó là những đặc trưng của miền biển quê ông, là những gì làm nên quê hương mà suốt đời ông luôn *“tưởng nhớ”*. Khi phân tích bài thơ Quê hương của Tế Hanh, người đọc cũng nhận thấy trong cách diễn đạt từ trái tim rất giản dị và da diết ấy, nỗi nhớ hiện lên khôn nguôi nhưng cũng thật hồn hậu và tự nhiên.

## Đánh giá nghệ thuật khi phân tích bài thơ Quê hương của Tế Hanh

Bài thơ *“Quê hương”* mang đặc sắc nghệ thuật của một bài thơ trữ tình. Tuy phần nhiều là những câu thơ miêu tả nhưng bao trùm lên tất cả cảnh vật, cuộc sống và hình ảnh con người vẫn là nỗi nhớ da diết, cồn cào của nhà thơ về quê hương. Phân tích bài thơ Quê hương của Tế Hanh, ta cũng thấy được cái hay của tác phẩm còn được tạo nên bởi những hình ảnh thơ độc đáo, vận dụng hiệu quả các biện pháp so sánh nghệ thuật… Chính điều đó đã góp phần tạo nên khung cảnh sinh hoạt chốn quê hương vừa là những cảnh thực nhưng cũng vô cùng bay bổng, lãng mạn…

Tất cả những đặc sắc nói trên về nghệ thuật đã giúp Tế Hanh khắc họa được một bức tranh tươi sáng, sinh động về một làng quê ven biển và nổi bật hơn cả là vẻ đẹp của con người lao động khỏe khoắn đầy sức sống.

-Tác giả đã sử dụng thể thơ tám chữ phóng khoáng, phù hợp với việc bộc lộ cảm xúc giản dị, tự nhiên

-Những hình ảnh trong bài thơ thể hiện sự liên tưởng, so sánh cũng như nhân hóa vô cùng đa dạng và độc đáo.

-Quê hương của Tế Hanh giản dị, mộc mạc với giọng điệu nhẹ nhàng và đầy tha thiết.

*Kết bài:*Như vậy, với *“Quê hương”*, Tế Hanh đã góp vào làng thơ Việt một thi phẩm mang vẻ đẹp tươi sáng của bức tranh làng quê vùng biển. Bài thơ cũng góp phần thể hiện tình cảm trong sáng và tha thiết mà tác giả dành cho con người và cảnh vật ở quê hương. Phân tích bài thơ Quê hương của Tế Hanh đã khiến mỗi chúng ta thêm trân quý nhiều hơn nơi chôn rau cắt rốn của mình….

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**II. Vẻ đẹp của bức tranh làng quê.**

***1. Vẻ đẹp của chính làng quê tác giả.***

- Làng chài Bình Sơn - QN như 1 cù lao nổi giữa sông nước “bao vây” bốn bề, phải đi thuyền nửa ngày mới ra đến biển.

- Các chữ “nước, biển, sông” -> h/a 1 ngôi làng “vốn làm nghề chài lưới” chỉ gắn với sông nước, biển khơi.

- “Cách biển nửa ngày sông”: t/g dùng phép đo khoảng cách của người dân chài.

***2. Vẻ đẹp tươi sáng, khỏe khoắn của cuộc sống và con người làng chài.***

- Cảnh đoàn thuyền ra khơi đánh cá:

+ Buổi bình minh: trời trong, gió nhẹ, sớm mai hồng -> thiên nhiên trong sáng, thơ mộng.

+ Khí thế lao động hăng hái: những chàng trai “phăng mái chèo”, những chiếc thuyền “mạnh mẽ vượt trường giang”.

-> Chiếc thuyền - con tuấn mã tung vó chinh phục những dặm đường thiên lí là 1 liên tưởng đẹp và khá độc đáo.

+ Cánh buồm - mảnh hồn làng -> so sánh độc đáo -> linh hồn làng chài.

-> Cánh buồm mang theo bao hi vọng và lo toan của người dân chài trong cuộc mưu sinh trên sông nước.

=> H/a khỏe khoắn, đầy chất lãng mạn, bay bổng.

- Cảnh đoàn thuyền trở về bến:

+ Cảnh “Dân làng tấp nập đón ghe về” trong bao nhiêu âm thanh “ồn ào trên bến đỗ” -> tả thực đến từng chi tiết, h/a => Niềm sung sướng của tác giả.

+ “Nhờ ơn trời biển lặng cá đầy ghe” -> lời cảm tạ chân thành cất lên từ niềm tin hồn nhiên, chất phác của người lao động.

+ “Những con cá tươi ngon thân bạc trắng” -> giàu sức miêu tả và gợi cảm cao. =>Niềm vui giản dị mà lớn lao trước thành quả lao động -> khát vọng về 1 cs ấm no, hạnh phúc.

+ H/a những chàng trai:

“Làn da ngăm rám nắng” -> tả thực. => gợi tả linh hồn và

“Cả thân hình nồng thở vị xa xăm” ->lãng mạn, tinh tế. tầm vóc của những

người con biển cả.

+ Những con thuyền cũng mang hồn người và vẻ đẹp người: “im bến mỏi trở về nằm. Nghe chất muối thấm dần trong thớ vỏ”.

-> Nghệ thuật nhân hóa, dùng từ đắt “ *nghe ".*

=> Mệt mỏi nhưng đọng lại trong lòng người vẫn là cảm giác bình yên, thư thái nhẹ nhàng. Con thuyền vô tri bỗng trở nên có hồn. Không phải là 1 người con vạn chài thiết tha gắn bó với quê hương thì không thể viết được những câu thơ như thế ! Và cũng chỉ có thể viết được những câu thơ như thế khi nhà thơ biết đặt cả hồn mình vào đối tượng, vào người, vào cảnh để lắng nghe. Có lẽ chất muối mặn mòi kia cũng đã thấm sâu vào làn da thớ thịt, vào tâm hồn của nhà thơ TH để thành niềm ám ảnh gợi bâng khuâng kì diệu. Cái tinh tế, tài hoa của TH là ở chỗ nghe thấy cả những điều không hình sắc, không thanh âm…

-> Tất cả đều mang đậm hương vị của biển khơi, tạo nên 1 vẻ đẹp riêng cho làng chài quê hương.

=> T/c trong sáng, thiết tha của TH đối với quê hương.

=> Nét đẹp của cs và con người ở mọi làng chài Việt Nam.

**1.Phân tích bài thơ Quê hương của Tế Hanh.**

1. *Mở bài.*

- Tế Hanh, quê ở Quảng Ngãi, tham gia cách mạng và kháng chiến chống Pháp. Năm 1954 ông tập kết ra Bắc, hoạt động trong lĩnh vực văn học nghệ thuật. Đề tài quê hương xuất hiện nhiều lần trong sự ngghiệp sáng tác của Tế Hanh.

- Bài thơ *Quê hương* viết năm 1938 là nỗi nhớ, là tình yêu quê hương tha thiết của Tế Hanh.

2. *Thân bài.*

\* Hình ảnh quen thuộc của quê hương yêu dấu.

- Hiện lên qua lời giới thiệu tự nhiên, mộc mạc nhưng ẩn chứa tình cảm tự hào:

Làng tôi ở vốn làm nghề chài lưới

Nước bao vây, cách biển nửa ngày sông.

Khi trời trong, gió nhẹ, sớm mai hồng.

Dân trai tráng trong làng đi đánh cá.

- Cảnh đoàn thuyền ra khơi đánh cá được miêu tả sinh động.Hình ảnh so sánh.

Chiếc thuyền nhẹ hăng như con tuấn mã…

Cánh buồm giương to như mảnh hồn làng

Là sáng tạo ngghệ thuật độc đáo. Bút pháp lãng nạm đem lại chất trữ tình bay bổng cho hình tượng thơ.

- Âm hưởng khoẻ khoắn, vui tươi thể hiện khí thế lao động sôi nổi và khát vọng ấm no hạnh phúc của người lao động.

- Cảnh đoàn thuyền về bến được miêu tả tỉ mỉ, chi tiết. Niềm vui hiẹn rõ qua hình ảnh, âm thanh và nhịp điệu thơ.

- Nổi bật lên vẫn là vẻ đẹp khoẻ khoắn của những ngư dân dạn dày sóng gió đại dương.

- Bút pháp nhân hoá mang đến cho con thuyền một tâm hồn, một cuộc ssống như con người, biến nó thành nhân vật không thể thiếu của quê hương

Chiếc thuyền im bến mỏi trở về nằm.

Nghe chất muối thấm dần trong thớ vỏ.

- Tất cả gắn kết, hoà hợp với nhau tạo nên bức tranh sinh hoạt, sống động, rực rỡ sắc màu, in đậm dấu ấn trong kí ức những người con xa quê.

\* Cảm xúc của nhà thơ.

- Thể hiện gián tiếp qua lời kể, lời tả đầy yêu mến, tự hào về quê hương.

- Thể hiện trực tiếp ở khổ thơ cuối

Nay xa cách lòng tôi luôn tưởng nhớ…

Tôi thấy nhớ cài mùi nồng mặn quá!

- Tình yêu quê hương chân thành, tha thiết là cảm hứng chủ đạo bao trùm bài thơ.

3. *Kết bài.*

- Bài thơ quê hương là tấm lòng gắn bó sâu nặng của Tế Hanh với mảnh đất chôn nhau cắt rốn.

- Hình ảnh quê hương nghèo luôn hiện lên trong tâm tưởng, vừa là nguồn sức mạnh vừa là lời nhắc nhở, mời gọi những đứa con xa trở về với cội nguồn.

**Bài tập:**

**BT1.**Phân tích vẻ đẹp của bức tranh làng quê trong bài thơ “Quê hương” của nhà thơ Tế Hanh.**DÀN Ý**

**Mở bài:**  Giới thiệu bài thơ.

- Giới thiệu vấn đề nghị luận: Sức hấp dẫn trước hết của bài thơ là vẻ đẹp thân thương và độc đáo của bức tranh làng quê.

**Thân bài*:***

***a. Đó là vẻ đẹp của chính làng quê tác giả - một làng chài ven biển Trung Bộ.*** (Phân tích 2 câu thơ đầu).

***b. Đó là vẻ dẹp tươi sáng, khoẻ khoắn của cuộc sống và con người làng chài:***

- Vẻ đẹp của bức tranh làng quê trong cảnh đoàn thuyền ra khơi đánh cá:

+ Hiện lên trong khung cảnh thiên nhiên tươi sáng, thơ mộng của buổi bình minh.

+ Khí thế lao động hăng hái được gợi tả qua hình ảnh những chàng trai “phăng mái chèo” và những chiếc thuyền “mạnh mẽ vượt trường giang”.

+ Hình ảnh cánh buồm là một sự so sánh độc đáo gợi ra linh hồn của làng chài với bao nỗi niêmg của người dân chài.

- Vẻ đẹp của bức tranh làng quê trong cảnh đoàn thuyền trở về bến:

+ Cảnh ồn ào tấp nập trên bến đỗ là một bức tranh sinh hoạt lao động ở làng chài được miêu tả hết sức sinh động, chan hoà niểm vui sướng trước thành quả lao động và thể hiện khát vọng ấm no hạnh phúc của người dân chài.

+ Hình ảnh những chàng trai và những con thuyền sau chuyến ra khơi tạo nên một vẻ đẹp vừa thực vừa lãng mạn với hương vị riêng biệt khó quên của làng chài.

**Kết bài:** - Bức tranh làng quê trong bài thơ thể hiện tình càm trong sáng, thiết tha của Tế Hanh đối với quê hương.

- Bài thơ viết về làng quê riêng của chính tác giả nhưng mang theo nét đẹp của cuộc sống và con người ở mọi làng chài VN, nên có sức hấp dẫn với mọi tâm hồn Việt

**Cảm nhận của em về bài thơ “Quê hương" của Tế Hanh**

"Làng tôi ờ vốn làm nghê chài lưới...",

"Quê hương tôi có con sông xanh biếc

- Nước gương trong soi tóc những hàng tre...",

những vần thơ tha thiết đối với đất mẹ quê cha là nét đẹp nhất trong hồn thơ Tế Hanh hơn 60 năm qua. Bài thơ "Quê hương" được Tế Hanh viết năm 1939, khi nhà thơ vừa tròn 18 tuổi, đang học Trung học tại Huế. Nỗi nhớ làng chài, nhớ quê hương thân yêu ở Bình Dương, Quảng Ngãi đã tỏa rộng và thấm sâu vào bài thơ. Bài thơ man mác nhớ thương vơi đầy.

**Luận điểm 1: Hai câu thơ đầu là lời giới thiệu về "làng tôi" thật thân mật, tự hào, yêu thương...**

"Làng tôi ở vốn làm nghề chài lưới

Nước bao vây, cách biển nửa ngày sông"

Quê hương là một làng chài, bốn bề sông nước "bao váy", một làng nghèo thuộc vùng duyên hải miền Trung "cách biển nửa ngày sông". Con sông mà nhà thơ nhắc tới là sông Trà Bồng chảy qua huyện Bình Sơn, phía Bắc tỉnh Quảng Ngãi. Giọng điệu tâm tình, một cách nói chân quê dân'dã vừa cụ thể vừa trừu tượng nghe "dịu ngọt".

**Luận điểm 2**: **Sáu câu thơ tiếp theo là hồi tưởng lại một nét đẹp của quê hương.** Đó là cảnh làng chài ra khơi đánh cá. Kỉ niệm về quê hương như được lọc qua ánh sáng tâm hồn. Một bình minh đẹp ra khơi có "gió nhẹ", có ánh mai "hồng". Có những chàng trai cường tráng, khỏe mạnh "bơi thuyền đi đánh cá". Cảnh đẹp sáng trong, giọng thơ nhẹ nhàng thể hiện khung cảnh và niềm vui của làng chài trong buổi xa khơi:

"Khỉ trời trong, gió nhẹ, sớm mơi hồng

Dân trơi tráng bơi thuyền đi đánh cá".

**Nhận xét đánh giá về nghệ thuật** 🡆Một loạt **ẩn dụ, so sánh** mới mẻ nói về con thuyền, mái chèo và cánh buồm... Tuấn mã là ngựa tơ, đẹp, phi nhanh. Ví chiếc thuyền "nhẹ hăng như con tuấn mã", tác giả đã tạo nên một hình ảnh khỏe, trẻ trung diễn tả khí thế hăng hái, phấn khởi lén đường. Chữ "hăng" dùng rất hay, rất đích đáng. Nó liên kết với các từ ngữ: "dán trơi tráng" và "tuấn mã" hợp thành tính hệ thống, một vẻ đẹp của văn chương. Có người lầm tưởng là chữ "băng" rồi bình giảng "băng băng lướt sóng "! Mái chèo như những lưỡi kiếm khổng lổ chém xuống nước, "phăng" xuống nước một cách mạnh mẽ, đưa con thuyền "vượt trường giang". Sau hình ảnh chiếc thuyền, mái chèo là hình ảnh "cánh buồm trương, to như mảnh hồn làng". "Trương" nghĩa là căng lên đổ đón gió ra khơi. **Nhận xét đánh giá về nghệ thuật** 🡆So sánh "cánh buồm" to như "mảnh hồn làng" là hay, đặc sắc. Cánh buồm to biểu tượng cho hình bóng và sức sống quê hương. Nó tượng trưng cho sức mạnh , lao dộng sáng tạo, ước mơ vê ấm no hạnh phúc của quê nhà. Nó còn tiêu biểu cho chí khí và khát vọng đi chinh phục biển của đoăh trai tráng bơi thuyồn đi đánh cá. **Nhận xét đánh giá** 🡆 Câu thơ "Rướn thán trắng bao la thâu góp gió" là một câu thư đậm đà ý vị mang cám hứng lao động và cảm hứng vũ trụ. Cánh buồm được **nhân hóa**. Ba chữ "rướn thân trắng" gợi tả một cuộc đời trải qua nhiổu mưa nắng, gắng sức quyết tâm lên đường. Đây là khổ thơ xuất sác tả cảnh ra khơi của đoàn thuyền đánh cá, lự hào ca ngợi sức sống của làng chài thân thương:

"Chiếc thuyền nhẹ hãng như con tuấn mã

Phăng mái chèo, mạnh mẽ vượt trường giang

Cánh buồm giương, to như mảnh hồn làng

Rướn thân trắng bao la thâu góp gió..."

**Nhận xét đánh giá** 🡆Phải cảm nhận cuộc sống lao động của làng quê bằng cả tâm hồn thiêt tha gắn bó thì mới có thể liên tưởng “cánh buồm giương to như mảnh hồn làng”. Hình ảnh cánh buồm trắng căng gió biển khơi vốn gần gũi, quen thuộc bỗng trở nên lớn lao, thiêng liêng, vừa thơ mộng vừa hùng tráng. Nhà thơ chợt nhận ra linh hồn của làng chài quê hương trong hình ảnh cánh buồm. Câu thơ vừa vẽ ra chính xác hình thể vừa gợi ra cái linh hồn của sự vật. Tuy nhiên, phép so sánh ở (đây không làm cho việc miêu tả được cụ thể hơn mà đã gợi ra một vẻ đẹp bay bổng, mang ý nghĩa lớn lao. Bao nhiêu trìu mến thiêng liêng, bao nhiêu hi vọng mưu sinh của người dân làng chài còn có thể gửi gắm vào đâu đầy đủ hơn là ở hình ảnh cánh buồm căng gió giữa biển khơi? **Nhận xét đánh giá** 🡆Đứa con xa quê có bao giờ quên được cảnh bà con làng chài đón đoàn thuyền đánh cá từ biển khơi trở về. **Phân tích từ ngữ** 🡆**Các từ ngữ**: "ồn ào", "tấp nập" diễn tả niềm vui mừng "đón ghe vê". Niềm vui sướng tràn ngập lòng người, là của "khấp dân làng". Cảnh "đón ghe về" thực sự là ngày hội lao động của bà con ngư dân:

"Ngày hôm sau, ồn ào trên bến dỗ

Khắp dân làng tấp nập đón ghe về".

**Phân tích từ ngữ** 🡆Những tính từ ồn ào, tấp nập toát lên không khí đông vui. Người đọc như thực sự được nhập vào cái không khí ấy, được nghe cả lời cảm tạ chân thành đất trời đã sóng yên biển lặng để người đi chài trở về an toàn với cá đầy ghe, được nhìn thấy những con cá tươi ngon thân bạc trắng thật là thích mắt.

Cá "tươi ngon thán bạc trắng" đầy khoang thuyền. Được mùa cá, vui sướng trong niềm vui ấm no, hạnh phúc, bà con làng chài khẽ thốt lên lời cảm tạ đất trời đã cho biển lặng sóng êm, cho "cá đầy ghe", sự cầu mong và niềm tin thánh thiện "nhờ ơn trời" ấy đã biểu lộ những tấm lòng mộc mạc, hồn hậu của những con người suốt đời gắn bó với biển, vui sướng, hoạn nạn cùng với biển. Tế Hanh đã thấu tình quê hương khi ông viết:

"Nhở ơn trời, biển lặng cá dầy ghe

Những con cá tươi ngon thân bạc trắng".

Ta tưởng như ca dao, dân ca đã thấm sâu vào hồn thơ Tế Hanh:

* "ơn trời mưa nắng phải thì,

Nơi thì bừa cạn, nơi thì cày sâu"...

* "Nhờ trời hạ kê'sang đông,

Làm nghề cày cấy, vun trồng tốt tươi...".

**Luận điểm 3: Những câu thơ tiếp theo là ảnh bình yên khi đoàn thuyền trở về.** Những chàng trai làng chài có "làn da ngăm rám nắng" khỏe mạnh, can trường được tôi luyện trong gió sóng đại dương, trong mưa nắng dãi dầu. Họ mang theo hương vị biển. **Phân tích từ ngữ** 🡆Hai chữ "nồng thở" rất thần tình làm nổi bật nhịp sống, lao động hăng say, dũng cảm của những dân chài mang lình yêu biển. Hình tượng thơ mang vẻ đẹp lãng mạn:

"Dân chài lưới làn da ngăm rám nắng

Cả thán hình nồng thở vị xa xăm".

Nét vẽ thứ hai là con thuyền là sau một chuyến ra khơi vất vả trở về, nó mỏi mệt nàm im trên bén. Con thuyền là một biếu tượng đẹp của làng chài, của những cuộc đời trải qua bao phong sương thử thách, bao dạn dày sóng gió:

"Chiếc thuyền im bến mỏi trở về nằm

Nghe chất muối thấm dần trong thớ vỏ".

Con thuyền được nhân hóa với nhiều yêu thương. Vẫn thấy giàu cảm xúc, mang tính triết lí vồ lao động trong thanh bình. Chữ "nghe" (nghe chất muối) thổ hiện sự chuyển đổi cảm giác rất tinh tế và thi vị. **Nhận xét đánh giá bình luận** 🡆Đây chính là những câu thơ hay nhất, tinh tế nhất của bài thơ. Câu đầu tả làn da ngăm rám nắng của người dân chài theo lối tả thực, câu sau lại tả bằng một cảm nhận rất lãng mạn: “Cả thân hình nồng thở vị xa xăm” - thân hình vạm vỡ của người dân chài thấm đậm hơi thở của biển cả, nồng nàn vị xa xăm của đại dương bao la.  **bình luận** 🡆Cái hay độc đáo của câu thơ là gợi tả linh hồn và tầm vóc của những người con biển cả. Hai câu thơ miêu tả con thuyền nằm im trên bến sau khi vật lộn với sóng gió trở về cũng là một sáng tạo nghệ thuật độc đáo. Nhà thơ không chỉ thây con thuyền nằm im trên bến mà còn cảm thây sự mệt mỏi của con thuyền, và còn cảm thấy con thuyền như đang lắng nghe chât muôi của đại dương đang thấm dần trong thớ ưỏ của nó. Cũng như người dân chài, con thuyền lao động ấy cũng thấm đậm vị muôi mặn của biển khơi. Con thuyên vô tri bỗng trở nên có hồn. **Nhận xét đánh giá** 🡆Không phải là một người con của vạn chài thiêt tha gắn bó với quê hương thì không thể viết được những câu thơ như thê! Và cũng chỉ có thể viết được những câu thơ như thế khi nhà thơ biết đặt ca hôn mình vào đôi tượng, vào người, vào cảnh để lắng nghe. Có cảm nhận được câu thơ đê' từ ấy ta mới nắm bắt được tình thương nhớ quê hương của Tế Hanh qua bài thơ kiệt tác này.

Bài thơ "Quê hương" đã đi suốt một hành trình trên 60 năm. Nó gắn liền với tâm hồn trong sáng, với tuổi hoa niên của Tế Hanh. Thể thơ 8 tiếng, giọng thơ đằm thắm dào dạt, gợi cảm. Những câu thơ nói về dòng sông, con thuyền, cánh buồm, khoang cá, chàng trai đánh cá, bến quê... và nỗi nhớ của dứa con xa quê... rất hay, đậm đà biểu lộ một hồn thơ đẹp. Nghệ thuật phối sắc, sử dụng các biện pháp tu từ như ẩn dụ, so sánh, nhân hóa và chuyển đổi cảm giác khá thành công, tạo nên những vần thơ trữ tình chứa chan thi vị.

Trong nền thơ ca Việt Nam hiện đại, tác phẩm này của Tế Hanh được coi là bài thơ đầu tiên, bài thơ có "hồn vía" nhất viết về quê hương. Nó đã khơi dòng, để sau này có nhiều bài thơ tuyệt bút nối tiếp xuất hiện như "Bên kia sông Đuống" (Hoàng Cầm), "Quê hương" (Giang Nam), "Nhớ con sông quê hương" (Tế Hanh), "Quê hương" (Đỗ Trung Quân),... Người đọc tìm thấy hình bóng tuổi thơ đồng hiện với quê hương. Quê hương của một người đã trở thành của muôn người và muôn đời là thế!

**bày tỏ cảm xúc🡆** Có lẽ chất muôi mặn mòi kia cũng đã thâm sâu vào làn da thớ thịt, vào tâm hồn của nhà thơ Tê Hanh để thành niềm ám ảnh gợi bâng khuâng kì diệu. Cái tinh tê, tài hoa của Tế Hanh là ở chỗ “nghe thấy cả những điều không hình sắc, không thanh âm như mảnh hồn làng trên cánh buồm giương... Thơ Tê Hanh đưa ta vào một thê giới thật gần gũi thường ta chỉ thấy một cách mờ mờ, cái thế giới những tình cảm ta đã âm thầm trao cho cảnh vật: sự mỏi mệt say sưa của con thuyền lúc trở về bến...” (Hoài Thanh).

3

**Luận điểm 4: Đoạn thơ cuối nhiều bồi hổi thương nhớ, thương nhớ hình bóng quê hương. Phân tích nghệ thuật, từ ngữ** 🡆Điệp ngữ "nhớ" làm cho giọng thơ thiết tha, bổi hổi, sâu lắng. Xa quê nôn "tưởng nhớ" khôn nguôi. Nhớ "niàìt nước xanh" của sông, biển làng chài. Nhớ "cá hạc", nhớ "chiếc buồm vôi"... Thấp thoáng trong hoài niệm là hình ảnh con thuyên "rẽ sóng ra khơi" đánh cá. Xa quê nên mới "thấy nhớ" hương vị biển, hương vị làng chài thương yêu "cái mùi nồng mặn quá".Tình cảm thấm vào câu chữ, màu sắc, vần thơ. Tiếng thơ cũng là tiếng lòng trang trải của hồn quê vơi đầy thương nhớ. Cảm xúc đằm thắm mênh mang:

"Nay xa cách lòng tôi luôn tưởng nhớ

Màu nước xanh, cá bạc, chiếc buồm vôi

Thoáng con thuyền rẽ sóng chạy ra khơi

Tôi thấy nhớ củi mùi nồng mặn quá".

**bình luận** 🡆 Nếu không có mấy câu thơ này, khó có thể biết bài thơ được viết trong xa cách, trong niềm tưởng nhớ khôn nguôi - bởi những cảnh tượng bên trên được miêu tả quá sống động, hệt như chúng đang diễn ra trước mắt nhà thơ. Nỗi nhớ thiết tha trong xa cách bật ra thành lời thơ giản dị, tự nhiên như một lời nói tự đáy lòng: “Tôi thấy nhớ cái mùi nồng mặn quá!”. Cậu học trò xa quê Tế Hanh nhớ về làng quê mình với tất cả màu nước xanh, cá bạc, cánh buồm trắng, những con thuyền rẽ sóng chạy ra khơi, nhưng nhớ nhất là cái mùi nồng mặn đặc trưng của quê hương. Với Tế Hanh, cái hương vị đó chính là hương vị riêng đầy quyến rũ của quê hương, là chất thơ bình dị và khỏe khoắn toát lên từ bức tranh thiên nhiên tươi sáng, thơ mộng và hùng tráng, từ đời sông lao động hàng ngày của người dân.

**BT2.Hình ảnh người dân làng chài qua bài thơ Quê hương của Tế Hanh**

**Gợi ý**

Hình ảnh nổi bật trong bài thơ của Tế Hanh là hình ảnh làng chài với những sinh hoạt vô cùng thân thuộc, những người dân chài mạnh khoẻ, cường tráng và đương nhiên không thể thiếu hình ảnh những người dân chài bơi thuyền ra khơi và cảnh đón thuyền cá về bến - những hoạt động vốn được coi là biểu tượng của làng chài.

Đoàn thuyền ra khơi trong một ngày thật đẹp:

*Khi trời trong, gió nhẹ, sớm mai hồng.*

Thời tiết đẹp không chỉ thiết thực với người dân chài (thời tiết có đẹp thì mới ra khơi được) mà còn làm nổi loạt vẻ đẹp của làng chài trong tình yêu và nỗi nhớ của nhà thơ. Sức lực tràn trề của những người trai làng như truyền vào con thuyền, tạo nên khung cảnh ấn tượng, rất mạnh mẽ và hoành tráng:

*Chiếc thuyền nhẹ hăng như con tuấn mã*

*Phăng mái chèo, mạnh mẽ vượt trường giang.*

*Cánh buồm giương to như mảnh hồn làng*

*Rướn thân trắng bao la thâu góp gió...*

Những con thuyền rẽ sóng băng băng và lời thơ cũng theo đó mà bay bổng trong không gian vô cùng rộng rãi, khoáng đạt. Mọi hình ảnh đều được nâng lên đến mức biểu tượng.Chiếc thuyền thì "hăng như con tấu mã", một từ "phăng" thật mạnh mẽ, dứt khoát đã đưa con thuyền "mạnh mẽ vượt trường giang".

Sau cảnh *"khắp dân làng tấp nập đón ghe về"* (gợi tả không khí sinh hoạt vô cùng thân thuộc của làng chài), những câu thơ đột ngột chùng xuống:

*Dân chài lưới làn da ngăm rám nắng,*

*Cả thân hình nồng thở vị xa xăm;*

*Chiếc thuyền im bến mỏi trở về nằm*

*Nghe chất muối thấm dần trong thớ vỏ.*

Từ tả thực, những câu thơ lại dần nghiêng về sắc thái biểu tượng lắng sâu.Điều đó góp phần tạo cho bài thơ một cấu trúc hài hoà, cân đối.Bên trên là cảnh rẽ sóng vượt trùng dương thì đến đây là cảnh nghỉ ngơi.Cái tĩnh đi liền ngay sau cái động nhưng không tách biệt hoàn toàn. Có một sợi dây liên kết, một sự gắn bó rất mật thiết phía sau hình ảnh "làn da ngăm rám nắng" và "thân hình nồng thở vị xa xăm” của những người trai làng chài, bên cạnh đó còn phải kể đến chi tiết rất gợi cảm: chiếc thuyền đã trở về nghỉ ngơi trên bến nhưng vẫn "nghe chất muối thấm dần trong thớ vỏ". Từ "chất muối" cho đến hơi thở "vị xa xăm" đều gợi đến biển cả, đến những chuyển động vượt qua muôn ngàn sóng gió. Đó chính là khát vọng chinh phục đại dương rất mãnh liệt, đã ngấm sâu trong huyết quản của những người dân làng chài, được lưư truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác.

Ai sinh ra ở vùng duyên hải hẳn chẳng lạ gì những cánh buồm. Thế nhưng những câu thơ của

Tế Hanh vẫn có một cái gì đó là lạ và cuốn hút:

*Cánh buồm giương tơ như mảnh hồn làng*

*Rướn thân trắng bao la thâu góp gió...*

Cánh buồm vô tri đã được người thi sĩ thổi vào một tâm hồn.Đó chính là cái hồn thiêng liềng (trong tâm khảm nhà thơ) của ngôi làng ấy.Nhà thơ đã lấy cái đặc trưng nhất (những cánh buồm) để mà gợi ra bao ước mơ khao khát về một cuốc sống no ấm, đủ đầy.Câu thơ sau thấm chí còn “có hồn” hơn.Thuyền không phải tự ra khơi mà đang “rướn” mình ra biển cả.Hình ảnh thơ đẹp và thi vị biết bao.

Hai câu thơ dưới đây lại mang một hương vị khác - hương vị nồng mặn của biển khơi:

*Dân chài lưới làn da ngăm rám nắng,*

*Cả thân hình nồng thở vị xa xăm.*

Hai câu thơ là một bức tranh vẽ phác về hình ảnh dân chài. Đó là những con người dường như đựợc sinh ra từ biển. Cuộc sống biển khơi dãi dầu mưa nắng làm cho làn da “ngăm rám” lại, trong cả “hơi thở” của thân hình cũng là hương vị xa xăm của biển. Hai câu thơ không phải chỉ là sự miêu tả đơn thuần mà nó là sự cảm nhận bằng cả một tâm hồn sâu sắc với quê hương.

Trên đây là những hình ảnh sâu đậm, rõ nét nhất được tái hiện từ kí ức. Đến bốn câu thơ cuối, nhà thơ đã giãi bày trực tiếp tình cảm của mình với quê hương:

*Nay xa cách lòng tôi luôn tưởng nhớ.*

Trong nỗi nhớ lại thấp thoáng màu nước xanh, cát bạc, cánh buồm... và hẳn không thể thiếu con thuyền "rẽ sóng chạy ra khơi". Có thể thấy những hình ảnh ấy cứ trở đi trở lại, day dứt mãi trong tâm trí nhà thơ để rồi cuối cùng lại làm bật lên cảm xúc:

*Tôi thấy nhớ cái mùi nồng mặn quá!*

Câu thơ được viết thật giản dị nhưng cũng thật gợi cảm, đủ nôn nao lòng người.Bởi nó có sức nặng ngay từ nỗi nhớ da diết và chân thành của tác giả đối với quê hương.

Nét đắc sắc, nghệ thuật nổi bật nhất của bài thơ này là sự sáng tạo các hình ảnh thơ. Bài thơ cho thấy một sự quan sát tinh tế, một sự cảm nhận và miêu tả sắc sảo. Hình ảnh thơ phong phú, vừa chân thực lại vừa bay bổng và lãng mạn khiến cho cả bài thơ rất có hồn và tràn đầy thi vị.

Bài thơ sử dụng kết hợp phương thức miêu tả và biểu cảm.Nhưng yếu tố miêu tả chủ yếu nhằm phục vụ cho biểu cảm, trữ tình. Nhờ sự kết hợp này mà hình ảnh thơ vừa lột tả được chân thực, tinh tế cảnh vật và con người của cuộc sống miền biển vừa thể hiện sâu sắc những rung động của tâm hồn nhà thơ.

#### BT3: Cảm nhận về tình quê hương trong bài thơ Quê hương

Quê hương trong xa cách là cả một dòng cảm xúc dạt dào, lấp lánh suốt đời Tế Hanh. Cái làng chài nghèo ở một cù lao trên sông Trà Bồng nước bao vây cách biển nửa ngày sông đã nuôi dưỡng tâm hồn thơ Tế Hanh, đã trở thành nỗi nhớ da diết để ông viết nên những vần thơ thiết tha, lai láng. Trong dòng cảm xúc ấy, *Quê hương* là thành công khởi đầu rực rỡ.  
  
Nhà thơ đã viết *Quê hương* bằng tất cả tình yêu thiết tha, trong Sáng, đầy thơ mộng của mình. Nổi bật lên trong bài thơ là cảnh ra khơi đánh cá của trai làng trong một sớm mai đẹp như mơ:

Khi trời trong, gió nhẹ, sớm mai hồng   
Dân trai tráng bơi thuyền đi đánh cá.

Tâm hồn nhà thơ náo nức những hình ảnh đầy sức mạnh:

Chiếc thuyền nhẹ hăng như con tuấn mã   
Phăng mái chèo, mạnh mẽ vượt trường giang   
Cánh buồm giương to như mảnh hồn làng   
Rướn thân trắng bao la thâu góp gió.

Giữa trời nước bao la nổi bật hình ảnh con thuyền hiên ngang, hăng hái, đầy sinh lực dưới bàn tay điều khiển thành thạo của dân trai tráng đang nhẹ lướt trên sóng qua hình ảnh so sánh như con tuấn mã. Đằng các từ ngữ sinh động, nhà thơ đã khắc hoạ tư thế kiêu hãnh chinh phục sông dài, biển rộng của người làng chài. Lời thơ như băng băng về phía trước, như rướn lên cao bao la cùng với con thuyền, với cánh buồm Tế Hanh đã cảm nhận cuộc sống lao động của làng quê bằng cả tâm hồn thiết tha gắn bó nên mới liên tưởng Cánh buồm giương to như mảnh hồn làng. Bao nhiêu trìu mến thiêng liêng, bao nhiêu hi vọng mưu sinh của người lao động được gửi gắm ở đấy.  
  
Cảnh đón thuyền đánh cá trở về ồn ào, tấp nập cũng được miêu tả với một tình yêu tha thiết:

Ngày hôm sau, ồn ào trên bến đỗ   
Khắp dân làng tấp nập đón ghe về   
Nhờ ơn trời biển lặng cá đầy ghe  
Những con cá tươi ngon thân bạc trắng.

Ở đoạn trước, khi tả cảnh ra đi mạnh mẽ vượt trường giang của đoàn thuyền, hơi thở băng băng, phơi phới. Đến đoạn này, âm điệu thơ thư thái và dần lắng lại theo niềm vui nó ấm, bình yên của dân làng. Chính từ đây, xuất hiện những câu thơ hay nhất, tinh tế nhất của Quê hương:

Dân chài lưới làn da ngăm rám nắng   
Cả thân hình nồng thở vị xa xăm   
Chiếc thuyền im bến mỏi trở về nằm   
Nghe chất muối thấm dần trong thớ vỏ.

Chỉ ai sinh ra và lớn lên ở nơi sông nước mới viết được những câu thơ như thế. Tế Hanh xây dựng tượng đài người dân chài giữa đất trời lộng gió với hình khối, màu sắc và cả hương vị không thể lẫn: bức tượng đài nồng thở vị xa xăm – vị muối mặn mòi của biển khơi, của những chân trời tít tắp mà họ thường chinh phục. Chất muối mặn mòi ấy ngấm vào thân hình người dân chài quê hương, thấm dần trong thớ vỏ chiếc thuyền hay đã ngấm sâu vào làn da thớ thịt, vào tâm hồn thơ Tế Hanh để thành niềm cảm xúc bâng khuâng, kì diệu?  
  
Một tâm hồn như thế khi nhớ nhung tất chẳng thể nhàn nhạt, bình thường. Nổi nhớ quê hương trong đoạn kết đã đọng thành những kỉ niệm ám ảnh, vẫy gọi. Tôi thấy nhớ cái mùi nồng mặn quá – câu thơ cuối cùng cho ta rõ thêm tâm hồn thiết tha, thành thực của Tế Hanh.  
  
*Quê hương* của Tế Hanh đã cất lên một tiếng ca trong trẻo, nồng nàn, thơ mộng về cái làng vạn chài từng ôm ấp, ru vỗ tuổi thơ mình. Bài thơ đã góp phần bồi đắp cho mỗi người đọc chúng ta tình yêu quê hương thắm thiết.

#### BT4. Cảm nhận hai câu thơ "Cánh buồm giương to như mảnh hồn làng, Rướn thân tráng bao la thâu góp gió"

Quê hương là chùm khế ngọt   
Cho con trèo hái mỗi ngày  
Quê hương là đường đi học   
Con về rợp bướm vàng bay  
(*Quê hương* – Đỗ Trung Quân)

Quê hương, khái niệm trừu tượng, thiêng liêng nhưng lại hết sức bình dị, thân thiết với mỗi chúng ta. Đó là mảnh đất chôn nhau cắt rốn, nơi ấy có ông bà, cha mẹ, nơi ta tha thiết gắn bó khi gần và quay quắt nhớ lúc chia xa. Mỗi một miền quê đều có một nét riêng, ta gọi đó là hồn quê, có khi đó là luỹ tre xanh, là hàng dừa trước ngõ, là con đường đất đỏ đến trường…  
  
Với Tế Hanh, chàng trai mười tám tuổi xa quê, nhớ về quê hương, một làng chài giáp sông, ven biển của mình, ông lại nhớ:

Cánh buồn giương to như mảnh hồn làng   
Rướn thân trắng, bao la thâu góp gió.

Đây là hai câu thơ đẹp, Tế Hanh đã viết bằng cả tấm tình mến yêu tha thiết làng quê mình. Nhà thơ đã sử dụng, nghệ thuật so sánh, cánh buồm trên con thuyền ra khơi với mảnh hồn làng.  
  
Cánh buồm là vật thể hữu hình, được so sánh với hồn làng, hồn vía của làng chài: cái vô hình, vô ảnh; cái cụ thể với cái trừu tượng, cái vật chất với cái tinh thần, cái bình dị với cái thiêng liêng. Nhà thơ đã linh hồn hoá cánh buồm, thể hiện sự cảm nhận tinh tế, chính xác về hồn quê hương, gợi rất đúng hồn quê thân thuộc.  
  
Đến với huế thơ, ta sẽ đến với chùa Thiên Mụ, đến với dòng sông Hương dịu dàng pha lẫn trầm tư y còn đến miền quê quan họ vùng đồng bằng Bắc Bộ là ta lại đến với hương nếp thơm nồng, tranh Đồng Hồ gà lợn nét tươi trong: Đây chính là hồn quê hương. Còn với Tế Hanh quê hương ông là:

Làng tôi ở vốn làm nghề chài lưới:  
Nước bao vây, cách biển nửa ngày sông.

Thì điệu hồn ấy phải hoành tráng, lãng mạn giống như cánh buồm giương. Đó là hồn của miền quê biển, giản dị mà sức vóc tung toả biết bao. Phải chăng Tế Hanh đã hoá hồn mình vào cánh buồm đó để nghe thấy hồn làng trên một cánh buồm giương.  
  
Thơ Huy Cận sau Cách mạng tháng Tám đã có những hình ảnh đẹp, lãng mạn miêu tả về cánh buồm:

Thuyền ta lái gió với buồm trăng  
Lưới giữa mây cao với biển bằng

Ở đây Tế Hanh cũng miêu tả cánh buồm no gió, nhưng nhà thơ đã nhân hoá nó với dáng vóc của chàng trai mười tám khoẻ mạnh, vạm vỡ đẹp lãng mạn đến say người.

Rướn thân trắng bao la thâu góp gió

Cánh buồm cảng là do có gió thổi vào nhưng ở đây có sự đảo ngược, cánh buồm ấy mang dáng vóc của một chàng lực sĩ rướn thân trắng, ưỡn căng lồng ngực mênh mông, hít một hơi dài chủ động thu hết sóng gió bao,la của biển khơi để bay lên, ngang tầm với không gian mênh mông của đại dương. Hình ảnh thơ thật hào hùng, kỳ vĩ, mơ mộng đầy chất lãng tử, thi nhân. Đẹp biết bao cánh buồm ấy, như một sinh thể che chở bảo vệ cho con thuyền, cho làng chài bằng tất cả sức mạnh tích tụ từ biển khơi. Nó phập phồng hơi thở, sự sống, nhịp đập của trái tim biển cả.  
  
Biển không chỉ cho ta cá như lòng mẹ, biển quê hương còn cho ta nguồn thơ đầy sức sống. Rõ ràng đây là hai câu thơ được viết ra từ tấm lòng tha thiết gắn bó miền quê giáp sông, ven biển, mặn mòi hương vị biển. Câu thơ đẹp nhưng quả thật nó linh diệu, lung linh giữa khả giải và bất khả giải.

#### BT5.

### Cảm nhận của em về khổ thơ.

"Dân chài lưới làn da ngăm rám nắng

Cả thân hình nồng thở vị xa xăm".

Sau chuyến đi biển miệt mài, trở về đất liền, hình ảnh người dân chài hiện lên thật đẹp đẽ:

"Dân chài lưới làn da ngăm rám nắng

Cả thân hình nồng thở vị xa xăm".

"Chiếc thuyền im bến mỏi trở về nằm

Nghe chất muối thấm dần trong thớ vỏ".

Không hề có dấu hiệu của sự mệt mỏi, biển đêm không khiến con người sợ hãi và yếu đuối. "Làn da ngăm rám nắng" là làn da đặc trưng của người dân vùng chài, vốn đã trải qua nhiều dầu dãi nắng mưa, nay ánh lên sự mạnh mẽ, rắn rỏi. Bước xuống đất liền từ con thuyền chòng chành cập bến, các anh giống như những Thạch Sanh vùng biển: "Cả thân hình nồng thở vị xa xăm". Không chỉ làn da mà còn từ ánh mắt, bàn tay, bước đi, từ "cả thân hình" đều nồng thở cái hương vị mặn mòi của biển cả. "Vị xa xăm" là hương vị từ phương xa, là gió đại dương, là muối đại dương, là nắng đại dương, là hơi thở của đại dương nữa, "xa xăm" vốn là cảm nhận của thị giác, chỉ sự xa xôi, mơ hồ; nay được kết hợp với từ chỉ xúc giác "vị" khiến cho câu thơ trở nên tinh tế vô cùng. Trong từ "nồng thở" còn như ẩn chứa một sức mạnh dồi dào, bền bỉ đã được tôi rèn từ lâu trong tâm hồn để từ làn da, đôi mắt, nụ cười... đều sáng bừng sự sống.

Cùng với các chàng trai vùng chài là những con thuyền "bạn người đi biển":

"Chiếc thuyền im bến mỏi trở về nằm

Nghe chất muối thấm dần trong thớ vỏ".

Sau thời gian lao động vất vả, con thuyền không giấu giếm vẻ mệt mỏi của mình: "Chiếc thuyền im bến mỏi trở về nằm". Biện pháp nhân hoá khiến người đọc hình dung rất rõ dáng vẻ nặng nề, thấm mệt của chiếc thuyền khi chậm chạp neo vào bến đỗ. Nó lặng im "Nghe chất muối thấm dần trong thớ vỏ". Trong câu thơ này, Tế Hanh đã sử dụng biện pháp ẩn dụ chuyển đổi cảm giác một cách một cách tinh tế. "Nghe" là động từ chỉ hoạt động của thính giác, "thấm" lại là cảm nhận của xúc giác. Con thuyền nằm nghỉ đồng thời cảm nhận từng chuyển động tinh vi nhất đang diễn ra trong mình. Cách viết ấy vừa gợi sự mệt nhọc thấm thía của con thuyền vừa thể hiện được sự tinh tế tuyệt vời của nhà thơ, tưởng như Tế Hanh đồng cảm sâu sắc với cảm giác, cảm xúc của con thuyền... Khổ thơ trên là một trong những khổ thơ hay nhất trong bài thơ "Quê hương" của Tế Hanh. Đọc khí thơ, người đọc có thể cảm nhận trong đó bao nhiêu niềm yêu mến, tự hào về quê hương xứ sở của nhà thơ.

#### BT6 Phân tích bài thơ Quê hương

Anh đi anh nhớ quê nhà… Đó là tâm trạng chung của bất cứ ai khi phải xa quê – Tế Hanh cũng vậy – Từ lúc còn là một cậu học trò mười tám tuổi, đang theo học ở Huế – Chàng thanh niên ấy đã nhớ nhà nhớ quê, nhở cái làng chài ven biển, nơi chôn nhau cắt rốn của mình. Thế là những câu thơ tưởng nhớ quê lại ra đời một cách tự nhiên chân thành và tha thiết. Mấy ai quên được bài thơ *Quê hương* của Tế Hanh thuở hoa niên ấy.  
  
Bài thơ mở đầu như là lời tự xưng danh, tự thuật rất đỗi tự nhiên và mộc mạc.

Làng tôi ờ vốn làm nghề chài lưới.

Và sau đó nhà thơ đã kể, đã tường thuật về cái làng chài của mình. Câu thơ có tính thông báo tiếp theo cho thấy đây là một làng chài ờ vùng cửa sông gần biển. Bằng hai câu thơ đầu tiên, tác giả đã giới thiệu vị trí địa lý và đặc điểm nghề nghiệp của làng quê. Quê là làng – nghề của làng là chài lưới.  
  
Trong tâm tưởng của nhà thơ, sau lời giới thiệu ấy, hình ảnh làng chài như đang hiện ra trước mắt. Và nhà thơ đã miêu tả cụ thể một ngày ra khơi đẹp trời, dân làng bơi thuyền đi đánh cá. Trong khung cảnh trời trong, gió nhẹ, sớm mai hồng. Phải nói đó là một buổi sáng dẹp trời lý tưởng – vẻ đẹp tinh khôi, mát mẻ, dễ chịu, thoáng đãng, bao la sắc hồn của bình minh. Và chỉ những người làm nghề chài lưới mới thấy hết được tầm quan trọng thiết yếu của những buổi đẹp trời – Không chỉ báo hiệu một buổi ra khơi yên lành, mà còn hứa hẹn những mẻ lưới bội thu. Trong cái quanh cảnh dễ làm lòng người phấn khích ấy, đoàn trai tráng bơi thuyền ra khơi, bắt đầu một ngày lao động của mình. Làm nghề đánh cá nặng nhọc này phải là những người khoẻ mạnh vạm vỡ mới có thể đảm đương nổi. Chỉ có những chàng trai mới có thể điều khiển được chiếc thuyền nhẹ băng như con tuấn mã phăng mái chèo, mạnh mẽ vượt trường giang. Có thể nói đây là một chuyến ra khơi đầy hào hứng. Những câu thơ miêu tả trực tiếp cảnh dân làng ra khơi đánh cá có ý nghĩa như những chi tiết tả thực giúp người đọc hình dung được không gian hình ảnh, đoàn thuyền khá sinh động. Trên nền kể tả ấy xuất hiện hai câu thơ mang vẻ đẹp bất ngờ:

Cánh buồm giương, to như mảnh hồn làng  
Rướn thân trắng bao la thâu góp gió…

Cánh buồm là một vật cụ thể hữu hình được ví với mảnh hồn làng là cái trừu tượng, vô hình – một cách ví von nhờ sự liên tưởng khá xa và độc đáo của tác giả. Mỗi một vùng quê sinh sống lâu đời, dường như bao giờ cũng mang một nét rất riêng. Và người xa quê thường cảm nhận nó như linh hồn của làng quê. Đối với Tế Hanh thuở mười tám tuổi, hình ảnh chiếc buồm ra khơi dường như mang hơi thở, nhịp đập, quê hương. Một cánh buồm rướn thân trắng bao la thâu góp gió thật đẹp trong dáng vẻ cường tráng, sức vóc tung toả của nó. Hai câu thơ diễn đạt hình ảnh giàu ý nghĩa, đưa nó lên thành biểu tượng của tâm hồn.  
  
Cảnh đoàn thuyền đánh cá trở về lại được miêu tả trong bốn câu thơ:

Ngày hôm sau ồn ào trên bến đỗ   
Khắp dân làng tấp nập đón ghe về   
Nhờ ơn trời biển lặng cá đầy ghe  
Những con cá tươi ngon thân bạc trắng.

Tác giả không tả một ai cụ thể, mà là tả chung không khí làng chài. Ở đây chỉ có âm thanh ồn ào; chỉ có trạng thái tấp nập, nhưng rõ ràng là một không khí vui vẻ, rộn ràng, thoả mãn. Nhờ ơn trời như là tiếng reo vui, tiếng thở phào nhẹ nhõm cảm tạ thiền nhiên trời biển đã giúp đỡ. Phải con em làng chài mới thấy hết được niềm vui bình dị khi đón ghe đầy những con cá tươi ngon.  
  
Trong khung cảnh ấy, hình ảnh những trai tráng sức vóc dạn dày sóng gió, có làn da ngăm rám nắng được hiện lên qua những câu thơ thật đẹp Cả thân hình nồng thở vị xa xăm. Đây là chân dung những người dân chài lưới, đó như là những sinh thể được tách ra từ biển, mang vị mặn mòi của biển, mang theo về cả những hương vị biển xa. Họ là những đứa con của biển khơi. Câu thơ thật lãng mạn, khoáng đạt, mang vẻ đẹp giản dị nhưng cũng thật khoẻ khoắn, thơ mộng.  
  
Con thuyền trước đây hăng như tuấn mã phăng mái chèo mạnh mẽ ra đi, bây giờ mỏi mệt trở về bến nghỉ. Con thuyền lại được nhân hoá, nó nằm im, mỏi mệt thư giãn và lắng nghe chất muối thấm dần trong thớ vỏ. Trạng thái nghỉ ngơi của con thuyền thật đặc biệt. Và cũng phải yêu quý lắm, với có thể thấy con thuyền cũng là một thành viên của làng biển như tác giả đã hình dung. Nhưng nói về con thuyền, kì thực cũng nói về con người cả thôi. Giờ đây những người dân chài có thể hoàn toàn yên tâm mà ngả mình mãn nguyện và lặng yên thư giãn. Dư vị của chuyến đi chỉ còn là đôi hình ảnh thấp thoáng, chập chờn trong tưởng tượng êm dịu của họ.  
  
Kết thức bài thơ, tác giả trực tiếp bộc lộ nỗi nhớ về hình ảnh làng chài theo ấn tượng chung nhất: Màu nước xanh, cá bạc, chiếc buồm vơi, con thuyền rẽ sóng, và đặc biệt nhớ cái mùi nồng mặn quá.  
  
Nhớ đến cả cái mùi vị riêng biệt của xứ biển tức là nỗi nhớ thật da diết và thật sâu sắc. Vâng, đó là mùi của biển cả, của sóng, của gió, của rong rêu, của cá, của cả cái vị mồ hôi trên lưng áo người đi biển. Cái mùi vị quen thuộc và thân thương đó cũng chính là một phần của hồn làng của quê hương.  
  
Bài thơ trong trẻo từ đầu đến cuối. Đó là tấm lòng yêu nhớ quê hương của một chàng trai thuần hậu gắn bó với cuộc đời. Với Tế Hanh, cái làng chài lưới này đã trở thành nguồn thi cảm không vơi cạn. Người ta thường nói ông là nhà thơ của quê hương sông nước, mà trong nhiều trường hợp quê hương chỉ thu gọn về một cái làng chài lưới của riêng ông.  
  
Tóm lại Quê hương là một bài thơ tiêu biểu cho hồn thơ dung dị đằm thắm của Tế Hanh. Với nghệ thuật đặc sắc ở cách cảm nhận tinh thế, hình ảnh đặc trưng và chắt lọc, tác giả làm sống mãi một làng chài thân thương trìu mến. Thuỷ chung với một miền quê – một miền thơ như thế nên vần thơ quê hương của Tế Hanh vẫn giữ mãi một vẻ riêng độc đáo, hấp dẫn bao thế hệ yêu thơ.

## BT7.Chứng minh tình yêu và nỗi nhớ quê hương của tác giả Tế Hanh qua bài thơ ‘QUÊ HƯƠNG”

Quê hương, hai tiếng vang lên thật ngọt ngào, da diết biết bao. Nó đánh thức trong mỗi con người tình yêu thương thiêng liêng, cháy bỏng với một miền quê – nơi mình sinh ra, trưởng thành. Tinh yêu đó đã được hoá thân vào những bản nhạc du dương, những bức tranh tươi sắc màu và đặc biệt hoá thân vào những vần thơ chan chứa bao cảm xúc. Quê hương của nhà thơ Tế Hanh là một trong số những vần thơ như thế, những vần thơ có sức lay động lòng người, thể hiện tình yêu quê hương bất diệt.

Mở đầu bài thơ, tác giả giới thiệu với người đọc về quê hương dấu yêu của mình:

Làng tôi ở vốn làm nghề chài lưới:

Nước bao vây, cách biển nửa ngày sông.

Chỉ qua hai câu thơ ngắn gọn, Tế Hanh đã cho người đọc biết đến một vùng quê ven biển, với “nghề chài lưới”. Cách gọi “làng tôi” thật dân giã, thân mật, khiến câu thơ không giấu nổi niềm cảm xúc tự hào. Nhà thơ đã đặc tả cụ thể vị trí của làng “Nước bao vây, cách biển nửa ngày sông”. Ngôi làng hiện ra như một hòn ngọc giữa màu xanh trong của nước biển. Cách đo thời gian bằng không gian “nửa ngày sông”, không gian của sông nước thật độc đáo tạo cho người đọc ấn tượng mạnh mẽ về vùng quê chài lưới thanh bình, tươi đẹp. Vùng quê đó càng trở nên đẹp hơn, như một bức tranh tươi màu sự sống khi tác giả đặc tả cảnh dân chài ra khơi vào một buổi “sớm mai hồng”:

Khi trời trong, gió nhẹ, sớm mai hồng

Dân trai tráng bơi thuyền đi đánh cá.

Cả một khung cảnh bao la của vùng biển như được tác giả tái hiện qua câu thơ: “Khi trời trong, gió nhẹ, sớm mai hồng”. Tất cả hiện lên ở vẻ đẹp viên mãn, tràn đầy nhất. Các tính từ “trong, nhẹ, hồng” đã tuyệt đối vẻ đẹp của tạo hoá. Đặc biệt vẽ ra bức tranh bình yên của vùng biển rộng lớn. Đó không phải là ngày biển ào ào giông tố mà là một ngày biển lặng, sóng êm. Câu thơ ngắt nhịp 3/2/3, với âm bằng chiếm chủ yếu phải chăng thể hiện những con sóng dạt dào vỗ vào bờ ? Nổi bật lên giữa thiên nhiên đó là hình ảnh con thuyền ra khơi căng tràn sự sống:

Chiếc thuyền nhẹ hăng như con tuấn mã

Phăng mái chèo, mạnh mẽ vượt trường giang.

Cánh buồm giương to như mảnh hồn làng

Rướn thân trắng bao la thâu góp gió…

So sánh độc đáo “chiếc thuyền nhẹ hăng như con tuấn mã”, giàu sức gợi tả, thể hiện sức mạnh không gì ngăn nổi của những chiếc thuyền ra khơi. Bên cạnh đó tác giả sử dụng biện pháp đảo ngữ, đưa các động từ, tính từ đặc tả sức mạnh lên đầu câu: “phăng mái chèo”, “mạnh mẽ vượt”, một lần nữa khẳng định những chiếc thuyền mang trên mình sức mạnh như vũ bão. Câu thơ mở ra một khung cảnh ra khơi hùng tráng, mỹ lệ. Khung cảnh đó càng trở nên kì vĩ hơn với hình ảnh:

Cánh buồm giương to như mảnh hồn làng

Rướn thân trắng bao la thâu góp gió…

Lấy cái hữu hình so sánh với cái vô hình, tác giả như muốn huyền thoại hóa, mang màu sắc linh thiêng thổi hồn vào cánh buồm. Cánh buồm là nơi chứa đựng bao ước mơ, khát vọng của người dân làng chài vì thế nó cũng giống như hồn vía của ngôi làng. Tế Hanh đã sử dụng từ ngữ miêu tả rất tinh tế: “cánh buồm giương to” chứ không phải “cánh buồm trương to”. Nếu “trương to” thì thật trần trụi, thô ráp, chỉ gợi độ rộng. Còn “giương to” vừa thể hiện sự rộng lớn vừa thể hiện xu hướng tiến về phía trước, đồng thời cũng đầy linh thiêng. Cánh buồm như kiêu hãnh hơn, mạnh mẽ hơn với hình ảnh: “Rướn thân trắng bao la thâu góp gió…”. Động từ “rướn” diễn tả tư thế vươn mình tiến lên được đặt đầu câu nhấn mạnh sự chủ động. Cánh buồm như vươn mình ra xa để thu hết những luồng gió, để tăng thêm sinh lực, mạnh mẽ vượt qua các con sóng lao ra khơi xa. Đoạn thơ miêu tả cảnh ra khơi chỉ gồm sáu câu nhưng đã lột tả được cái thần, cái chất của khung cảnh tráng lệ. Các câu thơ luôn kết thúc với âm mở: a, ang, o,… như mở ra một đại dương bao la, đầy hứa hẹn những mẻ cá đầy, nơi mà con thuyền đang hướng tới. Có lẽ trong văn đàn Việt Nam hiếm có cuộc ra khơi nào mà lại được miêu tả một cách hùng tráng, kì vĩ, thấm đượm chất biển như trong thơ Tế Hanh, ông đã viết về quê hương dấu yêu với cả tình yêu quê hương tha thiết, dạt dào.

Sức hấp dẫn của những vần thơ viết về quê hương của Tế Hanh không chỉ dừng lại ở việc miêu tả cảnh vật vùng biển kì vĩ mà hồn thơ Tế Hanh còn dành tình yêu đặc biệt với những người dân vạn chài nơi đây. Ông viết về họ với tất cả niềm tự hào, hứng khởi:

Dân chài lưới làn da ngăm rám nắng,

Cả thân hình nồng thở vị xa xăm;

Chiếc thuyền im bến mỏi trở về nằm

Nghe chất muối thấm dần trong thớ vỏ.

Sau một ngày ra khơi, đoàn thuyền trở về trong sự đón đợi của dân làng “khắp dân làng tấp nập đón ghe về”. Cách gọi có sự đổi thay, từ những “chiếc thuyền” chuyển sang “ghe” mang đậm tính địa phương vùng biển, người đọc hiểu rằng trong từng câu chữ đều thấm đượm một tình yêu cháy bỏng. Hình ảnh “Những con cá tươi ngon thân bạc trắng” báo hiệu một chuyến ra khơi tốt đẹp và càng tô thêm sức sống cho bức tranh vùng vạn chài. Nổi bật lên trên nền bức tranh đó là những người dân chài. Tế Hanh đã chọn lọc những nét tiêu biểu, đúng chất nhất để nói về người dân quê mình. Đó là những con người khoẻ khoắn, rắn rỏi với “làn da ngăm rám nắng”, làn da đã trải qua bao sương gió. Họ là những con người lao động thực sự. Đặc biệt, nhà thơ đã nói lên nét đặc trưng của người miền biển với hình ảnh giàu sức gợi cảm: “Cả thân hình nồng thở vị xa xăm”. Những chàng trai chài lưới hiện lên mang vẻ đẹp kì vĩ, cường tráng sánh ngang với thiên nhiên, vũ trụ. Ở họ có nét đẹp của con người đã hiên ngang chinh phục thiên nhiên. “Vị xa xăm” là vị vô hình, vị của lao động miệt mài, vị của thiên nhiên hòa lẫn với con người. Hình ảnh vừa thực mà vừa lãng mạn, đầy chất thơ. Có lẽ chất muối của biển không chỉ thấm vào những con thuyền, thấm vào những người dân chài mà đã thấm đượm cả trang thơ Tế Hanh. Hình ảnh quê hương trong dòng hồi tưởng của nhà thơ khép lại với hình ảnh bình yên: “Chiếc thuyền im bến mỏi trở về nằm – Nghe chất muối thấm dần trong thớ vỏ”. Dù là “bến mỏi” nhưng không gợi nên sự rã rời, mệt mỏi mà ở đó là sự nghỉ ngơi thư thái chuẩn bị cho một chuyến ra khơi lại sắp sửa.

Bài thơ kết thúc trong nỗi nhớ quê hương khôn nguôi của người con xa xứ:

Nay xa cách lòng tôi luôn tưởng nhớ

Màu nước xanh, cá bạc, chiếc buồm vôi,

Thoáng con thuyền rẽ sóng chạy ra khơi,

Tôi thấy nhớ cái mùi nồng mặn quá

Quê hương vạn chài yêu dấu với khung cảnh tráng lệ, với nhịp sống căng tràn mà bình yên sẽ mãi là hình ảnh in đậm trong tâm trí nhà thơ: “nước xanh”, “cá bạc”, “con thuyền rẽ sóng ra khơi” cứ chập chờn trong nỗi nhớ mơ hồ, nhữ càng khắc sâu thêm nỗi nhớ mong da diết. Câu thơ kết là một tiếng kêu bộc lộ cảm xúc đến tận độ: “Tôi thấy nhớ cái mùi nồng mặn quá !”. “Mùi nồng mặn” không đơn thuần là mùi của muối biển mà là vị của quê hương, vị của tình yêu, do đó mà nỗi nhớ càng khắc khoải.

Bài thơ được viết theo thể thơ tám chữ, lời thơ tự nhiên, hình ảnh thơ giàu sức biểu cảm, đặc biệt lối gieo vần chân thể hiện dòng cảm xúc yêu quê hương miên man, như sóng cuộn trào của người con Quảng Ngãi Tế Hanh. Người đọc không hề bị choáng ngợp bởi những câu thơ hoa mĩ, mà bị lôi cuốn, hấp dẫn bởi tình cảm chân thành đằm thắm mà nhà thơ dành cho quê hương mình. Một tình cảm thiêng liêng, sâu sắc. Những vần thơ của Tế Hanh thực sự có sức lay động mạnh mẽ tới độc giả, nó đánh thức trái tim chúng ta trong tình yêu, nỗi nhớ về vùng quê thân thương, yêu dấu của chính mình. Hai tiếng “quê hương” cứ mãi vang lên trong lòng tôi, vang mãi, vang xa.

BT8:Cảm nhận bức tranh làng quê qua bài thơ “Quê Hương” của Tế Hanh  
  
Có lẽ tình yêu quê hương là 1 thứ tình cảm vô cùng thiêng liêng và cao quý đối với mỗi 1 người. Và với Tế Hanh cũng vậy quê hương luôn là nguồn cảm xúc dạt dào trong cuộc đời viết văn của ông để rồi ông viết lên bài thơ quê hương như 1 món quà dành tặng cho quê hương yêu dấu của mình. Bài thơ được ra đời năm 1939 khi ông xa quê nhớ nhà với 1 cảm xúc trong sáng, 1 tình yêu quê hương tha thiết đã vẽ lên 1 bức tranh lao động đầy sinh động, khỏe khoắn của người dân miền biển nơi đây.

Mở đầu bài thơ là lời giới thiệu về quê hương của tác giả với 1 cách rất tự nhiên, giản dị và ngắn gọn nhưng cũng không kém phần tha thiết, bồi hồi: ‘ Làng tôi ở vốn làm nghề chài lưới- Nước bao vây cách biển nửa ngày sông’. Có lẽ quê hương trong tâm trí của mỗi 1 con người Việt Nam là mái đình, là giếng nước, là canh rau muống với cà dầm tương. Nhưng còn đối với Tế Hanh thì quê hương trong ông là 1 làng chài ven biển với con sông Trà Bông uốn khúc lượn quanh. Lời giới thiệu như ngân lên 1 cảm xúc tự hào, 1 nỗi nhớ khôn nguôi của tác giả đối với quê hương mình. Đối với ông thì đó cũng là 1 làng chài nghèo như bao làng khác nhưng khi xa quê thì tác giả lại nhớ đến quặn lòng và ông nhớ nhất là khung cảnh: ‘ Khi trời trong gió nhẹ sớm mai hồng- Dân trai tráng bơi thuyền đi đánh cá’. Một buổi lao động của người dân làng chài nơi đây bắt đầu bằng 1 buổi sớm mai, khi có nắng hồng của bình minh, khi bầu trời cao rộng trong xanh, khi có gió nhè nhẹ. Đây quả là 1 khung cảnh đẹp, 1 không gian cao rộng, 1 buổi ra khơi lý tưởng báo hiệu 1 ngày lao động đầy hứa hẹn. Trong khung cảnh đó hiện lên hình ảnh những chàng trai khỏe khoắn, mạnh mẽ đang bơi thuyền để ra khơi đánh cá. Nổi bật giữa không gian đó chính là hình ảnh những con thuyền đang băng mình vượt lên phía trước dưới những bàn tay chèo lái khỏe khoắn của người dân làng chài: ‘ Chiếc thuyền nhẹ hăng như con tuấn mã- Phăng mái chèo mạnh mẽ vượt trường giang ‘. Bằng biện pháp so sánh chiếc thuyền như con tuấn mã và 1 loạt các động từ hăng, phăng, vượt như vẽ lên cho ta thấy hình ảnh 1 con thuyền dũng mãnh, khỏe khoắn đang băng mình ra khơi. Phải chăng đó cũng chính là cái sức sống, cái khí thế đầy tự tin, kiêu hãnh của người dân làng chài nơi đây. Nhưng đẹp hơn cả là hình ảnh cánh buồm trắng no gió đưa con thuyền vượt lên phía trước được tác giả so sánh hết sức độc đáo và bất ngờ: ‘ Cánh buồm giương to như mảnh hồn làng- Rướn thân trắng bao la thâu góp gió’. Hai câu thơ trên đã vẽ ra 1 hình ảnh thật đẹp – đó là hình ảnh những cánh buồm cứ nối nhau để giương to để đẩy con thuyền đi xa. Dường như cánh buồm là hình ảnh rất gần gũi, quen thuộc nhưng nay bỗng trở nên lớn lao, thơ mộng vô cùng. Và nhà thơ cảm thấy đó chính là biệu tưởng của hồn làng nên đã dồn hết tình cảm của mình vào ngòi bút để vừa vẽ ra cái hình, vừa thể hiện cái hồn của cánh buồm. So sánh không chỉ đơn thuần làm cho sự việc miêu tả thêm cụ thể mà còn mang 1 vẻ đẹp bay bổng chứa đựng ý nghĩa lớn lao. Nhà thơ đã đem so sánh hình ảnh cánh buồm- 1 vật hữu hình với hình ảnh mảnh hồn làng – 1 khái niệm trừu tượng thì quả là 1 sự so sánh độc đáo và sáng tạo. Vậy mảnh hồn làng là gì? Đó chính là những truyền thống quý báu và bao đức tính cần cù, chăm chỉ của người dân làng chài nơi đây. Bằng biện pháp so sánh hết sức độc đáo nhà thơ đã khiến cho cánh buồm cũng trở nên thật có hồn, thật thiêng liêng và xúc động biết bao. Cánh buồm không chỉ giương to để đưa con thuyền vượt lên phía trước mà còn rướn thân trắng bao la thâu góp gió. bằng động từ rướn rất mạnh mẽ và hình ảnh rướn thân trắng cũng rất gợi cảm, khuyến rũ đã gợi lên sự trong sáng, vẻ đẹp thuần khiết của cánh buồm cũng như của mảnh hồn làng. Không chỉ vậy mà cánh buồm còn rướn thân trắng để bao la thâu góp gió với đại dương, với biển cả. Câu thơ như thể hiện khát vọng chinh phục tự nhiên, chinh phục đại dương bao la của những con người vùng miền biển.

8 câu thơ đầu tác giả đã vẽ ra hình ảnh đoàn thuyền ra khơi đánh bằng bút pháp rất lãng mạn thì 8 câu thơ sau khi đoàn thuyền đánh cá trở về thì ông lại thực tả đến từng chi tiết:

Ngày hôm sau ồn ào trên bến đỗ

Khắp dân làng tấp nập đón ghe về

Nhờ ơn trời biển lặng cá đầy ghe

Những con cá tươi ngon thân bạc trắng

Bằng các tính từ ồn ào, tấp nập như gợi ra 1 khung cảnh háo hức, nhộn nhịp của người dân nơi đây đang đón con thuyền trở về khơi. Đọc những câu thơ ta tưởng như được sống giữa cái khung cảnh đông vui ấy, được nghe những lời cảm tạ rất mực chân thành của người dân làng chài đến trời đất đã sóng yên biển lặng để đoàn thuyền đánh cá an toàn trở về. Trên những chiếc ghe thì chứa đầy ắp những con cá tươi ngon thân bạc trắng nhìn trông thật thích mắt. Niềm vui của Tế Hanh khi đón đoàn thuyền đánh cá trở về bừng lên trong cái không khí tấp nập ấy rồi lại lắng xuống trước hình ảnh của những chàng thanh niên – những người dân miền biển: ‘ Dân chài lưới làn da ngăm rám nắng- Cả thân hình nồng thở vị xa xăm’. Sau 1 chuyến đi biển vất vả không hề có dấu hiệu của sự vất vả, mệt mỏi. Biển đêm không làm con người sợ hãi và yếu đuối. ‘ làn da ngăm rám nắng’ là làn da đặc trưng của con người nơi đây, vốn đã trải qua dầu dãi nắng mưa nay ánh lên sự rắn rỏi, mạnh mẽ. Bước xuống đất liền từ con thuyền chòng chành cập bến các anh như những chàng Thạch Sanh vùng biển với thân hình nồn thở vị xa xăm. Không chỉ làn da mà còn từ ánh mắt, bước đi và cả thân hình đều nồng thở vị mặn mòi của biển. Vậy vị xa xăm là gì? Phải chăng đó chính là hương vị của phương xa, là nắng là gió của biển hay đó còn là hơi thở của đại dương nữa..xa xăm vốn là cảm nhận của thị giác chỉ sự xa xôi, mơ hồ nay lại được kết hợp với từ ngữ chỉ xúc giác’vị’ khiến câu thơ thật tinh tế. Trong từ nồng thở còn như ẩn chứa 1 sức mạnh dồi dào đã được tôi rèn từ lâu trong tâm hồn để từ làn da, ánh mắt, nụ cười…. đều sáng bừng sự sống

**BT9: Qua các bài thơ về quê hương đã học làm sáng tỏ nhận định quê hương chiếm khoảng rộng trong trái tim tình yêu của Thơ mớ**  
  
 Văn học Việt Nam từ đầu thế kỉ đến Cách mạng tháng Tám 1945 là bộ phận khá quan trọng trong nền văn học nước nhà. Thời kì này xuất hiện nhiều mảng văn học với nhiều trào lưu khác nhau. Nổi bật lên là sự ra đời của phong trào Thơ mới. Thơ mới đã mở ra cả một thời đại thi ca và làm xuất hiện nhiều nhà thơ tài năng. Bên cạnh các giá trị nghệ thuật, Thơ mới cũng đạt nhiều giá trị nội dung mang tính dân tộc. Một trong những nội dung đó là tình yêu đất nước, chính nội dung này “đã chiếm một khoảng rộng trong trái tim tình yêu của Thơ mới”. Nội dung trên được phản ánh sâu sắc qua các tác phẩm Quê hương của Tế Hanh, Chợ Tết của Đoàn Văn Cừ, Nắng mới của Lưu Trọng Lư và Nhớ rừng của Thế Lữ.

Sinh ra và lớn lên trong cảnh nước nhà mất chủ quyền, dân làm nô lệ, đất nước quằn quại trong đau thương, chìm ngập trong bóng tối, các nhà Thơ mới chán ghét thực tại, tìm đến những cảnh đẹp của quê hương đất nước để bày tỏ tấm lòng yêu nướcthầm kín của mình.

Tế Hanh tìm về làng chài yêu dấu thân thương của mình trong bài “Quê hương”. Quê hương của nhà thơ là một làng chài ven biển êm vui, đầm ấm với những buổi sáng trong xanh, gió nhẹ, trời êm, dân trai tráng đua nhau bơi thuyền ra khơi đánh cá. Nổi lên trên nền trời nước mênh mông là những cánh buồm trắng đang rướn mình mạnh mẽ “vượt trường giang”, là những cánh tay trai làng vạm vỡ, khỏe mạnh:

Khi trời trong, gió nhẹ, sớm mai hồng

Dân trai tráng bơi thuyền đi đánh cá

Chiếc thuyền nhẹ băng như con tuấn mã

Phăng mái chèo mạnh mẽ vượt trường giang

Cánh buồm trương to như mảnh hồn làng

Rướn thân trắng bao la thâu góp gió.

Cảnh những buổi dân làng sung sướng đón thuyền trở về cũng rạng rỡ trong tâm hồn nhà thơ. Cảnh có cái thanh thản của con thuyền trở về nằm nghỉ nồng nàn hơi thở mặn mòi của biển, cái mùi vị đặc biệt mà chỉ làng chài mới có. Làng chài êm ả, thanh bình đã làm cồn lên nỗi nhớ tha thiết trong lòng nhà thơ. Nhà thơ nhớ da diết từ con cá bạc, chiếc buồm vôi đến cái vị nồng nồng mằn mặn của quê hương. Phải yêu quê hương tha thiết, sâu nặng lắm, nhà thơ mới khắc họa được một bức tranh quê hương đầy đủ, sông động và tươi đẹp đến vậy.

Yêu quê hương đất nước, Đoàn Văn Cừ đã hướng tâm hồn mình về với những nét đẹp truyền thông văn hóa của dân tộc với cuộc sống sinh hoạt dân dã của quê hương. Một phiên chợ Tết vui tươi, sống động, rực rỡ màu sắc hàng hóa, của trang phục những người đi chợ Tết bừng sáng trong tâm hồn nhà thơ. Bức tranh chợ Tết có đủ gương mặt mọi người: già trẻ, gái trai, người mua kẻ bán đông vui, tấp nập. Nổi lên là hình ảnh cụ đồ nho “khoan khoái vuốt râu cằm, miệng nhẩm đọc vài ba câu đối đỏ” biểu hiện nét đẹp truyền thông văn hóa của dân tộc Việt Nam.

Người vui, cảnh vật cũng vui, thiên nhiên mang tâm hồn người, cùng hòa vui vào tâm hồn người:

Sương trắng đỏ đầu cành như giọt sữa

Tia nắng tía nhảy hoài trong ruộng lúa

Núi uốn mình trong chiếc áo the xanh

Đồi thoa son nằm dưới ánhbình minh.

Thiên nhiên đang mang hồn sông của quê hương trong những ngày giáp Tết. Cảnh vật đẹp và sông động như vậy, nhà thơ không yêu mến sao được.

Lưu Trọng Lư trở về với dòng hoài niệm tuổi thơ, những ngày còn mẹ. Hình ảnh mẹ hiện lên giữa khung cảnh thiên nhiên sáng màu nắng mới:

Tôi nhớ mẹ tôi thuở thiếu thời

Lúc người còn sống, tôi lên mười

Mỗi lần nắng mới reo ngoài nội

Áo đỏ người đưa trước giậu phơi.

Cả hai hình ảnh mẹ và thiên nhiên đã tạo nên gương mặt đẹp của quê hương, lúc này đang xôn xao thức dậy bừng sáng trong tâm hồn nhà thơ, khơi gợi lên bao nỗi nhớ, tình yêu quê hương tha thiết.

Thế Lữ đã gửi gắm tâm sự yêu nước thầm kín của mình vào lời con hổ trong bài thơ “Nhớ rừng”. Nhà thơ để con hổ quằn lòng nuôi tiếc quá khứ vàng son, oanh liệt:

Nào đâu những đêm vàng bên bờ suối

Ta say mồi đứng uốngánh trăngtan

Đâu những đêm mưa chuyển bốn phương ngàn

Ta lặng ngắm giang sơn ta đổi mới

Đâu những bình minh cây xanh nắng gội

Tiếng chim ca giấc ngủ ta tưng bừng

Đâu những chiều lênh láng máu sau rừng

Ta đợi chết mảnh mặt trời gay gắt

Để ta chiếm lấy riêng phần bí mật

Than ôi! Thời oanh liệt nay còn đâu.

Phải chăng tâm trạng tiếc nuối quá khứ vàng son oanh liệt của con hổ cũng chính là tâm trạng tiếc nuôi quá khứ anh hùng của dân tộc trong nhà thơ?

## *Là những trí thức tiểu tư sản dân tộc có tinh thần yêu nước, rất ý thức mình cũng đang chịu chung số phận người dân của một dân tộc bị nô lệ, thế nhưng do chịu ảnh hưởng tư tưởng bạc nhược của giai cấp xuất thân sợ sức mạnh đế quốc, không dám đứng vào đội ngũ đấu tranh cách mạng giải phóng dân tộc do Đảng lãnh đạo lúc bấy giờ, các nhà Thơ mới đành gửi gắm tâm sự yêu quê hương đất nước của mình vào những bức tranh thiên nhiên, cuộc sống của dân tộc hoặc vào những tâm sự u hoài nuôi tiếc quá khứ vàng son. Dẫu sao chúng ta cũng ghi nhận và trân trọng trái tim yêu đáng quý ấy ở họ. Các nhà Thơ mới thực sự đã giành một khoảng rộng cho tình yêu quê hương đất nước trong trái tim yêu của mình. BT10. Nhận xét về một trong những cảm hứng của Thơ mới Việt Nam giai đoạn 1930- 1945, có ý kiến nhận xét: “Tình yêu quê hương đất nước một khoảng rộng trong trái tim của thơ mới”. Bằng hiểu biết của mình về hai bài thơ Nhớ rừng của Thế Lữ và Quê hương của Tế Hanh em hãy làm sáng tỏ ý kiến về Tình Yêu Quê Hương Đất Nước Qua 2 Bài Thơ*

Thơ mới là một hiện tượng nổi bật của văn học Việt Nam nói chung và thơ ca nói riêng trong thế kỷ XX. Nó vừa ra đời đã nhanh chóng khẳng định vị trí xứng đáng trong nền văn học dân tộc với các “hoàng tử thơ”: Thế Lữ, Xuân Diệu, Huy Cận, Chế Lan Viên, Hàn Mặc Tử v..v… Phong trào Thơ mới đã tạo nên một thời đại rực rỡ phong phú trong lịch sử văn học Việt Nam. Hoài Thanh đã viết trong Thi nhân Việt Nam: “… trong lịch sử thi ca Việt Nam chưa bào giờ có một thời đại phong phú như thời đại này. Chưa bao giờ người ta thất xuất hiện cùng một kần một hồn thơ rộng mở như Thế Lữ. mơ màng như Lưu Trọng Lư, hùng tráng như Huy Thông, trong sáng như Nguyễn Nhược Pháp, ảo não như Huy Cận, quê mùa như Nguyễn Bính, kỳ dị như Chế Lan Viên… và thiết tha, rạo rực, băn khoăn như Xuân Diệu. Thơ mới là thời đại của những phong cách thơ độc đáo và một trong những nội dung tiêu biểu của thơ mới là tình yêu quê hương như một nhà nghiên cứu từng nhận xét:“Tình yêu quê hương đất nước một khoảng rộng trong trái tim của thơ mới”.

Thơ mới ra đời trong hoàn cảnh đất nước chìm trong chế độ thực dân nửa phong kiến. Các nhà thơ mới nhận thức rõ nỗi đau mất nước, chán ghét thực tại nên họ gửi gắm nỗi niềm về đất nước, quê hương vào những vần thơ. Tình quê hương đấtnước trong Thơ mới thể hiện ở nhiều cung bậc khác nhau: lúc ca ngợi cảnh đẹp của quê hương, lúc nhớ quê hương da diết, lúc hoài niệm ngưỡng mộ và tiếc nuối một né đẹp văn hóa trong quá khứ, lúc gửi gắm niềm tâm sự thầm kín… Và một trong những bài thơ xuất sắc của phong trào thơ mới viết thành công với đề tài này, không thể không nhắc tới Thế Lữ với Nhớ rừng, Tế Hanh với Quê hương.

Viết về tình yêu quê hương đất nước, thứ nhất, hai bài thơ này ca ngợi cảnh đẹp thiên nhiên.

Bài thơ Nhớ rừngcủa Thế Lữ dựng lên hai khoảng không gian, đối lập: sự hùng vĩ của thiên nhiên và sự chật hẹp, tù túng của vườn bách thú nơi con hổ đang sống. Thiên nhiên trong bài thơ hiện lên thật đẹp đẽ, ấn tượng. Đó là cảnh bóng cả, cây giàvới những gió gào ngàn, nguồn hét núi:

“Nhớ cảnh sơn lâm bóng cả cây già

Với tiếng gió gào ngàn, với giọng nguồn hét núi”

Cảnh thiên nhiên ở nơi rừng xanh, nơi con hổ từng là chúa tể của muôn loài trái ngược với những cảnh giả tạo, bắt chước của vườn bách thú. Và đặc biệt, ca ngợi vẻ đẹp của thiên nhiên, Thế Lữ đã rất thành công khi miêu tả hình ảnh bộ tranh tứ bình tinh xảo và độc đáo. Đầu tiên là bức tranh rừng núi trong đêm:

“Nào đâu những đêm vàng bên bờ suối

Ta say mồi đứng uống ánh trăng tan.”

Cảnh có màu vàng óng ả của trăng, màu xanh trong vắt của nước suối đại ngàn, màu trắng đen mờ ảo của cỏ cây hoa lá. Hổ ta đang đứng trên bờ, say sưa ngắm nhìn cảnh vật đẹp đến say lòng ấy. Ta có cảm giác hổ say mồi thì ít mà say đắm vẻ đẹp huyền ảo của đêm trăng thì nhiều. Vũ trụ có trăng, lúc khuyết, lúc tròn, lúc lên, lúc lặn để rồi hổ ta không biết bao lần ngây ngẩt trước ánh trăng vàng tung tóe. Nhớ làm sao những đêm vàng đấy mộng mơ ấy! Và giờ đây nó càng quý vô ngần vì nó là đêm của tự do và ảo mộng.

Bức tranh hai, Thế Lữ cho chúa tể rừng xanh đối diện với sự gào thét của thiên nhiên hùng vĩ vào những ngày mưa:

“Đâu những ngày mưa chuyển bốn phương ngàn

Ta lặng ngắm giang sơn ta đổi mới”

Mưa rừng không phải là “mưa bay như khói qua chiều”, không phải là “mưa giăng mắc cữi”, càng không phải là “mưa đổ bụi êm êm trên bến vắng” mà mịt mù, dữ dội rung chuyển cả núi rừng. Thế Lữ thật tài tình khi biết lấy sự gào thét dữ dội của thiên nhiên, sự ngã nghiêng của cây cối, cảnh tuôn rơi ồn ào của ngày mưa làm phông nền cho một hổ ta điềm nhiên lặng ngắm giang sơn đổi mới của mình. Quả là bức tranh của một nghệ sĩ kỳ tài.

Còn đây là một cảnh khác, tươi sáng, tưng bừng của buổi bình minh.Chúa tể rừng xanh lúc nầy đang ngon giấc:

“Đâu những bình minh cây xanh nắng gội

Tiếng chim ca giấc ngủ ta tưng bừng”

Một buổi bình minh tinh khôi rạng rỡ, chim chóc reo ca, cây cối gọi mời, mọi vật đã thức giấc đón bình minh lên. Riêng hổ ta lại ngủ, một giấc ngủ lạ đời: giấc ngủ “tưng bừng”. Hổ có giấc ngủ riêng của hổ, cảnh vật xung quanh có ồn ào, sôi động bao nhiêu càng làm cho giấc ngủ hổ thêm say, giấc mơ hổ thêm đẹp. Chỉ bằng vài nét chấm phá má cảnh có âm thanh, có màu sắc, đường nét hài hòa, sống động.

Bức tranh cuối cùng tuyệt đẹp, đẹp một cách lộng lẫy và bi tráng:

“Đâu những chiều lênh láng máu sau rừng

Ta đợi chết mảnh mặt trời gay gắt”

Bức tranh nầy khác hẳn với ba bức tranh trên, từ màu sắc, đường nét, đến ánh sáng. Màu vàng óng ả của trăng, màu đen mờ ảo của những trận mưa rừng, cả màu hồng tươi củanắng mới đều không còn nữa thay vào đó là màu đỏ rực của máu và của ánh mặt trời sắp tắt. Hổ ta lúc nầy cũng không còn say sưa, mơ mộng như đêm nào, ngày nào mà đã hiện nguyên hình là một mãnh thú. Bên hổ, dưới chân hổ là cảnh “lênh láng máu” của những con thú yếu hèn. Ngoài xa, trên bầu trời cao rộng mênh mông ấy mặt trời cũng chỉ là một mảnh. Ta có cảm giác mặt trời cũng bé đi qua cái nhìn của hổ. Trong bức tranh, mọi vật hình như nhỏ hơn, chìm hẳn chỉ có hổ ta đứng đấy uy nghi, chễm chệ với tư thế là chúa tể của muôn loài. Chúa sơn lâm đẹp thật, một vẻ đẹp dữ dằn ghê gớm của một mãnh thú đang say mồi.

Quả là một bộ tranh tứ bình hoàn hảo, với sự phối cảnh hài hòa, bố cục mỹ cảm, đường nét thanh tao, gam màu chuẩn xác. Thế Lữ đã để lại bộ tranh hổ bằng ngôn ngữ có một không hai trong lịch sử văn học.

Quả thật, bức tranh hoành tráng của rừng thẳm oai linh, của gió gào ngàn, nguồn hét núi, bóng cả, cây già. Trong cảnh thiên nhiên kỳ vĩ thâm nghiêm ấy làm nền cho hình bóng của chúa sơn lâm mang vẻ đẹp dõng dạc, đường hoàng với những đêm vàng, sáng xanh, chiều đỏ, tiếng chim ca tất cả mang vẻ đẹp lãng mạn, muôn màu muôn vẻ của thiên nhiên của cách nhìn lãng mạn và bút pháp lãng mạn.

Nếu như thiên nhiên trong Nhớ rừnglà vẻ đẹp của sự hùng tráng, mạnh mẽ của núi rừng, thì thiên nhiên trong thơ Tế Hanh lại êm đềm, đằm thắm với cảnh sông nước bình dị. Hình ảnh làng chài ven biển đẹp, trong trẻo thoáng đãng là tâm điểm mà nhà thơ muốn ca ngợi qua bài thơQuê hươngcủa mình.

Cái làng quê nghèo ở một cù lao trên sông Trà Bồng đã nuôi dưỡng tâm hồn Tế Hanh, đã trở thành nguồn cảm xúc vô tận để ông viết nên những vần thơ tha thiết, lai láng như: Nhớ con sông quê hương, Quê hương, Trở lại con sông quê hương.Mở đầu bài thư Quê hương, tác giả viết:

*“Làng tôi ở vốn nghề chài lưới*

*Nước bao vây cách biển nửa ngày sông”*

Hai câu đầu giới thiệu ngắn gọn “làng tôi”. Đây là hai câu thơ giản dị nhưng nếu thiếu lời giới thiệu này, quê hương sẽ trở nên trừu tượng, thiếu sức truyền cảm. Qua lời giới thiệu này, chúng ta thấy nhà thơ Tế Hanh rất tự hào về quê hương miền biển của mình. Niềm tự hào đó thể hiện sâu sắc tình yêu của ông dành cho quê hương.

Đến những câu thơ tiếp theo bức tranh thiên nhiên được vẽ ra qua tự giới thiệu về làng tôi của tác giả. Khung cảnh được tác giả vẽ ra là một khung cảnh của buổi sớm mai, với không gian thoáng đạt, trời trong, gió nhẹ, nắng mai hồng, với hình ảnh những con người dân trai tráng bơi thuyền đi đánh cá

“Khi trời trong gió nhẹ, sớm mai hồng

Dân trai tráng bơi thuyền đi đánh cá”

Thế đấy, quê hương trong thơ Tế Hanh hiện lên đẹp và mát dịu như vậy. Thiên nhiên trong thơ ông còn là bức tranh lao động rất đỗi bình dị, gần gũi nhưng đầy sức sống:

“Ngày hôm sau, ôn ào trên bến đỗ

Khắp dân làng tấp nập đón ghe về.

“Nhờ ơn trời biển động cá đầy ghe

Những con cá tươi ngon thân bạc trắng”

Có thể nói, qua con mắt của một người con yêu quê nhưng phải sống xa quê, bức tranh thiên nhiên qua thơ Tế Hanh hiện lên thật đẹp, tràn đầy nhựa sống. Nó khác hẳn với cái vẻ buồn bã, thê lương đang hiện hữu trong thơ mới giai đoạn này.

Tiếp theo, chúng ta thấy, tình yêu quê hương của hai nhà thơ còn được thể hiện thông qua việc gửi gắm tâm sự thầm kín. Với Thế Lữ, ông gửi lòng yêu nước vào tâm sự thầm kín của con hổ trong bài thơ Nhớ rừng, nhớ biết bao nhiêu thời vàng son oanh liệt. Ta nghe đó như chính là nỗi nhớ lịch sử vàng son oanh liệt của đất nước. Tâm trạng của con hổ là một ẩn dụ thể hiệ ntâm trạng của tác giả của người dân Việt Nam lúc đó. Đó là những con người đang ở trong vòng nô lệ, chịu sự áp bức, bóc lột của bọn thực dân Pháp và của xã hội phong kiến. Con hổ muốn được thoát khỏi song sắt chật hẹp của vườn bách thú cũng giống như tâm trạng của người dân muốn thoát khỏi cái vòng vây nô lệ đó:

“Ta đương theo giấc mộng ngàn to lớn”

Giấc mộng ngàn của chúa sơn lâm cũng là khao khát tự do thầm kín của con người được gửi gắm một cách tế nhị trong thơ.

Còn đối với Quê hươngcủa Tế Hanh, tình yêu quê hương đất nước là nỗi nhớ quê hương da diết khi xa quê. Mười bảy tuổi, xa quê, Tế Hanh luôn nhớ về quê hương làng vạn chài của mình. Với tấm lòng yêu quê hương sâu sắc, bức tranh làng chài thật sinh động và đậm nét qua cảm xúc của nhà thơ. Khi tả cảnh dân chài bơi thuyền đi đánh cá Tế Hanh đã dựng lên một không gian trong trẻo gió nhẹ rực rỡ nắng hồng… Con thuyền dũng mãnh vượt Trường Giang với sức sống mạnh mẽ mang một vẻ đẹp hùng tráng, bất ngờ hiếm thấy trong thơ mới, một bức tranh lao động đầy hứng khởi và đầy sức sống trong thơ mới. Phải cảm nhận được sức sống lao động của làng quê bằng cả tâm hồn thiết tha gắn bó mới viết được những câu thơ thật hay, thật đặc sắc:

“ Cánh buồm giương to như mảnh hồnlàng

Rướn thân trắng bao la thâu góp gió”.

Mảnh hồn làng ấy chính là nơi cho tâm hồn nghệ sỹ neo đậu với tấm lòng tha thiết nhớ thương về quê hương. Và đặc biệt hơn cả, nỗi nhớ quê hương, tình yêu quê hương được bộc lộ một cách trực tiếp ở khổ thơ cuối:

“Nay xa cách, lòng tôi luôn tưởng nhớ:

Màu nước xanh, cá bạc, chiếc buồm vôi,

Thoáng con thuyền rẽ sóng chạy ra khơi,

Tôi thấy nhớ cái mùi nồng mặn quá!”

Nhớ về quê hương miền biển của mình, nhà thơ nhớ: màu nước xanh, cá bạc, chiếc buồm vôi,nhớ con thuyền rẽ sóng và đặc biệt hơn cả là nhớ mùi vị mặn mòi của biển khơi – mùi vị đặc trưng mà chỉ có ở miền biển mới có được. Nối nhớ thiết tha trong xa cách là chất thơ đày bình dị mà khỏe khoắn toát lên từ bứctranh thiên nhiên tươi sáng thơ mộng.

Quả thực, khi viết về tình yêu quê hương trong thơ mới, đặc biệt qua hai bài thơ Nhớ rừngvà Quê hương, chúng ta phải nhìn nhận rằng cái “tôi” trong mỗi tác giả vừa được giải phóng tỏa hương thành vườn hoa đầy hương sắc của Thơ mới. Và mặc dù tình quê hương đất nước trong các bài thơ tuy chưa tích cực như thơ văn Cách mạng nhưng đáng trân trọng. Đó là một khoảng rộng trong trái tim yêu dào dạt của các nhà thơ mới trong đó có Thế Lữ và Tế Hanh.

# BT11.QUÊ HƯƠNG

Quê hương là nguồn cảm hứng vô tận của nhiều nhà thơ Việt Nam và đặc biệt là Tế Hanh – một tác giả có mặt trong phong trào Thơ mới và sau cách mạng vẫn tiếp tục sáng tác dồi dào. Ông được biết đến qua những bài thơ về quê hương miền Nam yêu thương với tình cảm chân thành và vô cùng sâu lắng. Ta có thể bắt gặp trong thơ ông hơi thở nồng nàn của những người con đất biển, hay một dòng sông đầy nắng trong những buổi trưa gắn với tình  yêu quê hương sâu sắc của nhà thơ. Bài thơ “Quê hương” là kỉ niệm sâu đậm thời niên thiếu, là tác phẩm mở đầu cho nguồn cảm hứng về quê hương trong thơ Tế Hanh, bài thơ đã được viết bằng tất cả tấm lòng yêu mến thiên nhiên thơ mộng và hùng tráng, yêu mến những con người lao động cần cù.   
Bài thơ được viết theo thể thơ tám chữ phối hợp cả hai kiểu gieo vần liên tiếp và vần ôm đã phần nào thể hiện được nhịp sống hối hả của một làng chài ven biển:  
Làng tôi ở vốn làm nghề chài lưới  
Nước bao vây cách biển nửa ngày sông  
Khi trời trong, gió nhẹ, sớm mai hồng  
Dân trai tráng bơi thuyền đi đánh cá.  
Quê hương trong tâm trí của những người con Việt Nam là mái đình, là giếng nước gốc đa, là canh rau muống chấm cà dầm tương. Còn quê hương trong tâm tưởng của Tế Hanh là một làng chài nằm trên cù lao giữa sông và biển, một làng chài sóng nước bao vây. một khung cảnh làng quê như đang mở ra trước mắt chúng ta vô cùng sinh động: “Trời trong – gió nhẹ – sớm mai hồng”, không gian như trải ra xa, bầu trời như cao hơn và ánh sáng tràn ngập. Bầu trời trong trẻo, gió nhẹ, rực rỡ nắng hồng của buổi bình minh đang đếùn là một báo hiệu cho ngày mới bắt đầu, một ngày mới với bao nhiêu hi vọng, một ngày mới với tinh thần hăng hái, phấn chấn của biết bao nhiêu con người trên những chiếc thuyền ra khơi:  
Chiếc thuyền nhẹ hăng như con tuấn mã  
Phăng mái chèo mạnh mẽ vượt trường giang  
Nếu như ở trên là miêu tả vào cảnh vật thì ở đây là đặc tả vào bức tranh lao động đầy hứng khởi và dạt dào sức sống. Con thuyền được so sánh như con tuấn mã làm cho câu thơ có cảm giác như mạnh mẽ hơn, thể hiện niềm vui và phấn khởi của những người dân chài. Bên cạnh đó, những động từ “hăng”, “phăng”, “vượt” diễn tả đầy ấn tượng khí thế băng tới vô cùng dũng mãnh của con thuyền toát lên một sức sống tràn trề, đầy nhiệt huyết. Vượt lên sóng. Vượt lên gió. Con thuyền căng buồm ra khơi với tư thế vô cùng hiên ngang và hùng tráng:  
Cánh buồm giương to như mảnh hồn làng  
Rướn thân trắng bao la thâu góp gió…  
Từ hình ảnh của thiên nhiên, tác giả đã liên tưởng đến “hồn người”, phải là một tâm hồn nhạy cảm trước cảnh vật, một tấm lòng gắn bó với quê hương làng xómTế Hanh mới có thể viết được như vậy.Cánh buồm trắng vốn là hình ảnh quen thuộc nay trở nên lớn lao và thiên nhiên.Cánh buồm trắng thâu gió vượt biển khơi như hồn người đang hướng tới tương lai tốt đẹp.Có lẽ nhà thơ chợt nhận ra rằng linh hồn của quê hương đang nằm trong cánh buồm. Hình ảnh trong thơ trên vừa thơ mộng vừa hoành tráng, nó vừa vẽ nên chính xác hình thể vừa gợi được linh hồn của sự vật. Ta có thể nhận ra rằng phép so sánh ở đây không làm cho việc miêu tả cụ thể hơn mà đã gợi ra một vẻ đẹp bay bổng mang ý nghĩa lớn lao. Đó chính là sự tinh tế của nhà thơ. Cũng có thể hiểu thêm qua câu thơ này là bao nhiêu trìu mến thiêng liêng, bao nhiêu hy vọng mưu sinh của người dân chài đã được gửi gắm vào cánh buồm đầy gió. Dấu chấm lửng ở cuối đoạn thơ tạo cho ta ấn tượng của một không gian mở ra đến vô cùng, vô tận, giữa sóng nước mênh mông, hình ảnh con người trên chiếc tàu nhỏ bé không nhû nhoi đơn độc mà ngược lại thể hiện sự chủ động, làm chủ thiên nhiên của chính mình.  
Cả đoạn thơ là khung cảnh quê hương và dân chài bơi thuyền ra đánh cá, thể hiện được một nhịp sống hối hả của những con người năng động, là sự phấn khởi, là niềm hi vọng, lạc quan trong ánh mắt từng ngư dân mong đợi một ngày mai làm việc với bao kết quả tốt đẹp:  
Ngày hôm sau ồn ào trên bến đỗ  
Khắp dân làng tấp nập đón ghe về  
Nhờ ơn trời, biển lặng, cá đầy ghe  
Những con cá tươi ngon thân bạc trắng.  
Những tính từ “ồn ào”, “tấp nập” toát lên không khí đông vui, hối hả đầy sôi động của cánh buồm đón ghe cá trở về. Người đọc như thực sự được sống trong không khí ấy, được nghe lời cảm tạ chân thành đất trời đã sóng yên, biển lặng để người dân chài trở về an toàn và cá đầy ghe, được nhìn thấy “những con cá tươi ngon thân bạc trắng”. Tế Hanh không miêu tả công việc đánh bắt cá như thế nào nhưng ta có thể tưởng tượng được đó là những giờ phút lao động không mệt mỏi để đạt được thành quả như mong đợi.   
Sau chuyến ra khơi là hình ảnh con thuyền và con người trở về trong ngơi nghỉ:  
Dân chài lưới làn da ngăm rám nắng  
Cả thân hình nồng thở vị xa xăm  
Chiếc thuyền im bến mỏi trở về năm  
Nghe chất muối thấm dần trong thớ vỏ.  
Có thể nói rằng đây chính là những câu thơ hay nhất, tinh tế nhất của bài thơ. Với lối tả thực, hình ảnh “làn da ngắm rám nắng” hiện lên để lại dấu ấn vô cùng sâu sắc thì ngay câu thơ sau lại tả bằng một cảm nhận rất lãng mạn “Cả thân hình nồng thở vị xa xăm” – Thân hình vạm vỡ của người dân chài thấm đẫm hơi thở của biển cả nồng mặn vị muối của đại dương bao la. Cái độc đáo của câu thơ là gợi cả linh hồn và tầm vóc của con người biển cả. Hai câu thơ miêu tả về con thuyền nằm im trên bến đỗ cũng là một sáng tạo nghệ thuật độc đáo. Nhà thơ không chỉ thấy con thuyền nằm im trên bến mà còn thấy cả sự mệt mỏi của nó. Cũng như dân chài, con thuyền có vị mặn của nước biển, con thuyền như đang lắng nghe chất muối của đại dương đang thấm trong từng thớ vỏ của nó. Thuyền trở nên có hồn hơn, nó không còn là một vật vô tri vô giác nữa mà đã trở thành người bạn của ngư dân. Không phải người con làng chài thì không thể viết hay như thế, tinh như thế, và cũng chỉ viết được những câu thơ như vậy khi tâm hồn Tế Hanh hoà vào cảnh vật cả hồn mình để lắng nghe. Ở đó là âm thanh của gió rít nhẹ trong ngày mới, là tiếng sóng vỗ triều lên, là tiếng ồn ào của chợ cá và là những âm thanh lắng đọng trong từng thớ gỗ con thuyền. Có lẽ, chất mặn mòi kia cũng đã thấm sâu vào da thịt nhà thơ, vào tâm hồn nhà thơ để trở thành nỗi niềm ám ảnh gợi bâng khuâng kì diệu. Nét tinh tế, tài hoa của Tế Hanh là ông “nghe thấy cả những điều không hình sắc, không âm thanh như “mảnh hồn làng” trên “cánh buồm giương”… Thơ Tế Hanh là thế giới thật gần gũi, thường ta chỉ thấy một cách lờ mờ, cái thế giới tình cảm ta đã âm thầm trao cảnh vật: sự mỏi mệt, say sưa của con thuyền lúc trở về bến…”  
Nói lên tiếng nói từ tận đáy lòng mình là lúc nhà thơ bày tỏ tình cảm của một người con xa quê hướng về quê hương, về đất nước :  
Nay xa cách lòng tôi luôn tưởng nhớ  
Màu nước xanh, cá bạc, chiếc thuyền vôi  
Thoáng con thuyền rẽ sóng chạy ra khơi  
Tôi thấy nhớ cái mùi nồng mặn quá  
Nếu không có mấy câu thơ này, có lẽ ta không biết nhà thơ đang xa quê. ta thấy được một khung cảnh vô cùng sống động trước mắt chúng ta, vậy mà nó lại được viết ra từ tâm tưởng một cậu học trò. từ đó ta có thể nhận ra rằng quê hương luôn nằm trong tiềm thức nhà thơ, quê hương luôn hiện hình trong từng suy nghĩ, từng dòng cảm xúc. Nối nhớ quê hương thiết tha bật ra thành những lời nói vô cùng giản dị: “Tôi thấy nhớ cái mùi nồng mặn quá”. Quê hương là mùi biển mặn nồng, quê hương là con nước xanh, là màu cá bạc, là cánh buồm vôi. Màu của quê hương là những màu tươi sáng nhất, gần gũi nhất. Tế Hanh yêu nhất những hương vị đặc trưng quê hương đầy sức quyến rũ và ngọt ngào. Chất thơ của Tế Hanh bình dị như con người ông, bình dị như những người dân quê ông, khoẻ khoắn và sâu lắng. Từ đó toát lên bức tranh thiên nhiên tươi sáng, thơ mộng và hùng tráng từ đời sống lao động hàng ngày của người dân.  
Bài thơ đem lại ấn tượng khó phai về một làng chài cách biển nửa ngày sông, lung linh sóng nước , óng ả nắng vàng. Dòng sông, hồn biển ấy đã là nguồn cảm hứng theo mãi Tế Hanh từ thuở “hoa niên” đến những ngày tập kết trên đất Bắc. Vẫn còn đó tấm lòng yêu quê hương sâu sắc, nồng ấm của một người con xa quê:  
Tôi  dang tay ôm nước vào lòng  
Sông mở nước ôm tôi vào dạ  
Chúng tôi lớn lên mỗi người mỗi ngả  
Kẻ sớm hôm chài lưới ven sông  
Kẻ cuốc cày mưa nắng ngoài đồng  
Tôi cầm súng xa nhà đi kháng chiến  
Nhưng lòng tôi như mưa nguồn gió biển  
Vẫn trở về lưu luyến bến  sông  
(Nhớ con sông quê hương – 1956)  
Với tâm hồn bình dị, Tế Hanh xuất hiện trong phong trào Thơ mới nhưng lại không có những tư tưởng chán đời, thoát li với thực tại, chìm đắm trong cái tôi riêng tư như nhiều nhà thơ thời ấy. Thơ Tế Hanh là hồn thi sĩ đã hoà quyện cùng với hồn nhân dân, hồn dân tộc, hoà vào “cánh buồm giương to như mảnh hồn làng”.“Quê hương” – hai tiếng thân thương, quê hương – niềm tin và nỗi nhơ,ù trong tâm tưởng người con đấùt Quảng Ngãi thân yêu – Tế Hanh – đó là những gì thiêng liêng nhất, tươi sáng nhất. Bài thơ với âm điệu khoẻ khoắn, hình ảnh sinh động tạo cho người đọc cảm giác hứng khởi, ngôn ngữ giàu sức gợi vẽ lên một khung cảnh quê hương “rất Tế Hanh”.

# **Nhớ con sông quê hương**

Quê hương tôi có con sông xanh biếc  
Nước gương trong soi tóc những hàng tre  
Tâm hồn tôi là một buổi trưa hè  
Toả nắng xuống lòng sông lấp loáng  
Chẳng biết nước có giữ ngày, giữ tháng  
Giữ bao nhiêu kỷ niệm giữa dòng trôi?  
Hỡi con sông đã tắm cả đời tôi!  
Tôi giữ mãi mối tình mới mẻ  
Sông của quê hương, sông của tuổi trẻ  
Sông của miền Nam nước Việt thân yêu  
  
Khi bờ tre ríu rít tiếng chim kêu  
Khi mặt nước chập chờn con cá nhảy  
Bạn bè tôi tụm năm tụm bảy  
Bầy chim non bơi lội trên sông  
Tôi giơ tay ôm nước vào lòng  
Sông mở nước ôm tôi vào dạ  
Chúng tôi lớn lên mỗi người mỗi ngả  
Kẻ sớm khuya chài lưới bên sông  
Kẻ cuốc cày mưa nắng ngoài đồng  
Tôi cầm súng xa nhà đi kháng chiến  
Nhưng lòng tôi như mưa nguồn, gió biển  
Vẫn trở về lưu luyến bên sông  
Hình ảnh cô em đôi má ửng hồng...  
  
Tôi hôm nay sống trong lòng miền Bắc  
Sờ lên ngực nghe trái tim thầm nhắc  
Hai tiếng thiêng liêng, hai tiếng “miền Nam”  
Tôi nhớ không nguôi ánh sáng màu vàng  
Tôi quên sao được sắc trời xanh biếc  
Tôi nhớ cả những người không quen biết...  
Có những trưa tôi đứng dưới hàng cây  
Bỗng nghe dâng cả một nỗi tràn đầy  
Hình ảnh con sông quê mát rượi  
Lai láng chảy, lòng tôi như suối tưới  
Quê hương ơi! lòng tôi cũng như sông  
Tình Bắc Nam chung chảy một dòng  
Không gành thác nào ngăn cản được  
Tôi sẽ lại nơi tôi hằng mơ ước  
Tôi sẽ về sông nước của quê hương  
Tôi sẽ về sông nước của tình thương

6-1956  
  
Bài thơ được sáng tác khi tác giả tập kết ra miền Bắc sau cuộc kháng chiến chống Pháp.  
  
Nguồn: Tế Hanh, *Lòng miền Nam*, NXB Văn nghệ, 1956

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**KHI CON TU HÚ**

(Tô' Hữu)

**I.KIẾN THỨC Cơ BẢN**

## Tác giả – Tác phẩm

Tố Hữu (1920 – 2002) tên khai sinh Nguyễn Kim Thành, sinh ra trong một gia đình nhà nho nghèo ở tỉnh Thừa Thiên – Huế. Ông giác ngộ và đi theo cách mạng từ khá sớm và giữ nhiều chức vụ sau cách mạng tháng Tám. Trong quá trình tham gia cách mạng ông đã từng bị bắt và vượt ngục. Về sự nghiệp sáng tác, Tố Hữu tham gia và học làm thơ khi mới 7 tuổi. Những tập thơ đầu tiên được sáng tác vào những năm 1937 – 1938. Ông được coi là lá cờ đầu của nền thơ ca cách mạng Việt Nam. Được giác ngộ và đi theo lí tưởng cách mạng từ sớm, nên thơ ca của ông luôn có sự hài hòa và thống nhất với cuộc đời cách mạng. Những vần thơ dung dị, chân thật và cảm động về lí tưởng, về Bác có thể coi là những vần thơ hay nhất. Một số tập thơ tiêu biểu phải kể đến như: Từ ấy (1937 – 1946); Việt Bắc (1946 – 1954); Gió lộng; Ra trận; Máu và hoa…

“Khi con tu hú” là một trong số những tác phẩm tiêu biểu trong tập thơ “Từ ấy” của tác giả. Tháng 4 -1939, trên bước đường hoạt động cách mạng, Tố Hữu bị địch bắt và giam cầm tại nhà lao tỉnh Thừa Thiên – Huế. Trong thời gian bị giam cầm, Tố Hữu đã viết nên bài thơ này (tháng 7 – 1939), khi đó ông mới 19 tuổi.  Đây được coi là tiếng lòng của chàng thanh niên 19 tuổi mang trong mình niềm say mê lí tưởng, tha thiết yêu đời. Dù bị giam cầm, tách biệt với thế giới bên ngoài vẫn hăng hái hoạt động,một lòng vì lý tưởng cao cả.

## Bố cục bài thơ

Bài thơ “Khi con tu hú” được chia làm hai phần chính:

Phần 1: 6 câu đầu – Đây là bức tranh mùa hè sôi động

Các hình ảnh báo hiệu bức tranh mùa hè sôi động: hình ảnh “Lúa chiêm đang chín”, “Trái cây vườn râm”, “Tiếng ve, bắp rây”, “Nắng đào”, “Tiếng sáo diều”… Kết hợp với không gian cao rộng, khoáng đạt với đầy đủ các âm thanh, màu sắc nhộn nhịp.

Phần 2: 4 câu còn lại – Khắc họa tâm trạng của người chiến sĩ cách mạng khi bị giam cầm

Tâm trạng ngột ngạt, uất ức đau khổ khiến nhà thơ có hành động như muốn “đập tan phòng” để đến với thế giới tự do ngoài kia.

## Ý nghĩa nhan đề bài thơ

“Khi con tu hú” là một vế trong câu thơ đầu tiên. Đối với mỗi tuổi thơ chúng ta, không ai còn xa lạ với tiếng chim tu hú kêu mỗi dịp hè về. Chim tu hú kêu là lúc bầy chim ùa về trong nỗi nhớ của nhà thơ.

Nhan đề bài thơ “Khi con tu hú” chỉ gồm cụm từ của một loài chim nhưng nó gợi lại nhiều cảm xúc. Tiếng chim cất lên khiến cho nhân vật trữ tình thức tỉnh trong không gian chật hẹp kia. Chỉ với một âm thanh thôi lại như chính tiếng lòng của tác giả. Tiếng chim tu hú gọi bầy ráo rác cũng chính là tiếng gọi của cách mạng, của cuộc sống tự do ngoài kia. Chính tiếng chim đó càng khiến cho người chiến sỹ đang trong ngục tù bỗng cảm thấy khao khát sự tự do, khát vọng sống đối lập với hiện thực phũ phàng.

## Tóm tắt nội dung bài Khi con tu hú

Nhà thơ Tố Hữu sáng tác khi đang ở trong tù giam chật hẹp, ngột ngạt, khi ông nghe thấy tiếng chim tu hú cũng có nghĩa là mùa hè đang đến gần. Chính điều đó khơi mạch cảm xúc và càng làm cho người cách mạng cảm thấy tù túng, chật hẹp, cô đơn và mong muốn thoát ra khỏi cảnh ngục tù để được tự do, khao khát bay nhảy.

Tiếng tu hú gọi nhớ mùa hè như thôi thúc tác giả hồi tưởng kỉ niệm và khát vọng cháy bỏng thoát khỏi cảnh giam cầm, thoát khỏi hiện thực tối tăm mà mình đang đối mặt.

Chính tiếng tu hú gọi hè là yếu tố rất quan trọng và đóng góp vào sự thành công của bài thơ.

## Đặc sắc trong nghệ thuật

Không chỉ thành công với nội dung cách mạng, “Khi con tu hú” còn chạm đến cảm xúc của người đọc với những đặc sắc nghệ thuật của nó. Thể thơ lục bát quen thuộc tạo cảm giác ngân nga mà chân tình, dễ đi vào lòng người. Bài thơ cho ta thấy nghệ thuật đỉnh cao trong miêu tả và trí tưởng tượng giàu cảm xúc của nhà thơ. Theo đó cả một bầu trời thiên nhiên hiện ra trước mắt người đọc, bỏ qua hoàn cảnh chật hẹp nơi chốn lao tù. Cách kể chuyện sinh động, uyển chuyển thay đổi mọi góc nhìn của nhà thơ khiến cho người đọc như đắm chìm vào bức tranh sôi động ngoài kia.

Đặc biệt là cách xây dựng nghệ thuật âm thanh kết hợp với tạo hình không gian đa dạng. Có thể nói tiếng chim tu hú là nút điểm làm nên thành công cho toàn bài thơ. Ngoài ra còn kể đến các biện pháp tu từ được nhà thơ sử dụng một cách linh hoạt trong toàn bộ bài thơ.

**B. Đọc - Hiểu văn bản**

\*Nhan dề bài thơ

Bài thơ có một cái nhan đề khá lạ: **Khỉ con tu hú.** Bôn chữ ấy chỉ là một vê' phụ của câu, nên chưa trọn ý. Tuy nhiên, chính chỗ chưa trọn vẹn đó đã mở ra bao nhiêu liên tưởng. Căn cứ vào nội dung bài thơ, có thể hiểu là: Khi chim tu hú gọi bầy là khi mùa hè đển, người tù cách mạng càng cảm thấy ngột ngạt trong phòng giam chật chội, càng thèm khát cháy bỏng cuộc sống tự do tưng bừng ở bển ngoài. Tiêng chim tu hú đã gợi mở mạch cảm xúc cho bài thơ. Đối với người tù, sự liên hệ với cuộc sông bên ngoài chỉ qua những âm thanh, tiêhg chim ấy là tín hiệu của mùa hè rực rỡ, của sự sôhg tưng bừng ở bên ngoài, của trời cao tự do, lồng lộng. Vì vậy, tiếng chim đã tác động mạnh mẽ đến tâm hồn người tù.

Luận điểm 1: Sáu câu thơ đầu là bức tranh mùa hè sôi động, ngọt ngào.

Khi con tu hú gọi bầy

Lúa chiêm đang chín, trái cây ngọt dần

Vườn râm dậy tiếng ve ngân  
Bắp rây vàng hạt dầy sân nắng dào

Trời xanh càng rộng càng cao

Đôi con diều sáo lộn nhào từng không...

Tiêng chim tu hú gọi bầy là âm thanh quen thuộc chốn đồng quê báo hiệu mùa hè đang đên. Âm thanh ấy đã thức gọi trong tâm hồn người tù một khung cảnh mùa hè. Sáu câu thơ lục bát, sau câu mở đầu tả tiếng chim náo nức gọi bầy, năm câu còn lại mở ra cả một thế giới của sự sông tươi đẹp, rộn rã. Chỉ là trong tưởng tượng nhưng cảnh mùa hè hiện lên thật cụ thể và sóng động, đủ cả hình ảnh, âm thanh, màu sắc và cảm giác: màu vàng của lúa chiêm đang chín trên cánh đồng, của những hạt bẩp phơi trên sân rực rỡ nắng hồng; tiêng ve ngân trong vườn cây râm mát; vị ngọt của trái chín; đôi cánh diều chao lượn trên bầu trời xanh cao rộng, tiếng sáo diều vi vu... Đó không chỉ là bức tranh của thiên nhiên, của sự sông, mà còn là bức tranh thân thuộc của quê hương này. Chỉ từ một âm thanh, người tù hình dung ra cả bức tranh của mùa hè tràn trề nhựa sông ở mọi tầng bậc gần - xa, cao - thấp của không gian. Ớ trong bốh bức tường chật chội của nhà giam, chỉ qua một âm thanh nghe được, người tù có thể nhìn thấy, có thể ngửi, có thể nếm, có thể cảm được bằng da thịt... tất cả những vẻ đẹp hấp dẫn của sự sông bên ngoài. Nếu không có niềm gắn bó thiết tha với cuộc đời, không có niềm khao khát tự do mãnh liệt, không có một tâm hồn tinh tế nhạy cảm và một trí tưởng tượng lãng mạn vô cùng phong phú thì nhà thơ không thể viết được những câu thơ tuyệt vời đến như thế!

Luận điểm 1: Những câu thơ tiếp theo là tâm trạng đau khổ, uất ức vì bị giam cầm

Ta nghe hè dậy bên lòng

Mà chân muốn đạp tan phòng, hè ôi!

Ngột làm sao, chết uất thôi

Con chim tu hú ngoài trời cứ kêu!

Bốn câu thơ lục bát thực sự là hai câu cảm thán trực tiếp bật ra từ tâm trạng ngột ngạt, uất ức đến không chịu nổi. Những cách ngắt nhịp bất thường (nhịp 6/2: Mà chân muốn đạp tan phòng/ hè ôi', nhịp 3/3: Ngột làm sao/ chết uất thôi), kết hợp với những từ ngữ mạnh (đập tan phòng, chết uất) và những từ ngữ cảm thán (ôi, làm sao, thôi) làm nổi bật cái câm giác ngột ngạt cao độ, niềm khao khát cháy bỏng muôn thoát ra khỏi cảnh tù ngục để trở về với cuộc sông tự do bên ngoài kia. Ngoài trời, chim tu hú cứ kêu, cứ gọi bầy, nghe càng thúc giục, càng làm cho người tù đau khổ thâm thìa hơn. Và trong lòng người tù, niềm khao khát tự do cũng lên tiếng gọi, thôi thúc người tù vượt thoát cảnh giam cầm để trở về với cuộc đời hoạt động sôi nổi, tự do.

Bài thơ gồm hai đoạn tách bạch rõ ràng nhưng liên mạch: đoạn đâu tả cảnh (cảnh mùa hè), đoạn sau tả tỉnh (tâm trạng người tù). Cánh đẹp, đầy sức sông; tĩnh sôi nổi và da diết. Cảnh trong tưởng tượng càng đẹp, càng hâp dẫn, người tù càng đau khổ, uất ức vì bị giam cầm, niềm khao khát tự do càng cháy bỏng. Đó chính là mạch cảm xúc nhất quán của bài thơ, thể hiện tâm hồn yêu đời, yêu tự do của chàng thanh niên cách mạng Tô Hữu. Thể thơ lục bát mềm mại, uyển chuyển, linh hoạt đã thể hiện rât sâu tam trạng người tù, làm nên cái hay của bài thơ.

Bài thơ lục bát giản dị, thiết tha, đã thể hiện sâu sắc lòng yểu cuộc sông và niềm khát khao tự do cháy bỏng của người chiến sĩ cách mạng trẻ tuôi trong cuộc sống tù đày.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**ĐỀ BÀI1: Bài văn mẫu hay phân tích, chứng minh nhận định: Khi Con Tu Hú thể hiện niềm khát khao tự do cháy bỏng của người chiến sĩ cách mạng (Bài văn chỉ có tính chất tham khảo thêm, không có tính chất mẫu mực)**

**Bài 1:**

    Nhan đề bài thơ là một sự diễn đạt chưa trọn ý một cách kì lạ. Kì lạ bởi chính chỗ chưa trọn vẹn đó đã mở ra bao nhiêu liên tưởng. Giờ đây, người ta không còn thấy bóng dáng cô đơn, nặng nề của người tù Tố Hữu mà chỉ nghe tiếng lòng nhà thơ đang rộn ràng, ngân vang khi đón nhận lấy tiếng chim tu hú từ xa rộn về. Tu hú gọi bầy là âm thanh hết sức quen thuộc ở chốn làng quê Việt Nam, báo hiệu cho sự chuyển mình của sự sống - mùa hè về. Lúc này, khi con tu hú gọi bầy, trong hoàn cảnh tách biệt với cuộc sống bên ngoài, người chiến sĩ cách mạng càng cảm thấy ngột ngạt hơn, tù túng hơn, vì vậy mà càng thêm khát khao cháy bỏng hướng đến cuộc sống tự do tươi đẹp bên ngoài:

“Khi con tu hú gọi bầy

Lúa chiêm đương chín, trái cây ngọt dần

Vườn râm dậy tiếng ve ngân

Bắp rây vàng hạt đầy sân nắng đào

Trời xanh càng rộng càng cao

Đôi con diều sáo lộn nhào tầng không.”

    Mười chín tuổi, còn trẻ trung, bồng bột, người thanh niên Tố Hữu đã tìm thấy cho mình lí tưởng cao đẹp cuộc đời. Những bước đi không mỏi mệt trên chặng đường chông gai, phút chốc phải dừng đột ngột, bị bó buộc tù hãm khiến cho Tố Hữu không khỏi có lúc thốt lên chua xót: “Cô đơn thay là cảnh thân tù”. Nhưng rồi phút giây ấy cũng nhanh chóng đi qua, nhường chỗ cho không gian cảnh vật tràn trề nhựa sống: những bông lúa chín, hạt bắp vàng, ánh nắng đào, trời xanh rộng, đôi sáo diều, tiếng ve ngân...

    Phải có một sự tưởng tượng lãng mạn, bay bổng và một tâm hồn mến yêu sự sống sâu sắc mới có thể vẽ lại toàn bộ bức tranh phong cảnh mùa hè sống động đến vậy. Thiên nhiên hiện lên tuyệt đẹp kia không phải là hiện thực, tất cả chỉ là sự tưởng tượng của một tâm hồn mơ mộng khi căng tất cả các giác quan để nghe, để nhìn, để ngửi, để cảm nhận không khí hè qua tiếng gọi bầy của tu hú. Chỉ bằng vài đường nét, màu sắc, âm thanh, nhà thơ đã phơi bày một bức tranh đầy nhựa sống với cánh đồng lúa chiêm quen thuộc của quê hương đã bao lần đi vào thơ Tố Hữu:

“Đây từng ô mạ xanh mơn mởn

(...)

Ôi ruộng đồng quê hương thương nhớ ơi!”

    Giờ đây lại hiện về trong trạng thái căng đầy nhất, viên mãn nhất, lúa ngả vàng, ngả sang màu niềm vui, là màu vàng rực rỡ của mùa hè, của mồ hôi kết tinh thành hạt thóc.

    Với một tâm hồn lãng mạn tinh tế, Tố Hữu đã cảm nhận sự thay đổi của màu nắng với nhiều góc độ: từ ánh nắng của “đôi ánh lạt ban chiều” (Tâm tư trong tù), ánh nắng yếu ớt dễ bóp nghẹt bởi bóng tối tới một “ánh nắng đào” giữa mùa hè, lấp đi dấu ấn của “vườn râm”. Câu thơ là một không gian thoải mái với sắc hồng kì lạ. Đó là thứ ánh sáng êm dịu, hiền hậu, vỗ về cho con người trước những mất mát, đau khổ trong cuộc đời. Có lẽ từ chính sự gặp gỡ tuyệt diệu của chàng thanh niên trẻ tuổi:

“Từ ấy trong tôi bừng nắng hạ

Mặt trời chân lí chói qua tim”

đã khiến cho ánh nắng mùa hè có sự thay đổi tinh tế đến vậy. Và sự xuất hiện của bầu trời trong vắt như mặt nước yên bình nâng tầm bay cho các cánh diều đã đẩy tầm nhìn, tầm nhận thức của nhà thơ lên đến độ sâu nhất, xa nhất, cao nhất:

“Trời xanh càng rộng càng cao

Đôi con diều sáo lộn nhào từng không”

    Thấp thoáng trong ánh nhìn người tù, là một không gian mở rộng đến vô cùng vô tận. Mặc dù có thể lúc ấy ánh nhìn của nhà thơ - chiến sĩ có phần bị che khuất đi bởi chấn song nhà tù chật hẹp. Trên bầu trời lúc này không phải là một mình lẻ loi, con sáo diều cũng có đôi, có cặp, có được sự tự do bay lượn trong vùng trời riêng kia. Huống chi là con người. Vậy mà, thực tế thì sao? Con người cô đơn, cô đơn hơn bao giờ hết, và mất tự do.

Không ngẫu nhiên mà bài thơ có sự bổ đôi của hai câu thơ lục bát. Nhà thơ diễn tả bức tranh mùa hè sống động đối lập với cảnh mùa đông trong ngục tối đã làm nổi bật lên khát vọng cháy bỏng của người chiến sĩ trên con đường tìm đến tự do. Bốn câu thơ kết đã lắng lại cho tiếng lòng náo nức bật lên:

“Ta nghe hè dậy bên lòng

Mà chân muốn đạp tan phòng, hè ôi!

Ngột làm sao, chết mất thôi

Con chim tu hú ngoài trời cứ kêu”

   Khổ thơ là lời bộc lộ trực tiếp cho tâm tư con người. Bốn câu cảm thán là sự dồn nén những cảm xúc mãnh liệt của một trái tim đau khổ, uất hận vì mất tự do. Nhà thơ nghe hè, cảm nhận hè chỉ qua tiếng chim tu hú gọi bầy. Hè đã đến, ba tháng trong ngục tối cũng đã trôi qua, lòng người thanh niên đầy nhiệt huyết càng trỗi dậy mạnh mẽ hơn tiếng gọi lên đường, tiếng gọi của tự do.

   Từ trong sâu thẳm tâm tư mình, người tù đã nhận ra tất cả cuộc sống náo nức, vui tươi bên ngoài lúc chỉ là tưởng tượng, bởi đó là tất cả những hình ảnh tồn tại trong trí nhớ của nhà thơ. Đó là những cánh đồng, những vườn cây trái, những vườn râm. Còn hiện tại, kẻ thù đang giày xéo quê hương, đã biến bao đồng quê thành hoang mạc và thực chất không gian tự do mà nhà thơ khát khao bên ngoài kia cũng chỉ là một không gian tù hãm, một cái lồng to giam chí lớn, như chụp lên cuộc sống con người, lên quê hương. Cho nên, khổ thơ là sự bừng tỉnh của lí trí, là tâm trạng uất ức, ngột ngạt muốn đạp bỏ tất cả, tìm đến không gian tự do, tự tại thật sự. Bằng cách ngắt nhịp mạnh kết hợp với những từ ngữ mạnh mẽ: “đạp tan”, “chết uất”, câu thơ đã tập trung cao độ tinh thần yêu đời, yêu người cháy bỏng.

   Tiếng kêu tu hú cứ day đi day lại cả bài thơ, như thúc giục, như lời thôi thúc người tù vượt thoát cảnh giam cầm, tìm về với tự do. Có lẽ vì vậy mà ba năm sau, Tố Hữu đã vượt ngục và quay về đội ngũ, để làm tròn ước nguyện cống hiến tất cả cuộc đời cho cách mạng.

    “**Khi con tu hú**” là một bài thơ kết hợp hài hoà của cảnh và tình. Cảnh mở ra rạo rực, tha thiết, tình lắng đọng da diết, trầm buồn. Với tâm hồn dân tộc, ngòi bút linh hoạt, mềm mại, Tố Hữu xứng đáng với danh hiệu con chim đầu đàn trong nền thơ ca cách mạng Việt Nam.

**BT2: Phân tích bài thơ *Khi con tu hú* của Tố Hữu.**

1. *Mở bài:*

- Tố Hữu ( 1930-2003) . Tham gia cách mạng từ thời học sinh. Sự nghiệp sáng tác suốt cả cuộc đời. Ông được đánh giá là ngọn cờ đầu cảu thơ ca cách mạng Việt Nam.

- Với những đóng góp to lớn cho nền văn học nước nhà, Tố Hữu đã được nhà nước tặng thưởng huân chương Hồ Chí Minh.

- Bài thơ khi con tu hú sáng tác trong hoàn cảnh tác giả bị thực dân Pháp bắt giam ở nhà lao Thừa Phủ, mùa hè năm 1939, vì tham gia hoạt động yêu nước chống ngoại xâm. Nội dung bài thơ thể hiện tâm trạng bức bối trong chốn lao tù và khát vọng tự do mãnh liệt của người chiến sĩ cộng sản trẻ tuổi.

2. *Thân bài*.

\* Tâm trạng của người thanh niên yêu nướcgiữa chốn ngục tù.

- Tác nhân gợi nhớ là tiếng chim tu hú rộn rã báo mùa hè đến. Cảm hứng thơ dào dạt cũng bắt nguồn từ âm thanh ấy.

- Tiếng chim gợi dậy cả một trời thương nhớ. Hình ảnh mùa hè tười vui tràn đấýưc sống hiện lên rõ rệt, sống động trong tâm tưởng người tù với những hình ảnh, âm thanh, màu sắc… đã in sâu vào trí nhớ:

Lúa chiêm đang chín, trái cây ngọt dần.

Vườn râm dậy tiếng ve ngân.

Bắp rây vàng hạt, đầy sân nắng đào.

Trời xanh càng rộng càng cao.

Đôi con diều sáo lộn nhào tầng không.

- Bức tranh mùa hè quê hương gắn liền với cuộc sống tự do bên ngoài song sắt nhà tù càng thôi thúc tình cảm nhớ thương gia đình, bạn bè, đồng chí, càng đốt cháy ngọn lửa khát vọng tự do trong lòng người chiến sĩ trẻ.

- Sự tương phản gay gắt giữa quá khứ và hiện tại đẩy thái độ bất bình, phẫn uất của người tù lên cao độ:

Ngột làm sao, chết uất thôi.

Con chim tu hú ngoài trời cứ kêu!

- Tiếng chim như tiếng gọi thôi thúc của cuộc sống tự do , như nhấn mạnh tình cảnh trói buộc, tù túng của người chiến sĩ trong nhà tù của bọn đế quốc.

\* Đặc điểm nghệ thuật của bài thơ.

- Thể thơ lục bát uyển chuyển, thích hợp với việc miêu tả tâm trạng nhân vật.

- Bài thơ được hình thành từ sự kết hợp hài hoà giữa rung động mãnh liệt của cảm xúc với ngghệ thuật miêu tả tâm trạng nhân vật vừa chân thực vừa tinh tế.

3. *Kết bài*.

- Bài thơ là nỗi lòng của người chiến sĩ cộng sản trẻ tuổi mặc dù dang phải sống trong cảnh lao tù vẫn tràn đầy nhiệt huyết, thiết tha yêu cuộc đời tự do.

- Tầng sâu ý nghĩa của bài thơ là lời nhắc nhở mọi người phải vùng lên phá tung xích xiềng nô lệ, giành chủ quyền độc lập, tự do cho đất nước.

BT3. **Tâm trạng người chiến sĩ cách mạng trong bài thơ Khi con tu hú của nhà thơ Tố Hữu**

**Gợi ý**

Tố Hữu là nhà thơ của lí tưởng cộng sản, thơ ông ngập tràn những hình ảnh lãng mạn cách mạng. Tâm trạng người chiến sĩ cách mạng trong bài thơ *Khi con tu hú* của ông tiêu biểu cho phong cách ấy.

Nhan đề của bài chỉ là một cụm từ chỉ thời gian (vẫn chưa đầy đủ).Nhan đề của bài thơ là một ẩn ý vừa chỉ một thời điểm bừng lên của thiên nhiên, tạo vật, vừa chỉ sự khát khao hoạt động của con người.

Có thể tóm tắt nội dung bài thơ như sau: *Khi con tu hú gọi bầy (cũng là khi mùa hè đangđến), người tù cách mạng càng thấy ngột ngạt, cô đơn trong phòng giam chật hẹp, càng khát khao được sống cuộc sống tự do bay bổng ở ngoài kia.*

Sở dĩ, tiếng tu hú kêu lại có tác động mạnh đến tâm hồn của nhà thơ bởi nó là tín hiệu báo những ngày hè rực rỡ đến gần. Nó cũng là biểu tượng của sự bay nhảy tự do.

*Khi con tu hú gọi bầy*

*Lúa chiêm đương chín, trái cây ngọt dần.*

Không phải tiếng chim đơn độc mà là tiếng chim "gọi bầy", tiếng chim báo tin vui. Nghe chim tu hú gọi nhau biết rằng "lúa chiêm đang chín, trái cây ngọt dần".Nhưng không phải chỉ có thế. Tiếng chim gợi lên một thế giới tràn ngập âm thanh, màu sắc, hình ảnh:

*Vườn râm dậy tiếng ve ngân*

*Bắp rây vàng hạt đầy sân nắng đào*

*Trời xanh càng rộng càng cao*

*Đôi con diều sáo lộn nhào từng không...*

Đó là những sắc màu, âm thanh của cuộc sống hằng ngày. Màu vàng của ngô, màu hồng của

nắng nổi bật trên cái nền xanh của đất trời, quyện với tiếng ve ngân và còn được điểm xuyết thêm bằng hình ảnh "Đôi con diều sáo lộn nhào từng không". Không gian tràn trề nhựa sống đang vận động, sinh sôi nảy nở từng ngày.

Đọc kĩ lại những câu thơ, ta bỗng phát hiện thêm nhiều điều kì lạ khác nữa.Các sự việc không được miêu tả trong trạng thái bình thường, chúng được tô đậm, được đẩy lên mức cao nhất có thể. Không phải "hạt bắp vàng" mà là "bắp rây vàng hạt" nắng là "nắng đào" màu sắc lộng lẫy nhất, trời xanh thì "càng rộng càng cao" tầm mắt cứ được mở rộng ra thêm mãi. Tiếng ve không chỉ "ngân" mà còn "đậy" lên, hai tính từ miêu tả âm thanh kết hợp với nhau khiến cho tiếng ve rộn rã khác thường. Chừng như để hoà điệu với những âm thanh và hình ảnh đó, cách diều sáo cũng không chịu "lững lờ" hay "vi vu" mà "lộn nhào từng không". Cánh diều như cũng nô nức, vui lây trong không gian lộng lẫy màu sắc và rộn rã âm thanh đó.

Sở dĩ có hiện tượng đó là bởi tác giả đã không trực tiếp quan sát và miêu tả cảnh vật. Nhà thơ đang bị giam trong tù. Những bức tường kín mít vây xung quanh làm sao cho phép nhà thơ nhìn ngắm hay lắng nghe... Tất cả đều được tái hiện từ trí tưởng tượng, trí nhớ và hơn thế nữa là tình yêu, lòng khát khao mãnh liệt được tháo cũi sổ lồng. Trong cảnh tù đày, màu ngô lúa hay màu nắng, màu của trời xanh bỗng trở nên quý giá vô ngần, bởi thế nên những màu sắc, âm thanh hết sức bình thường bỗng trở nên lung linh, huyền ảo, rực rỡ hẳn lên. Đoạn thơ này thể hiện tình yêu sâu sắc của nhà thơ đối với cuộc sống, đối với quê hương.

Mộng tưởng càng tươi đẹp bao nhiêu thì hiện thực lại càng cay đắng, nghiệt ngã bấy nhiêu.

*Ta nghe hè dậy bên lòng*

*Mà chân muốn đạp tan phòng, hè ôi!*

*Ngột làm sao, chết uất thôi*

*Con chim tu hú ngoài trời cứ kêu!*

Tưởng như sự liên kết giữa hai đoạn thơ này không thật chặt chẽ và tứ thơ không liên tục.Khi hướng ra bên ngoài, nhà thơ tả cảnh nhưng khi hướng vào trong lại tả tâm trạng.Kì thực đây chính là sự liên kết vô cùng khéo léo và tinh tế.Mối dây liên kết ấy chính là tiếng chim tu hú.Tiếng chim gọi bầy tha thiết gợi mở một thế giới bao la và vô cùng sinh động.Nhưng thế giới đó càng rộng rãi, rực rỡ bao nhiêu thì lại càng khiến cho người tù (đã bị tách biệt khỏi thế giới ấy) cảm thấy ngột ngạt và khao khát bấy nhiêu.

Tiếng chim tu hú ở đầu và cuối của bài thơ tuy đều biểu trưng cho tiếng gọi tha thiết của tự do, của cuộc sống ngoài kia đầy quyến rũ đối với người tù nhưng tâm trạng của người tù khi nghe tiếng tu hú lại rất khác nhau. Ở câu thơ đầu, tiếng tu hú gợi hình ảnh cuộc sống đầy hương sắc, từ đó gợi ra cái khát khao về cuộc sống tự do. Thế nhưng, đến câu kết, tiếng chim ấy lại khiến cho người tù có cảm giác bực bội, đau khổ vì chưa thể thoát ra khỏi cảnh tù đầy.

Bàithơhayởnhữnghhìnhthơ gần.gũi, giản dị mà giàu sức gợi cảm, ở nghệ thuật sử dụngthể thơ lục bát uyển chuyển, tự nhiên và cả ở những cảm xúc thiết tha, sâu lắng, thể hiện

được nguồn sống sục sôi của người cộng sản.

**BT4.Bức tranh thiên nhiên trong bài thơ Khi con tu hú của nhà thơ Tố Hữu**

**Gợi ý**

*“Nơi hầm tối là nơi sáng nhất*

*Nơi con tìm ra sức mạnh Việt Nam”*

Trong những năm tháng nô lệ đau thương của đất nước, rất nhiều những chiến sĩ trung kiên của cách mạng Việt Nam đã bị bắt giam trong những nhà tù thực dân. Nhưng từ bóng đem căm hờn vẫn vút lên những tiếng thơ bày tỏ niềm say mê, khao khát với cuộc đời. Bài thơ “Khi con tu hú” của Tố Hữu là một trong số ấy. Sáu câu thơ đầu của bài thơ là bức tranh phong cảnh thiên nhiên rực rỡ thể hiện sự phong phú, sôi nổi và niềm yêu đời tha thiết của người chiến sĩ cộng sản trê tuổi:

*Khi con tu hú gọi bầy*

*Lúa chiêm đương chín, trái cây ngọt dần.*

*Vườn râm dậy tiếng ve ngân*

*Bắp rây vàng hạt đầy sân nắng đào*

*Trời xanh càng rộng càng cao*

*Đôi con diều sáo lộn nhào từng không...*

Bài thơ "Khi con tu hú" sáng tác tháng 7 năm 1939, khi nhà thơ trên bước đường hoạt động cách mạng bị địch bắt giam tại lao Thừa Thiên - Huế (Tố Hữu bị địch bắt tháng 4-1939 - khi nhà thơ mới 19 tuổi). Bài thơ thể hiện tâm trạng ngột ngạt của người cộng sản trẻ tuổi sôi nổi yêu đời bị giam cầm giữa bốn bức tường vôi lạnh. Tâm trạng ấy càng trở nên bức bối khi nhà thơ hướng tâm hồn mình đến với bầu trời tự do *ở* Giữa tháng hè nắng lửa, giữa cái im lìm đáng sợ của chốn lao tù chợt vang lên tiếng tu hú gọi bầy:

*“Khi con tu hú gọi bầy"*

Trong tiềm thức của con người Việt Nam, tiếng tu hú là tiếng gọi mùa: "Tu hú kêu, tu hú kêu, hoa phượng nở, hoa gao đỏ đầy ước mơ hi vọng...”.Đó là mùa hạ chói chang ánh nắng và đi cùng với đó là những sắc màu rực rỡ của thiên nhiên.Tiếng tu hú thân quen bất chợt vang vọng gợi lên trong tâm hồn người thanh niên trẻ tuổi đang sục sôi ước mơ, khát vọng nhưng bị mất tự do ấy bao suy tưởng về một mùa hè ngập tràn màu sắc và niềm vui.

*Lúa chiêm đường chín, trái cây ngọt dần.*

*Vườn râm dậy tiếng ve ngân*

*Bắp rây vàng hạt đầy sân nắng đào*

*Trời xanh càng rộng càng cao*

*Đôi con diều sáo lộn nhào từng không...*

Mùa hè được tái hiện trong tâm trí người tù rất chân thực, màu sắc hài hòa với những âm thanh sống động. Đó là màu rộm vàng của lúa chín, sắc đỏ lấp ló của quả ngọt, màu vàng tươi của ngô, sắc đào tươi của nắng, màu xanh thẳm của trời cao... tiếng ve ngân râm ran, tiếng sáo diều vi vút... Chao ôi! Đẹp đẽ quá! Rạo rực quá! Mới hồi tưởng thôi đã đủ cồn cào khao khát lao ra trời cao mà nhảy nhót hát ca. Tác giả đã vẽ lên bức tranh mùa hè sống động và tươi tắn bằng những từ ngữ giản dị, nhưng đầy sức gợi hình, gợi cảm. Nếu không có niềm gắn bó tha thiết với cuộc đời, không có niềm khao khát tự do mãnh liệt, không có một tâm hồn tinh tế nhạy cảm và một trí tưởng tượng vô cùng phong phú thì nhà thơ không thể viết được những câu thơ tuyệt vời đến thế....

Đoạn thơ sử dụng nghệ thuật tả cảnh rất sinh động, cụ thể và gợi cảm, các từ ngữ lựa chọn có giá trị tạo hình.Đặc biệt, phép liệt kê được vận dụng tạo ra những ấn tượng huy hoàng về một mùa hè phong phú, sôi động đong đầy ước mơ và khát vọng tuổi trẻ.

Hình ảnh thiên nhiên mùa hè hiện lên trong tâm hồn nhà thơ trong cảnh lao tù ấy đã thể hiện niềm khát vọng tự do cháy bỏng không thể kìm nén nổi. Đoạn thơ đã cho ta hiểu thêm nét đẹp trong tâm hồn người cộng sản trẻ tuổi.Người chiến sĩ xả thân vì lí tưởng cao đẹp đó có một thế giới nội tâm rất mực phong phú, rung động mãnh liệt với nhịp đập của cuộc sống, gắn bó thiết tha với quê hương ruộng đồng.

## BT5:Cảm nhận 6 câu thơ đầu bài Khi con tu hú

Tố Hữu nhà thơ lớn và có ảnh hưởng sâu rộng trong nền văn học nước nhà, ông có nhiều tác phẩm rất nổi tiếng và có thể kể đến Khi con tu hú một trong những tác phẩm được chính tác giả viết khi ở trong ngục tù. Đây là những năm tháng đau thương, ngột ngạt nhưng vẫn lạc quan và khát khao sự tự do.

Bài thơ Khi con tu hú của nhà thơ Tố Hữu có 10 câu và trong 6 câu thơ đầu chính là bức tranh thiên nhiên đẹp của mùa hè sắp đến.

“Khi con tu hú gọi bầy”

Tiếng tu hú theo quan niệm của dân gian chính là khởi đầu của mùa hè, mùa của những ánh nắng rực rỡ và ấm áp. Tiếng tu hú quen thuộc vang lên đâu đó đã gợi lên mạch cảm xúc trong chính tâm hồn của nhà thơ những cảm xúc khá tả, những kỉ niệm ùa về.

“Lúa chiêm đang chín, trái cây ngọt dần

Vườn râm dậy tiếng ve ngân

Bắp rây vàng hat đầy sân nắng đào

Trời xanh càng rộng càng cao

Đôi con diều sáo lộn nhào từng không”…

Trọng tâm trí tác giả mùa hè rất sinh động và đẹp, màu vàng của lúa đang chín của những quả ngọt, âm thanh rộn ràng của những tiếng ve ngân lên như chào đón mùa hè, tiếng sáo diều…Tất cả đều hiện lên thật đẹp,sinh động gợi lên bao nhiêu rạo rực cho người thanh niên.Tác giả phải là một người yêu thiên nhiên, cảm nhận tinh tế mới có thể viết lên những vần thơ đầy sức gợi hình, gợi cảm như vậy.

Trong 6 câu thơ đầu tác giả đã kể lại những hình ảnh thân thuộc của mùa hè bằng phương pháp tả cảnh, vô cùng sinh động với nhiều từ ngữ có sức gợi hình cao. Tất cả đều thể hiện được vẻ đẹp của mùa hè mùa của tuổi trẻ và khát vọng sự tự do.

Những hình ảnh mùa hè được tác giả về nên cùng với hiện thực đang bị giam cầm ngục tối đã nói lên sự khát khao mãnh liệt mong muốn tự do, khát vọng của tuổi trẻ, đây cũng là nét đẹp trong tâm hồn của chính nhà thơ.

# BT6: Cảm nhận 4 câu thơ cuối bài Khi con tu hú của Tố Hữu

### **Dàn ý chi tiết** Cảm nhận bài Khi con tu hú của Tố Hữu

**1/ Mở bài**

- Giới thiệu nhà thơ Tố Hữu và bài thơ “Khi con tu hú”:

+ Nhà thơ Tố Hữu là một nhà thơ của lí tưởng cộng sản, trong thơ của ông, hình ảnh của cách mạng của lí tưởng cộng sản luôn hiện hữu, gắn liền với mảnh đất quê hương Việt Nam cách mạng.

+ Bài thơ “Khi con tu hú” của Tố Hữu chính là một trong những bài thơ tiêu biểu nhất thể hiện cho phong cách thơ của người chiến sĩ cách mạng.

**2/ Thân bài**

- Giới thiệu bốn câu thơ cuối bài thơ:

+ Trong bài thơ “Khi con tu hú”, tiếng chim tu hú có tác động mạnh mẽ tới tâm hồn nhà thơ, nó báo hiệu mùa hè đến, mùa của sức sống thiên nhiên, tạo vật.

+ Tác giả đang trong cảnh lao tù cảm thấy càng ngột ngạt và tù túng, cô đơn, từ đó càng khao khát được tự do, tung hoành.

- Tâm trạng nhà thơ trong nhà tù:

+ Bài thơ “Khi con tu hú” được tác giả sáng tác trong hoàn cảnh đang sống trong nhà tù, tưởng chừng như những bức tường kín mít xung quanh kia không thể ngăn cản nhà thơ lắng nghe và tưởng tượng về thế giới bên ngoài.

+ Khi hướng tâm hồn ra bên ngoài, nhà thơ mới thực sự bị đánh động vào trong tâm trạng của mình

- Cảm giác ngột ngạt, tù túng của nhà thơ: Tiếng chim ở ngoài không gian bao la kia càng thiết tha, sinh động thì càng khiến người tù càng cảm thấy bị tách biệt, ngột ngạt “muốn đập tan phòng”.

- Niềm uất hận, bế tắc khi chưa ra khỏi chốn lao tù:

+ Nhưng tiếng chim tu hú ở cuối bài thơ lại khiến cho người tù cảm thấy ngột ngạt, bực bội, khó chịu và khó chấp nhận, chìm đắm vào sự đau khổ vì chưa thể thoát ra khỏi cảnh tù đày, giam cầm “chết uất thôi”.

+ Bên ngoài tiếng tu hú vẫn không ngừng vang lên, niềm uất hận trong lòng tác giả vẫn cứ thế kéo dài.

**3/ Kết bài:**Nêu ý nghĩa của 4 câu thơ cuối bài thơ “Khi con tu hú”: Như vậy, chỉ với bốn câu thơ cuối bài thơ “Khi con tu hú”, nhà thơ Tố Hữu đã thể hiện một nguồn sống sôi sục của người tù cộng sản. Những câu thơ mang hình ảnh gần gũi, giản dị với cảm xúc thiết tha, sâu lắng đã để lại trong lòng người đọc một hình ảnh về người tù cộng sản Tố Hữu rất rõ nét.

### Cảm nhận bài Khi con tu hú của Tố Hữu

BÀI 1.

Hoạt động cách mạng bị bắt giam, ngồi trong nhà lao,Tố Hữu, người chiến sĩ mười chín tuổi vừa giác ngộ lý tưởng cộng sản cao đẹp, ôm ấp bao dự định xông pha trong trường tranh đấu, xả thân vì nghĩa lớn, nghe tiếng chim tu hú báo hiệu mùa hè đến đã làm bài thơ này.

Mùa hè sống động, náo nức, đầy gợi mở, nhưng người trẻ tuổi say mê hoạt động như ông lại bị cầm tù giữa bốn bức tường kín mít, ngột ngạt, cách biệt với cuộc đời. Tiếng chim tu hú kia đã đánh thức nỗi niềm, bản tính sôi nổi ở người thanh niên cộng sản. Từ tiếng chim tu hú, Tố Hữu tưởng nghĩ đến cuộc sống phóng khoáng, nóng bỏng của mùa hè ở bên ngoài.

Khi con tu hú gọi bầy

Lúa chiêm đương chín, trái cây ngọt dần

Vườn râm dậy tiếng ve ngân

Bắp rây vàng hạt đầy sân nắng đào

Trời xanh càng rộng càng cao

Đôi con diều sáo lộn nhào từng không.

Có người cho rằng khổ thơ dẫn trên là một bức tranh phong cảnh, với những câu tả cảnh vào loại đẹp và hay trong tập thơ Từ ấy, trong cả thơ Tố Hữu.

Quả thật ở đây cảnh mùa hè được tả có hồn, sống động. Tất cả dường như đang nảy nở, phát triển. Lúa chiêm “đương” chín, không phải “đã” chín; trái cây “đang” ngọt dần, không phải “đã” ngọt. Và đều bộc lộ hết sức mình trong cái mùa hè rộn rã kia. Tiếng ve “dậy”, nắng vàng “đầy” sân. Chiều rộng, chiều cao của không gian, của sự vật thật phóng khoáng, tự do. Trời xanh cao rộng, diều sáo “lộn nhào tầng không”.

Tiếng chim tu hú như là khúc dạo đầu. Từ khúc mở màn này, cả mùa hè bừng lên, náo nức, say mê... Nhưng cho rằng đây là một bức tranh thì không đúng. Với con mắt hoạ sĩ, đây không phải là một bức tranh mùa hè với bấy nhiêu thứ dồn vào một cái khung như thế. Hình như hai câu đầu là một bức, câu thứ ba, thứ tư và hai câu năm, sáu đều là những bức tranh độc lập với nhau. Nếu gọi là tranh thì đây là tranh liên hoàn mới đúng. Tại sao lại như thế? Vì đây là “tranh” không được vẽ bằng mắt nhìn, mà vẽ bằng tưởng tượng, hình dung ra theo tâm trạng của con người. Nhân vật trữ tình trong bài thơ này, ở lúc này không định vẽ tranh mà cảnh trí náo nức, sinh động, sinh sôi của cảnh vật từ tiếng ve kêu đã hiện thành hình, đứt nối thành mùa hè trong con người. Cảnh rồi lại cảnh theo đó mà hiện ra, toàn những cảnh phóng khoáng tự do như mộng tưởng.

Về mặt kết cấu đoạn một, 6 câu thơ đầu và đoạn hai, 4 câu thơ cuối có thể xem là hai bài thơ riêng biệt. Bài trước được đặt tên là “mùa hè”, bài sau đặt tên là “tiếng chim tu hú”. Thì ra tuy ngay bài đầu câu đầu của bài đã là “Khi con tu hú gọi bầy” nhưng thực ra cái hồn của cả bài thơ này, bài Khi con tu hú lại nằm ở 4 câu sau, ở câu sau cùng:

Ngột làm sao, chết uất thôi

Con chim tu hú ngoài trời cứ kêu.

Thì ra tiếng chim tu hú ấy tạo “nghịch trạng” trong lòng người thanh niên này. Mùa hè sôi động, rực rỡ, khoáng đạt đã đến rồi mà mình lại bị giam hãm tù túng. Ngoại cảnh (do tưởng tượng vì đã được nếm trải) tác động vào con người gây một xung động ở con người, khiến con người bức bối, ngột ngạt muốn vùng vẫy, tung phá.

Ta nghe hè dậy bên lòng

Mà chân muốn đạp tan phòng hè ôi!

Nhưng thực tế không thể làm được, nên phải buột ra thành lời than. Ấy chính là biểu hiện của lòng khao khát tự do, khao khát hoạt động bị thôi thúc ngày càng mãnh liệt ở con người trẻ tuổi giàu tâm huyết chưa được thoả mãn, đáp ứng. Câu thơ cuối cùng: “Con chim tu hú ngoài trời cứ kêu” như tiếng đời cứ lăn náo nức mà con người thì đang đành chịu tù túng. Tiếng chim tu hú ngoài trời kia lại như giục giã đốt nóng tâm can dữ dội.

Con chim tu hú ngoài trời cứ kêu

Tiếng chim tu hú chính là tiếng đời, là cuộc sống hoạt động cách mạng. Và tâm trạng, tinh thần kia là tâm trạng, tinh thần của một người chiến sĩ trẻ tuổi “say mùi hương chân lí”.

### Bài 2.

Nhà thơ Tố Hữu là một nhà thơ của lí tưởng cộng sản, trong thơ của ông, hình ảnh của cách mạng của lí tưởng cộng sản luôn hiện hữu, gắn liền với mảnh đất quê hương Việt Nam cách mạng. Bài thơ “Khi con tu hú” của Tố Hữu chính là một trong những bài thơ tiêu biểu nhất thể hiện cho phong cách thơ của người chiến sĩ cách mạng.

Trong bài thơ “Khi con tu hú”, tiếng chim tu hú có tác động mạnh mẽ tới tâm hồn nhà thơ, nó báo hiệu mùa hè đến, mùa của sức sống thiên nhiên, tạo vật. Khiến cho tác giả đang trong cảnh lao tù cảm thấy càng ngột ngạt và tù túng, cô đơn, từ đó càng khao khát được tự do, tung hoành. Và tâm trạng đó của người tù cộng sản được bộc lộ rõ nhất trong bốn câu thơ cuối:

“Ta nghe hè dậy bên lòng…

Con chim tu hú ngoài trời cứ kêu!”

Ở khổ thơ đầu bài thơ, là một bức tranh thiên nhiên mùa hè tươi đẹp và tràn đầy màu sắc, âm thanh. Chính trí tưởng tượng và trí nhớ cùng với tình yêu thiên nhiên, cuộc sống của Tố Hữu đã vẽ nên bức tranh đó với tất cả mọi thứ đều được tô đậm và đẩy lên mức cao nhất của rực rỡ. Đoạn thơ đã thể hiện tình yêu và lòng khao khát sâu sắc của nhà thơ đối với cuộc sống và thiên nhiên. Thế nhưng, mộng tưởng đẹp đẽ bao nhiêu thì thực tế đối với tác giả lại phũ phàng, cay nghiệt bấy nhiêu.

“Ta nghe hè dậy bên lòng

Mà chân muốn đạp tan phòng, hè ôi!”

Bài thơ “Khi con tu hú” được tác giả sáng tác trong hoàn cảnh đang sống trong nhà tù, tưởng chừng như những bức tường kín mít xung quanh kia không thể ngăn cản nhà thơ lắng nghe và tưởng tượng về thế giới bên ngoài. Thế nhưng khi hướng tâm hồn ra bên ngoài, nhà thơ mới thực sự bị đánh động vào trong tâm trạng của mình. Tiếng chim ở ngoài không gian bao la kia càng thiết tha, sinh động thì càng khiến người tù càng cảm thấy bị tách biệt, ngột ngạt “muốn đập tan phòng”.

“Ngột làm sao, chết uất thôi

Con chim tu hú ngoài trời cứ kêu!”

Có thể thấy, dù là mở đầu hay kết thúc bài thơ, tiếng chim tu hú vẫn mang biểu trưng cho tiếng gọi tha thiết của cuộc sống tự do đầy ám ảnh đối với người tù cộng sản. Tuy nhiên ở mỗi thời điểm, tâm trạng của người tù khi lắng nghe tiếng chim tu hú lại khác nhau, ở đầu bài thơ, khi nghe tiếng chim, người tù khao khát mãnh liệt về cuộc sống tự do, tung hoành ngang dọc. Nhưng tiếng chim tu hú ở cuối bài thơ lại khiến cho người tù cảm thấy ngột ngạt, bực bội, khó chịu và khó chấp nhận, chìm đắm vào sự đau khổ vì chưa thể thoát ra khỏi cảnh tù đày, giam cầm “chết uất thôi”. Bên ngoài tiếng tu hú vẫn không ngừng vang lên, niềm uất hận trong lòng tác giả vẫn cứ thế kéo dài.

Như vậy, chỉ với bốn câu thơ cuối bài thơ “Khi con tu hú”, nhà thơ Tố Hữu đã thể hiện một nguồn sống sôi sục của người tù cộng sản. Những câu thơ mang hình ảnh gần gũi, giản dị với cảm xúc thiết tha, sâu lắng đã để lại trong lòng người đọc một hình ảnh về người tù cộng sản Tố Hữu rất rõ nét.

## BT7.Phân tích KHI CON TU HÚ(BÀI LÀM ĐẠT GIẢI)

Trong bóng tối mịt mờ chốn lao tù, dường như sự sống đã chấm dứt hẳn, bởi lạnh giá, bởi cô độc. Vậy mà, giữa những âm thanh khô khốc, chói tai của tiếng xiềng xích, vẫn vang lên nhịp tim thổn thức, rạo rực của một hồn thơ trẻ tha thiết yêu đời, yêu người. Tố Hữu, bằng cảm xúc chân thật của mình, đã cất lên tiếng nói tâm tình tha thiết của người chiến sĩ cộng sản suốt đời chiến đấu cho lí tưởng và tâm hồn khát khao tự do đến cháy bỏng trong bài thơ “Khi con tu hú”.  
Nhan đề bài thơ là một sự diễn đạt chưa trọn ý một cách kì lạ. Kì lạ bởi chính chỗ chưa trọn vẹn đó đã mở ra bao nhiêu liên tưởng. Giờ đây, người ta không còn thấy bóng dáng cô đơn, nặng nề của người tù Tố Hữu mà chỉ nghe tiếng lòng nhà thơ đang rộn ràng, ngân vang khi đón nhận lấy tiếng chim tu hú từ xa rộn về. Tu hú gọi bầy là âm thanh hết sức quen thuộc ở chốn làng quê Việt Nam, báo hiệu cho sự chuyển mình của sự sống – mùa hè về. Lúc này, khi con tu hú gọi bầy, trong hoàn cảnh tách biệt với cuộc sống bên ngoài, người chiến sĩ cách mạng càng cảm thấy ngột ngạt hơn, tù túng hơn, vì vậy mà càng thêm khát khao cháy bỏng hướng đến cuộc sống tự do tươi đẹp bên ngoài:  
“Khi con tu hú gọi bầy  
Lúa chiêm đương chín, trái cây ngọt dần  
Vườn râm dậy tiếng ve ngân  
Bắp rây vàng hạt  đầy sân nắng đào  
Trời xanh càng rộng càng cao  
Đôi con diều sáo lộn nhào tầng không.”  
 Mười chín tuổi, còn trẻ trung, bồng bột, người thanh niên Tố Hữu đã tìm thấy cho mình lí tưởng cao đẹp cuộc đời. Những bước đi không mỏi mệt trên chặng đường chông gai, phút chốc phải dừng đột ngột, bị bó buộc tù hãm khiến cho Tố Hữu không khỏi có lúc thốt lên chua xót: “Cô đơn thay là cảnh thân tù”. Nhưng rồi phút giây ấy cũng nhanh chóng đi qua, nhường chỗ cho không gian cảnh vật tràn trề nhựa sống: những bông luá chín, hạt bắp vàng, ánh nắng đào, trời xanh rộng, đôi sáo diều, tiếng ve ngân… Phải có một sự tưởng tượng lãng mạn, bay bổng và một tâm hồn mến yêu sự sống sâu sắc mới có thể vẽ lại toàn bộ bức tranh phong cảnh mùa hè sống động đến vậy. Thiên nhiên hiện lên tuyệt đẹp kia không phải là hiện thực, tất cả chỉ là sự tưởng tượng của một tâm hồn mơ mộng khi căng tất cả các giác quan để nghe, để nhìn, để ngửi, để cảm nhận không khí hè qua tiếng gọi bầy của tu hú. Chỉ bằng vài đường nét, màu sắc, âm thanh, nhà thơ đã phơi bày một bức tranh đầy nhựa sống với cánh đồng lúa chiêm quen thuộc của quê hương đã bao lần đi vào thơ Tố Hữu:  
“Đây từng ô mạ xanh mơn mởn  
(…)  
Ôi ruộng đồng quê hương thương nhớ ơi!”  
Giờ đây lại hiện về trong trạng thái căng đầy nhất, viên mãn nhất, lúa ngả vàng, ngả sang màu niềm vui, là màu vàng rực rỡ của mùa hè, của mồ hôi kết tinh thành hạt thóc.  
 Với một tâm hồn lãng mạn tinh tế, Tố Hữu đã cảm nhận sự thay đối của màu nắng với nhiều góc độ: từ ánh nắng của “đôi ánh lạt ban chiều” (Tâm tư trong tù), ánh nắng yếu ớt dễ bóp nghẹt bởi bóng tối tới một “ánh nắng đào” giữa mùa hè, lấp đi dấu ấn của “vườn râm”. Câu thơ là một không gian thoải mái với sắc hồng kì lạ. Đó là thứ ánh sáng êm dịu, hiền hậu, vỗ về cho con người trước những mất mát, đau khổ trong cuộc đời. Có lẽ từ chính sự gặp gỡ tuyệt diệu của chàng thanh niên trẻ tuổi:  
“Từ ấy trong tôi bừng nắng hạ  
Mặt trời chân lí chói qua tim”  
đã khiến cho ánh nắng mùa hè có sự thay đổi tinh tế đến vậy. Và sự xuất hiện của bầu trời trong vắt như mặt nước yên bình nâng tầm bay cho các cánh diều đã đẩy tầm nhìn, tầm nhận thức của nhà thơ lên đến độ sâu nhất, xa nhất, cao nhất:  
“Trời xanh càng rộng càng cao  
Đôi con diều sáo lộn nhào từng không”  
 Thấp thoáng trong ánh nhìn người tù, là một không gian mở rộng đến vô cùng vô tận. Mặc dù có thể lúc ấy ánh nhìn của nhà thơ – chiến sĩ có phần bị che khuất đi bởi chấn song nhà tù chật hẹp. Trên bầu trời lúc này không phải là một mình lẻ loi, con sáo diều cũng có đôi, có cặp, có được sự tự do bay lượn trong vùng trời riêng kia. Huống chi là con người. Vậy mà, thực tế thì sao? Con người cô đơn, cô đơn hơn bao giờ hết, và mất tự do.  
 Không ngẫu nhiên mà bài thơ có sự bổ đôi của hai câu thơ lục bát. Nhà thơ diễn tả bức tranh mùa hè sống động đối lập với cảnh mùa đông trong ngục tối đã làm nổi bật lên khát vọng cháy bỏng của người chiến sĩ trên con đường tìm đến tự do. bốn câu thơ kết đã lắng lại cho tiếng lòng náo nức bật lên:  
“Ta nghe hè dậy bên lòng  
Mà chân muốn đạp tan phòng, hè ôi!   
Ngột làm sao, chết mất thôi  
Con chim tu hú ngoài trời cứ kêu”  
 Khổ thơ là lời bộc lộ trực tiếp cho tâm tư con người. Bốn câu cảm thán là sự dồn nén những cảm xúc mãnh liệt của một trái tim đau khổ, uất hận vì mất tự do. Nhà thơ nghe hè, cảm nhận hè chỉ qua tiếng chim tu hú gọi bầy. Hè đã đến, ba tháng trong ngục tối cũng đã trôi qua, lòng người thanh niên đầy nhiệt huyết càng trỗi dậy mạnh mẽ hơn tiếng gọi lên đường, tiếng gọi của tự do. Từ trong sâu thẳm tâm tư mình, người tù đã nhận ra tất cả cuộc sống náo nức, vui tươi bên ngoài lúc chỉ là tưởng tượng, bởi đó là tất cả những hình ảnh tồn tại trong trí nhớ của nhà thơ. Đó là những cánh đồng, những vườn cây trái, những vườn râm. Còn hiện tại, kẻ thù đang giày xéo quê hương, đã biến bao đồng quê thành hoang mạc và thực chất không gian tự do mà nhà thơ khát khao bên ngoài kia cũng chỉ là một không gian tù hãm, một cái lồng to giam chí lớn, như chụp lên cuộc sống con người, lên quê hương. Cho nên, khổ thơ là sự bừng tiûnh của lí trí, là tâm trạng uất ức, ngột ngạt muốn đạp bỏ tất cả, tìm đến không gian tự do, tự tại thật sự. Bằng cách ngắt nhịp mạnh kết hợp với những từ ngữ mạnh mẽ: “đạp tan”, “chết uất”, câu thơ đã tập trung cao độ tinh thần yêu đời, yêu người cháy bỏng.  
 Tiếng kêu tu hú cứ day đi day lại cả bài thơ, như thúc giục, như lời thôi thúc người tù vượt thoát cảnh giam cầm, tìm về với tự do. Có lẽ vì vậy mà ba năm sau, Tố Hữu đã vượt ngục và quay về đội ngũ, để làm tròn ước nguyện cống hiến tất cả cuộc đời cho cách mạng.  
 “Khi con tu hú” là một bài thơ kết hợp hài hoà của cảnh và tình. Cảnh mở ra rạo rực, tha thiết, tình lắng đọng da diết, trầm buồn. Với tâm hồn dân tộc, ngòi bút linh hoạt, mềm mại, Tố Hữu xứng đáng với danh hiệu con chim đầu đàn trong nền thơ ca cách mạng Việt Nam.

### BT8. Chứng minh bài thơ Khi con tu hú là bài ca trữ tình cách mạng.

Bài 1

Tố Hữu viết bài thơ "Khi con tu hú" vào tháng 7 năm 1939 sau gần 100 ngày bị giam trong nhà lao Thừa Phủ (Huế). Không gian, thời gian, tâm trạng của tác giả đã được thể hiện qua những câu thơ đặc sắc trong bài thơ.

Bài thơ bắt đầu bằng tiếng chim tu hú gọi bầy vang vào ngục thất, nơi có một tù nhân đang bị giam cầm. Tiếng chim tu hú đã gợi lên trong tác giả nhiều điều về nỗi nhớ và hoài niệm. Tu hú thì gọi bầy; lúa chiêm thì đương chín, trái cây thì ngọt dần. m thanh và hương vị thể hiện một khung cảnh của làng quê thân yêu. Chữ "đương chín" và "ngọt dần" gợi tả sự trôi qua của thời gian một cách chậm chạp. Giọng thơ bồi hồi và da diết xuất phát từ không gian mênh mông:

Khi con tu hú gọi bầy

Lúa chiêm đương chín, trái cây ngọt dần.

Giữa chốn ngục tù lòng sôi rạo rực, người chiến sĩ nhớ tiếng ve ngân, nhớ màu vàng của bắp, màu đào của nắng. Khung cảnh cánh đồng quê hiện lên một cách bình dị, thân thiết, yêu thương:

Vườn râm dậy tiếng ve ngân

Bắp rây vàng hạt đầy sân nắng đào.

Chỉ có những ai có khát vọng sông mới có được nỗi nhớ ấy. Vần thơ đầy màu sắc, ánh sáng và âm thanh. Tiếng ve ngân chứa đầy tâm trạng. Đó là tâm trạng ngột ngạt, tù túng nơi buồng giam; là tất cả những gì tác giả đã cảm nhận trong những ngày tháng tự do. Sau tiếng ve là màu sắc của thiên nhiên, của nắng và của bắp. Những thứ hết sức bình dị trong cuộc sống hàng ngày giờ trở thành những hình ảnh hết sức đẹp trong thơ Tố Hữu. Chữ "ngân" diễn tả thời gian kéo dài còn từ "đầy" diễn tả không gian có ánh nắng chan hòa và rực rỡ.

Nỗi nhớ của tác giả trở nên bồi hồi hơn với bầu trời xanh nơi có đôi diều sáo đang nhào lộn. Sự khoáng đạt của không gian là thế, mênh mông là thế, nó hoàn toàn trái ngược với sự chật chội nơi tác giả đang trú ngụ. Hình ảnh con diều lộn nhào từng không mang ý nghĩa cho sự tung hoành và khát vọng tự do, đó cũng chính là khát vọng cháy bỏng của tác giả hôm qua, hôm nay và mai sau:

Trời xanh càng rộng càng cao

Đôi con diều sáo lộn nhào từng không.

Sáu câu thơ đầu làm hiện lên bức tranh đồng quê thân yêu, nó không dừng lại ở câu thơ mà đã nên nhạc, nên họa. Ngôn ngữ trong sáng, trau chuốt và giàu tính hình ảnh. Các câu thơ đã thể hiện sự trẻ trung và yêu đời, niềm khát khao và say mê cuộc sống. Có thể nói nhà thơ đang ở trong lao nhưng tâm hồn thì vẫn hướng về một không gian bao la nơi có bầu trời xanh, có nắng ấm, có tất cả những gì thuộc về cuộc sống tự do ở bên ngoài.

Những câu thơ tiếp theo nhà thơ đã chuyển từ giọng điệu tha thiết sang giọng điệu uất hận sục sôi.

Ta nghe hè dậy bên lòng

Mà chân muốn đạp tan phòng, hè ôi!

Ngột làm sao chết uất thôi

Con chim tu hú ngoài trời cứ kêu.

Mùa hè đã đến và đang qua, bao âm thanh của hè đã dậy bên lòng, thôi thúc, giục tác giả đạp tan xà lim chật chội, xóa bỏ cảnh tù đày. Lòng uất hận dâng trào khiến tác giả muốn phá tan chốn ngục tù chật chội và ngột ngạt. Câu thơ "Ngột làm sao chết uất thôi" với cách ngắt nhịp 3/3, cảm xúc được nén xuống bỗng trào lên thể hiện một ý chí bất khuất. Quyết sống chết vì tự do của bản thân cũng như của cả dân tộc. Mở đầu bài thơ là tiếng chim tu hú gọi bầy, khép lại bài thơ cũng là tiếng chim tu hú. Tiếng chim vừa gợi nhớ yêu thương, vừa như giục giã nhà thơ nhanh chóng về với cuộc sống của những người chiến sĩ cách mạng.

Bài 2

Tố Hữu là lá cờ đầu của thi ca cách mạng Việt Nam. Con đường thơ của ông luôn bắt nhịp đồng hành cùng với con đường cách mạng. Với phong cách trữ tình – chính trị, kết hợp với giọng điệu ngọt ngào, thiết tha, đậm đà tính dân tộc, Tố Hữu đã để lại cho đời rất nhiều tiếng tiếng thơ hay. Bài thơ "Khi con tu hú" được sáng tác vào tháng 7 năm 1939 tại nhà lao Thừa Phủ (Huế), in trong tập thơ "Từ ấy", là một trong những bài thơ tiêu biểu cho hồn thơ Tố Hữu. Qua bài thơ, người đọc thấy được tình yêu cuộc sống thiết tha và niềm khao khát tự do cháy bỏng của người chiến sĩ cộng sản khi phải chịu cảnh tù đày khắc nghiệt, ngoài ra bài thơ cũng là bài ca trữ tình cách mạng.

Trước hết sáu câu thơ đầu là bức tranh thiên nhiên mùa hạ thanh bình, rực rỡ nơi đồng quê:

Khi con tu hú gọi bầy

Lúa chiêm đang chín trái cây ngọt dần

Vườn râm dậy tiếng ve ngân

Bắp rây vàng hạt đầy sân nắng đào

Trời xanh càng rộng càng cao

Đôi con diều sáo lộn nhào tầng không...

Ngôn ngữ thơ giàu hình ảnh, hết sức tự nhiên, sống động, linh hoạt, nhà thơ đã dựng lên trước mắt người đọc khung cảnh thiên nhiên mùa hạ đẹp như một bức tranh lụa. Âm thanh của tiếng chim tu hú gọi bầy cứ réo rắc, ngân nga vang vọng như đánh thức cả thiên nhiên, dìu hồn người lạc vào thế giới của hoài niệm xa xăm về một mùa hạ sáng tươi, rộn rã, ngập tràn sức sống. Cảnh vật hiện lên thật lung linh với sự hòa trộn một cách hài hòa của âm thanh, màu sắc, hương vị. Đó là âm thanh rộn ràng của tiếng chim tu hú, của tiếng ve gọi hè, của tiếng sáo diều vi vu trên tầng không; đó là màu sắc rực rỡ của màu lúa chín, của bắp rây vàng hạt; của ánh nắng đào dịu nhẹ; đó là hương vị ngọt ngào của trái cây; là bầu trời rộng lớn, tự do của trời cao, diều sáo...Tất cả như đang tấu lên khúc nhạc mùa hè với rộn rã âm thanh, rực rỡ sắc màu, chan hòa ánh sáng, ngọt ngào hương vị. Chắc chắn Tố Hữu phải là nhà thơ có tâm hồn nhạy cảm, tinh tế và có trí tưởng tượng phong phú thì mới có thể dựng lên một bức tranh thiên nhiên mùa hạ đẹp, sinh động và giàu cảm xúc khi đang ở trong cảnh tù đày như vậy. Và qua đó chúng ta cũng thấy được tâm hồn trẻ trung, yêu đời và niềm khát khao tự do mạnh mẽ của thi nhân.

Bốn câu thơ cuối là cảm xúc và niềm khát khao tự do cháy bỏng của người chiến sĩ:

Ta nghe hè dậy bên lòng

Mà chân muốn đạp tan phòng, hè ôi!

Ngột làm sao, chết uất thôi

Con chim tu hú ngoài trời cứ kêu!

Cách ngắt nhịp linh hoạt: 2/2/2; 6/2; 3/3; 4/4 kết hợp với các động từ tình thái mạnh như: "đạp tan phòng", "chết uất thôi"; cùng với những từ cảm thán như "ôi, làm sao, thôi" đã có tác dụng diễn tả tâm trạng uất ức đến tột cùng muốn phá tan cả ngục tù tăm tối. Điều đó cho thấy niềm khát khao tự do luôn thường trực, mạnh mẽ cháy bỏng trong lòng người chiến sĩ trẻ. m thanh tú hú cứ kêu hoài không nghỉ như giục giã, thôi thúc người tù hành động, vẫy gọi người tù trở về cuộc sống tự do, yên ả, thanh bình. Cho nên, nếu tiếng chim tu hú mở đầu bài thơ là tiếng gọi vào hè náo nức, rộn ràng thì tiếng chim tu hú ở câu thơ kết lại là tiếng gọi của khát vọng tự do da diết, cháy bỏng.

Bài thơ được viết theo thể lục bát đậm đà tính dân tộc, kết hợp với một giọng điệu thơ linh hoạt, ngôn ngữ thơ tự nhiên, gần gũi... tất cả đã góp phần tạo nên cảm xúc nhất quán của bài thơ: tình yêu thiên nhiên, tâm trạng ngột ngạt khi phải sống trong cảnh tù đày và khát vọng trở về với cuộc sống tự do, qua đó ta cũng thấy đó là bài ca trữ tình cách mạng

### BT9: Phân tích tình yêu thiên nhiên và khao khát tự do mãnh liệt của người tù cách mạng trong bài thơ Khi con tu hú

Tố Hữu, bằng cảm xúc chân thật của mình, đã cất lên tiếng nói tâm tình tha thiết của người chiến sĩ cộng sản suốt đời chiến đấu cho lí tưởng và tâm hồn khát khao tự do đến cháy bỏng trong bài thơ “Khi con tu hú”.

Nhan đề bài thơ là một sự diễn đạt chưa trọn ý một cách kì lạ. Kì lạ bởi chính chỗ chưa trọn vẹn đó đã mở ra bao nhiêu liên tưởng. Giờ đây, người ta không còn thấy bóng dáng cô đơn, nặng nề của người tù Tố Hữu mà chỉ nghe tiếng lòng nhà thơ đang rộn ràng, ngân vang khi đón nhận lấy tiếng chim tu hú từ xa rộn về. Tu hú gọi bầy là âm thanh hết sức quen thuộc ở chốn làng quê Việt Nam, báo hiệu cho sự chuyển mình của sự sống - mùa hè về. Lúc này, khi con tu hú gọi bầy, trong hoàn cảnh tách biệt với cuộc sống bên ngoài, người chiến sĩ cách mạng càng cảm thấy ngột ngạt hơn, tù túng hơn, vì vậy mà càng thêm khát khao cháy bỏng hướng đến cuộc sống tự do tươi đẹp bên ngoài:

“Khi con tu hú gọi bầy

Lúa chiêm đương chín, trái cây ngọt dần

Vườn râm dậy tiếng ve ngân

Bắp rây vàng hạt đầy sân nắng đào

Trời xanh càng rộng càng cao

Đôi con diều sáo lộn nhào tầng không.”

Mười chín tuổi, còn trẻ trung, bồng bột, người thanh niên Tố Hữu đã tìm thấy cho mình lí tưởng cao đẹp cuộc đời. Những bước đi không mỏi mệt trên chặng đường chông gai, phút chốc phải dừng đột ngột, bị bó buộc tù hãm khiến cho Tố Hữu không khỏi có lúc thốt lên chua xót: “Cô đơn thay là cảnh thân tù”. Nhưng rồi phút giây ấy cũng nhanh chóng đi qua, nhường chỗ cho không gian cảnh vật tràn trề nhựa sống: những bông luá chín, hạt bắp vàng, ánh nắng đào, trời xanh rộng, đôi sáo diều, tiếng ve ngân...

Phải có một sự tưởng tượng lãng mạn, bay bổng và một tâm hồn mến yêu sự sống sâu sắc mới có thể vẽ lại toàn bộ bức tranh phong cảnh mùa hè sống động đến vậy. Thiên nhiên hiện lên tuyệt đẹp kia không phải là hiện thực, tất cả chỉ là sự tưởng tượng của một tâm hồn mơ mộng khi căng tất cả các giác quan để nghe, để nhìn, để ngửi, để cảm nhận không khí hè qua tiếng gọi bầy của tu hú. Chỉ bằng vài đường nét, màu sắc, âm thanh, nhà thơ đã phơi bày một bức tranh đầy nhựa sống với cánh đồng lúa chiêm quen thuộc của quê hương đã bao lần đi vào thơ Tố Hữu:

“Đây từng ô mạ xanh mơn mởn

(...)

Ôi ruộng đồng quê hương thương nhớ ơi!”

Giờ đây lại hiện về trong trạng thái căng đầy nhất, viên mãn nhất, lúa ngả vàng, ngả sang màu niềm vui, là màu vàng rực rỡ của mùa hè, của mồ hôi kết tinh thành hạt thóc.

Với một tâm hồn lãng mạn tinh tế, Tố Hữu đã cảm nhận sự thay đối của màu nắng với nhiều góc độ: từ ánh nắng của “đôi ánh lạt ban chiều” (Tâm tư trong tù), ánh nắng yếu ớt dễ bóp nghẹt bởi bóng tối tới một “ánh nắng đào” giữa mùa hè, lấp đi dấu ấn của “vườn râm”. Câu thơ là một không gian thoải mái với sắc hồng kì lạ. Đó là thứ ánh sáng êm dịu, hiền hậu, vỗ về cho con người trước những mất mát, đau khổ trong cuộc đời. Có lẽ từ chính sự gặp gỡ tuyệt diệu của chàng thanh niên trẻ tuổi:

“Từ ấy trong tôi bừng nắng hạ

Mặt trời chân lí chói qua tim”

Đã khiến cho ánh nắng mùa hè có sự thay đổi tinh tế đến vậy. Và sự xuất hiện của bầu trời trong vắt như mặt nước yên bình nâng tầm bay cho các cánh diều đã đẩy tầm nhìn, tầm nhận thức của nhà thơ lên đến độ sâu nhất, xa nhất, cao nhất:

“Trời xanh càng rộng càng cao

Đôi con diều sáo lộn nhào từng không”

Thấp thoáng trong ánh nhìn người tù, là một không gian mở rộng đến vô cùng vô tận. Mặc dù có thể lúc ấy ánh nhìn của nhà thơ - chiến sĩ có phần bị che khuất đi bởi chấn song nhà tù chật hẹp. Trên bầu trời lúc này không phải là một mình lẻ loi, con sáo diều cũng có đôi, có cặp, có được sự tự do bay lượn trong vùng trời riêng kia. Huống chi là con người. Vậy mà, thực tế thì sao? Con người cô đơn, cô đơn hơn bao giờ hết, và mất tự do.

Không ngẫu nhiên mà bài thơ có sự bổ đôi của hai câu thơ lục bát. Nhà thơ diễn tả bức tranh mùa hè sống động đối lập với cảnh mùa đông trong ngục tối đã làm nổi bật lên khát vọng cháy bỏng của người chiến sĩ trên con đường tìm đến tự do. bốn câu thơ kết đã lắng lại cho tiếng lòng náo nức bật lên:

“Ta nghe hè dậy bên lòng

Mà chân muốn đạp tan phòng, hè ôi!

Ngột làm sao, chết mất thôi

Con chim tu hú ngoài trời cứ kêu”

Khổ thơ là lời bộc lộ trực tiếp cho tâm tư con người. Bốn câu cảm thán là sự dồn nén những cảm xúc mãnh liệt của một trái tim đau khổ, uất hận vì mất tự do. Nhà thơ nghe hè, cảm nhận hè chỉ qua tiếng chim tu hú gọi bầy. Hè đã đến, ba tháng trong ngục tối cũng đã trôi qua, lòng người thanh niên đầy nhiệt huyết càng trỗi dậy mạnh mẽ hơn tiếng gọi lên đường, tiếng gọi của tự do.

Từ trong sâu thẳm tâm tư mình, người tù đã nhận ra tất cả cuộc sống náo nức, vui tươi bên ngoài lúc chỉ là tưởng tượng, bởi đó là tất cả những hình ảnh tồn tại trong trí nhớ của nhà thơ. Đó là những cánh đồng, những vườn cây trái, những vườn râm. Còn hiện tại, kẻ thù đang giày xéo quê hương, đã biến bao đồng quê thành hoang mạc và thực chất không gian tự do mà nhà thơ khát khao bên ngoài kia cũng chỉ là một không gian tù hãm, một cái lồng to giam chí lớn, như chụp lên cuộc sống con người, lên quê hương. Cho nên, khổ thơ là sự bừng tỉnh của lí trí, là tâm trạng uất ức, ngột ngạt muốn đạp bỏ tất cả, tìm đến không gian tự do, tự tại thật sự. Bằng cách ngắt nhịp mạnh kết hợp với những từ ngữ mạnh mẽ: “đạp tan”, “chết uất”, câu thơ đã tập trung cao độ tinh thần yêu đời, yêu người cháy bỏng.

Tiếng kêu tu hú cứ day đi day lại cả bài thơ, như thúc giục, như lời thôi thúc người tù vượt thoát cảnh giam cầm, tìm về với tự do. Có lẽ vì vậy mà ba năm sau, Tố Hữu đã vượt ngục và quay về đội ngũ, để làm tròn ước nguyện cống hiến tất cả cuộc đời cho cách mạng.

“Khi con tu hú” là một bài thơ kết hợp hài hoà của cảnh và tình. Cảnh mở ra rạo rực, tha thiết, tình lắng đọng da diết, trầm buồn. Với tâm hồn dân tộc, ngòi bút linh hoạt, mềm mại, Tố Hữu xứng đáng với danh hiệu con chim đầu đàn trong nền thơ ca cách mạng Việt Nam.

## BT10: Tình yêu quê hương trong bài Khi con tu hú của Tố Hữu

Tố Hữu là chiến sĩ – thi sĩ nổi tiếng trên thi đàn Việt Nam. Con đường thơ ca của ông luôn song hành với con đường Cách mạng của dân tộc. Chính bởi vậy, ông đã để lại cho văn học Cách mạng Việt Nam nhiều tác phẩm hay và đặc sắc. Trong số những bài thơ ấy, “Khi con tu hú" để lại trong em nhiều ấn tượng sâu đậm:

"Khi con tu hú gọi bầy

Lúa chiêm đang chín, trái cây ngọt dần

Vườn râm dậy tiếng ve ngân

Đôi con diều sáo lộn nhào từng không…

Ta nghe hè dậy bên lòng

Mà chân muốn đạp tan phòng,hè ôi!

Ngột làm sao,chết uất thôi

Con chim tu hú ngoài trời cứ kêu!"

Bài thơ được Tố Hữu viết trong khi ông đang bị giam ở nhà tù thực dân. Bởi vậy bài thơ đã thể hiện đậm nét tâm trạng phẫn uất và khát vọng tự do mãnh liệt của nhà thơ.

Phần đầu bài thơ tác giả đã dựng nên một bức tranh mùa hè tươi vui, tràn đầy sức sống với những hình ảnh và âm thanh sinh động. Khi con tu hú cất tiếng gọi bầy, khi ve kêu râm ran dưới những vòm lá cũng là lúc hè sang. Dưới mặt đất, cảnh sắc thiên nhiên đã bắt đầu có sự thay đổi. Trên những cánh đồng lúa chiêm chín vàng óng, "bắp rây" cũng đã vàng ươm, trên cành cây hoa trái cũng "ngọt dần"… Dường như bao trùm cả không gian mùa hè là một màu vàng tươi mới, sáng sủa. Ở trên cao bầu trời xanh trong, cao và rộng hơn với"đôi con diều sáo" đang bay lượn. Màu xanh ấy gợi cho ta cảm giác thanh bình, yên ả của quê hương, đất nước. Sự kết hợp ăn ý giữa màu sắc và âm thanh khiến bức tranh hè sang như hiện hữu trước mắt người đọc, tạo nên ấn tượng khó phai.

Với cảnh sắc và không khí vui tươi như vậy chắc hẳn cuộc sống của con người cũng trở nên tươi trẻ. Nhưng với nhà thơ không khí ấy càng làm ông cảm thấy ngột ngạt, khó chịu. Tâm trạng phẫn uất ấy được thể hiện rõ ở phần cuối bài thơ:

"Ta nghe hè dậy bên lòng

Ma chân muốn đạp tan phòng, hè ôi!

Ngột làm sao chết uất thôi

Con chim tu hú ngoài trời cứ kêu!"

Trong không gian tù túng, chật hẹp với bốn bức tường vôi trắng bao quanh, khi nghe tiếng tu hú kêu khát vọng tự do bỗng trỗi dậy mãnh liệt trong lòng nhà thơ. Và nhà thơ như muốn đạp tan căn phòng ấy để ra ngoài, hoà vào cuộc sống tự do, vui tươi đang chờ đón ngoài kia. Chỉ một từ "Uất" thôi cũng đủ để thể hiện tâm trạng phẫn uất cũng như khát khao tự do của nhà thơ. Kết thúc bài thơ là câu cảm thán: "Con chim tu hú ngoài trời cứ kêu!" càng nhấn mạnh hơn tâm trạng của nhà thơ.

Chắc hẳn phải yêu thiên nhiên lắm Tố Hữu mới có thể vẽ nên một bức tranh mùa hè sống động đến vậy! Hơn nữa, với lòng yêu nước, khát vọng tự do mãnh liệt ông đã đem đến cho người đọc một bài thơ tả cảnh, tả tình đặc sắc.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**THƠ BÁC**

**VĂN BẢN. TỨC CẢNG PAC BO**

**\* Một số ý chính cần lưu ý.**

### Tìm hiểu về tác giả Hồ Chí Minh

Hồ Chí Minh – sinh năm 1890, mất năm 1969, quê ở Nghệ An, tại làng Kim Liên, huyện Nam Đàn. Người chính là một vị lãnh tụ vĩ đại của dân tộc Việt Nam vì có những đóng góp vô cùng quan trọng trong sự nghiệp cách mạng giành lại nền độc lập, tự do cho nhân dân trước sự xâm lược của giặc ngoại xâm.

Lí tưởng đó của Người được hun đúc ngay từ thuở thiếu thời để đến khi bước vào tuổi đôi mươi. Năm 1911, người thanh niên đầy hoài bão của xứ Nghệ ấy đã quyết định ra đi tìm đường cứu nước với hai bàn tay trắng. Có lẽ, khó có thể hình dung được Bác đã phải đối diện với gian lao, khó khăn như thế nào khi một mình bôn ba ở những đất khách quê người và trong khoảng thời gian đằng đẵng đến ba mươi năm.

Thế nhưng vì muốn học tập những điều tiến bộ, hữu ích để vận dụng vào sự nghiệp cách mạng của nước nhà, Người chấp nhận hết tất cả những gian lao, khó khăn ấy. Ngày trở về vào năm 1941, mái đầu đã không còn xuân xanh nhưng trong Người vẫn nhiệt thành với sự nghiệp dân tộc và từng bước dẫn dắt quân dân Việt Nam chinh phục con đường đến với hòa bình, hạnh phúc. Sự thật, những nỗ lực của cả Bác Hồ và toàn thể dân tộc Việt Nam đã hóa thành trái ngọt với thắng lợi vang dội của cuộc Cách mạng tháng Tám 1945.

Thắng lợi đó đã góp phần đưa nước ta đến với độc lập, tự do như cả dân tộc ta vẫn hằng mong mỏi. Ngày 2 tháng 9 năm 1945, sự kiện Hồ Chí Minh đọc bản Tuyên ngôn Độc lập khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã chính thức xác lập nền độc lập, tự do của ta. Đây cũng chính là mốc son chói lọi ở trong trang sử hào hùng của đất nước. Tuy nhiên, khi những ám ảnh của  chiến tranh chống thực dân, phát xít chưa kịp nguôi ngoai thì dân tộc ta lại phải đối diện với một cuNhưng đúng là *“lửa thì vàng, gian nan thử sức”*, chiến tranh càng tàn khốc, ác liệt bao nhiêu thì cũng không thể quật ngã được tinh thần kiên cường, ý chí quyết tâm của ta, nhất là khi có sự đồng hành, sự lãnh đạo của Hồ Chủ tịch. Tiếc thay, khi đất nước vẫn chưa vui niềm vui sum họp, thống nhất thì Người đã ra đi vào một ngày mùa thu năm 1969 để lại niềm đau xót khôn cùng.

Hồ Chí Minh không chỉ được biết đến với cương vị là nhà lãnh đạo cách mạng tài ba mà Người còn là một nhà văn, nhà thơ với nhiều đóng góp cho sự nghiệp thơ văn. Đặc biệt, để thể hiện những nỗi niềm, trăn trở cho sự nghiệp cách mạng mà Người suốt đời theo đuổi.

Người đã gửi gắm chúng phần nào trong những sáng tác của mình ở rất nhiều thể loại. Chẳng hạn, về văn chính luận có thể kể đến: *“Bản án chế độ thực dân Pháp”*(1925), *“Tuyên ngôn Độc lập”*(1945), *“Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến”* (1946), *“Không có gì quý hơn độc lập, tự do”* (1966) …, Người còn viết truyện kí: *“Vi hành”* (1923), *“Những trò lố hay là Va-ren và Phan Bội Châu”* (1925),*“Nhật kí chìm tàu”* (1931) … Về thơ ca, tập thơ *“Ngục trung nhật kí”* (*“Nhật kí trong tù”*) với hàng trăm bài thơ chữ Hán đặc sắc được xem là tác phẩm đặc sắc kết tinh giá trị tư tưởng và nghệ thuật thơ ca của Hồ Chí Minh.

ộc chiến khác cam go hơn, khốc liệt hơn – cuộc chiến chống lại đế quốc Mĩ.

1.Trước khi cảm nhận về bài thơ Tức cảnh Pác Bó, ta cần nắm được hoàn cảnh ra đời của tác phẩm. Bài thơ *“Tức cảnh Pác Bó”* của Hồ Chí Minh là tác phẩm được viết trong một hoàn cảnh đặc biệt. Đó là lúc Hồ Chí Minh trở về Việt Nam sau ba mươi năm bôn ba ở hải ngoại để tìm con đường cứu nước cho dân tộc Việt Nam. Ngày trở về là một ngày tháng 2 năm 1941 và Bác Hồ đã bí mật sống ở hang Pác Bó (hay hang Cốc Bó), mang ý nghĩa là *“đầu nguồn”* thuộc huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng.

Trong thời gian ở đây, Người phải đối mặt với những rất nhiều những khó khăn về điều kiện sinh hoạt. Việc phải ăn cháo bẹ đến hàng tháng trời rồi cả căn bệnh sốt rét rừng đầy nguy hiểm… chỉ là số ít trong những gì mà Bác và các anh em bộ đội phải trải qua. Tuy nhiên, trên tất cả những trở ngại ấy chính là một tinh thần thép rất vững vàng và gan góc ở Bác. Thay vì chua xót, gục ngã vì gian nan, Bác Hồ vẫn tìm thấy niềm vui, sự phấn chấn trong khoảng thời gian hoạt động cách mạng này. Khi cảm nhận về bài thơ Tức cảnh Pác Bó, ta thấy tâm trạng đó đã được Người thể hiện bằng thơ dưới hình thức của thể thất ngôn tứ tuyệt.

2.Em có nhận xét gì về giọng điệu của bài thơ Tức cảnh Pác Bó của Hồ Chí Minh

Giọng điệu chung của bài thơ là giọng sảng khoái, tự nhiên, hóm hỉnh pha chút vui đùa. Điều đó cho thấy, dù sống trong gian khổ nhưng tâm trạng của Bác vẫn rất lạc quan, hơn thế, Bác còn cảm thấy vui thích và thoải mái với cuộc sống nơi rừng núi hoang vu. Làm cách mạng và được sống hoà hợp với thiên nhiên là một niềm vui lớn của nhà cách mạng, nhà thơ Hồ Chí Minh. Những năm tháng sống và làm việc ở Pác Bó, thực tế Bác đã phải trải qua rất nhiều những khó khăn. Thế nhưng những gian khổ ấy, những cháo bẹ, rau măng, bàn đá chông chênh,...không làm mờ đi được niềm tin và niềm vui vì thời cơ của cuộc giải phóng đang tới gần. Có được niềm tin ấy thì những gian khổ nhỏ nhoi trong sinh hoạt cá nhân kia có nghĩa lí gì, thậm chí, tất cả đều trở nên sang trọng cả. Bài thơ cho thấy nhân cách cao khiết của Hồ Chí Minh, cho thấy sự hi sinh thầm lặng của Người cho đất nước.  
  
3.Trong văn bản Côn Sơn ca của Nguyễn Trãi tác giả từng ca ngợi thú lâm tuyền. Niềm vui đó của Nguyễn Trãi có gì giống và khác với Hồ Chí Minh trong bài Tức cảnh Pác Bó?  
Nguyễn Trãi từng ca ngợi “thú lâm tuyền” (niềm vui thú được sống với rừng, suối) trong bài Côn sơn ca. Trong bài thơ này, Hồ Chí Minh cũng cho thấy niềm vui thú đó. Thế nhưng “thú lâm tuyền” của Nguyễn Trãi, ấy là cái “thú lâm tuyền” của người ẩn sĩ bất lực trước thực tế xã hội muốn “lánh đục về trong”, tự tìm đến cuộc sống “an bần lạc đạo”. Ở Hồ Chí Minh, cái “thú lâm tuyền” vẫn gắn với con người hành động, con người chiến sĩ. Nhân vật trữ tình trong bài thơ tuy có dáng vẻ của một ẩn sĩ nhưng thực tế đó lại là một người chiến sĩ đang tận tâm, tận lực vì tự do độc lập của non sông (Bàn đá chông chênh dịch sử Đảng).

**1.PHÂN TÍCH BÀI THƠ TỨC CẢNH PẮC PÓ**

**1. Câu giới thiệu về tác giả:**

- Chủ Tịch Hồ Chí Minh không chỉ là một chiến sĩ cách mạng, nhà ngoại giao lỗi lạc, nhà quân sự tài ba…Người còn là một nhà thơ nổi tiếng trong nền thi ca nhân loại.

**2. Câu giới thiệu về tác phẩm**

- Thơ Bác không chỉ phụ vụ cách mạng mà còn thể hiện một tâm hồn rồng mở, lạc quan yêu đời, một nụ cười hóm hỉnh, tươi vui và đầy niềm tin chiến thắng

**3. Câu giới thiệu về Bài thơ Tức cảnh Pác Pó**

* Bài thơ Tức cảnh Pắc Pó đưa ta về với những năm tháng gian lao của Người nhưng vẫn thể hiện một tâm thế lạc quan yêu đời đầy niềm tin cách mạng

Đây là cách mở bài thông thường và dễ nhất mà các thầy cô thường hướng dẫn.

* **Mở bài:**

Chủ Tịch Hồ Chí Minh không chỉ là một chiến sĩ cách mạng, nhà ngoại giao lỗi lạc, nhà quân sự tài ba…Người còn là một nhà thơ nổi tiếng trong nền thi ca nhân loại. Thơ Bác không chỉ phụ vụ cách mạng mà còn thể hiện một tâm hồn rộng mở, lạc quan yêu đời, một nụ cười hóm hỉnh, tươi vui và đầy niềm tin chiến thắng. Bài thơ Tức cảnh Pắc Pó đưa ta về với những năm tháng gian lao của Người nhưng vẫn thể hiện một tâm thế lạc quan yêu đời đầy niềm tin cách mạng

Sáng ra bờ suối, tối vào hang

Cháo bẹ rau măng vẫn sẵn sàng

Bàn đá chông chênh dịch sử

Đảng Cuộc đời cách mạng thật là sang !

**Luận điểm 1: Hai câu thơ đầu mở ra một không gian - thời gian được cụ thể.Phân tích, đánh giá nội dung🡆**Câu thơ tả sự đi lại, sinh hoạt hàng ngày của Bác ở Pắc Bó, một cuộc sống không chỉ cần giữ bí mật mà còn rất vất vả ; ở thì ở hang, làm việc thì bên suối. Lời thơ cân đối, đều đặn sáng - tối, ra - vào, ra suối - vào hang. Sự đều đặn đổ thể hiện một nếp sống, một thói quen trong một hoàn cảnh đặc biệt.

Cháo bẹ rau mãng vẫn sẵn sàng

**Phân tích, giải thích** 🡆 Cháo bẹ là cháo ngô, rau măng là loại loại măng rừng dùng làm thức ăn. Thật đạm bạc, sơ sài. vẫn sẵn sàng : có thể hiểu là cháo bẹ rau măng lúc nào cũng đầy đủ, cần là có ngay nhưng tinh thần cách mạng vẫn luôn sẵn sàn. **Bình luận** 🡆 Câu thơ toát lên niềm lạc quan với một nụ cưòi hổn "nhiên vượt lên trên gian khổ, khó khăn. Đằng sau câu thơ, ta bắt gặp một phong vị cổ điển truyền thống ẩn sau nụ cười hồn nhiên đó. Nghệ thuật trào lộng để cười cợt khi những thiếu thốn .về- vật chất đã từng có trong thơ cổ khi Nguyễn Khuyến viết :

Đã bấy lâu nay bác tới nhà

‘Trẻ thời đi vắng, chợ thời xa

Ao sâu nước cả, khôn chài cá

Vườn rộng rào thưa, khó đuối gà

**Liên hệ, so sánh** 🡆Hay khi Nguyen Bình Khiêm lự hào với cuộc sống vậl chấl đơn sơ, giản dị :

Thu ăn măng trúc, đông ăn giá

Xuân lắtn hồ sen, hạ lắm ao

Nụ cười vượt lên trên gian khổ ấy là nét truyền thống lạc đạo vong bản của không ít nhân sĩ bao đời, những con người có tâm hồn thang ngay, trong sạch, tự nguyện rời bỏ thế sự, quay lưng lại chốn cóng danh đầy rẫy xấu xa để ưở về với thiên nhiên, cây cỏ, ruộng đồng để giữ trọn tấm lòng thanh cao của mình. Từ chối cái sang giàu mà nhơ bẩn để chọn lấy cái nghèo túng mà trong sạch, hay nói cách khác, đổi cái giàu về vật chất để lấy cái cao sang vẻ đạo lí, tinh thân. Chính cái cao sang về tinh thần đã khiến người xưa ngạo nghễ, khinh thường cái nghèo về vật chất.

Không rời xa truyền thống đó, Bác Hồ của ta vui với cái nghèo của cuộc đời cách mạng, bởi cuộc sống vật chất hiện tại của Bác, dù cồ đơn kơ, khó khăn đến mấy nhưng cuộc sống tinh thần lại là cuộc sổng có lí tưởng, cuộc sống vì tương lai dân tộc, một lí tưởng cao đẹp khiến con người có thể bất chấp, vui đùa với gian khổ, khó khăn.

**Nhận xét, đánh giá** 🡆Nhưng, dường như hai câu đầu của bài thơ không chỉ ẫn nụ cười với gian khổ mà còn bộc lộ một niêm vui sâu kín : hòa mình với cảnh thiên nhiên phóng khoáng trong một phong thái ung dung, nhàn nhã, tự chủ. **Nhận xét, đánh giá** 🡆Hai câu thơ vừa mang hàm nghĩa thực nhưng tự nhiên còn chứa đựng một ý nghĩa vượt lên trên cái cụ thể : có vẻ đây như là cảnh sống của một kẻ du nhàn chốn rừng núi, đang vui với thú lâm tuyền. Mà đâu phải Bác Hồ chỉ viết một lân về điều đó •

Cánh rừng Việt Bắc thật là hay

Vượn hú chim kêu suốt cá ngày

Khách đến thì mời ngô nếp nướng

Săn về thường chén thịt rừng quay

Sự hòa hợp gần gũi với thiên nhiên, với một đòi sống giản dị, thanh sạch lại là một nét đặc thù làm nên thế giới tâm hồn phong phú của Bác. Bởi Bác Hồ đã từng khẳng định : "Bác chỉ có một ham muốn là nước nhà độc lập, đồng bào ấm no, còn thích thú riêng của - Bác thì chỉ muốn một gian nhà cỏ, cuốc vườn, câu cá"

**Nhận xét, đánh giá** 🡆Người và cảnh hòa hợp tạo nên một nhịp điệu sinh hoạt đều đặn. Từ sự đều đặn ấy toát lên một phong cách tự chủ khiến ta cứ nghĩ Bác sống nơi đây như một khách du nhàn, như một nhà hiền triết, một vị đạo sĩ, một tiên ông ẩn dật nào đó, sáng ra bờ suối hái thuốc, đánh cờ, giảng đạo, chiều lại về hang động tu luyện vậy.

.’l i

\*•

**Phân tích từ ngữ, bình luận, đánh giá** 🡆Rồi hình ảnh chiếc bàn đá chông chênh nữa. Nó như là một chí tiết cụ thể làm phong phú thêm khung cảnh chốn thiên nhiên, rừng suối, nơi con người song, làm việc hòa vào thiên nhiên, nơi con ngưòi như nhập hẳn vào thiên nhiên rũhết bụi trần, chẳng khác gì cải thạch bàn phủ rêu của Nguyễn Trãi

Côn Sơn suối chảy rì ram

Ta nghe như tiếng đàn cầm bên tai

Côn Sơn có đá rêu phơi

Ta ngồi trên đá như ngôi chiêu êm

**So sánh, liên hệ** 🡆Nhưng Bác Hồ giống mà lại khác Nguyễn Trãi và các bậc tiên nhân. Giống ở phong thái ung dung, ỏ tư cách tiên phong đạo côt, ở niêm vui thú sống hòa với thiên nhiên, ở sự vượt lên coi thường gian khô. Khác ở chỗ người xưa lui về chốn lâm tuyền là đe lánh xa cõi đời nhơ bẩn, là sự quay lưng với hiện thực, dù sao cũng mang ít nhiêu, khí vị thoát li, còn Bác là người cách mạng (người đang tập hợp lực lượng để chống đe quốc phong kiến, giành độc lập, tự do cho dân tộc đem lại hạnh phúc cho nhàn dân), việc ớ chốn núi rirng hoàn toàn do ị điều kiện hoạt động hí mật lạo nên, dũ có ớ núi rửng nhưng vẩn là dang dấn thản vào hiện thực xã hội, hời làm cách mạng là tiến hành ; cõng cuộc cải tạo xã hội tích cực nhất. Chính vì vậy, từ khung cảnh rừng suối, từ cảnh rau cháo đơn sơ như của kẻ đang ẩn dật, vui những thú vui xa đời, thoát tục, ý thơ vụt đưa con người sang đời sống hoại động cách mạng. Bác Hồ đâu phải là ân sĩ mà là một chiến sĩ.

**Luận điểm 2: Đến câu thơ thứ ba người đọc hiểu được công việc đầy gian khó và cao cả của Người**

Bàn đá chông chênh dịch sứ. Đảng

Câu thơ khắc họa một dáng tạo hình : bàn đá chông chênh. Ai đã từng đến thăm Pắc Bó, sẽ thấy chiếc bàn đá gồm nhiều viên đá ghép lại này bên bờ suối Lê-nin, là nơi Bác thường làm việc. Lúc này, Bác đang dịch cuốn Lịch sử Đảng cộng sản Liên Xô tài Vỉệu huấn luyện cán bộ cách mạng Việt Nam. Hai ý trái ngược được đặt bên nhau. . **Nhận xét đánh giá** 🡆Hình ảnh bàn đá chông chênh tạo một thế không ổn định, không vững vàng ; còn nhóm từ dịch sứ Đảng lại gồm những thanh trắc, mạnh, trầm như rắn đúc lại, chắc như một lời tuyên bố đanh thép. . **Phân tích nghệ thuật** 🡆Nghệ thuật đối chọi hình ảnh, ý, âm điệu này rất có công hiệu trong việc thể hiện bản lĩnh tự chủ, tin tưởng vào mình của con người.

**Luận điểm 3: Câu thơ cuối là một lời kết thúc vui tươi, hóm hỉnh :**

Cuộc đời cách mạng thật là sang.

Hóa ra, cuộc đờí được trình bày ở trên đã được tổng kết lại : cuộc đời cách mạng, một cuộc đời phải sống trong bí mật, chịu đựng gian khổ, thiếu thốn vô ngần, nhưng khi con người đã sống vì một lí tưởng cao đẹp thì cuộc đời ấy vẫn mang một phong vị đặc biệt : thật là sang. **Phân tích từ ngữ** 🡆 Từ sang có nghĩa là sang trọng, giàu có, vừa có nghĩa diễn tả một phong thái vượt lên trên vật chất tầm thường để vươn tới một đời sống tinh thần cao cả đậm phong vị truyền thống. Bởi lẽ, Bác là người hơn ai hết hiểu gian khó, thiếu thốn, nghèo nàn là hiện tại, còn sang giàu là tương lai : hay nói đúng hơn: nghèo là điều kiện vật chất hôm nay còn sang chính là xu thế tất thắng của cách mạng ngày mai

Bài thơ là nụ cười hóm hỉnh vui tươi của người chiến sĩ cách mạng, Người biết rõ mục đích, chí lớn của mình, là nụ cười vui trên gian khổ, coi cái vất vả, gian lao của đời sống cách mạng như đời sống nhàn nhã, ung dung của khách tuyền. Ấy chính là phong thái đặc biệt khó quên cua Chủ tịch Hó Chí Minh.

**2.Con người Hồ Chí Minh hiện lên qua bài thơ Tức cảnh Pác Bó**

**Dàn ý**

**1. Mở bài**

- Giới thiệu sơ lược tác giả, tác phẩm.

- Hình ảnh của Bác hiện lên qua tác phẩm.

**2. Thân bài**

**a. Hoàn cảnh sáng tác bài thơ**

- Bài thơ ra đời năm 1942, một thời gian ngắn sau khi Bác Hồ về nước.

- Trở lại Tổ quốc sau hơn ba mươi năm bôn ba, lặn lội, Bác Hồ ở trong một hang nhỏ tại Pác Bó, Cao Bằng.

- Khung cảnh thiên nhiên và đời sống sinh hoạt nơi đây đã khiến Người “tức cảnh sinh tình” và viết nên bài thơ.

**b. Một tấm lòng dành cho dân cho nước**

\* Câu thơ đầu: 7 chữ khắc họa rõ cuộc sống sinh hoạt thường nhật của vị lãnh tụ:

   + Nơi ở: trong hang

   + Nơi làm việc: suối

   + Thời gian: sáng- tối

   + Hoạt động: ra- vào

⇒ Sử dụng các cặp từ trái nghĩa, nhịp thơ linh hoạt, diễm tả lối sống đều đặn, quy củ của Bác, sự hòa hợp với thiên nhiên, với cuộc sống núi rừng.

\* Câu thơ thứ 2: làm ta hiểu rõ hơn về cách ăn uống của Bác với những đồ ăn giản dị, đặc trưng của núi rừng: cháo bẹ, rau măng.

   + Cháo nấu từ ngô, rau măng thì lấy từ cây măng rừng, của trúc tre trên rừng.

   + Những thức ăn giản dị hằng ngày, mộc mạc, đơn sơ, dân dã ⇒ sự gian nan vất vả.

⇒ Bác vẫn trong tư thế sẵn sàng, bất chấp khó khăn, gian khổ để đạt được mục đích là giải phóng dân tộc.

\* Câu thứ ba:

- Điều kiện làm việc: bàn đá chông chênh ⇒ Khó khăn, thiếu thốn.

- Công việc Bác làm: dịch sử Đảng ⇒ Công việc vĩ đại, quan trọng.

⇒ Phép đối làm nổi bật lên sự khó khăn, Bác yêu thiên nhiên, yêu công việc Cách mạng, luôn làm chủ được cuộc sống dù trong bất kì hoàn cảnh nào.

**c. Tinh thần lạc quan của Bác**

\* Câu cuối

- Cuộc đời cách mạng được nhấn mạnh, Bác hoạt động cách mạng, một công việc không hề dễ dàng và đơn giản, đặc biệt trong hoàn cảnh gian khổ như vậy, thế mà người nghệ sĩ, chiến sĩ vẫn cảm thấy “sang”:

   + “Sang”- sống trong hoàn cảnh khó khăn nhưng Bác luôn cảm thấy thoải mái, sang trong và vui thích

   + Chữ “sang” thể hiện niềm vui, niềm tự hào khi thực hiện được lí tưởng của Bác

⇒ Người có một phong thái ung dung, hiên ngang, chủ động, lạc quan và luôn yêu cuộc sống ⇒ đây chính là nhãn tự của bài thơ (từ quan trọng thể hiện, nổi bật chủ đề cả bài) và cũng chính là của cuộc đời Bác

**3. Kết bài**

- Khái quát những giá trị nội dung, nghệ thuật tiêu biểu của văn bản.

- Cảm nhận của em về vị lãnh tụ kính yêu của dân tộc.

**Gợi ý**

Nhắc đến Bác Hồ là nhắc đến người lãnh đạo thiên tài của Cách mạng Việt Nam, danh nhân văn hóa thế giới.Nhưng nhắc đến Bác, còn là nhắc đến một lối sống thanh bạch, khiêm nhường, suốt đời chỉ chăm lo đến sự nghiệp cách mạng của đất nước. Điều đó được thể hiện rất rõ qua bài thơ “Tức cảnh Pác Bó”:

*“Sáng ra bờ suối tối vào hang*

*Cháo bẹ rau măng vẫn sẵn sàng*

*Bàn đá chông chênh dịch sử Đảng*

*Cuộc đời cách mạng thật là sang”.*

Bài thơ ra đời năm 1942, một thời gian ngắn sau khi Bác Hồ về nước. Trở lại Tổ quốc sau hơn ba mươi năm bôn ba, lặn lội, Bác Hồ ở trong một hang nhỏ tại Pác Bó, Cao Bằng. Khung cảnh thiên nhiên và đời sống sinh hoạt nơi đây đã khiến Người “tức cảnh sinh tình” và viết nên bài thơ này.

*“Sáng ra bờ suối tối vào hang*

*Cháo bẹ rau măng vẫn sẵn sàng*

*Bàn đá chông chênh dịch sử Đảng”*

Trong ba câu đầu của bài thơ, Bác nhắc đến điều kiện ở - ăn - làm việc của mình. Ở và ăn là hai nhu cầu tất yếu của con người. Và riêng với Hồ Chí Minh, khi nói đến đời sống sinh hoạt của mình, Người luôn đề cập thêm vấn đề công việc.Ấy bởi Bác là người luôn luôn làm việc, suốt đời làm việc, suốt đời lo cho dân, cho nước. Với Hồ Chí Minh, làm việc như một nhu cầu tất yếu, một bản năng. Điều đó cho thấy tấm lòng dành cho dân, cho nước của Bác vĩ đại nhường nào!

Nơi thâm sơn cùng cốc ấy, Người ở - ăn - làm việc như thế nào?

“Sáng ra bờ suối tối vào hang”, câu thơ cho biết không gian sống của Bác là không gian núi rừng hoang sơ, dân dã: suối, hang. Không phải là tòa biệt thự đồ sộ, không phải là giường ấm, đệm êm dù Bác đang là một yếu nhân của cuộc cách mạng giải phóng dân tộc. Trong hoàn cảnh khắc nghiệt, gian lao của đất nước, Người sẵn sàng sẻ chia thiếu thốn. Câu thơ có sự đối xứng nhịp nhàng: “sáng” - “tối”, “suối” - “hang”, “ra” - “vào”. Không gian và thời gian khép lại câu thơ đầy bóng tối: “tối”, “vào”, “hang”. Điều đó đã nhấn mạnh những gian khổ trong điều kiện ở của Bác. Chẳng những vậy, điều kiện ăn uống của Bác cũng rất hạn chế: “Cháo bẹ rau măng vẫn sẵn sàng”. “Cháo bẹ “ là cháo ngô, loại thức ăn đạm bạc thường ngày của đồng bào dân tộc Việt Bắc. “Rau măng” cũng vậy. Nhà thơ Phạm Tiến Duật từng viết “Hết rau rồi em có lấy măng không?”, nghĩa là măng còn đạm bạc hơn cả rau rừng (vốn đã bị coi là đạm bạc rồi!). Nhưng dẫu thiếu thốn, gian khổ đến vậy, Người “vẫn sẵn sàng” cho công việc cách mạng, phục vụ cho lợi ích của nước, của dân.

Và điều kiện làm việc của Người cũng không tránh khỏi những thiếu thốn “bàn đá chông chênh dịch sử Đảng”. Từ “chông chênh” là từ láy chỉ tư thế không vững chãi, ở vị trí bấp bênh. Hình ảnh “bàn đá chông chênh” vừa gợi sự gian khổ của điều kiện làm việc vừa gợi tình thế gian nan của sự nghiệp cách mạng nước nhà. Hình ảnh Bác Hồ đăm chiêu làm việc bên một “bàn đá chông chênh” gợi bao niềm cảm động trong lòng độc giả. Nhưng Bác không để cảm hứng bài thơ xuôi theo cảm xúc ủy mị, yếu ớt của sự thiếu thốn, gian khổ. Câu thơ hợp của bài tứ tuyệt thật độc đáo:

*“Cuộc đời cách mạng thật là sang!”*

“Cuộc đời cách mạng'” chính là cuộc sống với cái ở, cái ăn và sự làm việc như ba câu thơ trên. Bác dùng từ “thật là” mượn của khẩu ngữ rất tự nhiên, nó thể hiện sự cảm thán của người viết. Và chữ kết lại bài thơ thật bất ngờ: “thật là sang!”. Chữ “sang” mang ý nghĩa là sang trọng, đầy đủ. Chữ “sang” làm bật lên tiếng cười vui yẻ, niềm lạc quan trước cuộc sống gian khổ, thiếu thốn. Chính tinh thần ấy đã trở thành động lực để Bác cùng những người đồng chí vượt qua sự ngặt nghèo của đời sống và tình thế cách mạng để làm việc và chiến đấu. Chỉ một chữ mà khắc họa chân dung tinh thần của một con người. Chữ “sang” xứng đáng là “nhãn tự” của bài thơ tứ tuyệt “Tức cảnh Pắc Bó”.

“Tức cảnh Pác Bó” của Hồ Chí Minh thể hiện tinh thần lạc quan của Bác Hồ trong những năm tháng khó khăn của đời sống cách mạng. Dù những điều kiện sinh hoạt vô cùng hạn chế song bằng tinh thần làm việc hăng say và niềm tin vào sự nghiệp cách mạng của dân tộc, Bác vẫn lạc quan mỉm cười để lấy đó làm động lực hoạt đông. Bài thơ sử dụng một thể thơ cổ (thất ngôn tứ tuyệt) song ngôn ngữ rất giản dị, gần gũi, thậm chí có cả khẩu ngữ. Điều đó thể hiện tinh thần dân tộc trong ngòi bút thơ ca Hồ Chí Minh.Bài thơ cũng rất tinh tế trong việc lựa chọn trật tự từ, sử dụng từ ngữ... điều đó góp phần không nhỏ trong việc thể hiện chủ đề tác phẩm.

Cùng với “Vọng nguyệt”, “Nguyên tiêu”, “Cảnh khuya”...,“Tức cảnh Pác Bó” xứng đáng là thần xinh xắn của con người vĩ đại Hồ Chí Minh

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**KHÔNG NGỦ ĐƯỢC- HỒ CHÍ MINH**

Nhật kí trong tù là một tác phẩm vãn học lớn, được Bác Hồ viết vào thời kì "Mười bốn trăng tê tái gông cùm" (Tố Hữu) dưới chế độ ngục tù của Tưởng Giói Thạch tại Trung Quốc. Tác phẩm gồm nhiều bài thơ, viết về rất nhiều chủ đẻ : nỗi gian lao vất vả của cuộc đời lao tù, cảnh sinh hoạt ưong tù, những rung động và xúc cảm với thiên nhiên và con người... trong đó, bài thơ về những đêm không ngủ được là một trong số những bài thơ được ra đời trong hoàn cảnh đó.

Cả cuộc đời, Bác Hổ đã trải qua nhiều đêm không ngủ. Điều kiện, hoàn cảnh của những đêm không ngủ ấy rất khác nhau {Cánh khuya - Hồ Chí Minh, Đêm nay Bác không ngủ - Minh Huệ), nhưng nỗi riêng tư sâu thẳm của những đêm (hâu ấy bao giờ cũng hội tụ về một mối : tấm lòng thiết tha đối với nhân dàn và Tổ quốc. Bài thơ không ngủ được cũng nằm chung trong nỗi thao thúc cao cả ấy.

**Luận điểm 1: Bài thơ mở đàu vói dòng thời gian trôi chảy chậm chạp :**

Một canh... hai canh... lại ba canh

**Phân tích nội dung** 🡆Đất trời đi vào đêm. Không gian và thời gian tĩnh mịch, sâu láng. Vì không ngủ được nên con người thường thấy đêm càng dài và càng buồn. Thời gian đã lặng lẽ trôi qua từ canh một đến canh ba. Có vẻ con người thao thức đang đếm dần từng tiếng trống báo sang canh. Những bước đi chậm và buồn của thời gian đêm trường như gõ nhịp vào tận sâu thẳm tâm linh con người, gây cảm giác mệt mỏi kéo dài. Dòng thời gian bị chia thành chuỗi âm hưởng chậm đều. **Phân tích nghệ thuật** 🡆Với nhịp điệu 2/2 / 1 / 2 chậm rãi : một canh / hai canh / lại / ba canh. Dấu chấm lủng trong câu thơ càng làm cho mỗi canh giờ như kéo dài thêm mãi và từ lại càng làm tăng niềm bứt rứt, khó chịu. Thời gian khách quan chuyển thành thời gian tâm lí : thời giờ vẫn trôi qua đều đặn nhưng thời gian tâm lí của con người mới nặng nề, mệt mỏi làm sao.

**Luận điểm 2: Câu thơ thứ 2 được thốt lên như một tiếng thở dài trong sự chậm rãi đếm nhịp thời gian :**

Trằn trọc băn khoăn giấc chẳng thành

Vì sao Bác Hồ không ngủ được ? Những nỗi đau vật chất trong cuộc đời tù đày cũng nhiều lân khiến Bác thức trắng đêm : "Trong tù không đệm cũng không chăn, Gối quắp lưng còng ngủ chẳng an" "Lại khổ thâu đêm không chỗ ngủ, Ngồi trên hố xí đợi ngày mai". **Phân tích nội dung** 🡆Nhưng bài thơ này có lẽ không chỉ có vậy. Nỗi đau tinh thần bộc lộ qua nhịp cầm canh mệt mỏi lại là một nỗi "trằn trọc, bân khoăn" kéo dài. Trằn trọc băn khoăn đến nối giấc không thành là niềm suy nghĩ, day dứt, đây lo âu, những thao thức về tinh thần chứ không phải nỗi đớn đau về vật chất. Dòng trôi của thời gian và nỗi thao thức, lo âu đan quyện trong một âm điệu triền miên, dai dẳng. Liệu đêm nay Bác nghĩ suy gì ? rong ngọn lửa chiến tranh, nước nhà trong cơn nước sôi lửa bỏng. Bác đa từng than thờ "Trong ngục người nhàn nhàn quá đỗi, Chí cao mà chẳng đáng đồng chinh" bởi bất lực vì mất tự do, không thể góp phần vào công cuộc cách mạng trong nước mà Bác đang là người lãnh đạo, người dẫn lối chỉ đường. Niềm thao thức, nỗi trằn trọc, băn khoăn của Bác có liên quan gì đến tâm sự này không ?

**Luận điểm 3: Hai câu thơ cuối khép mở các trạng thái : thức, ngủ, mơ.**

Canh bốn canh năm vừa chợp mắt

Sao vàng năm cánh mộng hồn quanh.

Giấc mộng của Bác chính là lời giải thích rõ ràng về nổi trằn trọc thâu đêm, về nỗi đau tinh thần triền miên, dai dẳng trong tâm hồn Bác : nỗi nước nhà. Hóa ra, Bác không ngủ được vì quá đỗi nghĩ suy, lo lắng về vận mệnh dân tộc. **Bình luận, đánh giá** 🡆Và khi giấc ngủ tới thì hồn lại bay về quê hương, lượn quanh ánh sao vàng, biểu tượng của lá cờ Tổ quốc độc lập tự do mai sau, biểu tượng của tương lai dân tộc, là hình ảnh kết tinh sự chiến thắng của sự nghiệp cách mạng mà cả cuộc đời Bác theo đuổi.

Cả bài thơ là một cuộc độc thoại nội tâm sâu lắng vận động qua các cung bậc cảm xúc. **Bình luận, đánh giá** 🡆Nếu như ở hai câu đầu, cảm xúc như những mạch ngầm lan tỏa, dồn nén, tích tụ thì ở hai câu sau, cảm xúc bột phát ở trạng thái mãnh liệt nhất. **Bình luận, đánh giá về nghệ thuật** 🡆Nếu âm điệu triền miên dai dẳng của thời gian đêm trường nặng nề, của nỗi băn khoăn thao thức là những quãng tĩnh lặng của cảm xúc, thì hình ảnh sao vàng trong giấc mộng là điểm cao trào. Hình ảnh ấy như một vâng sáng rực rỡ bộc lộ một sự thật đặc biệt : Nếu như thể xác nhà thơ vẫn còn bị giam giữ nơi đây, chốn đất khầch quê người, thì tận đáy tâm linh sâu thẳm, hồn Người vẫn luôn dõi về quê cha đất tổ, về quê hương, vẫn chỉ đau đáu một nỗi nước nhà. Trong muôn vàn nỗi lo âu, trằn trọc trong lòng về Tổ quốc ấy, một niềm tin về tương lai tươi sáng của dân tộc thật da diết và thường trực. Nó ám ảnh hồn Bác đến nỗi hóa thân kì diệu thành hình ảnh rực rỡ của lá cờ 'Tổ quốc lộng gió ngay cả trong giấc mộng. Các cung bậc cảm xúc được cấu trúc trên các yếu tố đối lập. nỗi buồn – niềm lạc quan, nỗi đau vật chất - sự vượt ngục tinh thần, bóng tối - ánh sáng, hiện thực - lãng mạn. Niềm lạc quan, sự vượt ngục về tinh thần, ánh sáng cũa niềm tin, chất lãng mạn... trong hình ảnh sao vàng năm cánh đã góp phân xua tan bóng tối, nối buồn, sự đau đón về vật chất, cảnh hiện thực ngục tù tối tăm.

Sự vận động của mạch cảm xúc dựa trên sự vận động của thời gian. Yếu tố thời gian được nhấn mạnh để diễn tả sự chuyển biến của tâm tư. Ở hai câu đầu, thời gian chảy trôi nặng nề, chậm chạp mang chất thâm trầm sâu lắng của tâm linh (đáy sâu thẳm của tâm hồn). Hai câu sau, thời gian vận động nhanh không chỉ diễn tả một thực tế (chợp được mắt thì thời gian trôi nhanh) mà còn bừng lên một cảm xúc mới mẻ, đột xuất: niềm tin mãnh liệt, chí khí lạc quan bay bổng. Thời gian, không gian chuyển dần từ thực sang hư, vượt qua giới hạn khắc nghiệt của thực tại vươn tới một thời gian - không gian mộng tưởng lồng lộng, tràn đây dự cảm tốt đẹp về một ngày mai tươi sáng. Sự chuyển ý đột ngột, độc đáo trong cảm xúc và thời gian đã cho thấy kích thước và ấn tượng về một tình cảm lớn, một tâm hồn lớn

Thức và ngủ, thực và mơ là những biểu hiện khác nhau của trạng thái con người. Nhưng tâm sự, tấm lòng và niềm thao thức của Bác trong dằng dặc những đêm không ngủ ấy, trước sau vẫn nhất quán, bộc lộ nét vĩ đại củà một tâm hồn lớn. •

Trong chốn đọa đày tù ngục, chính tình cảm sâu nặng đối với dân tộc, nhân dân, đất nước là sức mạnh tinh thần mãnh liệt giúp Bác vượt qua những đau đớn về thể xác, những thiếu thốn, bó buộc vì mất tự do, những nỗi đau vật chất. Bài thơ Không ngủ được bộc lộ một tấm lòng đối với Tổ quốc và khẳng định lí tưởng giải phóng dân tộc, lí tưởng của con đường Bác đang đi theo, nhất định sẽ tháng lợi. Chất hàm súc, cổ điển, dồn nén ý và tâm trạng, kết cấu chuyển ý đột ngột, bất ngờ của thể thơ tứ tuyệt đa góp phần nâng cao tầm tư tưởng của bài thơ.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**NGẮM TRĂNG-Hổ CHÍ MINH**

Bác Hồ là người rất mực yêu thiên nhiên, khát khao hòa hợp với thiên nhiên. Nhật kí trong tù là tập thơ tràn ngập thiên nhiên với rất nhiều hình ảnh : nắng sớm, chim hót, hương hoa, núi non, cây cỏ... Mở lòng giao cảm với thiên nhiên là dấu hiệu của một đời sống nội tâm phong phú. Sức sống nội tâm ấy không hề bị trói buộc bởi cảnh sống lao tù. Ngắm trăng là một bài thơ bộc lộ một sức sống vô hạn, một bản lĩnh kiên cường ấy của Bác.

Ngắm trăng là đề tài quen thuộc trong thơ ca phương Đông và Việt Nam. Một trong những thú vui tao nhã của giới văn nhân, tài tử xưa là uống rượu, đánh cờ, xem hoa nở, ngắm trăng lên bên cạnh bạn hiền. Trăng chỉ xuất hiện ban đêm, khi mọi bận rộn mưu sinh thường nhật được tạm ngơi, con người có chút giây phút thảnh thơi cho riêng mình. Trong đêm thanh gió mát, ánh trăng phủ lên cảnh vật, làm mờ đi những cái không đẹp ban ngày, làm cho mọi vật trở nên hư ảo, lung linh và đep đẽ thêm. Cảm hứng thơ do đó thường được gọi về trong những đêm trăng sáng. Từ ánh trăng vàng trong ca dao đến vầng trăng hao khuyết : "Vầng trăng ai xẻ làm đôi" (Nguyễn Du)..., trăng suốt đời vẫn như kể tri âm, như những mảnh hồn con người, như một hình ảnh của đời sống tự nhiên tuyệt đẹp...

Nhưng con người thường chỉ ngắm trăng lúc nhàn nhã, tâm hổn không quá lo lắng và không quá đau khổ. Vậy mà, trong những tháng ngày bị giam cầm, mất tự do, Bác Hồ của chúng ta vẫn ung dung ngắm trăng và làm thơ. Một đêm trăng sáng như hàng ngàn đêm trăng đẹp. Trăng rộng rãi ban phát bình đắng ánh sáng cho mọi con người biết yêu quý và biết thưởng trăng. Và ánh trăng soi vào nhà tù cũng đẹp lung linh như bất kì chốn nào.

**Luận điểm 1: Mở đầu bài thơ là một khung cảnh, một điều kiện khác thường.**

Trong lù không rượu cững không hoa

**Nhận xét,, đánh giá** 🡆Câu thơ miêu tả chân thực cuộc sống trần trụi trong tù. Một sự thiếu thốn, một hoàn cảnh không hề thích hợp với thú vui tao nhã : thưởng trăng. Trong từ, chốn thê thảm, đày đọa, giam hãm, trói buộc con người. Lẽ tất nhiên, noi ấy làm gì có rượu, có hoa. Hai từ không làm chồng chất thêm cái không có ấy.

**Phân tích, đánh giá** 🡆Cuộc sống trong tù đau khổ và thiếu thốn đủ mọi bề : cơm ăn, nước rửa mặt, chỗ ngủ... Vậy sao Bác chỉ nói thiếu rượu và hoa, những thứ xa xỉ làm gì có trong chốn lao tù ? Bởi vì có cảnh đẹp, có trăng sáng đang mời chào thưởng thức. Cảnh đó, trăng đấy, người đấy mà không rượu, không hoa, những vật cân thiết muôn thuở của một lần thưởng trăng. Tất cả đã tô đậm thêm, nhắc nhở lại một hoàn cảnh đặc biệt của lân ngắm trăng này

**Luận điểm 2: Đến câu thơ thứ hai, người đọc phát hiện ra một nỗi suy tử, bẳn khoăn của người tù**

Ị

Cảnh đẹp đêm nay khó hững hờ

Một nỗi băn khoăn, nỗi băn khoăn đầy thơ mộng. Bởi đây là một người tù đặc biệt, một tâm hồn thanh cao, khát khao hòa hợp với thiên nhiên trời đất. Bởi chỉ có con người với tâm hồn nghệ sĩ, biết yêu thương, biết xúc cảm với vẻ đẹp thiên nhiên, vói cảnh đẹp đêm trăng mới có niềm xúc động ấy. "Khó hững hờ" (nại nhược hà : làm 1 thế nào bây giờ ?) nghĩa là có cái lúng túng, băn khoăn bất ngờ khi gặp cảnh trăng đẹp ; nghĩa là cân có sự bộc lộ, giai bày, giao lưu tình cảm trong khi bên mình chẳng có chút gì quen thuộc vốn rất thanh cao, tao nhã cùng để thưởng trăng : hoa và rượu. Niềm băn khoăn rất nghệ sĩ đi bên cạnh cái hiện thực trơ trụi của nhà tù vừa diễn tả nét đùa vui hóm hỉnh vừa bộc lộ một bản lĩnh vững vàng của. Con người, bất chấp cái gian khổ của dời sống ngục tù dể giữ nguyên vẹn một tâm hồn nhạy cảm, tinh tế, luôn biết yêu và rung động với mọi cái đẹp trong cuộc đời. **Phân tích, đánh giá** 🡆 Đứng trước một cảnh đẹp đêm trăng tươi mát như vậy không thể vô tình, không thể bỏ qua. Với Bác đó là sự thờ ơ, vô cảm trước cái đẹp

Cứ tự nhiên, tuân hoàn theo quy luật vũ trụ, trăng sáng vằng vặc, và con người cũng rộng mở tâm hồn chào đón trăng chân thành và tha thiết. Đã xảy ra mối giao hòa thâm lặng.

**Luận điểm 3: Hai câu cuối như mở ra cho người đọc một bức tranh tuyệt vời, đó là sự giao hòa giữa con người với thiên nhiên, trăng**

Người ngắm trăng soi ngoài cửa sổ  
Trăng nhòm khe cửa ngắm nhà thơ

Cảnh thưởng trăng thi vị câu kì muôn thuở, có hoa có rượu, có bạn hiền thu vào chỉ một hành động nhìn, ngắm kì lạ : nhìn nhau qua chấn song sắt nhà tù. Cũng kì lạ cho hai câu thơ nguyên vãn chữ Hán :

Nhân hướng song tiền khán minh nguyệt

Nguyệt tòng song khích khán thi gia.

Hai đâu của cả hai câu là người và trăng (nhân - nguyệt, ngưyệt - thi gia') và giữa hai câu, giữa người và trăng là các song săt chắn giữathật thô bạo. Tất cả đã dựng lên một không gian, cảnh sắc, người và vật thậi rõ ràng. **Bình luận** 🡆Dường như người tù đã quên đi cảnh giam cầm, để tâm hồn bay bổng, siêu thoát, vượt khỏi chốn ngục tù. Tâm mắt con người vượt qua song sắt ghê tởm để thưởng thức vẻ đẹp tự nhiên của đất trời, của tự do. Còn trăng, ánh trăng xuyên thấu nhà tù để nhìn lại, sẻ chia với người tù. Ánh trăng như ánh mắt, như gương mặt con người, có tâm hồn, có niềm đồng cảm. Trăng cũng cảm động vì tình người và nhận ra cốt cách thi nhân. Trăng đâu chỉ còn là đối tượng thiên nhiên, là vẻ đẹp để thưởng thức mà đẫ thành kẻ tâm giao, người tri kỉ, bè bạn của người tù. Trăng nhìn người, người nhìn trăng. Phút giao cảm ấy khiến mọi đau thương, gian khổ, tăm tối của cuộc sống ngục tù, cả cái song sắt nhà tù kia như biến mất, tâm hồn con người trớ nên thanh thản, nhẹ nhõm, thăng hoa, khiến từ nhân thoắt biến thi nhân. Ở câu thơ thứ ba, Bác dùng chữ nhân (người) để chỉ người ngấm trăng, nhưng đến câu cuối, người ngắm trăng đã biến thành thi gia (nhà thơ). Không còn tù ngục, không còn tù nhân, chỉ có người thơ và tri kỉ : vầng trăng. **Bình luận** 🡆 Dường như giữa không gian mênh mông kia ta không bắt gặp sự lạnh lẽo của song sắt nhà tù mà ta như đang lặng ngắm hai người bạn tri kỉ đang trao hồn cho nhau. Giữa người tù và thiên nhiên, trăng không còn khoảng cách chốn lao tù mà hòa quện gắn bó bến nhau, họ như đang thủ thỉ, đang tâm tình, đang trò chuyện cũng nhau. **Đánh giá nghệ thuật**🡆 Nghệ thuật nhân hóa được nhà thơ sử dụng thật tài tình, thật tài hoa khiến hình ảnh trăng trở nên có hồn có cảm. Không yêu thiên nhiên, không xem thiên nhiên như một người bạn e rằng Hồ Chí Minh khó có thể viết được những vần thơ bay bổng có hồn đế như thế.

Tất cả mọi việc đều xảy ra trong im lặng ! Từ nỗi băn khoăn thơ mộng đến sự cảm nhận cái thiếu thốn, trơ trụi của cảnh tù, từ hành động ngắm nhìn, chia sẻ, cảm thông của người với trăng, trăng với người. Nhưng dường như có sự dồn nén một sức sống bên trong, rạo rực và dồi dào, một sức sống của thiên nhiên tràn đây, đẹp đẽ, thơ mộng, đầy ắp hơi thở sự sống. Chẳng thế mà con người không thể nén nổi lòng mình để mà băn khoăn, mà lúng túng, mà bất ngờ đến phải bật câu hỏi trong tâm tư : nại nhược hà ? Bên cạnh sức sống của đất trời ấy là một sức sống thâm trâm, sâu xa mà rất mạnh mẽ của con người đang phải giấu kín, chỉ bộc lộ một cách lặng lẽ bởi hoàn cảnh. Hoàn cảnh là trói buộc, giam câm, nhưng sức sống con người đó là vô hạn. **Bình luận** 🡆Cuộc sống ngục tù là vô nhân đạo. Nhưng đằng sau đó, không đơn giản chỉ là một trái tim biết thưởng thức cái đẹp mà là cái mạnh mẽ, siêu việt của tâm hồn tác giả. Nếu không có con mắt nghệ sĩ và một bản lĩnh chiến sĩ kiên cường, không ai có thể ngắm trăng và làm thơ trong chốn ngục tù. **Bình luận** 🡆Hình như, nếu cuộc đời có nắng lửa, mưa dâu thì lại có gió mát, trăng thanh. Trăng như phân hạnh phúc, ước mơ, lãng mạn của cuộc đời. Trăng đến với con người như một người bạn, như một vẻ đẹp làm dịu bớt đi cái cực nhọc của cuộc sống lao tù. Trong tù mà ngắm được tràng, làm được thơ, đó là một bài học đạo đức, lạc quan, vượt lên trên hoàn cảnh, một tinh thân thép

**Hình ảnh Bác Hồ hiện lên qua bài thơ Ngắm trăng (Hồ Chí Minh)**

**Gợi ý**

Tháng 8-1942, Hồ Chí Minh từ Pác Bó (Cao Bằng) bí mật lên đường sang Trung Quốc để tranh thủ sự viện trợ quốc tế cho cách mạng Việt Nam, nhưng khi đến gần thị trấn Túc Vinh thì Người bị chính quyền địa phượng ở đây bắt giữ, giải đi khắp gần 30 nhà giam của 13 huyện thuộc tỉnh Quảng Tây, bị đày đoạ hơn một năm trời. Thời gian này, Người đã viết *Nhật kítrong tù* bằng thơ chữ Hán, gồm 133 bài, phần lớn là thơ tứ tuyệt.Tập thơ thể hiện một tâmhồn cao đẹp, ý chí cách mạng kiên cường và nghệ thuật thi ca đặc sắc.Bài thơ *Ngắm trăng* được trích trong tập *Nhật kí trong tù* của Hồ Chí Minh.

*“Ngục trung vô tửu diệc vô hoa*

*Đối thử lương tiểu nại nhược hà?*

*Nhân hướng song tiền khán minh nguyệt*

*Nguyệt tòng song khích khán thi gia”*

Bài thơ được dịch là “Ngắm trăng”;

*“Trong tù không rượu cũng không hoa*

*Cảnh đẹp đêm nay khó hững hờ*

*Người ngắm trăng soi ngoài cửa sổ*

*Trăng nhòm khe cửa ngắm nhà thơ”*

Trong các các câu thơ dịch, câu thứ hai trong nguyên tác có nghĩa là “Trước cảnh đẹp đêm nay biết làm thế nào?”. Câu thơ dịch dịch thành: *Cảnh đẹp đêm nay, khó hững hờ* đã làm mất đi cái xốn xang, bối rối của nhân vật trữ tình (cũng là mất đi sự lãng mạn và nhạy cảm trước

thiên nhiên trong tâm hồn của Bác). Hai câu thơ cuối (bản dịch) cũng kém phần đăng đối hơnso với phiên âm. Hơn nữa từ *nhòm và ngắm* trong câu cuối là hai từ đồng nghĩa, khiến cho lời dịch không bảo đảm được sự cô đúc của ý tứ và thể thơ.

Thường người ta ngắm trăng vào những lúc thảnh thơi, thư thái. Thế nhưng ở đây, Hồ Chí Minh lại ngắm trăng trong một hoàn cảnh rất đặc biệt: ở trong tù. Khi Bác nói *“Trong tùkhông rượu cũng không hoa”* thì không có nghĩa là Bác đang than thở cũng không phải đó làmột lời phê phán.Chỉ có thể nghĩ rằng, trước đêm trăng tuyệt đẹp ấy, Bác mong được thưởng trăng một cách trọn vẹn (và đúng là thật tiếc nếu không có rượu, có hoa). Chính việc nhớ đến rượu và hoa trong cảnh ngục tù đày đã cho thấy, người tù không hề vướng bận gì về vật chất và những gian nan mà mình đang phải chịu. Người tù vẫn ung dung tự tại, vẫn thả hồn mình cùng với thiên nhiên.

Hai câu cuối của bài thơ chữ Hán đối nhau rất chỉnh:

*Nhân hướng song tiền khán minh nguyệt,*

*Nguyệt tòng song khích khán thi gia.*

Các từ chỉ người *(nhân, thi gia)* và các từ chỉ trăng *(nguyệt)* đặt ở hai đầu, ở giữa là cửa nhà tù *(song).*Thế nhưng, giữa người và trăng vẫn tìm được sự giao hoà với nhau.Cấu trúc đối này đã làm nổi bật tình cảm mãnh liệt giữa người và trăng, nổi bật sự gắn bó thân thiết của một mối quan hệ từ lâu đã trở thành tri kỉ (Bác với trăng).

Hình ảnh Chủ tịch Hồ Chí Minh hiện lên trong bài thơ nổi bật ở khía cạnh người chiến sĩ không chút bận tâm về gông cùm, đói rét,...Trước khó khăn, Bác vẫn giữ được phong thái ung dung, tự tại. Bài thơ còn thể hiện nổi bật tâm hồn nghệ sĩ của Bác Hồ, một tâm hồn luôn rộng mở với thiên nhiên.

Cuộc ngắm trăng trong bài *Vọng nguyệt* có hoàn cảnh không giống như các cuộc ngắm trăng khác: bài thơ được Bác làm khi phải chịu cảnh tù đày. Và có thể nói, mỗi bài thơ Bác viết về trăng lại có những nét riêng: trăng đầy sức sống, đầy sức xuân trong *Rằm tháng giêng(Nguyền tiêu);* trăng thi vị và tri kỉ trong *Báo tiệp (Tin thắng trận),..Nói* chung, ở tất cả nhữngbài này, Bác đều đã cho người đọc thấy vẻ đẹp của một tâm hồn thi sĩ, luôn mở rộng lòng để giao hoà cùng với thiên nhiên.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**Nguyên tiêu - Cảm nhận từ chữ nghĩa đến câu từ**

**Gợi ý**

Nguyên tiêu (Rằm tháng giêng) là một trong những tác phẩm thơ chữ Hán được xếp vào loại hay nhất của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Đã hơn nửa thế kỉ nhưng chất thơ nồng nàn của nó vẫn luôn có sức lôi cuốn lớn. Theo xuất xứ thì đây là tác phẩm được Hồ Chí Minh ứng tác sau một cuộc họp bàn việc quân giữa "nơi khói sóng" trong đêm rằm và nhà thơ Xuân Thủy dịch ứng khẩu thi nhân trong tứ thơ đã làm nên sự hấp dẫn kì lạ của bài thơ.

Nhan đề của bài thơ - Nguyên tiêu, nghĩa là đêm rằm tháng giêng, đêm rằm mở đầu của mùa xuân đầu tiên, của một năm. Tác giả ở đây không chỉ nhạy cảm nắm bắt cảnh đẹp của đêm trăng rằm tháng giêng mà quan trọng hơn là nắm bắt cái thời điểm đẹp nhất của đêm trăng trong hành trình vận động của nó; để biểu thị cho sức sống của tâm hồn, của con người, của đất trời; tất cả đều tươi mới, đầy sức sống.

Trong thơ văn xưa, thường ta chỉ thấy vầng trăng như là dấu hiệu của cảnh sắc, của không gian vũ trụ, và nhà thơ thường dùng hình ảnh trăng để bộc bạch hoài bão, khát vọng của mình, như Lý Bạch uống rượu, múa kiếm dưới trăng, Đặng Dung mài gươm báu dưới trăng (Cảm hoài). Chúng tôi khảo sát trương Đường thi, trong thơ Nguyễn Trãi, thơ Cao Bá Quát...

nhưng không tìm thấy hình ảnh trăng rằm tháng giêng với ý niệm về thời gian mùa xuân, về sức sống viên mãn của con người và tạo vật. Rõ ràng, ở bài thơ này, nhà thơ đã bất ngờ nắm bắt lấy cái đẹp của tạo vật trong quy luật vận động của nó. Cũng như thế, trong bài thơ còn hai từ chỉ thời điểm cụ thể khác, đều là thể hiện nét đặc trưng trong phong cách Hồ Chí Minh: từ kim dạ (đêm nay) - chỉ một thời khắc hết sức cụ thể, mà bản dịch thơ chuyển dịch bằng cụm từ rằm xuân: từ dạ bán (nửa đêm) - thời khắc chính xác, mà bản dịch thơ chuyển dịch bằng cụm từ khuya về. Vậy là người đọc có thể nhận thấy rất rõ thời điểm thi nhân đang thưởng trăng.

Câu thơ đầu: "Kim dạ nguyệt tiêu nguyệt chính viên" (Đêm nay, đêm rằm tháng giêng, trăng vừa đúng độ tròn đầy) có hai từ đáng chú ý: chính viên. Chính có nghĩa là vừa vặn, vừa đúng, đúng lúc, trong câu thơ này nó làm phó từ, biểu đạt ý niệm về vận động trong thời gian; viên là đầy đặn, tròn trịa, biểu thị ý nghĩa viên mãn, sức sống tràn đầy. Câu thơ này và cả bài thơ nói về cảnh trăng mà không có một tính từ chỉ màu sắc, như trăng sáng, trăng trong, trăng thanh... giống nhiều bài thơ tả cảnh khác. Từ viên trong nguyên tác không chỉ có ý nghĩa chỉ hình dáng bên ngoài, tròn vành vạnh của trăng mà còn là biểu đạt một sức sống, một sự chuyển vận ở bên trong. Câu thơ giản dị, không tả cảnh mà cảnh tự hiển hiện, không cố gắng

glãi bày tìnhcảmmàtìnhchanchứa. Xem thế, câu thơ dịch dẫu hết sức uyển nhã nhưng chưa diễn tả hết cái hay của nguyên tác.

Vẫn tiếp tục hành trình đi tìm và biểu đạt một sức sống căng tràn bên trong tạo vật ở câu thơ đầu, câu thơ thứ hai tiếp nối hết sức bất ngờ để khơi mở một sức sống kì diệu: "Xuân giang xuân thủy tiếp xuân thiên" (Sắc xuân của xuân, vẻ xuân của nước tiếp liền với sức xuân của bầu trời).

Trước hết, ba từ xuân trong một câu thơ bảy chữ được sử dụng một cách hết sức nghệ thuật để diễn tả được khí sắc tươi mới của đất trời.Xuân trong chữ Hán ngoài nghĩa danh từ chỉ mùa xuân còn có nghĩa khác tượng trưng sức sống, tình yêu với ý nghĩa một tính từ.ở đây, ba từ xuân làm định ngữ cho các danh từ giêng, thủy, thiên là muốn biểu đạt cái ý tình tồn tại bên trong sự vật: sắc xuân, vẻ xuân, sức xuân. Có nghĩa là nó không đơn thuần là trạng từ chỉ thời gian: dòng sông mùa xuân, làn nước mùa xuân, bầu trời mùa xuân, nhà thơ không tô điểm cho mùa xuân mà chủ yếu nói đến cái sức sống tiềm ẩn ở bên trong, chỉ có như thế nó mới đủ sức lan tỏa, bao quát một không gian rộng lớn, nối liền đất trời. Cách dùng chữ xuân trong câu thơ dịch đã chuyển tải tinh tế ý vị của nguyên tác: "Sông xuân nước lẫn màu trời đêm xuân". Chỉ tiếc câu dịch khuyết mất một chữ xuân nên khó diễn tả được cảm xúc về một sức sống căng tràn, từ mặt đất tiếp nối với bầu trời một cách tràn đầy.Cũng như thế, chữ tiếp trong nguyên tác chỉ sự tiếp nối, nối liền, nó chỉ xu hướng vận động.Chữ lẫn không diễn tả được ý thơ này.

Và như vậy, logic ngầm giữa câu thơ thứ nhất và câu thơ thứ hai là một mạch vận động không ngừng, của sinh khí, từ bên trong cảnh vật ra tới vũ trụ, cũng như từ bên trong tâm hồn con người chan chứa thành cảnh sắc tự nhiên.NÓI "thi trung hữu họa" tức trong thơ có đường nét, màu sắc, hình khối.Thể hiện đường nét xuân, sự chuyển vận của sức sống mùa xuân như trong hai câu thơ trên thì có lẽ hội họa bất lực.

Hai câu thơ sau hình ảnh của con người xuất hiện trực tiếp. Khi việc quân bàn xong cũng là lúc con người bất chợt nhận ra: trăng tràn đầy thuyền. Như thế là việc quân vừa xong thì thi tứ đêm trăng, cùng một lúc, cũng vừa vặn hoàn thiện.

Câu thơ thứ ba: "Yên ba thân xứ đàm quân sự" (Nói không gian khói sóng tĩnh lặng, bàn việc quân sự) có hai hình ảnh, sự kiện đáng chú ý: Yên ba là khói sóng, hình ảnh này có tính chất ước lệ cổ điển, thường thấy xuất hiện trong thơ ca (Thôi Hiệu: Nhật mộ hương quan hà xứ thị/Yên ba giang thượng sử nhân sầu...). Tuy nhiên trong thơ cổ, nhìn chung hình ảnh khói sóng thường tượng trưng cho một ý niệm phù du, cho tâm trạng u ẩn, khói sóng nơi thâm sơn tượng trưng cho cuộc sống ẩn dật, cô tịch của kẻ sĩ lánh đời, trốn mình vào thiên nhiên; còn hình ảnh yên ba thâm xứ ở đây lại không hề biểu hiện những cảm xúc ấy, vì, đối với nó, vế sau của câu thơ là một sự kiện đầy tính chất thời sự của thực tại: đàm quân sự. Con thuyền ở đây rõ ràng không phải là con thuyền của thi nhân xưa đi tìm thi hứng. Cả câu thơ, vì thế không chạy theo xu hướng nhàn dật, thưởng ngoạn. Một thi tứ cổ điển và một sự nghiệp lớn lao của con người được đan hòa vào nhau hết sức tự nhiên. Nếu như Lý Bạch múa kiếm dưới trăng thì hình ảnh ấy mới chỉ là biểu hiện của ước mơ công lý, khát vọng tung hoành chưa thực hiện được trong cuộc đời; còn việc bàn quân dưới đêm trăng ở đây là hiện thực hóa khát vọng độc lập của cả một dân tộc.nhưng đồng thời cũng hết sức mới mẻ: "Dạ bán quy lai nguyệt mãn thuyền" (Nửa đêm quay trở về, trăng ăm ắp đầy thuyền) đến thi tứ tuyệt bút của thơ Đường: "Nguyệt lạc ô đề sương mãn thiên... Dạ bán chung thanh đáo khách thuyền" (Trăng lặn, quạ kêu, sương đầy trời... Nửa đêm, tiếng chuông chùa vang đến thuyền của khách) (Phong Kiều dạ bạc - Trương Kế)... Trong chữ Hán, mãn có nghĩa là tràn trề, tràn đầy, âm ắp.Sương mãn thiên là sương trắng giăng phủ đầy trời.Hình ảnh trên trong thơ cổ biểu đạt tư thế trầm ngâm, suy tư của con người trước thế giới, trước hiện thực. Hình ảnh con người ở đó, trong sự vây bọc của sương, dường như bị chìm khuất. Hơn thế, xét về hình ảnh thực, sương giăng đầy trời là logic có thể cảm nhận xác thực bằng thị giác, bằng xúc giác, còn hình ảnh nguyệt mãn thuyền lại cho ta nhận biết một logic khác của xúc cảm, tâm hồn. Rõ ràng, ánh trăng vốn vô hình phải chủ động tìm đến như thế nào đó mới có thể tràn ăm ắp thuyền của thi nhân - chiến sĩ. Chính ánh trăng hữu hồn ấy đã biến con thuyền quân sự thành con thuyền thơ, hay chính con thuyền kháng chiến là chất thơ trong trẻo của đêm trăng? Hóa ra, từ trước, người chiến sĩ bàn việc quân là trong sự chứng kiến của một nhân vật thứ ba im lặng. Nhân vật thứ ba ấy hiểu công việc của con người, vì con người mà tỏa sáng. Cũng vì hiểu ý nghĩa của việc quân, hiểu tâm hồn của con người mà khi việc quân kết thúc, trăng chủ động tìm đến với người, trăng tự nhiên ăm ắp đầy thuyền. Tràn đầy, ăm ắp chính là ngôn ngữ của trăng hiểu người. Từ hình ảnh và sự kiện đối xứng nhau đã ngầm ẩn lí giải cái đẹp của sự nghiệp kháng chiến, cái trong sáng của tâm hồn con người kháng chiến. Trăng vì thế mà có ý nghĩa, thơ vì thế mà sinh ra.

Tóm lại, Nguyên tiêu có thể coi là một bài thơ trăng độc đáo trong thơ kháng chiến nói riêng và trong thơ chữ Hán nói chung của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Trăng đã trở thành như một nhân vật, và hơn thế là phân thân của một tâm hồn, để bất cứ lúc nào cũng có thể tự do đi về, gõ cửa căn nhà tâm thức thi nhân. Thơ chữ Hán Hồ Chí Minh, thường thì câu chữ, hình ảnh hết sức giản dị nhưng bao giờ cũng gợi một ý vị, cũng chứa đựng những hàm nghĩa sâu xa.gợi người đọc liên tưởng

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**ĐI ĐƯỜNG**

**Hồ Chí Minh**

Những gian lao trên chặng đường từ nhà tù này sang nhà tù khác trong thời kì Hồ Chí Minh bị chính quyền Tưởng Giới Thạch giam giữ đã được Bâc ghi lại trong nhiều bài thơ : Đi Nam Ninh, Chiêu tối, Giải đi sớm... Bài thơ Đi đưòng không chỉ diễn tả nỗi gian lao của người đi đường, đặc biệt là đường núi mà còn thể hiện một thái độ mang tính triết lí trước những chặng đường đời đầy khó khăn thử thách và một phong thái của một con người có tầm vóc cao cả.

**Luận điểm 1: Câu đầu tiên như một lời khẳng định, suy ngẫm bằng sự trải nghiệm thấm thìa của chính người đi đường về nỗi nhọc nhằn trên con đường giải tù vô tận**.

Đi đường mới biết gian lao

Núi cao rồi lại núi cao trập trùng

Mới biết gian lao : Quả là có đi mới biết. Bài học này không mới nhưng ai cũng vậy, phải bằng chính những thử thách của mình mới nhận thức sâu sắc điều đó. Con đường ở đây lại không phải là con đường bình thường mà là đường núi : lên xuống, gập ghềnh, quanh co, khúc khuỷu. **đánh giá về nghệ thuật** 🡆Điệp ngữ núi cao cộng với từ trập trùng ("Trùng san chi ngoại hựu trùng san") càng nhấn mạnh sự trải dài bất tận của dãy núi, hết núi này đến núi khác. Câu thơ dịch khá hay diễn tả được cảm giác vô tận của người đi đường núi. Vậy mà con người ở đây đâu phải được ngồi yên một chỗ ngắm cảnh núi non, đâu phải đang du ngoạn thảnh thơi băng các phương tiện hiện đại, mà là một người tù đang bị áp giải, và tự bưóc chân mình phải đo từng bưóc trên đường với bao lần lên dốc đá, xuông khe sâu, qua vực thẳm. **Phân tích từ ngữ**🡆Từ lại (hựu) không chỉ diễn tả sự kế tiếp không dứt của núi tiếp núi mà còn nhấn mạnh nỗi gian khổ, vất vả khi con người leo một núi chưa hết, chưa kịp dừng chân nghỉ ngơi, lại tiếp một núi khác với một khó khăn mới, một thử thách mới đang chờ ở phía trước. Như thoảng trong những từ "núi cao rồi lại núi cao" có hơi thở nặng nhọc trong từng bưc chân người đi đường. Cái trập trùng núi non ấy có thể làm người ta mỏi mệt, ngã lòng.

**Luận điểm 2: Hai câu thơ sau thể hiện một tâm hồn phóng khoáng, một tình yêu thiên nhiên, đất trời mãnh liệt.**

Núi cao lên đến tận cùng

Thu vào tâm mắt muôn trùng nước non.

**Phân tích, từ ngữ** 🡆“tận cùng” nó vừa diễn tả cái chiều cao của không gian lại nói được cái dài của thời gian, cái gian lao của con người. Người đi đường phải đi nhiều lắm, xa lắm, cao lắm mới mới lên đến tận cùng được. Ta như gặp ở đây đề tài thơ cổ điển với tứ thơ đăng cao, và một phong thái mang cảm thức vũ trụ của con người : sự chiếm lĩnh không gian ở cả chiều cao, chiều sâu, chiều rộng, sự thưởng ngoạn cái mênh mông của đất trời trong cảm giác chinh phục vũ trụ ("Những khi đỉnh núi trèo lên thẳng, Một tiếng kêu vang lạnh cả trời" - Không Lộ thiền sư . Con người đột nhiên tạo được một dáng vẻ hiên ngang giữa vũ trụ bao la như một dư khách nhàn tản giữa đất trời cao rộng, như một vị tướng chiếm lĩnh cả một vùng trời đất mênh mông, như một nhà hiền triết đang suy ngẫm về cái vô tận của vũ trụ. Đó là tư thế đứng của một tâm hồn rất cao cả, trong tư thế hài hòa với vũ trụ bao la. **Bình luận** 🡆Hai câu thơ con là nỗi mừng vui thanh thản vì đã vượt qua được một chặng dài gian khổ. Câu thơ cuối đẩy đến đỉnh điểm cảm xúc. Tưởng chừng mọi gian khổ đều lùi xa, chỉ còn đây, một con người mang tư thế làm chủ thiên nhiên, làm chủ đất trời : Thu vào tầm mắt muôn trùng nước nom một phong thái ung dung với một tâm hồn nhẹ nhàng, thanh thản, phơi phới. Đất trời và con người hòa quyện trong một cảm hứng rộng mở, kết hợp hài hòa giữa hiện thực và lãng mạn, giữa sự thực khắc nghiệt và cái bay bổng của tâm hồn.

**Bình luận, đánh giá về nghệ thuật** 🡆 Bài thơ Đi đường được làm trong lúc Bác bị giải từ nhà lao này sang nhà lao khác, song không hề có một chi tiết, một hình ảnh về thân phận tù đày. Vượt lên thân phận tù đày, bài thơ mang một triết lí hàm ẩn sâu xa : Đi đến tận cùng đỉnh núi thì tâm mắt được giải phóng, con người làm chủ các đỉnh cao. Như có cuộc thi ngâm giữa núi cao và người đi đường. Lúc đầu con người tưởng bị cầm tù chìm trong các lớp núi, nhưng sau đó, con người đã vượt lên, kiểm soát không gian. Bài thơ còn ngụ ý một niềm tin : **Bình luận**🡆 đường đi cũng như đường đời của con người. Đường đời dù vất vả khó khăn đến đâu, nhưng nếu kiên trì và nhẫn nại, chịu đựng mọi gian khổ, cuối cùng sẽ đến đích. Ây là lúc con người đa đến được "đỉnh cao" của cuộc đời, của kiến thức, của trí tuệ để có thể chiếm lĩnh được bề rộng, bề sâu, bề xa, các chiều mênh mông, muôn trùng của những giá trị đời sống.

Bài thơ nhỏ, lối viết ngắn ngọn, giản dị nhưng mang nhiều tầng nghĩa, hàm súc và sâu xa như một bài học lớn. Nguyên tác bài thơ chữ Hán làm theo thể thất ngôn tứ tuyệt. Dịch thành thơ lục bát, phải chăng phần nào làm giảm bớt âm điệu rắn chắc của bài thơ **Dàn ý phân tích bài thơ Đi đường**

**A. Mở bài:**

- Bài thơ “Đi đường” là một trong những bài thơ thể hiện phẩm chất, tinh thần lạc quan của Hồ Chí Minh - vị lãnh tụ vĩ đại của dân tộc.

>>**Tham khảo**:

**B. Thân bài:**

**Luận điểm 1: Hành trình đi đường núi gian lao**

- Cách nói trực tiếp: đi đường – gian lao: tự bản thân phải được thực hành, được trải nghiệm thì mới hiểu được tính chất sự việc.

- Điệp từ “núi cao” thể hiện sự khúc khuỷu, trùng trùng điệp điệp những ngọn núi nối tiếp nhau.

=> Suy ngẫm về sự khổ ải, khúc khuỷu, đầy trắc trở của cuộc đời; ý chí, nghị lực sẵn sàng vượt qua tất cả.

**Luận điểm 2: Niềm vui sướng khi được đứng trên đỉnh cao của chiến thắng**

- Niềm vui sướng khi chinh phục được độ cao của núi: “lên đến tận cùng”

- Tâm thế, vị thế của con người khi chinh phục được thiên nhiên, vượt qua được giới hạn của bản thân: “thu vào tầm mắt muôn trùng nước non”

=> Niềm vui sướng khi được tự do đứng ngắm nhìn cảnh vật bên dưới. Sự chiêm nghiệm về cuộc đời: vượt qua gian lao sẽ đến được đỉnh cao của chiến thắng.

=> Hình ảnh người chiến sĩ cộng sản trên đỉnh cao của chiến thắng, qua đó thể hiện nghị lực, phong thái lạc quan, yêu đời của Bác dù đó là con đường đầy ải, chân tay bị trói buộc bởi xiềng, xích.

**Luận điểm 3: Nghệ thuật**

- Thể thơ tứ tuyệt giản dị, hàm súc

- Liên tưởng sâu sắc, thể hiện tư tưởng của tác giả.

**C. Kết bài:**

- Khẳng định lại nội dung tác phẩm: Bài thơ “Đi đường” đã thể hiện nghị lực, ý chí và tinh thần lạc quan vượt lên mọi hoàn cảnh của Hồ Chí Minh.

- Liên hệ và đánh giá tác phẩm: Qua những bài thơ như vậy, chúng ta có thể hiểu thêm được về những phẩm chất cao đẹp của Người, từ đó nhắc nhở mỗi thanh niên Việt Nam hcoj tập và noi theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh.

### Bài văn mẫu phân tích bài thơ Đi đường

Bài thơ "Đi đường" được rút ra trong tập "Nhật kí trong tù" của Hồ Chí Minh. Tác phẩm được viết trong hoàn cảnh Bác bị chính quyền Tưởng Giới Thạch bắt giam vô cớ năm 1942 và phải chịu cảnh đày ải hết nhà lao này tới nhà lao khác, vất vả, gian lao vô cùng. Bài thơ không chỉ dừng lại ở bức tranh tả cảnh núi non trên đường chuyển lao mà ẩn chứa trong đó còn chất chứa tư tưởng triết lí đường đời sâu sắc mà Bác đã đúc kết, chiêm nghiêm được từ trong hoàn cảnh đặc biệt này: vượt qua gian lao chồng chất sẽ đi tới thắng lợi vẻ vang.

**Luận điểm 1: Trước hết bài thơ là một câu chuyện nhỏ về việc đi đường của Bác trong những năm tháng bị chính quyền tàu Tưởng bắt giữ:**

Tẩu lộ tài tri tẩu lộ nan

Trùng san chi ngoại hựu trùng san

Trùng san đăng đáo cao phong hậu

Vạn lí dư đồ cố miện gian.

Dịch thơ:

Đi đường mới biết gian lao

Núi cao rồi lại núi cao trập trùng

Núi cao lên đến tận cùng

Thu vào tầm mắt muôn trùng nước non.

**Phân tích, đánh giá 🡆** Ở câu khai đề, nhà thơ đã đưa ngay đến một bài học có tính chất nhận định chắc chắc: có đi đường thì mới biết đường đi khó. Đây không phải là một nhận định mang tính chủ quan mà hoàn toàn xuất phát từ hoàn cảnh thực mà chính Bác đang và đã trải qua. Bởi trong hoàn cảnh đó, ngày nào cũng thế Bác thường xuyên bị áp giải đi hết nơi này đến nhà lao nơi ở khác ở Quảng Tây, nhiều khi tưởng chừng không thể chịu đựng nổi vì phải chịu cảnh đày ải rất khổ cực: "tay bị trói giật cánh khuỷu, cổ mang vòng xích... đi mãi đi mãi mà không biết đi đâu về đâu. Dầm mưa giãi nắng, trèo núi qua truông... qua gần ba mươi nhà tù" (Trần Dân Tiên). Vì thế, câu thơ được viết lên từ một hiện thực trần trụi của một con người từng trải nên vô cùng thuyết phục.

**Luận điểm 2: Tới câu thừa đề, nhà thơ chỉ rõ ra sự vất vả, gian lao của đường đi khó:**

Trùng san chi ngoại hựu trùng san

(Hết lớp núi này lại tiếp đến lớp núi khác)

**Phân tích từ ngữ, nghệ thuật 🡆** Với kết cấu trùng điệp lặp lại hai chữ "trùng san" (hết lớp núi này tới núi lớp khác) kết hợp với từ "hựu" (lại) cho thấy cảnh núi non hiển trở, trùng điệp cứ nối tiếp nhau chạy ra xa tít tắp mà không có điểm dừng. Vượt qua được dãy núi cao chót vót, trập trùng tưởng chừng đã thoát khổ nào ngờ những thử thách mới lại tiếp tục mở ra và đang chờ ở phía trước. Vì thế, chữ "mới biết" ở câu thơ đầu bắt nhịp với câu thơ thứ hai tạo nên chiều sâu cảm xúc suy ngẫm của nhà thơ: Sự thấm thía về những chặng đường đã đi qua và những chặng đường gian nan đang tiếp tục đi tới. Đó là cả một hành trình không chỉ đòi hỏi con người có được một sức khỏe dẻo dai mà cao hơn còn cần có một ý chí, một nghị lực bền bỉ, một tinh thần vượt khó phi thường.

**Luận điểm 3: Và cuối cùng Bác đã nỗ lực vượt lên chính mình để đi tới đỉnh cao chiến thắng thể hiện rõ nét ở câu 3**

Trùng san đăng đáo cao phong hậu

Vạn lí dư đồ cố miện gian.

Vượt qua được biết bao nhiêu là thử thách, vất vả với những chặng đường đi ghệp ghềnh, uốn khúc quanh co, nỗi nhọc nhằn đã lùi lại phía sau và người đi đường đã leo được lên đỉnh cao chót vót. **Đánh giá nghệ thuật 🡆** Biện pháp lặp từ ngữ, nối tiếp vắt dòng ở câu hai và ba qua từ "trùng san" không chỉ cho thấy cảnh núi cao, nối tiếp mà còn như tạo nên những bước chân chắc chắn đặt lên từng bậc thang mà leo tới đỉnh cao muôn trượng. Và khi đó, người đi đường hiện lên thật kì vĩ, hiên ngang, như dang hai tay ra mà làm chủ cả không gian của vũ trụ:

Vạn lí dư đồ cố miện gian.

(Thì muôn dặm nước non thu cả vào trong tầm mắt)

**Luận điểm 3: Câu thơ cuối đã phác họa thành công tư thế của con người chiến thắng.** Tất cả vạn vật đã bỗng chốc thu nhỏ lại vào trong đôi mắt của người anh hùng. Nỗi nhọc nhằn vật vả vừa qua đã tan biến vào hư vô, thay thế vào đó là niềm vui sướng, hạnh phúc và cả sự đắm chìm hồn người vào trong cảnh vật thiên nhiên. Đó là đỉnh cao của sự chiến thắng, của sự vượt lên chiến thắng chính mình trước những vất vả, gian khó.

**Đánh giá, nhận xét 🡆** "Đi đường" là bài thơ có kết cấu chuẩn mực theo trình tự của thể thơ tứ tuyệt (đề - thực – luận – kết) cô đọng, hàm súc; giọng điệu biến chuyển linh hoạt: hai câu đầu rắn rỏi, chậm rãi, đầy suy ngẫm; hai câu sau phóng khoáng, nhẹ nhàng, thư thái... tất cả cả gớp phần diễn tả thành công cảm xúc, suy ngẫm của nhân vật trữ tình trong thơ.

**Đánh giá, nhận xét 🡆** Bài thơ "Đi đường" không đơn giản dừng lại ở việc nói tới chuyện đường đi khó mà hình ảnh núi cao trập trùng còn biểu tượng cho sự khó khăn vất vả trong hành trình cuộc sống và hành trình cách mạng. Người chiến sĩ cách mạng phải trải qua rất nhiều chông gai thử thách nhưng khi đã nếm đủ những trái đắng đó thì sẽ gặt hái được thành công, sẽ đem lại thắng lợi rực rỡ. Và đường đời cũng thế. Khi con người đã vượt qua thách thức thì sẽ đem lại kết quả xứng đáng, tạo nên những giá trị cao đẹp, bất tử, thiêng liêng. Bài thơ "Đi đường" ngắn gọn mà ý thơ mênh mang, gợi cho người đọc nhiều bài học ý nghĩa triết lí sâu sắc.

---------------

**Đề bài: Bài thơ Đi đường của Hồ Chí Minh mang nhiều lớp nghĩa sâu sắc. Em hãy viết đoạn văn lí giải các lớp nghĩa trong bài thơ, từ đó em rút ra được bài học gì trong cuộc sống ?**

**\* Hai lớp ý nghĩa cơ bản trong bài Đi đường (Tẩu Lộ)**

- Nghĩa hiển ngôn nói về việc đi đường núi cùng với đó là những thử thách, chông gai khi leo núi để lên đỉnh. Thành quả đó là chinh phục ngọn núi và thu mọi cảnh vật vào tầm mắt.

- Nghĩa hàm ngôn ngụ ý về con đường cách mạng, con đường đời sẽ gặp phải nhiều khó khăn, chông gai. Nhưng với sự quyết tâm, kiên trì cùng những nỗ lực rồi sẽ nhận được thành quả xứng đáng. Sự nghiệp cách mạng nhất định thắng lợi.

  => Bài thơ đã gợi ra một chân lí: đường đời, đường cách mạng nhiều chông gai, thử thách, nhưng nếu quyết tâm vượt qua, con người nhất định sẽ đạt được những thắng lợi rực rỡ.

### Một số đoạn văn mẫu ngắn lí giải các lớp nghĩa trong bài thơ Đi đường

**Đoạn văn mẫu 1:**

**Đi đường** là bài thơ mang nhiều lớp nghĩa. Ta có thể thấy bài thơ đang nói về chuyện đi đường - Bác đang bị giải từ nhà lao này đến nhà lao khác. Việc đi đường gặp muôn vàn những gian khổ, tuy Bác không nói cụ thể nhưng qua câu thơ: "Đi đường mới biết gian lao" và hình ảnh "Núi cao rồi lại núi cao trập trùng" ta có thể hình dung rõ những trở ngại mà người đi đường phải trải qua. Những trở ngại ấy nếu vượt qua được thì sẽ "Thu vào tầm mắt muôn trùng nước non" - Người bộ hành giờ trở thành khách du lịch đang đắm say trước khung cảnh thiên nhiên. Bài thơ không chỉ dừng lại ở lớp nghĩa tả thực nêu trên, nói về chuyện đi đường mà còn thể hiện những triết lí sâu sắc. Cuộc đời, con đường cách mạng rất nhiều những gian nan thử thách, nếu có ý chí, có lòng quyết tâm con người sẽ gặt hái được nhiều thành công. Bài thơ rất ngắn nhưng chứa đựng được nhiều ý nghĩa, tư tưởng sâu sắc.

**Đoạn văn mẫu 2:**

**Đi đường** là một bài thơ hay có nhiều lớp nghĩa, nghĩa đen, nghĩa bóng. Bài thơ có ý nghĩa đúc kết về kinh nghiệm, kinh nghiệm đi đường, kinh nghiệm đầu tiên của chặng đường cách mạng. Trong mấy câu thơ đầu, thiên nhiên với những vùng núi non hiểm trở như che lấp con người. Nhưng rồi con người đã chủ động vượt qua thử thách và thở thành nhân vật trung tâm của bức tranh. Đường đời gian khổ, đường cách mạng đầy chông gai, nhưng quyết tâm vượt khó và theo đuổi đến cùng thì rồi cũng có ngày đi tới thành công, giành được chiến thắng.

**Đoạn văn mẫu 3:**

   Bài thơ "**Đi đường**" ngắn gọn mà ý thơ mênh mang, gợi cho người đọc nhiều bài học ý nghĩa triết lí sâu sắc. Không đơn giản dừng lại ở việc nói tới chuyện đường đi khó mà hình ảnh núi cao trập trùng còn biểu tượng cho sự khó khăn vất vả trong hành trình cuộc sống và hành trình cách mạng. Người chiến sĩ cách mạng phải trải qua rất nhiều chông gai thử thách nhưng khi đã nếm đủ những trái đắng đó thì sẽ gặt hái được thành công, sẽ đem lại thắng lợi rực rỡ. Và đường đời cũng thế. Khi con người đã vượt qua thách thức thì sẽ đem lại kết quả xứng đáng, tạo nên những giá trị cao đẹp, bất tử, thiêng liêng.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

# **Phân tích bài thơ Đi đường của Hồ Chí Minh để làm sáng tỏ nhận định sau: Từ những bài thơ viết trong hoàn cảnh nhà tù dưới chế độ Tưởng Giới Thạch tàn bạo và mục nát toát ra một phong thái ung dung, một khí phách hào hùng, ý chí sắt đá**

**Bình chọn:**

## *****Từ bài thơ, người đọc có thể cảm nhận hình ảnh Bác vừa có thần thái ung dung, bình tĩnh của một bậc tiên phong đạo cốt vừa có nét kiên cường rắn rỏi, đầy lạc quan của một người chiến sĩ cách mạng*****

Bác Hồ từng tự sự:

"Ngâm thơ ta vốn không ham

Nhưng mà trong ngục biết làm sao đây?".

Trong những năm tháng Bác bị giam cầm, tập thơ "Nhật kí trong tù” từng được ví như một đoá hoa mà vô tình văn học Việt Nam nhặt được bên đường. Toát lên từ tập thơ là một tinh thần "thép" rắn rỏi, lạc quan: “Từ những bài thơ viết trong hoàn cảnh nhà tù dưới chế độ Tưởng Giới Thạch tàn bạo và mục nát toát ra một phong thái ung dung, một khí phách hào hùng, một ý chí sắt đá, một tinh thần lạc quan cách mạng không gì lay chuyển nổi”. Bài thơ "Đi đường" là một trong những số ấy.

“Tài lộ tài tri tẩu lộ nan

Trùng san chi ngoại hựu trùng san

Trùng san đăng đáo cao phong hậu

Vạn lí dư đồ cố miện gian”.

Bài thơ được dịch là:

“Đi đường mới biết gian lao

Núi cao rồi lại núi cao trập trùng

Núi cao lên đến tận cùng

Thu vào tầm mắt muôn trùng nước non”.

Bài thơ ra đời trong những năm tháng Bác Hồ bị bắt giam trong nhà lao Tưởng Giới Thạch. Bác bị chúng giải đi hết nhà lao này đến nhà lao khác. Đường chuyển lao không những dài dặc mà còn vô cùng gian lao, phải trải qua núi non trùng diệp và những vực thẳm hun hút hiểm sâu. Nhưng dẫu vậy, từ trong khổ đau vẫn bừng lên ý chí “thép” mang đậm phong cách Hồ Chí Minh. Bài thơ “Đi đường” - “Tẩu lộ” đã thể hiện rõ điều đó.

**Luận điểm 1: Câu thơ là một nhận định nhưng đồng thời cũng là một chân lí.**

“Đi đường mới biết gian lao”

Có đi đường mới biết những sự vất vả, khó khăn của việc đi đường. Vậy những điều “nan”, “gian lao” ấy là gì?

“Núi cao rồi lại núi cao trập trùng"

Đường chuyển lao là những con đường đi qua các vùng núi hiểm trở của tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc. Tầng tầng lớp lớp những ngọn núi tiếp nối nhau chạy mãi đến chân trời. Hết ngọn núi này lại đến ngọn núi khác. Vậy nên mới có hình ảnh “Núi cao rồi lại núi cao trập trùng”. Trong nguyên văn chữ Hán là “Trùng san chi ngoại hựu trùng san”. **Phan tích từ ngữ 🡆** “Trùng san” có nghĩa là trùng trùng lớp lớp núi cao; “hựu” là “lại", câu thơ mang ý nghía: trùng trùng núi cao bên ngoài lại có núi cao trùng trùng. **Nhận xét, ánh giá 🡆** Một câu thơ mà có tớỉ hai chữ “trùng san", huống chi lại có chữ “hựu”, bởi vậy, câu thơ nguyên gốc gợi nên hình ảnh những đỉnh núi nhọn hoắt cao vút trời xanh trập trùng chạy mãi đến chân trời. Con đường ấy, mới chỉ nhìn thôi đã thấy đáng sợ. Nếu tù nhân là một người tù bình thường, ắt hẳn họ đã bị nỗi sợ hãi làm cho yếu mềm, nhụt chí. Nhưng người tù ấy lại là một người cộng sản vĩ đại Hồ Chí Minh. Và bởi vậy, hai câu thơ cuối bài đã thực sự thăng hoa.

**Luận điểm 2: Hai câu thơ sau thể hiện một tâm thế ung dung, tự tại, niềm tin yêu lạc quan vào cuộc sống.**

“Trùng san đăng đáo cao phong hậu

Vạn lí dư đồ cố miện gian”

Hai câu thơ được dịch khá sát là:

“Núi cao lên đến tận cùng

Thu vào tầm mắt muôn trùng nước non”.

**Nhận xét, đánh giá 🡆** Sau những vẩt vả, nhọc nhằn của con đường leo núi, khi đã lên đến tận đỉnh người tù cách mạng được chứng kiến một hình ảnh vô cùng hùng vi “muôn trùng nước non”. Theo tâm lí thông thường, trên con đường gian lao trập trùng đồi núi, khi lên đến đỉnh, con người dễ lo lắng, mệt mỏi khi nghĩ đến con đường xuống núi dốc thẳm cheo leo và những quả núi ngút ngàn khác. Nhưng Hồ Chí Minh thì ngược lại. **Nhận xét, đánh giá 🡆** Điều Người cảm nhận là niềm tự hào, sung sướng khi được đứng từ trên đỉnh cao chiêm ngưỡng sự hùng vĩ bao la của nước non, vũ trụ. Hình ảnh “thu vào tầm mắt muôn trùng nước non” thật hào sảng. Nó gợi đến hình ảnh bé nhỏ của con người đang đối diện trước cái mênh mông, trập trùng của giang san. Con người ấy không choáng ngợp trước sự kì vĩ của đất trời mà rất vui sướng, bồi hồi như lần đầu tiên được tận mắt nhìn thấy gương mặt của nước non. Chính cảm quan ấy đã nâng vị thế con người sánh ngang tầm non nước. Đứng trước một sự thật khách quan, mỗi con người có một cảm nhận khác nhau. Cảm nhận ấy phụ thuộc vào thế giới quan và bản lĩnh của con người, ở Hồ Chí Minh Người đã có những cảm nhận lạc quan, tươi sáng về cuộc đời. Người không bị cái nhọc nhằn của thể xác lấn át đi ước mơ, khát vọng và lí tưởng mà ngược lại, đã vượt qua gian lao để khẳng định ý chí bền bỉ, sắt đá và niềm lạc quan, tin tưởng vào cách mạng của bản thân mình. Đó là tinh thần thép là vẻ đẹp tâm hồn Bác.

**Nhận xét, đánh giá 🡆** Bài thơ "Đi đường" - "Tẩu lộ" không chỉ là bức tranh về con đường chuyển lao đầy rẫy nhọc nhằn trở ngại, đó còn là bức tranh chân dung tinh thần tự họa Hồ Chí Minh. Từ bài thơ, người đọc có thể cảm nhận hình ảnh Bác vừa có thần thái ung dung, bình tĩnh của một bậc tiên phong đạo cốt vừa có nét kiên cường rắn rỏi, đầy lạc quan của một người chiến sĩ cách mạng. Và như thế, bài thơ "Đi đường" - "Tẩu lộ" cùng với nhiều bài thơ khác trong tập thơ "Nhật kí trong tù" thực sự là một đoá hoa đáng trân trọng của văn học Việt Nam.

# Tỏa sáng tâm hồn và khí phách người cộng sản Hồ Chí Minh

Nhật ký trong tù chẳng nhữnglà một văn kiện lịch sử vô giá về một giai đoạn cách mạng của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh mà còn là một tác phẩm văn học lớn, là bức chân dung tự họa bằng thơ của người chiến sĩ cộng sản Hồ Chí Minh tuy chưa bao giờ Người tự nhận mình là một nhà thơ. Chính vì là “nhật ký” mà chúng ta thấy được trực diện hơn so với những tác phẩm hư cấu khác, lối sống, phép ứng xử hàng ngày của Hồ Chí Minh, đặc biệt là trong tình thế ngặt nghèo của một người tù.

**Thơ Đường luật, nhất là thơ tứ tuyệt, chủ yếu là thơ trữ tình, tả cảnh hoặc kết hợp cả hai.** Ngược lại, thơ tứ tuyệt trong Nhật ký trong tù tuy có những bài trữ tình nhưng lại có tính chất “nhật ký” với sự dung dị, chi tiết đời thường, ví dụ như bài: Chia nước, Lên xe lửa đi Lai Tân, Ghẻ v.v... Tính chất nôm na trong các bài thơ biểu hiện một con người rất gần gũi, đời thường. Chẳng hạn: Oa! Oa! Oa!/ Cha trốn không đi lính nước nhà/ Nên nỗi thân em vừa nửa tuổi/ Phải theo mẹ đến ở nhà pha (Cháu bé trong nhà lao Tân Dương) là một bài ca về lòng nhân ái, đồng thời cũng là một bản cáo trạng đanh thép gián tiếp tố cáo sự vô lý, bất công của chế độ đương thời.

Đằng sau cái đời thường, tâm hồn đồng cảm ấy là một nhân cách lớn, một ý chí và khát vọng tự do. Đó là tư thế ngồi trong nhà lao nhưng vẫn ngắm trăng soi ngoài cửa sổ và mối tương quan giữa vị trí và ý chí: Thân thể ở trong lao/ Tinh thần ở ngoài lao/ Muốn nên sự nghiệp lớn/ Tinh thần càng phải cao. Đó là việc giành thế chủ động nhưng không sa vào thắng lợi tinh thần: Mặc dù bị trói chân tay/ Chim ca rộn núi hương bay ngát rừng/ Mê say ai cấm ta đừng (Trên đường); hoặc: Gà gáy một lần đêm chửa tan/ Chòm sao đưa nguyệt vượt lên ngàn/ Người đi cất bước trên đường thẳm.../ Hơi ấm bao la trùm vũ trụ/ Người đi thi hứng bỗng thêm nồng (Giải đi sớm).

**Bằng chi tiết đời thực trong hoàn cảnh lao tù, bằng ngôn ngữ đời thường, nôm na, nhưng Nhật ký trong tù luôn được coi là áng văn mẫu mực về sự kết hợp giữa lý tưởng và hiện thực, giữa hiện thực với trữ tình và châm biếm, nhiều tầng, nhiều lớp để nhận thức xã hội.** Nhà cách mạng trong hoàn cảnh lao tù đã trở thành nhân vật trữ tình của những bài thơ - nhật ký. Chính trong nhân vật trữ tình, không chỉ phẩm chất cách mạng, mà toàn bộ phẩm chất người ở trạng thái hồn nhiên, trong trẻo, trọn vẹn đã làm tôn lên và hài hòa với phẩm chất cách mạng. Nhiều bài thơ hầu như chỉ nói tới thiên nhiên, cảm hứng lên đường và cảm hứng bình minh lên mà bỏ qua cái chuyện bị tù đày hiện thực. Sự tương phản giữa thực tế khổ ải và tự do nội tâm một lần nữa khẳng định tâm hồn mạnh mẽ, phóng khoáng, tư thế ung dung, chủ động trước mọi nghịch cảnh của nhà thơ Hồ Chí Minh, người luôn nhìn đời tươi sáng, lạc quan.

**Nhật ký trong tù thể hiện lòng yêu nước cháy bỏng, yêu nhân dân, thương cảm đến tận cùng những cảnh đời bất hạnh**. Tác phẩm thể hiện tinh thần cách mạng, ý chí gang thép của Hồ Chí Minh, là nhân cách, phong thái thể hiện trong tâm hồn, khí phách của một con người mà gông cùm, song sắt nhà tù không thể trói buộc, không khóa nổi lời thơ, không ngăn được những rung động tâm hồn tinh tế trước thiên nhiên, tạo vật; là lòng nhân ái bao la đối với con người. Và trên hết, Nhật ký trong tù thể hiện nhất quán tư tưởng đấu tranh cho tự do của con người; là niềm mong mỏi giải phóng đất nước, khát vọng thiết tha giành độc lập, tự do: Một canh... hai canh... lại ba canh/ Trằn trọc băn khoăn giấc chẳng thành/ Canh bốn, canh năm vừa chợp mắt/ Sao vàng năm cánh, mộng hồn quanh (Không ngủ được).

**Nếu như “văn là người” thì Nhật ký trong tù phản ánh trung thực tâm hồn và khí phách người chiến sĩ cộng sản Hồ Chí Minh.** Tập thơ tỏa sáng một nhân cách văn hóa lớn, biết hòa mình vào vũ trụ, vào thân phận những kẻ bất hạnh, những người bị vùi dập trong xã hội bất công và tự nguyện làm người bạn muôn đời của thế giới đau thương. Chất thép hòa quyện với chất thơ trong hồn thơ Hồ Chí Minh là ở đó. Chính vì vậy, 70 năm từ khi ra đời đến nay, Nhật ký trong tù luôn có sức cuốn hút, lan tỏa kỳ diệu. Tác phẩm đã được các tầng lớp nhân dân đón đọc, trở thành món ăn tinh thần của mỗi người dân đất Việt, được đưa vào giảng dạy trong các nhà trường.

Tác phẩm không chỉ được phổ biến sâu rộng trong nước mà còn được đánh giá cao và được giới thiệu bằng nhiều thứ tiếng trên thế giới: Trung Quốc, Nga, Anh, Pháp, Đức, Bồ Đào Nha, Hàn Quốc v.v... Với Nhật ký trong tù, chúng ta may mắn có được bức chân dung tự họa của con người Hồ Chí Minh. Qua cuộc đời Hồ Chí Minh, chúng ta càng hiểu thêm giá trị Nhật ký trong tù. Từ thực tế, có thể khẳng định, 70 năm sau, năng lượng tinh thần ngời sáng, tấm gương đạo đức cách mạng cao cả của bậc minh triết Hồ Chí Minh lan tỏa từ Nhật ký trong tù vẫn “tu dưỡng” hết thảy chúng ta...

**Bài 2**

**Phát biểu về tập “Nhật kí trong tù”, nhà thơ Xuân Diệu có viết: “Cái hay vô song của tập thơ là chất người cộng sản Hồ Chí Minh”. (Yêu thơ Bác, tạp chí văn học số 5/1966). Anh (chị) hiểu ý kiến trên như thế nào? Hãy phân tích các bài thơ trong tập Nhật kí trong tù để chứng minh.**

**Bài làm**

Học tập thơ văn của Chủ tịch Hồ Chí Minh, điều quan trọng nhất là chúng ta học được cách làm người của Bác kính yêu. Thơ Bác đẹp, hấp dẫn chúng ta trước hết bởi vì cuộc đời Bác đẹp, tâm hồn Bác đẹp. Phát biểu về tập Nhật kí trong tù, nhà thơ Xuân Diệu có viết: “Cái hay vô song của tập thơ là chất người cộng sản Hồ Chí Minh”.

Sự nghiệp chính của Bác là hoạt động cách mạng. Bác chưa một lần hối hận mình là nhà văn, nhà thơ. Nhật kí trong tù trước hết là một tập nhật kí của một người tù cộng sản nhằm ghi lại những sự việc bình thường hằng ngày mà tác giả trải qua. Thật may mắn, tập thơ đã đến với chúng ta, giúp chúng ta hiểu thêm một quãng đời gian khổ của vị lãnh tụ vĩ đại.Thông qua tập thơ, ta hiểu thêm về con người Bác. Đúng như nhà thơ Xuân Diệu đã nói” Cai hay vô song của tập thơ”, sợ chỉ đỏ xuyên suốt là phẩm chất cao đẹp của người chiến sĩ cộng sản Hồ Chí Minh.

Nói đến “chất người cộng sản” trước hết nói đến những phẩm chất tốt đẹp của con người chân chính nói chung. Phẩm chất ấy được thể hiện qua tình yêu quê hương, đất nước và tình yêu con người; đấy chính là tình thần căm thù sự bất công tàn bạo. Đặc biệt phẩm chất người cộng sản được thử thách qua việc chiến đấu kiên cường sẵn sàng hy sinh phấn đấu vì lí tưởng cộng sản cao đẹp.

Chúng ta còn nhớ, vào năm 1942 trên đường sang Trung Quốc công tác, Bác đã bị bọn Tưởng Giới Thạch bắt giam. Chúng giải Bác qua nhiều nhà lao, Bác đã phải chịu đựng bao gian khổ của chế độ nhà tù tàn bạo. Bị đọa đày, Bác vẫn bình tĩnh, lạc quan tin tưởng vào sự tất thắng của ...

Trước cách mạng, Bác có một tình yêu bao là rộng lớn. Trước hết, đấy là tình yêu con người. Bác cảm thông sâu sắc với những người bạn tù cùng cảnh ngộ. Nghe tiếng sáo của người bạn tù, Bác viết thành bài thơ:

Bỗng nghe trong ngục sáo vi vu.

Khúc nhạc tình quê chuyển điệu sầu:

Muốn dặm quan hà khôn xiết nỗi.

Lên lầu ai đó ngóng trông nhau.

Qua tiếng sáo, Bác hình dung ra không chỉ nỗi niềm của người thổi sao mà con vẽ lên được ở một vùng quê xa xôi kia có người vợ của người bạn tù dõi mắt ngóng về phía chân trời xa, nơi chồng mình bị giam cầm. Từ tình thương người bạn tù, Bác gửi nỗi niềm cảm thông của mình đến với những người thân của họ. Có lần, bỗng bác nghe thấy một cháu bé khóc, khi biết nguyên nhân phải vào tù, Bác đã xúc động viết bài Cháu bé trong nhà lao Tân Dương:

Oa…!Oa…!Oa…!

Cha trốn không đi lính nước nhà.

Nên nỗi thân em vừa nửa tuổi

Phải theo mẹ đến ở nhà pha.

Trong lao tù, Bác phải chịu biết bao cay đắng cực khổ, nhưng ta ít thấy Bác nói về nỗi khổ của mình, có chăng nỗi khổ ấy được nói đến kèm theo một nụ cười hóm hỉnh, còn chủ yếu Hồ Chủ tịch nói về nỗi khổ của người khác với sự cảm thông chân thành. Đọc lại những bài thơ, chúng ta vô cùng xúc động trước tình thương bao la của Người dành cho những ai cùng cảnh ngộ, những ai bị đày đọa cực khổ trong chế độ xã hội bất công.

Yêu thương con người chân thành tha thiết, đồng thời Hồ Chủ tịch cũng là người yêu quí thiên nhiên. Thiên nhiên đối với Bác vừa gần gũi, vừa sinh động tươi đẹp. Người viết nhiều về thiên nhiên. Dường như, trong thơ Bác, thiên nhiên và con người có sự hòa hợp thật đáng quí. Dưới đây là một bài thơ Bác sáng tác ngay trên đường chuyển nhà lao:

Mặc dù bị trói chân tay,

Chim ca rộn núi hương bay ngát rừng;

Vui say ai cấm ta đừng,

Đường xa âu cũng bớt chừng quạnh hiu.

Vượt lên sự đau khổ về thân xác, Bác hòa tâm ...

Hòa hồn mình vào cảnh đất trời tươi đẹp, thưởng thức tiếng chim ca rộn rã ở chốn núi rừng ngào ngạt hương bay. Bác bị trói, giải đi đường mà ung dung tự tại như một tiên ông say cảnh thiên nhiên. Người đọc cũng cảm thấy lòng mình hứng khởi qua cách nhìn cảnh vật của Bác. Đằng sau vẻ đẹp của thiên nhiên là hình ảnh của một người tù cộng sản với niềm tin vô bờ vào ngày mai tươi sáng của Cách mạng. Người đã từng tâm niệm:

Ví không có cảnh đông tàn

Thì đâu có cảnh huy hoàng ngày xuân

Nghĩ mình trong lúc gian truân.

Tai ương rèn luyện tình thần thêm hăng.

Vì tin tưởng vào tiền đồ của dân tộc, của cách mạng nên Bác Hồ đã vượt qua mọi gian khổ, hy sinh chiến đấu. Bác coi lao tù chính trị là nơi thử thách dũng khí của người cộng sản. Dũng khí ấy được Bác thể hiện qua nhiều bài thơ. Phải chăng đó là những nhân tố tạo nên phẩm chất của người chiến sĩ cộng sản: trung thành với lí tưởng, suốt đời phấn đấu hi sinh vì lí tưởng cao đẹp? Kẻ thù có thể giam cầm được thân thể Bác, nhưng chúng không sao có thể giam cầm được tinh thần Bác. Bác đã nói về điều này một cách ngắn gọn và giản dị:

Thân thể ở trong lao

Tinh thần ở ngoài lao,

Muốn nên sự nghiệp lớn,

Tinh thần càng phải cao.

Ý thức được về hoàn cảnh xung quanh, có ý chí tận dụng mọi cơ hội để phụ sự lí tưởng là một đặc điểm trong nhân cách người cộng sản Hồ Chí Minh vĩ đại. Tổ quốc là hình ảnh luôn thường trực trong tâm trí Bác. Vì Tổ quốc, vì nhân dân, Người ra đi tìm đường cứu nước. Với hai bàn tay trắng, Bác đã đặt chân lên khắp châu Âu, châu Mĩ, đã làm đủ nghề cực nhọc để sinh sống, học hỏi và “tìm hình của nước”. Tổ quốc đây chính là nhân dân lao động, là đất nước đang đau thương đòi giải phóng…Cảm động biết bao khi chúng ta đọc được bài “Không ngủ được”.

Một canh…hai canh…lại ba canh,

Trằn trọc, băn khoăn giấc chẳng thành

Canh bốn, canh ...

... năm vừa chợp mắt,

Sao vàng năm cánh mộng hồn quanh.

Sao vàng, đấy chính là hình ảnh của Tổ quốc, của đất nước. Bác trằn trọc băn khoăn biết bao đêm trường vì Tổ quốc. Vừa chợp mắt, hình ảnh thân thương ấy lại hiện về. Và hạnh phúc cho nhân dân, độc lập tự do cho Tổ quốc chính là khát vọng duy nhất, lớn lao trong suốt cả cuộc đời của Bác, của một người “nâng niu tất cả chỉ quên mình” (Tố Hữu).  
 Trong Nhật kí trong tù, chất người cộng sản thấm đượm vào từng bài thơ, từng câu thơ. Người đọc ngày càng phát hiện rõ chất người cộng sản trong bài Tự khuyên mình, Không ngủ được – những bài Bác viết về chính bản thân mình – và cũng có thể thể thấy được qua những bài ca ngợi thiên nhiên tươi đẹp trên đất nước Trung Hoa như Cảnh ngoài đồng, Chiều tối…những bài viết về những người cùng cảnh ngộ lao tù với Bác: Vợ người tù đến thăm chồng, Cờ bạc…, những người lao động vất vả như Phu làm đường… chất người cộng sản cao quý này đã tạo nên trong thơ Bác chất thép cứng rắn thể hiện qua tình thần chiến đấu không mệt mỏi vì lí tưởng cộng sản “mài chẳng khuyết, nhuộm chẳng đen” (Nguyễn Trãi), đồng thời nó cũng tạo nên tình yêu mênh mông trong thơ Bác, xuất phát từ con tìm thật dễ rung động trước một cuộc đời sẵn lòng chia sẻ niềm vui và nỗi buồn với bao kiếp người cùng khổ. Nhà thơ Hoàng Trung Thông đã nói hộ chúng ta những cảm nghĩ rất sâu sắc và sức hấp dẫn trong thơ của Hồ Chủ tịch:

Tôi đọc trăm bài trăm ý đẹ

Ánh đèn tỏa rạng mái đầu xan

Vần thơ của Bác vần thơ thép

Mà vẫn mênh mông bát ngát tình.

Nhận định của nhà thơ Xuân Diệu có phần thiên về mặt nội dung trong thơ của Bác. Thật ra, chất người cộng sản trong thơ của Bác có thể đến với chúng ta, chinh phục sự ngưỡng mộ của chúng ta lại còn nhờ vào tài năng của người chiến sĩ –thi sĩ Hồ Chí Minh. Thơ Bác thật giản dị, nhưng cũng thật sâu sắc. Thơ Bác nói ...

Lời ít gợi nhiều, Bác đề cập đến mọi đề tài. Từ chiếc gậy, cái răng rụng, đến con muỗi, con rệp…đều có thể đi một cách tự nhiên vào thơ Bác. Nhật kí trong tù tuy viết bằng chữ Hán, đề cập đến nhiều vấn đề hiện đại, thể hiện tư tưởng tình cảm của một chiến sĩ cộng sản, nhưng cả về mặt nội dung cũng như hình thức đều đậm đà tính dân tộc gần gũi với chúng ta, vừa cổ điển vừa hiện đại.

Ngày nay, đọc Nhật kí trong tù, trước hết làm chúng ta nhớ lại một quãng đường hoạt động cách mạng cực kì gian khổ của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Đồng thời chúng ta cũng có điều kiện hiểu biết về những phẩm chất cao đẹp của Bác Hồ. Những phẩm chất này đã được thể hiện khá sinh động qua một số bài thơ của tập Nhật kí trong tù. Tựu trung lại, phẩm chất cao đẹp ấy là “chất người cộng sản” như nhà thơ Xuân Diệu đã nhận xét và chính nó đã tạo nên giá trị vô song cho tác phẩm.

Trước mắt chúng ta hiện nay còn không ít khó khăn gian khổ, thế hệ trẻ tìm thấy trong “chất người cộng sản Hồ Chí Minh” một nguồn cổ vũ lớn lao. Nhiều bài thơ của Bác, khi đọc lên đường như tiếp cho chúng ta sức mạnh để đi tới, để “không ngừng thế tấn công”. Tấn công vào cái tiêu cực của xã hội, tấn công vào nhứng tính toán nhỏ nhen ích kỉ trong lòng mình, hướng tới một điều tốt đẹp hơn, sẵn sàng đón nhận mọi phong ba thử thách…để có thể trở thành một công dân có ích.

Đọc thơ Người, học tập đạo lí làm người của Bác là một điều không phải là dễ dàng, nhất là trong hoàn cảnh hiện nay. Nhưng, phải chăng đấy là cách tốt nhất để chúng ta tu dưỡng, rèn luyện để có thể tự tin bước vào đời với “chất người cộng sản” cao đẹp?

**Đề bài : Khi nói về tập thơ Nhật kí trong tù, nhà thơ Xuân Diệu nhận xét: “ Cái hay vô song của tập thơ là chất người cộng sản Hồ Chí Minh”. Chất người cộng sản ấy đã toả sáng trong mỗi bài thơ, vần thơ tạo thành sức hấp dẫn, sức sống lâu bền trong lòng nhiều thế hệ độc giả.**

**Mở bài**

Chủ Tịch Hồ Chí Minh không chỉ là một chiến sĩ cách mạng, nhà ngoại giao lỗi lạc, nhà quân sự tài ba…Người còn là một nhà thơ nổi tiếng trong nền thi ca nhân loại. Thơ Bác luôn thể hiện một tâm hồn rộng mở, lạc quan yêu đời, một nụ cười hóm hỉnh, tươi vui và đầy niềm tin chiến hơn thế nữa, đàng sau mỗi câu thơ của người còn thể hiện chất người cộng sản kiên trung..Bài thơ đi đương chính la một minh chứng cho điều đó.

**1. Hình tượng người đi đường luôn vận động theo mạch cảm xúc thơ được liên tục gợi mở, triển khai trong bài thơ.** Người xưa có nhắc: Đọc sách người ấy, đọc thơ người ấy phải biết con người ấy là thế. Bài thơ "Đi đường" - Tẩu lộ không chỉ là bức tranh về con đường chuyển lao đầy rẫy nhọc nhằn trở ngại, đó còn là bức tranh chân dung tinh thần tự họa Hồ Chí Minh. Câu mở đầu là nhận xét chung của Bác về chuyện đi đường: Tẩu lộ tài tri tẩu lộ nan

(Đi đường mới biết gian lao).

**Nhận xét, đánh giá 🡆** Câu thơ là một nhận định nhưng đồng thời cũng là một chân lí: Có đi đường mới biết những sự vất vả, khó khăn của việc đi đường. Câu thơ tiếp là hình ảnh miêu tả cụ thể khách quan về đường đi gian khó, cũng là sự phát triển ý thơ, mạch thơ của câu thơ đầu. Nó cụ thể hóa những gian lao trên đường đi thành hình ảnh: Trùng san chi ngoại hựu trùng san ( Núi cao rồi lại núi cao trập trùng). Nó làm sáng tỏ cái ý gian lao ở câu thơ thứ nhất. “Trùng san” có nghĩa là trùng trùng lớp lớp núi cao; “hựu”là “lại, lại lần nữa".

**Bình luận 🡆** Trong một câu thơ mà có tới hai chữ “trùng san" ở đầu và cuối câu, lại có thêm chữ “hựu” tạo nên tiết tấu câu thơ dồn nén, nhanh, mạnh hơn. Không những thế còn tạo nên cấu trúc khép kín, kết cấu trùng lặp tăng tiến cho câu thơ. **Nhận xét, đánh giá 🡆** Câu thơ không chỉ gợi nên hình ảnh những đỉnh núi nhọn hoắt cao vút trời xanh trập trùng, nối tiếp, chồng lên nhau chạy mãi đến chân trời mà còn gợi hình ảnh kẻ chinh nhân bị đẩy vào tình thế bị hãm chặt lại, bị vây bọc bịt bùng giữa ba bề bốn bên là rừng núi.

**Phân tích từ ngữ 🡆** Một chữ “hựu” đơn giản mà gợi được bao nhiêu điều chất chứa, nặng nề trong tâm trí người tù. Bởi vì vừa mới vượt được một dãy núi cao này chưa kịp nghỉ ngơi lại nối tiếp những dãy núi cao khác. Giữa khung cảnh thiên nhiên ấy, con người vốn nhỏ bé, yếu ớt lại càng thêm nhỏ bé, yếu ớt hơn. Đường xa, vực sâu, dốc đứng… biết bao trở ngại, thách thức dễ làm cho con người chán nản, ngã lòng. **Nhận xét, đánh giá 🡆** Nhưng đối với Bác thì hoàn toàn ngược lại. Giữa vòng vây núi non trập trùng, hoang vu đó nổi lên hình ảnh một con người với nghị lực, sức mạnh phi thường. Và bởi vậy, hai câu thơ cuối bài đã thực sự thăng hoa:

“Trùng san đăng đáo cao phong hậu

Vạn lí dư đồ cố miện gian”

Hai câu thơ được dịch khá sát là:

“Núi cao lên đến tận cùng

Thu vào tầm mắt muôn trùng nước non”.

**Phân tích từ ngữ và bình luận🡆** Câu thơ chữ Hán dừng lại ở âm thanh chắc nịch của chữ “hậu”, tạo nên âm hưởng rắn rỏi, mạnh mẽ. Câu thơ dịch có âm điệu dàn trải như tiếng thở phào sung sướng, nhẹ nhõm. Câu thơ thứ hai kết thúc bằng hình ảnh “trùng san”, câu thơ thứ ba mở đầu cũng bằng hình ảnh ấy. Trong thơ dịch không liền như thế nhưng cũng lặp lại từ “núi cao”… “núi cao”…

**Phân tích nghệ thuật, giọng thơ🡆** Âm điệu ấy nâng con người lên cái thế tưởng như bình thường nhưng thực ra lại rất hào hùng. Thêm nữa, hai câu thơ này được cấu trúc trên mối quan hệ điều kiện – hệ quả. Khi đã chiếm lĩnh được đỉnh cao chót (cao phong hậu) thì muôn dặm nước non (vạn lí dư đồ) thu cả vào tầm mắt: **Bình luận**, **liên hệ🡆** Muốn vượt qua các lớp núi lên đến đỉnh cao chót vót thì phải có quyết tâm và nghị lực lớn. Sau những vất vả, nhọc nhằn của con đường leo núi, khi đã lên đến tận đỉnh người tù cách mạng mặc dù cổ đeo gông, chân vướng với một hành trình nặng nề, mệt mỏi được chứng kiến một hình ảnh vô cùng hùng vĩ “muôn trùng nước non”.

Con người đã đến đích sau cuộc hành trình muôn vàn gian khổ. Bài thơ kết thúc ở niềm vui, niềm kiêu hãnh to lớn đó. Âm hưởng câu thơ cuối ngân vang thể hiện niềm lạc quan vô hạn trước tương lai tươi đẹp. Như vậy, ý thơ và mạch thơ luôn đuợc phát triển và mở rộng liên tục một cách vừa tự nhiên, hợp lý vừa bất ngờ, thú vị tạo nên những vỉa tầng ý nghĩa sâu sắc cho văn bản. Theo đó, hình tượng người đi đường cũng dần dần phát lộ những vẻ đẹp riêng, đáng quý của mình.

**2. Hình tượng người đi đường ở đây còn giàu cảm hứng thơ.** Bài thơ ra đời trong những năm tháng Bác Hồ bị bắt giam trong nhà lao Tưởng Giới Thạch. Bác bị chúng giải đi hết nhà lao này đến nhà lao khác. Trong những ngày bị tù đày, Hồ Chí Minh bị áp giải qua nhiều nhà lao. Theo Trần Dân Tiên trong những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch thì Người bị giam giữ trong gần ba mươi nhà lao huyện và xã. Chuyện đi đường là việc xảy ra hằng ngày.

Bác cũng đang bằng cảnh ngộ riêng của mình, rút ra bài học cho chính mình. Nguyên tác bài thơ bằng chữ Hán, theo thể thất ngôn tứ tuyệt (bảy chữ, bốn câu). Sự hàm súc, cô đọng của ngôn từ cùng niêm luật nghiêm ngặt của thơ Đường không bó buộc nổi tứ thơ phóng khoáng và cảm xúc dạt dào của thi nhân trước hiện thực của bản thân. Bản dịch ra tiếng Việt theo thể lục bát tuy có làm mềm đi đôi chút cái âm điệu rắn chắc, khỏe khoắn vốn có của nguyên tác nhưng vẫn thể hiện được nội dung tư tưởng và giá trị nghệ thuật của bài thơ.

Bài thơ Đi đường mở đầu cho hành trình bị áp giải: Tẩu lộ tài tri, tẩu lộ nan (Có đi đường mới biết đường đi khó). Như những nốt nhấn đúng nhịp (nhịp 4/3), câu thơ hàm súc, dồn nén mà chan chứa cảm xúc đúc rút từ hiện thực của bao hành trình vất vả, hiểm nguy mà Bác đã phải trải qua. Đó vừa như một nhận xét vừa như một nghiền ngẫm, suy nghĩ chiêm nghiệm bằng chính mồ hôi, nước mắt, máu thịt của mình. Đó là tinh thần thép, là vẻ đẹp tâm hồn Bác. Người đó là chiến sĩ nhưng cũng là thi sĩ nên đã trải trái tim mình trên suốt chặng đường đi. Người ấy cũng là triết nhân nhưng không hề tư biện, không minh hoạ tư tưởng có sẵn bằng hình ảnh sáo mòn mà suy ngẫm trong sự sống đầy cảm xúc của chính mình. Điều đó làm cho bài thơ triết lý vẫn rung động lòng người và tư tưởng của nó đã đi sâu vào tâm trí người đọc.

Bằng thể thơ nhật kí gần gũi, chân thật, từ ngữ giản dị, quen thuộc, câu thơ đọc lên có một độ ngân rung từ nỗi niềm có thật. Đọc câu thơ tưởng nhẹ nhõm tựa lông hồng này ta thấy một sức mạnh ngàn cân bởi nó được rút ra từ chính cảnh cơ cực của nhà thơ. Câu thơ như một lời nhận xét thốt ra rất tự nhiên của người tù đã thấm mệt trên con đường bị giải đi. Đây chính là một sự trải nghiệm, một câu thơ được đánh đổi bằng chính những ngày đi đường gian khổ vất vả của Bác. Một chữ tài tri ( mới biết) đơn giản vậy thôi mà ẩn chứa bao nhiêu vất vả, nhọc nhằn và bao ý vị cuộc đời ở đó.

**3. Không những thế, hình tượng người đi đường còn đầy chiêm nghiệm, triết lý về cuộc đời.** Bài thơ ghi lại những điều cảm nhận được trên đường đi nhưng khác ở chỗ sự cảm nhận ấy đã được khái quát và nâng cao lên thành triết lí. Do đó, ngoài ý nghĩa hiện thực, bài thơ còn chứa đựng ý nghĩa tượng trưng thâm thúy.

Con đường ấy là con đường chuyển lao nhưng cũng là con đường cách mạng, con đường sự nghiệp, con đường đời. Đi đường đã gợi ra một chân lí: đường đời, đường cách mạng nhiều chông gai, thử thách, nhưng nếu quyết tâm vượt qua, con người nhất định sẽ đạt được những thắng lợi rực rỡ. Bài học đi đường thật là vô giá. Đích của bài thơ là một bài học, một quy luật: Muốn có tầm cao về tâm hồn, trí tuệ phải chịu khó vượt qua nhiều gian lao thử thách. Gian lao càng nhiều, thử thách càng cao thì tâm hồn, trí tuệ càng được nâng cao, mở rộng. Gian khó được coi là cái giá của tầm cao tư tưởng và tâm hồn.

Tóm lại, bằng ngôn từ giản dị và nét bút tài hoa của người nghệ sĩ, Bác đã vẽ nên bức tranh thiên nhiên hùng vĩ và trên cái nền hoành tráng đó, nổi bật lên hình ảnh người đi đường vừa có thần thái ung dung, bình tĩnh của một bậc tiên phong đạo cốt vừa có nét kiên cường rắn rỏi, bản lĩnh, đầy lạc quan của một người chiến sĩ cách mạng. Và trên hết Tẩu lộ (Đi đường) là một bài học triết lý sâu xa về đường đời. Bài thơ hấp dẫn, có sức sống lâu bền trong trái tim người đọc và ở lại đó như một điều tâm đắc, một điều chiêm nghiệm và từ đó trở thành phương châm sống, thành ý chí và hành động của mỗi con người./.

**Hình ảnh Bác Hồ qua những bài thơ em đã học và đọc thêm trong chương trình Ngữ văn THCS**

**Gợi ý**

Thế giới có hơn 6 tỉ người nhưng danh nhân văn hoá là con số đếm được trên đầu ngón tay. Và trong số đó lại càng hiếm hơn những người là danh nhân văn hoá kiệt xuất. Nước Việt Nam của chúng ta tự hào vì đã có một con người như thế. Người là Chủ tịch Hồ Chí Minh, là Bác Hồ giản dị muôn vàn kính yêu của mỗi chúng ta.

*Tháp Mười đẹp nhất bông sen*

*Việt Nam đẹp nhất có tên Bác Hồ*

Bác đã từ lâu đã trở thành nguồn cảm hứng của thơ và nhạc. Hình ảnh Bác, vị lãnh tụ kính yêu từ cuộc đời thật bước vào tác phẩm nghệ thuật đẹp đẽ lạ kì: vừa giản dị, gần gũi vừa vĩ đại thiêng liêng. Hình ảnh Bác là bất tử, là bài ca không bao giờ tắt trong dòng văn học Việt Nam.

Hình ảnh Bác thể hiện ý chí đấu tranh giành độc lập, tự do của dân tộc. Thơ ca Việt Nam theo chân Người trong cuộc ra đi tìm đường cứu nước rồi đến khi Người trở về Tổ quốc thân yêu. Ít có nhà thơ nào lại viết được hay như Chế Lan Viên. Cảm xúc về cuộc hành trình của vị lãnh tụ được nhà thơ diễn tả thật xúc động:

*Đất nước đẹp vô cùng.Nhưng Bác phải ra đi.*

*(Người đi tìm hình của nước)*

Người cất bước ra đi mà lòng nặng trĩu nỗi buồn chia xa đối với quê hương xứ sở, một cuộc hành trình thầm lặng của một con người mà đầy ý nghĩa lớn lao với lịch sử của một dân tộc. Cái tôi vĩ đại ở Bác đã hoà vào cái "ta" chung của dân tộc, đối lập với những "cái tôi" bé nhỏ tầm thường:

*Lũ chúng ta ngủ trong giường chiếu hẹ****p***

*Giấc mơ con đè nát cuộc đời con.*

*Hạnh phúc đựng trong một tà áo đẹp*

*Một mái nhà yên rủ bóng xuống tâm hồn.*

Và sau những tháng năm cay đắng, khổ tận đã đến ngày cam lai, Người đã tìm ra con đường, tìm ra chân lý sống còn cho cả dân tộc.

*Luận cương đến. Và Người đã khóc*

*Lệ Bác Hồ rơi trên chữ Lê-nin*

*Bốn bức tường im nghe Bác lật từng trang sách*

*Tưởng bên ngoài đất nước mong tin*

Trong niềm xúc động nghẹn ngào vì đã tìm ra ánh sáng của con đường cách mạng mà Người đã cố kiếm tìm, Bác đã reo lên với nhiều cảm xúc vui mừng khôn xiết. Từ lời kể chân thành giản dị của Người, Chế Lan Viên đã viết lên nhiều vần thơ như tạc vào lịch sử một sự kiện vô cùng trọng đại:

*Bác reo lên một mình như nói cùng dân tộc*

*"Cơm áo là đây!Hạnh phúc đây rồi!"*

*Hình ảnh Đảng lồng trong hình của nước*

*Phút khóc đầu tiên là phút Bác Hồ cười.*

Còn niềm sung sướng nào hơn niềm sung sướng này? Còn sự xúc động nào ngọt ngào hơn với Bác như lúc này? Người đã phát hiện ra chỉ có con đường cách mạng vô sản mà luận cương của Lê-nin đã chỉ ra mới đem lại hạnh phúc ấm no cho dân tộc. Vậy là dân tộc Việt Nam đã có ánh sáng thái dương đem áng sáng lí tưởng cách mạng soi rọi cho triệu triệu người, là biểu hiện của nỗi khát khao độc lập vô bờ của nước Việt Nam, dân tộc Việt Nam. Cảm xúc của Bác lắng đọng trong từng câu chữ của Chế Lan Viên và hình ảnh Bác trong "Người đi tìm hình của nước" thật vĩ đại, là ước vọng của tự do, độc lập của các dân tộc khắp năm châu.

Không chỉ thế, hình ảnh Bác với tình thương bao la của mình là đề tài chủ yếu của thơ ca Việt Nam.Với toàn thể nhân dân, tình thương của Bác thể hiện thật sâu sắc.Minh Huệ đã phản ánh điều này trong bài thơ "Đêm nay Bác không ngủ" rất chân thực.

*"Rồi Bác đi dém chăn*

*Từng người từng người một*

*Sợ cháu mình giật thột*

*Bác nhón chân nhẹ nhàng."*

Đó là sự chăm sóc ân cần với những người chiến sĩ. Còn đây là tình cảm của Người đối với đoàn dân công vất vả, thiếu thốn, chịu đựng gian khổ khó khăn vì cuộc kháng chiến dân tộc:

*Bác thương đoàn dân công*

*Đêm nay ngủ ngoài rừng*

*Rải lá cây làm chiếu*

*Manh áo phủ làm chăn*

*Trời thì mưa lâm thâm*

*Làm sao cho khỏi ướt*

*Càng thương càng nóng ruột*

*Mong trời sáng mau mau.*

*(Đêm nay Bác không ngủ)*

Tình thương của Bác thể hiện ở nhiều cung bậc khi là sự "nóng ruột" bồn chồn không ngủ được vì lo cho bộ đội, dân công, khi lại thao thức năm canh vì lo vận mệnh đất nước.Đặc biệt tình cảm Bác dành cho đồng bào Miền Nam thật sâu nặng nghĩa tình. Tố Hữu cho ta cảm nhận được điều đó trong bài "Bác ơi":

*Bác nhớ miền Nam nỗi nhớ nhà*

*Miền Nam mong Bác nỗi mong cha.*

Quả là những tình cảm gắn bó máu thịt thiết tha.Tiếc thay đến ngày nước nhà thống nhất thì Bác đã không còn.Người ra đi vĩnh viễn nhưng vẫn để lại muôn vàn tình thương.

Tình thương ấy rõ nét nhất với thiếu niên nhi đồng. Bác thương một cháu bé trong nhà lao Tân Dương của Tưởng Giới Thạch mới nửa tuổi đã phải đến ở chốn tù lao với mẹ vì cha cháu trốn lính:

*Oa...! Oa...! Oa...!*

*Cha trốn không đi lính nước nhà*

*Nên nỗi thân em vừa nửa tuổi*

*Phải theo mẹ đến ở nhà pha.*

*(Nhật kí trong tù -* Hồ Chí Minh)

Nhà thơ Tố Hữu trong "Theo chân Bác" đã nói được niềm sâu thẳm trong, tâm hồn Bác nỗi lòng hướng đến trẻ thơ, đến các cháu thiếu niên nhi đồng:

*Ô! vẫn còn đây của các em*

*Chồng thư mới mở, Bác đang xem*

*Chắc Người thương lắm lòng con trẻ*

*Nên để bâng khuâng gió động rèm.*

Tình thương luôn là vô hình nhưng lại hữu hình trong tình thương của Người với dân tộc.Một tình thương bao la rộng lớn mà ta cảm thấy và muôn triệu lớp lớp người Việt Nam đều cảm thấy ấm lòng khi nghĩ về vị cha già dân tộc Hồ Chí Minh.

Không những thế ta còn cảm nhận qua các bài thơ về Bác nhiều phong cách Hồ Chí Minh rất gần gũi, đặc biệt. Người là con người giản dị thanh đạm.

*Mong manh áo vải hồn muôn trượng*

*Hơn tượng đồng phơi những lối mòn.*

Cuộc đời của vị Chủ tịch nước mà thanh đạm vô cùng.

*Nhà gác đơn sơ một góc vườn*

*Gỗ thường mộc mạc chẳng mùi sơn*

*Giường mây chiếu cói đơn chăn gối*

*Tủ nhỏ vừa treo mấy áo sờn.*

* Bác ta luôn thấy phong cách của một con người bình thường mà vĩ đại, một con người hiểu biết uyên thâm nhưng rất gần gũi, bình dị.

Thêm nữa ta thấy ở Người một bản lĩnh phi thường, một phẩm chất cao quí có sự hoà hợp giữa chất thép và tình.Dẫu hoàn cảnh tù đầy nhưng Người luôn kiên cường bất khuất, giữa chốn địa đầy đau khổ nhưng vẫn yêu thiên nhiên.

*Người ngắm trăng soi ngoài cửa sổ*

*Trăng nhòm khe cửa ngắm nhà thơ.*

Ôi! Thật là sang cuộc đời cách mạng, thơ ca Việt Nam đồng tình với Người, đồng tình với tư tưởng và lòng yêu nước cao cả. Hình ảnh Bác với phong thái của mình sẽ mãi là bài ca yêu nước và tự hào dân tộc mà Viễn Phương đã viết lên bản tình ca về Bác thật sâu sắc, cảm động.

*"Ngày ngày mặt trời đi qua trên lăng*

*Thấy một mặt trời trong lăng rất đỏ*

*Ngày ngày dòng người đi trong thương nhớ*

*Kết tràng hoa dâng bẩy mươi chín mùa xuân.*

(Viếng lăng Bác)

Người đã ra đi nhưng thơ ca Việt Nam, đất nước và con người Việt Nam còn nhắc mãi tên Người: "Hồ Chí Minh tên Người là cả một niềm thơ". Quả như vậy, hình ảnh Bác Hồ là hình của nước là muôn thế hệ sau vẫn ngợi ca tự hào, vẫn mãi là nguồn cảm hứng không nguôi cho mảnh đất văn nuôi dưỡng tâm hồn.

*Đố ai đếm được lá rừng*

*Đố ai đếm được mấy tầng trời cao*

*Đố ai đếm được vì sao*

*Đố ai đếm được công lao Bác Hồ*

*Bác Hồ là vị cha chung*

*Là sao Bắc Đẩu, là vầng Thái Dương.*

**BÀI THƠ: CẢNH KHUYA**

### **Đôi nét về tác phẩm Cảnh khuya**

**1. Hoàn cảnh ra đời bài thơ Cảnh Khuya**

- Thời gian: 1947

- Địa điểm: chiến khu Việt Bắc

- Hoàn cảnh: trong những năm tháng đầu của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 - 1954). Cuối năm 1947, quân Pháp ồ ạt tấn công lên Việt Bắc, hòng tiêu diệt lực lượng chủ yếu và cơ quan đầu não lãnh đạo cuộc kháng chiến. Chiến dịch Việt Bắc của quân và dân ta đã làm thất bại ý đồ của địch và tiêu diệt nhiều lực lượng của chúng. Bài thơ Cảnh khuya đã được Hồ Chí Minh viết trong những đêm sống tại núi rừng Việt Bắc để lãnh đạo chiến dịch.

**2. Thể thơ**

- Bài thơ Cảnh khuya được viết theo thể Thất ngôn tứ tuyệt.

**3. Phương thức biểu đạt**

- Phương thức biểu đạt của bài thơ Cảnh khuya là miêu tả và biểu cảm.

**4. Bố cục bài thơ Cảnh khuya**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***STT*** | ***Giới hạn*** | ***Nội dung*** |
| Phần 1 | Hai câu thơ đầu | * Khung cảnh thiên nhiên, núi rừng Việt Bắc trong đêm trăng. |
| Phần 2 | Hai câu thơ cuối | * Hình ảnh người thi nhân trong đêm trăng sáng với những suy tư. |

**5. Giá trị nội dung bài thơ Cảnh khuya**

Bài thơ miêu tả cảnh trăng sáng ở chiến khu Việt Bắc trong những năm đầu của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, qua đó thể hiện tình yêu thiên nhiên, tâm hồn nhạy cảm, lòng yêu nước sâu nặng và phong thái ung dung, lạc quan của Bác Hồ.

**6. Giá trị nghệ thuật bài thơ Cảnh Khuya**

- Sử dụng lời thơ, hình ảnh thơ tự nhiên, bình dị, gần gũi.

- Ngôn ngữ giản dị, trong sáng, không hoa mĩ, cầu kì.

- Sử dụng các biện pháp tu từ như so sánh, điệp ngữ… đạt hiệu quả nghệ thuật cao.

**III. Dàn ý phân tích tác phẩm Cảnh khuya**

**1. Mở bài:**

– Dẫn dắt: HS giới thiệu về tác giả, tác phẩm để đi đến giới thiệu bài thơ Cảnh khuya.

-Bác Hồ là nhà thơ lớn của dân tộc. Bác vừa đánh giặc vừa làm thơ.

-Trong kháng chiến chống Pháp (1946 – 1954) Hồ Chủ tịch sống và hoạt động tại chiến khu Việt Bắc. Người có viết một số bài thơ chữ Hán (Thu dạ, Nguyên tiêu, Báo tiệp,…) và thơ tiếng Việt (Cảnh rừng Việt Bắc, cảnh khuya, Đi thuyền trên sông Đáy…).

-Thu đông 1947, chiến dịch Việt Bắc diễn ra vô cùng ác liệt. Trong những đêm thao thức vì nỗi lo cho nước nhà ấy, Bác Hồ đã viết bài thơ "Cảnh khuya".

**2. Thân bài**

**a. Hai câu đầu:**Khung cảnh thiên nhiên, núi rừng Việt Bắc trong đêm trăng.

Tiếng suối trong như tiếng hát xa,

Trăng lồng cổ thụ bóng lồng hoa.

- 2 câu thơ đầu miêu tả khung cảnh núi rừng Việt Bắc trong đêm trăng sáng:

Hình ảnh: trăng, hoa, cổ thụ

Âm thanh: tiếng suối

→ Những hình ảnh, âm thanh gần gũi, chân thực ở vùng núi rừng.

- Các biện pháp nghệ thuật:

+ Biện pháp so sánh: so sánh âm thanh của tiếng suối với âm thanh của tiếng hát - tương đồng về đặc điểm âm thanh: hay, thánh thót và văng vẳng mơ hồ từ phía xa vọng lại.

+ Biện pháp điệp từ: từ “lồng” được lặp lại hai lần trong cùng một câu thơ 7 chữ - làm tăng mạnh thêm sự đan xen, chồng chéo, tràn ngập khó phân của ánh trăng và sự vật. Khiến cho cảnh vật xung quanh trở nên quấn quýt, đan bện khó chia lìa.

+ Thủ pháp lấy “bóng tối” để tả “ánh sáng” - thủ pháp nghệ thuật quen thuộc của các tác phẩm Đường thi: dùng hình ảnh bóng của những cây cổ thụ để gợi lên ánh sáng ngập tràn của vầng trăng (chỉ khi trăng sáng mới thấy rõ được bóng cổ thụ) - khác họa một đêm trăng sáng rõ trong rừng.

+ Thủ pháp chấm phá điểm nhãn - thủ pháp nghệ thuật đặc sắc, quen thuộc của thơ văn trung đại: lấy cái tiêu biểu để gợi nên cả một khung cảnh rộng lớn: nhà thơ chỉ sử dụng hình ảnh cây cổ thụ, tiếng suối, bóng cây - đã khắc họa được một đêm trăng ở chốn rừng núi rộng lớn.

+ Biện pháp tu từ chuyển đổi cảm giác:

Tiếng suối: từ chỉ âm thanh - cảm nhận được bằng thính giác

Trong: từ chỉ đặc điểm - cảm nhận được bằng thị giác

→ Vốn ta không thể nào cảm nhận được âm thanh của dòng suối bằng thị giác được - âm thanh vốn không màu, không hình - không thể xác định là trong hay đục được.

→ Nhà thơ đã dùng tâm hồn của mình để lắng nghe, đồng điệu với tiếng suối rừng, đến như tiếng nhạc rừng xanh nay có thực thể, đến làm bạn với nhà thơ. Chi tiết này thể hiện sự tinh tế của tác giả.

→ Cảnh khuya chiến khu Việt Bắc với bốn nét vẽ: suối, trăng, cổ thụ, hoa - những hình ảnh điển hình trong các tác phẩm Đường thi đã gợi lên cái hồn cảnh vật núi rừng một đêm thu về khuya hơn 50 năm về trước. Cảnh khuya mang vẻ đẹp cổ điển. Nó biểu hiện một tâm hồn thanh cao, một phong thái ung dung tự tại, một tình yêu thiên nhiên chan hòa, dào dạt của nhà thơ Hồ Chí Minh trong kháng chiến gian khổ.

- Liên tưởng mở rộng:

+HS so sánh tiếng suối với những câu thơ:

“Côn Sơn suối chảy rì rầm

Ta nghe như tiếng đàn cầm bên tai.”

(Côn Sơn ca – Nguyễn Trãi)

“Cũng có lúc chơi nơi dặm khách

Tiếng suối nghe róc rách lưng đèo.”

(Khóc Dương Khuê – Nguyễn Khuyến)

+HS so sánh hình ảnh trăng - hoa với những câu thơ:

“Hoa giãi nguyệt, nguyệt in một tấm

Nguyệt lồng hoa, hoa thắm từng bông.

Nguyệt hoa hoa nguyệt trùng trùng

Trước hoa dưới nguyệt trong lòng xiết đâu!”

(Chinh phụ ngâm)

**b. Hình ảnh người thi nhân trong đêm trăng sáng với những suy tư:**

Cảnh khuya như vẽ người chưa ngủ,

Chưa ngủ vì lo nỗi nước nhà.

- Hai câu thơ cuối: hình ảnh con người xuất hiện và trở thành trung tâm của bài thơ. Tác giả sử dụng các biện pháp nghệ thuật một cách tinh tế:

+ Biện pháp tu từ so sánh: so sánh khung cảnh đêm khuya như một bức tranh vẽ, có thể hiểu theo hai nghĩa:

+Khung cảnh chốn rừng núi vào đêm trăng tươi đẹp như một bức tranh.

+Khung cảnh đêm khuya cùng con người trầm tư, yên lặng, không chuyển động - luôn tĩnh lặng như một bức tranh.

+ Biện pháp điệp ngữ chuyển tiếp (điệp ngữ vòng): từ “chưa ngủ” ở cuối câu 3 được lặp lại ở đầu câu 4: nhấn mạnh trạng thái của con người - vẫn đang thao thức dù đêm đã khuya. Đồng thời biện pháp điệp ngữ vòng còn gợi lên sự kéo dài, triền miên, lặp lại của hành động thao thức không ngủ của nhân vật trữ tình.

- Hai chữ “chưa ngủ” là nỗi thao thức, là tâm trạng. “Chưa ngủ” vì “cảnh khuya như vẽ” đã dẫn hồn thi nhân vào cõi mộng say trăng, say thiên nhiên. “Chưa ngủ” còn vì một nỗi sâu xa hơn vì “lo nỗi nước nhà”. Hai câu cuối bài Cảnh khuya đã diễn tả một cách bình dị mà thấm thía tình yêu thiên nhiên thiết tha, tình yêu nước sâu nặng của Bác Hồ. Ở đây tâm hồn thi sĩ đã chan hòa với lý tưởng chiến sĩ như Bác đã nói: “Một ngày mà Tổ quốc chưa được thống nhất, đồng bào còn chịu khổ, là một ngày tôi ăn không ngon, ngủ không yên”.

- Tâm trạng “lo nỗi nước nhà” là tình cảm”ưu ái” của Hồ Chủ tịch, rất sâu sắc mãnh liệt, được nói đến nhiều trong thơ văn của Người thời kháng chiến:

“Lòng riêng riêng những bàng hoàng

Lo sao khôi phục giang san Tiên Rồng.”

(Đi thuyền trên sông Đáy – 1949)

**III. Kết bài:**

- Cảnh khuya là một trong những bài thơ trăng đẹp nhất, hay nhất của chủ tịch Hồ Chí Minh.

- Vẻ đẹp màu sắc cổ điển kết hợp tài tình với tính thời đại.

- Cảm hứng thiên nhiên trữ tình hòa hợp, chan hòa với cảm hứng yêu nước.

- Bài thơ phản ánh một tâm hồn thanh cao, một phong thái ung dung tự tại của một nhà thơ chiến sĩ suốt đời hy sinh phấn đấu cho độc lập, tự do của đất nước và hạnh phúc của nhân dân. Cảnh khuya là bài tứ tuyệt kiệt tác mênh mông, bát ngát tình.

**IV. LUYỆN TẬP.**

**BT1.Cảm nhận về hình ảnh người chiến sĩ cộng sản trong bài thơ Cảnh khuya của Hồ Chí Minh**

**Gợi ý**

*Ôi sáng xuân nay xuân bốn mốt*

*Trắng rừng biên giới nở hoa mơ*

*Bác về im lặng con chim hót*

*Thánh thót bờ lau vui ngẩn ngơ*

Đó là những vần thơ của Tố Hữu viết về giây phút kì diệu, Bác trở về sau ba mươi năm bôn ba nước ngoài tìm đường đi cho dân tộc.

Mùa xuân năm 1941 Bác Hồ về nước trực tiếp lãnh đạo phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc. Căn cứ địa Việt Bắc được chọn làm thủ đô kháng chiến. Trong chiến dịch Thu Đông 1947 ta thắng lớn trên chiến trường Việt Bắc. Cùng thời gian này Bác Hồ viết bài thơ Cảnh khuya. Bài thơ tả cảnh núi rừng Việt Bắc trong đêm trăng đẹp và thể hiện ý chí chiến đấu vì dân tộc của người chiến sĩ cộng sản Hồ Chí Minh:

*Tiếng suối trong như tiếng hát xa*

*Trăng lồng cổ thụ bóng lồng hoa*

*Cảnh khuya như vẽ người chưa ngủ,*

*Chưa ngủ vì lo nỗi nước nhà*

Cảnh rừng việt Bắc được mở ra bằng tiếng suối êm đềm trong mát rì rầm ngày đêm vọng đến.Trong đêm thanh vắng, tiếng suối nghe rõ lắm.Tiếng du dương huyền diệu được tác giả cảm nhận như tiếng hát xa. Đây chính là nét nghệ thuật "lấy động tả tĩnh", chỉ có âm thanh của suối chảy trong đêm mọi vật chìm trong giấc ngủ, trong chiến trường máu lửa mà có tiếng suối chảy êm ái như vậy thật là tuyệt vời làm sao. Tiếng suối không đơn thuần là dòng chảy tự nhiên mà nó mang hơi ấm con người. Khi người anh hùng dân tộc Nguyễn Trãi lui về ở

ẩn tại Côn Sơn cũng đã có những cảm nhận rất tinh tế:

*Côn Sơn suối chày rì rầm*

*Ta nghe như tiếng đàn cầm bên tai*

Tiếng suối nghe như tiếng đàn cầm, bản nhạc đưa hồn con người ta vào cõi mông lung, cả hai nhà quân sự, chính trị tuy thời gian sống khác nhau nhưng có những cảm nhận hết sức tinh tế về âm thanh của tiếng suối trong đêm khuya. Sau âm thanh của tiếng suối là ánh trăng chiến khu.Ánh trăng bao phủ khắp không gian, ánh trăng lồng vào cổ thụ, như hòa quyện vào cảnh vật trần gian.Trăng được nhân hóa, được nhắc lại khiến bức tranh, cảnh đẹp đêm trăng lộng lẫy hơn, thơ mộng hơn. Gợi cho ta nhớ đến những câu thơ trong Chinh phụ ngâm:

*Hoa giãi nguyệt, nguyệt in một tấm*

*Nguyệt lồng hoa, hoa thắm từng bông,*

*Nguyệt hoa hoa nguyệt trùng trùng...*

Hai vế đối nhau trăng lồng cổ thụ, bóng lồng hoa tạo cho cảnh vật sự cân xứng hài hòa. Bức tranh đêm chiến khu thật đẹp đầy chất thơ.Thi sĩ với tâm hồn thanh cao đang tận hưởng những giây phút thần tiên của thiên nhiên.

Người nghệ sĩ thổn thức lòng mình trước cảnh đẹp đêm trăng, say sưa ngây ngất:

*Cảnh khuya như vẽ người chưa ngủ Chưa ngủ vì lo nỗi nước nhà*

Chưa ngủ để ngắm trăng, chưa ngủ để lo nỗi nước nhà. Thơ xưa nói nhiều về trăng các thi nhân thường tìm đến chốn lâm tuyền lánh đục, tránh cuộc đời bụi bặm bon chen nhưng Bác Hồ của chúng ta tìm nơi thiên nhên để sống giữa thiên nhiên, để hoạt động cách mạng – bởi Bác là chiến sĩ cộng sản:

*Bàn đá chông chênh dịch sử Đảng*

*Cuộc đời cách mạng thật là sang*

*(Tức cảnh Pắc Bó)*

Sống giữa thiên nhiên bao la bát ngát, say đắm trong ánh trăng nhưng chính trong sự say đắm đó vẫn là đàm quân sự lãnh đạo con thuyền cách mạng của nước nhà. Trong bài thơ này có đầy đủ các yếu tố của một bài thơ cổ thi: có suối, có trăng... Nhưng trong cái cổ đó lại có cái chất hiện đại, chất thép - người chiến sĩ cộng sản Hồ Chí Minh. Đêm trăng nơi chiến khu Việt Bắc thật là đẹp, ngồi ngắm trăng mà lòng tê tái trước nước nhà còn lầm than nô lệ vì lẽ đó nên người:

Chất thép của người chiến sĩ cộng sản còn được thể hiện khá sâu sắc khi bị giam trong tù ngục:

*Trong tù không rượu cũng không hoa*

*Cảnh đẹp đêm nay khó hững hờ*

*Người ngắm trăng soi ngoài cửa sổ*

*Trăng nhòm khe cửa ngắm nhà thơ*

*(Ngắm trăng)*

Người thi sĩ cũng không thể hững hờ trước cảnh đẹp đêm nay, và như vậy ánh trăng đã chủ động tìm đến với thi nhân, vầng trăng dường như biết được và ghi lại tâm trạng băn khoăn thao thức của thi nhân.Tâm trạng đó chính là nỗi nước nhà đang canh cánh bên lòng.

Đêm nay nơi núi rừng chiến khu Việt Bắc, vẫn là ánh trăng ấy, ánh trăng vẫn vằng vặc trên bầu trời, nhưng trăng có biết không trời Nam đang lầm than nô lệ muốn thảnh thơi mà thưởng ngoạn trọn vẹn cảnh đẹp đêm nay sao thể yên lòng. Trong lòng người thi sĩ ấy đang chất chứa bao nỗi niềm, nỗi niềm lo cho nước cho dân. Đây chính là chất "thép”, chất chiến sĩ mà Bác Hồ đã từng nhắc đến:

*Thơ xưa yêu cảnh thiên nhiên đẹp*

*Mây, gió, trăng, hoa, tuyết, núi sông*

*Nay ở trong thơ nên có thép*

*Nhà thơ cũng phải biết xung phong*

Vẻ đẹp người chiến sĩ cộng sản hiện lên trong bài thơ Cảnh khuya thật đẹp, thật ngạo ngữ.

Bác Hồ vừa có tâm hồn thi sĩ lại vừa có cốt cách của người chiến sĩ.

Bác của chúng ta là như vậy, yêu thiên nhiên, chan hòa với thiên nhiên nhưng cũng yêu nước thương dân tha thiết.Bài thơ là bức tranh tràn ngập ánh tráng nơi núi rừng Việt Bắc - nơi ấy người chiến sĩ cộng sản Hồ Chí Minh chưa ngủ vì lo nỗi nước nhà.

vẻ nặng nề, thấm mệt của chiếc thuyền khi chậm chạp neo vào bến đỗ. Nó lặng im "Nghe chất muối thấm dần trong thớ vỏ”.Trong câu thơ này, Tế Hanh đã sử dụng biện pháp ẩn dụ chuyển đổi cảm giác một cách một cách tinh tế."Nghe" là động từ chỉ hoạt động của thính giác, "thấm" lại là cảm nhận của xúc giác. Con thuyền nằm nghỉ đồng thời cảm nhận từng chuyển động tinh vi nhất đang diễn ra trong mình. Cách viết ấy vừa gợi sự mệt nhọc thấm thía của con thuyền vừa thể hiện được sự tinh tế tuyệt vời của nhà thơ, tưởng như Tế Hanh đồng cảm sâu sắc với cảm giác, cảm xúc của con thuyền... Khổ thơ trên là một trong những khổ thơ hay nhất trong bài thơ "Quê hương" của Tế Hanh. Đọc khổ thơ, người đọc có thể cảm nhận trong đó bao nhiêu niềm yêu mến, tự hào về quê hương xứ sở của nhà thơ.

**BT2: Anh chị Chứng minh rằng những bài thơ em đã học như Cảnh khuya của Hồ chủ tịch, Khi con tu hú của Tố Hữu, và Quê hương của Tế Hanh… đều biểu hiện rõ tình cảm tha thiết của các nhà thơ đối với thiên nhiên, đất nước.**

**Hướng dẫn**

**Mở bài**: Chứng minh bài thơ Cảnh Khuya, Khi con tu hú, Quê Hương biểu hiện tình cảm của nhà thơ đối với quê hương đất nước

Thiên nhiên, phong cảnh luôn là đề tài mà được các nhà thơ yêu thích và nhất là khi nói về tình yêu quê hương đất nước. Tình cảm rộng lớn ấy kết hợp với thiên nhiên hùng vĩ dường như là một chủ đề không bao giờ phai nhạt trong nền văn học nước ta. Trong đó phải nhắc tới ba bài thơ được yêu thích nhất đó là Cảnh khuya của Hồ Chí Minh,Khi con tu hú của Tố Hữu và cuối cùng là Quê hương của Tế Hanh.

**Thân bài**: Chứng minh bài thơ Cảnh Khuya, Khi con tu hú, Quê Hương biểu hiện tình cảm của nhà thơ đối với quê hương đất nước

Chỉ có thiên nhiên mới có thể làm tâm hồn ta thư thái, thanh thản, tinh thần sảng khoái. Hòa mình vào thiên nhiên cảm thấy tâm hồn ta nhẹ nhõm, bay bổng thả mình theo những làn gió thổi… tất cả đều có đặc điểm chung là toát lên tình yêu quê hương đất nước tha thiết, đằm thắm. Mỗi bài thơ là một dòng cảm xúc riêng của tác giả, là một bức tranh nhiên nhiên tươi sáng đẹp đẽ dưới con mắt của người thi sĩ đều ẩn chứa tình cảm sâu đậm với quê hương.

“ Tiếng suối trong như tiếng hát xa

Trăng lồng cổ thụ bóng lồng hoa

Cảnh khuya như vẽ người chưa ngủ

Chưa ngủ vì lo nỗi nước nhà”.

( Cảnh khuya – Hồ Chí Minh )

Bốn câu thơ là tâm trạng của người thi sĩ nhớ về quê hương khi bị giam cầm trên nơi đất khách quê người. Tiếng suối,tiếng hát, trăng, hoa đều là những hình ảnh thiên nhiên đẹp nhất được cảm nhận dưới con mắt của con người lạc quan, yêu đời.. và đặc biệt hơn cả là nó ẩn chứa lòng yêu nước sâu sắc: “ chưa ngủ vì lo nỗi nước nhà”. Với bốn câu thơ ngắn ngọn, mà tác giả đã cho ta cảm nhận được lòng yêu nước nồng nàn, dù có bị giam trong ngục tối nhưng tinh thần lạc quan, yêu đời, tin tưởng vào một tương lai tươi sáng vẫn lan tỏa ra khắp không gian nơi đây. Gửi tâm tình của mình vào những hình ảnh vô cùng tươi đẹp, bút pháp ước lệ tô đậm thêm cho tình yêu của Người đối với đất nước. Cũng là viết về quê hương nhưng Tố Hữu lại vẽ một bức tranh vô cùng nhộn nhịp:

“ khi con tu hú gọi bầy

Lúa chiêm đang chín trái cây ngọt dần

Vườn rân dậy tiếng ve ngân

Bắp rây vàng hạt đầy sân nắng đào

Trời xanh càng rộng càng cao

Đôi con diều sáo lộn nhào từng không…”

Bức tranh thiên nhiên đồng quê vui nhộn với những tiếng tu hú gọi bầy, tiếng ve ngân râm ran, trên đồng lúa đã chín vàng rộ gọi theo trái cây bắt đầu căng mọng, ngọt dần. Nền trời xanh trong vắt, lại được điểm thêm đôi con diều nhào lộn trên không….. bức tranh đồng quê như hiện ra trước mắt người đọc, ta lại nhớ về một tuổi thơ đầy áp những tiếng cười và niềm vui. Nhưng đọc đến khổ thứ hai ta cảm nhận được cảm xúc của tác giả được đẩy lên đến đỉnh điểm, dường như tác giả muốn thoát ra khỏi sự kiềm chế, áp bức:

“ Ta nghe hè dây bên lòng

Mà chân muốn đạp tan phòng, hè ơi

Ngột ngạt làm sao, chết uất thôi

Con chim tu hú ngoài trời cứ kêu”

Hình như đây cũng là tâm trạng của người chiến sĩ cách mạng, muốn thoát khỏi sự tù túng, muốn đi đến cái tự do. Muốn đạp tan cánh cửa ngột ngạt để hòa mình với thên nhiên, đó là một tâm hồn yêu thiên nhiên, yêu cái đẹp, mượn tiếng tu hú đến giải tỏa nỗi lòng của mình. Và cái chất muối nồng đậm trong bài thơ quê hương của Tế Hanh lại làm lòng ta càng thêm yêu quê thương tha thiết hơn:

“ làng tôi ở vốn làm nghề chài lưới

Nước bao vây cách biển nửa ngày sông.

Khi trời trong, gió nhẹ sớm mai hồng

Dân trai cháng bơi thuyền đi đánh cá:

Chiếc thuyền nhẹ hăng như con tuấn mã

Phăng mái chèo mạnh mẽ vượt Trường Giang

Cánh buồm trương to như mảnh hồn làng

Rướn thân trắng bao la thâu góp gió…”

Khác với hai bài thơ trên, Quê hương của Tế Hanh lại là một bức tranh phong cảnh tuyệt đẹp của người dân làng chài. Tác giả nhớ đến từng con người, từng khung cảnh khi làm việc bầu trời trong xanh với từng cơn gió thổi nhè nhẹ…. những chàng trai dướn tấm thân rám nắng của mình ra biển đánh cá, tuy chiếc thuyền không to không đẹp nhưng nó vẫn hăng hái ra biển không kém gì những con tuấn mã. Đọc mấy câu thơ đầu mà ta cảm thấy được vị muối nồng mặn trong từng câu từng chữ của thơ Tế Hanh, hiện lên là những con người lao động chất phác, cần cù, chăm chỉ.Tình cảm ấy thấm đượm trong từng câu thơ của ông, và ngẫm lại ta vẫn cảm nhận được vấn vương đâu đó là chất muối nặn của người dân chài lưới.

**Kết bài**: Chứng minh bài thơ Cảnh Khuya, Khi con tu hú, Quê Hương biểu hiện tình cảm của nhà thơ đối với quê hương đất nước

Đều là thiên nhiên, đều là tình yêu quê hương đất nước mà mỗi bài thơ đều có những nét đẹp riêng, một vẻ đẹp riêng biệt. Mỗi bài thơ là mỗi bức tranh tâm trạng mà các nhà thơ gửi gắm, ta hiểu được phần nào tình yêu, tình thương của các tác giả khi hướng về quê hương. Là một đề tài không mới nhưng thiên nhiên, quê hương, đất nước luôn là đề tài mà các tác giả muốn hướng tới, đọc mỗi bài thơ ta càng cảm thấy yêu đất nước mình nhiều hơn.

BT3**Phân tích bức tranh thiên nhiên và bức chân dung tự họa của Hồ Chí Minh trong bài thơ Cảnh Khuya**

Tập thơ Nhật kí trong tù được Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng tác khi Người bị chính quyền Tưởng Giới Thạch giam cầm trong nhà tù Trung Quốc vào những năm 1942, 1943. Người viết tập thơ này dường như không có ý làm nghệ thuật, lưu danh hậu thế mà chỉ cốt để ngâm ngợi cho khuây khỏa những tháng ngày “mất tự do”. Tuy vậy, Nhật kí trong tù đã trở thành một tác phẩm lớn có giá trị về nhiều mặt trong lịch sử văn học Việt Nam cận, hiện đại. Nó có sức hấp dẫn lâu bền với nhiều thế hệ bạn đọc ở cả trong nước lẫn ngoài nước.

Mấy chục năm qua, kể từ khi tập thơ được công bố, nhiều người đã viết về tập thơ này. Họ nhấn mạnh đến giá trị phản ánh hiện thực, sức mạnh tố cáo của Nhật ký trong tù đối với chế độ nhà tù Quốc dân đảng Tưởng Giới Thạch. Tuy vậy, điều quan trọng nhất cần phải thấy: trước sau đây vẫn là một tập nhật kí bằng thơ, một tập nhật kí “hướng nội”, tác giả chủ yếu viết cho mình. Do đó, sức hấp dẫn của tập thơ chính là hình tượng của nhân vật trữ tình – tác giả Hồ Chí Minh, một chiến sĩ – thi sĩ. Vì vậy, hoàn toàn có lý khi sách giáo khoa Văn 12 đã khẳng định:

“Có thể xem Nhật kí trong tù như một bức chân dung tự họa con người tinh thần của Chủ tịch Hồ Chí Minh”

Đọc tác phẩm Nhật kí trong tù, chúng ta bắt gặp con người Hồ Chí Minh với tất cả vẻ đẹp, phong phú, sâu sắc trong tâm hồn, trong tính cách, trong cách nhìn, cách nghĩ suy về cuộc đời và con người. Nhật kí trong tù đúng là một “bức chân dung tự họa” bằng thơ về con người tinh thần của người sáng tạo ra nó.

Qua hơn một trăm bài thơ, ta có thể nhận thấy nỗi khắc khoải nóng lòng, sốt ruột ngóng trông tự do của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Người đọc còn nhớ, mùa thu 1942, với tư cách là đại biểu cho phong trào cách mạng Việt Nam, Hồ Chí Minh có trọng trách tìm sang Trung Hoa để bàn cách phối hợp hành động chống bọn đế quốc, phát xít. Nhưng vô cớ, Người bị bọn mật vụ Quốc dân đảng bắt giữ và sau đó, bị giải đi hết nhà lao này đến nhà lao khác, không được xét xử. Người cũng hoàn toàn không được biết đến bao giờ mình mới được trả tự do. Hồ Chí Minh đau khổ vô hạn và thấm thía sâu sắc nỗi “mất tự do”. Nỗi đau khổ này được tác giả bộc lộ trong khá nhiều bài thơ. Chẳng hạn như trong một lần chuyển đổi nhà lao có bọn “cảnh binh khiêng lợn cùng đi”, Bác đã viết những câu thơ đầy cay đắng, biểu lộ một qui luật trong cuộc sống, mà qui luật này Người đã rút ra một cách thấm thía ngay trong cuộc sống đau khổ của chính mình:

Trên đời ngàn vạn điều cay đắng

Cay đắng chi bằng mất tự do

Hay, trong một bài thơ khác, bài Bị hạn chế, Hồ Chí Minh cũng khẳng định: Đau khổchi bằng mất tự do

Nỗi sốt ruột khắc khoải chờ mong kéo dài theo ngày tháng đã chuyển thành sự giận dữ, phẫn nộ. Người đã đặt cho bài thơ một nhan đề hết sức độc đáo là chỉ có một dấu hỏi chấm (?)

Quảng Tây đi khắp lòng oan ức

Giải đến bao giờ, giải tới đâu?

Bên cạnh con người nóng lòng, sốt ruột, đau khổ vô hạn vì mất tự do, người đọc còn bắt gặp trong Nhật kí trong tù một con người hoàn toàn tự chủ về mặt tinh thần, luôn bình thản ung dung, tự tại, tâm hồn như bay lượn trên bầu trời tự do, không sức mạnh của nhà tù nào giam hãm được. Như vậy, có thể nói chúng có thể giam cầm được thể xác Bác, nhưng không khi nào chúng có thể giam cầm được tinh thần Bác. Điều này đã được chính tác giả thể hiện qua hai câu thơ mở đầu, được xem như lời đề từ của tập Nhật kí trong tù:

Thân thể tại ngục trung

Tinh thần tại ngục ngoại

Có nghĩa là:

Thân thể ở trong lao

Tinh thần ở ngoài lao.

Và không ít lần, Hồ Chí Minh thấy mình là “khách tự do”, thanh thản, ung dung, tự tại như là một khách tiên. Điều này được thể hiện qua khá nhiều bài thơ như Đi Nam Ninh, Giải đi sớm, Vào nhà lao huyện Tỉnh Tây và có lẽ tiêu biểu phải kể đến bài Ngắm trăng sau đây:

Trong tù không rượu cũng không hoa

Cảnh đẹp đêm nay khó hững hờ;

Người ngắm trăng soi ngoài cửa sổ,

Trăng nhòm khe cửa ngắm nhà thơ.

Trong bài thơ này hoàn toàn không thấy tác giả nói đến nỗi đau khổ, bồn chồn vì bị mất tự do, mà chỉ thấy hình tượng một thi sĩ hết sức nhạy cảm và tinh tế trước vẻ đẹp của thiên nhiên.

Thực ra, trong chốn lao tù, ắt hẳn người thi sĩ đâu có được thưởng trăng một cách thoải mái. Có lẽ, song cửa nhà lao chỉ đủ cho lọt qua một chút ánh trăng thấp thoáng mà thôi. Song, cho dù chỉ như thế, nhưng với sức tưởng tượng phong phú, với tâm hồn yêu mến thiên nhiên, Hồ Chí Minh cũng cảm thấy dạt dào thi hứng, cũng cảm thấy bồi hồi xao xuyến trước cảnh đẹp của đêm trăng. Câu thơ thứ hai nguyên văn chữ Hán là:

Đối thử lương tiêu nại nhược hà?

Có nghĩa: Trước cảnh đẹp đêm nay biết thế nào?

Câu thơ dường như có một chút bối rối. Cái bối rối rất thi sĩ… Tiếc rằng câu thơ dịch “Cảnh đẹp đêm nay khó hững hờ” đã làm mất “cái bối rối” rất thi sĩ đó. Người xưa thưởng trăng thường hay có rượu và hoa. Ở trong tù, Hồ Chí Minh làm sao có được những thứ này? Cho dù thế, thi hứng của nhà thơ vẫn dạt dào:

Người ngắm trăng soi ngoài cửa sổ,

Trăng nhòm khe cửa ngắm nhà thơ.

Thi nhân và ánh trăng tựa hồ như đôi bạn tri âm, tri kỉ, có sự giao hòa tuyệt diệu. Ánh trăng vô tri vô giác qua tâm hồn của người tù thi sĩ trở thành một nhân vật đáng yêu, có tâm trạng, có linh hồn. Trên đây là những câu thơ đặc biệt ý vị. Ý vị không phải chỉ xuất phát từ kĩ thuật làm thơ mà điều quan trọng nhất vẫn là tâm hồn, là xúc cảm của người tù – thi sĩ Hồ Chí Minh…

Đúng là đọc Nhật kí trong tù, chúng ta được chứng kiến nhiều cuộc vượt ngục bằng tinh thần của người tù Hồ Chí Minh. Khi thì Người thả hồn theo một áng mây trôi, một cánh chim chiều, một vầng trăng non, lúc thì Người dõi theo một vầng dương buổi sớm, một cảnh làng xóm ven sông, hay cảnh buổi tối khi cô thôn nữ vừa xay xong ngô tối thì lò than đã ửng hồng. Đặc biệt, tâm hồn của Hồ Chí Minh luôn hướng về Tổ quốc, về đồng chí, đồng bào; ngay trong giấc ngủ, Người cũng luôn mơ về đất nước thân yêu. Có những đêm, Bác trằn trọc mãi không sao ngủ được, đến “Canh bốn; canh năm vừa chợp mắt – Sao vàng năm cánh mộng hồn quanh”

Ngoài ra, trong “bức chân dung tự họa” của Hồ Chí Minh ta còn bắt gặp một trí tuệ lớn, một tầm tư tưởng lớn. Trí tuệ lớn trước hết thường được thể hiện qua cái nhìn đối với hiện thực. Hơn ai hết, Bác thấy rõ những bất công vô lí trong nhà tù Quốc dân đảng Tưởng Giới Thạch. Nhà tù này chính là nước Trung Hoa rộng lớn khi đó thu nhỏ. Bên cạnh đó, từ những sự việc nhỏ nhoi, tầm thường hằng ngày, với trí tuệ mẫn tiệp, Hồ Chí Minh rút ra được những khái quát, tìm ra qui luật của cuộc sống thông qua sự từng trải, sự chiêm nghiệm của chính bản thân mình. Vì vậy, một số câu thơ, bài thơ của Người có ý vị triết lí thâm trầm sâu sắc. Chẳng hạn, từ việc “Học đánh cờ”, Người rút ra tầm quan trọng của thời cơ đối với sự thành bại trong hoạt động của con người:

Lạc nước hai xe đành bỏ phí,

Gặp thời một tốt cũng thành công.

Hay, nhà thơ khẳng định bản chất lương thiện của con người và sự ảnh hưởng của hoàn cảnh giáo dục:

Ngủ thì ai cũng như lương thiện

Tỉnh dậy phân ra kẻ dữ, hiền.

Hiền, dữ phải đâu là tính sẵn

Phần nhiều do giáo dục mà nên

Đồng thời, Hồ Chí Minh cũng có những chiêm nghiệm đúng đắn về “Đường đời hiểm trở”, về sự phức tạp khó khăn trong cuộc sống xã hội:

Núi cao gặp hổ mà vô sự

Đường phẳng gặp người bị tống lao

Tuy nhiên, những nhận xét khái quát về cuộc đời, về con người của Hồ Chí Minh không bao giờ có ý vị yếm thế hay hư vô mà Người luôn hướng con người tới những hành động thiết thực để cải tạo con người, cải tạo hoàn cảnh. Điều đó chứng tỏ lòng tin vững chắc của nhà thơ vào bản chất, tốt đẹp của con người. Khi Bác khẳng định “Hiền dữ phải đâu là tính sẵn - Phần nhiều do giáo dục mà nên” tức là Người đặt ra vấn đề giáo dục và tin tưởng ở kết quả xây dựng lực lượng cách mạng về sau. Những ai đã được sống gần Hồ Chí Minh đều nhận thấy sức mạnh cảm hóa của Bác. Niềm tin vào con người là hạt nhân quan trọng tạo nên niềm tin vào sự nghiệp cách mạng ở Hồ Chí Minh. Qua bài Đi đường, Bác thể hiện khá tập trung ý tưởng chinh phục khó khăn, hướng tới cuộc sống, hướng tới tương lai:

Đi đường mới biết gian lao,

Núi cao rồi lại núi cao chập chùng.

Núi cao lên đến tận cùng

Thu vào tầm mắt muôn trùng nước non

Ngay trong cảnh gian khổ, khó khăn, Người vẫn nhìn thấy ánh sáng của tương lai tươi sáng:

Trong ngục giờ đây còn tối mịt

Ánh hồng trước mặt đã bừng soi.

Hồ Chí Minh luôn có cái nhìn biện chứng về sự vận động của đời sống của tự nhiên. Bởi vậy, thơ Người viết trong tù vẫn khiến cho người đọc thêm niềm tin vào cuộc sống, vào con người. Có đêm gà vừa gáy lần đầu tiên, trời tối, gió rét, Hồ Chí Minh đã phải chuyển lao. Nhưng bỗng chốc, dưới con mắt của người tù thi sĩ, cảnh vật liền biến đổi, ánh sáng bình minh ấm áp rực rỡ xua tan bóng tối, người tù bỗng trở thành thi nhân nồng nàn thi hứng… như trong bài thơ Giải đi sớm. Đây là bài thơ quen thuộc với nhiều người

Dẫu sao, vẫn sẽ là một thiếu sót rất lớn, nếu như viết về “bức chân dung tự họa” nói trên, ta không đề cập tới lòng nhân ái bao la, sâu sắc của Bác Hồ.

Trong bài Bác ơi! Tố Hữu đã viết được những câu thơ rất hay, rất đúng về con người Chủ tịch Hồ Chí Minh

Bác ơi, tim Bác mênh mông thế

Ôm cả non sông, mọi kiếp người!

Trước hết trái tim ấy dành cho những người lao khổ dù họ là người Trung Quốc hay người Việt Nam

Nhà thơ dễ dàng quên những đau đớn khổ sở mà mình phải chịu, nhanh chóng đồng cảm sâu sắc và phát hiện ra những bất hạnh, đau khổ của những người xung quanh để thông cảm, chia sẻ với họ. Bác thương cảm Vợ người bạn tù đến thăm chồng, đối với Cháu bé trong nhà lao Tân Dương, hay đối với Một người tù cờ bạc vừa chết… Chỉ cần nghe “Người bạn tù thổi sáo”, Bác chẳng những thấu hiểu nỗi lòng nhớ quê của anh ta, mà còn hình dung thấy ở chốn chân trời xa xôi kia có một phụ nữ bước lên một tầng lầu để ngóng trông chồng:

Bỗng nghe trong ngục sáo vi vu

Khúc nhạc tình quê chuyển điệu sầu.

Muôn đậm quan hà khôn xiết nỗi,

Lên lầu ai đó ngóng trông nhau.

Trong tù Bác gọi những người cùng bị giam là “nạn hữu” (bạn tù) và Người cùng chia sẻ với họ những nỗi niềm sâu kín hay cùng đùa vui trong cảnh ghẻ lở khổ sở:

Mặc gấm bạn tù đều khách quý .

Gảy đàn trong ngục thảy tri âm.

Nhìn bao quát, tình yêu thương của Hồ Chí Minh mang tầm nhân loại rộng lớn. Điều này tạo nên giá trị đặc biệt của tập thơ

Ở con người tác giả, rõ ràng có sự thống nhất giữa các mặt đối lập. Bên cạnh sự nhạy cảm tinh tế, người đọc có thể nhận thấy ý chí sắt son, nghị lực phi thường, lớn lao, bền bỉ. Chất “tình” và chất “thép” được kết hợp một cách tự nhiên, hài hòa trong tập Nhật kí trong tù. Đúng như cách đây mấy chục năm nhà thơ Hoàng Trung Thông đã nhận xét về thơ Hồ Chí Minh: “Vần thơ của Bác vần thơ thép”. “Thép” chính là tinh thần chiến đấu kiên cường, bất khuất. Nhưng điều đáng quý là chất “thép” ấy được toát ra một cách tự nhiên, bình dị trong tư thế ung dung, tự tại của một con người làm chủ mọi tình huống. Có lần chuyển lao, Bác bị bọn lính xích chân vào thuyền, nhưng Người vẫn phát hiện cuộc sống đông đúc vui tươi của làng xóm bên sông, của những thuyền câu nhẹ lướt. Có lần, sau suốt một ngày đi xa vất vả, chiều xuống, Bác tới một xóm núi, gây ấn tượng đối với Người không phải là nỗi gian truân đã qua hoặc sắp tới mà lại chính là cảnh “Cô em xóm núi xay ngô tối – xay hết lò than đã rực hồng”…

Chất “thép” thể hiện đặc biệt rõ ở sự kiên định vững vàng, sẵn sàng chiến thắng mọi gian lao thử thách khắc nghiệt. Đối với Bác, mọi gian lao đều được coi như là những sự thử thách để rèn giũa con người thêm vững vàng kiên định. “Nghe tiếng giã gạo”, Hồ Chí Minh làm thơ như để khuyên mình:

Gạo đem vào giã bao đau đớn,

Gạo giã xong rồi trắng tựa bông.

Sống ở trên đời người cũng vậy,

Gian lao rèn luyện mới thành công.

Ý thơ này, Người vẫn hằng tâm niệm. Bởi vậy, ngay ở lời đề từ của tập thơ Bác đã khẳng định “Muốn nên sự nghiệp lớn – Tinh thần càng phải cao”. Hồ Chí Minh luôn nhấn mạnh đến sự rèn luyện tu dưỡng của con người và Bác là một tấm gương sáng về tu dưỡng và rèn luyện này.

Nhật kí trong tù là một tập thơ có giá trị về nhiều phương diện. Sức hấp dẫn của tập thơ này trước hết đúng là sức hấp dẫn trong bức “chân dung tự họa con người tinh thần của Chủ tịch Hồ Chí Minh”. Hay nói cách khác, sức hấp dẫn của tập thơ chính là sức hấp dẫn của “chất người cộng sản Hồ Chí Minh” (Xuân Diệu) … Là những cách nói khác nhau, nhưng tất cả đều nhằm khẳng định tác giả của Nhật kí trong tù là một nhân vật kiệt xuất, “đại trí”, “đại nhân” và “đại dũng”. Tập thơ thể hiện sinh động nhân vật kiệt xuất này.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**ĐÈ BÀI**

**Sự phát triển của ý thức độc lập và tinh thần tự hào dân tộc qua "Chiếu dời đô" (Lý Công Uẩn), "Hịch tướng sĩ" (Trần Quốc Tuấn) và "Nước Đại Việt ta" (Trích "Bình Ngô đại cáo" - Nguyễn Trãi).**

……………Hết……………..

A. YÊU CẦU:

  a. Kỹ năng:

          - Làm đúng kiểu bài nghị luận văn học.

          - Biết cách xây dựng và trình bày hệ thống luận điểm; sử dụng yếu tố biểu cảm, tự sự và miêu tả một cách hợp lí.

          - Bố cục rõ ràng; kết cấu chặt chẽ; diễn đạt lưu loát, mạch lạc.

          - Không mắc các lỗi: chính tả, dùng từ, ngữ pháp,...

  b. Nội dung:

          \* Làm rõ sự phát triển của ý thức độc lập và tinh thần tự hào dân tộc qua một số tác phẩm văn học yêu nước trung đại (từ thế kỉ XI --> XV): "Chiếu dời đô" (Lý Công Uẩn),"Hịch tướng sĩ" (Trần Quốc Tuấn) và "Nước Đại Việt ta" ("Bình Ngô đại cáo" - Nguyễn Trãi).

\* Học sinh có thể làm bài theo dàn ý sau:

**1. Mở bài: (1đ)**

          - Dẫn dắt vấn đề: Truyền thống lịch sử hào hùng của dân tộc Việt Nam.

          - Nêu vấn đề: ý thức độc lập và tinh thần tự hào dân tộc trong "Chiếu dời đô" (Lý Công Uẩn), "Hịch tướng sĩ" (Trần Quốc Tuấn) và "Nước Đại Việt ta" ("Bình Ngô đại cáo" - Nguyễn Trãi).

**2. Thân bài: (7đ)**

**Luận điểm toàn bài:Sự phát triển của ý thức độc lập và tinh thần tự hào dân tộc trong:"Chiếu dời đô", "Hịch tướng sĩ"  và "Nước Đại Việt ta" là sự phát triển liên tục, ngày càng phong phú, sâu sắc và toàn diện hơn.**

**Luận điểm 1:Trước hết là ý thức về quốc gia độc lập, thống nhất với việc dời đô ra chốn trung tâm thắng địa ở thế kỉ XI** (Chiếu dời đô).

  - Khát vọng xây dựng đất nước hùng cường, vững bền, đời sống nhân dân thanh bình, triều đại thịnh trị:

  + Thể hiện ở mục đích của việc dời đô.

  + Thể hiện ở cách nhìn về mối quan hệ giữa triều đại, đất nước và nhân dân.

- Khí phách của một dân tộc tự cường:

  + Thống nhất giang sơn về một mối.

+ Khẳng định tư cách độc lập ngang hàng với phong kiến phương Bắc.

 + Niềm tin và tương lai bền vững muôn đời của đất nước.

**Luận điểm 2:**. **Sự phát triển của ý thức độc lập và tinh thần tự hào dân tộc được phát triển cao hơn thành quyết tâm chiến đấu, chiến thắng ngoại xâm để bảo toàn giang sơn xã tắc ở thế lỉ XIII**(Hịch tướng sĩ).

          - Lòng yêu nước, căm thù giặc sâu sắc:

          + Ý chí xả thân cứu nước...

          - Tinh thần quyết chiến, quyết thắng:

          + Nâng cao tinh thần cảnh giác, tích cực chăm lo luyện tập võ nghệ.

          + Quyết tâm đánh giặc Mông - Nguyên vì sự sống còn và niềm vinh quang của dân tộc.

**Luận điểm 3:**. **Ý thức độc lập và tinh thần tự hào dân tộc được phát triển cao nhất qua tư tưởng nhân nghĩa vì dân trừ bạo và quan niệm toàn diện sâu sắc về sự tồn tại** độc lập có chủ quyền của dân tộc Đại Việt (Nước Đại Việt ta).

          - Nêu cao tư tưởng "nhân nghĩa", vì dân trừ bạo...

          - Chân lí về sự tồn tại độc lập có chủ quyền của dân tộc:

                   + Có nền văn hiến lâu đời.

                   + Có cương vực lãnh thổ riêng.

                   + Có phong tục tập quán riêng.

                   + Có lịch sử trải qua nhiều triều đại.

                   + Có chế độ chủ quyền riêng với nhiều anh hùng hào kiệt.

          Tất cả tạo nên tầm vóc và sức mạnh Đại Việt để đánh bại mọi âm mưu xâm lược, lập nên bao chiến công oanh liệt...

**c. Kết bài: (1đ)**

          - Khẳng định vấn đề...

          - Suy nghĩ của bản thân....

Năm 1285, Thoát Hoan mang 50 vạn quân sang xâm lược nước ta. Trước đó, tại Hội nghị quân sự Bình Than, Trần Quốc Tuấn được vua nhà Trần trao trọng trách "Tiết chế thống lĩnh ".Ông đã viết “Hịch tướng sĩ” kêu gọi ba quân nâng cao cảnh giác, học tập binh thư, rèn luyện võ nghệ, sẵn sàng chiến đấu đánh thắng quân xâm lược phương Bắc. Cs thể xem "Hịch tướng sĩ" là một văn kiện lịch sử trọng đại hàm chứa tình cảm yêu nước và khí phách anh hùng, đồng thời mang tính nghệ thuật độc đáo, xứng đáng là một kiệt tác trong nền văn học cổ Việt Nam. Vì thế khi nhận xét về tác phẩm này có ý kiến cho rằng "Hịch tướng sĩ" của Trần Quốc Tuấn là văn sôi sục nhiệt huyết, tràn đầy khí thế quyết chiến quyết thắng. Đó là một tác phẩm tiêu biểu cho chủ nghĩa yêu nước cao đẹp nhất của thời đại chống Nguyên - Mông .

**Luận điểm 1: “Hịch tướng sĩ" là tiếng nói của vị Thống soái sục sôi nhiệt huyết.** Cái lo buồn, nỗi căm giận, niềm khao khát của Trần Quốc Tuấn thể hiện trong bài hịch sục sôi một bầu máu nóng. Mối quan hệ của vị Quốc công với tướng sĩ là mối quan hệ "chủ - tớ" nhưng chứa chan tình nghĩa, đồng cam cộng khổ, vào sinh ra tử có nhau: "... lúc mạc xông pha thì cùng nhau sống chết, lúc ở nhà nhàn hạ thì cùng nhau vui cười".

Trước sự hoành hành của sứ giặc, trước họa xâm lăng của đế quốc Nguyên - Mông, ông mang một tâm trạng cay đắng, thao thức suốt những đêm dài. Tâm trạng ấy của ông là cả một bầu nhiệt huyết sôi sục: "Huống chi, ta cùng các ngươi sinh phải thời loạn lạc, lớn lên gặp buổi gian nan. Ngó thấy sứ giặc đi lại nghênh ngang ngoài đường, uốn lưỡi cú diều mà sỉ mắng triều đình, đem thân dê chó mà bắt nạt tể phụ, thác mệnh Hốt Tất Liệt mà đòi ngọc để thỏa lòng tham không cùng, giả hiệu Vân Nam Vương mà thu bạc vàng, để vét của kho có hạn. Thật khác nào như đem thịt mà nuôi hổ đói, sao cho khỏi để tai vạ về sau".

Bằng một nhãn quan chính trị sâu sắc, cảnh giác, vị Tiết chế đã vạch trần dã tâm của bọn bành trướng phương Bắc muốn biến nước ta thành quận huyện của chúng, lên án hành động vơ vét của kho, "đòi ngọc lụa " "thu bạc vàng ” để thỏa lòng tham không cùng của lũ sứ giặc Mông Cổ. Ông nhắc tướng sĩ không được khoanh tay, ngồi nhìn giặc lấn tới, vì như thế "Thật khác nào như đem thịt mà nuôi hổ đói, sao khỏi để tai vạ về sau"

Phần cuối bài hịch, là lời khuyên răn, trách cứ tướng sĩ về việc học tập binh thư cũng sục sôi nhiệt huyết sáng ngời đạo "thần - chủ " và lập trường "nghịch thù". Giọng văn hùng hồn, trang nghiêm, cảm hóa lòng người sâu sắc: "Nếu các ngươi biết chuyên tập sách này theo lời dạy bảo của ta thì mới phải đạo thần chủ, nhược bằng khinh bỏ sách này, trái dạy bảo của ta, tức là kẻ nghịch thù"

**Luận điểm 2:"Hịch tướng sĩ” còn là một tác phẩm tràn đầy khí thế quyết chiến quyết thắng được thể hiện ở thái độ căm thù giặc, quan niệm sống và chết, nô lệ và tự do, v..**v... Ở khía cạnh nào, biểu hiện nào, tác giả cũng biểu lộ một chí khí anh hùng, lẫm liệt và quyết chiến quyết thắng!

Với lũ giặc Nguyên - Mông thì quyết không thể dung tha! Hiện tại chưa xả thịt, lột da, nuốt gan, uống máu quân thù thì đau đớn vô cùng: "tới bữa quên ăn, nửa đêm vổ gối; ruột đau như cắt, nước mắt đầm đìa". Với lũ giặc Nguyên - Mông, tướng sĩ chỉ có một quyết tâm, một hành động, một ý chí: "Dẫu cho thân này phơi ngoài nội cỏ, nghìn xác này gói trong da ngựa, ta cũng vui lòng."

Vì Tổ quốc Đại Việt muôn quý nghìn yêu mà tướng sĩ chỉ có một con đường, một hành động "huấn luyện quân sĩ, tập dượt cung tên khiến cho người giỏi như Bàng Mông, nhà nhà đều là Hậu Nghệ, có thể bêu được đầu Hốt Tất Liệt ở của khuyết làm rữa thịt Vân Nam Vương ở Cảo Nhai...".

Vì Tổ quốc Đại Việt nên không thể mất cảnh giác và chiến bại, để đến nỗi "ta cùng các ngươi sẽ bị giặc bắt, đau xót biết chừng nào" không những thế "ta kiếp này chịu nhục, rồi đến trăm năm sau, tiếng dơ khôn rửa, tên xấu còn lưu, đến gia thanh các ngươi cũng không khỏi mang tiếng là tướng bại trận.."

Vì sự sống còn và niềm vinh quang của dân tộc mà quyết tâm đánh thắng giặc Nguyên - Mông để "tông miếu ... được muôn đời tế lễ ", "tổ tông... được thờ cúng quanh năm ", để tên họ tướng sĩ "sử sách lưu thơm". "Hịch tướng sĩ" truyền đến ba quân khí thế, tinh thần quyết chiến quyết thắng, biến thành sức mạnh sát Thát đưa đến những thắng lợi, những chiến công giòn giã: "Chương Dương cướp giáo giặc -  Hàm Tử bắt quân thù (Trần Quang Khải) bảo toàn sơn hà xã tắc.

**Luận điểm 3:Có thể nói "Hịch tướng sĩ" là một tác phẩm tiêu biểu cho chủ nghĩa yêu nước cao đẹp nhất của thời đại chống Nguyên - Mông.** Thế kỉ XII, XIII trên một vùng địa lý mênh mông, hàng chục quốc gia, hàng trăm thành trì từ Hoa Bắc xuống Hoa Nam, từ Trung Á tới sông Vônga,... đã bị vó ngựa quân xâm lược Mông cổ giày xéo, nghiền nát. Một nhà thơ Ác-mê-ni trong thế kỉ XIII đã viết:

"Không còn một dòng suối, một con sông nào

không tràn dấy nước mắt chúng ta;

Không còn một ngọn núi, một cánh đồng nào

không bị quân Tác-ta giày xéo".

Quân Tác-ta là đoàn kị binh của đế quốc Mông Cổ. Thế mà, cả ba lần, giặc Nguyên - Mông sang xâm lược nước ta đều bị đại bại thảm hại. Quân dân Đại Việt đã đoàn kết một lòng, từ vua tới tướng sĩ đều nêu cao tinh thần quyết chiến quyết thắng. Vai trò của Trần Quốc Tuấn là cực kì to lớn: "Tiếng thơm dồn mãi - Bia miệng không mòn" ( Đằng giang phú).

Các tướng sĩ đời Trần có một số là anh hùng - thi sĩ như Trần Quang Khải, Phi Ngũ Lão, Trần Thánh Tông, Trần Nhân Tông cũng là những vua anh hùng - thi sĩ. Thơ văn của họ chứa chan tinh thần yêu nước:

- "Xã tấc hai phen chồn ngựa đá

Non sông nghìn thuở vững âu vàng

(Trần Nhân Tông)

* "Chương Dương cướp giáo giặc
* Hàm Tử bắt quân thù

Thái bình nên gắng sức

Non nước ấy nghìn thu"

(Trần Quang Khải)

Các bài thơ này đều tiêu biểu cho "Hào khí Đông A". Nhưng như đã phân tích ở trên, nội dung và tác dụng to lớn và sâu sắc của "Hịch tướng sĩ" nó xứng đáng là tác phẩm tiêu biểu cho chủ nghĩa yêu nước cao đẹp nhất thời đại chống Nguyên Mông.

"Hịch tướng sĩ" cùng với các chiến công như Chương Dương, Hàm Tử, Bạch Đằng- đã gắn liền với tên tuổi vị anh hùng Trần Quốc Tuấn, làm sáng ngời sử sách. Nó khúc tráng ca chống xâm lăng. Nó tiêu biểu cho khí phách anh hùng, tư thế hiên ngang, lẫm liệt của đất nước và con người Đại Việt.

Sống trong tư thế hiên ngang! Biết nhìn xa trông rộng, cảnh giác trước âm mưu thâm độc của mọi kẻ thù! Chết vinh còn hơn sống nhục trong kiếp ngựa trâu! v..v... Đó là những tư tưởng lớn nhất, bài học sâu sắc nhất mà Trần Quốc Tuấn muốn bày tỏ với tướng sĩ, với nhân dân ta, với mỗi con người Việt Nam trong mọi thời đại qua "Hịch tướng sĩ".

Trong bài "Bạch Đằng giang phú", Trương Hán Siêu đã viết: trận Bạch Đằng mà dại thắng - Bởi Đại Vương coi thế giặc nhàn". "Thế giặc nhàn" là thế giặc dễ đánh thắng! Đó là một câu nói bất hủ của Hưng Đạo Đại Vương Trần Quốc Tuấn - người anh hùng vĩ đại của dân tộc ta.

Đã trải qua hơn 800 năm nhưng “Hịch tướng sĩ”mãi là bài ca yêu nước và niềm tự hào dân tộc. Đó là áng văn chính luận, hùng hồn đanh thép, sục sôi nhiệt huyết, tràn đầy khí thế quyết chiến quyết thi mang sức mạnh của muôn vạn hùng binh. Mỗi lần đọc lại tác phẩm, lòng em lại có cảm xúc tự hào về truyền thống cha ông, truyền thống yêu nước quật cường, khí phách hiên ngang lừng lẫy.

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**BÀI**

**ĐÁNH NHAU VỚI CỐI XAY GIÓ**

**I.Vài nét về tác giả , tác phẩm:**

Giáo viên cho học sinh nhắc lại những nét cơ bản về tác giả , tác phẩm.

**II.Giáo viên nhắc lại những nội dung chính của văn bản**

**III.Đề văn luyện tập :**

**Đề 1:** Sự tương phản của thầy trò Đôn Ki-hô -têvà Xan – chô -Phan –xa trong đoạn trích Đánh nhau với cối xay gió cho thấy những nết tốt xấu, hay dở của từng người.Phân tích đoạn trích để làm rõ.

Dàn ý

A.Mở bài:

* Giới thiệu tác giả Đôn-ki-hô-tê và đoạn trích Đánh nhau với cối xay gió.
* Hai thầy trò Đôn-ki-hô-tê và xan-cho-Pan-xa có nhiều nét tương phản tạo nên tiếng cười đặc sắc của tác phẩm.

B.Thân bài:

1.Tổng:

- Tóm tắt vị trí đoạn trích trong tác phẩm

- KháI quát ý nghĩa bao trùm trong đoạn trích làm nổi bật sự tương phản của hai thầy trò

2.Phân:

a.Sự khác nhau trong nhận thức: Đôn-ki-hô-tê nhìn những chiếc cối xay gió thành ba bốn chục tên khổng lồ và hăm hở trước thử thách để chứng tỏ lòng can đảm hiệp sĩ.Xan cho-Pan xa tỉnh táo nói rõ cho thầy nhưng không ngăn cản được ý định điên rồ của Đôn-ki-hô-tê

b.Cuộc chiến đấu với những cối xay gió: kết cục đậm tính bi hài kịch, khi ảo tưởng hiệp sỹ chuốc lấy hậu quả thảm thương.Nhưng cũng giúp ta nhận ra lòng quả cảm thực sự của chàng hiệp sĩ đối lập với tháI độ cầu an thản nhiên của giám mã.

c.Lời cảnh tỉnh của Xan chô: TháI độ chế giễu của tác giả trước lí tưởng hiệp sĩ lỗi thời.Sự điên rồ qú mức của Đôn-ki-hô-tê khi không chấp nhận thất bại cũng là minh chứng cho lòng kiên trì, trung thành với lí tưởng cao đẹp

d.Sự khác biệt trong tính cách hai thầy trò: Câu chuyện trên đường đI cùng với những sự phân biệt mang màu sắc hài hước giữa hiệp sĩ và giám mã.Xan cho hiện ra là một gã nông phu tầm thường bị dục vọng chi phối, chỉ lo hưởng thụ.Còn Đôn-ki-hô-tê là hiện thân của một lí tưởng viễn vông thiếu thực tế.

3.Hợp:

- Đánh giá ý nghĩa của đoạn trích, rút ra những nhận xét tốt xấu, hay dở của hai nhân vật.

- Đánh giá tư tưởng của tác giả: Một mặt châm biếm ảo tưởng phi thực tế, mặt khác đối lập giữa lí tưởng nhân văn với dục vọng đậm bản năng.

C.Kết bài: Nêu cảm nhận về ý nghĩa đoạn trích, rút ra bài học từ sự khác biệt của hai nhân vật, hướng tới sự hoàn thiện nhận thức, hành động và tình cảm.

**Đề 2:** Hãy tóm tắt cảnh “ Đánh nhau với cối xay gió” trong tác phẩm Đôn-ki-hô-tê của Xec-van-tex.

Bài làm:

Đôn-ki-hô-tê lại dấn thân vào chinh chiến.Thầy cưỡi ngựa đI trước, trò cưỡi lừa theo sau.Chợt nhìn thấy ba bốn chục cối xay gió giữa đồng, Đôn-ki-hô-tê cho đó là lũ khổng lồ hung tợn phảI xông ra kết liễu đời chúng.Nhất định sẽ giàu to, sau khi đánh thắng thu chiến lợi phẩm.Mặc cho giám mã Xan chô-Pan xa can ngăn, Đôn-ki-hô-tê vẫn hăng máu thúc con chiến mã Rô-xi-nan-tê xông lên.Vừa lúc ấy, gió thổi mỗi lúc một mạnh.Lão hiệp sĩ vừa hét lớn vừa xông vào bắt bọn khổng lồ đền tội! Gió nổi lên dữ dội, cánh quạt quay tít khiến ngọn giáo gãy tan tành, cả người lẫn ngựa ngã chổng kềnh ra đất.Giám mã thúc lừa tới cứu thì thấy chủ nằm không cựa quậy sau cáI ngã như trời giáng.Sau khi hồi tỉnh, Đôn-ki-hô-tê cho rằng Pháp sư Phơ-re-xtôn đã đánh cắp thư phòng và sách vở của mình, nay lại tước mất phần vinh quang chiến thắng.

Xan chô vực Đôn-ki-hô-tê ngồi lên ngựa, hai người lại tiếp tục tiến lên.Tuy buồn phiền về việc mất ngọn giáo, nhưng Đôn-ki-hô-tê vẫn cảm kháI nhắc lại chuyện hiệp sĩ Va-gax lúc chiến đấu bị gãy gươm đã nhổ cây sồi làm vũ khí, giết được bao quân giặc Mô-rô, trở thành ‘hiệp sĩ diệt địch’ lừng danh.Đôn-ki-hô-tê cao hứng nói mình sẽ nhổ một cây sồi làm vũ khí và sẽ lập nên những chiến công mới phi thường.

Hai thầy trò nói chuyện.Thầy tuyên bố mình không kêu đau vì các hiệp sĩ giang hồ có bị thương cũng không được rên rỉ.Còn giám mã thì được Đôn-ki-hô-tê cho phép cứ việc rên la vì cho tới nay chưa thấy sách kiếm hiệp nào ngăn cấm cả.

Đến bữa ăn, thầy bảo chưa muốn ăn ,còn giám mã ngồi trên mình lừa ăn một cách khoáI trá, tu rượu ngon lành.Xan tro Pan xa cảm thấy cáI nghề đI tìm kiếm chuyện phiêu lưu tuy có nguy hiểm song không đến nỗi vất vả!

Đêm đó, hai thầy trò ngủ dưới gốc cây.Đôn bẻ một cành khô lắp vào cán gãy làm thành một ngọn giáo.Suốt đêm thao thức chỉ nhớ tới nàng.Xan thì ngủ một giấc đến sáng, vừa mở mắt đã tu rượu chỉ lo bầu rượu đã vơI khó tìm được nơI mua rượu, còn hiệp sĩ không ăn sáng vì theo lão nói chỉ cần nghĩ đến người yêu cũng no rồi

**Đề 3:** Phân tích và nêu cảm nghĩ về cảnh ‘ đánh nhau với cối xay gió’ trong tác phẩm Đôn-ki-hô-tê của nhà văn Tây Ban Nha Xec-van-tex.

Đề số 3 học sinh làm tại lớp

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**BÀI HAI CÂY PHONG**

**Ai- ma-tốp**

**I.Vài nét về tác giử , tác phẩm**

**1.Tác giả:** Ai-ma-tốp sinh năm 1928, ở làng Sê-ke-rơ ( Cộng hoà Kư-rơ-gư-xtan).Hoạt động văn học của ông bắt đầu từ năm 1952.Tác phẩm đầu tiên khiến Ai-ma-tốp nổi tiếng là tập Chuyện núi đồi và thảo nguyên.Sau đó các tác phẩm: Cánh đồng mẹ, Vĩnh biệt Giun-xa-rư, Con tàu trắng…Đề tài chủ yếu trong các truyện ngắn của Ai-ma-tốp là cuộc sống khắc nghiệt nhưng cũng đầy chất lãng mạn của người dân vùng đồi núi Kư-rơ-gư-xtan; tình yêu; tình bạn; tinh thần dũng cảm vượt qua những thử thách ;hi sinh thời chiến tranh; thái độ tích cực đấu tranh của tầng lớp thanh niên; trước hết là nữ thanh niên để thoát khỏi sự ràng buộc của những tập tục lạc hậu.

**2.Tác phẩm:**

Văn bản Hai cây phong là phần đầu truyện ‘ Người thầy đầu tiên’.

**II.Luyện tập**

**Đề 1**: Hai cây phong – hình ảnh thân thuộc của quê hương đã được cảm nhận bằng tất cả rung động trong trẻo nhất cảu tuổi thơ.Hãy phân tích vẻ đẹp ấy qua tâm hồn của nhân vật “ tôi” – người hoạ sĩ.

Bài viết gợi ý:

Truyện Người thầy đầu tiên của nhà văn Ai-ma-tốp đã đưa chúng ta về với làng nhỏ Ku-ku-rêu của nước cộng hoà Kư-rơ-gư-xtan thuộc Liên Xô( cũ).Câu chuyện về người chiến sĩ Hồng quân, đoàn viên thanh niên cộng sản Đuy-sen – người thầy đầu tiên đã trồng hai cây phong nhỏ cùng cô bé An-tư-nai thửa trước.Bốn chục năm sau, cô bé đã là một viện sĩ danh tiếng, còn Hai cây phong đã trở thành một phần không thể thiếu, trong kí ức làng quê của biết bao thế hệ dân làng Ku-ku-rêu.

Kỷ niệm gắn bó với hai cây phong được kể lại theo hai mạch dẫn lồng vào nhau: mạch dẫn chuyện trực tiếp của nhân vật “ tôi” – một hoạ sĩ đã lớn lên từ chính mảnh đất này và mạch kỉ niệm của cả một thế hệ “ chúng tôi”.Kí ức đậm nét của tuổi thơ đã khiến cho người hoạ sĩ – nhân vật “ tôi” đã tái hiện lại thật đẹp và xúc động hình ảnh hai cây phong – biểu tượng của quê hương, một mảnh hồn làng sống động.

Bắt đầu của những kí ức về làng quê là lời dẫn chuyện đưa người đọc trở về nơi nằm ven chân núi, trên một cao nguyên rộng, có những khe nước ào ào từ nhiều ngách đá đổ xuống.Ku-ru-rêu đã hiện ra với tất cả vẻ hoang sơ của thiên nhiên với thung lũng, thảo nguyên, rặng núi.Hai cây phong không phải là món quà của tự nhiên nhưng đã từ rất lâu, những đứa trẻ đã biết chúng từ thửa bắt đầu biết mình.Để cũng rất tự nhiên, hình ảnh hai cây phong đã trở thành của riêng làng Ku-ru-rêu: “ chúng luôn hiện ra trước mắt hệt như những ngọn hải đăng đặt trên núi”, trở thành mốc định hướng cho mọi người tìm đến.Riêng đối với “ tôi”, “ mỗi lần về quê, khi xuống xe lửa đi qua thảo nguyên về làng, tôi đều coi bổn phận đầu tiên là từ xa đưa mắt tìm hai cây phong thân thuộc ấy.Anh đã dành tình cảm đặc biệt với hai cây phong như với những người bạn, nhìn bằng cặp mắt chan chứa tình cảm yêu thương, nên dù khó nhìn đến mấy, anh bao giờ cũng cảm biết được chúng, lúc nào cũng nhìn rõ.Hai cây phong đã trở thành một phần tâm hồn của anh, chi phối cả niềm vui, nỗi buồn của người hoạ sĩ.

Bằng tình yêu ấy, anh đã tạo nên một bức tranh thật sinh động, đẹp đẽ.Một bức tranh ngân nga cả những giai điệu “ tiếng lá reo cho đến khi say sưa ngây ngất”.Đoạn văn miêu tả hình ảnh hai cây phong đẹp như một bài thơ về một loài cây “ có tiếng nói riêng và hẳn phải có một tâm hồn riêng, chan chứa những lời ca êm dịu”.Có lẽ chính tình yêu quê hương của người hoạ sĩ đã đem đến cảm giác choáng ngợp say sưa ấy: “ Dù ta tới đây vào lúc nào, ban ngày hay ban đêm, chúng cũng vẫn nghiêng ngã thân cây, lay động lá cành, không ngớt tiếng rì rào theo nhiều cung bậc khác nhau.Có khi tưởng chừng như một làn sóng thuỷ triều dâng lên vỗ vào bãi cát, có khi lại nghe như một tiếng thì thầm thiết tha nồng thắm chuyển qua lá cành như một đốm lửa vô hình, có khi hai cây phong bỗng im bặt một thoáng, rồi khắp lá cành lại cất tiếng thở dài một lượt như thương tiếc người nào”.Ngay cả khi thời tiết thay đổi khắc nghiệt, hai cây phong ấy vẫn như một con người bền bỉ kiên cường đối chọi với sức mạnh tàn phá của bão dông, “ nghiêng ngã tấm thân dẻo dai và reo vù vù như một ngọn lửa bốc cháy rừng rực.Cảm nhận của tuổi thơ đã được người hoạ sĩ ấy trân trọng gìn giữ, ngay cả khi khám phá ra điều bí ẩn về hai cây phong bằng những giải thích chính xác khoa học thì: “ việc khám phá ra chân lí giản đơn ấy vẫn không làm tôIi vỡ mộng xưa, không làm tôI bỏ mất cách cảm thụ của tuổi thơ mà tôi còn giữ đến tận ngày nay”.Bởi lẽ cây phong ấy đã gắn với cả một thời tươi đẹp: “ Tuổi trẻ của tôi đã để lại nơi ấy, bên cạnh chúng như một mảnh vỡ của chiếc gương thần xanh…”. Hình ảnh thời ấu thơ đã tạo thành không gian cổ tích rất riêng, phảI chăng chính từ tình yêu và sự gắn bó với hai cây phong, đã làm cậu bé năm xưa lớn lên trở thành hoạ sĩ với mong muốn vẽ lại linh hồn nồng thắm của làng quê?

Hai cây phong ấy còn là kỉ niệm chung của chúng tôI – bọn con trai tinh nghịch ở làng Ku-ru-rêu, những người bạn cùng trang lứa của người họa sĩ.Đó là tất cả những ngày tháng được cui chơI, chạy nhảy giữa núi đồi rộng lớn, trong bóng râm mát rượi và tiếng lá xào xạc dịu hiền của hai cây phong.Đẹp làm sao khoảnh khắc những cậu bé được ấy nâng lên cao từ những cành cao ngất, cao đến ngang tầm chim bay, một thế giới khác đã được mở ra, vượt ra khỏi giới hạn của làng quê Ku-ru-rêu nhỏ bé, “ như có một phép thần thông nào vụt mở ra trước mắt chúng tôI cả một thế giới đẹp đẽ vô ngần của không gian bao la và ánh sáng”.Hai cây phong trở thành bệ đỡ, nâng cánh ước mơ cho những đứa trẻ, mở tầm nhận thức về một thế giới đầy những điều mới lạ cần khám phá, hướng về “ những miền đất bí ẩn đầy sức quyến rũ lẫn sau chân trời xa thẳm biêng biếc kia”.Cũng như bạn bè của mình, “ tôi” – chú bé sau này là hoạ sĩcũng trảI qua cảm giác “ tim đập rộn ràng vì thảng thốt và vui sướng, rồi trong tiếng xào xạc không ngớt ấy, tôI có hình dung ra những miền xa lại kia”,Hai cây phong đã trở thành người bạn lớn, người bạn tâm tình thân thiết đem lại những niềm vui vỡ oà hạnh phúc cho tuổi thơ.

Khi hưởng thụ niềm vui trong bao tháng ngày hồn nhiên thơ mộng bên hai cây phong, không cậu bé nào đặt câu hỏi về người đã vun mầm, ấp ủ những niềm hi vọng, đem lại hạnh phúc tuổi thơ.Đó cũng là điều bình thường với bất cứ em bé nào.Hai cây phong của người chiến sĩ Hồng quân, đoàn viên thanh niên cộng sản Đuy-sen đã cùng trồng với em bé khốn khổ An-tư-nai trong những làng Ku-ru-rêu còn chìm đắm trong lạc hậu tối tăm và những hủ tục còn đè nặng trong đời sống dân làng những năm đầu sau cách mạng tháng Mười đã trở thành chứng nhân cho sự lớn khôn của bao thế hệ.Bản thân người thầy đầu tiên ấy vẫn ở lại với làng, đã trở thành một ông lão đưa thư mẫn cần Đuy-sen, người đem đến ấnh sáng cách mạng góp phần xoá tan đI bóng tối cho bao cuộc đời? Hai cây phong còn là minh chứng cho sự hi sinh lặng thầm của những người cộng sản trẻ tuổi đã không ngại ngần cống hiến thời thanh xuân tươI đẹp cho quê hương thay da đổi thịt.Tình cảm yêu mén hai cây phong của “ tôi” của “ chúng tôI”, của những người dân làng Ku-ru-rêu khiến chúng ta trân trọng chính là vì hai cây phong ấy gắn với câu chuyện về một con ngưòi cao đẹp, người thầy giáo không có bằng sư phạm nhưng đã vun trồng bao ước mơ, hi vọng cho những trò nhỏ của mình.

**Cảm nhận vẻ đẹp thiên nhiên trong đoạn trích “Hai cây phong”**

* **Mở bài:**

Hai cây phong là đoạn trích rút ra từ truyện ngắn Người thầy đầu tiên của nhà văn Ai-ma-tốp. Đoạn trích miêu tả chi tiết và sinh động hình ảnh hai cây phong lực lưỡng đứng trên đồi cao vi vút gió. Nó cũng là kỉ niệm, là dấu vết lưu giữ tình cảm quê hương sâu đậm của nhân vật tôi. Từ điểm nhìn trên ngọn cao hai cây phong, toàn bộ quan cảnh vùng thảo nguyên Ca-dắc-tan cũng được cảm nhận trong tình cảm mến yêu vô bờ. Vẻ đẹp hai cây phong là nội dung chính của đoạn trích này.

**Thân bài:**

Bên cạnh ngòi bút đậm chất hội họa, dòng cảm xúc của nhân vật “tôi” về hình ảnh thiên nhiên với bao sự kì diệu trong sự khám phá vẻ đẹp của nó đã đưa người đọc về miền kí ức xa xăm và rất đỗi tươi đẹp của tuổi thơ nơi làng quê yêu dấu. Điều đó đã tạo nên chất trữ tình xuyên suốt toàn bộ đoạn trích Hai cây phong, làm cho kí ức của nhân vật “tôi” trở nên đằm ngọt và êm đềm…

Bối cảnh của truyện là làng Ku-ku-rêu nằm ở ven chân núi, trên một cao nguyên tươi đẹp. Toàn bộ đoạn trích, nhân vật “tôi” không đi theo lối kể lại một sự việc, một biến cố nào đó mà là dòng tâm sự và dòng kí ức êm trong những khoảnh khắc về làng quê, về hình ảnh hai cây phong thân thuộc.

Hình ảnh hai cây phong được nhân vật “tôi” giới thiệu qua cách nói giàu hình ảnh:… “Chúng luôn hiện ra trước mắt hệt như những ngọn hải đăng đặt trên núi”. Với nhân vật “tôi” và làng Ku-ku-rêu, hai cây phong trở nên gắn bó tự bao giờ. Để mỗi khi đi xa trở về làng, hình ảnh luôn là điểm đến đầu tiên của tâm hồn với bao nhớ nhung, yêu thương và gần gũi.

Khi xa, hình ảnh thân thương ấy để lại trong tâm hồn nhân vật “tôi” “nỗi buồn da diết”. Sự mong ngóng trở về để gặp lại với sự háo hức, nóng lòng: “Ta sắp được thấy chúng chưa, hai cây phong sinh đôi ấy?”. Đặc biệt, trong cảm nhận của nhân vật “tôi”, sự nhận biết về hai cây phong được bắt đầu từ khi mình nhận thức được mình. Mỗi khi đứng dưới gốc cây phong, tâm hồn giàu chất thơ của nhân vật “tôi” như hòa điệu với tiếng reo của lá phong, như cảm nhận được lời thì thầm và ý nghĩ của cây: “Rồi sau đó cứ đứng dưới gốc cây để nghe mãi tiếng lá reo cho đến khi say sưa ngây ngất”.

Không phải là cách quan sát thiên nhiên thông thường, nhân vật “tôi” cảm nhận hai cây phong ở nhiều cung bậc và phát hiện ra những điều kỳ diệu về chúng: “Trong làng tôi không thiếu gì các loại cây, nhưng hai cây phong này khác hẳn – chúng có tiếng nói riêng và hẳn phải có một tâm hồn riêng, chan chứa những lời ca êm dịu”. Những tín hiệu phát ra từ hai cây phong nếu bằng sự cảm nhận thông thường, có lẽ rất khó để thấy và đoán biết đó là tiếng nói riêng, là tâm hồn riêng của loài cây. Đó là sự khơi dòng cho cảm xúc mang tính khám phá chiều sâu bên trong hết sức bí ẩn và tươi đẹp của hai cây phong.

Từ sự lắng nghe những chuyển động của cành lá, “không ngớt tiếng rì rào theo nhiều cung bậc khác nhau”, nhân vật “tôi” đã chuyển hóa thành sự tưởng tượng vô cùng phong phú trong những so sánh, ví von độc đáo: “Có khi tưởng chừng một làn song thủy triều dâng lên vỗ vào bãi cát, có khi lại nghe như một tiếng thì thầm tha thiết nồng thắm truyền qua lá cành như  một đốm lửa vô hình,…”

Hai cây phong trước phong ba bão táp vẫn ngời lên sức mạnh của sự chóng chọi, đứng vững trên đồi cao. “Và khi mây đen kéo đến cùng với bão dông, xô gãy cành, tỉa trụi lá, hai cây phong nghiêng ngả tấm tấm thân dẻo dai và reo vù vù như ngọn lửa bốc cháy rừng rực”. Trường liên tưởng từ cây lá sang sóng thủy triều, đóm lửa, tiếng thở dài đó là sự cảm nhận cây phong có chiều sâu, ở nhiều cung bậc cảm xúc của nhân vật “tôi”, đã biến hình ảnh thiên nhiên thành một sinh thể có tâm hồn, có sức mạnh nội lực đang tỏa ra mãnh liệt tự bên trong.

Đó là sự khám phá cây phong bằng linh cảm, bằng sự tưởng tượng phong phú ẩn sâu trong từng cánh cây, kẽ lá, từ thớ vỏ và như thấm sâu vào từng thớ gỗ. Phải thực sự gắn bó với làng quê, với cảnh vật thân thuộc đến thế nào mới có sự hòa quyện tâm hồn và những cảm xúc vô cùng tinh tế với hai cây phong như thế.

Hình ảnh hai cây phong đã đưa nhân vật “tôi” trở về miền kí ức xa xăm mà vô cùng tươi đẹp. Hình ảnh ấy luôn có sức sống kì diệu trong tâm hồn con người để rồi khi xa làng, cây phong luôn nhắc nhở nhân vật “tôi” về nơi ấy, nơi những đứa trẻ quê ngày nào để lại tuổi thơ dưới tán lá xanh thăm thẳm của hai cây phong như “một mảnh vỡ của chiếc gương thần xanh…”

Khơi dòng cảm xúc từ hai cây phong, dòng tâm tư của nhân vật “tôi” bỗng trở nên ấm áp đến lạ thường khi thức dậy những kí ức tuổi thơ êm đềm. Đó là những lần “reo hò, huýt còi ầm ĩ chạy lên đồi…”. Đó là thú vui trèo lên hai cây phong “cứ leo lên cao nữa, cao nữa…” để bắt tổ chim. Đó là sự vỡ òa đầy thích thú trong cảm nhận của đôi mắt tò mò khám phá khi trèo lên ngọn cây phong cao vút: “bỗng như có một phép thần thông nào vụt mở ra trước mắt chúng tôi cả một thế giới đẹp đẽ vô ngần của không gian bao la và ánh sáng”.

Mỗi lúc ngồi lặng thinh, vô tư lự trên cành cây phong cũng là lúc cả thế giới tươi đẹp như ùa vào tâm hồn nhân vật “tôi” và những đứa trẻ, đó là “nơi thăm biêng biếc của thảo nguyên…”, là “những dòng sông lấp lánh như những sợi chỉ bạc mỏng manh”.

Và ở đó, tâm hồn những đứa trẻ có bao liên tưởng đầy thú vị từ cây phong “lắng nghe tiếng gió ảo huyền, và tiếng lá cây đáp lại lời gió, thì thầm to nhỏ về những miền đất bí ẩn đầy sức quyến rủ ẩn sâu chân trời thẳm biêng biếc kia”. Tiếng của cây lá như reo lên trong tâm hồn nhân vật “tôi” và những đứa trẻ nơi làng quê ngày đó, nhen lên trong chúng sự tưởng tượng về những miền đất xa thẳm. Phải chăng, đó là những ước mơ còn như mới khơi lên mà chưa rõ hình thù về ngày mai. Chúng sẽ tạm biệt làng quê nhỏ bé để đến với những chân trời rộng lớn.

Từ miền kí ức lấp lánh trong tâm hồn nhân vật “tôi”. Một hình ảnh rất đổi ấm áp, thiêng liêng được gợi lên theo dòng tâm tư. Hình ảnh ấy được dấy lên qua hàng loạt câu hỏi mà thuở ấy bản thân không nghĩ đến: “ai là người đã trồng hai cây phong trên này? Người vô danh ấy đã ước mơ gì, đã nói những gì khi vùi hai gốc cây xuống đất…?”. Những  câu hỏi ấy cứ xoáy sâu vào miền kí ức xa thẳm để rồi, trong dòng tâm tư, nhân vật tôi trở về với hình ảnh thầy Đuy- sen kính yêu, người đã mang hai cây phong về trồng ở làng, gieo ước mơ cho nơi đấy.

Chất thơ trong đoạn trích Hai cây phong không chỉ được thể hiện ở phương diện nội dung mà còn in đậm trong phương diện hình thức của truyện. Cốt truyện không hề có những biến cố, những xung đột, ít nhân vật, chủ yếu là nhân vật “tôi”. Tình tiết và diễn biến nhẹ nhàng mà thấm thía. Giọng điệu mềm mại, chậm rãi, ngân dài khiến cho dòng kí ức của nhân vật “tôi” êm đềm, đầm ngọt, gợi lên bao điều thiêng liêng trở thành “gia tài” trong hành trình chinh phục ước mơ cảu nhân vật “tôi”.

Truyện sử dụng phép so sánh kết hợp với nhân hóa độc đáo: “như những ngọn hải đăng đặt trên núi”; “như một làn sóng thủy triều…”; như một tiếng thì thầm tha thiết”, “như một đóm lửa vô hình”; “như một ngọn lửa bốc cháy rừng rực”… làm cho hình ảnh hai cây phong trở nên sinh động, như một sinh thể có hồn, có tính cách.

Phép ẩn dụ chuyển đổi cảm giác tinh tế mà gợi cảm. Từ hình ảnh cây liên tưởng đến thủy triều, lửa đã gợi lên sức sống mãnh liệt của hai cây phong. Trong truyện, tác giả sử dụng nhiều từ láy gợi hình, gợi cảm: “mênh mông, ào ào, rì rào, thì thầm, vù vù, rừng rực, khe khẽ, mỏng manh, rộn ràng, thảng thốt, xào xạc”… có tác dụng gợi lên sức sinh sôi của hai cây phong. Trong mỗi đoạn, việc sử dụng những câu văn dài, trong sáng như ngân dài cảm xúc, nhấn mạnh mức độ cảm nhận từng hình ảnh, chi tiết, khiến cho sự cảm nhận về hai cây phong vừa gần gũi, vừa tinh tế, sâu lắng.

**Kết bài:**

Có thể nói, nhờ chất thơ đậm đà trong từng câu, từng chữ, đoạn trích Hai cây phong nói riêng và truyện ngắn Người thầy đầu tiên nói chung đã có sức truyền cảm lớn trong lòng người đọc, tạo nên sự đồng cảm với nhân vật “tôi”, như được hòa mình vào miền ký ức nơi tuổi thơ, về những hình ảnh thiêng liêng: hai cây phong – người thầy – làng quê. Đọc truyện, độc giả luôn cảm thấy nhẹ nhõm, thêm yêu cuộc sống. Chính vì vậy, chất thơ trong truyện đã có sự lắng đọng và lan tỏa trong lòng người đọc.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**BÀI 10**

**ĐI BỘ NGAO DU**

**Rút –xô**

**I.Tác giả , tác phẩm:**

**1.Tác giả:** G.G Ru xô ( 1712 -1788) là nhà triết học lớn cuả nước Pháp ở thế kỉ ánh sáng.Năm 14 tuổi học nghề thợ chạm, rồi sống lang thang, làm đủ các nghề như dạy nhạc, làm đầy tớ, làm gia sư,…Nhờ thông minh, biết tự học và sáng tạo, ông đã trở thành nổi tiếng với khoảng 10 tác phẩm gồm nhạc kịch, tiểu thuyêt, luận văn, triết học, tiêu biểu nhất là hai tác phẩm: “ khế ước xã hội” và “ Ê-min hay là về giáo dục”.

Quan điểm triết học của Ru xô rất tiến bộ: đề cao con người tự nhiên, chống lại con người xã hội, đấu tranh cho một nền giáo dục dân chủ, tự do, lên án xã hội đương thời đã chà đạp lên, nô dịch và làm tha hoá con người.

**2.Tác phẩm:** “ Ê-min hay là về Giáo dục” được Ru xô viết vào năm 1762; nó là đỉnh cao triết học của ông, gồm có năm cuốn.Ê-min là một nhân vật tượng trưng, được nuôI dưỡng từ thơ bé trong cuộc sống tự nhiên, trong môI trường dân chủ tự do mà trí tuệ, nhân cách và thể lực ngày một phát triển tốt đẹp.

Trích đoạn “ Đi bộ ngao du” rút trong cuốn 5, khi Ê-min đã không lớn, trưởng thành.

**II.Phân tích**

Trích đoạn “ Đi bộ ngao du” gồm có 3 đoạn văn; mỗi đoạn văn là một luận điểm

* Đi bộ ngao du rất thoải mái , chủ động và tự do.
* Đi bộ ngao du rất có ích, vì quan sát, học tập được nhiều kiến thức trong thế giứo tự nhiên bao la.
* Đi bộ ngao du vô cùng thú vị.

a.Đi bộ ngao du rất thoải mái, chủ động và tự do

ở Pháp và Tây Âu trong thế kỉ 18 đi ngựa là sang trọng, văn minh.Nhưng Ru-xô đã so sánh và khăng định: đi bộ ngao du thú vị hơn đI ngựa.Đi bộ ngao du rất thoải mái và chủ động: có thể đI hay dừng, có thể quay phảI quay tráI, quan sát khắp nơi, xem xét tất cả tuỳ thích.Có thể đến với bao cảnh đẹp, cảnh lạ đó đây: một dòng sông, một khu rừng rậm, một hang động, một mỏ đá…Đến đâu ưa thích thì ta lưu lại đấy, lúc nào thấy chán thì bỏ đi.Đi bộ ngao du rất tự do, ta chẳng phụ thuộc vào những con ngựa hay gã phu trạm, có thể đI theo những con đường mà ta thích: Gặp thời tiết xấu thì ta đI ngựa.Chẳng hề vội vã…Ê-min to khoẻ, không mỏi mệt, em tìm được nhiều thú để giải trí , để làm việc, để vận động chận tay.

b.Đi bộ ngao du rất có ích

Đi bộ ngao du là để quan sát, tìm tòi, phát hiện như Ta-lex, Pla-tông và Pi-ta-go, những nhà triết học, toán học vĩ đại của Hi Lạp thời cổ đại.Đi bộ ngao du là để xem xét những tài nguyên, là để biết những đặc sản nông nghiệp và cách thức trồng trọt những đặc sản ấy.Là để phát triển hứng thú với tự nhiên học: xem xét một khoảnh đất mà mình đI qua, ghè một vài mẫu của lèn đá, sưu tập hoa lá, nhũng hòn sỏi, các hoá thạch của những quả núi.Ru-xô so sánh một cách hóm hỉnh để làm nổi bật lí lẽ của mình: phòng sưu tập của “ những triết gia phòng khách” thì có đủ “ các thứ linh tinh”vì họ “ chỉ biết gọi tên” nhưng “ chẳng có một ý niệm gì về tự nhiên cả”. TráI lại, phòng sưu tập của Ê-min là phòng sưu tập “ cả trái đất”, “ phong phú hơn các phòng sưu tập của vua chúa”; có thể so sánh với các công trình của Đô-Băng-Tông ( 1716-1800) nhà tự nhiên học lừng danh của nước Pháp.

Qua đó, Ru-xô đã đề cao con người tự nhiên; ông chỉ rõ phảI dựa vào con người vào trong môI trường tự nhiên để mở mang kiến thức, phát triển nhân cách.Giáo dục không được thoát li tự nhiên, nếu không sẽ trở thành viễn vông, vô nghĩa.Tư tưởng ấy, quan điểm ấy rất tiến bộ, đến nay vẫn có nhiều ý nghĩa.

c. Đi bộ ngao du vô cùng thú vị

Đi bộ ngao du còn làm cho sức khoẻ “ được tăng cuờng”, tính khí trỏ nên “ vui vẽ”.Kẻ xa hoa sống trong tiện nghi sang trọng “ ngồi trong các cỗ xe tốt chạy rất êm” thì tâm hồn bệnh hoạn: “ mơ màng , buồn bã, cáu kỉnh hoặc đau khổ”.Tría lại, Ê-min vì đI bộ nhiều nên lạc quan, yêu đời: “ luôn luôn vui vẻ, khoan khoáI và hài lòng với tất cả”; ăn ngon miệng hơn dù bữa cơm đạm bạc, ngủ ngon giấc hơn, dù cáI giường tồi tàn.Người ta có lúc phảI phóng xe tram cho nhanh, cho được việc, nhưng muốn ngao du thì phảI đI bộ.Thú vị của đI bộ ngao du là làm cho con người trở nên giản dị hơn, biết sống, yêu sống và yêu đời hơn.

Nhận xét đánh giá.

Cách viết của Ru-xô rất thâm trầm, giản dị.Qua các ngôI thứ : “ tôI, ta, Ê-min”, ông đã làm cho giọng văn thay đổi , lúc thì tranh biện, lúc thì tâm sự.Lí lẽ dẫn chứng ông nêu ra là sự thật hiển nhiên, là chân lí đầy sức thuyết phục.Có lúc tác giả sử dụng so sánh một cách hóm hỉnh để khẳng định một chân lí: đi bộ ngao du rất thoảI máI và tự do, rất bổ ích và thú vị.Ai cũng nên biết, cần biết đI bộ ngao du để mở mang kiến thức, mở rộng tầm mắt, phát triển nhân cách, thể lực, làm cho cuộc sống có sắc màu ý vị

Đọc trích đoạn “ Đi bộ ngao du” cua Ru-xô, hơn bao giờ ta thêm sáng tỏ: học trong tự nhiên rộng lớn, học trong cuộc sống muôn màu là một trong những cách học tích cực nhất, có giá trị nhất

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**BÀI**

**ÔNG GIUỐC ĐANH MẶC LỄ PHỤC**

**Mô –lie**

**I.Tìm hiểu vài nết vài nét về tác giả, tác phẩm:**

1.Mô-li-e ( 1662-1673), tên thật là Jean Bảptiste Poquelin, là nhà viết hài kịch nổi tiếng của chủ nghĩa cổ điển Pháp.Tác phẩm đầu tay của ông là vở kịch Chàng Ngốc ( 1655), sau đó là các vở: Ghen ( 1656), Thầy thuốc si tình ( 1658), Nhũng bà đài các rởm(1659), Trường học làm chồng ( 1661), Trường học làm vợ ( 1662), Phê bình trường học làm vợ ( 1663), Kịch ứng tác ở Véc-xây ( 1663).Từ 1664, lần lượt xuất hiện những vở kịch nổi tiếng nhất của Mô-li-e: Tactuyp (1664), Đông Juăng ( 1665), Người ghét đời(1666), Lào hà tiện ( 1668), Trưởng giả học làm sang ( 1670), Những bà thông tháI rởm (1672), Người bệnh tưởng(1673)

Nét độc đáo của kịch Mô-li-e là tác giả luôn phát hiện ra những khía cạnh bi đát của xã hội Pháp thời vua Lu-I XIV và thể hiện chúng dưới hình thức hài kịch.

2.Vở hài kịch Trưởng giả học làm sang của Mô-li-e được trình diễn lần đầu ngày 14-11-1670 tại Sămbơ cho triều đình xem.

Nhân vật trung tâm của vở kịch là Giuốc- đanh, tuổi ngoài 40.Lão nhờ bố mẹ có cửa hiệu buôn bán lớn cạnh cửa ô Xanh Inôxang mà trở nên giàu có.Khao khát muốn trở thành nhà quí tộc, lão kiếm hai tên hầu nhưng chẳng biết sai boả chúng làm gì.Là người hiểu biết tồi, nói năng quàng xiên về tất cả mọi chuyện,lão mời thầy dạy nhạc, thầy dạy múa về dạy cho lão.Để ra dáng nhà quí pháI, lão phảI đặt may bộ lễ phục để mặc nghe nhạc.Giuốc-đanh còn mời cả thầy dạy đánh kiếm, thầy triết học về dạy.Lão tha thiếy mong thầy dạy cho môn chính tả để viết thư cho bà hầu tước Đô-ri-men.Bác phó may mang tới cho Giuốc- đanh bộ lễ phục may hoa ngược, khiến lão tức giận.Nhưng khi bác ta nói những người quí tộc đều mặc như vậy, lão tỏ vẻ rất hài lòng.Lão muốn ra phố để chưng diện bộ quần áo mới cùng với đám người hầu của mình.Bà Giuốc-đanh kinh ngạc trước những trò hề của chồng, tìm mọi cách ngăn cản nhưng vô ích.

Biết Giuốc-đanh hợm hĩnh muốn học đòi làm sang và được liệt vào giới thượng lưu, gã quí tộc bó tước Đô-răng lợi dụng lão, tha hồ xoay tiền để tiêu xài phung phí.Vì muốn kết thân với nữ hầu tước Đô-ri-men ( hiện là tình nhân của Đô-răng), giuốc đanh nhờ Đô-răng môI giới.Lão đã bỏ ra rất nhiều tiền mua quà tặng và tổ chức những cuộc vui tại nhà mong làm đẹp lòng Đô-ri-men.Song gã bá tước Đô-răng gian ngoan đã khiến nữ hầu tước hiểu rằng chính gã đã bỏ tiền chiêu đãI và mua quà cho bà.

Mộng trở thành quí tộc làm cho Giuốc-đanh trở nên mê muội.Lão ngăn cản không cho Luy-xin, con gáI yêu quí của mình lấy Clê-ông chỉ vì chàng không phảI là quí tộc.Lão dự định phảI kiếm cho được một chàng rể thuộc giới thượng lưu.Biết cuồng vọng của Giuốc-đanh, cô-vi-en, đày tớ của Clê-ông, sắp đặt trò phong tước Mamamouchi cao quí của Thổ Nhĩ Kì cho lão để lão bằng lòng gả Luy-xin cho hoàng tử Thổ Nhĩ Kì ( do Clê-ông đóng giả)

Trưởng giả học làm sang là một trong những vở hài kịch thành công nhất của Mô-li-e.Tác giả đã tạo nên bức tranh xã hội Pháp thế kỉ XVII vô cùng sinh động và chân thật: những gã trọc phú học đòi quí tộc một cách ngu ngốc, kệch cỡm; những tên quí tộc kiểu cách rởm đời, giả dối, xảo trá, tham lam.Mô-li-e đặt niềm tin ở thế hệ trẻ, những người có hiểu biết, giàu lòng nhân ái.Ông đề cao giá trị đích thực của cá nhân.Nhà viết kịch đã sử dụng tiếng cười như một vũ khí sắc bén để tấn công lối sống cầu kì rởm của tầng lớp quí tộc Pháp đương thời và đám trưởng giả lố bịch đang quí tộc hoá.

3.Ông Giuốc- đanh mặc lễ phục là lớp kịch kết thúc hồi II của vở kịch 5 hồi Trưởng giả học làm sang.

a.Lớp kịch gồm hai cảnh:

-Cảnh 1: Trong phòng khách nhà ông giuốc-đanh, có một ông Giuốc-đanh, gai nhân, thêm bác phó may và một tay thợ phụ mang lễ phục vào, tất cả là bốn nhân vật.Cảnh này chủ yếu là những lời đối thoại của ông Giuốc-đanh và bác phó may.

-Cảnh 2: Vẫn khung cảnh trên nhưng có thêm bốn tay thợ phụ nữa, tất cả là tám nhân vật.Cảnh này cũng chỉ có hai người là ông Giuốc-đanh và tay thợ phụ đến lúc đầu đối thoại với nhau, nhưng có thêm bốn tay thợ phụ xúm xít xung quanh nên thành ra Giuốc-đanh như nói chuyện với cả năm người.Mà đâu chỉ có miệng nói, ông Giuốc-đanh còn “ cởi áo, mặc áo, chân bước” “ đi đi lại lại giữa đám thợ”, và tất cả những hành động ấy “ đều theo nhịp của dàn nhạc”.Với số lượng nhân vật đông hơn và nhiều hành động hơn, cảnh sau nhộn nhịp, sôI động hơn so với cảnh trước.

b.tính cách trưởng giả học đòi làm sang của ông Giuốc-đanh:

Cảnh 1:Cuộc đối thoại giữa ông Giuốc-đanh và bác phó may xoay quanh một số việc như bộ lễ phục, đôI bít tất, đôI giày, bộ tóc giả và lông đính mũ, nhưng chủ yếu vẫn là bộ lễ phục.

-Ai cũng biết rằng khi may áo, hoa phảI hướng lên trên.Không biết bác phó may do kém cỏi, do sơ suất hay do cố tình biến ông Giuốc-đanh thành trò cười mà lại may bộ lễ phục ngược hoa.Ông Giuốc-đanh còn tỉnh táo nên đã phát hiện ra điều này.Nhưng chỉ cần bác phó may vụng chèo khéo chống, bịa ra lí lẽ những người quí phái đều mặc hoa ngược là ông ưng thuận ngay.Đoạn này có kịch tính cao.Bác phó may đang ở thế bị động( bị chê trách may áo ngược hoa) lại nhanh chóng thuyết phục ông Giuốc-đanh và chuyển sang thế chủ động tấn công bằng hai đề nghị liên tiếp: “ Nếu ngài muốn thì tôI sẽ xin may hoa xuôi lại thôi mà”, “ Xin ngài cứ việc bảo”.Còn ông Giuốc-đanh thì cứ lùi mãi : “ Không, không”, “Tôi đã bảo không mà.Bác may thế này được rồi”, sau đó né tránh bằng cách lảng sang chuyện khác hỏi bộ lễ phục ông mặc có vừa vặn không.

-Ông Giuốc-đanh lại phát hiện ra bác phó may ăn bớt vảI của mình.Ông lại chuyển sang thế chủ động, trách bác phó may bằng hai lời thoại.Bác phó may không giám phủ nhận chỉ chống đỡ yếu ớt : “ Chẳng là thứ hàng đẹp quá nên tôi đã gạn lại một cái áo để mặc”.Nhưng rồi sau đó bác nhanh chóng gỡ thế bí bằng cách gợi ý ông Giuốc-đanh thử bộ lễ phục theo đúng thể thức của các nhà quí phái: mặc áo có người hầu và theo nhịp nhạc.Nước cờ này khá cao tay vì nó đã đánh trúng tâm lí ông Giuốc-đanh đang muốn học đòi làm sang.

Cảnh 2:Tác giả chuyển tiếp từ cảnh trước sang cảnh sau một cách tự nhiên và khéo léo.Khi ông Giuốc-đanh vừa mặc xong bộ lễ phục là tay thợ phụ tôn xưng là “ ông lớn” ngay, khiến ông sung sướng vì tưởng rằng cứ mặc bộ lễ phục vào là nghiễm nhiên trở thành quí phái.Tay thợ phụ ranh mãnh nắm đúng điểm yếu của ông giuốc-đanh nên dùng mánh khoé nịnh hót để moi tiền.Mức độ ranh mãnh của tay thợ phụ và tính cách trưởng giả học làm sang của ông Giuốc-đanh cứ tăng tiến dần qua các danh xưng càng lúc càng tôn cao dần: từ “ ông lớn” đến “ cụ lớn” rồi đến “ đức ông”.

Đoạn này còn hé ra nét tính cách của một gã trọc phú giàu có và keo kiệt.Ngay trong giây phút ngây ngất hạnh phúc, ông Giuốc-đanh vẫn tỉnh táo nghĩ đến túi tiền của mình.Khi tay thợ phụ không tung hô thêm nữa, ông nghĩ ( qua lời nói riêng): “ Nó như thế là phảI chăng, nếu không ta đến mất tong cả tiền cho nó mất thôi”.Nhưng chính qua chi tiết này, tác giả càng tô đậm hơn tính cách trưởng giả học làm sang của ông Giuốc-đanh: dù keo kiệt nhưng lão sẵn sàng cho hết cả tiền để được làm sang.

c.Nghệ thuật gây cười:

Thành công của Mô-li-e là đã xây dựng được nhân vật ông Giuốc-đanh trở thành một nhân vật hài kịch bất hủ, đem lại tiếng cười sảng khoáI cho khán giả.

Khán giả cười ông Giuốc-đanh ngu dốt chẳng biết gì, chỉ vì thói học đòi làm sang mà bị bác phó may và tay thợ phụ lợi dụng để kiếm chác.Tác giả đã xây dựng nhiều tình huống và hành động kịch có tính cường điệu để khắc hoạ đậm nét tính cách này: Ông Giuốc-đanh ngớ ngẩn đến mức tưởng rằng phải mặc áo hoa ngược mới là sang trọng; tung tiền ra để được tôn xưng bằng những cáI danh hão.Khán giả được dịp cười sảng khoáI khi chứng kiến cảnh ông Giuốc-đanh bị bốn tay thợ phụ lột quần áo ra, mặc cho bộ lễ phục lố lăng mà vẫn vênh vang ra vẻ ta đây là nhà quí phái.

Ông Giuốc-đanh mặc lễ phục, một vở kịch trong vở trưởng giả học làm sang của Mô-li-e, được xây dựng hết sức sinh động, khắc hoạ tài tình tính cách lố lăng của một tay trưởng giả muốn học đòi làm sang, tạo nên tiếng cười sảng khoái cho khán giả.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**BÀI**

**LUYỆN ĐỀ**

**1**.Đọc truyện cô bé bán diêmcủa An - đéc –xen ta cảm nhận được mỗi que diêm em đánh lên là em có một giấc mơ đẹp. Hãy:

* Tóm tắt truyện: Cô bé bán diêm của An-đéc –xen
* Kể lại vắn tắt 4 giấc mơ của em

**2**.Phân tích ý nghĩa giấc mơ thứ 4 của em bé trong truyện Cô bé bán diêm của

An- đéc –xen

**3.** Phân tích ý nghĩa hình tượng ngọn lửa diêm trong truyện Cô bé bán diêm

**4**.Cảm nghĩ về truyện cô bé bán diêm

**5.Vì sao có thể nói : « Chiếc lá cuối cùng » là một hình tượng quan trọng, linh hồn của truyện ngắn này ?**

Không phải ngẫu nhiên hình ảnh chiếc lá trường xuân cuối cùng đã trở thành nhan đề một truyện ngắn bất tử của nhà văn Mĩ lừng danh O.Hen ri. Đó là một chi tiết cảm động, biểu tượng nghệ thuật bất ngờ, độc đáo mang ý nghĩa nhân văn sâu sắc

**a.** Chiếc lá trường xuân nhỏ bé tầm thường, do bàn tay một hoạ sĩ « thường thường bậc trung » tạo ra rất giống chiếc lá thật. Bức tranh « lá » thật sinh động đến nỗi con mắt chuyên môn tinh trẻ của Giôn xi nhìn ngắm hoài mà sao không thể phân biệt nổi lá thật hay lá vẽ ? «  Sau trận mưa vùi dập và những cơn gió phũ phàng kéo dài cả một đêm, tưởng chừng không bao giờ dứt, vẫn còn một chiếc lá thường xuân bám trên bức tường gạch. Đó là chiếc lá cuối cùng trên cây. Tuy ở gần cuống lá còn giữ màu xanh sẫm, nhưng rìa lá hình răng cưa đã nhuốm màu vàng úa, tuy vậy chiếc lá dũng cảm vẫn bám vào cành cách mặt đất chừng sáu thước. Và « ngày hôm đó trôi qua và ngay cả trong ánh hoàng hôn, họ vẫn trông thấy chiếc lá thường xuân đơn độc bám lấy cái cuống của nó trên tường và rồi, cùng với màn đêm buông xuống, gió bấc lại lồng lộn, trong khi mưa vẫn đập mạnh vào cửa sổ và mái hiên thấp kiểu Hà Lan mưa rơi lộp độp xuống mặt đất ». Chiếc màn xanh lại được kéo lên khi buổi sáng lại về. Chiếc lá thường xuân vẫn còn đó ».

**b- Chiếc lá dũng cảm đó đã cứu sống một con người.**

- Nhờ chiếc lá giả- lá vẽ (nhưng có thật) vào mặt bức tường trước khuôn cửa sổ mà cô hoạ sĩ trẻ Giôn Xi dần khỏi bệnh . Hoạ sĩ già Bơ men đã cứu được cô gái đáng thương bằng kiệt tác đầu tiên- và cũng là cuối cùng của mình, hay chính cô đã tự cứu cô bởi niềm hi vọng lớn dần, mạnh ấm dần khởi nguồn từ chiếc lá lạ lùng, gan lì bám trụ, quyết không chịu lìa khỏi ngọn dây leo loằng ngoằng.

- Chiếc lá cuối cùng xuất hiện kịp thời đúng lúc đó đã đem lại niềm tin vào sự sống cho Giôn xi, đã thăng hoa nội lực cho Giôn xi, giúp cô chiến thắng gã « viêm phổi » dai dẳng hiểm ác. Cô chợt hiểu ra : « có một cái gì đó làm cho chiếc lá cuối cùng vẫn còn đấy để em thấy rằng mình đã tệ như thế nào » và hi vọng « một ngày nào đó sẽ được vẽ vịnh Na Plơ » lại trỗi dậy trong cô ; cùng với niềm hi vọng ấy nhựa sống lại lên men, nghị lực và mầm sống lại hồi sinh, khiến bác sĩ phải thốt lên : « được năm phần mười rồi. Chăm sóc chu đáo thì chị sẽ thắng và « cô ấy khỏi nguy hiểm rồi, chị đã thắng ». Không hẳn chiếc lá của cụ Bơ men đã cứu Giôn xi khỏi tắt lịm đi như ngọn đèn mờ con con trước gió đông lạnh buốt mà chính bàn tay già nua của người hoạ sĩ láng giềng nghèo, cô đơn trong đêm gió tuyết ấy chỉ cố tạo nên niềm hi vọng, khơi bùng lên ngọn lửa tình đời sắp lụi tàn nơi trái tim người đồng nghiệp trẻ không may

**c. Chiếc lá ấy được vẽ bằng trái tim của tình yêu thương con người.**

- Bác Bơ men vẽ chiếc lá ấy trong cái đêm rét khủng khiếp, khi chiếc lá cuối cùng đã rụng xuống. Do đắm mình trong mưa tuyết giá lạnh, bác Bơ men đã nhiễm bệnh sưng phổi và đã qua đời sau đó hai ngày. Chắc chắn khi dầm mình trong mưa tuyết để vẽ chiếc lá, bác không phải không cảm thấy giá buốt, không phải không cảm thấy nguy hiểm cho tính mạng mình. Nhưng lòng thương yêu Giôn xi, ý muốn dùng cây bút và bảng màu để cứu sống cô đã thúc đẩy bác vượt lên trên giá buốt, hiểm nguy để vẽ chiếc lá cuối cùng.

- Thực ra chiếc lá cuối cùng đã rụng, còn lại mãi trên tường không phải là thần dược, nó là tác phẩm nghệ thuật được tạo nên bởi tình yêu thương con người, của sự hi sinh cao cả, quên mình tuyệt đối, vô tư tuyệt đối, là lòng yêu mến cuộc sống bỏng cháy của người hoạ sĩ già. Chiếc lá cuối cùng,, sáng tạo một đêm kết quả của tình yêu thương trĩu nặng dồn qua ngòi bút xuất thần của cụ Bơ men. « Chiếc lá » nối dài một cuộc đời, cướp đi một cuộc sống, để lại trong bao thế hệ người đọc niềm xót xa, thương kính người hoạ sĩ nghèo không may mắn, đồng thời lại vô cùng kinh ngạc về sức mạnh diệu kì của nghệ thuật- đem lại cuộc sống và hi vọng cho con người. Dù phải đổi giá cực đắt, nhưng nghệ có nghệ sĩ chân chính nào không vui lòng đánh đổi tất cả để lấy một « chiếc lá cuối cùng ».

**6.Từ kiệt tác « chiếc lá cuối cùng, em hiểu thêm ý nghĩa nào của truyện « chiếc lá cuối cùng » ?**

-Nghệ thuật chân chính được tạo ra từ tình yêu thương con người.

- Nghệ thuật chân chính là nghệ thuật của tình yêu thương, vì sự sống của con người.

Bức tranh của hoạ sĩ Bơ men là nghệ thuật chân chính vì nó hướng tới con người, vì con người. Nghệ thuật chân chính mang trong lòng nó chức năng sinh thành và tái tạo để phục vụ con người.Tình yêu thương là nguồn sức mạnh của ông già và tài năng nghệ thuật hướng ngòi bút của ông vào việc hoàn thành một tác phẩm mang thiên chức vĩ đại của nghệ thuật : nghệ thuật vị nhân sinh. Và người nghệ sĩ đã đem cả sinh mệnh của mình để trả lại màu xanh cho chiếc lá đã úa vàng, trả lại màu hồng cho đôi má của người thiếu nữ xanh xao trả lại niềm tin nghị lực cho những người yếu đuối. Chiếc lá cuối cùng trở thành niềm hi vọng của sự hồi sinh được xây dựng bằng tình người.

**Nghệ thuật đặc sắc**

**-** Nét độc đáo của nghệ thuật truyện này là hiện tượng đảo ngược tình huống hai lần khắc sâu trong một câu chuyện đã tạo nên một kết thúc bất ngờ hấp dẫn người đọc. Đọc truyện, lúc đầu người đọc cứ đinh ninh là cô Giôn xi nhất định sẽ chết vì bệnh viêm phổi. Nhưng tình huống đã đảo ngược, giàu kịch tính và kết thúc bất ngờ : Sau một đêm bão tuyết, chiếc lá cuối cùng đã rụng mà chẳng ai hay, bức vẽ « chiếc lá cuối cùng » vẫn bám chắc cây thường xuân, chính chiếc lá ấy, bức vẽ kì diệu ấy đã cứu sống Giôn xi. Cụ Bơ men, tác giả bức vẽ ấy đã chết ở tuổi 60, sau hai ngày bị viêm phổi nặng.

Kết thúc này càng khắc sâu vẻ đẹp tâm hồn của nghệ sĩ già Bơ men và tô đậm giá trị tư tưởng và nghệ thuật của truyện.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**CỤM VĂN BẢN NHẬT DỤNG**

**I.Yêu cầu cần đạt:**

Thông qua các văn bản nhật dụng, giúp học sinh nắm được tác hại của hút thuốc lá đến sức khoẻ con người, đối với những người xung quanh.Từ đó có quyết tâm cao để tranh thuốc lá, chống thuốc lá như chống ôn dịch, biết bảo vệ môi trường có ý thức hạn chế sử dụng những sản phẩm ảnh hưởng đến môI trường.Ngoài ra tăng dân số cũng ảnh hưởng đến tài nguyên làm cạn kiệt tài nguyên cũng là nguy cơ của loài người bởi vì mỗi chúng ta có ý thức về vấn đề dân số và kế hoạch hoá gia đình.

**THÔNG TIN VỀ NGÀY TRÁI ĐẤT**

1.Đề ra: Hãy nêu cảm nhận của em sau khi đọc bài “ Thông tin về ngày tráI đất năm 2000”

2.Bài làm:

Văn bản “ Thông tin về ngày tráI đất năm 2000” đã đem đến cho mỗi chúng ta những kiến thức cần biết, nên biết và phảI biết.

1.Về tổ chức và mục đích

“ Ngày tráI đất” là ngày 22-4 hằng năm, lúc đầu do một tổ chức bảo vệ môI trường của mỹ khởi xướng từ năm 1970, đến nay đã có 141 nước trên thế giới tham gia nhằm mục đích bảo vệ môI trường, những vấn đề môI trường nóng bỏng nhất của từng nước hoặc từng khu vực.

Năm 2000, Việt Nam mới gia nhập tổ chức “ Ngày tráI đất” nước ta đã nêu lên chủ đề : một ngày không sử dụng bao bì, nilon.

2.Tác hại:

Tác giả đã phân tích, đã giải thích một cách sáng tỏ về những tác hại của việc sử dụng bao bi, nilon.Đó là những điều mà số đông người trong chúng ta chưa hề biết.Có năm tác hại đáng sợ như sau:

- Một là, bao bì nilon có chứa chất Pla-xtic, một chất không phân huỷ sẽ gây nguy hại đối với môI trường khi khắp mọi nơI trên đất nước ta, mỗi ngày vứt ra, thải ra hàng triệu bao bi nilon, vứt bừa bãI khắp mọi nơI công cộng, từ ao hồ, sông ngòi đến đường phố, chợ búa, làng mạc…

- Hai là, bao bì ni lon khi lẫn vào đất sẽ làm cản trở quá trình phát triển của các loài thực vật như cây trồng , hoa cỏ…sẽ dẫn đến sự xói mòn của các vùng đồi núi.

- Ba là, bao bì ni lông vứt bừa bãI sẽ làm tắt nghẽn cống rãnh, kênh mương, gây nên cảnh úng đọng, ngập lụt, làm cho ruồi muỗi phát sinh, lây truyền dịch bệnh.Bao bì ni lông trôI ra biển làm chết các sinh vật khi nuốt phải.

- Bốn là, bao bì ni lông màu vốn hàm chứa các chất như chì, ca-đi-min sẽ làm ô nhiễm thực phẩm, gây tác hại cho não và nguyên nhân gây ung thư phổi.

- Năm là, khi đốt các bao bì ni lông phế thảI, khói độc ấy vì có nhiều chất đi-ô-xin sẽ gây ngộ độc, khó thở, ngạt thở, nôn ra máu, gây rói loạn chức năng, gây ung thư và các dị tật bẩm sinh cho trẻ sơ sinh.

Tóm lại, sử dụng và vứt bừa bãI bao bì ni lông sẽ đầu độc môI trường và môI trường sẽ gây nhiều tác hại nguy hiểm cho sức khoẻ và cuộc sống con người.Những điều ấy chúng ta chưa hiểu và chưa hề nghĩ tới.

3.Những kiến nghị:

- Hãy thay đổi thói quen và giảm thiểu bao bì ni lông

- Hãy không sử dụng bao bì ni lông khi không cần thiết

- Hãy dùng giấy, lá để gói thực phẩm.

- Hãy nói cho mọi người trong nhà và bè bạn biết những tác hại ghê gớm về việc sử dụng bao bì ni lông.

Vì bảo vệ TráI Đất, ngôI nhà chung của chúng ta, ai cũng phảI quan tâm tới tráI đất hơn nữa góp phần bảo vệ môI trường.Một trong những việc làm của chúng ta là “ Một ngày không dùng bao bì nilông”.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**BÀI 14 ÔN DỊCH THUỐC LÁ**

1.Đề ra: Phân tích và nêu cảm nghĩ sau khi đọc bài “ Ôn dịch thuốc lá” của Nguyễn Khắc Viện.

2.Bài làm:

Nguyễn Khắc Viện là một trí thức tây học, đỗ bác sĩ tại Pháp trong thập niên 40 của thế kỉ XX.Ông là một nhà hoạt động văn hoá, nhà hoạt động xã hội rất nổi tiếng ở nước ta.

Bài “ Ôn dịch thuốc lá” thể hiện cáI tâm và cách viết, cách nói sắc sảo, độc đoán của Nguyễn Khắc Viện.

Nhan đề rất độc đáo: “ Ôn dịch, thuốc lá”.Độc đáo ở hai chữ ôn dịch, độc đáo về cách dùng dấu phẩy ở đây, dấu phẩy tạo nên ngữ điệu, gợi lên một tình huống nguy cấp, phảI báo động gây ấn tượng mạnh cho người đọc, người nghe…

Mở đầu tác giả dùng phép so sánh đối chiếu để lôI kéo, thu hút ngươì đọc: dịch hạch, thổ tả, những dịch bệnh khủng khiếp từng gây ra và làm chết hàng vạn hàng triệu người.Nhờ tiến bộ y học mà những dịch khủng khiếp ấy đã diệt trừ được.Cuối thế kỉ XX, loài người lại lo âu về nạn AIDS mà chưa tìm ra giảI pháp thì ôn dịch thuốc lá đang đe doạ sức khoẻ và tính mạng loài người còn nặng hơn cả AIDS.Sự thật khủng khiếp được nhiều nhà bác học, sau mấy chục năm và hơn năm vạn công trình nghiên cứu lớn tiếng báo động.Đúng là con số biết nói!

Phần thứ hai bài văn, Nguyễn Khắc Viện phân tích và chứng minh rằng ôn dịch thuốc lá gây ra bao tệ nạn kinh khủng.Trước hết ông nhắc lại một câu nói nổi tiếng của Trần Hưng Đạo căn dặn nhà vua: “ Nừu đánh giặc như vũ bão thì không đáng sợ, đáng sợ là giặc gặm nhấm như tằm ăn dâu” để chỉ rõ ôn dịch thuốc lá là giết dần giết mòn con nghiện, gây ra bao tai hại ghê gớm trong cộng đồng là nguyên nhân, nguồn gốc của mọi tệ nạn xã hội khác.Dẫn câu nói của Trần Hưng Đạo không chỉ làm tiền đề cho lập luận, làm cho luận cứ và luận chứng thêm phần sắc bén chặt chẽ mà òcn tạo cho người đọc bao liên tưởng đầy thuyết phục về ôn dịch thuốc lá.Thuốc lá là ôn dịch, là một thứ giặc rất đáng sợ vì nó gặm nhấm con nghiện và xã hội.

Khói thuốc lá rất độc, chất hắc ín sẽ làm tê liệt những lông rung, lông mao của những tế boà niêm mạc ở nơI vòm họng, ở nơI phế quản, ở nang phổi, chất hắc ín ấy tích tụ lại gây ho hen, đờm dãI, và sau nhiều năm gây viêm phế quản.

Người nghiện thuốc lá sẽ bị chất oxít cacbon trong thuốc lá thấm vào máu làm cho sức khoẻ ngày càng sút kém.

Tác giả nêu lên những số liệu để chứng minh ôn dịch thuốc lá rất đáng sợ.80% bệnh nhân ung thư vòm họng và ung thư phổi ở bệnh viện K là do thuốc lá.Các bệnh huyết áp cao, tắc động mạch, nhồi máu cơ tim đều do chất nicotin của thuốc lá gây ra.Những cáI chết đột xuất về nhồi máu cơ tim, những khối ung thư ghê tởm của con bệnh 40-50 tuổi đều cho thấy “ tác hại ghê gớm của thuốc lá”.Hàng triệu người bị viêm phế quản làm mất bao nhiêu ngày lao động và tổn hao sức khoẻ đều do thuốc lá gây ra.Những số liệu ấy đầy sức thuyết phục vì đó là những căn cứ khoa học, là ý kiến của bác sĩ viện trưởng bệnh viện K, của bác sĩ viện trưởng viện nghiên cứu các bệnh tim mạch nêu lên.

Nguy hại hơn nữa là kẻ nghiện thuốc lá “ đã đầu độc” những người xung quanh do khói thuốc lá.Vợ con…bị nhiễm độc, nhất là những thai nhi.Hiện tượng đẻ non, đẻ ra đã suy yếu…đều do bị nhiễm độc bởi khói thuốc lá.Câu văn: “ Hút thuốc lá cạnh một người đàn bà có thai quả là một tội ác” vang lên như một lời kết tội nghiêm khắc.

Về mặt đạo đức, người lớn nghiện thuốc lá “ không những đầu độc con em mà còn nêu gương xấu”.Cho nên câu nói: “ Tôi hút, tôI bị bệnh, mặc tôi!” chỉ là lời lẽ gàn bướng, của con nghiện!

Phần cuối, tác giả cho biết nghiện thuốc lá là nguyên nhân của các tệ nạn khác như ma túy, trộm cắp.ở Việt Nam ta, một nước thuộc diện nghèo mà tỷ lệ thanh niên hút thuốc ở các thành phố lớn ngang với tỷ lệ các thành phố Âu-Mĩ”.

ở Châu âu, chiến dịch chống thuốc lá rất quyết liệt. Cấm hút thuốc lá ở tất cả những nơI công cộng, phạt nặng những người vi phạm; cấm quảng cáo thuốc lá trên báo chí, vô tuyến.Cuối năm 1990, có thể nêu lên những khẩu hiệu: “ Một châu âu không còn thuốc lá”.

TráI lại, ở Việt Nam, một nơI có nhiều bệnh như sốt rét, bệnh phong, lao, ỉa chảy chưa thanh toán được, lại ôm thêm ôn dịch thuốc lá này.Tệ nạn ấy “ nghĩ đến mà kinh!”.Bằng tấm lòng của người thầy thuốc, Nguyễn Khắc viện thiết tha kêu gọi mọi người Việt Nam “ phảI đứng lên chống lại, ngăn ngừa nạn ôn dịch” thuốc lá.

“ Ôn dịch, thuốc lá” là một văn bản thuyết minh được viết bằng một văn phong hiện đại, độc đáo.Các lí lẽ và dẫn chứng được tác giả nêu lên qua sự phân tích sắc bén, qua sự so sánh liên tưởng đầy sức thuyết phụ.Bài văn đã thể hiện sự quan tâm và lo lắng của Nguyễn Khắc Viện trước tệ nạn “ ôn dịch, thuốc lá”.

Bài văn đã nâng cao nhận thức cho mỗi chúng ta nhất là các bạn trẻ biết về những tác hại ghê gớm của thuốc lá.Và hãy coi chừng ôn dịch, thuốc lá.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**BÀI 15**

**BÀI TOÁN DÂN SỐ**

I.Giáo viên giúp học sinh nắm được: Bài toán dân số là một văn bản thuyết minh về vấn đề dân số, đăng trên báo giáo dục và thời đại chủ nhật số 28, năm 1995.

II.Phần thân bài: Học sinh phảI nắm được các ý lớn sau:

- Giới thiệu bài toán cổ của nhà thông tháI, bài toán cấp số nhân với công bội là 2.

- Chứng minh rằng dân số loài người tăng theo cấp số nhân, công bội là hai; đến năm 1995 đã đạt đến ô thứ 30 trên 64 ô cửa bàn cờ tướng trong bài toán cổ.

- Chứng minh rằng với tỷ lệ gia tăng dân số như hiện tại thì đến năm 2015, dân số thế giới sẽ hơn 7 tỉ người, mon men sang ô thứ 31 của bàn cờ nói trên.

1. Vấn đề chính mà tác giả muốn đặt ra trong văn bản này là sự gia tăng dân số đáng lo ngại của thế giới.Từ câu chuyện về bài toán của nhà thông tháI thời cổ đại, liên tưởng tới vấn đề dân số của hiện tại, tác giả bỗng sáng mắt ra vì hiểu được dân số thế giới đã và đang tăng theo cấp số nhân, rồi sẽ đạt đến một con số khủng khiếp trong tương lai.
2. Câu chuyện kén rể của nhà thông tháI có ý nghĩa thuyết minh một cách cụ thể để làm nổi bật vấn đề chính mà tác giả muốn nói tới.Hình ảnh bàn cờ tướng với 64 ô mà từ ô thứ nhất đến ô cuối cùng, số thóc – có thể hiểu mỗi hạt thóc chỉ một người – tăng theo cấp số nhân với công bội là hai có ý nghĩa giúp cho ngưòi đọc hình dung một cách cụ thể nguy cơ gia tăng dân số loài người.
3. Việc đưa ra những con số về tỉ lệ sinh con của phụ nữ ở một số nước theo thông báo của hội nghị cai-rô nhằm mục đích trình bày nguy cơ gia tăng dân số.Tính trong điều kiện mỗi gia đình chỉ có hai con, dân số thế giới đã tăng đến mức đáng lo ngại.Nhưng trong thực tế, một người phụ nữ có khả năng sinh được nhiều con.Tác giả đưa ra những số liệu cụ thể đê chứng minh cho điều này.Nhìn chung, cá nước châu Phi có tỷ lệ sinh con ở phụ nữ cao hơn các nước châu á.Như vậy phấn đấu mỗi gia đình có một đến hai con là chỉ tiêu rất khó khăn.Nhưng nếu không phấn đấu như vậy, dân số sẽ gia tăng đến con số khủng khiếp.ở các châu lục òn nhiều nước chậm phát triển như châu phi và châu á, nguy cơ đó càng đáng sợ bởi sự phát triển xã hội không theo kịp tốc độ gia tăng dân số, đời sống con người càng khó khăn hơn.Nừu không điều chỉnh được tỷ lệ gia tăng dân số, sẽ đến lúc mỗi con người trên tráI đất này chỉ còn diện tích một hạt thóc, tức là con người không còn đất đai để sinh sống, và cũng không còn cáI để sống.

Đất đai không sinh thêm, con người lại càng nhiều lên gấp bội.Nếu không hạn chế sự gia tăng dân số thì con người sẽ tự làm hại chính mình.Từ câu chuyện một bài toán cổ về cấp số nhân, tác giả đã đưa ra các con số buộc người đọc phảI liên tưởng và suy ngẫm về sự gia tăng dân số đáng lo ngại của thế giới, nhất là ở những nước chậm phát triển.

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**Khái quát văn học Việt Nam từ TK X đến TK XIX**

**I. Các giai đoạn văn học từ TK X đến TKXIX**

1. Giai đoạn từ TK X đến TK XV

- Năm 938, Ngô Quyền đánh tan quân Nam Hán trên sông Bạch Đằng xây dựng đất nước trong đó có một nền văn hoá độc lập tự cường. Chế độ phong kiến phát triển hơn, phải trãi qua các cuộc chiến tranh như chống Tống, Nguyên, Minh, Thanh. Quyền lợi giai cấp thống trị và của nhân dân công bằng, thống nhất được thể hiện qua văn thơ. Mâu thuẫn trong thời kì này không phải giữa giai cấp thống trị với nhân dân mà là mâu thuẫn trong nội bộ giai cấp phong kiến.

- Trước thế kỉ X, văn học nước ta chỉ có nền văn học dân gian. Đến tk X bắt đầu có văn học viết. Đây là một bước nhảy vọt, hoàn chỉnh diện mạo văn học nước nhà.

- Văn học thời kì đầu này được viết bằng chữ Hán. Vấn đề đặt ra là tại sao văn học được viết bằng chữ Hán vẫn được coi là văn học dân tộc. Bởi vù nó phản ánh tâm tư tình cảm.. thiên nhiên, đời sống con người Việt Nam.

- Mở đầu có bài thơ Quốc tộ( Vận nước) của nhà sư Đỗ Pháp Thuận, Nam quốc sơn hà của LTK , Chiếu dời đô của LCU  Thể hiện ý chí tự cường, chống giặc ngoại xâm

- Thời Trần - Hồ : Văn học viết phát triển cả thơ và văn xuôi- văn viết bằng chử Hán là chủ yếu. Đến thế kỉ 13 trong xu thế phục hưng dân tộc mãnh mẽ đã có sự xất hiện và phát triển của chữ Nôm. Văn học thể hiện thế xung trận 3 quân, trách nhiệm làm traicủa người quân tử. Hịch tướng sĩ đó là hình tượng, tấm lòng của người dũng tướngqua những câu văn hào hùng, thể hiện tinh thần yêu nước của văn học thời Trần. Tụng giá hoàn kinh sư của Trần Quang Khải thể hiện thái độ vững vàng, an nhiên của dân tộc tangay cả trong những ngày tháng chiến đấu ác liệt. Thuật hoài của Phạm Ngũ Lão Thể hiện hình tượng con người cầm ngang ngọn giáo để bảo vệ Tổ quốc được đo bằng kích thức của đất trời. Đó là tầm vóc hoành tráng, tư thế vững chắc. Phú sông Bặch Đằng Của Trương Hán Siêu nêu cao truyền thống anh hùngvà tất thắng của dân tộc với hào khí tưng bừngvà niềm sảng khoái vô hạn

- Thời Lê Sơ( TK 5) : có cuộc kháng chiến chống quân Minh do Lê Lợi lãnh đạo Và với sự thắng lợi của nó đã mở đường tiến cho lịch sử dân tộc. Văn học phát triển có thể phú ra đời. Văn học thời kì này viết bằng chữ Nôm là chủ yếu. Nguyễn Trãi với Quốc âm thi tập là moọt bước cách tân trong văn học cổ. Thể hiện tư tưởng thân dân, luôn trăn trở trước tình cảnh của đất nước. Tập thơ là mạch tâm hồn của Nguyễn Trãi giành cho phong cảnh thiên nhiên,gia đình, quê hương. Đó là màu xanh của cỏ, tiếng rì rầm của suối, tiếng thông reo, tiếng cuốc gọi hètình cảm gia đình quê hương. Nguyễn Trãi đã để lại 1 một áng văn chương bất hủ đó là Bình Ngô đại cáo thể hiện tư tưởng nhân nghĩa, lòng yêu nước, ý chí quật cương chống giặc ngoại xâm. đây được xem là bản tuyên ngôn độc lập, văn kiên vô giá. Nguyễn Trãi được đánh giá là Ngôi sao khuê trên bầu trời văn học dân tộc.

**2. Giai đoạn từ thế kỉ 16 đến nữa đầu TK 18**

- Nạn xâm không còn nữa, ktế phát triển, giai cấp thống trị bắt đầu bộc lộ bản chất xấu xa của chúngvà lúc này mâu thuẩn giữa nhân dân và bọn phong kiểntở nên sâu sắcvà gay gắt.

- Đây là giai đoạn chế độ PK vẫn còn khả năng phát triển. Nhưng những mâu thuẫn nội tại của chế đọ PK : g/cấp PK >< nhân dân ; g/cấp PK >< g/cấp PK ngày càng gay gắt đẫn đến 1 số cuộc khởi nghĩa nông dân và những cuộc chiến tranh PK triền miên suốt các thế kỉ XVI, XVII.

- Hậu quả: đời sống nhân dân ngày càng lầm than cơ cực, đất nước tạm thời bị chia cắt.

- VH chữ Nôm phát triển cả ND và hình thức.

🠚VD : Nguyễn Bỉnh Khiêm, - Nguyễn Dữ “Truyền kì mạn lục”...

- Phê phán những tệ nạn của chế độ PK...

**3. Giai đoạn từ nửa cuối thế kỉ XVIII đến nửa đầu thế kỉ XIX*.***

***\****  *Về lịch sử :*

- Đây là giai đoạn bão táp,sôi động chế độ PK khủng hoảng trầm trọng.

- phong trào nông dân khởi nghĩa bùng nổ ở khắp nơi. Cuộc khởi nghĩa Tây Sơn do anh em Nguyễn Huệ cầm đầu, đã lật đổ các tập đoàn PK, đánh thắng quân xâm lược trong Nam, ngoài Bắc, thống nhất đất nước.

***\****  *Về văn học :*

- VH phát triển rầm rộ ở cả 2 loại tác phẩm chữ Hán và chữ Nôm.Văn học chữ Hán có thành tựu nhiều là ở thể truyện kí: Thượng kinh kí sự, Hoàng Lê nhất thống chí.

- Văn hcọ chữ Nôm có những kiệt tác chưa từng thấy, biểu hiện ở 2 thể loại lớn:

+ Truyện Nôm lục bát với truyện Kiều, Hoa tiên.

+ Khúc ngâm song thất lục bát với Chinh phụ ngâm và Cung oán ngâm khúc.

- Các tác giả tiêu biểu: Nguyễn Du, Hồ Xuân Hương, Đoàn Thị Điểm, Nguyễn Gia Thiều, Cao Bá Quát, Nguyễn Công Trứ ...

- Nổi bật trong văn học thời này là trào lưu văn học nhân đạo chủ nghĩa với 2 nội dung lớn:

+ Phê phán những thế lực PK chà đạp con người, phơi trần thực chất xấu xa, tàn bạo của giai cấp PK.

+ Đề cao quyền sống của con người, bảo vệ hạnh phúc lứa đôi, gia đình, đặc biệt đề cao quyền sống của người phụ nữ.

**4. Giai đoạn từ nửa cuối thế kỉ XIX.**

*\* Về lịch sử:*

-Từ giữa TK, đến hết TK XIX thực dân Pháp xâm lược nước ta.

- Cuộc chiến đấu của nhân dân ta chống TD Pháp

Là cuộc chiến đấu gian khổ, anh dũng, nhiều hi sinh, bao đau xót ..., chính là bối cảnh cho sự phát triển của văn học thời kì này.

*\* Về văn học :*

- Văn học chữ Hán và chữ Nôm đều phát triển.

+ Văn học chữ Nôm : tiêu biểu có những tác giả: Nguyễn đình hiểu, Phan Văn Trị, Tú Xương ...

+ Thể loại: phong phú như : vè, hịch, văn tế ...

VD : “ văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc ”

- Nguyễn Đình Chiểu là tác giả lớn nhất thời kì này, cũng là tác giả tiêu biểu của văn học yêu nước chống Pháp, với cống hiến có tính thời đại: sáng tạo hình tượng người anh hùng nông dân trong chiến tranh vệ quốc ; thể hiện lòng yêu nước tha thiết . VD : bài “ xúc cảnh ”, “ Chạy giặc ” ...

- Đóng góp chung vào ND chủ đạo ấy còn có Nguyễn Khuyến và Tú Xương. Cả 2 nhà thơ đều có thơ văn tố cáo, đả kích những cái lố lăng, hủ bại ở buổi giao thời, ở bước đầu của xã hội TD nửa PK.

**II. Cảm hứng chủ đạo**

1. Cảm hướng yêu nước

ý thức tự cường yêu nòi giống, yêu lịch sử, yêu cảnh trí của non sông đất nướcvà yêu tiếng nói của cha ông để xây dựng Tổ quốc phồn vinh

Trong hoàn cảnh có ngoại xâm : căm thù giặc sẵn sàng xả thân vì Tổ quốc và thể hiện trách nhiệm và thái độ của mình trước cảnh nước mất nhà tan.

2. Cảm hướng nhân đạo

Tinh thần yêu nước luôn đi liền vơíư tình yêu thương con người. Tình cảm ấy phát triển thành tư tưởng nhân đạo và đó cũng là nét truyền thông sâu đậm của văn học Việt Nam.

Tư tưởng nhân đảotong thời kì đấu tranh chống kẻ thù xâm lược thì tinh thần nhân đạo hoà vơí chủ nghĩa yêu nước, vì yêu nước cũng là cứu dân, giải phóng dân tộc điều trước tiên là làm để giải phóng con người.

Tu tưởng nhân đạo trong văn học đã phát triển mạnh mẽ ở giai đoạn chế độ PK bộc lộ sự khủng hoảng trầm trọng( TK18-19) văn học lúc này quan tâm đến số phận con người, quyền sống, quyền làm người, bênh vực cho những người bị vùi dậpđặc biệt là những người tài hoa mà bạc mệnh. đề cao phẩm giá con người, lên án thế lực tàn bạo

**\* Bài tập về nhà:** Nắm nội dung kiến thức về văn học trung đại

Nắm lại các bài thơ đã được trong giai đoạn văn học trung đại

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**BÀI 26.**

**Thơ trung đại Việt Nam**

***\*Những điểm cần chú ý:***Là những sáng tác của những trí thức phong kiến. Là những cảm hứng trữ tình về đất nước con người Việt Nam: Anh hùng trong đấu tranh chống giặc ngoại xâm, là niềm tự hào, ý thức tự trọng dân tộc, nỗi lòng riêng với cuộc đời và thế sự…

+ Có nhiều thể loại thơ phong phú viết bằng chữ Nôm và chữ quốc ngữ.

**1)Thơ đường luật:**

*1.1 Thất ngôn bát cú*

a) Là luật thơ do các thi sỹ đời Đường (618-907) Trung Hoa tạo nên. Là một trong những thành tựu kỳ diệu của nền văn minh nhân loại. Hiện còn khoảng 48000 bài của trên

2300 tác giả tiêu biểu như Lý Bạch, Đỗ Phủ, Bạch Cư Dị… Vào nước ta hầu hết các bài làm bằng chữ Nôm hoặc Hán đều theo luật Đường.

b)Phân loại: Căn cứ vào số câu trong mỗi bài và số chữ trong mỗi câu để người ta chia thơ Đường luật ra hai loại: Bát cú. Tứ tuyệt hoặc Ngũ gôn và thất ngôn.

c) Luật thơ-thơ bát cú đường luật.

***+Vần thơ:*** Những chữ những tiếng có thanh âm hoà hiệp đặt vào hai hoặc nhiềucâu thơ để tạo nên âm điệu, nhạc điệu bài thơ.

-Cách gieo vần: phần lớn dùng vần bằng, cả bài dùng một vần gọi là *độc vận*, bát cú có 5 vần chân chữ cuối câu 1 vần với các chữ cuối các câu 2,4,6,8. Các chhwx cuối câu lẻ buộc là thanh trắc.

***+Phép đối:*** Hai câu sóng đôI cho ý và chữ cân xứng, hô ứng hài hoà. Hai câu như thế gọi lag bình đối, hai vế của câu gọi là tiểu đối…

Đối ý nhưng hai câu vẫn thống nhất một ý tưởng diến đạt.

Đối chữ phảI đối từ loại, đối thanh là đối bằng trắc nghiêm chỉnh từng câu.

Thông thường trong bài bát cú thì các câu 3 đối với 4 và 5 đối với 6.

***+Luật thơ:*** Là cách sắp đặt các tiếng bằng, trắc trong bài. có định lệ: *Nhấ.t, tam, ngũ bất luận-Nhị, tứ, lục phân minh.*

-Luật bằng trắc quy định ở chữ thứ hai dòng đầu Ví dụ ao thu (B)… hay Bước tới (Tr)…

Có thể là luật bằng vần bằng, luật bằng vần trắc, luật trắc vần bằng…

***+Niêm*** Niêm là dính là sự liên lạc về âm luật trong hai câu thơ với nhau. Chữ thứ hai của hai câu mà cùng một bậc thì đảm bảo.

***+ bố cục:*** Bát cú thường có 4 phần: Đề (Phá đề và thừa đề), thực, luận, kết. Cả bài 8 câ mỗi câu 7 tiếng.

* 1. thơ tứ tuyệt

KháI niệm; Tứ là bốn, tuyệt là đứt, ngắt: Ngắt ;ấy bốn câu bát cú mà thành

* Thường có 3 vần, hai câu giữa đối nhau

***2) Thơ lục bát;***

là thể thơ độc đáo của văn học Việt Nam, quy định luật bằng trắc. Các tiếng lẻ (1,3,5,7) không bắt buộc theo quy định. Tiếng chắn nếu là tiêng thứ 2 bằng thì tiếng 4 phảI là trắc hoặc ngược lại.

***II. Một số đề*** ***luyện tập***

**Đề số 1:**

*Cảm hứng với thiên nhiên qua các văn bản trữ tình trung đại được học và đọc thêm.?*

***Yêu cầu:***

*+ Thiên nhiên hùng vĩ*

Biển lùa gió bấc thổi bừng bong

*Nhẹ kéo buồm thơ vượt Bạch Đằng* ( cửa biến Bạch Đằng-Nguyễn Trãi)

-Bình lặng hoang dã: *Cỏ cây chen đá, lá chen hoa* (Bà huyện Thanh quan)

-Bốn mùa với sắc mầu riêng nhưng đầy hương sắc;

*+ Mùa xuân:*

-Vẻ đẹp hài hoà *Mùa xuân con én đưa thoi...*

*Cành lê trắng diểm một vài bông hoa*

Nét bút tài hoa của Nguyễn Du tạo nên bức tranh xuân tinh khôI mới mẻ, khoáng đạt, thanh khiết.

- Chiều xuân thoáng nét buồn lưu luyến

*Dưới cầu nước chảy trong veo*

*Bên cầu tơ liễu bang chiều thướt tha.*

Nguyễn TrãI gửi tâm sự u buồn vào cuối xuân:

*Cỏ xuân như khói bến xuân tươi*

*Lại có mưa xuân nước vỗ trời*

*Quạnh quẽ đường dồng thưa vắng khách*

*Con đò gối bãI suốt ngày ngơi*

Hoà vào thiên nhiên, thiên nhiên trở thành bạn tri âm, tiếng suối lúc khoan lúc nhặt như tiếng đàn:

*Côn Sơn có suối rì rầm-*

*Ta nghe như tiếng đàn cầm bên tai(Côn Sơn ca)*

Xuân thanh bình buổi sớm với đôi bướm trắng bay giữa ngàn hoa

*Ngủ dậy ngỏ song mây*

*Xuân về vẫn chửa hay*

*Song song đôi bướm trắng*

*Phất phới sấn hoa bay (Trần Nhân Tông)*

+ Bốn mùa trong sự u buồn nặng trĩu mà Nguyễn Du thổ lộ:

*Sen tàn cúc lại nở hoa*

*Sầu dài ngày ngắn đông đà sang xuân*

Mùa hè: *dưới trăng quên đã gọi hè*

*Đầu tường lửa lựu lập loà đâm bông*

Thu*: Long lanh đáy nước in trời*

*Thành xây khói biếc non phơI bóng vàng*

+ Chiều thu cụ Tam nguyên Yên Đổ ngồi câu cá đắm mình trong cảnh trời nước một màu xanh (Mùa thu câu cá-Nguyễn khuyến)

+Thiên nhiên gợi ra lòng trơ trọi, cô đơn. *Cát vàng cồn nọ bụi hồng dặm kia*

Hoặc *Vầng trăng ai xẻ làm đôi*

*Nửa in gối biếc nửa soi dặm trường*

*+* Trăng sáng nhưng in đậm nỗi côi đơn:

*Vẻ non xa ánh trăng gần ở chung.*

**Đề 2:**

Ca dao có câu:

*Hỡi cô tát nước bên đàng*

*Sao cô múc ánh trăng vàng đổ đi*

Trong truyện Kiều, câu 1603-1604 , Nguyễn Du viết:

*Long lanh đáy nước in trời*

*Thành xây khói biếc, non phơI bang vàng*

Hãy phân tích đặc sắc nghệ thuật trong những câu thơ trên.

**Gợi ý**

+Đây là những cặp lục bát thuộc loại tuyệt bút trong việc tả cảnh thiên nhiên và biểu hiện tình cảm con người: Chỉ có mấy nét đã gợi nên vẻ đẹp huyền ảo, thơ mộng của cảnh tát nước đêm trăng. Mấy chữ *Múc ánh trăng vàng* khiến cả không gian, thời gian, nhân vật, công việc tát nước thấm đẫm trăng vàng. Bài ca lao động hoà quyện vào bài ca giao duyên, tình yêu thiên nhiên, yêu làng quê…

+Cặp lục bát trong truyện Kiều của Nguyễn Duvẽ bức tranh thu kỳ thú mơ màng thần tiên. Nước thu trong lặng, phản chiếu trời mây, sương khói núi non và nắng vàng thu. Câu thơ tĩnh mà động. Hàm ẩn trong đó cả tâm trạng khấp khởi sung sướng của Thúc Sinh khi được trở lại Lâm Tri với Thuý Kiều vì tưởng mình đã lừa được Hoạn Thư

**Đề 3:** Nêu hai tác dụng của việc dùng từ láy trong những câu thơ sau:

*Nao nao dòng nước uốn quanh*

*Dịp cầu nho nhỏ cuối ghềng bắc ngang.*

*Sè sè nấm đất bên đường,*

*Rỗu rầu ngọn cỏ nửa vàng nửa xanh*

*(Nguyễn Du-Truyện Kiều)*

**Gợi ý:** Những từ *nao nao, nho nhỏ, sè sè, rầu rầu* có tác dụng

-Tả hình dáng, sắc thái của sự vật

-Thể hiện tâm trạng của con người

**Đề 4**

Kết thúc hai bài thơ *Bạn đến chơI nhà (Nguyễn Khuyến)* và *Qua dèo Ngang (Bà Huyện Thanh quan)* đều kết thúc bằng cụm từ ***Ta với ta*** . Hãyphan tích nghĩa của cụm từ đó

**Yêu cầu:**

ở bài (1) là hai đối tượng, cách xưng hô thân tình, diễn tả sự cảm thông, đồng cảm của nhà thơ với khách-Một tình bạn tri âm.

Bài (2) Chỉ đối tượng một mình giữ trời non nước, diễn tả tâm trạng cô đơn của nhà thơ.

**Đề 5:** So sánh cách biểu ý và biểu cảm của hai bài thơ: sông núi nước Nam Của lý Thường Kiệt và bài Phò giá về kinh của Trần Quang Khải

Yêu cầu:

Biểu ý: ý kiến rõ ràng cô đúc, thông tin ngắn gọn, lập luận lô gíc: sông núi nước Nam khẳng định sự thất bại tất yếu của giặc. Phò giá về kinh tự hào khí thế chiến thắng vang dội mà động viên xây dung và phát triển đất nước với niềm tin sắt đá.

Biểu cảm: bày tỏ cảm xúc theo cách ẩn kín trong ý tưởng cảm xúc, hoà là một khiến câu thơ mạnh mẽ, sâu lắng.

**+Đề 6** Cảm nghĩ của em về nhân vật “Ta” qua đoạn trích ***Bài ca Côn sơn*** *(Nguyễn Trãi).*

Yêu cầu: *Ta* nói tới 5 lần là nhân vật trữ tình. Ta là Nguyễn TRãI, nhà thơ tự xưng *ta* 🡪 Tâm trạng giữa cảnh trí Côn Sơn

Ta ngồi trên phiến đá tưởng ngồi chiếu êm, ta nằm bóng mát, ta ngâm thơ nhàn: Hoà hợp thiên nhiên, hoà hợp thiên nhiên, thảnh thơI thả hồn vào thiên nhiên🡪 Rất mực thi sỹ. Bởi vậy TN được gợi ra trong hồn thơ thật kỳ thú, có suối chảy rì rầm đá rêu phơI, thông mọc như nêm, có trúc bóng râm, hài hoà khoáng đạt, nên thơ. Sự giao hoà của tâm hồn, cảnh sắc thiên nhiên, Côn Sơn rung động tâm hồn thi sỹ, tâm hồn thi sỹ làm bức tranh Côn sơn nên thơ, nên nhạc, nên hoạ

+Hai câu cuối  *trong rừng có trúc bang râm*

*Trong mầu xanh mát ta ngâm thơ nhàn*

Giao hoà trọn vẹn với thiên nhiên, tìm thấy trong thiên nhiên sự thanh thản cho mình và Côn Sơn như những bạn Tri âm tri kỷ với nhà thơ, nhân cách thanh cao và tâm hồn thi sỹ.

*Ngâm thơ nhàn* không phảI là trốn đời tiêu cực mà chỉ là cốt cách một hồn thơ trước thiên nhiên. Diệp từ Ta tạo nên giọng điệu trữ tình cáI tình tha thiết với thiên nhiên, hoà vào đó chân tình, trọn vẹn.

+Cách nói và so sánh tiếng suối trong bài thơ và bài thơ *Cảnh khuya* của Bác Hồ có nét giống nhau: đó là sản phẩm của tâm hồn thi sỹ, hoà nhập với thiên nhiên, nghe tiếng suối như tiếng nhạc trời, nhạc của thiên nhiên… Tuy vậy có nét khác….

**\*Về nhà :**

***Tìm hiểu một số nội dung cơ bản của cac bài thơ trong chương trình***

***1.Bức tranh buổi chiều*** nơi thôn dã qua

“*Buổi chiều đứng ở phủ Thiên Trường trông ra (Trần Nhân Tông)*

Lưu ý: +Cảnh trời chiều chập chờn man mác

+Trầm lặng mà không đìu hiu, sự sống con người ánh lên trong sự hoà hợp với thiên nhiên (ánh sáng nhạt, mờ ảo khói lồng, âm thanh tiếng sáo vẳng, mầu trắng của cánh cò, mục đồng cưỡi trâu về làng…🡪Bức tranh đậm đà sắc quê.

+ở địa vị tối cao tâm hồn đức vua vẫn gắn bó máu thịt với quê hương ,thôn dã của mình🡪Ta càng thêm trân trọng tác giả cúng như thời đại nhà Trần.

2.Mầu xanh trong ***Sau phút chia ly*** *(Đoàn Thị Điểm dịch)*

+Nói tới 4 lần:

-Tuôn mầu *mây biếc*, trảI ngàn *núi xanh*🡪Nhịp dài không gian bát ngát gợi cáI độ mênh mang cáI tầm vũ trụ trong nỗi sầu chia ly

*-Cùng trông lại mà cùng chẳng thấy*

*Thấy xanh xanh biết mấy ngàn dâu*

*Ngàn dâu xanh ngắt một màu*

*Lòng chàng ý thiếp ai sầu hơn ai*

Màu xanh của ngàn dâu trở thành xanh ngắt như lắng động lại trong nỗi sầu của người chinh phụ🡪Khối sầu, núi sầu.

-Cùng với các điệp ngữ tăng dần các mầu xanh tạo âm điệu da diết, day dứt nỗi sầu đầy ai oán, thương cảm. (Từ mây biếc tươi dưới nắng🡪Xanh trung tính của núi. Từ sự chộn rộn🡪Câm lặng trong đau buồn, nhức nhối.

(Mây biếc: xanh lam đậm áh lên🡪Núi xanh: Mầu của lá cây🡪Xanh xanh: Màu nhạt thiếu ấn tượng🡪Xanh ngắt: Thuần một mầu trên diện rộng-🡪Tất cả đều mô tả tâm trạng)

2.Mối quan hệ giữa ***Bánh trôi nước* với *những câu hát than thân trong ca dao***

đều chỉ người phụ nữ không chủ động cuộc đời mình, bị số phận đưa đẩy may rủi.

+Thơ Hồ Xuân Hương tiếp thu ca dao nhưng khẳng định mạh mẽ nhân cách đáng trân trọng của người phụ nữ xưa

3.Phong cách thơ của hai tác giả ***Bà huyện Thanh quan và Hồ Xuân Hương***, Giữa hai bài thơ được học của ***Nguyễn Khuyến và bài thơ dịch của Đoàn thị Điểm.***

Chú ý giữ ngôn ngữ thuần Việt đạt tới độ trong sáng và ngôn ngữ bác học gắn với những điển tích điển cố, phảI chú thích mới hiểu.

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**BÀI 28**

**Văn nghị luận trung đại**

1. **Lòng yêu nước qua các tác phẩm được học:**

***a) Thể hiện ở niềm tự hào, lòng tự trọng dân tộc.***

+Sau 10 thế kỷ Bắc thuộc, các triều đại PKVN thấm thía hơn hết ý nghĩa của quyềnđộc lập tự chủ.

+Mỗi khi giang sơn bị ngoại xâm thì ý thức dân tộc lại sôi nổi

+Tự hào về nền độc lập chủ quyền: *sông núi nước Nam vua Nam ở…* (sông núi…)

Tư hào bởi dân tộc có núi sông bờ cõi làm thành một Nam Quốc, có Đế (Vua) giới phận rõ ràng không phụ thuộc vào bất cứ quốc gia nào…

+Nguyễn Trãi phát triển và khẳng định rõ hơn về niềm tự hào ấy. Ông đã đứng trên đỉnh cao thời đại *Bình Ngô* để có cáI nhìn sâu sắc và toàn diện

*Như nước Đại Việt ta từ trước…Song đhào kiệt đời nào cũng có*

Rất đáng tự hào bởi có nền văn hiến, có lãnh thổ bờ cõi, có thần phong mĩ tục, có độc lập trảI qua nhiều triều đại, có nhân tài hào kiệt. Cả năm yếu tố họp lại thành Đại Việt lập nên tầm vóc lớn lao, biểu lộ một ý chí tự cường dân tộc

+Không chỉ ở quan niệm, tư tưởng mà đã ở trạng tháI cảm xúc sâu xa, ở hoài bão to lớn:

Tác giả *Hịch Tướng Sỹ* cảm thấy buồn khi thấy tướng sỹ ăn chơi hưởng lạc, hổ thẹn khi nước nhà bị lăng nhục *Ta thường đến bữa không ăn nửa đêm vỗ gối…🡪* nhức nhối đau thương.

+Cảm hứng tự hào về thiên nhiên hùng vĩ, tươI đẹp, những chiến tích anh hùng

Nguyễn Trãi tự hào về một cửa biển Bạch Đằng hùng vĩ. NơI ấy có núi non hùng vĩ nhấp nhô, bang bềnh trôI nổi trên biển cả. Tác giả như còn thấy hàng vạn thây xác quân thù Nam Hán hỉen hiện, di tích của một chiến trường xưa với những chiến công hiển hách thuở nào với bao anh hùng hào kiệt

*Kình ngạc băm vằm non mấy khúc*

*Giáo gươm chìm gãy bãI bao tầng*

*Quan hà hiểm trở trời kia dựng*

*Hào kiệt công danh đất ấy từng*

***b) Tố cáo tội ác của giặc***

+Thói vô đạo coi thường phép tắc không biết thân phận đáng nguyền rủa của mình *Đi lại nghênh ngang ngoài đường...Để thoả lòng tham không cùng thật khác nào như hổ đói...*

*+*Tham lam độc ác

*Quân cuồng minh dã thừa cơ gây hoạ*

*Bọn gian tà còn bán nước cầu vinh*

*Nướng dân đen trên ngọn lửa hung tàn...*

*...Bại nhân nghĩa nát cả đất trời*

*Nặng thuế khoá sạch không đầm núi*

*…Tàn hại cả giống côn trùng cây có*

*Nheo nhóc thay kẻ goá bụa khốn cùng (Nguyễn Trãi)*

***c) ý chí quyết tâm giữ gìn giang sơn tổ quốc***

+ khẳng định chân lý chính nghã sẽ chiến thắng

*Cớ sao lũ giặc sang xâm lược*

*Chúng bây sẽ bị đánh tơi bời*

+Có sức mạnh của chính nghĩa, chủ trương K/C đúng đắn

*việc nhân nghĩa cốt ở yên dân*

*Quân điếu phạt trước lo trừ bạo*

***d) Khí thế giết giặc như trẻ tre, làm nên chiến công chói lọi***

*Lưu cung tham công nên thất bại*

*Triệu tiết thích lớn phảI tiêu vong*

*Cửa Hàm tử bắt sống Toa Đô*

*Sông Bạch Đằng giết tươi Ô Mã*

Bởi chính nghĩa mà đội quân Tây Sơn bừng bừng khí thế, Vào chiếm lại Thăng Long như đội quân thần *Tướng trên trời xuống quân ở dưới dất chui lên,* Làm cho kẻ thù thảm bại kinh hoàng. *quân Thanh cứ cắm đầu mà chạy, giầy xéo lên nhau mà chạy…*

**\* Bài tập về nhà**

1)Đặc điểm các loại Chiếu, Hịch, Cáo, Tấu

2)Kết thúc bài Hịch Tướng sỹ Trần quốc Tuấn viết: *Ta viết bài hịch này để các ngươi biết bụng ta .* Qua trích đoạn được học trên lớp em hãy phân tích làm sáng rõ tấm lòng yêu nước của người chủ tướng trong bài văn.

+Hoàn cảnh đất nước

+Nỗi đau đớn hoà với lòng căm thù quân xâm lược

+Lòng nhân hậu với quân sỹ (tình nghĩa chủ tướng-quân sỹ. Quan tâm chỉ ra những sai lầm của họ, khuyên họ học tập binh thư, khích lệ họ lập công...)

+ý chí quyết tâm ...

3)Phân tích đoạn trích *Ta thường đến bữa quên ăn, nửa đêm vỗ gối...ta cũng vui lòng*

Yêu cầu: +Tâm huyết của chủ soái với tướng sỹ

+Sáng suốt cảh giác🡪Vạch trần bộ mặt tham lam tàn bạo...Tính chất phi nghiã

+sục sôi nhiệt huyết và tinh thần quyết chiến quyết thắng: Đau đớn, đắng cay tủi nhục trước sự tham tàn của giặc. Các động từ mạnh biểu thị lòng căm thù sôi sục *Xẻ, lột, nuốt, uống…*🡪quyết sống mái với quân thù

4)Phân tích đoạn trích *Nước đại Việt ta (Bình Ngô Đại cáo-Nguyễn Trãi)*

+Nêu nguyên lý nhân nghĩa

+Chân lý về nền văn hiến (Độc lập tồn tại)

5)Bàn luận về câu *Đem đại nghĩa để thắng hung tàn*

*Lấy trí nhân để thay cường bạo*

*Yêu cầu:* giải thích Đại nghĩa, chí nhân...--> tình cảm cao đẹp, tiến bộ🡪 cốt lõi của nhân nghĩa +Bàn luận rộng + Chứng minh trong hành động của cuộc đời Nguyễn Trãi...

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**Tuần 29**

**Chiếu dời đô; Hịch tướng sĩ; Nước Đại Việt ta**

**Đề 1: Qua các văn bản: *Chiếu dời đô* ( Lý Công Uẩn); *Hịch t­ướng sĩ* (Trần QuốcTuấn); *Nước Đại Việt ta* Nguyễn Trãi) em hãy chứng minh rằng: Nội dung chủ yếu của văn học viết từ thế kỷ XI đến thế kỷ XV là tinh thần yêu n­ớc, tinh thần quật khởi chống xâm lăng**

**Dàn ý**

**a, Mở bài:**

Giới thiệu khái quát lịch sử Việt Nam từ thế kỷ XI thế kỷ XV Văn học phản ánh hiện thực lên có khá nhiều tác phẩm phản ánh tinh thần yêu n­ớc, tinh thần chống xâm lăng...

**b, Thân bài:**

\* Luận điểm: **Trong các tác phẩm văn học trung đại từ thế kỷ XI đến thế kỷ XV tinh thần yêu n­ớc, tinh thần quật khởi chống xâm lăng đ­ợc thể hiện sinh động phong phú.**

- Luận cứ 1:

**Chiếu dời đô:** Nội dung yêu n­ớc đ­ợc thể hiện qua mục đích dời đô…… Việc dời đô còn thể hiện tinh thần tự lập, tự c­ờng, sẵn sàng chống lại bất kỳ quân xâm l­ợc nào của một triều đại đang lớn mạnh.

- Luận cứ 2:

**Nam quốc sơn hà**: ý thức về độc lập chủ quyền của dân tộc thể hiện rõ. Tác giả khảng định Đại Việt là quốc gia độc lập, có chủ quyền, ông còn cảnh cáo quân giặc…… thể hiện sức mạnh , ý thức quyết tâm bảo vệ độc lập dân tộc.

- Luận cứ 3:

**Tinh thần yêu n­ớc thể hiện sôi sục qua hào khí Đông A của nhà Trần**

* + - Trần Quốc Tuấn căm thù giặc, tố cáo tội ác của giặc Mông Nguyên
    - Quyết tâm chiến đấu, hy sinh vì dân tộc
    - Kêu gọi t­ớng sĩ đoàn kết, cảnh giác, luyện võ nghệ để chuẩn bị chiến đấu chống lại quân thù.

- Luận cứ 4:

B**ình Ngô đại cáo: là bài ca về lòng yêu nư­ớc và tự hào dân tộc.**

* + - Tự hào về đật n­ớc có lền văn hóa riêng, có phong tục tập quán, có truyền thống lịch sử lâu đời
    - Tự hào vể những chiến công hiển hách của dân tộc

**c, Kết bài:**

Văn học viết từ thế kỷ XI đến thế kỷ XV thể hiện tinh thần yêu n­ớc thiết tha, tinh thần quật khởi chống xâm lăng của dân tộc, tinh thần ấy đ­ợc thể hiện cụ thể ở lòng yêu n­ớc, th­ơng dân, lòng căm thù giặc, ý chí quyết tâm chiến đấu….. nó là nguồn cổ vũ động viên cho con cháu muôn đời.

**Đề 2** : Phân **tích tư tưởng yêu nước tong bài ‘ Chiếu dời đô’ của Lý Công Uẩn.**

Dàn ý:

**a, Mở bài:**

* Giới thiệu bài chiếu dời đô của Lý Thái Tổ
* Khẳng định bài chiếu là một bài văn sáng ngời tư tưởng yêu nước.

**b,Thân bài:** biểu hiện của tue tưởng trong bìa chiếu:

1. Khát vọng xây dựng đất nước hùng cường, vững bền, đời sống nhân dân thanh bình, triều đại thịnh trị.

* Thể hiện ở mục đích của việc dời đô
* Thể hiện ở cách nhìn về mối quan hệ giữa triều đại, đất nước và nhân dân.

1. Khí phách của một dân tộc độc lập tự cường:

* Thống nhất giang sơn về một mối
* Khẳng định tư cách độc lập ngang hàng với Trung Hoa.
* Niềm tin vào tương lai muôn đời của đất nước.

**c, Kết bài:**

* Khẳng định tư tưởng yêu nước của bài chiếu
* Nêu ý nghĩa và vị trí của bài chiếu.

**Đề 3:** **Hãy phân tích mục đích việc dời đô của Lý Công Uẩn**.

Bài làm:

Năm 1009, Lê Ngoạ Triều, một tên vua hoang dâm vô độ, tàn bạo cực kỳ đã chết.Quần thần nhà Lê và giới tăng lữ cao cấp đã tôn Lý Công Uẩn, Điện Tiền chỉ huy sứ lên làm vua, mở đầu triều đại nhà Lý (1009 – 1225) đánh dấu bước phát triển mới của chế độ phong kiến Việt Nam.

Năm 1010, Lý Thái Tổ đã dời đô từ Hoa Lư ra Đại La.Có thể nói đây là một kỳ tích đầu tiên của vương triều nhà Lý.Lý Công Uẩn đã tự tay mình thảo ‘ chiếu dời đô’ bằng chữ Hán, một văn kiện có ý nghĩa lịch sử trọng đại. ‘ Chiếu dời đô’ đánh dấu bước phát triển mới của đất nước Đại Việt, thể hiện ý chí tự cường của nhân dân ta trên đà lớn mạnh.

Chiếu là thẻ văn do vua dùng để ban bố mệnh lệnh. ‘ Chiếu dời đô’ được viết bằng văn xuôi cổ, câu văn có vế đối.Các yếu tố nghị luận, miêu tả, tụa sự và trữ tình kết hợp một cách rất chặt chẽ, hài hoà.

Phần đầu bài ‘chiếu’, Lý Công Uẩn giải thích nguyên nhân, mục đích việc dời đô.Tác giả có một lối viết ngắn, lý lẽ sắc sảo, các dẫn chứng nêu ra đầy sức thuyết phục.

Mở bài nêu lên sự kiện lịch sử: nhà Thương đến vua Bàn Canh 5 lần dời đô, nhà Chu đến vua Thành Vương cuãng 3 lần dời đô. Đó là những tiền lệ lịch sử, những kinh nghiệm lịch sử.Việc dời đô của các vua thời Tam Đại( bên Tàu) là do yêu cầu khách quân của xã hội, do xu thế của lịch sử, chứ không phải theo ‘ theo ý riêng mình mà tự tiện chuyển dời?’

Việc dời đô là do mục đích sâu xa tốt đẹp.Lí lẽ nhà vua nêu lên rất sâu sắc, vừa có tình có lí.Dời đô ‘ cỉ vì muốn đóng đô ở nơi trung tâm, mưu toan nghiệp lớn, tính kế muôn đời cho con cháu’.Dời đô là vì nước vì dân, vì đạo nghĩa ‘ trên vâng mệnh trời, dưới theo ý dân’…Dời đô sẽ mang lại lợi ích tốt đẹp: ‘ vận mước lâu dài, phong tục phồn thịnh’.Dời đô là để xây dựng và bảo vệ đất nước giàu đẹp, bền vững đến muôn đời mai sau.

Lý Công Uẩn nhắc đến bài học lịch sử của hai triều đại nhà Đinh và nhà Lê.Từ khi Đinh Bộ Lĩnh lên ngôi hoàng đế năm 968 đến khi Lê Ngoạ Triều chết 1009, hai triều đại Đinh , Lê chỉ tồn tại trong vòng 42 năm.Loạn lạc kéo dài, đất nước không phát triển.Nhà Đinh và nhà Lê đã ‘ theo ý riêng mình, khing thường mệnh trời, không theo dấu của Thương, Chu, cứ đóng yên đô thành’. ở Hoa Lư.Một sự thật cay đắng đã xảy ra: ‘ khiến cho triều đại không được bền lâu, số vận ngắn ngủi, trăm họ phải hao tổn, muôn vật không được thích nghi’.

Tác giả không chỉ giải thích, nêu lên nhiều dẫn chứng lịch sử, làm rõ cái lợi của việc dời đô, cái hại của việc nhà Đinh, nhà Lê ‘ cứ đóng yên đô thành’ ở Hoa Lư…,mà còn biểu lộ cảm xúc của mình trước bài học lịch sử: ‘ Trẫm rất đau xót về việc đó, không thể không dời đổi’.Với Lý Công Uẩn thì việc dời đô từ Hoa Lư ra Đại La là một yêu cầu cấp thiét của lịch sử, là một đời hỏi nóng bỏng của dân tộc và đất nước trên đà phát triển.

Phần đầu ‘Chiếu dời đô’ đã thể hiện tâm hồn và trí tuệ Đại Việt, bản lĩnh đổi mới và vươn lên của Đại Việt.

**Đề 3:** Phân tích giá trị tư tưởng và nghệ thuật trong phần hai bài ‘ Chiếu dời đô’ của Lý Công Uẩn.

Bài làm:

Sau một năm lên làm vua, 1010, Lý Thái Tổ dời đô từ Hoa Lư ra Đại La, sau đổi tên la Thăng Long. Đã ngót một nghìn năm trôi qua, Thăng Long – Hà Nội trở thành trái tim của đất nước Đại Việt, là niềm yêu mến, tự hào của dân tộc Việt Nam chúng ta.

Đọc phần hai ‘ Chiếu dời đô’, ta vô cùng xúc động trước cách nói và cách viết của Lý Thái Tổ về sự thuận lợi của thành Đại La, nơi mà nhà vua dời đô đến để xây dựng sự nghiệp lâu dài.

Lý Công Uẩn đã có một cái nhìn sáng suốt, sâu sắc và toàn diện về Đại La.Miền đất ấy không còn xa lại nữa, vốn là kinh đô cũ của Cao Vương. Đại Việt sử kí toàn thưcho biết Cao Vương là Cao Biển, Đô hộ sứ Giao Châu đã xây thành Đại La vào năm 866.

Về vị trí địa lí, Đại La ‘ở vào nơi trung tâm trời đất…, đã đúng ngôi nam bắc tây đông’.Về mặt địa thế, Đại La rất hùng vĩ bao la ‘được cái thế rộng cuộn hổ ngồi’,lại tiện hướng nhìn sông dựa núi’, địa thế rộng mà bằng, cao mà thoáng’.Là một vùng đất lí tưởng: ‘ dân cư khỏi chịu cảnh khốn khổ ngập lụt; muôn vật cũng rất mực cũng phong phú tốt tươi’.

Từ miêu tả, tác giả bài Chiếu đã dùng lối viết khẳng định và biểu cảm ca ngợi Đại La – kinh đô mới của Đại Việt là ‘ thắng địa’ của đất Việt ta, là ‘ chốn tụ hội trọng yếu của bốn phương đất nước’, là ‘ kinh đô bậc nhất của đế vương muôn đời’.

Về nghệ thuật ‘ Chiếu dời đô ‘được viết bằng văn xuôi cổ, văn biền ngẫu.Ngôn ngữ trang trọng.Lời văn đẹp, giàu hình ảnh.Những vế đối rất chỉnh, gây ấn tượng: ‘Ở vào nơi trung tâm của trời đất; được cái thế rồng cuộn, hổ ngồi’.Hoặc ‘Địa thế rộng mà bằng; đất đai cao mà thoáng’.Các yếu tố miêu tả, tự sự, biểu cảm được kết hợp một cách hài hoà: ‘ Xem khắp đất Việt ta, chỉ nơi này là thắng địa.Thật là chốn tụ hội trọng yếu của bốn phương đất nước, cũng là nơi kinh đô bậc nhất của đế vương muôn đời’.

Thăng Long – Hà Nội là trái tim tổ quốc, nơi ngàn năm văn vật.Thăng Long – Hà Nội là trung tâm chính trị, kinh tế, quốc phòng, văn hoá của đất nước ta. Đọc ‘ Chiếu dời đô’ ta có thêm một cái nhìn sâu sắc , một tình yêu nồng đối với Thăng Long mến yêu.

Nhà thơ Nguyễn Đình Thi có viết:

‘Đêm đêm rì rầm trong tiếng đất

Những buổi ngày xưa vọng nói về…’

(Đất nước)

‘Chiếu dời đô ‘ là tiếng đất’ đang rì rầm’, đã và đang ‘ vọng nói về’ cùng với mỗi chúng ta trên đường đi tới Ngày Mai , ấm no, hoà bình, ca hát.

**BT4.Tư tưởng nhân nghĩa của Nguyễn Trãi qua đoạn trích “Nước Đại Việt ta”**

* **Mở bài:**

**Nhân nghĩa** vốn là một truyền thống quý báu của nền văn hóa dân tộc. Qua mỗi thời đại, tư tưởng ấy không ngừng được nâng cao thể hiện sức mạnh và lòng vị tha của nhân dân ta. Qua đoạn trích ***“Nước Đại Việt ta” (trích “Bình Ngô đại cáo”)*** một lần nữa, Nguyền Trãi đã trình bày thấu suốt đạo lí ấy.

* **Thân bài:**

Mở đầu đoạn trích, Nguyễn Trãi giương cao đạo nghĩa dân tộc:

*“Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân*  
*Quân điếu phạt trước lo trừ bạo”*

Tư tưởng nhân nghĩa của Nguyễn trãi là lấy dân làm gốc rễ. Muốn dân được ấm no và hạnh phúc, xã hội thái bình, thịnh vượng trước hết, phải làm cho cuộc sống nhân dân yên ổn, vì dân mà đánh kẻ hung tàn.

Khẳng định điều ấy, Nguyễn Trãi chỉ ra rất rõ: *“Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân”.*Như vậy, “yên dân” chính là giá trị cốt lõi, giá trị quan trọng nhất của nhân nghĩa. Tất cả các việc điều trị, chính sách của triều đình phải hướng đến mục đích yên dân.

Ông cũng chỉ ra hành động thứ hai cũng hết sức quan trọng: “*Quân điếu phạt trước lo trừ bạo”.*Mỗi quốc gia đều có một lực lượng quân đội. Nhiệm vụ của lực lượng ấy là giữ yên đất nước, chống giặc cứu nước (trừ bạo) chứ không nên dùng để xâm chiếm bờ cõi nước khác, làm tổn hao xương máu dân tộc. Ai cũng cầu muốn một cuộc sống yên ổn, ấm no, hạnh phúc. Đất nước đã trải qua biết bao khổ nạn mới được yên bình. Bậc minh quân nên lấy thái bình của xã tắc làm trọng, chớ động lòng tham mà hành động sai lầm, phạm vào tội ác. Quả thực, tấm lòng của Nguyễn Trãi rộng lớn vô cùng.

Tư tưởng nhân nghĩa của Nguyễn Trãi thật sự rất tiến bộ lúc bấy giờ. Nó đi ngược lại với những suy nghĩ của những vị vua, vị tướng trước đây chỉ biết nghĩ cho bản thân mình, tham danh vọng, thích quyền uy mà bất chấp nhân tâm. Họ chỉ ham mê xây cung cất điện để phụ vụ cho nhu cầu hưởng thụ vô ích của chính họ. Từ đó gây nổi loạn, cuộc sống nhân dân bết bát qua từng ngày đói no trong khi bộ máy nhà nước suy sụp, vua chúa bị gian thần nịnh bợ và đi vào thời kỳ sa đọa.

Việc dân, việc nước là những việc làm cơ bản của một vị vua, vị tướng tài, khi nhân dân có cuộc sống bình yên thì việc thứ hai cần phải làm là xây dựng quân đội để bảo vệ đất nước và chủ quyền độc lập. Đó là thời kỳ thịnh trị của một nhà nước hung mạnh, Nguyễn Trải đã làm một điều đáng để trân trọng mà trước đây ít ai nghĩ được như thế, đó là một lý luận, một định nghĩa đơn giản được áp dụng mà tưởng như không thể nào đơn giản hơn.

Triết lí và tầm nhìn tiến bộ, rộng sâu giúp Nguyễn Trãi có những kế sách đúng đắn giúp vua định yên xã hội rất nhanh chống.  Một khi cuộc sống yên bình, muôn dân ấm no thì nước non tất thịnh cường, sức mạnh quốc gia sẽ được củng cố. Được sống hạnh phúc, con người sẽ yêu nước. Khi có ngoại biến thì sức mạnh chiến đấu và căm thù giặc phụ thuộc rất nhiều vào tình yêu nước của nhân dân, có thể vì nước mà đứng lên kháng chiến và hi sinh vì độc lập chủ quyền của dân tộc. Dưỡng nuôi tình yêu nước của nhân dân, một phần để phòng bị khi có giặc ngoại xâm, phần lớn là để gắn kết con người, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, hướng đến cuộc sống thái bình.

Tinh thần nhân nghĩa cũng đã từng được khẳng định mãnh mẽ trong **Chiếu dời đô** (Lí Công Uẩn) và **Hịch tướng sĩ**(Trần Hưng Đạo). Lòng yêu nước là một lí tưởng lớn chưa bao giờ ngừng chảy trong lòng dân tộc ta. Trải qua lịch sử đấu tranh dụng nước và giữ nước, dân tộc ta lúc nào cũng nêu cao nhân nghĩa. Nó chính là ngọn đuốc sáng dẫn đường dân tộc ta bước qua những tháng năm đen tối, tìm đến ánh sáng của niềm tin và chiến thắng.

Đây là một tư tưởng sáng suốt, khôn ngoan của một nhà chính trị nói cách khác là một bậc quân tử, nhân nghĩa vì dân vì nước, thể hiện tinh thần yêu nước mảnh liệt, bảo vệ cuộc sống hạnh phúc và có thể nói rằng: Tư tưởng của Nguyễn Trải thể hiện trong bài Nước Đại Việt là một bản ***tuyên ngôn độc lập*** khẳng định nền dân chủ của nước Đại Việt ta. Nguyễn Trãi được xem là một bậc kỳ tài nằm trong các vị tướng xuất sắc và ông là một tấm gương của một người nhân nghĩa mà chúng ta cần biết và đáng để hậu thế noi theo.

* **Kết bài:**

Đoạn trích “Nước Đại Việt ta” đúc kết truyền thống mấy trăm năm vẻ vang của dân tộc, nêu cao đạo nghĩa và chân lí vĩnh tồn, khẳng định lập trường chính nghĩa và sức mạnh chiến thắng của dân tộc, đồng thời cũng là lời nhắc nhở nghiêm khắc kẻ thù hung bạo. Nguyễn Trãi là lấy nhâm tâm mà khuất phục lòng người. Đó cũng là một nghệ thuật tâm công, lấy đạo nghĩa để cảm hóa kẻ thù của bậc thánh nhân vậy.

**BT5Chứng minh: “Nước Đại Việt ta” là một áng văn tràn đầy niềm tự hào dân tộc**

* **Mở bài:**

Ngay sau khi cuộc kháng chiến chống quân Minh xâm lược thắng lơi, thừa lệnh Lê Lợi, Nguyễn Trãi bắt tay khảo soạn Bình Ngô đại cáo, bố cáo cùng thiên hạ toàn bộ cuộc chiến đấu gian nan mà hào hùng, lẫm liệt. Đoạn trích Nước Đại Việt ta là đoạn mở đầu bài cáo. Với lời văn hào hùng, thống thiết, Nước Đại Việt ta đã  thể hiện sâu sắc niềm tự hào, khẳng định độc lập chủ quyền và tự cường dân tộc.

* **Thân bài:**

Hơn mười năm trường kì kháng chiến, nghĩa quân Lam sơn đã trải qua biết bao gian khổ, đau thương. Biết bao xương máu đã đổ xuống để chống giặc và bảo vệ đất nước. Với Bình Ngô đại cáo, nước ta đã mở ra một kỉ nguyên mới. Đó là kỉ nguyên hòa bình, độc lập, tự chủ. Từ đây, đất nước bước vào vận hội mới. Từ đây muôn dân no ấm, xã hội thái bình, thịnh trị. Khắp nơi rộn vang tiếng hát ngợi ca bậc minh quân.

Nền hòa bình ấy có được là bởi ta có lòng nhân nghĩa, muôn người biết hợp lực cùng nhau, hết lòng vì nước quên thân, không ngại hi sinh, mất mát. Bởi thế, mở đầu bài đại cáo, Nguyễn Trãi nêu cao lập trường nhân nghĩa của dân tộc với những câu văn hết sức sắc bén trong niềm tự hào lớn lao:

*“Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân*  
*Quân điếu phạt trước lo trừ bạo”.*

Nhân nghĩa vốn là một tư tưởng đã có từ lâu đời. Nhưng ở mỗi thời đại lại có một quan niệm khác nhau. Các thời đại trước chỉ đưa ra một khái niệm chung chung, chưa thực sự rõ ràng.

Với nguyễn Trãi, nhân nghĩa là một khái niệm rất rộng lớn và thiết thực. Ông khẳng định “nhân nghĩa” trước hết là cốt ở “yên dân”, làm cho đời sống nhân dân được yên ổn, ấm no, hạnh phúc. Dân có yên thì xã hội mới thái bình, đất nước hùng mạnh.

Vượt lên trên tất cả, Nguyễn Trãi lấy dân làm cội gốc. Nhà nước vì dân mà phục vụ. Đó là một tư tưởng rất tiến bộ trong thời đại của ông. Nếu đời Đường thấy được vai trò của dân chúng rất quan trọng đối với nền thể chính: *“Vua là thuyền, dân là nước. Nước có thể nâng thuyền lên. Nước cũng có thể làm lật thuyền”.* (Đường Minh Hoàng)

Nhưng đó chỉ mới là nhìn thấy chứ chưa thực sự đề cao và xem trọng. Nguyễn Trãi không chỉ bằng lời nói. Ông thực sự thực hành tư tưởng của mình trong cuộc đời làm quan của ông.

Thấy được vai trò lịch sử của dân chúng, Nguyễn Trãi cũng xác định rõ trách nhiệm của triều đình. Chiến tranh là điều không ai mong muốn. Việc xuất quân trước hết là lo diệt trừ kẻ tàn bạo, bảo vệ kẻ yếu, đem lại công bằng cho muôn người, kỉ cương cho đất nước.

Đó đồng thời cũng là lời khuyên giải đối với Lê Lợi khi lên nắm quyền điều hành đất nước. Quan điểm của Nguyễn Trãi rất rõ ràng là hạn chế chiến chinh, tăng cường sức dân. Kế sách ấy vừa lấy được lòng dân, không lo bạo loạn, vừa làm cho tiềm lực đất nước trở nên hùng mạnh đủ sức gìn giữ hòa bình dài lâu.

Có thể nói tư tưởng nhân nghĩa vốn đã có từ lâu. Nhưng đến thời Nguyễn Trãi, tư tưởng ấy đã nâng cao hơn một bước sáng chói. Ông gắn tư tưởng nhân nghĩa với tinh thần yêu nước chống giặc bảo vệ tổ quốc. Câu văn khảng khái, tràn đầy niềm tự haò về truyền thống tốt đẹp của dân tộc. Nó không phải nằm trên lí thuyết suông mà đã được thực chứng trong cuộc kháng chiến vừa qua.

Tiếp đến, niềm tự hào ấy bùng lên như một lời ca sảng khoái khi ông khẳng định nền độc lập, chủ quyền và sức mạnh tự cường của dân tộc ta trong mấy nghìn năm qua:

*“Như nước Đại Việt ta từ trước*  
*Vốn xưng nền văn hiến đã lâu*  
*Núi sông bờ cõi đã chia*  
*Phong tục Bắc, Nam cũng khác*  
*Từ Triệu, Đinh, Lý, Trần bao đời gây nền độc lập*  
*Cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên mỗi bên xưng đế một phương*  
*Tuy mạnh yếu từng lúc khác nhau*  
*Song hào kiệt đời nào cũng có”.*

Với lời văn rắn rỏi, dẫn chứng thuyết phục, lí lẽ sắc bén, hào hùng, Nguyễn Trãi nêu cao sức mạnh nguồn cội làm nên chiến thắng của đan tộc ta. Suốt mấy trăm năm, thời kì nào đất nước ta cũng bị giặc phương Bắc xâm lược và đặt ách đô hộ. Song, chưa bao giờ dân tộc ta bị khuất phục, chịu kiếp nô lệ. Biết bao cuộc khỡi nghĩa đã nổ ra. Và từng bước ta đã gây dựng được nền độc lập. Nguyễn Trãi khẳng định tuy mạnh yếu từng lúc khác nhau, song hào kiệt anh hùng đời nào cũng có. Các anh hùng hào kiệt lập nên chiến công hiển hách, làm cho quân thù khiếp nhược, tháo chạy bao lần. Đó là niềm tự hào lớn, không thể nào phủ nhận được.

Nền độc lập ấy được duy trì với quốc hiệu Đại Việt, với lịch sử, văn hiến, văn hóa, phong tục tập quán lâu đời, được tôn trọng và gìn giữ. Giặc phương Bắc với âm mưu đồng hóa thâm độc thế nhưng bản sắc dân tộc Việt vẫn âm thầm tồn tại và trỗi dậy mỗi khi đất nước hào bình. Sức mạnh tự cường dân tộc chưa bao giờ bị dập tắt. Càng trong đau thương, dân tộc ta càng tỏa sáng và khẳng định mình mạnh mẽ hơn. Ta cũng có những triều đại vững mạnh nắm quyền điều hành đất nước cùng song song tồn tại với bắc triều.

Đó là niềm tự hào không sao chối cãi được. Không phải là kiêu ngạo, khoe khoang, mà đó là lòng tự hào về sức sống bất diệt. Sức mạnh ây trở thành điểm tựa tinh thần đến muôn đời. Cuối cùng, ông khẳng định sự thất bại của kẻ thù như một quy luật tất yếu:

*“Lưu Cung tham công nên thất bại*  
*Triệu Tiết thích lớn phải tiêu vong*  
*Cửa Hàm Tử bắt sống Toa Đô*  
*Sông Bạch Đằng giết tươi Ô Mã*  
*Việc xưa xem xét*  
*Chứng cớ còn ghi”.*

Kẻ thù tham lam, tàn bạo, lập trường phi nghĩa vốn đã đi ngược lại với đạo lí. Chúng còn viện cớ mà xâm lược cướp bóc nước ta thì nhất định thất bại, diệt vong. Ta vì muôn dân, thuận với ý trời, lập trường chính nghĩa mà kháng chiến, giành lấy thắng lợi vẻ vang. Đó cũng là một lời cảnh tỉnh đanh thép, nhắc nhở, răn dạy kẻ thù chớ vì lòng tham mà trái với mệnh trời, làm điều phi nghĩa.

So với Sông núi nước Nam của Lý Thường Kiệt, ở Nước Đại Việt ta, quan niệm đất nước đã được nâng cao lên nhiều bậc. Chủ quyền đất nước không những gắn với biên cương, lãnh thổ mà còn gắn với lịch sử, văn hóa, phong tục, tập quán và sức mạnh cội nguồn dân tộc. Nó nằm trong tổng hòa các giá trị thiêng liêng, được gìn giữ và phát triển qua nhiều thời đại. Những giá trị quý báu ấy không thể để quân giặc xúc phạm, coi thường và xâm phạm đến. Công việc kháng chiến, tiêu diệt kẻ thù, quét sạch bọn tham tàn ra khởi biên cương, bờ cõi cũng là để khẳng định sức mạnh bất khả khuất phục và lấy lại tôn nghiêm của dân tộc vậy.

Sức mạnh thuyết phục của đoạn trích chính là ở chỗ nhận rõ lập trường của hai bên. Tiếp theo đó là lói lập luận sắc bến, hùng hồn đầy sức mạnh của Nguyễn Trãi. Ông vận dụng ngôn ngữ như đang chỉ đạo một đoàn quân. Mỗi câu, mỗi chữ là một đạo quân tinh nhuệ, thiện chiến tấn công trực diện vào nhân tâm kẻ thù. Trong cuộc chiến này, Nguyễn Trãi là một vị tướng oai dũng phi thường. Kẻ thù dù có gian xảo nhưng cũng không thể nào ngụy biện cho hành động phi nghĩa của mình được.

* **Kết bài:**

Đoạn trích Nước Đại Việt ta là một khúc ca hào hùng, sảng khoái ca ngợi thắng lợi, khẳng định lập trường dân tộc. Đồng thời thể hiện niềm tự hào lớn lao của dân tộc ta về lịch sử dân tộc và sức mạnh chiến thắng kẻ thù. Với giá trị về lịch sử và văn chương, đoạn trích Nước Đại Việt ta và bản hùng ca Bình Ngô đại cáo mãi mãi còn vang vọng đến ngàn năm sau.

**BT6. Chứng minh: Hịch tướng sĩ thể hiện rõ tình yêu nước của vị chủ tướng**

* **Mở bài:**

Hịch tướng sĩ từ xưa đã được xem là một “thiên cổ hùng văn” bất hủ của dân tộc. Bài hịch là sự kết tinh sâu sắc của truyền thống đấu tranh chống giặc ngoại xâm, là kết tinh của ý chí và sức mạnh quật cường của dân tộc qua mấy trăm năm lịch sử. Qua bài hịch, Trần Quốc Tuấn đã thể hiện mạnh mẽ lòng yêu nước thiết tha và căm thù giặc sâu sắc của vị chủ tướng một lòng vì nước vì dân.

* **Thân bài:**

Thành công đầu tiên của Hịch tướng sĩ là chất giọng hùng hồn, thuyết phục hiếm có. Chất hùng văn của Hịch tướng sĩ được tạo nên từ nghệ thuật trữ tình hùng biện và tình cảm mãnh liệt, nồng cháy trong tim người anh hùng dân tộc. Đó ngọn lửa của tình yêu nước thiết tha và ý chí quyết tâm chống giặc cứu nước. Tình cảm sục sôi và nhiệt tình yêu nước cháy bỏng, ý chí quyết chiến quyết thắng giặc thù làm nên chất nhân văn cao đẹp của bài hịch.

Mở đầu bài hịch, vị chủ tướng nêu cao gương sáng các anh hùng nghĩa sĩ đã quên mình vì chúa (Kỉ Tín, Do Vu, Dự Nhượng, Thân Khoái, Kính Đức, Cảo Khanh) hay anh dũng chống giặc hi sinh vì nước (Nguyễn Văn Lập, Xích Tu Tư). Đó là những tấm gương tiêu biểu, được lưu truyền trong nhân gian, không ai mà không biết nhưng dưới lời văn của Trần Quốc Tuấn lại được nâng cao lên nhiều lần, trở thành điều tâm niệm mà mỗi tướng sĩ nên có.

Tình yêu nước theo vị chủ tường, trước hết là phải biết sống anh hùng và lập nên những chiến công hiển hách, lưu danh thiên cổ. Lời văn ngắn gọn, xúc tích nhưng đã đánh động được nỗi lòng của các tướng sĩ, khiến họ biết tự nhìn lại mình.

Tình yêu nước của Trần Quốc Tuấn được bộ lộ rõ ràng hơn khi ông nói về sự ngang ngược và tội ác của quân giặc. Ông đã lột tả bản chất tham lam, hống hách, tàn bạo của đoàn quân xâm lược: Đi lại nghênh ngang ngoài đường, uốn lưỡi cú diều mà sỉ mắng triều đình, đem thân dê chó mà bắt nạt tề phụ, đòi ngọc lụa, thu bạc vàng. Thái độ của Trần Quốc Tuấn vừa tủi nhục, xót xa vừa căm giận, khinh bỉ, coi chúng như những loài cầm thú: cú diều, dê chó, hổ đói, lột rõ bản chất tham lam, tàn bạo của chúng.

Trần Quốc Tuấn đã thấu suốt dã tâm của giặc, nhận thức rõ hiểm họa của Tổ quốc, nguy cơ của sự bại vong. Lời lẽ chân tình, thống thiết, thấu tận nhân tâm khiến ta càng kính trọng hơn người anh hùng đã hết lòng vì nước quên mình. Bởi lo thế giặc mạnh, quân giặc hung bạo, bất nhân còn thế nước lại yếu, tướng sĩ vô tâm, cái nguy cơ mất nước hiện hữu trước mắt khiến cho vị chủ tướng “tới bữa quên ăn, nửa đêm vỗ gối, ruột đau như cắt, nước mắt đầm đìa”, ngày đêm suy nghĩ cách phá giặc bảo vệ non sông.

Trong khi, quân giặc đang giày xéo trên quê hương, muôn dân đang bị chúng cướp bóc, sát hại thảm thiết. Nỗi căm tức dâng lên tột cùng, uất nghẹn: “căm tức chưa xả thịt lột da, nuốt gan uống máu quân thù”. Vì đất nước “dẫu cho trăm thân này phơi ngoài nội cỏ, nghìn xác này gói trong da ngựa”, ông cũng vui lòng.

Với bút pháp khoa trương, tính chất ước lệ, giọng văn nhẹn ngào, thống thiết, hào sảng, phù hợp với ngôn ngữ hùng biện của thể hịch văn, bài hịch có sức ngân vang lớn. Đoạn văn dã thể hiện đậm nét trạng thái sục sôi, hận thù bỏng rát của một trái tim vĩ đại, chất chứa cảm xúc lớn với vận mệnh đất nước, sự tồn vong của dân tộc, số phận của nhân dân. Tất cả những trạng thái cảm xúc ấy đều được đẩy tới cực điểm. Chưa bao giờ trong văn học Việt Nam, lòng căm thù giặc và nỗi đau xót trước vận mệnh dân tộc lại được biểu hiện sâu sắc, mãnh liệt và xúc động lòng người đến thế.

Từ căm thù cháy bỏng đến hành động giết giặc cứu nước là tất yếu và phải được đặt lên hang đầu, thà chết chứ không chịu khuất phục. Đó là khí phách của một dân tộc anh hùng. Hơn ai hết, Trần Quốc Tuấn hiểu rõ ràng ý chí quyết chiến quyết thắng, sẵn sàng xả thân vì nước của vị thống soái toàn quân là yếu tố rất quan trọng, nhưng chưa đủ làm nên chiến thắng, cần có một sức mạnh tổng hợp. Sức mạnh ấy phải được tạo nên từ sự đồng lòng nhất chí, từ ý chí quyết chiến, quyết thắng giặc thù của cả dân tộc.

Trong khi tướng sĩ vẫn còn đang mãi lo cho bản thân, ham mê lạc thú mà quên đi nhiệm vụ bảo vệ nước nhà. Ông đã rất đau xót và nghiêm khắc khi nhắc nhở tướng lĩnh của mình. Đầu tiên ông nhắc lại mối ân tình của mình với tướng sĩ: “không có mặc thì ta cho áo, không có ăn thì ta cho cơm, quan nhỏ thì ta thăng chức, lương ít thì ta cấp bổng, đi thủy thì ta cho thuyền, đi bộ thì ta cho ngựa.

Ông còn nhắc lại mối giao hòa chủ tướng thắm thiết như phụ tử cùng sống chết trong trận mạc, cùng vui vẻ khi bình yên. Ông cũng nghiêm khắc chỉ trích lối sống thờ ơ, hèn nhục của tướng sĩ khi quân giặc giày xéo quê hương: thấy chủ nhục mà không biết lo, thấy nước nhục mà không biết thẹn…, không biết căm,… không biết báo thù rửa nhục.

Mỗi thú vui của tướng sĩ không có gì là xấu nhưng nó không hợp với thời cuộc. Đất nước đang trong nước sôi lửa bỏng, vận mệnh dân tộc đang lâm nguy, kẻ thù thiện chiến và hùng mạnh, mà tướng sĩ vẫn thờ ơ tức là tự đẩy mình vào diệt vong, muôn đời chịu nhục.

Bằng lập luận chặt chẽ, lời lẽ sắc bén, sử dụng nghệ thuật đối lập, cấu trúc câu trùng điệp tạo khí thế hùng hồn, từng lời từng chữ như chảy ra từ trong tim tha thiết vô cùng, Trần Quốc Tuấn đã thức tỉnh toàn quân cầm gươm chống giặc. Đó không phải là một mệnh lệnh cứng nhắc mà là một lời tâm tình rưng rưng nước mắt. Tình yêu thương chân thành, tha thiết dành cho tướng sĩ của Trần Quốc Tuấn đều được xuất phát từ trái tim nhân hậu, từ lòng yêu nước lớn lao.

Không những vạch rõ yếu kém của tướng sĩ, ông còn chỉ ra cái nguy cơ dẫn đến thảm kịch của đất nước, của gia đình, của cá nhân và cách để hóa giải cái nguy cơ ấy. Với bản lĩnh của một vị tướng kiệt xuất có tầm nhìn xa trong rộng và niềm tin tất thắng của dân tộc, ông hoàn toàn tin tưởng vào thắng lợi nếu mỗi binh sĩ đều hết lòng xả thân chống giặc cứu nước. Đó cũng là một lời hứa đinh ninh trước trời đất của vị chủ tướng để huy động toàn bộ sức mạnh dân tộc trong cuộc quyết chiến với kẻ thù xâm lược.

* **Kết bài**

Hịch tướng sĩ của Trần Quốc tuấn đã phản ánh tinh thần yêu nước nồng nàn, lòng căm thù giặc sâu sắc, tinh thần quyết chiến, quyết thắng kẻ thù xâm lược của dân tộc ta. Hịch tướng sĩ là một áng văn nghị luận mẫu mực, bất hủ với kết cấu chặt chẽ, lập luận sắc sảo, lí lẽ sắc bén, dẫn chứng phong phú, sinh động và lời văn khi hùng hồn đanh thép, khi thống thiết chân thành có sức lôi cuốn và sức thuyết phục mạnh mẽ. Với bài hịch ngắn gọn, xúc tích, truyền tải lòng yêu nước sâu sắc của vị chủ tướng, Nước Đại Việt ta như một bản hùng ca vang mãi đến muôn đời.

**BT7. Sự kết hợp giữa lí và tình trong “Chiếu dời đô” của Lí Công Uẩn – Cái hòa quyện thiết tha**

* **Mở bài:**

Không những nêu ra được cái lí đầy thuyết phục tại sao phải dời đô, Chiếu dời đô của Lí Công Uẩn còn thấm đẫm cái tình hòa quyện trong nỗi lòng của vị minh quân một lòng vì dân vì nước.

* **Thân bài**:

Kể chuyện người xưa cũng là để nói lên nỗi lòng và niềm mong mỏi của mình. Lí Công Uẩn đã khéo léo biểu hiện khát vọng dời đô và niềm tin vững chắc của mình vào quy luật của trời đất. Hai nhà Thương, Chu vì tính kế lâu dài, mưu toan nghiệp lớn, muốn cho đất nước phồn thịnh, muôn dân no ấm nên đã nhiều lần dời đô. Đó cũng là điều mà Lí Công Uẩn ngày đêm mong muốn.

Ông khẳng định việc dời đô là vì lợi ích của đất nước, của muôn dân, vì sự phát triển dài lâu của dân tộc chứ không phải là theo sở nguyện của riêng ông. Dời đô là để sửa cái sai của hai nhà Đinh, Lê, hướng đến mở mang đất nước, làm cho đất nước cường thịnh hơn; nhân dân ấm no, hạnh phúc; văn hóa, phong tục vì thế mà được giữ gìn, phát triển.

Bao nhiêu năm nhân dân ta đã chiến đấu gian khổ. Bao nhiêu máu và nước mắt đã từng đổ xuống để giành độc lập, thống nhất. Không thể quên được nỗi nhục của ngàn năm mất nước, nhân dân đòi hỏi người lãnh đạo của mình phải nâng cao hơn nữa truyền thống anh hùng, phải nhanh chóng đưa đất nước trở thành hùng mạnh.

Cũng không thể quên được các triều đại trước vì bất tài vô dụng mà đã gây nên những cuộc nội chiến, nồi da nấu thịt, khiến cho muôn dân hao tổn. Nạn cát cứ đã thành tai họa của dân tộc một thời. Một đất nước sẽ chưa thật sự trưởng thành một khi các vị hoàng đế thắng trận, để củng cố địa vị và lực lượng cứ phải đóng đô trên quê hương mình, cố thủ giữ mình với một tầm nhìn thiển cận. Ngẫm về việc đó, Lí Công Uẩn đã trăn trở: “Trẫm rất đau xót về việc đó, không thể không dời đổi”. Việc dời đô thực sự đã đáp ứng lòng mong mỏi của muôn dân.

Cái tình sâu nặng của Lí Công Uẩn đối với muôn dân, đất nước còn thể hiện ở tầm nhìn xuất sắc của ông về những lợi thế ưu việt của thành Đại La. Để phát triển đất nước, tìm kiếm vùng đất tốt định đô, Lí Công Uẩn đã bỏ biết bao công sức. Bằng trí tuệ phi thường, tầm nhìn xa rộng, lại thông hiểu địa lí, nắm vững thiên thời, địa lợi, thấu hiểu lòng dân, ông đã nhìn thấy cái thế tối ưu của thành Đại La mà không miền đất nào có được.

Đại La là sự hội tụ hiếm có của vị trí, địa thế, phong thủy, kinh tế, giao thương và văn hóa. Lại là vùng đất mà Cao Vương đã từng định đô. Ông đã không chọn Kinh Bắc – quê hương ông mà chọn Đại La cũng là bởi cái thế mạnh bậc nhất của vùng đất này và cũng là vì lợi ích của muôn dân, tránh được cái nhìn ích kỉ, thiển cận của người xưa vậy. Tấm lòng vì nước, vì dân, hi sinh lợi ích riêng, hướng đến sự phồn thịnh đất nước của của Lí Thái Tổ quả thật rất đáng trân trọng và ngưỡng mộ.

Lời lẽ hào hùng, sắc bén, hòa quyện trong cái tình mênh mang, sự suy luận mạch lạc, đem lại cho người nghe, người đọc một nhận thức sâu sắc về lẽ phải và sự hợp lý của việc phải dời đô. Sức thuyết phục của bài chiếu không ở chỗ dài lời, dàn trải mà đánh thẳng vào nhân tâm, tìm kiếm sự đồng tình, ủng hộ.

Thông qua phép đối, dưới hình thức văn biền ngẫu, Lý Công Uẩn đã đưa ra những lập luận, lý lẽ và chứng cứ hết sức thuyết phục. Đó không phải là những lời lẽ cứng nhắc, thuần tuý mệnh lệnh của bậc đế vương (vốn là văn phong quan phương của thể chiếu) mà đó chính là lý lẽ của sự thông tuệ, thấu hiểu, của niềm cảm thông, của nghệ thuật hùng biện xuất phát từ lợi ích chung của dân tộc, là lời tâm tình bộc trực của một vị minh quân.

Sự kết hợp giữa lý và tình có sức thuyết phục cao, giàu cảm xúc, cùng với lối xưng hô thân mật và nỗi niềm đau xót cho dân chúng và giang sơn đất nước là giọng điệu chung xuyên suốt bản hùng văn này.

* **Kết bài:**

Chiếu dời đô là sự thể hiện ý chí của toàn dân tộc, là kết tinh cho tinh thần và văn hóa của thời đại. Đó là tác phẩm đầu tiên mở ra một thời đại thái bình thịnh trị mới của Đại Việt. Chiếu dời đô cũng thể hiện mạnh mẽ tư tưởng dân chủ, là sự kết hợp đỉnh cao của ý thức dân quyền, ý thức độc lập, tự cường dân tộc. Bài chiếu vừa là áng văn chính luận xuất sắc, lời lẽ hùng hồn, lí lẽ sắc bén, kết cấu chặt chẽ, vừa thể hiện lòng nhân ái thiết tha trong cuộc đối thoại dân chủ, vừa thể hiện ý chí, quyết tâm cao độ của dân tộc trong buổi đầu dựng xây đất nước.

**BT8.Sự kết hợp giữa lí và tình trong “Chiếu dời đô” của lí Công Uẩn – Cái lí thuyết phục, tỉnh táo, sắc bén**

**Mở bài:**

Chiếu dời đô (Thiên đô chiếu) được Lý Công Uẩn ban bố năm 1010, trước khi dời đô từ Hoa Lư về thành Đại La. Với ý nghĩa và sự tác động đặc biệt, đã trở thành một văn kiện chính trị, lịch sử, văn hoá quan trọng nổi tiếng trong một nghìn năm qua. Điểm nổi bậc và là yếu tố làm nên sức lôi cuốn mạnh mẽ của bài chiếu này chính là cái lí thuyết phục, sắc bén, trực chỉ nhân tâm, chiếm ngự lòng người bằng những lời lẽ bình dị nhưng hết sức sâu sắc.

**Thân bài:**

Với giọng văn khoan thai mà hùng hồn, lời lẽ bình dị mà thắm thiết, lí lẽ sắc bén mà thiết tha tình cảm, bài chiếu đã khẳng định bản lĩnh và truyền thống lịch sử lâu đời của dân tộc, củng cố khối đoàn kết thống nhất, đem lại cho dân tộc và đất nước một vị thế mới trên bước đường phát triển, mở ra một thời kỳ lớn mạnh hùng cường của dân tộc.

Lấy tư cách một vị hoàng đế, trong một bài chiếu có kết cấu chặt chẽ, ý tứ sâu xa, ngôn từ phong phú và thuyết phục, Lí Công Uẩn đã bày tỏ cùng các quan và thần dân của mình một ý nguyện quan trọng với hai vấn đề chính: lí do cần phải dời đô và việc lựa chọn vùng đất xây dựng kinh đô mới nhằm mở ra một thời đại mới: thời đại thái bình thịnh trị.

Việc dời đô là quốc gia đại sự, là trách nhiệm và sự nghiệp của toàn dân, không thể quyết định hay thực hiện trong một sớm một chiều. Với lại, đất nước vừa đi qua nạn binh đao, nền hòa bình gây dựng chưa được bao lâu, muôn dân còn đang vất vả, muốn dời đô ngay lúc này e rằng càng làm cho dân thêm khốn khổ. Lý công Uẩn rất hiểu điều đó. Bởi thế, trước hết ông nói về cái lí phải dời đô và khẳng định dời đô là tất yếu, thuận theo quy luật của trời đất và nhân tâm.

Bởi thế, mở đầu bài chiếu, ông viện dẫn tấm gương sáng ngời về đức trị của vua Bàn Canh và vua Thành Vương đã nhiều lần dời đô, trên vâng mệnh trời, dưới theo ý dân, thấy thuận tiện thì dời đổi, nhằm mưu toan nghiệp lớn, tính kế muôn đời cho con cháu. Thế nên vận nước được lâu dài, phong tục bởi vậy mà phồn thịnh, lưu truyền. Đó là thành công đáng phải học hỏi.

Cái dụng ý của Lý Công Uẩn muốn nói rằng việc dời đô không phải là không có ở trên đời, người xưa đã làm và thành công, nay ta học tập cái tốt của người xưa cũng là hợp với quy luật của trời đất. Có thể nói, Lý Công Uẩn đã đánh đúng vào tâm lí của muôn dân bởi chuyện của Thương, Chu vốn được truyền tụng khắp nhân gian, ai mà không biết, từ đó có thể gây được sự đồng cảm, thấu hiểu và ủng hộ sâu sắc.

Tiếp đến, ông viện dẫn hai nhà Đinh, Lê – hai triều đại trước, đã không chịu dời đổi, khiến cho triều đại không được lâu bền, số vận ngắn ngủi, trăm họ hao tổn, muôn vật không được thích nghi, đất nước bao năm nằm trong địa thế hạn hẹp, không hội tụ được khí thiêng của trời đất, nên yếu kém, nhu nhược.

Điều ấy, muôn dân cũng đã rất rõ. Hai triều Đinh, Lê trong suốt chiều dài lịch sử, vì đống đô ở Hoa Lư đã không thể mở mang đất nước. Tuy Hoa Lư có lợi thế rừng núi tiện lợi trong việc chống giặc xong sản xuất lại hết sức hạn chế khiến cho đất nước không thể phồn thịnh, muôn dân còn đói khổ.

Trong suốt thời gian tồn tại, hai triều đại đã gây biết bao đau thương cho đất nước. Các vị vua bất tài vô dụng đã để cho quần thần lộng hành, tranh giành quyền lực, chém giết lẫn nhau, dân chúng chưa bao giờ được yên ổn. Đó cũng là do cái thế đất không kết tụ tinh anh. Sự diệt vong của hai triều đại cũng là tất yếu nhưng dưới lời lẽ của Lý công Uẩn càng trở nên thống thiết vô cùng.

Đoạn mở đầu đã đủ sức tạo niềm tin tưởng trong lòng người vào mục đích cao cả cảu việc nhất thiết phải dời đô nhưng đoạn tiếp theo mới thực sự thuyết phục lòng người về ý nguyện lớn lao và sự lựa chon sáng suốt của vị lãnh đạo tài ba, anh minh, lỗi lạc khi quyết định lựa chọn thành Đại La làm nơi định đô mới.

Thành Đại La dưới con mắt của nhà chiến lược thiên tài Lý Công Uẩn có một vị trí thuận lợi hiếm có. Nơi đây đã từng là kinh đô một thuở dưới thời cai trị của Cao Biền, một bậc thầy phong thuỷ, được ca tụng là “đệ nhất địa lí kì sư”.

Nhưng điều quan trọng là bởi Đại La “ở vào nơi trung tâm trời đất; được cái thế rồng cuộn hổ ngồi. Đã đúng ngôi nam bắc đông tây; lại tiện hướng nhìn sông dựa núi. Địa thế rộng mà bằng; đất đai cao mà thoáng. Dân cư khỏi chịu cảnh khốn khổ ngập lụt; muôn vật cũng rất mực phong phú tốt tươi. Xem khắp đất Việt ta, chỉ nơi này là thắng địa. Thật là chốn tụ hội trọng yếu của bốn phương đất nước”.

Bởi thế Đại La xứng đáng “là nơi kinh đô bậc nhất của đế vương muôn đời”. Sự “thắng thế” của thành Đại La so với kinh đô Hoa Lư là quá rõ, lại được nhìn nhận bởi một vì vua anh minh, vì nước vì dân càng làm thuyết phục lòng người. Bởi thế cũng dễ hiểu, khi bài chiếu được ban bố đã nhận được sự ủng hộ lớn lao của quần thần và toàn dân đất nước, khiến cho việc dời đô điễn ra rầm rộ và nhanh chóng ngay sau đó.

Lí Công Uẩn không dụng nhiều lời mà hướng đến cái lí sắc bén, thuyết phục lòng người. Điểm cốt yếu là ông viện dẫn cái lí lẽ mà ai cũng thấu rõ, kí thác vào đó sức mạnh của niềm tin, nhanh chóng chiếm lĩnh và tìm kiếm sự ủng hộ đồng tình của bách tính.

Sự thành công trong chiến lược dời đô cũng là do bởi người lãnh đạo có đức cao, độ lượng, lấy nhân tâm thu phục lòng người, biểu dương cái đức để cai trị đất nước, mưu toan nghiệp lớn vì lợi ích của muôn dân cứ không phải toan tính cho riêng mình. Bởi thế, muôn người hồ hởi chung tay cùng triều đình không ngại gian lao mà dời đổi.

**Kết bài:**

Cái tài tình của Lý Công Uẩn là ông đã hiểu rõ lòng dân, nắm vững tâm tư nguyện vọng của bách tính. Thế nên, lời nói tuy hết sức ngắn gọn nhưng lại có sức biểu dương lớn, nhanh chóng thu phục lòng người, đưa cuộc vận động nhanh chóng biến thành hành động cụ thể, hiệu quả ngay sau đó.

**Bài tập về nhà**

Đề 4: Phân tích và nêu cảm nghĩ của em về bài ‘ Chiếu dời đô’ của Lý Thái Tổ.

Đề 5: Phân tích giá trị nghệ thuật bài ‘ Chiếu dời đô’ của Lý Công Uẩn.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**Phân tích bài thơ Muốn làm thằng Cuội của Tản Đà**

**Gợi ý**

Tản Đà - Nguyễn Khắc Hiếu xuất hiện trên văn đàn Việt Nam những năm đầu thế kỷ với một cá tính độc đáo: một nhà thơ của sầu và mộng, ngông và đa tình. Bài thơ *Muốn, làm thằngCuội* đã thể hiện rất rõ cá tính ấy của ông.

Bài thơ *Muốn làm thằng Cuội* in trong tập *Khối tình con* (1916). Mặc dù tác phẩm được làm theo thể thất ngôn bát cú Đường luật song người đọc sẽ thấy ở đây, dưới cái hình thức còn là của thơ cổ ấy những dấu hiệu mới mẻ của cảm xúc. Tâm sự của nhà thơ ở một thời đại mới đã khiến cho cái hình thức thơ cũ có chiều hướng giảm nhẹ đi tính trang trọng, mực thước. Sự giản dị, trong sáng gần với khẩu ngữ tự nhiên làm nên nét duyên của bài thơ này.

Ngay từ nhan đề của bài thơ đã cho thấy một giọng điệu suồng sã, như là đã giải tỏa được một nhu cầu nói thật, thẳng thắn của nhà thơ và cũng lại cho thấy cái ngông nghênh, bất đắc chí: *muốn* ở đây như một nhu cầu bức xúc, chẳng cấn giấu giếm, vòng vo. Nhưng muốn cái gì? Muốn làm *cuội* thì đích thực là muốn thoát lên trên rồi.*Ứớc vọng lên trên* thơ mộng thế mà nói tựa như là muốn ăn, muốn uống, muốn ngủ... thật là thành thực!

Và, nếu muốn thoát tục, lên trên thì thiếu gì những hình mẫu tiên để ước sao cứ phải là *thằng Cuội?Thằng* chứ không phải *chú -* cũng là một kiểu nói ngông.

Thế thì chính là thi sĩ đa tình này muốn lên cung trăng rồi!

*Đêm thu buồn lắm chị Hằng ơi,*

*Trần thế em nay chán nửa rồi!*

Chị Hằng thì phải ở cung trăng chứ còn gì nữa! Thì ra thi sĩ của chúng ta muốn làm thằng Cuội để tâm sự cùng chị Hằng Nga xinh đẹp.Hai câu mở đầu bài thơ như một tiếng kêu than.Chẳng cần phải mượn cái khác để diễn tả nỗi buồn trong lòng mình, thi sĩ bộc bạch ngay nỗi lòng mình.Hai chữ *buồn lắm* thật chân thành.Thi sĩ chỉ lòng mình ra trong tiếng gọi tha thiết. Ta thường gặp trong thơ Tản Đà một vẻ buồn chán, cái buồn lan trùm tất cả. Vì *buồn lắm* như thế nên thi sĩ mới *"muốn làm thằng Cuội".*Nhưng không phải là cái buồn vô cớ, càng không phải kiếm cớ buồn để được lên tiên.Cái buồn ở đây là cái buồn đời buồn chán cuộc đời tối tăm, đen bạc, đảo điên. Không ít lần Tản Đà kêu chán đời: "Đời đáng trách biết thôi là đủ - Sự

chánđờinhủhlạitriâm","Gió gió.mưa mưa đã chán phèo - Sự đời nghĩ đến lại buồn teo"...Sống trong bối cảnh xã hội thực dân nửa phong kiến những năm đầu thế kỉ XX, chẳng phải

chỉ riêng Tản Đà buồn chán. Không khí tù hãm, u uất của một dân tộc bị mất nước bao trùm hết thảy, đè nặng tâm trí con người, nhất lại là những con người nhạy cảm như thi nhân.Tâm trạng buồn chán là tâm trạng của thời đại. Có trăm ngàn vẻ buồn khác nhau song đều thấy điểm chung là sự bế tắc trước thực tại cuộc đời, từ đó mà sinh ra chán nản, bất mãn đối với thời cuộc.

Cái buồn của Tản Đà cũng bắt nguồn từ đấy.Và thế là thi sĩ tìm lối thoát bằng cách thoát li khỏi cuộc đời, sống trong một thế giới khác, thế giới mộng mơ, thần tiên. Thi nhân gọi trăng là *chị* xứng với trăng là *em* thì vừa là muốn thân tình, gần gũi để giãi bày, vừa là chơi ngông. Bốn câu thơ tiếp càng thể hiện cái ngông của Tản Đà:

*Cung quế đã ai ngồi đó chửa?*

*Cành đa xin chị nhắc lên chơi*

Ngông thực chất là một thái độ ứng xử đối với cuộc đời, một biểu hiện khác của sự chán ngán, bất mãn với thời cuộc.Phải là người yêu đời lắm, tha thiết với cuộc sống lắm thì mới tỏ ra buồn chán đến bất hòa trước cuộc đời đang rối ren, đen tối như thế.Câu 3 của bài thơ là lời ướm hỏi, rồi đến câu 4 là lời đề nghị. Nếu *Cung quế* chưa có ai thì *chị* cũng buồn, cũng cô đơn lắm nên hãy để em lên chơi cùng, em đỡ buồn mà chị cũng bớt cô đơn. Tính từ đấy mà cũng ngang tàng đấy! Xin *chị* đừng từ chối nhé, bởi vì em có lí lẽ đây này:

*Có bầu có bạn, cùng tri kỷ*

*Cùng gió cùng mây, thế mới vui.*

Cái lí của thi nhân thật là thuyết phục.Song trong sự thuyết phục để thoát li, xa lánh trần thế ấy chúng ta thấy một thực trạng buồn vắng, cô đơn của tâm hồn thi sĩ.Vốn đa tình đa cảm nễn thi nhân luôn luôn có khát vọng được người tri kỉ, mà cõi trần thì "Chung quanh những đá cùng cây; Biết người tri kỉ nơi đâu mà tìm".Cái vui của thi nhân là cái vui được tâm giao, tâm đồng.*Gió, mây* thơ mộng được không nếu chẳng *"có bầu có bạn".*Khát vọng lên trên, lánh đời ở đây thực ra là một cách bộc lộ khao khát đồng cảm, tri âm trong cuộc đời của Tản Đà.Và cái cách ở đây là *ngông.* Chưa hết, thi nhân còn vẽ ra viễn cảnh:

*Rồi cứ mỗi năm rằm tháng tám*

*Tựa nhau trông xuống thế gian cười*

Lãng mạn hết mức, tưởng tượng ra cảnh *"tựa nhau"* cùng chị Hằng thì quả là cái ngông đã đến đỉnh điểm.Tác giả hạ chữ *cười ở* cuối bài thật đắt.*Cười* ở đây chứng tỏ cái hả hê thỏa mãn khi trong ước vọng được thoát tục, rồi bỏ được trần ai mà lên tiên.*Cười* còn là thái độ mỉa mai, khinh khi cái cuộc đời đang đầy những sầu khổ, cô đơn dưới kia. Cười thách thức.Cười ngông.

Bàithơtuânthủkhuônmẫucủamột.cbài thất ngôn bát cú Đường luật cổ điển. Nhưng nguồncảm xúc tự nhiên, không chừng bay bổng đã tự tìm đến những lời thơ tựa như lời nói hàng

ngày: "buồn lắm chị Hằng ơi", "em nay chán nửa rồi", "đã ai ngồi đấy chưa", "xin chị nhắc lên chơi"', "thế mới vui", "tựa nhau trông xuống thế gian cười"; xưng hô khẩu ngữ *(chị - em)* tự nhiên, không đẽo gọt cầu kì và ngữ điệu biểu hiện đa dạng *(ơi, rồi, đó chửa, xin, thế mới).*Lên tiên, thoát tục là thì đề quen thuộc trong thơ cổ, ở đây cái không mới ấy đã được làm mới bằng giọng điệu, bằng lời thơ.

Cái ngông của Tản Đà trong bài thơ này là một hình thức ứng xử vốn nằm trong cốt cách của nhà nho tài từ trong thơ truyền thống.Song, như chúng ta đã thấy, cái ngông ấy lại là thái độ của Tản Đà đối với xã hội ta những năm đầu thế kỉ XX, bộc lộ một nguồn xúc cảm mới, đầy cá tính đa tình, phóng túng.Cái mơ mộng thành ra cái ngông thì quả là đậm chất riêng của Tản Đà.

**Cảm nhận của em về tâm trạng của Tản Đà qua bài thơ Muốn làm thằng Cuội**

**Gợi ý**

Người ta nhắc tới Tản Đà với nhiều ấn tượng sâu đậm: là thi sĩ khởi đầu cho nền thơ lãng mạn, là người chắp viên gạch nối thơ cổ đại với thơ hiện đại. Trong chất lãng mạn đó ẩn chứa tư tưởng, tình cảm và tấm lòng yêu nước sâu sắc của ông. Bài thơ: "Muốn làm thằng Cuội" là một ví dự tiêu biểu. Như ta đã biết - xã hội ông đang sống quá coi trọng đồng tiền và địa vị. Tài năng - sức lao động - tình cảm sâu đậm không đem lại hạnh phúc cho con người. Bao trùm bên trong là nỗi buồn về thực tại. Tản Đà đã bật lên một lời gọi, lời nhắn gửi chị Hằng - người bạn muôn đời của những kẻ cô đơn:

*Đêm thu buồn lắm chị Hằng ơi!*

*Trần thế em nay chán nửa rồi.*

Mở đầu bài thơ là một lời than thở, một nỗi sầu da diết. Giọng điệu thân thiết pha chút mỉa mai bởi cuộc đời ngột ngạt, bon chen vì công danh dang dở: "Tài cao, phận thấp, chí khí uất". Là thi sĩ nên nỗi buồn đã kết thành nỗi sầu.Đây là thái độ không chấp nhận thực tại, bất hoà thực tại, bất hoà với trần thế.

Ông khát khao một cuộc sống đẹp hơn, vượt lên trên cái thấp hèn:

*Cung quế đã ai ngồi đó chửa?*

Đó là thế giới mà ông mơ ước, là cõi đời trong sáng, tinh khiết, không vướng bẩn, không lo lắng, bon chen.

Hai câu thơ là câu hỏi, là lời đề nghị, là lời cầu xin được lên cung trăng, nơi thanh cao, không phải chịu cảnh đời trần thế nhố nhăng tù hãm.Nỗi sầu của Tàn Đà là nỗi sầu của người nô lệ. Bất lực trước thực tại, Tản Đà muốn lẩn trốn vào thiên nhiên bằng mộng tưởng:

*Có bầu có bạn, can chi tủi*

*Cùng gió cùng mây thế mới vui*

Thi sĩ lên cung quế có bạn, có bè quên đi nỗi ngán ngẩm, chán nản, và giải toả được nỗi buồn - ông đã "vui" đã "cười" - ông cười tất cả những giành giật, nhố nhăng nơi trần thế, "cười" sung sướng khi thấy cõi trần không ai được như ông, được hưởng cuộc sống thần tiên thoát tục.

Hai câu thơ:

*Rồi cứ mỗi năm rằm tháng tám*

*Tựa nhau trông thấy thế gian cười*

thật độc đáo và lãng mạn. Rằm tháng tám là khi trăng trong nhất, đẹp nhất và cũng là sáng nhất. Vào lúc tuyệt vời nhất của trăng ấy, nhân vật trữ tình ước muốn cùng chị Hằng; ngồi bên chị Hằng tựa vào nhau mà nhìn xuống trần thế để cười.

Câu thơ là đỉnh cao của cái ngông rất phù hợp với tính chất Tản Đà.Ngồi bên cạnh người đẹp, đó đã là một niềm hạnh phúc.Hơn thế nữa thi sĩ còn tự đặt mình lên một địa vị cao để mà cười cợt.Cái ngông này thật hiếm có, đáng yêu, đáng trân trọng ở trong giai đoạn này. Bởi các thi sĩ lãng mạn yêu nước nhưng không đủ dũng khí để chiến đấu - thường tìm đến thiên nhiên hoặc trọn vào mộng tưởng để trốn đời.

Cả bài thơ là giấc mộng kỳ thú, là niềm khao khát về cuộc đời đẹp, về một cõi mơ trong sáng, không vướng bận sự đời.

Tóm lại, tâm trạng bao trùm cả bài thơ là tâm trạng buồn chán thất vọng với cuộc đời. Đó là thái độ không dung hoà với thực tại, là sự phản kháng gián tiếp với cuộc đời. Thi sĩ khát khao một xã hội tự do, tươi đẹp và trong sạch. Hình ảnh chị Hằng với cung quế, cây đa là những hình ảnh của cõi tiên đầy lãng mạn.Cõi tiên ấy là cả một thế giới mà Tản Đà mong muốn có. Thực ra, sự chán chường và niềm khát khao ấy xuất phát từ lòng yêu nước thầm kín của Tản Đà - nỗi buồn xuất phát từ nỗi nhục của người nô lệ và ước muốn xuất phát từ khát vọng được tự do.

**Cảm nhận vẻ đẹp của các nhà nho yêu nước, nhà chí sĩ cách mạng vĩ đại của dân tộc ta qua hai bài thơ “Cảm tác vào nhà ngục Quảng Đông” (Phan Bội Châu) và “Đập đá ở Côn Lôn” (Phan Châu Trinh)**

* **Mở bài:**

Thơ văn Phan Bội Châu. Phan Châu Trinh,… là những viên ngọc quý đã làm giàu đẹp nền thơ văn yêu nước và cách mạng của dân tộc ta trong hai thập kỉ đầu thê kỉ 20. Đặc biệt hai bài thơ “Cảm tác vào nhà ngục Quảng Đông” (Phan Bội Châu) và “Đập đá ở Côn Lôn” (Phan Châu Trinh) đã để lại trong lòng nhân dân ta hình tượng cao đẹp của các nhà nho yêu nước, nhà chí sĩ cách mạng vĩ đại của những năm đầu thế kỉ 20. Đó là những nhà nho yêu nước, đức trọng tài cao, coi thường danh lợi, từ bỏ chốn quan trường “mũ áo xênh xang, xe ngựa dập dìu… ” tầm thường và giả dối để dấn thân vào con đương cách mạng, vì sự nghiệp cứu nước, cứu dân, kiên cường chống thực dân phong kiên, không chịu sống kiếp đời nô lệ hèn kém.

* **Thân bài:**

Nhà tù Côn Đảo, lao dộng khổ sai đối với Phan Châu Trinh và các nhà nho yêu nước là nơi để rèn luyện chí làm trai giữa thời .“vận nước gặp cơn dâu bể”. Như ngọc càng mài càng sáng, vàng càng luyện càng trong, khí phách kiên cường, hiên ngang, lòng dạ sắt son của nhà chí sĩ càng trở nên trong sáng, vững vàng:

*“Làm trai đứng giữa đất Côn Lôn,*  
*Lừng lẫy làm cho lở núi non.”*

**(Phan Châu Trinh)**

Cuộc đời cách mạng vô cùng nguy hiểm, khó khăn. Chiến đấu cho độc lập tự do của Tổ quốc phải trải qua nhiều thử thách, hi sinh; phải đầu rơi máu chảy. Các nhà nho yêu nước là những con người có chí lớn phi thường, hiên ngang, bất khuất trước bạo lực quân thù, sẵn sàng chấp nhận mọi gian khổ, hi sinh:

*“Những kẻ vá trời khi lỡ bước,*  
*Gian nan chi kể việc con con! ”*

**(Phan Châu Trinh)**

Đó là những anh hùng hào kiệt, có tài kinh bang tế thế, có chí lớn sánh ngang với trời đất, lại có phong độ phong lưu, rất ung dung đàng hoàng. Nhà tù của thực dân dế quốc đối với các chí sĩ như một bến đợi, như một trạm dừng chân sau những cuộc rong ruổi đường xa. Thật hào hùng lãng mạn và hùng tráng. Một tư thế tuyệt đẹp giữa chốn ngục tù. Cổ đeo gông, lay bị xiềng mà vẫn ngạo nghễ:

*“Vẫn là hào kiệt, vẫn phong lưu,  
Chạy mỏi chân thì hẵng ở tù.  
Đã khách không nhà trong bốn bể,  
Lại người có tội giữa năm châu.”*

**(Cảm tác vào nhà ngục Quảng Đông)**

*“Xách búa đánh tan năm bảy đống,*  
*Ra tay đập bể mấy trăm hòn.*  
*Tháng ngày bao quản thân sành sỏi,*  
*Mưa nắng càng bền dạ sắt son.*  
*Những kẻ vá trời khi lỡ bước,*  
*Gian nan chi kể sự con con.”*

**(Đập đá ở Côn Lôn)**

Vì thế, các cụ đã coi chôn ngục tù Côn Lôn là “thiên nhiên học hiệu” (trường học thiên nhiên). Tù đày không nao núng, gian khổ không lùi hước “càng bền dạ sắt son ”. Niềm tin vào sự nghiệp cách mạng, vào con đường chính nghĩa vẫn sáng ngời. Đẹp nhất là tinh thần lạc quan cách mạng, là khí phách bất khuất anh hùng:

“Thân ấy vẫn còn, còn sự nghiệp,  
Bao nhiêu nguy hiểm sợ gì đâu ! “.

Chữ “còn” được điệp lại hai lần làm cho niềm tin tỏa sáng. Câu thơ của nhà chí sĩ cách mạng vĩ đại vang len như một lời thề sẵn sàng xả thân cho độc lập, tự do của Tổ quốc.

“Cảm tác vào nhà ngục Quảng Đông” và “Đập đá ở Côn Lôn” là hai bài ca yêu nước từng làm xúc động lòng người, từng khích lệ bao thế hệ trẻ Việt Nam bí mật tìm đường cứu nước. Cả hai bài thơ đều viết theo thể thất ngôn bát cú Đường luật, đã dựng lên bức chân dung tinh thần tự họa của nhà nho yêu nước, nhà chí sĩ cách mạng vĩ đại của dân tộc. Lòng yêu nước nồng nàn, bất khuất hiên ngang, tinh thần lạc quan tin tưởng là vẻ đẹp của hình tượng nhà nho yêu nước, nhà chí sĩ cách mạng.

* **Kết bài:**

Người xưa làm thơ là để “tải đạo”, để đã làm thơ để nói lên cái chí của mình. Chí làm trai, chí hào kiệt, chí trượng phu anh hùng, chí nhà nho, nhân sĩ chân chính. Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh,… suốt cuộc đời cách mạng đã sống đẹp như lời thơ của mình. Bài học “uy vũ bất năng khuất” là bài học sâu sắc đối với chúng ta mỗi khi đọc hai bài thơ này.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**RÈN KỸ NĂNG BÀI VĂN CẢM THỤ VĂN**

**A.YÊU CẦU:**

- Bồi d­ưỡng năng lực đọc – hiếu văn bản nghệ thuật.

- Biết viết bài văn cảm thụ về một đoạn thơ, văn hay cả văn bản.

- Nâng cao kỹ năng phân tích vai trò và tác dụng của một số biện pháp tu từ tiếng Việt khi cảm thụ tác phẩm.

**B.NỘI DUNG:**

1. Cách viết một bài cảm thụ thơ:

Tham khảo chủ đề tự chọn:

“Một số yếu tố hình thức nghệ thuật cần chú ý khi phân tích thơ trữ tình”.

- Thế nào là thơ trữ tình.

- Đặc tru­ng của thơ trữ tình và các lỗi th­ường mắc phải khi phân tích thơ trữ tình.

- Các hình thức nghệ thuật cần chú ý khi phân tích thơ trữ tình (chú ý tới hình ảnh thơ tiêu biểu, vần, nhịp, từ ngữ và các biện pháp tu từ, không gian và thời gian nghệ thuật…

**Chú ý:**

+ Thơ có thể có vần, có thể không có vần. Bình thường mỗi đoạn thơ có một vần lặp lại ở các câu thơ, như­ng có đoạn mang nhiều vần khác nhau.

+ Những câu thơ, đoạn thơ sử dụng một hoặc phần lớn một loại thanh là những câu thơ đặc biệt.

+ Khi gặp đoạn thơ mang nhiều vần, hoặc sử dụng thanh đặc biệt cần chú ý để phân tích chỉ ra vai trò của chúng trong việc biểu hiện nội dung.

+ Khi đọc cũng như khi phân tích đoạn thơ trên, cần chú ý tới các dấu câu. Chú ý vị trí của các dấu câu đó, chúng ta sẽ đọc đúng nhịp thơ hơn.

+ Dấu câu không chỉ để tách ý, tách đoạn và làm rõ nghĩa của thông báo, khi viết mà còn dùng để ngắt nhịp làm tăng sức biểu cảm cho thơ.

+ Trong một bài thơ, câu thơ không phải chữ nào cũng hay cũng đắt, khi đọc thơ cần nhận ra được đúng các chữ đó và phân tích cái hay, cái đẹp của chúng. Những chữ dùng hay là những chữ không thể thay thế được.

+ Thơ ca thư­ờng sử dụng các biện pháp tu từ. Các biện pháp tu từ hay bao giờ cũng giúp nhà thơ biểu hiện đư­ợc nội dung một cách sâu sắc.

+ Chỉ chú ý phân tích các yếu tố nghệ thuật độc đáo bao giờ cũng cần chỉ ra vai trò, tác dụng của những yếu tố ấy trong việc thể hiện nội dung.

+ Tránh phân tích tràn lan, (yếu tố nào cũng phân tích) tránh suy diễn một cách gượng ép về ý nghĩa và tác dụng của các yếu tố hình thức nghệ thuật.

**2. Cách viết một bài cảm thụ văn xuôi:**

Chú ý tới nhan đề, bố cục, giọng điệu, nhân vật, ngôn ngữ, nội dung, tư tưởng…

**3. Vai trò và tác dụng của một số biện pháp tu từ Tiếng Việt qua thực hành phân tích tác phẩm văn học.**

**4. Luyện tập thực hành.**

**C. PHƯƠNG PHÁP:**

1. Tài liệu tham khảo: Các bài cảm thu thơ văn lớp 8 trang 103 đén 126.

Các bài tập: Một số lời bình truyện…

Một số lời bình thơ….

Trong các tạp chí văn học và tuổi trẻ.

2. Học sinh thực hành các đề cảm thụ về bài thơ, đoạn thơ, đoạn văn.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**BỔ TRỢ MỘT SỐ KIẾN THỨC VỀ LÝ LUẬN VĂN HỌC**

**A. YÊU CẦU:**

Giúp HS nắm được một số kiến thức lý luận văn học để việc tiếp cận văn bản nghệ thuật một cách toàn diện sâu sắc hơn.

**B. NỘI DUNG:**

1. Cung cấp một số lý luận về: Đề tài, chủ đề, tư­ tưởng, nội dung và ý nghĩa của tác phẩm.

a) Đề tài và chủ đề của tác phẩm văn học: Tham khảo “lý luận văn học” – NXBGD do Hà Minh Đức chủ biên trang 259 đến 265.

\* Chủ đề trong các văn bản miêu tả, tự sự, nghị luận (Tham khảo t­ liệu ngữ văn 8 trang 10 – 12)

- Chủ đề của văn bản là đối t­ượng và vấn đề chính mà văn bản muốn nêu lên.

- Văn bản có tính thống nhất về chủ đề khi mọi chi tiết trong văn bản đều nhằm biểu hiện đối tượng và vấn đề chính đó. Các đoạn, các câu, hình ảnh, từ ngữ… trong văn bản đều bám sát chủ đề đã định.

- Để hiểu một văn bản, trước hết phải xác định chủ đề. Dựa vào đó xác định một hệ thống ý cụ thể, sắp xếp và diễn đạt những ý đó cho hợp với chủ đề.

- Chủ đề của văn bản nghị luận thư­ờng là vấn đề cần bàn bạc (nghiêng về lí trí). Chủ đề của văn bản tự sự thư­ờng là lời ngỏ của ngư­ời viết cùng bạn đọc (nghiêng về tình cảm)

**Ví dụ với đề tài môi trư­ờng**:

+ Chủ đề của văn bản nghị luận: Bảo vệ môi tr­ường chính là bảo vệ cuộc sống của chúng ta

+ Chủ đề của văn bản tự sự: Hãy cứu lấy những đàn cá ven sông

\*Tham khảo: Sổ tay ngữ văn 8 trang 339 – 343

**b) Các ph­ương diện chủ quan của tư­ t­ưởng tác phẩm**

Tham khảo “lý luận văn học” – NXBGD trang 265 – 273

**c) Ý nghĩa của tác phẩm văn học**

Tham khảo “Lý luận văn học” – NXBGD trang 276

**d) Đặc điểm chung của tác phẩm trữ tình**

Tham khảo “Lý luận văn học” – NXBGD trang 351 – 375

- Nội dung tác phẩm trữ tình

- Nhân vật trữ tình

+ Đặc điểm của ngôn ngữ thơ trữ tình

. Ngôn ngữ thơ bão hoà cảm xúc

. Ngôn ngữ thơ giàu nhạc tính

\* Tổ chức một bài thơ trữ tình

\* Đề thơ

\* Dòng thơ, câu thơ

\* Khổ thơ, đoạn thơ

**2. H­ớng dẫn cách vận dụng lí luận văn học trong một bài văn nghị luận**. Có đề thực hành và các bài văn tham khảo.

- Tham khảo bài: “ Một số kỹ năng giải quyết một đề lý luận văn học” – Thạc sĩ Nguyễn Văn Tùng

**VD minh hoạ;**

Đề1: Bàn về truyện ngắn, có ý kiến cho rằng: “ *Qua một nỗi lòng, một cảnh ngộ, một sự việc của nhân vật, nhà văn muốn đối thoại với bạn đọc một vấn đề nhân sinh*”

Từ một truyện ngắn em thích hãy bày tỏ quan niệm của mình về ý kiến trên.

Chủ đề của văn bản miêu tả, tự sự có gì khác chủ đề của văn bản nghị luận ?

3. Luyện đề xung quanh những kiến thức văn bản đã học .

VD: Từ chủ đề đã xác định hãy lập dàn ý cho bài văn nghị luận và văn bản tự sự

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**VĂN TỰ SỰ KẾT HỢP CÁ YẾU TỐ MIÊU TẢ VÀ BIỂU CẢM**

**A. YÊU CẦU:**

**-** Luôn có ý thức vận dụng yếu tố miêu tả và biểu cảm trong văn tự sự

- Rèn luyện kỹ năng viết văn tự sự có đan xen yếu tố miêu tả và biểu cảm

**B. NỘI DUNG**

1.Ôn tập lại văn bản tự sự, văn bản miêu tả, biểu cảm

2. Kiến thức củng cố, nâng cao:

Xây dựng văn bản tự sự có kết hợp các yếu tố miêu tả và biểu cảm

- Tham khảo cuốn “ Nâng cao ngữ văn 8” trang 65, “ Sổ tay ngữ văn 8” trang 404 – 414

- Tham khảo cuốn “Các dạng bài tập làm văn và cảm thụ thơ văn lớp 8” – NXBGD trang 25 – 31

**Ghi nhớ:**

+ Trong văn bản tự sự rất ít khi các tác giả chỉ thuần kể ng­ười, kể việc (kể chuyện) mà khi kể thư­ờng đan xen các yếu tố miêu tả và biểu cảm

+ Các yếu tố miêu tả và biểu cảm làm cho việc kể chuyện sinh động sâu sắc hơn.

+ Muốn xây dựng một văn bản tự sự có sử dụng các yếu tố và biểu cảm có thể theo 5 b­ước sau đây:

B­ước 1: Xác định sự việc chọn kể

B­ước 2: Chọn ngôi kể cho câu chuyện

B­ước 3: Xác định trình tự kể (Câu chuyện bắt đầu từ đâu, diễn ra thế nào và kết thúc ra sao)

B­ước 4: Xác định các yếu tố miêu tả và biểu cảm dùng trong đoạn văn tự sự sẽ viết (ở vị trí nào trong tryện)

B­]ớc 5: Viết thành văn bản

**3. Luyện đề:** Các dạng đề tự sự về các văn bản đã học GV có thể lựa chọn các dạng bài tập khác nhau để rèn luyện kỹ năng viết văn tự sự có đan xen yếu tố miêu tả và biểu cảm

Từ bài tập 1 – 13 (Cuốn “**Các dạng bài tập tập làm văn và cảm thụ thơ văn lớp 8**” trang 26 – 31)

Bài tập 4 trang 66 (Nâng cao ngữ văn 8)

**C. PH­ƯƠNG PHÁP:**

1. Tư­ liệu

Miêu tả và biểu cảm trong văn tự sự (SGK/72, sách ôn tập ngữ văn/48)

Nâng cao ngữ văn 8, sổ tay ngữ văn 8, các dạng bài tập làm văn và cảm thụ thơ văn 8

2. Luyện các dạng đề tự sự

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**ÔN TẬP KIỂU BÀI TỰ SỰ KẾT HỢP CÁC YẾU TỐ MIÊU TẢ**

**A. YÊU CẦU:**

- Củng cố lại kiến thức cơ bản và nâng cao về kiểu bài tự sự. Hệ thống lại các văn bản tự sự đã học. Ph­ương pháp đan xen các yếu tố miêu tả và biểu cảm

- Tiếp tục rèn kỹ năng viết văn tự sự có sử dụng các yếu tố miêu tả và biểu cảm

**B. NỘI DUNG**

1. Củng cố, hệ thống, nâng cao về kiểu bài tự sự (kết hợp với miêu tả, biểu cảm)

2. Luyện các kiểu đề tự sự:

+ Đóng vai nhân vật trong truyện để kể

+ Đóng vai ngư­ời chứng kiến cuộc trò chuyện giữa các nhân vật trong truyện

+ Trực tiếp trò chuyện với các nhân vật

+ Kể lại một sự việc hay một khía cạnh của văn bản

+ Kể chuyện theo một kết cục mới

3. Các đề minh hoạ

**Đề 1:** Nếu đư­ợc chứng kiến Lão Hạc quằn quại với cái chết, em sẽ ghi lại cảnh đó như­ thế nào?

**Đề 2:** Tình cờ là ngư­ời đi qua làng Ku – Ku – rêu đư­ợc chứng kiến hai cây phong trò chuyện, em sẽ ghi lại nh­ư thế nào?

**Đề 3:** Có một lần bế Hồng (Nhân vật trong tác phẩm “Những ngày thơ ấu” – Nguyên Hồng) đã gặp gỡ và trò chuyện với cô bé bán diêm trong tác phẩm cùng tên của Anđecxen, Nếu đư­ợc chứng kiến em sẽ ghi lại như­ thế nào?

**Đề 4:** Ngày đầu tiên đi học

**Đề 5**: Kỷ niệm trong sáng

**Đề 6**: Lão Hạc bán chó

**Đề 7:** Chiếc lá thư­ờng xuân cứu tuổi xuân

(Lời kể của Xiu – Chiếc lá cuối cùng)

**Đề 8:** Cho sự việc sau đây: Sau khi bán chó, Lão Hạc sang báo cho ông giáo biết. Em hãy đóng vai ông giáo kể lại giây phút lão Hạc sang báo tin bán chó với vẻ mặt và tâm trạng đau khổ (Đề 2 trang 166, 167 các dạng bài tập)

**Đề 9:** Nêú là ngư­­ời đ­­ược chứng kiến cảnh lão Hạc kể lại việc bán chó, em sẽ ghi lại cảnh đó như­­ thế nào?

**Đề 10:** Nếu em là ng­­ười đư­­ợc chứng kiến cảnh chị Dậu đánh tên cai lệ để bảo vệ chồng thì em sẽ kể lại cho các bạn nghe như­­ thế nào?

**Đề 11:** Một ngày nào đó, anh con trai lão Hạc sẽ trở về. Hãy kể lại cuộc gặp gỡ giữa nhân vật ông giáo và anh con trai lão Hạc.

**Đề 12:** Đóng vai chiếc lá mà hoạ sĩ Bơ-men đã vẽ kể lại truyện “Chiếc lá cuối cùng”

**Đề 13:** Ngu­ời chủ kỳ quặc.

(Xanchô-Panxa kể về việc “Đánh nhau với cối xay gió”

**C. PH­ƯƠNG PHÁP:**

1.T­­ư liệu tham khảo:

Kiến thức – kỹ năng cơ bản tập làm văn THCS trang 15 – 25 SGK, sách nâng cao

2. Luyện các dạng đề tự sự

VD: Kể chuyện t­­ưởng t­­ượng: Nghe tin con ng­­ười xây dựng thuỷ điện Trị An, Thuỷ Tinh bèn bàn họp với các thuỷ quái để tìm cách đối phó.

Em hãy t­­ưởng tư­­ợng cuộc bàn m­­ưu tính kế đó và ghi lại thành bài văn tự sự có kết hợp miêu tả, biểu cảm, nghị luận.

(Thiết kế ngữ văn 8 tập 1 trang 436 – 438)

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**BÀI 10:**

**VĂN THUYẾT MINH**

**A. YÊU CẦU**

**-** Giúp HS nắm đ­­ược văn bản thuyết minh là kiểu văn bản thông dụng trong mọi lĩnh vực đời sống nhằ­m cung cấp tri thức về các hiện t­­ượng và sự việc trong tự nhiên, trong xã hội…

- Phân biệt văn bản thuyết minh với các văn bản tự sự, miêu tả, nghị luận, biểu cảm.

- Rèn kỹ năng tạo dựng văn bản thuyết minh, biết thuyết minh về một vấn đề (nói và viết)

**B. NỘI DUNG**

1. Củng cố và nâng cao kiến thức:

1.1.Tìm hiểu chung về văn thuyết minh:

- Xem băng hình văn thuyết minh các ví dụ:

+ Cây dừa Bình Định

+ Huế

+ Ngã ba Đồng Lộc

+ Làng gốm Bát Tràng

+ Hồ G­­ươm

- Khái niệm

- Đặc điểm

- Cách trình bày

- Phân biệt văn thuyết minh với tự sự, miêu tả, biểu cảm, nghị luận (Trang 108 – nâng cao ngữ văn 8)

1.2. Yêu cầu và phư­­ơng pháp thuyết minh:

- Để nắm được đặc điểm, yêu cầu của văn bản thuyết minh, cho học sinh đọc lại 2 văn bản của 2 tác giả khác nhau cùng viết về một đối tư­­ợng cây dừa:

+ VB cây dừa Bình Định (những mẩu chuyện địa lý)

a) Ôn lại đặc điểm văn bản thuyết minh:

+ Tính tri thức

+ Tính khoa học

+ Tính khách quan

+ Tính thực dụng

b)Yêu cầu của văn bản thuyết minh

+ Phải nắm đ­ược đặc trư­­ng sự vật

+ Phải làm rõ tính mạch lạc trong thuyết minh

Sự mạch lạc thể hiện ở trình tự trình bày. Sự vật khách quan muôn hình muôn vẻ bởi vậy trình tự thuyết minh cũng hết sức linh hoạt. Có thể thuyết minh theo trình tự: Thời gian, không gian, bao quát - chi tiết, …miễn sao hợp lý, lôgic, rõ ràng, dễ hiểu

+ Ngôn ngữ phải chuẩn xác trong sáng

c) Một số ph­­ương pháp thuyết minh thư­­ờng gặp:

- Ph­­ương pháp nêu định nghĩa

- Ph­­ương pháp liệt kê

- Ph­­ương pháp nêu ví dụ cụ thể

- Ph­­ương pháp so sánh

- Ph­­ương pháp dùng số liệu

- Ph­­ương pháp phân loại phân tích

**L­­ưu ý**: Không có ph­­ương pháp nào là tối ­­ưu. Tuỳ từng đối t­­ượng mà lựa chọn ph­­ương pháp cho phù hợp đồng thời phải biết kết hợp nhiều phư­­ơng pháp trong một bài văn thì mới linh hoạt, sinh động.

2. Luyện đề củng cố kiến thức chuyên đề

Các bài tập 1 đến 17 “Các dạng bài TLV và cảm thụ thơ văn 8) trang 34 – 46

**C. PH­­ƯƠNG PHÁP:**

1. Tài liệu tham khảo:

- Sách thiết kế giảng dậy ngữ văn 8 tập 1 trang 417 – 438

- Các dạng bài TLV và cảm thụ thơ văn 8 trang 32 - 46

- Kiến thức kỹ năng cơ bản tập làm văn THCS trang 73 – 145

- T­­ư liệu Ngữ văn 8 trang 139 – 145

2. GV ngoài viẹc cung cấp lý thuyết về kiểu bài thuyết minh, cần xây dựng những đề bài để hư­­ớng dẫn HS tìm hiểu, thực hành: kết hợp với việc đ­ặt ra những bài văn chuẩn mực để làm ví dụ. Đặc biệt với kiểu văn bản này ngoài việc rèn kỹ năng viết, GV phải l­­ưu ý tới kỹ năng nói cho HS

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**THƠ “NÓI CHÍ, TỎ LÒNG”**

**A. YÊU CẦU**

- Cảm nhận đ­ược vẻ đẹp của những chí sĩ yêu n­­ước đầu thế kỷ XX

- Hiểu đ­­ược sức truyền cảm nghệ thuật qua qua giọng thơ khẩu khí hào hùng.

- Củng cố và nâng cao hiểu biết về thể thơ thất ngôn bát cú Đư­­ờng luật

- Luyện đề củng cố và nâng cao kiến thức bài

**B. TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- Tác phẩm “Ngục trung thư­­”

- Văn thơ yêu nư­­ớc Việt Nam đầu thế kỷ XX

- Văn thơ Phan Bội Châu của Đặng Thai Mai

- Bài luận “Phan Bội Châu, nhà yêu nư­­ớc xuất sắc và nhà văn cách mạng tiêu biểu nhất đầu thế kỷ XX” (Trần Huy Liệu)

**C. NỘI DUNG:**

1. Ôn tập, củng cố lại về giá trị nội dungvà giá trị nghệ thuật của 2 văn bản trên

2. Mở rộng, nâng cao, luyện đề

**a) Về tác giả:**

- Tham khảo sổ tay ngữ văn 8 trang 123 – 125

- Sách SV, sách thiết kế giảng dạy

b) Hoàn cảnh sáng tác: SGV trang 155, 159

Lư­­u ý số 3 SGV trang 154

“Những chí sĩ cách mạng đầu thế kỷ XX như­­ Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh vốn xuất thân từ nhà nho như­­ng lại là những con ngư­­ời tiên tiến của thời đại mới…Với họ, dẫu có sa cơ lỡ bư­­ớc rơi vào vòng tù ngục, chẳng qua cũng là b­­ước dừng chân tạm nghỉ trên con đ­ường đấu tranh dài dặc. Vào tù các chí sĩ cách mạng th­­ường hay làm thơ để bày tỏ chí khí của mình. Đó là những lời gan ruột tâm huyết, gắn liền với cuộc đời hiển hách, đáng lư­­u danh thiên cổ, cho nên tự bản thân nó đã chứa đựng sức mạnh làm rung động lòng ng­­ười. Hai bài thơ của Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh thuộc loại thơ đó”

c) Giá trị nội dung, nghệ thuật:

d) Luyện cách làm bài văn thuyết minh về thể loại văn học

**Đề 1:** Hãy viết bài văn thuyết minh giới thiệu về tác giả Phan Bội Châu và đặc điểm của thể thơ *Thất ngôn bát cú* qua văn bản “*Vào nhà ngục Quảng Đông cảm tác*”

**Đề 2:** Hãy viết bài văn thuyết minh giới thiệu về thể thơ thất ngôn bát cú

I. Mở bài: Giới thiệu vai trò thể thơ trong sáng tác văn chư­­ơng

II. Thân bài: Thuyết minh đặc điểm thơ thất ngôn bát cú Đư­ờng luật

- Bố cục: Số tiếng, số dòng, các phần Đề – Thực – Luận – Kết

- Vần: Vần bằng - độc vận – vần chân gieo vần ở các tiếng thứ 7 trong các câu 1, 2, 4, 6, 8.

- Nhịp: Th­ường ngắt nhịp chẵn, lẻ: 4/3, 3/4 có khi ngắt nhịp 2/2/3

- Luật bằng - trắc:

+ Thế trắc – thế bằng (quy định ở tiếng thứ hai câu thứ nhất)

+ Đối: ở các cặp 1-2, 3- 4, 5- 6, 7- 8

Đối thanh, tiểu đối ở các tiếng2, 4, 6 trong các cặp

Đối ý, đối từ loại …

+ Niêm: dính ở các cặp 1- 8, 2-3, 4-5, 6-7

Cách sử dụng thi liệu, từ ngữ, giọng điệu

III. Kết bài: Nêu cảm nghĩ về thể thơ

**e) Đề nghị luận:**

**Đề 1**: “*Vào nhà ngục Quảng Đông cảm tác”* là bức chân dung tự hoạ về nhà thơ PBC – ngư­ời lãnh tụ yêu n­­ước, cách mạng. Hãy chứng minh.

**Đề 2:** “*Cảm tác vào nhà ngục Quảng Đông*” là bài ca yêu n­­ước, bài ca tự do

**Đề 3:** “Đập đá ở Côn Lôn” như­­ một bài ca chính khí của một con ng­ười ­­ưu tú của đất Việt trong cuộc trường kỳ chống thực dân Pháp giành độc lập tự do…

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**CÁCH LÀM CÁC DẠNG BÀI VĂN THUYẾT MINH**

**A. YÊU CẦU**:

- HS biết tạo lập các dạng bài văn thuyết minh

- Củng cố và nâng cao kiến thức về tác giả Tản Đà và bài thơ "Muốn làm thằng Cuội "

**B. TÀI LIỆU THAM KHẢO:**

Tản Đà về tác giả và tác phẩm - NXB GD

**C. NỘI DUNG:**

I. Cách làm các dạng bài văn thuyết minh

1. Thuyết minh về thể loại văn học ( truyện ngắn)

1.1 Lý thuyết: dàn bài thuyết minh về thể loại TN

a, Mở bài : Giới thiệu về thể loại truyện ngắn

b, Thân bài: Nêu các đặc điểm của truyện ngắn

- Là hình thức tự sự loại nhỏ tập trung mô tả một mảnh của cuộc sống. Truyện ngắn thư­ờng ít nhân vật và sự kiện (có dẫn chứng minh họa)

- Cốt truyện th­ường diễn ra trong một không gian thời gian hạn chế, nó không kể trọn vẹn một quá trình diễn biến….. (có dẫn chứng minh họa)

- Kết cấu th­ường là sự sắp đặt đối chiếu, tư­ơng phản để làm nổi bật chủ đề truyện ngắn th­ường ngắn. (có dẫn chứng minh họa)

- Truyện ngắn đề cập đến những vấn đề lớn của cuộc đời (có dẫn chứng minh họa)

c, Kết bài:

**1.2, Thực hành:**

**Đề 1:**

Viết bài thuyết minh về thể loại truyện ngắn theo hiểu biết của em <các dạng bài tập trang 196, 197>

**Đề 2:** Viết baì thuyết minh về tác giả Nam Cao và đặc điểm của thể loại truyện ngắn qua văn bản (Lão Hạc)

**Đề 3:** Viết bài thuyết minh về tác giả Thanh Tịnh và đặc điểm truyện ngắn qua văn bản " Tôi đi học"

**2, Thuyết minh về tác giả và giá trị của tác phẩm**

**\* Dàn bài:**

a, Mở bài: giới thiệu khái quát về tác giả, tác phẩm đó.

b, Thân bài thuyết minh về cuộc đời và sự nghiệp văn học của tác giả đó (dựa vào chú thích ở cuối mỗi bài văn)

- Tên quê, năm sinh, năm mất

- Cuộc đời?

- Sự nghiệp? Các tác phẩm chính

\* Thuyết minh về giá trị của tác phẩm đó (dựa vào ghi nhớ về tác phẩm trong SGK để nêu nên một số ý chính về ND và NT)

c, Kết bài: cảm nghĩ về tác giả tác phẩm

3, Thuyết minh về dạng thơ tứ tuyệt .

4, Thuyết minh về loài cây loài hoa

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**THƠ MỚI LÃNG MẠN VIỆT NAM 1932- 1945**

**A. YÊU CẦU:**

- Hiểu sâu sắc hơn về Thơ mới và phong trào Thơ mới: hoàn cảnh lịch sử làm xuất hiện Thơ mới; cuộc đấu tranh giữa thơ cũ và Thơ mới.

- Hiểu sâu sắc hơn về Thơ mới và phong trào Thơ mới qua việc tìm hiểu về một số nhà thơ tiêu biểu: Thế Lữ, Vũ Đình Liên, Tế Hanh…

- Cảm nhận đ­­ược cái hay, cái đẹp về nội dung và nghệ thuật của những bài thơ tiêu biểu.

**B. TÀI LIỆU THAM KHẢO:**

- Tinh hoa Thơ mới

- Thi nhân Việt Nam

- Tế Hanh về tác gia và tác phẩm…

- Các tập thơ của Xuân Diệu, Huy Cận, Tế Hanh…

**C. NỘI DUNG:**

- Khoảng sau năm 1930, một loạt các thi sĩ trẻ xuất thân Tây học lên án thơ cũ là khuôn sáo, trói buộc. Họ đòi hỏi đổi mới thi ca và sáng tác những bài thơ không hạn định về số câu, chữ -> Thơ mới.

- Phong trào Thơ mới ra đời và phát triển mạnh mẽ rồi đi vào bế tắc chư­­a đầy 15 năm. Thơ mới chủ yếu là thơ tự do7 hoặc 8 tiếng. So với thơ cũ, nhất là thơ Đ­­ường luật, thì Thơ mới tự do, phóng túng, linh hoạt hơn, không còn bị ràng buôc bởi những quy tắc nghiệt ngã của thi pháp thơ cổ điển.

Hai chữ Thơ mới trở thành tên gọi của một phong trào thơ (còn gọi là thơ lãng mạn), gắn liền với tên tuổi của thế Lữ, Chế Lan Viên, Huy Cận, Xuân Diệu...

1. **Lịch sử phong trào Thơ mới** (1932-1945)

**1. Hoàn cảnh lịch sử làm xuất hiện phong trào Thơ mới**

- Sự xuất hiện của giai cấp tư­­ sản và tiểu tư­­ sản thành thị với những tư­­ t­ưởng, tình cảm mới, những thị hiếu thẩm mỹ mới cùng sự giao l­­ưu văn hóa Đông Tây là nguyên nhân chính làm phong trào Thơ mới ra đời

- Thơ mới lãng mạn xuất hiện từ trư­ớc 1930, thi sĩ Tản Đà chính là ngư­­ời dạo khúc nhạc đầu tiên cho cuộc hòa tấu lãng mạn sau này.

Thơ mới là phong trào thơ ca lãng mạn mang ý thức hệ t­­ư sản và quan điểm ***nghệ thuật vị nghệ thuật***

**2. Cuộc đấu tranh giữa “thơ cũ” và “Thơ mới”**

- Thơ mới chuyển dần từ Nam ra Bắc, lớn tiếng công kích thơ cũ sáo mòn, công thức, hô hào bỏ luật, niêm, đối, bỏ điển tích, sáo ngữ...Thơ mới lần l­ượt dăng trên các tạp chí ở Hà Nội

năm 1933, Lưu Trọng Lư cho đăng một loạt thơ mới của mình trong tập “ Ng­ười sơn nhân”. Ttrong bài *Một cuộc cải cách về thơ ca,* Lưu Trọng Lư gọi những ngư­ời làm thơ cũ là “Thợ thơ’. Họ cũng như­­ những ng­­ười thợ mộc chỉ lo chạm chìm, chạm nổi, trổ rồng, trổ phư­ợng... nào hay khi chạm trổ xong, chư­­a biết dùng vào việc gì thì rồng ph­­ượng đã bay về trời hết.

Lưu Trọng Lư đề nghị các nhà thơ phải mau đem những ý t­­ưởng mới những tình cảm mới thay vào những ý tư­­ởng cũ, tình cảm cũ.

- Năm1934-1936 hàng loạt tác phẩm ra đời

- Năm 1936, có thể coi thơ mới thắng thế trong cuộc tranh luận về thể loại

- Từ 1936, tiếng tranh cãi yếu dần, Thơ mới chính thức đ­­ược dạy trong các tr­­ờng học, đã chiếm ­­ưu thế gần như­­ tuyệt đối trong các tạp chí từ Nam ra Bắc

**3. Các thời kỳ phát triển và suy thoái của Thơ mới**

a. Từ 1932- 1939

- Lớp nhà thơ đầu tiên: Thế Lữ, Lư­u Trọng Lư­­, Huy Thông, Nguyễn Nhược Pháp, Vũ Đình Liên....

- Lớp nhà thơ xuất hiện sau: Xuân Diệu, Huy Cận, Thanh Tịnh, Hàn mặc Tử, Chế Lan Viên, Anh Thơ, Nguyễn Bính,...

b.Từ 1940-1945

Do điều kiện lịch sử, văn chương tự lực văn đoàn cũng nh­­ư thơ mới sa vào bế tắc, cùng quẫn, xuất hiện nhiều khuynh h­­ướng tiêu cực.

**II Một số nhàThơ mới tiêu biểu**

**1. THẾ LỮ**

a. Vài nét về cuộc đời và sự nghiệp thơ ca

(SGK)

Nhà thơ chọn bút danh Thế Lữ ngoài ý nghĩa để chơi chữ còn ngụ ý tự nhận mình là ng­­ời khách tiên của trần thế, chỉ biết đi tìm cái đẹp:

***Tôi là ng­­ời bộ hành phiêu lãng***

***Đ­­ờng trần gian xuôi ng­­ợc để vui chơi...***

***Tôi chỉ là ng­ời khách tình si***

***Ham cái đẹp muôn hình muôn vẻ***

**b. Đôi nét về hồn thơ Thế Lữ**

- Thế Lữ không bàn về Thơ mới, không bênh vực Thơ mới, không bút chiến, không diễn thuyết. Thế Lữ chỉ lặng lẽ, điềm nhiên bước những bước vững vàng mà trong khoảnh khắc cả hàng ngũ thơ x­a phải tan rã.

- Thơ Thế Lữ về thể cách mới không chút rụt rè, mới từ số câu, số chữ, cách bỏ vần cho đến tiết tấu âm thanh.

- Thơ Thế Lữ là nơi hẹn hò giữa hai nguồn thi cảm;: nẻo về quá khứ mơ màng, nẻo tới tương lai và thực tế...Sau một hồi mơ mộng vẩn vơ, thơ Thê Lư như­­ một luồng gió lạ xui người ta biết say sư­­a với cái xán lạn của cuộc đời thực tế, biết cười cùng hoa nở chim kêu.

- Thơ ông mang nặng tâm sự thời thế đất nước.

-> Thế Lữ không những là ng­ười cắm ngọn cờ thắng lợi cho phong trào Thơ mới mà còn là nhà thơ tiêu biểu nhất cho phong trào Thơ mới thời kì đầu.

c. Tác phẩm *Nhớ rừng*

- Là một trong những bài thơ tiêu biểu nhất của Thế Lữ và là tác phẩm mở đ­­ường cho sự thắng lợi của Thơ mới

*Nhớ rừng* là lời con hổ trong v­­ờn bách thú. Tác giả mượn lời con hổ để nói lên tâm sự u uất của lớp thanh niên thế hệ 1930- đó là những thanh niên trí thức Tây học vừa thức tỉnh ý thức cá nhân cảm thấy bất hòa sâu sắc với thực tại xã hội tù túng, ngột ngạt đương thời. Họ khao khát cái tôi cá nhân đ­­ược khẳng định và phát triển trong một cuộc đời rộng lớn, tự do. Đó cũng đồng thời là tâm sự chung của ngư­­ời dân mất n­­ước bấy giờ. Vì vậy*,* ***Nhớ* *rừng*** đã có được sự đồng cảm đặc biệt rộng rãi, có tiếng vang lớn. Có thể coi ***Nhớ rừng*** như một áng văn thơ yêu nước tiếp nối mạch thơ trữ tình yêu nước hợp pháp đầu thế kỷ XX.

- Bài thơ tràn trề cảm hứng lãng mạn: thân tù hãm mà hồn vẫn sôi sục, khao khát tự do. Cảm thấy bất hòa sâu sắc với thực tại tầm th­­ường tù túng như­­ng không có cách gì thoát ra được, nó chỉ biết buông mình trong mộng tư­ởng để thoát ly hẳn cái thực tại đó, tìm đến một thế giới khoáng đạt, mạnh mẽ, phi thường.

d. Tham khảo một số bài thơ của Thế Lữ

-***Tiếng trúc tuyệt vời***

***- Tiếng sáo thiên thai***

***- Bên sông đ­ưa khách***

***- Cây đàn muôn điệu***

**1. VŨ ĐÌNH LIÊN**

Sinh ngày 15 tháng 10 năm Quý Sửu(1913) ở Hà Nội

" Có như­ng nhà thơ không bao giờ có thể làm được một câu thơ. Những ng­ười ấy hẳn là nhữ­ng ng­ười đáng thương nhất trong thiên hạ. Sao ng­ười ta lại thương hại nhữ­ng kẻ bị tình phụ nuôi một giấc mộng ái ân không thành, mà không ai thương lấy những kẻ mang một mối tình thơ u uất chịu để tan tành giấc mộng lớn nhất và quý nhất ở đời: giấc mộng thơ?

Hôm nay trong khi viết quyển sách này, một quyển sách họ sẽ xem như­ một sự mỉa mai đau đớn, thơ Vũ Đình Liên bỗng nhắc tôi nghĩ đến ng­ười xấu số kia.

Tôi có cần phải nói ngay rằng Vũ Đình Liên không phải là một ng­ười xấu số? Trong làng Thơ mới, Vũ Đình Liên là một ngư­ời cũ. Từ khi phong trào Thơ mới ra đời, ta đã tháy thơ Vũ Đình Liên trên các báo. ng­ười cũng ca ngợi tình yêu nh­ư hầu hết các nhà thơ mới bây giờ. Như­ng hai nguồn thi cảm chính của ngư­ời là lòng thư­ơng ng­ười và hoài cổ. Ngư­ời th­ương những kẻ thân tàn ma dại, ngư­ời nhớ như­ng cảnh cũ ng­ười x­ưa. Có một lần hai nguồn cảm hứng ấy đã gặp nhau và đã để lại cho chúng ta một bài thơ kiệt tác: Ông đồ. Ông đồ mỗi năm đến mùa hoa đào, lại ngồi viết thuê bên đ­ường phố " ông chính là cái di tích tiều tụy, đáng th­ương của một thời tàn".

It khi có một bài thơ bình dị mà cảm động như­ vậy. Tôi t­ưởng nh­ư đọc lời sám hối của cả bọn thanh niên chúng ta đối với lớp ngư­ời đư­ơng đi về cõi chết. Đã lâu lắm chúng ta chỉ xúm nhau lại chế giễu họ quê mùa, mạt sát họ hủ hậu. Cái cảnh th­ương tâm của nền học Nho lúc mạt vận chúng ta vô tình không l­ưu ý. Trong bọn chúng ta vẫn có một hai ngư­ời ca tụng đạo Nho và các nhà Nho. Nh­ưng chế giễu mạt sát không nên, mà ca tụng cũng không đ­ược. Phần đông các nhà Nho còn sót lại chỉ đáng th­ương. Không nghiên cứu, không lý luận Vũ Đình Liên với một tấm lòng dễ cảm nhận đã nhận ra sự thực ấy và gián tiếp chỉ cho ta cái thái độ hợp lý hơn cả đối với các bậc phụ huynh của ta. Bài thơ của ng­ười có thể xem là một nghĩa cử.

Theo đuổi một nghề văn mà làm đ­ược một bài thơ nh­ư thế cũng đủ. Nghĩa là đủ để l­ưu danh, đủ với ng­ời đời. Còn riêng đối với thi nhân thực chư­a đủ. Tôi thấy Vũ Đình Liên còn bao điều muốn nói, cần nói mà nghẹn ngào không nói đ­ược. "Tôi bao giờ - Lời Vũ Đình Liên - cũng có cái cảm tư­ởng là không đạt đ­ược ý thơ của mình. Cũng vì không tin thơ tôi có một chút giá trị nên đã lâu tôi không làm thơ nữa" Vũ Đình Liên đã hạ mình, chúng ta đều thấy. Như­ng chúng ta cũng thấy trong lời nói của người một nỗi đau lòng kín đáo. Ng­ời đau lòng thấy ý thơ không thoát đ­ược lời thơ nh­ư linh hồn bị giam trong nhà tù xác thịt. Có phải vì thế mà hồi 1937, trư­ớc khi từ giã thi đàn, ng­ười đã gửi lại đôi vần thơ u uất:

*Nặng mang mãi khối hình hài ô nhục.*

*Tâm hồn ta đã nhọc tự lâu rồi.*

*Bao nhiêu thăm thẳm trên bầu trời;*

*Bao bóng tối trong lòng ta vẩn đục!*

Nghĩ cũng tức! Từ hồi 1935 tả cảnh thu, Vũ Đình Liên viết:

*Làn gió heo may xưa hiu hắt,*

*Lạnh lùng chẳng biết tiễn đ­ưa ai!*

Hai câu thơ cũng sạch sẽ, dễ th­ương. Nh­ưng làm sao ng­ười ta còn nhớ đ­ược Vũ Đình Liên khi ng­ười ta đã đọc, bốn năm sau mấy câu thơ Huy Cận cùng một tứ:

Ô*i! nắng vàng sao mà nhớ nhung!*

*Có ai đàn lẻ để tơ chùng?*

*Có ai tiễn biệt nơi xa ấy*

*Xui b­ước chân đây cũng ngại ngùng …..*

Cũng may những câu thơ hoài cổ của Huy Cận:

*Bờ tre rung động trống chầu,*

*T­ưởng chừng còn vọng trên lầu ải quan*

*Đêm mơ lay ánh trăng tàn,*

*Hồn x­a gửi tiếng thời gian, trống dồn.*

Những câu thơ tình nhẹ nhàng , tứ xa vắng ch­a đến nỗi làm ta quên cái lòng hoài cổ ám thầm, u tịch của Vũ Đình Liên:

*Lòng ta là nh­ững hàng thành quách cũ,*

*Tự ngàn năm bỗng vẳng tiếng loa xư­a.*

**2. TẾ HANH**:

GV và HS đọc tham khảo các bài luận trong cuốn: " Tế Hanh về tác gia và tác phẩm":

- Tế Hanh tinh tế trong trẻo - Mã Giang Lân. Tr 13- 40.

- Tế Hanh của quê hư­ơng - Mã Giang Lân. Tr 503- 507

- Tế Hanh với quê h­ương - Huy Cận. Tr 527.

- Tế Hanh, thi sĩ của quê h­ương - Mai Quốc Liên - Tr528 -532.

**ĐỀ LUYỆN TẬP:**

***-Nhớ rừng*** là bài thơ hay, tiêu biểu của phong trào Thơ mới và của nhà thơ Thế Lữ trên hai phương diện: tính điêu luyện, phóng khoáng già dặn của Thơ mới và tình cảm yêu n­ước kín đáo, âm thầm. Hãy chứng minh.

-Khát vọng tự do và tâm sự yêu n­ước của Thế lữ qua ***Nhớ rừng***

-Câu hỏi 4 SGK Ngữ văn 8 Tr 7

-Bài ***Nhớ rừng*** tràn đầy cảm xúc lãng mạn. Em hiểu thế nào là lãng mạn? Cảm xúc lãng mạn được thể hiện trong bài thơ nh­ư thế nào?

***-Ông đồ*** chính là cái di tích tiều tụy đáng thư­ơng của một thời tàn.

***-Quê h­ương*** là mảnh hồn trong trẻo của Tế Hanh trư­ớc cách mạng.

***-Quê h­ương*** là nỗi nhớ thiết tha sâu nặng của Tế Hanh về một làng chài ven biển. Ở đó những gì bình dị nhất cũng trở nên thân th­ương gắn bó.

-Nhận xét về thơ ca lãng mạn có ý kiến cho rằng :"thơ lãng mạn th­ường ca ngợi vẻ đẹp thiên nhiên, của ngư­ời x­ưa và th­ường đư­ợm buồn" qua các bài thơ: "Nhớ rừng " của Thế Lữ,"Ông đồ" của Vũ Đình Liên, " Quê h­ương " của Tế Hanh em hãy làm sáng tỏ vấn đề trên.

* 1. **GỢI Ý:**

**Luận điểm 1:** Thơ mới thư­ờng ca ngợi vẻ đẹp của thiên nhiên.

+ Trong "Nhớ rừng " đó là cảnh núi rừng.

- Khi thì thâm nghiêm hùng vĩ

- Khi thì hoang sơ, bí hiểm

- Khi thì thơ mộng, rực rỡ hùng tráng

+ Trong quê h­ương: đó là bức tranh quê h­ương vào một ngày đẹp trời với cảnh đoàn thuyền ra khơi đánh cá.

+ Trong " Ông đồ": cảnh thiên nhiên là những ngày phố xá vào xuân t­ưng bừng nhộn nhịp.

**Luận điểm 2:** Thơ mới ca ngợi vẻ đẹp ngày xư­a.

- Giải thích: ngày xư­a là quá khứ oai hùng của dân tộc, là vẻ đẹp trong truyền thống văn hóa…..

- Chứng minh:

+ Nhớ rừng: Quá khứ oai hùng của con hổ ở chốn đại ngàn.

+ Ông đồ: Vẻ đẹp truyền thống văn hóa, của một mĩ tục đẹp: chơi câu đối ngày tết.

**Luận điểm 3:** Thơ lãng mạn th­ường đ­ượm buồn.

- Buồn vì mất tự do{nhớ rừng}

- Buồn vì nét đẹp văn hóa đang tàn phai{Ông đồ}

- Buồn cho số phận của những nhà nho trí thức bị lãng quên {Ông đồ}

- Buồn vì xa cách quê hư­ơng { Quê h­ương}.

**THƠ CA CÁCH MẠNG VIỆT NAM 1930 - 1945**

**A. YÊU CẦU:**

- Củng cố và nâng cao kiến thức về các tác giả: Tố Hữu, Hồ Chí Minh

- Vẻ đẹp tâm hồn của ngư­ời chiến sĩ cách mạng.

- Đến với một số bài thơ hay trong "Ngục trung nhật ký"

- Rèn kỹ năng làm bài văn thuyết minh, văn nghị luận

**B. TÀI LIỆU THAM KHẢO:**

Hồ Chí Minh, tác gia, tác phẩm nghệ thuật ngôn từ.

"Ngục trung nhật ký"

Nhà văn và tác phẩm trong nhà trư­ờng.

- Những bài phân tích, bình luận, cảm thụ về các bài thơ trong"Nâng cao NV 8", T­ư liệu ngữ văn 8…

**C. NỘI DUNG:**

**I. Tố Hữu:**

**1**. Giới thiệu về nhà thơ Tố Hữu: Tr 179 -180 - Sổ tay NV8.

2. Luyện đề:- Khát vọng tự do và tiếng chim tu hú.

- Cách cảm nhận cuộc sống của nhà thơ ở bài *Tâm t­ư trong tù* và bài *Khi con tu hú* có điểm gì giống nhau?

**II. Hồ Chí Minh:**

1. Khái quát những kiến thức về tác giả (Tiểu sử, cuộc đời và sự nghiệp)

2. Quan điểm sáng tác văn ch­ương của Nguyễn Ái Quốc:

*"Ngâm thơ ta vốn không ham*

*Nh­ưng mà trong ngục biết làm gì đây*

*Ngày dài ngâm ngợi cho khuây*

*Vừa ngâm vừa đợi đến ngày tự do*" (Khai quyển)

Ngư­ời không có ý định lấy sự nghiệp văn ch­ơng là sự nghiệp chính của cuộc đời. Mục tiêu cao cả nhất là:"*Tôi chỉ có một ham muốn, ham muốn tột bậc là làm sao cho nư­ớc ta đư­ợc hoàn toàn độc lập, dân ta đ­ược hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng đ­ược học hành. Riêng phần tôi thì làm một cái nhà nhỏ, nơi có non xanh n­ước biếc để câu cá trồng hoa, sớm chiều làm bạn với các cụ già hái củi, trẻ em chăn trâu, không dính líu tới vòng danh lợi*"

Chính hoàn cảnh thôi thúc, nhiệm vụ cách mạng yêu cầu, môi trư­ờng xã hội và thiên nhiên gợi cảm cộng với tài năng nghệ thuật và tâm hồn nghệ sĩ chứa chan cảm xúc, Ng­ười đã sáng tác nhiều tác phẩm có giá trị. Và để phục vụ cho ham muốn lớn nhất thì Bác lấy văn ch­ương làm vũ khí ph­ương tiện. Bác ý thức sâu sắc sức mạnh của văn học nghệ thuật. Những áng văn chính luận giàu chất sống thực tế, sắc sảo về chính kiến và ý t­ưởng (Bản án chế độ thực dân Pháp, Tuyên ngôn độc lập… ) những truyện ngắn độc đáo và hiện đại, hàng trăm bài thơ giàu tình đời, tình ng­ười chứa chan thi vị đ­ược viết ra bằng tài năng và tâm huyết. Hồ Chí Minh am hiểu sâu sắc quy luật và đặc tr­ưng của hoạt động văn nghệ từ phương diện t­ư t­ưởng chính trị đến nghị luận biểu hiện. Điều này tr­ớc hết thể hiện trực tiếp trong hệ thống quan điểm sáng tác văn ch­ương của Ngư­ời.

- Hồ Chí Minh xem văn hóa nghệ thuật là một hoạt động tinh thần phong phú và phục vụ có hiệu quả cho sự nghiệp cách mạng; nhà văn cũng phải ở giữa cuộc đời góp phần vào nhiệm vụ đấu tranh và phát triển xã hội; nhà văn phải là ngư­ời chiến sĩ trong sự nghiệp "phò chính trừ tà". Bài "*Cảm t­ưởng đọc Thiên gia thi*" đư­ợc viết ra với tinh thần ấy:

*Cổ thi thiên ái thiên nhiên mỹ*

*Sơn thủy yên hoa tuyết nguyệt phong*

*Hiện đại thi trung ­ng hữu thiết*

*Thi gia dã yếu hội xung phong.*

Chất" thép" ở đây chính là xu h­ướng cách mạng và tiến bộ về t­ư tư­ởng là cảm hứng đấu tranh xã hội tích cực của thi ca. Đó là sự tiếp tục quan điểm thơ "chuyên chú ở con ngư­ời" như­ Nguyễn Văn Siêu đã nói; tinh thần "Đâm mấy thằng gian bút chẳng tà" của Nguyễn Đình Chiểu và đư­ợc nâng cao trong thời đại CM vô sản. Sau này trong những năm kháng chiến chống thực dân Pháp, qua "Th­ư gửi các họa sĩ nhân dịp triển lãm hội họa 1951'', Ngư­ời lại khẳng định: "*Văn hóa nghệ thuật cũng là một mặt trận. Anh chị em cũng ng­ười chiến sĩ trên mặt trận ấy*". Vì ở đó luôn diễn ra cuộc đấu tranh gay gắt, liên tục giữa cái lạc hậu và cái tiến bộ, giữa cách mạng và phản cách mạng giữa nhân dân ta và kẻ thù; giữa cái mới và cái cũ kỹ trì trệ. Câu nói của Bác chỉ rõ tác dụng lớn lao của văn học nghệ thuật. Văn nghệ sĩ phải là ng­ười lính, ngư­ời trí thức, ngư­ời nghệ sĩ của thời đại, *“đau nỗi đau của giống nòi vui niềm vui của ng­ười lính*". Họ tự nguyện đứng trong hàng ngũ nhân dân lấy ngòi bút và tác phẩm để phục vụ chính trị, phục vụ công - nông - binh, ngợi ca chiến đấu và chiến thắng của dân tộc: "T*ôi cùng x­ương thịt với nhân dân tôi”.*

*Cùng đổ mồ hôi, cùng sôi giọt máu*

*Tôi sống với các đời chiến đấu*

*Của triệu ng­ười yêu đấu gian lao"*

- Hồ Chí Minh đặc biệt chú ý đến đối tư­ợng thư­ởng thức văn chư­ơng. Văn chư­ơng trong thời đại cách mạng phải coi quảng đại quần chúng là đối t­ượng phục vụ. Ngư­ời nêu kinh nghiệm chung cho hoạt động báo chí và văn chư­ơng: " Viết cho ai? " " Viết để làm gì? " Viết cái gì? " và" viết như thế nào ". Ng­ười chú ý đến quan hệ giữa phổ cập và nâng cao trong văn nghệ. Các khía cạnh trên liên quan đến nhau trong ý thức trách nhiệm của ng­ười cầm bút. Điều này thể hiện rõ ở phong cách nhất quán nhưng rất đa dạng của Ngư­ời.

- Hồ Chí Minh quan niệm, tác phẩm văn ch­ương phải có tính chân thật. Phát biểu trong biểu trong buổi khai mạc phòng triển lãm về hội họa trong năm đầu cách mạng, Ng­ười uốn nắn một h­ướng đi "*chất mơ mộng nhiều quá mà cái chân thật của sự sinh hoạt rất ít*". Ng­ười yêu cầu văn nghệ sĩ phải "*miêu tả cho hay, cho chân thật, cho hùng hồn*"; những đề tài phong phú của hiện thực cách mạng phải chú ý nêu g­ương "ng­ười tốt, việc tốt" uốn nắn và phê phán cái xấu. Tính chân thật vốn là cái gốc của văn ch­ương xư­a và nay. Nhà văn phải chú ý đến hình thức thể hiện, tránh lối viết cầu kỳ, xa lạ, nặng nề. Hình thức của tác phẩm phải trong sáng, hấp dẫn, ngôn từ phải chọn lọc. Đặc biệt quan tâm đến việc giữ gìn sự trong sáng củaTiếng Việt.

3. Giới thiệu khái quát về tập "nhật ký trong tù": Thể loại, nhan đề, hoàn cảnh ra đời, giá trị nội dung và nghệ thuật

Tham khảo Bài soạn ngữ văn 8 Tập II cũ tr 55- 65.

4. Tìm hiểu một số bài thơ hay: Vọng nguyệt, tẩu lộ…

Tham khảoTạp chí văn học tr 58 Số tháng 7/ 2008

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**VĂN BẢN NGHỊ LUẬN**

**A. YÊU CẦU:**

Củng cố và nâng cao kiến thức về các tác giả Lý Công Uẩn, Trần Quốc Tuấn, Nguyễn Trãi, Nguyễn Thiếp, Nguyễn Ái Quốc

Củng cố và nâng cao kiến thức về các văn bản nghị luận: ***Chiếu dời đô, Hịch t­ướng sĩ, Nư­ớc Đại Việt ta, Bàn luận về phép học, Thuế máu.***

Rèn luyện kỹ năng làm bài văn nghị luận, thuyết minh.

**B. TÀI LIỆU THAM KHẢO:**

-Tham khảo bổ sung cho bài " Chiếu dời đô" trang 438 - 445 TKBGNVG 8

- Từ góc độ kết cấu nhìn lại nội dung tư­ t­ưởng Hịch tư­ớng sĩ - Đỗ Kim Hồi.

- Về thể loại hịch và baì Hịch tư­ớng sĩ - Trần Đình Sử

- Nguyễn Trãi, ng­ười anh hùng của dân tộc - Phạm Văn Đồng

- Sự phát triển của t­ư tư­ởng yêu nư­ớc Việt Nam qua ba áng văn ***Nam quốc sơn hà , Hịch t­ướng sĩ*** và ***Bình Ngô đại cáo***

- ***Bản án chế độ thực dân Pháp***

- Tư­ liệu ngữ văn 8….

**C. NỘI DUNG:**

**1/** Các tác giả Lý Công Uẩn, Trần Quốc Tuấn, Nguyễn Trãi, Nguyễn Thiếp, Nguyễn Ái Quốc

- Tham khảo sổ tay NV8 Trang 196, 197 ,205, 206, 222 - 224, 240

2/ Các văn bản nghị luận:

- Hoàn cảnh ra đời

- Thể loại

- Bố cục; giá trị nội dung nghệ thuật của từng văn bản .

- Phân biệt đ­ược từng đặc điểm của các thể loại: chiếu, hịch, cáo, tấu, phóng sự chính luận.

- So sánh đ­ược điểm khác nhau giữa nghị luận trung đại với nghị luận hiện đại.

**3/ Luyện đề:**

3.1, Chiếu dời độ - khát vong về một đất n­ớc độc lập, thống nhất hùng c­ường

3.2, Giá trị nhân văn trong Chiếu dời đô

3.3, Hich t­ướng sĩ của Trần Quốc Tuấn là khúc tráng ca anh hùng sáng ngời hào khí Đông A.

3.4, Hịch t­ướng sĩ của Trần Quốc Tuấn là một áng văn tràn đầy tinh thần yêu nư­ớc và căm thù giặc.

3.5, T­ư tư­ởng nhân nghĩa cao đẹp của Nguyễn Trãi trong đoạn trích " Nư­ớc Đại Việt ta"

3.6, "N­ước Đại Việt ta " - bản tuyên ngôn độc lập bất hủ của dân tộc Đại Việt

3.7, Tình cảm yêu n­ước của ba áng văn ***Chiếu dời đô, Hịch t­ướng sĩ, N­ước Đại Việt ta***.

3.8, Khát vọng độc lập và khí phách Đại Việt qua ba áng văn: ***Chiếu dời đô, Hịch t­ướng sĩ, N­ước Đại Việt ta.***

3.9, Hãy chứng minh các văn bản nghị luận ( bài 22, 23, 24, 25, 26) đều đ­ược viết có lý, có tình có chứng cứ nên đều có sức thuyết phục cao.

3.10, Nhiều ng­ời còn ch­ưa hiểu rõ: thế nào là "học đi đôi với hành" và vì sao ta cần phải "theo điều học mà làm" như­ lời La Sơn Phu Tử trong bài " Bàn luận về phép học" . Hãy viết bài văn nghị luận để giải đáp những thắc mắc trên.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**ÔN TẬP TỔNG HỢP**

**A. YÊU CẦU:**

- Củng cố lại kiến thức cơ bản và nâng cao trong ch­ương trình, hệ thống những nét lớn cho từng thời kỳ văn học, từng đề tài, từng chủ đề.

- Ôn tập tốt hai kiểu bài: Văn thuyết minh, văn nghị luận. Rèn kỹ năng tạo lập hai kiểu văn bản này

**B. NỘI DUNG:**

**I/Nội dung kiến thức cần ôn tập**

Văn thuyết minh

-Văn nghị luận.

1, Kiểu bài thuyết minh.

- Thuyết minh về một phư­ơng pháp.

- Thuyết minh về một danh lam thắng cảnh.

- Thuyết minh về tác giả tác phẩm

- Thuyết minh về một thể loại văn học.

- Thuyết minh về đồ vật, vật nuôi, loài cây, loài hoa…

2, Kiểu văn bản nghị luận

- Nghị luận chứng minh (Kết hợp với miêu tả, biểu cảm)

**II/ Yêu cầu**:

- Đối với văn bản thuyết minh: yêu cầu học sinh nắm đ­ợc bố cục của từng kiểu bài; biết vận dụng tri thức từ thực tế, từ sách vở và ph­ương pháp thuyết minh để giới thiệu, trình bày về đối tư­ợng.

- Đối với văn nghị luận:

+ Học sinh biết cách xác định vấn đề chứng minh. luận điểm, luận cứ và trình bày luận điểm, luận cứ trong bài văn nghị luận.

+ Rèn luyện kỹ năng tìm ý, lập dàn ý tr­ước khi viết bài .

+ Biết kết hợp đ­ưa các yếu tố tự sự, miêu tả, biểu cảm vào bài văn nghị luận cho sinh động, hấp dẫn

- Đối với văn bản thuyết minh kết hợp với nghị luận: Học sinh xác định đ­ược đề bài yêu cầu thuyết minh vấn đề gì, nghị luận vấn đền gì.

**III/ Phư­ơng pháp:**

+ Giáo viên giúp học sinh hệ thống, khái quát dàn ý chung của từng kiểu bài.

+ Rèn kỹ năng xác định đề, tìm ý, trình bày luận điểm, luận cứ.

+ Rèn luyện kỹ năng lập dàn ý, viết đoạn văn, liên kết văn bản, chữa lỗi sai.

+ Luyện một số đề cơ bản

**Kiểu bài thuyết minh về danh lam thắng cảnh.**

**I/ Bố cục chung**.

1, Mở bài.

Giới thiệu tên danh lam thắng cảnh, ý nghĩa khái quát.

2, Thân bài.

-Lần l­ượt giới thiệu, trình bày về đối t­ượng.

+ Địa điểm vị trí.

+ Quá trình hình thành.

+ Quy mô cấu trúc, một số bộ phận tiêu biểu

+ Giá trị ( văn hóa, lịch sử, kinh tế…..)

+ Một số vấn đề liên quan ( tôn giáo, bảo vệ…..)

3, Kết bài:

Nêu ý nghĩa của danh lam thắng cảnh, cảm súc, suy nghĩ của ngư­ời viết.

**II/ MỘT SỐ ĐỀ THAM KHẢO.**

**Đề 1**: Giới thiệu danh lam thắng cảnh ( hoặc một di tích lịch sử) nổi tiếng của địa phư­ơng em.

CHÙA KEO

Chùa Keo tên chữ là: Thần Quang Tự thuộc địa phận xã Duy Nhất, huyện Vũ Thư­, tỉnh Thái Bình. Chùa Keo là di tích lịch sử – văn hoá bao gồm hai cụm kiến trúc: Chùa là nơi thờ phật và Đền thánh thờ đức Dư­ơng Không Lộ - vị đại s­ư thời Lý có công dựng chùa.

Theo sử sách: Thiền sư­ họ D­ương, huý là Minh Nghiêm, hiệu là Không Lộ, ng­ười làng Giao Thuỷ phủ Hà Thanh, nối đời làm nghề đánh cá. Mẹ ngư­ời họ Nguyễn, ng­ười ở ấp Hán lý, huyện Vĩnh Lại, phủ Ninh Giang, tỉnh Hải Dư­ơng. Thiền s­ư sinh ngày 14/ 9 năm Bính Thìn (1016), xuất thân làm nghề chài l­ưới song đức Không Lộ là ngư­ời có chí hư­ớng mộ đạo thiền. Năm 29 tuổi đi tu, đến năm 44 tuổi (1059) sư­ tu tại chùa Hà Trạch cùng các sư­ Đạo Hạnh, Giác Hải kết bạn chuyên tâm nghiên cứu đạo thiền.

Năm 1060 ba ông đã sang Tây Trúc để tu luyện về đạo Phật. Năm 1061 thời vua Lý Thánh Tông, sư­ về nư­ớc, dựng chùa Nghiêm Quang – tiền thân của chùa Thần Quang ngày nay. Từ đó ông đã chu du khắp vùng rộng lớn của châu thổ Bắc Bộ, dựng chùa truyền bá đạo Phật và đ­ược suy tôn là vị tổ thứ 9 của phái thiền Việt Nam . Ông đã có công chữa bệnh cho vua Lý Thánh Tông và đư­ợc vua phong làm Quốc sư­ triều Lý. Ngày 3 tháng 6 năm Nhâm Tuất – 1094 (đời vua Lý Nhân Tông), đức D­ơưng Không Lộ hoá, h­ưởng thọ 79 tuổi. Đến năm 1167 đời vua Lý Anh Tông, nhà vua xuống chiếu đổi tên chùa Nghiêm Quang thành chùa Thần Quang.

Năm 1611 do sông Hồng sạt lở, chùa bị bão lũ làm đổ, nửa làng Dũng Nhuệ phiêu dạt sang tả ngạn sông Hồng. Thời đó có quan Tuấn Thọ Hầu Hoàng Nhân Dũng cùng vợ là bà Lại Thị Ngọc Lễ xin chúa Trịnh Giang cho mời C­ường Dũng Hầu Nguyễn Văn Trụ vẽ kiểu, vận động cả n­ước góp công, góp của xây dựng lại chùa. Qua 19 năm chuẩn bị 28 tháng thi công đến tháng 11 năm Nhâm Thân (1632) Chùa Keo đ­ược tái tạo, khánh thành.

Trải gần 400 năm tồn tại, qua nhiều lần tu bổ, tôn tạo, chùa Keo vẫn giữ nguyên bản sắc kiến trúc độc đáo có từ thời Lê Trung H­ng (thế kỷ XVII).

Toàn cảnh chùa Keo xây dựng thời đó gồm 21 công trình, với 157 gian trên khu đất rộng 58.000m2.

Hiện nay toàn bộ kiến trúc chùa Keo còn 17 công trình với 128 gian phân bố trên2022m2. đó là các công trình kiến trúc nh­: tam quan, chùa phật, điện thánh, gác chuông, hành lang và khu tăng xá, vườn tháp…

Từ trên mặt đê xuống qua bậc tam cấp gặp một sân nhỏ lát đá tảng, công trình đầu tiên là tam quan ngoại. Rẽ phải, hoặc trái theo con đ­ường men theo hồ n­ước hai bên tả, hữu gặp hai cổng tò vò, giữa là tam quan nội. Điều đáng quan tâm nhất ở quan tam nội là bộ cánh cửa gian trung quan- một kiệt tác chạm khắc gỗ thế kỷ XVII. Từ tam quan nội, qua một sân cỏ rộng ta đến khu chùa Phật gồm Chùa ông Hộ, toà Thiêu H­ương (Ống Muống) và điện Phật. Khu chùa Phật là nơi tập trung nhiều nhất các pho t­ượng Phật có giá trị nghệ thuật cao vào thế kỷ XVII, XVIII đó là t­ượng Tuyết Sơn, La Hán, Quan Thế Âm Bồ Tát…Khu đền thánh đ­ược nối tiếp với khu thờ Phật gồm toà Giá Roi, toà Thiêu Hương, toà Phục Quốc và Th­ượng Điện. Những công trình này nối tiếp với nhau tạo thành một kết cấu kiểu chữ công. Sau cùng là gác chuông 3 tầng nguy nga bề thế.

Hai dãy hành lang đông, tây nối từ chùa ông Hộ đến gác chuông thẳng tắp, dài hun hút hàng chục gian bao bọc cả khu chùa làm thành “bốn mặt t­ường vây kín đáo” cho một kiến trúc “tiền Phật, hậu Thần”.

Hàng năm tại chùa Keo diễn ra hai kỳ hội: Hội xuân và Hội thu. Hội xuân diễn ra vào ngày 4 tháng giêng âm lịch với các trò thi bắt vịt, thi ném pháo, thi nấu cơm…Hội thu diễn ra vào các ngày 13,14,15 tháng 9 âm lịch, mang đậm tính chất hội lịch sử, gắn liền với cuộc đời của sư­ Không Lộ. Ngoaì việc tế, lễ, r­ước kiệu, hội còn thi bơi trải trên sông và các nghi thức bơi trải cạn chầu thánh, múa ếch vồ…

Chúng tôi xin trân trọng giới thiệu với quý khách về lịch sử và kiến trúc Chùa Keo-một di tich lịch sử-văn hoá đăc biệt tiêu biểu của đất nư­ớc./.

**Đề 2:** Viết bài giới thiệu về ngôi trư­ờng em đang học.

**Kiểu bài thuyết minh kết hợp với nghị luận**

Kiểu bài này thư­ờng thuyết minh về tác giả, hoàn cảnh sáng tác của một số tác phẩm tiêu biểu gắn với nghị luận về một vấn đề, một khía cạnh của nội dung văn bản.

**I/ BỐ CỤC CHUNG** :

1, Mở bài:

Giới thiệu khái quát về tác giả, tác phẩm, nội dung cần chứng minh.

2, Thân bài:

a/ Thuyết minh:

Về tác giả:

+ Tiểu sử: tên, tuổi, quê quán, gia đình.

+ Sự nghiệp: sự nghiệp hoạt động cách mạng, sự nghiệp sáng tác.

+ Các giải th­ởng, danh hiệu

+ Một số tác phẩm chính

- Về tác phẩm: Giới thiệu hoàn cảnh sáng tác, xuất xứ, nội dung, nghệ thuật đặc sắc.

b, Chứng minh: Chứng minh nội dung mà đề bài yêu cầu.

3, Kết bài. Đánh giá, nhận định khái quát về vai trò, vị trí của tác giả, tác phẩm đối với nền văn học, với độc giả.

**KIỂU BÀI NGHỊ LUẬN CHỨNG MINH**

**I/ Các b­ước làm kiểu bài văn nghị luận chứng minh.**

1, Tìm hiểu đề:

- Xác định thể loại.

- Nội dung cần chứng minh.

- Phạm vi t­ư liệu.

2, Tìm ý:

- Xác định luận điểm lớn, luận điểm nhỏ.

- Tìm luận cứ.

3, Lập dàn ý:

a/ Mở bài:

- Giới thiệu tác giả, tác phẩm( hoàn cảnh sánh tác, xuất xứ vị trí)

- Trích dẫn vấn đề cần chứng minh.

b/ Thân bài:

- Lần l­ợt chứng minh từng luận điểm.

c/ Kết bài:

- Khái quát khảng định lại nội dung vừa chứng minh .

- Liên hệ bản thân (cảm xúc, suy nghĩ, nhiệm vụ của mình .)

4,Viết bài.

5, Đọc và sửa bài.

**II/ DÀN Ý THAM KHẢO:**

Đề bài:

Qua các văn bản: ***Chiếu dời đô*** ( Lý Công Uẩn); ***Hịch t­ướng sĩ*** (Trần Quốc Tuấn); ***Nư­ớc Đại Việt ta*** Nguyễn Trãi) em hãy chứng minh rằng: Nội dung chủ yếu của văn học viết từ thế kỷ XI đến thế kỷ XV là tinh thần yêu nư­ớc, tinh thần quật khởi chống xâm lăng.

**Dàn ý**

1/ Mở bài:

Giới thiệu khái quát lịch sử Việt Nam từ thế kỷ XI thế kỷ XV Văn học phản ánh hiện thực lên có khá nhiều tác phẩm phản ánh tinh thần yêu nư­ớc, tinh thần chống xâm lăng…..

2.Thân bài:

- Luận điểm:Trong các tác phẩm văn học trung đại từ thế kỷ XI đến thế kỷ XV tinh thần yêu nư­ớc, tinh thần quật khởi chống xâm lăng đ­ược thể hiện sinh động phong phú.

- Luận cứ 1:

\* Chiếu dời đô: Nội dung yêu n­ước đư­ợc thể hiện qua mục đích dời đô…… Việc dời đô còn thể hiện tinh thần tự lập, tự cư­ờng, sẵn sàng chống lại bất kỳ quân xâm lư­ợc nào của một triều đại đang lớn mạnh.

- Luận cứ 2:

\* Nam quốc sơn hà: ý thức về độc lập chủ quyền của dân tộc thể hiện rõ. Tác giả khảng định Đại Việt là quốc gia độc lập, có chủ quyền, ông còn cảnh cáo quân giặc…… thể hiện sức mạnh , ý thức quyết tâm bảo vệ độc lập dân tộc.

- Luận cứ 3:

\*Tinh thần yêu n­ớc thể hiện sôi sục qua hào khí Đông A của nhà Trần

- Trần Quốc Tuấn căm thù giặc, tố cáo tội ác của giặc Mông Nguyên

- Quyết tâm chiến đấu, hy sinh vì dân tộc

- Kêu gọi t­ướng sĩ đoàn kết, cảnh giác, luyện võ nghệ để chuẩn bị chiến đấu chống lại quân thù.

- Luận cứ 4:

\*Bình Ngô đại cáo: là bài ca về lòng yêu n­ước và tự hào dân tộc.

-Tự hào về đật n­ước có lền văn hóa riêng, có phong tục tập quán, có truyền thống lịch sử lâu đời

-Tự hào vể những chiến công hiển hách của dân tộc

Kết bài:

Văn học viết từ thế kỷ XI đến thế kỷ XV thể hiện tinh thần yêu n­ước thiết tha, tinh thần quật khởi chống xâm lăng của dân tộc, tinh thần ấy đ­ược thể hiện cụ thể ở lòng yêu nư­ớc, th­ương dân, lòng căm thù giặc, ý chí quyết tâm chiến đấu….. nó là nguồn cổ vũ động viên cho con cháu muôn đời.

ĐỀ LUYỆN TẬP:

**Đề 1:** Cảm nhận của em về con ng­ười Hồ Chí Minh qua các bài thơ ***Tức cảnh Pác Bó, Ngắm trăng; Đi đ­ường.***

**Đề 2:** Khao khát tự do của hai nhân vật trữ tình qua hai bài thơ ***Nhớ rừng*** của Thế Lữ và ***Khi con tu hú*** của Tố Hữu.

**Đề 3:** Đọc thơ Bác, nhà phê bình văn học Hoài Thanh nhận xét "*Thơ Bác đầy trăng*" Qua các bài thơ của Bác em hãy làm sáng tỏ nhận xét trên.

**Đề 4:** Có ý kiến cho rằng " Hịch t­ướng sĩ " của Trần Quốc Tuấn là bài văn sôi sục nhiệt huyết, tràn đầy khí thế quyết chiến quyết thắng. Đó là tác phẩm tiêu biểu cho chủ nghĩa yêu n­ước cao đẹp nhất của thời đại chống Mông - Nguyên. Qua đoạn trích đã học hãy làm sáng tỏ điều trên

**Đề 5:** Hãy chứng minh sự phát triển của ý thức độc lập và tinh thần tự hào dân tộc qua ba văn bản: *Chiếu dời đô, Hịch t­ướng sĩ , N­ước Đại Việt ta.*

**Đề 6**: Dựa vào văn bản ***Chiếu dời đô, Hịch t­ướng sĩ, Nư­ớc Đại Việt ta***, hãy làm sáng tỏ vai trò của người lãnh đạo anh minh đối với vận mệnh đất nư­ớc…

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**ĐỀ 1**

**KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI CẤP HUYỆN**

**NĂM HỌC**

**MÔN THI: NGỮ VĂN 8**

**Phần I. Đọc hiểu (4,0 điểm)**

**CÂU CHUYỆN VỀ HAI HẠT LÚA**

***Có hai hạt lúa nọ được giữ lại để làm hạt giống cho vụ sau vì cả hai đều là những hạt lúa tốt, đều to khoẻ và chắc mẩy.***

***Một hôm, người chủ định đem chúng gieo trên cánh đồng gần đó. Hạt thứ nhất nhủ thầm: "Dại gì ta phải theo ông chủ ra đồng. Ta không muốn cả thân mình phải nát tan trong đất. Tốt nhất ta hãy giữ lại tất cả chất dinh dưỡng mà ta đang có, ta sẽ cứ ở khuất trong kho lúa thôi". Còn hạt lúa thứ hai thì ngày đêm mong được ông chủ mang gieo xuống đất. Nó thật sự sung sướng khi được bắt đầu một cuộc đời mới.***

***Thời gian trôi qua, hạt lúa thứ nhất bị héo khô nơi góc nhà bởi vì nó chẳng nhận được nước và ánh sáng. Lúc này chất dinh dưỡng chẳng giúp ích được gì - nó chết dần chết mòn. Trong khi đó, hạt lúa thứ hai dù nát tan trong đất nhưng từ thân nó lại mọc lên cây lúa vàng óng, trĩu hạt. Nó lại mang đến cho đời những hạt lúa mới...***

**(Theo Hạt giống tâm hồn, NXB Trẻ, TP. Hồ Chí Minh, 2004)**

**1. Văn bản trên có sự kết hợp những phương thức biểu đạt nào em đã học?**

**2. Hạt lúa thứ nhất khiến em liên tưởng đến những người có cách sống như thế nào?**

**3. Văn bản trên gợi cho em bài học gì trong cuộc sống?**

**4. Phân tích cấu trúc ngữ pháp trong câu văn sau và cho biết đây là câu đơn hay câu ghép: *Thời gian trôi qua, hạt lúa thứ nhất bị héo khô nơi góc nhà bởi vì nó chẳng nhận được nước và ánh sáng***

**Phần II. Làm văn (16,0 điểm):**

**Câu 1 (6,0 điểm).**

**Viết bài văn ngắn (khoảng 500 chữ) trình bày suy nghĩ của anh (chị) về ý nghĩa của câu văn: *"Hạt lúa thứ hai dù nát tan trong đất nhưng từ thân nó lại mọc lên cây lúa vàng óng, trĩu hạt".***

**Câu 2 (10,0 điểm).**

**S**ự phát triển của ý thức độc lập và tinh thần tự hào dân tộc qua "Chiếu dời đô" (Lý Công Uẩn), "Hịch tướng sĩ" (Trần Quốc Tuấn) và "Nước Đại Việt ta" (Trích "Bình Ngô đại cáo" - Nguyễn Trãi).

……………*Hết*……………..

**ĐÁP ÁN. BIỂU ĐIỂM**

Phần I: ***( 3 mức độ)***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 1 | Phương thức biểu đạt: Tự sự, miêu tả |  |
| 2 | hạt lúa thứ nhất là hình ảnh ẩn dụ cho những người sống khép kín, ích kỉ, hẹp hòi, không muốn hi sinh, không vì mục đích cao đẹp |  |
| 3 | Bài học: Mỗi người cần phải biết sống vì người khác, vì mục đích cao đẹp. Nếu không bạn sẽ chết dần, chết mòn mà chẳng ai biết đến |  |
| 4 | ***Thời gian trôi qua, / hạt lúa thứ nhất / bị héo khô nơi góc nhà (bởi vì)***  ***Trạng ngữ Chủ ngữ vị ngữ qht***  ***Nó / chẳng nhận được nước và ánh sáng***  ***CN Vị ngữ***  ***=> Đây là câu ghép*** |  |

**II. Làm văn**

**Câu 1 (6 điểm)**

**\* Yêu cầu về kỹ năng:**

- Biết vận dụng kỹ năng về văn nghị luận xã hội và hiêu biết về nội dung trong văn bản *Hai hạt lúa* để tạo lập một văn bản nghị luận xã hội.

- Kết cấu, lập luận chặt chẽ; diễn đạt trong sáng, rõ ràng, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp, dùng từ.

**\* Yêu cầu về kiến thức**:

Bài làm có thể trình bày theo nhiều cách, nhưng cần bàn luận về những nội dung cơ bản được đề cập tới trong văn bản *Hai hạt lúa*, từ đó, bộc lộ suy nghĩ của mình một cách chân thành, rút ra được những bài học bổ ích trong cuộc sống.

***Những ý chính cần làm rõ:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **- Bước 1:** Tóm tắt câu chuyện và rút ra ý nghĩa chung: Câu chuyện ngắn gọn nhưng chứa đựng ý nghĩa triết lý sâu xa. Đó là bài học về sự chấp nhận thử thách, khó khăn gian khổ để vươn tới thành công.  + Hạt lúa thứ nhất chỉ biết bằng lòng với cuộc sống hiện tại và không muốn hi sinh để mất nó nhưng nó lại không nghĩ đến tương lai, sợ đối đầu với gian nan, thử thách, khó khăn và cuối cùng nó đã bị héo khô.  + Còn hạt lúa thứ hai thì ngược lại, nó muốn mình có một cuộc sống mới mặc dù cuộc sống đó sẽ đầy gian nan, vất vả. Trải qua những thử thách, nó đã trở thành một bông lúa “vàng óng, trĩu hạt”. |  |
|  | + **Bước 2:** Bàn bạc ý nghĩa của câu chuyện: Con người ta đôi khi quá hài lòng với cuộc sống hiện tại nhỏ bé mà ta đang sở hữu chứ không hề nghĩ đến tương lai, không chịu chấp nhận để có cái lớn hơn, cao cả hơn. Nhưng xã hội và tất cả mọi thứ thuộc về nó luôn luôn phát triển, đến một ngày, cuộc sống mà ta đang rất hài lòng sẽ mất đi. Lúc đó ta sẽ như hạt lúa thứ nhất, chết dần chết mòn. |  |
|  | **Bước 3:** Lấy dẫn chứng làm sâu sắc thêm câu chuyện |  |
|  | **Bước 4:** Bài học nhận thức và hành động, mở rộng vấn đề.  +Đừng bao giờ tự khép mình trong lớp vỏ chắc chắn để cố giữ nguyên vẹn sự vô nghĩa của bản thân mà hãy can đảm bước đi, âm thầm chịu đựng thử thách, khó khăn để có một tương lai tốt đẹp.  + Từ đó em sẽ hành động như thế nào  +Phê phán thái độ sống vô trách nhiệm, ích kỉ hẹp hòi chỉ nghĩ đến bản thân… |  |

**Câu 2**

A. YÊU CẦU:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| a | Kỹ năng:     - Làm đúng kiểu bài nghị luận văn học.     - Biết cách xây dựng và trình bày hệ thống luận điểm; sử dụng yếu tố biểu cảm, tự sự và miêu tả một cách hợp lí.     - Bố cục rõ ràng; kết cấu chặt chẽ; diễn đạt lưu loát, mạch lạc.     - Không mắc các lỗi: chính tả, dùng từ, ngữ pháp,... |  |
| b | Nội dung:         \* Làm rõ sự phát triển của ý thức độc lập và tinh thần tự hào dân tộc qua một số tác phẩm văn học yêu nước trung đại (từ thế kỉ XI --> XV): "Chiếu dời đô" (Lý Công Uẩn),"Hịch tướng sĩ" (Trần Quốc Tuấn) và "Nước Đại Việt ta" ("Bình Ngô đại cáo" - Nguyễn Trãi).  \* Học sinh có thể làm bài theo dàn ý sau: |  |
| 1 | **Mở bài: (1đ)**            - Dẫn dắt vấn đề: Truyền thống lịch sử hào hùng của dân tộc Việt Nam.            - Nêu vấn đề: ý thức độc lập và tinh thần tự hào dân tộc trong "Chiếu dời đô" (Lý Công Uẩn), "Hịch tướng sĩ" (Trần Quốc Tuấn) và "Nước Đại Việt ta" ("Bình Ngô đại cáo" - Nguyễn Trãi). |  |
| 2 | **. Thân bài: (7đ)**  **Luận điểm toàn bài:** ***Sự phát triển của ý thức độc lập và tinh thần tự hào dân tộc trong:"Chiếu dời đô", "Hịch tướng sĩ"  và "Nước Đại Việt ta" là sự phát triển liên tục, ngày càng phong phú, sâu sắc và toàn diện hơn.***  **Luận điểm 1:** ***Trước hết là ý thức về quốc gia độc lập, thống nhất với việc dời đô ra chốn trung tâm thắng địa ở thế kỉ XI*** (Chiếu dời đô).            - Khát vọng xây dựng đất nước hùng cường, vững bền, đời sống nhân dân thanh bình, triều đại thịnh trị:            + Thể hiện ở mục đích của việc dời đô.            + Thể hiện ở cách nhìn về mối quan hệ giữa triều đại, đất nước và nhân dân.            - Khí phách của một dân tộc tự cường:                     + Thống nhất giang sơn về một mối.                     + Khẳng định tư cách độc lập ngang hàng với phong kiến phương Bắc.                     + Niềm tin và tương lai bền vững muôn đời của đất nước.  **Luận điểm 2:**. ***Sự phát triển của ý thức độc lập và tinh thần tự hào dân tộc được phát triển cao hơn thành quyết tâm chiến đấu, chiến thắng ngoại xâm để bảo toàn giang sơn xã tắc ở thế lỉ XIII***(Hịch tướng sĩ).            - Lòng yêu nước, căm thù giặc sâu sắc:                     + Ý chí xả thân cứu nước...            - Tinh thần quyết chiến, quyết thắng:                     + Nâng cao tinh thần cảnh giác, tích cực chăm lo luyện tập võ nghệ.                     + Quyết tâm đánh giặc Mông - Nguyên vì sự sống còn và niềm vinh quang của dân tộc.  **Luận điểm 3:**. ***Ý thức độc lập và tinh thần tự hào dân tộc được phát triển cao nhất qua tư tưởng nhân nghĩa vì dân trừ bạo và quan niệm toàn diện sâu sắc về sự tồn tại*** độc lập có chủ quyền của dân tộc Đại Việt (Nước Đại Việt ta).            - Nêu cao tư tưởng "nhân nghĩa", vì dân trừ bạo...            - Chân lí về sự tồn tại độc lập có chủ quyền của dân tộc:                     + Có nền văn hiến lâu đời.                     + Có cương vực lãnh thổ riêng.                     + Có phong tục tập quán riêng.                     + Có lịch sử trải qua nhiều triều đại.                     + Có chế độ chủ quyền riêng với nhiều anh hùng hào kiệt.            Tất cả tạo nên tầm vóc và sức mạnh Đại Việt để đánh bại mọi âm mưu xâm lược, lập nên bao chiến công oanh liệt... |  |
| c | **Kết bài: (1đ)**            - Khẳng định vấn đề...            - Suy nghĩ của bản thân.... |  |

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**ĐỀ 2: KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI CẤP HUYỆN**

**NĂM HỌC 2019-2020**

**MÔN THI: NGỮ VĂN 8**

*Thời gian làm bài 150 phút, không kể thời gian giao đề*

**I. Phần đọc hiểu** (4,0 điểm)

Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi nêu ở dưới:

                        Suốt mấy hôm rày đau tiễn đưa

                        Đời tuôn nước mắt, trời tuôn mưa...

                        Chiều nay con chạy về thăm Bác

                        Ướt lạnh vườn rau, mấy gốc dừa!

                       Con lại lần theo lối sỏi quen

                        Đến bên thang gác, đứng nhìn lên

                        Chuông ôi chuông nhỏ còn reo nữa?

                        Phòng lặng, rèm buông, tắt ánh đèn!

                       Bác đã đi rồi sao, Bác ơi!

                        Mùa thu đang đẹp, nắng xanh trời

                        Miền Nam đang thắng, mơ ngày hội

                        Rước Bác vào thăm, thấy Bác cười!

(Bác ơi- Tố Hữu)

Câu 1: Đoạn thơ được làm theo thể thơ nào?

Câu 2: Nêu nội dung chính của đoạn thơ.

Câu 3: Nhận xét về giọng điệu bài thơ

Câu 4: Bài thơ gợi cho em tình cảm gì?

**II. Làm văn:** (16,0 điểm)

**Câu 1:** (*6,0 điểm*)

Có một cậu bé ngỗ nghịch thường bị mẹ khiển trách. Ngày nọ giận mẹ, cậu chạy đến một thung lũng cạnh khu rừng rậm. Lấy hết sức mình, cậu hét lớn: “Tôi ghét người”. Từ khu rừng có tiếng vọng lại: “Tôi ghét người”. Cậu hoảng hốt quay về sà vào lòng mẹ khóc nức nở. Cậu không sao hiểu được từ trong khu rừng lại có người ghét cậu.

            Người mẹ nắm tay con, đưa trở lại khu rừng. Bà nói: “Giờ thì con hãy hét thật to: Tôi yêu người”. Lạ lùng thay, cậu vừa dứt tiếng thì có tiếng vọng lại: “Tôi yêu người”. Lúc đó người mẹ mới giải thích cho con hiểu: “Con ơi, đó là định luật trong cuộc sống của chúng ta. Con cho điều gì con sẽ nhận điều đó. Ai gieo gió thì gặt bão. Nếu con thù ghét người thì người cũng thù ghét con. Nếu con yêu thương người thì người cũng yêu thương con”

                                      (Theo Quà tặng cuộc sống, NXB Trẻ, 2004)

Có thể dùng ngữ liệu câu 1 này làm đề cho đọc hiểu

         Từ câu chuyện trên, anh (chị) hãy viết một bài luận có độ dài không quá 500 từ nói lên suy nghĩ của mình về mối quan hệ giữa “cho” và “nhận” trong cuộc sống?

**Câu 2:** (10,0 điểm)

Có ý kiến cho rằng: Hịch tướng sĩ của Trần Quốc Tuấn là “Bài văn sôi sục nhiệt huyết, tràn đầy khí thế quyết chiến, quyết thắng. Đó là một tác phẩm tiêu biểu cho chủ nghĩa yêu nước cao đẹp nhất của thời đại chống Nguyên - Mông. Phân tích bài "Hịch tướng sĩ" của Trần Quốc để làm sáng tỏ ý kiến trên

***ĐÁP ÁN VÀ BIỂU ĐIỂM***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| *Câu 1:* | *Thể thơ bảy chữ.* |  |
| *Câu 2:* | Nội dung: Bài thơ là cảm xúc xót xa, đầy tiếc nuối của con người, của cảnh vật trước sự ra đi của Bác Hồ. |  |
| Câu 3: | Bài thơ có giọng điệu xót xa, tiếc thương, lưu luyến trước sự ra đi của Bác  (HOẶC Bài thơ có giọng điệu nhẹ nhàng, trữ tình và đầy bi tráng thể hiện niềm tiếc thương vô hạn trước sự ra đi của người con ưu tú dân tộc). |  |
| Câu 4: - | Cảm xúc tiếc thương, đau buồn vì Bác đã ra đi.  - Bài thơ còn gợi cảm xúc kính yêu, tự hào về Bác. |  |
|  |  |  |

**Câu 2: (6,0 đ)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| A | Yêu cầu chung:  - Học sinh có kĩ năng xử lí dạng bài nghị luận xã hội về một vấn đề tư tưởng đạo lí thông qua văn bản đã cho.    -  Bài viết thể hiện vốn sống thực tế, các dẫn chứng làm rõ luận điểm cần tiêu biểu, cụ thể, có sức thuyết phục, tránh những dẫn chứng chung chung.    -  Diễn đạt tốt, khuyến khích những bài viết sáng tạo. |  |
| B | Yêu cầu cụ thể:  Học sinh có thể trình bày vấn đề theo nhiều cách khác nhau nhưng cần đảm bảo các ý cơ bản sau: |  |
| 1 | Nêu vấn đề nghị luận .  - Học sinh dẫn dắt được vấn đề nghị luận  - Từ câu chuyện học sinh  rút ra ý nghĩa về mối quan hệ giữa “cho” và “nhận” trong cuộc sống | **(0,25đ)**  **(0,25đ)** |
| 2 | giải quyết vấn đề    a. Tóm tắt và rút ra ý nghĩa của câu chuyện      -  Học sinh tóm tắt được câu chuyện **(0,5đ)**      - Giải thích đúng : “cho” và “nhận”  **(0,5đ)**      -Rút ra ý nghĩa:**(0,5đ)**  **=>** Câu chuyện đề cập đến mối quan hệ giữa “cho” và “nhận” trong cuộc đời mỗi con người. Khi con người trao tặng cho người khác tình cảm gì thì sẽ nhận lại được tình cảm đó. Đấy là mối quan hệ nhân quả và cũng là quy luật tất yếu của cuộc sống.       b. Phân tích, chứng minh        - Biểu hiện mối quan hệ “cho” và “nhận” trong cuộc sống  + Quan hệ “cho” và “nhận” trong cuộc sống vô cùng phong phú bao gồm cả vật chất lẫn tinh thần – dẫn chứng. **(0,25đ)**  + Mối quan hệ “cho” và “nhận” không phải bao giờ cũng ngang bằng trong cuộc sống: có khi ta cho nhiều nhưng nhận lại ít hơn và ngược lại – dẫn chứng.**(0,25đ)**  + Mối quan hệ giữa “cho” và “nhận” không phải bao giờ cũng là mình cho người đó và nhận của người đó, mà nhiều khi mình nhận ở người mà mình chưa hề cho. Và cái mình nhận có khi là sự bằng lòng với chính mình, là sự hoàn thiện hơn nhân cách làm người của mình trong cuộc sống – dẫn chứng. **(0,5đ)**  - Làm thế nào để thực hiện tốt mối quan hệ giữa “cho” và “nhận” trong cuộc sống?  + Con người phải biết cho cuộc đời này những gì tốt đẹp nhất: Đó là sự yêu thương, trân trọng, cảm thông giúp đỡ lẫn nhau cả về vật chất lẫn tinh thần – dẫn chứng. **(0,25đ)**  + Con người cần phải biết “cho” nhiều hơn là “nhận”.**(0,25đ)**  + Phải biết “cho” mà không hi vọng mình sẽ được đáp đền **(0,25đ)**  + Để “cho” nhiều, con người cần phải cố gắng phấn đấu rèn luyện và hoàn thiện mình, làm cho mình giàu có cả về vật chất lẫn tinh thần để có thể yêu thương nhiều hơn cuộc đời này. **(0,25đ)**         c. Bàn bạc  Bên canh việc “cho”và “nhận” đúng mục đích, đúng hoàn cảnh thì sẽ được mọi người quý trọng tin yêu. Còn:  - “Cho” vì mục đích vụ lợi, vì tham vọng, dục vọng của bản thân.**(0,5đ)**  - “Nhận” không có thái độ, tình cảm biết đền đáp, biết ơn.**(0,5đ)**  Thì chúng ta cần phê phán |  |
| 3 | . Kết thúc vấn đề  -  Khẳng định vấn đề đã nghị luận.**(0,25đ)**  -  Rút ra bài học cho bản thân về nhận thức và hành động.***(0,75đ)*** |  |

**Câu 2:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **1** | - Gioi thiệu tác giả, tác phẩm.... |  |
| **2** | \*Làm sáng tỏ ý kiến  \* **Luận điểm 1: *“Hịch tướng sĩ" là tiếng nói của vị Thống soái sục sôi nhiệt huyết.*** Cái lo buồn, nỗi căm giận, niềm khao khát của Trần Quốc Tuấn thể hiện trong bài hịch sục sôi một bầu máu nóng. Mối quan hệ của vị Quốc công với tướng sĩ là mối quan hệ "chủ - tớ" nhưng chứa chan tình nghĩa, đồng cam cộng khổ, vào sinh ra tử có nhau: "... lúc mạc xông pha thì cùng nhau sống chết, lúc ở nhà nhàn hạ thì cùng nhau vui cười".  Trước sự hoành hành của sứ giặc, trước họa xâm lăng của đế quốc Nguyên - Mông, ông mang một tâm trạng cay đắng, thao thức suốt những đêm dài. Tâm trạng ấy của ông là cả một bầu nhiệt huyết sôi sục: *"Huống chi, ta cùng các ngươi sinh phải thời loạn lạc, lớn lên gặp buổi gian nan. Ngó thấy sứ giặc đi lại nghênh ngang ngoài đường, uốn lưỡi cú diều mà sỉ mắng triều đình, đem thân dê chó mà bắt nạt tể phụ, thác mệnh Hốt Tất Liệt mà đòi ngọc để thỏa lòng tham không cùng, giả hiệu Vân Nam Vương mà thu bạc vàng, để vét của kho có hạn. Thật khác nào như đem thịt mà nuôi hổ đói, sao cho khỏi để tai vạ về sau".*  Bằng một nhãn quan chính trị sâu sắc, cảnh giác, vị Tiết chế đã vạch trần dã tâm của bọn bành trướng phương Bắc muốn biến nước ta thành quận huyện của chúng, lên án hành động vơ vét của kho, "đòi ngọc lụa " "thu bạc vàng ” để thỏa lòng tham không cùng của lũ sứ giặc Mông Cổ. Ông nhắc tướng sĩ không được khoanh tay, ngồi nhìn giặc lấn tới, vì như thế "Thật khác nào như đem thịt mà nuôi hổ đói, sao khỏi để tai vạ về sau"  Phần cuối bài hịch, là lời khuyên răn, trách cứ tướng sĩ về việc học tập binh thư cũng sục sôi nhiệt huyết sáng ngời đạo "thần - chủ " và lập trường "nghịch thù". Giọng văn hùng hồn, trang nghiêm, cảm hóa lòng người sâu sắc: *"Nếu các ngươi biết chuyên tập sách này theo lời dạy bảo của ta thì mới phải đạo thần chủ, nhược bằng khinh bỏ sách này, trái dạy bảo của ta, tức là kẻ nghịch thù"* |  |
|  | **\*** **Luận điểm 2:** ***"Hịch tướng sĩ” còn là một tác phẩm tràn đầy khí thế quyết chiến quyết thắng được thể hiện ở thái độ căm thù giặc, quan niệm sống và chết, nô lệ và tự do,*** v..v... Ở khía cạnh nào, biểu hiện nào, tác giả cũng biểu lộ một chí khí anh hùng, lẫm liệt và quyết chiến quyết thắng!  Với lũ giặc Nguyên - Mông thì quyết không thể dung tha! Hiện tại chưa xả thịt, lột da, nuốt gan, uống máu quân thù thì đau đớn vô cùng: "tới bữa quên ăn, nửa đêm vổ gối; ruột đau như cắt, nước mắt đầm đìa". Với lũ giặc Nguyên - Mông, tướng sĩ chỉ có một quyết tâm, một hành động, một ý chí: "Dẫu cho thân này phơi ngoài nội cỏ, nghìn xác này gói trong da ngựa, ta cũng vui lòng."  Vì Tổ quốc Đại Việt muôn quý nghìn yêu mà tướng sĩ chỉ có một con đường, một hành động "huấn luyện quân sĩ, tập dượt cung tên khiến cho người giỏi như Bàng Mông, nhà nhà đều là Hậu Nghệ, có thể bêu được đầu Hốt Tất Liệt ở của khuyết làm rữa thịt Vân Nam Vương ở Cảo Nhai...".  Vì Tổ quốc Đại Việt nên không thể mất cảnh giác và chiến bại, để đến nỗi "ta cùng các ngươi sẽ bị giặc bắt, đau xót biết chừng nào" không những thế "ta kiếp này chịu nhục, rồi đến trăm năm sau, tiếng dơ khôn rửa, tên xấu còn lưu, đến gia thanh các ngươi cũng không khỏi mang tiếng là tướng bại trận.."  Vì sự sống còn và niềm vinh quang của dân tộc mà quyết tâm đánh thắng giặc Nguyên - Mông để "tông miếu ... được muôn đời tế lễ ", "tổ tông... được thờ cúng quanh năm ", để tên họ tướng sĩ "sử sách lưu thơm". "Hịch tướng sĩ" truyền đến ba quân khí thế, tinh thần quyết chiến quyết thắng, biến thành sức mạnh sát Thát đưa đến những thắng lợi, những chiến công giòn giã: "Chương Dương cướp giáo giặc -  Hàm Tử bắt quân thù (Trần Quang Khải) bảo toàn sơn hà xã tắc. |  |
|  | **\* Luận điểm 3:** ***Có thể nói "Hịch tướng sĩ" là một tác phẩm tiêu biểu cho chủ nghĩa yêu nước cao đẹp nhất của thời đại chống Nguyên - Mông***. Thế kỉ XII, XIII trên một vùng địa lý mênh mông, hàng chục quốc gia, hàng trăm thành trì từ Hoa Bắc xuống Hoa Nam, từ Trung Á tới sông Vônga,... đã bị vó ngựa quân xâm lược Mông cổ giày xéo, nghiền nát. Một nhà thơ Ác-mê-ni trong thế kỉ XIII đã viết:  *"Không còn một dòng suối, một con sông nào*  *không tràn dấy nước mắt chúng ta;*  *Không còn một ngọn núi, một cánh đồng nào*  *không bị quân Tác-ta giày xéo".*  Quân Tác-ta là đoàn kị binh của đế quốc Mông Cổ. Thế mà, cả ba lần, giặc Nguyên - Mông sang xâm lược nước ta đều bị đại bại thảm hại. Quân dân Đại Việt đã đoàn kết một lòng, từ vua tới tướng sĩ đều nêu cao tinh thần quyết chiến quyết thắng. Vai trò của Trần Quốc Tuấn là cực kì to lớn: "Tiếng thơm dồn mãi - Bia miệng không mòn" ( Đằng giang phú).  Các tướng sĩ đời Trần có một số là anh hùng - thi sĩ như Trần Quang Khải, Phi Ngũ Lão, Trần Thánh Tông, Trần Nhân Tông cũng là những vua anh hùng - thi sĩ. Thơ văn của họ chứa chan tinh thần yêu nước:  - "Xã tấc hai phen chồn ngựa đá  Non sông nghìn thuở vững âu vàng  (Trần Nhân Tông)   * *"Chương Dương cướp giáo giặc* * *Hàm Tử bắt quân thù*   *Thái bình nên gắng sức*  *Non nước ấy nghìn thu"*  (Trần Quang Khải)  Các bài thơ này đều tiêu biểu cho "Hào khí Đông A". Nhưng như đã phân tích ở trên, nội dung và tác dụng to lớn và sâu sắc của "Hịch tướng sĩ" nó xứng đáng là tác phẩm tiêu biểu cho chủ nghĩa yêu nước cao đẹp nhất thời đại chống Nguyên Mông.  "Hịch tướng sĩ" cùng với các chiến công như Chương Dương, Hàm Tử, Bạch Đằng- đã gắn liền với tên tuổi vị anh hùng Trần Quốc Tuấn, làm  sáng ngời sử sách. Nó khúc tráng ca chống xâm lăng. Nó tiêu biểu cho khí phách anh hùng, tư thế hiên ngang, lẫm liệt của đất nước và con người Đại Việt.  Sống trong tư thế hiên ngang! Biết nhìn xa trông rộng, cảnh giác trước âm mưu thâm độc của mọi kẻ thù! Chết vinh còn hơn sống nhục trong kiếp ngựa trâu! v..v... Đó là những tư tưởng lớn nhất, bài học sâu sắc nhất mà Trần Quốc Tuấn muốn bày tỏ với tướng sĩ, với nhân dân ta, với mỗi con người Việt Nam trong mọi thời đại qua "Hịch tướng sĩ".  Trong bài "Bạch Đằng giang phú", Trương Hán Siêu đã viết: trận Bạch Đằng mà dại thắng - Bởi Đại Vương coi thế giặc nhàn". "Thế giặc nhàn" là thế giặc dễ đánh thắng! Đó là một câu nói bất hủ của Hưng Đạo Đại Vương Trần Quốc Tuấn - người anh hùng vĩ đại của dân tộc ta.  Đã trải qua hơn 800 năm nhưng “Hịch tướng sĩ”mãi là bài ca yêu nước và niềm tự hào dân tộc. Đó là áng văn chính luận, hùng hồn đanh thép, sục sôi nhiệt huyết, tràn đầy khí thế quyết chiến quyết thi mang sức mạnh của muôn vạn hùng binh. Mỗi lần đọc lại tác phẩm, lòng em lại có cảm xúc tự hào về truyền thống cha ông, truyền thống yêu nước quật cường, khí phách hiên ngang lừng lẫy. |  |
| **3** | **Đánh giá chung** |  |

**ĐỀ 3.**

|  |  |
| --- | --- |
|  | **ĐỀ THI HỌC SINH GIỎI NGỮ VĂN 8**  **Năm học:**  ***Thời gian làm bài: 150 phút( không kể thời gian giao đề)*** |

**A. PHẦN ĐỌC HIỂU**

**Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi .**

*Có rất nhiều người đinh ninh rằng hiện tại của mình đã được số mệnh định sẵn, nhưng thực ra không phải như vậy. Khả năng kỳ diệu nhất của con người đó là có được quyền tự do chọn lựa, chọn lựa một thái độ, chọn lựa một cách sống, một cách nhìn…Chúng ta vẫn quen đổ lỗi cho những người khác. Có những lúc tôi cũng cho là mình kém may mắn, nhưng rồi tôi hiểu ra rằng không ai có thể kiểm soát được những biến cố xảy đến, nhưng mỗi người luôn có quyền chọn lựa cách đối phó với chúng.*

*Những người suy sụp tinh thần hay thất bại, thường đưa ra những lý do như là: do không có tiền, không có thời gian, do kém may mắn, do quá mệt mỏi hay tâm trạng chán nản… để biện minh cho việc bỏ qua những cơ hội thuận lợi trong cuộc sống. Nhưng sự thực chỉ là do họ không biết sử dụng quyền được lựa chọn của mình. Chính vì thế, họ chỉ là đang tồn tại chứ không phải đang sống thực sự. Điều đó cũng giống như việc bạn muốn mở khóa để thoát khỏi nơi giam cầm, nhưng lại không biết rằng chiếc chìa khóa đang ở ngay trong chính bản thân mình, trong cách suy nghĩ của mình. Cuộc sống là do chúng ta lựa chọn chứ không phải do may rủi. Bản chất của sự việc xảy đến không quan trọng bằng cách chúng ta đối phó với nó. Chính điều chúng ta chọn để nghĩ và chọn để làm mới là quan trọng hơn cả.*

(Theo*https://sachvui.com/doc-sach/nhung-bai-hoc-cuoc-song/chuong-4.html*)

**Câu 1**. Khả năng kì diệu của con người được nói đến là gì? (0,5 điểm)

**Câu 2.** Những người nào được xem là những người đang *tồn tại* chứ không phải sống thực sự? (0,5điểm)

**Câu 3.** Anh/chị hiểu như thế nào về ý kiến của tác giả “*Bản chất của sự việc xảy đến không quan trọng bằng cách chúng ta đối phó với nó”* (1,0 điểm)

**Câu 4.** Anh/chị đồng tình với quan điểm “*Cuộc sống là do chúng ta lựa chọn chứ không phải do may rủi”* không?Vì sao? (1,0 điểm)

***Câu 1: ( THAM KHẢO THÊM)***

*Trong chương trình Ngữ Văn  lớp 8, có 2 bài thơ được viết theo kiểu kết cấu đầu cuối tương ứng. Hãy nêu tên và tác giả của 2 bài thơ đó*

*Viết đoạn văn theo cấu trúc tổng- phân-hợp phân tích ý nghĩa của việc sử dụng kết cấu đó trong mỗi bài*

**B. PHẦN LÀM VĂN**

**Câu 1.** ( 6,0 điểm)

**Nơi dựa**

*“Người đàn bà nào dắt đứa nhỏ đi trên đường kia?*

*Khuôn mặt trẻ đẹp chìm vào những miền xa nào…*

*Đứa bé đang lẫm chẫm muốn chạy lên, hai chân nó cứ ném về phía trước, hai bàn tay hoa hoa một điệu múa kì lạ.*

*Và cái miệng líu lo không thành lời, hát một bài hát chưa từng có.*

*Ai biết đâu, đưa bé bước còn chưa vững lại chính là nơi dựa cho người đàn bà kia sống.*

*Người chiến sĩ nào đỡ bà cụ trên đường kia?*

*Đôi mắt anh có cái ánh riêng của đôi mắt đã nhiều lần nhìn vào cái chết.*

*Bà cụ lưng còng tựa trên cánh tay anh, bước từng bước run rẩy.*

*Trên khuôn mặt già nua, không biết bao nhiêu nếp nhăn đan vào nhau, mỗi nếp nhăn chứa đựng bao nỗi cực nhọc gắng gỏi một đời.*

*Ai biết đâu, bà cụ bước không còn vững lại chính là nơi dựa cho người chiến sĩ kia đi qua những thử thách”.*

( Nguyễn Đình Thi, Tia nắng, NXB văn học, Hà Nội, 1983)

***Từ ý nghĩa của văn bản trên, hãy trình bày suy nghĩ của em về nơi dựa của mỗi người trong cuộc sống.***

**Câu 3: ( 10 điểm )**

Có ý kiến cho rằng: Sức hấp dẫn thuyết phục của văn bản Hịch tướng sĩ chính là nghệ thuật khích tướng. Hãy làm sáng tỏ,

*------------------Hết-----------------*

***Câu 1 (4 điểm)***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| *1* | *Nêu được tên 2 bài thơ viết theo lối kết cấu đầu cuối tương ứng là: Ông đồ (Vũ Đình Liên) và Khi con tu hú (Tố Hữu)* | *(1đ)* |
| *2* | *Viết được đoạn phân tích ý nghĩa của việc sử dụng kết cấu đó trong mỗi bài*  *Đoạn văn đúng cấu trúc tổng – phân – hợp*  *Phân tích được ý nghĩa kết cấu đó trong mỗi bài* | *(5đ)* |
| *3* | *Bài thơ Ông đồ*  *+ Chỉ ra hình ảnh tương ứng ở đầu và cuối bài thơ:  mỗi năm – năm nay: hoa đào nở - đào lai nở; lại thấy – không thấy; ông đồ già – ông đồ xưa.*  *+ Kết cấu đầu cuối tương ứng đã góp phần làm nổi bật chủ đề  bài thơ: Thể hiện niềm thương cảm chân thành trước một lớp người đang tàn tạ; nỗi tiếc nuối cho 1 nét đẹp văn hóa truyền thống đã bị nhạt phai, quên lãng; thể hiện tâm trạng hoài cổ sâu lắng, thiết tha của bài thơ*  *Bài thơ Khi con tu hú*  *+ Chỉ ra hình ảnh tương ứng đó chính là tiếng chim tu hú ở đầu và cuối đoạn thơ*  *+ Phân tích được: Tiếng chim tu hú ở câu thơ mở đầu là tiếng gọi hè về náo nức, rộn ràng; tiếng chim tu hú ở 2 câu cuối bài là tiếng gọi của khát vọng tự do, tiếng gọi thôi thúc đấu tranh da diết và cháy bỏng.*  *Kết cấu đầu cuối tương ứng đã góp phần tạo nên cảm xúc nhất quán của bài thơ: tình yêu thiên nhiên, cuộc sống; tâm trạng ngột ngạt khi phải sống cảnh tù đày và khát vọng trở về với cuộc sống tự do.*  *Mở rộng: Sự gặp gỡ của 2 tác giả về ý tưởng nghệ thuật và sự khác nhau về nội dung tư tưởng của thơ mới và thơ ca cách mạng.* |  |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **PHẦN A (3 điểm)** | **Câu** | **Nội dung** | **Điêm** |
| **1** | Khả năng kỳ diệu nhất của con người đó là có được quyền tự do chọn lựa, chọn lựa một thái độ, chọn lựa một cách sống, một cách nhìn | 0,5 |
| **2** | - Những người suy sụp tinh thần hay thất bại, thường đưa ra những lý do để biện minh…  - Không biết sử dụng quyền được lựa chọn của mình. | 1 |
| **3** | *Bản chất của sự việc xảy đến không quan trọng bằng cách chúng ta đối phó với nó*  - Bản chất của sự việc xảy đến rất đa dạng, bất ngờ, không thể lường trước được.  - Con người cần chọn cách ứng phó phù hợp với hoàn cảnh để vượt qua, mới là điều quan trọng.  *(Chấp nhận những cách diễn đạt tương đồng)* | 1  0,5 |
| **4** | *Cuộc sống là do chúng ta lựa chọn chứ không phải do may rủi*  - Đồng tình hoặc không đồng tình  - Lí giải  *- Chính tả, dùng từ, ngữ pháp* | 0,25  0,5  0,25 |

**Câu 2: (6 điểm)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **\* Yêu cầu về kĩ năng: (1 điểm)**  - Bài viết có bố cục và cách trình bày hợp lí.  - Hệ thống ý ( luận diểm)rõ ràng và được triển khai tốt.  Diễn đạt tốt, không mắc lỗi chính tả, lỗi dùng từ và ngữ pháp. |  |
|  | **\* Yêu cầu về nội dung: (5 điểm)** |  |
|  | - Nhận xét khái quát câu chuyện:  Nguyễn Đình Thi đã ghi lại cảm xúc của mình trong bài thơ “ Tia nắng” về nơi dưa của mỗi người trong cuộc sống bởi vì mỗi người trong chúng ta cũng cần có một điểm tựa hay một nơi dựa để có được một cuộc sống thành đạt, hạnh phúc. | **(0,5 điểm)** |
|  | Giải thích được thế nào là nơi dựa và biểu hiện của nơi dựa:  + Nơi dựa là nơi để mỗi người nương tựa khi gặp khó khăn trong cuộc sống, là nơi tiếp cho họ sức mạnh, niềm tin, động lực trong hoạt động, là nơi mang lại cảm giác ấm áp, bình yên khi gặp sóng gió. | **(0,5 điểm)** |
|  | + Nơi dựa trong bài thơ thể hiện ở biểu hiện bên ngoài, người phụ nữ là nơi dựa cho cậu bé, người chiến sĩ là nơi dựa cho bà cụ. Tuy nhiên ở khía cacnhj tinh thần, cậu bé cũng là nơi dựa cho người phụ nữ, bà cụ cũng là nơi dựa cho người chiến sĩ. | **(0,5 điểm)** |
|  | + Trong cuộc sống có những nơi dựa khác nhau: về mặt vật chất thì đó là tiền bạc của cải… Xét về mặt tinh thần thì đó là nững người thân yêu trong gia đình như ông bà, cha mẹ, anh chị,… những bạn bè thân thiết, những kỉ niệm, những giá trị thiêng liêng, ưu điểm, mặt mạnh của bản thân | …**(0,5 điểm)** |
|  | **Chỉ ra được ý nghĩa của nơi dựa:**  + Giúp con người cảm thấy bình yên, thanh thản, vượt qua mọi khó khăn thử thách, có động lực để phấn đấu vươn lên…Ta cảm thấy vui, hạnh phúc, yên tâm, vững vàng trong cuộc sống (học sinh phân tích lí giải và dẫn chứng) .   * Bài học về nơi dựa:   + Bất cứ ai cũng cần có một nơi dựa nhưng đồng thời lại là nơi dựa cho người khác. | **(0,5 điểm)**  **(0,5 điểm)** |
|  | + Cần phải có thái độ trân trọng những nơi dựa tốt đẹp mà mình có được, đồng thời cũng là nơi dựa ý nghĩa cho người khác (học sinh phân tích lí giải và dẫn chứng) . | **(0,5 điểm)** |
|  | + Phê phán những người chỉ biết dụa dẫm, ỷ thế để làm điều xấu xa: những kiểu con ông cháu cha dựa vào quyền thế, tiền bạc của cha mẹ. Cũng cần lên án những kẻ chỉ biết lệ thuộc vào người khác mà không tin vào sức mình để vươn lên. Hoặc những nười chọn những nơi dựa không tốt để đạt được mục đích bằng bất cứ giá nào… | **(1 điểm)** |
|  | + Qua bài thơ chúng ta thấm thía một điều rằng, sợi dây neo vững chắc nhất với cuộc đời của mỗi con người là sự yêu thương. Đó là chỗ dựa vững chắc nhất của con người trong cuộc đời, giúp con người vượt qua những buồn phiền và cay đắng. và như thế mọi bon chen, toan tính…lùi lại phía sau. | **(0,5 điểm)** |

**Câu 2 (10 đ)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | \* Yêu cầu về kỹ năng:  -   Viết được bài phân tích và chứng minh nghệ thuật khích tướng hấp dẫn, thuyết phục của tác giả Trần Quốc Tuấn trong bài hịch.  -   Bài viết bố cục rõ ràng, lập luận chặt chẽ, thuyết phục; ngôn ngữ trong sáng, hành văn mạch lạc, không sai lỗi chính tả, ngữ pháp thông thường. |  |
|  | \* Yêu cầu về nội dung: |  |
| a | **Mở bài**: Giới thiệu được vấn đề nêu ở đề bài |  |
| b | **Thân bài**: Trình bày được các ý sau:  -  Giới thiệu xuất xứ, mục đích của bài hịch: Được viết trước cuộc kháng chiến chống quân Nguyên – Mông lần thứ 2, nhằm mục đích khích lệ lòng yêu nước bất khuất, ý chí quyết chiến, quyết thắng kẻ thù xâm lược.  - Giải thích khích tướng là gì? Khích là tác động vào danh dự, lòng tự trọng của người khác  để họ thay đổi suy nghĩ, nhận thức và hành động. Ở đây Trần Quốc Tuấn muốn khích lệ, kích động tinh thần các tướng sĩ dưới quyền trước cuộc kháng chiến đầy thử thách, cam go.  -Phân tích các dẫn chứng  để chứng minh được những biểu hiện của nghệ thuật khích tướng trong bài hịch:  + Khích bằng việc nêu gương: Nêu gương trung thần, nghĩa sĩ trong sử sách từ xưa đến nay để khích lệ ý chí lập công danh, xả thân vì nước (Điều đặc biệt ở đây là lấy những tấm gương từ phía quân thù để khích lệ lòng tự trọng, danh dự). Nêu gương về nỗi lòng, ý chí của chính bản thân mình.  + Lột tả sự ngang ngược  của kẻ thù để khích lệ lòng căm thù.  + Nêu mối ân nghĩa, thủy chung của chủ tướng với tướng sĩ để khích lệ ý thức trách nhiệm và nghĩa vụ của mỗi người đối với đạo vua tôi cũng như tình cốt nhục.  + Khích bằng cách mỉa mai, phê phán những hành động sai trái của tướng sĩ để đánh vào lòng tự trọng của họ.  + Khích bằng việc chỉ ra phải – trái; đúng – sai; thiệt – hơn. Phân tích sự sống còn cũng như gắn quyền lợi của mọi người trong từng hoàn cảnh.  + Khích bằng thái độ nghiêm khắc, kiên quyết, dứt khoát, ý chí quyết chiến, quyết thắng của chính vị chủ tướng.  Những yếu tố khích lệ đó được biểu hiện bằng cảm xúc mãnh liệt với giọng văn khi ôn tồn thống thiết; khi chì chiết chua cay; khi vặn hỏi truy bức -  có sức mạnh lay động mạnh mẽ vào tình cảm, nhận thức của người đọc, người nghe.  Mở rộng, nâng cao: Đánh giá sức thuyết phục về nghệ thuật khích tướng của Trần Quốc Tuấn cũng như ý nghĩa, tác dụng của bài hịch. Vận dụng kiến thức lịch sử  để chứng minh. |  |
| c | **Kết bài**: Khẳng định lại vấn đề; suy nghĩ; cảm xúc riêng của người viết. |  |

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**ĐỀ1**

**ĐỀ THI HSG MÔN NGỮ VĂN 8 QUẬN HÀ ĐÔNG**

**NĂM HỌC 2018 - 2019.**

**Thời gian: 90 phút**

**ĐỀ BÀI**

**Câu 1: (8 điểm)**

Về cách bay của những đàn chim di cư, các nhà khoa học đã rút ra nhiều điều thú vị: *Trước hết chúng thường bay theo hình chữ V để tiết kiệm nhiều sức lực của mình trong những chuyến bay đường dài vô cùng mệt mỏi. Khi con chim đầu đàn xuống sức, nó sẽ chuyển sang vị trí bên cạnh và một con chim khác sẽ dẫn đầu. Đôi khi các con chim đằng sau đồng thanh kêu lên để động viên con chim đang ở vị trí đầu đàn, cũng là nhắc nhau giữ vững tốc độ. Nếu một con chim bị bệnh hay bị thương rơi xuống, hai con chim khác sẽ rời khỏi bầy để cùng hạ xuống với con chim bị thương và chăm sóc nó. Chỉ đến khi con chim bị thương có thể bay lại được hoặc là chết, chúng sẽ nhập vào một đàn khác và tiếp tục hành trình bay về phương Nam xa xôi.*

Từ những điều thú vị ấy, chúng ta nhận được nhiều bài học cho cuộc sống. bằng một đoạn văn nghị luận (không quá một trang giấy thi), trình bày theo cách diễn dịch, em hãy viết về những điều em nhận được từ đó.

**Câu 2: (12 điểm)**

Các bài thơ “*Khi con tu hú”, “Ngắm trăng”, “Đi đường”*…cho thấy người tù cách mạng đã vượt lên hoàn cảnh thực tại để giữ nguyên vẹn tâm hồn nhạy cảm, luôn bết yêu quí, rung động trước cái đẹp thiên nhiên và cuộc sống.

Bằng một văn bản nghị luận có sử dụng phép đảo trật tự từ trong câu và dùng tình thái từ để tạo câu cảm thán, em hãy làm sáng tỏ điều đó. (*Gạch chân phép đảo trật tự từ trong câu, tình thái từ, câu cảm thán đã được sử dụng và ghi chú rõ ràng)*

--------------------------------Hết---------------------------

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

**I. Hướng dẫn chung:**

**-** Đề bài gồm 2 câu: Câu 1 là nghị luận kiểm tra kiến thức xã hội, câu 2 là bài nghị luận kiểm tra kiến thức văn học…

*-* Giám khảo cần nắm vững yêu cầu của hướng dẫn chấm để đánh giá tổng quát bài làm của học sinh.

- Do đặc trưng của bộ môn Ngữ văn nên giám khảo cần chủ động, linh hoạt trong việc vận dụng đáp án và thang điểm; khuyến khích những bài viết có cảm xúc và sáng tạo.

- Điểm cho tới 0,5 và không làm tròn điểm.

**II. Hướng dẫn cụ thể và thang điểm:**

**1. Yêu cầu kĩ năng: ( Hướng dẫn chung cho cả hai câu)**

- Trình bày đúng yêu cầu về hình thức:

+ Câu 1: đoạn văn nghị luận theo hạn định, trình bày theo cách diễn dịch.

+ Câu 2: văn bản nghị luận chứng minh, có sử dụng phép đảo trật tự từ trong câu va dùng phép tình thái để tạo câu cảm thán ( gạch chân, ghi chú), bố cục 3 phần, có hệ thồng luận điểm,biết phân đoạn rõ ràng, mạch lạc.

- Thể hiện quan điểm đúng đắn, có ý nghĩa và nhất quán…

- Trình bày có trọng tâm, bố cục hợp lí…

- Diễn đạt tốt, sử dụng đa dạng các loại câu …

- Các kĩ năng cảm thụ thẩm mĩ, giao tiếp tiếng Việt…được thể hiện rõ nét.

**2. Yêu cầu kiến thức:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **1**  **7 điểm** | -Từ cách bay của đàn chim di cư, qua việc kết hợp những kiến thức, kĩ năng đã học về tinh thần đoàn kết, tương trợ và hợp tác trong nhóm, trong tập thể, học sinh cần rút ra những bài học thực tiễn của đời sống xã hội con người như:  + Các thành viên cần tôn trọng định hướng công việc của tập thể.  + Biết cảm thông, chia sẻ, động viên, giúp đỡ nhau mới tạo được sức mạnh để vượt qua mọi khó khăn để cùng hoàn thành nhiệm vụ.  + Luôn coi trọng sự hòa nhập, hợp tác.  -Đoạn văn có kết hợp giải thích với một vài dẫn chứng để chứng minh và biết liên hệ để thấy đoàn kết, tương trợ là truyền thống tốt đẹp của dân tộc ta. |  |
| **2**  **13 điểm** | **1. Yêu cầu kiến thức**  *- Học sinh biết vận dụng kiến thức đã nắm vững ở ba bài thơ từ đó khái quát và làm rõ vẻ đẹp về tinh thần và tâm hồn của người chiến sĩ cách mạng ( trọng tâm).*  ***\* Sau đây là một vài gợi ý dàn bài:*** |  |
| **Mở bài:**  Dẫn dắt, đưa vấn đề một cách hợp lí. Có báo phạm vi: chứng minh qua các bài thơ *“Khi con tu hú”, “Ngắm trăng”, “Đi đường”*… |  |
| **\*Luận điểm 1:** Các bài thơ *“Khi con tu hú”, “Ngắm trăng”, “Đi đường”*… cho thấy người tù cách mạng đã vượt lên hoàn cảnh thực tại. Sau đó chứng minh làm sáng tỏ được luận điểm qua phân tích hoàn cảnh bị giam cầm nhưng các bài thơ vẫn sáng ngời ý chí cách mạng, phong thái ung dung, tinh thần lạc quan của người tù cách mạng  **\*Luận điểm 2: Tập trung làm rõ nội dung trọng tâm của đề bài:** Các bài thơ *“Khi con tu hú”, “Ngắm trăng”, “Đi đường”*…cho thấy người tù cách mạng đã vượt lên hoàn cảnh thực tại để giữ nguyên vẹn tâm hồn nhạy cảm, luôn bết yêu quí, rung động trước cái đẹp thiên nhiên và cuộc sống dù trong tù ngục. Qua các dẫn chứng,thí sinh biết phan tích, làm nổi bật vẻ đẹp tâm hồn qua những biểu hiện cụ thể ở mỗi bài.  + Bài thơ *“Khi con tu hú”*: bút pháp trữ tình, lãng mạn đã phác họa bức tranh mùa hè sôi động…cho thấy tâm hồn trẻ trung, nhạy cảm  với cái ddpj, yêu thiên nhiên, yêu cuộc sống…  + Hai bài thơ *“Ngắm trăng”, “Đi đường”* được sáng tác bằng chữ Hán, đậm màu sắc cổ điển là tiếng lòng của người chiến sĩ cách mạng trước nghịc cảnh vẫn hướng về thiên nhiên, với tình yêu say mê, tràn đầy cảm hứng của tâm hồn luôn vươn từ bóng tối ra ánh sáng; niềm vui sướng bồi hồi, hạnh phúc trước thiên nhiên… |  |
|  |  |
| **\* Đánh giá, nâng cao**: Khẳng định những sáng tạo nghệ thuật chân chính của hai tác giả, hai chiến sĩ cách mạng đã hướng ta tới khát vọng tự do, trân trọng cái đẹp, yêu quê hương, đất nước… |  |
| **Kết bài:** |  |
| Đánh giá: Khẳng định lại nội dung đã được triển khai. |  |
| Liên hệ: Nêu ý nghĩa, tác dụng và suy nghĩ chân thành về vấn đề đã đề cập. |  |
| **Chú ý yêu cầu**: sử dụng phép đảo trật tự từ trong câu và dùng tình thái từ, câu cảm thán đã được sử dụng và ghi chú rõ ràng (gạch chân). Không đáp ứng hoặc sai thì trừ từ 0,5 tới 2,0 điểm… |  |

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**ĐỀ 2**

|  |  |
| --- | --- |
|  | **KÌ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI CẤP HUYỆN**  **NĂM HỌC 2017 – 2018**  Môn: **NGỮ VĂN 8**  Thời gian: **150 phút** *(không kể thời gian phát đề)* |

**I. PHẦN ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)**

* **Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:**

**THỜI GIAN LÀ VÀNG**

*Ngạn ngữ có câu: Thời gian là vàng. Nhưng vàng thì mua được mà thời gian không mua được. Thế mới biết vàng có giá mà thời gian là vô giá.*

*Thật vậy, thời gian là sự sống. Bạn vào bệnh viện mà xem, người bệnh nặng, nếu kịp thời chạy chữa thì sống, để chậm là chết.*

*Thời gian là thắng lợi. Bạn hỏi các anh bộ đội mà xem, trong chiến đấu, biết nắm thời cơ, đánh địch đúng lúc là thắng lợi, để mất thời cơ là thất bại.*

*Thời gian là tiền. Trong kinh doanh, sản xuất hàng hóa đúng lúc là lãi, không đúng lúc là lỗ.*

*Thời gian là tri thức. Phải thường xuyên học tập thì mới giỏi. Học ngoại ngữ mà bữa đực, bữa cái, thiếu kiên trì, thì học mấy cũng không giỏi được.*

*Thế mới biết, nếu biết tận dụng thời gian thì làm được bao nhiêu điều cho bản thân và cho xã hội. Bỏ phí thời gian thì có hại và về sau hối tiếc cũng không kịp.*

**(Phương Liên – Ngữ văn 9, Tập hai, NXB Giáo dục, 2005, tr. 36 – 37)**

**Câu 1.** Xác định phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong văn bản. (1 điểm)  
**Câu 2.** Theo tác giả, thời gian có những giá trị nào? (1 điểm)  
**Câu 3.** Chỉ ra tác dụng của phép điệp được sử dụng trong văn bản. (1,0 điểm)  
**Câu 4.** Từ ý nghĩa được gợi ra từ văn bản, anh/chị tâm đắc nhất với giá trị thời gian nào? (1,0 điểm)

**PHẦN II: LÀM VĂN (14,0 điểm)**

**Câu 1*(6.0 điểm)***

**TIẾNG THÌ THẦM CỦA SA MẠC**

Một nhà thám hiểm đi tới vùng sa mạc, nhìn hết huớng này sang hướng khác nơi đâu cũng thấy toàn cát và cát, cát và gió, cát và nắng cháy. Lê gót trong tuyệt vọng ông vấp ngã và nằm vùi trong cát. Không còn đủ sức đứng lên, không còn chút hi vọng sống. Áp tai vào cát ông cảm nhận sự thinh lặng đáng sợ của sa mạc. Nhưng trong thinh lặng tuyệt đối ông bỗng nghe như có tiếng thì thầm từ đâu vang lại- hình như tiếng róc rách của một dòng suối.

Ông cố gắng vươn dậy, trườn về phía những âm thanh mơ hồ đó. Và ông đã vượt qua sa mạc. Kì diệu hơn ông bắt gặp dòng suối trong mát! Sự sống đã hồi sinh!

**(Những câu chuyện về lẽ sống - internet)**

Viết một bài luận về bài học cuộc sống mà em rút ra từ câu chuyện trên.

**Câu 2:*(10.0 điểm)***

Hãy làm sáng tỏ lòng yêu cuộc sống và niềm khát khao tự do cháy bỏng của người chiến sĩ cách mạng trẻ tuổi trong cảnh tù ngục được thể hiện qua bài thơ *Khi con tu hú* cuả Tố Hữu ( Sách *Ngữ văn 8*, tập hai - Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam)

.

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

**I. HƯỚNG DẪN CHUNG**

- Giám khảo cần nắm bắt được nội dung trình bày trong bài làm để đánh giá một cách tổng quát, tránh đếm ý cho điểm.

- Cần chủ động linh hoạt trong việc vận dụng đáp án và thang điểm, khuyến khích những bài viết giàu cảm xúc, sáng tạo. Coi trọng kĩ năng và năng lực tư duy

- Tổng điểm trong bài là 20 điểm, chi tiết điểm đến 0,5 điểm

**II. HƯỚNG DẪN CỤ THỂ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **PHẦN/ CÂU** | **Ý** | **NỘI DUNG** | **ĐIỂM** |
| **I** | **ĐỌC – HIỂU** | | **4,0** |
|  | **1** | Phương thức biểu đạt chính được sử dụng: nghị luận | 1,0 |
| **2** | Theo tác giả Phương Liên, thời gian có những giá trị: thời gian là sự sống, thời gian là thắng lợi, thời gian là tiền, thời gian là tri thức. | 1,0 |
| **3** | Tác dụng của phép điệp trong văn bản (Thời gian là….): nhấn mạnh giá trị quý báu của thời gian đối với con người. | 1,0 |
| **4** | Học sinh có thể chọn và lí giải một giá trị của thời gian mà bản thân tâm đắc nhất (có thể chọn một giá trị đã nêu trong văn bản hoặc ngoài văn bản mà bản thân tâm đắc). | 1,0 |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 1  (6đ) | **I.** **Yêu cầu về kĩ năng**: Thí *sinh biết viết bài văn nghị luận xã hội; kết cấu chặt chẽ, diễn đạt trôi chảy, không mắc lỗi chính tả, lỗi dùng từ và ngữ pháp.* |  |
| **II**. **Yêu cầu về kiến thức**: *Bài viết cần đảm bảo được những kiến thức cơ bản sau:* |  |
| **Giới thiệu được vấn đề cần nghị luận:** sức mạnh hay sự kì diệu của ước mơ, hi vọng trong cuộc sống. | **0,5đ** |
| **Giải thích:**  -Tiếng thì thầm của sa mạc là câu chuyện về sức mạnh hay sự kì diệu của ước mơ, hi vọng.  -Ước mơ, hi vọng là thứ ánh sáng trong tâm hồn được thắp lên trong những hoàn cảnh ngặt nghèo, khó khăn của cuộc sống và trở thành động lực, tạo nên sức mạnh tinh thần giúp con người vượt qua thử thách. | **1,0đ** |
| **Bình luận** – **Bàn luận, mở rộng vấn đề:**  - Hi vọng điều tốt đẹp sẽ đến là biểu hiện của niềm lạc quan, yêu sống. Khi đó điều hi vọng chính là mục tiêu vươn tới của con người...  - Ước mơ hi vọng tạo nên động lực, thôi thúc con người hành động, khơi thức lên trong tâm hồn ý chí và nghị lực, tạo nên nguồn sức mạnh phi thường để vượt qua tất cả những trở ngại trong cuộc sống.  - Cuộc sống không nên thiếu mơ ước, hi vọng nhưng không phải niềm hi vọng nào cũng mang ý nghĩa nhân sinh tích cực. Có những hi vọng hão huyền.... không bao giờ trở thành hiện thực, cần phê phán.  -Lại cũng có những con người luôn nản chí trước khó khăn, nhìn cuộc đời bằng cái nhìn chán nản, chẳng bao giờ biết mơ ước, hi vọng=> cuộc sống sẽ u buồn và khó thành công...  (***Học sinh cần dùng lí lẽ và dẫn chứng làm sáng rõ những ý trên)*** | **2,5đ** |
| **Bài học nhận thức và hành động:**  - Luôn lạc quan trước cuộc sống. Trong bất kì hoàn cảnh nào cũng phải biết tự thắp lên ánh sáng của ước mơ, hi vọng.  - Mơ ước phải phù hợp với hoàn cảnh thực tế, với năng lực bản thân.... và điều mơ ước phải gắn liền với những giá trị CHÂN, THIỆN, MĨ của cuộc sống. | **1,5đ** |
|  | **Suy nghĩ chung** | **0.5** |
| **3**  **10.0đ** | Về kĩ năng  - Biết cách viết một bài văn nghị luận văn học. Bố cục bài viết sáng rõ, các luận điểm liên kết mạch lạc, liên kết chặt chẽ; văn phong trong sáng, có cảm xúc,…. | 1.0 |
| Về kiến thức  *Thí sinh có thể sắp xếp các luận điểm trong bài viết theo nhiều cách nhưng về cơ bản, cần đảm bảo những nội dung sau:*  *Mở bài:*  - Giới thiệu về Tố Hữu và hoàn cảnh sáng tác bài thơ: Bài thơ được sáng tác tháng 7 năm 1939 tại nhà lao Thừa Phủ (Huế), khi tác giả bị bắt giam vào đây chưa lâu. Người thanh niên say mê lý tưởng cách mạng, yêu đời bị giam cầm trong lao tù cảm thấy ngột ngạt vì mất tự do, náo nức hướng ra cuộc sống bên ngoài, muốn thoát ra để trở về với cuộc sống tự do, với hoạt động cách mạng.  - Nêu nội dung lòng yêu cuộc sống và niềm khát khao tự do cháy bỏng của người chiến sĩ cách mạng được thể hiện qua bài thơ. | 1.0 |
| *b.Thân bài :*  Học sinh làm sáng tỏ lòng yêu cuộc sống, niềm khát khao tự do cháy bỏng của người chiến sĩ cách mạng trẻ tuổi đang bị giam cầm trong tù ngục được thể hiện bằng những hình ảnh gợi cảm và thể thơ lục bát giản dị mà tha thiết...  + Ý thứ nhất: Bài thơ thể hiện sâu sắc lòng yêu cuộc sống qua cảnh trời đất vào hè trong tâm tưởng người tù cách mạng (6 câu thơ đầu).  - Lòng yêu cuộc sống tha thiết đã giúp cho trí tưởng tượng người tù cách mạng hướng về cuộc sống tự do bên ngoài. Từ sự tưởng tượng ấy mà một bức tranh mùa hè rộn rã, tươi vui, đầy sức sống được hiện ra (với tiếng ve, lúa chiêm đang chín, bầu trời cao rộng, đặc biệt tiếng chim tu hú đã thức dậy mùa hè rộn rã âm thanh, rực rỡ sắc màu, ngọt ngào hýõng vị:...). Đó là một bức tranh tâm cảnh sống động và đằng sau bức tranh ấy là tình cảm, tấm lòng của người chiến sĩ cách mạng đối với cuộc sống.  *“Khi con tu hú gọi bầy*  *Đôi con dièu sáo lộn nhào từng không...”*  - Hình ảnh mùa hè hiện lên trong tâm tưởng người chiến sĩ cách mạng đang bị giam cầm trong chốn lao tù là sự cảm nhận của một tâm hồn trẻ trung, tràn đầy lòng yêu cuộc sống... | 3.5 |
| + Ý thứ hai: Bài thơ thể hiện niềm khát khao tự do cháy bỏng của người chiến sĩ cách mạng bị giam cầm trong chốn lao tù…(4 câu thơ cuối)  - Bốn câu thơ cuối thể hiện tâm trạng người tù cách mạng: đó là tâm trạng đau khổ, uất ức, ngột ngạt được nói lên trực tiếp:  *“Ta nghe hè dậy bên lòng*  *Mà chân muốn đạp tan phòng, hè ôi!”*  - Tâm trạng ấy như truyền tới người đọc cảm giác ngột ngạt cao độ, đồng thời thể hiện niềm khát khao tự do cháy bỏng: muốn thoát ra khỏi cảnh ngục tù, trở về với cuộc sống tự do bên ngoài:  *“Ngột làm sao, chết uất thôi*  *Con chim tu hú ngoài trời cứ kêu !”*  HS có thể mở rộng bằng một số câu thơ khác trích trong các bài thơ *“Ngắm trăng”*, *“Đi đường”* (*Nhật kí trong tù* – Hồ Chí Minh) để làm phong phú cho bài làm... | 2.5  1.0 |
| Kết bài:  - Khẳng định lòng yêu cuộc sống và niềm khát khao tự do cháy bỏng của người chiến sĩ cách mạng được thể hiện qua bài thơ.  - Học sinh có thể liên hệ bản thân qua lòng yêu cuộc sống, qua nghị lực vượt khó để góp phần bảo vệ độc lập, tự do của đất nước. | 1.0 |

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**ĐỀ 4**

**ĐỀ THI HSG MÔN NGỮ VĂN 8 CẤP HUYỆN**

**NĂM HỌC: 2017 - 2018**

**Thời gian: 150 phút**

**ĐỀ BÀI**

**I. ĐỌC HIỂU (6 điểm).**

***Đọc văn bản và thực hiện các yêu cầu từ câu 1 đến câu 4:***

(1)*“Thế giới cần nâng niu quá đỗi. Ta sống đời lại thô tháp làm sao. Ta làm tổn thương những dòng sông. Ta làm tổn thương những mặt đầm. Ta làm tổn thương những mảnh vườn. Ta làm tổn thương những mùa hoa trái. Ta làm tổn thương những bình minh yên ả. Ta làm tổn thương những canh khuya trong vắng. Ta làm đau những niềm người quá đỗi mong manh...*

(2) *Mặt đất ngàn đời quen tha thứ. Đại dương bao la quen độ lượng. Cánh rừng mênh mông quen trầm mặc. Những dòng sông quen chảy xuôi. Những hồ đầm quen nín lặng. Những nẻo đường quen nhẫn nhịn. Những góc vườn quen che giấu. Những thảm rêu vốn không biết dỗi hờn. Những đoá hoa không bao giờ chì chiết. Những giấc mơ chỉ một mực bao dung. Những yêu thương không bao giờ trả đũa… Và ta cứ yên chí đi qua thế giới này với bước chân quen xéo lên cỏ hoa. Thỉnh thoảng bàn chân nên bị gai đâm, để ta được giật mình: tổn thương là rỉ máu”.*

(Chu Văn Sơn, *Nên bị gai đâm*)

**Câu 1**. Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn trích.

**Câu 2**. Em hãy cho biết chủ đề của đoạn văn (1).

**Câu 3**. Chỉ ra và phân tích tác dụng của biện pháp nghệ thuật nổi bật được sử dụng trong đoạn văn (2).

**Câu 4**. Theo em, tại sao tác giả lại cho rằng: *“Thỉnh thoảng bàn chân nên bị gai đâm, để ta được giật mình: tổn thương là rỉ máu.”?*

**II. TẠO LẬP VĂN BẢN (14 điểm).**

**Câu 1.** Từ nội dung ở phần đọc – hiểu, em hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ, tương đương 20 – 25 dòng) nêu suy nghĩ của em về ***lòng vị tha***.

**Câu 2.** Giáo sư, nhà giáo, nhà lý luận - phê bình văn học Lê Ngọc Trà có nhận định cho rằng: “*Nghệ thuật bao giờ cũng là tiếng nói tình cảm của con người, là sự tự giãi bày và gửi gắm tâm tư.”*.

Em hiểu nhận định trên như thế nào? Phân tích bài thơ “Khi con tu hú” (Tố Hữu) để làm sáng tỏ nhận định trên. Liên hệ với bài thơ “Tiếng gà trưa” (Xuân Quỳnh, Ngữ văn 7, tập 2) để làm rõ sự *“tự giãi bày và gửi gắm tâm tư”* của nhà thơ.

***--- Hết ---***

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

**I. Hướng dẫn chung:**

*1. Do đặc trưng của môn Ngữ văn và kì thi chọn HSG, bài làm của thí sinh cần được đánh giá linh hoạt.*

*2. Chỉ cho điểm tối đa theo thang điểm với những bài viết đáp ứng đầy đủ những yêu cầu đã nêu ở mỗi câu, đồng thời phải chặt chẽ, diễn đạt lưu loát, có cảm xúc.*

*3. Khuyến khích những bài viết sáng tạo, có kiến giải riêng nhưng phải thuyết phục.*

**II. Hướng dẫn cụ thể:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Yêu cầu** | **Điểm** |
| **Phần I ĐỌC - HIỂU** | |  |
| 1. | Phương thức biểu đạt chính: Nghị luận. |  |
| 2. | Chủ đề đoạn văn: Con người ta quá vô tình trước những tội lỗi, tổn thương do chính mình gây nên đối với thế giới tự nhiên và người khác. |  |
| 3. | - Biện pháp nghệ thuật nổi bật: Điệp từ *(quen)*, điệp cấu trúc câu *(Những … quen …)*.  - Tác dụng:  + Nhấn mạnh sự vô tư, bao dung, rộng lượng, tha thứ và sẻ chia của tự nhiên đối với con người.  + Tạo cho đoạn văn giàu tính nhạc. |  |
| 4. | - Vì con người ta quá vô tư trước những tổn thương mà mình gây ra cho kẻ khác vì vậy mà bản thân chúng ta cũng nên bị “thương” để hiểu được tổn thương người khác cũng chính là làm đau chính mình và mọi người, tổn thương chính là rỉ máu.  - Lúc ấy ta sẽ biết yêu thương, chia sẻ; ta sẽ hòa vào thế giới này bằng trái tim độ lượng, bao dung, sẽ biết thấu hiểu, trân trọng, nâng niu thiên nhiên, đồng loại, dẹp bỏ đi thói vị kỉ, vô tâm, thờ ơ vô cảm để quan tâm nhiều hơn đến mọi người. |  |
| **Phần II. LÀM VĂN** | |  |
| **1.** | **Nghị luận xã hội** |  |
|  | **a.** *Đảm bảo cấu trúc của một đoạn văn nghị luận:* Mở đoạn giới thiệu vấn đề nghị luận; Thân đoạn làm rõ vấn đề nghị luận, triển khai được luận điểm; Kết đoạn khái quát được nội dung nghị luận. |  |
|  | **b.** *Xác định đúng vấn đề nghị luận* |  |
|  | **c**. *HS triển khai vấn đề nghị luận cụ thể, rõ ràng. Có thể trình bày theo định hướng sau:*  - Giải thích khái niệm: Vị tha là biết quan tâm, chăm lo một cách vô tư đến lợi ích của người khác mà hi sinh lợi ích của cá nhân mình. Lòng vị tha ở con người chứng tỏ một tinh thần vô cùng bao dung, nhân ái.  - Biểu hiện của lòng vị tha: thể hiện ở thái độ vô tư, không mưu toan tính toán khi giúp đỡ người khác làm một việc gì đó. Sẵn sàng giúp đỡ bạn bè, biết cảm thông giúp đỡ những người có hoàn cảnh khó khăn, sẵn sàng tha thứ cho lỗi lầm của người khác, biết quan tâm đến những người xung quanh, sống hoà mình với mọi người, biết yêu thương đồng bào, đồng loại....  - Vai trò của lòng vị tha: đối với bản thân, con người sẽ cảm thấy thanh thản trước cuộc đời bởi thấy rằng mình có ích, được mọi người mến yêu, quý trọng. Đối với mọi người: lòng vị tha giúp người khác thấy cuộc có ý nghĩa, góp phần làm cho xã hội ngày càng tốt đẹp hơn.  - Mở rộng: Phê phán thái độ sống ích kỉ, chỉ biết quan tâm đến lợi ích bản thân, có khi vì mình mà làm hại cho tập thể, cho dân, cho nước.  - Bài học: Lòng vị tha là đức tính quý báu cần có của mỗi con người. Sống vị tha mỗi người sẽ cảm thấy thêm yêu cuộc sống, có động lực để sống tốt hơn trong cuộc đời này. |  |
| **d.** *Sáng tạo:* có cách diễn đạt độc đáo, thể hiện những suy nghĩ, kiến giải mới mẻ về vấn đề |  |
| **e.** *Chính tả, dùng từ, đặt câu:* đảm bảo những quy tắc về chuẩn chính tả, dùng từ, đặt câu. |  |
| **2.** | **Nghị luận văn học** |  |
|  | **a.** *Đảm bảo cấu trúc của một bài văn nghị luận*: Có đầy đủ phần Mở bài, thân bài, kết bài. Mở bài giới thiệu vấn đề nghị luận; Thân bài làm rõ được nhận định, triển khai được các luận điểm; kết bài khái quát được nội dung nghị luận. |  |
|  | **b.** *Xác định đúng vấn đề nghị luận* |  |
|  | ***c.*** *Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; thể hiện sự nhận thức sâu sắc và vận dụng tốt các thao tác lập luận; có sự kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng.*  Thí sinh có thể giải quyết vấn đề theo hướng sau:  **\* Giới thiệu chung về vấn đề nghị luận.**  - Dẫn dắt vấn đề nghị luận, trích dẫn ý kiến của Lê Anh Trà.  **-** Khẳng định vấn đề trong tác phẩm *Khi con tu hú* của Tố Hữu, liên hệ tác phẩm *Tiếng gà trưa* của Xuân Quỳnh: cả hai văn bản đều là “sự giải bày và gửi gắm tâm tư”, thể hiện những tình cảm cao đẹp của con người.  **\* Triển khai làm sáng tỏ vấn đề nghị luận.**  **1. Giải thích ý kiến:**  - Tiếng nói tình cảm trong văn học được bày tỏ rất đa dạng: “sự giãi bày” là thể hiện tình cảm một cách trực tiếp, chân thành; “gửi gắm tâm tư” là bộc lộ tình cảm âm thầm kín đáo, mong chờ tiếng nói đồng vọng tri âm tri kỉ.  **-** Văn học phải thể hiện được mọi khía cạnh trong đời sống con người: số phận, tư tưởng, trí tuệ, và đặc biệt là tình cảm. Văn học phải chuyên chở mọi cung bậc tình cảm của con người, là cầu nối giữa biết bao tâm hồn, biết bao cảm xúc.  - Cảm xúc trong văn học không phải là thứ cảm xúc vu vơ hời hợt, mà bao giờ nó cũng phải là một cảm xúc mãnh liệt. Nó không phải cái mãnh liệt ầm ào bên ngoài, mà nó là sự cô đặc về chất của cảm xúc.  - Cảm xúc của văn học phải được soi chiếu dưới lý tưởng của thời đại, phải được dẫn dắt bởi một tư tưởng.  🡺 Nhận định của giáo sư Lê Ngọc Trà đã đề cập đến đặc trưng quan trọng trong nội dung của tác phẩm văn học: tính cảm xúc. Từ sự tự giãi bày và gửi gắm tâm tư, văn học cất lên tiếng nói chung, tạo ra tiếng vọng kêu gọi những tấm lòng đồng cảm, để biết bao người đọc tìm thấy mình trong từng con chữ của người nghệ sĩ.  **2. Chứng minh nhận định qua bài thơ “Khi con tu hú”:**  ***Khái quát về bài thơ***: Tố Hữu sáng tác bài thơ Khi con tu hú tại nhà lao Thừa Phủ (Huế) vào mùa hè năm 1939, sau khi bị thực dân Pháp bắt giam vì “tội” yêu nước và làm cách mạng. Bài thơ thể hiện tâm trạng xốn xang, bức bối của người thanh niên cộng sản đang bị cầm tù, khi nghe thấy tiếng chim tu hú báo hiệu mùa hè đến đã muốn phá tung xiềng xích để trở về với đồng bào, đồng chí yêu thương.  ***\* Luận điểm 1. Tiếng chim tu hú là yếu tố gợi mở để mạch cảm xúc trào dâng mãnh liệt, là sự “tự giải bày” của người tù cộng sản:***  - Tiếng chim tu hú gọi bầy gợi cho nhà thơ nghĩ đến khung trời lồng lộng ở bên ngoài và càng cảm thấy ngột ngạt trong xà lim chật chội, càng khao khát cháy bỏng cuộc sống tự do (dẫn chứng).  - Đó là tín hiệu của mùa hè rực rỡ, của sự sống tưng bừng sinh sôi nảy nở. Tiếng chim vô tình tác động đến tâm hồn người tù trẻ tuổi. Nằm trong xà lim chật hẹp, tối tăm, cách biệt với thế giới bên ngoài, nhà thơ lắng nghe tiếng chim rộn rã, lắng nghe mọi âm thanh cuộc đời bằng tâm hồn và trái tim nhạy cảm của người nghệ sĩ. Một tiếng chim thôi cũng gợi trong tâm tưởng nhà thơ cả một trời thương nhớ về những mùa hè nồng nàn của quê hương (dẫn chứng, phân tích).  - Sáu câu thơ lục bát uyển chuyển mở ra cả một thế giới rộn ràng, tràn trề nhựa sống. Nhiều âm thanh, hình ảnh tiêu biểu của mùa hè được đưa vào bài thơ: tiếng ve ngân trong vườn cây, lúa chiêm chín vàng trên cánh đồng, bầu trời cao rộng với cánh diều chao lượn, trái cây chín mọng ngọt lành… Tiếng chim tu hú khởi đầu và bắt nhịp cho mùa hè rộn rã âm thanh, rực rỡ màu sắc, ngạt ngào hương vị… trong cảm nhận của người tù. Đoạn thơ thể hiện khả năng cảm nhận tinh tế và khát vọng tự do cháy bỏng của người chiến sĩ cách mạng trẻ trung, yêu đời nhưng đang bị quân thù tước mất tự do.  - Sức sống mãnh liệt của mùa hè chính là sức sống mãnh liệt của tuổi trẻ khát khao lí tưởng cách mạng, khát khao hoạt động, cống hiến cho dân, cho nước. Tiếng chim tu hú là tiếng gọi thôi thúc của cuộc sống đối với người chiến sĩ cách mạng đang bị giam cầm. Bên ngoài là tự do, phóng khoáng, đối lập với sự tù túng, bức bối trong nhà giam (dẫn chứng).  ***\* Luận điểm 2. Tiếng chim tu hú không chỉ gợi nhớ yêu thương, mà còn là lời giục giã người chiến sĩ nhanh chóng trở về với cách mạng, cũng là sự “gửi gắm tâm tư” của người tù cộng sản.***  - Tâm trạng đau khổ, uất ức bật thốt thành lời thơ thống thiết. Cách ngắt nhịp bất thường kết hợp với các từ ngữ có khả năng đặc tả và những từ cảm thán như truyền đến độc giả cái cảm giác uất hận cao độ và niềm khao khát cháy bỏng muốn thoát ra khỏi cảnh tù ngục, trở về với cuộc sống tự do bên ngoài của người thanh niên yêu nước đang bị giam cầm trong lao tù đế quốc (dẫn chứng).  - Những câu thơ chứa đựng nỗi khắc khoải, vật vã, day dứt khôn nguôi cả về thể xác lẫn tâm hồn của nhà thơ trẻ. Trong hoàn cảnh ấy, thời khắc ấy, người cộng sản phải tự đấu tranh với bản thân để làm chủ mình, vượt lên những đắng cay nghiệt ngã của lao tù đế quốc, nuôi dưỡng ý chí, giữ vững khí tiết và tinh thần đấu tranh cách mạng.  - Tiếng chim tu hú cứ kêu hoài như nhắc nhở tới nghịch cảnh của nhà thơ, giục giã nhà thơ phá tung tù ngục để giành lại tự do. Bốn câu thơ sau căng thẳng như chứa đựng một sức mạnh bị dồn nén chỉ chực bật tung ra. Đó là tâm trạng của người chiến sĩ cách mạng trẻ tuổi hoạt động chưa được bao lâu đã lâm vào cảnh tù ngục, lúc nào cũng khao khát tự do, muốn thoát khỏi bốn bức tường xà lim lạnh lẽo để trở về với đồng bào, đồng chí thân yêu.  - Tiếng chim tu hú chỉ trong một khoảnh khắc ngắn ngủi đã làm dậy lên tất cả cảnh và tình mùa hè trong tâm tưởng nhà thơ. Người tù thấu hiểu được cảnh ngộ trớ trêu của mình trong chốn lao tù ngột ngạt, giữa lúc cuộc sống bên ngoài đang nảy nở, sinh sôi. Phải bứt tung xiềng xích, phá tan những nhà ngục hữu hình và vô hình đang giam hãm cả dân tộc trong vòng nô lệ.  - Bài thơ hay ở những hình ảnh thơ gần gũi, giản dị mà giàu sức gợi cảm, ở nghệ thuật sử dụng thể thơ lục bát uyển chuyển, tự nhiên và cả ở những cảm xúc thiết tha, sàu lắng, thể hiện được nguồn sống sục sôi của người cộng sản.  ***Luận điểm 3. Bài thơ “Tiếng gà trưa” (Xuân Quỳnh) là sự bộc lộ tình cảm yêu quê hương, đất nước chân thành, sâu lắng của nhà thơ qua hình tượng tiếng gà trưa, cũng là sự “tự giãi bày và gửi gắm tâm tư”của nhà thơ***.  - Khái quát về bài thơ: Bài thơ Tiếng gà trưa được viết trong những năm đầu của cuộc kháng chiến chống đế quốc Mĩ trên phạm vi cả nước. Trong hoàn cảnh nước sôi lửa bỏng ấy, hàng triệu thanh niên đã lên đường với khí thế “xẻ dọc Trường Sơn đi đánh Mĩ, Mà lòng phơi phới dậy tương lai”. Nhân vật trữ tình trong bài thơ là người chiến sĩ trẻ đang cùng đổng đội trên đường hành quân vào Nam chiến đấu. Tiếng gà trưa đã gợi nhớ về những kỉ niệm đẹp đẽ của tuổi thơ và tình bà cháu. Tình cảm gia đình, quê hương đã làm sâu sắc thêm tình yêu đất nước.  - Bao trùm bài thơ là nỗi nhớ cồn cào, da diết. Chỉ một tiếng gà trưa bất chợt nghe thấy khi dừng chân bên xóm nhỏ là đã gợi dậy cả một trời thương nhớ, thể hiện sự rung cảm cao độ trong tâm hồn chiến sĩ (dẫn chứng)  *-* Quê nhà hiện lên rõ nét trong tâm tưởng và những kỉ niệm tuổi thơ lần lượt sống dậy qua những hình ảnh thân thương. Tiếng gà trưa khiến người cháu xa nhà nhớ đến người bà kính yêu một đời tần tảo (dẫn chứng).  - Nổi bật qua gần suốt bài thơ là hình ảnh người bà chắt chiu, giành giụm yêu thương cháu. Bà đã luôn ân cần, hi sinh và mệt nhọc. Hình ảnh người bà được miêu tả gắn bó thân thuộc với quê hương làng xóm, hơn thế nó còn là những kỉ niệm không bao giờ phai nhạt (dẫn chứng).  - Tâm trạng người chiến sĩ trẻ từ những kỉ niệm về tuổi thơ của mình mà khi quay về thực tại với con dường hành quân trở nên giàu lòng hăng hái với giọng thơ tràn trề sinh khí. Xuân Quỳnh đã khẳng định mục đích chiến đấu hôm nay đó là vì tổ quốc, vì bà, vì kỉ niệm tuổi thơ êm đềm của mình. Và nhà thơ khẳng định mình chiến đấu hôm nay chính là vì muốn bảo vệ quê hương, bảo vệ sự yên bình của mọi mái nhà trên tổ quốc (dẫn chứng).  🡺 Tiếng gà trưa gợi những nỗi nhớ về người bà, về những kỉ niệm tuổi thơ, về quê hương làng xóm và mục đích chiến đấu của người chiến sĩ chính là “sự giải bày” tình cảm của người chiến sĩ trẻ.  - Tiếng gà cũng là tiếng gọi thân yêu của bà, của mẹ, của quê hương. Tiếng gọi thân yêu ấy như là niềm tin cho người chiến sĩ trong cuộc chiến đấu bảo vệ quê hương yêu dấu, là tình cảm tiền tuyến - hậu phương của nhân dân ta trong cuộc kháng chiến, gian khổ có thể làm mệt mỏi, bom đạn có thể hủy diệt mọi thứ nhưng những tình cảm về bà, về những kỉ niệm ấu thơ cùng tiếng gà trưa không bao giờ chết mà vẫn còn nguyên lửa, vẫn cứ trào dâng trong lòng. Đó là tình cảm, cảm xúc được gửi gắm kín đáo trong bài thơ.  - Bài thơ “Tiếng gà trưa” của nhà thơ Xuân Quỳnh là một bài thơ hay, những câu từ trong bài thơ bắt nguồn từ những thứ giản dị, gần gũi và mộc mạc nhưng lại có giá trị lớn lao và cao đẹp.  **\* Đánh giá chung.**  - Hai bài thơ “Khi con tu hú” (Tố Hữu) và “Tiếng gà trưa” (Xuân Quỳnh) tuy sáng tác ở hai thời kỳ khác nhau, có những nét khác biệt về nội dung và nghệ thuật song đều là những bài thơ hay của dòng văn học cách mạng Việt Nam.  - Cả hai bài thơ đều hướng tới ngợi ca những tình cảm cao đẹp của người Việt Nam: tình yêu thiên nhiên, tình cảm gia đình, tình yêu đất nước… Những tình cảm đó chính là “sự giải bày và gửi gắm tâm tư” của nhà thơ đến với bạn đọc thông qua sáng tác của mình.  - Khẳng định nhận định của giáo sư, nhà giáo, nhà phê bình văn học Lê Ngọc Trà là hoàn toàn chính xác bởi đặc trưng quan trọng trong nội dung của tác phẩm văn học chính là tính cảm xúc. |  |
|  | **d.** *Sáng tạo:* Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng về vấn đề nghị luận. |  |
|  | **e.** *Chính tả, dùng từ, đặt câu:* Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa tiếng Việt. |  |

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**ĐỀ 5**

**ĐỀ THI HỌC SINH GIỎI CẤP THÀNH PHỐ**

**Năm học: 2017-2018**

**Môn: Ngữ văn lớp 8**

*Thời gian làm bài: 150 phút*

**Câu 1: (4,0 điểm)**

Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:

*Nhưng, ô kìa! Sau trận mưa vùi dập và những cơn gió phũ phàng kéo dài suốt cả một đêm, tưởng chừng như không bao giờ dứt, vẫn còn một chiếc lá thường xuân bám trên bức tường gạch. Đó là chiếc lá cuối cùng trên cây. Ở gần cuống lá còn giữ màu xanh sẫm, nhưng với rìa là hình răng cưa đã nhuốm màu vàng úa, chiếc lá vẫn dũng cảm treo bám vào cành cách mặt đất chừng hai mươi bộ.*

(Chiếc lá cuối cùng- O Hen-ri)

a. Chỉ rõ thán từ trong đoạn văn trên.

b. Tìm các từ cùng trường từ vựng trong câu văn sau và nêu tác dụng của trường từ vựng đó: Ở gần cuống lá còn giữ màu xanh sẫm, nhưng với rìa là hình răng cưa đã nhuốm màu vàng úa, chiếc lá vẫn dũng cảm treo bám vào cành cách mặt đất chừng hai mươi bộ.

c. Nêu ý nghĩa của hình tượng chiếc lá trong đoạn văn trên.

**Câu 2: (6,0 điểm)**

Trong bài phát biểu nhân kỷ niệm 1000 năm Thăng Long - Hà Nội, giáo sư Vũ Khiêu đã nói:

Để giàu sang, một người có thể chỉ mất vài ba năm, nhưng để trở thành người có văn hóa có thể phải mất hàng chục năm, có khi cả cuộc đời.

Hãy trình bày suy nghĩ của em về ý kiến trên.

**Câu 3: (10,0 điểm)**

Nhà văn A-na tô-li Phơ-răng nói: *Đọc một câu thơ nghĩa là ta gặp gỡ một tâm hồn con người.*

Em hiểu gì về câu nói trên của nhà văn Pháp? Cảm nhận của em về vẻ đẹp tâm hồn của người chiến sĩ cộng sản qua hai bài thơ Ngắm trăng (Hồ Chí Minh) và Khi con tu hú (Tố Hữu).

**......................Hết......................**

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

**MÔN: NGỮ VĂN 8**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Yêu cầu** | **Điểm** |
| **1**  **4.0đ** | a. Thán từ: ô kìa | **0.5** |
| b. - Trường từ vựng màu sắc: xanh sẫm, vàng úa. | **0.5** |
| - Tác dụng: Miêu tả chiếc lá giống như thật: một chiếc lá thường xuân vừa trải qua một đêm mưa gió tưởng như sắp rụng vẫn dũng cảm đeo bám vào cành. | **0.5** |
| c. Ý nghĩa của hình tượng chiếc lá trong đoạn văn trên:  - Tác dụng trong việc xây dựng tình huống truyện (thắt nút, mở nút bất ngờ mà hứng thú). (0,5 điểm)  - Gợi nhiều liên tưởng:  - Gợi liên tưởng đến số phận con người. Vì nghèo đói và bệnh tật mà Giôn-xi tuyệt vọng, bi quan về cuộc sống. (0,5 điểm)  - Chiếc lá còn gợi liên tưởng đến ý chí, nghị lực của con người. (0,5 điểm)  - Đặc biệt, chiếc lá cuối cùng là hình tượng đẹp thể hiện tình yêu thương giữa những người nghèo khổ. (1 điểm) | **2.5** |
| **2**  **6.0đ** | **a. Về kĩ năng:**  - Biết cách làm bài văn nghị luận xã hội, bố cục rõ ràng, lập luận chặt chẽ, vận dụng tốt các thao tác lập luận, dẫn chứng tiêu biểu, chọn lọc.  - Bài viết trong sáng, mạch lạc, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp. |  |
| **b. Về kiến thức:**  Học sinh có thể bày tỏ những suy nghĩ khác nhau, nhưng cần đảm bảo các ý cơ bản sau:  **1. Dẫn dắt và giới thiệu vấn đề** | **0.5** |
| **2. Giải thích ý kiến**  - Văn hóa: Một khái niệm rộng bao gồm mọi lĩnh vực của đời sống, từ khoa học cho đến nghệ thuật, từ đời sống tâm hồn, tâm linh đến thói quen sinh hoạt, thị hiếu thẩm mĩ, giao tiếp ứng xử,... của con người.  - Khái niệm văn hóa trong câu nói của Vũ Khiêu bàn đến văn hóa của một người. Bằng những mệnh đề tương phản: giàu sang - có văn hóa; ba năm - chục năm, cả cuộc đời, nhà văn hóa Vũ Khiêu muốn khẳng định sự dày công trong việc dạy dỗ, giáo dục, rèn luyện để một con người trở nên có văn hóa. | **1.0** |
| **3. Bàn luận, mở rộng vấn đề**  - Khẳng định ý kiến hoàn toàn đúng đắn và xác đáng.  - Để giàu sang, một người có thể chỉ mất vài ba năm: Với một con người, việc tạo lập một sản nghiệp, một cuộc sống đủ đầy có thể chỉ mất một thời gian ngắn. Sự cần cù và sáng tạo trong lao động có thể khiến họ nhanh chóng trở thành người giàu có. Để trở thành một người có văn hóa, có thể phải mất hàng chục năm, có khi cả cuộc đời:  - Để hình thành nền tảng văn hóa tri thức, con người cần rèn luyện, tích lũy trong khoảng thời gian hàng chục năm khi ngồi trên ghế nhà trường và trong suốt cả cuộc đời, Học, học nữa, học mãi (Lênin).  - Mỗi người phải mất cả cuộc đời để hoàn thiện những giá trị văn hóa tinh thần: Đó là vẻ đẹp tâm hồn với các giá trị đạo đức như: tình yêu thương, nhân ái, lòng vị tha, khoan dung, sự sẻ chia, đồng cảm; lòng yêu nước, ý thức dân tộc, cộng đồng; thái độ trân trọng lịch sử, trân trọng quá khứ; văn hóa giao tiếp ứng xử giữa người với người trong cuộc sống...  - Văn hóa tri thức và đạo đức nhân cách của con người có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Những người có trình độ văn hóa cao thường là những nhân cách đáng trọng. Tuy nhiên điều đó không hoàn toàn đúng với mọi trường hợp bởi trên thực tế, nhiều người có trình độ văn hóa cao vẫn có thể có những suy nghĩ ấu trĩ, vẫn có thể mắc những sai lầm trong giao tiếp ứng xử.  - Vì vậy song song với việc bồi đắp tri thức văn hóa, con người ta còn phải học làm người, tăng cường rèn luyện kĩ năng sống. | **3.0** |
| **4. Bài học nhận thức và hành động**  - Việc rèn luyện để trở thành con người có văn hóa là quan trọng, cần thiết.  - Để đào luyện một con người có văn hóa cần có sự chung tay của cả gia đình, nhà trường, xã hội. Tuy nhiên yếu tố quyết định là ở mỗi người, ở việc trau dồi ý thức làm người. | **1.5** |
| **3**  **10.0đ** | **A. Yêu cầu chung:**  - Về hình thức: trình bày, diễn đạt, liên kết câu...  - Về nội dung: làm rõ vẻ đẹp tâm hồn người chiến sĩ cộng sản trong hai bài thơ. |  |
| **B. Yêu cầu cụ thể:**  Học sinh có thể bày tỏ những suy nghĩ khác nhau, nhưng cần đảm bảo các ý cơ bản sau:  ***I. Mở bài:***  Dẫn dắt, đưa nhận định | **0.5** |
| ***II. Thân bài:***  **1. Giải thích:**  Đúng như nhà văn A-na tô-li Phơ-răng đã nói: “Đọc một câu thơ nghĩa là ta gặp gỡ một tâm hồn con người”. Có nghĩa là đọc một câu thơ, chúng ta không chỉ cảm nhận được vẻ đẹp của ngôn từ mà còn cảm nhận được vẻ đẹp tâm hồn của nhà thơ gửi gắm trong đó. Bởi thơ là tiếng nói của tâm hồn, tình cảm con người. Mỗi câu thơ ra đời là kết quả của những trăn trở, suy tư, nung nấu ở người nghệ sĩ. | **0.5** |
| **2. Chứng minh:**  HS tìm các phương diện vẻ đẹp tâm hồn của người chiến sĩ của cả hai bài thơ để phân tích. (Hoặc có thể phân tích vẻ đẹp tâm hồn người chiến sĩ theo từng bài thơ). Sau đây là gợi ý:  **a. LĐ 1:** Dù sống trong ngục tù nhưng những người chiến sĩ vẫn dành cho thiên nhiên một tình yêu sâu sắc:  - Trong bài thơ “Khi con tu hú”, tình yêu thiên nhiên, yêu cuộc sống khiến người tu tưởng tượng một mùa hè chan hoà ánh sáng, rực rỡ sắc màu rộn ràng âm thanh và ngọt ngào hương vị (dẫn chứng)  - Bài thơ “Ngắm trăng”:  - Bác nghĩ đến trăng và việc ngắm trăng ngay cả khi bản thân bị giam cầm, đày đọa. Người thấy thiếu mọi nghi thức thông thường. Cái thiếu “ rượu” và “hoa” là cái thiếu của một thi nhân chứ không phải là cái thiếu của một tù nhân (dẫn chứng)  - Sự xốn xang, bối rối rất nghệ sĩ trước cảnh đẹp đêm trăng của Bác (dẫn chứng)  - Sự giao hoà tự nhiên, tuyệt vời giữa con người và vầng trăng tri kỷ. Qua nghệ thuật đối và nhân hoá làm nổi bật tình cảm song phương, cho thấy mối quan hệ gắn bó tri âm giữa trăng và người (dẫn chứng) | **3.0** |
| **b. LĐ 2:** Họ luôn khao khát tự do mãnh liệt:  - Niềm khao khát mãnh liệt về với tự do còn được bộc lộ trực tiếp trong những câu cuối: d/c. Cách ngắt nhịp độc đáo, kết hợp với những từ ngữ mạnh (đập tan phòng, chết uất) và những từ cảm thán (ôi, làm sao, thôi) làm nổi bật cái cảm giác ngột ngạt cao độ, niềm khao khát cháy bỏng muốn thoát ra khỏi cảnh ngục tù để trở về với cuộc sống tự do bên ngoài. Tiếng chim tu hú mở đầu và kết thúc bài thơ đã tạo nên một sự hô ứng. Tiếng chim ban đầu là âm thanh đẹp của tự nhiên gợi lên trong tâm hồn người tù cách mạng trẻ tuổi một mùa hè tự do, khoáng đạt đầy sức sống. Còn tiếng chim tu hú ở cuối bài thơ lại là âm thanh giục giã, như thúc giục những hành động sắp tới.  - Còn Bác luôn hướng ra ánh sáng. Đó là vầng trăng, là bầu trời, là tự do và đó cũng là hy vọng, là tương lai. | **3.0** |
| **c. LĐ 3:** Người chiến sĩ cộng sản ấy cũng mang một phong thái ung dung, lạc quan trong bất kỳ hoàn cảnh nào: Hoàn cảnh khắc nghiệt của nhà tù Tưởng Giới Thạch không trói buộc được tinh thần và tâm hồn người tù, không làm mất đi nét thư thái ung dung vốn sẵn có ở Bác. Bác tự do rung động với vầng trăng, với cảnh đẹp bất chấp hoàn cảnh, bất chấp cái song sắt tàn bạo - biểu tượng cụ thể của nhà tù (cuộc vượt ngục tinh thần). | **2.0** |
| **3. Tổng hợp:**  - Như vậy, qua hai bài thơ, người đọc sẽ hiểu hơn về tâm hồn của người chiến sĩ cộng sản khi ở trong tù. Và vẻ đẹp tâm hồn của họ là cội nguồn tạo nên vẻ đẹp, giá trị tác phẩm.  - Đọc thơ hay, gặp gỡ tâm hồn người nghệ sĩ, người đọc thơ được thanh lọc, hoàn thiện tâm hồn mình. | **0.5** |
| ***III. Kết bài:*** Khẳng định lại nhận định và cảm nghĩ, liên hệ… | **0.5** |

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**ĐỀ 6.**

**ĐỀ THI HSG MÔN NGỮ VĂN 8 HUYỆN**

**NĂM HỌC 2017 - 2018.**

**Thời gian: 120 phút**

**Câu 1.** *(4,0 điểm)*

“*Bé Nguyễn* *Hải An hơn 7 tuổi (học sinh lớp 2A6- trường Tiểu học Tân Mai - Hà Nội) qua đời hôm 22/02 vừa qua vì chứng bệnh ung thư. Nhưng cuộc đời ngắn ngủi của bé gái hơn 7 tuổi rất xinh, có cặp mắt rất sáng ấy đã mở ra nhiều cuộc đời khác: Bé tặng giác mạc cho những người mù còn lại*”.

(Lược trích từ *Hải An, đôi mắt của con là ánh sáng cuộc đời*, www.tuoitre.vn.26/2/2018)

Hãy trình bày suy nghĩ của em về những bài học cuộc sống từ gợi ý của mẩu tin trên.

**Câu 2.** *(6,0 điểm)*

Có ý kiến cho rằng: *“Thơ ca bắt rễ từ lòng người, nở hoa nơi từ ngữ”*

Em hiểu ý kiến trên như thế nào? Hãy làm sáng tỏ qua bài thơ “*Khi con tu hú”* của Tố Hữu

---------------------Hết-------------------

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

**A. YÊU CẦU CHUNG**

- Giám khảo nắm được nội dung trình bày trong bài làm của học sinh để đánh giá một cách khái quát, tránh đếm ý cho điểm. Vận dụng linh hoạt đáp án, nên sử dụng nhiều mức điểm một cách hợp lí; khuyến khích những bài viết có cảm xúc và sáng tạo, phát triển được năng lực của học sinh.

- Học sinh có thể làm bài theo nhiều cách riêng nhưng đáp ứng được các yêu cầu cơ bản của đề, diễn đạt tốt vẫn cho đủ điểm.

- *Lưu ý: Điểm bài thi có thể lẻ đến 0,25 điểm, không làm tròn số*.

**B. YÊU CẦU CỤ THỂ**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung đạt được** | **Điểm** |
| **Câu 1** | **1. Tiêu chí về nội dung các phần bài viết:**  + Mức tối đa (3,5 điểm): Đáp ứng tốt các yêu cầu.  + Mức chưa tối đa (0,25-> 3,25 điểm): Căn cứ vào bài làm của HS cho điểm hợp lí.  + Mức không đạt (0 điểm): Không làm bài hoặc làm lạc đề. | **3,5** |
| **a. Mở bài:**  - Dẫn dắt, giới thiệu vấn đề nghị luận | **0,25** |
| **b. Thân bài:** | **3,0** |
| ***\** Giải thích** **ý nghĩa của đoạn tin.**  - Đoạn tin nói về Hải An - một cô bé 7 tuổi mắc bệnh u não hiếm gặp, đã hiến giác mạc của mình sau khi qua đời để giúp 2 người bệnh mù lòa có cơ hội nhìn thấy ánh sáng. Em bé đã phải chống chọi với căn bệnh ung thư suốt năm, sáu tháng. Câu chuyện của bé Hải An đã khiến nhiều người cảm phục, sau hành động của Hải An số lượng người tham gia hiến tạng đã tăng lên chóng mặt. | 0,25 |
| - Đây là một nghĩa cử cao đẹp, mang ý nghĩa nhân văn sâu sắc... *Chuyện về bé Hải An cho ta một bài học về lẽ sống ở đời: Phải biết hi sinh vì người khác, dám chấp nhận cả những thiệt thòi về phía bản thân mình...* | 0,25 |
| - Giải thích sơ lược: Hi sinh là những suy nghĩ, hành động vì người khác, vì cộng đồng. Người có đức hi sinh không chỉ có tấm lòng nhân ái mà còn là người biết biết hi sinh mọi quyền lợi về vật chất, tinh thần cho người khác, cho cộng đồng, cho xã hội... | 0,25 |
| ***\* Bình luận, chứng minh:***  - Đức hi sinh là một phẩm chất cao đẹp và cần thiết của mỗi con người… | 0,25 |
| - Những người biết hi sinh, có tấm lòng nhân ái, sẻ chia, sống vì người khác là những người cao thượng, vĩ đại được mọi người trân trọng, khâm phục và ngợi ca… | 0,25 |
| *-* Học sinh lấy dẫn chứng trong thực tế để làm sáng tỏ: *Tấm gương hi sinh cụ thể, gần nhất là sự hi sinh của bé Hải An trong đoạn tin trên. Bé đã* hiến tặng giác mạc của mình để trao ánh sáng cho những người khác. Những tấm gương hi sinh ta biết được qua sách báo, qua các phương tiện truyền thông … (HS nêu, phân tích 2-3 dẫn chứng); ngoài ra còn có những tấm gương âm thầm hi sinh cho đồng loại mà chúng ta không hề hay biết… | 0,75 |
| - Hành động trên nền tảng của đức hi sinh sẽ tạo nên những hình ảnh đẹp, đánh thức trong chúng ta những tình cảm cao thượng, khơi dậy tình yêu sâu sắc với con người, với cuộc sống. | 0,25 |
| ***\* Mở rộng vấn đề:***  - Tuy nhiên trong cuộc sống cũng còn một số người có lối sống ích kỷ, không biết hi sinh vì người khác, chỉ nghĩ đến quyền lợi của cá nhân mình… Những người như thế đáng bị phê phán, lên án… | 0,25 |
| ***\* Bài học rút ra:***  - Để có đức hy sinh con người phải có lòng nhân ái, biết yêu thương, quí trọng, biết lắng nghe, chia sẻ… Biết hi sinh cho mọi người từ nhận thức đến hành động.  - Tránh xa lối sống khép mình, ích kỉ, hẹp hòi, vun vén cá nhân, hoặc những sự tính toán nhỏ nhen.  ***(\* Lưu ý:***Nếu học sinh chỉ bàn luận về tình yêu thương, sự sẻ chia,... mà lập luận chặt chẽ, dẫn chứng hợp lí thì cho bằng 2/3 số điểm toàn bài) | 0,25 |
|  | **c. Kết bài:**  - Khẳng định, khái quát lại vấn đề.  - Liên hệ bản thân. | **0,25** |
|  | **2. Tiêu chí về hình thức:**  - Bài viết dưới hình thức nghị luận xã hội.  - Bố cục ba phần rõ ràng, chặt chẽ.  - Luận điểm rõ ràng, mạch lac; dẫn chứng cụ thể; lời văn có cảm xúc; chữ viết sạch đẹp.  *+ Mức tối đa (0,5 điểm):* Đạt các yêu cầu trên.  *+ Mức chưa tối đa (0,25 điểm):* Căn cứ vào bài làm của HS cho điểm hợp lí. *+ Mức không đạt (0 điểm):* Bài làm không có bố cục. | **0,5** |
| **Câu 2** |  | **5,0** |
| **a. Mở bài:**  - Dẫn dắt và đưa ra ý kiến.  - Khẳng định ý kiến trong bài thơ. | **0,5** |
| **b. Thân bài:** | **(4,0)** |
| \* Giải thích ý kiến: | **1,0** |
| + Thơ ca bắt rễ từ lòng người: Thơ ca bắt nguồn sâu xa trong lòng người, là tiếng nói của tình cảm, do tình cảm mà sinh ra. Thơ luôn thể hiện những tình cảm, cảm xúc chân thành, mãnh liệt của tác giả… | 0,25 |
| + Nở hoa nơi từ ngữ: kết tinh vẻ đẹp cảm xúc ở ngôn từ giàu giá trị, có sức gợi hình, có khả năng gợi cảm xúc của người đọc… | 0,25 |
| + Ý cả câu: Thơ ca bắt nguồn từ tình cảm, cảm xúc của tác giả trước cuộc sống, tình cảm ấy được diễn tả bằng ngôn từ đẹp đẽ, chọn lọc... | 0,25 |
| -> Nhận định trên bàn về mối quan hệ giữa nội dung và hình thức của tác phẩm nghệ thuật.  \* Chứng minh qua bài thơ “*Khi con tu hú”* của Tố Hữu: | 0,25  **3,0** |
| + Bài thơ “Khi con tu hú” bắt rễ từ lòng người: Đó là tấm lòng thiết tha yêu cuộc sống và niềm khao khát tự do cháy bỏng của tác giả (người chiến sĩ cách mạng) trong cảnh tù đày. | 0,25 |
| - Phân tích bức tranh thiên nhiên mùa hè trong 6 câu thơ đầu để thấy được tình yêu thiên nhiên sâu sắc của người tù cách mạng. | 1,0 |
| - Phân tích tâm trạng uất ức, ngột ngạt, muốn bứt tung, phá tan tù ngục để trở về với tự do, về với cách mạng, với nhân dân trong 4 câu thơ cuối. | 0,5 |
| + Bài thơ “Khi con tu hú” nở hoa nơi từ ngữ:  - Cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh…  - Cách ngắt nhịp, giọng điệu…  - Thể thơ lục bát uyển chuyển, mềm mại,… | 0,75 |
| \* Đánh giá: Bắt rễ từ lòng người, nở hoa nơi từ ngữ là đặc trưng phẩm chất của thơ. Để làm nên một tác phẩm nghệ thuật chân chính người nghệ sĩ phải có trái tim nhạy cảm, tinh tế; phải bắt nguồn từ tình cảm dạt dào trước thiên nhiên, con người, cuộc sống,… và được thể hiện bằng ngôn từ chọn lọc, gọt rũa,… | 0,5 |
|  | **c. Kết bài:**  - Khẳng định lại ý kiến.  - Nêu cảm nghĩ, liên hệ… | **0,5** |
| **2. Tiêu chí về hình thức:**  **-**Bài viết dưới hình thức nghị luận văn học; sử dụng tốt các thao tác lập luận giải thích, chứng minh, phân tích.  - Bố cục ba phần rõ ràng, chặt chẽ.  - Luận điểm rõ ràng, mạch lac; dẫn chứng cụ thể; lời văn có cảm xúc; chữ viết sạch đẹp.  *+ Mức tối đa (05 điểm):* Đạt các yêu cầu trên.  *+ Mức chưa tối đa (0,25 điểm):* Căn cứ vào bài làm của HS cho điểm hợp lí.  *+ Mức không đạt (0 điểm):* Bài làm không có bố cục. | **0,5** |
| **3. Sáng tạo:**  ***+*** *Mức tối đa (0,5 điểm):* Diễn đạt sinh động, giàu hình ảnh, hấp dẫn, biết sử dụng các yếu tố biểu cảm, tự sự miêu tả trong bài nghị luận một cách hợp lí.  *+ Mức chưa tối đa (0,25 điểm):* Có sáng tạo song chưa đạt các yêu cầu trên.  *+ Mức không đạt (0 điểm):* Không có sự sáng tạo nào. | **0,5** |

---------------------Hết-------------------

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**ĐỀ 7.**

**ĐỀ THI HSG NGỮ VĂN 8 HUYỆN**

**Năm học 2019 – 2020**

Thời gian làm bài: 150 phút

*(Không kể thời gian giao đề)*

***Câu 1 (4.0 điểm)***

M.Faraday có nói: *“Mọi thứ rồi sẽ qua đi, chỉ còn tình người ở lại”* . Em hãy viết một bài văn ngắn trình bày suy nghĩ về câu nói trên.

***Câu 2 (6.0 điểm)***

Dựa vào hiểu biết về bài thơ *“Khi con tu hú”* của Tố Hữu, em hãy làm sáng tỏ ý kiến: *“Thơ bắt rễ từ lòng người, nở hoa nơi từ ngữ”.*

* Hết –

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

***Câu 1 (4.0 điểm)***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung cần đạt** | **Điểm** |
| **Câu 1** |  | **4,0 đ** |
|  | 1. ***Yêu cầu*** 2. *Về kĩ năng:*   - Xác định đúng vấn đề nghị luận, hình thành luận điểm rõ ràng, luận  thuyết phục. Có kĩ năng vận dụng các thao tác lập luận để viết bài. Lập luận chặt chẽ, thuyết phục.   1. *Về nội dung:*   - HS cần lập luận làm rõ chủ đề: mọi thứ đều có không gian, thời gian nhất định của nó, một quy luật cơ bản là không có gì tồn tại mãi mãi.  - Cuộc sống chỉ tồn tại lâu bền nhất khi được nuôi dưỡng bởi suối nguồn của tình người. Vậy hãy sống yêu thương nhau. |  |
| ***2. Hướng dẫn chi tiết***  **a. Mở bài:**  - Dẫn dắt  - Nêu vấn đề nghị luận: Cuộc sống chỉ tồn tại lâu bền nhất khi được nuôi dưỡng bởi suối nguồn của tình người. Vậy hãy sống yêu thương nhau. | 0, 25 đ |
| **b. Thân bài :**  HS có nhiều cách trình bày bài viết của mình song cần đảm bảo các nội dung cơ bản sau:  ***\* Giải thích:***  - Khi chúng ta nhìn lại cuộc sống của mình, rất dễ dàng nhận ra mọi việc đều đến rồi đi. Niềm vui, nỗi đau, sự khen ngợi, sự chê trách, khó khăn, dễ dàng, thành đạt, thất bại và bao nhiêu điều khác nữa.  - Câu nói trên có tác dụng như một sự nhắc nhở rằng mọi thứ đều có không gian, thời gian nhất định của nó, một quy luật cơ bản là không có gì tồn tại mãi mãi.  - Tình người là những tình cảm đẹp đẽ của con người, gắn kết những trái tim. Nó có thể là tình cảm lứa đôi, tình cảm gia đình, bè bạn và cao hơn cả là tình người nói chung. Đó có thể là những tình cảm bình dị nhất, gần gũi nhất từ sự quan tâm, chăm sóc nhau trong cuộc sống đến những tình cảm lớn lao mang tính giai cấp, cộng đồng.  🡺 Ý nghĩa của câu nói: Hãy yêu thương nhau. Đó là đạo đức của con người. Sống với tấm lòng rộng lượng, vị tha, sẵn sàng tha thứ, bỏ qua mọi lỗi lầm, sai phạm của người khác… | 1, 25 đ |
|  | ***\* Bàn luận, lật ngược vấn đề, mở rộng vấn đề:***  - Cuộc sống chỉ tồn tại lâu bền nhất khi được nuôi dưỡng bởi suối nguồn của tình người.  - Tình người – những tình cảm đẹp đẽ của con người, gắn kết những trái tim làm cho mối quan hệ giữa người với người tốt đẹp hơn, xã hội phát triển hơn.  - Tình người – tình yêu thương, sự cảm thông, chia sẻ giúp mọi người xung quanh có thêm nghị lực và niềm tin, đó là nền tảng để xây dựng một xã hội văn minh tốt đẹp…(dẫn chứng các phong trào thiện nguyện trong thực tế cuộc sống).  - Không có tình thương – tình người thì con người sẽ không thể tìm được giá trị của cuộc sống, sẽ trở nên ích kỉ, tàn nhẫn, vô cảm trước những hoàn cảnh đáng thương hơn bản thân mình.  - Thực tế có những con người chạy theo quyền chức, danh lợi…sống thiếu chân thành, đề cao cái tôi cá nhân, lợi dụng hoặc xu nịnh kẻ khác mà đánh mất nhân tâm, đánh mất tình người…  🡪một lối sống ti tiện và thiếu tình người (d/c) | 2,25 đ |
| **c. Kết bài**  - Bài học nhận thức và hành động  - Liên hệ và bài học cho bản thân về động cơ sống và cách sống sao cho tình người còn mãi. | 0,25 đ |
| ***Câu 2*** |  | **6,0 đ** |
|  | **1.Yêu cầu:**  ***a. Yêu cầu về kĩ năng :***  - Biết cách làm bài văn nghị luận văn học. Vận dụng linh hoạt các thao tác lập luận.  - Bố cục bài viết rõ ràng, mạch lạc, lập luận chặt chẽ, dẫn chứng thuyết phục, không mắc lỗi.  ***b. Yêu cầu về kiến thức :***  HS có thể làm bài theo nhiều cách khác nhau nhưng cần đảm bảo những ý cơ bản sau: |  |
| **I. Mở bài:**  - Dẫn dắt  -Trích dẫn yêu cầu đề bài | **0,5 đ** |
| **II. Thân bài** | **5,0 đ** |
| **1.Giải thích**  - Thơ ca: Trước hết là một loại hình văn học, sau nữa có thể hiểu là chỉ văn học, nghệ thuật nói chung.  - Thơ ca bắt rễ từ lòng người: Thơ ca là tiếng nói chân thực của tình cảm. Nó được khơi nguồn, bắt rễ từ tư tưởng, cảm xúc của người nghệ sĩ. Vế thứ nhất của nhận định đề cập đến khởi nguồn của thơ, vai trò của cảm xúc, tình cảm trong sáng tác thơ, đến nội dung của tác phẩm văn học.  - Nở hoa nơi từ ngữ: từ ngữ hiểu rộng là ngôn từ nghệ thuật, là giá trị nghệ thuật, là vẻ đẹp ngôn ngữ của tác phẩm văn học. | *0,5 đ* |
|  | **🡺** Như vậy nhận định của đề bài bàn về mối quan hệ giữa nội dung và hình thức của tác phẩm nghệ thuật; về đặc trưng của văn học, đặc trưng của thơ; đề cao vai trò của yếu tố tình cảm, cảm xúc trong thơ, đồng thời yêu cầu tình cảm ấy phải được diễn tả bằng ngôn từ đẹp đẽ, giàu tính thẩm mĩ. Đây là một quy luật, cũng là một yêu cầu trong sáng tạo nghệ thuật. | *0,25 đ* |
|  | **2. Chứng minh:** HS phân tích bài thơ “Khi con tu hú” của  Tố Hữu để thấy được sự kết hợp đặc sắc:“*Thơ bắt rễ từ lòng người, nở hoa nơi từ ngữ*”, giữa nội dung và nghệ thuật: |  |
| **a. Luận điểm 1: *Thơ bắt rễ từ lòng người***  - Cần chỉ rõ thơ ca bắt nguồn từ cảm xúc của chủ thể trữ tình trước thiên nhiên, tạo vật, cuộc sống, con người… |  |
| **- Ý1: *Bài* *thơ bắt nguồn từ tình yêu thiên nhiên của nhân vật trữ tình:***  Trong bài thơ tình yêu thiên nhiên, yêu cuộc sống khiến người tù tưởng tượng một mùa hè chan hòa ánh sáng, rực rỡ sắc màu, rộn ràng âm thanh và ngọt ngào hương vị (*dẫn chứng, phân tích dẫn chứng)*. | *0,5 đ* |
| **- Ý2: *Bài thơ còn khởi nguồn từ khát khao tự do mãnh liệt của nhà thơ –người chiến sĩ cách mạng giữa chốn tù đày.***  - Từ hoàn cảnh sáng tác ta thấy: Bài thơ được sáng tác khi Tố Hữu đang là một thanh niên trẻ khát khao sống, tràn đầy nhiệt huyết, hoài bão vừa bắt gặp ánh sáng cách mạng và đang say mê hoạt động cách mạng, đấu tranh cho tự do lại bị giam cầm.  - Bởi vậy, ở đây niềm khao khát mãnh liệt về với tự do được bùng cháy và bộc lộ trực tiếp trong những câu cuối (*dẫn chứng*).  Đó là cái cảm giác ngột ngạt cao độ, niềm khao khát cháy bỏng muốn thoát ra khỏi cảnh ngục tù để trở về với cuộc sống tự do bên ngoài. Cho nên những câu thơ cuối đọc lên như có sức mạnh phá tan xiềng xích là như vậy. Tiếng chim tu hú mở đầu và kết thúc bài thơ tạo nên một sự hô ứng. Tiếng chim tu hú ban đầu là âm thanh đẹp của tự nhiên gợi lên trong tâm hồn người tù cách mạng trẻ tuổi một mùa hè tự do, khoáng đạt đầy sức sống.  Còn tiếng tu hú ở cuối bài thơ lại là âm thanh giục giã, như thúc giục những hành động sắp tới. | *1,25 đ* |
| **b. Luận điểm 2: *Thơ nở hoa nơi từ ngữ:*** nghệ thuật thể hiện trong bài thơ. |  |
| **-** Thể thơ lục bát của dân tộc  - Trong bài thơ, tác giả đã tạo nên một không gian nghệ thuật, thời gian nghệ thuật, tâm trạng nghệ thuật, đồng hiện trong 10 câu thơ lục bát da diết, ám ảnh.  - Bức tranh mùa hè trong nỗi nhớ của người thanh niên cộng sản ở lứa tuổi mười tám đôi mươi được tái hiện bởi những vần thơ đầy màu sắc, ánh sáng và âm thanh, bằng giọng điệu, ngôn từ sôi nổi, trẻ trung; trong sáng, tinh luyện. Ở đó, mỗi chữ được dùng như được chắt lọc qua hồn quê và hồn thơ đậm đà: “*đương chín”, “ngọt dần”, “dậy tiếng ve ngân”, “đầy sân nắng đào”, “xanh, rộng, cao”*…  - Khi tái hiện tâm trạng uất hận sục sôi vì bị mất tự do nhịp thơ lại đột ngột biến đổi nhanh, mạnh với hàng loạt các từ ngữ mạnh “*đạp tan phòng”, “chết uất*”, các từ cảm thán “*ôi, làm sao, thôi*”  - Đặc biệt, “*tiếng tu hú*” là một chi tiết nghệ thuật độc đáo góp phần không nhỏ trong việc thể hiện tâm trạng cảm xúc của tác giả và đem đến thành công cho bài thơ. | 1,5 đ |
| ***3. Đánh giá chung:***  - Ý kiến trên giúp ta cảm nhận sâu sắc hơn, biết trân trọng những tình cảm, tấm lòng và những sáng tạo nghệ thuật của người nghệ sĩ cho đời.  - Qua bài thơ, người đọc sẽ hiểu hơn về tâm hồn của người chiến sĩ cộng sản ở trong tù. Và vẻ đẹp tâm hồn của họ là cội nguồn tạo nên vẻ đẹp, giá trị tác phẩm: phác họa chân dung, tâm hồn của một chiến sĩ cách mạng trẻ trung đang khao khát được cống hiến cho cách mạng với bầu nhiệt huyết của tuổi trẻ. Đó là nỗi lòng của một thanh niên vừa bắt gặp lí tưởng cách mạng lại bị giam cầm trong nhà tù thực dân.  - Đọc thơ hay, gặp gỡ tâm hồn nghệ sĩ, người đọc thơ được thanh lọc, hoàn thiện tâm hồn mình. | 1,0 đ |
| **III. Kết bài:**  **-** Khẳng định lại ý kiến và cảm nghĩ  **-** Liên hệ… | **0,5 đ** |

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**Đề 1.**

**ĐỀ THI HSG NGỮ VĂN 8 HUYỆN PHÚC YÊN**

**Năm học: 2018** - **2019**

Thời gian: 150 phút (Không kể thời gian giao đề)

**Câu 1**. ***(1,0 điểm)***

Phân tích giá trị của biện pháp tu từ mà các nhà thơ đã sử dụng để miêu tả dòng sông:

… *Chỉ còn tiếng đàn ngân nga*

*Với một dòng trăng lấp loáng sông Đà.*

(Quang Huy, *Tiếng đàn Ba-la-lai-ca trên sông Đà*)

… *Sông được lúc dềnh dàng*

*Chim bắt đầu vội vã*

(Hữu Thỉnh, *Sang thu*)

**Câu 2**. ***(3,0 điểm)***

Suy nghĩ của em về vấn đề bạo lực học đường hiện nay.

**Câu 3.** ***(6,0 điểm)***

… *Bắt rễ ở cuộc đời hàng ngày của con người, văn nghệ lại tạo được sự sống cho tâm hồn con người. Nghệ thuật mở rộng khả năng của tâm hồn, làm cho con người vui buồn nhiều hơn, yêu thương và căm hờn được nhiều hơn*…

(Nguyễn Đình Thi, *Tiếng nói của văn nghệ*, NXB Văn học, Hà Nội, 1997).

Em hiểu như thế nào về ý kiến trên? Làm sáng tỏ qua truyện ngắn *Lão Hạc* của Nam Cao (Ngữ văn 8, tập 1, NXBGD Việt Nam, 2016).

……………Hết…………………

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung cần đạt** | **Điểm** |
| **Câu 1** |  | **1,0 đ** |
|  | ***HS phát hiện đúng biện pháp tu từ***  - Câu thơ của Quang Huy dùng biện pháp ẩn dụ qua từ *dòng trăng* để miêu tả dòng sông. | 0,25 |
| - Câu thơ của Hữu Thỉnh dùng biện pháp nhân hóa qua từ *dềnh* *dàng* để miêu tả dòng sông | 0,25 |
|  | ***HS phân tích hiệu quả của biện pháp tu từ***  - Sử dụng biện pháp ẩn dụ, ngầm so sánh dòng sông phản chiếu ánh trăng là *dòng trăng lấp loáng,* câu thơ của Quang Huy làm hiện lên hình ảnh dòng sông tuyệt đẹp, nên thơ và cảm xúc của nhà thơ trở nên lãng mạn, bay bổng. | 0,25 |
| - Hữu Thỉnh sử dụng biện pháp nhân hóa vừa miêu tả sự chuyển động nhẹ nhàng của dòng sông, vừa thể hiện nỗi niềm của thiên nhiên, tạo vật: dòng sông lắng lại, lững lờ như ngẫm ngợi, suy tư trước thời khắc giao mùa từ hạ sang thu. | 0,25 |
| **Câu 2** |  | **3,0 đ** |
|  | ***\* Yêu cầu về kĩ năng***: Nắm vững kĩ năng làm bài nghị luận xã hội. Bố cục hợp lí, lập luận chặt chẽ, lí lẽ sắc sảo. Diễn đạt, hành văn trong sáng, giàu cảm xúc.  ***\* Yêu cầu về kiến thức***: Thí sinh có thể nêu những ý kiến riêng và trình bày theo nhiều cách khác nhau, nhưng cần hợp lí, chặt chẽ, thuyết phục. Dưới đây là những gợi ý cơ bản: |  |
| **+ Giải thích:**  - Bạo lực học đường là những hành vi thô bạo, ngang ngược, bất chấp công lý, đạo lý, xúc phạm trấn áp người khác gây nên những tổn thương về tinh thần và thể xác diễn ra trong phạm vi trường học. | **0,5 đ** |
| **+ Thực trạng**  - Biểu hiện của hiện tượng bạo lực học đường:  + Xúc phạm, lăng mạ, sỉ nhục, đay nghiến, chà đạp nhân phẩm, làm tổn thương về mặt tinh thần con người thông qua lời nói.  + Đánh đập, tra tấn, hành hạ, làm tổn hại về sức khỏe, xâm phạm cơ thể con người thông qua những hành vi bạo lực.  - Thí sinh nêu dẫn chứng minh họa | **0,5** |
|  | **+ Nguyên nhân - Hậu quả**  ***- Nguyên nhân:***  + Đối với học sinh: Đây là lứu tuổi mới lớn, muốn thể hiện mình; chịu ảnh hưởng các trò chơi trên mạng, phim ảnh bạo lực; sư giáo dục của gia đình chưa chặt chẽ, nghiêm khắc …  + Sự giáo dục trong nhà trường: nặng về dạy kiến thức văn hóa, thầy cô bất lực trong phương pháp giáo dục, thiếu tôn trọng học sinh, thiếu thân thiện trong môi trường giáo dục…  + Xã hội thờ ơ, dửng dưng, buông xuôi, chưa có sự quan tâm đúng mức, những giải pháp thiết thực, đồng bộ, triệt để…  ***- Hậu quả:***  + Với nạn nhân: tổn thương về thể xác, tinh thần,…  + Với người gây ra bạo lực: Bị mọi người lên án, xa lánh, căm ghét, pháp luật trừng trị…  + Với xã hội: bất ổn, hoang mang,… | **1,0** |
| **+ Giải pháp:**  - Tuyên truyền, giáo dục tác hại của bạo lực học đường, xây dựng môi trường thân thiện trong giáo dục, tăng cường phối hợp giữa gia đình - nhà trường - xã hội,…  - Thể hiện thái độ sống đúng đắn của bản thân, tu dưỡng đạo đức, nhân cách; tích cực than gia môi trường giáo dục: trường học thân thiện học sinh tích cực… | **1,0** |
| **Câu 3** |  | **6,0 đ** |
|  | ***\* Yêu cầu về kĩ năng***: Thí sinh hiểu đúng yêu cầu của đề bài; vận dụng tốt các kĩ năng làm văn để viết bài văn nghị luận văn học; bố cục ba phần rõ ràng; lập luận chặt chẽ, mạch lạc; dẫn chứng phong phú, tiêu biểu; không mắc các lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp; khuyến khích những bài viết sáng tạo.  ***\* Yêu cầu về kiến thức***: Thí sinh có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau trên cơ sở hiểu rõ yêu cầu của đề bài. Bài viết phải giải thích, lí giải rõ nhận định của Nguyễn Đình Thi và chứng minh bằng việc phân tích tác phẩm Lão Hạc của Nam Cao. Cụ thể cần đảm bảo những ý cơ bản sau: |  |
| **I. Mở bài**: Nêu vấn đề nghị luận, giới hạn vấn đề | **0,25** |
| **II. Thân bài** | **5,5** |
| **1. Giải thích nhận định** | 0,5 |
| - *Bắt rễ ở cuộc đời hàng ngày của con người*: văn học bắt nguồn từ hiện thực cuộc sống.  - *văn nghệ lại tạo được sự sống cho tâm hồn người, mở rộng khả năng của tâm hồn*: văn nghệ giúp con người sống phong phú hơn, tự hoàn thiện nhân cách, tâm hồn mình.  - *vui buồn, yêu thương, căm hờn*: là những trạng thái cảm xúc, thể hiện sự nhạy cảm, những rung động mãnh liệt, sâu xa của con người. Tác phẩm văn học vừa là kết tinh tâm hồn của người sáng tác, vừa là sợi dây truyền cho người đọc sự sống, cảm xúc mà nghệ sĩ mang trong lòng.  => Nhận định khẳng định vai trò, chức năng to lớn của văn học trong việc hình thành và bồi đắp tâm hồn, tình cảm, nhân cách cho con người. |  |
|  | **2. Phân tích, chứng minh** |  |
|  | ***a. Truyện ngắn “Lão Hạc” “bắt rễ ở cuộc đời”*** | 1,0 |
|  | - Đó là hiện thực xã hội thực dân phong kiến tàn ác, vô nhân đạo trước Cách mạng tháng Tám 1945 với sưu cao thuế nặng, đè nén bóc lột con người đến tận xương tủy… |  |
|  | - Đó là hiện thực về số phận của những người nông dân trước Cách mạng tháng Tám 1945 (liên hệ với những nhân vật trong sáng tác của Nam Cao: Chí Phèo,…; trong sáng tác văn chương đương thời: chị Dậu (Tắt đèn – Ngô Tất Tố), bé Hồng (Ngững ngày thơ ấu – Nguyên Hồng). |  |
|  | ***b. Truyện ngắn Lão Hạc làm cho con người “vui buồn nhiều hơn, yêu thương nhiều hơn”*** |  |
|  | - ***Người đọc cảm thương sâu sắc cho số phận bất hạnh của lão Hạc***  + Vợ mất sớm, nhà nghèo, con trai phẫn chí bỏ đi đồn điền cao su.  + Sống cô đơn trong tuổi già, đối diện với nhiều rủi ro; ốm nặng, yếu, không có việc, hoa màu bị bão phá sạch.  + Có con chó vàng làm bầu bạn nhưng phải bán đi vì cảnh nghèo.  + Luôn canh cánh thương con, vì chưa lo được cho con trọn vẹn.  + Cùng đường, phải tìm đến cái chết thương tâm.  - ***Người đọc nâng niu phẩm chất tốt đẹp của lão Hạc***  + Giàu lòng nhân ái, có tấm lòng vị tha, nhân hậu  + Là người cha vô cùng thương con, lo lắng cho con  + Giàu lòng tự trọng  - ***Người đọc trân trọng thông điệp của nhà văn***: Hãy tin tưởng vào nhân phẩm của con người, tin vào thiện lương đẹp đẽ của người nông dân Việt Nam nói chung. Rất cần một *đôi mắt* để nhìn đời, nhìn người nhân ái hơn, người hơn!  (Thí sinh phân tích dẫn chứng) | **1,0**  **1,0**  **1,0** |
|  | ***c. Truyện Lão Hạc làm cho con người “căm hờn” nhiều hơn*** | **0,5** |
|  | - Lên án chế độ thưc dân phong kiến tàn ác bất công đã đẩy lão Hạc và những người như con trai lão Hạc, ông giáo, gia đình ông giáo,… vào số kiếp bi thương. |  |
|  | **3. Đánh giá, tổng kết** | **0,5** |
|  | - Với tài năng và tâm huyết, nhà văn Nam Cao đã phản ánh trung thực cuộc đời và số phận của người nông dân Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám. Tác phẩm là sợi dây truyền cho người đọc sự sống mà tác giả mang trong lòng.  - Bài học với người nghệ sĩ: Người nghệ sĩ phải sống sâu sắc với cuộc đời, với con người, phải có trách nhiệm với việc cầm bút của mình. Thông qua tác phẩm, tác giả phải guwiur được những thông điệp mang giá trị nhân văn sâu sắc, như vậy tác phẩm mới có sức sống trường tồn trong lòng người đọc.  - Bài học với người tiếp nhận: Với người đọc, phải đồng cảm, tri âm với tác giả thông qua tác phẩm. Có như vậy tâm hồn người đọc mới được bồi đắp, trờ nên giàu có và tràn đầy niềm tin yêu cuộc sống. |  |
|  | **Kết bài**: Khẳng định vấn đề | **0,25** |

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐỀ 2:** | **ĐỀ THI HỌC SINH GIOI LỚP 8 CẤP HUYỆN**  **NĂM HỌC 2019-2020**  **MÔN: NGỮ VĂN** |

1. **Đọc hiểu:**

Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi phía dưới:

          Tôi được tặng một chiếc xe đạp leo núi rất đẹp nhân dịp sinh nhật của mình. Trong một lần tôi đạp xe ra công viên chơi, một cậu bé cứ quẩn quanh ngắm nhìn chiếc xe với vẻ thích thú và ngưỡng mộ thực sự.

- Chiếc xe này của bạn đấy à? . Cậu bé hỏi.

- Anh mình đã tặng nhân dịp sinh nhật của mình đấy. Tôi trả lời, không giấu vẻ  tự hào và mãn nguyện.

- Ồ, ước gì tôi... Cậu bé ngập ngừng.

Dĩ nhiên là tôi biết cậu bé đang nghĩ gì rồi. Chắc chắn cậu ấy ước ao có được một người anh như thế. Nhưng câu nói tiếp theo của cậu bé hoàn toàn nằm ngoài dự đoán của tôi.

-  Ước gì tôi có thể trở thành một người anh như thế! . Cậu ấy nói chậm rãi và gương mặt lộ rõ vẻ quyết tâm. Sau đó, cậu đi về phía chiếc ghế đá sau lưng tôi, nơi một đứa em trai nhỏ tật nguyền đang ngồi và nói:

- Đến sinh nhật nào đó của em, anh sẽ mua tặng em chiếc xe lăn lắc tay nhé.

(“Hạt giống tâm hồn”, tập 4, nhiều tác giả. NXB tổng hợp TP Hồ Chí Minh, 2006)

**Câu 1**. Xác định phương thức biểu đạt của văn bản trên? (0,5 điểm)

**Câu 2**. Cậu bé ước trở thành người anh thế nào?  (0,5 điểm)

**Câu 3.** Theo em câu “Cậu ấy nói chậm rãi và gương mặt lộ rõ vẻ quyết tâm”có ý nghĩa gì ? (1,0 điểm)

**Câu 4.** Văn bản trên gửi đến chúng ta thông điệp gì? (1,0 điểm)

**II. PHẦN LÀM VĂN (7,0 ĐIỂM)**

**Câu 1. (6,0 điểm)**

**Em hãy viết bài văn nghị luận trình bày suy nghĩ của mình về vấn đề được gợi từ câu chuyện trên.**

**Câu 2** *(10,0 điểm):*

“*Một nghệ sĩ chân chính phải là một nhà nhân đạo từ trong cốt tủy*”

(T.Sêkhốp)

Qua truyện ngắn “Lão Hạc”- của Nam Cao, em hãy chứng minh.

*---------------Hết---------------*

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

**I. ĐỌC HIỂU (4 điểm)**

**Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt của văn bản trên?(1,0 điểm)**

Phương thức biểu đạt : Tự sự, biểu cảm

**Câu 2. Cậu bé ước trở thành người anh thế nào?  ( 1,0 điểm)**

  Cậu bé ước trở thành người anh thế nào?  HS có thể trả lời 1 trong các cách sau:

-Cậu bé ước trở thành người anh mang lại niềm vui, niềm tự hào cho người em.

-Cậu bé ước trở thành người anh có tình thương em, mang lại niềm hạnh phúc cho em.

-Cậu bé ước trở thành người anh nhân hậu, được bù đắp, chia sẻ, yêu thương.

-Các câu trả lời tương tự...

**Câu 3. Theo anh (chị) câu “Cậu ấy nói chậm rãi và gương mặt lộ rõ vẻ quyết tâm”có ý nghĩa gì ? ( 1,0 điểm)**

HS có thể trả lời 1 trong các cách sau:

-Câu văn cho ta biết rõ hơn về sự trăn trở và lòng quyết tâm thực hiện ước mơ của cậu bé: trở thành người anh đáng tự hào.

-Câu văn cho thấy lòng quyết tâm cao độ của cậu bé muốn biến ước mơ của mình thành hiện thực.

-Cậu bé đang nung nấu quyết tâm thực hiện ước mơ của mình là tặng xe lăn cho người em tật nguyền.

-Các câu trả lời tương tự...

**Câu 4. Văn bản trên gửi đến chúng ta thông điệp gì? ( 1,0 điểm)**

Đây là câu hỏi mở. Học sinh có thể rút ra một bài học nào đó miễn là hợp lí, có sức thuyết phục. Chẳng hạn như:Sống  phải biết yêu thương,  quan tâm, chia sẻ , giúp đỡ lẫn nhau, nhất là với những người bất hạnh, tật nguyền  để họ có được sự bình đẳng như mọi người...

**II.**

**Câu 1: (6,0 điểm)**

|  |  |
| --- | --- |
| **2** | **Viết bài nghị luận xã hội** |
| **1. Yêu cầu về kỹ năng:**  Đảm bảo một văn bản nghị luận xã hội có bố cục rõ ràng, hợp lí, tổ chức sắp xếp ý một cách lôgic, chặt chẽ, hành văn trôi chảy, mạch lạc, chữ viết rõ ràng, cẩn thận, không có quá 3 lỗi dùng từ, diễn đạt…  **2. Yêu cầu về kiến thức:** *HS có thể khai thác vấn đề theo nhiều hướng, nhưng cần làm rõ các ý cơ bản sau:* |
| **b. Yêu cầu về kiến thức** :  **\* Giải thích ý nghĩa câu chuyện** : ước mơ của cậu bé không phải cũng có được một chiếc xe như vậy cho mình mà cậu ước mơ có được chiếc xe lăn để tặng cho đứa em bé bỏng tật nguyền. Cậu trăn trở và quyết tâm “Đến sinh nhật nào đó của em, anh sẽ mua tặng em chiếc xe lăn lắc tay nhé”. Lời hứa là sự chia sẻ, tình yêu thương sâu sắc, sự hy sinh của người anh muốn bù đắp cho đứa em tật nguyền.  **\* Bàn luận**  - Câu chuyện ngợi ca tình yêu thương, sự sẻ chia đối với người ta yêu thương. Tình yêu thương của người anh thể hiện bằng việc làm cụ thể, để tạo động lực cho người em vươn lên số phận hoàn cảnh.  - Câu chuyện cho người đọc bài học về tình cảm gia đình. Khi chúng ta rơi vào hoàn cảnh khó khăn, bất hạnh thì không ai khác chính là những người thân yêu, ruột thịt cưu mang, đùm bọc.  - Khi ta được yêu thương và yêu thương người khác thì ta sẽ thấy hạnh phúc.  - Bên cạnh đó trong cuộc sống nhiều gia đình anh em tranh giành quyền lợi, sống thờ ơ, thiếu quan tâm......  **\* Bài học nhận thức và hành động:**  - Bài học đáng quý cho tuổi học trò, đừng đòi hỏi người khác quan tâm, chăm sóc mình mà mỗi người cần quan tâm đến mọi người trong gia đình.  - Biết yêu thương là người giàu lòng nhân ái, lối sống cao đẹp. |

**Câu 2: (10,0 điểm).**

**a. Yêu cầu về kĩ năng:**

- Hiểu đúng yêu cầu của đề bài. Biết cách làm bài văn nghị luận văn học. Biết cách chọn lọc dẫn chứng để phân tích làm sáng tỏ vấn đề. Lập luận chặt chẽ, diễn đạt tốt (có suy nghĩ, đánh giá, cảm xúc...)

- Kết cấu chặt chẽ, diễn đạt lưu loát; bố cục rõ ràng, mạch lạc, không mắc lỗi về

chính tả, dùng từ và ngữ pháp.

**b. Yêu cầu về kiến thức:**

Có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng cần đảm bảo những ý cơ bản sau:

|  |
| --- |
| **Nội dung cần đạt** |
| Dẫn dắt, nêu ý kiến |
| ***1.Giải thích ý kiến:***  - *Người nghệ sĩ chân chính*: là người nghệ sĩ trong quá trình sáng tạo, tác phẩm của họ sinh ra là vì con người, hướng đến cuộc sống tốt đẹp của con người.  - *Là nhà nhân đạo từ trong cốt tủy:* có nghĩa là người nghệ sĩ phải có lòng nhân ái, yêu thương con người. Tinh thần nhân đạo là phẩm chất bắt buộc phải có trong mỗi người cầm bút. Đó là tình cảm có chiều sâu từ trong cốt tủy chứ không chỉ là tình cảm nông cạn, hời hợt, mơ hồ.  -> Ý nghĩa của câu nói khẳng định nhà văn chân chính là nhà văn phải có cái nhìn, tấm lòng nhân ái, yêu thương đối với con người.  - Trong truyện ngắn “Lão Hạc” , tấm lòng nhân đạo sâu sắc của tác giả Nam Cao chính là sự đồng cảm, yêu thương, trân trọng, ngợi ca những con người lao động nghèo khổ trong xã hội phong kiến, thực dân đầu thế kỉ XX. |

Nhắc đến Nam Cao là nhắc đến cây bút truyện ngắn hiện thực xuất sắc đẩu thế kỉ XX của văn học Việt Nam. Qua các tác phẩm viết về người nông dân Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám 1945, Nam Cao đã bộc lộ một cái nhìn nhân đạo, đầy yêu thương, trân trọng về những người đồng bào lao khổ của mình. Tư tưởng ấy cũng được thể hiện sâu sắc qua truyện ngắn Lão Hạc .

**Luận điểm 1:** ***Trước hết, nhà văn Nam Cao đã thể hiện tấm lòng đồng cảm mình đối với những số phận bất hạnh của các nhân vật trong tác phẩm***. Những con người trong tác phẩm này đều là nạn nhân của xã hội phong kiến nửa thực dân. Họ phải gồng mình chống lại nạn đói, những hủ tục phong kiến,... Và mỗi người lại có những nỗi khổ riêng. Nhân vật chính, lão Hạc, là một người có hoàn cảnh vô cùng bi đát. Vợ mất sớm, đứa con trai duy nhất bỏ đi cao su. Một mình lão phải đối mặt với tuổi già, bệnh tật, cái đói và sự cô đơn. Nhà văn hay chính là nhân vật ông giáo trong tác phẩm đã không nén được những lời thương cảm: "luôn mấy hôm lão chỉ ăn khoai". Con trai lão Hạc cũng là một người đáng thương. Vì nhà nghèo, anh không lấy được người con gái mình yêu. Phẫn chí, anh bỏ làng đi cao su, cái đất cao su "đi dễ khó về", "khi đi trai tráng khi về bủng beo". Anh rời cha già luôn mấy năm, thiên truyện khép lại nhưng hình bóng anh người đọc cũng chưa được mục kích, câu hỏi về số phận của anh đành rơi vào câm lặng... Ông giáo, một nhân vật có uy tín ở làng, trong thời buổi ấy cũng túng thiếu dặt dẹo, đang sống cái đời "sống mòn", "rỉ ra, mốc lên”. Có thể nói, "Lão Hạc" đã thể hiện lòng thương, sự đồng cảm với tất thảy những lớp người bần cùng trong xã hội Việt Nam khi ấy.

Nhưng sống trong nghèo đói mà không bị cái bần hàn bài mòn nhân phẩm, đó là một đặc điểm đáng quý của người nông dân Việt Nam. Và một biểu hiện quan trọng khác của giá trị nhân đạo trong tác phẩm là nhà văn đã biết khám phá để nâng niu trân trọng và ngợi ca phẩm chất ngời sáng trong tâm hồn những người đồng bào lao khổ của mình.

**Luận điểm 2:** ***Các nhân vật trong "Lão Hạc" hầu hết đều là những người giàu tình thương***. Tình phụ tử ở nhân vật lão Hạc đặc biệt cảm động. Dù rất đau lòng nhưng lão chấp nhận nỗi cô đơn hờn tủi, đồng ý để con trai ra đi theo chí hướng của mình. Con đi rồi, lão chỉ còn con chó Vàng làm bạn. Lão Hạc yêu con chó Vàng đến độ gọi nó là "cậu" Vàng, ăn gì cũng cho nó ăn cùng, cho nó ăn ra bát như người... Có điều đó không đơn giản bởi lão là người yêu động vật. Hãy nghe lời tâm sự của lão với ông giáo: con chó ấy là của cháu nó để lại. Vậy là lão Hạc yêu con Vàng phần lớn bởi đó là kỉ vật duy nhất do con để lại. Lão đã dồn toàn bộ tình cha cho con chó ấy. Khi bán con Vàng, "lão khóc như con nít", "mắt ầng ậng nước".... Không chỉ vậy, lão thậm chí còn chấp nhận cái chết để giữ đất cho con. Cái đói rượt lão gần đến đường cùng. Vẫn còn một lối nhỏ khác là bán mảnh vườn để lấy tiền ăn nhưng lão nghĩ rằng: đó là mảnh vườn của mẹ cháu để lại cho cháu... Và lão chọn cái chết chứ nhất quyết không bán đất của con. Con trai lão Hạc vì phẫn chí mà đi cao su nhưng trước khi đi vẫn để lại cho cha ba đồng bạc. Cả ông giáo, dẫu gia đình vẫn bữa đói bữa no nhưng luôn cố gắng giúp đỡ, cưu mang người hàng xóm bất hạnh...

**Luận điểm 3:** **Luận điểm 3:** ***Sống trong cái đói, cái nghèo nhưng không bị sự bần hàn làm cho quay quắt, hèn mọn nhưng Nam Cao vẫn phát hiện ra lòng tự trọng sáng ngời trong nhân vật Lão Hạc***. Lão Hạc thà nhịn đói chứ không chịu ăn không dù chỉ là củ khoai củ sắn của hàng xóm. Lão đã có thể bán vườn lấy tiền chống chọi với cái đói nhưng lão không làm vậy vì nhất quyết không ăn vào của con. Lão cũng có thể chọn con đường như Binh Tư đi đánh bả chó lấy cái ăn. Và lão không hề làm vậy. Con người ấy, đến lúc chết vẫn còn lo mình làm phiền hàng xóm nên dành dụm gửi gắm ông giáo tiền làm ma. Cảm động hơn cả là nỗi lòng quặn thắt của lão sau cái chết của con Vàng. Lão dằn vặt bởi nghĩ mình "đã đi lừa một con chó". Lão Hạc ơi! Ẩn bên trong cái hình hài gầy gò, già nua của lão là một tâm hồn cao thượng và đáng trân trọng biết bao nhiêu!

Đồng cảm với số phận của người lao động, đặc biệt là người nông dân Việt Nam trước Cách mạng, đồng thời ngợi ca những phẩm chất cao quý của họ là những biểu hiện quan trọng của giá trị nhân đạo trong truyện ngắn "Lão Hạc" của Nam Cao. Viết về người nông dân Việt Nam trước Cách mạng, giọng văn Nam Cao lạnh lùng, bàng quan nhưng ẩn sâu trong đó là một tình thương sâu sắc và mãnh liệt.

***Bài mẫu số 3: Phân tích giá trị nhân đạo trong truyện ngắn Lão Hạc***

Lịch sử 4000 năm chống lại thiên tai và chống giặc ngoại xâm đã tạo cho con người Việt Nam những đức tính quí báu như sự bền bỉ, kiên trì, lòng dũng cảm nhưng điều làm nên cốt cách, nét bao quát hơn cả đó chính là tinh thần nhân đạo. Nhân đạo là truyền thống của dân tộc Việt Nam.

***Luận điểm 1: giải thích nhân đạo:*** Nhân đạo hiểu theo nghĩa hẹp là lòng yêu thương giữa con người với con người. Nhân đạo hiểu theo nghĩa rộng được biểu hiện cụ thể trong các tác phẩm văn học ở các nội dung như: Lên án tội ác của các thế lực chà đạp lên quyền sống, quyền hạnh phúc của con người; Bày tỏ thái độ cảm thông, tình cảm xót thương với nỗi bất hạnh của con người; Ca ngợi những phẩm chất cao đẹp, trong sáng của tâm hồn con người; Thể hiện ước mơ, khát vọng về một XH công bằng, bác ái, tôn trọng phẩm giá và hạnh phúc của con người.

Đối với truyện ngắn sáng tác theo khuynh hướng hiện thực phê phán 1930 - 1945 thì chủ đề nhân đạo càng thể hiện rõ hơn bao giờ hết. Có thể nói: hiện thực đất nước thực dân nửa phong kiến khi ấy là mảnh đất màu mỡ để các nhà văn sáng tác theo khuynh hướng hiện thực phê phán như Nam Cao khai thác triệt để và đạt đến độ bậc thầy khi phản ánh cuộc đời, số phận bi thảm của người nông dân; về tình người, tình cha con; để từ đó lên tiếng cảm thông và bênh vực quyền sống của con người. Truyện ngắn "Lão Hạc" - Một truyện ngắn chứa chan tình người, lay động bao nỗi xót thương khi tác giả kể về cuộc đời cô đơn bất hạnh và cái chết đau đớn của một lão nông nghèo khổ. Nhân vật Lão Hạc đã để lại trong lòng ta bao ám ảnh khi nghĩ về số phận con người, số phận người nông dân Việt Nam trong xã hội cũ.

Nhà văn Biêlinxki nói: Nhân đạo là tình yêu thương mênh mông của con người. Bản thân nhà văn Nam Cao cũng đã từng khẳng định một tác phẩm có giá trị là một tác phẩm " phải chứa đựng một cái gì lớn lao, mạnh mẽ, vừa đau đớn lại vừa phấn khởi. Nó ca tụng lòng thương, tình bác ái, sự công bình....Nó làm cho người gần người hơn". Như vậy, trong quan niệm của Nam Cao, chủ nghĩa nhân đạo được đặt ra như một yêu cầu tất yếu đối với những tác phẩm. Bới thế, trong truyện ngắn Lão Hạc, Nam Cao đã tái hiện lại một cách chân thực cảnh sống cơ cực, bế tắc, đầy bi kịch của người nông dân Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám năm 1945 với một tấm lòng thương cảm sâu sắc. Ngòi bút hiện thực dường như lạnh lùng của nhà văn đã nhìn sâu vào ngõ ngách cuộc đời lão Hạc.

***Luận điểm 2: "Lão Hạc" trước hết là một câu chuyện cảm động, day dứt về một lão nông dân nghèo khốn khổ***. Vợ chết, nhà nghèo không đủ tiền lo cưới vợ cho con nên anh con trai đã phẫn chí mà bỏ đi phu đồn điền cao su. Lão sống cuộc sống cô đơn thui thủi một mình. Gia tài chỉ có ba sào vườn, một túp lều và con chó Vàng làm bạn. Lão sống bế tắc, mòn mỏi trong hy vọng mỏng manh, bị cái đói dồn đuổi, không lối thoát, tủi nhục như một kiếp chó. "Lão làm thuê kiếm ăn. Hoa lợi của khu vườn được bao nhiêu, lão để riêng ra. Lão chắc mẩm thế nào đến lúc con lão về, lão cũng có được một trăm đồng bạc". Nhưng rồi lão ốm. "Một trận đúng hai tháng mười tám ngày...đã không làm ra được một xu, lại còn thuốc, lại còn ăn..". Rồi còn chuyện "làng mất vé sợi, lão mất việc làm thuê". Rồi bão, "hoa màu bị phá sạch. Gạo thì cứ kém mãi đi..".Lão rơi vào cảnh "đói deo đói dắt...". Và rồi lão đành phải quyết định bán chó.

Con chó Vàng đối với lão không chỉ là con vật nuôi ( định bụng lúc cưới thằng con sẽ thịt), nó chẳng những là tài sản (lão lẩm bẩm quy ra tiền) mà còn là kỷ vật của đứa con trai, một mối dây liên lạc lạ lùng giữa lão với đứa con vắng mặt. Song điều đặc biệt hơn nó được xem như là một thành viên trong gia đình lão. Nó cho ta thấy một nhu cầu rất tự nhiên của lão là được làm cha, được làm ông nội. Vì thế bao tình cảm chất chứa trong lòng, lão dồn tất cả cho con vật. Song cuộc đời thật trớ trêu, thậm chí thật tàn ác, tình thế buộc lão phải bán nó đi. Và bán chó, lão rơi vào bi kịch. Lão đau đớn, giằng xé tâm can. "Lão cố làm ra vui vẻ...trong lão cười như mếu và đôi mắt lão ầng ậng nước... Mặt lão đột nhiên co rúm lại. Những vết nhăn xô lại với nhau, ép nước mắt chảy ra. Cái đầu lão ngoẹo về một bên và cái miệng móm mém của lão mếu máo như con nít. Lão hu hu khóc...". Lão coi đó là sự lừa gạt, một sự phản phúc ghê gớm. Có thể nói: Bán chó vì lão tuyệt vọng, vì không thể chờ con trai; bán chó là việc không thể không làm, nhưng bán chó là lão tự thiêu cháy một phần cuộc đời mình.

***Luận điểm 2: Nhà văn Nam Cao đã đi sâu vào khám phá thế giới nội tâm của người nhà quê để khám phá những phẩm chất tốt đẹp ẩn giấu bên trong cái vẻ ngoài lam lũ tầm thường.*** Một lão Hạc "mình hạc xương mai" ít học, quẩn quanh trong cái làng quê bé nhỏ ấy lại là một nhân cách cao đẹp tuyệt vời. Đặt lão Hạc cạnh Binh Tư, cạnh Chí Phèo mới càng thấy hết được tâm hồn trong sáng, đẹp đẽ đến thanh khiết của lão. Đối với lão, sống dường như chỉ có một nghĩa: sống vì con, hy sinh cả cuộc đời cho con. Có thể nói lão Hạc đã tự thiêu cháy mình để nhường phần sống lại cho con. Hoàn cảnh nghiệt ngã đẩy lão đến một lựa chọn: Muốn sống phải lỗi đạo làm cha, còn muốn trọn đạo làm cha thì phải chết. Và tất nhiên, một người cha yêu thương con, giàu đức hy sinh, nhân hậu giàu lòng tự trọng thì lão đã chọn sự quên sinh. Vừa để bảo toàn phần người tốt đẹp, để trọn đạo làm cha, để chuộc tội với cậu ***Vàng lão đã tự chọn cho mình cái chết thê thảm của một con chó - lão tự đánh bả chình mình! (Câu chủ đề không nên đặt cuối đoạn- cách quy nạp)***

Chẳng những thế trong cuộc sống bế tắc, cũng quẫn ấy, lão Hạc vẫn luôn tự ý thức. Khi nói về gia tài, lão luôn tự xóa mình đi: vườn là của vợ tậu, con chó Vàng là của con trai mua. Khi bán hoa màu ở vườn: lão cũng không tiêu một xu. Khi bán chó: lão đã khóc vì trót lừa một con chó. Bán chó rồi: lão gửi tiền làm ma, bởi không muốn lụy hàng xóm. Lão sống ép xác khổ hạnh. Làm văn tự gửi ông giáo mảnh vườn cho con... Nhà văn Nam Cao phải yêu quý "lão Hạc" lắm mới thể hiện thành công về nhân vật như vậy! Đó cũng là thông điệp, là quan niệm văn chương "Nghệ thuật vị nhân sinh" của nhà văn: Hãy tin tưởng vào nhân phẩm của con người, tin vào thiên lương đẹp đẽ của người nông dân Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám năm 1945 nói riêng và người nông dân Việt Nam nói chung. Dù bề ngoài có vè như gàn dở nhưng bên trong họ là triết lý sống vô cùng cao đẹp: Thà chếtchứ không chịu ăn cắp, không làm điều sằng bậy, không để phiền luỵ đến những người xung quanh. "Thà chết trong, còn hơn sống đục".

Xin cảm ơn nhà văn Nam Cao, nhà văn đã giúp ta nhìn thấy vẻ đẹp tâm hồn và nhân cách cao đẹp của người nông dân Việt Nam và quan trọng hơn là nhà văn đã đem đến cho ta một niềm tin sâu sắc vào con người, một "đôi mắt" để nhìn đời, nhìn người nhân ái hơn, người hơn!

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**Đề 3.**

**ĐỀ THI HSG MÔN NGỮ VĂN 8 – HUYỆN**

**NĂM HỌC 2018-2019**

**Thời gian: 150 phút**

**Câu 1(4 điểm).** Phân tích vẻ đẹp của câu ca dao:

***Hỡi cô tát nước bên đàng***

***Sao cô múc ánh trăng vàng đổ đi?***

**Câu 2(6 điểm).** Viết đoạn văn trình bày những ấn tượng của em về tình yêu thương con người được thể hiện qua những suy ngẫm của nhân vật ông giáo trong truyện ngắn *Lão Hạc* của Nam Cao và và câu chuyện về chiếc lá được người họa sĩ vẽ vào đêm mưa bão trong tác phẩm *Chiếc lá cuối cùng* của O Hen-ri.

**Câu 3(10 điểm).**

Có ý kiến cho rằng: *Truyện* ***Lão Hạc*** *đã thể hiện một cách chân thực, sâu sắc và cảm động số phận đau thương và phẩm chất cao quý của người nông dân trong xã hội cũ. Song, ý nghĩa lớn nhất của tác phẩm là ở chỗ nó đặt ra vấn đề nhân cách của con người và việc giữ gìn nhân cách trong những lúc “cùng đường”.*

Hãy làm rõ cách hiểu của mình về ý kiến trên.

------------------ Hết ----------------------

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **Câu 1** | **Tiếng Việt** | **4,0** |
|  | **-** Đây là câu ca dao viết bằng thể thơ lục bát thuộc loại hay nhất về tả cảnh thiên nhiên và bộc lộ cảm xúc của con người trong kho tàng ca dao Việt Nam.  - Câu ca dao là cảnh tát nước đêm trăng. Chỉ một nét chấm phá mà gợi ra cả một bức tranh tát nước dưới trăng của người lao động đầy vẻ thơ mộng, hấp dẫn, bình dị với đầy đủ địa điểm (bên đàng), thời gian (đêm trăng), nhân vật (cô gái, chàng trai), công việc (tát nước).  - Bức tranh không gợi ra cảnh lao động vất vả mà ngược lại, lãng mạn, khỏe khoắn, chan hòa giữa bài ca lao động với bài ca giao duyên, giữa tình yêu thiên nhiên và tình yêu lao động, yêu làng quê, đất nước. Đây là lời của chàng trai.  - Cụm từ “múc ánh trăng vàng” gợi ra không gian đêm trăng huyền ảo, trăng tràn ngập không gian, sóng sánh ánh sáng, lẫn vào dòng nước. Nó cho thấy cái nhìn mê say của chàng trai trước cảnh vật, đặc biệt là trước vẻ đẹp của cô gái. Câu hỏi tu từ như một lời trêu ghẹo tình tứ, pha lẫn ngạc nhiên của chàng trai làm nổi bật tình cảm đôi lứa nhẹ nhàng, tinh tế, duyên dáng, ý nhị. | 0,5  1.0  1.0  1,5 |
| **Câu 2** |  | **6,0** |
|  | **Yêu cầu về mặt kỹ năng** | 1,0 |
| - Học sinh vận dụng các kỹ năng, thao tác nghị luận để viết một đoạn, hoặc một đoạn văn nghị luận ngắn về bài học rút ra từ *triết lý tình thương* của nhân vật ông giáo trong truyện ngắn  *Lão Hạc* và hình ảnh *chiếc lá cuối cùng* trong truyện ngắn cùng tên của O Hen-ri. Đoạn văn cần đảm bảo yêu cầu sau:  - Bố cục mạch lạc, lập luận chặt chẽ, lí lẽ thuyết phục, dẫn chứng tiêu biểu, xác thực, phù hợp.  - Diễn đạt lưu loát, linh hoạt; hành văn uyển chuyển, kết hợp các thao tác chứng minh, giải thích, bình luận, phân tích, bác bỏ…  - Không mắc các lỗi về viết câu, dùng từ, chính tả. |  |
| **Yêu cầu về kiến thức** |  |
| Đây là một dạng đề mở, học sinh có thể có nhiều cách hiểu, rút ra nhiều bài học khác nhau từ một hình ảnh giàu sức gợi trong tác phẩm. Do đó, bài làm có thể tập trung nghị luận về một hoặc nhiều bài học mà học sinh rút ra từ hình ảnh này. Dưới đây là một số khả năng nghị luận:  - Niềm tin, nghị lực trong cuộc sống.  - Tình yêu thương, sự đồng cảm, sẻ chia.  - Nét tính cách bao dung, vị tha.  - Lối sống nhân ái, giàu đức hy sinh, sẵn sàng cho, thậm chí là cả cuộc sống của mình vì người khác.  Tuy nhiên, dù nghị luận theo hướng nào cũng cần thể hiện được những luận cơ bản sau:  - Giải thích được ý nghĩa của *triết lý tình thương* và hình ảnh *chiếc lá cuối cùng* theo cách hiểu của học sinh, rút ra bài học về lẽ sống từ đó.  - Luận bàn về bài học đã được rút ra:  + Những biểu hiện cụ thể.  + Ý nghĩa, tác dụng.  + Liên hệ thực tế đời sống và bản thân.  + Phương hướng rèn luyện để hình thành cho mình tư tưởng, lẽ sống tích cực, biết cảm thông, thương yêu những người xung quanh, rộng hơn là con người nói chung. | 1,0  1,0  1,0  1,0  1,0 |
| **Câu 3** | **Cảm nhận về giá trị nhân đạo lớn lao của tác phẩm  *Lão Hạc*  bên cạnh giá trị hiện thực sâu sắc**: *Truyện* ***Lão Hạc*** *đã thể hiện một cách chân thực, sâu sắc và cảm động số phận đau thương và phẩm chất cao quý của người nông dân trong xã hội cũ. Song, ý nghĩa lớn nhất của tác phẩm là ở chỗ nó đặt ra vấn đề nhân cách của con người và việc giữ gìn nhân cách trong những lúc “cùng đường”.* | **10,0** |
|  | **Yêu cầu về mặt kỹ năng:** | 0,5 |
| Viết một bài văn nghị luận về tác phẩm có định hướng, gắn với vấn đề lý luận văn học với những yêu cầu cụ thể sau:  - Hình thức một bài văn: bố cục rõ ràng, lập luận chặt chẽ, có sự phân tích, bình giá, cảm thụ về nội dung hiện thực và nhân đạo, các yếu tố nghệ thuật (ngôn từ, hình ảnhngôn ngữ kể chuyện, nghệ thuật xây dựng truyện và miêu tả nội tâm nhân vật…) trong tác phẩm.  - Diễn đạt rõ ràng, linh hoạt, uyển chuyển; không mắc các lỗi viết câu, dùng từ, chính tả. |  |
| **Yêu cầu về kiến thức:** |  |
| ***a. Giới thiệu vấn đề nghị luận***  - Dẫn dắt, giới thiệu về tác giả Nam Cao và tác phẩm *Lão Hạc*  - Trích nhận định. | 0,5 |
| ***b. Trình bày cách hiểu và chứng minh nhận định(8,0 điểm)***  **\* Giải thích luận điểm (1,0 điểm)**  **-** Ý kiến đề cập đến giá trị hiện thực của tác phẩm: *thể hiện một cách chân thực, sâu sắc và cảm động số phận đau thương và phẩm chất cao quý của người nông dân trong xã hội cũ.,.’Ơ?’’’* | 0,5 |
| - Đặc biệt nhấn mạnh giá trị nhân đạo độc đáo của tác phẩm: *đặt ra vấn đề nhân cách của con người và việc giữ gìn nhân cách trong những lúc “cùng đường”.*  Từ đó, có thể thấy vị trí đặc biệt của tác phẩm trong số tất cả những tác phẩm viết về đề tài người nông dân của nhà văn Nam Cao: lão Hạc là người nông dân duy nhất không bị sa vào con đường lưu manh hóa. | 0,5 |
| **\* Chứng minh giá trị hiện thực và nhân đạo của tác phẩm *Lão Hạc***  **(6 điểm)**  **-** Tác phẩm đã tái hiện lại cuộc đời, số phận đau thương và phẩm chất cao quý của của Lão Hạc:  + Phải sống trong cảnh nghèo khó cả đời, về già lại phải cô độc và chết một cách đau đớn, vật vã như một cách tự giải thoát cho mình. | 1,0 |
| + Lão là hiện thân cho những đức tính thuần hậu, tốt đẹp của người nông dân Việt Nam: hiền lành, chăm lo cho con cái đến tận lúc chết, sống thủy chung… | 1,5 |
| - Điều làm ám ảnh người đọc hơn là ở cách lão sống và chết, trở thành minh chứng cho việc giữ gìn nhân cách trong những lúc “đường cùng”:  + Lão giàu lòng tự trọng, càng lúc túng quẫn thì lão lại càng cố giữ lòng tự trọng đó: mối quan hệ của lão với ông giáo.  + Lão chết để **bảo toàn nhân cách làm người**: làm cha, làm con người. | 1,0  2,0 |
| - Ý nghĩa của hình tượng nhân vật cũng như tác phẩm trong số những tác phẩm của Nam Cao nói riêng và giai đoạn văn học 1930 – 1945 nói chung. Cần liên hệ với những suy ngẫm của nhân vật ông giáo để cho thấy những gửi gắm của Nam Cao về vấn đề nhân cách con người ở tác phẩm và hình tượng nhân vật chính. | 0,5 |
| ***\** Đánh giá về thành công nghệ thuật của tác phẩm (1 điểm)**  **-** Xây dựng tình huống truyện hấp dẫn.  - Miêu tả nội tâm nhân vật sắc sảo, tinh tế.  - Ngôn ngữ tự nhiên, ngòi bút kể chuyện khách quan mà thấm đượm chất suy tư. | 1,0 |
| ***c. Khẳng định và mở rộng vấn đề nghị luận (1,0 điểm)***  - Khẳng định lại nhận định.  - Mở rộng, liên hệ với những vấn đề phẩm chất người nông dân được thể hiện trong các tác phẩm cùng thời. | 1,0 |

***\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\****

**ĐỀ 4 ĐỀ THI CHỌN HỌC SINH GIOI CẤP HUYỆN**

**NĂM HỌC : 2018-2019**

**MÔN : NGỮ VĂN 8**

**Câu 1 :** *(3 điểm)*

Đọc câu chuyện sau và nêu suy nghĩ của em bằng một đoạn văn khoảng 10 câu:   
 Có người cha mắc bệnh rất nặng. Ông gọi hai người con trai đến bên giường và ân cần nhắc nhở: “Sau khi cha qua đời,hai con cần phân chia tài sản một cách thỏa đáng, đừng vì chuyện đó mà cãi nhau nhé!”

Hai anh em hứa sẽ làm theo lời cha . Khi cha qua đời họ phân chia tài sản làm đôi.   
Nhưng sau đó người anh cho rằng người em chia không công bằng và cuộc tranh cãi nổ ra. Một ông già thông thái đã dạy cho họ cách chia công bằng nhất: Đem tất cả đồ đạc ra cưa đôi thành hai phần bằng nhau tuyệt đối. Hai anh em đã đồng ý.

Kết cục tài sản đã được chia công bằng tuyệt đối nhưng đó chỉ là đống đồ bỏ đi.

.  
**Câu 2 :** *(2 điểm)*Có ý kiến cho rằng : "Bài thơ Nhớ rừng của Thế Lữ ( Ngữ văn 8, tập 2 )tràn đầy cảm xúc lãng mạn".Em hãy cho biết cảm xúc lãng mạn được thể hiện trong bài thơ như thế nào ?

**Câu 3:** *(5 điểm)*

Trong tác phẩm “Lão Hạc”, Nam Cao viết:

**“…***Chao ôi* ! *Đối với những người sống quanh ta , nếu ta không cố mà tìm hiểu họ, thì ta chỉ thấy họ gàn dở, ngu ngốc, bần tiện, xấu xa, bỉ ổi…toàn những cớ để cho ta tàn nhẫn; không bao giờ ta thấy họ là những người đáng thương; không bao giờ ta thương*…*cái bản tính tốt của người ta bị những nỗi lo lắng*

*, buồn đau, ích kỉ che lấp mất…”*

Em hiểu ý kiến trên như thế nào ? Từ các nhân vật: Lão Hạc,ông giáo, vợ ông giáo ,Binh Tư trong tác phẩm “Lão Hạc” ,em hãy làm sáng tỏ nhận định trên.

.**HƯỚNG DẪN CHẤM – BIỂU ĐIỂM**

|  |  |
| --- | --- |
| **CÂU** |  |
| **Câu 1 :**  ***(3điểm)*** | - Trên đời này không tồn tại sự công bằng tuyệt đối. Nếu lúc nào cũng tìm kiếm sự công bằng thì kết cục chẳng ai được lợi gì.  - Sự công bằng chỉ tồn tại trong trái tim chúng ta . Trong bất cứ chuyện gì đừng nên tính toán quá chi li.  - Nhường nhịn chính là tạo nên sự công bằng tuyệt đối |
| **Câu 2 :**  ***(2 điểm)*** | Nêu được nội dung cơ bản sau:  - Bài thơ “Nhớ rừng” là bài thơ hay của Thế Lữ, nhưng cũng là bài thơ hay của phong trào Thơ Mới. Điểm nổi bật của tâm hồn lãng mạn là giàu mộng tưởng, khát vọng và cảm xúc. Người nghệ sỹ lãng mạn Việt Nam trước cách mạng tháng Tám-1945 cảm thấy cô đơn, tù túng trong xã hội bấy giờ nhưng bất lực, họ chỉ còn biết tìm cách thoát li thực tại ấy bằng chìm đắm vào trong đời sống nội tâm tràn đầy cảm xúc. Tâm hồn lãng mạn ưa thích sự độc đáo, phi thường, ghét khuôn khổ, gò bó và sự tầm thường. Nó có hứng thú giãi bầy những cảm xúc thiết tha mãnh liệt, nhất là nỗi buồn đau.  - Cảm xúc lãng mạn trong bài thơ nhớ rừng được thể hiện khá rõ ở những khía cạnh sau: (1điểm).  + Hướng về thế giới mộng tưởng lớn lao, phi thường tráng lệ bằng một cảm giác trào dâng mãnh liệt. Thế giới ấy hoàn toàn đối lập với thực tại tầm thường, giả dối. Trong baì thơ, thế giới mộng tưởng chính là cảnh đại ngàn hùng vĩ và kèm theo đó là cảnh oai hùng của chúa sơn lâm.  + Diễn tả thấm thía nỗi đau trong tinh thần bi tráng, tức là nỗi uất ức xót xa của hòm thiêng khi sa cơ lỡ vận. |
| **Câu 3:**  ***(5điểm)*** | **A.Yêu cầu chung:**  ***Thể loại*:** Giải thích kết hợp chứng minh.  ***Nội dung****:*Cách nhìn, đánh giá con người cần có sự cảm thông, trân trọng con người.  **Yêu cầu cụ thể**  **1.Mở bài:**  -Dẫn dắt vấn đề:Con người là tổng hòa của các mối quan hệ xã hội nên việc đánh giá con người phải có sự tìm hiểu cụ thể.  -Đặt vấn đề:Cách nhìn, đánh giá con người qua câu nói trên.  **2.Thân bài(4 điểm)**  ***a. Giải thích nội dung của đoạn văn:***  + Lời độc thoại của nhân vật “Ông giáo”- thông qua nhân vật này- tác giả Nam Cao thể hiện cách nhìn, đánh giá đầy sự cảm thông, trân trọng con người:  - Phải đem hết tấm lòng của mình, đặt mình vào hoàn cảnh của họ để cố mà tìm hiểu, xem xét con người ở mọi bình diện thì mới có được cái nhìn đầy đủ, chắt gạn được những nét phẩm chất đáng quý của họ, nếu chỉ nhìn phiến diện thì sẽ có ác cảm hoặc những kết luận sai lầm về bản chất của con người.  ***b. Chứng minh ý kiến trên qua các nhân vật:***  + Lão Hạc: Thông qua cái nhìn của các nhân vật (trước hết là ông giáo), lão Hạc hiện lên với những việc làm, hành động bề ngoài có vẻ gàn dở, lẩm cẩm  - Bán một con chó mà cứ đắn đo, suy nghĩ mãi. Lão Hạc sang nhà ông giáo nói chuyện nhiều lần về điều này làm cho ông giáo có lúc cảm thấy ***“nhàm rồi”.***  - Bán chó rồi thì đau đớn, xãt xa, dằn vặt như mình vừa phạm tội ác gì lớn lắm.  - Gửi tiền, giao vườn cho ông giáo giữ hộ, chấp nhận sống cùng cực, đói khổ: ăn sung, rau má, khoai, củ chuối…  - Từ chối gần như hách dịch mọi sự gióp đỡ.  - Xin bả chó.  + Vợ ông giáo: nhìn thấy ở lão Hạc một tính cách gàn dở ***“Cho lão chết ! Ai bảo lão có tiền mà chịu khổ ! Lão làm lão khổ chứ ai…”,*** vô cùng bực tức khi nhìn thấy sự rỗi hơi của ông giáo khi ông đề nghị giúp đỡ lão Hạc **“*Thị gạt phắt đi”.***  + Binh Tư: Từ bản tính của mình, khi nghe lão Hạc xin bả chó, hắn vội kết luận ngay “Lão…cũng ra phết chứ chả vừa đâu”.  + Ông giáo có những lúc không hiểu lão Hạc: “Làm quái gì một con chó mà lão có vẻ băn khoăn quá thế ?”, thậm chí ông cũng chua chát thốt lên khi nghe Binh Tư kể chuyện lão Hạc xin bả chó về để **“*cho nó xơi một bữa…lão với tôi uống rượu*”: “*Cuộc đời cứ mỗi* *ngày càng thêm đáng buồn…”***Nhưng ông giáo là người cã tri thức, có kinh nghiệm sống, có cái nhìn đầy cảm thông với con người, lại chịu quan sát, tìm hiểu, suy ngẫm nên phát hiện ra được chiều sâu của con người qua những biểu hiện bề ngoài:  - Ông cảm thông và hiểu vì sao lão Hạc lại không muốn bán chó: Nó là một người bạn của lão, một kỉ vật của con trai lão; ông hiểu và an ủi, sẻ chia với nỗi đau đớn, dằn vặt của lão Hạc khi lão khóc thương con chó và tự xỉ vả mình. Quan trọng hơn, ông phát hiện ra nguyên nhân sâu xa của việc gửi tiền, gửi vườn, xin bả chã, cái chết tức tưởi của lão Hạc: Tất cả là vì con, vì lòng tự trọng cao quý. ông giáo nhìn thấy vẻ đẹp tâm hồn của lão Hạc ẩn giấu đằng sau những biểu hiện bề ngoài có vẻ gàn dở, lập dị.  - Ông hiểu và cảm thông được với thái độ, hành động của vợ mình: Vì quá khổ mà trở nên lạnh lùng, vô cảm trước nỗi đau đồng loại **“…*Vợ tôi không ác, nhưng thị khổ quá rồi. Một ngưêi đau chân cã lóc nào quên được cái chân đau của mình để nghĩ đến một cái gì khác* *đâu ?* *cái bản tính tốt của ngưêi ta bị những nỗi lo lắng, buồn đau, ích kỉ che lấp mất…”* . ông biết vậy nên “*Chỉ buồn chứ không nì giận*”.**  → Ông giáo là nhân vật trung tâm dẫn dắt câu chuyện, từ việc miêu tả các nhân vật mà quan sát, suy ngẫm để rồi rót ra những kết luận cã tính chiêm nghiệm hết sức đóng đắn và nhân bản về con người. Có thể nói tác giả đã hóa thân vào nhân vật này để đưa ra những nhận xét, đánh giá chứa chan tinh thần nhân đạo về cuộc đời , con người. Đây là một quan niệm hết sức tiến bộ định hướng cho những sáng tác của nhà văn sau này.  3.Kết bài:  -Khẳng định tính triết lí của câu nói trên. Đó cùng là quan niệm sống,tình cảm của tác giả.  -Suy nghĩ của bản thân em... |

***\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\****

**Đề 5.**

**ĐỀ KHẢO SÁT HSG NĂM HỌC**

**MÔN: NGỮ VĂN - LỚP: 8**

*Thời gian làm bài: 150 phút*

**Câu 1**: **(1đ)** Chiếc lá thường xuân trong tác phẩm “Chiếc lá cuối cùng” của O-hen-ri mà cụ Bơ men đã vẽ trong đêm mưa rét có phải là một kiệt tác không? Vì sao?

**Câu 2: (3đ)** Chỉ ra và phân tích hiệu quả nghệ thuật của các biện pháp tu từ trong đoạn thơ sau:

*Sương trắng rỏ đầu cành như giọt sữa*

*Tia nắng tía nháy hoài trong ruộng lúa*

*Núi uốn mình trong chiếc áo the xanh*

*Đồi thoa son nằm dưới ánh bình minh*

(Chợ tết – Đoàn Văn Cừ)

**Câu 3**: **(6đ**): Trong truyện ngắn “Lão Hạc” của Nam Cao, nhân vật “tôi” đã suy ngẫm:

“Chao ôi! Đối với những người ở quanh ta, nếu ta không cố tìm mà hiểu họ, thì ta chỉ thấy họ gàn dở, ngu ngốc, bần tiện, xấu xa, bỉ ổi...toàn những cớ để cho ta tàn nhẫn; không bao giờ ta thấy họ là những người đáng thương; không bao giờ ta thương (...) Cái bản tính tốt của người ta bị những nỗi lo lắng, buồn đau, ích kỉ che lấp mất”.

1. Em hiểu thế nào về ý nghĩ trên của nhân vật “tôi” ?
2. Phân tích quá trình “cố tìm” để hiểu Lão Hạc của nhân vật “tôi”.

**HD CHẤM**

**Câu 1:** Đáp án:

Các ý cơ bản cần có:

- Chiếc là thường xuân mà cụ Bơ men đã vẽ trên bức tường trong đêm mưa rét chính là một kiệt tác vì:

+ Chiếc lá y như thật

+ Chiếc lá ấy tạo ra sức mạnh, khơi dậy sự sống trong tâm hồn con người, cứu sống được Giôn – Xi

+ Chiếc lá ấy được vẽ bằng tình thương bao la và lòng hy sinh cao cả của người họa sỹ già Bơ – men.

**Câu 2:**

* Yêu cầu:

+ Giới thiệu nội dung bốn câu thơ đầu của Đoàn Văn Cừ trong bài thơ “Chợ tết” miêu tả bức tranh thiên nhiên miền đồi núi trung du khi tết đến, xuân về với các biện pháp nghệ thuật đặc sắc (0,25đ)

+ Chỉ ra và phân tích hiệu quả các biện pháp tu từ. (2,5đ)

* Biện pháp so sánh “sương trắng rỏ đầu cành như giọt sữa”. Hình ảnh giọt sương “rỏ” xuống như “giọt sữa” cho ta cảm nhận sự ngọt ngào, thơm mát, tinh khiết của giọt sương sớm mai. Đó là một sự liên tưởng độc đáo (có thể bình so sánh: “sương” khắc nghiệt trong “Chinh phụ ngâm”. “Sương như búa bổ mòn gốc liễu”)
* Biện pháp nhân hóa: “tia nắng nháy”, “Núi uốn mình” “ mặc áo the”, “Đồi thoa son – nằm” Cảnh vật vô tri như được thổi vào trong nó một linh hồn trở nên sống động giống như con người: tia nắng như đứa trẻ tinh nghịch, reo vui, núi đồi như cô thiếu nữ đang làm duyên, làm dáng, uyển chuyển xinh đẹp hữu tình... Tất cả như muốn hòa vào dòng người cùng đi chợ tết.
* Đoạn thơ sử dụng những từ giàu hình ảnh, các tính từ chỉ màu sắc “trắng, tía, xanh, đỏ (son), hồng (bình minh)” và các động từ “nhảy, uốn, thoa, nằm...” để góp phần tạo nên một bức tranh rộn rịp những hình sắc tươi vui.
* Các biện pháp nghệ thuật đặc sắc đã tạo nên bức tranh sinh động, tươi tắn, có hồn và rực rỡ, đầy sức sống của thiên nhiên, gợi được cả cái náo nức, vui vẻ của thiên nhiên trong buổi sáng mùa xuân tươi đẹp.
* Qua sự quan sát tinh tế, liên tưởng so sánh đầy thú vị và kỳ diệu của tác giả, ta cảm nhận được tình yêu thiên nhiên tha thiết của nhà thơ. (0,25đ).

Câu 3:

\*Yêu cầu chung:

+ Về kỹ năng: Học sinh biết cách làm bài văn nghị luận về tác phẩm truyện. Biết lựa chọn phân tích các chi tiết về nhân vật để làm nổi bật yêu cầu. Bài viết có bố cục mạch lạc, diễn đạt lưu loát.

+ Về kiến thức: Làm rõ quá trình “cố tìm” để hiểu Lão Hạc của nhân vật “tôi” – tức là phân tích cái nhìn nhân đạo của Nam Cao về người nông dân.

**\*** Dàn bài:

a) Đặt vấn đề:

- Giới thiệu khái quát tác giả Nam Cao và tác phẩm Lão Hạc.

- Đặc điểm của nhân vật: Ông Giáo – nhân vật xưng “Tôi” – là một trí thức nghèo, có nhân cách cao đẹp, vị tha, giàu tình yêu thương.

- Dẫn đề.

b) Giải quyết vấn đề:

**\* Giải thích ý nghĩ của nhân vật “Tôi”:**

- Trước hết, suy ngẫm trên đã khẳng định một thái độ sống, một cách ứng xử mang tính nhân đạo: cần phải quan sát, suy nghĩ đầy đủ về những con người hàng ngày sống quanh mình, cần phải nhìn họ bằng lòng đồng cảm, bằng đôi mắt của tình thương, biết phát hiện và trân trọng, nâng niu những điều đáng thương, đáng quý ở họ.

- Thứ hai, suy ngẫm ấy đã nêu lên một phương pháp đúng đắn, sâu sắc khi đánh giá con người: Ta cần biết tự đặt mình vào cảnh ngộ cụ thể của họ thì mới có thể hiểu đúng, cảm thông đúng, phải biết đánh giá đúng bản chất của con người bên trong cái vỏ tưởng chừng như “lẩm cẩm, gàn dở..”

\* Phân tích quá trình “cố tìm” để hiểu lão Hạc của “Tôi”.

**Ý 1: Quá trình “cố tìm” để hiểu lão Hạc khi lão Hạc nói chuyện bán chó.**

+ Lúc đầu khi mới nghe lão Hạc nói chuyện bán chó, nhân vật “Tôi” rất dửng dưng.

Dẫn chứng: - Nghe đến nhàm.

* So sánh với những quyển sách quý của mình...

→ Ông Giáo chưa hiểu lão Hạc, thờ ơ. Vả lại, ông là người hiểu biết từng trải thì chuyện bán một con chó vào thời buổi lúc ấy quả là rất nhỏ bé, bình thường.

+ Khi nghe lão Hạc kể lai lịch con chó, “Tôi” bắt đầu xúc động, cảm thông.

Dẫn chứng: “Lão Hạc ơi! Bây giờ thì tôi hiểu...ai mà chả phải buồn”

→ Ông giáo đã bắt đầu hiểu cảnh ngộ của lão Hạc, thương lão.

+ Khi nghe lão Hạc kể lại chuyện đã bán chó như thế nào, “Tôi” thật sự xúc động, ái ngại.

Dẫn chứng: - Muốn ôm choàng lấy lão mà òa lên khóc “Bây giờ thì tôi không tiếc những quyển sách của tôi nữa”.

* An ủi lão.
* Mời ăn khoai, uống nước chè cho lão khuây khỏa.

→ Nhân vật “Tôi” không chỉ thấy hiểu tình cảnh cô đơn của lão Hạc mà còn phát hiện ra vẻ đẹp tâm hồn lão. Ấy là sự nhân hậu, độ lượng. “Tôi” quý trọng và thương lão.

Như vậy, từ chỗ dửng dưng, thờ ơ, “Tôi” đã dần dần quan tâm, lắng nghe, thấu hiểu và xúc động, cảm thông với cảnh ngộ của Lão Hạc, phát hiện ra những phẩm chất đẹp đẽ ở con người già nua tưởng chừng như lẩm cẩm ấy tình yêu thương con người tha thiết, sự nhân hậu vô cùng.

**Ý 2: Quá trình “cố tìm” để hiểu lão hạc qua cái chết của Lão.**

+ Khi lão Hạc gửi tiền, vườn: Lúc đầu nhân vật “Tôi” ngạc nhiên rồi lo lắng cho lão.

Dẫn chứng: - Tôi bật cười bảo “Sao cụ ...”

* “Có đồng nào ... lấy gì mà ăn?”

→ Ông càng hiểu rõ hơn, phát hiện thêm vẻ đẹp của nhân cách lão Hạc: giàu lòng tự trọng, trọng danh dự.

+ Khi nghe chuyện lão Hạc xin bả chó: Nhân vật “Tôi” nghi ngờ, buồn.

Dẫn chứng: “Con người đáng kính ấy ... thêm đáng buồn”

→ Hiểu lắm nhân cách của lão Hạc: Một con người đáng kính đến thế, nhân hậu, giàu lòng tự trọng đến thế mà cũng bị tha hóa khi bị dồn đến đường cùng.

+ Khi chứng kiến cái chết của lão Hạc: Nhân vật “Tôi” đau đơn, xót xa.

Dẫn chứng: - Kêu lên: Lão Hạc ơi....

* Hứa hẹn ....

→ Ông càng hiểu, càng thêm kính phục lão Hạc. Một người sống vì con, chết cũng vì con, thà chết để giữ trọn danh dự chứ không chịu theo con đường bất lương.

→ Tóm lại, quá trình “cố tìm” để hiểu lão Hạc của ông giáo là một quá trình phức tạp. Dửng dưng, thờ ơ → Hiểu → Cảm thông → Ngộ nhận → Vỡ lẽ → Tin tưởng. Đó là quá trình phát triển nhận thức của người trí thức về người nông dân trong giai đoạn 1930 – 1945.

\* Đánh giá:

- Nhân vật “Tôi” là người giàu lòng thương người, suy tư, trăn trở về lẽ sống ở đời, không có cái nhìn bề ngoài hời hợt về người khác, cố hiểu đúng và trân trọng những phần tốt đẹp ở người khác.

- Ông là một trí thức có cuộc sống nghèo khổ như bao người khác trong xã hội. Ông gần gũi và am hiểu người nông dân, cảm thông, chia sẻ, thương xót và kính trọng họ. Ông cũng là một nhân cách cao cả, vị tha, độ lượng.

c) Kết thúc vấn đề:

- Khẳng định suy ngẫm trên là cái nhìn nhân đạo, tiến bộ về người nông dân của nhà văn Nam Cao (Cái nhìn này trở thành chủ đề sâu sắc, nhất quán ở mọi sáng tác của Nam Cao như: “Đôi mắt:...).

- Liên hệ bản thân: cái nhìn về cuộc sống, về những người xung quanh và thái độ đúng đắn trước mỗi vấn đề ấy.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**ĐỀ 6**

**ĐỀ THI HSG MÔN NGỮ VĂN 8**

**Thời gian: 150 phút**

**I. ĐỌC HIỂU (6 điểm).**

***Đọc văn bản và thực hiện các yêu cầu từ câu 1 đến câu 4:***

(1)*“*Thế giới cần nâng niu quá đỗi. Ta sống đời lại thô tháp làm sao. Ta làm tổn thương những dòng sông. Ta làm tổn thương những mặt đầm. Ta làm tổn thương những mảnh vườn. Ta làm tổn thương những mùa hoa trái. Ta làm tổn thương những bình minh yên ả. Ta làm tổn thương những canh khuya trong vắng. Ta làm đau những niềm người quá đỗi mong manh...

(2) Mặt đất ngàn đời quen tha thứ. Đại dương bao la quen độ lượng. Cánh rừng mênh mông quen trầm mặc. Những dòng sông quen chảy xuôi. Những hồ đầm quen nín lặng. Những nẻo đường quen nhẫn nhịn. Những góc vườn quen che giấu. Những thảm rêu vốn không biết dỗi hờn. Những đoá hoa không bao giờ chì chiết. Những giấc mơ chỉ một mực bao dung. Những yêu thương không bao giờ trả đũa… Và ta cứ yên chí đi qua thế giới này với bước chân quen xéo lên cỏ hoa. Thỉnh thoảng bàn chân nên bị gai đâm, để ta được giật mình: tổn thương là rỉ máu*”.*

(Chu Văn Sơn, *Nên bị gai đâm*)

**Câu 1**. Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn trích.

**Câu 2**. Em hãy cho biết chủ đề của đoạn văn (1).

**Câu 3**. Chỉ ra và phân tích tác dụng của biện pháp nghệ thuật nổi bật được sử dụng trong đoạn văn (2).

**Câu 4**. Theo em, tại sao tác giả lại cho rằng: *“*Thỉnh thoảng bàn chân nên bị gai đâm, để ta được giật mình: tổn thương là rỉ máu.*”?*

**Câu 2:** *(6.0 điểm)*

Ph. Ăng - ghen cho rằng: *"Trang bị quý nhất của một người là khiêm tốn và giản dị."*

Bằng một bài văn ngắn, em hãy trình bày suy nghĩ của mình về ý kiến trên.

**Câu 3:** *(10.0 điểm)*

Nhận xét về truyện ngắn "*Lão Hạc*", nhà phê bình văn học Văn Giá cho rằng :

" *Từ việc miêu tả hoạt động của các nhân vật, Nam Cao đã gián tiếp đưa ra tình thế lựa chọn đối với lão Hạc...Đó là một lựa chọn tột cùng đau đớn của thân phận con người. Ý nghĩa câu chuyện chủ yếu được phát sáng từ điểm then chốt này."*

Qua truyện ngắn "*Lão Hạc"* của nhà văn Nam Cao, em hãy làm sáng tỏ những ***tình thế lựa chọn*** ấy.

------------------ **HẾT** ------------------

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Yêu cầu** | **Điểm** |
| **Phần I ĐỌC - HIỂU** | | **4.0** |
| 1. | Phương thức biểu đạt chính: Nghị luận. | 0,5 |
| 2. | Chủ đề đoạn văn: Con người ta quá vô tình trước những tội lỗi, tổn thương do chính mình gây nên đối với thế giới tự nhiên và người khác. | 0,5 |
| 3. | - Biện pháp nghệ thuật nổi bật: Điệp từ *(quen)*, điệp cấu trúc câu *(Những … quen …)*.  - Tác dụng:  + Nhấn mạnh sự vô tư, bao dung, rộng lượng, tha thứ và sẻ chia của tự nhiên đối với con người.  + Tạo cho đoạn văn giàu tính nhạc. | 0,5  0,5  0,5 |
| 4. | - Vì con người ta quá vô tư trước những tổn thương mà mình gây ra cho kẻ khá c vì vậy mà bản thân chúng ta cũng nên bị “thương” để hiểu được tổn thương người khác cũng chính là làm đau chính mình và mọi người, tổn thương chính là rỉ máu.  - Lúc ấy ta sẽ biết yêu thương, chia sẻ; ta sẽ hòa vào thế giới này bằng trái tim độ lượng, bao dung, sẽ biết thấu hiểu, trân trọng, nâng niu thiên nhiên, đồng loại, dẹp bỏ đi thói vị kỉ, vô tâm, thờ ơ vô cảm để quan tâm nhiều hơn đến mọi người. | 0,5 |

**LÀM VĂN**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **2** |  | **Về kỹ năng** |  |
|  | - Biết cách viết một bài văn nghị luận xã hội.  - Bố cục ba phần, bài viết mạch lạc, lập luận chặt chẽ, lí lẽ thuyết phục; không mắc các lỗi chính tả, diễn đạt... |  |
|  | **Về nội dung** |  |
|  | *Thí sinh có thể viết bài theo nhiều cách, dưới đây là những gợi ý định hướng chấm bài*: |  |
|  | ***a. Mở bài:*** Dẫn dắt vấn đề nghị luận và trích nguyên văn câu nói của Ph. Ăng - ghen. | 0.5 |
|  | ***b. Thân bài:*** | 5.0 |
|  | **\* *Giải thích:***  - *Khiêm tốn:* Là thái độ hòa nhã, nhún nhường, luôn tự cho mình là kém, cần phải học hỏi thêm.  - *Người khiêm tốn* là những người: luôn có ý thức học hỏi, tôn trọng người khác; không khoe khoang, tự mãn; luôn biết lắng nghe để tự hoàn thiện mình; dè dặt, nhã nhặn khi nhận những lời khen...  - *Giản dị:* Là đơn giản và bình dị, giản dị đối lập với cầu kì.  - *Người giản dị* là những người*:* không cầu kì, kiểu cách; không phô trương; luôn hướng tới sự hài hòa giữa mình và mọi người xung quanh.  *=>* Câu nói củaPh. Ăng - ghen khẳng định: hành trang không thể thiếu và đáng quý nhất của mỗi người trong cuộc sống là đức tính khiêm tốn và giản dị. | 1.0 |
|  | **\* *Bàn luận:*** Câu nói đưa ra một quan niệm hoàn toàn đúng. Vì:  - Người khiêm tốn bao giờ cũng dễ hòa đồng với những người xung quanh. Bởi tâm lý chung của con người là không thích thói hung hăng, kiêu ngạo, tự phụ, chuộng những người ham học hỏi, từ tốn, điềm đạm.  - Khiêm tốn rất cần thiết vì sự hiểu biết của con người hữu hạn trong khi tri thức của nhân loại là vô hạn. Khi khiêm tốn con người sẽ luôn có ý thức học hỏi để ngày càng tiến bộ, hoàn thiện bản thân.  - Khiêm tốn không hạ thấp con người, trái lại nó nâng con người lên.  --> Khiêm tốn là một phẩm chất rất cần thiết giúp con người thành công trong cuộc sống.  - Giản dị, ngoài việc giúp con người dễ hòa đồng, chiếm được cảm tình của số đông còn giúp con người tiết kiệm thời gian chăm sóc bản thân, có thêm thời gian làm việc; tiết kiệm tiền của, vật chất...  *(Kết hợp bàn bạc, đánh giá với những dẫn chứng trong văn học, trong cuộc sống)* | 2.5 |
|  | **\* *Mở rộng, nâng cao vấn đề:***  - Phê phán những người kiêu căng, tự mãn hoặc có lối sống quá cầu kì, phô trương hay xa hoa, lãng phí.  - Khiêm tốn không đồng nghĩa với tự ti, bởi tự ti là tự hạ thấp giá trị của mình, đánh mất niềm tin vào bản thân mình.  - Giản dị không đồng nghĩa với xuyềnh xoàng, vì xuyềnh xoàng là thiếu sự chăm sóc bản thân và thiếu tôn trọng người khác. | 1.0 |
|  | ***\*Bài học nhận thức:***  - Câu nói của Ph.Ăng - ghen ngắn gọn và gợi nhiều suy nghĩ cho người đọc. Nó giúp con người nhận thức được rằng: để hạn chế những vấp ngã, thất bại, con người cần phải rèn luyện cho mình những phẩm chất cần thiết, trong đó có đức tính khiêm tốn và giản dị. | 0.5 |
|  | ***c. Kết bài:***  ***-*** Khẳng định khiêm tốn, giản dị là những đức tính quý báu của con người.  - Liên hệ, rút ra bài học cho bản thân. | 0.5 |
| **3** |  | **Về kĩ năng** |  |
|  | - Biết cách viết một bài văn nghị luận văn học. Bố cục bài viết sáng rõ, các luận điểm liên kết mạch lạc, liên kết chặt chẽ; văn phong trong sáng, có cảm xúc,…  - Biết kết hợp nhuần nhuyễn giữa kiến thức lí luận và năng lực cảm thụ văn học. |  |
|  | **Về kiến thức** |  |
|  | *Thí sinh có thể sắp xếp các luận điểm trong bài viết theo nhiều cách nhưng về cơ bản, cần đảm bảo những nội dung sau:*  ***a. Mở bài:***  - Dẫn dắt vấn đề, trích dẫn ý kiến.  - Giới thiệu truyện ngắn " Lão Hạc" của Nam Cao (gắn với ý kiến ở đề bài). | 1.0 |
|  | ***b.******Thân bài :*** | 8.0 |
|  | ***\*Giải thích chung về ý kiến:***  -***Tình thế*** là một sự kiện đặc biệt của đời sống được nhà văn sáng tạo trong tác phẩm (truyện ngắn)***.*** Tại sự kiện này, nhân vật phải đưa ra hành động, sự ***lựa chọn*** và quyết định cuối cùng.  - Việc xây dựng ***tình thế*** là một trong những điểm quan trọng nhất (***điểm then chốt***) của quy trình sáng tạo một truyện ngắn. Qua đó, nội dung tư tưởng, chủ đề của tác phẩm được "phát sáng", thể hiện một cách đầy đủ nhất.  - "Lão Hạc" của Nam Cao là một truyện ngắn tiêu biểu trong cách xây dựng tình thế. Nhà văn đã đặt lão Hạc vào những ***tình thế lựa chọn*** khá quyết liệt trước khi đi đến quyết định dứt khoát. Từ đây, bản chất, tâm trạng hay tính cách, số phận của nhân vật hiện lên rõ nét nhất. Đồng thời, tư tưởng, tình cảm của tác giả cũng được bộc lộ trọn vẹn. | 1.0 |
|  | ***\* Chứng minh:***  -Khái quát hoàn cảnh khổ cực, bất hạnh của lão. | 1.0 |
|  | - Xây dựng nhân vật lão Hạc, Nam Cao đã đặt nhân vật của mình vào trong ***tình thế lựa chọn***:  +***Tình thế 1****:* Lão Hạc phải lựa chọn giữa việc bán hay không bán  "cậu Vàng". Tình thế ấy khiến lão Hạc đau khổ, dày vò, tâm trạng nặng trĩu .- > Đó chính là lúc tình yêu con, thương con sâu sắc, âm thầm cùng với lòng nhân hậu của lão được bộc lộ rõ nhất. | 2.5 |
|  | ***+ Tình thế 2:***Lão Hạc phải trực tiếp lựa chọn giữa sự sống và cái chết. Lão đã âm thầm chuẩn bị để đi đến quyết định đó (nhờ ông giáo giữ mảnh vườn và 30 đồng bạc, lão phải ăn sung luộc, củ ráy..., xin Binh Tư bả chó rồi tự tử). Đó là ***một sự lựa chọn tột cùng trong đau đớn,*** trong nỗi bất lực, bế tắc, tuyệt vọng bị đẩy đến bước đường cùng không lối thoát của người nông dân trong xã hội phong kiến. Chính tình thế này đã bộc lộ sâu sâu sắc lòng tự trọng của một lão nông nghèo khổ mà sống trong sạch và có tình phụ tử thiêng liêng, cao quý. Nó cũng là dấu lặng cảm xúc, tạo ra giá trị hiện thực sâu sắc cho tác phẩm. | 3.0 |
|  | **\* Đánh giá chung:**  - Hai ***tình thế lựa chọn*** trên đã góp phần thể hiện được số phận khổ đau, bộc lộ những vẻ đẹp đáng trọng của nhân vật lão Hạc (giàu lòng tự trọng, lương thiện, trong sạch và tình yêu thương con sâu nặng), niềm cảm thông sâu sắc của tác giả đối với người nông dân Việt Nam trước cách mạng tháng Tám. Cùng với việc xây dựng tình thế, truyện ngắn còn rất thành công trong nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật . Tất cả tạo nên sức hấp dẫn cho tác phẩm cũng như thể hiện tài năng văn học, tâm hồn của người cầm bút. | 0.5 |
|  | ***c. Kết bài:***  - Khẳng định lại giá trị của việc xây dựng tình thế truyện và sức sống bền vững của tác phẩm.  - Liên hệ : ý nghĩa, bài học cho người sáng tác và người tiếp nhận. | 1.0 |
|  | | |  |

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**ĐỀ 7.**

|  |  |
| --- | --- |
|  | **ĐỀ THI HỌC SINH GIỎI CẤP THCS**  **MÔN: NGỮ VĂN LỚP 8**  *Thời gian làm bài :150 phút*  *( Không kể thời gian giao đề)* |

**I, ĐỌC HIỂU (4 điểm)**

**Đọc đoạn trích sau đây và trả lời các câu hỏi :**

*“Có lẽ chúng ta cần một cái nhìn khác. Rằng chẳng có ước mơ nào tầm thường. Và chúng ta học không phải để thoát khỏi nghề rẻ rúng này, để được làm nghề danh giá kia. Mà học để có thể làm điều mình yêu thích một cách tốt nhất và từ đó mang về cho bản thân thu nhập cao nhất có thể, một cách xứng đáng và tự hào.*

Mỗi một người đều có vai trò trong cuộc đời này và đều đáng được ghi nhận. Đó là lí do để chúng ta không vì thèm khát vị thế cao sang này mà rẻ rúng công việc bình thường khác. Cha mẹ ta, phần đông, đều làm công việc rất đỗi bình thường. Và đó là một thực tế mà chúng ta cần nhìn thấy. Để trân trọng. Không phải để mặc cảm. Để bình thản tiến bước. Không phải để tự ti. Nếu tất cả đều là doanh nhân thành đạt thì ai sẽ quét rác trên những đường phố? Nếu tất cả đều là bác sĩ nổi tiếng thì ai sẽ là người dọn vệ sinh bệnh viện? Nếu tất cả đều là nhà khoa học thì ai sẽ là người tưới nước những luống rau? Nếu tất cả đều là kĩ sư phần mềm thì ai sẽ gắn những con chíp vào máy tính?

Phần đông chúng ta cũng sẽ là người bình thường. Nhưng điều đó không thể ngăn cản chúng ta vươn lên từng ngày*. Bởi luôn có một đỉnh cao cho mỗi nghề bình thường ”*

(Phạm Lữ Ân – Nếu biết trăm năm là hữu hạn, NXB Hội Nhà văn, 2012)

Câu 1: Tác giả đã chỉ ra những thái độ nào của con người đối với công việc ?

Câu 2: Theo tác giả, vì sao chúng ta “ không vì thèm khát vị thế cao sang này mà rẻ rúng công việc bình thường khác” ?

Câu 3: Chỉ ra các biện pháp tu từ và phân tích hiệu quả biểu đạt của chúng trong những câu văn sau trong văn bản : Nếu tất cả đều là doanh nhân thành đạt thì ai sẽ quét rác trên những đường phố? Nếu tất cả đều là bác sĩ nổi tiếng thì ai sẽ là người dọn vệ sinh bệnh viện? Nếu tất cả đều là nhà khoa học thì ai sẽ là người tưới nước những luống rau? Nếu tất cả đều là kĩ sư phần mềm thì ai sẽ gắn những con chíp vào máy tính?

Câu 4: Anh chị có đồng tình với ý kiến “Phần đông chúng ta cũng sẽ là người bình thường. Nhưng điều đó không thể ngăn cản chúng ta vươn lên từng ngày. *Bởi luôn có một đỉnh cao cho mỗi nghề bình thường* ” ? Vì sao?

**PHẦN II. LÀM VĂN (16 điểm)**

**Câu 1: (6 điểm)** *Đọc câu chuyện sau:*

**Cánh bướm hồng**

Bố kể cho con nghe hai câu chuyện của bố:

Câu chuyện thứ nhất:

Hồi nhỏ, có lần bố thấy con bướm trong bếp, đó không phải là lần đầu bố gặp một con bướm bay lạc vào nhà. Bố thường đơn giản là mở cửa kính để chúng dễ dàng bay ra ngoài. Nhưng con bướm này có màu đặc biệt mà bố chưa từng thấy bao giờ: một con bướm lớn với những chấm tròn màu hồng nhạt. Bố đã loay loay để bắt được nó và giữ chặt nó trong tay. Rồi bố lấy cái hộp bia cũ nhét đầy lá cây và cỏ rồi nhốt con bướm vào đó. Chắc con cũng đoán được điều xảy ra với con bướm phải không? Con bướm chết! Bố không giữ được con bướm bên mình!

Câu chuyện thứ hai:

Bố nhớ ngày đầu tiên con tập đi xe đạp, bố đã tháo hai cái bánh xe nhỏ ở xe đạp của con ra nhưng con cứ nằng nặc muốn bố phải giữ tay lái và yên xe suốt chặng đường. Bố nói: "Bố thả ra một lát nhé!". Còn con hét ầm lên: "Đừng, đừng bố ơi, con sợ lắm!". Khi con hét lên như thế, bố thấy ấm lòng vì bố biết con vẫn cần bố, cần vòng tay ấp ủ, chở che của bố.

Những ngày đông mưa rét, bố cất xe đạp của con đi. Đợi đến mùa xuân trời ấm áp bố lại lấy xuống giúp con trèo lên xe. Bố đẩy xe cho con. "Thả ra bố ơi!", con reo lên và hơi lạng qua lạng lại một chút trước khi có thể chạy thẳng được. Con cười hớn hở khi xe đạp chạy xa dần trên con đường trải nhựa, trong khi bố đứng sững lại nhìn theo con mãi. Lúc đó bố muốn chạy theo đuổi kịp con, giữ yên xe và tay lái để cảm thấy tóc con chạm vào má và cảm thấy hơi thở của con phả nhẹ lên mặt…

Nhưng bố vẫn gọi theo con : "Đạp mạnh lên con, giữ chắc tay lái". Rồi bố vỗ tay thật to để nói với con rằng : Con lái xe đạp rất tuyệt!

Bố sẽ không tìm cách giữ lại con bướm hồng, bố sẽ không giữ chặt con bên mình. Cho dù bố mong muốn biết bao rằng con sẽ mãi mãi là con bé con loạng choạng trên cái xe đạp, má đỏ hồng và kêu lên: "Đừng thả ra bố ơi!". Nhưng rồi cũng có một ngày, bố phải thả tay để con tự đạp xe một mình. Để cho con mãi là một cánh bướm hồng bay mãi trên trên bầu trời xanh thăm thẳm…

Viết bài văn ngắn (khoảng 1 trang giấy thi) nêu suy nghĩ của em sau khi đọc câu chuyện trên.

**Câu 2: (10 điểm)**

Nhận xét về Nam Cao, có ý kiến cho rằng: *Với một bút pháp riêng đầy tính sáng tạo, Nam Cao đã đặt ra trước người đọc hàng loạt vấn đề: những cảnh đời éo le, chua chát, những bi kịch đau đớn vật vã.*

(Trích *Văn học Việt Nam 1900-1945*, Phan Cự Đệ, NXB Giáo dục, 1998, tr.475)

Hãy phân tích “*những cảnh đời éo le, chua chát*” được nhà văn Nam Cao thể hiện trong truyện ngắn Lão Hạc (Ngữ văn 8, tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2011, tr.38)

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

**II. Đáp án và thang điểm**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Phần I**  **(Đọc hiểu)** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **Câu 1** | Tác giả đã chỉ ra những thái độ nào của con người đối với công việc : thèm khát, rẻ rúng, trân trọng, mặc cảm, bình thản ,tự ti. | **1.0** |
| **Câu 2** | Theo tác giả, chúng ta “ không vì thèm khát vị thế cao sang này mà rẻ rúng công việc bình thường khác”  Vì mỗi người đều có vai trò trong cuộc đời này và đều đáng được ghi nhận. | **1.0** |
| **Câu 3** | - Biện pháp: Điệp( từ, ngữ, điệp cấu trúc), Liệt kê, Câu hỏi tu từ  - Hiệu quả:  + Nhấn mạnh mỗi người có một nhiệm vụ, một vai trò khác nhau trong xã hội và tất cả đều đáng trân trọng vì đều góp phần giúp ích cho cuộc sống, xây dựng xã hội.  + Tạo giọng điệu khẳng định, tăng sức thuyết phục trong bàn luận và tạo sự liên kết câu trong đoạn văn. | **0,5**  **0,5** |
| **Câu 4** | - Đồng ý với quan điểm của tác giả  - Vì:  + Cuộc sống luôn vận động và phát triển đòi hỏi con người phải có ý thức sống tích cực (sống có mục đích, lí tưởng,…), cố găng, vươn lên từng ngày.  + Phải quyết tâm, tâm huyết với nghề mình đã chọn, nỗ lực không ngừng để đạt được thành quả cao nhất, đạt đến đỉnh cao của nghề.  + Vươn lên trong cuộc sống để khẳng định giá trị bản thân, hoàn thành vai trò trách nhiệm công dân trong việc xây dựng và phát triển đất nước. | **0,25**  **0,75** |

**PHẦN II. LÀM VĂN (16 điểm)**

**Câu 1 (6 điểm)**

Bài làm cần đáp ứng những yêu cầu sau:

**A. Về nội dung (4 điểm)**

- Người bố khi còn nhỏ đã thấy một con bướm màu hồng đẹp lạc vào nhà bếp. Người bố đã rất muốn giữ con bướm màu hồng ấy nên đã nhốt con bướm vào trong một hộp bia cũ kĩ. Nhưng chính vì muốn giữ con bướm đẹp mà người bố đã giết chết nó và mãi mãi không có được nó. (1điểm)

Khi người bố có con, người bố dạy con đi xe đạp, người bố muốn đứa con mãi cần mình, bên mình. Nhưng người bố đã không vì thứ tình yêu ích kỉ đó mà giữ người con bên mình. Người bố đã để cho người con được trưởng thành, được tự lập.(1 điểm)

- Rút ra bài học cuộc sống: (2 điểm)

+ Tình yêu ích kỉ chỉ đem lại cho người mình thương yêu sự đau khổ.(0.5 điểm)

+ Tình yêu thương cũng giống như những hạt cát: càng nắm chặt sẽ càng trôi đi, biết mở rộng tấm lòng tình yêu sẽ lớn lên (0.5 điểm)

+ Tình yêu thương vô bờ bến của người cha. (0.5 điểm)

+ Xác định thái độ sống của bản thân: biết vượt lên trên tình yêu thương ích kỉ của mình để làm những gì thực sự là tốt cho người ta yêu thương. (0.5 điểm)

**B. Về hình thức (2 điểm)**

- Trình bày suy nghĩ bằng một đoạn văn hay bài văn ngắn.(1 điểm)

- Văn viết mạch lạc, có cảm xúc.(1 điểm)

**Câu 2: (10 điểm)**

|  |  |
| --- | --- |
| \* ***Giới thiệu vài nét về tác giả, tác phẩm và vấn đề nghị luận***  \* ***Giải thích ý kiến:***  - Giải thích: “*những cảnh đời éo le, chua chát*”: là những mảnh đời trái ngang, bất hạnh, phải chịu nhiều khổ đau về vật chất, tinh thần, đó là những nỗi đâu mà con người không đón đợi…  - Trong tác phẩm *Lão Hạc*, nhà văn Nam Cao đã khắc họa những cuộc đời mang nỗi đau riêng  ***\* Chứng minh***: “*Những cảnh đời éo le, chua chát*” qua các nhân vật:  - “*Những cảnh đời éo le, chua chát*” với nỗi khổ về vật chất:  + Ông giáo: con ốm, cuộc sống nghèo khổ khiến ông phải bán đi những cuốn sách mà ông trân trọng, yêu quý. Ông rất mong muốn giúp lão Hạc mà không được  + Lão Hạc: con người quay quắt, lay lắt trong cái đói, phải đi làm thuê, làm mướn để kiếm ăn, mất mùa, ốm nặng, túng quẫn bế tắc…  + Con trai lão Hạc vì không có tiền cưới vợ nên phẫn chí bỏ đi làm đồn điền cao su – nơi địa ngục trần gian, chỉ là thân phận nô lệ  - “*Những cảnh đời éo le, chua chát*” với nỗi đau về tinh thần:  + Ông giáo là người đã từng ôm ấp nhiều ước mơ, khát vọng cao đẹp nhưng bị áo cơm ghì sát đất, dày vò, trăn trở khi chứng kiến nỗi đau của người khác  + Lão Hạc- một người nông dân bất hạnh, khốn khổ, vật vã trong những đau đớn dằn vặt: sống cô đơn (vợ mất sớm, đứa con trai duy nhất bỏ đi đồn điền cao su), lão vô cùng đau đớn – nỗi đau xé ruột của một người cha yêu thương con nhưng không thể làm tròn trách nhiệm với con. Cuộc đời chua chát, éo le đã đẩy lão tới sự lựa chọn nghiệt ngã, bi đát- bi kịch của một con người luôn ý thức giữ gìn nhân phẩm, cuối cùng phải lựa chọn cái chết để bảo toàn nhân phẩm…  - Những con người bị tha hóa về nhân cách: hình ảnh người vợ của ông giáo trở nên ích kỉ, tầm thường; Binh tư trở thành kẻ trộm cắp vì cuộc sống nghèo khổ…  *(Chú ý phân tích các chi tiết, sự việc, ngôn ngữ, hành động, diễn biến tâm lí của nhân vật để làm rõ)*  ***\* Đánh giá:***  - Nghệ thuật xây dựng nhân vật độc đáo: nhân vật được khắc họa qua ngoại hình, hành động, ngôn ngữ (đối thoại, độc thoại, độc thoại nội tâm), ngòi bút miêu tả diễn biến tâm lí nhân vật tinh tế, sắc sảo…  - Số phận của các nhân vật trong truyện đã làm nổi bật cuộc sống khốn khổ của người dân Việt Nam trước cách mạng tháng Tám thể hiện giá trị hiện thực sâu sắc của tác phẩm  - Đằng sau bức tranh hiện thực, sau những mảnh đời chua chát của các nhân vật là tấm lòng nhân đạo sâu sắc của nhà văn Nam Cao. Qua các nhân vật, Nam Cao không chỉ cất lên tiếng nói cảm thương, thấu hiểu sâu sắc nỗi khổ của người nông dân, người trí thức tiểu tư sản nghèo mà ông còn lên án, phê phán bộ mặt của xã hội thực dân nửa phong kiến đã chà đạp lên quyền sống, quyền hạnh phúc của con người | 0,5  1,0  5,5  1,0 |
| d. Chính tả, dùng từ, đặt câu. Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu. | 0,5 |
| e. Sáng tạo: Có cách diễn đạt mới mẻ, thể hiện cảm nhận sâu sắc về vấn đề nghị luận, biết so sánh với các tác phẩm cùng đề tài để thấy được những khám phá riêng, mới mẻ của nhà văn Nam Cao | 0,5 |

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**Đề 8.**

**KỲ THI CHỌN HSG CẤP THỊ XÃ**

**NGỮ VĂN 8**

**NĂM HỌC 2019-2020**

**Câu 1. (5,00 điểm)**

a) Chỉ ra *hình ảnh nhân hóa* và *tương phản* trong hai đoạn thơ sau đây: *(2,00 điểm)*

Đoạn 1:

… *Lũ chúng tôi từ tay mẹ lớn lên*

*Còn những bí và bầu thì lớn xuống*

*Chúng mang dáng những giọt mồ hôi mặn*

*Rỏ xuống lòng thầm lặng mẹ tôi.*

(*Mẹ và quả* - Nguyễn Khoa Điềm )

Đoạn 2:

… *Thời gian chạy qua tóc mẹ*

*Một màu trắng đến nôn nao*

*Lưng mẹ cứ còng dần xuống*

*Cho con ngày một thêm cao.*

(*Trong lời mẹ hát* - Trương Nam Hương)

b) Trình bày *cảm nhận của em* về hai đoạn thơ trên. *(3,00 điểm)*

**Câu 2. (5,00 điểm)**

Ngạn ngữ có câu: *Bộ lông làm đẹp con công, học vấn làm đẹp con người.*

*Viết bài văn ngắn trình bày suy nghĩ của bản thân về lời khuyên trên.*

(Độ dài bài viết không quá 1,5 trang giấy thi).

**Câu 3. (10,00 điểm)**

Đọc truyện ngắn ***Lão Hạc*** của *Nam Cao*, nhà thơ *Trần Ngọc Hưởng* đã viết:

*… Lão Hạc ơi!*

*Phải chi tôi được là “ông giáo”,*

*Được trao lại tận tay đứa con trai của lão*

*Đâu chỉ mảnh văn tự miếng vườn*

*Mà luôn cả trái tim nồng kí thác của người cha*

*Trái tim*

*Qua bao trận đói mềm*

*Qua bao cơn bệnh dữ*

*Chẳng chút phôi pha*

*Trái tim*

*Đánh thức chúng ta*

*Từng mảnh lòng thơm sạch…*

*(Bẻ lá che hường)*

Văn hào Pháp *Victor Hugo* cũng từng nói: *“Trên thế giới, rộng nhất là biển khơi, là bầu trời. Rộng lớn hơn bầu trời là trái tim con người.”*

*Hãy viết bài văn với nhan đề*: ***Trái tim lão Hạc.***

**---HẾT---**

**HƯỚNG DẪN CHẤM MÔN NGỮ VĂN**

**Câu 1. (5,00 điểm)**

a) *Chỉ ra* ***hình ảnh nhân hóa*** *và* ***tương phản*** *trong hai đoạn thơ: (2,00đ)*

Đoạn 1: - *Nhân hóa:* Bí và bầu thì *lớn xuống*

- *Tương phản:* Lũ chúng tôi … *lớn lên* / bí và bầu … *lớn xuống*

Đoạn 2: - *Nhân hóa:* Thời gian *chạy qua* tóc mẹ

- *Tương phản:* Lưng mẹ … *còng dần xuống* / … con … *một thêm cao.*

***\* Có 4 hình ảnh, chỉ ra chính xác mỗi hình ảnh: 0,50đ***

b) ***Trình bày cảm nhận:*** *(3,00đ)* Gợi ý:

***- Đoạn 1:***

Từ bàn tay tảo tần, chăm sóc chu đáo và tấm lòng yêu thương, quí mến của mẹ dành cho cây, cho con, nên tất cả đều phát triển tốt đẹp. Những đứa con theo thời gian *lớn lên* cả về thể chất lẫn tâm hồn; còn những quả bí, bầu thì *lớn xuống* dài to ra. Tất cả đều được kết tinh từ bao nhọc nhằn, lao khổ của mẹ… Hình ảnh *“Chúng mang dáng những giọt mồ hôi mặn / Rỏ xuống lòng thầm lặng mẹ tôi”* là một *liên tưởng độc đáo* thể hiện tấm lòng biết ơn sâu sắc của người con trân trọng dành cho mẹ. *(1,00đ)*

***- Đoạn 2:***

- Hình ảnh *mái tóc mẹ bạc trắng vì thời gian* làm cho người con xúc động đến nao lòng. Ý đối lập trong hai câu thơ *“Lưng mẹ cứ còng dần xuống / Cho con ngày một thêm cao” bộc lộ niềm xót xa và lòng biết ơn của người con* trước những hi sinh thầm lặng của người mẹ. Những cảm xúc và suy nghĩ về người mẹ đẹp biết bao nhiêu. *(1,00đ)*

***-*** *Cả hai đoạn thơ đều* ***thể hiện cảm động tình mẫu tử thiêng liêng****:*

*+ Tình yêu thương vô bờ mà người mẹ dành cho con.* *(0,50đ)*

*+ Nỗi thấu hiểu, lòng biết ơn sâu sắc của người con đối với mẹ.* *(0,50đ)*

***\* Chỉ cho điểm tối đa khi học sinh biết trình bày thành một bài văn ngắn hoàn chỉnh.***

**Câu 2. (5,00 điểm)**

***a) Giải thích:*** *(1,00 điểm)*

*- Bộ lông làm đẹp con công:* Giá trị của con công là ở *vẻ đẹp hình thức.*

*- Học vấn làm đẹp con người:* Giá trị của con người là ở *vẻ đẹp trí tuệ.*

***b) Trình bày suy nghĩ của bản thân***: *(3,00 điểm)*

*- Vẻ đẹp giữa con công và con người khác nhau như thế nào?* (Vẻ đẹp của con công nằm ở bộ lông, bộ lông con công là do tạo hóa ban tặng; vẻ đẹp con người nằm ở trí tuệ, trí tuệ con người có được từ học vấn; *học vấn là do con người tích lũy kiến thức từ cuộc sống mà có*).

*- Tại sao học vấn làm đẹp con người?* (Ảnh hưởng của học vấn đến trí tuệ, nhân cách, phong cách, diện mạo… con người. *Như vậy, học vấn làm nên giá trị con người*).

*- Làm thế nào để trau dồi học vấn?* ( quan trọng nhất là ra sức học tập khi còn trẻ: *Học ở trường* để nắm vững kiến thức cơ bản; *học ở thực tế cuộc sống, ở mọi người chung quanh* để hình thành và rèn luyện kĩ năng sống; *tự học dưới mọi hình thức* để mở rộng, nâng cao trình độ, nhận thức…)

***c) Kết luận, khẳng định:*** *(1,00 điểm)*

- Biết *sử dụng học vấn để phục vụ những mục đích tốt đẹp*, coi trọng việc *trau dồi học vấn* mọi nơi, mọi lúc.

*- Suy nghĩ và mong ước về bản thân và giới trẻ* trong thời đại ngày nay.

*\* Chỉ cho điểm tối đa khi bài viết đáp ứng đủ và đúng về nội dung và kĩ năng viết theo yêu cầu; diễn đạt mạch lạc, có sức thuyết phục, bố cục bài viết gọn gàng, chặt chẽ.*

**Câu 3. (10,00 điểm)**

**a) Yêu cầu chung:**

*- Về nội dung:*

Từ cảm xúc của nhà thơ và nhận định của nhà văn, viết bài văn làm rõ ***Trái tim lão Hạc -***  *một trái tim lương thiện chứa nhiều nỗi đau nhưng cũng nồng nàn yêu**thương và đầy nhân hậu, nghĩa tình của một người cha, một người nông dân Việt Nam trước Cách mạng Tháng Tám..*

*- Về kỹ năng:*

+ Xác định đúng trọng tâm yêu cầu của đề bài. Biết *chọn lọc các chi tiết, hình ảnh trong một tác phẩm văn học để* phân tích làm rõ các đặc điểm của nhân vật; biết khái quát vấn đề rút ra giá trị nhân sinh từ ý nghĩa của tác phẩm.

*+ Biết kết hợp dẫn chứng và lí lẽ* trong quá trình phân tích, biết xây dựng *bố cục chặt chẽ*; có khả năng *dựng đoạn, trình bày, diễn đạt rõ ràng, mạch lạc;* Biết cách trình bày bài viết *theo bố cục, kết cấu của một bài văn nghị luận văn học.*

*+* Biết cách kết hợp *các yếu tố biểu cảm, tự sự* trong *bài văn nghị luận.*

*+* Đề bài *không yêu cầu chứng minh nhận định*, (nhận định chỉ là phần gợi ý, mang tính định hướng để học sinh dễ làm bài). Tuy nhiên, trong quá trình khai triển luận điểm, nếu học sinh *biết kết hợp sử dụng các yếu tố, hình ảnh trong nhận định đưa vào lập luận thì bài viết càng thêm chặt chẽ, xác đáng.*

**b)Yêu cầu cụ thể:** (Dàn bài gợi ý)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***Bài làm*** | ***Nội dung cần đạt*** | ***Điểm*** |
| *Đặt vấn đề* | - Giới thiệu truyện ngắn Lão Hạc của Nam Cao, giới thiệu nhân vật và tình huống truyện.  - Dẫn dắt vào bài: Từ nội dung của các nhận định trong đề bài.  - Xác định và đặt vấn đề nghị luận: *Trái tim lão Hạc.* | **1.00** |
| *Giải quyết vấn đề* | ***a) Luận điểm 1****: Trái tim lão Hạc - một trái tim mang nhiều nỗi đau trong hoàn cảnh đầy bất hạnh.*  - Lão Hạc là một nông dân nghèo. Lão nghèo đến mức không lo đủ tiền cưới vợ cho con, khiến con phẫn chí: (bỏ đi làm đồn điền cao su, gần bốn năm chưa về). *Mất vợ, vắng con, lão sống âm thầm, tủi cực.*  - Cô đơn, đói khổ, lão Hạc chỉ có cậu Vàng làm bạn. Nhưng cậu làm lão tốn kém quá (cả người lẫn chó mỗi ngày ăn hết ba hào gạo mà vẫn đói deo đói dắt). *Lão đắn đo suy đi tính lại, rồi bán cậu Vàng trong sự đau xót, nghẹn ngào.*  - *Bán cậu Vàng đi, lão Hạc rơi vào một nỗi buồn đau tinh thần ghê gớm,* (lão tự thấy mình “tệ lắm” vì đã “đánh lừa một con chó”). *Lão kể chuyện bán chó với ông giáo trong nỗi dằn vặt, day dứt; trong mặc cảm ân hận*.  - Sau khi gởi tiền bán chó cho ông giáo, lão Hạc không còn gì để ăn, (suốt mấy hôm, lão chỉ ăn khoai, hết khoai ăn củ chuối, sung luộc, rau má, củ ráy, bữa trai, bữa ốc…). *Lão đã sống mòn, giờ đây lão chết mòn!* *Xót xa, tủi khổ đến thế là cùng.*  - Cuối cùng, lão Hạc tìm đến cái chết bằng bả chó như một lời tạ lỗi với con Vàng. Lão vật vã hàng giờ rồi mới chết. *Một cái chết đau đớn, thê thảm* (đầu tóc rũ rượi, mắt long sòng sọc, tru tréo, bọt mép sùi ra) *thật là dữ dội.*  *->* ***Cả cuộc đời lão Hạc là một chuỗi bi kịch đớn đau, đầy nhân tính****.* ***Kết thúc là lão chấp nhận “chết trong còn hơn sống đục”, để giữ gìn lòng tự trọng và bảo vệ nhân cách làm người.***  ***b) Luận điểm 2:*** *Trái tim lão Hạc - một trái tim đầy nhân hậu, lương thiện, nghĩa tình:*  - *Lão hết lòng yêu thương cậu Vàng* (cho ăn trong bát, cách xưng hô âu yếm…). Cậu Vàng đã giúp lão bớt cô đơn. Vui buồn của cậu Vàng là vui buồn của lão. *Lão* chăm sóc, đối xử với nó như con, như cháu. Bán nó, lão cảm thấy mình không phải với nó, *lão chọn cái chết bằng bả chó như một lời tạ tội với con Vàng.*  - *Suốt đời, lão dành hết tình yêu thương cho con trai lão.* Trong tình phụ tử thiêng liêng đó, dường như cộng cả tình mẫu tử (mà lão cố bù đắp cho con); *lão yêu con đến quên mình.* Tất cả hành động của lão chỉ nhằm một mục tiêu duy nhất: *vì con* (không dám tiêu vào tiền của con, kiên quyết giữ mảnh vườn cho con, tìm đến cái chết cũng vì con).*Cái gì cũng của con, sống vì con, chết cũng vì con.*  - *Trái tim yêu thương của lão gắn liền với sự lương thiện, giàu đức hi sinh và ý thức tự trọng:* Sống, lão không xin ai; chết cũng không muốn phiền lụy đến ai (từ chối sự giúp đỡ của ông giáo, không theo binh Tư để ăn trộm, để tiền lại lo hậu sự cho mình…).  -> ***Sống yêu thương, chết trong sạch.*** ***Cái chết càng vật vã, thê thảm, càng cho thấy trái tim trong sáng, “vĩ đại”, đầy nhân hậu, nghĩa tình của lão Hạc.***  ***c) Luận điểm 3: Bình luận, nêu cảm nhận:***  - *Lão Hạc là chân dung của một lão nông đáng thương và đáng kính:* Đáng thương vì cuộc đời của lão *đầy đau khổ với nước mắt và bất hạnh;* sống thì nghèo đói, cô đơn; chết thì quằn quại, đau đớn. Đáng kính vì lão Hạc có *một trái tim nhân hậu, vị tha, trong sạch.* Trái tim của một con người giàu lòng tự trọng.  - Bằng cái nhìn trân trọng, Nam Cao đã nhận ra *“trái tim nồng” tươi đỏ yêu thương, kí thác một vẻ đẹp tâm hồn đáng quí của lão Hạc.*  **-> *Trái tim lão Hạc “đánh thức chúng ta từng mảnh lòng thơm sạch” về nỗi đời đầy cay đắng bất công, đầy xót thương, ám ảnh.*** | **8.00**  *3.00*  *3.00*  *2.00* |
| Kết thúc vấn đề | *- Trái tim lão Hạc - một trái tim yêu thương rộng lớn của tình phụ tử thiêng liêng, của người nông dân hiền lành, chất phác và giàu lòng tự trọng trước CMTT.*  - Truyên Lão Hạc nói chung và *“trái tim nồng kí thác của người cha”* nói riệng để lại biết bao trân trọng, xót thương, *thấm đượm một tinh thần nhân đạo sâu xa* trong trái tim người đọc. | **1.00** |
|  | | |

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**ĐỀ 9**

**KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI CẤP HUYỆN**

**NĂM HỌC 2019-2020**

**MÔN THI: NGỮ VĂN 8**

**Câu 1** (4.0 điểm) a. Cho đoạn thơ sau:

***Lom khom*** *dưới núi, tiều vài chú,*

***Lác đác*** *bên sông, chợ mấy nhà.*

*Nhớ nước, đau lòng con* ***quốc quốc****,*

*Thương nhà, mỏi miệng cái* ***gia gia****.*

(*Qua Đèo Ngang* / Bà Huyện Thanh Quan)

Trong các từ in đậm trên, từ nào là từ tượng thanh, từ nào là từ tượng hình? Các từ này có tác dụng gì trong việc gợi tả cảnh vật Đèo Ngang lúc chiều tà.

b. Xác định và phân tích giá trị biểu đạt của câu nghi vấn trong khổ thơ sau:

*Năm nay đào lại nở/ Không thấy ông đồ xưa,*

*Những người muôn năm cũ/ Hồn ở đâu bây giờ?*

(*Ông đồ* / Vũ Đình Liên)

**Câu 2** (6.0 điểm)

“*Phải bé lại, lăn vào lòng một người mẹ, áp mặt vào bầu sữa nóng của người mẹ, để bàn tay người mẹ vuốt ve từ trán xuống cằm, và gãi rôm ở sống lưng cho, mới thấy người mẹ có một dịu êm vô cùng*”.

a. Câu văn trên là lời của nhân vật nào? trong tác phẩm nào? của ai?

b. Qua câu văn trên, em cảm nhận được gì ở tâm trạng, tình cảm của nhân vật dành cho mẹ? (Trả lời ngắn gọn, không phân tích).

c. Từ ý nghĩa của câu văn trên, hãy viết một đoạn văn (khoảng từ 10 – 20 câu) bày tỏ suy nghĩ của em về vai trò của người mẹ đối với tuổi thơ của mỗi con người.

**Câu 3** (10 điểm)

Trong truyện ngắn *Lão Hạc* của Nam Cao, nhân vật ông giáo đã từng có lúc thất vọng thốt lên “*Cuộc đời quả thật cứ mỗi ngày một thêm đáng buồn…*” nhưng cuối cùng, ông giáo đã vỡ lẽ nhận ra “*Không! Cuộc đời chưa hẳn đáng buồn, hay vẫn đáng buồn nhưng lại đáng buồn theo một nghĩa khác*”.

Điều gì khiến ông giáo từng thất vọng rồi vỡ lẽ như vậy và điều đó có ý nghĩa gì?

Phân tích nhân vật Lão Hạc để trả lời câu hỏi trên.

--------------------------------------------- Hết -------------------------------------------

**I. Đáp án và thang điểm**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **Ý** | **Yêu cầu** | **Điểm** |
| **1** | a | - Từ tượng hình: *lom khom, lác đác*. Từ tượng thanh: *quốc quốc, gia gia.*  - Tác dụng: gợi cảnh Đèo Ngang vắng vẻ, hoang sơ, hiu hắt buồn lúc chiều tà. | 1  1 |
| b | - Câu nghi vấn: “*Hồn ở đâu bây giờ?*”  - Giá trị biểu đạt: là câu hỏi nhưng mục đích chủ yếu là bộc lộ cảm xúc tiếc nuối, bâng khuâng vì sự vắng bóng của một lớp người, sự tàn lụi của một phong tục, một truyền thống văn hóa từng gắn bó lâu đời với dân tộc. | 1  1 |
| **2** | a | Câu văn được trích là lời của nhân vật bé Hồng trong tác phẩm *Những ngày thơ ấu* của Nguyễn Hồng. | 1 |
| b | Câu văn thể hiện tâm trạng vui mừng, xúc động mãnh liệt và tình cảm yêu thương tha thiết của nhân vật với người mẹ bất hạnh. | 1 |
| c | **\* Về kỹ năng**:  - Biết cách viết một đoạn văn nghị luận, văn phong trong sáng, lập luận chặt chẽ, viết có cảm xúc.  - Viết đúng hình thức, quy cách của một đoạn văn; đúng yêu cầu về dung lượng đã cho trong đề bài.  **\* Về nội dung**: Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo nhiều cách nhưng dù theo cách nào thì các câu trong đoạn văn đều phải liên kết, thống nhất xoay quanh chủ đề: vai trò của người mẹ với tuổi thơ của mỗi người. Dưới đây là một số gợi ý định hướng chấm bài:  - Tâm tư tình cảm của nhân vật bé Hồng trong câu văn đã nói lên vai trò to lớn của người mẹ với mỗi người, nhất là với tuổi thơ.  - Vai trò của người mẹ với tuổi thơ của mỗi con người. | 1  3 |
| **3** | a | **Về kỹ năng**  - Biết cách viết bài văn phân tích nhân vật trong tác phẩm tự sự theo định hướng (Phân tích nhân vật Lão Hạc theo hướng chú trọng, lí giải vấn đề đặt ra trong đề bài).  - Văn phong trong sáng, bố cục bài viết mạch lạc, lập luận chặt chẽ, biết chọn lựa những chi tiết đặc sắc để bình. |  |
| b | **Về kiến thức**  \* ***Mở bài***: giới thiệu được tác giả, tác phẩm và nhân vật Lão Hạc.  \* ***Thân bài***  **Luận điểm 1:** **“*Cuộc đời quả thật cứ mỗi ngày một thêm đáng buồn…*”**  - Lão Hạc là nhân vật chính, được tái hiện qua lời kể của nhân vật ông giáo; là lão nông nghèo, có hoàn cảnh éo le: vợ chết, con trai phải đi kiếm sống ở xa, lão sống một mình với con chó vàng, sống bằng bòn vườn và làm mướn.  - Lão Hạc là người hiền lành, chân chất, thương con hết mực: đau xót khi con trai phẫn chí bỏ làng ra đi; chăm nuôi con chó, dành dụm tiền cũng vì con;…  - Lão Hạc là người giàu lòng tự trọng. Lão cảm thấy ăn năn khi nỡ “lừa dối một con chó”. Dù nghèo túng, lão vẫn từ chối sự giúp đỡ của ông giáo, quyết không bán vườn, ăn lạm vào phần của con, …  - Là lão nông hiền lành, giàu lòng tự trọng nhưng vẻ đẹp tâm hồn của Lão Hạc thường khuất lấp mà nếu không “cố mà tìm hiểu”, ít ai nhận ra vẻ đẹp ấy.  **Luận điểm 2**: “***Không! Cuộc đời chưa hẳn đáng buồn, hay vẫn đáng buồn nhưng lại đáng buồn theo một nghĩa khác*”.**  + Trong hoàn cảnh cùng đường, để giữ mảnh vườn cho con, lão xin bả chó của Binh Tư tìm cái chết nhưng lại nói dối là để đánh bả chó. Điều này khiến ngay cả ông giáo, người gần gũi với Lão Hạc cũng phải thất vọng vì lầm tưởng là lão tha hóa.  + Cái chết của lão khiến ông giáo đã vỡ lẽ và nhận thấy “cuộc đời chưa hẳn đã đáng buồn” nhưng “lại đáng buồn theo một nghĩa khác”. “Chưa hẳn đáng buồn” vì lão Hạc thà chết chứ nhất định không theo gót Binh Tư nhưng cái chết của lão lại phản ánh một thực trạng buồn về số phận, thân phận con người trong xã hội cũ.  - Qua nhân vật Lão Hạc, tác phẩm ca ngợi vẻ đẹp, phản ánh tình cảnh của người nông dân trong xã hội cũ. Đồng thời, sự chuyển biến nhận thức từ thất vọng đến vỡ lẽ của ông giáo trong cách nhìn về LH đã đặt ra những bài học sâu sắc về cách nhìn đời, cách sống.  \* ***Kết bài***: thí sinh có thể khái quát, tóm lược toàn bộ nội dung trình bày ở phần thân bài. | 0.5  1  2  2  2  1  1  0.5 |

**Đề 10.**

Đáp án **Câu 3: Bàn về truyện ngắn, có ý kiến cho rằng: “Qua một nỗi lòng, một cảnh ngộ, một sự việc của nhân vật, nhà văn muốn đối thoại với bạn đọc về một vấn đề nhân sinh”. Từ truyện ngắn Lão Hạc, hãy bày tỏ quan niệm của mình về ý kiến trên./.**

a) Mở bài: ( 1,0 điểm)  
- Truyện ngắn là thể loại được ưa thích cả với người sáng tác văn xuôi và người thưởng thức.  
- Sức hấp dẫn đặc biệt của thể loại này chính là chiều sâu nghệ thuật rất đặc biệt và độc đáo của nó ( So với các thể loại tự sự khác.)  
- Chứng minh bằng truyện ngắn Lão Hạc  
b) Thân bài: (12 điểm)  
**1. Giải thích ý kiến (2 điểm)**- “Một nỗi lòng, một cảnh ngộ, một sự việc của một nhân vật nhà văn muốn đối thoại với bạn đọc về một vấn đề nhân sinh”: Có tính chất ước lệ nó chỉ cái số ít của truyện ngắn so với thế giới phức tạp, đồ sộ và bề bộn của tiểu thuyết. Có nghĩa là truyện ngắn có khuôn khổ ngắn, ít nhân vật, ít sự kiện. Nó chỉ là mảnh nhỏ, một lát cắt của đời sống.  
+ Tác giả truyện ngắn thường hướng đến phát hiện và khắc họa một hiện tượng, một nét bản chất nhất trong quan hệ nhân sinh hoặc trong đời sống tâm hồn của con người.  
+ Nhân vật trong truyện ngắn không phải là một cá tính điển hình đầy đặn và phức tạp. Nhiều khi đó chỉ là một mảnh đời, một khoảnh khắc của một số phận.  
+ Hành văn của truyện ngắn do đó mang nhiều ẩn ý, cô đọng và hàm súc, tạo ra chiều sâu không nói hết của tác phẩm.  
**2. Phân tích truyện ngắn Lão Hạc để làm rõ ba khía cạnh nói trên ( 3 điểm**)  
+ Do khuôn khổ của một truyện ngắn và quan trọng hơn là vì tính chất của nó mà trong tác phẩm tác giả không kể lể dài dòng cuộc đời, xuất xứ, mối quan hệ…của các nhân vật mà chỉ tập trung xoay quanh sự việc Lão Hạc bán chó và cái chết của nhân vật để làm nổi bật chủ đề tư tưởng.  
+ Truyện ít nhân vật, tình huống truyện đơn giản nhưng kết thúc bất ngờ đầy ẩn ý.  
+ Lời văn của truyện đầy chất triết lí lẫn cảm xúc trữ tình: Triết lí về cuộc sống, triết lí về cách ứng xử, cách nhìn nhận đánh giá con người.  
**3.** **Chứng minh “thông qua một truyện ngắn nhà văn bao giờ cũng muốn đối thoại với bạn đọc một vấn đề nhân sinh” (5 điểm)**- Để sáng tạo ra một thế giới nghệ thuật cho một tác phẩm nhà văn phải trải qua bao dằn vặt, trăn trở, hy vọng, đau đớn từ đó hình thành nên một quan niệm, một niềm tin nhất định của mình.   
- Đằng sau bức tranh cuộc sống được tái hiện, miêu tả bao giờ cũng chứa đựng một quan niệm, một khát vọng thiết tha muốn bạn đọc đồng tình, sẻ chia , cùng suy ngẫm và sáng tạo.  
**- Chứng minh qua truyện ngắn Lão Hạc:**+ Sự thương cảm đến xót xa đối với người nông dân nghèo khổ trong xã hội cũ.   
+ Sự trân trọng, tin tưởng vẻ đẹp tâm hồn đối với người nông dân cho dù hoàn cảnh túng quẫn, bi đát.   
+ Khơi gợi phương pháp đúng đắn, sâu sắc khi đánh giá con người: Ta cần biết tự đặt mình vào cảnh ngộ cụ thể của họ thì mới có thể hiểu đúng, cảm thông đúng. ( Thể hiện rõ qua các ý nghĩ đầy chất triết lí của nhân vật ông Giáo.)   
**4. Mở rộng: ( 2,0 điểm)**- Người viết truyện ngắn phải có khả năng và biệt tài nắm bắt những hiện tượng tưởng như bình thường trong cuộc sống song lại chứa đựng những ý nghĩa lớn lao, sâu sắc.  
- Ý nghĩa của truyện ngắn tuỳ thuộc vào khả năng dồn nén, khám phá và thể hịên cuộc sống một cách hàm súc và cô đọng.  
c, Kết bài: ( 1,0 điểm)  
- Nhấn mạnh sức mạnh riêng, kì diệu của truyện ngắn.  
- Ý nghĩa tác động sâu xa của truyện ngắn đối với tư tưởng, tình cảm, thái độ, niềm tin của tác giả./

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**ĐỀ 11 :**

|  |  |
| --- | --- |
|  | ĐỀ THI HỌC SINH GIỎI LỚP 8CẤP HUYỆNNĂM HỌC 2018-2019**Môn thi:** Ngữ văn lớp 8**Thời gian làm bài**: 150 phút |

I. **ĐỌC HIỂU**: (6.0 điểm). Đọc bài thơ sau và trả lời các câu hỏi dưới đây:

Chẳng ai muốn làm hành khất

Tội trời đày ở nhân gian

Con không được cười giễu họ

Dù họ hôi hám úa tàn.

Nhà mình sát đường, họ đến

Có cho thì có là bao

Con không bao giờ được hỏi

Quê hương họ ở nơi nào.

Con chó nhà mình rất hư

Cứ thấy ăn mày là cắn

Con phải răn dạy nó đi

Nếu không thì con đem bán.

Mình tạm gọi là no ấm

Ai biết cơ trời vần xoay

Lòng tốt gửi vào thiên hạ

Biết đâu nuôi bố sau này…

(Dặn con- Trần Nhuận Minh)

**Câu 1:** (1.0 điểm) **Xác định phương thức biểu đạt chính trong bài thơ?**

**Câu 2:** (1.0 điểm)Ý nghĩa của cách gọi *hành khất* mà không phải là *ăn mày* ở câu thơ mở đầu?

**Câu 3:** (2.0 điểm) Xác định và nêu tác dụng của biện pháp tu từ trong hai khổ thơ đầu bài thơ?

**Câu 4:** (2.0 điểm) **Theo em,** tại sao người cha lại dặn con:

*“Con không bao giờ được hỏi*

*Quê hương họ ở nơi nào.”*

**II. TẠO LẬP VĂN BẢN:** (14.0 điểm):

**Câu 5:** (4.0 điểm) Viết một đoạn văn ngắn ( khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của em về điều người cha dặn con ở khổ thơ cuối của bài thơ trong phần đọc hiểu.

**Câu6:** (10.0 điểm)

Nhận định về lão Hạc, Hoàng Thị Thương trong cuốn “ ***Vẻ đẹp con người***” có viết: *“ Tinh thần lão mới kiên định làm sao? Như thành trì kiên cố xây bằng lòng tự trọng và tình thương. Đói khổ, đớn đau không khuất phục nổi. Nhà văn Kim Lân tặng lão từ “ bất khuất”. Bất khuất trước kẻ thù còn dễ hiểu nhưng trước mình mới thật khó*”

Bằng hiểu biết về truyện ngắn “Lão Hạc” của Nam Cao, em hãy làm sáng tỏ nhận định trên.

…………………….Hết……………………..

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

**B. ĐÁP ÁN VÀ THANG ĐIỂM**

**I. ĐỌC HIỂU**: ( **6 điểm)**

1. Phương thức biểu đạt chính: Biểu cảm, tự sự. **(1.0 điểm)**

2.- “Hành khất”, “ăn mày”: đều chỉ người kém may mắn trong cuộc sống, phải đi lang thang xin ăn.  **(1.0 điểm)**

- Từ “hành khất” là từ Hán Việt. Dùng từ này thể hiện thái độ tôn trọng của người cha đối với những người không may cơ nhỡ trong cuộc sống, đồng thời cũng thể hiện niềm đồng cảm chân thành với nỗi bất hạnh của họ.

3. - Biện pháp tu từ được sử dụng trong hai khổ thơ đầu: Điệp ngữ - Điệp cấu trúc:

Con không được cười giễu họ

Con không bao giờ được hỏi

- Tác dụng:

+ Nhấn mạnh ý, tạo nhịp điệu, âm hưởng cho đoạn thơ.  
+ Thể hiện thái độ nghiêm khắc căn dặn con của người cha (nhân vật trữ tình). Người cha muốn khắc sâu trong con, mong muốn con mình thấu hiểu và sống đúng với đạo lý làm người: trân trọng, không chế nhạo những người cơ nhỡ. **(2.0 điểm)**

4. + Quê hương là nơi chôn rau cắt rốn của mỗi người, là nơi có họ hàng, làng xóm,… Ai cũng yêu, cũng muốn gắn bó với quê hương mình và khi đi xa thì tha thiết nhớ mong.

+ Những người hành khất vì lí do nào đó mà phải rời bỏ quê hương đi tha hương cầu thực. Người cha dặn dò con không nên hỏi quê hương của họ bởi vì nhắc đến quê hương là nhắc đến nỗi nhớ, nhắc đến niềm đau,… khiến họ xót xa hơn cho tình cảnh thực tại nghiệt ngã của chính mình. Từ đó, người cha muốn con hiểu được, đồng cảm, sẻ chia trong cuộc sống, quan tâm giúp đỡ những người tha hương cầu thực, không chỉ về mặt vật chất mà trên hết vẫn là sự đồng cảm về mặt tinh thần.

**(2.0 điểm)**

**II. TẠO LẬP VĂN BẢN:** ( **14 điểm** ):

**Câu 1 ( 4 điểm )**

***A. Về hình thức* (0.5 điểm)**

- Đảm bảo cấu trúc đoạn văn.

- Lập luận thuyết phục, có lý lẽ và đẫn chứng cụ thể, sinh động...

***B. Về nội dung:* (3.5 điểm)**

***\* Khái quát nội dung khổ thơ cuối***: Đoạn thơ là lời của cha nói với con, dặn con: Cuộc sống hiện tại có thể coi là no ấm, đầy đủ hơn nhiều người. Nhưng ai có thể biết trước được tương lai của mình là giàu sang phú quý hay nghèo khổ bần hàn. Vậy con hãy đem lòng tốt của mình mà giúp đỡ, sẻ chia với mọi người. Biết đâu sau này nếu chẳng may “ sa cơ lỡ vận” mọi người lại sẵn lòng giúp đỡ con.

**(1.0 điểm)**

***\* Ý nghĩa của lời người cha dặn con:***

Con người ta sống phải biết sẻ chia, yêu thương, đùm bọc, giúp đỡ lẫn nhau. Sống phải biết cho và lúc cần sẽ được nhận lại.

**(1.0 điểm)**

***\* HS nêu suy nghĩ của mình về điều người cha dặn con mình:* (1.5 điểm)**

- Yêu thương, đùm bọc, chở che, giúp đỡ lẫn nhau là truyền thống tốt đẹp của người Việt Nam: *“ Lá lành đùm lá sách”, “ lá rách ít đùm lá rách nhiều”.* Đó là cái gốc đạo đức của mỗi con người. Là nền tảng của luân lí xã hội để xây dựng cuộc sống thân thiện, ấm áp, nhân ái tạo nên sự đoàn kết trong cộng đồng.

- Cuộc sống sẽ tươi đẹp hơn nếu mỗi con người biết *“ Sống là cho đâu chỉ nhận riêng mình”.*

- Phê phán lối sống thực dụng, cá nhân, cơ hội, thờ ơ, vô cảm… ở một bộ phận trong xã hội hiện nay.

- Chúng ta cần xác định rõ ý thức trách nhiệm của mình đối với mọi người: Mình vì mọi người…

- Bài học rút ra cho bản thân.

**Câu 2** **(10 điểm )**

**\* Yêu cầu về kĩ năng: ( 0.5 điểm)**

Biết cách làm một bài nghị luận chứng minh, hệ thống luận điểm rõ ràng, có lý lẽ thuyết phục, dẫn chứng xác đáng,

Bố cục chặt chẽ, hành văn trong sáng, giàu cảm xúc, hình ảnh, không mắc lỗi diễn đạt, dùng từ.

**\* Yêu cầu về kiến thức: ( 9.5 điểm)**

*HS có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng cần đảm bảo được các ý cơ bản sau:*

***1. Giới thiệu khái quát tác giả, tác phẩm và nhận định* (0.5 điểm)**

***2. Giải thích nhận định của tác giả Hoàng Thị Thương:* (0.5 điểm)**

Khẳng định phẩm chất của nhân vật lão Hạc: Giàu lòng tự trọng và tình yêu thương.

***3. Khái quát hoàn cảnh nhân vật lão Hạc:* (0.5 điểm)**

- Một nông dân nghèo, sống cô đơn cùng quẫn

- Chết một cách đau đớn, số phận của lão thê thảm

***4. Phẩm chất của nhân vật lão Hạc:* (8.0 điểm)**

*a) Lão Hạc là một người cha giàu lòng yêu thương con.* **(3.0 điểm)**

- Khi con trai không lấy được vợ phẫn chí bỏ đi đồn điền cao su, lão rất thương con; ngày đêm mong ngóng tin tức của con trai, lão day dứt vì chưa làm tròn bổn phận của người cha.

- Lão chăm sóc, yêu thương con Vàng vì đó là kỉ vật của con lão, lão hi vọng ngày con trở về.

- Lão tìm mọi cách để giữ lại mảnh vườn cho con, lão thà chết chứ nhất định không chịu bán đi một sào. Tình cha con của lão Hạc là một tình cảm thiêng liêng và cảm động, lão đã chết để trọn đạo làm cha.

*b) Lão Hạc là một người nông dân giàu lòng tự trọng.* **(3.5 điểm)**

- Lão không muốn phiền lụy hàng xóm, nhịn đói để dành tiền nhờ hàng xóm lo ma chay cho mình.

- Khi bị đẩy vào hoàn cảnh túng quẫn, lão không chấp nhận sự thương hại của mọi người. Lão đã từ chối mọi sự giúp đỡ của ông giáo.

- Lão lựa chọn cái chết một phần cũng vì lão không muốn sống bất lương như Binh Tư.

- Cái chết của lão xuất phát từ lòng tự trọng đáng kính.

***5. Đánh giá chung* (1.5 điểm)**

- Khẳng định những phẩm chất của lão Hạc ngời sáng trong hoàn cảnh tối tăm nhất; “ Đói khổ, đớn đau không khuất phục nổi”.

- Nhà văn đã sử dụng thành công nghệ thuật xây dựng nhân vật: lựa chọn ngôi kể, miêu tả tâm lí nhân vật, ngôn ngữ kể chuyện...

- Nhân vật lão Hạc đã góp phần thể hiện giá trị nhân đạo sâu sắc của tác phẩm và để lại ấn tượng trong lòng người đọc ở nhiều thế hệ.

*( Lưu ý bài làm phải có dẫn chứng phù hợp và phân tích dẫn chứng*)

**ĐỀ 12.**

**ĐỀ THI GIAO LƯU HSG LỚP 8 CẤP HUYỆN**

**NĂM HỌC 2017 -2018**

**MÔN: NGỮ VĂN**

*( Thời gian làm bài 150 phút, không kể thời gian giao đề)*

**Câu 1** *(3,0 điểm):* Cảm nhận của em về đoạn văn sau:

*Trong làng tôi không thiếu gì các loại cây, nhưng hai cây phong này khác hẳn - chúng có tiếng nói riêng và hẳn phải có một tâm hồn riêng, chan chứa những lời ca êm dịu. Dù ta tới đây vào lúc nào, ban ngày hay ban đêm, chúng cũng vẫn nghiêng ngả thân cây, lay động lá cành, không ngớt tiếng rì rào theo nhiều cung bậc khác nhau. Có khi tưởng chừng như một làn sóng thủy triều dâng lên vỗ vào bãi cát, có khi lại nghe như một tiếng thì thầm thiết tha nồng thắm truyền qua lá cành như một đốm lửa vô hình, có khi hai cây phong bỗng im bặt một thoáng rồi khắp lá cành lại cất tiếng thở dài một lượt như thương tiếc người nào. Và khi mây đen kéo đến cùng với bão giông, xô gãy cành, tỉa trụi lá, hai cây phong nghiêng ngả tấm thân dẻo dai và reo vù vù như một ngọn lửa bốc cháy rừng rực.*

*Về sau, khi nhiều năm đã trôi qua, tôi mới hiểu được điều bí ẩn của hai cây phong. Chẳng qua chúng đứng trên đồi cao lộng gió nên đáp lại bất kì chuyển động khe khẽ nào của không khí, mỗi chiếc lá nhỏ đều nhạy bén đón lấy mọi làn gió nhẹ thoảng qua.*

*Nhưng việc khám phá ra chân lí đơn giản ấy vẫn không làm tôi vỡ mộng xưa, không làm tôi bỏ mất cách cảm thụ của tuổi thơ mà tôi còn giữ đến tận ngày nay. Và cho đến tận ngày nay tôi vẫn thấy hai cây phong trên đồi có một vẻ sinh động khác thường. Tuổi trẻ của tôi đã để lại nơi ấy, bên cạnh chúng như một mảnh vỡ của chiếc gương thần xanh...*

(Trích “Người thầy đầu tiên” - Ai-ma-tốp)

**Câu 2** *(2,0 điểm):*

Trình bày suy nghĩ của em về ý kiến sau:

*“Ở trên đời, mọi chuyện đều không có gì khó khăn nếu ước mơ của mình đủ lớn”.*

**Câu 3** *(5,0 điểm):*

“*Một nghệ sĩ chân chính phải là một nhà nhân đạo từ trong cốt tủy*”

(T.Sêkhốp)

Qua truyện ngắn “Lão Hạc”- của Nam Cao, em hãy chứng minh.

*---------------Hết--------------*

**HUONG DAN CHAM**

**Câu 1 (3,0 điểm)**

\*Yêu cầu về kĩ năng:

* + Biết cách cảm nhận vẻ đẹp một đoạn văn.
  + Diễn đạt mạch lạc; không mắc lỗi chính tả, dùng từ và ngữ pháp.

\*Yêu cầu về nội dung:

Học sinh có thể có những suy nghĩ và cách trình bày khác nhau, nhưng về cơ bản cần hướng đến những nội dung chủ yếu sau:

- Đoạn trích kể lại dòng cảm xúc của nhân vật tôi khi nghĩ về hai cây phong trong làng Ku-ku-rêu:(0,25đ)

+ Hình ảnh hai cây phong được miêu tả hết sức độc đáo, sinh động, chúng như có “tâm hồn riêng”, “tiếng nói riêng”. Qua cách nhìn, cách cảm của nhân vật tôi, hai cây phong hiện lên có cử chỉ hoạt động, có tâm trạng , cảm xúc giống như một con người: lúc sôi nổi mạnh mẽ, lúc dịu dàng thiết tha, lúc im lặng thở dài, lúc lại như “ bốc cháy rừng rực” (*Có khi tưởng chừng như một làn sóng…như thương tiếc người nào)* . Đặc biệt trong giông bão, hai cây phong vẫn dẻo dai, bền bỉ, kiên cường và đầy sức sống. Bằng một vài nét phác họa cùng nghệ thuật liệt kê, so sánh, nhân hóa và trí tưởng tượng phong phú, nhân vật tôi đã gợi tả hai cây phong có vẻ đẹp tâm hồn, tính cách, phẩm chất riêng. Hai cây phong trở thành biểu tượng cho tâm hồn, ý chí, nghị lực của con người làng Ku- ku-rêu (như nhân vật An-tư-nai).(1,5đ)

+ Hai cây phong được miêu tả như những nhân vật của câu chuyện, tham gia, chứng kiến những kỷ niệm của con người. Hai cây phong là nhân vật lưu giữ, chứng kiến một quãng đời thơ ấu đẹp đẽ của nhân vật tôi ở ngôi làng mình (*Tuổi trẻ của tôi đã để lại nơi ấy, bên cạnh chúng như một mảnh vỡ của chiếc gương thần xanh)*. Từ cảm xúc về hai cây phong nhân vật tôi bày tỏ tình cảm yêu mến, ngợi ca, trân trọng và tự hào về vẻ đẹp làng quê và những kỉ niệm đẹp tuổi thơ.(1đ)

-Với ngòi bút miêu tả đậm chất hội họa và bằng tất cả trí tưởng tượng,tâm hồn của người nghệ sĩ, nhà văn Ai-ma-tốp đã khắc họa được vẻ đẹp của hai cây phong trở thành biểu tượng cho làng Ku-ku-rêu, cho ý chí nghị lực của con người nơi đây. Hai cây phong cũng chính là nhân chứng cho tình thầy trò của thầy giáo Đuy-sen và cô bé An-tư-nai. (0.25đ)

**Câu 2: (3,0 điểm).**

**a. Về kĩ năng**

Biết cách viết văn nghị luận xã hội, bố cục rõ ràng, lập luận chặt chẽ, có sức thuyết phục, văn viết mạch lạc, trong sáng, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu.

**b. Về kiến thức**

Học sinh có thể trình bày theo nhiều cách nhưng cần đảm bảo các ý cơ bản sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Phần** | **Nội dung cần đạt** | **Điểm** |
| **Mở bài:** | Dẫn dắt, giới thiệu câu nói  – Cuộc đời sẽ tẻ nhạt, vô nghĩa biết bao khi con người ta sống không có ước mơ, khát vọng.  Chính vì vậy có ý kiến cho rằng“Ở trên đời, mọi chuyện đều không có gì khó khăn nếu ước mơ của mình đủ lớn”. | **0,25** |
| **Thân bài** | **1.Giải thích:**  - Ước mơ là những điều tốt đẹp mà con người mong muốn, khao khát đạt được.  - Ước mơ đủ lớn là ước mơ được trải qua một quá trình nuôi dưỡng, phấn đấu, vượt qua mọi khó khăn trở ngại để trở thành hiện thực.  -> Ý nghĩa của câu nói: Trong cuộc sống con người cần có ước mơ; dám nuôi dưỡng, theo đuổi ước mơ bằng ý chí, nghị lực, niềm tin và hành động đúng đắn để biến ước mơ thành hiện thực thì mọi khó khăn đều sẽ vượt qua. | **0,25** |
| **Phân tích, chứng minh, bình luận:**  -Cuộc sống sẽ thật tẻ nhạt, vô nghĩa khi cuộc đời không có những ước mơ. Có những ước mơ rất nhỏ bé, bình dị. Nhưng cũng có những ước mơ lớn lao, cao cả. ( d/c) Có những ước mơ vụt đến rồi vụt đi, có những ước mơ đi theo cả cuộc đời con người. Nhưng để ước mơ đủ lớn thì không đơn giản, dễ dàng mà phải trải qua bao thăng trầm, khó khăn, thử thách, thậm chí cả những thất bại đắng cay mới có được . Nếu con người biết nuôi dưỡng ước mơ bằng niềm say mê, ý chí kiên trung, nghị lực và hành động mạnh mẽ sẵn sàng vượt qua những trở ngại đó thì ước mơ, khát vọng, lí tưởng đó sẽ trở thành hiện thực.(d/c: Hồ Chí Minh, các nhà khoa học lớn….)  - Nhưng cũng có ước mơ nhỏ bé, bình dị thôi cũng khó có thể đạt được: những người kém may mắn, người khuyết tật, người bệnh hiểm nghèo… Song họ vẫn ấp ủ những ước mơ, hi vọng và họ không bao giờ để cho ước mơ của mình lụi tàn hay mất đi . Vì thế cuộc sống của họ trở lên thật ý nghĩa, và những ước mơ ấy trở thành động lực giúp họ vượt qua mọi khó khăn.  - Tuy nhiên trong cuộc sống còn có những con người sống không lí tưởng, thiếu ý chí, hay có ước mơ nhưng không dám theo đuổi, không hành động thì ước mơ của họ cũng không trở thành hiện thực. Họ sẽ luôn ngại khó, ngại khổ, không dám đương đầu khó khăn và mọi việc sẽ không bao giờ thành công…(d/c) | **0,5**  **0,25**  **0,25** |
| **Bài học liên hệ bản thân:**  -Mỗi con người cần phải có những ước mơ, hi vọng, lí tưởng, mục đích sống tốt đẹp trong cuộc đời.  - Cần nỗ lực phấn đấu, học tập, rèn luyện, trau dồi kiến thức, kinh nghiệm, bản lĩnh để biến ước mơ thành hiện thực | **0,25** |
| **Kết bài** | Khẳng định ý nghĩa, giá trị của câu nói.  Liên hệ ước mơ, khát vọng của bản thân | **0,25** |

**Câu 3: (5,0 điểm).**

**a. Yêu cầu về kĩ năng:**

- Hiểu đúng yêu cầu của đề bài. Biết cách làm bài văn nghị luận văn học. Biết cách chọn lọc dẫn chứng để phân tích làm sáng tỏ vấn đề. Lập luận chặt chẽ, diễn đạt tốt (có suy nghĩ, đánh giá, cảm xúc...)

- Kết cấu chặt chẽ, diễn đạt lưu loát; bố cục rõ ràng, mạch lạc, không mắc lỗi về

chính tả, dùng từ và ngữ pháp.

**b. Yêu cầu về kiến thức:**

Có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng cần đảm bảo những ý cơ bản sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Nội dung cần đạt** | **Điểm** | |
| Mở bài | Dẫn dắt, nêu ý kiến |  |
| Thân bài | ***1.Giải thích ý kiến:***  - *Người nghệ sĩ chân chính*: là người nghệ sĩ trong quá trình sáng tạo, tác phẩm của họ sinh ra là vì con người, hướng đến cuộc sống tốt đẹp của con người.  - *Là nhà nhân đạo từ trong cốt tủy:* có nghĩa là người nghệ sĩ phải có lòng nhân ái, yêu thương con người. Tinh thần nhân đạo là phẩm chất bắt buộc phải có trong mỗi người cầm bút. Đó là tình cảm có chiều sâu từ trong cốt tủy chứ không chỉ là tình cảm nông cạn, hời hợt, mơ hồ.  -> Ý nghĩa của câu nói khẳng định nhà văn chân chính là nhà văn phải có cái nhìn, tấm lòng nhân ái, yêu thương đối với con người.  - Trong truyện ngắn “Lão Hạc” , tấm lòng nhân đạo sâu sắc của tác giả Nam Cao chính là sự đồng cảm, yêu thương, trân trọng, ngợi ca những con người lao động nghèo khổ trong xã hội phong kiến, thực dân đầu thế kỉ XX. | 0,5 đ |
|  | ***Phân tích, chứng minh:***  \*Lòng nhân đạo của nhà văn trước hết thể hiện ở sự đồng cảm với những cuộc đời, số phận nghèo khổ qua các nhân vật trong truyện: *Lão Hạc một người nông dân có cuộc đời nghèo khổ, cô độc: vợ mất sớm ở vậy nuôi con, khi con lớn không đủ tiền lấy vợ nó phẫn chí đi phu đồn điền cao su bỏ lão một mình với con chó Vàng; đói kém, bệnh tật lão cùng đường không còn gì để sống và vì muốn giữ trọn mảnh vườn cho con lão phải ăn bả chó để tự vẫn. Cuộc đời lão Hạc thật bi thảm…Ông giáo- một trí thức nghèo cũng không khỏi cảnh nghèo khó, khốn cùng phải bán đi cả những quyển sách quí giá cuối cùng của cuộc đời vì con.*Các nhân vật trong truyện được Nam Cao miêu tả không chỉ phản ánh chân thực số phận con người, mà trong mỗi lời văn còn thấm đẫm sự cảm thông, chia sẻ, thấu hiểu những nỗi cùng cực của người dân Việt Nam trước Cách mạng. Từ sự cảm thông sâu sắc ây, nhà văn cũng tố cáo xã hội phong kiến, những hủ tục lạc hậu đã đẩy người dân đến bước đường cùng.  \*Tấm lòng nhân đạo của Nam Cao còn là sự ngợi ca, trân trọng những vẻ đẹp của con người Việt Nam trong hoàn cảnh bần hàn, cơ cực nhất:  + Tấm lòng nhân hậu của lão Hạc qua cách đối xử của lão với con chó Vàng đầy tình thương “ lão gọi nó là cậu Vàng…”. Lão trăn trở, buồn đau, day dứt khi phải bán nó “ Lão cười như mếu….” “A! Lão già tệ lắm…”.  +Lòng tự trọng, sự lương thiện sáng ngời ngay cả khi nghèo đói, cơ cực nhất. Lão Hạc thà nhịn đói chứ nhất quyết không dựa vào lòng tốt của ông giáo “ lão từ chối gần như hách dịch” ; không muốn phiền lụy đến hàng xóm, gửi tiền lại“ lo hậu sự”; thà chết chứ không chịu ăn cắp như Binh Tư, không tiêu vào tiền bòn vườn của con….Nam Cao không chỉ nhận thấy mà còn chỉ ra cho người đọc thấy trong cái hình hài gầy gò, già nua khắc khổ của lão nông ấy là một tâm hồn cao thượng biết bao nhiêu.  +Trong cảnh đời nghèo khổ của những con người lao động, nhà văn cũng khắc họa được vẻ đẹp cao quý nhất của con người, đó là tình yêu thương:  Đó là tình làng xóm sâu đậm. Ông giáo dù nghèo đến khánh kiệt vẫn muốn được sẻ chia, giúp đỡ , an ủi, động viên lão Hạc.  Đó là tình thương yêu sâu nặng của người cha suốt đời hi sinh vì con của lão Hạc. Lão hi sinh cả tuổi thanh xuân, hạnh phúc riêng tư để nuôi con lớn khi vợ lão mất sớm. Lão thương con đến quăn lòng khi không lo được hạnh phúc cho con,. Lão quyết không ăn vào tiền của con khi không còn gì sinh sống. Lão thà chết để giữ trọn mảnh vườn cho có kế sinh nhai sau này.  \*Lòng nhân đạo của tác giả còn được thể hiện ở thái độ trân trọng những ước mơ, khát vọng của con người về một tương lai tốt đẹp. Mặc dù tác phẩm có một cái kết đau thương: lão Hạc chết, hay như người ta vẫn nói “ cao su đi dễ khó về…”, nhưng Nam Cao cùng nhân vật tin tưởng và hi vọng về những điều tốt đẹp. Đó là niềm hi vọng của lão Hạc về cuộc sống cho đứa con trai “đến lúc nó về…có chút vốn mà làm ăn”. Niềm khao khát, hi vọng ấy được gửi gắm cho ông giáo “ lão đừng lo …khi con trai lão về tôi sẽ trao cho hắn..” | 1,0  2,0  0,5 |
|  | Đánh giá: Bằng cách kể chuyện tự nhiên hấp dẫn trong cách chọn ngôi kể, kết hợp nhuần nhuyễn kể với miêu tả ,biểu cảm và bình luận; cách xây dựng nhân vật đến mức điển hình, nhà văn Nam Cao đã thể hiện tấm lòng nhân đạo khi viết về con người Việt nam trong xã hội trước Cách mạng. Ông không chỉ nhìn, miêu tả họ bằng cái nhìn nhân ái. Mà ông còn khẳng định về một thái độ sống, một cách ứng xử nhân đạo. Và ông cũng giúp cho người đọc biết đặt mình vào những cảnh ngộ cụ thể để cảm thông , thấu hiểu, trân trọng, nâng niu những điều đáng quí ở những con người quanh ta. | 0,5 |
| **Kết bài** | -Khẳng định vai trò, ý nghĩa, trách nhiệm của người nghệ sĩ chân chính  -Liên hệ bản thân về cách nhìn, cách cảm, cách ứng xử với mọi người trong cuộc sống. | 0,25 |

*- Giám khảo nắm vững yêu cầu của hướng dẫn chấm để đánh giá tổng quát bài làm của thí sinh. Cần khuyến khích những bài viết có chất văn.*

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**ĐỀ 13**

**KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI CẤP HUYỆN**

**NĂM HỌC 2019-2020**

**MÔN THI: NGỮ VĂN 8**

**Phần I: Đọc hiểu** *(4,0 điểm):*

Đọc ngữ liệu sau và trả lời câu hỏi:

*“Thời gian nhẹ bước mỏi mòn*

*Xin đừng bước lại để còn mẹ đây*

*Bao nhiêu gian khổ tháng ngày*

*Xin cho con lãnh, kẻo gầy mẹ thêm*

*Mẹ ơi, xin bớt muộn phiền*

*Con xin sống đẹp như niềm mẹ mong*

*Tình mẹ hơn cả biển đông*

*Dài, sâu hơn cả con sông Hồng Hà”*

*(Tình mẹ -Tử Nhi)*

**Câu 1**: Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn thơ trên

**Câu 2**: Chỉ ra và phân tích ngắn gọn tác dụng phép tu từ trong hai câu thơ cuối?

**Câu 3**: Cảm nhận của em về tình cảm của tác giả đối với mẹ trong đoạn thơ ?

**Câu 4**: Em hiểu như thế nào về câu thơ “ *Con xin sống đẹp như niềm mẹ mong*”

**II. Tập làm văn**

**Câu 1:** Từ đoạn thơ trên, viết một văn bản nghị luận khoảng 02 trang, bàn về ý kiến sau: **Sứ mạng của người mẹ không phải là làm chỗ dựa cho con cái mà là làm cho chỗ dựa ấy trở nên không cần thiết** (B. Babbles).

**Câu 2: Đọc truyện ngắn Lão Hạc có ý kiến cho rằng: Nhà văn Nam Cao đã nhìn người nông dân bằng con mắt ứa lệ và bằng trái tim giàu tình yêu thương. Em hãy Phân tích truyên ngắn lão Hạc để làm sáng tỏ ý kiến trên.**

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| I | **Đọc hiểu** | |  |
| 1 | Phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong văn bản là: biểu cảm | 0,5 |
| 2 | **- Các biện pháp tu từ:** phép so sánh ( Tình mẹ hơn cả biển đông/ Dài, sâu hơn cả con sông Hồng Hà)  - **Phân tích tác dụng:**  + Phép so sánh nhấn mạnh tình yêu và công ơn trời bể của mẹ đối với con sánh ngang tầm vũ trụ.  -> Qua các biện pháp tu từ trên, tác giả đã thể hiện sự thấu hiểu, kính trọng, biết ơn sâu nặng của mình đối với người mẹ kính yêu. Từ đó, nhà thơ muốn nhắn nhủ bạn đọc thông điệp về tình cảm, ý thức, trách nhiệm của bản thân đối với cha mẹ. | 0,5 |
| 3 | - Trân trọng những lời tâm sự tha thiết của Tử Nhi đối với người mẹ kính yêu của mình – mong thờ gian đừng “bước lại” để mẹ mãi trẻ trung, khoẻ mạnh, sống mãi.  - Xúc động trước niềm mong mỏi được hi sinh vì mẹ của nhà thơ  - Cảm phục trước lời tự hứa chân thành của nhân vật trữ tình đối với mẹ “*Mẹ ơi, xin bớt muộn phiền*  *Con xin sống đẹp như niềm mẹ mong*”.  - Thấu hiểu tình mẹ qua cách so sánh độc đáo của nhà thơ về tình mẹ *“ Tình mẹ hơn cả biển đông,*  *Dài, sâu hơn cả con sông Hồng Hà”*  từ đó nghĩ suy về đạo làm con đối với cha mẹ. | 1,0 |
| 4 | - Tác giả xin hứa sống đẹp như niềm ong mỏi của mẹ. Sống đẹp là sống có ích cho đời, là người có trách nhiệm với bản thân, gia đình và xã hội. Sống có tình yêu thương, biết chia sẻ…. | 1,0 |
| **II** | **Làm văn Nghị luận xã hội** | | |
|  | 1 | Từ đoạn thơ trên, viết một văn bản nghị luận khoảng 02 trang, bàn về ý kiến sau: Sứ mạng của người mẹ không phải là làm chỗ dựa cho con cái mà là làm cho chỗ dựa ấy trở nên không cần thiết (B. Babbles). |  |
| a*. Đảm bảo hình thức đoạn văn nghị luận:* thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn diễn dịch, quy nạp, tổng phân hợp, móc xích, song hành. | 0,25 |
| *b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận*: Sứ mạng của người mẹ | 0,25 |
| c. *Triển khai vấn nghị luận: thí sinh có thể lựa chọn các thao tác lập luận theo nhiều cách nhưng có thể theo hướng sau:* |  |
| **Bài văn tham khảo**  Khi đường đời trập trùng bao nỗi chông gai, con người ta luôn mong anh lắm chặt đôi bàn tay của một ai đấy để cùng vượt qua những gian lao, vất vả. Khi cuộc sống có quá nhiều thử thách nghiệt ngã, ta lại áo ước rằng mình có một bờ vai để san sẻ, tựa nương. Thế nhưng, nhiều lúc, mỗi cá nhân lại cần tự mình dũng cảm, tự tiến lên phía trước mà tạm quên đi ý nghĩ chờ đợi sự nâng đỡ để tự khẳng định chính mình. Hành trình của người mẹ cũng vậy, Theo con đến suốt cuộc đời, dõi ảnh nhìn tha thiết đầy yêu thương theo từng bước chân con nhưng lại không thể luôn bên cạnh dìu dắt, chăm lo bởi: “Sứ mạng của người mẹ không phải là làm chỗ dựa cho con cái mà là làm cho chỗ dựa ấy trở nên không cần thiết” (B.Bables).  Sứ mạng là hai tiếng tưởng chừng như rất đơn giản nhưng lại hàm chứa trong đó cả một trách nhiệm lớn lao và vô cùng cao cả. Không ai khác, mẹ chính là người nhận tướng mệnh thiêng liêng ấy bởi tình mẫu tử tha thiết bài lắm đã là tình cảm gắn bó với con người trong suốt cả một đời. Tuy nhiên, ở đây ta có thể hiểu con nói theo nghĩa rộng hơn. Tình mẹ bao la hay cũng chính là mái ấm gia đình luôn luôn dang rộng cánh tay che chở, yêu thương đối với con cái. Thật vậy, tình cảm gia đình trong cuộc sống là thứ vô cùng quý giá và đáng được trân trọng. Nó vừa mang yếu tố tự nhiên, vừa là yếu tố nổi con người với nhau đến suốt những năm tháng trưởng thành. Nếu đôi vai cha nặng gánh biết bao những lo toan vất vả, bươn chải sớm hôm thì bàn tay mẹ lại dịu dàng, đưa con vào giấc ngủ an lành với sự bình yên và ấm áp vô ngần. Có thể nói, gia đình là chiếc nôi chắp cánh cho những ước mơ đẹp đẻ, là điểm tựa để mỗi chúng ta có thể vươn tới trời cao. Hơn nữa, nó còn đóng một vai trò vô cùng quan trọng trong việc hình thành nhân cách của mỗi con người. Dạy con từ thuở còn thơ, một em bé sơ sinh nếu không được Chăm sóc, lo lắng ngay từ khi bé thơ thì chắc chắn rằng sẽ chẳng thể khỏe mạnh mà lớn khôn. Một đứa trẻ ngay từ khi chào đời nếu không có sự dạy bảo, uốn nắn thì khi lớn lên liệu có thể trở thành một công dân tốt?  Thế nhưng, đôi lúc, các bậc phụ huynh cũng cần mở rộng vòng tay che chở của mình để mọi sự nâng đỡ không khiến cho con trẻ ỷ lại. Điều đó tức là làm chỗ dựa đỏ trở nên không cần thiết. Dẫu biết rằng đường đời gặp gành với muôn vàn khó khăn, chông chênh thì những bước chập chững đầu tiên sẽ khó khăn vô cùng. Tuy nhiên, nếu đứa bé có thể vượt qua thì chắc chắn rằng nó sẽ có đủ nghị lực và ý chí để tiếp tục đối mặt với những thử thách lớn lao hơn rất nhiều. Câu nói này đã đưa ra một quan điểm giáo dục của cha mẹ đối với con cái vô cùng thiết thực trong thời buổi hiện tại. Tầm quan trọng của vấn đề này không chỉ nằm ở vai trò dạy dỗ mà còn thể hiện trong cách làm sao để con cái có thể chủ động, tích cực mà không dựa dẫm. Điều đó rất cần thiết vì nó góp phần quyết định được khả năng ứng phó trước những tình huống khó khăn khi một con người sau này trên đường đời có thể gặp phải. Mặt khác, nó còn giúp cho chúng ta có đủ bản lĩnh kiên cường để có thể tự đứng lên bằng đôi chân của mình khi vấp ngã.  Cuộc sống không phải lúc nào cũng êm đềm như mặt biển minh mông mà chúng luôn luôn chực chờ với nhiều bão tố dữ dội. Vì vậy, chúng ta cần biết cách để có thể vượt qua và sẽ càng ý nghĩa hơn nếu ta chinh phục chúng bằng chính nghị lực của bản thân mình. Trở ngại có thể sẽ khiến cho bạn một vài lần thất bại nhưng thất bại sẽ bồi dưỡng thêm tinh thần và kinh nghiệm để bạn sẽ không vất ngã vào những lần tiếp theo. Cho nên, cha mẹ nên hình thành cho con cái lối sống chủ động, tích cực. Những đứa trẻ, ngay từ nhỏ cần được giáo dục cách sống tự lập, tự mình. Bắt đầu từ những hành động đơn giản như tự chăm sóc bản thân, lo lắng chuyện học tập đến các vấn đề có phần phức tạp hơn như tự giải quyết khó khăn của mình hay xoay sở trước những hiểm nguy. Qua năm tháng, kỹ năng ấy sẽ được tôi luyện và trở thành kinh nghiệm tích lũy trong bản năng của mỗi con người để giúp họ có thể vượt qua chướng ngại một cách hiệu quả nhất.  Rõ ràng, giáo dục con cái không sống dựa dẫm là một điều vô cùng cần thiết. Chúng ta cần phải hình thành cho trẻ ngay từ khi còn nhỏ từ những việc nhỏ nhất. Thế nhưng, vì nhiều phụ huynh yêu chiều, nâng niu con cái quá mức mà khiến cho nhiều trẻ đi ý thức tự lập. Một người từ thuở bé chưa hề động tay đến bất cứ chuyện gì, chưa bao giờ trải qua gian khổ thì chắc chắn rằng khó có thể tự trang trải cuộc sống bản thân khi xung quanh chẳng còn ai giúp đỡ. Thói quen dựa dẫm khiến họ mất phương hướng, lúng túng và trở nên vô dụng.  “Đời phải trải qua giông tố nhưng không được cúi đầu trước giông tố” – Nhật ký đặng Thùy Trâm. Con người cũng như vậy, có thể tìm một bờ vai để tiếp thêm niềm tin nhưng đừng trông chờ mãi vào đôi vai ấy. Cuộc sống vẫn chờ chực rất nhiều những phong ba, chúng ta luôn đứng giữa những khó khăn, sóng gió. Hãy học để tạo ra cho mình một bản lĩnh vững vàng và tự chủ để có thể đối mặt với những thử thách, trở ngại mới mà không cần có sự giúp đỡ… |  |
| Đảm bảo các yêu cầu trên; có thể trình bày theo định hướng sau: 1. Giải thích câu nói -“Sứ mệnh” : Vai trò lớn lao, cao cả của cha mẹ trong việc nuôi dạy con cái.  -“Người mẹ”: Người sinh ra con cái , rộng hơn đó chính là mái ấm gia đình.  -“ Chỗ dựa cho con cái”: nơi che chở , yêu thương , là nơi con cái có thể nương tựa. **Ý nghĩa cả câu : Câu nói đã đưa ra quan điểm giáo dục của cha mẹ với con cai hết sức thuyêt phục** :Vai trò của cha mẹ không chỉ nằm trong việc dạy dỗ con mà quan trọng hơn là làm sao để con cái biết sống chủ động , tích cực , không dựa dẫm… 2. Bình luận\*Tại sao đó là quan điểm đúng đắn : **Cuộc sống không phải lúc nào cũng êm đềm như mặt biển mênh mông mà luôn chực chờ nhiều bão tố dữ dội. Vì vậy, chúng ta cần biết tìm cách để vượt qua, và sẽ càng ý nghĩa hơn nếu chinh phục thử thách bằng chính nghị lực bản thân. ( dẫn chứng) Nếu con người chưa từng được rèn luyện , không phải đối mặt với bất kì trong gai nào thì rất dễ gục ngã.****- Việc hình thành lối sống chủ động, tích cực là cả quá trình dài và đòi hỏi nhiều thời gian. Cho nên, ngay từ lúc nhỏ, những đứa trẻ cần được giáo dục cách sống tự lập. ( dânc chứng)**.**Dạy từ việc nhỏ nhất như chăm sóc bản thân đến việc học tập ,đến những vấn đề phức tạp hơn . theo thời gian con cái sẽ được tôi luyện , tích lũy kinh nghiệm, vững vàng hơn,trưởng thành hơn.**  \* Cha mẹ cần luôn ở bên cạnh con nhưng cũng cần tạo cho con những “khoảng lặng”Cần thiết cho đứa trẻ tự suy ngẫm  , tự quyết định việc mình đang làm. - Dạy con biết tự lập nhưng không có nghĩa là phó mặc con hoặc quá khắt khe, yêu cầu cao đối với con.  **- Phê phán.** **+ Nhiều phụ huynh nuông chiều con quá mức khiến con cái mất đi ý thức tự lập.****Hậu quả : trước khó khăn  của cuộc sống thường mất phương hướng, lúng túng , bi quan ,vô dụng , hành động nông nổi thiếu suy nghĩ.****+  Hoặc phó mặc con cái một cách tự nhiên theo kiểu “trời sinh tính” , không quan tâm uốn nắn con cái.****3**. Bài học nhận thức, hành động, mở rộng vấn đề + Bản thân luôn phải cố gắng không dựa dẫm vào sự giúp sức của bất kỳ ai. Tình thương của cha mẹ là nguồn động viên chứ không phải là vỏ bọc để lẩn tránh mọi trở ngại trên đường. + Cần tạo được sự yên tâm của cha mẹ với mình, cần khẳng định được bản thân.  - Ý kiến vừa là bài học cho nhiều bậc phụ huynh, vừa thể hiện cách sống đúng đắn nên được phát huy ở mọi lứa tuổi.  **-** Hành động: các bậc cha mẹ cần có tình yêu, phương pháp dạy con đúng đắn, dạy con biết tự lập, tự bước đi trên chính đôi chan của mình từ những việc nhỏ nhất.  - Bản thân mỗi người con cần biết trân trọng tình cảm cha mẹ, nỗ lực cố gắng vươn lên bằng chính khả năng, sức mạnh của mình để trở thành chỗ dựa vững chắc cho cha mẹ. | 0,25  0,5  0,25 |
|  |  | d. *Chính tả, dùng từ, đặt câu:* Không sai *Chính tả, dùng từ, đặt câu (Hoặc có 1 vài lỗi nhỏ, không đáng kể)* | 0,25 |
|  |  | *e. Sáng tạo*: Cách diễn đạt độc đáo và sáng tạo (thể hiện được dấu ấn cá nhân, quan điểm và thái độ riêng, sâu sắc), thể hiện ý phản biện nhưng không trái với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.Chính tả dùng từ, đặt câu | 0,25 |

## ****\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*****

**ĐỀ 14**

**KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI CẤP HUYỆN**

**NĂM HỌC 2018-2019**

**MÔN THI: NGỮ VĂN 8**

1. **ĐỌC - HIỂU (4,0 điểm)**

 Đọc đoạn trích sau

 “… Nguy hơn, thực phẩm bẩn chính là kẻ sát nhân thầm lặng, ảnh hưởng và di hại đến nhiều thế hệ làm kiệt quệ giống nòi, người tiêu dùng có còn đủ tỉnh táo để phân biệt trong ma trận thực phẩm đang giăng như mạng nhện ấy đâu là sạch, đâu là bẩn hay lực bất tòng tâm để rồi “nhắm mắt đưa chân”.

Nếu không có biện pháp hữu hiệu để ngăn chặn kịp thời, rồi đây 10, 20 năm sau tỷ lệ mắc ung thư và tâm thần của người Việt sẽ còn cao hơn rất nhiều. Mọi nỗ lực để nâng cao chất lượng sống, cải tạo nòi giống chẳng lẽ bó tay trước những người đang đầu độc dân tộc mình!

Phát triển sẽ là gì nếu không phải giúp người dân nâng cao đời sống, tạo môi trường lành mạnh, an toàn để mỗi chúng ta sống và đóng góp cho xã hội, nhưng thực phẩm bẩn tràn lan như hiện nay như là cái u ác tính cho cả dân tộc, nếu không cắt bỏ sẽ di căn thành ung thư, hãy hành động ngay hôm nay đừng để đến lúc vô phương cứu chữa”.

       (Trích Vấn nạn thực phẩm bẩn, chẳng nhẽ bó tay? – Th.s Trương Khắc Hà)

**Câu 1.**Đoạn trích trên sử dụng phương thức biểu đạt nào là chính? (1 điểm)

**Câu 2**. Tác giả đã chỉ ra những mối nguy hại nào của thực phẩm bẩn nếu không có biện pháp hữu hiệu ngăn chặn kịp thời? (1 điểm)

**Câu 3.** Hãy cho biết thái độ của tác giả khi bàn về thực phẩm bẩn? (1,0 điểm)

**Câu 4.** Nêu nội dung khái quát đoạn trích?  (1,0 điểm)

**II. LÀM VĂN (16,0 điểm)**

**Câu 1 (6,0 điểm)**

Anh/chị có suy nghĩ gì trước vấn nạn: “…thực phẩm bẩn tràn lan như hiện nay như là cái u ác tính cho cả dân tộc” ? Hãy viết bài văn ngắn trình bày suy nghĩ của mình.

**Câu 2: (*10 điểm*)**

Nhận xét về người nông dân trong văn học Việt Nam trước Cách mạng tháng 8-1945 có ý kiến cho rằng: “***Người nông dân tuy nghèo khổ, lam lũ, ít học nhưng không ít tấm lòng”***.

Bằng hiểu biết của em về nhân vật Lão Hạc trong truyện ngắn cùng tên của nhà văn Nam Cao, hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.

( Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  |  |  |
|  | **HƯỚNG DẪN CHẤM**  **I. ĐỌC – HIỂU (3,0 điểm)**  **Câu 1.** Đoạn trích trên được sử dụng phương thức biểu đạt chính là nghị luận.  **Câu 2**. Tác giả đã chỉ ra những mối nguy hại của thực phẩm bẩn nếu không có biện pháp ngăn chặn hữu hiệu: 10, 20 năm sau tỷ lệ mắc ung thư và tâm thần của người Việt sẽ còn cao hơn rất nhiều; mọi nỗ lực để nâng cao chất lượng sống, cải tạo nòi giống sẽ không đạt kết quả.  **Câu 3.** Thái độ của tác giả: lo lắng, trăn trở về vấn nạn thực phẩm bẩn; kêu gọi cả xã hội cùng hành động bằng những biện pháp kịp thời.  **Câu 4.** Nêu lên hiện trạng thực phẩm bẩn đang tràn lan trên thị trường nước ta, những tác hại của thực phẩm bẩn và lời kêu gọi mọi người cùng chung tay đẩy lùi vấn nạn thực phẩm bẩn.  **II. LÀM VĂN (16,0 điểm)**  **Câu 1 (6,0 điểm)**  *\* Yêu cầu về hình thức: (1,0đ)* - Viết bài văn  - Bố cục rõ ràng, mạch lạc, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu... *\* Yêu cầu về nội dung:*  ***a. Giải thích (1,0 điểm)***  - **Thực phẩm bẩn là** những thực phẩm chứa các chất độc hại, tác động tiêu cực đến sức khỏe và tính mạng con người. - U ác tính: nguyên nhân gây ra căn bệnh ung thư, là mầm mống hủy hoại hủy hoại sức khỏe của dân tộc, giống nòi. ***b. Thực trạng (1,0 điểm***) - Thực phẩm bẩn đang hoành hành tràn lan trở thành quốc nạn…  +Hầu hết thức ăn ta ăn đều có chứa chất độc hại:thịt có chất tạo nạc, rau có thuốc trừ sâu; làm đỗ, ruốc bằng hóa chất..  +Thực phẩm bẩn gây ra những ảnh hưởng xấu về sức khỏe con người: ngộ độc, tiềm ẩn nguy cơ mắc các căn bệnh nan y…\  +Thực phẩm bẩn được bán tràn lan trên thị trường  +Người dung không phân biệt được đâu là thực phẩm bẩn???  ***c. Nguyên nhân (1,0 điểm)*** - Về phía doanh nghiệp, người sản xuất  **+Vì lợi nhuận** đã sử dụng các chất tạo nạc trong chăn nuôi; thuốc trừ sâu, thuốc kích thích tăng trưởng trong trồng và bảo quản thực vật, hóa chất làm chín trái cây...  +Sự xuống cấp về **lương tâm, đạo đức** và là biểu hiện của một trình độ nhận thức hẹp hòi, ích kỷ.  - Về phía người tiêu dùng  +Thiếu hiểu biết về nguồn gốc, xuất xứ các sản phẩm trên thị trường.  +Tâm lí ham của rẻ, mẫu mã đẹp...  - Về phía cơ quan có thẩm quyền  +Chưa xử lí thích đáng đối với các trường hợp sản xuất, tiêu thụ thực phẩm bẩn  +Chưa có sự phối hợp đồng bộ giữa cơ quan pháp luật với các tổ chức khoa học để nhanh chóng phát hiện, ngăn chặn việc sản xuất, tiêu thụ thực phẩm bẩn…  +Bao che.  ***d. Hậu quả (1,0 điểm)***  +Thực phẩm bẩn khiến sức khỏe bị ảnh hưởng, tính mạng bị đe dọa, là nguyên nhân gây ra nhiều căn bệnh nguy hiểm như ung thư...  +Gây nên tâm lí hoang mang, sự bất ổn nảy sinh trong xã hội…  ==> Cần sớm có những biện pháp kịp thời và hiệu quả để xử lí tình trạng thực phẩm bẩn tràn lan như hiện nay. Đòi hỏi có sự chung tay của các cơ quan quản lí, sự phát giác của người dân và ý thức của người sản xuất.  ***d. Giải pháp (1,0 điểm)***  - Tuyên truyền vè tác hại của thực phẩm bẩn.  - Nâng cao hiểu biết cho cả người sản xuất lẫn người tiêu thụ về tác hại khôn lường, lâu dài của việc sản xuất, tiêu thụ, sử dụng thực phẩm bẩn.  - Xử lí thích đáng việc sản xuất, tiêu thụ thực phẩm bẩn.  - Đẩy mạnh sản xuất thực phẩm hữu cơ, sạch, an toàn  cho sức khỏe.  - Lên án những hành vi nuôi trồng, buôn bán thực phẩm bẩn.  - Mỗi người ý thức chung tay cùng xã hội đẩy lùi thực phẩm bẩn bằng những hành động thiết thực…  **Câu 2: (10 điểm)**  **1. Về hình thức**  - Bài làm  có bố cục rõ ràng, luận điểm đầy đủ chính xác  - Lời văn chuẩn xác, không sai lỗi chính tả, cảm xúc sâu sắc  **2. Về nội dung.**                   Học sinh cần làm sáng tỏ hai luận  điểm cơ bản:  **Luận điểm 1: *Lão Hạc là người nông dân nghèo khổ lam lũ ít học.***  - Cảnh ngộ của Lão Hạc thật bi thảm: Nhà nghèo, vợ chết, hai cha con lão sống lay lắt rau cháo qua ngày.  - Vì nghèo nên lão cũng không đủ tiền cưới vợ cho con nên khiến con trai lão phải bỏ đi làm ở đồn điền cao su.  - Chính vì nghèo khổ nên ông không có điều kiện học hành vì thế mà lão không biết chữ, mỗi lần con trai  viết thư về  lão lại phải  nhờ ông giáo đọc hộ và cả đến khi muốn giữ mảnh vườn cũng lại nhờ ông giáo viết văn tự hộ.  - Sự túng quẫn ngày càng đe dọa lão nên sau trận ốm kéo dài, không có việc, rồi bão ập đến phá sạch hoa màu…không lấy tiền đâu để nuôi con Vàng nên lão đã phải dằn lòng quyết định bán cậu Vàng – kỉ vật mà đứa con trai lão để lại.  - Lão sống đã khổ chết cũng khổ.  *Hs lấy dẫn chứng phân tích, chứng minh*  **Luận điểm 2: *Lão Hạc là người nông dân giàu có ở tấm lòng yêu con và lòng nhân hậu.***  - Lão Hạc cả đời yêu con một cách thầm lặng, chả thế mà từ ngày vợ chết lão ở vậy nuôi con đến khi trưởng thành. Lão chắt chiu dè sẻn để có tiền lo cưới vợ cho con ấy vậy mà cả đời dành dụm cũng không đủ vì thế mà khi chứng kiến nỗi buồn nỗi đau của con lão luôn day dứt đau khổ.  *HS lấy dẫn chứng chứng minh*  - Yêu và thương con nên khi xa con tình yêu con của lão được thể hiện gián tiếp qua việc chăm sóc con chó- kỉ vật mà đứa con để lại. Lão vô cùng đau đớn dằn vặt khi bán con chó vàng. Qua đó thấy được tấm lòng nhân hậu của lão.  *HS lấy dẫn chứng chứng minh*  - Thương con lão chọn cho mình một cách hi sinh, đặc biệt là hi sinh cả mạng sống của mình cho con.  *HS lấy dẫn chứng chứng minh*  *Qua cuộc  đời khốn khổ và phẩm chất cao quý của lão Hạc nhà văn đã thể hiện tấm lòng yêu thương trân trọng đối với người nông dân.*  **\* Nghệ thuật**  - Truyện được kể ở ngôi thứ nhất người kể chuyện là ông Giáo làm câu chuyện dẫn dắt tự nhiên sinh động hấp dẫn  - Nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật qua ngôn ngữ độc thoại nội tâm.  \*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\* |  |
|  |

**Đề 15.**

**ĐỀ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI LỚP 8**

**Môn: Ngữ văn**

*Thời gian làm bài: 150 phút*

*(không kể thời gian giao đề)*

**Câu 1 (2,0 điểm):**

X¸c ®Þnh c©u nghi vÊn trong c¸c ®o¹n sau. Nh÷ng c©u nghi vÊn ®ã ®­îc dïng lµm g×?

a) *Hìi ¬i L·o H¹c! Th× ra ®Õn lóc cïng, l·o còng cã thÓ lµm liÒu nh­ ai hÕt. Mét ng­êi nh­ thÕ Êy!. Mét ng­êi ®· khãc v× trãt lõa mét con chã! Mét ng­êi nhÞn ¨n ®Ó tiÒn l¹i lµm ma, bëi kh«ng muèn liªn luþ ®Õn hµng xãm, l¸ng giÒng. Con ng­êi ®¸ng kÝnh Êy b©y giê còng theo gãt Binh T­ ®Ó cã ¨n ­? Cuéc ®êi qu¶ thËt cø mçi ngµy mét thªm ®¸ng buån.*

(Nam Cao, *L·o H¹c*)

*b)* *Nµo ®©u nh÷ng ®ªm vµng bªn bê suèi*

*Ta say måi ®øng uèng ¸nh tr¨ng tan?*

*§©u n÷ng ngµy m­a chuyÓn bèn ph­¬ng ngµn*

*Ta lÆng ng¾m giang san ta ®æi míi?*

*§©u nh÷ng b×nh minh c©y xanh n¾ng géi,*

*TiÕng chim ca giÊc ngñ ta t­ng bõng?*

*§©u nh÷ng chiÒu lªnh l¸ng m¸u sau rõng*

*Ta ®îi chÕt m¶nh mÆt trêi gay g¾t,*

*§Ó ta chiÕm lÊy riªng phÇn bÝ mËt?*

*- Than «i! Thêi oanh liÖt nay cßn ®©u?*

(ThÕ L÷ , *Nhí rõng*)

**Câu 2 (6,0 điểm):**

Trình bày suy nghĩ của em về ý kiến sau đây của Các Mác: *“Tình bạn chân chính là viên ngọc quý”.*

**Câu 3 (12,0 điểm):**

Suy ngẫm về giá trị đích thực của một tác phẩm văn chương, nhà văn Nam Cao khẳng định:

*“Một tác phẩm thật giá trị, phải vượt lên trên tất cả các bờ cõi và giới hạn, phải là một tác phẩm chung cho cả loài người. Nó phải chứa đựng một cái gì lớn lao, mạnh mẽ…. Nó ca tụng lòng thương, tình bác ái, sự công bình…Nó làm cho người gần người hơn”.*

Qua truyện ngắn “*Lão Hạc*”- Nam Cao, em hãy phân tích làm sáng tỏ nhận định trên.

**---- Hết ----**

**ĐÁP ÁN BIỂU ĐIỂM MÔN NGỮ VĂN 8**

**Câu 1:**

- C¸c c©u nghi vÊn: *(1,0 ®iÓm)*

+ a) *Con ng­êi ®¸ng kÝnh Êy b©y giê còng theo gãt Binh T­ ®Ó cã ¨n ­?*

+ b) C¸c c©u trong khæ th¬ ®Òu lµ c©u nghi vÊn (trõ th¸n tõ: *Than «i*!)

- C¸c c©u nghi vÊn trªn dïng ®Ó: *(1,0 ®iÓm)*

+ (a): Béc lé t×nh c¶m, c¶m xóc (sù ng¹c nhiªn).

+ (b): Mang ý phñ ®Þnh; béc lé t×nh c¶m, c¶m xóc.

**Câu 2:**

**A. Yêu cầu:**

***\* Về nội dung:***

Học sinh có thể trình bày những cách suy nghĩ khác nhau xung quanh vấn đề cần nghị luận, có thể có những cách lập luận khác nhau, nhưng về cơ bản phải hướng đến những ý sau:

***I. Mở bài:*** Dẫn dắt nêu vấn đề cần nghị luận

***II.  Thân bài:***

*1. Giải thích nội dung câu nói:*

Ngọc là một loại đá - kim loại rất cứng, màu sắc óng ánh tuyệt đẹp, rất quý hiếm; quý hiếm hơn cả vàng, thường được chế tác thành đồ nữ trang, pho tượng. Ngọc có nhiều loại, đủ màu sắc như hồng ngọc, bạch ngọc, ngọc lam, ngọc phỉ thúy, bích ngọc, ngọc trai. Các vua chúa ngày xưa hay dùng ngọc để làm quốc ấn. quốc bảo - biểu tượng cho vương triều.

Tình bạn chân chính là tình bạn trong sáng, tâm đầu ý hợp, thủy chung, hết lòng yêu thương nhau, tôn quý nhau; không vụ lợi, không dung tục tầm thường.

Các Mác dùng lời nói so sánh *“tình bạn chân chính là viên ngọc quý"* nhằm hình tượng hóa, cụ thể hóa tình bạn chân chính là tình bạn đẹp, tình bạn quý, rất đáng trân trọng, ngợi ca.

*2. Vì sao “tình bạn chân chính là viên ngọc quý?".*

Bạn chân chính yêu thương nhau, quý trọng nhau như anh em ruột thịt, cùng chung chí hướng, giúp đỡ nhau học hành, làm ăn. Bạn chân chính sẽ cùng nhau chia ngọt sẽ bùi với nhau, nghèo khổ, hoạn nạn có nhau, hết lòng giúp đỡ lần nhau vượt qua vận hạn. Bạn chân chính vào sinh ra tử có nhau, nghèo khổ, vinh hiển đều gắn bó với nhau, trọn đời sắt son chung thủy. Tình bạn tri âm, tri kí, tình bạn chiến đâu, tình đồng chí... là viên ngọc quý, sáng trong mãi trong cõi đời.

Sống trong tình bạn chân chính, ai cũng tự hào cảm thấy mình vô cùng hạnh phúc, “lớn lên” trong cuộc đời, tự tin trước mọi gian nan thử thách.

*3.  Nêu một số dẫn chứng về tình bạn chân chính:*

Bá Nha - Tứ Kì. Lưu Bình - Dương Lễ, Mác - Ang-ghen,... là những gương sáng tuyệt đẹp về tình bạn chân chính thủy chung.

*4. Bài học rút ra:*

Tình bạn có một sức mạnh tinh thần to lớn động viên mỗi người trong cuộc sống. Làm cho mối quan hệ giữa con người với con người tốt đẹp hơn vì thế ta cần trân trọng, giữ gìn, bảo về tình bạn và cần mở rộng những tình bạn tốt.

Tuy nhiên, tình bạn lệch lạc có thể dẫn đến hành động xấu: bao che khuyết điểm cho nhau, bè phái, hội hè ăn chơi, sa ngã,… chỉ làm hại nhau. Vì thế cần biết chọn bạn mà chơi.

*“Tình bạn chân chính là viên ngọc quý”*. Để giữ gìn nó con người cần luôn cố gắng rèn luyện tấm lòng chân thành, thẳng thắn, khoan dung và vượt qua tự ái. Mỗi tình bạn chúng ta gìn giữ được sẽ trở thành một bản nhạc tuyệt vời trong cuộc hoà âm bởi những tình cảm cao đẹp của nhân loại.

**Câu 3:**

**A. Yêu cầu:**

***\* Về nội dung:***

***I, Mở bài:*** *(0,5 điểm) :* Giới thiệu vấn đề nghị luận:

- Giới thiệu những hiểu biết về tác giả Nam Cao: con người, tài năng, phong cách, đóng góp và vị trí trên văn đàn đặc biệt trong trào lưu hiện thực phê phán.

- Thành công xuất sắc của Nam Cao là truyện ngắn, được tập trung vào hai đề tài chính: người nông dân nghèo và người trí thức nghèo giai đoạn trước 1945.

- Nam Cao xuất hiện trên văn đàn và nổi tiếng trong lịch sử văn học không chỉ để lại những sáng tác bất hủ mà còn để lại những suy nghĩ sâu sắc về văn học và nghề văn.

- Xuất xứ của câu nói: Nhân vật Hộ (nói thay cho tác giả) trong tác phẩm *“Đời thừa”* (Đăng lần đầu trên Tuần báo *“Tiểu thuyết thức bảy”* số 490 ngày 4/12/1943) là một trong những sáng tác đặc sắc, tiêu biểu nhất của nhà văn hiện thực lớn Nam Cao.

***II. Thân bài:*** *(11,0 điểm)*

*1.Giải thích nội dung nhận định:* (*1,0 điểm)*

- *“Một tác phẩm thật giá trị”*, có thể hiểu là một tác phẩm văn học chân chính, một tác phẩm nghệ thuật lớn, có giá trị (nhận thức, giáo dục, thẩm mĩ, …).

- *“là một tác phẩm vượt lên trên tất cả bờ cõi, giới hạn, phải là tác phẩm chung cho cả loài người”:* Đó là sức sống của tác phẩm văn học. Tác phẩm văn học vượt lên giới hạn không gian, thời gian.

- “*Nó phải chứa đựng một cái gì lớn lao mạnh mẽ*”: Phải đặt được những vấn đề lớn lao chính là nội dung phản ánh hiện thực của tác phẩm và tình cảm của nhà văn trước hiện thực ấy.

*“Nó ca tụng lòng thương, tình bác ái, sự công bình…Nó làm cho người gần người hơn ".* Đây là giá trị nhân đạo và chức năng nhân đạo hóa con người của tác phẩm văn học. Đó là điều cốt lõi, là hạt nhân cơ bản của một tác phẩm có giá trị.

- Cách diễn đạt: “Một tác phẩm *thật giá trị … phải … phải là … Nó … vừa … vừa … Nó …. Nó …”* là yêu cầu khắt khe và nghiêm túc của Nam Cao với *“một tác phẩm thật giá trị”* và cũng là biểu hiện đa dạng, phong phú của giá trị văn chương chân chính.

*2. Chứng minh :*

- Luận điểm 1: Phân tích giá trị hiện thực và nhân đạo cao cả của truyện ngắn Lão Hạc – Nam Cao. *(7,0 điểm)*

- Luận điểm 2: Tác động về nhận thức, giáo dục,... của tác phẩm đó đối với bạn đọc. *(2,0 điểm)*

- Luận điểm 3: Khái quát, mở rộng: *(1,0 điểm)*

+ Khái quát giá trị nghệ thuật và nội dung chính của truyện ngắn Lão Hạc. So sánh với một số sáng tác khác của Nam Cao viết về đề tài người nông dân, người trí thức, từ đó khẳng định sức sống của tác phẩm Nam Cao

+ Quan điểm nghệ thuật đặc biệt tiến bộ và sâu sắc của nhà văn Nam Cao, lúc nào ông cũng hết sức trung thành với các tuyên ngôn của mình.

+ Chính vì thế, ý kiến của Nam Cao càng thấm thía và đầy sức thuyết phục lớn đối với mọi người, đó cũng là bài học sâu sắc cho các nhà văn và cả những người làm văn hôm nay và mai sau.

**C, Kết bài:** *(0,5 điểm)*

- Khẳng định lại vấn đề nghị luận:

+ Giữa quan niệm sáng tác và quá trình sáng tác của Nam Cao luôn có sự thống nhất.

+ Khẳng định câu nói của Nam Cao: *“Một tác phẩm thật có giá trị, phải vượt lên bên trên tất cả các bờ cõi và giới hạn, phải là một tác phẩm chung cho cả loài người. Nó phải chứa đựng một cái gì lớn lao, mạnh mẽ, vừa đau đớn lại vừa phấn khởi. Nó ca tụng lòng thương, tình bác ái, sự công bình…Nó làm cho người gần người hơn”* là đúng. Quan niệm đúng đã tạo nên những thành công của Nam Cao

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**ĐỀ 16.**

|  |
| --- |
| **ĐỀ THI HSG MÔN NGỮ VĂN 8 –CẤP THỊ XÃ**  **NĂM HỌC 2018-2019**  **Thời gian: 150 phút** |

**I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)**

Đọc đoạn trích và thực hiện các yêu cầu sau:

*Tiểu đội giải phóng quân chúng tôi trong Trung đội “ký con” đã hoàn thành nhiệm vụ. Chúng tôi mong được ghi nhận rằng chúng tôi đã từng sống, chiến đấu và đã chết trong một mùa Xuân giữa đất trời như trăm ngàn cái chết của người Việt Nam chân chính cho Tổ quốc và dân tộc sống còn.*

*Còn như chúng tôi được phát hiện muộn hơn sau 5 năm 10 năm – tự do quý giá, thì xin cho chúng tôi gởi đến những người đang sống, sống đúng ý nghĩa của nó, trong một thời đại vinh quang, lời biết ơn sâu sắc vì các bạn đang làm cho cái chết của chúng tôi giữ được  đầy đủ ý nghĩa. Các bạn đang lao động quên mình cũng như chúng tôi đã chiến đấu quên mình cho đất nước ta ngày nay tươi đẹp, cho dân ta ngày càng ấm no, hạnh phúc, cho xã hội ta ngày càng dân chủ công bằng.*

(Trích *Thư gửi thế hệ mai sau* của 3 liệt lĩ Lê Hoàng Vũ, Nguyễn Chí, Trần Viết Dũng thuộc Tiểu đội 1 - Trung đội Ký Con, Trung đoàn Bình Giã, Quân giải phóng miền Nam)

Câu 1. (0,5 điểm): Xác định phương thức biểu đạt của văn bản

Câu 2. (1,5 điểm): Nêu nội dung chính của văn bản

Câu 3. (2,0 điểm): Suy nghĩ về những lời tâm sự của các anh hùng liệt sĩ trong đoạn trích gửi đến chúng ta – những con người thế hệ hôm nay (trình bày 6 đến 8 dòng)

**Câu 3(10 điểm).**

Có ý kiến cho rằng: *Truyện* ***Lão Hạc*** *đã thể hiện một cách chân thực, sâu sắc và cảm động số phận đau thương và phẩm chất cao quý của người nông dân trong xã hội cũ. Song, ý nghĩa lớn nhất của tác phẩm là ở chỗ nó đặt ra vấn đề nhân cách của con người và việc giữ gìn nhân cách trong những lúc “cùng đường”.*

Hãy làm rõ cách hiểu của mình về ý kiến trên.

------------------ Hết ----------------------

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | | **Điểm** |
| **ĐỌC HIỂU** | | | **4,0** |
| **1** | | hương thức biểu đạt: tự sự, biểu cảm. | **0,5** |
| **2** | | Nội dung chính của đoạn trích:  - Lời nhắn gửi của những người lính đến thế hệ mai sau: ghi nhận họ đã từng chiến đấu, hi sinh để bảo vệ Tổ quốc  - Mong ước thế hệ mai sau tiếp tục lao động, cống hiến dựng xây đất nước | **1,5** |
| **3** | | - Suy nghĩ về những lời tâm sự của các anh hùng liệt sĩ gửi đến chúng ta – những con người của thế hệ hôm nay  - Thí sinh bày tỏ suy nghĩ theo những cách riêng miễn là hợp lí, thuyết phục. Dưới đây là một hướng suy nghĩ:  + Trân trọng biết ơn những gì mà thế hệ cha anh đi trước đã hi sinh cho Tổ quốc để chúng ta có được cuộc sống hòa bình hôm nay  + Từ đó biết sống xứng đáng, cống hiến sức mình để dựng xây quê hương, đất nước ngày càng giàu đẹp | **2,0** |
| **LÀM VĂN** | | | **16,0** |
| **1** | **Từ ý nghĩa đoạn trích, hãy trình bày suy nghĩ về nghị lực sống của con người.** | | **6,0** |
|  | a. *Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận*: *Mở bài* giới thiệu được vấn đề, *Thân bài* triển khai được vấn đề, *Kết bài* khái quát được vấn đề | | **0,25** |
| b. *Xác định đúng vấn đề cần nghị luận:* Nghị lực sống của con người | | **0,25** |
| c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm:Triển khai luận điểm theo trình tự hợp lí, có sự liên kết chặt chẽ; sử dụng tốt thao tác lập luận để làm rõ luận điểm; biết kết hợp giữa nêu lí lẽ và đưa dẫn chứng; dẫn chứng phải phù hợp, cụ thể sinh động. Thí sinh có thể trình bày theo nhiều cách, nhưng cần làm nổi bật các ý sau: | | **5.0** |
| \* ***Giới thiệu tác giả và vấn đề nghị luận*** | | **0.5** |
| \* ***Nghị luận về đoạn trích***: Đoạn trích làm hiện lên hình ảnh chiếc lá cuối cùng trên cây thường xuân. Trước sự dữ dội của thiên nhiên, chiếc lá vẫn kiên cường treo bám vào cành. Từ sức sống mãnh liệt ta nghĩ về nghị lực của con người trong cuộc sống. | | **1** |
| \* ***Nghị luận về nghị lực sống của con người***  - Nghị lực sống của con người chính là bản lĩnh, ý chí, sự cố gắng để vượt lên tất cả những khó khăn, dám nghĩ, dám làm, dám sống. | | **0,5** |
| - Vai trò, ý nghĩa của nghị lực sống:  + Tạo cho ta bản lĩnh và lòng dũng cảm, tự tin trong cuộc sống  + Ứng phó và cải biến được khó khăn, thử thách  + Ngoài trí tuệ và tài năng, tình cảm và nhiệt huyết thì nghị lực sống là một nhân tố quan trọng, là động lực giúp cho con người thành công trong cuộc sống.  + Nghị lực sống là thước đo phẩm chất con người | | **1,5** |
| - Nêu và phân tích những tấm gương cụ thể trong đời sống trên các mặt: vượt khó để học tập, lập nghiệp, lao động và sáng tạo… | | **0,5** |
| - Phê phán những biểu hiện tiêu cực: thiếu nghị lực, bản lĩnh, chỉ biết sống trong sự bao bọc, chở che, không dám đối diện với khó khăn, thử thách | | **0,5** |
| - Rút ra bài học:  + Rèn luyện nghị lực sống để vượt qua khó khăn, gian khổ và vượt qua chính mình  + Kiên định mục đích sống của mình, không chán nản, bi quan, bỏ cuộc | | **0,5** |
| d. Chính tả, dùng từ, đặt câu. Đảm bảo quy tắc chính tả, ngữ nghĩa, dùng từ, đặt câu. | | **0,25** |
| e. Sáng tạo: Có cách diễn đạt độc đáo, sáng tạo (viết câu, sử dụng từ ngữ, hình ảnh và các yếu tố biểu cảm…; thể hiện được quan điểm và thái độ riêng, sâu sắc nhưng không trái với chuẩn mực xã hội) | | **0,25** |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  |  |  |
| **Câu 3** | **Cảm nhận về giá trị nhân đạo lớn lao của tác phẩm  *Lão Hạc*  bên cạnh giá trị hiện thực sâu sắc**: *Truyện* ***Lão Hạc*** *đã thể hiện một cách chân thực, sâu sắc và cảm động số phận đau thương và phẩm chất cao quý của người nông dân trong xã hội cũ. Song, ý nghĩa lớn nhất của tác phẩm là ở chỗ nó đặt ra vấn đề nhân cách của con người và việc giữ gìn nhân cách trong những lúc “cùng đường”.* | **10,0** |
|  | **Yêu cầu về mặt kỹ năng:** | 0,5 |
| Viết một bài văn nghị luận về tác phẩm có định hướng, gắn với vấn đề lý luận văn học với những yêu cầu cụ thể sau:  - Hình thức một bài văn: bố cục rõ ràng, lập luận chặt chẽ, có sự phân tích, bình giá, cảm thụ về nội dung hiện thực và nhân đạo, các yếu tố nghệ thuật (ngôn từ, hình ảnhngôn ngữ kể chuyện, nghệ thuật xây dựng truyện và miêu tả nội tâm nhân vật…) trong tác phẩm.  - Diễn đạt rõ ràng, linh hoạt, uyển chuyển; không mắc các lỗi viết câu, dùng từ, chính tả. |  |
| **Yêu cầu về kiến thức:** |  |
| ***a. Giới thiệu vấn đề nghị luận***  - Dẫn dắt, giới thiệu về tác giả Nam Cao và tác phẩm *Lão Hạc*  - Trích nhận định. | 0,5 |
| ***b. Trình bày cách hiểu và chứng minh nhận định(8,0 điểm)***  **\* Giải thích luận điểm (1,0 điểm)**  **-** Ý kiến đề cập đến giá trị hiện thực của tác phẩm: *thể hiện một cách chân thực, sâu sắc và cảm động số phận đau thương và phẩm chất cao quý của người nông dân trong xã hội cũ.,.’Ơ?’’’* | 0,5 |
| - Đặc biệt nhấn mạnh giá trị nhân đạo độc đáo của tác phẩm: *đặt ra vấn đề nhân cách của con người và việc giữ gìn nhân cách trong những lúc “cùng đường”.*  Từ đó, có thể thấy vị trí đặc biệt của tác phẩm trong số tất cả những tác phẩm viết về đề tài người nông dân của nhà văn Nam Cao: lão Hạc là người nông dân duy nhất không bị sa vào con đường lưu manh hóa. | 0,5 |
| **\* Chứng minh giá trị hiện thực và nhân đạo của tác phẩm *Lão Hạc***  **(6 điểm)**  **-** Tác phẩm đã tái hiện lại cuộc đời, số phận đau thương và phẩm chất cao quý của của Lão Hạc:  + Phải sống trong cảnh nghèo khó cả đời, về già lại phải cô độc và chết một cách đau đớn, vật vã như một cách tự giải thoát cho mình. | 1,0 |
| + Lão là hiện thân cho những đức tính thuần hậu, tốt đẹp của người nông dân Việt Nam: hiền lành, chăm lo cho con cái đến tận lúc chết, sống thủy chung… | 1,5 |
| - Điều làm ám ảnh người đọc hơn là ở cách lão sống và chết, trở thành minh chứng cho việc giữ gìn nhân cách trong những lúc “đường cùng”:  + Lão giàu lòng tự trọng, càng lúc túng quẫn thì lão lại càng cố giữ lòng tự trọng đó: mối quan hệ của lão với ông giáo.  + Lão chết để **bảo toàn nhân cách làm người**: làm cha, làm con người. | 1,0  2,0 |
| - Ý nghĩa của hình tượng nhân vật cũng như tác phẩm trong số những tác phẩm của Nam Cao nói riêng và giai đoạn văn học 1930 – 1945 nói chung. Cần liên hệ với những suy ngẫm của nhân vật ông giáo để cho thấy những gửi gắm của Nam Cao về vấn đề nhân cách con người ở tác phẩm và hình tượng nhân vật chính. | 0,5 |
| ***\** Đánh giá về thành công nghệ thuật của tác phẩm (1 điểm)**  **-** Xây dựng tình huống truyện hấp dẫn.  - Miêu tả nội tâm nhân vật sắc sảo, tinh tế.  - Ngôn ngữ tự nhiên, ngòi bút kể chuyện khách quan mà thấm đượm chất suy tư. | 1,0 |
| ***c. Khẳng định và mở rộng vấn đề nghị luận (1,0 điểm)***  - Khẳng định lại nhận định.  - Mở rộng, liên hệ với những vấn đề phẩm chất người nông dân được thể hiện trong các tác phẩm cùng thời. | 1,0 |

**Đề 17.**

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THANH THUỶ

**ĐỀ THI CHỌN HỌC SINH NĂNG KHIẾU LỚP 8**

**NĂM HỌC 2018 - 2019**

**1**- **Câu 1**( *5 điểm*): Phân tích tác dụng của biện pháp tu từ trong đoạn thơ sau:

"*Nào đâu những đêm vàng bên bờ suối*

*Ta say mồi đứng uống ánh trăng tan ?*

*Đâu những ngày mưa chuyển bốn phương ngàn*

*Ta lặng ngắm giang sơn ta đổi mới ?*

*Đâu những bình minh cây xanh nắng gội,*

*Tiếng chim ca giấc ngủ ta tưng bừng ?*

*Đâu những chiều lênh láng máu sau rừng*

*Ta đợi chết mảnh mặt trời gay gắt,*

*Để ta chiếm lấy riêng phần bí mật ?*

*- Than ôi ! Thời oanh liệt nay còn đâu ? "*

( *Nhớ rừng - Thế Lữ*)

**2**- **Câu 2** ( *3 điểm*) : Mở đầu bài thơ "***Ông đồ***", Vũ Đình Liên có viết:

" ***Mỗi năm hoa đào nở***

***Lại thấy ông đồ già*** "

Và kết lại bài thơ là:

" ***Năm nay đào lại nở,***

***Không thấy ông đồ xưa*** "

Hình ảnh "***hoa đào***" được trở lại trong khổ thơ kết bài có ý nghĩa gì ?

.

**3- Câu 3** ( *12 điểm*):

Nhận xét về truyện ngắn "***Lão Hạc***" của Nam Cao, có ý kiến cho rằng:

" ***Với truyện ngắn Lão Hạc, một lần nữa ta bắt gặp hình ảnh con người, tuy khốn khổ nhưng vẫn rất đẹp***".

Em hiểu ý kiến trên như thế nào ? Hãy phân tích nhân vật lão Hạc để làm sáng tỏ ý kiến này, và từ đó làm rõ cách nhìn con người của Nam Cao ?

............................................................. SBD: ...................................

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CÂU** | **YÊU CẦU CẦN ĐẠT** | **ĐIỂM** |
| **Câu 1**  *5 điểm* | **A- Yêu cầu về nội dung kiến thức**:  - Chỉ ra phép tu từ điệp ngữ: từ "đâu" là đại từ để hỏi được lặp lại 5 lần; cấu trúc câu được lặp lại trong suốt đoạn thơ.  - Tác dụng của biện pháp tu từ điệp ngữ là tạo tính nhạc cho đoạn thơ, làm nổi bật âm hưởng vừa mạnh mẽ, hào hùng, vừa xót xa đến thống thiết...  - Chỉ ra biện pháp câu hỏi tu từ: các câu hỏi tu từ với cấu trúc "nào đâu...", "đâu ..." , "...nay còn đâu", đoạn thơ sử dụng liên tiếp 5 câu hỏi tu từ.  - Tác dụng của các câu hỏi tu từ: làm nổi bật nỗi nhớ nhung, nuối tiếc quá khứ đến cồn cào, day dứt trong lòng con hổ, đồng thời bộc lộ rõ niềm xót xa, đau đớn và sự bất lực của con hổ khi hồi tưởng lại những kỉ niệm đẹp trong quá khứ và ý thức được quá khứ vàng son ấy không bao giờ trở lại.  - Chỉ ra biện pháp ẩn dụ:  + Hình ảnh "Đêm vàng"  + Hình ảnh "Chiều lênh láng máu"  - Tác dụng:  + Hình ảnh ẩn dụ "***Đêm vàng***" làm nổi bật vẻ đẹp huyền ảo, lãng mạn của núi rừng đêm trăng.  + Hình ảnh "***Chiều lênh láng máu***": ánh mặt trời lúc hoàng hôn đỏ xuộm lại và rực lên trước khi tắt, hắt xuống một vạt rừng, lênh láng, giống như màu máu. Hình ảnh này góp phần diễn tả vẻ đẹp bí ẩn, linh thiêng, dữ dội của chốn núi rừng lúc hoàng hôn.  + Hai hình ảnh góp phần làm nổi bật vẻ đẹp của chốn đại ngàn hùng vĩ, núi rừng càng đẹp bao nhiêu thì con hổ càng xót xa, tiếc nuối bấy nhiêu.  **B- Yêu cầu về kĩ năng**:  - HS biết trình bày thành một đoạn, hoặc một bài văn ngắn, nhưng hoàn chỉnh, có bố cục rõ ràng, mạch lạc  - HS nắm được kĩ năng làm dạng bài, chỉ ra được các biện pháp tu từ và phân tích được hiệu quả nghệ thuật của các biện pháp tu từ ấy trong việc diễn đạt nội dung, ý nghĩa đoạn thơ.  - Diễn đạt rõ ràng, trong sáng. Văn viết có cảm xúc.  - Dùng từ, đặt câu chuẩn xác.  ( ***Nếu không đảm bảo yêu cầu này, GV tuỳ mức độ lỗi mà trừ điểm. Cần chú ý đến kĩ năng viết của HS, tránh đếm ý cho điểm***). | 0,5  1,0  0,5  1,0  0,25  0,25  0,75  0,75 |
| **Câu 2**  *3 điểm* | **A- Yêu cầu về nội dung kiến thức**  - Việc lặp lại hình ảnh hoa đào ở khổ cuối tạo ra kết cấu đầu cuối tương ứng, một lần nữa làm nổi bật ý tưởng sâu sắc của bài thơ.  - Hình ảnh hoa đào ở khổ thơ đầu là tín hiệu báo mùa xuân về, và mở ra khung cảnh ông đồ ngồi viết câu đối bên hè phố. Hình ảnh hoa đào gắn với sự xuất hiện của ông đồ và một nét đẹp văn hoá là thú chơi câu đối chữ Nho trong ngày tết của người Việt.  - Đến khổ thơ cuối, hình ảnh hoa đào lại xuất hiện, mùa xuân vẫn trở lại nhưng ông đồ thì vắng bóng. Cảnh vẫn là cảnh cũ, nhưng người xưa không còn, ông đồ và cả một thế hệ, cả những nét đẹp văn hoá truyền thống ấy đã trở thành dĩ vãng ... Điều này tăng sự hụt hẫng, tiếc nuối, làm ý thơ thêm da diết, xót xa và đầy day dứt ...  **B- Yêu cầu về kĩ năng**:  - HS biết trình bày thành bài văn ngắn nhưng bố cục hoàn chỉnh, mạch lạc  - Lập ý và trình bày ý rõ ràng, rành mạch.  - Diễn đạt trong sáng, văn có cảm xúc, có hình ảnh.  - Dùng từ đặt câu chuẩn xác.  ***( Nếu không đảm bảo yêu cầu này, GV tuỳ mức độ lỗi mà trừ điểm. Cần chú ý đến kĩ năng viết của HS, tránh đếm ý cho điểm***) | 0,5  1,25  1,25 |
| **Câu 3**  *12 điểm* | **A- Yêu cầu về kiến thức**:  ***1- HS giải thích được ý kiến***:  - Ý kiến trên đã khái quát toàn diện về nhân vật lão Hạc, về cả cuộc đời số phận và nhân phẩm.  - Cuộc đời lão Hạc khốn khổ ( thiếu thốn, đói khổ, túng quẫn về vật chất và đau khổ về cả tinh thần), tuy vậy, trong cái khổ ấy, lão vẫn sáng lên vẻ đẹp, đó là vẻ đẹp về nhân phẩm.  ***2- Phân tích nhân vật để làm sáng tỏ nhận định, và thấy được cách nhìn nhận về con người của Nam Cao***:  ***a- Cuộc đời, số phận của lão Hạc thật khốn khổ, thê thảm***:  ( HS phân tích được)  - Nỗi khổ vợ mất sớm, lão phải "gà trống nuôi con"  - Nỗi khổ vì nghèo: vì nghèo mà lão không lo được hạnh phúc ( cưới vợ) cho con trai, để con trai lão phải phẫn chí bỏ quê ra đi, lão thành ra mất con ...  - Lão lâm vào cảnh cô đơn, thui thủi một mình cùng nỗi dằn vặt, thương con  ( ***HS phân tích và bình những chi tiết lão Hạc kể về việc con bỏ đi đồn điền và lão khóc với ông giáo***.)  - Cuộc sống ngày càng quẫn bách, lão bị đói, phải bán con chó Vàng, sau đó quyết định tự tử bằng bả chó  + HS làm nổi bật ý này, phải bám vào bình được các chi tiết quan trọng khi lão Hạc tâm sự với ông giáo về đời mình "***Kiếp con chó là kiếp khổ ... ta hoá kiếp cho nó để nó làm kiếp khác sung sướng hơn chăng ... kiếp người như tôi chẳng hạn*** ..."  + Phân tích cái chết thê thảm, đau đớn của lão Hạc.  \* ***Khái quát***: HS phải nêu bật được nhân vật lão Hạc là điển hình cho những kiếp người sống lay lắt, không còn ra cuộc sống con người. Họ đã bị đẩy đến bước đường cùng quẫn, bế tắc. Đó là tình trạng "***Sống mòn***", tình trạng rất phổ biến đối với người nông dân thời trước cách mạng.  ***b- Vẻ đẹp nhân phẩm của lão Hạc*** ( Phần này là quan trọng hơn, cần làm nổi bật). Cần phân tích và bình để làm nổi bật những phẩm chất sau của lão Hạc:  - Lão rất yêu thương con, giàu đức hi sinh.  + Ân hận, day dứt khi không làm tròn trách nhiệm với con.  + Chắt chiu, gom góp từng li từng tí để dành tiền cho con, lo cho tương lai của con.  + Luôn thương nhớ con thắt gan thắt ruột.  + Chọn cái chết để giữ vườn cho con.  - Lão là người nhân hậu, vị tha, cao thượng:  + Yêu thương con chó Vàng.  + Không oán trách khi vợ ông giáo và Binh Tư nói những lời không tốt về mình.  - Lão là người luôn sống lương thiện, trong sạch, giàu lòng tự trọng. Dù cuộc sống quẫn bách và đến bước đường cùng, nhưng lão vẫn giữ mình trong sạch, không bao giờ làm điều sai trái.  ***\* Khái quát:***  - Vẻ đẹp nhân cách của lão Hạc là điển hình cho những phẩm chất tốt đẹp, cao quý của người nông dân.  - Những vẻ đẹp ấy thực sự xúc động lòng người và đáng khâm phục khi chúng ngời sáng trong hoàn cảnh sống tăm tối, thê thảm nhất. Hoàn cảnh sống nghiệt ngã có thể khiến con người tha hoá. Nhưng ở đây Nam Cao đã xây dựng lão Hạc với vẻ đẹp thánh thiện trong phẩm cách, tâm hồn để khẳng định bản chất tốt đẹp bền vững của người nông dân.  ***c- Nghệ thuật xây dựng nhân vật*** *( Nội dung này HS có thể lồng vào quá trình phân tích)*:  - Kết hợp miêu tả ngoại hình với miêu tả nội tâm nhân vật chân thực, tinh tế.  - Khắc hoạ được nhân vật điển hình trong hoàn cảnh điển hình.  - Ngôn ngữ được sử dụng linh hoạt, sắc sảo, ấn tượng.  ***d-Cách nhìn con người của Nam Cao***:  - Cảm thông, xót thương những kiếp người bất hạnh trong xã hội đương thời.  - Tin ở những phẩm chất tốt đẹp cao quý tiềm ẩn trong con người.  - Thái độ của nhà văn là trân trọng và tôn vinh con người ( Cụ thể là tôn vinh giá trị cao quý ở con người: nhân cách cao đẹp).  - Đề ra cách nhìn nhận đánh giá con người sao cho thoả đáng và nhân ái  ( Hai nhân vật vợ ông giáo và Binh Tư đã có cái nhìn không đúng về lão Hạc, chỉ dựa vào những biểu hiện bên ngoài và nhìn nhận một cách lạnh lùng ...)  - Đó chính là cái nhìn rất nhân văn về con người, làm nên giá trị nhân văn sâu sắc cho truyện ngắn.  **B- Yêu cầu về kĩ năng**:  - HS biết làm bài nghị luận tổng hợp, kết hợp nhuần nhuyễn giữa giải thích, chứng minh, bình luận, biết so sánh, liên hệ hợp lí.  - Xác lập và trình bày hệ thống luận điểm có trình tự, lập luận chặt chẽ, lôgíc. Biết cách đưa dẫn chứng, chọn lọc dẫn chứng tiêu biểu.  - Không diễn nôm ý văn, không sa đà vào kể lại truyện.  - Bố cục bài hoàn chỉnh. hợp lí.  - Diễn đạt trong sáng, rõ ràng, văn có cảm xúc.  - Dùng từ đặt câu chuẩn xác. | 1,0  3,0  1,0  3,0  1,0  1,0  2,0 |

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**Đề 18.**

**KÌ THI HỌC SINH GIỎI LỚP 8**

**Năm học: 2014 – 2015**

**Môn: Ngữ văn**

**Câu 1 (4 điểm):**

Phân tích biện pháp nghệ thuật được tác giả sử dụng trong hai câu thơ sau:

“Chiếc thuyền im bến mỏi trở về nằm  
 Nghe chất muối thấm dần trong thớ vỏ”

(*Quê hương*, Tế Hanh)

**Câu 2 (4 điểm):**  
 Hãy viết một đoạn văn nêu suy nghĩ của em từ nội dung câu văn sau:

“Giữa một vùng sỏi đá khô cằn, có những loài cây vẫn mọc lên và nở những chùm hoa thật đẹp.”

**Câu 3 (12 điểm):**  
 Nhận định về nhân vật lão Hạc trong truyện ngắn cùng tên của nhà văn Nam Cao, tác giả Hoàng Thị Thương trong *Vẻ đẹp con người* có viết:

***Tinh thần của lão Hạc mới kiên định làm sao! Như thành trì kiên cố xây bằng LÒNG TỰ TRỌNG và TÌNH THƯƠNG. Đói khổ, đớn đau không khuất phục nổi.***

Bằng hiểu biết về truyện ngắn “*Lão Hạc”* của Nam Cao, em hãy làm sáng tỏ nhận định trên.

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***Câu*** | **Nội dung cần đạt** | **Điểm** |
| ***1***  ***(4,0đ)***  ***2***  ***(4,0đ)*** | **\* Về nội dung**:  - Biện pháp nghệ thuật được sử dụng: nhân hóa, ẩn dụ  - Tác dụng:  + Không chỉ diễn tả hình ảnh con thuyền nằm im trên bến mà còn cảm thấy nó như đang lắng nghe, đang cảm nhận chất mặn mòi của biển cả. Hình ảnh con thuyền vô tri đã trở nên có hồn.  + Cũng như người dân chài, con thuyền lao động ấy cũng thấm đậm vị muối mặn của biển khơi, đó là sự vất vả nhưng tràn đầy hạnh phúc  + Câu thơ thể hiện sự tinh tế tài hoa và một tấm lòng gắn bó sâu nặng với con người, cuộc sống lao động của quê hương |  |
| **\* Về hình thức**: trình bày thành đoạn văn, diễn đạt lưu loát, văn viết có hình ảnh và cảm xúc  \* Về kiến thức:  - Giải thích khái quát ý nghĩa câu văn: từ sức sống của loài cây, khẳng định sức sống kì diệu của con người.  - Khẳng định: Môi trường khó khăn không khuất phục ý chí con người. Trong hoàn cảnh nghiệt ngã là lúc con người thể hiện nghị lực phi thường, sức chịu đựng và sức sống kì diệu nhất.  - Bàn luận: Nhiều khi sự gian khổ, khắc nghiệt của hoàn cảnh lại chính là môi trường để giúp con người tôi luyện, vững vàng hơn trong cuộc sống. Thành công mà con người đạt được thật có giá trị, thật rực rỡ vì nó là kết quả những cố gắng phi thường. |
|  | - Liên hệ, rút ra bài học…  \* Về kĩ năng: Viết đúng thể thức 1 đoạn văn, văn phong lưu loát giàu cảm xúc, trình bày sách đẹp; ít lỗi câu từ, chính tả |  |
| ***3***  ***(12,0đ)*** | **I. Về kĩ năng:**  - Nắm vững kĩ năng làm bài văn nghị luận dạng đề phân tích nhân vật để chứng minh một nhận định. Bố cục 3 phần rõ ràng, cân đối.  -Trình bày sạch đẹp; diễn đạt trôi chảy, hành văn mạch lạc; ít sai lỗi câu, từ, chính tả | 1,0  1,0 |
|  | **II. Về kiến thức:**  **1. Giới thiệu vấn đề** (có thể dẫn từ tác giả, tác phẩm, nhân vật hoặc một nội dung có liên quan) và dẫn nhận định.  **2. Giải thích nhận định** của tác giả Hoàng Thị Thương: khẳng định phẩm chất của nhân vật lão Hạc: **giàu lòng tự trọng và tình yêu thương.**  **3. Khái quát hoàn cảnh nhân vật lão Hạc**: là một người nông dân nghèo: sống cô đơn, cùng quẫn, chết một cách đau đớn, số phận của lão thê thảm.  **4. Phẩm chất của nhân vật**:  **a. Lão Hạc là một người cha giàu lòng yêu thương con.**  - Khi con trai không lấy được vợ phẫn chí bỏ đi, lão rất thương con; ngày đêm mong ngóng tin tức của con, lão day dứt vì chưa làm tròn bổn phận của người cha.  - Lão chăm sóc, yêu thương con Vàng vì một phần đó là kỉ vật con lão để lại, lão hi vọng ngày con trở về.  - Tình yêu thương con của lão Hạc được thể hiện rõ nhất qua việc: Lão tìm mọi cách để giữ lại mảnh vườn cho con trai, lão thà chết chứ nhất định không bán đi một sào.Tình cha con của lão Hạc là một tình cảm thiêng liêng và cảm động, lão đã chết để trọn đạo làm cha.  **b. Lão Hạc là một người nông dân giàu lòng tự trọng:**  - Lão không muốn phiền luỵ hàng xóm, đã nhịn đói để dành tiền nhờ hàng lo ma chay cho mình.  - Khi bị đẩy vào hoàn cảnh túng quẫn, lão không chấp nhận sự thương hại của mọi người. Lão đã từ chối mọi sự giúp đỡ của ông giáo.  - Lão lựa chọn cái chết một phần cũng vì lão không muốn sống cuộc sống bất lương như Binh Tư.  - Cái chết của lão xuất phát từ lòng tự trọng đáng kính.  **5. Đánh giá, tổng hợp**:  - Khẳng định những phẩm chất của lão Hạc ngời sáng trong hoàn cảnh tăm tối nhất; đói khổ, đớn đau không khuất phục nổi.  - Nghệ thuật xây dựng nhân vật của nhà văn: lựa chọn ngôi kể, miêu tả tâm lí nhân vật, ngôn ngữ kể chuyện…  - So sánh, đối chiếu, mở rộng các nhân vật khác.  =>Nhân vật đã góp phần thể hiện giá trị nhân đạo sâu sắc của tác phẩm.  **6. Liên hệ, rút ra bài học:**  \* Lưu ý: Hướng dẫn chấm chỉ nêu những ý cơ bản, trên cơ sở các gợi ý đó giám khảo có thể vận dụng linh họat để phát hiện những bài làm thể hiện tố chất của học sinh giỏi (*kiến thức vững chắc, năng lực cảm thụ sâu sắc, tinh tế, kĩ năng làm bài tốt…)*;  - Khuyến khích những bài làm có sự sáng tạo, có phong cách riêng song hợp lí. Có thể thưởng điểm cho các bài viết sáng tạo song không vượt quá khung điểm của mỗi câu theo quy định. | 0,5  0,5  0,5  3,5  3,5  1,0  0,5 |

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**Đề 19.**

**Câu 1. (8*,0 điểm*)** Vich-to Huy –gô cho rằng:

*“Con người sống không có tình thương cũng giống như vườn hoa không có ánh nắng mặt trời: không có gì đẹp đẽ và hữu ích có thể nảy nở trong đó được”.*

Suy nghĩ của em về ý kiến trên.

**Câu 3. (12 *điểm*)**Nhận xét về người nông dân trong văn học Việt Nam trước Cách mạng tháng 8-1945 có ý kiến cho rằng:

*“Người nông dân tuy nghèo khổ, lam lũ, ít học nhưng không ít tấm lòng”.*

Bằng hiểu biết của em về nhân vật Lão Hạc trong truyện ngắn cùng tên của nhà văn Nam Cao, hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.

------------------------------------------------

**HƯỚNG DẪN**

|  |  |
| --- | --- |
| Câu | Hướng dẫn chấm |
| 1 | **1.Giải thích.**  + Tình thương: lòng nhân ái, cảm thông, chia sẻ, giúp đỡ người khác.  + Vườn hoa: nơi nảy sinh, nơi hình thành cái tốt đẹp.  + Không ánh nắng mặt trời: không có ánh sáng, hơi ấm, không có nguồn sống.  + Không có gì: sự phủ định hoàn toàn và triệt để.  +Đẹp đẽ và hữu ích: cái đẹp và cái tốt, cái thiện, cái có ích.  + Nảy nở: nảy sinh, tồn tại và phát triển  => Tóm lại, nếu không có tình thương thì cuộc sống của con người sẽ không thể có được những điều tốt đẹp và có ích. Nói cách khác, tình thương chính là thứ sẽ làm nảy sinh tất cả những điều tốt đẹp cho cuộc sống. |
| **2. Bình luận**..  \*. Chứng minh vai trò của tình thương trong cuộc sống  - Trong cuộc sống, bên cạnh những người may mắn và hạnh phúc, còn có rất nhiều người gặp cảnh đau khổ, bất hạnh, luôn cần sự sẻ chia, giúp đỡ, cần tình thương yêu.  - Nếu thiếu tình thương, con người sẽ không thể làm được những điều tốt đẹp, hữu ích cho người khác: không biết quan tâm, giúp đỡ, chia sẻ và đồng cảm với người khác lúc họ gặp khó khăn, hoạn nạn; thậm chí còn làm những điều xấu xa, tàn ác khiến người khác phải chịu mất mát, đau khổ.  - Khi thiếu tình thương, con người cũng không thể tạo ra và gìn giữ được điều tốt đẹp cho chính mình (biến thành người vô cảm, tàn nhẫn và ích kỉ, xấu xa) và cho người khác.  - Ngược lại, con người có tình thương tạo ra nhiều điều tốt đẹp: sự đồng cảm, chia sẻ; sự bao dung,... Nói khác đi, tình thương là nền tảng nuôi dưỡng cho những phẩm chất, tình cảm, suy nghĩ tốt đẹp khác của con người.  \*Bình luận .  Trong câu nói, Huy-gô có cái nhìn đầy tính nhân văn, vừa rất mực tin yêu cuộc sống vừa tỉnh táo, sâu sắc.  + Trong xã hội ngày nay, có nhiều người biết mở rộng vòng tay yêu thương và nhân ái làm sáng ngời truyền thống “tương thân tương ái”, “thương người như thể thương thân”, “lá lành đùm lá rách” của dân tộc... Những người như thế đáng được ngợi ca và tôn vinh.  + Song bên cạnh đó, vẫn còn có bao kẻ vô tâm, vô cảm, ích kỉ và xấu xa, độc ác để thỏa mãn những dục vọng tầm thường, đê hèn. Chúng phải bị lên án và trừng trị nghiêm khắc. |
|  | **3.Bài học.**  - Cuộc sống chỉ trở nên tốt đẹp và có ý nghĩa khi con người biết yêu thương, chia sẻ, cảm thông với những số phận bất hạnh  -Hãy yêu thương người khác . Đó là cách chăm sóc khu vườn tâm hồn của mỗi người. |
| 3 | \* Về kĩ năng: Hiểu đúng yêu cầu của đề bài. Biết cách làm bài nghị luận văn học dạng giải thích chứng minh nhận định . Bố cục rõ ràng. Lập luận chặt chẽ. Không mắc lỗi diễn đạt, chính tả, dùng từ, ngữ pháp.  \* Về nội dung:  - Học sinh có thể trình bày theo những cách khác nhau nhưng phải làm sáng tỏ vấn đề nghị luận. Dù triển khai theo trình tự nào cũng cần đạt được các ý sau. |
| ***1.Mở bài****.*  - Dẫn dắt , nêu vấn đề nghị luận, trích dẫn ý kiến, nêu phạm vi dẫn chứng. |
| ***2.Thân bài****.*  a. Giải thích.  - Khái quát hình ảnh người nông dân trước cách mạng tháng 8: Họ có cuộc ***sống nghèo khổ lam lũ, ít học***, một cổ hai tròng: *Chị Dậu*- Tắt đèn- Ngô tất Tố, anh Pha trong *Bước đường cùng* – Nguyễn Công Hoan, *Lão Hạc, Chí Phèo*- Nam Cao nhưng họ ***không ít tấm lòng***. Dù cuộc sống và số phận có đẩy họ vào bước đường cùng nhưng họ không ít tấm lòng- giàu tình yêu thương, lòng tự trọng, cứng cỏi mạnh mẽ, nhân hậu… Dù có phải chết, người nông dân vẫn giữ được phẩm tốt đẹp của mình.  - *Lão Hạc* là tác phẩm xuất sắc của Nam cao viết về đề tài người nông dân. Từ cuộc đời của Lão Hạc , Nam Cao đã thể hiện chân thực cảm động về số phận đau thương , cuộc sống nghèo khổ lam lũ ít học nhưng vẫn sáng ngời phẩm chất lương thiện, tốt đẹp. Lão là *con người không chỉ khổ mà còn rất đẹp*.( Quế Hương)  b. Chứng minh.  *\* Lão Hạc là người nông dân nghèo khổ lam lũ ít học.*  - Cảnh ngộ của Lão Hạc thật bi thảm: Nhà nghèo, vợ chết, hai cha con lão sống lay lắt rau cháo qua ngày.  - Vì nghèo nên lão cũng không đủ tiền cưới vợ cho con nên khiến con trai lão phải bỏ đi làm ở đồn điền cao su.  - Chính vì nghèo khổ nên ông không có điều kiện học hành vì thế mà lão không biết chữ, mỗi lần con trai viết thư về lão lại phải nhờ ông giáo đọc hộ và cả đến khi muốn giữ mảnh vườn cũng lại nhờ ông giáo viết văn tự hộ.  - Sự túng quẫn ngày càng đe dọa lão nên sau trận ốm kéo dài, không có việc, rồi bão ập đến phá sạch hoa màu…không lấy tiền đâu để nuôi con Vàng nên lão đã phải dằn lòng quyết định bán cậu Vàng – kỉ vật mà đứa con trai lão để lại.  - Lão sống đã khổ chết cũng khổ.  ***(Hs lấy dẫn chứng phân tích, chứng minh)***  *\*. Lão Hạc là người nông dân nghèo khổ nhưng không ít tấm lòng. Lão là một người cha vô cùng thương con, một người nhân hậu và giàu tự trọng.*  - Lão Hạc rất yêu con: +cả đời yêu con một cách thầm lặng, chả thế mà từ ngày vợ chết lão ở vậy nuôi con đến khi trưởng thành. Lão chắt chiu dè sẻn để có tiền lo cưới vợ cho con ấy vậy mà cả đời dành dụm cũng không đủ vì thế mà khi chứng kiến nỗi buồn nỗi đau của con lão luôn day dứt đau khổ. ***(HS lấy dẫn chứng chứng minh)***  + Thương con lão chọn cho mình một cách hi sinh, đặc biệt là hi sinh cả mạng sống của mình cho con***.*** Mọi hành động của lão đều hướng về con. Lão chọn cái chết để giữ tài sản cho con để trọn đạo làm cha  - Nhân hậu: Vì yêu và thương con nên khi xa con tình yêu con của lão được thể hiện gián tiếp qua việc chăm sóc con chó- kỉ vật mà đứa con để lại. Lão vô cùng đau đớn dằn vặt khi bán con chó vàng. Qua đó thấy được tấm lòng nhân hậu của lão***( HS lấy dẫn chứng chứng minh)***  - Tự trọng:  + Tuy lão nghèo nhưng không hèn. Lão từ chối mọi sự giúp đỡ của ông Giáo...  + . Lão đã lựa chọn đạo lí: chết trong còn hơn sống đục***. (HS lấy dẫn chứng chứng minh)***  - Qua cuộc đời khốn khổ và phẩm chất cao quý của lão Hạc nhà văn đã thể hiện tấm lòng yêu thương trân trọng đối với người nông dân.  *\*. Nghệ thuật*  - Truyện được kể ở ngôi thứ nhất người kể chuyện là ông Giáo làm câu chuyện dẫn dắt tự nhiên sinh động hấp dẫn  - Nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật qua ngôn ngữ độc thoại nội tâm. |
|  | c. Đánh giá**.**  - Nhận xét trên hoàn toàn xác đáng . Lão Hạc có thể xem là nhân vật đẹp nhất đời Nam Cao. Bởi lão còm cõi xơ xác chịu nhiều đau thương, bất hạnh nhưng chưa bao giờ vì hoàn cảnh mà tha hoá thay đổi bản chất tốt đẹp lương thiện của mình.. Nam Cao đã phản ánh số phận bi thảm của người nông dân, ca ngợi phẩm chất , trân trọng yêu thương và tố cáo xã hội gây ra những bất hạnh cho họ. lão hạc tiêu biểu cho ***“Người nông dân tuy nghèo khổ, lam lũ, ít học nhưng không ít tấm lòng”.*** |
|  | ***3.Kết luận.***   * Khẳng định và nâng cao vấn đề nghị luận.   ***\*Lưu ý*** : Trên chỉ là những gợi ý. Khuyến khích những bài viết sáng tạo. |

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

***ĐỀ 20.***

**KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI CẤP HUYỆN**

**MÔN THI: NGỮ VĂN 8**

*Thời gian làm bài 150 phút*

**Câu 1** (4.0 điểm) a. Cho đoạn thơ sau:

***Lom khom*** *dưới núi, tiều vài chú,*

***Lác đác*** *bên sông, chợ mấy nhà.*

*Nhớ nước, đau lòng con* ***quốc quốc****,*

*Thương nhà, mỏi miệng cái* ***gia gia****.*

(*Qua Đèo Ngang* / Bà Huyện Thanh Quan)

Trong các từ in đậm trên, từ nào là từ tượng thanh, từ nào là từ tượng hình? Các từ này có tác dụng gì trong việc gợi tả cảnh vật Đèo Ngang lúc chiều tà.

b. Xác định và phân tích giá trị biểu đạt của câu nghi vấn trong khổ thơ sau:

*Năm nay đào lại nở/ Không thấy ông đồ xưa,*

*Những người muôn năm cũ/ Hồn ở đâu bây giờ?*

(*Ông đồ* / Vũ Đình Liên)

**Câu 2** (6.0 điểm)

“*Phải bé lại, lăn vào lòng một người mẹ, áp mặt vào bầu sữa nóng của người mẹ, để bàn tay người mẹ vuốt ve từ trán xuống cằm, và gãi rôm ở sống lưng cho, mới thấy người mẹ có một dịu êm vô cùng*”.

a. Câu văn trên là lời của nhân vật nào? trong tác phẩm nào? của ai?

b. Qua câu văn trên, em cảm nhận được gì ở tâm trạng, tình cảm của nhân vật dành cho mẹ? (Trả lời ngắn gọn, không phân tích).

c. Từ ý nghĩa của câu văn trên, hãy viết một đoạn văn (khoảng từ 10 – 20 câu) bày tỏ suy nghĩ của em về vai trò của người mẹ đối với tuổi thơ của mỗi con người.

**Câu 3** (10 điểm)

Trong truyện ngắn *Lão Hạc* của Nam Cao, nhân vật ông giáo đã từng có lúc thất vọng thốt lên “*Cuộc đời quả thật cứ mỗi ngày một thêm đáng buồn…*” nhưng cuối cùng, ông giáo đã vỡ lẽ nhận ra “*Không! Cuộc đời chưa hẳn đáng buồn, hay vẫn đáng buồn nhưng lại đáng buồn theo một nghĩa khác*”.

Điều gì khiến ông giáo từng thất vọng rồi vỡ lẽ như vậy và điều đó có ý nghĩa gì?

Phân tích nhân vật Lão Hạc để trả lời câu hỏi trên.

--------------------------------------------- Hết -------------------------------------------

**I. Đáp án và thang điểm**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **Ý** | **Yêu cầu** | **Điểm** |
| **1** | a | - Từ tượng hình: *lom khom, lác đác*. Từ tượng thanh: *quốc quốc, gia gia.*  - Tác dụng: gợi cảnh Đèo Ngang vắng vẻ, hoang sơ, hiu hắt buồn lúc chiều tà. | 1  1 |
| b | - Câu nghi vấn: “*Hồn ở đâu bây giờ?*”  - Giá trị biểu đạt: là câu hỏi nhưng mục đích chủ yếu là bộc lộ cảm xúc tiếc nuối, bâng khuâng vì sự vắng bóng của một lớp người, sự tàn lụi của một phong tục, một truyền thống văn hóa từng gắn bó lâu đời với dân tộc. | 1  1 |
| **2** | a | Câu văn được trích là lời của nhân vật bé Hồng trong tác phẩm *Những ngày thơ ấu* của Nguyễn Hồng. | 1 |
| b | Câu văn thể hiện tâm trạng vui mừng, xúc động mãnh liệt và tình cảm yêu thương tha thiết của nhân vật với người mẹ bất hạnh. | 1 |
| c | **\* Về kỹ năng**:  - Biết cách viết một đoạn văn nghị luận, văn phong trong sáng, lập luận chặt chẽ, viết có cảm xúc.  - Viết đúng hình thức, quy cách của một đoạn văn; đúng yêu cầu về dung lượng đã cho trong đề bài.  **\* Về nội dung**: Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo nhiều cách nhưng dù theo cách nào thì các câu trong đoạn văn đều phải liên kết, thống nhất xoay quanh chủ đề: vai trò của người mẹ với tuổi thơ của mỗi người. Dưới đây là một số gợi ý định hướng chấm bài:  - Tâm tư tình cảm của nhân vật bé Hồng trong câu văn đã nói lên vai trò to lớn của người mẹ với mỗi người, nhất là với tuổi thơ.  - Vai trò của người mẹ với tuổi thơ của mỗi con người. | 1  3 |
| **3** | a | **Về kỹ năng**  - Biết cách viết bài văn phân tích nhân vật trong tác phẩm tự sự theo định hướng (Phân tích nhân vật Lão Hạc theo hướng chú trọng, lí giải vấn đề đặt ra trong đề bài).  - Văn phong trong sáng, bố cục bài viết mạch lạc, lập luận chặt chẽ, biết chọn lựa những chi tiết đặc sắc để bình. |  |
| b | **Về kiến thức**  \* ***Mở bài***: giới thiệu được tác giả, tác phẩm và nhân vật Lão Hạc.  \* ***Thân bài***  - Lão Hạc là nhân vật chính, được tái hiện qua lời kể của nhân vật ông giáo; là lão nông nghèo, có hoàn cảnh éo le: vợ chết, con trai phải đi kiếm sống ở xa, lão sống một mình với con chó vàng, sống bằng bòn vườn và làm mướn.  - Lão Hạc là người hiền lành, chân chất, thương con hết mực: đau xót khi con trai phẫn chí bỏ làng ra đi; chăm nuôi con chó, dành dụm tiền cũng vì con;…  - Lão Hạc là người giàu lòng tự trọng. Lão cảm thấy ăn năn khi nỡ “lừa dối một con chó”. Dù nghèo túng, lão vẫn từ chối sự giúp đỡ của ông giáo, quyết không bán vườn, ăn lạm vào phần của con, …  - Là lão nông hiền lành, giàu lòng tự trọng nhưng vẻ đẹp tâm hồn của Lão Hạc thường khuất lấp mà nếu không “cố mà tìm hiểu”, ít ai nhận ra vẻ đẹp ấy.  + Trong hoàn cảnh cùng đường, để giữ mảnh vườn cho con, lão xin bả chó của Binh Tư tìm cái chết nhưng lại nói dối là để đánh bả chó. Điều này khiến ngay cả ông giáo, người gần gũi với Lão Hạc cũng phải thất vọng vì lầm tưởng là lão tha hóa.  + Cái chết của lão khiến ông giáo đã vỡ lẽ và nhận thấy “cuộc đời chưa hẳn đã đáng buồn” nhưng “lại đáng buồn theo một nghĩa khác”. “Chưa hẳn đáng buồn” vì lão Hạc thà chết chứ nhất định không theo gót Binh Tư nhưng cái chết của lão lại phản ánh một thực trạng buồn về số phận, thân phận con người trong xã hội cũ.  - Qua nhân vật Lão Hạc, tác phẩm ca ngợi vẻ đẹp, phản ánh tình cảnh của người nông dân trong xã hội cũ. Đồng thời, sự chuyển biến nhận thức từ thất vọng đến vỡ lẽ của ông giáo trong cách nhìn về LH đã đặt ra những bài học sâu sắc về cách nhìn đời, cách sống.  \* ***Kết bài***: thí sinh có thể khái quát, tóm lược toàn bộ nội dung trình bày ở phần thân bài. | 0.5  1  2  2  2  1  1  0.5 |

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

***ĐỀ 21***

ĐỀ THI CHỌN H.S.G LỚP 8(VÒNG 1)

NĂM HỌC : 2018-2019

MÔN : NGỮ VĂN

*Thời gian : 150 phút(Không kể thời gian giao đề)*

**ĐỀ BÀI**

**Câu 1 :** *(3 điểm)*  
Đọc câu chuyện sau và nêu suy nghĩ của em bằng một đoạn văn khoảng 10 câu:   
 Có người cha mắc bệnh rất nặng. Ông gọi hai người con trai đến bên giường và ân cần nhắc nhở: “Sau khi cha qua đời,hai con cần phân chia tài sản một cách thỏa đáng, đừng vì chuyện đó mà cãi nhau nhé!”   
 Hai anh em hứa sẽ làm theo lời cha . Khi cha qua đời họ phân chia tài sản làm đôi.   
Nhưng sau đó người anh cho rằng người em chia không công bằng và cuộc tranh cãi nổ ra. Một ông già thông thái đã dạy cho họ cách chia công bằng nhất: Đem tất cả đồ đạc ra   
cưa đôi thành hai phần bằng nhau tuyệt đối. Hai anh em đã đồng ý.   
 Kết cục tài sản đã được chia công bằng tuyệt đối nhưng đó chỉ là đống đồ bỏ đi.

.  
**Câu 2 :** *(2 điểm)*Có ý kiến cho rằng : "Bài thơ Nhớ rừng của Thế Lữ ( Ngữ văn 8, tập 2 )tràn đầy cảm xúc lãng mạn".Em hãy cho biết cảm xúc lãng mạn được thể hiện trong bài thơ như thế nào ?

**Câu 3:** *(5 điểm)*

Trong tác phẩm “Lão Hạc”, Nam Cao viết:

**“…***Chao ôi* ! *Đối với những người sống quanh ta , nếu ta không cố mà tìm hiểu họ, thì ta chỉ thấy họ gàn dở, ngu ngốc, bần tiện, xấu xa, bỉ ổi…toàn những cớ để cho ta tàn nhẫn; không bao giờ ta thấy họ là những người đáng thương; không bao giờ ta thương*…*cái bản tính tốt của người ta bị những nỗi lo lắng*

*, buồn đau, ích kỉ che lấp mất…”*

Em hiểu ý kiến trên như thế nào ? Từ các nhân vật: Lão Hạc,ông giáo, vợ ông giáo ,Binh Tư trong tác phẩm “Lão Hạc” ,em hãy làm sáng tỏ nhận định trên.

.**HƯỚNG DẪN CHẤM – BIỂU ĐIỂM**

|  |  |
| --- | --- |
| **CÂU** | YÊU CẦU-NỘI DUNG CẦN ĐẠT |
| **Câu 1 :**  ***(3điểm)*** | - Trên đời này không tồn tại sự công bằng tuyệt đối. Nếu lúc nào cũng tìm kiếm sự công bằng thì kết cục chẳng ai được lợi gì.  - Sự công bằng chỉ tồn tại trong trái tim chúng ta . Trong bất cứ chuyện gì đừng nên tính toán quá chi li.  - Nhường nhịn chính là tạo nên sự công bằng tuyệt đối |
| **Câu 2 :**  ***(2 điểm)*** | Nêu được nội dung cơ bản sau:  - Bài thơ “Nhớ rừng” là bài thơ hay của Thế Lữ, nhưng cũng là bài thơ hay của phong trào Thơ Mới. Điểm nổi bật của tâm hồn lãng mạn là giàu mộng tưởng, khát vọng và cảm xúc. Người nghệ sỹ lãng mạn Việt Nam trước cách mạng tháng Tám-1945 cảm thấy cô đơn, tù túng trong xã hội bấy giờ nhưng bất lực, họ chỉ còn biết tìm cách thoát li thực tại ấy bằng chìm đắm vào trong đời sống nội tâm tràn đầy cảm xúc. Tâm hồn lãng mạn ưa thích sự độc đáo, phi thường, ghét khuôn khổ, gò bó và sự tầm thường. Nó có hứng thú giãi bầy những cảm xúc thiết tha mãnh liệt, nhất là nỗi buồn đau.  - Cảm xúc lãng mạn trong bài thơ nhớ rừng được thể hiện khá rõ ở những khía cạnh sau: (1điểm).  + Hướng về thế giới mộng tưởng lớn lao, phi thường tráng lệ bằng một cảm giác trào dâng mãnh liệt. Thế giới ấy hoàn toàn đối lập với thực tại tầm thường, giả dối. Trong baì thơ, thế giới mộng tưởng chính là cảnh đại ngàn hùng vĩ và kèm theo đó là cảnh oai hùng của chúa sơn lâm.  + Diễn tả thấm thía nỗi đau trong tinh thần bi tráng, tức là nỗi uất ức xót xa của hòm thiêng khi sa cơ lỡ vận. |
| **Câu 3:**  ***(5điểm)*** | **A.Yêu cầu chung:**  ***Thể loại*:** Giải thích kết hợp chứng minh.  ***Nội dung****:*Cách nhìn, đánh giá con người cần có sự cảm thông, trân trọng con người.  **Yêu cầu cụ thể**  **1.Mở bài:**  -Dẫn dắt vấn đề:Con người là tổng hòa của các mối quan hệ xã hội nên việc đánh giá con người phải có sự tìm hiểu cụ thể.  -Đặt vấn đề:Cách nhìn, đánh giá con người qua câu nói trên.  **2.Thân bài(4 điểm)**  ***a. Giải thích nội dung của đoạn văn:***  + Lời độc thoại của nhân vật “Ông giáo”- thông qua nhân vật này- tác giả Nam Cao thể hiện cách nhìn, đánh giá đầy sự cảm thông, trân trọng con người:  - Phải đem hết tấm lòng của mình, đặt mình vào hoàn cảnh của họ để cố mà tìm hiểu, xem xét con người ở mọi bình diện thì mới có được cái nhìn đầy đủ, chắt gạn được những nét phẩm chất đáng quý của họ, nếu chỉ nhìn phiến diện thì sẽ có ác cảm hoặc những kết luận sai lầm về bản chất của con người.  ***b. Chứng minh ý kiến trên qua các nhân vật:***  + Lão Hạc: Thông qua cái nhìn của các nhân vật (trước hết là ông giáo), lão Hạc hiện lên với những việc làm, hành động bề ngoài có vẻ gàn dở, lẩm cẩm  - Bán một con chó mà cứ đắn đo, suy nghĩ mãi. Lão Hạc sang nhà ông giáo nói chuyện nhiều lần về điều này làm cho ông giáo có lúc cảm thấy ***“nhàm rồi”.***  - Bán chó rồi thì đau đớn, xãt xa, dằn vặt như mình vừa phạm tội ác gì lớn lắm.  - Gửi tiền, giao vườn cho ông giáo giữ hộ, chấp nhận sống cùng cực, đói khổ: ăn sung, rau má, khoai, củ chuối…  - Từ chối gần như hách dịch mọi sự gióp đỡ.  - Xin bả chó.  + Vợ ông giáo: nhìn thấy ở lão Hạc một tính cách gàn dở ***“Cho lão chết ! Ai bảo lão có tiền mà chịu khổ ! Lão làm lão khổ chứ ai…”,*** vô cùng bực tức khi nhìn thấy sự rỗi hơi của ông giáo khi ông đề nghị giúp đỡ lão Hạc **“*Thị gạt phắt đi”.***  + Binh Tư: Từ bản tính của mình, khi nghe lão Hạc xin bả chó, hắn vội kết luận ngay “Lão…cũng ra phết chứ chả vừa đâu”.  + Ông giáo có những lúc không hiểu lão Hạc: “Làm quái gì một con chó mà lão có vẻ băn khoăn quá thế ?”, thậm chí ông cũng chua chát thốt lên khi nghe Binh Tư kể chuyện lão Hạc xin bả chó về để **“*cho nó xơi một bữa…lão với tôi uống rượu*”: “*Cuộc đời cứ mỗi* *ngày càng thêm đáng buồn…”***Nhưng ông giáo là người cã tri thức, có kinh nghiệm sống, có cái nhìn đầy cảm thông với con người, lại chịu quan sát, tìm hiểu, suy ngẫm nên phát hiện ra được chiều sâu của con người qua những biểu hiện bề ngoài:  - Ông cảm thông và hiểu vì sao lão Hạc lại không muốn bán chó: Nó là một người bạn của lão, một kỉ vật của con trai lão; ông hiểu và an ủi, sẻ chia với nỗi đau đớn, dằn vặt của lão Hạc khi lão khóc thương con chó và tự xỉ vả mình. Quan trọng hơn, ông phát hiện ra nguyên nhân sâu xa của việc gửi tiền, gửi vườn, xin bả chã, cái chết tức tưởi của lão Hạc: Tất cả là vì con, vì lòng tự trọng cao quý. ông giáo nhìn thấy vẻ đẹp tâm hồn của lão Hạc ẩn giấu đằng sau những biểu hiện bề ngoài có vẻ gàn dở, lập dị.  - Ông hiểu và cảm thông được với thái độ, hành động của vợ mình: Vì quá khổ mà trở nên lạnh lùng, vô cảm trước nỗi đau đồng loại **“…*Vợ tôi không ác, nhưng thị khổ quá rồi. Một ngưêi đau chân cã lóc nào quên được cái chân đau của mình để nghĩ đến một cái gì khác* *đâu ?* *cái bản tính tốt của ngưêi ta bị những nỗi lo lắng, buồn đau, ích kỉ che lấp mất…”* . ông biết vậy nên “*Chỉ buồn chứ không nì giận*”.**  → Ông giáo là nhân vật trung tâm dẫn dắt câu chuyện, từ việc miêu tả các nhân vật mà quan sát, suy ngẫm để rồi rót ra những kết luận cã tính chiêm nghiệm hết sức đóng đắn và nhân bản về con người. Có thể nói tác giả đã hóa thân vào nhân vật này để đưa ra những nhận xét, đánh giá chứa chan tinh thần nhân đạo về cuộc đời , con người. Đây là một quan niệm hết sức tiến bộđịnh hướng cho những sáng tác của nhà văn sau này.  **3.Kết bài:**  -Khẳng định tính triết lí của câu nói trên. Đó cùng là quan niệm sống,tình cảm của tác giả.  -Suy nghĩ của bản thân em... |

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

***ĐỀ 22***

**ĐỀ THI HỌC SINH GIỎI THCS**

**NĂM HỌC 2017 - 2018**

**MÔN: NGỮ VĂN 8**

*(Thời gian làm bài: 150 phút)*

**Câu 1:** Em hãy phân tích giá trị của biện pháp tu từ trong những câu thơ sau đây:

“Chiếc thuyền im bến mỏi trở về nằm

Nghe chất muối thấm dần trong thớ vỏ”

*(Quê hương- Tế Hanh)*

**Câu 2:** Hãy trình bày ngắn gọn những ấn tượng của em về tình yêu thương con người trong truyện ngắn “Chiếc lá cuối cùng” của O Hen-ri.

**Câu 3:** “Ông giáo không phải là nhân vật trung tâm, sự hiện diện của ông giáo làm cho “Bức tranh quê” càng thêm đầy đủ.”

Qua nhân vật lão Hạc, ông giáo trong truyện ngắn “Lão Hạc” của Nam Cao, em hãy làm sáng tỏ nhận xét trên.

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

***Câu 1: 2 điểm***

**1.Về kỹ năng:**

* Bài viết có bố cục 3 phần: Mở bài, thân bài, kết bài rõ ràng, mạch lạc
* Diễn đạt lô gic trong sáng không sai lỗi chính tả.

**2.Về nội dung:** HS có thể cảm nhận phân tích giá trị của biện pháp tu từ trong câu thơ theo cách riêng của mình, song cần đạt đươch các ý sau:

* Hình ảnh con thuyền “nghỉ ngơi” sau chuyến ra khơi vất vả thực sự là một sáng tạo nghệ thuật độc đáo. Nó là một biểu tượng đẹp của làng chài, của những cuộc đời trải qua bao phong sương thử thách, bao dạn dày sóng gió.
* Con thuyền được nhân hóa như một con người cụ thể có tâm hồn và những cảm xúc sâu lắng. Nhà thơ không chỉ quan sát thấy con thuyền “nghỉ ngơi” sau một ngày làm việc mà còn cảm nhận được sự mệt mỏi của nó.
* Không những vậy qua nghệ thuật ẩn dụ chuyển đổi cảm giác ở từ “nghe”, tác giả cảm thấy con thuyền như đang lắng nghe “chất muối”- hương vị mặn mòi của biển như đang “ thấm dần trong thớ vỏ” của chính mình. Hình ảnh *tĩnh* nhưng thực ra nó vẫn đang chuyển động. Vì vậy hình ảnh con thuyền vốn vô tri bỗng trở nên rắn rỏi, từng trải và có hồn hơn. Bến quê trở thành một mảnh tâm hồn của đứa con li hương.

**3. Thang điểm:**

* Cho 2 điểm: khi đảm bảo được các yêu cầu trên, phân tích được giá trị tu từ sâu sắc tinh tế.
* Cho 1 điểm khi đáp ứng được ½ yêu cầu trên, hiểu ý nhưng diễn đạt chưa thật lưu loát.
* Cho 0 điểm khi hiểu sai đề, sai lạc về nội dung và phương pháp.

***Câu 2: 2 điểm***

**A. Yêu cầu:** HS trình bày ngắn gọn mạch lạc, rõ ràng theo các ý sau:

- Ấn tượng sâu sắc về tình yêu thương con người trong chuyện “ Chiếc lá cuối cùng” của O Hen- ri: Là tình yêu thương giữa những họa sỹ tuy nghèo về vật chất nhưng tâm hồn thật cao cả đã làm nên vẻ đẹp và tính nhân văn sâu sắc cho tác phẩm.

- Biểu hiện:

+ Tình bạn thắm thiết keo sơn giữa Xiu với Giôn-xi

+ Tình đồng loại cao cả của cụ Bơ-men.

**B.Thang điểm:**

* Cho 2 điểm: khi đảm bảo được các yêu cầu trên, cảm thụ sâu sắc, tinh tế. Diễn đạt trong sáng, giàu cảm xúc.
* Cho 1 điểm khi đáp ứng được một phần yêu cầu trên, hiểu ý nhưng diễn đạt chưa thật lưu loát.
* Cho 0 điểm khi hiểu sai đề, sai lạc về nội dung.

***Câu 3: 6 điểm***

A. Về kĩ năng:

* Bài viết có bố cục 3 phần: Mở bài, thân bài, kết bài rõ ràng, mạch lạc
* Giọng văn có cảm xúc, có sức thuyết phục
* Xác định đúng kiểu bài. Diễn đạt lôgic, trong sáng không sai lỗi chính tả.

B. Về nội dung:

**I. Giới thiệu nhân vật và vị trí của nhân vật trong truyện: (0,5điểm)**

+ Câu chuyện chủ yếu kể về số phận của lão Hạc, thông qua những suy tư nội tâm và những cuộc trò chuyện giữa lão Hạc và ông giáo.

+ Ông giáo vừa là nhân vật, vừa là người dẫn chuyện, tuy không phải là nhân vật trung tâm nhưng góp phần làm cho “ Bức tranh quê” thêm sinh động đầy đủ.

+ “ Bức tranh quê” đó là bức tranh về những con người trước Cách mạng tháng Tám: Vừa buồn bã, bi thương, ảm đạm vừa ánh lên những vẻ đẹp nhân tính, làm cho người ta tin yêu cuộc sống.

**II. Chứng minh: (5 điểm)**

***1.“ Bức tranh quê” về những con người có số phận buồn bã, bi thương, ảm đạm:*** (2,5 điểm)

a. Nhân vật lão Hạc: Một con người có số phận nghèo khổ bất hạnh

- Tài sản: 3 sào vườn, 1 túp lều, 1 con chó vàng.

- Gia cảnh: vợ chết, cảnh gà trống nuôi con, lần hồi làm thuê kiếm sống. Vì không có tiền cưới vợ cho con để con phải bỏ đi làm phu đồn điền, lão sống trong cảnh côi cút.

- Cuộc sống của lão ngày càng bế tắc, cùng quẫn hơn và phải kết thúc bằng một cái chết bi thảm.

-> Lão Hạc là nhân vật điển hình cho những người nông dân trước cách mạng tháng Tám bị bần cùng hoá.

b. Nhân vật ông giáo:

Là người nhiều chữ nghĩa, hiểu biết nhưng gia cảnh cùng quẫn, phải bán cả những quyển sách quý của mình để mưu sinh.

-> Cuộc sống của ông giáo được đặt trong mối quan hệ với lão Hạc, vợ của ông, với Binh Tư, con trai lão Hạc. Ta thấy đó là những cảnh đời tuy khác nhau nhưng đều khốn khổ, cùng quẫn, khổ nhục: Lão Hạc phải tự tử; Ông giáo phải bán đi những quyển sách quý; Vợ ông bị mối lo, buồn đau, ích kỉ che lấp mất bản chất tốt đẹp; Con trai lão Hạc phải đi tha hương cầu thực không hẹn ngày về; Binh tư phải lấy trộm cắp làm nghề nghiệp. Họ đều bị dồn đẩy đến những bước đường cùng không lối thoát, hay sống trong cảnh lay lắt.

***2. “ Bức tranh quê” vẫn sáng ngời những vẻ đẹp nhân tính, làm cho người ta thấy tin yêu cuộc sống.*** (2,5 điểm)

a- Nhân vật lão Hạc:

\* Một con người chất phác, hiền lành, nhân hậu:

- Lão Hạc là người thương con hết lòng (dẫn chứng)

- Lão Hạc có lòng nhân hậu sâu sắc (dẫn chứng)

\* Một con người luôn sống trong sạch, giàu lòng tự trọng (dẫn chứng)

b. Nhân vật ông giáo: là người có lòng cảm thông và nhân hậu sâu sắc.

- Thương lão Hạc như thương thân: trò chuyện, động viên an ủi lão, chờ mong con lão.

- Lén vợ giúp đỡ lão Hạc.

- Cảm thông cho sự ích kỉ của vợ.

- Thầm hứa sẽ thực hiện ước nguyện của lão Hạc.

-> Những tình cảm và phẩm cao đẹp của những con người trong “Bức tranh quê” khiến ta thêm cảm động và kính phục họ biết bao. Họ đã làm sáng lên niềm tin của con người vào cuộc sống tương lai.

Qua đó cũng khiến ta hiểu hơn về nông thôn Việt Nam, con người Việt Nam, cả những nỗi đau khổ, nghiệt ngã của kiếp sống, cả những vẻ đẹp trong sáng, cao cả của tâm hồn, của lương tri.

\* Phần mở bài, kết bài mỗi phần cho 0,25 điểm

**Lưu ý:** *tuỳ mức độ trong cách trình bày, diễn đạt mà giám khảo linh hoạt cho điểm. Không nên chỉ điếm ý cho điểm mà cần chú ý đến sự sáng tạo, cách diễn đạt, lập luận của HS. Khuyến khích HS biết cảm thụ, liên hệ, mở rộng và tư duy của cá nhân.*

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

***ĐỀ 23***

**ĐỀ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI LỚP 8**

**Môn: Ngữ văn**

*Thời gian làm bài: 150 phút*

*(không kể thời gian giao đề)*

**Câu 1 (2,0 điểm):**

X¸c ®Þnh c©u nghi vÊn trong c¸c ®o¹n sau. Nh÷ng c©u nghi vÊn ®ã ®­îc dïng lµm g×?

a) *Hìi ¬i L·o H¹c! Th× ra ®Õn lóc cïng, l·o còng cã thÓ lµm liÒu nh­ ai hÕt. Mét ng­êi nh­ thÕ Êy!. Mét ng­êi ®· khãc v× trãt lõa mét con chã! Mét ng­êi nhÞn ¨n ®Ó tiÒn l¹i lµm ma, bëi kh«ng muèn liªn luþ ®Õn hµng xãm, l¸ng giÒng. Con ng­êi ®¸ng kÝnh Êy b©y giê còng theo gãt Binh T­ ®Ó cã ¨n ­? Cuéc ®êi qu¶ thËt cø mçi ngµy mét thªm ®¸ng buån.*

(Nam Cao, *L·o H¹c*)

*b)* *Nµo ®©u nh÷ng ®ªm vµng bªn bê suèi*

*Ta say måi ®øng uèng ¸nh tr¨ng tan?*

*§©u n÷ng ngµy m­a chuyÓn bèn ph­¬ng ngµn*

*Ta lÆng ng¾m giang san ta ®æi míi?*

*§©u nh÷ng b×nh minh c©y xanh n¾ng géi,*

*TiÕng chim ca giÊc ngñ ta t­ng bõng?*

*§©u nh÷ng chiÒu lªnh l¸ng m¸u sau rõng*

*Ta ®îi chÕt m¶nh mÆt trêi gay g¾t,*

*§Ó ta chiÕm lÊy riªng phÇn bÝ mËt?*

*- Than «i! Thêi oanh liÖt nay cßn ®©u?*

(ThÕ L÷ , *Nhí rõng*)

**Câu 2 (6,0 điểm):**

Trình bày suy nghĩ của em về ý kiến sau đây của Các Mác: *“Tình bạn chân chính là viên ngọc quý”.*

**Câu 3 (12,0 điểm):**

Suy ngẫm về giá trị đích thực của một tác phẩm văn chương, nhà văn Nam Cao khẳng định:

*“Một tác phẩm thật giá trị, phải vượt lên trên tất cả các bờ cõi và giới hạn, phải là một tác phẩm chung cho cả loài người. Nó phải chứa đựng một cái gì lớn lao, mạnh mẽ…. Nó ca tụng lòng thương, tình bác ái, sự công bình…Nó làm cho người gần người hơn”.*

Qua truyện ngắn “*Lão Hạc*”- Nam Cao, em hãy phân tích làm sáng tỏ nhận định trên. **---- Hết ----**

**ĐÁP ÁN BIỂU ĐIỂM MÔN NGỮ VĂN 8**

**Câu 1:**

- C¸c c©u nghi vÊn: *(1,0 ®iÓm)*

+ a) *Con ng­êi ®¸ng kÝnh Êy b©y giê còng theo gãt Binh T­ ®Ó cã ¨n ­?*

+ b) C¸c c©u trong khæ th¬ ®Òu lµ c©u nghi vÊn (trõ th¸n tõ: *Than «i*!)

- C¸c c©u nghi vÊn trªn dïng ®Ó: *(1,0 ®iÓm)*

+ (a): Béc lé t×nh c¶m, c¶m xóc (sù ng¹c nhiªn).

+ (b): Mang ý phñ ®Þnh; béc lé t×nh c¶m, c¶m xóc.

**Câu 2:**

**A. Yêu cầu:**

***\* Về nội dung:***

Học sinh có thể trình bày những cách suy nghĩ khác nhau xung quanh vấn đề cần nghị luận, có thể có những cách lập luận khác nhau, nhưng về cơ bản phải hướng đến những ý sau:

***I. Mở bài:*** Dẫn dắt nêu vấn đề cần nghị luận

***II.  Thân bài:***

*1. Giải thích nội dung câu nói:*

Ngọc là một loại đá - kim loại rất cứng, màu sắc óng ánh tuyệt đẹp, rất quý hiếm; quý hiếm hơn cả vàng, thường được chế tác thành đồ nữ trang, pho tượng. Ngọc có nhiều loại, đủ màu sắc như hồng ngọc, bạch ngọc, ngọc lam, ngọc phỉ thúy, bích ngọc, ngọc trai. Các vua chúa ngày xưa hay dùng ngọc để làm quốc ấn. quốc bảo - biểu tượng cho vương triều.

Tình bạn chân chính là tình bạn trong sáng, tâm đầu ý hợp, thủy chung, hết lòng yêu thương nhau, tôn quý nhau; không vụ lợi, không dung tục tầm thường.

Các Mác dùng lời nói so sánh *“tình bạn chân chính là viên ngọc quý"* nhằm hình tượng hóa, cụ thể hóa tình bạn chân chính là tình bạn đẹp, tình bạn quý, rất đáng trân trọng, ngợi ca.

*2. Vì sao “tình bạn chân chính là viên ngọc quý?".*

Bạn chân chính yêu thương nhau, quý trọng nhau như anh em ruột thịt, cùng chung chí hướng, giúp đỡ nhau học hành, làm ăn. Bạn chân chính sẽ cùng nhau chia ngọt sẽ bùi với nhau, nghèo khổ, hoạn nạn có nhau, hết lòng giúp đỡ lần nhau vượt qua vận hạn. Bạn chân chính vào sinh ra tử có nhau, nghèo khổ, vinh hiển đều gắn bó với nhau, trọn đời sắt son chung thủy. Tình bạn tri âm, tri kí, tình bạn chiến đâu, tình đồng chí... là viên ngọc quý, sáng trong mãi trong cõi đời.

Sống trong tình bạn chân chính, ai cũng tự hào cảm thấy mình vô cùng hạnh phúc, “lớn lên” trong cuộc đời, tự tin trước mọi gian nan thử thách.

*3.  Nêu một số dẫn chứng về tình bạn chân chính:*

Bá Nha - Tứ Kì. Lưu Bình - Dương Lễ, Mác - Ang-ghen,... là những gương sáng tuyệt đẹp về tình bạn chân chính thủy chung.

*4. Bài học rút ra:*

Tình bạn có một sức mạnh tinh thần to lớn động viên mỗi người trong cuộc sống. Làm cho mối quan hệ giữa con người với con người tốt đẹp hơn vì thế ta cần trân trọng, giữ gìn, bảo về tình bạn và cần mở rộng những tình bạn tốt.

Tuy nhiên, tình bạn lệch lạc có thể dẫn đến hành động xấu: bao che khuyết điểm cho nhau, bè phái, hội hè ăn chơi, sa ngã,… chỉ làm hại nhau. Vì thế cần biết chọn bạn mà chơi.

*“Tình bạn chân chính là viên ngọc quý”*. Để giữ gìn nó con người cần luôn cố gắng rèn luyện tấm lòng chân thành, thẳng thắn, khoan dung và vượt qua tự ái. Mỗi tình bạn chúng ta gìn giữ được sẽ trở thành một bản nhạc tuyệt vời trong cuộc hoà âm bởi những tình cảm cao đẹp của nhân loại.

***\* Về phương pháp:***

Học sinh biết cách làm bài nghị luận xã hội: bố cục rõ ràng, mạch lạc, lập luận chặt chẽ, giàu sức thuyết phục, dẫn chứng cụ thể, sinh động, không mắc lỗi diễn đạt, chính tả.

**Câu 3:**

**A. Yêu cầu:**

***\* Về nội dung:***

***I, Mở bài:*** *(0,5 điểm) :* Giới thiệu vấn đề nghị luận:

- Giới thiệu những hiểu biết về tác giả Nam Cao: con người, tài năng, phong cách, đóng góp và vị trí trên văn đàn đặc biệt trong trào lưu hiện thực phê phán.

- Thành công xuất sắc của Nam Cao là truyện ngắn, được tập trung vào hai đề tài chính: người nông dân nghèo và người trí thức nghèo giai đoạn trước 1945.

- Nam Cao xuất hiện trên văn đàn và nổi tiếng trong lịch sử văn học không chỉ để lại những sáng tác bất hủ mà còn để lại những suy nghĩ sâu sắc về văn học và nghề văn.

- Xuất xứ của câu nói: Nhân vật Hộ (nói thay cho tác giả) trong tác phẩm *“Đời thừa”* (Đăng lần đầu trên Tuần báo *“Tiểu thuyết thức bảy”* số 490 ngày 4/12/1943) là một trong những sáng tác đặc sắc, tiêu biểu nhất của nhà văn hiện thực lớn Nam Cao.

***II. Thân bài:*** *(11,0 điểm)*

*1.Giải thích nội dung nhận định:* (*1,0 điểm)*

- *“Một tác phẩm thật giá trị”*, có thể hiểu là một tác phẩm văn học chân chính, một tác phẩm nghệ thuật lớn, có giá trị (nhận thức, giáo dục, thẩm mĩ, …).

- *“là một tác phẩm vượt lên trên tất cả bờ cõi, giới hạn, phải là tác phẩm chung cho cả loài người”:* Đó là sức sống của tác phẩm văn học. Tác phẩm văn học vượt lên giới hạn không gian, thời gian.

- “*Nó phải chứa đựng một cái gì lớn lao mạnh mẽ*”: Phải đặt được những vấn đề lớn lao chính là nội dung phản ánh hiện thực của tác phẩm và tình cảm của nhà văn trước hiện thực ấy.

*“Nó ca tụng lòng thương, tình bác ái, sự công bình…Nó làm cho người gần người hơn ".* Đây là giá trị nhân đạo và chức năng nhân đạo hóa con người của tác phẩm văn học. Đó là điều cốt lõi, là hạt nhân cơ bản của một tác phẩm có giá trị.

- Cách diễn đạt: “Một tác phẩm *thật giá trị … phải … phải là … Nó … vừa … vừa … Nó …. Nó …”* là yêu cầu khắt khe và nghiêm túc của Nam Cao với *“một tác phẩm thật giá trị”* và cũng là biểu hiện đa dạng, phong phú của giá trị văn chương chân chính.

*2. Chứng minh :*

- Luận điểm 1: Phân tích giá trị hiện thực và nhân đạo cao cả của truyện ngắn Lão Hạc – Nam Cao. *(7,0 điểm)*

- Luận điểm 2: Tác động về nhận thức, giáo dục,... của tác phẩm đó đối với bạn đọc. *(2,0 điểm)*

- Luận điểm 3: Khái quát, mở rộng: *(1,0 điểm)*

+ Khái quát giá trị nghệ thuật và nội dung chính của truyện ngắn Lão Hạc. So sánh với một số sáng tác khác của Nam Cao viết về đề tài người nông dân, người trí thức, từ đó khẳng định sức sống của tác phẩm Nam Cao

+ Quan điểm nghệ thuật đặc biệt tiến bộ và sâu sắc của nhà văn Nam Cao, lúc nào ông cũng hết sức trung thành với các tuyên ngôn của mình.

+ Chính vì thế, ý kiến của Nam Cao càng thấm thía và đầy sức thuyết phục lớn đối với mọi người, đó cũng là bài học sâu sắc cho các nhà văn và cả những người làm văn hôm nay và mai sau.

**C, Kết bài:** *(0,5 điểm)*

- Khẳng định lại vấn đề nghị luận:

+ Giữa quan niệm sáng tác và quá trình sáng tác của Nam Cao luôn có sự thống nhất.

+ Khẳng định câu nói của Nam Cao: *“Một tác phẩm thật có giá trị, phải vượt lên bên trên tất cả các bờ cõi và giới hạn, phải là một tác phẩm chung cho cả loài người. Nó phải chứa đựng một cái gì lớn lao, mạnh mẽ, vừa đau đớn lại vừa phấn khởi. Nó ca tụng lòng thương, tình bác ái, sự công bình…Nó làm cho người gần người hơn”* là đúng. Quan niệm đúng đã tạo nên những thành công của Nam Cao.

***\* Về phương pháp:***

Học sinh biết cách làm bài nghị luận về tác phẩm truyện. Văn viết trôi chảy, cảm xúc, thể hiện được tư chất văn chương, không mắc lỗi diễn đạt, dùng từ, chính tả…

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

***ĐỀ 24***

**ĐỀ THI HSG MÔN NGỮ VĂN 8**

**NĂM HỌC 2015 - 2016**

**Thời gian: 120 phút**

**Câu 1:** (*4.0 điểm*)

Đọc đoạn thơ sau và trả lời các câu hỏi:

*Bầm ơi có rét không bầm,*

*Heo heo gió núi, lâm thâm mưa phùn*

*Bầm ra ruộng cấy bầm run*

*Chân lội dưới bùn, tay cấy mạ non*

*(****Bầm ơi****,* Tố Hữu*)*

a. Chỉ ra từ ngữ địa phương có trong đoạn thơ và tìm từ ngữ toàn dân tương ứng?

b. Xác định và phân tích ngắn gọn tác dụng của việc sử dụng từ láy ở đoạn thơ trên?

**Câu 2:** *(6.0 điểm)*

Ph. Ăng - ghen cho rằng: *"Trang bị quý nhất của một người là khiêm tốn và giản dị."*

Bằng một bài văn ngắn, em hãy trình bày suy nghĩ của mình về ý kiến trên.

**Câu 3:** *(10.0 điểm)*

Nhận xét về truyện ngắn "*Lão Hạc*", nhà phê bình văn học Văn Giá cho rằng :

" *Từ việc miêu tả hoạt động của các nhân vật, Nam Cao đã gián tiếp đưa ra tình thế lựa chọn đối với lão Hạc...Đó là một lựa chọn tột cùng đau đớn của thân phận con người. Ý nghĩa câu chuyện chủ yếu được phát sáng từ điểm then chốt này."*

Qua truyện ngắn "*Lão Hạc"* của nhà văn Nam Cao, em hãy làm sáng tỏ những ***tình thế lựa chọn*** ấy.

------------------ **HẾT** ------------------

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **Ý** | **Yêu cầu** | **Điểm** |
| **1** | **a** | - Từ ngữ địa phương trong đoạn thơ: "Bầm"  - Từ ngữ toàn dân tương ứng: "Mẹ" | 1.0 |
| **b** | - Các từ láy: *heo heo, lâm thâm*  - Tác dụng của việc sử dụng từ láy:  + Hai từ láy "heo heo" và "lâm thâm" gợi tả một không gian quạnh vắng, heo hút, lạnh lẽo. Cái rét như thấu vào da thịt theo từng đợt gió luồn qua vách núi, phả ra đồng ruộng và trở nên tê tái hơn qua màn mưa phùn dày đặc. Giữa khung cảnh vắng lặng và thời tiết khắc nghiệt ấy, thấp thoáng hình ảnh người mẹ nông dân tần tảo, lam lũ lội xuống lớp bùn lạnh buốt, cần mẫn cắm từng nhánh mạ non.  + Đoạn thơ là lời tự bạch, tự hỏi lòng mình, thể hiện nỗi nhớ cồn cào, da diết, niềm xót xa, thương yêu, kính trọng của nhà thơ với "bầm". Và đó cũng là tình cảm đối với tất cả người mẹ Việt Nam "anh hùng, bất khuất, trung hậu, đảm đang". | 1.0  2.0 |
| **2** |  | **Về kỹ năng** |  |
|  | - Biết cách viết một bài văn nghị luận xã hội.  - Bố cục ba phần, bài viết mạch lạc, lập luận chặt chẽ, lí lẽ thuyết phục; không mắc các lỗi chính tả, diễn đạt... |  |
|  | **Về nội dung** |  |
|  | *Thí sinh có thể viết bài theo nhiều cách, dưới đây là những gợi ý định hướng chấm bài*: |  |
|  | ***a. Mở bài:*** Dẫn dắt vấn đề nghị luận và trích nguyên văn câu nói của Ph. Ăng - ghen. | 0.5 |
|  | ***b. Thân bài:*** | 5.0 |
|  | **\* *Giải thích:***  - *Khiêm tốn:* Là thái độ hòa nhã, nhún nhường, luôn tự cho mình là kém, cần phải học hỏi thêm.  - *Người khiêm tốn* là những người: luôn có ý thức học hỏi, tôn trọng người khác; không khoe khoang, tự mãn; luôn biết lắng nghe để tự hoàn thiện mình; dè dặt, nhã nhặn khi nhận những lời khen...  - *Giản dị:* Là đơn giản và bình dị, giản dị đối lập với cầu kì.  - *Người giản dị* là những người*:* không cầu kì, kiểu cách; không phô trương; luôn hướng tới sự hài hòa giữa mình và mọi người xung quanh.  *=>* Câu nói củaPh. Ăng - ghen khẳng định: hành trang không thể thiếu và đáng quý nhất của mỗi người trong cuộc sống là đức tính khiêm tốn và giản dị. | 1.0 |
|  | **\* *Bàn luận:*** Câu nói đưa ra một quan niệm hoàn toàn đúng. Vì:  - Người khiêm tốn bao giờ cũng dễ hòa đồng với những người xung quanh. Bởi tâm lý chung của con người là không thích thói hung hăng, kiêu ngạo, tự phụ, chuộng những người ham học hỏi, từ tốn, điềm đạm.  - Khiêm tốn rất cần thiết vì sự hiểu biết của con người hữu hạn trong khi tri thức của nhân loại là vô hạn. Khi khiêm tốn con người sẽ luôn có ý thức học hỏi để ngày càng tiến bộ, hoàn thiện bản thân.  - Khiêm tốn không hạ thấp con người, trái lại nó nâng con người lên.  --> Khiêm tốn là một phẩm chất rất cần thiết giúp con người thành công trong cuộc sống.  - Giản dị, ngoài việc giúp con người dễ hòa đồng, chiếm được cảm tình của số đông còn giúp con người tiết kiệm thời gian chăm sóc bản thân, có thêm thời gian làm việc; tiết kiệm tiền của, vật chất...  *(Kết hợp bàn bạc, đánh giá với những dẫn chứng trong văn học, trong cuộc sống)* | 2.5 |
|  | **\* *Mở rộng, nâng cao vấn đề:***  - Phê phán những người kiêu căng, tự mãn hoặc có lối sống quá cầu kì, phô trương hay xa hoa, lãng phí.  - Khiêm tốn không đồng nghĩa với tự ti, bởi tự ti là tự hạ thấp giá trị của mình, đánh mất niềm tin vào bản thân mình.  - Giản dị không đồng nghĩa với xuyềnh xoàng, vì xuyềnh xoàng là thiếu sự chăm sóc bản thân và thiếu tôn trọng người khác. | 1.0 |
|  | ***\*Bài học nhận thức:***  - Câu nói của Ph.Ăng - ghen ngắn gọn và gợi nhiều suy nghĩ cho người đọc. Nó giúp con người nhận thức được rằng: để hạn chế những vấp ngã, thất bại, con người cần phải rèn luyện cho mình những phẩm chất cần thiết, trong đó có đức tính khiêm tốn và giản dị. | 0.5 |
|  | ***c. Kết bài:***  ***-*** Khẳng định khiêm tốn, giản dị là những đức tính quý báu của con người.  - Liên hệ, rút ra bài học cho bản thân. | 0.5 |
| **3** |  | **Về kĩ năng** |  |
|  | - Biết cách viết một bài văn nghị luận văn học. Bố cục bài viết sáng rõ, các luận điểm liên kết mạch lạc, liên kết chặt chẽ; văn phong trong sáng, có cảm xúc,…  - Biết kết hợp nhuần nhuyễn giữa kiến thức lí luận và năng lực cảm thụ văn học. |  |
|  | **Về kiến thức** |  |
|  | *Thí sinh có thể sắp xếp các luận điểm trong bài viết theo nhiều cách nhưng về cơ bản, cần đảm bảo những nội dung sau:*  ***a. Mở bài:***  - Dẫn dắt vấn đề, trích dẫn ý kiến.  - Giới thiệu truyện ngắn " Lão Hạc" của Nam Cao (gắn với ý kiến ở đề bài). | 1.0 |
|  | ***b.******Thân bài :*** | 8.0 |
|  | ***\*Giải thích chung về ý kiến:***  -***Tình thế*** là một sự kiện đặc biệt của đời sống được nhà văn sáng tạo trong tác phẩm (truyện ngắn)***.*** Tại sự kiện này, nhân vật phải đưa ra hành động, sự ***lựa chọn*** và quyết định cuối cùng.  - Việc xây dựng ***tình thế*** là một trong những điểm quan trọng nhất (***điểm then chốt***) của quy trình sáng tạo một truyện ngắn. Qua đó, nội dung tư tưởng, chủ đề của tác phẩm được "phát sáng", thể hiện một cách đầy đủ nhất.  - "Lão Hạc" của Nam Cao là một truyện ngắn tiêu biểu trong cách xây dựng tình thế. Nhà văn đã đặt lão Hạc vào những ***tình thế lựa chọn*** khá quyết liệt trước khi đi đến quyết định dứt khoát. Từ đây, bản chất, tâm trạng hay tính cách, số phận của nhân vật hiện lên rõ nét nhất. Đồng thời, tư tưởng, tình cảm của tác giả cũng được bộc lộ trọn vẹn. | 1.0 |
|  | ***\* Chứng minh:***  -Khái quát hoàn cảnh khổ cực, bất hạnh của lão. | 1.0 |
|  | - Xây dựng nhân vật lão Hạc, Nam Cao đã đặt nhân vật của mình vào trong ***tình thế lựa chọn***:  +***Tình thế 1****:* Lão Hạc phải lựa chọn giữa việc bán hay không bán  "cậu Vàng". Tình thế ấy khiến lão Hạc đau khổ, dày vò, tâm trạng nặng trĩu .- > Đó chính là lúc tình yêu con, thương con sâu sắc, âm thầm cùng với lòng nhân hậu của lão được bộc lộ rõ nhất. | 2.5 |
|  | ***+ Tình thế 2:***Lão Hạc phải trực tiếp lựa chọn giữa sự sống và cái chết. Lão đã âm thầm chuẩn bị để đi đến quyết định đó (nhờ ông giáo giữ mảnh vườn và 30 đồng bạc, lão phải ăn sung luộc, củ ráy..., xin Binh Tư bả chó rồi tự tử). Đó là ***một sự lựa chọn tột cùng trong đau đớn,*** trong nỗi bất lực, bế tắc, tuyệt vọng bị đẩy đến bước đường cùng không lối thoát của người nông dân trong xã hội phong kiến. Chính tình thế này đã bộc lộ sâu sâu sắc lòng tự trọng của một lão nông nghèo khổ mà sống trong sạch và có tình phụ tử thiêng liêng, cao quý. Nó cũng là dấu lặng cảm xúc, tạo ra giá trị hiện thực sâu sắc cho tác phẩm. | 3.0 |
|  | **\* Đánh giá chung:**  - Hai ***tình thế lựa chọn*** trên đã góp phần thể hiện được số phận khổ đau, bộc lộ những vẻ đẹp đáng trọng của nhân vật lão Hạc (giàu lòng tự trọng, lương thiện, trong sạch và tình yêu thương con sâu nặng), niềm cảm thông sâu sắc của tác giả đối với người nông dân Việt Nam trước cách mạng tháng Tám. Cùng với việc xây dựng tình thế, truyện ngắn còn rất thành công trong nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật . Tất cả tạo nên sức hấp dẫn cho tác phẩm cũng như thể hiện tài năng văn học, tâm hồn của người cầm bút. | 0.5 |
|  | ***c. Kết bài:***  - Khẳng định lại giá trị của việc xây dựng tình thế truyện và sức sống bền vững của tác phẩm.  - Liên hệ : ý nghĩa, bài học cho người sáng tác và người tiếp nhận. | 1.0 |
| **Tổng điểm toàn bài:** | | | **20.0** |

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**ĐỀ 25**

**ĐỀ KHẢO SÁT CHẤT LƯỢNG HỌC SINH GIỎI HUYỆN**

MÔN: **NGỮ VĂN** -LỚP **8**

Thời gian làm bài: 150 phút

Đề gồm 01 trang

**Câu 1.** (4 điểm)

Đọc đoạn văn sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

“Dưới gốc tre, tua tủa những mầm măng. Măng trồi lên nhọn hoắt như mũi gai khổng lồ xuyên qua đất lũy mà trỗi dậy, bẹ măng bọc kín thân cây non, ủ kĩ như áo mẹ trùm lần trong lần ngoài cho đứa con non nớt. Ai dám bảo thảo mộc tự nhiên không có tình mẫu tử?”

*(Lũy làng - Ngô Văn Phú)*

a. Tìm những từ thuộc trường từ vựng “cây tre” có trong đoạn văn trên.

b. Xác định câu nghi vấn trong đoạn văn và nêu rõ chức năng của câu nghi vấn đó.

c. Trong đoạn văn trên tác giả sử dụng những biện pháp nghệ thuật nào? Phân tích tác dụng của các biện pháp nghệ thuật đó.

**Câu 2.** (6 điểm)

Có ý kiến cho rằng: “Giá trị của con người không phải là được thể hiện ở ngoại hình, hay không chỉ đơn giản là trình độ học vấn, địa vị trong xã hội; mà nó được thể hiện rõ nhất bằng lòng tự trọng của con người”.

Em hãy viết đoạn văn bày tỏ suy nghĩ về lòng tự trọng.

**Câu 3.** (10 điểm)

Có ý kiến cho rằng: “*Dù được sáng tác theo trào lưu lãng mạn hay hiện thực, những trang viết của những nhà văn tài năng và tâm huyết đều thấm đượm tinh thần nhân đạo sâu sắc”*

Qua các văn bản “Tức nước vỡ bờ” của Ngô Tất Tố và văn bản “Lão Hạc” của Nam Cao em hãy làm sáng tỏ ý kiến trên?

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

**Câu 1.** (4 điểm)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| CÂU | NỘI DUNG | ĐIỂM |
| A | Những từ thuộc trường từ vựng “cây tre”: gốc(tre), mầm măng, măng, lũy, bẹ măng, thân cây. | 0.5 |
| B | - Câu nghi vấn: Ai dám bảo thảo mộc tự nhiên không có tình mẫu tử?  - Chức năng: Khẳng định | 0.5 |
| C | - Trong đoạn văn tác giả đã sử dụng các biện pháp tu từ: đảo ngữ, so sánh kết hợp nhân hóa. | 0.5 |
| Nghệ thuật đảo ngữ: “tua tủa những mầm măng” nhấn mạnh số lượng nhiều và sự vươn lên đầy sức sống của những mầm măng. | 0.5 |
| - Nghệ thuật so sánh: “Măng trồi lên nhọn hoắt như mũi gai khổng lồ xuyên qua đất lũy mà trỗi dậy” kết hợp nghệ thuật nhân hóa “măng trồi lên” “mũi gai…trỗi dậy” nhấn mạnh sự vươn lên, trỗi dậy đầy sinh lực của những măng tre. | 0.5 |
| - Nghệ thuật so sánh: “Bẹ măng bọc kín thân cây non, ủ kĩ như áo mẹ trùm lần trong lần ngoài cho đứa con non nớt” làm nổi bật đặc điểm của măng tre, gợi sự bao bọc tình nghĩa để vươn lên mạnh mẽ. | 0.5 |
| - Sự kết hợp các biện pháp nghệ thuật làm cho lời văn sinh động, gợi cảm khiến sự vật hiện lên như con người mạnh mẽ, tình nghĩa. | 0.5 |
| - Qua đó ta thấy được sự quan sát tinh tế và tài năng nghệ thuật của tác giả. | 0.5 |

**Câu 2.** (6 điểm)

**Yêu cầu chung:**

-Về nội dung: hiểu được vấn đề nghị luận, có kĩ năng vận dụng các thao tác lập luận, diễn đạt trôi chảy, có cảm xúc.

-Về hình thức: Biết trình bày một đoạn văn nghị luận phù hợp với yêu cầu của đề bài.

**Lưu ý**: Đề bài không hạn định số câu. Song, vì là một đoạn, thí sinh phải biết cân đối cho phù hợp với yêu cầu đề bài. Nếu đủ ý nhưng chỉ có tính chất điểm ý, không có dẫn chứng, quá ngắn, diễn đạt không hay, không cho điểm tối đa. Không đếm ý cho điểm. Ngược lại thí sinh viết quá dài dòng, lan man trừ 0,5đ kĩ năng.

**Yêu cầu cụ thể:**

|  |  |
| --- | --- |
| **NỘI DUNG** | **ĐIỂM** |
| **1. Giới thiệu nội dung nghị luận** | 0.5 |
| **2. Giải thích**  Lòng tự trọng là ý thức coi trọng và giữ gìn phẩm cách, danh dự của bản thân, coi trọng giá trị của bản thân | **0.5** |
| **3. Bàn luận**  Chấp nhận các cách triển khai khác nhau, song cần chú ý bám sát và làm rõ định hướng bàn luận.  - Biểu hiện của lòng tự trọng: (1,0 điểm)  + Có suy nghĩ, hành động và cách ứng xử đúng với lương tâm và đạo lí.  + Nói đi đôi với làm  + Khi có khuyết điểm chân thành sửa sai và nhận lỗi. Nhìn thẳng vào hạn chế của mình khi không đủ khả năng đảm đương một công việc. Luôn có ý thức tự giác vươn lên để khẳng định mình ngay cả khi gặp khó khăn, trắc trở.  + Chú ý cả đên lời nói khi giao tiếp.  - Vai trò của lòng tự trọng: (1,5 điểm)  + Luôn giúp ta tự tin vào việc mình làm, luôn chủ động vững vàng trong mọi công việc, sẵn sang đối mặt với những khó khăn thử thách.  + Luôn giúp ta lạc quan, yêu đời  + Luôn giúp ta được mọi người tôn trọng  + Góp phần xây dựng xã hội văn minh.  - Cần phân biệt tự trọng với tự cao, tự đại (0,5 điểm)  - Phê phán những con người thiếu lòng tự trọng: lười lao động, học tập, sống lợi dụng, dựa dẫm, gặp khó khăn thì nản chí, nản lòng…đánh mất nhân cách của bản thân. (0,5 điểm) | **3.5** |
| **4. Bài học nhận thức và hành động.**  + Để xây dựng lòng tự trọng bản thân mỗi con người phải luôn có ý thức học tập và rèn luyện, nói phải đi đôi với làm.  + Rèn luyện lòng tự trọng là đấu tranh với chính bản thân mình để có suy nghĩ và hành động đúng đắn.  + Gia đình, nhà trường cần giáo dục cho con em mình lòng tự trọng để có thái độ sống tốt.  **Lưu ý:** *Học sinh không viết thành đoạn văn hoàn chỉnh chỉ cho tối đa 3 điểm. Nếu học sinh viết thành bài văn hoàn chỉnh thì trừ ít nhất 2 điểm.* | **1.5** |

**Câu 3.** (10 điểm)

|  |  |
| --- | --- |
| **I. Yêu cầu chung**  - Về nội dung: Hiểu yêu cầu đề bài, nắm vững tác phẩm, biết phân tích theo định hướng, văn viết mạch lạc, có cảm xúc.  - Về hình thức: Trình bày ý rõ ràng, biết cân đối với hai câu trên. |  |
| **II. Yêu cầu cụ thể**  Chấp nhận trình tự, cách thức khai triển khác nhau, miễn là thí sinh có ý thức bám sát và làm sáng rõ định hướng sau: |  |
| **1. Mở bài:** Dẫn dắt giới thiệu vấn đề nghị luận, trích dẫn và giới hạn vấn đề | **(0,5đ)** |
| **2. Thân bài**  **2.1. Giải thích ý kiến**  *\* Học sinh cần giải thích được ý của nhận định*  - Tinh thần nhân văn nhân đạo: là nói đến mối quan hệ tốt đẹp giữa con người với con người, những gì vì con người cho con người cho những điều tốt đẹp của bản thân mỗi người. Thường thể hiện ở tiếng nói yêu thương, trân trọng con người, ca ngợi vẻ đẹp của tình người và sự cảm thông với những số phận khổ đau bất hạnh đồng thời lên án phê phán tố cáo cái xấu, cái ác, ngọn nguồn của những đau khổ bất hạnh..  - Ý kiến muốn khẳng định: Trong sáng tác văn học các trào lưu lãng mạn và hiện thực chủ nghĩa có cách thức và nội dung phản ánh hiện thực khác nhau nhưng trên những trang viết các nhà văn tài năng đều thể hiện tinh thần nhân đạo sâu sắc.... | **0.5**  **0.5** |
| **2. 2. Chứng minh*:*** |  |
| **a. Giới thiệu ngắn gọn chung về Nam Cao và Ngô Tất Tố cùng hai văn bản để thấy đây là hai nhà văn tài năng và tâm huyết và khẳng định với những cách khác nhau hai văn bản đều tỏa sáng tinh thần nhân văn nhân đạo**  - Nam Cao và Ngô Tất Tố đều là những nhà văn tài năng và tâm huyết của văn học hiện thực của văn học Việt Nam giai đoạn 1930-1945.  + Nam Cao được bạn đọc yêu mến bởi những trang viết chân thực và sâu sắc về người nông dân nghèo đói bị vùi dập và người trí thức cùng phẫn phải sống mòn, bế tắc trong xã hội cũ...Truyện ngắn “Lão Hạc” là truyện tiêu biểu...  + Ngô Tất Tố được coi là “nhà văn của nông dân” là một nhà văn am tường trên nhiều lĩnh vực nghiên cứu, học thuật sáng tác. Văn bản “ Tức nước vỡ bờ” là trang viết sinh động trong Tiểu thuyết “Tắt đèn” nổi tiếng của ông....  - Bằng hai cách viết khác nhau nhưng cùng theo trào lưu hiện thực văn bản “Lão hạc” của Nam Cao và “Tức nước vỡ bờ” của Ngô Tất Tố đều là những trang viết thấm đẫm tinh thần nhân đạo của những nhà văn tài năng và tâm huyết: Đó là tiếng nói đồng cảm với nỗi khổ đau của người nông dân trong xã hội cũ, trân trọng ngợi ca vẻ đẹp của người nông dân và lên án tố cáo các thế lực tàn ác đẩy người nông dân vào bần cùng, khổ đau bất hạnh... | **(1,5 đ)**  0, 25đ  0,5đ  0,5đ  0,25đ |
| **b. Phân tích, chứng minh tinh thần nhân đạo trong hai văn bản “Lão Hạc” và “Tức nước vỡ bờ”.**  *b.1. Thứ nhất tinh thần nhân đạo thể hiện tiếng nói cảm thông với những khổ đau bất hạnh của con người:*  **\* Truyện “ Lão Hạc**”  + Nam Cao cảm thương cho Lão Hạc một lão nông dân nghèo khổ bất hạnh, đáng thương sống trong thời kì thực dân phong kiến (HS đưa dẫn dẫn chứng về nỗi khổ vật chất, tinh thần của Lão Hạc)  + Cảm thông với tấm lòng của người cha rất mực yêu thương con luôn vun đắp dành dụm những gì có thể có để con có cuộc sống hạnh phúc...  **\* Văn bản“ Tức nước vỡ bờ”**  - Ngô Tất Tố đã thấu hiểu, cảm thông sâu sắc về tình cảnh cơ cực, bế tắc của người nông dân qua tình cảnh thê thảm đáng thương của gia đình chị Dậu trong buổi sáng lúc bọn tay sai ập đến ( HS đưa dẫn chứng về tình thế, hoàn cảnh của gia đình chị Dậu)  *b.2. Tinh thần nhân đạo ấy còn được thể hiện qua lời ngợi ca trân trọng, tin tưởng những phẩm chất tốt đẹp của con người..*  + Với “Lão Hạc” Nam Cao đã trân trọng ngợi ca lão Hạc lão nông dân nghèo khổ nhưng có phẩm chất vô cùng cao đẹp: tấm lòng đôn hậu, trái tìm giàu tình yêu thương, lối sống tự trọng (HS đưa dẫn chứng phân tích làm rõ lời ngợi ca của tác giả với Lão Hạc)  + Trong “Tức nước vỡ bờ” Ngô Tất Tố với tinh thần nhân đạo của nhà văn đầy tâm huyết đã phát hiện và ngợi ca tâm hồn cao đẹp của chị Dậu người phụ nữ nông dân Việt Nam hiền lành chất phác nhưng giàu tình yêu thương chồng con với tinh thần phản kháng mãnh liệt (HS đưa dẫn dẫn chứng về sự ngợi ca về tình yêu thương chồng con của chị Dậu và sự phản kháng của chị Dậu..)  *b.3. Tinh thần nhân đạo ấy thể hiện qua tiếng nói lên án phê phán cái xấu cái ác, sự bất công ngọn nguồn của những khổ đau bất hạnh đối với con người.*  - Văn bản “Lão Hạc” gián tiếp tố cáo xã hôi phong kiến với hủ tục, với chính sách thuế khóa nặng nề khiến con trai Lão Hạc vì nhà nghèo mà không lấy được vợ phải phẫn chí bỏ đi làm đồn điền cao su để Lão Hạc phải sống trong cảnh tuổi già cô đơn không người chăm sóc.(HS đưa dẫn chứng)  - Với “Tức nước vỡ bờ” Ngô Tất Tố đã lên án bộ mặt tàn ác bất nhân của xã hội thực dân nửa phong kiến đương thời qua việc miêu tả lối hành xử của các nhân vật thuộc bộ máy chính quyền thực dân nửa phong kiến, đại diện cho giai cấp thống trị ( HS đưa dẫn về sự lên án tố cáo thái độ hống hách, táng tận lương tâm của nhà văn với tên cai lệ và người nhà lí trưởng) | **(6,5đ)**  **1 điểm**  0,5đ  0,5 đ  **3 điểm**  1,5đ  1,5đ  **1,5điểm**  0,5 đ  1.0 |
| **c. Nghệ thuật thể hiện tinh thần nhân văn nhân đạo trong hai tác phẩm***.*  - Với Nam Cao qua văn bản “Lão Hạc” bằng nghệ thuật kể chuyện đặc sắc: kết hợp tự sự, trữ tình lập luận thể hiện nhân vật qua chiều sâu tâm lí với diễn biến tâm trạng phức tạp cùng việc lựa chọn ngôi kể hợp lí, sử dụng ngôn ngữ hiệu quả, lối kể chuyện khách quan...  - Còn Ngô Tất Tố qua đoạn tiểu thuyết “Tức nước vỡ bờ” đầy kịch tính, lối kể chuyện, miêu tả nhân vật chân thực sinh động (từ ngoại hình ngôn ngữ, hành động tâm lí...)  Hai nhà văn tài năng, tâm huyết Nam Cao và Ngô Tất Tố đã thể hiện tinh thần nhân đạo theo cách của riêng mình như để khẳng định trong xã hội thực dân phong kiến dù bị đẩy đến bần cùng những người nông dân luôn giữ cho mình phẩm giá cao đẹp không thể bị hoen ố dù phải sống trong cảnh khốn cùng. Họ là những bông sen thơm chốn “bùn lầy nước đọng” | **1điểm**  0, 25đ  0,25 đ  0, 5đ |
| **3. Kết bài**  Ý kiến nhận định cho thấy tinh thần nhân đạo như sợi chỉ xuyên suốt trong sáng tác của những nhà văn có tài năng và tâm huyêt. Nó luôn chi phối các nhà văn cầm bút sáng tác để họ hướng ngòi bút của mình về con người, vì con người. Tinh thần nhân đạo trong các tác phẩm thơ ca chính là tiếng lòng của những nhà văn tài năng tâm huyết góp phần tạo nên sức mạnh của văn chương chân chính của“ Nghệ thuật vị nhân sinh”. ...... | **0.5** |

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**ĐỀ 26**

**ĐỀ KHẢO SÁT HSG**

***Năm học 2017 – 2018***

**Môn**: **Ngữ văn 8**

**Thời gian làm bài**: 120 phút

**Câu 1**: (8 điểm)

Trình bày suy nghĩ của em về ý kiến sau:

*“Ở trên đời, mọi chuyện đều không có gì khó khăn nếu ước mơ của mình đủ lớn.”*

**Câu 2**: (12 điểm)

*“Một nghệ sĩ chân chính phải là một nhà nhân đạo từ trong cốt tủy.”*

(T. Sêkhốp)

Qua truyện ngắn Lão Hạc của Nam Cao, em hãy chứng minh.

HƯỚNG DẪN CHẤM HSG VĂN 8

**CÂU 1: (8 điểm)**

|  |  |
| --- | --- |
| Yêu cầu | Điểm |
| a/ **Hình thức:**  - Biết cách viết bài văn nghị luận xã hội  - Bố cục rõ ràng, lập luận chặt chẽ, có sức thuyết phục.  - Văn viết mạch lạc, trong sáng, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu. | 1,0 |
| b/ **Nội dung:**  -Mở bài:  -Dẫn dắt giới thiệu câu nói  -Dẫn câu nói | 0,5 |
| -Thân bài:  -Giải thích:  +Ước mơ là những điều tốt đẹp mà con người mong muốn, khao khát đạt được.  +Ước mơ đủ lớn là ước mơ được trải qua một quá trình nuôi dưỡng, phấn đấu vượt qua mọi khó khăn trở ngại để trở thành hiện thực.  ->Trong cuộc sống con người cần có ước mơ; dám nuôi dưỡng, theo đuổi ước mơ bằng ý chí, nghị lực, niềm tin và hành động đúng đắn để biến ước mơ thành hiện thực thì mọ khó khăn đều sẽ vượt qua. | 2,0 |
| -Phân tích, chứng minh, bình luận:  -Cuộc sống sẽ thật tẻ nhạt, vô nghĩa khi cuộc đời không có những ước mơ. Có những ước mơ nhỏ bé, bình dị (d/c); nhưng cũng có hững ước mơ lớn lao, cao cả; có những ước mơ vụt đến rồi vụt đi, có những ước mơ đi theo cả cuộc đời con người.  -Nhưng để ước mơ đủ lớn thì không đơn giản, dễ dàng mà phải trải qua bao thăng trầm, khó khăn, thử thách, thậm chí cả những thất bại đắng cay mới có được.  -Nếu con người biết nuôi dưỡng ước mơ bằng niềm say mê, ý chí kiên trung, nghị lực và hành động mạnh mẽ sẵn sàng vượt qua những trở ngại đó thì ước mơ, khát vọng, lí tưởng đó sẽ trở thành hiện thực. (d./c) | 3,0 |
| -Nhưng cũng có những ước mơ nhỏ bé, bình dị thôi cũng khó có thể đạt được đói với những người kém may mắn, người khuyết tật....Song họ vẫn ấp ủ những ước mơ, hi vọng và họ không bao giờ để ước mơ của mình bị tàn hay mất đi. Vì thế, cuộc sống của họ trở nên thật ý nghĩa và những ước mơ ấy trở thành động lực giúp họ vượt qua mọi khó khăn. |
| -Tuy nhiên trong cuộc sống còn có những con người sống không có lí tưởng, thiếu ý chí, hay có ước mơ nhưng không dám theo đuổi, không hành động thì ước mơ của họ cũng không trở thành hiện thực. Họ sẽ luôn ngại khó, ngại khổ, không dám đương đầu khó khăn và mọi việc sẽ không bao giờ thành công. (d/c) |
| -Bài học liên hệ bản thân:  +Mỗi con người cần phải có ước mơ, hi vọng, lí tưởng, mục đích sống tốt đẹp trong cuộc đời.  +Cần nỗ lực phấn đấu, học tập, rèn luyện, trau dồi kiến thức, kinh nghiệm, bản lĩnh để ước mơ trở thành hiện thực. | 1,0 |
| \*Kết bài:  -Khẳng định ý nghĩa, giá trị của câu nói.  -Liên hệ ước mơ khát vọng của bản thân. | 0,5 |

**Câu 2** **(12 điểm)**

|  |  |
| --- | --- |
| Yêu cầu | Điểm |
| a**/ Kĩ năng**:  -Hiểu đúng yêu cầu của đề bài. Biết cách làm bài văn nghị luận văn học. Biết cách chọn lọc dẫn chứng để làm sáng tỏ vấn đề.  -Lập luận chặt chẽ, diễn đạt tốt (có suy nghĩ, đánh giá, cảm xúc...)  -Kết cấu chặt chẽ, diễn đạt lưu loát, bố cục rõ ràng, mạch lạc, không mắc lỗi về chính tả, dùng từ và ngữ pháp. | 1,0 |
| b**/ Nội dung:** |  |
| - Mở bài:  - Dẫn dắt để dẫn đến VĐNL  - Trích dẫn ý kiến | 1,0 |
| \*Thân bài:  **1.Giải thích:**  -Người ngHệ sĩ chân chính: là người nghệ sĩ trong quá trình sáng tạo, tác phẩm của họ sinh ra là vì con người, hướng đến cuộc sống tốt đẹp của con người.  -Là nhà nhân đạo từ trong cốt tủy có nghĩa là người nghệ sĩ phải có tấm lòng nhân ái, yêu thương con người. Tinh thần nhân đạo là phẩm chất bắt buộc phải có trong mỗi người cầm bút. Đó là tình cảm có chiều sâu từ trong cốt tủy chứ không chỉ là tình cảm nông cạn, hời hợt, mơ hồ.  =>Ý nghĩa câu nói khẳng định nhà văn chân chính là nhà văn phải có cái nhìn, tấm lòng nhân ái, yêu thương đối với mỗi con người.  -Trong truyện ngắn “Lão Hạc”, tấm lòng nhân đạo sâu sắc của tác giả Nam Cao chính là sự đồng cảm, yêu thương, trân trọng, ngợi ca những con người lao động nghèo khổ trong XHPK. | 2,0 |
| 1. Phân tích, chứng minh: |  |
| \*Lòng nhân đạo của nhà văn trước hết thể hiện ở sự đồng cảm với những cuộc đời, số phận nghèo khổ qua các nhân vật trong truyện.  -*Lão Hạc một người nông dân có cuộc đời nghèo khổ, cô độc: vợ mất sớm ở vậy nuôi con, khi con lớn không đủ tiền lấy vợ nó phẫn chí bỏ đi phu đồn điền bỏ lão một mình với con chó Vàng; đói kém, bệnh tật, lão cùng đường không còn gì để sống và vì muốn giữ trọn mảnh vườn cho con lão phải chọn cái chết ...Cuộc đời của lão thật bi thảm*  -*Ông giáo- một tri thức nghèo cũng không khỏi cảnh nghèo khó, khốn cùng phải bán đi cả những cuốn sách quý giá cuối cùng của cuộc đời vì con.*  =>Các nhân vật trong truyện được Nam Cao miêu tả không chỉ phản ánh chân thực số phận con người mà trong mỗi lời văn còn thẫm đẫm sự cảm thông, chia sẻ, thấu hiểu những nỗi cùng cực của người dân Việt Nam trước CM.  Từ sự cảm thông sâu sắc ấy, nhà văn tố cáo XHPK với những hủ tục lạc hậu đã đẩy người dân đến bước đường cùng. | 2,0 |
| \*Tấm lòng nhân đạo của Nam Cao còn là sự ngợi ca, trân trọng những vẻ đẹp của con người Việt Nam trong hoàn cảnh bần hàn, cơ cực nhất.  -Tấm lòng nhân hậu của lão Hạc qua cách đối xử của lão với con chó Vàng đầy tình thương (d/c)...Lão trăn trở, buồn đau, day dứt khi phải bán nó (d/c)..  -Lòng tự trọng, sự lương thiện sáng ngời ngay cả khi nghèo đói, cơ cực nhất. Lão thà nhịn đói chứ nhất quyết không dựa vào lòng tốt của ông giáo “lão từ chối gần như hách dịch ”; không muốn phiền lụy đến hàng xóm , gửi tiền lại “lo hậu sự”; thà chết chứ không chịu ăn cắp như Binh Tư, không tiêu vào tiền bòn vườn của con...Nam Cao không chỉ nhận thấy mà còn chỉ ra cho người đọc thấy trong cái hình hài gầy gò, già nua khắc khổ của lão nông ấy là một tâm hồn cao thượng biết bao nhiêu.  -Trong cảnh đời nghèo khổ của những con người lao động, nhà văn cũng khắc họa được vẻ đẹp cao quý nhất của con người, đó là tình yêu thương:  + Đó là tình làng xóm sâu đậm. Ông giáo dù nghèo đến khánh kiệt vẫn muốn được sẻ chia, giúp đỡ, an ủi, động viên lão Hạc.  + Đó là tình thương yêu sâu nặng của người cha suốt đời hi sinh vì con của lão Hạc. (d/c) | 2,5 |
| \*Lòng nhân đạo của tác giả còn được thể hiện ở thái độ trân trọng những ước mơ, khát vọng của con người về một tương lai tốt đẹp  -Mặc dù tác phẩm có một cái kết đau thương: lão Hạc chết, hay như người ta vẫn nói “cao su đi dễ khó về...”, nhưng Nam Cao cùng nhân vật tin tưởng và hi vọng về những điều tốt đẹp.  -Đó là niềm hi vọng của lão Hạc về cuộc sống cho đứa con trai “đến lúc nó về...có chút vốn mà làm ăn”. Niềm khao khát, hi vọng ấy được gửi gắm cho ông giáo “lão đừng lo...khi con trai lão về tôi sẽ trao cho hắn...” | 1,5 |
| \*Đánh giá:  Bằng cách kể chuyện tự nhiên, hấp dẫn trong cách chọn ngôi kể, kết hợp nhuần nhuyễn kể với miêu tả, biểu cảm và bình luận; cách xây dựng nhân vật đến mức điển hình, nhà văn Nam Cao đã thể hiện tấm lòng nhân đạo khi viết về con người Việt Nam trong xã hội trước CM. Ông không chỉ nhìn, miêu tả họ bằng cái nhìn nhân ái mà ông còn khẳng định về một thái độ sống, một cách ứng xử nhân đạo. Và ông cũng giúp cho người đọc biết đặt mình vào những cảnh ngộ cụ thể để cảm thông, thấu hiểu, trân trọng, nâng niu những điều đáng quý ở những con người quanh ta. | 1,0 |
| \*Kết bài:  -Khẳng định vai trò, ý nghĩa trách nhiệm của người nghệ sĩ chân chính.  -Liên hệ bản thân về cách nhìn, cách cảm, cách ứng xử với mọi người trong cuộc sống. | 1,0 |

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**ĐỀ 27**

**ĐỀ THI KHẢO SÁT HỌC SINH GIỎI- NGA SƠN**

**NĂM HỌC: 2018-2019**

**Môn thi: NGỮ VĂN - Lớp 8**

Thời gian: **150 phút** *(không kể thời gian giao đề)*

**I. PHẦN ĐỌC-HIỂU *(6 điểm*)**

Đọc các đoạn thơ sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

1. Lũ chúng tôi từ tay mẹ lớn lên

Còn những bí và bầu thì lớn xuống

Chúng mang dáng giọt mồ hôi mặn

Rỏ xuống lòng thầm lặng mẹ tôi.

(*Mẹ và quả*, Nguyễn Khoa Điềm)

(2) Thời gian chạy qua tóc mẹ

Một màu trắng đến nôn nao

Lưng mẹ cứ còng dần xuống

Cho con ngày một thêm cao.

(*Trong lời mẹ hát*, Trương Nam Hương)

**Câu 1**(1đ): Xác định phương thức biểu đạt chính trong hai đoạn thơ trên?

**Câu 2** (1đ): Chỉ ra nghệ thuật tương phản được sử dụng ở hai đoạn thơ trên?

**Câu 3** (2đ): Tìm và chỉ ra tác dụng của biện pháp tu từ trong câu thơ “*Thời gian chạy qua tóc mẹ”?*

**Câu 4** (2đ): Những điểm giống nhau giữa hai đoạn thơ trên?

**II. TẬP LÀM VĂN** ( 14 đ)

**Câu 1** (4 đ): Từ văn bản ở phần đọc- hiểu, em hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) bàn về tình mẫu tử.

**Câu 2** (10đ): ***“****Truyện ngắn Lão Hạc đã thể hiện một cách chân thực, cảm động số phận đau thương của người nông dân trong xã hội cũ và phẩm chất cao quý tiềm tàng của họ.*” ( Sgk Ngữ văn 8, tập 1 NXB Giáo dục)

Em hãy làm sáng tỏ ý kiến trên qua tác phẩm *Lão Hạc* (Nam Cao).

-------Hết-------

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **Đọc- hiểu** | 1 | Phương thức biểu đạt chính của văn bản: biểu cảm | 1 |
| 2 | Nghệ thuật tương phản:Lũ chúng tôi từ tay mẹ lớn lên/Còn những bí và bầu thì lớn xuống; Lưng mẹ cứ còng dần xuống/ Cho con ngày một thêm cao. | 1 |
| 3 | - Biện pháp tu từ: nhân hóa.  - Hiệu quả: Câu thơ trở nên gợp hình, gợi cảm, sinh động, diễn tả sự trôi chảy của thời gian khiến mẹ già đi vì năm tháng gian khó, nhọc nhằn, nuôi dạy các con. | 0.5  1.5 |
| 4 | -Về nội dung: diễn tả đức hi sinh, công lao trời biển của mẹ trong việc nuôi dạy các con khôn lớn;tấm lòng của người con với mẹ trong sự yêu thương, xót xa khi thấy “thời gian chạy qua tóc mẹ”  -Về nghệ thuật: hai đoạn thơ sử dụng phép tương phản, nhân hóa, ẩn dụ để làm nổi bật công lao, đức hi sinh của mẹ và tình cảm của con dành cho mẹ. | 2.0 |
| **Phần TLV** | 1. | *a. Đảm bảo thể thức của một đoạn văn*  *b. Xác định đúng vấn đề nghị luận*  *c. Triển khai hợp lí nội dung đoạn văn:* vận dụng tốt thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ lí lẽ và dẫn chứng. Có thể viết đoạn văn về ý nghĩa tình mẫu tử thiêng liêng theo hướng sau:  - Tình mẫu tử là tình cảm thiêng liêng, gắn bó với mỗi người từ khi lọt lòng đến khi nhắm mắt xuôi tay.  - Tình mẫu tử là tình cảm cao cả: người mẹ hết lòng hi sinh vì con ,mẹ là người sinh thành, dưỡng dục, che chở, là chỗ dựa vững chắc, chia sẻ những vui buồn, là động lực để giúp ta vượt qua khó khăn trong cuộc sống.  - Là người con, chúng ta cần phải kính trọng, biết ơn và yêu thương mẹ bằng những hành động và việc làm cụ thể.  - Tình mẫu tử là tình cảm tự nhiên, là cội rễ của tình yêu thương.  *d. Sáng tạo*: HS có thể có suy nghĩ riêng về vấn đề nghị luận.  *e. Chính tả*: dùng từ, đặt câu, đảm bảo chuẩn ngữ pháp, ngữ nghĩa TV. | 0,5  0,5  2,0  0,5  0,5 |
| 2 | *a. Đảm bảo cấu trúc của một bài văn nghị luận: có đầy đủ Mở bài, Thân bài, kết bài.* Mở bài giới thiệu vấn đề nghị luận, Thân bài triển khai được các luận điểm làm rõ được nhận định; kết bài khái quát được nội dung nghị luận. | 0,5 |
| ***b.*** *Xác định đúng vấn đề nghị luận* | 0,5 |
| *c.Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm* | **9.0** |
| *Mở bài:*  - Dẫn dắt để giới thiệu nhà văn Nam Cao và truyện ngắn Lão Hạc  - Nêu vấn đề nghị luận về giá trị nội dung của tác phẩm: “Truyện ngắn *Lão Hạc* đã thể hiện một cách chân thực, cảm động số phận đau thương của người nông dân trong xã hội cũ và phẩm chất cao quý tiềm tàng của họ” | 0,5  0.5 |
| *Thân bài* | **8.0** |
| *\* Giải thích ý kiến:*  - Bằng tài năng nghệ thuật và tấm lòng nhân đạo, sự cảm thông sâu sắc về số phận con người, nhà văn Nam Cao đã tái hiện chân thực, cảm động cuộc đời, số phận bi thảm của Lão Hạc- người nông dân hiền lành, chân chất. Nhân vật Lão Hạc để lại cho người đọc ám ảnh về số phận con người, về người nông dân trong xã hội cũ. Đồng thời, qua truyện ngắn, tác giả cũng ca ngợi tấm lòng lương thiện, phẩm chất cao đẹp của lão Hạc nói riêng và người nông dân Việt Nam nói chung. | 1,0 |
| *\*Tác phẩm giúp ta hiểu về số phận đau thương* *của người nông dân trước cách mạng:* |  |
| - Nỗi khổ về vật chất: Lão Hạc là người nông dân nghèo khổ, gia tài cũng chỉ có một mảnh vườn và một con chó. Sự sống lay lắt bằng số tiền ít ỏi do bòn vườn và làm thuê. Do thiên tai, tật bệnh nên cuộc sống vô cùng khó khăn.  - Nỗi khổ về tinh thần:   + Vợ mất sớm, con trai đi phu đồn điền, lão sống trong nỗi lo âu, phiền muộn. Không người thân thích, lão phải kết bạn chia sẻ cùng cậu Vàng  + Đau đớn, dằn vặt, ân hận, khổ sở khi nỡ lừa một con chó.  - Cái chết đau đớn dữ dội kết thúc số phận con người  + Khổ sở, đau xót buộc lão phải tìm đến cái chết như một sự giải thoát. Trên đời có bao nhiêu cái chết nhẹ nhàng nhưng lão đã tự trừng phạt mình bằng một cái chết thật dữ dội . Lão Hạc sống thì mỏi mòn, cầm chừng qua ngày, chết thì thê thảm. Cuộc đời người nông dân như lão Hạc đã không có lối thoát | 1.0  1.0  1.0 |
|  |  | \*  *Truyện ngắn Lão Hạc giúp ta hiểu được vẻ đẹp tâm hồn cao quý của người nông dân:* |  |
| - Lòng nhân hậu:  + Tình cảm của lão dành cho con chó như tình cảm của người cha đối với người con, như một đứa cháu nội bé bỏng côi cút.   + Tình thế đường cùng, buộc lão phải bán cậu Vàng. Đau đớn, dằn vặt, ân hận, khổ sở khi nỡ lừa một con chó  - Tình yêu thương sâu nặng  + Vợ mất, lão ở vậy nuôi con, bao nhiêu tình thương lão đều dành cho con trai lão . Bao nhiêu tiền bòn vườn lão đều dành dụm để lo cho tương lai của con.  + Lão sống vì con, chết cũng vì con. Trong hoàn cảnh cùng cực, ông đã chọn cái chết để bảo toàn tài sản cho con  -Vẻ đẹp của lòng tự trọng và nhân cách cao cả  + Dù đói khát cơ cực, nhưng lão dứt khoát từ c hối sự giúp đỡ của ông giáo.  + Lão Hạc chọn cái chết cho mình, không phiền lụy đến ai. Đó là lòng tự trọng, là nhân cách sáng ngời của người nông dân nghèo thà chết chứ nhất định không đánh mất nhân phẩm của mình. | 1.0  1.0  1.0 |
| *\* Đánh giá, nâng cao, mở rộng,* | 1.0 |
| - Liên hệ một số tác phẩm cùng đề tài về người nông dân trong xã hội cũ.  - Lão Hạc cũng như một số nhân vật khác là hình ảnh người nông dân trước Cách mạng Tháng tám có số phận bi đát và rơi vào bước đường cùng không lối thoát. Người nông dân trong xã hội cũ không thể thoát khỏi số phận thê thảm bởi do hoàn cảnh xã hội chi phối, họ chỉ có thể tìm đến cái chết để giải thoát. |  |
| *Kết bài*  - Khái quát, khẳng định lại vấn đề.  *d. Sáng tạo*: HS có thể có suy nghĩ riêng về vấn đề nghị luận.  *e. Chính tả*: dùng từ, đặt câu, đảm bảo chuẩn ngữ pháp, ngữ nghĩa TV. | 0,5  0,5 |

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*8**

**ĐỀ 28**

**ĐỀ THI HSG MÔN NGỮ VĂN 8**

**NĂM HỌC 2016 - 2017**

**Thời gian: 150 phút**

**Câu 1 (3,0 điểm).**

**Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:**

**Quán hàng phù thủy**

*Một phù thuỷ  
Mở quán hàng nho nhỏ  
"Mời vào đây  
Ai muốn mua gì cũng có!"  
  
Tôi là khách đầu tiên.  
Từ bên trong  
Phù thủy ló ra nhìn:  
"Anh muốn gì?"  
  
"Tôi muốn mua tình yêu,  
Mua hạnh phúc, sự bình yên, tình bạn..."  
"Hàng chúng tôi chỉ bán cây non.  
Còn quả chín, anh phải trồng. Không bán!"*

(Tác giả *K.Badjadjo Pradip* - *Thái Bá Tân* dịch)

1. Phân tích ý nghĩa của các hình ảnh ***cây non, quả chín*** trong văn bản trên.

2. Thông điệp mà anh, chị nhận được từ văn bản trên là gì?

**Câu 2 (5,0 điểm).**

Viết bài văn không quá 1,5 trang giấy thi trình bày suy nghĩ của mình về ý kiến sau: *Bạn sinh ra là một nguyên bản. Đừng chết như một bản sao*.

**Câu 3 (12,0 điểm).**

Có ý kiến cho rằng: *Mỗi tác phẩm văn học chân chính phải là một lời đề nghị về lẽ sống*.

Anh chị hiểu ý kiến trên như thế nào? Hãy làm rõ *lời đề nghị về lẽ sống* của nhà văn Nam Cao qua truyện ngắn “Lão Hạc” (Sách Ngữ văn 8 - Tập một - NXB Giáo dục).

---------- HẾT ----------

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **1** | **Đọc văn bản “Quán hàng phù thủy” và trả lời các câu hỏi:** | **3,00** |
|  | **Yêu cầu chung:**  + Học sinh xác định đúng yêu cầu đề.  + Trình bày ngắn gọn mạch lạc. |  |
| **Yêu cầu cụ thể:**  Bài làm của học sinh trình bày được những vấn đề cơ bản sau: |  |
| ***1. Ý nghĩa của các hình ảnh cây non, quả chín:***  - *Cây non* là những hạt mầm mà ta gieo vào cuộc sống, là sự khởi đầu, là nền tảng đầu tiên của cuộc sống.  - *Qủa chín* là kết quả mà ta đạt được, là thành công, là những điều tốt đẹp trong cuộc sống. | 1,0 |
| ***2. Thông điệp có ý nghĩa nhân văn:***  - *Tình yêu, hạnh phúc, bình yên, tình bạn* là những giá trị cao quý mà con người luôn khao khát hướng tới.  - Nó là kết quả của tình cảm chân thành, không vụ lợi, là sự nỗ lực, tìm hiểu vun đắp, nuôi dưỡng của chính bản thân mình, không tiền bạc, sức mạnh, quyền lực nào có thể mua nổi. | 2,0 |
| **2** | **Suy nghĩ về ý kiến *Bạn sinh ra là một nguyên bản. Đừng chết như một bản sao*.** | **5,00** |
|  | **Yêu cầu chung:**  + Học sinh biết cách làm bài văn NLXH. Kết cấu bài viết chặt chẽ, thể hiện những hiểu biết về đời sống.  + Học sinh có thể trình bày theo nhiều cách nhưng phải có lý lẽ và căn cứ xác đáng, có thái độ nghiêm túc, chân thành phù hợp với chuẩn mực đạo đức xã hội. |  |
| **Yêu cầu cụ thể:**  ***1. Giải thích:***  - Giải thích ý nghĩa từ ngữ:  + Nguyên bản: bản gốc, thể hiện tính độc đáo, duy nhất.  + Bản sao: sao chép lại một bản khác, rập khuôn theo mẫu có sẵn.  - Ý nghĩa cả câu: khẳng định con người sinh ra là một cá tính độc đáo, không nên bắt chước theo khuôn mẫu, làm theo người khác mà đánh mất chính mình, dẫn đến cái chết về mặt tâm hồn, tính cách. | 1,0 |
| ***2. Bàn luận:***  - Câu nói thể hiện quan điểm sống đúng đắn. Từ khi sinh ra mỗi con người đã là một cá thể đơn nhất. Sự độc đáo không chỉ thể hiện ở kiến trúc cơ thể sống mà quan trọng hơn ở đời sống tâm hồn, tính cách.  - Trong cuộc sống sự ảnh hưởng nhau về lối sống, cách sống là hiện tượng phổ biến. Điều đó có mặt tích cực giúp con người hoàn thiện mình hơn.  - Tuy nhiên nếu thụ động, máy móc, rập khuôn và không tự chủ được con người sẽ dễ đánh mất mình biến thành cái bóng của người khác. Dần dần, nó sẽ dẫn con người đến cái chết về tâm hồn tính cách.  - Phê phán một số biểu hiện tiêu cực trong cuộc sống khi dập khuôn theo cách sống của người khác; những lối sống lập dị, bảo thủ. | 3,0 |
|  | **3. Bài học:**  - Mỗi người cần nhận thức sâu sắc: Mỗi người như một tiểu vũ trụ riêng, không lặp lại. Chúng ta phải sống đúng, sống thật với con người mình.  - Cần học tập những mặt tích cực ở người khác nhưng đồng thời cần tôn trọng chính con người mình, giữ gìn bản sắc và cá tính riêng. | 1,0 |
| **3** | **Có ý kiến cho rằng: “*Mỗi tác phẩm văn học chân chính phải là một lời đề nghị về lẽ sống*”. Làm sáng tỏ qua truyện ngắn “Lão Hạc”** | **12,0** |
|  | **\* Yêu cầu chung:**  - Kiểm tra năng lực viết bài NLVH đòi hỏi thí sinh huy động kiến thức về lí luận văn học, khả năng cảm thụ tác phẩm, kỹ năng tạo lập văn bản để làm bài.  - Thí sinh có thể cảm nhận và trình bày theo những cách khác nhau nhưng phải rõ hệ thống luận điểm, có lý lẽ, căn cứ xác đáng. |  |
| **\* Yêu cầu cụ thể:**  ***1. Giải thích:***  - Từ ngữ cụ thể: *văn học chân chính*, *lời đề nghị lẽ sống*  - Ý kiến trên khẳng định đặc trưng, chức năng cao quý của văn học trong việc bồi đắp và định hướng giá trị sống cho con người. | 2,0 |
| ***2. Bàn luận:*** Ý kiến “Mỗi tác phẩm văn học chân chính phải là một lời đề nghị về lẽ sống” rất đúng đắn, sâu sắc.  - Văn học bắt nguồn từ đời sống nhưng cũng thể hiện nhu cầu bày tỏ, chia sẻ cảm xúc hay quá trình nghiền ngẫm, lý giải hiện thực của mỗi nhà văn. Vì vậy mỗi tác phẩm văn học chân chính bao giờ cũng gửi gắm một thông điệp về lẽ sống. Nó có thể là một cách ứng xử một lí tưởng sống một triết lý sống hay lời bày tỏ tình yêu với cuộc sống, lòng căm phẫn trước những lối sống giả tạo, xấu xa; những tình cảm cao đẹp, nhân ái.  - Lời đề nghị về lẽ sống trong một tác phẩm văn học chân chính có khả năng tác động mạnh mẽ đến người đọc, khơi gợi cuộc đấu tranh bên trong tâm hồn để lựa chọn những giá trị tích cực, đẹp đẽ. | 2,0 |
|  | **3. Chứng minh qua truyện ngắn Lão Hạc** | 7,0 |
|  | \* Cảm thương cho số phận bần cùng của những người nông dân nghèo khổ trong xã hội thực dân nửa phong kiến.  \* Khẳng định, ca ngợi phẩm chất cao quý tiềm tàng của lão Hạc: một người nông dân mộc mạc, giàu tình yêu thương, sống tự trọng; một người cha hết lòng yêu thương con, lấy chính sự sống của mình để chắt chiu cho tương lai của con…  \* Nhìn nhận và đánh giá về những người xung quanh chúng ta, về người nông dân bằng đôi mắt của tình thương và niềm tin mới thấy hết được bản chất tốt đẹp của họ. (Qua suy nghĩ của nhân vật ông giáo). Đây là một quan điểm tiến bộ đúng đắn và sâu sắc, xuất phát từ tư tưởng nhân đạo sâu sắc của Nam Cao.  \* Lời đề nghị về lẽ sống Nam Cao gửi gắm qua tác phẩm *Lão Hạc* đã gợi sự đồng cảm sâu xa của người đọc, thức tỉnh lối sống nhân hậu, yêu thương chia sẻ với những người xung quanh, đặc biệt là những con người nghèo khổ, gặp nhiều bất hạnh. |  |
| **4. Đánh giá** | 1,0 |
| - Để tạo nên một tác phẩm chân chính, người cầm bút cần phải biết tự vượt lên những suy nghĩ, tình cảm nhỏ hẹp mang tính cá nhân để đạt đến những lẽ sống lớn, tình cảm lớn của thời đại.  - Người đọc cần phát huy vai trò chủ động của mình trong tiếp nhận tác phẩm văn chương từ đó trau dồi nhân cách, thu hẹp khoảng cách giữa văn học và cuộc đời. |  |

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**ĐỀ 29**

**KỲ THI HỌC SINH GIOI HUYỆN VĂN 8**

**NĂM HỌC 2018-2019**

**Thời gian: 150 phút**

**Câu 1(4 điểm).** Phân tích vẻ đẹp của câu ca dao:

Hỡi cô tát nước bên đàng

Sao cô múc ánh trăng vàng đổ đi?

**Câu 2(6 điểm).** Viết đoạn văn trình bày những ấn tượng của em về tình yêu thương con người được thể hiện qua những suy ngẫm của nhân vật ông giáo trong truyện ngắn *Lão Hạc* của Nam Cao và và câu chuyện về chiếc lá được người họa sĩ vẽ vào đêm mưa bão trong tác phẩm *Chiếc lá cuối cùng* của O Hen-ri.

**Câu 3(10 điểm).**

Có ý kiến cho rằng: *Truyện* ***Lão Hạc*** *đã thể hiện một cách chân thực, sâu sắc và cảm động số phận đau thương và phẩm chất cao quý của người nông dân trong xã hội cũ. Song, ý nghĩa lớn nhất của tác phẩm là ở chỗ nó đặt ra vấn đề nhân cách của con người và việc giữ gìn nhân cách trong những lúc “cùng đường”.*

Hãy làm rõ cách hiểu của mình về ý kiến trên.

------------------ Hết ----------------------

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **Câu 1** | **Tiếng Việt** | **4,0** |
|  | **-** Đây là câu ca dao viết bằng thể thơ lục bát thuộc loại hay nhất về tả cảnh thiên nhiên và bộc lộ cảm xúc của con người trong kho tàng ca dao Việt Nam.  - Câu ca dao là cảnh tát nước đêm trăng. Chỉ một nét chấm phá mà gợi ra cả một bức tranh tát nước dưới trăng của người lao động đầy vẻ thơ mộng, hấp dẫn, bình dị với đầy đủ địa điểm (bên đàng), thời gian (đêm trăng), nhân vật (cô gái, chàng trai), công việc (tát nước).  - Bức tranh không gợi ra cảnh lao động vất vả mà ngược lại, lãng mạn, khỏe khoắn, chan hòa giữa bài ca lao động với bài ca giao duyên, giữa tình yêu thiên nhiên và tình yêu lao động, yêu làng quê, đất nước. Đây là lời của chàng trai.  - Cụm từ “múc ánh trăng vàng” gợi ra không gian đêm trăng huyền ảo, trăng tràn ngập không gian, sóng sánh ánh sáng, lẫn vào dòng nước. Nó cho thấy cái nhìn mê say của chàng trai trước cảnh vật, đặc biệt là trước vẻ đẹp của cô gái. Câu hỏi tu từ như một lời trêu ghẹo tình tứ, pha lẫn ngạc nhiên của chàng trai làm nổi bật tình cảm đôi lứa nhẹ nhàng, tinh tế, duyên dáng, ý nhị. | 0,5  1.0  1.0  1,5 |
| **Câu 2** |  | **6,0** |
|  | **Yêu cầu về mặt kỹ năng** | 1,0 |
| - Học sinh vận dụng các kỹ năng, thao tác nghị luận để viết một đoạn, hoặc một đoạn văn nghị luận ngắn về bài học rút ra từ *triết lý tình thương* của nhân vật ông giáo trong truyện ngắn  *Lão Hạc* và hình ảnh *chiếc lá cuối cùng* trong truyện ngắn cùng tên của O Hen-ri. Đoạn văn cần đảm bảo yêu cầu sau:  - Bố cục mạch lạc, lập luận chặt chẽ, lí lẽ thuyết phục, dẫn chứng tiêu biểu, xác thực, phù hợp.  - Diễn đạt lưu loát, linh hoạt; hành văn uyển chuyển, kết hợp các thao tác chứng minh, giải thích, bình luận, phân tích, bác bỏ…  - Không mắc các lỗi về viết câu, dùng từ, chính tả. |  |
| **Yêu cầu về kiến thức** |  |
| Đây là một dạng đề mở, học sinh có thể có nhiều cách hiểu, rút ra nhiều bài học khác nhau từ một hình ảnh giàu sức gợi trong tác phẩm. Do đó, bài làm có thể tập trung nghị luận về một hoặc nhiều bài học mà học sinh rút ra từ hình ảnh này. Dưới đây là một số khả năng nghị luận:  - Niềm tin, nghị lực trong cuộc sống.  - Tình yêu thương, sự đồng cảm, sẻ chia.  - Nét tính cách bao dung, vị tha.  - Lối sống nhân ái, giàu đức hy sinh, sẵn sàng cho, thậm chí là cả cuộc sống của mình vì người khác.  Tuy nhiên, dù nghị luận theo hướng nào cũng cần thể hiện được những luận cơ bản sau:  - Giải thích được ý nghĩa của *triết lý tình thương* và hình ảnh *chiếc lá cuối cùng* theo cách hiểu của học sinh, rút ra bài học về lẽ sống từ đó.  - Luận bàn về bài học đã được rút ra:  + Những biểu hiện cụ thể.  + Ý nghĩa, tác dụng.  + Liên hệ thực tế đời sống và bản thân.  + Phương hướng rèn luyện để hình thành cho mình tư tưởng, lẽ sống tích cực, biết cảm thông, thương yêu những người xung quanh, rộng hơn là con người nói chung. | 1,0  1,0  1,0  1,0  1,0 |
| **Câu 3** | **Cảm nhận về giá trị nhân đạo lớn lao của tác phẩm  *Lão Hạc*  bên cạnh giá trị hiện thực sâu sắc**: *Truyện* ***Lão Hạc*** *đã thể hiện một cách chân thực, sâu sắc và cảm động số phận đau thương và phẩm chất cao quý của người nông dân trong xã hội cũ. Song, ý nghĩa lớn nhất của tác phẩm là ở chỗ nó đặt ra vấn đề nhân cách của con người và việc giữ gìn nhân cách trong những lúc “cùng đường”.* | **10,0** |
|  | **Yêu cầu về mặt kỹ năng:** | 0,5 |
| Viết một bài văn nghị luận về tác phẩm có định hướng, gắn với vấn đề lý luận văn học với những yêu cầu cụ thể sau:  - Hình thức một bài văn: bố cục rõ ràng, lập luận chặt chẽ, có sự phân tích, bình giá, cảm thụ về nội dung hiện thực và nhân đạo, các yếu tố nghệ thuật (ngôn từ, hình ảnhngôn ngữ kể chuyện, nghệ thuật xây dựng truyện và miêu tả nội tâm nhân vật…) trong tác phẩm.  - Diễn đạt rõ ràng, linh hoạt, uyển chuyển; không mắc các lỗi viết câu, dùng từ, chính tả. |  |
| **Yêu cầu về kiến thức:** |  |
| ***a. Giới thiệu vấn đề nghị luận***  - Dẫn dắt, giới thiệu về tác giả Nam Cao và tác phẩm *Lão Hạc*  - Trích nhận định. | 0,5 |
| ***b. Trình bày cách hiểu và chứng minh nhận định(8,0 điểm)***  **\* Giải thích luận điểm (1,0 điểm)**  **-** Ý kiến đề cập đến giá trị hiện thực của tác phẩm: *thể hiện một cách chân thực, sâu sắc và cảm động số phận đau thương và phẩm chất cao quý của người nông dân trong xã hội cũ.,.’Ơ?’’’* | 0,5 |
| - Đặc biệt nhấn mạnh giá trị nhân đạo độc đáo của tác phẩm: *đặt ra vấn đề nhân cách của con người và việc giữ gìn nhân cách trong những lúc “cùng đường”.*  Từ đó, có thể thấy vị trí đặc biệt của tác phẩm trong số tất cả những tác phẩm viết về đề tài người nông dân của nhà văn Nam Cao: lão Hạc là người nông dân duy nhất không bị sa vào con đường lưu manh hóa. | 0,5 |
| **\* Chứng minh giá trị hiện thực và nhân đạo của tác phẩm *Lão Hạc***  **(6 điểm)**  **-** Tác phẩm đã tái hiện lại cuộc đời, số phận đau thương và phẩm chất cao quý của của Lão Hạc:  + Phải sống trong cảnh nghèo khó cả đời, về già lại phải cô độc và chết một cách đau đớn, vật vã như một cách tự giải thoát cho mình. | 1,0 |
| + Lão là hiện thân cho những đức tính thuần hậu, tốt đẹp của người nông dân Việt Nam: hiền lành, chăm lo cho con cái đến tận lúc chết, sống thủy chung… | 1,5 |
| - Điều làm ám ảnh người đọc hơn là ở cách lão sống và chết, trở thành minh chứng cho việc giữ gìn nhân cách trong những lúc “đường cùng”:  + Lão giàu lòng tự trọng, càng lúc túng quẫn thì lão lại càng cố giữ lòng tự trọng đó: mối quan hệ của lão với ông giáo.  + Lão chết để **bảo toàn nhân cách làm người**: làm cha, làm con người. | 1,0  2,0 |
| - Ý nghĩa của hình tượng nhân vật cũng như tác phẩm trong số những tác phẩm của Nam Cao nói riêng và giai đoạn văn học 1930 – 1945 nói chung. Cần liên hệ với những suy ngẫm của nhân vật ông giáo để cho thấy những gửi gắm của Nam Cao về vấn đề nhân cách con người ở tác phẩm và hình tượng nhân vật chính. | 0,5 |
| ***\** Đánh giá về thành công nghệ thuật của tác phẩm (1 điểm)**  **-** Xây dựng tình huống truyện hấp dẫn.  - Miêu tả nội tâm nhân vật sắc sảo, tinh tế.  - Ngôn ngữ tự nhiên, ngòi bút kể chuyện khách quan mà thấm đượm chất suy tư. | 1,0 |
| ***c. Khẳng định và mở rộng vấn đề nghị luận (1,0 điểm)***  - Khẳng định lại nhận định.  - Mở rộng, liên hệ với những vấn đề phẩm chất người nông dân được thể hiện trong các tác phẩm cùng thời. | 1,0 |

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**ĐỀ 30**

**KÌ THI HỌC SINH GIOI LỚP 8**

**Năm học 2018-2019**

**Môn thi : NGỮ VĂN**

*Thời gian : 150 phút (không kể giao đề)*

**ĐỀ BÀI**

**Phần I: Đọc hiểu (4,0 điểm)**

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:

*Vẫn như xưa vườn dừa quê nội*

*Sao lòng tôi vẫn thấy yêu hơn*

*Ôi thân dừa đã hai lần máu chảy*

*Biết bao đau thương, biết mấy oán hờn.*

*Dừa vẫn đứng hiên ngang cao vút*

*Lá vẫn xanh rất mực dịu dàng*

*Rễ dừa bám sâu vào lòng đất*

*Như dân làng bám chặt quê hương.*

(Trích *Dừa ơi*- lê Anh Xuân, nguồn https://thivien.net)

Câu 1. (1,0 điểm): Xác định từ láy có trong văn bản

Câu 2. (1,0 điểm): “*Vườn dừa quê nội*” được tác giả miêu tả qua những từ ngữ, hình ảnh nào ?

Câu 3. (2,0 điểm): Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ trong hai câu thơ: “*Rễ dừa bám sâu vào lòng đất/ Như dân làng bám chặt quê hương”.*

**Phần II: Làm văn (16,0 điểm)**

**Câu 1 (6,0 điểm)**

**Câu chuyện bút chì**

*Khi ra đời, một cây bút chì luôn thắc mắc rằng cuộc sống bên ngoài xưởng làm bút chì sẽ ra sao bởi thỉnh thoảng nó nghe những người thợ nói chuyện với nhau. Bút chì băn khoăn mãi, anh em của nó cũng không biết gì hơn. Cuối cùng, trước hôm được mang đến các cửa hàng, bút chì hỏi người thợ làm bút rằng nó và anh em nó sẽ ra sao ở bên ngoài cuộc sống rộng lớn kia.*

*Người thợ làm bút mỉm cười. Ông nói:*

*– Có năm điều cháu và các anh em của cháu nên nhớ khi bắt đầu cuộc sống. Nếu cháu nhớ và làm được thì cháu sẽ trở thành cày bút chì tốt nhất.*

*Thứ nhất: Cháu có thể làm được những điều kì diệu nhất nếu cháu nằm trong bàn tay một người nào đó và giúp họ làm việc.*

*Thứ hai: Cháu sẽ cảm thấỵ đau đớn mỗi khi bị gọt, nhưng phải như thế cháu mới tốt hơn và có thể tiếp tục cuộc sống của mình.*

*Thứ ba: Nếu cháu viết sai một lỗi, cháu hãy nhớ để sửa lại là được.*

*Thứ tư: Điều quan trọng nhất đối với cháu và những người dùng cháu không phải là nước sơn bên ngoài cháu, mà là những gì bên trong cháu đấy.*

*Và cuối cùng: trong bất cứ trường hợp nào, cháu cũng vẫn phải tiếp tục viết Đó là cuộc sống của cháu, cho dù cháu gặp tình huống khó khăn như thế nào cũng vẫn phải viết thật rõ ràng, để lại những dấu ấn của mình.*

(Trích *Sống đẹp - Những câu chuyện bổ ích*, Lê Thị Luận, tập hai, NXB Giáo dục Việt Nam, 2012, tr.64,65)

Từ nội dung câu chuyện trên, hãy trình bày suy nghĩ về một bài học cuộc sống có ý nghĩa nhất với bản thân em ?

**Câu 2.(10,0 điểm)**

Nhận xét về Nam Cao, có ý kiến cho rằng: *Với một bút pháp riêng đầy tính sáng tạo, Nam Cao đã đặt ra trước người đọc hàng loạt vấn đề: những cảnh đời éo le, chua chát, những bi kịch đau đớn vật vã.*

(Trích *Văn học Việt Nam 1900-1945*, Phan Cự Đệ, NXB Giáo dục, 1998, tr.475)

Hãy phân tích “*những cảnh đời éo le, chua chát*” được nhà văn Nam Cao thể hiện trong truyện ngắn Lão Hạc (Ngữ văn 8, tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2011, tr.38)

**HẾT**

**HƯỚNG DẪN CHẤM THI HỌC SINH GIỎI**

**MÔN NGỮ VĂN LỚP 8**

**A. Hướng dẫn chung:**

1. Có kiến thức văn học, xã hội đúng đắn, sâu rộng; kĩ năng làm văn tốt; bố cục rõ ràng, kết cấu hợp lý, lập luận chặt chẽ, diễn đạt trong sáng, giàu hình ảnh và sức biểu cảm,. Ít mắc lỗi về chính tả, ngữ pháp

2. Đáp ứng yêu cầu đổi mới kiểm tra, đánh giá theo định hướng phát triển năng lực của học sinh. Hướng dẫn chấm thi chỉ nêu một số nôi dung cơ bản, giám khảo cần hết sức linh hoạt khi vận dụng hướng dẫn chấm. Khuyến khích, trân trọng những bài làm có tính sáng tạo, những bài có ý kiến và giọng điệu riêng. Chấp nhận các cách kiến giải khác nhau, kể cả không có trong hướng dẫn chấm, miễn là hợp lí, có sức thuyết phục.

3. Tổng điểm của toàn bài là 20,0 điểm, cho lẻ đến 0,25. Việc chi tiết hóa điểm số của các câu (nếu có) trong Đáp án - thang điểm phải được sự thống nhất trong tổ chấm thi và đảm bảo không sai lệch với tổng điểm của mỗi câu.

**B. Hướng dẫn cụ thể:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** | **ĐỌC HIỂU** | | **4,0** |
| **1** | Từ láy: dịu dàng | 1,0 |
| **2** | “Vườn quê nội” được tác giả miêu tả qua những từ ngữ, hình ảnh: “Thân dừa đã hai lần máu chảy”, “dừa đứng hiên ngang cao vút”, “lá vẫn xanh rất mực dịu dàng”, “rễ bám sâu vào lòng đất”… | 1,0 |
| **3** | - Biện pháp tu từ so sánh.  - tác dụng: hình ảnh “Rễ bám sâu vào lòng đất” như con người miền Nam bám trụ vững chắc để bảo vệ quê hương. Thông qua hình ảnh so sánh để ngợi ca phẩm chất, ý chí anh dũng, kiên cường, thủy chung gắn bó và đầy tự hào với mảnh đất quê hương của con người miền Nam trong cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước… | 2,0 |
| **II** | **LÀM VĂN** | | **16,0** |
|  | **1** | **Trình bày suy nghĩ về một bài học cuộc sống có ý nghĩa nhất với em từ “Câu chuyện cây bút chì”** | **6,0** |
|  | a. *Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận*: *Mở bài* giới thiệu được vấn đề, *Thân bài* triển khai được vấn đề, *Kết bài* khái quát được vấn đề | 0,25 |
| b. *Xác định đúng vấn đề cần nghị luận:* một bài học cuộc sống có ý nghĩa nhất với em từ “Câu chuyện cây bút chì” | 0,25 |
| c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm:  Triển khai luận điểm theo trình tự hợp lí, có sự liên kết chặt chẽ; sử dụng tốt thao tác lập luận để làm rõ luận điểm; biết kết hợp giữa nêu lí lẽ và đưa dẫn chứng; dẫn chứng phải phù hợp, cụ thể sinh động  - Thí sinh có thể trình bày theo nhiều cách, nhưng cần làm nổi bật các ý sau: | 0,5  0,5  1,0  2,5  0,5 |
| \* ***Giới thiệu câu chuyện và vấn đề nghị luận***  \* ***Khái quát những bài học cuộc sống được nhắn gửi qua câu chuyện***: qua câu chuyện giản dị, tự nhiên về cây bút chì, tác giả đã gửi gắm nhiều bài học sâu sắc về cuộc sống như:  - Con người muốn sống có ích, phát huy được giá trị bản thân phải biết chấp nhận quá trình tôi luyện, rèn giũa  - Con người cần biết nhận lỗi và sửa chữa khi mắc phải sai lầm  - Đề cao giá trị bên trong của mỗi con người  - Con người cần có nghị lực, cố gắng kiên trì vượt qua tất cả mọi khó khăn, trở ngại trong cuộc sống…  \* ***Nghị luận về một bài học cuộc sống có ý nghĩa nhất đối với bản thân***: Học sinh cần biết lựa chọn một bài học có ý nghĩa nhất với bản thân và làm sáng tỏ lí do lựa chọn bài học ấy  - Nhấn mạnh bài học cuộc sống có ý nghĩa nhất với bản thân em  - Vai trò, ý nghĩa của bài học; nêu và phân tích những tấm gương cụ thể trong đời sống thể hiện rõ vấn đề; phê phán những biểu hiện tiêu cực  - Rút ra bài học, liên hệ bản thân |
| d. Chính tả, dùng từ, đặt câu. Đảm bảo quy tắc chính tả, ngữ nghĩa, dùng từ, đặt câu. | 0,25 |
| e. Sáng tạo: Có cách diễn đạt độc đáo, sáng tạo (viết câu, sử dụng từ ngữ, hình ảnh và các yếu tố biểu cảm…; thể hiện được quan điểm và thái độ riêng, sâu sắc nhưng không trái với chuẩn mực xã hội) | 0,25 |
| **2** | **Phân tích truyện ngắn *Lão Hạc* để thấy: “*những cảnh đời éo le, chua chát”*** | **10,0** |
|  | a. *Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận*: *Mở bài* giới thiệu được vấn đề, *Thân bài* triển khai được vấn đề, *Kết bài* khái quát được vấn đề | 0,5 |
| b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: Phân tích truyện ngắn *Lão Hạc* để thấy: “*những cảnh đời éo le, chua chát”* | 0,5 |
| c. Triển khai vấn đề nghị luận  Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm theo trình tự hợp lí, có sự liên kết chặt chẽ; sử dụng tốt thao tác lập luận để làm rõ luận điểm; biết kết hợp giữa nêu lí lẽ và đưa dẫn chứng; dẫn chứng phải phù hợp, cụ thể sinh động  - Thí sinh có thể triển khai theo nhiều cách, miễn là hợp lí, thuyết phục. Sau đây là một định hướng: | **8,0** |
| \* ***Giới thiệu vài nét về tác giả, tác phẩm và vấn đề nghị luận***  \* ***Giải thích ý kiến:***  - Giải thích: “*những cảnh đời éo le, chua chát*”: là những mảnh đời trái ngang, bất hạnh, phải chịu nhiều khổ đau về vật chất, tinh thần, đó là những nỗi đâu mà con người không đón đợi…  - Trong tác phẩm *Lão Hạc*, nhà văn Nam Cao đã khắc họa những cuộc đời mang nỗi đau riêng  ***\* Chứng minh***: “*Những cảnh đời éo le, chua chát*” qua các nhân vật:  - “*Những cảnh đời éo le, chua chát*” với nỗi khổ về vật chất:  + Ông giáo: con ốm, cuộc sống nghèo khổ khiến ông phải bán đi những cuốn sách mà ông trân trọng, yêu quý. Ông rất mong muốn giúp lão Hạc mà không được  + Lão Hạc: con người quay quắt, lay lắt trong cái đói, phải đi làm thuê, làm mướn để kiếm ăn, mất mùa, ốm nặng, túng quẫn bế tắc…  + Con trai lão Hạc vì không có tiền cưới vợ nên phẫn chí bỏ đi làm đồn điền cao su – nơi địa ngục trần gian, chỉ là thân phận nô lệ  - “*Những cảnh đời éo le, chua chát*” với nỗi đau về tinh thần:  + Ông giáo là người đã từng ôm ấp nhiều ước mơ, khát vọng cao đẹp nhưng bị áo cơm ghì sát đất, dày vò, trăn trở khi chứng kiến nỗi đau của người khác  + Lão Hạc- một người nông dân bất hạnh, khốn khổ, vật vã trong những đau đớn dằn vặt: sống cô đơn (vợ mất sớm, đứa con trai duy nhất bỏ đi đồn điền cao su), lão vô cùng đau đớn – nỗi đau xé ruột của một người cha yêu thương con nhưng không thể làm tròn trách nhiệm với con. Cuộc đời chua chát, éo le đã đẩy lão tới sự lựa chọn nghiệt ngã, bi đát- bi kịch của một con người luôn ý thức giữ gìn nhân phẩm, cuối cùng phải lựa chọn cái chết để bảo toàn nhân phẩm…  - Những con người bị tha hóa về nhân cách: hình ảnh người vợ của ông giáo trở nên ích kỉ, tầm thường; Binh tư trở thành kẻ trộm cắp vì cuộc sống nghèo khổ…  *(Chú ý phân tích các chi tiết, sự việc, ngôn ngữ, hành động, diễn biến tâm lí của nhân vật để làm rõ)*  ***\* Đánh giá:***  - Nghệ thuật xây dựng nhân vật độc đáo: nhân vật được khắc họa qua ngoại hình, hành động, ngôn ngữ (đối thoại, độc thoại, độc thoại nội tâm), ngòi bút miêu tả diễn biến tâm lí nhân vật tinh tế, sắc sảo…  - Số phận của các nhân vật trong truyện đã làm nổi bật cuộc sống khốn khổ của người dân Việt Nam trước cách mạng tháng Tám thể hiện giá trị hiện thực sâu sắc của tác phẩm  - Đằng sau bức tranh hiện thực, sau những mảnh đời chua chát của các nhân vật là tấm lòng nhân đạo sâu sắc của nhà văn Nam Cao. Qua các nhân vật, Nam Cao không chỉ cất lên tiếng nói cảm thương, thấu hiểu sâu sắc nỗi khổ của người nông dân, người trí thức tiểu tư sản nghèo mà ông còn lên án, phê phán bộ mặt của xã hội thực dân nửa phong kiến đã chà đạp lên quyền sống, quyền hạnh phúc của con người | 0,5  1,0  5,5  1,0 |
| d. Chính tả, dùng từ, đặt câu. Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu. | 0,5 |
| e. Sáng tạo: Có cách diễn đạt mới mẻ, thể hiện cảm nhận sâu sắc về vấn đề nghị luận, biết so sánh với các tác phẩm cùng đề tài để thấy được những khám phá riêng, mới mẻ của nhà văn Nam Cao | 0,5 |

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**ĐỀ 31**

**ĐỀ THI CHỌN HSG CẤP HUYỆN**

**NĂM HỌC 2018– 2019**

**Môn: Ngữ Văn – Lớp 8**

*Thời gian: 150 phút, không kể thời gian giao đề*

**I. Phần I: Đọc - hiểu (6,0 điểm)**

**Đọc đoạn thơ sau và trả lời các câu hỏi nêu dưới:**

*Những mùa quả mẹ tôi hái được*

*Mẹ vẫn trông vào tay mẹ vun trồng*

*Những mùa quả lặn rồi lại mọc*

*Như mặt trời, khi như mặt trăng.*

*Lũ chúng tôi từ tay mẹ lớn lên*

*Còn những bí và bầu thì lớn xuống*

*Chúng mang dáng giọt mồ hôi mặn*

*Rỏ xuống lòng thầm lặng mẹ tôi.*

*Và chúng tôi, một thứ quả trên đời*

*Bảy mươi tuổi mẹ mong ngày được hái*

*Tôi hoảng sợ, ngày bàn tay mẹ mỏi*

*Mình vẫn còn một thứ quả non xanh.*

**(**Thơ Việt Nam 1945 - 1985, NXB Văn học, Hà Nội 1985**).**

**Câu 1** (1.0 điểm): Chỉ ra phương thức biểu đạt chính của đoạn thơ trên?

**Câu 2** (1.0 điểm): Nêu nội dung chính của đoạn thơ?

**Câu 3** (2.0 điểm): Hãy chỉ ra và phân tích tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng trong bốn dòng thơ đầu.

**Câu 4** (2.0 điểm): Em có nhận xét gì về tư tưởng của tác giả được thể hiện trong hai dòng thơ *Tôi hoảng sợ, ngày bàn tay mẹ mỏi/Mình vẫn còn một thứ quả non xanh.* (Viết đoạn văn thành 5- 7 dòng).

**II. Phần II: Tạo lập văn bản (14.0 điểm)**

**Câu 1. (4,0 điểm)**

Từ nội dung đoạn thơ trên, hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ), trình bày suy nghĩ về tình mẫu tử.

**Câu 2. (10.0 điểm)**

Có ý kiến cho rằng: ***“Đọc một tác phẩm văn chương, sau mỗi trang sách, ta đọc được cả nỗi niềm băn khoăn, trăn trở của tác giả về số phận con người.”***

Dựa vào hai văn bản: **Lão Hạc** (*Nam Cao*) và **Cô bé bán diêm** (*An - đéc- xen*), em hãy làm sáng tỏ nỗi niềm đó.

**Hết**

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | **Nội dung cần đạt** | | **Điểm** |
| **I. Phần I. Đọc – hiểu** | | | ***6.0*** |
| **Câu** |  | |  |
| **1** | Phương thức biểu đạt chính của đoạn thơ là biểu cảm. | | 1.0 |
| **2** | Nội dung chính của bài thơ: Thể hiện cảm động tình mẫu tử thiêng liêng: tình mẹ dành cho con và tình cảm yêu thương, kính trọng, biết ơn chân thành của người con đối với mẹ. | | 1.0 |
| **3** | Những biện pháp tu từ chủ yếu được sử dụng trong đoạn thơ đầu: Nhân hóa (bí và bầu cũng “lớn”), đối lập (Lớn lên, lớn xuống); hoán dụ (tay mẹ), lặp cấu trúc (ở hai dòng thơ “Những mùa quả”…), so sánh (trong câu “Như mặt trời, khi như mặt trăng”)  Tác dụng nghệ thuật: Nhấn mạnh sự hi sinh thầm lặng và công lao trời bể của mẹ, đồng thời thể hiện nỗi thấu hiểu và lòng biết ơn sâu sắc của nhà thơ đối với mẹ. | | 1.0  1.0 |
| 4 | Câu thơ “*Tôi hoảng sợ, ngày bàn tay mẹ mỏi / Mình vẫn còn một thứ quả non xanh”*, bằng nghệ thuật nói giảm nói tránh “mỏi” và biện pháp ẩn dụ “quả non xanh”, tác giả thể hiện nỗi niềm lo lắng đến hốt hoảng khi nghĩ đến một ngày mẹ tuổi đã già mà mình vẫn chưa đủ khôn lớn, trưởng thành, vẫn là “một thứ quả non xanh”, chưa thể thành “trái chín” mẹ mong. Qua lời tâm sự của tác giả khi nghĩ về mẹ, tự trong lòng mỗi chúng ta dấy lên lòng kính yêu vô hạn đối với cha mẹ và mỗi người đều tự nhủ phải sống sao cho xứng đáng với công lao sinh thành, dưỡng dục của mẹ cha. | | 2.0 |
| **II. Phần II: Tạo lập văn bản** | | | ***14.0*** |
| **Câu 1.** | | | **4.0** |
|  | **1. Yêu cầu về kĩ năng:** – Viết đúng kiểu bài nghị luận xã hội ( khoảng 200 chữ). – Bố cục 3 phần rõ ràng, lập luận chặt chẽ, dẫn chứng xác thực, tiêu biểu. – Trình bày sạch sẽ, sáng sủa, diễn đạt lưu loát, hành văn trong sáng, không mắc lỗi dùng từ, chính tả, ngữ pháp.  - Thể hiện được tư duy sáng tạo của người viết. | | 1.0 |
| **2. Yêu cầu về kiến thức** Học sinh có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng cần làm rõ được các ý cơ bản sau: - Giới thiệu được vấn đề cần nghị luận: tình cảm mẫu tử | | 0.5 |
| - Giải thích được khái niệm tình mẫu tử: là tình mẹ con, nhưng thường được hiểu là tình cảm thương yêu, đùm học, che chở… mà người mẹ dành cho con. | | 0.5 |
| - Bàn luận về các biểu hiện và ý nghĩa của tình mẫu tử: + Tình mẫu tử có vị trí đặc biệt, thiêng liêng và máu thịt nhất vì: đó là thứ tình cảm đầu tiên của mỗi người khi sinh ra và sẽ gắn bó trong suốt cuộc đời, vừa có yếu tố máu thịt (mẹ mang nặng đẻ đau, là người đầu tiên nâng đỡ, yêu thương, sát cánh cùng con trên đường đời), vừa mang tính cao cả (mẹ là nơi nương tựa cho mỗi đứa con sau mỗi lần vấp ngã; là nơi mỗi người con như chúng ta có thể thể lộ mọi điều thầm kín; là nguồn động viên; là tình yêu; là thứ tình cảm vừa tự nhiên, vừa mang tính trách nhiệm (dẫn chứng trong khoa học, trong đời sống thực tế). + Tình mẫu tử còn mang trong mình cái cội rễ sâu xa của lòng nhân ái, cái truyền thống đạo lí – văn hóa và tập quán nghìn đời của dân tộc (dẫn chứng). + Con người sẽ biết bao hạnh phúc, ấm áp nếu được sống trong tình mẫu tử; sẽ vô cùng bất hạnh và thiệt thòi nếu không được hưởng tình cảm đó (dẫn chứng). + Tình mẫu tử sẽ là sức mạnh giúp con người vượt lên những khó khăn của cuộc sống, có khả năng thức tỉnh những đứa con để sống cho tốt hơn, nên người hơn (dẫn chứng). | | 1.0 |
| - Bàn bạc mở rộng + Phê phán những hiện tượng trái với đạo lý (mẹ bỏ rơi con, con bỏ rơi mẹ…) + Trong xã hội hiện đại ngày nay, khi cuộc sống có nhiều biến đổi khi ý thức cá nhân con người được khơi dậy và đề cao… con người càng phải biết trân trọng hơn tình mẫu tử. | | 0.5 |
| - Bài học nhận thức và hành động Khẳng định tầm quan trọng của tình mẫu tử trong cuộc đời của mỗi con người, rút ra phương hướng phấn đấu để đền đáp công ơn lớn lao của mẹ. | | 0.5 |
| **Câu 2.** | | | **10.0** |
|  | | I. Yêu cầu về kỹ năng, hình thức:  - Kiểu bài: Nghị luận chứng minh.  - Vấn đề cần chứng minh: Nỗi niềm băn khoăn, trăn trở của tác giả về số phận con người.  - Phạm vi dẫn chứng: Hai văn bản: Lão Hạc (Nam Cao) và Cô bé bán diêm ( An-đéc-xen). | 1.0 |
| II. Yêu cầu cơ bản về kiến thức:  ***1. Mở bài:***  - Dẫn dắt vấn đề: Vai trò, nhiệm vụ của văn chương: Phản ánh cuộc sống thông qua cách nhìn, cách cảm của mỗi nhà văn...về cuộc đời, con người.  - Nêu vấn đề: trích ý kiến...  - Giới hạn phạm vi dẫn chứng: Hai văn bản Lão Hạc (Nam Cao) và Cô bé bán diêm (An-đéc-xen) | 1.0 |
| ***2. Thân bài:***  *2.1. Giải thích ý kiến “*nỗi niềm băn khoăn, trăn trở của tác giả về số phận con người” -> Đồng cảm, chia sẻ, tiếng nói đòi quyền sống cho con người, tinh thần nhân đạo cao cả... | 1.0 |
| *2.2. Những băn khoăn trăn trở của Nam Cao về số phận những người nông dân qua truyện ngắn Lão Hạc.*  \* Nhân vật lão Hạc:  - Sống lương thiện, trung thực, có nhân cách cao quí nhưng số phận lại nghèo khổ, bất hạnh.  + Sống mòn mỏi, cơ cực: (dẫn chứng)...  + Chết đau đớn, dữ dội, thê thảm: (dẫn chứng)...  - Những băn khoăn thể hiện qua triết lí về con người của lão Hạc: "Nếu kiếp chó là kiếp khổ.... may ra có sướng hơn kiếp người như kiếp tôi chẳng hạn"  - Triết lí của ông giáo: Cuộc đời chưa hẳn...theo một nghĩa khác.  \* Nhân vật con trai lão Hạc: Điển hình cho số phận không lối thoát của tầng lớp thanh niên nông thôn...(dẫn chứng)... | 2.0 |
| *2.3. Những băn khoăn trăn trở của Nam Cao về số phận của những trí thức nghèo trong xã hội:*  - Ông giáo là người có nhiều chữ nghĩa, có nhân cách đáng trọng... nhưng phải sống trong cảnh nghèo túng: bán những cuốn sách... | 1.5 |
| *2.4. Những băn khoăn của An-đéc-xen về số phận của những trẻ em nghèo trong xã hội:*  - Cô bé bán diêm khổ về vật chất: (dẫn chứng)...  - Cô bé bán diêm khổ về tinh thần, thiếu tình thương, sự quan tâm của gia đình và xã hội: (dẫn chứng)... | 1.5 |
| *2.5. Đánh giá chung:*  - Khắc họa những số phận bi kịch... -> giá trị hiện thực sâu sắc  - Đồng cảm, chia sẻ, cất lên tiếng nói đòi quyền sống cho con người ... -> tinh thần nhân đạo cao cả. | 1.0 |
| ***3. Kết bài:***  - Khẳng định lại vấn đề...  - Liên hệ... | 1.0 |

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**ĐỀ 32**

**ĐỀ THI HỌC SINH GIỎI MÔN NGỮ VĂN 8**

**NĂM HỌC 2018 – 2019**

**Thời gian: 120 phút**

**ĐỀ BÀI**

**Câu 1. (4đ)**

Suy nghĩ của em về bài học cuộc sống được gợi ra từ câu chuyện sau đây:

*Có một người mù đi trên một con đường tối, trên tay lại cầm theo một chiếc đèn lồng.*

*Một người thấy thế liền hỏi:*

*-Ông có thấy đường đâu mà phải cầm theo chiếc đèn lồng làm gì?*

*Người mù liền mỉm cười trả lời:*

*-Tôi cầm theo chiếc đèn này là để người khác không đâm sầm vào tôi.*

*Làm vậy có thể giữ an toàn cho bản thân mình.*

*(Trích: Bài học lớn từ những câu chuyện nhỏ)*

**Câu 2.(6đ):**

Có người cho rằng*: “ Đồng cảm với số phận của người nông dân Việt Nam trước Cách mạng, đồng thời ngợi ca những phẩm chất cao quý của họ là những biểu hiện quan trọng của giá trị nhân đạo trong truyện ngắn “Lão Hạc” của Nam Cao.”*

Em hiểu ý kiến trên như thế nào? Từ thực tế cảm nhận truyện ngắn *“Lão Hạc”* của *Nam Cao( Ngữ văn 8, tập 1)* hãy làm sáng tỏ.

**----HẾT---**

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

**A. HƯỚNG DẪN CHUNG**

- Đánh giá điểm tối đa khi đảm bảo đầy đủ các yêu cầu về kiến thức và kĩ năng.

- Do đặc trưng của bộ môn Ngữ văn nên GV cần chủ động, linh hoạt trong việc vận dụng đáp án và thang điểm; khuyến khích những bài viết có cảm xúc, sáng tạo.

- Điểm toàn bài thi là tổng điểm thành phần của từng câu, cho điểm lẻ đến 0,25.

**B. HƯỚNG DẪN CỤ THỂ:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **Câu 1** | **Suy nghĩ của em về bài học cuộc sống được gợi ra từ câu chuyện:** | **4,0** |
|  | **1.Yêu cầu về kĩ năng:**  **-**Học sinh biết cách làm bài văn nghị luận xã hội bàn về một bài học cuộc sống được gợi ra từ nội dung của một câu chuyện.  -Bài văn có bố cục và cách trình bày hợp lí, hệ thống luận điểm rõ ràng, các ý triển khai tốt, dẫn chứng phù hợp.  -Diễn đạt trôi chảy, sáng tạo, mắc ít lỗi chính tả dùng từ và ngữ pháp chính xác. | 0,25 |
|  | **2.Yêu cầu về nội dung và cho điểm:**  Học sinh có thể trình bày theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo những ý cơ bản mang tính định hướng dưới đây. |  |
|  | **A.Mở bài: Giới thiệu vấn đề cần nghị luận.**  **-**Để tồn tại con người cần trang bị cho mình nhiều kĩ năng…  -Một trong số những kĩ năng quan trọng ấy được đề cập qua câu chuyện về một người mù trích trong *Bài học lớn từ những câu chuyện nhỏ…* | 0,25 |
|  | **B.Thân bài:**  **1.Tóm tắt nội dung, giải thích ý nghĩa câu chuyện:**  -Tóm tắt: Một người mù đã mang theo một chiếc đèn lồng để đi trên một con đường tối. Có người thắc mắc tại sao. Ông nói với họ rằng làm như vậy là để không bị người khác đâm sầm vào, có thể giữ an toàn cho bản thân mình.  -Giải thích: Người mù đã lường trước được rủi ro có thể xảy ra khi ông di chuyển trên đường vào buổi đêm. Ông đã phòng tránh bằng cách mang đèn lồng để người đi đường không va phải. Như vậy ông đã tự trang bị cho mình những yếu tố phù hợp với hoàn cảnh. Chính sự chuẩn bị chu đáo ấy đã giúp người mù di chuyển một cách thuận lợi và giữ an toàn cho bản thân cũng như an toàn cho người khác. | 0,5  0,5 |
|  | **2.Trình bày suy nghĩ:**  **a. Câu chuyện gửi đến chúng ta một bài học nhẹ nhàng mà thấm thía về sự chủ động của con người trong cuộc sống:**  Không để đến khi sự việc xảy ra mới hành động, để tránh những rủi ro không đáng có, con người cần có những chuẩn bị cần thiết, cần chủ động trong mọi hoàn cảnh.  **b. Tại sao cần chủ động trong cuộc sống:**  + Cuộc sống luôn tiềm ẩn những sự cố bất ngờ, nếu không chuẩn bị trước , con người khó có thể khắc phục, giải quyết, giảm thiểu sự rủi ro; bên cạnh đó, không phải ai cũng có khả năng giải quyết những bất trắc khi nó xảy đến vì con người luôn có những hạn chế, điểm yếu, không có sự chuẩn bị sẽ trở tay không kịp…  + Chủ động là yếu tố quan trọng giúp con người có thể sống tốt trong mọi điều kiện, hoàn cảnh. Có sự chủ động, con người có thể xử lí một cách nhanh chóng, dễ dàng những tình huống bất thường; có thể tự tin hơn, mạnh dạn hơn khi hành động; con người sẽ làm chủ được bản thân, thích nghi với hoàn cảnh và có thể tồn tại được trong một thế giới vốn tiềm ẩn không ít nguy cơ và sự rủi ro này…  **c. Nên rèn luyện như thế nào để trở thành người luôn biết chủ động với cuộc sống của chính mình?**  - Mỗi người cần phải nhận thức đúng về bản thân mình với những điểm mạnh, điểm yếu; phải để ý, quan sát con người và cuộc sống xung quanh; rút ra kinh nghiệm từ những sai lầm, tự trang bị cho mình những kiến thức, kĩ năng cần thiết; luôn có ý thức phòng ngừa, lường trước những tình huống xảy ra, biết cách thay đổi bản thân cho phù hợp với hoàn cảnh…  - Trong thực tế vẫn còn nhiều người sống chủ quan, thụ động gặp chăng hay chớ; và không phải lúc nào con người cũng dự đoán hết, chính xác mọi tình huống xảy ra, tuy nhiên có sự chuẩn bị vẫn hơn đừng để “ nước đến chân mới nhảy”; kể cả trong cuộc sống hiện đại, với nhiều thành tựu khoa học tiên tiến thì sự chuẩn bị trước mọi tình hướng vẫn là điều cần thiết…. | 0,5  0,5  0,5  0,25  0,5 |
|  | **C. Kết bài:**  - Bài học mà câu chuyện để lại luôn đúng với mọi thời đại.  - Liên hệ bản thân, rút ra kinh nghiệm, định hướng cho một lối sống đúng đắn phù hợp. | 0,25 |
|  | **Lưu ý*:*** *Bên cạnh lí lẽ, thí sinh cần sử dụng các dẫn chứng một cách phù hợp để minh họa.* |  |
| **Câu 2** | **Có người cho rằng*: “ Đồng cảm với số phận của người nông dân Việt Nam trước Cách mạng, đồng thời ngợi ca những phẩm chất cao quý của họ là những biểu hiện quan trọng của giá trị nhân đạo trong truyện ngắn “Lão Hạc” của Nam Cao.”***  **Em hiểu ý kiến trên như thế nào? Từ thực tế cảm nhận truyện ngắn *“Lão Hạc”* của *Nam Cao( Ngữ văn 8, tập 1)* hãy làm sáng tỏ.** | **6,0** |
|  | **1.Yêu cầu về kĩ năng:**  - Học sinh biết cách làm một bài văn nghị luận chứng minh văn học để làm sáng tỏ ý kiến bàn về giá trị nội dung của truyến ngắn Lão Hạc.  - Bố cục bài làm chặt chẽ, hợp lí đầy đủ ba phần: mở bài, thân bài, kết bài. Luận điểm rõ ràng, luận cứ xác thực, dẫn chứng nêu và phân tích đúng hướng.  - Diễn đạt trôi chảy trong sáng, có cảm xúc, dùng từ ngữ chính xác, ít mắc lỗi chính tả, đúng ngữ pháp. | 0,25 |
|  | **2.Yêu cầu về nội dung và cho điểm:**  Học sinh có thể sắp xếp, trình bày theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo những ý cơ bản mang tính định hướng dưới đây. |  |
|  | **A.Mở bài:**  -Giới thiệu được những nét cơ bản về *Nam Cao* và truyện ngắn *LãoHạc,*…  -Trích dẫn ý kiến nói về gía trị nhân đạo của tác phẩm *Lão Hạc…* | 0,5 |
|  | **B.Thân bài:**  **1.Giải thích ý kiến:**  **-***Nhân đạo*: Tình yêu thương, ý thức tôn trọng giá trị, phẩm chất của con người..  *-Tinh thần nhân đạo* trong tác phẩm văn học thường thể hiện ở các nội dung: Lên án các thế lực chà đạp nhân phẩm con người; cảm thông , chia sẻ với những số phận bất hạnh; ca ngợi những phẩm chất trong sáng, cao đẹp, trân trọng, nâng niu những ước mơ, khát vọng và tin tưởng ở khả năng vươn dậy của con người dù trong bất kì hoàn cảnh nào…  *-Giá trị nhân đạo* là một trong những tiêu chí cơ bản để đánh giá sự thành công về mặt nội dung của một tác phẩm văn học…  -Ý kiến trên hoàn toàn đúng, đã chỉ ra được mặt thành công về mặt nội dung của truyện *Lão Hạc, giá trị nhân đạo* biểu hiện ở hai khía cạnh quan trọng: “ *Đồng cảm với số phận của người nông dân Việt Nam trước Cách mạng” và “ ngợi ca những phẩm chất cao quý của họ”…* | 0,25  0,25  0,25  0,25 |
|  | **2. Chứng minh ý kiến: giá trị nhân đạo của truyện ngắn Lão Hạc.**  **2.1: Giá trị nhân đạo của truyện ngắn Lão Hạc, trước hết được biểu hiện qua tấm lòng đồng cảm của nhà văn Nam Cao đối với số phận bất hạnh của người nông dân Việt Nam trước Cách mạng tháng 8-1945:**  -*Thương cho hoàn cảnh lão Hạc*: góa vợ, nhà nghèo, con bỏ đi phu, sống cô đơn với con chó Vàng làm bạn…  -*Ái ngại trước bao nhiêu tai họa thi nhau giáng xuống quãng đời già nua, khốn khó của lão:* ốm đau, bão gió, mất mùa, thóc cao gạo kém, thất nghiệp, không nuôi nổi cậu Vàng đành bán; bản thân phải ăn đói, nhịn khát, sự túng bấn ngày càng nặng nề thêm…  -*Thấu hiểu, chia sẻ với tâm tư của lão Hạc:* giằn vặt vì thương con mà không giữ được nó cho mình; ân hận, xót xa vì “ trót đánh lừa” *cậu Vàng* yêu quý; trăn trở, lo toan về tương lai, cuộc đời của con…  *-Buồn đến xót xa khi chứng kiến cái chết của lão Hạc:* một cái chết đau đớn, thê thảm, dữ dội…  -*Hóa thân vào nhân vật ông giáo:* lắng nghe lão Hạc chia sẻ những buồn đau, điêu đứng, thất vọng…,nhận lãnh những trách nhiệm mà lão Hạc trao gửi…  -Cuộc sống khốn cùng, cái chết bi thương của lão Hạc nói lên thấm thía số phận bi thảm, tối tăm của những người nông dân Việt Nam trước Cách mạng, đồng thời qua đó nhà văn gửi gắm biết bao tình thương xót dành cho họ… | 0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25 |
|  | **2.2. Một biểu hiện quan trọng khác của giá trị nhân đạo trong tác phẩm là nhà văn đã trân trọng, ngợi ca những phẩm chất cao quý, ngời sáng trong tâm hồn người nông dân:**  **-***Tình yêu thương và đức hi sinh:*  + Ở lão Hạc sáng ngời lên tấm lòng của một người cha: thương con vì nghèo không lấy được vợ phẫn chí đi phu, luôn suy nghĩ và lo lắng cho tương lai của con, chắt bóp để dành tiền cho con, quyết chí giữ mảnh vườn để con mãn hạn đi phu về cưới vợ, hi sinh cả mạng sống của mình vì muốn cho đời con được hạnh phúc…  + Tình thương yêu còn thể hiện qua việc lão đối xử rất nhân hậu với cậu Vàng- kỉ vật mà con để lại: gọi tên, cho ăn, tắm táp, chuyện trò, cưng nựng, coi nó như một thành viên trong gia đình…  -*Bản tính lương thiện, ý thức tự trọng:*  + Lão Hạc thà đói nhất quyết không ngữa tay phiền lụy xóm làng, thà chết không bán mảnh vườn mà người vợ quá cố để lại cho con, trước khi chết còn gửi tiền lại để nhờ hành xóm lo ma chay, từ chối mọi rủ rê của Binh Tư và quyết không làm điều xằng bậy; cảm thấy có lỗi vì *trót đánh lừa một con chó,*  chọn cách chết bằng bả chó như để tạ lỗi với cậu Vàng…  -Khám phá, ca ngợi những phẩm chất cao đẹp, trong sáng của tâm hồn lão Hạc, nhà văn gửi gắm niềm tin sâu sắc vào bản tính lương thiện và khả năng vươn dậy của con người dù trong bất kì hoàn cảnh nào… | 0,25  0,25  0,5  0,25 |
|  | **3.3. Tài năng nghệ thuật xuất sắc của nhà văn Nam Cao trong truyện ngắn Lão Hạc:**  **-**Nghệ thuật kể chuyện: tự sự xen lẫn trữ tình, triết lí sâu sắc; chọn ngôi kể phù hợp với việc bộc lộ cảm xúc, bày tỏ thái độ;  -Miêu tả tâm lí nhân vật tinh tế qua ngoại hình và nội tâm, đi sâu vào những tâm tư của nhân vật xung quanh việc bán cậu Vàng và việc lão lẳng lặng chuẩn bị cho cái chết của mình để từ đó số phận đáng thương và nhân cách cao quý của lão Hạc bộc lộ một cách chân thực, cảm động… | 0,5  0,5 |
|  | **C.Kết bài:**  **-**Lời nhận định sâu sắc và chí lí, truyện Lão Hạc và tác giả Nam Cao hoàn toàn xứng đáng với sự tôn vinh…  -Liên hệ bản thân: trân trọng tác phẩm, quý mến nhà văn, biết yêu thương, đồng cảm,xây đắp niềm tin,… | 0,5 |
|  | **Lưu ý:** *giám khảo cân nhắc để cho mức điểm phù hợp của từng phần và toàn bài văn. Đối với những bài viết một trong các yêu cầu về kĩ năng hoặc chỉ phân tích tác phẩm một cách thuần túy mà không theo định hướng đặt ra, không cho quá 3,0 điểm.* |  |

**---HẾT----  
\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**ĐỀ 33**

**ĐỀ THI HSG NGỮ VĂN 8 HUYỆN GIA LỘC**

**NĂM HỌC 2018 – 2019**

***Thời gian làm bài: 120 phút***

*(Đề gồm 02 câu, 01 trang)*

**Câu 1. *(4,0 điểm)***

*“Tôi chọn bài ca của mùa hạ nắng  
Tôi chọn bài ca của người gieo hạt  
Hôm nay là mầm, mai sẽ thành cây  
Khổ đau dẫu nhiều tôi chọn niềm vui  
Là suối mát lòng tôi gửi bạn  
Một cuộc đời - một bài ca duy nhất”*

(Trích trong Tuyển thơ *Gió và tình yêu thổi trên đất nước tôi* - Lưu Quang Vũ)

Suy nghĩ của em về vấn đề đặt ra trong đoạn thơ trên.

**Câu 2.*****(6,0 điểm)***

Nhà văn Lâm Ngữ Đường (Trung Quốc) cho rằng:

*“Văn chương bất hủ cổ kim đều viết bằng huyết lệ”*

Em hiểu như thế nào về ý kiến trên. Hãy làm sáng rõ qua hai văn bản “Lão Hạc” của Nam Cao, “Tức nước vỡ bờ” (Trích “Tắt đèn”) của Ngô Tất Tố (SGK Ngữ văn 8- Tập 1).

---------------------Hết-------------------

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

**A. YÊU CẦU CHUNG**

- Giám khảo nắm được nội dung trình bày trong bài làm của học sinh để đánh giá một cách khái quát, tránh đếm ý cho điểm. Vận dụng linh hoạt đáp án, nên sử dụng nhiều mức điểm một cách hợp lí; khuyến khích những bài viết có cảm xúc và sáng tạo phát triển được năng lực của học sinh.

- Học sinh có thể làm bài theo nhiều cách riêng nhưng đáp ứng được các yêu cầu cơ bản của đề, diễn đạt tốt vẫn cho đủ điểm.

- *Lưu ý: Điểm bài thi có thể lẻ đến 0,25 điểm, không làm tròn số*.

**B. YÊU CẦU CỤ THỂ**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung đạt được** | **Điểm** |
| **Câu 1** | **1. Tiêu chí về nội dung các phần bài viết:** | **3,5** |
| **a. Mở bài:**  - Dẫn dắt, giới thiệu vấn đề nghị luận. | **0,25** |
| **b. Thân bài:** | **3,0** |
| ***\* Giải thích nội dung đoạn thơ:***  - *“Bài ca của mùa hạ nắng”* chỉ cách sống tràn đầy nhiệt huyết để tỏa sáng giá trị của bản thân.  - *“Bài ca người gieo hạt”* là lối sống cống hiến hết mình cho cuộc đời.  - *“Chọn niềm vui”*: đó là phương châm sống tích cực, lạc quan.  🡪 Lưu Quang Vũ đã đưa ra một quan điểm về cách sống đẹp: đó là sống hết mình, tràn đầy nhiệt huyết và biết cống hiến; luôn tích cực và lạc quan trước những buồn đau của cuộc đời. | 0,75 |
| ***\* Lí giải vấn đề***  ***+ Vì sao cần sống hết mình, sống cống hiến:***  - Làm cho cuộc sống của mỗi người trở nên có ý nghĩa.  - Để cho tên tuổi của mỗi người còn mãi với thời gian; được mọi người tôn trọng kính nể.  - Có hướng phấn đấu vươn lên, hoàn thiện bản thân, khẳng định giá trị  của bản thân và đạt được những thành công trong cuộc sống.  - Cũng là một cách để thể hiện lòng biết ơn. | 1,0 |
| **+ *Vì sao phải lựa chọn lối sống tích cực, lạc quan***  - Cuộc sống có sự đan xen niềm vui, nỗi buồn; hạnh phúc, khổ đau.  - Sống tích cực, lạc quan sẽ giúp con người luôn có tâm lí tốt, vượt qua mọi khó khăn, vươn tới thành công.  - Mang lại niềm vui cho người khác cũng là đem lại niềm vui cho chính mình. | 0,75 |
| \* ***Bàn luận mở rộng; liên hệ bản thân***  + Phê phán lối sống mờ nhạt, ích kỉ, sống hờ hững với cuộc đời, không có khát vọng, đam mê; sống bi quan, tiêu cực.  + Bài học: Mỗi người cần biết sống hết mình, sống có trách nhiệm, nhiệt huyết, đam mê, có lý tưởng và nỗ lực hết mình để đạt được nó; cần dấn thân, trải nghiệm dù có thất bại, vấp ngã cũng không hối tiếc ; luôn suy nghĩ tích cực và lạc quan trước cuộc đời. | 0,5 |
|  | **c. Kết bài:**  - Khẳng định, khái quát lại vấn đề.  - Liên hệ bản thân.  *+ Mức tối đa (3,5 điểm):* Đạt các yêu cầu trên.  *+ Mức chưa tối đa (0,25-> 3,25 điểm):* Căn cứ vào bài làm của HS cho điểm hợp lí.  *+ Mức không đạt (0 điểm):* Không làm bài hoặc làm lạc đề. | **0,25** |
|  | **2. Tiêu chí về hình thức:**  - Viết đúng kiểu bài nghị luận xã hội.  - Bố cục ba phần rõ ràng.  - Luận điểm chính xác, thuyết phục; dẫn chứng tiêu biểu, cụ thể; lời văn có cảm xúc; chữ viết sạch đẹp.  - Không mắc lỗi dùng từ, viết câu.  *+ Mức tối đa (0,5 điểm):* Đáp ứng các yêu cầu trên.  *+ Mức chưa tối đa (0,25 điểm):* Căn cứ vào bài làm của HS cho điểm hợp lí. | **0,5** |
| **Câu 2** |  | **6,0** |
|  | **1. Tiêu chí về nội dung:**  *+ Mức tối đa (5,0 điểm):* Đáp ứng tốt các yêu cầu.  *+ Mức chưa tối đa (0,25-> 4,75 điểm):* Căn cứ vào bài làm của HS cho điểm hợp lí.  *+ Mức không đạt (0 điểm):* Không làm bài hoặc làm lạc đề. | **5,0** |
| **a. Mở bài:**  - Dẫn dắt, giới thiệu vấn đề nghị luận.  - Trích dẫn ý kiến, nêu phạm vi dẫn chứng. | **0,5** |
| **b. Thân bài :** | **4,0** |
| ***b1. Giải thích ý kiến :***  - Cổ kim: xưa nay, muôn đời, mọi thời kì.  - Bất hủ: có giá trị, sức sống, tầm vóc.  - Văn chương bất hủ cổ kim: Văn chương có giá trị muôn đời.  - Huyết lệ: máu và nước mắt. Đây là cách nói hình ảnh để chỉ sự xúc động, niềm xót thương, nỗi đau quặn thắt của nhà văn.  🡪 Câu nói của Lâm Ngữ Đường đề cập tới bản chất của văn chương có giá trị muôn đời bao giờ cũng phải được tạo thành từ niềm xúc động mãnh liệt và tình yêu thương của nghệ sĩ.  - Hay nói cách khác, tác phẩm văn chương có tầm vóc phải chứa đựng giá trị nhân đạo sâu sắc. | 0,5 |
| ***b2.*** ***Chứng minh nhận định qua hai tác phẩm :***  *-* ***Giới thiệu chung về Nam Cao và Ngô Tất Tố cùng 2 văn bản*** :  + Hai nhà văn tài năng và tâm huyết  + Khẳng định với những cách thể hiện khác nhau nhưng hai văn bản đều tỏa sáng tinh thần nhân đạo sâu sắc. | 0,25 |
| *-* ***Biểu hiện của tinh thần nhân đạo trong các tác phẩm:***  *+ Tiếng nói cảm thông với những khổ đau, bất hạnh của con người*  - Truyện *“Lão Hạc”:* Nam Cao cảm thương cho lão Hạc, một lão nông dân nghèo khổ bất hạnh, đáng thương; cảm thông với tấm lòng của người cha rất mực yêu thương con,… (phân tích dẫn chứng)  - Văn bản *“Tức nước vỡ bờ”:* Ngô Tất Tố đã thấu hiểu, cảm thông sâu sắc với nỗi cơ cực, bế tắc của người nông dân qua tình cảnh thê thảm đáng thương của gia đình chị Dậu trong buổi sáng lúc bọn tay sai ập đến (phân tích dẫn chứng) | 0,5 |
| *+ Lời ngợi ca trân trọng, tin tưởng những phẩm chất tốt đẹp của con người*  - Với *“Lão Hạc”,* Nam Cao đã trân trọng ngợi ca lão Hạc: tấm lòng đôn hậu, trái tim giàu tình yêu thương, lối sống tự trọng (phân tích dẫn chứng)  - Trong *“Tức nước vỡ bờ”,* Ngô Tất Tố với tinh thần nhân đạo của nhà văn đầy tâm huyết đã phát hiện và ngợi ca tâm hồn cao đẹp của chị Dậu, người phụ nữ nông dân Việt Nam hiền lành chất phác nhưng giàu tình yêu thương chồng con và tinh thần phản kháng mãnh liệt (phân tích dẫn chứng) | 0,5 |
| *+ Tiếng nói lên án, phê phán cái xấu, cái ác, sự bất công*  - Văn bản *“Lão Hạc”* gián tiếp tố cáo xã hội phong kiến với những hủ tục nặng nề đã gây ra bao đau khổ cho con người.  - Với *“Tức nước vỡ bờ”*, Ngô Tất Tố đã lên án bộ mặt tàn ác bất nhân của xã hội thực dân nửa phong kiến đương thời qua hai nhân vật cai lệ và người nhà lí trưởng … | 1,5 |
| *\* Nghệ thuật biểu hiện tinh thần nhân đạo trong hai văn bản*  - Nam Cao qua văn bản *“Lão Hạc”*: Cốt truyện độc đáo, lựa chọn ngôi kể hợp lí, lối kể chuyện tâm tình, thể hiện nhân vật qua chiều sâu tâm lí với diễn biến tâm trạng phức tạp,...  - Ngô Tất Tố qua đoạn trích *“Tức nước vỡ bờ”*: tình huống truyện đầy kịch tính, kết hợp tự sự với trữ tình, thể hiện nhân vật qua ngôn ngữ, cử chỉ, hành động,....  🡺 Cả hai nhà văn, bằng nghệ thuật kể chuyện đặc sắc đã bộc lộ rõ tinh thần nhân đạo sâu sắc của mình trong từng văn bản. | 0,5 |
| ***b3. Đánh giá, mở rộng:***  - Tác phẩm có giá trị là tác phẩm được tạo nên bởi tình yêu thương sâu sắc của nhà văn dành cho con người. Bên cạnh đó, còn cần hình thức nghệ thuật đặc sắc để truyền tải nội dung. Và hai văn bản trên đã đạt được điều đó. | 0,25 |
|  |  |
|  | **c. Kết bài:**  - Khẳng định lại ý kiến.  - Nêu cảm nghĩ, liên hệ… | **0,5** |
| **2. Tiêu chí về hình thức:**  -Viết đúng kiểu bài nghị luận văn học; sử dụng tốt các thao tác lập luận giải thích, chứng minh, phân tích.  - Bố cục ba phần rõ ràng.  - Luận điểm chính xác, thuyết phục; dẫn chứng tiêu biểu, cụ thể; lời văn có cảm xúc; chữ viết sạch đẹp.  - Không mắc lỗi dùng từ, viết câu.  *+ Mức tối đa (05 điểm):* Đạt các yêu cầu trên.  *+ Mức chưa tối đa (0,25 điểm):* Căn cứ vào bài làm của HS cho điểm hợp lí. | **0,5** |
| **3. Sáng tạo:**  ***+*** *Mức tối đa (0,5 điểm):* Diễn đạt sinh động, giàu hình ảnh, hấp dẫn, biết sử dụng các yếu tố biểu cảm, tự sự, miêu tả trong bài nghị luận một cách hợp lí.  *+ Mức chưa tối đa (0,25 điểm):* Có sáng tạo song chưa đạt các yêu cầu trên. | **0,5** |

---------------------Hết-------------------

*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*8*

**ĐỀ 34**

**ĐỀ THI HSG NGỮ VĂN 8 HUYỆN**

**Năm học: 2018** - **2019**

Thời gian: 150 phút (Không kể thời gian giao đề)

**Câu 1**. ***(1,0 điểm)***

Phân tích giá trị của biện pháp tu từ mà các nhà thơ đã sử dụng để miêu tả dòng sông:

… *Chỉ còn tiếng đàn ngân nga*

*Với một dòng trăng lấp loáng sông Đà.*

(Quang Huy, *Tiếng đàn Ba-la-lai-ca trên sông Đà*)

… *Sông được lúc dềnh dàng*

*Chim bắt đầu vội vã*

(Hữu Thỉnh, *Sang thu*)

**Câu 2**. ***(3,0 điểm)***

Suy nghĩ của em về vấn đề bạo lực học đường hiện nay.

**Câu 3.** ***(6,0 điểm)***

… *Bắt rễ ở cuộc đời hàng ngày của con người, văn nghệ lại tạo được sự sống cho tâm hồn con người. Nghệ thuật mở rộng khả năng của tâm hồn, làm cho con người vui buồn nhiều hơn, yêu thương và căm hờn được nhiều hơn*…

(Nguyễn Đình Thi, *Tiếng nói của văn nghệ*, NXB Văn học, Hà Nội, 1997).

Em hiểu như thế nào về ý kiến trên? Làm sáng tỏ qua truyện ngắn *Lão Hạc* của Nam Cao (Ngữ văn 8, tập 1, NXBGD Việt Nam, 2016).

……………Hết…………………

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung cần đạt** | **Điểm** |
| **Câu 1** |  | **1,0 đ** |
|  | ***HS phát hiện đúng biện pháp tu từ***  - Câu thơ của Quang Huy dùng biện pháp ẩn dụ qua từ *dòng trăng* để miêu tả dòng sông. | 0,25 |
| - Câu thơ của Hữu Thỉnh dùng biện pháp nhân hóa qua từ *dềnh* *dàng* để miêu tả dòng sông | 0,25 |
|  | ***HS phân tích hiệu quả của biện pháp tu từ***  - Sử dụng biện pháp ẩn dụ, ngầm so sánh dòng sông phản chiếu ánh trăng là *dòng trăng lấp loáng,* câu thơ của Quang Huy làm hiện lên hình ảnh dòng sông tuyệt đẹp, nên thơ và cảm xúc của nhà thơ trở nên lãng mạn, bay bổng. | 0,25 |
| - Hữu Thỉnh sử dụng biện pháp nhân hóa vừa miêu tả sự chuyển động nhẹ nhàng của dòng sông, vừa thể hiện nỗi niềm của thiên nhiên, tạo vật: dòng sông lắng lại, lững lờ như ngẫm ngợi, suy tư trước thời khắc giao mùa từ hạ sang thu. | 0,25 |
| **Câu 2** |  | **3,0 đ** |
|  | ***\* Yêu cầu về kĩ năng***: Nắm vững kĩ năng làm bài nghị luận xã hội. Bố cục hợp lí, lập luận chặt chẽ, lí lẽ sắc sảo. Diễn đạt, hành văn trong sáng, giàu cảm xúc.  ***\* Yêu cầu về kiến thức***: Thí sinh có thể nêu những ý kiến riêng và trình bày theo nhiều cách khác nhau, nhưng cần hợp lí, chặt chẽ, thuyết phục. Dưới đây là những gợi ý cơ bản: |  |
| **+ Giải thích:**  - Bạo lực học đường là những hành vi thô bạo, ngang ngược, bất chấp công lý, đạo lý, xúc phạm trấn áp người khác gây nên những tổn thương về tinh thần và thể xác diễn ra trong phạm vi trường học. | **0,5 đ** |
| **+ Thực trạng**  - Biểu hiện của hiện tượng bạo lực học đường:  + Xúc phạm, lăng mạ, sỉ nhục, đay nghiến, chà đạp nhân phẩm, làm tổn thương về mặt tinh thần con người thông qua lời nói.  + Đánh đập, tra tấn, hành hạ, làm tổn hại về sức khỏe, xâm phạm cơ thể con người thông qua những hành vi bạo lực.  - Thí sinh nêu dẫn chứng minh họa | **0,5** |
|  | **+ Nguyên nhân - Hậu quả**  ***- Nguyên nhân:***  + Đối với học sinh: Đây là lứu tuổi mới lớn, muốn thể hiện mình; chịu ảnh hưởng các trò chơi trên mạng, phim ảnh bạo lực; sư giáo dục của gia đình chưa chặt chẽ, nghiêm khắc …  + Sự giáo dục trong nhà trường: nặng về dạy kiến thức văn hóa, thầy cô bất lực trong phương pháp giáo dục, thiếu tôn trọng học sinh, thiếu thân thiện trong môi trường giáo dục…  + Xã hội thờ ơ, dửng dưng, buông xuôi, chưa có sự quan tâm đúng mức, những giải pháp thiết thực, đồng bộ, triệt để…  ***- Hậu quả:***  + Với nạn nhân: tổn thương về thể xác, tinh thần,…  + Với người gây ra bạo lực: Bị mọi người lên án, xa lánh, căm ghét, pháp luật trừng trị…  + Với xã hội: bất ổn, hoang mang,… | **1,0** |
| **+ Giải pháp:**  - Tuyên truyền, giáo dục tác hại của bạo lực học đường, xây dựng môi trường thân thiện trong giáo dục, tăng cường phối hợp giữa gia đình - nhà trường - xã hội,…  - Thể hiện thái độ sống đúng đắn của bản thân, tu dưỡng đạo đức, nhân cách; tích cực than gia môi trường giáo dục: trường học thân thiện học sinh tích cực… | **1,0** |
| **Câu 3** |  | **6,0 đ** |
|  | ***\* Yêu cầu về kĩ năng***: Thí sinh hiểu đúng yêu cầu của đề bài; vận dụng tốt các kĩ năng làm văn để viết bài văn nghị luận văn học; bố cục ba phần rõ ràng; lập luận chặt chẽ, mạch lạc; dẫn chứng phong phú, tiêu biểu; không mắc các lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp; khuyến khích những bài viết sáng tạo.  ***\* Yêu cầu về kiến thức***: Thí sinh có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau trên cơ sở hiểu rõ yêu cầu của đề bài. Bài viết phải giải thích, lí giải rõ nhận định của Nguyễn Đình Thi và chứng minh bằng việc phân tích tác phẩm Lão Hạc của Nam Cao. Cụ thể cần đảm bảo những ý cơ bản sau: |  |
| **I. Mở bài**: Nêu vấn đề nghị luận, giới hạn vấn đề | **0,25** |
| **II. Thân bài** | **5,5** |
| **1. Giải thích nhận định** | 0,5 |
| - *Bắt rễ ở cuộc đời hàng ngày của con người*: văn học bắt nguồn từ hiện thực cuộc sống.  - *văn nghệ lại tạo được sự sống cho tâm hồn người, mở rộng khả năng của tâm hồn*: văn nghệ giúp con người sống phong phú hơn, tự hoàn thiện nhân cách, tâm hồn mình.  - *vui buồn, yêu thương, căm hờn*: là những trạng thái cảm xúc, thể hiện sự nhạy cảm, những rung động mãnh liệt, sâu xa của con người. Tác phẩm văn học vừa là kết tinh tâm hồn của người sáng tác, vừa là sợi dây truyền cho người đọc sự sống, cảm xúc mà nghệ sĩ mang trong lòng.  => Nhận định khẳng định vai trò, chức năng to lớn của văn học trong việc hình thành và bồi đắp tâm hồn, tình cảm, nhân cách cho con người. |  |
|  | **2. Phân tích, chứng minh** |  |
|  | ***a. Truyện ngắn “Lão Hạc” “bắt rễ ở cuộc đời”*** | 1,0 |
|  | - Đó là hiện thực xã hội thực dân phong kiến tàn ác, vô nhân đạo trước Cách mạng tháng Tám 1945 với sưu cao thuế nặng, đè nén bóc lột con người đến tận xương tủy… |  |
|  | - Đó là hiện thực về số phận của những người nông dân trước Cách mạng tháng Tám 1945 (liên hệ với những nhân vật trong sáng tác của Nam Cao: Chí Phèo,…; trong sáng tác văn chương đương thời: chị Dậu (Tắt đèn – Ngô Tất Tố), bé Hồng (Ngững ngày thơ ấu – Nguyên Hồng). |  |
|  | ***b. Truyện ngắn Lão Hạc làm cho con người “vui buồn nhiều hơn, yêu thương nhiều hơn”*** |  |
|  | - ***Người đọc cảm thương sâu sắc cho số phận bất hạnh của lão Hạc***  + Vợ mất sớm, nhà nghèo, con trai phẫn chí bỏ đi đồn điền cao su.  + Sống cô đơn trong tuổi già, đối diện với nhiều rủi ro; ốm nặng, yếu, không có việc, hoa màu bị bão phá sạch.  + Có con chó vàng làm bầu bạn nhưng phải bán đi vì cảnh nghèo.  + Luôn canh cánh thương con, vì chưa lo được cho con trọn vẹn.  + Cùng đường, phải tìm đến cái chết thương tâm.  - ***Người đọc nâng niu phẩm chất tốt đẹp của lão Hạc***  + Giàu lòng nhân ái, có tấm lòng vị tha, nhân hậu  + Là người cha vô cùng thương con, lo lắng cho con  + Giàu lòng tự trọng  - ***Người đọc trân trọng thông điệp của nhà văn***: Hãy tin tưởng vào nhân phẩm của con người, tin vào thiện lương đẹp đẽ của người nông dân Việt Nam nói chung. Rất cần một *đôi mắt* để nhìn đời, nhìn người nhân ái hơn, người hơn!  (Thí sinh phân tích dẫn chứng) | **1,0**  **1,0**  **1,0** |
|  | ***c. Truyện Lão Hạc làm cho con người “căm hờn” nhiều hơn*** | **0,5** |
|  | - Lên án chế độ thưc dân phong kiến tàn ác bất công đã đẩy lão Hạc và những người như con trai lão Hạc, ông giáo, gia đình ông giáo,… vào số kiếp bi thương. |  |
|  | **3. Đánh giá, tổng kết** | **0,5** |
|  | - Với tài năng và tâm huyết, nhà văn Nam Cao đã phản ánh trung thực cuộc đời và số phận của người nông dân Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám. Tác phẩm là sợi dây truyền cho người đọc sự sống mà tác giả mang trong lòng.  - Bài học với người nghệ sĩ: Người nghệ sĩ phải sống sâu sắc với cuộc đời, với con người, phải có trách nhiệm với việc cầm bút của mình. Thông qua tác phẩm, tác giả phải guwiur được những thông điệp mang giá trị nhân văn sâu sắc, như vậy tác phẩm mới có sức sống trường tồn trong lòng người đọc.  - Bài học với người tiếp nhận: Với người đọc, phải đồng cảm, tri âm với tác giả thông qua tác phẩm. Có như vậy tâm hồn người đọc mới được bồi đắp, trờ nên giàu có và tràn đầy niềm tin yêu cuộc sống. |  |
|  | **Kết bài**: Khẳng định vấn đề | **0,25** |

*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\**

**ĐỀ 35**

**KỲ KHẢO SÁT CHẤT LƯỢNG MŨI NHỌN**

**LỚP 6, 7, 8 - NĂM HỌC 2013-2014**

**Câu 1.**  *( 4 điểm)*

Nêu và phân tích giá trị của các biện pháp tu từ được sử dụng trong hai câu thơ sau:

*Cánh buồm giương to như mảnh hồn làng*

*Rướn thân trắng bao la thâu góp gió…*

*(Quê hương - Tế Hanh*

**Câu 2.** *(4 điểm)*

Có một câu chuyện được kể như sau:

Mùa xuân đất trời đẹp, Dế Mèn thơ thẩn ở cửa hang, hai con chim Én thấy tội nghiệp bèn rủ Dế Mèn dạo chơi trên trời. Mèn hốt hoảng. Nhưng sáng kiến của chim Én đưa ra rất giản dị: hai chim Én ngậm hai đầu của một cọng cỏ khô, Mèn ngậm vào giữa. Thế là cả ba cùng bay lên. Mây nồng nàn, trời đất gợi cảm, cỏ hoa vui tươi, Dế Mèn say sưa. Sau một hồi lâu miên man, Mèn ta chợt nghĩ bụng: ơ hay việc gì ta phải gánh hai con Én này trên vai cho mệt nhỉ. Sao ta không quẳng gánh nợ này đi để dạo chơi một mình có sướng hơn không? Nghĩ là làm, Mèn há mồm ra. Và nó rơi vèo xuống đất.

*( Theo Đoàn Công Huy, trong mục “Trò chuyện đầu tuần”của báo Hoa học trò)*

Hãy viết một đoạn văn nghị luận trình bày suy nghĩ của em về ý nghĩa của câu chuyện trên.

***Câu 3.***  *(12 điểm)*

**Ngòi bút hiện thực Nam Cao đã khắc hoạ nên hình tượng lão Hạc- người nông dân trong tột cùng đen tối, khổ đau vẫn sáng ngời phẩm chất tốt đẹp.**

Bằng hiểu biết về tác phẩm “Lão Hạc”- Nam Cao, em hãy làm sáng tỏ nhận định trên.

**ĐỀ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI NGỮ VĂN 8**

**MÔN: NGỮ VĂN**

*( Thời gian làm bài 10 phút, không kể thời gian giao đề)*

**Câu 1. (**8 điểm)

Cảm nhận vẻ đẹp của những dòng thơ sau trong bài ***Mẹ và******cây* *lúa***của tác giả Phạm Bào:

“ Hạt gạo này kết đọng nắng và mưa

Kết đọng nỗi đau và niềm vui người gieo hạt

Hạt gạo chia ba một thời còn chắc lép

Gió mời về căng mọng lúa uốn câu.

Hỡi những ai đi đâu về đâu

Ô kính màu trên tầng cao lấp loáng

Có thấy bóng mẹ già ngập bùn bên bờ máng

Với cây lúa quê mình sau cơn bão chiều qua.”

(Trích *Hướng dẫn học Ngữ văn địa phương Thái Bình*, tập IV, NXB Giáo dục)

**Câu 2. (**12 điểm)

Đọc truyện ngắn ***Lão Hạc*** của nhà văn Nam Cao, đã có ý kiến cho rằng:

*Những cảnh đời, những số phận trong truyện khiến ta hiểu hơn về nỗi đau khổ nghiệt ngã của con người và cả sự cao đẹp của tâm hồn, của lương tri.*

Qua nhân vật ông giáo trong truyện, em hãy làm sáng tỏ nhận xét trên.

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**ĐỀ 36**

|  |  |
| --- | --- |
|  | **ĐỀ KHẢO SÁT CHẤT LƯỢNG HỌC SINH GIỎI**  **NĂM HỌC 2019 - 2020**  MÔN: **NGỮ VĂN** -LỚP **8**  Thời gian làm bài: 120 phút |

***Điều cô chưa nói***

*Trời đã không mưa cho tới buổi chiều nay*

*Các em đẹp bất ngờ buổi sáng ngày bế giảng*

*Cái khoảnh khắc em cầm sen tạo dáng*

*Thướt tha áo dài điệu múa ở đằng xa*

*Sau sân trường này sẽ là những ngã ba*

*Các em phải đi và tự mình chọn lựa*

*Lắm chông gai và cũng nhiều lời hứa*

*Cám dỗ em, em phải biết giữ mình*

*Đời người tránh sao được những phút “chùng chình”*

*Ai cũng có một “bến quê” để lãng quên rồi mơ ước*

*Mong em bình tâm trước những điều mất được*

*Và bền gan đi đến cuối hành trình*

*Trái tim em thao thức một mối tình*

*Mối tình nói hay mối tình chưa ngỏ*

*Những hạnh phúc ngọt ngào hay phút giây lầm lỡ*

*Những nỗi nhớ không lời, những cảm xúc không tên*

*Và giấc mơ theo điệu múa cháy lên*

*Cô ở lại, cánh chim bay đi nhé*

*Lau nước mắt đi những tâm hồn rất trẻ*

*Ngoài cửa sổ này, chân trời mới đợi em*

( “*Điều cô chưa nói*”- Hà Thị Hạnh, Trích *Văn học và Tuổi trẻ, số 5+ 6 năm 2014*, tr 64 )

**Thực hiện các yêu cầu sau:**

**Câu 1**: Bài thơ là lời của ai, nói với ai?

**Câu 2**: Vẻ đẹp của “em” trong ngày bế giảng hiện lên qua những hình ảnh nào?

**Câu 3**: Tác giả muốn gửi gắm tâm sự gì qua hai câu thơ:

*Lau nước mắt đi những tâm hồn rất trẻ*

*Ngoài cửa sổ này, chân trời mới đợi em*

**Câu 4**: Anh/chị có đồng tình với quan điểm của tác giả trong câu thơ *“Sau sân trường này sẽ là những ngã ba/ Các em phải đi và tự mình chọn lựa*” không? Vì sao?

**II. Phần Làm văn(7.0 điểm)**

**Câu 1 (*2.0 điểm*):**

Từ nội dung phần đọc hiểu hãy viết đoạn văn trình bày suy nghĩ của anh /chị về: ***Vai trò của nghị lực, sự kiên trì, biết chấp nhận thất bại trên con đường vươn đến mục tiêu trong cuộc sống***.

***Câu 2:* Một kết thúc bất ngờ bao giờ cũng chứa đựng kịch tính và sự thú vị, đặc biệt sẽ gây ấn tượng và sự liên tưởng sâu xa, tạo cho tác phẩm có vang hướng.**

1. Em hãy chứng mính nhận định trên bằng một tác phẩm đã học. Phân tích đoạn kết truyện ngắn Lão Hạc (Nam Cao) dưới đây để làm rõ nhận định trên.

Không! Cuộc đời chưa hẳn đã đáng buồn, hay vấn đáng buồn nhưng lại đáng buồn theo một nghĩa khác. Tôi ở nhà Binh Tư về được một lúc lâu thì thấy những tiếng nhốn nháo ở bên nhà lão Hạc. Tôi mải mốt chạy sang. Mấy người hàng xóm đến trước tôi đang xôn xao ở trong nhà. Tôi xồng xộc chạy vào. Lão Hạc đang vật vã ở trên giường, đầu tóc rũ rượi, quần áo xộc xệch, hai mắt long sòng sọc, Lão tru tréo, bọt mép sùi ra, khắp người chốc chốc lại bị giật mạnh một cái, nảy lên. Hai người đàn ông lực lưỡng phải ngồi đè lên người lão. Lão vật vã đến hai giờ đồng hồ rồi mới chết. Cái chết thật là dữ dội, Chẳng ai hiểu lão chết vì bệnh gì mà đau đớn và bất thình lình như vậy. Chỉ có tôi với Binh Tư hiểu.

Nhưng nói ra làm gì nữa! Lão Hạc ơi! Lão hãy yên lòng mà nhắm mắt! Lão đừng lo gì cho cái vườn của lão. Tôi sẽ cố giữ gìn cho lão. Đến khi con trai lão về, tôi sẽ trao lại cho hắn và bảo hắn: "Đây là cái vườn mà ông cố thân sinh ra anh đã có để lại cho anh trọn vẹn; cụ thà chết chứ không chịu bán đi một sào...”.

(Ngữ Văn 8, Tập Một, Nxb Giáo dục Việt Nam. 2018)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** | **ĐỌC HIỂU** | | **3.0** |
| **1** | Bài thơ là lời của người cô, nói với các em học sinh chuẩn bị ra trường | 0.5 |
| **2** | Vẻ đẹp của “em” trong ngày bế giảng hiện lên qua những hình ảnh : em cầm sen tạo dáng, thướt tha áo dài điệu múa | 0.5 |
| **3** | Qua hai câu thơ: *Lau nước mắt đi những tâm hồn rất trẻ/Ngoài cửa sổ này, chân trời mới đợi em,* người cô bộc lộ tình cảm yêu mến, xúc động, niềm tin, niềm hi vọng vào các em học sinh cuối cấp- thế hệ trẻ của đất nước. Đó cũng là lời nhắn nhủ, động viên các em về con đường rộng mở, tương lai tươi sáng phía trước. | 1.0 |
| **4** | Học sinh trả lời ngắn gọn rõ ý theo quan điểm cá nhân và giải thích hợp lí, tránh lối diễn đạt chung chung hoặc sáo rỗng. | 1.0 |
| **II** | **LÀM VĂN** | | **7.0** |
| **1** | **Viết đoạn văn trình bày suy nghĩ về: *Vai trò của nghị lực, sự kiên trì, biết chấp nhận thất bại trên con đường vươn đến mục tiêu trong cuộc sống*.** | **2.0** |
|  | *a. Đảm bảo yêu cầu về hình thức đoạn văn*  Học sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng - phân - hợp, móc xích hoặc song hành. | 0.25 |
| *b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận:* Trên con đường vươn đến các mục tiêu trong cuộc sống mỗi cá nhân cần có nghị lực, sự kiên trì, biết chấp nhận thất bại | 0.25 |
| *c. Triển khai vấn đề cần nghị luận*  Học sinh lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề cần nghị luận theo nhiều cách nhưng cần làm rõ vai trò của ý chí, nghị lực, lòng kiên trì, biết chấp nhận thất bại trên con đường vươn đến mục tiêu trong cuộc sống.  Có thể theo hướng sau:  - Giải thích được có nghị lực, sự kiên trì là gì*,* thế nào là biết chấp nhận thất bại?  + *Có nghị lực, sự kiên trì*: có bản lĩnh, không nản chí, lùi bước, quyết tâm với mục tiêu đề ra  *+* *Biết chấp nhận thất bại*: bình thản trước khó khăn, thử thách, biết chấp nhận dù kết quả ra sao  🡪 Ý nghĩa cả câu: Để đi đến thành công, đạt được mục tiêu trong cuộc sống mỗi cá nhân cần có ý chí, bản lĩnh, bình thản chấp nhận thất bại, quyết tâm không nản chí lùi bước.  - Bàn luận được về vai trò, giá trị của ý chí, nghị lực, lòng kiên trì, biết chấp nhận thất bại trên con đường vươn đến mục tiêu trong cuộc sống.  - Rút ra được bài học cho bản thân. | 1.0 |
| *d. Sáng tạo*  Có cách diễn đạt mới mẻ, có suy nghĩ riêng sâu sắc về vấn đề nghị luận nhưng cần phù hợp với chuẩn mực đạo đức, pháp luật. | 0.25 |
| *e. Chính tả, dùng từ, đặt câu*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa tiếng Việt. | 0.25 |

**Câu 2:**

**1. Giải thích: nhận định**

- Truyện ngắn là tác phẩm tự sự cỡ nhỏ. Với dung lượng ngắn gọn, truyện ngắn thường chú trọng khắc họa một hiện tượng, một khoảnh khắc của sự sống, phát hiện một đặc tính trong quan hệ con người, trong đời sống tâm hồn con người.

- Trong nghệ thuật viết truyện ngắn, các nhà văn luôn chú ý phần mở đầu và kết thúc truyện ngắn. Theo Bùi Việt Thắng: một kết thúc bất ngờ bao giờ cũng chứa đựng kịch tính và sự thú vị, đặc biệt sẽ gây ấn tượng và sự liên tưởng sâu xa, tạo cho tác phẩm có sức vang hưởng. Nhận định đề cập đến vai trò của phần kết thúc trong việc tạo ra giá trị của một truyện ngắn. .

- Vai trò của phần kết thúc trong truyện ngắn

+ Trong truyện ngắn, phần kết thúc đóng vai trò quan trọng đối với sự thành bại của truyện ngắn. Kết thúc truyện ngắn không chỉ có ý nghĩa giản đơn là dừng lại hay chỉ là sự kết thúc câu chuyện, kết thúc số phận nhân vật, kết thúc mâu thuẫn mà kết thúc truyện còn gợi mở ra nhiều vấn đề, nghĩa là tạo cho tác phẩm có dư ba, vang hưởng...

+ Kết thúc truyện cũng bộc lộ tài năng nhà văn trong việc dẫn dắt tình huống truyện, chọn điểm dừng đúng lúc, chứa đựng sự bất ngờ, kịch tính đưa đến cho người đọc nhiều cảm xúc thẩm mĩ: những sự vỡ lẽ, ngạc nhiên, sự xót xa, ám ảnh...

+ Kết thúc một truyện ngắn hay cũng là bắt đầu quá trình đồng sáng tạo ở độc giả, khơi dậy ở người đọc nhiều liên tưởng sâu xa về ý nghĩa của truyện và tư tưởng của nhà văn...

+ Có thể xem kết thúc là cái đích nội dung của truyện, thể hiện nghệ thuật khép truyện của nhà văn. “Sức mạnh của cú đấm (nghệ thuật) là thuộc về đoạn cuối".

**2. Phân tích đoạn kết tác phẩm “Lão Hạc” để làm rõ nhận định**

2.1. Khái quát

- Nam Cao là nhà văn hiện thực xuất sắc với những truyện ngắn, truyện dài chân thực viết về người nông dân nghèo đói bị vùi dập và người tri thức nghèo sống mòn mỏi, bế tắc trong xã hội cũ.

- Lão Hạc là một trong những truyện ngắn xuất sắc viết về người nông dân của Nam Cao, đăng báo lần đầu năm 1943.

Đoạn văn trich dân là phần kết thúc truyện ngăn miêu tả cái chết của lão Hạc và những lời độc thoại nội tâm của nhân vật ông giáo.

22. Kết thúc truyện bất ngờ và chứa đựng kịch tính

- Hành động cuối cùng của lão Hạc hoàn toàn bất ngờ đối với suy nghĩ trước đó của các nhân vật ông giáo và Binh Tư. Lời nói, thái độ của lão Hạc trước đó khi sang xin bả chó nhà Binh Tư chỉ là sự che đậy ý định bên trong của lão. Kết thúc truyện tạo ra kịch tính, mâu thuẫn: giữa lời nói bên ngoài (xin bả về đánh bả chó) >< ý định bên trong (dùng bả chó tự sát); giữa phán đoán của người khác về lão (bị cái đói dẫn đến đường cùng đã bị tha hóa nhân cách) hành động thực tế (lão chết để giữ nhân cách). Kết thúc bất ngờ ấy khẳng định một điều: có những bí ẩn, bí mật trong sâu thẳm bên trong người nông dân không dễ gì nhận ra.

- Cho đến cuối truyện, người đọc mới nhận ra rằng cả câu chuyện này là một cuộc chuẩn bị để chết của một con người. Lão Hạc cứ âm thầm sắp xếp, lo liệu những việc cuối cùng của một kiếp người để rồi tự sát mà ông giáo và người đọc không hề hay biết. Những hành động của lão khiến cho ai cũng ngộ nhận rằng lão đã già nua, lần thân, gàn dở. Đề đến cuối cùng khi lão chết mới vỡ lẽ ra về vẻ đẹp của một phần nguyên sơ, thánh thiện, vị tha của lão thì đã muộn rồi. Cách dẫn dắt truyện và kết thúc đã tạo ra một quá trình chuyển biến trong nhận thức, ngộ nhận rồi vỡ lẽ, không chỉ đối với nhân vật trong truyện mà đối với cả người đọc.

2.3. Kết thúc truyện gây ấn tượng và sự liên tưởng sâu xa, tạo cho tác phẩm sức vang hưởng.

- Ấn tượng trong cách miêu tả cái chết của lão Hạc: vật vã ở trên giường, đầu tóc rũ rượi, quần áo xộc xệch, hai mắt long sòng sọc, tru tréo, bọt mép sùi ra, khắp người chốc chốc lại bị giật mạnh, nhảy lên; hai người đàn ông lực lưỡng phải ngồi đè lên người lão, lão vật vã đến hai giờ đồng hồ rồi mới chết... Cái chết thật là dữ dội.

+ Có bấy nhiều cách chết nhưng lão lại chọn cái chết dữ dội, chết bằng cách tự đánh bả bản thân mình, chết thê thảm như một con chó, cũng như cách cậu Vàng đã chết trước đó. Một người như lão Hạc, phải đánh lừa một con chó cũng có nghĩa là đã từ bỏ tư cách làm người lương thiện, do vậy lão đã chết như là sự chuộc tội, thanh minh với cậu Vàng của lão.

+ Cái chết của lão Hạc gợi rất nhiều liên tưởng sâu xa về thân phận và vẻ đẹp của người nông dân. Cái chết là sự lựa chọn nghiệt ngã của nhân vật: muốn sống thì phải lỗi đạo làm cha, muốn trọn đaoọ làm cha thì phải chết. Muốn sống thì phải tha hóa nhân cách, muốn bảo toàn nhân cách thì phải chết.

- Cái chết của lão Hạc cũng giúp Nam Cao kí thác nhiều tư tưởng sâu sắc về con người. Điều này được bộc lộ qua dòng suy nghĩ độc thoại nội tâm của ông giáo ở đoạn cuối truyện. Đó là kết thúc gợi nhiều liên tưởng cho người đọc:

+ Niềm tin của Nam Cao về vẻ đẹp của phẩm chất người không mất đi trọn người. Dù xã hội có đầy rẫy bất công, bao nhiêu người đã bị đánh mất nhân tính vì sinh tồn thì vẫn còn có người như lão Hạc, sẵn sàng tử bỏ sự sống của bản thân để giữ được thiên lượng thuần khiết (cuộc đời chưa hẳn đã đáng buồn). Đây là một biểu hiện quen thuộc của cảm hứng truy tìm nhân tính trong nhiều truyện ngắn của Nam Cao.

+ Nỗi đau đớn xót xa của Nam Cao trước bi kịch của con người trong xã hội cũ: bị bần cùng hóa, bị cái đói và những thế lực của xã hội chèn ép khiến họ buộc phải tìm đến cái chết bi thương, bế tắc (Cuộc đời vẫn đáng buồn nhưng theo một nghĩa khác)

+ Đoạn kết cũng thể hiện triết lý tình thương của Nam Cao: Nếu chỉ nhìn người bằng đôi mắt ráo hoảnh của phường ích kỉ thì chỉ thấy con người đáng khinh, đáng ghét: xấu xa, ngu ngốc, bần tiện, bị ối...Phải biết nhìn người bằng đôi mắt của tình thường mới phát hiện những vẻ đẹp nội tâm nhiều khi chỉ tồn tại như những bí mật thâm sâu của họ.=> Tư tưởng nhân văn sâu sắc.

**ĐỀ 37. KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI CẤP HUYỆN**

**NĂM HỌC 2019-2020**

**MÔN THI: NGỮ VĂN**

**Câu 1(4 điểm):** Đọc trích đoạn văn bản sau rồi trả lời các câu hỏi bên dưới.

*Đông Hồ, làng nhỏ nằm bên bờ sông Đuống đã trở thành một địa danh văn hóa quen thuộc với mọi người. Người họa sĩ Đông Hồ vẽ tranh bằng bút lông chấm mực tàu trên giấy bản. Sau đó tranh nét được khắc trên ván gỗ thị vàng ươm. Chỉ khắc trên gỗ thị vì gỗ thị mềm, mịn, dai. Ngọn dao khắc sắc lẻm tung tẩy trên phiến gỗ thị làm nên những bản khắc quý giá.*

*Bản khắc được in trên giấy điệp. Tờ giấy điệp cũng là một kỳ công của kỹ thuật chế tạo giấy đời xưa. Giấy làm từ vỏ cây dó. Vỏ dó được giã nhuyễn, ninh kỹ, hớt lấy những sợi tơ mềm như mạng nhện. Sợi tơ đan dệt nên tờ giấy xốp, dai, mềm mại như lụa. Rồi người ta lấy vỏ sò, hến, trai, điệp,...đem nung như nung vôi. Chất liệu vụn như cám và có màu óng ánh saphia ấy gọi là điệp. Điệp trộn với hồ quết lên giấy dó thành tờ điệp.*

*Tranh Đông Hồ được in trên tờ điệp. Họa sĩ Đông Hồ xưa kia tô màu tranh bằng chất liệu thiên nhiên. Lá tre đốt ủ kĩ làm màu đen. Lá chàm cho màu xanh. Rỉ đồng cho màu lam. Nhựa thông cho màu hổ phách. Quả dành dành cho màu vàng. Son đồi cho màu đỏ. Vỏ trứng giã nhỏ trộn hồ cho màu trắng. Những chất liệu tự nhiên ấy đã làm nên sắc màu kì diệu quý giá của tranh dân gian Đông Hồ.*

(H.Vinh, báo *Thiếu niên Tiền phong chủ nhật*, số 8, 1-2003)

a. Cho biết phương thức biểu đạt chính của trích đoạn văn bản.

b. Nêu nội dung và đặt tiêu đề cho trích đoạn trên.

c. Những câu văn: *Vỏ dó được giã nhuyễn, ninh kỹ, hớt lấy những sợi tơ mềm như mạng nhện. Sợi tơ đan dệt nên tờ giấy xốp, dai, mềm mại như lụa.* có sử dụng biện pháp tu từ so sánh. Hãy chỉ rõ và nêu tác dụng của biện pháp tu từ ấy.

d. Theo tác giả, những chất liệu tự nhiên nào đã làm nên sắc màu kì diệu, quý giá của tranh dân gian Đông Hồ.

e. Xét theo mục đích nói, trích đoạn văn bản trên sử dụng kiểu câu nào là chủ yếu. Việc sử dụng kiểu câu đó có tác dụng gì trong việc thể hiện nội dung đoạn trích.

**Câu 2(6 điểm):** Nhà giáo, nhà cách mạng Nguyễn Bá Học từng nói: *Đường đi khó, không khó vì ngăn sông cách núi mà khó vì lòng người ngại núi e sông.*

Hãy trình bày suy nghĩ của em.

**Câu 3(10 điểm):** “*Truyện ngắn* ***Lão Hạc*** *đã thể hiện một cách chân thực, cảm động số phận đau thương của người nông dân trong xã hội cũ và phẩm chất cao quý tiềm tàng của họ. Đồng thời, truyện còn cho thấy tấm lòng yêu thương, trân trọng đối với người nông dân và tài năng nghệ thuật xuất sắc của nhà văn Nam Cao...”. (SGK Ngữ văn 8, tập 1, NXB Giáo dục)*

Bằng hiểu biết của em về tác phẩm, hãy phân tích để làm sáng tỏ ý kiến trên.

*---------------- Hết -----------------*

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung cần đạt** | **Điểm** |
| 1 | a. Phương thức biểu đạt chính của trích đoạn văn bản: ***thuyết minh.*** | 0,5đ |
| b. - Nội dung: ***Giới thiệu vẻ đẹp và quá trình làm ra bức tranh dân gian Đông Hồ.***  - Tiêu đề: ***Tranh Đông Hồ- nét đẹp văn hóa dân gian Việt Nam.***  *(Học sinh có thể có cách diễn đạt khác miễn hợp lí)* | 0,5đ  0,5đ |
| c. - *những sợi tơ mềm như mạng nhện.*  *- sợi tơ... xốp, dai, mềm mại như lụa.*  *-* Tác dụng: làm cho lời văn cân đối, sinh động, gợi cảm; đồng thời gợi tả rõ nét hình ảnh cụ thể của sợi tơ mang vẻ đẹp mềm mại, đan cài thướt tha... | 0,5đ  0,75đ |
| d. Theo tác giả, những chất liệu tự nhiên đã làm nên sắc màu kì diệu, quý giá của tranh dân gian Đông Hồ: lá tre...màu đen, lá chàm...màu xanh, rỉ đồng...màu lam, nhựa thông...hổ phách, quả dành dành...màu vàng, son đồi... màu đỏ, vỏ trứng... màu trắng. | 0,75đ |
| e. - Xét theo mục đích nói, trích đoạn văn bản trên chủ yếu sử dụng kiểu câu: ***trần thuật.***  - Việc sử dụng kiểu câu đó có tác dụng làm cho đối tượng thuyết minh hiện lên cụ thể, rõ nét. | 0,5đ |
| 2 | - Học sinh có thể trình bày dưới dạng bài văn hoặc đoạn văn, về cơ bản cần đảm bảo một số yêu cầu chính sau:  - Nêu nội dung cần nghị luận.  - Giải thích:  + Đường đi khó: trên con đường đi có muôn vàn khó khăn, thách thức (núi, sông...).  + không khó vì ngăn sông cách núi: núi, sông không phải là trở ngại không thể vượt qua.  + khó vì lòng người ngại núi e sông: không có ý chí, nghị lực; ngại khó, ngại khổ, ngại núi, e sông thì con người không thể vượt qua được.  + Ngoài nghĩa tả thực, con đường còn là ẩn dụ chỉ con đường đời, con đường dẫn đến thành công, đến đích.  => Câu nói khẳng định, đề cao vai trò của ý chí nghị lực bản thân mỗi con người trong cuộc sống và nhắn gửi mỗi người trau dồi ý chí, nghị lực cho bản thân nếu muốn thành công.  - Khẳng định, bàn luận và mở rộng vấn đề:  + Thực tế cuộc sống có vô vàn khó khăn, thách thức luôn xuất hiện thử thách con người.  + Nếu mỗi người có ý chí, nghị lực thì sẽ có động lực để vượt qua tất cả,đi tới thành công.  + Nếu ỷ nại, dựa dẫm, ngại khó, nhụt chí... sẽ chỉ thất bại, không bao giờ vươn tới thành công...  + Dẫn chứng trong học tập, lao động....  + Phê phán những kẻ lười biếng, thích hưởng thụ, không có ý chí, nghị lực.  + Ngày nay, vai trò của ý chí, nghị lực càng quan trọng hơn bao giờ hết.  - Nhận thức và hành động: Mỗi con người chúng ta phải xác định đúng phương châm hành động: tự giác, nỗ lực, lời nói đi đôi với hành động, việc làm.  + HS có thể tự liên hệ bản thân rút ra bài học. | 0,5đ  1,5đ  3,0đ  1,0đ |
| 3 | - Yêu cầu về hình thức: Bài viết rõ bố cục 3 phần, diễn đạt trong sáng, mạch lạc, rõ ràng, chữ viết sạch sẽ.  - Yêu cầu về nội dung: HS cần đảm bảo các nội dung cơ bản sau:  1. MB:  - Giới thiệu tác giả, tác phẩm.  - Đưa dẫn nhận định.  2. TB:  a. Giải thích sơ lược nhận định: Ý kiến đã khái quát được những đặc sắc của truyện ngắn Lão Hạc-nhất là đặc sắc về mặt nội dung.  - Truyện khắc họa thành công số phận, cuộc đời đầy bất hạnh, đau khổ của lão Hạc.  - Thể hiện được cụ thể những phẩm chất cao đẹp của nhân vật.  - Tấm lòng đồng cảm, yêu thương, trân trọng của nhà văn đối với người nông dân cùng khổ.  - Những nội dung đó được thể hiện qua tài năng nghệ thuật: xây dựng và miêu tả tâm lí nhân vật, nghệ thuật dựng truyện....  b. Phân tích:  - *Truyện ngắn* ***Lão Hạc*** *đã thể hiện một cách chân thực, cảm động số phận đau thương của người nông dân trong xã hội cũ và phẩm chất cao quý tiềm tàng của họ.*  + Cuộc đời và số phận đau thương của người nông dân qua nhân vật lão Hạc: vợ mất sớm, con trai duy nhất bỏ đi phu đồn điền cao su; tuổi già sống trong cô đơn, bệnh tật, cái chết thương tâm (ăn bả chó để kết thúc cuộc đời)…..  + Phẩm chất cao quý: giàu tình yêu thương (thương con, thương con chó vàng), sống lương thiện, giàu lòng tự trọng.....  *- Đồng thời, truyện còn cho thấy tấm lòng yêu thương, trân trọng đối với người nông dân.*  + Nhà văn đứng về phía người nông dân, miêu tả một cách chân thực cuộc sống, tâm tư, tình cảm của họ.  + Đồng cảm với số phận đau thương, xót xa cho họ.  + Trân trọng, ngợi ca những phẩm chất tốt đẹp của họ: trong sáng, lương thiện, giàu tình yêu thương…..  + Bênh vực, đòi quyền sống, quyền bình đẳng cho những kiếp người nghèo khổ.  *- Tài năng nghệ thuật xuất sắc của nhà văn Nam Cao*  + Lựa chọn đề tài.  + Nghệ thuật dựng truyện, xây dựng và miêu tả tâm lí, tính cách nhân vật; cách thắt nút, mở nút câu chuyện; cách kết thúc tác phẩm….  + Sử dụng ngôi kể linh hoạt, kết hợp các hình thức ngôn ngữ.  c. Đánh giá:  - Khái quát chung về tác phẩm: (nghệ thuật, nội dung) =>nâng lên giá trị hiện thực, giá trị nhân đạo cao cả.  - Liên hệ, mở rộng: liên hệ một số tác phẩm khác cùng đề tài hoặc một số tác phẩm của nhà văn  - Khẳng định lại nội dung nhận định.  3. KB:  - Khẳng định cống hiến, đóng góp của tác giả, tác phẩm, sức sống của tác phẩm.  - (Có thể) bộc lộ cảm nghĩ, ấn tượng của người viết về tác phẩm. | 0,5đ  1,0đ  4,5đ  1,5đ  1,0đ  1,0đ  0,5đ |

***Lưu ý:****- Trên đây là những gợi ý cơ bản, giáo viên cần căn cứ vào bài làm của học sinh để cho điểm hợp lý, đảm bảo đánh giá đúng năng lực của học sinh.*

*- Đây là những điểm tối đa cho mỗi ý. Nếu thí sinh không có những hiểu biết và kiến giải thấu đáo, chưa đáp ứng được yêu cầu về kiến thức và kỹ năng khi làm bài thì không thể đạt số điểm này.*

|  |  |
| --- | --- |
|  | **ĐỀ 38**  **KÌ THI HỌC SINH GIỎI CẤP HUYỆN**  **NĂM HỌC 2019-2020** |

**A- ĐỌC HIỂU** (6.0 điểm)

Đọc đoạn thơ sau và trả lời câu hỏi:

*“Ta nghe hè dậy bên lòng*

*Mà chân muốn đạp tan phòng, hè ôi!*

*Ngột làm sao, chết uất thôi*

*Con chim tu hú ngoài trời cứ kêu!”*

(Tố Hữu. *Khi con tu hú*)

a. Nêu hoàn cảnh ra đời của bài thơ.

b. Câu thơ *Mà chân muốn đạp tan phòng, hè ôi!* thuộc kiểu câu gì? Nêu chức năng của kiểu câu đó.

c. Tâm trạng nhân vật trữ tình khi nghe tiếng tu hú kêu ở đoạn đầu và đoạn cuối bài thơ khác nhau như thế nào?

**B- LÀM VĂN**

**Câu 1:** (4.0 điểm)

Trong bài thơ *Một khúc ca xuân*, nhà thơ Tố Hữu viết:

*“Nếu là con chim, chiếc lá,  
Thì con chim phải hót, chiếc lá phải xanh.  
Lẽ nào vay mà không trả  
Sống là cho, đâu chỉ nhận riêng mình?”*

Em hãy viết một văn bản ngắn nêu suy nghĩ của mình về lẽ sống được thể hiện trong bốn câu thơ trên.

**Câu 2:** (10 điểm)

Có ý kiến cho rằng: *Mỗi tác phẩm văn học chân chính phải là một lời đề nghị về lẽ sống*.

Anh chị hiểu ý kiến trên như thế nào? Hãy làm rõ *lời đề nghị về lẽ sống* của nhà văn Nam Cao qua truyện ngắn “Lão Hạc” (Sách Ngữ văn 8 - Tập một - NXB Giáo dục).

----------------------------- Hết --------------------------------

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| - | | **HƯỚNG DẪN CHẤM** | |
| **Câu** | | **Nội dung cần đạt** | | **Điểm** | |
| **PHẦN I. ĐỌC HIỂU** | | | | | |
| **Câu 1**  **(6 điểm)** | | a. Bài thơ được viết trong tháng 7/1939 khi Tố Hữu đang bị thực dân Pháp bắt giam trong nhà lao Thừa Phủ. | | 1,0 | |
| b. Kiểu câu: cảm thán | | 1,0 | |
| Chức năng: bộc lộ cảm xúc (bực bội, ngột ngạt, muốn phá tan xiềng xích). | | 1,0 | |
| c. Tâm trạng nhân vật trữ tình:  - Đoạn đầu: Tiếng tu hú kêu báo hiệu mùa hè -> niềm hân hoan trước mùa hè sôi động. | | 1,5 | |
| - Đoạn cuối: Tiếng tu hú kêu như âm thanh thúc giục hành động -> tâm trạng uất ức, bực tức, đau khổ khi bị giam cầm uổng phí và khát khao phá tan bức tường nhà giam ngột ngạt để trở về với cuộc sống tự do. | | 1,5 | |
| **PHẦN II. LÀM VĂN** | | | | | |
| **Câu 1**  **(4 điểm)** | | **I. Yêu cầu về kĩ năng**  - Học sinh biết cách làm bài văn nghị luận.  - Bài làm có bố cục chặt chẽ, rõ ràng, hoàn chỉnh; kết cấu hợp lí  - Hành văn mạch lạc, trôi chảy; diễn đạt trong sáng; không mắc lỗi diễn đạt, ngữ pháp, dùng từ, đặt câu. | |  | |
| **II. Yêu cầu về nội dung và cách cho điểm**  (Học sinh có thể sắp xếp, trình bày theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo một số ý cơ bản mang tính định hướng dưới đây) | |  | |
| **a. Mở bài**  Giới thiệu vấn đề nghị luận:  Lẽ sống đẹp: sống không chỉ là nhận về, là hưởng thụ mà phải sống có ích, biết cho đi, biết cống hiến, trao tặng*.* | | 0,5 | |
| **b. Thân bài**  - Lẽ sống đẹp:  + Sống có ích (chim phải hót, lá phải xanh)  + Sống có vay có trả:  +) "vay", "nhận": được thừa hưởng thành quả của người khác, của xã hội.  +) "trả", "cho": xây dựng, bảo vệ, phát huy thành quả; biết chia sẻ, cống hiến, hi sinh.  - Biểu hiện ngược lại của lẽ sống đẹp: sống ích kỉ, lười biếng... | | 2,0 | |
| **\* *Bài học giáo dục:***  - Khích lệ mọi người biết sống cống hiến cho xã hội, cho đất nước.  - Phê phán lối sống hưởng thụ, ích kỉ, thiếu trách nhiệm. | | 0,5 | |
| **\* *Liên hệ mở rộng****:* (trong văn học, trong cuộc sống) | | 0,5 | |
| **c. Kết bài**  - Khẳng định lại ý nghĩa của đoạn thơ.  - Liên hệ bản thân | | 0,5 | |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **3** | **Có ý kiến cho rằng: “*Mỗi tác phẩm văn học chân chính phải là một lời đề nghị về lẽ sống*”. Làm sáng tỏ qua truyện ngắn “Lão Hạc”** | **12,0** |
|  | **\* Yêu cầu chung:**  - Kiểm tra năng lực viết bài NLVH đòi hỏi thí sinh huy động kiến thức về lí luận văn học, khả năng cảm thụ tác phẩm, kỹ năng tạo lập văn bản để làm bài.  - Thí sinh có thể cảm nhận và trình bày theo những cách khác nhau nhưng phải rõ hệ thống luận điểm, có lý lẽ, căn cứ xác đáng. |  |
| **\* Yêu cầu cụ thể:**  ***1. Giải thích:***  - Từ ngữ cụ thể: *văn học chân chính*, *lời đề nghị lẽ sống*  - Ý kiến trên khẳng định đặc trưng, chức năng cao quý của văn học trong việc bồi đắp và định hướng giá trị sống cho con người. | 2,0 |
| ***2. Bàn luận:*** Ý kiến “Mỗi tác phẩm văn học chân chính phải là một lời đề nghị về lẽ sống” rất đúng đắn, sâu sắc.  - Văn học bắt nguồn từ đời sống nhưng cũng thể hiện nhu cầu bày tỏ, chia sẻ cảm xúc hay quá trình nghiền ngẫm, lý giải hiện thực của mỗi nhà văn. Vì vậy mỗi tác phẩm văn học chân chính bao giờ cũng gửi gắm một thông điệp về lẽ sống. Nó có thể là một cách ứng xử một lí tưởng sống một triết lý sống hay lời bày tỏ tình yêu với cuộc sống, lòng căm phẫn trước những lối sống giả tạo, xấu xa; những tình cảm cao đẹp, nhân ái.  - Lời đề nghị về lẽ sống trong một tác phẩm văn học chân chính có khả năng tác động mạnh mẽ đến người đọc, khơi gợi cuộc đấu tranh bên trong tâm hồn để lựa chọn những giá trị tích cực, đẹp đẽ. | 2,0 |
|  | **3. Chứng minh qua truyện ngắn Lão Hạc** | 7,0 |
|  | \* Cảm thương cho số phận bần cùng của những người nông dân nghèo khổ trong xã hội thực dân nửa phong kiến.  \* Khẳng định, ca ngợi phẩm chất cao quý tiềm tàng của lão Hạc: một người nông dân mộc mạc, giàu tình yêu thương, sống tự trọng; một người cha hết lòng yêu thương con, lấy chính sự sống của mình để chắt chiu cho tương lai của con…  \* Nhìn nhận và đánh giá về những người xung quanh chúng ta, về người nông dân bằng đôi mắt của tình thương và niềm tin mới thấy hết được bản chất tốt đẹp của họ. (Qua suy nghĩ của nhân vật ông giáo). Đây là một quan điểm tiến bộ đúng đắn và sâu sắc, xuất phát từ tư tưởng nhân đạo sâu sắc của Nam Cao.  \* Lời đề nghị về lẽ sống Nam Cao gửi gắm qua tác phẩm *Lão Hạc* đã gợi sự đồng cảm sâu xa của người đọc, thức tỉnh lối sống nhân hậu, yêu thương chia sẻ với những người xung quanh, đặc biệt là những con người nghèo khổ, gặp nhiều bất hạnh. |  |
| **4. Đánh giá** | 1,0 |
| - Để tạo nên một tác phẩm chân chính, người cầm bút cần phải biết tự vượt lên những suy nghĩ, tình cảm nhỏ hẹp mang tính cá nhân để đạt đến những lẽ sống lớn, tình cảm lớn của thời đại.  - Người đọc cần phát huy vai trò chủ động của mình trong tiếp nhận tác phẩm văn chương từ đó trau dồi nhân cách, thu hẹp khoảng cách giữa văn học và cuộc đời. |  |

----------------------------- Hết --------------------------------

**ĐỀ 39**

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |

**Phần I. Đọc hiểu**

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu nêu ở dưới

*Cách đây hàng triệu năm, sa mạc Sahara còn là những khu rừng xanh tốt, cây cối um tùm. Các loài cây đều thỏa thuê hút và tận hưởng dòng nước ngầm dồi dào mát lành và thi nhau đâm cành trổ lá xum xuê. Riêng có cây sồi Tenere là vẫn chịu khó đâm xuyên những chiếc rễ của mình xuống tận sâu dưới lòng đất. Cho đến một ngày kia khi nguồn nước ngỡ như vô tận bỗng cạn kiệt dần rồi biến mất hẳn, các loài cây đều không chịu nổi hạn hán và chết dần, duy chỉ có cây sồi Tenere là vẫn còn tồn tại giữa sa mạc Sahara. Tên tuổi của nó được cả thế giới biết đến khi một mình đứng giữa sa mạc, xung quanh bán kính 400km không một bóng cây nào bầu bạn. Người ta kinh ngạc khi phát hiện ra rễ cây đã đâm sâu xuống đất tận 36m để tìm nước.*

*Bạn có thấy rằng trong cuộc sống cũng có một dòng chảy luôn vận động không ngừng không? Đó chính là thời gian; nó quan trọng như là nước đối với cây cối.*

*Sẽ có những người chỉ sử dụng thời gian để lớn lên, hưởng những thú vui đời thường và rồi những thách thức cuộc đời sẽ đánh gục họ, khiến họ phải đau khổ, giống như những cái cây chỉ biết “hút và tận hưởng”.*

*Nhưng có những người có sự chuẩn bị tốt, họ học cách sử dụng thời gian hiệu quả, họ đầu tư cho sự phát triển bản thân cũng giống như cây sồi đầu tư cho sự phát triển bộ rễ của mình.*

*Họ hiểu triết lý: Bộ rễ yếu ớt không thể nào giữ được cái thân to khoẻ. Bạn khó có thể thành công nếu không có sự chuẩn bị tốt về những kỹ năng và kiến thức nền tảng*.

*(Phỏng theo Hạt giống tâm hồn – Câu chuyện về cây sồi, http:saostar.vn)*

**Câu 1 (0,5đ):** Xác định phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn trích trên.

**Câu 2 (0,5đ):** Theo tác giả, thời gian quan trọng như thế nào?

**Câu 3 (1,0đ):** Chỉ ra tác hại của việc sử dụng thời gian không hiệu quả và không đúng mục đích của mà tác giả nói đến thông qua hình ảnh “những cái cây chỉ biết “hút và tận hưởng”” trong văn bản.

**Câu 4(1,0 đ):** Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ từ vựng được sử dụng trong câu văn: “Nhưng có những người có sự chuẩn bị tốt, họ học cách sử dụng thời gian hiệu quả, họ đầu tư cho sự phát triển bản thân cũng giống như cây sồi đầu tư cho sự phát triển bộ rễ của mình”.

**Câu 5 (1,5đ)** Em hiểu như thế nào về ý nghĩa biểu tượng của hai hình ảnh: Hình ảnh cây sồi Tenere với bộ rễ đâm sâu xuống lòng đất để tìm kiếm nguồn nước và hình ảnh những loài cây khác chỉ biết “hút và tận hưởng”?

**Câu 6 (1,5đ):** Văn bản trên gửi gắm đến bạn đọc những thông điệp nào? Thông điệp nào có ý nghĩa nhất đối với em? Vì sao?

**Phần II: Tạo lập văn bản**

Câu 1( 5,0đ) Từ nội dung đoạn trích ở phần đọc hiểu, em hãy viết một bài văn nghị luận trình bày suy nghĩ của mình về ý kiến: “Bạn khó có thể thành công nếu không có sự chuẩn bị tốt về những kỹ năng và kiến thức nền tảng”.

**Câu 2 (9,0đ)**

Bàn về sứ mệnh của nhà văn trong sáng tác văn chương, có ý kiến cho rằng: “Nhà văn có thể viết về bóng tối nhưng từ bóng tối phải hướng về ánh sáng”

Hãy làm sáng tỏ ý kiến trên qua văn bản “Lão Hạc” của Nam Cao.

*----------Hết---------*

**HƯỚNG DẪN CHẤM KHẢO SÁT CHẤT LƯỢNG HSG**

**MÔN NGỮ VĂN 8**

**NĂM HỌC 2020 – 2021**

**I.PHẦN ĐỌC – HIỂU (6.0 điểm)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung cần đạt** | **Điểm** |
| **Câu 1** | Phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn trích: Nghị luận. | **0,5** |
| **Câu 2** | Theo tác giả, thời gian quan trọng đối với mỗi người giống như nước quan trọng và quý giá với cây cối. | **0,5** |
| **Câu 3** | “Những cái cây chỉ biết hút và tận hưởng” giống như những người chỉ sử dụng thời gian để lớn lên, hưởng những thú vui đời thường và rồi họ chẳng thể vượt qua được những thách thức cuộc đời, khiến họ phải đau khổ, thậm chí sự sống có thể bị đe doạ ->  Đó chính là tác hại của việc sử dụng thời gian không hiệu quả và không đúng mục đích của mà tác giả nói đến | **1.0** |
| **Câu 4** | -Phép tu từ được sử dụng trong câu văn là phép so sánh: “Những người có sự chuẩn bị tốt... giống như cây sồi đầu tư...”  -Tác dụng:  + Làm cho diễn đạt trở nên sinh động hơn.  + Nhấn mạnh ý của câu văn, khẳng định tầm quan trọng của việc sử dụng thời gian chính là đầu tư tốt nhất cho sự phát triển bản thân. Với cây sồi nói riêng và cây cối nói chung, rễ là bộ phận quan trọng nhất của cây, quyết định sự sống còn của cây cối. Tương tự như vậy, con người muốn tồn tại thì nhất định phải biết cách đầu tư cho sự phát triển bản thân. | **0,25**  **0,75** |
| **Câu 5** | Ý nghĩa biểu tượng của hai hình ảnh:  + Hình ảnh cây sồi Tenere với bộ rễ đâm sâu xuống lòng đất để tìm kiếm nguồn nước là biểu tượng cho những người biết tranh thủ thời gian để học tập mọi kỹ năng và kiến thức cần thiết để sinh tồn trong xã hội phát triển và đầy tính cạnh tranh hiện nay.  + Hình ảnh “những cây chỉ biết “hút và tận hưởng”” là biểu tượng cho những người chỉ biết lãng phí thời gian vào những việc vô bổ, hưởng thụ lạc thú của cuộc đời mà không biết lo xa, phòng bị trước cho bản thân. | **0,75**  **0,75** |
| **Câu 6:** | Hai thông điệp:  - Thông điệp về thái độ sống biết lo xa, phòng trước mọi biến cố không may trong cuộc đời.  - Thông điệp về việc tranh thủ thời gian để học hỏi mọi kiến thức và kĩ năng cần thiết.  - Hs chọn một thông điệp có ý nghĩa nhất đối với mình và lí giải lí do.  (Ví dụ: Cần phải biết lo xa và phòng trước mọi biến cố trong cuộc đời vì cuộc đời là một hành trình sống rất dài. Đi trên hành trình ấy, con người không chỉ phải trải qua những khó khăn, gian khổ mà còn đối mặt với những biến cố, bất trắc có thể xảy đến bất cứ lúc nào. Nếu không biết lo xa, phòng trước con người sẽ bị bất ngờ, không có khả năng ứng phó và sẽ không thể vượt qua những biến cố bất ngờ ấy...) | **0,75**  **0,75** |

**Phần II: Tạo lập văn bản**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung cần đạt** | **Điểm** |
| **1** | **1.Yêu cầu về kĩ năng**  - Hs biết làm một bài văn NLXH  - Bài viết có bố cục rõ rằng, kết cấu chặt chẽ, diễn đạt lưu loát, lời văn trong sáng, ít mắc lỗi về dùng từ, ngữ pháp. | **0,5** |
| **2.Yêu cầu về nội dung**: Hs có thể trình bày bằng nhiều cách khác nhau nhưng cần làm rõ những yêu cầu cơ bản sau: |  |
| **a,Giải thích**  - “Thành công”: đạt được kết quả, mục đích như dự định  - “Kĩ năng”: Khả năng vận dụng những kiến thức đã thu nhận được trong một lĩnh vực nào đó áp dụng vào thực tế.  - “Kiến thức”: những hiểu biết có được do từng trải, hoặc do học tập.  => Ý kiến khẳng định: muốn có được thành công trong cuộc sống cần phải có sự chuẩn bị tốt cả về kỹ năng và kiến thức cơ bản. | **1,0** |
| **b, Bàn luận:** Ý kiến trên đúng đắn, sâu sắc, thấm thía.  -Thành công luôn là đích đến của mỗi con người trong cuộc sống. Con đường đi đến thành công luôn có những khó khăn, thử thách. Vì vậy, cần biết vượt qua những khó khăn, tận dụng những thuận lợi để đạt mục đích của mình.  - Kĩ năng và kiến thức là nền tảng để có được thành công.  + Việc tích lũy kiến thức giúp con người tăng vốn hiểu biết để khám phá thế giới, khẳng dịnh bản thân, vươn tới thành công.  + Việc rèn luyện kỹ năng sống giúp con người thích ứng và hòa nhập với môi trường sống  (Dẫn chứng từ thực tế cuộc sống, học tập để minh họa) | **0,75**  **1,0**  **0,25** |
| **c, Liên hệ**  -Phê phán những người không có ý thức chuẩn bị kiến thức, kỹ năng. | **0,5** |
|  | **d, Bài học nhận thức và hành động**  - Nhận thức được tầm quan trọng của việc chuẩn bị tốt kiến thức và kỹ năng nền tảng để hoàn thiện bản thân, vươn đến thành công.  - Có ý thức chăm chỉ, không ngững nỗ lực học tập để làm giàu có vốn kiến thức và rèn luyện những kỹ năng của bản thân.  - Chuẩn bị tót kiến thức, kỹ năng nền tảng phải gắn liền với việc thực hành những kiến thức và kỹ năng ấy mới đem lại hiệu quả cao. | **0,75** |
| **3, Sáng tạo:** Có cách diễn đạt độc đáo, thể hiện những suy nghĩ, những kiến giải mới mẻ về vấn đề. | **0,25** |
| **Thang điểm:**  *- Điểm từ 4,0 -> 5,0: Học sinh đáp ứng tốt về kỹ năng và kiến thức, rành mạch, diễn đạt tốt, sáng tạo.*  *- Điểm từ 3,0 -> 4,0: Học sinh đáp ứng khá tốt về kỹ năng và kiến thức song còn mắc một số lỗi diến đạt.*  *- Điểm từ 2,0 -> 3,0: Học sinh đáp ứng tương đối đầy đủ các yêu cầu, song bài viết chung chung, triển khai chưa thật cụ thể, rành mạch.*  *- Điểm từ 0,5 -> 2,0: Học sinh đáp ứng được một số yeu cầu về kiến thức, song bài viết còn sơ sài, lủng củng.*  *- Điểm 0: Học sinh không làm bài hoặc sai lạc hoàn toàn.* |  |
| **2** | **1.Yêu cầu về kĩ năng**  - Hs biết làm một bài văn NLVH, vận dụng tốt các thao tác lập luận.  - Bài viết có bố cục rõ ràng, hợp lý; tổ chức, sắp xếp hệ thống các ý logic, lập luận chặt chẽ. | **0,5** |
| **2.Yêu cầu về nội dung**: Hs có thể trình bày bằng nhiều cách khác nhau nhưng cần làm rõ những yêu cầu cơ bản sau: |  |
| **a, Giải thích nhận định**  **-**Bóng tối: trạng thái tiêu cực (khổ đau, chán nản, tuyệt vọng...) cái xấu xa đen đặc của hiện thực hay tâm hồn con người.  - Ánh sáng: trạng thái sống tích cực (hạnh phúc, niềm tin, hi vọng...) điều tốt đẹp, tươi sáng,  - Sứ mệnh và yêu cầu đặt ra với nhà văn: nhà văn có thể viết về cái xấu, cái ác, nỗi khổ đau, tuyệt vọng nhưng những trang viết của nhà văn phải thấm được tính nhân văn, phải hướng con người đến những điều tốt đẹp.  - Tại sao:“Nhà văn có thể viết về bóng tối nhưng từ bóng tối phải hướng về ánh sáng”?  + Phản ánh hiện thực cuộc sống một cách toàn vẹn, chân thực là nhiệm vụ của người cầm bút và cũng là quy luật tất yếu của văn học. Mà hiện thực cuộc sống thì luôn tồn tại cả những điều tích cực, tốt đẹp, hạnh phúc và những tiêu cực, xấu xa, bất hạnh, khổ đau. Do vậy, viết về bóng tối bên cạnh việc nâng niu ánh sáng cũng là yêu cầu thiết yếu của văn học.  + Từ bóng tối hướng ra ánh sáng là một yếu tố cấu thành, là một tiêu chí định giá tinh thần nhân đ ạo sâu sắc của tác phẩm văn học qua đó khẳng định tên tuổi, vị trí của nhà văn trong nền văn học.  =>Ý kiến “Nhà văn có thể viết về bóng tối nhưng từ bóng tối phải hướng về ánh sáng” là hoàn toàn đúng đắn. | **1,5**  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25 |
| **b, Làm sáng tỏ tính đúng đắn của ý kiến qua văn bản Lão Hạc của Nam Cao.** | **0,75** |
| **-** Giới thiệu về nhà văn Nam Cao: là một cây bút hiện thực xuất sắc của nền văn học Việt Nam giai đoạn 1930 – 1945. Mỗi trang viết của nhà văn là một lời kể khổ chân thành và cảm động về số phận con người đặc biệt là số phận người nông dân Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám. Sáng tác của Nam Cao vượt qua thử thách của thời gian và ngày càng tỏa sáng những giá trị nhân văn cao cả và nghệ thuật viết truyện ngắn điêu luyện.  - Lão Hạc là một trong những tác phẩm tiêu biểu của Nam Cao viết về đề tài người nông dân trước cách mạng tháng tám. Tác phẩm này đã thể hiện tính đúng đắn của ý kiến trên. | 0,5  0,25 |
| **b1: Trước hết, nhà văn có thể viết về bóng tối**  - Bóng tối được Nam Cao phản ánh trong tác phẩm Lão hạc chính là hiện thực xã hội nông thôn Việt Nam trước CMT8/1945. Hiện thực đó được phản ánh gián tiếp qua cuộc sống nghèo khổ, bế tắc của người nông dân Việt Nam trước cách mạng tháng Tám mà điển hình là nhân vật lão Hạc.  -Cuộc đời lão hạc là chuỗi những đau khổ, bất hạnh. Vợ mất sớm, lão hạc sống cảnh gà trống nuôi con. Lão dồn hết tình yêu thương cho con mong cậy nhờ con lúc tuổi già bóng xế. Vậy mà, khi con trai lớn, vì nghèo mà không lấy được người mình yêu, con trai lão bỏ đi phu đồn điền cao su để lão Hạc tuổi già bóng xế cô đơn thui thủi một mình chỉ có con chó Vàng bầu bạn.  - Cuộc sống cứ thế trôi qua. Nhưng tai họa nối tiếp tai họa ập đến. Lão ốm một trận hai tháng mười tám ngày phải tiêu hết số tiền dành dụm cho con. Rôi lại bão, lão mất việc. Cùng đường đất sinh nhai, lão đành phải bán đi kỉ vật cuối cùng của con – cậu Vàng, trong đau đớn tột cùng. Thế rồi lão sống lay lắt, sự sống chỉ là sự tồn tại: kiếm cái gì ăn nấy... cuối cùng, lão kết thúc cuộc đời bằng bả chó. Cái chết đầy đau đớn, dữ dội của lão Hạc ở phần kết truyện trở thành nỗi ám ảnh không nguôi về số phận bất hạnh của người nông dân nghèo trong xã hội xưa.  -Số phận của nhân vật ông giáo và cậu con trai lão Hạc cũng góp phần thể hiện rõ cái đen đặc của hiện thực xã hội Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám...  -> Từ bóng tối được phản ánh chân thực đến xót xa trong văn bản Lão Hạc của Nam Cao, chúng ta thấu hiểu và đồng cảm với số phận bất hạnh của người nông dân trong xã hội xưa. Cái nghèo là bóng đen ghê rợn đè nặng lên cuộc sống của họ và đẩy họ đến bước đường cùng.  (Hs có thể chỉ lấy dẫn chứng về cuộc đời đau khổ, bất hạnh của lão Hạc vẫn cho điểm tối đa) | **2,0**  0,25  0,5  0,75  0,25  0,25 |
|  | **b2. Viết về bóng tối nhưng các trang viết của các nhà văn phải từ bóng tối hướng ra ánh sáng.**  Viết về bóng tối nhưng Lão Hạc của Nam Cao lại hướng người đọc về phía ánh sáng. Ánh sáng trong tác phẩm Lão Hạc được tỏa ra từ chính vẻ đẹp tâm hồn của lão Hạc.  - Lão Hạc là một người nhân hậu, trọng tình nghĩa. Lão yêu quý cậu Vàng chăm nó như chăm đứa cháu (cho ăn trong bát, tắm, trò chuyện với nó...). Khi bắt buộc phải bán nó, lão đắn đo, cân nhắc. Sau khi bán chó, lão đau đớn, ân hận, tự giày vò bản thân... cuối cùng, khi tìm đến cái chết, lão cũng chọn cách tự tử bằng bả chó như một cách tự trừng phạt bản thân và cũng để trả nợ con Vàng.  - Lão rất giàu lòng tự trọng:  + Từ chối mọi sự giúp dỡ của ông giáo...  + Để lại tiền lo ma chay...  + Không theo gót Binh Tư để có ăn.  - Đẹp nhất nơi tâm hồn lão Hạc chính là tình phụ tử thiêng liêng. Lão sống vì con mà chêt cũng vì con.  + Vợ mất sớm lão không đi bước nữa mà ở vậy nuôi con  + Lão rất buồn bởi nhà quá nghèo nên con không lấy được người mình yêu.  +Lão đau đớn khi con đi phu đồn điền... Ở nhà, lúc nào lão cũng mòn mỏi nhớ con, đếm từng ngày xa con, mong đến ngày con trở về,  + Quyết giữ lại mảnh vườn cho con.  Bóng tối trong những trang viết của Nam Cao không khiến người đọc bi lụy, tuyệt vọng mà vẫn khơi lên niềm tin tưởng vào vẻ đẹp của con người. Người nông dân có thể bị cái đói nghèo ghì sát xuống mặt đất nhưng không bao giờ bị tha hóa, biến chất. Cái đẹp (ánh sáng) của nhân phẩm vẫn tồn tại và tồn tại một cách đầy ngạo nghễ. | **2.25**  0,25  0,5  0,5  0,75  0,25 |
| **c, Đánh giá khái quát**  **-** Để viết về bóng tối và từ bóng tối hướng ra ánh sáng, Nam Cao đã lựa chọn nghệ thuật kể chuyện đặc sắc: kết hợp tự sự, trữ tình, lập luận; thể hiện nhân vật qua chiều sâu tâm lý với diễn biến tâm trạng phức tạp cùng việc lựa chọn ngôi kể hợp lý, sử dụng ngôn ngữ hiệu quả, lối kể chuyện khách quan...  **-** Ý kiến... cũng khẳng địnhchức năng – giá trị của văn học là “nhân đạo hóa” con người. Do vậy, nếu viết về cái ác, cái xấu, cái buồn, tiêu cực mà ngòi bút của nhà văn không biết hướng người đọc đến điều tốt, cái thiện, niềm tin thì nhà văn đó khó có thể trở thành một nghệ sĩ chân chính, thực thụ; văn học khó có thể thực hiện được sứ mệnh cao cả của mình.  - Bài học cho người sáng tác và tiếp nhận:  + Đối với người sáng tác: Viết về bóng tối là sứ mệnh nhưng cũng là thử thách nghệ thuật đối với nhà văn. Để làm được điều đó đòi hỏi nhà văn phải có cái tài, cái tâm thực sự.  + Đối với bạn đọc: cần có cái nhìn sâu, tinh tế để từ bóng tối mà bật ra ánh sáng nhận thức; biết nhìn ra vẻ đẹp (ánh sáng) của tác phẩm, của hình tượng nghệ thuật được ẩn chứa trong tác phẩm; thấu hiểu và đồng cảm với nghệ sĩ, đồng hành cùng họ trên con đường nghệ thuật. | **1,5**  0,5  0,5  0,25  0,25 |
|  | **3. Chính tả, dùng từ, đặt câu:** Đảm bảo những quy tắc về chuẩn chính tả, dùng từ, đặt câu. | **0,25** |
| **4. Sáng tạo:** Có cách diễn đạt đọc đáo, thể hiện những suy nghĩ, kiến giải mới mẻ về vấn đề. | **0,25** |
| **Thang điểm:**  *- Điểm từ 7,5 -> 9,0: Học sinh đáp ứng các yêu cầu trên, lập luận chặt chẽ, văn viết có cảm xúc, dẫn chứng chọn lọc, chính xác, có sực thuyết phục, có thể mắc một vài sai sót không đáng kể.*  *- Điểm từ 5,5 -> 7,5: Đáp ứng phần lớn những yêu càu trên, lập luận tương đối chặt chẽ, dẫn chứng chọn lọc, chính xác. Có thể mắc những lỗi nhỏ.*  *- Điểm từ 2,5-> 5,5: Học sinh đáp ứng tương đối đầy đủ các ý lớn, tuy còn sơ sài, biết chọn và phân tích dẫn chứng, còm mắc một số lỗi.*  *- Điểm từ 0,5 -> 2,5: Chưa thật hiểu yêu cầu của đề, bài viết sơ sài.*  *- Điểm 0: Học sinh không làm bài hoặc sai lạc hoàn toàn.* |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐỀ 40** | **GIAO LƯU HỌC SINH GIỎI LỚP 8**  **CẤP THỊ XÃ NĂM HỌC 2020-2021** |

**Môn:** **NGỮ VĂN**

*Thời gian làm bài: 120 phút, không kể thời gian giao đề*

*(****Đề thi này có 01 trang****)*

*----------------------------*

***Câu 1* (***4,0 điểm***):**

Nêu cảm nhận của em về hai câu thơ sau:

*Cánh buồm giương to như mảnh hồn làng.*

*Rướn thân trắng bao la thâu góp gió.*

(**Quê hương** - ***Tế Hanh***, Ngữ văn 8, NXB Giáo dục)

***Câu 2* :** **(***4,0 điểm***):** Cho đoạn văn bản sau:

“*Bạn có thể không thông minh bẩm sinh nhưng bạn luôn chuyên cần và vượt qua bản thân từng ngày một. Bạn có thể không hát hay nhưng bạn là người không bao giờ trễ hẹn. Bạn không là người giỏi thể thao nhưng bạn có nụ cười ấm áp. Bạn không có gương mặt xinh đẹp nhưng bạn rất giỏi thắt cà vạt cho ba và nấu ăn rất ngon. Chắc chắn, mỗi một người trong chúng ta đều được sinh ra với những giá trị có sẵn. Và chính bạn, hơn ai hết, trước ai hết, phải biết mình, phải nhận ra những giá trị đó.*”

(Trích ***Nếu biết trăm năm là hữu hạn***...- Phạm Lữ Ân)

Dựa vào gợi ý từ đoạn văn bản trên, em hãy viết một đoạn văn từ 15-20 câu bàn về giá trị bản thân trong cuộc sống.

***Câu 2* :** **(***12 điểm***):**

Bàn về nhân vật trong tác phẩm văn học có ý kiến cho rằng: *“Nhà văn sáng tạo nhân vật để gửi gắm tư tưởng, tình cảm và quan niệm của mình về cuộc đời* ''. Em hãy làm sáng tỏ nhận định trên qua truyện ngắn lão Hạc của Nam Cao

–––––––––– **Hết**–––––––––––

|  |  |
| --- | --- |
|  | **HƯỚNG DẪN CHẤM BÀI GIAO LƯU** |

**I/ HƯỚNG DẪN CHUNG:**

- Do đặc trưng của bộ môn Ngữ văn nên giám khảo cần nắm vững các yêu cầu của hướng dẫn chấm để đánh giá tổng quát bài làm của thí sinh, chủ động, linh hoạt trong việc vận dụng đáp án và thang điểm. Hướng dẫn chấm chỉ nêu những gợi ý có tính chất định hướng, GK có thể vận dụng linh hoạt, tránh cứng nhắc đếm ý cho điểm và nên cân nhắc trong từng trường hợp cụ thể để phát hiện những bài làm thể hiện tố chất của học sinh giỏi *(kiến thức vững chắc, năng lực cảm thụ sâu sắc, tinh tế, kĩ năng làm bài tốt…)*; đặc biệt khuyến khích những bài làm có sự sáng tạo, có phong cách riêng.

- GK đánh giá bài làm của học sinh trên cả hai phương diện: kiến thức và kĩ năng. Chỉ cho điểm tối đa ở mỗi ý khi thí sinh đạt đựơc yêu cầu cả về nội dung kiến thức và kĩ năng.

- Việc chi tiết hoá điểm số các ý (nếu có) phải đảm bảo không sai lệch với tổng điểm của mỗi ý và được thống nhất trong Hội đồng chấm thi.

- Điểm toàn bài là 20,0 điểm, chi tiết đến 0,25 (không làm tròn).

**II/ HƯỚNG DẪN CỤ THỂ:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CÂU** | **MỘT SỐ GỢI Ý CHÍNH** | **ĐIỂM** |
| **Câu 1**  *(4,0 điểm)* | **Yêu cầu:**  ***\* Về kĩ năng:*** học sinh biết bám sát văn bản ngôn từ, biết phát hiện và thẩm bình giá trị nghệ thuật, dụng ý của tác giả trong việc thể hiện tư tưởng, tình cảm, biết lập luận và trình bày thành một đoạn văn bản, diễn đạt trôi chảy, mạch lạc; lập luận chặt chẽ, thuyết phục. | 0.5 |
| ***\* Về nội dung kiến thức:*** Học sinh cần trình bày các ý sau:  + Hai câu thơ trên đã vẽ lên một hình ảnh thực: cánh buồm trắng no căng gió đưa con thuyền vượt lên phía trước. | 0.5 |
| +NT so sánh: "Cánh buồm giương to **như** mảnh hồn làng”: nhà thơ lấy một hình ảnh cụ thể “cánh buồm” để so sánh với một hình ảnh trừu tượng “mảnh hồn làng”. "Mảnh hồn làng” gợi đến truyền thống chăm chỉ, cần cù và bao đức tính quí báu của người dân vùng biển. So sánh “cánh buồm ” với “mảnh hồn làng” khiến hình ảnh cánh buồm trở nên thiêng liêng | 1.0 |
| + Nghệ thuật nhân hóa: “rướn thân trắng bao la thấu góp gió”: Động từ “rướn" rất mạnh mẽ , cánh buồm “rướn thân trắng” để “bao la thấu góp gió” của đại đương và biển cả thể hiện sự khoáng đạt, hiên ngang mạnh mẽ như chính tính cách của người dân miền biển, sẵn sàng đương đầu với thử thách khao khát chinh phục tự nhiên và vũ trụ của con người.. | 1.0 |
| -> Hình ảnh trong thơ trên vừa thơ mộng vừa hoành tráng, nó vừa vẽ nên chính xác hình thể vừa gợi được linh hồn của sự vật. Qua hình ảnh cánh buồm tuyệt đẹp, Tế Hanh đã thể hiện tâm hồn khoáng đạt của người dân làng chài “quê hương”. | 1.0 |
| **Câu 2**  *(4,0 điểm)* | **a) Yêu cầu về kĩ năng:**  - Trình bày đúng yêu cầu của đoạn văn nghị luận xã hội, biết kết hợp nhuần nhuyễn các thao tác lập luận: giải thích, chứng minh, bình luận, phân tích vấn đề.  - Diễn đạt mạch lạc, dùng từ chính xác, không mắc lỗi chính tả và viết câu. Khuyến khích những bài viết sáng tạo, chữ đẹp. | 0,5 |
| **b) Yêu cầu về kiến thức:** Giám khảo cần linh hoạt đánh giá cao những bài làm có sự sáng tạo, có phong cách riêng.  Học sinh có thể sắp xếp trình bày theo nhiều cách khác nhau, có thể có những ý kiến riêng nhưng cần đạt được : |  |
| ***- Xác định đúng vấn đề cần nghị luận***: Giá trị bản thân trong cuộc sống. | 0,5 |
| - ***Giải thích vấn đề***: Học sinh lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận theo nhiều cách. Có thể theo hướng sau:  + Mỗi người đều có giá trị của riêng mình, giá trị là điều cốt lõi tạo nên con người bạn. Giá trị đó dù lớn lao hay nhỏ bé cũng cần được tôn trọng.  + Giá trị của bản thân là ưu điểm, điểm mạnh vượt trội của mỗi người so với những người khác khiến mình có một cá tính riêng, dấu ấn riêng không trộn lẫn với đám đông.  + Giá trị của bản thân không đơn thuần là điểm mạnh của bản thân mà còn là sự đóng góp, là vai trò của mỗi người với mọi người xung quanh. (VD: Bạn không cần là một đứa trẻ xuất sắc mọi mặt, nhưng bạn vẫn là niềm tự hào, là nguồn động lực của cha mẹ. Đấy chính một phần giá trị con người của bạn)  + Biết được giá trị bản thân sẽ biết được điểm mạnh để phát huy, điểm yếu để hạn chế, như vậy sẽ đạt nhiều thành công trong cuộc sống. | 1.0 |
| ***- Bàn luận vấn đề***  + Giá trị bản thân mỗi người không phụ thuộc vào địa vị hay tiền bạc họ có trong tay mà phụ thuộc vào sự nỗ lực của mỗi người trong cuộc sống.  + Nếu bản thân mỗi người không biết cách trau dồi để tự tạo ra giá trị cho mình thì cuộc sống không còn có ý nghĩa, chỉ là sự tồn tại trên cuộc đời.  + Có những người vốn có nội lực nhưng không tự nhận thức được giá trị của mình, thiếu tự tin về bản thân, sống không có quan điểm riêng, nên đánh mất nhiều cơ hội. | 1.0 |
| ***- Bài học nhận thức và hành động.***  + Cần nỗ lực học tập rèn luyện để làm tăng giá trị bản thân, trở thành người có ích cho xã hội.  + Không được định giá người khác khi chưa thấu hiểu họ bởi giá trị là sự tích lũy dài lâu, không phải ngày một ngày hai mà tạo ra. | 1.0 |
| **Câu 3**  *(12,0 điểm)* | **a. Yêu cầu về kĩ năng:**  - HS có kĩ năng làm bài nghị luận văn học, biết kết hợp các phép lập luận như giải thích, phân tích, chứng minh...  - Biết lựa chọn dẫn chứng, phân tích và bình dẫn chứng sao cho làm sáng rõ vấn đề.  - Biết kết hợp với liên hệ, mở rộng để trình bày vấn đề một cách thấu đáo, toàn diện.  - Văn viết có cảm xúc, diễn đạt lưu loát, trôi chảy; biết dùng từ, đặt câu chuẩn xác, gợi cảm.  - Bố cục bài phải hoàn chỉnh, chặt chẽ. |  |
| **b. Yêu cầu về kiến thức:** |  |
| Học sinh có thể sắp xếp trình bày theo nhiều cách khác nhau, có thể có những ý kiến riêng miễn sao phải phù hợp với yêu cầu của đề bài. Dù triển khai theo trình tự nào cũng cần đạt được những ý chính sau đây. |  |
| **1. Mở bài**: GT được tác giả, tác phẩm, vấn đề: *Ý nghĩa, vai trò của nhân vật trong truyện là góp phần thể hiện tư tưởng, tình cảm và quan niệm của nhà văn về cuộc đời.* | 0.5 |
| **2. Thân bài**  ***2.1 Giải thich***: *“Nhà văn sáng tạo nhân vật để gửi gắm tư tưởng, tình cảm và quan niệm của mình về cuộc đời* ''  + *Tư tưởng*: nhận thức, sự lý giải và thái độ của nhà văn đối với đối tượng, với những vấn đề nhân sinh đặt ra trong tác phẩm.  + *Tình cảm* (tình cảm thẩm mĩ): những rung động, những xúc cảm thẩm mĩ đối với thực tại bộc lộ thế giới tinh thần cũng như cá tính và kinh nghiệm xã hội của nhà văn.  + *Quan niệm (quan niệm nghệ thuật) về cuộc đời*: nguyên tắc tìm hiểu, cắt  nghĩa thế giới và con người thể hiện ở điểm nhìn nghệ thuật, ở chủ đề sáng tác, kiểu nhân vật và mối quan hệ giữa các nhân vật, ở cách xử lí các biến cố…của nhà văn. | 1.5 |
| ***2.2 Phân tích, chứng minh***  - Phân tích nhân vật Lão Hạc:  + Hoàn cảnh cuộc đời lão  + Lão Hạc trong quan hệ với con trai  + Trong quan hệ với cậu Vàng  + Trong quan hệ với ông giáo: Lời lẽ của lão Hạc đối với ông giáo lúc nào cũng lễ phép và cung kính. Đó là cách bày tỏ thái độ kính trọng người hiểu biết, nhiều chữ của một lão nông …  -> Là người có ý thức cao về lẽ sống, trọng danh dự làm người hơn cả sự sống; một người cha hết lòng thương con, một người nông dân trung thực, thật thà, giàu lòng tự trọng. Tuy nhiên có số phận bế tắc đáng thương: Vì nghèo, lão không có tiền lo đám cưới cho con. Hơn thế nữa cùng vì quá nghèo đói bế tắc mà lão cuối cùng cũng phải đưa ra quyết định đau đớn tột cùng: bán người bạn thân nhất là cậu Vàng. Hết lần này đến lần khác, lão cuối cùng đã rơi vào đỉnh điểm bế tắc khi phải chết bằng bả chó. | 3.0 |
| - Phân tích nhân vật ông Giáo  + Có cùng nỗi khổ của sự nghèo túng; có cùng nỗi đau phải bán đi những thứ mà mình yêu quí nhất  + Thông cảm, thương xót cho hoàn cảnh của lão Hạc, tìm mọi cách an ủi, giúp đỡ lão.  + Ông là người hiểu đời hiểu người, có tấm lòng vị tha cao cả: *"Chao ôi! Đối với những người ở quanh ta, nếu ta không cố tìm mà hiểu họ, thì ta chỉ thấy họ gàn dở, ngu ngốc, bần tiện, xấu xa, bỉ ổi… toàn những cớ để ta tàn nhẫn; không bao giờ ta thương…”*  Đây cũng là triết lí thấm đượm cảm xúc xót xa chân thành của Nam Cao trước những số phận bất hạnh trong cuộc đời. Nam Cao khẳng định một thái độ sống, một cách ứng xử nhân đạo: Cần phải quan tâm, suy nghĩ đúng đắn về những con người sống quanh mình, nhìn nhận và đánh giá họ bằng sự đồng cảm, bằng đôi ,mắt của tình thương, vấn đề này đã trở thành chủ đề sâu sắc trong một truyện ngắn cùng tên của Nam Cao. Ông cho rằng con người chỉ xứng đáng với danh nghĩa con người khi biết đồng cảm, trân trọng, nâng niu những điều đáng thương, đáng quý ở người khác.  ⇒ Ông giáo là người trí thức chân chính, trọng nhân cách, không mất đi lòng tin vào những điều tốt đẹp ở con người. | 2.5 |
| - Từ đó thấy được quan niệm của tác giả về con người, xã hội:  + Yêu thương, trân trọng con người nghèo khổ  + Phát hiện vẻ đẹp nhân cách của con người  + Số phận bế tắc đáng thương của người nông dân trong xã hội cũ, tiêu biểu là Lão Hạc: Vì nghèo, lão không có tiền lo đám cưới cho con. Hơn thế nữa cùng vì quá nghèo đói bế tắc mà lão cuối cùng cũng phải đưa ra quyết định đau đớn tột cùng: bán người bạn thân nhất là cậu Vàng. Hết lần này đến lần khác, lão cuối cùng đã rơi vào đỉnh điểm bế tắc khi phải chết bằng bả chó. | 2.0 |
| - Nghệ thuật đặc sắc của tác phẩm làm nổi bật giá trị nội dung  + Tình huống truyện: Bất ngờ, ngoài sự dự đoán của độc giả. Tình huống đó làm sáng ngời nhân cách của lão Hạc trong lòng người đọc  + Cách xây dựng nhân vật: Chân thực sinh động, từ ngoại hình đến nội tâm,  + Chuyện được kể theo ngôi thứ nhất, làm cho câu chuyện trở nên gần gũi chân thực. | 1.0 |
| **2.3.Khẳng định lại vấn đề - Liên hệ, mở rộng:**  -Tư tưởng, tình cảm và quan niệm của nhà văn gửi gắm trong nhân vật giúp tác giả chuyển tải tư tưởng, chủ đề của tác phẩm và thông điệp của mình tới người đọc. Nội dung và nghệ thuật của tác phẩm nhờ đó mà gắn bó, hoàn thiện, tác phẩm dễ thành công hơn.  - Khẳng định sự đúng đắn của nhận định. Đó là căn cứ để đánh giá, thậm định đồng thời cũng là yêu cầu đối với người cầm bút và định hướng cho sự khám phá, tiếp nhận tác phẩm. | 1.0 |
| **3. Kết bài:** Khái quát lại vấn đề nghị luận và bày tỏ suy nghĩ của bản thân | 0.5 |
| *Lưu ý: chỉ cho điểm tối đa khi bài viết đạt được cả yêu cầu về kiến thức và kĩ năng song cũng cần linh hoạt với những bài giàu cảm xúc và có tính sáng tạo. Nếu thí sinh sa đà vào phân tích nhân vật hoặc phân tích truyện mà không làm nổi bật nội dung nghị luận thì giám khảo chỉ cho tối đa một nửa tổng sổ điểm.* |  |

--------------Hết----------------

**ĐỀ 41.**

**ĐỀ THI GIAO LƯU HSG LỚP 8 CẤP HUYỆN**

**MÔN: NGỮ VĂN**

*( Thời gian làm bài 150 phút, không kể thời gian giao đề)*

**Câu 1** *(3,0 điểm):* Cảm nhận của em về đoạn văn sau:

*Trong làng tôi không thiếu gì các loại cây, nhưng hai cây phong này khác hẳn - chúng có tiếng nói riêng và hẳn phải có một tâm hồn riêng, chan chứa những lời ca êm dịu. Dù ta tới đây vào lúc nào, ban ngày hay ban đêm, chúng cũng vẫn nghiêng ngả thân cây, lay động lá cành, không ngớt tiếng rì rào theo nhiều cung bậc khác nhau. Có khi tưởng chừng như một làn sóng thủy triều dâng lên vỗ vào bãi cát, có khi lại nghe như một tiếng thì thầm thiết tha nồng thắm truyền qua lá cành như một đốm lửa vô hình, có khi hai cây phong bỗng im bặt một thoáng rồi khắp lá cành lại cất tiếng thở dài một lượt như thương tiếc người nào. Và khi mây đen kéo đến cùng với bão giông, xô gãy cành, tỉa trụi lá, hai cây phong nghiêng ngả tấm thân dẻo dai và reo vù vù như một ngọn lửa bốc cháy rừng rực.*

*Về sau, khi nhiều năm đã trôi qua, tôi mới hiểu được điều bí ẩn của hai cây phong.Chẳng qua chúng đứng trên đồi cao lộng gió nên đáp lại bất kì chuyển động khe khẽ nào của không khí, mỗi chiếc lá nhỏ đều nhạy bén đón lấy mọi làn gió nhẹ thoảng qua.*

*Nhưng việc khám phá ra chân lí đơn giản ấy vẫn không làm tôi vỡ mộng xưa, không làm tôi bỏ mất cách cảm thụ của tuổi thơ mà tôi còn giữ đến tận ngày nay. Và cho đến tận ngày nay tôi vẫn thấy hai cây phong trên đồi có một vẻ sinh động khác thường. Tuổi trẻ của tôi đã để lại nơi ấy, bên cạnh chúng như một mảnh vỡ của chiếc gương thần xanh...*

(Trích “Người thầy đầu tiên” - Ai-ma-tốp)

**Câu 2** *(2,0 điểm):*

Trình bày suy nghĩ của em về ý kiến sau:

*“Ở trên đời, mọi chuyện đều không có gì khó khăn nếu ước mơ của mình đủ lớn”.*

**Câu 3** *(5,0 điểm):*

“*Một nghệ sĩ chân chính phải là một nhà nhân đạo từ trong cốt tủy*”

(T.Sêkhốp)

Qua truyện ngắn “Lão Hạc”- của Nam Cao, em hãy chứng minh.

*---------------Hết---------------*

**HDC ĐỀ THI GIAO LƯU HSG LỚP 8**

**Câu 1 (3,0 điểm)**

\*Yêu cầu về kĩ năng:

* + Biết cách cảm nhận vẻ đẹp một đoạn văn.
  + Diễn đạt mạch lạc; không mắc lỗi chính tả, dùng từ và ngữ pháp.

\*Yêu cầu về nội dung:

Học sinh có thể có những suy nghĩ và cách trình bày khác nhau, nhưng về cơ bản cần hướng đến những nội dung chủ yếu sau:

- Đoạn trích kể lại dòng cảm xúc của nhân vật tôi khi nghĩ về hai cây phong trong làng Ku-ku-rêu:(0,25đ)

+ Hình ảnh hai cây phong được miêu tả hết sức độc đáo, sinh động, chúng như có “tâm hồn riêng”, “tiếng nói riêng”. Qua cách nhìn, cách cảm của nhân vật tôi, hai cây phong hiện lên có cử chỉ hoạt động, có tâm trạng , cảm xúc giống như một con người: lúc sôi nổi mạnh mẽ, lúc dịu dàng thiết tha, lúc im lặng thở dài, lúc lại như “ bốc cháy rừng rực” (*Có khi tưởng chừng như một làn sóng…như thương tiếc người nào)* . Đặc biệt trong giông bão, hai cây phong vẫn dẻo dai, bền bỉ, kiên cường và đầy sức sống. Bằng một vài nét phác họa cùng nghệ thuật liệt kê, so sánh, nhân hóa và trí tưởng tượng phong phú, nhân vật tôi đã gợi tả hai cây phong có vẻ đẹp tâm hồn, tính cách, phẩm chất riêng. Hai cây phong trở thành biểu tượng cho tâm hồn, ý chí, nghị lực của con người làng Ku- ku-rêu (như nhân vật An-tư-nai).(1,5đ)

+ Hai cây phong được miêu tả như những nhân vật của câu chuyện, tham gia, chứng kiến những kỷ niệm của con người. Hai cây phong là nhân vật lưu giữ, chứng kiến một quãng đời thơ ấu đẹp đẽ của nhân vật tôi ở ngôi làng mình (*Tuổi trẻ của tôi đã để lại nơi ấy, bên cạnh chúng như một mảnh vỡ của chiếc gương thần xanh)*. Từ cảm xúc về hai cây phong nhân vật tôi bày tỏ tình cảm yêu mến, ngợi ca, trân trọng và tự hào về vẻ đẹp làng quê và những kỉ niệm đẹp tuổi thơ.(1đ)

-Với ngòi bút miêu tả đậm chất hội họa và bằng tất cả trí tưởng tượng,tâm hồn của người nghệ sĩ, nhà văn Ai-ma-tốp đã khắc họa được vẻ đẹp của hai cây phong trở thành biểu tượng cho làng Ku-ku-rêu, cho ý chí nghị lực của con người nơi đây. Hai cây phong cũng chính là nhân chứng cho tình thầy trò của thầy giáo Đuy-sen và cô bé An-tư-nai. (0.25đ)

**Câu 2: (3,0 điểm).**

**a. Về kĩ năng**

Biết cách viết văn nghị luận xã hội, bố cục rõ ràng, lập luận chặt chẽ, có sức thuyết phục, văn viết mạch lạc, trong sáng, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu.

**b. Về kiến thức**

Học sinh có thể trình bày theo nhiều cách nhưng cần đảm bảo các ý cơ bản sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Phần** | **Nội dung cần đạt** | **Điểm** |
| **Mở bài:** | Dẫn dắt, giới thiệu câu nói  – Cuộc đời sẽ tẻ nhạt, vô nghĩa biết bao khi con người ta sống không có ước mơ, khát vọng.  Chính vì vậy có ý kiến cho rằng“Ở trên đời, mọi chuyện đều không có gì khó khăn nếu ước mơ của mình đủ lớn”. | **0,25** |
| **Thân bài** | **1.Giải thích:**  - Ước mơ là những điều tốt đẹp mà con người mong muốn, khao khát đạt được.  - Ước mơ đủ lớn là ước mơ được trải qua một quá trình nuôi dưỡng, phấn đấu, vượt qua mọi khó khăn trở ngại để trở thành hiện thực.  -> Ý nghĩa của câu nói: Trong cuộc sống con người cần có ước mơ; dám nuôi dưỡng, theo đuổi ước mơ bằng ý chí, nghị lực, niềm tin và hành động đúng đắn để biến ước mơ thành hiện thực thì mọi khó khăn đều sẽ vượt qua. | **0,25** |
| **Phân tích, chứng minh, bình luận:**  -Cuộc sống sẽ thật tẻ nhạt, vô nghĩa khi cuộc đời không có những ước mơ. Có những ước mơ rất nhỏ bé, bình dị. Nhưng cũng có những ước mơ lớn lao, cao cả. ( d/c) Có những ước mơ vụt đến rồi vụt đi, có những ước mơ đi theo cả cuộc đời con người. Nhưng để ước mơ đủ lớn thì không đơn giản, dễ dàng mà phải trải qua bao thăng trầm, khó khăn, thử thách, thậm chí cả những thất bại đắng cay mới có được . Nếu con người biết nuôi dưỡng ước mơ bằng niềm say mê, ý chí kiên trung, nghị lực và hành động mạnh mẽ sẵn sàng vượt qua những trở ngại đó thì ước mơ, khát vọng, lí tưởng đó sẽ trở thành hiện thực.(d/c: Hồ Chí Minh, các nhà khoa học lớn….)  - Nhưng cũng có ước mơ nhỏ bé, bình dị thôi cũng khó có thể đạt được: những người kém may mắn, người khuyết tật, người bệnh hiểm nghèo… Song họ vẫn ấp ủ những ước mơ, hi vọng và họ không bao giờ để cho ước mơ của mình lụi tàn hay mất đi . Vì thế cuộc sống của họ trở lên thật ý nghĩa, và những ước mơ ấy trở thành động lực giúp họ vượt qua mọi khó khăn.  - Tuy nhiên trong cuộc sống còn có những con người sống không lí tưởng, thiếu ý chí, hay có ước mơ nhưng không dám theo đuổi, không hành động thì ước mơ của họ cũng không trở thành hiện thực. Họ sẽ luôn ngại khó, ngại khổ, không dám đương đầu khó khăn và mọi việc sẽ không bao giờ thành công…(d/c) | **0,5**  **0,25**  **0,25** |
| **Bài học liên hệ bản thân:**  -Mỗi con người cần phải có những ước mơ, hi vọng, lí tưởng, mục đích sống tốt đẹp trong cuộc đời.  - Cần nỗ lực phấn đấu, học tập, rèn luyện, trau dồi kiến thức, kinh nghiệm, bản lĩnh để biến ước mơ thành hiện thực | **0,25** |
| **Kết bài** | Khẳng định ý nghĩa, giá trị của câu nói.  Liên hệ ước mơ, khát vọng của bản thân | **0,25** |

**Câu 3: (5,0 điểm).**

**a. Yêu cầu về kĩ năng:**

- Hiểu đúng yêu cầu của đề bài. Biết cách làm bài văn nghị luận văn học. Biết cách chọn lọc dẫn chứng để phân tích làm sáng tỏ vấn đề. Lập luận chặt chẽ, diễn đạt tốt (có suy nghĩ, đánh giá, cảm xúc...)

- Kết cấu chặt chẽ, diễn đạt lưu loát; bố cục rõ ràng, mạch lạc, không mắc lỗi về

chính tả, dùng từ và ngữ pháp.

**b. Yêu cầu về kiến thức:**

Có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng cần đảm bảo những ý cơ bản sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Phần** | **Nội dung cần đạt** | **Điểm** |
| Mở bài | Dẫn dắt, nêu ý kiến | 025 |
| Thân bài | ***1.Giải thích ý kiến:***  - *Người nghệ sĩ chân chính*: là người nghệ sĩ trong quá trình sáng tạo, tác phẩm của họ sinh ra là vì con người, hướng đến cuộc sống tốt đẹp của con người.  - *Là nhà nhân đạo từ trong cốt tủy:* có nghĩa là người nghệ sĩ phải có lòng nhân ái, yêu thương con người. Tinh thần nhân đạo là phẩm chất bắt buộc phải có trong mỗi người cầm bút. Đó là tình cảm có chiều sâu từ trong cốt tủy chứ không chỉ là tình cảm nông cạn, hời hợt, mơ hồ.  -> Ý nghĩa của câu nói khẳng định nhà văn chân chính là nhà văn phải có cái nhìn, tấm lòng nhân ái, yêu thương đối với con người.  - Trong truyện ngắn “Lão Hạc” , tấm lòng nhân đạo sâu sắc của tác giả Nam Cao chính là sự đồng cảm, yêu thương, trân trọng, ngợi ca những con người lao động nghèo khổ trong xã hội phong kiến, thực dân đầu thế kỉ XX. | 0,5 đ |
|  | ***Phân tích, chứng minh:***  \*Lòng nhân đạo của nhà văn trước hết thể hiện ở sự đồng cảm với những cuộc đời, số phận nghèo khổ qua các nhân vật trong truyện: *Lão Hạc một người nông dân có cuộc đời nghèo khổ, cô độc: vợ mất sớm ở vậy nuôi con, khi con lớn không đủ tiền lấy vợ nó phẫn chí đi phu đồn điền cao su bỏ lão một mình với con chó Vàng; đói kém, bệnh tật lão cùng đường không còn gì để sống và vì muốn giữ trọn mảnh vườn cho con lão phải ăn bả chó để tự vẫn. Cuộc đời lão Hạc thật bi thảm…Ông giáo- một trí thức nghèo cũng không khỏi cảnh nghèo khó, khốn cùng phải bán đi cả những quyển sách quí giá cuối cùng của cuộc đời vì con.*Các nhân vật trong truyện được Nam Cao miêu tả không chỉ phản ánh chân thực số phận con người, mà trong mỗi lời văn còn thấm đẫm sự cảm thông, chia sẻ, thấu hiểu những nỗi cùng cực của người dân Việt Nam trước Cách mạng. Từ sự cảm thông sâu sắc ây, nhà văn cũng tố cáo xã hội phong kiến, những hủ tục lạc hậu đã đẩy người dân đến bước đường cùng.  \*Tấm lòng nhân đạo của Nam Cao còn là sự ngợi ca, trân trọng những vẻ đẹp của con người Việt Nam trong hoàn cảnh bần hàn, cơ cực nhất:  + Tấm lòng nhân hậu của lão Hạc qua cách đối xử của lão với con chó Vàng đầy tình thương “ lão gọi nó là cậu Vàng…”. Lão trăn trở, buồn đau, day dứt khi phải bán nó “ Lão cười như mếu….” “A! Lão già tệ lắm…”.  +Lòng tự trọng, sự lương thiện sáng ngời ngay cả khi nghèo đói, cơ cực nhất. Lão Hạc thà nhịn đói chứ nhất quyết không dựa vào lòng tốt của ông giáo “ lão từ chối gần như hách dịch” ; không muốn phiền lụy đến hàng xóm, gửi tiền lại“ lo hậu sự”; thà chết chứ không chịu ăn cắp như Binh Tư, không tiêu vào tiền bòn vườn của con….Nam Cao không chỉ nhận thấy mà còn chỉ ra cho người đọc thấy trong cái hình hài gầy gò, già nua khắc khổ của lão nông ấy là một tâm hồn cao thượng biết bao nhiêu.  +Trong cảnh đời nghèo khổ của những con người lao động, nhà văn cũng khắc họa được vẻ đẹp cao quý nhất của con người, đó là tình yêu thương:  Đó là tình làng xóm sâu đậm. Ông giáo dù nghèo đến khánh kiệt vẫn muốn được sẻ chia, giúp đỡ , an ủi, động viên lão Hạc.  Đó là tình thương yêu sâu nặng của người cha suốt đời hi sinh vì con của lão Hạc. Lão hi sinh cả tuổi thanh xuân, hạnh phúc riêng tư để nuôi con lớn khi vợ lão mất sớm. Lão thương con đến quăn lòng khi không lo được hạnh phúc cho con,. Lão quyết không ăn vào tiền của con khi không còn gì sinh sống. Lão thà chết để giữ trọn mảnh vườn cho có kế sinh nhai sau này.  \*Lòng nhân đạo của tác giả còn được thể hiện ở thái độ trân trọng những ước mơ, khát vọng của con người về một tương lai tốt đẹp. Mặc dù tác phẩm có một cái kết đau thương: lão Hạc chết, hay như người ta vẫn nói “ cao su đi dễ khó về…”, nhưng Nam Cao cùng nhân vật tin tưởng và hi vọng về những điều tốt đẹp. Đó là niềm hi vọng của lão Hạc về cuộc sống cho đứa con trai “đến lúc nó về…có chút vốn mà làm ăn”. Niềm khao khát, hi vọng ấy được gửi gắm cho ông giáo “ lão đừng lo …khi con trai lão về tôi sẽ trao cho hắn..” | 1,0  2,0  0,5 |
|  | Đánh giá: Bằng cách kể chuyện tự nhiên hấp dẫn trong cách chọn ngôi kể, kết hợp nhuần nhuyễn kể với miêu tả ,biểu cảm và bình luận; cách xây dựng nhân vật đến mức điển hình, nhà văn Nam Cao đã thể hiện tấm lòng nhân đạo khi viết về con người Việt nam trong xã hội trước Cách mạng. Ông không chỉ nhìn, miêu tả họ bằng cái nhìn nhân ái. Mà ông còn khẳng định về một thái độ sống, một cách ứng xử nhân đạo. Và ông cũng giúp cho người đọc biết đặt mình vào những cảnh ngộ cụ thể để cảm thông , thấu hiểu, trân trọng, nâng niu những điều đáng quí ở những con người quanh ta. | 0,5 |
| **Kết bài** | -Khẳng định vai trò, ý nghĩa, trách nhiệm của người nghệ sĩ chân chính  -Liên hệ bản thân về cách nhìn, cách cảm, cách ứng xử với mọi người trong cuộc sống. | 0,25 |

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**ĐỀ 42.**

**ĐỀ THI HỌC SINH GIỎI MÔN NGỮ VĂN 8 TP**

**NĂM HỌC 2018 – 2019**

**Thời gian: 120 phút**

**ĐỀ BÀI**

**Câu 1. (4đ)**

Suy nghĩ của em về bài học cuộc sống được gợi ra từ câu chuyện sau đây:

*Có một người mù đi trên một con đường tối, trên tay lại cầm theo một chiếc đèn lồng.*

*Một người thấy thế liền hỏi:*

*-Ông có thấy đường đâu mà phải cầm theo chiếc đèn lồng làm gì?*

*Người mù liền mỉm cười trả lời:*

*-Tôi cầm theo chiếc đèn này là để người khác không đâm sầm vào tôi.*

*Làm vậy có thể giữ an toàn cho bản thân mình.*

*(Trích: Bài học lớn từ những câu chuyện nhỏ)*

**Câu 2.(6đ):**

Có người cho rằng*: “ Đồng cảm với số phận của người nông dân Việt Nam trước Cách mạng, đồng thời ngợi ca những phẩm chất cao quý của họ là những biểu hiện quan trọng của giá trị nhân đạo trong truyện ngắn “Lão Hạc” của Nam Cao.”*

Em hiểu ý kiến trên như thế nào? Từ thực tế cảm nhận truyện ngắn *“Lão Hạc”* của *Nam Cao( Ngữ văn 8, tập 1)* hãy làm sáng tỏ.

**----HẾT---**

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

**A. HƯỚNG DẪN CHUNG**

- Đánh giá điểm tối đa khi đảm bảo đầy đủ các yêu cầu về kiến thức và kĩ năng.

- Do đặc trưng của bộ môn Ngữ văn nên GV cần chủ động, linh hoạt trong việc vận dụng đáp án và thang điểm; khuyến khích những bài viết có cảm xúc, sáng tạo.

- Điểm toàn bài thi là tổng điểm thành phần của từng câu, cho điểm lẻ đến 0,25.

**B. HƯỚNG DẪN CỤ THỂ:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **Câu 1** | **Suy nghĩ của em về bài học cuộc sống được gợi ra từ câu chuyện:** | **4,0** |
|  | **1.Yêu cầu về kĩ năng:**  **-**Học sinh biết cách làm bài văn nghị luận xã hội bàn về một bài học cuộc sống được gợi ra từ nội dung của một câu chuyện.  -Bài văn có bố cục và cách trình bày hợp lí, hệ thống luận điểm rõ ràng, các ý triển khai tốt, dẫn chứng phù hợp.  -Diễn đạt trôi chảy, sáng tạo, mắc ít lỗi chính tả dùng từ và ngữ pháp chính xác. | 0,25 |
|  | **2.Yêu cầu về nội dung và cho điểm:**  Học sinh có thể trình bày theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo những ý cơ bản mang tính định hướng dưới đây. |  |
|  | **A.Mở bài: Giới thiệu vấn đề cần nghị luận.**  **-**Để tồn tại con người cần trang bị cho mình nhiều kĩ năng…  -Một trong số những kĩ năng quan trọng ấy được đề cập qua câu chuyện về một người mù trích trong *Bài học lớn từ những câu chuyện nhỏ…* | 0,25 |
|  | **B.Thân bài:**  **1.Tóm tắt nội dung, giải thích ý nghĩa câu chuyện:**  -Tóm tắt: Một người mù đã mang theo một chiếc đèn lồng để đi trên một con đường tối. Có người thắc mắc tại sao. Ông nói với họ rằng làm như vậy là để không bị người khác đâm sầm vào, có thể giữ an toàn cho bản thân mình.  -Giải thích: Người mù đã lường trước được rủi ro có thể xảy ra khi ông di chuyển trên đường vào buổi đêm. Ông đã phòng tránh bằng cách mang đèn lồng để người đi đường không va phải. Như vậy ông đã tự trang bị cho mình những yếu tố phù hợp với hoàn cảnh. Chính sự chuẩn bị chu đáo ấy đã giúp người mù di chuyển một cách thuận lợi và giữ an toàn cho bản thân cũng như an toàn cho người khác. | 0,5  0,5 |
|  | **2.Trình bày suy nghĩ:**  **a. Câu chuyện gửi đến chúng ta một bài học nhẹ nhàng mà thấm thía về sự chủ động của con người trong cuộc sống:**  Không để đến khi sự việc xảy ra mới hành động, để tránh những rủi ro không đáng có, con người cần có những chuẩn bị cần thiết, cần chủ động trong mọi hoàn cảnh.  **b. Tại sao cần chủ động trong cuộc sống:**  + Cuộc sống luôn tiềm ẩn những sự cố bất ngờ, nếu không chuẩn bị trước , con người khó có thể khắc phục, giải quyết, giảm thiểu sự rủi ro; bên cạnh đó, không phải ai cũng có khả năng giải quyết những bất trắc khi nó xảy đến vì con người luôn có những hạn chế, điểm yếu, không có sự chuẩn bị sẽ trở tay không kịp…  + Chủ động là yếu tố quan trọng giúp con người có thể sống tốt trong mọi điều kiện, hoàn cảnh. Có sự chủ động, con người có thể xử lí một cách nhanh chóng, dễ dàng những tình huống bất thường; có thể tự tin hơn, mạnh dạn hơn khi hành động; con người sẽ làm chủ được bản thân, thích nghi với hoàn cảnh và có thể tồn tại được trong một thế giới vốn tiềm ẩn không ít nguy cơ và sự rủi ro này…  **c. Nên rèn luyện như thế nào để trở thành người luôn biết chủ động với cuộc sống của chính mình?**  - Mỗi người cần phải nhận thức đúng về bản thân mình với những điểm mạnh, điểm yếu; phải để ý, quan sát con người và cuộc sống xung quanh; rút ra kinh nghiệm từ những sai lầm, tự trang bị cho mình những kiến thức, kĩ năng cần thiết; luôn có ý thức phòng ngừa, lường trước những tình huống xảy ra, biết cách thay đổi bản thân cho phù hợp với hoàn cảnh…  - Trong thực tế vẫn còn nhiều người sống chủ quan, thụ động gặp chăng hay chớ; và không phải lúc nào con người cũng dự đoán hết, chính xác mọi tình huống xảy ra, tuy nhiên có sự chuẩn bị vẫn hơn đừng để “ nước đến chân mới nhảy”; kể cả trong cuộc sống hiện đại, với nhiều thành tựu khoa học tiên tiến thì sự chuẩn bị trước mọi tình hướng vẫn là điều cần thiết…. | 0,5  0,5  0,5  0,25  0,5 |
|  | **C. Kết bài:**  - Bài học mà câu chuyện để lại luôn đúng với mọi thời đại.  - Liên hệ bản thân, rút ra kinh nghiệm, định hướng cho một lối sống đúng đắn phù hợp. | 0,25 |
|  | **Lưu ý*:*** *Bên cạnh lí lẽ, thí sinh cần sử dụng các dẫn chứng một cách phù hợp để minh họa.* |  |
| **Câu 2** | **Có người cho rằng*: “ Đồng cảm với số phận của người nông dân Việt Nam trước Cách mạng, đồng thời ngợi ca những phẩm chất cao quý của họ là những biểu hiện quan trọng của giá trị nhân đạo trong truyện ngắn “Lão Hạc” của Nam Cao.”***  **Em hiểu ý kiến trên như thế nào? Từ thực tế cảm nhận truyện ngắn *“Lão Hạc”* của *Nam Cao( Ngữ văn 8, tập 1)* hãy làm sáng tỏ.** | **6,0** |
|  | **1.Yêu cầu về kĩ năng:**  - Học sinh biết cách làm một bài văn nghị luận chứng minh văn học để làm sáng tỏ ý kiến bàn về giá trị nội dung của truyến ngắn Lão Hạc.  - Bố cục bài làm chặt chẽ, hợp lí đầy đủ ba phần: mở bài, thân bài, kết bài. Luận điểm rõ ràng, luận cứ xác thực, dẫn chứng nêu và phân tích đúng hướng.  - Diễn đạt trôi chảy trong sáng, có cảm xúc, dùng từ ngữ chính xác, ít mắc lỗi chính tả, đúng ngữ pháp. | 0,25 |
|  | **2.Yêu cầu về nội dung và cho điểm:**  Học sinh có thể sắp xếp, trình bày theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo những ý cơ bản mang tính định hướng dưới đây. |  |
|  | **A.Mở bài:**  -Giới thiệu được những nét cơ bản về *Nam Cao* và truyện ngắn *LãoHạc,*…  -Trích dẫn ý kiến nói về gía trị nhân đạo của tác phẩm *Lão Hạc…* | 0,5 |
|  | **B.Thân bài:**  **1.Giải thích ý kiến:**  **-***Nhân đạo*: Tình yêu thương, ý thức tôn trọng giá trị, phẩm chất của con người..  *-Tinh thần nhân đạo* trong tác phẩm văn học thường thể hiện ở các nội dung: Lên án các thế lực chà đạp nhân phẩm con người; cảm thông , chia sẻ với những số phận bất hạnh; ca ngợi những phẩm chất trong sáng, cao đẹp, trân trọng, nâng niu những ước mơ, khát vọng và tin tưởng ở khả năng vươn dậy của con người dù trong bất kì hoàn cảnh nào…  *-Giá trị nhân đạo* là một trong những tiêu chí cơ bản để đánh giá sự thành công về mặt nội dung của một tác phẩm văn học…  -Ý kiến trên hoàn toàn đúng, đã chỉ ra được mặt thành công về mặt nội dung của truyện *Lão Hạc, giá trị nhân đạo* biểu hiện ở hai khía cạnh quan trọng: “ *Đồng cảm với số phận của người nông dân Việt Nam trước Cách mạng” và “ ngợi ca những phẩm chất cao quý của họ”…* | 0,25  0,25  0,25  0,25 |
|  | **2. Chứng minh ý kiến: giá trị nhân đạo của truyện ngắn Lão Hạc.**  **2.1: Giá trị nhân đạo của truyện ngắn Lão Hạc, trước hết được biểu hiện qua tấm lòng đồng cảm của nhà văn Nam Cao đối với số phận bất hạnh của người nông dân Việt Nam trước Cách mạng tháng 8-1945:**  -*Thương cho hoàn cảnh lão Hạc*: góa vợ, nhà nghèo, con bỏ đi phu, sống cô đơn với con chó Vàng làm bạn…  -*Ái ngại trước bao nhiêu tai họa thi nhau giáng xuống quãng đời già nua, khốn khó của lão:* ốm đau, bão gió, mất mùa, thóc cao gạo kém, thất nghiệp, không nuôi nổi cậu Vàng đành bán; bản thân phải ăn đói, nhịn khát, sự túng bấn ngày càng nặng nề thêm…  -*Thấu hiểu, chia sẻ với tâm tư của lão Hạc:* giằn vặt vì thương con mà không giữ được nó cho mình; ân hận, xót xa vì “ trót đánh lừa” *cậu Vàng* yêu quý; trăn trở, lo toan về tương lai, cuộc đời của con…  *-Buồn đến xót xa khi chứng kiến cái chết của lão Hạc:* một cái chết đau đớn, thê thảm, dữ dội…  -*Hóa thân vào nhân vật ông giáo:* lắng nghe lão Hạc chia sẻ những buồn đau, điêu đứng, thất vọng…,nhận lãnh những trách nhiệm mà lão Hạc trao gửi…  -Cuộc sống khốn cùng, cái chết bi thương của lão Hạc nói lên thấm thía số phận bi thảm, tối tăm của những người nông dân Việt Nam trước Cách mạng, đồng thời qua đó nhà văn gửi gắm biết bao tình thương xót dành cho họ… | 0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25 |
|  | **2.2. Một biểu hiện quan trọng khác của giá trị nhân đạo trong tác phẩm là nhà văn đã trân trọng, ngợi ca những phẩm chất cao quý, ngời sáng trong tâm hồn người nông dân:**  **-***Tình yêu thương và đức hi sinh:*  + Ở lão Hạc sáng ngời lên tấm lòng của một người cha: thương con vì nghèo không lấy được vợ phẫn chí đi phu, luôn suy nghĩ và lo lắng cho tương lai của con, chắt bóp để dành tiền cho con, quyết chí giữ mảnh vườn để con mãn hạn đi phu về cưới vợ, hi sinh cả mạng sống của mình vì muốn cho đời con được hạnh phúc…  + Tình thương yêu còn thể hiện qua việc lão đối xử rất nhân hậu với cậu Vàng- kỉ vật mà con để lại: gọi tên, cho ăn, tắm táp, chuyện trò, cưng nựng, coi nó như một thành viên trong gia đình…  -*Bản tính lương thiện, ý thức tự trọng:*  + Lão Hạc thà đói nhất quyết không ngữa tay phiền lụy xóm làng, thà chết không bán mảnh vườn mà người vợ quá cố để lại cho con, trước khi chết còn gửi tiền lại để nhờ hành xóm lo ma chay, từ chối mọi rủ rê của Binh Tư và quyết không làm điều xằng bậy; cảm thấy có lỗi vì *trót đánh lừa một con chó,*  chọn cách chết bằng bả chó như để tạ lỗi với cậu Vàng…  -Khám phá, ca ngợi những phẩm chất cao đẹp, trong sáng của tâm hồn lão Hạc, nhà văn gửi gắm niềm tin sâu sắc vào bản tính lương thiện và khả năng vươn dậy của con người dù trong bất kì hoàn cảnh nào… | 0,25  0,25  0,5  0,25 |
|  | **3.3. Tài năng nghệ thuật xuất sắc của nhà văn Nam Cao trong truyện ngắn Lão Hạc:**  **-**Nghệ thuật kể chuyện: tự sự xen lẫn trữ tình, triết lí sâu sắc; chọn ngôi kể phù hợp với việc bộc lộ cảm xúc, bày tỏ thái độ;  -Miêu tả tâm lí nhân vật tinh tế qua ngoại hình và nội tâm, đi sâu vào những tâm tư của nhân vật xung quanh việc bán cậu Vàng và việc lão lẳng lặng chuẩn bị cho cái chết của mình để từ đó số phận đáng thương và nhân cách cao quý của lão Hạc bộc lộ một cách chân thực, cảm động… | 0,5  0,5 |
|  | **C.Kết bài:**  **-**Lời nhận định sâu sắc và chí lí, truyện Lão Hạc và tác giả Nam Cao hoàn toàn xứng đáng với sự tôn vinh…  -Liên hệ bản thân: trân trọng tác phẩm, quý mến nhà văn, biết yêu thương, đồng cảm,xây đắp niềm tin,… | 0,5 |
|  | **Lưu ý:** *giám khảo cân nhắc để cho mức điểm phù hợp của từng phần và toàn bài văn. Đối với những bài viết một trong các yêu cầu về kĩ năng hoặc chỉ phân tích tác phẩm một cách thuần túy mà không theo định hướng đặt ra, không cho quá 3,0 điểm.* |  |

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**ĐỀ 1:**

**ĐỀ THI CHỌN HS NĂNG KHIẾU LỚP 8 THCS**

**MÔN: NGỮ VĂN**

*Thời gian 150 phút, không kể thời gian giao đề*

**Đề chính thức**

Đề thi có 01 trang

**I. Câu I(3 điểm):**

Viết đoạn văn phân tích tác dụng của phép tu từ trong đoạn văn sau :

"*Cũng như tôi, mấy cậu học trò mới bỡ ngỡ đứng nép bên người thân, chỉ dám nhìn một nửa hay dám đi từng bước nhẹ. Họ như con chim non đứng bên bờ tổ, nhìn quãng trời rộng muốn bay, nhưng còn ngập ngừng e sợ".*

*(Tôi đi học-* Thanh Tịnh*)*

**II. Câu II ( 5 điểm):**

Trong truyện ngắn "*Chiếc lá cuối cùng"* của O.Hen-ri, bệnh tật và nghèo túng khiến Giôn-xi tuyệt vọng không muốn sống nữa. Cô đếm từng chiếc lá còn lại trên cây thường xuân bám vào bức tường gạch đối diện với cửa sổ, chờ khi nào chiếc lá cuối cùng rụng nốt thì cô cũng buông xuôi, lìa đời…  
 Nhưng, “*chiếc lá cuối cùng vẫn còn”*  làm cho Giôn-xi tự thấy mình “*thật là một con bé hư…Muốn chết là một tội”.* Cô lại hi vọng một ngày nào đó sẽ được vẽ vịnh Na-plơ và như lời bác sĩ nói, cô đã “*thoát khỏi nguy hiểm”* của bệnh tật.  
 Qua những thay đổi của Giôn-xi, em hãy viết một bài văn ngắn thể hiện suy nghĩ về nghị lực sống của con người.

**III- Câu III (12 điểm):**

Nhận xét về bài thơ “Nhớ rừng” của Thế Lữ, có ý kiến cho rằng:   
 *“ Đằng sau sự hồi tưởng về quá khứ huy hoàng của con hổ, ta còn thấy tâm trạng nuối tiếc đầy bất lực cùng một khát vọng tự do tha thiết”.*

Bằng hiểu biết của em về đoạn 2 và 3 của bài thơ, hãy làm rõ ý kiến đó.

-----------------------

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

MÔN: NGỮ VĂN

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CÂU** | **YÊU CẦU CẦN ĐẠT** | **ĐIỂM** |
| **Câu I**  **(3 điểm)** | **A- Yêu cầu về kĩ năng**:  - HS trình bày thành một đoạn văn ngắn, có bố cục rõ ràng, mạch lạc  - HS nắm được kĩ năng làm dạng bài, chỉ ra được biện pháp tu từ và phân tích được hiệu quả nghệ thuật của biện pháp tu từ ấy trong việc diễn đạt nội dung, ý nghĩa.  - Dùng từ, đặt câu đúng.Diễn đạt rõ ràng, trong sáng, có cảm xúc.  **B- Yêu cầu về nội dung kiến thức**:  - Giới thiệu xuất xứ câu văn.  - Chỉ ra phép tu từ so sánh: *mấy cậu học trò... như con chim non...*  - Tác dụng của biện pháp tu từ so sánh:  + Hình ảnh so sánh rất đẹp và sinh động: tả hình dáng và gợi đúng tâm trạng của các em nhỏ lần đầu tới trường: Các chú bé ngây thơ, xinh xắn rất đáng yêu; các chú bé khao khát được học hành và mơ ước được biết những điều mới lạ ; rất háo hức nhưng cũng rất bỡ ngỡ, rụt rè, e sợ.  + Hình ảnh so sánh tinh tế, gợi cảm khiến cho người đọc có nhiều liên tưởng: Trẻ thơ còn bé bỏng, non nớt cũng như chim non; lần đầu các em nhỏ đi học cũng như chim non tập bay. Trẻ con đi học là đã lớn hơn, đã biết háo hức, khát khao, biết bồi hồi lo lắng khi nghĩ đến chân trời học vấn mênh mang và cuộc đời đang rộng mở.  - Nhận xét: Đó là một trong những câu văn hay trong truyện ngắn giàu chất trữ tình này. | 0,5  1,25  1,0  0,25 |
| **Câu II**  **(5 điểm)** | **A. Yêu cầu về kỹ năng:**  Hiểu được yêu cầu của đề ra. Tạo lập được một văn bản nghị luận xã hội có bố cục rõ ràng, lập luận chặt chẽ, lời văn trong sáng, có cảm xúc và giọng điệu riêng. Viết đúng chính tả và ngữ pháp, dùng từ chính xác.  **B. Yêu cầu về nội dung kiến thức:** Trên cơ sở nắm bắt được nội dung tác phẩm “*Chiếc lá cuối cùng”*, hình tượng nhân vật Giôn-xi và hiểu biết về xã hội, học sinh cần đáp ứng các ý cơ bản sau:  a.Vài nét về nhân vật Giôn-xi:  - Hoàn cảnh sống: Nghèo khổ, bệnh tật.  - Trạng thái tinh thần: Từ yếu đuối, buông xuôi và đầu hàng số phận, mất hết nghị lực sống đến chỗ biết quý trọng sự sống của mình, khao khát sáng tạo và chiến thắng bệnh tật. Nghị lực sống, tình yêu cuộc sống đã trỗi dậy trong Giôn-xi.  b.Bàn luận về vấn đề:  - Nghị lực sống là năng lực tinh thần mạnh mẽ, không chịu lùi bước trước khó khăn, thử thách; luôn lạc quan, tin tưởng vào cuộc sống…  - Đây là một phẩm chất cao đẹp và cần thiết: tiếp sức cho ước mơ hoài bão của con người; mở ra những hành động tích cực vượt lên những trắc trở, những cám dỗ trong cuộc sống; giúp con người gặt hái thành công. Thiếu nghị lực, dễ chán nản, bi quan…khiến con người thường gặp thất bại, bị mọi người xung quanh coi thường, thương hại.  - Nghị lực sống có được không chỉ dựa vào nội lực cá nhân mà còn được tiếp sức bởi sự sẻ chia, tình yêu thương của cộng đồng.  c.Liên hệ cuộc sống và rút ra bài học:  - Ý thức vai trò quan trọng của nghị lực sống, biết cách rèn luyện và duy trì ý chí, tinh thần mạnh mẽ.  - Biết yêu thương, cảm thông và tiếp thêm niềm tin yêu cuộc đời, nghị lực sống cho những người xung quanh.  - Biểu dương những tấm gương tiêu biểu cho nghị lực sống mạnh mẽ và phê phán những kẻ hèn nhát, bạc nhược… | 1,0  2,0  2,0 |
| **Câu III**  **(12 điểm)** | **A- Yêu cầu về kĩ năng**:  - HS biết làm văn nghị luận, kết hợp giải thích, phân tích, chứng minh, bình luận; biết so sánh, liên hệ hợp lí.  - Xác lập và trình bày hệ thống luận điểm rõ ràng, lập luận chặt chẽ. Bố cục bài hoàn chỉnh. hợp lí.  - Không sa đà vào diễn xuôi thơ.  - Dùng từ đặt câu đúng, diễn đạt trong sáng, rõ ràng, có cảm xúc.  **B- Yêu cầu về kiến thức**:  ***1. Giới thiệu*** tác giả, tác phẩm, giới thiệu được vấn đề nghị luận. Dẫn được ý kiến nêu trong đề bài và dẫn đoạn thơ.  ***2.Giải thích được ý kiến***:  - Ý kiến trên đã khái quát, khẳng định giá trị, ý nghĩa của đoạn thơ.  - Giải thích *khát vọng tự do* là khao khát, ước muốn thoát khỏi tình cảnh tù túng, mất tự do; mong muốn được sống đúng với lý tưởng, hoài bão, giá trị bản thân, không bị trói buộc bởi ngoại cảnh.  Khát vọng tự do là tư tưởng chủ yếu được thể hiện trong đoạn thơ và cả bài thơ.  ***3. HS phân tích đoạn thơ để chứng minh cho nhận định:***  **a. Con hổ hồi tưởng về quá khứ huy hoàng:**  ***\* Con hổ nhớ cảnh núi rừng:***  (*HS đưa dẫn chứng và phân tích, bình các chi tiết)*  - Cảnh núi rừng hiện lên trong nỗi nhớ của vị chúa sơn lâm với những hình ảnh đặc trưng của chốn đại ngàn: *Bóng cả, cây già, tiếng gió gào ngàn, giọng nguồn hét núi, khúc trường ca dữ dội...*  Thiên nhiên hùng vĩ, tráng lệ trong bốn cảnh như bức tứ bình:  + Cảnh đêm vàng: lung linh, huyền diệu, thơ mộng.  + Cảnh ngày mưa: dữ dội.  + Cảnh bình minh: tươi sáng, rộn rã, đầy sức sống.  + Cảnh chiều tà: ghê rợn, bí hiểm.  => Bút pháp nghệ thuật đặc sắc: Dùng nhiều động từ mạnh để diễn tả cái lớn lao, phi thường, hình ảnh thơ chọn lọc; đường nét sống động, những gam màu đậm. Điệp ngữ kết hợp với liệt kê rất ấn tượng.  *=> Đó là chốn đại ngàn thênh thang. Ở đó cái gì cũng lớn lao, phi thường, hùng tráng, thiêng liêng. Cảnh khi dữ dội, khi lại êm đềm, thanh tĩnh; lúc lại tưng bừng, náo nức; vừa khoáng đạt, hùng vĩ, thơ mộng lại vừa thâm u, bí hiểm, linh thiêng.*  ***\* Con hổ nhớ hình ảnh của chính mình trong quá khứ:***  - Tương xứng với cảnh thiên nhiên kỳ vĩ là con hổ oai hùng. (*HS đưa dẫn chứng và phân tích, bình các chi tiết)*  + Bước chân...  + Tấm thân...  + Đôi mắt quắc lên trong hang tối...  + Cảnh đêm vàng “Ta say mồi đứng uống ánh trăng tan”  + Cảnh ngày mưa “Ta lặng ngắm giang sơn ta đổi mới”  + Cảnh bình minh “Tiếng chim ca giấc ngủ ta tưng bừng”  + Cảnh chiều “Ta đợi chết mảnh mặt trời gay gắt”.  => Từ ngữ giàu chất tạo hình: gợi hình dáng con hổ. Con hổ hiện ra với vẻ đẹp oai phong lẫm liệt, vừa uy nghi dũng mãnh, vừa mềm mại, uyển chuyển.  + Đại từ “ta” đ­ược điệp lại ở các câu thơ thể hiện khí phách ngang tàng; âm hưởng câu thơ rắn rỏi, hào hùng làm nổi bật hình ảnh vị chúa sơn lâm đầy uy lực, kiêu hùng với tâm trạng thoả mãn, tự hào về oai vũ , về sức mạnh tuyệt đỉnh của mình.  + Ngôn ngữ thơ tráng lệ, giàu giá trị gợi tả; bút pháp nghệ thuật điêu luyện, tài hoa. Đoạn thơ như bức tranh tứ bình được coi là tuyệt bút.  *=>Con hổ đã sống những ngày được là chính mình, tự do tung hoành giữa núi rừng, làm chúa tể muôn loài. Đó là một quá khứ vàng son, oanh liệt.*  **b.** ***Đằng sau sự hồi tưởng về quá khứ huy hoàng của con hổ, ta còn thấy tâm trạng nuối tiếc đầy bất lực cùng một khát vọng tự do tha thiết.***  ***\* Tâm trạng nuối tiếc đầy bất lực:*** Nhưng tiếc thay, tất cả chỉ là dĩ vãng. Con hổ đang say sưa, ngây ngất trong giấc mộng huy hoàng thì sực tỉnh trở về thực tại với thân phận nô lệ tủi nhục. Những cảnh trong nỗi nhớ chỉ để lại trong nó sự hụt hẫng, cay đắng, bất lực.  + Các từ nghi vấn, một loạt điệp ngữ: *nào đâu, đâu những,* *...*cùng những câu hỏi tu từ thể hiện sự xúc động mạnh mẽ, dồn dập và nỗi nhớ tiếc khôn nguôi những cảnh không bao giờ thấy nữa. Càng nhớ tiếc quá khứ huy hoàng, càng xót đau, bức bối, căm uất thân phận “*sa cơ”* mất tự do, bị hạ thấp, bị biến thành *“trò lạ mắt, thứ đồ chơi”* tủi nhục.  + Nỗi nhớ miên man về quá khứ tươi đẹp và giấc mơ huy hoàng đã khép lại trong một tiếng than thảm thiết:: *Than ôi ! Thời oanh liệt nay còn đâu!”* nghe như tiếng thở dài ngao ngán, tuyệt vọng; lại như một câu hỏi nhức nhối, xoáy mãi nhói tận tâm can. Thực tại và hồi ức tương phản gay gắt. Quá khứ càng đẹp, càng oanh liệt bao nhiêu thì nỗi nhớ tiếc càng đau đớn bấy nhiêu.  ***\* Khát vọng tự do tha thiết:*** Dù đang phải chịu kiếp đời nô lệ, nhưng con hổ không khuất phục hoàn cảnh; lúc nào nó cũng tiếc nuối quá khứ vàng son, lúc nào cũng khao khát trở về với núi rừng, không lãng quên, không phản bội. Khao khát được trở về với núi rừng là khao khát một cuộc sống tự do, được sống đúng là mình, sống có ý nghĩa.  - Hồn thơ Thế Lữ rộng mở với cảm hứng lãng mạn dào dạt, nồng nàn, phóng khoáng nhưng vẫn mang nặng tâm sự thời thế, đất nước. Qua tâm sự nhớ rừng của con hổ, nhà thơ bày tỏ niềm khát khao tự do mãnh liệt, nỗi chán ghét sâu sắc thực tại tầm thường, giả dối. Đó là tâm sự của cả một lớp trí thức Việt Nam đương thời bế tắc trước thời cuộc. Họ ý thức được nỗi nhục nhã và uất ức của thân phận người dân mất nước; họ không chấp nhận cuộc đời nô lệ nhưng chưa dám hành động cho độc lập tự do. Họ đành thúc thủ, bất lực và dừng lại ở thái độ phủ nhận thực tại xã hội, đồng thời thể hiện khát vọng tự do, mong ước được giải thoát khỏi cuộc sống tầm thường giả dối trong xã hội đương thời. Đó cũng là tâm sự chung của mọi người dân mất nước khi ấy: khao khát tự do, khao khát được trở về với truyền thống hào hùng của dân tộc trong quá khứ.  .***c-******Và tất cả những điều đó đã được thể hiện bằng một ngòi bút thật tài hoa:*** *( HS khái quát những đặc sắc nghệ thuật nổi bật của đoạn thơ, có thể lồng vào quá trình phân tích ở trên)*  + Thể thơ tám chữ rất phù hợp với việc thể hiện những diễn biến phức tạp trong tâm trạng nhân vật trữ tình.  + Đoạn thơ tràn đầy cảm hứng lãng mạn, mạch cảm xúc dạt dào, sôi nổi, cuồn cuộn tuôn trào.  + Giọng thơ khi say sưa, ngây ngất; khi sôi nổi, sảng khoái, hùng tráng; khi đầy tiếc nuối, xót xa, u uất.  + Thành công của Thế  Lữ là đã thể hiện một trí tưởng tượng phong phú khi mượn hình ảnh con hổ trong vườn bách thú để nói hộ cho những tâm sự kín đáo sâu sắc của mình. Với ý nghĩa ẩn dụ, hình ảnh con hổ đã thể hiện thành công chủ đề của bài thơ, làm nên giá trị nhân văn sâu sắc cho bài thơ.  ***4. Khẳng định lại giá trị đoạn thơ, của tác phẩm và bộc lộc suy nghĩ riêng của bản thân.*** | 1,0  1,0  2,0  2,0    2,0    2,0  1,0  1,0 |

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**ĐỀ 2**

**ĐỀ THI HỌC SINH NĂNG KHIẾU LỚP 8 THCS**

**MÔN: NGỮ VĂN**

*Thời gian 150 phút, không kể thời gian giao đề*

**I. Đọc - Hiểu (1 điểm)**:

**Đọc đoạn văn sau và thực hiện nhiệm vụ nêu bên dưới:**

*.... Lãng phí thời gian là mất tuyệt đối. Mất tiền có thể kiếm lại được tiền, mất xe có thể sắm lại được nhưng mất thời gian thì chịu, đố ai có thể kiếm lại được. Thời gian là một dòng chảy thẳng; không bao giờ dừng lại và cũng không bao giờ quay lùi. Mọi cơ hội, nếu bỏ qua là mất. Tuổi trẻ mà không làm được gì cho đời, cho bản thân thì nó vẫn xồng xộc đến với tuổi già. Thời gian là một dòng chảy đều đặn, lạnh lùng, chẳng bao giờ chờ đợi sự chậm trễ. Hãy quý trọng thời gian, nhất là trong thời đại trí tuệ này; nền kinh tế tri thức đã và đang làm cho thời gian trở nên vô giá. Chưa đầy một giờ, công nghệ Nhật Bản đã có thể sản xuất một tấn thép; con tàu tốc hành của các nước phát triển trong vài giờ đã có thể vượt qua được vài ngàn kilomet. Mọi biểu hiện đủng đỉnh, rềnh ràng đều trở nên lạc lõng trong xu thế toàn cầu hiện nay. Giải trí là cần thiết, nhưng chơi bời quá mức, để thời gian trôi qua vô vị là có tội với đời, với tương lai đất nước…..*

(***Phong cách sống của người đời*** - http://www.chungta.com)

**Câu 1**: (0.5đ). Xác định đề tài của văn bản

**Câu 2**: (0.5đ). Tác giả đã triển khai lập luận (trình bày văn bản) theo cách nào?

**Câu 3**: (1.0đ). Chỉ ra dẫn chứng mà tác giả dùng để minh họa cho lí lẽ: *nền kinh tế trí thức đã và đang làm cho thời gian trở nên vô giá.*

**Câu 4**: (1.0đ). Tại sao tác giả viết: *Giải trí là cần thiết nhưng chơi bời quá mức, để thời gian trôi qua vô vị là có tội với đời, với tương lai đất nước?* (trình bày 3 đến 4 câu).

**II. Làm văn (16 điểm):**

**Câu 1** (6 điểm):

Nêu suy nghĩ của em về câu chuyện sau:

**HỘP KEM**

Chị ơi, xin lỗi, chị có thể đổi lại cho em hộp kem loại năm ngàn được không ạ?

Cô chủ quán lộ rõ vẻ khó chịu khi đang định đặt hộp kem loại mười ngàn xuống cho vị khách nhỏ.

Như không hề để ý đến ánh mắt xem thường của cô gái, chỉ sau một loáng, cậu bé đã ăn hết hộp kem. Tiến đến quầy trả tiền với tờ mười ngàn duy nhất trên tay, cậu bé nói nhỏ với cô gái:

- Chị vui lòng gửi phần tiền còn lại cho bác có đứa con nhỏ đang đứng trước quán giúp em nhé!

Cậu bé quay lưng, cô gái chợt lặng người nhìn ra cửa, nơi người đàn ông mù cầm cây đàn đang đứng cạnh đứa con gái bé nhỏ mà ít phút trước đó đã bị cô mời ra khỏi quán.

(Hạt giống tâm hồn)

**Câu 2** (10 điểm )

Nhận xét về đoạn tứ bình trong bài thơ ***Nhớ rừng***, có ý kiến cho rằng :

*“ Đây là đoạn tuyệt bút. Cả bốn bức tứ bình đều là những chân dung tự họa khác nhau của con hổ nhưng đã khái quát trọn vẹn về cái “thời oanh liệt” của chúa sơn lâm.”*

Phân tích đoạn thơ tứ bình trong bài thơ ***Nhớ rừng*** để làm rõ điều đó.

------------------ Hết ------------------------

**HƯỚNG DẪN CHẤM – BIỂU ĐIỂM KÌ THI**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Câu** | **Đáp án - Hướng dẫn chấm** |
|  | 1 | Đề tài: Vai trò, tầm quan trọng của thời gian với cuộc sống của con người hiện đại. |
| 2 | Đoạn văn trình bày theo cách: diễn dịch |
| 3 | Dẫn chứng: *Chưa đầy một giờ, công nghệ Nhật Bản đã có thể sản xuất một tấn thép; con tàu tốc hành của các nước phát triển trong vài giờ đã có thể vượt qua được vài ngàn kilomet* |
| 4 | Tác giả viết như vậy bởi:  - Giải trí giúp chúng ta cân bằng lại cuộc sống, cân bằng lại tâm trạng sau những giờ lao động mệt nhọc, lấy lại tinh thần và thể chất để tiếp tục công việc.  - Còn chơi bời là sự ăn chơi quá mức, không lo đến tương lai, công việc, để thời gian trôi đi một cách vô nghĩa.  Bởi vậy, giải trí trong một thời gian nhất định sẽ giúp ta làm việc tốt hơn, còn chơi bời là tiêu tốn thời gian một cách vô ích nên sẽ làm hại đên tương lai bản thân và đất nước. |

**II. Làm văn (16 điểm):**

**Câu 1** (6 điểm)

\* **Về kĩ năng**: Trình bày dưới dạng một bài văn có bố cục 3 phần rõ ràng.,kết cấu hợp lí, không mắc lỗi chính tả , Trình bày khoa học ,văn phong sáng sủa. (1 điểm)

\* **Về nội dung**: **(5điểm)**

Học sinh có những cách cảm nhận riêng, trình bày theo nhiều cách khác nhau .Nhưng làm nổi bật được các nội dung cơ bản sau :

- Câu chuyện khuyên mọi người cần có thái độ ứng xử nhã nhặn với mọi người xung

quanh ( nhân vật em bé trong truyện).

(1điểm)

- Giáo dục lòng yêu thương con người, biết giúp đỡ mọi người khi họ gặp khó khăn( hình ảnh cha con người đàn ông mù)

(1 điểm)

- Câu chuyên còn nhắc nhở những người chưa biết quan tâm tới người khác có hoàn cảnh khó khó khăn hơn mình, biết đồng cảm,chia sẻ với những giười kém may mắn, cần suy xét lại hành vi của mình( cái lặng người của cô chủ quán).

(1.5điểm)

- Câu chuyện mang ý nghĩa nhân văn cao đẹp ,hướng con người có những cử chỉ đẹp( cử chỉ nhỏ mà ý nghĩa lớn)… (1.5 điểm)

**Câu 2 (10,0 điểm)**

|  |
| --- |
| \* **Yêu cầu về kĩ năng:** Học sinh viết được bài văn nghị luận chứng minh, bố cục chặt chẽ, ngôn ngữ trong sáng, diễn đạt lưu loát, không sai chính tả, ngữ pháp. (0.5 điểm) |
| **\* Yêu cầu về kiến thức:** Học sinh có thể trình bày bài viết theo nhiều cách khác nhau nhưng cần đảm bảo được các yêu cầu sau:  **- Giới thiệu khái quát tác giả, tác phẩm, vị trí đoạn thơ** (0.5 điểm)  **- Khái quát nhận định:** (1.0 điểm)  + Đây là đoạn thơ hay, cấu trúc tứ bình: bốn cảnh, cảnh nào cũng có núi rừng hùng vĩ làm nền để hình ảnh hổ được nổi bật. Bức chân dung tự họa khác nhau: chân dung hổ trong bốn cảnh ở bốn thời điểm được vẽ lại bằng kỉ niệm, bằng hồi ức của chính nó. Thời oanh liệt : thời tự do, tung hoành, thống trị đại ngàn của chúa tể rừng xanh.  + Đoạn thơ này nằm trong chuỗi hồi ức về quá khứ oai hùng, mỗi cảnh gồm hai câu thơ, câu trước tả cảnh rừng, câu sau là chân dung của hổ trên nền thiên nhiên kì vĩ.  - **Phân tích, chứng minh:**  + Cảnh đêm trăng đẹp, thơ mộng, huyền ảo. Hổ như một thi sĩ lãng mạn thưởng thức cái đẹp bên dòng suối*.( dẫn chứng thơ và phân tích)* (1,5 điểm)  + Cảnh ngày mưa ào ạt, dữ dội. Hổ vừa như bậc quân vương uy nghi, bình tĩnh, ung dung trước mọi sự biến động, vừa giống một nhag hiền triết thâm trầm lặng ngắm đất trời thay đổi sau mưa bão  *( dẫn chứng thơ)* (1.5 điểm)  + Cảnh bình minh tươi đẹp, rực rỡ. Hổ như một đế vương hưởng lạc thú, say giấc nồng giữa khúc ca của muôn loài*.( dẫn chứng thơ*) (1,5 điểm)  + Cảnh hoàng hôn đỏ rực màu máu. Hổ như một bạo chúa rừng già, tàn bạo đang giành lấy quyền lực làm chủ bóng tối, làm chủ vũ trụ. *(dẫn chứng thơ* ) (1,5 điểm)  -> Bộ tranh tứ bình đẹp, tái hiện quá khứ huy hoàng, tự do với cảnh núi rừng hoang sơ, thơ mộng, kì vĩ, hổ hiện lên với tư thế lẫm liệt kiêu hùng, đầy uy lực (0.5 điểm).  -**Tổng hợp, đánh giá** :  + Khẳng định ý kiến ở đề bài là chính xác. Đoạn tứ bình là đoạn tuyệt bút hay nhất của bài thơ, là bức chân dung tự họa của nhân vật trữ tình trong bốn thời điểm đã khái quát được một thời quá khứ oanh liệt, tự do, huy hoàng của chúa tể rừng xanh. (0.5 điểm)  + Đoạn thơ mượn lời tâm sự của con hổ để diễn tả kín đáo tâm trạng và khát vọng của con người : Tâm trạng của nhà thơ lãng mạn, thân tù hãm nhưng tâm hồn vẫn nhớ thời hoàng kim của tự do, do đó bất hòa sâu sắc với thực tại tầm thường . Đó cũng là tâm trạng của người dân Việt Nam mất nước, nhớ tiếc khôn nguôi một “thời oanh liệt” của lịch sử dân tộc. Đoạn thơ góp phần khơi sâu cảm hứng chủ đạo của toàn bài thơ. (0.5 điểm)  + Nghệ thuật : Đây là đoạn thơ tiêu biểu với những sáng tạo nghệ thuật độc đáo: thể thơ tám chữ với vần điệu uyển chuyển, hình ảnh thơ mang tính hội họa cao, diễm lệ, kì ảo, dữ dội và bi hùng; nghệ thuật nhân hóa, ẩn dụ chuyển đổi cảm giác tinh tế... (0.5 điểm) |

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**ĐỀ 3**

**ĐỀ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI**

**NĂM HỌC 2018-2019**

**MÔN:** **Ngữ văn lớp 8**

***Câu 1*** *(4,0 điểm):*

Em hãy viết đoạn văn từ 12 đến 15 câu phân tích hiệu quả nghệ thuật của các biện pháp tu từ được dùng trong đoạn thơ sau:

                                … “*Nhóm bếp lửa ấp iu nồng đượm*

*Nhóm niềm yêu thương, khoai sắn ngọt bùi*

*Nhóm nồi xôi gạo mới sẻ chung vui*

*Nhóm dậy cả những tâm tình tuổi nhỏ*

*Ôi kì lạ và thiêng liêng - bếp lửa!”*…

         (***Bếp lửa***, **Bằng Việt**, Ngữ văn 9, tập 1, NXB Giáo dục)

**Câu 2** *(4,0 điểm)*

Em hãy viết đoạn văn từ 12 đến 20 câu nêu suy nghĩ của em về ý kiến sau: “*Tương lai của bạn được xây dựng trên rất nhiều yếu tố, nhưng cái quan trọng nhất là chính bạn*”.

**Câu 3** *(12,0 điểm):*

Bàn về thơ, Sóng Hồng nhận định: *“Thơ là thơ, đồng thời là họa, là nhạc, là chạm khắc theo một cách riêng”.*

Em hãy làm sáng tỏ nhận định trên qua đoạn thơ sau:

... “Nào đâu những đêm vàng bên bờ suối,

Ta say mồi đứng uống ánh trăng tan?

Đâu những ngày mưa chuyển bốn phương ngàn,

Ta lặng ngắm giang san ta đổi mới?

Đâu những bình minh cây xanh nắng gội,

Tiếng chim ca giấc ngủ ta tưng bừng?

Đâu những chiều lênh láng máu sau rừng.

Ta đợi chết mảnh mặt trời gay gắt,

Để ta chiếm lấy riêng phần bí mật?

- Than ôi! Thời oanh liệt nay còn đâu?”

(***Nhớ rừng*, Thế Lữ**, Ngữ văn 8, tập 2, NXB Giáo dục)

**HƯỚNG DẪN CHẤM BÀI**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CÂU** | **MỘT SỐ GỢI Ý CHÍNH** | **ĐIỂM** |
| **Câu 1**  *(4,0 điểm)* | \* Yêu cầu về hình thức:  - Đúng hình thức đoạn văn (Số lượng từ 8-> 15 câu), diễn đạt mạch lạc  - Không sai lỗi chính tả, dùng từ, lỗi câu. | **0,5** |
| \* Yêu cầu về nội dung: Học sinh trình bày theo sự cảm thụ riêng, nhưng phải đảm bảo các ý: |  |
| ***- Giới thiệu đoạn thơ:*** |  |
| Bằng việc lựa chọn và sử dụng các biện pháp tu từ điệp từ, hoán dụ, ẩn dụ một cách đặc sắc, đoạn thơ là dòng suy ngẫm sâu sắc của cháu về “bếp lửa” của bà | **0,5** |
| ***- Lần lượt chỉ ra và phân tích hiệu quả của từng phép tu từ:*** |  |
| + Điệp từ *nhóm* bốn lần lặp lại liên tiếp đầu mỗi câu thơ vừa nhấn mạnh công việc nhóm bếp của bà vừa soi sáng chân dung người bà tần tảo, nhẫn nại, giàu đức hi sinh. Bà không chỉ nhóm lên bếp lửa bằng đôi tay khéo léo để bếp lửa cháy sáng, để có nồi *khoai sắn ngọt bùi,*có*nồi xôi gạo mới.*Từ công việc nhóm lửa hàng ngày, bà còn nhóm lên cả những nét đẹp tâm hồn tuổi thơ cháu, bồi đắp ước mơ và tình yêu thương cho cháu. | **1,0** |
| + Hoán dụ: *khoai sắn ngọt bùi, nồi xôi gạo mới* gợi ra tình cảm gắn bó với những gì giản dị, gần gũi của quê hương. Bà bồi đắp cho cháu tình đoàn kết xóm làng. | **0,5** |
| + Ẩn dụ: *bếp lửa* vừa tả thực vừa là hình ảnh biểu tượng cho lòng bà, tình yêu thương bà dành cho cháu, trở thành kỉ vật thiêng liêng của tình bà cháu, là hành trang theo cháu suốt hành trình dài rộng của cuộc đời. | **0,5** |
| + Ẩn dụ:***Nhóm*** *niềm yêu thương, khoai sắn ngọt bùi/* ***Nhóm*** *dậy cả những tâm tình tuổi nhỏ* : Bếp lửa gắn liền với kỉ niệm của hai bà cháu, người bà chính là người nhóm lửa, truyền lửa, tạo nên tuổi thơ cho người cháu, bếp lửa đã ***khơi dậy*** những gì bình dị mà thiêng liêng nhất : Bà đã khơi dậy trong lòng cháu một trời yêu thương, bà dựng xây cho cháu một khung trời tuổi thơ vẹn tròn ước mơ, hi vọng, bà là bà nhưng cũng là cha, là mẹ, là người bạn tâm tình cho cháu sự yêu thương, chăm sóc, bảo ban và chia sẻ. … | **0,5** |
| Các phép tu từ trên đã góp phần thể hiện tình cảm và lòng biết ơn sâu sắc của người cháu hiếu thảo phương xa với người bà yêu kính và bếp lửa tuổi thơ. | **0,5** |
| **Câu 2**  *(4,0 điểm)* | **a) Yêu cầu về kĩ năng:**  - Trình bày đúng yêu cầu của đoạn văn nghị luận xã hội, biết kết hợp nhuần nhuyễn các thao tác lập luận: Giải thích, chứng minh, bình luận, phân tích vấn đề.  - Bài viết cần có lập luận chặt chẽ, biết kết hợp nghị luận với biểu cảm.  - Diễn đạt mạch lạc, dùng từ chính xác, không mắc lỗi chính tả và viết câu. Khuyến khích những bài viết sáng tạo, chữ đẹp. | **0.5** |
| **b) Yêu cầu về kiến thức:** Giám khảo cần linh hoạt đánh giá cao những bài làm có sự sáng tạo, có phong cách riêng.  Học sinh có thể sắp xếp trình bày theo nhiều cách khác nhau, có thể có những ý kiến riêng nhưng cần đạt được : |  |
| - Nêu, giải thích: Tương lai của mỗi người có thể được xây dựng trên rất nhiều yếu tố nhưng điều quan trọng nhất là chính bản thân mỗi người: câu nói nhấn mạnh và khẳng định ***vai trò của mỗi cá nhân trong việc tự hình thành nhân cách và quyết định tương lai của mình***. | **0.5** |
| - Bàn luận một số khía cạnh:  + Mỗi người lớn lên và trưởng thành được là nhờ rất nhiều yếu tố: gia đình, bạn bè, nhà trường, xã hội,… | **0.5** |
| + Nhưng điều quyết định nhất đến sự trưởng thành và tương lai của mỗi người lại là chính bản thân cá nhân người đó: hoàn cảnh sống xung quanh (gia đình, bạn bè, nhà trường, xã hội,…) có vai trò rất quan trọng đối với mỗi người. Tuy nhiên, tiếp nhận, vận dụng hoàn cảnh đó như thế nào, tranh thủ được hay bỏ qua những điều kiện thuận lợi lại do mỗi người quyết định. Vì thế đòi hỏi mỗi người cần tự tin vào chính mình, cần chủ động, dấn thân không ngừng sang tạo, hành động…tức là phải phát huy mọi nỗ lực cá nhân trong mọi hoàn cảnh thì mới có được những thành công trong cuộc sống. | **1.0** |
| + Suy nghĩ về hiện tượng những người sống lệ thuộc, ỷ lại vào người khác, vào gia đình, xã hội … | **0.5** |
| - Bài học nhận thức và hành động.  + Nhận thức: Câu nói có ý nghĩa động viên và nhắc nhở mỗi người phải biết vươn lên trong cuộc sống để tạo cho mình một tương lai tươi sáng.  + Hành động: Tranh thủ những điều kiện thuận lợi xung quanh nhưng chủ yếu vẫn là những cố gắng vươn lên của bản thân trong cuộc sống. | **1,0** |
| **Câu 3**  *(12,0 điểm)* | **a. Yêu cầu về kĩ năng:**  - HS có kĩ năng làm bài nghị luận văn học, biết kết hợp các phép lập luận như giải thích, phân tích, chứng minh...  - Biết lựa chọn dẫn chứng, phân tích và bình dẫn chứng sao cho làm sáng rõ vấn đề.  - Biết kết hợp với liên hệ, mở rộng để trình bày vấn đề một cách thấu đáo, toàn diện.  - Văn viết có cảm xúc, diễn đạt lưu loát, trôi chảy; biết dùng từ, đặt câu chuẩn xác, gợi cảm.  - Bố cục bài phải hoàn chỉnh, chặt chẽ. |  |
| **b. Yêu cầu về kiến thức:** |  |
| Học sinh có thể sắp xếp trình bày theo nhiều cách khác nhau, có thể có những ý kiến riêng miễn sao phải phù hợp với yêu cầu của đề bài. Dù triển khai theo trình tự nào cũng cần đạt được những ý chính sau đây. |  |
| **a. Mở bài:** Dẫn dắt vấn đề nghị luận hợp lí | **0.5** |
| **b**.**Thân bài:**  b.1 Giải thích:  - Thơ - nhạc - hoạ đều là các loại hình nghệ thuật, song có sự khác biệt, trước hết là về chất liệu xây dựng hình tượng nghệ thuật để phản ánh cuộc sống. Nếu hoạ dùng đường nét, màu sắc; nhạc dùng giai điệu, âm thanh thì thơ cũng như các tác phẩm văn chương lại sử dụng ngôn từ làm chất liệu. | **0.5** |
| - Thơ là một thể loại của văn học, vì vậy trước hết nó phải đảm bảo được đặc trưng của một tác phẩm văn học: ngôn ngữ tinh luyện, hàm súc, đa nghĩa, tạo được sức biểu cảm. | **0.5** |
| -Thơ là họa: Giá trị tạo hình của ngôn ngữ thơ, ngôn ngữ thơ là ngôn ngữ của hình ảnh, vẽ ra trong người đọc những bức tranh sống động về cuộc sống. | **0.5** |
| -Thơ là nhạc: Tính nhạc trong thơ: Nhạc trong thơ được tạo ra từ nhịp điệu, thanh điệu, nghệ thuật phối vần, phối âm... | **0.25** |
| -Thơ là chạm khắc theo một cách riêng: tài năng trong việc sử dụng từ ngữ, hình ảnh, thanh điệu, nhịp điệu của từng nhà thơ để tạo nên phong cách riêng của mình.  Sóng Hồng đã khẳng định tính chất kì diệu của thơ ca: thơ là thơ nhưng thơ còn có màu sắc, đường nét của hội hoạ, thanh âm của âm nhạc và hình khối của chạm khắc. Tuy nhiên, tất cả những biểu hiện ấy phải được thể hiện theo “một cách riêng” nghĩa là nhà thơ phải có phong cách nghệ thuật riêng. | **0.25** |
| ***b.2.*** Chứng minh  - Thơ là thơ: **Cảm xúc toàn đoạn thơ** là nỗi nhớ của con hổ: Nhớ cảnh rừng thiêng bóng cả, cây, nhớ đến những kỉ niệm một thời oanh liệt. Mỗi nỗi nhớ gắn liền với một cảnh vật, một sinh hoạt, một khoảnh khắc thời gian.  Nỗi nhớ tiếc xót xa của nó thể hiện khát vọng sống tự do. Ý tưởng ấy rất đẹp và giàu ý nghĩa đối với con người Việt Nam những năm đầu thế kỉ XX khi phải sống tủi nhục trong vòng nô lệ lầm than. Ý tưởng ấy mở ra nhiều liên tưởng và lay tỉnh.  Từ ngữ được sử dụng sắc sảo.  + Các điệp ngữ đâu những, còn đâu được lặp đi lặp lại như thể hiện nỗi nhớ da diết, sự nuối tiếc tột cùng trong chính bản thân con hổ,  + Các câu hỏi tu từ và cảm thán đem đến bao ám ảnh mênh mang.  + Than ôi! Thời oanh liệt nay còn đâu” Cụm từ “Than ôi!” là câu cảm thán để bày tỏ rõ ràng hơn sự tiếc nuối đó, sự tiếc nuối cho quá khứ hào hùng, oanh liệt của mình, sự tiếc nuối cho số phận của mình và tiếc nuối cho những hoài niệm vô cùng đẹp mà sẽ không bao giờ được gặp lại | **2.0** |
| -Thơ là họa: ***Cảnh núi rừng đã hiện lên*** với tất cả sự lớn lao, dữ dội, phi thường: bóng cả, cây già, gió gào ngàn, giọng nguồn hét núi, ngày mưa chuyển bốn phương ngàn, chiều lênh láng máu... Đoạn thơ là bộ tranh với 4 cảnh được miêu tả hết sức đặc sắc:  + Bức tranh về một đêm trăng đầy mơ mộng: Cảnh có màu vàng óng ả của trăng, màu xanh trong vắt của nước suối đại ngàn, màu trắng đen mờ ảo của cỏ cây hoa lá. Hình ảnh trung tâm của bức tranh là con Hổ đang đứng trên bờ, say sưa ngắm nhìn cảnh vật đẹp đến say lòng ấy.  + Bức tranh về thiên nhiên hùng vĩ vào những ngày mưa: Mưa mịt mù, dữ dội rung chuyển cả núi rừng, sự ngã nghiêng của cây cối, cảnh tuôn rơi ồn ào của ngày mưa làm phông nền cho một hổ ta điềm nhiên lặng ngắm giang sơn đổi mới của mình.  + Bức tranh về thiên nhiên tươi sáng, tưng bừng của buổi bình minh: Một buổi bình minh tinh khôi rạng rỡ, chim chóc reo ca, cây cối gọi mời, mọi vật đã thức giấc đón bình minh lên, cảnh vật xung quanh có ồn ào, sôi động bao nhiêu càng làm cho giấc ngủ hổ thêm say, giấc mơ hổ thêm đẹp.  + Bức tranh về cảnh hoàng hôn: đẹp một cách lộng lẫy và bi tráng, đó là màu đỏ rực của máu và của ánh mặt trời sắp tắt. Bên hổ, dưới chân hổ là cảnh “lênh láng máu” của những con thú yếu hèn. Ngoài xa, trên bầu trời cao rộng mênh mông ấy mặt trời cũng chỉ là một mảnh. Trong bức tranh, mọi vật hình như nhỏ hơn, chìm hẳn chỉ có hổ đứng đấy uy nghi, chễm chệ với tư thế là chúa tể của muôn loài. Chúa sơn lâm mang vẻ đẹp dữ dằn ghê gớm của một mãnh thú đang say mồi.  -> Chỉ bằng vài nét chấm phá mà cảnh có âm thanh, có màu sắc, đường nét hài hòa, sống động, với sự phối cảnh hài hòa, bố cục mỹ cảm, đường nét thanh tao, gam màu chuẩn xác. Bút pháp tạo hình đã tập trung khăc họa cái phi thường làm nổi bật hình ảnh rừng già đầy hoang vu, bí hiểm, dữ dội và oai linh. | **5.0** |
| -Thơ là nhạc:  + Thể thơ tám chữ.  + Cách gieo vần, phối thanh: gieo vần liên tiếp hai câu vần bằng, hai câu vần trắc, vần ở khổ trên tràn xuống vần ở khổ dưới  -> Phù hợp mạch cảm xúc.  - Ngắt nhịp: linh hoạt (ngắn, dài khác nhau) nhằm diễn tả tâm trạng….  - Giọng thơ: Khi thì u uất dằn vặt, nuối tiếc, xót xa, khi say sưa tha thiết, khi hào hùng, sôi nổi mà đĩnh đạc hùng tráng song nhất quán, liền mạch đầy cảm xúc. | **1.0** |
| **3. Đánh giá**  -Bằng ngôn ngữ thơ giàu hình tượng, màu sắc và âm thanh, với ngòi bút và biện pháp nghệ thuật tài tình của mình, tác giả đã cho người đọc thấy được bức tranh vô cùng đẹp về cuộc sống trong quá khứ, thay lời con hổ tác giả muốn thể hiện tâm trạng thấm thía nỗi chán chường cảnh sống tù túng, tầm thường và niềm khao khát tự do, vươn lên khỏi những giam cầm của xã hội.  - Khẳng định bài thơ *Nhớ rừng* đã thể hiện tài năng sử dụng ngôn ngữ của Thế Lữ và khả năng nghệ thuật của ngôn ngữ thơ tiếng Việt. Thế Lữ đã để lại bộ tranh hổ bằng ngôn ngữ có một không hai trong lịch sử văn học.  - *Nhớ rừng* đã góp phần quan trọng vào việc đổi mới thơ ca và đem lại chiến thắng cho Thơ mới. | **1.0** |
| ***c.*Kết bài**  Khẳng định lại vấn đề- Liên hệ bản thân | **0.5** |
|  |  |

--------------Hết----------------  
\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**ĐỀ 4.**

|  |  |
| --- | --- |
|  | **ĐỀ THI HSG CẤP THỊ XÃ**  **NĂM HỌC: 2016 - 2017**  **MÔN: NGỮ VĂN 8**  Thời gian 150 phút *(không kể thời gian giao đề)* |

**Câu 1** *(8,0 điểm)*

Suy nghĩ của em về bài học được rút ra từ câu chuyện sau:

*Ngày xưa, bên sườn của một núi lớn có một tổ chim đại bàng. Một trận động đất xảy ra làm rung chuyển ngọn núi, một quả trứng đại bàng lăn xuống và rơi vào trại gà dưới chân núi. Một con gà mái tình nguyện ấp của trứng lớn ấy. Đến ngày kia, trứng nở ra một chú đại bàng con xinh đẹp, nhưng buồn thay chú chim nhỏ được nuôi lớn như một con gà. Chẳng bao lâu sau, đại bàng cũng tin nó chỉ là một con gà không hơn không kém. Đại bàng yêu gia đình và ngôi nhà đang sống, nhưng tâm hồn nó vẫn khao khát một điều gì đó cao xa hơn. Một ngày, trong khi đang chơi đùa trong sân, đại bàng nhìn lên trời và thấy những chú chim đại bàng đang sải cánh bay cao giữa bầu trời. “Ồ- đại bàng kêu lên- Ước gì tôi có thể bay như những con chim đó”. Bầy gà cười ầm lên: “Anh không thể bay với những con chim đó được. Anh là một con gà và gà không biết bay cao”. Đại bàng tiếp tục ngước nhìn gia đình thực sự của nó, mơ ước có thể bay cao cùng họ. Mỗi lần đại bàng nói ra mơ ước của mình, bầy gà lại bảo nó điều không thể xảy ra. Đó là điều đại bàng cuối cùng đã tin là thật. Rồi đại bàng không mơ ước nữa và tiếp tục sống như một con gà. Cuối cùng, sau một thời gian dài sống làm gà, đại bàng chết.*

(Theo nguồn internet)

**Câu 2.** *(12 điểm)*

Khi bàn về bài thơ*Nhớ rừng*(Ngữ văn 8, tập I) của nhà thơ Thế Lữ, một số học sinh lớp 8 tranh luận:

Nhóm thứ nhất khẳng định: *Cảm hứng chủ đạo của “Nhớ rừng” là cảm hứng lãng mạn và ý nghĩa tư tưởng của bài thơ trước hết ở vẻ đẹp tâm hồn lãng mạn đó.*

Nhóm thứ hai cho rằng: *Có thể coi đây là một áng thơ yêu nước, tiếp nối mạch thơ trữ tình yêu nước trong văn thơ hợp pháp đầu thế kỉ XX.*

Trình bày quan điểm của em về hai ý kiến trên bằng một bài văn nghị luận.

.…………. Hết…………

**HƯỚNG DẪN CHẤM VÀ BIỂU ĐIỂM**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **Câu1** *(8,0 điểm)* | **Về mặt hình thức:**  - HS phải viết được văn bản có bố cục rõ ràng, cấu trúc hợp lí;  - Diễn đạt trôi chảy, lập luận chặt chẽ. Viết đúng văn phạm; chữ viết rõ ràng, không sai chính tả.  **Về nội dung:** |  |
|  | **1. Giải thích, nêu ý nghĩa câu chuyện** | **2,0 điểm** |
| - Đại bàng là loại vật biểu trưng cho sức mạnh. Chúng thuộc về trời xanh, thuộc về những điều kỳ vĩ.  -Nhưng chú đại bàng này lại rơi vào hoàn cảnh đặc biệt, đó là khi chú phải sống lạc vào bầy gà và nhầm tưởng mình cũng là loài vật nhỏ bé. Đại bàng không nhận thức được bản thân mình là ai và mình có khả năng gì  - Đáng chú ý ở chỗ đại bàng có ước mơ, đại bàng được khao khát bay lên trời xanh *“Ồ- đại bàng kêu lên- Ước gì tôi có thể bay như những con chim đó”* nhưng ước mơ đó nhanh chóng bị đè bẹp, đập vỡ bởi những người xung quanh  - Bởi không nhận thức được bản thân, không tin tưởng vào khả năng và dám thực hiện ước mơ của mình nên con chim cao quý ấy đã phải lãnh nhận một kết cục đau buồn: đại bàng đã sống và chết như loài gà nhỏ bé  - Chú đại bàng là một ẩn dụ cho một kiểu người trong xã hội- những con người có ước mơ, có hoài bão xong lại không dám tin vào chính mình, dễ dàng bị những lời đánh giá của những người bên cạnh mình làm lung lạc  - Câu chuyện về chú đại bàng mang lại bài học sâu sắc về sự tự nhận thức bản thân và niềm tin vào chính mình. Mỗi con người đều có khả năng tiềm ẩn và để biến ước mơ thành hiện thực, con người cần có ý chí vững chắc, niềm tin mạnh mẽ vào khả năng của mình. Có như vậy, con người mới phát huy năng lực thực sự của bản thân, trở thành những con đại bàng sải cánh trên trời xanh. | **0,25**  **0,25**  **0,25**  **0,25**  **0,5**  **0,5** |
| **2. Phân tích, lý giải:** | **3,0 điểm** |
| - Tin vào chính mình là tin vào khả năng, tin vào lập trường của mình. Niềm tin này xuất phát từ nhận thức về bản thân (mình là ai, đến từ đâu, có vị trí như thế nào trong xã hội, mình có thể làm gì). Nhưng như thế chưa đủ, cần phải trang bị cho mình lòng dũng cảm, vững vàng vượt qua mọi lời nói xung quanh để thực hiện ước mơ của chính mình. Làm được như vậy, con người sẽ bước gần hơn đến ước mơ, hoài bão.  - Tại sao con người cần phải nhận thức bản thân và tin tưởng vào chính mình?  + Là yếu tố quan trọng. Khi biết mình là ai sẽ hiểu mình sẽ cần làm gì cho xứng đáng. Nhận thức đúng đắn về chính mình để không bị nhòa đi giữa thế giới rộng lớn hàng triệu cá thể.  + Tự nhận thức phải đi cùng niềm tin vững chắc và quyết tâm cao độ. Khả năng của con người là vô hạn và đôi khi bị ẩn giấu. Cuộc sống đều đều, trầm lặng đôi khi làm cho con người không bộc lộ hết khả năng, phải đặc trong hoàn cảnh đặc biệt, thử thách đặc biệt, con người mới có thể khám phá ra. Thử thách đặc biệt ấy có thể là những ước mơ, những dự định lớn lao, lúc này nhận thức và tin tưởng vào khả năng đóng vai trò quyết định đến sự thành bại. Nếu có niềm tin con người sẽ có sức mạnh vượt qua rào cản, sẽ khó bị đánh gục bởi những rào cản. Nó giúp ta gạt bỏ đinh kiến, những phủ định của những người xung quanh để dẫn thân vào con đường đã chọn.  + Những giá trị lớn trong cuộc đời chỉ được tạo ra bởi những con người có nhận thức đúng đắn về bản thân và khả năng về chính mình. Dẫn chứng: Phát minh khoa học, thành tựu vĩ đại (Bác Hồ hai bàn tay trắng tìm đường cứu nước, Nguyễn Thế Hoàn vượt qua hoàn cảnh khó khăn đạt huy chương vàng Olympic Toán quốc tế 2014, …). Nếu mặc cảm về mình thì họ có đạt được không  - Phê phán: Trong cuộc sống chúng ta bắt gặp người như chú đại bàng trong câu chuyện, vì không nhận thức bản thân, không dũng cảm tin vào khả năng của mình mà sống cuộc sống tầm thường, vô nghĩa. Bị những đinh kiến kéo lại, không dám bước trên con đường ước mơ. Dám ước mơ và dũng cảm bước trên con đường chinh phục ước mơ, con người mới có thể làm được những điều vĩ đại. | **0,75**  **0,5**  **0,5**  **0,5**  **0,75** |
| **3. Bình luận, liên hệ** | **3,0 điểm** |
| - Nhắc nhở vai trò niềm tin trong cuộc sống. Nó lay chuyển những ai đang ngủ quên trong sự bằng lòng với cuộc sống tầm thường của hiện tại, bị những định kiến xã hội làm cho mềm yếu. Hãy biết sống có ước mơ, khẳng định giá trị bản thân qua những hành động cụ thể. Đó là con đường dẫn con người đến thành công, hạnh phúc.  - Tin vào chính mình, điều đó không có nghĩa con người trở nên tự cao, bảo thủ, mù quáng. Niềm tin cần gắn liền với nhận thức đúng đắn, ước mơ cao đẹp. Cuộc sống của chúng ta sẽ trôi đi vô nghĩa nếu chúng ta chịu bằng lòng với những gì đang có, nếu chúng ta ngừng ước mơ và cố gắng. Ta sẽ không biết khả năng kỳ diệu của ta nếu dễ dàng từ bỏ ước mơ khi nghe phán xét của những người xung quanh.  - Liên hệ bản thân: Câu chuyện có tác động như thế nào đối với cuộc sống hiện tại, tự xem bản thân mình đã nhận thức được bản thân và tin vào chính mình chưa…Khẳng đinh lại: Tự tin vào những đều mình mơ ước hay chịu sống một cuộc đời bình lặng đều phụ thuộc vào mỗi người, do mỗi người. Sống hết hình với những điều ao ước là con người sống một đời ý nghĩa, cao đẹp. | **1,0**  **1,0**  **1,0** |

**Câu 2.** **(12,0 điểm)**

***I. Yêu cầu chung:***

- Câu này kiểm tra năng lực tạo lập văn bản NLVH của học sinh; đòi hỏi học sinh phải huy động kiến thức về tác phẩm văn học, lí luận văn học, kĩ năng tạo lập văn bản nghị luận và khả năng cảm thụ văn chương của mình để làm bài.

- Học sinh có thể kiến giải, lựa chọn, cảm nhận và diễn đạt theo những cách khác nhau nhưng bài viết phải đưa ra được hệ thống lí lẽ, dẫn chứng hợp lí, lập luận thuyết phục, không mắc lỗi chính tả, dùng từ và ngữ pháp.

***II. Yêu cầu về kiến thức:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| 2 | **\* Điểm nội dung**  **1. Khái quát chung**  - Dẫn dắt nêu 2 ý kiến và nêu quan điểm của mình.  - Nêu khái quát hoàn cảnh đất nước giai đoạn 1930 - 1945. - Giới thiệu Thế Lữ và bài thơ ***Nhớ rừng.*** | **1,0** |
| 1. **Trình bày quan điểm** |  |
| ***a. Khẳng định tính đúng đắn của ý kiến thứ nhất và chứng minh.***  *Cảm hứng chủ đạo của bài thơ là cảm hứng lãng mạn và ý nghĩa tư tưởng của bài thơ trước hết là ở vẻ đẹp của tâm hồn lãng mạn đó.*  - Nhân vật lãng mạn ở đây thân tù hãm nhưng hồn vẫn sôi sục khát khao tự do, nó cảm thấy bất hòa sâu sắc với thực tại tầm thường, tù túng nhưng không có cách gì thoát ra được, nó chỉ còn biết buông mình trong mộng tưởng để thoát li hẳn cái thực tại đó, tìm đến một thế giới rộng lớn, khoáng đạt, mạnh mẽ, phi thường.  - Cảm hứng chủ đạo được thể hiện qua bút pháp thơ lãng mạn:  + Cả bài thơ tràn đầy cảm hứng lãng mạn, mạch cảm xúc sôi nổi, cuồn cuộn tuôn trào dưới ngòi bút nhà thơ.  + Tác giả đã chọn hình tượng con hổ bị nhốt trong vườn bách thú, cảnh rừng đại ngàn hoang vu, vườn bách thú với cũi sắt và rừng suối nhân tạo là những biểu tượng thích hợp để thể hiện chủ đề bài thơ.  + Hình ảnh thơ giàu chất tạo hình; ngôn ngữ, giọng thơ tràn đầy cảm xúc. | **3,0** |
| ***b. Khẳng định tính đúng đắn của ý kiến thứ hai và chứng minh.***  \* *Có thể coi đây là một áng thơ yêu nước:* Bài thơ thể hiện lòng yêu nước thầm kín của Thế Lữ và có sức khơi gợi lòng yêu nước của những người dân mất nước thuở ấy.  Học sinh chọn một số dẫn chứng phân tích để làm rõ vấn đề:  - ***Nhớ rừng*** mượn lời con hổ bị nhốt trong vườn bách thú để tiện nói lên một cách đầy đủ, sâu sắc tâm sự u uất của một lớp người lúc bấy giờ.  + Bất hòa với thực tại xã hội tù túng, giả dối, ngột ngạt  (Phân tích dẫn chứng)  + Khát khao tự do mãnh liệt  Phân tích tâm trạng nhớ tiếc quá khứ vàng son và niềm khao khát tự do của con hổ.  Khát vọng của hổ chính là khát vọng tự do của cái "tôi" cá nhân của một lớp thanh niên tư sản lúc bấy giờ. Đó cũng chính là niềm khao khát tự do của một dân tộc mất nước sống trong vòng nô lệ. Chính vì vậy bài thơ có sức khơi gợi lòng yêu nước của những người dân mất nước thuở ấy.  *\*Bài thơ tiếp nối mạch thơ trữ tình yêu nước trong văn thơ hợp pháp đầu thế kỉ XX.*  Học sinh nhắc đến một số tác giả trong văn thơ đầu thế kỉ XX : Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, Vũ Đình Liên, Á Nam Trần Tuấn Khải….  Và Thế Lữ đã tiếp nối truyền thống tốt đẹp đó.  ***Chốt lại quan điểm:*** Cả hai ý kiến đều đúng. Hai ý kiến bổ sung cho nhau để hoàn chỉnh nội dung tư tưởng, chủ đề của bài thơ. | **3,5**  **1,0** |
| **c. Đánh giá khái quát , liên hệ**  *-* Khẳng định tài năng và tấm lòng của Thế Lữ.  - Liên hệ: Lòng yêu nước trong văn học dân tộc và của chúng ta ngày nay. | **1,0** |
| **\* Điểm hình thứ**c: Bài viết đủ bố cục 3 phần | **0.5** |
| - Không mắc lỗi diễn đạt, dùng từ, đặt câu…,chữ viết trình bày sạch đẹp, rõ ràng… | **1,0** |
| **\* Điểm sáng tạo:** Học sinh biết cách lập luận thuyết phục, bài văn có cảm xúc đặc biệt ở phần lập luận bày tỏ quan điểm cá nhân, cảm nhận riêng, phần bài học liên hệ. | **1,0** |

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**ĐỀ 5**

**PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐỀ CHỌN HSG NĂM HỌC 2018-2019**

**MÔN: NGỮ VĂN 8**

**Thời gian làm bài: 150 phút**

**(Không kể thời gian giao đề)**

**PHẦN I: ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)**

**Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:**

“-Chắc là cụ nói đùa! Trái tim của tôi hoàn hảo, còn của cụ chỉ là những mảnh chắp vá đầy sẹo và vết cắt.

- Mỗi vết cắt trong trái tim tôi tượng trưng cho một người mà tôi yêu, không chỉ là những cô gái mà còn là cha mẹ, anh chị em, bạn bè…Tôi xé một mẩu tim mình trao cho họ, thường thì họ cũng sẽ trao lại một mẫu tim của họ để tôi đắp vào nơi vừa xé ra. Thế nhưng những mẩu tim chẳng hoàn toàn giống nhau, mẩu tim của cha mẹ trao cho tôi lớn hơn mẩu tôi trao cho họ, ngược lại với mẩu tim của tôi và con cái tôi. Không bằng nhau nên chúng tạo ra những nếp sần sùi mà tôi luôn yêu mến vì chúng nhắc nhở đến tình yêu mà tôi đã chia sẻ. Thỉnh thoảng tôi trao mẩu tim của mình nhưng không hề được nhận lại gì, chúng tạo nên những vết khuyết. Tình yêu đôi lúc chẳng cần sự đền đáp qua lại. Dù những vết khuyết đó thật đau đớn nhưng tôi vẫn luôn hi vọng một ngày nào đó họ sẽ trao lại cho tôi mẩu tim của họ, lắp đầy khoảng trống mà tôi luôn chờ đợi.

Chàng trai đứng yên với giọt nước mắt lăn trên má. Anh bước tới, xé một mẩu trái tim hoàn hảo của mình và trao cụ già. Cụ già cũng xé một mẩu từ trái tim đầy vết tích của cụ trao cho chàng trai. Chúng vừa nhưng không hoàn toàn khớp nhau, tạo nên một đường lởm chởm trên trái tim chàng trai. Trái tim của anh không còn hoàn hảo nhưng lại đẹp hơn bao giờ hết vì tình yêu từ trái tim của cụ già đã chảy trong tìm anh.”

(Trích *Trái tim hoàn hảo*- Khuyết danh)

***Câu 1***(1,0 điểm) Xác định phương thức biểu đạt chính trong đoạn văn trên

***Câu 2***(1,0 điểm) Tác giả đã sử dụng biện pháp tu từ gì trong câu văn sau *“Trái tim của anh không còn hoàn hảo nhưng lại đẹp hơn bao giờ hết vì tình yêu từ trái tim của cụ già đã chảy trong tìm anh*”. Hãy phân tích hiệu quả biểu đạt của biện pháp tu từ đó.

***Câu 3***(2,0 điểm) Theo em, hành động “*Anh bước tới, xé một mẩu trái tim hoàn hảo của mình và trao cụ già.”* của chàng trai có ý nghĩa gì?

**Câu 4**(2,0 điểm) Trong đoạn trích trên, thông điệp nào có ý nghĩa nhất đối với em, vì sao?

**PHẦN II: TẠO LẬP VĂN BẢN (14,0 điểm)**

***Câu 1***(4,0 điểm)

Từ nội dung đoạn trích ở phần Đọc- hiểu, em hãy viết một đoạn văn(khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của mình về “cho” và “nhận” trong cuộc sống.

***Câu 2***(10,0 điểm)

“*Mỗi tác phẩm văn học là một bức thong điệp của người nghệ sĩ gửi đến cho bạn đọc”.* Em hiểu ý kiến trên như thế nào? Dựa vào hiểu biết của em về bài thơ “Nhớ rừng” của Thế Lữ, hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Yêu cầu cần đạt** | **Điểm** |
|  | **ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)** |  |
| **1** | **Phương thức biểu đạt chính**: tự sự | ***1,0*** |
| **2** | **- Biện pháp tu từ**: ẩn dụ chuyển đổi cảm giác “*tình yêu từ trái tim của cụ già đã chảy trong tìm anh*” | ***0,5*** |
| **- Tác dụng:**  + Biện pháp ẩn dụ tinh tế, đặc sắc gợi sự liên tưởng mới lạ. Giúp cho người đọc cảm nhận được tình yêu thương của cụ già đã tràn ngập trong trái tim anh  + Tình yêu từ trái tim cụ già đã truyền đến cho anh sự ấm áp, ngọt ngào, hạnh phúc. | ***0,25***  ***0,25*** |
| **3** | **HS trình bày những ý sau:**  - Sự thay đổi về nhận thức của chàng trai. | ***0,5*** |
| - Sự cảm động trước tình yêu thương mà cụ già đã dành cho mọi người. | ***0,75*** |
| - Lòng thành kính và tình yêu thương chân thành đối với cụ già. | ***0,75*** |
| **4** | **HS có thể trả lời nhiều cách:**  - Thông điệp về cho và nhận  - Thông điệp về đức hi sinh | ***1,0*** |
| HS lí giải vì sao đó là thông điệp ý nghĩa nhất đối với bản thân | ***1,0*** |
|  | **TẠO LẬP VĂN BẢN (14,0 điểm)** |  |
| **1** | **Viết một đoạn văn(khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của mình về “cho” và “nhận” trong cuộc sống.** | **4,0** |
| ***\*Yêu cầu chung:***  a. Đảm bảo thể thức của một đoạn văn  b. Xác định đúng vấn đề nghị luận “cho’ và “nhận” trong cuộc sống | ***0,25***  ***0,25*** |
| **\* Yêu cầu cụ thể:**  c. ***Triển khai hợp lí nội dung đoạn văn:*** vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. Có thể viết đoạn văn theo hướng sau:  **- Giải thích**:  +Cho: là sự sẻ chia, ban tặng…  +Nhận: là sự thu về, được hưởng…  ->Mối quan hệ giữa cho và nhận. | ***0,5*** |
| **- Bàn luận:**  + Trao yêu thương và giúp đỡ người khác là điều cần làm trong cuộc sống. Vì trong cuộc sống còn rất nhiều người khó khan bất hạnh cần ta giúp đỡ.  + Cho đi thực chất là nhận lại, nhận lại tình cảm chân thành, sự quí mến của mọi người dành cho mình, giúp cuộc sống ta thêm ý nghĩa. | **0,5** |
| ***- Biểu hiện trong cuộc sống***: Biểu hiện của cho đi và nhận lại trong cuộc sống thực sự không hiếm. Mỗi người chúng ta hang ngày đang cho đi và cũng nhận lại nhiều, đôi khi chính bản thân mình cũng không nhận ra được. đó chính là điều kì diệu của cuộc sống này. Khi mỗi người sống tốt, sống có ích thì sẽ nhận lại được cuộc sống đủ đầy, hạnh phúc. Đó chính là cho và nhận (dẫn chứng) | **1,0** |
| ***- Phê phán:*** Những người chỉ biết nhận mà không biết cho đi, nhận mà không biết trân trọng. Ngược lại có những người lợi dụng lòng tốt của người khác để trục lợi… | ***0,5*** |
| -***Bài học rút ra:*** Cuộc sống cần hòa đồng, yêu thương mọi người xung quanh và phải biết chia sẻ. | ***0,5*** |
| d. ***Sáng tạo***: Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng về vấn đề nghị luận | ***0,25*** |
| e***. Chính tả, dùng từ đặt câu:*** đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa tiếng Việt. | ***0,25*** |
| **2** | **“Mỗi tác phẩm văn học là một bức thong điệp của người nghệ sĩ gửi đến cho bạn đọc”. Em hiểu ý kiến trên như thế nào? Dựa vào hiểu biết của em về bài thơ “Nhớ rừng” của Thế Lữ, hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.** | **10,0** |
| ***\*Yêu cầu chung:***  a. Đảm bảo thể thức của một bài văn nghị luận có bố cục ba phần: Mở bài, Thân bài, Kết bài.  b. Đảm bảo kiến thức về lí luận văn học, tác phẩm văn học, kĩ năng tạo lập văn bản, khả năng cảm nhận văn chương để làm bài | **0,5** |
| **\* Yêu cầu cụ thể:**  c. Thí sinh có thể cảm nhận và kiến giải những cách khác nhau, nhưng phải làm sáng tỏ những nội dung cơ bản sau:  ***1. Giải thích nhận định***:  - Khái niệm tác phẩm văn học: Là con đẻ tinh thần của nhà văn, nhà thơ, nói cách khác nghệ sĩ là người sáng tạo ra tác phẩm văn học.  - Nhà văn, nhà thơ lấy chất liệu từ hiện thực cuộc sống, bằng tài năng sáng tác văn chương là phản ánh cuộc sống đó trong tác phẩm của mình.  - Bức thông điệp người nghệ sĩ gửi đến cho bạn đọc: là sự phản ánh không phải sao chép nguyên vẹn lại hiện thực, đó là quá trình phản ánh có chọn lọc, có cảm xúc, suy ngẫm của người nghệ sĩ. Thông qua bức tranh về hiện thực cuộc sống được phản ánh trong tác phẩm, nghệ sĩ thể hiện một cách nhìn, một cách nghĩ, một lời nhắn nhủ đến cho bạn đọc.  Vì vậy ý kiến cho rằng mỗi tác phẩm văn học là bức thông điệp ý nghĩa mà người nghệ sĩ gửi cho bạn đọc là hoàn toàn đúng đắn, thể hiện sự am hiểu sâu sắc về mối quan hệ giữa tác phẩm với bạn đọc. | ***0,25***  ***0,5***  ***0,5***    ***0,25*** |
| **2.Phân tích, chứng minh bức thông điệp mà nhà thơ Thế Lữ gửi đến cho bạn đọc qua bài thơ “Nhớ rừng”:**  **- Giới thiệu khái quát về bài thơ**: Là một trong những bài thơ được sáng tác theo bút pháp lãng mạn có vị trí rất quan trọng trong sự nghiệp sáng tác của Thế Lữ nói riêng và phong trào Thơ mới nói chung. Bài thơ ra đời đã góp phần khẳng định được chỗ đứng vững chắc và sự toàn thắng của Thơ mới. Bài thơ ra đời và xuất bản lần đầu năm 1935, trong hoàn cảnh đất nước bị thực dân Pháp đô hộ nên tác giả đã mượn lời con hổ bị nhốt trọng vườn bách thú để diễn tả tâm trạng phẫn uất trước cảnh sống giả dối tầm thường, tù túng và bộc lộ niềm khát khao tự do mãnh liệt, lòng yêu nước sâu sắc. | **1,0** |
| - Qua bài thơ “Nhớ rừng”, thông điệp mà Thế Lữ muốn gửi đến người đọc là tâm trạng đau xót, uất hận, chán ghét thực tại tầm thường, giả dối, tù túng vì mất tự do, bị giam cầm của con hổ khi bị sa cơ. Đó cũng chính là sự khát khao tự do của chính tác giả  *(dẫn chứng, phân tích Đoạn 1,3)* | **1,5** |
| - Qua hình tượng con hổ, nhà thơ thể hiện niềm khát khao tự do mãnh liệt, cháy bỏng qua sự hồi tưởng về núi rừng oai nghiêm, bí ẩn; nhớ tiếc quá khứ vàng son đầy quyền uy *(tập trung phân tích đoạn 2, đoạn 3)*. Hình ảnh chúa sơn lâm hiện lên uy nghi, lẫm liệt ngự trị tối cao trong vương quốc của chính mình. *“Than ôi! Thời oanh liệt nay còn đâu?”-* Câu cảm thán, câu hỏi tu từ diễn tả nổi lòng day dứt, tâm sự u uất, nguyện vọng của con hổ về quá khứ huy hoàng hay cũng chính là của tác giả, của người dân Việt Nam về thời oanh liệt, lừng lẫy của cha ông. | **1,5** |
| - Nhà thơ gửi gắm dòng hoài niệm về quá khứ vàng son, oai hùng đã lùi vào dĩ vãng, đẹp như một giấc mơ. Đáng quí hơn đó là khát vọng vượt lên trên những điều tầm thường, nhỏ bé để vươn tới những gì đẹp đẽ, cao cả, thiêng *liêng (dẫn chứng- phân tích đoạn thơ cuối)* | **1,0** |
| - Bài thơ có lời đề tựa là “Con hổ ở vườn bách thú” nhưng khát vọng tự do là khát vọng của con người. Tâm trạng của con hổ cũng chính là tâm sự của tác giả, là một cách khẳng định cái tôi cá nhân của con người. Cảnh vườn bách thú tầm thường, giả dối chính là thực tại xã hội lúc bấy giờ. Nỗi uất hận, đau xót đến tuyệt vọng của con hổ đã trở thành tâm trạng chung của người dân Việt Nam mất nước đang sống trong cảnh nô lệ. Bức thông điệp của nhà thơ đã được công chúng say sưa đón nhận ngay từ khi mới ra đời. Như vậy bài thơ chính là tâm sự yêu nước thầm kín được gửi gắm qua hình tượng con hổ. | **1,0** |
| **3. Đánh giá khái quát:**  - Nghệ thuật đặc sắc: Cảm hứng lãng mạn, phóng khoáng, hình ảnh thơ đậm tính tạo hình, đẹp và mang ý nghĩa biểu tượng cao; ngôn ngữ thơ giàu sức biểu cảm.  - Bức thông điệp mà Thế Lữ gửi đến người đọc đã được đón nhận và làm lay động bao trái tim của người Việt Nam yêu nước vì tâm sự của nhà thơ cũng chính là tâm sự kín đáo của những người dân mất nước khi đó.  - Khẳng định giá trị, ý nghĩa, sự cần thiết phải đọc tác phẩm văn học vì “Mỗi tác phẩm văn học là một bức thông điệp của người nghệ sĩ gửi đến cho bạn đọc” | **0,5**  **0,5**  **0,5** |
| **d. Sáng tạo**: cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng về vấn đề nghị luận. | **0,25** |
| **e. Chính tả, dùng từ đặt câu**: đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa tiếng Việt. | **0,25** |

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**ĐỀ 6**

|  |  |
| --- | --- |
|  | **ĐỀ THI HỌC SINH GIỎI HUYỆN**  **MÔN: NGỮ VĂN LỚP 8**  *Thời gian làm bài: 120 phút*  *(không kể thời gian giao đề)* |

**I ĐỌC HIỂU: (4.0 điểm)**

**Đọc văn bản sau:**

*“ Nhiều người chúng ta từ lâu đã quen đối phó với cuộc sống và hoàn cảnh thay vì hãy hành động. Chúng ta để thái độ người khác chi phối cảm nhận của mình về bản thân. Để có sự lựa chọn hành động một cách kín đáo thay vì đối phó, chúng ta cần có sự suy nghĩ chín chắn. Sẵn sàng chịu trách nhiệm về bản thân, cam kết giữ vững lập trường thay vì sự phụ thuộc vào ý kiến người khác là điều góp phần thiết lập nên cái nhìn tổng quát về bản chất của mỗi cá nhân. Đối với nhiều người đây là một bước tiến vĩ đại.*

*Khi quyết định chịu trách nhiệm về bản thân và cố gắng kiểm soát mọi hành động và cảm xúc cho phù hợp với từng hoàn cảnh, chúng ta đã tạo tiền đề cho việc hình thành những mối quan hệ tốt đẹp. Nhiều người tỏ ra không thích “sự độc lập” mà chúng ta lựa chọn, bởi điều đó đồng nghĩa với việc họ không còn có khả năng kiểm soát hành động của chúng ta nữa. Việc giải phóng bản thân khỏi sự kiểm soát của người khác có lợi cho cả hai bên. Mỗi lần áp dụng cách cư xử này, bạn sẽ cảm nhận được nguồn sức mạnh tiềm ẩn mà bạn chưa từng biết mình đang sở hữu.*

*Hành động thay vì đối phó không chỉ hữu ích trong những cuộc chạm trán gây go. Và việc tự giác chịu trách nhiệm về hành vi của mình là một yêu cầu quan trọng.”*

( **“*Khi thay đổi thế giới sẽ đổi thay”***- Karen Casey,

NXB Tổng hợp TP. HCM, 2010, tr.72)

Thực hiện các yêu cầu dưới đây:

**Câu 1:** Dựa vào đoạn trích hãy cho biết điều “*góp phần thiết lập nên cái nhìn tổng quát về bản chất của mỗi cá nhân”* là gì?

Trả lời: Điều góp phần thiết lập nên cái nhìn tổng quát về bản chất của mỗi cá nhân: “*Sẵn sàng chịu trách nhiệm về bản thân, cam kết giữ vững lập trường thay vì sự phụ thuộc vào ý kiến người khác.”(0.5 điểm)*

**Câu 2:Theo tác giả,** tại sao *“Nhiều người tỏ ra không thích “sự độc lập” mà chúng ta lựa chọn”? (0.5 điểm)*

Trả lời:Theo tác giả, *“Nhiều người tỏ ra không thích “sự độc lập” mà chúng ta lựa chọn”* vì nó đồng nghĩa *với việc họ không còn có khả năng kiểm soát hành động của chúng ta nữa.*

**Câu 3 :** Anh/chị hiểu như thế nào về ý kiến: *“Việc giải phóng bản thân khỏi sự kiểm soát của người khác có lợi cho cả hai bên” ?*

Trả lời: Có thể hiểu về ý kiến: *“Việc giải phóng bản thân khỏi sự kiểm soát của người khác có lợi cho cả hai bên”như sau:*

-Đối với người bị kiểm soát: khiến họ tự tin, phát huy ưu thế của bản thân.*(0.5 điểm)*

- Đối với người kiểm soát: học được cách tôn trọng người khác, từ đó có được mối quan hệ bình đẳng, hài hòa.*(0.5 điểm)*

**Câu 4 :** Bài học có ý nghĩa mà anh/chị rút ra cho bản thân từ việc đọc văn bản trên?

Trả lời: Có thể rút ra những bài học khác nhau:

Phải có sự độc lập trong suy nghĩ và hành động; chịu trách nhiệm về suy nghĩ và bản thân,… *(1.0 điểm)*

*.***II LÀM VĂN (16.0 điểm):**

**Câu 1 (6 đ)**

**Cổ tích về sự ra đời của người mẹ.**

Ngày xưa, khi tạo ra người mẹ đầu tiên trên thế gian, ông Trời đã làm việc miệt mài nhiều ngày liền mà vẫn chưa xong. Thấy vậy, một vị thần bèn hỏi:

- Tại sao ngài lại mất quá nhiều thời giờ cho tạo vật này vậy?

Ông Trời đáp: “Ngươi thấy đấy, đây là một tạo vật cực kỳ phức tạp và cực kỳ bền bỉ, nhưng lại không phải là gỗ đá vô tri vô giác. Tạo vật này có thể sống bằng nước lã và thức ăn thừa của con, nhưng lại đủ sức ôm ấp trong vòng tay nhiều đứa con cùng một lúc. Nụ hôn của nó có thể chữa lành mọi vết thương, từ vết trầy trên đầu gối cho tới một trái tim tan nát. Ngoài ra, ta định ban cho tạo vật này có thể có ba đôi mắt.”

Vị thần nọ ngạc nhiên: “Vậy thì ngài sẽ vi phạm các tiêu chuẩn về con người do chính ngài đặt ra trước đây.”

Ông Trời gật đầu thở dài: “Đành vậy. Sinh vật này là vật ta tâm đắc nhất trong những gì ta đã tạo ra, nên ta dành mọi sự ưu ái cho nó. Nó có một đôi mắt nhìn xuyên qua cánh cửa đóng kín và biết được lũ trẻ đang làm gì. Đôi mắt thứ hai ở sau gáy để nhìn thấy mọi điều mà ai cũng nghĩ là không thể biết được. Đôi mắt thứ ba nằm trên trán để nhìn thấu ruột gan của những đứa con lầm lạc. Và đôi mắt này sẽ nói cho những đứa con đó biết rằng mẹ chúng luôn hiểu, thương yêu và sẵn sàng tha thứ cho mọi lỗi lầm của chúng, dù bà không hề nói ra.”

Vị thần nọ sờ vào tạo vật mà ông Trời đang bỏ công cho ra đời và kêu lên:

- Tại sao nó lại mềm mại đến thế?

Ông Trời đáp: “Vậy là ngươi chưa biết hết. Tạo vật này rất cứng cỏi. Ngươi không thể tưởng tượng nổi những khổ đau mà tạo vật này sẽ phải chịu đựng và những công việc mà nó phải hoàn tất trong cuộc đời.”

Vị thần dường như phát hiện ra điều gì, bèn đưa tay sờ lên má người mẹ đang được ông Trời tạo ra: “Ồ, thưa ngài. Hình như ngài để rớt cái gì ở đây.”

- Không phải. Đó là những giọt nước mắt đấy.

- Nước mắt để làm gì, thưa ngài, vị thần hỏi.

- Để bộc lộ niềm vui, nỗi buồn, sự thất vọng, đau đớn, đơn độc và cả lòng tự hào - những thứ mà người mẹ nào cũng sẽ trải qua.

***Trình bày suy nghĩ của em về câu chuyện trên.***

**Câu 2: (10 đ)**

Khát vọng tự do là một trong những tư tưởng phổ biến trong nhiều tác phẩm thơ ca Việt Nam hiện đại trước 1945 . Hãy làm sáng tỏ điều đó qua hai đoạn thơ sau :

*"Gặm một khối căm hờn trong cũi sắt,*

*Ta nằm dài trông ngày tháng dần qua,*

*Khinh lũ người kia ngạo mạn ngẩn ngơ,*

*Giương mắt bé giễu oai linh rừng thẳm .*

*Nay sa cơ, bị nhục nhằn tù hãm,*

*Để làm trò lạ mắt thứ đồ chơi,*

*Chịu ngang bầy cùng bọn gấu dở hơi,*

*Với cặp báo chuồng bên vô tư lự" .*

(Trích *Nhớ rừng* – Thế Lữ)

Và :

*"Ta nghe hè dậy bên lòng*

*Mà chân muốn đạp tan phòng, hè ôi !*

*Ngột làm sao, chết uất thôi*

*Con chim tu hú ngoài trời cứ kêu !"*

(Trích *Khi con tu hú* – Tố Hữu)

**-----------Hết----------**

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

**Câu 1:** Dựa vào đoạn trích hãy cho biết điều “*góp phần thiết lập nên cái nhìn tổng quát về bản chất của mỗi cá nhân”* là gì?

Trả lời: Điều góp phần thiết lập nên cái nhìn tổng quát về bản chất của mỗi cá nhân: “*Sẵn sàng chịu trách nhiệm về bản thân, cam kết giữ vững lập trường thay vì sự phụ thuộc vào ý kiến người khác.”(0.5 điểm)*

**Câu 2:Theo tác giả**, tại sao *“Nhiều người tỏ ra không thích “sự độc lập” mà chúng ta lựa chọn”? ( 1 điểm)*

Trả lời:Theo tác giả, *“Nhiều người tỏ ra không thích “sự độc lập” mà chúng ta lựa chọn”* vì nó đồng nghĩa *với việc họ không còn có khả năng kiểm soát hành động của chúng ta nữa.*

**Câu 3 :** Anh/chị hiểu như thế nào về ý kiến: *“Việc giải phóng bản thân khỏi sự kiểm soát của người khác có lợi cho cả hai bên” ?*

Trả lời: Có thể hiểu về ý kiến: *“Việc giải phóng bản thân khỏi sự kiểm soát của người khác có lợi cho cả hai bên”như sau:*

-Đối với người bị kiểm soát: khiến họ tự tin, phát huy ưu thế của bản thân.*(0.5 điểm)*

- Đối với người kiểm soát: học được cách tôn trọng người khác, từ đó có được mối quan hệ bình đẳng, hài hòa.*( điểm)*

**Câu 4 :** Bài học có ý nghĩa mà anh/chị rút ra cho bản thân từ việc đọc văn bản trên?

Trả lời: Có thể rút ra những bài học khác nhau:

Phải có sự độc lập trong suy nghĩ và hành động; chịu trách nhiệm về suy nghĩ và bản thân,… *(1.0 điểm)*

*.***II LÀM VĂN (16.0 điểm):**

**Câu 1: (6 đ)**

**MB**:(1 đ)

* Dẫn dắt: 0,5đ
* Nêu vấn đề: 0,5đ

**TB:** (4 đ)

nội dung : học sinh coa nhiều cách trình bày cảm nhận nhưng bài viết có thể nêu nên những ý cơ bản sau:

- Cảm nhận về sự vĩ đại của người mẹ qua các đức tính: Trái tim nhân hậu, tình yêu thương, sự chia sẻ, lòng bao dung......

- Bộc lộ cảm xúc cá nhân về mẹ

**KB**: (1đ)

* Khẳng định: 0,5đ
* Liên hệ bản thân: 0,5 đ

*Kĩ năng*: bài viết biểu cảm không mắc lỗi chính tả và lỗi câu thông thường.

*Lưu ý: khuyến khích cho điểm các bài viết có cảm nhận riêng, sáng tạo hợp lí.*

**Câu 2 (10 đ)**

**I. Yêu cầu chung**

- Học sinh tạo lập được một văn bản nghị luận văn học hoàn chỉnh, bàn, phân tích

một nội dung liên quan đến hai tác phẩm đã học.

- Trình bày rõ ràng, ít mắc lỗi diễn đạt, chính tả, có cảm xúc khi viết.

**II. Yêu cầu cụ thể**

Học sinh trình bày được các nội dung chính sau:

**1. Giới thiệu chung:(1 điểm)**

- Giới thiệu được hai tác phẩm, hai tác giả: *Nhớ rừng* của Thế Lữ là tác phẩm tiêu biểu của Thơ mới 1932 - 1945; *Khi con tu hú* là một trong nhiều sáng tác trong tù đặc sắc của Tố Hữu trong tập thơ *Từ ấy,* tiêu biểu cho thơ ca cách mạng trước 1945.

- Vị trí hai đoạn thơ: đoạn thơ trích trong *Nhớ rừng* là đoạn đầu của bài; đoạn thơ trích trong *Khi con tu hú* là phần cuối của bài.

Mở bài: Trong nhật kí trong tù Bác Hồ đã từng thốt lên “Đau đơn chi bằng mất tự do”, sau này trong tuyên ngôn Độc lập Bác cũng khảng định “không có gì quý hơn Độc lập tự do”. Tự do là nhu cầu là mong muốn lớn nhất của con người, giá trị của tự do lơn hơn bất kì mọi vật chất đời thường. Càng bị giam, hãm ngục tù khát vọng tự do càng cháy bỏng. Tùy mỗi hoàn cảnh mà khát vọng ấy lại được thể hiện khác nhau. Trong văn chương niềm khát khao tự do có thể giống nhau nhưng cách thể hiện lại khác. Nếu bài thơ nhớ rừng là nỗi đau đớn uất nghẹn, chán ghét cuộc sống thực tại thì đến bài thơ Khi con Tu hú lại muốn giẫm náy, muốn phá tung muốn đạp đổ để được tự do.

**2. Phân tích, chứng minh: (8 điểm)**

**a. Tổng quát: (1 điểm)**

- Giải thích *khát vọng (khao khát, khát khao) tự do* là khao khát, ước muốn có tự do, thoát khỏi tình cảnh tù túng, mất tự do, mong muốn được sống đúng với lý tưởng, hoài bão, giá trị bản thân, không bị trói buộc bởi ngoại cảnh. Khát vọng tự do là tư tưởng chủ yếu được thể hiện trong hai bài thơ.

- Khái quát về đặc điểm Thơ mới (Văn học lãng mạn) và thơ ca cách mạng trước 1945: Thơ mới là một bộ phận của Văn học lãng mạn trước 1945, xu hướng đổi mới thơ ca về hình thức nghệ thuật và nhất là nội dung tư tưởng; Thơ mới chủ yếu hướng đến giải phóng cái Tôi cá nhân, đề cao bản ngã, tự do cá nhân. Thơ ca cách mạng trước 1945 lại là xu hướng thơ thể hiện tiếng nói đấu tranh cách mạng theo khuynh hướng vô sản, có nội dung tư tưởng tiến bộ, là vũ khí đấu tranh cách mạng của các chiến sỹ cộng sản, thể hiện khát vọng tự do cao cả. Hai đoạn thơ đại diện cho hai khuynh hướng thơ ca Việt Nam trước 1945.

**b. Phân tích hai đoạn thơ để chứng minh: (6 điểm)**

**\* Điểm tương đồng: Khát vọng tự do đều thể hiện ở chỗ:** (2 đ)

- Hai đoạn thơ đều thể hiện tâm trạng bức bối, căm uất của những thân phận tù ngục, mất tự do trong cảnh nô lệ tăm tối của đất nước. (dẫn chứng và phân tích)

- Hai đoạn thơ đều hướng đến cuộc sống tự do bên ngoài, đấu tranh để thoát khỏi cảnh ngục tù, mất tự do.

**\* Điểm riêng độc đáo: Cách thể hiện khát vọng tự do, biểu hiện cụ thể của khát vọng này ở hai đoạn thơ khác nhau**: (4 đ)

- Đoạn thơ trong *Nhớ rừng* của Thế Lữ: Là những vần thơ đậm chất lãng mạn, dạt dào cảm xúc, rất mới về ngôn từ. Khát vọng tự do thể hiện qua: tình cảnh tù ngục, mất tự do rất đỗi thê thảm của chúa sơn lâm; nỗi căm uất cho thân phận; thể hiện sự ý thức rõ về thân phận *sa cơ*, bị hạ thấp, bị biến thành trò mua vui cho người đời; tâm trạng tủi nhục vì thân phận mất tự do. (dẫn chứng và phân tích).

- Đoạn thơ trong *Khi con tu hú* của Tố Hữu thể hiện khát vọng tự do qua tâm trạng căm uất của một chiến sỹ cộng sản khi bị tù đày mà *nghe* hè về bên ngoài. Thể hiện khát vọng tự do qua cảm giác ngột ngạt, bức bối vì mất tự do. Đặc biệt, khát vọng ấy thể hiện qua khao khát tung phá, đập tan gông cùm, xiềng xích tù đày để đến với tự do. (dẫn chứng và phân tích).

- Đoạn thơ trong *Nhớ rừng* của Thế Lữ là những vần thơ lãng mạn, đại diện cho khát vọng tự do, tâm sự của cả một lớp trí thức bế tắc trước thời cuộc. Trong khi đó, đoạn thơ trong *Khi con tu hú* của Tố Hữu lại là những vẫn thơ cách mạng đầy nhiệt huyết tuổi trẻ, đại diện cho khát vọng tranh đấu vì độc lập tự do của dân tộc - một lý tưởng cao cả của thời đại, là tiếng nói đấu tranh của những chiến sỹ cộng sản kiên trung.

**c. Đánh giá, mở rộng: (1 điểm)**

- Hai đoạn thơ tuy đại diện cho hai trào lưu khác nhau, cách thức thể hiện khác nhau, nhưng đều hướng đến mong muốn tự do, khao khát tự do cháy bỏng. Đây cũng chính là tâm sự chung, khát vọng chung của một dân tộc đang chìm trong đêm đen nô lệ.

- Có thể liên hệ đến các bài thơ khác thuộc Thơ mới và thơ ca yêu nước, cách mạng trước 1945.

**3. Kết luận chung: (1 điểm)**

Khẳng định lại giá trị hai đoạn

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

|  |  |
| --- | --- |
|  | **ĐỀ 7**  **ĐỀ THI OLYMPIC LỚP 8**  **NĂM HỌC 2020-2021**  **Môn thi: Ngữ văn**  *Thời gian làm bài: 90 phút* |

**Câu 1 (6 điểm):**

Trong câu chuyện “Cô bé bán diêm”, nhà văn An-đec-xen đã để chính đôi tay bé nhỏ của cô bé bé thắp lên anh sáng - ánh sáng của những ngọn lửa diêm ***“nối nhau chiếu sáng như giữa ban ngày”.***

Bằng một đoạn văn khoảng 30 dòng, em hãy trình bày cảm nhận của mình mình về ý nghĩa của hình tượng ngọn lửa diêm ấy.

**Câu 2 (14 điểm):**

Nhận xét về một trong những cảm hứng của ***Thơ mới*** Việt Nam, có ý kiến nhận xét: ***“Tình yêu quê hương đất nước là một khoảng rộng trong trái tim của Thơ mới”.***

Bằng hiểu biết của mình về hai bài thơ  “Nhớ rừng”  của Thế Lữ và  “Quê hương” của Tế Hanh, em hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **HƯỚNG DẪN CHẤM THI OLYMPIC LỚP 8**  **NĂM HỌC 2020-2021**  **Môn: Ngữ văn** |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **Câu 1 (6,0 điểm)** | **1. Yêu cầu về kỹ năng:**  - Học sinh trình bày được những cảm nhận của mình dưới dạng một đoạn văn ngắn.  - Hành văn trôi chảy, mạch lạc, có cảm xúc; ngôn ngữ trong sáng, chuẩn xác.  - Đặt câu văn đúng ngữ pháp; linh hoạt.  - Viết đúng dạng bài cảm nhận, không sa đà lạc sang kể lể, diễn xuôi ý. |  |
| **2. Yêu cầu về kiến thức:**  **\* Giới thiệu khái quát hình tượng ngọn lửa diêm.**  **\* Cảm nhận những ý nghĩa sâu sắc của hình tượng trong việc xây dựng nhân vật và thể hiện chủ đề tác phẩm:**  - Ngọn lửa từ que diêm mang một ý nghĩa thực tế - đó chính là giúp cho cô bé xua đi phần nào những giá lạnh của đêm giao thừa đầy tuyết rơi.  - Ngọn lửa trong câu chuyện trở thành một biểu tượng quan trọng:  + Ngọn lửa mang ý nghĩa biểu tượng cho những ước mơ bình dị, giản đơn mà vô cùng đẹp đẽ của những đứa trẻ bất hạnh, biểu tượng cho ánh sáng của hy vọng, niềm tin của những em bé vào những điều tốt đẹp.  + Hình tượng ngọn lửa diêm sáng ngời lên vẻ đẹp nhân văn thể hiện cái nhìn đầy cảm thông của tác giả về nỗi bất hạnh; sự trân trọng, gợi ca ước mơ và những khát khao cháy bỏng trong tâm hồn trẻ thơ.  + Thể hiện tấm lòng nhân đạo, nhân ái của tác giả đối với các em thiếu nhi.  - Thông qua hình tượng ngọn lửa diêm, nhà văn muốn lan tỏa thông điệp: Hãy san sẻ tình yêu thương, đừng phũ phàng hoặc vô tình trước nỗi đau bất hạnh của các em nhỏ => Khơi dậy trong lòng người đọc về tình yêu thương con người để xã hội ngày càng trở nên tốt đẹp. | 0,5  5,5  0,5  4,0  1,0 |
| Câu 2 (14,0 điểm) | **1. Yêu cầu về kỹ năng làm bài:**  - Xác định đúng kiểu bài nghị luận xã hội, dạng nghị luận mở.  - Bài viết có bố cục 3 phần.  - Hệ thống ý (luận điểm) rõ  ràng, lập luận chặt chẽ, thuyết phục, dẫn chứng cụ thể.  - Biết vận dụng tổng hợp các phương pháp lập luận: giải thích, phân tích, chứng minh, bình luận…  - Có kỹ năng vận dụng yếu tố tự sự, miêu tả, biểu cảm vào bài văn nghị luận. |  |
| **2. Yêu cầu về nội dung:**  **a. MB:**  - Dẫn dắt vấn đề.  - Nêu vấn đề.  - Dẫn nhận định, dẫn vào bài thơ “Nhớ rừng”,  “Quê hương”. | 1,5 |
| **b. TB:**  **b.1. Giải thích ý nghĩa của nhận định:**  - “Thơ mới” ra đời trong hoàn cảnh đất nước chìm trong chế độ thực dân nửa phong kiến. Các nhà thơ mới nhận thức rõ nỗi đau mất nước, chán ghét thực tại nên họ gửi gắm nỗi niềm về đất nước, quê hương vào những vần thơ.  - Tình quê hương đất nước là một khoảng rộng trong “Thơ mới”: Nội dung các tác phẩm dành nhiều thể hiện tình yêu quê hương đất nước. Lòng yêu nước được bộc lộ ở nhiều cung bậc khác nhau: lúc ca ngợi cảnh đẹp của quê hương, lúc nhớ quê hương da diết, lúc hoài niệm về quá khứ oai hùng, lúc gửi gắm niềm tâm sự thầm kín… | 2,0 |
| **b.2. Chứng minh tình quê hương đất nước là khoảng rộng trong hai bài thơ:** | 9,0 |
| **\* Ca ngợi cảnh đẹp thiên nhiên:**  - Bức tranh hoành tráng của rừng thẳm oai linh, của gió gào ngàn, nguồn hét núi, bóng cả, cây già. Trong cảnh thiên nhiên kỳ vĩ thâm nghiêm ấy làm nền cho hình bóng của chúa sơn lâm mang vẻ đẹp dõng dạc, đường hoàng với những đêm vàng, sáng xanh, chiều đỏ, tiếng chim ca tất cả mang vẻ đẹp lãng mạn, muôn màu muôn vẻ của thiên nhiên của cách nhìn lãng mạn và bút pháp lãng mạn (Dẫn chứng phân tích trong bài thơ “Nhớ rừng”)  - Hình ảnh làng chài ven biển đẹp, trong trẻo thoáng đãng (Dẫn chứng, phân tích trong bài thơ “Quê hương”) | 3,0 |
| **\* Tình yêu và nỗi nhớ quê hương:**  - Thế Lữ gửi lòng yêu nước vào tâm sự thầm kín của con hổ trong bài thơ “Nhớ rừng”:  + Nhớ về lịch sử vàng son oanh liệt của đất nước.  + Chán chường trước cảnh tù túng thực tại.  + Khao khát được tự do trở về với núi rừng đại ngàn.  -> Tâm trạng của con hổ là một ẩn dụ thể hiện tâm trạng của tác giả, của người dân Việt Nam lúc đó.  - Tế Hanh với tấm lòng yêu quê hương sâu sắc ấy, bức tranh làng chài thật sinh động và đậm nét qua cảm xúc của ông.  + Tình yêu quê hương gửi gắm qua lời giới thiệu về làng chài với niềm tự hào.  + Khi tả cảnh dân chài bơi thuyền đi đánh cá, Tế Hanh đã dựng lên một không gian trong trẻo, gió nhẹ, rực rỡ nắng hồng… Con thuyền dũng mãnh vượt Trường Giang với sức sống mạnh mẽ mang một vẻ đẹp hùng tráng, bất ngờ hiếm thấy trong thơ mới, một bức tranh lao động đầy hứng khởi và đầy sức sống trong thơ mới.  + Phải cảm nhận được sức sống lao động của làng quê bằng cả tâm hồn thiết tha gắn bó mới viết được những câu thơ *“Cánh buồm giương to như mảnh hồn làng/ Rướn thân trắng bao la thâu góp gió”.* Mảnh hồn làng ấy chính là nơi cho tâm hồn nghệ sĩ neo đậu với tấm lòng tha thiết nhớ thương về quê hương.  - Nỗi nhớ thiết tha trong xa cách, nhớ “Màu nước xanh, cá bạc, chiếc buồm vôi” cùng với con thuyền rẽ sóng trong hương vị mùi nồng mặn đặc trưng của quê hương - cái hương vị đầy quyến rũ, là chất thơ đầy bình dị mà khỏe khoắn toát lên từ bức tranh thiên nhiên tươi sáng thơ mộng. | 5,0 |
| **b.3. Đánh giá:**  - Cái “tôi” trong mỗi tác giả vừa được giải phóng tỏa hương thành vườn hoa đầy hương sắc của Thơ mới, vẫn dạt dào một nỗi niềm chung đó là tình yêu quê hương đất nước.  - Tình quê hương đất nước trong các bài thơ tuy chưa tích cực như thơ văn Cách mạng nhưng đáng trân trọng. Đó là một khoảng rộng trong trái tim yêu dạt dào của các nhà thơ mới trong đó có Thế Lữ và Tế Hanh. | 1,0 |
| **c. KB:**  - Khẳng định lại vấn đề.  - Khẳng định những đóng góp của Thế Lữ, Tế Hanh trong phong trào Thơ mới nói riêng và nền thơ ca nói chung. | 1,5 |

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**ĐỀ 8:**

**PHÒNG GD&ĐT QUỐC OAI**

**ĐỀ THI OLYMPICHỌC SINH GIỎI CẤP HUYỆN**

**Môn: Ngữ văn 8**

**ĐỀ CHÍNH THỨC**

*Năm học 2018- 2019*

*Thời gian làm bài: 120 phút ( không kể thời gian giao đề)*

**Họ và tên:……………………………… SBD:……………**

**PHẦN I (8 điểm)**

Suy nghĩ của em về những điều vị giáo sư muốn nhắn nhủ trong câu chuyện sau? (Bài viết không quá một trang giấy thi).

*Một giáo sư Triết học đứng trước lớp với một cái lọ lớn và trống rỗng. Sau đó bắt đầu đổ một ít đá vào trong bình. Sau đó, ông hỏi các học sinh liệu chiếc bình như vậy đã đầy hay chưa? Mọi người đều đồng ý là có.*

*Vì vậy, ngay hôm sau đó giáo sư đã chọn một hộp sỏi và đổ tiếp chúng vào bình. Ông lắc nhẹ bình, tất nhiên, các viên sỏi lăn vào các khe hở giữa những tảng đá. Sau đó, ông hỏi các học sinh một lần nữa nếu bình đã đầy. Họ vẫn đồng ý.*

*Vị giáo sư cầm lên một hộp cát và đổ vào tiếp theo. Tất nhiên, cát lấp đầy mọi thứ khác. Kế đến ông hỏi một lần nữa nếu bình đã đầy. Các sinh viên phản ứng rất nhanh và nhất trí “Có”.*

*“Bây giờ” giáo sư nói, “Tôi muốn bạn nhận ra rằng chiếc bình này đại diện cho cuộc sống của bạn. Các hòn đá là những điều quan trọng- gia đình của bạn, người yêu thương của bạn, sức khỏe của bạn, con cái của bạn. Các viên sỏi là các thứ khác mà chúng quan trọng như công việc của bạn, ngôi nhà của bạn, xe của bạn. Cát là tất cả mọi thứ còn lại. “Nếu bạn đặt cát vào bình đầu tiên”, ông tiếp tục, “sẽ không có chỗ cho các viên sỏi hoặc đá. Những thứ gắn liền với cuộc sống của bạn”.*

(Theo Internet)

**PHẦN II (12 điểm*)***

*“Nhớ rừng”* của Thế Lữ là một bài thơ hay, tiêu biểu của phong trào Thơ mới và của tác giả trên hai phương diện: tính điêu luyện, phóng khoáng, già dặn của Thơ mới và tình cảm yêu nước kín đáo, âm thầm.

Em hãy làm sáng tỏ nhận xét trên?

--------------------------------------Hết-----------------------------------

**HƯỚNG DẪN CHẤM THI OLYMPIC HSG CẤP HUYỆN**

**MÔN NGỮ VĂN 8**

**Câu 1 (8 điểm):**

**Về mặt hình thức:**

- HS phải viết được văn bản có bố cục rõ ràng,cấu trúc hợp lí;

- Diễn đạt trôi chảy, lập luận chặt chẽ. Viết đúng văn phạm; chữ viết rõ ràng, không sai chính tả.

**Về nội dung:**

**1. Giải thích, nêu ý nghĩa câu nói (2 điểm)**

- Bài học mà câu chuyện muốn gửi gắm nằm trong lời tổng kết của vị giáo sư *“Tôi muốn bạn nhận ra rằng chiếc bình này đại diện cho cuộc sống của bạn. Các hòn đá là những điều quan trọng- gia đình của bạn, người yêu thương của bạn, sức khỏe của bạn, con cái của bạn. Các viên sỏi là các thứ khác mà chúng quan trọng như công việc của bạn, ngôi nhà của bạn, xe của bạn. Cát là tất cả mọi thứ còn lại.* Đặt những hòn đá to vào trước tức là làm những việc quan trọng trước. Sự sắp xếp của những hòn đá tạo ra những lỗ hổng, chỗ trống sẽ được lấp đầy bởi những viên sỏi nhỏ hơn, những công việc, vấn đề thứ yếu hơn. Giữa những viên sỏi lại tồn tại những khoảng trống. Một lần nữa khoảng trống lại được lấp đầy những thứ nhỏ bé hơn. Rõ rằng với cách sắp xếp thứ tự như vậy, người xếp sẽ sử dụng được tối đa diện tích chiếc bình. Nếu làm ngược lại thì những khoảng trống sẽ vẫn còn và thậm chí, nếu không biết cân bằng thì những hòn đá to nhất sẽ không còn chỗ để dựng **(1đ)**

>> Qua ví dụ của mình vị giáo sư đã đưa đến cho mọi người bài học về sự sắp xếp các mục tiêu, vấn đề trong cuộc sống để tận dụng tối đa những gì mình đang có **(1đ)**

**2. Giải thích, nêu ý nghĩa**

***\* Tại sao trong cuộc sống, con người cần phải biết sắp xếp, cân bằng các công việc, mục tiêu? (1,5đ)***

+ Cuộc đời ngắn ngủi. Thời gian, khả năng của mỗi người có giới hạn. Không ai có thể sống mãi cùng thời gian để thực hiện mọi điều mình muốn. Không ai có đủ khả năng, năng lực sức lực để thực hiện nhiều công việc, nhiều mục tiêu cùng một lúc. Sắp xếp các công việc, các mục tiêu cùng một lúc sẽ giúp con người tiết kiệm được mục tiêu, thời gian sức lực của mình có.

+ Khi biết sắp xếp hợp lý con người mới có thể làm tốt được mọi công việc, mọi mục tiêu. Các công việc, mục tiêu nếu được phân bó một thời gian, lịch trình hợp lý thì khả năng thành công hoàn thành tốt sẽ cao hơn.

+ Khi biết sắp xếp cuộc đời mình, con người mới có thể tận dụng tối đa năng lực, thời gian mà mình có. Nếu con người chỉ chạy theo những điều thứ yếu sẽ không còn thời gian để làm những điều quan trọng.

**\* Để sắp xếp cuộc đời mình một cách đúng đắn, hợp lý (1,5đ)**

+ Trước tiên tự xác định cho mình điều gì là quan trọng nhất;

+ Dành nhiều thời gian, sức lực ưu tiên cho những điều quan trọng;

+ Những điều ít quan trọng hơn sẽ trở thành những vật lấp đầy, bổ sung cho cuộc sống

(Có thể lấy những dẫn chứng thực tế, thuyết phục)

**\* Phê phán (1,0đ):** Có kẻ lãng phí thời gian và công sức một cách vô nghĩa. Đáng buồn hơn trong số họ lại có những người tuổi còn trẻ, những người đang ở độ thanh xuân, tràn đầy sức lực. Họ đắm mình trong thú vui, những trò tiêu khiển, vô bổ. Không có mục đích sống rõ ràng và đúng đắn. Những việc quan trọng như gia đình, sức khỏe, sự nghiệp,... bị lãng quên. Hỏi họ làm sao thành công và hạnh phúc? Xã hội với những người như thế làm sao phát triển, phồn vinh.

**3. Bình luận, liên hệ bản thân (2đ)**

- Bài học này đúng đắn với mọi người, ở mọi thời đại. Chỉ bằng cách sắp xếp cuộc đời mình một cách hợp lý con người mới không để cuộc đời trôi qua kẽ tay một cách vô nghĩa. Người ta chỉ có thể sống trọn vẹn đời người nếu như biết sắp xếp và cân bằng cuộc sống. Đó cũng chính là yếu tố quan trọng để làm nên thành công và hạnh phúc của con người trên đời.

- Liên hệ bản thân: Tự nhìn nhận đánh giá lại cách sắp xếp những hòn đá, hòn sỏi, hạt cát của mình như thế nào trong chiếc bình cuộc đời mình. Đề xuất một lối sống phù hợp.

**Câu 2:**

**\* Yêu cầu về kĩ năng**:

- Bài làm có bố cục hoàn chỉnh, hợp lý.

- HS viết dạng giải thích nhận định kết hợp với nghị luận chứng minh. Bài viết thể hiện HS có kiến thức về bài thơ “Nhớ rừng”, về tác giả Thế Lữ để làm sáng tỏ thành công của Thế Lữ về ***02 phương diện tính điêu luyện, phóng khoáng, già dặn của Thơ mới (Nghệ thuật) và tình cảm yêu nước kín đáo, âm thầm (nội dung tư tưởng)*** trong bài thơ

- Diễn đạt mạch lạc, lập luận chặt chẽ, dẫn chứng chính xác. Dùng từ, đặt câu chuẩn xác.

**\* Yêu cầu về nội dung**

**\* Mở bài (1,0đ)**

- Giới thiệu tác giả Thế Lữ, bài thơ (phong cách, về đóng góp trong Thơ mới)

- Nêu nội dung câu nhận xét và khẳng định.

**\* Thân bài (10đ)**

**1. Nội dung nhận định và khẳng định nhận định: 2đ**

Phần này học sinh có thể lồng ghép trong các phần của bài làm

***Nhớ rừng của Thế Lữ là một bài thơ hay, tiêu biểu của phong trào Thơ mới và của tác giả trên hai phương diện: tính điêu luyện, phóng khoáng, già dặn của Thơ mới và tình cảm yêu nước kín đáo, âm thầm.***

##### + Điêu luyện: đạt đến trình độ cao, do được trau dồi, luyện tập nhiều (thường nói về nghệ thuật, kĩ thuật)

##### + Phóng khoáng: không bị gò bó, trói buộc bởi những điều vụn vặt. Ở đây cần hiểu là không bị gò bó về những gì có từ trước đó, những khuôn mẫu về nghệ thuật và nội dung của thơ ca.

+ Già dặn: đã trưởng thành, vững vàng về mọi mặt, do đã từng trải, được rèn luyện nhiều.

+ Tình cảm yêu nước kín đáo, âm thầm: Không bộc lộ một cách trực tiếp mà thể hiện qua hình ảnh biểu tượng, kín đáo trong ngôn từ.

##### >> Đánh giá về tài năng nghệ thuật của Thế Lữ trong “Nhớ rừng”: Đã đạt đến trình độ cao, không hề bị gò bó bởi khuân mẫu, đã đạt đến giá trị cao về cách viết Thơ mới. Đồng thời bài thơ cũng thể hiện nội dung tư tưởng yêu nước một cách gián tiếp khéo léo.

**2. Chứng minh tính đúng đắn của ý kiến: 8đ**

HS có thể chứng minh song song cả hai phương diện ở từng đoạn thơ, khổ thơ hoặc tách riêng các phương diện để chứng minh. Dưới đây là các ý định hướng cần có:

***\*Trong việc chọn đề tài và xây dựng hình tượng trung tâm (2 điểm)***

- Thế Lữ không lấy những hình tượng đã trở thành khuôn mẫu của thơ ca trung đại (cánh chim, cá chậu chim lồng v…v) mà lấy hình tượng mới mẻ với tính chất cao cả, hùng vĩ đó là mãnh hổ, chúa tể đại ngàn bị giam hãm trong cũi sắt vườn bách thú

=> thể hiện khuynh hướng đặc sắc của thơ Mới đó là phát huy tối đa cá tính sáng tạo của nhà thơ, giải phóng cái tôi cá nhân khỏi những quan niệm, khuôn khổ, hình tượng đã trở thành sáo mòn của thơ ca trung đại

- Đề tài này bề ngoài khẳng định không phải viết về con người (lời tựa) nhưng lại khơi gợi sự suy diễn, liên tưởng của người đọc, càng đọc càng thấy thấm thía bởi sự lồng ghép điêu luyện: khát vọng tự do, chán ghét thực tại tầm thường giả dối, tù túngcủa con hổ hay chính làtâm sự gửi gắm của người sáng tác và cũng là tâm sự chung của những người Việt Nam yêu nước trong hoàn cảnh mất nước.

=>Đề tài thể hiện sự điêu luyện, phóng khoáng, già dặn trong nghệ thuật nhưng cũng đã thể hiện sâu sắc nội dung tư tưởng yêu nước thầm kín:

**\* Trong ý tưởng: *(1 điểm)***

- Thông qua thế giới hoài niệm của mãnh hổ ( khổ 2,3) ca tụng quá khứ huy hoàng của nó cũng đã giúp tác giả khẳng định quan niệm thẩm mỹ đầy phóng khoáng: cái đẹp nằm ở những cái phi thường, cao hơn cuộc sống hằng ngày buồn tẻ, đơn điệu, bé nhỏ, tầm thường*(hoa chăm, cỏ xén, lối phẳng, cây trồng)…*

**\* Trong chuyển đổi tình cảm và giọng điệu thơ, cấu tứ độc đáo của bài thơ:*(2 điểm)***

- Hai dòng đầu giới thiệu hiện trạng và tình cảm của con hổ:

+ Từ “gậm”> tự mình gậm nhấm, nhấm nháp khối căm hờn của mình.

+ Khối căm hờn>tình cảm căm hờn to lớn, nguyên vẹn, chưa tan

+ Tư thế nằm dài> sự chán ngán, bất lực, hổ đã đánh mất tư thế uy nghi của nó.

- 6 dòng thơ tiếp theo thể hiện tâm hồn bên trong của hổ vẫn còn nguyên là con hổ với những kỉ niệm mãnh liệt, với những tình cảm ngang tàng

- 22 dòng tiếp kể về tình thương nỗi nhớ một thời oanh liệt đã mất.

- Đoạn cuối bài thơ thể hiện tình cảm tha thiết nhưng bi đát, vô vọng.

=> chủ đề *nhớ rừng* lúc chậm chạp, buồn nản ở phần đầu, dâng cao, dạt dào khi trở về quá khứ, lại tắt lặng đi một cách nặng nề, uất nghẹn khi chứng kiến hiện tại tù túng, tầm thường. Và cuối cùng lại *nhớ rừng* với sự thiết tha, nuối tiếc.

=> Bằng việc luôn chuyển đổi tình cảm và giọng điệu thơ, Thế Lữ đã diễn tả hết cung bậc cảm xúc của một tâm trạng cô đơn và đầy day dứt.

**\* Điêu luyện, phóng khoáng, già dặn trong nội dung tư tưởng*(2 điểm)***

- Bài thơ là khát vọng tự do, phóng khoáng, khát vọng làm chủ giang sơn, đồng thời lại cất lên tiếng thở dài mang ý vị vĩnh biệt một thời oanh liệt.

- Nhưng bài thơ cũng là tuyên ngôn quyết liệt không hòa nhập với thế giới giả tạo, tầm thường. + Dù thời oanh liệt không còn nữa, dù một đi không trở lại thì con hổ mãi mãi thuộc về thời kiêu hãnh, chứ không cam tâm làm đồ chơi, mua vui cho con người, không hòa nhập vào hoàn cảnh tầm thường đồng hóa.

+ Con hổ biết mình chiến bại nhưng chưa chịu làm tôi tớ cho sự tầm thường, giải dối của cảnh ngục từ, nó bất lực nhưng không hoàn toàn khuất phục và thỏa hiệp.

- Sự từ chối thực tại, dẫu chỉ trong mộng tưởng đó thể hiện tình yêu nước kín đáo, âm thầm.

**\* Đầy ắp những sáng tạo về câu chữ, nhịp điệu, số câu thơ, số chữ trong dòng thơ, cách bỏ vần, tiết tấu âm thanh*(2 điểm)***

- Các từ mới tạo: bốn phương ngàn, giấc mộng ngàn,…

- Hình ảnh lạ, ám ảnh: chiều lênh láng máu, chết mảnh mặt trời

- Các từ khẩu ngữ kiểu như văn xuôi: bọn gấu dở hơi, len dưới nách những mô gò thấp kém,…được xếp bên cạnh những từ thi vị

- Câu thơ co duỗi thoải mái, khác hẳn thơ luật truyền thống, các điệp từ luyến láy “với…

- Những chữ bị xô đẩy, bị dằn vặt…

=> Tất cả những sáng tạo trong phương diện nghệ thuật (tính điêu luyện, phóng khoáng, già dặn của Thơ mới) để nổi bật giá trị nội dung tình cảm yêu nước kín đáo, âm thầm của tác giả, của người dân Việt Nam.

**\* Trong chất hội họa của những hình ảnh, đường nét, màu sắc,… (1đ)**

Ở mỗi luận điểm học sinh đều phải lấy dẫn chứng cụ thể, phân tích dẫn chứng để làm rõ nhận định ở hai phương diện

**\* Kết bài (1,0đ)**

- Khẳng định lại thành công của bài thơ ở hai phương diện.

- Liên hệ đánh giá đượcgiá trị của văn bản.

*(Trên đây chỉ là những định hướng cơ bản. Tôn trọng những cách chứng minh riêng và những phát hiện mới mẻ của học sinh trong phương diện nghệ thuật của bài thơ. Việc đưa dẫn chứng, câu chữ của bài thơ của HS phải chính xác, lập luận có cơ sở, tránh sáo rỗng. GV linh hoạt cho điểm và thống nhất trong tổ chấm)*

**PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐỀ KHẢO SÁT CHỌN ĐỘI DỰ TUYỂN LỚP 9**

**THÀNH PHỐ SẦM SƠN NĂM HỌC: 2019-2020**

**Môn: Ngữ văn**

**ĐỀ CHÍNH THỨC** **Ngày thi:** 30/6/2020

*Thời gian làm bài: 150 phút (không kể thời gian giao đề)*

**Đề bài:** *(Đề thi này gồm 2 trang)*

**I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)**

**Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:**

*Tôi chưa từng đi qua chiến tranh*

*Chưa thấy hết sự hi sinh của bao người ngã xuống*

*Thuở quê hương còn gồng gánh nỗi đau.*

*Tôi lớn lên từ rẫy mía, bờ ao*

*Thả cánh diều bay*

*Lội đồng hái bông sung trắng*

*Mẹ nuôi tôi dãi dầu mưa nắng*

*Lặn lội thân cò quãng vắng đồng xa.*

*Tôi lớn lên từ những khúc dân ca*

*Khoan nhặt tiếng đờn kìm*

*Ngân nga sáo trúc*

*Đêm Trung thu say sưa nghe bà kể*

*Chú Cuội một mình ngồi gốc cây đa.*

*Thời gian qua*

*Xin cảm ơn đất nước*

*Bom đạn mấy mươi năm vẫn lúa reo, sóng hát*

*Còn vọng vang với những câu Kiều*

*Trong từng ngần ấy những thương yêu*

*Tiếng mẹ ru hời*

*Điệu hò thánh thót*

*Mang hình bóng quê hương tôi lớn thành người.*

*Đất nước của tôi ơi !*

*Vẫn sáng ngời như vần trăng vành vạnh.*

(*Cảm ơn đất nước* - Huỳnh Thanh Hồng)

**Câu 1** *(1,0 điểm):* Xác định phương thức biểu đạt của văn bản trên.

**Câu 2** *(1,0 điểm):* Vì sao tác giả nói: “*Tôi lớn lên từ những khúc dân ca”*?

**Câu 3** *(2,0 điểm):* Tìm và nêu hiệu quả của biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn thơ sau:

*Thời gian qua*

*Xin cảm ơn đất nước*

*Bom đạn mấy mươi năm vẫn lúa reo, sóng hát*

*Còn vọng vang với những câu Kiều*

**Câu 4** *(2,0 điểm):* Thông điệp nào thấm thía nhất mà em cảm nhận được từ văn bản trên ? Vì sao ?

**II. LÀM VĂN (14,0 điểm)**

**Câu 1** *(4,0 điểm):*

Từ nội dung văn bản phần đọc - hiểu ở trên, em hãy viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của em về vai trò của quê hương đất nước trong đời sống tình cảm con người.

**Câu 2** *(10,0 điểm):*

Bàn về thơ, Đuy-bờ-lây cho rằng: “***Thơ là người thư kí trung thành của trái tim”***. Em hiểu ý kiến trên như thế nào ? Qua việc cảm nhận bài thơ “*Nhớ rừng*” của nhà thơ Thế Lữ, em hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.

…………………………..**Hết**………………….

**PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO KÌ THI KHẢO SÁT CHỌN ĐỘI DỰ TUYỂN**

**THÀNH PHỐ SẦM SƠN HỌC SINH GIỎI LỚP 9 NĂM HỌC 2029-2020**

**ĐÁP ÁN CHẤM ĐỀ KHẢO SÁT** **Môn: Ngữ văn Lớp 8 THCS**

**CHÍNH THỨC** Ngày khảo sát: 30 tháng 6 năm 2020

**(Đáp án có 4 trang)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC - HIỂU** | **6,0** |
|  |  | Phần này chủ yếu kiểm tra tri thức nhận biết, thông hiểu và vận dụng thấp. Yêu cầu học sinh trả lời và trình bày chuẩn xác, ngắn gọn, rõ ràng. |  |
| **1** | Phương thức biểu đạt: Biểu cảm. | 1,0 |
| **2** | Vì tác giả cũng như bao đứa trẻ thơ khác từ khi còn nằm trong nôi tác giả được mẹ ru qua những khúc dân ca. chính những khúc dân ca này đã nuôi dưỡng tình cảm yêu quê hương đất nước, yêu gia đình của tác giả. | 1,0 |
| **3** | HD nêu BPTT và phân tích hiệu quả biểu đạt của bptt đó:  - Biện pháp tu từ:  + Nhân hóa: *lúa reo*.  + Đối lập: *bom đạn mấy mươi năm* > < *vẫn lúa reo, sóng hát* …..  - Hiệu quả: Khẳng định sức sống mãnh liệt của quê hương đất nước. Từ đó, tác giả đã thể hiện tình cảm ngợi ca, trân trọng, tự hào những giá trị vật chất và tinh thần về văn hóa và truyền thống của dân tộc, đồng thời thể hiện sự biết ơn sâu sắc bao lớp người đi trước, giữ gìn và phát huy những giá trị tốt đẹp ấy. | 2,0 |
| **4** | Thông điệp: Tình yêu quê hương đất nước, niềm tự hào truyền thống dân tộc. | 2,0 |
| **II** |  | **TẠO LẬP VĂN BẢN** | **14,0** |
|  | **1** | ***Nghị luận xã hội*** | 4,0 |
|  |  | **Yêu cầu chung:**  - Câu này kiểm tra năng lực viết bài nghị luận xã hội của thí sinh; đòi hỏi thí sinh phải huy động những hiểu biết về đời sống xã hội, kĩ năng tạo lập văn bản và khả năng bày tỏ thái độ, chủ kiến của mình để làm bài.  - Thí sinh có thể làm bài theo nhiều cách khác nhau nhưng phải có lí lẽ và căn cứ xác đáng; dduwwocj tự do bày tỏ quan điểm riêng của mình nhưng phải có thái độ chân thành, nghiêm túc, phù hợp với chuẩn mực đạo đức xã hội. |  |
|  |  | Yêu cầu cụ thể: |  |
|  | a | Giải thích: Tình yêu quê hương đất nước là tình cảm gắn bó sâu sắc, chân thành đối với những sự vật và con người nơi ta được sinh ra và lớn lên, là hành động không ngừng nỗ lực để xây dựng và phát triển đất nước. Đó là một tình cảm thiêng liêng, cao quý của mỗi người dành cho đất nước của mình. | 1,0 |
|  | b | Bàn luận: **Vai trò của tình yêu quê hương đất nước**  - Giúp mỗi con người sống tốt hơn trong cuộc đời, không quên nguồn cội.  - Là động lực giúp con người sống có trách nhiệm hơn với gia đình, quê hương, đất nước, cộng đồng hay đơn giản nhất là đối với chính bản thân mình.  - Thúc đẩy sự phấn đấu hoàn thiện bản thân và tinh thần cống hiến giúp đỡ cộng đồng của mỗi cá nhân.  - Gắn kết cộng đồng, kéo con người lại gần nhau hơn trong mối quan hệ thân hữu tốt đẹp.  - Góp phần quan trọng trong công tác bảo vệ, giữ gìn, xây dựng và phát triển đất nước ngày càng giàu mạnh. | 2,5 |
|  | c | Bài học nhận thức và hành động:  - Tình yêu quê hương đất nước là yếu tố quan trọn khồn thể thiếu trong mỗi con người dù ở bất kì đất nước nào.  - Mỗi cá nhân nên xây dựng, bồi dưỡng cho mình tình yêu quê hương đất nước và có những hành động cụ thể để góp phần bảo vệ, xây dựng, làm đẹp cho quê hương.  - Nếu không có tình yêu thương đối với quê hương đất nước thì cuộc sống con người không còn hoàn chỉnh và thiếu đi nhiều ý nghĩa.  - Lên án một bộ phận người dân thiếu ý thức trách nhiệm, sống vô tâm với mọi người, không biết đóng góp xây dựng quê hương đất nước, ngược lại còn có những hành vi gây hại đến cộng đồng. | 0,5 |
|  | **2** | ***Nghị luận văn học*** | 10,0 |
|  |  | **Về kĩ năng:**  - Thí sinh biết cách làm bài văn nghị luận văn học, vận dụng tốt các thao tác lập luận.  - Bài viết đảm bào bố cụ ba phần, rõ ràng, diễn đạt trong sáng, mạch lạc, không mắc lỗi chính tả, từ ngữ, ngữ pháp. | 0,5 |
|  |  | **Về kiến thức:** Thí sinh có thể tình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng cần đạt những yêu cầu sau: |  |
|  | a | Giải thích ý kiến: | 1,0 |
|  |  | - *Thơ khởi sự từ tâm hồn*: thơ là tiếng lòng, là thể loại chất chứa những tâm trạng, tình cảm của người viết. Nhà thơ không thể làm ra một bài thơ hay nếu như không có cỏm xúc. Bởi vâỵ, thơ chính là tấm gương phản chiếu tâm hồn nhà thơ.  - *Người thư kí trung thành của trái tim*: ghi chép nhịp đập thiết tha của những trái tim đang vui hay buồn, hạnh phúc hay đau đớn, tuyệt vọng hay hi vọng, đang mộng hay đang tỉnh, đang hồ hởi với cuộc đời hay muốn xa lánh nhân gian. Qua *người thư kí trung thành* - thơ ca - người đọc và nhà thơ tìm thấy xúc cảm cảu nhau, tìm thấy nhịp đập trái tim của nhau, tìm thấy tiếng nói đồng điệu, đồng tình, đồng cảm, tìm thấy tri âm tri kỉ mà làm đẹp thêm, giàu thêm cuộc sống tình cảm của chính mình.  - Ý kiến khẳng định: Với thơ ca, cuộc sống không phải chỉ là hiện thực xã hội bên ngoài mà còn là đời sống tình cảm phong phú của chính nhà thơ, không phải những lời giáo huấn khô khan, những triết lí khó hiểu. |  |
|  | b | Lí giải mở rộng: | 1,0 |
|  |  | - Gốc của thơ là tình cảm, đặc trưng của thơ là thể hiện tư tưởng qua sự rung động của tâm hồn, qua các cung bậc của tình cảm. Với người làm thơ, bài thơ là phương tiện biểu đạt tư tưởng, tình cảm. Với người đọc thơ, đến với bài thơ là để trải nghiệm một tâm trạng, một cảm xúc và tìm một sự đồng cảm sẻ chia về mặt tình cảm với nhà thơ, sẻ chia những điều đang làm mình trăn trở. Tình cảm, cảm xúc chân thành, mãnh liệt là cơ sở cho sự ra đời một thi phẩm. Cảm xúc càng mãnh liệt, càng thăng hoa thì thơ càng có nhiều khả năng chinh phục, ám ảnh trái tim người đọc. Từ đó, bồi đắp cho con người những tình cảm đẹp đẽ, những rung động thẩm mĩ trước cuộc sống. tình cảm trong thơ có khả năng thanh lọc tâm hồn con người.  - Thơ không chỉ là nghệ thuật, mà ẩn giấu trong thơ là những giá trị nhân sinh tốt đẹp: giá trị hiện thực, giá trị nhân đạo … Những gì được viết ra từ cái tâm sẽ dễ dàng được đón nhận. Đó là tiếng nói tri âm từ trái tim đến trái tim. Người nghệ sĩ cần phải trau dồi, phải trải nghiệm cuộc sống để có một tầm nhìn sâu và rộng, để những tư tưởng được gửi gắm không chỉ có ý nghĩa trong hiện tại mà cả tương lai. |  |
|  | c | Cảm nhận bài thơ “Nhớ rừng” của Thế Lữ để làm sáng tỏ vấn đề. | 6,5 |
|  |  | - Giới thiệu khái quát về Thế Lữ và bài thơ.  - Bài thơ Nhớ rừng đã ghi chép chân thành tâm trạng xót xa uất ức, chán ghét thực tại tầm thường, giả dối, tù túng, mất tự do, bị giam cầm của một con hổ khi bị sa cơ. Đó cũng chính là khao khát tự do của chính tác giả và lớp người như ông khi sống trong hoàn cảnh xã hội ngột ngạt dưới chế độ thực dân nửa phong kiến. (phân tích dẫn chứng đoạn 1,4)  - Qua hình tượng con hổ, nhà thơ thể hiện niềm khát khao tự do mãnh liệt, cháy bỏng qua sự hồi tưởng về núi rừng oai nghiêm, bí ẩn, nhớ tiếc quá khứ vàng son đầy quyền uy (tập trung phân tích đoạn 2,3). Hình ảnh chúa sơn lâm hiện lên uy nghi lẫm liệt, ngự trị tối cao trong vương quốc của chính mình. Than ôi ! Thời oanh liệt nay còn đâu ? – Câu cảm thán, câu hỏi tu từ diễn tả nỗi lòng day dứt, tâm sự u uất, tuyệt vọng của con hổ về quá khứ huy hoàng hay cũng chính là của tác giả, của người dân Việt Nam về thời oanh liệt, lẫy lừng của cha ông.  - Nhà thơ gửi gắm hoài niệm về quá khứ vàng son, oai hùng đã lùi vào dĩ vãng, đẹp như một giấc mơ. Đáng quý hơn là khát vọng vượt lên những điều tầm thường, nhỏ bé để vươn đến những gì đẹp đẽ, cao cả, thiêng liêng. (Phân tích khổ cuối).  - Tâm sự của nhà thơ thể hiện qua những nét nghệ thuật đặc sắc: cảm hứng lãng mạn, phóng khoáng, hình ảnh thơ đẹp, táo bạo, giàu màu sắc hội họa và mang ý nghĩa biểu tượng cao, ngôn ngữ thơ giàu giá trị biểu cảm. Ta cảm nhận được nỗi uất ức tột cùng và khát vọng mãnh liệt của con hổ hay chính là tâm sự thiết tha của nhà thơ.  => Như vậy, bài thơ chính là người thư kí trung thành của trái tim đa sầu đa cảm và mang nhiều uẩn ức của thi nhân. Bằng bài thơ, Thế Lứ đã bộc lộ hết những nhịp đập tha thiết của trái tim mình, giãi bày lòng mình trên trang giấy để đi tìm nhịp đập đồng điệu của trái tim bạn đọc. | 0,5  1,5  2,0  1,0  1,0  1,0 |
|  | d | Bình luận đánh giá | 1,0 |
|  |  | - Những tâm sự của Thế Lữ được bạn đọc đón nhận, chi sẻ và làm lay động bao trái tim của người Việt Nam yêu nước vì tâm sự của ông cũng chính là nỗi lòng của những người Việt Nam mất nước khi đó.  - Ý kiến có giá trị định hướng cho người sáng tác. Người nghệ sĩ muốn đưa tác phẩm của mình đến được với trái tim độc giả thì những cảm xúc của họ cũng phải xuất phát từ trái tim mình.  - Đọc thơ hay, gặp gỡ “trái tim” người nghệ sĩ, người đọc được thanh lọc tâm hồn mình hơn. |  |
| **Lưu ý chung:**  1. Đây là hướng dẫn chấm mở, khuyến khích những bài trình bày sáng tạo. Chấp nhận những bài tư duy không giống hướng dẫn chấm, nhưng có hệt hống ý thuyết phục, căn cứ xác đáng.  2. Thang điểm có thể không quy định chi tiết với từng ý nhỏ, chỉ nêu mức điểm của phần nội dung lớn cần phải có.  3. Chỉ cho điểm tối đa theo thang điểm với những bài viết đáp ứng được những yêu cầu đã nêu ở mỗi câu, đồng thời phải được triển khai chặt chẽ, diễn đạt lưu loát. | | | |

**ĐỀ 1.**

ĐỀ THI KHẢO SÁT CHẤT LƯỢNG HGS VĂN 8

Thời gian: 150’

Câu 1 *(2 điểm).*

Hãy phân tích cái hay, cái đẹp mà em cảm nhận được từ bốn câu thơ sau:

*"Chúng ta hãy bước nhẹ chân, nhẹ nữa*

*Trăng ơi trăng, hãy yên lặng cúi đầu*

*Suốt cuộc đời Bác có ngủ yên đâu*

*Nay Bác ngủ, chúng ta canh giấc ngủ"*

*("Chúng con canh giấc ngủ Bác, Bác Hồ ơi!" - Hải Như).*

**Câu 2** (6,0 điểm):

       “Hãy cảm ơn ngọn đèn vì ánh sáng của nó, nhưng chớ quên người cầm đèn đang kiên nhẫn đứng trong đêm” (R. Ta - gor).

       Trình bày suy nghĩ của em về vấn đề trên

Câu 3: (12 điểm)

## Bàn về nhà thơ Vũ Đình Liên và bài thơ ông đồ, trong cuốn "thi nhân việt nam", Hoài Thanh có viết: "Hai nguồn thi cảm lớn nhất của người là lòng thương người và tình hoài cổ. Có một lần hai nguồn cảm hứng ấy đã gặp nhau và để lại cho chúng ta một bài thơ kiệt tác: Ông đồ". Trình bày ý kiến của em về nhận xét trên.

# **HƯỚNG DẪN**

# Gợi ý câu 3

# **1.Mở bài:**

# **- Giới thiệu về nhà thơ Vũ Đình Liên và bài thơ ông đồ**

# **- Dẫn nhận định**

# **2. Thân bài: Hai nguồn cảm hứng lớn nhất của người là lòng thương người và niềm hoài cổ**

# **+ Lòng thương người: Là tình cảm yêu thương, đồng cảm, xẻ chia, thấu hiểu với những bất hạnh của người. Đây là nguồn cảm hứng lớn của thi ca, bởi những gì là văn, là thơ, là nghệ thuật đích thực bao giờ cũng là nghệ thuật vì con người.**

# **+ Tình hoài cổ: Là nỗi niềm nhớ tiếc quá khứ , những dĩ vãng xa xưa nay chỉ còn trong kí ức, trong kỷ niệm.**

##### - Bài thơ kiệt tác: là tác phẩm thơ hết sức đặc sắc, đạt đến đỉnh cao của nghệ thuật

b. Chứng minh:

\* Nội dung 1: Trước hết, "Ông đồ" là bài thơ dạt dào tình thương.

*- Hai khổ thơ đầu là niềm hân hoan của nhà thơ trước niềm vui của ông đồ trong những ngày đắt khách*

*- Hai khổ thơ tiếp theo lài nỗi buồn thương cảm sâu sắc của nhà thơ trước cảnh ông đồ trong những ngày vắng khách.*

*- Khổ thơ cuối là nỗi niềm đau đớn xót xa, thảng thốt, ân hận khi thấy ông đồ vắng bóng hẳn trong cuộc đời*.

\* Nội dung 2: Bài thơ không chỉ mang nặng nỗi lòng thương người mà còn thể hiện tình hoài cổ. Trong bài thơ chữ “thương” đã quá rõ, còn chữ “hoài thì sao? Hoài là nhớ, Vũ Đình nhớ vẻ huy hoàng một thờ của chữ Nho và đạo Nho.

- Nỗi niềm hoài cổ trong “Ông đồ” đâu chỉ là nỗi buồn vì chữ Nho, Đao Nho mất gốc rễ, mà còn là nỗi nhớ tiếc một nét đẹp văn hóa tàn tụi trước văn minh Âu hóa: Thú chơi chữ, chơi câu đố ngày tết.

\* Nghệ thuật: ngưồn cảm hứng về lòng thương người và niềm hoài cổ trong bài thơ Ông đồ đã được thể hiện qua hình thức nghệ thuật độc đáo và đặc săc:

*- Thể thơ ngũ ngôn (năm chữ)*

- Toàn bài thơ có *giọng điệu chủ âm là trầm lắng, ngậm ngùi*.

*- Kết cấu bài thơ giản dị mà chặt chẽ:*

- Hình ảnh thơ giản dị nhưng hàm súc, không mới mẻ nhưng gợi cảm:

\* Bàn luận:

- Thơ vốn hàm súc nhưng đạt đến độ như “Ông đồ” thì thật đáng phục. Giữa cái thời lí tưởng tràn bờ, khuôn khổ lung lay, nhà thơ mới Vũ Đình Liên đã chọn cho mình thể thơ năm chữ, thả dài bốn khổ. Chỉ một trăm chữ, không cầu kì, cũng không tân kì mà “Ông đồ” ra đời từng câu, từng câu… thong thả như hoa quỳnh nở. Từng nét nhụy uốn cong xòe ra tỏa hương…buồn mà nhớ, da diết nhớ. Kết tinh của hai nguồn thi hứng "Ông đồ" xứng đáng một kiệt tác. Hoài Thanh quả đã không hề sai khi nói về Vũ Đình Liên và "Ông đồ" trong "Thi nhân Việt Nam" như vậy... Bài thơ khiến bao bạn đọc phải rơi nước mắt cho một số phận, một dấu tích văn hóa lụi tàn, nhưng đồng thời lại thấy chút xót xa ân hận vì chính mình đã từng hắt hủi đạo Nho. May thay, thư pháp Hán tự đang được khôi phục lại nhờ những con người đầy nhiệt huyết. Trong đó, hẳn có không ít người từng là độc giả của "Ông đồ".

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐỀ 2.** | **KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI LỚP 8**  **NĂM HỌC 2019-2020**  **ĐỀ THI MÔN: NGỮ VĂN**  *Thời gian làm bài: 150 phút* |

**I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm) câu này đã có nhé**

Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi phía dưới:

          Tôi được tặng một chiếc xe đạp leo núi rất đẹp nhân dịp sinh nhật của mình. Trong một lần tôi đạp xe ra công viên chơi, một cậu bé cứ quẩn quanh ngắm nhìn chiếc xe với vẻ thích thú và ngưỡng mộ thực sự.

- Chiếc xe này của bạn đấy à? . Cậu bé hỏi.

- Anh mình đã tặng nhân dịp sinh nhật của mình đấy. Tôi trả lời, không giấu vẻ  tự hào và mãn nguyện.

- Ồ, ước gì tôi... Cậu bé ngập ngừng.

Dĩ nhiên là tôi biết cậu bé đang nghĩ gì rồi. Chắc chắn cậu ấy ước ao có được một người anh như thế. Nhưng câu nói tiếp theo của cậu bé hoàn toàn nằm ngoài dự đoán của tôi.

-  Ước gì tôi có thể trở thành một người anh như thế! . Cậu ấy nói chậm rãi và gương mặt lộ rõ vẻ quyết tâm. Sau đó, cậu đi về phía chiếc ghế đá sau lưng tôi, nơi một đứa em trai nhỏ tật nguyền đang ngồi và nói:

- Đến sinh nhật nào đó của em, anh sẽ mua tặng em chiếc xe lăn lắc tay nhé.

(“Hạt giống tâm hồn”, tập 4, nhiều tác giả. NXB tổng hợp TP Hồ Chí Minh, 2006)

**Câu 1**. Xác định phương thức biểu đạt của văn bản trên? (1,0 điểm)

**Câu 2**. Cậu bé ước trở thành người anh thế nào?  (1,0 điểm)

**Câu 3.** Theo em câu “Cậu ấy nói chậm rãi và gương mặt lộ rõ vẻ quyết tâm”có ý nghĩa gì ? (1,0 điểm)

**Câu 4.** Văn bản trên gửi đến chúng ta thông điệp gì? (1,0 điểm)

**II. PHẦN LÀM VĂN (7,0 ĐIỂM)**

**Câu 1. (6,0 điểm)**

**Em hãy viết bài văn nghị luận trình bày suy nghĩ của mình về vấn đề được gợi từ câu chuyện trên.**

**Câu 2 *(10,0 điểm)***

Nhà thơ Xuân Diệu cho rằng: *Thơ hay là hay cả hồn lẫn xác, hay cả bài.*

Em hiểu ý kiến trên như thế nào? Qua bài thơ “Ông đồ” của nhà thơ Vũ Đình Liên, em hãy làm sáng tỏ nhận định trên.

--------------------- Hết ---------------------

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

**I. ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)**

**Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt của văn bản trên?(0,5 điểm)**

Phương thức biểu đạt : Tự sự, biểu cảm

**Câu 2. Cậu bé ước trở thành người anh thế nào?  ( 0,5 điểm)**

 -Cậu bé ước trở thành người anh thế nào?  HS có thể trả lời 1 trong các cách sau:

 -Cậu bé ước trở thành người anh mang lại niềm vui, niềm tự hào cho người em.

 -Cậu bé ước trở thành người anh có tình thương em, mang lại niềm hạnh phúc cho em.

- Cậu bé ước trở thành người anh nhân hậu, được bù đắp, chia sẻ, yêu thương.

-Các câu trả lời tương tự...

**Câu 3. Theo anh (chị) câu “Cậu ấy nói chậm rãi và gương mặt lộ rõ vẻ quyết tâm”có ý nghĩa gì ? ( 1,0 điểm)**

HS có thể trả lời 1 trong các cách sau:

-Câu văn cho ta biết rõ hơn về sự trăn trở và lòng quyết tâm thực hiện ước mơ của cậu bé: trở thành người anh đáng tự hào.

-Câu văn cho thấy lòng quyết tâm cao độ của cậu bé muốn biến ước mơ của mình thành hiện thực.

-Cậu bé đang nung nấu quyết tâm thực hiện ước mơ của mình là tặng xe lăn cho người em tật nguyền.

-Các câu trả lời tương tự...

**Câu 4. Văn bản trên gửi đến chúng ta thông điệp gì? ( 1,0 điểm)**

Đây là câu hỏi mở. Học sinh có thể rút ra một bài học nào đó miễn là hợp lí, có sức thuyết phục. Chẳng hạn như:Sống  phải biết yêu thương,  quan tâm, chia sẻ , giúp đỡ lẫn nhau, nhất là với những người bất hạnh, tật nguyền  để họ có được sự bình đẳng như mọi người...

**II. Phần làm văn (7,0 điểm)**

**Câu 1: Nghị luận xã  hội (2,0 điểm)**

|  |  |
| --- | --- |
| **2** | **Viết bài nghị luận xã hội** |
| **1. Yêu cầu về kỹ năng:**  Đảm bảo một văn bản nghị luận xã hội có bố cục rõ ràng, hợp lí, tổ chức sắp xếp ý một cách lôgic, chặt chẽ, hành văn trôi chảy, mạch lạc, chữ viết rõ ràng, cẩn thận, không có quá 3 lỗi dùng từ, diễn đạt…  **2. Yêu cầu về kiến thức:** *HS có thể khai thác vấn đề theo nhiều hướng, nhưng cần làm rõ các ý cơ bản sau:* |
| **b. Yêu cầu về kiến thức** :  **\* Giải thích ý nghĩa câu chuyện** : ước mơ của cậu bé không phải cũng có được một chiếc xe như vậy cho mình mà cậu ước mơ có được chiếc xe lăn để tặng cho đứa em bé bỏng tật nguyền. Cậu trăn trở và quyết tâm “Đến sinh nhật nào đó của em, anh sẽ mua tặng em chiếc xe lăn lắc tay nhé”. Lời hứa là sự chia sẻ, tình yêu thương sâu sắc, sự hy sinh của người anh muốn bù đắp cho đứa em tật nguyền.  **\* Bàn luận**  - Câu chuyện ngợi ca tình yêu thương, sự sẻ chia đối với người ta yêu thương. Tình yêu thương của người anh thể hiện bằng việc làm cụ thể, để tạo động lực cho người em vươn lên số phận hoàn cảnh.  - Câu chuyện cho người đọc bài học về tình cảm gia đình. Khi chúng ta rơi vào hoàn cảnh khó khăn, bất hạnh thì không ai khác chính là những người thân yêu, ruột thịt cưu mang, đùm bọc.  - Khi ta được yêu thương và yêu thương người khác thì ta sẽ thấy hạnh phúc.  - Bên cạnh đó trong cuộc sống nhiều gia đình anh em tranh giành quyền lợi, sống thờ ơ, thiếu quan tâm......  **\* Bài học nhận thức và hành động:**  - Bài học đáng quý cho tuổi học trò, đừng đòi hỏi người khác quan tâm, chăm sóc mình mà mỗi người cần quan tâm đến mọi người trong gia đình.  - Biết yêu thương là người giàu lòng nhân ái, lối sống cao đẹp. |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu 2** | **Nhà thơ Xuân Diệu cho rằng: *Thơ hay là hay cả hồn lẫn xác, hay cả bài.***  **Em hiểu ý kiến trên như thế nào? Qua bài thơ “Ông đồ” của nhà thơ Vũ Đình Liên, em hãy làm sáng tỏ nhận định trên.** | **5,0** |
| **\* Yêu cầu về kỹ năng:**  - Hiểu đúng yêu cầu của đề bài. Biết vận dụng các phép lập luận để làm bài văn nghị luận văn học chứng minh một nhận định.  - Biết cách chọn lọc dẫn chứng để phân tích làm sáng tỏ vấn đề. Lập luận chặt chẽ, diễn đạt tốt (có suy nghĩ, đánh giá, cảm xúc...)  - Bố cục rõ ràng, mạch lạc, không mắc lỗi về chính tả, dùng từ và ngữ pháp.  **\* Yêu cầu về kiến thức:**  HS có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng cần đảm bảo những ý cơ bản sau: |  |
| **Mở bài:**  - Giới thiệu tác giả Vũ Đình Liên, bài thơ “Ông đồ”  - Trích dẫn nhận định | **0,25** |
| **Thân bài :** | **4,5** |
| **b1.Giải thích nhận định:** | **1,0** |
| - *“Thơ hay là hay cả hồn lẫn xác, hay cả bài”*  + *Hồn* tức là nội dung, ý nghĩa của bài thơ.  + *Xác* tức là nói đến hình thức nghệ thuật của bài thơ thể hiện ở thể loại, việc tổ chức ngôn từ, hình ảnh, nhịp điệu, cấu tứ… | **0,5** |
| - Như vậy, theo Xuân Diệu thơ hay là có sự sáng tạo độc đáo về nội dung cũng như hình thức nghệ thuật, khơi gợi tình cảm cao đẹp và tạo được ấn tượng sâu sắc đối với người đọc. Chỉ khi đó thơ mới đạt đến vẻ đẹp hoàn mĩ của một chỉnh thể nghệ thuật. | **0,25** |
| - Ý kiến của Xuân Diệu hoàn toàn xác đáng bởi nó xuất phát từ đặc thù sáng tạo của văn chương nghệ thuật. Cái hay của một tác phẩm văn học được tạo nên từ sự kết hợp hài hòa giữa nội dung và hình thức. Một nội dung mới mẻ có ý nghĩa sâu sắc phải được truyền tải bằng một hình thức phù hợp thì người đọc mới dễ cảm nhận, tác phẩm mới có sức hấp dẫn bền lâu. | **0,25** |
| **b2. “Ông đồ” của Vũ Đình Liên là bài thơ hay cả hồn lẫn xác, hay cả bài** | **2,75** |
| **\* Về nội dung:** *Bài thơ “Ông đồ” thể hiện niềm cảm thương sâu sắc đối với một lớp người đang trở nên lạc lõng và bị gạt ra ngoài lề cuộc đời; là niềm hoài cổ của tác giả với một nét đẹp truyền thống của dân tộc (thú chơi câu đối ngày Tết) bị tàn phai.* | **1,5** |
| - Ở hai khổ thơ đầu, qua hình ảnh ông đồ xưa trong thời kì huy hoàng, tác giả gửi gắm niềm kính trọng, ngưỡng mộ, nâng niu nét đẹp văn hóa truyền thống của dân tộc.  + Ông đồ xuất hiện bên phố phường đông đúc vào mỗi dịp tết đến xuân về. Không khí mùa xuân, hình ảnh “hoa đào nở” đã tươi thắm nay lại thêm “mực tàu giấy đỏ” làm mọi nét vẽ trong bức tranh tả cảnh ông đồ rõ nét, tươi vui, tràn đầy sức sống. Từ “lại” diễn tả sự xuất hiện đều đặn của ông đồ với mùa xuân cùng với công việc viết chữ nho.  + Dòng người đông đúc đều quan tâm và ngưỡng mộ, khâm phục tài viết chữ của ông đồ. (*Bao nhiêu người thuê viết/Tấm tắc ngợi khen tài*). Nghệ thuật so sánh và thành ngữ “Như phượng múa rồng bay” làm toát lên vẻ đẹp của nét chữ phóng khoáng, bay bổng,…  -> Ông đồ trở thành tâm điểm chú ý của mọi người, là đối tượng của sự ngưỡng mộ. Đó là thời chữ nho được mến mộ, nhà nho được trọng dụng. | **0,5** |
| - Hai khổ thơ tiếp theo tác giả vẽ lên bức tranh ông đồ thời nay, một kẻ sĩ lạc lõng, lẻ loi giữa giữa dòng đời xuôi ngược.  + Mùa xuân vẫn tuần hoàn theo thời gian, phố vẫn đông người qua nhưng ông đồ bị lãng quên, nho học bị thất sủng, người ta không còn quan tâm đến ông đồ, đến chữ ông đồ viết.  + Câu hỏi tu từ và biện pháp nghệ thuật nhân hóa (*Giấy đỏ buồn không thắm/Mực đọng trong nghiên sầu*) -> Nỗi buồn như lan tỏa, thấm cả vào những vật vô tri vô giác, tất cả như đồng cảm với nỗi niềm của ông đồ trước con người, thời thế. Nghệ thuật tả cảnh ngụ tình (*Lá vàng rơi trên giấy/ Ngoài giời mưa bụi bay*) gợi không gian buồn thảm, vắng lặng nhấn mạnh sự lẻ loi, bẽ bàng của ông đồ…  -> Một nét đẹp văn hóa dân tộc bị mai một, chữ nho đã trở nên lỗi thời, những người như ông đồ bị rơi vào quên lãng. Ông đồ trở thành “di tích tiều tụy đáng thương của một thời tàn” | **0,5** |
| - Khổ thơ cuối tác giả dùng để bày tỏ nỗi lòng, khơi gợi ở người đọc niềm thương xót đối với ông đồ cũng như đối với một nét đẹp văn hóa của dân tộc bị mai một.  + Tết đến, xuân về, hoa đào vẫn nở nhưng không còn thấy ông đồ xưa -> Sau mỗi năm ông đồ đã già và giờ đây đã trở thành người thiên cổ.  + Câu hỏi tu từ thể hiện niềm cảm thương của tác giả cho những nhà nho danh giá một thời, nay bị lãng quên vì thế thời thay đổi, thương tiếc những giá trị tốt đẹp bị lụi tàn và không bao giờ trở lại. | **0,5** |
| **\* Về hình thức:** | **1,25** |
| - Nhan đề bài thơ ngắn gọn nhưng gợi nhiều liên tưởng, chứa đựng chiều sâu chủ đề tư tưởng mà tác giả muốn gửi gắm qua thi phẩm. | **0,25** |
| - Mạch cảm xúc, mạch ý tạo thành tứ thơ tự nhiên theo dòng thời gian. Kết cấu bài thơ giống như một câu chuyện kể về cuộc đời của ông đồ: Mở đầu câu chuyện ông đồ là tâm điểm mọi sự chú ý của công chúng, cùng thời gian ông dần bị quên lãng, đến cuối bài thơ ông đồ đã chìm vào quá khứ, từ đó nhà thơ bộc lộ tự nhiên niềm thương người và tình hoài cổ trước *cảnh cũ người đâu.* | **0,25** |
| - Thể thơ ngũ ngôn gieo vần chân, lời thơ bình dị nhưng sâu lắng, cô đọng, kết cấu đầu cuối tương ứng chặt chẽ. Hình ảnh thơ giản dị, ngôn ngữ thơ hàm súc, gợi hình, gợi cảm. Kết cấu đầu cuối tương ứng, sử dụng câu hỏi tu từ, nhân hóa, bút pháp tả cảnh ngụ tình,… gieo vào lòng người đọc niềm tiếc thương, day dứt. | **0,5** |
| - Giọng điệu trầm lắng, xót xa thể hiện đúng tình cảnh của nhân vật trữ tình và hồn thơ của tác giả. | **0,25** |
| **b3. Đánh giá, nâng cao** | **0,75** |
| - Sức hấp dẫn từ nội dung và nghệ thuật của bài thơ *Ông đồ* đã tác động sâu sắc đến người đọc bao thế hệ, khơi gợi niềm cảm thương chân thành đối với những nhà nho danh giá một thời, nay bị lãng quên vì thế thời thay đổi, thương tiếc giá trị văn hóa tốt đẹp bị lụi tàn. | **0,25** |
| - Bài học cho người nghệ sĩ: Bằng tài năng và tâm huyết của mình, nhà thơ hãy sáng tạo nên những thi phẩm hay và giàu sức hấp dẫn từ nội dung đến hình thức. Điều đó vừa là thiên chức vừa là trách nhiệm của nhà thơ, là yêu cầu thiết yếu, sống còn của sáng tạo nghệ thuật. | **0,25** |
| - Sự tiếp nhận ở người đọc thơ: Cần thấy thơ hay là hay cả hồn lẫn xác. Từ đó có sự tri âm, sự đồng cảm với tác phẩm, với nhà thơ để có thể sẻ chia những tình cảm đồng điệu. Khi ấy, thơ sẽ có sức sống lâu bền trong lòng người đọc nhiều thế hệ. | **0,25** |
| **Kết bài:**  - Khẳng định lại vấn đề  - Liên hệ… | **0,25** |

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**Hướng dẫn**

Một ngày kia, khi hai nguồn thi cảm “lòng thương người” và “tình hoài cổ” gặp nhau, giữa cảnh mưa bụi lất phất bay, hoa đào chớm nở sắc hồng, nhưng những câu đối đỏ đã dần dần vắng bóng trong ngày Tết, Vũ Đình Liên đã bất giác viết lên một kiệt tác: ***“Ông đồ”***! Bài thơ được viết bằng nỗi cảm khái trước thời thế ấm lạnh nhân tình. Bởi vậy, hai mươi dòng thơ ngũ ngôn, không hề non lép một chữ nào. Tất cả đều ngậm ngùi trước “di tích tiều tụy đáng thương của một thời tàn”. Và nhà phê bình văn học Hoài Thanh đã thật tinh tế khi nhận xét: “Bài thơ là sự gặp gỡ giữa hai nguồn thi cảm: lòng thương người và tình hoài cổ!”

Nhận định trên của Hoài Thanh đã thể hiện một cách nhìn sâu sắc về nguồn cảm hứng trong thi ca của Vũ Đình Liên. Lúc này, trên thi đàn “Thơ mới”, phần đông cáo thi sĩ đang thở than sướt mướt với tình yêu tuyệt vọng, với mối sầu cô đơn, với chuyện tình yêu đôi lứa lãng mạn. Thì Vũ Đình Liên lại không đi theo lối mòn quen thuộc ấy, với “thiên chức” của người nghệ sĩ, Vũ Đình Liên đã viết lên thi phẩm “Ông đồ” với sự gặp gỡ, giao thoa giữa hai nguồn cảm xúc: “lòng thương người” và “tình hoài cổ”. Đó là thương một lớp người tri thức Nho học bị bỏ rơi bên lề đường nơi phố vắng rêu phong “ngày xưa” hòa quyện với nỗi nhung nhớ, tiếc nuối khôn nguôi một thời vắng bóng; một thời hoàng kim, một thời vàng son đã một đi không trở lại. Nơi đó ông đồ được coi trọng hơn, được mọi người biết đến. Nhưng hai nguồn thi cảm này không những không mâu thuẫn, tách bạch nhau,… mà chúng luôn hòa hợp như một nốt nhạc chủ đạo, như một sợi chỉ đỏ xuyên suốt nguồn mạch cảm xúc của bài thơ. Đọc “Ông đồ”, ta như cảm nhận được tất cả nỗi lo lắng mơ hồ, cảm nhận tâm sự bơ vơ của Vũ Đình Liên và cao hơn hết là một tình người lơn lao ôm trùm cả không gian và thời gian. Nhẹ nhàng, tinh tế và sâu lắng, nhà thơ đưa ta vào thế giới của riêng mình – nơi “lòng thương người” và “tình hoài cổ” được bắt nguồn\_đó chính là trái tim nhân đạo, giàu tình yêu thương của Vũ Đình Liên.

“Mỗi năm hoa đào nở

Lại thấy ông đồ già

Bày mực tàu giấy đỏ

Bên phố đông người qua”

Cùng với màu thắm của đào, màu đỏ của giấy, màu đen của mực tàu và sự đông vui tấp nập của phố phường, hình ảnh ông đồ đã trở nên không thể thiếu trong bức tranh khung cảnh ngày Tết.

Và ông đồ đã thành trung tâm của sự ngợi ca và chiêm ngưỡng:

“Bao nhiêu người thuê viết

Tấm tắc ngợi khen tai

Hoa tay thảo những nét

Như phượng múa rồng bay”

Lúc bấy giờ, ông đồ đang được người đời trọng vọng, cần nhờ vả đến. Với tài năng của ông, họ “tấm tắc ngợi khen tài”, ba phụ âm **“t”** cùng xuất hiện trong một câu thơ như một tràng pháo tay giòn giã để ngợi khen sự tài hoa đó của ông. Cái tài “thảo những nét” giống như “phượng múa rồng bay” của ông dưới một bàn tay nghệ thuật khéo léo đã làm rạng danh cho nên Hán học. Cái tài của ông đã được tặng cho mọi người làm quà đón xuân, đón Tết. Nhưng dầu sao, trong tiếng cười vẫn không làm sao che giấu được nỗi ngậm ngùi. Chữ Nho vốn được xem là chữ “Thánh hiền”, chữ Nho được ông đồ viết là sự tụ hội, giao thoa giữa cái tài và cả cái tâm của người cầm bút. Vậy mà giờ đây, thứ chữ ấy chỉ cần quẳng chút tiền “ra thuê” là có!

Bút long dần được thay thế bằng bút sắt. Chữ Nho được thay thế dần bằng chữ Quốc ngữ. Trên cái trục xưa nay của cấu tứ, câu thơ như mang nỗi ngậm ngùi, ta như nếm được cái vị đắng của buồn, vị chát chua sầu:

“Nhưng mỗi năm mỗi vắng

Người thuê viết nay đâu?

Giấy đỏ buồn không thắm

Mực đọng trong nghiên sầu”

Họ nay đâu? Bánh chưng xanh, thịt mỡ, dưa hành còn đây, câu đối đỏ đâu rôi! Nếp cũ đổi thay. Chữ Nho như đã trở thành hang ế không ai ưa chuộng nữa. Trong xu thế chung không thể cưỡng lại ấy, tình cảnh ông đồ trở nên ngao ngán đáng thương. Hẳn là vì “người buồn cảnh có vui đâu bao giờ” mà bây giờ nỗi sầu lo ủ dột lan thấm lên cả đồ vật:

“Giấy đỏ buồn không thắm

Mực đọng trong nghiên sầu”

Chúng là hình ảnh của chủ nhân hết thờ của chúng. Tàn tạ, lạc lõng, tiêu điều. Thiên hạ náo nức đón xuân, đón cả luồng gió mới do Tây học mang lại. Thành trì luân lí ngàn năm đã đổ. Người ta cứ ngóng cổ cố tìm mò ngắm trời cao đất rộng ngoài kia, tìm những cái hiện đại. Chữ mới dễ học và thực dụng, văn chương mới hấp dẫn đã cuốn họ đi xa, bỏ lại những người như ông đồ bên dòng đời cuộn chảy. Ông đồ đã trở thành người thừa trong dòng chảy nhân sinh. Cả một nỗi buồn thời thế, Vũ Đình Liên đã xây dựng một biểu tượng về một nỗi tàn phai của cả một nền văn hóa.

Ta cứ cháy, cứ đuổi theo nền văn hóa phương Tây, với những cái mới để rồi khi ngoảnh đầu nhìn lại, bóng ông đồ dần xa khuất làm ta nhớ nhung tiếc nuối:

“Năm nay đào lại nở

Không thấy ông đồ xưa”

Trong khổ thơ đầu, chính trong màu hoa đào mênh mang hoài cảm ông đồ xuất hiện. Ta có thể tưởng tượng sự có mặt của một cây cổ thụ ngàn năm bị bật gốc sau một cơn bão lớn như hình ảnh của ông đồ. Lúc ấy, cây đổ, ngọn gục. Từ trên chót vót của thứ bậc xã hội, ông đồ, hình bóng tượng trưng cho giai cấp “kẻ sĩ”, rơi xuống bên vệ đường, trở thành người vất vưởng, hoài nhớ giá trị cũ suy tàn, bỡ ngỡ với phong hội mới. Thì cũng với màu hoa đào bài thơ được khép lại. Thông điệp mùa xuân đã gửi đến rồi. Ông đồ đã không còn đủ kiên nhẫn để chờ đợi và ông cũng đã trở thành “ông đồ xưa”. Nhưng dường như trong tâm khảm lòng minh, hình ảnh ông đồ già không thể vắng bóng trong bức tranh xuân của Vũ Đình Liên.

Cuộc đời đổi thay. Con người cũng vì vậy mà thay đổi. Rồi những người như ông đồ bị bỏ rơi bên lề cuộc sống.

“Ông đồ vẫn ngồi đấy

Qua đường không ai hay

Lá vàng rơi trên giấy

Ngoài trời mưa bụi bay”

ở khổ thơ này, cái lực của ngòi bút, cái tâm của một con người hợp lại đủ sức lay động những trái tim thờ ơ, vô tình với một sự chung cục, một sự chung cục thầm lặng và thương tâm. Người trong cuộc, bên phố đông, lặng nghe mình lụi tàn. Người người ngược xuôi như nước nhưng chẳng còn ai để ý đến cái bóng mờ nhạy, tàn tạ ấy. Ông đã bị lãng quên ngay cả khi còn hiện hữu. Ông chẳng qua chỉ còn là “cái di tích tiều tụy đáng thương của một thời tàn.” Cái lúc “lá vàng rơi trên giấy” đã xuất hiện ba cái “tàn”: sự “tàn” úa của lá xuân rơi trên sự héo “tàn” của giấy, và tất cả đều được nhìn dưới đôi mắt của một kẻ “tàn”. Cái lúc “ngoài trời mưa bụi bay” cũng đã xuất hiện hai cơn mưa: cơn mưa ngoại cảnh hao vắng và cơn mưa tâm cảnh hắt hiu não nề…. Đúng là “văn tả ít lời mà cảnh hiện ra như vẽ, không chỉ bóng dáng ông đồ mà cả cái tiêu điều của xã hội qua mắt ông đồ” (Vũ Quần Phương). Vũ Đình Liên đã có những chi tiết thật “đắt”: nơi ông đồ là nơ bút mực, nơi trời đất là chỗ gió mưa, nơi xã hội đương thời là sự thờ ơ của người đời. Lá rơi không nghe tiếng. Mưa bụi chẳng ướt ai. Thế mà giờ đây đọc lại, ta vẫn tái tê thấm thía nỗi đau lặng lẽ của một chiếc lá vàng rơi trên giấy thẫm tàn phai. Thế mới biết sức sống của một bài thơ không chỉ ở ngôn từ. Chính tấm lòng thương cảm trân trọng, tinh tế của tác giả đã làm ấm những dòng chữ lạnh với thời gian. Thơ dường như gần máu hơn với mực. Có phải thế mà “Ồng đồ” sống được lâu trong lòng độc giả và thi ca Việt Nam?

“Năm nay đào lại nở

Không thấy ông đồ xưa

Những người muôn năm cũ

Hồn ở đâu bây giờ?”

Vũ Đình Liên đang sống vào cái buổi giao thời, khi xã hội Việt Nam đang có một sự rung chuyển lớn, quay mặt với cái cũ không nỡ, làm ngơ với cái mới sao đành!

Ông đồ đã cố kiên nhẫn “vẫn ngồi đấy”, nhưng năm nay ông đã không còn kiên nhẫn được nữa: “không thấy ông đồ xưa”. Ông đã cố bám lấy xã hội hiện đại, những con người chạy theo hiện đại, ta đã nhìn thấy sự cố sức của ông, đã thấy ông chới với, nhưng chúng ta không hề làm gì, để đến bây giờ quay đầu nhìn lại mới biết ông đã bị buông rơi tự bao giờ. Bóng dáng ông đâu phải là bóng dáng của một người, của một nghề, mà là bóng dáng của cả một thời đại, bóng dáng kí ức của tâm hồn ta. Ta nhớ nhung da diết khôn nguôi về một thời vàng son của một quá khứ, kỉ niệm đẹp đã mãi một đi không trở lại của một thời đại hay của chính lòng mình. Chúng ta nhìn nhau hỏi hay tự hỏi mình? Chúng ta hỏi hay nhớ nhung, hay nuối tiếc? Thi pháp này đã được Nguyễn Trãi, Hồ Xuân Hương sử dụng tài tình. Vũ Đình Liên đã kế thừa và phát huy thi pháp này qua bài thơ mới: “Ông đồ”! Hẳn không phải ngẫu nhiên để nói về những người vừa đó của một thời cũng vừa mới qua, nhà thơ gợi ằng một chữ “hồn”. Đây knhững là cách gợi rất Việt Nam mà còn chỉ ra được một cách chính xác đến lạ lung những cái “đã qua mà không mất”, nó vẫn còn mãi.

Nén tâm nhang đã thắp – hoài niệm mênh mang. Ông đồ trở thành những người muôn năm cũ. Tất cả đều gặp nhau ở chữ “hoài”, thấm thía nỗi sầu nhân thế. Ta nao nao nhớ đến nỗi buồn của một vị thi sĩ xưa:

“Ai người trước đã qua?

Ai người sau chưa để?

Nghĩ trời đất vô cùng

Một mình tuôn giọt lệ”

Lòng chợt tri ân câu thơ chân mộc của tác giả “Ông đồ” gửi tới họa sĩ Bùi Xuân Phái:

“Người bảo tranh anh vẫn cứ sẵn buồn

Như thơ tôi vẫn cứ thương thương”

Chính “cứ thương thương” đó của nhà thơ đã tạo ra cái thần cho người ta nhớ mãi. Ngay trong thơ mới của mình, ông vẫn chạm thương thời của người. Hoài Thanh cho biết “Ông đồ” là một “nghĩa cử” của lớp trẻ tân học đối với cực học đã hết thời cũng đúng thôi.

Thơ vốn hàm súc nhưng đạt đến độ như “Ông đồ” thì thật đáng phục. Giữa cái thời lí tưởng tràn bờ, khuôn khổ lung lay, nhà thơ mới Vũ Đình Liên đã chọn cho mình thể thơ năm chữ, thả dài bốn khổ. Chỉ một trăm chữ, không cầu kì, cũng không tân kì mà “Ông đồ” ra đời từng câu, từng câu… thong thả như hoa quỳnh nở. Từng nét nhụy uốn cong xòe ra tỏa hương…buồn!? Ở đây, chữ “thương” đã quá rõ, còn chữ “hoài”…. Thì hẳn cũng xuất phát từ chữ “thương” ấy, xuất phát từ trái tim bao la nhân tình ấy:

“Những người muôn năm cũ

Hồn ở đâu bây giờ?”

Âm hưởng nốt nhạc cuối cứ mien man day dứt, khiến người nghe cứ thẫn thờ. Thời của một đời rồi sẽ qua. Ai cũng vậy, những qua đi không hẳn là đã mất tiêu, vô nghĩa. Hôm nay đã phôi pha từ hôm qua và cả ngày mai cũng sẽ từ hôm qua. Ông đồ đã trở về thế giới của ông, về với thời xa vắng. Người xưa thành ông cha, cái cũ thành di tích. Nét đẹp và sức mạnh của phương Đông ở bên trong và từ thăm thẳm. Nói đến “văn hóa”, không thể không nói đến “cội nguồn”, nói đến hôm nay không thể phủ nhận “hôm qua”. Ẩn khuất hay lan tỏa, ngàn xưa hay ngày xưa vẫn là một mảng đậm đà trong tâm hồn dân tộc Việt Nam.

Tết vẫn đến. Hoa đào vẫn nở. Dòng song vẫn trôi chảy. Năm tháng cứ qua đi, bụi thời gian sẽ dần phủ mờ lên tất cả. Chỉ có dòng đời đổi thay. Nhưng với Vũ Đình Liên, với “long thương người” và “tình hoài cổ” của mình, ông đã tự hỏi:

“Những người muôn năm cũ

Hồn ở đâu bây giờ?”

Câu thơ gợi nỗi niềm tiếc nuối khôn nguôi hay gợi long trắc ẩn nhân tình? Có lẽ là cả hai…

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**ĐỀ 4:**

**ĐỀ THI CHỌN HSG Năm học 2018 - 2019**

**Môn:** **Ngữ văn 8 -**

Thời gian làm bài: 150 phút *(không kể thời gian giao đề)*

**Câu 1** *(2 điểm)*:

Xác định và phân tích hiệu quả thẩm mĩ của các biện pháp tu từ có trong đoạn thơ sau:

*Cánh cò cõng nắng qua sông*

*Chở luôn nước mắt cay nồng của cha*

*Cha là một dải ngân hà*

*Con là giọt nước sinh ra từ nguồn*

                                                                 (*Lục bát về cha*, Thích Nhuận Hạnh)

**Câu 2** *(6 điểm)*:

Nhà văn Lỗ Tấn từng khẳng định:“*Kỳ thực trên mặt đất vốn làm gì có đường. Người ta đi mãi thì thành đường thôi*”.

Nhà thơ Robert Frost viết: “*Trong rừng có nhiều lối đi, và tôi chọn lối đi không có dấu chân người*”.

Bạn sẽ chọn lối đi đã được người ta đi mãi mà thành đường, hay lối đi không có dấu chân người?

**Câu 3** *(12 điểm):*Giáo sư - Tiến sĩ Nguyễn Hoành Khung, nhận xét về bài thơ *Ông đồ* của Vũ Đình Liên như sau: *“****Ông đồ*** *có thể coi là một áng thơ toàn bích, là một trong những bài thơ hay nhất trong phong trào Thơ mới”*.

Bằng hiểu biết của mình em hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.

**HƯỚNG DẪN CHẤM BÀI THI CHỌN HSG LỚP 8**

**II. HƯỚNG DẪN CỤ THỂ:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung cần đạt** | **Điểm** |
| **1** | **HS cần đảm bảo được các ý sau:**  \* ***Chỉ ra các biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn thơ***  Đoạn thơ sử dụng thành công các biện pháp nghệ thuật: ***nhân hoá, ẩn dụ, so sánh, đối.*** | **0,5** |
| \* ***Phân tích hiệu quả các biện pháp tu từ:***  - Biện pháp nhân hoá:  cái cò *cõng* (nắng), *qua* (sông), *chở*(nước mắt) -> khắc hoạ hình ảnh cái cò cũng có hành động của con người, khiến hình ảnh thế giới loài vật trở nên sinh động, gần gũi, gắn bó với tuổi thơ mỗi người. | **0,25** |
| - Biện pháp ẩn dụ: *nước mắt cay nồng của cha*: tượng trưng cho cuộc đời cha với những hi sinh, gian khổ, nhọc nhằn để mang lại những điều tốt đẹp nhất cho con. | **0,25** |
| - Phép so sánh kết hợp phép đối: *cha - dải ngân hà; con – giọt nước sinh ra từ nguồn*: khẳng định cái hình hài bé nhỏ của con (*như giọt nước)* không thể sánh được với được tình cha bao la, vĩ đại, sánh ngang tầm vũ trụ. | **0,25** |
| - Điệp từ:  *cha* được nhắc lại hai lần -> nhấn mạnh vẻ đẹp hình ảnh cha trong cảm nhận đầy yêu thương, trân trọng của con. | **0,25** |
| => Các biện pháp tu từ góp phần tạo nên những vần thơ đẹp, xúc động về tình cha. Qua đó, tác giả thể hiện niềm xúc động, sự thấu hiểu, yêu kính, biết ơn cha sâu nặng. Đó cũng là thông điệp ý nghĩa mà tác giả muốn gửi tới bạn đọc về đạo làm con đối với đấng sinh thành của mình. | **0,5** |
| **2** | **I. Yêu cầu chung:**  - Thể loại Nghị luận xã hội về một tư tưởng.  - Nội dung nghị luận: Mỗi người có một lựa chọn riêng, mỗi lối đi đều có những thuận lợi và khó khăn riêng.  - Phạm vi kiến thức: Đời sống xã hội. | **0,5** |
| **II. Yêu cầu về nội dung:** *Cần đảm bảo được các ý sau:*  **1. Giải thích hai ý kiến** |  |
| - Giới thiệu vấn đề cần nghị luận | **0,5** |
| - *Lối đi đã được người ta đi mãi thành đường*: lối đi cũ, cách làm cũ, dễ dàng, đã quen thuộc, đã nhiều người thực hiện. | **0,5** |
| - *Lối đi chưa có dấu chân người*: lối đi, cách làm sáng tạo, mạo hiểm, dũng cảm đối đầu với khó khăn. | **0,5** |
| - Bằng cách nói hình ảnh, hai câu nói trên nêu lên những lựa chọn khác nhau để làm nên thành công trong hành trình cuộc sống của mỗi con người. Mỗi người có một lựa chọn riêng, mỗi lối đi đều có những thuận lợi và khó khăn riêng. | **0,5** |
| **2. Bàn luận**  ***- Mỗi lối đi đều có những thuận lợi và khó khăn riêng:***  + *Lối đi đã được người ta đi mãi thành đường:* đây là lối đi an toàn, nhiều thuận lợi vì đã có người đi trước, mình có thể rút kinh nghiệm để thành công, đến đích sớm. Tuy nhiên con người sẽ không còn nhiều cơ hội để tìm ra cái mới, tìm cơ hội chinh phục và khám phá. | **0,5** |
| + *Lối đi không có dấu chân người*: đây là lối đi, cách thức nhiều trở ngại, nhiều khó khăn phải đối đầu, buộc con người phải dũng cảm, phải sáng tạo, thậm chí mạo hiểm. Lối đi ấy có thể có rủi ro, nhưng con người phải biết chấp nhận để có được thành công cho lần sau. Nếu thành công, con người có niềm vui, niềm hạnh phúc của người tiên phong, người mở đầu. | **0,5** |
| **- *Hai ý kiến trên thực chất bổ sung cho nhau***, con người sẽ có được thành công khi vừa biết kế thừa kinh nghiệm của người đi trước, tìm lối đi an toàn, lại vừa sáng tạo kiếm tìm cái mới như một sự khởi nghiệp. (HS có thể lấy dẫn chứng để chứng minh các ý trên). | **0,5** |
| **- *Tuy nhiên***, chọn lối đi người ta đi mãi thành đường không có nghĩa là bảo thủ, kì thị cái mới vùi dập tinh thần sáng tạo; chọn “lối đi chưa có dấu chân người” không có nghĩa là liều lĩnh, dại dột, mạo hiểm đến thất bại một cách vô nghĩa. | **0,5** |
| **- *Mở rộng vấn đề*:** phê phán những người sống bảo thủ, dựa dẫm, không có tinh thần sáng tạo. Phê phán những người liều lĩnh, mạo hiểm một cách mù quáng, không biết kế thừa kinh nghiệm , thành tựu của người đi trước, không chịu tiếp thu cái mới,… | **0,5** |
| **3. Bài học nhận thức và hành động**  - Nhận thức được tính đúng đắn trong từng quan niệm sống.  - Biết tôi luyện và vận dụng các phẩm chất linh hoạt, sáng tạo, dũng cảm trong từng tình huống cụ thể của đời sống để có được thành công. | **1,0** |
| **3** | **A. Yêu cầu về kỹ năng:**  - Bài làm có bố cục đầy đủ, rõ ràng, lập luận chặt chẽ, không mắc lỗi chính tả, lỗi dùng từ và câu, lỗi diễn đạt.  - Thí sinh có thể cảm nhận và kiến giải theo những cách khác nhau, nhưng phải có lí lẽ, căn cứ xác đáng |  |
| **B. Yêu cầu về kiến thức:**  **1. Giới thiệu chung**  - Giới thiệu tác giả, tác phẩm  - Nêu vấn đề nghị luận: Nhận xét đã khẳng định giá trị đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của bài thơ. | **1,0** |
| **2. Giải thích ý kiến**  - *Áng thơ toàn bích*: là đã khẳng định vẻ đẹp trọn vẹn, hoàn hảo tựa viên ngọc của bài thơ. Vẻ đẹp toàn diện cả về nội dung và nghệ thuật. | **0,5** |
| - Bài thơ là một kiệt tác của Vũ Đình Liên và là một kiệt tác của phong trào thơ mới. Bài thơ đã chạm được đến *“mối sầu nhân thế*” có tính chất tổng quát của toàn nhân loại. Nó gợi lên trong thẳm sâu tâm hồn người đọc bóng dáng của một thời vàng son, đã vĩnh viễn trở thành dĩ vãng. Năm tháng vẫn tuần hoàn. Chỉ có đời người buộc phải đổi thay. Cái mất đi ngày qua, nhiều khi khiến chúng ta phải nao lòng. | **1,0** |
| **3. Chứng minh qua bài thơ**  **a. Ông đồ là bài thơ toàn bích về nội dung: *Thể hiện lòng thương cảm và niềm hoài cổ về một lớp người đã tàn tạ.*** | **4,5** |
| ***\* Hình ảnh ông đồ thời kỳ đắc ý***  - Nổi bật giữa trung tâm bức tranh tết đến xuân về là hình ảnh ông đồ. Ông đang là trung tâm chú ý, là đối tượng ngưỡng mộ, tôn vinh của mọi người: Hình ảnh ông hoà cùng cái đông vui, náo nức của phố phường ngày giáp Tết.  - Ông chính là một trong những nơi gặp gỡ, hội tụ của văn hoá - tâm linh người Việt một thời. | **1,0** |
| ***\* Ông đồ thời kỳ bị quên lãng***  - Cũng như bức tranh trước, ở đây, ông đồ vẫn là hình ảnh trung tâm của bức tranh, là đối tượng miêu tả chính của tác giả. Nhưng ngoại trừ điều đó, xung quanh ông, mọi sự đã thay đổi. Ông đồ "vẫn ngồi đấy", giữa phố xá đông đúc người qua lại nhưng lẻ loi, lạc lõng, không ai biết, "không ai hay".  - Nỗi buồn tủi thấm đẫm lên cả những vật vô tri vô giác. Ông đồ "ngồi đấy" chứng kiến và nếm trải tấn bi kịch của cả một thế hệ. Đó là sự tàn tạ, suy sụp hoàn toàn của nền Nho học. Hình ảnh "lá vàng" lìa cành và "mưa bụi bay" trong trời đất mênh mang là những ẩn dụ độc đáo cho sự tàn tạ, sụp đổ đó.  - Hai khổ thơ tả cảnh nhưng chính là để thể hiện nỗi lòng của người trong cảnh. Đó là nỗi xót xa lặng lẽ, nỗi đau đớn ngậm ngùi của lớp nhà nho buổi giao thời. | **1,5** |
| *\** ***Ông đồ - người "muôn năm cũ"***  - Hoa đào vẫn nở, Tết vẫn đến, quy luật thiên nhiên vẫn tuần hoàn, nhưng người thì không thấy nữa Tứ thơ: cảnh cũ còn đó, người xưa ở đâu và hình ảnh "người muôn năm cũ" gợi lên trong lòng người đọc niềm cảm thương, tiếc nuối vô hạn.  - "Người muôn năm cũ", trước tiên là các thế hệ nhà nho và sau đó còn là "bao nhiêu người thuê viết" thời đó. Vì vậy, "hồn" ở đây vừa là hồn của các nhà nho, vừa là linh hồn của nét sinh hoạt văn hoá truyền thống tốt đẹp đã từng gắn bó thân thiết với đời sống của con người Việt Nam hàng trăm nghìn năm.   - Hai câu cuối là câu hỏi nhưng không để hỏi mà như một lời tự vấn. Dấu chấm hỏi đặt ở cuối bài thơ như rơi vào im lặng mênh mông nhưng từ đó dội lên bao nỗi niềm. Đó là nỗi day dứt, tiếc nhớ, thương xót ngậm ngùi của tác giả và cũng là của cả một thế hệ các nhà thơ mới. Đó còn là nỗi mong ước tìm lại, gặp lại vẻ đẹp của một thời đã qua. | **2** |
| **b. Ông đồ là bài thơ toàn bích về nghệ thuật:** | **4,0** |
| **-** Hình thức nghệ thuật bài thơ rất bình dị nhưng có một sức truyền cảm nghệ thuật lớn để cho nội dung, cảm xúc của bài thơ có sức sống bền bỉ lâu dài trong lòng người đọc. Thể thơ ngũ ngôn (năm chữ): đây là thể thơ linh hoạt có khả năng biểu hiện phong phú, rất thích hợp với việc thể hiện tâm trạng và diễn tả những tâm tình cảm xúc sâu lắng. | **1.0** |
| - Kết cấu bài thơ giản dị mà chặt chẽ:  + Kết cấu đầu cuối tương ứng. Tứ thơ “cảnh cũ người đâu” trong thơ cổ được sử dụng gợi một sự thương cảm sâu sắc.  + Bài thơ có một kết cấu tương phản độc đáo: cùng diễn tả hình ảnh ông đồ vào thời điểm mùa xuân, ngồi viết thuê bên hè phố nhưng đã thể hiện hai cảnh tượng đối lập - hình ảnh ông đồ thời vàng son và hình ảnh ông đồ thời tàn lụi. Kết cấu tương phản này thể hiện sâu sắc tình cảnh đáng thương của ông đồ. Qua đó, nhà thơ thể hiện tâm tư của chính mình về thời thế và con người. | **1,0** |
| - Ngôn ngữ thơ trong sáng, bình dị đồng thời cô đọng, có sức gợi lớn trong lòng người | **1,0** |
| - Biện pháp nhân hóa, ẩn dụ được sử dụng rất thành công | **0,5** |
| - Hình ảnh thơ giản dị nhưng hàm súc, không mới mẻ nhưng gợi cảm. Kết hợp phương thức tự sự với trữ tình, tả cảnh ngụ tình gợi liên tưởng đến tâm trạng nhân vật. | **0,5** |
| **4. Đánh giá khái quát**  - Ông đồ *là "một áng thơ toàn bích*" ở từng câu, từng chữ, từng ý thơ. Bài thơ có 20 dòng, mỗi dòng có năm chữ, mỗi khổ bốn câu nhưng câu nào cũng hay, thậm chí có câu đạt đến đỉnh cao của nghệ thuật. Lời thơ nhẹ nhàng, mộc mạc nhưng ý thơ ngoài lời, để lại trong tâm tư người nỗi nghẹn ngào, xúc động lẫn tiếc thương, day dứt. | **0,5** |
| - Có thể nói, bài thơ ***Ông đồ*** là kết tinh phong cách nghệ thuật của hồn thơ Vũ Đình Liên, là "***một trong những bài thơ hay nhất trong phong trào Thơ mới."*** | **0,5** |

\* ***Lưu ý:*** *Trên đây là những gợi ý và định hướng chung, giám khảo cần vận dụng linh hoạt dựa trên thực tế bài làm của học sinh. Khuyến khích những bài có cảm nhận sâu sắc, có cảm xúc và sáng tạo trong cách viết.*

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*8**

**ĐỀ 5**

**ĐỀ THI CHỌN HSG Năm học 2018 - 2019**

**Môn:** **Ngữ văn 8 -**

Thời gian làm bài: 150 phút *(không kể thời gian giao đề)*

**Phần I: Đọc hiểu** *(4,0 điểm):*

**Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi:**

*Tuổi thiếu niên là tuổi của ước mơ và hoài bão. Nó gắn liền với khát vọng chinh phục thử thách và giải được mật mã cuộc đời. Khát vọng luôn xanh và cuộc sống luôn đẹp, nhưng trong một thời khắc nào đó, có thể nhiều bạn trẻ đã thấy cuộc đời như một mớ bòng bong của những điều bỡ ngỡ với bao trăn trở không dễ tỏ bày. Đi qua tuổi thơ, cuộc đời mở ra trước mắt bạn một hành trình dài, nhiều hoa hồng nhưng cũng không ít chông gai. Cuộc sống, với tất cả sự khắc nghiệt vốn có của nó, sẽ khiến cho bước chân bạn nhiều lần rướm máu. Và những giọt máu đó, hoặc sẽ thấm xuống con đường bạn đang đi và lưu lại đó dấu son của một vị anh hùng, hoặc sẽ trở thành dấu chấm hết cho những khát vọng đoản mệnh của một kẻ nhụt tâm, chùn bước. Nhưng dù thế nào chăng nữa, bạn hãy nhớ rằng: để trưởng thành, những thử thách và thất bại bao giờ cũng là điều cần thiết.*

*(Theo* ***Hạt giống tâm hồn dành cho tuổi teen, tập 2*** *- Nhiều tác giả, NXB Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh, 2012, tr.02)*

**Câu 1.** (*1,0 điểm*) Nội dung chính của văn bản là gì?

**Câu 2.** (*1,0 điểm*) Chỉ ra và nêu tác dụng biện pháp tu từ trong câu: *Đi qua tuổi thơ, cuộc đời mở ra trước mắt bạn một hành trình dài, nhiều hoa hồng nhưng cũng không ít chông gai.*

**Câu 3.** (*2,0 diểm*) Tại sao có thể nói: *Cuộc sống, với tất cả sự khắc nghiệt vốn có của nó, sẽ khiến cho bước chân bạn nhiều lần rướm máu.*

**Câu 4.** (*2,0 điểm*) Thông điệp mà em tâm đắc nhất qua văn bản là gì? Hãy lí giải sự lựa chọn đó của em (*Trình bày khoảng 5-7 dòng*).

**Ph**ầ**n II. Làm v**ă**n (16,0** đ**i**ể**m)**

**Câu 1***. (6,0 đi*ể*m)*

**Có ý kiến cho rằng: “Thất bại là một con đường vòng, không phải con đường cụt”. Hãy cho biết suy nghĩ của anh (chị) về ý kiến trên.**

**Câu 2***. (10,0 đi*ể*m)*

Chứng minh rằng, với ông đồ, Vũ Đình Liên đã chạm được vào những rung cảm tâm linh của giống nòi nên nó còn tha thiết mãi.

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| I |  | **Đọc hiểu** | ***6.0*** |
|  | 1 | - Văn bản nói về cách nhìn cuộc sống của các bạn trẻ.  - Đưa ra lời khuyên quý giá về sự trưởng thành: dám chấp nhận và đối mặt với thử thách cuộc sống. | 1.0 |
| 2 | - Biện pháp tu từ: ẩn dụ : *Đi qua* (sống, trải qua), *hoa hồng* (niềm vui, hạnh phúc, thuận lợi, thành công…) *, chông gai* (nỗi buồn, khó khăn, thất bại…)  -Tác dụng: Biện pháp ẩn dụ giúp cho sự diễn đạt hình ảnh, gợi cảm. Mượn hình ảnh cụ thể để diễn tả suy nghĩ của người viết, qua đó, giúp người đọc hiểu được rõ ràng về giá trị của cuộc đời. Đó là để có hạnh phúc ở tương lai phía trước, chúng ta có thể phải trải qua, phải đối mặt với nhiều khó khăn thử thách. | 0.5  0.5 |
|  | 3 | Có thể nói: *Cuộc sống, với tất cả sự khắc nghiệt vốn có của nó, sẽ khiến cho bước chân bạn nhiều lần rướm máu.*Bởi vì:  - Cuộc sống vô cùng phong phú và đa dạng, vì vậy, bản thân nó luôn chứa đựng những khó khăn, thử thách.  - Vượt qua được gian khổ đó, chúng ta phải chấp nhận đau đớn, thậm chỉ phải trả giá bằng nhiều thứ, không chỉ một lần mà là nhiều lần. Mỗi lần như thế sẽ giúp ta trưởng thành hơn trong tương lai.  - Điều quan trọng là mỗi người cần có đủ dũng khí để đương đầu với nghịch cảnh, với khó khăn của cuộc đời . | 0,5  1,0  0,5 |
| 4 | Học sinh có thể trình bày và lí giải thông điệp tâm đắc nhất theo ý riêng, không vi phạm chuẩn mực đạo đức và pháp luật. Sau đây là vài gợi ý:  - Tuổi trẻ sống phải có bản lĩnh, kiên cường  - Ước mơ và hoài bão luôn gắn với với tuổi trẻ  - Khó khăn, thử thách là môi trường để con người rèn luyện ý chí, nghị lực  \* Lí giải hợp lí, thuyết phục | 1.0  1,0 |
| II |  | **Làm văn**  **Chứng minh rằng, với ông đồ, Vũ Đình Liên đã chạm được vào những rung cảm tâm linh của giống nòi nên nó còn tha thiết mãi.**  Trước tiên, bài thơ “Ông đồ” đã chạm được vào những rung cảm tâm linh của giống nòi với cảm xúc luyến lưu xót xa cho những giá trị truyền thống dân tộc đang bị mai một:  *Mỗi năm hoa đào nở*  *Lại thấy ông đồ già*  *Bày mực Tàu, giấy đỏ*  *Bên phố đông người qua*  Hoa đào là loài hoa biểu tượng cho mùa xuân ở miền Bắc. Hoa đào nở gợi nhắc ta về một không khí tết, một ngày đầu xuân mà mỗi năm đều có theo quy luật muôn đời của tạo hóa. Trong khung cảnh thiên nhiên ấy, ông đồ xuất hiện là biểu tượng của một phong tục truyền thống đó là tục cho chữ ngày tết. Vào mỗi dịp tết đến xuân về, mọi người đều có thói quen đi xin câu đối đỏ, chữ Nho viết trên giấy đỏ với mong ước về một năm mới bình an. Khi ấy, ông đồ là một nhân vật rất được trọng vọng:  Bao nhiêu người thuê viết  Tấm tắc ngợi khen tài:  “Hoa tay thảo những nét  Như phượng múa, rồng bay”  Công việc của ông chính là công việc sáng tạo của một người nghệ sĩ, chữ mà ông viết ra được ví như là phượng múa rồng bay vừa đẹp, vừa cao quý. Viết những dòng này với giọng thơ giàu cảm hứng, ta có thể cảm nhận đươc tình cảm của nhà thơ đối với phong tục này. Nhưng chuyện ấy không giữ được mãi mãi:  Nhưng mỗi năm mỗi vắng  Người thuê viết nay đâu?  Giấy đỏ buồn không thắm  Mực đọng trong nghiên sầu...  Đoạn thơ thứ ba giọng thơ chùng lại có lẽ đó là do tâm trạng của người người viết đang chùng lại. Câu hỏi tu từ “người thuê viết nay đâu như xoáy sâu vào lòng người đọc, câu nghi vấn của nhà thơ đâu chỉ đơn thuần là đang hỏi về những người thuê viết. Sự tấp nập của những người thuê viết chữ khi xưa chính là hiện thân của tình cảm của con người với một thời đại trọng đạo Nho truyền thống nói chung và những giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc nói chung, nay đã vắng bóng, tức là con người đã không còn thiết tha với truyền thống dân tộc, liệu có phải là sự đau lòng ám chỉ về sự mai một của những giá trị văn hóa truyền thống ngày nào. Biện pháp nhân hóa “giấy đỏ buồn”- “mực sầu” đã cụ thể hóa nỗi sầu nơi con người, phải chăng, với từ “buồn”, từ “sầu”, nhà thơ như để người đọc cảm nhận được rằng, vì người đời đã thờ ơ nên giấy cũng “buồn” mà trở nên không còn tươi như trước, mực vì sầu mà cũng không buồn nhấc mình, cứ đọng lại trong nghiêng. Nỗi buồn của ông đồ hay là của nhà thơ đã thấu sang cảnh vật? Chữ cao quý là dùng để cho, vậy mà ông đồ phải bán chữ đã là dấu hiệu của sự suy đồi về giá trị văn hóa, ấy vậy mà thậm chí khi đem ra bán, cũng không còn ai mua, đó là một điều hết sức chua xót cho một nền văn hóa  *Nho học cổ truyền.*  *Ông đồ vẫn ngồi đấy*  *Qua đường không ai hay*  *Lá vàng rơi trên giấy*  *Ngoài trời mưa bụi bay*  Một ông đồ năm xưa được trọng vọng, được ngưỡng mộ là thế mà nay như một người bị gạt ra khỏi lề xã hội. Ông vẫn như năm nào, trung thành với cây bút “vẫn ngồi đấy” chỉ có điều rằng nhân tình đã đổi thay, không còn ai chú ý đến ông, sư tồn tại của ông không hề có dấu vết. Có lẽ nỗi buồn đã tới mức có chiếc lá vàng rơi trên trang giấy cũng không còn buồn nhặt, mà có lẽ đó là lá vàng của một mùa thu sắp tàn của thời đại Nho Học. Vào cái thời buổi gió Á mưa Âu tấp nập thổi vào mảnh đất quê hương, con người dường như để bản thân bị luồng gió độc ấy cuốn đi mà bỏ rơi những giá trị truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc khiến cho chúng ngày một tàn phai mai một, khi ấy cả hồn dân tộc nhuốm một màu buồn sầu lê thê như những đoạn mưa bụi không bao giờ dứt.  *Năm nay đào lại nở*  *Không thấy ông đồ xưa*  *Những người muôn năm cũ*  *Hồn ở đâu bây giờ?*  Câu hỏi “Hồn ở đâu bây giờ” cứ vậy mà văng vẳng trong tâm thức người đọc. Câu hỏi như chứa cả sự đau đớn của tác giả khi nhìn thấy sự đổi thay của lòng người, sự mai một dần của các giá trị văn hóa truyền thống đồng thời đó là lời chiêu hồn đất nước, gióng lên hồi chuông cảnh báo về sự một đi không trở lại của các giá trị truyền thống.  Bài thơ đã đặt ra một vấn đề muôn thủa đó là làm thế nào trước sự đổi thay của thời cuộc, ta vẫn giữ được tâm hồn dân tộc? Và câu hỏi ấy còn giá trị mãi về sau, nó chạm đến tâm linh hồn cốt dân tộc và vì vậy, tác phẩm sẽ sống trong lòng người đọc mãi mãi.  "Ông đồ" sẽ còn mãi chỗ đứng trong lòng độc giả và trong cả nền văn học nước nhà bây giờ và mãi mãi về sau. |  |

**ĐỀ 6**

**ĐỀ THI HSG MÔN NGỮ VĂN 8**

**NĂM HỌC 2016 - 2017**

**Thời gian: 120 phút**

**Câu 1** (**8.0 điểm**). Trình bày suy nghĩ của em về ý kiến sau:

*Tình yêu thương, kính trọng cha mẹ là tình cảm thiêng liêng hơn cả. Thật đáng xấu hổ và nhục nhã cho kẻ nào chà đạp lên tình yêu thương đó...*

*(Những tấm lòng cao cả,* Ét- môn- đô-đơ A- mi- xi)

**Câu 2** (**12.0 điểm**).

*Nguồn gốc cốt yếu của văn chương là lòng thương người …*

(Hoài Thanh, *Ý nghĩa văn chương,* SGK *Ngữ văn 7*, tập hai)

Em hiểu nhận định trên như thế nào? Hãy làm sáng tỏ qua bài thơ *Ông đồ* của nhà thơ Vũ Đình Liên.

.............. **HẾT** ...........

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

***(Hướng dẫn chấm có 03 trang)***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **Câu 1** |  | **8,0** |
|  | ***Yêu cầu chung:*** Học sinh biết cách làm một bài văn nghị luận xã hội. Bố cục bài viết rõ ràng, mạch lạc, lập luận chặt chẽ, dẫn chứng thuyết phục, không mắc lỗi các loại. | 1,0 |
|  | ***Yêu cầu cụ thể:***  ***1. Giải thích ý kiến:***  - *Tình yêu thương, kính trọng cha mẹ*: là lòng biết ơn, trân trọng, hiếu thảo...của con cái với những người đã sinh ra và nuôi dưỡng mình; *tình cảm thiêng liêng:* là tình cảm cao đẹp, đáng nâng niu trân trọng...;  *chà đạp*: đối xử thô bạo, coi thường, ngược đãi cha mẹ; *xấu hổ và nhục nhã:* thái độ hổ thẹn, cảm thấy xấu xa nhơ nhuốc, bị lên án khi đối xử bất hiếu với cha mẹ.  - Bằng cách diễn đạt trực tiếp, câu nói khẳng định, nhấn mạnh tình yêu thương, kính trọng cha mẹ là tình cảm cao đẹp nhất, thiêng liêng nhất của mỗi người; cần lên án những kẻ không biết trân trọng, nâng niu, giữ gìn tình cảm đó. | 1,5 |
|  | ***2. Bàn luận:***  - Khẳng định câu nói của A-mi- xi là hoàn toàn đúng:  + Cha mẹ là người sinh thành, chịu vất vả cực nhọc để nuôi dưỡng, dạy dỗ con cái trưởng thành. Cha mẹ là người yêu thương con nhất, luôn dành cho con những điều tốt đẹp nhất. Vì vậy, đối với mỗi người, tình yêu thương kính trọng cha mẹ là tình cảm tốt đẹp và thiêng liêng. Đó là tình cảm nhân bản, cội nguồn.  + Tình yêu thương, kính trọng cha mẹ được biểu biện qua cử chỉ (ánh mắt, nụ cười), lời nói, những việc làm cụ thể, thiết thực... (Dẫn chứng)  + Ý nghĩa của tình cảm đó với mỗi người: đem đến niềm vui, hạnh phúc và ý nghĩa cuộc sống cho cha mẹ, tiếp thêm sức mạnh, động lực, niềm tin để mỗi người con có thể vượt qua khó khắn, cạm bẫy, hoàn thiện nhân cách.  + Người nào không yêu thương, kính trọng cha mẹ không thể có nhân cách làm người. Đó là những kẻ bị lên án, khinh bỉ.(Dẫn chứng)  - Phê phán những người con bất hiếu, ngược đãi cha mẹ. | 4,0 |
|  | ***3. Bài học***:  - Cảm nhận sâu sắc tấm lòng cha mẹ và hiểu rõ trách nhiệm của con cái với cha mẹ.  - Thể hiện tình cảm yêu thương, kính trọng cha mẹ bằng những việc làm cụ thể. | 1,5 |
|  |  |  |
| **Câu 2** |  | **12,0** |
|  | **Yêu cầu về kĩ năng**:  - Biết cách làm bài văn nghị luận tổng hợp có vận dụng kiến thức lí luận văn học, biết vận dụng tổng hợp các thao tác nghị luận như phân tích, chứng minh…đặc biệt có kĩ năng cảm nhận và phân tích tác phẩm thơ.  - Bố cục bài viết mạch lạc, lập luận chặt chẽ, diễn đạt lưu loát, rõ luận điểm.  - Văn viết có hình ảnh, cảm xúc, biết lựa chọn, bình dẫn chứng. | 1,0 |
|  | **Yêu cầu về kiến thức**:Có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng phải đảm bảo các ý cơ bản sau:  **1. Giải thích ý kiến**  - *Văn chương*: chỉ các tác phẩm văn học nói chung; *nguồn gốc cốt yếu*: nguồn gốc quan trọng để sáng tạo nên một tác phẩm văn học; *Lòng thương người* là phẩm chất cốt lõi, là tiêu chuẩn cho một tác phẩm văn học chân chính.  ->Ý kiến của Hoài Thanh khẳng định giá trị nội dung tư tưởng của tác phẩm văn chương, khẳng định *nguồn gốc cốt yếu*của các tác phẩm văn học chính là lòng yêu thương con người. | 1,5 |
|  | **2. Phân tích, chứng minh**  **a. Khái quát**  - Tác phẩm là tiếng nói của tâm hồn, cảm xúc của người sáng tác, được hình thành, nảy nở từ tình cảm của tác giả đối với cuộc sống, con người, quan trọng nhất là tình thương.  - Từ hoàn cảnh ra đời, nêu nội dung tác phẩm có liên quan đến nhận định. | **8,0**  1,5 |
|  | **b. Chứng minh nhận định qua bài thơ *Ông đồ***  *- Lòng yêu thương con người thể hiện qua sự trân trọng, ngợi ca vị thế của ông đồ thời quá khứ:*  + Xuất hiện trong khung cảnh đông vui, nhộn nhịp: tết đến, hoa đào nở, phố xá tưng bừng, màu sắc tươi tắn, rực rỡ.  + Ông đồ với sự tài hoa khéo léo trở thành trung tâm chú ý, là đối tượng ngưỡng mộ, tôn vinh của mọi người.  -> Biểu tượng của nét đẹp văn hoá - tâm linh người Việt một thời.  (Dẫn chứng 2 khổ thơ đầu) | 2,0 |
|  | *- Lòng yêu thương được thể hiện qua niềm thương cảm, xót xa trước tình cảnh đáng thương của ông đồ thời bị quên lãng:*  + Ông đồ vẫn là hình ảnh trung tâm nhưng mọi sự đã thay đổi. Ông đồ "vẫn ngồi đấy", giữa phố xá đông đúc người qua lại nhưng lẻ loi, lạc lõng, không ai biết, "không ai hay".  + Nỗi buồn tủi, xót xa thấm đẫm lên cả những vật vô tri vô giác. Ông đồ "ngồi đấy" chứng kiến và nếm trải tấn bi kịch của cả một thế hệ, sự tàn tạ, suy sụp hoàn toàn của nền Nho học. Đó là nỗi đau đớn ngậm ngùi của lớp nhà nho buổi giao thời.  (Dẫn chứng 2 khổ thơ tiếp) | 2,0 |
|  | *- “Ông đồ” thể hiện niềm thương cảm, xót xa và nhớ tiếc của tác giả về vẻ đẹp của một thời đã qua:*  + Tết lại đến, quy luật thiên nhiên vẫn tuần hoàn, nhưng "Không thấy ông đồ xưa". Hình ảnh "người muôn năm cũ" gợi lên niềm cảm thương, tiếc nuối vô hạn. Đó là nỗi day dứt, tiếc nhớ, thương xót ngậm ngùi của tác giả và cũng là của cả một thế hệ các nhà thơ mới,  là nỗi mong ước tìm lại, gặp lại vẻ đẹp của một thời đã qua.  -> Ông đồ đã trở thành cái dấu tích tiều tụy đáng thương của một thời tàn, hoàn toàn bị quên lãng.  (Dẫn chứng khổ thơ cuối) | 2.0 |
|  | **3. Đánh giá chung**  - Thể thơ ngũ ngôn vừa phù hợp với lối kể chuyện, vừa thích hợp để diễn tả tâm tình.  - Kết cấu đầu cuối tương ứng chặt chẽ của bài thơ đã làm nổi bật chủ đề tác phẩm: quá trình tàn tạ, suy sụp của nền nho học.  - Ngôn ngữ, hình ảnh trong sáng, bình dị nhưng hàm súc, đầy ám ảnh, giàu sức gợi.  - Khẳng định bài thơ *Ông đồ* được khơi nguồn và thể hiện tấm lòng thương yêu, cảm thông sâu sắc của tác giả trước một lớp người, một nét đẹp văn hóa thời Nho học tàn lụi.  - Bài học về cảm thụ và sáng tác văn chương. | 2,0 |

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*8**

**ĐỀ 7: ĐỀ THI CHỌN HSG Năm học 2018 - 2019**

**Môn:** **Ngữ văn 8 -**

Thời gian làm bài: 150 phút *(không kể thời gian giao đề)*

**I. ĐỌC HIỂU (4 đ).**

**Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:**

*Tổ quốc là tiếng mẹ  
Ru ta từ trong nôi  
Qua nhọc nhằn năm tháng  
Nuôi lớn ta thành người  
  
Tổ quốc là mây trắng  
Trên ngút ngàn Trường Sơn  
Bao người con ngã xuống  
Cho quê hương mãi còn  
  
Tổ quốc là cây lúa  
Chín vàng mùa ca dao  
Như dáng người thôn nữ  
Nghiêng vào mùa chiêm bao …*

*(* Trích *Tổ quốc là tiếng mẹ - Nguyễn Việt Chiến, nguồn:https://www.thivien.net)*

**Câu 1**. Xác định thể thơ được sử dụng trong đoạn trích trên.

**Câu 2***.* Nêu nội dung chính của đoạn trích.

**Câu 3***.* Chỉ ra và nêu hiệu quả của một biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn trích.

**Câu 4***.* Nội dung đoạn thơ đã chạm vào miền cảm xúc nào trong em?

**II. LÀM VĂN***.(16đ)*

**Câu 1***. (6đ)*

Bài học sâu sắc được gợi ra từ câu chuyện sau:

**Kì thi đáng nhớ**          Tại một trường học khá danh tiếng, nhân dịp kỉ niệm ngày Quốc tế phụ nữ 8-3, người ta tổ chức một kì thi trắc nghiệm dành cho các cô gái đáng yêu.  
          Các cô gái thoải mái trả lời nhiều câu hỏi khá hóc búa. Nhưng tới câu hỏi cuối cùng, hãy cho biết tên người lao công trong trường chúng ta thì các cô gái đều lặng thinh. Ai cũng nhớ có một bác lao công già vẫn cặm cụi trên sân trường vào mỗi buổi chiều nhưng chưa ai hỏi tên bác ấy bao giờ.

(Theo Vặt vãnh  và hoàn hảo, NXB Văn hóa Thông tin)

**Câu 3** *(12 điểm):*

Giáo sư - Tiến sĩ Nguyễn Hoành Khung, nhận xét về bài thơ *Ông đồ* của Vũ Đình Liên như sau: *“****Ông đồ*** *có thể coi là một áng thơ toàn bích, là một trong những bài thơ hay nhất trong phong trào Thơ mới”*.

Bằng hiểu biết của mình em hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.

**HƯỚNG DẪN CHẤM BÀI THI CHỌN HSG LỚP 8**

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Yêu cầu** |  |
| **Phần I** | **4,0** |
| **1** | Thể thơ: 5 chữ | **1,0** |
| **2** | Nội dung: Tổ quốc lớn lao song lại vô cùng giản dị và gần gũi. Đó là tiếng mẹ ta nói hằng ngày, là mây trắng bay trên đỉnh trường sơn, là cây lúa ngoài đồng… | **1,0** |
| **3** | Biện pháp tu từ: Điệp ngữ “Tổ quốc là”, so sánh |  |
| Tác dụng: thể hiện những cảm nhận khác nhau về Tổ quốc của tác giả. |  |
| **4** | Cảm xúc: yêu mến, tự hào…về Tổ quốc. |  |
|  | **Phần II** |  |
| **1**  **6,0đ** | **1.Yêu cầu về kĩ năng**  **-** Biết cách làm bài nghị luận xã hội; bố cục và cách trình bày hợp lí. - Hệ thống ý (luận điểm) rõ ràng và được triển khai tốt; dẫn chứng phù hợp (ưu tiên dẫn chứng từ thực tế đời sống).  - Diễn đạt suôn sẻ; mắc ít lỗi chính tả, dùng từ và ngữ pháp. | **0,5** |
| **2. Yêu cầu về nội dung**  Học sinh có thể sắp xếp, trình bày theo nhiều cách khác nhau, sau đây là một hướng giải quyết:  **\*Giải thích: Chỉ ra được ý nghĩa của mẩu chuyện:** Câu chuyện là một lời khuyên, lời nhắc nhở nhẹ nhàng mà thấm thía: đừng bao giờ thờ ơ, vô tình mà phải luôn biết quan tâm, đồng cảm và sẻ chia đối với những người xung quanh mình, cho dù họ là ai và làm bất cứ việc gì. | **1,5** |
| **\* Bàn luận về ý nghĩa của câu chuyện:** Lời khuyên, lời nhắc nhở mà câu chuyện gợi ra là đúng đắn và cần thiết. Bởi vì:  (Chú ý: Học sinh có thể có bàn luận theo cách khác, miễn là chỉ ra đượ sự đúng đắn và cần thiết của vấn đề).  + Chỉ mãi quan tâm đến những điều cao xa, những điều được cho là quan trọng mà quên đi bài học làm người ngay từ những cử chỉ, những quan tâm, sẻ chia nhỏ nhất đối với người xung quanh là một khiếm khuyết lớn.  (Dẫn chứng và phân tích)  + Trong xã hội, có những người chỉ làm công việc hết sức nhỏ nhặt, bình thường và thầm lặng nhưng lại vô cùng ý nghĩa. Do vậy, chúng ta phải biết tôn trọng và tri ân họ. (Dẫn chứng và phân tích) | **2,0** |
| **\*Bài học** nhận thức và hành động  - Sáng tạo: Có cách diễn đạt mới mẻ, thể hiện suy nghĩ sâu sắc vả vấn đề cần nghị luận. | **1,5** |
| - Chính tả: Đảm bảo quy tắc dùng từ, đặt câu, chính tả... | **0,5** |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **3** | **A. Yêu cầu về kỹ năng:**  - Bài làm có bố cục đầy đủ, rõ ràng, lập luận chặt chẽ, không mắc lỗi chính tả, lỗi dùng từ và câu, lỗi diễn đạt.  - Thí sinh có thể cảm nhận và kiến giải theo những cách khác nhau, nhưng phải có lí lẽ, căn cứ xác đáng | **0,5** |
| **B. Yêu cầu về kiến thức:**  **1. Giới thiệu chung**  - Giới thiệu tác giả, tác phẩm  - Nêu vấn đề nghị luận: Nhận xét đã khẳng định giá trị đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của bài thơ. | **0,5** |
| **2. Giải thích ý kiến**  - *Áng thơ toàn bích*: là đã khẳng định vẻ đẹp trọn vẹn, hoàn hảo tựa viên ngọc của bài thơ. Vẻ đẹp toàn diện cả về nội dung và nghệ thuật. | **0,5** |
| - Bài thơ là một kiệt tác của Vũ Đình Liên và là một kiệt tác của phong trào thơ mới. Bài thơ đã chạm được đến *“mối sầu nhân thế*” có tính chất tổng quát của toàn nhân loại. Nó gợi lên trong thẳm sâu tâm hồn người đọc bóng dáng của một thời vàng son, đã vĩnh viễn trở thành dĩ vãng. Năm tháng vẫn tuần hoàn. Chỉ có đời người buộc phải đổi thay. Cái mất đi ngày qua, nhiều khi khiến chúng ta phải nao lòng. | **0,5** |
| **3. Chứng minh qua bài thơ**  **a. Ông đồ là bài thơ toàn bích về nội dung: *Thể hiện lòng thương cảm và niềm hoài cổ về một lớp người đã tàn tạ.*** |  |
| ***\* Hình ảnh ông đồ thời kỳ đắc ý***  - Nổi bật giữa trung tâm bức tranh tết đến xuân về là hình ảnh ông đồ. Ông đang là trung tâm chú ý, là đối tượng ngưỡng mộ, tôn vinh của mọi người: Hình ảnh ông hoà cùng cái đông vui, náo nức của phố phường ngày giáp Tết.  - Ông chính là một trong những nơi gặp gỡ, hội tụ của văn hoá - tâm linh người Việt một thời. | **1,0** |
| ***\* Ông đồ thời kỳ bị quên lãng***  - Cũng như bức tranh trước, ở đây, ông đồ vẫn là hình ảnh trung tâm của bức tranh, là đối tượng miêu tả chính của tác giả. Nhưng ngoại trừ điều đó, xung quanh ông, mọi sự đã thay đổi. Ông đồ "vẫn ngồi đấy", giữa phố xá đông đúc người qua lại nhưng lẻ loi, lạc lõng, không ai biết, "không ai hay".  - Nỗi buồn tủi thấm đẫm lên cả những vật vô tri vô giác. Ông đồ "ngồi đấy" chứng kiến và nếm trải tấn bi kịch của cả một thế hệ. Đó là sự tàn tạ, suy sụp hoàn toàn của nền Nho học. Hình ảnh "lá vàng" lìa cành và "mưa bụi bay" trong trời đất mênh mang là những ẩn dụ độc đáo cho sự tàn tạ, sụp đổ đó.  - Hai khổ thơ tả cảnh nhưng chính là để thể hiện nỗi lòng của người trong cảnh. Đó là nỗi xót xa lặng lẽ, nỗi đau đớn ngậm ngùi của lớp nhà nho buổi giao thời. | **1,5** |
| *\** ***Ông đồ - người "muôn năm cũ"***  - Hoa đào vẫn nở, Tết vẫn đến, quy luật thiên nhiên vẫn tuần hoàn, nhưng người thì không thấy nữa Tứ thơ: cảnh cũ còn đó, người xưa ở đâu và hình ảnh "người muôn năm cũ" gợi lên trong lòng người đọc niềm cảm thương, tiếc nuối vô hạn.  - "Người muôn năm cũ", trước tiên là các thế hệ nhà nho và sau đó còn là "bao nhiêu người thuê viết" thời đó. Vì vậy, "hồn" ở đây vừa là hồn của các nhà nho, vừa là linh hồn của nét sinh hoạt văn hoá truyền thống tốt đẹp đã từng gắn bó thân thiết với đời sống của con người Việt Nam hàng trăm nghìn năm.  - Hai câu cuối là câu hỏi nhưng không để hỏi mà như một lời tự vấn. Dấu chấm hỏi đặt ở cuối bài thơ như rơi vào im lặng mênh mông nhưng từ đó dội lên bao nỗi niềm. Đó là nỗi day dứt, tiếc nhớ, thương xót ngậm ngùi của tác giả và cũng là của cả một thế hệ các nhà thơ mới. Đó còn là nỗi mong ước tìm lại, gặp lại vẻ đẹp của một thời đã qua. | **1.0** |
| **b. Ông đồ là bài thơ toàn bích về nghệ thuật:** | **3.5** |
| **-** Hình thức nghệ thuật bài thơ rất bình dị nhưng có một sức truyền cảm nghệ thuật lớn để cho nội dung, cảm xúc của bài thơ có sức sống bền bỉ lâu dài trong lòng người đọc. Thể thơ ngũ ngôn (năm chữ): đây là thể thơ linh hoạt có khả năng biểu hiện phong phú, rất thích hợp với việc thể hiện tâm trạng và diễn tả những tâm tình cảm xúc sâu lắng. | **1.0** |
| - Kết cấu bài thơ giản dị mà chặt chẽ:  + Kết cấu đầu cuối tương ứng. Tứ thơ “cảnh cũ người đâu” trong thơ cổ được sử dụng gợi một sự thương cảm sâu sắc.  + Bài thơ có một kết cấu tương phản độc đáo: cùng diễn tả hình ảnh ông đồ vào thời điểm mùa xuân, ngồi viết thuê bên hè phố nhưng đã thể hiện hai cảnh tượng đối lập - hình ảnh ông đồ thời vàng son và hình ảnh ông đồ thời tàn lụi. Kết cấu tương phản này thể hiện sâu sắc tình cảnh đáng thương của ông đồ. Qua đó, nhà thơ thể hiện tâm tư của chính mình về thời thế và con người. | **1,0** |
| - Ngôn ngữ thơ trong sáng, bình dị đồng thời cô đọng, có sức gợi lớn trong lòng người | **0,5** |
| - Biện pháp nhân hóa, ẩn dụ được sử dụng rất thành công | **0,5** |
| - Hình ảnh thơ giản dị nhưng hàm súc, không mới mẻ nhưng gợi cảm. Kết hợp phương thức tự sự với trữ tình, tả cảnh ngụ tình gợi liên tưởng đến tâm trạng nhân vật. | **0,5** |
| **4. Đánh giá khái quát**  - Ông đồ *là "một áng thơ toàn bích*" ở từng câu, từng chữ, từng ý thơ. Bài thơ có 20 dòng, mỗi dòng có năm chữ, mỗi khổ bốn câu nhưng câu nào cũng hay, thậm chí có câu đạt đến đỉnh cao của nghệ thuật. Lời thơ nhẹ nhàng, mộc mạc nhưng ý thơ ngoài lời, để lại trong tâm tư người nỗi nghẹn ngào, xúc động lẫn tiếc thương, day dứt. | **0,5** |
| - Có thể nói, bài thơ ***Ông đồ*** là kết tinh phong cách nghệ thuật của hồn thơ Vũ Đình Liên, là "***một trong những bài thơ hay nhất trong phong trào Thơ mới."*** | **0,5** |

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**ĐỀ 8 KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI CẤP HUYỆN**

**NĂM HỌC 2019-2020**

**MÔN THI: NGỮ VĂN 8**

*Thời gian làm bài 120 phút, không kể thời gian giao đề*

**Phần I. Đọc hiểu** *(4,0 điểm)*

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu từ câu 1 đến câu 4 :

*Trong một tiết dạy vẽ, cô giáo bảo các em học sinh lớp 1 vẽ về điều gì làm các em thích nhất trong đời. Cô giáo thầm nghĩ "Rồi các em cũng lại vẽ những gói quà, những ly kem hoặc những món đồ chơi, quyển truyện tranh". Thế nhưng cô đã hoàn toàn ngạc nhiên trước một bức tranh lạ của một em học sinh Douglas: bức tranh vẽ một bàn tay.*

*Nhưng đây là bàn tay của ai? Cả lớp bị lôi cuốn bởi một hình ảnh đầy biểu tượng này. Một em phán đoán "Đó là bàn tay của bác nông dân". Một em khác cự lại "Bàn tay thon thả thế này phải là bàn tay của một bác sĩ phẫu thuật....". Cô giáo đợi cả lớp bớt xôn xao dần rồi mới hỏi tác giả. Douglas cười ngượng nghịu "Thưa cô, đó là bàn tay của cô ạ!".*

*Cô giáo ngẩn ngơ. Cô nhớ lại những phút ra chơi thường dùng bàn tay để dắt Douglas ra sân, bởi em là một cô bé khuyết tật, khuôn mặt không đuợc xinh xắn như những đứa trẻ khác, gia cảnh từ lâu lâm vào tình cảnh ngặt nghèo. Cô chợt hiểu ra rằng tuy cô vẫn làm điều tương tự với các em khác, nhưng hóa ra đối với Douglas bàn tay cô lại mang ý nghĩa sâu xa, một biểu tượng của tình yêu thương.*

(Trích *Bàn tay yêu thương*, NXB Trẻ, 2004)

**Câu 1***(0.5 điểm):* Phương thức biểu đạt chính của văn bản là gì

**Câu 2***(1 điểm)*: Tìm biện pháp tu từ so sánh trong đoạn cuối và cho biết kiểu so sánh ?

**Câu 3***(1 điểm)* : Tìm hình ảnh “bàn tay”trong văn bản có ý nghĩa gì?

**Câu 4***(1.5điểm)* : Nêu nội dung văn bản và bài học rút ra cho bản thân

**Câu 5: Hãy cho biết tác dụng của câu:** *Nhưng đây là bàn tay của ai?*

**Phần II. Làm văn**: *(16 điểm)*

## Câu 1: ( 6.0 *điểm*) Nghị luận xã hội: Thành công chỉ đến khi chúng ta cố gắng hết sức và không ngừng hoàn thiện bản thân mình

**Câu 2:** Có ý kiến cho rằng: *“Đọc một tác phẩm văn chương, sau mỗi trang sách ta đọc được cả nỗi niềm băn khoăn, trăn trở của tác giả về số phận con người.”*

Dựa vào hai văn bản “***Lão Hạc”*** (Nam Cao) và “***Cô bé bán diêm”*** (An – đéc – xen), em hãy làm sáng tỏ ý kiến trên?

*------* **HẾT** -*-----*

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

**Phần I. Đọc hiểu** *(4,0 điểm)*

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** |
| **1** | Phương thức biểu đạt được sử dụng trong văn bản: Tự sự. (0.5 điểm) |
| **2** | -Cô nhớ lại những phút ra chơi thường dùng bàn tay để dắt Douglas ra sân, bởi em là một cô bé khuyết tật, khuôn mặt không đuợc xinh xắn như những đứa trẻ khác, gia cảnh từ lâu lâm vào tình cảnh ngặt nghèo (0.5 điểm)  - So sánh ngang bằng (0.5 điểm) |
| **3** | -Ý nghĩa:Biểu tượng cho tình yêu thương (1 điểm) |
| **4** | - Nội dung chính được đề cập đến trong văn bản: Câu chuyện giúp ta hiểu được ý nghĩa lớn lao của tình yêu thương , nó sẽ là nguồn động viên an ủi để những người bất hạnh có động lực vươn lên trong cuộc sống. (1.0 điểm)  - Bài học: cần có tình yêu thương , đặc biệt là đối với những người bất hạnh.( 0.5điểm)  Lưu ý: HS có thể có những cách diễn đạt khác nhau nhưng nếu đúng ý vẫn cho điểm tối đa. |

**Phần II. Làm văn**: *( điểm)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **1. Về hình thức:**  - HS trình bày thành một bài văn có đủ bố cục 3 phần.  - Triển khai các ý mạch lạc, diễn đạt logic, sạch đẹp. |  |
|  | **A, Mở bài**  - Giới thiệu khái quát về vai trò, nhiệm vụ của văn chương: phản ánh cuộc sống thông qua cách nhìn, cách cảm của mỗi nhà văn…về cuộc đời, con người.  - Trích ý kiến: “*Đọc một tác phẩm …số phận con người*.”  - Đây là ý kiến rất đúng đắn, hai văn bản “*Lão Hạc*”(Nam Cao) và “*Cô bé bán diêm*” (An-đéc-xen) sẽ làm rõ cho ý kiến trên. | 1 |
|  | **B. Thân bài (4 điểm)** |  |
|  | **\* Luận điểm 1: Những băn khoăn, trở của Nam Cao về số phận những người nông dân qua truyện ngắn “*Lão Hạc*”**  - Nhân vật lão Hạc – điển hình cho người nông dân trước cách mạng:  + Sống lương thiện, trung thực, có nhân cách cao quý nhưng số phận lại nghèo khổ, bất hạnh: Sống mòn mỏi, cơ cực, đơn độc, lủi thủi một mình trong nghèo đói (lấy dẫn chứng trong văn bản); chết thê thảm, dữ dội, đau đớn để được giải thoát, để giành quyền sống lại cho con (lấy dẫn chứng để chứng mình).  + Những băn khoăn thể hiện qua triết lý về con người của lão Hạc: “Nếu kiếp chó là kiếp khổ …may ra có sướng hơn kiếp người như kiếp tôi chẳng hạn.”  - Nhân vật con trai lão Hạc: Điển hình cho số phận không lối thoát của tầng lớp thanh niên nông thôn (lấy dẫn chứng trong văn bản):  + Lớn lên trong cảnh nghèo khó, bất hạnh.  + Vì nghèo mà không tìm được hạnh phúc lứa đôi, không thực hiện được nguyện ước có một mái ấm gia đình hạnh phúc, yên vui. | 2 |
|  | **\* Luận điểm 2: Những băn khoăn, trăn trở của Nam Cao về số phận của những người trí thức nghèo trong xã hội**  - Nhân vật ông giáo – tiêu biểu cho người trí thức trước cách mạng, là người có nhiều chữ nghĩa, có nhân cách đáng trọng:  + Sống nghèo khổ, bế tắc, quẩn quanh, phải bỏ nghề, bán sách …vì miếng cơm manh áo để nuôi gia đình, chữa bệnh cho các con (lấy dẫn chứng trong văn bản).  + Những băn khoăn thể hiện qua triết lý của ông giáo: “Cuộc đời chưa hẳn đã đáng buồn … theo một nghĩa khác”. | 2 |
|  | **\* Luận điểm 3: Những băn khoăn của An-đéc-xen về số phận của những trẻ em nghèo trong xã hội**  - Cô bé bán diêm khổ về vật chất: sống tỏng căn gác sát mái, tối tăm, lạnh lẽo, hàng ngày phải đi bán diêm…(lấy dẫn chứng)  - Cô bé bán diêm khổ về tinh thần: thiếu tình thương, sự quan tâm của gia đình và xã hội, khao khát được trở về những ngày hạnh phúc, được sống trong hạnh phúc gia đình (lấy dẫn chứng trong văn bản). | 2 |
|  | **2. Về nội dung:**  **\* Luận điểm 4: Đánh giá**  - Hai văn bản đã khắc họa những số phận bất hạnh, những bi kịch của con người dưới xã hội cũ. Dưới sự tàn bạo, bất công của xã hội phong kiến, dù ở bất cứ nơi đâu, những con người nghèo khổ bất hạnh luôn phải chịu những kiếp sống lầm than cơ cực của mình.  - Các nhà văn, bằng tình thương yêu con người tha thiết đã thể hiện sự đồng cảm, sẻ chia, cất lên tiếng nói lương tâm, đòi quyền sống, quyền được hưởng hạnh phúc cho con người… | 2 |
|  | **C. Kết bài**  - Khẳng định lại ý kiến “*Đọc một tác phẩm….số phận con người*”.  - Liên hệ với cuộc sống hòa bình, ấm no hạnh phúc của chế độ xã hội chủ nghĩa hôm nay | 1 |

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**ĐỀ 9.**

**ĐỀ THI HSG MÔN NGỮ VĂN 8 HUYỆN**

**LNĂM HỌC 2018-2019**

Thời gian: 120 phút

**ĐỀ BÀI**

**II. TỰ LUẬN (18 điểm)**

Câu 1. Hãy viết một bài văn ngắn (khoảng một trang giấy thi) trình bày suy nghĩ của em về sức mạnh của lòng vị tha.

Câu 2. “Ông đồ” là bài thơ tiêu biểu nhất cho hồn thơ giàu thương cảm của Vũ Đình Liên. Hãy phân tích bài thơ “Ông đồ” của Vũ Đình Liên để làm sáng tỏ điều đó.

HẾT

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **II** | **Tự luận** |  |
| **1** | **Yêu cầu về kĩ năng:**  -Biết cách viết bài văn nghị luận xã hội ngắn, vận dụng các thao tác lập luận để làm rõ vấn đề nghị luận.  - Bố cục bài văn rõ ràng, lí lẽ và dẫn chứng thuyết phục, lập luận chặt chẽ; diễn đạt lời văn lưu loát, trong sáng, không sai lỗi chính tả. | **1đ**  **1đ** |
| **Yêu cầu về nội dung:**  Học sinh có thể bày tỏ những suy nghĩ riêng (nếu hợp lý) và trình bày suy nghĩ theo trình tự lập luận khác nhau song cần hướng đến những nội dung chính sau: |  |
| -Giới thiệu vấn đề nghị luận. | **0,5đ** |
| - giải thích khái quát về lòng vị tha: Là có tinh thần chăm lo đến lợi ích của người khác một cách vô tư, có thể sẵn sàng vì lợi ích của người khác mà hi sinh lợi ích cá nhân; có thể sẵn sàng tha thứ khi người khác nhận ra lỗi lầm,… | **0,5đ** |
| - Suy nghĩ về sức mạnh của lòng vị tha:  + Giúp con người dễ đồng cảm, sẻ chia, tha thứ cho người khác và cho cả chính mình. (dẫn chứng và lí lẽ) | **0,75đ** |
| + Lòng vị tha có sức cảm hóa những người từng lầm lỗi, thức tỉnh họ, cho họ có niềm tin vào bản thân để trở về với cuộc sống lương thiện. (dẫn chứng và lí lẽ) | **0,5đ** |
| +Giúp con người cảm thấy thanh thản, hạnh phúc. người sống vị tha dễ nhận lại được sự giúp đỡ, tin cậy, nể trọng của mọi người xung quanh. (dẫn chứng và lí lẽ) | **0,5đ** |
| + giúp kết nối tình cảm giữa mọi người, góp phần cho gia đình, xã hội công bằng và tốt đẹp hơn. (dẫn chứng và lí lẽ) | **0,5đ** |
| +Sức mạnh của lòng vị tha chỉ thực sự có ý nghĩa khi con người không nhầm lẫn với sự yêu thương mù quáng, biết phân biệt vị tha với bao che, dung túng cho cái ác, cái xấu. | **0.25đ** |
| -Liên hệ bản thân, nêu bài học nhận thức và hành động; khẳng định lại sức mạnh của lòng vị tha. | **0,5đ** |
| **2** | **Yêu cầu về kĩ năng:**  -Hiểu đúng yêu cầu của đề. Biết cách viết bài nghị luận văn học dạng phân tích bài thơ để làm nổi bật giá trị của một tác phẩm. Học sinh biết huy động năng lực phân tích, cảm thụ thơ trữ tình, vận dụng các thao tác nghị luận hợp lí. | **1,5đ** |
| -Bài viết có bố cục rõ ràng, luận điểm trình bày mạch lạc, lập luận chặt chẽ. | **2đ** |
| -Không mắc lỗi chính tả, không mắc các lỗi cơ bản về dùng từ, ngữ pháp. | **0,5đ** |
| **Yêu cầu về nội dung:**  Hoc sinh có thể trình bày với những cách thức khác nhau nhưng phải làm sáng tỏ vấn đề nghị luận và hướng đến những nội dung chính sau:  **I.Đặt vấn đề:**  - Dẫn dắt, giới thiệu tác giả, tác phẩm và nhận định. | **0.5đ** |
| **II.Giải quyết vấn đề:**  1.Giới thiệu hoàn cảnh sáng tác bài thơ và giải thích khái quát nhận định.  -Hoàn cảnh sáng tác (nêu cụ thể hoàn cảnh xã hội và hoàn cảnh tâm thế của nhà thơ | **0,5đ** |
| **-**Bài thơ đúng là tiêu biểu nhất cho hồn thơ giàu thương cảm của Vũ Đình Liên.  + Dù sáng tác không nhiều nhưng chỉ với bài thơ “Ông đồ”, Vũ Đình Liên đã có vị trí xứng đáng trong phong trào Thơ mới. Bài thơ là một kiệt tác được tạo nên từ sự gặp gỡ của hai nguồn thu cảm lớn ở Vũ Đình Liên là lòng thương người và tình hoài cổ. | **0.5đ** |
| + Cả bài thơ chuyên chở niềm thương cảm , trắc ẩn chân thành trước tình cảnh tàn tạ của những ông đồ thời Nho học thất thế và có cả nỗi buồn ngậm ngùi, tiếc nhớ một nét đẹp của văn hóa truyền thống dân tộc đang bị người đời quên lãng. | **0.5đ** |
| + Hồn thơ giàu thương cảm của Vũ Đình Liên đã kín đáo ẩn trong lời kể, tả và hình ảnh ông đồ ở hai cảnh tượng đối lập, tương phản qua bốn khổ thơ đầu và lắng sâu ở lời giãi bày nỗi niềm trong khổ kết. Hồn thơ ấy chi phối từ việc sử dụng thể thơ đến việc lựa chọn ngôn từ, hình ảnh, giọng điệu thơ khi xây dựng hình tượng ông đồ và hình tượng chủ thể trữ tình. | **0.5đ** |
| 2.Phân tích bài thơ để làm sáng tỏ nhận định.  a. Bốn khổ thơ đầu  Ngay ở bốn khổ thơ đầu,với những câu thơ ngũ ngôn mang giọng điệu trữ tình – tự sự trầm lắng, ngậm ngùi, nhà thơ đã kín đáo gửi gắm bao cảm xúc, nỗi niềm trước nghịc cảnh đáng thương trong thân phận ông đồ cứ hiển hiện ngay trên hè phố mỗi dịp Tết đến xuân về. | **0,5đ** |
| -Hai khổ đầu ngỡ là lời kể về thời đắc ý của ông đồ nhưng đã thấp thoáng nỗi buồn ngậm ngùi thương cho ông đồ già – một trí thức Nho học đã phải rời thư phòng trang nghiêm ra hè phố kiêm sống bằng việc bán chữ. Bán chữ là cái cực của kẻ sĩ mọi thời.  + Mỗi khi hoa đào nở, Tết đến xuân về, ông đồ già lại xuất hiện bên hè phố “đông người qua”  (cách nói *Mỗi năm…/ Lại thấy…* gợi tả nhịp bước đi song hành của mùa xuân và ông đồ già). | **0.5đ** |
| + Khi đó, ông đồ già như một nghệ sĩ trổ tài giữa ngày xuân tươi vui, nhộn nhịp, rực rỡ sắc màu nơi phố phường đang đón Tết *(phân tích các hình ảnh gợi tả như “bày mực tàu giấy đỏ”, “Hoa tay thảo những nét/ Như phượng múa rồng bay”)* | **0,5đ** |
| +Khi đó, ông đồ già vẫn được đón nhận những tình cảm mến mộ của bao người thuê viết *(phân tích hình ảnh “Bao nhiêu người thuê viết/ Tấm tắc ngợi khen tài”…)* | **0,5đ** |
| -Đánh giá: Ông đồ đã trở thành một hình ảnh thân quen không thể thiếu mỗi dịp Tết đến để góp vào, hòa vào không khí đón xuân, làm nên một nét đẹp trong đời sống văn hóa tinh thần dân tộc. Nền Nho học dù đã suy tàn song vẫn còn trong một phong tục đẹp. Nhưng đó cũng chỉ là sự an ủi cuối cùng cho sự tàn tạ của một nền Nho học. Qua lời kể theo dòng hồi tưởng của nhà thơ, ở ngay hai khổ thơ đầu, ông đồ cũng đã là *di tích của thời tàn* tuy chưa lộ hết vẻ tiều tụy, đáng thương. | **0,5đ** |
| - Hai khổ thơ tiếp là lời kể về thời tàn của ông đồ, kín đáo bộc lộ nỗi buồn ngậm ngùi, thấm thía ám ảnh lòng người trước sự thật ông đồ già dần bị quên lãng theo từng mùa xuân đi qua.  + Nhà thơ nhận ra nhịp bước đi của thời gian gõ nhịp cho từng nấc tàn suy của cảnh mua bán quanh ông đồ. Cứ mỗi năm lại thêm thưa vắng người thuê viết *(phân tích từ”Nhưng”, cụm từ “mỗi năm mỗi vắng”, câu hỏi tu từ “Người thuê viết nay đâu?”).* | **0,5đ** |
| + Nhà thơ như thấu hiểu cả nỗi buồn tủi, bẽ bàng trong lòng ông đồ già ế khách đang thấm tỏa, kết đọng trong cả những vật vô tri (*phân tích nghệ thuật nhân hóa trong hai câu thơ “Giấy đỏ buồn không thắm/ Mực đọng trong nghiên sầu”).*  + Nhà thơ sẻ chia, thương cảm trước sự kiên trì, nhẫn nại, cố sức bám víu để hòa vào nhịp sống cuộc đời của ông đồ mà ông chỉ nhận lại sự thờ ơ, vô tình rồi quên lãng của khách qua đường (*phân tích hình ảnh đối lập tương phản trong hai câu thơ “Ông đồ vẫn ngồi đấy/ Qua đường không ai hay”, nghệ thuật tả cảnh ngụ tình trong hai câu thơ “Lá vàng rơi trên giấy/ Ngoài trời mưa bụi bay”* | **0,5đ** |
| -Đánh giá: Theo dòng hồi tưởng của nhà thơ, bóng dáng của ông đồ già như mỗi lúc cứ nhòe dần, chìm đi rồi mất hút trong không gian ảm đạm, lạnh vắng tình người giữa nhịp đời hối hả, vô tình. | **0,5** |
| b,Khổ cuối  -Từ mạch hồi tưởng, nhà thơ trở về với mùa xuân thực tại mà thảng thốt, lặng buồn nhận ra “cảnh cũ người đâu”. Hoa đào vẫn nở, phố vẫn đông người mà không thấy ông đồ xưa đâu (*phân tích hai câu thơ đầu và tác dụng của kiểu kết cấu đầu cuối tương ứng).* | **0,25** |
| -Trước hiện thực ông đồ hoàn toàn vắng bóng , nhà thơ dường như không kiềm chế được cảm xúc mà cất lên thành tiếng gọi hồn chất chứa bao thương cảm, ngậm ngùi, tiếc nhớ, buồn day dứt (phân tích *giá trị gợi cảm của cách chuyển hóa tên gọi từ “ông đồ già” đến “ông đồ xưa”và cuối cùng “Những người muôn năm cũ”, đặc biệt là sức gợi cảm sâu sắc cảu câu hỏi tu từ khép lại bài thơ.)* | **0,5** |
| -Đánh giá: Khổ kết đã bộc lộ trực tiếp niềm cảm thương và tình hoài cổ của nhà thơ. Giọng điệu lời thơ càng thêm trầm lắng, day dứt,dư ba, gợi mở baosuy tư nơi lòng thi sĩ – một trí thức Tây học đa cảm, nặng tình với một lớp người đã từng tạo nên những giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc trong quá khứ nay bị lãng quên trước luồng gió mới của văn hóa phương Tây. | **0,25** |
| **III. Kết thúc vấn đề**  Khẳng định lại nhận định và giá trị của bài thơ:  -Bài thơ ngũ ngôn tuy chỉ có một hình thức bình dị, khiêm nhường mà có sức truyền cảm nghệ thuật và có sức sống lâu dài, mạnh mẽ.  - Bài thơ tiêu biểu nhất cho hồn thơ giàu thương cảm củaVũ Đình Liên và gợi được sự đồng cảm của bao người đọc biết trân trọng giá trị truyền thống tốtđẹp của đời sống văn hóa tinh thần dân tộc, khát khao gìn giữ,bảo vệ trước những thay đổi của thời cuộc. | **0,5** |

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**ĐỀ 10.**

|  |  |
| --- | --- |
|  | **KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI LỚP 8**  **NĂM HỌC 2019-2020**  **ĐỀ THI MÔN: NGỮ VĂN**  *Thời gian làm bài: 150 phút (không kể thời gian giao đề)* |

**PHẦN ĐỌC HIỂU *(4,0 điểm)***

Đọc đoạn trích dưới đây và thực hiện các yêu cầu:

*Những dấu chân lùi lại phía sau   
Dấu chân in trên đời chúng tôi những tháng năm trẻ nhất   
Mười tám hai mươi sắc như cỏ   
Dày như cỏ   
Yếu mềm và mãnh liệt như cỏ   
Cơn gió lạ một chiều không rõ rệt   
Hoa chuẩn bị âm thầm trong đất   
Nơi đó nhất định mùa xuân sẽ bùng lên   
Hơn một điều bất chợt   
Chúng tôi đã đi không tiếc đời mình   
(Những tuổi hai mươi làm sao không tiếc)   
Nhưng ai cũng tiếc tuổi hai mươi thì còn chi Tổ quốc?*

(Trích: Trường ca ***Những người đi tới biển*** – Thanh Thảo)

**Câu 1.** Tuổi trẻ Việt Nam trong những năm tháng kháng chiến chống Mĩ được tác giả miêu tả qua những từ ngữ, hình ảnh nào? *(0,5 điểm)*

**Câu 2.** Nêu tác dụng của biện pháp so sánh được sử dụng trong các câu thơ “*Mười tám hai mươi sắc như cỏ/Dày như cỏ/Yếu mềm và mãnh liệt như cỏ”. (0,75 điểm)***Câu 3.** Anh/chị hiểu như thế nào về nội dung câu thơ: “*Hoa chuẩn bị âm thầm trong đất/Nơi đó nhất định mùa xuân sẽ bùng lên”?* *(0,75 điểm)*

**Câu 4.** Điều anh/chị tâm đắc nhất trong đoạn trích trên là gì? *(1,0 điểm)*

**II. LÀM VĂN (7,0 điểm)**

**Câu 1 (6,0 điểm)**

Câu chuyện nhỏ trên gợi cho anh (chị) suy nghĩ gì về những bài học trong cuộc sống?

**Câu 2: (10 điểm)** Bàn về nhà thơ Vũ Đình Liên và bài thơ ông đồ, trong cuốn "thi nhân việt nam", Hoài Thanh có viết: "Hai nguồn thi cảm lớn nhất của người là lòng thương người và tình hoài cổ. Có một lần hai nguồn cảm hứng ấy đã gặp nhau và để lại cho chúng ta một bài thơ kiệt tác: Ông đồ". Trình bày ý kiến của em về nhận xét trên.

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

1. **ĐỌC – HIỂU (4,0 điểm)**

**Câu 1:** Những từ ngữ, hình ảnh nói về tuổi trẻ Việt Nam trong những năm tháng kháng chiến chống Mĩ: trẻ nhất, sắc, dày, yếu mềm, mãnh liệt, không tiếc đời mình. (Thí sinh cần chỉ ra ít nhất 02 từ ngữ trong các từ ngữ trên)

**Câu 2:** Tác dụng của biện pháp tu từ so sánh:

  Giúp người đọc dễ hình dung những đặc điểm nổi bật của tuổi 20: kiên cường, mạnh mẽ, đoàn kết, lãng mạn, nhiệt huyết,…

– Thái độ ngợi ca, trân trọng và tình yêu của tác giả với những năm tháng đẹp đẽ nhất của cuộc đời.

**Câu 3:** Nội dung câu thơ: “*Hoa chuẩn bị âm thầm trong đất / Nơi đó nhất định mùa xuân sẽ bùng lên”*có thể hiểu:

*Hoa:*vẻ đẹp của sức mạnh ý chí tinh thần, tâm hồn của tuổi trẻ

*Mùa xuân:*thắng lợi, thành quả

*⇒ Ý nghĩa*: Tuổi trẻ với vẻ đẹp tâm hồn, với sức mạnh ý chí và tinh thần quyết tâm tiêu diệt kẻ thù  nhất định sẽ giành thắng lợi – đó là lời động viên, đồng thời cũng thể hiện niềm tin tưởng của tác giả với tuổi trẻ.

**Câu 4:** HS trình bày suy nghĩ cá nhân, nêu rõ vì sao thông điệp đó có ý nghĩa với em nhất. Có thể lựa chọn thông điệp về lí tưởng sống hoặc một đặc điểm nào đó của tuổi trẻ: kiên cường, mạnh mẽ, đoàn kết, lãng mạn, nhiệt huyết,…

**II. LÀM VĂN (16,0 điểm)**

**Câu 1 (6,0 điểm)**

**Câu 2: Nghị luận xã hội *(3.0 điểm)***

**a) Yêu cầu về kĩ năng:**

- Học sinh biết cách làm bài văn nghị luận xã hội, có sự vận dụng nhuần nhuyễn các thao tác nghị luận như: giải thích, phân tích, chứng minh, bình luận, bác bỏ … Kết cấu bài làm chặt chẽ, diễn đạt lưu loát, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp; dẫn chứng tiêu biểu, giàu sức thuyết phục. Ưu tiên những bài viết thể hiện dẫn chứng từ trải nghiệm của chính bản thân …

**b) Yêu cầu về kiến thức:**

Đây là dạng đề mở, học sinh có thể trình bày theo nhiều hướng khác nhau miễn là hợp lí và có sức thuyết phục, trên cơ sở hiểu đúng nội dung câu chuyện và yêu cầu của đề. Sau đây chỉ là một hướng tiếp cận:

*1) Hiểu nội dung câu chuyện:*

- Cuộc đời như một con đê dài hun hút và mỗi người đều phải đi trên con đê của riêng mình. Con đê đó có khi nắng, khi râm, không phụ thuộc vào ý muốn chủ quan của con người. Nhiệm vụ của chúng ta là phải đi qua những “bóng nắng, bóng râm” đó để đi trọn con đường của mình.

- Bóng nắng: Tượng trưng cho những trở ngại, khó khăn, những thách thức và cả những thất bại mà con người có thể gặp phải trong cuộc sống.

- Bóng râm: Tượng trưng cho những điều thuận lợi, những cơ hội, những thành công, những bằng phẳng trong cuộc đời.

- Cả hai điều này đến đan xen và tất cả chúng ta đều phải đón nhận nó.

- Mộ mẹ cỏ xanh: Hãy biết yêu thương, trân trọng những người xung quanh chúng ta, đặc biệt là những người thân yêu, ruột thịt khi họ hãy còn hiện hữu.

=> Câu chuyện khuyên con người trong bất cứ hoàn cảnh nào cũng phải nỗ lực hết mình. Khi thất bại, không cúi đầu mà phải biết nỗ lực phấn đấu vươn lên. Còn khi thành công, chúng ta không dược chủ quan, tự mãn mà phải nắm bắt cơ hội để thành công hơn nữa. Và trong cõi đời này, hãy biết trân trọng, yêu quý những người xung quanh khi họ hãy còn hiện hữu!

*2) Bài học về tư tưởng lối sống rút ra:*

***a) Có cái nhìn biện chứng về cuộc đời****:*

- Cuộc đời là một hành trình dài đang hướng tới một bến đời bình an với những cơ hội, những thách thức liên tiếp nhau.

- Trong cuộc sống, phải nhận thức được đâu là những khó khăn thử thách và những thuận lợi đối với mình. Đó là cách nhìn nhận biện chứng về cuộc đời để có quan niệm và cách sống phù hợp.

***b) Có thái độ sống đúng đắn:***

- Không nên thụ động trước những biến cố xảy ra trong cuộc sống.

- Luôn sống hết mình. Xem như việc được sinh ra ở đời này là một niềm hạnh phúc: *Cảm ơn đời mỗi sáng mai thức dậy/ Ta có thêm ngày nữa để yêu thương*

- Vì sao phải sống nhanh: Cuộc đời ngoài kia trôi đi hối hả, không chờ đợi ai. Nhất là trong cuộc sống hiện đại, công nghệ số hiện nay, nếu không biết tận dụng nó, ta sẽ là kẻ trắng tay, chí ít cũng để dở dang nhiều dự tính. Bời thế, mỗi chúng ta cũng phải sống sao cho trọn vẹn sự có mặt của chúng ta trên cõi đời này.

- Thế nào là sống nhanh lên: Nghĩa là trân trọng từng, giây phút của cuộc đời, tăng cường độ sống cho một khoảng thời gian ngắn nhất. Sống khẩn trương, làm việc một cách có ích, không nên sống hoài, sống uổng cho những mục đích, những dự định vô bổ. Sống có ý nghĩa đối với mình và những người xung quanh, chứ không phải sống nhanh là sự sống vội, sống thử như một bộ phận thanh niên hiện nay đang chạy theo.

- Sống nhanh để làm gì: Sống nhanh để được nhận yêu thương và trao yêu thương; sống nhanh để tận hưởng thiên đường ngay trên mặt đất; sống nhanh để làm người công dân tốt, để cống hiến nhiều hơn cho nhân loại này.

- Biết sống yêu thương và chia sẻ với những con người xung quanh.

*\*Lưu ý: Đối với mỗi luận điểm, thí sinh cần lấy được các dẫn chứng tiêu biểu, có sức thuyết phục để chứng minh.*

***3) Bình luận mở rộng:***

- Cơ hội và thách thức, hạnh phúc và khổ đau, thuận lợi và khó khăn ... chia đều cho mỗi người. Hãy coi mỗi thuận lợi và khó khăn đó là một phần của cuộc sống, là một chặng đường ta đi qua. Bình thản đón nhận nó và sống thật có ích, sống hết mình, bởi cuộc sống không chờ đợi, cũng bởi hạnh phúc có thể nằm ngay trong khổ đau. Và hạnh phúc hay khổ đau phụ thuộc vào cách nhìn, vào thái độ sống của chúng ta.

- Hình thành kĩ năng sống: Sống có ích, tận hiến, tận hưởng từng phút giây, biết yêu thương những người xung quanh, không sống lãng phí thời gian hay sống một cách hời hợt, vô bổ.

# *Câu 2 (10 điểm)*

# **Mở bài:**

# **Giới thiệu về nhà thơ Vũ Đình Liên và bài thơ ông đồ**

# **Dẫn nhận định**

# **2. Thân bài: Hai nguồn cảm hứng lớn nhất của người là lòng thương người và niềm hoài cổ**

# **+ Lòng thương người: Là tình cảm yêu thương, đồng cảm, xẻ chia, thấu hiểu với những bất hạnh của người. Đây là nguồn cảm hứng lớn của thi ca, bởi những gì là văn, là thơ, là nghệ thuật đích thực bao giờ cũng là nghệ thuật vì con người.**

# **+ Tình hoài cổ: Là nỗi niềm nhớ tiếc quá khứ , những dĩ vãng xa xưa nay chỉ còn trong kí ức, trong kỷ niệm.**

##### - Bài thơ kiệt tác: là tác phẩm thơ hết sức đặc sắc, đạt đến đỉnh cao của nghệ thuật

b. Chứng minh:

***Luận điểm 1: Trước hết, "Ông đồ" là bài thơ dạt dào tình thương.***

*- Hai khổ thơ đầu là niềm hân hoan của nhà thơ trước niềm vui của ông đồ trong những ngày đắt khách*

*- Hai khổ thơ tiếp theo lài nỗi buồn thương cảm sâu sắc của nhà thơ trước cảnh ông đồ trong những ngày vắng khách.*

*- Khổ thơ cuối là nỗi niềm đau đớn xót xa, thảng thốt, ân hận khi thấy ông đồ vắng bóng hẳn trong cuộc đời*.

***Luận điểm 2: Bài thơ không chỉ mang nặng nỗi lòng thương người mà còn thể hiện tình hoài cổ.*** Trong bài thơ chữ “thương” đã quá rõ, còn chữ “hoài thì sao? Hoài là nhớ, Vũ Đình nhớ vẻ huy hoàng một thờ của chữ Nho và đạo Nho.

- Nỗi niềm hoài cổ trong “Ông đồ” đâu chỉ là nỗi buồn vì chữ Nho, Đao Nho mất gốc rễ, mà còn là nỗi nhớ tiếc một nét đẹp văn hóa tàn tụi trước văn minh Âu hóa: Thú chơi chữ, chơi câu đố ngày tết.

***Luận điểm 3: Nghệ thuật: ngưồn cảm hứng về lòng thương người và niềm hoài cổ trong bài thơ Ông đồ đã được thể hiện qua hình thức nghệ thuật độc đáo và đặc săc:***

*- Thể thơ ngũ ngôn (năm chữ)*

- Toàn bài thơ có *giọng điệu chủ âm là trầm lắng, ngậm ngùi*.

*- Kết cấu bài thơ giản dị mà chặt chẽ:*

- Hình ảnh thơ giản dị nhưng hàm súc, không mới mẻ nhưng gợi cảm:

\* Bàn luận:

- Thơ vốn hàm súc nhưng đạt đến độ như “Ông đồ” thì thật đáng phục. Giữa cái thời lí tưởng tràn bờ, khuôn khổ lung lay, nhà thơ mới Vũ Đình Liên đã chọn cho mình thể thơ năm chữ, thả dài bốn khổ. Chỉ một trăm chữ, không cầu kì, cũng không tân kì mà “Ông đồ” ra đời từng câu, từng câu… thong thả như hoa quỳnh nở. Từng nét nhụy uốn cong xòe ra tỏa hương…buồn mà nhớ, da diết nhớ. Kết tinh của hai nguồn thi hứng "Ông đồ" xứng đáng một kiệt tác. Hoài Thanh quả đã không hề sai khi nói về Vũ Đình Liên và "Ông đồ" trong "Thi nhân Việt Nam" như vậy... Bài thơ khiến bao bạn đọc phải rơi nước mắt cho một số phận, một dấu tích văn hóa lụi tàn, nhưng đồng thời lại thấy chút xót xa ân hận vì chính mình đã từng hắt hủi đạo Nho. May thay, thư pháp Hán tự đang được khôi phục lại nhờ những con người đầy nhiệt huyết. Trong đó, hẳn có không ít người từng là độc giả của "Ông đồ".

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐỀ 11:**  ĐỀ CHÍNH THỨC  *(Đề thi có 02 trang)* | **ĐỀ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI**  **NĂM HỌC 2020 -2021**  MÔN NGỮ VĂN LỚP 8  Thi ngày 13 tháng 4 năm 2021  *(Thời gian làm bài 120 phút, không kể thời gian giao đề)*  *-------------------------------* |

**Phần I.Đọc - hiểu (***4,0 điểm***)**

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:

“Nếu như không có cách nào để thay đổi thế giới bên ngoài, hãy thay đổi chính mình, bởi vì đó là điều có thể thay đổi được. Khi bạn tập trung sự chú ý để hoàn thiện bản thân, cuộc sống của bạn cũng sẽ trở nên tốt đẹp. Chấp nhận những điều bạn không thể thay đổi, thay đổi những điều bạn có thể thay đổi được, và nhìn nhận được sự khác biệt giữa hai điều này, đó là bài học mà chúng ta cần phải theo đuổi suốt cuộc đời”

Ngoài việc thay đổi hành vi của chính mình, bạn có thể thay đổi được thái độ nhìn nhận của bản thân. Khó khăn trắc trở có nhiều tới đâu cũng phải chịu thua trước thái độ và phản ứng của bạn trước chúng.Thái độ tiêu cực khi nhìn nhận một sự việc thường sẽ làm tổn thương lòng tự tin, mài mòn ý chí phấn đấu của con người.Cũng giống như khi nhìn một nửa ly nước, có người nói “chỉ còn nửa ly nước", cũng có người nói “vẫn còn nửa ly nước".Thái độ khác nhau sẽ tạo ra những cuộc đời khác nhau, bạn có thể thay đổi thế giới của chính mình thông qua việc thay đổi cách nhìn và thái độ của bản thân.

*(* Trích*“Sống chậm lại rồi mọi chuyễn sẽ ổn thôi”,* Alpha book biên soạn*, NXB Lao động xã hội, 2014)*

1. Xác định phương thức biểu đạt chính trong văn bản trên? (*0,5đ*)

2. Nêu hiệu quả nghệ thuật của từ *“****chỉ****”* và từ *“****vẫn****”* trong câu văn: *Cũng giống như khi nhìn một nửa ly nước, có người nói “chỉ còn nửa ly nước", cũng có người nói “vẫn còn nửa ly nước"*? (*1,5đ*)

3. Theo tác giả, vì sao cần thay đổi “*chính mình*”? (*1,0đ*)

4.Thông điệp mà em tâm đắc nhất qua văn bản là gì? Nêu rõ lí do tại sao em chọn thông điệp đó. (*1,0đ*)

**Ph**ầ**n II. Làm v**ă**n (***16,0 điểm***)**

***Câu 1. (****6,0 điểm****)***

Hãy viết 01 đoạn văn trình bày suy nghĩ của em về ý nghĩa của việc ***thay đổi chính mình*** được gợi ở phần Đọc hiểu.

***Câu 2. (****10,0 điểm****)***

Nhận xét về thơ, Tố Hữu cho rằng: “ Đọc một câu thơ hay, người ta không thấy câu thơ, chỉ còn thấy tình người trong đó”.

Qua tác phẩm “Ông đồ” của Vũ Đình Liên, hãy làm sáng tỏ nhận xét trên.

Theo em, những yếu tố cơ bản nào tạo nên sức hấp dẫn của một bài thơ?

---------- Hết ----------

**HƯỚNG DẪN CHẤM MÔN NGỮ VĂN 8**

Thang điểm 20

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Phần/**  **Câu** | **Nội dung** | **Mức điểm** |
| **Phần 1** | - Phương thức biểu đạt chính : Nghị luận | 0,5 |
| 2 | - “*chỉ*”: trợ từ, biểu thị phạm vi được hạn định.  “*vẫn*”: trợ từ, khẳng định về điều diễn ra như bình thường, mặc dù điều kiện là không bình thường.  - Hiệu quả nghệ thuật của từ “chỉ” và từ “vẫn” trong câu văn: làm rõ hai thái độ, hai cái nhìn trước cùng một hiện tượng. Từ “*chỉ*” gợi cái nhìn bi quan, tiêu cực; từ “*vẫn*”thể hiện cái nhìn lạc quan, tích cực. | 0,5  1,0 |
| 3 | - Cần thay đổi chính mình vì:  + Trong cuộc sống có những điều ta không thể thay đổi.  + Thay đổi hoàn thiện bản thân sẽ làm cho cuộc sống trở nên tốt đẹp hơn.  + Thay đổi chính mình ta sẽ vượt qua thái độ tiêu cực trước một việc làm mình bị tổn thương.  + Thay đổi bản thân giúp ta có đủ ý chí, nghị lực và niềm tin để vượt qua khó khăn trắc trở.  + Thay đổi bản thân để thay đổi thế giới của chính mình....  (*HS cần nêu được tối thiểu 3 ý đúng*) | 1,0 |
| 4 | Học sinh nêu một thông điệp tâm đắc nhất. Nêu rõ lí do tại sao chọn thông điệp đó. | 1,0 |
| **Phần 2**  **Câu 1** | \**Về hình thức*: đảm bảo cấu trúc một đoạn văn nghị luận, đủ 3 phần mở-thân-kết. | 0,5 |
| *\*Về nội dung*: ***Có thể nêu những ý sau***:  - Nêu vấn đề: Ý nghĩa của việc thay đổi chính mình.  - Thay đổi chính mình là thay đổi những thói quen, những tính cách đã tồn tại lâu dài trong bản thân mỗi người, làm cho mình khác đi, mới mẻ, tiến bộ từ nhận thức, tình cảm đến hành động.  - Khẳng định ý nghĩa của việc thay đổi chính mình:  - Cuộc sống, xã hội luôn vận động, thay đổi không ngừng. Có những điều ta không thể thay đổi. Để thích ứng, ta phải thay đổi chính bản thân mình.  - Khi thay đổi chính mình, ta trở nên mới mẻ, năng động, sáng tạo, có khả năng thích ứng cao...; góp phần thúc đẩy sự tiến bộ của xã hội.  - Thay đổi chính mình, ta cũng sẽ có thái độ sống tích cực, lạc quan, yêu đời...; vượt qua được cảm giác bi quan, chán nản, bế tắc, oán trách.  - Nếu không chịu thay đổi, ta sẽ là con người sống không có lí tưởng, ước mơ, hoài bão; trở nên lạc hậu, bi quan, chán nản, luôn gặp thất bại trên đường đời  - Bài học nhận thức: hiểu được sự thay đổi chính mình là cần thiết, từ đó tích cực học tập và rèn luyện nhân cách, đạo đức, lối sống chuẩn mực.  - Mở rộng: thay đổi không có nghĩa là xóa bỏ chính mình, cũng không phải là sao chép lối sống của một nhân vật xuất chúng nào đó, mà là hành trình để chính bạn trở nên ưu tú hơn.  \****Các mức điểm phần nội dung***:  - *Từ 4,0 ->5,5đ: Bài viết đủ và rõ các ý, các phần; lí lẽ, dẫn chứng phong phú; lời văn mạch lạc, thuyết phục.*  *- Từ 2.75 ->3.75đ: Bài viết có đủý như trên, nhưng lí lẽ, dẫn chứng còn sơ sài; lời văn có chỗ thiếu mạch lạc, sai lỗi câu, lỗi dùng từ.*  *- Từ 2.5 trở xuống: bài viết chung chung, ý luẩn quẩn, lẫn lộn; ít lí lẽ và dẫn chứng.*  *- Điểm 0: không làm bài.*  *Khuyến khích những bài viết sáng tạo, có cách diễn đạt mới mẻ, sâu sắc.* | 5,5  0,5  0,5  3,5  1,0 |
| **Câu 2**: | Nghị luận văn học:  \**Yêu cầu về kĩ năng*: HS biết cách làm bài nghị luận văn học, có kĩ năng cảm thụ, phân tích tốt. Bố cục rõ ràng, diễn đạt mạch lạc, lưu loát, không mắc lỗi câu, lỗi chính tả.  \**Yêu cầu về kiến thức*: HS có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng phải bám sát yêu cầu của đề. Cần đảm bảo những nội dung sau: | 10,0 |
| A. | ***Mở bài*** : ***Giới thiệu vấn đề , giới thiệu tác phẩm và trích dẫn nhận định*** | 0,5 |
|  | ***1. Giải thích, khẳng định nhận định***  - “Câu thơ hay”: Là sản phẩm lao động sáng tạo của nhà thơ, có khả năng lay động lòng người, có giá trị tinh thần bền vững, có sức sống mãnh liệt trong lòng độc giả, cũng là hình thức tồn tại của những tư tưởng, tình cảm mà nhà thơ muốn gửi gắm.  - “Đọc”: Là hành động tiếp nhận và thưởng thức của người đọc.  - “Tình người”: Là nội dung tạo nên giá trị đặc trưng của thơ.  + Quan niệm của Tố Hữu đề cập đến giá trị của thơ từ góc độ của người tiếp nhận: Giá trị của thơ là giá trị của những tư tưởng, tình cảm được biểu hiện trong thơ.  + Khẳng định: Đối tượng của thơ là thế giới tâm hồn, tình cảm của con người. Khi tìm đến một tác phẩm thơ, người đọc quan tâm nhiều tới cảm xúc, tới tình cảm mà nhà thơ kí thác. Tuy nhiên, nói “không thấy câu thơ” không có nghĩa là câu thơ không tồn tại mà hình thức biểu hiện đó đã đồng nhất với nội dung, trở thành dạng tồn tại của nội dung tình cảm. | 1,0 |
| B. ***Thân bài*** | ***2. Phân tích bài thơ Ông đồ để làm sáng tỏ nhận định.*** Chú ý: Học sinh trong quá trình phân tích phải làm nổi bật tiếng nói tình cảm, nội dung cảm xúc được thể hiện trong bài thơ): |  |
|  | 1. ***Nêu hoàn cảnh ra đời và cảm xúc chủ đạo của bài thơ là lòng thương người và niềm hoài cổ.***   ***b. Hai khổ thơ đầu***:*Cái tình* của một người mến mộ, trân trọng ông đồ và phong tục xin chữ đầu xuân.  +*Phân tích* hình ảnh ông đồ xuất hiện bên phố phường vào mỗi dịp tết đến xuân về. Không khí mùa xuân, hình ảnh “hoa đào nở”, “mực tàu giấy đỏ” làm mọi nét vẽ trong bức tranh tả cảnh ông đồ rõ nét, tươi vui, tràn đầy sức sống. Từ “lại” diễn tả sự xuất hiện đều đặn của ông đồ với mùa xuân cùng với công việc viết chữ nho.  + Nghệ thuật so sánh “Bao nhiêu người thuê viết” và thành ngữ “Như phượng múa rồng bay” làm toát lên vẻ đẹp của nét chữ phóng khoáng, bay bổng, thể hiện sự quan tâm và ngưỡng mộ, khâm phục tài viết chữ của ông đồ của mọi người.  Ông đồ trở thành tâm điểm chú ý của mọi người, là đối tượng của sự ngưỡng mộ.  ->cái tình của tác giả là sự mến mộ, cảm phục, trân trọng  ***c. Hai khổ thơ tiếp theo***: thể hiện dòng cảm xúc xót xa, ngậm ngùi khi ông đồ không còn được trọng dụng.  + *Phân tích*điệp từ *mỗi*, câu hỏi tu từ và biện pháp nhân hóa (Giấy đỏ buồn không thắm/Mực đọng trong nghiên sầu) -> Nỗi buồn thương như lan tỏa, thấm cả vào những vật vô tri vô giác, tất cả như đồng cảm với nỗi niềm xót xa của ông đồ trước sự  đổi thay của con người, thời thế.  + Phân tích nghệ thuật tả cảnh ngụ tình (Lá vàng rơi trên giấy/ Ngoài giời mưa bụibay) ->gợi không gian buồn thảm, vắng lặng, nhấn mạnh sự lẻ loi, bẽ bàng của ông đồ trong sự thờ ơ “qua đường không ai hay”…   * - Qua sự tương phản giữa hai cảnh tượng, có thể thấy rõ tâm tư tình cảm của nhà thơ. Đó là niềm cảm thương chân thành, niềm xót xa khôn nguôi trước một nét đẹp văn hóa dân tộc bị mai một, những người như ông đồ bị rơi vào quên lãng, trở thành “di tích tiều tụy đáng thương của một thời tàn”.   ***d***. ***Khổ thơ cuối*** tác giả dùng để bày tỏ nỗi lòng, khơi gợi ở người đọc niềm thương xót đối với ông đồ cũng như đối với một nét đẹp văn hóa của dân tộc bị mai một.  + Tết đến, xuân về, hoa đào vẫn nở nhưng không còn thấy ông đồ xưa. Tứ thơ *cảnh cũ người đâu* hợp cảnh, hợp người chất chứa tâm sự xót xa.  + Câu hỏi tu từ cuối bài thơ là lời tự vấn, là niềm thương tiếc khắc khoải của tác giả cho những người muôn năm cũ, nay bị lãng quên vì thế thời thay đổi, thương tiếc những giá trị tốt đẹp bị lụi tàn và không bao giờ trở lại. Câu hỏi gieo vào lòng người đọc nhiều suy ngẫm, cảm thương, tiếc nuối .  ***e. Hình thức nghệ thuật***: “Tình người” trong bài thơ được thể hiện qua hình thức nghệ thuật độc đáo: tứ thơ “cảnh cũ người đâu” đầy gợi cảm, thể thơ ngũ ngôn với giọng điệu ngậm ngùi phù hợp với việc diễn tả tâm tư, cảm xúc của nhà thơ; kết cấu đầu cuối tương ứng làm nổi bật chủ đề bài thơ; ngôn ngữ thơ trong sáng, bình dị, hàm xúc kết hợp với nghệ thuật nhân hóa, ẩn dụ khắc sâu hình ảnh tàn tạ của ông đồ; câu hỏi tu từ khắc khoải, ám ảnh… | 0,5  1,5  2,0  1,75  1,0 |
|  | ***3. Đánh giá chung***.  - Ý nghĩa câu nói với người làm thơ: bài thơ là phương tiện biểu đạt tình cảm, tư tưởng. Chỉ có cảm xúc chân thành, mãnh liệt mới là cơ sở cho sự ra đời một tác phẩm nghệ thuật chân chính. Cảm xúc càng mãnh liệt, càng thăng hoa thì thơ càng có nhiều khả năng chinh phục, ám ảnh trái tim người đọc.  - Ý nghĩa câu nói với người đọc thơ: Với người đọc, khi tiếp nhận tác phẩm, cần trân trọng những sáng tạo nghệ thuật của tác giả và nhận ra những thông điệp cuộc sống mà tác giả gửi gắm trong tác phẩm. | 0,5 |
|  | ***\*Nêu ý kiến cá nhân về sức hấp dẫn của một bài thơ***: học sinh cần nêu đúng và phân tích ngắn gọn về hai yếu tố cơ bản tạo nên sức hấp dẫn của một bài thơ là nội dung tư tưởng và nghệ thuật thể hiện theo đặc trưng của thơ. Nếu chỉ nêu giá trị của van học chung chung mà không theo đặc trưng thơ thì cho tối đa nửa số điểm.  Có thể tham khảo các ý sau:  ***Các yếu tố tạo nên sức hấp dẫn của một tác phẩm thơ:***  - Sức hấp dẫn đến từ nội dung, ý nghĩa của bài thơ: Thơ hay là khi tình cảm trong thơ mạnh mẽ sâu lắng ,giàu tính nhân văn, khơi gợi được cảm xúc đồng điệu của người đọc, hướng người đọc vào những giá trị cao đẹp của cuộc sống.  - Sức hấp dẫn của bài thơ còn đến từ nghệ thuật thể hiện độc đáo, mới lạ, hấp dẫn:  + Có cấu trúc tứ thơ hay, hợp lí.  + Ngôn ngữ thơ tinh tế, hàm súc, nhiều sáng tạo, giàu hình ảnh, giàu sắc thái biểu cảm.  + Bài thơ giàu nhạc điệu. | 1,0 |
| ***C. Kết luận*** | ***Khẳng định giá trị của một bài thơ hay.*** | 0,25 |

**Cho điểm:**

- Từ 8,0 đến 10,0 điểm: Đáp ứng tốt các yêu cầu trên; có kĩ năng giải thích tốt; phân tích tác phẩm có định hướng, có chiều sâu, diễn đạt mạch lạc.

-Từ 6,0 đến 7,75 điểm: Đáp ứng cơ bản các yêu cầu trên; có kĩ năng giải thích; hiểu và phân tích tác phẩm có định hướng; diễn đạt mạch lạc.

-Từ 4,0 đến 5,75 điểm: Chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu trên; giải thích còn chung chung; có ý thức phân tích theo định hướng song chưa rõ; còn mắc lỗi diễn đạt, chính tả.

- Từ 2,0 đến 3,75 điểm: Chưa hiểu rõ yêu cầu của đề; bài viết sơ sài; phân tích không có định hướng; mắc nhiều lỗi diễn đạt, chính tả.

- Dưới 2,0 điểm: Không có kĩ năng làm bài; không hiểu tác phẩm; mắc quá nhiều lỗi diễn đạt, chính tả.

- Điểm 0,0: Làm sai hoàn toàn hoặc không làm bài.

**Lưu ý: -** *Không đếm ý cho điểm, cân nhắc toàn bài để đánh giá, để điểm lẻ 0,25điểm.*

*- Khuyến khích những bài có ý sâu, có phát hiện riêng, diễn đạt có chất văn.*

-------------------------------------------------------------------------------------------

**ĐỀ 12:**

**Câu 2. “**Ông đồ” là bài thơ tiêu biểu nhất cho hồn thơ giàu thương cảm của Vũ Đình Liên. Hãy phân tích bài thơ “Ông đồ” của Vũ Đình Liên để làm sáng tỏ điều đó.

HẾT

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **2** | **Yêu cầu về kĩ năng:**  -Hiểu đúng yêu cầu của đề. Biết cách viết bài nghị luận văn học dạng phân tích bài thơ để làm nổi bật giá trị của một tác phẩm. Học sinh biết huy động năng lực phân tích, cảm thụ thơ trữ tình, vận dụng các thao tác nghị luận hợp lí. | **1,5đ** |
| -Bài viết có bố cục rõ ràng, luận điểm trình bày mạch lạc, lập luận chặt chẽ. | **2đ** |
| -Không mắc lỗi chính tả, không mắc các lỗi cơ bản về dùng từ, ngữ pháp. | **0,5** |
| **Yêu cầu về nội dung:**  Hoc sinh có thể trình bày với những cách thức khác nhau nhưng phải làm sáng tỏ vấn đề nghị luận và hướng đến những nội dung chính sau:  **I.Đặt vấn đề:**  - Dẫn dắt, giới thiệu tác giả, tác phẩm và nhận định. | **0.5** |
| **II.Giải quyết vấn đề:**  1.Giới thiệu hoàn cảnh sáng tác bài thơ và giải thích khái quát nhận định.  -Hoàn cảnh sáng tác (nêu cụ thể hoàn cảnh xã hội và hoàn cảnh tâm thế của nhà thơ) | **0,5đ** |
| **-**Bài thơ đúng là tiêu biểu nhất cho hồn thơ giàu thương cảm của Vũ Đình Liên.  + Dù sáng tác không nhiều nhưng chỉ với bài thơ “Ông đồ”, Vũ Đình Liên đã có vị trí xứng đáng trong phong trào Thơ mới. Bài thơ là một kiệt tác được tạo nên từ sự gặp gỡ của hai nguồn thu cảm lớn ở Vũ Đình Liên là lòng thương người và tình hoài cổ. | **0.5đ** |
| + Cả bài thơ chuyên chở niềm thương cảm , trắc ẩn chân thành trước tình cảnh tàn tạ của những ông đồ thời Nho học thất thế và có cả nỗi buồn ngậm ngùi, tiếc nhớ một nét đẹp của văn hóa truyền thống dân tộc đang bị người đời quên lãng. | **0.5đ** |
| + Hồn thơ giàu thương cảm của Vũ Đình Liên đã kín đáo ẩn trong lời kể, tả và hình ảnh ông đồ ở hai cảnh tượng đối lập, tương phản qua bốn khổ thơ đầu và lắng sâu ở lời giãi bày nỗi niềm trong khổ kết. Hồn thơ ấy chi phối từ việc sử dụng thể thơ đến việc lựa chọn ngôn từ, hình ảnh, giọng điệu thơ khi xây dựng hình tượng ông đồ và hình tượng chủ thể trữ tình. | **0.5đ** |
| 2.Phân tích bài thơ để làm sáng tỏ nhận định.  a. Bốn khổ thơ đầu  Ngay ở bốn khổ thơ đầu,với những câu thơ ngũ ngôn mang giọng điệu trữ tình – tự sự trầm lắng, ngậm ngùi, nhà thơ đã kín đáo gửi gắm bao cảm xúc, nỗi niềm trước nghịc cảnh đáng thương trong thân phận ông đồ cứ hiển hiện ngay trên hè phố mỗi dịp Tết đến xuân về. | **0,5đ** |
| -Hai khổ đầu ngỡ là lời kể về thời đắc ý của ông đồ nhưng đã thấp thoáng nỗi buồn ngậm ngùi thương cho ông đồ già – một trí thức Nho học đã phải rời thư phòng trang nghiêm ra hè phố kiêm sống bằng việc bán chữ. Bán chữ là cái cực của kẻ sĩ mọi thời.  + Mỗi khi hoa đào nở, Tết đến xuân về, ông đồ già lại xuất hiện bên hè phố “đông người qua”  (cách nói *Mỗi năm…/ Lại thấy…* gợi tả nhịp bước đi song hành của mùa xuân và ông đồ già | **0.5đ** |
| + Khi đó, ông đồ già như một nghệ sĩ trổ tài giữa ngày xuân tươi vui, nhộn nhịp, rực rỡ sắc màu nơi phố phường đang đón Tết *(phân tích các hình ảnh gợi tả như “bày mực tàu giấy đỏ”, “Hoa tay thảo những nét/ Như phượng múa rồng bay”)* | **0,5đ** |
| +Khi đó, ông đồ già vẫn được đón nhận những tình cảm mến mộ của bao người thuê viết *(phân tích hình ảnh “Bao nhiêu người thuê viết/ Tấm tắc ngợi khen tài”…)* | **0,5đ** |
| -Đánh giá: Ông đồ đã trở thành một hình ảnh thân quen không thể thiếu mỗi dịp Tết đến để góp vào, hòa vào không khí đón xuân, làm nên một nét đẹp trong đời sống văn hóa tinh thần dân tộc. Nền Nho học dù đã suy tàn song vẫn còn trong một phong tục đẹp. Nhưng đó cũng chỉ là sự an ủi cuối cùng cho sự tàn tạ của một nền Nho học. Qua lời kể theo dòng hồi tưởng của nhà thơ, ở ngay hai khổ thơ đầu, ông đồ cũng đã là *di tích của thời tàn* tuy chưa lộ hết vẻ tiều tụy, đáng thương. | **0,5đ** |
| - Hai khổ thơ tiếp là lời kể về thời tàn của ông đồ, kín đáo bộc lộ nỗi buồn ngậm ngùi, thấm thía ám ảnh lòng người trước sự thật ông đồ già dần bị quên lãng theo từng mùa xuân đi qua.  + Nhà thơ nhận ra nhịp bước đi của thời gian gõ nhịp cho từng nấc tàn suy của cảnh mua bán quanh ông đồ. Cứ mỗi năm lại thêm thưa vắng người thuê viết *(phân tích từ”Nhưng”, cụm từ “mỗi năm mỗi vắng”, câu hỏi tu từ “Người thuê viết nay đâu?”).* | **0,5đ** |
| + Nhà thơ như thấu hiểu cả nỗi buồn tủi, bẽ bàng trong lòng ông đồ già ế khách đang thấm tỏa, kết đọng trong cả những vật vô tri (*phân tích nghệ thuật nhân hóa trong hai câu thơ “Giấy đỏ buồn không thắm/ Mực đọng trong nghiên sầu”).*  + Nhà thơ sẻ chia, thương cảm trước sự kiên trì, nhẫn nại, cố sức bám víu để hòa vào nhịp sống cuộc đời của ông đồ mà ông chỉ nhận lại sự thờ ơ, vô tình rồi quên lãng của khách qua đường (*phân tích hình ảnh đối lập tương phản trong hai câu thơ “Ông đồ vẫn ngồi đấy/ Qua đường không ai hay”, nghệ thuật tả cảnh ngụ tình trong hai câu thơ “Lá vàng rơi trên giấy/ Ngoài trời mưa bụi bay”* | **0,5đ** |
| -Đánh giá: Theo dòng hồi tưởng của nhà thơ, bóng dáng của ông đồ già như mỗi lúc cứ nhòe dần, chìm đi rồi mất hút trong không gian ảm đạm, lạnh vắng tình người giữa nhịp đời hối hả, vô tình. | **0,5** |
| b,Khổ cuối  -Từ mạch hồi tưởng, nhà thơ trở về với mùa xuân thực tại mà thảng thốt, lặng buồn nhận ra “cảnh cũ người đâu”. Hoa đào vẫn nở, phố vẫn đông người mà không thấy ông đồ xưa đâu (*phân tích hai câu thơ đầu và tác dụng của kiểu kết cấu đầu cuối tương ứng).* | **0,25** |
| -Trước hiện thực ông đồ hoàn toàn vắng bóng , nhà thơ dường như không kiềm chế được cảm xúc mà cất lên thành tiếng gọi hồn chất chứa bao thương cảm, ngậm ngùi, tiếc nhớ, buồn day dứt (phân tích *giá trị gợi cảm của cách chuyển hóa tên gọi từ “ông đồ già” đến “ông đồ xưa”và cuối cùng “Những người muôn năm cũ”, đặc biệt là sức gợi cảm sâu sắc cảu câu hỏi tu từ khép lại bài thơ.)* | **0,5** |
| -Đánh giá: Khổ kết đã bộc lộ trực tiếp niềm cảm thương và tình hoài cổ của nhà thơ. Giọng điệu lời thơ càng thêm trầm lắng, day dứt,dư ba, gợi mở baosuy tư nơi lòng thi sĩ – một trí thức Tây học đa cảm, nặng tình với một lớp người đã từng tạo nên những giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc trong quá khứ nay bị lãng quên trước luồng gió mới của văn hóa phương Tây. | **0,25** |
| **III. Kết thúc vấn đề**  Khẳng định lại nhận định và giá trị của bài thơ:  -Bài thơ ngũ ngôn tuy chỉ có một hình thức bình dị, khiêm nhường mà có sức truyền cảm nghệ thuật và có sức sống lâu dài, mạnh mẽ.  - Bài thơ tiêu biểu nhất cho hồn thơ giàu thương cảm củaVũ Đình Liên và gợi được sự đồng cảm của bao người đọc biết trân trọng giá trị truyền thống tốtđẹp của đời sống văn hóa tinh thần dân tộc, khát khao gìn giữ,bảo vệ trước những thay đổi của thời cuộc. | **0,5** |

**ĐỀ 1:**

**Câu 1: (3 điểm).**

Hãy viết về những điều em cảm nhận được từ câu chuyện dưới đây:

HOA HỒNG TẶNG MẸ

*Anh dừng lại tiệm bán hoa để gửi hoa tặng mẹ qua đường bưu điện. Mẹ anh sống cách chỗ anh khoảng 300km. Khi bước ra khỏi xe, anh thấy một đứa bé gái đang đứng khóc bên vỉa hè. Anh đến và hỏi nó sao lại khóc.  
 - Cháu muốn mua một bông hoa hồng để tặng mẹ cháu - nó nức nở - nhưng cháu chỉ có bảy mươi lăm xu trong khi giá một bông hoa hồng đến hai đô-la.  
 Anh mỉm cười và nói với nó:  
 - Đến đây, chú sẽ mua cho cháu.  
 Anh liền mua hoa cho cô bé và đặt một bó hồng cho mẹ anh. Xong xuôi, anh hỏi cô bé có cần đi nhờ xe về nhà không. Nó vui mừng nhìn anh và trả lời:  
 - Dạ, chú cho cháu đi nhờ đến nhà mẹ cháu.  
 Rồi nó chỉ đường cho anh lái xe đến một nghĩa trang, nơi có một phần mộ vừa mới đắp. Nó chỉ ngôi mộ và nói:  
 - Đây là nhà của mẹ cháu.  
 Nói xong, nó ân cần đặt nhánh hoa hồng lên phần mộ.  
 Tức thì anh quay lại tiệm bán hoa, huỷ bỏ dịch vụ gửi hoa vừa rồi và mua một bó hồng thật đẹp. Suốt đêm đó, anh đã lái một mạch 300km về nhà mẹ để trao tận tay bà bó hoa.*

*(*Theo *Quà tặng cuộc sống,* NXB trẻ, 2006*)*

**Câu 2: (7 điểm)**

Xuân Diệu khẳng định thơ hay là “ hay cả hồn lẫn xác, hay cả bài”.Hãy chứng minh qua bài thơ *Quê hương* của Tế Hanh.

**HƯỚNG DẪN CHẤM THI KHẢO SÁT HỌC SINH GIỎI LỚP 8**

**Môn: Ngữ Văn 8**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **1** | Yêu cầu học sinh viết một bài văn nghị luận xã hội và cần đảm bảo các ý sau đây.  - Tóm tắt câu chuyện bằng một đoạn văn ngắn.  - Rút ra ý nghĩa của câu chuyện: *Hãy trân trọng và quý những giây phút được sống bên mẹ, hãy thực hiện lòng hiếu thảo một cách thật tâm, chân tình ,đừng thực hiện lòng hiếu thảo một cách quá muộn mằn, lòng hiếu thảo thật sự có thể làm thay đổi nhận thức và hành động của mỗi người…*  - Phân tích, lí giải:  + Câu chuyện kể về hai người con mua hoa tặng mẹ. Nó không đơn thuần chỉ có vậy, hai người con một lớn một nhỏ mua hoa trong hai hoàn cảnh khác nhau.  + Dường như tình yêu ấm áp của cô bé dành cho người mẹ đã mất đã đánh thức được chàng trai, đưa anh về với những giá trị thực tại, và cũng vô tình đứa trẻ ấy để lại trong lòng người lớn những suy ngẫm sâu sắc hơn.  + Anh nhận ra rằng đến một ngày nào đó mẹ anh cũng sẽ rời xa anh để bước đi sang bên kia thế giới và lúc ấy anh có muốn tặng những bông hoa đẹp nhất thì cũng không thể nào trao đến tay mẹ được nữa. Lúc này đây mẹ anh cần gặp anh chứ không phải là bó hoa mà anh gửi về. Đúng, bây giờ thì anh đã hiểu ra dù mình đã trưởng thành rồi nhưng vẫn có những phút giây vô tâm…đối với mẹ - người đã sinh thành và nuôi dưỡng anh nên người.  - Liên hệ: Trong thực tế có nhiều người con hiếu thuận chăm sóc, phụng dưỡng, thờ cúng cha mẹ tử tế. Trong văn học: Bé Hồng trong đoạn trích: *Trong lòng mẹ* hay câu chuyện *Sự tích hoa cúc*…  - Đánh giá bình luận: Hiếu thuận và biết ơn cha mẹ là đạo lí tốt đẹp của con người, nhất là người Việt Nam, đạo lí ấy ngày nay vẫn được kế thừa, phát huy nhưng với một số người có phần bị mai một bởi đâu đó vẫn thấy những đứa con bất hiếu, ngược đãi cha mẹ…cần phê phán lên án… | *0,25*  *0, 5*  *0,25*  *0,25*  *0,5 đ*  *0,75*  *0,5 đ* |
| **2** | 1. Mở bài: Có thể mở bài theo nhiều cách nhưng phải:  - Dẫn dắt được vấn đề và hướng vào nhận định của Xuân Diệu về thơ hay phải là “ hay cả *hồn* lẫn xác, hay cả bài”.  - Khẳng định bài thơ “Quê hương” của Tế Hanh đúng với nhận định về thơ của thi sĩ Xuân Diệu.  2. Thân bài.  2.1 Giải thích nhận định  + Xuân Diệu thật tinh tế khi quan niệm về thơ hay, thơ hay phải là “ hay cả *hồn* lẫn xác, hay cả bài”. Hồn ở đây chính là nội dung, là tình cảm, là tấm lòng, là hiện thực và điều gửi gắm của tác giả vào bài thơ, còn *xác* là nghệ thuật thơ hay chính là hình thức thơ, là cấu tứ, thể thơ, ngôn từ, nhịp điệu, giọng điệu, hình ảnh thơ, là cái phản ánh nội dung của bài thơ. Có thể thấy quan niệm của Xuân Diệu thật toàn vẹn, đầy đủ và hài hòa về thơ hay, phải là một thi sĩ, một người am hiểu và từng trải về nghệ thuật mới có cái nhìn sâu sắc đến vậy.  + Cái hồn trong bài thơ Quê hương của Tế Hanh chính là tình cảm yêu nhớ quê hương của nhà thơ, tình cảm ấy hướng về vị trí địa lí, nghề nghiệp của làng, là cảnh dân làng ra khơi đánh cá, cảnh trở về, là hình ảnh con thuyền và những chàng trai miền biển đầy thơ mộng, là cánh buồm căng gió, là nỗi nhớ chơi vơi, da diết, còn xác trong bài thơ là thể thơ tám chữ, hình ảnh thơ bay bổng, lãng mạn, ngôn từ, giọng điệu trong sáng, thiết tha, là phương thức miêu tả kết hợp với biểu cảm và các biện pháp tu từ được sử dụng tinh tế, hài hòa.  2. 2. Chứng minh nhận định qua việc phân tích chi tiết bài thơ ( PT nội dung và nghệ thuật của tác phẩm)  \* Nội dung bài thơ ( Đây là luận điểm chủ yếu: kết hợp phân tích cả nội dung và nghệ thuật).  + Vị trí, nghề nghiệp: Hai câu đầu giới thiệu về vị trí rất đặc biệt và nghề chài lưới của làng quê tác giả.  + Cảnh ra khơi đánh cá: Đó là cảnh rất đẹp, đầy khí thế với những hình ảnh thật đẹp và ấn tượng về thời tiết, con người, cánh buồm.  *“ Khi trời trong, gió nhẹ, sớm mai hồng*  *……………………………………….*  *Rướn thân trắng bao la thâu góp gió”*  - Thời tiết trong lành, sáng sủa, mát mẻ: trời trong, gió nhẹ, sớm mai hồng. Con người khỏe mạnh: Dân trai tráng.  - Chiếc thuyền được so sánh và nhân hóa như: con tuấn mã rất hăng hái vượt trường giang.  - Cánh buồm là hình ảnh thơ độc đáo, sáng tạo được so sánh như mảnh hồn làng, nhân hóa như con người biết “Rướn thân trắng” để thâu góp gió.  + Cảnh trở về thật ồn ào, đông đúc, yên bình, tươi vui, no đủ, một bức tranh ấm cúng, giàu sự sống, thơ mộng với lời cảm tạ chân tình của người dân chài.  *“ Ngày hôm sau ồn ào trên bến đỗ*  *……………………………………*  *Nghe chất muối thấm dần trong thớ vỏ”*  - Hình ảnh người dân chài vừa tả thực vừa sáng tạo với nước da nhuộm nắng gió, thân hình vạm vỡ thấm đậm vị mặn mòi, nồng tỏa vị xa xăm của biển.  - Con thuyền được nhân hóa như có một tâm hồn tinh tế biết nằm nghỉ ngơi và lắng nghe.  - Người viết có một tâm hồn tinh tế, tài hoa, có tấm lòng gắn bó sâu nặng với quê hương.  + Nỗi nhớ quê hương: Biểu cảm trực tiếp với nỗi nhớ biển, cá, cánh buồm, thuyền, mùi biển… tất cả được cảm nhận bằng tấm tình trung hiếu của người con xa quê.  *“ Nay xa cách lòng tôi luôn tưởng nhớ*  *………………………………………*  *Tôi thấy nhớ cái mùi nồng mặn quá”*  \* Nghệ thuật ( luận điểm phụ)  - *Quê hương* là bài thơ trữ tình, phương thức biểu đạt chủ yếu là biểu cảm. Ngòi bút miêu tả thẫm đẫm cảm xúc. Hình ảnh, ngôn từ đẹp, bay bổng, lãng mạn, biện pháp nhân hóa, so sánh độc đáo thổi linh hồn vào sự vật.  - Sáng tạo hình ảnh thơ rất phong phú, chính xác, chân thực qua ngôn ngữ giản dị.  3. Kết bài  - Học sinh khái quát bài thơ và đánh giá nhận định | **0,5 đ**  **0, 5 đ**  **0, 5 đ**  **0, 25 đ**  **0, 25 đ**  **0,25**  **0,25**  **0,5**  **0,25**  **05**  **0,5**  **0,25**  **1đ**  **1đ**  **0, 5đ** |

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**ĐỀ 2:**

|  |  |
| --- | --- |
|  | **KÌ THI HỌC SINH GIỎI CẤP HUYỆN**  **Năm học 2019 – 2020**  **Môn thi: Ngữ văn 8**  *Thời gian 150 phút (không kể thời gian phát đề)* |

**PHẦN I. ĐỌC HIỂU** (3.0 điểm)

Đá san hô kê lên thành sân khấu

Vài tấm tôn chôn mấy cánh gà

Em đừng trách bọn chúng anh tạm bợ

Chẳng phông màn nào chịu nổi gió Trường Sa

(…)

Những giai điệu ngang tàng như gió biển

Nhưng lời ca toàn nhớ với thương thôi

Đêm buông xuống nhìn nhau không rõ nữa

Cứ ngỡ như vỏ ốc cất thành lời…

(Trích Lính đảo hát tình ca trên đảo. Trần Đăng Khoa, Bên cửa sổ máy bay, Nxb Tác phẩm mới, 1985)

**Câu 1.** Tìm những từ cùng trường từ vựng với từ *sân khấu*.

**Câu 2.** Chỉ ra biện pháp tu từ được sử dụng trong câu thơ: Những giai điệu ngang tàng như gió biển.

**Câu 3.** Đoạn thơ đã gợi cho em tình cảm gì đối với người lính đảo?

**PHẦN II. LÀM VĂN**

**Câu 1.** (7.0 điểm)

*Mỗi ngày tôi chọn một niềm vui*

*Chọn những bông hoa và những nụ cười.*

(Trịnh Công Sơn. ***Mỗi ngày tôi chọn một niềm vui*** )

Từ nội dung của những ca từ trên, em hãy viết một bài văn bàn luận về niềm vui trong cuộc sống.

**Câu 2.** (10.0 điểm)

Nhận xét về bài thơ *Quê hương* của Tế Hanh, có ý kiến cho rằng: “Sức hấp dẫn của những vần thơ viết về quê hương của Tế Hanh không chỉ dừng lại ở việc miêu tả cảnh vật vùng biển kì vĩ mà hồn thơ Tế Hanh còn dành tình yêu đặc biệt với những người dân vạn chài nơi đây”.

Em hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.

**------------Hết------------**

**HƯỚSNG DẪN CHẤM**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung yêu cầu** | **Điểm** |
| **1** | Các từ cùng trường từ vựng với từ "sân khấu": cánh gà, phông màn, giai điệu, lời ca. | 1.0 |
| **2** | Chỉ ra biện pháp tu từ được sử dụng trong câu thơ:  so sánh: Những giai điệu ngang tàng /**như/** gió biển | 0.5 |
| **3** | Tình cảm với người lính đảo: yêu mến, cảm phục trước tinh thần vượt lên gian khổ và sự lạc quan của người lính đảo.  Trách nhiệm của bản thân với việc giữ gìn biển đảo quê hương. | 1.5 |
| **Tổng điểm** | | **3.0** |

**PHẦN II. LÀM VĂN**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung yêu cầu** | **Điểm** |
| **1** | **I. Yêu cầu về kĩ năng**  - Kiểu bài: nghị luận xã hội  - Phạm vi dẫn chứng: trong cuộc sống  - Bài làm có bố cục rõ 3 phần  - Lập luận chặt chẽ, dẫn chứng tiêu biểu, thuyết phục; diễn đạt trôi chảy, mạch lạc, ít mắc lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp… | **1.0** |
|  | **II. Yêu cầu về kiến thức**  *Học sinh có thể sắp xếp, trình bày theo nhiều cách nhưng cần đảm bảo một số ý cơ bản mang tính định hướng sau:*  **1. Mở bài**  - Giới thiệu vấn đề  - Trích dẫn đoạn ca từ  **2. Thân bài**  a. Giải thích được nội dung của những ca từ:  + Câu hát khẳng định: cuộc sống đan xen giữa niềm vui và nỗi buồn, giữa hạnh phúc và đau khổ. Mỗi người sẽ có những thái độ, lựa chọn khác nhau trước những vấn đề của cuộc sống. Để cuộc sống trở nên nhẹ nhàng, ý nghĩa chúng ta nên chọn cho mình niềm vui, niềm hạnh phúc...  + Niềm vui không hẳn là những điều to tát mà có thể chỉ là những điều nhỏ bé, giản dị như ngắm một bông hoa, nở một nụ cười.  b. Bàn luận về vấn đề:  - Hiểu biết chung về niềm vui:  Niềm vui là những điều mang lại cảm xúc vui vẻ, hạnh phúc, hân hoan cho con người trong cuộc sống.  - Chỉ ra được ý nghĩa của niềm vui:  + Niềm vui đem lại cho con người sự sảng khoái về tinh thần, là động lực cho con người tham gia tốt tất cả mọi công việc. (dẫn chứng)  + Có niềm vui, con người thêm lạc quan, yêu đời, yêu cuộc sống. (dẫn chứng)  + Niềm vui nâng cao sức khỏe và trí tuệ cho con người. (dẫn chứng)  - Chỉ ra được những biểu hiện của niềm vui:  + Người có niềm vui là người luôn hòa đồng, sống chan hòa, yêu đời, yêu cuộc sống. (dẫn chứng)  + Người có niềm vui luôn biết đồng cảm và tạo ra niềm vui cho những người xung quanh. (dẫn chứng)  - Liên hệ:  + Cần rèn luyện cho mình thái độ sống tích cực, lạc quan, yêu đời, biết tìm niềm vui trong những điều giản dị nhất.  + Thái độ của bản thân đối với những người sống bi quan, tiêu cực.  **3. Kết bài**  Khẳng định lại tính đúng đắn của quan điểm.  Mong muốn của bản thân. | **6.0**  0.5  1.0  3.5  0.5  0.5 |
| **2** | **I. Yêu cầu về kĩ năng**  - Kiểu bài: nghị luận xã hội  - Bài làm có bố cục rõ 3 phần  - Lập luận chặt chẽ, dẫn chứng tiêu biểu, thuyết phục; diễn đạt trôi chảy, mạch lạc, ít mắc lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp… | **1.0** |
|  | **II. Yêu cầu về kiến thức**  *Học sinh có thể sắp xếp, trình bày theo nhiều cách nhưng cần đảm bảo một số ý cơ bản mang tính định hướng sau:*  **1. Mở bài**  - Giới thiệu vấn đề  - Trích dẫn ý kiến  **2. Thân bài**  a. Giải thích ý kiến: Sức hấp dẫn của bài thơ *Quê hương* với người đọc không chỉ bởi cảnh vật vùng biển được miêu tả rất đẹp bằng ngòi bút tinh tế mà còn hấp dẫn bởi tình yêu chân thành tha thiết mà Tế Hanh dành cho con người quê hương.  b. Làm sáng tỏ ý kiến:  - Bài thơ hấp dẫn người đọc bởi cảnh vật vùng biển quê hương:  + Giới thiệu về vùng quê thanh bình  + Cảnh dân chài ra khơi:  +) Hình ảnh thiên nhiên: yên ả, trong lành, tươi sáng, kì vĩ.  +) Hình ảnh con thuyền ra khơi: căng tràn sức sống.  Biện pháp nghệ thuật: so sánh, nhân hóa, sử dụng động từ mạnh  => Bức tranh thiên nhiên vùng biển tươi sáng, sống động.  - Bài thơ hấp dẫn người đọc bởi tình yêu dành cho người dân vạn chài:  + Cảnh đoàn thuyền trở về bến: bức tranh lao động náo nhiệt, đầy ắp niềm vui và sự sống.  + Hình ảnh người dân chài khỏe mạnh, rắn rỏi.  Nghệ thuật miêu tả: kết hợp tả thực và lãng mạn.  + Hình ảnh con thuyền mệt mỏi sau hành trình.  Nghệ thuật: nhân hóa, ẩn dụ chuyển đổi cảm giác  - Nỗi nhớ quê hương.  c. Đánh giá, mở rộng  - Khẳng định ý kiến là đúng  - Liên hệ, mở rộng một số tác phẩm khác.  3. Kết bài:  Khẳng định lại vấn đề chứng minh, khẳng định giá trị của bài thơ *Quê hương* về nội dung và nghệ thuật. | **9.0**  0.5  0.5  6.5  1.0  0.5 |
| **Tổng điểm** | | **17.0** |

***\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\****

**ĐỀ 3:**

**Đề học sinh giỏi Ngữ Văn 8 năm**

**Môn: Ngữ văn 8**

Thời gian làm bài: 150 phút *( không kể thời gian giao đề)*

**Câu 1**(4 điểm)

Chỉ rõ và phân tích giá trị biểu đạt của phép tu từ từ vựng trong các câu văn sau được trích trong truyện "Tôi đi học" của nhà văn Thanh Tịnh.

          “Tôi quên thế nào được những cảm giác trong sáng ấy nảy nở trong lòng tôi như mấy cành hoa tươi mỉm cười giữa bầu trời quang đãng.”

          “Trong lúc ông ta đọc tên từng người, tôi cảm thấy như quả tim tôi ngừng đập.”

**Câu 2**(6 điểm):

Đọc đoạn văn sau:

"Chao ôi! Đối với những người ở quanh ta, nếu ta không cố tìm mà hiểu họ, thì ta chỉ thấy họ gàn dở, ngu ngốc, bần tiện, xấu xa, bỉ ổi…toàn những cớ để cho ta tàn nhẫn; không  bao giờ ta thấy họ là những người đáng thương; không bao giờ ta thương …"

                                                                             (Trích “Lão Hạc” – Nam Cao)

          Từ triết lí tình thương của ông giáo thể hiện qua đoạn văn trên, hãy nêu lên suy nghĩ của em về vai trò của tình thương trong cuộc sống.

**Câu 3 (10 điểm):**

     Một trong những cảm hứng của thơ ca đầu thế kỉ XX là ca ngợi vẻ đẹp của thiên nhiên. Qua bài thơ “Quê hương” của nhà thơ Tế Hanh và bài thơ “Khi con tu hú” của nhà thơ Tố Hữu, em hãy làm sáng tỏ ‎ý kiến trên.

**HƯỚNG DẪN CHẤM BÀI KHẢO SÁT CHẤT LƯỢNG HỌC SINH GIỎI**

**Câu 1**(4 điểm)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | Chỉ ra phép tu từ từ vựng có trong câu văn:  + Câu văn: Tôi quên thế nào được những cảm giác trong sáng ấy nảy nở trong lòng tôi như mấy cành hoa tươi mỉm cười giữa bầu trời quang đãng.       - So sánh: *những cảm giác trong sáng ấy nảy nở trong lòng tôi như mấy cành hoa tươi mỉm cười giữa bầu trời quang đãng*(0,25 điểm)       - Nhân hóa: *mấy cành hoa tươi mỉm cười*(0,25 điểm)        - Hình ảnh *cành hoa tươi* biểu trưng cho cái đẹp, đáng nâng niu của tạo hoá ban cho con người. Dùng hình ảnh *cành hoa tươi*nhằm diễn tả những cảm giác, những rung động trong buổi đầu tiên thật đẹp đẽ, đáng yêu. Vẻ đẹp ấy không chỉ sống mãi trong tiềm thức, kí ức mà luôn tươi mới, vẹn nguyên. (1 điểm)        - Phép nhân hoá *mỉm cười*(0,25 điểm)            Tác dụng: diễn tả niềm vui, niềm hạnh phúc tràn ngập rạo rực và cả một tương lai đẹp đẽ đang chờ phía trước. Rõ ràng những cảm giác, cảm nhận đầu tiên ấy sống mãi trong lòng ''tôi'' với bao tràn ngập hy vọng về tương lai. (0,75 điểm)        - Qua phép tu từ so sánh và nhân hóa thấy kỉ niệm thật sâu nặng của nhà văn Thanh Tịnh trong ngày đầu đi học. (0,5 điểm)  + Câu văn:     Trong lúc ông ta đọc tên từng người, tôi cảm thấy như quả tim tôi ngừng đập.       - Nói quá: quả tim ngừng đập. (0,25 điểm)            Tác dụng: Nhấn mạnh cảm giác quá hồi hộp của nhân vật tôi, góp phần diễn tả những kỉ niệm khó quên của nhân vật tôi trong ngày đầu tiên tới trường (0,75 điểm). |  |

**Câu 2** (6 điểm)

**Về kĩ năng** : Hs biết viết bài văn nghị luận đúng về hình thức, biết vận dụng một số thao tác lập luận để bày tỏ suy nghĩ, quan niệm của bản thân.

**Về kiến thức** : Cần đảm bảo một số ý

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | a, Mở bài: (0,25 điểm)            Học sinh đưa dẫn vấn đề từ câu nói của nhà văn Nam Cao trong truyện Lão Hạc để khảng định tình yêu thương rất cần trong cuộc sống. |  |
|  | b, Thân bài: (5,5 điểm)  **- Giải thích:** Tình yêu thương  là tình cảm tốt đẹp giữa con người với con người. Đó là sự sẻ chia, đồng cảm, yêu thương, giúp đỡ lẫn nhau…trong cuộc sống (0,5 điểm)  **-Ý nghĩa:** Tình yêu thương có ý nghĩa và sức mạnh lớn lao.            Tình yêu thương đem đến cho con người niềm vui, hạnh phúc, cao hơn là mang lại sự sống, sự cảm hoá kì diệu, tiếp thêm sức mạnh để con người vượt qua mọi thử thách, khó khăn. (Dẫn chứng) (1 điểm)            Người cho đi tình yêu thương cũng cảm thấy thanh thản, hạnh phúc trong lòng. (Dẫn chứng) (1 điểm)            Tình yêu thương làm cho cuộc sống tốt đẹp hơn, là lực hấp dẫn kéo gần con người lại với nhau. Đáng sợ biết bao khi thế giới này chỉ có hận thù, chiến tranh. (0,5 điểm)  **- Bàn luận (Mở rộng):**            Phê phán những kẻ sống ích kỉ, thơ ơ vô cảm trước nỗi đau đồng loại (0,5 điểm)            Tuy nhiên tình yêu thương không phải là thứ có sẵn trong mỗi người, chỉ có được khi con người có ý thức nuôi dưỡng, vun trồng. (0,5 điểm)            Tình yêu thương cho đi phải trong sáng, không vụ lợi có thể nó mới có ý nghĩa. (0,5 điểm)            Hãy biến yêu thương thành hành động, yêu thương đúng cách, không mù quáng... (0,5 điểm)        - Rút ra bài học nhận thức và hành động : Sống yêu thương, trân trọng tình yêu thương của người khác dành cho mình và cũng cần biết san sẻ tình yêu thương với mọi người. (0,5 điểm) |  |
|  | c, Kết bài (0,25 điểm).            Khẳng định lại tình yêu thương là thứ tình cảm không thể thiếu trong cuộc sống của mỗi con người. |  |

**Câu 3** (10 điểm):

**Yêu cầu chung**

**Về kĩ năng**: Biết viết bài văn có bố cục rõ ràng, biết vận dụng linh hoạt các thao tác lập luận, các phương thức biểu đạt. Diễn đạt trong sáng, giàu hình ảnh và cảm xúc

**Về kiến thức**: Hiểu được nội dung ý kiến, phân tích làm sáng tỏ nội dung ấy trong bài thơ, nghệ thuật biểu hiện tiếng lòng của tác giả.

**\*Yêu cầu cụ thể: Cần đảm bảo một số ý cơ bản sau :**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **a, Mở bài**(0,5 điểm)         Dẫn dắt một cách hợp lí, logic: Khái quát về hai tác giả, hai bài thơ  Giới thiệu vấn đề: những cảm hứng của thơ ca đầu thế kỉ XX thường ca ngợi vẻ đẹp của thiên nhiên. |  |
|  | **b. Thân bài** (9 điểm)     Bài thơ Quê hương của nhà thơ Tế Hanh:            Bức tranh thiên nhiên được vẽ ra qua tự giới thiệu về làng tôi của tác giả. Khung cảnh được tác giả vẽ ra là một khung cảnh của buổi sớm mai, với không gian thoáng đạt, trời trong, gió nhẹ, nắng mai hồng, với hình ảnh những con người dân trai tráng bơi thuyền đi đánh cá (1 điểm)  Khi trời trong gió nhẹ, sớm mai hồng  Dân trai tráng bơi thuyền đi đánh cá            Nổi lên trên nền trời nước mênh mông là những cánh buồm trắng đang rướn thân mình mạnh mẽ vượt trường giang  Chiếc thuyền nhẹ hăng như con tuấn mã  Phăng mái chèo mạnh mẽ vượt trường giang  Cánh buồm giương to như mảnh hồn làng  Rướn thân trắng bao la thâu góp gió     Việc sử dụng nghệ thuật so sánh *Chiếc thuyền nhẹ hăng như con tuấn mã*và *Cánh buồm giương to như mảnh hồn làng,*nghệ thuật ẩn dụ*mảnh hồn làng* kết với dùng động từ mạnh phăng, vượt  gợi hình ảnh cánh buồm no gió, căng đầy. Dáng vóc thật hiên ngang, phóng khoáng tràn đầy sinh lực, trần trề nhựa sống. Đó còn là khát vọng của người dân làng chài muốn chinh phục thiên nhiên biển cả, không gian với nhiều vùng biển xa xôi. Cánh buồm còn là biểu tượng cho những tâm hồn khoáng đạt bay bổng của làng quê. Không chỉ vẽ ra vẻ đẹp của làng quê qua hình ảnh buổi sơm mai hồng, con thuyền, dân trai tráng. Cảnh thiên nhiên trong bài thơ còn được thể hiện trong những buổi dân làng đón ghe về: (1,5 điểm)  Ngày hôm sau ồn ào trên bến đỗ  Khắp dân làng tấp nập đón ghe về            Cảnh thật ồn ào náo nhiệt của một vùng quê đón những người đi biển trở về thật là tấp nập, những âm thanh vui vẻ của một đời sống thanh bình khi kết quả lao động thật tốt đẹp *biển lặng, cá đầy ghe*. (1 điểm)  Chiếc thuyền im bến mỏi trở về nằm  Nghe chất muối thấm dần trong thớ vỏ.            Nghệ thuật nhân hóa *im bến mỏi trở về nằm* và ẩn dụ chuyển đổi cảm giác làm cho con thuyền trở nên như con người. Sau chuyến đi biển dài ngày con thuyền thanh thản trở về nằm nghỉ mà nồng nàn hơi thở mặn mòi của biển cả. Chỉ có một tình yêu thiên nhiên đến tha thiết, một nỗi nhớ quê da diết, cảnh sắc thiên nhiên của quê hương Tế Hanh dường như lúc nào cũng thường trực trong tâm tưởng nhà thơ, xa quê tác giả nhớ tới cái đặc trưng của làng chài: Màu nước xanh, cá bạc, chiếc buồm vôi và cái mùi nồng mặn của biển cả (1,5 điểm).  Nay xa cách lòng tôi luôi tưởng nhớ  Màu nước xanh, cá bạc, chiếc buồm vôi,  Thoáng con thuyền rẽ sóng chạy ra khơi,  Tôi thấy nhớ cái mùi nồn mặn quá!            Với Tố Hữu thì bức tranh thiên nhiên được vẽ ra không chỉ ở một quê cụ thể nào mà đó là không gian của cả một mùa hè ngọt ngào hương vị, khoáng đạt nên thơ. Mỗi hình ảnh thơ được viết ra từ tình yêu thiên nhiên, làng quê của tác giả (1 điểm)  Khi con tu hú gọi bầy  Lúa chiêm đang chín, trái cây ngọt dần  Vườn râm dậy tiếng ve ngân  Bắp rây vàng hạt đầy san nắng đào  Trời xanh càng rộng càng cao  Đôi con diều sáo lộn nhào từng không.            Khung cảnh thiên nhiên được mở ra với âm thanh của con chim tu hú. Thật là một bức tranh thiên nhiên tràn trề nhựa sống, đầy sắc màu của hương đồng gió nội: Sắc lúa đang chín vàng, trái chín , thêm sắc vàng của ngô đang phơi dưới cái nắng đào.  (1 điểm)            Bức tranh thiên nhiên ở đây cũng thật rộn rã âm thanh: âm thanh của tiếng chim tu hú kêu, âm thanh của tiếng ve ngân râm ran, tiếng sáo diều vi vu.. Trong bức tranh cũng đã có sự chuyển hóa hoạt động của sự vật lúa chiêm đanng chín, trái cây ngọt dần, diều đương lộn nhào. Chỉ có những con người có tình yêu thiên nhiên, yêu cuộc sống đến tha thiết như nhà thơ Tố Hữu mới vẽ ra một bức tranh thiên nhiên trần  trề nhựa sống đầy đủ sắc màu đến như vậy. (1,5 điểm)  \* Đánh giá:            Bức tranh thiên nhiên ở hai bài thơ được vẽ ra đầy ắp những sáng tạo về câu chữ, nhịp điệu thơ sử dụng các biện pháp nghệ thuật hợp lý đã tạo nên những bức trang về quê hương thật đặc sắc. Bức tranh được tạo ra khi chỉ là một làng chài ven biển cũng có khi là cả một vùng quê rộng lớn nhưng đêu chất chứa tình cảm, tình yêu với quê hương đất nước. (0,5 điểm) |  |
|  | c, Kết bài: (0,5 điểm)   Khẳng định lại ý kiến nhận định. |  |

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

***ĐỀ SỐ 4***

|  |  |
| --- | --- |
|  | **ĐỀ THI HỌC SINH GIỎI CẤP HUYỆN**  **NĂM HỌC 2018 - 2019**  **Môn thi: NGỮ VĂN – LỚP 8**  Thời gian: **150 phút** *(không kể thời gian giao đề)* |

1. **PHẦN ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)**

Đọc đoạn văn sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

*Làm sao để niềm vui của người này không còn là nỗi buồn của người kia. Làm sao để công nghiệp hóa một ngôi làng nhưng lại không ung thư hóa dân làng. Làm sao để tăng lợi nhuận đầu tư nhưng đừng đổ chất thải ám hại môi trường sống. Làm sao để tăng trưởng, để giàu có hơn nhưng đừng bức tử nguồn nước cho mai sau… Chỉ có thể là thế khi mình biết nghĩ đến người khác. Mình không nói cho hả giận khi người khác nhói lòng. Mình không chỉ lo cho được việc cho riêng mình mặc ai kia khổ sở…*

*…Vô cảm với người khác là thiểu năng cảm xúc. Còn tệ hơn cả thiểu năng cơ thể. Bởi vì thiểu năng cảm xúc nghĩa là dù không phải trời bắt tội, em cũng đã bị tật nguyền ngay trong cơ thể khỏe mạnh, đẹp đẽ của chính mình.*

(Trích *Yêu xứ sở, thương đồng bào,* Đoàn Công Lê Huy)

1. Xét về mục đích nói, câu *Làm sao để niềm vui của người này không còn là nỗi buồn của người kia* thuộc kiểu câu gì?

2. Chỉ ra đặc điểm hình thức và chức năng của câu văn vừa xét về mục đích nói.

3. Nêu hiệu quả nghệ thuật của phép điệp ngữ được sử dụng trong đoạn văn (*trình bày bằng 2-3 câu văn*).

4. Thông điệp mà đoạn văn gửi đến người đọc là gì?

1. **PHẦN TẠO LẬP VĂN BẢN (14,0 điểm)**

**Câu 1**(4.0 điểm).

Viết đoạn văn ngắn (khoảng 25-30 câu) triển khai câu chủ đề “***Vô cảm với người khác là thiểu năng cảm xúc”*** để phê phán sự việc một số bạn học sinh nhìn thấy bạn bị đánh, bắt nạt nhưng không can thiệp, không báo cáo nhà trường, giáo viên để giải quyết, trái lại còn cổ vũ, tiếp tay… cho bạo lực học đường.

**Câu 2** (10,0 điểm).

Xuân Diệu khẳng định thơ hay là *“hay cả hồn lẫn xác, hay cả bài”.* Hãy chứng minh qua bài thơ *Quê hương* của Tế Hanh.

*(Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm)*

|  |  |
| --- | --- |
|  | **HƯỚNG DẪN CHẤM** |

**I. PHẦN ĐỌC HIỂU**

1. Xét về mục đích nói, câu *Làm sao để niềm vui của người này không còn là nỗi buồn của người kia* thuộc kiểu câu: **Nghi vấn (1,0).**

2. Chỉ ra đặc điểm hình thức và chức năng:

+ Dấu hiệu hình thức: từ để hỏi ***Làm sao*.**

+ Chức năng: ***Bộc lộ cảm xúc.***

3. Nêu hiệu quả nghệ thuật của phép điệp ngữ:

Hs nêu được tác dụng của phép điệp ngữ để nhấn mạnh, làm nổi bật niềm trăn trở, băn khoăn của tác giả về vấn đề phát triển xã hội ổn định trên nhiều mặt (2,0)

4. Thông điệp mà đoạn văn gửi đến người đọc: *Mỗi chúng ta hãy biết nghĩ đến người khác, đừng để cảm xúc bị “thiểu năng” vì sự vô cảm.*

**II. PHẦN TẠO LẬP VĂN BẢN**

**Câu 1 (4,0).**

+ Về hình thức: HS viết đúng cấu trúc đoạn văn diễn dịch; đảm bảo dung lượng đoạn văn.

+ Về nội dung: Đây là một đề mở để HS bàn luận vấn đề nóng hổi về tình trạng sự vô cảm trước bạo lực học đường. Học sinh có thể triển khai ý theo nhiều cách, bài viết có thể không giống đáp án nhưng làm nổi bật được vấn đề giám khảo vẫn cho điểm tối đa.

**Gợi ý đáp án:**

**1.1. Mở bài (0,5 điểm):**

Giới thiệu về bạo lực học đường, sự việc một số bạn học sinh nhìn thấy bạn bị đánh, bắt nạt nhưng không can thiệp, không báo cáo nhà trường, giáo viên để giải quyết, trái lại còn cổ vũ, tiếp tay… cho bạo lực học đường. sự vô cảm ấy chính là biểu hiện của căn bệnh ***“thiểu năng cảm xúc”***

**1.2. Thân bài:** Nghị luận khái quát về bạo lực học đường và sự vô cảm

- Bạo lực học đường là những hành vi thô bạo, ngang ngược, bất chấp công lý, đạo lý, xúc phạm trấn áp người khác gây nên những tổn thương về tinh thần và thể xác.

Biểu hiện của sự vô cảm cần lên án: Hiện nay, trạng thái trơ lì cảm xúc của HS đang diễn ra ngày càng nhiều, hàng loạt HS chứng kiến bạn cùng lớp, cùng trường… bị đánh đập dã man, lột quần áo, bị chửi bới xúc phạm mà không hề phản ứng, can ngăn hay kêu gọi sự can thiệp, trái lại còn cổ vũ, tiếp tay (dùng điện thoại quay clip đưa lên mạng…)

- Nguyên nhân của sự vô cảm (1,0 điểm):

+ Nguyên nhân trước tiên khiến HS sống thiếu tình yêu thương, thiếu niềm tin cuộc sống, cảm xúc… là bởi gia đình, cha mẹ ít giáo dục con về sự đồng cảm với những người xung quanh; chưa thực sự quan tâm và có hình thức để giáo dục lối sống, đạo đức.

+ Mặt trái của công nghệ thông tin, của kinh tế thị trường, sự phát triển và hội nhập kinh tế, lối sống thực dụng…

- Bàn luận để tìm giải pháp khắc phục sự Vô cảm (1,0):

Chỉ cần các bạn biết sống yêu thương hơn, không vô cảm trước nỗi đau của người khác để từ đó có những phản ứng, can thiệt kịp thời thì chắc hẳn bạo lực học đường đã được hạn chế hoặc bị ngăn chặn.…

**1.3. Kết bài (0,5 điểm):**

Học sinh nêu cảm nghĩ: Đây là một hành vi không tốt. Em sẽ làm gì để góp phần ngăn chặn tình trạng này.

**Câu 2 (10,0 điểm)**

**\* Yêu cầu về kỹ năng**

- Biết vận dụng kỹ năng giải thích, lập luận, dẫn chứng tiêu biểu, cụ thể, toàn diện, làm sáng tỏ vấn đề cần nghị luận.

- Kết cấu, lập luận chặt chẽ; diễn đạt trong sáng, rõ ràng, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp, dùng từ.

**\* Yêu Cầu về nội dung**

Học sinh trình bày theo nhiều hướng, nhưng cần đảm bảo làm rõ nội dung:

**2.1. Mở bài (1,0):**

- Dẫn dắt được vấn đề và hướng vào nhận định của Xuân Diệu về thơ hay phải là “ hay cả *hồn* lẫn xác, hay cả bài”.

- Khẳng định bài thơ “Quê hương” của Tế Hanh đúng với nhận định về thơ của thi sĩ Xuân Diệu.

**2. Thân bài (8,0)**

***2.1 Giải thích nhận định (2,0)***

+ Xuân Diệu thật tinh tế khi quan niệm về thơ hay, thơ hay phải là “ hay cả *hồn* lẫn xác, hay cả bài”. Hồn ở đây chính là nội dung, là tình cảm, là tấm lòng, là hiện thực và điều gửi gắm của tác giả vào bài thơ, còn *xác* là nghệ thuật thơ hay chính là hình thức thơ, là cấu tứ, thể thơ, ngôn từ, nhịp điệu, giọng điệu, hình ảnh thơ, là cái phản ánh nội dung của bài thơ. Có thể thấy quan niệm của Xuân Diệu thật toàn vẹn, đầy đủ và hài hòa về thơ hay, phải là một thi sĩ, một người am hiểu và từng trải về nghệ thuật mới có cái nhìn sâu sắc đến vậy.

+ Cái hồn trong bài thơ Quê hương của Tế Hanh chính là tình cảm yêu nhớ quê hương của nhà thơ, tình cảm ấy hướng về vị trí địa lí, nghề nghiệp của làng, là cảnh dân làng ra khơi đánh cá, cảnh trở về, là hình ảnh con thuyền và những chàng trai miền biển đầy thơ mộng, là cánh buồm căng gió, là nỗi nhớ chơi vơi, da diết, còn xác trong bài thơ là thể thơ tám chữ, hình ảnh thơ bay bổng, lãng mạn, ngôn từ, giọng điệu trong sáng, thiết tha, là phương thức miêu tả kết hợp với biểu cảm và các biện pháp tu từ được sử dụng tinh tế, hài hòa.

2. 2. Chứng minh nhận định qua việc phân tích chi tiết bài thơ **(4,0).**

\* Nội dung bài thơ **(3,0)**

( Đây là luận điểm chủ yếu: kết hợp phân tích cả nội dung và nghệ thuật).

+ Vị trí, nghề nghiệp: Hai câu đầu giới thiệu về vị trí rất đặc biệt và nghề chài lưới của làng quê tác giả.

+ Cảnh ra khơi đánh cá: Đó là cảnh rất đẹp, đầy khí thế với những hình ảnh thật đẹp và ấn tượng về thời tiết, con người, cánh buồm.

*“ Khi trời trong, gió nhẹ, sớm mai hồng*

*……………………………………….*

*Rướn thân trắng bao la thâu góp gió”*

- Thời tiết trong lành, sáng sủa, mát mẻ: trời trong, gió nhẹ, sớm mai hồng. Con người khỏe mạnh: Dân trai tráng.

- Chiếc thuyền được so sánh và nhân hóa như: con tuấn mã rất hăng hái vượt trường giang.

- Cánh buồm là hình ảnh thơ độc đáo, sáng tạo được so sánh như mảnh hồn làng, nhân hóa như con người biết “Rướn thân trắng” để thâu góp gió.

+ Cảnh trở về thật ồn ào, đông đúc, yên bình, tươi vui, no đủ, một bức tranh ấm cúng, giàu sự sống, thơ mộng với lời cảm tạ chân tình của người dân chài.

*“ Ngày hôm sau ồn ào trên bến đỗ*

*……………………………………*

*Nghe chất muối thấm dần trong thớ vỏ”*

- Hình ảnh người dân chài vừa tả thực vừa sáng tạo với nước da nhuộm nắng gió, thân hình vạm vỡ thấm đậm vị mặn mòi, nồng tỏa vị xa xăm của biển.

- Con thuyền được nhân hóa như có một tâm hồn tinh tế biết nằm nghỉ ngơi và lắng nghe.

- Người viết có một tâm hồn tinh tế, tài hoa, có tấm lòng gắn bó sâu nặng với quê hương.

+ Nỗi nhớ quê hương: Biểu cảm trực tiếp với nỗi nhớ biển, cá, cánh buồm, thuyền, mùi biển… tất cả được cảm nhận bằng tấm tình trung hiếu của người con xa quê.

*“ Nay xa cách lòng tôi luôn tưởng nhớ*

*………………………………………*

*Tôi thấy nhớ cái mùi nồng mặn quá”*

**\* Nghệ thuật ( 1,0)**

- *Quê hương* là bài thơ trữ tình, phương thức biểu đạt chủ yếu là biểu cảm. Ngòi bút miêu tả thẫm đẫm cảm xúc. Hình ảnh, ngôn từ đẹp, bay bổng, lãng mạn, biện pháp nhân hóa, so sánh độc đáo thổi linh hồn vào sự vật.

- Sáng tạo hình ảnh thơ rất phong phú, chính xác, chân thực qua ngôn ngữ giản dị.

***2.3. Kết bài (1,0)***

- Học sinh khái quát bài thơ và đánh giá nhận định

**ĐỀ 5:**

|  |  |
| --- | --- |
|  | **ĐỀ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI CẤP HUYỆN**  **Năm học 2018-2019**  **Môn: Ngữ văn - Lớp 8**  Thời gian: 150 **phút** *(không kể thời gian giao đề)* |

**Câu 1 (2,0 điểm):**

Đọc kĩ đoạn văn dưới đây:

“ *Chao ôi! Đối với những người ở quanh ta, nếu ta không cố tìm mà hiểu họ, thì ta chỉ thấy họ gàn dở, ngu ngốc, bần tiện, xấu xa, bỉ ổi… toàn những cớ để cho ta tàn nhẫn; không bao giờ ta thấy họ là những người đáng thương; không bao giờ ta thương…”.*

***( Lão Hạc – Nam Cao)***

Đoạn văn gợi cho em những suy nghĩ gì ?

**Câu 2 (2,0 điểm )**

Cảm nhận cái hay của đoạn thơ sau:

*“Con là lửa ấm quanh đời mẹ mãi*

*Con là trái xanh mùa gieo vãi*

*Mẹ nâng niu. Nhưng giặc Mĩ đến nhà*

*Nắng đã chiều… vẫn muốn hắt tia xa!”*

**(  Mẹ - Phạm Ngọc Cảnh )**

**Câu 3 ( 6,0 điểm):**

Nhận xét về một trong những cảm hứng của ***Thơ mới*** Việt Nam giai đoạn 1930- 1945, có ý kiến nhận xét : “*Tình yêu quê hương đất nước chiếm một khoảng rộng trong trái tim của thơ mới.”*

Bằng hiểu biết của mình về hai bài thơ ***“ Nhớ rừng”*** của Thế Lữ và ***“ Quê hương”*** của Tế Hanh em hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.

*-------------Hết------------*

|  |  |
| --- | --- |
|  | **HƯỚNG DẪN CHÂM CHO ĐỀ THI CHỌN** |

**Câu 1 (2,0 điểm):**

|  |  |
| --- | --- |
| ***\* Về nội dung :*** HS trình bày suy nghĩ cần đáp ứng yêu câu cơ bản sau:  - Giới thiệu khái quát về vị trí của đoạn văn là lời của ông giáo (*thực chất là lời của Nam Cao*) khi ông đã chứng kiến những khổ đau bất hạnh cũng nh­ vẻ đẹp của nhân vật Lão Hạc. Đoạn văn nằm ở phần cuối truyện Lão Hạc. | 0,25 đ |
| + Đây là lời nói có tính chất triết lý lẫn cảm xúc trữ tình xót xa của Nam Cao. | 0,25 đ |
| + Nam Cao muốn khẳng định một thái độ, một cách ứng xử mang tinh thần nhân đạo, không nhìn những ng­ười xung quanh bằng cách nhìn phiến diện, bằng cặp mắt lạnh lùng, vô cảm, mà phải nhìn nhận bằng sự thông cảm, thấu hiểu bằng lòng nhân ái của con người. | 0,5 đ |
| + Con ng­ười chỉ xứng đáng với danh nghĩa con ng­ười khi biết đồng cảm với mọi ng­ười xung quanh, khi biết phát hiện và nâng niu, trân trọng những điều đáng quí ở họ. | 0,25 đ |
| + Đó là quan điểm đúng đắn, sâu sắc và toàn diện khi đánh giá con ng­ười. | 0,25 đ |
| ***\* Về hình thức:***  Đoạn văn diễn đạt mạch lạc, trong sáng, rõ ràng, không sai mắc các lỗi. | 0,5 đ |

**Câu 2 (2,0 điểm )**

|  |  |
| --- | --- |
| ***\* Về nội dung:*** HS có thể cảm nhận vẻ đẹp của những câu thơ theo cách riêng nhưng cần đảm bảo các ý sau:  - Ba dòng đầu : Tình cảm mẹ dành cho con yêu dấu thông qua hình ảnh so sánh : “*Con là lửa ấm, con là trái xanh mùa gieo vãi”.* Con là lửa ấm là tình yêu, là hạnh phúc là tất cả cuộc sống của mẹ. Con là trái xanh, là hạt giống là niềm tin niềm hi vọng của mẹ. Mẹ yêu con, nâng niu, chăm sóc dành tất cả những gì tốt đẹp nhất cho con. | 0,5 đ |
| - Hai dòng cuối : Tình cảm của mẹ với quê hương đất nước .  + Ở phần này học sinh phải khai thác được tác dụng của dấu chấm câu ở giữa dòng thơ thứ 3 và từ *“ nhưng”* ngăn cách hai ý tưởng như đối lập nhưng lại thống nhất bền chặt với nhau. Đó là tình cảm mẹ con và tình yêu quê hương đất nước.  + Hình ảnh ẩn dụ : *“ Nắng đã chiều… vẫn muốn hắt tia xa!”.* Mẹ tuy đã già, mẹ rất yêu con, rất cần có con bên cạnh nhưng nếu tổ quốc cần, đất nước có ngoại xâm, mẹ sẵn sàng động viên con lên đường vì nghĩa lớn, vì tiếng gọi của quê hương. Vẫn biết rằng tiễn con đi có thể không có ngày trở lại. | 0,25đ  0,5 đ |
| - Đoạn thơ là biểu tượng đẹp về người mẹ Việt Nam anh hùng trong những năm kháng chiến chống đế quốc Mĩ. | 0,25đ |
| ***\* Yêu cầu hình thức :*** Văn viết mượt mà, trong sáng mạch lạc, sáng rõ, hình ảnh, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, viết câu. | 0,5đ |

**Câu 3 (6,0 điểm)**

**A. Yêu cầu:**

***1. Về kỹ năng***

Hiểu đúng yêu cầu của đề bài. Biết cách làm bài văn nghị luận văn học bố cục rõ ràng, kết cấu hợp lí, diễn đạt tốt, không mắc các lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp.

**2*. Về nội dung***

Học sinh có thể sắp xếp trình bày theo nhiều cách khác nhau, có thể có những cảm nhận riêng, miễn là phải bám sát tác phẩm, tránh suy diễn tùy tiện và có sức thuyết phục người đọc. Cần làm nổi bật được tình quê hương đất nước qua hai bài thơ “***Nhớ rừng***” của Thế Lữ và ***“ Quê hương*** ” của Tế Hanh. Cần đảm bảo được một số ý cơ bản sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 1 | Nêu vấn đề.. trích dẫn nhận xét |  |
| 2 | ***a. Khái quát về tình quê hương đất nước trong “Thơ mới”.***  “*Thơ mới*” ra đời trong hoàn cảnh đất nước chìm trong chế độ thực dân nửa phong kiến. Các nhà thơ mới nhận thức rõ nỗi đau mất nước, chán ghét thực tại nên họ gửi gắm nỗi niềm về đất nước, quê hương vào những vần thơ. Tình quê hương đất nước trong “*Thơ mới*” thể hiện ở nhiều cung bậc khác nhau: lúc ca ngợi cảnh đẹp của quê hương, lúc nhớ quê hương da diết, lúc hoài niệm ngưỡng mộ và tiếc nuối một nét đẹp văn hóa trong quá khứ, lúc gửi gắm niềm tâm sự thầm kín…  ***b.Tình quê hương đất nước qua hai bài thơ “Nhớ rừng” và “Quê hương”***  *b1*. *Ca ngợi cảnh đẹp thiên nhiên*.  - Bức tranh hoành tráng của rừng thẳm oai linh, của gió gào ngàn, nguồn hét núi, bóng cả, cây già. Trong cảnh thiên nhiên kỳ vĩ thâm nghiêm ấy làm nền cho hình bóng của chúa sơn lâm mang vẻ đẹp dõng dạc, đường hoàng với những đêm vàng, sáng xanh, chiều đỏ, tiếng chim ca tất cả mang vẻ đẹp lãng mạn, muôn màu muôn vẻ của thiên nhiên của cách nhìn lãng mạn và bút pháp lãng mạn ( *dẫn chứng phân tích trong Nhớ rừng - Thế Lữ ).*  - Hình ảnh làng chài ven biển đẹp, trong trẻo thoáng đãng ( *dẫn chứng , phân tích trong “ Quê hương” của Tế Hanh )*  *b2 Gửi gắm tâm sự thầm kín*  - Thế Lữ gửi lòng yêu nước vào tâm sự thầm kín của con hổ trong bài thơ *“Nhớ rừng*”, nhớ biết bao nhiêu thời vàng son oanh liệt. Ta nghe đó như chính là nỗi nhớ lịch sử vàng son oanh liệt của đất nước. Tâm trạng của con hổ là một ẩn dụ thể hiện tâm trạng của tác giả của người dân Việt Nam lúc đó.  *b3*. *Tình yêu và nỗi nhớ quê hương*  - Với tấm lòng yêu quê hương sâu sắc ấy, bức tranh làng chài thật sinh động và đậm nét qua cảm xúc của nhà thơ. Khi tả cảnh dân chài bơi thuyền đi đánh cá Tế Hanh đã dựng lên một không gian trong trẻo gió nhẹ rực rỡ nắng hồng… Con thuyền dũng mãnh vượt Trường Giang với sức sống mạnh mẽ mang một vẻ đẹp hùng tráng, bất ngờ hiếm thấy trong thơ mới, một bức tranh lao động đầy hứng khởi và đầy sức sống trong thơ mới. Phải cảm nhận được sức sống lao động của làng quê bằng cả tâm hồn thiết tha gắn bó mới viết được những câu thơ “ *Cánh buồm giương to như mảnh hồn làng / Rướn thân trắng bao la thâu góp gió*”. Mảnh hồn làng ấy chính là nơi cho tâm hồn nghệ sỹ neo đậu với tấm lòng tha thiết nhớ thương về quê hương.  - Nối nhớ thiết tha trong xa cách, nhớ “ *màu nước xanh, cá bạc, chiếc buồm vôi*” cùng với con thuyền rẽ sóng trong hương vị mùi nồng mặn đặc trưng của quê hương cái hương vị đầy quyến rũ, là chất thơ đày bình dị mà khỏe khoắn toát lên từ bức tranh thiên nhiên tươi sáng thơ mộng. |  |
| 3 | ***c. Đánh giá***  - Cái *“tôi*” trong mỗi tác giả vừa được giải phóng tỏa hương thành vườn hoa đầy hương sắc của Thơ mới, vẫn dào dạt một nỗi niềm chung đó là tình yêu quê hương đất nước.  - Tình quê hương đất nước trong các bài thơ tuy chưa tích cực như thơ văn Cách mạng nhưng đáng trân trọng. Đó là một khoảng rộng trong trái tim yêu dào dạt của các nhà thơ mới trong đó có Thế Lữ và Tế Hanh. |  |

*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\**

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐỀ 6:** | **KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI VĂN HOÁ**  **NĂM HỌC 2017-2018**  **MÔN THI: Ngữ văn; LỚP: 8**  *Thời gian làm bài 150 phút, không kể thời gian giao đề* |

**Câu 1.** *(4,0 điểm)*

Cho đoạn trích sau:

*Chà! Giá quẹt một que diêm mà sưởi cho đỡ rét một chút nhỉ? Giá em có thể rút một que diêm ra quẹt vào tường mà hơ ngón tay nhỉ? Cuối cùng em đánh liều quẹt một que. Diêm bén lửa thật là nhạy. Ngọn lửa lúc đầu xanh lam, dần dần biến đi, trắng ra, rực hồng lên quanh que gỗ, sáng chói trông đến vui mắt.*

(*Cô bé bán diêm* – An-đéc-xen, *Ngữ văn 8*, T1, NXB giáo dục Việt Nam, 2011, tr.64 - 65)

a. Việc sử dụng các câu hỏi trong đoạn trích trên có ý nghĩa gì?

b. Tìm các từ cùng thuộc một trường từ vựng trong đoạn trích trên? Tác dụng của trường từ vựng đó.

**Câu 2.** *(6,0 điểm)*

Trong truyện ngắn *Chiếc lá cuối cùng* của O Hen-ri, hình ảnh chiếc lá thường xuân được cụ Bơ-men vẽ trên bức tường đã giữ lại sự sống cho Giôn-xi trong lúc cô tuyệt vọng nhất.

Hình ảnh ấy đã đem đến cho em bài học gì về cuộc sống?

**Câu 3.** *(10,0 điểm)*

Cảm nhận của em về hai đoạn thơ sau:

*… Cánh buồm giương to như mảnh hồn làng*

*Rướn thân trắng bao la thâu góp gió…*

*Ngày hôm sau, ồn ào trên bến đỗ*

*Khắp dân làng tấp nập đón ghe về.*

*“Nhờ ơn trời biển lặng cá đầy ghe”,*

*Những con cá tươi ngon thân bạc trắng.*

*Dân chài lưới làn da ngăm rám nắng,*

*Cả thân hình nồng thở vị xa xăm;*

*Chiếc thuyền im bến mỏi trở về nằm*

*Nghe chất muối thấm dần trong thớ vỏ.*

(*Quê hương* – Tế Hanh, *Ngữ Văn 8*, T2, NXB Giáo dục Việt Nam, 2011, tr.16 - 17)

*Khi con tu hú gọi bầy*

*Lúa chiêm đang chín trái cây ngọt dần*

*Vườn râm dậy tiếng ve ngân*

*Bắp rây vàng hạt đầy sân nắng đào*

*` Trời xanh càng rộng càng cao*

*Đôi con diều sáo lộn nhào từng không…*

(*Khi con tu hú* – Tố Hữu, *Ngữ văn 8*, T2, NXB Giáo dục Việt Nam, 2011, tr.19)

**--------------------------------Hết-------------------------------**

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **Ý** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **Câu 1** |  | **Tiếng Việt** | **4,0** |
|  | **a.** | **Ý nghĩa của việc sử dụng các câu hỏi trong đoạn trích tác phẩm *Cô bé bán diêm* *(2,0 điểm)*** |  |
|  | - Các câu hỏi được sử dụng: *Giá quẹt một que diêm mà sưởi cho đỡ rét một chút nhỉ?; Giá em có thể rút một que diêm ra quẹt vào tường mà hơ ngón tay nhỉ?*  - Ý nghĩa:  + Đây là câu hỏi mà nhân vật cô bé bán diêm tự đặt đặt ra cho mình như một hình thức tự giãi bày, tự bộc lộ cảm xúc, tâm trạng.  + Thể hiện ước muốn, khao khát đốt lên ngọn lửa, tạo ra hơi ấm xua tan đi giá lạnh, rét buốt đêm đông. | 0,5  0,5  1,0 |
| **b.** | **Các từ cùng thuộc trường từ vựng và tác dụng của trường từ vựng đó trong đoạn trích tác phẩm *Cô bé bán diêm* *(2,0 điểm)*** |  |
|  | - Các từ cùng một trường: *ngọn lửa, xanh lam, trắng, rực hồng, sáng chói* chỉ màu sắc và ánh sáng của ngọn lửa.  - Tác dụng:  + Miêu tả ngọn lửa của que diêm cháy lung linh, huyền ảo qua cái nhìn đầy mơ mộng của cô bé bán diêm.  + Thể hiện ước mơ về một ngọn lửa ấm áp, một thế giới đầy ánh sáng, một cuộc sống tươi đẹp, hạnh phúc của cô bé nghèo đang sống trong hoàn cảnh bi đát. | 1,0  0,5  0,5 |
| **Câu 2** |  | **Bài học từ hình ảnh *chiếc lá cuối cùng* mà nhân vật họa sĩ Bơ-men vẽ trong tác phẩm cùng tên của O Hen-ri.** | **6,0** |
|  |  | **Yêu cầu về mặt kỹ năng** |  |
|  | Học sinh vận dụng các kỹ năng, thao tác nghị luận để viết một đoạn, hoặc một bài văn nghị luận ngắn về bài học rút ra từ hình ảnh *chiếc lá cuối cùng* trong truyện ngắn cùng tên của O Hen-ri. Bài (đoạn) văn cần đảm bảo yêu cầu sau:  - Bố cục mạch lạc, lập luận chặt chẽ, lí lẽ thuyết phục, dẫn chứng tiêu biểu, xác thực, phù hợp.  - Diễn đạt lưu loát, linh hoạt; hành văn uyển chuyển, kết hợp các thao tác chứng minh, giải thích, bình luận, phân tích, bác bỏ…  - Không mắc các lỗi về viết câu, dùng từ, chính tả. |  |
|  | **Yêu cầu về kiến thức** |  |
|  | Đây là một dạng đề mở, học sinh có thể có nhiều cách hiểu, rút ra nhiều bài học khác nhau từ một hình ảnh giàu sức gợi trong tác phẩm. Do đó, bài làm có thể tập trung nghị luận về một hoặc nhiều bài học mà học sinh rút ra từ hình ảnh này. Dưới đây là một số khả năng nghị luận:  - Niềm tin, nghị lực trong cuộc sống.  - Tình yêu thương, sự đồng cảm, sẻ chia.  - Nét tính cách bao dung, vị tha.  - Lối sống nhân ái, giàu đức hy sinh, sẵn sàng cho, thậm chí là cả cuộc sống của mình vì người khác.  Tuy nhiên, dù nghị luận theo hướng nào cũng cần thể hiện được những luận cơ bản sau:  - Giải thích rõ ý nghĩa của hình ảnh *chiếc lá cuối cùng* theo cách hiểu của học sinh, rút ra bài học về lẽ sống từ đó.  - Luận bàn về bài học đã được rút ra:  + Những biểu hiện cụ thể.  + Ý nghĩa, tác dụng.  + Liên hệ thực tế đời sống và bản thân.  + Phương hướng rèn luyện để hình thành cho mình tư tưởng, lẽ sống tích cực. | 2,0  1,0  1,0  1,0  1,0 |
| **Câu 3** |  | **Cảm nhận về đoạn thơ trong bài *Quê hương* của Tế Hanh và đoạn thơ trong bài *Khi con tu hú* của Tố Hữu.** | **10,0** |
|  |  | **Yêu cầu về mặt kỹ năng:** |  |
|  | Viết một bài văn nghị luận về tác phẩm, đoạn trích thơ trữ tình với những yêu cầu cụ thể sau:  - Hình thức một bài văn: bố cục rõ ràng, lập luận chặt chẽ, có sự phân tích, bình giá, cảm thụ về nội dung cảm xúc, các yếu tố nghệ thuật (ngôn từ, hình ảnh, thể thơ, nhịp điệu, các thủ pháp tu từ…) trong hai đoạn trích thơ.  - Diễn đạt rõ ràng, linh hoạt, uyển chuyển; không mắc các lỗi viết câu, dùng từ, chính tả. |  |
|  | **Yêu cầu về kiến thức:** |  |
|  | ***a. Giới thiệu vấn đề nghị luận (1,0 điểm)***  - Giới thiệu về tác giả Tế Hanh và bài thơ *Quê hương*, tác giả Tố Hữu và bài *Khi con tu hú*.  - Dẫn dắt và trích hai đoạn thơ trong đề bài.  ***b. Cảm nhận về hai đoạn thơ*** ***(7,0 điểm)***  **\* Về đoạn thơ trong bài *Quê hương* của Tế Hanh**  *- Nội dung, cảm xúc:*  + Đoạn thơ thể hiện vẻ đẹp của quê hương miền biển qua nỗi nhớ của nhân vật trữ tình khi đã rời xa, với hình ảnh gần gũi, bình dị mà xúc động.  + Khung cảnh làng quê với không gian bao la, kỳ vĩ của biển cả, của bầu trời mang tầm vóc vũ trụ, mang điệu hồn riêng của làng chài.  + Không khí lao động khẩn trương, sôi nổi, tấp nập khi đoàn thuyền đánh cá về bến đỗ với tôm cá đầy khoang. Khung cảnh ấy gợi ra một cuộc sống yên bình, ấm no, vui tươi và hạnh phúc.  + Hình con người lao động quê nhà bình dị, chất phác, lam lũ, cơ cực mà vạm vỡ, mạnh mẽ, lớn lao sánh ngang với sự kỳ vĩ của thiên nhiên, biển trời.  + Tình yêu, sự gắn bó sâu sắc và niềm tự hào của nhân vật trữ tình về vẻ đẹp thiên nhiên, cuộc sống và con người quê hương.  *- Nghệ thuật:*  + Hình ảnh thơ giản dị, mộc mạc, giàu sức gợi, mang ý nghĩa biểu tượng cao, để lại ấn tượng mạnh mẽ.  + Ngôn ngữ giàu sức sợi, giàu chất tạo hình và biểu cảm, cùng với cách diễn đạt gần với lời ăn tiếng nói của người miền biển; các biện pháp tu từ ẩn dụ, nhân hóa, so sánh… được sử dụng linh hoạt, tinh tế.  + Giọng điệu say mê, hào sảng, xen với giọng trữ tình đằm thắm của nỗi nhớ.  **\* Về đoạn thơ trong bài *Khi con tu hú* của Tố Hữu.**  *- Nội dung, cảm xúc:*  + Đoạn thơ là những dòng hồi ức về quê hương, về đồng ruộng thân yêu, quen thuộc được đánh thức từ tiếng chim tu hú gọi hè vang vọng vào nhà nhà ngục khi tác giả bị giam cầm trong xà lim ở Thừa Thiên.  + Khung cảnh quê hương được mở ra với không gian mênh mông, bát ngát của đồng ruộng vào mùa, của bầu trời xanh trong, của vườn đang đơm hoa kết trái.  + Hình ảnh quê nhà trong ký ức của người tù – nhân vật trữ tình hiện ra lung linh trong nắng hè với màu sắc, âm thanh, ánh sáng, hương vị… được miểu tả sống động, ngập tràn vẻ đẹp và nhựa sống.  + Nỗi nhớ đồng quê gắn với niềm cô đơn, u uất, với khát vọng tự do của người tù phải xa cuộc sống, xa đồng bào đồng chí.  *- Nghệ thuật:*  + Thể thơ lục bát với giọng điệu tâm tình, ngọt ngào, tha thiết; ngôn ngữ giàu hình ảnh, giàu cảm xúc.  + Hình thơ bình dị, mộc mạc mà bay bổng, lãng mạn; kết hợp nhiều giác quan trong việc cảm nhận và thể hiện vẻ đẹp của quê hương, đồng ruộng.  ***c. Điểm tương đồng và khác biệt của hai đoạn thơ* *(2,0 điểm).***  *- Điểm tương đồng:*  + Cả hai đoạn thơ đều thể hiện nỗi nhớ về quê hương với những hình ảnh thân thương, gần gũi, hằn sâu trong tâm tưởng, với không bao la, bát ngát mang hồn cốt riêng của mỗi vùng quê qua tình yêu mãnh liệt, cảm xúc sâu lắng.  + Ngôn ngữ gợi hình, gợi cảm; hình ảnh thơ dung dị, mộc mạc mà ý nghĩa biểu tượng cao; giọng điệu tha thiết, say mê.  *- Sự khác biệt:*  + Khung cảnh quê hương trong đoạn thơ của Tế Hanh mang nét đặc trưng của không gian miền biển, gắn với những kỷ niệm tuổi thơ, với cuộc sống, lao động của con người; cảm xúc thơ nghiêng về yêu thương, tự hào về mảnh đất, vẻ đẹp của con người quê hương. Còn đoạn thơ của Tố Hữu khắc họa khung cảnh đồng quê ngày hè với âm thanh, màu sắc, ánh sáng, hương vị đặc trưng, với vẻ đẹp lung linh, sống động; cảm xúc thiên về nỗi niềm cô đơn, khắc khoải của một người tu khao khát tự do bị cách ly khỏi cuộc sống.  + Tế Hanh sử dụng thể thơ thất ngôn; hình ảnh, thi liệu thiên về những trải nghiệm, những quan sát thực tế tuổi thơ với những ấn tượng đậm nét nhất trong ký ức. Còn nhà thơ Tố Hữu lại sử dụng thể thơ lục bát mang đậm phong vị dân gian; hình ảnh, thi liệu mang đậm cảm xúc lãng mạn, bay bổng trong tương quan đối lập giữa thế giới đồng quê tươi đẹp với không gian ngục tù tăm tối, mất tư do. | 1,0  0,5  0,5  0,5  0,5  0,5  0,5  0,5  0,5  0,5  0,5  0,5  0,5  0,5  0,5  0,5  0,5  0,5  0,5 |
| **Tổng điểm toàn bài:** | | | **20,0** |

**--------------------------------Hết----------------------------**

**ĐỀ 7**

**ĐỀ THI HỌC SINH GIỎI CẤP HUYỆN**

**Môn thi: Ngữ văn 8**

**Thời gian : 150 phút *(không kể thời gian giao đề)***

**PHẦN I- ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)**

**Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu**:   
*Một chàng trai trẻ đến xin học một ông giáo già với tâm trạng bi quan và chỉ thích phàn nàn. Đối với anh, cuộc sống là một chuỗi ngày buồn chán, không có gì thú vị.  
Một lần, khi chàng trai than phiền về việc mình học mãi mà không tiến bộ, người thầy im lặng lắng nghe rồi đưa cho anh một thìa muối thật đầy và một cốc nước nhỏ.  
- Con cho thìa muối này vào cốc nước và uống thử đi.  
Lập tức, chàng trai làm theo.  
- Cốc nước mặn chát. Chàng trai trả lời.  
Người thầy lại dẫn anh ra một hồ nước gần đó và đổ một thìa muối đầy xuống nước:  
- Bây giờ con hãy nếm thử nước trong hồ đi.  
- Nước trong hồ vẫn vậy thôi, thưa thầy. Nó chẳng hề mặn lên chút nào – Chàng trai nói khi múc một ít nước dưới hồ và nếm thử.  
Người thầy chậm rãi nói:  
-Con của ta, ai cũng có lúc gặp khó khăn trong cuộc sống. Và những khó khăn đó giống như thìa muối này đây, nhưng mỗi người hòa tan nó theo một cách khác nhau. Những người có tâm hồn rộng mở giống như một hồ nước thì nỗi buồn không làm họ mất đi niềm vui và sự yêu đời. Nhưng với những người tâm hồn chỉ nhỏ như một cốc nước, họ sẽ tự biến cuộc sống của mình trở thành đắng chát và chẳng bao giờ học được điều gì có ích.*

(Theo “*Câu chuyện về những hạt muối”*- vietnamnet.vn, 17/06/2015)

**Câu 1:** Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản ?   
 **Câu 2:** Em hiểu gì về các chi tiết, hình ảnh “thìa muối”, “ hòa tan” trong văn bản ?

**Câu 3:** Nêu hiệu quả của biện pháp tu từ được sử dụng trong câu : *" những người có tâm hồn rộng mở giống như một hồ nước thì nỗi buồn không làm cho họ mất đi niềm vui và sự yêu đời”?*

**Câu 4**: Em rút ra bài học gì có ý nghĩa cho bản thân từ văn bản trên?

**PHẦN II-TẬP LÀM VĂN (14.0 điểm)**

**Câu 1 (4.0 điểm**) : Từ nội dung câu chuyện ở phần Đọc hiểu, em hãy viết một đoạn văn ( khoảng 200 chữ) suy nghĩ về ý nghĩa của tinh thần lạc quan trong cuộc sống.

**Câu 2 ( 10.0 điểm)**

Trong cuốn “ *Từ điển văn học*”, Nguyễn Xuân Nam viết : *“ Thơ là hình thức sáng tác văn học phản ánh cuộc sống qua những tâm trạng, những cảm xúc dạt dào, những tưởng tượng mạnh mẽ, một ngôn ngữ giàu hình ảnh và nhất là có nhịp điệu rõ ràng”*

Em hiểu ý kiến trên như thế nào? Qua bài thơ “ *Quê hương*” của Tế Hanh, hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.

------------------- Hết -------------------------

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| I | **ĐỌC HIỂU** |  |
| 1 | Phương thức biểu đạt chính: Tự sự | **0.5điểm** |
| 2 | -Hình ảnh “*thìa muối*” tượng trưng cho khó khăn, thử thách, những nỗi buồn đau, phiền muộn mà con người gặp phải trong cuộc đời  - Chi tiết “ *hòa tan*” là thái độ sống, cách giải quyết những khó khăn, thách thức, những buồn đau, phiền muộn của mỗi người | **1.5 điểm** |
| 3 | 2- Chỉ ra:  - Biện pháp tu từ so sánh: *" những người có tâm hồn rộng mở giống như một hồ nước”*  - Hiệu quả:  + Khẳng định những con người có thái độ sống tích cực, luôn lạc quan, yêu đời, mở rộng tấm lòng, biết chia sẻ với mọi người xung quanh, luôn có niêm tin vào bản thân và mọi người dù cuộc sống gặp chông gai, trắc trở  + Tạo ra cách diễn đạt giàu hình ảnh, giàu sức biểu cảm, tăng sức thuyết phục cho lời văn. | **2.0 điểm**  *0.5 điểm*  *1.5 điểm* |
| 4 | *Bài học rút ra*: Cuộc sống luôn có những khó khăn và thử thách, thành công phụ thuộc rất lớn vào thái độ sống của mỗi người.Thái độ sống tích cực sẽ giúp chúng ta có được niềm tin, sức mạnh, bản lĩnh, giúp ta khám phá khả năng vô hạn của bản thân. Chúng ta không nên sống bi quan, chán nản mà phải sống lạc quan, yêu đời, hãy mở rộng tâm hồn giống như hồ nước để nỗi buồn sẽ vơi đi và niềm vui được nhân lên khi hoà tan. | **2.0 điểm** |
| **II** | **TẬP LÀM VĂN** |  |
| **1** | **Nghị luận xã hội** |  |
|  | a- *Đảm bảo thể thức của một đoan văn nghị luận*: Mở đoạn giới thiệu vấn đề nghị luận; Thân đoạn làm rõ vấn đề nghị luận, triển khai được luận điểm; Kết đoạn khái quát được nội dung nghị luận | **0.25điểm** |
| b*-Xác định đúng vấn đề nghị luận* : ý nghĩa của tinh thần lạc quan | **0.25điểm** |
| c- *Triển khai hợp lí nội dung đoạn văn*: vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. Có thể viết đoạn văn theo hướng sau:  \***Giải thích vấn đề:**  - Lạc quan là một trạng thái cảm xúc tích cực, luôn yêu đời, xem cuộc đời là đáng sống, luôn giữ một niềm tin, hi vọng về những điều tốt đẹp dù cuộc sống gặp nhiều khó khăn, phiền muộn, gian truân.  **\*Bàn luận vấn đề:**  **-** Vì sao con người cần phải có tinh thần lạc quan:  + Cuộc sống có muôn vàn khó khăn, thử thách, sống lạc quan giúp con người có cái nhìn sáng suốt, trí tuệ minh mẫn, hành động đúng đắn để giải quyết mọi việc một cách tốt đẹp.  + Sống lạc quan giúp con người trở nên can đảm, tự tin vào bản thân, tâm hồn phong phú, rộng mở, sống có ích, họ luôn học hỏi được những kinh nghiệm quí giá kể cả trong thành công hay thất bại.  + Thái độ sống lạc quan giúp mỗi người luôn nhận ra mặt tích cực của mọi vấn đề, nhận ra những cơ hội mà người sống bi quan không thể nhận ra, từ đó gặt hái được những thành công trong cuộc sống.  + Lạc quan là biểu hiện của thái độ sống đẹp, được mọi người yêu quí, trân trọng.  -Trong cuộc sống có biết bao người phải trải qua nhiều khó khăn, thử thách nhưng họ luôn lạc quan, kiên cường vượt lên và chiến thắng  *( HS lấy dẫn chứng để chứng minh cho mỗi ý của vấn đề nghị luận)*  - Mở rộng vấn đề: Cần lên án những người sống bi quan, gặp khó khăn là chán nản, buông xuôi, họ sẽ thất bại trong cuộc sống. Tuy nhiên, lạc quan không phải là luôn nhìn cuộc đời bằng lăng kính màu hồng, thậm chí mù quáng trước những vấn đề đặt ra trong cuộc sống.  - **Bài học nhận thức và hành động**:  + Cần nuôi dưỡng, phát huy tinh thần lạc quan, thực hiện ước mơ trong cuộc sống, hãy có niềm tin vào bản thân, không gục ngã trước khó khăn, có ý chí nghị lực vươn lên, biết chia sẻ với mọi người và luôn tin vào những điều tốt đẹp trong cuộc đời.  + Liên hệ bản thân. | **3.0 điểm**  *0.5 điểm*  *0.25 điểm*  *0.25 điểm*  *0.25 điểm*  *0.25 điểm*  *0.5 điểm*  *0.5 điểm*  *0.5 điểm* |
|  | d*- Sáng tạo*: Có cách diễn đạt độc đáo, thể hiện những suy nghĩ, kiến giải mới mẻ về vấn đề | **0.25 điểm** |
|  | e- *Chính tả, dùng từ, đặt câu*: đảm bảo những qui tắc về chuẩn chính tả, dùng từ, đặt câu. | **0.25 điểm** |
| 2 | **Nghị luận văn học** |  |
|  | a. *Đảm bảo cấu trúc của một bài văn nghị luận* : Có đầy đủ phần Mở bài, thân bài, kết bài. Mở bài giới thiệu vấn đề nghị luận; Thân bài làm rõ được nhận định, triển khai được luận điểm; Kết bài khái quát được nội dung nghị luận | **0,25 điểm** |
|  | **b*-*** *Xác định đúng vấn đề nghị luận:* đặc trưng của thơ ca, lấy bài “ Quê hương’ của Tế Hanh để chứng minh | **0,25 điểm** |
|  | **c**- *HS triển khai vấn đề*: luận điểm cụ thể, rõ ràng, thể hiện sự cảm nhận sâu sắc, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. HS có thể trình bày theo hướng sau:  **1- Giải thích nhận định**  Ý kiến của Nguyễn Xuân Nam khẳng định vể đẹp của thơ trên hai phương diện : nội dung và hình thức.  \* **Vẻ đẹp nội dung**: ***“ Thơ là hình thức sáng tác văn học phản ánh cuộc sống qua những tâm trạng, những cảm xúc dạt dào, những tưởng tượng mạnh mẽ”:***  -Thơ ca phản ánh cuộc sống:  + Thơ phản ánh cái đẹp của cuộc sống, thiên nhiên, tạo vật  + Thơ chắt lọc vẻ đẹp tinh túy, bình dị cao quí của con người, cuộc đời  -Thơ phản ánh tâm trạng, những cảm xúc dạt dào, những tưởng tượng mạnh mẽ:  +Thơ là thể loại trữ tình biểu hiện sự rung động mãnh liệt trong tâm hồn của người nghệ sĩ trước cuộc đời  + Thơ là tiếng nói của tình cảm, tình cảm càng chân thành bao nhiêu thì hồn thơ càng thăng hoa bấy nhiêu. Vẻ đẹp muôn màu sắc của cuộc sống hiện ra qua “ những cảm xúc dạt dào, sự tưởng tượng mạnh mẽ” của thi sĩ.  \* **Vẻ đẹp hình thức**: ***Thơ- một ngôn ngữ giàu hình ảnh và nhất là có nhịp điệu rõ ràng”***  +Thơ hay phải có ngôn từ đẹp, giàu sức gợi và sắc điệu thẩm mĩ, thơ là hình tượng.  +Thơ hay phải có âm điệu, nhạc điệu, nhịp điệu trầm bổng, du dương, khoan thai, hùng tráng, thiết tha.. thơ là nhạc  => Ý kiến trên khẳng định thơ hay phải hay cả nội dung và hình thức “ *Thơ hay là hay cả hồn lẫn xác*” ( Xuân Diệu)  **2-Chứng minh qua bài thơ “ Quê hương” ( Tế Hanh)**  - Giới thiệu những nét chính về tác giả Tế Hanh và bài thơ “ Quê hương” ( Xuất xứ, chủ đề)  ***\* Quê hương- sáng tác văn học “phản ánh cuộc sống qua những tâm trạng, những cảm xúc dạt dào, những tưởng tượng mạnh mẽ”:***  **\* Giới thiệu làng chài ven biển Quảng Ngãi**. **Quê hương của Tế Hanh** làmột làng nghèo thuộc duyên hải miền Trung “ *cách biển nửa ngày sông*”. Con sông mà nhà thơ nhắc tới là con sông Trà Bồng chảy qua huyện Bình Sơn, phía Bắc tỉnh Quảng Ngãi. Làng như một điểm ấm sáng duyên dáng, chơi vơi trong nỗi thương nhớ đến quặn lòng của thi nhân  \* **Khí thế của người dân chài ra khơi**  + Một loạt hình ảnh so sánh, ẩn dụ mới mẻ về con thuyền, mái chèo và cánh buồm..”*Tuấn mã”* là chú ngựa tơ, đẹp, phi nhanh. Ví chiếc thuyền “ *nhẹ hăng như con tuấn mã*”, tác giả đã tạo nên một hình ảnh khỏe, trẻ trung, diễn tả khí thế hăng hái, phấn khởi lên đường, chinh phục biển rộng sông dài  + Tính từ “ *hăng*” dùng rất hay liên kết với các từ ngữ “ *dân trai tráng”* và “ *tuấn mã*” hợp thành tính hệ thống.. Mái chèo như những lưỡi kiếm khổng lồ chém xuống nước, động từ “phăng” đầy mạnh mẽ, đưa con thuyền “ *vượt trường giang”.*  + Hình ảnh “ *Cánh buồm giương to như mảnh hồn làng*” là so sánh đẹp, sáng tạo biểu tượng cho hình bóng và sức sống **quê hương**, tượng trưng cho sức mạnh, lao động sáng tạo, ước mơ về ấm no hạnh phúc . Nó còn tiêu biểu cho chí khí và khát vọng chinh phục biển khơi của đoàn trai tráng đang hừng hực khí thế.  +Hình ảnh nhân hóa “ *rướn thân trắng bao la thâu góp gió*” mang đậm cảm hứng lao động và cảm hứng vũ trụ.. Ba chữ “ *rướn thân trắng*” gợi tả một cuộc đời trải qua nhiều mưa nắng, đồng thời thể hiện tư thế làm chủ thiên nhiên. Người dân chài ra khơi như mang đi một phần máu thịt quê hương, “*cánh buồm*” gắn với con thuyền như "hồn vía" làng quê chở che, neo giữ họ...Tế Hanh, với trái tim mẫn cảm đã thấy ở cánh buồm tâm hồn lộng gió của quê hương mình  **\* Cảnh dân làng chài đón đoàn thuyền đánh cá trở về**  + Cảnh dân làng đón thuyền về đông vui “*khắp dân làng tấp nập đón ghe về*”, đó là ngày hội lao đông đầy ắp niềm vui và sự sống, toát ra từ không khí *ồn ào, tấp nập*, đông vui…  + Người dân chài cảm tạ trời đất, biển mẹ đã cho những chiếc ghe đầy cá, từ những “*con cá tươi ngon thân bạc trắng*” - là hình ảnh cụ thể thành quả lao động của chuyến đi biển, đem lại niềm vui và hứa hẹn sự no đủ của làng chài đến “*biển lặng*” sóng êm để họ trở về an toàn.  **\*Hình ảnh người dân chài và con thuyền trở về sau chuyến ra khơi.**  + Hình ảnh dân chài lưới “*làn da ngăm rám nắng*” là hình ảnh tả thực người dân chài nước da ngăm nhuộm nắng nhuộm gió thân hình vạm vỡ, rắn chắc, khỏe mạnh…  + “*Cả thân hình nồng thở vị thở xa xăm*” là ẩn dụ sáng tạo độc đáo gợi cảm, thú vị bởi thân hình người dân chài thấm đậm vị mặn mòi, nồng tỏa “*vị* *xa xăm*” khoáng đạt, huyền bí của đại dương -> Hình ảnh người dân chài được miêu tả vừa chân thực vừa lãng mạn đã trở nên có tầm vóc phi thường ngang với không gian thời gian…  + Hình ảnh “con thuyền” nằm im nghỉ ngơi trên bến sau khi vật lộn cùng sóng gió trở về. Nhà thơ đã sử dụng kết hợp hai biện pháp tu từ: nhân hóa con thuyền qua các từ ngữ “*im, mỏi, trở về, nằm*…” và ẩn dụ chuyển đổi cảm giác “*nghe*” đã biến con thuyền vốn là một sự vật vô tri đã trở nên có hồn rất tinh tế. Con thuyền cũng như người dân làng chài sau chuyến ra khơi về nghỉ ngơi để chiêm nghiệm, thấm đẫm vị mặn mòi của biển khơi, nghĩ đến những vất vả và niềm vui trong cuộc sống của mình.  **\* Nối nhớ quê hương cúa Tế Hanh**  + Xa quê nên “ *tưởng nhớ*” khôn nguôi, nhớ “ *màu nước xanh*” “ *cá bạc”, “ chiếc buồm vôi*”,.. Thấp thoáng trong hoài niệm là hình ảnh con thuyền “ *rẽ sóng ra khơi*” đánh cá. Xa quê nên mới“ *thấy nhớ*” hương vị biển, hương vị làng chài thân yêu “ *cái mùi nồng mặn quá*”. Tình cảm thấm vào câu chữ, màu sắc, vần thơ. Tiếng thơ cũng là tiếng lòng trang trải hồn quê vơi đầy thương nhớ. Cảm xúc dịu dàng, đằm thắm, mênh mang -> Tình yêu quê hương sâu nặng, gắn bó máu thịt....  ***\* Quê hương- sáng tác văn học được diễn đạt bằng****“* ***một ngôn ngữ giàu hình ảnh và nhất là có nhịp điệu rõ ràng”***  -Giàu hình ảnh đẹp: các hình ảnh “ *nước bao vây”, “ con thuyền”, “ cánh buồm”, “ mảnh hồn làng”, “ dân chài lưới”, “ chiếc thuyền im bến mỏi”, “ thân hình nồng thở vị xa xăm”, “ màu nước xanh”, “ cá bạc”...* Hình ảnh thơ chân thực, gần gũi khiến cho bài thơ thêm phần thi vị, bay bổng  -Nhịp điệu : nhẹ nhàng khoan thai, hào hùng, vui tươi, tha thiết theo từng cung bậc cảm xúc..  - Thể thơ tám chữ phù hợp với cảm xúc trữ tình, kết hợp khéo léo phương thức biểu cảm và miêu tả, bút pháp hiện thực kết hợp lãng mạn. sự quan sát, cảm nhận vô cùng sắc sảo, tinh tế của nhà thơ.  -Các biện pháp nhân hóa, ẩn dụ chuyển đổi cảm giác và sử dụng các từ láy ( ồn ào, tấp nập, xa xăm..) thành công.  **3- Đánh giá**:  -Đoạn thơ là bức tranh đẹp về cảnh vật, con người lúc đoàn thuyền đánh cá trở về bến. Tế Hanh phải là người có tâm hồn tinh tế, tài hoa, nhất là tấm lòng gắn bó sâu nặng, tình yêu máu thịt quê hương thì mới sáng tạo nên những vần thơ đẹp đến vậy. Bài thơ xứng đáng với lời nhận xét của Nguyện Xuân Nam về một tác phẩm thơ hay  - Để sáng tác được một bài thơ hay, người nghệ sĩ cần đến với cuộc đời bằng trái tim nhiệt huyết, sự sáng tạo, nỗ lực không ngừng.  -Người đọc khi tiếp nhận tác phẩm cần mở rộng tâm hồn, trái tim để cảm nhận được cái hay, cái đẹp mà người nghệ sĩ gửi gắm trong thi phẩm | **9.0 điểm**  **1,0điểm**  *0,5 điểm*  *0.5 điểm*  **5.0 điểm**  *0,5 điểm*  0,5  *1,25 điểm*  *0.5 điểm*  *1.25 điểm*  *1.0 điểm*  **2.0 điểm**  *0.5 điểm*  *0.5 điểm*  *0.5 điểm*  *0.5 điểm*  **1.0 điểm** |
|  | d*- Sáng tạo*: Có cách diễn đạt độc đáo, thể hiện những suy nghĩ, kiến giải mới mẻ về vấn đề | **0.25 điểm** |
|  | e- *Chính tả, dùng từ, đặt câu*: đảm bảo những qui tắc về chuẩn chính tả, dùng từ, đặt câu. | **0.25 điểm** |

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**ĐỀ 8:**

**KỲ THI CHỌN HSG CẤP HUYỆN**

**NĂM HỌC 2017 – 2018**

**Môn: Ngữ Văn – Lớp 8**

*Thời gian:* 150 phút, không kể thời gian giao đề

(Đề thi có 01 trang, gồm 03 câu)

**Câu1*(2.0 điểm)*:** Phân tích giá trị biểu đạt của các biện pháp tu từ trong đoạn thơ sau:

*"Một mùa xuân nho nhỏ*

*Lặng lẽ dâng cho đời*

*Dù là tuổi hai mươi*

*Dù là khi tóc bạc"*

( “***Mùa xuân nho nhỏ”***- Thanh Hải, Ngữ văn 9, Tập 2)

**Câu 2 *(6,0 điểm)*:**

*“Mỗi ngày ta chọn một niềm vui*

*Chọn những bông hoa và những nụ cười.”*

(“***Mỗi ngày một niềm vui”*** – Trịnh Công Sơn)

Từ nội dung của những ca từ trên, em hãy viết một bài văn bàn luận về niềm vui trong cuộc sống.

**Câu 3 *(12,0 điểm)*:** Bàn về văn chương, Hoài Thanh viết:“*Văn chương gây cho ta những tình cảm ta không có, luyện cho ta những tình cảm ta sẵn có*.”

**(**Trích **“*Ý nghĩa văn chương”* –** Ngữ văn 7, Tập 2)

Bằng hiểu biết của em về bài thơ *Quê hương* của Tế Hanh, hãy làm sáng tỏ ý kiến trên./.

------------**Hết**-------------

**HƯỚNG DẪN CHẤM NGỮ VĂN 8 (Đề chính thức)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CÂU** | **Hướng dẫn chấm** | **ĐIỂM** |
| **Câu 1**  ***4,0 điểm*** | ***1. Xác định biện pháp tu từ*:**  - Biện pháp tu từ ẩn dụ: *Mùa xuân nho nhỏ*  - Điệp ngữ: *Dù là*  - Hoán dụ: *Tuổi hai mươi, khi tóc bạc*  ***2. Giá trị của biện pháp tu từ:***  - Hình ảnh "*mùa xuân nho nhỏ*" chỉ con người cá nhân với lối sống đẹp, với tất cả sức sống tươi trẻ, mạnh mẽ, rực rỡ nhất, đẹp nhất của đời người góp vào mùa xuân lớn của đất nước, của cuộc đời chung.  -Điệp ngữ: “*Dù là*” được nhắc lại hai lần nhằm khẳng định sự cống hiến chân thành, vô điều kiện.  - Biện pháp hoán dụ: "*tuổi hai mươi*" chỉ tuổi trẻ mạnh mẽ, đầy sức sống; "*khi tóc bạc*" chỉ tuổi khi đã xế bóng, cho thấy khát vọng cống hiến, hiến dâng tất cả sức lực của mình cho cuộc đời, cho đất nước.  Các biện pháp tu từ nhằm diễn tả khát vọng cống hiến của nhà thơ - những gì đẹp đẽ, tinh túy nhất của cuộc đời dâng hiến cho non sông đất nước, không một chút toan tính, vụ lợi. | **0,5đ**  **1,5đ**  *0,5đ*  *0,25đ*  *0,25đ*  *0,5đ* |
| **Câu 2**  ***6,0 điểm*** | **\* Yêu cầu về kĩ năng:**  - Bài viết có bố cục và cách trình bày hợp lí.  - Hệ thống ý (luận điểm) rõ ràng và được triển khai tốt  Diễn đạt trôi chảy, không mắc lỗi chính tả, lỗi dùng từ và ngữ pháp.  **\* Yêu cầu về kiến thức:** (Học sinh có thể sắp xếp, trình bày theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo một số ý cơ bản mang tính định hướng dưới đây).  - Giải thích được nội dung của những ca từ:  + Câu hát khẳng định: cuộc sống đan xen giữa niềm vui và nỗi buồn, giữa hạnh phúc và đau khổ. Vì vậy, con người nên chọn niềm vui là phương châm sống của mình.  + Niềm vui không hẳn là những điều to tát mà có thể chỉ là những điều nhỏ bé, giản dị như ngắm một bông hoa, nở một nụ cười.  - Hiểu biết chung về niềm vui:  Niềm vui là những điều mang lại cảm xúc vui vẻ, hạnh phúc, hân hoan cho con người trong cuộc sống.  - Chỉ ra được ý nghĩa của niềm vui:  + Niềm vui đem lại cho con người sự sảng khoái về tinh thần, là động lực cho con người tham gia tốt tất cả mọi công việc.  + Có niềm vui, con người thêm lạc quan, yêu đời, yêu cuộc sống.  + Niềm vui nâng cao sức khỏe và trí tuệ cho con người: *Một nụ cười bằng mười thang thuốc bổ*.  + Bên cạnh đó cũng có những người có lối sống bi quan, chán nản, tiêu cực, chúng ta cần phê phán.  - Chỉ ra được những biểu hiện của niềm vui:  + Người có niềm vui là người luôn hòa đồng, sống chan hòa, yêu đời, yêu cuộc sống.  + Người có niềm vui luôn biết đồng cảm và tạo ra niềm vui cho những người xung quanh.  - Liên hệ:  + Cần rèn luyện cho mình niềm lạc quan, yêu đời, phải biết tìm niềm vui trong những điều giản dị nhất.  + Thái độ của bản thân đối với những người sống bi quan, tiêu cực. | **1,0đ**  **5,0đ**  *1,5đ*  *0,5đ*  *1,5đ*  *1,0đ*  *0,5đ* |
| **Câu 3** | **NGHỊ LUẬN VĂN HỌC** |  |
| **12,0 điểm** | **\* Yêu cầu về kĩ năng:**  - Bài viết có bố cục và cách trình bày hợp lí.  - Hệ thống ý (luận điểm) rõ ràng và được triển khai tốt  Diễn đạt trôi chảy, không mắc lỗi chính tả, lỗi dùng từ và ngữ pháp.  **\* Yêu cầu về kiến thức:** (Học sinh có thể sắp xếp, trình bày theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo một số ý cơ bản mang tính định hướng dưới đây).  ***Mở bài:***  Giới thiệu khái quát về tác giả, tác phẩm, giới thiệu ý kiến của Hoài Thanh gắn với nội dung chính của bài thơ ***Quê hương***: bài thơ thể hiện tình yêu quê hương sâu nặng.  ***Thân bài:***  ***1. Giải thích tổng quát:***  - Hoài Thanh khẳng định: *văn chương gây cho ta những tình cảm ta không có*, tức là khẳng định các tác phẩm văn chương có khả năng khơi dậy những tình cảm, rung cảm đẹp đẽ cho mỗi người khi tiếp cận tác phẩm.  - Ông còn khẳng định: văn chương *luyện cho ta những tình cảm ta sẵn có*, tức là nhấn mạnh khả năng văn chương bồi đắp tâm hồn, tình cảm của mỗi người thêm sâu sắc, thêm đẹp đẽ, bền vững.  - Nhận định đã khái quát một cách sâu sắc hai vấn đề: khái quát quy luật sáng tạo và tiếp nhận văn chương: đều xuất phát từ tình cảm, cảm xúc của tác giả và bạn đọc; khái quát chức năng giáo dục và thẩm mỹ của văn chương đối với con người.  - Nêu hoàn cảnh ra đời của bài thơ ***Quê hương***: bài thơ được viết năm 1939, khi Tế Hanh 18 tuổi, đang học ở Huế; quê hương hiện lên trong hoài niệm, nỗi nhớ nhung, trong sự bùng cháy mãnh liệt của cảm xúc. Khẳng định: bài thơ khơi dậy, bồi đắp thêm cho tình yêu con người, tình yêu quê hương, đất nước của mỗi người. Bài thơ là minh chứng cho nhận định của Hoài Thanh.  ***2. Phân tích, chứng minh:***  a. Bài thơ khơi dậy và làm đẹp thêm tình yêu quê hương, đất nước cho mỗi người đọc qua niềm tự hào của tác giả khi giới thiệu về quê hương mình một cách đầy trìu mến. (hai câu thơ đầu)  Bài thơ mở đầu bằng hai câu thơ giới thiệu về “*làng tôi ở*” rất giản dị và trìu mến. Hai câu thơ gợi lên một vùng quê sông nước mênh mông và công việc chính của người dân nơi đây là nghề chài lưới.  b. Bài thơ khơi dậy và làm đẹp thêm tình yêu quê hương, đất nước cho mỗi người đọc qua việc ngợi ca vẻ đẹp của bức tranh thiên nhiên và cuộc sống của người dân làng chài ven biển.  - Cảnh ra khơi đầy hứng khởi giữa thiên nhiên sông nước gần gũi, khoáng đạt, thi vị. (phân tích khổ thơ thứ hai)  + Thiên nhiên: sớm mai hồng thơ mộng và trong trẻo.  + Con người lao động: những người dân trai tráng tràn trề sức lực.  + Đoàn thuyền: nghệ thuật so sánh miêu tả đoàn thuyền ra khơi với khí thế hùng tráng, mang theo ước mơ của những người dân làng chài về một chuyến đi biển bình yên.  => Toàn bộ đoạn thơ gợi lên khung cảnh thiên nhiên vùng biển đẹp thơ mộng, những người con trai tráng của làng chài căng tràn nhựa sống và hình ảnh đoàn thuyền ra khơi đầy tráng khí. Qua đó, Tế Hanh đã thể hiện tình yêu, lòng tự hào về vẻ đẹp của thiên nhiên và con người quê hương.  - Cảnh trở về tấp nập, no đủ, bình yên. (phân tích khổ thơ thứ ba)  + Không khí: tấp nập vui tươi với những người lao động làng chài hồn hậu, yêu lao động và biển cả bao dung cho những khoang thuyền tươi ngon đầy ắp cá.  + Vẻ đẹp tràn đầy sinh lực của những người con ưu tú của làng chài:  *“Dân chài lưới làn da ngăm rám nắng*  *Cả thân hình nồng thở vị xa xăm”.*  + Hình ảnh con thuyền được nhân hóa, trở về nghỉ ngơi sau một chuyến biển dài. Con thuyền mang trong thớ vỏ dư vị mặn mòi của biển cả bao la.  => Các hình ảnh thuyền, biển và con người làng chài gắn bó, hòa quyện cùng nhau trong mối quan hệ linh thiêng. Tế Hanh đã sử dụng những câu thơ đằm thắm, ngọt ngào, những biện pháp tu từ nhân hóa, ẩn dụ đặc sắc để tái hiện vẻ đẹp của thiên nhiên thơ mộng, hùng tráng, vẻ đẹp tràn trề sinh lực của người lao động làng chài. Ông ca ngợi cuộc sống lao động bình dị mà vui tươi trên quê hương mình với một tình yêu thương tha thiết, chân thành.  c. Bài thơ khơi dậy và làm đẹp thêm tình yêu quê hương, đất nước cho mỗi người đọc qua tình cảm thiết tha, nỗi nhớ da diết của nhà thơ đối với quê hương được bộc lộ trực tiếp ở khổ thơ cuối: nhớ quê hương là Tế Hanh nhớ về những hình ảnh, những sự vật bình dị, gần gũi, quen thuộc mang vẻ đẹp mộc mạc của làng chài ven biển tỉnh Quảng Ngãi: màu nước xanh, cá bạc, chiếc buồm vôi, con thuyền, mùi nồng mặn,…  (Khi trình bày, HS phải phân tích được các hình ảnh vừa chân thực, vừa bay bổng lãng mạn, bất ngờ; từ ngữ chọn lọc; biện pháp **tu từ** độc đáo; nhịp thơ tha thiết, lời thơ giản dị, đằm thắm,…)  ***3. Đánh giá:***  Tâm hồn trong sáng, tình cảm thiết tha của nhà thơ Tế Hanh đối với quê hương đã khơi dậy, bồi đắp thêm cho mỗi bạn đọc tình yêu con người, tình yêu quê hương, đất nước. Đây chính là chức năng giáo dục và thẩm mỹ của văn chương đối với con người, là yếu tố quyết định cho sức sống bền vững của một tác phẩm văn học trong lòng độc giả.  **Kết bài:**  Khẳng định lại giá trị của bài thơ ***Quê hương*** và bộc lộ suy nghĩ riêng. | **1,0đ**  **11,0đ**  *1,0đ*  **9,0đ**  *1,5đ*  **6,5đ**  ***1,0đ***  **3,0đ**  *1,5đ*  *1,5đ*  ***2,5 đ***  ***1,0đ***  ***1,0đ*** |

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**ĐỀ 9:**

**ĐỀ THI HỌC SINH GIỎI HUYỆN**

Môn: **Ngữ văn 8**

Thời gian làm bài: 150 phút

*(Không kể thời gian giao đề)*

**Câu 1 (4.0 điểm) :**

**TẤT CẢ SỨC MẠNH**

Có một cậu bé đang chơi ở đống cát trước sân. Khi đào một đường hầm trong đống cát, cậu bé đụng phải một tảng đá lớn. Cậu bé liền tìm cách đẩy nó ra khỏi đống cát.

Cậu bé dùng đủ mọi cách, cố hết sức lực nhưng rốt cuộc vẫn không thể đẩy được tảng đá ra khỏi đống cát. Đã vậy bàn tay cậu còn bị trầy xước, rướm máu. Cậu bật khóc rấm rứt trong thất vọng.

Người bố ngồi trong nhà lặng lẽ theo dõi mọi chuyện. Và khi cậu bé bật khóc, người bố bước tới: *“Con trai, tại sao con không dùng hết sức mạnh của mình?”*.

Cậu bé thổn thức đáp: *“Có mà! Con đã dùng hết sức rồi mà bố!*”.

*“Không con trai* – người bố nhẹ nhàng nói – *con đã không dùng đến tất cả sức mạnh của con. Con đã không nhờ bố giúp”*.

Nói rồi người bố cúi xuống bới tảng đá ra, nhấc lên và vứt đi chỗ khác.

(Theo báo Tuổi trẻ - Bùi Xuân Lộc *phỏng dịch* từ “Faith to Move Mountains”).

**Suy nghĩ của anh/chị về bài học rút ra từ câu chuyện trên.**

**Câu 2 ( 6.0 *điểm*):**

Nhận xét về bài thơ **Quê hương** của Tế Hanh, có ý kiến cho rằng: *"* *Sức hấp dẫn của những vần thơ viết về quê hương của Tế Hanh không chỉ dừng lại ở việc miêu tả cảnh vật vùng biển kỳ vĩ mà hồn thơ Tế Hanh còn dành tình yêu đặc biệt với những người dân vạn chài nơi đây".*

Bằng hiểu biết về bài thơ **Quê hương** , em hãy làm sáng tỏ ý kiến trên !

--- Hết ---

**HUONG DÂN CHÂM**

**I. Hướng dẫn chung**

- Giáo viên cần nắm vững yêu cầu của hướng dẫn chấm thi để đánh giá tổng quát bài làm của học sinh, tránh trường hợp đếm ý cho điểm hoặc bỏ sót ý trong bài làm của học sinh.

- Do đặc trưng của môn Ngữ văn nên giáo viên cần chủ động, linh hoạt trong việc vận dụng đáp án và thang điểm; khuyến khích những bài viết có sáng tạo, có ý tưởng riêng và giàu chất văn.

- Giáo viên cần vận dụng đầy đủ các thang điểm. Điểm toàn bài tính đến 0,25 điểm (không làm tròn).

**II. Đáp án và thang điểm**

**Câu 1 (4.0 điểm) :**

|  |  |
| --- | --- |
| **NỘI DUNG** | **ĐIỂM** |
| **1. Yêu cầu về kĩ năng**  Biết cách làm bài văn nghị luận xã hội về một tư tưởng, đạo lí đặt ra trong tác phẩm văn học. Bài viết thể hiện sự hiểu biết sâu sắc về kiến thức xã hội; dẫn chứng thực tế, phong phú, có sức thuyết phục; bố cục rõ ràng, kết cấu chặt chẽ, diễn đạt tốt; không mắc lỗi đặt câu, dùng từ, chính tả,... |  |
| **2. Yêu cầu về kiến thức:** Thí sinh có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau, chấp nhận cả các ý ngoài đáp án, miễn là phù hợp với đề bài và có kiến giải hợp lí, có sức thuyết phục. Sau đây là những yêu cầu cơ bản: |  |
| ***a. Giới thiệu vấn đề cần nghị luận*** | **0.5** |
| ***b. Giải thích nội dung, ý nghĩa câu chuyện và rút ra bài học***  - Cậu bé đối diện với khó khăn, dù cố gắng hết sức vẫn thất bại, khóc và tuyệt vọng vì nghĩ rằng sức mạnh của con người nằm trong chính bản thân mình.  - Người cha với lời nói và hành động mang đến một thông điệp: sức mạnh của mỗi người là sức mạnh của bản thân và sự giúp đỡ từ người khác.  => Bài học: Tự lực là cần thiết nhưng nếu không biết dựa vào sự giúp đỡ từ người khác khi cần thiết cũng khó thành công hơn. | **0.5** |
| ***c. Bàn luận***  - Tại sao mỗi người nên nhận sự giúp đỡ của người khác?  + Thực tế cuộc sống đặt ra nhiều vấn đề phức tạp, bất ngờ vượt khỏi khả năng của mỗi cá nhân; có những vấn đề phải nhiều người mới giải quyết được.  + Mỗi người luôn có khát vọng được thành công trên nhiều lĩnh vực.  - Ý nghĩa của sự giúp đỡ từ người khác:  + Sự thành công sẽ nhanh và bền vững hơn.  + Người nhận sự giúp đỡ có thêm sức mạnh và niềm tin, hạn chế được những rủi ro và thất bại.  + Tạo lập mối quan hệ tốt đẹp, gắn kết giữa người với người, nhất là trong xu thế hội nhập hiện nay.  - Giúp đỡ không phải là làm thay; giúp đỡ phải vô tư, chân thành, tự nguyện.  - Phê phán những người tự cao không cần đến sự giúp đỡ của người khác, những người ỷ lại, dựa dẫm vào người khác. | **2.0** |
| ***d. Bài học nhận thức và hành động***  - Phải nhận thấy sức mạnh của cá nhân là sức mạnh tổng hợp.  - Chủ động tìm sự giúp đỡ và chỉ nhận sự giúp đỡ khi bản thân thực sự cần.  - Có thói quen giúp đỡ mọi người. | **0.5** |
| ***e. Khái quát vấn đề*** | **0.5** |

**Câu 2 (6.0 điểm) :**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nội dung*** | **Điểm** |
| *Về kĩ năng:*  - Biết cách viết một bài văn nghị luận văn học. Bố cục bài viết sáng rõ, các luận điểm liên kết mạch lạc, liên kết chặt chẽ; văn phong trong sáng, có cảm xúc,…  - Biết kết hợp nhuần nhuyễn giữa kiến thức lí luận và năng lực cảm thụ văn học. |  |
| *Về kiến thức:* Thí sinh có thể sắp xếp các luận điểm trong bài viết theo nhiều cách nhưng về cơ bản, cần đảm bảo những nội dung sau: |  |
| ***a. Mở bài:***  - Dẫn dắt để giới thiệu tác giả, tác phẩm.  - Trích dẫn ý kiến. | **0.5** |
| ***b***. ***Thân bài :*** Chứng minh qua tác phẩm: | **5.0** |
| *\*Khái quát được ý kiến:*  - Ý kiến trên muốn khẳng định sức hấp dẫn của bài thơ Quê hương với người đọc không chỉ bởi cảnh vật vùng biển quê ông được miêu tả rất đẹp bằng ngòi bút tinh tế mà còn hấp dẫn bởi tình yêu chân thành, tha thiết mà Tế Hanh dành trọn cho con người quê hương. | 0.5 |
| *\* Luận điểm 1:* Bài thơ hấp dẫn người đọc trước hết bởi cảnh vật vùng biển quê hương hiện lên thật tự nhiên mà cũng thật đẹp. | 2.0 |
| - Ngay ở lời thơ mở đầu nhà thơ đã giới thiệu với người đọc về quê hương yêu dấu của mình với nghề nghiệp và vị trí cụ thể -> với niềm tự hào về một vùng quê chài lưới thanh bình.  - Vùng quê đó càng đẹp hơn khi tác giả đặc tả cảnh dân chài ra khơi vào buổi sớm mai hồng:  + Đó là khung cảnh thời tiết đẹp, lí tưởng,cho một chuyến ra khơi.  + Nổi bật lên giữa thiên nhiên hùng vĩ là hình ảnh con thuyền ra khơi căng tràn sự sống*.(chú ý vào hình ảnh so sánh tinh tế, độc đáo của nhà thơ khi miêu tả con thuyền và cánh buồm..)*  => Bức tranh thiên nhiên vùng biển hiện lên thật tinh tế và sống động dưới nét vẽ tài tình của nhà thơ. |  |
| *\* Luận điểm 2:* Bài thơ còn hấp dẫn người đọc bởi tình yêu đặc biệt của người con xa quê dành cho người dân vạn chài nơi đây. | 2.0 |
| - Ông viết về họ với tất cả niềm tự hào hứng khởi:  + Đó là cảnh đoàn thuyền trở về trong sự mong đợi của dân chài...  + Đó là hình ảnh những con người khỏe mạnh rắn rỏi (chú ý bút pháp tả thực kết hợp bút pháp lãng mạn). Nhà thơ đã khắc họa vẻ đẹp đặc trưng của con người nơi đây.  + Đó còn là hình ảnh con thuyền mệt mỏi say sưa sau một hành trình vất vả..  (NT nhân hóa và ẩn dụ chuyển đổi cảm giác)  - Bài thơ kết thúc trong nỗi nhớ quê hương khôn nguôi của người con xa xứ.  (Nếu không có bốn câu thơ cuối bài có lẽ người đọc không thể biết được nhà thơ viết bài thơ khi xa quê.) |  |
| *\* Đánh giá chung:*  - Khẳng định ý kiến là đúng  - Để đạt được giá trị đó cần có một cách viết giản dị tự nhiên mà sâu sắc qua ngôn ngữ, hình ảnh thơ... | 0.5 |
| ***c. Kết bài:***  - Khẳng định lại vấn đề chứng minh.  - Liên hệ: Thơ Tế Hanh có sức lay động mạnh mẽ tới độc giả. Nó đánh thức trái tim ta trong tình yêu nỗi nhớ quê hương... | **0.5** |

-------------------------------- Hết -------------------------------

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**ĐỀ 10:**

|  |  |
| --- | --- |
|  | **KỲ THI CHỌN HSG CẤP HUYỆN**  **NĂM HỌC 2017 – 2018**  **Môn: Ngữ Văn – Lớp 8**  *Thời gian:* 150 phút |

**Câu1*(2.0 điểm)*:** Phân tích giá trị biểu đạt của các biện pháp tu từ trong đoạn thơ sau:

*"Một mùa xuân nho nhỏ*

*Lặng lẽ dâng cho đời*

*Dù là tuổi hai mươi*

*Dù là khi tóc bạc"*

( ***Mùa xuân nho nhỏ***- Thanh Hải, Ngữ văn 9, Tập 2)

**Câu 2 *(6,0 điểm)*:**

*“Mỗi ngày ta chọn một niềm vui*

*Chọn những bông hoa và những nụ cười.”*

(***Mỗi ngày một niềm vui*** – Trịnh Công Sơn)

Từ nội dung của những ca từ trên, em hãy viết một bài văn bàn luận về niềm vui trong cuộc sống.

**Câu 3 *(12,0 điểm)*:** Bàn về văn chương, Hoài Thanh viết:“*Văn chương gây cho ta những tình cảm ta không có, luyện cho ta những tình cảm ta sẵn có*.”

**(**Trích ***Ý nghĩa văn chương* –** Ngữ văn 7, Tập 2)

Bằng hiểu biết của em về bài thơ *Quê hương* của Tế Hanh, hãy làm sáng tỏ ý kiến trên./.

------------**Hết**-------------

**HƯỚNG DẪN CHẤM NGỮ VĂN 8 (Đề chính thức)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CÂU** | **Hướng dẫn chấm** | **ĐIỂM** |
| **Câu 1**  ***4,0 điểm*** | ***1. Xác định biện pháp tu từ*:**  - Biện pháp tu từ ẩn dụ: *Mùa xuân nho nhỏ*  - Điệp ngữ: *Dù là*  - Hoán dụ: *Tuổi hai mươi, khi tóc bạc* | **0,5đ** |
| ***2. Giá trị của biện pháp tu từ:***  - Hình ảnh "*mùa xuân nho nhỏ*" chỉ con người cá nhân với lối sống đẹp, với tất cả sức sống tươi trẻ, mạnh mẽ, rực rỡ nhất, đẹp nhất của đời người góp vào mùa xuân lớn của đất nước, của cuộc đời chung. | *0,5đ* |
| -Điệp ngữ: “*Dù là*” được nhắc lại hai lần nhằm khẳng định sự cống hiến chân thành, vô điều kiện. | *0,25đ* |
| - Biện pháp hoán dụ: "*tuổi hai mươi*" chỉ tuổi trẻ mạnh mẽ, đầy sức sống; "*khi tóc bạc*" chỉ tuổi khi đã xế bóng, cho thấy khát vọng cống hiến, hiến dâng tất cả sức lực của mình cho cuộc đời, cho đất nước. | *0,25đ* |
| Các biện pháp tu từ nhằm diễn tả khát vọng cống hiến của nhà thơ - những gì đẹp đẽ, tinh túy nhất của cuộc đời dâng hiến cho non sông đất nước, không một chút toan tính, vụ lợi. | *0,5đ* |
| **Câu 2**  ***6,0 điểm*** | **\* Yêu cầu về kĩ năng:**  - Bài viết có bố cục và cách trình bày hợp lí.  - Hệ thống ý (luận điểm) rõ ràng và được triển khai tốt  Diễn đạt trôi chảy, không mắc lỗi chính tả, lỗi dùng từ và ngữ pháp. | **1,0đ** |
| **\* Yêu cầu về kiến thức:** (Học sinh có thể sắp xếp, trình bày theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo một số ý cơ bản mang tính định hướng dưới đây).  - Giải thích được nội dung của những ca từ:  + Câu hát khẳng định: cuộc sống đan xen giữa niềm vui và nỗi buồn, giữa hạnh phúc và đau khổ. Vì vậy, con người nên chọn niềm vui là phương châm sống của mình.  + Niềm vui không hẳn là những điều to tát mà có thể chỉ là những điều nhỏ bé, giản dị như ngắm một bông hoa, nở một nụ cười. | *1,5đ* |
| - Hiểu biết chung về niềm vui:  Niềm vui là những điều mang lại cảm xúc vui vẻ, hạnh phúc, hân hoan cho con người trong cuộc sống. | *0,5đ* |
|  | - Chỉ ra được ý nghĩa của niềm vui:  + Niềm vui đem lại cho con người sự sảng khoái về tinh thần, là động lực cho con người tham gia tốt tất cả mọi công việc.  + Có niềm vui, con người thêm lạc quan, yêu đời, yêu cuộc sống.  + Niềm vui nâng cao sức khỏe và trí tuệ cho con người: *Một nụ cười bằng mười thang thuốc bổ*.  + Bên cạnh đó cũng có những người có lối sống bi quan, chán nản, tiêu cực, chúng ta cần phê phán. | *1,5đ* |
| - Chỉ ra được những biểu hiện của niềm vui:  + Người có niềm vui là người luôn hòa đồng, sống chan hòa, yêu đời, yêu cuộc sống.  + Người có niềm vui luôn biết đồng cảm và tạo ra niềm vui cho những người xung quanh. | *1,0đ* |
| - Liên hệ:  + Cần rèn luyện cho mình niềm lạc quan, yêu đời, phải biết tìm niềm vui trong những điều giản dị nhất.  + Thái độ của bản thân đối với những người sống bi quan, tiêu cực. | *0,5đ* |
| **Câu 3**  **12,0 điểm** | **NGHỊ LUẬN VĂN HỌC** |  |
| **\* Yêu cầu về kĩ năng:**  - Bài viết có bố cục và cách trình bày hợp lí.  - Hệ thống ý (luận điểm) rõ ràng và được triển khai tốt  Diễn đạt trôi chảy, không mắc lỗi chính tả, lỗi dùng từ và ngữ pháp | 1,0đ |
| **\* Yêu cầu về kiến thức:** (Học sinh có thể sắp xếp, trình bày theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo một số ý cơ bản mang tính định hướng dưới đây).  ***Mở bài:***  Giới thiệu khái quát về tác giả, tác phẩm, giới thiệu ý kiến của Hoài Thanh gắn với nội dung chính của bài thơ ***Quê hương***: bài thơ thể hiện tình yêu quê hương sâu nặng. | *1,0đ* |
| ***Thân bài:***  ***1. Giải thích tổng quát:***  - Hoài Thanh khẳng định: *văn chương gây cho ta những tình cảm ta không có*, tức là khẳng định các tác phẩm văn chương có khả năng khơi dậy những tình cảm, rung cảm đẹp đẽ cho mỗi người khi tiếp cận tác phẩm.  - Ông còn khẳng định: văn chương *luyện cho ta những tình cảm ta sẵn có*, tức là nhấn mạnh khả năng văn chương bồi đắp tâm hồn, tình cảm của mỗi người thêm sâu sắc, thêm đẹp đẽ, bền vững.  - Nhận định đã khái quát một cách sâu sắc hai vấn đề: khái quát quy luật sáng tạo và tiếp nhận văn chương: đều xuất phát từ tình cảm, cảm xúc của tác giả và bạn đọc; khái quát chức năng giáo dục và thẩm mỹ của văn chương đối với con người.  - Nêu hoàn cảnh ra đời của bài thơ ***Quê hương***: bài thơ được viết năm 1939, khi Tế Hanh 18 tuổi, đang học ở Huế; quê hương hiện lên trong hoài niệm, nỗi nhớ nhung, trong sự bùng cháy mãnh liệt của cảm xúc. Khẳng định: bài thơ khơi dậy, bồi đắp thêm cho tình yêu con người, tình yêu quê hương, đất nước của mỗi người. Bài thơ là minh chứng cho nhận định của Hoài Thanh. | *1,5đ* |
| ***2. Phân tích, chứng minh:***  a. Bài thơ khơi dậy và làm đẹp thêm tình yêu quê hương, đất nước cho mỗi người đọc qua niềm tự hào của tác giả khi giới thiệu về quê hương mình một cách đầy trìu mến. (hai câu thơ đầu)  Bài thơ mở đầu bằng hai câu thơ giới thiệu về “*làng tôi ở*” rất giản dị và trìu mến. Hai câu thơ gợi lên một vùng quê sông nước mênh mông và công việc chính của người dân nơi đây là nghề chài lưới. | *1,0đ* |
| b. Bài thơ khơi dậy và làm đẹp thêm tình yêu quê hương, đất nước cho mỗi người đọc qua việc ngợi ca vẻ đẹp của bức tranh thiên nhiên và cuộc sống của người dân làng chài ven biển.  - Cảnh ra khơi đầy hứng khởi giữa thiên nhiên sông nước gần gũi, khoáng đạt, thi vị. (phân tích khổ thơ thứ hai)  + Thiên nhiên: sớm mai hồng thơ mộng và trong trẻo.  + Con người lao động: những người dân trai tráng tràn trề sức lực.  + Đoàn thuyền: nghệ thuật so sánh miêu tả đoàn thuyền ra khơi với khí thế hùng tráng, mang theo ước mơ của những người dân làng chài về một chuyến đi biển bình yên.  => Toàn bộ đoạn thơ gợi lên khung cảnh thiên nhiên vùng biển đẹp thơ mộng, những người con trai tráng của làng chài căng tràn nhựa sống và hình ảnh đoàn thuyền ra khơi đầy tráng khí. Qua đó, Tế Hanh đã thể hiện tình yêu, lòng tự hào về vẻ đẹp của thiên nhiên và con người quê hương. | *1,5đ* |
| - Cảnh trở về tấp nập, no đủ, bình yên. (phân tích khổ thơ thứ ba)  + Không khí: tấp nập vui tươi với những người lao động làng chài hồn hậu, yêu lao động và biển cả bao dung cho những khoang thuyền tươi ngon đầy ắp cá.  + Vẻ đẹp tràn đầy sinh lực của những người con ưu tú của làng chài:  *“Dân chài lưới làn da ngăm rám nắng*  *Cả thân hình nồng thở vị xa xăm”.*  + Hình ảnh con thuyền được nhân hóa, trở về nghỉ ngơi sau một chuyến biển dài. Con thuyền mang trong thớ vỏ dư vị mặn mòi của biển cả bao la.  => Các hình ảnh thuyền, biển và con người làng chài gắn bó, hòa quyện cùng nhau trong mối quan hệ linh thiêng. Tế Hanh đã sử dụng những câu thơ đằm thắm, ngọt ngào, những biện pháp tu từ nhân hóa, ẩn dụ đặc sắc để tái hiện vẻ đẹp của thiên nhiên thơ mộng, hùng tráng, vẻ đẹp tràn trề sinh lực của người lao động làng chài. Ông ca ngợi cuộc sống lao động bình dị mà vui tươi trên quê hương mình với một tình yêu thương tha thiết, chân thành.  c. Bài thơ khơi dậy và làm đẹp thêm tình yêu quê hương, đất nước cho mỗi người đọc qua tình cảm thiết tha, nỗi nhớ da diết của nhà thơ đối với quê hương được bộc lộ trực tiếp ở khổ thơ cuối: nhớ quê hương là Tế Hanh nhớ về những hình ảnh, những sự vật bình dị, gần gũi, quen thuộc mang vẻ đẹp mộc mạc của làng chài ven biển tỉnh Quảng Ngãi: màu nước xanh, cá bạc, chiếc buồm vôi, con thuyền, mùi nồng mặn,…  (Khi trình bày, HS phải phân tích được các hình ảnh vừa chân thực, vừa bay bổng lãng mạn, bất ngờ; từ ngữ chọn lọc; biện pháp **tu từ** độc đáo; nhịp thơ tha thiết, lời thơ giản dị, đằm thắm,…) | *1,5đ*  *2,5 đ* |
|  |  |
|  | ***3. Đánh giá:***  Tâm hồn trong sáng, tình cảm thiết tha của nhà thơ Tế Hanh đối với quê hương đã khơi dậy, bồi đắp thêm cho mỗi bạn đọc tình yêu con người, tình yêu quê hương, đất nước. Đây chính là chức năng giáo dục và thẩm mỹ của văn chương đối với con người, là yếu tố quyết định cho sức sống bền vững của một tác phẩm văn học trong lòng độc giả. | *1,0đ* |
| **Kết bài:**  Khẳng định lại giá trị của bài thơ ***Quê hương*** và bộc lộ suy nghĩ riêng. | *1,0đ* |

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**ĐỀ 11:**

|  |  |
| --- | --- |
|  | **KÌ THI HỌC SINH GIỎI LỚP 8 CẤP HUYỆN**  **NĂM HỌC: 2018-2019**  **Môn thi: Ngữ văn.**  *Thời gian: 150 phút* |

**I. ĐỌC - HIỂU** **(4,0 điểm)**

**Đọc phần trích sau và thực hiện các yêu cầu:**

*... Thế là em quẹt những que diêm còn lại trong bao. Em muốn níu bà em lại! Diêm nối nhau chiếu sáng như giữa ban ngày. Chưa bao giờ em thấy bà em to lớn và đẹp lão như thế này. Bà cụ cầm lấy tay em, rồi hai bà cháu bay vụt lên cao, cao mãi, chẳng còn đói rét, đau buồn nào đe dọa họ nữa. Họ đã về chầu thượng đế.*

*Sáng hôm sau, tuyết vẫn phủ kín mặt đất, nhưng mặt trời lên cao, trong sáng, chói chang trên bầu trời xanh nhợt (...). Trong buổi sáng lãnh lẽo ấy, người ta thấy một em gái có đôi má hồng và đôi môi đang mỉm cười. Em đã chết vì đói rét trong đêm giao thừa.*

(*Ngữ văn 8*, tập 1, NXB GD 2010)

**Câu 1 (1,0 điểm):** Nêu phương thức biểu đạt chính của phần trích?

**Câu 2 (2,0 điểm):** Vận dụng kiến thức về phép tu từ, chỉ ra sự khác nhau trong cách viết của hai câu văn được gạch chân? Hiệu quả nghệ thuật của các cách viết đó?

**Câu 3 (1,0 điểm):** Thông điệp sâu sắc từ phần trích trên?

**II. LÀM VĂN (16,0 điểm)**

**Câu 1 (4,0 điểm):**

Bài thơ" *Tức cảnh Pác Bó*" (Hồ Chí Minh, Văn 8, tập 2, NXB GD 2010) kết thúc bằng câu thơ: “*Cuộc đời cách mạng thật là sang”.* Viết đoạn văn cảm nhận về vẻ đẹp của câu thơ trên và nét độc đáo trong "thú lâm tuyền" của Hồ Chí Minh với người xưa?

**Câu 2 (12,0 điểm):**

Hình tượng quê hương trong bài thơ cùng tên của nhà thơ Tế Hanh (Văn 8, tập 2, NXB GD 2010); từ đó nêu suy nghĩ về giá trị của quê hương trong cuộc sống?

*-----------------------****Hết****-----------------------*

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

*(Hướng dẫn chấm này có 03 trang)*

**I. Hướng dẫn chung**

- Giám khảo cần vận dụng hướng dẫn chấm chủ động, linh hoạt, tránh cứng nhắc, máy móc và phải biết cân nhắc trong từng trường hợp cụ thể để ngoài kiểm tra kiến thức cơ bản, giám khảo cần trân trọng những bài làm thể hiện được tố chất của một học sinh giỏi (kiến thức vững chắc, có năng lực cảm thụ văn học sâu sắc, tinh tế, kỹ năng làm bài tốt, diễn đạt có cảm xúc...) đặc biệt khuyến khích những bài làm có sự sáng tạo, có phong cách riêng.

- Giám khảo cần đánh giá bài làm của học sinh một cách tổng thể ở từng câu và cả bài, không đếm ý cho cho điểm nhằm đánh giá bài làm của học sinh trên cả hai phương diện: kiến thức và kỹ năng.

- Hướng dẫn chấm thi chỉ nêu ý chính và thang điểm cơ bản, trên cơ sở đó, giám khảo có thể thống nhất để định ra ý chi tiết và thang điểm cụ thể hơn.

- Nếu thí sinh làm bài theo cách riêng nhưng đáp ứng được yêu cầu cơ bản, hợp lý, có sức thuyết phục, giám khảo căn cứ vào thực tế bài làm để cho điểm một cách chính xác, khoa học, khách quan, công bằng.

- Tổng điểm toàn bài là 20 điểm, cho điểm lẻ đến 0,5 điểm.

**II. Hướng dẫn cụ thể**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I. ĐỌC - HIỂU** | | |
| **1** | - Phương thức biểu đạt chính: tự sự | **1,0** |
| **2** | \* Sự khác nhau trong cách viết của 2 câu văn đã cho:  - Câu 1: “*Họ đã về chầu thượng đế”: Dùng cách nói giảm nói tránh.*  - Câu 2: *“Em đã chết vì đói rét trong đêm giao thừa”: Không dùng cách nói giảm nói tránh.*  \*Hiệu quả của cách viết đó:  - Câu 1: Tránh sự nặng nề, tạo cảm giác nhẹ nhàng, phù hợp với tâm lí và khát khao của nhân vật, sự thấu hiểu và tinh tế của nhà văn.  - Câu 2: Nổi bật bi kịch, tăng tiếng nói tố cáo, bức thông điệp gửi đến người đọc càng sâu sắc hơn. | **0,5**  **0,5**  **0, 5**  **0,5** |
| **3** | - HS rút ra những thông điệp hợp lí, thuyết phục, phù hợp với nội dung phần trích trên. | **1,0** |
| **II. LÀM VĂN** | | |
| **1** | **Bài thơ" Tức cảnh Pác Bó" (Hồ Chí Minh) kết thúc bằng câu thơ: “Cuộc đời cách mạng thật là sang”. Viết đoạn văn cảm nhận về vẻ đẹp của câu thơ trên và nét độc đáo trong "thú lâm tuyền" của Hồ Chí Minh với người xưa?** |  |
|  | ***a. Yêu cầu về hình thức, kĩ năng:*** Viết đúng thể thức của đoạn văn, có kĩ năng cảm thụ thơ.  - Diễn đạt trôi chảy, có hình ảnh và cảm xúc, không mắc lỗi chính tả, dùng từ đặt câu. | **0,5** |
| ***b. Yêu cầu về kiến thức:*** Học sinh có thể trình bày nhiều cách, nhưng cần đảm bảo các ý sau:  - Giới thiệu tác giả, tác phẩm, câu thơ. | **0,5** |
| - Vẻ đẹp của câu thơ:  + Niềm vui thích của nhân vật trữ tình về cuộc đời cách mạng -> Nổi bật vẻ đẹp của niềm lạc quan phong thái ung dung của Hồ Chí Minh trong hoàn cảnh cách mạng còn nhiều gian khổ, thử thách.  + Nghệ thuật điểm nhãn, giọng thơ hóm hỉnh, kết hợp triết lí và trữ tình... | **1,0** |
| - Nét độc đáo trong "thú lâm tuyền" của Hồ Chí Minh:  + Thiên nhiên là căn cứ địa, là nơi "hành đạo" của người chiến sĩ cách mạng  + "Khách lâm tuyền" có dáng dấp ẩn sĩ nhưng vẫn mang cốt cách chiến sĩ. | **1,0** |
| **2** | **Hình tượng quê hương trong bài thơ cùng tên của nhà thơ Tế Hanh, từ đó nêu suy nghĩ về giá trị của quê hương trong cuộc sống?** |  |
|  | ***a. Yêu cầu về kĩ năng:***  - Biết cách tạo lập văn bản nghị luận văn học, từ đó trình bày suy nghĩ của mình về vấn đề trong đời sống xã hội.  - Bố cục bài văn chặt chẽ, mạch lạc.  - Diễn đạt trôi chảy, văn có hình ảnh, cảm xúc, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu. | **1,0** |
| ***b. Yêu cầu về kiến thức:***  Học sinh có thể trình bày nhiều cách, nhưng cần đảm bảo các ý sau:  - Giới thiệu tác giả, tác phẩm, vấn đề nghị luận | **1,0** |
| - Nêu ngắn gọn cách hiểu về hình tượng văn học quê hương: Là cội nguồn gần gũi, thiêng liêng, là nơi gửi gắm tình cảm, là điểm tựa tinh thần của cuộc đời mỗi con người... | **1,0** |
| - Cảm nhận về hình tượng quê hương trong bài thơ: Quê hương hiện lên trong dòng tâm tưởng là một miền quê bình dị, sức sống, trong sáng, tươi sáng và mang đậm đặc trưng của quê hương vùng biển: Qua vẻ đẹp của con người và cảnh sắc quê hương trong cảnh ra khơi, cảnh trở về trong nỗi nhớ tha thiết của nhà thơ... | **6,0** |
| + Đánh giá, khái quát: hình tượng quê hương, hình tượng cái tôi nhà thơ Tế Hanh, liên hệ, mở rộng... | **1,0** |
| - Giá trị của quê hương:  + Giá trị của quê hương: Là cội nguồn sinh dưỡng gần gũi và thiêng liêng, là nơi lưu giữ những buồn vui của mỗi người và những đặc trưng của vùng miền về văn hóa, phong tục...một điểm tựa tinh thần bền bỉ trong cuộc đời mỗi người.  + Phản đề, bài học... | **1,0**  **1,0** |

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**ĐỀ 12:**

**PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**ĐỀ THI HỌC SINH GIỎI NĂM HỌC 2017-2018**

**MÔN NGỮ VĂN 8**

Thời gian làm bài: *120 phút*

**I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)**

Đọc đoạn trích và thực hiện các yêu cầu sau:

*Tiểu đội giải phóng quân chúng tôi trong Trung đội “ký con” đã hoàn thành nhiệm vụ. Chúng tôi mong được ghi nhận rằng chúng tôi đã từng sống, chiến đấu và đã chết trong một mùa Xuân giữa đất trời như trăm ngàn cái chết của người Việt Nam chân chính cho Tổ quốc và dân tộc sống còn.*

*Còn như chúng tôi được phát hiện muộn hơn sau 5 năm 10 năm – tự do quý giá, thì xin cho chúng tôi gởi đến những người đang sống, sống đúng ý nghĩa của nó, trong một thời đại vinh quang, lời biết ơn sâu sắc vì các bạn đang làm cho cái chết của chúng tôi giữ được  đầy đủ ý nghĩa. Các bạn đang lao động quên mình cũng như chúng tôi đã chiến đấu quên mình cho đất nước ta ngày nay tươi đẹp, cho dân ta ngày càng ấm no, hạnh phúc, cho xã hội ta ngày càng dân chủ công bằng.*

(Trích *Thư gửi thế hệ mai sau* của 3 liệt lĩ Lê Hoàng Vũ, Nguyễn Chí, Trần Viết Dũng thuộc Tiểu đội 1 - Trung đội Ký Con, Trung đoàn Bình Giã, Quân giải phóng miền Nam)

Câu 1. (0,5 điểm): Xác định phương thức biểu đạt của văn bản

Câu 2. (1,5 điểm): Nêu nội dung chính của văn bản

Câu 3. (2,0 điểm): Suy nghĩ về những lời tâm sự của các anh hùng liệt sĩ trong đoạn trích gửi đến chúng ta – những con người thế hệ hôm nay (trình bày 6 đến 8 dòng)

**II. LÀM VĂN (16,0 điểm)**

**Câu 1. (6,0 điểm)**

*Nhưng ô kìa ! Sau trận mưa vùi dập và những cơn gió phũ phàng kéo dài suốt cả một đêm, tưởng chừng như không bao giờ dứt, vẫn còn một chiếc lá thường xuân bám trên bức tường gạch. Đó là chiếc lá cuối cùng trên cây. Ở gần cuống lá còn giữ màu xanh sẫm, nhưng với rìa là hình răng cưa đã nhuốm màu vàng úa, chiếc lá vẫn dũng cảm treo bám vào cành cách mặt đất chừng hai mươi bộ.*

(Trích *Chiếc lá cuối cùng*, O Hen-ri, Ngữ văn 8, Tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2011, tr.87)

Từ ý nghĩa đoạn trích trên, hãy trình bày suy nghĩ về nghị lực sống của con người.

**Câu 2.(10,0 điểm)**

Đánh giá về bài thơ *Quê hương* của Tế Hanh, trong phần ghi nhớ, Sách giáo khoa Ngữ văn 8, Tập 2, NXB Giáo dục Việt Nam trang 18 viết:

*“Với những vần thơ bình dị mà gợi cảm, bài thơ Quê hương của Tế Hanh đã vẽ ra một bức tranh tươi sáng, sinh động về một làng quê miền biển, trong đó nổi bật lên hình ảnh khỏe khoắn, đầy sức sống của người dân chài và sinh hoạt lao động làng chài”*

Hãy phân tích bài thơ *Quê hương* của Tế Hanh để thấy: “*một bức tranh tươi sáng, sinh động về một làng quê miền biển*” và “*hình ảnh khỏe khoắn, đầy sức sống của người dân chài và sinh hoạt lao động làng chài”*

*…………………****Hết****………………..*

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | | **Điểm** |
| **ĐỌC HIỂU** | | | **4,0** |
| **1** | | Phương thức biểu đạt: tự sự, biểu cảm. | **0,5** |
| **2** | | Nội dung chính của đoạn trích:  - Lời nhắn gửi của những người lính đến thế hệ mai sau: ghi nhận họ đã từng chiến đấu, hi sinh để bảo vệ Tổ quốc  - Mong ước thế hệ mai sau tiếp tục lao động, cống hiến dựng xây đất nước | **1,5** |
| **3** | | - Suy nghĩ về những lời tâm sự của các anh hùng liệt sĩ gửi đến chúng ta – những con người của thế hệ hôm nay  - Thí sinh bày tỏ suy nghĩ theo những cách riêng miễn là hợp lí, thuyết phục. Dưới đây là một hướng suy nghĩ:  + Trân trọng biết ơn những gì mà thế hệ cha anh đi trước đã hi sinh cho Tổ quốc để chúng ta có được cuộc sống hòa bình hôm nay  + Từ đó biết sống xứng đáng, cống hiến sức mình để dựng xây quê hương, đất nước ngày càng giàu đẹp | **2,0** |
| **LÀM VĂN** | | | **16,0** |
| **1** | **Từ ý nghĩa đoạn trích, hãy trình bày suy nghĩ về nghị lực sống của con người.** | | **6,0** |
|  | a. *Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận*: *Mở bài* giới thiệu được vấn đề, *Thân bài* triển khai được vấn đề, *Kết bài* khái quát được vấn đề | | **0,25** |
| b. *Xác định đúng vấn đề cần nghị luận:* Nghị lực sống của con người | | **0,25** |
| c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm:Triển khai luận điểm theo trình tự hợp lí, có sự liên kết chặt chẽ; sử dụng tốt thao tác lập luận để làm rõ luận điểm; biết kết hợp giữa nêu lí lẽ và đưa dẫn chứng; dẫn chứng phải phù hợp, cụ thể sinh động. Thí sinh có thể trình bày theo nhiều cách, nhưng cần làm nổi bật các ý sau: | | **5.0** |
| \* ***Giới thiệu tác giả và vấn đề nghị luận*** | | **0.5** |
| \* ***Nghị luận về đoạn trích***: Đoạn trích làm hiện lên hình ảnh chiếc lá cuối cùng trên cây thường xuân. Trước sự dữ dội của thiên nhiên, chiếc lá vẫn kiên cường treo bám vào cành. Từ sức sống mãnh liệt ta nghĩ về nghị lực của con người trong cuộc sống. | | **1** |
| \* ***Nghị luận về nghị lực sống của con người***  - Nghị lực sống của con người chính là bản lĩnh, ý chí, sự cố gắng để vượt lên tất cả những khó khăn, dám nghĩ, dám làm, dám sống. | | **0,5** |
| - Vai trò, ý nghĩa của nghị lực sống:  + Tạo cho ta bản lĩnh và lòng dũng cảm, tự tin trong cuộc sống  + Ứng phó và cải biến được khó khăn, thử thách  + Ngoài trí tuệ và tài năng, tình cảm và nhiệt huyết thì nghị lực sống là một nhân tố quan trọng, là động lực giúp cho con người thành công trong cuộc sống.  + Nghị lực sống là thước đo phẩm chất con người | | **1,5** |
| - Nêu và phân tích những tấm gương cụ thể trong đời sống trên các mặt: vượt khó để học tập, lập nghiệp, lao động và sáng tạo… | | **0,5** |
| - Phê phán những biểu hiện tiêu cực: thiếu nghị lực, bản lĩnh, chỉ biết sống trong sự bao bọc, chở che, không dám đối diện với khó khăn, thử thách | | **0,5** |
| - Rút ra bài học:  + Rèn luyện nghị lực sống để vượt qua khó khăn, gian khổ và vượt qua chính mình  + Kiên định mục đích sống của mình, không chán nản, bi quan, bỏ cuộc | | **0,5** |
| d. Chính tả, dùng từ, đặt câu. Đảm bảo quy tắc chính tả, ngữ nghĩa, dùng từ, đặt câu. | | **0,25** |
| e. Sáng tạo: Có cách diễn đạt độc đáo, sáng tạo (viết câu, sử dụng từ ngữ, hình ảnh và các yếu tố biểu cảm…; thể hiện được quan điểm và thái độ riêng, sâu sắc nhưng không trái với chuẩn mực xã hội) | | **0,25** |
| **2** | **Phân tích bài thơ Quê hương của Tế Hanh** **để thấy: “*một bức tranh tươi sáng, sinh động về một làng quê miền biển*” và “*hình ảnh khỏe khoắn, đầy sức sống của người dân chài và sinh hoạt lao động làng chài”*** | | **10,0** |
|  | a. *Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận*: *Mở bài* giới thiệu được vấn đề, *Thân bài* triển khai được vấn đề, *Kết bài* khái quát được vấn đề | | **0,5** |
| b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: Một bức tranh tươi sáng, sinh động về một làng quê miền biển và hình ảnh khỏe khoắn, đầy sức sống của người dân chài và sinh hoạt lao động làng chài… | | **0,5** |
| c. Triển khai vấn đề nghị luận  Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm theo trình tự hợp lí, có sự liên kết chặt chẽ; sử dụng tốt thao tác lập luận để làm rõ luận điểm; biết kết hợp giữa nêu lí lẽ và đưa dẫn chứng; dẫn chứng phải phù hợp, cụ thể sinh động.  - Thí sinh có thể triển khai theo nhiều cách, miễn là hợp lí, thuyết phục. Sau đây là một định hướng: | | **8,0** |
| \* ***Giới thiệu vài nét về tác giả, tác phẩm và vấn đề nghị luận*** | | **0,5** |
| \* ***Giải thích ý kiến:***  - Ý kiến trên nhằm khẳng định sức hấp dẫn của bài thơ *Quê hương* khi nhà thơ đã vẽ ra được bức tranh cảnh vật vùng biển tươi sáng bằng ngòi bút tinh tế, sinh động, tình yêu quê hương sâu nặng.  - Điểm sáng trong bức tranh ấy là vẻ đẹp khỏe khoắn, tràn đầy sức sống, tinh thần lao động miệt mài của người dân chài và sinh hoạt lao động làng chài | | **1,0** |
| ***\* Chứng minh***:  - Vẻ đẹp tươi sáng, sinh động của một làng quê miền biển  + Khung cảnh ra khơi trong trẻo, tươi sáng được khắc họa trong buổi sớm mai hồng  + Cảnh đoàn thuyền trở về mang hơi thở mặn mòi của địa dương | | **1** |
| - Nổi bật lên trong bức tranh ấy là hình ảnh khỏe khoắn, đầy sức sống của người dân chài và sinh hoạt lao động làng chài: | |  |
| + Khí thế lao động hăng hái được gợi tả qua hình ảnh những chàng trai phăng mái chèo, mạnh mẽ vượt trường giang | | **1** |
| + Hình ảnh cánh buồn là một so sánh độc đáo gợi ra linh hồn của làng chài với bao ước mơ, khát vọng của người dân vùng biển | | **1** |
| + Cảnh ồn ào tấp nập là một bức tranh sinh hoạt lao động ở làng chài được miêu tả hết sức sinh động, chan chứa niềm vui sướng trước thành quả lao động và thể hiện khát vọng ấm no, hạnh phúc của người dân làng chài.  *(Chú ý phân tích nhịp thơ, giọng thơ, từ ngữ, hình ảnh và các biện pháp nghệ thuật để làm rõ)* | | **1,5** |
| ***\* Đánh giá:***  - Đằng sau hình ảnh bức tranh làng quê mà nổi bật là hình ảnh người dân chài là niềm vui, niềm tự hào, tình yêu của nhà thơ Tế Hanh đối với quê hương. Từ đó làm nên cảm hứng thơ mãnh liệt.  - Với cách viết giản dị, tự nhiên mà sâu sắc qua ngôn ngữ mộc mạc, gợi cảm, hình ảnh thơ tươi sáng, giọng điệu nhẹ nhàng, sâu lắng, âm điệu vui tươi, đằm thắm, hồn thơ trẻ trung của một cái nhìn ấm áp về làng quê trong kỉ niệm.  - Bài thơ viết về làng quê riêng của chính tác giả nhưng mang theo nét đẹp của cuộc sống và con người ở mọi làng chài, do vậy nó có sức hấp dẫn, đánh thức trái tim con người Việt Nam. | | **1** |
| d. Chính tả, dùng từ, đặt câu. Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu. | | **0,5** |
| e. Sáng tạo: Có cách diễn đạt mới mẻ, thể hiện cảm nhận sâu sắc về vấn đề nghị luận. | | **0,5** |

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**ĐỀ 13.**

|  |  |
| --- | --- |
| **PHÒNG GD& ĐT** | **ĐỀ THI HỌC SINH GIỎI CẤP HUYỆN**  **ĐỀ THI MÔN: NGỮ VĂN 8**  *(Thời gian làm bài 150 phút )* |

**ĐỀ BÀI**

**Câu 1** *(8,0 điểm)*

Suy nghĩ của em về bài học được rút ra từ câu chuyện sau:

*Ngày xưa, bên sườn của một núi lớn có một tổ chim đại bàng. Một trận động đất xảy ra làm rung chuyển ngọn núi, một quả trứng đại bàng lăn xuống và rơi vào trại gà dưới chân núi. Một con gà mái tình nguyện ấp của trứng lớn ấy. Đến ngày kia, trứng nở ra một chú đại bàng con xinh đẹp, nhưng buồn thay chú chim nhỏ được nuôi lớn như một con gà. Chẳng bao lâu sau, đại bàng cũng tin nó chỉ là một con gà không hơn không kém. Đại bàng yêu gia đình và ngôi nhà đang sống, nhưng tâm hồn nó vẫn khao khát một điều gì đó cao xa hơn. Một ngày, trong khi đang chơi đùa trong sân, đại bàng nhìn lên trời và thấy những chú chim đại bàng đang sải cánh bay cao giữa bầu trời. “Ồ- đại bàng kêu lên- Ước gì tôi có thể bay như những con chim đó”. Bầy gà cười ầm lên: “Anh không thể bay với những con chim đó được. Anh là một con gà và gà không biết bay cao”. Đại bàng tiếp tục ngước nhìn gia đình thực sự của nó, mơ ước có thể bay cao cùng họ. Mỗi lần đại bàng nói ra mơ ước của mình, bầy gà lại bảo nó điều không thể xảy ra. Đó là điều đại bàng cuối cùng đã tin là thật. Rồi đại bàng không mơ ước nữa và tiếp tục sống như một con gà. Cuối cùng, sau một thời gian dài sống làm gà, đại bàng chết.*

(Theo nguồn internet)

**Câu 2** *(12,0 điểm)*

Có ý kiến cho rằng *“Quê hương” của Tế Hanh là bài thơ trữ tình có sử dụng yếu tố miêu tả và tự sự rất hợp lý, nhưng miêu tả và tự sự ở đây chỉ giúp cho yếu tố trữ tình càng thêm nổi bật. Nhờ có sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa ba yếu tố này nên hình ảnh thơ càng chân thực, tinh tế, thể hiện tấm lòng yêu quê hương dạt dào của nhà thơ.*

Bằng những hiểu biết của em về bài thơ “Quê hương”, hãy làm sáng tỏ ý kiến trên?

--------------------------------------Hết-----------------------------------

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **Câu 1** *(8,0 điểm)* | **Về mặt hình thức:**  - HS phải viết được văn bản có bố cục rõ ràng, cấu trúc hợp lí;  - Diễn đạt trôi chảy, lập luận chặt chẽ. Viết đúng văn phạm; chữ viết rõ ràng, không sai chính tả.  **Về nội dung:** |  |
|  | **1. Giải thích, nêu ý nghĩa câu chuyện** | **2,0 điểm** |
| - Đại bàng là loại vật biểu trưng cho sức mạnh. Chúng thuộc về trời xanh, thuộc về những điều kỳ vĩ.  -Nhưng chú đại bàng này lại rơi vào hoàn cảnh đặc biệt, đó là khi chú phải sống lạc vào bầy gà và nhầm tưởng mình cũng là loài vật nhỏ bé. Đại bàng không nhận thức được bản thân mình là ai và mình có khả năng gì  - Đáng chú ý ở chỗ đại bàng có ước mơ, đại bàng được khao khát bay lên trời xanh *“Ồ- đại bàng kêu lên- Ước gì tôi có thể bay như những con chim đó”* nhưng ước mơ đó nhanh chóng bị đè bẹp, đập vỡ bởi những người xung quanh  - Bởi không nhận thức được bản thân, không tin tưởng vào khả năng và dám thực hiện ước mơ của mình nên con chim cao quý ấy đã phải lãnh nhận một kết cục đau buồn: đại bàng đã sống và chết như loài gà nhỏ bé  - Chú đại bàng là một ẩn dụ cho một kiểu người trong xã hội- những con người có ước mơ, có hoài bão xong lại không dám tin vào chính mình, dễ dàng bị những lời đánh giá của những người bên cạnh mình làm lung lạc  - Câu chuyện về chú đại bàng mang lại bài học sâu sắc về sự tự nhận thức bản thân và niềm tin vào chính mình. Mỗi con người đều có khả năng tiềm ẩn và để biến ước mơ thành hiện thực, con người cần có ý chí vững chắc, niềm tin mạnh mẽ vào khả năng của mình. Có như vậy, con người mới phát huy năng lực thực sự của bản thân, trở thành những con đại bàng sải cánh trên trời xanh. | **0,25**  **0,25**  **0,25**  **0,25**  **0,5**  **0,5** |
| **2. Phân tích, lý giải:** | **3,0 điểm** |
| - Tin vào chính mình là tin vào khả năng, tin vào lập trường của mình. Niềm tin này xuất phát từ nhận thức về bản thân (mình là ai, đến từ đâu, có vị trí như thế nào trong xã hội, mình có thể làm gì). Nhưng như thế chưa đủ, cần phải trang bị cho mình lòng dũng cảm, vững vàng vượt qua mọi lời nói xung quanh để thực hiện ước mơ của chính mình. Làm được như vậy, con người sẽ bước gần hơn đến ước mơ, hoài bão.  - Tại sao con người cần phải nhận thức bản thân và tin tưởng vào chính mình?  + Là yếu tố quan trọng. Khi biết mình là ai sẽ hiểu mình sẽ cần làm gì cho xứng đáng. Nhận thức đúng đắn về chính mình để không bị nhòa đi giữa thế giới rộng lớn hàng triệu cá thể.  + Tự nhận thức phải đi cùng niềm tin vững chắc và quyết tâm cao độ. Khả năng của con người là vô hạn và đôi khi bị ẩn giấu. Cuộc sống đều đều, trầm lặng đôi khi làm cho con người không bộc lộ hết khả năng, phải đặc trong hoàn cảnh đặc biệt, thử thách đặc biệt, con người mới có thể khám phá ra. Thử thách đặc biệt ấy có thể là những ước mơ, những dự định lớn lao, lúc này nhận thức và tin tưởng vào khả năng đóng vai trò quyết định đến sự thành bại. Nếu có niềm tin con người sẽ có sức mạnh vượt qua rào cản, sẽ khó bị đánh gục bởi những rào cản. Nó giúp ta gạt bỏ đinh kiến, những phủ định của những người xung quanh để dẫn thân vào con đường đã chọn.  + Những giá trị lớn trong cuộc đời chỉ được tạo ra bởi những con người có nhận thức đúng đắn về bản thân và khả năng về chính mình. Dẫn chứng: Phát minh khoa học, thành tựu vĩ đại (Bác Hồ hai bàn tay trắng tìm đường cứu nước, Nguyễn Thế Hoàn vượt qua hoàn cảnh khó khăn đạt huy chương vàng Olympic Toán quốc tế 2014, …). Nếu mặc cảm về mình thì họ có đạt được không  - Phê phán: Trong cuộc sống chúng ta bắt gặp người như chú đại bàng trong câu chuyện, vì không nhận thức bản thân, không dũng cảm tin vào khả năng của mình mà sống cuộc sống tầm thường, vô nghĩa. Bị những đinh kiến kéo lại, không dám bước trên con đường ước mơ. Dám ước mơ và dũng cảm bước trên con đường chinh phục ước mơ, con người mới có thể làm được những điều vĩ đại. | **0,75**  **0,5**  **0,5**  **0,5**  **0,75** |
| **3. Bình luận, liên hệ** | **3,0 điểm** |
| - Nhắc nhở vai trò niềm tin trong cuộc sống. Nó lay chuyển những ai đang ngủ quên trong sự bằng lòng với cuộc sống tầm thường của hiện tại, bị những định kiến xã hội làm cho mềm yếu. Hãy biết sống có ước mơ, khẳng định giá trị bản thân qua những hành động cụ thể. Đó là con đường dẫn con người đến thành công, hạnh phúc.  - Tin vào chính mình, điều đó không có nghĩa con người trở nên tự cao, bảo thủ, mù quáng. Niềm tin cần gắn liền với nhận thức đúng đắn, ước mơ cao đẹp. Cuộc sống của chúng ta sẽ trôi đi vô nghĩa nếu chúng ta chịu bằng lòng với những gì đang có, nếu chúng ta ngừng ước mơ và cố gắng. Ta sẽ không biết khả năng kỳ diệu của ta nếu dễ dàng từ bỏ ước mơ khi nghe phán xét của những người xung quanh.  - Liên hệ bản thân: Câu chuyện có tác động như thế nào đối với cuộc sống hiện tại, tự xem bản thân mình đã nhận thức được bản thân và tin vào chính mình chưa…Khẳng đinh lại: Tự tin vào những đều mình mơ ước hay chịu sống một cuộc đời bình lặng đều phụ thuộc vào mỗi người, do mỗi người. Sống hết hình với những điều ao ước là con người sống một đời ý nghĩa, cao đẹp. | **1,0**  **1,0**  **1,0** |
| **Câu 2** *(12,0 điểm)* | **Câu 2:**  **\* Yêu cầu về kĩ năng**:  - Bài làm có bố cục hoàn chỉnh.  - HS viết dạng bài nghị luận chứng minh, kết hợp được với giải thích nhận định. Bài viết thể hiện HS có kiến thức về bài thơ “Quê hương”, về tác giả Tế Hanh về những biện pháp nghệ thuật được thể hiện ở hình ảnh thơ chân thực, tinh tế, sự kết hợp giữa 3 phương thức biểu đạt song phương thức chính vẫn là biểu cảm và phải làm ***nổi bật tình yêu quê hương dạt dào của nhà thơ.***  - Diễn đạt mạch lạc, lập luận chặt chẽ, dẫn chứng chính xác. Dùng từ, đặt câu chuẩn xác.  **\* Yêu cầu về nội dung** |  |
|  | **1. Giải thích nội dung nhận định và khẳng đinh nhận định hoàn toàn đúng** | **3,0 điểm** |
|  | *“Quê hương” của Tế Hanh là bài thơ trữ tình có sử dụng yếu tố miêu tả và tự sự rất hợp lý, nhưng miêu tả và tự sự ở đây chỉ giúp cho yếu tố trữ tình càng thêm nổi bật. Nhờ có sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa ba yếu tố này nên hình ảnh thơ càng chân thực, tinh tế, thể hiện tấm lòng yêu quê hương dạt dào của nhà thơ.*  - Miêu tả (mô tả đặc điểm tính chất của sự vật, hiện tượng), tự sự (kể về người, việc,…) là yếu tố làm cơ sở bộc lộ cảm xúc, giúp cho yếu tố trữ tình có căn cứ và càng thêm nổi bật.  - Trong bài thơ:  + Tự sự: Thể hiện ở việc kể về nghề nghiệp của người dân quê hương, vị trí, công việc hằng ngày ra khơi đánh cá, trở về, về hoàn cảnh của tác giả khi xa quê.  + Miêu tả: Quang cảnh thiên nhiên khi ra khơi đánh cá, nổi bật là hình ảnh người dân chài lưới với con thuyền làm chủ công việc, làm chủ vũ trụ, cảnh tấp nập khi đoàn thuyền trở về đầy cá, người dân chài lưới sau những ngày vất vả với bao thành quả lao động. Và chiếc thuyền sau mỗi lần về bến. Trong trí nhớ của tác giả về màu nước xanh, cánh buồm trắng, mùi vị…  Song tất cả sự tự sự và miêu tả trên đều làm cho hình ảnh thơ thêm chân thực, tinh tế, phục vụ xuyên suốt cho một mạch cảm xúc trữ tình: Tình yêu quê hương dạt dào của nhà thơ.  - Điều này hoàn toàn đúng. | **0, 5**  **0,5**  **0,5**  **0,5**  **0,5**  **0,5** |
|  | **2. Chứng minh tính đúng đắn của ý kiến** | **7,0 điểm** |
|  | **a. Kể, tả khi giới thiệu quê hương với niềm tự hào, sự am hiểu, gần gũi**  + Lời kể giản dị, chân thực nhưng tinh tế, lấy những nét riêng, đặc trưng của người miền biển: lấy thời gian để đo chiều dài của không gian. + Lời thơ tha thiết, bồi hồi, chan chứa niềm tự hào về quê hương.  **b. Kể, tả về cảnh lao động (ra khơi đánh cá, trở về) của người dân chài lưới cùng với những công cụ gắn bó thân thiết của họ (con thuyền, cánh buồm gắn với con người lao động) để bộc lộ cảm xúc tự hào, tự tin, yêu mến, trân trọng thành quả lao động. Qua đó thể hiện sự tinh tế trong cách miêu tả, chân thực trong cảm xúc và sự am hiểu, gắn bó với con người, cuộc sống lao động và quê hương- những biểu hiện của tình yêu quê hương tha thiết**  + Chỉ vài nét chấm phá tinh tế về cảnh “dân trai tráng bơi thuyền đi đánh cá” trong một “sớm mai hồng”, câu thơ đã mở ra bức tranh thiên nhiên tươi sáng, vừa là bức tranh lao động đầy hứng khởi và dạt dào sức sống. Thể hiện cái nhìn lạc quan tin tưởng về một chuyến ra khơi bình yên, mưa thuận gió hòa, niềm mong mỏi của nhà thơ về sự che chở của thiên nhiên đối với người dân.  + Đặc tả về chiếc thuyền khi ra khơi bằng biên pháp so sánh, các động từ mạnh “hăng”, “phăng”, “vượt”; cánh buồn được so sánh với mảnh hồn làng vừa tinh tế, vừa giàu sức gợi (cả tâm hồn của làng quê gửi gắm với cánh buồn ra khơi) “rướn” tấm thân đón gió, nắng biển khơi như mang cả làng quê ra khơi đánh cá. Con thuyền được làm vật trung tâm truyền cảm hứng cho nhà thơ đặc tả. Nó chở chính người lao động ra khơi, rồi trở về, chở cả niềm tin, sự sống, thành quả lao động của làng quê.  + Kể và đặc biệt là tả về cảnh đoàn thuyền trở về để bộc lộ sự trân trọng thành quả, niềm tin vào sức mạnh của lao động, sự chinh phục thiên nhiên của con người để xây dựng quê hương đất nước. Các tính từ: ”Ồn ào”, ”tấp nập” -> toát lên không khí đông vui, hối hả đầy sôi động của cánh buồm đón ghe cá trở về. Người đọc như thực sự được sống trong không khí ấy, được nghe lời cảm tạ chân thành đất trời đã sóng yên, biển lặng để người dân chài trở về an toàn và cá đầy ghe, được nhìn thấy “những con cá tươi ngon thân bạc trắng”. Tế Hanh không miêu tả công việc đánh bắt cá như thế nào nhưng ta có thể tưởng tượng được đó là những giờ phút lao động không mệt mỏi để đạt được thành quả như mong đợi.  Đặc tả về người dân chài- nhân vật trung tâm làm nên thành quả lao động với những nét chấm phá tinh tế, tiêu biểu thể hiện tình cảm chân thành và sự am hiểu về vẻ bề ngoài người dân lao động miền biển: làn da ngăm rám nắng. Thân hình nồng thở vị xa xăm là cách nói gợi cảm thể hiện sự liên tưởng từ hình khối sang cảm giác được ngửi thấy, nếm thử. Hình ảnh người dân chài vừa chân thực vừa lãng mạn với tầm vóc phi thường. Ông không những chỉ tả chân thực về họ mà còn thổi cho họ một sức mạnh phi thường với niềm tin tưởng, sự cảm phục về sự cường tráng và sức mạnh chinh phục thiên nhiên, ngang tầm vũ trụ.  Chiếc thuyền- người bạn đồng hành được nhân hóa như những con người lao động biết mệt mỏi, nghỉ ngơi để nếm trải những hạnh phúc khi hoàn thành nhiệm vụ lao động.  **c. Phác kể về hoàn cảnh của bản thân xa quê để thể hiện trực tiếp trong nỗi nhớ khôn nguôi về quê hương của người con khi xa cách**  + Nỗi nhớ chân thành, tha thiết nên lời thơ kể giản dị; cách bộc lộ cảm xúc trực tiếp “Nay xa cách…Tôi thấy nhớ cái mùi nồng mặn quá!” + Tả về hương vị lao động làng chài chính là ông đã nhớ đến cháy lòng hương vị riêng đầy quyến rũ của quê hương. Dường như nỗi nhớ quê của ông không những bắt nguồn từ những gì ông nhìn thấy “nước xanh”, “cánh buồn vôi”, những gì ông mô tả, ông kể mà còn là những vị mùi thấm vào hơi thở, thớ thịt của người xa quê, còn là mùi vị xa xăm hắt về của biển cả. Nhà thơ đã cảm nhận được chất thơ trong cuộc sống lao động hàng ngày của người dân nên hình ảnh thơ tươi sáng, khỏe khoắn, mang hơi thở nồng ấm của lao động, của sự sống. | **0,75**  **0,75**  **0,75**  **0,5**  **0,5**  **0,5**  **0,75**  **0,5**  **0,5**  **0,5**  **1,0** |
|  | **3. Đánh giá về vai trò của 3 phương thức biểu đạt trong bài thơ và khẳng định tính chủ yếu, bao trùm của cảm xúc. Nâng cao, bình luận về tình yêu quê hương của Tế Hanh** | **2,0 điểm** |
|  | - Tế Hanh đã kể, tả không phải để chỉ kể tả, không phải để rườm rà câu chữ mà trong kể, tả đã có nỗi lòng, cảm xúc. Vì vậy ông đã sáng tạo được nhiều hình ảnh thơ chân thực nhưng cũng rất đẹp, bay bổng lãng mạn**.** Nhà thơ đã thổi linh hồn vào cách miêu tả, cách kể sự việc, sự vật gần gũi, giản dị khiến cho các sự vật mang một vẻ đẹp, một tầm vóc bất ngờ. Từ đó, tình yêu quê hương của Tế Hanh càng trở nên tha thiết, sâu nặng hơn.  - Tình yêu quê hương của ông không chỉ là những cảm xúc xáo rỗng mà còn là những việc, người cảnh, những hình ảnh gắn bó máu thịt, sự am hiểu về cuộc sống, con người lao động miền biển. Còn bắt nguồn từ những quan sát, trải nghiệm và cả trong hoàn cảnh đặc biệt xa quê.  - Tình yêu quê hương ấy còn được biến thành những hành động cụ thể của một người con làng chài: Ông là một trong nhà thơ trong phong trào thơ Mới với những sáng tác mang nặng nỗi buồn và tình yêu quê hương thắm thiết. Sau 1945, những sáng tác của ông vẫn thể hiện sự nhớ thương quê hương miền nam da diết và khát khao, tin tưởng đất nước thống nhất “Tôi sẽ về nơi tôi hằng mong ước….”. Ông đã được tặng giải thưởng HCM về VHNT năm 1996. Chúng ta trân trọng, tự hào về những người con như thế.  - HS liên hệ | **0,5**  **0,5**  **0,5**  **0,5** |

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**ĐỀ 14**

**ĐỀ THI HỌC SINH GIỎI NGỮ VĂN 8**

NĂM HỌC 2017-2018

Thời gian : 150 phút *(không kể thời gian giao đề)*

**PHẦN I- ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)**

**Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu**:   
*Một chàng trai trẻ đến xin học một ông giáo già với tâm trạng bi quan và chỉ thích phàn nàn. Đối với anh, cuộc sống là một chuỗi ngày buồn chán, không có gì thú vị.  
Một lần, khi chàng trai than phiền về việc mình học mãi mà không tiến bộ, người thầy im lặng lắng nghe rồi đưa cho anh một thìa muối thật đầy và một cốc nước nhỏ.  
- Con cho thìa muối này vào cốc nước và uống thử đi.  
Lập tức, chàng trai làm theo.  
- Cốc nước mặn chát. Chàng trai trả lời.  
Người thầy lại dẫn anh ra một hồ nước gần đó và đổ một thìa muối đầy xuống nước:  
- Bây giờ con hãy nếm thử nước trong hồ đi.  
- Nước trong hồ vẫn vậy thôi, thưa thầy. Nó chẳng hề mặn lên chút nào – Chàng trai nói khi múc một ít nước dưới hồ và nếm thử.  
Người thầy chậm rãi nói:  
-Con của ta, ai cũng có lúc gặp khó khăn trong cuộc sống. Và những khó khăn đó giống như thìa muối này đây, nhưng mỗi người hòa tan nó theo một cách khác nhau. Những người có tâm hồn rộng mở giống như một hồ nước thì nỗi buồn không làm họ mất đi niềm vui và sự yêu đời. Nhưng với những người tâm hồn chỉ nhỏ như một cốc nước, họ sẽ tự biến cuộc sống của mình trở thành đắng chát và chẳng bao giờ học được điều gì có ích.*

(Theo “*Câu chuyện về những hạt muối”*- vietnamnet.vn, 17/06/2015)

**Câu 1:** Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản ?   
**Câu 2:** Em hiểu gì về các chi tiết, hình ảnh “*thìa muối”, “ hòa tan”*trong văn bản ?

**Câu 3:** Nêu hiệu quả của biện pháp tu từ được sử dụng trong câu : *" những người có tâm hồn rộng mở giống như một hồ nước thì nỗi buồn không làm cho họ mất đi niềm vui và sự yêu đời”?*

**Câu 4**: Em rút ra bài học gì có ý nghĩa cho bản thân từ văn bản trên?

**PHẦN II-TẬP LÀM VĂN (14.0 điểm)**

**Câu 1 (4.0 điểm**) : Từ nội dung câu chuyện ở phần Đọc hiểu, em hãy viết một đoạn văn ( khoảng 200 chữ) suy nghĩ về ý nghĩa của tinh thần lạc quan trong cuộc sống.

**Câu 2 ( 10.0 điểm)**

Trong cuốn “ *Từ điển văn học*”, Nguyễn Xuân Nam viết : *“ Thơ là hình thức sáng tác văn học phản ánh cuộc sống qua những tâm trạng, những cảm xúc dạt dào, những tưởng tượng mạnh mẽ, một ngôn ngữ giàu hình ảnh và nhất là có nhịp điệu rõ ràng”*

Em hiểu ý kiến trên như thế nào? Qua bài thơ “ *Quê hương*” của Tế Hanh, hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.

------------------- Hết -------------------------

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| I | **ĐỌC HIỂU** |  |
| 1 | Phương thức biểu đạt chính: Tự sự | **0.5điểm** |
| 2 | -Hình ảnh “*thìa muối*” tượng trưng cho khó khăn, thử thách, những nỗi buồn đau, phiền muộn mà con người gặp phải trong cuộc đời  - Chi tiết “ *hòa tan*” là thái độ sống, cách giải quyết những khó khăn, thách thức, những buồn đau, phiền muộn của mỗi người | **1.5 điểm** |
| 3 | 2- Chỉ ra:  - Biện pháp tu từ so sánh: *" những người có tâm hồn rộng mở giống như một hồ nước”*  - Hiệu quả:  + Khẳng định những con người có thái độ sống tích cực, luôn lạc quan, yêu đời, mở rộng tấm lòng, biết chia sẻ với mọi người xung quanh, luôn có niêm tin vào bản thân và mọi người dù cuộc sống gặp chông gai, trắc trở  + Tạo ra cách diễn đạt giàu hình ảnh, giàu sức biểu cảm, tăng sức thuyết phục cho lời văn. | **2.0 điểm**  *0.5 điểm*  *1.5 điểm* |
| 4 | *Bài học rút ra*: Cuộc sống luôn có những khó khăn và thử thách, thành công phụ thuộc rất lớn vào thái độ sống của mỗi người.Thái độ sống tích cực sẽ giúp chúng ta có được niềm tin, sức mạnh, bản lĩnh, giúp ta khám phá khả năng vô hạn của bản thân. Chúng ta không nên sống bi quan, chán nản mà phải sống lạc quan, yêu đời, hãy mở rộng tâm hồn giống như hồ nước để nỗi buồn sẽ vơi đi và niềm vui được nhân lên khi hoà tan. | **2.0** |
| **II** | **TẬP LÀM VĂN** |  |
| **1** | **Nghị luận xã hội** |  |
|  | a- *Đảm bảo thể thức của một đoan văn nghị luận*: Mở đoạn giới thiệu vấn đề nghị luận; Thân đoạn làm rõ vấn đề nghị luận, triển khai được luận điểm; Kết đoạn khái quát được nội dung nghị luận | **0.25** |
| b*-Xác định đúng vấn đề nghị luận* : ý nghĩa của tinh thần lạc quan | **0.25** |
| c- *Triển khai hợp lí nội dung đoạn văn*: vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. Có thể viết đoạn văn theo hướng sau:  \***Giải thích vấn đề:**  - Lạc quan là một trạng thái cảm xúc tích cực, luôn yêu đời, xem cuộc đời là đáng sống, luôn giữ một niềm tin, hi vọng về những điều tốt đẹp dù cuộc sống gặp nhiều khó khăn, phiền muộn, gian truân.  **\*Bàn luận vấn đề:**  **-** Vì sao con người cần phải có tinh thần lạc quan:  + Cuộc sống có muôn vàn khó khăn, thử thách, sống lạc quan giúp con người có cái nhìn sáng suốt, trí tuệ minh mẫn, hành động đúng đắn để giải quyết mọi việc một cách tốt đẹp.  + Sống lạc quan giúp con người trở nên can đảm, tự tin vào bản thân, tâm hồn phong phú, rộng mở, sống có ích, họ luôn học hỏi được những kinh nghiệm quí giá kể cả trong thành công hay thất bại.  + Thái độ sống lạc quan giúp mỗi người luôn nhận ra mặt tích cực của mọi vấn đề, nhận ra những cơ hội mà người sống bi quan không thể nhận ra, từ đó gặt hái được những thành công trong cuộc sống.  + Lạc quan là biểu hiện của thái độ sống đẹp, được mọi người yêu quí, trân trọng.  -Trong cuộc sống có biết bao người phải trải qua nhiều khó khăn, thử thách nhưng họ luôn lạc quan, kiên cường vượt lên và chiến thắng  *( HS lấy dẫn chứng để chứng minh cho mỗi ý của vấn đề nghị luận)*  - Mở rộng vấn đề: Cần lên án những người sống bi quan, gặp khó khăn là chán nản, buông xuôi, họ sẽ thất bại trong cuộc sống. Tuy nhiên, lạc quan không phải là luôn nhìn cuộc đời bằng lăng kính màu hồng, thậm chí mù quáng trước những vấn đề đặt ra trong cuộc sống.  - **Bài học nhận thức và hành động**:  + Cần nuôi dưỡng, phát huy tinh thần lạc quan, thực hiện ước mơ trong cuộc sống, hãy có niềm tin vào bản thân, không gục ngã trước khó khăn, có ý chí nghị lực vươn lên, biết chia sẻ với mọi người và luôn tin vào những điều tốt đẹp trong cuộc đời.  + Liên hệ bản thân. | **3.**  *0.5*  *0.25*  *0.25*  *0.25*  *0.25*  *0.5*  *0.5*  *0.5 điểm* |
|  | d*- Sáng tạo*: Có cách diễn đạt độc đáo, thể hiện những suy nghĩ, kiến giải mới mẻ về vấn đề | **0.25** |
|  | e- *Chính tả, dùng từ, đặt câu*: đảm bảo những qui tắc về chuẩn chính tả, dùng từ, đặt câu. | **0.25** |
| 2 | **Nghị luận văn học** |  |
|  | a. *Đảm bảo cấu trúc của một bài văn nghị luận* : Có đầy đủ phần Mở bài, thân bài, kết bài. Mở bài giới thiệu vấn đề nghị luận; Thân bài làm rõ được nhận định, triển khai được luận điểm; Kết bài khái quát được nội dung nghị luận | **0,25** |
|  | **b*-*** *Xác định đúng vấn đề nghị luận:* đặc trưng của thơ ca, lấy bài “ Quê hương’ của Tế Hanh để chứng minh | **0,25** |
|  | **c**- *HS triển khai vấn đề*: luận điểm cụ thể, rõ ràng, thể hiện sự cảm nhận sâu sắc, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. HS có thể trình bày theo hướng sau:  **1- Giải thích nhận định**  Ý kiến của Nguyễn Xuân Nam khẳng định vể đẹp của thơ trên hai phương diện : nội dung và hình thức.  \* **Vẻ đẹp nội dung**: ***“ Thơ là hình thức sáng tác văn học phản ánh cuộc sống qua những tâm trạng, những cảm xúc dạt dào, những tưởng tượng mạnh mẽ”:***  -Thơ ca phản ánh cuộc sống:  + Thơ phản ánh cái đẹp của cuộc sống, thiên nhiên, tạo vật  + Thơ chắt lọc vẻ đẹp tinh túy, bình dị cao quí của con người, cuộc đời  -Thơ phản ánh tâm trạng, những cảm xúc dạt dào, những tưởng tượng mạnh mẽ:  +Thơ là thể loại trữ tình biểu hiện sự rung động mãnh liệt trong tâm hồn của người nghệ sĩ trước cuộc đời  + Thơ là tiếng nói của tình cảm, tình cảm càng chân thành bao nhiêu thì hồn thơ càng thăng hoa bấy nhiêu. Vẻ đẹp muôn màu sắc của cuộc sống hiện ra qua “ những cảm xúc dạt dào, sự tưởng tượng mạnh mẽ” của thi sĩ.  \* **Vẻ đẹp hình thức**: ***Thơ- một ngôn ngữ giàu hình ảnh và nhất là có nhịp điệu rõ ràng”***  +Thơ hay phải có ngôn từ đẹp, giàu sức gợi và sắc điệu thẩm mĩ, thơ là hình tượng.  +Thơ hay phải có âm điệu, nhạc điệu, nhịp điệu trầm bổng, du dương, khoan thai, hùng tráng, thiết tha.. thơ là nhạc  => Ý kiến trên khẳng định thơ hay phải hay cả nội dung và hình thức “ *Thơ hay là hay cả hồn lẫn xác*” ( Xuân Diệu)  **2-Chứng minh qua bài thơ “ Quê hương” ( Tế Hanh)**  - Giới thiệu những nét chính về tác giả Tế Hanh và bài thơ “ Quê hương” ( Xuất xứ, chủ đề)  ***\* Quê hương- sáng tác văn học “phản ánh cuộc sống qua những tâm trạng, những cảm xúc dạt dào, những tưởng tượng mạnh mẽ”:***  **\* Giới thiệu làng chài ven biển Quảng Ngãi**. Quê hương của Tế Hanh làmột làng nghèo thuộc duyên hải miền Trung “ *cách biển nửa ngày sông*”. Con sông mà nhà thơ nhắc tới là con sông Trà Bồng chảy qua huyện Bình Sơn, phía Bắc tỉnh Quảng Ngãi. Làng như một điểm ấm sáng duyên dáng, chơi vơi trong nỗi thương nhớ đến quặn lòng của thi nhân  \* **Khí thế của người dân chài ra khơi**  + Một loạt hình ảnh so sánh, ẩn dụ mới mẻ về con thuyền, mái chèo và cánh buồm..”*Tuấn mã”* là chú ngựa tơ, đẹp, phi nhanh. Ví chiếc thuyền “ *nhẹ hăng như con tuấn mã*”, tác giả đã tạo nên một hình ảnh khỏe, trẻ trung, diễn tả khí thế hăng hái, phấn khởi lên đường, chinh phục biển rộng sông dài  + Tính từ “ *hăng*” dùng rất hay liên kết với các từ ngữ “ *dân trai tráng”* và “ *tuấn mã*” hợp thành tính hệ thống.. Mái chèo như những lưỡi kiếm khổng lồ chém xuống nước, động từ “phăng” đầy mạnh mẽ, đưa con thuyền “ *vượt trường giang”.*  + Hình ảnh “ *Cánh buồm giương to như mảnh hồn làng*” là so sánh đẹp, sáng tạo biểu tượng cho hình bóng và sức sống quê hương, tượng trưng cho sức mạnh, lao động sáng tạo, ước mơ về ấm no hạnh phúc . Nó còn tiêu biểu cho chí khí và khát vọng chinh phục biển khơi của đoàn trai tráng đang hừng hực khí thế.  +Hình ảnh nhân hóa “ *rướn thân trắng bao la thâu góp gió*” mang đậm cảm hứng lao động và cảm hứng vũ trụ.. Ba chữ “ *rướn thân trắng*” gợi tả một cuộc đời trải qua nhiều mưa nắng, đồng thời thể hiện tư thế làm chủ thiên nhiên. Người dân chài ra khơi như mang đi một phần máu thịt quê hương, “*cánh buồm*” gắn với con thuyền như "hồn vía" làng quê chở che, neo giữ họ...Tế Hanh, với trái tim mẫn cảm đã thấy ở cánh buồm tâm hồn lộng gió của quê hương mình  **\* Cảnh dân làng chài đón đoàn thuyền đánh cá trở về**  + Cảnh dân làng đón thuyền về đông vui “*khắp dân làng tấp nập đón ghe về*”, đó là ngày hội lao đông đầy ắp niềm vui và sự sống, toát ra từ không khí *ồn ào, tấp nập*, đông vui…  + Người dân chài cảm tạ trời đất, biển mẹ đã cho những chiếc ghe đầy cá, từ những “*con cá tươi ngon thân bạc trắng*” - là hình ảnh cụ thể thành quả lao động của chuyến đi biển, đem lại niềm vui và hứa hẹn sự no đủ của làng chài đến “*biển lặng*” sóng êm để họ trở về an toàn.  **\*Hình ảnh người dân chài và con thuyền trở về sau chuyến ra khơi.**  + Hình ảnh dân chài lưới “*làn da ngăm rám nắng*” là hình ảnh tả thực người dân chài nước da ngăm nhuộm nắng nhuộm gió thân hình vạm vỡ, rắn chắc, khỏe mạnh…  + “*Cả thân hình nồng thở vị thở xa xăm*” là ẩn dụ sáng tạo độc đáo gợi cảm, thú vị bởi thân hình người dân chài thấm đậm vị mặn mòi, nồng tỏa “*vị* *xa xăm*” khoáng đạt, huyền bí của đại dương -> Hình ảnh người dân chài được miêu tả vừa chân thực vừa lãng mạn đã trở nên có tầm vóc phi thường ngang với không gian thời gian…  + Hình ảnh “con thuyền” nằm im nghỉ ngơi trên bến sau khi vật lộn cùng sóng gió trở về. Nhà thơ đã sử dụng kết hợp hai biện pháp tu từ: nhân hóa con thuyền qua các từ ngữ “*im, mỏi, trở về, nằm*…” và ẩn dụ chuyển đổi cảm giác “*nghe*” đã biến con thuyền vốn là một sự vật vô tri đã trở nên có hồn rất tinh tế. Con thuyền cũng như người dân làng chài sau chuyến ra khơi về nghỉ ngơi để chiêm nghiệm, thấm đẫm vị mặn mòi của biển khơi, nghĩ đến những vất vả và niềm vui trong cuộc sống của mình.  **\* Nối nhớ quê hương cúa Tế Hanh**  + Xa quê nên “ *tưởng nhớ*” khôn nguôi, nhớ “ *màu nước xanh*” “ *cá bạc”, “ chiếc buồm vôi*”,.. Thấp thoáng trong hoài niệm là hình ảnh con thuyền “ *rẽ sóng ra khơi*” đánh cá. Xa quê nên mới“ *thấy nhớ*” hương vị biển, hương vị làng chài thân yêu “ *cái mùi nồng mặn quá*”. Tình cảm thấm vào câu chữ, màu sắc, vần thơ. Tiếng thơ cũng là tiếng lòng trang trải hồn quê vơi đầy thương nhớ. Cảm xúc dịu dàng, đằm thắm, mênh mang -> Tình yêu quê hương sâu nặng, gắn bó máu thịt....  ***\* Quê hương- sáng tác văn học được diễn đạt bằng****“* ***một ngôn ngữ giàu hình ảnh và nhất là có nhịp điệu rõ ràng”***  -Giàu hình ảnh đẹp: các hình ảnh “ *nước bao vây”, “ con thuyền”, “ cánh buồm”, “ mảnh hồn làng”, “ dân chài lưới”, “ chiếc thuyền im bến mỏi”, “ thân hình nồng thở vị xa xăm”, “ màu nước xanh”, “ cá bạc”...* Hình ảnh thơ chân thực, gần gũi khiến cho bài thơ thêm phần thi vị, bay bổng  -Nhịp điệu : nhẹ nhàng khoan thai, hào hùng, vui tươi, tha thiết theo từng cung bậc cảm xúc..  - Thể thơ tám chữ phù hợp với cảm xúc trữ tình, kết hợp khéo léo phương thức biểu cảm và miêu tả, bút pháp hiện thực kết hợp lãng mạn. sự quan sát, cảm nhận vô cùng sắc sảo, tinh tế của nhà thơ.  -Các biện pháp nhân hóa, ẩn dụ chuyển đổi cảm giác và sử dụng các từ láy ( ồn ào, tấp nập, xa xăm..) thành công.  **3- Đánh giá**:  -Đoạn thơ là bức tranh đẹp về cảnh vật, con người lúc đoàn thuyền đánh cá trở về bến. Tế Hanh phải là người có tâm hồn tinh tế, tài hoa, nhất là tấm lòng gắn bó sâu nặng, tình yêu máu thịt quê hương thì mới sáng tạo nên những vần thơ đẹp đến vậy. Bài thơ xứng đáng với lời nhận xét của Nguyện Xuân Nam về một tác phẩm thơ hay  - Để sáng tác được một bài thơ hay, người nghệ sĩ cần đến với cuộc đời bằng trái tim nhiệt huyết, sự sáng tạo, nỗ lực không ngừng.  -Người đọc khi tiếp nhận tác phẩm cần mở rộng tâm hồn, trái tim để cảm nhận được cái hay, cái đẹp mà người nghệ sĩ gửi gắm trong thi phẩm | **1,0**  *0,5*  *0.5 điểm*  **5.0 điểm**  *0,5 điểm*  0,5  *1,25 điểm*  *0.5 điểm*  *1.25 điểm*  *1.0 điểm*  **2.0 điểm**  *0.5 điểm*  *0.5 điểm*  *0.5 điểm*  *0.5 điểm*  **1.0 điểm** |
|  | d*- Sáng tạo*: Có cách diễn đạt độc đáo, thể hiện những suy nghĩ, kiến giải mới mẻ về vấn đề | **0.25 điểm** |
|  | e- *Chính tả, dùng từ, đặt câu*: đảm bảo những qui tắc về chuẩn chính tả, dùng từ, đặt câu. | **0.25 điểm** |

*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\**

**ĐỀ 15:**

|  |  |
| --- | --- |
|  | **ĐỀ KHẢO SÁT NĂNG LỰC HỌC SINH GIỎI**  **Năm học 2019 – 2020**  **Môn: Ngữ văn 8**  ***Thời gian làm bài: 150 phút*** |

**Câu 1 (4 điểm)**

Trên trang Vnexpress.net, Thứ tư, 8/4/2020, trong bài: Cây 'ATM gạo' cho người nghèo có đoạn viết:

*Thấy việc phát gạo từ thiện tiềm ẩn nguy cơ lây bệnh, anh Hoàng Tuấn Anh (35 tuổi) sáng chế máy phát gạo tự động được mọi người gọi là cây "ATM gạo".*

*Sáng 7/4, ông Nguyễn Văn Mạnh (68 tuổi), làm nghề bán vé số ở quận 11, tiến lại gần tấm bảng "Điểm phát gạo tự động cho người nghèo", với tay lấy một túi nilon và rụt rè bấm nút cạnh chiếc bồn inox. Một dòng gạo trắng từ trong chiếc ống nhựa chảy ra, nằm gọn gàng trong túi. Khuôn mặt giãn ra, ông Mạnh xách túi gạo ra về, nhường chỗ cho người tiếp theo đang xếp hàng cách ông 2 mét.*

*"Trước giờ tôi cũng được người ta cho gạo nhưng lần đầu thấy có cái máy tự động này. Nhân viên ở đây nói, ăn hết thì tới lấy tiếp nên tui không lo thiếu gạo trong mùa dịch này nữa", người đàn ông bán vé số đang thất nghiệp vì Covid-19 nói.*

Từ phần tin trên, em hãy viết bài văn nghị luận với chủ đề: *Yêu thương và sáng tạo.*

**Câu 2 (6 điểm)**

Nhận định về thơ, Diệp Tiến cho rằng: “*Thơ ca là tiếng lòng người nghệ sĩ”.*

Em hãy cảm nhận về *tiếng lòng* mà nhà thơ Tế Hanh gửi gắm trong bài thơ *Quê hương* ?

---------------------Hết-------------------

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

A. YÊU CẦU CHUNG

- Giám khảo phải nắm được nội dung trình bày trong bài làm của thí sinh, tránh đếm ý cho điểm. Vận dụng linh hoạt *Hướng dẫn chấm*, sử dụng nhiều mức độ điểm một cách hợp lí, khuyến khích những bài viết có cảm xúc, sáng tạo.

- Học sinh có thể làm bài theo nhiều cách nhưng nếu đáp ứng những yêu cầu cơ bản của đề, diễn đạt tốt vẫn cho đủ điểm.

- Điểm bài thi có thể cho lẻ đến 0,25 điểm và không làm tròn.

B. YÊU CẦU CỤ THỂ

**Câu 1(4,0 điểm)**

**1. Về kĩ năng**

Biết cách viết bài văn nghị luận xã hội, bố cục rõ ràng, lập luận chặt chẽ, có sức thuyết phục, văn viết mạch lạc, trong sáng, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu.

**2. Về kiến thức**

Học sinh có thể trình bày theo nhiều cách nhưng cần đảm bảo các ý cơ bản sau:

|  |  |
| --- | --- |
| Nội dung | Điểm |
| ***a. Mở bài:***  - Khái quát nội dung mẩu tin  - Dẫn ra vấn đề nghị luận: Yêu thương và sáng tạo.  ***b. Thân bài:***  *\* Giải thích vấn đề:*  - Yêu thương: là một khái niệm chỉ một phẩm chất tình cảm, vẻ đẹp tâm hồn của con người. Đó là tình cảm thương yêu, chia sẻ và đùm bọc một cách thắm thiết. Yêu thương con người là sự quan tâm, giúp đỡ của chúng ta đối với những người xung quanh, là làm những điều tốt đẹp cho người khác và nhất là những người gặp khó khăn hoạn nạn.  - Sáng tạo: sáng tạo chính là hoạt động của con người khi tìm thấy cũng như làm nên giá trị vật chất hay giá trị tinh thần mới mẻ mà trước đó chưa có. Bên cạnh đó, sáng tạo còn được hiểu là các hoạt động nhằm tạo ra bất cứ cái gì có đồng thời tính mới và tính ích lợi  => Là hai yếu tố vô cùng cần thiết trong cuộc sống của con người, giữa chúng có quan hệ chặt chẽ với nhau.  *\* Bàn luận ý nghĩa vấn đề:*  - Vai trò và ý nghĩa của yêu thương và sáng tạo trong cuộc sống:  + Sáng tạo rất cần thiết trong các lĩnh vực của cuộc sống: học tập, lao động, kinh doanh, … Sáng tạo sẽ đem lại sự khác biệt, giúp con người vượt qua trở ngại cuộc sống, rút ngắn thời gian, tăng hiệu quả công việc,… là yếu tố cần thiết để đem lại sự tiến bộ cho xã hội. (dẫn chứng)  + Yêu thương: Sưởi ấm tâm hồn những con người cô đơn, đau khổ, bất hạnh, truyền cho họ sức mạnh, nghị lực để vượt lên hoàn cảnh. Tạo sức mạnh cảm hoá kì diệu đối với những người “lầm đường lạc lối”; mang lại niềm hạnh phúc, niềm tin và cơ hội để có cuộc sống tốt đẹp hơn; là cơ sở xây dựng một xã hội tốt đẹp, có văn hóa… (dẫn chứng)  - Mối quan hệ giữa yêu thương và sáng tạo:  + Từ yêu thương đến sáng tạo là một quá trình đi từ suy nghĩ, tình cảm đến hành động. Đó chính là biểu hiện của lối sống sẻ chia.  + Yêu thương là cội nguồn sức mạnh của sáng tạo. Có yêu thương, con người sẽ biết vì người khác mà sáng tạo. Ngược lại, sự sáng tạo sẽ nhân rộng, làm tình yêu thương được nở hoa (dẫn chứng qua mẩu tin)  + Nếu sự sáng tạo không xuất phát từ tình yêu thương thì sự sáng tạo ấy sẽ là mối họa (dẫn chứng)  *\* Bàn bạc mở rộng:*  - Yêu thương và sáng tạo phải xuất phát từ chính đáy lòng, từ ý thức mà đi đến hành động cụ thể. Không vì toan tính cá nhân, không vì lợi ích trước mắt … mà làm.  - Biết cho đi, bạn sẽ nhận lại hạnh phúc trong tâm hồn.  - Xã hội vẫn còn những con người ích kỉ, làm việc, sáng tạo vì toan tính cá nhân, không xuất phát từ tình yêu thương, cần lên án….  ***c. Kết bài:***  - Nêu bài học nhận thức, hành động cho bản thân. | 0,5  0.25  0.25  0.25  0.75  0.75  0.75  0.5 |

**Câu 2 (6,0 điểm)**

**1. Về kĩ năng**

+ Hiểu đúng yêu cầu của đề, có kĩ năng làm bài nghị luận văn học. Biết kết hợp nhuần nhuyễn các phép lập luận đã học, vận dụng tích hợp liên môn.

+ Có kĩ năng xây dựng luận điểm đúng đắn, sáng tỏ, dẫn chứng chọn lọc, lí lẽ thuyết phục, không mắc lỗi chính tả và lỗi diễn đạt.

+ Văn viết trong sáng, có cảm xúc, thể hiện được năng lực cảm nhận sâu sắc.

**2. Về kiến thức**

Học sinh có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng cần đảm bảo những nội dung cơ bản sau:

|  |  |
| --- | --- |
| Nội dung | Điểm |
| **a. Mở bài**  Giới thiệu vấn đề cần nghị luận  **b. Thân bài**  *\* Lí giải và khẳng định vấn đề:*  + Thơ là hình thức sáng tác nghệ thuật lấy ngôn từ làm chất liệu để diễn tả những xúc cảm trào dâng nơi tâm hồn nhà thơ.  + Nói “thơ là tiếng lòng”: chính là những rung động mãnh liệt bật ra trong một phút thăng hoa cảm xúc của nhà thơ.  => Thơ được tạo ra từ thực tiễn cuộc sống và cảm xúc tình cảm của nhà thơ. Cũng thông qua thơ, người nghệ sĩ gửi gắm tình cảm của mình.  + Bài thơ “Quê hương” là nỗi nhớ tha thiết đằm sâu của người con xa quê, cũng là tình yêu quê hương sâu nặng của tác giả. Đó là tiếng lòng mà Tế Hanh gửi gắm.  *\* Chứng minh vấn đề:*  - Làm rõ “tiếng lòng” hay chính là tình cảm, cảm xúc, là tình yêu, nỗi nhớ … của Tế Hanh được thể hiện trong bài thơ *Quê hương*  *+* Trước hết tiếng lòng ấy là nỗi nhớ *quê hương*, ghi khắc hình ảnh quê hương, hình ảnh *làng tôi* thông qua cách gọi tên làng, cách nói về những nét đặc trưng của làng …  + Tiếng lòng, cảm xúc của Tế Hanh còn được thể hiện qua nỗi nhớ về bức tranh lao động, nhịp sống, mưu sinh của người quê mình (phân tích chứng minh qua cảnh đoàn thuyền ra khơi và trở về)  + Tiếng lòng hay cảm xúc đó còn là nỗi nhớ người: “ Dân chài lưới…”  + Đó là nỗi nhớ sâu trở thành tưởng nhớ về những điều vừa bình dị, vừa mang nét đặc trưng nhất của quê nhà: màu nước, vị biển, con thuyền…  + Tiếng lòng ấy còn là ước mong, khát vọng được trở về quê hương, khát vọng về đất nước độc lập, Bắc Nam thống nhất…  *\* Đánh giá khái quát:*  - Khái quát được: Tiếng lòng của nhà thơ Tế Hanh được bộc lộ qua tình yêu, nỗi nhớ, sự trân trọng quê hương từ những điều bình dị nhất: Nhớ quê, nhớ biển, nhớ cảnh, nhớ người, nhớ màu, nhớ mùi, nhớ vị…. => Quê hương có một vị trí thiêng liêng trang trong trong trái tim những người con xa xứ.  - Thơ Tế Hanh có sức lay động mạnh mẽ tới độc giả. Nó đánh thức trái tim ta trong tình yêu, nỗi nhớ quê hương.  - Để đạt được giá trị đó, cần có một cách viết giản dị, tự nhiên mà sâu sắc qua ngôn ngữ, hình ảnh thơ. (Đánh giá về nghệ thuật)  - Liên hệ và đánh giá tác phẩm: Đây là bài thơ tiêu biểu nhất cho hồn thơ dạt dào tình cảm của Tế Hanh và cũng là một trong những bài thơ hay nhất viết về tình cảm quê hương.  **c. Kết bài:** Khẳng định lại vấn đề cần nghị luận.  *\* Lưu ý: Người chấm cần phân biệt rõ bài làm biết xây dựng luận điểm, chứng minh luận điểm để làm sáng tỏ đề bài (dù chứng minh nông hay sâu, đủ ý hay chưa đủ ý... nhưng có ý thức biện luận), với bài phân tích tác phẩm thông thường. Nếu chỉ phân tích tác phẩm thông thường thì chưa có kỹ năng làm nghị luận văn học.* | 0,5  0,5  0,5    0,75  0,75  0,75  0,75  0,5  1,0 |

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐỀ 16:**  **ĐỀ CHÍNH THỨC** | **KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI LỚP 8 CẤP HUYỆN**  **NĂM HỌC 2019-2020**  **MÔN NGỮ VĂN**  *Thời gian làm bài: 120 phút*  *(Đề thi có 01 trang)* |

**Câu 1: (8,0 điểm)**

Suy nghĩ của em về tình mẫu tử và ý nghĩa của sự sống được gợi ra từ bài báo sau:

*Thiếu úy 25 tuổi Đậu Thị Huyền Trâm công tác tại Công an tỉnh Hà Tĩnh, chị mang thai tháng thứ 5 thì phát hiện ra mình bị ung thư phổi giai đoạn cuối. Bác sĩ khuyên chị đình chỉ thai nghén, hóa trị để kéo dài sự sống của mình. Tuy nhiên chị kiên quyết không điều trị để cho con trai chị có cơ hội chào đời.*

*Với sự cứu chữa tận tình nhất của các bác sĩ Bệnh viện K, Bệnh viện Phụ sản Trung ương, ngày 10/7/2016, chị được mổ đẻ, không gây mê khi thai nhi tròn 29 tuần tuổi. Con trai chị, bé Gấu hiện tại đang được chăm sóc đặc biệt tại Bệnh viện Phụ sản Trung ương và có những diễn biến khả quan.*

*Ngày 21/7/2016, lần đầu tiên cũng là lần cuối cùng chị được gặp Gấu trong vài phút. Ngày 26/7/2016, sức khỏe diễn biến xấu, chị được đưa về quê nhà Hà Tĩnh. Ngày 27/7/2016, người thiếu úy quả cảm, hy sinh cuộc đời mình vì con trai đã vĩnh viễn ra đi.*

(Theo “thanhnien.vn”; ngày 28/7/2016)

**Câu 2:** (**12,0 điểm**)

Nhà thơ Ta-gor từng bày tỏ: “*Ngọn gió nhà thơ băng qua rừng, băng qua biển để tìm ra tiếng nói của riêng mình”.*

Em hiểu ý kiến trên như thế nào? Hãy phân tích bài thơ “Quê hương” của nhà thơ Tế Hanh để làm sáng tỏ ý kiến trên.

**---------------------- Hết ----------------------**

**HƯỚNG DẪN CHẤM MÔN NGỮ VĂN**

**Câu 1: (8,0 điểm)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Yêu cầu cần đạt** | **Điểm** |
| **1. Yêu cầu chung:**  - Học sinh tạo lập một văn bản nghị luận xã hội hoàn chỉnh, bàn về một vấn đê tư tưởng, đạo lí.  - Bố cục văn bản chặt chẽ, trình bày ít mắc lỗi.  **2. Yêu cầu cụ thể:**  **2.1. Giới thiệu chung:** Khái quát vấn đề nghị luận thông qua đoạn thông tin  **2.2. Trình bày suy nghĩ, ý kiến**  **a. Giải thích:**  - Hành động từ chối điều trị ung thư để kéo dài sự sống của chị Huyền Trâm nói lên tình mẫu tử thiêng liêng, thể hiện ở sự hi sinh cả mạng sống cho con.  - Việc chị Huyền Trâm chọn cái chết để con được sống nói lên quan niệm về sự sống và cái chết: sống là đáng quý, nhưng chết không có nghĩa là hết, không vô nghĩa, có những cái chết đem lại sự sống, gieo mầm cho sự sống bất diệt.  => Câu chuyện về chị Huyền Trâm thể hiện tình mẫu tử cao đẹp, bất tử của người mẹ và thể hiện cách nghĩ dũng cảm, nhân văn, tích cực: chọn cái chết để gieo mầm cho sự sống.  **b. Bàn luận:**  - Tình mẫu tử có nhiều biểu hiện, mà sự hi sinh cho con là một trong những biểu hiện đẹp đẽ nhất. Sự hi sinnh của người mẹ - kể cả mạng sống - cho con là minh chứng cho tình cảm cao đẹp nhất của con người.  - Tình mẫu tử đem đến hạnh phúc cho mỗi chúng ta mà không có gì có thể thay thế hay đánh đổi.  - Có nhiều người có cách quan niệm về sự sống và cái chết rất tích cực, nên họ không sợ hãi cái chết. Cái chết không nên là vô nghĩa, nhiều khi đó là sự khởi đầu cho những điều tốt đẹp của cuộc sống.  - Khi con người có suy nghĩ tích cực về chuyện sống chết thì người ta không sợ hãi, đầu hàng số phận, mà dũng cảm đối mặt số phận để làm những điều có nghĩa  - Những người không biết trân trọng tình mẫu tử hay có những người mẹ không thương con, đối xử nhẫn tâm với con đều đáng lên án; người suy nghĩ quá tiêu cực về chuyện sống chết thì rất dễ rơi vào bế tắc, lo âu, sợ hãi.  **c. Bài học nhận thức và hành động:**  - Cần nhận thức đầy đủ về tình mẫu tử; Biết trân trọng tình mẫu tử, sống hiếu thảo với cha mẹ nói chung.  - Biết trân trọng cuộc sống và sống có ích.  **2.3. Kết luận chung:** Câu chuyện là một bài học sâu sắc về cuộc sống và thêm một lần ngợi ca tình mẫu tử thiêng liêng. | **(0,5)**  **(1,5)**  0,5  0,5  0,5  **(4,5)**  1,0  0,5  1,0  1,0  1,0  **(1,0)**  0,5  0,5  **(0,5)** |

**Câu 2: (12,0 điểm)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Yêu cầu cần đạt** | **Điểm** |
| **1. Yêu cầu chung**  - HS biết cách làm bài nghị luận văn học, vận dụng các thao tác lập luận: giải thích, phân tích, chứng minh, bình luận một vấn đề qua các tác phẩm cụ thể.  - Bố cục đầy đủ, rõ ràng, chặt chẽ. Diễn đạt trôi chảy, hành văn mạch lạc, lưu loát, văn viết giàu hình ảnh và cảm xúc. Không mắc lỗi chính tả, dùng từ, viết câu. |  |
| **2. Yêu cầu cụ thể** |  |
| ***2.1.Giải thích*** | **1,25** |
| - *ngọn gió*: cảm xúc,, cảm hứng sáng tạo, tài năng nghệ thuật của nhà thơ.  - *tiếng nói riêng*: cái độc đáo, nét riêng trong cách nhìn, cách cảm, cách nghĩ và cách thể hiện của nhà thơ, tạo nên sự khác biệt và sức hấp dẫn trong tác phẩm. | 0,25  0,5 |
| => Bằng cách diễn đạt giàu hình ảnh tượng trưng, ý kiến khẳng định: nhà thơ phải có cảm xúc chân thành, rung động từ trái tim, tâm hồn, để tạo nên nét riêng biệt trong sáng tác của mình. | 0,5 |
| **2.2. Bàn luận:** Khẳng định ý kiến hoàn toàn chính xác | **1,75** |
| + Thơ là tiếng nói của trái tim, là những rung cảm mạnh mẽ của người nghệ sĩ thể hiện cá tính sáng tạo rất riêng có sức hấp dẫn trong tác phẩm.  + Mỗi tác phẩm thơ luôn thể hiện được mối quan hệ giữa tài năng, tư tưởng, những trải nghiệm cá nhân và phong cách của nhà văn. Cái tài, cái tâm cùng với những rung cảm thẩm mĩ là cơ sở để nhà thơ có được “tiếng nói riêng”, giúp tác phẩm vượt qua những giới hạn, những rào cản để đến với người đọc và tạo lập nên những giá trị độc đáo.  + Vì thế nhà thơ cần có cảm xúc chân thành, mãnh liệt (cái tâm) và sự công phu trong sáng tạo (cái tài), giúp người đọc nhận ra những giá trị đích thực, độc đáo của tác phẩm. | 0,5  0,75  0,5 |
| **2.3. Phân tích, chứng minh** | **8,0** |
| **a. Khái quát**  - Giới thiệu bài thơ “Quê hương” của Tế Hanh.  - Gắn tác phẩm với nhận định: Bài thơ là tiếng nói riêng*,* độc đáo, thể hiệncảm xúc thiết tha chân thành của tác giả về bức tranh thiên nhiên tươi đẹp của làng chài; tình yêu quê hương tha thiết của người con xa quê. | 0,5 |
| **b. Những rung cảm mãnh liệt, rất riêng được tác giả cảm nhận qua vẻ đẹp trong sáng của thiên nhiên** | **1,0** |
| - Bức tranh thiên nhiên đầy sức sống trong buổi sáng bình minh.  - Vẻ đẹp con thuyền sau ngày lao động mệt mỏi. | 0,5  0,5 |
| **c. Những rung cảm mãnh liệt, rất riêng được tác giả cảm nhận qua cuộc sống lao động bình dị của ngư dân miền biển** | **3,5** |
| - Vẻ đẹp căng tràn sức sống khi đoàn thuyền ra khơi.  - Thành quả lao động sau những vất vả.  - Vẻ đẹp mộc mạc, bình dị, chân chất của con người quê hương miền biển.  - Nỗi nhớ da diết, gắn bó bền chặt với quê hương. | 1,25  0,5  0,75  1,0 |
| **d. Nét riêng ở hình thức biểu hiện** | **3,0** |
|
| - Xây dựng hình ảnh thơ giản dị, chân thực nhưng rất lãng mạn, phóng khoáng đẹp đẽ thổi hồn cho cảm hứng của nhà thơ. | 1,0 |
| **-** Thể thơ tám chữ, kết hợp với giọng thơ tha thiết khi thì trầm lắng khi thì bay bổng gợi cảm xúc miên man. | 0,5 |
| - Ngôn ngữ, hình ảnh thơ bình dị mang vẻ đẹp tâm hồn ngư dân làng chài. | 0,5 |
| - Giọng điệu thơ trong sáng, thiết tha phù hợp với cảm xúc trong trẻo, nỗi nhớ da diết của người con xa quê. | 0,5 |
| - Cách đặt nhan đề, cách sử dụng đại từ tôi giúp bộc lộ cảm xúc trực tiếp của nhà thơ đầy sáng tạo. | 0,5 |
| **e. Đánh giá** | **1,0** |
| **-** Bài thơ đã thể hiện những rung cảm chân thực, bình dị từ tình yêu quê hương tha thiết của tác giả. | 0,5 |
| - Với người sáng tác: sáng tạo bằng tài năng và tâm huyết; cần tạo ra tác phẩm độc đáo. | 0,25 |
| - Với người đọc: không ngừng trau dồi những kiến thức để hiểu và đồng cảm với chiều sâu cảm xúc của tác giả, cảm thụ được những dấu ấn sáng tạo trong mỗi tác phẩm. | 0,25 |

----------Hết--------

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐỀ 17:** | **ĐỀ KIỂM TRA KHẢO SÁT NĂNG KHIẾU HỌC SINH LỚP 8**  **Môn: Ngữ văn** |

**I. ĐỌC HIỂU(*4,0 điểm*)**

**Đọc đoạn trích dưới đây và thực hiện các yêu cầu từ 1 đến 4:**

*Con cò bay lả bay la*

*Theo câu quan họ bay ra chiến trường*

*Nghe ai hát giữa núi non*

*Mà hương đồng cứ rập rờn trong mây*

*Nghìn năm trên dải đất này*

*Cũ sao được cánh cò bay la đà*

*Cũ sao được sắc mây xa*

*Cũ sao được khúc dân ca quê mình!*

(*Khúc dân ca* – Nguyễn Duy, *Cát trắng,* NXB Quân đội nhân dân, 1973)

1. Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn trích trên?
2. Đoạn thơ trên được viết theo thể thơ nào?

3. Tìm biện pháp tu từ nổi bật và nêu hiệu quả của biện pháp tu từ được sử dụng trong 4 câu cuối đoạn trích trên.

4. Đoạn thơ trên khơi gợi trong em tình cảm, cảm xúc gì?

**II. LÀM VĂN (*16,0 điểm*)**

**Câu 1**: **(*6,0 điểm*)**

Từ sự hồi sinh kì diệu của nhân vật Giôn-xi trong tác phẩm *Chiếc lá cuối cùng* của nhà văn O Hen-ri, em hãy viết một đoạn văn khoảng 20 dòng bàn về nghị lực sống của mỗi con người.

**Câu 2:** **(*10,0 điểm*)**

Có ý kiến cho rằng: *Bài thơ Quê hương là bức tranh về quê hương vùng biển, cảnh và người vùng biển, nhất là tình của nhà thơ với quê hương đầy dư vị, ngân nga.* (Vũ Dương Quý - Lê Bảo, *Bình giảng văn học 8*).

Bằng sự hiểu biết của em về bài thơ Quê hương của nhà thơ Tế Hanh, em hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.

---------- Hết ----------

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

**\*YÊU CẦU CHUNG:**

1. Có kiến thức văn học và xã hội đúng đắn, bước đầu thể hiện chiều sâu; kĩ năng làm văn khá tốt: bố cục rõ ràng, kết cấu chặt chẽ, diễn đạt trong sáng, giàu hình ảnh và sức gợi cảm, ít mắc lỗi về chính tả, ngữ pháp…
2. Hướng dẫn chấm chỉ nêu một số nội dung cơ bản, định tính chứ không định lượng. Giám khảo cần hết sức linh hoạt khi vận dụng hướng dẫn chấm, không chỉ đánh giá kiến thức và kĩ năng mà còn chú ý đến thái độ, cảm xúc, tình cảm của người viết. Cần khuyến khích những tìm tòi, sáng tạo riêng trong nội dung và hình thức bài làm.

3. Tổng điểm của toàn bài là 20,0 điểm, cho lẻ đến 0,25 điểm

**B. YÊU CẦU CỤ THỂ:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **ĐÁP ÁN** | | **ĐIỂM** |
| **I. ĐỌC HIỂU. *(4,0 điểm)*** | | **4,0** |
| **Câu 1.** | Phương thức biểu đạt chính của đoạn trích: biểu cảm | 1,0 |
| **Câu 2.** | Thể thơ: lục bát | 1,0 |
| **Câu 3.** | - BPTT nổi bật:  + điệp ngữ: *cũ sao*  - Hiệu quả của BPTT:  + Nhấn mạnh những câu hát dân ca không bao giờ lạc hậu, xưa cũ.  + Thể hiện niềm tin vào sức sống bền bỉ mãnh liệt của dân ca nói riêng và giá trị văn hóa truyền thống nói chung… | 1,0 |
| **Câu 4.** | Học sinh có thể tự do phát biểu cảm xúc của mình: tự hào, yêu quý đối với khúc hát dân ca quê hương… tình yêu, sự gắn bó với nguồn cội với quê hương, đất nước… | 1,0 |
| **II. LÀM VĂN*. (16,0 điểm)*** | |  |
| **Câu 1:** | | **6,0** |
| **a. Đảm bảo cấu trúc viết đoạn văn nghị luận.** | | 0,5 |
| **b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận**. | | 0,5 |
| **c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; vận dụng tốt các thao tác lập luận; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng.** | |  |
| *HS có thể có nhiều cách trình bày khác nhau nhưng cần đảm bảo yêu cầu sau:*  - Giới thiệu vài nét về hoàn cảnh sống, trạng thái tinh thần và nghị lực sống của nhân vật Giôn-xi trong tác phẩm.  - Bàn về nghị lực sống: trọng tâm:  + Nghị lực sống là không lùi bước trước khó khăn thử thách, luôn lạc quan tin tưởng...  + Là phẩm chất cao đẹp, cần thiết: tiếp sức cho con người vượt qua khó khăn, gian khổ… là con đường dẫn đến thành công... (lấy dẫn chứng).  + Phản biện: trong cuộc sống có một số người thiếu ý chí nghị lực, thấy khó khăn thì nản chí, buông xuôi…  + Nhận thức và hành động bản thân: ý thức được vai trò của nghị lực sống, biết cách rèn luyện và duy trì ý chí tinh thần,... | | 4,0 |
| **d. Sáng tạo:** Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ mới mẻ, sâu sắc về vấn đề nghị luận. | | 0,5 |
| **e. Chính tả, dùng từ, đặt câu:** Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu | | 0,5 |
| **Câu 2:** | | **10,0** |
| 1. **Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận:** Có đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài. Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài kết luận được vấn đề. | | 0,5 |
| **b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận.** | | 0,5 |
| **c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; vận dụng tốt các thao tác lập luận; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng** | |  |
| *HS có thể có nhiều cách trình bày khác nhau nhưng cần đảm bảo yêu cầu sau:*  - Giới thiệu tác giả, tác phẩm, vấn đề nghị luận.  - Chứng minh ý kiến:  Ý 1*:* Quê hương là bức tranh về quê hương vùng biển, cảnh và người vùng biển.  - Giới thiệu về quê hương làng chài.  - Cảnh sinh hoạt và lao động của người dân làng chài.  + Cảnh đoàn thuyền ra khơi đánh cá: *con thuyền, cánh buồm*…->Bức tranh lao động đầy hứng khởi, khỏe khoắn, tràn đầy sức sống.  + Cảnh đoàn thuyền đánh cá trở về: tấp nập, nhộn nhịp, niềm vui lời cảm tạ chân thành của người đi biển..  + Vẻ đẹp con người vùng biển: vừa chân thực vừa lãng mạn với tầm vóc phi thường…  Ý 2: Tình yêu quê hương của nhà thơ đầy dư vị, ngân nga.  - Tự hào về một làng quê miền biển…  - Nỗi nhớ da diết, đằm sâu về cảnh và người vùng biển...  - Nỗi nhớ bộc lộ trực tiếp: nhớ hương vị riêng của quê hương...  Ý 3: Đánh giá: Với những hình ảnh thơ đẹp, lãng mạn, giọng điệu tươi vui, tha thiết nhẹ nhàng, cảm xúc trong trẻo, khỏe khoắn, bút pháp lãng mạn kết hợp với các BPTT đặc sắc: so sánh, nhân hóa… Bài thơ Quê hương được xem là một giọng điệu lạ trong phong trào thơ mới lãng mạn (so sánh cảm xúc trong thơ lãng mạn thường buồn bã, cô đơn, bế tắc..)  => Thơ Tế Hanh không có màu sắc bi lụy buồn thương mà hồn hậu, trong trẻo thể hiện một tình yêu tha thiết nồng thắm về quê hương đất nước. | | 8,0  4,0  3,0  1,0 |
| **d. Sáng tạo:** Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ mới mẻ, sâu sắc về vấn đề nghị luận. | | 0,5 |
| **e. Chính tả, dùng từ, đặt câu:** Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu. | | 0,5 |

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐỀ 18:**  **PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  **ĐỀ CHÍNH THỨC** | **ĐỀ THI HỌC SINH GIỎI**  **NĂM HỌC 2019- 2020**  **MÔN: NGỮ VĂN 8**  **Thời gian làm bài: 120 phút**  *(Đề gồm 2 câu, 01 trang)* |

**Câu 1 (4,0 điểm):**

Đọc hai đoạn trích sau:

*a.“ Tôi dắt em ra khỏi lớp. Nhiều thầy cô ngừng giảng bài, ái ngại nhìn theo chúng tôi. Ra khỏi trường, tôi kinh ngạc thấy mọi người vẫn đi lại bình thường và nắng vẫn vàng ươm trùm lên cảnh vật.”*

(Khánh Hoài, ***Cuộc chia tay của những con búp bê***, Ngữ văn 7, tập một)

b.*“Sáng hôm sau, tuyết vẫn phủ kín mặt đất, nhưng mặt trời lên, trong sáng, chói chang trên bầu trời xanh nhợt. Mọi người vui vẻ ra khỏi nhà.*

*Trong buổi sáng lạnh lẽo ấy, ở một xó tường, người ta thấy có một em gái có đôi má hồng và đôi môi đang mỉm cười. Em đã chết vì giá rét trong đêm giao thừa.”*

(An-đéc-xen, ***Cô bé bán diêm***, Ngữ văn 8, tập một)

Bài học cuộc sống mà em rút ra qua hai đoạn trích trên. Em có nhắn gửi gì đến thế hệ trẻ hiện nay.

**Câu 2 (6,0 điểm):**

Nhà thơ Tố Hữu cho rằng: *Đọc một câu thơ hay, người ta không thấy câu thơ, chỉ còn thấy tình người trong đó*.

Từ cảm nhận về bài thơ *Quê hương* của nhà thơ Tế Hanh, em hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.

---------------------Hết-------------------

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

**A. YÊU CẦU CHUNG**

- Giám khảo nắm được nội dung trình bày trong bài làm của học sinh để đánh giá một cách khái quát, tránh đếm ý cho điểm. Vận dụng linh hoạt đáp án, nên sử dụng nhiều mức điểm một cách hợp lí; khuyến khích những bài viết có cảm xúc và sáng tạo phát triển được năng lực của học sinh.

- Học sinh có thể làm bài theo nhiều cách riêng nhưng đáp ứng được các yêu cầu cơ bản của đề, diễn đạt tốt vẫn cho đủ điểm.

- *Lưu ý: Điểm bài thi có thể lẻ đến 0,25 điểm, không làm tròn số*.

**B. YÊU CẦU CỤ THỂ**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung đạt được** | **Điểm** |
| **Câu 1** | **1. Tiêu chí về nội dung các phần bài viết:** | **3,5** |
| **a. Mở bài:**  - Dẫn dắt, giới thiệu vấn đề nghị luận trong hai đoạn trích | **0,25** |
| **b. Thân bài:**  ***\* Khái quát nội dung hai đoạn trích:***  *- Đoạn trích a:* Trích trong văn bản *Cuộc chia tay của những con búp bê*, nhà văn Khánh Hoài đã nói về nỗi đau và sự mất mát quá lớn mà hai anh em Thành và Thủy phải chịu đựng khi cha mẹ chia tay. Đặc biệt là Thủy, em không được quyền học tập, vui chơi... Nhưng “mọi người vẫn đi lại bình thường” khiến “tôi kinh ngạc” vì em nhận ra sự lạnh lùng, vô cảm, dửng dưng của người đời với nỗi bất hạnh của em.  *- Đoạn trích b:* Trích trong văn bản *Cô bé bán diêm*, nhà văn An-đéc-xen đã nói về cái chết thương tâm của em bé bất hạnh. Em chết vì giá rét trong đêm giao thừa, giữa sự lạnh lùng vô cảm của người đời.  => Cả 2 đoạn trích đều cho thấy thái độ vô cảm, lạnh lùng của mọi người đối với những hoàn cảnh bất hạnh, đáng thương.  ***\* Giải thích vô cảm là gì?***  - “vô” là không; “cảm” là tình cảm, cảm xúc. “Vô cảm” là không có tình cảm, không có cảm xúc, sống khép mình, thờ ơ, lạnh nhạt, dửng dưng với tất cả mọi người, mọi việc xung quanh.  - Đây là một thói xấu có tác hại cho cả xã hội loài người  ***=>*** Bài học rút ra qua hai đoạn trích: Đó là biểu hiện của sự vô cảm trong cuộc sống.  ***\* Biểu hiện của sự vô cảm:***  - Trong văn chương sự vô cảm, thờ ơ của mọi người được thể hiện khá nhiều. Tiêu biểu là hai đoạn trích trong hai văn bản trên.  - Trong cuộc sống sự vô cảm biểu hiện khá đa dạng:  + Trong gia đình: Con cái ích kỉ chỉ nghĩ đến quyền lợi của mình; không quan tâm, không có trách nhiệm với ông bà, cha mẹ, anh chị em.  + Ở trường lớp: Thờ ơ, dửng dưng trước sự bất hạnh của bạn bè; thấy bạn bè gặp nạn không giúp đỡ, thậm chí còn xúi giục cổ vũ cho những việc làm xấu.  + Ra ngoài xã hội: Thấy người tàn tật, người hành khất không giúp đỡ thậm chí còn cười cợt, dè bỉu, xua đuổi. Thấy người gặp nạn bỏ đi không sẵn sàng cứu giúp; có kẻ còn hôi của, cướp của của người gặp nạn...  ***\* Nguyên nhân của sự vô cảm:***  - Do lối sống ích kỉ, ham chơi, chỉ biết hưởng thụ không có trách nhiệm với gia đình, tập thể, xã hội.  - Do không chịu tu dưỡng, rèn luyện các phẩm chất đạo đức tốt đẹp; thờ ơ, dửng dưng với mọi người, với tập thể.  - Do cha mẹ nuông chiều con cái, thiếu quan tâm đến hành vi, nhân cách của con.  - Do nền kinh tế thị trường phát triển, con người coi trọng vật chất hơn tình cảm.  ***\* Tác hại của sự vô cảm:***  - Làm suy thoái về đạo đức của một bộ phận cá nhân.  - Biến con người thành những kẻ vô lương tâm, vô trách nhiệm.  - Làm mất lối sống nhân nghĩa; mất đi tinh thần đoàn kết tương trợ; mất đi truyền thống đạo lí tốt đẹp của dân tộc.  ***\* Biện pháp khắc phục:***  - Mỗi người tự rèn luyện các phẩm chất đạo đức tốt đẹp  - Tích cực tham gia các phong trào nhân đạo, phong trào từ thiện. Biết quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ người khác đặc biệt là những người có hoàn cảnh bất hạnh.  \****Lời nhắn gửi đến thế hệ trẻ hiện nay:***  - Hãy nuôi dưỡng lòng nhân ái, sống có trách nhiệm với bản thân, gia đình, xã hội và yêu thương nhiều hơn.  - Tuyên truyền lối sống đúng đắn, biết yêu thương, quan tâm đến mọi người xung quanh.  - Tránh xa và phê phán lối sống vô cảm chỉ biết vun vén cho cá nhân, quay lưng lại với cộng đồng; chỉ biết chạy theo vật chất mà quên đi đạo lí *Lá lành đùm lá rách.* | **3,0**  0,5  0,5  0,5  0,5  0,25  0,25  0,5 |
|  | **c. Kết bài:**  - Khẳng định, khái quát lại vấn đề.  - Xác định thái độ sống đúng đắn cho bản thân trong tập thể, cộng đồng, thể hiện niềm tin vào tương lai tốt đẹp.  *+ Mức tối đa (3,5 điểm):* Đạt các yêu cầu trên.  *+ Mức chưa tối đa (0,25-> 3,25 điểm):* Căn cứ vào bài làm của HS cho điểm hợp lí.  *+ Mức không đạt (0 điểm):* Không làm bài hoặc làm lạc đề. | **0,25** |
|  | **2. Tiêu chí về hình thức:**  - Bài viết dưới hình thức nghị luận xã hội.  - Bố cục ba phần rõ ràng, chặt chẽ.  - Luận điểm rõ ràng, mạch lac; dẫn chứng cụ thể; lời văn có cảm xúc; chữ viết sạch đẹp.  *+ Mức tối đa (0,5 điểm):* Đạt các yêu cầu trên.  *+ Mức chưa tối đa (0,25 điểm):* Căn cứ vào bài làm của HS cho điểm hợp lí.  *+ Mức không đạt (0 điểm):* Bài làm không có bố cục. | **0,5** |
| **Câu 2** | **1. Tiêu chí về nội dung:**  *+ Mức tối đa (5,0 điểm):* Đáp ứng tốt các yêu cầu.  *+ Mức chưa tối đa (0,25-> 4,75 điểm):* Căn cứ vào bài làm của HS cho điểm hợp lí.  *+ Mức không đạt (0 điểm):* Không làm bài hoặc làm lạc đề. | **5,0** |
| **a. Mở bài:**  - Dẫn dắt, nêu vấn đề nghị luận.  - Trích dẫn ý kiến. | **0,5** |
| **b. Thân bài:**  **\* Giải thích:**  - *Câu thơ hay*: là sản phẩm lao động sáng tạo của nhà thơ, kết tinh những tư tưởng, tình cảm mà nhà thơ muốn gửi gắm qua hình thức phù hợp.  - *Tình người*: là tư tưởng, tình cảm, cảm xúc tạo nên giá trị nội dung của thơ.  => Quan niệm của Tố Hữu nhấn mạnh giá trị của thơ là những tư tưởng, tình cảm được biểu hiện trong thơ. Tình cảm, cảm xúc càng sâu sắc, mãnh liệt, lớn lao càng khiến thơ lay động lòng người.  **\* Chứng minh**  ***a. Tình người trong bài thơ “Quê hương”***:  Thể hiện qua tình cảm của nhà thơ đối với quê hương: Biểu hiện qua niềm tự hào và nỗi nhớ khôn nguôi về làng chài của mình.  + Vẻ đẹp của cảnh đoàn thuyền ra khơi đánh cá vào một buổi sớm bình minh. (Phân tích tám câu thơ đầu)  + Vẻ đẹp của đoàn thuyền đánh cá trở về bến - một bức tranh lao động náo nhiệt, đầy ắp niềm vui và sự sống. (Phân tích tám câu thơ tiếp)  + Tình cảm nhớ thương quê hương của tác giả -.nhớ nhất mùi vị nồng mặn đặc trưng của quê hương. (Phân tích bốn câu cuối)  *=> “Quê hương” đã khắc hoạ được bức tranh tươi sáng, khoẻ khoắn, đầy sức sống về cuộc sống lao động của một làng quê miền biển, qua đó thể hiện tình yêu quê hương tha thiết, đằm thắm của tác giả.*  ***b. Hình thức biểu đạt***:  - Thể thơ: tự do, nhịp thơ linh hoạt.  - Từ ngữ, hình ảnh: hình ảnh đẹp, tiêu biểu, chọn lọc, ngôn ngữ tự nhiên, trong sáng.  - Biện pháp nghệ thuật: so sánh, ví von, nhân hóa sáng tạo và hấp dẫn,...  - Giọng thơ: mộc mạc, chân thành, đằm thắm, gợi cảm…  ***\* Đánh giá:***  - *Quê hương* của Tế Hanh là một bài thơ hay bởi nó được viết lên từ cảm xúc chân thành, tình cảm mãnh liệt. Bài thơ không chỉ là riêng tình cảm của tác giả giành cho quê hương; mà bài thơ này còn nói hộ rất nhiều tấm lòng khác đang ở xa quê hương qua hình thức nghệ thuật độc đáo, hấp dẫn.  - Đọc bài *Quê hương* ta cảm thấy yêu thơ và tâm hồn thơ của Tế Hanh. Chúng ta càng trân trọng hơn nữa mảnh đất chôn rau cắt rốn, yêu hơn nữa những điều bình dị nhưng thiêng liêng… | **(4,0)**  **0,5**  **3,5**  3,0  0,5  **0,5** |
|  | **c. Kết bài:**  - Khẳng định tình cảm của nhà thơ dành cho quê hương là tình cảm sâu nặng, thiết tha, đằm thắm…  - Liên hệ tình cảm, thái độ của bản thân. | **0,5** |
|  | **2. Tiêu chí về hình thức:**  - Bài viết dưới hình thức nghị luận văn học; sử dụng tốt các thao tác lập luận giải thích, chứng minh, phân tích.  - Bố cục ba phần rõ ràng, chặt chẽ.  - Luận điểm rõ ràng, mạch lac; dẫn chứng cụ thể; lời văn có cảm xúc; chữ viết sạch đẹp.  *+ Mức tối đa (05 điểm):* Đạt các yêu cầu trên.  *+ Mức chưa tối đa (0,25 điểm):* Căn cứ vào bài làm của HS cho điểm hợp lí.  *+ Mức không đạt (0 điểm):* Bài làm không có bố cục. | **0,5** |
|  | **3. Sáng tạo:**  ***+*** *Mức tối đa (0,5 điểm):* Diễn đạt sinh động, giàu hình ảnh, hấp dẫn, biết sử dụng các yếu tố biểu cảm, tự sự, miêu tả trong bài nghị luận một cách hợp lí.  *+ Mức chưa tối đa (0,25 điểm):* Có sáng tạo song chưa đạt các yêu cầu trên.  *+ Mức không đạt (0 điểm):* Không có sự sáng tạo nào. | **0,5** |

---------------------Hết-------------------\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**ĐỀ 19:**

|  |  |
| --- | --- |
| **PHÒNG GD - ĐT HUYỆN** | **ĐỀ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI**  **NĂM HỌC 2018 - 2019**  MÔN: VĂN 8 |

**Câu 1:** *(2,0 điểm)*

Nét độc đáo và tài hoa của Vũ Đình Liên trong hai câu thơ:

*Giấy đỏ buồn không thắm;*

*Mực đọng trong nghiên sầu...*

(*Ông đồ* )

**Câu 2** *(3,0 điểm)*

*“Mẹ ru cái lẽ ở đời*

*Sữa nuôi phần xác, hát nuôi phần hồn*

*Bà ru mẹ… Mẹ ru con*

*Liệu mai sau các con còn nhớ chăng”*

Từ suy ngẫm của nhà thơ Nguyễn Duy, em hãy viết một bài văn ngắn về tình yêu và lòng biết ơn mẹ.

**Câu 3** *(5,0 điểm)*

Có ý kiến cho rằng:

*Thơ bắt rễ từ lòng người, nở hoa nơi từ ngữ.*

Bằng sự hiểu biết về bài thơ *Quê hương* (Tế Hanh) trong chương trình Ngữ văn lớp 8, em hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.

**HƯỚNG DẪN CHẤM THI HỌC SINH GIỎI**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Yêu cầu cần đạt** | **Điểm** |
| **Câu 1**  **(2điểm)** | *\* Yêu cầu về kĩ năng:* học sinh trình bày thành bài văn ngắn, hành văn trôi chảy không mắc lỗi diễn đạt, dùng từ, chính tả.  \* Yêu cầu về kiến thức: HS cảm nhận được nét độc đáo và tài hoa của Vũ Đình Liên trong câu thơ trên 2 phương diện: nội dung và nghệ thuật.  - Ông đồ vẫn xuất hiện vào dịp tết với mực tàu, giấy đỏ nhưng cảnh tượng vắng vẻ đến thê lương. Khi chữ Nho suy tàn, ông đồ bị mọi người lãng quên.  - Nghệ thuật nhân hoá (*Giấy đỏ - buồn không thắm; mực - đọng trong nghiên sầu...*), giọng thơ đượm buồn, hoài cổ. 🡪 nỗi sầu như lan ra cả những vật vô tri vô giác. Tờ giấy đỏ cứ phơi ra đấy mà chẳng được đụng đến trở thành bẽ bàng, màu đỏ của nó trở thành vô duyên, không thắm lên được. Nghiên mực cũng vậy, không hề được chiếc bút lông chấm vào, nên mực như đọng lại bao sầu tủi và trở thành nghiên sầu.  - Hai câu thơ thể hiện nỗi niềm thương tiếc khắc khoải của Vũ Đình Liên. Nhà thơ thương tiếc ông đồ cũng là thương tiếc những giá trị tinh thần tốt đẹp bị tàn tạ, lãng quên. | 0.25đ  1.25đ  0.5 |
| **Câu 2**  **(3 điểm)** | **a. Mục đích:** Kiểm tra kĩ năng nghị luận về một vấn đề tư tưởng đạo lí.  **b. Yêu cầu:**  ***- Về kĩ năng***: học sinh biết cách làm một bài văn nghị luận xã hội, có đầy đủ bố cục ba phần, biết sử dụng dẫn chứng để bàn luận vấn đề. Diễn đạt mạch lạc, trôi chảy, thuyết phục.  ***- Về nội dung kiến thức:***  Học sinh cần trình bày các ý sau:  ***1. Giải thích*** ***ý thơ của Nguyễn Duy và xác định vấn đề cần bàn luận***  - Câu thơ ca ngợi công lao to lớn của mẹ với mỗi người :  + Sữa nuôi phần xác: Nuôi dưỡng con về thể chất /  + Hát nuôi phần hồn: Nuôi dưỡng con về tinh thần  + Lẽ phải ở đời là: Làm con phải yêu thương và thấm thía công ơn mẹ.  => Vậy vấn đề bàn luận: Đạo làm con là yêu thương và biết ơn mẹ.  ***2. Bàn luận***  *-* Đạo làm con phải yêu thương, biết ơn mẹ là hoàn toàn đúng đắn và mang tính nhân văn cao đẹp vì:  + Mẹ là người trao cho con cuộc sống, đưa con đến với thế giới này.  + Mẹ chắt lọc sự sống của thể chất mình cho con và chăm lo cho con bằng tất cả tình yêu và đức hi sinh của mình (d/c)  + Tình yêu và sự chăm lo của mẹ cho con bền bỉ, tận tuỵ và vị tha, vượt mọi khoảng cách thời gian, không gian... không đòi hỏi đền đáp bao giờ....(d/c)  ***3. Những biểu hiện về tình yêu và lòng biết ơn của con với mẹ.***    + Cảm nhận và thấm thía những khát vọng mẹ gửi gắm ở con.    +Cố gắng học tập và rèn luyện để thực hiện những khát vọng ấy của mẹ, xứng đáng với tình yêu và sự hi sinh của mẹ.   + Thương yêu và biết ơn mẹ bằng những việc làm cụ thể hàng ngày: giúp đỡ việc gia đình, chăm sóc khi mẹ đau ốm, động viên an ủi mẹ khi mẹ buồn....  **4: *Liên hệ mở rộng* :**  + Dân tộc ta vốn có truyền thống coi trọng tình yêu và sự biết ơn của con với mẹ: nhiều câu ca dao tục ngữ khẳng định điều này: Nghĩa mẹ như nước.... Nghĩa mẹ bằng trời..... Và các nhà thơ nhà văn hiện đại đó tiếp tục nguồn cảm hứng vô tận.  + *Phê phán*: những thái độ vô ơn, vô cảm trước tình yêu và sự hi sinh của mẹ, có những thái độ việc làm sai trái với mẹ....  ***\* Tiêu chuẩn cho điểm câu 2:*** | 0,75đ  1.25đ  0.5đ  0,5đ |
| **Câu 3**  **(5điểm)** | **- Yêu cầu về kĩ năng**: HS phải xác định được đây là kiểu bài nghị luận văn học nhằm làm sáng tỏ một nhận định; vận dụng thành thạo các phép lập luận giải thích, chứng minh, bình luận...  - Bố cục phải rõ ràng, hệ thống luận điểm minh bạch, luận cứ thuyết phục, lập luận chặt chẽ, văn phong trôi chảy và có chất văn. |  |
| **- Yêu cầu về kiến thức**: Hs sinh phải biết vận dụng kiến thức từ một văn bản đã được học trong chương trình Ngữ văn lớp 8 để làm sáng tỏ ý kiến.  **\* Giải thích nhận định**  *Thơ ca bắt rễ tự lòng người*: thơ ca bắt nguồn sâu xa trong lòng người với những tình cảm, cảm xúc chân thành, mãnh liệt.  *Nở hoa nơi từ ngữ*: kết tinh vẻ đẹp cảm xúc ở ngôn từ giàu giá trị, có sức gợi hình, biểu cảm, giàu nhạc tính, làm nên lối diễn đạt độc đáo.  *bắt rễ - nở hoa*: hình tượng về mối quan hệ chặt chẽ giữa nội dung cảm xúc và nghệ thuật thể hiện.  Bằng cách nói hình ảnh, ý kiến đã khẳng định đặc trưng nổi bật của thơ ca.  **\* Chứng minh:**  1. Bắt rễ từ tình yêu và lòng tự hào về quê hương, thơ Tế Hanh nở hoa nơi từ ngữ để giới thiệu về quê hương mình một cách tự nhiên, bình dị, mộc mạc, chân thành (phân tích 2 câu đầu, chú ý từ ngữ *làng tôi*, *vốn*, hình ảnh quen thuộc: *nghề chài lưới, cách biển nửa ngày sông*)  2. Bắt rễ từ tình cảm gắn bó với quê hương vạn chài, thơ Tế Hanh nở hoa nơi từ ngữ để vẽ lên bức tranh làng chài thơ mộng, tươi sáng với cuộc sống lao động bình dị, vất vả, con người khỏe khoắn, đầy sức sống:  Khổ 2: Cảnh ra khơi đánh cá  - Nghệ thuật miêu tả:  + Từ ngữ gợi tả, gợi cảm: dân trai tráng, tính từ (trong, nhẹ, hồng)  + Phép liệt kê: trời trong, gió nhẹ, sớm mai hồng.  Thiên nhiên tươi đẹp với không gian khoáng đạt, bao la, nhuốm sắc hồng của bình minh tươi sáng, trong trẻo.  - Nghệ thuật so sánh đặc sắc: lấy cái cụ thể so sánh với cái cụ thể (chiếc thuyền với con tuấn mã), kết hợp với các động từ mạnh (hăng, phăng, vượt), các tính từ (nhẹ, mạnh mẽ) đã diễn tả khí thế mạnh mẽ của con thuyền khi ra khơi.  - Cánh buồm giương to như mảnh hồn làng  Rướn thân trắng bao la thâu góp gió  → So sánh, nhân hóa, ẩn dụ, động từ mạnh.  => Cánh buồm trở nên gần gũi, lớn lao, thiêng liêng, là biểu tượng cho linh hồn làng chài, ẩn chứa niềm tin, hi vọng của những người dân chài.  Khổ 3: Cảnh đánh cá trở về bến  - Hình ảnh: ồn ào, tấp nập, cá đầy ghe, cá tươi ngon thân bạc trắng.→Tính từ gợi tả.  => Không khí đông vui, rộn ràng, náo nức, gợi cuộc sống ấm no.  - Người dân chài:  + Làn da ngăm rám nắng: da ngăm đen, trải qua nhiều nắng gió biển khơi.  + Thân hình nồng thở vị xa xăm: mang hơi thở của đại dương, vị mặn mòi của biển cả.  => Bút pháp tả thực kết hợp lãng mạn. Những người dân chài mang vẻ đẹp dạn dày, khỏe khoắn, vạm vỡ.  - Chiếc thuyền:- Nghệ thuật nhân hoá (mỏi trở về nằm), ẩn dụ (nghe).  => Con thuyền trở nên sinh động, có hồn.  3.Tế Hanh trực tiếp bộc lộ nỗi nhớ quê hương qua khổ thơ cuối.  - Cụm từ luôn tưởng nhớ, nhớ… quá!  - Nhớ tất cả những hình ảnh thân quen: màu nư­ớc xanh, cá bạc, chiếc buồm vôi, con thuyền rẽ sóng chạy ra khơi, và mùi nồng mặn quá.  - Biện pháp tu từ: điệp ngữ, liệt kê. => Tình yêu quê hương tha thiết, sự gắn bó thủy chung, sâu nặng với quê hương làng chài của nhà thơ Tế Hanh.  **\* Đánh giá**  - *Bắt rễ tự lòng người, nở hoa nơi từ ngữ* - đó là đặc trưng và cũng là phẩm chất của thơ.  - Để làm nên phẩm chất đó, gốc rễ lòng người phải sâu sắc, chân thành; từ ngữ phải có giá trị mới có thể nở hoa. Người đọc cũng phải rèn luyện tâm hồn và vốn hiểu biết để cảm hiểu chiều sâu lòng nhà thơ và thưởng thức vẻ đẹp từ ngữ.  - Bài thơ *Quê hương* quả đúng là đã “bắt rễ từ lòng người”, xuất phát từ những tình cảm chân thành của Tế Hanh với quê hương mình, và được “nở hoa nơi từ ngữ” bằng tài năng chính ông.  ***\* Tiêu chuẩn cho điểm câu 3:*** | 1.0  3.0 |

                                  \*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**ĐỀ 22:**

|  |  |
| --- | --- |
| **PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  **ĐỀ CHÍNH THỨC** | **ĐỀ GIAO LƯU HỌC SINH GIỎI**  **NĂM HỌC 2020- 2021**  **MÔN: NGỮ VĂN 8**  **Thời gian làm bài: 120 phút**  *(Đề gồm 2 câu, 01 trang)* |

**Câu 1 (4,0 điểm):**

Đọc hai đoạn trích sau:

*a.“ Tôi dắt em ra khỏi lớp. Nhiều thầy cô ngừng giảng bài, ái ngại nhìn theo chúng tôi. Ra khỏi trường, tôi kinh ngạc thấy mọi người vẫn đi lại bình thường và nắng vẫn vàng ươm trùm lên cảnh vật.”*

(Khánh Hoài, ***Cuộc chia tay của những con búp bê***, Ngữ văn 7, tập một)

b.*“Sáng hôm sau, tuyết vẫn phủ kín mặt đất, nhưng mặt trời lên, trong sáng, chói chang trên bầu trời xanh nhợt. Mọi người vui vẻ ra khỏi nhà.*

*Trong buổi sáng lạnh lẽo ấy, ở một xó tường, người ta thấy có một em gái có đôi má hồng và đôi môi đang mỉm cười. Em đã chết vì giá rét trong đêm giao thừa.”*

(An-đéc-xen, ***Cô bé bán diêm***, Ngữ văn 8, tập một)

Bài học cuộc sống mà em rút ra qua hai đoạn trích trên. Em có nhắn gửi gì đến thế hệ trẻ hiện nay.

**Câu 2 (6,0 điểm):**

Nhà thơ Tố Hữu cho rằng: *Đọc một câu thơ hay, người ta không thấy câu thơ, chỉ còn thấy tình người trong đó*.

Từ cảm nhận về bài thơ *Quê hương* của nhà thơ Tế Hanh, em hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.

---------------------Hết-------------------

|  |  |
| --- | --- |
|  | **HƯỚNG DẪN CHẤM**  *(Hướng dẫn chấm gồm 04 trang)* |

**A. YÊU CẦU CHUNG**

- Giám khảo nắm được nội dung trình bày trong bài làm của học sinh để đánh giá một cách khái quát, tránh đếm ý cho điểm. Vận dụng linh hoạt đáp án, nên sử dụng nhiều mức điểm một cách hợp lí; khuyến khích những bài viết có cảm xúc và sáng tạo phát triển được năng lực của học sinh.

- Học sinh có thể làm bài theo nhiều cách riêng nhưng đáp ứng được các yêu cầu cơ bản của đề, diễn đạt tốt vẫn cho đủ điểm.

- *Lưu ý: Điểm bài thi có thể lẻ đến 0,25 điểm, không làm tròn số*.

**B. YÊU CẦU CỤ THỂ**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung đạt được** | **Điểm** |
| **Câu 1** | **1. Tiêu chí về nội dung các phần bài viết:** | **3,5** |
| **a. Mở bài:**  - Dẫn dắt, giới thiệu vấn đề nghị luận trong hai đoạn trích | **0,25** |
| **b. Thân bài:**  ***\* Khái quát nội dung hai đoạn trích:***  *- Đoạn trích a:* Trích trong văn bản *Cuộc chia tay của những con búp bê*, nhà văn Khánh Hoài đã nói về nỗi đau và sự mất mát quá lớn mà hai anh em Thành và Thủy phải chịu đựng khi cha mẹ chia tay. Đặc biệt là Thủy, em không được quyền học tập, vui chơi... Nhưng “mọi người vẫn đi lại bình thường” khiến “tôi kinh ngạc” vì em nhận ra sự lạnh lùng, vô cảm, dửng dưng của người đời với nỗi bất hạnh của em.  *- Đoạn trích b:* Trích trong văn bản *Cô bé bán diêm*, nhà văn An-đéc-xen đã nói về cái chết thương tâm của em bé bất hạnh. Em chết vì giá rét trong đêm giao thừa, giữa sự lạnh lùng vô cảm của người đời.  => Cả 2 đoạn trích đều cho thấy thái độ vô cảm, lạnh lùng của mọi người đối với những hoàn cảnh bất hạnh, đáng thương.  ***\* Giải thích vô cảm là gì?***  - “vô” là không; “cảm” là tình cảm, cảm xúc. “Vô cảm” là không có tình cảm, không có cảm xúc, sống khép mình, thờ ơ, lạnh nhạt, dửng dưng với tất cả mọi người, mọi việc xung quanh.  - Đây là một thói xấu có tác hại cho cả xã hội loài người  ***=>*** Bài học rút ra qua hai đoạn trích: Đó là biểu hiện của sự vô cảm trong cuộc sống.  ***\* Biểu hiện của sự vô cảm:***  - Trong văn chương sự vô cảm, thờ ơ của mọi người được thể hiện khá nhiều. Tiêu biểu là hai đoạn trích trong hai văn bản trên.  - Trong cuộc sống sự vô cảm biểu hiện khá đa dạng:  + Trong gia đình: Con cái ích kỉ chỉ nghĩ đến quyền lợi của mình; không quan tâm, không có trách nhiệm với ông bà, cha mẹ, anh chị em.  + Ở trường lớp: Thờ ơ, dửng dưng trước sự bất hạnh của bạn bè; thấy bạn bè gặp nạn không giúp đỡ, thậm chí còn xúi giục cổ vũ cho những việc làm xấu.  + Ra ngoài xã hội: Thấy người tàn tật, người hành khất không giúp đỡ thậm chí còn cười cợt, dè bỉu, xua đuổi. Thấy người gặp nạn bỏ đi không sẵn sàng cứu giúp; có kẻ còn hôi của, cướp của của người gặp nạn...  ***\* Nguyên nhân của sự vô cảm:***  - Do lối sống ích kỉ, ham chơi, chỉ biết hưởng thụ không có trách nhiệm với gia đình, tập thể, xã hội.  - Do không chịu tu dưỡng, rèn luyện các phẩm chất đạo đức tốt đẹp; thờ ơ, dửng dưng với mọi người, với tập thể.  - Do cha mẹ nuông chiều con cái, thiếu quan tâm đến hành vi, nhân cách của con.  - Do nền kinh tế thị trường phát triển, con người coi trọng vật chất hơn tình cảm.  ***\* Tác hại của sự vô cảm:***  - Làm suy thoái về đạo đức của một bộ phận cá nhân.  - Biến con người thành những kẻ vô lương tâm, vô trách nhiệm.  - Làm mất lối sống nhân nghĩa; mất đi tinh thần đoàn kết tương trợ; mất đi truyền thống đạo lí tốt đẹp của dân tộc.  ***\* Biện pháp khắc phục:***  - Mỗi người tự rèn luyện các phẩm chất đạo đức tốt đẹp  - Tích cực tham gia các phong trào nhân đạo, phong trào từ thiện. Biết quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ người khác đặc biệt là những người có hoàn cảnh bất hạnh.  \****Lời nhắn gửi đến thế hệ trẻ hiện nay:***  - Hãy nuôi dưỡng lòng nhân ái, sống có trách nhiệm với bản thân, gia đình, xã hội và yêu thương nhiều hơn.  - Tuyên truyền lối sống đúng đắn, biết yêu thương, quan tâm đến mọi người xung quanh.  - Tránh xa và phê phán lối sống vô cảm chỉ biết vun vén cho cá nhân, quay lưng lại với cộng đồng; chỉ biết chạy theo vật chất mà quên đi đạo lí *Lá lành đùm lá rách.* | **3,0**  0,5  0,5  0,5  0,5  0,25  0,25  0,5 |
|  | **c. Kết bài:**  - Khẳng định, khái quát lại vấn đề.  - Xác định thái độ sống đúng đắn cho bản thân trong tập thể, cộng đồng, thể hiện niềm tin vào tương lai tốt đẹp.  *+ Mức tối đa (3,5 điểm):* Đạt các yêu cầu trên.  *+ Mức chưa tối đa (0,25-> 3,25 điểm):* Căn cứ vào bài làm của HS cho điểm hợp lí.  *+ Mức không đạt (0 điểm):* Không làm bài hoặc làm lạc đề. | **0,25** |
|  | **2. Tiêu chí về hình thức:**  - Bài viết dưới hình thức nghị luận xã hội.  - Bố cục ba phần rõ ràng, chặt chẽ.  - Luận điểm rõ ràng, mạch lac; dẫn chứng cụ thể; lời văn có cảm xúc; chữ viết sạch đẹp.  *+ Mức tối đa (0,5 điểm):* Đạt các yêu cầu trên.  *+ Mức chưa tối đa (0,25 điểm):* Căn cứ vào bài làm của HS cho điểm hợp lí.  *+ Mức không đạt (0 điểm):* Bài làm không có bố cục. | **0,5** |
| **Câu 2** | **1. Tiêu chí về nội dung:**  *+ Mức tối đa (5,0 điểm):* Đáp ứng tốt các yêu cầu.  *+ Mức chưa tối đa (0,25-> 4,75 điểm):* Căn cứ vào bài làm của HS cho điểm hợp lí.  *+ Mức không đạt (0 điểm):* Không làm bài hoặc làm lạc đề. | **5,0** |
| **a. Mở bài:**  - Dẫn dắt, nêu vấn đề nghị luận.  - Trích dẫn ý kiến. | **0,5** |
| **b. Thân bài:**  **\* Giải thích:**  - *Câu thơ hay*: là sản phẩm lao động sáng tạo của nhà thơ, kết tinh những tư tưởng, tình cảm mà nhà thơ muốn gửi gắm qua hình thức phù hợp.  - *Tình người*: là tư tưởng, tình cảm, cảm xúc tạo nên giá trị nội dung của thơ.  => Quan niệm của Tố Hữu nhấn mạnh giá trị của thơ là những tư tưởng, tình cảm được biểu hiện trong thơ. Tình cảm, cảm xúc càng sâu sắc, mãnh liệt, lớn lao càng khiến thơ lay động lòng người.  **\* Chứng minh**  ***a. Tình người trong bài thơ “Quê hương”***:  Thể hiện qua tình cảm của nhà thơ đối với quê hương: Biểu hiện qua niềm tự hào và nỗi nhớ khôn nguôi về làng chài của mình.  + Vẻ đẹp của cảnh đoàn thuyền ra khơi đánh cá vào một buổi sớm bình minh. (Phân tích tám câu thơ đầu)  + Vẻ đẹp của đoàn thuyền đánh cá trở về bến - một bức tranh lao động náo nhiệt, đầy ắp niềm vui và sự sống. (Phân tích tám câu thơ tiếp)  + Tình cảm nhớ thương quê hương của tác giả -.nhớ nhất mùi vị nồng mặn đặc trưng của quê hương. (Phân tích bốn câu cuối)  *=> “Quê hương” đã khắc hoạ được bức tranh tươi sáng, khoẻ khoắn, đầy sức sống về cuộc sống lao động của một làng quê miền biển, qua đó thể hiện tình yêu quê hương tha thiết, đằm thắm của tác giả.*  ***b. Hình thức biểu đạt***:  - Thể thơ: tự do, nhịp thơ linh hoạt.  - Từ ngữ, hình ảnh: hình ảnh đẹp, tiêu biểu, chọn lọc, ngôn ngữ tự nhiên, trong sáng.  - Biện pháp nghệ thuật: so sánh, ví von, nhân hóa sáng tạo và hấp dẫn,...  - Giọng thơ: mộc mạc, chân thành, đằm thắm, gợi cảm…  ***\* Đánh giá:***  - *Quê hương* của Tế Hanh là một bài thơ hay bởi nó được viết lên từ cảm xúc chân thành, tình cảm mãnh liệt. Bài thơ không chỉ là riêng tình cảm của tác giả giành cho quê hương; mà bài thơ này còn nói hộ rất nhiều tấm lòng khác đang ở xa quê hương qua hình thức nghệ thuật độc đáo, hấp dẫn.  - Đọc bài *Quê hương* ta cảm thấy yêu thơ và tâm hồn thơ của Tế Hanh. Chúng ta càng trân trọng hơn nữa mảnh đất chôn rau cắt rốn, yêu hơn nữa những điều bình dị nhưng thiêng liêng… | **(4,0)**  **0,5**  **3,5**  3,0  0,5  **0,5** |
|  | **c. Kết bài:**  - Khẳng định tình cảm của nhà thơ dành cho quê hương là tình cảm sâu nặng, thiết tha, đằm thắm…  - Liên hệ tình cảm, thái độ của bản thân. | **0,5** |
|  | **2. Tiêu chí về hình thức:**  - Bài viết dưới hình thức nghị luận văn học; sử dụng tốt các thao tác lập luận giải thích, chứng minh, phân tích.  - Bố cục ba phần rõ ràng, chặt chẽ.  - Luận điểm rõ ràng, mạch lac; dẫn chứng cụ thể; lời văn có cảm xúc; chữ viết sạch đẹp.  *+ Mức tối đa (05 điểm):* Đạt các yêu cầu trên.  *+ Mức chưa tối đa (0,25 điểm):* Căn cứ vào bài làm của HS cho điểm hợp lí.  *+ Mức không đạt (0 điểm):* Bài làm không có bố cục. | **0,5** |
|  | **3. Sáng tạo:**  ***+*** *Mức tối đa (0,5 điểm):* Diễn đạt sinh động, giàu hình ảnh, hấp dẫn, biết sử dụng các yếu tố biểu cảm, tự sự, miêu tả trong bài nghị luận một cách hợp lí.  *+ Mức chưa tối đa (0,25 điểm):* Có sáng tạo song chưa đạt các yêu cầu trên.  *+ Mức không đạt (0 điểm):* Không có sự sáng tạo nào. | **0,5** |

---------------------Hết-------------------

**ĐỀ 23:**

|  |  |
| --- | --- |
| UBND HUYỆN  **PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  **ĐỀ CHÍNH THỨC** | **GIAO LƯU HỌC SINH GIỎI LỚP 8**  **NĂM HỌC 2020 - 2021**  Môn: **Ngữvăn 8**  Thờigianlàmbài: 120 phút.  (*Khôngtínhthờigiangiaođề*) |

**Phần I: Đọchiểu (4.0 điểm)**

Đọc đoạn trích và thực hiện các yêu cầu phía dưới:

*Bất cứ ai cũng đã từng thất bại, đã từng vấp ngã ít nhất một lần trong đời như một quy luật bất biến của tự nhiên. Có nhiều người có khả năng vực dậy, đứng lên rồi nhẹ nhàng bước tiếp như thể chẳng có chuyện gì xảy ra, nhưng cũng có nhiều người chỉ có thể ngồi một chỗ và vẫn luôn tự hỏi lí do vì sao bản thân lại có thể dễ dàng “mắc bẫy” đến như thế…*

*Bất kì vấp ngã nào trong cuộc sống cũng đều mang lại cho ta một bài học đáng giá: về một bài toán đã áp dụng cách giải sai, về lòng tốt đã gửi nhầm chủ nhân…*

*Đừng để khi tia nắng ngoài kia đã lên, mà con tim vẫn còn băng lạnh. Đừng để khi cơn mưa kia đã tạnh, mà những giọt lệ trên mi mắt vẫn còn tuôn rơi. Thời gian làm tuổi trẻ đi qua nhanh lắm, không gì là mãi mãi, nên hãy sống hết mình để không nuối tiếc những gì chỉ còn lại trong quá khứ mà thôi.*

(Trích *Hãy học cách đứng lên sau vấp ngã*, theohttp*://www.vietgiaitri.com*, 4/6/2015)

**Câu 1:** Gọi tên phương thức biểu đạt chính của đoạn trích.

**Câu 2:** Chỉ rõ và nêu tác dụng của việc sử dụng một biện pháp nghệ thuật trong hai câu văn sau: *“Đừng để khi tia nắng ngoài kia đã lên, mà con tim vẫn còn băng lạnh. Đừng để khi cơn mưa kia đã tạnh, mà những giọt lệ trên mi mắt vẫn còn tuôn rơi”*?

**Câu 3**: Theo tác giả, tạo sao nên *“sống hết mình”?*

**Câu 4.** Lời nhắn nhủ của tác giả:*“Bất cứ ai cũng đã từng thất bại, đã từng vấp ngã ít nhất một lần trong đời như một quy luật bất biến của tự nhiên”,* có ý nghĩa như thế nào đối với bản thân em.

**Phần II: Làm văn (16.0 điểm)**

**Câu 1:** *(6.0 điểm)*Hãy viết bài văn ngắn với chủ đề: *“Đứng lên sau thất bại”.*

**Câu 2** *(10.0 điểm):*Bàn về ý nghĩa của thơ, Tố Hữu khẳng định : *“Thơ là tiếng lòng”.* Hãy lắng nghe tiếng lòng của nhà thơ Tế Hanh qua bài thơ “Quê hương”.

**.......... Hết ..........**

*Thí sinh không được phép sử dụng tài liệu. Giám thị không giải thích gì thêm.*

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ THI CHÍNH THỨC**

**Môn thi: NGỮ VĂN8**

*(Hướng dẫn chấm gồm có 2 trang)*

1. **YÊU CẦU CHUNG:**
2. Do đặctrưngcủamônNgữ Vănvà mụcđíchcủakì thichọnhọcsinhgiỏi, bàilàmcủathí sinhcầnđượcđánhgiá tổngquát, tránhđếm ý chođiểm; khuyếnkhíchnhữngbàiviếtsángtạo, chấpnhậncáckiếngiảikhácnhau, kểcảkhôngcótronghướngdẫnchấm, miễnlàhợplí, cósứcthuyếtphục.

2. Tổng điểm của toàn bài là 20.0 điểm, cho lẻ đến 0.5 điểm. Hướng dẫn chấm chỉ cho điểm từng câu, từng ý, trên cơ sở đó giám khảo có thể thống nhất định ra các mức điểm cụ thể khác.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
|  |  | **PHẦN ĐỌC HIỂU:** | **4,0** |
| **1** | Phương thức biểu đạt chính : Nghị luận | 0.5 |
| **2** | Đoạn văn sử dụng các biện pháp nghệ thuật sau (Học sinh chỉ cần nêu được 1 trong các biện pháp nghệ thuật)  + Điệp ngữ : Điệp từ (Đừng để khi); Điệp cấu trúc ngữ pháp (lặp cấu trúc ngữ pháp).  + Đối lập (tia nắng… đã lên >< Con tim vẫn còn băng lạnh; Cơn mưa đã tạnh >< giọt lệ… rơi).  + Ẩn dụ:  Tia nắng đã lên: Chỉ những vẻ đẹp của thế giới xung quanh, những điều tốt đẹp đang đến.  Cơn mưa đã tạnh: Chỉ những khó khăn đã qua  – Tác dụng:  + Biện pháp điệp ngữ: Tạo âm hưởng nhịp nhàng, cân đối; nhấn mạnh, khuyến khích mọi người hãy từ bỏ những ưu phiền để sống vui vẻ, hòa nhịp với thế giới xung quanh…  + Biện pháp đối lập: Làm nổi bật sự trái ngược giữa ngoại cảnh với tâm trạng con người, nhằm khích lệ con người từ bỏ những ưu phiền, hướng đến cuộc sống vui tươi, ý nghĩa.  + Biện pháp ẩn dụ: Gợi ra những hình ảnh đẹp đẽ của thế giới xung quanh khi khó khăn cuộc đời đi qua.Qua đó, nhắc nhở con người phải biết quên đi những ưu phiền, biết vươn lên để đón nhận những điều tốt đẹp mà cuộc sống mang lại. | 2.0 |
| **3** | Theo tác giả, nên *“sống hết mình”vì:*  + Thời gian làm tuổi trẻ đi qua nhanh lắm, không gì là mãi mãi,  + Sống hết mình để không nuối tiếc những gì chỉ còn lại trong quá khứ mà thôi*.* | 0,5 |
| **4** | Hs tự trình bày lời nhắn trên có ý nghĩa với bản thân học sinh  đó có thể là:  - Xem thất bại, những khó khăn là một điều bình thường trong cuộc sống.  - Phải biết rút ra những bài học kinh nghiệm sau mỗi lần thất bại để tạo ra những thành công trong tương lai.  - Có ý chí, nghị lực vươn lên. Không nản lòng, nản chí, buông xuôi trước những thất bại, những khó khăn trong cuộc sống.  **(Giám khảo linh hoạt khi chấm)** | 1,0 |
| **II.** | **1** | **LÀM VĂN** | **16** |
| **Câu 1:** *(6.0 điểm)* Hãy viết bài văn ngắn với chủ đề: *“Đứng lên sau thất bại”*  ***Yêu cầu về kĩ năng***  -Xác định đúng vấn đề nghị luận  - Biết cách làm kiểu bài nghị luận xã hội với bố cục rõ ràng, mạch lạc.  - Hành văn trôi chảy, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu  - Kết hợp nhuần nhuyễn các thao tác lập luận: giải thích, phân tích, chứng minh, bình luận,…  - Biết nêu và phân tích, bình luận dẫn chứng.  - Dung lượng là một bài văn ngắn (Tập trung vào các luận điểm: giải thích, bàn luận, bài học…) | **6.0**  **0.5** |
| ***Yêu cầu về kiến thức***  Bài viết có thể trình bày theo nhiểu cách khác nhau nhưng cần làm rõ những yêu cẩu cơ bản sau:  -Dẫn dắt vấn đề  – Giải thích vấn đề:  +“Thất bại” là những lần vấp ngã, khó khăn trong công việc và cuộc sống. Là những công việc ta vạch định không đạt được kết quả như mong muốn.  Nghĩa chung câu nói: Nhằm khuyên nhủ con người biết đứng lên, biết rút ra những bài học kinh nghiệm sau những vấp ngã, sai lầm để thành công trong tương lai. Đó là một bài học bổ ích cho con người trong cuộc sống.  – Vì sao con người phải biết *“Đứng lên sau thất bại” ?*  + Trong cuộc đời con người, không phải lúc nào cũng gặp những thuận lợi, may mắn, có những lúc đường đời cũng gập gềnh, sóng gió…Đó là quy luật tất yếu của cuộc sống….  + “Thất bại” là*“lửa thử vàng”*là phép thử ý chí, nghị lực con người trong cuộc sống.  + “Thất bại là mẹ thành công”, sau mỗi thất bại, va vấp, nếu chúng ta biết *“đứng lên”,* nhìn nhận lại để rút ra được bài học kinh nghiệm…thì thành công trong tương lai là điều không còn xa vời… *(Dẫn chứng)*  *+* Ngược lại, nếu sau những vấp váp, sai lầm con người cứ lún sâu vào hố sâu của sự thất vọng, đổ lỗi cho hoàn cảnh …. Thì thành công sẽ chẳng bao giờ đến và cuộc sống của người đó sẽ chẳng còn ý nghĩa.  *(Dẫn chứng)*  – Nêu bài học về nhận thức và hành động:  + Nhận thức được khó khăn, thất bại là điều tất yếu của cuộc sống  + Biết rút ra những bài học quý sau thất bại để vươn lên thành công  + Có ý chí vươn lên, không nản lòng, buông xuôi, không đánh mất mình khi gặp thất bạt…..  -Khẳng định vấn đề; Liên hệ… | **0.5**  **1.0**  **2.5**  **1.0**  **0.5** |
| **2** | **Câu 2** *(10.0 điểm):*Bàn về ý nghĩa của thơ, Tố Hữu khẳng định : *“Thơ là tiếng lòng”.* Hãy lắng nghe tiếng lòng của nhà thơ Tế Hanh qua bài thơ “Quê hương”.  1. Yêu cầu về kĩ năng  - Biết cách làm bài văn nghị luận văn học  - Xây dựng bố cục bài văn chặt chẽ, lập luận mạch lạc. Diễn đạt lưu loát, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu.  - Biết cách nêu luận điểm, phân tích, chứng minh làm rõ luận điểm.  - Khuyến khích những bài văn sáng tạo, cảm xúc tự nhiên, chân thành, biết cách đánh giá, mở rộng vấn đề. | 10  0.5 |
| 2. Yêucầuvềkiếnthức: thísinhcóthểtrìnhbàytheonhiềucáchkhácnhau. Sauđâylàđịnhhướng: | 9.5 |
| - Dẫndắtvấnđềnghịluận  - Giải thích ngắn gọn ý kiến:  + *“Tiếng lòng”* ở đây được hiểu là tiếng nói của tâm hồn, là cảm xúc. Tố Hữu đã đề cập tới đặc trưng quan trọng nhất của thơ ca: là tiếng nói của tình cảm.  + Tiếng lòng của nhà thơ Tế Hanh trong bài thơ Quê Hương: Là tiếng nói ngợi ca vẻ đẹp của cảnh vật quê hương, con người lao động qua cảnh ra khơi, cảnh trở về bến của người dân chài đầy hào hứng, say mê; Là nỗi nhớ quê hương tha thiết, sâu nặng. | 0.5  1.0 |
| - Chứng minh:  + Tiếng lòng của Tế Hanh trước hết là ca ngợi vẻ đẹp cảnh sắc, con người lao động quê hương:  - Cảnh ra khơi của người dân chài quê hương ông (Dẫn chứng)  - Cảnh con thuyền trở về bến (Dẫn chứng)  + Tiếng lòng của nhà thơ còn là nỗi nhớ quê hương sâu nặng, tha thiết  (Dẫn chứng)  - Tổng hợp, đánh giá:  + NT bài thơ: -> Khái quát tiếng lòng của nhà thơ thể hiện trong bài thơ…  + Khái quát nhận định: Ý kiến của nhà thơ Tố Hữu, cho ta thấy được chức năng, ý nghĩa của thơ ca đối với con người -> Bàn về vai trò của người nghệ sĩ khi sáng tạo thơ ca ngoài để phản ảnh thế giới xung quanh,Sáng tác thơ ca còn để bộc lộ tâm tư, nỗi niềm sâu kín của người nghệ sĩ…Và người đọc khi khám phá tác phẩm thơ phải có năng lực khám phá “tiếng lòng” sâu kín mà người nghệ sĩ gửi gắm trong tác phẩm.  -Khẳng định lại vấn đề nghị luận, Liên hệ… | 4.0  2.5  1,0  0.5 |

**ĐỀ THI TUYỂN CHỌN HSG**

**NGỮ VĂN 8**

**Câu 1** (4,0 điểm)

Em có nhận xét gì về cách kết thúc “*Chuyện người con gái Nam Xương*” của Nguyễn Dữ? Cách kết thúc đó có ý nghĩa gì?

**Câu 2** (6,0 điểm)

Hãy viết một bài văn nghị luận ngắn (Khoảng 1 trang giấy thi) bàn về ý nghĩa của câu nói: “*Giữa một vùng sỏi đá khô cằn, cây hoa cỏ dại vẫn mọc lên và nở những chùm hoa thật đẹp”*

**Câu 3** (10,0 điểm)

Nhận định về bài thơ “*Quê hương*” của Tế Hanh có ý kiến cho rằng: “*Đề tài không lạ nhưng mới, kết cấu ngỡ như rời rạc mà độc đáo lạ thường, hình ảnh, ngôn từ bình dị nhưng lay chuyển được cảm xúc người đọc […] và có lẽ dấu ấn thể hiện rõ nhất sự tài hoa của nhà thơ là ở khả năng đánh thức tình yêu quê hương thiết tha trong mỗi một con người*”. Em hãy phân tích làm rõ vấn đề trên.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**BÀI 1: VĂN BẢN TRUYỆN KÍ VN HIỆN ĐẠI**

**TÔI ĐI HỌC**

**Thanh Tịnh**

**I.Khái quát về văn học VN từ đầu thế kỉ XX- CMT8-1945**

**A. Mục tiêu cần đạt** :

+ HS nắm được một cách khái quát về hoàn cảnh lịch sử , tình hình xã hội ,tình hình phát triển văn học và những thành tựu nổi bật của thời kỳ văn học này .

+ HS hiểu khái quát những nét chính về nội dung , nghệ thuật tiêu biểu ở từng giai đoạn văn học .

+ Luyện các kỹ năng phân tích , biình giảng các chi tiết , các hình ảnh thơ có trong các văn bản thể hiện chủ đề nội dung tư tưởng .

+ Lập dàn ý theo các kiểu văn bản theo yêu cầu của đề ra sau khi đã tìm hiểu xong văn bản + Giáo dục cho HS tình yêu quê hương đất nước , lòng căm thù giặc ngoại xâm , có sự đồng cảm với số phận những người cùng khổ trong xã hội .

**B. Nội dung bài học** :

**1. Về tình hình xã hội và văn hoá** :

**a.Hoàn cảnh lịch sử và xã hội** :

- Thực dân Pháp đặt xong được ách đô hộ vào Việt Nam và tiến hành khai thác thuộc địa . Xã hội Việt Nam từ xã hội phong kiến chuyển sang xã hội thực dân nửa phong kiến .

- Sự thay đổi lớn lao về chế độ xã hội ấy kéo theo sự thay đổi về cơ cấu giai cấp , ý thức hệ văn hoá khá sâu sắc và nhanh chóng .

- Mâu thuẫn giữa dân tộc ta với thực dân Pháp ,giữa nhân dân ta với (chủ yếu là nông dân ) với phong kiến ngày càng trở nên sâu sắc và quyết liệt .

\* văn học Việt Nam từ đầu thế kỷ XX đến cách mạng tháng Tám 1945 sẽ phát triển trong điều liện xã hội mới và tình hình văn hoá mới .

**b.Tình hình văn hoá** :

- Nền văn hoá phong kiến cổ truyền ( từng gán bó với văn hoá khu vực Đông Nam á , đặc biệt là gắn bó với văn hoá Trung Hoa , với nền Hán học ) bị nền van hoá tư sản hiện đại ( đặc biệt là văn hoá Pháp ) nhanh chóng lấn át. Chế đọ thi cử chữ Hán bị bãi bỏ ( bỏ các kỳ thi hương ở Bắc kỳ nam 1915 ,ở trung kỳ năm 1918 ).

- Tầng lớp trí thức nho sĩ phong kiến là trụ cột của nền văn hoá dân tộc suốt thời trung đại nay đã hết thời không được coi trọng nữa . Tầng lớp trí thức Tây học thay thế tầng lớp nho sĩ cũ , trở thành đội quân chủ lực làm nên bộ mặt văn hoá Việt Nam nửa đầu thế kỷ XX .

- Đời sống văn học , phương tiện văn học có những thay đổi lớn : một tầng lớp công chúng mới có thị hiếu thẩm mỹ , có nhu cầu văn học mới xuất hiện . Một thế hệ nhà văn mới ra đời , có điệu sống mới , cảm xúc mới , vốn văn hoá nghệ thuật mới , khác nhiều so với văn sĩ , thi sĩ Nho gia ngày xưa .

**2 .Tình hình văn học** :

**a. Quá trình phát triển của văn học từ đầu thế kỷ XX đến cách mạng tháng Tám 1945**

- Văn học chia ra làm ba chặng lớn :

+ Hai thập kỷ đầu của thế kỷ XX .

+ Những năm 20 của thế kỷ XX .

+ Từ đầu những năm 30 đến cách mạng tháng Tám 1945 .

- Văn học gồm hai khu vực :

+ Văn học hợp pháp :tồn tại và phát triển trong vòng pháp luật của chính quyền thống trị đương thời ( thơ văn của Tản Đà ,của Hồ Biểu Chánh ..

+ Văn học bất hợp pháp :văn học yêu nước và cách mạng ( thơ văn Phan Bội Châu ,Phan Châu Trinh , Hồ Chí Minh …

-Văn học phát triển theo ba trào lưu chính :  
 + Văn học yêu nước và cách mạng .

+Văn học viết theo cảm hứng hiện thực .

+Văn học viết theo cảm hứng lãng mạn

\* Văn học thời kỳ này bắt đầu và hoàn thành qúa trình đổi mới văn học diễn ra ở mọi phương diện , mọi thể loại .

+ Nội dung : Đổi mới trên các mặt : tư tưởng ,tình cảm ,cảm xúc ,tâm hồn , cách cảm, cách nghĩ …của các nhà văn , nhà thơ trước cuộc đời , trước đất nước , trước con người và cả trước nghệ thuật . Ví dụ như khi nói về đất nước là nói đến nước là gắn với dân : “dân là sân nước , nước là nước dân ” , còn nòi về con người , bên cạnh con người xã hội , con người công dân còn phải nói đến con người tự nhiên , con người cá nhân .

+ Hình thức : đó là việc thay đổi về chữ viết ( chữ quốc ngữ ) , xuất hiẹn nhiều thể loại văn học mới , viết theo lối mới . Bên cạnh đó còn có sự đổi mới về ngôn ngữ : mang tính cá thể ,gắn với đời sống bình thường , có tính dân tộc đậm đà hơn .

**Văn bản : Tôi đi học**

**1.Vài nét về tác giả - Tác phẩm**

**\*Tác giả.**

- Thanh Tịnh sinh năm 1911, mất năm 1988. Tên khai sinh là Trần Văn Ninh. Trước năm 1946 ông vừa dạy học, vừa làm thơ. Ông có mặt ở trên nhiều lĩnh vực : Thơ, truyện dài, ca dao, bút ký....nhưng thành công hơn cả là truyện ngắn

Truyện ngắn của ông trong trẻo mà êm dịu. Văn của ông nhẹ nhàng mà thấm sâu, mang dư vị man mác buồn thương, vừa ngọt ngào, vừa quyến luyến

Ông để lại sự nghiệp đáng quý:

+ Về thơ: Hận chiến trường, sức mồ hôi, đi giữa mùa sen.

+ Truyện: Ngậm ngải tìm trầm, Xuân và Sinh

**\* Tác phẩm:**

- Tôi đi học in trong tập truyện ngắn Quê mẹ(1941), thuộc thể loại hồi ký: ghi lại những kỷ niệm đẹp của tuổi thơ trong buổi tiu trường

**2.Phân tích tác phẩm**

**a.Tâm trạng của chú bé trong buổi tựu trường**

**\*Trên đường tới trường:**

- Là buổi sớm đầy sương thu và gió lạnh chú bé cảm thấy mình trang trọng và đứng đắn trong chiếc áo vải dù đen dài – Lòng chú tưng bừng, rộn rã khi được mẹ âu yếm nắm tay dắt di trên con đường dài và hẹp – Cậu bé cảm thấy mình xúc động, bỡ ngỡ, lạ lùng – Chú suy nghĩ về sự thay đổi – Chú bâng khuâng thấy mình đã lớn.

**\*Tâm trạng của cậu bé khi đứng trước sân trường**

- Ngạc nhiên, bỡ ngỡ, vì sân trường hôm nay thật khác lạ, đông vui quá - Nhớ lại trước đây thấy ngôi trường cao ráo sạch sẽ hơn các nhà trong làng. Nhưng lần này lại thấy ngôi trường vừa xinh xắn, oai nghiêm đĩnh đạc hơn – Chú lo sợ vẩn vơ, sợ hãi khép nép bên người thân – Chú cảm thấy trơ trọi, lúng túng, vụng về.... – Khi nghe ông đốc gọi tên, chú bé giật mình, lúng túng , tim như ngừng đập ... oà khóc nức nở.

***\**Tâm trạng của cậu bé khi dự buổi học đầu tiên.**

- Khi vào lớp học, cảm xúc bâng khuâng, hồi hộp dâng lên man mác trong lòng cậu . Cậu cảm thấy một mùi hương lạ bay lên. Thấy gì trong lớp cũng lạ lạ hay hay rồi nhìn bàn ghế rồi lạm nhận đó là của mình.

**b. Hình ảnh người mẹ**

- Hình ảnh người mẹ là hình ảnh thân thương nhất của em bé trong buổi tựu trường. Người mẹ đã in đậm trong những kỷ niệm mơn man của tuổi thơ khiến cậu bé nhớ mãi. Hình ảnh người mẹ luôn sánh đôi cùng nhân vật tôi trong buổi tựu trường. Khi thấy các bạn mang sách vở, tôi thèm thuồng muồn thử sức mình thì người mẹ cúi đầu nhìn con, cặp mắt âu yếm, giọn nói dịu dàng “thôi để mẹ cầm cho ” làm cậu bé vô cùng hạnh phúc. Bàn tay mẹ là biểu tượng cho tình thương, sự săn sóc động viên khích lệ . Mẹ luôn đi sát bên con trai , lúc thì cầm tay, mẹ đẩy con lên phía trước , lúc bàn tay mẹ nhẹ nhàng xoa mái tóc của con....

**3.Cách xây dựng truyện**

1. Phương thức biểu đạt
2. Bố cục :

Đoạn 1: Từ đầu ...... rộn rã (Hồi tưởng kỷ niệm ngày đầu tiên tới trường)

Đoạn 2: Tiếp ......... ngọn núi(Kỷ niệm trên đường tới trường)

Đoạn 3: Tiếp ....... ngày nữa (Kỷ niệm trước sân trường)

Đoạn 4: Còn lại (Nhớ lại kỷ niệm trong buổi học đầu tiên)

**4.Chất thơ trong truyện ngắn**

1. Chất thơ được thể hiện trong cốt truyện: Dòng hồi tưởng, tâm trạng của nhân vật tôi ở những thời điểm khác nhau.
2. Chất thơ được thể hiện đậm đà qua những cảnh vật , tâm trạng, chi tiết dạt dào cảm xúc.
3. Giọng văn nhẹ nhàng, trong sáng, gợi cảm .
4. Chất thơ còn thể hiện ở những hình ảnh so sánh tươi mới giàu cảm xúc...

**.Bài tập:**

**Đề 1:** Hãy phân tích để làm sáng tỏ chất thơ của truyện “Tôi đi học” (Nâng cao ngữ văn trang 10)Để hiểu vì sao *Tôi đi học*là một truyện ngắn giàu chất thơ, chúng ta cần hiểu chất thơ là gì?

    Chất thơ là tính chất trữ tình – tính chất được tạo nên từ sự hoà quyện giữa vẻ đẹp của cảm xúc, tâm trạng, tình cảm với vẻ đẹp của cách biểu hiện nó để có thể khơi gợi những rung động thẩm mĩ và tình cảm nhân văn. Chất thơ là một thuật ngữ lý luận chỉ một phẩm chất đặc biệt của văn xuôi. Tác phẩm văn xuôi được xem là có chất thơ khi nội dung của nó đi sâu vào trạng thái cảm xúc, diễn tả diễn biến trong trạng thái chủ quan với những rung động tinh tế. Chất thơ còn nằm trong hình thức thể hiện. Đó là tính nhạc, sự hàm xúc của ngôn từ, đó là sự linh hoạt của các thủ pháp nghệ thuật tạo cho giọng văn, lời văn sức truyền cảm lớn. Một truyện ngắn (hoặc tác phẩm văn xuôi) được coi là giàu chất thơ khi mối bận tâm của người viết không đặt vào việc kể lại một biến cố, sự việc, hành động mà là việc làm bật lên một trạng thái của đời sống hoặc của tâm hồn con người.

 chất thơ trong Tôi đi học được biểu hiện một cách rõ nét, đậm đà qua cốt truyện, cảnh vật, tâm trạng, tình tiết,… vô cùng dào dạt và tràn đầy cảm xúc.

+ Trước hết, chất thơ được thể hiện ở chỗ truyện ngắn không có cốt truyện mà chỉ là dòng chảy cảm xúc, là những tâm tư tình cảm của một tâm hồn trẻ dại trong buổi khai trường đầu tiên với những cảm xúc ngọt ngào, man mác buồn nhưng cũng tưng bừng khi lần đầu tiên được cắp sách tới trường: “Hàng năm cứ vào cuối thu lá ngoài đường rụng nhiều và trên không có những đám mây bàng bạc, lòng tôi lại náo nức những kỷ niệm mơn man của buổi tựu trường… Buổi mai hôm ấy, một buổi mai đầy sương thu và gió lạnh, mẹ âu yếm nắm tay tôi dẫn đi trên con đường làng dài và hẹp”. Những câu văn trong sáng, gợi cảm và giầu chất thơ kiểu như thế này đã để lại những dấu ấn đậm nét trong hành trang tinh thần của nhiều thế hệ bạn đọc. Có thể dễ dàng tìm thấy nhiều câu văn, nhiều đoạn văn đẹp và tha thiết trong các trang viết của ông. Thanh Tịnh thuộc loại nhà văn viết không nhiều. Tác phẩm của ông không gây ra những choáng váng, đột ngột mà nhẹ nhàng thấm sâu. Chừng nào con người còn yêu thương cảm xúc, còn nặng lòng gắn bó với quê hương, đồng loại thì còn tìm thấy trong những trang viết của Thanh Tịnh mối dây đồng cảm và niềm an ủi. Con người trong

tình yêu, tình bạn, tình vợ chồng, cha con, con người với quê hương… tất cả đều được ngòi bút của ông trình bày một cách nhẹ nhàng, thanh thoát và đằm thắm.

**Đề 2:** Cảm nghĩ về truyện ngắn “Tôi đi học”

A. Mở bài: + Giới thiệu nhà văn Thanh tinhj và truyện ngắn tôi đi học + Dòng cảm xúc của nhân vật "tôi" : vẻ đẹp đáng yêu của tuổi thơ ngây

B. Thân bài: 1) tổng + Giới thiệu sơ lược nội dung truyện + Giọng kể chuyện trưc tiếp của nhà văn tạo cảm giác gần gũi với người đọc , giúp người đọc có cùng cảm giác với nhà văn .

2)Phân tich

a) ko gian con đường đến trường đc cảm nhận có nhiều điều khác lạ (so với lúc chua đi hoc ) . Cảm giác thick thú hôm nay tôi đi học . Chất thơ trư tình lan toa mạch văn

b) Cảm giác trang trọng và đứng đắn của "tôi" : đi học là tiếp xúc với 1 thề giới lạ , khác hẳn với đi chơi thả diều

c) Cảm nhận của tôi và các cậu bé khi vừa dến truềong : không gian ngôi trường tạo ấn tượng lạ lẫm và oai nghiêm , khiến cho các bạn hoc sinh cùng chung cảm giác choáng ngợp

d) hình ảnh ông đốc hiền tư và nhân hậu , nỗi sợ hãi nhỏ bé khi phải xa mẹ . Bởi thế khi nghe đến tên ko khỏi giật mình và lúng túng

e) khi vào lớp "Tôi" cảm thấy một cách tư nhiên , không khí gần gũi khi được tiếp xúc với bạn be cùng trang lúa . Bài học đầu đời và buổi học đầu tiên khơi dậy những ước mơ tương lai như cánh chim sẽ được bay vào khoảng trời rộnh .

3) Hợp

+ những cảm xúc hồn nhiên của ngày đầu tiên đi học là kỉ niệm đẹp đẽ và thiêng liêng của một đời người . giọng kể của nhà văn giúp ta dc sống cùng những ki niẹm

+ Chất thơ lan toa trong cach mieu ta , kể chuyện và khắc hoạ tâm lí đăc sác lam nên chất thơ trong trẻo --> đây la lời nhận xét sau khi đã lam các phần o trên , cảm nhan theo các trình tự o tren roi phàn cuối nay là hợp - nghia là hợp các ý dã nêu trên )

C) Kết bài : Nêu ấn tượng của bản thân về truyện ngắn (hoăc nêu những cảm nghĩ của nhân vật tôi trong sự liên hệ bản thân ) VD: mở bài : " Hang năm ,cư vào cuối thu ....những kỉ niệm mơn man của buổi tuuwj trường , những câu văn ấy của thanh tịnh trên văn đàn Vn hơn 60 năm rồi! thế nhưng "tôi đi hoc " vẫn là một trong những áng văn gợi cảm , trong trẻo đầy chất thơ của văn xuôi 

### **Đề 3:Đề bài**: Dàn ý Cảm nhận về truyện ngắn Tôi đi học

### **Bài làm**

**A. Mở bài:**

- Giới thiệu tác giả, tác phẩm: “Tôi đi học” là truyện ngắn nổi tiếng của nhà văn Thanh Tịnh.

- Khái quát nội dung, nghệ thuật chính của tác phẩm: Tác phẩm là dòng hồi tưởng về những kỉ niệm trong sáng của ngày đầu tiên đi học.

**B. Thân bài:**

*Luận điểm 1: Cảm nhận về nội dung: Diễn biến tâm trạng nhân vật “tôi” trong ngày đầu tiên đến trường*

\* Tâm trạng nhân vật tôi trên con đường tới trường

- Thiên nhiên: Những kỉ niệm của buổi tựu trường đầu tiên trong đời được nhân vật “tôi” nhớ lại là thời điểm cuối thu, cây cối đang mùa thay lá. Những chiếc lá khô xào xạc trên đường tưởng như vô tri vô giác ấy đã trở thành những màu sắc thông điệp, thanh âm riêng hối gọi lòng người nhớ về ngày khai trường đầu tiên.

- Con người: Hình ảnh trực tiếp tác động đến tác giả để tác giả nhớ tới buổi khai trường của chính mình đó là hình ảnh mấy em nhỏ rụt rè trong lần đầu tiên tới trường

- Tâm trạng nhân vật:

    + Nhớ về những kỉ niệm mơn man thuở bé của mình

    + Vui sướng, háo hức như buổi khai giảng của chính mình

- Những kỉ niệm của nhân vật tôi:

    + Tác giả nhớ rất rõ từng chi tiết trong khung cảnh trên con đường đến trường, sương thu và gió lạnh với con đường dài và hẹp dường như trở nên khác lạ trong đôi mắt trẻ thơ bởi một điều vô cùng đơn giản: “Hôm nay tôi đi học”.

    + Những suy nghĩ, hành động, từng cảm nhận về chính bản thân mình, từ bộ quần áo đến những hành trang mang theo đều cho thấy sự thay đổi, khôn lớn trong cậu bé nhưng đâu đó vẫn còn nét hồn nhiên, ngây thơ của một đứa trẻ lên 5.

\* Tâm trạng nhân vật “tôi” khi tập trung ở sân trường

- Cảm nhận của cậu học trò về ngôi trường đã có sự thay đổi rõ rệt, cậu vừa ngỡ ngàng, vừa cảm thấy nhỏ bé, lo sợ trước một ngồi trường đầy uy nghi, trang trọng trước mắt.

- Cả cậu bé và những người bạn xung quanh đều “như con chim con đứng bên bờ tổ, nhìn quãng trời rộng muốn bay, nhưng còn ngập ngừng e sợ”. Hình ảnh so sánh thể hiện sự hồn nhiên, ngây thơ trong tâm hồn cậu bé và tâm trạng lo sợ, hoang mang trong bước đi đầu tiên của cuộc đời.

- Những suy nghĩ, cảm nhận của cậu bé trước tất cả sự thay đổi, trước bạn bè, trước thầy cô vừa thể hiện sự hồn nhiên, ngây thơ, vừa bộc lộ tâm trạng bối rối, cảm xúc vừa háo hức vừa có chút bơ vơ, lạc lõng bởi đây là lần đầu tiên cậu xa mẹ.

\* Tâm trạng nhân vật khi vào lớp và học bài học đầu tiên

- Lớp học là một thế giới khác biệt, cách biệt với thế giới ở bên ngoài khung cửa. Ngồi trong lớp, cậu bé thấy xốn xang những cảm giác lạ và quen đan xen, trái ngược nhau bởi đó là giây phút sang trang của một tâm hồn trẻ dại, tạm biệt thế giới ấu thơ chỉ biết nô đùa, nghịch ngợm để bước vào thế giới tuổi học trò nghiêm chỉnh đầy khó khăn mà biết bao hấp dẫn.

⇒ Diễn biến tâm trạng nhân vật “tôi” để lại nhiều cảm xúc trong lòng người đọc, không chỉ bởi sự hồn nhiên, ngây thơ mà còn bởi nó khiến mỗi chúng ta nhớ về tuổi thơ của chính bản thân mình.

*Luận điểm 2: Cảm nhận về nghệ thuật*

- Nghệ thuật khắc họa tâm ký nhân vật vô cùng tinh tế

- Sự kết hợp giữa phương thức tả và kể giúp cho cảm xúc, tâm trạng nhân vật được thể hiện một cách tự nhiên hợp lí.

**C. Kết bài:**

- Khẳng định lại giá trị tác phẩm: “Tôi đi học” không chỉ hấp dẫn người đọc ở nghệ thuật kể chuyện, xây dựng hình ảnh, mà còn khơi gợi trong mỗi chúng ta những kỉ niệm riêng, đẹp đẽ, trong sáng của ngày tựu trường.

**Đề 3**: Tìm những nét tương đồng trong cảm xúc của nhà thơ Huy Cận trong bài “Tựu tr­]ờng” và nhà văn Thanh Tịnh trong “Tôi đi học”.

B. PHƯƠNG PHÁP

1. Tài liệu tham khảo: Nâng cao NV8

- Các bài viết về đoạn trích “Tôi đi học”.

2. Đề văn nghị luận, chứng minh, tự sự, cảm nhận về 1 đoạn văn.

" Không biết bao nhiêu thế hệ học trò đã từng đọc, từng học và từng nhầm lẫn một cách rất đáng yêu rằng truyện ngắn “Tôi đi học” của nhà văn Thanh Tịnh chính là bài tâp đọc đầu tiên của mình. Sự nhầm lẫn vô lí mà lại hết sức có lí. Vô lí vì bài tập đọc đầu tiên hẳn phải là các câu văn, đoạn văn hay bài thơ chứ khó có thể là cả một truyện ngắn. Còn có lí bởi học trò các thế hệ có thể quên đi nhiều bài tập đọc khác, nhưng hình như­ ít ai hoàn toàn quên được những cảm xúc trong trẻo nguyên sơ mà từng dòng từng chữ của “Tôi đi học” gợi lên trong miền kí ức tuổi thơ của mình. Liệu có phải Thanh tịnh cũng cảm thấy điều này không khi ông đã viết cả một truyện ngắn nhan đề “Tôi đi học” để rồi lại kết truyện bằng một câu như­ thế này: “Tôi vòng tay lên bàn chăm chỉ nhìn thầy viết và lẩm nhẩm đánh vần đọc: Bài viết tập: Tôi đi học”?

Bài tập đọc đầu tiên, buổi tựu tr­ường đầu tiên, lần đầu tiên con đư­ờng “đã quen đi lại lắm lần” bỗng tự nhiên thấy lạ, lần đầu tiên đứng trư­ớc ngôi tr­ường đã từng vào chơi bỗng cảm thấy vừa thân quen vừa lạ lẫm, cũng là lần đầu tiên chỉ rời mẹ một lát mà cảm thấy xa mẹ hơn cả những lần đi chơi xa mẹ cả ngày…Trong cuộc đời, có những cảm xúc đầu tiên mà mỗi ngư­ời đều phải trải qua. Với “Tôi đi học”, Thanh Tịnh đã làm ngân lên một trong những cảm xúc đó trong lòng mỗi ng­ười đang là học trò hay đã từng là học trò: cảm xúc về ngày tựu trư­ờng đầu tiên. Tính chất đầu tiên của cảm xúc ấy đã đ­ược Thanh Tịnh diễn tả một cách giản dị mà lại hết sức tinh tế như­ chính tâm hồn trẻ thơ vậy. Đâu phải lần đầu tiên nhân vật “tôi” đi trên con đường làng, nh­ưng đây là lần đầu tiên “tôi” thấy “cảnh vật chung quanh tôi đều thay đổi, vì chính lòng tôi đang có sự thay đổi lớn: hôm nay tôi đi học”. Thanh Tịnh không miêu tả những cảnh tượng lạ, những âm thanh lạ hay những con ng­ười lạ lần đầu tiên nhân vật nhìn thấy, nghe thấy hay cảm thấy, mà ông miêu tả một cái cách “tôi” lần đầu khám phá ra trong những điều tư­ởng chừng như quá quen thuộc những cảm nhận lạ lùng. Cảnh vật, con người và từng sự kiện, từng chi tiết của ngày tựu trường được thuật lại một cách khá cặn kẽ tỉ mỉ, phần nào chứng tỏ chúng ta đã được soi chiếu qua cặp mắt háo hức tò mò của một cậu bé lần đầu tham dự ngày tựu trường. Cái ý thức về một ngày đặc biệt trong cuộc đời đã tạo lên tâm trạng vừa bỡ ngỡ vừa hồi hộp và không phải không pha chút tự hào của một cậu bé bỗng cảm thấy mình đang là một người lớn. Chính vì thế mà cậu bé con mới ngày hôm qua thôi chắc hẳn còn bé bỏng, nghịch ngợm và vô tâm xiết bao, ngày hôm nay đã biết để ý vẻ đẹp của thiên nhiên- “một buổi mai đầy sương thu và gió lạnh”, đã cảm nhận đ­ược một cách thật sâu sắc vẻ “âu yếm” trong bàn tay người mẹ, vẻ hiền từ và cảm động” trong cái nhìn của ông đốc trường Mĩ Lí hay thái độ nhẹ nhàng của các thầy giáo, của các phụ huynh đối với mình và những cậu bé nh­ư mình… Dường như đây chính là lần đầu tiên cậu khám phá ra những điều đó vậy! Ngoài ra, cũng cần phải nói rằng “tôi đi học” vốn là những dòng hồi tưởng, cái hiện lên qua truyện ngắn không đơn thuần là một ngày tựu trường mà là những kỷ niệm mơn man của buổi tựu trường. Bên cạnh cái nhìn của nhân vật “tôi” trong quá khứ – cậu bé con lần đầu tiên đi học, còn có cái nhìn của nhân vật “tôi” trong hiện tại – người đang ngồi ghi lại những ký ức về buổi tựu trường đầu tiên của mình, đang dõi theo từng bước chân của “tôi’ trong quá khứ một cách bao dung (vì thế nên trong truyện ngắn mới có thể xuất hiện những chi tiết như: “*Tôi muốn thử sức mình nên nhìn mẹ tôi: - Mẹ đưa bút th­ước cho con cầm. mẹ tôi cúi đầu nhìn tôi với cặp mắt thật âu yếm: - Thôi để mẹ cầm cũng được . Tôi có ngay cái ý nghĩ vừa non nớt vừa ngây thơ này: chắc chỉ ngư­ời thạo mới cầm nổi bút thước*”. Chi tiết trên mặc dù đ­ược nhìn bằng cặp mắt của “tôi”- cậu bé trong quá khứ nhưng rõ ràng những nhận xét như­ “cái ý nghĩ vừa non nớt vừa ngây thơ” chỉ có thể là của tôi trong hiện tại). Sự đan xen hai cái nhìn này thật hoà hợp với phong cách của truyện ngắn, từ cách lựa chọn từ ngữ, cách so sánh ví von cho đến giọng văn đều toát lên vẻ trong trẻo mà lại hiền hoà. Đây phải chăng là một trong những lí do làm cho ng­ời đọc dù thuộc thế hệ nào, lứa tuổi nào cũng tìm thấy chính mình trong nhân vật “tôi” của truyện?

B­ước vào khu vườn kí ức có cái tên “Tôi đi học”, ta dường như­ được một bàn tay tin cậy và êm ái dẫn dắt đi từ dòng đầu đến dòng cuối. Tôi đi học giống như một nốt lặng, một mảnh nhỏ, một góc khuất trong cuộc sống rộng lớn. Truyện ngắn không viết về những cái mới, cái lạ (có mới lạ gì đâu một ngày đầu tiên đi học mà học trò nào cũng phải trải qua?), như­ng nó đem lại cho người ta cái cảm giác đây là lần đầu tiên mình khám phá ra những điều như­ vậy. Và có khó tin quá không khi có những người nói rằng giữa bao bộn bề lo toan thường nhật, họ đã dần quên mất ngày tựu trường đầu tiên của mình, như­ng khi đọc “Tôi đi học”, những kỷ niệm tưởng đã ngủ yên trong ký ức lại hồi sinh, và họ bỗng nhớ lại ngày đó thậy rõ ràng sống động dường như­ nó chư­a bao giờ bi lãng quên cả, để rồi họ lại có thể bất giác ngâm nga một cách rất chân thành: “*Hằng năm cứ vào cuối thu, lá ngoài đường rụng nhiều và trên không có những đám mây bàng bạc, lòng tôi lại nao nức những kỷ niệm mơn man của buổi tựu trư­ờng…*”

**4,Cảm nghĩ về tâm trạng của nhân vật tôi trong truyện ngắn “Tôi đi học” (Thanh Tịnh)**

**Mở bài:**

Ngày đầu tiên đi học là một sự kiện trọng đại đới với mỗi con người trong cuộc đời mình. Nhà văn Thanh Tịnh đã tỏ ra thấu hiểu và nắm bắt sâu sắc cảm xúc ấy thông qua nhân vật “tôi”, có thể là hình ảnh của tác giả lúc thiếu thời.

**Thân bài:**

Diễn biến tâm trạng của nhân vật “tôi” được miêu tả theo sự biến đổi của không gian và dòng chảy của thời gian. Trên đường đến trường, nhân vật “tôi” cảm thấy thật hồi hộp. Cậu cố trấn tĩnh mình nhưng những cảm xúc mới mẻ ấy cứ cuộn trào không thôi. Cậu muốn thử sức mình cầm tập bút để thể hiện mình đã khôn lớn hơn và có thể tự mình làm lấy việc ấy.

Khi đứng trước sân trường, cũng như bao học trò mới khác, cậu bắt đầu thấy lo sợ và lúng túng. Lo sợ bởi cậu đang ở nơi đông người và một lát nữa cậu phải rời xa vòng tay mẹ. Cậu thấy lúng túng là bởi đó là lần đầu tiên cậu làm học trò, phải làm theo nội quy trường lớp. Tất cả tuy không khó lắm nhưng quá mới mẻ. Tâm trạng lúng túng thể hiện rõ nhất lúc cậu xếp hàng chuẩn bị vào lớp học.

Lúc nghe ông Đốc gọi tên mình vào lớp, quả tim cậu như ngừng đập vì đó là lần đầu tiên, tên họ của cậu được gọi to trước đám đông. Cậu cũng thấy xe mẹ hơn lúc nào hết bởi trước đây, cậu có đi bẫy chim cả ngày thì cũng chẳng có cảm giác ấy vì cậu muốn về với mẹ lúc nào thì cậu về. Nhưng lần này thì khác, cậu phải ở lại trường đến hết buổi và không được tự rời đi theo ý mình. Điều dó khiến cậu vô cùng lo lắng.

Khi đã ngồi trong lớp học, cậu ngắm nghía từng thứ một, nó vừa lạ lại vừa rất quen. Quen là bởi lớp học này cậu từng nhìn vào nhiều lần mỗi khi đi qua. Còn lạ là bởi đây là lần đầu tiên cậu được ngồi trong lớp và xung quanh có rất nhiều bạn học mới. Cảm giác vừa quen vừa lạ khiến cậu tự lạm nhận tất cả là của mình và vui sướng với ý nghĩa ấy.

**Kết bài:**

Qua dòng tâm trạng của nhân vật “tôi”, tác giải đã ghi lại chân thực và sinh động cảm giác hồi hộp, tâm trạng bỡ ngỡ của mỗi con người trong ngày đầu tiên đi học. Đó cũng là những kỉ niệm không bao giờ quên được. Nó được gìn giữ mãi mãi như những kỉ vật thiêng liêng không bao giờ tàn phai

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**BÀI 2:**

**TRONG LÒNG MẸ**

**Nguyên Hồng**

**I. Vài nét về tác giả, tác phẩm**

**1. Tác giả:**

- Nguyên Hồng sinh ở thành phố Nam Định, nhưng Hải Phòng cửa biển đã khơi dậy và gắn bó với ông, với sự nghiệp văn chương của ông. Tác phẩm của ông thường viết về những con người nghèo khổ dưới đáy xã hội, với một lòng yêu thương đồng cảm vì vậy ông được coi là nhà văn của những con người cung khổ .

- Trong thế giới nhân vật của ông xuất hiện nhiều người bà, người mẹ, người chị , những cô bé, cậu bé khốn khổ nhưng nhân hậu . Ông viết về họ bằng cả trái tim yêu thương và thắm thiết của mình. Ông được mệnh danh là nhà văn của phụ nữ và trẻ em. Văn xuôi của ông giàu chát trữ tình, nhiều khi dạt dào cảm xúc và hết mực chân thành. Ông thành công hơn cả ở thể loại tiểu thuyết.

**2. Tác phẩm**

- Những ngày thơ ấu là tập hồi ký tự truyện gồm 9 chương:

Chương 1: Tiếng kèn.

Chương 2: Chúa thương xót chúng tôi.

Chương 3: Truỵ lạc.

Chương 4: Trong lòng mẹ

Chương 5: Đêm nôen

Chương 6: Trọn đêm đông.

Chương 7: Đồng xu cái .

Chương 8: Sa ngã.

Chương 9: Bước ngoặt

**II.Phân tích :**

**1. Nhân vật bé Hồng**

**a. Hoàn cảnh:**

Là kết quả của cuộc hôn nhân không có tình yêu. Bố nghiện ngập, gia đình trở nên sa sút rồi bần cùng. Bố chết, chưa đoạn tang chồng, nhưng vì nợ nần cùng túng quá, mẹ phải bỏ đi tha phương cầu thực . Bé Hồng mồ côi, bơ vơ thiếu vắng tình thương của mẹ, phải sống trong sự ghẻ lạnh của bà cô và họ hàng bên cha. Luôn bị bà cô tìm cách chia tách tình mẫu tử.

**b. Đặc điểm:**

Bé Hồng luôn hiểu và bênh vực mẹ: Mẹ dù đi tha hương cầu thực, phải sống trong cảnh ăn chực nằm chờ bên nội . Bà cô luôn soi mói, dèm pha tìm cách chia cắt tình mẫu tử . Với trái tim nhạy cảm và bản tính thông minh, Hồng đã phát hiện ra ý nghĩ cay độc trong giọng nói khi cười rất kịch của bà cô. Em biết rất rõ bà cô cố gieo rắc vào đầu óc em những ý nghĩ để em khinh miệt vf ruồng rẫy mẹ. Bằng tình yêu thương mẹ, bé Hồng đã rất hiểu , thông cảm với cảnh ngộ của mẹ nên em đã bênh vực mẹ . Càng thương mẹ bao nhiêu, em càng ghê tởm, căm thù những cổ tục phong kiến đã đầy đoạ mẹ . Một ý nghĩ táo tợn như một cơn giông tố đang trào dâng trong em.

Bé Hồng luôn khao khát được gặp mẹ. Khao khát đó của Hồng chẳng khác nào khao khát của người bộ hành trên sa mạc khao khát một dòng nước, và em sẽ gục ngã khi người ngồi trên chiếc xe kéo kia không phải là mẹ . Em đã ung sướng và hạnh phúc khi được ngôi trong lòng mẹ . Khi mẹ gọi, em trèo lên xe, mừng ríu cả chân lại. Em oà lên và cứ thế nức nở. Đó là giọt nước mắt của sự tủi thân bàng hoang. Trong cái cảm giác sung sướng của đứa con ngôi cạnh mẹ, em đã cảm nhận được vẻ đẹp của mẹ. Em mê man, ngây ngất đắm say trong tình yêu thương của mẹ.

**2. Nhân vật mẹ bé Hồng**:

- Là phụ nữ gặp nhiều trái ngng, bất hạnh trong cuộc đời . Thời xuân sắc là một phụ nữ đẹp nhất phố hàng cau, bị ép duyên cho một người hơn gấp đôi tuổi mình. Bà chôn vùi tuổi xuân trong cuộc hôn nhân ép buộc. Chồng chết, với trái tim khao khát yêu thương, bà đã đi bước nữa thì bị cả xã hội lên án.

- Luôn sống tình nghĩa : Đến ngày giỗ đầu của chồng- về.

- Yêu thương con: Khi gặp con khi được ôm hình hài máu mủ đã làm cho ngươi mẹ lại tươi đẹp.

**3. Hình ảnh bà cô**

Có tâm địa xấu xa độc ác. Bà là người đại diện, là người phát ngôn cho những hủ tục phong kiến. Bà được đào tạo từ xã hội phong kiến nên suy nghĩ của bà mang nặng tính chất cổ hủ.

**4. Nghệ thuật đoạn trích**

Những ngày thơ ấu là cuốn tiểu thuyết tự truyện thuộc thể hồi ký có sự kết hợp hài hoà giữa sự kiện và bày tỏ cảm xúc, là tác phẩm tiêu biểu cho phong cách nghệ thuật của Nguyên Hồng tha thiết, giàu chất trữ tình và thấm đẫm cảm xúc.

**NGUYÊN HỒNG VÀ HỒI KÝ “NHỮNG NGÀY THƠ ẤU”**

**A.**- Mở rộng, luyện đề củng cố kiến thức chuyên đề.

**B. NỘI DUNG:**

**1. Giới thiệu về tác giả Nguyên Hồng**

*Anh bình dị đến như­ là lập dị*

*Áo quần ­? Rách vá có sao đâu?*

*Dễ xúc động, anh thư­ờng hay dễ khóc*

*Trải đau nhiều nên th­ương cảm nhiều hơn.*

(Đào Cảng)

- Nguyễn Tuân: “Tôi là một thằng thích phá đình phá chùa mà anh đúng là một ng­ười thích tô t­ượng đúc chuông”.

- Nguyễn Đăng Mạnh: Văn Nguyên Hồng bao giờ cũng lấp lánh sự sống. Những dòng chữ đầy chi tiết….thống thiết mãnh liệt.

**2. Giới thiệu khái quát về “*Những ngày thơ ấu*”**

a) Thể loại: Hồi ký là thể loại văn học mà ng­ười viết trung thành ghi lại những gì đã diễn ra trong cuộc sống của mình, tôn trọng sự thật. Đặc điểm của hồi ký là không thể hư­ cấu vì nếu thế tác phẩm sẽ không hay, sẽ tẻ nhạt nếu những gì diễn ra trong cuộc đời nhà văn không có gì đặc sắc. ***Những ngày thơ ấu*** là một tập hồi ký ghi lại những gì đã diễn ra thời thơ ấu của chính nhà văn. Ta có thể cảm nhận đ­ược tất cả những tình tiết, chi tiết trong câu chuyện đều có thật. Có n­ước mắt của Nguyên Hồng thấm qua từng câu chữ.

b) Tóm tắt hồi ký:

Chú bé Hồng – nhân vật chính – lớn lên trong một gia đình sa sút. Ng­ười cha sống u uất thầm lặng, rồi chết trong nghèo túng, nghiện ngập. Ngư­ời mẹ có trái tim khao khát yêu đ­ương đành chôn vùi tuổi thanh xuân trong cuộc hôn nhân không hạnh phúc. Sau khi chồng chết, ng­ười phụ nữ đáng thư­ơng ấy vì quá cùng quẫn đã phải bỏ con đi kiếm ăn ph­ương xa. Chú bé Hồng đã mồ côi cha lại vắng mẹ, sống thui thủi cô đơn giữa sự ghẻ lạnh, cay nghiệt của những ng­ười họ hàng giàu có, trở thành đứa bé đói rách, lêu lổng, luôn thèm khát tình th­ương yêu mà không có. Từ cảnh ngộ và tâm sự của đứa bé “côi cút cùng khổ”, tác phẩm còn cho thấy bộ mặt lạnh lùng của xã hội đồng tiền, cái xã hội mà cánh cửa nhà thờ đêm Nô-en cũng chỉ mở rộng đón những ngư­ời giàu sang “khệnh khạng bệ vệ” và khép chặt tr­ước những kẻ nghèo khổ “trơ trọi hèn hạ”; cái xã hội của đám thị dân tiểu tư­ sản sống nhỏ nhen, giả dối, độc ác, khiến cho tình máu mủ ruột thịt cũng thành khô héo; cái xã hội đầy những thành kiến cổ hủ bóp nghẹt quyền sống của ngư­ời phụ nữ…

c) Giá trị nội dung và nghệ thuật.

**LUYỆN TẬP**

# **BT1:**Phân tích hình ảnh so sánh diễn tả tình yêu thương mẹ mãnh liệt của bé Hồng mà em cho là hay nhất trong đoạn trích Trong lòng mẹ

Nhận xét về con người và văn chương Nguyên Hồng, giáo sư Nguyễn Đăng Mạnh đã viết: “Nguyên Hồng đã sống hơn 60 năm, viết hơn 40 năm, ông đã đổ ra bao nhiêu nước mắt cho đời và cho nghệ thuật. Bây giờ nằm dưới ba tấc đất dòng nước mắt ấy có vơi cạn được không?”. Và trong rất nhiều những giọt nước mắt ông đã đỗ ra ấy, có những giọt nước mắt xót xa cho đời mình, cho người mẹ dấu yêu, cho hồi kí “Những ngày thơ ấu” làm lòng người rưng rưng. Đoạn trích “Trong lòng mẹ” thuộc chương IV được coi là đoạn trích hay nhất, nó không chỉ làm “đỗ ra bao nhiêu nước mắt” của chính người viết mà còn là rất nhiều thế hệ độc giả cũng nhòa lệ khi đọc những trang văn viết về tình mẫu tử thiêng liêng ấy.

Đoạn trích có nhiều hình ảnh so sánh gây ấn tượng nhưng xúc động hơn cả là hình ảnh so sánh viết về khát khao gặp mẹ của bé Hồng khi vừa mới tan trường.

Nếu người quay lại ấy là người khác… Và cái lầm đó không những làm cho tôi thẹn mà còn tủi cực nữa, khác gì cái ảo ảnh của một dòng nước trong suốt chảy dưới bóng râm đã hiện ra trước con mắt gần rạn nứt của người bộ hành ngã gục giữa sa mạc.

Lần theo từng dòng hồi kí, với lời văn vừa tự sự, miêu tả lại giàu sắc thái biểu cảm, người đọc như cảm nhận được bé Hồng đang bấm từng đốt ngón tay mong ngày mẹ trở về.

Gần đến ngày giỗ đầu thầy tôi, mẹ tôi ở Thanh Hoá vẫn chưa về… Nhưng đến ngày giỗ đầu thầy tôi, tôi không viết thư gọi mẹ tôi cũng về… Có thể nói ước mong gặp mẹ của bé Hồng thật mãnh liệt. Dường như bao nhiêu cay đắng, tủi cực của một thời thơ ấu xa vắng mẹ đã trào lên đầu ngọn bút để Nguyên Hồng diễn tả thật tinh tế, xúc động những xúc động cực điểm của một linh hồn bé dại được gặp mẹ sau bao ngày trông ngóng.

Người đọc có lẽ khó cầm được nước mắt, cảm thương, xót thương cho nỗi hoài mong đến tội nghiệp của bé. Người mẹ trở về, niềm hạnh phúc đến với bé quá đột ngột, bất ngờ khiến bé không dám tin vào mắt mình nữa và nghĩ rằng:

Nếu người quay lại ấy không phải là mẹ tôi… để khát khao gặp mẹ của bé được ví như người khách bộ hành ngã gục giữa sa mạc với đôi mắt gần rạn nứt còn người mẹ được ví như ảo ảnh của dòng nước trong suốt chảy dưới bóng râm.

Trước hết đây là hình ảnh so sánh vừa chính xác vừa gợi cảm. Bằng lời văn miêu tả giàu sắc thái biểu cảm câu văn như truyền thẳng đến người đọc rung động mãnh liệt về tình mẫu tử thiêng liêng.

Ba sẽ là cánh chim, cho con bay thật xa; Mẹ sẽ là nhành hoa, cho con cài lên ngực. Ba mẹ là lá chắn, che chở suốt đời con. Mồ côi cha, lại phải sống xa mẹ giữa họ hàng giàu có mà băng giá tình thương, luôn reo rắc vào đầu bé những rắp tâm tanh bần về người mẹ nhưng trong trí óc non nớt thơ ngây của bé Hồng, tình thương và lòng yêu mẹ vẫn vẹn nguyên, lúc nào bé cũng tưởng đến khuôn mặt rầu rầu của mẹ, khát khao được gặp mẹ. Sâu thẳm trong tâm hồn bé có một niềm tưởng nhớ không bao giờ hết, đó là mẹ.

Nhà văn đã dùng hình ảnh người khách bộ hành ngã gục giữa sa mạc với đôi mắt gần rạn nứt để so sánh với bé Hồng vừa diễn tả được chính xác hoàn cảnh sống của bé Hồng, vừa diễn tả khát khao gặp mẹ của bé thật cháy bỏng, mãnh liệt. Khát khao ấy giống như ánh nhìn mòn mỏi đau đáu của người khách bộ hành giữa sa mạc mênh mông nóng bỏng mơ về một dòng nước trong mát.

Còn người mẹ nhà văn đã so sánh giống như dòng nước trong suốt chảy dưới bóng râm đã hiện ra trước con mắt gần rạn nứt của người bộ hành gục ngã trước sa mạc. Đây là hình ảnh so sánh đẹp bởi mẹ vốn bao dung, hiền hoà nhân hậu, mẹ vốn dịu dàng như nước suối nguồn trong mát, tắm mát tâm hồn con trước mọi nỗi đắng cay của cuộc đời.

Nhà văn đã đẩy sự vật so sánh và hình ảnh so sánh đến tận cùng của cái chết và sự sống, với lối văn biểu cảm đế nhấn mạnh và làm nồi bật nỗi khát khao gặp mẹ của bé Hồng là mãnh liệt đến vô cùng. Với bé, niềm hạnh phúc, niềm khát khao duy nhất lúc này đó chính là mẹ. Mẹ là tất cả.

Qua hình ảnh so sánh này, ta càng thấu hiểu, cảm thông với nhà văn, với những tuổi thơ bất hạnh. Tuổi thơ có bao điều khao khát ước mơ, nhưng có khát khao, ước mơ nào lớn hơn là khao khát tình mẹ. Có lẽ không chỉ với tuổi thơ, mà với cả cuộc đời mỗi con người, mẹ chính là điều thiêng liêng nhất vì mỗi khi va vấp ưu phiền, mỗi khi hạnh phúc êm đềm, con chỉ tìm về với mẹ thôi.

Cũng qua hình ảnh so sánh này, nhà văn càng diễn tả niềm đau đớn tuyệt vọng, cùng cực của bé Hồng nếu không được gặp mẹ. Ta hãy tưởng tượng giữa sa mạc mênh mông cát trắng nóng bỏng xuất hiện trước mắt người khách bộ hành ngã gục dòng nước trong suốt nhưng chao ôi đó chỉ là ảo ảnh chứ không phải sự thật, ta mới cảm thông với niềm đau vô hạn của bé Hồng nếu người đàn bà ngồi trên xe kéo không phải là mẹ.

Hình ảnh so sánh trên không chỉ chính xác, gợi cảm mà còn rất phù hợp với cách nói truyền thống. Thơ ca biết bao lời hay, ý đẹp viết về tình mẹ, nhưng lời nào cũng gắn liền tình mẹ với dòng nước mát:

Công cha như núi Thái Sơn,

Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra.

Hay là từ lời bài hát ngọt ngào: Lòng mẹ bao la như biển Thái Bình dạt dào.

Chẳng biết tự bao giờ, trong trái tim mỗi người con, mẹ chính là suối nguồn trong mát không vơi cạn, là đại dương mênh mông, đầy ắp tình thương. Qua trang văn của Nguyên Hồng, một lần nữa, người đọc lại cảm nhận được tình mẫu tử thiêng liêng qua dòng chữ thấm đẫm nước mắt của trái tim người con yêu mẹ, xa vắng mẹ.

Có nhà văn đã từng nói: Khi tôi viết nghĩa là tôi đau ở đâu đó. Có lẽ bao nhiêu kỉ niệm của thời thơ ấu đắng cay, xa vắng mẹ của chính nhà văn đã hoá thành dòng chữ, dòng nước mắt rung động nức nở lòng người đọc.

**Đề 2:** Có nhà nghiên cứu nhận định: “Nguyên Hồng là nhà văn của phụ nữ và nhi đồng”. Hãy chứng minh.

Văn của Nguyên hồng giàu cảm xúc, ngọt ngào và nhuần nhị rất hợp với những kỉ niệm về mẹ và về tuổi thơ. Ông thường viết về những phụ nữ và trẻ em chịu nhiều đau khổ, bất hạnh (như trong các tác phẩmNhững ngày ấu thơ, Bi vỏ, Cửa biển…)

   “Trong lòng mẹ” là một đoạn trích ngắn gọn gồm ba nhân vật: hai người phụ nữ và một cậu bé trai. Ba nhân vật khác nhau về tính cách nhưng đều đã hiện lên sinh động và đầy ấn tượng dưới ngòi bút của Nguyên Hồng. Đoạn trích chứng tỏ sự am hiểu sắc của nhà văn về phụ nữ và trẻ em. Đặc biệt là sự nắm bắt cá tính và tâm lý.

 Nhà văn thấu hiểu, đồng cảm cho nỗi bất hạnh của phụ nữ, trẻ nhỏ; đồng thời ca ngợi tâm hồn, đức tính cao quý của họ. Ông luôn lên tiếng bênh vực, bảo vệ người phụ nữ; trân trọng những khao khát muôn đời của trẻ nhỏ được sống trong vòng tay yêu thương, che chở, bao bọc của mẹ.

**BT3:** Chất trữ tình thấm đư­ợm “Trong lòng mẹ”.

**BT4: Qua đoạn trích Trong lòng mẹ, hãy chứng minh rằng văn Nguyên Hồng giàu chất trữ tình.**

**Trả lời:**

Chất trữ tình thấm đượm trong văn bản Trong lòng mẹ

Trong văn bản Trong lòng mẹ, chất trữ tình thấm đượm từ tình huống nội dung câu chuyện đến những cảm xúc căm giận, xót xa và yêu thương thống thiết và cách thể hiện trong lời văn của tác giả.

Trước hết là tình huống và nội dung câu chuyện. Nhân vật chính đoạn này là bé Hồng bị rơi vào một tình huống đáng thương: bố mất , mẹ đi thêm bước nữa nên bị gia đình nhà chồng ruồng rẫy. Bé Hồng nhờ họ hàng nhà nội và bị họ hắt hủi. Tuy phải sống xa mẹ, lại luôn nghe những lời xúc xiểm nói xấu về mẹ nhưng bé Hồng luôn dành trọn lòng thương yêu và sự tin cậy cho người mẹ của mình.

Kế đó là những cảm xúc căm giận, xót xa và yêu thương thống thiết của chú bé Hồng. Những tình cảm đó thật sâu sắc, nồng nàn và thắm thiết. Chất, trữ tình còn thấm đượm ở cách thể hiện của tác giả, nói cụ thể hơn là sự kết hợp giữa tự sự miêu tả và trữ tình. Dưới ngòi bút của tác giả, các hình ảnh thể hiện tâm trạng, các so sánh đều gây ấn tượng mạnh mẽ và giàu sức gợi cảm. Cả mạch văn nữa, cứ như nước suối cuồn cuộn tuôn ra đầu ngòi bút

**Đề 5:** Qua nhân vật trẻ em trong đoạn trích “Trong lòng mẹ”của Nguyên Hồng hãy phân tích để làm sáng tỏ: “*Công dụng của văn chư­ơng là giúp cho tình cảm và gợi lòng vị tha*” (Hoài Thanh).

**Yêu cầu đề 4:**

- Ph­ương pháp: Biết cách làm bài văn nghị luận, chứng minh thể hiện trong các thao tác: tìm ý, chọn ý, dựng đoạn, liên kết đoạn bố cục văn bản đặc biệt là cách lựa chọn phân tích dẫn chứng.

- Nội dung: Trên cơ sở hiểu biết về đoạn trích “Trong lòng mẹ” của Nguyên Hồng phân tích làm sáng tỏ ý liến của Hoài Thanh về công dụng của văn chương: “Giúp cho tình cảm và gợi lòng vị tha”. Học sinh có thể trình bày bố cục nhiều cách khác nh­ưng cần tập trung vào các vấn đề sau:

+ Tình yêu thư­ơng con người: Bé Hồng có tình yêu mãnh liệt với ng­ười mẹ đáng thương.

+ Giàu lòng vị tha: Bé Hồng bỏ qua những lời dèm pha thâm độc của bà cô lúc nào cũng nghĩ tới mẹ với niềm thông cảm sâu sắc, mong muốn đ­ược đón nhận tình yêu thương của mẹ.

+ Bồi đắp thêm về tâm hồn tình cảm.

**6.Nhân vật bà cô trong đoan trích Trong lòng mẹ (Những ngày thơ ấu - Nguyên Hồng) có những lời nói và hành động thể hiện bản chất tàn nhẫn, mất hết tình người, đáng lên án. Phân tích nhân vật này để làm rõ ý kiến trên**

**Gợi ý**

Nhân vật bé Hồng có một hoàn cảnh vô cùng bất hạnh. Cha mất, mẹ bỏ đi theo người khác nên bị gia đình chồng thù ghét, Hồng ở với họ hàng bên nội. Sau khi cha Hồng mất gần một năm, sắp đến ngày giỗ đầu của ông, mẹ ở Thanh Hóa vẫn chưa về. Người bà cô của Hồng gọi chú bé lại trò chuyên với một tâm địa xấu xa, độc ác. Bà ta vừa cười vừa hỏi Hồng. Đây không phải là sự lo lắng, nghiêm nghị, cũng không phải âu yếm.Cái cười này thể hiện một sự không thiện chí. Câu hỏi của mụ ta: có muốn vào Thanh Hoá thăm mợ mày không cũng chứa đựng ý nghĩa cay độc một sự giả dối.

Nhận ra ý nghĩ cay độc của cô, Hồng cúi đầu không đáp. Nhưng sau đó, chú cười đáp lại: "không cháu không muốn vào, cuối năm thế nào mợ cháu cũng về". Thái độ đó, chứng tỏ chú rất yếu thương và kính trọng mẹ, chú nhận ra được ý nghĩ cay độc của bà cô trong giọng nói và nét mặt khi cười rất kịch của bà cô.Em không thể để tình yêu thương và lòng kính mến mẹ bị những rắp tâm tanh bẩn xâm phạm đến.

Người bà cô *"Giọng vẫn ngọt":* "sao không vào mợ mày phát tài lắm, có như dạo trước đâu!", *"Hai con mắt long lanh của cô chằm chặp nhìn"* vào Hồng rồi *"Vỗ vai cười nói”* "mày dại quá,vào bắt mẹ mày may vá sắm sửa cho và bế em bé chứ". Giọng mụ ta bình thản nhưng mỉa mai.Cái nhìn của bà chứng tỏ bà cô rắp tâm muốn kéo đứa cháu đáng thương vào một trò chơi độc ác đã dàn tính sẵn.Cử chỉ vỗ vai, cười nói - thể hiện sự giả dối độc ác. Câu nói "mày dại quá..." không chỉ lộ rõ sự ác ý mà còn chuyển sang chiều hướng châm chọc, nhục mạ với một giọng điệu cay nghiệt, độc ác.

Vẫn chưa chịu buông tha Hồng, bà cô tiếp tục *kể về tình cảnh tội nghiệp của* mẹ Hồng. Đó là sựvôcsắclạnhđếnghêngười..Chúngcom khiến tâm trạng của Hồng đau đớn, uất ức đến cựcđiểm. Cử chỉ *đổi g iọng, vỗ vai, nghiêm nghị* của bà cô thực chất là sự thay đổi đấu pháp tấn công. Khi thấy cháu tức tưởi phẫn uất bà mới hạ giọng tỏ sự ngậm ngùi thương xót người đã mất.Khi đó, sự giả dối thâm hiểm trơ trẽn của bà cô đã phơi bày toàn bộ.

Qua đoạn trích "Trong lòng mẹ" *(Những ngày thơ ấu* của Nguyên Hồng) người bà cô bộc lộ bản chất là một kẻ lạnh lùng, độc ác, thâm hiểm.Đây là hình ảnh mang ý nghĩa tố cáo hạng người sống tàn nhẫn, khô héo cả tình máu mủ ruột rà trong xã hội thực dân nửa phong kiến lúc đó.

Nhân vật bà cô trong đoạn trích nói riêng và toàn bộ tác phẩm nói chung mang giá trị hiện thực sâu sắc. Nó ẩn chứa sức mạnh tố cáo hạng người giả dối, tàn nhẫn, mất hết sự trắc ẩn của tình người, tình máu mủ... Đồng thời, nó cùng khẳng định tấm lòng đồng cảm, yêu thương của nhà văn đối với những số phận bất hạnh trong xã hội phong kiến nửa thực dân xưa.

**7:**Nguyên Hồng xứng đáng là nhà văn của phụ nữ và trẻ em. Bằng sự hiểu biết của em về tác phẩm Trong lòng mẹ, em hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.

**Hướng dẫn**:

1. **Giải thích:**

Vì sao Nguyên Hồng được đánh giá là nhà văn của phụ nữ và trẻ em

Đề tài: Nhìn vào sự nghiệp sáng tác của Nguyên Hồng, người đọc dễ nhận thấy hai đề tài này đã xuyên suốt hầu hết các sáng tác của nhà văn: Những ngày thơ ấu, Hai nhà nghỉ, Bỉ vỏ...

Hoàn cảnh: Gia đình và bản thân đã ảnh hưởng sâu sắc đến sáng tác của nhà văn. Bản thân là một đứa trẻ mồ côi sống trong sự thiếu thốn cả về vật chất lẫn tinh thần lại còn bị gia đình và xã hội ghẻ lạnh .

Nguyên Hồng được đánh giá là nhà văn của phụ nữ và trẻ em không phải vì ông viết nhiều về nhân vật này. Điều quan trọng ông viết về họ bằng tất cả tấm lòng tài năng và tâm huyết của nhà văn chân chính. Mỗi trang viết của ông là sự đồng cảm mãnh liệt của người nghệ sỹ , dường như nghệ sỹ đã hoà nhập vào nhân vật mà thương cảm mà xót xa đau đớn, hay sung sướng, hả hê.

**2. Nguyên Hồng là nhà văn của phụ nữ** .

**a. Nhà văn đã thấu hiểu và đồng cảm sâu sắc cho nỗi bất hạnh của người phụ nữ**

Thấu hiểu nỗi khổ về vật chất của người phụ nữ. Sau khi chồng chết vì nợ nần cùng túng quá, mẹ Hồng phải bỏ đi tha hương cầu thực, buôn bán ngược xuôi để kiếm sống . Sự vất vả, lam lũ đã khiến người phụ nữ xuân sắc một thời trở nên tiều tụy đáng thương “Mẹ tôi ăn mặc rách rưới, gầy rạc đi ”…

Thấu hiểu nỗi đau đớn về tinh thần của người phụ nữ : Hủ tục ép duyên đã khiến mẹ Hồng phải chấp nhận cuộc hôn nhân không tình yêu với người đàn ông gấp đôi tuổi của mình. Vì sự yên ấm của gia đình, người phụ nữ này phải sống âm thầm như một cái bóng bên người chồng nghiện ngập. Những thành kiến xã hội và gia đình khiến mẹ Hồng phải bỏ con đi tha hương cầu thực , sinh nở vụng trộm dấu diếm.

**b. Nhà văn còn ngợi ca vẻ đẹp tâm hồn, đức tính cao quý của người phụ nữ:**

Giàu tình yêu thương con. Gặp lại con sau bao ngày xa cách, mẹ Hồng xúc động đến nghẹn ngào. Trong tiếng khóc sụt sùi của người mẹ, người đọc như cảm nhận được nỗi xót xa ân hận cũng như niềm sung sướng vô hạn vì được gặp con. Bằng cử chỉ dịu dàng âu yếm xoa đầu, vuốt ve, gãi rôm...mẹ bù đắp cho Hồng những tình cảm thiếu vắng sau bao ngày xa cách.

**c. Là người phụ nữ trọng nghĩa tình**

Dẫu chẳng mặn mà với cha Hồng song vốn là người trọng đạo nghĩa, mẹ Hồng vẫn trở về trong ngày dỗ để tưởng nhớ người chồng đã khuất.

**d. Nhà văn còn bênh vực, bảo vệ người phụ nữ:**

Bảo vệ quyền bình đẳng và tự do , cảm thông vời mẹ Hồng khi chưa đoạn tang chồng đã tìm hạnh phúc riêng.

Tóm lại: Đúng như một nhà phê bình đã nhận xét “Cảm hứng chủ đạo bậc nhất trong sáng tạo nghệ thuật của tác giả. Những ngày thơ ấu lại chính là niềm cảm thương vô hạn đối với người mẹ . Những dòng viết về mẹ là những dòng tình cảm thiết tha của nhà văn. Không phải ngẫu nhiên khi mở đầu tập hồi ký Những ngày thơ ấu, nhà văn lại viết lời đề từ ngắn gọn và kính cẩn: Kính tặng mẹ tôi” . Có lẽ hình ảnh người mẹ đã trở thành nguồn mạch cảm xúc vô tận cho sáng tác của Nguyên Hồng để rồi ông viết văn học bằng tình cảm thiêng liêng và thành kính nhất.

**2. Nguyên Hồng là nhà văn của trẻ thơ.**

**a. Nhà văn thấu hiểu và đồng cảm sâu sắc cho nỗi khổ, nội bất hạh của trẻ thơ.**

Nhà văn thấu hiểu nỗi thống khổ cả vạt chất lẫn tinh thần : Cả thời thơ ấu của Hồngđược hưởng những dư vị ngọt ngào thì ít mà đau khổ thì không sao kể xiết : Mồ côi cha, thiếu bàn tay chăm sóc của mẹ, phải ăn nhờ ở đậu người thân. Gia đình và xã hội đã không cho em được sống cuộc sống thực sự của trẻ thơ ...nghĩa là được ăn ngon, và sống trong tình yêu thương đùm bọc của cha mẹ, người thân. Nhà văn còn thấu hiểu cả những tâm sự đau đớn của chú bé khi bị bà cô xúc phạm ...

**b. Nhà văn trân trọng, ngợi ca phẩm chất cao quý của trẻ thơ:**

Tình yêu thương mẹ sâu sắc mãnh liệt. Luôn nhớ nhung về mẹ. Chỉ mới nghe bà cô hỏi “Hồng, mày có muốn vào Thanh Hoá chơi với mợ mày không?”, lập tức, trong ký ức của Hồng trỗi dậy hình ảnh người mẹ.

Hồng luôn tin tưởng khẳng định tình cảm của mẹ dành cho mình. Dẫu xa cách mẹ cả về thời gian, không gian, dù bà cô có tính ma độc địa đến đâu thì Hồng cũng quyết bảo vệ đến cùng tình cảm của mình dành cho mẹ. Hồng luôn hiểu và cảm thông sâu sắc cho tình cảnh cũng như nỗi đau của mẹ. Trong khi xã hội và người thân hùa nhau tìm cách trừng phạt mẹ thì bé Hồng với trái tim bao dung và nhân hậu yêu thương mẹ sâu nặng đã nhận thấy mẹ chỉ là nạn nhân đáng thương của những cổ tục phong kiến kia. Em đã khóc cho nỗi đau của người phụ nữ khát khao yêu thương mà không được trọn vẹn. Hồng căm thù những cổ tục đó: “Giá những cổ tục kia là một vật như .....thôi”

Hồng luôn khao khát được gặp mẹ. Nỗi niềm thương nhớ mẹ nung nấu tích tụ qua bao tháng ngày đã khiến tình cảm của đứa con dành cho mẹ như một niềm tín ngưỡng thiêng liêng, thành kính. Trái tim của Hồng như đang rớm máu, rạn nứt vì nhớ mẹ. Vì thế thoáng thấy người mẹ ngồi trên xe, em đã nhận ra mẹ, em vui mừng cất tiếng gọi mẹ mà bấy lâu em đã cất dấu ở trong lòng.

**c. Sung sướng khi được sống trong lòng mẹ.**

Lòng vui sướng được toát lên từ những cử chi vội vã bối rối từ giọt nước mắt giận hờn, hạnh phúc tức tưởi, mãn nguyện.

**d. Nhà thơ thấu hiẻu những khao khát muôn đời của trẻ thơ:**

Khao khát được sống trong tình thương yêu che chở của mẹ, được sống trong lòng mẹ.

**Đề 8**:

**Đánh giá về đoạn trích Trong lòng mẹ (chương IV) của thiên hồi kí Những ngày thơ ấu, Thạch Lam cho rằng: “Nguyên Hồng đã miêu tả thành công những rung động cực điểm của một linh hồn bé dại“.Bằng những hiếu biết của em về đoạn trích Trong lòng mẹ hãy chứng minh.**

BÀI LÀM

Có tuổi thơ nào chẳng đầy ắp những kĩ niệm ngọt ngào về tình mẹ, tình quê hương, về mái trường yêu dấu. Nhưng có tuổi thơ đã hoá trang văn, mà mỗi trang ấy là trang đời về một thời thơ ấu thiếu tuổi thơ đầy cay đắng. Đó chính là Những ngày thơ ấu của Nguyên Hồng được hiện lên qua dòng chữ đẫm nước mắt, trong đó đoạn trích Trong lòng mẹ , chương IV của tác phẩm gây ấn tượng sâu sắc trong lòng người đọc. Đánh giá về đoạn trích này, sinh thời nhà văn Thạch Lam cho rằng: Nguyên Hồng đã miêu tả thành công những rung động cực điểm của một linh hồn bé dại về người mẹ yêu thương của mình. Nhân vật tôi (bé Hồng) là kết quả của một cuộc hôn nhân gượng ép, không có tình yêu, cha bé vì cờ bạc, nghiện ngập mất sớm. Mẹ vì nợ nần, cùng túng phải tha phương, cầu thực. Bé sống trong sự ghẻ lạnh của cả một họ hàng giàu có luôn tìm mọi cách chia cắt tình mẹ con.

Đoạn trích không đầy bốn trang giấy, nhưng mỗi dòng chữ dường như cũng phập phồng, thổn thức bởi những rung động cực điểm của một trái tim thơ ngây yêu mẹ tha thiết, cháy lòng. Chất trữ tình của một ngòi bút nhân đạo thống thiết thấm đẫm qua lời kể của nhân vật tôi (bé Hồng) và những lời bình luận trữ tình ngoại đề của tác giả.

Hiển hiện qua những dòng hồi kí, người đọc như cảm thấu được mọi cung bậc: đau đớn, tủi hận, xót xa, căm giận, sung sướng, hạnh phúc… của bé Hồng. Tất cả cung bậc đó được khởi nguồn từ một trái tim yêu mẹ.

Trước hết những rung động ấy được thể hiện bằng phản ứng quyết liệt của bé Hông trước lời nói của người bà cô xấu bụng.

Xa mẹ, rất nhớ mẹ, muốn gặp mẹ nhưng khi cô nói Hồng, có muốn vào Thanh Hoá chơi với mợ mày không, tưởng đến khuôn mặt rầu rầu và hiền từ của mẹ, bé toan trả lời có nhưng nhận ra ý nghĩa cay độc trong giọng nói và trên nét mặt rất kịch của người cô, bé cúi đầu không đáp rồi lại cười đáp: Không! Cháu không muốn vào. Đây có thể coi là phản ứng thông minh, xuất phát từ một trái tim nhạy cảm và lòng tin yêu mẹ sâu sắc.

Nhưng vì trái tim non nớt, khi người bà cô ngọt ngào: Mày dại quá, cứ vào đi, tao chạy cho tiền tàu và thẫm em bé nữa chứ thì lòng bé thắt lại, khoé mắt cay cay… nước mắt ròng ròng rớt xuống hai bên mép rồi chan hoà đầm đìa ở căm, ở cổ… cười dài trong tiếng khóc. Các từ rớt, ròng ròng, chan hòa, đầm đìa cũng một trường nghĩa, miêu tả giọt nước mắt đớn đau của bé Hồng vì thương mẹ đên vô hạn. Nỗi đau của bé âm thầm cố kìm nén bên trong giờ đây không thể nào kìm giữ nổi đã vỡ ra thành nước mắt, Mặc dù không đời nào tình thương mẹ của bé lại bị những rắp tâm tanh bẩn xâm phạm đến nhưng lời nói của người bà cô quả như mũi dao ghê gớm, sắc lạnh đã chạm tới nơi dễ tổn thương nhất của một trái tim thơ ngây đã từng rỉ máu vì nỗi đau xa mẹ, yêu mẹ đến vô cùng.

Tình thương và niềm tin yêu mẹ trào dâng với bao xúc cảm thơ ngây bồng bột vì người mẹ tội nghiệp: Tôi thương mẹ tôi và căm tức sao mẹ tôi lại sợ hãi những thành kiến tàn ác mà xa lìa anh em tôi để sinh nở một cách giấu giếm, trốn tránh như một kẻ giết người lúng túng với con dao vấy máu.

Từ nỗi đớn đau vì thương mẹ, bé Hồng căm giận những cỗ tục đày đọa mẹ bé qua hình ảnh so sánh thật dữ dội.

Đến đây tình thương mẹ trào lên như bão nỗi, giằng xé với bao phẫn uất: Giá những cổ tục đày đọa mẹ tôi là một vật như hòn đá hay cục thuỷ tinh, đầu mâu gỗ, tôi quyết vồ ngay lấy mà cắn, mà nhai, mà nghiến cho kì nát vụn mới thôi.

Nhà văn đã sử dụng các động từ chỉ hành động mạnh: vồ, cắn, nhai, nghiến với sắc thái biểu cảm ngày càng tăng, khiến lời văn dường như sôi sục, tuôn trào đặc tả tâm trạng phẫn uất, căm giận cao độ của bé Hồng với những thành kiến vô hình đã làm khổ mẹ bé. Qua đó, ta càng thấu hiểu bé Hồng thương yêu mẹ đến chừng nào.

Trong xã hội phong kiến xưa, biết bao người phụ nữ đã phải chôn vùi tuổi xuân vì những thành kiến vô hình mà ác nghiệt ấy: Gió đưa cây trúc ngã quỳ/Ba năm trực tiết còn gì là xuân.

Từ câu chuyện riêng của mẹ mình, Nguyên Hồng đã truyền tới người đọc nội dung mang ý nghĩa xã hội sâu sắc bằng những dòng văn giàu cảm xúc và hình ảnh thật ấn tượng. Thông qua những rung cảm của trái tim người con, Nguyên Hồng đã phát biểu quan điểm nhân đạo tiến bộ của mình, dứt khoát đứng về phía người phụ nữ mà thông cảm, bênh vực họ trước những thành kiến tàn ác của xã hội phong kiến.

Từ tình thương và niềm tin yêu mẹ, có một niềm khát khao âm thầm, cháy bỏng luôn ấp ủ trong lòng bé Hồng: được gặp mẹ. Xa mẹ nhưng bé Hồng dường như vẫn bấm đốt ngón tay, tính từng ngày khắc khoải, chờ mong mẹ về: Gần đến ngày giỗ đầu thầy tôi, mẹ tôi ở Thanh Hoá vẫn chưa về… Nhưng đến ngày giỗ đầu thầy tôi, tôi không viết thư gọi mẹ tôi cũng về… Người mẹ đã trở về, nỗi nhớ, niềm mong của bé Hồng đã trở thành hiện thực. Đến đây có thể nói những rung động về mẹ của bé Hồng đã đến độ cực điểm qua ngòi bút miêu tả của nhà văn. Đầu tiên là cảm giác bối rối, hồi hộp đến nghẹn ngào của bé Hồng khi vừa tan trường ra nhìn thấy người đàn bà ngồi trên xe kéo giống mẹ, bé đuổi theo gọi bối rối: Mợ ơi! Mợ ơi! Mợ ơi!

Tiếng gọi ấy bao lâu nay chỉ là tiếng nấc thầm đau khổ của trái tim thơ dại như: Bé Hồng thở hồng hộc, trán đẫm mồ hôi,… ríu cả chân lại vì mừng rỡ sung sướng, vội vã đến cuống quýt tội nghiệp như sợ bóng hình mẹ tan biến mất.

Mong ngóng bao ngày, giây phút gặp mẹ, bé Hồng vẫn cảm thấy như quá đột ngột, niềm vui, niềm hạnh phúc được gặp mẹ khiến bé bất ngờ không dám tin vào mắt mình nữa để nghĩ rằng: Nếu người quay lại ấy là người khác… Và cái lầm đó không những làm cho tôi thẹn mà còn tủi cực nữa, khác gì cái ảo ảnh của một dòng nước trong suốt chảy dưới bóng râm đã hiện ra trước con mắt gần rạn nứt của người bộ hành ngã gục giữa sa mạc.

Lời văn miêu tả với hình ảnh so sánh gợi cảm, nhà văn đã lấy hình ảnh người khách bộ hành ngã gục giữa sa mạc, với đôi mắt đăm đắm trông nhìn đến gần rạn nứt để so sánh với khát khao gặp mẹ cháy bỏng mãnh liệt của bé Hồng. Còn người mẹ lại được so sánh như Dòng nước trong suốt chảy dưới bóng râm giữa sa mạc để nói rằng mẹ bé Hồng chính là nguồn sống, là sự hiền hòa bao dung như dòng nước mát làm dịu lòng con trước nỗi đắng cay của cuộc đời. Chỉ có mẹ mới đưa con từ cõi chết trở về với sự sống, con sống được là nhờ có mẹ.

Được ngồi lên xe cùng mẹ, bé oà lên khóc nức nở khiến người mẹ cũng sụt sùi theo. Các từ oà, nức nở, sụt sùi cùng trường nghĩa nối tiếp nhau miêu tả cung bậc khác nhau của tiếng khóc, của dòng nước mắt càng làm tăng tính biểu cảm của đoạn văn và diễn tả rõ nét tình cảm của bé Hồng khi gặp mẹ.

Trước đây nước mắt bé Hồng đã từng chan hoà, đầm đìa, ròng ròng rơi xuống từ niềm đau, nỗi khổ của mẹ. Bây giờ vẫn là dòng nước mắt nhưng nó vỡ “oà ra” vì bàng hoàng, sung sướng đến tột cùng. Đó là dòng nước mắt nhân lên niềm vui, nở bừng ánh sáng hạnh phúc trong giây phút hội ngộ của tình mẫu tử thiêng liêng.

Những rung động của bé Hồng khi được ngồi kề bên mẹ, được ôm ấp trong lòng mẹ cứ trào lên từng giây, từng phút. Được tận mắt nhìn thấy mẹ, thấy gương mặt mẹ tôi vẫn tươi sáng, đôi mắt trong và nước da mịn, làm nổi bật màu hồng cùa hai gò má chứ không còm cõi, xơ xác như lời người bà cô, úé thấy mẹ bé vẫn tươi đẹp như thuở còn sung túc. Với bé, mẹ chính là cô Tấm thảo hiền, là cô tiên dịu dàng xinh đẹp bởi mẹ em chỉ có một trên đời.

Được ôm ấp, được sống trong lòng mẹ đùi áp đùi mẹ tôi, đầu ngã vào cánh tay mẹ tôi, tôi thấy những cảm giác ấm áp đã bao lâu mất đi bỗng lại mơn man khắp da thịt, hơi quần áo mẹ tôi và những hơi thở ở khuôn miệng xinh xắn nhai trầu phả ra lúc đó thơm tho lạ thường, bé Hồng tưởng như trên đời không còn hạnh phúc nào bằng. Ngôn ngữ của Nguyên Hồng đã diễn tả thật chính xác, sinh động, cảm xúc, cảm giác, những rung động của một người con được ôm ấp trong lòng mẹ, cảm nhận được mùi vị riêng của người mẹ từ hơi quần áo, hơi thở. Đó chính là những rung động chỉ có được ở người con thiết tha yêu kính mẹ. Đó cũng chính là cộng hưởng của cảm xúc, của nỗi khát khao bao ngày được sóng trong lòng mẹ của bé Hồng.

Bằng chính rung động của trái tim mình, Nguyên Hồng đã vẽ lên bằng kí ức bức tranh đẹp, lãng mạn về tình mẫu tử muôn đời: tràn ngập ánh sáng, thoang thoảng hương thơm, sắc màu tươi tắn, được hoạ nên bởi muôn hồng ngàn tía toả ra từ tình mẹ với con, tinh con với mẹ. Ta chợt nhớ tới câu của một nhà thơ Nga: Chỉ mẹ là nguồn vui ánh sáng diệu kì.

Được sống trong vòng tay yêu thương của mẹ, bé Hồng lại khao khát, một khao khát thật dễ thương là: Phải bé lại lăn vào lòng một người mẹ, áp mặt vào bầu sữa nóng của người mẹ, để bàn tay người mẹ vuốt ve từ trán xuống cằm, và gãi rôm ở sống lưng cho, mới thấy người mẹ có một êm dịu vô cùng.

Đây là lời bình luận trữ tình ngoại đề hay chính là lời độc thoại nội tâm của nhân vật ẩn chứa khát khao thơ ngây và cũng thật chính đáng của mỗi con người. Ta như bồi hồi sống lại tuổi thơ, được mẹ yêu thương vỗ về, được làm nũng, hưởng sự vuốt ve, chiều chuộng, được cánh tay hiền của mẹ đưa nôi cùng với điệu à ơi để mai này có lúc:

Ngồi buồn nhớ mẹ ta xưa

Miệng nhai cơm búng lưỡi lừa cá xương

Bé Hồng bồng bềnh như trôi trong cảm giác sung sướng, rạo rực ru mình trong giấc mơ về tình mẹ dịu êm.

Tôi còn nhớ câu chuyện Cô bé bán diêm của nhà văn An-đéc-xen Đan Mạch, trong đêm đông lạnh giá, em bé đốt đến que diêm cuối cùng để ru mình trong giấc mơ rực sáng, ở đây bé Hồng đang ru mình vào giấc mơ giữa ban ngày, giấc mơ trong hiện thực với tình mẹ thiêng liêng, tình con cháy bỏng để quên đi tất cả.

Văn chính là người, văn của Nguyên Hồng chính là hạt trai long lanh kết tụ từ nước mắt rơi xuống của chính cuộc đời nhà văn. Trang hồi kí của ông thực sự là tiếng lòng của ông vọng về từ một thời thơ ấu, chính vì thế mới là những rung động cực điểm của một linh hồn bé dại, về một tuổi thơ bất hạnh luôn khao khát tình mẹ. Ta càng cảm thông, xót xa hơn cho những tuổi thơ xa vắng mẹ. Tất cả có thể mất đi, có thể nhạt phai nhưng có một điều không thể nào chia rẽ được. Đó là tình mẫu tử. Với ý nghĩa nhân văn sâu sắc ấy, đoạn trích sẽ còn lay động mãi tới tất cả những trái tim biết yêu mẹ, hiếu lễ với đấng sinh thành.

**ĐỀ 9:**

***Nguyên Hồng xứng đáng là nhà văn của phụ nữ và trẻ em. Bằng sự hiểu biết của em về tác phẩm Trong lòng mẹ, em hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.***

**Hướng dẫn**:

1. **Giải thích:**

Vì sao Nguyên Hồng được đánh giá là nhà văn của phụ nữ và trẻ em

Đề tài: Nhìn vào sự nghiệp sáng tác của Nguyên Hồng, người đọc dễ nhận thấy hai đề tài này đã xuyên suốt hầu hết các sáng tác của nhà văn: Những ngày thơ ấu, Hai nhà nghỉ, Bỉ vỏ...

Hoàn cảnh: Gia đình và bản thân đã ảnh hưởng sâu sắc đến sáng tác của nhà văn. Bản thân là một đứa trẻ mồ côi sống trong sự thiếu thốn cả về vật chất lẫn tinh thần lại còn bị gia đình và xã hội ghẻ lạnh .

Nguyên Hồng được đánh giá là nhà văn của phụ nữ và trẻ em không phải vì ông viết nhiều về nhân vật này. Điều quan trọng ông viết về họ bằng tất cả tấm lòng tài năng và tâm huyết của nhà văn chân chính. Mỗi trang viết của ông là sự đồng cảm mãnh liệt của người nghệ sỹ , dường như nghệ sỹ đã hoà nhập vào nhân vật mà thương cảm mà xót xa đau đớn, hay sung sướng, hả hê.

**2. Nguyên Hồng là nhà văn của phụ nữ .**

**a. Nhà văn đã thấu hiểu và đồng cảm sâu sắc cho nỗi bất hạnh của người phụ nữ**

Thấu hiểu nỗi khổ về vật chất của người phụ nữ. Sau khi chồng chết vì nợ nần cùng túng quá, mẹ Hồng phải bỏ đi tha hương cầu thực, buôn bán ngược xuôi để kiếm sống . Sự vất vả, lam lũ đã khiến người phụ nữ xuân sắc một thời trở nên tiều tụy đáng thương “Mẹ tôi ăn mặc rách rưới, gầy rạc đi ”…

Thấu hiểu nỗi đau đớn về tinh thần của người phụ nữ : Hủ tục ép duyên đã khiến mẹ Hồng phải chấp nhận cuộc hôn nhân không tình yêu với người đàn ông gấp đôi tuổi của mình. Vì sự yên ấm của gia đình, người phụ nữ này phải sống âm thầm như một cái bóng bên người chồng nghiện ngập. Những thành kiến xã hội và gia đình khiến mẹ Hồng phải bỏ con đi tha hương cầu thực , sinh nở vụng trộm dấu diếm.

**b. Nhà văn còn ngợi ca vẻ đẹp tâm hồn, đức tính cao quý của người phụ nữ:**

Giàu tình yêu thương con. Gặp lại con sau bao ngày xa cách, mẹ Hồng xúc động đến nghẹn ngào. Trong tiếng khóc sụt sùi của người mẹ, người đọc như cảm nhận được nỗi xót xa ân hận cũng như niềm sung sướng vô hạn vì được gặp con. Bằng cử chỉ dịu dàng âu yếm xoa đầu, vuốt ve, gãi rôm...mẹ bù đắp cho Hồng những tình cảm thiếu vắng sau bao ngày xa cách.

**c. Là người phụ nữ trọng nghĩa tình**

Dẫu chẳng mặn mà với cha Hồng song vốn là người trọng đạo nghĩa, mẹ Hồng vẫn trở về trong ngày dỗ để tưởng nhớ người chồng đã khuất.

**d. Nhà văn còn bênh vực, bảo vệ người phụ nữ:**

Bảo vệ quyền bình đẳng và tự do , cảm thông vời mẹ Hồng khi chưa đoạn tang chồng đã tìm hạnh phúc riêng.

Tóm lại: Đúng như một nhà phê bình đã nhận xét “Cảm hứng chủ đạo bậc nhất trong sáng tạo nghệ thuật của tác giả. Những ngày thơ ấu lại chính là niềm cảm thương vô hạn đối với người mẹ . Những dòng viết về mẹ là những dòng tình cảm thiết tha của nhà văn. Không phải ngẫu nhiên khi mở đầu tập hồi ký Những ngày thơ ấu, nhà văn lại viết lời đề từ ngắn gọn và kính cẩn: Kính tặng mẹ tôi” . Có lẽ hình ảnh người mẹ đã trở thành nguồn mạch cảm xúc vô tận cho sáng tác của Nguyên Hồng để rồi ông viết văn học bằng tình cảm thiêng liêng và thành kính nhất.

**2. Nguyên Hồng là nhà văn của trẻ thơ.**

**a. Nhà văn thấu hiểu và đồng cảm sâu sắc cho nỗi khổ, nội bất hạh của trẻ thơ.**

Nhà văn thấu hiểu nỗi thống khổ cả vạt chất lẫn tinh thần : Cả thời thơ ấu của Hồngđược hưởng những dư vị ngọt ngào thì ít mà đau khổ thì không sao kể xiết : Mồ côi cha, thiếu bàn tay chăm sóc của mẹ, phải ăn nhờ ở đậu người thân. Gia đình và xã hội đã không cho em được sống cuộc sống thực sự của trẻ thơ ...nghĩa là được ăn ngon, và sống trong tình yêu thương đùm bọc của cha mẹ, người thân. Nhà văn còn thấu hiểu cả những tâm sự đau đớn của chú bé khi bị bà cô xúc phạm ...

**b. Nhà văn trân trọng, ngợi ca phẩm chất cao quý của trẻ thơ:**

Tình yêu thương mẹ sâu sắc mãnh liệt. Luôn nhớ nhung về mẹ. Chỉ mới nghe bà cô hỏi “Hồng, mày có muốn vào Thanh Hoá chơi với mợ mày không?”, lập tức, trong ký ức của Hồng trỗi dậy hình ảnh người mẹ.

Hồng luôn tin tưởng khẳng định tình cảm của mẹ dành cho mình. Dẫu xa cách mẹ cả về thời gian, không gian, dù bà cô có tính ma độc địa đến đâu thì Hồng cũng quyết bảo vệ đến cùng tình cảm của mình dành cho mẹ. Hồng luôn hiểu và cảm thông sâu sắc cho tình cảnh cũng như nỗi đau của mẹ. Trong khi xã hội và người thân hùa nhau tìm cách trừng phạt mẹ thì bé Hồng với trái tim bao dung và nhân hậu yêu thương mẹ sâu nặng đã nhận thấy mẹ chỉ là nạn nhân đáng thương của những cổ tục phong kiến kia. Em đã khóc cho nỗi đau của người phụ nữ khát khao yêu thương mà không được trọn vẹn. Hồng căm thù những cổ tục đó: “Giá những cổ tục kia là một vật như .....thôi”

Hồng luôn khao khát được gặp mẹ. Nỗi niềm thương nhớ mẹ nung nấu tích tụ qua bao tháng ngày đã khiến tình cảm của đứa con dành cho mẹ như một niềm tín ngưỡng thiêng liêng, thành kính. Trái tim của Hồng như đang rớm máu, rạn nứt vì nhớ mẹ. Vì thế thoáng thấy người mẹ ngồi trên xe, em đã nhận ra mẹ, em vui mừng cất tiếng gọi mẹ mà bấy lâu em đã cất dấu ở trong lòng.

**c. Sung sướng khi được sống trong lòng mẹ.**

Lòng vui sướng được toát lên từ những cử chi vội vã bối rối từ giọt nước mắt giận hờn, hạnh phúc tức tưởi, mãn nguyện.

**d. Nhà thơ thấu hiẻu những khao khát muôn đời của trẻ thơ:**

Khao khát được sống trong tình thương yêu che chở của mẹ, được sống trong lòng mẹ.

## ĐỀ 10. Nụ cười và nước mắt trong đoạn trích “Trong lòng mẹ” của Nguyên Hồng

**Nguyễn Thanh Truyền**

Những ngày thơ ấu của Nguyên Hồng là tập hồi kí gây xúc động và ám ảnh cho nhiều thế hệ bạn đọc ngay từ khi ra đời (1940) đến nay. Trong tác phẩm nổi tiếng này, mỗi chương tác giả kể về một kỉ niệm sâu sắc hằn in trong kí ức mình, những kỉ niệm ít niềm vui mà nhiều cay đắng. Cùng với những cảnh ngộ, nỗi lòng, những trang văn viết về tuổi thơ của Nguyên Hồng còn ám ảnh chúng ta bởi những chi tiết tưởng chừng rất nhỏ. Và ám ảnh nhất chính là những chi tiết nhà văn miêu tả nụ cười và nước mắt trong đoạn trích Trong lòng mẹ.

Trong lòng mẹ trích trọn vẹn chương IV hồi kí Những ngày thơ ấu, kể lại hai sự việc diễn ra trong hai thời điểm cách xa nhau nhưng đều liên quan đến nhân vật người mẹ: “ Gần đến ngày giỗ đầu thầy tôi, mẹ tôi ở Thanh Hoá vẫn chưa về”,

“cô tôi gọi tôi đến bên..và “Nhưng đến ngày giỗ thầy tôi, tôi không viết thư gọi mẹ tôi cũng về”. Cái nguyên cớ sắp đặt hai sự việc ấy trong một chương chính là sự kiện “giỗ đầu thầy tôỉ’. Nhưng cái giỗ không có nhiều điều để kể, những chuyện xung quanh nó – được viết ở chương này – mới là những điều chẳng thể quên. Nó nói lên cái tình thế đáng thương của nhân vật Hồng: bố mới chết, mẹ phải đi tha hương cầu thực, Hồng phải sống nhờ vả bên nội trong sự ghẻ lạnh của họ; sống trong nỗi cô độc và mong ngóng mẹ từng phút từng giờ. Chính đó là cảnh ngộ dễ làm nảy sinh “những rung động cực điểm của một linh hồn trẻ dại (Thạch Lam), dễ nảy sinh những khóc cười…

Quả vậy, nhân vật chính của đoạn trích ngay từ đầu đã suýt bật khóc khi được hỏi “Hồng! Mày có muốn vào Thanh Hoá chơi với mợ mày không?’. Suýt bật khóc bởi nhắc đến mẹ, ngay lập tức nỗi niềm tủi nhớ thường trực bật lên “ Tưởng đến vẻ mặt rầu rầu và sự hiền từ của mẹ tôi, và nghĩ đến cảnh thiếu thốn một tình thương yêu ấp ủ từng phen làm tôi rớt nước mắt’. Nên, trước câu hỏi ấy, Hồng đã “toan trả lời có”. Nhưng rồi Hồng không nói, cũng không khóc, chính xác là chưa khóc. Hồng kìm nén những giọt nước mắt thường ngày luôn chực trào ra khi cậu nhớ mẹ. vốn là đứa trẻ rất nhạy cảm nhưng sớm đối mặt với cuộc sống cô độc, bản năng tự vệ đã khiến Hồng trở nên cứng cỏi, có được sự lạnh lùng cần thiết, biết giấu kín những suy nghĩ thật, những ước muốn trong sâu thẳm trái tim mình. Những tháng ngày xa mẹ, đứa trẻ non nớt ấy đã nếm đủ mùi vị ăn nhờ ở đậu, mùi vị của sự ghẻ lạnh xúc xiểm, nếm đủ bao mánh khoé mà “người ta bắn tin”/ đặt điều về mẹ. Đứa trẻ ấy đã đủ “trải nghiệm” đểcó thể có những ứng xử rất “biết điều”, phù hợp hoàn cảnh. Trước thái độ và sự quan tâm bất thường của người cô “gọi tôi đến bên, cười hỏì”, Hồng đã “nhận ra những ý nghĩa cay độc trong giọng nói và trên nét mặt khi cười rất kịch” ấy, nên “cúi đầu không đáp”. Không những thể hiện sự nhạy cảm khi biết kìm nén cảm xúc, không bật thốt ra mong muốn thực, Hồng còn có phản ứng thông minh khi biết nói lên những lời trái với suy nghĩ của mình qua thái độ rất chân thành với mục đích bảo vệ “tình thương yêu và lòng kính mến mẹ” trong lòng mình trước “những rắp tâm tanh bẩn” từ bên ngoài: “Tôi cũng cười đáp lại cô tôi: – Không! Cháu không muốn vào. Cuối năm thế nào mợ cháu cũng về”. Sự nhanh trí thể hiện ở chỗ khi người cô “cười hỏi”, Hồng “cũng cười” đáp lại, rất lễ phép và phải phép! Nụ cười của bé Hồng, từ lúc này, đã không còn là nụ cười hồn nhiên của một đứa trẻ hồn nhiên nữa. Và, càng về sau càng không thể hồn nhiên (đặc biệt là cái “cười dài trong tiếng khóc”).

Không còn hồn nhiên bởi, như đã thấy, Hồng đang đối diện với cái “cười hỏi” của bà cô. Nghe nội dung câu hỏi ngỡ là quan tâm chân thành, nhưng nhìn cái điệu bộ “cười hỏi” thì thấy rõ đó là sự quan tâm giả tạo. Rồi sau đó, trong khi đứa cháu đã đắm chìm trong nước mắt thì bà cô hết “cười hỏi” lại “cười mà nói”, “hai con mắt long lanh” lại “ vẫn cứ tươi cười kể các chuyện”… Chẳng ai có thể cười trong nỗi đau của người khác như thế, nếu không mang tâm địa xấu xa, thâm độc, nham hiểm.

Chỉ qua miêu tả nụ cười của các nhân vật, Nguyên Hồng đã dựng lên hai thế giới tương phản. Một bên, là cái cười với “rắp tâm tanh bẩn” và đắc ý của bà cô. Một bên, là cái cười lảng tránh để tự vệ và “cười dài trong tiếng khóc đớn đau, uất ức của bé Hồng. Một cái cười của lòng ích kỉ, nhân  
tính cằn khô. Một cái cười xuất phát từ tình thương yêu, kính mến vô bờ.

Nụ cười từ tình yêu vô bờ ấy còn một biến thể của nó: là nước mắt. Nụ cười của nhân tính cằn khô không có biến thể/ dạng thức tồn tại khác. Dễ nhận thấy, nhân vật bà cô trong đoạn trích không hề rơi nước mắt, không thấy bà cô ấy mảy may xúc động dù trước đứa cháu đang khóc đầm đìa hay khi “tỏ sự ngậm ngùi thương xót” người anh mới mất. Có lẽ bởi không có nước mắt nên người cô của bé Hồng đã nhìn chị dâu bằng cái nhìn tàn nhẫn, với những định kiến, cổ tục hẹp hòi. Khi nhìn đời và nhìn người bằng đôi mắt lạnh lùng, vô cảm, nhẫn tâm thì chỉ thấy toàn những xấu xa, hư hỏng mà thôi. Thật đúng như lời Francois Coppée: “Người ta chỉ xấu xa, hư hỏng trước đôi mắt ráo hoảnh của phường ích kỉ; và nước mắt là một miếng kính biến hình vũ trụ”!(1)

Cũng có thể mượn ý Francois Coppée để nói về những giọt nước mắt của nhân vật Hồng trong đoạn trích. Nước mắt ở đây vừa mang nghĩa thực vừa mang nghĩa biểu tượng. Nước mắt với tư cách “một miếng kính biến hình của vũ trụ” là hình ảnh của cách nhìn đời nhìn người bằng tình yêu thương và lòng nhân ái, bằng sự cảm thông và lòng bao dung. Từ đầu đoạn trích dù luôn bị “người ta” cố tình cung cấp thông tin gây nhiễu, nhưng bé Hồng vẫn nhìn sự việc bằng cái nhìn của “tình thương yêu và lòng kính mến” mẹ. Dù “người ta” tìm nhiều cách làm méo mó hình ảnh mẹ trong cậu, thì với tất cả những gì được chứng kiến từ nhỏ Hồng đủ hiểu thấu bản chất sự việc: mẹ cậu không “xấu” như lời người cô nói.

Khi nhắc đến mẹ, nỗi nhớ trào dâng, nhưng những giọt nước mắt sớm được Hồng nén kìm. Trong cuộc đối thoại với bà cô, từ sâu thẳm trái tim, những giọt nước mắt bé Hồng là nước mắt của lòng thương và nỗi hận, càng thương lại càng hận, thương mẹ bao nhiêu lại hận những cổ tục đày đoạ mẹ bấy nhiêu!

Cậu bé Hồng thường buồn tủi khi “nghĩ đến cảnh thiếu thốn một tình thương ủ ấp”. Gặp lại mẹ, cảnh thiếu thốn ấy được khoả lấp. Ngòi bút Nguyên Hồng tái hiện sinh động đến từng cảm giác của cuộc gặp gỡ vô cùng cảm động ấy. Sau phút bối rối khi thoáng thấy người giống mẹ, vượt qua nỗi thẹn và nỗi tủi cực đến mức tuyệt vọng nếu nhầm lẫn, Hồng đuổi theo đến ríu cả chân, mẹ con vui sướng nhận ra nhau. Nhưng lên xe, Hồng lại “oà lên khóc rồi cứ thế nức nở khiến mẹ “cũng sụt sùi theo”. Những giọt nước mắt khi gặp mẹ cứ oà vỡ trào tuôn không phải kìm nén trông chừng, không nghẹn ngào uất ức. Nước mắt ấy được hoà cùng với đôi mắt mẹ sũng nước sụt sùi. Nước mắt ấy được thoải mái bật ra thành tiếng nấc, nức nở trong tiếng dỗ dành ấm dịu thân quen “Con nín đi! Mợ đã về với các con rồi mà.” rồi được mẹ “lấy vạt áo nâu thấm nước mắt cho”… Những giọt nước mắt đưa cậu bé vào thế giới của tình mẹ, được tận hưởng niềm hạnh phúc “êm dịu vô cùng”, “những cảm giác ấm áp đã bao lâu mất đi bỗng lại mơn man khắp da thịt…”. Đó không còn là nước mắt cay đắng, tủi cực, đớn đau mà là nước mắt tuôn trào từ niềm hạnh phúc, hân hoan, rạo rực trong tình mẫu tử thiêng liêng, bất diệt!

Nếu như các chi tiết về nụ cười của các nhân vật cho ta thấy hai thế giới đối lập thì các chi tiết về những giọt nước mắt đã cho ta thấy một tương quan khác – nhà văn đưa ta lắng lại ở điểm tương đồng. Trong mỗi sự việc những giọt nước mắt được miêu tả khác nhau. Trước bà cô là những giọt nước mắt tức tưởi, đớn đau cùng cực. Trong cuộc gặp cảm động với mẹ là những giọt nước mắt của sướng vui, ấm áp. Tuy nhiên, cần biết rằng, tất cả nước mắt ấy đều khởi nguồn từ sâu thẳm: tình yêu thương, tình mẫu tử. Ở sự việc thứ nhất, nước mắt uất nghẹn trào ra bởi có mẹ – ở – trong – lòng, trọn vẹn, thiêng liêng và bất khả xâm phạm, ở sự việc thứ hai, bởi đã được ở – trong – lòng – mẹ, khao khát thành hiện thực, tiếng khóc nức nở vỡ oà. Chương IV được nhà văn đặt tên Trong lòng mẹ, có phải ông muốn bất tử hoá cái khoảnh khắc quý giá được ở trong lòng mẹ mà bé Hồng hằng khát khao cháy bỏng này chăng?

Nụ cười và nước mắt là hai hình ảnh quen thuộc biểu lộ cảm xúc của con người. Hiểu theo chiều thuận, nếu không có gì bất thường, thì cười và khóc chính là hình ảnh của niềm vui và nỗi buồn, hạnh phúc và bất hạnh, sung sướng và đớn đau, hân hoan và tủi nhục,… Nhưng trong đoạn trích này Nguyên Hồng không miêu tả giản đơn một chiều theo kiểu vui thì cười, buồn thì khóc. Những chi tiết khóc và cười đầy uẩn khúc đã góp phần khắc hoạ sinh động chân dung/ bản chất từng nhân vật. Ngòi bút tinh tế của Nguyên Hồng lách sâu vào nội tâm, để những khóc cười của nhân vật làm hiện lên trong đoạn trích một bức tranh cuộc sống chân thực và cảm động: đầy cay đắng, tủi cực nhưng cũng ngập tràn khao khát yêu thương, luôn hướng về tình người bao dung ấm áp. Sức hấp dẫn của đoạn trích Trong lòng mẹ cũng như của văn chương Nguyên Hồng bắt rễ từ chính “những tình cảm thống thiết được “ép ra từ trái tim vô cùng nhạy cảm”(2) của ông!

**BT12.** **Suy nghĩ về tình mẫu tử trong đoạn trích Trong lòng mẹ (trích Những ngày thơ ấu) của Nguyên Hồng.**

– Viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong tác phẩm văn xuôi.

– Xem lại đoạn trích Trong lòng mẹ, nên tìm đọc thêm Những ngày thơ ấu của Nguyên Hồng.

– Tìm hiểu đề, tìm luận điểm và xây dựng dàn ý trước khi viết.

– Tránh thuật lại các chi tiết trong truyện (nhầm lẫn lí lẽ trong văn nghị luận với lời kể của tự sự).

**2. Gợi ý**

– Tình mẫu tử bao hàm tình cảm của người mẹ với đứa con và ngược lại của đứa con đối với mẹ. Ở đoạn trích cơ hẳn là tình cảm của bé Hồng với mẹ, tình cảm của mẹ với bé Hồng chỉ là phụ.

– Cần khai thác những biểu hiện bên ngoài cùng với trạng thái tâm lí đầy dằn

vặt đau đớn của bé Hồng.

– Chú ý đến người thuật : ẩn dụ so sánh, giọng văn tràn đầy cảm xúc để thấy được Nguyên Hồng là nhà văn của phụ nữ và trẻ em.

– Bài viết cần gợi cảm, sinh động để tạo được xúc động cho người đọc.

**3. Lập dàn ý**

a. Mở bài

* Những ngày thơ ấu là cuốn hồi kí mang tính tự thuật của Nguyên Hồng; là lời tâm sự về tuổi thơ cay đắng, đau khổ của nhà văn.
* Đoạn trích Trong lòng mẹ tụy ngắn nhưng đã gợi nên niềm xúc động bởi tình cảm mẫu tử thiêng liêng của mẹ con bé Hồng.

b. Thân bài

– Giới thiệu khái quát về cuộc đời của Hồng và đoạn trích Trong lòng mẹ :

– Số phận sớm bất hạnh : mồ côi bố, mẹ bỏ đi xa, ở nhờ nhà nội, người cô ruột ghét chị dâu nên thường đem cháu ra để dày vò cho hả giận.

– Nỗi nhớ mẹ, mong chờ mẹ của bé Hồng.

– Tình mẫu tử thể hiện ở bé Hồng :

– Khi mẹ đi xa :

+ Bảo vệ mẹ bằng mọi hình thức : im lặng nghe cô mát mẻ, cạnh khoé, nói dối cô (không muốn vào Thanh Hoá).

+ Đau đớn khi nghe cô nói xấu mẹ (“cứời dài trong tiếng khóc…”).

+ Căm giận hủ tục phong kiến đã chà đạp lên quyền sống, quyền hưởng hạnh phúc của con người, (nghệ thuật so sánh)

+ Thương nhớ mẹ không có thể làm thay đổi được tình cảm đó. (“không một rắp tâm tanh bẩn nào…”)

+ Mong muốn mẹ ở nhà và sẵn sàng đứng về phía mẹ để đối mặt với mọi dư luận, mọi lời chỉ trích, mọi thái độ thù ghét (hình ảnh con dao vấy máu).

– Khi mẹ trở về :

+ Gọi mẹ, sợ nhầm (nghệ thuật ẩn dụ so sánh..)

+ Niềm hạnh phúc vô bờ khi được ở trong lòng mẹ (tận hưởng bằng tất cả các giác quan, quên đì mọi đau khổ…).

– Tình cảm của người mẹ :

+ Vui mừng, âu yếm con.

+ Mạnh dạn trở về trong ngày giỗ đầu người chồng (dù biết rõ thái  độ của nhà chồng) để được gặp con.

+ Mong muốn đoàn tụ với các con, được chăm sóc, yêu thương con.

– Suy nghĩ về tình mẫu tử (có thể viết xen vào các phần trên hoặc tách riêng).

+ Đó là tình cảm thiêng liêng, sâu sắc.

+ Tạo nên nét đẹp đầy tính truyền thống của người Việt Nam.

+Trở thành sức mạnh tinh thần giúp con người vượt qua muôn ngấn gian khổ, khó khăn.

c. Kết bài : Nguyên Hồng là nhà văn của phụ nữ và trẻ em vì đã ca ngợi tình mẫu tử thiêng liêng.

Qua nhiều tác phẩm của nhà văn Nguyên Hồng, tất cả mỗi chúng ta đều cố thể nhận thấy rằng chất liệu chủ đạo mà ông sử dụng cho sáng tác của mình được lấy từ cuộc sống của những con người khốn khó hay của chính mình. Hồi kí Những ngày thơ ấu của ông cũng là một trong những tác phẩm như vậy. Tình mẫu tử như một sợi chỉ đỏ xuyên suốt toàn bộ đoạn trích Trong lòng mẹ của hồi kí này.

Mẫu là mẹ, tử là con. Tình mẫu tử là tĩnh yêu thương chăm sóc mẹ dành cho con, sự kính trọng biết ơn mà con dành cho mẹ. Tất thảy những tình cảm đó tưởng chừng như bình thường, vậy mà dưới ngòi bút của Nguyên Hồng nó lại trở nên cụ thể và máu thịt, từ sự kết nối đó tạo nên ba chữ tình mẫu tử. Và trong đoạn trích này, tình cảm thiêng liêng đó được phát triển và trở thành đỉnh điểm của tình cảm con người.

Ngay từ phần đầu đoạn trích, với nghệ thuật xây dựng diễn biến tâm lí nhân vật, nhà văn đã tạo dựng nên tình huống đối thoại giữa nhân vật người cô với chú bé Hồng. Những lời nói cay độc và đay nghiến của người cô đã khiến bé Hồng bộc lộ rõ tình yêu thương mẹ cháy bỏng khi người mẹ đáng thương đó phải đi tha hương cầu thực nơi đất khách quê người.

Có thể thấy ngay từ câu hỏi đầu tiên, người cô đã trút lên đầu đứa cháu tội nghiệp những lời mỉa mai độc địa :

– Mày có muốn vào Thanh Hoá chơi với mẹ mày không ?

Với nụ cười nửa miệng và câu hỏi thăm đó, bà đã chạm đến nỗi đau đớn vì phải xa mẹ của chú bé. Người cô ruột đó đại diện cho sự lạnh lùng nghiệt ngã của những hủ tục phong kiến ngày xưa, cho nên sẵn sàng nói cho sướng miệng, cho hả lòng hả dạ. Không mảy may nghĩ đến nỗi đau của đứa cháu đáng thương. Hai anh em mới mấy tuổi đầu mà đã mồ côi cha, mẹ đi biệt xứ, không được sống trong tình yêu thương, em phải sống trong sự ghẻ lạnh của họ hàng, sự khinh ghét của người cô ruột. Có thể nói cuộc sống quanh em là những đau khổ và bất hạnh. Muốn Hồng khinh ghét, ruồng rẫy mẹ, muốn Hồng quay lưng lại với người phụ nữ đã từng là chị dâu của mình, bà ta đã không từ một thủ đoạn bỉ ổi nào dù có thể làm cho đứa cháu ruột của mình đau đớn đến tuyệt vọng.

Trong hoàn cảnh đó, tình yêu mẹ đã khiến em không dễ bị,những rắp tâm tanh bẩn của người cô đánh lừa. Em yêu thương mẹ bằng nguyên vẹn trái tim mình. Không gì có thể khiến em thay lòng đổi dạ và em đã khẳng định “cuối năm nhất định mợ cháu sẽ về”. Câu trả lời đó thật cứng cỏi, thật chắc chắn bởi nó được thốt ra từ chính miệng em, từ chính trái tim, từ chính lòng yêu quý, sự tin tưởng mà em dành cho mẹ mình.

Suốt cả đoạn trích, ta thấy đứa trẻ với một bản năng tự vệ, phải gồng lên để bạo vệ người mẹ đang biệt xứ nơi xa. Em đã kín đáo bảo vệ mẹ. Nhiều lúc chú bé “cười trong nước mắt”, lúc khác lại “nước mắt ròng ròng”. Những giọt nước mắt đó là nỗi đau, là sự day dứt mà chú bé đã hứng chịu thay mẹ, khác nào giơ vai ra đỡ những nhát dao đâm vào mẹ. Có thể thấy trong tâm hồn em đang có một sự đấu tranh quyết liệt. Em mong muốn được bảo vệ mẹ để không ai có thể xen vào tình cảm mẹ con, để niềm tin vào một ngày đoàn tụ trong em không bao giờ tan vỡ. Em muốn cùng mẹ đối mặt với lễ giáo phong kiến. Em không muốn mẹ mình cứ phải sống chui sống lủi, giấu giếm như một kệ ăn cắp hay một tên giết người vởi con dao đang vấy máu. Đứa trẻ đó có một mong ước cháy bỏng “giá những cổ tục đã đày đoạ mẹ tôi là một vật như hòn đá hay cục thuỷ tinh, đầu mẩu, tôi quyết vồ ngay lấy mà cắn, mà nhai, mà nghiến cho kì nát vụn mới thôi”. Chỉ có tình cảm mẫu tử thiêng liêng mới tạo cho nó cái sức mạnh lớn lao đến vậy?

Ở cuối đoạn trích, khi hai mẹ con Hồng đã được gặp nhau là trường đoạn thấm đẫm tình cảm yêu thương, trìu mến của tình mẹ con. Thoáng thấy bóng mẹ là em đã cất tiếng gọi. Hồng đã run rẩy vì sợ bị nhầm. Hình ảnh so sánh sự sợ sệt đó với “người bộ hành đi trên sa mạc” thật là sâu sắc. Tiếng gọi của Hồng như xé tan khoảng không gian u ám của sự xa cách trong chế độ phong kiến xưa. Được mẹ ôm vào lòng, hơi ấm của mẹ đã xua tan đi những nỗi đau từ trước, trái tim rạn nứt đó trở nên lành lặn và khoẻ mạnh. Mọi rắp tâm tanh bẩn dường như không còn tồn tại nữâ mà thay thế vào đó là tình mẫu tử đẹp đẽ và chite chan niềm hạnh phúc “gương mặt mẹ tôi vẫn tươi sáng với đôi mắt trong và nước da mịn, làm nổi bật màu hồng của hai gò má”. Được cảm nhận tình thương, được ngửi thấy“hơi thở ở khuôn miệng xinh xắn nhai trầu phả ra…” – những thứ thật bình thường vậy mà đối với Hồng lại là những điều thật sự thú vị và thiêng liêng. Đây được coi là đỉnh điểm của tình mẫu tử ở đoạn trích Trong lòng mẹ của Nguyên Hồng.

Cảm ơn Nguyên Hồng, ông đã giúp cho chúng ta cảm nhận được tình mẹ con sâu nặng, tình mẫu tử cao quý và thiêng liêng.

**BT13.Cảm nhận hình ảnh nhân vật bé Hồng qua đoạn trích “Trong lòng mẹ”**

**Mở bài:**

Đoạn trích “Trong lòng mẹ” phơi bày cuộc sống đắng cay của nhận vật bé Hồng, lúc mẹ Hồng đi làm ăn xa, Hồng ở nhà một mình chống chọi lại với nghịch cảnh của mình. Bé Hồng là hình ảnh một tuổi thơ nhiều bất hạnh nhưng vẫn tỏa sáng một trái tim thương yêu sâu sắc, để lại ấn tượng xúc động trong lòng người đọc.

**Thân bài:**

Chú bé Hồng là kết quả của một cuộc hôn nhân miễn cưỡng, không hạnh phúc. Sau ngày cha mất, mẹ chú vì cùng túng quá đã bỏ đi tha phương cầu thực, bỏ chú sống đơn độc trong sự ghẻ lạnh của họ hàng. Giữa những con người vô tâm, tàn nhẫn, chú bé Hồng đã gắng gượng sống và chờ đợi mẹ trở về. Người cô ích kỷ, với sự thù ghét cố hữu đối với mẹ hồng, đã luôn tìm cơ hội gièm pha, cạnh khóe, cố tình làm cho cạu phải đau khổ, tủi nhục, căm phẫn và ruồng rẫy mẹ mình.

Tàn nhẫn hơn, người cô luôn giấu ý đồ đó sau vỏ bọc quan tâm, niềm nở đối với chú bé tội nghiệp, đáng thương. Người cô chẳng khác gì một con sói gian ác đang đùa giỡn với cảm xúc của con cừu non bé bỏng, ngây thơ và yếu đuối. Hồng nhận ra tất cả sự giả dối ấy nhưng cậu đã phải gắng sức chịu đựng, kìm nén. Song nỗi đau thương cho mình và cho mẹ vượt quá sự chịu đựng của đứa trẻ,chú đã phải khóc rất nhiều, nước mắt ngậm ngùi của đứa trẻ thầm vụng tủi cực *“nước mắt ròng ròng rớt xuống hai bên mép rồi chan hòa, đầm đìa ở cằm và ở cổ”.*

Sự xúc phạm hình ảnh người mẹ, tình yêu thương và lòng kính trọng mẹ của chú bé Hồng cứ tăng dần lên. Đúng ở vai bề trên, người cô đã tỏ ra thắng thế và thực hiện mưu đồ của mình một cách dễ dàng. Hồng cứ thế mà chịu trận, chẳng thể nào thoát ra được. Tâm trạng đau đớn, uất ức của chú bé dâng đến cực điểm khi nghe người cô cứ tươi cười kể về tình cảnh tội nghiệp của mẹ mình. Nghĩ về nỗi vất vả, cơ cực và khổ nhục của mẹ khiến chú không thể nào kìm nén nổi cảm xúc.

Nỗi căm hận những cổ tục đã đày đoạn người mẹ khiến lòng bé Hồng sôi sục nhưng cũng phải cố dằn lại trước mưu đồ độc ác của người cô: *“Giá những cổ tục đã đày đoạ mẹ tôi là một vật như hòn đá hay cục thuỷ tinh,đầu mẩu gỗ, tôi quyết vồ ngay lấy mà cắn,mà nhai,mà nghiền cho kì nát vụn mới thôi”.*Điều đó thể hiện sự phản kháng quyết liệt và cũng rất hồn nhiên, trẻ con của chú bé Hồng. Sự căm tức dữ dội ấy chính là biểu hiện đầy đủ của tình yêu thương mẹ tha thiết.

Khi người mẹ trở về, mọi công sức của bé Hồng được đền đáp. Chỉ thoáng thấy bóng người ngồi trên xe kéo giống mẹ mình thôi, bé Hồng đã cuống quýt đuổi theo và bối rối “*Mợ ơi! Mợ ơi! Mợ ơi!….”.*Hình ảnh người mẹ và nỗi khao khát được gặp lại mẹ luôn luôn thường trực trái tim chú bé. Chú bé lúc nào cũng nhớ mong và yêu thương mẹ vô cùng. Dường như bao nhiêu sầu khổ dồn nén trong suốt thời gian xa mẹ dài đằng đẵng lúc này bỗng vỡ oà. Tiếng khóc của chú bé là tiếng khóc dỗi hờn và hạnh phúc, tức tưởi và mãn nguyện của xa cách, mong nhớ.

Khi ngồi trong lòng mẹ, chú hạnh phúc đắm mình trong tình mẫu tử. Chú thấy mẹ vẫn đẹp như thuở nào *“vẫn tươi sáng với đôi mắt trong và nước da mịn làm nổi bật màu hồng của hai gò má”.*Chú cũng cảm nhận được niềm hạnh phúc bên con của người mẹ. Chú bé cảm thấy ngây ngất sung sướng khi được sà vào lòng mẹ,cảm giác mà chú đã mất từ lâu. Cậu còn cảm nhận thấm thía hơi thở vô cùng thân thiết, thơm tho lại thường.

Kỉ niệm ngọt ngào làm chú sung sướng đến nghẹn ngào. Lúc ấy, bé Hồng như quên đi tất cả những cay độc, buồn tủi*mà người cô đã cố chì chiết xúc phạm mẹ mình.*Hạnh phúc lớn lao, choáng ngập niềm sung sướng được ở bên mẹ tràn ngập trong bé Hồng, không một rắp tâm tanh bẩn nào xâm phạm được, nó cũng như một liều thuốc hữu hiệu đã nhanh chóng chữa lành mọi tổn thương trong em bấy lâu nay, đó chính là hanh phúc lớn lao của tình mẫu tử thiêng liêng và cao cả.

**Kết bài:**

Đoạn trích tiêu biểu cho bút pháp đậm chất trữ tình của văn Nguyên Hồng. Nhà văn tỏ ra sâu sắc và tinh tế trong việc diễn tả tâm lí nhân vật, kết hợp khéo léo giữa kể, tả, bộc lộ cảm xúc chân thực và cảm động.

**C.PHƯ­ƠNG PHÁP:**

1. HS và GV tìm đọc các tư liệu tham khảo sau:

- Bài đọc thêm “Tôi viết bỉ vỏ” của Nguyên Hồng: Trang 27 – 31 sổ tay văn học.

- Bài đọc thêm trích “Nguyên Hồng, một tuổi thơ văn”: Trang 16 – 18 t­ư liệu ngữ văn.

- Hồi ký “Những ngày thơ ấu”.

- Các bài viết bàn về đoạn trích “Trong lòng mẹ”.

2. Đề văn nghị luận, chứng minh, tự sự, cảm nhận về một đoạn văn.

VD: Luyện viết đoạn văn chứng minh:

Niềm hạnh phúc vô bờ khi ở trong lòng mẹ theo cách: Diễn dịch và quy nạp.

- Bắt buộc HS ghi nhớ một đoạn văn hay trong đoạn trích.

GỢI Ý ĐỀ 1

**- Lòng yêu th­ương mẹ tha thiết của bé Hồng:** Xa mẹ, vắng tình th­ương, thiếu sự chăm sóc, lại phải nghe những lời dèm pha xúc xiểm của ng­ười cô độc ác như­ng tình cảm của bé Hồng hướng về mẹ vẫn mãnh liệt duy nhất một phư­ơng, không bị **“*những rắp tâm tanh bẩn xúc phạm đến****”*. Chính tình yêu thương mẹ tha thiết đã khiến cho bé Hồng có một thái độ kiên quyết, dứt khoát.

**- Sự căm thù những cổ tục đã đầy đoạ mẹ:** Lòng căm ghét của bé Hồmg được diễn đạt bằng những câu văn có nhiều hình ảnh cụ thể, gợi cảm và có nhịp điệu dồn dập tựa như­ sự uất ức của bé ngày một tăng tiến: *“****Cô tôi nói chư­a dứt câu, cổ họng tôi đã nghẹn ứ không ra tiếng. Giá những cổ tục đã đầy đoạ mẹ tôi là một vật như­ hòn đá, cục thuỷ tinh, đầu mẩu gỗ, tôi quyết vồ ngay lại mà cắn, mà nhai, mà nghiến cho kỳ nát vụn mới thôi”.***

- **Khát khao gặp mẹ cháy bỏng:** Ngòi bút của nhà văn đã thể hiện thành công đặc sắc khi miêu tả với phương pháp so sánh như khát khao của người bộ hành đi giữa sa mạc nghĩ về bóng râm và dòng nước mát. Hình ảnh chú bé phải xa mẹ lâu ngày, hơn nữa phải sống trong sự ghẻ lạnh của những ng­ười xung quanh.

- **Sự cảm động, sung s­ướng, bối rối khi gặp mẹ. Niềm hạnh phúc vô bờ khi ở trong lòng mẹ:** Để tô đậm niềm sung sư­ớng tột độ của em bé mất cha, xa mẹ lâu ngày, nay đ­ược ngồi bên mẹ, lúc thì nhà văn miêu tả những cảm giác cụ thể: ***“Tôi ngồi trên đệm xe, đùi áp vào đùi mẹ tôi, đầu ngả vào cánh tay mẹ … mơn man khắp da thịt***”, lúc thì chen những lời bình luận thấm đẫm chất trữ tình: **“*Phải bé lại*…”,** khi thì nghĩ đến câu nói độc ác, đay nghiến của bà cô và **“*Khômg mảy may nghĩ ngợi gì nữa*.”** bởi vì bé Hồng được gặp mẹ rất bất ngờ, niềm vui quá lớn. Nêu chính mình ch­ưa phải trải qua nỗi đau xa mẹ, ch­a có niềm sung sướng tột độ khi được gặp mẹ, chắc Nguyên Hồng khó có được những đoạn văn gây ấn tượng mạnh mẽ cho ng­ười đọc như­ vậy.

**NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯ­U Ý**

Hồi ký là một thể loại văn học mà ng­ười viết trung thành ghi lại những gì đã diễn ra trong cuộc sống của mình, tôn trọng sự thật. Đặc điểm của hồi ký là không thể hư­ cấu vì thế tác phẩm sẽ không hay, sẽ tẻ nhạt nếu những gì diễn ra trong cuộc đời của nhà văn không có gì đặc sắc. “Những ngày thơ ấu" của Nguyên Hồng là một tập hồi ký ghi lại những gì đã diễn ra thời thơ ấu của chính nhà văn Nguyên Hồng. Ta có thể cảm nhận được tất cả những tình tiết, chi tiết trong câu chuyện đều rất thật. Có n­ước mắt của Nguyên Hồng thấm qua từng câu chữ.

Ở ch­ương IV của tác phẩm, Nguyên Hồng đã thể hiện rất thành công nghệ thuật xây dựng tâm lý nhân vật. Cùng một lúc ở bé Hồng diễn ra những tình cảm rất trái ngư­ợc nhau. Có sự nhất quán về tính cách và thái độ. Khi bà cô thể hiện nghệ thuật xúc xiểm và nói xấu về ng­ười mẹ của bé Hồng ở một mức độ cao mà một đứa bé bình th­ường rất dễ dàng tin theo thì con ng­ười độc ác này đã thất bại. Bé Hồng không những không tin lời bà cô mà càng thư­ơng mẹ hơn.

Trong điều kiện lúc bấy giờ, một ng­ời phụ nữ ch­a đoạn tang chồng đã mang thai với ng­ười khác, là một điều tuyệt đối cấm kỵ. Ai cũng có thể xa lánh thậm chí phỉ nhổ, khinh thư­ờng. Hơn ai hết bé Hồng hiểu rất rõ điều này. Vì thế tình th­ơng của bé Hồng đối với mẹ không chỉ là tình cảm của đứa con xa mẹ, thiếu vắng tình cảm của mẹ mà còn là th­ương ng­ời mẹ bị xã hội coi th­ường khinh rẻ. Bé Hồng lớn khôn hơn rất nhiều so với tuổi của mình. Điều đặc biệt là dù có suy nghĩ chín chắn, từng trải như­ng bé Hồng vẫn là một đứa trẻ, vẫn có sự ngây thơ.

Vì thế, làm nên sức hấp dẫn của tác phẩm, điều đầu tiên phải nói tới cảm xúc chân thành:

- Những tình tiết, chi tiết trong ch­ơng IV của tác phẩm “Những ngày thơ ấu” diễn ra hết sức chân thật và cảm động. Có thể nói ở bé Hồng nỗi đau xót, niềm bất hạnh đ­ược đẩy lên đến đỉnh cao. Niềm khát khao đ­ược sống trong vòng tay yêu thư­ơng của ng­ời mẹ cũng ở mức độ cao nhất không gì so sánh bằng. Cuối cùng thì hạnh phúc bất ngờ đến cũng vô cùng lớn, đư­ợc diễn tả thật xúc động. Có thể biểu diễn những cung bậc của tình cảm của bé Hồng bằng sơ đồ như­ sau:

+ Nỗi bất hạnh (cha chết, mẹ phải đi kiếm ăn ở nơi xa, bị mọi ngư­ời khinh rẻ)

+ Nỗi căm tức những cổ tục, niềm khát khao gặp mẹ.

+ Hạnh phúc vô bờ bến khi sống trong vòng tay yêu thư­ơng của mẹ.

**- Chữ “tâm” và chữ “tài” của Nguyên Hồng:**

Nguyên Hồng là một cây bút nhân đạo thống thiết. ở chương IV của tác phẩm, nhà văn không những thể hiện sâu sắc niềm đồng cảm với ngư­ời mẹ Hồng mà còn khẳng định những phẩm chất tốt đẹp cao quý của mẹ, khi mẹ lâm vào những tình cảnh nghiệt ngã nhất. Đằng sau câu chữ, ta đọc đ­ược tấm lòng trăn trở yêu th­ương con ng­ười chân thành, thấm thía, đặc biệt là tình yêu th­ương phụ nữ và trẻ em – những ng­ười vốn chịu nhiều thiệt thòi, đau khổ nhất.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**BÀI 3**

**TỨC NƯỚC VỠ BỜ**

**Ngô Tất Tố**

**I- Tác giả**

- Ngô Tất Tố (1893- 1954) sinh tại Lộc Hà, huyện Từ Sơn tỉnh Bắc Ninh (nay thuộc Đông Anh- Hà Nội)

- Thuở nhỏ học chữ Nho nổi tiếng thông minh, đỗ đầu kì thi khảo hạch vùng kinh Bắc, được ái mộ, gọi là “đầu xứ Tố”. Khi nền Hán học suy tàn : “ông nghè, ông cống cũng nằm co”(Tú Xương), Ngô Tất Tố tự học chữ Quốc ngữ và học tiếng Pháp. Ông trở thành một nhà văn, nhà báo, nhà dịch thuật và khảo cứu nổi tiếng.

+ Về hoạt động báo chí, ông được coi là “một tay ngôn luận xuất sắc trong đám nhà nho” (lời Vũ Trọng Phụng), có mặt trên nhiều tờ báo trong cả nước với hàng chục bút danh, với một khối lượng bài báo đồ sộ, đề cập nhiều vấn đề thời sự, xã hội, chính trị, văn hoá, nghệ thuật. Đó là một nhà báo có lập trường dân chủ tiến bộ, có lối viết sắc sảo, điêu luyện giàu tính chiến đấu, nhiều bài là những tiểu phẩm châm biếm có giá trị văn học cao

+ Về sáng tác văn học, ông là một trong những nhà văn xuất sắc nhất của trào lưu văn học hiện thực trước cách mạng. Là cây bút phóng sự, là nhà tiểu thuyết nổi tiếng. Gọi NTT là “nhà văn của nông dân” bởi ông chuyên viết về nông thôn và đặc biệt rất thành công ở đề tài này.

VD: Các phóng sự : Tập án cái đình (1939), Việc làng (1940) là các tập hồ sơ lên án những hủ tục “quái gở”, “man rợ” đang đè nặng lên cuộc sống người nông dân ở nhiều vùng nông thôn khi đó. Tiểu thuyết “Tắt đèn” là “thiên tiểu thuyết có luận đề xã hội hoàn toàn phụng sự dân quê, một áng văn có thể gọi là kiệt tác, tòng lai chưa từng thấy (Lời Vũ Trọng Phụng trong bài “báo thời vụ”). Tiểu thuyết “Lều chõng” (1939) tái hiện tỉ mỉ sinh động cảnh hà trường và thi cử thời phong kiến. Nhưng khác với những tác phẩm đương thời cùng đề tài, “lều chõng” đã vạch trần tính chất nhồi sọ và sự trói buộc khắc nghiệt bóp chết óc sáng tạo của chế độ giáo dục và khoa cử phong kiến. Tác phẩm ít nhiều có ý nghĩa chống lại phong trào phục cổ do thực dân đề xướng lúc bấy giờ.

- Sau cách mạng tháng Tám, NTT sống và hoạt động văn hóa văn nghệ tại chiến khu Việt Bắc, ông qua đời trước mấy ngày chiến dịch Điện Biên Phủ toàn thắng.

**II- Tóm tắt tác phẩm “Tắt đèn”**

- Câu chuyện trong “Tắt đèn” diễn ra trong một vụ đốc sưu, đốc thuế ở một làng quê- làng Đông xá dưới thời Pháp thuộc. Cổng làng bị đóng chặt. Bọn hào lý và lũ tay chân với roi song, dây thừng, tay thước nghênh ngang đi lại ngoài đường thét trói kẻ thiếu sư. Tiếng trống ngũ liên, tiếng tù và nổi lên suốt đêm ngày.

- Sau hai cái tang liên tiếp(tang mẹ chồng và tang chú Hợi), gia đình chị Dậu tuy vợ chồng đầu tắt mặt tối quanh năm mà vẫn không đủ ăn, áo không đủ mặc, đến nay đã lên đến “bậc nhất nhì trong hạng cùng đinh”. Anh Dậu lại bị trận ốm kéo dài mấy tháng trời không có tiến nộp sưu, anh Dậu đã bị bọn cường hào “bắt trói” như trói chó để giết thịt. Chị Dậu tất tả chạy ngược chạy xuôi, phải dứt ruột bán đứa con gái đầu lòng và ổ chó cho vợ chồng Nghị Quế để trang trải “món nợ nhà nước”. Lí trưởng làng Đông Xá bắt anh Dậu phải nộp suất sưu cho chú Hợi đã chết từ năm ngoái vì “chết cũng không trốn được nợ nhà nước”. Bị ốm, bị trói, bị đánh …. Anh Dậu bị ngất đi, rũ như xác chết được khiêng trả về nhà. Sáng sớm hôm sau anh Dậu còn đang ốm rất nặng chưa kịp húp tí cháo thì tay chân bọn hào lí lại ập đến. Chúng lồng lên chửi mắng, bịch vào ngực và tát đánh bốp vào mặt chị Dậu. Chị Dậu van lạy chúng tha trói chồng mình. Nhưng tên Cai Lệ đã gầm lên, rồi nhảy thốc vào trói anh Dậu khi anh Dậu đã bị lăn ra chết ngất. Chị Dậu nghiến hai hàm răng thách thức, rồi xông vào đánh ngã nhào tên Cai Lệ và tên hầu cận lý trưởng, những kẻ đã “hút nhiều xái cũ”.

- Chị Dậu bị bắt giải lên huyện. Tri Phủ Tư Ân thấy Thị Đào có nước da đen dòn, đôi mắt sắc sảo đã giở trò bỉ ổi. Chị Dậu đã “ném tọt” cả nắm giấy bạc vào mặt con quỷ dâm ô, rồi vùng chạy. Món nợ nhà nước vẫn còn đó, chị Dậu phải lên tỉnh đi ở vú. Một đêm tối trời, cụ cố thượng đã ngoài 80 tuổi mò vào buồng chị Dậu. Chị Dậu vùng chạy thoát ra ngoài trong khi “trời tối đen như mực”

**III- Giới thiệu “Tắt đèn”.**

**1. Về nội dung tư tưởng**

**a. “Tắt đèn” là một tác phẩm giàu giá trị hiện thực**: Tố cáo và lên án chế độ sưu thuế dã man của thực dân Pháp đã bần cùng hóa nhân dân. “Tắt đèn” là một bức tranh xã hội chân thực, một bản án đanh thép kết tội chế độ thực dân nửa phong kiến.

**b. “Tắt đèn” giàu giá trị nhân đạo**

- Tình vợ chồng, tình mẹ con, tình xóm nghĩa làng giữa những con người cùng khổ, số phận những người phụ nữ, những em bé, những người cùng đinh được tác giả nêu lên với bao xót thương, nhức nhối và đau lòng.

- “Tắt đèn” đã xây dựng nhân vật chị Dậu, một hình tượng chân thực đẹp đẽ về người phụ nữ nông dân Việt Nam. Chị Dậu có bao phẩm chất tốt đẹp : cần cù, tần tảo, giầu tình thương, nhẫn nhục và dũng cảm chống cường hào, áp bức. Chị Dậu là hiện thân của người vợ, người mẹ vừa sắc sảo, vừa đôn hậu, vừa trong sạch.

**2. Về nghệ thuật**:

- Kết cấu chặt chẽ, tập trung. Cái tình tiết, chi tiết đan cài chặt chẽ, đầy ấn tượng làm nổi bật chủ đề. Nhân vật chị Dậu xuất hiện từ đầu đến cuối tác phẩm

- Tính xung đột, tính bi kịch cuốn hút, hấp dẫn

- Khắc hoạ thành công nhân vật: các hạng người từ người dân cày nghèo khổ đến dịa chủ, từ bọn cường hào đến quan lại đều có nét riêng rất chân thực, sống động.

- Ngôn ngữ từ miêu tả đến tự sự, rồi đến ngôn ngữ nhân vật đều nhuần nhuyễn đậm đà.

=> Tóm lại, đúng như Vũ Trọng Phụng nhận xét : “Tắt đèn” là một thiên tiểu thuyết có luận đề xã hội hoàn toàn phụng sự dân quê, một áng văn có thể gọi là kiệt tác.

**IV. Tìm hiểu đoạn trích “Tức nước vỡ bờ”**

**1. Giới thiệu đoạn trích**:

Trong tiểu thuyết “Tắt đèn”, chí ít người đọc cũng nhớ chị Dậu, người phụ nữ rất mực dịu dàng và biết chịu đựng nhẫn nhục, đã ba lần vùng lên chống trả quyết liệt sự áp bức của bọn thống trị để bảo vệ nhân phẩm của mình và bảo vệ chồng con. Trong đó thì tiểu biểu nhất là cảnh “tức nước vỡ bờ” mà nhà văn viết thành một chương truyện đầy ấn tượng khó phai, chương thứ 18 của tiểu thuyết “Tắt đèn” nổi tiếng của văn học hiện thực phê phán Việt Nam giai đoạn 1930- 1945.

**2. Tiêu đề “Tức nước vỡ bờ” thâu tóm được** :

- Các phần nội dung liên quan trong văn bản: chị Dậu bị áp bức cũng quẫn, buộc phải phản ứng chống lại Cai lệ và người nhà lí trưởng.

- Thể hiện đúng tư tưởng của văn bản : có áp bức, có đấu tranh

- Từ tên gọi của văn bản, có thể xác định nhân vật trung tâm của đoạn trích này là chị Dậu.

**3. Bố cục**: Chuyện tức nước vỡ bờ của chị Dậu diễn ra ở hai sự việc chính:

- Phần 1: Từ đầu đến chỗ “ngon miệng hay không”: Chị Dậu ân cần chăm sóc người chồng ốm yếu giữa vụ sưu thuế

- Phần 2: Từ “anh Dậu uốn vai đến hết”: Chị Dậu khôn ngoan và can đảm đương đầu với bọn tay sai phong kiến như Cai Lệ và người nhà Lý trưởng.

Câu hỏi: Theo em, hình ảnh chị Dậu được khắc hoạ rõ nét nhất ở sự việc nào? vì sao em khẳng định như thế?

- Sự việc chị Dậu đương đầu với Cai Lệ và người nhà lí trưởng. Vì khi đó tính cách ngoan cường của chị Dậu được bộc lộ. Trong hoàn cảnh bị áp bức cùng cực, tinh thần phản kháng của chị Dậu mới có dịp bộc lộ rõ ràng.

**4. Phân tích:**

**a. Tình huống truyện hấp dẫn thể hiện mối xung đột cao độ giữa kẻ áp bức và người bị áp bức**.

- Giữa vụ sưu thuế căng thẳng, gia đình chị Dậu bị dồn đến bước đường cùng trong cơn khốn quẫn nhất: phải bán con, bán đàn chó mới đẻ mới đủ suất tiền sưu cho anh Dậu để cứu chồng đang ốm yếu bị đánh đập ngoài đình. Nhưng nguy cơ anh Dậu lại bị bắt nữa vì chưa có tiền nộp sưu cho người em ruột đã chết từ năm ngoái.

- Nhờ hàng xóm giúp, chị Dậu ra sức cứu sống chồng nhưng trời vừa sáng, cai lệ và người nhà lí trưởng đã sầm sập tiến vào với những roi song tay thước và dây thừng, tính mạng của anh Dậu bị đe doạ nghiêm trọng. Anh chưa kịp húp ít cháo cho đỡ xót ruột như mong muốn của người vợ thương chồng thì bọn đầu trâu mặt ngựa đã ào vào như một cơn lốc dữ khiến anh lăn đùng ra không nói được câu gì.

=> Như vậy, tình huống vừa mới mở ra mà xung đột đã nổi lên ngay, báo trước kịch tính rất cao đề dẫn đến cảnh “tức nước vỡ bờ” như là một quy luật không thể nào tránh khỏi.

**b.Bộ mặt tàn ác bất nhân của bọn cai lệ và người nhà lí trưởng.**

Trong phần hai của văn bản này xuất hiện các nhân vật đối lập với chị Dậu. Trong đó nổi bật là tên cai lệ. Cai lệ là viên cai chỉ huy một tốp lính lệ. Hắn cùng với người nhà lí trưởng kéo đến nhà chị Dậu để tróc thuế sưu, thứ thuế nộp bằng tiền mà người đàn ông là dân thường từ 18 đến 60 tuổi (gọi là dân đinh) hằng năm phải nộp cho nhà nước phong kiến thực dân; sưu là công việc lao động nặng nhọc mà dân đinh phải làm cho nhà nước đó. Gia đình chị Dậu phải đóng suất thuế sưu cho người em chồng đã mất từ năm ngoái cho thấy thực trạng xã hội thời đó thật bất công, tàn nhẫn và không có luật lệ.

- Theo dõi nhân vật cai lệ, ta thấy ngòi bút hiện thực NTT đã khắc họa hình ảnh tên cai lệ bằng những chi tiết điển hình thật sắc sảo.

+ Vừa vào nhà, cai lệ đã lập tức ra oai “gõ đầu roi xuống đất”, hách dịch gọi anh Dậu là “thằng kia”, “mày” và xưng “ông”, “cha mày”. “Thằng kia! Ông tưởng mày chết đêm qua, còn sống đấy à? Nộp tiền sưu mau!”

+ Cai Lệ trợn ngược hai mắt, hắn quát: “mày định nói cho cha mày nghe đấy à? Sưu của nhà nước mà dám mở mồm xin khất!”

+ Vẫn giọng hầm hè: “Nếu không có tiền nộp sưu cho ông bây giờ, thì ông sẽ dỡ cả nhà mày đi, chửi mắng thôi à!....”

+ Đùng đùng, cai lệ giật phắt cái thừng trong tay anh này và chạy sầm sập đến chỗ anh Dậu : “tha này! tha này!.. Vừa nói hắn vừa bịch luôn vào ngực chị Dậu mấy bịch rồi lại sấn đến để trói anh Dậu.”

=> Ngòi bút của NTT thật sắc sảo, tinh tế khi ông không dùng một chi tiết nào để miêu tả suy nghĩ tên cai lệ trong cảnh này. Bởi vì lũ đầu trâu mặt ngựa xem việc đánh người, trói người như là việc tự nhiên hàng ngày, chẳng bao giờ thấy động lòng trắc ẩn thì làm gì chúng còn biết suy nghĩ? Nhà văn đã kết hợp các chi tiết điển hình về bộ dạng, lời nói, hành động để khắc hoạ nhân vật. Từ đó ta thấy tên cai lệ đã bộc lộ tính cách hống hách, thô bạo, không còn nhân tính. Từ hình ảnh tên cai lệ này, ta thấy bản chất xã hội thực dân phong kiến là một xã hội đầy rẫy bất công tàn ác, một xã hội có thể gieo hoạ xuống người dân lương thiện bất kì lúc nào, một xã hội tồn tại trên cơ sỏ của các lí lẽ và hành động bạo ngược.

**c. Hình ảnh đẹp đẽ của người nông dân lao động nghèo khổ.**

Truyện “Tắt đèn” của Ngô Tất Tố đã tạo dựng được hình ảnh chân thực về người phụ nữ nông dân bị áp bức cùng quẫn trong xã hội phong kiến nhưng vẫn giữ được bản chất tốt đẹp của người lao đông, đó là chị Dậu.

**\* Trước hết là tấm lòng của người vợ đối với người chồng đang đau ốm được diễn tả chân thật và xúc động từ lời nói đến hành động.**

- Chị Dậu chăm sóc anh Dậu trong hoàn cảnh : Giữa vụ sưu thuế căng thẳng, nhà nghèo, phải bán chó, bán con mà vẫn không lo đủ tiền sưu. Còn anh Dậu thì bị tra tấn, đánh đập và bị ném về nhà như một cái xác rũ rượi…

=> Trước hoàn cảnh khốn khó, chị Dậu đã chịu đựng rất dẻo dai, không gục ngã trước hoàn cảnh.

- Trong cơn nguy biến chị đã tìm mọi cách cứu chữa cho chồng: Cháo chín, chị Dậu mang ra giữa nhà, ngả mâm bát múc la liệt. Rồi chị lấy quạt quạt cho chóng nguội. Chị rón rén bưng một bát đến chỗ chồng nằm: Thầy em hãy cố ngồi dậy húp ít cháo cho đỡ xót ruột. Rồi chị đón lấy cái Tỉu và ngồi xuống đó như có ý chờ xem chồng ăn có ngon miệng không.

=> Đó là những cử chỉ yêu thương đằm thắm, dịu dàng của một người vợ yêu chồng. Tình cảm ấy như hơi ấm dịu dàng thức tỉnh sự sống cho anh Dậu. Tác giả miêu tả thật tỉ mỉ, kĩ lưỡng từng hành động cử chỉ, từng dấu hiệu chuyển biến của anh Dậu : “anh Dậu uốn vai ngáp dài một tiếng”… Dường như mỗi cử chỉ, hành động của anh Dạu đều có ánh mắt thấp thỏm, lo lắng của chị Dậu dõi theo da diết. Cứ tưởng rằng đây là một phút giây ngắn ngủi trong cả cuộc đời đau khổ của chị Dậu để chị có thể vui sướng tràn trề khi anh Dậu hoàn toàn sống lại. Nhưng dường như chị Dậu sinh ra là để khổ đau và bất hạnh nên dù chị có khao khát một giây phút hạnh phúc ngắn ngủi nhưng nào có được. Bọn Cai lệ và người nhà lí trưởng đã sầm sập tiến vào như cơn lốc dữ dập tắt ngọn lửa sống đang nhen nhóm trong anh Dậu. Nỗi cay đắng trong chị Dậu không biết lớn đến mức nào. Nhưng giờ đây chị sẽ phải xử sự ra sao để cứu được chồng thoát khỏi đòn roi.

\* Theo dõi nhân vật chị Dậu trong phần thứ hai của văn bản “tức nước vỡ bờ”, ta thấy **chị Dậu là một người phụ nữ cứng cỏi đã dũng cảm chống lại bọn cường hào để bảo vệ chồng.**

- Ban đầu chị **nhẫn nhục** chịu đựng:

+ Chị Dậu cố van xin thiết tha bằng giọng run run cầu khẩn: “Hai ông làm phúc nói với ông lí cho cháu khất”

=> Cách cư xử và xưng hô của chị thể hiện thái độ nhẫn nhục chịu đựng. Chị có thái độ như vậy là vì chị biết thân phận bé mọn của mình, người nông dân thấp cổ bé họng, biết cái tình thế khó khăn, ngặt nghèo của gia đình mình (anh Dậu là kẻ có tội thiếu suất sưu của người em đã chết, lại đang ốm nặng). Trong hoàn cảnh này, chị chỉ mong chúng tha cho anh Dậu, không đánh trói hành hạ anh.

- Khi tên cai lệ chạy sầm sập đến trói anh Dậu, tính mạng người chồng bị đe doạ, chị Dậu “xám mặt” vội vàng chạy đến đỡ lấy tay hắn, nhưng vẫn cố van xin thảm thiết: “Cháu van ông ! Nhà cháu vừa mới tỉnh được mọt lúc, ông tha cho”. (“Xám mặt”tức là chị đã rất tức giận, bất bình trước sự vô lương tâm của lũ tay sai. Mặc dù vậy, lời nói của chị vẫn rất nhũn nhặn, chị đã nhẫn nhục hạ mình xuống- chứng tỏ sức chịu đựng của chị rất lớn. Tất cả chỉ là để cứu chồng qua cơn hoạn nạn.

- Nhưng chị Dậu không thuộc loại người yếu đuối chỉ biết nhẫn nhục van xin mà còn tiềm tàng một khả năng phản kháng mãnh liệt.

+ Khi tên cai lệ mỗi lúc lại lồng lên như một con chó điên “bịch vào ngực chị mấy bịch” rồi “tát đánh bốp vò mặt chị thậm chí nhảy vào chỗ anh Dậu”…. tức là hắn hành động một cách dã man thì mọi sự nhẫn nhục đều có giới hạn. Chị Dậu đã kiên quyết **cự lại**. Sự cự lại của chị Dậu cũng có một quá trình gồm hai bước.

Thoạt đầu, chị cự lại bằng **lí lẽ** : “Chồng tôi đau ốm, ông không được phép hành hạ”. -> Lời nói đanh thép như một lời cảnh cáo. Thực ra chị không viện đến pháp luật mà chỉ nói cái lí đương nhiên, cái đạo lí tối thiểu của con người. Lúc này chị đã thay đổi cách xưng hô ngang hàng nhìn vào mặt đối thủ. Với thái độ quyết liệt ấy, một chị Dậu dịu dàng đã trở nên mạnh mẽ, đáo để.

Đến khi tên cai lệ dã thú ấy vẫn không thèm trả lời còn tát vào mặt chị một cái đánh bốp rồi cứ nhảy vào cạnh anh Dậu thì chị đã **vụt đứng dậy** với niềm căm giận ngùn ngụt: Chị Dậu nghiến hai hàm răng “mày trói chồng bà đi, bà cho mày xem!”. Một cách xưng hô hết sức đanh đá của phụ nữ bình dân thể hiện tư thế “đứng trên đầu thù” sẵn sàng đè bẹp đối phương. Rồi chị “túm cổ cai lệ ấn dúi ra cửa, lẳng người nhà lí trưởng ngã nhào ra thềm”. Chị Dậu vẫn chưa nguôi giận. Với chị, nhà tù thực dân cũng chẳng có thể làm cho chị run sợ nên trước sự can ngăn của chồng, chị trả lời: “thà ngồi tù. Để cho chúng nó làm tình làm tội mãi thế, tôi không chịu được”.

**Câu hỏi: Em thích nhất chi tiết nào ? Vì sao?**

=> Chi tiết chị Dậu quật ngã bọn tay sai hung ác trong tư thế ngang hàng, bất khuất với sức mạnh kì lạ. Vừa ra tay chị đã nhanh chóng biến tên tay sai hung hãn vũ khí đầy mình thành những kẻ thảm bại xấu xí, tơi tả. Sức mạnh kì diệu của chị Dậu là sức mạnh của lòng căm hờn, uất hận bị dồn nén đến mức không thể chịu đựng được nữa. Đó còn là sức mạnh của lòng yêu thương chồng con vô bờ bến. Hành động dã man của tên cai lệ là nguyên nhân trực tiếp làm cho sức chịu đựng của chị lên quá mức. Giọng văn của Ngô Tất Tố trở nên hả hê. Dưới ngòi bút của ông, hình ảnh chị Dậu hiện lên khoẻ khoắn, quyết liệt bao nhiêu thì hình ảnh bọn tay sai hung ác trở nên nhỏ bé, hèn hạ, nực cười bấy nhiêu. Và chúng ta khi đọc đến những dòng này cũng sung sướng, hả hê như Ngô Tất Tố. Ông đã chỉ ra một quy luật tất yếu trong xã hội “có áp bức có đấu tranh”, “con giun xéo mãi cũng quằn”, chị Dậu bị áp bức dã man đã vùng lên đánh trả một cách dũng cảm.

- Kết hợp các chi tiết điển hình về cử chỉ

**Câu hỏi: Nhận xét về nghệ thuật khắc hoạ nhân vật chị Dậu trong đoạn . Tác dụng của các biện pháp nghệ thuật đó?**

với lời nói và hành động.

- Tư sự kết hợp miêu tả và biểu cảm

- Từ nhũn nhặn, tha thiết van xin đến cứng cỏi thách thức, quyết liệt

- Dùng phép tương phản tính cách chị Dậu với bọn cai lệ và người nhà lí trưởng.

=> Tác dụng:tạo được nhân vật chị Dậu giống thật, chân thực, sinh động, có sức truyền cảm. Tính cách chị Dậu hiện lên nhất quán với diễn biến tâm lí thật sinh động. Chị Dậu mộc mạc, hiền dịu, đầy vị tha, giầu tình yêu thương, sống khiêm nhường, biết nhẫn nhục chịu đựng nhưng hoàn toàn không yếu đuối, chỉ biết sợ hãi mà trái lại vẫn có một sức sống mạnh mẽ, một tinh thần phản kháng tiềm tàng.

- Từ hình ảnh của chị Dậu ta liên tưởng đến người nông dân trước cách mạng tháng Tám: tự ti, nhẫn nhục, an phận do bị áp bức lâu đời. Nhưng họ sẽ đứng lên phản kháng quyết liệt khi bị áp bức bóc lột tàn tệ.

- Sự phản kháng của chị Dậu còn tự phát, đơn độc chưa có kết quả (chỉ một lúc sau, cả nhà chị bị trói giải ra đình trình quan) tức là chị vẫn bế tắc nhưng có thể tin rằng khi có ánh sáng cách mạng rọi tới, chị sẽ là người đi hàng đầu trong cuộc đấu tranh. Chính với ý nghĩa ấy mà Nguyễn Tuân viết: “tôi nhớ như có lần nào, tôi đã gặp chị Dậu ở một đám đông phá kho thóc Nhật ở một cuộc cướp chính quyền huyện kì tổng khởi nghĩa.

=> Như vậy, từ hình ảnh “cái cò lặn lội bờ sông. Gánh gạo đưa chồng tiếng khóc nỉ non” và từ hình ảnh người phụ nữ trong thơ xưa đến hình ảnh chị Dậu trong “Tắt đèn”, ta thấy chân dung người phụ nữ Việt Nam trong văn học đã có một bước phát triển mới cả về tâm hồn lẫn chí khí.

**5. Nội dung và nghệ thuật đặc sắc của văn bản “Tức nước vỡ bờ”**

- Với ngòi bút hiện thực sinh động, Ngô Tất Tố đã vạch trần bộ mặt tàn ác, bất nhân của xã hội thực dân phong kiến đương thời đã đẩy người nông dân vào tình cảnh vô cùng cực khổ. Nhà văn còn ca ngợi một phẩm chất tốt đẹp của người phụ nữ nông dân nghèo khổ: giàu tình thương yêu và có sức sống tiềm tàng mạnh mẽ.

- Đây là một văn bản tự sự kết hợp miêu tả và biểu cảm. Tình huống truyện hấp dẫn thể hiện nổi bật xung đột. Khắc hoạ nhân vật bằng kết hợp các chi tiết điển hình về cử chỉ, lời nói và hành động. Thể hiện chính xác quá trình tâm lí nhân vật. Có thái độ rõ ràng đối với nhân vật. Ngôn ngữ kể chuyện, miêu tả của tác giả và ngôn ngữ đối thoại của nhân vật rất đặc sắc.

**\*\*\*\*Bài tập**

**1. Em hiểu về như thế nào về nhan đề “Tức nước vỡ bờ” đặt cho đoạn trích? Theo em đặt tên như vậy có thoả đáng không?**

- Kinh nghiệm của dân gian được đúc kết trong câu tục ngữ đó đã bắt gặp sự khám phá chân lí đời sống của cây bút hiện thực NTT, được ông thể hiện thật sinh động, đầy sức thuyết phục.

- Đoạn trích chẳng những làm toát lên cái lô gic hiện thực “tức nước vỡ bờ”, “có áp bức, có đấu tranh” mà còn toát lên cái chân lí: con đường sống của quần chúng bị áp bức chỉ có thể là con đường đấu tranh để tự giải phóng, không có con đường nào khác. Vì vậy mà tuy tác giả “Tắt đèn” khi đó chưa giác ngộ cách mạng, tác phẩm kết thúc rất bế tắc, nhưng nhà văn Nguyễn Tuân đã nói rằng: Ngô TẤt Tố với “tắt đèn” đã xui người nông dân nổi loạn. NTT chưa nhận thức được chân lí cách mạng nên chưa chỉ ra được con đường đấu tranh tất yếu của quần chúng bị áp bức, nhưng với cảm quan hiện thực mạnh mẽ, nhà văn đã cảm nhận được xu thế “tức nước vỡ bờ” và sức mạnh to lớn khôn lường của sự “vỡ bờ” đó. Và không quá lời nếu nói rằng cảnh “tức nước vỡ bờ” trong đoạn trích đã dự báo cơn bão táp quần chúng nông dân nổi dậy sau này.

**3.Nhà văn Nguyễn Tuân khi đọc đến đoạn trích Tức nước vỡ bờ (tiểu thuyết Tắt đèn) đã cho rằng Ngô Tất Tố: "xui người nông dân nổi loạn". Viết đoạn văn nói rõ ý kiến của em**

**Gợi ý**

Trong đoạn trích *Tức nước vỡ bờ,* ở thời điểm ra đời của nó, Ngô Tất Tố tuy chưa nhận thức được chân lí cách mạng (vì thế mà chưa chỉ ra được con đường đấu tranh tất yếu của quần chúng bị áp bức) nhưng bằng cảm quan hiện thực mạnh mẽ, nhà văn đã cảm nhận được xu thế tức nước vỡ bờ và sức mạnh to lớn của sự "vỡ bờ" đó. Đoạn trích có thể coi là cao trào của một vở kịch mà mâu thuẫn, xung đột được thể hiện tập trung trong mối quan hệ giữa nông dân và địa chủ.Những người nông dân bị đẩy đến bước đường cùng đã bật lên hành động phản kháng.Tuy chỉ là hành động tự phát nhưng nó đã báo hiệu ngày tận thế của chế độ thực dân nửa phong kiến đã gần kề. Cái nhan đề do người soạn sách đặt đã thể hiện được đầy đủ cái tình thế ấy. Đoạn trích chẳng những cho ta thấy được cái lô-gíc hiện thực: có áp bức, có đấu tranh, mà còn cho thấy cái chân lí: con đường sống của quần chúng bị áp bức chỉ có thể là con đường đấu tranh để tự giải phóng mình. Vì thế, cũng có thể nói, đoạn trích như là một sự dự báo về một cơn bão táp cách mạng sẽ đến sau này.

  Đó là nghệ thuật xây dựng nhân vật qua tình huống bằng 2 thủ pháp: tăng cấp và đối lập.

+ Tăng cấp: Khi bọn tay sai vào nhà, mỉa mai anh Dậu và hằm hè tróc tiền sưu thì chị Dậu đã đấu tình bằng thái độ mềm mỏng, van xin thống thiết bằng từ xưng “nhà cháu-các ông”. Khi tên cai lệ nhảy xổ vào anh Dậu để trói anh thì chị Dậu đấu lí với chúng bằng cách ngăn cản để bảo vệ chồng qua các từ xưng hô ngang hàng “tôi- các ông”. Đến khi hai tên tay sai cố tình trói anh Dậu và đánh chị thì thái độ vùng lên đấu lực của chị đã quyết liệt, mạnh mẽ; lúc này từ xưng hô “bà- mày” và sức mạnh thể chất đã chiến thắng hai tên “người nhà nước”. Cảnh đó chính là biểu tượng của sức mạnh tiềm tàng của người nông dân.

+ Đối lập: Một bên là người phụ nữ yếu mềm, nhà nghèo, chồng đau ốm, đơn độc nhưng yêu chồng hết mực, tảo tần, tháo vát – một bên là tên cai lệ và người nhà lí trưởng với tay thước tay song, thái độ “bề trên”, có quyền trong tay nhưng bất nhẫn, bất nhân, hành động như một cái máy của chính quyền tay sai, sẵn sàng đánh đập, trói bắt, dọa nạt người nông dân thấp cổ bé hong.

-         Về nhân xét của Nguyễn Tuân: Ý nói đến nội dung hướng đến tính hành động của tác phẩm. Đó là ý nghĩa tích cực về cảm quan hiện thực và khả năng dự báo của tác phẩm. Ngô Tất Tố đã dự báo về xu hướng đấu tranh của người nông dân- lực lượng đông đảo và bị áp bức nhiều nhất, đối với thế lực thống trị thực dân phong kiến bấy giờ. Tác phẩm “Tắt đèn” có tác động, ảnh hưởng đến tư tưởng của quần chúng nhân dân, nhất là nông dân trong việc chống lại bọn cường hào ác bá ở nông thôn. Đó cũng là minh chứng nguồn gốc và giá trị của văn học khi văn học bắt nguồn từ đời sống thực tế để rồi quay lại thúc đẩy xã hội phát triển.

**4. Từ đó, có thể nhận ra thái độ nào của nhà văn NTT đối với thực trạng xã hội và đối với phẩm chất của người nông dân trong xã hội cũ?**

- Lên án xã hội thống trị áp bức vô nhân đạo

- Cảm thông với cuộc sống cùng khổ của người nông dân nghèo

- Cổ vũ tinh thần phản kháng của họ

- Lòng tin vào phẩm chất tốt đẹp của họ.

**LUYỆN TẬP NÂNG CAO**

**BT1.Hãy chứng minh nhận định "Cái đoạn chị Dậu đánh nhau với tên cai lệ là một đoạn tuyệt khéo" của Vũ Ngọc Phan là đúng**

**Gợi ý**

Tác phẩm “Tắt đèn” của nhà văn Ngô Tất Tố là một trong những tác phẩm xuất sắc nhất viết về đề tài người nông dân Việt Nam trước cách mạng tháng Tám. Bao trùm “Tắt đèn” là một không gian chật chội, ngột ngạt bởi nỗi tủi nhục, sự ấm ức của người nông dân. Nhưng đó đây trong tác phẩm vẫn lóe lên những điểm sáng bất ngờ. Đọc đoạn trích “Tức nước vỡ bờ”, nhà văn Nguyễn Tuân từng đánh giá đó là khoảnh khắc cháy sáng trong tác phẩm. Còn nhà nghiên cứu Vũ Ngọc Phan thì nhận xét: “Cái đoạn chị Dậu đánh nhau với tên cai lệ là một đoạn tuyệt khéo”.

Cái chật chội, ngột ngạt trong “Tắt đèn” bị gây nên bởi nạn sưu thuế trong xã hội Việt Nam phong kiến nửa thực dân xưa.Gia đình chị Dậu nghiêng ngả, xô dạt cũng vì cái nạn ấy.Vốn là gia đình nghèo khổ “hạng cùng đinh” trong làng, nhà chị Dậu không có tiền đóng sưu thuế cho anh Dậu. Để cứu chồng khỏi đòn roi tù ngục, chị Dậu đành cắn răng bán con bán chó. Nhưng tai họa vẫn tiếp tục ập xuống: chị Dậu còn phải đóng thuế cho người em chồng đã chết. Anh Dậu vừa về đã bị bọn lính lệ ập đến bắt đi. Đoạn trích “Tức nước vỡ bờ” trích từ chương XVIII trong tác phẩm thuật lại cuộc giằng co giữa chị Dậu và đám cai lệ đến bắt chồng chị. Đoạn trích đã thể hiện phẩm chất cao đẹp của chị Dậu, một người phụ nữ có lòng thương chồng rất mực đồng thời có tinh thần phản kháng thế lực áp bức.

“Cái đoạn chị Dậu đánh nhau với tên cai lệ là một đoạn tuyệt khéo”. Nhà nghiên cứu Vũ Ngọc Phan đã lấy nội dung sự việc trong đoạn trích để gọi tên đoạn trích. Và khi đánh giá đó là “một đoạn tuyệt khéo”, Vũ Ngọc Phan đã đề cập đến thành công trong nghệ thuật khắc họa tính cách nhân vật, nghệ thuật miêu tả, ngôn ngữ tác phẩm...

Đoạn trích tuy ngắn nhưng tính cách các nhân vật hiện lên thật rõ nét, sinh động. Đặc biệt là nhân vật chị Dậu và tên cai lệ. Là một người phụ nữ nông dân, chị Dậu rất mực thương chồng. Với chồng, chị tỏ ra rất nhẹ nhàng, nấu cháo, mời chồng ăn cháo. Ngay cả với đám cai lệ và người nhà lí trưởng, lúc đầu chị cũng rất mực lễ phép: “van xin tha thiết”, xưng “cháu” gọi “ông”. Hơn cả lễ phép, đó còn là sự nhẫn nhục cam chịu đến hạ mình. Nhưng khi thái độ đó không lay chuyển được đám đầu trâu mặt ngựa, chị Dậu trở nên mạnh mẽ lạ thường. Chị “cự tên cai lệ bằng lí lẽ: “Chồng tôi đau ốm, ông không được phép hành hạ!”. Cách xưng hô đã thể hiện vị trí ngang hàng “tôi” - “ông”. Rồi khi bị cai lệ “tát vào mặt”, chị Dậu chuyển từ đấu lí sang đấu lực “Mày trói chồng bà đi, bà cho mày xem!”. Cách xưng hô “bà” - “mày” đã thể hiện một vị thế khác của chị Dậu, một mối quan hệ khác giữa chị và cai lệ: “bà” - người trên, “mày” - kẻ dưới. Không dừng lại ở đó, chị còn thể hiện ở hành động quyết liệt “túm lấy cổ”, “ấn dúi ra cửa”, “túm tóc lẳng cho một cái”... Có thể nói, tính cách nhân vật chị Dậu trong đoạn trích này được khắc họa rất khéo léo, độc đáo.Vừa bộc lộ được những nét truyền thống vừa thể hiện được sức sống tiềm tàng, mạnh mẽ.

Bên cạnh hình ảnh chị Dậu với những đặc điểm tiêu biểu của người phụ nữ nông dân Việt Nam là nhân vật cai lệ, người nhà lí trưởng - đám đầu trâu mặt ngựa hung hăng bất nhân thú tính. Chúng là đại diện trực tiếp cho quyền lực bất nhân của “nhà nước”, của chế độ thực dân phong kiến đương thời. Hình ảnh của chúng được khắc họa bằng những hành động, lời nói bộc, lộ bản chất hung bạo, không chút tình người. Đến nhà một người ốm yếu, nghèo hèn mà chúng “sầm sập tiến vào”, “trợn ngược hai mắt”, “đùng đùng giật phắt cái thừng”, “bịch luôn vào ngực chị Dậu”... Chẳng những vậy, trước những lời “van xin tha thiết” và sự nhẫn nhục của chị Dậu, chúng chẳng chút động lòng vẫn sấn sổ đánh, bắt vợ chồng nhà chị.

Miêu tả các nhân vật và cuộc ẩu đả trong đoạn trích, Ngô Tất Tố cũng thể hiện một ngòi bút linh hoạt, sống động.Ngôn ngữ nhân vật rất độc đáo, thể hiện tính cách và những diễn biến tinh tế trong cảm xúc nhân vật. Chị Dậu ban đầu xưng “cháu” gọi “ông” với cai lệ. Khi ấy chị đang lo lắng cho sức khỏe của chồng và sợ hãi vì thái độ hung hãn của hai tên tay sai. Nhưng khi bị chúng "bịch vào ngực”, lòng căm phẫn trào lên, chị “cự lại” xưng “tôi” gọi “ông”. Và khi lòng căm phẫn dâng lên tột điểm, chị đã vùng lên xưng “bà” đầy uy quyền và gọi “mày” rất coi thường, khinh bỉ. Cuộc ẩu đả giữa chị Dậu và hai tên tay sai cũng được miêu tả rất chỉ tiết, tỉ mỉ và sinh động. Hành động của tên cai lệ được diễn tả bằng những động từ, tính từ giàu sức biểu cảm “sầm sập”, “trợn ngược”, “đùng đùng giật phắt”... Hành động vùng lên đánh lại hai tên tay sai lại càng đặc biệt. Chỉ trong một câu văn, Ngô Tất Tố dùng đến bốn động từ diễn tả sức mạnh và hành động chớp nhoáng của chị Dậu: “túm lấy cổ hắn, ấn dúi ra cửa, túm tóc lẳng cho một cái...”.Trước sức mạnh của người đàn bà lực điền, hai tên mạt hạng “chổng quèo”, “ngã nhào” ra hè.

Bên cạnh nghệ thuật miêu tả là ngôn ngữ kể chuyện và ngôn ngữ đối thoại khá đặc sắc.Nó vừa bộc lộ sắc nét tính cách nhân vật vừa phản ánh được những diễn biến tâm lí nhân vật.

“Tức nước vỡ bờ” quả là “một đoạn tuyệt khéo”.Nhờ vậy, nhà văn đã dựng lên hình ảnh một người phụ nữ nông dân đầy sức mạnh, dám bứt phá để đòi quyền sống trong cái xã hội ngột ngạt đầy rẫy áp bức bất công. Cái khéo của Ngô Tất Tố là đã khêu một tia lửa lóe lên giữa bóng đêm phủ chụp “Tắt đèn”. Và nói như Nguyên Tuân, lúc ấy Ngô Tất Tố đã “xui người nông dân nổi loạn”

BÀI LÀM TK.

Nhà Phê bình văn học Vũ Ngọc Phan cho đây “ là một  đoạn tuyệt khéo”.

Vận dụng những kiến thức chương trình Ngữ văn THCS đổi mới ta thử lý giải.

1.Đoạn văn là một đoạn tự sự, một đoạn kể chuyện đặc sắc.

Đoạn văn mô tả hợp lý, đúng quy luật “ con giun xéo lắm phải quằn”, từ “tức nước” đến “vỡ bờ” là quá trình tất yếu: Các nhân vật được đặt vào tình huống đặc biệt. Hai nhân vật, hai tuyến…Cuộc chiến bất người đã bộc lộ  những hiện thực: Tương quan giữa hai con người, “ người đàn bà lực điền” – “người nhà nước”, hai lực lượng nông dân- công cụ đàn áp của giai cấp phong kiến. Một chân lý cuộc sống ” ở đâu có áp bức, đấy có đấu tranh” được trình bày bằng một màn kịch ngắn hết sức giản dị. Đây là đoạn tự sự có tính tư tưởng cao, phản ánh một phần chủ đề tác phẩm.

Một đoạn văn ngắn có chuyện, chủ đề rõ ràng, có nhân vật chính, nhân vật phụ, có cốt có mâu thuẩn, có thắt nút, mở nút, có cao trào…Chuuyện diễn biến bất ngờ, hấp dẫn…trong một tình huống bất ngờ bản chất của hiện thực được phát lộ cũng thật bất ngờ: Người đàn bà nông dân đã đánh ngã “ người nhà nước” và “ người nhà Lý trưởng”.

Các phương thức biểu đạt như tự sự, miêu tả, biểu cảm được sử dụng linh hoạt. Các nhân vật được khắc hoạ rất đậm nét cả sắc thái tình cảm, thái độ, tư thế …Nhân vật chính, nhân vật phụ đều được miêu tả rất cụ thể trong từng tình huống. Chị Dậu thì “xám mặt”, “đỡ lấy tay”, khi cầu xin; “liều mạng cự lại” ,”nghiến chặt hai hàm răng” rồi “ túm lấy cổ  hắn ấn dúi ra cửa” khi “không chịu được”. Nhân vật phụ của vở kịch cũng được đặc tả rất thành công công cụ đàn áp vô lương được miêu tả bằng cơn cuồng nộ của một hung thần với một loạt động thái : “đùng đùng”, “giật phắt”,”sầm sập”, “sấn đến”…Thế nhưng chỉ một cái “duí” của “người đàn bà lực điền” thì hắn “chạy không kịp” , “ngã chỏng quèo”, “miệng nham nhảm thét trói vợ chồng ke thiếu sưu”…Ngoài ra đoạn văn còn một phương tiện biểu cảm khác: dấu câu, đoạn văn sử dụng 5 dấu cảm.

Phép tương phản được sử dụng tài tình. Trong một nhân vật cũng chứa đựng sự tương phản: thái độ chị Dậu ở đầu và cuối màn kịch. Hành động và sức vóc của cai lệ. Hai nhân vật trong màn kịch đối lập tuyệt đối về vị thế xã hội, vị thế trong màn kịch, trong hành động, trong phát ngôn, trong tính cách, trong bản chất…khắc hoạ sâu thêm mâu thuẩn vở kịch  ngắn: ‘Tức nứơc vỡ bờ”.

Ngôn ngữ tự sự giản dị; lời thoại ngắn gọn, khúc chiết; lời kể trong sáng gần với khẩu ngữ và rất biểu cảm, nhất là từ  miêu tả, từ láy tượng hình, động từ, tính từ, phó từ…sử dụng rất tốt trong kể và tả. Câu văn ngắn, nhân vật hành động tạo nên nhịp điệu gấp gáp, liên tục tạo không khí kịch…Đặc sắc nhất là cách sử dụng linh hoạt các đại từ nhân xưng tạo nên giọng văn hài hứơc, hóm hỉnh: một chị Dậu tự xưng là “cháu”, là “tôi”, là “bà”, hạ đối thủ từ “ông” xuống “mày”. Người kể chuyện thay đổi cách gọi nhân vật của mình liên tục. Chị Dậu, khi thì “chị”, khi” người đàn bà lực điền” hay “chị chàng con mọn”. Cai lệ khi hung hăng đánh trói thì được gọi là “hắn”, Đến khi bị chị Dậu xô ngã  dúi ra cửa thì được gọi là “anh chàng nghiện” . “Người nhà Lý trưởng” được thay thế bằng “anh chàng hầu cận ông lý” khi bị” chị chàng con mọn lẳng cho một cái”…tất cả những cái đó góp phần tạo nên sắc thái của

Người kể chuyện ( ngôi thứ ba) rất khách quan. đứng ngoài cuộc quan sát, thuật lại chính xác những gì vốn có như nó xẩy ra  trong tưởng tượng…Không thêm thắt, không đánh giá, không bình luận, chỉ kể và tả thôi nhưng vẫn thấy rất rõ thái độ ngươì viết: một nụ cười hóm hỉnh, một cái nhìn nồng hậu với chị Dậu, một nụ cười mĩa mai cho cai lệ và người nhà lý trưởng. Ông hả hê với khám phá của mình. Sự hả hê đó được truyền cho người đọc.

2.Đoạn văn mô tả được một nhân vật văn học thật dẹp.

Hình ảnh nhân vật chị Dậu có tầm vóc tư thế của một giai cấp, một thời đại.

Người Phụ nữ nông dân có vẽ đẹp của người phụ nữ Việt Nam truyền thống: Yêu chồng, thương con, nhẫn nhục, chịu đựng và sẵn sàng vùng lên đấu tranh để bảo vệ chồng con . Khi thấy chồng có nguy cơ bị đánh, trói chị hạ mình : “xám mặt” “vội vàng”, “ lạy” van xin. Khi thấy chồng bị hành hạ đến mức không chịu được chị “liều mạng cự lại” , “nghiến chặt hai hàm răng”…Chị Dậu biết tình thế của mình và chọn cách xử lý các tình huống hợp lý. Chị xin, chị đôi co, rồi bất ngờ vùng lên bằng sức mạnh quật khởi. Có thể xem đây là hành động tự khám phá, một cuộc đấu tranh tự giải phóng (dù tự  phát). Chính vì thế mà “Tắt đèn xui người ta nổi loạn” ( Nguyễn Tuân)

Đằng sau hình ảnh người đàn bà con mọn là vẽ đẹp thể chất cường tráng. Nó phản ánh qua nội lực của những hành động phản kháng dứt khoát, mạnh mẽ, ngoan cường. Hành động thách thức cường quyền :“ Mày trói chồng bà đi, bà cho mày xem”, hành động đấu tranh quyết lịêt, tự phát hoang dã: “ chị túm lấy cổ hắn ấn dúi ra cửa”…

Vẽ đẹp mang tính biểu tượng: một tư thế mạnh mẽ, một thái độ dứt khoát, một lời thách thức quyết liệt của nhân vật chị Dậu chính là sức mạnh hiện thực của người đàn bà nông dân. Là sự dự báo về tiềm năng sức mạnh đấu tranh tự giải phóng của một tầng lớp, một giai cấp bị áp bức trong tương lai.

Đoạn văn là một đoạn hội thoại mẫu mực .

Trong mười hai câu ngữ pháp thì có đến năm câu nói, năm lượt lời. Hành động sản sinh liên tục các sản phẩm lời nói với những mục đích khác nhau. Chị Dậu với ba lượt lời vừa trình bày “nhà cháu vừa mới tỉnh được một lúc” vừa cầu khiến “ cháu van ông…ông tha cho !”, “chồng tôi đau ốm ông không được phép hành hạ” vừa đe doạ,thách thức , bộc lộ cảm xúc: “ mày trói chồng bà đi , bà cho mày xem” . Lời qua tiếng lại tạo nên không khí căng thẳng, đẩy nhanh tốc độ diễn biến sự việc. Ngôn ngữ bộc lộ rõ nét thái độ, tình cảm của nhân vật trong từng tình huống. Hành động nói được kết hợp với  hành động khác của nhân vật thúc đẩy xung đột lên đến đỉnh điểm.

Đoạn văn cũng là đoạn đối thoại đặc sắc. Hai nhân vật có hai kiểu phát ngôn phù hợp với mục đích giao tiếp và vai giao tiếp. Một chị Dậu hiểu rất rõ vị thế của mình trong từng tình huống: hạ mình để cầu xin “ cháu van ông, nhà cháu vừa mới tỉnh được một lúc, ông tha cho” , chị lý sự “ chồng tôi đau ốm , ông không được phép hành hạ” , chị thách thức, hăm doạ “ mày trói chồng bà đi , bà cho mày xem” …chỉ bằng những lời  thoại ta thấy rất rõ là “ ngưòì đàn bà lực điền” nhún nhường khi tình thế bắt buộc nhưng cũng rất tự tin trong cuộc chiến bảo vệ chồng con. Chị thay đổi cách xưng hô tức cũng chủ động thay đổi “vai” cuả mình theo cảm xúc, theo thái độ ứng xử mà tình thế thúc đẩy: từ “ cháu” lên “bà “. Một tên cai lệ hung hăng,  vũ phu, ỷ thế làm càn với những hành động “ giật phắt”, “ nhảy” , “ sầm sập chỉ một lời nói cộc lốc : “tha này! tha này!” bổng chốc trở nên yếu thế , dưới cơ trong cách gọi của chị Dậu “Mày trói chồng bà đi bà cho mày xem!” .Qua ngôn ngữ hội thoại ta thấy được tư thế của hai nhân vật , đại diện cho hai lực lượng . Ngôn ngữ hội thoại bộc lộ rõ thái độ , tình cảm, vị thế , tính cách nhân vật.

## ****BT2.Đề bài: Phân tích nhân vật chị Dậu trong đoạn trích Tức Nước Vỡ Bờ****

Ngô Tất Tố được đánh giá chính là nhà văn hiểu biết sâu sắc đời sống và tâm trạng của quần chúng. Nhà văn cũng lại có cái nhìn đúng đắn, bằng tấm lòng yêu thương đối với quần chúng rất nhiều. **Nhân vật chị Dậu trong “Tắt đèn”** là một người nghèo khổ cũng lại bị bị áp bức bóc lột tàn tệ. Có thể nói cuộc đời của chị quằn quại trong bùn lầy và bóng tối không lối thoát thế những lại bộc lộ được những phẩm chất cao quý cũng như thật đẹp đẽ**. Hình ảnh chị Dậu trong đoạn trích “Tức nước vỡ bờ”** là một đoạn trích hay nói về tinh thần phản kháng của người nông dân khi bị áp bức.

Nhà văn Ngô Tất Tố cũng đã xây dựng lên nhân vật chị Dậu là người hiền lành, thật thà và chị cũng là một người chăm chỉ làm ăn, thương chồng và cũng vô cùng thương con rất mực. Chị Dậu dường như cũng lại có thể tiêu biểu cho lớp phụ nữ nông dân Việt Nam đó là những phẩm chất đó chính là một sự cần cù lao động, chịu thương, chịu khó và chị cũng thật đáng được trân trọng biết bao nhiêu. Nhưng thật khó ai có thể tin được một người hiền lành, tốt bụng như chị Dậu cũng có lúc gồng mình lên để bảo vệ cho chồng mình. Hành động đó của chị mới dừng lại ở một sự tự phát, mang tính nhất thời thế nhưng cũng đã phần nào nói lên được ý chí của chị, của những người nông dân hiền lành thấp cổ bé họng.

Có thể nhận thấy được đối lập với quần chúng là bè lũ thống trị, Chính những bọn mặt người dạ thú, tàn bạo và cũng vô cùng tham lam và dâm dục. **Nhà văn Ngô Tất Tố**thành công trong việc biểu hiện quần chúng đồng thời ông cũng đã lại thành công trong việc tố cáo những cái xấu xa thối nát của giai cấp thống trị. Cũng chính vì sưu thuế là tai họa đối với nhân dân nhưng đồng thời cũng chính lại là món béo bở đối với chúng. Sưu thuế cũng đã khiến cho chị Dậu đã bán khoai, bán lúa, bán chó, bán con gái ruột của mình và đồng thời cũng chính vì sưu thuế anh Dậu bị cùm kẹp và bị đánh đập suýt chết.

Khi người nhà lý trưởng cũng như những tên cai lệ đã mang anh Dậu từ ngoài đình về trông chẳng khác gì cái xác cả. Lúc đó chị Dậu cũng rón rén bưng một bát cháo lớn đến chỗ chồng năm và dịu dàng nói với anh Dậu là "Thầy hãy cố dậy húp một ít cháo cho đỡ xót ruột". Người đọc nhận thấy được đây rõ ràng chị đã tận tụy, hết lòng chăm sóc chồng của mình.

hế rồi anh Dậu đang run rẩy và bê bát cháo lên thì bọn cai lệ và người nhà lí trưởng lại kéo đến. Trong tay bọn chúng đầy roi, tay thước để bắt anh Dậu đi. Chị Dậu cũng van xin chúng và cũng hạ thấp mình xuống xin cho anh Dậu gọi chúng là ông. Nhưng chúng cứ hung hăng vào bắt anh Dậu. Không chịu được nữa chị Dậu chủ động hơn, không thể chấp nhận được chị tự đặt minh trên kẻ thù và giành thế chủ động về mình với câu nói đầy thách thức "Mày trói ngay chồng bà đi, bà cho mày xem". Không những vậy thì chị nắm ngay gậy cùa hắn, túm tóc lẳng cho một cái ngã nhào ra thềm.

Người đọc như cũng nhận thấy được câu nói đầy vẻ thách thức cùng với hành động quyết liệt của chị Dậu dường như cũng chính là một biểu hiện của sự yêu thương chồng và lại thể hiện một tinh thần chiến đấu kiên cường trước các thế lực. Thông qua đoạn trích mang được đúng tinh thần của nhân dân ta đó chính là ở đâu có áp bức thì ở đó có đấu tranh.

Nhận xét về hành động của chị Dậu trong đoạn trích độc đáo “Tức nước vỡ bờ” chính là một sự phản kháng của chị Dậu. Đồng thời cũng chính là một biểu hiện tinh thần đấu tranh chống áp bức kiên cường. Cho dù mang tính cách tự phát, và có tính nhất thời thôi, thế nhưng vẫn thể hiện một tiềm lực tốt cùa giai cấp nông dân trong thời đại cũ. Khi mà những người nông dân này có sự lãnh đạo của Đảng, giai cấp nông dân vùng lên đấu tranh với sức mạnh quật khời nhất chắc chắc họ sẽ giành được độc lập tự do cho nước nhà.

Tóm lại, bằng tài năng của mình thì **nhà văn Ngô Tất Tố** đã xây dựng thành công nhân vật chị Dậu. Đó cũng chính là một hình tượng chân thực nhất và đẹp đẽ về người phụ

nữ nông dân trước Cách mạng tháng Tám

**BT3.Phân tích đoạn trích Tức nước vỡ bờ trong tác phẩm Tắt đèn của Ngô Tất Tố**Ngô Tất Tố là một trong những nhà văn hiên thực phê phán nổi tiếng nhất thời kì cách mạng. các tác phẩm của ông luôn đi liền với hình ảnh những người nông dân khốn khổ, luôn bị bóc lột, bị áp bức mà không thể tìm ra được lối thoát. Và nhắc tới ông, có lẽ chúng ta sẽ được nghe đầu tiền là tác phầm “tắt đèn”. Và trong tác phẩm , phân đoạn “ tức nước vỡ bờ” là một trong những đoạn văn gây nhiều xúc động và có ý nghĩa nhất trong lòng người đọc.

Tác giả lấy đề tài từ vụ thuế hàng năm ở những làng quê Bắc Bộ, với những hình ảnh như in đậm vào tâm trí của người đọc, hiện lên số phận bi thảm của những người phụ nữ nói chung và những người nông dân nói riêng cùng bản chất của giai cấp thống trị trong xa hôi đương thời. Đó là tình cảnh của người nông dân “một cổ hai tròng” khi vừa chịu ách bóc lột của những kẻ tàn dư phong kiến còn sót lại, vừa của những kẻ đi theo thực dân pháp, bán đứng tổ quốc. Trong tác phẩm, tác giả đã sử dụng ngòi bút hiện thực để vẽ nên chân dung của hàng loạt những nhân vật ở trong tác phẩm. Điển hình cho những kẻ áp bức con người là vợ chồng Nghị Quế, luôn lợi dụng tình cảnh của những con người đang gặp khó khăn nhằm trục lợi hay những bọn tay sai cường hào tuy chỉ là những kẻ làm thuê nhưng chúng lại không biết thương yêu những người đồng loại vất vả mà lại chỉ biết áp bức những người nông dân tay không tấc sắt. đó chính là những con người đại diện tầng lớp tiêu biểu phong kiến tàn dư của xã hội. Ngoài ra, tác giả còn rất khéo léo xây dựng hình tượng vô cùng kiên cường mà cũng đầy cảm động về hình ảnh của  chị Dậu- một người phụ nữ luôn hết lòng chăm lo cho chồng cho con mà không nghĩ cho mình bao giờ. Tốt đẹp là thế nhưng họ luôn phải chịu sự áp bức từ kẻ khác. Họ cũng không có cách nào để phản kháng hoàn toàn bởi chính họ còn không biết làm cách nào thoát ra khỏi vũng lầy Mở đầu là cảnh chị Dậu chăm sóc người chồng ốm yếu vừa bị bọn hào lí trong làng đánh đập dã man chỉ vì thiếu tiền nộp sưu. Chị Dậu đã cô gắng hết sức để cứu chồng nhưng cuối cùng anh Dậu vẫn không tránh được sự bắt bớ, hành hạ. Có thấy được tình thương yêu chổng con sâu sắc của chị Dậu, ta mới hình dung được sự dũng cảm quên mình của chị. Chị tất tả chạy ngược chạy xuôi, vay được nắm gạo nấu nồi cháo loãng. Cảm động thay là cảnh chị Dậu múc cháo ra mấy cái bát cũ kĩ, sứt mẻ và quạt cho cháo mau nguội rồi ân cần mời mọc: Thầy em cố dậy húp tí cháo cho đỡ xót ruột. Trong ánh mắt và giọng nói của người vợ nghèo khổ ấy toát lên một tình cảm tha thiết đến nao lòng.

Chị Dậu đã trở thành trụ cột của cái gia đình đang quẫn bách khốn khổ vì sưu, vì thuế. Chồng bị đánh đập, gông cùm. Một tay chị chèo chống, chạy vạy, phải bán tất cả những gì có thể bán được, kể cả đứa con gái đầu lòng ngoan ngoãn, hiếu thảo mà chị thương đứt ruột để lấy tiền nộp sưu, cứu chồng khỏi vòng tù tội. Chị đã phải đổ bao mồ hôi nước mắt để anh Dậu được trả tự do trong tình trạng tưởng như chỉ còn là một cái xác không hồn. Giữa lúc anh Dậu vừa bưng bát cháo kề vào miệng thì cai lệ và người nhà lí trưởng đã sầm sập sấn vào với những roi song, tay thước và dây thừng, hò hét bắt anh phải nộp tiền sưu. Quá khiếp đảm, anh Dậu đã lăn đùng ra không nói được câu gì, chỉ còn chị Dậu một mình phải đối phó với những kẻ độc ác, luôn đòi ra tay với vợ chồng chị

Ban đầu, khi bọn chúng ập vào định lôi anh Dậu đi nhưng chưa hành hung mà chỉ chửi bới, mỉa mai, đe dọa thì chị Dậu vẫn nhũn nhặn van xin tên cai lệ độc ác. Vả lại, kinh nghiệm lâu đời đã thành bản năng của người nông dân thấp cổ bé họng là phải biết rõ thân phận mình. Thói quen nhẫn nhục khiến chị chỉ dám năn nỉ, khơi gợi lòng nhân từ của tên cai lệ: Cháu van ông, nhà cháu vừa mới tĩnh được một lúc, ông tha cho! Cách xưng hô ông, cháu của chị Dậu là cách xưng hô của kẻ dưới với người trên, biểu hiện sự hạ mình. Bọn chúng chẳng thèm nghe mà sầm sập chạy đến chỗ anh Dậu, định bắt trói anh một lần nữa thì chị Dậu đã giận xám mặt nhưng vẫn cố chịu đựng, níu tay tên cai lệ van nài: Cháu xin ông! Mọi lời nói, hành động của chị Dậu đều không ngoài mục đích để bảo vệ chồng.

 Đến khi giới hạn của sự chịu đựng bị phá vỡ thì tính cách cứng cỏi của chị Dậu mới thật sự bộc lộ. Lúc tên cai lệ đáp lại lời van xin của chị bằng những cú đấm thô bạo rồi sấn đến trói anh Dậu thì chị tức quá không thể chịu được nên đã liều mạng chống cự lại. Sự bùng nổ tính cách này là kết quả tất yếu của quá trình chịu đựng lâu dài sự tàn ác, bất công. Điều đó đúng với quy luật có áp bức, có đấu tranh. Người đọc xót thương một chị Dậu phải hạ mình van xin bao nhiêu thì càng đồng tình, nể phục một chị Dậu đáo để, quyết liệt bấy nhiêu.

Lúc đầu, chị cự lại tên cai lệ bằng lí lẽ: Chồng tôi đau ốm, ông không được phép hành hạ! Thực ra, chị chỉ nói đốn lòng nhân đạo tối thiểu của con người. Chị không còn xưng cháu và gọi tên cai lệ bằng ông nữa mà xưng là tôi – ông, ngẩng cao đầu nhìn thẳng vào mặt đối thủ.

Từ vị thế thấp hèn của kẻ dưới, chị Dậu vụt trở thành ngang hàng với những kẻ xưa nay vẫn đè đầu cưỡi cổ mình. Câu nói của chị là lời cảnh cáo cứng rắn mà vẫn có đủ tình, đủ lí. Nhưng cái ác thường không biết chùn tay. Tên cai lệ cứ sấn tới đánh chị và nhảy vào định lôi anh Dậu đi. Lòng yêu thương chổng tha thiết đã thúc đẩy chúng phải hành động chống trả quyết liệt lũ tay sai tàn ác đang cố tình phá nát gia đình chị.

Chị không chấp nhận để chồng mình bị hành hạ thêm một lần nữa. Hành động chống trả bọn tay sai diễn ra thật bất ngờ nhưng thực ra mầm mống phản kháng đã ẩn chứa tử lâu dưới vẻ ngoài cam chịu nhẫn nhục thường ngày của chị. Sự chịu đựng kéo dài và sự áp bức lên đến tột đỉnh khiến cho thái độ phản kháng bùng lên dữ dội. Tiếp sau lời cảnh cáo đanh thép là hành động phản kháng mạnh mẽ. Rồi chị túm lấy cổ hắn, ấn dúi ra cửa. Sức lẻo khẻo của anh chàng nghiện chạy không kịp với sức xô đẩy của người đàn bà lực điền, hắn ngã chỏng quèo trên mặt đất… Còn tên người nhà lí trưởng hung hăng kết cục cũng bị chị Dậu túm tóc; lẳng cho một cái, ngã nhào ra thềm Do đâu mà chị Dậu có sức mạnh lạ lùng một lúc quật ngã hai tên tay sai hung hãn như vậy ? Đó là sức mạnh của lòng căm hờn mà cái gốc của lòng căm hờn ấy lại chính là tình yêu thượng và ý thức bảo vệ chồng con của người đàn bà nghèo khổ.

Tuy vậy, sự phản kháng của chị Dậu mới chỉ là hành động tức nước vỡ bờ của một cá nhân chứ chưa phải là hành động vùng lên phá vỡ áp bức bất công để tự giải phóng của một giai cấp, một dân tộc. Thế nhưng nó cũng chứng minh cho quy luật có áp bức, có đấu tranh. Áp bức càng nhiều thì đấu tranh càng quyết liệt.

Ý nghĩa của câu tục ngữ tức nước vỡ bờ qua ngòi bút hiện thực của Ngô Tất Tố đã được thể hiện thật sống động và đầy thuyết phục. Tuy tác giả khỉ đó chưa giác ngộ cách mạng và tác phẩm kết thúc bằng cảnh ngộ bế tắc của chị Dậu nhưng nhà văn Nguyễn Tuân đã nhận xét rằng Ngô Tất Tố, với Tắt đèn đã “xui người nông dân đấu tranh cách mạng…”

## BT3.Em hãy viết bài băn phân tích đoạn trích Tức nước vỡ bờ trong tác phẩm Tắt đèn củaNgô Tất Tố.

Ngô Tất Tố (1893 – 1954), quê ở làng Lộc Hà, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh, nay thuộc Đông Anh, Hà Nội; là một nhà Nho sống ở nông thôn, có vốn hiểu biết Hán học khá sâu rộng, ông nổi tiếng trên lĩnh vực báo chí và văn chương trong giai đoạn đầu thế kỉ XX. Tắt đèn là tác phẩm tiêu biểu trong sự nghiệp sáng tác của Ngô Tất Tố và trong trào lưu văn học hiện thực trước Cách mạng tháng Tám 1945.

Tác giả lấy đề tài từ một vụ thu thuế hàng năm ở một làng quê Bắc Bộ, qua đó phản ánh số phận bi thảm của nông dân và bản chất tàn bạo của giai cấp thống trị trong xã hội đương thời. Có thể nói tác phẩm Tắt đèn là bức tranh thu nhỏ của nông thôn Việt Nam dưới thời Pháp thuộc.

Trong tác phẩm Tắt đèn, bằng ngòi bút tả thực sắc sảo, nhà văn đã vẽ lên chân dung sinh động của một loạt nhận vật. Từ vợ chồng lão Nghị Quế keo kiệt bất nhân đến bọn cường hào tham lam hống hách. Từ một quan “phụ mẫu” oai vệ mà bỉ ổi đến bọn tay sai đầu trâu mặt ngựa. Mỗi đứa một vẻ nhưng đều giống nhau ở bản chất tàn ác và tư cách đê tiện. Những nhân vật phản diện này tiêu biểu cho tầng lớp phong kiến thống trị ở nông thôn lúc bấy giờ.

Đặc biệt, Ngô Tất Tố đã thành công xuất sắc trong việc xây dựng hình tượng điển hình về người phụ nữ nông dân qua nhân vật chị Dậu. Nhà văn miêu tả chân thực và cảm động về số phận tủi cực của người nông dân bị áp bức, bóc lột, bị dồn đến bước đường cùng. Nhà văn chân thành ca ngợi phẩm chất đáng quý của họ trong hoàn cảnh sống tối tăm, ngột ngạt.

Thái độ yêu ghét của Ngô Tất Tố thể hiện rất rõ ràng qua từng trang viết. Tình cảm yêu mến, trân trọng mà ông dành cho người nông dân khiến ông thật sự là tri âm, tri kỉ của họ. ông cũng không giấu diếm sự khinh bỉ và căm ghét đối với bọn thống trị sâu mọt ở nông thôn. Về nghệ thuật, Tắt đèn được coi là tiểu thuyết hiện thực xuất sắc mà thành công lớn nhất là tác giả đã dựng nên một thế giới nhân vật sinh động, trong đó có những điển hình độc đáo.

Đoạn Tức nước vỡ bờ trích từ chương XVIII của tác phẩm, nội dung xoay quanh những biến động ghê gớm xảy ra với gia đình chị Dậu trong mùa sưu thuế.

Vụ thuế đang trong thời điểm gay gắt nhất. Quan trên sắp về tận làng để đốc thuế. Bọn tay sai hung hãn xông vào nhà những người chưa nộp thuế để đánh trói, bắt bớ và giải ra đình tiếp tục cùm kẹp, tra khảo. Chị Dậu đã phải bán khoai, bán chó, bán cả đứa con gái lớn để nộp sưu cho chồng, nhưng bọn hào lí ngang ngược lại bắt anh Dậu phải nộp cả suất của người em đã chết từ năm ngoái. Thành thử, anh Dậu vẫn cứ là người thiếu thuế, bọn chúng chắc chắn sẽ không buông tha. Đã thế anh Dậu lại đang ốm rề rề sau trận đòn, tưởng chết đêm qua. Nếu bị chúng đánh trói lần nữa thì mạng sống của anh khó mà giữ được. Vấn đề quan trọng nhất đối với chị Dậu giờ đây là làm sao bảo vệ được chồng trong tình thế nguy ngập này. Đoạn trích tiếp nối câu chuyện trên.

Qua đoạn trích, tác giả phơi bày và lên án bản chất tàn ác bất nhân của chế độ thực dân phong kiến lúc bấy giờ và phản ánh tình cảnh đau thương của nông dân cùng quy luật có áp bức có đấu tranh. Nhà văn giúp chúng ta thấy được vẻ đẹp tâm hổn và sức sống tiềm tàng của người phụ nữ nông dân nghèo khổ. Trong đoạn trích có hai nhân vật chính là chị Dậu và tên cai lệ.

Mở đầu là cảnh chị Dậu chăm sóc người chồng ốm yếu vừa bị bọn hào lí trong làng đánh đập dã man chỉ vì thiếu tiền nộp sưu. Chị Dậu đã cô gắng hết sức để cứu chồng nhưng cuối cùng anh Dậu vẫn không tránh được sự bắt bớ, hành hạ. Có thấy được tình thương yêu chổng con sâu sắc của chị Dậu, ta mới hình dung được sựdũng cảm quên mình của chị. Chị tất tả chạy ngược chạy xuôi, vay được nắm gạo nấu nồi cháo loãng. Cảm động thay là cảnh chị Dậu múc cháo ra mấy cái bát cũ kĩ, sứt mẻ và quạt tia lịa cho cháo mau nguội rồi ân cần mời mọc: Thầy em cố dậy húp tí cháo cho đỡ xót ruột. Trong ánh mắt và giọng nói của người vợ nghèo khổ ấy toát lên một tình cảm tha thiết đến nao lòng.

Chị Dậu đã trở thành trụ cột của cái gia đình đang quẫn bách khốn khổ vì sưu, vì thuế. Chồng bị đánh đập, gông cùm. Một tay chị chèo chống, chạy vạy, phải bán tất cả những gì có thể bán được, kể cả đứa con gái đầu lòng ngoan ngoãn, hiếu thảo mà chị thương đứt ruột để lấy tiền nộp sưu, cứu chồng khỏi vòng tù tội. Chị đã phải đổ bao mồ hôi nước mắt để anh Dậu được trả tự do trong tình trạng tưởng như chỉ còn là một cái xác không hồn. Giữa lúc anh Dậu vừa bưng bát cháo kề vào miệng thì cai lệ và người nhà lí trưởng đã sầm sập sấn vào với những roi song, tay thước và dây thừng, hò hét bắt anh phải nộp tiền sưu. Quá khiếp đảm, anh Dậu đã lăn đùng ra không nói được câu gì, chỉ còn chị Dậu một mình đối phó với lũ ác nhân.

Chị Dậu đã đương đầu với bọn nha dịch tay sai để bảo vệ chổng như thế nào?

Ban đầu, khi bọn chúng ập vào định lôi anh Dậu đi nhưng chưa hành hung mà chỉ chửi bới, mỉa mai, đe doạ thì chị Dậu vẫn nhũn nhặn van xin tên cai lệ độc ác. Bọn đầu trâu mặt ngựa hung hãn nhân danh phép nước, người nhà nước để ra tay, còn chồng chị là hạng cùng đinh đang có tội (!) cho nên chị phải van xin. Vả lại, kinh nghiệm lâu đời đã thành bản năng của người nông dân thấp cổ bé họng là phải biết rõ thân phận mình. Thói quen nhẫn nhục khiến chị chỉ dám năn nỉ, khơi gợi lòng nhân từ của tên cai lệ: Cháu van ông, nhà cháu vừa mới tĩnh được một lúc, ông tha cho! Cách xưng hô ông, cháu của chị Dậu là cách xưng hô của kẻ dưới với người trên, biểu hiện sự hạ mình. Bọn chúng chẳng thèm nghe mà sầm sập chạy đến chỗ anh Dậu, định bắt trói anh một lần nữa thì chị Dậu đã giận xám mặt nhưng vẫn cố chịu đựng, níu tay tên cai lệ van nài: Cháu xin ông! Mọi lời nói, hành động của chị Dậu đều không ngoài mục đích để bảo vệ chồng.

Đến khi giới hạn của sự chịu đựng bị phá vỡ thì tính cách cứng cỏi của chị Dậu mới thật sự bộc lộ. Lúc tên cai lệ đáp lại lời van xin của chị bằng những cú đấm thô bạo rồi sấn đến trói anh Dậu thì chị tức quá không thể chịu được nên đã liều mạng chống cự lại. Sự bùng nổ tính cách này là kết quả tất yếu của quá trình chịu đựng lâu dài sự tàn ác, bất công. Điều đó đúng với quy luật có áp bức, có đấu tranh. Người đọc xót thương một chị Dậu phải hạ mình van xin bao nhiêu thì càng đồng tình, nể phục một chị Dậu đáo để, quyết liệt bấy nhiêu.

Lúc đầu, chị cự lại tên cai lệ bằng lí lẽ: Chồng tôi đau ốm, ông không được phép hành hạ! Thực ra, chị chỉ nói đốn lòng nhân đạo tối thiểu của con người. Chị không còn xưng cháu và gọi tên cai lệ bằng ông nữa mà xưng là tôi – ông, ngẩng cao đầu nhìn thẳng vào mặt đối thủ

Từ vị thế thấp hèn của kẻ dưới, chị Dậu vụt trở thành ngang hàng với những kẻ xưa nay vẫn đè đầu cưỡi cổ mình. Câu nói của chị là lời cảnh cáo cứng rắn mà vẫn có đủ tình, đủ lí. Nhưng cái ác thường không biết chùn tay. Tên cai lệ cứ sấn tới đánh chị và nhảy vào định lôi anh Dậu đi. Lòng yêu thương chổng tha thiết đã thúc đẩy ctìị phải hành động chống trả quyết liệt lũ tay sai tàn ác đang cố tình phá nát gia đình chị.

Chị không chấp nhận để chồng mình bị hành hạ thêm một lần nữa. Hành động chống trả bọn tay sai diễn ra thật bất ngờ nhưng thực ra mầm mống phản kháng đã ẩn chứa tử lâu dưới vẻ ngoài cam chịu nhẫn nhục thường ngày của chị. Sự chịu đựng kéo dài và sự áp bức lên đến tột đỉnh khiến cho thái độ phản kháng bùng lên dữ dội.

Khi tên cai lệ dã thú ấy tát vào mặt chị một cái đánh bốp rồi cứ hung hăng sấn tới chỗ anh Dậu, thì chị đã nghiến hai hàm răng thách thức: Mày trói ngay chồng bà đi, bà cho mày xem! Không còn ông – cháu, tôi – ông gì nữa, chị chuyển phắt sang xưng bà và gọi tên cai lệ là mày. Điều đó thể hiện thái độ căm giận, khinh bỉ đến cao độ, đồng thời khẳng định tư thế của chị là sẵn sàng đè bẹp đối phương. Chị Dậu là một lò lửa đang bùng cháy dữ dội. Chị không thèm đấu lí với tên cai lệ bất lương mà thẳng tay trừng trị hắn.

Tiếp sau lời cảnh cáo đanh thép là hành động phản kháng mạnh mẽ. Rồi chị túm lấy cổ hắn, ấn dúi ra cửa. Sức lẻo khẻo của anh chàng nghiện chạy không kịp với sức xô đẩy của người đàn bà lực điền, hắn ngã chỏng quèo trên mặt đất… Còn tên người nhà lí trưởng hung hăng kết cục cũng bị chị Dậu túm tóc; lẳng cho một cái, ngã nhào ra thềm.

Đoạn văn miêu tả cuộc đối đầu giữa chị Dậu và lũ người độc ác được tác giả miêu tả thật sinh động và thu vị. Trong xã hội mà tội ác hoành hành, còn gì hả hê hơn khỉ mọi người được chứng kiến cái ác bị trừng trị đích đáng?!

Do đâu mà chị Dậu có sức mạnh lạ lùng một lúc quật ngã hai tên tay sai hung hãn như vậy? Đó là sức mạnh của lòng căm hờn mà cái gốc của lòng căm hờn ấy lại chính là tình yêu thượng và ý thức bảo vệ chồng con của người đàn bà nghèo khổ. Khi rón rén bưng cháo cho chồng và theo dõi xem chồng ăn có ngon miệng không, khi hạ mình van xin kẻ ác và khi nghiến răng quật ngã chúng, trước sau, lúc nào chị Dậu cũng vì người chồng đang đau ốm. Tình yêu chồng, thương con cộng với tỉnh thần phản kháng âm ỉ bấy lâu đã thổi bùng ngọn lửa phản kháng trong lòng chị. Nỗi sợ cố hữu của kẻ bị áp bức phút chốc tiêu tan, chỉ còn lại nhân cách cứng cỏi của một con người chân chính. Hành động chống đối bộc phát đó chính là biểu hiện cụ thể của tình yêu thương mãnh liệt trong trái tím người phụ nữ dường như sinh ra để suốt đời nhường nhịn, hi sinh.

Tuy vậy, sự phản kháng của chị Dậu mới chỉ là hành động tức nước vỡ bờ của một cá nhân chứ chưa phải là hành động vùng lên phá vỡ áp bức bất công để tự giải phóng của một giai cấp, một dân tộc. Thế nhưng nó cũng chứng minh cho quy luật có áp bức, có đấu tranh. Áp bức càng nhiều thì đấu tranh càng quyết liệt.

Chứng kiến cảnh xô xát giữa vợ mình với tên cai lệ và người nhà lí trưởng, anh Dậu sợ quá muốn dậy can vợ, nhưng mệt lắm, ngồi lên lại nằm xuống, vừa run lại vừa kêu: – u nó không được thế! Người ta đánh mình không sao, mình đánh người ta là phải tù, phải tội. Anh Dậu cố nhắc cho vợ nhớ cái sự thật phổ biến trong xã hội lúc bấy giờ, nhưng chị Dậu không chấp nhận điều vô lí đó. Chị phẫn uất hét lên: Thà ngồi tù, để chúng nó làm tình làm tội mãi thế tôi chịu không được… Câu nói này khẳng định chị Dậu không muốn cúi đầu cam chịu mãi cảnh áp bức, bất công.

Ý nghĩa của câu tục ngữ tức nước vỡ bờ qua ngòi bút hiện thực của Ngô Tất Tố đã được thể hiện thật sống động và đầy thuyết phục. Tuy tác giả khỉ đó chưa giác ngộ cách mạng và tác phẩm kết thúc bằng cảnh ngộ bế tắc của chị Dậu nhưng nhà văn Nguyễn Tuân đã nhận xét rằng Ngô Tất Tố, với Tắt đèn đã “xui người nông dân đấu tranh cách mạng…”.

Bằng cảm quan hiện thực mạnh mẽ, Ngô Tất Tố đã cảm nhận được xu thế “tức nước vỡ bờ” và sức mạnh to lớn khôn lường của nó. Cố thể nói đoạn trích này đã dự báo cơn bão táp của quần chúng nông dân nổi dậy dưới sự tập hợp, lãnh đạo của Đảng và Bác Hồ sẽ hất phăng chế độ thực dân phong kiến tham tàn, mục nát.

Nhân vật cai lệ trong đoạn trích tiêu biểu chọ lũ tay sai chuyên nghiệp, là công cụ đàn áp đắc lực của giai cấp thống trị. Để khẳng định vai trò của mình trong vụ thuế, hắn đánh người, trói người vô tội vạ. Trong bộ máy thống trị ở nông thôn, tên cai lệ này chỉ là một gã tay sai mạt hạng. Hắn hung dữ, sẵn sàng gây tội ác mà không chùn tay vì không hề bị ai ngăn chặn. Hắn vênh váo tự cho mình là đại diện cho nhà nước. Hắn nhân danh phép nước để làm những điều tàn ác đối với người nghèo. Vì vậy, có thể nói, tên cai lệ vô danh đó là hiện thân đầy đủ nhất của cái guồng máy “nhà nước” bất nhân lúc bấy giờ. Tuy chỉ xuất hiện trong một đoạn văn ngắn nhưng nhân vật cai lệ được ngòi bút tả thực của tác giả khắc họa nổi bật, có giá trị khái quát cao.

Đoạn trích Tức nước vỡ bờ là một đoạn văn hay, tiêu biểu cho bút pháp tả thực tài tình của Ngô Tất Tố. Ngôn ngữ kể chuyện, miêu tả và đối thoại của nhân vật rất đặc sắc. Đó là lời ăn tiếng nối bình dị, tự nhiên của đời sống hằng ngày. Mỗi nhân vật đều có ngôn ngữ riêng. Ngôn từ của tên cai lệ thì thô lỗ, đểu cáng. Lời lẽ của chị Dậu khi thì thiết tha mềm mỏng, khi đanh thép quyết liệt. Lời lẽ của bà cụ hàng xóm thì thật thà, hiền hậu… Lời ăn tiếng nói của nông dân được tác giả sử dụng nhuần nhuyễn, rất hợp cảnh, hợp tình.

Nhà văn Ngô Tất Tố đã dành cho nhân vật chính là chị Dậu tình cảm yêu thương, thông cảm và trân trọng. Những tình tiết sinh động và đầy kịch tính trong đoạn trích đã góp phần hoàn thiện tính cách của người phụ nữ nông dân đẹp người, đẹp nết.

Chị Dậu mộc mạc, hiền dịu, vị tha, sống khiêm nhường, biết nhẫn nhục chịu đựng… nhưng hoàn toàn không yếu đuối, trái lại vẫn có một sức sống mạnh mẽ, một tỉnh thần phản kháng tiềm tàng. Khi bị đẩy tới bước đường cùng, chị đã vùng dậy chống trả quyết Hệt. Đó là thái độ cứng còi, bất khuất, dám đối đầu với cái ác trong xã hội.

**BT4:** Bàn về chị Dậu trong tiểu thuyết Tắt đèn của Ngô Tất Tố, nhà văn Nguyễn Tuân viết: “Ngô Tất Tố đã đưa ra, đã dám đưa ra một nhân vật đàn bà nông thôn khỏe khoắn, lành mạnh như chị Dậu”. Hãy phân tích nhân vật chị  Dậu qua đoạn trích “Tức nước vỡ bờ” để làm sáng tỏ ý  kiến trên.

**I. MỞ BÀI:**

– Triết lí của Trang Tử.

– Giới thiệu tác giả Ngô Tất Tố, tác phẩm Tắt đèn và đoạn trích Tức nước vỡ bờ.

– Nêu vấn đề nghị luận.

          Hơn hai nghìn năm trước, Trang Tử đã từng có một triết lí rất hay về biển cả: “Biển cả là nơi mà tất cả các nguồn nước trên thế gian này đều đi ra từ đó, nhưng nó không vơi, và nó cũng là nơi đón nhận tất cả các nguồn nước, nhưng nó không đầy”. Văn học cũng như những nguồn nước – đều đi ra từ biển cả cuộc đời. Và hàng ngày, tiếng sóng thủy triều vẫn âm vang chuyên chở ấy có bao giờ ngừng nghỉ, cũng như mảnh đất hiện thực có bao giờ vơi đi những người nghệ sĩ đến đó để chở nắng, chở gió cuộc đời và tưới mát muôn cây? Ngô Tất Tố cũng giống như bao người nghệ sĩ khác, tâm hồn ông, niềm vui nỗi khổ của ông luôn gắn chặt với mỗi cảnh đời, mỗi con người để từ đó kết tinh thành những trang văn tài hoa, nhức nhối.

          “Tắt đèn” là điểm son sáng chói trong cuộc đời cầm bút “phụng sự dân quê” của Ngô Tất Tố. Giá trị lớn nhất của tác phẩm “Tắt đèn” không phải ở chỗ phê phán xã hội đương thời, mà ở chỗ nhà văn đã xây dựng được một hình tượng đẹp đẽ chân thực về người phụ nữ nông dân – chị Dậu. Bàn về hình tượng chị Dậu, nhà văn Nguyễn Tuân viết: “Ngô Tất Tố đã đưa ra, đã dám đưa ra một nhân vật đàn bà nông thôn khỏe khoắn, lành mạnh như chị Dậu”.Điều đó được thể hiện rất rõ trong đoạn trích “Tức nước vỡ bờ” – trích chương XVIII của tác phẩm.

**II. THÂN BÀI:**

**1. Giải thích ý kiến:**

– Khỏe khoắn, lành mạnh: là những phẩm chất, đức tính của chị Dậu:

+ Khỏe khoắn: phản kháng, nghị lực => nét mới.

+ Lành mạnh: thủy chung, yêu thương chồng con, giàu đức hi sinh => nét truyền thống.

=> một điển hình về người phụ nữ truyền thống và hiện đại.

– “Khỏe khoắn” và “lành mạnh” là những phẩm chất, đức tính của chị Dậu.

+ Trong đó, sự khỏe khoắn chính là sức quật khởi, sự phản kháng tiềm tàng trong con người chị Dậu; là ý chí nghị lực giúp chị đứng vững và chống chọi với những sóng gió của cuộc đời.

+ Còn lành mạnh là những phẩm chất tốt đẹp của một người phụ nữ thủy chung, yêu thương chồng con, đảm đang tháo vát, giàu đức hi sinh,…

– Chính sự khỏe khoắn và lành mạnh đó đã khiến chị Dậu trở thành một điển hình về người phụ nữ có sự kết hợp của vẻ đẹp truyền thống và hiện đại.

**2. Chứng minh:**

**a. Chị Dậu là một nhân vật đàn bà nông thôn lành mạnh:**

– Chị Dậu là một người đảm đang tháo vát: đứng trước khó khăn tưởng chừng như không thể vượt qua, phải nộp một lúc hai suất sưu, anh Dậu thì ốm đau, đàn con bé dại… tất cả đều trông vào sự chèo chống của chị.

–   Chị Dậu là một người có tinh thần vị tha, yêu thương chồng con tha thiết:

+ Khi anh Dậu bị bọn cai lệ và người nhà lí trưởng đánh đập hành hạ chết đi sống lại chị đã chăm sóc chồng chu đáo.

+ Chị đã tìm mọi cách để bảo vệ chồng: Từ hạ mình van xin đến đấu lí với bọn cai lệ và người nhà lí trưởng.

– Chị Dậu là “một nhân vật đàn bà nông thôn lành mạnh”.***Sự lành mạnh ấy, trước hết thể hiện ở sự đảm đang, tháo vát của chị trong cuộc mưu sinh.***

+ Làng Đông Xá lúc bấy giờ chìm trong không khí ngột ngạt, căng thẳng của những ngày sưu thế – “một di tích trung cổ […], một thứ thuế đánh vào đầu người dân chỉ vì cái lí do giản dị là người ấy đã sinh ra làm người” (Qua Ninh, Tô Dân). Bởi nhà nghèo “lên đến bậc nhất, bậc nhì trong hạng cùng đinh”,để nộp được suất sưu cho chồng, chị Dậu phải chạy đôn chạy đáo khắp nơi, bán đi tất cả mọi thứ có thể bán: gánh khoai, đàn chó, và thậm chí là dứt ruột bán đi đứa con gái đầu lòng bảy tuổi.

+ Tưởng rằng cơn bão cơ cực đã qua, ngờ đâu tất cả mới chỉ là cơn giông trước bão, bởi gia đình chị bị buộcphải đóng thêm suất sưu cho người em chồngđã chết từ năm ngoái. Vậy ra thứ thuế kia không chỉ đánh vào đầu người sống, mà còn đánh cả vào đầu người chết! Thật là cùng đường!*Nỗi oan rành rành ra đó mà chẳng thể nào giải được. Bao lần lên phủ, lên huyện ăn chực, nằm chờ để kêu oan, nhưng có ai nghe đâu mà kêu với réo.*

+ Thiếu tiền sưu, chồng chị đang đau ốm vẫn bị bọn nha sai trói ra đình đánh đập dã man, rồi nửa đêm đem trả về cho chị như một cái xác không hồn.

=> Chồng đau ốm, con bé dại, lại một lúc phải nộp hai suất sưu,… Biết làm sao để thoát ra khỏi được cái bế tắc của cuộc đời? Khó khăn chồng chất ập đến, tất cả trông chờ vào sự chèo chống của chị Dậu. Trên thực tế, chị Dậu trở thành chỗ dựa cho cả gia đình.

***– Sự “lành mạnh” ở nhân vật chị Dậu còn thể hiện ở chỗ chị là một người phụ nữ yêu chồng, thương con tha thiết.***

+ Khi anhDậu bị bọn cai lệ và người nhà lí trưởng đánh đập hành hạ đến chết đi sống lại rồi trả về cho chị như một cái xác không hồn, chị đã chăm sóc chồng chu đáo.

+Trong cơn nguy kịch, chị Dậu đã lay gọi và tìm mọi cách cứu chữa cho chồng. Hàng xóm kéo đến, người an ủi, người cho vay gạo nấu cháo…

+ Cháo chín, chị múc ra bát, lấy quạt quạt cho nguội để chồng “ăn lấy vài húp” vì anh đã “nhịn suông từ sáng hôm qua tới giờ còn gì”. Chị lo cho chồng đến mức quên cả nỗi vất vả chạy ngược chạy xuôi để lo cho đủ hai đồng bảy tiền nộp sưu.

+ Tất cả tình cảm của chị dồn cả vào hành động giành cho anh “bát cháo lớn” và “rón rén bưng”.

+ Cách nói của chị khi bưng cháo đến cho chồng cũng tràn đầy tình cảm: “Thầy em cố gắng dậy húp ít cháo cho đỡ xót ruột”. Lời người đàn bà nhà quê mời chồng ăn cháo lúc hoạn nạn chứa đựng biết bao tình yêu thương, an ủi, vỗ về.

+ Cái cử chỉ chị bế cái Tửu ngồi xuống cạnh chồng “cố ý chờ xem chồng ăn có ngon miệng không” đã biểu lộ sự săn sóc và yêu thương của người vợ đối với người chồng đang đau ốm, tính mạng đang bị bọn cường hào đe doạ. Tình cảm ấy là hơi thở dịu dàng thức tỉnh sự sống cho anh Dậu. Dường như mỗi cử chỉ, hành động của anh Dậu đều có ánh mắt thấp thỏm, lo lắng của chị Dậu dõi theo.

+ Chính vì yêu thương, lo lắng cho chồng nên khi bọn cai lện sầm sập tiến vào bắt trói anh Dậu, chị đã tìm mọi cách để bảo vệ chồng, từ hạ mình van xin đến đấu lí với bọn cai lệ và người nhà lí trưởng, thậm chí dám vùng lên đánh lại bọn chúng. Đó là biểu hiện đẹp đẽ nhất của tình yêu thương chồng trong chị. Chị quả là một người mẹ, người vợ giàu tình yêu thương.

Có thể thấy, chị Dậu mang đầy đủ những phẩm chất của người phụ nữ Việt Nam truyền thống: hiền lành, thật thà, chăm chỉ làm ăn, đảm đang thương chồng, thương con hết mực,….

**b. Chị Dậu là một nhân vật đàn bà nông thôn khỏe khoắn:**

+ Thiết tha van xin: cho cháu khất, nhà cháu mới tỉnh được một lúc.

+ Đấu lí: chồng tôi đau ốm.

+ Đấu sức: mày trói chồng bà đi.

– Chị Dậu còn là “một nhân vật đàn bà nông thôn khỏe khoắn”. Sự khỏe khoắn ấy thể hiện ở sức sống tiềm tàng của chị trong màn đối mặt với cai lệ và người nhà lí trưởng.

+ Khi bọn tay sai “sầm sập tiến vào với những roi song, tay thước và dây thừng” thét trói kẻ thiếu sưu, chị Dậu đã nhẫn nhục chịu đựng, cố “thiết tha” van xin bằng giọng run run cầu khẩn: “Hai ông làm phúc nói với ông lí cho cháu khất”. Đây là sự nhịn nhục của kẻ dưới, là cách ứng xử đã thành thói quen, thành nếp của những người nông dân thấp cổ bé họng, thường xuyên bị áp bức trong xã hội cũ. Nhưng tên cai lệ không những không động lòng thương mà lại còn chửi mắng chị thậm tệ, chạy sầm sập đến định trói anh Dậu. Cái hình ảnh cả một bọn nha sai hung hãn, hách dịch, ỷ đông hè nhau xông vào để trấn áp một người phụ nữ nông dân cô lẻ khiến người ta phải thét lên tiếng thét gào cùng cực cho những kiếp người mà thân phận quá rẻ rúng, lại đã trót sống phải thời kỳ mạt vận, khi mà bọn cường hào ác bá cấu kết với nhau và không từ bất cứ thủ đoạn nào để vơ vét làm giàu trên những cái xác khô cằn của đồng loại. Chúng là hiện thân cho một xã hội tàn nhẫn, đày đọa con người. Tính mạng người chồng đang bị đe doạ, chị Dậu “xám mặt” vội vàng đỡ lấy tay hắn nhưng vẫn cố van xin thảm thiết: “Cháu van ông! Nhà cháu mới tỉnh được một lúc, ônh tha cho”.

+ Biết không thể van xin, chị Dậu chuyển sang đấu lí. Trước sự tàn bạo, bất nhân của cai Lệ, “tức quá không thể chịu được”, chị “liều mạng cự lại”. Từ vị thế của kẻ dưới: “Cháu van ông…,” chị Dậu thoắt nâng mình lên ngang hàng với kẻ xưa nay vẫn đè đầu cười cổ mình: “Chồng tôi đau ốm, ông không được phép hành hạ”. Câu nói cứng rắn mà vẫn có đủ tình, đủ lí, không chỉ viện đến pháp luật mà còn nói tới cái lí đương nhiên, cái đạo lí tối thiểu của con người.

+ Nhưng cái ác thường không biết chùn tay. Tên cai lệ cứ sấn tới đánh chị và nhảy vào định lôi anh Dậu đi. Thói thường con giun xéo mãi cũng quằn. Sự tàn ác của tên cai lệ đã đẩy chị vào tình thế phải “liều mình”. Tức thì, sau tiếng thách thức đầy phẫn nộ của kẻ trên đối với kẻ dưới: “Mày trói ngay chồng bà đi, bà cho mày xem!” là hành động phản kháng dữ dội: “Rồi chị túm lấy cổ hắn, ấn dúi ra cửa” khiến “hắn ngã chỏng queo trên mặt đất”, “còn tên người nhà lí trưởng kết cục cũng bị chị Dậu túm tóc, lẳng cho một cái, ngã nhào ra thềm”. Màn đấu lực này chính là đỉnh cao của tinh thần phản kháng. Đó là một kết cuộc tất yếu trước mọi sự đè ép, bất công quá mức trong cuộc đời. Và, trong cuộc đấu, phần thắng thuộc về người đàn bà lực điền. Cách xưng hô bà – mày cho thấy chị Dậu đã ở trong một tư thế khác, tư thế của kẻ bề trên. Nhà văn Nguyên Tuân đã có một nhận xét rất thú vị về cảnh này: “Trên cái tối trời, tối đất của cái xã hội ngày xưa, hiện lên một chân dung lạc quan của chị Dậu… bản chất cuả chị Dậu rất khoẻ, cứ thấy lăn xả vào bóng tối mà phá ra…”.

**\* Nhận xét về hành động phản kháng của chị Dậu:**

+ Hành động phản kháng của chị Dậu hoàn toàn mang tính manh động, tự phát và nhất thời. Đó mới chỉ là cái thế tức nước vỡ bờ của một cá nhân mà chưa phải là cái thế của một giai cấp, một dân tộc vùng lên phá tan xiềng xích áp bức bất công.

+ Tuy nhiên, hành động của chị Dậu không phải diễn ra một cách bất ngờ. Bởi phải chịu nỗi áp bức, bóc lột kéo dài, mầm mống phản kháng này thực chất đã tồn tại từ lâu, ẩn chứa dưới vẻ ngoài cam chịu, nhẫn nhục của chị Dậu, để rồi khi gặp một mồi lửa nó đã bùng lên dữ dội. Nó đúng với quy luật: “Tức nước” ắt “vỡ bờ”, có áp bức, có đấu tranh, áp bức càng nhiều thì đấu tranh càng quyết liệt và hành động của chị Dậu đã chứng minh cho chân lí ấy. Nó cho thấy sức mạnh tiềm tàng của người nông dân, đồng thời cũng là một đốm lửa báo hiệu một cuộc bùng nổ rộng lớn có tổ chức, có lãnh đạo của giai cấp nông dân chống lại bọn đế quốc và phong kiến, địa chủ trong tương lai.

+ Và, tuy thái độ chống trả của chị Dậu tuy chỉ là một hành động đấu tranh tự phát đơn độc, chưa có ý thức, chưa có phương hướng nhưng trong văn học công khai đương thời, nhân vật này vẫn là một cái mốc cao nhất, một hình tượng phụ nữ mạnh khỏe và tươi sáng nhất. “Tinh thần giai cấp” là một điểm mới mà Ngô Tất Tố đã thấy được trong vấn đề xây dựng nhân vật phụ nữ, bởi trước đó văn học chỉ đặt vấn đề tự do yêu đương, tự do hôn nhân, nhằm giải phóng người phụ nữ ra khỏi những ràng buộc khắt khe của lễ giáo phong kiến.

**3. Đánh giá:**

– Người phụ nữ mang vẻ đẹp truyền thống – hiện đại.

– Khắc họa tính cách nhân vật bằng cách:

+ Đặt nhân vật vào tình huống đầy kịch tính.

+ Kể kết hợp miêu tả hành động cử chỉ.

– Có thể thấy, nhân vật chị Dậu là sự kết tinh giữa truyền thống và hiện đại. Chị mang vẻ đẹp của người Việt Nam truyền thống – những nét đẹp từng thấy qua trong bóng dáng các nhân vật nữ của các truyện Nôm khuyết danh như Cúc Hoa, Phương Hoa… Còn vẻ đẹp hiện đại của chị toát lên qua việc bất chấp khó khăn để bảo vệ mình, bảo vệ người khác, bảo vệ chân lí. Chính vì phẩm chất mới có tính hiện đại đó mà Nguyễn Tuân cho rằng hình như đã gặp người phụ nữ này trong đám người phá kho thóc Nhật, hoặc đám người biểu tình cướp phủ huyện trong thời kì tiền khởi nghĩa: “Với một cái tiền thân ngay thẳng lành mạnh như vậy, tôi nghĩ rằng chị Dậu thế tất phải có một hậu thân trong các đoàn thể cách mạng; và tôi nhớ như có lần nào, tôi đã gặp chị Dậu ở một đám đông phá kho thóc Nhật, ở một cuộc họp cướp chính quyền huyện kì tổng khởi nghĩa; và nếu không thì, chí ít, tôi cũng đã gặp chị trong những ngày địch o ép, chị đi tải thương hoặc đạy nắp hầm bem cho cán bộ cơ sở”.

– Xây dựng nhân vật chị Dậu, Ngô Tất Tố đã đặt nhân vật vào tình huống đầy kịch tính để khắc họa tính cách, phẩm chất của nhân vật. Đó là những khó khăn chồng chất ập đến thử thách đôi vai nhỏ bé của người đàn bà, là sự lựa chọn giữa nhẫn nhịn chịu đựng hay phản kháng trước cảnh bọn tay sai đòi bắt trói anh Dậu một lần nữa… Bên cạnh đó, tính cánh của nhân vật chị Dậu cũng được bộc lộ qua lời kể kết hợp miêu tả hành động cử chỉ.

– Như vậy, hình tượng chị Dậu xứng đáng là một điển hình xuất sắc về người phụ nữ nông dân trước cách mạng.

**III. KẾT BÀI:**

-Khái quát lại những phẩm chất của chị Dậu.

- Khẳng định vẻ đẹp của hình tượng chị Dậu qua nhận xét của Nguyễn Tuân.

Tóm lại, bằng thái độ trân trọng, bằng những hiểu biết sâu sắc về nông thôn và người nông dân, Ngô Tất Tố đã xây dựng thành công nhân vật chị Dậu với vẻ đẹp “lành mạnh” mộc mạc của người phụ nữ nông dân Việt Nam truyền thống: đẹp người, đẹp nết, yêu chồng thương con, đảm đang tháo vát…; đồng thời cũng mang nét “khỏe khoắn” của người phụ nữ Việt Nam trước cách mạng với sức mạnh tiềm tàng và tinh thần phản kháng. Chính những điều này đã khiến chị Dậu trở thành một “đốm sáng đặc biệt” giữa hoàn cảnh hoạn nạn, một “chân dung lạc quan”, luôn muốn “tung ra khỏi bóng tối” (Nguyễn Tuân), vượt qua cái nhìn bi quan bế tắc về người nông dân của Ngô Tất Tố cũng như của các nhà văn hiện thực đương thời. Xây dựng thành công nhân vật chị Dậu, Ngô Tất Tố đã góp vào văn học Việt Nam một điển hình chân thực, hấp dẫn. Nói như Nguyễn Tuân, chị Dậu xứng đáng là “tất cả của “Tắt đèn”, và “Nếu ví toàn truyện “Tắt đèn” là một khóm cây, thì chị Dậu là cả gốc, cả ngọn, cả cành, và chính chị Dậu đã nổi gió lên mà rung cho cả cái cây dạ hương Tắt đèn đó lên”.

**=================================**

# **BT5.** Phân tích nhân vật chị Dậu trong tác phẩm Tắt đèn làm rõ nhận xét của Nguyễn Tuân: Trên cái tối giời, tối đất của đồng lúa ngày xưa hiện lên một cái chân dung lạc quan của chị Dậu

**BÀI LÀM**

Ngô Tất Tố là nhà văn xuất sắc trong dòng văn học hiện thực phê phán, cũng là nhà văn xuất sắc của người dân quê Việt Nam. ông viết về họ với sự thấu hiểu tận cùng những nổi khổ đau, mất mát của cõi người trong xã hội phong kiến. Đồng thời ông cũng viết về họ với tất cả niềm yêu thương, trân trọng và gửi găm hi vọng vào bản chất tốt đẹp không bị những khốn khổ của cuộc đời làm khuất lấp. Tắt đèn với nhân vật trung tâm – chị Dậu là một tác phẩm như vậy. Chị Dậu để lại nhiều ấn tượng đẹp trong lòng người đọc. Bởi thê, khi nhận xét về nhân vật này, nhà văn Nguyễn Tuân đã viết: “Trên cái tối giời, tối đất của đồng lúa ngày xưa, hiện lên một cái chân dung lạc quan của chị Dậu”. Ta hãy tìm trong bức chân dung ấy niềm “lạc quan” như nhà văn Nguyễn Tuân nhận xét.

Phải khẳng định rằng nhận xét của Nguyễn Tuân sắc sảo, ông chỉ ra giá trị hiện thực của Tắt đèn – một tác phẩm đã phản ánh sự đen tối lầm than của nông thôn Việt Nam dưới thời Pháp thuộc, đồng thời khẳng định thành công của Ngô Tất Tố khắc hoạ nhân vật chị Dậu một chân dung lạc quan hiện lên giữa cái tối giời tối đất của đồng lúa ngày xưa. Chị Dậu có bao phẩm chất tốt đẹp: nghèo khổ mà phẩm giá trong sạch, thương chồng thương con, đảm đang tháo vát, dũng cảm chống lại bọn cường hào… Bản chất của nhân vật chị Dậu rất khoẻ, cứ thấy lăn xả vào bóng tối mà phá ra…

Cái tối giời tối đất của đồng lúa ngày xưa được nói đến trong Tắt đèn là làng Đông Xá giữa mùa sưu thuế. Tiếng trống ngũ liên, tiếng tù và, tiếng mõ đốc sưu nỗi lên suốt đêm ngày nghe rất rùng rợn. cổng làng bị bọn cường hào đóng chặt để tróc sưu. Bọn cai lệ, bọn tay chân của lí trưởng với roi song, tay thước, dây thừng, nghênh ngang đi lại ngoài đường thét bắt trói kẻ thiếu sưu. Lí trưởng làng Đông Xá ra lệnh cho lũ tay chân: Tha hồ đánh! Tha hồ trói! Thằng nào bướng bỉnh đánh chết vô tội vạ! Anh Dậu vì tội thiếu sưu mà bị bọn cường hào bắt trói như trói chó để giết thịt. Em trai anh Dậu chết từ năm ngoái nhưng anh Dậu vẫn phải nộp thay vì chết cũng không trốn được sưu nhà nước! Có biết bao gia đình nông dân nghèo khổ bị điêu đứng, bị bắt đánh trói dã man! Chị Dậu phải bán khoai, bán ổ chó, bán đứa con gái đầu lòng lên bảy tuổi cho Nghị Quế. Chị phải đi ở vú… để kiếm tiền trang trải hai suất sưu cho chồng và đứa em chồng đã chết! Có thể nói Tắt đèn là bức tranh chân thực về xã hội nông thôn đen tối trước cách mạng, đồng thời là bản án đanh thép đối với cái xã hội ấy. Đọc Tắt đèn, ta rùng mình cảm thấy cái tối giời tối đất của đồng lúa ngày xưa như Tố Hữu đã viết:

Nửa đêm thuế thúc trống dồn,

Sân đình máu chảy, đường thôn lính đầy…

                                                       (Ba mươi năm đời ta có Đảng)

Giữa cái xã hội đen tối, hãi hùng ấy đã hiện lên một cái chân dung lạc quan của chị Dậu. Ngô Tất Tố không những thấu hiểu đời sống nông thôn mà còn có tình cảm gắn bỏ với những người dân cày lam lũ, nghèo khổ. Ông đã dành cho nhân vật chị Dậu sự đồng cảm, xót thương và quý trọng, ông đã vẽ nên cái chân dung lạc quan của chị Dậu bằng những lời đẹp nhất từ trái tim ông. Chị Dậu cần cù chịu khó làm ăn đầu tắt mặt tối thế mà cơm không đủ ăn, áo không đủ mặc. Tai hoạ dồn dập: hai cái tang mẹ chồng và em chồng, rồi anh Dậu bị ốm nặng kéo dài mấy tháng trời, gia đình chị trở thành cùng đinh. Thiếu sưu, chồng bị bắt, bị đánh trói dã man. Một nách ba đứa con thơ, trong nhà không còn một hột gạo, chị Dậu tất tả ngược xuôi tìm mọi cách để cứu chồng. Bán khoai, bán chó, bán con mới trả đủ một suất sưu cho chồng? Suất sưu còn lại chị phải trả bằng cách đi ở vú. Trước mọi tai hoạ, chị đã vững vàng chống đỡ.

Trong cảnh Tức nước vỡ bờ, cái chân dung lạc quan của chị Dậu đã toả sáng. Chị nấu cháo, lấy quạt quạt cho cháo chóng nguội, ân cần mời chông, an ủi chồng đang ốm rề rề ăn cháo. Trước sự chửi mắng và thái độ hách dịch côn đồ của tên cai lệ, chị đã nhún mình van xin tha cho chồng. Nhưng khi bị tên cai lệ bịch vào ngực, tát đánh bốp vào mặt, anh Dậu sắp bị trói, chị Dậu đã nghiến hai hàm răng thách thức: Mày trói ngay chồng bà đi, bà cho mày xem. Với quyết tâm bảo vệ chồng, với sức mạnh và lòng dũng cảm, chị Dậu đã đánh ngã cả cai lệ và bọn tay chân của hắn. Chị căm giận phủ định mọi thế lực tàn ác của chính quyền thực dân. Chị nói với chồng sau khi đã trừng trị lũ đầu trâu mặt ngựa: Thà ngồi tù. Để cho chúng nó làm tình làm tội mãi thế, tôi không chịu được… Chân dung chị Dậu “lạc quan” lắm chứ! Đẹp lắm chứ!

Đói cho sạch, rách cho thơm. Đọc Tắt đèn, ta còn khâm phục trước phẩm cách trong sạch của chị Dậu. Chị Dậu đã vứt toẹt nắm bạc vào mặt tên tri phủ Tư Ân khi hắn giở trò chó má! Chị cũng đã đẩy cụ cố Thượng ra, khi lão già ôm lấy chị… Bạo lực, tù đày, chị không sợ. Tiền bạc không mua chuộc được người đàn bà nhà quê này! Trong đêm tối như mực, ta lại thấy hiện lên một cái chân dung lạc quan của chị Dậu.

Có người cho rằng chị Dậu manh động! Lại có ý kiến cho rằng kết thúc của Tắt đèn nhuốm màu bi quan? Nhà văn Nguyễn Tuân đã phát hiện ra Bản chất của chị Dậu rất khoẻ, cứ thấy lăn xả vào bóng tối mà phá ra. Đó là một suy nghĩ rất hay, rất đặc sắc.

Ngày nay, nông thôn Việt Nam đã có nhiều đổi mới. Xóm làng đã ngói hoá, ánh điện đã toả sáng khắp xóm thôn. Những cái Tý đã được cắp sách đến trường. Đọc Tắt đèn là một dịp để mọi người trông cũ biết mới, qua đó ta thấy cái tâm và cái tài của Ngô Tất Tố khi ông miêu tả bức chân dung lạc quan của chị Dậu.

**BT6.** **Bản chất tàn bạo và bất nhân của xã hội thực dân phong kiến thể hiện trong đoạn trích Tức nước vỡ bờ (trích Tắt đèn của Ngô Tất Tố).**

BÀI LÀM

Đúng như cách gọi tên dòng văn học “Hiện thực”, các tác phẩm thuộc dòng văn học này đã phơi bày hiện thực về xã hội thực dân nửa phong kiến. Phơi bày những kiếp người khốn khổ thuộc đủ mọi tầng lớp trong xã hội ấy. Và cũng phơi bày tất cả những thủ đoạn tàn ác, mánh khoé đê tiện của bọn quan lại, cường hào nhằm bóc lột người dân. Tắt đèn của Ngô Tất Tố là một trong những tác phẩm phản ánh hiện thực xuất sắc của dòng văn học ấy.

Tắt đèn được viết vào giữa những năm 30 của thế kỉ XX. Đó là thời kì đen tối nhất của xã hội phong kiến Việt Nam. Cũng là lúc cao trào dân chủ 1936 – 1939 diễn ra mạnh mẽ, thực dân Pháp phải nới lỏng chế độ kiểm duyệt văn chương. Bởi thế Ngô Tất Tố có cơ hội để phản ánh tận cùng sự khốn nạn của xã hội thực dân nửa phong kiến ở Việt Nam và bộ mặt vô nhân tính của giai cấp thống trị. Đoạn trích Tức nước vỡ bờ đã giúp người đọc cảm nhận được sự tàn bạo và bất nhân của xã hội.

Dung lượng chưa đầy ba trang. Thế nhưng với dung lượng ít ỏi ấy mà ngòi bút thần tình của Ngô Tất Tố đã phơi bày ra trước mắt người đọc những gì xâu xa, độc ác nhất của xã hội đương thời.

Mở đầu tác phẩm là không khí ngột ngạt của làng quê Việt Nam trong những ngày sưu thuế. Tiếng trống, tiếng tù và inh ỏi, tiếng thét, đánh đập, tiếng kêu khóc vang lên như trong một cuộc săn người. Để vơ vét cho đầy túi tham, chính quyền cai trị thực dân phong kiến đặt ra hàng trăm thứ thuê vô lí, bất công. Ngô Tất Tố không đi sâu vào phản ánh những thủ đoạn bóc lột thuê má của bọn thực dân phong kiến, ông chỉ tập trung vào một thứ thuế dã man nhất: thuế thân (còn được gọi là sưu). Đó là thứ thuế đánh vào đầu những suất đinh (đàn ông trưởng thành). Để trói cho đủ sưu, bọn quan cai địa phương không từ bất cứ thủ đoạn nào, không cần nương nhẹ tay với bất cứ ai, kể cả kẻ khốn cùng nhất: chết cũng không trốn được sưu của nhà nước. Và thế là, chúng gô cổ tất cả những kẻ thiếu sưu, điệu ra đình để trừng phạt. Ngay cả anh Dậu, một người đang ốm, gia cảnh lại quá khốn đốn, cũng không thoát. Nếu không có tiền nộp sưu anh Dậu sẽ chết.

Trước tình thế ấy, chị Dậu đã phải dứt ruột bán đứa con gái đầu lòng mới tròn bảy tuổi cho Nghị Quế bên thôn Đoài để lấy tiền nộp sưu cho chồng. Ngờ đâu anh Dậu còn phải nộp thêm suất sưu cho người đã chết từ năm ngoái. Thật là vô lí! Và thế là, mặc cho những tiếng kêu uất ức của chị Dậu – kẻ thấp cổ bé họng vang lên thảm thiết giữa sân đình, anh Dậu vẫn bị trói. Chỉ đến khi anh rũ ra như một cái xác, chúng mới trả anh về cho chị Dậu. Nhờ bà con láng giềng cứu giúp, anh mới tỉnh lại. Nhưng vừa mới tỉnh lại, chưa kịp hớp một hớp cháo sau mấy ngày nhịn suông, bọn chúng đã ập đến. Bọn chúng ở đây được đại diện bằng tên cai lệ và tên người nhà lí trưởng.

Cai lệ là hình ảnh tiêu biểu của bọn tay sai đầu trâu mặt ngựa hung hãn, với bản chất tàn ác và tư cách đê tiện, không chút tình người, hắn như một công cụ bằng sắt hữu dụng của chính quyền thực dân phong kiến. Trong bộ máy thống trị của xã hội thực dân đương thời, hắn chỉ là một tên tay sai mạt hạng. Nhưng dưới ngòi bút của Ngô Tất Tố, hắn là hình ảnh tượng trưng và tiêu biểu của chính quyền thực dân phong kiến, hung dữ, sẵn sàng gây tội ác mà không hề chùn tay. Và thử hỏi, cái kẻ mạt hạng nhất trong bộ máy thống trị là còn khốn nạn đến vậy, thử hỏi những kẻ trên hắn sự khốn nạn còn tới cỡ nào.

Hắn sầm sập tiến vào nhà kẻ thiếu sưu đang ốm nặng với bộ mặt hằm hằm, với roi song, tay thước và dây thừng. Bất chấp tình trạng anh Dậu vừa thoát khỏi bàn tay tử thần, còn đang ốm lê bê lệt bệt, bỏ ngoài tai mọi lời van xin tha thiết của chị Dậu, hắn cứ xông vào để trói anh Dậu. Trong tiềm thức của hắn, hình như hắn chỉ nghĩ đến việc ra tay đánh trói kẻ thiếu sưu. Hắn đáp lại lời van xin tha thiết của chị Dậu bằng những tiếng chửi rủa mày định nói cho cha mày nghe đấy à? Sưu của nhà nước mà dám mở mồm ra khất!, nếu không có tiền nộp sưu cho ông bây giờ, thì ông sẽ dỡ cả nhà mày đi, chứ chửi mắng thôi à! và những hành động tàn bạo vừa nói hắn vừa bịch luôn vào ngực chị Dậu máy bịch rồi lại sấn đến để trói anh Dậu, cai lệ tát vào mặt chị Dậu một cái đánh bốp rồi hắn cứ nhảy vào cạnh anh Dậu…

Có thể nói, tàn bạo, không chút tính người, là bản chất và tính cách của tên cai lệ! Tính cách ấy được Ngô Tất Tố thể hiện rất rõ nét trong đoạn trích. Dưới ngòi bút đầy căm phẫn của nhà văn, cai lệ hiện nguyên hình là một con thú dữ, chỉ biết sủa, rít, gầm; chỉ biết lăn xả vào cắn xé người lương thiện, cắn xé những kẻ khốn khổ.

Cai lệ không phải là một tên tay sai bất lương vô danh, hắn là hiện thân của cái nhà nước bất nhân lúc bấy giờ. Chính xã hội thực dân phong kiến đã nhào nặn nên hắn, nuôi dưỡng hắn, biến hắn thành một công cụ đắc lực để phục vụ cho những thủ đoạn thống trị, bóc lột tàn bạo của chúng. Hắn tận tụy với chức trách, với công việc đến mức khi bị chị Dậu ấn dúi ra cửa, gã chỏng quèo trên mặt đất mà miệng vẫn nham nhảm thét trói vợ chồng kẻ thiếu sưu.

Cai lệ là một nhân vật phụ trong tác phẩm, nhưng lại là hình tượng điển hình cho bộ mặt và tội ác của chế độ thực dân phong kiến. Thông qua việc xây dựng nhân vật cai lệ và vạch trần bản chất xấu xa, độc ác, bĩ ổi của hắn, Ngô Tất Tố đã viết một bản cáo trạng đanh thép cái xã hội thực dân phong kiến tàn bạo, bất nhân ấy. Dường như bao nhiêu sự căm giận của ông đều trào ra ngòi bút thành những trang văn bất hủ.

**BT7.Suy nghĩ của em về sức sống và tinh thần phản kháng của người nông dân Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám, qua hình tượng nhân vật chị Dậu trong đoạn trích Tức nước vỡ bờ (Trích Tắt đèn của Ngô Tất Tố)**

BÀI LÀM

Nhân vật chị Dậu trong tiểu thuyết Tắt đèn của Ngô Tất Tố là hình tượng điển hình bất hủ của văn học Việt Nam, là hình ảnh tuyệt đẹp về người nông dân Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám, với những phẩm chất cao đẹp.

Chị Dậu là một nhân vật có tính cách, một tính cách điển hình. Nét nổi bật trong tính cách của chị là sức sống mạnh mẽ và tinh thần phản kháng tiềm tàng.

Để nhân vật có thể bộc lộ đầy đủ tính cách của mình, Ngô Tất Tố đặt chị vào trong một tình huống điển hình đầy kịch tính. Một mình chị, với sức vóc của một người đàn bà chân yếu tay mềm, với thân phận của một kẻ thấp cổ bé họng, phải đối phó lại với hai tên tay sai hung hãn của chính quyền thực dân phong kiến thống trị, có trang bị cả roi song, tay thước và dây thừng, được nhà nước bảo hộ, đang thi hành việc công đánh trói kẻ thiếu sưu.

Trong đoạn trích, bọn tay sai sầm sập tiến vào giữa lúc anh Dậu vừa mới tỉnh lại, chị Dậu đang hồi hộp chờ xem chồng chị ăn có ngon miệng không. Vì quá ốm yếu và khiếp đảm đã lăn đùng ra không nói được câu gì. Chỉ còn chị Dậu một mình đứng ra đối phó với lũ ác nhân. Có thể nói, lúc này, tính mạng của anh Dậu phụ thuộc vào sự đối phó của chị Dậu.

Ban đầu, chị cố tha thiết van xin. Vì sao chị phải van xin? Chị quá nhu nhược yếu đuối hay quá hèn nhát? Không! Chị Dậu không nhu nhược yếu đuối, cũng không hèn nhát! Nhưng, chị hiểu rõ tình thế của chồng mình. Dù sao anh Dậu cũng bị coi là kẻ… có tội (tội trốn sưu của nhà nước). Còn bọn tay sai hung hãn kia, đang nhân danh phép nước, người nhà nước để thi hành công vụ của nhà nước. Hơn nữa, chị Dậu ý thức được rất rõ thân phận thấp cổ, bé họng của mình, lại vốn là người có bản tính hiền lành, quen nhẫn nhục, khiên chị chỉ biết van xin rất lễ phép, cố khơi gợi lòng từ tâm và lương tri của ông cai.

Tất cả những lời van xin tha thiết, vừa có tình, vừa có lí của chị cũng chăng có kết quả gì. Ngược lại, chị được đáp trả lại bằng những lời chửi rủa tục tĩu, bằng những quả bịch vào ngực, bằng hành động nhảy xổ vào chỗ anh Dậu của tên cai lệ.

Con giun xéo mãi cũng quằn, tức nước thì phải vỡ bờ, đến lúc này, chị Dậu không thê chịu đựng hơn được nữa! Sức sống tiềm tàng trong người chị trỗi dậy, chị bất chấp tất cả, liều mạng cự lại.

Trước hết, chị cự lại bằng lí lẽ. Chồng tôi đau ốm, ông không được phép hành hạ. Một lí lẽ thật cứng cỏi và cũng thật sắc sảo! Chị không cần việc đến pháp luật (Vì làm gì có pháp luật và công lí cho người nghèo? Chúng lại đang thi hành phép nước kia mà!), chị đem đạo lí tối thiểu của con người ra để đấu với chúng. Như vậy, chị Dậu đã nhân danh con người để chống lại cái ác! Một chân lí thật đẹp mà bọn mặt người dạ thú kia không thể có.

Khi đã nhân danh con người, vị thế của chị cũng có sự thay đổi, từ thân phận thấp bé, chị Dậu vụt đứng thẳng lên ngang hàng với bọn tay sai – ngang hàng với chính quyền thực dân pháp luật: tôi và ông! Lúc này, chị đàng hoàng, dũng cảm đối mặt với kẻ thù của mình.

Trước thái độ của chị Dậu, cai lệ dấn thêm một bước. Hắn tát vào mặt chị một cái đánh bốp và nhảy xổ vào anh Dậu. Bao nhiêu uất ức dồn nén, tích tụ bấy lâu nay biến thành ngọn lửa căm giận ngùn ngụt bốc cháy trong chị Dậu:

Chị Dậu nghiến hai hàm răng:

– Mày trói ngay chồng bà đi, bà cho mày xem!

Lời lẽ của chị Dậu thể hiện sự căm giận và khinh bỉ cao độ đối với kẻ thù của mình; đồng thời thể hiện bản lĩnh và tư thế đứng trên đầu thù, sẵn sàng đè bẹp đối phương. Trong văn học đương thời viết về người phụ nữ nông dân, chưa hề có một bản lĩnh và khí phách kiên cường đến như thế!

Lòng căm giận và khinh bỉ đã biến thành sức mạnh ghê gớm và tư thế ngang tàng của chị Dậu trong cuộc đọ sức với kẻ thù của mình. Chị đã nhanh chóng túm cỗ tên cai lệ, ấn dúi ra cửa, khiến hắn ngã chỏng quèo trên mặt đất. Tiếp đó, chị giằng co với tên người nhà lí trưởng, khi tên này sấn sổ bước đến giơ gậy chực đánh chị. Hai người giằng co nhau, rồi chị túm tóc hắn lẳng cho một cái ngã, nhào ra thềm. Cuộc đọ sức diễn ra hết sức nhanh chóng. Chị Dậu đã chiến thắng, biến những tên tay sai hùng hỗ, hung hãn, có trang bị bằng vũ khí và phép nước, trở thành những kẻ bại trận thảm hại, tơi tả. Đọc đến đây, không ít bạn đọc phải bật lên tiếng cười hê hả và mãn nguyện.

Sự chống trả quyết liệt của chị Dậu là hành động tất yếu phù hợp với quy luật Tức nước vỡ bờ, có áp bức thì có đấu tranh. Vậy do đâu mà chị Dậu lại có sức mạnh lạ lùng đến như vậy? Sức mạnh của chị Dậu là sức mạnh của lòng căm hờn: căm hờn với những thái độ tội ác, bất nhân của bọn tay sai của chính quyền thực dân phong kiến. Cội nguồn sâu xa của lòng căm hờn lại chính là lòng yêu thương. Sức mạnh của chị Dậu chính là sức mạnh của lòng yêu thương. Hành động chống trả quyết liệt và dữ dội của chị Dậu bắt nguồn từ lòng yêu thương chồng con tha thiết, từ ý thức quyết tâm bảo vệ chồng. Ngọn lửa căm hờn ngùn ngụt bốc lên trong lòng chị chính là biểu hiện của một trạng thái yêu thương chồng con mãnh liệt của người phụ nữ Việt Nam.

Sau trận đấu này, có thể chị Dậu sẽ phải ngồi tù, nhưng chị không sợ: Thà ngồi tù. Để cho chúng nó làm tình làm tội mãi thế, tôi không chịu được. Hành động của chị Dậu tuy là bộc phát và vẫn rơi vào bế tắc nhưng nó thể hiện sức sống mạnh mẽ và tinh thần ngoan cường rất đáng cảm phục của chị.

Sức sống mạnh mẽ và tinh thần phản kháng tiềm tàng của chị Dậu chính là sức sống và tinh thần phản kháng của giai cấp nông dân Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám, nó sẽ biến thành một sức mạnh quật khởi, thành cơn thác lũ cách mạng khi có ánh sáng của Đảng rọi vào. Đúng như nhà văn Nguyễn Tuân đã nhận xét: Viết Tắt đèn, Ngô Tất Tố đã xui người nông dân nổi loạn.

**BT8:** Tiểu thuyết Tắt đèn của nhà văn Ngô Tất Tố có nhiều nhân vật, nhưng chị Dậu là một hình tượng trung tâm, là linh hồn của tác phẩm có giá trị hiện thực. Bởi chị Dậu là hình ảnh chân thực, đẹp đẽ của người phụ nữ nông dân Việt Nam  trước cách mạng tháng tám năm 1945.

Bằng những hiểu biết của em về tác phẩm “Tắt đèn” của Ngô Tất Tố, hãy làm sáng tỏ nhận định trên.

**Bài làm:**

Chứng minh làm rõ những phẩm chất của nhân vật chị Dậu, người phụ nữ nông dân Việt Nam dưới chế độ phong kiến trước năm 1945 .

a) Mở bài:

– Giới thiệu khái quát tác giả , tác phẩm.

– Tiểu thuyết Tắt đèn có nhiều nhân vật nhưng chị Dậu là một hình tượng trung tâm, là linh hồn của tác phẩm Tắt đèn. Bởi chị Dậu là hình ảnh chân thực đẹp đẽ về người phụ nữ  nông dân Việt Nam trước cách mạng tháng tám 1945.

b) Thân bài:**Làm rõ những phẩm chất đáng quý của chị Dậu.**

– Chị Dậu là một người có tinh thần vị tha, yêu thương chồng con tha thiết.

+ Khi anh Dậu bị bọn cai lệ và người nhà lí trưởng đánh đập hành hạ chết đi sống lại chị đã chăm sóc chồng chu đáo.

+ Chị đã tìm mọi cách để bảo vệ chồng.

+ Chị đau đớn đến từng khúc ruột khi phải bán con để có tiền nộp sưu.

– Chị Dậu là một người đảm đang tháo vát: đứng trước khó khăn tưởng chừng như không thể vượt qua, phải nộp một lúc hai suất sưu, anh Dậu thì ốm đau, đàn con bé dại… tất cả đều trông vào sự chèo chống của chị.

–  Chi Dậu là người phụ nữ thông minh sắc sảo:

 Khi bọn cai lệ định xông vào trói chồng – Chị đã cố van xin chúng tha cho chồng nhưng không được. => chị đã đấu lý với chúng: “ Chồng tôi đau ốm, các ông không được phép hành hạ”.

– Chị Dậu là người phụ nữ có tinh thần quật khởi, ý thức sâu sắc về nhân phẩm.

+ Khi cai lệ và người nhà Lí trưởng có hành động thô bạo với chị, với chồng chị, chị đã vùng lên quật ngã chúng.

+ Mặc dù điêu đứng với số tiền sưu nhưng chị vẫn sẵn sàng ném nắm giấy bạc và mặt tên tri phủ Tri Ân. Hai lần bị cưỡng hiếp chị vẫn thoát ra được.

Đây chính là biểu hiện đẹp đẽ về nhân phẩm của tinh thần tự trọng.

c) Kết bài:

Khái quát khẳng định về phẩn chất nhân vật:

– Yêu thương chồng con, thông minh sắc sảo, đảm đang tháo vát, có tinh thần quật khởi, ý thức sâu sắc về nhân phẩm…

– Nhân vật chị Dậu toát lên vẻ đẹp mộc mạc của người phụ nữ nông dân đẹp người, đẹp nết.

– Hình tượng nhân vật chị Dậu là hình tượng điển hình của phụ nữ  Việt Nam trước cách mạng tháng 8 năm 1945.

– Tác phẩm “Tắt đèn” của Ngô Tất Tố không chỉ là tác phẩm có giá trị hiện thực mà còn có giá trị nhân đạo sâu sắc, là tác phẩm tiêu biểu  của văn học hiện thực phê phán.

**BT9: “Tắt đèn” đã tái hiện một cách chân thực và cảm động số phận bi thương của người nông dân trong xã hội cũ**

Có lẽ không phải ngẫu nhiên mà tất cả các nhà nghiên cứu, phê bình văn học đều phải thừa nhận rằng “Tắt đèn” của Ngô Tất Tố là tác phẩm xuất sắc nhất khi viết về đề tài người nông dân trước cách mạng. Có thể nói, với tác phẩm này, Ngô Tất Tố đã đi sâu vào đời sống quần chúng lao khổ, thẳng thắn vạch trần bộ mặt tàn bạo, bất nhân của một xã hội mà ở đó chỉ có đồng tiền, quyền lực ngự trị. Tác phẩm như một bản cáo trạng đanh thép lên án chế độ thực dân phong kiến đã đẩy người nông dân đến bước đường cùng khiến cho cuộc sống của họ còn khốn khổ hơn cả địa ngục. Thế nhưng từ trong hố sâu của cái “địa ngục trần gian” ấy, những người nông dân lương thiện vẫn khát khao quyền được sống, được đấu tranh và dù thế nào đi chăng nữa họ vẫn giữ được những phẩm chất cao đẹp của con người.

“Tắt đèn” được xây dựng trong bối cảnh của một vụ sưu thuế ở làng Đông Xá, một làng quê vùng Bắc bộ Việt Nam thời bấy giờ. Cổng làng đóng chặt, khắp nơi vang lên tiếng trống mõ, tiếng tù và inh ỏi, tiếng thét lác, đánh đập, tiếng kêu khóc thảm thiết, tiếng chó sủa đinh tai… Tất cả những âm thanh đó cộng hưởng lại với nhau khiến cho không khí của cái làng ấy trở nên căng thẳng, ngột ngạt và khẩn thiết như trong một cuộc săn người. Nổi lên trên cái nền cảnh ấy chính là gia cảnh đáng thương của nhà chị Dậu. Với một ông chồng suốt ngày ốm đau, ba đứa con nhỏ, dù đã cật lực nhưng nhà chị vẫn được xếp vào dạng nhất nhì trong hạng cùng đinh. Đã thế chị lại phải chạy vạy ngược xuôi, bán con, bán chó nhưng cũng chỉ đủ nộp một suất sưu cho chồng và còn thiếu một suất sưu của người em chồng đã chết từ năm ngoái.

Giữa đình làng, tiếng kêu uất ức của chị vang lên thảm thiết. Đêm hôm ấy, anh Dậu được người ta trả về rũ rượi như một cái xác chết. May được sự giúp đỡ của bà con hàng xóm, anh đã dần tỉnh lại . Một bà lão hàng xóm ái ngại cho cảnh nhà chị nhịn đói tư hôm qua, mang đến cho chị một bát gạo để nấu cháo. Sáng sớm hôm sau, khi anh Dậu vừa ngồi dậy cầm bát cháo chưa kịp đưa vào miệng thì cai lệ và người nhà lý trưởng đã sầm sập tiến vào với roi song, tay thước và dây thừng. Van xin tha thiết không được, chị Dậu liều mạng đánh lại hai tên tay sai nhưng sau đó thì bị bắt giải lên huyện. Lão quan phủ Tư Ân lợi dụng bố trí giở trò bỉ ổi. Chị đã kiên quyết chống cự và chạy thoát về nhà. Cuối cùng để có tiền nộp sưu, chị đành gửi con lên tỉnh đi ở vú, hàng ngày vắt sữa của mình cho một tên quan phủ già uống. Và tên này cũng đốn mạt không kém những tên kia, trong một đêm “tắt đèn”, đã mò vào vào buồng của chị giở bỉ ổi. Chị đã gạt mạnh bàn tay bẩn thỉu của hắn và vùng chạy ra ngoài, giữa lúc trời tối đen như mực, tối đen như cái tiền đồ của chị.

Tắt đèn đã tái hiện một cách chân thực và cảm động số phận bi thương của người nông dân trong xã hội cũ. Khi đọc tác phẩm này, chúng ta không khỏi căm phẫn cái lũ thống trị thực dân đốn mạt, vô nhân tính. Bọn chúng mỗi kẻ một vẻ mặt, một cách biểu hiện khác nhau nhưng bản chât thì đều đê hèn như nhau: vợ chồng Nghị Quế thì giàu có nhưng tham lam, keo kiệt và không kém phần độc ác; bọn quan lại thì dâm ô, bỉ ổi, bọn tay sai thì hung hãn, hống hách. Tất cả, tất cả bọn chúng như lũ cá mập luôn chực sẵn để nuốt những con mồi thấp cổ bé họng vào bụng. Và đối lập với chúng là những người nông dân đáng thương với “hai hàng nước mắt chan cơm và những giọt mồ hôi rơi xuống gò má” như tình cảnh của chị Dậu.

Có thể nói, cái bóng dáng bé nhỏ, liêu xiêu với cái nón mê rách nát và tiếng kêu gào thảo thiết của chị đã trở thành một nỗi ám ảnh trong lòng độc giả. Cũng như bao con người khác, chị muốn những người thân yêu của chị được sống. Vì thế chị đã tất tả ngược xuôi để chăm lo gia đình, trang trải sưu thuế. Nhưng hình như trong xã hội ấy, người nông dân càng nhẫn nhục, chịu đựng thì bọn tay sai lại càng đè đầu cưỡi cổ. Và cuối cùng không thể chịu được nữa, họ đã phải vùng dậy để đấu tranh. Thế mới nói, tức nước thì vỡ bờ. Tuy nhiên nói đến cùng thì sự đấu tranh của chị Dậu cũng chỉ là sự đấu tranh mang tính tự phát bởi cuối cùng chị vẫn bị bắt, phải chạy trốn và… có lẽ những chuỗi ngày sau đó của chị cũng tăm tối như cái đêm “tắt đèn” ấy. Dù vậy Ngô Tất Tố đã nhìn thấy được sức mạnh quật cường của người nông dân trong hình ảnh của chị Dậu. Họ lương thiện, chịu thương chịu khó, luôn biết nhẫn nhịn nhưng họ không ươn hèn, yếu đuối. Và có lẽ đó là sức mạnh tiền đề để nhân dân ta làm nên cuộc cánh mạng Tháng Tám thành công, kết thúc gần một trăm năm nô lệ thực dân.

Có thể nói, chỉ với hình ảnh của chị Dậu, gia đình nhà chị Dậu, chế độ sưu thuế mà người dân làng Đông Xá phải chịu, Ngô Tất Tố đã dựng lên được một bức tranh chân thực, khái quát, điển hình về phẩm chất, cuộc sống, số phận của người nông dân trong xã hội cũ. Bằng ngòi bút sắc sảo và cái nhìn dứt khoát, nhà văn đã vạch trần bộ mặt bỉ ổi, thối tha, đốn mạt vô nhân tính của cái xã hội ăn thịt uống máu người này. Đồng thời với tấm lòng nhân đạo của mình, ông luôn đứng về phía những người nông dân thấp cổ bé họng để bênh vực, bảo vệ và ủng hộ họ.

Dù hiện tại, cuộc sống của họ như những ngọn đèn đang lụi tắt nhưng với Ngô Tất Tố, ông luôn tin vào sức sống mãnh liệt của người nông dân, tin rằng, một ngày nào đó, những ngọn đèn ấy sẽ được thắp sáng lên, mãi mãi và không bao giờ tắt để người nông dân có cuộc sống ấm no hơn, hạnh phúc hơn và cái chế độ bạo tàn của lũ thực dân phong kiến không bao giờ còn tồn tại trên quê hương, đất nước ta nữa.

**BT10.Cảm nghĩ về hành động phản kháng tất yếu của nhân vật chị Dậu qua đoạn trích “Tức nước vỡ bờ”**

**Mở bài**

Tiểu thuyết “Tắt đèn” là lời phê phán kịch liệt bộ mặt thối nát và tàn bạo của xã hội thực dân phong kiến ở nước ta trước Cách mạng. Tác phẩm cũng là tấm lòng cảm thông, thương cảm của nhà văn trước những cảnh đời éo le, sự tiếc thương cho những kiếp người bị dồn vào bước đường cùng của lề xã hội. Đoạn trích **Tức nước vỡ bờ** trích trong truyện ngắn Tắt đèn của Ngô Tất Tố miêu tả tinh tế diễn biến tâm lí của một tính cách nhất quán của nhân vật chị Dậu. Chị Dậu có thể nhẫn nhục, chịu đựng, nhưng khi đã bị đáy tới chân tường, thì cũng biết vùng lên chống trả quyết liệt, thể hiện một khả năng phản kháng tiềm tàng.

**Thân bài**

Đoạn trích “Tức nước vỡ bờ” mở đầu những xung đột kịch liệt giữa bọn quan sai thống trị và người nông dân lao động cùng khổ. Nổi bậc và gây chú ý trong đoạn trích là hình ảnh của bọn sai nha, những kẻ tàn bạo, không có tính người. Ở đâu và lúc nào thì sự xuất hiện của chúng cũng đồng nghĩa với tai họa đối với người nông dân khốn khổ. Bọn chúng, những kẻ vô lương, chính là sứ giả của bóng tối, của tai ương và sự đau khổ. Không có cái gì khác, bọn chúng là hiện thực của trật tự xã hội tàn nhẫn, đày dọa con người.

Tác giả đã chú trọng đến việc khắc họa chân thực và đậm nét hình ảnh tên cai Lệ. Cai lệ rõ ràng là một tên tay sai chuyên nghiệp. Nghề của hắn là đánh người, trói người. Hắn mẫn cán là thành thạo. Mất hết tính người, hắn là một con dã thú.

Trong hệ thống cai trị thực dân phong kiến, cái chức cai lệ cũng chẳng có gì to tát cả. Thế nhưng, hãy xem thái độ của hắn khi xông đến nhành chị Dậu. Hắn tỏ ra ngang ngược, hống hách với hành động và lời lẽ đày tính đe dọa, quát tháo, dọa nạt người khác như thể ở dây hắn quyết định mọi thứ, kể cả sinh mệnh con người. Hắn kiêu căng, ngạo mạn, hách dịch đến cùng cực. Cai lệ đích thực là sản phẩm của chế dộ, do *“nhà nước”*đào tạo và trở thành một nhân vật đại diện cho bản chất, trật tự của chế độ của nhà nước tàn bạo ấy.

So với cai lệ, tên người nhà lí trưởng có vẻ nhút nhát hơn nhưng cũng không kém phần tàn ác. Hắn cũng sẵn sàng trói người, đánh người, bức ép con người đến bước đường cùng. Đối với hắn, mạng người cũng như cỏ rác, cũng không có cái gì khác tốt đẹp hơn cả.

Trong đoạn trích, tình thế đặt chị Dậu trước sự lựa chọn: hoặc là để yên cho chúng giày xéo, bắt bớ anh Dậu, hoặc đứng lên chống lại chúng và chấp nhận tai họa về sau để cứu chồng. Một cách tự phát của diễn biến, chị đã vùng dậy một cách quyết liệt. Đó là sự vùng dậy của lòng yêu thương, của nhân tính, của itnhf người cao cả.

Lúc đầu, chị *“cố thiết tha”* van xin theo kiểu mềm nắn rắn buông, mong chúng rũ lòng thương mà tha cho kẻ khốn khó. Van xin là cách duy nhất để *“mong”* hai tay sai tha cho anh Dậu. Đây là sự nhịn nhục của kẻ dưới. Bởi chị biết thân biết phận hèn mọn của mình, không dám cãi lại hoặc làm trái kẻ có chức quyền. Đó cũng là cách ứng xử tự nhiên của người nông dân thấp cổ bé họng tước cường quyền, ác bá xưa nay.

Trước sự hách dịch và tàn bạo của cai Lệ, ch Dậu bắt đầu có những phản kháng. Đầu tiên là bằng lời lẽ phân bua. Sau đó là thái độ cứng rắn. Cuối cùng là ra tay đánh lại.

Khi tên cai lệ hùng hổ xông tới chỗ anh Dậu, không van xin được, chị cự lại:*“Chồng tôi đau ốm, ông không được phép hành hạ”.* Cách xưng hô thấy chị không còn*“nằm yên”* trong tư cách kẻ dưới mà ngang hàng. Đó cũng là sự cảnh báo đầu tiên của mọt người đàn bà đã bị dồn ép vào thế khó. và chắc chắn đó chưa phải là hành động cao nhất, quyết liệt nhất. Bọn chúng đã không nghe, sấn tới quyết bắt trói anh Dậu cho bằng được. Như dòng nước bị bức bí bấy lâu, cơn giận và sự căm tức của chị Dậu lên đến tột đỉnh, bộc phát thành hành động: *Mày trói chồng bà đi, bà cho mày xem.*

Chị Dậu đã chuyển từ tư thế kẻ yếu sang tư thế của kẻ bề trên ngự trị:*bà – mày*. Sự căm giận, khinh bỉ kẻ thù dã lên đến tột độ. Và trong màn đấu lực xảy ra sau đó, chị Dậu đã toàn thắng.

Hành động phản kháng của chị Dậu xuất phát từ một qui luật: *“Con giun xéo lắm cũng quằn”.* Mặc dù tự phát, song hành động của chị cho thấy sức mạnh tiềm tàng của người nông dân. Sức mạnh ấy bắt nguồn từ ý thức nhân phẩm, từ tình yêu chồng thương con và sự căm phẫn đến tận xương tủy cái chế độ *“ăn thịt người”*tàn bạo của bọn cai trị thời bấy giờ. Đây là đoạn văn sảng khoái nhất trong hơn một trăm trang Tắt đèn.

Hành động phản kháng của chị Dậu là hành động tất yếu của người nông dân bị dồn vào bước đường cùng không còn có lối thoát. trước sự sống và cái chết, họ buộc phải phản kháng lại. Dĩ nhiên, chị thắng bọn chúng lúc này, giải cứu anh Dậu khỏi nguy kịch nhưng sau đó, chị vẫn bị bọn chúng đàn áp. Chung cuộc là chị vẫn thua chúng. Chị thua cái ché độ cai trị bề thế và đồ sợ sẵn sàng nghiền nát mọi sự phản kháng của con người. Thế nhưng, hành động của chị là một bài ca cỗ vũ cho tinh thần phản kháng của người nông dân mong muốn tìm thấy được một con đường giải phóng mình ra khỏi ngục tù tăm tối ấy.

**Kết bài**

Giá trị của đoạn trích được thể hiện rõ nét qua nhân vật chị Dậu. Tấm lòng thương yêu chồng con và tinh thần phản kháng trước sự áp bức của các thế lực thống trị đã làm nổi bật nhân vật chị Dậu trong đoạn trích.

# BT11.Phân tích tấm lòng thương con, yêu chồng tha thiết; tính vị tha và đức hi sinh cao cả của nhân vật chị Dậu

**Mở bài**

Tiểu thuyết Tắt đèn là tác phẩm xuất sắc nhất của nhà văn Ngô Tất Tố và của nền văn học hiện thực phê phán. Trông đó, nhân vật chị Dậu là hình ảnh tiêu biểu của đòi sống người nông dân cùng khổ trong xã hội thực dân phong kiến trước cách mạng. Nét nổi bật ở chị Dậu là tấm lòng yêu chồng thương con tha thiết, là tính vị tha và đức hi sinh cao cả.

**Thân bài**

Ngô Tất Tố đã rất chú trọng khi xây dựng nhân vật chị Dậu, một người phụ nữ nông dân có nhiều phẩm chất cao đẹp. Những phẩm chất có ở chị Dậu cũng là những phẩm chất vốn có của con người Việt nam ta lúc nào cũng biết tôn trọng, giữ gìn và trau dồi phẩm chất của mình, dù là trong hoàn cảnh cơ cực, khốn khổ nhất.

Trước hết, ở chị Dậu ta thấy, chị là một người phụ nữ nông dân hiền lành, đôn hậu, thực thà, chất phác. Trong làng, chị Dậu chưa từng xích mích với ai. Chị chỉ biết làm việc kiếm tiền nuôi con. Tuy khổ nhưng chẳng bao giờ lừa dối. Việc nhà, việc đồng chị đều giỏi giang. Một tay chị quán xuyến, vun vén cho cuộc sống của mấy người trong nhà.

Chị Dậu còn là người yêu chồng, thương con tha thiết. Dù trong mọi hoàn cảnh, chị Dậu vẫn luôn dành trọn tình cảm đối với chồng, con mà không hề nghĩ đến bản thân mình, đến những khó khăn vất vả mà mình chịu đựng. Đói chị chịu đói, rách chị chịu rách, cái gì chị cũng dành cho chồng, cho con. Nhìn những đứa nhỏ đói rét mà chị như cắt cứa ở trong lòng.

Đối với chồng, nghèo khổ có nhau, bảo bồng, đùm bọc, chẳng vì giàu sang phú quý mà phụ tình, bạc nghĩa. Tình yêu chồng của chị Dậu thể hiện rõ nhất ở lần anh Dậu bị bọn sai nha đánh cho thừa chết thiếu sống chỉ vì anh chị không có tiền nộp cho xuất sưu của người em đã chết từ năm ngoái. Mỗi lằn roi trên người anh Dậu cũng là mỗi vết thương trong lòng chị. Nhìn anh Dậu nằm thoi thóp, rũ rượi trong cái đói cơn đau mà chị không cầm được nước mắt.

Nhờ bà hàng xóm cho bát gạo, chị vội vàng đem đi nấu cháo cho chồng ăn đỡ đói. Sau khi nấu được nồi cháo, chưa nghĩ đến con cái, chị múc ngay cháo ra một bát lớn, quạt cho chóng nguội rồi ân cần mời chồng ăn. Anh Dậu vì đau quá không muốn ăn, chị tìm lời động viên trìu mến. Xong, chị đón lấy cái Tĩu và ngồi xuống đó như có ý chờ xem chồng chị ăn có ngon miệng hay không.

Tình thương chồng của chị còn được biểu hiện qua việc chị bất chấp hiểm nguy quyết bảo vệ chồng khỏi đòn roi của bọn cai lệ. Bọn chúng xong đến nhà khi anh Dậu chưa kịp ăm miếng cháo. Bọn chúng, những kẻ vô lương, không màng đến sức khỏe, sinh mệnh của kẻ cùng đinh, quyết bắt anh Dậu ra đình đánh tiếp cho đến khi anh nộp sưu. Những kẻ không có tính người, bị lún chìm trong ma lực của đồng tiền dơ bẩn, không cần sự sống của anh mà cần có tiền để làm xong nhiệm vụ với bọn quan trên.

Rõ ràng, chúng biết anh Dậu làm gì có tiền để nộp sưu ngay hôm nay. Lần này chúng đến (và sẽ còn nhiều lần nữa) là để gay áp lực để anh Dậu (và những người còn thiếu sưu khác nữa) thấy được sức mạnh của cường quyền, của pháp chế. Chúng đến để hăm dọa và hành hạ con người. Bởi thế, chúng hùng hổ đời bắt trói anh Dậu.

Chao ôi, anh Dậu đã bị đánh thế kia, bị đói thế kia, bị sợ đến xanh tím mặt mày chắc sẽ chết nếu bị đánh tiếp. Chắc chắn là anh sẽ không chịu nổi đòn roi chồng chất đòn roi như thế. Hiểu được tình cảnh ấy, chị Dậu đã đứng lên. Chị đứng lên có sự tính toán kĩ lưỡng. Ban đầu, chị dùng lời nài nỉ, van lơn. Không được, chị lại hết lời cầu khẩn mong chúng rũ lòng thương hại mà tha cho kẻ khó lần này. Chúng vẫn không chịu buông tha, chị nghiêm giọng nhắc nhở, cảnh báo.

Thế nhưng, sự cảnh báo của chị cùng hành động đỡ lấy tay roi của cai lệ chẳng khác nào như đổ dầu vào lửa làm bùng len sự dữ tợn của con thú ấy. Tên cai lệ sấn tới chỗ anh Dậu, gặp ngăn cản, hắn bịch luôn vào ngực chị Dậu mấy cái đau điếng. Quá tức giận và căm phẫn, chị đã phản kháng lại, ra mặt thách thức. Không để chúng kịp trở tay, chị đã quật cho chúng một trận nhớ đời.

Chính việc thương chồng, lo chồng bị đánh đã biến thành sức mạnh để chị chiến thắng tên cai lệ và người nhà lí trưởng, bảo vệ chồng mình.

Chị Dậu còn là hình ảnh một người mẹ rất mực yêu thương con. Với chị, không có gì quý hơn con cái. Có cái gì ăn, chị cũng dành cho con hết. Còn mình chỉ ăn vài miếng cho đỡ đói. Chị thấy hạnh phúc khi nhìn các con ăn. Chúng ăn vội vã vì đói quá. Đêm đêm, ôm chúng vào lòng, nghĩ đến cái tương lai mờ mịt đáng sợ, chị khóc một mình.

Phải bán cái Tí để có tiền nộp sưu, vượt thoát khỏi kiếp nạn, chị như dứt từng khúc ruột. Nhìn cái Tí đau buồn mà chị như muốn chết đi. Biết là mình sai nhưng bán nó đi có thể nó được sống, gia đình sẽ được sống. Còn không bán đi, cả nhà có thể sẽ chết vì bị áp bức, hành hạ, vì đói khát. Nỗi khổ tâm ấy, chị không thể nào thấu rõ cùng con được.

Tình cảm yêu chồng thương con của nhân vật chị Dậu cũng là phẩm chát cao đẹp của người phụ nữ Việt Nam một lòng lo lắng, hi sinh cho hạnh phúc gia đình. Bao nhiêu thời đại thay đổi, bao nhiêu kiếp người đi qua, phẩm chất ấy vẫn còn nguyên vẹn, chẳng phai mờ.

**Kết bài**

Qua đoạn trích Tức nước vỡ bờ, ta thấy nổi bật lên hình ảnh người phụ nữ nông dân Việt Nam trước Cách mạng với tình yêu chồng, thương con tha thiết, giàu lòng vị tha, đức hi sinh. Chị Dậu chiếm được cảm tình của đông đảo người đọc từ trước tới nay.

**BT12.Phân tích giá trị tư tưởng và nghệ thuật của tác phẩm “Tắt đèn” của nhà văn Ngô Tất Tố**

**Mở bài**

Tiểu thuyết Tắt đèn của Ngô Tất Tố là một tác phẩm xuất sắc của dòng văn học hiện thực 1930 – 1945. Về mặt tư tưởng và nghệ thuật, Tắt đèn đều có giá trị to lớn.

**Thân bài**

**\* Nội dung tư tưởng:**

Tắt đèn giàu giá trị hiện thực. Tác giả đã tố cáo và lên án chế độ sưu thuế đã biết bao người phải bán vợ đợ con để trang trải *“món nợ nhà nước”.* Vụ sưu thuế đến xóm thôn rùng rợn trong tiếng trống ngũ liên thúc giục liên hồi suốt đêm ngày. Cảnh bọn cường hào ác bá bắt trói, đánh đập tàn nhẫn những kẻ thiếu thuế, thiếu sưu diễn ra trên khắp mặt đất. Tiếng kêu khóc thảm thiết của nhũng người nông dân thiếu nợ vang lên thảm thiết, nỗi đau khổ thấu tận trời xanh. Cái sân đình xồi thịt đã trở thành trại giam hành hạ những người nông dân nghèo khổ hiền lành vô tội.

Có thể nói Tắt đèn là một bức tranh xã hội chân thực, một bản án đanh thép kết tội chế độ thực dân nửa phong kiến đã áp bức bóc lột, đã làm bần cùng hóa nhân dân ta, đẩy người nông dân vào bước đường cùng không lối thoát.

**\* Giá trị nhân đạo:**

Tắt đèn là một tác phẩm giàu giá trị nhân đạo. Tình vợ chồng, tình mẹ con, tình nghĩa xóm làng giữa những con người cùng khổ được nói đến một cách chân thực. Số phận người phụ nữ, những em bé, những người cùng đinh được tác giả nêu lên với bao xót thương, nhức nhối và đau lòng.

Tắt đèn đã xây dựng nhân vật Chị Dậu – một hình tượng chân thật, đẹp dẽ về người phụ nữ nông dân Việt Nam. Chị Dậu có bao phẩm chất tốt đẹp, cần cù, tần tảo, giàu tình thương, nhẫn nhục và dũng cảm chống cường hào, chống áp bức. Chị Dậu là hiện thân của người vợ, người mẹ vừa sắc sảo, vừa nhân hậu, trong sạch. Một sức sống tiềm tàng mãnh liệt chưa bao giờ tắt trong người phụ nữ nông dân ấy.

**\* Giá trị nghệ thuật:**

Tắt đèn, một cuốn tiểu thuyết có quy mô khiêm tôn, trên dưới 200 trang, nhưng có giá trị nghệ thuật đặc sắc.

Về kết cấu, nhà văn đã rất chú trọng xây dựng kết cấu truyện rất chặt chẽ, tập trung và nhất quán. Các tình tiết, chi tiết đan cài chặt chẽ, đầy ấn tượng làm nổi bật chủ đề. Hầu như nhân vật chị Dậu đã xuất hiện trong tác phẩm từ đầu chí cuối và tham gia vào hầu hết các sự kiện.

Tính xung đột, tính bi kích cũng được đẩy lên cao độ nhằm thu hút, cuốn hút người đọc và làm tăng tính hấp dẫn ho cau chuyện. Nhà văn tập trung khắc họa thành công hình ảnh các nhân vật. Các hạng người từ người dân cày nghèo khổ đến địa chủ, từ bọn cường hào đến quan lại đều có những nét riêng, rất chân thực, sống dộng.

Ngôn ngữ trong Tắt đèn chủ yếu là miêu tả và tự sự. Ngôn ngữ nhân vật đều nhuần nhuyễn, đậm đà. Câu văn xuôi thanh thoát.

**Kết bài**

“Tắt đèn” là một thiên tiểu thuyết có luận đề xã hội hoàn toàn phụng sự dân quê, một áng văn có thể gọi là kiệt tác” (Vũ Trọng Phụng).

**BT13.Suy nghĩ của em về sức mạnh phản kháng của nhân vật chị Dậu trong đoạn văn Tức nước vỡ bờ trích từ tác phẩm “Tắt đèn” của nhà văn Ngô Tất Tố**

**Mở bài**

Ngô Tất Tố là nhà văn hiện thực nổi tiếng giai đoạn 1930-1945. Với sự ra đời của tiểu thuyết Tắt đèn (1939), lần đầu tiên trong văn học Việt Nam xuất hiện hình tượng điển hình về người phụ nữ nồng dân với những phẩm chất quý báu. Đó là nhân vật chị Dậu trong tác phẩm Tắt đèn của Ngô Tất Tố. Đoạn trích Tức nước vợ bờ thể hiện tập trung nhất, rõ ràng nhất tính cách và sức mạnh phản kháng của nhân vật chị Dậu trong tình cảnh khốn cùng.

**Thân bài**

Chị Dậu là một người vợ đảm đang, hết lòng yêu thương chồng.Chỉ vì không có tiền nộp cho xuất sưu của anh Sửu, người em trai đã chết từ năm ngoái, anh Dậu bị bọn sai nha đánh cho thừa chết thiếu sống. Buổi chiều, chúng lôi anh về rũ rượi như một cái xác chết.

Thương chồng bị hành hạ, nhưng chị Dậu cũng không biết làm thế nào. Chị đã bán đàn chó, bán cả đứa con gái đâu lòng mà vẫn không đủ tiền xoay sở. Tình cảnh thật là khốn khổ, bi đát. Thương tình, bà lão hàng xóm cho bát gạo để chị nấu cháo cho chồng ăn. Mấy ngày nay, cả nhà không ăn gì rồi. Anh Dậu bị đánh thế kia sợ không cầm cự nổi. Mấy đứa nhỏ đói khát đến phờ phạc. Tình thế của gia đình chị Dậu không những khốn khó mà còn hết sức nguy kịch.

Tất cả hi vọng đều trông cậy vào chị Dậu cả. Chị hiểu điều đó. Thế nên, chị không màng đến bản thân. Cháo chín, chị múc ra la liệt cho mau nguội để chồng và con ăn. Đứa con vì đói quá húp cháo soàn soạt. Anh Dậu dẫu bị đau nhưng vì thương vợ cũng gắng gượng ngồi dậy cố ăn một miếng. nhìn thấy cảnh ấy, chị Dậu rươm rướm nước mắt. Chị không ăn vì chị còn khỏe. Chị muốn dành cả cho chồng cho con.

Khi bọn sai nha hầm hập kéo đến, chúng quyết bắt trói anh Dậu lôi ra đình đánh tiếp, chị Dậu van xin không được đã quyết liệt chóng lại chúng. Chị bất chấp tai họa thế nào chỉ để cứu anh Dậu ngay trong lúc nguy kịch này.

Một người phụ nữ nông dân đã yêu thương chồng con như thế ấy, đã mạnh mẽ như thế ấy khiến kẻ cường quyền kia phải nể sợ. Chị đã khiến chúng vô cùng bất ngờ vì trong cái làng này, chưa có một người phụ nữ nào (kể cả là đàn ông) dám cãi lời hay chống lại chúng.

Chị Dậu là người phụ nữ dũng cảm dám đứng lên chống lại áp bức, bất công. Lúc đầu, như lẽ bình thường, chị cố gắng nhẫn nhục, van xin tên cai lệ để hắn động lòng thương mà tha cho anh Dậu. Thế nhưng, chị càng van xin, chúng càng hống hách và dữ tợn hơn. Như những con thú không có tính người, chúng hô hét ầm ĩ, rồi sầm sập chạy đến định bắt trói anh Dậu. Biết điều không hay sắp xảy đến, chị Dậu sợ đến xám mặt  tiếp tục cầu khẩn, giải bày nhưng vẫn không thể khơi được từ tâm vốn đã khô kiệt bên trong bọn ác nhân ấy.

Chúng ào ạt xông tới. Chị ngăn cản, cảnh cáo bằng lời:

*– Chồng tôi đau ốm, các ông không được làm thế.*

Từ vị thế kẻ dưới, chị Dậu đã nâng mình lên vị thế của người trên để mắng chửi chúng cho hả giận. Rồi chị ngăn cản bằng hành động: đỡ lấy tay tên cai lệ. Bị ngăn cản, như một phản xạ quen thuộc của bọn sai nha, cai lệ bịch vào ngực chị mấy cái đau điếng.

Quá giận dữ và bất lực trước sức mạnh của đạo lí nhân tình, chị Dậu nghiến răng quyết liệt chống lại chúng. Chị ra lời thách thức, bắt đầu một cuộc đối đầu không cân sức:

*– Mày đánh chồng bà, bà cho mày xem.*

Hành động chống trả quyết liệt của chị Dậu chứng tỏ bản lĩnh cứng cỏi, không sợ cái xấu, cái ác, cường quyền. Đây mới chỉ là hành động bộc phát, chưa phải là sự vùng lên của một người dân đã được giác ngộ cách mạng. Thế nhưng, nó cũng mở ra một hướng đi mới cho những người nông dan cùng khổ, bị đè nén đến cùng cực trong xã hội thực dân phong kiến đương thời.

Có thể sau đó, chị Dậu bị đàn áp, bị bắt bớ, xử phạt nặng nề hơn nhưng hành động của chị đã cứu sống anh Đậu, đã cảnh tỉnh bọn ác nhân, đã chứng minh rằng người nông dân cùng khổ nếu không vùng lên cũng sẽ chết trong chính sự cam chịu yếu đuối, nhu nhược của mình.

**Kết bài**

Đoạn trích Tức nước vỡ bờ là một trong những đoạn hay nhất của tác phẩm Tắt đèn. Nhà văn đã dành tình cảm ưu ái, xót thương và cảm phục cho nhân vật chị Dậu. Sức mạnh phản kháng của chị Dậu khởi đầu cho những phẫn uất của người nông dân trước cách mạng quyết vùng lên vượt thoát ra khỏi cảnh sống ngột ngạt, bế tắt, tìm lấy con đường sống trong tăm tối mịt mù.

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**BÀI 4 LÃO HẠC**

**Nam Cao**

**I.Tác giả**

- Nam Cao là bút danh của Trần Hữu Trí. Ông sinh năm 1915 tại làng Đại Hoàng, phủ Lý Nhân, tỉnh Hà Nam.

- Trước năm 1945, ông dạy học tư và viết văn. Ông là một nhà văn hiện thực xuất sắc với những truyện ngắn, truyện dài chân thực viết về người nông dân nghèo đói bị vùi dập và người trí thức nghèo sống mòn mỏi, bế tắc trong xã hội cũ.

- Sau cách mạng tháng Tám, ông chân thành, tận tuỵ sáng tác phục vụ kháng chiến : làm phóng viên mặt trận, rồi làm công tác văn nghệ tại chiến khu Việt Bắc. Cuối năm 1951, ông đi công tác vào vùng sau lưng địch, hi sinh trong tư thế một nhà văn- chiến sĩ.

- Nam Cao được nhà nước truy tặng « Giải thưởng Hồ Chí Minh » về văn học nghệ thuật (năm 1996).

- Nam Cao là tác giả của cuốn tiểu thuyết « Sống mòn » và khoảng 60 truyện ngắn tiêu biểu nhất là các truyện « Chí Phèo », « Lão Hạc », « Mua nhà », « Đời thừa », « Đôi mắt »....

- Nam Cao có tài kể chuyện, khắc họa nhân vật bằng độc thoại với bao trang đời éo le, đầy bi kịch. Người nông dân nghèo, người trí thức nghèo là hai đề tài in đậm trong truyện của Nam Cao. Tác phẩm của Nam Cao biểu hiện « *một chủ nghĩa nhân đạo thống thiết*» (Nguyễn Đăng Mạnh).

**Nam Cao – Nhà văn hiện thực xuất sắc, Nhà nhân đạo chủ nghĩa lớn**

Nam Cao (1915 – 1951) là một trong số những nhà văn lớn nhất của nền văn xuôi hiện đại Việt Nam. Sáng tác của ông đã vượt qua những thử thách khắc nghiệt của thời gian.

Nam Cao là nhà văn lớn nhất của trào lưu văn học hiện thực phê phán 1930 -1945. Trong số các nhà văn hiện thực, ông là cây bút có ý thức sâu sắc nhất về quan điểm nghệ thuật của mình. Ông phê phán khá toàn diện và triệt để tính chất thoát ly, tiêu cực của văn chương lãng mạn đương thời, coi đó là thứ “ánh trăng lừa dối”, đồng thời yêu cầu nghệ thuật chân chính phải trở về với đời sống, phải nhìn thẳng vào sự thật, nói lên được nỗi thống khổ của hàng triệu nhân dân lao động lầm than (Giăng sáng).

Xuất hiện trên văn đàn khi trào lưu hiện thực chủ nghĩa đã đạt được nhiều thành tựu xuất sắc, Nam Cao ý thức sâu sắc rằng: “Văn chương chỉ dung nạp được những người biết đào sâu, biết tìm tòi, khơi những nguồn chưa ai khơi, và sáng tạo những cái gì chưa có” (Đời thừa). Và Nam Cao đã thực sự tìm được cho mình một hướng đi riêng trong việc tiếp cận và phản ánh hiện thực. Nếu như Nguyễn Công Hoan, Vũ Trọng Phụng, Ngô Tất Tố – những nhà văn hiện thực xuất sắc thời kỳ Mặt trận dân chủ (1936 – 1939) đều tập trung phản ánh trực tiếp những mâu thuẫn, xung đột xã hội thì sáng tác của Nam Cao – đại biểu ưu tú nhất của trào lưu hiện thực chặng đường cuối cùng (1940 – 1945), trừ truyện ngắn Chí Phèo (mà theo tôi là dư âm còn sót lại của thời kỳ 1936 – 1939) trực tiếp đề cập tới xung đột giai cấp, còn các tác phẩm khác đều tập trung thể hiện xung đột trong thế giới nội tâm của nhân vật. Hoàn cảnh lịch sử lúc bấy giờ không tạo điều kiện cho Nam Cao đi thẳng vào những vấn đề cấp bách nhất của xã hội, không trực tiếp miêu tả những sự kiện có ý nghĩa xã hội lịch sử rộng lớn.

Nhiều tác phẩm của ông được dệt lên bằng toàn những “cái hàng ngày” chủ yếu liên quan đến cuộc sống riêng tư của các nhân vật, những sự kiện vặt vãnh, nhỏ nhoi, tủn mủn mà nhà văn gọi là “những chuyện không muốn viết”. Chưa bao giờ cái vặt vãnh hàng ngày lại có một sức mạnh ghê gớm như trong sáng tác của Nam Cao. Chỉ có tiếng con khóc, tiếng vợ gắt gỏng cũng đủ sức lôi tuột văn sĩ Điền đang nhởn nhơ trên chín tầng mây với ánh trăng giống như “cái vú mịn tròn đầy” xuống mặt đất với biết bao cực khổ lầm than (Giăng sáng). Miếng cơm, manh áo hàng ngày cùng với những xích mích vặt vãnh, những ghen tuông vớ vẩn, những đố kị nhỏ nhen cũng dư thừa sức mạnh khống chế, giam cầm chung thân mấy anh giáo khổ trường tư trong cái ao tù ngột ngạt của những kiếp Sống mòn. Cả lý tưởng nhân đạo cao cả, cả hoài bão nghệ thuật chân chính đều có nguy cơ chết mòn trước sự tấn công quyết liệt, dai dẳng và tàn bạo của cái đói (Đời thừa).v.v… Từ những chuyện vụ vặt đời thường, Nam Cao đã thực sự động chạm đến vấn đề có tính chất nhân bản, đã đặt ra những vấn đề sâu sắc về cuộc sống, về thân phận của con người, về vấn đề cải tạo xã hội, về tương lai của dân tộc và nhân loại. Bi kịch của đời thường, của những cái vặt vãnh hàng ngày, qua ngòi bút đầy tài năng của Nam Cao đã trở thành những bi kịch vĩnh cửu.

Nam Cao là nhà văn của chủ nghĩa hiện thực tâm lý. Điều đó có quan hệ mật thiết tới quan niệm về con người của ông. Nam Cao viết trong Sống mòn: “Sống tức là cảm giác và tư tưởng. Sống cũng là hành động nữa, nhưng hành động chỉ là phần phụ: có cảm giác, có tư tưởng mới sinh ra hành động”. Một quan niệm về con người như thế đã chi phối thủ pháp chủ nghĩa hiện thực tâm lý của Nam Cao. Sự chú ý đặc biệt tới thế giới bên trong của con người đã thường xuyên chế ước hứng thú nghệ thuật ngày càng tăng của nhà văn đối với tính chất nhiều dự định của cá tính con người, động cơ nội tại của hành vi nhân vật và quan hệ phức tạp của nó với hiện thực xung quanh.

Đối với Nam Cao, cái quan trong hơn cả trong nhiệm vụ phản ánh chân thật cuộc sống là cái chân thật của tư tưởng, của nội tâm nhân vật. Xét tới cùng, cái quan trọng nhất trong tác phẩm không phải là bản thân sự kiện, biến cố tự thân mà là con người trước sự kiện, biến cố. Vì vậy, trong sáng tác của Nam Cao, hứng thú của những chi tiết tâm lý thường thay thế cho hứng thú của chính bản thân các sự kiện, biến cố. Như vậy, nguyên tắc các sự kiện, biến cố, tình tiết chỉ giữ vai trò “khiêu khích” các nhân vật, để cho nhân vật bộc lộ những nét tâm lý, tính cách của mình. Cho nên, trong Mua nhà, Nam Cao không tập trung miêu tả sự việc mua được cái nhà gỗ rẻ mà tập trung xoáy sâu vào những suy nghĩ, dằn vặt, những ân hận, dày vò của nhân vật người kể chuyện về tình trạng “hạnh phúc chỉ là một cái chăn quá hẹp. Người này co thì người kia bị hở”. Đời thừa cũng không hướng vào việc miêu tả nỗi khổ áo cơm mà tập trung thể hiện phản ứng tâm lý của con người trước gánh nặng áo cơm làm mai một tài năng và xói mòn nhân cách. Cho nên, trước khi bán một con chó, lão Hạc phải trải qua biết bao băn khoăn, day dứt, dằn vặt và khi buộc phải bán nó thì lão vô cùng ân hận, tột cùng đau đớn, tuổi già mà khóc hu hu như con nít. Chí Phèo, con quỷ dữ của làng Vũ Đại, ăn trong lúc say, ngủ trong lúc say, đập đầu rạch mặt, chửi bới, dọa nạt trong lúc say, như là con vật sống trong vô thức, vậy mà sau lần gặp Thị Nở ở bờ sông, cứ “vẩn vơ nghĩ mãi”. Còn Thị Nở, người đàn bà vô tâm có cái tật đột nhiên muốn ngủ không sao chữa được, về nhà lên giường muốn ngủ hẳn hoi mà vẫn không sao ngủ nổi, thị cứ “lăn ra lăn vào”.v.v…

Nam Cao chẳng những miêu tả sinh động những chi tiết, những biểu hiện tâm lý nhỏ nhặt nhất mà còn theo dõi, phân tích quá trình tích tụ của chúng dẫn tới sự nảy sinh những phẩm chất mới trong tâm hồn con người. Không chỉ dừng lại ở những khoảnh khắc, Nam Cao đã miêu tả thành công những quá trình tâm lý của nhân vật. Ngòi bút của ông tỏ ra có biệt tài trong khi miêu tả những trạng thái tâm lý phức tạp, những hiện tượng lưỡng tính dở say, dở tỉnh, dở khóc, dở cười, mấp mé ranh giới giữa thiện với ác, giữa hiền với dữ, giữa con người với con vật… Nam Cao đã khắc phục được tính phiến diện, đơn giản trong việc miêu tả tâm lý nhân vật. Qua ngòi bút của ông, tâm lý con người được thể hiện một cách phong phú đa dạng với nhiều sắc thái tinh vi.

Trong sáng tác của Nam Cao, tâm hồn con người là sân khấu bi kịch và bi hài kịch của những xung đột tư tưởng, ý tưởng. Thi pháp chủ nghĩa hiện thực tâm lý của Nam Cao thích ứng với việc nghiên cứu, phân tích và khám phá bằng nghệ thuật tâm lý của nhân vật hơn là việc phân tích và miêu tả những biến cố, xung độ đích thực của chính bản thân đời sống xã hội. Đối với Nam Cao, sự phân tích tâm lý hầu như là điều kiện cơ bản nhất của việc thể hiện con người theo phương pháp hiện thực có chiều sâu của ông. Nam Cao đã lấy thế giới nội tâm nhân vật làm đối tượng chính của sự miêu tả. Ông đã hướng ngòi bút của mình vào việc khám phá con người trong con người miêu tả và phân tích mọi chiều sâu, mọi chuyển biến trong thế giới tâm hồn của nhân vật. Chính vì vậy mà đối với ông, việc miêu tả ngoại hình chỉ có ý nghĩa khi nó nhằm thể hiện và làm nổi rõ bộ mặt tinh thần của nhân vật. Những cảnh thiên nhiên cũng chỉ có lý do tồn tại khi nó gắn liền với tâm trạng của con người. Giữa những bức tranh phong cảnh thoáng nhìn tưởng chỉ thuần tuý những cảnh vật thiên nhiên, nhà văn đã khéo léo treo lên những mảnh tâm hồn của nhân vật.

Nam Cao mong muốn khai thác những vấn đề của cuộc sống không phải ở bề rộng mà là ở bề sâu. Thoát khỏi cách nói chút ít về tất cả, ông đã tập trung bút lực vào việc miêu tả nội tâm của nhân vật. Nhà hiện thực chủ nghĩa Nam Cao đã mở rộng việc phản ánh hiện thực bằng cách khai thác sâu sắc thế giới tâm hồn của con người. Qua ngòi bút ông, thế giới bên trong của con người, kể cả những “con người bé nhỏ”, thậm chí cả những kẻ khốn khổ tủi nhục nhất như Chí Phèo và Thị Nở cũng là cả một vũ trụ bao la! Đối với Nam Cao, việc phân tích tâm lý nhân vật không tách rời việc phân tích cuộc sống xã hội nói chung. Thông qua việc miêu tả, phân tích tâm lý để thể hiện những mâu thuẫn, xung đột xã hội, Nam Cao đã mở ra một khuynh hướng phân tích mới cho phương pháp hiện thực chủ nghĩa trong văn học Việt Nam. Có thể nói, cảm hứng phân tích phê phán thấm nhuần trong toàn bộ sáng tác của Nam Cao. Nó là một đặc điểm nổi bật, trở thành “linh hồn”, “cốt tuỷ” chủ nghĩa hiện thực của Nam Cao.

Cái gốc, nền tảng vững chắc của chủ nghĩa hiện thực của Nam Cao là chủ nghĩa nhân đạo. Trong truyện ngắn Đời thừa, Nam Cao khẳng định: “Một tác phẩm thật giá trị, phải vượt lên bên trên tất cả bờ cõi và giới hạn, phải là một tác phẩm chung cho cả đời người. Nó phải chứa đựng một cái gì lớn lao, mạnh mẽ, vừa đau đớn, vừa phấn khởi. Nó ca tụng lòng thương, tình bác ái, sự công bình… Nó làm cho người gần người hơn”. Như vậy, trong quan niệm của Nam Cao, chủ nghĩa nhân đạo được đặt ra, như một yêu cầu tất yếu đối với những tác phẩm “thật có giá trị”.

Trong mỗi trang văn của Nam Cao đều bộc lộ tấm lòng của một con người đau đời và thương đời da diết. Nam Cao yêu thương những con người bị cuộc đời đày đọa. Xã hội cũ đã làm cho ông đau xót khi mà đa số những nhân vật của ông bị đẩy vào cảnh khốn cùng, không đạt được gì trong cuộc đời, không có đủ điều kiện để phát huy những khả năng tiềm tàng ưu việt của mình.

Nam Cao là nhà văn của những người nông dân nghèo khổ và bất hạnh, nhà văn của những người khốn khổ, tủi nhục nhất trong xã hội thực dân phong kiến. Trái tim nhân đạo và cái nhìn sắc sảo của ông đã thấu hiểu những hoàn cảnh thiếu nhân tính làm cho con người bị tha hóa. Viết về những con người dưới đáy của xã hội, Nam Cao đã bộc lộ sự cảm thông lạ lùng của một trái tim nhân đạo lớn. Thế giới, cuộc đời con người, mối quan hệ giữa những con người được nhìn nhận bằng những con mắt của chính họ. Nhà văn, trong những đánh giá và nhận xét, đã xuất phát từ lợi ích và yêu cầu của chính những con người cùng khổ nhất, không có quyền, bị xã hội áp bức, chà đạp xuống tận bùn đen.

Nam Cao đã bảo vệ, bênh vực, minh oan, “chiêu tuyết” cho những con người thấp cổ bé họng, bị cuộc đời xua đuổi, hắt hủi, khinh bỉ một cách bất công. Với trái tim đầy yêu thương của mình, Nam Cao vẫn tin rằng trong tâm hồn của những người không còn được là người, những con người bề ngoài được miêu tả như những con vật vẫn còn nhân tính, vẫn còn những khát khao nhân bản.

Ông nhận ra đằng sau những bộ mặt xấu xí đến “ma chê quỷ hờn” của Thị Nở (Chí Phèo) của mụ Lợi (Lang Rận) của Nhi (Nửa đêm). v.v… vẫn là một con người, một tâm tính người thật sự, cũng khao khát yêu thương. Và khi được ngọn lửa tình yêu sưởi ấm, những tâm hồn tưởng chừng đã cằn cỗi, khô héo ấy cũng ánh lên những vẻ đẹp với những hồi hộp, vui mừng sung sướng, cũng lườm, nguýt, âu yếm, cũng e lệ, làm duyên theo kiểu cách riêng của họ. Thậm chí, trong đáy sâu tâm hồn đen tối của một kẻ cục súc, u mê như Chí Phèo – một kẻ đã bị cuộc đời tàn phá, huỷ hoại từ nhân hình đến nhân tính – nhà văn vẫn nhìn thấy những rung động thật sự của tình yêu của niềm khao khát muốn trở lại làm người lương thiện. Có thể nói, cùng với việc lên án gay gắt những thành kiến, định kiến tồi tệ, những sự nhục mạ danh dự và phẩm giá con người, chính việc phát hiện ra cái phần con người còn sót lại trong một kẻ lưu manh trân trọng những khao khát nhân bản và miêu tả những rung động trong sáng của những tâm hồn tưởng chừng đã bị cuộc đời làm cho cằn cỗi, u mê đã làm cho Nam Cao trở thành một trong số những nhà văn nhân đạo lớn nhất trong nền văn học hiện đại Việt Nam.

Nam Cao là nhà văn của những người trí thức nghèo, của những kiếp “Sống mòn” có hoài bão, có tâm huyết, tài năng, muốn vươn lên cao nhưng lại bị chuyện áo cơm ghì sát đất. Nếu như mỗi tác phẩm viết về đề tài người nông dân của Nam Cao đều là sự trả ơn, gửi gắm ân tình với người nghèo khổ thì mỗi trang viết về đề tài người trí thức đều chứa đựng tâm sự, nỗi đau và niềm khát khao cháy bỏng của chính nhà văn.

Nam Cao giống với Xuân Diệu, Thạch Lam ở chỗ đã thức tỉnh sâu sắc về ý thức cá nhân, về sự tồn tại có ý nghĩa về ý thức cá nhân trên đời. Họ hết sức nhạy cảm với những kiếp sống nhỏ bé, cơ cực, sống mòn mỏi, lắt lay, quẩn quanh, bế tắc. Những con người không hề biết sống làm vui, không bao giờ biết đến ánh sáng và hạnh phúc. Đến trong ước mơ mà vẫn cứ quẩn quanh không biết mơ ước gì hơn một chuyến tàu đêm vụt đi qua cái phố huyện nghèo (Thạch Lam – Hai đứa trẻ). Xuân Diệu cũng không sao chịu nổi “nỗi đìu hiu của cái ao đời bằng phẳng” (Tỏa nhị kiều) và khao khát: “Thà một phút huy hoàng rồi chợt tối/ Còn hơn le lói suốt trăm năm” (Giục giã). Nhưng có lẽ, không ai trong số họ lại đau đớn khôn nguôi, phẫn uất cao độ như Nam Cao trước tình trạng con người không sao thoát khỏi tình trạng sống mòn. Trước cách mạng, không có nhà văn nào có cách nhìn sâu sắc, có tầm triết lý, tổng hợp khái quát cao về tình trạng chết mòn của con người như nhà văn lớn Nam Cao. Mỗi nhân vật của ông là một kiểu đời thừa, một lối sống mòn, một cách chết mòn. Một cuộc sống vô lý, vô ích, vô nghĩa, “chết mà chưa làm gì cả”, “chết trong lúc sống”, “chết mà chưa sống”.

Nam Cao không chấp nhận sự sống của con người chỉ là sự tồn tại sinh học. Ông coi đó không phải là cuộc sống xứng đáng của con người: “Có thú vị gì cái lối sống co quắp vào mình, cái lối sống quá ư loài vật, chẳng còn biết một việc gì ngoài cái việc kiếm thức ăn đổ vào dạ dày?”. Cuộc sống xứng đáng với danh hiệu cao quý của con người, theo quan niệm của Nam Cao, là phải có đời sống tinh thần cao đẹp, sống với đầy đủ giá trị của sự sống. Xuất phát từ tư tưởng cao sâu đó, Nam Cao đã đồng cảm sâu sắc và đau đớn vô hạn trước bi kịch của những con người muốn sống có ý nghĩa bằng sự cống hiến của mình mà rốt cuộc phải sống như một kẻ vô ích, một “người thừa”. “Còn gì đau đớn hơn cho một kẻ vẫn khao khát làm một cái gì mà nâng cao giá trị đời sống của mình, mà kết cục chẳng làm được cái gì, chỉ những lo cơm áo mà đủ mệt?” (Đời thừa).

Qua những nhân vật trí thức tâm huyết của mình, những Điền, những Hộ, những Thứ…, Nam Cao thể hiện niềm khao khát, một lẽ sống lớn, khao khát một cuộc sống sâu sắc mãnh liệt, có ích và có ý nghĩa. Hộ trong Đời thừa hằng tâm niệm: “Kẻ mạnh không phải là kẻ giẫm lên vai kẻ khác để thoả mãn lòng ích kỉ. Kẻ mạnh chính là kẻ giúp đỡ kẻ khác trên đôi vai của mình” và mơ ước viết được “một tác phẩm thực sự có giá trị (…) làm cho người gần người hơn”. Thứ trong Sống mòn đã từng “thích làm một việc gì có ảnh hưởng đến xã hội ngay” và mong muốn đem “những sự đổi thay lớn lao đến cho xứ sở mình”. Hơn một lần Thứ mơ ước: “Mình cũng là một vĩ nhân, một anh hùng, vượt lên trên sự tầm thường để chỉ nghĩ đến một cái gì vĩ đại thôi. Y nghĩ đến những phương kế để xoay ngược lại, đồng thời xếp đặt cho người với người ổn thoả hơn”.

Những con người mang hoài bão lớn ấy khi chạm trán với cuộc đời đều nếm trải đắng cay, đau đớn, đều lâm vào tình trạng “sống mòn”. Nhưng dẫu bị “áo cơm ghì sát đất”, tuy “sống mòn” nhưng họ chưa hoàn toàn cạn kiệt hết niềm tin, niềm hi vọng, vẫn khao khát được sống, được cống hiến, được phát triển; vẫn khao khát mỗi cá nhân được phát triển “đến tận độ” để góp vào “công việc tiến bộ chung” của loài người. Cao cả và đẹp đẽ biết bao lý tưởng nhân văn của Nam Cao được gửi gắm qua những dòng suy ngẫm của nhân vật Thứ về sự sống: “Thứ vẫn không thể nào chịu được rằng sống chỉ là làm thế nào cho mình và vợ con mình có cơm ăn, áo mặc thôi. Sống là để làm một cái gì cao đẹp hơn nhiều, cao quý hơn nhiều. Mỗi người sống phải làm thế nào cho phát triển đến tận độ những khả năng của loài người chứa đựng ở trong mình. Phải gom góp sức lực của mình vào công việc tiến bộ chung. Mỗi người chết đi, phải để lại một chút gì cho nhân loại”. Như vậy, trong quan niệm của Nam Cao, ý thức cá nhân, sự tồn tại có ý nghĩa của mỗi cá nhân trên đời đâu chỉ một chiều là tranh thủ từng giây, từng phút để tận hưởng những khoảnh khắc đang có cho “chếnh choáng mùi thơm”, cho “đã đầy ánh sáng”, cho “no nê thanh sắc của thời tươi” (Xuân Diệu).

Nam Cao đòi hỏi để cho mỗi cá nhân được phát triển đến tận độ với một ý thức đầy trách nhiệm và trong mối quan hệ mật thiết với sự phát triển chung của xã hội loài người. Tư tưởng nhân văn mới mẻ và sâu sắc đó chưa từng có trong nền văn học hiện đại Việt Nam trước cách mạng. Đó là một tư tưởng lớn vượt ra ngoài cả thời đại Nam Cao.

Có thể nói, tư tưởng nhân đạo thấm nhuần trong sáng tác của Nam Cao. Ông là nhà văn đồng tình với khát vọng sống lương thiện và khát vọng được phát huy đến tận độ tài năng của con người. Tư tưởng nhân đạo mới mẻ, phong phú và sâu sắc đó cho thấy nhà văn không chỉ dừng lại ở chỗ tố cáo những thế lực tàn bạo chà đạp quyền sống của con người mà còn đòi hỏi xã hội tạo những điều kiện để con người được sống một cuộc sống thực sự có ý nghĩa.

**II. Về truyện ngắn "Lão Hạc":**

***1.Giới thiệu vắn tắt giá trị của truyện ngắn « Lão Hạc »***

Viết về đề tài người nông dân trước cách mạng, « Lão Hạc » là một truyện ngắn xuất sắc của nhà văn Nam Cao, đăng báo lần đầu năm 1943. Truyện đã thể hiện một cách chân thực, cảm động số phận đau thương của người nông dân trong xã hội cũ và phẩm chất cao quý, tiềm tàng của họ. Đồng thời, truyện còn cho thấy tấm lòng yêu thương, trân trọng đối với người nông dân và tài năng nghệ thuật xuất sắc của nhà văn Nam Cao, đặc biệt trong việc miêu tả tâm lý nhân vật và cách kể truyện.

***2. Giá trị nội dung***

**a. Tình cảnh cùng khổ và số phận bi đát của người nông dân trước cách mạng tháng Tám.**

**\*Cũng như bao người nông dân khác, cuộc đời lão Hạc bị vây bủa trong sự nghèo đói.** Đã nghèo, lại góa vợ, lão Hạc lầm vào cảnh một thân gà trống nuôi con.

- Không có ruộng cầy, toàn bộ gia tài của lão chỉ là một con chó và một mảnh vườn. Mảnh vườn ấy có được là do vợ lão cố thắt lưng buộc bụng, dè sẻn mãi mới để ra được năm mươi đồng bạc tậu ». Đó là mảnh vườn còm cõi, hoa màu của nó cũng chỉ đủ để lão « bòn mót ». Cho nên lão phải làm thuê làm mướn, đem sức mình đổi lấy miếng ăn.

=> Đó là tất cả cuộc đời lão đã khiến lão thấm thía cái kiếp nghèo tủi nhục của mình, mà có lần lão đã chua xót thốt lên rằng : « nó chỉ nhỉnh hơn cái kiếp của một con chó »

**\* Mất con**

- Chính cái nghèo đã kiến cho lão Hạc trở thành người cha phải bó tay trước hạnh phúc không thành của người con trai độc nhất. Cái nghèo không cho lão dựng vợ cho con để trọn cái đạo làm cha. Anh con trai vì không đủ tiền cưới vợ đã phẫn chỉ bỏ đi đồn điền cao su tận Nam Kì biền biệt 5,6 năm chưa về. Thế là cái nghèo lại cướp nốt đứa con trai của lão. Lão vô cùng đau xót về điều này, kể lại chuyện với ông giáo mà nước mắt rân rấn : « Thẻ của nó người ta giữ. Hình của nó người ta chụp rồi. Nó lại đã lấy tiền của người ta. Nó là người của người ta rồi, chứ đâu còn là con tôi ». Câu nói của lão nhói lên một nỗi đau, bởi nó đã khái quát cả một cảnh đời cùng khổ một số phận thảm thương của người nông dân trong chế độ cũ.

**\*.Bán chó :**

- Anh con trai đi biền biệt, lão sống thui thủi, trơ trợ một mình trong nỗi bất hạnh ngày thêm chồng chất. Chỉ có con chó là bầu bạn sớm tối, con chó thành « cậu Vàng », thành một người trong nhà lão. « Con chó là của cháu nó mua đấy chứ ». Lão vẫn không quên con chó là kỉ vật thiêng liêng, là tài sản của đứa con trai. Có một mối dây liên lạc rất lạ lùng giữa lão Hạc, con chó và đứa con trai vắng mặt. Cho nên, có bao nhiêu niềm thương, nỗi nhớ chất chứa trong lòng, lão dồn hết vào con chó. Lão yêu quý «cậu vàng » như con, như cháu tưởng như không thể nào có thể rời xa nó, tưởng như cuộc đời lão không thể thiếu nó.

-Vậy mà, tình cảnh đói nghèo khốn quẫn đã buộc lão phải chia tay với nó. Lão bị ốm một trận kéo dài 2 tháng 18 ngày, không một người thân bên cạnh đỡ đần, săn sóc cho một bát cháo, hay một chén thuốc ! Tình cảnh ấy thật đáng thương ! Tiếp theo một trận bão to, cây cối, hoa màu trong vườn bị phá sạch sành sanh. Làng mất nghề sợi. Đàn bà congái trong làng đi làm thuê rất nhiều, giành hết mọi việc. Sau trận ốm, lão Hạc yếu hẳn đi, chẳng ai thuê lão đi làm nữa. Lão Hạc thành ra thất nghiêp.Thóc cao, gạo kém, sức cùng, lực kiệt, lão Hạc đành phải bán con chó mà lão rất yêu quý. Bán con chó là bán đi niềm vui, niềm an ủi cuối cùng của lão. Lão đã đắn đo, do dự mãi khi quyết định bán con chó.

- Và khi buộc lòng phải bán nó lão vô cùng đau đớn. Bán nó xong, lão Hạc bị đẩy sâu xuống đáy vực bi thảm. Lão cảm thấy mình là một kẻ « tệ lắm », đã già mà còn đánh lừa một con chó ». Kể lại chuyện bán chó với ông giáo mà « Lão cố làm ra vui vẻ. Nhưng trông lão cười như mếu và đôi mắt ầng ậc nước ». Lão tự nhận là một kẻ bất nhân, là tên lừa đảo đối với một con chó vốn tin yêu mình. Có lẽ đây là giây phút đau đớn nhất trong cuộc đời lão, khiến cho « mặt lão đột nhiên co rúm lại. Những vết nhăn xô lại với nhau, ép cho nước mắt chảy ra. Cái đầu lão ngoeo về một bên và cái miệng móm mém của lão mếu như con nít. Lão hu hu khóc.. »

=> Cuộc đời lão Hạc là một dòng nước mắt chảy dài của những nỗi đau bất lực. Nước mắt lão khi thì « rân rấn », lúc « ầng ậng », cả khi « cười cũng như mếu ». Nước mắt ấy dường như đã cạn kiệt trong cuộc đời khổ đau, tủi cực của lão. Cho nên khi khóc, « mặt lão đột nhiên co rúm lại ». Những vết nhăn xô lại với nhau ép cho nước mắt chảy ra ». Nhiều người cho rằng đây là cái tài miêu tả cuả Nam Cao, nhưng trước hết đó là cái tình của nhà văn đối với kiếp người tủi cực trong chế độ cũ. Không có một sự cảm thông sâu sắc, không có một tình xót thương chân thành, không thể vẽ lên một nỗi đau hằn sâu trên khuôn mặt lão Hạc như vậy. Một nét vẽ mà như cô đúc cả một cảnh đời, một kiếp người trong xã hội cũ.

**\*Cái chết**

- Nhưng thê thảm nhất vẫn là cái chết của lão Hạc sau những ngày ăn khoai, ăn củ chuối, sung luộc, rau má, củ ráy, hay bữa trai, bữa ốc... để rồi cuối cùng lão đã ăn bả chó mà chết. Dĩ nhiên, lão lựa chọn cái chết ấy là vì đứa con trai nhưng suy cho cùng thì chính tình cảnh khốn quẫn, sự đói khổ đã đẩy lão đến bước đường cùng phải chết.

- Đó là một cái chết thật là dữ dội và cũng vô cùng bi thảm :  « Lão Hạc đang vật vã ở trên giường, đầu tóc rũ rượi, quần áo xộc xệch, hai mắt long sòng sọc. Lão tru tréo, bọt mép sùi ra, khắp người chốc chốc lại bị giật mạnh một cái, nảy lên... Lão vật vã đến hai giờ đồng hồ mới chết.

=> Như vậy, nghèo khổ đã đẻ nặng lên cuộc đời làm thuê làm mướn khiến cho lão sức cùng lực kiệt ; nghèo khổ lại cướp nốt đứa con trai của lão ; cướp nốt cả « cậu vàng » thân yêu, niềm an ủi cuối cùng của lão ; và nghèo khổ lại đẩy lão đến cái chết đau đớn và thảm khốc như chưa từng thấy. Cái chết ấy đã kết thúc một cảnh đời tủi cực và một số phận bi đát của người nông dân trước cách mạng tháng Tám. Cuộc sống cùng khốn và cái chết bi thương của lão Hạc đã nói lên thấm thía số phận thê thảm của người nông dân lao động trong xã hội tăm tối đương thời. Không chỉ là nỗi đau, cái chết ấy còn là một lời tố cáo sâu sắc và mạnh mẽ cái chế độ tàn ác, bất nhân đã gây nên những cảnh đời thê thảm như lão Hạc. Với chủ nghĩa nhân đạo thống thiết, Nam Cao đã nói lên bao tình thương xót đối với những con người đau khổ, bế tắc phải tìm đến cái chết thê thảm. Chí Phèo tự sát bằng một mũi dao, Lang Rận thắt cổ chết.... và lão Hạc đã quyên sinh bằng bả chó. Lão Hạc đã từng hỏi ông giáo : « Nếu kiếp người cũng khổ nốt thì ta nên làm kiếp gì cho thật sướng ? Câu hỏi ấy đã thể hiện nỗi đau khổ tột cùng của một kiếp người.

**\* Số phận anh con trai lão**- nhân vật không xuất hiện, chỉ hiện ra trong nỗi nhớ của lão Hạc- cũng thật đáng thương : chỉ vì quá nghèo mà cô gái anh yêu thương trở thành vợ kẻ khác ; anh phẫn chí ra đi nuôi mộng « cố chí làm ăn, bao giờ có bạc trăm mới về », không có tiền, sống khổ sống sở ở cái làng này nhục lắm ». Nhưng, thật tội nghiệp, cái nơi mà anh ta tìm đến với hi vọng làm giầu lại là đồn điền cao su Nam Kì, một địa ngục trần gian, thân phận phu cao su chỉ là thân phận nô lệ. Còn lão Hạc thì cứ mong con mỏi mắt suốt tận ngày cuối đời...

**b. Vẻ đẹp tâm hồn và nhân cách cao cả của lão Hạc.**

Chính trong cảnh đời thê thảm ấy, ta lại thấy bừng sáng lên một vẻ đẹp tâm hồn và nhân cách cao cả của lão Hạc. Lão Hạc sống lủi thủi, thầm lặng, bề ngoài lão có vẻ như lẩm cẩm, gàn dở ; vợ ông giáo cũng chẳng ưa gì lão : « cho lão chết ! Ai bảo lão có tiền mà chịu khổ ? Lão làm lão khổ chứ ai làm lão khổ ! » Chính ông giáo cũng có lúc từng nghĩ là lão « quá nhiều tự ái », còn Binh Từ thì « bĩu môi nhận xét : Lão làm bộ đấy ! thật ra thì lão chỉ tẩm ngẩm thế, nhưng cũng ra phết chứ chả vừa đâu ! » Nhưng kì thực lão Hạc có một nhân cách hết sức cao quý mà bề ngoài không dễ thấy. Đằng sau « manh áo rách » là một tấm lòng vàng ». Nó được thể hiện qua tấm lòng của lão đối với con trai, đối với « cậu Vàng », qua việc gửi gắm vườn tược, tiền bạc cho ông giáo và nhất là qua cái chết thảm khốc mà lão đã lựa chọn cho chính mình.

**\* Lão Hạc, một con người chất phác, hiền lành và nhân hậu vô cùng**

**- Cái tình của lão đối với « cậu Vàng » thật là hiếm có, đặc biệt và Nam Cao đã ghi lại tỏng những dòng chữ xúc động.**

+ Bởi không còn là con chó thường, cậu “vàng” đã trở thành người thân, niềm vui, niềm an ủi đối với cuộc sống cô đơn, lủi thủi một mình của lão. + Lão “gọi nó là cậu Vàng như bà mẹ hiếm hoi gọi đứa con cầu tự. Thỉnh thoảng không có việc gì làm, lão lại bắt rận cho nó hay đem nó ra ao tắm, cho nó ăn cơm trong một cái bát như một nhà giầu (…) Lão cứ nhắm vài miếng lại gắp cho nó một miếng như người ta gắp thức ăn cho con trẻ.

+ Rồi lão chửi yêu nó, lão nói với nó như nói với một đứa cháu bé về bố nó”. Đoạn lão nói chuyện với cậu Vàng về việc « định giết cậu để cưới vợ cho con trai rồi lại không giết nữa, để nuôi » đã bộc lộ sâu sắc tình cảm của lão Hạc đối với con chó thân yêu.

=> Có thể nói, cậu Vàng được lão Hạc chăm sóc, nuôi nấng như con, như cháu. Nó là nguồn vui, chỗ dựa tinh thần, nơi san sẻ tình thương, giúp lão Hạc vợi đi ít nhiều nỗi buồn cô đơn, cay đắng. Cậu Vàng là một phần cuộc đời lão Hạc. Nó đã toả sáng tâm hồn và làm ánh lên bản tính tốt đẹp của lão nông đau khổ, bất hạnh này. Vì thế, sau khi bán cậu Vàng đi, từ túng quấn, lão Hạc chìm xuống đáy bể bi kịch, dẫn đến cái chết vô cùng thảm thương.

+ Tình thế cùng đường khiến lão phải tính đến việc bán “cậu Vàng” thì trong lão diễn ra một sự dằn vặt đau khổ. Lão kể lại cho ông giáo việc bán “cậu vàng” với tâm trạng vô cùng đau đớn: “lão cười như mếu, đôi mắt ầng ậc nước”. Đến nỗi ông giáo thương lão quá “muốn ôm chầm lấy lão mà oà lên khóc”. Khi nhắc đến việc cậu Vàng bị lừa rồi bị bắt, lão Hạc không còn nén nổi nỗi đau đớn cứ dội lên : “mặt lão đột nhiên co dúm lại. Những vết nhăn xô lại với nhau, ép cho nước mắt chảy ra. Cái đầu lão ngoẹo về một bên và cái miệng móm mém của lão mếu như con nít. Lão hu hu khóc. Lão Hạc đau đớn đến thế không phải chỉ vì quá thương con chó, mà còn vì lão không thể tha thứ cho mình vì đã nỡ lừa con chó trung thành của lão. Ông lão “quá lương thiện” ấy cảm thấy lương tâm đau nhói khi thấy trong đôi mắt của con chó bất ngờ bị trói có cái nhìn trách móc… Thì ra tôi già bằng này tuổi đầu rồi còn đánh lừa một con chó, nó không ngờ tôi nỡ tâm lừa nó. Phải có trái tim vô cùng nhân hậu và trong sạch thì mới bị dày vò lương tâm đau đớn đến thế, mới cảm thấy có lỗi với một con chó như vậy.

*\** **Tấm lòng người cha ở lão Hạc đối với anh con trai mới thực cảm động,** làm nên tâm sự chính của nhân vật và mạch truyện chủ yếu của tác phẩm. Nó liên quan đến cái tình của lão đối với cậu vàng, đến việc lão gửi gắm nhờ gửi ông giáo, và giải thích rõ cái chết thảm khốc của lão ở cuối truyện. Đó là tấm lòng của người cha thương con, suốt cả cuộc đời lo lắng cho con và sẵn sàng hi sinh tất cả- kể cả tính mạng – cho đứa con thân yêu của mình. Nam Cao đã thấu hiểu cái tình cha con, thiêng liêng, sâu sắc đó ở người lão nông nghèo khổ này và đã diễn tả thật cảm động trên từng trang viết của tác phẩm.

+ Đầu tiên là việc anh con trai tính chuyện bán vườn để lo cưới vợ nhưng nghe lời bố, lại thôi. Thấy con buồn, lão Hạc « thương con lắm, nhưng biết làm sao được ?... » Đó là tình thương đầy bất lực của một người cha nghèo.

+ Sau đó, anh con trai « sinh phẫn chí », bỏ làng, lìa cha, kí giấy đi làm dồn điền cao su. Đứa con trai độc nhất của lão đã bị cái nghèo cướp nốt, lão vô cùng đau đớn. Nỗi đau mất con khiến lão « chỉ còn biết khóc chứ biết làm thế nào nữa ? Bởi « nó là người của người ta rồi, chứ đâu còn là con tôi ». Lão Hạc kể lại chuyện khóc con, giống như lão đang khóc, đang đau nỗi đau xé ruột của người cha hoàn toàn bất lực khi thấy con trai tuột ra khỏi tay mình để trở thành người của người ta.

+ Trong nỗi đau ấy, khi chỉ còn sống cô đơn, thủi thủi một mình thì lão Hạc đã biết chọn một cách sống cho con, vì con. Đó là cách sống không tính đến bản thân mình, khiến cho tình yêu thương và lòng nhân hậu của lão đã hoá thành một nhân cách làm người, nhân cách làm cha. Ta thấy trong từng nếp nghĩ của lão bao giờ cũng thấm đẫm đức hy sinh cao cả. Trước khi đi phu, anh con trai dặn bố : « bòn vườn đất với làm thuê làm mướn cho người ta thế nào cũng đủ ăn ». Nhưng lão đã tự xóa đi cái quyền sở hữu của mình đối với mảnh vườn ấy : « cái vườn là của con ta (...) của mẹ nó tậu thì nó hưởng. Lớp trước ta không bán là ta có ý giữ cho nó chứ có phải giữ để ta ăn đâu ! ». Cho nên, lão làm thuê làm mướn để kiếm ăn. Hoa lợi của khu vườn được bao nhiêu, lão để riêng ra. Lão chắc mẩm, thế nào đến lúc con lão trở về cũng có được một trăm đồng bạc. Lão tính tiền ấy lão sẽ thêm vào cho con cưới vợ, nếu con đã đủ tiền cưới vợ thì cho nó để có chút vốn mà làm ăn. Thương con mà vị tha, hi sinh như thế thì đó chính là lòng thương con mộc mạc, cụ thể mà cao cả biết bao của những người lao động nghèo, ngay cả khi họ phải sống khốn quẫn nhất trong xã hội cũ. Đến cả chuyện buộc phải bán chó, thì không phải chỉ vì không nuôi nổi nó, mà cái chính vẫn là vì con : « bây giờ tiêu một xu cũng là tiêu vào tiền của cháu. Tiêu lắm chỉ chết nó ».

+ Nhưng cái chết mới là đỉnh cao của đức hy sinh, lòng vị tha-mà ở đây chính là tình thương yêu sâu sắc của lão Hạc đối với đứa con trai.

- Hoàn cảnh ngày càng cùng cực đã đẩy lão tới một sự lựa chọn đầy nghiệt ngã, bi đát : tiếp tục kéo dài sự sống tàn để trở thành kẻ báo hại cho con hay là chết đi để trọn đạo làm người, trọn đạo làm cha. Và lão đã chọn cái chết, không phải cho xong đời mình, mà chết cho con, vì con.

+Lão đã âm thầm chuẩn bị cho cái chết từ lúc quyết định bán con chó, bán đi niềm vui, niềm an ủi cuối cùng của đời mình ; từ khi gửi gắm vườn tược, tiền bạc cho ông giáo ; và cả những lúc ăn sung luộc, ăn củ ráy... để cuối cùng lão quyết định xin Binh Tư bả chó !... Có nỗi đau bán chó, có sự chu đáo và cẩn trọng trong việc gửi gắm nhờ vả ông gia,s có sự nhịn ăn mấy ngày liền thì mới có việc xin bả chó để tự kết liễu đời mình. Có nghĩa là lão đã chuẩn bị chu đáo mọi việc cho con (và cả cho mình nữa) để sắn sàng đi vào một cái chết thật dữ dội và bi thảm. Tất cả vì con, một sự hi sinh thầm lặng cực kì to lớn !

=> Lão Hạc là một nông dân không được học hành, không có chữ nghĩa, càng không biết nhiều lí luận về tình phụ tử. Nhưng cái chết dữ dội của lão là bằng chứng cảm động về cái tình phụ tử nguyên sơ, mộc mạc, nhưng thăm thẳm, thiêng liêng biết chừng nào.

**\* Lão Hạc là một nông dân nghèo khổ mà trong sạch, giầu lòng tự trọng.**

- Lão Hạc đã tìm đến cái chết mặc dù trong tay vẫn còn mấy chục bạc (không kể vẫn còn mảnh vườn đáng giá mà không ít kẻ nhòm ngó)

- Bất đắc dĩ phải bán con chó ; bán xong rồi, lão đau đớn, lương tâm dằn vặt « thì ra tôi già bằng này tuổi đầu rồi còn đánh lừa một con chó ».

- Ba sào vườn gửi lại nguyên vẹn cho con trai như một lời nguyền đinh ninh : « Cái vườn là của con ta (...) của mẹ nó tậu thì nó hưởng ». Trước khi chết, lão gửi lại ông giáo mảnh vườn cho con, và gửi lại 30 đồng hàng xóm. Lão thà nhịn đói chứ không tiêu xu nào vào món tiền mà lão cậy ông giáo cầm giúp đó.

- Với lòng tự trọng cao độ và nhân cách hết sức trong sạch, lão Hạc không muốn hàng xóm nghèo phải phiền luỵ về cái xác già của mình, đã gửi lại ông giáo toàn bộ số tiền dành dụm bằng nhịn ăn, nhịn tiêu của lão, để nhờ ông giáo đưa ra nói với bà con hàng xóm lo giúp cho lão khi lão chết. Khi đã đem gửi hết đồng tiền cuối cùng, lão chỉ còn ăn uống đói khát qua bữa, bằng khoai ráy, củ chuối, rau má..., nhưng lại kiên quyết từ chối mọi sự giúp đỡ của người khác, kể cả sự giúp đỡ của ông giáo mà chắc lão hiểu là rất thân tình.

- Nam Cao đã tinh tế đưa nhân vật Binh Tư, một kẻ « làm nghề ăn trộm » ở phần cuối truyện, tạo nên một sự đối sánh đặc sắc, làm nổi bật tấm lòng trong sạch, tự trọng của lão Hạc, một lão nông chân quê đáng trọng. Lão Hạc dù nghèo đói vẫn quyết sống bằng bàn tay lao động của mình trong khi ở xã hội đó có nhiều người đã bị ngã quỵ trước bản năng (cái đói và miếng ăn) như Chí Phèo, Binh Tư... Lang Rận... Với cái chết đau đớn dữ dội mà lão Hạc tự chọn, ra đi vẫn giữ được tâm hồn thanh thản, nhân cách trong sạch, lão Hạc đã trở thành một vị thánh. Là một ông già nông dân cùng khổ, lão Hạc đã thể hiện một khí tiết cao quý, có thức thức nhân phẩm rất cao. Lão Hạc là con người của câu tục ngữ : « đói cho sạch, rách cho thơm », « thà thác trong còn hơn sống đục ». Đó cũng là một nét nhân cách đáng trọng của người lao động nghèo.

=> Tóm lại, cuộc đời của lão Hạc đầy nước mắt, nhiều đau khổ và bất hạnh. Sống thì âm thầm, nghèo đói, cô đơn ; chết thì quằn quại, đau đớn. Tuy thế, lão Hạc lại có bao phẩm chất tốt đẹp như hiền lành, chất phác, nhân hậu, trong sạch và tự trọng... Lão Hạc là một điển hình về người nông dân Việt Nam trong xã hội cũ được Nam Cao miêu tả chân thực, với bao trân trọng, xót thương, thấm đượm một tinh thần nhân đạo thống thiết.

**c. Nhân vật «Tôi »- người kể chuyện** (cũng chính là tác giả, tuy vậy không nên đồng nhất hoàn toàn với nhân vật về nguyên mẫu).

- Bên cạnh nhân vật lão Hạc là ông giáo, một nhân vật để lai bao ấn tượng đối với mỗi chúng ta về người trí thức nghèo trong xã hội cũ.

-Không rõ họ tên là gì. Hai tiếng « ông giáo » đã khẳng định vị thế của một con người giữa làng quê trước năm 1945 « nhiều chữ nghĩa, nhiều lí luận, người ta kiêng nể ». Hai tiếng « ông giáo » từ miệng lão Hạc nói ra, lúc nào cũng đượm vẻ thân tình, cung kính, trọng vọng : « cậu vàng đi đời rồi ông giáo ạ !... « Vâng, ông giáo dạy phải ! Đối với chúng mình thì thế là sung sướng »... « Tôi cắn rơm, cắn cổ lạy ông giáo »....

- Hãy đi ngược thời gian, tìm về thời trai trẻ của ông giáo. Là một con người chăm chỉ, ham mê, sống vì một lý tưởng đẹp, với bao mộng tưởng. Ông đã từng lặn lội vào tận Sài Gòn, « hòn ngọc Viễn Đông » thời ấy để làm ăn, để học tập, để gây dựng sự nghiệp. Cái va li « đựng toàn những sách » được người thanh niên ấy rất nâng niu », cái kỉ niệm « đầy những say mê đẹp và cao vọng » ấy, hơn sáu chục năm còn làm cho ta xúc động và quý trọng một nhân cách đẹp.

- Con người « nhiều chữ nghĩa » ấy lại nghèo. Sau một trận ốm nặng ở Sài Gòn, quần áo bán gần hết, về quê chỉ có một va li sách. Nếu lão Hạc quý cậu Vàng bao nhiêu thì ông giáo lại quý những quyển sách của mình bấy nhiêu. Bởi lẽ những quyển sách ấy đã làm bứng lên trong lòng ông « như một rạng đông » thời trai trẻ, làm cho cuộc đời thêm sắc màu ý vị, sống say mê, « trong trẻo, biết yêu và biết ghét »

- Cái nghèo vẫn đeo đẳng ông giáo mãi, « ông giáo khổ trường tư ». Vận hạn xẩy ra luôn như ông nghĩ : « Đời người ta không chỉ khổ một lần ». Sách cứ bán dần đi. Chỉ còn giữ lại 5 quyển sách với lời nguyền : « dù có phải chết cũng không bán ». Như một kẻ cùng đường phải bán máu. Đứa con thơ bị chứng kiết lị gần kiệt sức, ông giáo đã phải bán nốt đi 5 cuốn sách cuối cùng, cái gia tài quý giá nhất của người trí thức nghèo. « Lão Hạc ơi ! Ta có quyền giữ cho ta một tí gì đâu ? » Lời than ấy cất lên nghe thật não nuột, đã thể hiện một nhân cách đẹp trước sự khốn cùng : biết sống, và dám hi sinh vì cuộc sống !

**- *Ông giáo là một trí thức có trái tim nhân hậu rất đáng quý***. Ông là chỗ dựa tinh thần, là niềm an ủi, tin cậy của lão Hạc. Ông giáo là nơi để lão Hạc san sẻ bao nỗi đau, nỗi buồn. Nhờ đọc hộ một lá thư, nhờ viết hộ một lá thư cho đứa con trai đi phu đồn điền. Tâm sự về mảnh vườn và và chuyện đứa con trai « phẫn cí » không lấy được vợ. San sẻ về nỗi đau buồn sau khi bán cậu Vàng cho thằng Mục, thằng Xiên... Có lúc là một điếu thuốc lào, một bát nước chè xanh, một củ khoai lang « lúc tắt lửa tối đèn có nhau ». Ông giáo đã đồng cảm, đã thương xót, đã san sẻ với lão Hạc với tất cả tình người. Ai đã từng là độc giả của Nam Cao, chắc sẽ không bao giờ quên mẩu đối thoại này :

*- Tôi bùi ngùi nhìn lão, bảo :*

*- Kiếp ai cũng thế thôi, cụ ạ ! Cụ tưởng tôi sung sướng hơn chăng ?*

*- Thế thì không biết nếu kiếp người cũng khổ nốt thì ta nên làm kiếp gì cho thật sướng ?*

*Lão cười và ho sòng sọc. Tôi nắm lấy cái vai gầy của lão, ôn tồn bảo :*

*- Chẳng kiếp gì sung sướng thật, nhưng có cái này là sung sướng : bây giờ cụ ngồi xuống phải này chơi, tôi đi luộc mấy củ khoai lang, nấu một ấm chè tươi thật đặc : ông con mình ăn khoai, uống nước chè, rồi hút thuốc lào... Thế là sướng.*

*- Vâng ! Ông giáo dậy phải ! Đối với chúng mình thì thế là sung sướng* ».

- Ông giáo đã thương lão Hạc « như thể thương thân ». Không chỉ an ủi, động viên, mà ông còn tìm mọi cách để « ngấm ngầm giúp » khi biết lão Hạc đã nhiều ngày ăn khoai, ăn rau, ăn củ ráy... trong lúc đàn con của ông giáo cũng đang đói ; cái nghĩa cử « lá lành đùm lá rách » ấy mới thật cao đẹp biết bao !

- *Ông giáo nghèo mà đức độ lắm*. Trước khi ăn bả chó, lão Hạc đã gửi ông giáo 30 đồng để phòng khi chết « gọi là của lão có tí chút.. », gửi lại ông giáo ba sào vườn cho đứa con trai. Tình tiết ấy nói lên lão Hạc rất tin ông giáo. Ông giáo là người để lão Hạc « chọn mặt gửi vàng ». Giữa cái xã hội đen bạc thời ấy, một bà cô dành cho đứa cháu nội một bát nước cháo đã vữa ra như một sự bố thí (Những ngày thơ ấu), vợ tên địa chủ bắt bí, bóp nặn người đàn bà khốn cùng để mua rẻ đứa con gái lên bảy tuổi và ổ chó (Tắt đèn), một tên phụ mẫu ăn bẩn đồng hào đôi của chị nhà quê (Đồng hào có ma)... ta mới thấy niềm tin, sự kính trọng của kẻ khốn cùng đối với ông giáo thật là thánh thiện.

- Trước cái chết dữ dội của Lão Hạc, cái chết « đau đớn và bất lình lình », chỉ có ông giáo và Binh Tư hiểu... Ông giáo khẽ cất lời than trước vong linh người láng giềng hiền lành tội nghiệp. Trong giọt lệ là những lời hứa của một nhân cách cao đẹp, đáng trọng : « Lão Hạc ơi ! Lão Hạc ơi ! Lão hãy yên lòng mà nhắm mắt ! Lão đừng lo gì cho cái vườn của lão. Tôi sẽ cố giữ gìn cho lão. Đến khi con trai lão về, tôi sẽ trao lại cho hắn và bảo hắn : Đây là cái vườn mà ông cụ thân sinh ra anh đã cố để lại cho anh trọn vẹn ; cụ thà chết chứ không chịu bán đi một sào... »

- Cùng chung với ông giáo Thứ trong « sống mòn », Điền trong « Trăng sáng », nhân vật « tôi » trong « mua nhà », hình ảnh ông giáo trong truyện « lão Hạc » đã kết tinh cái tâm và cái tài của Nam Cao trong nghệ thuật xây dựng nân vật- nhà văn nghèo, ông giáo khổ trường tư- trong xã hội thực dân nửa phong kiến. Đó là những con người nghèo mà trong sạch, hăm hở và nhiệt tâm từng ôm ấp bao mộng đẹp, sống nhân hậu, vị tha. Có người đã cho rằng, ông giáo là một nhân vật tự truyện, mang dáng dấp hình bóng Nam Cao. Ý kiến ấy rất lí thú.

- Trong truyện « Lão Hạc », ông giáo vừa là nhân vật, vừa là người dẫn chuyện. Không phải là nhân vật trung tâm, nhưng sự hiện diện của ông giáo đã làm cho « bức tranh quê » ngày xa xưa ấy thêm sáng tỏ. Nhân vật ông giáo là chiếc gương soi sáng cuộc đời và tâm hồn lão Hạc, đã tô đậm giá trị nhân đạo của truyện ngắn đặc sắc này.

**d. Cách nhìn người của nhà văn Nam Cao.**

Nam Cao đã phát biểu suy nghĩ về cách nhìn người : «Chao *ôi! Đối với những người ở quanh ta, nếu không cố tìm và hiểu họ, thì ta chỉ thấy họ gàn dở, ngu ngốc, bần tiện, xấu xa, bỉ ổi... toàn những cớ để cho ta tàn nhẫn, không bao giờ ta thấy họ là những người đáng thương ; không bao giờ ta thương (...) Cái bản tính tốt củ người ta bị những nỗi lo lắng buồn đau, ích kỉ che lấp mất »*

- Suy nghĩ của nhân vật «tôi» trên đây chính là một điểm quan trọng trong ý thức sáng tác của nhà văn Nam Cao. Đó chính là vấn đề mà sau này Nam Cao gọi là « Đôi mắt » ; phải xác định « đôi mắt » đúng đắn trong cách nhìn về quần chúng nghèo khổ. Trong « Lão Hạc », nhà văn cho rằng đối với người nông dân lao động thì phải « cố mà tìm hiểu họ » thì mới thấy rằng chính những con người bề ngoài lắm khi « gàn dở, ngu ngốc, bần tiện, xấu xa, bỉ ổi » ấy chỉ là « những người đáng thương » và có « bản tính tốt », có điều, « cái bản tính tốt » ấy của họ thường bị những nỗi khổ cực, những lo lắng trong cuộc sống « che lấp mất ». Tức là, nhà văn đặt ra vấn đề phải có tình thương, có sự cảm thông, và phải có cách nhìn có chiều sâu, không hời hợt, phiến diện chỉ thấy cái bề ngoài, nhất là không thành kiến, tàn nhẫn. Có thể nói, chẳng những trong « Lão Hạc » mà trong cả « Chí Phèo », « Lang Rận », « một bữa no », « Tư cách mõ »... và hầu hết truyện dài của Nam Cao, nhà văn đều đặt ra vấn đề « đôi mắt ». Ông chính là luật sư đứng ra bênh vực cho một Chí Phèo, một anh Cu Lộ, một Lang Rận, một bà cái Tí, khẳng định rằng họ đều có tình cản rất « đáng thương » và đều « bản tính tốt », nhưng chính cuộc đời quá khắc nghiệt đã đẩy họ vào con đường lưu manh hoặc làm những việc xấu xa... Sau cách mạng, trong truyện ngắn « Đôi mắt » (1948), Nam Cao đã trực diện đặt ra vấn đề cần xác định « đôi mắt » đúng đắn để thấy được bản chất cách mạng của quần chúng nông dân đang là chủ lực của cuộc kháng chiến chống Pháp khi đó.

Cho nên, có thể nói, vấn đề « đôi mắt » là một đặc điểm quan trọng trong quan điểm sáng tác của Nam Cao, trở thành ý thức nghệ thuật thường trực trong suốt cuộc đời cầm bút của nhà văn có tấm lòng gắn bó sâu nặng với nhân dân.

**3. Giá trị nghệ thuật đặc sắc của truyện**

« Lão Hạc » là một trong những truyện ngắn hay nhất của cây bút truyện ngắn bậc thầy Nam Cao. Tài nghệ bậc thầy đó thể hiện ở nhiều khía cạnh và có những điểm nổi bật sau :

- Xây dựng nhân vật :

+ Không được miêu tả thật kĩ về ngoại hình, cũng không có nhiều hành động, song được tập trung soi sáng từ bên trong.

+ Tác giả đã đi sâu vào những tâm tư, những lo tính của lão Hạc chung quanh việc bán « cậu Vàng » và việc lặng lẽ chuẩn bị cho cái chết, chính từ đó mà số phận đau thương, tính cách độc đáo của nhân vật hiện ra thật rõ nét. Nhân vật lão Hạc chân thực, sinh động, có bề dầy xã hội và đồng thời có cá tính độc đáo, chủ yếu được nhà văn khắc hoạ bằng miêu tả tâm lý. Chẳng hạn, qua cản lão Hạc trò chuyện với « cậu Vàng », có thể thấy rõ cảnh sống cô đơn của lão, chất người trung hậu ( thể hiện qua thái độ âu yếm, chiều chuộng đối với cậu Vàng) và tình thương sâu nặng đối với đứa con trai đang ở xa. Hoặc những chi tiết thể hiện phản ứng tâm lí của lão Hạc xung quanh việc mà lão cho rằng đã « lừa cậu Vàng » : đau đớn, chua xót, hối hận, đã cho thấy rất rõ tâm hồn, tính cách ông lão nông dân nhân hậu, đáng thương ấy.

- Cách dựng truyện, bút pháp trần thuật linh hoạt, mới mẻ. Tác giả đi thằng vào giữa truyện ( cảnh lão Hạc nói chuyện với « tôi » về việc sẽ phải bán « cậu Vàng ») rồi mới nhẩn nhà đi ngược thời gian, kể về cảnh ngộ nhân vật, từ chuyện « con chó là của cháu nó mua đấy » chuyển sang chuyện anh con trai đã bỏ đi phu, để lại lão Hạc sống cô đơn và giờ đây đang lâm cảnh cùng đường... Cách dẫn chuyện rất thoải mái, tự nhiên, có vẻ lỏng lẻo song kì thật thật chặt chẽ, tập trung, khắc hoạ nhân vật và thể hiện chủ đề.

- Truyện rất mực chân thực, đồng thời thấm đượm cảm xúc trữ tình. Qua nhân vật « Tôi », người kể chuyện, tác giả đã biểu lộ tự nhiên những cảm xúc, suy nghĩ của mình. Chất trữ tình thể hiện ở giọng kể, ở những câu cảm thán nhiều khi không nén được cảm xúc, tác giả đã gọi tên nhân vật lên để trò chuyện, than thở : ( Lão Hạc ơi ! Bây giờ thì tôi hiểu tại sao lão khong muốn bán con chó vàng của lão ! Hỡi ơi lão Hạc ! Thì ra đến lúc cùng lão cũng có thể làm liều hơn ai hết.. ! », « Lão Hạc ơi, lão hãy yên lòng nhắm mắt...) Chất trữ tình còn thể hiện ở những lời mang giọng tâm sự riêng của « tôi », như chung quanh việc « Tôi » phải bán mấy quyển sách : « ôi những quyển sách rất nâng niu(...) kỷ niệm một thời hăng hái và tin tưởng đầy những say mê đẹp và cao vọng » Và thể hiện rõ nhất là ở những đoạn văn trữ tình ngoại đề đậm màu sắc triết lý : « Chao ôi ! Đối với những người ở quanh ta.... » Những câu văn triết lý đó không hề có giọng sách vở, trìu tượng mà là những suy nghĩ gan ruột nên có sức thuyết phục đặc biệt.

=> Vừa tỉnh táo, chân thực, vừa trữ tình thắm thiết và đậm đà ý vị triết lí, đó chính là đặc điểm bút pháp văn xuôi Nam Cao được thể hiện rõ nét trong « Lão Hạc »

**III- Kết bài** :

Tác phẩm « Lão Hạc » đã làm cho em vô cùng xúc động. Một truyện ngắn chứa chan tình người, lay động bao nỗi xót thương khi tác giả kể về cuộc đời cô đơn bất hạnh và cái chết đau đớn của một lão nông nghèo khổ. Nhân vật Lão Hạc đã để lại trong lòng ta bao ám ảnh khi nghĩ về số phận con người, số phận người nông dân Việt Nam trong xã hội cũ. Có biết bao nhiêu người nông dân đã sống nghèo khổ, cơ cực và cùng quẫn như lão Hạc. Xin cảm ơn nhà văn Nam Cao, ông đã giúp ta nhìn thấy vẻ đẹp tâm hồn và nhân cách cao cả của họ, đem đến cho ta một niềm tin sâu sắc vào con người.

**RÈN LUYỆN KĨ NĂNG NGỊ LUẬN VỀ MỘT NHÂN VẬT, ĐOẠN TRÍCH…**

**TRÁNH HS ĐI TÓM TẮT.**

**PHÂN TÍCH NHÂN VẬT LÃO HẠC**

**BT1.**

**Mở bài 1:**

Viết về đồ tài nông dân trước cách mạng, *“Lão Hạc”* là một truyện ngăn độc đáo, đặc sắc của nhà văn Nam Cao. Một truyện ngắn chứa chan tình người, lay động bao nỗi xót thương khi tác giả kể về cuộc đời cô dơn bất hạnh và cái chêt đau đớn của một lão nông nghèo khổ. Nhân vật lão Hạc đã đổ lại trong lòng ta bao ám ảnh khi nghĩ về số phận con người, số phận người nông dân Việt Nam trong xã hội cũ.

**Mở bài 2:**

Nam cao là một trong những nhà văn xuất sắc của nền văn học Việt Nam hiện đại. Trong sự nghiệp sáng tác của mình, ông đã để lại nhiều tác phẩm nổi tiếng. Truyện ngắn lão hạc viết 1943 là một trong những tác phẩm tiểu biểu nhất của ông. Truyện đã thể hiện thành công nhân vạt Lão Hạc dù rơi vào hoàn cảnh bi đát nhưng vẫn giữ được tấm lòng lượng thiện, trong sáng của mình.

**Mở bài 3:** Cũng viết về đề tài người nông dân trong xã hội cũ nhưng nếu Tắt đèn nhà văn Ngô Tất Tố đã để`cho nhân vật của mình vùng lên đấu tranh chống lịa cường quyền thì với tá phẩm lão Hạc Nam Cao lại để cho Lão hạc phải chết trong đau đớn, quằn quại. Tuy kết thúc khác nhau nhưng lại đều thể hiện cuộc sống bần cùng, bế tăc và vẻ đẹp sáng ngời nhân cách của họ. Lão Hạc chính là một con người như thế.

**Luận điểm 1:*Đọc tác phẩm, ta thấy Lão Hạc, một con người nghèo khổ, hất hạnh****.* Ba sào vườn vợ lão thắt lưng buộc bụng tậu về, một túp lêu, một con chó vàng là của con trai lão mua... đó là tài sản, vốn liếng của lão. Thì ra tài sản lão làm ra chẳng có gì, tất cả đều của vợ và con lão. Vợ chết đã lâu, cảnh gà trống nuôi con, lão lần hồi làm thuê kiếm sống. ***Nhận xét đánh giá*** *🡆*Có ai hiểu được gia cảnh lão khi không có bàn tay của người vợ, người mẹ thế mà lão vẫn cố sống đẻ nuôi con. Đó là một sự hi sinh không hề nhỏ. Đó là tất cả cuộc đời của lão khiến lão phải thốt lên rằng: “cuộc đời như thế chỉ “nhỉnh” hơn cái kiếp con chó”! Và cũng chính từ cái nghèo, cái đói mà người cha như lão đành phải chịu khuất phục trước hạnh phúc của đứa con trai “độc đinh”. Thế rồi, con trai lão quyết chí đi đồn điền cao su để có tiền cho “bõ tức”. Cuộc đời của lão như nhói lên một nỗi đau, một cảnh đời cùng khổ của những người nông dân trước cách mạng Tháng Tám. ***Nhận xét đánh giá*** *🡆*Tuổi già, sống cô quạnh, nỗi bất hạnh ngày thêm chồng chất. Lão Hạc chỉ còn biết làm bạn với con chó vàng. Khổng một người thân bên cạnh đỡ đần, săn sóc cho một bát cháo, một chén thuốc! Tinh cảnh ấy thật đáng thương! ***Nhận xét đánh giá*** *🡆*Có lẽ khi viết về hoàn cảnh nghèo đói của lão hạc, nhà văn Nam Cao đã không cầm được nước mắt xót thương cho Lão Hạc. ***Nhận xét đánh giá*** *🡆*Có lẽ khi viết về gia cảnh Lão Hạc, nhà văn Nam Cao như ứa từng giọt lệ bởi lẽ ở cái tuổi gần đất xa trời nhưng bên cạnh lão không có người thân để nương tựa mỗi khi trái gió trở trời. Niềm an ủi duy hất của lão chính là cậu vàng nên lão xem ó như một vật báu. Ngòi bút của Nam Cao như tuôn từng dòng lệ khi viết về cuộc đời của người nông dân trước cách mạng.***Bình, đánh giá*=>Qua số phận nhân vật ta nhận ra bóng dáng của thời đại, nhận ra bức tranh hiện thực của xã hội mà nhân vật đang sống.**

**Luận điểm** 2: . Sống trong nghèo đói nhưng ở con người ***Lão Hạc vẫn toát lên một tình yêu thương vô bờ bến. Đó là tình yêu con đến cả quên mình.***  Lão rất yêu con, biết con buồn vì không có tiền để cưới vợ *“lão thương con lắm... ”.* Lão đau đớn khi con sắp đi làm phu đổn điền cao su. Lão chỉ biết khóc: *“Thẻ của nó, người ta giữ. Hình của nó, người ta đã chụp rồi (...). Nó là người của người la rồi, chứ dâu còn là con tòi? “Cao su đi dễ khó về”* (Ca dao). Có nỗi đau nào lớn hơn nỗi đua mất con, có nỗi đau nào khi người cha không lo nỗi hạnh phúc riêng cho đứa con độc nhất của mình. Cho nên mỗi khi nhắc đến con là lão lại rấn rấn nước mắt với một giọng buồn thương. Con trai lão Hạc đã đi *“bẳn bặt ”* năm, sáu năm chưa về. Hoa lợi trong vườn, bán được bao nhiêu lão dành dụm cho con, hi vọng khi con trở về *“có chút vốn mà làm ăn ”.* Lão tự bảo: *“Manh vườn là của con ta... Của mẹ nó tậu thì nó hưởng...”.* Đói khổ quá, nhưng lão Hạc đã giữ trọn vẹn ba sào vườn cho con. Lão đã tìm đến cái chết, *“thà chết chứ không chịu bán đi một sào* ”. Tất cả vì con, một sự hi sinh thầm lặng cực kì to lớn! ***Nhận xét đánh giá*** *🡆* Có thể nói nỗi đau lớn nhất của lão Hạc là nỗi đau thân phận làm cha nhưng cũng có thể nói rằng sự hi sinh của lão đối với con cũng không gì sánh được. Một người cha sẵn sàng hi sinh cả sự sống của mình chỉ để giữ thêm chút tiền cho con thật là chưa từng có.Bình=>Cái chết củ lão hạc là cái chết đồi sự sống,sống trong sạch như bông sen giữa bùn nhơ của xã hội thực dân phong kiến cũng đồng thời là tiếng nói tố cáo đã đẩy con người đến bước đường cùng đầy nghiệt ngã.Chi tiết cái chết của lão hạc đã kết thúc một chuỗi dài những bi kịch của cuộc đời lão và trở thành chi tiết điển hình của tác phẩm.Nó chở đc những thông điệp của tác phẩm cũng như nỗi lòng nhân ái của tác giả.LH,NX=>Đến đây ta nhớ đến tác phẩm một bữa no của nhà văn, cái đói quay quắt để rồi khi no lại chết. Nam Cao đã phải thốt lên- **cuộc đời này không ăn uống sẽ giản dị biết bao**. Lão hạc thì lại khác, ông lựa chọn cái chết để giữ cho mình trong sạch.. thế mới thấy sự hi sinh của tình người cha lớn nhường nào!**Bình,đánh giá.** Phải chăng nhà văn đã đứng trong lao khổ, mở hồn đón lấy mọi vang động của cuộc đời để viết nên những trang văn chân thực, giàu tình người, tình yêu thương đến thế!mỗi trang văn không chỉ là trang đời mà còn là những dằn vặt trăn trở suy nghĩ của nhà văn.Đó chính là sự tổng hòa của cái tâm cao cả, cái tài, cái tình của nhà văn Nam cao.Thật đúng khi nhận xét rằng:không có câu chuyện cổ tích nào đẹp hơn câu chuyện do cuộc sống viết ra.Lão Hạc chết đi nhưng hình ảnh, tình yêu thương, nhân cách sống của nhân vật vẫn sống mãi trong lòng người đọc.

Á­

>

í  
I.

Luận điểm 3: ***Tình yêu thương của lão còn thể hiện sâu sắc đối với cậu vàng, mà người con trai để lại.*** Lão quý nó, đặt tên nó là *“cậu Vàng ”.* Cho nó ăn cơm trong bát sứ như nhà giàu. Bắt rận hoặc đem nó ra cầu ao tắm. Lão ăn gì cũng chia cho cậu Vàng cùng ăn. Lão ngồi uống rượu, cậu Vàng ngồi dưới chân, lão nhắm một miếng lại gắp cho nó một miếng như người ta gắp thức ăn cho con trẻ. Lão tâm sự với cậu Vàng như tâm sự với một người thân yêu ruột rà. ***Nhận xét đánh giá*** *🡆* Có thể nói, cậu Vàng được lão Hạc chăm sóc, nuôi nấng như con, như cháu; no là nguồn vui, chỗ dựa tinh thần, nơi san sẻ tình thương, giúp lão Hạc vợi đi ít nhiều nỗi buồn cô đơn, cay đắng. Cậu Vàng là một phần cuộc đời lão Hạc. Nó đã tỏa sáng tâm hồn và làm ánh lên bản tính tốt đẹp của ông lão nông đau khổ, bất hạnh này. Vì thế, sau khi bán cậu Vàng đi, từ túng quẫn, lão Hạc chìm xuống đáy bể bi kịch, dẫn đến cái chết vô cùng thảm thương.Bình.=>Tình yêu thương khiến Lão Hạc quên đi mọi khổ đau, hiện thực cám cảnh trước mắt, lão như sống ở một thế giới khác- thế giới êm ái lạ lùng mênh mang như lơ lửng ở một tầng khác- đó là thế giới của tình yêu thương, tình phụ tử thiêng liêng cao cả.

>

t

tí

‘3

\*

***Lão Hạc là một nông dân nghèo khổ mà trong sạch, giàu lòng tự trọng.***Trong đói khổ cùng cực phải ăn củ chuối, củ ráy..., ông giáo mời lão ãn khoai, uống nước chè, lão cười hồn hậu và khất *“ông giáo cho để khi khác ”.* ông giáo ngấm ngầm giúp đỡ, lão từ chối *“một cách gần như hách dịch* Bất đắc dĩ phải bán con chó; bán xong rồi, lão đau đớn, lương tâm dằn vặt: *“Thì ra tôi già bằng này tuổi đầu rồi còn đánh lừa một con chó".****Nhận xét đánh giá*** *🡆*Một người đớn dau, dằn vặt vì bán đi một con chó, một người khổ tâm, buồn bã đến phải tự tử vì mất đi một con chó làm bầu bạn có lẽ chỉ có Lão hạc mà thôi.Ba sào vườn gửi lại nguyên vẹn cho con trai, như một lời nguyền đinh ninh: *“Cái vườn là của con ta (...). Của mẹ nó tậu thì nó hưởng ”.* Trước khi chết, lão gửi lại ông giáo mảnh vườn cho con, và gửi lại 30 đổng bạc để *“lỡ có chết... gọi là của lão có tí chút... ”,* vì lão không muốn làm phiền đến hàng xóm. ***Nhận xét đánh giá*** *🡆*Nam Cao đã tinh tế đưa nhân vật Binh Tư, một kẻ *“làm nghề ăn trộm ” ở* phần cuối truyện, tạo nên một sự đối sánh đặc sắc, làm nổi bật tấm lòng trong sạch, tự trọng của lão Hạc, một lão nông chân quê đáng trọng.

R

L;

ị

'ti

'P

/

**Luận điểm: Đoạn trích phản ánh hiện thực xã hội sâu sắc.**

Đến với đoạn trich “Lão Hạc” Nam cao như đang cho cúng ta xem một thước phim cận cảnh trở về quá khứ - thời đại nhân vật sống. Nam Cao đã đưa chúng ta đến với những mặt trái của xã hội , những bức xúc nhức nhối của xã hội, của một thời đại được phơi bày một cách không khoan nhượng, để rồi nõi đau của nhân vật trở thành nỗi đau của con người, nỗi đau của nhân loại.

**Luận điểm : Đoạn trích thể hiện tình thần nhân đạo sâu sắc.** Đó là nhà văn đã vạch trần bộ mặt tàn ác của xã hội thực dân phong kiến với hàng loạt cái xấu xa. Là lòng trân trọng trước vẻ đẹp tâm hồn của người nông dân cũng như sự cảm thông, chia sẻ với số phận bất hạnh của người nông dân trong xã hội cũ. Giá trị nhân đạo của đoạn trích còn là sự hướng con người đến cuộc sống tốt đẹp hơn.NXĐG=>Thế mới thấy văn học chính là cuộc đời.Mỗi tác phẩm văn học cũng là một mảnh đời, một số phận, tiếng nói lương tri của thời đại.Văn chương không chỉ nói chuyện lòng người mà còn nói chuyện cuộc đời.những khoảnh khắc hiện thực đầy biến cố.

***Nhận xét đánh giá*** *🡆*Tóm lại, cuộc đời của lão Hạc đầy nước mắt, nhiều đau khổ và bất hạnh. Sống thì âm thầm, nghèo đói, cô đơn; chết thì quằn quại, đau đớn. Tuy thế, lão Hạc lại có bao phẩm chất tốt đẹp như hiền lành, chất phác, vị tha, nhân hậu, trong sạch và tự trọng... Lão Hạc là một điển hình về người nông dân Việt Nam trong xã hội cũ được Nam Cao miêu tả chân thực, với bao trân trọng xót thương, thấm đượm một tinh thần nhân đạo thống thiết.

**'í**

Ị

7

1

’

**BT2.Em có suy nghĩ gì về cái chết của lão Hạc trong truyện ngắn cùng tên của Nam Cao?**

**Gợi ý**

Cái chết của lão Hạc không phải là sự manh động, tiêu cực. Lão đã rất bền bỉ, đã gắng để sống: "Luôn mấy hôm, tôi thấy lão Hạc chỉ ăn khoai. Rồi thì khoai cũng hết. Bắt đầu từ đấy, lão chế tạo được món gì, ăn món ấy. Hôm thì lão ăn củ chuối, hôm thì lão ăn sung luộc, hôm thì ăn rau má, với thỉnh thoảng một vài của ráy hay bữa trai, bữa ốc" mà không được. Bi kịch là thế đấy.

Nếu không muốn sống thì lão đã không phải cố duy trì sự sống bằng mọi cách như thế. Lão có thể tự sát ngay sau khi ủy thác cho ông giáo mảnh vườn và tiền làm tang. Dường như, trong mòn mỏi, lão vẫn cố chờ điều gì... Chờ con trai trở về. Biết đâu trong những ngày gắng sống ấy nó trở về! Không thể chờ thêm được nữa, cuối cùng (tận đến cuối cùng) thì lão Hạc phải chấp nhận một sự thật của chính mình, để lão không vi phạm lẽ sống của lão: *muốn sống màvẫn tự chết.* Tại sao lão tự trọng đến "hách dịch" như thế cơ chứ? Lão có thể cậy nhờ để sốngqua ngày cơ mà, dân gian chẳng đã từng nói "hàng xóm láng giềng tối lửa tắt đèn có nhau" là gì! Đến ngay tiền làm ma cho mình lão còn không động đến nữa là cậy nhờ! Thế mới là lão Hạc. Cậu Vàng chết để có thêm 5 đồng vào 25 đồng thành 30 đồng lão gửi ông giáo làm tang nếu lão có mệnh hệ nào."Đâu vào đấy" là cay đắng thế ư?Khi con chó phải chết, lão Hạc mong hóa kiếp cho nó; đến khi lão chết, con chó còn là 5 đồng để tiễn đưa hương hồn lão.Cơ cực đến thế là cùng.Chẳng gì khác, xã hội thực dân nửa phong kiến đen tối đã đẩy cuộc sống người nông dân đến đường cùng; cái nghèo khó, cùng cực đã đẩy lão Hạc đến một lựa chọn đau đớn, nghiệt ngã.

**BT3.**

**Kể về lão Hạc, Binh Tư cho rằng lão "cũng ra phết chứ chẳng vừa đâu". Viết đoạn văn nêu ngắn gọn ý kiến của em về chủ đề này**

**Gợi ý**

Chi tiết lão Hạc xin Binh Tư được Nam Cao sắp xếp vào phần sau của câu chuyên như là một chi tiết có ý "đánh lừa" dòng cảm xúc của người đọc. Kể về lão Hạc với ông giáo, Binh Tư cho rằng lão “cũng ra phết chứ chẳng vừa đâu”.

Sự việc và lời nhận xét ấy đã đẩy những suy nghĩ tốt đẹp của người đọc và ông giáo sang hướng khác (hoài nghi, buồn). Thế nhưng cái chết bất ngờ của lão lại khiến cho cả ông giáo và chúng ta nữa phải giật mình suy ngẫm về số kiếp con người trong xã hội xưa. Cách sắp xếp tình tiết như vậy đã làm nổi bật lên giá trị nhân cách cũng như cái tình thế quẫn bách tột cùng của lão Hạc. Đồng thời cũng hiểu được sự cảm thông sâu sắc của ông giáo đối với lão Hạc. Ý nghĩ của nhân vật “tôi” (có thể coi là tác giả): “Chao ôi! Đối với những người ở quanh ta, nếu ta không cố tìm mà hiểu họ, thì ta chỉ thấy họ gàn dở, ngu ngốc, bần tiện, xấu xa, bỉ ổi... toàn là những cớ để cho ta tàn nhẫn; không bao giờ ta thấy họ là những người đáng thương; không bao giờ ta thương (...) Cái bản tính tốt của người ta bị những nỗi lo lắng, buồn đau, ích kỉ che lấp mất” thể hiện một quan niệm và một triết lí sống sâu sắc và tiến bộ. Đây là một thái độ yêu thương, trân trọng nhằm khám phá những nét tốt đẹp của con người.

**BT4.Lão Hạc là một lão nông đáng kính bởi phẩm hạnh một con người đôn hậu, giàu lòng tự trọng và rất mực yêu thương con**

**Mở bài**

Lão Hạc là truyện ngấn xuất sắc của nhà văn Nam Cao. Truyện không những phản ánh chân thực tình cảnh khốn khổ của người nông dân trước tai trời ách đất, trước xã hội suy tàn mà đáng chú ý hơn là cả là đã nêu bật được hình ảnh một lão nông dân đáng kính với phẩm chất của một con người đôn hậu giàu, lòng tự trọng và rất mực yêu thương con. Cuộc đời và sốp hận bi thương của nhan vật lão Hạc đã để lại trong lòng người đọc niềm xót xa, cảm thương và mến phục.

**Thân bài**

**Tấm lòng đôn hậu, rất mực yêu thương con của lão Hạc:**

Vợ lão Hạc chết sớm, lão sống một mình trong cảnh gà trống nuôi con, lão yêu con hết mực. Việc con trai không có đủ tiền lấy vợ, quẫn chí bỏ đi làm phu đồn điền khiến lão vô cùng đau xót và dằn vặt.

Lão đối xử rất tử tế với con Vàng – kỉ vật duy nhất của người con trai – như một dứa con. Lão cho nó ăn vào bát như chó nhà giàu. Cái bát ấy lúc nào cũng sạch sẽ và cất giữ cẩn thận. Lão ăn gì thì nó ăn nấy. Lão nâng niu, bế bồng nó như bà mẹ hiếm hoi chiều chuộng đứa con cầu tự. Những lúc vui buồn, lão đều trò chuyện, tâm tình với nó, coi nó như người bạn tâm giao.

Đến khi túng quẫn, lão phải đứt ruột khi bán con chó. Một việc làm khiến lão vô cùng ân hận. Sau khi bán chó, lão cảm thấy hụt hẫng, thiếu vắng vô cùng. Khi kể lại câu chuyện bán chó với ông giáo mà lão không cầm được nước mắt.

**Lão Hạc là người có lòng tự trọng: Tự trọng với mọi người, với đứa con và với chính bản thân mình.**

Trong làng, trong xóm, chưa bao giờ lão làm phiền lòng một ai. Cuộc sống cơ cực, đói khổ nhưng lão một mình tự vượt qua. Trận ốm kéo dài đã khiến lão suy sụp, lão không còn đủ sức để làm và cũng không còn gì để ăn. Nhưng lòng tự trọng không cho phép lão ăn phạm vào số tiền dành dụm của con. Vì tương lai của con, vì lòng tự trọng của mình, lão đã quyết định đi đến cái chết sau đó.

Lão Hạc đã từ chối gần như hách dịch tất cả mọi sự giúp đỡ của mọi người. Lão không muốn mang ơn ai vì đối với lão ai có ơn thì phải trả. Thế nhưng, lão biết, lão không thể nào trả được. Tuổi già và bệnh đâu đang vắt kiệt từng ngày sinh lực của lão.

Đến khi chết, lão cũng quyết giữ gìn cái danh dự của lão đù đó là cái chết không lấy gì làm danh dự cho lắm. Mặc dù vậy, lão vẫn đạt được nguyên tắc mà lão luôn tuân thủ: không làm phiền người khác. Tiền lo cho hậu sự lão đã gửi cho ông giáo rồi, trăm sự lão nhờ ông giáo lo. Lão chết ngay trong chính ngôi nhà của lão.

Nam Cao đã hướng nhân vật vào cái thiện, qua đó bộc lộ những phẩm chất cao đẹp của lão Hạc nói riêng và của những người nông dân ở nông thôn Việt Nam trước cách nói chung. Đối với với họ, không có gì đáng quý hơn gia đình, danh dự.

**Kết bài**

Trong tác phẩm, lão Hạc hiện lên là một người cha mẫu mực, một người nông dân cao quý, một lão nông đáng kính với đức tính đôn hậu và rất giàu lòng tự trọng. Cái tự trọng của lão Hạc không khỏi khiến ta ngậm ngùi, thương xót.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**BÀI 5 LUYỆN ĐỀ**

**ĐỀ 2 :**

Cuộc đời lão Hạc chồng chất những bi kịch: bi kịch làm cha và bi kịch làm người. Hãy phân tích truyện ngắn **Lão Hạc** để làm rõ nhận định trên.

**Dàn ý**

**I. Mở bài:**

Giới thiệu về nhà văn Nam Cao-một đại diện tiêu biểu trong dòng văn học hiện thực phê phán 30-45.

**II. Thân bài:**

\* Giới thiệu khái quát nội dung truyện ngắn ***"Lão Hạc"*** trong sự so sánh với các tác phẩm khác của Nam cao.

**1. Bi kịch làm cha của lão Hạc:**

- Bất lực không có tiền cho con cưới vợ, để người con trai duy nhất phẫn chí đi làm đồn điền cao su.

- Đau xót khi tonà bộ số tiền dành dụm chắt chiu cho con, vì một trận ốm mà hết sạch.

**2. Bi kịch làm người của lão Hạc:**

- Dằn vặt, đau đớn vì trót lừa "Cậu Vàng".

- Bị đẩy vào sự lựa chọn khốc liệt: nếu muốn sống thì lỗi đạo làm cha, phạm đạo làm người; nếu muốn trọn đạo làm người thì buộc phải chết.

- Lão Hạc chọn cái chết để giữ trọn phẩm giá.

**3. ý nghĩa của những bi kịch:**

- Phản ánh chiều sâu nội tâm đầy mâu thuẫn của nhân vật.

- Thể hiện sâu sắc phẩm cách cao quý của nhân vật.

- Có giá trị tố cáo sâu sắc xã hội đương thời.

**III. Kết bài**

**ĐỀ 3 :**

Hình tượng người nông dân qua ngòi bút của Ngô Tất Tố và Nam Cao.

**Dàn ý:**

**I. Mở bài:**

- NTT và NC là hai tác giả xuất sắc của văn học Việt Nam giai đoạn 1930-1945.

- Cả hai ông đều quan tâm đến số phận người nông dân.

- Viết về người nông dân, hai ông đều có một điểm chung: Khắc hoạ nỗi đau khổ cùng cực và phát hiện ra phẩm chất ngời sáng của học.

**II. Thân bài :**

**1. Người nông dân với số phận bần cùng, đau khổ:**

- Gia đình chị Dậu phải đối mặt với mùa sưu thuế:

+ Anh Dậu đau ốm vẫn bị đánh đập hành hạ dã man.

+ Chị Dậu phải bán con, bán chó lấy tiền nộp sưu mà còn bị nhà Nghị Quế giàu có tham lam ăn bớt mất hào bạc lẻ.

+ Cái Tí bé bỏng không được sống cùng cha mẹ mà sớm phải chịu kiếp tôi đòi.

+ Đủ tiền nộp sưu anh Dậu vẫn không được tha vì bọ cường hào bắt đóng thuế cho cả người em trai đã chết.

=> tình cảnh bi thảm cùng quẫn.

- Lão Hạc của Nam Cao phải đối diện với sự nghèo đói :

+ Ví nghèo mà gia đình lão li tán, vợ chết , con lão bỏ đi xa vì không đủ tiền cưới vợ.

+ Có con chó nuôi làm bạn cũng không thể giữ bên mình được vì nghèo.

+ Phải đi làm thuê làm mướn kiếm sống qua ngày mà cũng không được.

=> Người nông dân là tầng lớp bần cùng, bị đè nén áp bức, bóc lột tàn bạo, bị chà đạp không thương tiếc, hiện tại cúng quẫn, tương lai mịt mờ, tăm tối.

**2. Người nông dân với phẩm chất lương thiện, tốt đẹp :**

- Chị Dậu đảm đang tháo vát, làm trụ cột cho gia đình ;yêu chồng, thương con ;mạnh mẽ, cứng cỏi ; tâm hồn trong sáng.

- Lão Hạc hiền lành, lương thiện, rất mực thương con, giàu tự trọng, thà chết cũng không làm phiền hàng xóm .

**III. Kết bài :**

- Chị Dậu và lão Hạc là những hình tượng điển hình của người nông dân Việt Nam đau khổ mà đẹp đẽ.

- Nam Cao và Ngô Tất Tố đã xây dựng lên họ bằng cả tấm lòng yêu thương trân trọng.

**ĐỀ 4 :**

Phân tích đoạn trích Tức nước vỡ bờ của Ngô Tất Tố để làm sáng tỏ nhận định của nhà phê bình Vũ Ngọc Phan : " Cái đoạn chị Dậu đánh nhau với tên cai lệ là một đoạn tuyệt khéo".

**Dàn ý:**

**I. Mở bài:**

- Tắt đèn là một tác phẩm thành công viết về người nông dân trong chế độ cũ của NTT.

- Ngôn ngữ văn học và nghệ thuật kể chuyện ở Tắt đèn đã đạt đến độ nhuần nhuyền, tinh tế.

- Đoạn trích Tức nước vỡ bờ được nhà phê bình Vũ Ngọc Phan đánh giá là tuyệt khéo về phương diện nghệ thuật.

**II. Thân bài:**

**1. Nghệ thuật tạo tình huống:**

- Tác giả đã đẩy nhân vật chị Dậu vào một tình huống cùng cực nhất: phải nộp tiếp một xuất sưu, chồng bị đánh đập như một cái xác không hồn gọi mãi mới tỉnh, nhà hết gạo...

- Tình huống có vấn đề giúp tác giả triển khai hành động và sự việc diễn ra trong đoạn trích một cách hợp lý.

**2. Nghệ thuật xây dựng nhân vật:**

- Nhân vật anh Dâụ ốm yếu được xây dựng chủ yếu thông qua hành động: uể oải, vừa rên vừa ngỏng đầu lên, run rẩy, lăn đùng ra, hoảng quá, sợ quá, vừa run vừa kêu => Hình ảnh người ốm được xây dựng khá sinh động, tạo ấn tượng về sự yếu đuối trái ngược với sự mạnh mẽ của chị Dậu.

- Nhân vật cai lệ được xây dựng rất sắc sảo thông qua ngoại hình, hành động và lời nói : ngoại hình lẻo khẻo nghiện ngập, giọng khần khàn vì hút nhiều xái cũ, hành động vú phu vô nhân tính, không nói mà chỉ có quát với thét bằng những lời lẽ cục súc => Khắc hoạ chân thực tên tay sai mạt hạng của thực dân Pháp , làm toát lên tính ách và bản chất của giai cấp thống trị tàn bạo mà hắn làm đại diện trong đoạn trích.

- Nhân vật chị Dậu : Miêu tả hành động lời nói để làm toát lên diễn biến tâm lí và tính cách : Đối với chồng thì dịu dàng, chu đáo quan tâm chăm sóc. Đối với bọn cai lệ và người nhà lí trưởng lúc đầu thì nhún nhường van xin tha thiết. Sau vì bị bọn chúng dồn ép đến chân tường nên đã vùng lên phản kháng=> thể hiện khí chất mạnh mẽ tiềm tàng, tâm lý phát triển biến đổi một cách hợp lý và nhất quán với tính cách, hiện lên đầy sức sống trong đoạn trích.

**3. Nghệ thuật kể chuyện hấp dẫn :**

- Tạo ra một diễn biến giàu tính kịch với cả xung đột, phát triển, cao trào, thắt nút và mở nút khiến người đọc hồi hộp theo dõi và sung sướng hả hê ở đoạn mở nút câu chuyện.

**4. Ngôn ngữ kể chuyện chính xác và tinh tế*:***

- Lời người kể chuyện hấp dẫn với những chi tiết miêu tả ít nhưng có tác dụng đắc địa tạo lên không khí truyện.

- Lời kể có sự dẫn dắt chi tiết và cụ thể khiến người đọc dễ dàng hình dung ra hành động và sự việc diễn ra trong truyện.

- Lời nhân vật được lựa chọn kỹ càng góp phần làm toát lên tính cách nhân vật.

**III. Kết bài :**

- Mọi phương diện nghệ thuật của đoạn trích đều đặc sắc.

- Nhà văn tỏ ra am tường và tinh tế trong quan sát, miêu tả và hiểu tâm lý nhân vật.

- Ngôn ngữ vừa chính xác vừa gợi cảm có tác dụng khắc hoạ nhân vật và sự việc một cách chân thực và sinh động.

- Đoạn trích xứng đáng với lời khen ngợi của nhà phên bình Vũ Ngọc Phan là *tuyệt khéo.*

**LUYỆN ĐỀ**

**1. *Nhận xét về nghệ thuật khắc hoạ nhân vật chị Dậu trong đoạn . Tác dụng của các biện pháp nghệ thuật đó?***

với lời nói và hành động.

- Tư sự kết hợp miêu tả và biểu cảm

- Từ nhũn nhặn, tha thiết van xin đến cứng cỏi thách thức, quyết liệt

- Dùng phép tương phản tính cách chị Dậu với bọn cai lệ và người nhà lí trưởng.

=> Tác dụng:tạo được nhân vật chị Dậu giống thật, chân thực, sinh động, có sức truyền cảm. Tính cách chị Dậu hiện lên nhất quán với diễn biến tâm lí thật sinh động. Chị Dậu mộc mạc, hiền dịu, đầy vị tha, giầu tình yêu thương, sống khiêm nhường, biết nhẫn nhục chịu đựng nhưng hoàn toàn không yếu đuối, chỉ biết sợ hãi mà trái lại vẫn có một sức sống mạnh mẽ, một tinh thần phản kháng tiềm tàng.

- Từ hình ảnh của chị Dậu ta liên tưởng đến người nông dân trước cách mạng tháng Tám: tự ti, nhẫn nhục, an phận do bị áp bức lâu đời. Nhưng họ sẽ đứng lên phản kháng quyết liệt khi bị áp bức bóc lột tàn tệ.

- Sự phản kháng của chị Dậu còn tự phát, đơn độc chưa có kết quả (chỉ một lúc sau, cả nhà chị bị trói giải ra đình trình quan) tức là chị vẫn bế tắc nhưng có thể tin rằng khi có ánh sáng cách mạng rọi tới, chị sẽ là người đi hàng đầu trong cuộc đấu tranh. Chính với ý nghĩa ấy mà Nguyễn Tuân viết: “tôi nhớ như có lần nào, tôi đã gặp chị Dậu ở một đám đông phá kho thóc Nhật ở một cuộc cướp chính quyền huyện kì tổng khởi nghĩa.

=> Như vậy, từ hình ảnh “cái cò lặn lội bờ sông. Gánh gạo đưa chồng tiếng khóc nỉ non” và từ hình ảnh người phụ nữ trong thơ xưa đến hình ảnh chị Dậu trong “Tắt đèn”, ta thấy chân dung người phụ nữ Việt Nam trong văn học đã có một bước phát triển mới cả về tâm hồn lẫn chí khí.

2. ***Em hiểu về như thế nào về nhan đề “Tức nước vỡ bờ” đặt cho đoạn trích? Theo em đặt tên như vậy có thoả đáng không?***

- Kinh nghiệm của dân gian được đúc kết trong câu tục ngữ đó đã bắt gặp sự khám phá chân lí đời sống của cây bút hiện thực NTT, được ông thể hiện thật sinh động, đầy sức thuyết phục.

- Đoạn trích chẳng những làm toát lên cái lô gic hiện thực “tức nước vỡ bờ”, “có áp bức, có đấu tranh” mà còn toát lên cái chân lí: con đường sống của quần chúng bị áp bức chỉ có thể là con đường đấu tranh để tự giải phóng, không có con đường nào khác. Vì vậy mà tuy tác giả “Tắt đèn” khi đó chưa giác ngộ cách mạng, tác phẩm kết thúc rất bế tắc, nhưng nhà văn Nguyễn Tuân đã nói rằng: Ngô TẤt Tố với “tắt đèn” đã xui người nông dân nổi loạn. NTT chưa nhận thức được chân lí cách mạng nên chưa chỉ ra được con đường đấu tranh tất yếu của quần chúng bị áp bức, nhưng với cảm quan hiện thực mạnh mẽ, nhà văn đã cảm nhận được xu thế “tức nước vỡ bờ” và sức mạnh to lớn khôn lường của sự “vỡ bờ” đó. Và không quá lời nếu nói rằng cảnh “tức nước vỡ bờ” trong đoạn trích đã dự báo cơn bão táp quần chúng nông dân nổi dậy sau này.

3. ***Viết đoạn văn tổng phân hợp khoảng 15 câu để làm rõ câu chủ đề sau:***

- ***Nhưng chị Dậu không thuộc loại người yếu đuối chỉ biết nhẫn nhục van xin mà còn tiềm tàng một khả năng phản kháng mãnh liệt***. Thật vậy, khi bị đẩy tới đường cùng, chị đã vùng dậy chống trả quyết liệt, thể hiện một thái độ thật bất khuất. Khi tên cai lệ dã thú ấy vẫn không thèm trả lời, còn “tát vào mặt chị một cái đánh bốp” rồi cứ nhảy vào cạnh anh Dậu, thì chị đã vụt đứng dậy với niềm căm giận ngùn ngụt: “chị Dậu nghiến hai hàm răng: “mày trói ngay chồng bà đi, bà cho mày xem!” Chị chẳng những không còn xưng hô “cháu - ông”, mà cũng không phải “tôi – ông” như kẻ ngang hàng, mà lần này, chị xưng “bà”, gọi tên cai lệ bằng “mày”! Đó là cách xưng hô hết sức đanh đá của phụ nữ bình dân, thể hiện sự căm giận và khinh bỉ cao độ, đồng thời khẳng định tư thế “đứng trên đầu thù”, sẵn sàng đè bẹp đối phương. Lần này chị Dậu đã không đấu lí mà quyết ra tay đấu lực với chúng. Cảnh tượng chị Dậu quật ngã hai tên tay sai đã cho ta thấy sức mạnh ghê gớm và tư thế ngang hàng của chị Dậu, đối lập với hình ảnh, bộ dạng thảm hại hết sức hài hước của hai tên tay sai bị chị “ra đòn”. Với tên cai lệ “lẻo khoẻo” vì nghiện ngập, chị chỉ cần một động tác “túm lấy cổ hắn, ấn dúi ra cửa”, hắn đã “ngã chỏng quèo trên mặt đất! Đến tên người nhà lí trưởng, cuộc đọ sức có dai dẳng hơn một chút (hai người giằng co nhau, du đẩy nhau, rồi ai nấy đền buông gậy ra, áp vào vật nhau), nhưng cũng không lâu, kết cục, anh chàng “hầu cận ông lí” yếu hơn chị chàng con mọn, hắn bị chị này túm tóc lẳng cho một cái, ngã nhào ra thềm! Vừa ra tay, chị Dậu đã nhanh chóng biến hai tên tay sai hung hãn vũ khí đầy mình thành những kẻ thảm bại xấu xí, tơi tả. Lúc mới xông vào, chúng hùng hổ, dữ tợn bao nhiêu thì giờ đây, chúng hài hước, thảm hại bấy nhiêu. Đoạn văn đặc biệt sống động và toát lên một không khí hào hứng rất thú vị “làm cho độc giả hả hê một chút sau khi đọc những trang rất buồn thảm.

**4. *Giới thiệu vắn tắt giá trị của truyện ngắn « Lão Hạc »***

Viết về đề tài người nông dân trước cách mạng, « Lão Hạc » là một truyện ngắn xuất sắc của nhà văn Nam Cao, đăng báo lần đầu năm 1943. Truyện đã thể hiện một cách chân thực, cảm động số phận đau thương của người nông dân trong xã hội cũ và phẩm chất cao quý, tiềm tàng của họ. Đồng thời, truyện còn cho thấy tấm lòng yêu thương, trân trọng đối với người nông dân và tài năng nghệ thuật xuất sắc của nhà văn Nam Cao, đặc biệt trong việc miêu tả tâm lý nhân vật và cách kể truyện.

***5.Hãy viết bài văn thuyết minh ngắn, giới thiệu về nhà văn Nam Cao và giá trị truyện ngắn “Lão Hạc”.***

**Gợi ý phần tự luận**

Yêu cầu cần đạt: Học sinh cần nắm được cách viết một bài văn thuyết minh, các phương pháp thuyết minh, đồng thời cần có những hiểu biết cơ bản, chính xác về nhà văn Nam Cao và truyện ngắn “Lão Hạc” đã học. Dù viết ngắn hay dài bài viết cũng cần có 3 phần đầy đủ: mở bài, thân bài, kết bài. Văn phong sáng sủa, không dùng từ sai, câu đúng ngữ pháp, chữ viết rõ ràng. Bài viết cần nêu được các ý chính sau:

1. Giới thiệu khái quát Nam Cao và truyện ngắn “Lão Hạc”: Nam Cao được coi là một nhà văn hiện thực xuất sắc trước cách mạng tháng Tám; truyện ngắn “Lão Hạc” là một trong những truyện ngắn hay và tiêu biểu nhất của ông.

2. Thuyết minh về cuộc đời và sự nghiệp của Nam Cao (dựa vào phần chú thích sao ở cuối văn bản Lão Hạc trong SGK ngữ văn 8)

3. Giới thiệu vắn tắt giá trị của truyện ngắn Lão Hạc. Dựa vào phần ghi nhớ của tác phẩm này trong sgk Ngữ văn 8 để nêu lên một số ý chính về nội dung và nghệ thuật

4. Nêu cảm nghĩ của người viết đối với tác giả Nam Cao và truyện ngắn “LH”

# 6.Chứng minh người nông dân vẫn giữ trọn phẩm chất tốt đẹp qua Lão Hạc và Tức nước vỡ bờ

BÀI 1:

Việt Nam, đất nước nông nghiệp, cái nôi của nền văn minh lúa nước. Trước cách mạng tháng Tám hơn 90% dân số sống bằng nghề nông. Và từ buổi đầu khi văn học ra đời và phát triển, đề tài người nông dân đã trở thành mảnh đất tốt để ươm lên những mầm cây văn học với những tác phẩm đặc sắc. "Tắt đèn" của Ngô Tất Tố và "Lão Hạc" của Nam Cao là hai tác phẩm như vậy. Đọc những sáng tác này ta thấy vẻ đẹp tỏa sáng trong tâm hồn của tầng lớp lao động: "Mặc dù gặp nhiều đau khổ bất hạnh nhưng người nông dân trước cách mạng tháng Tám vẫn giữ trọn phẩm chất tốt đẹp của mình".

Trước hết đọc hai văn bản điều làm ta ấn tượng về người nông dân Việt Nam trước cách mạng tháng Tám chính là cuộc sống đau khổ, bất hạnh với cảnh lầm than khổ cực.

Chị Dậu trong "Tắt đèn" của Ngô Tất Tố là một hình tượng tiêu biểu. Chị Dậu đầu tắt mặt tối không dám chơi ngày nào mà vẫn "cơm không đủ no, áo không đủ mặc". Gia đình chị đã "lên đến bậc nhì, bậc nhất trong hạng cùng đinh". Chồng chị ốm đau, vụ thuế đến cùng biết bao tai hoạ... Nào là phải chạy đôn, chạy đáo để cho đủ số tiền nộp sưu cho chồng mà không có một hạt cơm nào vào bụng. Chị như phải mò kim dưới đáy bể, như lạc vào cái sa mạc cát nóng bỏng, gió thổi tạt vào người như lửa. Trong cảnh "nửa đêm thuế thúc trống dồn" không có tiền nộp sưu cho chồng, vay mượn thì đều là bạn nghèo ai cũng không có, kẻ nhà giàu địa chủ thì đòi trả lãi với giá cắt cổ, chị đành phải bán đứa con ngoan ngoãn bé bỏng mà chị đã mang nặng đẻ đau, mà đã đến lúc nó có thể giúp chị rất nhiều. Chúng ta có thể cảm nhận được nỗi đau như đứt từng khúc ruột của chị khi bán cái Tý. Cái cảnh chị nuốt nước mắt vào trong mà van lạy cái Tý, thằng Dần để chúng đồng ý cho chị dẫn cái Tý sang nhà Nghị Quế làm người đọc không cầm lòng được. Cuộc đời chị bất hạnh này lại nối tiếp khổ đau kia. Sau khi bán con và đàn chó mới đẻ, cóp nhặt đem tiền nộp sưu cho chồng xong tưởng chừng nạn kiếp đã xong mà cố gắng sống những ngày bình yên bên người chồng ốm yếu, nhưng bọn lý trưởng, chánh tổng trong làng lợi dụng thuế má muốn đục nước béo cò bắt chị phải nộp thêm suất sưu cho em chồng đã chết từ năm ngoái. Người đã chết, đã đi vào cõi hư vô, còn đâu mà bắt người ta đóng thuế, thật quá bất công. Rồi chị còn phải chứng kiến cảnh chồng ốm đau bệnh tật, rũ rượi như một chiếc lá héo khô bị ném vào nhà, chị chăm sóc cho anh chưa kịp hoàn hồn thì bọn cai lệ và người nhà lý trưởng xông vào định bắt trói anh điệu ra đình vì thiếu sưu của em mình. Trong hoàn cảnh ấy không thể chịu đựng được nữa, tình yêu thương chồng và nỗi tức giận bị đè nén bấy lâu đã thôi thúc chị hành động. Chị đã xông vào bọn chúng đánh trả quyết liệt sau những lời van xin thiết tha không hiệu nghiệm để rồi kết quả là cả hai vợ chồng chị bị bắt giải ra đình để quan tư phủ xử tội vì đã chống lại "người nhà nước". Những khổ cực mà chị Dậu phải chịu cũng như những tâm lý uất ức trào dâng bột phát thể hiện thành hành động phản kháng của chị chính là hình ảnh chân thực về cuộc sống của người nông dân trước cách mạng tháng Tám.

Nếu đọc "Tắt đèn" của Ngô Tất Tố, ta cảm thương cho thân phận của người phụ nữ nông dân dưới chế độ phong kiến thực dân bao nhiêu thì khi đọc "Lão Hạc" của Nam Cao ta lại càng thương cảm và xót xa cho số phận của người nông dân với cuộc sống mòn mỏi trong chờ đợi và hy vọng mong manh mà cuộc sống cô đơn gặm nhấm tâm hồn và thể xác già nua của lão Hạc. Lão phải sống cô đơn buồn tủi, trong những ngày xa con, lão chỉ có "cậu Vàng" làm bạn. "Vàng" là kỷ niệm thiêng liêng của đứa con để lại, càng thương nhớ con lão càng quý mến con Vàng. Lão âu yếm trò chuyện với nó như người ông hiền hậu ân cần với đứa cháu ngoan. Yêu thương cậu vàng như vậy nhưng bị dồn vào bước đường cùng, lão đành làm một việc nhẫn tâm là phải bán nó đi. Khi kể lại với ông giáo, lão đau đớn xót xa tột cùng: "Mặt lão đột nhiên co rúm lại. Những nếp nhăn xô lại ép cho nước mắt chảy ra. Cái đầu lão ngoẹo về một bên và cái miệng móm mém của lão mếu như con nít...". Lão khổ tâm dằn vặt vì chuyện bán chó. Và cái đói cứ đeo đẳng làm cho lão dù đã phải bòn củ chuối, rau má, sung luộc để kiếm bữa cho qua ngày mà vẫn không xong. Cuối cùng lão phải kết liễu cuộc đời bằng liều bả chó xin được của Binh Tư. Ôi cái chết thật đau đớn và dữ dội, lão "vật vã trên giường, đầu tóc rũ rượi, áo quần xộc xệch, lão tru tréo, bọt mép sùi ra...". Hình ảnh lão Hạc gợi trong ta ký ức buồn đau của thảm cảnh 2 triệu người chết đói năm 1945 trước khi cách mạng tháng Tám nổ ra.

Người nông dân trong xã hội cũ gặp nhiều đau khổ bất hạnh là thế nhưng vượt lên trên những đau khổ bất hạnh đó, họ vẫn luôn giữ trọn những phẩm chất cao đẹp của mình mà đọc tác phẩm dù hiện thực có buồn thương nhưng nhân cách và phẩm chất cao quý của họ vẫn ngời sáng trong đêm tối khiến ta thêm tin yêu con người, tin yêu cuộc sống.

Ngay trong hoàn cảnh bất hạnh khổ cực vì bị hà hiếp bóc lột chị Dậu vẫn thể hiện vẻ đẹp tâm hồn của người phụ nữ yêu thương chồng con đảm đang tháo vát. Trong văn bản "Tức nước vỡ bờ" hình ảnh chị dùng những lời lẽ van xin thảm thiết và dám xông vào chống trả quyết liệt tên cai lệ và người nhà lý trưởng để cứu chồng là biểu hiện sâu sắc nhất tình cảm yêu thương hy sinh vì chồng con của chị Dậu. Cử chỉ bê bát cháo đến bên chồng với những lời nói tự nhiên như tấm lòng chân thành của chị đối với chồng Thầy em cố dậy húp ít cháo cho đỡ mệt..." đã làm người đọc xúc động thực sự trước tấm lòng thơm thảo, vẻ đẹp nữ tính dịu dàng với tình cảm mộc mạc của người phụ nữ ấy. Ở chị là sự hội tụ những vẻ đẹp tự nhiên của người phụ nữ Việt Nam mà Ngô Tất Tố muốn ngợi ca.

Cũng xuất phát từ tình yêu chồng mà chị đã vùng lên quật ngã tên cai lệ và người nhà lý trưởng để bảo vệ chồng. Hành động của chị dù là bột phát nhưng suy nghĩ đầy ý thức "Thà ngồi tù, để cho nó làm tình làm tội mãi thế tôi không chịu được". Ý thức đó phải chăng là ý thức phản kháng tiềm tàng trong người nông dân mà Ngô Tất Tố dường như đang "xui người nông dân nổi loạn" (theo nhận xét của Nguyễn Tuân) để nhằm phản ánh quy luật: có áp bức có đấu tranh, "Tức nước vỡ bờ".

Nếu như chị Dậu tiêu biểu cho người phụ nữ nông dân trong những vẻ đẹp nhân ái vị tha và tiềm tàng sức sống, sự phản kháng mãnh liệt thì ở nhân vật lão Hạc ta lại cảm nhận được tâm hồn và tình yêu tha thiết, niềm tin cháy bỏng và một nhân cách cao thượng đáng nể trọng của người nông dân già nua nghèo hèn phải tìm đến cõi chết. Nếu nói lão Hạc chết vì đói nghèo quả là hoàn toàn chưa hiểu hết ý đồ của nhà văn. Nam Cao đã khơi vào "luồng chưa ai khơi" trong hiện thực lúc bấy giờ là tinh thần trách nhiệm, tình yêu thương nhân ái, đức hy sinh cao cả của người cha trong hoàn cảnh vật lộn với cái đói. Lão Hạc chết là để bảo toàn danh dự và nhân cách, để giữ trọn tình yêu cho con, để thanh thản ra đi sau những gửi gắm về mảnh vườn, tiền cưới vợ cho con, tiền lo ma chay để khi ra về nơi miền cực lạc xa xôi còn có hàng xóm lo cho. Chính sự chất phác lương thiện đã giúp lão có những hành động đầy tự trọng ấy, lão không muốn liên lụy đến ai mà chỉ âm thầm chịu khổ một mình.

Lão Hạc còn là người rất đôn hậu và cao cả, lão đã khóc hu hu, đã xót xa đến tột cùng khi phải bán con chó, lão ân hận, lão khóc như người có tội, lương tâm lão bị dày vò, cắn dứt chỉ vì không thuỷ chung với một con chó. Lòng nhân ái của lão khiến ta cảm động biết nhường nào.

Những đức tính khiến chúng ta phải cảm phục nhất ở lão Hạc đó là lòng yêu thương con bao la, đức hy sinh cao cả. Chính tình yêu con đã giúp lão ngăn con không bán vườn. Lúc khoẻ lão cố cày thuê cuốc mướn, đồng áng từ lúc bình minh đến khi hoàng hôn buông xuống, tất cả chỉ để dành dụm cho con ít tiền. Nhưng sau trận ốm, lão đã chẳng còn gì, thương con nên lão không muốn tiêu phạm vào một đồng tiền nào dành cho con. Lão nhịn ăn, nhịn mặc, một lòng vì con: để rồi lão đã chọn con đường quyên sinh để giữ trọn mảnh vườn cho con. Cái chết dữ dội và kinh hoàng lắm. Lão thương con ngay đến những giây phút cuối cùng của cuộc đời, nhưng lòng lão thanh thản đến êm dịu.

Cảm ơn Ngô Tất Tố, cảm ơn Nam Cao! Họ đã cho chúng ta hiểu rõ cái cuộc sống cùng quẫn, bi thảm của người nông dân, làm chúng ta càng cảm phục trước những phẩm chất cao quý, đẹp đẽ và trong sáng của họ. Giữa bùn đen nhưng tâm hồn họ vẫn tỏa hương thơm ngát như đoá hoa sen đồng nội. Nhìn vào cuộc sống của người nông dân ngày nay ta càng xót xa cho cha ông thuở trước và thêm tin yêu cuộc sống mới.

BÀI 2. Có nhà văn nào đó từng nói rằng: văn chương chân chính dù nói về cái xấu, cái ác vẫn phải hướng về cái đẹp, cái thiện, đó là thanh nam châm thu hút mọi thế hệ. Vâng, phải chăng cái xấu cái ác hay cũng chính là cái khổ đau, bất hạnh và cái đẹp cái thiện chính là niềm tin tưởng của nhà văn hướng người đọc tin vào vẻ đẹp của nhân vật, để giúp người đọc một bài học về nhân cách. Và qua Tức nước vỡ bờ và Lão Hạc, chứng minh rằng: Mặc dù gặp nhiều đau khổ, bất hạnh, người nông dân trước cách mạng tháng 8 vẫn giữ trọn những phẩm chất tốt đẹp của mình.

Văn học và đời sống là hai vòng tròn đồng tâm mà tâm điểm chính là con người. bởi vậy nên, vấn đề chung về con người đã là mẫu số chung, là mảnh đất muôn thuở của thi nhân muôn đời. Nhưng, qua mỗi trang văn nhà văn chân chính phải mang đến một phát minh về hình thức, một khám phá mới về nội dung. Đó là đòi hỏi của nghệ thuật, không chấp nhận sự lặp lại người khác và lặp lại chính mình. Đó là cách duy nhất để anh tồn tại trong sân chơi nghệ thuật. cũng chính vì hiểu được điều ấy mà đến với đề tài người nông dân, một đề tài quen thuộc mà thi nhân muôn đời đã đi mòn đứt cỏ thì cả Ngô Tất Tố và Nam Cao đều có những khám phá riêng của mình, chính vì vậy số phận người nông dân đã được khắc họa sinh động, đa chiều và sâu sắc. Nếu như trong trang văn của Ngô Tất Tố, người nông dân phải chịu nỗi khổ về sưu cao, thuế nặng, hà hiếp áp bức, ngay cả người chết rồi mà vẫn phải nộp sưu thuế. Thật là vô lý. Thì trong trang văn của Nam Cao người nông dân được nhìn trong bi kịch bị tha hóa về nhân cách, phải chịu đựng sự giằng xé giữ dội về cái đói và miếng ăn. Hoặc là chấp nhận sống nhưng bị tha hóa vì miếng ăn, hoặc là chết để bảo toàn nhân phẩm, lão Hạc là một ví dụ điển hình. Song chính việc soi chiếu và nhìn nhận riêng của mỗi nhà văn như thế đã giúp người đọc nhìn nhận được bản chất và vẻ đẹp của người nông dân Việt Nam.

Nhưng dù là Lão Hạc hay chị Dậu thì ở cả hai nhân vật ấy, nhà văn đều cho chúng ta thấy được rằng dù gặp nhiều đau khổ, bất hạnh nhưng người nông dân trước cách mạng tháng Tám vẫn giữ trọn nhân phẩm của mình. Chị Dậu của Ngô Tất Tố, một người phụ nữ mộc mạc, lương thiện, hết mực yêu thương chồng và con, hy sinh không quản vì sự sống của chồng mình. Có lúc vì túng quẫn quá mà chị phải bán chó, bán con nhưng tuyệt đối đó không phải là hành động vô nhân tính mà là hành động của một người phụ nữ sắc sảo, bản lĩnh và mạnh mẽ đến kiệt cùng, dù đớn đau đến cắt từng khúc ruột khi phải bán con vẫn một mực chịu đựng vì nghĩ về sự sống của chồng. ngay cả khi bán chó, gia đình cái con sinh vật Nghị Quế chồng, Nghị Quế vợ có ăn bớt, làm điêu thì cũng chỉ hạ một câu: lão Nghĩ giàu đến thế mà còn... Không một chút phản kháng, cũng không văng bất kì một lời lẽ tục tĩu nào. Ngay cả khi lên huyện. Sống trong môi trường khác chị vẫn một mực nghĩ về chồng, về con, không bị lây nhiễm thói xấu. Khi thấy cai lệ hành hạ chồng, chị đã vùng lên mạnh mẽ, chị đã bước ra khỏi nỗi sợ của bản thân để chiến đấu, đánh bật hai tên cai lệ lực lưỡng. Chị không chịu khuất phục, Và chính với điều này, Ngô Tất Tố như đã xui người nông dân nổi loạn. Đó chính là phẩm chất cao đẹp mà Ngô Tất Tố đã luôn tin tưởng vào người nông dân trước cách mạng.

Với Nam Cao, ông luôn nhìn đời bằng con mắt tình thương. Chính vì quan niệm ấy mà những trang văn của Nam Cao luôn đặt nhân vật của mình trong tình thế cheo leo giữa nhân tính và thú tính, giữa say và tỉnh, giữa sự sống và cái chết. Nhưng đến cuối cùng Nam Cao vẫn cho thấy sự tin tưởng của mình vào phẩm chất lương thiện của người nông dân. Với lão Hạc, một người cha giàu lòng yêu thương con, có lòng tự trọng cao và đặc biệt là một người ân nghĩa, lão nghĩa tình với cả con vật của mình. Khi đã tuổi già sức yếu, không làm gì để kiếm ăn được, lão chẳng dám đụng vào số tiền bòn vườn của con, chỉ dám ăn sung luộc. Để rồi lão có thể chọn sống bằng cách bán mảnh vườn đi, nhưng không lão đã tìm đến cái chết, một cái chết đau đớn, tức tưởi thậm chí nhục nhã bằng bả chó. Nhưng chính cái chết ấy khẳng định được nhân cách thanh cao của lão, khẳng định được tính người trong con người của lão Hạc-một người nông dân bần cùng nhưng không bần nghĩa bần tình. Cái chết của Lão đã cho thấy niềm tin của Nam Cao vào vẻ đẹp của người nông dân lương thiện, dù đau đớn, bất hạnh nhưng vẫn giữ trọn phẩm chất tốt đẹp của mình.

Vậy là chỉ qua hai tác phẩm ngắn, nhưng Nam Cao và Ngô Tất Tố đã cho thấy vẻ đẹp của người nông dân trong những trang viết của mình. Đó chính là tinh thần nhân đạo của các nhà văn hiện thực, song ở thời điểm bấy giờ, vì chưa có ánh sáng của cách mạng vậy nên họ vẫn rơi vào bi kịch, bế tắc, đó cũng là một hạn chế mà ta cần xem xét.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

***BÀI 6****.*

**CỤM VĂN BẢN NƯỚC NGOÀI**

**CÔ BÉ BÁN DIÊM**

**An-đéc-xen**

**A.MỤC TIÊU**

-Giúp học sinh cảm nhận được hình ảnh đáng thương của cô bé bán diêm,sự lạnh lùng của xã hội đối với số phận của em.Nắm được ưu điểm, khuyết điểm trong cặp nhân vật tương phản bất hủ trong văn học.

-Cảm nhận được tình yêu thương gắn bó giữa các con người nghệ sĩ, thấy được sức mạnh nghệ thuật chân chính, giúp con người chiến thắng được tuyệt vọng, bệnh tật, cáI chết.

-Cảm nhận được tình cảm của con người với biểu tượng quê hương thể hiện tình yêu quê hương tha thiết.Đồng thời khám phá các hình thức nghệ thuật đặc sắc của văn bản.

**B.NỘI DUNG**

I.Tác giả tác phẩm:

Giáo viên nhắc lại để học sinh nắm được những nét cơ về tác giả, tác phẩm.

II.Nội dung: Giáo viên nhắc lại nội dung chính của văn bản để học sinh khắc sâu kiến thức.

III.Đề văn luyện tập:

**Đề 1:** Nghệ thuật kể chuyện hấp dẫn và câu chuyện xúc động chứa chan tình cảm nhân ái của An-đéc- xen qua truyện Cô bé bán diêm.

Dàn ý:

Mở bài:

- Giới thiệu nhà văn An-đéc-xen và tác phẩm cô bé bán diêm

-Sức hấp dẫn của tác phẩm gắn liền nghệ thuật kể chuyện hấp dẫn và câu chuyện xúc động chứa chan tình cảm nhân ái của nhà văn.

Thân bài:

1.Tổng:- Giới thiệu nhân vật sẽ phân tích: cô bé bán diêm nghèo khổ

- Cách kể chuyện nhập vai của nhà văn, dẫn dắt người đọc đi sâu vào tâm trạng của cô bé.

2.Phân:

a.Khung cảnh lạnh giá của đêm giao thừa:

- Các ngôi nhà ấm áp và mùi ngỗng quay đối lập với ngoài trời gió tuyết mưa lạnh

- Dòng hồi tưởng của cô bé về dĩ vãng tươi đẹp và bà nội hiền từ nhân hậu đối lập với thực tại vừa đói vừa rét.Cô bé đáng thương vì có cuộc sống đắng cay, thiếu tình thương và sự quan tâm của người cha, luôn phảI sống trong sợ hãi.

b.Những ánh lửa diêm và thế giới ảo mộng:

- Que diêm thứ nhất: Hình ảnh lò sưởi ấm áp gắn với thực tại phải chống chọi cái giá rét khắc nghiệt.Cảm giác vui thích của cô bé khi chứng kiến ánh sáng của ngọn lửa mở ra một thế giới ảo tưởng huy hoàng.

- Que diêm thứ hai: Bàn ăn và ngỗng quay gắn với thực tại bụng đói cồn cào.Cô bé chống chọi cái đói bằng giấc mơ.

- Que diêm thứ ba: Hình ảnh cây thông nô en gắn với khát khao được vui chơi của tuổi thơ, sớm phải chịu thiệt thòi vì hoàn cảnh nghèo khổ.

- Que diêm thứ tư: Em bé được gặp lại bà nội đã khuất.Thực ra đây không còn là ảo mộng mà là sự thực trước phút em bé bị chết rét nhưng tấm lòng nhà văn đã để cho em có những khoảnh khắc hạnh phúc được sống trong tình thương

- ánh sáng huy hoàng đón em về trời cùng bà chính là lời tiễn đưa đầy thương cảm dành cho một em bé ngoan.

c.Buổi sáng đầu năm mới:

- Sự vô cảm của mọi người trước cái chết của em bé

- Tình cảm nhà văn bộc lộ trực tiếp như muốn dành lời an ủi cho một số phận bất hạnh

3.Hợp:

- Đánh giá ý nghĩa sâu sắc của tác phẩm, bức thông điệp giàu tình người

- Câu chuyện xúc động lòng người còn nhờ tài kể chuyện của an-đéc-xen tạo được những đồng cảm cho người nghe, người đọc.

Kết bài:

-Nêu cảm nghĩ riêng về vẻ đẹp tâm hồn và số phận bất hạnh của cô bé bán diêm: Liên hệ thực tiễn để rút ra bài học về lòng nhân ái.

**III.LUYỆN TẬP**

1.***Vì sao thế giới mộng tưởng của em bé bán diêm được bắt đầu bằng hình ảnh lò sưởi và kết thúc bằng hình ảnh người bà nhân từ?***

\*Vì em đang phải chịu cái rét khủng khiếp của đêm giao thừa với gió và tuyết lạnh, hơn nữa phải chịu cả cái rét của sự thiếu vắng tình thương – hình ảnh bà xuất hiện-> tô đậm những bất hạnh của em bé trong thế giới hiện thực.

2. ***Hãy chỉ ra sự chuyển hóa giữa mộng và thực trong truyện?***

\*Thế giới mộng tưởng của em bé trước tiên được dệt lên từ những chất liệu rất thực: lò sưởi, ngỗng quay….đây là những cảnh sinh hoạt rất thực đang bao quanh em, mọi người có nhưng em thì không -> cái thực đã thành mộng tưởng, chỉ trong mộng tưởng, em mới tìm được cái thực đã mất; còn người bà đã mất nhưng với em hình ảnh bà hiện lên rất thực…

3, ***Theo em, kết thúc truyện có phải là kết thúc có hậu không? Vì sao?***

\*Không, vì truyện cổ tích thường kết thúc có hậu, nhân vật tìm được hạnh phúc ngay trong hiện thực còn cô bé tìm thấy hạnh phúc trong mộng tuởng và chết trong cô đơn, giá lạnh, trong một thế giới mà chẳng ai biết về nó -> nỗi xót xa làm day dứt người đọc.

**2.Cảm nhận của em về truyện Cô bé bán diêm của An-đéc-xen**

**Gợi ý**

An-đec-xen là nhà kể chuyện cổ tích nổi tiếng của thế giới phương Tây. Ngoài việc sưu tầm ông còn sáng tạo. Cô bé bán diêm là một sáng tác độc đáo, một câu chuyện cổ tích về thời hiện đại, thể hiện tài năng kể chuyện bậc thầy của ông. Thời hiện đại ở đây chính là thời đại mà tác giả sống, thời đại mà con người đã biết chế tạo và sử dụng diêm, con người biết đi lại bằng những cỗ xe song mã, biết tổ chức đón giao thừa với những cây thông Nô-en lộng lẫy. Câu chuyện *Cô bé bán diêm* kể về xã hội ấy, kể lại cái chết thương tâm của một cô bé nghèo khổ.

Mở đầu câu chuyện, tác giả giới thiệu một bối cảnh khắc nghiệt và khác thường.Khắc nghiệt bởi vì "trời đã tối hẳn" mà "tuyết rơi" không ngừng, và "rét dữ dội". Khác thường là vì: "Đêm nay là đêm giao thừa" nghĩa là một thời điểm đặc biệt đối với mỗi gia đình và đối với mỗi người. Đêm giao thừa ở đâu cũng vậy, đều là thời điểm mà năm cũ với những buồn vui lẫn lộn lùi vào quá khứ và một năm mới với những hi vọng tràn trề đang chờ đợi mọi người được mở ra.Nhưng đêm giao thừa ở phương Tây rất rét, vì lúc này đang giữa mùa đông.Khắp nơi đầy tuyết phủ, khắp nơi đầy giá lạnh.Ấy thế mà trong cái giá lạnh đó, trong cái đêm giao thừa đó "một em gái nhỏ đầu trần, chân đi đất, đang dò dẫm trong đêm tối”. Em bé đi đâu vậy? Em phải đi bán diêm vì "nếu không bán được ít bao diêm, hay không ai bố thí cho một đồng xu nào" thì "em không thể nào về nhà", bởi lẽ khi đó "nhất định là cha em sẽ đánh em". Bởi vì từ khi "Thần Chết đã đến cướp bà em đi mất, gia sản tiêu tan, và gia đình em đã phải lìa ngôi nhà xinh xắn có dây trường xuân bao quanh, nơi em đã sống những ngày đầm ấm, để đến chui rức trong một xó tối tăm, luôn luôn nghe những lời mắng nhiếc chửi rủa". Hơn nữa "ở nhà cũng rét thế thôi. Cha con em ở trên gác sát mái nhà, và mặc dầu đã nhét giẻ rách vào các kẽ hở lớn trên vách, gió vẫn thổi rít vào trong nhà". Như vậy em bé bán diêm này là một em bé có hoàn cảnh nghèo khổ.

Em bé đáng thương không tên tuổi này giống như kẻ lạc loài, bơ vơ trên mặt đất đầy tuyết phủ. "Em cố kiếm một nơi có nhiều người qua lại.Nhưng trời rét quá, khách qua đường đều rảo bước rất nhanh, chẳng ai đoái hoài đến lời chào hàng của em cả". Vì thế "suốt ngày em chẳng bán được gì cả và chẳng ai bố thí cho em chút đỉnh... Em bé đáng thương vẫn bụng đói cật rét lang thang trên đường". Em đi dưới trời mưa tuyết tới mức: "bông tuyết bám đầy trên mái tóc dài xõa thành từng búp trên lưng em, em cũng không để ý" và những người qua đường cũng không ai để ý đến một đứa trẻ đang bị tuyết phủ dần dần. Chắc chắn là em đã đi

trong mưa tuyết như vậy rất lâu. Giờ đây em không còn đi được nữa. "Em ngồi nép vào mộtgóc tường, giữa hai ngôi nhà, một cái xây lùi vào chút ít". Đó là một nơi mà ai đi qua cũng phải tránh nhưng cũng buộc mọi người phải chú ý. Em bé ngồi chỗ đó với hy vọng sẽ có người chú ý đến em, sẽ có người mua diêm cho em. Xung quanh em "cửa sổ mọi nhà đều sáng rực ánh đèn và trong phố sực nức mùi ngỗng quay".Mùi ngỗng quay nhắc em "đêm nay là đêm giao thừa".Mùi ngỗng quay còn nhắc em nhớ tới thời kỳ đầm ấm của gia đình em trước đây.Còn hiện tại em đang ngập chìm trong tuyết lạnh."Em thu đôi chân vào người, nhưng mỗi lúc em cảm thấy rét buốt hơn”. "Lúc này đôi bàn tay" của em bé bán diêm tội nghiệp "đã cứng đờ ra". Em bé nghĩ tới việc đánh diêm để "hơ ngón tay". Và "em đánh liều một que".Ngọn lửa bùng lên trong đêm giao thừa giá lạnh, mang lại cho em một niềm vui. "Ngọn lửa lúc đầu xanh lam, dần dần biến đi, trắng ra, rực hồng lên quanh que gỗ*,* sáng chói trông đến vui mắt". Em bé hơ bàn tay giá lạnh trên ánh lửa nhỏ nhoi của que diêm mà tưởng tượng rằng em đang ngồi trước một cái lò sưởi nơi đó đang "tỏa ra một hơi nóng dịu dàng". Nhưng đây chỉ là một điều mong ước, chỉ là một điều mộng tưởng.Bởi lẽ "em vừa duỗi chân ra sưởi thì lửa vụt tắt, lò sưởi biến mất"."Em bần thần cả người và chợt nghĩ ra rằng cha em đã giao cho em bán diêm".Thật đáng buồn biết bao vì giữa ước mơ và hiện thực là mệt khoảng cách xa vời. Một cái lò sưởi trong đêm đông giá rét, một mái nhà ấm cũng mãi mãi là ước mơ, là khát vọng của em bé.

Cùng với cái rét, cái đói cũng hiện về.Que diêm thứ hai "cháy và sáng rực lên". Que diêm cho em thấy: "bàn ăn đã dọn, khăn trải bàn trắng tinh, trên bàn toàn bát đĩa sứ quý giá, và có cả một con ngỗng quay. Nhưng điều kỳ diệu nhất là ngỗng ta nhảy ra khỏi đĩa và mang cả dao ăn, phuốc-sét cắm trên lựng, tiến về phía em bé". Thật hấp dẫn biết bao. Một bữa ăn vừa ngon vừa sang dành cho em bởi vì em đói lắm rồi, song bữa ăn đó cũng chỉ là ước mơ, mộng tưởng. Vì thế khi que diêm vừa tắt thì "thực tế đã thay cho mộng mị.chẳng có bàn ăn thịnh soạn nào cả, chỉ có phố xá vắng teo, lạnh buốt, tuyết phủ trắng xóa, gió bấc vi vu và mấy người khách qua đường quần áo ấm áp vội vã đi đến những nơi hẹn hò, hoàn toàn lãnh đạm với cảnh nghèo khổ của em bé bán diêm". Bên cạnh em giờ đây chỉ có đói và rét, và để chống lại em dùng ánh sáng và hơi ấm của que diêm. Trong ánh sáng ngắn ngủi của que diêm, em tưởng tượng ra những thứ mình cần, em tạo ra thế giới cho riêng em, bởi lẽ gió rét ngăn cản mọi người đến với em, cái đói cũng ngăn cản những người khác đến với em, trước mặt em cũng như sau lưng em chỉ còn lại "những bức tường dày đặc và lạnh lẽo". Những bức tường câm lặng, những bức tường không biết nói do chính con người tạo ra để che chở cho người này và để tạo ra sự cách ngăn với người khác.

Em bé còn lại một mình trong cái thế giới của em, thế giới đó bị tuyết trắng và đêm đen bao phù. Để xua đi màn đêm và giá rét, "em bé quẹt que diêm thứ ba". "Em thấy hiện ra một cây thông Nôen", "cây này lớn và trang trí lộng lẫy" với "hàng ngàn ngọn nến sáng rực, lấp lánh trên cành lá xanh tươi, và rất nhiều bức tranh màu sắc rực rỡ"... Cây thông Nôen gợi nhớ một truyền thống tặng quà và quan tâm đến trẻ em của phong tục phương Tây, nhưng có lẽ câu chuyện về ông già Nôen cũng chỉ là một huyền thoại xa vời còn trong thực tại em bé bán diêm còn đang ngập chìm trong tuyết lạnh. Em cũng chẳng cần đến những món quà của ông già Tuyết nữa bởi lẽ tuyết và giá rét quanh em đã quá thừa rồi.Que diêm thứ ba cũng tắt.Sự sống của nó cũng quá ngắn ngủi.Nó không xua đi được màn đêm nhưng màn đêm không thắng nổi nó. Que diêm tắt thì tất cả những ngọn nến mà cô bé bán diêm thấy trên cây thông

…….biến thành những ngôi sao trên trời". Khi đó em nghĩ tớicái chết, vì bà em, "người hiền hậu độc nhất đối với em" thường nói: "Khi có một vì sao đổi

ngôi là có một linh hồn bay lên trời với Thượng đế". Nhưng thật buồn vì bà em đã chết từ lâu. Nhưng cũng chẳng hề gì bởi những người đang sống không ai nghĩ về em, không ai nghĩ đến em thì em đi tìm nguồn an ủi nơi người bà yêu quý. Và thế là em quẹt diêm. "Em thấy rõ ràng là bà em đang cười với em", "em reo lên" và van xin bà "cho cháu đi với", "cháu van bà, bà xin Thượng đế chí nhân, cho cháu về với bà. Chắc người không từ chối đâu".

Thật đau đớn xiết bao khi em bé bán diêm bị xã hội bỏ rơi, bỏ quên trong tuyết phủ đã quyết khước từ cuộc sống, quyết tâm tìm về thế giới bên kia. Trong thế giới của những người sống em không có chỗ đứng, không có điều kiện để sống. Bởi lẽ chỉ cần bán được vài bao diêm thôi cũng đủ mang lại cho em cuộc sống, nhưng cả cái thế giới đi xe song mã ấy, cả cái thế giới nấp sau những cánh cửa sổ sáng rực ánh đèn ấy "chẳng ai đoái hoài đến lời chào hàng của em". Không giao tiếp được với thế giới những người đang sống*,* em bé bán diêm tìm cách xác lập mối quan hệ giao tiếp với bà em. "Em quẹt tất cả những que diêm còn lại trong bao để níu bà em lại".Kết quả là "Chưa bao giờ em thấy bà em to lớn và đẹp lão như thế này.Bà cụ cầm tay em, rồi hai bà cháu bay vụt lên cao, cao mãi, chẳng còn đói rét đau buồn nào đe dọa họ nữa".

Em bé đã chết một cách thê lương như vậy trong đêm giao thừa. Cái chết mang trong nó sức mạnh tố cáo xã hội. Cho dù người ta nhìn thấy trong xó tường "một em bé gái có đôi má hồng và đôi môi đang mỉm cười", bên cạnh "một bao diêm đã đốt hết nhẵn" thì những người đang sống cũng không thể nào biết được "những cái kỳ diệu mà em bé đã trông thấy, nhất là cảnh huy hoàng lúc hai bà cháu bay lên để đón những niềm vui đầu năm". Bởi vì những người đó ngoài việc sử dụng cái đói, cái rét để tạo sự ngăn cách của họ với em bé thì họ còn xây dựng những bức tường hoặc hữu hình hoặc vô hình để tạo ra sự ngăn cách mới giữa họ và em bé. Họ không có quyền được nhìn thấy, được tận hưởng những gì do mộng tưởng của em tạo ra. Bởi vì em thuộc về một thế giới khác. Cái chết của em bé còn là sự phê phán lối sống ích kỷ, co cụm, chỉ biết mình của thế giới hiện đại. Đó là sự cảm thông sâu sắc của nhà kể chuyện thiên tài Anđecxen.

**3. Cảm nhận của em về truyện *“Cô bé bán diêm"* của An-đéc-xen**

Trong chúng ta, chắc là đã có nhiều bạn từng đọc *“Bầy chim thiên nga”,* đọc *“Nàng tiên cá”,...* của nhà văn An-đéc-xen - nhà văn nổi liếng của Đan Mạch trong thế kỉ XIX. Ông là nhà văn của *“mỗi thời, mọi người và mọi nhà”* với loại truyện kể cho trẻ em. Cái phong vị phương Bắc, với hoa tuyết, với cánh thiên nga, với nàng tiên cá, với ngọn lửa diêm thần kì,... như đưa tuổi thơ chúng ta sống với bao giấc mơ huyền ảo, những giấc mơ tuyệt đẹp.

Truyện *“Cô bé bán diêm”* được An-đéc-xen viết vào năm 1845, khi ông đã có trên 20 năm cầm bút, tên tuổi lừng danh thế giới. Nó thuộc loại truyện vừa thực vừa ảo, vừa mang màu sắc cổ tích thần kì, vừa đậm đà chất thơ trữ tình, gợi lên một tình thương, một vẻ đẹp nhân văn sáng giá. Em bé bán diêm đã chết cóng trong tuyết, với má hổng và đôi môi như mỉm cười tưởng được ru bằng những giấc mơ huyền thoại!

Luận điểm 1: ***Đọc truyện cô bé bán diêm, cảm nhận đầu tiên của người đọc là cảnh nghèo khổ, bất hạnh của em.*** An-déc-xcn dẫn chúng ta di theo con dường bán diêm của cô bé. Một thời điểm điển hình nói lên sự nghèo khổ, nói lên nỗi bốt hạnh lột cùng của một em bé. Đó là một đêm giao thừa *“rét dữ dội, tuyết rơi*”, em với đầu trần chân đất, bụng đói đi bán diêm trong đêm giao thừa ***Nhận xét đánh giá*** *🡆*Nhìn em, ai mà chẳng thương tâm? Nhà văn tạo nên hai nghịch cảnh một đêm giao thừa. Một em bé di bán diêm suốt một ngày mà chẳng bán dược một bao diêm nào, “bụng đói cật rét” đi lang thang trên đường, chẳng dược ai bố thí cho cm chút đỉnh! Mái tóc và lưng em bám dầy tuyết. Trái lại, cửa sổ mọi nhà đều cửa sổ mọi nhà đều r*ực ánh dèn”* và trong phố thì “xực *nức mùi ngông quay”.* Đó là hai cảnh trái ngược. Câu chuyện trở nên thấm vị dời cay đắng! Trên bước đường bán diêm kiếm sống giữa đêm giao thừa, em bé đang sống trong cô đơn, buồn tủi. Một quá khứ hạnh phúc trở về trong tâm hổn em. Mái nhà xưa với dây trường xuân, với hình ảnh bà nội, đầm ấm thế, yên vui thố! Nay còn đâu? Mái nhà hiện lại thì tồi tàn, suốt ngày em chỉ luôn nghe lời mắng chửi. ***Nhận xét đánh giá*** *🡆*Số phân em bé bán diêm thật cay đắng và đáng thương biết bao! Một tuổi thơ thấm đầy lệ. Đàng sau cảnh đời, số phận em bé bán diêm đêm giao thừa là một cái nhìn dõi theo của nhà văn An-đéc-xen với nhiều trắc ẩn, với nỗi lo khôn nguôi.

***Luận điểm 2: Cô bé bán diêm ngoài cái rét, đơn côi,... còn có một nỗi đau tinh thần, luôn luôn bị giày vò, ám ảnh hết sức nặng nề.*** ở nhà thì bị bố mắng nhiếc chửi rủa, lang thang trong đêm tuyết, giao thừa, nếu không bán được ít bao diêm hay không ai bố thí cho một đồng xu nào đem về, nhất định em sẽ bị bố đánh! ***Nhận xét đánh giá*** *🡆*Nỗi bất hạnh này thật đáng sợ, nó luôn luôn đè nặng tâm hồn em. ***Bình luận****🡆* Có biết rằng: *"Tình thương của cha mẹ là thiên đường tuổi thơ”* mới thấy cái sâu sắc trong tấm lòng nhân ái của nhà văn Đan Mạch. Ông nhắc khẽ ai đó đang được sống yêu thương, sung sướng trong vòng tay bố mẹ mình nên biết cảm thông với cái khổ tâm, nỗi thương đau của các bạn nhỏ bất hạnh như cô bé bán diêm này. Bởi lẽ, biết san SC cùng đồng loại cũng là hạnh phúc.

***Luận điểm 3: Phần cảm động nhất, hay nhất khi tác giả nói về những cơn mơ của em bé bán diêm.*** Em đã đánh hết cả một bao diêm trên tay. Lúc đầu là *“đánh liều”* quẹt một quc, với ý định *“sưởi cho dỡ rét một chút”.* Ngọn lửa của một que diêm sao có thể chống lại cả một đêm dày sương tuyết? Lúc đầu em chỉ thấy, em chỉ phát hiện ra ngọn lửa diêm dầu là “xanh lam”, rồi “trắng ra”, *“rực hồng lèn quanh que gồ trông đến vui mắt ”.* Từ niềm vui nhỏ nhoi, bình dị của một em bé con nhà nghèo như thế, em đã bước vào những cơn mơ kì diệu. Mỗi que diêm từ tay em bé quẹt lên là có một ngọn lửa *“thần kì”.* Que diêm thứ nhất *“sáng rực như than hồng”*làm cho em “tưởng chừng như dang ngồi trước một lò sười bằng sắt có những hình nổi bằng đồng bóng nhoáng”. ***Nhận xét đánh giá*** *🡆*Đó cũng là mơ ước của những thân phận nghèo khổ trên đời giữa mùa dông giá rét dài lô thê! Nhà văn có cái nhìn đẹp, cái lấm lòng nhân hậu và giàu trí tưởng tượng mới đồng câm với những em bé nghèo khổ qua những ước ước bình dị như vây. Hình ảnh chiếc lò sưởi cũng chính là ẩn dụ cho ước mở bé nhỏ mà giản dị nhưng cũng rất xa vời với một cô bé nghè như em đó là được sưởi ấm trong đêm giá buốt.

Que diêm thứ hai bùng cháy dẫn hổn em đến một mái nhà êm ấm có “tấm rèm bàng vai màu”, có một mâm cỗ sang trọng. Một bàn an có khăn trải bàn trắng tinh, có bát đĩa bằng sứ quý giá, có ngỗng quay. Em thấy có một điều kì diệu nhất là *“ngỗng bay ra khỏi đĩa và ...tiến vê phía em'.* Que diêm tắt, mộng tan. Em bé bán diêm vẫn ngồi cô đơn một mình dưới trời tuyết trong đêm giao thừa. Hỡi ai còn mang trong lòng mình lòng trắc ân chắc chắn sẽ chảy lệ khi nghĩ về thân phận em bé sau khi que diêm thứ hai tắt, mộng tan. Hình ảnh con ngổng quay cũng chính là ẩn dụ cho nỗi khát khao, thèm muốn một bữa ăn thịnh soạn no đủ trong đêm giáo thừa.

Lại que diêm thứ ba nữa bùng cháy. Em bé như thây trước mắt mình một cây Nô-en được trang trí lộng lẫy với hàng ngàn ngọn nến sáng rực, lấp lánh trên cành lá xanh tươi... Em đang giơ tay với về phía cây... thì diêm tăt. Lần này, em thấy các ngọn nến bay lên cao mãi *rồi “biến thành những ngói sao trên trời’.* ***Nhận xét đánh giá*** *🡆*Chất văn và cảm xúc của câu chuyện kể đã mang một nồng độ mới. Từ ngọn nến trên cây Nô-en (trong mơ) em nghĩ đến trời sao lấp lánh, rồi chập chờn vê một ngôi sao đổi ngôi, một linh hổn nào đó đã *“bay lên trời với Thượng đế“.****Nhận xét đánh giá*** *🡆*Hình ảnh Thượng đế trong câu chuyện kể của An-đéc-xen, đó là một biểu tượng về niềm tin hướng tới cái vô cùng cao cả, thiêng liêng và tốt đẹp. Thượng đế trong ước mơ, chứ không phải trong đạo giáo, cũng như Tiên, Phật trong cổ tích Việt Nam vậy. Em bé chìm dần vào giấc mơ huyền diệu tuổi thơ khi em quẹt que diêm thứ tư. Trong ánh lửa xanh toa ra từ cây diêm, em bé *“nhìn thấy rõ ràng bà em dang mỉm cười với em”.* Và lần này cũng vậy, diêm cháy rồi tàn, làm tan giấc mộng: *“Que diêm tắt phụt, và ảo ảnh rực sáng trên khuôn mặt em bé cũng biến mất* ”. ***Bình luận****🡆* Đã hơn một thế kỉ trôi qua từ ngày An-đéc-xen viết truyện này (1845) nhưng người đọc khắp hành tinh - những cô, cậu học trò nhỏ bé đáng yêu - hình như vẫn còn nghe văng vẳng đâu đây lời nguyện cầu của cô bé bán diêm tội nghiệp. Cháu vẫn ngoan ngoãn đấy bà ơi! *“Cháu van bà, bà xin Thượng dế chí nhân cho cháu về với bà... ”.*

Chập chờn trong mơ tưởng. Đêm càng về khuya, rét càng dữ và tuyết càng phủ dày mặt đất. Diêm nối nhau chiếu sáng. Bà em hiện lên to lớn và đẹp lão. Bà nội cầm tay em bay lên cao, cao mãi “chẳng còn đói rét, đau buồn nào đe dọa em nữa. Hai bà cháu *“đã về chầu Thượng dế”.****Bình luận****🡆* Cái tài của An-đéc-xen là đã nói về cái chết của em bé bán diêm, chết đói, chết rét trong tuyết mà không gợi ra sự bi thảm hãi hùng. Em chưa chêt và em không chết! Em đã cùng bà nội giã từ cái hiện thực cay đắng, phũ phàng và côi cút này để bước sang thế giới mới tươi dẹp hơn, hạnh phúc hon. Đó là nơi mơ ước của em; lên trời với Thượng đế chí nhân. Hình ảnh em bé bán diêm chết nằm trẽn tuyết, giữa những bao diêm, trong đó có một bao dđã dốt hết nhăn *"có dôi má hồng và dôi môi dang mím cười”* trong ngày mồng một ì'ốt là một hình ảnh nhiều ý nghĩa gợi lên bao xót xa trong lòng người. Bầu trời thì xanh nhạt, mặt trời lèn chói chang, tuyết vẫn phủ mặt đất. Mọi người vui ve ra khói nhà. Và họ bâo nhau: *“Chắc nó muốn sưởi cho ấm!”.* Trái đất vù bàu trời vẫn dẹp. Vần có kê vô tình trước nỗi đau của đồng loại. Đời vân nhiều nghịch cảnh dau buồn như “tuyết vẫn phủ kín mặt đất”. Ai mà biết dược *“cảnh huy hoàng lúc hai bà cháu bav lên để đón lấy những niềm vui dầu năm? “****Bình luận****🡆* Bốn lần quẹt diêm là mốn lần ước mơ và cũng là bốn lần tuyệt vọng trong đớn đau, buồn tủi. Hình ảnh cô bé bán diêm của một xử sở xa xăm nhưng sao vẫn thấy gần gũi vo cùng. Hình như xung quanh ta đây vẫn còn bao em bé bán diêm ngày đêm đâng đối mặt với cái đói, cái khát và cả cái bạo hành của chính người thân mình. Cái thông điệp mà nhà văn An đec xen gửi đến cho chúng ta chính là lòng yêu thương là sự đồng cảm sẻ chia cho những cảnh đời bất hạnh.

**Luận điểm 4: Đoạn trích thể hiện tình thần nhân đạo sâu sắc.** Đó là nhà văn đã vạch trần bộ mặt tàn ác của xã đương thời với sự lạng lùng vô cảm của con người với con người. Là lòng cảm thông, chia sẻ với số phận bất hạnh của người dân trong xã hội. Giá trị nhân đạo của đoạn trích còn là sự hướng con người đến cuộc sống tốt đẹp hơn

Bằng cách kể chuyện rất li kì, lí thú, cách tạo tình huống hợp lí...kết hợp nghệ thuật đối lập, tương phản....nhà văn đã mang đến cho người đọc bao cảm xúc. Có khi đau đớn, có khi nghẹn ngào, có khi hạnh phục và cả thất vọng. Hình ảnh cô bé bán diêm là một bức thông điệp cho cả thế giới. Đó là tình yêu.

**BT4.Đề bài: Hóa thân vào những que diêm kể lại câu chuyện theo diễn biến và kết thúc của truyện Cô bé bán diêm (hoặc diễn biến sự việc tương tự, nhưng kết thúc khác).**

.Trời đã tối, cửa sổ mọi nhà đều sáng rực ánh đèn và trong phố sực nức mùi ngỗng quay. Giây phút đón giao thừa sắp đến. Vậy mà chúng tôi vẫn cùng cô bé tội nghiệp rong ruổi qua từng con phố. Chúng tôi tự nhủ hãy nằm yên, nằm yên và cầu nguyện để tất cả chúng mình sẽ đi về nhà ai đấy. Chỉ có vậy và chỉ có vậy thôi, cô chủ mới được về nhà để đón Tết trong ấm cúng.

Thế nhưng thật oái oăm thay. Đêm ba mươi, ai còn đi mua diêm làm chi nữa. Giờ này họ đã yên ổn cả rồi. Họ đang ngồi bên lò sưởi và chờ đến giờ phá cỗ. Chúng tôi biết vậy và cả cô chủ nhỏ tội nghiệp của chúng tôi cũng thế. Nhưng cô vẫn cứ đi, lang thang trong rét mướt và hy vọng. Niềm hy vọng ấy trong cái đêm nay thật quá nhỏ nhoi. Vậy mà nó chỉ chực chờ để tan biến mất.

Trời đã về khuya. Và chúng tôi cảm thấy đôi bàn tay của cô chủ đang cứng lại. Cô dừng lại và ngẫm nghĩ về một điều gì đó. Bỗng đột nhiên, cô rút một trong số chúng tôi ra và quẹt sáng. Anh bạn của chúng tôi bén lửa rất nhanh loáng qua rồi biến đi trên nền than hồng rực. Chúng tôi không biết cô bé nghĩ gì nhưng ánh mắt cô bé rất vui và hình như miệng cô còn ánh lên cả một nụ cười thì phải.

Cô bé duỗi chân ra nhưng đờ đẫn nhìn que diêm vụt tắt. Cô lại bần thần và suy nghĩ hồi lâu. Chắc cô bé đang lo không bán được diêm, về nhà sẽ bị cha chửi mắng.

Thế rồi, mạnh mẽ hơn, cô lại quẹt lửa anh bạn thứ hai. Lửa lại cháy và sáng rực. Ánh mắt cô bé lại vui lên. Khuôn mặt đỏ hồng rạng rỡ. Nhưng không đầy một phút sau, anh bạn tôi vụt tắt. Trước mặt cô bé chỉ còn là những bức tường lạnh lẽo, dày đặc, tối tăm. Phố xá vẫn vắng teo và lạnh buốt. Tuyết phủ trắng xóa, gió bấc vi vu và mấy người khách qua đường quần áo ấm áp vội vã đi đến nơi hò hẹn.

Cô chủ không còn nghĩ về cha. Cô không còn sợ. Cô quẹt thêm một que diêm nữa. Lần này cảm giác như anh bạn của chúng tôi bốc cháy lâu hơn. Niềm vui cũng dừng lại trên khuôn mặt của cô chủ tôi lâu hơn đôi chút. Không biết lúc này cô bé đang nghĩ đến cái gì, đến cây thông Nô-en hay đến người bà yêu quý.

Cô bé lại quẹt thêm một que diêm nữa. Một ánh sáng xanh tỏa ra xung quanh. Cô bé cười và reo lên hạnh phúc:

– Bà ơi! Cho cháu đi với! Cháu biết rằng diêm tắt thì bà cũng biến đi mất như lò sưởi, ngỗng quay và cây thông Nô-en ban nãy. Nhưng xin bà đừng bỏ cháu ở nơi đây. Trước khi bà về với Thượng đế chí nhân, bà cháu ta đã từng sung sướng biết nhường nào. Dạo ấy bà từng chủ cháu rằng nếu cháu ngoan ngoãn, cháu sẽ được gặp lại bà. Bà ơi! Cháu van bà, bà xin với Thượng đế chí nhân cho cháu về với bà. Chắc Người không từ chối đâu.

Anh bạn thứ tư của chúng tôi vụt tắt. Thế là cái ảo ảnh rực sáng trên khuôn mặt cô chủ nhỏ cũng biến mất luôn. Nhưng cô bắt đầu lôi ra tất cả chúng tôi và quẹt sáng. Dường như cô chủ của chúng tôi đang muốn níu kéo một điều gì. Chúng tôi nối nhau chiếu sáng như giữa ban ngày. Và chúng tôi nhận ra trên khuôn mặt kia đang nở ra một nụ cười mãn nguyện. Một xó tường bỗng vụt sáng lên nhưng cũng chỉ một phút sau nó lại trở về với cái tối tăm lạnh lẽo. Chúng tôi đã thắp lên những tia sáng cuối cùng còn cô chủ của chúng tôi thì bỗng nhiên gục xuống. Có lẽ cô mệt quá. Cô đã không ăn và không nghỉ suốt những ngày qua nên chắc bây giờ đang đói lả. Chúng tôi thương cô chủ quá và cầu mong sao cho đêm giao thừa qua thật là nhanh.

Sáng ngày mùng một, tuyết vẫn phủ kín mặt đất, nhưng mặt trời lên, trong sáng và chói chang trên bầu trời xanh nhợt. Chúng tôi – những que diêm còn sót lại trong túi của cô chủ đêm qua bỗng nghe thấy tiếng gọi của một người phụ nữ:

– Cháu bé ơi! Cháu bé ơi! Cháu là con cái nhà ai mà ra nông nỗi thế này.

Người đi đường cũng bắt đầu xúm lại. Họ tò mò đoán và ngắm nghía cô gái có đôi má hồng và đôi môi đang cười mỉm nằm giữa những bao diêm, trong đó có một bao đã đốt hết hẳn. Người đàn bà khi nãy rẽ đám đông ra để chen vào. Tay bà mang theo một cốc sữa đang còn nóng và một chiếc áo lông cừu đang còn mới. Uống một cách khó khăn vài ngụm sữa, cô chủ đã mơ màng tỉnh lại. Mấy người đàn ông giúp người phụ nữ đưa cô chủ về một ngôi nhà nhỏ rồi họ tản mác đi chơi. Bây giờ cô chủ đã tỉnh hẳn và đang ngồi bên lò sưởi.

– Cháu cảm ơn bà! Cô chủ nói.

Người phụ nữ nhanh nhảu đáp:

– Không có gì đâu cháu ạ! Nhìn cháu ta đã đoán ra tất cả mọi việc rồi. Ta cũng buồn như cháu. Trước đây ta cũng có một cô cháu gái nhưng Thượng đế chí nhân đã rước nó đi. Giờ ta gặp cháu đâu phải chăng là Thượng đế thương ta mà trả cho ta đứa cháu. Ta tuy nhỏ nhưng rất rộng lòng thương. Nếu cháu muốn, cháu có thể ở đây với ta làm bạn.

Cô bé không đáp lời người phụ nữ. Mắt cô bé rưng rưng nhìn những bông tuyết đang rơi trắng xóa ngoài khung cửa. Nhưng rồi bỗng nhiên cô quay lại, sà vào vòng tay âu yếm của người thiếu phụ và nức nở: Bà ơi! Bà ơi! Bà thương cháu mà trở về với cháu thật hay sao!

# BT5.SUY NGẪM VỀ TÌNH NGƯỜI TRONG TRUYỆN “CÔ BÉ BÁN DIÊM”

Người ta vẫn nói rằng Nam cực là hoang mạc lạnh của Trái đất, còn tôi, tôi lại cho rằng hoang mạc lạnh của Trái đất chính là nơi tận cùng của sự vô tâm, vô cảm của trái tim con người. Quả đúng như vậy, đọc truyện “Cô bé bán diêm” của nhà văn Andecxen, bạn sẽ thấu hiểu điều đó.

Câu chuyện lấy bối cảnh vào một đêm giao thừa rét buốt ở xứ ở Bắc Âu lạnh giá. Ai cũng biết, giao thừa là thời khắc chuyển giao giữa năm cũ và năm mới, là thời khắc được người ta xem là thiêng liêng và trang trọng nhất: thời khắc của sự sum vầy đoàn tụ, thời khắc của những bữa tiệc no đủ và sung túc, thời khắc tiễn đưa năm cũ và chào đón năm mới cùng với niềm hạnh phúc bên cạnh những người mà mình yêu thương. Thế nhưng...đâu đó ngoài kia vẫn còn đó hình ảnh một cô bé bán diêm nhà nghèo, mồ côi mẹ, đầu trần, chân đất, bụng đói đang dò dẫm trong bóng tối, đối mặt với những trận gió bấc thổi vi vút, với cái lạnh thấu xương của tuyết phủ kín mặt đất và điều đáng thương hơn đó là cả ngày em chưa bán được bao diêm nào.

Cô bé ngồi đó, cố nép mình trong một góc tường, giữa hai ngôi nhà...

Em thu đôi chân vào người nhưng mỗi lúc em càng thấy rét buốt hơn. Thế nhưng em không thể về nhà nếu không bán được ít bao diêm hay khống ai bố thí cho một đồng xu nào mang về vì như vậy nhất định em sẽ bị cha cha đánh...

Thế đấy! Cô bé bán diêm, một cô bé không có tên, không có tuổi nhưng cô có tất cả những nỗi bất hạnh mà con người trên đời không nên có: mẹ chết, bà nội, người gần gũi với em nhất cũng qua đời. Em mất mẹ, mất bà, mất luôn cả ngôi nhà xinh xắn có giây trường xuân bao quanh; mất cả những giây phút sum vầy hạnh phúc, thậm chí mất luôn cả cái quyền tối thiểu nhất mà một đứa trẻ phải có đó là được học hành, chăm sóc, yêu thương. Có lẽ em chỉ còn cha...Thế nhưng người cha này cũng chỉ suốt ngày đánh đập, chửi rủa em, bắt em đi kiếm tiền và ném em, một đứa trẻ thơ dại đáng thương, vào vòng xoáy của cuộc mưu sinh. Em bé ngồi đó, chơ vơ, đơn độc như một cái bóng vô hình, không ai để ý đến sự tồn tại của em. Bởi vì, cha em vẫn đang đắm chìm trong những nỗi cay cú của sự khốn cùng trong cuộc sống đến nỗi khô héo cả tình máu mủ để khiến em rơi vào cảnh ngộ, có nhà, dù là căn gác rách nát, nhưng không thể về, có người thân nhưng không thể gọi là gia đình và không có nổi một chút hơi ấm của tình yêu thương con người. Sự giá lạnh đáng sợ mà cô bé đang phải chịu không phải là sự giá lạnh của đất trời mà đó là sự giá lạnh trong tâm hồn của con người. Tất cả họ, trong bộ quần áo ấm áp, vội vã đi đến những nơi hò hẹn. Chẳng ai bận tâm đến sự khốn khổ của cô bé bất hạnh. Có thể nói sự tồn tại của em trong đêm giao thừa như một nốt nhạc trầm trong bản nhạc sôi động của ánh sáng, của niềm vui và hạnh phúc trong các gia đình vào khoảnh khắc chuyển giao của thời gian.

Một khắc, hai khắc...tiếng chuông đồng hồ vẫn điểm, cố bé vẫn ngồi đó, đói rét và cô độc. Không gian mịt mùng, lạnh giá bủa vây lấy thân thể bé dại của em. Lẽ ra em sợ... Nhưng em không sợ nữa... cái đói, cái rét, và cả nỗi đơn độc đã chiếm chỗ của nỗi sợ hãi... Em không dám mong sẽ được sum vầy hạnh phúc trong những ngôi nhà có cửa sổ sáng rực ánh đèn, cũng không dám mong được ngồi trong một bàn ăn thịnh soạn mà mong ước của em lúc này là “giá có thể quẹt một que diêm mà sưởi cho đỡ rét một chút nhỉ?”. Chao ôi, một đứa trẻ, ngày vui đón năm mới, lẽ ra phải ước được tặng quà, được ăn ngon mặc đẹp, được chạy nhảy vui vẻ, còn cô bé này...chỉ ước được quẹt một que diêm cho đỡ rét thôi. Thật là xót xa...Giá trị vật chất của một que diêm thì quá nhỏ nhoi nhưng nếu được làm điều đó thì đối với em đó là cả một điều hết sức lớn lao. Em phải ước... “giá như”. Ồ, hoá ra một que diêm đối với người khác có thể chẳng là gì nhưng với em thì đó là một điều xa xỉ, vì nó là toàn bộ cuộc sống sinh tồn của hai cha con em! Thật đáng thương biết nhường nào! Ấy thế nhưng trong cái xã hội ấy, trong cái không gian bao la mịt mùng ấy, em bé, hoàn cảnh của em bé chỉ như một chấm nhỏ bị lẩn khuất trong muôn vàn niềm vui, hạnh phúc của mọi người mà thôi.

Hiện thực đó quá nghiệt ngã, nghiệt ngã như chính số phận của cô bé bán diêm. Chính vì thế những ảo ảnh mà cô bé nhìn thấy khi quẹt các que diêm có thể tan biến rất nhanh nhưng ít ra trong cái thế giới của ảo ảnh đó không có đói, không có rét, không có cô độc, không có đòn roi. Hay nói chính xác hơn, dù chỉ là mơ thôi, nhưng chính những giấc mơ đó đã cứu rỗi linh hồn của em bé, để em bớt đau thương hơn, bớt bất hạnh hơn và ít ra trước khi lìa bỏ cõi đời này em còn lưu lại được “đôi má hồng và đôi môi đang mỉm cười”. Và một lần nữa ở phần kết của câu chuyện, Andecxen lại cho ta thấy sự thờ, lạnh lùng của người đời khi họ chứng kiến cái chết của cô bé bán diêm lúc họ phát hiện ra thi thể của em bé ngồi giữa những bao diêm nhưng họ chỉ lạnh lùng bảo với nhau: “chắc nó muốn sưởi cho ấm”, cũng chẳng ai thèm cúi xuống, ôm ấy thi thể của em bé, hay thể hiện một chút lòng thương cảm. Chao ôi, điều đáng buồn nhất trên đời không phải là đói khát, rét mướt hay thậm chí là đau khổ, điều đáng sợ nhất đó là sống trong xã hội loài người mà con người không tồn tại hai chữ: yêu thương, để đến nỗi cạn khô hết cả cảm xúc và tình cảm.

Câu chuyện đã khép lại nhưng trước mắt tôi vẫn hiện ra hình ảnh thi thể của cô bé bán diêm với “đôi má hồng và đôi môi đang mỉm cười” và văng vẳng bên tai tôi tiếng mọi người bảo nhau” “chắc nó muốn sưởi cho ấm”. Tôi cảm thấy day dứt, day dứt vì số phận bi đát đáng thương của một em bé thơ dại, day dứt vì cách ứng xử vô tâm giữa những con người trong xã hội. Và có thể biết đâu quanh đây, nơi tôi sống, nơi tôi từng “vội vã” đi qua cũng tồn tại vô số những mảnh đời như thế. Và biết đâu có thể đôi lúc, tôi cũng vô tình như những con người trong câu chuyện này. Đọc “Cô bé bán diêm” của Andecxen, tôi mới thực sự thấm thía câu: Hãy sống chậm lại, nghĩ ít đi và yêu thương nhiều hơn. Cảm ơn nhà văn xứ Đan Mạch đã cho tôi nhận ra được ý nghĩa thực sự của cuộc sống, của tình yêu thương con người. Bởi như nhà văn đã từng nói: “Không có câu chuyện cổ tích nào đẹp bằng câu chuyện cổ tích được viết lên từ chính cuộc sống”!

**BT6.Thông điệp về tình đời, tình người trong truyện ngắn “Cô bé bán diêm” của An-dec-xen**

 Đêm giao thừa, một đêm đông lạnh cóng, một em bé một mình lạc lỏng giữa màn đêm. Hoàn cảnh em thật đáng thương, tội nghiệp, em cần lắm một tình thương. Thế nhưng người thân em đã lần lượt bỏ em ra đi, ngày trước đã có thời em sống hạnh phúc cùng người bà yêu quí trong một ngôi nhà xinh xắn, có dây trường xuân rất đẹp, nhưng bà em đã bỏ em lại một mình trên thế gian, bà đã đi xa, xa lắm, bà đã về với thượng đế chí nhân

Thực ra thì em vẫn còn có cha, nhưng cha em nào có cho em một cái gì đâu! Cha em là một người thô lỗ cục cằn, có lẻ cái đói cái khổ đã làm cha em trở thành một con người tàn nhẫn! Em làm sao dám về nhà khi không bán được bao diêm nào?

Còn lại một mình em đối diện với đêm đông với những bao diêm còn nguyên vẹn, xung quanh em thành phố sáng rực ánh đèn, nhà nào cũng lộng lẫy bỡi những cây thông Nô en được trang hoàng cầu kì, đẹp mắt. Đặc biệt là nhà nào cũng sực nức mùi ngỗng quay! Mọi người dang hạnh phúc bên mái ấm gia đình. Đã có biết bao người vội vàng đi ra phố nhưng có ai để ý đến em đâu ! nhà giàu, lại còn đêm giao thừa nữa thì ai cần gì đến những bao diêm. Họ không cần mua diêm nhưng họ đâu có biết rằng em rất cần bán nó, em rất cần một sự quan tâm của người đời .

Nhà văn tạo nên hai nghịch cảnh trong một đêm giao thừa (Một em bé bán diêm… Một bên là nhà nào cũng sáng rực ánh đèn….) Khiến câu chuyện trở nên thấm vị đời cay đắng! Trên bước đường kiếm sống giữa đêm giao thừa, em bé đang sống trong cô đơn buồn tủi

Sáng ngày mồng một tết mọi người nhìn thấy thi thể của em cùng với những bao diêm đã đốt hết họ vẫn thờ ơ vô tình họ lạnh lùng bảo nhau “Chắc nó sưởi cho ấm”. Họ có biết rằng từ ngọn lửa diêm em đã sống những phút giây hạnh phúc: Được ăn ngon, được sưởi ấm,có cây thông tràng hoàng rất đẹp, có cả bà nội yêu quý đón em đi cùng…

Trong một xã hội thiếu tình thương, nhà văn An đéc xen đã viết nên câu chuyện với tất cả sự cảm thông, thương yêu với em bé bất hạnh, chính tình thương yêu ấy đã khiến ông viết nên những trang viết xúc động khi tả lại những giấc mơ của em bé qua những lần quẹt diêm, phải cảm thông sâu sắc đến mức nào nhà văn mới có những trang viết lung linh ước mơ tuổi thơ như thế! Có cảm thông yêu thương đến mức nào nhà văn mới miêu tả cái chết của em đẹp đến như vậy.

Người đời thờ ơ lạnh lùng, tàn nhẫn đối với em nhưng cuộc đời này vẫn còn đó những tấm lòng nhân ái. Chính tấm lòng tác giả đã làm cho câu chuyện mang một vẻ đẹp nhân văn.

**BT7.Bài học về tình đời, tình người qua truyện cổ tích “Cô bé bán diêm” của Andecxen**

Andersen là nhà văn nổi tiếng người Đan Mạch. Ông đã từng thể hiện ngòi bút qua nhiều thể loại nhưng không thu được nhiều thành công đáng kể. Sau này khi ông chuyển sang viết truyện, đặc biệt là truyện cổ tích thì ông đã đạt được những thành công rực rỡ. Truyện của ông không chỉ được độc giả trên cả thế giới biết đến mà cho đến tận bây giờ, nó vẫn còn để lại trong lòng người đọc những ấn tượng sâu sắc cho dù rất nhiều thế hệ đã đi qua.

Đương thời, Andersen bị xem là một nhà văn ngây thơ, đắm chìm trong thế giới cổ tích, hư ảo, phi thực. Tuy nhiên, đi ngược lại với những gì xã hội đã đánh giá về ông, những câu chuyện nhân văn như:Chú lính chì dũng cảm, Bộ quần áo mới của Hoàng đế, Bà Chúa Tuyết… lặng lẽ đi sâu vào tâm hồn trẻ thơ và kết tinh ở đó biết bao phẩm chất tốt đẹp, tạo nên nền tảng cho đạo đức của con người sau này.

Andersen chỉ viết về trẻ thơ và cho trẻ thơ. Có lẽ, không một nhà văn nào đã ưu ái “phục vụ” trẻ thơ nhiều và chân thành như ông. Những tác phẩm của ông đều có ghi “Truyện cổ tích dành cho trẻ em”. Từ đề tài đến cách thể hiện, Andersen lúc nào cũng chú ý làm sao cho nó phù hợp với sở thích và tiếp nhận của trẻ thơ nhất. Nhưng, người lớn khi đọc, vẫn thấy mình ở trong đó. Andersen đem thiên tài của mình để vào vai một người kể chuyện cho trẻ em và một nhà thơ đối với người lớn, trong một hình thức vô cùng hấp dẫn của thể loại truyện kể. Bởi hình thức này, sinh thời ông, cho phép ông né tránh một “sự kiểm duyệt nội tâm” – cái nỗi lo âu sợ hãi mà ông đã trải nghiệm trên con đường quanh co đến vinh quang và danh vọng. Ông đã thấy những sự phê bình đương thời đối với ông đôi khi đến mức vô tâm và vô cảm như thế nào. Trong khi ông mang tới những truyện kể với sự hài hước độc đáo vô song đồng thời cũng đầy tính nghiêm túc và tình cảm.

Như một giọt nước ngọt ngào và long lanh, truyện ngắn **Cô bé bán diêm** lặng lẽ đọng lại trên chiếc lá héo khô của tình đời, tình người. Giọt nước tinh khôi mà Andersen đã dành hết trái tim mình để vun vén ấy chính là một giọt nước thần tiên, giọt nước của ngôn từ cổ tích, một giọt máu rỉ ra từ tình yêu thương con người đến cháy bỏng.

“Đọc là khám phá, sáng tạo lại tác phẩm và cũng đồng thời là khám phá, sáng tạo chính bản thân mình”. Truyện ngắn Cô bé bán diêm quả thực đã khơi dậy hơi thở cuộc sống, tình yêu thương con người ở người đọc. Không hẳn ở lớp ngôn từ sóng sánh cổ tích mà chính ở bởi những khát vọng, ước mơ, hoài tưởng của cô bé mãi mãi lan tỏa vào lòng nhân loại, cho đến khi nào trái tim nhân loại còn thổn thức, lí trí nhân loại còn trăn trở thì những hoài vọng ấy hãy còn tiếp tục sưởi ấm, thôi thúc con người vươn lên.

Cô bé bán diêm mang trên mình một số phận bất hạnh đến cùng cực: mẹ mất sớm, bà cũng đã qua đời, cô bé sống cùng người cha nghiện ngập và tàn bạn trong một căn gác xép tồi tàn, bẩn thỉu và tối tăm. Mọi nhu cầu tối thiểu và giá trị của cuộc sống chân thực, đối với cô bé dường như đã không tồn tại. Và tàn nhân hơn, hình ảnh con người cùng sự sống, gần như chẳng liên quan gì đến cô bé. Tất cả chìm trong bóng tối của vũ trụ và của tình người. Tất cả, những gì sinh động nhất chỉ là những cái bóng đen lặng lẽ, âm thầm, vội vã, lướt qua cô trong đêm tối mịt mờ.

Andersen lại đặt nhân vật trong một không gian khắc nghiệt, đầy thử thách: đó là đêm giao thừa giá rét và tăm tối. Vào đêm đó, cô bé bán diêm khốn khổ đã chết. Em đã ra đi cùng với những giấc mơ giản gị mà đối với em là những giấc mơ bất tận không thể thành sự thật. Đó là giấc mơ được no đủ, đó là giấc mơ được có quần áo ấm để mặc và giấc mơ được gặp người bà mà em hằng yêu kính. Ở trên cuộc đời này, có lẽ sẽ chẳng bao giờ những số phận nghèo khổ như em có thể biến những giấc mơ của mình trở thành hiện thực được. Bởi vậy Andersen đã đưa họ đến một thế giới khác. Nơi đó có thể che chở đùm bọc và bảo vệ những linh hồn khốn khổ này.

Truyện của Andersen khép lại nhưng lòng người đọc vẫn không nguôi băn khoăn, trăn trở, day dứt suy nghĩ về con người, cuộc đời, về tình người, tình đời. Nhà văn không né tránh hiện thực nghiệt ngã. Cô bé có tâm hồn trong sáng, thánh thiện ấy đã chết, chết trong chính đêm giao thừa, trong cái đói, cái rét hành hạ. Một năm mới sang hứa hẹn những khởi đầu mới nhưng cô bé đã kết thúc cuộc hành trình của mình tại chính ngưỡng cửa của năm mới.

Chẳng có cơ hội, chẳng có tương lai nào cho em. Đó là một hiện thực tàn nhẫn. và tàn nhẫn hơn nữa, chẳng có tình yêu thương nào dành cho em. Trước khi chết vì đói, vì rét, em đã chết vì chính sự lạnh lùng, vô cảm, tàn nhẫn, ích kỉ của con người. Em không dám về nhà vì sợ những lời chửi mắng, đánh đập của bố, em trơ trọi, bơ vơ, tuyệt vọng chống chọi với cái giá rét trước ánh mắt vô cảm, thờ ơ của những người qua đường, em cô đơn, buồn tủi khi mọi người vui vẻ, hân hoan đón chào năm mới, em nằm đó trong những lời đàm tiếu vô tâm của mọi người. Em từ giã cõi đời, giã từ cuộc sống vì không ai thương em, không ai che chở, bảo vệ em.

Cái chết của em mãi mãi để lại nỗi xót thương vô hạn, niềm day dứt khấp khởi trong lòng mỗi người. Ngay khi nhân loại đã ý thức rõ được những nhu cầu sống, quyền được sống hạnh phúc của trẻ em thì ở đâu đó, trong thế giới này, vẫn còn có những em bé bất hạnh như em bé bán diêm. Chiến tranh, đói nghèo, thiên tai, suy giảm kinh tế thế giới,… phủ trùm bóng đen khủng khiếp xuống số phận biết bao em bé tội nghiệp, vốn chưa có đủ khả năng để tự sinh tồn. Trong góc tối, những ngã đường, trên bãi rác thải,… có biết bao em bé đã lặng lẽ ra đi. Có lẽ, trong tâm trí của các em, nơi cuộc sống chưa kịp làm hoen ố đi, cũng đã có những mơ ước lung linh trước khi đi vào bóng tối.

Phải chăng, những tham vọng của loài người đang dần dần lấy đi sự hồn nhiên của trẻ thơ và biến thế giới này thành một thế giới của những quan hệ vật chất khô khan giữa những thiết bị vô tri, vô cảm. Thế giới này sẽ ra sao khi trẻ con không được tôn trọng, bị “tước đoạt” sự hồn nhiên và bị “huỷ hoại” niềm tin cổ tích? Thế giới này sẽ ra sao nếu tất cả trẻ con đều không tin “ông già Noel”, “bà chúa Tuyết”, “nàng tiên Cá”… là có thật? Thế giới này sẽ ra sao nếu tất cả trẻ con đều không tin rằng muôn loài, hoa lá, cỏ cây cũng có linh hồn, cũng biết đớn đau và khát khao được sống? Và thế giới này sẽ ra sao khi những đứa trẻ con bị sớm thành người lớn đó trưởng thành và làm chủ hành tinh này?

Bất chấp những khó khăn, bất hạnh và sự đối xử không công bằng của cuộc đời, Andersen đã mang đến thế giới này một câu chuyện cảm động, một câu chuyện được viết nên từ một bộ óc thông minh, một trái tim nhân hậu và một cái nhìn hồn nhiên trong trẻo về cuộc sống. Một câu chuyện được viết nên với lòng yêu thương và “kính trọng” trẻ em, một câu chuyện mang niềm tin bất diệt về sức mạnh của điều thiện và sự chiến thắng của lòng nhân ái…

Ánh lửa sáng từ que diêm của cô bé nghèo đánh lên trong đêm giao thừa thắp lên ngọn lửa trong trái tim của mỗi con người và tiếp tục giữ ấm ngọn lửa yêu thương của nhân loại. Trong ánh lửa nhỏ bé nhưng mạnh mẽ ấy, có lò sưởi, có ngỗng quay, có cây thông Noel, có người bà yêu thương, có thiên đàng, và tất nhiên, có cả cái chết, những vì sao đổi ngôi. Giọt nước và ánh lửa, phản chiếu cuộc đời một cách trung thực nhất, đồng thời cũng huyền ảo nhất của Andersen.

Hai trăm năm đã trôi qua, biết bao thế hệ trẻ em của thế giới này đã được lớn lên bằng dòng sữa mẹ và ước mơ về một thế giới thần tiên mà Andersen đã tạo ra… Ở đó, con người sống với lòng dũng cảm của “chú lính chì”, lòng nhân hậu của “bác sồi già”, sự trung thực của “cô bé với đôi giày đỏ”, tình yêu của “nàng tiên cá” và niềm lạc quan, yêu đời của “chú hoạ mi” cùng những mộng tưởng xa xăm của cô bé bán diêm trong đêm giao thừa. Ở đó, vạn vật trong vũ trụ, từ những nhành cây, chiếc lá, bông hoa đến chú vịt con xấu xí, bầy chuột đồng nghịch ngợm, cô thiên nga xinh đẹp…đều có linh hồn và tiếng nói, đều tồn tại cùng với con người trong một thế giới chung, một thế giới được “vận hành” theo quy luật của lòng nhân ái và điều chí thiện sẽ chiến thắng cái tàn ác, sự bao dung và chính trực sẽ chiến thắng những lọc lừa, giả dối và tàn bạo…

Mọi thứ rồi sẽ đi qua, chỉ còn tình người ở lại. Hai trăm năm cũng đủ dài để loài người nhận ra rằng Andersen không chỉ là một nhà văn của trẻ thơ: ẩn chứa đằng sau mỗi câu chuyện cổ tích dành cho con trẻ của ông là một câu chuyện ngụ ngôn viết cho người lớn, những câu chuyện ngụ ngôn làm thức tỉnh tình đời, tình người ở con người, nó truyền cho chúng ta niềm tin, sức mạnh và tình yêu cuộc sống. Nó dẫn dắt ta đến với thế giới của tình yêu thương, nơi đó, mỗi con người cần được tôn trọng, chia sẻ, yêu thương, gắn kết. Nó nhắc nhở ta về vai trò và ý nghĩa của gia đình, thức tỉnh trách nhiệm của chúng ta đới với gia đình. Nó khẳng định không có thế giới nào tươi đẹp, con người được hạnh phúc bằng thé giới cuộc sống trên mặt đất này, trong gia đình, với những người thân yêu.

Có lẽ sẽ không là cường điệu khi nói rằng chính những câu chuyện cổ tích dành cho người lớn của Andersen đã góp phần đưa nhân loại vượt qua hai thế kỷ đầy biến động… Hãy yêu quý và tôn trọng trẻ em, hãy nuôi dưỡng sự hồn nhiên và lòng nhân ái, hãy yêu và nhìn thế giới này bằng trái tim và đôi mắt trẻ thơ…Đó chính là thông điệp mà Andersen cùng những câu chuyện cổ tích của mình muốn gửi đến cho nhân loại…

Nếu không có Andersen, không biết đến bao giờ thế giới cổ tích gần gũi và hiện thực đối với con người như thế. Và nếu không có Andersen, chúng ta sẽ không có những bầu trời mộng tưởng, những khát khao vươn tới thế giới cổ tích, trái tim không biết rung động trước số phận khắc nghiệt của con người, không tìm thấy tình yêu cuộc sống. Andersen không làm nên tất cả nhưng thiếu Andersen là thiếu một sắc màu lung linh trong bức tranh về hiện thực những gì nhân loại đã trải qua trong mấy ngàn năm qua.

**BT8.Cảm nhận thông điệp cuộc sống từ truyện ngắn Cô bé bán diêm của An-dec-xen**

An-đéc-xen(1805-1875) là nhà văn Đan Mạch nổi tiếng với truyện kể cho trẻ em. Những tác phẩm của ông đã trở nên quen thuộc và gần gũi với bạn đọc khắp năm châu như: “Cô bé bán diêm, Bầy chim thiên nga, Nàng tiên cá, Bộ quần áo mới cho hoàng đế,…” Trong số đó phải kể đến câu chuyện “Cô bé bán diêm” là một tác phẩm nổi tiếng để thể hiện lòng cảm thông sâu sắc của tác giả đối với một em bé bán diêm có số phận bất hạnh, qua đó thấy được lòng nhân đạo của tác giả đối với những em bé nghèo khổ.

Không khí đón giao thừa ở một con phố nhỏ trên đất nước Đan Mạch được đưa đến với người đọc thông qua câu chuyện. Ngoài đường trời rét mướt, tuyết rơi phủ kín mặt đất nhưng “cửa sổ mọi nhà đều sáng rực ánh đèn và trong phố sực nức mùi ngỗng quay” mọi người đang náo nức chờ đón giao thừa, chờ đón một năm mới. Đối lập với những hình ảnh đó là hình ảnh của một cô bé bán diêm “đầu trần, chân đi đất đang ngồi nép trong một góc tường giữa hai ngôi nhà cao to” bụng đói vì cả ngày chưa được ăn uống gì. Đó là một cô bé có hoàn cảnh hết sức tội nghiệp, mẹ chết sớm, bà nội qua đời, em phải sống: “chui rúc trong một xó tối tăm trên gác xép, mái nhà cùng với người bố nát rượu và khó tính, em luôn phải nghe những lời mắng nhiếc chửi rủa”. Hàng ngày, em phải lang thang trên phố đi bán diêm để kiếm sống. Trong đêm giao thừa khi mọi người đang rất hạnh phúc trong ngôi nhà ấm cúng thì em phải chịu cảnh: “bụng đói, cật rét” lang thang trên phố không dám về nhà, sợ bố mắng vì cả ngày chẳng bán được bao diêm nào.

Như vậy, chỉ qua vài lời giới thiệu thông qua những ý nghĩ của em, đặc biệt là cách sử dụng thủ pháp đối lập tương phản, An-đéc-xen đã làm nổi bật tình cảnh khốn khó của em bé, sự đói rét và cô đơn. Qua đó, giúp người đọc hình dung ra được sự bất công của xã hội đương thời.

Tuy nhiên, sự thành công của câu chuyện không chỉ ở bức tranh hiện thực mà còn ở thế giới mộng tưởng được An-đéc-xen xây dựng rất thành công ở phần cuối tác phẩm. Thế giới mộng tưởng ấy được bắt đầu từ những hồi ức của cô bé và những ngày tháng đẹp đẽ và được sống hạnh phúc: “trong ngôi nhà xinh xắn có dây trường xuân bao quanh với người bà hiền hậu và những đêm giao thừa ấm cúng”.

Nhưng thế giới mộng tưởng đó được hiện lên thật rõ nét khi cô bé quẹt những que diêm để sưởi ấm. Lần thứ nhất, cô bé quẹt diêm trong ánh sáng của que diêm thứ nhất hiện lên một chiếc lò sưởi bằng đồng bóng nhoáng. Lần thứ hai, một bàn ăn thịnh soạn với khăn trải bàn trắng tinh, có con ngỗng quay trên lưng cắm dao ăn, phuốc-sét tiến về phía em đã hiện lên trong ánh sáng của que diêm thứ hai vì vào lúc này em đang rất đói. Hình ảnh cây thông Nô-en với hàng trăm ngọn nến sáng rực hiện lên trong ánh sáng của que diêm thứ ba trong lần quẹt diêm thứ ba của cô bé vì em muốn được đón giao thừa như bao người khác.

Trong lần quẹt diêm cuối cùng, hình ảnh của bà nội hiền từ và nhân hậu đã hiện lên trong ánh sáng của que diêm thứ tư vì lúc này cô bé rất cô đơn và đang khao khát có được tình thương yêu. Chỉ có điều khi que diêm cháy hết thì những ảo ảnh đó cũng tan biến hết trả lại em với hiện thực phũ phàng. Nhưng điều kì lạ là những mộng tưởng ấy đã đánh thức niềm khao khát trong cô bé ; khao khát được sống cùng bà, được sống trong yêu thương, muốn thoát khỏi khổ cực để rồi cô bé đã quẹt tất cả những que diêm còn lại trong bao để giữ hình ảnh của bà ở lại, được bà cầm tay bay vút lên cao, cao mãi về chầu thượng đế. Bằng ngòi bút nhân đạo và trái tim chan chứa yêu thương, nhà văn đã miêu tả cái chết của cô bé bán diêm thật huy hoàng, hạnh phúc. Chết mà đôi môi vẫn đang mỉm cười một cách mãn nguyện. Bởi tất cả những gì em đã thấy qua ánh lửa diêm trong giây phút cuối cùng.

Câu chuyện “Cô bé bán diêm” cho chúng ta thấy rõ tình cảnh khốn khổ, sự đói rét, hoàn cảnh đáng thương của một cô bé bán diêm. Thấy rõ được lòng thương cảm, nhân đạo của tác giả đối với cô bé bán diêm và những em bé cùng khổ. Thông qua đó, nhà văn An-đéc-xen muốn gửi tới mỗi chúng ta một thông điệp: Hãy yêu thương con trẻ, dành cho chúng một cuộc sống bình yên và hạnh phúc; hãy biến những mộng tưởng đằng sau ánh lửa lóe lên của cô bé bán diêm thành hiện thực. Tất cả những điều đó đã làm nổi bật lên giá trị sâu sắc của tác phẩm.

*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\**

**BÀI 8**

**CHIẾC LÁ CUỐI CÙNG**

**O Hen-ri**

**I. Tác giả** : O Hen ri là nhà văn Mĩ (1862 -1910), tên thật của ông là Po-tơ. Cha ông là thầy thuốc, mẹ ông qua đời khi ông mới lên ba.

- Thuở nhỏ, ở với bố, ông không được học hành nhiều mà vừa đi học vừa đi lao động. Năm 15 tuổi đã phải thôi học đến làm công kiếm sống tại một hiệu thuốc, ở trại chăn nuôi. Sau đó còn phải làm nhiều nghề khác để kiếm ăn như : nhân viên kế toán, vẽ tranh, thủ quỹ ngân hàng. Nhưng rồi một chuyện không đâu, anh bị cầm tù với mức án 5 năm. Nhưng mới chỉ thụ án 3 năm 3 tháng, anh đã được tự do. Ra tù, anh lấy bút danh là Ô.hen ri từ đó (Ohenri là tên của một người cai ngục nhân hậu mà Po- tơ vô cùng cảm mến, được dùng làm bút danh để nhớ mãi hình ảnh một ân nhân của mình)

- Mười năm cuối đời, ông sống ở New ước, tài năng phát triển một cách kì lạ, và trở thành một nhà văn chuyên nghiệp về sở trường truyện ngắn. Ông sáng tác rất nhiều, lao động sáng tạo miệt mài bèn bỉ. Hầu như tuần nào ông cũng có truyện in trên các báo và tạp chí. Có tháng, ông đăng báo đến 10 truyện ngắn. Có năm như 1904, 1905, ông đã viết 65 truyện ngắn in ở nhiều bào. Danh tiếng nổi lên như cồn

- Có thể kể các tập : Bắp cải và vua chúa (1904), Bốn triệu (1906), Trung tâm miều Tây (1907), Tiếng nói của thành phố (1908), Những sự lựa chọn (1909).

- Truyện của ông phong phú, đa dạng về đề tài, nhưng phần lớn hướng vào cuộc sống nghèo khổ, bất hạnh của người dân Mĩ. Một số truyện mang ý nghĩa phê phán xã hội rõ rệt.

- Về nghệ thuật, truyện ngắn của ông có lối viết nhẹ nhàng, đầy tình huống hấp dẫn, kết cấu chặt chẽ... đã tạo nên giá trị tư tưởng và nghệ thuật trong những tác phẩm của O.Hen ri và rất lôi cuốn sự hứng thú của bạn đọc.

- Năm 1910, Ô.Hen ri qua đời, để lại một sự nghiệp văn chương đồ sộ : khoảng 600 truyện ngắn. Nổi tiếng nhất là những truyện ngắn kiệt tác như : Căn gác xép, Cái cửa xanh, Chiếc lá cuối cùng, Quà tặng của những nhà hiền triết, Tên cảnh sát và gã lang thang, Sương mù ở Xen-tôn, Khi người ta yêu.

- Vinh dự lớn nhất của O.Henri là gần 10 năm sau khi ông qua đời, hội nghệ thuật và khoa học Mĩ đã lấy tên ông làm giải thưởng cho 3 truyện ngắn hay nhất hàng năm.

**Hai tình huống đảo ngược trong truyện ngắn Chiếc lá cuối cùng của O.Henri**

**Mở bài:**

Nhà văn O Hen-ri đã rất khéo léo khi xây dựng nghệ thuật đảo ngược tình huống hai lần. Lần đảo ngược thứ nhất, Giôn-xi như đang tiến dần đến cái chết bỗng khỏe lại, yêu đời và chiến thắng bệnh tật. Lần đảo ngược thứ hai liền tiếp sau đó, cụ Bơ-men từ môt người khỏe mạnh đến cuối truyện mắc bệnh và qua đời. Một con người đi từ sự sống đến cái chết, một con người người từ cái chết tìm lại sự sống. Tất cả đã được nhà văn kể lại thật tự nhiên và  cảm động.

* **Thân bài:**

***Tình huống đảo ngược trước tiên diễn ra với nhân vật Giôn – xi.***Hoàn cảnh túng thiếu lại ốm nặng, cô luôn tự nói với mình rằng cô sẽ không sống lâu nữa và khi cây thường xuân rụng hết lá cô cũng chết.Thấy thân cây chỉ còn vài chiếc lá Giôn-xi và Xiu đều nghĩ rằng ngày mai sẽ chẳng còn chiếc lá nào bám trên cành cây nữa. Vì vậy, Xiu cũng đã vô cùng tuyệt vọng. Cô không còn gì để khuyên Giôn-xi trước thái độ quả quyết của cô ấy. Nếu ai đọc cũng đều nghĩ cứ cố chấp như vậy Giôn-xi sẽ chết. Nhưng cũng vào đúng cái lúc người đọc tin rằng lá thường xuân rụng hết thì một tình huống bất ngờ đã làm đảo lộn mọi dự đoán

***Lần thứ nhất***, Ơ hen-ri viết:*“Nhưng ô kìa! Sau trận mưa vùi dập và bao cơn gió phũ phàng…”. “Vẫn còn một chiếc là thường xuân bám trên bức tường gạch”.* Có lẽ người vui mừng nhất lúc này là Xiu. Giôn-xi nhận ra: *“Đó là chiếc lá cuối cùng”, và khẳng định: “Hôm nay nó sẽ rụng thôi và cùng lúc đó thì em sẽ chết”*. Sự cố chấp ấy quả thật đáng chê trách. Lại một ngày, một đêm mưa gió trôi qua.Sáng hôm sau, Giôn-xi lại ra lệnh kéo mành lên.

***Lần thứ hai***, cả người trong truyện và người đọc đều vô cùng bất ngờ và sửng sốt vì chiếc lá thường xuân vẫn còn trụ lại trên cành. Chiếc lá đã chiến thắng được thời tiết, tạo ra thay đổi trong suy nghĩ của Giôn-xi. Cuối cùng, cô ấy đã nhận ra sự bi quan của bản thân mình. Chiếc lá cuối cùng đã cứu một mạng người ,không còn chán đời như trước và có thêm khát vọng sống .Cô nhận ra: “có một cái gì đấy đã làm cho chiếc lá cuối cùng vẫn còn đó để cho thấy rằng em đã ích kỉ như thế nào .Ngày sau khi làm lại cuộc đời ,Giôn-xi bắt đầu mơ ước về tương lai: “một ngày nào đó em hi vọng sẽ vẽ được vịnh Na- plơ”. Vậy là Giôn-xi đã từ cõi chết trở về sự sống

***Sự đảo ngược tình huống còn diễn ra đối với cụ Bơ-men.***Khác Giôn-xi, lâu nay, cụ vẫn khỏe mạnh. Thế mà, thật bất ngờ, hai ngày sau khi Giôn-xi hồi sinh, cụ lại ra đi cũng bởi căn bệnh viêm phổi. Bơ-men chết, người ta mới hiểu hết tấm lòng cao thượng của người nghệ sĩ đã thất bại trong đường đời.

Thì ra ngay trong khi làm mẫu cho Xiu, cụ Bơ-men đã có một quyết định sâu sắc .Khi bắt tay vào công việc, người nghệ sĩ ấy đã âm thầm hành động với ước nguyện thật cao cả: trả lại niềm tin vào sự sống cho Giôn-xi. Để thực hiện giải pháp tình thế ấy, cụ Bơ men đã bất chấp thời tiết khắc nghiệt. Có lẽ cụ cũng không ngờ đó là bức vẽ cuối cùng của đời mình. Điều mà cụ Bơ-men quan tâm lúc đó là làm thế nào để Giôn-xi thôi không bị ám ảnh bởi cái chết của Giôn-xi giúp cô tiếp tục vươn lên giữa cuộc đời. Giôn-xi đã thức tỉnh nhờ nhận ra sức sống mãnh liệt của chiếc lá cuối cùng – tác phẩm của cụ Bơ-men.

* **Kết bài:**

Cụ Bơ-men chính là đại diên của sự cao thượng, đại diện cho tấm lòng thương người, đức hi sinh cao cả. Truyện kết thúc bằng một sự đảo ngược tình huống lần thứ hai. Chiếc lá cuối cùng chỉ là một bức vẽ nhưng nó đem lại niềm tin vào s ự sống cho một con người. Hiệu quả mà nó thì vô cùng lớn lao. Vì vậy nó thành kiệt tác.

**II.Phân tích :**

« Chiếc lá cuối cùng » là một trong những truyện tiêu biểu cho bút pháp nghệ thuật của O.Henri. Số lượng nhân vật không nhiều, chỉ có 3 nhân vật : Giôn xi- cô hoạ sĩ bị ốm và xiu- cô bạn cùng chung phòng trọ, người bác sĩ đến chữa bệnh cho Giôn xi và cụ già Bơ-men- hoạ sĩ già sống cùng ngôi nhà trọ đó.

Với « Chiếc lá cuối cùng », chúng ta bước vào thế giới của những nghệ sĩ nghèo. Họ tìm đến quảng trường Gri-niz gần công viên Oa sinh tơn không phải vì cái vẻ cổ kính, kì quặc, cũng không phải vì cái phong cảnh tuyệt vời của nó mà vì « tiền thuê rẻ ». Trong cái xã hội mà thước đo là đồng tiền thì « tiền thuê rẻ » cũng nói lên khá nhiều điều và tác giả cũng mỉa mai nhận xét : « Phố này có một khả năng rất quý. Hãy tưởng tượng xem một tay thu ngân nào đó mang hoá đơn đòi tiền sơn hay giấy và vải vẽ đi qua con đường này, đột nhiên lại gặp ngay chính mình quay trở ra, tiền nợ không thu được một xu nhỏ ». Và cái không gian đó cho dù nó được gọi là quảng trường thì nó vẫn bị chia nhỏ thành những quảng trường « chằng chịt » khiến cho phạm vi không gian bị thu hẹp lại. Sự « chật hẹp » hiện ra như « mọc rêu » khiến cho khu nhà càng thêm vẻ cô quạnh, hoang tàn. Cái không gian nghèo nàn ngay từ vẻ bên ngoài ấy chỉ tiếp nhận những con người ngụ cư.

***A. « CHIẾC LÁ CUỐI CÙNG » LÀ BỨC THÔNG ĐIỆP MÀU XANH VỀ TÌNH THƯƠNG VÀ SỰ SỐNG CON NGƯỜI***

***1.Tình bạn cảm động.***

**-** Hai nữ hoạ sĩ trẻ ở hai miền quê khác nhau : một cô từ bang Men tới, cô kia quê ở Ca-li-pho-ni-a và họ cùng thuê chung một phòng trọ nơi phố nghèo.

***a.Điều gì đã gắn kết Xiu và Giôn xi lại với nhau ?***

+ Cùng sở thích về món rau diếp xoăn trộn dầu dấm và kiểu ống tay rộng

+ Cùng lựa chọn nghề hội hoạ : « hàng ngày làm việc lát con đường dẫn tới nghệ thuật bằng những bức tranh minh hoạ cho những truyện ngắn của các tạp chí, do các nhà văn trẻ viết để lát con đường của họ dẫn tới văn học »

+ Cùng cảnh nghèo. Họ vẽ tranh để kiếm cái lèn chặt dạ dầy thường hay trống rỗng của họ và cao hơn nữa là để duy trì sự sống của chính họ mỗi khi mùa đông băng giá đến.

***b Sụ kiện nào cho ta thấy sự gắn bó giữa hai cô hoạ sĩ này không đơn thuần chỉ là mối quan hệ của những người trọ cùng một nhà mà thân thiết như chị em ruột thịt ?***

**-** Sự việc Giôn xi bị ốm. Mùa đông năm ấy, chứng viêm phổi hoành hành đã « đánh ngã hàng chục nạn nhân ». Đối với những người nghèo, cho dù họ là hoạ sĩ, thì đói rét và bệnh tật thường xuyên là khách không mời, thường xuyên gõ cửa rình rập và đe doạ họ. Trong mùa đông, điều đó càng trở nên ác liệt hơn.

=> Đây là nghệ thuật tạo dựng tình huống. Tác giả chọn bệnh tật làm đối tượng miêu tả trực tiếp để đặc tả những phương diện khác. Chọn một nhân vật trong trạng thái ốm đau bệnh tật làm tiêu điểm cho hành vi hoạt động của các nhân vật khác là đòn bẩy để từ đó làm nổi lên các tình cảm nhân đạo, tạo ra thước đo phẩm chất nhân vật (chính trong hoàn cảnh bi đát ấy, tình bạn được thử thách). Đây là một cách tạo dựng tình huống có vấn đề để dẫn dắt tới cách giải quyết đột biến bất ngờ khi kết thúc truyện**.**

***Theo dõi phần thứ nhất của văn bản cho biết : bệnh tật của Giôn Xi có gì đặc biệt ?***

- Giôn xi bị viêm phổi, nằm liệt giường. Bác sĩ nói : « Bệnh tình của cô ấy có thể nói là mười phần chỉ còn hy vọng được một thôi ».

- Bản thân Giôn xi là một cô gái ốm yếu và thiếu máu

- Nghèo , không có tiền

- Chưa từng thành công trong sự nghiệp

=> Giôn xi không có một sợi dây ràng buộc nào đáng kể với cuộc sống.

**-  *Cảnh ngộ ấy ảnh hưởng đến tâm trạng của Giôn xi như thế nào ?***

***Tại sao Giôn xi « mở to cặp mắt thẫn thờ nhìn tấm mành mành và thều thào ra lệnh « kéo nó lên ».Hình dung như thế nào về nhân vật Giôn xi từ chi tiết miêu tả dáng vẻ « thẫn thờ » và giọng nói « thều thào » của cô ?***

*-* Cô muốn nhìn xem chiếc lá thường xuân cuối cùng bên cửa sổ đã rụng chưa.

- Một cô gái trong tình trạng sức khoẻ yếu ớt, gần như cạn kiệt sức sống.

*Em hiểu gì về trạng thái tinh thần của Giôn xi từ câu nói của cô : « Đó là chiếc lá cuối cùng.... Em cứ tưởng là nhất định trong đêm vừa qua nó đã rụng.... Hôm nay nó sẽ rụng thôi và cùng lúc đó thì em sẽ chết* ».

- Giôn xi cảm thấy mình bất hạnh, bất lực trước bệnh tật, không tha thiết với cuộc sống, đó là tâm trạng chán nản của kẻ chờ đợi phút chia tay với cuộc đời.

***Chi tiết Giôn xi đã không đáp lại những lời lẽ yêu thương của bạn, tâm hồn đang chuẩn bị sẵn sàng cho chuyến đi xa xôi bí ẩn của mình cho ta biết thêm điều gì về Giôn xi ?***

**-** Cô vô cùng yếu đuối và tuyệt vọng. Giôn xi có những dự cảm mình sẽ chết, đáng sợ hơn là Giôn xi không cảm thấy luyến tiếc cuộc sống. Tâm hồn cô đã chuẩn bị sẵn sàng cho một chuyến đi xa, chỉ chờ cho chiếc lá thường xuân bé nhỏ đang quằn quại trong gió lạnh kia rụng xuống.

***Con người yếu đuối và tuyệt vọng như Giôn xi gợi cho em những cảm xúc gì ?***

- Sự sụp đổ về tinh thần của cô hoạ sĩ trẻ bất hạnh làm cho bệnh tình ngày thêm trầm trọng. Cuộc sống của Giôn xi giờ đây được ví như chiếc lá nhỏ nhoi, yếu ớt, mảnh mai kia. Và cuộc đấu tranh để bảo vệ cái cuộc sống nhỏ nhoi, yêu ớt ấy là một cuộc đấu tranh với sự chiến thắng tuyệt vời của tình người.

(Cô bệnh nhân ấy « yên trí là mình không thể khỏi được » đã bình thản lạnh lùng làm vái việc nhìn qua cửa sổ trong tư thế nằm trên giường bệnh đếm từng chiếc lá thường xuân đang rụng dần trong gió lạnh. Đối với Giôn Xi : chiếc lá là biểu tượng của thước đo thời gian, thước đo cuộc đời. Cuộc đời của cô, cô đã xây dựng cho mình một niềm tin bất hạnh : cô sẽ ra đi khi chiếc lá thường xuân cuối cùng rụng xuống. Một niềm tin định mệnh đớn đau. « Trong khắp thế gian, cái cô đơn nhất là một tâm hồn đã chuẩn bị sẵn sàng cho chuyến đi xa xôi bí ẩn của mình. Những sợi dây ràng buộc cô với tình bạn, với thế gian này cứ lơi lỏng dần từng cái một thì ý nghĩ kì quặc kia hình như lại càng choán lấy tâm trí cô mạnh mẽ hơn ». Sự so sánh cuộc đời con người với chiếc lá mong manh trước làn gió mạnh trong giá rét phũ phàng của mùa đông là một sự so sánh tuyệt vời sâu sắc. Đồng thời nó cũng nói lên sự đồng cảm xót xa của nhà văn trước đồng loại. Nghèo thường đi đôi với hèn, nhưng ở đây không phải là hèn trong phẩm cách mà là yếu đuối trong niềm tin, trong bản lĩnh. Trong cuộc sống tựa vai vào người khác như vậy, Giôn xi tự cảm thấy mình là gánh nặng cho người khác, cô đau khổ tự giầy vò vì thấy người khác phải chăm sóc mình, phải bận tâm vì mình. Niềm hi vọng ở đây duy nhất cô đặt cả vào chiếc lá thường xuân vàng úa, mỏng manh, nhỏ nhoi đang quằn quại trong gió lạnh. Cuộc đời của cô sẽ chấm dứt khi chiếc lá cuối cùng đó lìa cành. Đây quả là một sự so sánh tuyệt vời rất phù hợp với kiểu tư duy hình tượng Đông phương. Cuộc đời được ví với những cái mảnh mai yếu ớt, để đổ, dễ vỡ, là ngọn đèn cạn dầu leo lét trước gió. Và cuộc đấu tranh để bảo tồn cái nhỏ nhoi ấy, để bảo vệ cái yếu ớt ấy là phẩm chất tuyệt vời của tình người)

***c.Xiu đã làm gì để bảo vệ Giôn xi ?***

Chính trong hoàn cảnh bi đát ấy, tình bạn được thử thách, Xiu thương bạn vô cùng, cô đã khóc « đến ướt đẫm cả một chiếc khăn trải bàn Nhật Bản ». Xiu lo âu và đã làm tất cả để cứu Giôn xi

- Cô vẽ nhiều hơn để có tiền mua thuốc và mua thức ăn cho bạn.

- Cô chăm sóc động viên bạn, nén nỗi xót thương lo lắng để nâng đỡ tinh thần cho bạn. khi đứa em tội nghiệp « nằm yên lặng và trắng nhợt như một pho tượng bị đổ » thì Xiu vẫn kiên nhẫn an ủi em. Cô nói qua làn nước mắt : « Em thân yêu, em yêu dấu !... Em hãy hứa với chị là hãy nhắm mắt lại và không nhìn ra ngoài cửa sổ nữa... Em hãy cố ngủ đi »

- Xiu đã tận tình chăm sóc em, lúc thì quấy nước súp gà, lúc thì pha sữa với rượu Boóc đô, lúc thì đặt thêm gối, lúc thì mời bác sĩ, lúc thì cầu cứu bác Bơ men. Xiu đã giành giật với tử thần để chạy chữa cho đứa em nuôi bé bỏng tội nghiệp.

=>Xiu là hiện thân của lòng trắc ẩn, vị tha, là một con người giầu đức hy sinh thầm lặng, có một trái tim nhân hậu mênh mông. Xiu là một nhân vật rất đẹp làm ta xúc động và ngưỡng mộ về một tình bạn, tình chị em thuỷ chung, cao quý. Nhân vật Xiu toả sáng « bức thông điệp màu xanh » của « chiếc lá cuối cùng »

***d. Bí mật chiếc lá cuối cùng***

***Theo dõi phần cuối văn bản « Chiếc lá cuối cùng » cho biết sự thật về chiếc lá vẫn còn đó liên quan đến nhân vật nào ? (cụ Bơ men)***

***Bơ men được tác giả giới thiệu như thế nào ?***

- Bác Bơ men là một hoạ sĩ nghèo đã 60 tuổi, không thành đạt trong nghệ thuật : « cụ múa cây bút vẽ đã bốn mươi năm mà vẫn không với tới được gấu áo vị nữ thần của mình » nhưng sống rất lương thiện và luôn khát vọng sáng tạo một kiệt tác. Đã ngoài sáu mươi, nhưng bác Bơ men vẫn sống cô độc « trong một gian buồng tối om om ở tầng dưới » Chỉ có những người nghèo mới phải ở trong một gian buồng như thế. Trong một gian buồng như thế thì vẽ thế nào được tranh, cho nên trên giá vẽ ở góc buồng của bác vẫn là một tấm vải trống trơn chưa có một nét vẽ. Không có tranh để bán, hàng ngày bác « kiếm được chút ít bằng cách ngồi làm mẫu cho các nghệ sĩ trẻ không đủ tiền thuê người làm mẫu chuyên nghiệp ». Cuộc sống của Bác thật khổ và thật bấp bênh.

- Tuy sống trong nghèo khổ, suốt đời chỉ uống loại rượu nặng rẻ tiền, nhưng ước mơ sáng tạo lúc nào cũng cháy bỏng trong lòng bác. Bác luôn có ý định vẽ một bức tranh kiệt tác. Ước mơ, khát vọng của bác thật đẹp, thật chân chính.

***Ở đây, cụ Bơ men đã vẽ bức tranh chiếc lá cuối cùng với mục đích gì ?***

Để cứu người khỏi tai hoạ, kéo dài sự sống cho một tâm hồn yếu đuối đáng đếm lá rụng chờ chết, có những con người đứng trước cái chết không hề sợ chết. Cụ già Bơ-men, một hoạ sĩ già là một con người giầu đức hi sinh như vậy.

***Hoạ sĩ già*  *Bơ men đã vẽ bức tranh chiếc lá cuối cùng như thế nào ?***

**-** Vẽ âm thầm, bí mật trong đêm mưa gió lạnh buốt ngoài trời, chứng cớ là « *người ta tìm thấy một chiếc đèn bão vẫn còn thắp sáng và một chiếc thang đã bị lôi ra khỏi chỗ để của nó, và vài chiếc bút lông rơi vung vãi, và một bảng pha màu có màu xanh và màu vàng trộn lẫn* ».

*Người hoạ sĩ già ấy đã phải trả giá như thế nào cho bức vẽ chiếc lá cuối cùng của mình* ?

- BỊ viêm phổi nặng và đã chết vì sưng phổi

*Nêu cảm nhận của em về cái chết của cụ Bơ men ?*

Cái chết của Bơ men thật là cao cả. Ông không chỉ thương xót, mà đã tìm ra cách để chữa căn bệnh nguy hiểm trong trí não giôn-xi, dù ông có phải xông pha trong bão tuyết. Bơ Men trở về và làm việc thầm lặng dưới ngọn đèn bão tuyết tù mù. Trong đêm mưa rét ấy, một kiệt tác đã hoàn thành, kịp thời thay thế cho chiếc lá vừa rung. Và cũng trong đêm mưa gió bão bùng ấy, sau khi vẽ bức kiệt tác trong tình thương của mình lên bức tường cáo tới sáu thước, bước xuống khỏi cái thang chông chênh, ông già đã bị viêm phổi nặng, rồi hai ngày sau ông đã lặng lẽ đi vào cõi vĩnh hằng. Cái chết lặng lẽ, sự hi sinh thầm lặng của ông ít ai biết đến, nhưng chính nó đã cứu sống được một mạng người- một con người còn rất trẻ và biết đâu, đó lại là một tài năng vĩ đại sau này sẽ tiếp tục con đường nghệ thuật chân chính mà Bơ men đã theo đuổi suốt đời. Cái chết là rất đáng ghét nhưng trong trường hợp của Bơ men, nó vô cùng đang kính trọng, bởi nó càng khẳng định lòng yêu thương con người, sự hi sinh cao cả vì con người của người nghệ sĩ già. Bác Bơ men đã chết nhưng tác phẩm kiệt xuất của bác vẫn sống mãi với hai cô gái nghèo, vẫn sống mãi trong lòng các thế hệ bạn đọc. Bởi vì tác phẩm đó đã biểu hiện tất cả phẩm chất cao đẹp của bác : nghèo nhưng vô cùng nhân hậu, giàu lòng yêu thương và đức hi sinh. Bác là biểu tượng của nghệ thuật vị nhân sinh cao cả.

**Tại sao nói rằng trong truyện ngắn Chiếc lá cuối cùng của O.Hen-ri, chiếc lá cụ Bơ-men vẽ trên tường là một kiệt tác**

**Gợi ý**

Có thể nói trong truyện ngắn "Chiếc lá cuối cùng” của O.Hen-ri, chiếc lá cụ Bơ-men vẽ trên tường là một kiệt tác.Chiếc lá ấy là sản phẩm nghệ thuật của một hoạ sĩ.Nó là một kiệt tác trước hết bởi nó sinh động và giống như thật. Giống đến mức con mắt hoạ sĩ của cả Giôn-xi và Xiu-đi đều không phát hiện ra. Cụ Bơ-men đã vẽ chiếc lá ấy với tất cả tài năng, tâm huyết của cả đời mình.Tấm vải vẽ căng ra đợi chờ hai mươi năm trong phòng cụ chứng tỏ chiếc lá là tác phẩm duy nhất trong khoảng thời gian đằng đẵng ấy. Hơn thế, cụ đã vẽ nó bởi tình yêu thương tha thiết cụ dành cho Giôn-xi, con mèo nhỏ, người họa sĩ trẻ mà có lẽ cụ coi như đứa con, đứa cháu nhỏ của mình. Chiếc lá đã được vẽ bằng tâm hồn, bằng tấm lòng và cả mạng sống của một người nghệ sĩ tâm huyết với nghệ thuật và cuộc đời.Không những thế, chiếc lá cuối cùng đã cứu sống được Giôn-xi, nhờ chiếc lá, cô đã khỏi bệnh. Kiệt tác của cụ Bơ-men đã khẳng định sự phụng sự chân thành của nghệ thuật đến sự sống tuyệt vời của con người.

# \*Chiếc lá cuối cùng – Kiệt tác luôn bắt nguồn từ những điều nhỏ bé

## Như thể mây phải có gió, nắng phải có mưa, văn học đối với con người cũng giống như một đôi bạn tri kỉ, luôn lặng lẽ đi theo phía sau mà ghi lại cuộc đời của mỗi con người, để mà thương, để mà đau mà xót. Và chiếc lá cuối cùng là một tác phẩm như vậy.

*Chiếc lá cuối cùng*, thiên truyện ngắn mà mỗi lần đọc lại là một lần đau. Tác phẩm nói về cuộc sống của những họa sĩ nghèo, Xiu, Giôn-Xi, Bơ-men. Trong một lần bị viêm phổi, Giôn-Xi gặp nguy hiểm đến tính mạng, từ đó, mở ra hàng loạt các chi tiết, tình huống khắc họa tình yêu thương, sự đồng cảm giữa những con người làm nghệ thuật, để lại trong người đọc những day dứt khôn nguôi.

**Cuộc gặp gỡ giữa những con người bất hạnh, ở ngoài đời, bên trong trang sách.**

*“ Tác phẩm nghệ thuật sẽ chết nếu nó miêu tả cuộc sống chỉ để miêu tả, nếu nó không phải là tiếng thét đau khổ hay lời ca tụng hân hoan, nếu nó không đặt ra câu hỏi và trả lời những câu hỏi đó”- Bêlinxki*

Thật kì lạ, khi ngôn từ cũng có tâm hồn riêng của nó. Những con chữ nằm im lìm trên trang giấy, lại có khả năng khơi gợi ra cả một kiếp người. O. Henry, một cuộc đời giống như một truyện ngắn, truân chuyên và đầy vất vả. Không quá khi cho rằng mọi bất hạnh trên cuộc đời ông đều đã trải qua. Lớn lên không sự yêu thương của cha mẹ, ông phải làm đủ nghề kiếm sống, áp lực khiến ông tìm đến rượu để vơi đi nỗi buồn. Cuộc đời đó một lần nữa xuất hiện trong *Chiếc lá cuối cùng*, giống như hình ảnh thứ hai của nhà văn. Những người họa sĩ nghèo- Xiu, Giôn-Xi, Bơ-men đã gặp gỡ nhau nhờ sợi dây của số phận, họ cùng trải qua một cuộc sống nhàm chán, u tối. Đau đớn thay khi những lo toan về vật chất vắt kiệt sức sáng tạo nghệ thuật. Xót xa thay khi khát vọng lớn lao lại phải nhường chỗ cho những suy nghĩ bình thường. Họ cần phải sống trước khi có thể vẽ, là một người hoạt động nghệ thuật, O. Henry càng hiểu rõ quy luật nghiệt ngã đó.

Không quá khi nói rằng Chiếc lá cuối cùng là sợi dây kết nối hai số phận, bên thực bên ảo, song cùng gặp gỡ nhau ở bất hạnh. Hình ảnh của những họa sĩ trong thiên truyện cũng chính là hình ảnh của nhà văn, nặng nề nỗi buồn song đều có khát khao nghệ thuật cháy bỏng.

## Tình huống truyện đặc sắc và giàu sức gợi

*Chiếc lá cuối cùng* không phải là cuốn sách dùng để đọc, mà để nghĩ, để khơi gợi tình thương và sự xót xa, căm hận và đồng cảm, khát vọng và ước mơ. Việc đặt Giôn- Xi vào hoàn cảnh bị mắc bệnh hiểm nghèo đã gợi ra rất nhiều hình ảnh bị lẩn khuất trong bóng tối mà chính những nhân vật đã tạo ra để che lấp đi phần ánh sáng trong họ. Những con người nghèo khổ, song lại có tâm hồn đẹp tựa như viên ngọc trai, bất chấp cái xấu xa của cuộc đời. Xiu, Giôn-Xi và Bơ-men đều là những con người có tấm lòng nhân hậu và bao dung, họ luôn chăm sóc và yêu thương lẫn nhau, họ thể hiện tình cảm đó một cách rất giản dị và chân thật. Và vẻ đẹp đó càng thể hiện rõ nét khi Giôn-Xi bị bệnh. Có thể họ là những con người nghèo vật chất, nhưng đồng thời cũng là những người giàu nhất về tinh thần.

Không nằm ngoài dòng chảy của cuộc đời, nhưng cũng chính cuộc đời thôi thúc O.Henry đi tìm cái trong ngần trong tâm hồn con người ở những thời khắc tối tăm nhất. Việc xây dựng tình huống Giôn- xi bị bệnh không nhằm mục đích khắc họa hiện thực khổ đau của những người hoạt động nghệ thuật nghèo, mà là đòn bẩy làm bật lên cái đẹp xung quanh chính cái chết. Chỉ khi cô bị bệnh, người ta mới thấy được sự quan tâm của cụ Bơ-men dành cho cô mà ta cứ ngỡ trước đó ông là một người thờ ơ, dữ tợn, cả ngày chìm trong rượu. Chỉ vào lúc mà Giôn-xi sắp lìa xa cuộc đời, ta mới  thấy được sự hi sinh của Xiu, cũng như tình cảm to lớn của Xiu dành cho Giôn-xi. Nói về cái chết nhưng lại khơi gợi sự sống, nói về những điều giản dị nhẹ nhàng nhưng lại gợi về sự hi sinh cao cả*, Chiếc lá cuối cùng* là bản giao hưởng được dệt nên bởi niềm tin, khát vọng , và tình người.

## Chiếc lá cuối cùng- kiệt tác của lòng trắc ẩn, sự hi sinh và nghệ thuật mang tên sự sống.

*“ Bồ nhìn ra ngoài cửa sổ xem, nhìn chiếc lá thường xuân cuối cùng trên tường ấy. Bồ có đặt nghi vấn tại sao nó không bao giờ bay lất phất khi có gió thổi không? Cưng ơi, đó là kiệt tác của ông Bơ-men đấy, ông đã vẽ nó vào đúng đêm chiếc lá cuối cùng rơi rụng…*Rốt cuộc điều gì làm nên một kiệt tác? Nghệ thuật đặc sắc hay ngôn từ đẹp đẽ? Không! Kiệt tác nằm ở giá trị của một tác phẩm, chỉ khi nào nó có ích và sẽ có ích cho một ai đó, tác phẩm lập tức sẽ trở thành kiệt tác, bất chấp vẻ bề ngoài bình thường của nó. Thử hỏi liệu có mấy tác phẩm nghệ thuật trên đời này có khả năng cứu sống được tính mạng của một con người? Vậy mà bức tranh vẽ chiếc lá thường xuân của cụ Bơ-men lại làm được điều phi thường đó.

Giôn-xi vào những năm tháng bệnh trở nặng, đã mang cả sinh mệnh của mình đặt vào những lá thường xuân, vào giây phút chiếc lá thường xuân cuối cùng rụng xuống, cô sẽ tự buông bỏ cuộc sống của mình. Thật may mắn khi vào giây phút định mệnh đó, chiếc lá của cụ Bơ-men đã thế chỗ, chiếc là kiệt tác cả đời cụ vẫn hằng mong muốn vẽ được. Bởi nó đã được đánh đổi bằng cả tính mạng của cụ. Độc giả sẽ không thể nào quên hình ảnh của một ông cụ già yếu chân đứng không vững vượt mình trong bão táp để mà vẽ nên chiếc lá thường xuân. Cũng không thể nào quên giây phút con người ấy ngã xuống, mãi mãi đi về nơi vĩnh hằng để gieo mầm sự sống cho một người khác. Đau lòng thay, song cũng khâm phục thay!

Bức tranh được coi là kiệt tác còn bởi sự kì diệu của nó. Chiếc lá đã đem lại hi vọng trong Giôn-xi, cô bắt đầu khát khao được sống mà mạnh mẽ đương đầu với bệnh tật. Không còn dáng vẻ của một bệnh nhân ủ rũ, sức sống mới được thổi bùng lên trong nhân vật. Đó chính là sự kì diệu của một tác phẩm nghệ thuật chân chính, bắt nguồn từ lòng người, đi qua sự trắc ẩn, kết tinh bằng sự hi sinh rồi lại trở về với con người, để đưa họ về với thế giới của niềm tin và hi vọng. *Chiếc lá cuối cùng* không chỉ là câu chuyện, nó còn là bài học cho những người đang sáng tạo nghệ thuật, dạy họ làm ra những tác phẩm bằng cả trái tim.

Chiếc lá cuối cùng sẽ là lựa chọn hoàn hảo cho những ai yêu thích giọng văn nhẹ nhàng, giản dị nhưng tầng ý nghĩa lại sâu xa, khơi gợi nhiều cảm xúc.

### BT1:Bài văn phân tích tác phẩm "Chiếc lá cuối cùng" của O Hen-ri

Cách đây 86 năm, trên bầu trời văn học nước Mĩ, một ngôi sao sáng đã lặn. Ngôi sao ấy là O. Hen-ri. Sự ra đi của ông quả thật, đã để lại cho nhân dân nước Mĩ nhiều tiếc nuối. Thế nhưng, đúng như có người đã nói: "Văn học nằm ngoài những định luật của băng hoại, chỉ mình nó không thừa nhận cái chết".

Mặc dù ngôi sáng ấy lặn khá lâu rồi song dư quang của nó vẫn lấp lánh tỏa sáng trên những trang văn mà ông O. Hen-ri để lại cho đời. Sự nghiệp sáng tác của ông không đồ sộ như M.Gorđki, L.Tônxlôi nhưng hầu hết các tác phẩm mà nhà văn viết ra đều có giá trị lớn. "Chiếc lá cuối cùng" là một trong những tác phẩm như thế.

Tiếp xúc với thiên truyện ngắn Chiếc lá cuối cùng, ta sẽ được nhà văn đưa đến phía Tây công viên Oa-sinh-tơn của nước Mĩ. Đó là một địa điểm nhỏ, phố xá nhằng nhịt không có lối ra rõ ràng. Hầu như khu công viên nhỏ này bị một màn xám bao phủ, vây quanh. Nó đã làm cho cuộc sống của những con người như Xiu, Giôn-xi và bác Ba-men thiếu sinh khí: "Hãy tưởng tượng một tay thu ngàn nào đó mang hoá đơn đòi tiền sơn hay giấy và vải vẽ đi qua con đường này, đột nhiên lại gặp ngay chính mình quay trở ra, tiền nự không thu một xu nhỏ".

Cách nói rất hình ảnh của tác giả đã cho ta cảm nhận được cái nghèo nàn, đạm bạc của những con người ở đây. Ở đây hầu hết là giới nghệ sĩ chung sống với nhau. Họ phải bỏ tiền ra thuê những căn phòng tối om và vẽ những bức vẽ bình thường đổ kiếm sống. Họ chăm chỉ làm ăn là thế mà nghèo vẫn hoàn nghèo, thiếu thốn vẫn hoàn thiếu thốn.

Ta tưởng như họ sống trong hôm nay mà chẳng đến hết ngày mai. Những họa sĩ (Giôn-xi, Xiu, Bơ-men) trong ý thức họ vẫn muốn hẹn một cuộc sống tốt đẹp, một tương lai sáng lạn. Thế nhưng cơ hội lại chưa mỉm cười với họ. Thành ra họ chỉ còn biết chờ đợi với tình cảm mông lung, huyễn tưởng. Rõ ràng ta nhận thấy O. Hen-ri không thi vị hóa cuộc sống. Ngòi bút của ông hướng về hiện thực, tái hiện chân thực những cảnh đời đói khổ.

Nhưng, để tránh hiểu lầm, có lẽ cũng cần phải nói thêm: nhà văn phản ánh hiện thực không chỉ để phản ánh, để phơi bày hiện thực mà cái chính là qua bức ảnh chụp đó, tác giả muốn bày tỏ thái độ đối với con người. Dù chỉ là một góc phố nhỏ thôi - nhà văn cũng lách ngọn bút vào để tìm tòi khám phá. Những tâm tư, tình cảm của Bơ-men, Xiu, Giôn-xi đều được nhà văn chăm chú lắng nghe để rồi khơi lên trong lòng độc giả những tia nước nguồn thương.

Nguồn thương của tác giả rung lên khi nhân vật gặp tình huống éo le. Ông tỏ ra rất quan tâm tới số phận của những con người này. Ông thương cảm cho Giôn-xi, một "phụ nữ nhỏ bé", thiếu máu vì những cơn gió hiu hiu, bị mắc chứng bệnh viêm phổi. Ông đồng tình với ước mơ chính đáng của bác Bơ-men: muốn có một kiệt tác để lại cho đời. Với Bơ-men, tác giả thấy con người này thật đáng thương.

Ông đã "ngoài sáu mươi ", đã "múa cây bút vẽ bốn mươi năm" mà vẫn không "với tới được gấu áo vị nữ thần của mình". Nói chung, cuộc đời cơ cực nào cũng chiếm được trái tim nhân đạo của nhà văn. Ông đã viết về họ như viết về chính mình, cho nên dễ hiểu, dễ đọc, dễ làm xúc động lòng người.

Cái dễ làm xúc động lòng người ấy không phải ngẫu nhiên mà có. Ta thấy trong thực tế, cuộc đời của tác giả cũng gặp nhiều nỗi gieo neo. Ông đã từng trải nghiệm qua rất nhiều nghề để kiếm sống, cảnh đời thật đã cho ông yêu sống phong phú. Khi viết truyện, ông đặt cái tâm nóng hổi của mình lên trang giấy. Từ bác Bơ-men đến Giôn-xi, Xiu, hầu hết đều có sự hóa thân của tác giả...

Cuộc sống sao mà đắng cay đến thế! Nhưng càng trong sự đắng cay, đen tối tâm hồn con người càng toả sáng và ngát hương. Nhà văn đã phát hiện ra trên đầm bùn, trên thảo nguyên hoang dại bỗng rực cháy sáng lên "ngọn lửa Đan- cô" ngọn lửa của tình thương yêu của con người với con người.

Trước hết, ông muốn bày tỏ thái độ ca ngợi về nét đẹp trung trinh của Xiu và Giôn-xi. Với ông, ở họ có một tình hạn rất đẹp đẽ, trong sáng và rất đáng trân trọng. Cuộc sống nghèo khổ, sở thích tương đồng, tình cờ đã giúp họ xích lại gần nhau. Khi Giôn-xi bị bệnh, Xiu không lãnh đạm, không thờ ơ, không bỏ mặc bạn. Ngược lại, cô chăm nom, săn sóc Giôn-xi rất chu đáo. Cô mời bác sĩ về chữa bệnh cho bạn.

Tình cảm của Xiu dành cho Giôn-xi thật là gắn bó, thật là cảm động. Nghe bác sĩ nói bệnh tình của Giôn-xi "mười phần chỉ còn hi vọng được một" thì Xiu đã vào phòng làm việc và "khóc đến ướt đẫm cả một chiếc khăn trải bàn Nhật Bản". Giọt nước mắt ấy là giọt nước mắt của tình thương. Trái tim cô không hề "chai sạn" mà luôn rung lên những nhịp đập đớn đau khi nghĩ đến cảnh: chỉ vài ngày nữa thôi cô bé sẽ mất đi một người bạn yêu quý.

Thương thì thương vậy đấy, thế nhưng cô vẫn muốn kìm nén nỗi đau, cố chạy trên thực tại phũ phàng ("thản nhiên") để Giôn-xi yên tâm. Rồi cô tỏ ra thực sự "lo lắng" khi phải chứng kiến ý nghĩ "kỳ quái" của bạn mình. Xiu luôn muốn được ở "bên cạnh" bạn để săn sóc, luôn tìm cách động viên an ủi Giôn-xi: "Ông bác sĩ đã nói với chị là em sẽ chóng hình phục thôi (...) khả năng khỏe là mười phần chắc chín".

Thực ra, đây là một lời nói dối. Nhưng sự nói dối của Xiu, trong hoàn cảnh này không hề có tội. Sự nói dối của cô chẳng qua chỉ là sự bất đắc dĩ, xuất phát từ tình yêu thương bạn, muốn giúp bạn bớt lo lắng và có niềm tin, niềm hi vọng vào cuộc sống. Tình yêu thương của Xiu không chỉ thể hiện qua lời nói mà còn biểu lộ qua việc làm cụ thể. Cô nấu cháo cho bạn ăn.

Cô dồn tâm sức để vẽ nhiều tranh ảnh để kiếm tiền chăm sóc cho Giôn-xi. Tình cảm của Xiu là tình cảm chân thành. Tình cảm ây làm ta rưng rưng cảm động. Trong thâm tâm Xiu, Giôn-xi là một người em ruột. Cô đã chăm bẵm bạn theo cấp độ tình cảm máu thịt, chân tình ấy.

Bơ-men, người hoạ sĩ già, cũng là nhân vật được tác giả Chiếc lá cuối cùng dành cho những dòng văn ưu ái, trân trọng. Như đã nói, cuộc đời ông thất bại trong nghệ thuật và nghèo khổ trong cuộc sống. Do chí riêng không thoả, cuộc sông tẻ nhạt mà ông thưc ng hay cáu gắt với mọi người. Nhưng điều đó không có nghĩa là ông ta đã mất hết tình người. Ông tự nhận là "con chó xồm lớn chuyên gác cửa bảo vệ hai nữ nghệ sĩ trẻ ở phòng vẽ tầng trên".

Khi nghe Xiu kể chuyện, Bơ-men đã quái lo: "Sao trên đời này lại có những người ngớ ngẩn" vậy. "Lời nói của ông đích thực là một lời coi thường, một tiếng chửi. Thế nhưng trong lời chửi "độc mồm" ấy vẫn tiềm ẩn lòng thương con người "Chà, tội nghiệp cô bé Giôn-xi".

Lòng yêu thương ấy dường như là một điểm gợi hứng, là một điểm khơi nguồn để bác Bơ-men sáng tác lên một bức tranh kiệt tác? Có thể là như thế. Sự nguy kịch có liên quan đến sự sống còn của một con người dường như đã thôi thúc trái tim bác phải làn một điều gì đó để giúp họ. Và thế là trong một đêm khủng khiếp, bất chấp cả mưa gió bác Bơ-men đã âm thầm một mình cùng với chiếc đèn, chiếc thang, chiếc bút lông ngồi hí hoáy vẽ chiếc lá thường xuân.

Cuối cùng với sự cố' gắng, với sức mạnh của tình yêu thương, bác đã vẽ xong bức tranh đó. Tiếc thay, khi bác hoàn thành xong tác phẩm cũng là lúc bác phải vĩnh biệt cõi đời. Sự ra đi của bác chỉ là sự ra đi của xác thịt, còn tâm hồn của bác thì chắc chắn sẽ còn kết tủa lại mãi với thời gian. Với nghị lực của mình, trái tim của mình, bác đã cho đời một kiệt tác.

Kiệt tác ấy chính là kết quả của sự tích lũy tổng hòa hơn 40 năm cầm cọ, là sự dồn tụ cao độ của cái tâm và tài trong đời nghệ sĩ. Đến đây thì ông đã thực hiện được ước mơ, khát vọng cháy bỏng của mình từ trước. "Những rìa lá hình răng cưa đã nhuộm vàng úa" tượng trưng cho tuổi tác, sự ra đi về thân xác của Bơ-men. "Cuống lá còn giữ màu xanh sẫm", tượng trưng cho mảnh tâm hồn sáng trong của cả một đời người họa sĩ già tích góp được.

Kiệt tác của bác có ý nghĩa lớn lao vô cùng. Nó không chỉ là sự mãn nguyện, thoả ước mơ của bác mà nó còn là bức tranh cứu người. Bức tranh đã đem lại sự sống cho Giôn-xi, đã làm cho hồn Giôn-xi sắp chết bỗng được tái sinh. Bức tranh ấy đã đem lại cho Giôn-xi niềm tin vào cuộc sống, giúp cô nhận ra ý nghĩa của đời người: "Mình đã tộ như thế nào, muôn chết là một tội".

Nó chính là điểm cao trào của tình yêu thương con người. Bác Bơ-men đã hi sinh, đã trút cái sức lực còn lại của mình vì sự sống của Giôn-xi. Chiếc lá cuối cùng đúng là điểm sáng toàn truyện. Nó được vẽ giống như thật; nó đã ra đời trong một hoàn cảnh lao động vất vả, nó dũng cảm bất chấp quy luật, vươn lên tất cả để chiến thắng nghèo đói, bệnh tật. Tình người còn lớn hơn cả nghệ thuật, nó làm cho nghệ thuật trở thành sự sống bất tử. Và đó mới là tác phẩm "đáng thờ", xứng đáng tồn tại với thời gian.

Ai đó đã nói rằng: Văn học nghệ thuật của ngôn từ. Nếu không có bơi chèo nghệ thuật thì chiếc thuyền nội dung sẽ đứng im, bất động. Nó sẽ không chuyển tải đến được tâm hồn bạn đọc những bức thông điệp giá trị nhân văn. Ở đây, tác phẩm này có giá trị nghệ thuật rất cao.

Nhà văn đã tạo nên trong tác phẩm một hơi thở riêng độc đáo. Đây là một câu chuyện giàu kịch tính. Nhà văn đã khéo léo đặt nhân vật vào các tình huống, các hoàn cảnh mang tính điển hình để khắc hoạ rõ tính cách của nhân vật. Với cách tạo tình huống này, nhà văn tạo nên sự hấp dẫn ở độc giả (các nhân vật sẽ phản ứng như thế nào, giải quyết như thế nào, buộc họ phải theo dõi tiếp).

Theo dõi câu chuyện, ta thấy cách giải quyết từng tình huống của nhà văn rất hợp lý: Khi Giôn-xi bị bệnh, Xiu không bàng quan mà tìm mọi cách (mời bác sĩ, bán tranh kiếm tiền) để cứu bạn; hoặc khi Giôn-xi có những ý nghĩ kỳ quái, cô tỏ ra lo lắng và cố gắng giảng giải để bạn hiểu ra sai lầm.

Câu chuyện này còn có nhiều chi tiết bất ngờ. Độc giả bị bất ngờ ngay từ lúc Giôn-xi có ý nghĩ kỳ quặc: tại sao cô lại mê tín về điều đó. Tâm trạng lo lắng (Giôn-xi sẽ chết khi chiếc lá cuối cùng rụng xuống) cứ theo độc giả suốt từ đó đến kết thúc chuyện.

Đỉnh điểm của sự thắt nút là chi tiết: Chiếc lá cuối cùng. Trong vô số những chiếc lá thường xuân, vẫn còn một cái trụ lại trên cành. Mạch cảm xúc, suy đoán của người đọc bị đảo ngược: trong cảnh mưa tuyết như thế sao chiếc lá kia không rụng? Sự hồ nghi này được nhà văn cởi nút ở chi tiết cuối truyện: thì ra chiếc lá ấy chính là bức tranh mà bác Bơ-men vẽ, vẽ giống như thật, đến các nhân vật trong truyện cũng không nhận ra đó là chiếc lá giả.

Nội chừng ấy cũng đã đủ nói lên thành công to lớn của tác phẩm. Với "Chiếc lá cuối cùng", O. Hen-ri đã gởi lại cho thế hệ sau bức thông điệp viết trên màu xanh của lá cây: hãy thương yêu con người, hãy vì sự sống của con người. Đó là lẽ tồn tại cao nhất của nghệ thuật vì con người.

### BT2:Bài văn phân tích tác phẩm "Chiếc lá cuối cùng" của O Hen-ri

Nhắc tới O Hen Ri là nhắc tới một nhà văn vĩ đại của thế kỷ 20. Sinh ra tại Mỹ, O Hen Ri rất nổi tiếng với những tác phẩm truyện ngắn. Trong đó đã có những tác phẩm được bình chọn là truyện ngắn hay nhất. Và ông đã để lại cho kho tàng văn học thế giới với những tác phẩm bất hủ. Trong đó tiêu biểu nhất là tác phẩm “Chiếc lá cuối cùng” đã được đưa vào văn học Việt Nam.

Trong tác phẩm, nhà văn O Hen Ri đã xây dựng nên ba nhân vật chính là những họa sĩ nghèo khó là Giôn Xi, Xiu, cụ già Bơ Men. Một tác phẩm với những diễn biến và tình tiết ngắn gọn nhưng rất lưu loát, diễn biến hay để lại rất nhiều cảm xúc cho người đọc. Nổi bật nhất trong toàn tác phẩm là diễn biến về trận ốm của Giôn Xi hay là về cái chết của cụ Bơ Men đầy bất ngờ.

Tác phẩm “Chiếc lá cuối cùng” là một thông điệp kêu gọi về tình yêu và sự sống của con người. Một giá trị nhân văn vô cùng sâu sắc. Truyện Chiếc lá cuối cùng tiêu biểu cho bút pháp nghệ thuật của O Hen-ri. Truyện chỉ có ba nhân vật, những họa sĩ nghèo: Xiu, Giôn-xi và cụ già Bơ-men. Truyện có kết cấu chặt chẽ, hầu như không có chi tiết nào thừa. Diễn biến xúc động như khi nói về trận ốm kéo dài của Giôn-xi và cái chết bất ngờ của cụ Bơ-men.

Có ý kiến cho rằng: Truyện "Chiếc lá cuối cùng" của O Hen-ri là bức thông điệp màu xanh về tình thương và sự sống của con người. Truyện "Chiếc lá cuối cùng" đã thể hiện một tình bạn cao quý cảm động. Giôn-xi và Xiu là hai nữ họa sĩ trẻ, tuy nghèo nhưng nhiều mơ ước, nhiều yêu thương. Họ gắn bó với nhau về những sở thích và về nghệ thuật mà kết thành chị em cùng chung nhau thuê một phòng họa nơi phố nghèo.

Mùa đông năm ấy, chứng viêm phổi hoành hành đã đánh ngã hàng chục nạn nhân. Giôn-xi cũng bị cảm lạnh, nằm liệt giường. Mọi thứ thuốc men, đều trở thành vô dụng, cô yên trí là mình không thể khỏi được. Gion-xi lại bị ám ảnh, một khi chiếc lá cuối cùng của cây thường xuân phía cửa sổ rụng xuống là cô sẽ ra đi. Sự sụp đổ về tinh thần của cô họa sĩ trẻ bất hạnh làm bệnh tình ngày thêm trầm trọng.

Chính trong hoàn cảnh bi đát ấy, tình bạn được thử thách. Xiu thương đứa em nuôi vô cùng. Cô đã khóc đến ướt đẫm cả một chiếc khăn trải bàn Nhật Bản. Xiu lo âu. Xiu săn sóc và hết lòng chạy chữa cho em. Xiu làm việc nhiều hơn để kiếm thêm tiền mua thuốc và thức ăn cho Giôn-xi. Khi đứa em tội nghiệp nằm yên lặng và trắng nhợt như một pho tượng bị đổ thì Xiu vẫn kiên nhẫn an ủi em. Cô nói qua nước mắt:

Em thân yêu, em yêu dấu!… Em hãy hứa với chị là hãy nhắm mắt lại và không nhìn ra ngoài cửa sổ nữa… Em hãy cố ngủ đi… Xiu đã tận tình săn sóc em, lúc thì khuấy nước súp gà, lúc thì pha sữa với rượu Boóc-đô, lúc thì đặt thêm gối, lúc thì mời bác sĩ, lúc thì cầu cứu bác Bơ-men. Xiu đã giành giật với tử thần để chạy chữa cho đứa em nuôi bé bỏng tội nghiệp.

Xiu là hiện thân của tấm lòng trắc ẩn vị tha, là một con người giàu đức hi sinh thầm lặng, có một trái tim nhân hậu mênh mông. Xiu là một nhân vật rất đẹp làm ta xúc động và ngưỡng mộ về một tình bạn, tình chị em thủy chung, cao quý. Nhân vật Xiu tỏa sáng bức thông điệp màu xanh của Chiếc lá cuối cùng.

Tác phẩm đã khắc họa những con người sống trong khó khăn, nhưng vẫn luôn muốn vươn tới những tầm cao mới, không hề sợ chết. Đó là hình ảnh của cụ già Bơ Men, đã hơn 40 năm cầm bút vẽ. Và ở độ tuổi 60 nhưng vẫn chưa đạt tới được đỉnh cao gấu áo vị nữ thần nghệ thuật nhưng vẫn luôn tin tưởng “một ngày kia tôi sẽ vẽ một tác phẩm kiệt xuất” khi chia sẻ với cô Xiu.

Và trong giá rét, cơn mưa lạnh lẽo dai dẳng. Cụ già Bơ Men không còn ngồi đó đó làm mẫu nữa và chỉ mặc trên mình một chiếc áo sơ mi màu xanh mỏng trong đêm để vẽ nên tuyệt tác để đời của cuộc đời mình đó là “Chiếc lá cuối cùng”. Một chiếc lá tượng trưng cho sự dũng cảm. Chiếc lá ấy vẫn vững chắc trong gió bấc dữ dội, bám chặt vào cành cây. Chiếc lá ấy đã cứu vớt cho số phận của cô Giôn Xi. Cụ Bơ Men đã ra đi vĩnh viễn để lại một tác phẩm để đời cứu vớt một sinh mạng nghèo khó. Cụ chính là một tấm gương quên mình với hành động cao cả.

Giôn Xi đã khỏi bệnh và đứng lặng ở đó ngắm nhìn bức tranh đã cứu vớt số mạng của cô. Trong sự xúc động ngập tràn khi nghĩ tới những lời Xiu nói “Cụ vẽ nó ở đấy vào cái đêm mà chiếc lá cuối cùng đã rụng với tất cả tình thương và lòng biết ơn vô hạn”. Và cho đến hơn một thế kỷ nay đã có rất nhiều độc giả trên trái đất này. Đã cảm phục cụ già Bơ Men vì những nghĩa cử cao đẹp, cái chết quên mình vì người khác của cụ.

Tác phẩm “Chiếc lá cuối cùng” có thể nói là một trong những tác phẩm có tính nhân văn sâu sắc nhất của nhân loại. Tác phẩm là một bức tranh tả thực về đời sống của những con người trong khốn khó. Nó đem lại cho độc giả nhiều cảm xúc và tâm tư suy nghĩ. Một thông điệp lớn với những khát khao vươn lên những tầm cao mới. Một thông điệp về sự trân trọng tình yêu thương giữa người với người.

Như một sự nhắn nhủ mỗi chúng ta hãy tôn trọng những giá trị nghệ thuật đem lại hạnh phúc cho con người. Hãy thể hiện tình yêu thương lẫn nhau qua những tác phẩm nghệ thuật. Hình ảnh người nghệ sĩ Bơ Men đã ngã xuống vì nghệ thuật. Vì tình yêu thương sự sống của người khác có lẽ đã trở thành một đỉnh cao của nghệ thuật với những giá trị bền vững nhất.

Chiếc lá cuối cùng là một sự lừa dối nhưng lại là sự lừa dối cao cả để đem lại niềm tin vào sự sống cho con người. Kiệt tác cuối cùng của người họa sĩ già đã được ra đời nằm ngoài sự đoán của công chúng. Nhưng chiếc lá cuối cùng ấy mãi mãi là bằng chứng của tình yêu thương con người. Càng đọc, ta càng thấy giá trị nhân đạo cao cả và nghệ thuật đặc sắc, hấp dẫn của truyện.

# BT3.\* Người nghệ sĩ trong truyện Chiếc lá cuối cùng

### Bài làm

Trong nhịp sống tất bật, hối hả quay cuồng, nếu không có một khoảng lặng, một phút dừng lại ngắm nhìn cuộc đời, hẳn con người sẽ không bao giờ tìm được chút bình yên, thanh thản cho tâm hồn mình. Những lo toan thường nhật, cuộc mưu sinh bận rộn với bao toan tính, đắn đo đã cuốn con người vào vòng quay bất tận. Nhưng không, ở đâu đó, hơi ấm tình người vẫn lặng lẽ tỏa sáng. Ngay trong một khu phố nhỏ tồi tàn, vẫn cất lên bản nhạc dịu dàng giữa một xã hội phồn vinh, rộng lớn. Nơi ấy, nhà văn Mĩ O. Henri, bằng tấm chân tình của mình, đã giúp người đọc phát hiện bao vẻ đẹp của tình thương yêu giữa những người lao động nghèo khổ. Đoạn trích trong “Chiếc lá cuối cùng” diễn tả đầy đủ vẻ đẹp những trái tim nhân hậu cao cả.

“Chiếc lá cuối cùng” là truyện ngắn kể về những người nghệ sĩ nghèo. Xiu và Giôn-xi là hai nữ họa sĩ trẻ sống trong một căn hộ thuê rẻ tiền ở khu quảng trường Gri-niz, gần công viên Oa-sinh-tơn. Bệnh viêm phổi và sự nghèo túng đã khiến Giôn- xi ngã gục trên con đường tìm về với sự sống. Cô nằm bất động trên giường bệnh, dõi theo những chiếc lá thường xuân qua ô cửa sổ và tin rằng mình sẽ ra đi khi chiếc lá cuối cùng rụng xuống, vẻ chán nản làm bệnh tình của cô ngày một trầm trọng. Xiu vô cùng lo lắng và bộc lộ nỗi niềm với cụ Bơ- men – người họa sĩ nghèo luôn ấp ủ ước mơ vẽ một kiệt tác nhưng chưa bao giờ thực hiện được, đành sống qua ngày bằng tiền vẽ tranh quảng cáo và ngồi làm mẫu cho các họa sĩ trẻ cùng xóm… Một buổi sáng, Giôn-xi lại thều thào ra lệnh cho Xiu kéo chiếc màn cửa sổ để cô nhìn ra ngoài. Sau trận mưa vùi dập và những cơn gió phũ phàng đêm trước, một chiếc lá vẫn bướng bỉnh bám trên cành thường xuân. Đó là chiếc lá cuối cùng của cây. Cả ngày hôm ấy, Giôn-xi chờ cho chiếc lá rụng xuống và cô sẽ chết. Nhưng sáng hôm sau, chiếc lá vẫn còn nguyên trên cây, tiếp thêm cho Giôn-xi sức sống và niềm hi vọng một ngày nào đó sẽ được vẽ vịnh Na-plơ. Khi Giôn-xi gần như chiến thắng được bệnh tật thì cụ Bơ-men qua đời, vì bệnh lao phổi. Chiếc lá thường xuân giúp Giôn-xi vượt qua cơn nguy hiểm là kiệt tác cụ Bơ-men đã vẽ trên tường trong đêm mưa gió dữ dội, tàn bạo, cái đêm mà chiếc lá cuối cùng không chịu nổi sức gió đã lìa cành… Đoạn trích thấm đượm tình người đã rung lên những sợi dây cảm xúc trong tâm hồn độc giả.

Câu chuyện khép lại bằng lời kể của Xiu mà không để Giôn-xi có phản ứng gì thêm. Biết đâu mỗi lần ngắm chiếc lá là một lần Xiu và Giôn-xi được tiếp thêm sức lực và bản lĩnh để vượt qua những khó khăn, gian khổ trong cuộc sống? Truyện đã dừng lại, nhưng dư âm vẫn còn vang vọng trong lòng người đọc với bao suy nghĩ, dự đoán…

Ngoài nghệ thuật miêu tả diễn biến tâm lí và khắc họa tính cách ba nhân vật, nhà văn O. Hen-ri đã thành công trong việc xây dựng hai tình huống bất ngờ, thú vị. Ngay từ đầu, Giôn-xi đã đem đến bao lo lắng, thương cảm khi từng giờ phút chiến đấu và dần buông xuôi trước tử thần, nhưng theo thời gian, tình huống bỗng đảo ngược, Giôn-xi trở nên yêu đời, ham sống, tạo nên tiếng thở phào nhẹ nhõm. Ngược lại, cụ Bơ-men khỏe mạnh bỗng chết vì bệnh viêm phổi, một cái chết để lại những giọt nước mắt cảm động. Cả hai lần đảo ngược tình huống đều xoay quanh một trục: Bệnh viêm phổi, chiếc lá cuối cùng, có khác chăng là hành trình đi từ sự sống đến cái chết của một họa sĩ già để kéo cô gái trẻ từ cõi chết ngược về sự sống. Nghệ thuật đặc sắc ấy đã góp phần làm nên sức hấp dẫn của truyện.

ĐềBT4 : Phân tích nghệ thuật mô tả tâm trạng và xây dựng truyện ngắn đặc sắc của nhà văn Mỹ O’Hen-ri trong tác phẩm **Chiếc lá cuối cùng** để làm rõ bức thông điệp nghệ thuật cảm động của ông.  
**Bài làm**

Trong nhịp sống tất bật, hối hả quay cuồng , nếu không có một khoảng lặng, một phút dừng lại ngắm nhìn cuộc đời, hẳn con người sẽ không bao giờ tìm được chút bình yên, thanh thản cho tâm hồn mình. Những lo toan thường nhật, cuộc mưu sinh bận rộn với bao toan tính, đắn đo đã cuốn con người vào vòng quay bất tận. Nhưng không, ở đâu đó, hơi ấm tình người vẫn lặng lẽ toả sáng. Ngay trong một khu phố nhỏ tồi tàn, vẫn cất lên bản nhạc dịu dàng giữa một xã hội phồn vinh, rộâng lớn. Nơi ấy, nhà văn Mĩ O’ Henri, bằng tấm chân tình của mình, đã giúp người đọc phát hiện bao vẻ đẹp của tình thương yêu giữa những người lao động nghèo khổ. Đoạn trích trong “Chiếc lá cuối cùng” diễn tả đầy đủ vẻ đẹp những trái tim nhân hậu cao cả .  
 “Chiếc lá cuối cùng” là truyện ngắn kể về những người nghệ sĩ nghèo. Xiu và Giôn-xi là hai nữ hoạ sĩ trẻ sống trong một căn hộ thuê rẻ tiền ở khu quảng trường Griniz gần công viên Oa-sinh-tơn. Bệnh viêm phổi và sự nghèo túng đã khiến Giôn- xi ngã gục trên con đường tìm về với sự sống. Cô nằm bất động trên giường bệnh, dõi theo những chiếc lá thường xuân qua ô cửa sổ và tin rằng mình sẽ ra đi khi chiếc lá cuối cùng rụng xuống. Vẻ chán nản làm bệnh tình của cô ngày một trầm trọng. Xiu vô cùng lo lắng và bộc lộ nỗi niềm với cụ Bơ-men – người hoạ sĩ nghèo luôn ấp ủ ước mơ vẽ một kiệt tác nhưng chưa bao giờ thực hiện được, đành sống qua ngày bằng tiền vẽ tranh quảng cáo và ngồi làm mẫu cho các hoạ sĩ trẻ cùng xóm… Một buổi sáng, Giôn- xi lại thều thào ra lệnh cho Xiu kéo chiếc màn cửa sổ để cô nhìn ra ngoài. Sau trận mưa vùi dập và những cơn gió phũ phàng đêm trước, một chiếc lá vẫn bướng bỉnh bám trên cành thường xuân. Đó là chiếc lá cuối cùng của cây. Cả ngày hôm ấy, Giôn-xi chờ cho chiếc lá rụng xuống và cô sẽ chết. Nhưng sáng hôm sau, chiếc lá vẫn còn nguyên trên cây, tiếp thêm cho Giôn- xi sức sống và niềm hi vọng một ngày nào đó sẽ được vẽ vịnh Na-plơ. Khi Giôn-xi gần như chiến thắng được bệânh tật thì cụ Bơ-men qua đời, vì bệnh lao phổi. Chiếc lá thường xuân giúp Giôn-xi vượt qua cơn nguy hiểm là kiệt tác cụ Bơ-men đã vẽ trên tường trong đêm mưa gió dữ dội, tàn bạo, cái đêm mà chiếc lá cuối cùng không chịu nổi sức gió đã lìa cành… Đoạn trích thấm đượm tình người đã rung lên những sợi dây cảm xúc trong tâm hồn độc giả.  
 Tình người cao đẹp được thể hiện trước hết ở nhân vật Bơ-men và bức kiệt tác của cụ. Ngay từ đầu đoạn trích, người hoạ sĩ già khắc khổ này chỉ xuất hiện qua một vài chi tiết: Xiu và cụ Bơ-men “sợ sệt ngó ra ngoài cửa sổ, nhìn cây thường xuân. Rồi họ nhìn nhau một lát, chẳng nói năng gì”; “cụ Bơ-men mặc chiếc áo sơ mi cũ màu xanh, ngồi đóng vai một tay thợ mỏ già trên cái ấm đun nước lật úp giả làm tảng đá” và cuối cùng chỉ thấp thoáng qua lời kể của Xiu. Nhưng có lẽ đôi hình ảnh hiếm hoi ấy mãi còn lại trong tâm trí bao người. Giây phút “nhìn cây thường xuân” đầy lo lắng là lúc cụ cảm nhận rõ nhất dáng ngủ yếu ớt cũng như mạng sống mong manh của Giôn-xi. Không ai biết trong ánh nhìn lặng lẽ chẳng nói năng và cái dáng ngồi làm mẫu bất động, cụ đang ấp ủ một điều gì. Đã từ lâu, ông cụ già “nhỏ nhắn dữ tợn” tự coi mình là một con chó xồm lớn chuyên canh gác và bảo vệ cuộc sống của hai nữ hoạ sĩ trẻ yếu đuối Xiu và Giôn-xi.Với cụ Bơ-men cô độc, có lẽ hai cô gái không khác gì những người ruột thịt, những người thân yêu nhất trong những năm tháng tuổi già hiu quạnh. Thường ngồi làm mẫu cho những bản vẽ của cô chị và hay tâm tình về tác phẩm kiệt xuất của mình, phải chăng đó là những tình cảm ấm áp mà cụ dành cho họ? Cụ hiểu tâm trạng Giôn-xi và nỗi lòng Xiu. Và… O’ Hen-ri không kể ông cụ làm gì sau khi về căn hộ cũ tồi tàn của mình. Cách cắt đoạn tạo một khoảng không gian riêng mà trong đó, chẳng ai có thể đoán được cụ Bơ-men sẽ có những hành đông cụ thể nào. Nhưng rồi, qua lời kể của cô chị Xiu, Giôn-xi và người đọc chợt ngỡ ngàng hiểu rõ công việc mà cụ đã âm thầm làm trong im lặng, trong những tiếng gào thét dữ dội của giông bão. Một mình cụ, với ngọn đèn bão, với bảng màu và chiếc thang mà có lẽ phải vất vẻ lắm cụ mới có thể lôi được nó ra khỏi chỗ cũ…. đã hoàn thành bức kiệt tác của cuộc đời mình. Thân già khổ sở trong đêm tối khủng khiếp đang nhăm nhe quật ngã mọi thứ, phải dũng cảm, chịu khó, bến bỉ như thế nào thì cụ Bơ-men nhỏ nhắn mới có thể gắng sức đương đầu với cơn mưa phũ phàng như vậy? Hơn nữa, vẽ – dẫu chỉ là vật nhỏ nhoi như một chiếc lá – trong hoàn cảnh khắc nghiệt, không ai giúp đỡ lại càng khó khăn gấp bội. Chiếc lá rất thật: “tuy ở gần cuống lá vẫn còn giữ màu xanh sẫm, nhưng rìa lá hình răng cưa đã nhuốm màu vàng úa” được vẽ nên bằng tất cả tấm lòng, tâm huyết và tài năng của người hoạ sĩ già Bơ-men. Nhưng điều quan trọng nhất là mục đích cuối cùng của người hoạ sĩ “thất bại trong nghệ thuật” đã đạt được. Chiếc lá mỏng manh chống chọi, thách thức cùng gió rét đã tiếp thêm sức sống và niềm tin cho Giôn-xi, kéo cô từ vực sâu của chết chóc và bệnh tật lên đỉnh chiến thắng. Nhưng bù lại, cụ Bơ-men đã vĩnh viễn ra đi. Hoá ra ông cụ già “hay chế nhạo cay độc sự mềm yếu của bất kì ai” lại là một người có thể hi sinh mạng sống của mình vì người khác. Chiếc lá là minh chứng cho tất cả tâm lòng thương yêu và sự quyết tâm cứu cô hoạ sĩ trẻ đầy tài năng với tương lai phía trước của cụ. Có thể cụ không nghĩ rằng đó là một kiệt tác. Dẫu bức tranh chẳng phải là tác phẩm có thể đưa cụ và hai cô gái trẻ ra khỏi nơi ẩm thấp rẻ tiền mà họ đang trú ngụ, nhưng có lẽ dưới suối vàng cụ vẫn sẽ mỉm cười mãn nguyện. Ngay hành động của cụ cũng đã là một kiệt tác, một kiệt tác vô giá dù không màu sắc, không đường nét, không âm thanh… nhưng chan chứa tình người. Tác giả không trực tiếp miêu tả mà tiết lộ cách “sáng tác” âm thầm, lặng lẽ ấy qua lời nói của Xiu tạo một sự bất ngờ cho người đọc, đồng thời tô đậm thêm tấm lòng cao cả và đức hi sinh như thánh thần của một hoạ sĩ già nghèo khổ.  
 Cũng như cụ Bơ-men, khi nhìn cây thường xuân chỉ còn trơ trọi vài chiếc lá, Xiu đã không giấu được nỗi lo sợ của mình. Giôn-xi tuy không ruột rà máu mủ gì với cô, nhưng cô thương Giôn-xi như một người em gái. Khoảnh khắc lặng nhìn cây thường xuân là khoảng lặng nặng nề đè trĩu tâm tư Xiu. Vì thế, sáng hôm sau, khi Giôn-xi yêu cầu kéo rèm cửa lên, cô “làm theo một cách chán nản”. Rõ ràng trong cô vẫn bị ám ảnh bởi tâm trạng bi quan của Giôn-xi. Cô không tin vào điều định mệnh về “chiếc lá cuối cùng” mà Giôn-xi nghĩ đến, nhưng cô sợ, với tình cảnh này, Giôn-xi sẽ thực sự rời xa cô mất. Cụ Bơ-men không nói gì với cô về việc làm của mình, về ý định thay thế chiếc lá thiên nhiên đã rơi rụng bằng một chiếc lá “nhân tạo” nên khi thấy trên cành chỉ còn duy nhất một chiếc la ùlay lắt, mỏng manh, yếu ớt, Xiu không khỏi thắt lòng lo sợ. Tiếng thều thào đoán định của Giôn-xi: “Hôm nay nó sẽ rụng thôi và cùng lúc đó thì em sã chết” như bóp nghẹt trái tim Xiu. Trước mặt Giôn-xi, Xiu tỏ ra mạnh mẽ là thế – một Xiu luôn cứng cỏi gạt bỏ những suy nghĩ tiêu cực của em – nhưng Giôn-xi có biết từ sâu thẳm tâm hồn Xiu cũng yếu đuối và đa cảm lắm? Cô thương Giôn-xi đến nỗi lo sợ không biết rồi mình sẽ ra sao nếu Giôn-xi chết đi “Em thân yêu, thân yêu! Em hãy nghĩ đến chị, nếu em không còn nghĩ đến mình nữa. Chị sẽ làm gì đây?” Lời động viên tràn đầy tình thươmng yêu  để Giôn-xi hiểu rằng với Xiu, Giôn-xi như nửa cuộc đời cô. Giôn-xi mất đi rồi, liệu cuộc sống của cô có còn gì gọi là ý nghĩa? “Ngày hôm đó trôi qua, và ngay cả trong ánh hoàng hôn, họ vẫn có thể trông thấy chiếc lá thường xuân đơn độc níu vào cái cuống của nó trên tường”, một câu kể ngỡ như bình thường mà chứa đựng bao nỗi niềm. Trong bóng tối đang dần buông xuống, những đôi mắt vẫn không ngừng dõi theo chiếc lá cuối cùng như muốn chứng kiến cảnh chống chọi của nó với thiên thiên khắc nghiệt. Niềm hi vọng vẫn còn đó, nhưng có thể phụt tắt bất cứ lúc nào, khác gì ngọn đèn leo lét trước cơn gió dữ. Nhà văn không dùng một từ ngữ nào để miêu tả tâm trạng Xiu khi sang ngày sau nữa, chiếc lá vẫn dũng cảm bám chặt trên cành, nhưng vẫn có thể hình dung nét mặt tươi tắn của cô. Hẳn Xiu rất mừng khi Giôn-xi muốn ăn cháo. Những cử chỉ chăm sóc tận tình đã được đáp lại. Lời nói của vị thầy thuốc “Được năm phần mười rồi. Chăm sóc chu đáo thì chị sẽ thắng” càng khơi dậy niềm hi vọng vốn có lúc tưởng như tắt lụi. Cùng với sự cổ vũ của “chiếc lá dũng cảm” – kiệt tác của cụ Bơ-men – Xiu đóng một vai trò quan trọng trong việc giúp Giôn-xi tìm lại được niềm tin và sự sống. Tình bạn và tấm lòng chân thật đã chiến thắng lão già viêm phổi quái ác. Lại một khoảng thời gian nữa trôi qua, khoảng thời gian thể hiện sự tinh tế và chín chắn trong vai trò làm chị của Xiu. Khi Giôn-xi đã lấy lại được sự vui vẻ, Xiu mới nhỏ nhẹ nói cho em sự thật mà có lẽ cô cũng chỉ mới biết không bao lâu. Nếu Xiu biết trước ý định của cụ Bơ-men thì truyện sẽ mất đi nhiều sức hấp dẫn, và chắc chắn cũng sẽ không có đoạn văn thể hiện tâm trạng lo lắng thấm đượm tình người của Xiu. Cô không phải là trung tâm tác phẩm nhưng lại đem đến cho người đọc một tình cảm êm dịu, hiền hoà, góp thêm một phần vào bức tranh với những gam màu sáng của tình người cao đẹp.  
 Còn Giôn-xi, người biết sự thật cuối cùng? Cảnh ngộ của cô thật đáng thương. Cái nghèo túng cùng cơn bệnh hoành hành cướp đi của cô tất cả sức lực. Cô gần như tuyệt vọng. Mỗi tiếng đếm  lùi khi từng chiếc lá rơi xuống là mỗi lúc cô cảm thấy gần kề với cái chết hơn. Lưỡi hái tử thần cứ chập chờn trước mặt Giôn-xi đầy đe doạgắn với hình ảnh của nhưng chiếc lá thường xuân nhỏ bé. Sự sống mong manh của cô khác nào những chiếc lá ấy, chỉ một cơn gió thoảng qua là có thể lìa cành? Người đọc chợt căng thẳng, hồi hộp mỗi khi Giôn-xi bảo Xiu kéo mành lên. Ngay ngày hôm trước, sự tuyệt vọng của Giôn-xi làm nên nỗi niềm lo sợ trong Xiu và cụ Bơ-men, để rồi nỗi lo sợ lại len lỏi vào lòng người đọc. Lần thứ nhất kéo mành chỉ còn lại một chiếc lá, khiến không ai có thể dứt mắt khỏi sự sống nhỏ nhoi ấy suốt một ngày một đêm. Lần kéo mành thứ hai, liệu chiếc lá có còn và tính mạng của Giôn-xi sẽ ra sao? Giôn-xi có tàn nhẫn quá không khi bóp nghẹt trái tim người thân yêu bằng cách ra lệnh kéo mành như thế? Thật khó mà hồn nhiên, vui vẻ khi nghĩ rằng mình sắp chết, nhất là lúc con người đang ở vào độ tuổi đẹp nhất của cuộc đời! Nghe những lời thủ thỉ tâm tình của Xiu, Giôn-xi cũng cô đơn lắm chứ. “Cái cô đơn nhất trong khắp thế gian là một tâm hồn đang chuẩn bị sẵn sàng cho chuyến đi xa xôi bí ẩn của mình”. Cô đơn “khi những mối dây ràng buộc cô với tình bạn và với thế giới xung quanh cứ lơi lỏng dần từng sợi một”. Và nỗi sợ hãi choán hết tâm trí cô. Nhưng khi đêm đã qua rồi mà chiếc lá cuối cùng vẫn chưa lìa cành, Giôn-xi “nằm nhìn chiếc lá hồi lâu”,cái nhìn như dần sưởi ấm trái tim yếu đuối giá lạnh của cô. Có lẽ cô đang nghĩ và so sánh mình với sự mạnh mẽ của chiếc lá: “Có một cái gì đấy đã làm cho chiếc lá cuối cùng vẫn còn đó để cho em thấy mình đã tệ như thế nào” và chợt nhận ra “muốn chết là cái tội”. Khoảng thời gian diễn ra sự hồi sinh diệu kì trong tâm hồn cô. Chiếc gương tay, ý muốn được ngồi dậy xem Xiu nấu nướng là những biểu hiện rõ rệt nhất của sự sống. Và niềm hi vọng được vẽ cảnh vịnh Na-plơ lại bùng cháy. Nhận được sự dộng viên, khích lệ âm thầm lặng lẽ của cụ Bơ-men, của Xiu, Giôn-xi đã tự mình biến cái không tưởng thành hiện thực. Tất cả sẽ trở nên vô nghĩa nếu như giờ phút này cô lại chấp nhận buông xuôi. Nhưng không, người đọc có thể thở phào nhẹ nhõm trước một sự sống mới đang hình thành.  
Câu chuyện khép lại bằng lời kể của Xiu mà không để Giôn-xi có phản ứng gì thêm. Biết đâu mỗi lần ngắm chiếc lá là một lần Xiu và Giôn-xi được tiếp thêm sức lực và bản lĩnh để vượt qua nhưng khó khăn, gian khổ trong cuộc sống? Truyện đã dừng lại, nhưng dư âm vẫn còn vang vọng trong lòng người đọc với bao suy nghĩ, dự đoán…  
Ngoài nghệ thuật miêu tả diễn biến tâm lí và khắc hoạ tính cách ba nhân vật, nhà văn O’hen-ri đã thành công trong việc xây dựng hai tình huống bất ngờ, thú vị. Ngay từ đầu, Giôn-xi đã đem đến bao lo lắng, thương cảm khi từng giờ phút chiến đầu và dần buông xuôi trước tử thần, nhưng theo thời gian, tình huống bỗng đảo ngược, Giôn-xi trở nên yêu đời, ham sống, tạo nên tiếng thở phào nhẹ nhõm. Ngược lại, cụ Bơ-men khoẻ mạnh bỗng chết vì bệnh viêm phổi, một cái chết để lại những giọt nước mắt cảm động. Cả hai lần đảo ngược tình huống đều xoay quanh một trục: Bênh viêm phổi, chiếc lá cuối cùng, có khác chăng là hành trình đi từ sự sống đến cái chết của một hoạ sĩ già để kéo cô gái trẻ từ cõi chết ngược về sự sống. Nghệ thuật đặc sắc ấy đã góp phần làm nên sức hấp dẫn của truyện.  
 Cả ba nhân vật xuất hiện bổ sung và hoàn chỉnh dần bức tranh thấm đượm tình người, dẫu là những con người không ruột thịt máu mủ. Và một nhân vật cứ im lìm, bất động, lặng lẽ chứng kiến sự đổi thay kì diệu. Chỉ vài trang kết truyện “Chiếc lá cuối cùng” với lối xây dựng theo kiểu có nhiều tinh tiết hấp dẫn, sắp xếp chặt chẽ khéo léo, kết cấu đảo ngược tình huống hai lần, O’Hen-ri đã gây hứng thú và làm cho chúng ta rung cảm trước tình yêu thương cao cả giữa những con người nghèo khổ.

## BT5.Ý nghĩa hình tượng Chiếc lá cuối cùng

Chiếc lá cuối cùng nhà văn Mĩ O Hen-ri là một trong những truyện nổi tiếng trên toàn thế giới, tác giả kể lại cuộc sống nghèo khổ của các họa sĩ lúc đó gồm họa sĩ trẻ Xiu và Giôn-xi cùng với Bơ-men, họ đang trải qua một cuộc sống vất vả “cơm áo gạo tiền” trong một không gian chật hẹp và ăn uống thiếu thốn. Trái ngược với cuộc sống đó là tinh thần họ vẫn luôn vui vẻ, tình cảm gắn bó.

“Chiếc lá cuối cùng” tác giả gửi thông điệp về tình bạn cao quý, nhắn nhủ mọi người hãy biết yêu thương nhau. Xiu và Bơ-men là hai nhân vật làm nổi bật tình cảm cao đẹp trên. Hai họa sĩ nghèo này khác nhau về tuổi tác nhưng lại có chung một mối điều quan tâm đó là làm sao cứu sống được Giôn-xi. Xiu đã phải làm việc kiếm tiền mua thuốc, chăm sóc bạn. Xiu là một người bạn thủy chung, hết lòng giúp đỡ bạn bè trong những lúc khó khăn nhất. Chỉ như vậy thôi chưa đủ bệnh viêm phổi của Giôn-xi ngày càng nặng hơn và có thể tước đi mạng sống của cô bất cứ khi nào.

Bệnh thì có thể chữa trị nhưng tinh thần thì không, Giôn-xi tuyệt vọng với cái chết đang đến gần, cụ Bơ-men đã nhận ra điều đó và chính cụ đã mang lại niềm hi vọng cho Giôn-xi. Bằng tài năng của mình, cụ đã vẽ lên bức kiệt tác của mình bức tranh cuối cùng mang lại niềm tin, hi vọng sống cho Giôn-xi.

Chiếc lá cuối cùng và sự hi sinh thầm lặng của cụ Bơ-men thật đáng trân trọng, hi sinh bản thân vì cuộc sống của người khác, qua hình ảnh chiếc lá cuối cùng tác giả còn muốn nói đến mục đích cao quý của nghệ thuật trong cuộc sống.  Câu chuyện đơn giản nhưng lại có ý nghĩa nhân đạo sâu sắc, hình ảnh chiếc lá cuối cùng chính là điểm nhấn quan trọng trong truyện giúp mang lại hi vọng, niềm tin cho Giôn-xi vượt qua bệnh tật và ca ngợi sự hi sinh thầm lặng của cụ Bơ-men.

## *BT6.* Chứng minh truyện ngắn “Chiếc lá cuối cùng” là “Bức thông điệp màu xanh”

*Chiếc lá cuối cùng* là tác phẩm của nhà văn bậc thầy ở Mĩ, nhà văn O. Hen-ri. Ông tên thật là Uy-liêm Xit-nây Po-tơ. Thời trẻ, để kiếm sông ông đã lang thang nhiều nơi, làm nhiều nghề khác nhau, có lần bị giam giữ trong ba năm. Ông lấy bút danh O. Hen-ri có lẽ để kỉ niệm một người bạn tốt đã giúp đỡ ông nhiều trong thời kì này. Sau khi ông mất, Hội Nghệ thuật và Khoa học ở Mĩ lập một giải thưởng mang tên O. Hen-ri để tặng cho các truyện ngắn hay hằng năm.   
  
*Chiếc lá cuối cùng* là “bức thông điệp màu xanh” tác giả gửi đến người đọc để cangợi tình bạn thuỷ chung cao quý, nhắn nhủ mọi người hãy yêu thương con người, hãy biết hi sinh vì sự sống con người. Xiu và Bơ-men là hai nhân vật bổ sung cho nhau nhằm làm nổi bật tình cảm cao đẹp trên. Hai hoạ sĩ nghèo này khác nhau về tuổi tác, nhưng lại có chung một mối lo lắng: làm sao cứu sống được Giôn-xi khỏi bàn tay lạnh giá của Thần Chết. Xiu đã phải làm việc rất nhiều, không tiếc sức mình để kiếm tiền mua thuốc, mời bác sĩ, mua thức ăn... và chăm sóc bạn từng li từng tí, từ việc nấu cháo xúp tới việc dỗ dành bạn ăn bằng được. Xiu đúng là một người bạn thuỷ chung, cùng chia sẻ gian nan, hoạn nạn với bạn. Nhưng chỉ như vậy cũng chưa thể cứu được Giôn-xi, cô bị viêm phổi nặng đồng thời lại mang tâm trạng tuyệt vọng, tin rằng mình không thể sống được khi chiếc lá thường xuân cuối cùng của cái cây bên kia cửa sổ rụng xuống.   
  
Chữa bệnh viêm phổi, y học có thể làm được, nhưng chữa tâm trạng tuyệt vọng, bác sĩ cũng bó tay. Bằng sự nhạy cảm của một người giàu lòng nhân ái, bác Bơ-men đã nhận ra chiếc chìa khoá mở cánh cửa đưa Giôn-xi trở lại cuộc sống. Bằng tài năng, bác đã vẽ nên bức kiệt tác của mình – cũng chính là bức tranh cuốicùng – để mang lại cho Giôn-xi niềm tin yêu vào cuộc sống. Cả hai con người ấy, Xiu và Bơ-men tượng trưng cho lòng nhân đạo cao cả, cho tình yêu thương giữa những con người. Nhưng thông qua bức vẽ cuối cùng gắn liền với sự hi sinh lặng thầm của Bơ-men, tác giả còn muốn nói tới một vấn đề nữa: mục đích của nghệ thuật, ý nghĩa cao quý của nghệ thuật. Suốt bốn mươi năm lao động, bác Bơ-men luôn thất bại, chưa bao giờ ngòi bút của tác giả chạm tới tà áo của Nàng Nghệ thuật, nhưng vì mục đích giành lại sự sống cho mọi người, bác đã hoàn thành kiệt tác của mình trong một hoàn cảnh khác thường: đêm đông, gió lạnh, tuyết rơi, một mình với chiếc đèn bão trên một chiếc thang chênh vênh. Tác phẩm của cụ Bơ-men trở nên bất tử vì nó hiện hình trong sự sống của một con người, sự sống của một tài năng.   
  
Cốt truyện của *Chiếc lá cuối cùng* thật đơn giản. Câu chuyện sống được không chỉ vì ý nghĩa nhân đạo sâu sắc của nó, mà còn vì ngòi bút dựng truyện, khắc hoạ nhân vật đầy tài năng của tác giả. Về mặt kết cấu, ông đã sử dụng thành công thủ pháp đảo lộn tình thế hai lần một cách đột ngột, bất ngờ để hấp dẫn người đọc. Trong truyện, lần thứ nhất là khi Giôn-xi đi đến trạng thái tuyệt vọng, buông thả mọi ý chí, phó mặc cho Thần Chết đưa lưỡi hái ra cắt đứt đời mình. Cô đã đoán chắc với Xiu: “Khi chiếc lá lìa cành thì chắc chắn em cũng lìa đời”. Cô diễn tả tâm trạng của mình trong sự tuyệt vọng “chờ đợi làm em chán lắm rồi, nghĩ ngợi cũng làm em chán lắm rồi. Em muốn buông tay ra khỏi tất cả những thứ em còn đang nắm và lướt xuống, hệt như một trong những chiếc lá mệt mỏi đáng thương đó”. Người đọc cảm thấy nghẹt thở tưởng như vô phương cứu chữa trước một con người không còn một tơ vương nào vào cuộc sống. Nhưng kì diệu thay, chiếc lá cuối cùng không rụng. Nó còn đó mãi mãi như sự bất tử của cuộc đời. Rồi Giôn-xi bắt đầu bình phục.   
  
Lần đảo lộn tình thế thứ hai tiếp liền sau khi Giôn-xi bình phục, ởđoạn trên, ông già Bơ-men xuất hiện thoáng qua rồi mất hút, người đọc bị hấp dẫn bởi cuộc đấu tranh giành sự sống trong Giôn-xi cũng đã quên mất ông. Chính lúc ấy, lời kể của Xiu làm cho cả Giôn-xi và người đọc sống lại một sự kiện bi tráng. Chiếc lá cuối cùng thật đã rụng. Còn lại mãi mãi trên tường là chiếc lá của tình thương yêu, là lòng yêu mến cuộc sống cháy bỏng của người hoạ sĩ già. Sự bất ngờ này đưa Bơ-men thành nhân vật quan trọng nhất thể hiện sâu đậm chủ đề của câu chuyện.   
  
*Chiếc lá cuối cùng* là truyện ngắn về những con người bình thường, những việc bình thường nhưng lại khó quên vì ánh sáng nhân đạo toả sáng mãi của tác phẩm. Mãi mãi người đọc sẽ nhớ tới bác Bơ-men có hình dáng như người thợ mỏ khắc khổ nhưng lại có tấm lòng và hành động của một vị thánh. Mãi mãi người đọc sẽ nhớ tới bức thông điệp màu xanh kêu gọi sự yêu thương giữa con người với con người, kêu gọi nghệ thuật hướng về con người.

# BT7.Vẻ đẹp tác phẩm văn học: Niềm tin sáng tạo từ một chiếc lá không rơi

**Từcái chết của họa sĩ già, đến sựhồi sinh cuộc sống một cô gái sau khi hoàn thành bức họa kiệt tác - vẽmột chiếc lá không bao giờrơi - đã đẻra bao nhiêu tầng ý nghĩa thú vị.**

1. Truyện ngắn Chiếc lá cuối cùng của nhà văn Mỹ O.Hen-ri từ lúc ra đời đến nay luôn có mặt trong những lần tuyển chọn các truyện ngắn hay thế giới. Và được đưa vào chương trình phổ thông từ lâu. Sức hấp dẫn của truyện gợi ra từ sự lung linh của nghệ thuật, lấp lánh của nội dung và ngập tràn tính nhân văn, nhân bản... Bài viết dưới đây khai thác một trong những khía cạnh tạo nên sức hấp dẫn ấy: Một niềm tin trong sáng tạo nghệ thuật.

Đầu tiên là việc xây dựng nhân vật trong tác phẩm. Thế giới nhân vật trong truyện khép kín và ít ỏi. Ngoài vị bác sĩ khám bệnh, thì ba nhân vật chính của truyện là những họa sĩ. Gồm cả hai thế hệ già và trẻ: Ông già Bơ-men, người đã xế bóng cuộc đời ngụp lặn trong những thất bại về nghệ thuật; Giôn-xi và Xiu-đi, những họa sĩ trẻ mới bắt đầu tìm vị trí cho mình. Lựa chọn và xây dựng nhân vật là yếu tố quan trọng hàng đầu khi thai nghén tác phẩm. Nó thể hiện chủ ý sáng tác của tác giả. Xây dựng hệ thống nhân vật như thế, O.Hen-ri muốn làm cơ sở cho việc thể hiện chủ đề câu chuyện. Nhân vật sống, hoạt động, suy nghĩ, đối thoại… đều trên một nền tư tưởng nhất định. Mà ở đây cảm hứng sáng tạo, hay niềm tin sáng tạo là yếu tố quan trọng trong hệ tư tưởng nhân vật. Với công việc tay chân, người thợ xây có thể xây những công trình của mình bằng các tâm trạng khác nhau. Song người nhạc sĩ không thể diễn tả những nốt nhạc hoành tráng, khoáng đạt bằng tâm trạng buồn ủ dột của mình. Không có cảm hứng sáng tạo và niềm tin thì không thể có nghệ thuật với đỉnh cao của nó.

2. Cảm hứng sáng tạo thực sự đã tắt lịm trong các họa sĩ này. O.Hen-ri đã miêu tả cụ thể các hoàn cảnh làm tiền đề cho sự tắt lịm đó: Hoàn cảnh khách quan và hoàn cảnh chủ quan (nhân tố chủ quan). Hoàn cảnh khách quan là khu “kiều dân” khổ sở, khắc nghiệt đang bị hoành hành bởi một căn bệnh của “gã viêm phổi” - theo như cách nói của khu này: “Không có tư cách cao thượng của một hiệp sĩ thời xưa”.

Hoàn cảnh khách quan hẹp là thế, rộng hơn là sự ngột ngạt của cuộc sống xã hội Mỹ đối với tầng lớp người nghèo khổ lúc bấy giờ. Con người bị lệ thuộc và chi phối hoàn toàn vào hoàn cảnh, bị đẩy vào tình thế nguy kịch. Người ta khó có thể sống thanh tao với nghề của mình một cách đúng nghĩa. Nổi tiếng và đầy tài năng như bác Bơ-men cũng chỉ đáng ngồi làm mẫu cho những bức tranh quảng cáo. Đầy nhiệt huyết như Xiu-đi cũng buộc phải hành nghề bằng cách vẽ minh họa cho một số trang sách báo nhảm nhạt… Hoàn cảnh khách quan làm tiền đề cho nhân tố chủ quan. Đây là tâm lý con người. Bi kịch tâm lý này được ngụ ý dưới một trạng cảnh: Căn bệnh của Giôn-xi. Thật sự là Giôn-xi đang rơi vào tình huống mất hết nghị lực và cảm hứng sáng tác. Những niềm tin, những ước mộng được làm những gì to tát giờ đã chết gục trước sự khắc nghiệt của cuộc sống. Những mầm xanh của nghệ thuật bị thui chột dưới cái nắng trời ác quái của mưu sinh. Căn bệnh của Giôn-xi chỉ là dụng ý của tác giả về tinh thần hơn là sinh lý. Hãy nghe lời đối thoại đầu tiên của truyện giữa vị bác sĩ và Xiu-đi: “Cô ấy mười phần chỉ sống nổi, chúng ta hãy nói là một thôi. Và một phần đó còn tùy ở cô ta muốn sống hay không…”.  Câu hỏi tiếp theo của vị bác sĩ làm dụng ý của tác giả rõ hơn một chút: “Cô ấy có điều gì vương vấn trong đầu không nhỉ?”. Và Xiu-đi đã trả lời: “Cô ấy… cô ấy muốn một ngày nào đó sẽ vẽ bức tranh về vịnh Na-plơ”.

3. Có thể nói, từ khi bước chân vào khu nhỏ phía tây quảng trường Washington lộn xộn và đầy khắc nghiệt này, Giôn-xi đã tắt hẳn niềm tin sáng tạo. Ước mơ được vẽ vịnh Na-plơ bây giờ lại như đèn dầu treo trước bão. Nhân tố khách quan là căn bệnh viêm phổi, cả sự phũ phàng của những chiếc lá ngoài ô cửa cứ vô tình rơi bởi sự khắc nghiệt của tiết trời. Nhưng nhân tố chủ quan là nghị lực, ý chí của con người - Giôn-xi có đủ nghị lực và niềm tin hay không để vượt lên hoàn cảnh mà đạt được ước mơ về sáng tạo nghệ thuật.

Kịch tính dâng đến đỉnh điểm. Cái chết của Giôn-xi ngày một gần hơn. Nhưng đến cuối truyện, tình thế lại đảo ngược hoàn toàn. Một ông già gầy yếu, mang trong mình mầm bệnh viêm phổi, đã lắm phen thất bại chua chát trước nghệ thuật, đã chứng minh cho một chân lý: Con người có thể bị hoàn cảnh chi phối chứ nhất định không chịu đầu hàng hoàn cảnh. Sự sống sẽ hồi sinh nếu con người còn nghị lực. Giá vẽ căng sẵn đầy bụi nhặng giờ đã có những nét màu để lưu lại trần thế kiệt tác: Một chiếc lá không rơi. Nếu đặt nhân vật ông già Bơ-men và Giôn-xi trong tương quan so sánh sẽ thấy sự nghịch đối: Một người đã qua xế bóng cuộc đời, mang trong mình mầm bệnh, nhưng được tự chữa chạy bằng liều thuốc tinh thần, nên đã đạt được mục đích, ước mơ. Một người trẻ tuổi, nhưng lại đổ bệnh trầm trọng vì do thiếu nghị lực, đuối tinh thần. Thì ra con người ta sống được là ở tinh thần chứ không phải thể xác. Mà niềm tin chính là phương thuốc hữu hiệu nhất nuôi dưỡng ước mơ và xua tan bệnh tật. Một kiệt tác ấp ủ bấy lâu đã được thực hiện. Một chân lý đã được kiểm chứng. Bác Bơ-men đã hoàn thành một “món nợ” để trả cho đời bằng chính tình thương của mình với Giôn-xi. Bởi không ít những lần ông cụ đã thốt lên trong tác phẩm: “Tội nghiệp con bé!”.

4. Từ niềm tin sáng tạo này, truyện ngắn Chiếc lá cuối cùng đã đem đến cho người đọc những thông điệp triết lý vô cùng ý nghĩa: Con người còn niềm tin khi còn tình thương lẫn nhau. Và niềm tin muốn tồn tại, có giá trị phải vì nhân sinh, vì con người. Chỉ có con người mới tạo ra niềm tin, nuôi dưỡng nó và thực hiện nó. Điều quan trọng nhất là: Người này muốn tạo niềm tin cho người khác hiệu quả nhất là chứng tỏ niềm tin của chính bản thân mình.

Bức tranh chiếc lá cuối cùng không chỉ đơn thuần là đã vẽ giống như thật một chiếc lá không bao giờ rơi. Vì đã là lá, lại đúng mùa phải rụng thì tất sẽ rụng. Điều hiển nhiên ấy chắc hẳn Giôn-xi thừa hiểu và sẽ làm cho cô tuyệt vọng hơn. Cho nên đằng sau chi tiết ấy là cả một dụng ý nghệ thuật của tác giả: Trong tình huống kiệt cùng, con người vẫn có thể làm chủ được tình thế bằng chính niềm tin vào bản thân.

Cái chết chỉ là sự ra đi. Còn niềm tin thì ở lại mãi mãi. Đã có một sự sống đang trỗi dậy từ cái chết. Tình thương và niềm tin của ông già Bơ-men là tấm gương nghị lực để vực Giôn-xi đứng lên từ căn bệnh. Trong truyện, O.Hen-ri đã thể hiện niềm tin đó qua chi tiết cuối của tác phẩm, khi Giôn-xi nói với Xiu-đi: “Xiu ạ, một ngày nào đó em hy vọng  được vẽ vịnh Na-plơ!”.

**BT8:Cảm nhận nhân vật họa sĩ Bơ-men trong Chiếc lá cuối cùng của O.Henri**

**Mở bài:**

Chiếc lá cuối cùng là một trong những kiệt tác văn học của thế giới. Không những phản ánh một cách chân thực và cảm động cuộc sống con người, tác phẩm cũng rất thành công trong nghệ thuật xây dựng nhận vật. Bên cạnh 2 nhân vật Giôn-xi và Xiu, nhân vật Bơ-men cũng được khắc họa đậm nét, để lại nhiều ấn tượng sâu sắc trong lòng người đọc.

**Thân bài:**

Cụ Bơ-men sống trong một căn hộ tồi tàn. Cụ là một họa sĩ trẻ nghèo và giàu khát vọng nhưng cuộc đời lại hết sức bất hạnh. Cụ không vợ, không con, cả cuộc đời đeo đuổi giấc mơ thành công trong nghệ thuật nhưng 40 năm qua ước nguyện vẫn chưa thành.

Tuy nghèo khó nhưng cụ sống trong sạch, biết yêu thương và giúp đỡ người khác, nhất là đối với hai nữ họa sĩ trẻ cùng dãy trọ. Lúc nào người ta cũng thấy cụ điềm đạm, lặng lẽ. Cuộc sống cô đơn khiến tâm hồn cụ cũng héo mòn.

Đối với cụ, nghệ thuật là một niềm đam mê bất tận. Cụ hi sinh cả cuộc đời cho nghệ thuật, gắng công tạo nên một kiệt tác để đời. Dù chừng ấy năm, cụ chưa có mọt tác phẩm nào đáng giá, cuộc sống ngày càng khó khăn, thế nhưng cụ không hề oán trách. Cụ nhận thức rất rõ, nghệ thuật là sự dâng hiến đích thực, làm nghệ thuật là vì cái đẹp, vì con người chứ không phải lợi ích.

Cụ Bơ-men sống giàu tình thương, luôn quan tâm đến mọi người. Cụ là người có đức hi sinh cao cả. Khi biết họa sĩ trẻ Giôn-xi mắc bệnh hiểm nghèo và đang trong tình trạng tuyệt vọng, Cụ đã bí mật làm một việc ý nghĩa: vẽ chiếc lá ngay trong đêm mưa bão. Chính chiếc lá ấy cũng gieo niềm tin, nghị lực vào lòng cô gái trẻ, kéo cô gái từ vực thẳm và vươn lên tiếp tục sống. Bởi thế,***“Chiếc lá cuối cùng” của O.Hen-ri là bức thông điệp màu xanh về tình thương và sự sống của con người.***

Cái chết của cụ Bơ-men là biểu tượng của đức hi sinh vì nghệ thuật, vì cuộc sống con người, là bài ca ca ngợi tình yêu nghệ thuật, tình yêu cuộc sống. Cụ chết đi nhưng sự sống lại được tái sinh trong Giôn-xi. Sự sống và tình yêu nghệ thuật thiết tha của cụ lại trở thành ngọn lửa bùng cháy trong Giôn-xi, một họa sĩ trẻ tuổi và giàu khát khao.

**Kết bài:**

Nhân vật họa sĩ Bơ-men là điển hình của người nghệ sĩ suốt đời phụng sự cho nghệ thuật. Cụ lấy nghệ thuật làm lẽ sống. Lẽ sống ấy không gì khác là làm đẹp cuộc đời. Đức hi sinh và cái chết của cụ là điểm sáng nhất trong tác phẩm, soi bước cho hai nghệ sĩ trẻ tiếp tục dũng cảm dấn thân cống hiến cho nghệ thuật, cống hiến cho cuộc đời.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**PHONG TRÀO THƠ MỚI**

**ÔNG ĐỒ**

**I.Mục tiêu :**

- Giúp học sinh nắm lại một số bài thơ tiêu biểu của phong trào Thơ Mới đã đựơc học trong chương trình về nội dung và nghệ thuật

-Hình thành kỹ năng phát hiện, phân tích, bình giảng

-Qua làm các đề giúp học sinh khả năng diễn đạt

**II.Chuẩn bị :**

Giáo viên: nghiên cứu soạn bài ra đề

Học sinh: học theo hướng dẫn của giáo viên

**III.Tiến trình dạy học:**

**\***Thơ mới: Xuất hiện 1932 - 1945

Là tiếng nói chủ yếu của giai cấp tiểu tư sản thành thị

Sự xuất hiện của các giai cấp tư sản và tiểu tư sản thành thị những tình cảm, những thị hiếu thẩm mỹ mới cùng với sự giao lưu văn hoá đông tây là nguyên nhân chính làm cho phong trào thơ mới ra đời.Ban đầu thơ mới ra đời để chống lại sự quy phạm của thơ cũ

Thơ nới có sự đổi mới về nội dung phi pháp

Đề tài ca ngợi tình bạn, tình yêu say đắm, vẻ đẹp thiên nhiên

\*Cái Tôi trữ tình trong thơ mới

Trong thơ trữ tình cái Tôi chính là bóng dáng của nhà thơ và đấy là quan điểm chính trị, triết học, tôn giáo của nhà thơ về cuộc sống được bộc lộ dưới dạng những cảm xúc

Thi sỹ thơ mới đã đối lập mình với thực tại bằng cách quay lưng khước từ những mối quan hệ bằng cách hướng vào bên trong nhưng tự mình thu lại trong cảm hứng riêng.Vì vậy nhà thơ ngày càng biến thành trung tâm vũ trụ đứng bằng cách chon von cô độc

Khát vọng thoát ly bản thân người nghệ sỹ đòi hỏi cái gì cũng phải tuyệt bích tuyệt mỹvà hoàn hảo.Họ ao ước chân trời khoáng đạt để sáng tác nhưng giữa thời buổi “ mưa âu gió mỹ” khát vọng đó không trở thành hiện thực, họ đâm ra vỡ mộng không tìm thấy hưóng đI không hoà nhập với phong trào cách mạnh của quần chúng, họ cố gắng tìm cho mình một con đường để thoát ly cuộc sống thực tại đồng thời cũng đI tìm một điểm tựa nào đó cho cuộc đời nhưng càng đi tìm họ càng lạc lối, càng đi sâu vào cái tôi lại càng cô dơn vắng lặng

Thoát ly: - trốn vào tình yêu: đây là con đường phổ biến nhất( Xuân Diệu)

-Họ hướng đến thế giới lý tưởng mà họ ước mơ ( trăng, sao, vũ trụ, thiên đường)

-Họ trở về với quá khứ vàng son ( Thế Lữ, Vũ Đình Liên)

Tóm lại thơ mới là tiếng thơ hướng nội – thoát ly buồn nhưng giàu nhân bản

**BÀI THƠ :ÔNG ĐỒ**

### I**. Đôi nét về tác giả Vũ Đình Liên**

- Vũ Đình Liên (1913 - 1996)

- Quê quán: Quê gốc là ở Hải Dương nhưng sống chủ yếu ở Hà Nội

- Cuộc đời và sự nghiệp sáng tác:

   + Là một trong những nhà thơ lớp đầu tiên của phong trào thơ mới

   + Ngoài sáng tác thơ, ông còn nghiên cứu, dịch thuật, giảng dạy văn học

**3. Giá trị nội dung**

- Tác phẩm khắc họa thành công hình cảnh đáng thương của ông đồ thời vắng bóng, đồng thời gửi gắm niềm thương cảm chân thành của nhà thơ trước một lớp người dần đi vào quá khứ, khới gợi được niềm xúc động tự vấn của nhiều độc giả

**4. Giá trị nghệ thuật**

- Bài thơ được viết theo thể thơ ngũ ngôn gồm nhiều khổ

- Kết cấu đối lập đầu cuối tương ứng, chặt chẽ

- Ngôn từ trong sáng bình dị, truyền cảm

### **III. Dàn ý phân tích bài thơ Ông Đồ**

**I/ Mở bài**

- Khái quát về tác giả Vũ Đình Liên, một nhà thơ nổi bật với thiên hướng văn chương mang nặng nỗi tiếc thương và sự hoài niệm quá khứ

- Giới thiệu bài thơ Ông đồ: Một trong những bài thơ bình dị mà cảm động, nhìn vào đó, mỗi người sẽ có cảm giác “sám hối...với lớp người đang đi về cõi chết”- ông đồ

**II/ Thân bài**

**1. Hình ảnh ông đồ thời Nho học thịnh hành**

- Thời gian: Mùa xuân với hoa đào nở

- Hành động: bày mực tàu, giấy đỏ - công cụ chủ yếu của các nhà nho

- Địa điểm: Bên phố đông người ⇒ sự đông vui, náo nhiệt lúc xuân về

⇒ Hình ảnh gần gũi, quen thuộc trong mỗi dịp tết đến xuân về thưở xưa

- “Bao nhiêu người thuê viết....khen tài”: Sự thịnh thế của Hán học, các nhà Nho khẳng định vị trí của mình trong lòng người, đó là những con người được ngưỡng mộ vì tài năng, học vấn

⇒ Góp phần không nhỏ khắc gợi không khí náo nhiệt truyền thống, nét văn hòa không thể bỏ qua của mùa xuân trong tâm thức cổ truyền của dân tộc

⇒ Nhịp thơ nhanh ⇒ giữa không khí náo nức, ông đồ như một người nghệ sĩ, mang hết tài năng của mình hiến cho cuộc đời

**2. Hình ảnh ông đồ khi Nho học lụi tàn**

- “Nhưng mỗi năm mỗi vắng”: từ “nhưng” tạo bước ngoặt trong cảm xúc người đọc, sự suy vi ngày càng rõ nét, người ta có thể cảm nhận một cách rõ ràng, day dứt nhất

- “Người thuê viết nay đâu?”: câu hỏi thời thế, cũng là câu hỏi tự vấn

⇒ Sự đối lập của khung cảnh với 2 khổ đầu ⇒ nỗi niềm day dứt, vẫn ông đồ xưa, vẫn tài năng ấy xuất hiện nhưng không cần ai thuê viết, ngợi khen

- “Giấy đỏ ...nghiên sầu”: Hình ảnh nhân hoá, giấy bẽ bàng sầu tủi, mực buồn động trong nghiên hay chính tâm tình của người nghệ sĩ buồn đọng, không thể tan biến được

- “Lá bàng...mưa bị bay”: Tả cảnh ngụ tình: nỗi lòng của ông đồ. Đây là hai câu thơ đặc sắc nhất của bài thơ. Lá vàng rơi gợi sự cô đơn, tàn tạ, buồn bã, mưa bụi bay gợi sự ảm đạm, lạnh lẽo ⇒ tâm trạng con người u buồn, cô đơn, tủi phận

**3. Tình cảm của nhà thơ:**

- Thời gian: Mùa xuân với hoa đào nở (lại: sự lặp lại tuần hoàn của cảnh thiên nhiên)

- Hình ảnh: “Không thấy”, phủ nhận sự có mặt của một người đã từng trở thành niềm ngưỡng vọng

⇒ Kết cấu đầu cuối tương ứng làm nổi bật chủ đề bài thơ

- “Những người muôn năm cũ...bây giờ?”: Câu hỏi đặt ra dường như không phải để tìm một câu trả lời, đó như một niềm than thân, thương phận mình.

⇒ Câu hỏi tu từ nhằm bộc lộ niềm tiếc thương, day dứt hết sức chân thành của tác giả trước sự suy vi của Nho học đương thời

**III/ Kết bài**

- Khái quát giá trị nội dung, nghệ thuật của bài thơ: Khắc họa thành công hình ảnh ông đồ và câu chuyện về cuộc đời của người nghệ sị Nho học với kết cấu chặt chẽ, ngôn từ gợi cảm...

- Liên hệ bài học hiện nay: Giữ gìn những giá trị tốt đẹp của văn hóa truyền thống

**1.Phân tích bài thơ ông đồ của Vũ Đình Liên.**

1. *Mở bài*.

- Vũ Đình Liên là thi sĩ của trào lưu *thơ mới* giai đoạn 1930 – 1945.

- Nội dung bài thơ *ông đồ* kể về một ông đồ già viết thuê chữ Hán bên lề đường mỗi độ tết đến, xuân về. Dần dần, cả ông đồ và những nét chữ đẹp đẽ, bay bướm của ông bị chìm vào sự lãng quên của người đời, để lại niềm nuối tiếc, thương cảm không nguôitrong lòng nhà thơ.

2. *Thân bài*.

\* Hình ảnh ông đồ già trong những năm đắt khách.

- Hiện lên trong tâm tưởng của nhà thơ.

**+** Ông đồ xuất hiện cùng với hoa đào nở báo hiệu mùa xuân sang: *Mỗi năm….lại* *thấy*… có nghĩa là điều đó đã thành quy luật.

+ *Ông đồ già* làm công việc viết thuê:

Bày mực tàu giấy đỏ

Bên phố đông người qua.

Có sự tương phản giữa giá trị của chữ nghĩa thánh hiền ( vốn chỉ ở nơi trang trọng,tôn nghiêm) với chốn phố phường bụi bặm, tầm thường. Câu thơ hàm ý đạo nho đã đến lúc suy tàn, ông đồ già giờ đây phải bán chữ để kiếm sống qua ngày.

- Nhiều người còn biết quý trọng chữ Hán thuê ông đồ viết và *tấm tắc* khen chữ ông đẹp như *phượng múa rồng bay*. Ông đồ vui vì còn được trân trọng và an ủi.

\* Hình ảnh ông đồ già trong những năm vắng khách.

- Buổi giao thời, tâm lí nhiều người hướng tới cái mới, quay lưng với cái cũ, trong đó có đạo nho. Số khách thuê viết chữ Hán *mỗi năm mỗi vắng*. niềm vui của ông đò già lụi tắt dần và cách kiếm sống của ông càng ngày càng khó. Thủ pháp ngghệ thuật nhân hoá

Giấy đỏ buồn không thắm

Mực đọng trong nghiên sầu

đã thể hiện nỗi buồn sâu sắc , thấm thía của ông đồ già và nâng hai câu thơ lên mức tuyệt bút, làm rung động hồn người.

- Hình ảnh ông đồ già tội nghiệp ngồi bó ngối lặng im giữa trời *mưa bụi bay*, trước mặt là *lá vàng rơi trên giấy* có khả năng gợi sự liên tưởng rất lớn. Ông đồ già chỉ còn là chững tích của một thời tàn, hoàn toàn bị lãng quên giữa dòng đời xuôi ngược.

Ông đồ vẫn ngồi đấy

Qua đường không ai hay

\* Hình ảnh ông đồ trong sự hoài niệm, nuối tiếc của nhà thơ.

- Quy luật thiên nhiên vẫn lặp lại đều đặn: *Năm nay đào lại nở.*

- Quy luật xuất hiện của ông đồ không còn nữa: *Không thấy ông đồ xưa.*

- Có thể *ông đồ* đã thành người *muôn năm cũ*, giống như cả thế hệ nho học của ông đã thực sự bị đẩy lùi vào quá khứ. Nhà thơ thương xót, ngậm ngùi và luyến tiếc vẻ đẹp một thời của họ.

3. Kết bài.

- Bài thơ *ông đồ* ngắn gọn, hàm súc, đặt ra cho người đọc nhiều vấn đề cầm suy ngẫm về nhân tình thế thái.

- Ngôn ngữ thơ tự nhiên, giản dị, tinh tế, cổ điển.

- Hình tượng nhân vật có sức biểu cảm cao, lối nhân hoá, tượng trương sắc sảo tạo cho bài thơ một vể đẹp nghệ thuật độc đáo.

- Bài thơ khẳng định tên tuổi của Vũ Đình Liên trên thi đàn Việt Nam đầu thế kỉ XX.

**2. Cảm nhận của em về bài thơ cùng tên của Vũ Đình Liên**

-Tác giả phác hoạ hình ảnh Ông Đồ đI từ thời quá khứ đến hiện tại, từ còn đến mất, từ thời khắc hoàn kim cho đến khi chỉ còn vang bóng.

-Hình ảnh Ông Đồ thời quá khứ, thời điểm còn, thời khắc hoàng kim ( nho học đang chiếm vị thế quan trọng trong đời sống.

-Từ không khí vui tươI của ngày tết, hình ảnh Ông Đồ bày mực tàu giấy đỏ bên một góc phố đông để viết chữ là hình ảnh quen thuộc, không thể thiếu.Ông Đồ đã góp phần tạo nên đông vui của ngày tết bởi mọi người xúm xít thuê ông viết.Ông Đồ lúc này là vị trí trung tâm, mọi người đều tấm tắc khen tài, ngưỡng mộ truớc tài năng của Ông.

Thế rồi thời thế thay đổi, Nho học, Hán học lụi tàn.Ông Đồ vận động từ còn đến mất.

Ngày xuân trước, phố đông bao nhiêu người thuê viết 🠆 nay vắng.Ngày trước họ tấm tắc ngợi khen tài thì bây giờ họ qua đường không ai hay.Họ dửng dưng lạnh nhạt, Ông Đồ không còn là vị trí trung tâm nữa.Ông Đồ lạc lõng cô đơn, Ông bị người đời gạt ra bên lề của cuộc đời.

Nỗi buồn của Ông nó lan toả sang cả các vật vô tri vô giác ‘ giấy …sầu’ ( phân tích nghệ thuật nhân hoá)

Người buồn thì cảnh vật cũng buồn ‘ lá … bay’ ( phân tích nghệ thuật tả cảnh ngụ tình)

Cuối cùng hình ảnh Ông Đồ đã trở thành người thiên cổ.Mùa xuân đến hoa đào nở nhưng Ông Đồ không xuất hiện.Ông đã nhập vào những ngưòi muôn năm cũ.

⮆ Hình ảnh Ông Đồ cứ mờ dần, mờ dần rồi mất hút trên con đường vô tận của thời gian, hình ảnh Ông Đồ chính là di tích tiều tuỵ đáng thương của một thời tàn.

Tác giả thể hiện tình cảm chân thành thương cảm.

**3.Chứng minh rằng: Với bài thơ Ông đồ Vũ Đình Liên đã chạm được vào những rung cảm tâm linh của giống nòi nên nó còn tha thiết mãi**

**Gợi ý**

Trước kia, vào những ngày Tết, trên bàn thờ tổtiên, bên cạnh cặp bánh chưng, mâm ngũ quả là đôi câu đối Tết. Bởi chính vậy, những ông đồ già trên vỉa hè, phố xá rất đông khách thuê viết. Hình ảnh ông đồ đội khăn xếp, mặc áo the viết câu đối đã khắc ghi vào sâu trong tâm trí nhà thơ Vũ Đình Liên.Với bài thơ "Ông đồ", Vũ Đình Liên đã chạm được vào những dung cảm tâm linh của giống nòi nên nó còn tha thiết mãi đến những thế hệ sau này.

Nhà thơ viết lên bài với một tấm lòng yêu thương, trân trọng, ngợi ca những tài năng, sự đóng góp của những lớp người đi trước với nền văn hoá của dân tộc. Nhà thơ đã làm như vậy khi viết bốn câu thơ đầu:

*"Mỗi năm hoa đào nở*

*Lại thấy ông đồ già*

*Bày mực tàu giấy đỏ*

*Bên phố đông người qua."*

"Một thời vang bóng" của lớp người đã được xã hội trọng vọng, lúc mà nền tảng Hán học đang có một địa vị vững chắc. Gắn liền với sự hưng trịnh đó là hình ảnh những ông đồ giữa phố phường đông vui đầy sắc màu. Màu thắm của hoa đào, màu đỏ của giấy, màu đen nhánh của mực tầu và mái tóc hoa râm của ông đồ.Tất cả đã hài hoà, quyện với nhau thành một tác phẩm tranh lộng lẫy, ngoạn mục giữa phố xá tấp nập. Một vẻ đẹp sao vui tươi quá vậy!

Đây mới là những hình ảnh thoáng qua như gió xuân hây hẩy nhưng cũng đã đủ để gợi lên cái gì đó thật quen trong lòng người.

Ở khổ tiếp theo, hình ảnh ông đồ vẫn không phai nhạt:

*"Bao nhiêu người thuê viết*

*Tấm tắc ngợi khen tài*

*Hoa tay thao những nét*

*Như phượng múa rồng bay."*

Quả thực, đến lúc này, tài năng của ông đồ đã được phô bầy trong không khí phố phường, lúc này mọi người chú ý và trân trọng tài năng đó. Cái tài năng "Phượng múa rồng bay" của ông đồ dưới một bàn tay đầy khéo léo nghệ thuật đã làm rạng danh cho nên Hán học. Những con người đi trước với nền văn hoá dân tộc. Những câu chữ thánh hiền ông viết đã tặng cho mọi người về làm quà đón xuân, trang trí ngôi nhà ấm cúng, tình cảm gia đình thật ấm áp hơn.

Thật đáng buồn biết bao, một truyền thống đẹp của dân tộc đã bị mai một đi, một hình ảnh đầy sắc màu mùa xuân đã dần mất đi khi nền văn hoá phương Tây du nhập vào nước ta.Người ta quên lãng đi câu đối tết và thay vào đó những bức tranh màu sắc rất sặc sỡ.

*"Nhưng mỗi năm mỗi vắng*

*Người thuê viết nay đâu?*

*Giấy đỏ buồn không thắm*

*Mực đọng trong nghiên sầu."*

Độc giả đã hụt hẫng, cảm xúc tươi vui đã bị mất đi khi đọc khổ thơ này.

Trước sự tàn tạ, ra đi của ông đồ và lớp người xưa cũ, lòng thương người của nhà thơ Vũ Đình

Liên được biểu hiện ở sự cảm thông, nỗi xót xa và niềm tiếc nuối khôn nguôi.Ở 2 câu thơ:

*Nhưng mỗi năm mỗi vắng*

*Người thuê viết nay đâu?*

Ta như thấy nhà thơ bâng khuâng đi tìm lại bóng dáng của lớp người xưa cũ. Giọng thơ xót xa khi những con người tài hoa đã bị đẩy ra ngoài lề đường. Trong bối cảnh ấy, tình cảnh ông đồ dần trở nên buồn chán. Người thuê viết giảm đi theo thời gian và năm tháng "mỗi năm mỗi vắng”. Hình ảnh ông đồ giữa đường phố đông vui chỉ còn là một thứ bóng mờ xa xôi. Nỗi xót thương của nhà thơ được bộc lộ rõ nét khi ông đồ và lớp người xưa cũ dần mất đi:

*"Giấy đỏ buồn không thắm*

*Mực đọng trong nghiên sầu."*

Người buồn, nên những vật dụng từng gắn bó thân thiệt với ông cũng sầu đạm theo: giấy không đỏ như xưa, mực trong nghiên cũng sầu não theo. Có lẽ, giấy, nghiên mực không có tâm trạng, nhưng cái bi kịch tâm trạng của giấy, mực mà nhà thơ Vũ Đình Liên nhìn thấy chính là những nỗi xót xa, bẽ bàng của ông đồ nói riêng và lớp người xưa cũ nói chung. Nỗi buồn ấy không chỉ thấm vào phương tiện mưu sinh mà còn thấm đẫm vào cảnh vật thiên nhiên, cảnh vật đã làm cho không gian thêm hiu quạnh và hoang vắng.

*"Ổng đồ vẫn ngồi đấy*

*Qua đường không ai hay*

*Lá vàng rơi trên giấy*

*Ngoài trời mưa bụi bay."*

Cho dù, ông đồ vẫn ngồi đấy nhưng đã bị mọi người quên lãng.Ông chỉ còn là một di tích tiều tuy đáng thương của "một thời tàn".Và có lẽ từ đó, ông vĩnh viễn vắng bóng.Đấy âu cũng là sự dĩ nhiên, phũ phàng.Một Tết nào đó, khi hoa đào lại nở, người đời đã thảng thốt nhận ra sự vắng bóng của ông đồ trước cảnh nhộn nhịp của chốn phố phường. Một tiếng gọi tha thiết vang lên:

*"Năm nay đào lại nở*

*Không thấy ông đồ xưa*

*Những người muôn năm cũ*

*Hồn ở đâu bây giờ?"*

* hai khổ thơ đầu gợi lên cho độc giả niềm phấn chấn, tươi vui thì ba khổ thơ sau là một hình ảnh buồn bã, xót thương, sắc màu cũng phai nhạt theo. Giờ đây, ông đồ và lớp người xưa cũ đã trở nên vô nghĩa giữa cuộc đời. Bài thơ khép lại bằng những hình ảnh, câu thơ mang nặng nỗi buồn tha thiết của tác giả Vũ Đình Liên.

Đọc bài thơ "Ông đồ" xong, ta thấy Vũ Đình Liên đã diễn tả được tình yêu thương con người sâu sắc trước số phận hẩm hiu của ông đồ, nhưng nó đẹp biết bao. Bài thơ còn thể hiện một tâm hồn cao cả và nhân hậu, một con người rất giàu tình yêu thương sâu đậm, ngợi ca những tài năng của người xưa và khuyên răn chúng ta hãy sống để giữ gìn và phát huy những tinh hoa văn hoá của dân tộc. Nền văn hoá đó xứng với một tầm cao mới.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**RÈN HS CÁCH CÁCH NGHỊ LUẬN VỀ TÁC PHẨM THƠ**

**TÁC PHẨM ÔNG ĐỒ**

**BT1.**

1.Vài nét về tác giả

Vũ **Đình Liên** (1913 - 1996) quê ở Hà Nội, là một trong những nhà thơ lớp đầu tiên của phong trào Thơ mới. Thơ ông thường mang nặng lòng thương người và niềm hoài cổ. Ngoài sáng tác thơ, ông còn nghiên cứu, dịch thuật, giảng dạy văn học.

**1.Ông dồ** là bài thơ tiêu biểu nhất cho hồn thơ giàu thương cảm của Vũ Đình Liên. Tuy sáng tác thơ không nhiều nhưng chỉ với bài thơ **Ong dô,** Vũ Đình Liên đã có vị trí xứng đáng trong phong trào Thơ mới.

Bài thơ được viết theo thể thơ năm chữ, gieo vần gián cách, vần bằng vần trắc xen kẽ đều đặn. Bài thơ gồm 5 khổ, mỗi khổ 4 câu:

* Khổ 1-2: hình ảnh ông đồ thời “vàng son” của Nho học.
* Khổ 3-4: hình ảnh ông đồ lúc Nho học đã suy tàn.
* Khổ 5: sự vắng bóng của ông đồ và niềm bâng khuâng tiếc nhớ của nhà thơ.

**A.Đọc - Hiểu văn bản**

**Mở bài: Các em tự làm theo công thức đã hướng dẫn**

**Luận điểm 1: Mở đầu bài thơ là hình ảnh ông đồ thời hoàng kim.**

Mỗi năm hoa đào nở

Lại thấy ông đồ già

Bày mực tàu giấy đỏ

Bên phố đông người qua

**Phân tích nghệ thuật** 🡆Bằng giọng thơ tự sự kết hợp với miêu tả và biểu cảm, nhà thơ gợi lại một hình ảnh đã trở thành thân quen trong đời sống văn hoá tinh thần của người Việt Nam. Hình ảnh hoán dụ hoa đào nở báo hiệu Tết đến xuân về, lại thấy ông đồ già bày mực tàu giấy đỏ bên hè phố đông người qua lại. Theo phong tục, khi Tết đến, người ta sắm câu đôì hoặc một đôi chữ nho viết trên giây điều dán lên vách, lên cột, vừa để trang hoàng nhà cửa ngày Tết, vừa gửi gắm lời cầu chúc tốt lành.

Bao nhiêu người thuê viết

Tấm tắc ngợi khen tài

Hoa tay thảo những nét

Như phượng múa rồng bay

**Nhận xét, đánh giá** 🡆Sự có mặt của ông đã thu hút sự chú ý của mọi người, ông chính là trung tâm của sự kính nể và ngưỡng mộ. Khi đó, ông đồ được người ta tìm đến, và ông có dịp trổ tài. Ông đồ trong bài thơ được “bao nhiêu người thuê viết”. Trong không khí rộn rã, tưng bừng của ngày Tết, trong sắc màu tươi thắm của hoa đào, hình ảnh ông đồ với sắc màu rực rỡ của mực tàu và giấy đỏ đã thu hút bao người xúm đến. Hình ảnh ông đồ vừa hài hòa, vừa nổi bật giữa không khí của phố xá ngày Tết. Người ta xúm xít quanh ông không chỉ vì cần thuê viết chừ, mà còn để thưởng thức tài viết chữ đẹp của ông. Mọi người tấm tắc ngợi khen tài ông, khen ông có hoa tay, khen nét chữ của ông như phượng múa rồng bay. Mọi người nhìn ông bằng ánh mắt thán phục, ngưỡng mộ. Đó là thời kì “vàng son” của ông đồ.

**Nhận xét, đánh giá, bình luận** 🡆 Người đọc nhận ra đàng sau mỗi câu thơ là cả một sự thán phục, ngưỡng mộ trước tài năng của ông đồ và đó cũng là nét đẹp, thú vui tao nhã của nền văn hóa xa xưa. **Phân tích từ ngữ** 🡆 “Mỗi năm” “lại thấy” như một quy luật, một mốc thời gian gần như cố định. Nghĩa là không cần hẹn nhưng cứ tết đến xuân vsề là ông đồ xuất hiện bên góc phố

**Luận điểm 2: Đến khổ Trong khổ 3 và khổ 4, vẫn hiện lên hình ảnh ông đồ với mực tàu, giấy đỏ bên hè phố ngày Tết, nhưng tat cả đã khác xưa.**

Nhưng mỗi năm mỗi vắng

Người thuê viết nay đâu?

**Phân tích từ ngữ** 🡆Từ “nhưng” đặt ngay ở dòng thơ tiếp theo như tạo ra một bước ngoặt có phần cay đắng, tủi thân của sự nghiệp ông đồ. “mỗi năm mỗi vắng” nghĩa là hình nhr phố xá đông vui, nhộn nhịp vẫn còn, tết đến xuân về vẫn như xư nhưng người tìm đến ông đồ cứ vắng dần vắng dần theo thời gian. Giọng thơ như chùng xuống, nhịp thơ cũng chậm lại như diễn tả đúng cái sự đổi thay kia. **Nhận xét, đánh giá** 🡆 Cái câu hỏi tu từ kia như xoáy sâu vào tâm can người đọc bao thế hệ. Người thuê viết nay đâu? Có phải nét chữ ông đồ không còn như phượng múa rồng bay nữa hay có sự đổi thay nào khác lớn hơn. Câu thơ không chỉ hỏi mà còn thể hiện một cảm xúc luyến tiếc khi một nét đẹp vắn hóa truyền thống đã lụi tàn khi nền văn hóa phương Tay du nhập. Nỗi buồn tủi thấm cả vào những vật vô tri vô giác:

Giấy đỏ buồn không thắm

Mực đọng trong nghiên sầu

**Phân tích từ ngữ, hình ảnh** 🡆Giấy đỏ và mực là nguyên liệu làm nên nét vẽ tài hoa “phượng múa rồng bay” thế nhưng giờ đây vẫn đỏ mà không thắm lên được - vì chẳng ai đụng đên - nên trở thành vô duyên, bẽ bàng. Nghiên mực không hề được chiêc bút lông chấm vào, nên mực đọng lại bao sầu tủi, nghiên trở thành nghiên sầu.**Phân tích nghệ thuật** 🡆Các từ buồn, sầu như thổi hồn vào sự vật cùng với phép nhân hóa đã khiến cho giấy đỏ, mực tàu vốn vo tri bỗng trở nên có hồn có suy nghĩ như con người. Nỗi buồn đó của ông đồ không chỉ thấm vào những đồ dùng mưu sinh hằng ngày mà cảm xúc đó của ông còn lan ra khung cảnh thiên nhiên, cảnh vật khiến không gian trở nên thật đìu hiu, xót xa:

**Luận điểm 3: Nếu như khổ thơ trên miêu tả khách vắng dần, ông đò lạnh lẽo thì đến đây, ông đồ trở nên mất hút trong mắt mỗi người.Phân tích từ ngữ** 🡆 “Mỗi năm mỗi vắng”, tức là dù ít ỏi nhưng vẫn còn người thuê viêt, vẫn còn người biết đến ông. Nhưng rồi cuối cùng cũng đến lúc:

Ồng đồ vẫn ngồi đấy

Qua đường không ai hay

**Đánh giá nghệ thuật** 🡆Có sự đôì lập đầy xót xa giữa cái không thay đổi và cái đã đổi thay. Ông đồ vẫn ngồi đấy như xưa, không có gì thay đổi, nhưng cuộc đời đã khác xưa. Đường phố vẫn đông người qua lại, nhưng “qua đường không ai hay”, không một ai biết đến sự có mặt của ông. Một sự lãng quên tuyệt đối! ông đồ vẫn kiên trì cố bám lấy sự sống, vẫn muốn có mặt trong cuộc đời, nhưng cuộc đời đã quên hẳn ông! Lạc lõng giữa cuộc đời, lẻ loi giữa phố đông, đó là một nỗi niềm đầy bi kịch. **Bình luận**🡆 “không ai hay” hay chính là lòng người đã đổi? Người ta không thây ông hay chính là một sự lãng quên một net đẹp truyền thống. Câu thơ vừa miêu tả, tự sự nhưng vừa bày tỏ cảm xúc đau đớn, u sầu biết bao. Vũ Đình Liên như thấy hết cả nỗi sầu của ông đồ và cả nỗi sầu của chính cảnh vật. Lòng ông trống vắng, sụp đổ nên trời đất cũng lạnh lẽo, thê lương:

Lá vàng rơi trên giấy

Ngoài giời mưa bụi bay

**Bình luận** 🡆Hai câu thơ tả cảnh nhưng chính là tả nỗi lòng, là ngoại cảnh nhưng kì thực là tâm cảnh. Trong thơ gọi đó là phép mượn cảnh ngụ tình. Đây là hai câu thơ giàu tính tạo hình, đặc săc nhât trong cả bài thơ. Trước mắt người đọc hiện lên hình ảnh ông đồ ngồi bó gôi bên vỉa hè. Lá vàng rơi trên giấy đỏ, không buồn nhặt. Mắt ngơ ngác, buồn rầu nhìn ra màn mưa bụi mịt mờ. Cảnh ngày Tết, nhưng lại không thây có hoa đào - bởi ông đồ nào có biết Tết! Chỉ thây lá vàng và mưa bụi, những hình ảnh mang theo nỗi niềm của lòng người. Lá vàng rơi bao giờ cũhg gợi lên cảm giác buồn bã, tàn tạ - cũng như vận ông đồ đã đến lúc tàn suy. Mưa bụi nhẹ bay lât phâ't đầy trời gợi lên một không gian mịt mờ, ảm đạm - như chính sô phận của ông đồ.

**Luận điểm 1: ở khổ cuối cùng, không còn thây hình ảnh ông đồ.**I

Năm nay đào lại nở

Không thấy ông dồ xưa

Đã bao nhiêu năm, sự xuất hiện của ông đồ luôn gắn với hình ảnh hoa đào ngày Têt. Năm nay, hoa đào lại nở, nhưng không còn thây ông đồ xưa. Cái còn gợi nhớ về cái mất, tạo nên cảm giác hụt hẫng, chơi vơi. Rõ ràng là hình ảnh ông đồ cứ mất hút dần, mất hút dần vào dĩ vàng. **Bình luận**🡆Từ chỗ “mỗi năm mỗi vắng” đến “qua đường không ai hay” và rồi “không thấy ông đồ xưa” Hai câu thơ buộc người đọc nhớ lại mở đầu bài thơ “Mỗi năm hoa đào nở - Lại thây ông đồ già”. **Nhận xét, đánh giá** 🡆Kiểu kết cấu đầu cuối tương ứng như vậy có tác dụng làm nổi bật chủ đề của bài thơ. Ta gặp lại nỗi buồn “cảnh ấy, người đâu” trong thơ Thôi Hộ đời Đường:

Trước sau nào thấy bóng người

Hoa đào năm ngoái còn cười gió đông

**Bình luận**🡆Cảnh cũ còn đó, người xưa đã vắng xa. Bài thơ khép lại bằng một câu hỏi đầy bâng khuâng tiếc nhớ, trực tiếp bày tỏ tâm tư của nhà thơ:

Những người muôn năm củ ..

Hồn ở đâu bây giờ?

Những chữ “xưa”, “muôn năm cũ” khơi sâu vào nỗi xa vắng, ngậm ngùi. Từ sự vắng bóng “ông đồ xưa”, nhà thơ bâng khuâng, xót xa nghĩ đến “những người muôn năm cũ”, nghĩ đên bao thê hệ nhà nho đã bị vùi sâu vào quên lãng trong buổi Nho học suy tàn. Trong tâm sự của nhà thơ, có niềm cảm thương chân thành trước những số phận hẩm hiu, bất hạnh; có niềm hoài cổ ngưỡng mộ và tiếc nhớ một nét đẹp văn hoá trong quá khứ. Không phải nhà thơ bảo thủ đến mức cứ khư khư với mực tàu giấy đỏ, điều chủ yếu là nhà thơ biết gắn bó và trân trọng một lớp người tài hoa đáng kính, một nét đẹp văn hoá đã ăn sâu vào tiềm thức của bao thế hệ người Việt. Đó là một tình cảm, môt thái độ giàu chất nhân văn. Đặt bài thơ vào hoàn cảnh mất nước, câu hỏi “Hồn ở đâu bây giờ?” còn làm day dứt biết bao trái tim Việt Nam yêu nước và yêu văn hoá dan tọc.

Bằng những câu thơ năm chữ bình dị mà cô đọng, gợi cảm, Sử dụng thành công các hình ảnh nhân hóa, ẩn dụ...bài thơ **Ông dồ** đã thể hiện sâu sắc tình cảnh đáng thương của ông đồ, qua đó toát lèn niềm cảm thương chân thành trước một lớp người đang tàn tạ và nỗi nhớ da diết của tác giả đối với cảnh cũ người xưa. Đã hơn nửa thế kỉ trôi qua nhưng mỗi lần đọc lại bài thơ ông đồ người đọc vẫn không khỏi bâng khuâng xoa xuyến, ngậm ngùi tiếc thương về một t hời xưa cũ nhưng đậm chất văn hóa của người Việt. Xin cảm ơn nhà t hơ Vũ ĐÌnh Liên đã cho thế hệ chúng ta một thước phim cũ nhưng hồn vẫn mãi mãi xanh tươi.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**BT2.**

**Đọc bài thơ Ông đồ của Vũ Đình Liên, ông Vũ Quần Phương đã nhận xét: “Văn tả thật ít lời mà cảnh hiện ra như vẽ, không chỉ bóng dáng ông đồ mà cả cái tiêu điều của xã hội qua mắt ông đồ”. Phân tích bài thơ để chứng minh ý kiến trên**

**Gợi ý**

Trong phong trào Thơ mới 1932 - 1945, bên cạnh những vần thơ tình say mê rạo rực, bên cạnh những cái mới, cái “tân thời”... vẫn còn những nỗi niềm hoài cổ thê thiết xót xa. Người đọc bắt gặp những tứ thơ như thế trong bài thơ “Ông đồ” của Vũ Đình Liên. Khi đọc bài thơ này, Vũ Quần Phương đã nhận xét: “Văn tả thật ít lời mà cảnh hiện ra như vẽ, không chỉ bóng dáng ông đồ mà cả cái tiêu điều của xã hội qua mắt ông đồ”.

“Ông đồ” là những ai?Họ vốn là những thầy giáo mẫu mực, uyên thâm của chế độ cũ.Thuở đắc thế, họ được người đời trọng vọng, tôn kính. Ngày lễ tết hằng năm, người đời đến với họ không chỉ để bày tỏ tấm lòng thành mà còn để cung kính xin lấy những nét chữ “Tâm”, “Đức”, “Thọ”, “Lộc”,... vuông vắn, đầy đặn: cái chữ vừa thể hiện cái tài, vừa thể hiện cái tâm của người cầm bút.

Nhưng thời thế thay đổi, khi nền văn hóa phương Tây tràn vào nước ta rồi dần chiếm lĩnh vị trí độc tôn trong sự học thì những ông đồ dần vắng bóng. Cái tài, cái tâm của họ chỉ còn được thể hiện qua con chữ được bày bán bên đường. Cảm với nỗi xót xa, bẽ bàng của “một lớp người tàn” ấy, Vũ Đình Liên viết nên một “ông đồ” làm rung động lòng người.

Bài thơ là một thành công lớn của Vũ Đình Liên nói riêng và đối với Thơ mới nói chung. Bài thơ được viết theo thể năm chữ, vẻn vẹn năm khổ hai mươi câu nhưng đã làm sống lại hình ảnh ông đồ những năm đầu thế kỉ hai mươi và cả cái thời đại tiêu điều khi ấy. Bởi vậy, Vũ Quần Phương hẳn rất thấm thía bài thơ khi nhận xét rằng: “Văn tả thật ít lời mà cảnh hiện ra như vẽ, không chỉ bóng dáng ông đồ mà cả cái tiêu điều của xã hội qua mắt ông đồ”.

*"Mỗi năm hoa đào nở*

*Lại thấy ông đồ già*

*Bày mực tàu giấy đỏ*

*Bên phố đông người qua."*

“Mỗi năm... lại thấy”, hai cụm từ này cho thấy hình ảnh ông đồ đã trở nên quá quen thuộc.Cùng với màu thắm của hoa đào, màu đỏ của giấy, màu đen nhánh của mực tàu và sự đông vui tấp nập của phố phường, hình ảnh ông đồ đã trở nên không thể thiếu trong khung cảnh mùa xuân.

* khổ thơ tiếp theo, hình ảnh ông đồ đã trở thành trung tâm để mọi người chiêm ngưỡng và ngợi ca:

*"Bao nhiêu người thuê viết*

*Tấm tắc ngợi khen tài*

*Hoa tay thảo những nét*

*Như phượng múa rồng bay."*

Từ “bao nhiêu” cho biết ông đồ đang được người đời trọng vọng, cần nhờ vả đến. Với tài năng của ông họ “Tâm tắc ngợi khen tài”, ba phụ âm “t” cùng xuất hiện trong một câu thơ như tràng pháo tay giòn giã để ngợi khen sự tài hoa của ông đồ. Cái tài năng "Phượng múa rồng bay" của ông đồ dưới một bàn tay đầy khéo léo nghệ thuật đã làm rạng danh cho nền Hán học. Cái tài ấy của ông đã được tặng cho mọi người về làm quà đón xuân, trang trí ngôi nhà ấm cúng tình cảm gia đình thật ấm áp hơn.

Nhưng dẫn sao, trong tiếng cười vui vẫn không sao giấu được nỗi ngậm ngùi. Chữ Nho vốn được coi là chữ “Thánh hiền”, chữ Nho ông đồ viết là sự tụ hội của cái tài và cả cái tâm người cầm bút. Nhưng giờ đây, những giá trị thiêng liêng ấy đã bị xô dạt đến bên đường phố để làm thứ cho “thuê”. Chỉ một chữ ấy thôi mà đã thấy băn khoăn, thoảng buồn biết mấy.

Thật đáng buồn biết bao, một truyền thống đẹp của dân tộc đã bị mai một đi, một hình ảnh đầy sắc màu mùa xuân đã dần mất đi khi nền văn hoá phương Tây du nhập vào nước ta. Rồi đã đến lúc người ta quên lãng đi câu đối tết để ngày Tết thưa thớt, thiếu vắng đi những bóng hình quen thuộc:

*"Nhưng mỗi năm mỗi vắng*

*Người thuê viết nay đâu?*

*Giấy đỏ buồn không thắm*

*Mực đọng trong nghiên sầu."*

Cũng là “mỗi năm” nhưng lại thêm từ “mỗi” và lại đứng sau chữ “nhưng” - con chữ thường làm đảo lộn mọi trật tự quen thuộc. Vũ Đình Liên đã phác họa một cảnh tượng đầy xót xa vẫn trên nền hoa đào, ông đồ ngồi ủ rũ, thấp thoáng những bóng người xa dần. Giá như có một sự đột biến nào đó khiến người ta không thích chữ ông nữa thì là một lẽ, đằng này những người đến với ông đồ cứ vơi dần đi, lòng người với thư pháp cũng đã nhạt đi nhiều lắm. Họa chăng có ai còn nghĩ đến ông cũng chỉ bởi lòng thương hại đó thôi. Các thủ pháp nhân hoá được sử dụng liên tiếp “giấy đỏ buồn”, “mực đọng”, “nghiên sầu” chỉ tô đậm thêm nỗi thất vọng của ông đồ. Người buồn, nên những vật dụng từng gắn bó thân thiết với ông cũng sầu đạm theo: giấy không đỏ như xưa, mực trong nghiên cũng sầu não. Có lẽ, giấy, nghiên mực không có tâm trạng, nhưng cái bi kịch tâm trạng của giấy, mực cũng chính nhà thơ Vũ Đình Liên cũng không thể nhìn thấy nỗi xót xa, bẽ bàng của ông đồ nói riêng và lớp người xưa cũ nói chung. Nỗi buồn ấy không chỉ thấm vào phương tiện mưu sinh mà còn thấm đẫm vào cảnh vật thiên nhiên, cảnh vật đã làm cho không gian thêm hiu quạnh và hoang vắng.

*"Ông đồ vẫn ngồi đấy*

*Qua đường không ai hay*

*Lá vàng rơi trên giấy*

*Ngoài trời mưa bụi bay."*

Cho dù, ông đồ vẫn ngồi đấy nhưng đã bị mọi người quên lãng.Ông chỉ còn là một di tích tiều tụy đáng thương của "một thời tàn".Và có lẽ từ đó, ông vĩnh viễn vắng bóng.Có lẽ lúc bấy giờ trên thế gian này chỉ còn lại mỗi nhà thơ là có thể cảm thông được với nỗi buồn của ông đồ.Chỉ cảm thông thôi chứ nỗi buồn ấy lớn quá làm sao chia sẻ nổi. Sự cách biệt của tuổi tác, và nhất là của hai nền văn hóa khác nhau khiến cho nhà thơ chỉ biết đứng xa xa nhìn ông đồ mà thương cảm. Và kì lạ thay là một chiếc lá vàng:

*Lá vàng rơi trên giấy*

*Ngoài trời mưa bụi bay*

Mưa bụi thì rõ, vì đang là tiết xuân. Nhưng sao lại có một chiếc lá vàng đơn độc? Đây chắc không phải là dấu vết của mùa đông mà chỉ có thể lý giải như thế này: nước ta thuộc miền nhiệt đới, bốn mùa cây cối xanh tươi, vậy thì lá vàng cũng có thể rơi bất cứ lúc nào. Nếu đang vui, có lẽ không ai để ý đến chiếc lá vàng lặng lẽ rời cành khi đã hoàn thành sứ mệnh của nó.

Nhưng lúc buồn tâm hồn ta rất nhạy cảm, và lại càng nhạy cảm với nỗi buồn. Thì ra đã suốt một đời nuôi cây, khi rụng xuống chiếc lá vàng vẫn còn kịp gửi đến người đời một bứcthôngĐiệp…

đậu ngay trên trang giấy giờ đã trở nên vô tích sự, bằng chứng hiển nhiên cho nỗi buồn sâu nặng của ông đồ. Bây giờ thì có muốn đem lại những niềm vui dẫu thật nhỏ bé cho cuộc đời thì cũng không ai cần đến nữa.

Bức tranh thứ năm tương phản rõ rệt với bức tranh thứ nhất:

*Năm nay đào lại nở*

*Không thấy ông đồ xưa...*

Thông điệp mùa xuân đã gửi đến rồi. Nhà thơ theo thói quen lại ra phố ngắm cảnh cũ người xưa. Lẽ ra chẳng phải ngạc nhiên.Với tình cảnh như năm ngoái thì ông đồ không thể xuất hiện một lần nữa, không thể nuôi mãi hy vọng về một thời đã qua.Vậy mà trong tâm thức nhà thơ, hình ảnh ông đồ không thể thiếu trong bức tranh xuân của mình.Cho nên mới phải hẫng hụt.Ấn tượng sâu nặng quá khiến nhà thơ tưởng như ông đồ đã ra đi từ lâu lắm. Ông đã thành “ông đồ xưa”, thành người “muôn năm cũ” khiên, nhà thơ bật lên tiếng gọi:

*Những người muôn năm cũ*

*Hồn ở đâu bây giờ?*

Bài thơ tuy ngắn ngủi nhưng hàm súc, cô đọng và chứa đựng bao niềm đồng cảm, xót thương đối với những kiếp người tàn trong xã hội.Bài thơ quả đã dựng lên “bóng dáng ông đồ” và “cả cái tiêu điều của xã hội qua mắt ông đồ”.

Vũ Đình Liên đã dành cho số phận các ông đồ những tình cảm sâu sắc, xuất phát từ sự cảm thông rất đỗi chân thành.Đó không chỉ là sự cảm thông đối với một thế hệ bị lãng quên mà còn là nỗi xót xa trước một vẻ đẹp, một ngành nghệ thuật xưa cũ đã một đi không trở lại.

**BT3.TT**

**Phân tích bài thơ Ông đồ của Vũ Đình Liên**

**Gợi ý**

Trong những ngày Tết đến xuân về náo nức trên mọi nẻo đường, người yêu thơ lại khẽ lắng mình trong một nhịp thơ giản dị đầy nhân văn của nhà thơ Vũ Đình Liên: bài thơ "Ông đồ".

Bài thơ ra đời khi ông đồ đã trở thành cái di tích của một thời tàn. Nho học đã bị thất sủng, người ta đua nhau chạy theo thời đại với chữ Pháp chữ Tây.

Hai đoạn đầu bài thơ, tác giả giới thiệu những ngày huy hoàng của ông đồ:

*Bao nhiều người thuê viết*

*Tấm tắc ngợi khen tài*

*Hoa tay thảo những nét*

*Như phượng múa rồng bay.*

Những lời khen thật hào phóng, nhưng nghĩ kĩ đó chỉ là lời khen của những người ngoài giới bút nghiên. Đi viết câu đối thuê, bản thân việc ấy đã là nỗi lận đận, là bước thất thế của người theo nghiệp khoa bảng. Đỗ cao thành quan nghè, quan thám, đỗ thấp thì cũng ông cử, ông tú, chứ ông đồ là chưa đỗ đạt gì, công chưa thành, danh chưa toại, đành về quê dạy học, bốc thuốc, hay xem lí số ở nơi đô hội như có lần Tản Đà đã làm. Ngày tết, mài mực bán chữ ngoài vỉa hè chắc cũng là việc bất đắc dĩ của nho gia.Chữ thì cho chứ ai lại bán.Bán chữ là cái cực của kẻ sĩ ở mọi thời. Bà con yêu quý và cũng thán phục cái thứ chữ mà bà con không biết, hay chỉ võ vẽ, nên mới khen lao đến vậy. Lời khen này không mang lại vinh quang cho ông đồ, có thể ông còn tủi nữa, nhưng nó an ủi ông nhiều, nó là cái tình của người đời vào hồi vận mạt của ông. Tác giả giới thiệu: cùng với hoa đào, mỗi năm mới có một lần chứ nhiều nhặn gì đâu, giấy đỏ mực tàu, chữ nghĩa thánh hiền bày trên hè phố. Đừng nghĩ đến chuyện khoa bảng, hãy nghĩ trên cương vị người bán, thì đây là hai đoạn thơ vui vì nó nói được sự đắt hàng, ông đồ còn sống được, có thể tồn tại trong cái xã hội đang biến động này. Nhưng cuộc đời đã không như thế mãi, cái ý thích của người ta cũng thay đổi theo thời cuộc. Lớp người mới lớn không có liên hệ gì để mà quyến luyến cái thứ chữ tượng hình kia. Cái tài viết chân, thảo, triện, lệ của ông đồ chữ tốt kia, họ không cần biết đến:

: *Nhưng*.com *mỗi năm mỗi vắng*

*Người thuê viết nay đâu?*

*Giấy đỏ buồn không thắm*

*Mực đọng trong nghiên sầu...*

*Ông đồ vẫn ngồi đấy*

*Qua đường không ai hay*

*Lá vàng rơi trên giấy*

*Ngoài giời mưa bụi bay*

Ông đồ rơi vào tình cảnh một nghệ sĩ hết công chúng, một cô gái hết nhan sắc.*Còn duyênkẻ đón người đưa, Hết duyên đi sớm về trưa một mình.*Ông đồ vẫn ngồi đấy mà không ai hay.Cái hiện thực ngoài đời là thế và chỉ có thế, nó là sự ế hàng.Nhưng ở thơ, cùng với cái hiện thực ấy còn là nỗi lòng tác giả nên giấy đỏ như nhạt đi và nghiên mực hóa sầu tủi.Hay nhất là cộng hưởng vào nỗi sầu thảm này là cảnh mưa phùn gió bấc.Hiên thực trong thơ là hiện thực của nỗi lòng, nỗi lòng đang vui như những năm ông đồ "đắt khách" nào có thấy gió mưa.Gió thổi lá bay, lá vàng cuối mùa rơi trên mặt giấy, nó rơi và nằm tại đấy vì mặt giấy chưa được dùng đến, chẳng có nhu cầu gì phải nhặt cái lá ấy đi.Cái lá bất động trên cái chỗ không phải của nó cho thấy cả một dáng bó gối bất động của ông đồ ngồi nhìn *mưa bụi bay.* Văn tả thật ít lời mà cảnh hiện ra như vẽ, không chỉ bóng dáng ông đồ mà cả cái tiêu điều của xã hội qua mắt của ông đồ. Tác giả đã có những chi tiết thật đắt: nơi ông đồ là bút mực, nơi trời đất là gió mưa, nơi xã hội là sự thờ ơ không ai hay. Thể thơ năm chữ vốn có sức biểu hiện những chuyện dâu bể, hoài niệm, đã tỏ ra rất đắc địa, nhịp điệu, khơi gợi một nỗi buồn nhẹ mà thấm. Màn mưa bụi khép lại đoạn thơ thật ảm đạm, lạnh, buồn, vắng. Như vậy cũng chỉ với tám câu, bốn mươi chữ, đủ nói hết những bước chót của một thời tàn. Sự đối chiếu chi tiết ở đoạn này với đoạn trên: mực với mực, giấy với giấy, người với người, càng cho ta cái ấn tượng thảng thốt, xót xa của sự biến thiên.

Có một khoảng thời gian trôi qua, khoảng trống của đoạn thơ trước khi vào bốn câu kết:

*Năm nay đào lại nở*

*Không thấy ông đồ xưa*

*Những người muôn năm cũ*

*Hồn ở đâu bây giờ?*

*đào nở*để thấy quy luật cũ không còn đúng nữa.Ông đồ đã kiên nhẫn *vẫn ngồi đấy,* nhưng năm nay ông không còn kiên nhẫn được nữa:

*Không thấy ông đồ xưa.*Ông đã cố bám lấy xã hội hiện đại, lũ người hiện đại chúng ta đã nhìnthấy sự cố sức của ông, đã thấy ông chới với, nhưng chúng ta đã không làm gì, để đến bây giờ quay nhìn lại, mới biết ông đã bị buông rơi tự bao giờ. Bóng dáng ông đâu phải bóng dáng của một người, của một nghề, mà là dáng của cả một thời đại, bóng dáng kí ức của chính tâm hồn chúng ta.Đến bây giờ chúng ta mới thấy luyến tiếc, nhưng quá muộn rồi. Chúng ta hỏi nhau hay tự hỏi mình? Hỏi hay khấn khứa tưởng niệm, hay ân hận sám hối. Hai câu thơ hàm súc nhất của bài, chúng ta đọc ở đấy số phận của ông đồ và nhất là đọc được thái độ, tình cảm của cả một lớp người đối với những gì thuộc về dân tộc. Về ngữ pháp câu thơ này rất lạ, nhưng không ai thấy cộm: *Những người muôn năm cũ. Muôn năm,* thật ra chỉ là vài ba năm, nhưng nói muôn năm mới đúng, thời ông đồ đã xa lắc rồi, đã lẫn vào với những bút, những nghiên rất xa trong lịch sử.Chữ *muôn năm cũ* của câu trên dội xuống chữ bây giờ của câu dưới càng gợi bâng khuâng luyến nhớ.Câu thơ không phải là nỗi đau nức nở, nó chỉ như một tiếng thở dài cảm thương, nuối tiếc khôn nguôi.

**BT4.Phân tích giá trị biểu cảm của hai câu thơ sau trong bài thơ Ông đồ của Vũ Đình Liên: Giấy đỏ buồn không thắm - Mực đọng trong nghiên sầu**

**Gợi ý**

*“Giấy đỏ buồn không thắm*

*Mực đọng trong nghiên sầu”.*

“Giấy đỏ” là giấy dùng để viết chữ của ông đồ.Thứ giấy ấy rất mỏng manh, chỉ một chút ẩm ướt giấy cũng có thể phai màu. "Giấy đỏ buồn không thắm”, “không thắm” bởi đã lâu ngày không được dùng đến nên phối pha, ứa tàn theo năm tháng. Mực cũng vậy: "mực đọng trong nghiên sầu”. Đó là thứ mực tàu đen thẫm, dùng để viết chữ lên “giấy đỏ”.Khi viết, phải mài mực rồi đùng bút lông họa lên những nét chữ “Như phượng múa rồng bay”. Nhưng nay “Mực đọng trong nghiên” có nghĩa là mực đã mài từ lâu, đã sẵn sàng cho bàn tay tài hoa của ông đồ thực hiện phép màu nhưng đành đợi chờ trong vô vọng. Các từ “buồn”, “sầu” như thổi hồn vào sự vật.Nhờ phép nhân hóa này, nỗi sầu tủi về thân phận của ông đồ như đã thấm sâu vào từng sự vật, nó bao trùm không gian và đè nặng mỗi tấm lòng.

**BT5.Viết đoạn văn phân tích cái hay của hình ảnh thơ: Lá vàng rơi trên giấy - Ngoài giời mưa bụi bay (Ông đồ - Vũ Đình Liên)**

**Gợi ý**

*“Lá vàng rơi trên giấy*

*Ngoài giời mưa bụi bay”*

Hình ảnh “lá vàng” gợi đến sự tàn phai, rơi rụng.Nhưng đầu xuân sao lại có “lá vàng”?"Lá vàng rơi trên giấy”, giấy ấy chính là “Giấy đỏ buồn không thắm”.Hình ảnh “lá vàng” gợi đến thân phận ông đồ trong bài thơ. Ông đã bị xã hội bỏ rơi, ông đã gắng níu kéo cuộc đời thầm lặng bẽ bàng ngồi bên lề phố “đông người qua” nhưng so với thời đại mới đang sục sôi, bon chen thì ông chỉ là chiếc lá úa tàn đang rụng rơi cay đắng. Nỗi buồn ấy âm thầm và tê tái, nó khiến cơn mưa xuân vốn chứa đựng sức sống bền bỉ, dai dẳng cũng trở thành đìu hiu, xót xa:

*“Ngoài giời mưa bụi bay”.*

“Giời” chứ không phải là “trời”.Đó là cách gọi của dân gian, của những “người muôn năm cũ", trong đó có ông đồ.Câu thơ gợi cái ngước nhìn buồn thảm của ông trước làn mưa bụi nhạt nhòa. Dẫu chỉ là mưa bụi, mưa bay nhưng nó cũng đủ sức xóa mờ đi dấu vết của cả một lớp người. Âu cũng bởi lớp người ấy quá mong manh, bé nhỏ!

## ****BT6:Bình giảng bài thơ Ông Đồ****

Tất cả, năm khổ thơ với vỏn vẹn trăm từ, thoáng qua như một phim tài liệu cực ngắn. Nhưng do đâu điệu buồn của nó chưa thôi day dứt lớp người ở những năm cuối của thế kỷ 20, mà phần lớn xa lạ với Hán học và có khi chưa một lần nhìn thấy hình ảnh ông đồ khăn đóng, áo the của một thời ! Những bạn đọc của thời mở cửa, đang háo hức với một ngoại ngữ phổ biến hơn cả thứ tiếng đã thay thế chữ nghĩa của ông đồ ngày nào, đồng cảm thế nào với bài thơ ? Họ tìm thấy điều gì gần gủi ở ông già cô đơn ấy khi ngay những kẻ cùng thời đã tỏ ra hững hờ ?

Trong một bài phỏng vấn, tác giả đã giải đáp hộ điều mà bao lâu những bạn đọc tinh ý lấy làm ngờ. Đúng là nhà thơ có dụng ý mượn hình ảnh hoa đào và không khí bùi ngùi, man mác của Thôi Hộ trong bài Đường thi lưu danh thiên cổ. Lạ cho loài hoa nổi tiếng phương Đông, đẹp và sang đến thế, lại thêm một lần bị thi nhân bắt chứng kiến chuyện biệt ly, dâu bể. Ai chẳng biết so về nhan sắc với mỹ nhân thì chỉ thiệt thòi cho ông đồ già, nhưng sự vắng bóng của ông khi hoa đào y như năm cũ lại nở — hợp qui luật thiên nhiên mà cũng vô tình biết bao — vẫn gây được hiệu quả tình cảm và nghệ thuật.

Không có cái chắt lọc, đài các như ngôn ngữ Thôi Hộ. Ngôn ngữ của Vũ hiền lành, giản dị, nhịp điệu chậm rãi, khoan thai như bất giác lây lan phong thái của nhân vật “Ông đồ”. So với

 “Mái chèo mơ để bâng khuâng trôi đến  –   Một phương trời mây lạc bóng trăng khuya.”

cũng chính của tác giả và cùng một đề tài hoài cổ, thì thấy rõ lối hành văn giản dị ở đây là kết quả của sự dụng công.

Sự gò bó và giọng đều đều thường thấy ở thơ ngũ ngôn lại giúp cho bài thơ mở đầu có giọng khách quan, kềm chế tình cảm. Hai khổ thơ toàn tả thực cũng hỗ trợ tốt cho mục đích này :

“Mỗi năm hoa đào nở           
Lại thấy ông đồ già  
Bày mực tàu giấy đỏ   
…………….  
Bao nhiêu người thuê viết  
Tấm tắc ngợi khen tài.”

Nhưng chỉ qua khổ thơ thứ 3, giọng khách quan này liền bị phá vỡ bởi hai câu thơ vào loại xuất thần :    “Giấy đỏ buồn không thắm –  Mực đọng trong nghiên sầu..”

Chao ôi, đến hoa mà phương Đông tin là có thần, có hồn còn vô tình “y cựu tiếu đông phong”, nghĩa là hóa ra vẫn là loài vô tri, vô giác, nói chi hạng giấy, mực. Thứ mực phảng phất sầu và loại giấy buồn mà không thắm ấy chỉ có thể là thứ giấy và mực bị nhòe đi, rưng rưng trước mắt nguời biết chuyện đấy thôi !

Màu giấy đỏ và sắc hoa đào. Những xác lá vàng lay lắt rơi rơi quanh cái dáng đen sẫm, bất động của ông đồ già. Tình người nhạt dần theo mỗi khổ thơ:

“Nhưng mỗi năm một vắng   
Người thuê viết nay đâu ?  
…………….  
Ông đồ vẫn ngồi đấy  
Qua đường không ai hay.”

Cho đến khi lụi tàn hẳn, và đất trời hình như cũng muốn hòa vào cuộc ngậm ngùi chung bằng làn mưa bụi bay và cái tiết trời bỗng dưng da diết.

Cảnh ấy, sắc ấy, tình ấy hòa hợp với nhau đưa cảm xúc cao dần để tiếng thở dài cuối cùng:   “Những người muôn năm cũ  –   Hồn ở đâu bây giờ ?”

trở nên sâu lắng hơn, lay động tình người hơn.

Ở mặt khác bài thơ lại đan chéo những cặp đối nghịch: cái tất bật của khách qua đường và sự đơn độc của ông đồ, cái buồn thấu xương của kiếp người bên cảnh phố phường rộn ràng mừng xuân mới, và bất nhẫn làm sao, sự lặng lẽ của người đại diện cuối cùng của nền Hán học tàn tạ, lặng lẽ cả lúc rút lui, lại diễn ra ở một nơi ồn ào, trần ai bậc nhất trên thế gian: hè phố ! Cái đám tang tự đưa giữa phố đông hững hờ mà người tri âm duy nhất lại có mặt khi cỗ xe khuất bóng từ lâu rồi !

Có sự dồn nén thái quá những cặp hòa hợp và đối nghịch trên vuông thơ nhỏ hẹp có 100 từ này. Nhưng là sự thái quá làm nên kiệt tác. Mỗi chúng ta sau phút lặng người, và gần như tránh mặt nhau vì cái cảm giác đồng trách nhiệm nào đó, bỗng bắt đầu giành nhau lên tiếng. Nhưng tất cả như bị hút, bị dạt đi trong cái từ trường do chính sự im lặng của nhân vật. Vâng, âm thanh có trọng lượng nhất mà bài thơ tạo được chính là sự im lặng tuyệt đối của ông đồ. Nó đè nặng lên tim. Nó khuấy động não bộ. Nó tạo trạng thái tinh thần bất ổn cần thiết để đối mặt với bất cứ một vấn đề nghiêm túc nàọ.  Có điều đâu thực sự là v/đ, là tầng cảm xúc chính của bài thơ ?

Theo Hoài Thanh thì “**Ông Đồ**” là “lời sám hối của cả bọn thanh niên chúng ta đối với lớp người đang đi về cõi chết”, những con người mà một thời họ đã “xúm nhau lại chế giễu họ quê mùa, mạt sát họ hủ lậu”. Nhà phê bình đã có một trích dẫn quan trọng từ bức thư của chính Vũ Đình Liên: “Ông chính là di tích đáng thương của một thời tàn”, và dựa vào ý này, tác giả “Thi nhân Việt Nam” kết luận: “Bài thơ của người có thể xem là một việc nghĩa cử”

Sẽ là một chuyện thất lễ và dường như vô lý nữa khi nghi ngờ ý kiến của chính tác giả và nhà phê bình uy tín. Nhưng khi ở một đoạn khác, Hoài Thanh gọi đối tượng của nhà thơ bằng cụm từ không úp mở “Những kẻ thân tàn ma dại” đang “đi về cõi chết” thì chúng tôi e rằng giọng tuyên ngôn hùng hồn mà ông bắt buộc phải dùng khi hạ huyệt thơ cũ và tôn xưng vị trí của thơ mới có ảnh hưởng phần nào tới việc bình thơ chăng ? Nếu đọc một bài thơ khác cũng cùng điệu hoài cổ, bài “Lòng ta là một hàng thành quách cổ”, chúng ta nhận ra giọng thương tiếc trang trọng hơn là lối thương hại của kẻ thắng cuộc. Và tiếng thở dài băn khoăn ở cuối bài thơ “Ông Đồ” có một chiều sâu hơn thứ tình cảm biết điều của người đang đi dự tang lễ, đang đi làm chuyện nghĩa cử. Khi một cực là Đường Thi với Thôi Hộ, và cực kia là ý thơ của Francois Villon (Làm sao tìm lại được tuyết năm xưa ? Mais où sont les neiges d’antan ?) đã gợi hứng cho “Ông Đồ” như chính tác giả thừa nhận, thì cái sầu thuần một màu tê tái trong cả hai dòng thơ Đông Tây rõ ràng cùng một gam màu với điệu buồn trong những câu thơ của Vũ Đình Liên. Nói khác đi, sự dùng dằng kẻ ở người đi trong cõi nhân tình không thể giản đơn, rành rẽ mới, cũ như những nhà chính luận mong muốn. Nghệ thuật luôn cần cái lung linh mê hoặc dễ len vào hồn người\.

Nhưng hoài cổ ở đây không phải là tiếc nuối thứ chữ “rồng bay phg múa” của ông đồ. Từ ngày ông đồ già không trở lại, x/h đã mấy lần chứng kiến cảnh thay bậc, đổi ngôi về ngôn ngữ — bản thân nhà thơ là một người giỏi tiếng Pháp, thứ ngôn ngữ đã thay thế thứ chữ mà ông đồ đã viết trên giấy hồng điều thuở nào — nhưng không thấy s/tác nào về “Ông đồ” Tây hay “Ông đồ” Nga … xuất hiện. Chưa nói dẫu có, chúng cũng không thể tạo được sự đồng cảm rộng rãi như đã thấy với “Ông đồ”.

Sự thực, sự thay đổi từ Hán học qua Tây học có một ý nghĩa đặc biệt của nó. Suốt bao thế kỷ, Hán học gắn với dân tộc, gắn với những giá trị nhân bản của phương Đông. Đấy là thứ chữ ông cha ta đã dùng để trước tác. Nó không những là ngôn ngữ hành chính, thi cử mà còn là ngôn ngữ tâm linh của đền chùa, kinh kệ, văn tế… Tựa như gác chuông, tháp chùa, hình ảnh ông đồ, câu đối… từ lâu đã thân thuộc với mọi người\. Đã đành việc thế chân của Tây học là một tất yếu của thời đại và của hoàn cảnh đất nước ngày đó. Chưa nói cái học từ chương, nệ cổ đã góp phần suy vi sức mạnh của dân tộc. Nhưng một dân tộc tự trọng từng trải qua bao thế kỷ tự chủ và từng dùng chữ Hán như ngôn ngữ chính của một quốc gia độc lập, không thể quên rằng Tây học đã “nhập khẩu” vào đất nước mình như một áp đặt cùng với tàu chiến và đại bác, mà cảnh sụp đổ của cái học cũ luôn gợi lại vết thương vong quốc của mình.

Và có thể vượt qua ý đồ của t/g và nhà phê bình, bài thơ đã tìm thêm được sự đồng cảm trong tâm thức dao động, phức tạp của cả một dân tộc trong buổi giao thời khi giá trị tr/thống có nguy cơ mai một. Trong lúc cái mới chưa thu phục được nhân tâm, nó đánh vào lòng tự trọng bị xúc phạm và cả tâm lý phù suy, xót thương kẻ khó. Mặt khác, nó còn gợi tâm trạng khắc khoải đi tìm nguồn cội trước một cuộc triển lãm khổng lồ của những cảnh lố lăng, kệch cỡm thường thấy ở các buổi giao thời.

Sự biểu lộ tình cảm với ông đồ già và sự lưu luyến với hình ảnh đã mai một ấy trong lòng bạn đọc suốt hơn nửa thế kỷ qua, hẳn phản ảnh những tâm sự phức tạp, những ưu tư đa dạng hơn chúng ta tưởng.

Cuối thế kỷ 20, con tàu Việt Nam lại đang qua ngã rẽ mới. Không còn không khí tủi buồn thuở nào. Đất nước đang lạc quan. Nhưng tình tự về nguồn và việc xác lập lại những giá trị tinh thần đã được thử thách của dân tộc ở mặt nào đó sẽ gặp thách thức. Buổi “giao thời” hôm nay vẫn hứa hẹn những hoạt cảnh lố lăng, lai căng mà hơn một lần chúng ta đã chứng kiến. Sự vồ vập với những giá trị ngoại lai đáng nghi ngại, thái độ “vô tri bất mộ” đối với di sản quý báu của người đi trước, và nói riêng mặt ngôn ngữ, tiếng nói cha ông đang có nguy cơ trở thành một thứ “ngoại ngữ” thất sủng ngay trên quê hương mình.

Và vì vậy, người ta vẫn còn ngậm ngùi, băn khoăn khi đọc “Ông Đồ”. Việc rút lui lặng lẽ không đơn từ khiếu nại của ông không chỉ gợi thương tâm, mà tiếp tục mời gọi, khuấy động những vấn đề sâu xa cho xã hội cùng suy ngẫm.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**BÀI**

**NHỚ RỪNG**

**I.Yêu cầu:** - Hiểu sâu sắc hơn về Thơ mới và phong trào Thơ mới: hoàn cảnh lịch sử làm xuất hiện Thơ mới, cuộc đấu tranh giữa thơ cũ và Thơ mới.

- Hiểu sâu sắc hơn về Thơ mới và phong trào Thơ mới qua việc tìm hiểu về một số nhà thơ tiêu biểu: Thế Lữ, Vũ Đình Liên, Tế Hanh…

- Cảm nhận đư­­ợc cái hay, cái đẹp về nội dung và nghệ thuật của những bài thơ tiêu biểu.

- Ôn tập lại các kiến thức và rèn kĩ năng cảm thụ qua bài *Nhớ rừng*

**II.Nội dung:**

- Khoảng sau năm 1930, một loạt các thi sĩ trẻ xuất thân Tây học lên án thơ cũ là khuôn sáo,trói buộc. Họ đòi hỏi đổi mới thi ca và sáng tác những bài thơ không hạn định về số câu, chữ -> Thơ mới.

- Phong trào Thơ mới ra đời và phát triển mạnh mẽ rồi đi vào bế tắc ch­­a đầy 15 năm.Thơ mới chủ yếu là thơ tự do7 hoặc 8 tiếng. So với thơ cũ, nhất là thơ Đ­­ờng luật, thì Thơ mới tự do , phóng túng, linh hoạt hơn, không còn bị ràng buôc bởi những quy tắc nghiệt ngã của thi pháp thơ cổ điển.

Hai chữ Thơ mới trở thành tên gọi của một phong trào thơ (còn gọi là thơ lãng mạn), gắn liền với tên tuổi của thế Lữ, Chế Lan Viên, Huy Cận, Xuân Diệu...

**\*Thế Lữ**

**1.Vài nét về cuộc đời và sự nghiệp thơ ca**

? Trình bày những nét chính về cuộc đời và sự nghiệp của Thế Lữ

Nhà thơ chọn bút danh Thế Lữ ngoài ý nghĩa để chơi chữ còn ngụ ý tự nhận mình là ng­­ười khách tiên của trần thế, chỉ biết đi tìm cái đẹp:

Tôi là ng­­ười bộ hành phiêu lãng

Đường trần gian xuôi ng­­ược để vui chơi...

Tôi chỉ là ng­ười khách tình si

Ham cái đẹp muôn hình muôn vẻ

**2. Đôi nét về hồn thơ Thế Lữ**

- Thơ mới vừa ra đời, Thế Lữ nh­­ư vừng sao đột hiện sáng chói khắp cả trời thơ Việt Nam

? Đặc điểm phong cách thơ Thế Lữ

- Thế Lữ không bàn về Thơ mới, không bênh vực Thơ mới, không bút chiến, không diễn thuyết. Thế Lữ chỉ lặng lẽ, điềm nhiên b­­ước những bư­­ớc vững vàng mà trong khoảnh khắc cả hàng ngũ thơ x­ưa phải tan rã.

- Thơ Thế Lữ về thể cách mới không chút rụt rè, mới từ số câu, số chữ, cách bỏ vần cho đến tiết tấu âm thanh.

- Thơ Thế Lữ là nơi hẹn hò giữa hai nguồn thi cảm;: nẻo về quá khứ mơ màng, nẻo tới t­­ương lai và thực tế...Sau một hồi mơ mộng vẩn vơ, thơ TL như­­ một luồng gió lạ xui ng­­ười ta biết say s­­ưa với cái xán lạn của cuộc đời thực tế, biết cư­­ời cùng hoa nở chim kêu.

- Thơ ông mang nặng tâm sự thời thế đất n­­ước.

? Vai trò, vị trí của Thế Lữ trong phong trào Thơ mới

-> Thế Lữ không những là ng­ời cắm ngọn cờ thắng lợi cho phong trào Thơ mới mà còn là nhà thơ tiêu biểu nhất cho phong trào Thơ mới thời kì đầu.

**\*Tác phẩm Nhớ rừng**

? Trình bày xuất xứ bài thơ? Vị trí của bài thơ trong sự nghiệp thơ ca của Thế Lữ

- Là một trong những bài thơ tiêu biểu nhất của Thế Lữ và là tác phẩm mở đư­­ờng cho sự thắng lợi của Thơ mới

? Thái độ tiếp nhận của công chúng thời đó với bài thơ? Vì sao bài thơ lại đ­­ược tiếp nhận nồng nhiệt như vậy

- Nhớ rừng là lời con hổ trong v­­ườn bách thú.Tác giả m­­ượn lời con hổ để nói lên tâm sự u uất của lớp thanh niên thế hệ 1930- đó là những thanh niên trí thức Tây học vừa thức tỉnh ý thức cá nhân cảm thấy bất hòa sâu sắc với thực tại xã hội tù túng, ngột ngạt đ­­ương thời. Họ khao khát cái tôi cá nhân đ­­ược khẳng định và phát triển trong một cuộc đời rộng lớn, tự do. Đó cũng đồng thời là tâm sự chung của ng­­ười dân mất n­­ước bấy giờ. Vì vậy*,* ***Nhớrừng*** đã có đ­­ược sự đồng cảm đặc biệt rộng rãi, có tiếng vang lớn. Có thể coi ***Nhớ rừng*** nh­­ư một áng văn thơ yêu nư­­ớc tiếp nối mạch thơ trữ tình yêu n­­ước hợp pháp đầu thế kỷ XX.

- Bài thơ tràn trề cảm hứng lãng mạn: thân tù hãm mà hồn vẫn sôi sục, khao khát tự do.Cảm thấy bất hòa sâu sắc với thực tại tầm th­­ường tù túng như­­ng không có cách gì thoát ra đ­­ược, nó chỉ biết buông mình trong mộng tư­ởng để thoát ly hẳn cái thực tại đó, tìm đến một thế giới khoáng đạt, mạnh mẽ, phi thư­­ờng.

**\*Bài tập**

**Đề bài 1**: **Cảm nhận của em về bài thơ “*Nhớ rừng*” của Thế Lữ?**

**Dàn ý**

**a. Mở bài:** -Thế Lữ (1907- 1989) là nhà thơ tiêu biểu của phong trào thơ mới. Bài thơ *Nhớ rừng* in trong tập “*Mấy vần thơ”* là bài thơ tiêu biểu của ông góp phần mở đường cho sự thắng lợi của thơ mới.

**b. Thân bài*\* Khổ 1***- Tâm trạng của con hổ khi bị nhốt trong cũi sắt được biểu hiện qua những từ ngữ: Gặm một khối căm hờn trong cũi sắt, bị nhục nhằn tù hãm, làm trò lạ mắt, đồ chơi Đang được tung hoành mà giờ đây bị giam hãm trong cũi sắt bị biến thành thứ đồ chơi, nỗi nhục bị ở chung với những kẻ tầm thường, thấp kém, nỗi bất bình.

- Từ “gậm”, “Khối căm hờn” (Gậm = cắn, dằn … , Khối = danh từ chuyển thành tính từ) trực tiếp diễn tả hành động, và t­ư thế của con hổ trong cũi sắt ở vườn bách thú. Cảm xúc hờn căm kết đọng trong tâm hồn, đè nặng, nhức nhối, không có cách nào giải thoát, đành nằm dài trông ngày tháng dần qua, buông xuôi bất lực

- Nghệ thuật tương phản giữa hình ảnh bên ngoài buông xuôi và nội tâm hờn căm trong lòng của con hổ thể hiện nỗi chán ghét cuộc sống tù túng, khao khát tự do.

***\*Khổ 2***- Cảnh sơn lâm ngày x­ưa hiện nên trong nỗi nhớ của con hổ đó là cảnh sơn lâm bóng cả, cây già, tiếng gió gào ngàn, giọng nguồn hét núi,thét khúc trường ca dữ dội... Điệp từ ''với'', các động từ chỉ đặc điểm của hành động gợi tả sức sống mãnh liệt của núi rừng đại ngàn, cái gì cũng lớn lao phi thường, hùng vĩ, bí ẩn chúa sơn lâm hoàn toàn ngự trị…

- Trên cái nền thiên nhiên đó, hình ảnh chúa tể muôn loài hiện lên với tư thế dõng dạc, đường hoàng, lượn tấm thân ...Vờn bóng ... đều im hơi. Từ ngữ gợi hình dáng, tính cách con hổ (giàu chất tạo hình) diễn tả cảm xúc vẻ đẹp vừa uy nghi, dũng mãnh vừa mềm mại, uyển chuyển của chúa sơn lâm. Tâm trạng hổ lúc này hài lòng, thoả mãn, tự hào về oai vũ của mình

***\* Khổ 3***- Cảnh rừng ở đây đ­ược tác giả nói đến trong thời điểm: đêm vàng, ngày mưa chuyển bốn phương ngàn, bình minh cây xanh bóng gội, chiều lênh láng máu sau rừng  thiên nhiên rực rỡ, huy hoàng, tráng lệ

- Giữa thiên nhiên ấy con hổ đã sống một cuộc sống đế vương: *- Ta say mồi ... tan- Ta lặng ngắm ...Tiếng chim ca ...- Ta đợi chết ... điệp từ ''ta'*': con hổ uy nghi làm chúa tể. Cảnh thì chan hoà ánh sáng, rộn rã tiếng chim, cảnh thì dữ dội. ... cảnh nào cũng hùng vĩ, thơ mộng và con hổ cũng nổi bật, kiêu hùng, lẫm liệt. Đại từ “ta” đ­ược lặp lại ở các câu thơ trên thể hiện khí phách ngang tàng, làm chủ, tạo nhạc điệu rắn rỏi, hào hùng.

- Điệp ngữ, câu hỏi tu từ: nào đâu, đâu những, tất cả là dĩ vãng huy hoàng hiện lên trong nỗi nhớ đau đớn của con hổ và khép lại bằng tiếng than u uất ''Than ôi!”. Con hổ bộc lộ trực tiếp nỗi nhớ tiếc cuộc sống tự do của chính mình.

***\*Khổ 4***- Cảnh vườn bách thú hiện ra dưới cái nhìn của con hổ chỉ là hoa chăm, cỏ xén, lối phẳng, cây trồng, giải nước đen giả suối ... mô gò thấp kém, ... học đòi bắt chước cảnh đáng chán, đáng khinh, đáng ghét. Tất cả chỉ là người tạo, do bàn tay con người sửa sang, tỉa tót nên nó rất đơn điệu, nhàm tẻ, giả dối, tầm thường chứ không phải thế giới của tự nhiên, mạnh mẽ, bí hiểm- Giọng thơ giễu nhại, sử dụng một loạt từ ngữ liệt kê liên tiếp, ngắt nhịp ngắn, dồn dập  thể hiện sự chán chường, khinh miệt, đáng ghét…, tất cả chỉ đơn điệu, nhàn tẻ không thay đổi, giả dối, nhỏ bé, vô hồn.

- Cảnh vườn bách thú tù túng đó chính là thực tại xã hội đương thời được cảm nhận bởi những tâm hồn lãng mạn. Thái độ ngao ngán, chán ghét cao độ đối với cảnh vườn bách thú của con hổ cũng chính là thái độ của họ đối với xã hội. Tâm trạng chán chường của hổ cũng là tâm trạng của nhà thơ lãng mạn và của người dân Việt Nam mất nước trong hoàn cảnh nô lệ nhớ lại thời oanh liệt chống ngoại xâm của dân tộc

***\* Khổ 5***- Giấc mộng ngàn của con hổ hư­ớng về một không gian oai linh, hùng vĩ, thênh thang nhưng đó là không gian trong mộng (nơi ta không còn được thấy bao giờ) - không gian hùng vĩ. Đó là nỗi nhớ tiếc cuộc sống tự do. Đó cũng là khát vọng giải phóng của người dân mất nước.Đó là nỗi đau bi kịch. Điều đó phản ánh khát vọng được sống chân thật, cuộc sống của chính mình, trong xứ sở của chính mình. Đó là khát vọng giải phóng, khát vọng tự do.

**c. Kết bài**- Bài thơ tràn đầy cảm hứng lãng mạn: mạch cảm xúc sôi nổi, cuồn cuộn tuôn trào thể hiện tâm trạng

chán ghét của con hổ trong cảnh ngộ bị tù hãm ở vườn bách thú, qua đó thể hiện khát vọng về cuộc sống tự do, cao cả chân thật. Đó cũng là tâm trạng của thế hệ con ng­ười lúc bấy giờ.

**Đề 2 :Tâm trạng con Hổ trong bài thơ ‘ nhớ rừng’ của Thế Lữ.**

Mở bài: Giới thiệu bài thơ và hình tượng con hổ

Nhớ rừng là một trong những bài thơ vào hàng kiệt tác của Thế Lữ và của cả phong trào thơ mới.

Con hổ là hình tượng trung tâm của bài thơ.Mượn lời con hổ bị nhốt ở vườn bách thú, tác giả diễn tả niềm khao khát tự do mãnh liệt và tâm sự yêu nước của con người những ngày nô lệ.

Thân bài: Tâm trạng can hổ trong cảnh giam cầm ở vườn bách thú

+ niềm căm uất và nỗi ngao ngán ( đoạn 1)

+ tâm trạng chán chường và tháI độ khinh miệt sự tầm thường giả dối ở vườn bách thú ( đoạn 4)

-Nỗi nhớ rừng da diết khôn nguôI của con hổ ( đoạn 2,3,5)

+ con hổ nhớ cảnh nước non hùng vỹ với tất cả những gì lớn lao dữ dội

+ con hổ nhớ tiếc về một thời tung hoành hống hách của ngày xưa

Kết bài: Tâm trạng của ocn hổ là một ẩn dụ để thể hiện một cách kín đáo tình cảm của tác giả cũng là tâm trạng của sự yêu nước của những người dân Việt Nam thửa ấy.Họ chán ghét cuộc sống tù túng tầm thường của thực tại nô lệ và khao khát tự do.

Tâm trạng ấy đã làm nên giá trị và sức sống bền lâu của nhà thơ

**ĐỀ 3.Em có nhận xét gì về câu nói của Hoài Thanh khi đọc bài Nhớ rừng: Thế Lữ như một vị tướng điều khiển đội quân Việt ngữ với một mệnh lệnh không thể cưỡng lại được**

**Gợi ý**

Nhà phê bình Hoài Thanh đã đã ca ngợi Thế Lữ như một viên tướng điều khiển đội quân Việt ngữ bằng những mệnh lệnh không thể cưỡng được.Điều này nói lên nghệ thuật sử dụng từ ngữ điêu luyện, đạt đến độ chính xác cao.Chỉ riêng về âm thanh rừng núi, Thế Lữ cho ta nghe thấy tiếng gió gào ngàn, giọng nguồn hét núi, tiếng thét khúc trường ca dữ dội. Để tạo ra sự nuối tiếc quá khứ oanh liệt, nhà thơ dùng những điệp từ "nào đâu...", "đâu..." thể hiện nỗi tiếc nuối khôn nguôi của hổ về quá khứ vinh quang, oai hùng. Cũng có thể thấy câu thơ Thế Lữ miêu tả dáng hiên ngang, hùng dũng, mềm mại của chúa sơn lâm:

*Ta bước chân lên, dõng dạc, đường hoàng*

*Lượn tấm thân như sóng cuộn nhịp nhàng*

*Vờn bóng âm thầm, lá gai, cỏ sắc*

Mấy câu thơ trên có sự nhịp nhàng, cân đối, gợi hình ảnh con hổ khoan thai, mềm mại, với bước chân chậm rãi thật tài tình.

Hay một đoạn khác tả cảnh tầm thường của con người bắt chước, học đòi thiên nhiên:

*Những cảnh sửa sang, tầm thường giả dối*

*Hoa chăm, cỏ xén, lối phẳng, cây trồng*

*Dải nước đen giả suối, chẳng thông dòng*

Câu thơ: *"Hoa chăm, cỏ xén, lối phẳng, cây trồng"* được viết theo cách ngắt nhịp đều nhau,vị giốngnhau đónhư mô phỏng sự đơn điệu, tầm thường của cảnh vật.

Được sáng tác trong hoàn cảnh đất nước còn đang bị kẻ thù đô hộ, giày xéo, bản thân tác giả cũng không tránh khỏi thân phận của một người dân nô lệ nhưng *Nhớ rừng* không rơi vào giọng điệu uỷ mị, yếu đuối. Ngược lại, nó đã thể hiện một sức sống mạnh mẽ, tiềm ẩn, chỉ có

* những con người, những dân tộc không bao giờ biết cúi đầu, luôn khao khát hướng đến tự do.

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**GIÚP HỌC SINH HIÊU HƠN VỀ CÁCH NGHỊ LUẬN VỀ 1 ĐOẠN THƠ, BÀI THƠ.**

**NHỚ RỪNG - THẾ LỮ**

Chủ đề VB: Mượn lời con hổ ở vườn bách thú, tác giả dã thổ hiện tâm sự u uất và niềm khao khát tự do mãnh liệt, cháy bỏng của con người bị giam câm, nô lộ. Bài thơ đã khơi dậy tình cảm yêu nước, niềm uất hân và lòng khao khát tự do của con người Việt Nam khi dang bị ngoại bang thống trị.

**I, KIẾN THỨC CƠ BẢN**

**1, Tác giả:** Thế Lữ ( 1907 – 1945)

- Quê Bắc Ninh. Là nhà thơ tiêu biểu của phong trào Thơ mới. Được nhà nước truy tặng giải thưởng HCM về VHNT

- Hồn thơ dồi dào, lãng mạn.

+ Tên thật: Nguyễn Thứ Lễ, bút danh đặt theo cách chơi chữ, nói lái; còn có hàm ý là người lữ khách trên trần thế chỉ biết đi tìm cái đẹp:

**2. Văn bản**

**a. Hoàn cảnh sáng tác:**

- In trong tập Mấy vần thơ( 1943)

- Tiêu biểu, mở đầu cho sự thắng lợi của Thơ mới.

- Bài thơ sáng tác năm 1934 lúc đó nước ta đang là thuộc địa của Pháp. Nhân dân ta đang sống trong than phận nô lệ bị mất tự do, bị áp bức bóc lột đủ đường.

**b. Thể thơ:** tự do 8 chữ vần liền; vần bằng, trắc hoán vị đều đặn.

**c. Bố cục:**

- Bố cục: 3 phần.

+ Phần 1: Đoạn 1, 4:Con hổ trong vườn bách thú.

+ Phần 2: Đoạn 2, 3: Con hổ thời quá khứ

+Phần 3: Đoạn 5: Khao khát giấc mộng ngàn.

**d. Giá trị nghệ thuật:**

- Hình ảnh mang tính chất biểu tượng, giàu chất tạo hình

- Ngôn ngữ và nhạc điệu phong phú, giàu tính biểu cảm.

**e. Giá trị nội dung:**  Bài thơ mượn lời con hổ nhớ rừng để thể hiện sự u uất của lớp những người thanh niên trí thức yêu nước, đồng thời thức tỉnh ý thức cá nhân. Hình tượng con hổ cảm thấy bất hòa sâu sắc với cảnh ngột ngạt tù túng, khao khát tự do cũng đồng thời là tâm trạng chung của người dân Việt Nam mất nước bấy giờ. Tài liệu của Thu Nguyễn

**II, LUYỆN TẬP**

**A, DẠNG ĐỀ ĐỌC HIỂU**

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**

|  |
| --- |
| **Đọc đoạn thơ sau và trả lời câu hỏi:**  Gậm một khối căm hờn trong cũi sắt  Ta nằm dài trông ngày tháng dần qua,  Khinh lũ người kia ngạo mạn, ngẩn ngơ  Giương mắt bé giễu oai linh rừng thẳm  Nay sa cơ bị nhục nhằn tù hãm  Để làm trò lạ mắt thứ đồ chơi  Chịu ngang bầy cùng bọn gấu dở hơi  Với cặp báo chuồng bên vô tư lự  **Câu 1:** Đoạn thơ trên trích trong văn bản nào? Của tác giả nào? Hãy giới thiệu về tác giả và văn bản đó?  **Câu 2:** Hãy xác định từ loại của từ“gậm”, “khối căm hờn” **.** Nêu cách hiểu của em về từ “gậm”, “khối căm hờn” và nêu tác dụng của cách dùng từ này?  **Câu 3:** Ta có thể thay từ“**gậm**” bằng từ**“ngậm”** và từ **“ khối”** bằng từ **“nỗi”** được không?  **Câu 4:** Tư thế “ nằm dài trông ngày tháng dần qua” nói lên tình thế gì của con hổ?  **Câu 5:** Nêu tác dụng của việc lựa chọn trật tự từ của tác giả trong đoạn thơ?  **Câu 6:** Nhà thơ tả tâm trạng của con hổ với dụng ý nghệ thuật gì?  **Câu 7:** Trình bày cảm nhận của em về khổ thơ trên theo kiểu diễn dịch trong đó có sử dụng một kiểu câu đã học chỉ rõ và gạch chân kiểu câu đó? |

**GỢI Ý:**

**Câu 1:** Đoạn thơ trên trích trong văn bản “ Nhớ rừng” của tác giả Thế Lữ.

**a) T**ác giả ( 1907 – 1945)

- Quê Bắc Ninh. Là nhà thơ tiêu biểu của phong trào Thơ mới. Được nhà nước truy tặng giải thưởng HCM về VHNT

- Là Hồn thơ dồi dào, lãng mạn.

**b) Tác phẩm**

- In trong tập Mấy vần thơ( 1943)

- Tiêu biểu, mở đầu cho sự thắng lợi của Thơ mới.

**Câu 2:**

- Gậm(Động từ)

- Một khối căm hờn(cụm dt).

**-** “gậm”: nghĩa là dùng răng, miệng mà ăn dần, cắn dần từng chút một cách chậm chạm, kiên trì., “khối căm hờn”: cảm xúc căm hờn kết đọng thành khối đông cứng, đè nặng nhức nhối.

**=>** Diễn tả hành động bứt phá của con hổ, bộc lộ tâm trạng uất hận, căm hờn cao độ.

**Câu 3:**

+ **Ngậm** là giữ một vật ở trong miệng lâu->sự chủ động của chủ thể, không gây khó chịu.

+ **Nỗi**: ý nghĩa trìu tượng, không thể hiện được tâm trạng uất hận của con hổ.

**+ Gậm:** hành động gậm nhấm một cách khó khăn 1 vật gì đó

**+ Khối:** ý nghĩa cụ thể, 1 vật lớn và cứng

-> Ta không thể thay thế được vì hai từ đó không thể hiện được tâm trạng không chấp nhận thực tại, không an phận của con hổ. Dường như nỗi uất hận trong lòng nó đã tích tụ thành hình, thành khối.

**Câu 4:** Tư thế “ nằm dài trông ngày tháng dần qua” nói lên tình thế của con hổ: buông xuôi, bất lực, ngày đêm gậm nhấm khối căm hờn, mà theo thời gian cứ một rắn thêm, lớn thêm.

**Câu 5:** Tác giả đảo từ “ gậm” và từ “giương” ở thành phần vị ngữ lên đứng đầu câu, đã diễn tả chính xác tâm trạng uất ức tủi hận của một chúa sơn lâm tài cao nhưng “ phận thấp” khi “sa cơ lỡ bước” đành “nằm dài” nhìn sự ngạo mạn, ngẩn ngơ” dám “ giễu oai linh rừng thẳm”.

**Câu 6:** Nhà thơ tả tâm trạng của con hổ với dụng ý nghệ thuật: nói lên nỗi đau đớn của tầng lớp trí thức khi chứng kiến cảnh đất nước nô lệ mà bản thân không giúp được gì cho Tổ quốc, cho đồng bào, chỉ biết thét lên trong câm lặng, nỗi căm hờn uất ức giận sôi. Qua đấy tác giả gửi gắm tấm lòng yêu nước thầm kín của mình.

**Câu 7:**

**\* Mở đoạn( Câu chủ đề):** Đoạn thơ trên trích trong văn bản “ Nhớ rừng” của tác giả Thế Lữ đã rất thành công trong việc thể hiện tâm trạng của con hổ trong thời hiện tại.

**\* Thân đoạn:**

- Mở đầu đoạn thơ, nhà thơ Thế Lữ đã vẽ ra không gian nhỏ hẹp mà đầy tù túng, bức bối nơi con hổ bị giam cầm. Nỗi cô đơn, sự bực bội, phẫn uất của con hổ được thể hiện trọn vẹn. Qua hình ảnh đó ta có thể cảm nhận được phần nào tình cảnh mất tự do cũng như tâm trạng đầy phẫn uất của chúa sơn lâm rừng già. Thế Lữ đã sử dụng động từ "gậm" để thể hiện sự bức bối lâu dài, dai dẳng, nó không thể nguôi ngoai mà luôn tồn tại, hiển hiện khiến tâm trạng luôn bị vây hãm trong bế tắc, cần được giải thoát. "Khối căm hờn" là những thù hằn, căm giận mà con hổ luôn"gậm" trong mình. "Trong cũi sắt" lại tái hiện chân thực không gian sống giam hãm, nhỏ hẹp khiến cho con hổ bị mất tự do.

- Vì vậy, con hổ chỉ có thể "nằm dài" trong chán chường đau khổ mà lặng lẽ "trông ngày tháng dần qua. Càng tù túng bao nhiêu, càng uất hận bao nhiêu thì sự khinh bỉ dành cho những con người ngoài kia càng nhiều bấy nhiêu "Khinh lũ người kia ngạo mạn ngẩn ngơ". "Lũ người" ở đây ta có thể hiểu là những người đã bắt giam, đẩy con hổ vào chốn tù đầy mất tự do này.

- Nhà thơ cũng thể hiện rõ thái độ của mình ở đây, đó là sự coi thường, chế giễu những hành động phi lí của chúng: "khinh", "giễu" : "Giương mắt bé giễu oai linh rừng thẳm" câu thơ là sự thể hiện cái tinh thần ngạo nghễ, kiêu hùng của con hổ về chốn "oai linh rừng thẳm".

- Trở về với thực tại, con hổ cảm nhận được thấm thía cảnh ngộ của mình, đó là sự "sa cơ lỡ vận" nên phải chịu cuộc sống "nhục nhằn tù hãm". Vì nhận thức được thời thế, hoàn cảnh của mình nên con hổ càng cảm thấy đau khổ, nhục nhã. Đường đường là chúa sơn lâm của rừng đại ngàn, thống trị muôn loài, nay cuộc sống tù hãm khiến cho nó đau khổ. Đau khổ hơn nữa , đó chính là phải làm những việc tầm thường, vô vị "Để làm trò lạ mắt thứ đồ chơi", oai hùng là vậy nhưng khi đã sa cơ, hình ảnh tù hãm vốn đầy đau khổ uất hận lại trở thành những "trò lạ mắt", những "trò chơi" cho người người thưởng thức.  Sống tù túng song không phải ai cũng có tâm trạng giống con hổ, lối sống thanh cao, hơn người nay bị đặt chung hàng với những con vật tầm thường "Chịu ngang bầy cùng lũ gấu dở hơi"; càng thấy buồn hơn khi thấy "cặp báo chuồng bên vô tư lự", chúng không biết mình ở hoàn cảnh nào, không biết tức giận, phẫn uất mà lúc nào cũng "vô tư lự". Câu thơ cũng thể hiện sự đánh giá của nhà thơ về một bộ phận con người trong xã hội,dù sống trong hoàn cảnh mất tự do nhưng không biết lo, không có ý thức cần đứng lên mà phó mặc tất cả cho số phận.

**\* Kết đoạn**: Tóm lại, với viêc sử dụng những từ ngữ chọn, thể thơ tự do, đoạn thơ đã diễn tả sâu sắc tâm trạng uất ức, bất lực, buông xuôi vì mất tự do của chúa sơn lâm, phải chăng qua đó tác giả bộc lộ lòng yêu nước thầm kín của mình?( câu nghi vấn)

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**

|  |
| --- |
| Cho câu thơ: **“ Ta bước chân lên dõng dạc đường hoàng”**  **Câu 1:** Hãy chép tiếp những câu thơ để hoàn thiện khổ thơ?  **Câu 2:** Cho biết đoạn thơ em vừa chép thuộc bài thơ nào? Của ai?  **Câu 3:** Nêu nội dung chính của khổ thơ em vừa chép?  **Câu 4:** Nhận xét cách sử dụng từ ngữ của tác giả trong đoạn thơ và phân tích tác dụng?  **Câu 5:** Nêu cảm nhận của em về hình ảnh con hổ trong đoạn thơ bằng một đoạn văn diễn dịch khoảng 7 đến 10 câu trong đó có sử dụng một câu nghi vấn gạch chân câu nghi vấn đó? |

**Gợi ý:**

**Câu 1:** Hs chép tiếp những câu thơ để hoàn thiện khổ thơ.

**Câu 2:** Đoạn thơ em vừa chép thuộc là bài thơ: “Nhớ rừng” của Thế Lữ

**Câu 3:** Nêu nội dung chính của khổ thơ : đoạn thơ tái hiện hình ảnh dũng mãnh, oai vệ, uy quyền tuyệt đối của con hổ chốn rừng xanh .

**Câu 4:**

- Tác giả sử dụng một loạt các động từ chỉ hoạt động kết hợp với các tính từ “dõng dạc, bước, ...” làm nổi bậy sự xuất hiện đầy oai vệ của chúa tể rừng xanh

- Đại từ “ta” vang lên đầy kiêu hãnh, tự hào, khẳn định quyền uy của con hổ

**Câu 5:** Đoạn văn tham khảo

**\* Mở đoạn:** (Câu chủ đề) Khổ thơ trên trích trong văn bản “ Nhớ rừng” của tác gải Thế Lữ đã rất thành công trong việc nói về hình ảnh dũng mãnh, oai vệ và quyền uy tuyệt đối của con hổ chốn rừng xanh.

**\* Thân đoạn:**

- Giữa cảnh thiên nhiên hùng vĩ, hổ xuất hiện với vẻ đẹp oai phong, lẫm liệt của một vị chúa tể.

- Tác giả sử dụng một loạt các động từ chỉ hoạt động kết hợp với các tính từ “dõng dạc, bước, ...” làm nổi bậy sự xuất hiện đầy oai vệ của chúa tể rừng xanh.

- Những câu thơ sống động, giàu chất tạo hình đã diễn tả chính xác vẻ đẹp của con hổ. Đó là vẻ đẹp vừa uy nghi, dũng mãnh, vừa mềm mại, uyển chuyển. Đại từ “ta” vang lên đầy kiêu hãnh, tự hào, khẳn định quyền uy của con hổ. **Phải chăng với cương vị là “chúa tể cả muôn loài” giữa chốn rừng thiêng, quyền uy của chúa Sơn Lâm là tuyệt đối?( Câu nghi vấn)**

**\* Kết đoạn:** Tóm lại, với việc sử dụng thành công các tính từ, đại từ, động từ tác giả đã tái hiện hình ảnh chúa sơn lâmdũng mãnh, oai vệ và quyền uy tuyệt đối của con hổ chốn rừng xanh.

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3**

|  |
| --- |
| Cho câu thơ: “ Nào đâu những đêm vàng bên bờ suối”  **Câu 1:** Hãy chép tiếp 9 câu thơ để hoàn thiện khổ thơ?  **Câu 2:** Nêu nội dung chính của đoạn thơ em vừa chép?  **Câu 3:** Trong đoạn thơ em vừa chép, kiểu câu phân theo mục đích nói nào được sử dụng nhiều nhất? Chúng được dùng trực tiếp hay gián tiếp? Nêu ngắn gọn hiệu quả nghệ thuật của việc sử dụng kiểu câu ấy trong việc biểu đạt nội dung đoạn thơ?  **Câu 4:** “Than ôi! Thời oanh liệt nay còn đâu?” thuộc kiểu câu gì? (xét theo mục đích nói)  **Câu 5:** Viết một đoạn văn từ 7 đến 10 câu trình bày theo cách diễn dịch cảm nhận đoạn thơ trên?( có một câu nghi vấn dùng để bộc lộ cảm xúc.) |

**GỢI Ý:**

**Câu 1:** Hs chép chính xác 9 câu thơ

**Câu 2: N**ội dung: Đoạn thơ là bộ tranh tứ bình lộng lẫy hiện ra giữa nỗi nhớ tiếc khôn nguôi và tâm trạng uất hận của con hổ khi sa cơ, thất thế .

**Câu 3:** Trong đoạn thơ em vừa chép, kiểu câu được sử dụng nhiều nhất là câu nghi vấn

Chúng được dùng gián tiếp

-> Khắc họa thành công nỗi nhớ tiếc quá khứ vàng son và sự bất lực của con hổ ở hiện tại

**Câu 4:**

**-** “Than ôi” là câu cảm thán.

- “ Thời oanh liệt nay còn đâu?” là câu nghi vấn.

**Câu 5:**

**\* Mở đoạn( câu chủ đề):** Đoạn thơ trên trích trong văn bản “ Nhớ rừng” của tác giả Thế Lữ đã rất thành công trong việc thể hiện bộ tranh tứ bình lộng lẫy hiện ra giữa nỗi nhớ tiếc khôn nguôi và tâm trạng uất hận của con hổ khi sa cơ, thất thế .

**\* Thân đoạn:**

- Trước hết là nỗi nhớ khôn nguôi “những đêm vàng bên bờ suối”. Nghệ thuật ẩn dụ biến không gian đêm trăng trở nên lãng mạn với hình ảnh con hổ ung dung say mồi, uống ánh trăng tan bên bờ suối.

- Nỗi nhớ ngẩn ngơ về những ngày mưa rừng với hình cảnh con hổ ngắm giang sơn trong niềm tự hào. Đại từ “ta” vang lên đầy kiêu hãnh hai lần trong một câu thơ khẳng định quyền tự do, quyền sở hữu tuyệt đối trong niềm kiêu hãnh của con hổ.

- Kỉ niệm thứ ba đầy mày sắc và âm thanh nhưng tất cả đã lùi sâu vào dĩ vãng. Điệp từ “đâu” với câu hỏi tu từ cất lên như một lời than, nhớ tiếc, xót xa.

- Nỗi nhớ của con hổ quay về cảnh chiều tà trong khoảnh khắc hoàng hôn chờ đợi. Bức tranh bốn là cảnh khắc của buổi chiều dữ dội với vị thế tuyệt đối duy nhất của con hổ giữa núi rừng.

- Giấc mơ huy hoàng của con hổ khép lại trong tiếng than u uất: “Than ôi! Thời oanh liệt nay còn đâu”. Phải chăng đó cũng chính là tiếng thở dài của người dân VN mất nước lúc bấy giờ?

**\* Kết đoạn:** Tóm lại, chỉ bằng tám câu thơ, với các biện pháp nghệ thuật đặc sắc, Thế Lữ đã tái hiện được bức tranh vừa có thơ, có nhạc , có cả họa tái hiện sâu sắc nhớ tiếc khôn nguôi và tâm trạng uất hận của con hổ khi sa cơ, thất thế .

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4**

|  |
| --- |
| **Hãy đọc lời nhận xét sau:** “Nhà thơ phản ánh rất thành công nỗi bất bình sâu sắc và niềm tự khao khát tự do mãnh liệt của chúa sơn lâm trước thực tại tù túng, ngột ngạt. Bút pháp khoa trương của tác giả đã đạt tới độ thần diệu trong cảnh giam cầm, hổ chỉ cần biết gửi hồn về chốn nước non hùng vĩ, giang sơn của giống hầm thiêng ngự tại thuở ngàn xưa. Bất bình với hiện tại nhưng không thể thoát khỏi xiềng xích nô lệ. Vị chúa tể sơn lâm đầy uy vũ ngày nào giờ đành buông xuôi, tự an ủi mình bằng những giấc mộng ngàn to lớn trong quãng đời tù túng còn lại. Một nỗi buồn tê tái thấm đẫm tâm hồn. Than ôi! Quá khứ hào hùng oanh liệt giờ chỉ còn hiện lên trong giấc mộng! Tự đáy lòng vị chúa tể rừng xanh bật thốt lên tiếng than ân oán: “Hỡi cảnh rừng ghê gớm của ta ơi!”  **Câu 1:** Lời nhận xét viết về bài thơ nào? Tác giả là ai?  **Câu 2:** Em hãy chép nguyên văn 4 câu thơ mà em thích trong bài thơ ấy? Nêu lí do vì sao em thích?  **Câu 3:** Câu thơ “Hỡi cảnh rừng ghê gớm của ta ơi!” thuộc kiểu câu gì?  **Câu 4:** Vì sao nói bài thơ trên thể hiện được lòng yêu nước thầm kín của người dân mất nước thuở ấy? Theo em thế hệ trẻ ngày nay phải làm gì để thể hiện lòng yêu nước của mình? |

**Gợi ý**

**Câu 1:** Lời nhận xét viết về bài thơ “Nhớ rừng” của tác giả Thế Lữ.

**Câu 2:** Học simh chép nguyên văn 4 câu thơ mà em thích trong bài thơ ấy.

**Chẳng hạn:**

Trong hang tối , mắt thần khi đã quắc.

Là khiến cho mọi vật đều im hơi

Ta biết ta chúa tể của muôn loài

Giữa chốn thảo hoa không tên không tuổi.

Em thích 4 câu thơ trên vì nó đã thể hiện sự dũng mãnh, oai vệ và quyền uy tuyệt đối của con hổ. Giữa cảnh đẹp thiên nhiên hùng vĩ, con hổ xuất hiện với vẻ đẹp oai phong, lẫm liệt của một vị chúa tể. Những câu thơ sống động, giàu chất tạo hình đã diễn tả chính xác vẻ đẹp của con hổ. Đại từ “ta” vang lên đầy kiêu hãnh tự hào, khẳng định quyền uy của con hổ.

**Câu 3:** Câu thơ “Hỡi cảnh rừng ghê gớm của ta ơi!” thuộc kiểu câu cảm thán, nó được dùng để bộc lộ cảm xúc.

**Câu 4:**

+ Vì :

Bài thơ thể hiện tâm trạng ngột ngạt, uất ức, tù túng

Nỗi chán ghét thực tại, tầm thường, giả dối.

Niềm khát khao tự do, mãnh liệt của con hổ

+ Để thể hiện lòng yêu nước của mình chúng ta cần: học tốt, tự hào về dân tộc, bảo vệ chủ quyền của tổ quốc, ...

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 5**

|  |
| --- |
| **Cho câu thơ : “**Nay ta ôm niềm uất hận ngàn thâu,”  **Câu 1:** Hãy nhớ và chép những câu thơ còn lại để có 1 đoạn thơ hoàn chỉnh đoạn thơ.  **Câu 2:** Hãy trình bày nội dung chính của khổ thơ bằng 1 câu văn có đủ chủ ngữ và vị ngữ.  **Câu 3:** Chỉ ra ít nhất một biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong khổ thơ và nêu tác dụng?  **Câu 4:** Hãy viết 1 đoạn văn ngắn trình bày cảm nhận của em về khổ thơ trên |

**Gợi ý:**

**Câu 1:** Hs nhớ và chép những câu thơ còn lại để có 1 đoạn thơ hoàn chỉnh đoạn thơ.

**Câu 2:** Con hổcăm gét đối với những cảnh tầm thường giả dối trong vườn bách thú.

**Câu 3:** Nghệ thuật liệt kê:“ hoa chăm”, “ cỏ xén”, “ lối phẳng”, “ cây trồng”….Đây là những cảnh đáng chán, đáng khinh , đáng gét. Tất cả chỉ là người tạo, do bàn tay con người sửa sang, tỉa tót nên nó rất đơn điệu, giả dối, tầm thường chứ không phải thế giới của tự nhiên, mạnh mẽ, bí hiểm.

**Câu 4:**

**\* Mở đoạn:** Đoạn thơ trên trích trong văn bản “ Nhớ rừng “ của tác gải Thế Lữ đã rất thành công trong việc diễn tả tâm trạng của con hổ ngao ngán, chán gét với cảnh ở vườn bách thú.

**\* Thân đoạn:** Cảnh vườn bách thú hiện ra dưới cái nhìn của con hổ chỉ là “ hoa chăm”, “ cỏ xén”, “ lối phẳng”, “ cây trồng”….Đây là những cảnh đáng chán, đáng khinh , đáng gét. Tất cả chỉ là người tạo, do bàn tay con người sửa sang, tỉa tót nên nó rất đơn điệu, giả dối, tầm thường chứ không phải thế giới của tự nhiên, mạnh mẽ, bí hiểm.. Bằng giọng thơ chế diễu, sử dụng nghệ thuật liệt kê, cách ngắt nhịp dồn dập tác giả đã cho ta thấy sự chán trường, khinh miệt, đáng ghét, tất cả chỉ đơn điệu, nhỏ bé, giả dối, vô hồi. Cảnh vườn bách thú từ túng ấy chính là thực tại xã hội đương thời. Tâm trạng chán trường của con hổ cũng chính là tâm trạng của nhà thơ và của người dân Việt Nam thuở bấy giờ.

**\* Kết đoạn:** Tóm lại, chỉ bằng đoạn thơ ngắn, với các biện pháp nghệ thuật đặc sắc, Thế Lữ đã tái hiện được tâm trạng của con hổ ngao ngán, chán gét với cảnh thực tại ở vườn bách thú.

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 6**

|  |
| --- |
| **Cho câu thơ : “**Hỡi oai linh, cảnh nước non hùng vĩ!,”  **Câu 1:** Hãy nhớ và chép những câu thơ còn lại để có 1 đoạn thơ hoàn chỉnh đoạn thơ.  **Câu 2:** Nêu nội dung chính của khổ thơ em vừa chép.  **Câu 3:** Nhận xét về giọng thơ của khổ cuối?  **Câu 4:** Chỉ ra một biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong khổ thơ và nêu tác dụng?  **Câu 5:** Hãy viết 1 đoạn diễn dịch trình bày cảm nhận của em về khổ thơ trên có sử dụng một kiểu câu đã học và gạch chân chỉ rõ? |

**Gợi ý:**

**Câu 1:**

"Hỡi oai linh, cảnh nước non hùng vĩ  
Là giống hầm thiêng ta ngự trị  
Nơi thênh thang ta vùng vẫy ngày xưa  
Nơi ta không còn được thấy bao giờ!  
Có biết chăng trong những ngày ta ngao ngán  
Ta đương theo giấc mộng ngàn to lớn  
Để hồn ta phảng phất được gần ngươi  
- Hỡi cảnh rừng ghê gớm của ta ơi!"

**Câu 2:** Nội dung chính của khổ thơ : Tâm trạng khao khát tự do mãnh liệt của con hổ, đồng thời cũng ẩn hiện trong đó là tấm lòng yêu nước sâu sắc và sự bất lực trước thời cuộc của con người.

**Câu 3:** Điệp ngữ "Nơi"( 3 lần)-> làm tăng thêm xúc cảm cũng như nỗi xót xa của nhân vật trữ tình, sự lưu luyến với những hồi ức tốt đẹp, sự tiếc thương đầy bất lực.

**Câu 4:** Giọng thơ chuyển đổi từ một tiếng thét bi tráng cho đến đây thì dần trầm xuống, mang cảm giác đau thương và bất lực.

**Câu 5:**

**\* Mở đoạn( Câu chủ đề):** Đoạn thơ trên trích trong văn bản “ Nhớ rừng” của tác gỉa Thế Lữ đã rất thành công trong việc diễn tả tâm trạng khao khát tự do mãnh liệt của con hổ, đồng thời cũng ẩn hiện trong đó là tấm lòng yêu nước sâu sắc và sự bất lực trước thời cuộc của con người.

**\* Thân đoạn:**

+ Khao khát tự do mãnh liệt đang dần sục sôi trong lòng con hổ, một lòng chỉ muốn hướng về nơi đại ngàn mênh mông với giọng gọi đầy tha thiết, bi tráng.   
+ Từ "hỡi" được đặt ở đầu câu thơ gợi ra cảm giác oai hùng của chúa sơn lâm, bộc lộ tư thế hiên ngang, phong thái cai trị lừng lẫy của một vị vua.  
- Phải chăng tâm trạng của con hổ chính là một hình tượng tiêu biểu cho hồn thơ của Thế Lữ, những trí thức tiểu tư sản cùng thời đều phải chịu chung một thực tại ấy là nỗi đớn đau mất nước, mất chủ quyền tộc, bế tắc trong cái vòng luẩn quẩn trước khi được giác ngộ cách mạng?( câu nghi vấn)  
=> Thỏa mình trong thơ ca, khát khao vươn tới những cái Đẹp xa xăm, nhiều mộng tưởng, thoát ly khỏi cuộc sống trần tục, có nhiều khốn khổ và chán chường.  
- Thể hiện khốn cảnh chung của dân tộc Việt Nam, cái thực tại tầm thường, giả dối ở đây chính là luận điệu "khai sáng", "bảo hộ" đầy xảo trá của thực dân Pháp. Còn nhân dân ta trở thành con hổ bị nuôi nhốt, bị kiềm chế về mọi mặt phải chịu nhục nhã, khốn đốn và bế tắc nhưng vẫn luôn có một khao khát mãnh liệt về cuộc sống tự do. Vẫn nhớ mãi, tiếc nuối mãi cảnh đất nước thanh bình, tươi đẹp thuở trước.

**\* Kết đoạn:** Tóm lại, chỉ bằng đoạn thơ ngắn, với các biện pháp nghệ thuật đặc sắc, Thế Lữ đã tái hiện được tâm trạng của con hổ ngao ngán, chán gét với cảnh thực tại ở vườn bách thú.

III. BÀI TẬP NÂNG CAO

BT1. Phân tích bài thơ "Nhớ rừng” của Thế Lữ

Thế Lữ (1907-1989) là bút danh của Nguyễn Thứ Lễ. Làm thơ, viết truyện, viết kịch, làm đạo diễn. Chủ tịch Hội nghệ sĩ sân khấu Việt Nam. Phương diộn nào ông cũng có thành tựu xuất sắc.

Thế Lữ là thi sĩ tiên phong, được ngợi ca là "Đệ nhất thi sĩ' trong phong trào "Thơ mới" (1932-1941). Tác phẩm thơ: "Mấy vần thơ" thể hiện một "hồn thơ rộng mở”, với cảm hứng lãng mạn dào dạt, nồng nàn, say đắm và thiết tha.

Bài thơ "Nhớ rừng" được Thế Lữ viết năm 1934, in trong tập "Mấy vần thờ' xuất bản năm 1935. Mượn lời con hổ bị nhốt ở vườn Bách thú, tác giả thể hiện tâm sự u uất, cãm hờn và niềm khao khát tự do mãnh liệt của con người bị giam cầm, nô lệ.

**\*Luận điểm 1: Nỗi đau đớn, căm hờn khi bị giam cầm**

Bị nhốt "trong cũi sắt", căm hờn uất hận đã chứa chất thành "khối", "gậm" mãi mà chẳng tan, càng "gậm" càng cay đắng. Chỉ còn biết "nằm dài" bất lực, đau khổ. Bị "giễu”, bị "nhục nhằn từ hãm”, trở thành "thứ dồ chơi" cho ” lũ người kia ngạo mạn, ngẩn ngơ”. Đau khổ nhất là chúa sơn lâm nay bị tầm thường hóa, vị thế bị xuống cấp:

"Chịu ngang bầy cùng bọn gấu dở hơi,

Với cặp báo chuồng bên vô tư lự".

Đó là một nét tâm trạng điển hình đầy bi kịch của chúa sơn lâm khi bị sa cơ, thất thế, bị giam cầm. Trong hoàn cảnh lịch sử đất nước ta khi bài thơ ra đời (1934) thì nỗi tủi nhục, căm hờn, cay đắng của con hổ cũng đồng điệu với bi kịch của nhân dân ta trong xích xiềng nô lệ sống trong tăm tối "nhơ nhuốc lầm than".

**Luận điểm 2: Bất lực trước thực tại, con hổ nhớ về một thời quá khứ vàng son lấy lừng**

"Tình thương nỗi nhớ” sống mãi, chẳng bao giờ quên. Nhớ "thuở tung hoành...”, "nhớ cảnh sơn lâm bóng cả cây già". Nhớ khúc nhạc rừng hùng tráng dữ dội. Chữ "nhố',chữ "với”**Nhận xét đánh giávề nghệ thuật** 🡆và cách ngắt nhịp (4-2-2, 5-5, 4-2-2...) biến hoá, cân xứng đã làm dội lên nỗi nhớ tiếc khôn nguôi, nhớ cồn cào, nhớ da diết. Sự phong phú về nhạc điệu đã khắc họa đời sống nội tâm vô cùng mạnh mẽ của một nhân vật phi thường từng có một quá khứ oanh liệt. Một tấm thân "như sóng cuộn nhịp nhàng". Một bước chân cao sang đầy uy lực "dõng dạc, dường hoàng". Một cặp "mắt thần" và khi "đã quắc"\ "mọi vật đều im hơi". Một sức mạnh của uy quyền bất khả xâm phạm.

**Luận điểm 3: Những vần thơ đầy nhạc điệu nói về nỗi nhớ cứ liên tiếp nhau như những cơn sóng lòng không bao giờ dứt**

"Nhớ cảnh sơn lâm, bóng cả, cây già

Với tiếng gió gào ngán, với giọng nguồn hét núi.

Với khi thét khúc trường ca dữ dội

**Nhận xét đánh giávề nghệ thuật** 🡆Các động từ "gào, hét, thét" đặc tả khúc trường ca dữ dội của rừng núi, suối ngàn thiêng liêng, hùng tráng. Đó là những câu thơ tuyệt bút làm sang trọng cho cả bài thơ. Hình ảnh thơ " Ta nằm dài"... rồi "ta sống mãi trong tình thương nỗi nhớ". Nhớ khi "ta bước chân lên...", nhớ một thời vàng son ngự trị:

'Ta biết ta chúa tể cả muôn loài,

Giữa chôn thảo hoa không tên, không tuổi".

**Nhận xét đánh giá,bình về nghệ thuật** 🡆Một chữ "ta" vang lên đầy kiêu hãnh tự hào. Chúa sơn lâm được miêu tả, được khắc hoạ trong chiều sâu của tâm linh, trong chiều cao của uy quyền được khẳng định. Các câu hỏi tu từ liên tiếp xuất hiện như một nỗi niềm lay tỉnh và khơi gợi nỗi "nhớ" trào lên: "nào đâu những...", "đâu những ngày...", "đâu những bình minh...", "đâu những chiều...". Nhớ mãi không nguôi, nhớ đêm trăng và suối, nhớ những ngày mưa rừng, nhớ bình minh, nhớ giấc ngủ, nhớ tiếng chim ca. Và nhớ "những chiều lênh láng máu...".**Bình luận**🡆Đoạn thơ tráng lệ nói về 4 nỗi nhớ của chúa sơn lâm, nhớ triền miên ngày và đêm, sớm và chiều, mưa và nắng, thức và ngủ, lúc say mồi và lúc lặng ngắm, lúc đợi chờ... Một không gian nghệ thuật được tái hiện và mô tả qua bộ tứ bình của một nhà danh họa. Chúa sơn lâm có lúc mơ mộng giữa cảnh suối trăng, có lúc trầm ngâm trong chiêm nghiệm, có lúc nén xuống, kiên nhẫn đợi chờ để "tung hoành..." và "quắc mắt..."ì

Đoạn thơ 10 câu này là đoạn thơ hay nhất trong bài "Nhớ rừng":

"Nào đâu những đêm vàng bên bờ suối,

Ta say mồi đứng uống ánh trăng tan?

Đâu những ngày mưa chuyển bốn phương ngàn

Ta lặng ngắm giang sơn ta đổi mới?

Đâu những bình minh cây xanh nắng gội,

Tiếng chim ca giấc ngủ ta tưng bừng?

Đâu những chiềú lênh láng máu sau rừng

Ta đợi chết mảnh mặt trời gay gắt

Để ta chiếm lấy riêng phần bí mật?

- Than ôi! Thời oanh liệt nay còn dâu?"

Sau nỗi nhớ một thuở vàng son, một thời oanh liệt, bỗng chúa sơn lâm chợt tỉnh mộng, trở về thực tại với cái cũi sắt, đau đớn và cay đắng vô cùng. Như một trái núi sụp đổ xuống, mãnh hổ cất lời than. Sự kết hợp giữa cảm thán với câu hỏi tu từ làm dội lên một lời thơ, một tiếng than của "hùm thiêng sa cơ", của một kẻ phi thường thất thế. Đó cũng là tiếng thở dài của một lớp người khao khát tự do ngày ấy: 'Than ôi! Thời oanh liệt nay còn đâu?". Câu hỏi của chúa sơn lầm cũng chính là của lớp người tiểu tư sản khi quá khứ vàng son đã lụi tàn, sa cơ thất thế trước thực tài phủ phàng. Đó là lí do vì sao tâm tưởng của họ luôn hướng nội, hướng về quá khứ huy hoàng và cái tôi cá nhân trổi dậy.

Luận điểm 4: Câu thơ kết thúc là nỗi niềm uất hận, nghẹn ngào của con hổ. Lại trở về nỗi buổn đau và nỗi nhớ "cảnh nước non hùng vĩ'. Chỉ còn biết nhắn gửi thiết tha và bổn chồn:

"Hỡi cảnh rừng ghê gớm của la ơi!"

"Nhớ rừng" là bài thơ tuyệt bút. Nó được xếp vào loại 10 bài thơ hay nhất của "Thơ mới" (1932-1941). Hình tượng tráng lệ, kì vĩ. Lối diễn tả và sử dụng ngôn ngữ biên hóa. Chất nhạc đa thanh và phức điệu tạo nên những vần thơ du dương. Thơ nên họa nên nhạc như cuốn hút và làm mê say hồn ta. Hình tượng chúa sơn lâm với nỗi nhớ rừng được nói đến với bao "lớp lớp sóng dồi". Trong nỗi đau sa cơ, thất thế có niềm kiêu hãnh tự hào. Bài thơ như một lời nhắn gửi thiêt tha về tình yêu thương đất nước. Tư tưởng lớn nhất của bài thơ là nói lên cái giá tự do, và khát vọng tự do.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

BT2: Cảm nhận của em về hình tượng con hổ trong bài thơ “Nhớ rừng" của Thế Lữ

"Nhớ rừng” là bài thơ kiệt tác của Thế Lữ, nhà thơ tiên phong của 'Thơ mới” (1932-1941). Với nhạc điệu du dương, với cảnh sắc thiên nhiên tráng lệ, đặc biệt với hình tượng con hổ, bài thơ "Nhớ rừng" đã chinh phục mỗi chúng ta, đã chiếm lĩnh nơi sâu kín nhất cõi tâm hồn bao người trong hơn nửa thế kỉ qua.

**Luận điểm 1: Con hổ được thi sĩ nói đến với bao cảm thông và ngưỡng mộ.** Nó đang nằm trong cũi sắt vườn Bách thú. Chúa sơn lâm trong cảnh tù hãm vô cùng cay đắng uất hận "gậm một khối căm hờn", muốn cắn nát, muốn nhai vụn mọi uất ức căm hờn đã tích tụ, đã chứa chất thành "một khối" trong lòng bấy lâu nay. **Nhận xét đánh giá** 🡆Không căm hờn sao được khi phải "nằm dài trông ngày tháng dần qua" trong cũi sắt? Không uất ức, cay đắng sao được khi chúa sơn lâm "oai lình rừng thẳm” đang bị lũ người "giương mắt bé giễu", đang trở thành "thứ dồ chơi", với cặp báo "vô tư lự' trong vườn Bách thảo? Thế Lữ đã thể hiện tâm trạng cay đắng, căm hờn của con hổ mất tự do đầy ám ảnh:

"Gậm một khối căm hờn trong cũi sắt

Ta nằm dài, trông ngày tháng dần qua...

(...) Nay sa cơ, bị nhục nhằn tù hãm...".

Qua đó, ta càng thấy rõ: "Anh hùng thất thế sa cơ cũng hèn" (Truyện Kiều); ta càng thấm thìa: "Trên đời nghìn vạn điều cay đắng - Cay đắng chi bằng mất tự dó" (Nhật kí trong tù).

**Luận điểm 2: Những câu thơ tiếp theo là nỗi nhớ cứ dâng trào cuộn sóng**. Năm tháng dần trôi qua, chúa sơn lâm có bao giờ nguôi được nỗi nhớ rừng. Nhớ "Thuở tung hoành hống hách những ngày xưa", nhớ vương quốc "miền đất thiêng" mà "ta" ngự trị:

"Nhớ cảnh sơn lủm, bóng cả, cây già,

Với tiếng gió gào ngàn, với giọng nguồn hét núi"...

Nhớ tư thế cao sang, oai hùng của "la”. Một cái bước chân. Một tấm thân lượn sóng. Một cái vờn bóng... Tất cả đều "dõng dạc, dường hoàng". Một chữ "ta" vang lốn dầy kiêu hãnh lự hào của chúa sơn lâm:

'Ta bước chân lên, (lõng dạc, dường hoàng

Lượn tấm thán như sóng cuộn nhịp nhàng

Vờn bóng âm thầm, lá gai, cỏ sắc".

**Nhận xét đánh giá** 🡆Quyền uy của "ta” là tuyệt đối. Mọi vật đều phải khiếp sợ, phải "im hơi" khi "mắt thần" của ta "dã quắc". "Ta biết" giữa chốn thảo hoa, "ta chúa tể cả muôn loài": "Trong hang tối, mắt thần khi dã quắc

Là khiến cho mọi vật đều im hơi

Ta biết ta chúa tể cả muôn loài

fGiữa chốn thảo hoa không tên, không tuổi".

'Nỗi nhớ rừng thiêng, nhớ quyền uy... của chúa sơn lâm chính là nhớ những năm tháng không thể nào quên. Nỗi nhớ ấy chính là khát vọng sống, khát vọng tự do cháy bỏng.

**Luận điểm 3: Hổ nhớ rừng là nhớ đến những kỉ niệm chói lọi một thời vàng son, một thời oanh liệt**.

Cảnh vật tráng lệ. Nhạc của thơ cũng là nhạc của rừng:

"Nào dâu những đêm vàng bên bờ suối,

Ta say mồi đứng uống ánh trăng tan?

Đâu những ngày mưa chuyển bốn phương ngàn

Ta lặng ngắm giang sơn ta đổi mới?

Đâu những bình mình cây xanh nắng gội Tiếng chim ca giấc ngủ ta tưng bừng?

Đâu những chiều lênh láng máu sau rừng

Ta đợi chết mảnh mặt trời gay gắt

’ Để ta chiếm lấy riềng phần bí mật?

- Than ôi! Thời oanh liệt nay còn đâu?"

**Nhận xét đánh giá về nghệ thuật** 🡆Các luyến láy, điệp ngữ: "dâu những đêm vàng...", "đáu nhiĩng ngày mưa...","đâu những bình minh...", "đáu những chiều...", "nay còn dâu?" xuất hiện nối tiếp trong 5 câu hỏi tu từ tạo nên nhạc điệu du dương, triền miên, da diết, thổ hiện sâu sắc tình thương nỗi nhớ của hùm thiêng sa cơ, nhớ rừng, tiếc nuối một thời ‘ị oanh liệt nay đã trở thành hoài niệm, quá vãng. Chúa sơn lâm nhớ đêm, nhớngày, nhớ bình minh, nhớ chiều tà. Nhớ suối, nhớ trăng. Nhớ cảnh giang san trong màn mưa rừng. Nhớ "cây xanh nắng gội". Nhớ chim hót tưng bừng lúc bình minh. Nhớ măt trời gay gắt trong khoảnh khắc hoàng hôn... **Nhận xét đánh giá** 🡆Nỗi nhớ tiếc ấy là nỗi đau buổn bị tước đoạt mất tự do, cũng là nỗi khát khao tự do. **Bình luận**🡆Thế Lữ đã sáng tạo nên những vần thơ giàu hình tượng và nhạc điệu, dào dạt cảm xúc để thể hiện nỗi nhớ rừng của hùm thiêng sa cơ... Một tiếng than như xiết lấy lòng người, khơi 7 gợi và lay tỉnh: 'Than ói! Thời oanh liệt nay còn dâu?"

Luận điểm 4: Những câu thơ cuối là nỗi nhớ rừng khôn nguôi của con hổ. Đau đón và uất

I hận biết đến bao giờ có thể nguôi? Như một tiếng thở dài ngao ngán:

"Nay ta ôm niềm uất hận ngàn thâu".

Hổ "nhớ cảnh sơn lâm, bóng cả, cây già" rồi "uất hận" căm ghét những cảnh "không dời nào thay đổi", tẻ nhạt, vô vị, vô nghĩa "tầm thường, già dôi , nho be:

"Hoa chăm, cỏ xén, lối thẳng, cây trồng;

Dái nước đen giả suối, chẳng thông dòng

Len dưới nách những mỏ gò thấp kém”.

Uất hận cảnh tù hãm, chán ghét những cảnh vật tầm thường nhỏ be do "lũ người kia ngạo mạn” bày ra, hổ lại nhớ day dứt, nhớ khôn nguôi ''cảnh nước non hùng vĩ'. Nhớ rừng là nhớ vương quốc tự do ngày nào:

"Là nơi giống hầm thiêng ta ngự trị

Nơi thênh thang ta vùng vay ngày xưa”.

Trước thực tại đau đớn, hổ chỉ còn biết thả hồn mình theo "giấc mộng ngàn”. Chúa sơn lâm cất tiếng gọi rừng thiêng với bao nhớ thương bồi hồi, da diết:

"Hỡi cảnh rừng ghê gớm của ta ơi!"

"Nhớ rừng” là một trong mười bài thơ hay nhất của "Thơ mới" (1932-1941). Thể thơ tự do, lời thơ đẹp, hình tượng kì vĩ, tráng lệ. Nhạc điệu du dương, cảm xúc "nhớ rừng" dào dạt. Hình tượng con hổ sa cơ, đau đớn uất hận, da diết nhớ rừng được khắc họa sâu sắc, đầy ám ảnh.

Trong hoàn cảnh bài thơ ra đời (1934), tâm trạng tủi nhục, đau đớn, uất hận... của con hổ nhớ rừng đổng điệu với bi kịch của nhân dân ta đang rên xiết trong xích xiềng nô lệ. Nhớ rừng là khao khát sống, khao khát tự do. Bài thơ mang hàm nghĩa như một lời nhắn gửi kín đáo, tha thiết về tình yêu giang sơn đất nước. Tư tưởng lớn nhất của bài thơ là cái giá của tự do. Hình tượng con hổ nhớ rừng là sự thể hiện tuyệt vời tư tưởng vĩ đại ấy.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

BT3.Phân tích, Bình giảng đoạn thơ sau trong bài thơ "Nhớ rừng” của Thê Lữ

..."Nào đâu những đêm vàng bên bờ suối,

Ta say mồi đứng uống ánh trăng tan?

Đáu những ngày mưa chuyển bốn phương ngàn

Ta lặng ngắm giang sơn ta đổi mới?

Đâu những bình mình cây xanh nắng gội,

Tiếng chim ca giấc ngủ ta tưng bừng?

Đáu những chiều lênh láng máu sau rừng

Ta đợi chết mảnh mặt trời gay gắt

Để ta chiếm lấy riêng phần bí mật?

- Than ôi! Thời oanh liệt nay còn dâu?"

Tác phẩm "Mấy vần thờ' đã cắm một cái mốc son chói lọi của nền "Thơ mới” Việt Nam, đã khẳng định vai trò tiên phong của Thế Lữ trong nền thi ca Việt Nam hiện đại. Bài thơ "Nhớ rừng" in trong tập "Mấy vần thờ', là bài thơ kiệt tác mang tính hàm nghĩa, có hình tượng tráng lệ, nhạc điệu du dương, lôi cuốn hấp dăn. Bài thơ thể hiện tâm trạng nhớ rừng của con hổ bị sa cơ, qua đó nói lên nỗi tủi nhục uất hận bị tù hãm và khát vọng tự do. "Nhớ rừng" gồm có 5 đoạn thơ, mỗi đoạn thơ là một nét tâm trạng của chúa sơn lâm. Đây là đoạn thơ thứ ba:

"Nào (làu nhũng dèm vàng bên bờ suối...

- Than ôi! Thời oanh liệt nay còn dâu?"

Nàm trong cũi sắt. chúa sơn lâm "sống mãi trong lình thương nỗi nhớ...". Nhớ cành rừng thiêng "bóng cả, cây già" nơi hùm thiêng từng "ngự trị". Rồi nhớ đến những kỉ niệm một thời oanh liệt. Nhớ "những dâm vàng bên bờ suối". Nhớ "những ngày mưa chuyển bốn phương ngàn...". Nhớ "những bình minh cây xanh nắng gội...". Nhớ "những chiểu lênh láng máu sau rửng...". Mõi nỗi nhớ gắn liền với một cảnh vật, một sinh hoạt, một khoảnh khắc thời gian. Cấu trúc đoạn thơ là cấu trúc tứ bình mang vẻ đẹp nghệ thuật cổ điển, có ít nhiều cách tân sáng tạo.

**Luận điểm 1: Trước hết là nỗi nhớ khôn nguôi, nhớ suối, nhớ trăng, nhớ những "đêm vàng", nhớ lúc "say mồi" ung dung thỏa thích bên bờ suối:**

"Nào dâu những đêm vàng bên bờ suối,  
Ta say mồi đứng uống ánh trăng tan?"

Hai chữ "nào đáu" phiếm chỉ, hỏi một kỉ niệm đẹp đã lùi sâu vào quá vãng. Biết bao nhớ tiếc bâng khuâng. Thơ nên họa, cảnh vật đầy màu sắc và ánh trăng. Ánh trăng chan hòa trên dòng suối, "tan" vào nước suối. Hổ say mồi và say trăng. Hình ảnh "đêm vàng bên bờ suối" một ẩn dụ đầy mộng ảo nên thơ. Bức tranh thứ nhất trong bộ tứ bình được Thế Lữ vẽ bằng bút pháp tài hoa gợi lên hình ảnh chúa sơn lâm say mồi trong niềm vui hoan lạc giữa một đêm trăng bên bờ suối.

**Luận điểm 2: Bức tranh thứ hai nói lên nỗi nhớ ngẩn ngơ man mác của hổ về những ngày mưa rừng.** Hổ ung dung "lặng ngắm" cảnh giang san, một mình ngự trị, xúc động cảm thấy "giang san ta đổi mới". Chữ "đâu" lần thứ hai xuất hiện, biểu lộ nỗi lòng tiếc nuối, ngẩn ngơ. Điệp từ "ta" thể hiện niềm tự hào về những kỉ niệm đẹp thuở "vùng vẫy ngày xưa":

"Đáu những ngày mưa chuyển bổn phương ngàn

Ta lặng ngắm giang san ta đổi mới?"

Bức tranh thứ hai gợi tả một không gian nghệ thuật hoành tráng của giang san chúa sơn lâm mang tầm vóc "chuyển bốn phương ngàn". Kỉ niệm xưa đang mờ dần theo năm tháng, sao không ngẩn ngơ, sao không nuối tiếc?

**Luận điểm 3: Kỉ niệm thứ ba nói về giấc ngủ của hổ trong cảnh bình mình. Vương quốc tràn ngập trong màu xanh và ánh nắng: "bình minh cây xanh nắng gội".**

Hổ nằm ngủ trong khúc nhạc rừng tưng bừng của tiếng chim ca:

"Đâu những bình minh cây xanh nắng gội,

Tiếng chim ca giấc ngủ ta tưng bừng?"

Bức tranh thứ ba đầy màu sắc và âm thanh. Có màu hổng bình minh, màu vàng nhạt của nắng sớm, màu xanh bát ngát của cây rừng. Có tiếng ca tưng bừng của đàn chim. Còn có nhạc của thơ. **Phân tích nghệ thuật 🡆** Các điệp thanh "bình - minh", "tưng - bừng" hòa thanh với vần lưng "ca - ta" như mở ra một không gian nghệ thuật, một cảnh sác thơ mộng thần tiên. Điệp từ "đâu" với câu hỏi tu lừ cất lên như một lời than nhớ lice, xót xa... Kỉ niệm đẹp ngày xưa, nay còn đâu nữa!

Quá khứ càng đẹp, càng oanh liệt bao nhiêu thì nỗi nhớ tiếc càng đau đáu bấy nhiêu. Xưa là "tung hoành", là "vùng vẫy". Nay là tù hãm, là "nằm dài" trong cũi sắt. Nuối tiếc thời oanh liệt với bao nỗi buồn đau, mãnh hổ sa cơ chỉ còn biết cất lời than:

"Than ôi! Thời oanh liệt nay còn đâu?"

**Đánh giá nội dung🡆**Làm nôi bật sự đôi lập, tương phản của hai cảnh tượng, hai thê giới, nhà thơ đã thê hiện nôi bât hoà sâu sắc đối với thực tại và niềm khao khát tự do mãnh liệt. Đó là tâm trạng của nhân vật lãng mạn - con hổ bị giam cầm trong cũi săt, ngao ngán, căm uất vì phải sống trong cảnh tù túng tầm thường, da diêt nhớ thời oanh liệt nơi núi rừng hùng vĩ. **Liên hệ với thời đại🡆**Đó cũng là tâm trạng của người dân Việt Nam mất nước lúc bây giờ. Con người phải sông trong cảnh nô lệ bị nhục nhằn tù hãm”, cũng “gậm một khôi căm hờn trong cũi săt ’, cũng tiêc nhớ khôn nguôi một “thời oanh liệt” của lịch sử dân tộc, và khao khát được tự do, trở về với “nơi thênh thang ta vùng vẫy ngày xưa”. Nhưng, ngay trong niềm khao khát ây dường như đã chới với một nỗi tuyệt vọng: “Nơi ta không còn được thấy bao giờ!” Câu thơ thể hiện nỗi nhớ tiếc xót xa của nó thể hiện khát vọng sống tự do. Ý tưởng ấy rất đẹp và giàu ý nghĩa đối với con người Việt Nam gần 70 năm về trước khi phải sống tủi nhục trong vòng nô lệ lầm than. Ý tưởng ấy mở ra nhiều liên tưởng và lay tỉnh.

**Đánh giá về nghệ thuật 🡆**Bài thơ "Nhớ rừng" có giá trị nghệ thuật đặc sắc. Ngôn ngữ thơ giàu hình tượng, màu sắc và âm thanh. Nhạc điệu du dương, trầm bổng. Từ ngữ được sử dụng sắc sảo, đích đáng. Đặc biệt các điệp ngữ "đáu những", "còn đâu", "ta", các câu hỏi tu từ và cảm thán đem đến bao ám ảnh mênh mang.

Cũng là cấu trúc tứ bình nhưng bút pháp của Thế Lữ có nhiều sáng tạo đổi mới. Đâu chỉ có tứ mùa (xuân, hạ, thu, đông), tứ hữu (trúc, mai, lan, cúc), tứ linh (long, lân, quy, phượng), v.v... Bức tranh tứ bình trong "Nhớ rừng" rất đa dạng, sinh động. Có thời gian nghệ thuật: đêm trăng, ngày mưa, bình minh và chiều tà. Có không gian nghệ thuật: suối và trăng, giang san và bốn phương ngàn, cây xanh nắng gội và tiếng chim ca "lênh lánh máu", sau rừng và mảnh mặt trời gay gắt. Có tâm trạng nghệ thuật, bao trùm ìà nỗi nhớ nuối tiếc một thời oanh liệt xa xưa. Hổ lúc thì "say mồi dửng uống ánh trăng tan" bên bờ suối, lúc thì trầm tư "lặng ngắm cảnh giang san" qua màn mưa rừng. Có lúc nằm ngủ trong tiêng chim ca bình minh. Lại có lúc đợi chờ mặt trời lặn "dể chiếm lấy riêng phần bí mật" của rừng đêm. Qua dó, ta càng thấy rõ doạn thơ với bức tranh tứ bình dược thể hiện bằng một bút pháp nghệ thuật điêu luyện, dộc dáo.

"Thơ đích thực dể lại dấu ấn tâm hồn nghệ sĩ". Đoạn thơ trên dây đã để lại dấu ấn tâm hổn Thế Lữ bảy mươi năm về trước, một hổn thơ lãng mạn tuyệt dẹp. Một niềm khao khát tự do cháy bỏng tâm hổn.

**Luận điểm 4: Nhớ đêm trăng, nhớ ngày mưa, nhớ bình minh,... rồi hổ nhớ lại những chiều tà trong khoảnh khắc hoàng hôn chờ đợi**. Trong cảm nhận của mãnh hổ, trời chiều không đỏ rực mà là "lênh lánh máu sau rừng'. Mặt trời không lặn mà là "chêì”. Phút chờ đợi của chúa sơn lâm trong khoảnh khắc chiều làn và hoàng hôn thật dữ dội. Chúa sơn lâm sẽ "('hiểm lấy riêng phần hỉ mật" của rừng đêm, để "tung hoành". Ngôn ngữ thơ tráng lệ, nghệ thuật dùng từ sắc, mạnh, giàu giá trị gợi tả. Bức tranh thứ tư của bộ tứ bình là cảnh sắc một buổi chiều dữ dội, phút đợi chờ '7ể/z đường” của chúa sơn lâm. Càng nhớ càng xót xa nuối tiếc:

''Đâu những chiếu lênh láng máu sau rừng

Ta đợi chết mảnh mặt trời gay gắt

Để ta chiếm lấy riêng phần bí mật?"

Phân tích bức tranh tứ bình trong bài thơ Nhớ rừng của Thế Lữ

Bức tranh đêm trăng, bức tranh ngày mưa hay bức tranh lúc bình minh là những ý chính cần phân tích khi tìm hiểu bức tranh tứ bình trong bài thơ Nhớ rừng của Thế Lữ.

1. Bức tranh đêm trăng và sự say sưa của chúa sơn lâm

Phân tích bức tranh tứ bình trong bài thơ Nhớ rừng, thì bức tranh đầu tiên xuất hiện chính là hình ảnh hổ trong đêm trăng thơ mộng:

“Nào đâu những đêm vàng bên bờ suối

Ta say mồi đứng uống ánh trăng tan?”

Cảnh đêm trăng hiện hữu trong không gian tràn đầy màu sắc ánh vàng của vầng trăng trên cao đang soi chiếu khắp nhân gian. Đặc biệt khung cảnh khi có sự xuất hiện của dòng suối với tiếng chảy róc rách lại càng trở nên sinh động, tươi mát. Trước cảnh ấy con hổ đứng bên bờ ngắm nhìn trong trạng thái say mồi, sảng khoái thưởng thức dòng suối mát trong.

Có lẽ cái làm cho hổ kia phải say không chỉ đơn thuần bởi miếng mồi ngon mà còn là cái say trước sự lung linh, kì ảo của khung cảnh đang hiện hữu trước mắt. Hổ say mồi nhưng càng thỏa mãn hơn khi được uống vào những hớp nước có sự soi vàng của bóng trăng. Bao nhiêu nét gân guốc, dữ tợn của chúa tể vùng sơn lâm nhờ có cảnh đẹp hình như cũng trở nên mềm mại, bình thản hơn để có thể hòa vào cảnh vật. Tìm hiểu bức tranh tứ bình trong bài thơ Nhớ rừng, ta thấy tất cả những điều trên đã tạo nên sự thơ mộng, kì ảo của một bức tranh có sự hài hòa của cả cảnh và vật.

Cảnh có đẹp, có thơ mộng và diệu kì đến nhường nào, hổ có bao lần được hòa mình vào “những đêm vàng bên bờ suối” để “say mồi đứng uống ánh trăng tan”, nhưng thực tại những giây phút sảng khoái cũng chỉ còn trong trí nhớ. Sự “say mồi” đầy thỏa mãn hay tư thế “đứng uống” chễm chệ trong những đêm tự do ấy nay đã lùi xa vào quá khứ nhưng với hổ thì những kỉ niệm và cảm giác ngây ngất ấy vẫn hiển hiện rất rõ rệt như chỉ mới diễn ra ngày hôm qua. Câu hỏi tu từ như xoáy mãi vào tâm can của chúa sơn lâm, tất cả đã trở thành quá khứ. Hai câu thơ như dáng dấp của một nhà thi sĩ đang ngắm nghĩa cái khung cảnh thiên nhiên thơ mông trữ tình.

2. Bức tranh ngày mưa và sự điềm nhiên của chúa sơn lâm

Ở bức tranh thứ hai, tác giả lại dùng ngôn từ của mình vẫn để thể hiện hình ảnh trung tâm là con hổ trên phông nền của khung cảnh ngày mưa:

“Đâu những ngày mưa chuyển bốn phương ngàn

Ta lặng ngắm giang sơn ta đổi mới?”

Chúa sơn lâm lúc này đã không còn say sưa bên dòng suối mát lành và miếng mồi hấp dẫn như trong bức tranh trước đó. Trong khung cảnh “những ngày mưa chuyển bốn phương ngàn” của núi rừng, thiên nhiên dường như cũng trở nên dữ dội, mịt mù. Mưa giăng khắp lối khiến cho vạn vật cũng rung chuyển theo. Ấy thế mà vị chúa tể của ta vẫn không hề có một chút nao núng trước những sự gào thét dữ dội của thiên nhiên và sự ngả nghiêng của vạn vật.

Hổ vẫn hiên ngang, điềm tĩnh, bệ vệ trước cảnh ấy để thu vào trong mắt tất cả những chuyển biến của đất trời. Mưa gió càng tác động lên tất cả mọi thứ mạnh mẽ, đáng sợ bao nhiêu thì hổ ta vẫn giữ một thái độ của một bậc vương giả. Khi phân tích bức tranh tứ bình trong bài thơ Nhớ rừng, ta thấy trên hết, hổ còn xem việc “những ngày mưa chuyển bốn phương ngàn” trên thực chất là sự tác động để “giang sơn ta đổi mới”. Thế nên, trong trạng thái “lặng ngắm” kia, hổ thực chất đang đứng ở tư thế làm chủ vạn vật.

Con hổ trong những ngày mưa to gió lớn chốn rừng thiêng vẫn giữ phong thái điềm nhiên, tĩnh tại ấy lại chỉ là một hình ảnh của thời đã qua. Hổ giờ đây bị giam hãm trong chốn ngục tù, dù có râm mát, dù không bị tắm ướt bởi mưa nhưng đó chưa bao giờ là điều nó mong muốn. Ngày trước khi còn tự do giữa núi rừng đất trời và có lúc phải đón những cơn mưa rừng xối xả, dữ dội nhưng chúa sơn lâm chưa bao giờ phiền lòng vì điều đó. Ngược lại, trong cảnh mưa tuôn mịt mờ ấy, nó lại càng cảm thấy bản thân mạnh mẽ và oai hùng. Nói cách khác, thiên nhiên có thách thức như thế nào, hổ vẫn giữ được bản lĩnh của riêng mình. Khi bị giam cầm, bản lĩnh ấy vẫn còn và chỉ tiếc là nó lại không được thể hiện như trong chính nơi nó cần thuộc về. Nhưng tất cả cũng chỉ là quá khứ mà thôi. Con hổ đang tự hỏi mình hay nó đang nhớ nhung, tiếc nuối? Ở bức tranh thứ hai, hổ như một nhà hiền triết đang say mê ngắm giang sơn hùng vĩ của mình.

3. Bức tranh bình minh và sự uy nghi của chúa sơn lâm

Ở câu thơ thứ ba, thứ tư của đoạn thơ, tác giả đã giúp cho ta nhìn thấy sự tươi mới, rộn ràng của khung cảnh đất trời trong khoảnh khắc của ngày mới:

“Đâu những bình minh cây xanh nắng gội

Tiếng chim ca giấc ngủ ta tưng bừng?”

Ngày mưa qua đi như làm cho bầu trời buổi sớm thêm phần trong trẻo, tươi sáng. Trong khung cảnh ấy, cây cối sau khi được tắm mát trong những trận mưa rừng đã đầy lại được gội mình trong nắng mới nên càng trở nên tươi tắn và tràn đầy sức sống. Góp vào sức sống bừng lên trên từng nhánh cây ngọn cỏ ấy là tiếng reo ca rộn rã của bầy chim rừng. Trong khung cảnh ấy, hổ xuất hiện trong giấc ngủ, nhưng lại là giấc ngủ “tưng bừng”.

Nếu trong đêm khi tất cả mọi vật đều sâu giấc thì hổ thức để say sưa cùng vũ trụ, những ngày mưa ai ai cũng tìm nơi ẩn trú thì hổ “lặng ngắm giang sơn” và giờ đây khi bình minh ló dạng thì hổ chìm vào giấc ngủ. Đặc biệt, vị chúa sơn lâm lại còn được dỗ giấc bằng không khí mát mẻ và cả những âm thanh tươi vui của vạn vật.

Có thể thấy, khi sống trong môi trường của mình, hổ rất đỗi tự do vì có thể tự ý làm những điều mình muốn. Nó luôn đứng ở vị thế chế ngự đầy uy nghi và có thể chi phối kẻ khác chứ không bao giờ chịu phụ thuộc. Hình ảnh hổ lúc đó khác hẳn với tình cảnh bây giờ: không chỉ “làm trò lạ mắt, thứ đồ chơi” mà còn phải “chịu ngang bầy cùng bọn gấu dở hơi”, “với cặp báo chuồng bên vô tư lự”. Ở đây, ta thấy hổ như một bậc đế vương được hàng ngàn loài chim ru ngủ.

4. Bức tranh về chiều cùng màu sắc của sự bi tráng

Bình minh qua, ngày tàn là thời khắc hoàng hôn gõ cửa. Bức tranh thứ tư của bài chính là diễn tả thời khắc ấy của cảnh rừng. Đây là bức tranh cuối cùng nhưng có thể gây được ấn tượng mạnh mẽ nhất:

“Đâu những chiều lênh láng máu sau rừng

Ta đợi chết mảnh mặt trời gay gắt”

Cảnh tượng hiện lên thật dữ dội trong hình ảnh “chiều lênh láng máu sau rừng”. Gam màu nóng trở thành gam màu chủ đạo của bức tranh. Đó có thể là màu của máu đỏ cũng có thể là màu của ánh sáng mặt trời. Nếu như ban ngày, mặt trời làm nhiệm vụ soi tỏa ánh sáng xuống nhân gian, sự sống của vạn vật cũng nương theo ánh sáng ấy mà vận hành thì đến khi mặt trời khuất bóng thì vạn vật cũng lấy khoảng thời gian mặt trời lặn xuống ấy để ngưng mọi hoạt động mà nghỉ ngơi. Thế nhưng, vị chúa tể lại đang chờ đón khoảnh khắc “chết mảnh mặt trời gay gắt” ấy để:

“Để ta chiếm lấy riêng phần bí mật?”

“Bí mật” ấy phải chăng chính là quyền lực từ tay vũ trụ. Hổ muốn chớp lấy cơ hội để đoạt được quyền lực ấy mà chế ngự hoàn toàn thế giới của nó.

Khát khao tuy to lớn, khung cảnh trong bốn bức tranh tuy hùng vĩ, nguy nga nhưng chỉ là những hình ảnh thuộc về dĩ vãng, dù có lúc hiển hiện rõ rệt nhưng kèm theo đó chỉ là nỗi nhớ da diết tới đau đớn của con hổ. Các điệp ngữ “nào đâu”, “đâu những” cùng hàng loạt các câu hỏi tu từ đã có vai trò diễn tả rất sâu sắc sự nhớ tiếc của con hổ đối với những gì nó đã trải qua.

Thời oanh liệt của những ngày xưa cũ được tung hoành ngang dọc thực chất đã khép lại và có khi không bao giờ trở về. Với vị chúa tể, sau tất cả có lẽ còn lại chỉ là một tiếng than u uất không có sự đáp hồi:

“- Than ôi! Thời oanh liệt nay còn đâu?”

Đó là lời than của con hổ, là nỗi niềm của nhà thơ nhưng thực chất cũng là tiếng lòng, tâm trạng chung của những con người phải sống trong sự kìm kẹp, giam hãm. Đối với thời buổi người dân Việt Nam phải sống cảnh nô lệ, bài thơ của Thế Lữ đã thay họ thể hiện niềm tiếc nuối về những chiến công vẻ vang chống giặc ngoại xâm của một thời oanh liệt của dân tộc mình. Đó có lẽ lí do khiến bài thơ được đón nhận rất nồng hậu, say sưa ngay từ khi ra đời.

Kết bài: Những câu thơ khắc họa bốn bức tranh về thiên nhiên núi rừng và sự hiện hữu của chúa tể sơn lâm thực sự là những dòng tuyệt bút của bài thơ “Nhớ rừng”. Thông qua việc sử dụng điệp ngữ, câu hỏi tu từ và hàng loạt các hình ảnh gợi màu sắc, đường nét của cảnh vật thiên nhiên, Thế Lữ không chỉ làm xuất hiện trước mắt người đọc tuyệt phẩm diễn tả sự kì vĩ, hùng tráng của chốn rừng thiêng mà còn làm bộc lộ tâm sự, nỗi niềm của chúa tể sơn lâm. Đó cũng chính là tâm sự, nỗi niềm chung của con người thời đại…

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**BÀI 4.Dàn ý bức tranh tứ bình trong bài thơ nhớ rừng của Thế Lữ**

Để giúp bạn nắm được các ý chính trong bài viết trên cũng như tư tưởng và nội dung của tác phẩm, sẽ giúp bạn khái quát để lập dàn ý bức tranh tứ bình trong bài thơ Nhớ rừng của Thế Lữ.

Mở bài phân tích bức tranh tứ bình trong bài thơ Nhớ rừng

Đôi nét chính về tác giả Thế Lữ: người cầm lá cờ chiến thắng cho phong trào Thơ Mới…

Giới thiệu tác phẩm Nhớ rừng của Thế Lữ: nêu khái quát tư tưởng cùng nội dung của bài thơ.

Dẫn dắt đến bức tranh tứ bình trong bài thơ Nhớ rừng.

Thân bài phân tích bức tranh tứ bình trong bài thơ Nhớ rừng

Bức tranh đêm trăng và sự say sưa của con hổ.

Bức tranh ngày mưa và sự điềm nhiên của chúa sơn lâm.

Bức tranh lúc bình minh với sự uy nghi của con hổ.

Bức tranh chiều tàn cùng những sắc màu bi tráng.

Kết bài phân tích bức tranh tứ bình trong bài thơ Nhớ rừng

- Khái quát lại toàn bộ giá trị nội dung và nghệ thuật điển hình trong tác phẩm.

- Nhấn mạnh lại ý nghĩa sâu sắc của bài thơ Nhớ rừng.

- Khẳng định bức tranh tứ bình trong bài thơ Nhớ rừng là một điểm nhấn mang đến giá trị lớn cho tác phẩm này.

- Có thể thấy, tác phẩm Nhớ rừng đã thể hiện là một khúc trường ca dữ dội qua tâm trạng của chúa sơn lâm. Hơn hết, bài thơ còn là một họa phẩm, nổi bật lên trên những câu chữ là hình ảnh nhân dân Việt Nam dưới gót giày của quân giặc… Bức tranh tứ bình trong bài thơ Nhớ rừng nhấn mạnh đến tính tạo hình đặc sắc của tác phẩm. Người đọc có thể thấy bút pháp tạo hình của nhà thơ vừa có họa pháp của một người họa sĩ, lại vừa có thi pháp của một thi nhân… Hình ảnh chúa sơn lâm hiên lê thật bạo tàn đầy thách thức.

Bốn bức tranh là bốn câu hỏi tu từ, là bốn nỗi nhớ nhung, tiếc nuối là 4 thời đại anh hùng của chúa sơn lầm. Nhưng đó còn là bốn nổi đau đớn khôn nguôi. Điệp ngữ “nào đâu, đâu” cứ khắc khoải cứ dồn nén, cứ du dương như những khúc nhạc của đại ngàn đang vẫy gọi.

**BÀI 5.Nêu cảm nhận của em về đoạn thơ sau: “Nào đâu những đêm vàng bên bờ suối... Ta đợi chết mảnh mặt trời gay gắt”. (Nhớ rừng - Thế Lữ)**

**Gợi ý**

Trong những năm tháng rực rỡ nhất của phong trào Thơ mới, Thế Lữ hiện lên như một vì sao mai sáng lòa, lấp lánh. Còn lại với thời gian hôm nay, Thế Lữ gắn bó với bạn đọc bởi bài thơ nổi tiếng nhất của ông: bài thơ *Nhớ rừng.* Bài thơ ấy dưới tiêu đề của nó, tác giả đã đề một dòng chữ nhỏ: “Lời con hổ trong vương bách thú”. Xuyên suốt tác phẩm, người đọc hiểu rằng bài thơ là những tâm sự đầy uất hận của con hổ trước cảnh đời hiện tại bức bách, tù túng; nó mơ về những ngày xưa tung hoành, lẫm liệt. Bài thơ đã kín đáo bộc lộ tấm lòng yêu nước của người dân ta thuở đó.Nhưng không dừng lại ở đó, thành công của bài thơ còn nằm ở những đoạn thơ tả cảnh tuyệt mĩ - cảnh rừng sơn lâm trong hồi ức đau thương của con hổ “nhớ rừng”. Tiêu biểu phải kể đến bức tranh tứ bình trong đoạn thơ sau:

*“Nào đâu những đêm vàng bên bờ suối*

*Ta say mồi đứng uống ánh trăng tan*

*Đâu những ngày mưa chuyển bốn phương ngàn*

*Ta lặng ngắm giang san ta đổi mới*

*Đâu những bình minh cây xanh nắng gội*

*Tiếng chim ca giấc ngủ ta tưng bừng*

*Đâu những chiều lênh láng máu sau rừng*

*Ta đợi chết mảnh mặt trời gay gắt”.*

(*Nhớ rừng -* Thế Lữ)

Đoạn thơ nằm trong chuỗi hồi ức về những ngày tháng lẫm liệt chốn rừng xanh uy nghi của

con hổ. Giữa cảnh núi rừng dữ dội, lộng lẫy nó là vị chúa tể độc tôn. Đoạn thơ dựng lên bốn cảnh rừng tuyệt mĩ: cảnh đêm trăng, cảnh mưa rừng, cảnh bình minh và cảnh hoàng hôn. Mỗi cảnh được thể hiện bằng hai câu thơ, câu thứ nhất tả cảnh rừng, câu thứ hai miêu tả hình ảnh con hổ trên nền thiên nhiên kì vĩ ấy.

*“Nào đâu những đêm vàng bên bờ suối*

*Ta say mồi đứng uống ánh trăng tan”.*

“Đêm vàng” là hình ảnh ẩn dụ chỉ đêm trăng sáng mọi vật như được nhuộm vàng, ánh trăng như vàng tan chảy trong không gian. Trong đêm trăng, đứng bên bờ suối càng khiến ta cảm nhận hết được sắc màu rực rỡ của thiên nhiên.Mặt nước trong trẻo đón nhận trọn vẹn sắc vàng của trăng càng trở nên lóng lánh kì lạ. Đứng trước khung cảnh ấy, con hổ “say mồi” không chỉ bởi bữa ăn no nê mà còn bởi "uống ánh trăng tan". Đó là một hình ảnh lãng mạn, nó tưởng như mình được chiếm lĩnh trọn vẹn cái đẹp của vũ trụ.

Nếu như hình ảnh đêm trăng thanh bình bao nhiêu thì cảnh mưa rừng dữ dội bấy nhiêu:

*“Đâu những ngày mưa chuyển bốn phương ngàn*

*Ta lặng ngắm giang san ta đổi mới”*

Cơn mưa ngàn dữ dội, mịt mờ làm rung chuyển núi rừng, làm kinh hoàng những con thú hèn yếu. Nhưng với hổ thì khác, nó không những không sợ hãi trước uy lực của trời đất mà còn coi đó là một thú vui: “Ta lặng ngắm giang san ta đổi mới”. Cái im lặng say mê trong từ “lặng ngắm” của hổ chứa đựng những sức mạnh chế ngự của một bản lĩnh vững vàng. Nó đang lấy cái tĩnh của một vị chúa tể để chế ngự cái dữ dội của rừng già đại ngàn.Hình ảnh của hổ hiện lên thật phị thường, dũng mãnh.

Câu thơ vừa căng lên đã nhanh chóng tan ra trong tiếng reo ca của cảnh bình minh:

*“Đâu những bình minh cây xanh nắng gội*

*Tiếng chim ca giấc ngủ ta tưng bừng”.*

Sau ngày mưa bầu trời bình minh tươi sáng hơn. Con hổ càng khẳng định được vị trí của mình. Ban đêm thì nó thức cùng vũ trụ. Ngày mưa nó “lặng ngắm” giang san. Lúc vạn vật thức dậy thì nó say sưa trong giấc ngủ. Hình ảnh của chúa sơn lâm tự do tự tại muốn gì được nấy, hổ có thể chi phối, chế ngự kẻ khác chứ không ai có thể chế ngự được mình.

Dữ dội nhất, say mê nhất là cảnh rừng thời khắc hoàng hôn:

*“Đâu những chiều lênh láng máu sau rừng*

*Tađợi*.**c**om*hết mảnh mặt trời gay gắt*

Bức tranh rừng rực rỡ trong gam màu đỏ, đó là màu của máu, màu của ánh sáng mặt trời. Khi chiều tà, ánh mặt trời chuyển sang màu đỏ rực, đó cũng là lúc mặt trời lặn xuống. Nhưng trong con mắt của hổ, thứ ánh sáng bỏng rẫy kia là máu của mặt trời và mặt trời thì đang lịm dần trong cái chết dữ dội. Hổ đang giành lấy quyền lực từ tay vũ trụ để ngự trị.

Đoạn, thơ là bộ tranh từ bình đẹp lộng lẫy. Bốn cảnh thiên nhiên, cảnh nào cũng có núi rừng hùng vĩ tráng lệ với hình ảnh con hổ uy nghi. Nhưng đau xót thay, đây chỉ là cảnh trong dĩ vãng huy hoàng, chỉ hiện ra trong nỗi nhớ. Trước mỗi cảnh thơ đều xuất hiện cụm từ “nào đâu”, “đâu những”, chúng thể hiện niềm nuối tiếc khôn nguôi, nỗi xót xa đau đớn trong lòng hổ. Giấc mơ huy hoàng khép lại trong tiếng than: "Than ôi! Thời oanh liệt nay còn đâu".

**BÀI 6.Phân tích đoạn thơ: "Nào đâu những đêm vàng bên bờ suối... - Than ôi! Thời oanh liệt nay còn đâu?” (Nhớ rừng - Thế Lữ)**

**Gợi ý**

**Đề bài2:**

“Đằng sau sự hồi tưởng về một quá khứ huy hoàng của con hổ (trong bài thơ *Nhớ rừng* - Thế Lữ) ta còn thấy tâm trạng nuối tiếc đầy bất lực cùng một khát vọng tự do tha thiết. Và tất cả những điều đó đã được thể hiện bằng một ngòi bút thật tài hoa”:

Phân tích đoạn thơ sau để làm rõ ý trên:

*"Nào đâu những đêm vàng bên bờ suối*

*Ta say mồi đứng uống ánh trăng tan?*

*"Đâu những ngày mưa chuyển bốn phương ngàn*

*Ta lặng ngắm giang sơn ta đổi mới?*

*Đâu những bình minh cây xanh nắng gội,*

*Tiếng chim ca giác ngủ ta tưng bừng?*

*Đâu những chiều lênh láng máu sau rừng*

*Ta đợi chết mảnh mặt trời gay gắt,*

*Để ta chiếm lấy riêng phần bí mật?*

*- Than ôi! Thời oanh liệt nay còn đâu?”*

*(Nhớ rừng -* Thế Lữ)

**Bài làm**

Nếu Thế Lữ được coi là người mở đường thành công cho Thơ mới thì bài thơ "Nhớ rừng" của ông chính là tác phẩm giành cho Thơ mới sự thắng lợi hoàn toàn. Đọc "Nhớ rừng" của Thế Lữ, có ý kiến cho rằng: “Đằng sau sự hồi tưởng về một quá khứ huy hoàng của con hổ ta còn thấy tâm trạng nuối tiếc đầy bất lực cùng một khát vọng tự do tha thiết. Và tất cả những điều đó đã được thể hiện bằng một ngòi bút thật tài hoa”.

Đoạn thơ sau trong bài thơ đã thể hiện rõ điều ấy:

*“Nào đâu những đêm vàng bên bờ suối*

*Ta say mồi đứng uống ánh trăng tan?*

*“Đâu những ngày mưa chuyển bốn phương ngàn*

*Ta lặng ngắm giang sơn ta đổi mới?*

*Đâu những bình minh cây xanh nắng gội,*

*Tiếng chim ca giấc ngủ ta tưng bừng?*

*Đâu những chiều lênh láng máu sau rừng*

*Ta đợi chết mảnh mặt trời gay gắt,*

*Để ta chiếm lấy riêng phần bí mật?*

*- Than ôi! Thời oanh liệt nay còn đâu?”*

(*Nhớ rừng -* Thế Lữ)

"Nhớ rừng" ra đời trong những năm tháng nước nhà bị tù túng trong cảnh xiềng xích nô lệ. Mỗi người dân Việt Nam chân chính đều không khỏi cảm thấy ngột ngạt, bức bối... Một buổi trưa hè, khi Thế Lữ đang chậm chạp nện gót trên đường về, ông đi qua vườn bách thú bất chợt nhìn thấy vị chúa sơn lâm - con hổ đang ngồi trong lồng. Nhà thơ chạnh lòng nghĩ đến thân phận người dân nô lệ.Cảm xúc ấy đã khiến ông viết nên bài thơ tuyệt bút này.

Khổ thơ trên là khổ thơ thứ ba trong bài, tái hiện những ngày tháng oai hùng của hổ giữa chốn rừng xanh dữ dội, hùng vĩ. Đó đồng thời là một bức tranh tứ bình tuyệt bút.

*"Nào đâu những đêm vàng bên bờ suối,*

*Ta say mồi đứng uống ánh trăng tan?"*

Buổi đêm là khoảng thời gian con hổ nhắc đến đầu tiên có lẽ bởi đó là thời khắc nó tung hoànhchốnsơnlâm"bóngcảcây.gọi đó là "đêm vàng" bởi đêm trong vắt, ánh trăngtràn khắp nơi nơi. Không chỉ vậy, đó còn là ánh trăng chiếu rọi xuống lòng suối, ánh sáng

phản chiếu khiến mặt suối bừng lên sắc vàng huy hoàng lộng lẫy. Nổi bật giữa"cảnh tượng kì vĩ ấy là hình ảnh con hổ "say mồi đứng uống ánh trăng tan" như một vị vua đang say men chiến thắng. Phép ẩn dụ chuyển đổi cảm giác "uống ánh trăng tan" khiến ánh trăng thêm phần huy hoàng, ánh trăng giống như dòng ánh sáng tuôn xuống rừng đêm kì ảo vậy.

Trong nỗi nhớ của hổ có cả:

*"Đâu những ngày mưa chuyển bốn phương ngàn*

*Ta lặng ngắm giang san ta đổi mới?"*

Cơn mưa rừng dữ dội tạo nên những âm thanh vang động, ào ạt. Nó khiến muôn loài hoảng loạn trốn tránh, nín thở.Nhưng với hổ thì ngược lại, hổ lấy tư thế của một vị chúa sơn lâm để bình thản "ngắm giang san ta đổi mới". Từ "lặng ngắm" khiến hình ảnh hổ trở thành nốt nhạc trầm tĩnh trọng bản hoà ca hùng tráng của cơn mưa rừng. Hổ đang lấy cái tĩnh của bản thân để chế ngự cái động dữ dội của đại ngàn. Sau những ngày mưa, bình minh rừng trở nên trong trẻo hơn bao giờ hết:

*"Đâu những buổi bình minh cây xanh nắng gội*

*Tiếng chim ca giấc ngủ ta tưng bừng?"*

Thời khắc bình minh là lúc vạn vật bắt đầu ngày mới nhưng đó cũng là khi hổ bắt đầu giấc ngủ của mình sau bữa ăn đêm dữ dội. Cái xôn xao, rạo rực của vạn vật khi ngày mới bắt đầu, với hổ, đó lại là bản nhạc du dương đưa nó vào giấc ngủ. Hình ảnh của hổ oai hùng nhất, kì vĩ nhất được thể hiện trong ba câu thơ:

*"Đâu những chiều lênh láng máu sau rừng*

*Ta đợi chết mảnh mặt trời gay gắt*

*Để ta chiếm lấy riêng phần bí mật?"*

Khi hoàng hôn buông xuống, mặt trời khuất dạng phía tây để lại trần gian sắc đỏ gay gắt, rực rỡ.Nhưng với hổ, đó lại là máu của kẻ thù lênh láng nơi bìa rừng sau trận đấu tàn khốc. Quả thực, thời điểm mặt trời khuất rạng cũng là khi hổ bắt đầu ngày lao động của mình. Đêm tối lạ lẫm và đầy sợ hãi kia thuộc hoàn toàn về nó. Và dưới mắt hổ, mặt trời - ông hoàng bất tử của vũ trụ cũng chỉ là kẻ bại trận thê thảm với cái chết thảm khốc "lênh láng máu sau rừng", "để ta chiếm lấy riêng phần bí mật".

Nhưng quá khứ vẫn chỉ là quá khứ. Bừng tỉnh khỏi những vinh quang chói lọi của ngày qua, trở về với thực tại tù túng, hổ ai oán thốt lên:

*- Than ôi! Thời oanh liệt nay còn đâu!*

Những điệp từ "nào đâu...", "đâu..." thể hiện nỗi tiếc nuối khôn nguôi của hổ về quá khứ vinhquang, oai hùng. Đặc biệt, thán từ "than ôi!" cùng lời than "Thời oanh liệt nay còn đâu" còn là nỗi xót xa đau đớn của hổ khi phải đối diện với thực tại tầm thường giả dối nơi vườn bách thú tù túng này.

Khổ thơ trích dẫn trong bài là một khổ thơ đầy màu sắc huy hoàng, hình ảnh kì vĩ, nó chẳng những thể hiện tâm trạng nuối tiếc đầy bất lực của hổ mà còn bộc lộ khát vọng tự do tha thiết. Tất cả những điều đó đã được thể hiện bằng một ngòi bút thật tài hoa.

**BT7: Phân tích và làm rõ giá trị nghệ thuật bài thơ Nhớ Rừng**  
Thế Lữ (1907 – 1989) tên thật là Nguyễn Thứ Lễ, sinh ra ở vùng Kinh Bắc, là nhà thơ tiêu biểu nhất trong phong trào Thơ mới (1932 – 1945) buổi đầu. Với một hồn thơ dồi dào lãng mạn, Thế Lữ góp phần quan trọng vào việc đổi mới thơ ca và đem lạichiến thắng cho Thơ mới. Ngoài sáng tác thơ, Thế Lữ còn viết truyện. Sau đó, ông chuyển sang hoạt động sân khấu và trở thành một trong những người có công đầu xây dựng ngành kịch nói ở nước ta.

Bài thơ “Nhớ rừng” được Thế Lữ viết năm 1934, in trong tập “Mấy vần thơ” xuất bản năm 1935. Bài thơ mượn lời con hổ bị nhốt ở vườn Bách thú để thể hiện ý chí căm hờn, u uất và niềm khát khao tự do mãnh liệt của tác giả cũng như những người bị giam cầm, bị nô lệ.

Bài thơ mở đầu bằng câu thơ chứa đầy uất hận của tác giả:

Gậm một khối căm hờn trong cũi sắt.

Bị nhốt trong cũi sắt, căm hờn, uất hận đã chứa thành khối, gậm mãi mà chẳng tan, càng gậm càng cay đắng. Chỉ còn biết nằm dài bất lực, đau khổ. Bị chế giễu, bị nhục nhằn tù hãm, trở thành thứ đồ chơi cho lũ người ngạo mạn, ngẩn ngơ. Lũ người ngạo mạn kia không ai khác chính là bọn thực dân cướp nước. Đau khổ nhất là chúa sơn lâm nay bị tầm thường hóa, vị thế trước đây nay bị đánh mất:

Chịu ngang bầy cùng bọn gấu dở hơi

Với cặp báo chuồng bên vô tư lự.

Đó là một tâm trạng điển hình đầy bi kịch của chúa sơn lâm khi bị sa cơ, thất thế, bị giam cầm. Hiểu hoàn cảnh lịch sử đất nước khi bài thơ ra đời mới thấy tính chất đồng điệu trong nỗi cay đắng, tủi hờn của con hổ với nỗi tủi nhục của nhân dân ta khi sống trong xiềng xích nô lệ.

Câu thơ tiếp theo gợi lại cuộc sống của con hổ nơi vườn bách thú:

Ta sống mãi trong tình thương nỗi nhớ.

Tình thương và nỗi nhớ của con hổ cho thấy sự luyến tiếc, nhớ nhung cuộc sống mà nó từng trải qua, nhớ thuở tung hoành, nhớ cảnh sơn lâm bóng cả cây già. Những khúc nhạc rừng hùng tráng, dữ dội. Chữ nhớ, chữ với và cách ngắt nhịp 4/2/2; 5/5; 4/2/2 làm gia tăng nỗi nhớ nhung của con hổ. Sự phong phú về nhạc điệu đã khắc họa đời sống nội tâm vô cùng mạnh mẽ của nhân vật oai hùng từng có một quá khứ oanh liệt. Những câu thơ tiếp theo là hồi ức đẹp về khung cảnh rừng xanh, nơi chúa sơn lâm một thời thống trị, nhưng nay chỉ còn trong kí ức:

Nhớ cảnh sơn lâm, bóng cả, cây già,

Với tiếng gió gào ngàn, với giọng nguồn hét núi,

Ta biết ta là chúa tể cả muôn loài,

Giữa chốn thảo hoa không tên, không tuổi.

Nào đâu những đêm vàng bên bờ suối

Ta say mồi đứng uốngánh trăngtan?

Các động từ gào, thét, hét miêu tả khúc trường ca dữ dội của núi rừng, suối ngàn thiêng liêng và hùng tráng. Đó là những câu thơ tiêu biểu trong phong trào Thơ mới. Tiếp đó, chúa sơn lâm mới trở về với thực tại: ta nằm dài, ta sống mãi trong tình thương nỗi nhớ. Các từ ta xuất hiện trong câu làm xuất hiện vẻ kiêu hãnh tự hào của chúa sơn lâm. Hình ảnh chúa sơn lâm được khắc họa trong chiều sâu tâm linh, trong chiều cao uy quyền được khẳng định. Khi chúa bước lên là muôn loài đều nể phục, tuy nhiên thời vàng son ấy nay không còn nữa.

Các câu hỏi tu từ liên tiếp xuất hiện: nào đâu những, đâu những ngày, đâu những bình minh, đâu những chiều làm cho nỗi nhớ thêm dâng trào. Vào mỗi thời điểm trong ngày là một khoảnh khắc tự do và oai hùng của con hổ. Trong cuộc sống có ánh trăng và suối, có mưa rừng, có bình minh, có tiếng chim ca… Đoạn thơ nói về những nỗi nhớ của con hổ như một bức tranh nghệ thuật diễn tả quá khứ hào hùng của chúa sơn lâm. Chúa sơn lâm có lúc mơ mộng giữa cảnh suối trăng, có lúc trầm ngâm trong chiêm nghiệm, có lúc nén xuống, kiên nhẫn đợi chờ. Những câu thơ nói về hồi tưởng của con hổ là những câu hay nhất trong bài:

Đâu những ngày mưa chuyển bốn phương ngàn

Ta lặng ngắm giang sơn ta đổi mới?

Đâu những bình minh cây xanh nắng gội,

Tiếng chim ca giấc ngủ ta tưng bừng?

Đâu những chiều lênh láng máu sau rừng

Ta đợi chết mảnh mặt trời gay gắt,

Để ta chiếm lấy riêng phần bí mật?

Than ôi! Thời oanh liệt nay còn đâu?

Sau một nỗi nhớ vàng son, oanh liệt, chúa sơn lâm chợt tỉnh mộng, trở về với thực tại là cũi sắt, là cái khung cảnh giả tạo do con người đặt ra, chúa sơn lâm cảm thấy đau đớn và cay đắng vô cùng. Lời than của con hổ cũng là tiếng than vãn của những người dân lầm than bị áp bức bóc lột. Sự kết hợp giữa cảm thán với câu hỏi tu từ làm dội lên một lời thơ, một tiếng than của chúa bị sa cơ. Đó cũng là tiếng thở dài của những người khao khát tự do ngày ấy:

Than ôi! Thời oanh liệt nay còn đâu?

Câu thơ: Nay ta ôm niềm uất hận ngàn thâu gợi lại nỗi niềm của con hổ. Để rồi sau đó chúa sơn lâm chỉ biết nhắn gửi

**BT8:Bốn kí ức kì vĩ của con hổ trong bài thơ “Nhớ rừng ” của Thế Lữ**

**Mở bài:**

Bài thơ “Nhớ rừng” của Thế Lữ không chỉ là một “khúc trường ca dữ dội” thể hiện tâm trạng vĩ đại của chúa sơn lâm mà còn là một họa phẩm hoành tráng từng bước làm nổi hằn lên trên mặt bằng của câu chữ hình tượng vị “chúa tể cả muôn loài”. Tính tạo hình được thể hiện rất đặc sắc trong bài thơ đặc biệt là thông qua bức tranh tứ bình.

**Thân bài:**

Người xưa thường khái quát một hiện thực toàn vẹn nào đó vào bộ tranh gồm bốn bức. Cho nên tự thân tứ bình là một cấu trúc, một chỉnh thể, một thế giới. Thời gian thì Xuân Hạ Thu Đông, thảo mộc thì Tùng Trúc Cúc Mai, nghề nghiệp thì Ngư Tiều Canh Mục, nghệ thú thì Cầm, Kỳ, Thi, Hoa .v.v… Nảy sinh từ hội họa, về sau tứ bình xâm nhập vào nhiều nghệ thuật khác. Người đọc thơ có thể thấy ở Chinh phụ ngâm, những đoạn như nỗi nhớ chồng của nàng chinh phụ diễn ra trọn vẹn khi “trông bốn bề”, mỗi bề là một phía, một cung bậc, một nông nỗi của nhung nhớ. Tâm trạng buồn nản, hãi hùng của Thuý Kiều trước lầu Ngưng Bích cũng diễn thành tứ bình với điệp khúc “buồn trông”… Vậy, dùng tứ bình thì chưa phải là gì thật đáng nói. Đáng nói là: cả bốn bức tứ bình ở đây đều là những chân dung tự họa khác nhau của cùng một con hổ. Nó đã khái quát trọn vẹn về cái “thời oanh liệt” của chúa sơn lâm.

*“Nào đâu những đêm vàng bên bờ suối*  
*Ta say mồi đứng uống ánh trăng tan ?*  
*Đâu những chiều mưa chuyển bốn phương ngàn*  
*Ta lặng ngắm giang sơn ta đổi mới ?*  
*Đâu những bình minh cây xanh nắng gội*  
*Tiếng chim ca giấc ngủ ta tưng bừng ?*  
*Đâu những chiều lênh láng máu sau rừng*  
*Ta đợi chết mảnh mặt trời gay gắt*  
*Để ta chiếm lấy riêng phần bí mật ?”*

Đọc đoạn thơ ta dễ thấy đây là đoạn tuyệt bút của “ Nhớ rừng” mà tiêu biểu nhất là lối tạo hình bằng thơ. Bốn bức là bốn nỗi hoài niệm đầy tiếc nuối, uất hận. Đồng thời, là bốn câu hỏi mà giọng điệu càng lúc càng dữ dằn. Mỗi bức một khung cảnh, một gam màu, một dáng điệu của vị “chúa tể cả muôn loài”. Bức thứ nhất thật thi vị :

*“Nào đâu những đêm vàng bên bờ suối*  
*Ta say mồi đứng uống ánh trăng tan?”*

Gam màu vàng lóng lánh của ánh trăng in trên suối vắng. Đối với con hổ giờ đang bị giam cầm trong cũi sắt, đó không chỉ là những kỷ niệm lấp lóa trăng vàng, mà thực sự là những “đêm vàng” – những kỷ niệm được đúc bằng vàng ròng – không bao giờ còn có lại. Chúa sơn lâm hiện ra như nhà thi sĩ của chốn lâm tuyền, với cử chỉ uống ánh trăng tan đầy thơ mộng. Bức thứ hai, chúa sơn lâm hiện ra như một minh đế trước giang sơn của mình

*“Đâu những chiều mưa chuyển bốn phương ngàn*  
*Ta lặng ngắm giang sơn ta đổi mới?”*

Đêm trăng đã nhường chỗ cho chiều mưa. Gam vàng đã chuyển qua gam xám bạc điểm ánh tươi xanh. Đấng vương chủ của chốn rừng già đang phóng tầm mắt bao quát toàn cảnh vương quốc đương thay da đổi thịt dưới sự trị vì của mình. Trang nghiêm, ưu tư, và đầy kiêu hãnh.

Bức thứ ba, chiều mưa đã chuyển sang rạng đông, nền tranh đã rạng rỡ cái gam màu thắm nắng bình minh. Chúa sơn lâm hiện trong dáng điệu một lãnh chúa cứ nghiễm nhiên ườn mình trong giấc ngủ trễ tràng khi ngày đã lên mà thụ hưởng cái lạc thú cung – đình – rừng – xanh của mình:

*“Đâu những bình minh cây xanh nắng gội*  
*Tiếng chim ca giấc ngủ ta tưng bừng?”*

Đọc câu thơ ta có thể hình dung: cây xanh nắng gội là màn trướng, còn chim chóc như những bầy cung nữ đang hân hoan ca múa quanh giấc nồng của hổ vương. Bộ tứ bình khép lại bằng bức cuối cùng, cũng là bức ấn tượng hơn cả :

*“Đâu những chiều lênh láng máu sau rừng*  
*Ta đợi chết mảnh mặt trời gay gắt*  
*Để ta chiếm lấy riêng phần bí mật?”*

Giọng điệu không còn là thở than, mà đã thành chất vấn đầy giận dữ và oai linh đối với quá khứ mà cũng là đối với hiện tại. Tương ứng với giọng điệu, chúa sơn lâm hiện ra cũng với một tư thế hoàn toàn khác: tư thế kiêu hùng của một bạo chúa. Nền cảnh thuộc gam màu máu. Mấy chữ “lênh láng máu” thật dễ sợ! Qua cảm nhận của chúa sơn lâm, ánh mặt trời lúc hoàng hôn đỏ rực giống hệt sắc máu lênh láng. Trong chốn thảo hoa không tên tuổi ấy dường như chỉ có mặt trời là đối thủ duy nhất và xứng đáng phô bày quyền uy sánh cùng với hổ. Nhưng mảnh mặt trời kia cũng đang hấp hối trong tư thế gục ngã, lênh láng máu.

Dưới con mắt mắt ngạo mạn và khinh bỉ của con mãnh thú, ngôi vị cao cả của mặt trời cũng không là gì, mặt trời kia củng chỉ là những mảnh vụn tầm thường. Quyền uy của chúa sơn lâm như càng bao trùm cả vũ trụ mà mặt trời cũng phải dần lùi bước. Đến câu “Ta đợi chết mảnh mặt trời gay gắt”, bức tứ bình cuối cùng dường như đã thể hiện được bàn chân ngạo nghễ siêu phàm của con thú như dẫm đạp lên bầu trời, cái bóng của nó dường như đã trùm kín cả vũ trụ. Hình ảnh con hổ vờn bóng, như dẫm nát mặt trời là hình ảnh đẹp đẽ và dữ dội nhất diễn tả đỉnh điểm của quyền lực kẻ thống trị vũ trụ.

Ghê gớm thật! Ngay đến mặt trời cũng trở nên tầm thường, thì xem ra sự phi thường đã tới vô biên rồi vậy! Sự hồi tưởng đã xong: thời oanh liệt của cái tôi – hùm thiêng đạt cực điểm . Một thi sĩ rình trăng chốn lâm tuyền. Một vương chủ say ngắm giang sơn. Một lãnh chúa rừng xanh giữa bầy ca điểu. Một bạo chúa ngạo mạn với mặt trời. Bốn kí ức kiêu hùng, bốn khoảnh khắc hoành tráng.

**Kết bài:**

Thơ Thế Lữ tràn đầy chất lãng mạn, lời thơ giàu hình ảnh, màu sắc và nhạc điệu; câu thơ mở rộng, ào ạt như để chứa đựng mọi cung bậc của những cảm xúc phức tạp, tinh vi trong tâm hồn. Đọc “Nhớ rừng” và đặc biệt cảm nhận bức tranh tứ bình thì thực sự thấy lời nhận xét trên hoàn toàn đúng.

**BT9.Tâm sự của con hổ trong vườn bách thú (Nhớ rừng-Thế Lữ)**

**Mở bài:**

Thế Lữ đến với phong trào Thơ mới ngay từ buổi đầu từ buổi đầu. Không hề có những tuyên bố lớn lao, hay định hướng rõ ràng cho tư tưởng, Thế Lữ âm thầm đóng góp những bài thơ và từng bước khẳng định vị trí của mình trong làng thơ.

Có lẽ, đó là tính cách của Thế Lữ khi ông cho rằng nghệ thuật là phải thầm lặng. Trong nghệ thuật không nhất thiết phải kêu ca. Ông dùng sức mạnh của nghệ thuật để khẳng định xu hướng mới chứ không đi vào lí luận dài dòng. Và trong giai đoạn đầu ông đã thắng lớn, khẳng định mạnh mẽ sự tồn tại và phát triển của nền thơ mới, tạo đông lực cho thế hệ sau tiếp tục phát triển đến thắng lợi hoàn toàn. Một trong những bài thơ tiêu biểu, đầy sức mạnh của ông trong giai đoạn ấy chính là Nhớ rừng.

**Thân bài:**

Ở trong Nhớ rừng , Thế Lữ đã thể hiện một tâm sự u uất, chán nản và khát vọng tự do cháy bỏng tha thiết qua lời mượn của con hổ trong vườn bách thú. Đó cũng là tâm sự chung của những người Việt Nam yêu nước trong hoàn cảnh mất nước.

Trở lại thời kì này, vào những năm đầu thế kỉ 20, tình cảnh đất nước thật điêu đứng. Sau những cuộc khai thác thuộc địa tàn khốc của thực dân Pháp khiến cho đất nước ta rơi vào tình trạng kiệt quệ, người dân vô cùng cực khổ, tình hình xã hội hết sức căng thẳng, tù túng. Những người trẻ tuổi như thế hệ của Thế Lữ luôn khao khát tìm lấy một hướng giải thoát nhưng đành bất lực trước thực tại. Thêm vào đó, trào lưu tư tưởng phương Tây không ngừng xâm nhập vào nước ta, tình thần tự do và khát vọng sống không ngừng sôi sục tiếp thêm sức mạnh cho nền văn học phát triển.

Chính vì vậy Thơ Mới có khuynh hướng thoát ly thực tại, thể hiện tâm trạng bất hoà, bất lực trước thực trạng xã hội. Qua đó, Thơ Mới cũng đã bộc lộ sự phản kháng gay gắt trước thực tại tầm thường giả dối, tù túng giam hãm ước mơ con người.

Đầu thế kỉ 20, bối cảnh ở nước ta vô cùng bức bối. Pháp tăng cường vơ vét của cải và đàn áp khốc liệt các cuộc khởi nghĩa của nhân dân. Trong khi đó, các luồng văn hóa mới mẻ phương Tây không ngừng xâm nhập vào nước ta hình thành một tầng lớp thành niên mới. Họ cảm thấy bức bách trong hoàn cảnh khủng bố ngột ngạt và không ngừng khao khát tìm kiếm một cuộc sống mới.

Mượn lời con hổ ở vườn bách thú để nói lên tâm trạng chính mình, Thế Lữ đã dựng lên một khung cảnh vừa rất thực vừa ẩn chứa những điều thầm kín sâu xa. Chính bị giam cầm một cách vô lí, nó cảm thấy tiếc nhớ về quá khứ oanh liệt nơi núi rừng hùng vĩ và không ngừng mơ ước được tự do.

Mở đầu bài thơ, Thế Lữ dưng lên bức tranh con hổ trong vườn bách thú thấm đẫm tâm trạng buồn rầu:

“Gậm một khối căm hờn trong cũi sắt  
Ta nằm dài trông ngày tháng dần qua”.

Từ “gậm” thể hiện rõ ràng tâm trạng uất ức tột cùng của hổ. Ở đây lại là “gậm một khối căm hờn” . Nghĩa là nó tự nghiền ngẫm cái bi kịch của mình mà không hiểu tại sao lại như thế. Bởi không hiểu cho nên nó chán chường, mệt mỏi. Nó buông xuôi bấy lâu nay trong tư thế “nằm dài trong ngày tháng dần qua”.

Thật đáng sợ thay khi mà ta mong mỏi một điều gì đó mà không tin rằng nó chưa hẳn là có thật. Và càng đáng sợ hơn khi bao quanh con hổ là chiếc lồng sắt vững chắc. Cái mà nó không thể phá được và sẽ giam cầm nó vĩnh viễn. Thế nhưng, dù bất lực nhưng cái oai hùng của nó vẫn không hề mất đi:

“Khinh lũ người kia ngạo mạn, ngẩn ngơ,  
Giương mắt bé diễu oai linh rừng thẳm”.

Trước mắt hổ, những gì quen thuộc cứ lặp đi lặp lại một cách nhàm chán. Loài người kia dù đã đủ sức giam cầm nó nhưng nó không hề sợ mà còn tỏ ra khinh thương, khiêu khích, không ngừng đe dọa. Nó tự bào chữa cho tình thế của mình và xem đó chỉ là một rủi ro. Bởi lỡ bước sa cơ nên phải chịu cảnh “nhục nhằn tù hãm”. Dường như, vai trò và sức mạnh của nó đã hoàn toàn bị loài người đánh cắp.

Nó luôn tự kiêu về sức mạnh của mình và liên tục hồi tưởng quá khứ mỗi khi tâm trạng rơi vào trạng thái bế tắc như thế này:

“Ta sống mãi trong tình thương nỗi nhớ  
Thuở tung hoành hống hách những ngày xưa  
Nhớ cảnh sơn lâm bóng cả cây già  
Với tiếng gió gào ngàn, với giọng nguồn hét núi  
Với khi thét khúc trường ca dữ dội…”

Chốn rừng thiêng xưa nơi hổ từng ngự trị là một khung cảnh ghê gớm. Qua nỗi nhớ của hổ, ta thấy rõ điều đó. Khung cảnh hiện lên với “bóng cả, cây già” thâm u,bí hiểm. Chốn sơn lâm với “tiến gió gào ngàn, giọng nguồn hét núi” làm kinh thiên động địa khiến muôn loài phải khiếp sợ mà lẩn tránh. Bản lĩnh của một vị chúa sơn lâm luôn thể hiện xứng đáng quyền lực tối cao của mình với sức mạnh phi thường dữ dội. Ở đó, con hổ đã hiện lên với tư thế hiên ngang ngạo nghễ nhưng vẫn toát lên vẻ đẹp oai phong lẫm liệt giữa núi rừng hùng vĩ:

“Ta bước chân lên dõng dạc đường hoàng  
Lượn tấm thân như sóng cuộn nhịp nhàng  
Vờn bóng âm thầm lá gai cỏ sắc  
Trong bóng tối mắt thần khi đã quắc  
Là khiến cho mọi vật phải im hơi  
Ta biết ta chúa tể của muôn loài  
Giữa chốn thảo hoa không tên không tuổi”.

Từng sắc thái của hổ hiện lên trước mắt người đọc qua lớp ngôn từ sống động, đầy sức biểu cảm. Con hổ với tư thế tự do, kiêu hãnh, bước đi như sóng cuộn, mây vờn, lặng lẽ giữa bao la vũ trụ. Không có loài nào dám sánh bước cùng nó. Nó nhìn khắp không gian với đôi mắt thần sắc. Kể cả trong bóng tối cũng không gì che giấu nổi nó. Đó là một tư thế hoàn toàn tự chủ, thống trị cả ánh sáng lẫn màn đêm. Nó nhận thấy muôn loài đang run sợ, đáng thương như sắp đi vào cõi chết. Sức mạnh oai quyền của nó đủ sức lấn át mọi sự đối nghịch và sẵn sàng tiêu diệt tất cả.

Đó là uy quền tuyệt đỉnh của vị chứa tể rừng xanh không gì địch nổi. Không gian thần bí với những loài cây không tên không tuổi mà con người chưa từng biết đến hay đặt chân đến. Nó tự hào về điều đó. Những gì nó biết và ngự trị vượt xa những gì con người đã biết và chiếm lĩnh. Đó là một bí mật mà nó không bao giờ muốn chia sẻ.

Chưa hết, hồi ức của hổ tiếp tục mơ về những tháng ngày lẫm liệt, gắn chặt với kỉ niệm không bao giờ quên:

“Nào đâu những đêm vàng bên bờ suối,  
Ta say mồi đứng uống ánh trăng tan?  
Đâu những ngày mưa chuyển bốn phương ngàn,  
Ta lặng ngắm giang san ta đổi mới?  
Đâu những bình minh cây xanh nắng gội,  
Tiếng chim ca giấc ngủ ta tưng bừng?  
Đâu những chiều lênh láng máu sau rừng.  
Ta đợi chết mảnh mặt trời gay gắt,  
Để ta chiếm lấy riêng phần bí mật?

Chín câu thơ là bốn bức tranh tuyệt đẹp về cảnh tượng đại ngàn và niềm vui sướng ngự trị của hổ. Nó say sưa thưởng thức và tự hào dù chỉ qua hồi tưởng. Những cảm xúc cuộn trào dữ dội, không ngừng làm cho nó say mê. Đó là những đêm vàng ánh trăng bên bờ suối êm đềm. Sau cuộc đi săn nó đắm mình trong ánh trăng huyền ảo. Đó là những ngày mưa chuyển bốn phương ngàn, vũ trụ đi vào cơn quần vũ khủng khiếp. Đó là những bình minh rực rỡ ánh sáng và rộn rã tiếng chim ca ru mềm giấc ngủ. Đó là những chiều lênh láng máu sau rừng biểu hiện sức mạnh chinh phục và giết chóc của chúa sơn lâm.

Tất cả diễn ra trong âm thầm, lặng lẽ đến đáng sợ. Con hổ chiếm giữ một sức mạnh phi thường ngang tầm trời đất. Ta có cảm tưởng như chính con hổ đã tạo ra quy luật trong một thế giới riêng nào đó mà ở đó nó định đoạt tất cả. Không có đối thoại, không có đối lực, tất cả đều tuân phục một cách triệt để.

Thế nhưng, câu thơ cuối đã trả người đọc về với thực tại. Tất cả bây giờ chỉ là một giấc mơ, một giấc mơ hùng tráng, lẫm liệt để hồi cố nhằm lấy lại nghị lực mà sống tiếp. Thực tại khép lại giấc mơ huy hoàng:

– Than ôi! Thời oanh liệt nay còn đâu?

Nếu ở trên kia nó ngạo nghê bao nhiêu thì giờ đây nó lại chán chường bấy nhiêu. Hai từ “than ôi!” như là tiếng kêu thống thiết , bất lực trước thực tại và tiếc nuối chốn cũ rừng xưa đã mãi mãi không còn. Bây giời, nó quay về đối điện và khinh miệt thực tại:

“Nay ta ôm niềm uất hận ngàn thâu,  
Ghét những cảnh không đời nào thay đổi,  
Những cảnh sửa sang, tầm thường, giả dối:  
Hoa chăm, cỏ xén, lối phẳng, cây trồng;  
Dải nước đen giả suối, chẳng thông dòng  
Len dưới nách những mô gò thấp kém;  
Dăm vừng lá hiền lành, không bí hiểm,  
Cũng học đòi bắt chước vẻ hoang vu  
Của chốn ngàn năm cao cả, âm u”.

Trước mắt hổ, khung cảnh vườn bách thú thật tầm thường và giả dối. Tất cả đã bị ngụy tạo một cách vụng về, không che giấu nổi sự thấp kém của nó. Hổ khinh mạn điều đó khi so sánh với chốn rừng thiêng bí hiểm, âm u. Cảnh vật giả tạo, phù phiếm khiến nó thất vọng. Tất cả tầm thường, không một chút tương xúng nào với nó. Càng nhìn ngắm, nó càng ngao ngán.

Bởi thế, nó không nguôi nhung nhớ vì cảnh vật trước mắt càng làm cho nó thêm chán ghét. Ít ra, khi giam cầm nó cũng phải có cái gì đó đáng để cho nó khâm phục hoặc tự hào. Nhưng ở đây, sự đối lập quá lớn, quá tàn nhẫn. Điều đó khiến cho những mâu thuẫn trong nó không ngừng trỗi dậy trong tiếng kêu than thảm thiết:

Hỡi oai linh, cảnh nước non hùng vĩ!  
Là nơi giống hùm thiêng ta ngự trị.  
Nơi thênh thang ta vùng vẫy ngày xưa,  
Nơi ta không còn được thấy bao giờ!  
Có biết chăng trong những ngày ngao ngán,  
Ta đương theo giấc mộng ngàn to lớn  
Để hồn ta phảng phất được gần ngươi,  
– Hỡi cảnh rừng ghê gớm của ta ơi!

Câu thơ “Nơi ta không còn được thấy bao giờ!” xác nhận sự bất lực hoàn toàn của con hổ. Giờ đây, nó đã xác nhận phải sống với thực tại thấp kém này và tự nhắc nhở mình thôi mong nhớ hay hi vọng. Chiếc khung lòng mỏng manh nhưng giam giữ quá chắt. Kể cả sức ạnh như nó cũng không thể nào phá nổi. Nó chỉ khẩn xin một điều rằng những giấc mơ kia dẫu chỉ là mơ mộng thôi nhưng cứ tiếp tục đến để hồn của hổ được an ủi, được vỗ về mà tiếp tục sống hết những tháng ngày còn lại.

Qua tâm sự của con hổ, Thế Lữ cũng đã kín đáo thể hiện khát vọng tự do và tinh thần yêu nước của mình và thế hệ thanh niên yêu nước lúc bấy giờ. Tuy không tìm được lối thoát, cuối cùng cũng rơi vào bế tắc nhưng bài thơ đã thể hiện được sức sống của dân tộc trong thời kì nô lệ, luôn khát vọng vươn lên dù bất cứ trong hoàn cảnh nào. Niềm mơ mộng có sức mạnh cổ vũ tinh thần con người tiếp tục sống và đợi chờ cơ hội vượt thoát để làm nên cuộc cách mạng vĩ đại sau này.

**Kết bài:**

Nếu xét về lý tưởng, Thế Lữ đã không có đóng góp gì đáng kể. Nhưng qua bài thơ Nhớ rừng người đọc nhận rõ đước sức mạnh sử dụng ngôn từ của ông. Nó giống như một đoàn quân ồ ạt xông tới, tung hoành mạnh mẽ. Người đọc không cần làm gì thêm, cứ thản nhiên đón nhận. Một thành công nữa của Thế Lữ là đã thể hiện một trí tưởng tượng phong phú khi mượn hình ảnh con hổ trong vườn bách thú để nói hộ cho những tâm sự kín đáo sâu sắc của mình. Qua đó diễn tả nỗi chán ghét cảnh sống tù túng. Đồng thời khơi lên tình cảm yêu nước của người dân thuở ấy.

***BT10:*** *“Nhớ rừng”* của Thế Lữ là một bài thơ hay, tiêu biểu của phong trào Thơ mới và của tác giả trên hai phương diện: tính điêu luyện, phóng khoáng, già dặn của Thơ mới và tình cảm yêu nước kín đáo, âm thầm.

Em hãy làm sáng tỏ nhận xét trên?

**Lập dàn ý:**

**\* Mở bài**

- Giới thiệu tác giả Thế Lữ, bài thơ (phong cách, về đóng góp trong Thơ mới)

- Nêu nội dung câu nhận xét và khẳng định.

**\* Thân bài**

**1. Nội dung nhận định và khẳng định nhận định:**

Phần này học sinh có thể lồng ghép trong các phần của bài làm

***Nhớ rừng của Thế Lữ là một bài thơ hay, tiêu biểu của phong trào Thơ mới và của tác giả trên hai phương diện: tính điêu luyện, phóng khoáng, già dặn của Thơ mới và tình cảm yêu nước kín đáo, âm thầm.***

**+ Điêu luyện: đạt đến trình độ cao, do được trau dồi, luyện tập nhiều (thường nói về nghệ thuật, kĩ thuật)**

##### + Phóng khoáng: không bị gò bó, trói buộc bởi những điều vụn vặt. Ở đây cần hiểu là không bị gò bó về những gì có từ trước đó, những khuôn mẫu về nghệ thuật và nội dung của thơ ca.

+ Già dặn: đã trưởng thành, vững vàng về mọi mặt, do đã từng trải, được rèn luyện nhiều.

+ Tình cảm yêu nước kín đáo, âm thầm: Không bộc lộ một cách trực tiếp mà thể hiện qua hình ảnh biểu tượng, kín đáo trong ngôn từ.

##### >> Đánh giá về tài năng nghệ thuật của Thế Lữ trong “Nhớ rừng”: Đã đạt đến trình độ cao, không hề bị gò bó bởi khuân mẫu, đã đạt đến giá trị cao về cách viết Thơ mới. Đồng thời bài thơ cũng thể hiện nội dung tư tưởng yêu nước một cách gián tiếp khéo léo.

**2. Chứng minh tính đúng đắn của ý kiến: 8đ**

HS có thể chứng minh song song cả hai phương diện ở từng đoạn thơ, khổ thơ hoặc tách riêng các phương diện để chứng minh. Dưới đây là các ý định hướng cần có:

***\* Trong việc chọn đề tài và xây dựng hình tượng trung tâm***

- Thế Lữ không lấy những hình tượng đã trở thành khuôn mẫu của thơ ca trung đại (cánh chim, cá chậu chim lồng v…v) mà lấy hình tượng mới mẻ với tính chất cao cả, hùng vĩ đó là mãnh hổ, chúa tể đại ngàn bị giam hãm trong cũi sắt vườn bách thú

=> thể hiện khuynh hướng đặc sắc của thơ Mới đó là phát huy tối đa cá tính sáng tạo của nhà thơ, giải phóng cái tôi cá nhân khỏi những quan niệm, khuôn khổ, hình tượng đã trở thành sáo mòn của thơ ca trung đại

- Đề tài này bề ngoài khẳng định không phải viết về con người (lời tựa) nhưng lại khơi gợi sự suy diễn, liên tưởng của người đọc, càng đọc càng thấy thấm thía bởi sự lồng ghép điêu luyện: khát vọng tự do, chán ghét thực tại tầm thường giả dối, tù túng của con hổ hay chính là tâm sự gửi gắm của người sáng tác và cũng là tâm sự chung của những người Việt Nam yêu nước trong hoàn cảnh mất nước.

=>Đề tài thể hiện sự điêu luyện, phóng khoáng, già dặn trong nghệ thuật nhưng cũng đã thể hiện sâu sắc nội dung tư tưởng yêu nước thầm kín:

**\* Trong ý tưởng:**

- Thông qua thế giới hoài niệm của mãnh hổ ( khổ 2,3) ca tụng quá khứ huy hoàng của nó cũng đã giúp tác giả khẳng định quan niệm thẩm mỹ đầy phóng khoáng: cái đẹp nằm ở những cái phi thường, cao hơn cuộc sống hằng ngày buồn tẻ, đơn điệu, bé nhỏ, tầm thường *(hoa chăm, cỏ xén, lối phẳng, cây trồng)…*

**\* Trong chuyển đổi tình cảm và giọng điệu thơ, cấu tứ độc đáo của bài thơ:**

- Hai dòng đầu giới thiệu hiện trạng và tình cảm của con hổ:

+ Từ “gậm”> tự mình gậm nhấm, nhấm nháp khối căm hờn của mình.

+ Khối căm hờn>tình cảm căm hờn to lớn, nguyên vẹn, chưa tan

+ Tư thế nằm dài> sự chán ngán, bất lực, hổ đã đánh mất tư thế uy nghi của nó.

- 6 dòng thơ tiếp theo thể hiện tâm hồn bên trong của hổ vẫn còn nguyên là con hổ với những kỉ niệm mãnh liệt, với những tình cảm ngang tàng

- 22 dòng tiếp kể về tình thương nỗi nhớ một thời oanh liệt đã mất.

- Đoạn cuối bài thơ thể hiện tình cảm tha thiết nhưng bi đát, vô vọng.

=> chủ đề *nhớ rừng* lúc chậm chạp, buồn nản ở phần đầu, dâng cao, dạt dào khi trở về quá khứ, lại tắt lặng đi một cách nặng nề, uất nghẹn khi chứng kiến hiện tại tù túng, tầm thường. Và cuối cùng lại *nhớ rừng* với sự thiết tha, nuối tiếc.

=> Bằng việc luôn chuyển đổi tình cảm và giọng điệu thơ, Thế Lữ đã diễn tả hết cung bậc cảm xúc của một tâm trạng cô đơn và đầy day dứt.

**\* Điêu luyện, phóng khoáng, già dặn trong nội dung tư tưởng*)***

- Bài thơ là khát vọng tự do, phóng khoáng, khát vọng làm chủ giang sơn, đồng thời lại cất lên tiếng thở dài mang ý vị vĩnh biệt một thời oanh liệt.

- Nhưng bài thơ cũng là tuyên ngôn quyết liệt không hòa nhập với thế giới giả tạo, tầm thường. + Dù thời oanh liệt không còn nữa, dù một đi không trở lại thì con hổ mãi mãi thuộc về thời kiêu hãnh, chứ không cam tâm làm đồ chơi, mua vui cho con người, không hòa nhập vào hoàn cảnh tầm thường đồng hóa.

+ Con hổ biết mình chiến bại nhưng chưa chịu làm tôi tớ cho sự tầm thường, giải dối của cảnh ngục từ, nó bất lực nhưng không hoàn toàn khuất phục và thỏa hiệp.

- Sự từ chối thực tại, dẫu chỉ trong mộng tưởng đó thể hiện tình yêu nước kín đáo, âm thầm.

**\* Đầy ắp những sáng tạo về câu chữ, nhịp điệu, số câu thơ, số chữ trong dòng thơ, cách bỏ vần, tiết tấu âm thanh**

- Các từ mới tạo: bốn phương ngàn, giấc mộng ngàn, …

- Hình ảnh lạ, ám ảnh: chiều lênh láng máu, chết mảnh mặt trời

- Các từ khẩu ngữ kiểu như văn xuôi: bọn gấu dở hơi, len dưới nách những mô gò thấp kém,…được xếp bên cạnh những từ thi vị

- Câu thơ co duỗi thoải mái, khác hẳn thơ luật truyền thống, các điệp từ luyến láy “với…

- Những chữ bị xô đẩy, bị dằn vặt…

=> Tất cả những sáng tạo trong phương diện nghệ thuật (tính điêu luyện, phóng khoáng, già dặn của Thơ mới) để nổi bật giá trị nội dung tình cảm yêu nước kín đáo, âm thầm của tác giả, của người dân Việt Nam. Tài liệu của Thu Nguyễn

**\* Trong chất hội họa của những hình ảnh, đường nét, màu sắc,…**

Ở mỗi luận điểm học sinh đều phải lấy dẫn chứng cụ thể, phân tích dẫn chứng để làm rõ nhận định ở hai phương diện

**\* Kết bài**

- Khẳng định lại thành công của bài thơ ở hai phương diện.

- Liên hệ đánh giá được giá trị của văn bản.

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**QUÊ HƯƠNG- TẾ HANH**

**I, KIẾN THỨC CƠ BẢN**

**1, Tác giả:**

- Tế Hanh tên khai sinh là Trần Tế Hanh (1921-2009).

- Tình yêu quê hương tha thiết là điểm nổi bật trong thơ Tế Hanh.

- Ông được nhà nước trao tặng giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật VN 1996.

- Các tác phẩm chính :

+ Tập thơ : “ Hoa niên” - 1945; “Gửi miền Bắc” - 1955; “Tiếng sóng” - 1960; “Hai nửa yêu thương” - 1963 “ Câu chuyện Quê Hương” 1973...

**2. Văn bản**

**a. Hoàn cảnh sáng tác:** - Bài thơ sáng tác năm 1939, lúc tác giả 18 tuổi đang là học trò sống xa quê hương (từ Quảng Ngãi ra Huế học). Bài thơ được viết trong cảm xúc nhớ nhà, nhớ quê với một tâm hồn trong trẻo.

**b. Thể thơ:** : tự do 8 chữ, bài thơ có nhiều khổ, số dòng trong khổ không đồng đều, gieo vần linh hoạt ở tiếng cuối mỗi dòng thơ.

**c. Phương thức biểu đạt:** - Phương thức biểu đạt: biểu cảm kết hợp tự sự và miêu tả.

**d. Mạch cảm xúc và bố cục:**

***- Mạch cảm xúc***: Giới thệu chung ->Tái hiện cụ thể về quê hương ->Bộc lộ tình cảm, cảm xúc.

***- Bố cục***: 2 phần

+ 3 khổ đầu: *Hình ảnh quê hươngtrong tâm hồn tác giả*

+ Khổ cuối: *Nỗi nhớ quê hương của tác giả*

**e. Giá trị nghệ thuật:**

- Biểu cảm kết hợp với miêu tả

- Tính từ gợi tả, những động từ mạnh, điệp ngữ, nhân hóa, so sánh

**f. Giá trị nội dung:**

**-** Bức tranh tươi sáng, sinh động về một làng quê ven biển

- Bài thơ thể hiện tình yêu tha thiết của tác giả đối với quê hương làng biển.

**II, LUYỆN TẬP**

**A, DẠNG ĐỀ ĐỌC HIỂU**

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**

|  |
| --- |
| Đọc hai câu thơ sau và trả lời câu hỏi:  **“Làng tôi ở vốn làm nghề chài lưới**  **Nước bao vây cách biển nửa ngày sông”**  **Câu 1:** Hai câu thơ trên trích trong văn bản nào? Của tác giả nào? Hãy giới thiêu đôi nét về tác giả và văn bản đó?  **Câu 2:** Tác giả đã giới thiệu về quê hương của mình qua những chi tiết nào? Nhận xét về cách giới thiệu của tác giả về quê hương?  **Câu 3:** Qua cách giới thiệu đó em cảm nhậnđược điều gì về quê hương của tác giả?  **Câu 4:** Viết đoạn văn diễn dịch, nêu cảm nhận của em về hai câu thơ, trong đó có sử dụng một câu cảm thán, gạch chân câu cảm thán đó? |

**Gợi ý:**

**Câu 1:** Hai câu thơ tren trích trong văn bản Que hương của tác giả Tế Hanh.

\* Tác giả

- Tế Hanh tên khai sinh là Trần Tế Hanh (1921-2009).

- Tình yêu quê hương tha thiết là điểm nổi bật trong thơ Tế Hanh.

- Ông được nhà nước trao tặng giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật VN 1996.

- Các tác phẩm chính :

+ Tập thơ : “ Hoa niên” - 1945; “Gửi miền Bắc” - 1955; “Tiếng sóng” - 1960; “Hai nửa yêu thương” - 1963 “ Câu chuyện Quê Hương” 1973... Tài liệu của Thu Nguyễn

\* Văn bản

- Bài thơ sáng tác năm 1939, lúc tác giả 18 tuổi đang là học trò sống xa quê hương (từ Quảng Ngãi ra Huế học). Bài thơ được viết trong cảm xúc nhớ nhà, nhớ quê với một tâm hồn trong trẻo.

- Thể thơ 8 chữ.

- Phương thức biểu đạt: biểu cảm kết hợp tự sự và miêu tả.

**Câu 2:** Giới thiệu:

- Nghề của làng: chài lưới ( đánh cá)

- Vị trí của làng: Cửa sông, ven biển, bốn bề là nước **(**Đi xuôi sông nửa ngày thì ra tới biển)

Cách giới thiệu:

- 2 câu thơ đầu sử dụng nhịp 3/5 tạo nên giọng điệu nhịp nhàng, đều đặn như tâm tình, thủ thỉ.

- Cách đo khảng cách ở đây rất đắc biệt: đo bằng thời gian( nửa ngày sông) chứ không phải bằng km. Câu thơ vừa giới thiệu về nghề nghiệp, vị trí của làng, vừa giới thiệu được cách cảm, cách nghĩ rất riêng của người dân nơi đây.

-> Giới thiệu ngắn gọn, mộc mạc về làng chài ven sông cửa biển.

**Câu 3:** Đây là một làng quê miền biển, sống chủ yếu bằng nghề đánh cá.

**Câu 4:**

**\* Mở đoạn(Câu chủ đề):** Hai câu thơ trên trích trong văn bản “ Quê hương” của tác giả Tê Hanh đã rất thành công trong việc giới thiệu về làng quê của mình.

**\* Thân đoạn:**

- Chỉ qua hai câu thơ ngắn gọn, Tế Hanh đã cho người đọc biết đến một vùng quê ven biển, với nghề chài lưới”.

- Cách gọn” làng tôi” thật dân giã, thân mật, khiến câu thơ không giấu nổi niềm cảm xúc tự hào. Nhà thơ đã đặc tả cụ thể vị trí của làng “Nước bao vây cách biển nửa ngày sông”. Ngôi làng hiện ra như một hòn ngọc giữa màu xanh trong của nước biển.

- Cách đo bằng không gian “ nửa ngày sông”, không gian của sông nước thật độc đóa tạo cho người đọc ấn tượng mạnh mẽ về vùng quê chài lưới thanh bình tươi đẹp.

- Như vậy, qua hai câu thơ cho ta thấy được làng quê của tác giả không chỉ có nước bao vây mà khoảng cách cũng được đo bằng nước- một cách tính mang đặc trưng rất riêng của người dân vùng sông nước. Sông được nói đến là con sông Trà Bồng- dòng sông đã tắm mát cả tuổi thơ tác giả. Tế Hanh kể: trước khi đổ ra biển, dòng sông lượn vòng ôm trọn làng biển quê tôi. Cách giới thiệu về quê hương của Tế Hanh thật bình dị, chân thật như bản chất người dân làng chài quê ông vậy. Qua đó ta thấy tình yêu làng của ông thật trong sáng và thiết tha biết bao !

**\* Kết đoạn:** Tóm lại, với hai câu thơ giản dị, nhà thơ đã giới thiệu thật tự nhiên về làng quê của mình.

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**

|  |
| --- |
| **Cho câu thơ:**  **“Khi trời trong gió nhẹ sớm mai hồng”**  **Câu 1:** Chép tiếp năm câu tiếp theo để tạo thành một đoạn thơ hoàn chỉnh?  **Câu 2:** Nêu nội dung chính của đoạn thơ em vừa chép?  **Câu 3:** Trong đoạn thơ có những hình ảnh nào làm em chú ý hơn cả? Vì sao?  **Câu 4:** Các từ “hăng”, “phăng”, “vượt” thuộc từ loại gì? Nêu tác dụng của chúng trong đoạn thơ?  **Câu 5:** Có mấy hình ảnh so sánh trong đoạn thơ? Hãy phân tích tác dụng của các hình ảnh so sánh đó?  **Câu 6:** Xét về mặt cấu tạo ngữ pháp từ “mạnh mẽ” thuộc từ loại gì?  **Câu 7:** Phân tích cấu tạo ngữ pháp của câu thơ “dân trai tráng bơi thuyền đi đánh cá” ?  **Câu 8:** Viết một đoạn văn diễn dịch từ 7- 10 câu nêu cảm nhận của em về đoạn thơ trên trong đó có sử dụng một kiểu câu đã học, gạch chân và chỉ rõ? |

**Gợi ý:**

**Câu 1:** Chép 5 câu tiếp:

**Câu 2:** Nội dung chính của đoạn thơ: Cảnh đoàn thuyền ra khơi trong một buổi sáng đẹp trời.

**Câu 3:** Có hai hình ảnh đáng chú ý: Hình ảnh con thuyền và hình ảnh cánh buồm trắng. Đáng chú ý là vì chúng được miêu tả với nhiều sáng tạo.

**Câu 4:** Từ “hăng” thuộc tính từ, “phăng”, “vượt” thuộc động từ.-> góp phần diễn tả thật ấn tượng khí thế băng tới dũng mãnh của con thuyền đè sóng ra khơi, làm toát lên sức sống mạnh mẽ, vẻ đẹp hùng tráng bất ngờ.

**Câu 5:** Có hai hình ảnh so sánh:

- So sánh “con thuyền” như “con tuấn mã”-> Diễn tả ấn tượng khí thế băng tới dũng mãnh của con thuyền khi ra khơi làm toát lên sức sống mạnh mẽ, một vẻ đẹp hùng tráng đầy hấp dẫn thể hiện một bức tranh lao động đầy hứng khởi, dạt dào sức sống.

- So sánh “cánh buồm” với “mảnh hồn làng”-> Không làm cho hình ảnh cánh buồm cụ thể hơn nhưng nó bỗng trở nên lớn lao, kì vĩ, thiêng liêng, và rất thơ mộng. Nhà thơ chợt nhận ra cái linh hồn của làng chài quê hương trong hình ảnh cánh buồm

**Câu 6:** Xét về mặt cấu tạo ngữ pháp từ “mạnh mẽ” thuộc từ láy

**Câu 7:** Dân trai tráng // bơi thuyền đi đánh cá

CN VN

**Câu 8:**

**\* Mở đoạn( Câu chủ đề):** Đoạn thơ trên trích trong văn bản “ Quê hương” của tác giả Tế Hanh trích trong tập thơ “ Nghẹn ngào” năm 1939 đã rất thành công trong việc miêu tả cảnh đoàn thuyền ra khơi trong một buổi sáng đẹp trời.

**\* Thân đoạn:** Các ý chính:

- Đoàn thuyền xuất phát giữa cảnh bình minh trong sáng dịu mát và rực rỡ nắng mai hồng.

- Hình ảnh người lao động xuất hiện với vẻ đẹp khỏe mạnh, vạm vỡ, hăng hái trèo thuyền ra khơi.

- Chiếc thuyền được so sánh với con tuấn mã cùng với các động từ, tính từ mạnh: “hăng, phăng, vượt” cho thấy khí thế mạnh mẽ, dũng mãnh băng mình vươn tới khi ra khơi

- Hình ảnh so sánh, giàu ý nghĩa “cánh buồm – hồn làng” làm cho hình ảnh cánh buồm trở nên lớn lao, kì vĩ, thiêng liêng và rất thơ mộng. Nhà thơ chợt nhận ra cái linh hồn của làng chài quê hương trong hình ảnh cánh buồm. Phải yêu quê lắm thì Tế Hanh mới viết được hình ảnh so sánh tinh tế đến như vây?( Câu nghi vấn bộc lộ cảm xúc)

- Cánh buồm được nhân hóa như một con người nó đang rướn cao thân mình thu hết gió của đại dương đẩy con thuyền đi nhanh hơn.

**\* Kết đoạn:** Tóm lại, với việc sử dụng thành công biện pháp so sánh, nhân hóa, từ láy, tính từ, động từ bốn câu thơ vừa là phong cảnh thiên nhiên tươi sáng vừa tả bức tranh lao động đầy hứng khởi và dạt dào sức sống.

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**

|  |
| --- |
| Đọc câu thơ sau và làm theo các yêu cầu bên dưới:  “Ngày hôm sau ồn ào trên bến đỗ”  **Câu 1:** Chép chính xác 7 câu thơ tiếp theo để hoàn chỉnh khổ thơ?  **Câu 2:** Nêu nội dung chính của đoạn thơ đó?  **Câu 3:** Vì sao câu thơ thứ ba của khổ thơ lại được đặt trong dấu ngoặc kép?  **Câu 4:** Hãy chỉ ra và phân tích tác dụng của các biện pháp tu từ được sử dụng  trong hai câu thơ cuối đoạn?  **Câu 5:** Hai câu thơ: “Ngày hôm sau ồn ào trên bến đỗ  Khắp dân làng đón ghe về”  Thuộc kiểu câu gì? Thực hiện hành động nói nào?  **Câu 6:** Viết đoạn văn theo kiểu quy nạp trình bày cảm nhận của em về đoạn thơ trên có sử dụng một kiểu câu đã học và gạch chân chỉ rõ?  **Câu 7:** Tình yêu quê hương được thể hiện như thế nào trong bài thơ? |

**Gợi ý:**

**Câu 1:** Hs chép bảy câu tiếp.

**Câu 2:** Nội dung đoạn thơ : Cảnh đoàn thuyền trở về bến.

**Câu 3:** Câu thơ thứ ba của đoạn được đặt trong dấu ngoặc kép là để trích nguyên văn lời cảm tạ trời yên biển lặng cho dân chài trở về an toàn , cho chuyến ra khơi thắng lợi.

**Câu 4:** Các biện pháp tu từ là: nhân hóa, ẩn dụ chuyển đổi cảm giác

-> Các từ “im, mỏi, trở về, nằm” cho ta cảm giác nhận được giây phút nghỉ ngơi thư giãn của con thuyền sau những phút giây vật lộn với sóng gió biển khơi. Nghệ thuật nhân hóa đã khiến con thuyền vô tri bỗng trở nên sống động có hồn như con người

+ Từ “nghe” thể hiện sự chuyển đổi cảm giác thật tinh tế. Con thuyền như một cơ thể sống, nhận biết được chất muối của biển đang ngấm dần, lặn dần vào da thịt của mình.

-> Hình ảnh con thuyền đồng nhất với cuộc sống của người dân làng chài. Hai câu thơ cho ta cảm nhận được một tâm hồn nhạy cảm, tinh tế và tình yêu sự gắn bó máu thịt với quê hương mình của nhà thơ Tế Hanh.

**Câu 5:** Thuộc kiểu câu trần thuật-> thực hiện hành động nói trình bày.

**Câu 6:**

**\* Mở đoạn:** Đoạn thơ trên trích trong văn bản “ Quê hương” của tác giả Tế Hanh trích trong tập thơ “ Nghẹn ngào” năm 1939 đã rất thành công trong việc miêu tả cảnh đoàn thuyền đoàn thuyền trở về bến sau một ngày lao động vất vả.

\* **Thân đoạn:** Các ý chính:

**-** Câu thơ đầu tả hình ảnh dân chài làn da ngăm đen vì nắng gió là tả thực, làm nổi bật một nét riêng của màu da dân biển. Câu thơ tiếp theo “ Cả thân hình nồng thở vị xa xăm” mới là sáng tạo: Nước da ngăm nhuộm nắng, gió và những chuyến đi xa của biển cả. Hình ảnh người dân chài vừa chân thực vừa lãng mạn với tầm vóc phi thường. Câu thơ đầu được tả chủ yếu qua thị giác, qua cái nhìn, quan sát của đôi mắt, câu sau mới là tả tâm hồn và cảm quan lẵng mạn của nhà thơ.

- Các từ “im, mỏi, trở về, nằm” cho ta cảm giác nhận được giây phút nghỉ ngơi thư giãn của con thuyền sau những phút giây vật lộn với sóng gió biển khơi. Nghệ thuật nhân hóa đã khiến con thuyền vô tri bỗng trở nên sống động có hồn như con người

- Từ “nghe” thể hiện sự chuyển đổi cảm giác thật tinh tế. Con thuyền như một cơ thể sống, nhận biết được chất muối của biển đang ngấm dần, lặn dần vào da thịt của mình. Hình ảnh con thuyền đồng nhất với cuộc sống của người dân làng chài.

Hai câu thơ cho ta cảm nhận được một tâm hồn nhạy cảm, tinh tế và tình yêu sự gắn bó máu thịt với quê hương mình của nhà thơ Tế Hanh.

**\* Kết đoạn ( Câu chủ đề):** Tóm lại, với việc sử dụng thành công biện pháp nhân hóa, ẩn dụ chuyển đổi cảm giác 8 câu thơ đã diễn tả chân thực cảnh người dân làng chài sau ngày lao động trở về và thể hiện sự gắn bó máu thịt với quê hương của nhà thơ Tế Hanh.

**Câu 7:** Yêu thương, trân trọng, tự hào và gắn bó với cảnh vật, cuộc sống và con người của quê hương.

- Được thể hiện ở cách nhìn của Tế Hanh về cảnh vật, cuộc sống quê hương mình. Trong con mắt của Tế Hanh, cảnh vật của quê hương rất đẹp : cảnh đoàn thuyền ra khơi hào hùng, hoành tráng, đầy khí thế, cảnh đoàn thuyền trở về trong sự chờ đón của dân làng, trong đông vui nhộn nhịp và cả tình yêu thương ấm áp.

- Tình yêu quê hương được thể hiện ở cách cảm nhận của tác giả về các sự vật thân thuộc, gần gũi của quê hương: Tế Hanh đã cảm nhận bằng tất cả tình yêu và tâm hồn mình nên ông nhìn thấy và nắm bắt được cái hồn, cái thần thái của từng sự vật, cảm nhận thấy chúng rất bình dị nhưng rất thiêng liêng vì những sự vật ấy đều mang trong nó cái hồn quê mặn mà, sâu lắng.

- Tình yêu quê hương được bộc lộ trực tiếp qua những câu thơ cuối, qua nỗi nhớ thương luôn thường trực, da diết, cồn cào cháy bỏng. Tình cảm của nhà thơ chân thành và bền bỉ, thiêng liêng.

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3**

|  |
| --- |
| Chép thuộc lòng khổ thơ cuối của bài thơ “ Quê hương” và trả lời câu hỏi  **Câu 1:** Các từ “xanh, bạc, nồng mặn” thuộc từ loại nào?  **Câu 2:** Ở đoạn thơ trên tác giả đã sử dụng phương thức biểu đạt chính nào?  **Câu 3:** Nhớ làng người thanh niên Tế Hanh nhớ những gì?  **Câu 4:** Tại sao tác giả lại nhớ nhất cái mùi nồng mặn của quê hương mình? **Câu 5: Trong bài thơ Quê hương của tác giả Tế Hanh ,hình ảnh con thuyền được xuất hiện rất nhiều lần.Chép lại những hình ảnh đó.Chỉ ra biện pháp tu từ và nêu tác dụng của biện pháp tu từ trong những câu thơ vừa chép.** **Câu 6:** Hãy trình bày cảm nhận của em về khổ thơ trên bằng một đoạn văn?  **Câu 7:** Viết một đoạn văn ngắn (7 – 10 câu) nêu suy nghĩ của em về vai trò của quê hương đối với cuộc đời mỗi con người. |

**Gợi ý:**

**Câu 1:** Các từ “xanh, lục, nồng mặn” thuộc từ loại: tính từ

**Câu 2:** Tác giả đã sử dụng phương thức biểu đạt chính là: biểu cảm

**Câu 3:**

- Nhà thơ bày tỏ lòng yêu thương trân trọng quê hương của mình. Dù đi xa, tác giả vẫn luôn nhớ về mảnh đất quê hương yêu dấu của mình. Nhớ màu nước biển xanh, nhớ thân cá bạc, nhớ chiếc buồm vôi, nhớ cả cảnh những chiếc thuyên rẽ sóng chạy ra khơi và nhà thơ cảm nhận được cái mùi nồng mặn xa xăm của quê biển.

**Câu 4:** Vì đó chính là mùi vị nồng nàn đặc trưng của quê hương lao động, cái hương vị riêng đầy quyến rũ đối với những người con vô cùng yêu quí quê hương mình. Tài liệu của Thu Nguyễn

**Câu 5:**

- Chiếc thuyền nhẹ hăng như con tuấn mã

Biện pháp tu từ so sánh: chiếc thuyền với con tuấn mã. Tác dụng: gợi được vẻ đẹp khỏe khoắn, hăng hái rắn rỏi của con thuyền giống như tuấn mã. Từ đó gợi ra được vẻ đẹp hình thể của những người dân làng chài

- Phăng mái chèo mạnh mẽ vượt trường giang

Biện pháp nhân hóa: được thể hiện qua từ "phăng", "vượt" diễn tả được tư thế, hào khí phăng phăng, tràn ngập sức sống của con thuyền cũng như người dân làng chài đang hăm hở về 1 chuyến đi đánh cá thắng lợi và thành công.

- Cánh buồm giương to như mảnh hồn làng

Biện pháp tu từ so sánh, ẩn dụ. So sánh, ẩn dụ cánh buồm với mảnh hồn làng là để hình tượng hóa mảnh hồn làng cũng như linh thiêng hóa cánh buồm. Cánh buồm ra khơi mang theo những ước mơ khát vọng của những người dân làng chài ra khơi. Mảnh hồn làng chính là những tâm tư, ước mơ, khát vọng của người dân làng chài. Biện pháp này làm cho hình ảnh cánh buồm trở nên sinh động và thiêng liêng.

- Rướn thân trắng bao la thâu góp gió

Biện pháp tu từ nhân hóa được thể hiện qua từ “rướn" , "thâu góp" làm cho con thuyền trở nên sinh động chân thực như 1 con người

- Chiếc thuyền im bến mỏi trở về nằm / Nghe chất muối thấm dần trong thớ vỏ

Biện pháp tu từ nhân hóa cùng ẩn dụ chuyển đổi cảm giác. Biện pháp nhân hoá làm con thuyền giống như 1 con người đang nghỉ ngơi sau 1 chuyến đi chăm chỉ. Chất muối bình thường được cảm nhận bằng vị giác nhưng được cảm nhận bằng nghe--> ẩn dụ chuyển đổi cảm giác, làm cho những mệt nhọc trong con thuyền trở nên tinh tế hơn. **Câu 6:** Trình bày cảm nhận đoạn thơ

**\* Mở đoạn:** Đoạn thơ trên trích trong văn bản “ Quê hương” của tác giả Tế Hanh trích trong tập thơ “ Nghẹn ngào” năm 1939 đã rất thành công trong việc thể hiện nỗi nhớ làng quê của tác giả.

\* **Thân đoạn:** Các ý chính:

- Nỗi nhớ quê hương qua những hình ảnh quen thuộc: Tác giả nhớ về “Màu nước xanh, cá bạc, chiếc buồm vôi”, đó là những hình ảnh quen thuộc, gắn liền với người dân miền biển. Màu nước biển trong xanh nơi những con thuyền giương cánh buồm vôi trắng thâu góp gió rẽ ra biển khơi, tìm đến những mẻ cá bạc sau bao gian lao mưa nắng và hiểm nguy, vất vả.

- Nỗi nhớ về khung cảnh sinh hoạt của người dân làng chài: ”. Đâu đó trong tiềm thức của nhà thơ, vẫn mường tượng ra cảnh sinh hoạt đánh bắt cá của người dân quê hương, họ đang ngày đêm ra khơi đánh bắt với sự hăng say và tinh thần yêu lao động, lái những con thuyền vươn ra biển cả, đương đầu với sóng gió và thử thách của đại dương mênh mông để rồi từ đó thu về những mẻ cá nặng trong niềm vui hân hoan .

Nỗi niềm dâng trào trong cảm xúc của nhà thơ: Phải có sự gắn bó sâu sắc và tình yêu sâu đậm với ngôi làng chài này lắm, tác giả mới có những cảm nhận tinh tế, cách miêu tả đầy sống động và lãng mạn như thế. “Cái mùi nồng mặn” ấy chính là mùi của biển cả, của vị xa xăm nồng thở trong thân hình người dân trai tráng, của chất muối thấm trong thớ gỗ con thuyền  
  
**\* Kết đoạn:** Tóm lại, qua 4 câu thơ thông qua các hình ảnh thân thuộc của quê hương, ta thấy được nỗi nhớ quê hương thật da diết củ tác giả Tê Hanh, điều đó đã làm nên thành công cho bài thơ này.

**Câu 7:**Gợi ý: Ta có thể hiểu vai trò của quê hương:

- Là nơi chôn rau , cắt rốn, nơi cho bao thế hệ ra đời   
- Là nơi để chúng ta nhớ về cội nguồn .  
- Là nơi lưu giữ bao nhiêu kỉ niệm đẹp thời thơ ấu ( nếu có )  
- Là nơi mãi mãi không thể quên hoặc rời bỏ

**Đoạn văn tham khảo:**

Quê hương- hai tiếng gọi sao mà thân thương và tha thiết đến thế! Từ khi còn thơ ấu, tôi luôn tự hỏi mẹ: " Quê hương là gì hả mẹ/ Mà cô giáo dạy phải yêu?". Và đến bây giờ, khi trưởng thành hơn, tôi nhận ra, quê hương với tôi quan trọng vô cùng. Đó là chiếc nôi nới tôi sinh ra, khóc tiếng khóc chào đời và tập những bước đi chập chững đầu tiên. Chẳng thể nào quên được nơi chôn rau cắt rốn ấy, nơi mà chứa đựng cả tuổi thơ vô tư, hồn nhiên không thể thắm lại. Quê hương với tôi là hình ảnh người mẹ tần tảo ra đồng sớm hôm, là những bữa cơm rau dưa đạm bạc, tiếng lũ bạn gọi nhau í ới đi học, đi chăn châu, là tiếng khói nghi ngút mỗi lần nướng khoai... Chẳng nơi đâu có thể chan chứa tình thương và mở rộng tấm lòng chào đón bạn trở về như chính quê hương của bạn. Mỗi lần đi xa, tôi tự hứa sẽ học hành chăm chỉ và rèn luyện lối sống đạo đức bản thân, để chí ít, lòng tôi cảm thấy tự hào về chính quê hương nơi tôi đang sống. Tôi hiểu ra: " Quê hương nếu ai không nhớ/ Sẽ không lớn nổi thành người! ".

### Quê hương của Tế Hanh nhìn từ phía đề từ

1.Với tư cách là "thành phần nằm ngoài văn bản của một tác phẩm"(1), lời đề từ "Chim bay dọc biển đem tin cá" trong bài thơ Quê hương nổi tiếng của Tế Hanh ít khi được người đọc dành cho sự quan tâm cần thiết, thậm chí có lúc còn bị lãng quên. Ngay cả tuyển thơ Thi nhân Việt Nam (1941) cũng bỏ qua lời đề từ ấy. Trong lời "Nhỏ to..." in cuối cuốn sách, các tác giả bộc bạch: "Tôi xin lỗi vì đã tự tiện bỏ hầu hết những lời đề tặng trên các bài thơ. Trong một quyển hợp tuyển những lời ấy sẽ thành vô nghĩa. Tôi chỉ giữ lại những lời đề tặng cần phải có mới hiểu được ý thơ"(2). Các tác giả Thi nhân Việt Nam là những người có phong cách cẩn trọng và quan điểm phê bình "lấy hồn tôi để hiểu hồn người". Với lời đề tặng mà cân nhắc như thế, thì với đề từ chắc chắn họ sẽ rất đắn đo. Bởi thế, trong phạm vi tư liệu có thể tìm hiểu, chúng tôi chỉ hơi ngạc nhiên về điều thiếu sót này. Có thể nhà soạn sách chép thơ theo trí nhớ chăng?! Nhưng đáng ngạc nhiên hơn ở chỗ: sách giáo khoa hiện hành đã in nguyên dạng rồi (SGK chú thích nguồn: trong Thi nhân Việt Nam??), mà nhiều người vẫn sơ ý bỏ qua.   
  
2. Hơn một lần, cả trong thơ và trong những bài trả lời phỏng vấn của bạn văn, Tế Hanh nhắc đến lời đề từ ấy. Xin trích một đoạn điển hình: "Tôi đến với thi ca khá sớm. Cha tôi là một nhà nho (...) Ông thường đọc cho tôi nghe những bài thơ chữ Hán của các nhà thơ đời Đường và của ông cha ta trước kia, dù không hiểu gì mấy nhưng tôi vẫn thấy hay. Ngoài ra, cha tôi còn làm nhiều bài thơ chữ Nôm. Tôi nhớ nhất là bài tả cảnh quê nhà, trong đó có hai câu mà tôi rất thích: Chim bay dọc biển đem tin cá/ Nhà ở kề sân, sát mái nhà. Khi làm bài thơ Quê hương vào năm 1939, tôi đã lấy câu thơ của cha tôi làm tiêu đề."(3) Như vậy, có thể khẳng định Tế Hanh đã sử dụng câu đề từ (ông gọi là "tiêu đề") "Chim bay dọc biển đem tin cá" và chú thích dòng chữ "Câu thơ của thân phụ tôi" ngay khi sáng tác bài thơ và chép tay vào tập "Nghẹn ngào" (tập thơ đoạt giải thưởng Tự lực văn đoàn, năm 1945 bổ sung tái bản với cái tên "Hoa niên"). Điều này rất có ý nghĩa. Nó chứng tỏ dù là "thành phần nằm ngoài văn bản" nhưng trong trường hợp này giữa lời đề từ và văn bản thơ "Quê hương" chắc chắn có mối quan hệ hữu cơ. Cách gọi đề từ là "tiêu đề" cũng rất đáng lưu tâm. Có thể nhà thơ của chúng ta không mấy quan tâm đến thuật ngữ, nhưng chữ "tiêu đề" mà ông dùng trong trường hợp này nó gợi một cách hiểu linh hoạt. Tiêu đề chính thức của văn bản là Quê hương, phải chăng theo thi nhân nó còn có thể có một tiêu đề khác nữa? Nếu thế, cái "tiêu đề" mà Tế Hanh nói chẳng phải đã cùng sinh mệnh với 20 dòng thơ kia rồi sao?! Mặt khác, chúng ta cũng cần chú ý tới thái độ hết sức kính trọng của tác giả trong cách chú thích lời đề từ: "Câu thơ của phụ thân tôi". Trong thái độ kính trọng phụ thân còn biểu hiện sự hàm ơn. Hàm ơn không chỉ bởi nhà thơ tưởng nhớ công sinh thành trời biển mà còn vì công "nuôi dưỡng tâm hồn" (Thơ đã hóa tâm hồn/ Sách đã thành tri kỷ - bài Cái tủ sách của cha tôi), công lao dắt dẫn mình vào thế giới diệu kì của thi ca. Bài Quê hươngviết trong xa cách, trong nỗi niềm da diết nhớ quê. Nỗi nhớ quê gắn liền với nỗi nhớ gia đình và người thân, đặc biệt là nỗi nhớ người cha thích cảm tác và ngâm vịnh văn chương. Không bắt đầu từ những gì gắn bó nhất, thân thuộc nhất, máu thịt nhất, liệu cảm xúc có trào dâng và tài năng Tế Hanh có thăng hoa để Quê hương có thể thành kiệt tác? Câu trả lời tưởng đã quá rõ! Nói theo cách của các tác giả Từ điển thuật ngữ văn học thì ở đây chính lời đề từ đã "khơi nguồn cảm hứng cho tác giả trong quá trình sáng tạo"(4). Và như vậy, nhìn phía lời đề từ nghĩa là nhìn phía tâm lý sáng tạo, trong trường hợp này là nhìn phía sự kiện đời sống làm bật nảy tứ thơ, khơi dậy và định hình dòng cảm xúc mãnh liệt trong bài thơ. Nhìn phía lời đề từ, bởi thế, cũng là một góc nhìn giúp người đọc thấy thêm nhiều vẻ đẹp của tác phẩm, có thêm cơ hội chiếm lĩnh được bài thơ trong tính chỉnh thể toàn vẹn của nó.   
  
3. Nhưng nhiều người chắc chẳng thấy thuyết phục bởi cách lý giải theo quy luật bếp núc ấy? Họ sẽ cho đó là suy diễn. Nói gì thì nói, văn chương là sáng tạo, là nghệ thuật của ngôn từ, là "cây đời xanh tươi", không thể quy kết nếu không bám vào thế giới hình tượng. Thế nên, chúng ta cần nhận rõ mối quan hệ hữu cơ giữa lời đề từ và văn bản thơ Quê hương. Vì sao trong vô số bài thơ mà người cha từng đọc, nhà thơ lại nhớ và thích nhất câu thơ "Chim bay dọc biển đem tin cá"? Là người có lòng với văn chương nhưng cụ Trần Tất Tố hình như không có duyên cùng chữ nghĩa. Bạn đọc biết đến lòng yêu văn chương của cụ có lẽ chỉ bởi câu thơ được con trai cụ lấy làm đề từ trong bài thơ nổi tiếng này thôi. Câu thơ rất bình thường trích trong một bài thơ cụ làm tả cảnh quê nhà. Nói là bình thường bởi dù viết với hình thức thất ngôn với mục đích vịnh cảnh nhưng lời thơ rất giản dị, nôm na. Thế nhưng, khi tách khỏi bài thơ, nó lại có sức gợi lạ lùng. Nó giản dị như một câu tục ngữ nhưng lại có sức gợi mạnh mẽ như ca dao trữ tình. Có lẽ Tế Hanh cảm nhận được vẻ đẹp kì diệu đó của câu thơ chỉ từ khi chàng trai 15 tuổi mang theo nó trong kí ức xa quê, trải nghiệm trong nỗi niềm nhớ quê? Và có lẽ mỗi lúc nhớ quê, chàng trai ấy lại hướng lòng về xứ Quảng và ngâm nga "Chim bay dọc biển đem tin cá/ Nhà ở kề sân, sát mái nhà"?!... Câu thơ thứ hai thuần tả cảnh, giản đơn. Câu thứ nhất vừa tả cảnh vừa tái hiện bức tranh cuộc sống sinh động. Câu thơ viết về cảnh "chim bay dọc biển" khiến người đọc hình dung một không gian cao rộng, trải dài, khoáng đạt của trời biển bao la. Những cánh chim bay "dọc biển" gợi sự thanh bình, yên ả của cuộc sống, nhất là cuộc sống của dân chài lưới ven biển, bám biển. Vế sau của câu thơ, đặt trong mối liên hệ với vế trước còn hé lộ một kinh nghiệm sống của dân chài: Chim bay dọc biển đem tin cá. Với dân biển, muốn biết tình hình thời tiết để ra khơi, theo kinh nghiệm xưa, họ quan sát bầu trời để thu thập thông tin rồi mới quyết định. Những cánh chim bay "dọc biển" là một trong rất nhiều thông số quan trọng. Nếu chim bay gấp gáp, loạn xạ, có khi như lao vút, như muốn đâm đầu vào những xóm mạc ở đất liền... chính là dấu hiệu chẳng lành, là tín hiệu của bão tố, phong ba. Những cánh chim hiền hòa "dọc biển" dạo bay trong không gian một bên là bờ bãi và một bên là biển cả xanh biếc mênh mông mang theo thông điệp bí mật và tinh tế của thiên nhiên về những ngày trời yên bể lặng. Chim đem tin, và dân biển sẽ nhận tin! Bộc lộ một tình cảm gắn bó với quê hương, gợi một cảnh vật điển hình và mang chở một kinh nghiệm truyền thống quý báu trong một hình thức ngôn từ giản dị, đó là vẻ đẹp của câu thơ "Chim bay dọc biển đem tin cá". Ngẫm câu thơ này, chợt nhớ một ý của Hữu Thỉnh: "Những câu thơ hay thường có xu hướng tách ra khỏi bài thơ để trở thành các giá trị độc lập. Nói một cách khác, những câu thơ hay thường xóa bỏ xuất xứ của nó"(5). Có thể coi câu thơ chúng ta đang đọc thuộc vào số ấy. Cụ Trần Tất Tố tả cảnh mà gợi được cái thần sắc, cái linh hồn kì diệu của cảnh đã có sức khơi gợi mạnh mẽ những vùng sáng trong kí ức người đọc. Người đọc tâm đắc trước hết của cụ chính là Trần Tế Hanh, con trai cụ. Chính câu thơ gợi linh hồn làng biển của cụ đã thức dậy cảm hứng mãnh liệt của Tế Hanh, để nhà thơ trẻ viết nên kiệt tác về quê hương vạn chài - ở kiệt tác ấy linh hồn làng biển hiện lên đầy hình sắc. Nói câu thơ đề từ là sự kiện đời sống làm bật nảy tứ thơ,khơi dậy và định hình dòng cảm xúc mãnh liệt trong bài thơ là nói theo ý nghĩa ấy. Câu đề từ gợi hứng, hình ảnh và kỷ niệm bừng dậy, bài thơ cứ thế hình thành một cách hết sức tự nhiên như bức tranh cuộc sống vốn vậy. Đọc Quê hương, nếu bỏ qua những điều vừa nói ở trên, liệu có làm mất đi cơ hội thấy thêm nhiều vẻ đẹp của tác phẩm, có thể chiếm lĩnh được bài thơ trong tính chỉnh thể toàn vẹn của nó? Rất có thể. Ở trên, ta vừa nói đặc sắc của bài thơ quê hương là đã gợi hình sắc linh hồn làng biển từ trong nỗi nhớ. Thực tế, vì sơ ý bỏ qua lời đề từ, nhiều người đã đọc và giảng dạyQuê hương theo những hướng khác nhau, ít chú ý khai thác điểm đặc sắc, có tính khác biệt của nhà thơ xứ Quảng trong bài thơ về một chủ đề quá quen thuộc. Về hai câu thơ mở đầu bài thơ, các tác giả của Sách giáo viên Ngữ văn 8, tập 2, tr. 23 hướng dẫn: "Hai câu thơ mở đầu rất bình dị, tự nhiên, tác giả giới thiệu chung về làng quê của mình, nội dung hầu như chỉ có ý nghĩa thông tin,...". Nói Tế Hanh giới thiệu chung về làng quê "bình dị", "tự nhiên" là đúng nhưng nói "nội dung hầu như chỉ có ý nghĩa thông tin" thì không chính xác. Chi tiết thơ "cách biển nửa ngày sông" là cách nói quá quen thuộc với tác giả - người có 15 năm tuổi thơ gắn bó với quê hương làng chài, nhưng lại lạ lẫm với tất cả chúng ta. Đó là cách nói đặc trưng của người dân có gốc gác "vốn làm nghề chài lưới". "Từ đất quế, sông Trà Bồng thẳng một dòng chảy về hướng đông. Đến đoạn thôn Giao Thủy, xã Bình Thới, huyện Bình Sơn, sông tách ra làm đôi ôm kín một vùng đất rồi hợp dòng xuôi về cửa biển Sa Cần. Đất cù lao ấy có tên gọi là xa Bình Dương, nơi chôn nhau cắt rốn của nhà thơ Tế Hanh."(6) Vị trí, khoảng cách ấy qua thơ Tế Hanh thật khác. Cách đo khoảng cách bằng "ngày sông" chẳng phải là lối nói bằng hình tượng độc đáo của những con người mộc mạc chốn làng quê đó sao?! Cách nói, cách nghĩ của người dân quê nơi nào thường gắn với thổ ngơi nơi ấy! Ở đoạn thơ thứ hai, trong cảm hứng mà câu thơ "Chim bay dọc biển..." khơi gợi, tác giả nhớ lại và đặc tả cảnh dân chài bơi thuyền ra khơi đánh cá. Đó là bức tranh cuộc sống lao động sáng tươi và khỏe khoắn. Kí ức về cảnh sinh hoạt quê nhà trong Tế Hanh như vẫn nguyên sơ. Trung tâm bức tranh là hình ảnh con thuyền và người dân chài. Những dòng thơ tả cảnh, tả người ở đây đều sinh động, tài hoa. Tả con thuyền "hăng như con tuấn mã/ Phăng mái chèo, mạnh mẽ vượt trường giang" mà gợi lên vẻ đẹp cường tráng, dồi dào của người dân lao động miền quê biển. Đặc biệt, linh hồn làng biển hiện hình qua câu thơ tài hoa chớp được cận cảnh "Cánh buồm giương to như mảnh hồn làng/ Rướn thân trắng bao la thâu góp gió". Phép so sánh thông thường chỉ làm cho sự vật hiện lên cụ thể, sao qua cách so sánh của Tế Hanh sự vật bỗng trở nên trừu tượng, lớn lao, kì vĩ và linh thiêng?! Tế Hanh không có ý định tái hiện cảnh lao động một cách trọn vẹn, mà chỉ tập trung thể hiện những dáng nét ấn tượng, thân quen. "Quảng Ngãi ơi! Nơi đã sinh ta/ Đến tuổi mười lăm sống tại nhà/ Từ đấy ta đi, quê khắp xứ/ Suốt đời quê mẹ vẫn không xa." Đó là bài thơ Gửi Quảng Ngãi (1983), một kênh lý giải cội nguồn cảm hứng trong sự nghiệp thơ của ông, và góp phần cho chúng ta hiểu hơn bài thơ Quê hương. Những hình ảnh làng quê hiện về trong kí ức, thức dậy những kỷ niệm, và vì không trải nghiệm cuộc sống thực sự của người dân đánh cá nên thi sĩ không nói về cảnh "Ra đậu dăm khơi dò bụng biển/ Dàn đan thế trận lưới vây giăng" (Đoàn thuyền đánh cá - Huy Cận), chỉ nhớ cảnh trên bờ. Với tình cảm sâu sắc, khả năng quan sát tinh tế, Tế Hanh đã thể hiện được nhiều nét thần tình. Một câu nói quá đỗi quen thuộc của người dân chài "Nhờ ơn trời biển lặng cá đầy ghe" được nhớ lại, gợi nhắc không khí náo nhiệt, đặc tả niềm vui bình dị, tình cảm chân thành cảm tạ thiên nhiên. Cảm tạ "ơn trời" phải chăng là cảm tạ từ ân huệ thiên nhiên ban tặng qua tín hiệu "Chim bay dọc biển..."? Màu sắc tín ngưỡng trong câu thơ giản dị khắc họa rõ nét thêm vẻ đẹp mộc mạc của tâm hồn người lao động! Với cảm hứng tái hiện nét thần tình của cảnh vật đang dâng trào mãnh liệt, Tế Hanh đã có được những dòng tuyệt bút: "Dân chài lưới làn da ngăm rám nắng/ Cả thân hình nổng thở vị xa xăm;/ Chiếc thuyền im bến mỏi trở về nằm/ Nghe chất muối thấm dần trong thớ vỏ". Con thuyền đánh cá ở biển và người dân lao động làng chài đã hiện lên đúng thần thái, hồn vía và trở nên sống động phi thường. Trong đoạn kết trực tiếp bộc lộ nỗi nhớ quê, nhà thơ đã khái quát những nét tiêu biểu đọng lại trong tâm tưởng khi "xa cách": màu nước biển biếc xanh, màu cá bạc tươi ngon, màu của cánh buồm vôi lộng gió... Tất cả vẫn còn hằn in. Cùng với đó là hình ảnh "động": "Thoáng con thuyền rẽ sóng chạy ra khơi". Quê hương tươi nguyên trong trái tim người xa cách không chỉ với những ảnh hình từ "tĩnh" đến "động" mà còn với cả "cái mùi nồng mặn" đặc trưng. Đó là cái vị xa xăm mặn mòi của biển khơi ngấm đọng trong thân hình dân chài lưới, cái mùi thấm sâu trong từng thớ gỗ của những con thuyền hòa lẫn cái mùi phảng phất trên khắp vùng quê biển "Gió đưa thơm mùi cá nướng ngọt ngào"... Cái mùi ấy mơ hồ nhưng chính nó khiến cho nỗi nhớ quê thường trực, da diết trở nên hiện hữu, sâu sắc và ám ảnh lòng người hơn bao giờ hết!   
  
4. Chế Lan Viên nói Tế Hanh có "khả năng nhìn thấy hồn sự vật"(7), bài thơ Quê hương có lẽ là minh chứng thuyết phục nhất cho điều đó. Thuyết phục bởi nó thuộc vào số những tác phẩm đầu tay, khi phẩm chất thi sĩ bộc lộ một cách hồn nhiên, trong sáng nhất. Thuyết phục còn bởi trong sự nghiệp thơ ca của Tế Hanh đóng góp lớn cho thơ ca dân tộc, đây là một trong những bài xuất sắc điển hình. Cái khả năng "nhìn thấy hồn sự vật" ấy phải chăng là biểu hiện gien trội di truyền từ ông đồ nho Trần Tất Tố từng kết tinh ở câu thơ "Chim bay dọc biển đem tin cá" ngày xưa?!

**I. Vài nét về tác giả, tác phẩm.**

\* Tác giả: Tên khai sinh là Trần Tế Hanh, sinh 1921, quê ở 1 làng chài ven biển - Quảng Ngãi.

- Là nhà thơ trong pt Thơ mới - chặng cuối (40 - 45).

- Quê hương là cảm hứng lớn trong suốt đời thơ của TH.

\* Tác phẩm: là sáng tác mở đầu cho nguồn cảm hứng về quê hương.

+ Nhà thơ đã viết “Quê hương” bằng cả tấm lòng yêu mến thiên nhiên thơ mộng và hùng tráng của quê hương, mến yêu những con người lao động tràn trề sức lực; bằng những kỉ niệm sâu đậm, nồng nàn của thời niên thiếu.

+ Bài thơ được viết theo thể 8 chữ, kết hợp cả 2 kiểu gieo vần: liên tiếp và vần ôm.

### \***II. Đôi nét về bài thơ Quê hương**

**1. Hoàn cảnh sáng tác**

- Bài thơ viết năm 1939, khi Tế Hanh đang học tại Huế trong nỗi nhớ quê hương-một làng chài ven biển tha thiết. Bài thơ được rút trong tập Nghẹn ngào (1939) và sau đó được in trong tập Hoa niên (1945)

**2. Bố cục**

- 2 câu đầu: Giới thiệu chung về làng quê.

- 6 câu tiếp: Cảnh dân chài bơi thuyền ra khơi đánh cá

- 8 câu tiếp: Cảnh thuyền cá về bến.

- 4 câu tiếp: Nỗi nhớ làng chài, nhớ quê hương

**3. Nội dung**

- Bài thơ đã vẽ ra một bức tranh tươi sáng, sinh động về một làng quê miền biển. Trong đó nổi bật lên hình ảnh khỏe khoắn, đầy sức sống của người dân chài và cảnh sinh hoạt lao động chài lưới. Qua đó cho thấy thấy tình cảm quê hương trong sáng, tha thiết của nhà thơ.

**4. Nghệ thuật**

- Ngôn ngữ bình dị mà gợi cảm, giọng thơ khỏe khoắn hào hùng

- Hình ảnh thơ phong phú, giàu ý nghĩa

- Nhiềuphép tu từ được sử dụng đạt hiệu quả nghệ thuật

\*Trong bài thơ Quê hương tác giả đã sử dụng một số các biện pháp tu từ cần lưu ý:

-Biện pháp so sánh: “Cánh buồm giương to (như) mảnh hồn làng” .Cánh buồm trắng hình ảnh quen thuộc được so sánh như là linh hồn của quê hương đang nằm trong cánh buồm. Hình ảnh “Chiếc thuyền nhẹ hăng (như) con tuấn mã” sự so sánh chiếc thuyền như tuấn mã đã giúp người đọc có cảm giác được sự mạnh mẽ của chiếc thuyền vượt qua mọi sóng gió biển cả. Động từ “hăng” được sử dụng thể hiện sự hiên ngang, sức sống mãnh liệt của chiếc thuyền.

-Biện pháp tu từ nhân hóa:  cánh buồm: “rướn thân trắng bao la thâu góp gió” và hình ảnh “Chiếc thuyền im bến mỏi trở về nằm”.

-Sử dụng ẩn dụ chuyển đổi cảm giác: “Nghe chất muối thấm dần trong thớ vỏ”.

Bài thơ quê hương có nhiều yếu tố nghệ thuật cùng với sự sáng tạo trong các hình ảnh thể hiện sự quan sát, cảm nhận vô cùng sắc sảo của nhà thơ về cuộc sống miền biển. Hình ảnh thơ chân thực, gần gũi khiến cho bài thơ thêm phần thi vị, bay bổng.

Bài thơ Quê hương có sử dụng phương thức miêu tả và biểu cảm, chủ yếu yếu tố miêu tả giúp các yếu tố biểu cảm, trữ tình thêm phần rõ nét. Với sự kết hợp các phương thức miêu tả và biểu cảm, trữ tình giúp bài thơ Quê hương thể hiện được tinh tế và đầy chân thực cuộc sống con người nơi đây.

# Các bước phân tích bài thơ Quê hương của Tế Hanh

### Đôi nét về nhà thơ Tế Hanh

Tế Hanh (sinh năm 1921 – mất năm 2009) có tên khai sinh là Trần Tế Hanh. Ông sinh thành tại một làng chài ven biển ở xã Bình Dương, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi. Làng chài có dòng sông Trà Bồng bao quanh ấy chính là hình ảnh để lại ấn tượng đậm sâu trong lòng nhà thơ và trở đi trở lại rất nhiều trong những sáng tác của nhà thơ sau này. Tế Hanh có khoảng thời gian gắn bó, học tập ở làng quê sau đó ông có cơ hội ra Huế học trung học vào năm 15 tuổi.

Cái duyên của Tế Hanh với thơ ca xuất phát từ niềm ham mê thuở nhỏ khi có cha làm nghề dạy học. Bên cạnh đó, khoảng thời gian học tập ở Huế đã cho ông nhiều trải nghiệm với thơ ca khi được gặp gỡ những nhà thơ tiêu biểu của phong trào Thơ Mới, được tiếp xúc với những bài thơ trữ tình, lãng mạn của Pháp, ông bắt đầu có những sáng tác đầu tay.

Đến năm 1945, ông đã bắt đầu *“dấn thân”* vào sự nghiệp cách mạng và hoạt động văn hóa văn nghệ ở Liên khu V. Khoảng thời gian tập kết ra Bắc vào năm 1954 cũng là thời gian Tế Hanh gắn bó với các hoạt động ở Hội Nhà văn Việt Nam. Đó là dịp để ông có thể thể hiện khả năng sáng tác của bản thân và chính nhờ những nỗ lực của mình mà năm 1996, Tế Hanh đã nhận được Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật.

Bên cạnh những tác phẩm viết về niềm khát khao cháy bỏng Nam Bắc hai miền sum họp một nhà, Tế Hanh thường được biết đến với những sáng tác viết về những bài thơ thể hiện nỗi nhớ thiết tha, trìu mến với quê hương bằng giọng thơ nhỏ nhẹ, hiền hòa và đằm thắm. Ông có những tác phẩm có thể kể đến như: *“Hoa niên”* (năm 1945, còn có tên khác là *“Nghẹn ngào”*), *“Gửi miền Bắc”* (năm 1955), *“Tiếng sóng”* (năm 1960), *“Hai nửa yêu thương”* (năm 1963), và *“Khúc ca mới”* (năm 1966)…

### Những nét chính về bài thơ Quê hương

Trước khi phân tích bài thơ Quê hương của Tế Hanh, ta cần nắm được hoàn cảnh cùng những nét chính về tác phẩm này. *“Quê hương”* là bài thơ được rút ra từ tập *“Nghẹn ngào”* (năm 1939). Đây là một trong những sáng tác đầu tay, cũng là bài thơ mở đầu cho nguồn cảm hứng lớn về quê hương của suốt đời thơ Tế Hanh. Bài thơ được viết theo thể thơ 8 chữ với âm hưởng khỏe khoắn, đã diễn tả được những tình cảm đậm đà, sáng trong mà nhà thơ dành cho làng chài*“cách biển nửa ngày sông”* của nhà thơ.

## Phân tích bài thơ Quê hương của Tế Hanh

Tâm tình về “làng tôi”, bức tranh sinh hoạt của làng quê miền biển, những tình cảm chân thành và nỗi nhớ da diết của tác giả… là những nét chính khi phân tích bài thơ Quê hương của Tế Hanh.

### Lời giới thiệu về “làng tôi” bình dị đầy mến thương

Để khơi nguồn cảm xúc cho bài thơ, nhà thơ đã nhắc lại *“câu thơ của phụ thân”*: *“Chim bay dọc biển đem tin cá”* và rồi cánh chim ấy đã mang về biết bao hình ảnh đẹp tươi về quê hương của nhà thơ.

Qua hai câu thơ đầu của bài thơ, Tế Hanh đã giới thiệu về làng quê của mình một cách rất bình dị và tự nhiên:

*“Làng tôi ở vốn làm nghề chài lưới*

*Nước bao vây, cách biển nửa ngày sông.”*

Phân tích bài thơ Quê hương của Tế Hanh sẽ thấy trong lời thơ ấy, ta như thấy gợi lên ở đó một hình ảnh của một làng chài nhỏ ven biển. Ở nơi ấy, những người dân quê ông mưu sinh bằng cái nghề cả đời gắn liền với nắng gió, với từng hơi thở của biển – chài lưới. Cả một đời bám biển bằng những chuyến tàu đi về của họ đã trở thành một ấn tượng sâu đậm mà khi cất tiếng gọi thân thương *“làng tôi”*, để rồi hình ảnh về con người quê mình cũng đồng thời hiện ra cùng lúc.

Nhớ về quê hương, tác giả cũng nhớ về cái địa thế đặc biệt của làng mình khi đó là một nơi *“nước bao vây”*khắp các bề như một đặc ân đem về cho họ nguồn sống bất tận. Chỉ với hai câu thơ ngắn gọn nhưng tác giả đã vẽ ra trước mắt người đọc một bức tranh yên bình, thân thuộc của một làng chài ven biển.

### Bức tranh làng quê miền biển và cảnh lao động chăm chỉ

Sau hai câu thơ mở đầu, nhà thơ đã dành những dòng viết tiếp theo để miêu tả cảnh dân làng ra khơi đánh cá vào một ngày có sự ủng hộ của tiết trời:

*“Khi trời trong, gió nhẹ, sớm mai hồng*

*Dân trai tráng bơi thuyền đi đánh cá.*

*Chiếc thuyền nhẹ hăng như con tuấn mã*

*Phăng mái chèo, mạnh mẽ vượt trường giang.”*

Đó là những câu thơ đẹp với những hình ảnh vừa rất thực tại và cũng vừa lãng mạn như*“trời trong”*, *“gió nhẹ”* và *“sớm mai hồng”*. Những hình ảnh ấy đã mở ra cảnh tượng trong trẻo, thoáng đãng của bầu trời có pha vào đó màu hồng tươi tắn của ánh nắng ban mai. Trên phông nền của cảnh ấy, hình ảnh đoàn thuyền băng mình ra khơi xuất hiện thật nổi bật. Chúng xuất hiện bên những *“trai tráng”* khỏe mạnh, lực lưỡng, vạm vỡ và dũng cảm và dưới sự lèo lái của họ, những chiếc thuyền lao đi hăng hái như những con tuấn mã được thúc vó băng vạn dặm xa.

Phân tích bài thơ Quê hương của Tế Hanh sẽ thấy thông qua hình ảnh so sánh *“con tuấn mã”* kết hợp với hàng loạt các động từ *“hăng”*, *“phăng”*, *“vượt”*, nhà thơ đã diễn tả một không khí hồ hởi, một sức sống mạnh mẽ và cả vẻ đẹp hùng tráng đầy lôi cuốn của con người trong khoảnh khắc khởi đầu đầy ấn tượng. Do đó, những câu thơ không còn là những nét vẽ đơn thuần về một bức tranh phong cảnh thiên nhiên với sắc màu tươi sáng mà còn lột tả cả bức tranh lao động sôi nổi, hào hứng như hứa hẹn một ngày lao động gặt hái nhiều kết quả tốt đẹp.

Khí thế băng băng tới trùng khơi dũng mãnh của đoàn thuyền cũng có lúc hiện lên với vẻ đẹp lãng mạn ở cách miêu tả cánh buồm no gió trong hai câu thơ tiếp theo:

*“Cánh buồm giương to như mảnh hồn làng*

*Rướn thân trắng bao la thâu góp gió…”*

Giữa biển khơi muôn trùng sóng nước, cánh buồm căng gió làm cho bức tranh lao động trở nên thơ mộng đến vô cùng. Cánh buồm khi cùng con người trong hành trình ra khơi đã không còn là một vật vô tri mà trở thành một sinh thể, là *“mảnh hồn làng”*. Nó biết *“rướn thân trắng”* để *“thâu góp gió”*, tiếp sức cho đoàn thuyền vươn khơi mạnh mẽ.

Khi phân tích bài thơ Quê hương của Tế Hanh, ta thấy hình ảnh cánh buồm khiến cho ta dễ liên tưởng công việc ra khơi đánh bắt của những người đàn ông miền biển. Bên cạnh đó thì những người ở lại cũng vẫn đồng hành cùng với họ bằng sự dõi theo, bằng sự nguyện cầu về những điều tốt lành và bằng cả niềm hi vọng về cuộc mưu sinh thuận lợi. Đó phải chăng chính là ý nghĩa thiêng liêng mà tác giả muốn gửi gắm vào hình tượng miêu tả ấy?

Cảnh ra khơi được tái hiện bằng một bức tranh tươi sáng, hứng khởi và lúc đoàn thuyền trở về, nó lại hiện hữu trong một bức tranh náo nhiệt, đầy ắp niềm vui:

*“Ngày hôm sau ồn ào trên bến đỗ*

*Khắp dân làng tấp nập đón ghe về.*

*“Nhờ ơn trời biển lặng cá đầy ghe”,*

*Những con cá tươi ngon thân bạc trắng”*.

Không khí *“ồn ào”*, *“tấp nập”* được tái hiện bởi trong mỗi người dân đều ánh lên niềm vui trong mắt bởi thu về *“cá đầy ghe”*. Trông *“những con cá tươi ngon thân bạc trắng”* lấp lánh trong ngày thuyền cập bến, ắt hẳn người làng chài đã cảm thấy rất đỗi hạnh phúc vì sự hăng say, nhiệt thành trong lao động của họ đã được đáp đền lại bằng một thành quả vô cùng ngọt ngào và xứng đáng.

Họ cũng nhận ra rất rõ một điều là để thu về những sản phẩm lao động giá trị như vậy cũng là nhờ vào sự ủng hộ của trời đất khi giúp họ bằng cách để sóng yên, biển lặng. Thế nên, với sự giúp sức ấy, họ cũng thầm gửi đến một sự cảm tạ chân thành.

Sau khi đã phăng phăng, phơi phới *“vượt trường giang”*, giờ là lúc con người và con thuyền được nghỉ ngơi trên bến:

*“Dân chài lưới làn da ngăm rám nắng*

*Khắp thân hình nồng thở vị xa xăm;*

*Chiếc thuyền im bến mỏi trở về nằm*

*Nghe chất muối thấm dần trong thớ vỏ.”*

Không biết tự bao giờ, cái nắng gió của biển trời, vị xa xăm của gió khơi đã in hình, khắc tạc vào trong vóc dáng của những người con làng chài. Họ là những con người có tầm vóc phi thường nhưng sự phi thường ấy lại được đắp bồi bởi những thứ đặc trưng của quê hương, xứ sở.

Phân tích bài thơ Quê hương của Tế Hanh sẽ thấy cách miêu tả con thuyền trong trạng thái *“trở về nằm”* cũng không kém phần đặc sắc. Nếu như lúc vươn khơi, nó *“hăng như con tuấn mã”* thì khi về nó lắng lại để bến bờ dỗ giấc. Vốn là một sinh thể có hồn, lúc ra khơi nỗ lực, hăng hái giúp người dân thì sau ngần ấy những nỗ lực, nó cảm nhận rõ sự mỏi mệt để rồi gác lại cái sôi nổi ban đầu, nó tự *“lắng nghe chất muối thấm dần trong thớ vỏ”* của nó. Trong sự im lặng vẫn hiện tồn sự chuyển động…

Giống như con người, với biển khơi, con thuyền cũng có một sự gắn bó đậm sâu khi ngấm vào trong mình chất muối đặc trưng. Với ngòi bút tài hoa và sự thấu hiểu đến tường tận con người và cảnh vật quê hương, tác giả đã tạo ra những câu thơ xuất thần và thật ý nghĩa.

### Tình cảm sâu nặng cùng nỗi nhớ tha thiết của tác giả với quê hương

Ở những câu thơ cuối cùng, nhà thơ đã viết nên những dòng thơ nói về tâm tư, nỗi lòng của riêng mình với quê hương trong hoàn cảnh xa cách:

*“Nay xa cách lòng tôi luôn tưởng nhớ,*

*Màu nước xanh, cá bạc, chiếc buồm vôi,*

*Thoáng con thuyền rẽ sóng vượt ra khơi,*

*Tôi thấy nhớ cái mùi nồng mặn quá!”*

Những dòng trên đã được viết bằng tấm lòng thơm thảo của người con xa xứ luôn hướng về quê hương của mình. Với nhà thơ, từ hình ảnh *“màu nước xanh”*, *“cá bạc”*, từ *“chiếc buồm vôi”* căng gió, *“con thuyền rẽ sóng”* mạnh mẽ và đặc biệt là *“cái mùi nồng mặn quá”*, nhà thơ đều khắc ghi rõ trong tâm trí đến từng chi tiết.

Tác giả nhớ tất cả những điều đó bởi một lẽ rất giản đơn, đó là những đặc trưng của miền biển quê ông, là những gì làm nên quê hương mà suốt đời ông luôn *“tưởng nhớ”*. Khi phân tích bài thơ Quê hương của Tế Hanh, người đọc cũng nhận thấy trong cách diễn đạt từ trái tim rất giản dị và da diết ấy, nỗi nhớ hiện lên khôn nguôi nhưng cũng thật hồn hậu và tự nhiên.

## Đánh giá nghệ thuật khi phân tích bài thơ Quê hương của Tế Hanh

Bài thơ *“Quê hương”* mang đặc sắc nghệ thuật của một bài thơ trữ tình. Tuy phần nhiều là những câu thơ miêu tả nhưng bao trùm lên tất cả cảnh vật, cuộc sống và hình ảnh con người vẫn là nỗi nhớ da diết, cồn cào của nhà thơ về quê hương. Phân tích bài thơ Quê hương của Tế Hanh, ta cũng thấy được cái hay của tác phẩm còn được tạo nên bởi những hình ảnh thơ độc đáo, vận dụng hiệu quả các biện pháp so sánh nghệ thuật… Chính điều đó đã góp phần tạo nên khung cảnh sinh hoạt chốn quê hương vừa là những cảnh thực nhưng cũng vô cùng bay bổng, lãng mạn…

Tất cả những đặc sắc nói trên về nghệ thuật đã giúp Tế Hanh khắc họa được một bức tranh tươi sáng, sinh động về một làng quê ven biển và nổi bật hơn cả là vẻ đẹp của con người lao động khỏe khoắn đầy sức sống.

-Tác giả đã sử dụng thể thơ tám chữ phóng khoáng, phù hợp với việc bộc lộ cảm xúc giản dị, tự nhiên

-Những hình ảnh trong bài thơ thể hiện sự liên tưởng, so sánh cũng như nhân hóa vô cùng đa dạng và độc đáo.

-Quê hương của Tế Hanh giản dị, mộc mạc với giọng điệu nhẹ nhàng và đầy tha thiết.

*Kết bài:*Như vậy, với *“Quê hương”*, Tế Hanh đã góp vào làng thơ Việt một thi phẩm mang vẻ đẹp tươi sáng của bức tranh làng quê vùng biển. Bài thơ cũng góp phần thể hiện tình cảm trong sáng và tha thiết mà tác giả dành cho con người và cảnh vật ở quê hương. Phân tích bài thơ Quê hương của Tế Hanh đã khiến mỗi chúng ta thêm trân quý nhiều hơn nơi chôn rau cắt rốn của mình….

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**II. Vẻ đẹp của bức tranh làng quê.**

***1. Vẻ đẹp của chính làng quê tác giả.***

- Làng chài Bình Sơn - QN như 1 cù lao nổi giữa sông nước “bao vây” bốn bề, phải đi thuyền nửa ngày mới ra đến biển.

- Các chữ “nước, biển, sông” -> h/a 1 ngôi làng “vốn làm nghề chài lưới” chỉ gắn với sông nước, biển khơi.

- “Cách biển nửa ngày sông”: t/g dùng phép đo khoảng cách của người dân chài.

***2. Vẻ đẹp tươi sáng, khỏe khoắn của cuộc sống và con người làng chài.***

- Cảnh đoàn thuyền ra khơi đánh cá:

+ Buổi bình minh: trời trong, gió nhẹ, sớm mai hồng -> thiên nhiên trong sáng, thơ mộng.

+ Khí thế lao động hăng hái: những chàng trai “phăng mái chèo”, những chiếc thuyền “mạnh mẽ vượt trường giang”.

-> Chiếc thuyền - con tuấn mã tung vó chinh phục những dặm đường thiên lí là 1 liên tưởng đẹp và khá độc đáo.

+ Cánh buồm - mảnh hồn làng -> so sánh độc đáo -> linh hồn làng chài.

-> Cánh buồm mang theo bao hi vọng và lo toan của người dân chài trong cuộc mưu sinh trên sông nước.

=> H/a khỏe khoắn, đầy chất lãng mạn, bay bổng.

- Cảnh đoàn thuyền trở về bến:

+ Cảnh “Dân làng tấp nập đón ghe về” trong bao nhiêu âm thanh “ồn ào trên bến đỗ” -> tả thực đến từng chi tiết, h/a => Niềm sung sướng của tác giả.

+ “Nhờ ơn trời biển lặng cá đầy ghe” -> lời cảm tạ chân thành cất lên từ niềm tin hồn nhiên, chất phác của người lao động.

+ “Những con cá tươi ngon thân bạc trắng” -> giàu sức miêu tả và gợi cảm cao. =>Niềm vui giản dị mà lớn lao trước thành quả lao động -> khát vọng về 1 cs ấm no, hạnh phúc.

+ H/a những chàng trai:

“Làn da ngăm rám nắng” -> tả thực. => gợi tả linh hồn và

“Cả thân hình nồng thở vị xa xăm” ->lãng mạn, tinh tế. tầm vóc của những

người con biển cả.

+ Những con thuyền cũng mang hồn người và vẻ đẹp người: “im bến mỏi trở về nằm. Nghe chất muối thấm dần trong thớ vỏ”.

-> Nghệ thuật nhân hóa, dùng từ đắt “ *nghe ".*

=> Mệt mỏi nhưng đọng lại trong lòng người vẫn là cảm giác bình yên, thư thái nhẹ nhàng. Con thuyền vô tri bỗng trở nên có hồn. Không phải là 1 người con vạn chài thiết tha gắn bó với quê hương thì không thể viết được những câu thơ như thế ! Và cũng chỉ có thể viết được những câu thơ như thế khi nhà thơ biết đặt cả hồn mình vào đối tượng, vào người, vào cảnh để lắng nghe. Có lẽ chất muối mặn mòi kia cũng đã thấm sâu vào làn da thớ thịt, vào tâm hồn của nhà thơ TH để thành niềm ám ảnh gợi bâng khuâng kì diệu. Cái tinh tế, tài hoa của TH là ở chỗ nghe thấy cả những điều không hình sắc, không thanh âm…

-> Tất cả đều mang đậm hương vị của biển khơi, tạo nên 1 vẻ đẹp riêng cho làng chài quê hương.

=> T/c trong sáng, thiết tha của TH đối với quê hương.

=> Nét đẹp của cs và con người ở mọi làng chài Việt Nam.

**1.Phân tích bài thơ Quê hương của Tế Hanh.**

1. *Mở bài.*

- Tế Hanh, quê ở Quảng Ngãi, tham gia cách mạng và kháng chiến chống Pháp. Năm 1954 ông tập kết ra Bắc, hoạt động trong lĩnh vực văn học nghệ thuật. Đề tài quê hương xuất hiện nhiều lần trong sự ngghiệp sáng tác của Tế Hanh.

- Bài thơ *Quê hương* viết năm 1938 là nỗi nhớ, là tình yêu quê hương tha thiết của Tế Hanh.

2. *Thân bài.*

\* Hình ảnh quen thuộc của quê hương yêu dấu.

- Hiện lên qua lời giới thiệu tự nhiên, mộc mạc nhưng ẩn chứa tình cảm tự hào:

Làng tôi ở vốn làm nghề chài lưới

Nước bao vây, cách biển nửa ngày sông.

Khi trời trong, gió nhẹ, sớm mai hồng.

Dân trai tráng trong làng đi đánh cá.

- Cảnh đoàn thuyền ra khơi đánh cá được miêu tả sinh động.Hình ảnh so sánh.

Chiếc thuyền nhẹ hăng như con tuấn mã…

Cánh buồm giương to như mảnh hồn làng

Là sáng tạo ngghệ thuật độc đáo. Bút pháp lãng nạm đem lại chất trữ tình bay bổng cho hình tượng thơ.

- Âm hưởng khoẻ khoắn, vui tươi thể hiện khí thế lao động sôi nổi và khát vọng ấm no hạnh phúc của người lao động.

- Cảnh đoàn thuyền về bến được miêu tả tỉ mỉ, chi tiết. Niềm vui hiẹn rõ qua hình ảnh, âm thanh và nhịp điệu thơ.

- Nổi bật lên vẫn là vẻ đẹp khoẻ khoắn của những ngư dân dạn dày sóng gió đại dương.

- Bút pháp nhân hoá mang đến cho con thuyền một tâm hồn, một cuộc ssống như con người, biến nó thành nhân vật không thể thiếu của quê hương

Chiếc thuyền im bến mỏi trở về nằm.

Nghe chất muối thấm dần trong thớ vỏ.

- Tất cả gắn kết, hoà hợp với nhau tạo nên bức tranh sinh hoạt, sống động, rực rỡ sắc màu, in đậm dấu ấn trong kí ức những người con xa quê.

\* Cảm xúc của nhà thơ.

- Thể hiện gián tiếp qua lời kể, lời tả đầy yêu mến, tự hào về quê hương.

- Thể hiện trực tiếp ở khổ thơ cuối

Nay xa cách lòng tôi luôn tưởng nhớ…

Tôi thấy nhớ cài mùi nồng mặn quá!

- Tình yêu quê hương chân thành, tha thiết là cảm hứng chủ đạo bao trùm bài thơ.

3. *Kết bài.*

- Bài thơ quê hương là tấm lòng gắn bó sâu nặng của Tế Hanh với mảnh đất chôn nhau cắt rốn.

- Hình ảnh quê hương nghèo luôn hiện lên trong tâm tưởng, vừa là nguồn sức mạnh vừa là lời nhắc nhở, mời gọi những đứa con xa trở về với cội nguồn.

**Bài tập:**

**BT1.**Phân tích vẻ đẹp của bức tranh làng quê trong bài thơ “Quê hương” của nhà thơ Tế Hanh.**DÀN Ý**

**Mở bài:**  Giới thiệu bài thơ.

- Giới thiệu vấn đề nghị luận: Sức hấp dẫn trước hết của bài thơ là vẻ đẹp thân thương và độc đáo của bức tranh làng quê.

**Thân bài*:***

***a. Đó là vẻ đẹp của chính làng quê tác giả - một làng chài ven biển Trung Bộ.*** (Phân tích 2 câu thơ đầu).

***b. Đó là vẻ dẹp tươi sáng, khoẻ khoắn của cuộc sống và con người làng chài:***

- Vẻ đẹp của bức tranh làng quê trong cảnh đoàn thuyền ra khơi đánh cá:

+ Hiện lên trong khung cảnh thiên nhiên tươi sáng, thơ mộng của buổi bình minh.

+ Khí thế lao động hăng hái được gợi tả qua hình ảnh những chàng trai “phăng mái chèo” và những chiếc thuyền “mạnh mẽ vượt trường giang”.

+ Hình ảnh cánh buồm là một sự so sánh độc đáo gợi ra linh hồn của làng chài với bao nỗi niêmg của người dân chài.

- Vẻ đẹp của bức tranh làng quê trong cảnh đoàn thuyền trở về bến:

+ Cảnh ồn ào tấp nập trên bến đỗ là một bức tranh sinh hoạt lao động ở làng chài được miêu tả hết sức sinh động, chan hoà niểm vui sướng trước thành quả lao động và thể hiện khát vọng ấm no hạnh phúc của người dân chài.

+ Hình ảnh những chàng trai và những con thuyền sau chuyến ra khơi tạo nên một vẻ đẹp vừa thực vừa lãng mạn với hương vị riêng biệt khó quên của làng chài.

**Kết bài:** - Bức tranh làng quê trong bài thơ thể hiện tình càm trong sáng, thiết tha của Tế Hanh đối với quê hương.

- Bài thơ viết về làng quê riêng của chính tác giả nhưng mang theo nét đẹp của cuộc sống và con người ở mọi làng chài VN, nên có sức hấp dẫn với mọi tâm hồn Việt

**Cảm nhận của em về bài thơ “Quê hương" của Tế Hanh**

"Làng tôi ờ vốn làm nghê chài lưới...",

"Quê hương tôi có con sông xanh biếc

- Nước gương trong soi tóc những hàng tre...",

những vần thơ tha thiết đối với đất mẹ quê cha là nét đẹp nhất trong hồn thơ Tế Hanh hơn 60 năm qua. Bài thơ "Quê hương" được Tế Hanh viết năm 1939, khi nhà thơ vừa tròn 18 tuổi, đang học Trung học tại Huế. Nỗi nhớ làng chài, nhớ quê hương thân yêu ở Bình Dương, Quảng Ngãi đã tỏa rộng và thấm sâu vào bài thơ. Bài thơ man mác nhớ thương vơi đầy.

**Luận điểm 1: Hai câu thơ đầu là lời giới thiệu về "làng tôi" thật thân mật, tự hào, yêu thương...**

"Làng tôi ở vốn làm nghề chài lưới

Nước bao vây, cách biển nửa ngày sông"

Quê hương là một làng chài, bốn bề sông nước "bao váy", một làng nghèo thuộc vùng duyên hải miền Trung "cách biển nửa ngày sông". Con sông mà nhà thơ nhắc tới là sông Trà Bồng chảy qua huyện Bình Sơn, phía Bắc tỉnh Quảng Ngãi. Giọng điệu tâm tình, một cách nói chân quê dân'dã vừa cụ thể vừa trừu tượng nghe "dịu ngọt".

**Luận điểm 2**: **Sáu câu thơ tiếp theo là hồi tưởng lại một nét đẹp của quê hương.** Đó là cảnh làng chài ra khơi đánh cá. Kỉ niệm về quê hương như được lọc qua ánh sáng tâm hồn. Một bình minh đẹp ra khơi có "gió nhẹ", có ánh mai "hồng". Có những chàng trai cường tráng, khỏe mạnh "bơi thuyền đi đánh cá". Cảnh đẹp sáng trong, giọng thơ nhẹ nhàng thể hiện khung cảnh và niềm vui của làng chài trong buổi xa khơi:

"Khỉ trời trong, gió nhẹ, sớm mơi hồng

Dân trơi tráng bơi thuyền đi đánh cá".

**Nhận xét đánh giá về nghệ thuật** 🡆Một loạt **ẩn dụ, so sánh** mới mẻ nói về con thuyền, mái chèo và cánh buồm... Tuấn mã là ngựa tơ, đẹp, phi nhanh. Ví chiếc thuyền "nhẹ hăng như con tuấn mã", tác giả đã tạo nên một hình ảnh khỏe, trẻ trung diễn tả khí thế hăng hái, phấn khởi lén đường. Chữ "hăng" dùng rất hay, rất đích đáng. Nó liên kết với các từ ngữ: "dán trơi tráng" và "tuấn mã" hợp thành tính hệ thống, một vẻ đẹp của văn chương. Có người lầm tưởng là chữ "băng" rồi bình giảng "băng băng lướt sóng "! Mái chèo như những lưỡi kiếm khổng lổ chém xuống nước, "phăng" xuống nước một cách mạnh mẽ, đưa con thuyền "vượt trường giang". Sau hình ảnh chiếc thuyền, mái chèo là hình ảnh "cánh buồm trương, to như mảnh hồn làng". "Trương" nghĩa là căng lên đổ đón gió ra khơi. **Nhận xét đánh giá về nghệ thuật** 🡆So sánh "cánh buồm" to như "mảnh hồn làng" là hay, đặc sắc. Cánh buồm to biểu tượng cho hình bóng và sức sống quê hương. Nó tượng trưng cho sức mạnh , lao dộng sáng tạo, ước mơ vê ấm no hạnh phúc của quê nhà. Nó còn tiêu biểu cho chí khí và khát vọng đi chinh phục biển của đoăh trai tráng bơi thuyồn đi đánh cá. **Nhận xét đánh giá** 🡆 Câu thơ "Rướn thán trắng bao la thâu góp gió" là một câu thư đậm đà ý vị mang cám hứng lao động và cảm hứng vũ trụ. Cánh buồm được **nhân hóa**. Ba chữ "rướn thân trắng" gợi tả một cuộc đời trải qua nhiổu mưa nắng, gắng sức quyết tâm lên đường. Đây là khổ thơ xuất sác tả cảnh ra khơi của đoàn thuyền đánh cá, lự hào ca ngợi sức sống của làng chài thân thương:

"Chiếc thuyền nhẹ hãng như con tuấn mã

Phăng mái chèo, mạnh mẽ vượt trường giang

Cánh buồm giương, to như mảnh hồn làng

Rướn thân trắng bao la thâu góp gió..."

**Nhận xét đánh giá** 🡆Phải cảm nhận cuộc sống lao động của làng quê bằng cả tâm hồn thiêt tha gắn bó thì mới có thể liên tưởng “cánh buồm giương to như mảnh hồn làng”. Hình ảnh cánh buồm trắng căng gió biển khơi vốn gần gũi, quen thuộc bỗng trở nên lớn lao, thiêng liêng, vừa thơ mộng vừa hùng tráng. Nhà thơ chợt nhận ra linh hồn của làng chài quê hương trong hình ảnh cánh buồm. Câu thơ vừa vẽ ra chính xác hình thể vừa gợi ra cái linh hồn của sự vật. Tuy nhiên, phép so sánh ở (đây không làm cho việc miêu tả được cụ thể hơn mà đã gợi ra một vẻ đẹp bay bổng, mang ý nghĩa lớn lao. Bao nhiêu trìu mến thiêng liêng, bao nhiêu hi vọng mưu sinh của người dân làng chài còn có thể gửi gắm vào đâu đầy đủ hơn là ở hình ảnh cánh buồm căng gió giữa biển khơi? **Nhận xét đánh giá** 🡆Đứa con xa quê có bao giờ quên được cảnh bà con làng chài đón đoàn thuyền đánh cá từ biển khơi trở về. **Phân tích từ ngữ** 🡆**Các từ ngữ**: "ồn ào", "tấp nập" diễn tả niềm vui mừng "đón ghe vê". Niềm vui sướng tràn ngập lòng người, là của "khấp dân làng". Cảnh "đón ghe về" thực sự là ngày hội lao động của bà con ngư dân:

"Ngày hôm sau, ồn ào trên bến dỗ

Khắp dân làng tấp nập đón ghe về".

**Phân tích từ ngữ** 🡆Những tính từ ồn ào, tấp nập toát lên không khí đông vui. Người đọc như thực sự được nhập vào cái không khí ấy, được nghe cả lời cảm tạ chân thành đất trời đã sóng yên biển lặng để người đi chài trở về an toàn với cá đầy ghe, được nhìn thấy những con cá tươi ngon thân bạc trắng thật là thích mắt.

Cá "tươi ngon thán bạc trắng" đầy khoang thuyền. Được mùa cá, vui sướng trong niềm vui ấm no, hạnh phúc, bà con làng chài khẽ thốt lên lời cảm tạ đất trời đã cho biển lặng sóng êm, cho "cá đầy ghe", sự cầu mong và niềm tin thánh thiện "nhờ ơn trời" ấy đã biểu lộ những tấm lòng mộc mạc, hồn hậu của những con người suốt đời gắn bó với biển, vui sướng, hoạn nạn cùng với biển. Tế Hanh đã thấu tình quê hương khi ông viết:

"Nhở ơn trời, biển lặng cá dầy ghe

Những con cá tươi ngon thân bạc trắng".

Ta tưởng như ca dao, dân ca đã thấm sâu vào hồn thơ Tế Hanh:

* "ơn trời mưa nắng phải thì,

Nơi thì bừa cạn, nơi thì cày sâu"...

* "Nhờ trời hạ kê'sang đông,

Làm nghề cày cấy, vun trồng tốt tươi...".

**Luận điểm 3: Những câu thơ tiếp theo là ảnh bình yên khi đoàn thuyền trở về.** Những chàng trai làng chài có "làn da ngăm rám nắng" khỏe mạnh, can trường được tôi luyện trong gió sóng đại dương, trong mưa nắng dãi dầu. Họ mang theo hương vị biển. **Phân tích từ ngữ** 🡆Hai chữ "nồng thở" rất thần tình làm nổi bật nhịp sống, lao động hăng say, dũng cảm của những dân chài mang lình yêu biển. Hình tượng thơ mang vẻ đẹp lãng mạn:

"Dân chài lưới làn da ngăm rám nắng

Cả thán hình nồng thở vị xa xăm".

Nét vẽ thứ hai là con thuyền là sau một chuyến ra khơi vất vả trở về, nó mỏi mệt nàm im trên bén. Con thuyền là một biếu tượng đẹp của làng chài, của những cuộc đời trải qua bao phong sương thử thách, bao dạn dày sóng gió:

"Chiếc thuyền im bến mỏi trở về nằm

Nghe chất muối thấm dần trong thớ vỏ".

Con thuyền được nhân hóa với nhiều yêu thương. Vẫn thấy giàu cảm xúc, mang tính triết lí vồ lao động trong thanh bình. Chữ "nghe" (nghe chất muối) thổ hiện sự chuyển đổi cảm giác rất tinh tế và thi vị. **Nhận xét đánh giá bình luận** 🡆Đây chính là những câu thơ hay nhất, tinh tế nhất của bài thơ. Câu đầu tả làn da ngăm rám nắng của người dân chài theo lối tả thực, câu sau lại tả bằng một cảm nhận rất lãng mạn: “Cả thân hình nồng thở vị xa xăm” - thân hình vạm vỡ của người dân chài thấm đậm hơi thở của biển cả, nồng nàn vị xa xăm của đại dương bao la.  **bình luận** 🡆Cái hay độc đáo của câu thơ là gợi tả linh hồn và tầm vóc của những người con biển cả. Hai câu thơ miêu tả con thuyền nằm im trên bến sau khi vật lộn với sóng gió trở về cũng là một sáng tạo nghệ thuật độc đáo. Nhà thơ không chỉ thây con thuyền nằm im trên bến mà còn cảm thây sự mệt mỏi của con thuyền, và còn cảm thấy con thuyền như đang lắng nghe chât muôi của đại dương đang thấm dần trong thớ ưỏ của nó. Cũng như người dân chài, con thuyền lao động ấy cũng thấm đậm vị muôi mặn của biển khơi. Con thuyên vô tri bỗng trở nên có hồn. **Nhận xét đánh giá** 🡆Không phải là một người con của vạn chài thiêt tha gắn bó với quê hương thì không thể viết được những câu thơ như thê! Và cũng chỉ có thể viết được những câu thơ như thế khi nhà thơ biết đặt ca hôn mình vào đôi tượng, vào người, vào cảnh để lắng nghe. Có cảm nhận được câu thơ đê' từ ấy ta mới nắm bắt được tình thương nhớ quê hương của Tế Hanh qua bài thơ kiệt tác này.

Bài thơ "Quê hương" đã đi suốt một hành trình trên 60 năm. Nó gắn liền với tâm hồn trong sáng, với tuổi hoa niên của Tế Hanh. Thể thơ 8 tiếng, giọng thơ đằm thắm dào dạt, gợi cảm. Những câu thơ nói về dòng sông, con thuyền, cánh buồm, khoang cá, chàng trai đánh cá, bến quê... và nỗi nhớ của dứa con xa quê... rất hay, đậm đà biểu lộ một hồn thơ đẹp. Nghệ thuật phối sắc, sử dụng các biện pháp tu từ như ẩn dụ, so sánh, nhân hóa và chuyển đổi cảm giác khá thành công, tạo nên những vần thơ trữ tình chứa chan thi vị.

Trong nền thơ ca Việt Nam hiện đại, tác phẩm này của Tế Hanh được coi là bài thơ đầu tiên, bài thơ có "hồn vía" nhất viết về quê hương. Nó đã khơi dòng, để sau này có nhiều bài thơ tuyệt bút nối tiếp xuất hiện như "Bên kia sông Đuống" (Hoàng Cầm), "Quê hương" (Giang Nam), "Nhớ con sông quê hương" (Tế Hanh), "Quê hương" (Đỗ Trung Quân),... Người đọc tìm thấy hình bóng tuổi thơ đồng hiện với quê hương. Quê hương của một người đã trở thành của muôn người và muôn đời là thế!

**bày tỏ cảm xúc🡆** Có lẽ chất muôi mặn mòi kia cũng đã thâm sâu vào làn da thớ thịt, vào tâm hồn của nhà thơ Tê Hanh để thành niềm ám ảnh gợi bâng khuâng kì diệu. Cái tinh tê, tài hoa của Tế Hanh là ở chỗ “nghe thấy cả những điều không hình sắc, không thanh âm như mảnh hồn làng trên cánh buồm giương... Thơ Tê Hanh đưa ta vào một thê giới thật gần gũi thường ta chỉ thấy một cách mờ mờ, cái thế giới những tình cảm ta đã âm thầm trao cho cảnh vật: sự mỏi mệt say sưa của con thuyền lúc trở về bến...” (Hoài Thanh).

3

**Luận điểm 4: Đoạn thơ cuối nhiều bồi hổi thương nhớ, thương nhớ hình bóng quê hương. Phân tích nghệ thuật, từ ngữ** 🡆Điệp ngữ "nhớ" làm cho giọng thơ thiết tha, bổi hổi, sâu lắng. Xa quê nôn "tưởng nhớ" khôn nguôi. Nhớ "niàìt nước xanh" của sông, biển làng chài. Nhớ "cá hạc", nhớ "chiếc buồm vôi"... Thấp thoáng trong hoài niệm là hình ảnh con thuyên "rẽ sóng ra khơi" đánh cá. Xa quê nên mới "thấy nhớ" hương vị biển, hương vị làng chài thương yêu "cái mùi nồng mặn quá".Tình cảm thấm vào câu chữ, màu sắc, vần thơ. Tiếng thơ cũng là tiếng lòng trang trải của hồn quê vơi đầy thương nhớ. Cảm xúc đằm thắm mênh mang:

"Nay xa cách lòng tôi luôn tưởng nhớ

Màu nước xanh, cá bạc, chiếc buồm vôi

Thoáng con thuyền rẽ sóng chạy ra khơi

Tôi thấy nhớ củi mùi nồng mặn quá".

**bình luận** 🡆 Nếu không có mấy câu thơ này, khó có thể biết bài thơ được viết trong xa cách, trong niềm tưởng nhớ khôn nguôi - bởi những cảnh tượng bên trên được miêu tả quá sống động, hệt như chúng đang diễn ra trước mắt nhà thơ. Nỗi nhớ thiết tha trong xa cách bật ra thành lời thơ giản dị, tự nhiên như một lời nói tự đáy lòng: “Tôi thấy nhớ cái mùi nồng mặn quá!”. Cậu học trò xa quê Tế Hanh nhớ về làng quê mình với tất cả màu nước xanh, cá bạc, cánh buồm trắng, những con thuyền rẽ sóng chạy ra khơi, nhưng nhớ nhất là cái mùi nồng mặn đặc trưng của quê hương. Với Tế Hanh, cái hương vị đó chính là hương vị riêng đầy quyến rũ của quê hương, là chất thơ bình dị và khỏe khoắn toát lên từ bức tranh thiên nhiên tươi sáng, thơ mộng và hùng tráng, từ đời sông lao động hàng ngày của người dân.

**BT2.Hình ảnh người dân làng chài qua bài thơ Quê hương của Tế Hanh**

**Gợi ý**

Hình ảnh nổi bật trong bài thơ của Tế Hanh là hình ảnh làng chài với những sinh hoạt vô cùng thân thuộc, những người dân chài mạnh khoẻ, cường tráng và đương nhiên không thể thiếu hình ảnh những người dân chài bơi thuyền ra khơi và cảnh đón thuyền cá về bến - những hoạt động vốn được coi là biểu tượng của làng chài.

Đoàn thuyền ra khơi trong một ngày thật đẹp:

*Khi trời trong, gió nhẹ, sớm mai hồng.*

Thời tiết đẹp không chỉ thiết thực với người dân chài (thời tiết có đẹp thì mới ra khơi được) mà còn làm nổi loạt vẻ đẹp của làng chài trong tình yêu và nỗi nhớ của nhà thơ. Sức lực tràn trề của những người trai làng như truyền vào con thuyền, tạo nên khung cảnh ấn tượng, rất mạnh mẽ và hoành tráng:

*Chiếc thuyền nhẹ hăng như con tuấn mã*

*Phăng mái chèo, mạnh mẽ vượt trường giang.*

*Cánh buồm giương to như mảnh hồn làng*

*Rướn thân trắng bao la thâu góp gió...*

Những con thuyền rẽ sóng băng băng và lời thơ cũng theo đó mà bay bổng trong không gian vô cùng rộng rãi, khoáng đạt. Mọi hình ảnh đều được nâng lên đến mức biểu tượng.Chiếc thuyền thì "hăng như con tấu mã", một từ "phăng" thật mạnh mẽ, dứt khoát đã đưa con thuyền "mạnh mẽ vượt trường giang".

Sau cảnh *"khắp dân làng tấp nập đón ghe về"* (gợi tả không khí sinh hoạt vô cùng thân thuộc của làng chài), những câu thơ đột ngột chùng xuống:

*Dân chài lưới làn da ngăm rám nắng,*

*Cả thân hình nồng thở vị xa xăm;*

*Chiếc thuyền im bến mỏi trở về nằm*

*Nghe chất muối thấm dần trong thớ vỏ.*

Từ tả thực, những câu thơ lại dần nghiêng về sắc thái biểu tượng lắng sâu.Điều đó góp phần tạo cho bài thơ một cấu trúc hài hoà, cân đối.Bên trên là cảnh rẽ sóng vượt trùng dương thì đến đây là cảnh nghỉ ngơi.Cái tĩnh đi liền ngay sau cái động nhưng không tách biệt hoàn toàn. Có một sợi dây liên kết, một sự gắn bó rất mật thiết phía sau hình ảnh "làn da ngăm rám nắng" và "thân hình nồng thở vị xa xăm” của những người trai làng chài, bên cạnh đó còn phải kể đến chi tiết rất gợi cảm: chiếc thuyền đã trở về nghỉ ngơi trên bến nhưng vẫn "nghe chất muối thấm dần trong thớ vỏ". Từ "chất muối" cho đến hơi thở "vị xa xăm" đều gợi đến biển cả, đến những chuyển động vượt qua muôn ngàn sóng gió. Đó chính là khát vọng chinh phục đại dương rất mãnh liệt, đã ngấm sâu trong huyết quản của những người dân làng chài, được lưư truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác.

Ai sinh ra ở vùng duyên hải hẳn chẳng lạ gì những cánh buồm. Thế nhưng những câu thơ của

Tế Hanh vẫn có một cái gì đó là lạ và cuốn hút:

*Cánh buồm giương tơ như mảnh hồn làng*

*Rướn thân trắng bao la thâu góp gió...*

Cánh buồm vô tri đã được người thi sĩ thổi vào một tâm hồn.Đó chính là cái hồn thiêng liềng (trong tâm khảm nhà thơ) của ngôi làng ấy.Nhà thơ đã lấy cái đặc trưng nhất (những cánh buồm) để mà gợi ra bao ước mơ khao khát về một cuốc sống no ấm, đủ đầy.Câu thơ sau thấm chí còn “có hồn” hơn.Thuyền không phải tự ra khơi mà đang “rướn” mình ra biển cả.Hình ảnh thơ đẹp và thi vị biết bao.

Hai câu thơ dưới đây lại mang một hương vị khác - hương vị nồng mặn của biển khơi:

*Dân chài lưới làn da ngăm rám nắng,*

*Cả thân hình nồng thở vị xa xăm.*

Hai câu thơ là một bức tranh vẽ phác về hình ảnh dân chài. Đó là những con người dường như đựợc sinh ra từ biển. Cuộc sống biển khơi dãi dầu mưa nắng làm cho làn da “ngăm rám” lại, trong cả “hơi thở” của thân hình cũng là hương vị xa xăm của biển. Hai câu thơ không phải chỉ là sự miêu tả đơn thuần mà nó là sự cảm nhận bằng cả một tâm hồn sâu sắc với quê hương.

Trên đây là những hình ảnh sâu đậm, rõ nét nhất được tái hiện từ kí ức. Đến bốn câu thơ cuối, nhà thơ đã giãi bày trực tiếp tình cảm của mình với quê hương:

*Nay xa cách lòng tôi luôn tưởng nhớ.*

Trong nỗi nhớ lại thấp thoáng màu nước xanh, cát bạc, cánh buồm... và hẳn không thể thiếu con thuyền "rẽ sóng chạy ra khơi". Có thể thấy những hình ảnh ấy cứ trở đi trở lại, day dứt mãi trong tâm trí nhà thơ để rồi cuối cùng lại làm bật lên cảm xúc:

*Tôi thấy nhớ cái mùi nồng mặn quá!*

Câu thơ được viết thật giản dị nhưng cũng thật gợi cảm, đủ nôn nao lòng người.Bởi nó có sức nặng ngay từ nỗi nhớ da diết và chân thành của tác giả đối với quê hương.

Nét đắc sắc, nghệ thuật nổi bật nhất của bài thơ này là sự sáng tạo các hình ảnh thơ. Bài thơ cho thấy một sự quan sát tinh tế, một sự cảm nhận và miêu tả sắc sảo. Hình ảnh thơ phong phú, vừa chân thực lại vừa bay bổng và lãng mạn khiến cho cả bài thơ rất có hồn và tràn đầy thi vị.

Bài thơ sử dụng kết hợp phương thức miêu tả và biểu cảm.Nhưng yếu tố miêu tả chủ yếu nhằm phục vụ cho biểu cảm, trữ tình. Nhờ sự kết hợp này mà hình ảnh thơ vừa lột tả được chân thực, tinh tế cảnh vật và con người của cuộc sống miền biển vừa thể hiện sâu sắc những rung động của tâm hồn nhà thơ.

#### BT3: Cảm nhận về tình quê hương trong bài thơ Quê hương

Quê hương trong xa cách là cả một dòng cảm xúc dạt dào, lấp lánh suốt đời Tế Hanh. Cái làng chài nghèo ở một cù lao trên sông Trà Bồng nước bao vây cách biển nửa ngày sông đã nuôi dưỡng tâm hồn thơ Tế Hanh, đã trở thành nỗi nhớ da diết để ông viết nên những vần thơ thiết tha, lai láng. Trong dòng cảm xúc ấy, *Quê hương* là thành công khởi đầu rực rỡ.  
  
Nhà thơ đã viết *Quê hương* bằng tất cả tình yêu thiết tha, trong Sáng, đầy thơ mộng của mình. Nổi bật lên trong bài thơ là cảnh ra khơi đánh cá của trai làng trong một sớm mai đẹp như mơ:

Khi trời trong, gió nhẹ, sớm mai hồng   
Dân trai tráng bơi thuyền đi đánh cá.

Tâm hồn nhà thơ náo nức những hình ảnh đầy sức mạnh:

Chiếc thuyền nhẹ hăng như con tuấn mã   
Phăng mái chèo, mạnh mẽ vượt trường giang   
Cánh buồm giương to như mảnh hồn làng   
Rướn thân trắng bao la thâu góp gió.

Giữa trời nước bao la nổi bật hình ảnh con thuyền hiên ngang, hăng hái, đầy sinh lực dưới bàn tay điều khiển thành thạo của dân trai tráng đang nhẹ lướt trên sóng qua hình ảnh so sánh như con tuấn mã. Đằng các từ ngữ sinh động, nhà thơ đã khắc hoạ tư thế kiêu hãnh chinh phục sông dài, biển rộng của người làng chài. Lời thơ như băng băng về phía trước, như rướn lên cao bao la cùng với con thuyền, với cánh buồm Tế Hanh đã cảm nhận cuộc sống lao động của làng quê bằng cả tâm hồn thiết tha gắn bó nên mới liên tưởng Cánh buồm giương to như mảnh hồn làng. Bao nhiêu trìu mến thiêng liêng, bao nhiêu hi vọng mưu sinh của người lao động được gửi gắm ở đấy.  
  
Cảnh đón thuyền đánh cá trở về ồn ào, tấp nập cũng được miêu tả với một tình yêu tha thiết:

Ngày hôm sau, ồn ào trên bến đỗ   
Khắp dân làng tấp nập đón ghe về   
Nhờ ơn trời biển lặng cá đầy ghe  
Những con cá tươi ngon thân bạc trắng.

Ở đoạn trước, khi tả cảnh ra đi mạnh mẽ vượt trường giang của đoàn thuyền, hơi thở băng băng, phơi phới. Đến đoạn này, âm điệu thơ thư thái và dần lắng lại theo niềm vui nó ấm, bình yên của dân làng. Chính từ đây, xuất hiện những câu thơ hay nhất, tinh tế nhất của Quê hương:

Dân chài lưới làn da ngăm rám nắng   
Cả thân hình nồng thở vị xa xăm   
Chiếc thuyền im bến mỏi trở về nằm   
Nghe chất muối thấm dần trong thớ vỏ.

Chỉ ai sinh ra và lớn lên ở nơi sông nước mới viết được những câu thơ như thế. Tế Hanh xây dựng tượng đài người dân chài giữa đất trời lộng gió với hình khối, màu sắc và cả hương vị không thể lẫn: bức tượng đài nồng thở vị xa xăm – vị muối mặn mòi của biển khơi, của những chân trời tít tắp mà họ thường chinh phục. Chất muối mặn mòi ấy ngấm vào thân hình người dân chài quê hương, thấm dần trong thớ vỏ chiếc thuyền hay đã ngấm sâu vào làn da thớ thịt, vào tâm hồn thơ Tế Hanh để thành niềm cảm xúc bâng khuâng, kì diệu?  
  
Một tâm hồn như thế khi nhớ nhung tất chẳng thể nhàn nhạt, bình thường. Nổi nhớ quê hương trong đoạn kết đã đọng thành những kỉ niệm ám ảnh, vẫy gọi. Tôi thấy nhớ cái mùi nồng mặn quá – câu thơ cuối cùng cho ta rõ thêm tâm hồn thiết tha, thành thực của Tế Hanh.  
  
*Quê hương* của Tế Hanh đã cất lên một tiếng ca trong trẻo, nồng nàn, thơ mộng về cái làng vạn chài từng ôm ấp, ru vỗ tuổi thơ mình. Bài thơ đã góp phần bồi đắp cho mỗi người đọc chúng ta tình yêu quê hương thắm thiết.

#### BT4. Cảm nhận hai câu thơ "Cánh buồm giương to như mảnh hồn làng, Rướn thân tráng bao la thâu góp gió"

Quê hương là chùm khế ngọt   
Cho con trèo hái mỗi ngày  
Quê hương là đường đi học   
Con về rợp bướm vàng bay  
(*Quê hương* – Đỗ Trung Quân)

Quê hương, khái niệm trừu tượng, thiêng liêng nhưng lại hết sức bình dị, thân thiết với mỗi chúng ta. Đó là mảnh đất chôn nhau cắt rốn, nơi ấy có ông bà, cha mẹ, nơi ta tha thiết gắn bó khi gần và quay quắt nhớ lúc chia xa. Mỗi một miền quê đều có một nét riêng, ta gọi đó là hồn quê, có khi đó là luỹ tre xanh, là hàng dừa trước ngõ, là con đường đất đỏ đến trường…  
  
Với Tế Hanh, chàng trai mười tám tuổi xa quê, nhớ về quê hương, một làng chài giáp sông, ven biển của mình, ông lại nhớ:

Cánh buồn giương to như mảnh hồn làng   
Rướn thân trắng, bao la thâu góp gió.

Đây là hai câu thơ đẹp, Tế Hanh đã viết bằng cả tấm tình mến yêu tha thiết làng quê mình. Nhà thơ đã sử dụng, nghệ thuật so sánh, cánh buồm trên con thuyền ra khơi với mảnh hồn làng.  
  
Cánh buồm là vật thể hữu hình, được so sánh với hồn làng, hồn vía của làng chài: cái vô hình, vô ảnh; cái cụ thể với cái trừu tượng, cái vật chất với cái tinh thần, cái bình dị với cái thiêng liêng. Nhà thơ đã linh hồn hoá cánh buồm, thể hiện sự cảm nhận tinh tế, chính xác về hồn quê hương, gợi rất đúng hồn quê thân thuộc.  
  
Đến với huế thơ, ta sẽ đến với chùa Thiên Mụ, đến với dòng sông Hương dịu dàng pha lẫn trầm tư y còn đến miền quê quan họ vùng đồng bằng Bắc Bộ là ta lại đến với hương nếp thơm nồng, tranh Đồng Hồ gà lợn nét tươi trong: Đây chính là hồn quê hương. Còn với Tế Hanh quê hương ông là:

Làng tôi ở vốn làm nghề chài lưới:  
Nước bao vây, cách biển nửa ngày sông.

Thì điệu hồn ấy phải hoành tráng, lãng mạn giống như cánh buồm giương. Đó là hồn của miền quê biển, giản dị mà sức vóc tung toả biết bao. Phải chăng Tế Hanh đã hoá hồn mình vào cánh buồm đó để nghe thấy hồn làng trên một cánh buồm giương.  
  
Thơ Huy Cận sau Cách mạng tháng Tám đã có những hình ảnh đẹp, lãng mạn miêu tả về cánh buồm:

Thuyền ta lái gió với buồm trăng  
Lưới giữa mây cao với biển bằng

Ở đây Tế Hanh cũng miêu tả cánh buồm no gió, nhưng nhà thơ đã nhân hoá nó với dáng vóc của chàng trai mười tám khoẻ mạnh, vạm vỡ đẹp lãng mạn đến say người.

Rướn thân trắng bao la thâu góp gió

Cánh buồm cảng là do có gió thổi vào nhưng ở đây có sự đảo ngược, cánh buồm ấy mang dáng vóc của một chàng lực sĩ rướn thân trắng, ưỡn căng lồng ngực mênh mông, hít một hơi dài chủ động thu hết sóng gió bao,la của biển khơi để bay lên, ngang tầm với không gian mênh mông của đại dương. Hình ảnh thơ thật hào hùng, kỳ vĩ, mơ mộng đầy chất lãng tử, thi nhân. Đẹp biết bao cánh buồm ấy, như một sinh thể che chở bảo vệ cho con thuyền, cho làng chài bằng tất cả sức mạnh tích tụ từ biển khơi. Nó phập phồng hơi thở, sự sống, nhịp đập của trái tim biển cả.  
  
Biển không chỉ cho ta cá như lòng mẹ, biển quê hương còn cho ta nguồn thơ đầy sức sống. Rõ ràng đây là hai câu thơ được viết ra từ tấm lòng tha thiết gắn bó miền quê giáp sông, ven biển, mặn mòi hương vị biển. Câu thơ đẹp nhưng quả thật nó linh diệu, lung linh giữa khả giải và bất khả giải.

#### BT5.

### Cảm nhận của em về khổ thơ.

"Dân chài lưới làn da ngăm rám nắng

Cả thân hình nồng thở vị xa xăm".

Sau chuyến đi biển miệt mài, trở về đất liền, hình ảnh người dân chài hiện lên thật đẹp đẽ:

"Dân chài lưới làn da ngăm rám nắng

Cả thân hình nồng thở vị xa xăm".

"Chiếc thuyền im bến mỏi trở về nằm

Nghe chất muối thấm dần trong thớ vỏ".

Không hề có dấu hiệu của sự mệt mỏi, biển đêm không khiến con người sợ hãi và yếu đuối. "Làn da ngăm rám nắng" là làn da đặc trưng của người dân vùng chài, vốn đã trải qua nhiều dầu dãi nắng mưa, nay ánh lên sự mạnh mẽ, rắn rỏi. Bước xuống đất liền từ con thuyền chòng chành cập bến, các anh giống như những Thạch Sanh vùng biển: "Cả thân hình nồng thở vị xa xăm". Không chỉ làn da mà còn từ ánh mắt, bàn tay, bước đi, từ "cả thân hình" đều nồng thở cái hương vị mặn mòi của biển cả. "Vị xa xăm" là hương vị từ phương xa, là gió đại dương, là muối đại dương, là nắng đại dương, là hơi thở của đại dương nữa, "xa xăm" vốn là cảm nhận của thị giác, chỉ sự xa xôi, mơ hồ; nay được kết hợp với từ chỉ xúc giác "vị" khiến cho câu thơ trở nên tinh tế vô cùng. Trong từ "nồng thở" còn như ẩn chứa một sức mạnh dồi dào, bền bỉ đã được tôi rèn từ lâu trong tâm hồn để từ làn da, đôi mắt, nụ cười... đều sáng bừng sự sống.

Cùng với các chàng trai vùng chài là những con thuyền "bạn người đi biển":

"Chiếc thuyền im bến mỏi trở về nằm

Nghe chất muối thấm dần trong thớ vỏ".

Sau thời gian lao động vất vả, con thuyền không giấu giếm vẻ mệt mỏi của mình: "Chiếc thuyền im bến mỏi trở về nằm". Biện pháp nhân hoá khiến người đọc hình dung rất rõ dáng vẻ nặng nề, thấm mệt của chiếc thuyền khi chậm chạp neo vào bến đỗ. Nó lặng im "Nghe chất muối thấm dần trong thớ vỏ". Trong câu thơ này, Tế Hanh đã sử dụng biện pháp ẩn dụ chuyển đổi cảm giác một cách một cách tinh tế. "Nghe" là động từ chỉ hoạt động của thính giác, "thấm" lại là cảm nhận của xúc giác. Con thuyền nằm nghỉ đồng thời cảm nhận từng chuyển động tinh vi nhất đang diễn ra trong mình. Cách viết ấy vừa gợi sự mệt nhọc thấm thía của con thuyền vừa thể hiện được sự tinh tế tuyệt vời của nhà thơ, tưởng như Tế Hanh đồng cảm sâu sắc với cảm giác, cảm xúc của con thuyền... Khổ thơ trên là một trong những khổ thơ hay nhất trong bài thơ "Quê hương" của Tế Hanh. Đọc khí thơ, người đọc có thể cảm nhận trong đó bao nhiêu niềm yêu mến, tự hào về quê hương xứ sở của nhà thơ.

#### BT6 Phân tích bài thơ Quê hương

Anh đi anh nhớ quê nhà… Đó là tâm trạng chung của bất cứ ai khi phải xa quê – Tế Hanh cũng vậy – Từ lúc còn là một cậu học trò mười tám tuổi, đang theo học ở Huế – Chàng thanh niên ấy đã nhớ nhà nhớ quê, nhở cái làng chài ven biển, nơi chôn nhau cắt rốn của mình. Thế là những câu thơ tưởng nhớ quê lại ra đời một cách tự nhiên chân thành và tha thiết. Mấy ai quên được bài thơ *Quê hương* của Tế Hanh thuở hoa niên ấy.  
  
Bài thơ mở đầu như là lời tự xưng danh, tự thuật rất đỗi tự nhiên và mộc mạc.

Làng tôi ờ vốn làm nghề chài lưới.

Và sau đó nhà thơ đã kể, đã tường thuật về cái làng chài của mình. Câu thơ có tính thông báo tiếp theo cho thấy đây là một làng chài ờ vùng cửa sông gần biển. Bằng hai câu thơ đầu tiên, tác giả đã giới thiệu vị trí địa lý và đặc điểm nghề nghiệp của làng quê. Quê là làng – nghề của làng là chài lưới.  
  
Trong tâm tưởng của nhà thơ, sau lời giới thiệu ấy, hình ảnh làng chài như đang hiện ra trước mắt. Và nhà thơ đã miêu tả cụ thể một ngày ra khơi đẹp trời, dân làng bơi thuyền đi đánh cá. Trong khung cảnh trời trong, gió nhẹ, sớm mai hồng. Phải nói đó là một buổi sáng dẹp trời lý tưởng – vẻ đẹp tinh khôi, mát mẻ, dễ chịu, thoáng đãng, bao la sắc hồn của bình minh. Và chỉ những người làm nghề chài lưới mới thấy hết được tầm quan trọng thiết yếu của những buổi đẹp trời – Không chỉ báo hiệu một buổi ra khơi yên lành, mà còn hứa hẹn những mẻ lưới bội thu. Trong cái quanh cảnh dễ làm lòng người phấn khích ấy, đoàn trai tráng bơi thuyền ra khơi, bắt đầu một ngày lao động của mình. Làm nghề đánh cá nặng nhọc này phải là những người khoẻ mạnh vạm vỡ mới có thể đảm đương nổi. Chỉ có những chàng trai mới có thể điều khiển được chiếc thuyền nhẹ băng như con tuấn mã phăng mái chèo, mạnh mẽ vượt trường giang. Có thể nói đây là một chuyến ra khơi đầy hào hứng. Những câu thơ miêu tả trực tiếp cảnh dân làng ra khơi đánh cá có ý nghĩa như những chi tiết tả thực giúp người đọc hình dung được không gian hình ảnh, đoàn thuyền khá sinh động. Trên nền kể tả ấy xuất hiện hai câu thơ mang vẻ đẹp bất ngờ:

Cánh buồm giương, to như mảnh hồn làng  
Rướn thân trắng bao la thâu góp gió…

Cánh buồm là một vật cụ thể hữu hình được ví với mảnh hồn làng là cái trừu tượng, vô hình – một cách ví von nhờ sự liên tưởng khá xa và độc đáo của tác giả. Mỗi một vùng quê sinh sống lâu đời, dường như bao giờ cũng mang một nét rất riêng. Và người xa quê thường cảm nhận nó như linh hồn của làng quê. Đối với Tế Hanh thuở mười tám tuổi, hình ảnh chiếc buồm ra khơi dường như mang hơi thở, nhịp đập, quê hương. Một cánh buồm rướn thân trắng bao la thâu góp gió thật đẹp trong dáng vẻ cường tráng, sức vóc tung toả của nó. Hai câu thơ diễn đạt hình ảnh giàu ý nghĩa, đưa nó lên thành biểu tượng của tâm hồn.  
  
Cảnh đoàn thuyền đánh cá trở về lại được miêu tả trong bốn câu thơ:

Ngày hôm sau ồn ào trên bến đỗ   
Khắp dân làng tấp nập đón ghe về   
Nhờ ơn trời biển lặng cá đầy ghe  
Những con cá tươi ngon thân bạc trắng.

Tác giả không tả một ai cụ thể, mà là tả chung không khí làng chài. Ở đây chỉ có âm thanh ồn ào; chỉ có trạng thái tấp nập, nhưng rõ ràng là một không khí vui vẻ, rộn ràng, thoả mãn. Nhờ ơn trời như là tiếng reo vui, tiếng thở phào nhẹ nhõm cảm tạ thiền nhiên trời biển đã giúp đỡ. Phải con em làng chài mới thấy hết được niềm vui bình dị khi đón ghe đầy những con cá tươi ngon.  
  
Trong khung cảnh ấy, hình ảnh những trai tráng sức vóc dạn dày sóng gió, có làn da ngăm rám nắng được hiện lên qua những câu thơ thật đẹp Cả thân hình nồng thở vị xa xăm. Đây là chân dung những người dân chài lưới, đó như là những sinh thể được tách ra từ biển, mang vị mặn mòi của biển, mang theo về cả những hương vị biển xa. Họ là những đứa con của biển khơi. Câu thơ thật lãng mạn, khoáng đạt, mang vẻ đẹp giản dị nhưng cũng thật khoẻ khoắn, thơ mộng.  
  
Con thuyền trước đây hăng như tuấn mã phăng mái chèo mạnh mẽ ra đi, bây giờ mỏi mệt trở về bến nghỉ. Con thuyền lại được nhân hoá, nó nằm im, mỏi mệt thư giãn và lắng nghe chất muối thấm dần trong thớ vỏ. Trạng thái nghỉ ngơi của con thuyền thật đặc biệt. Và cũng phải yêu quý lắm, với có thể thấy con thuyền cũng là một thành viên của làng biển như tác giả đã hình dung. Nhưng nói về con thuyền, kì thực cũng nói về con người cả thôi. Giờ đây những người dân chài có thể hoàn toàn yên tâm mà ngả mình mãn nguyện và lặng yên thư giãn. Dư vị của chuyến đi chỉ còn là đôi hình ảnh thấp thoáng, chập chờn trong tưởng tượng êm dịu của họ.  
  
Kết thức bài thơ, tác giả trực tiếp bộc lộ nỗi nhớ về hình ảnh làng chài theo ấn tượng chung nhất: Màu nước xanh, cá bạc, chiếc buồm vơi, con thuyền rẽ sóng, và đặc biệt nhớ cái mùi nồng mặn quá.  
  
Nhớ đến cả cái mùi vị riêng biệt của xứ biển tức là nỗi nhớ thật da diết và thật sâu sắc. Vâng, đó là mùi của biển cả, của sóng, của gió, của rong rêu, của cá, của cả cái vị mồ hôi trên lưng áo người đi biển. Cái mùi vị quen thuộc và thân thương đó cũng chính là một phần của hồn làng của quê hương.  
  
Bài thơ trong trẻo từ đầu đến cuối. Đó là tấm lòng yêu nhớ quê hương của một chàng trai thuần hậu gắn bó với cuộc đời. Với Tế Hanh, cái làng chài lưới này đã trở thành nguồn thi cảm không vơi cạn. Người ta thường nói ông là nhà thơ của quê hương sông nước, mà trong nhiều trường hợp quê hương chỉ thu gọn về một cái làng chài lưới của riêng ông.  
  
Tóm lại Quê hương là một bài thơ tiêu biểu cho hồn thơ dung dị đằm thắm của Tế Hanh. Với nghệ thuật đặc sắc ở cách cảm nhận tinh thế, hình ảnh đặc trưng và chắt lọc, tác giả làm sống mãi một làng chài thân thương trìu mến. Thuỷ chung với một miền quê – một miền thơ như thế nên vần thơ quê hương của Tế Hanh vẫn giữ mãi một vẻ riêng độc đáo, hấp dẫn bao thế hệ yêu thơ.

## BT7.Chứng minh tình yêu và nỗi nhớ quê hương của tác giả Tế Hanh qua bài thơ ‘QUÊ HƯƠNG”

Quê hương, hai tiếng vang lên thật ngọt ngào, da diết biết bao. Nó đánh thức trong mỗi con người tình yêu thương thiêng liêng, cháy bỏng với một miền quê – nơi mình sinh ra, trưởng thành. Tinh yêu đó đã được hoá thân vào những bản nhạc du dương, những bức tranh tươi sắc màu và đặc biệt hoá thân vào những vần thơ chan chứa bao cảm xúc. Quê hương của nhà thơ Tế Hanh là một trong số những vần thơ như thế, những vần thơ có sức lay động lòng người, thể hiện tình yêu quê hương bất diệt.

Mở đầu bài thơ, tác giả giới thiệu với người đọc về quê hương dấu yêu của mình:

Làng tôi ở vốn làm nghề chài lưới:

Nước bao vây, cách biển nửa ngày sông.

Chỉ qua hai câu thơ ngắn gọn, Tế Hanh đã cho người đọc biết đến một vùng quê ven biển, với “nghề chài lưới”. Cách gọi “làng tôi” thật dân giã, thân mật, khiến câu thơ không giấu nổi niềm cảm xúc tự hào. Nhà thơ đã đặc tả cụ thể vị trí của làng “Nước bao vây, cách biển nửa ngày sông”. Ngôi làng hiện ra như một hòn ngọc giữa màu xanh trong của nước biển. Cách đo thời gian bằng không gian “nửa ngày sông”, không gian của sông nước thật độc đáo tạo cho người đọc ấn tượng mạnh mẽ về vùng quê chài lưới thanh bình, tươi đẹp. Vùng quê đó càng trở nên đẹp hơn, như một bức tranh tươi màu sự sống khi tác giả đặc tả cảnh dân chài ra khơi vào một buổi “sớm mai hồng”:

Khi trời trong, gió nhẹ, sớm mai hồng

Dân trai tráng bơi thuyền đi đánh cá.

Cả một khung cảnh bao la của vùng biển như được tác giả tái hiện qua câu thơ: “Khi trời trong, gió nhẹ, sớm mai hồng”. Tất cả hiện lên ở vẻ đẹp viên mãn, tràn đầy nhất. Các tính từ “trong, nhẹ, hồng” đã tuyệt đối vẻ đẹp của tạo hoá. Đặc biệt vẽ ra bức tranh bình yên của vùng biển rộng lớn. Đó không phải là ngày biển ào ào giông tố mà là một ngày biển lặng, sóng êm. Câu thơ ngắt nhịp 3/2/3, với âm bằng chiếm chủ yếu phải chăng thể hiện những con sóng dạt dào vỗ vào bờ ? Nổi bật lên giữa thiên nhiên đó là hình ảnh con thuyền ra khơi căng tràn sự sống:

Chiếc thuyền nhẹ hăng như con tuấn mã

Phăng mái chèo, mạnh mẽ vượt trường giang.

Cánh buồm giương to như mảnh hồn làng

Rướn thân trắng bao la thâu góp gió…

So sánh độc đáo “chiếc thuyền nhẹ hăng như con tuấn mã”, giàu sức gợi tả, thể hiện sức mạnh không gì ngăn nổi của những chiếc thuyền ra khơi. Bên cạnh đó tác giả sử dụng biện pháp đảo ngữ, đưa các động từ, tính từ đặc tả sức mạnh lên đầu câu: “phăng mái chèo”, “mạnh mẽ vượt”, một lần nữa khẳng định những chiếc thuyền mang trên mình sức mạnh như vũ bão. Câu thơ mở ra một khung cảnh ra khơi hùng tráng, mỹ lệ. Khung cảnh đó càng trở nên kì vĩ hơn với hình ảnh:

Cánh buồm giương to như mảnh hồn làng

Rướn thân trắng bao la thâu góp gió…

Lấy cái hữu hình so sánh với cái vô hình, tác giả như muốn huyền thoại hóa, mang màu sắc linh thiêng thổi hồn vào cánh buồm. Cánh buồm là nơi chứa đựng bao ước mơ, khát vọng của người dân làng chài vì thế nó cũng giống như hồn vía của ngôi làng. Tế Hanh đã sử dụng từ ngữ miêu tả rất tinh tế: “cánh buồm giương to” chứ không phải “cánh buồm trương to”. Nếu “trương to” thì thật trần trụi, thô ráp, chỉ gợi độ rộng. Còn “giương to” vừa thể hiện sự rộng lớn vừa thể hiện xu hướng tiến về phía trước, đồng thời cũng đầy linh thiêng. Cánh buồm như kiêu hãnh hơn, mạnh mẽ hơn với hình ảnh: “Rướn thân trắng bao la thâu góp gió…”. Động từ “rướn” diễn tả tư thế vươn mình tiến lên được đặt đầu câu nhấn mạnh sự chủ động. Cánh buồm như vươn mình ra xa để thu hết những luồng gió, để tăng thêm sinh lực, mạnh mẽ vượt qua các con sóng lao ra khơi xa. Đoạn thơ miêu tả cảnh ra khơi chỉ gồm sáu câu nhưng đã lột tả được cái thần, cái chất của khung cảnh tráng lệ. Các câu thơ luôn kết thúc với âm mở: a, ang, o,… như mở ra một đại dương bao la, đầy hứa hẹn những mẻ cá đầy, nơi mà con thuyền đang hướng tới. Có lẽ trong văn đàn Việt Nam hiếm có cuộc ra khơi nào mà lại được miêu tả một cách hùng tráng, kì vĩ, thấm đượm chất biển như trong thơ Tế Hanh, ông đã viết về quê hương dấu yêu với cả tình yêu quê hương tha thiết, dạt dào.

Sức hấp dẫn của những vần thơ viết về quê hương của Tế Hanh không chỉ dừng lại ở việc miêu tả cảnh vật vùng biển kì vĩ mà hồn thơ Tế Hanh còn dành tình yêu đặc biệt với những người dân vạn chài nơi đây. Ông viết về họ với tất cả niềm tự hào, hứng khởi:

Dân chài lưới làn da ngăm rám nắng,

Cả thân hình nồng thở vị xa xăm;

Chiếc thuyền im bến mỏi trở về nằm

Nghe chất muối thấm dần trong thớ vỏ.

Sau một ngày ra khơi, đoàn thuyền trở về trong sự đón đợi của dân làng “khắp dân làng tấp nập đón ghe về”. Cách gọi có sự đổi thay, từ những “chiếc thuyền” chuyển sang “ghe” mang đậm tính địa phương vùng biển, người đọc hiểu rằng trong từng câu chữ đều thấm đượm một tình yêu cháy bỏng. Hình ảnh “Những con cá tươi ngon thân bạc trắng” báo hiệu một chuyến ra khơi tốt đẹp và càng tô thêm sức sống cho bức tranh vùng vạn chài. Nổi bật lên trên nền bức tranh đó là những người dân chài. Tế Hanh đã chọn lọc những nét tiêu biểu, đúng chất nhất để nói về người dân quê mình. Đó là những con người khoẻ khoắn, rắn rỏi với “làn da ngăm rám nắng”, làn da đã trải qua bao sương gió. Họ là những con người lao động thực sự. Đặc biệt, nhà thơ đã nói lên nét đặc trưng của người miền biển với hình ảnh giàu sức gợi cảm: “Cả thân hình nồng thở vị xa xăm”. Những chàng trai chài lưới hiện lên mang vẻ đẹp kì vĩ, cường tráng sánh ngang với thiên nhiên, vũ trụ. Ở họ có nét đẹp của con người đã hiên ngang chinh phục thiên nhiên. “Vị xa xăm” là vị vô hình, vị của lao động miệt mài, vị của thiên nhiên hòa lẫn với con người. Hình ảnh vừa thực mà vừa lãng mạn, đầy chất thơ. Có lẽ chất muối của biển không chỉ thấm vào những con thuyền, thấm vào những người dân chài mà đã thấm đượm cả trang thơ Tế Hanh. Hình ảnh quê hương trong dòng hồi tưởng của nhà thơ khép lại với hình ảnh bình yên: “Chiếc thuyền im bến mỏi trở về nằm – Nghe chất muối thấm dần trong thớ vỏ”. Dù là “bến mỏi” nhưng không gợi nên sự rã rời, mệt mỏi mà ở đó là sự nghỉ ngơi thư thái chuẩn bị cho một chuyến ra khơi lại sắp sửa.

Bài thơ kết thúc trong nỗi nhớ quê hương khôn nguôi của người con xa xứ:

Nay xa cách lòng tôi luôn tưởng nhớ

Màu nước xanh, cá bạc, chiếc buồm vôi,

Thoáng con thuyền rẽ sóng chạy ra khơi,

Tôi thấy nhớ cái mùi nồng mặn quá

Quê hương vạn chài yêu dấu với khung cảnh tráng lệ, với nhịp sống căng tràn mà bình yên sẽ mãi là hình ảnh in đậm trong tâm trí nhà thơ: “nước xanh”, “cá bạc”, “con thuyền rẽ sóng ra khơi” cứ chập chờn trong nỗi nhớ mơ hồ, nhữ càng khắc sâu thêm nỗi nhớ mong da diết. Câu thơ kết là một tiếng kêu bộc lộ cảm xúc đến tận độ: “Tôi thấy nhớ cái mùi nồng mặn quá !”. “Mùi nồng mặn” không đơn thuần là mùi của muối biển mà là vị của quê hương, vị của tình yêu, do đó mà nỗi nhớ càng khắc khoải.

Bài thơ được viết theo thể thơ tám chữ, lời thơ tự nhiên, hình ảnh thơ giàu sức biểu cảm, đặc biệt lối gieo vần chân thể hiện dòng cảm xúc yêu quê hương miên man, như sóng cuộn trào của người con Quảng Ngãi Tế Hanh. Người đọc không hề bị choáng ngợp bởi những câu thơ hoa mĩ, mà bị lôi cuốn, hấp dẫn bởi tình cảm chân thành đằm thắm mà nhà thơ dành cho quê hương mình. Một tình cảm thiêng liêng, sâu sắc. Những vần thơ của Tế Hanh thực sự có sức lay động mạnh mẽ tới độc giả, nó đánh thức trái tim chúng ta trong tình yêu, nỗi nhớ về vùng quê thân thương, yêu dấu của chính mình. Hai tiếng “quê hương” cứ mãi vang lên trong lòng tôi, vang mãi, vang xa.

BT8:Cảm nhận bức tranh làng quê qua bài thơ “Quê Hương” của Tế Hanh  
  
Có lẽ tình yêu quê hương là 1 thứ tình cảm vô cùng thiêng liêng và cao quý đối với mỗi 1 người. Và với Tế Hanh cũng vậy quê hương luôn là nguồn cảm xúc dạt dào trong cuộc đời viết văn của ông để rồi ông viết lên bài thơ quê hương như 1 món quà dành tặng cho quê hương yêu dấu của mình. Bài thơ được ra đời năm 1939 khi ông xa quê nhớ nhà với 1 cảm xúc trong sáng, 1 tình yêu quê hương tha thiết đã vẽ lên 1 bức tranh lao động đầy sinh động, khỏe khoắn của người dân miền biển nơi đây.

Mở đầu bài thơ là lời giới thiệu về quê hương của tác giả với 1 cách rất tự nhiên, giản dị và ngắn gọn nhưng cũng không kém phần tha thiết, bồi hồi: ‘ Làng tôi ở vốn làm nghề chài lưới- Nước bao vây cách biển nửa ngày sông’. Có lẽ quê hương trong tâm trí của mỗi 1 con người Việt Nam là mái đình, là giếng nước, là canh rau muống với cà dầm tương. Nhưng còn đối với Tế Hanh thì quê hương trong ông là 1 làng chài ven biển với con sông Trà Bông uốn khúc lượn quanh. Lời giới thiệu như ngân lên 1 cảm xúc tự hào, 1 nỗi nhớ khôn nguôi của tác giả đối với quê hương mình. Đối với ông thì đó cũng là 1 làng chài nghèo như bao làng khác nhưng khi xa quê thì tác giả lại nhớ đến quặn lòng và ông nhớ nhất là khung cảnh: ‘ Khi trời trong gió nhẹ sớm mai hồng- Dân trai tráng bơi thuyền đi đánh cá’. Một buổi lao động của người dân làng chài nơi đây bắt đầu bằng 1 buổi sớm mai, khi có nắng hồng của bình minh, khi bầu trời cao rộng trong xanh, khi có gió nhè nhẹ. Đây quả là 1 khung cảnh đẹp, 1 không gian cao rộng, 1 buổi ra khơi lý tưởng báo hiệu 1 ngày lao động đầy hứa hẹn. Trong khung cảnh đó hiện lên hình ảnh những chàng trai khỏe khoắn, mạnh mẽ đang bơi thuyền để ra khơi đánh cá. Nổi bật giữa không gian đó chính là hình ảnh những con thuyền đang băng mình vượt lên phía trước dưới những bàn tay chèo lái khỏe khoắn của người dân làng chài: ‘ Chiếc thuyền nhẹ hăng như con tuấn mã- Phăng mái chèo mạnh mẽ vượt trường giang ‘. Bằng biện pháp so sánh chiếc thuyền như con tuấn mã và 1 loạt các động từ hăng, phăng, vượt như vẽ lên cho ta thấy hình ảnh 1 con thuyền dũng mãnh, khỏe khoắn đang băng mình ra khơi. Phải chăng đó cũng chính là cái sức sống, cái khí thế đầy tự tin, kiêu hãnh của người dân làng chài nơi đây. Nhưng đẹp hơn cả là hình ảnh cánh buồm trắng no gió đưa con thuyền vượt lên phía trước được tác giả so sánh hết sức độc đáo và bất ngờ: ‘ Cánh buồm giương to như mảnh hồn làng- Rướn thân trắng bao la thâu góp gió’. Hai câu thơ trên đã vẽ ra 1 hình ảnh thật đẹp – đó là hình ảnh những cánh buồm cứ nối nhau để giương to để đẩy con thuyền đi xa. Dường như cánh buồm là hình ảnh rất gần gũi, quen thuộc nhưng nay bỗng trở nên lớn lao, thơ mộng vô cùng. Và nhà thơ cảm thấy đó chính là biệu tưởng của hồn làng nên đã dồn hết tình cảm của mình vào ngòi bút để vừa vẽ ra cái hình, vừa thể hiện cái hồn của cánh buồm. So sánh không chỉ đơn thuần làm cho sự việc miêu tả thêm cụ thể mà còn mang 1 vẻ đẹp bay bổng chứa đựng ý nghĩa lớn lao. Nhà thơ đã đem so sánh hình ảnh cánh buồm- 1 vật hữu hình với hình ảnh mảnh hồn làng – 1 khái niệm trừu tượng thì quả là 1 sự so sánh độc đáo và sáng tạo. Vậy mảnh hồn làng là gì? Đó chính là những truyền thống quý báu và bao đức tính cần cù, chăm chỉ của người dân làng chài nơi đây. Bằng biện pháp so sánh hết sức độc đáo nhà thơ đã khiến cho cánh buồm cũng trở nên thật có hồn, thật thiêng liêng và xúc động biết bao. Cánh buồm không chỉ giương to để đưa con thuyền vượt lên phía trước mà còn rướn thân trắng bao la thâu góp gió. bằng động từ rướn rất mạnh mẽ và hình ảnh rướn thân trắng cũng rất gợi cảm, khuyến rũ đã gợi lên sự trong sáng, vẻ đẹp thuần khiết của cánh buồm cũng như của mảnh hồn làng. Không chỉ vậy mà cánh buồm còn rướn thân trắng để bao la thâu góp gió với đại dương, với biển cả. Câu thơ như thể hiện khát vọng chinh phục tự nhiên, chinh phục đại dương bao la của những con người vùng miền biển.

8 câu thơ đầu tác giả đã vẽ ra hình ảnh đoàn thuyền ra khơi đánh bằng bút pháp rất lãng mạn thì 8 câu thơ sau khi đoàn thuyền đánh cá trở về thì ông lại thực tả đến từng chi tiết:

Ngày hôm sau ồn ào trên bến đỗ

Khắp dân làng tấp nập đón ghe về

Nhờ ơn trời biển lặng cá đầy ghe

Những con cá tươi ngon thân bạc trắng

Bằng các tính từ ồn ào, tấp nập như gợi ra 1 khung cảnh háo hức, nhộn nhịp của người dân nơi đây đang đón con thuyền trở về khơi. Đọc những câu thơ ta tưởng như được sống giữa cái khung cảnh đông vui ấy, được nghe những lời cảm tạ rất mực chân thành của người dân làng chài đến trời đất đã sóng yên biển lặng để đoàn thuyền đánh cá an toàn trở về. Trên những chiếc ghe thì chứa đầy ắp những con cá tươi ngon thân bạc trắng nhìn trông thật thích mắt. Niềm vui của Tế Hanh khi đón đoàn thuyền đánh cá trở về bừng lên trong cái không khí tấp nập ấy rồi lại lắng xuống trước hình ảnh của những chàng thanh niên – những người dân miền biển: ‘ Dân chài lưới làn da ngăm rám nắng- Cả thân hình nồng thở vị xa xăm’. Sau 1 chuyến đi biển vất vả không hề có dấu hiệu của sự vất vả, mệt mỏi. Biển đêm không làm con người sợ hãi và yếu đuối. ‘ làn da ngăm rám nắng’ là làn da đặc trưng của con người nơi đây, vốn đã trải qua dầu dãi nắng mưa nay ánh lên sự rắn rỏi, mạnh mẽ. Bước xuống đất liền từ con thuyền chòng chành cập bến các anh như những chàng Thạch Sanh vùng biển với thân hình nồn thở vị xa xăm. Không chỉ làn da mà còn từ ánh mắt, bước đi và cả thân hình đều nồng thở vị mặn mòi của biển. Vậy vị xa xăm là gì? Phải chăng đó chính là hương vị của phương xa, là nắng là gió của biển hay đó còn là hơi thở của đại dương nữa..xa xăm vốn là cảm nhận của thị giác chỉ sự xa xôi, mơ hồ nay lại được kết hợp với từ ngữ chỉ xúc giác’vị’ khiến câu thơ thật tinh tế. Trong từ nồng thở còn như ẩn chứa 1 sức mạnh dồi dào đã được tôi rèn từ lâu trong tâm hồn để từ làn da, ánh mắt, nụ cười…. đều sáng bừng sự sống

**BT9: Qua các bài thơ về quê hương đã học làm sáng tỏ nhận định quê hương chiếm khoảng rộng trong trái tim tình yêu của Thơ mớ**  
  
 Văn học Việt Nam từ đầu thế kỉ đến Cách mạng tháng Tám 1945 là bộ phận khá quan trọng trong nền văn học nước nhà. Thời kì này xuất hiện nhiều mảng văn học với nhiều trào lưu khác nhau. Nổi bật lên là sự ra đời của phong trào Thơ mới. Thơ mới đã mở ra cả một thời đại thi ca và làm xuất hiện nhiều nhà thơ tài năng. Bên cạnh các giá trị nghệ thuật, Thơ mới cũng đạt nhiều giá trị nội dung mang tính dân tộc. Một trong những nội dung đó là tình yêu đất nước, chính nội dung này “đã chiếm một khoảng rộng trong trái tim tình yêu của Thơ mới”. Nội dung trên được phản ánh sâu sắc qua các tác phẩm Quê hương của Tế Hanh, Chợ Tết của Đoàn Văn Cừ, Nắng mới của Lưu Trọng Lư và Nhớ rừng của Thế Lữ.

Sinh ra và lớn lên trong cảnh nước nhà mất chủ quyền, dân làm nô lệ, đất nước quằn quại trong đau thương, chìm ngập trong bóng tối, các nhà Thơ mới chán ghét thực tại, tìm đến những cảnh đẹp của quê hương đất nước để bày tỏ tấm lòng yêu nướcthầm kín của mình.

Tế Hanh tìm về làng chài yêu dấu thân thương của mình trong bài “Quê hương”. Quê hương của nhà thơ là một làng chài ven biển êm vui, đầm ấm với những buổi sáng trong xanh, gió nhẹ, trời êm, dân trai tráng đua nhau bơi thuyền ra khơi đánh cá. Nổi lên trên nền trời nước mênh mông là những cánh buồm trắng đang rướn mình mạnh mẽ “vượt trường giang”, là những cánh tay trai làng vạm vỡ, khỏe mạnh:

Khi trời trong, gió nhẹ, sớm mai hồng

Dân trai tráng bơi thuyền đi đánh cá

Chiếc thuyền nhẹ băng như con tuấn mã

Phăng mái chèo mạnh mẽ vượt trường giang

Cánh buồm trương to như mảnh hồn làng

Rướn thân trắng bao la thâu góp gió.

Cảnh những buổi dân làng sung sướng đón thuyền trở về cũng rạng rỡ trong tâm hồn nhà thơ. Cảnh có cái thanh thản của con thuyền trở về nằm nghỉ nồng nàn hơi thở mặn mòi của biển, cái mùi vị đặc biệt mà chỉ làng chài mới có. Làng chài êm ả, thanh bình đã làm cồn lên nỗi nhớ tha thiết trong lòng nhà thơ. Nhà thơ nhớ da diết từ con cá bạc, chiếc buồm vôi đến cái vị nồng nồng mằn mặn của quê hương. Phải yêu quê hương tha thiết, sâu nặng lắm, nhà thơ mới khắc họa được một bức tranh quê hương đầy đủ, sông động và tươi đẹp đến vậy.

Yêu quê hương đất nước, Đoàn Văn Cừ đã hướng tâm hồn mình về với những nét đẹp truyền thông văn hóa của dân tộc với cuộc sống sinh hoạt dân dã của quê hương. Một phiên chợ Tết vui tươi, sống động, rực rỡ màu sắc hàng hóa, của trang phục những người đi chợ Tết bừng sáng trong tâm hồn nhà thơ. Bức tranh chợ Tết có đủ gương mặt mọi người: già trẻ, gái trai, người mua kẻ bán đông vui, tấp nập. Nổi lên là hình ảnh cụ đồ nho “khoan khoái vuốt râu cằm, miệng nhẩm đọc vài ba câu đối đỏ” biểu hiện nét đẹp truyền thông văn hóa của dân tộc Việt Nam.

Người vui, cảnh vật cũng vui, thiên nhiên mang tâm hồn người, cùng hòa vui vào tâm hồn người:

Sương trắng đỏ đầu cành như giọt sữa

Tia nắng tía nhảy hoài trong ruộng lúa

Núi uốn mình trong chiếc áo the xanh

Đồi thoa son nằm dưới ánhbình minh.

Thiên nhiên đang mang hồn sông của quê hương trong những ngày giáp Tết. Cảnh vật đẹp và sông động như vậy, nhà thơ không yêu mến sao được.

Lưu Trọng Lư trở về với dòng hoài niệm tuổi thơ, những ngày còn mẹ. Hình ảnh mẹ hiện lên giữa khung cảnh thiên nhiên sáng màu nắng mới:

Tôi nhớ mẹ tôi thuở thiếu thời

Lúc người còn sống, tôi lên mười

Mỗi lần nắng mới reo ngoài nội

Áo đỏ người đưa trước giậu phơi.

Cả hai hình ảnh mẹ và thiên nhiên đã tạo nên gương mặt đẹp của quê hương, lúc này đang xôn xao thức dậy bừng sáng trong tâm hồn nhà thơ, khơi gợi lên bao nỗi nhớ, tình yêu quê hương tha thiết.

Thế Lữ đã gửi gắm tâm sự yêu nước thầm kín của mình vào lời con hổ trong bài thơ “Nhớ rừng”. Nhà thơ để con hổ quằn lòng nuôi tiếc quá khứ vàng son, oanh liệt:

Nào đâu những đêm vàng bên bờ suối

Ta say mồi đứng uốngánh trăngtan

Đâu những đêm mưa chuyển bốn phương ngàn

Ta lặng ngắm giang sơn ta đổi mới

Đâu những bình minh cây xanh nắng gội

Tiếng chim ca giấc ngủ ta tưng bừng

Đâu những chiều lênh láng máu sau rừng

Ta đợi chết mảnh mặt trời gay gắt

Để ta chiếm lấy riêng phần bí mật

Than ôi! Thời oanh liệt nay còn đâu.

Phải chăng tâm trạng tiếc nuối quá khứ vàng son oanh liệt của con hổ cũng chính là tâm trạng tiếc nuôi quá khứ anh hùng của dân tộc trong nhà thơ?

## *Là những trí thức tiểu tư sản dân tộc có tinh thần yêu nước, rất ý thức mình cũng đang chịu chung số phận người dân của một dân tộc bị nô lệ, thế nhưng do chịu ảnh hưởng tư tưởng bạc nhược của giai cấp xuất thân sợ sức mạnh đế quốc, không dám đứng vào đội ngũ đấu tranh cách mạng giải phóng dân tộc do Đảng lãnh đạo lúc bấy giờ, các nhà Thơ mới đành gửi gắm tâm sự yêu quê hương đất nước của mình vào những bức tranh thiên nhiên, cuộc sống của dân tộc hoặc vào những tâm sự u hoài nuôi tiếc quá khứ vàng son. Dẫu sao chúng ta cũng ghi nhận và trân trọng trái tim yêu đáng quý ấy ở họ. Các nhà Thơ mới thực sự đã giành một khoảng rộng cho tình yêu quê hương đất nước trong trái tim yêu của mình. BT10. Nhận xét về một trong những cảm hứng của Thơ mới Việt Nam giai đoạn 1930- 1945, có ý kiến nhận xét: “Tình yêu quê hương đất nước một khoảng rộng trong trái tim của thơ mới”. Bằng hiểu biết của mình về hai bài thơ Nhớ rừng của Thế Lữ và Quê hương của Tế Hanh em hãy làm sáng tỏ ý kiến về Tình Yêu Quê Hương Đất Nước Qua 2 Bài Thơ*

Thơ mới là một hiện tượng nổi bật của văn học Việt Nam nói chung và thơ ca nói riêng trong thế kỷ XX. Nó vừa ra đời đã nhanh chóng khẳng định vị trí xứng đáng trong nền văn học dân tộc với các “hoàng tử thơ”: Thế Lữ, Xuân Diệu, Huy Cận, Chế Lan Viên, Hàn Mặc Tử v..v… Phong trào Thơ mới đã tạo nên một thời đại rực rỡ phong phú trong lịch sử văn học Việt Nam. Hoài Thanh đã viết trong Thi nhân Việt Nam: “… trong lịch sử thi ca Việt Nam chưa bào giờ có một thời đại phong phú như thời đại này. Chưa bao giờ người ta thất xuất hiện cùng một kần một hồn thơ rộng mở như Thế Lữ. mơ màng như Lưu Trọng Lư, hùng tráng như Huy Thông, trong sáng như Nguyễn Nhược Pháp, ảo não như Huy Cận, quê mùa như Nguyễn Bính, kỳ dị như Chế Lan Viên… và thiết tha, rạo rực, băn khoăn như Xuân Diệu. Thơ mới là thời đại của những phong cách thơ độc đáo và một trong những nội dung tiêu biểu của thơ mới là tình yêu quê hương như một nhà nghiên cứu từng nhận xét:“Tình yêu quê hương đất nước một khoảng rộng trong trái tim của thơ mới”.

Thơ mới ra đời trong hoàn cảnh đất nước chìm trong chế độ thực dân nửa phong kiến. Các nhà thơ mới nhận thức rõ nỗi đau mất nước, chán ghét thực tại nên họ gửi gắm nỗi niềm về đất nước, quê hương vào những vần thơ. Tình quê hương đấtnước trong Thơ mới thể hiện ở nhiều cung bậc khác nhau: lúc ca ngợi cảnh đẹp của quê hương, lúc nhớ quê hương da diết, lúc hoài niệm ngưỡng mộ và tiếc nuối một né đẹp văn hóa trong quá khứ, lúc gửi gắm niềm tâm sự thầm kín… Và một trong những bài thơ xuất sắc của phong trào thơ mới viết thành công với đề tài này, không thể không nhắc tới Thế Lữ với Nhớ rừng, Tế Hanh với Quê hương.

Viết về tình yêu quê hương đất nước, thứ nhất, hai bài thơ này ca ngợi cảnh đẹp thiên nhiên.

Bài thơ Nhớ rừngcủa Thế Lữ dựng lên hai khoảng không gian, đối lập: sự hùng vĩ của thiên nhiên và sự chật hẹp, tù túng của vườn bách thú nơi con hổ đang sống. Thiên nhiên trong bài thơ hiện lên thật đẹp đẽ, ấn tượng. Đó là cảnh bóng cả, cây giàvới những gió gào ngàn, nguồn hét núi:

“Nhớ cảnh sơn lâm bóng cả cây già

Với tiếng gió gào ngàn, với giọng nguồn hét núi”

Cảnh thiên nhiên ở nơi rừng xanh, nơi con hổ từng là chúa tể của muôn loài trái ngược với những cảnh giả tạo, bắt chước của vườn bách thú. Và đặc biệt, ca ngợi vẻ đẹp của thiên nhiên, Thế Lữ đã rất thành công khi miêu tả hình ảnh bộ tranh tứ bình tinh xảo và độc đáo. Đầu tiên là bức tranh rừng núi trong đêm:

“Nào đâu những đêm vàng bên bờ suối

Ta say mồi đứng uống ánh trăng tan.”

Cảnh có màu vàng óng ả của trăng, màu xanh trong vắt của nước suối đại ngàn, màu trắng đen mờ ảo của cỏ cây hoa lá. Hổ ta đang đứng trên bờ, say sưa ngắm nhìn cảnh vật đẹp đến say lòng ấy. Ta có cảm giác hổ say mồi thì ít mà say đắm vẻ đẹp huyền ảo của đêm trăng thì nhiều. Vũ trụ có trăng, lúc khuyết, lúc tròn, lúc lên, lúc lặn để rồi hổ ta không biết bao lần ngây ngẩt trước ánh trăng vàng tung tóe. Nhớ làm sao những đêm vàng đấy mộng mơ ấy! Và giờ đây nó càng quý vô ngần vì nó là đêm của tự do và ảo mộng.

Bức tranh hai, Thế Lữ cho chúa tể rừng xanh đối diện với sự gào thét của thiên nhiên hùng vĩ vào những ngày mưa:

“Đâu những ngày mưa chuyển bốn phương ngàn

Ta lặng ngắm giang sơn ta đổi mới”

Mưa rừng không phải là “mưa bay như khói qua chiều”, không phải là “mưa giăng mắc cữi”, càng không phải là “mưa đổ bụi êm êm trên bến vắng” mà mịt mù, dữ dội rung chuyển cả núi rừng. Thế Lữ thật tài tình khi biết lấy sự gào thét dữ dội của thiên nhiên, sự ngã nghiêng của cây cối, cảnh tuôn rơi ồn ào của ngày mưa làm phông nền cho một hổ ta điềm nhiên lặng ngắm giang sơn đổi mới của mình. Quả là bức tranh của một nghệ sĩ kỳ tài.

Còn đây là một cảnh khác, tươi sáng, tưng bừng của buổi bình minh.Chúa tể rừng xanh lúc nầy đang ngon giấc:

“Đâu những bình minh cây xanh nắng gội

Tiếng chim ca giấc ngủ ta tưng bừng”

Một buổi bình minh tinh khôi rạng rỡ, chim chóc reo ca, cây cối gọi mời, mọi vật đã thức giấc đón bình minh lên. Riêng hổ ta lại ngủ, một giấc ngủ lạ đời: giấc ngủ “tưng bừng”. Hổ có giấc ngủ riêng của hổ, cảnh vật xung quanh có ồn ào, sôi động bao nhiêu càng làm cho giấc ngủ hổ thêm say, giấc mơ hổ thêm đẹp. Chỉ bằng vài nét chấm phá má cảnh có âm thanh, có màu sắc, đường nét hài hòa, sống động.

Bức tranh cuối cùng tuyệt đẹp, đẹp một cách lộng lẫy và bi tráng:

“Đâu những chiều lênh láng máu sau rừng

Ta đợi chết mảnh mặt trời gay gắt”

Bức tranh nầy khác hẳn với ba bức tranh trên, từ màu sắc, đường nét, đến ánh sáng. Màu vàng óng ả của trăng, màu đen mờ ảo của những trận mưa rừng, cả màu hồng tươi củanắng mới đều không còn nữa thay vào đó là màu đỏ rực của máu và của ánh mặt trời sắp tắt. Hổ ta lúc nầy cũng không còn say sưa, mơ mộng như đêm nào, ngày nào mà đã hiện nguyên hình là một mãnh thú. Bên hổ, dưới chân hổ là cảnh “lênh láng máu” của những con thú yếu hèn. Ngoài xa, trên bầu trời cao rộng mênh mông ấy mặt trời cũng chỉ là một mảnh. Ta có cảm giác mặt trời cũng bé đi qua cái nhìn của hổ. Trong bức tranh, mọi vật hình như nhỏ hơn, chìm hẳn chỉ có hổ ta đứng đấy uy nghi, chễm chệ với tư thế là chúa tể của muôn loài. Chúa sơn lâm đẹp thật, một vẻ đẹp dữ dằn ghê gớm của một mãnh thú đang say mồi.

Quả là một bộ tranh tứ bình hoàn hảo, với sự phối cảnh hài hòa, bố cục mỹ cảm, đường nét thanh tao, gam màu chuẩn xác. Thế Lữ đã để lại bộ tranh hổ bằng ngôn ngữ có một không hai trong lịch sử văn học.

Quả thật, bức tranh hoành tráng của rừng thẳm oai linh, của gió gào ngàn, nguồn hét núi, bóng cả, cây già. Trong cảnh thiên nhiên kỳ vĩ thâm nghiêm ấy làm nền cho hình bóng của chúa sơn lâm mang vẻ đẹp dõng dạc, đường hoàng với những đêm vàng, sáng xanh, chiều đỏ, tiếng chim ca tất cả mang vẻ đẹp lãng mạn, muôn màu muôn vẻ của thiên nhiên của cách nhìn lãng mạn và bút pháp lãng mạn.

Nếu như thiên nhiên trong Nhớ rừnglà vẻ đẹp của sự hùng tráng, mạnh mẽ của núi rừng, thì thiên nhiên trong thơ Tế Hanh lại êm đềm, đằm thắm với cảnh sông nước bình dị. Hình ảnh làng chài ven biển đẹp, trong trẻo thoáng đãng là tâm điểm mà nhà thơ muốn ca ngợi qua bài thơQuê hươngcủa mình.

Cái làng quê nghèo ở một cù lao trên sông Trà Bồng đã nuôi dưỡng tâm hồn Tế Hanh, đã trở thành nguồn cảm xúc vô tận để ông viết nên những vần thơ tha thiết, lai láng như: Nhớ con sông quê hương, Quê hương, Trở lại con sông quê hương.Mở đầu bài thư Quê hương, tác giả viết:

*“Làng tôi ở vốn nghề chài lưới*

*Nước bao vây cách biển nửa ngày sông”*

Hai câu đầu giới thiệu ngắn gọn “làng tôi”. Đây là hai câu thơ giản dị nhưng nếu thiếu lời giới thiệu này, quê hương sẽ trở nên trừu tượng, thiếu sức truyền cảm. Qua lời giới thiệu này, chúng ta thấy nhà thơ Tế Hanh rất tự hào về quê hương miền biển của mình. Niềm tự hào đó thể hiện sâu sắc tình yêu của ông dành cho quê hương.

Đến những câu thơ tiếp theo bức tranh thiên nhiên được vẽ ra qua tự giới thiệu về làng tôi của tác giả. Khung cảnh được tác giả vẽ ra là một khung cảnh của buổi sớm mai, với không gian thoáng đạt, trời trong, gió nhẹ, nắng mai hồng, với hình ảnh những con người dân trai tráng bơi thuyền đi đánh cá

“Khi trời trong gió nhẹ, sớm mai hồng

Dân trai tráng bơi thuyền đi đánh cá”

Thế đấy, quê hương trong thơ Tế Hanh hiện lên đẹp và mát dịu như vậy. Thiên nhiên trong thơ ông còn là bức tranh lao động rất đỗi bình dị, gần gũi nhưng đầy sức sống:

“Ngày hôm sau, ôn ào trên bến đỗ

Khắp dân làng tấp nập đón ghe về.

“Nhờ ơn trời biển động cá đầy ghe

Những con cá tươi ngon thân bạc trắng”

Có thể nói, qua con mắt của một người con yêu quê nhưng phải sống xa quê, bức tranh thiên nhiên qua thơ Tế Hanh hiện lên thật đẹp, tràn đầy nhựa sống. Nó khác hẳn với cái vẻ buồn bã, thê lương đang hiện hữu trong thơ mới giai đoạn này.

Tiếp theo, chúng ta thấy, tình yêu quê hương của hai nhà thơ còn được thể hiện thông qua việc gửi gắm tâm sự thầm kín. Với Thế Lữ, ông gửi lòng yêu nước vào tâm sự thầm kín của con hổ trong bài thơ Nhớ rừng, nhớ biết bao nhiêu thời vàng son oanh liệt. Ta nghe đó như chính là nỗi nhớ lịch sử vàng son oanh liệt của đất nước. Tâm trạng của con hổ là một ẩn dụ thể hiệ ntâm trạng của tác giả của người dân Việt Nam lúc đó. Đó là những con người đang ở trong vòng nô lệ, chịu sự áp bức, bóc lột của bọn thực dân Pháp và của xã hội phong kiến. Con hổ muốn được thoát khỏi song sắt chật hẹp của vườn bách thú cũng giống như tâm trạng của người dân muốn thoát khỏi cái vòng vây nô lệ đó:

“Ta đương theo giấc mộng ngàn to lớn”

Giấc mộng ngàn của chúa sơn lâm cũng là khao khát tự do thầm kín của con người được gửi gắm một cách tế nhị trong thơ.

Còn đối với Quê hươngcủa Tế Hanh, tình yêu quê hương đất nước là nỗi nhớ quê hương da diết khi xa quê. Mười bảy tuổi, xa quê, Tế Hanh luôn nhớ về quê hương làng vạn chài của mình. Với tấm lòng yêu quê hương sâu sắc, bức tranh làng chài thật sinh động và đậm nét qua cảm xúc của nhà thơ. Khi tả cảnh dân chài bơi thuyền đi đánh cá Tế Hanh đã dựng lên một không gian trong trẻo gió nhẹ rực rỡ nắng hồng… Con thuyền dũng mãnh vượt Trường Giang với sức sống mạnh mẽ mang một vẻ đẹp hùng tráng, bất ngờ hiếm thấy trong thơ mới, một bức tranh lao động đầy hứng khởi và đầy sức sống trong thơ mới. Phải cảm nhận được sức sống lao động của làng quê bằng cả tâm hồn thiết tha gắn bó mới viết được những câu thơ thật hay, thật đặc sắc:

“ Cánh buồm giương to như mảnh hồnlàng

Rướn thân trắng bao la thâu góp gió”.

Mảnh hồn làng ấy chính là nơi cho tâm hồn nghệ sỹ neo đậu với tấm lòng tha thiết nhớ thương về quê hương. Và đặc biệt hơn cả, nỗi nhớ quê hương, tình yêu quê hương được bộc lộ một cách trực tiếp ở khổ thơ cuối:

“Nay xa cách, lòng tôi luôn tưởng nhớ:

Màu nước xanh, cá bạc, chiếc buồm vôi,

Thoáng con thuyền rẽ sóng chạy ra khơi,

Tôi thấy nhớ cái mùi nồng mặn quá!”

Nhớ về quê hương miền biển của mình, nhà thơ nhớ: màu nước xanh, cá bạc, chiếc buồm vôi,nhớ con thuyền rẽ sóng và đặc biệt hơn cả là nhớ mùi vị mặn mòi của biển khơi – mùi vị đặc trưng mà chỉ có ở miền biển mới có được. Nối nhớ thiết tha trong xa cách là chất thơ đày bình dị mà khỏe khoắn toát lên từ bứctranh thiên nhiên tươi sáng thơ mộng.

Quả thực, khi viết về tình yêu quê hương trong thơ mới, đặc biệt qua hai bài thơ Nhớ rừngvà Quê hương, chúng ta phải nhìn nhận rằng cái “tôi” trong mỗi tác giả vừa được giải phóng tỏa hương thành vườn hoa đầy hương sắc của Thơ mới. Và mặc dù tình quê hương đất nước trong các bài thơ tuy chưa tích cực như thơ văn Cách mạng nhưng đáng trân trọng. Đó là một khoảng rộng trong trái tim yêu dào dạt của các nhà thơ mới trong đó có Thế Lữ và Tế Hanh.

# BT11.QUÊ HƯƠNG

Quê hương là nguồn cảm hứng vô tận của nhiều nhà thơ Việt Nam và đặc biệt là Tế Hanh – một tác giả có mặt trong phong trào Thơ mới và sau cách mạng vẫn tiếp tục sáng tác dồi dào. Ông được biết đến qua những bài thơ về quê hương miền Nam yêu thương với tình cảm chân thành và vô cùng sâu lắng. Ta có thể bắt gặp trong thơ ông hơi thở nồng nàn của những người con đất biển, hay một dòng sông đầy nắng trong những buổi trưa gắn với tình  yêu quê hương sâu sắc của nhà thơ. Bài thơ “Quê hương” là kỉ niệm sâu đậm thời niên thiếu, là tác phẩm mở đầu cho nguồn cảm hứng về quê hương trong thơ Tế Hanh, bài thơ đã được viết bằng tất cả tấm lòng yêu mến thiên nhiên thơ mộng và hùng tráng, yêu mến những con người lao động cần cù.   
Bài thơ được viết theo thể thơ tám chữ phối hợp cả hai kiểu gieo vần liên tiếp và vần ôm đã phần nào thể hiện được nhịp sống hối hả của một làng chài ven biển:  
Làng tôi ở vốn làm nghề chài lưới  
Nước bao vây cách biển nửa ngày sông  
Khi trời trong, gió nhẹ, sớm mai hồng  
Dân trai tráng bơi thuyền đi đánh cá.  
Quê hương trong tâm trí của những người con Việt Nam là mái đình, là giếng nước gốc đa, là canh rau muống chấm cà dầm tương. Còn quê hương trong tâm tưởng của Tế Hanh là một làng chài nằm trên cù lao giữa sông và biển, một làng chài sóng nước bao vây. một khung cảnh làng quê như đang mở ra trước mắt chúng ta vô cùng sinh động: “Trời trong – gió nhẹ – sớm mai hồng”, không gian như trải ra xa, bầu trời như cao hơn và ánh sáng tràn ngập. Bầu trời trong trẻo, gió nhẹ, rực rỡ nắng hồng của buổi bình minh đang đếùn là một báo hiệu cho ngày mới bắt đầu, một ngày mới với bao nhiêu hi vọng, một ngày mới với tinh thần hăng hái, phấn chấn của biết bao nhiêu con người trên những chiếc thuyền ra khơi:  
Chiếc thuyền nhẹ hăng như con tuấn mã  
Phăng mái chèo mạnh mẽ vượt trường giang  
Nếu như ở trên là miêu tả vào cảnh vật thì ở đây là đặc tả vào bức tranh lao động đầy hứng khởi và dạt dào sức sống. Con thuyền được so sánh như con tuấn mã làm cho câu thơ có cảm giác như mạnh mẽ hơn, thể hiện niềm vui và phấn khởi của những người dân chài. Bên cạnh đó, những động từ “hăng”, “phăng”, “vượt” diễn tả đầy ấn tượng khí thế băng tới vô cùng dũng mãnh của con thuyền toát lên một sức sống tràn trề, đầy nhiệt huyết. Vượt lên sóng. Vượt lên gió. Con thuyền căng buồm ra khơi với tư thế vô cùng hiên ngang và hùng tráng:  
Cánh buồm giương to như mảnh hồn làng  
Rướn thân trắng bao la thâu góp gió…  
Từ hình ảnh của thiên nhiên, tác giả đã liên tưởng đến “hồn người”, phải là một tâm hồn nhạy cảm trước cảnh vật, một tấm lòng gắn bó với quê hương làng xómTế Hanh mới có thể viết được như vậy.Cánh buồm trắng vốn là hình ảnh quen thuộc nay trở nên lớn lao và thiên nhiên.Cánh buồm trắng thâu gió vượt biển khơi như hồn người đang hướng tới tương lai tốt đẹp.Có lẽ nhà thơ chợt nhận ra rằng linh hồn của quê hương đang nằm trong cánh buồm. Hình ảnh trong thơ trên vừa thơ mộng vừa hoành tráng, nó vừa vẽ nên chính xác hình thể vừa gợi được linh hồn của sự vật. Ta có thể nhận ra rằng phép so sánh ở đây không làm cho việc miêu tả cụ thể hơn mà đã gợi ra một vẻ đẹp bay bổng mang ý nghĩa lớn lao. Đó chính là sự tinh tế của nhà thơ. Cũng có thể hiểu thêm qua câu thơ này là bao nhiêu trìu mến thiêng liêng, bao nhiêu hy vọng mưu sinh của người dân chài đã được gửi gắm vào cánh buồm đầy gió. Dấu chấm lửng ở cuối đoạn thơ tạo cho ta ấn tượng của một không gian mở ra đến vô cùng, vô tận, giữa sóng nước mênh mông, hình ảnh con người trên chiếc tàu nhỏ bé không nhû nhoi đơn độc mà ngược lại thể hiện sự chủ động, làm chủ thiên nhiên của chính mình.  
Cả đoạn thơ là khung cảnh quê hương và dân chài bơi thuyền ra đánh cá, thể hiện được một nhịp sống hối hả của những con người năng động, là sự phấn khởi, là niềm hi vọng, lạc quan trong ánh mắt từng ngư dân mong đợi một ngày mai làm việc với bao kết quả tốt đẹp:  
Ngày hôm sau ồn ào trên bến đỗ  
Khắp dân làng tấp nập đón ghe về  
Nhờ ơn trời, biển lặng, cá đầy ghe  
Những con cá tươi ngon thân bạc trắng.  
Những tính từ “ồn ào”, “tấp nập” toát lên không khí đông vui, hối hả đầy sôi động của cánh buồm đón ghe cá trở về. Người đọc như thực sự được sống trong không khí ấy, được nghe lời cảm tạ chân thành đất trời đã sóng yên, biển lặng để người dân chài trở về an toàn và cá đầy ghe, được nhìn thấy “những con cá tươi ngon thân bạc trắng”. Tế Hanh không miêu tả công việc đánh bắt cá như thế nào nhưng ta có thể tưởng tượng được đó là những giờ phút lao động không mệt mỏi để đạt được thành quả như mong đợi.   
Sau chuyến ra khơi là hình ảnh con thuyền và con người trở về trong ngơi nghỉ:  
Dân chài lưới làn da ngăm rám nắng  
Cả thân hình nồng thở vị xa xăm  
Chiếc thuyền im bến mỏi trở về năm  
Nghe chất muối thấm dần trong thớ vỏ.  
Có thể nói rằng đây chính là những câu thơ hay nhất, tinh tế nhất của bài thơ. Với lối tả thực, hình ảnh “làn da ngắm rám nắng” hiện lên để lại dấu ấn vô cùng sâu sắc thì ngay câu thơ sau lại tả bằng một cảm nhận rất lãng mạn “Cả thân hình nồng thở vị xa xăm” – Thân hình vạm vỡ của người dân chài thấm đẫm hơi thở của biển cả nồng mặn vị muối của đại dương bao la. Cái độc đáo của câu thơ là gợi cả linh hồn và tầm vóc của con người biển cả. Hai câu thơ miêu tả về con thuyền nằm im trên bến đỗ cũng là một sáng tạo nghệ thuật độc đáo. Nhà thơ không chỉ thấy con thuyền nằm im trên bến mà còn thấy cả sự mệt mỏi của nó. Cũng như dân chài, con thuyền có vị mặn của nước biển, con thuyền như đang lắng nghe chất muối của đại dương đang thấm trong từng thớ vỏ của nó. Thuyền trở nên có hồn hơn, nó không còn là một vật vô tri vô giác nữa mà đã trở thành người bạn của ngư dân. Không phải người con làng chài thì không thể viết hay như thế, tinh như thế, và cũng chỉ viết được những câu thơ như vậy khi tâm hồn Tế Hanh hoà vào cảnh vật cả hồn mình để lắng nghe. Ở đó là âm thanh của gió rít nhẹ trong ngày mới, là tiếng sóng vỗ triều lên, là tiếng ồn ào của chợ cá và là những âm thanh lắng đọng trong từng thớ gỗ con thuyền. Có lẽ, chất mặn mòi kia cũng đã thấm sâu vào da thịt nhà thơ, vào tâm hồn nhà thơ để trở thành nỗi niềm ám ảnh gợi bâng khuâng kì diệu. Nét tinh tế, tài hoa của Tế Hanh là ông “nghe thấy cả những điều không hình sắc, không âm thanh như “mảnh hồn làng” trên “cánh buồm giương”… Thơ Tế Hanh là thế giới thật gần gũi, thường ta chỉ thấy một cách lờ mờ, cái thế giới tình cảm ta đã âm thầm trao cảnh vật: sự mỏi mệt, say sưa của con thuyền lúc trở về bến…”  
Nói lên tiếng nói từ tận đáy lòng mình là lúc nhà thơ bày tỏ tình cảm của một người con xa quê hướng về quê hương, về đất nước :  
Nay xa cách lòng tôi luôn tưởng nhớ  
Màu nước xanh, cá bạc, chiếc thuyền vôi  
Thoáng con thuyền rẽ sóng chạy ra khơi  
Tôi thấy nhớ cái mùi nồng mặn quá  
Nếu không có mấy câu thơ này, có lẽ ta không biết nhà thơ đang xa quê. ta thấy được một khung cảnh vô cùng sống động trước mắt chúng ta, vậy mà nó lại được viết ra từ tâm tưởng một cậu học trò. từ đó ta có thể nhận ra rằng quê hương luôn nằm trong tiềm thức nhà thơ, quê hương luôn hiện hình trong từng suy nghĩ, từng dòng cảm xúc. Nối nhớ quê hương thiết tha bật ra thành những lời nói vô cùng giản dị: “Tôi thấy nhớ cái mùi nồng mặn quá”. Quê hương là mùi biển mặn nồng, quê hương là con nước xanh, là màu cá bạc, là cánh buồm vôi. Màu của quê hương là những màu tươi sáng nhất, gần gũi nhất. Tế Hanh yêu nhất những hương vị đặc trưng quê hương đầy sức quyến rũ và ngọt ngào. Chất thơ của Tế Hanh bình dị như con người ông, bình dị như những người dân quê ông, khoẻ khoắn và sâu lắng. Từ đó toát lên bức tranh thiên nhiên tươi sáng, thơ mộng và hùng tráng từ đời sống lao động hàng ngày của người dân.  
Bài thơ đem lại ấn tượng khó phai về một làng chài cách biển nửa ngày sông, lung linh sóng nước , óng ả nắng vàng. Dòng sông, hồn biển ấy đã là nguồn cảm hứng theo mãi Tế Hanh từ thuở “hoa niên” đến những ngày tập kết trên đất Bắc. Vẫn còn đó tấm lòng yêu quê hương sâu sắc, nồng ấm của một người con xa quê:  
Tôi  dang tay ôm nước vào lòng  
Sông mở nước ôm tôi vào dạ  
Chúng tôi lớn lên mỗi người mỗi ngả  
Kẻ sớm hôm chài lưới ven sông  
Kẻ cuốc cày mưa nắng ngoài đồng  
Tôi cầm súng xa nhà đi kháng chiến  
Nhưng lòng tôi như mưa nguồn gió biển  
Vẫn trở về lưu luyến bến  sông  
(Nhớ con sông quê hương – 1956)  
Với tâm hồn bình dị, Tế Hanh xuất hiện trong phong trào Thơ mới nhưng lại không có những tư tưởng chán đời, thoát li với thực tại, chìm đắm trong cái tôi riêng tư như nhiều nhà thơ thời ấy. Thơ Tế Hanh là hồn thi sĩ đã hoà quyện cùng với hồn nhân dân, hồn dân tộc, hoà vào “cánh buồm giương to như mảnh hồn làng”.“Quê hương” – hai tiếng thân thương, quê hương – niềm tin và nỗi nhơ,ù trong tâm tưởng người con đấùt Quảng Ngãi thân yêu – Tế Hanh – đó là những gì thiêng liêng nhất, tươi sáng nhất. Bài thơ với âm điệu khoẻ khoắn, hình ảnh sinh động tạo cho người đọc cảm giác hứng khởi, ngôn ngữ giàu sức gợi vẽ lên một khung cảnh quê hương “rất Tế Hanh”.

# **Nhớ con sông quê hương**

Quê hương tôi có con sông xanh biếc  
Nước gương trong soi tóc những hàng tre  
Tâm hồn tôi là một buổi trưa hè  
Toả nắng xuống lòng sông lấp loáng  
Chẳng biết nước có giữ ngày, giữ tháng  
Giữ bao nhiêu kỷ niệm giữa dòng trôi?  
Hỡi con sông đã tắm cả đời tôi!  
Tôi giữ mãi mối tình mới mẻ  
Sông của quê hương, sông của tuổi trẻ  
Sông của miền Nam nước Việt thân yêu  
  
Khi bờ tre ríu rít tiếng chim kêu  
Khi mặt nước chập chờn con cá nhảy  
Bạn bè tôi tụm năm tụm bảy  
Bầy chim non bơi lội trên sông  
Tôi giơ tay ôm nước vào lòng  
Sông mở nước ôm tôi vào dạ  
Chúng tôi lớn lên mỗi người mỗi ngả  
Kẻ sớm khuya chài lưới bên sông  
Kẻ cuốc cày mưa nắng ngoài đồng  
Tôi cầm súng xa nhà đi kháng chiến  
Nhưng lòng tôi như mưa nguồn, gió biển  
Vẫn trở về lưu luyến bên sông  
Hình ảnh cô em đôi má ửng hồng...  
  
Tôi hôm nay sống trong lòng miền Bắc  
Sờ lên ngực nghe trái tim thầm nhắc  
Hai tiếng thiêng liêng, hai tiếng “miền Nam”  
Tôi nhớ không nguôi ánh sáng màu vàng  
Tôi quên sao được sắc trời xanh biếc  
Tôi nhớ cả những người không quen biết...  
Có những trưa tôi đứng dưới hàng cây  
Bỗng nghe dâng cả một nỗi tràn đầy  
Hình ảnh con sông quê mát rượi  
Lai láng chảy, lòng tôi như suối tưới  
Quê hương ơi! lòng tôi cũng như sông  
Tình Bắc Nam chung chảy một dòng  
Không gành thác nào ngăn cản được  
Tôi sẽ lại nơi tôi hằng mơ ước  
Tôi sẽ về sông nước của quê hương  
Tôi sẽ về sông nước của tình thương

6-1956  
  
Bài thơ được sáng tác khi tác giả tập kết ra miền Bắc sau cuộc kháng chiến chống Pháp.  
  
Nguồn: Tế Hanh, *Lòng miền Nam*, NXB Văn nghệ, 1956

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**KHI CON TU HÚ**

(Tô' Hữu)

**I.KIẾN THỨC Cơ BẢN**

## Tác giả – Tác phẩm

Tố Hữu (1920 – 2002) tên khai sinh Nguyễn Kim Thành, sinh ra trong một gia đình nhà nho nghèo ở tỉnh Thừa Thiên – Huế. Ông giác ngộ và đi theo cách mạng từ khá sớm và giữ nhiều chức vụ sau cách mạng tháng Tám. Trong quá trình tham gia cách mạng ông đã từng bị bắt và vượt ngục. Về sự nghiệp sáng tác, Tố Hữu tham gia và học làm thơ khi mới 7 tuổi. Những tập thơ đầu tiên được sáng tác vào những năm 1937 – 1938. Ông được coi là lá cờ đầu của nền thơ ca cách mạng Việt Nam. Được giác ngộ và đi theo lí tưởng cách mạng từ sớm, nên thơ ca của ông luôn có sự hài hòa và thống nhất với cuộc đời cách mạng. Những vần thơ dung dị, chân thật và cảm động về lí tưởng, về Bác có thể coi là những vần thơ hay nhất. Một số tập thơ tiêu biểu phải kể đến như: Từ ấy (1937 – 1946); Việt Bắc (1946 – 1954); Gió lộng; Ra trận; Máu và hoa…

“Khi con tu hú” là một trong số những tác phẩm tiêu biểu trong tập thơ “Từ ấy” của tác giả. Tháng 4 -1939, trên bước đường hoạt động cách mạng, Tố Hữu bị địch bắt và giam cầm tại nhà lao tỉnh Thừa Thiên – Huế. Trong thời gian bị giam cầm, Tố Hữu đã viết nên bài thơ này (tháng 7 – 1939), khi đó ông mới 19 tuổi.  Đây được coi là tiếng lòng của chàng thanh niên 19 tuổi mang trong mình niềm say mê lí tưởng, tha thiết yêu đời. Dù bị giam cầm, tách biệt với thế giới bên ngoài vẫn hăng hái hoạt động,một lòng vì lý tưởng cao cả.

## Bố cục bài thơ

Bài thơ “Khi con tu hú” được chia làm hai phần chính:

Phần 1: 6 câu đầu – Đây là bức tranh mùa hè sôi động

Các hình ảnh báo hiệu bức tranh mùa hè sôi động: hình ảnh “Lúa chiêm đang chín”, “Trái cây vườn râm”, “Tiếng ve, bắp rây”, “Nắng đào”, “Tiếng sáo diều”… Kết hợp với không gian cao rộng, khoáng đạt với đầy đủ các âm thanh, màu sắc nhộn nhịp.

Phần 2: 4 câu còn lại – Khắc họa tâm trạng của người chiến sĩ cách mạng khi bị giam cầm

Tâm trạng ngột ngạt, uất ức đau khổ khiến nhà thơ có hành động như muốn “đập tan phòng” để đến với thế giới tự do ngoài kia.

## Ý nghĩa nhan đề bài thơ

“Khi con tu hú” là một vế trong câu thơ đầu tiên. Đối với mỗi tuổi thơ chúng ta, không ai còn xa lạ với tiếng chim tu hú kêu mỗi dịp hè về. Chim tu hú kêu là lúc bầy chim ùa về trong nỗi nhớ của nhà thơ.

Nhan đề bài thơ “Khi con tu hú” chỉ gồm cụm từ của một loài chim nhưng nó gợi lại nhiều cảm xúc. Tiếng chim cất lên khiến cho nhân vật trữ tình thức tỉnh trong không gian chật hẹp kia. Chỉ với một âm thanh thôi lại như chính tiếng lòng của tác giả. Tiếng chim tu hú gọi bầy ráo rác cũng chính là tiếng gọi của cách mạng, của cuộc sống tự do ngoài kia. Chính tiếng chim đó càng khiến cho người chiến sỹ đang trong ngục tù bỗng cảm thấy khao khát sự tự do, khát vọng sống đối lập với hiện thực phũ phàng.

## Tóm tắt nội dung bài Khi con tu hú

Nhà thơ Tố Hữu sáng tác khi đang ở trong tù giam chật hẹp, ngột ngạt, khi ông nghe thấy tiếng chim tu hú cũng có nghĩa là mùa hè đang đến gần. Chính điều đó khơi mạch cảm xúc và càng làm cho người cách mạng cảm thấy tù túng, chật hẹp, cô đơn và mong muốn thoát ra khỏi cảnh ngục tù để được tự do, khao khát bay nhảy.

Tiếng tu hú gọi nhớ mùa hè như thôi thúc tác giả hồi tưởng kỉ niệm và khát vọng cháy bỏng thoát khỏi cảnh giam cầm, thoát khỏi hiện thực tối tăm mà mình đang đối mặt.

Chính tiếng tu hú gọi hè là yếu tố rất quan trọng và đóng góp vào sự thành công của bài thơ.

## Đặc sắc trong nghệ thuật

Không chỉ thành công với nội dung cách mạng, “Khi con tu hú” còn chạm đến cảm xúc của người đọc với những đặc sắc nghệ thuật của nó. Thể thơ lục bát quen thuộc tạo cảm giác ngân nga mà chân tình, dễ đi vào lòng người. Bài thơ cho ta thấy nghệ thuật đỉnh cao trong miêu tả và trí tưởng tượng giàu cảm xúc của nhà thơ. Theo đó cả một bầu trời thiên nhiên hiện ra trước mắt người đọc, bỏ qua hoàn cảnh chật hẹp nơi chốn lao tù. Cách kể chuyện sinh động, uyển chuyển thay đổi mọi góc nhìn của nhà thơ khiến cho người đọc như đắm chìm vào bức tranh sôi động ngoài kia.

Đặc biệt là cách xây dựng nghệ thuật âm thanh kết hợp với tạo hình không gian đa dạng. Có thể nói tiếng chim tu hú là nút điểm làm nên thành công cho toàn bài thơ. Ngoài ra còn kể đến các biện pháp tu từ được nhà thơ sử dụng một cách linh hoạt trong toàn bộ bài thơ.

**B. Đọc - Hiểu văn bản**

\*Nhan dề bài thơ

Bài thơ có một cái nhan đề khá lạ: **Khỉ con tu hú.** Bôn chữ ấy chỉ là một vê' phụ của câu, nên chưa trọn ý. Tuy nhiên, chính chỗ chưa trọn vẹn đó đã mở ra bao nhiêu liên tưởng. Căn cứ vào nội dung bài thơ, có thể hiểu là: Khi chim tu hú gọi bầy là khi mùa hè đển, người tù cách mạng càng cảm thấy ngột ngạt trong phòng giam chật chội, càng thèm khát cháy bỏng cuộc sống tự do tưng bừng ở bển ngoài. Tiêng chim tu hú đã gợi mở mạch cảm xúc cho bài thơ. Đối với người tù, sự liên hệ với cuộc sông bên ngoài chỉ qua những âm thanh, tiêhg chim ấy là tín hiệu của mùa hè rực rỡ, của sự sôhg tưng bừng ở bên ngoài, của trời cao tự do, lồng lộng. Vì vậy, tiếng chim đã tác động mạnh mẽ đến tâm hồn người tù.

Luận điểm 1: Sáu câu thơ đầu là bức tranh mùa hè sôi động, ngọt ngào.

Khi con tu hú gọi bầy

Lúa chiêm đang chín, trái cây ngọt dần

Vườn râm dậy tiếng ve ngân  
Bắp rây vàng hạt dầy sân nắng dào

Trời xanh càng rộng càng cao

Đôi con diều sáo lộn nhào từng không...

Tiêng chim tu hú gọi bầy là âm thanh quen thuộc chốn đồng quê báo hiệu mùa hè đang đên. Âm thanh ấy đã thức gọi trong tâm hồn người tù một khung cảnh mùa hè. Sáu câu thơ lục bát, sau câu mở đầu tả tiếng chim náo nức gọi bầy, năm câu còn lại mở ra cả một thế giới của sự sông tươi đẹp, rộn rã. Chỉ là trong tưởng tượng nhưng cảnh mùa hè hiện lên thật cụ thể và sóng động, đủ cả hình ảnh, âm thanh, màu sắc và cảm giác: màu vàng của lúa chiêm đang chín trên cánh đồng, của những hạt bẩp phơi trên sân rực rỡ nắng hồng; tiêng ve ngân trong vườn cây râm mát; vị ngọt của trái chín; đôi cánh diều chao lượn trên bầu trời xanh cao rộng, tiếng sáo diều vi vu... Đó không chỉ là bức tranh của thiên nhiên, của sự sông, mà còn là bức tranh thân thuộc của quê hương này. Chỉ từ một âm thanh, người tù hình dung ra cả bức tranh của mùa hè tràn trề nhựa sông ở mọi tầng bậc gần - xa, cao - thấp của không gian. Ớ trong bốh bức tường chật chội của nhà giam, chỉ qua một âm thanh nghe được, người tù có thể nhìn thấy, có thể ngửi, có thể nếm, có thể cảm được bằng da thịt... tất cả những vẻ đẹp hấp dẫn của sự sông bên ngoài. Nếu không có niềm gắn bó thiết tha với cuộc đời, không có niềm khao khát tự do mãnh liệt, không có một tâm hồn tinh tế nhạy cảm và một trí tưởng tượng lãng mạn vô cùng phong phú thì nhà thơ không thể viết được những câu thơ tuyệt vời đến như thế!

Luận điểm 1: Những câu thơ tiếp theo là tâm trạng đau khổ, uất ức vì bị giam cầm

Ta nghe hè dậy bên lòng

Mà chân muốn đạp tan phòng, hè ôi!

Ngột làm sao, chết uất thôi

Con chim tu hú ngoài trời cứ kêu!

Bốn câu thơ lục bát thực sự là hai câu cảm thán trực tiếp bật ra từ tâm trạng ngột ngạt, uất ức đến không chịu nổi. Những cách ngắt nhịp bất thường (nhịp 6/2: Mà chân muốn đạp tan phòng/ hè ôi', nhịp 3/3: Ngột làm sao/ chết uất thôi), kết hợp với những từ ngữ mạnh (đập tan phòng, chết uất) và những từ ngữ cảm thán (ôi, làm sao, thôi) làm nổi bật cái câm giác ngột ngạt cao độ, niềm khao khát cháy bỏng muôn thoát ra khỏi cảnh tù ngục để trở về với cuộc sông tự do bên ngoài kia. Ngoài trời, chim tu hú cứ kêu, cứ gọi bầy, nghe càng thúc giục, càng làm cho người tù đau khổ thâm thìa hơn. Và trong lòng người tù, niềm khao khát tự do cũng lên tiếng gọi, thôi thúc người tù vượt thoát cảnh giam cầm để trở về với cuộc đời hoạt động sôi nổi, tự do.

Bài thơ gồm hai đoạn tách bạch rõ ràng nhưng liên mạch: đoạn đâu tả cảnh (cảnh mùa hè), đoạn sau tả tỉnh (tâm trạng người tù). Cánh đẹp, đầy sức sông; tĩnh sôi nổi và da diết. Cảnh trong tưởng tượng càng đẹp, càng hâp dẫn, người tù càng đau khổ, uất ức vì bị giam cầm, niềm khao khát tự do càng cháy bỏng. Đó chính là mạch cảm xúc nhất quán của bài thơ, thể hiện tâm hồn yêu đời, yêu tự do của chàng thanh niên cách mạng Tô Hữu. Thể thơ lục bát mềm mại, uyển chuyển, linh hoạt đã thể hiện rât sâu tam trạng người tù, làm nên cái hay của bài thơ.

Bài thơ lục bát giản dị, thiết tha, đã thể hiện sâu sắc lòng yểu cuộc sông và niềm khát khao tự do cháy bỏng của người chiến sĩ cách mạng trẻ tuôi trong cuộc sống tù đày.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**ĐỀ BÀI1: Bài văn mẫu hay phân tích, chứng minh nhận định: Khi Con Tu Hú thể hiện niềm khát khao tự do cháy bỏng của người chiến sĩ cách mạng (Bài văn chỉ có tính chất tham khảo thêm, không có tính chất mẫu mực)**

**Bài 1:**

    Nhan đề bài thơ là một sự diễn đạt chưa trọn ý một cách kì lạ. Kì lạ bởi chính chỗ chưa trọn vẹn đó đã mở ra bao nhiêu liên tưởng. Giờ đây, người ta không còn thấy bóng dáng cô đơn, nặng nề của người tù Tố Hữu mà chỉ nghe tiếng lòng nhà thơ đang rộn ràng, ngân vang khi đón nhận lấy tiếng chim tu hú từ xa rộn về. Tu hú gọi bầy là âm thanh hết sức quen thuộc ở chốn làng quê Việt Nam, báo hiệu cho sự chuyển mình của sự sống - mùa hè về. Lúc này, khi con tu hú gọi bầy, trong hoàn cảnh tách biệt với cuộc sống bên ngoài, người chiến sĩ cách mạng càng cảm thấy ngột ngạt hơn, tù túng hơn, vì vậy mà càng thêm khát khao cháy bỏng hướng đến cuộc sống tự do tươi đẹp bên ngoài:

“Khi con tu hú gọi bầy

Lúa chiêm đương chín, trái cây ngọt dần

Vườn râm dậy tiếng ve ngân

Bắp rây vàng hạt đầy sân nắng đào

Trời xanh càng rộng càng cao

Đôi con diều sáo lộn nhào tầng không.”

    Mười chín tuổi, còn trẻ trung, bồng bột, người thanh niên Tố Hữu đã tìm thấy cho mình lí tưởng cao đẹp cuộc đời. Những bước đi không mỏi mệt trên chặng đường chông gai, phút chốc phải dừng đột ngột, bị bó buộc tù hãm khiến cho Tố Hữu không khỏi có lúc thốt lên chua xót: “Cô đơn thay là cảnh thân tù”. Nhưng rồi phút giây ấy cũng nhanh chóng đi qua, nhường chỗ cho không gian cảnh vật tràn trề nhựa sống: những bông lúa chín, hạt bắp vàng, ánh nắng đào, trời xanh rộng, đôi sáo diều, tiếng ve ngân...

    Phải có một sự tưởng tượng lãng mạn, bay bổng và một tâm hồn mến yêu sự sống sâu sắc mới có thể vẽ lại toàn bộ bức tranh phong cảnh mùa hè sống động đến vậy. Thiên nhiên hiện lên tuyệt đẹp kia không phải là hiện thực, tất cả chỉ là sự tưởng tượng của một tâm hồn mơ mộng khi căng tất cả các giác quan để nghe, để nhìn, để ngửi, để cảm nhận không khí hè qua tiếng gọi bầy của tu hú. Chỉ bằng vài đường nét, màu sắc, âm thanh, nhà thơ đã phơi bày một bức tranh đầy nhựa sống với cánh đồng lúa chiêm quen thuộc của quê hương đã bao lần đi vào thơ Tố Hữu:

“Đây từng ô mạ xanh mơn mởn

(...)

Ôi ruộng đồng quê hương thương nhớ ơi!”

    Giờ đây lại hiện về trong trạng thái căng đầy nhất, viên mãn nhất, lúa ngả vàng, ngả sang màu niềm vui, là màu vàng rực rỡ của mùa hè, của mồ hôi kết tinh thành hạt thóc.

    Với một tâm hồn lãng mạn tinh tế, Tố Hữu đã cảm nhận sự thay đổi của màu nắng với nhiều góc độ: từ ánh nắng của “đôi ánh lạt ban chiều” (Tâm tư trong tù), ánh nắng yếu ớt dễ bóp nghẹt bởi bóng tối tới một “ánh nắng đào” giữa mùa hè, lấp đi dấu ấn của “vườn râm”. Câu thơ là một không gian thoải mái với sắc hồng kì lạ. Đó là thứ ánh sáng êm dịu, hiền hậu, vỗ về cho con người trước những mất mát, đau khổ trong cuộc đời. Có lẽ từ chính sự gặp gỡ tuyệt diệu của chàng thanh niên trẻ tuổi:

“Từ ấy trong tôi bừng nắng hạ

Mặt trời chân lí chói qua tim”

đã khiến cho ánh nắng mùa hè có sự thay đổi tinh tế đến vậy. Và sự xuất hiện của bầu trời trong vắt như mặt nước yên bình nâng tầm bay cho các cánh diều đã đẩy tầm nhìn, tầm nhận thức của nhà thơ lên đến độ sâu nhất, xa nhất, cao nhất:

“Trời xanh càng rộng càng cao

Đôi con diều sáo lộn nhào từng không”

    Thấp thoáng trong ánh nhìn người tù, là một không gian mở rộng đến vô cùng vô tận. Mặc dù có thể lúc ấy ánh nhìn của nhà thơ - chiến sĩ có phần bị che khuất đi bởi chấn song nhà tù chật hẹp. Trên bầu trời lúc này không phải là một mình lẻ loi, con sáo diều cũng có đôi, có cặp, có được sự tự do bay lượn trong vùng trời riêng kia. Huống chi là con người. Vậy mà, thực tế thì sao? Con người cô đơn, cô đơn hơn bao giờ hết, và mất tự do.

Không ngẫu nhiên mà bài thơ có sự bổ đôi của hai câu thơ lục bát. Nhà thơ diễn tả bức tranh mùa hè sống động đối lập với cảnh mùa đông trong ngục tối đã làm nổi bật lên khát vọng cháy bỏng của người chiến sĩ trên con đường tìm đến tự do. Bốn câu thơ kết đã lắng lại cho tiếng lòng náo nức bật lên:

“Ta nghe hè dậy bên lòng

Mà chân muốn đạp tan phòng, hè ôi!

Ngột làm sao, chết mất thôi

Con chim tu hú ngoài trời cứ kêu”

   Khổ thơ là lời bộc lộ trực tiếp cho tâm tư con người. Bốn câu cảm thán là sự dồn nén những cảm xúc mãnh liệt của một trái tim đau khổ, uất hận vì mất tự do. Nhà thơ nghe hè, cảm nhận hè chỉ qua tiếng chim tu hú gọi bầy. Hè đã đến, ba tháng trong ngục tối cũng đã trôi qua, lòng người thanh niên đầy nhiệt huyết càng trỗi dậy mạnh mẽ hơn tiếng gọi lên đường, tiếng gọi của tự do.

   Từ trong sâu thẳm tâm tư mình, người tù đã nhận ra tất cả cuộc sống náo nức, vui tươi bên ngoài lúc chỉ là tưởng tượng, bởi đó là tất cả những hình ảnh tồn tại trong trí nhớ của nhà thơ. Đó là những cánh đồng, những vườn cây trái, những vườn râm. Còn hiện tại, kẻ thù đang giày xéo quê hương, đã biến bao đồng quê thành hoang mạc và thực chất không gian tự do mà nhà thơ khát khao bên ngoài kia cũng chỉ là một không gian tù hãm, một cái lồng to giam chí lớn, như chụp lên cuộc sống con người, lên quê hương. Cho nên, khổ thơ là sự bừng tỉnh của lí trí, là tâm trạng uất ức, ngột ngạt muốn đạp bỏ tất cả, tìm đến không gian tự do, tự tại thật sự. Bằng cách ngắt nhịp mạnh kết hợp với những từ ngữ mạnh mẽ: “đạp tan”, “chết uất”, câu thơ đã tập trung cao độ tinh thần yêu đời, yêu người cháy bỏng.

   Tiếng kêu tu hú cứ day đi day lại cả bài thơ, như thúc giục, như lời thôi thúc người tù vượt thoát cảnh giam cầm, tìm về với tự do. Có lẽ vì vậy mà ba năm sau, Tố Hữu đã vượt ngục và quay về đội ngũ, để làm tròn ước nguyện cống hiến tất cả cuộc đời cho cách mạng.

    “**Khi con tu hú**” là một bài thơ kết hợp hài hoà của cảnh và tình. Cảnh mở ra rạo rực, tha thiết, tình lắng đọng da diết, trầm buồn. Với tâm hồn dân tộc, ngòi bút linh hoạt, mềm mại, Tố Hữu xứng đáng với danh hiệu con chim đầu đàn trong nền thơ ca cách mạng Việt Nam.

**BT2: Phân tích bài thơ *Khi con tu hú* của Tố Hữu.**

1. *Mở bài:*

- Tố Hữu ( 1930-2003) . Tham gia cách mạng từ thời học sinh. Sự nghiệp sáng tác suốt cả cuộc đời. Ông được đánh giá là ngọn cờ đầu cảu thơ ca cách mạng Việt Nam.

- Với những đóng góp to lớn cho nền văn học nước nhà, Tố Hữu đã được nhà nước tặng thưởng huân chương Hồ Chí Minh.

- Bài thơ khi con tu hú sáng tác trong hoàn cảnh tác giả bị thực dân Pháp bắt giam ở nhà lao Thừa Phủ, mùa hè năm 1939, vì tham gia hoạt động yêu nước chống ngoại xâm. Nội dung bài thơ thể hiện tâm trạng bức bối trong chốn lao tù và khát vọng tự do mãnh liệt của người chiến sĩ cộng sản trẻ tuổi.

2. *Thân bài*.

\* Tâm trạng của người thanh niên yêu nướcgiữa chốn ngục tù.

- Tác nhân gợi nhớ là tiếng chim tu hú rộn rã báo mùa hè đến. Cảm hứng thơ dào dạt cũng bắt nguồn từ âm thanh ấy.

- Tiếng chim gợi dậy cả một trời thương nhớ. Hình ảnh mùa hè tười vui tràn đấýưc sống hiện lên rõ rệt, sống động trong tâm tưởng người tù với những hình ảnh, âm thanh, màu sắc… đã in sâu vào trí nhớ:

Lúa chiêm đang chín, trái cây ngọt dần.

Vườn râm dậy tiếng ve ngân.

Bắp rây vàng hạt, đầy sân nắng đào.

Trời xanh càng rộng càng cao.

Đôi con diều sáo lộn nhào tầng không.

- Bức tranh mùa hè quê hương gắn liền với cuộc sống tự do bên ngoài song sắt nhà tù càng thôi thúc tình cảm nhớ thương gia đình, bạn bè, đồng chí, càng đốt cháy ngọn lửa khát vọng tự do trong lòng người chiến sĩ trẻ.

- Sự tương phản gay gắt giữa quá khứ và hiện tại đẩy thái độ bất bình, phẫn uất của người tù lên cao độ:

Ngột làm sao, chết uất thôi.

Con chim tu hú ngoài trời cứ kêu!

- Tiếng chim như tiếng gọi thôi thúc của cuộc sống tự do , như nhấn mạnh tình cảnh trói buộc, tù túng của người chiến sĩ trong nhà tù của bọn đế quốc.

\* Đặc điểm nghệ thuật của bài thơ.

- Thể thơ lục bát uyển chuyển, thích hợp với việc miêu tả tâm trạng nhân vật.

- Bài thơ được hình thành từ sự kết hợp hài hoà giữa rung động mãnh liệt của cảm xúc với ngghệ thuật miêu tả tâm trạng nhân vật vừa chân thực vừa tinh tế.

3. *Kết bài*.

- Bài thơ là nỗi lòng của người chiến sĩ cộng sản trẻ tuổi mặc dù dang phải sống trong cảnh lao tù vẫn tràn đầy nhiệt huyết, thiết tha yêu cuộc đời tự do.

- Tầng sâu ý nghĩa của bài thơ là lời nhắc nhở mọi người phải vùng lên phá tung xích xiềng nô lệ, giành chủ quyền độc lập, tự do cho đất nước.

BT3. **Tâm trạng người chiến sĩ cách mạng trong bài thơ Khi con tu hú của nhà thơ Tố Hữu**

**Gợi ý**

Tố Hữu là nhà thơ của lí tưởng cộng sản, thơ ông ngập tràn những hình ảnh lãng mạn cách mạng. Tâm trạng người chiến sĩ cách mạng trong bài thơ *Khi con tu hú* của ông tiêu biểu cho phong cách ấy.

Nhan đề của bài chỉ là một cụm từ chỉ thời gian (vẫn chưa đầy đủ).Nhan đề của bài thơ là một ẩn ý vừa chỉ một thời điểm bừng lên của thiên nhiên, tạo vật, vừa chỉ sự khát khao hoạt động của con người.

Có thể tóm tắt nội dung bài thơ như sau: *Khi con tu hú gọi bầy (cũng là khi mùa hè đangđến), người tù cách mạng càng thấy ngột ngạt, cô đơn trong phòng giam chật hẹp, càng khát khao được sống cuộc sống tự do bay bổng ở ngoài kia.*

Sở dĩ, tiếng tu hú kêu lại có tác động mạnh đến tâm hồn của nhà thơ bởi nó là tín hiệu báo những ngày hè rực rỡ đến gần. Nó cũng là biểu tượng của sự bay nhảy tự do.

*Khi con tu hú gọi bầy*

*Lúa chiêm đương chín, trái cây ngọt dần.*

Không phải tiếng chim đơn độc mà là tiếng chim "gọi bầy", tiếng chim báo tin vui. Nghe chim tu hú gọi nhau biết rằng "lúa chiêm đang chín, trái cây ngọt dần".Nhưng không phải chỉ có thế. Tiếng chim gợi lên một thế giới tràn ngập âm thanh, màu sắc, hình ảnh:

*Vườn râm dậy tiếng ve ngân*

*Bắp rây vàng hạt đầy sân nắng đào*

*Trời xanh càng rộng càng cao*

*Đôi con diều sáo lộn nhào từng không...*

Đó là những sắc màu, âm thanh của cuộc sống hằng ngày. Màu vàng của ngô, màu hồng của

nắng nổi bật trên cái nền xanh của đất trời, quyện với tiếng ve ngân và còn được điểm xuyết thêm bằng hình ảnh "Đôi con diều sáo lộn nhào từng không". Không gian tràn trề nhựa sống đang vận động, sinh sôi nảy nở từng ngày.

Đọc kĩ lại những câu thơ, ta bỗng phát hiện thêm nhiều điều kì lạ khác nữa.Các sự việc không được miêu tả trong trạng thái bình thường, chúng được tô đậm, được đẩy lên mức cao nhất có thể. Không phải "hạt bắp vàng" mà là "bắp rây vàng hạt" nắng là "nắng đào" màu sắc lộng lẫy nhất, trời xanh thì "càng rộng càng cao" tầm mắt cứ được mở rộng ra thêm mãi. Tiếng ve không chỉ "ngân" mà còn "đậy" lên, hai tính từ miêu tả âm thanh kết hợp với nhau khiến cho tiếng ve rộn rã khác thường. Chừng như để hoà điệu với những âm thanh và hình ảnh đó, cách diều sáo cũng không chịu "lững lờ" hay "vi vu" mà "lộn nhào từng không". Cánh diều như cũng nô nức, vui lây trong không gian lộng lẫy màu sắc và rộn rã âm thanh đó.

Sở dĩ có hiện tượng đó là bởi tác giả đã không trực tiếp quan sát và miêu tả cảnh vật. Nhà thơ đang bị giam trong tù. Những bức tường kín mít vây xung quanh làm sao cho phép nhà thơ nhìn ngắm hay lắng nghe... Tất cả đều được tái hiện từ trí tưởng tượng, trí nhớ và hơn thế nữa là tình yêu, lòng khát khao mãnh liệt được tháo cũi sổ lồng. Trong cảnh tù đày, màu ngô lúa hay màu nắng, màu của trời xanh bỗng trở nên quý giá vô ngần, bởi thế nên những màu sắc, âm thanh hết sức bình thường bỗng trở nên lung linh, huyền ảo, rực rỡ hẳn lên. Đoạn thơ này thể hiện tình yêu sâu sắc của nhà thơ đối với cuộc sống, đối với quê hương.

Mộng tưởng càng tươi đẹp bao nhiêu thì hiện thực lại càng cay đắng, nghiệt ngã bấy nhiêu.

*Ta nghe hè dậy bên lòng*

*Mà chân muốn đạp tan phòng, hè ôi!*

*Ngột làm sao, chết uất thôi*

*Con chim tu hú ngoài trời cứ kêu!*

Tưởng như sự liên kết giữa hai đoạn thơ này không thật chặt chẽ và tứ thơ không liên tục.Khi hướng ra bên ngoài, nhà thơ tả cảnh nhưng khi hướng vào trong lại tả tâm trạng.Kì thực đây chính là sự liên kết vô cùng khéo léo và tinh tế.Mối dây liên kết ấy chính là tiếng chim tu hú.Tiếng chim gọi bầy tha thiết gợi mở một thế giới bao la và vô cùng sinh động.Nhưng thế giới đó càng rộng rãi, rực rỡ bao nhiêu thì lại càng khiến cho người tù (đã bị tách biệt khỏi thế giới ấy) cảm thấy ngột ngạt và khao khát bấy nhiêu.

Tiếng chim tu hú ở đầu và cuối của bài thơ tuy đều biểu trưng cho tiếng gọi tha thiết của tự do, của cuộc sống ngoài kia đầy quyến rũ đối với người tù nhưng tâm trạng của người tù khi nghe tiếng tu hú lại rất khác nhau. Ở câu thơ đầu, tiếng tu hú gợi hình ảnh cuộc sống đầy hương sắc, từ đó gợi ra cái khát khao về cuộc sống tự do. Thế nhưng, đến câu kết, tiếng chim ấy lại khiến cho người tù có cảm giác bực bội, đau khổ vì chưa thể thoát ra khỏi cảnh tù đầy.

Bàithơhayởnhữnghhìnhthơ gần.gũi, giản dị mà giàu sức gợi cảm, ở nghệ thuật sử dụngthể thơ lục bát uyển chuyển, tự nhiên và cả ở những cảm xúc thiết tha, sâu lắng, thể hiện

được nguồn sống sục sôi của người cộng sản.

**BT4.Bức tranh thiên nhiên trong bài thơ Khi con tu hú của nhà thơ Tố Hữu**

**Gợi ý**

*“Nơi hầm tối là nơi sáng nhất*

*Nơi con tìm ra sức mạnh Việt Nam”*

Trong những năm tháng nô lệ đau thương của đất nước, rất nhiều những chiến sĩ trung kiên của cách mạng Việt Nam đã bị bắt giam trong những nhà tù thực dân. Nhưng từ bóng đem căm hờn vẫn vút lên những tiếng thơ bày tỏ niềm say mê, khao khát với cuộc đời. Bài thơ “Khi con tu hú” của Tố Hữu là một trong số ấy. Sáu câu thơ đầu của bài thơ là bức tranh phong cảnh thiên nhiên rực rỡ thể hiện sự phong phú, sôi nổi và niềm yêu đời tha thiết của người chiến sĩ cộng sản trê tuổi:

*Khi con tu hú gọi bầy*

*Lúa chiêm đương chín, trái cây ngọt dần.*

*Vườn râm dậy tiếng ve ngân*

*Bắp rây vàng hạt đầy sân nắng đào*

*Trời xanh càng rộng càng cao*

*Đôi con diều sáo lộn nhào từng không...*

Bài thơ "Khi con tu hú" sáng tác tháng 7 năm 1939, khi nhà thơ trên bước đường hoạt động cách mạng bị địch bắt giam tại lao Thừa Thiên - Huế (Tố Hữu bị địch bắt tháng 4-1939 - khi nhà thơ mới 19 tuổi). Bài thơ thể hiện tâm trạng ngột ngạt của người cộng sản trẻ tuổi sôi nổi yêu đời bị giam cầm giữa bốn bức tường vôi lạnh. Tâm trạng ấy càng trở nên bức bối khi nhà thơ hướng tâm hồn mình đến với bầu trời tự do *ở* Giữa tháng hè nắng lửa, giữa cái im lìm đáng sợ của chốn lao tù chợt vang lên tiếng tu hú gọi bầy:

*“Khi con tu hú gọi bầy"*

Trong tiềm thức của con người Việt Nam, tiếng tu hú là tiếng gọi mùa: "Tu hú kêu, tu hú kêu, hoa phượng nở, hoa gao đỏ đầy ước mơ hi vọng...”.Đó là mùa hạ chói chang ánh nắng và đi cùng với đó là những sắc màu rực rỡ của thiên nhiên.Tiếng tu hú thân quen bất chợt vang vọng gợi lên trong tâm hồn người thanh niên trẻ tuổi đang sục sôi ước mơ, khát vọng nhưng bị mất tự do ấy bao suy tưởng về một mùa hè ngập tràn màu sắc và niềm vui.

*Lúa chiêm đường chín, trái cây ngọt dần.*

*Vườn râm dậy tiếng ve ngân*

*Bắp rây vàng hạt đầy sân nắng đào*

*Trời xanh càng rộng càng cao*

*Đôi con diều sáo lộn nhào từng không...*

Mùa hè được tái hiện trong tâm trí người tù rất chân thực, màu sắc hài hòa với những âm thanh sống động. Đó là màu rộm vàng của lúa chín, sắc đỏ lấp ló của quả ngọt, màu vàng tươi của ngô, sắc đào tươi của nắng, màu xanh thẳm của trời cao... tiếng ve ngân râm ran, tiếng sáo diều vi vút... Chao ôi! Đẹp đẽ quá! Rạo rực quá! Mới hồi tưởng thôi đã đủ cồn cào khao khát lao ra trời cao mà nhảy nhót hát ca. Tác giả đã vẽ lên bức tranh mùa hè sống động và tươi tắn bằng những từ ngữ giản dị, nhưng đầy sức gợi hình, gợi cảm. Nếu không có niềm gắn bó tha thiết với cuộc đời, không có niềm khao khát tự do mãnh liệt, không có một tâm hồn tinh tế nhạy cảm và một trí tưởng tượng vô cùng phong phú thì nhà thơ không thể viết được những câu thơ tuyệt vời đến thế....

Đoạn thơ sử dụng nghệ thuật tả cảnh rất sinh động, cụ thể và gợi cảm, các từ ngữ lựa chọn có giá trị tạo hình.Đặc biệt, phép liệt kê được vận dụng tạo ra những ấn tượng huy hoàng về một mùa hè phong phú, sôi động đong đầy ước mơ và khát vọng tuổi trẻ.

Hình ảnh thiên nhiên mùa hè hiện lên trong tâm hồn nhà thơ trong cảnh lao tù ấy đã thể hiện niềm khát vọng tự do cháy bỏng không thể kìm nén nổi. Đoạn thơ đã cho ta hiểu thêm nét đẹp trong tâm hồn người cộng sản trẻ tuổi.Người chiến sĩ xả thân vì lí tưởng cao đẹp đó có một thế giới nội tâm rất mực phong phú, rung động mãnh liệt với nhịp đập của cuộc sống, gắn bó thiết tha với quê hương ruộng đồng.

## BT5:Cảm nhận 6 câu thơ đầu bài Khi con tu hú

Tố Hữu nhà thơ lớn và có ảnh hưởng sâu rộng trong nền văn học nước nhà, ông có nhiều tác phẩm rất nổi tiếng và có thể kể đến Khi con tu hú một trong những tác phẩm được chính tác giả viết khi ở trong ngục tù. Đây là những năm tháng đau thương, ngột ngạt nhưng vẫn lạc quan và khát khao sự tự do.

Bài thơ Khi con tu hú của nhà thơ Tố Hữu có 10 câu và trong 6 câu thơ đầu chính là bức tranh thiên nhiên đẹp của mùa hè sắp đến.

“Khi con tu hú gọi bầy”

Tiếng tu hú theo quan niệm của dân gian chính là khởi đầu của mùa hè, mùa của những ánh nắng rực rỡ và ấm áp. Tiếng tu hú quen thuộc vang lên đâu đó đã gợi lên mạch cảm xúc trong chính tâm hồn của nhà thơ những cảm xúc khá tả, những kỉ niệm ùa về.

“Lúa chiêm đang chín, trái cây ngọt dần

Vườn râm dậy tiếng ve ngân

Bắp rây vàng hat đầy sân nắng đào

Trời xanh càng rộng càng cao

Đôi con diều sáo lộn nhào từng không”…

Trọng tâm trí tác giả mùa hè rất sinh động và đẹp, màu vàng của lúa đang chín của những quả ngọt, âm thanh rộn ràng của những tiếng ve ngân lên như chào đón mùa hè, tiếng sáo diều…Tất cả đều hiện lên thật đẹp,sinh động gợi lên bao nhiêu rạo rực cho người thanh niên.Tác giả phải là một người yêu thiên nhiên, cảm nhận tinh tế mới có thể viết lên những vần thơ đầy sức gợi hình, gợi cảm như vậy.

Trong 6 câu thơ đầu tác giả đã kể lại những hình ảnh thân thuộc của mùa hè bằng phương pháp tả cảnh, vô cùng sinh động với nhiều từ ngữ có sức gợi hình cao. Tất cả đều thể hiện được vẻ đẹp của mùa hè mùa của tuổi trẻ và khát vọng sự tự do.

Những hình ảnh mùa hè được tác giả về nên cùng với hiện thực đang bị giam cầm ngục tối đã nói lên sự khát khao mãnh liệt mong muốn tự do, khát vọng của tuổi trẻ, đây cũng là nét đẹp trong tâm hồn của chính nhà thơ.

# BT6: Cảm nhận 4 câu thơ cuối bài Khi con tu hú của Tố Hữu

### **Dàn ý chi tiết** Cảm nhận bài Khi con tu hú của Tố Hữu

**1/ Mở bài**

- Giới thiệu nhà thơ Tố Hữu và bài thơ “Khi con tu hú”:

+ Nhà thơ Tố Hữu là một nhà thơ của lí tưởng cộng sản, trong thơ của ông, hình ảnh của cách mạng của lí tưởng cộng sản luôn hiện hữu, gắn liền với mảnh đất quê hương Việt Nam cách mạng.

+ Bài thơ “Khi con tu hú” của Tố Hữu chính là một trong những bài thơ tiêu biểu nhất thể hiện cho phong cách thơ của người chiến sĩ cách mạng.

**2/ Thân bài**

- Giới thiệu bốn câu thơ cuối bài thơ:

+ Trong bài thơ “Khi con tu hú”, tiếng chim tu hú có tác động mạnh mẽ tới tâm hồn nhà thơ, nó báo hiệu mùa hè đến, mùa của sức sống thiên nhiên, tạo vật.

+ Tác giả đang trong cảnh lao tù cảm thấy càng ngột ngạt và tù túng, cô đơn, từ đó càng khao khát được tự do, tung hoành.

- Tâm trạng nhà thơ trong nhà tù:

+ Bài thơ “Khi con tu hú” được tác giả sáng tác trong hoàn cảnh đang sống trong nhà tù, tưởng chừng như những bức tường kín mít xung quanh kia không thể ngăn cản nhà thơ lắng nghe và tưởng tượng về thế giới bên ngoài.

+ Khi hướng tâm hồn ra bên ngoài, nhà thơ mới thực sự bị đánh động vào trong tâm trạng của mình

- Cảm giác ngột ngạt, tù túng của nhà thơ: Tiếng chim ở ngoài không gian bao la kia càng thiết tha, sinh động thì càng khiến người tù càng cảm thấy bị tách biệt, ngột ngạt “muốn đập tan phòng”.

- Niềm uất hận, bế tắc khi chưa ra khỏi chốn lao tù:

+ Nhưng tiếng chim tu hú ở cuối bài thơ lại khiến cho người tù cảm thấy ngột ngạt, bực bội, khó chịu và khó chấp nhận, chìm đắm vào sự đau khổ vì chưa thể thoát ra khỏi cảnh tù đày, giam cầm “chết uất thôi”.

+ Bên ngoài tiếng tu hú vẫn không ngừng vang lên, niềm uất hận trong lòng tác giả vẫn cứ thế kéo dài.

**3/ Kết bài:**Nêu ý nghĩa của 4 câu thơ cuối bài thơ “Khi con tu hú”: Như vậy, chỉ với bốn câu thơ cuối bài thơ “Khi con tu hú”, nhà thơ Tố Hữu đã thể hiện một nguồn sống sôi sục của người tù cộng sản. Những câu thơ mang hình ảnh gần gũi, giản dị với cảm xúc thiết tha, sâu lắng đã để lại trong lòng người đọc một hình ảnh về người tù cộng sản Tố Hữu rất rõ nét.

### Cảm nhận bài Khi con tu hú của Tố Hữu

BÀI 1.

Hoạt động cách mạng bị bắt giam, ngồi trong nhà lao,Tố Hữu, người chiến sĩ mười chín tuổi vừa giác ngộ lý tưởng cộng sản cao đẹp, ôm ấp bao dự định xông pha trong trường tranh đấu, xả thân vì nghĩa lớn, nghe tiếng chim tu hú báo hiệu mùa hè đến đã làm bài thơ này.

Mùa hè sống động, náo nức, đầy gợi mở, nhưng người trẻ tuổi say mê hoạt động như ông lại bị cầm tù giữa bốn bức tường kín mít, ngột ngạt, cách biệt với cuộc đời. Tiếng chim tu hú kia đã đánh thức nỗi niềm, bản tính sôi nổi ở người thanh niên cộng sản. Từ tiếng chim tu hú, Tố Hữu tưởng nghĩ đến cuộc sống phóng khoáng, nóng bỏng của mùa hè ở bên ngoài.

Khi con tu hú gọi bầy

Lúa chiêm đương chín, trái cây ngọt dần

Vườn râm dậy tiếng ve ngân

Bắp rây vàng hạt đầy sân nắng đào

Trời xanh càng rộng càng cao

Đôi con diều sáo lộn nhào từng không.

Có người cho rằng khổ thơ dẫn trên là một bức tranh phong cảnh, với những câu tả cảnh vào loại đẹp và hay trong tập thơ Từ ấy, trong cả thơ Tố Hữu.

Quả thật ở đây cảnh mùa hè được tả có hồn, sống động. Tất cả dường như đang nảy nở, phát triển. Lúa chiêm “đương” chín, không phải “đã” chín; trái cây “đang” ngọt dần, không phải “đã” ngọt. Và đều bộc lộ hết sức mình trong cái mùa hè rộn rã kia. Tiếng ve “dậy”, nắng vàng “đầy” sân. Chiều rộng, chiều cao của không gian, của sự vật thật phóng khoáng, tự do. Trời xanh cao rộng, diều sáo “lộn nhào tầng không”.

Tiếng chim tu hú như là khúc dạo đầu. Từ khúc mở màn này, cả mùa hè bừng lên, náo nức, say mê... Nhưng cho rằng đây là một bức tranh thì không đúng. Với con mắt hoạ sĩ, đây không phải là một bức tranh mùa hè với bấy nhiêu thứ dồn vào một cái khung như thế. Hình như hai câu đầu là một bức, câu thứ ba, thứ tư và hai câu năm, sáu đều là những bức tranh độc lập với nhau. Nếu gọi là tranh thì đây là tranh liên hoàn mới đúng. Tại sao lại như thế? Vì đây là “tranh” không được vẽ bằng mắt nhìn, mà vẽ bằng tưởng tượng, hình dung ra theo tâm trạng của con người. Nhân vật trữ tình trong bài thơ này, ở lúc này không định vẽ tranh mà cảnh trí náo nức, sinh động, sinh sôi của cảnh vật từ tiếng ve kêu đã hiện thành hình, đứt nối thành mùa hè trong con người. Cảnh rồi lại cảnh theo đó mà hiện ra, toàn những cảnh phóng khoáng tự do như mộng tưởng.

Về mặt kết cấu đoạn một, 6 câu thơ đầu và đoạn hai, 4 câu thơ cuối có thể xem là hai bài thơ riêng biệt. Bài trước được đặt tên là “mùa hè”, bài sau đặt tên là “tiếng chim tu hú”. Thì ra tuy ngay bài đầu câu đầu của bài đã là “Khi con tu hú gọi bầy” nhưng thực ra cái hồn của cả bài thơ này, bài Khi con tu hú lại nằm ở 4 câu sau, ở câu sau cùng:

Ngột làm sao, chết uất thôi

Con chim tu hú ngoài trời cứ kêu.

Thì ra tiếng chim tu hú ấy tạo “nghịch trạng” trong lòng người thanh niên này. Mùa hè sôi động, rực rỡ, khoáng đạt đã đến rồi mà mình lại bị giam hãm tù túng. Ngoại cảnh (do tưởng tượng vì đã được nếm trải) tác động vào con người gây một xung động ở con người, khiến con người bức bối, ngột ngạt muốn vùng vẫy, tung phá.

Ta nghe hè dậy bên lòng

Mà chân muốn đạp tan phòng hè ôi!

Nhưng thực tế không thể làm được, nên phải buột ra thành lời than. Ấy chính là biểu hiện của lòng khao khát tự do, khao khát hoạt động bị thôi thúc ngày càng mãnh liệt ở con người trẻ tuổi giàu tâm huyết chưa được thoả mãn, đáp ứng. Câu thơ cuối cùng: “Con chim tu hú ngoài trời cứ kêu” như tiếng đời cứ lăn náo nức mà con người thì đang đành chịu tù túng. Tiếng chim tu hú ngoài trời kia lại như giục giã đốt nóng tâm can dữ dội.

Con chim tu hú ngoài trời cứ kêu

Tiếng chim tu hú chính là tiếng đời, là cuộc sống hoạt động cách mạng. Và tâm trạng, tinh thần kia là tâm trạng, tinh thần của một người chiến sĩ trẻ tuổi “say mùi hương chân lí”.

### Bài 2.

Nhà thơ Tố Hữu là một nhà thơ của lí tưởng cộng sản, trong thơ của ông, hình ảnh của cách mạng của lí tưởng cộng sản luôn hiện hữu, gắn liền với mảnh đất quê hương Việt Nam cách mạng. Bài thơ “Khi con tu hú” của Tố Hữu chính là một trong những bài thơ tiêu biểu nhất thể hiện cho phong cách thơ của người chiến sĩ cách mạng.

Trong bài thơ “Khi con tu hú”, tiếng chim tu hú có tác động mạnh mẽ tới tâm hồn nhà thơ, nó báo hiệu mùa hè đến, mùa của sức sống thiên nhiên, tạo vật. Khiến cho tác giả đang trong cảnh lao tù cảm thấy càng ngột ngạt và tù túng, cô đơn, từ đó càng khao khát được tự do, tung hoành. Và tâm trạng đó của người tù cộng sản được bộc lộ rõ nhất trong bốn câu thơ cuối:

“Ta nghe hè dậy bên lòng…

Con chim tu hú ngoài trời cứ kêu!”

Ở khổ thơ đầu bài thơ, là một bức tranh thiên nhiên mùa hè tươi đẹp và tràn đầy màu sắc, âm thanh. Chính trí tưởng tượng và trí nhớ cùng với tình yêu thiên nhiên, cuộc sống của Tố Hữu đã vẽ nên bức tranh đó với tất cả mọi thứ đều được tô đậm và đẩy lên mức cao nhất của rực rỡ. Đoạn thơ đã thể hiện tình yêu và lòng khao khát sâu sắc của nhà thơ đối với cuộc sống và thiên nhiên. Thế nhưng, mộng tưởng đẹp đẽ bao nhiêu thì thực tế đối với tác giả lại phũ phàng, cay nghiệt bấy nhiêu.

“Ta nghe hè dậy bên lòng

Mà chân muốn đạp tan phòng, hè ôi!”

Bài thơ “Khi con tu hú” được tác giả sáng tác trong hoàn cảnh đang sống trong nhà tù, tưởng chừng như những bức tường kín mít xung quanh kia không thể ngăn cản nhà thơ lắng nghe và tưởng tượng về thế giới bên ngoài. Thế nhưng khi hướng tâm hồn ra bên ngoài, nhà thơ mới thực sự bị đánh động vào trong tâm trạng của mình. Tiếng chim ở ngoài không gian bao la kia càng thiết tha, sinh động thì càng khiến người tù càng cảm thấy bị tách biệt, ngột ngạt “muốn đập tan phòng”.

“Ngột làm sao, chết uất thôi

Con chim tu hú ngoài trời cứ kêu!”

Có thể thấy, dù là mở đầu hay kết thúc bài thơ, tiếng chim tu hú vẫn mang biểu trưng cho tiếng gọi tha thiết của cuộc sống tự do đầy ám ảnh đối với người tù cộng sản. Tuy nhiên ở mỗi thời điểm, tâm trạng của người tù khi lắng nghe tiếng chim tu hú lại khác nhau, ở đầu bài thơ, khi nghe tiếng chim, người tù khao khát mãnh liệt về cuộc sống tự do, tung hoành ngang dọc. Nhưng tiếng chim tu hú ở cuối bài thơ lại khiến cho người tù cảm thấy ngột ngạt, bực bội, khó chịu và khó chấp nhận, chìm đắm vào sự đau khổ vì chưa thể thoát ra khỏi cảnh tù đày, giam cầm “chết uất thôi”. Bên ngoài tiếng tu hú vẫn không ngừng vang lên, niềm uất hận trong lòng tác giả vẫn cứ thế kéo dài.

Như vậy, chỉ với bốn câu thơ cuối bài thơ “Khi con tu hú”, nhà thơ Tố Hữu đã thể hiện một nguồn sống sôi sục của người tù cộng sản. Những câu thơ mang hình ảnh gần gũi, giản dị với cảm xúc thiết tha, sâu lắng đã để lại trong lòng người đọc một hình ảnh về người tù cộng sản Tố Hữu rất rõ nét.

## BT7.Phân tích KHI CON TU HÚ(BÀI LÀM ĐẠT GIẢI)

Trong bóng tối mịt mờ chốn lao tù, dường như sự sống đã chấm dứt hẳn, bởi lạnh giá, bởi cô độc. Vậy mà, giữa những âm thanh khô khốc, chói tai của tiếng xiềng xích, vẫn vang lên nhịp tim thổn thức, rạo rực của một hồn thơ trẻ tha thiết yêu đời, yêu người. Tố Hữu, bằng cảm xúc chân thật của mình, đã cất lên tiếng nói tâm tình tha thiết của người chiến sĩ cộng sản suốt đời chiến đấu cho lí tưởng và tâm hồn khát khao tự do đến cháy bỏng trong bài thơ “Khi con tu hú”.  
Nhan đề bài thơ là một sự diễn đạt chưa trọn ý một cách kì lạ. Kì lạ bởi chính chỗ chưa trọn vẹn đó đã mở ra bao nhiêu liên tưởng. Giờ đây, người ta không còn thấy bóng dáng cô đơn, nặng nề của người tù Tố Hữu mà chỉ nghe tiếng lòng nhà thơ đang rộn ràng, ngân vang khi đón nhận lấy tiếng chim tu hú từ xa rộn về. Tu hú gọi bầy là âm thanh hết sức quen thuộc ở chốn làng quê Việt Nam, báo hiệu cho sự chuyển mình của sự sống – mùa hè về. Lúc này, khi con tu hú gọi bầy, trong hoàn cảnh tách biệt với cuộc sống bên ngoài, người chiến sĩ cách mạng càng cảm thấy ngột ngạt hơn, tù túng hơn, vì vậy mà càng thêm khát khao cháy bỏng hướng đến cuộc sống tự do tươi đẹp bên ngoài:  
“Khi con tu hú gọi bầy  
Lúa chiêm đương chín, trái cây ngọt dần  
Vườn râm dậy tiếng ve ngân  
Bắp rây vàng hạt  đầy sân nắng đào  
Trời xanh càng rộng càng cao  
Đôi con diều sáo lộn nhào tầng không.”  
 Mười chín tuổi, còn trẻ trung, bồng bột, người thanh niên Tố Hữu đã tìm thấy cho mình lí tưởng cao đẹp cuộc đời. Những bước đi không mỏi mệt trên chặng đường chông gai, phút chốc phải dừng đột ngột, bị bó buộc tù hãm khiến cho Tố Hữu không khỏi có lúc thốt lên chua xót: “Cô đơn thay là cảnh thân tù”. Nhưng rồi phút giây ấy cũng nhanh chóng đi qua, nhường chỗ cho không gian cảnh vật tràn trề nhựa sống: những bông luá chín, hạt bắp vàng, ánh nắng đào, trời xanh rộng, đôi sáo diều, tiếng ve ngân… Phải có một sự tưởng tượng lãng mạn, bay bổng và một tâm hồn mến yêu sự sống sâu sắc mới có thể vẽ lại toàn bộ bức tranh phong cảnh mùa hè sống động đến vậy. Thiên nhiên hiện lên tuyệt đẹp kia không phải là hiện thực, tất cả chỉ là sự tưởng tượng của một tâm hồn mơ mộng khi căng tất cả các giác quan để nghe, để nhìn, để ngửi, để cảm nhận không khí hè qua tiếng gọi bầy của tu hú. Chỉ bằng vài đường nét, màu sắc, âm thanh, nhà thơ đã phơi bày một bức tranh đầy nhựa sống với cánh đồng lúa chiêm quen thuộc của quê hương đã bao lần đi vào thơ Tố Hữu:  
“Đây từng ô mạ xanh mơn mởn  
(…)  
Ôi ruộng đồng quê hương thương nhớ ơi!”  
Giờ đây lại hiện về trong trạng thái căng đầy nhất, viên mãn nhất, lúa ngả vàng, ngả sang màu niềm vui, là màu vàng rực rỡ của mùa hè, của mồ hôi kết tinh thành hạt thóc.  
 Với một tâm hồn lãng mạn tinh tế, Tố Hữu đã cảm nhận sự thay đối của màu nắng với nhiều góc độ: từ ánh nắng của “đôi ánh lạt ban chiều” (Tâm tư trong tù), ánh nắng yếu ớt dễ bóp nghẹt bởi bóng tối tới một “ánh nắng đào” giữa mùa hè, lấp đi dấu ấn của “vườn râm”. Câu thơ là một không gian thoải mái với sắc hồng kì lạ. Đó là thứ ánh sáng êm dịu, hiền hậu, vỗ về cho con người trước những mất mát, đau khổ trong cuộc đời. Có lẽ từ chính sự gặp gỡ tuyệt diệu của chàng thanh niên trẻ tuổi:  
“Từ ấy trong tôi bừng nắng hạ  
Mặt trời chân lí chói qua tim”  
đã khiến cho ánh nắng mùa hè có sự thay đổi tinh tế đến vậy. Và sự xuất hiện của bầu trời trong vắt như mặt nước yên bình nâng tầm bay cho các cánh diều đã đẩy tầm nhìn, tầm nhận thức của nhà thơ lên đến độ sâu nhất, xa nhất, cao nhất:  
“Trời xanh càng rộng càng cao  
Đôi con diều sáo lộn nhào từng không”  
 Thấp thoáng trong ánh nhìn người tù, là một không gian mở rộng đến vô cùng vô tận. Mặc dù có thể lúc ấy ánh nhìn của nhà thơ – chiến sĩ có phần bị che khuất đi bởi chấn song nhà tù chật hẹp. Trên bầu trời lúc này không phải là một mình lẻ loi, con sáo diều cũng có đôi, có cặp, có được sự tự do bay lượn trong vùng trời riêng kia. Huống chi là con người. Vậy mà, thực tế thì sao? Con người cô đơn, cô đơn hơn bao giờ hết, và mất tự do.  
 Không ngẫu nhiên mà bài thơ có sự bổ đôi của hai câu thơ lục bát. Nhà thơ diễn tả bức tranh mùa hè sống động đối lập với cảnh mùa đông trong ngục tối đã làm nổi bật lên khát vọng cháy bỏng của người chiến sĩ trên con đường tìm đến tự do. bốn câu thơ kết đã lắng lại cho tiếng lòng náo nức bật lên:  
“Ta nghe hè dậy bên lòng  
Mà chân muốn đạp tan phòng, hè ôi!   
Ngột làm sao, chết mất thôi  
Con chim tu hú ngoài trời cứ kêu”  
 Khổ thơ là lời bộc lộ trực tiếp cho tâm tư con người. Bốn câu cảm thán là sự dồn nén những cảm xúc mãnh liệt của một trái tim đau khổ, uất hận vì mất tự do. Nhà thơ nghe hè, cảm nhận hè chỉ qua tiếng chim tu hú gọi bầy. Hè đã đến, ba tháng trong ngục tối cũng đã trôi qua, lòng người thanh niên đầy nhiệt huyết càng trỗi dậy mạnh mẽ hơn tiếng gọi lên đường, tiếng gọi của tự do. Từ trong sâu thẳm tâm tư mình, người tù đã nhận ra tất cả cuộc sống náo nức, vui tươi bên ngoài lúc chỉ là tưởng tượng, bởi đó là tất cả những hình ảnh tồn tại trong trí nhớ của nhà thơ. Đó là những cánh đồng, những vườn cây trái, những vườn râm. Còn hiện tại, kẻ thù đang giày xéo quê hương, đã biến bao đồng quê thành hoang mạc và thực chất không gian tự do mà nhà thơ khát khao bên ngoài kia cũng chỉ là một không gian tù hãm, một cái lồng to giam chí lớn, như chụp lên cuộc sống con người, lên quê hương. Cho nên, khổ thơ là sự bừng tiûnh của lí trí, là tâm trạng uất ức, ngột ngạt muốn đạp bỏ tất cả, tìm đến không gian tự do, tự tại thật sự. Bằng cách ngắt nhịp mạnh kết hợp với những từ ngữ mạnh mẽ: “đạp tan”, “chết uất”, câu thơ đã tập trung cao độ tinh thần yêu đời, yêu người cháy bỏng.  
 Tiếng kêu tu hú cứ day đi day lại cả bài thơ, như thúc giục, như lời thôi thúc người tù vượt thoát cảnh giam cầm, tìm về với tự do. Có lẽ vì vậy mà ba năm sau, Tố Hữu đã vượt ngục và quay về đội ngũ, để làm tròn ước nguyện cống hiến tất cả cuộc đời cho cách mạng.  
 “Khi con tu hú” là một bài thơ kết hợp hài hoà của cảnh và tình. Cảnh mở ra rạo rực, tha thiết, tình lắng đọng da diết, trầm buồn. Với tâm hồn dân tộc, ngòi bút linh hoạt, mềm mại, Tố Hữu xứng đáng với danh hiệu con chim đầu đàn trong nền thơ ca cách mạng Việt Nam.

### BT8. Chứng minh bài thơ Khi con tu hú là bài ca trữ tình cách mạng.

Bài 1

Tố Hữu viết bài thơ "Khi con tu hú" vào tháng 7 năm 1939 sau gần 100 ngày bị giam trong nhà lao Thừa Phủ (Huế). Không gian, thời gian, tâm trạng của tác giả đã được thể hiện qua những câu thơ đặc sắc trong bài thơ.

Bài thơ bắt đầu bằng tiếng chim tu hú gọi bầy vang vào ngục thất, nơi có một tù nhân đang bị giam cầm. Tiếng chim tu hú đã gợi lên trong tác giả nhiều điều về nỗi nhớ và hoài niệm. Tu hú thì gọi bầy; lúa chiêm thì đương chín, trái cây thì ngọt dần. m thanh và hương vị thể hiện một khung cảnh của làng quê thân yêu. Chữ "đương chín" và "ngọt dần" gợi tả sự trôi qua của thời gian một cách chậm chạp. Giọng thơ bồi hồi và da diết xuất phát từ không gian mênh mông:

Khi con tu hú gọi bầy

Lúa chiêm đương chín, trái cây ngọt dần.

Giữa chốn ngục tù lòng sôi rạo rực, người chiến sĩ nhớ tiếng ve ngân, nhớ màu vàng của bắp, màu đào của nắng. Khung cảnh cánh đồng quê hiện lên một cách bình dị, thân thiết, yêu thương:

Vườn râm dậy tiếng ve ngân

Bắp rây vàng hạt đầy sân nắng đào.

Chỉ có những ai có khát vọng sông mới có được nỗi nhớ ấy. Vần thơ đầy màu sắc, ánh sáng và âm thanh. Tiếng ve ngân chứa đầy tâm trạng. Đó là tâm trạng ngột ngạt, tù túng nơi buồng giam; là tất cả những gì tác giả đã cảm nhận trong những ngày tháng tự do. Sau tiếng ve là màu sắc của thiên nhiên, của nắng và của bắp. Những thứ hết sức bình dị trong cuộc sống hàng ngày giờ trở thành những hình ảnh hết sức đẹp trong thơ Tố Hữu. Chữ "ngân" diễn tả thời gian kéo dài còn từ "đầy" diễn tả không gian có ánh nắng chan hòa và rực rỡ.

Nỗi nhớ của tác giả trở nên bồi hồi hơn với bầu trời xanh nơi có đôi diều sáo đang nhào lộn. Sự khoáng đạt của không gian là thế, mênh mông là thế, nó hoàn toàn trái ngược với sự chật chội nơi tác giả đang trú ngụ. Hình ảnh con diều lộn nhào từng không mang ý nghĩa cho sự tung hoành và khát vọng tự do, đó cũng chính là khát vọng cháy bỏng của tác giả hôm qua, hôm nay và mai sau:

Trời xanh càng rộng càng cao

Đôi con diều sáo lộn nhào từng không.

Sáu câu thơ đầu làm hiện lên bức tranh đồng quê thân yêu, nó không dừng lại ở câu thơ mà đã nên nhạc, nên họa. Ngôn ngữ trong sáng, trau chuốt và giàu tính hình ảnh. Các câu thơ đã thể hiện sự trẻ trung và yêu đời, niềm khát khao và say mê cuộc sống. Có thể nói nhà thơ đang ở trong lao nhưng tâm hồn thì vẫn hướng về một không gian bao la nơi có bầu trời xanh, có nắng ấm, có tất cả những gì thuộc về cuộc sống tự do ở bên ngoài.

Những câu thơ tiếp theo nhà thơ đã chuyển từ giọng điệu tha thiết sang giọng điệu uất hận sục sôi.

Ta nghe hè dậy bên lòng

Mà chân muốn đạp tan phòng, hè ôi!

Ngột làm sao chết uất thôi

Con chim tu hú ngoài trời cứ kêu.

Mùa hè đã đến và đang qua, bao âm thanh của hè đã dậy bên lòng, thôi thúc, giục tác giả đạp tan xà lim chật chội, xóa bỏ cảnh tù đày. Lòng uất hận dâng trào khiến tác giả muốn phá tan chốn ngục tù chật chội và ngột ngạt. Câu thơ "Ngột làm sao chết uất thôi" với cách ngắt nhịp 3/3, cảm xúc được nén xuống bỗng trào lên thể hiện một ý chí bất khuất. Quyết sống chết vì tự do của bản thân cũng như của cả dân tộc. Mở đầu bài thơ là tiếng chim tu hú gọi bầy, khép lại bài thơ cũng là tiếng chim tu hú. Tiếng chim vừa gợi nhớ yêu thương, vừa như giục giã nhà thơ nhanh chóng về với cuộc sống của những người chiến sĩ cách mạng.

Bài 2

Tố Hữu là lá cờ đầu của thi ca cách mạng Việt Nam. Con đường thơ của ông luôn bắt nhịp đồng hành cùng với con đường cách mạng. Với phong cách trữ tình – chính trị, kết hợp với giọng điệu ngọt ngào, thiết tha, đậm đà tính dân tộc, Tố Hữu đã để lại cho đời rất nhiều tiếng tiếng thơ hay. Bài thơ "Khi con tu hú" được sáng tác vào tháng 7 năm 1939 tại nhà lao Thừa Phủ (Huế), in trong tập thơ "Từ ấy", là một trong những bài thơ tiêu biểu cho hồn thơ Tố Hữu. Qua bài thơ, người đọc thấy được tình yêu cuộc sống thiết tha và niềm khao khát tự do cháy bỏng của người chiến sĩ cộng sản khi phải chịu cảnh tù đày khắc nghiệt, ngoài ra bài thơ cũng là bài ca trữ tình cách mạng.

Trước hết sáu câu thơ đầu là bức tranh thiên nhiên mùa hạ thanh bình, rực rỡ nơi đồng quê:

Khi con tu hú gọi bầy

Lúa chiêm đang chín trái cây ngọt dần

Vườn râm dậy tiếng ve ngân

Bắp rây vàng hạt đầy sân nắng đào

Trời xanh càng rộng càng cao

Đôi con diều sáo lộn nhào tầng không...

Ngôn ngữ thơ giàu hình ảnh, hết sức tự nhiên, sống động, linh hoạt, nhà thơ đã dựng lên trước mắt người đọc khung cảnh thiên nhiên mùa hạ đẹp như một bức tranh lụa. Âm thanh của tiếng chim tu hú gọi bầy cứ réo rắc, ngân nga vang vọng như đánh thức cả thiên nhiên, dìu hồn người lạc vào thế giới của hoài niệm xa xăm về một mùa hạ sáng tươi, rộn rã, ngập tràn sức sống. Cảnh vật hiện lên thật lung linh với sự hòa trộn một cách hài hòa của âm thanh, màu sắc, hương vị. Đó là âm thanh rộn ràng của tiếng chim tu hú, của tiếng ve gọi hè, của tiếng sáo diều vi vu trên tầng không; đó là màu sắc rực rỡ của màu lúa chín, của bắp rây vàng hạt; của ánh nắng đào dịu nhẹ; đó là hương vị ngọt ngào của trái cây; là bầu trời rộng lớn, tự do của trời cao, diều sáo...Tất cả như đang tấu lên khúc nhạc mùa hè với rộn rã âm thanh, rực rỡ sắc màu, chan hòa ánh sáng, ngọt ngào hương vị. Chắc chắn Tố Hữu phải là nhà thơ có tâm hồn nhạy cảm, tinh tế và có trí tưởng tượng phong phú thì mới có thể dựng lên một bức tranh thiên nhiên mùa hạ đẹp, sinh động và giàu cảm xúc khi đang ở trong cảnh tù đày như vậy. Và qua đó chúng ta cũng thấy được tâm hồn trẻ trung, yêu đời và niềm khát khao tự do mạnh mẽ của thi nhân.

Bốn câu thơ cuối là cảm xúc và niềm khát khao tự do cháy bỏng của người chiến sĩ:

Ta nghe hè dậy bên lòng

Mà chân muốn đạp tan phòng, hè ôi!

Ngột làm sao, chết uất thôi

Con chim tu hú ngoài trời cứ kêu!

Cách ngắt nhịp linh hoạt: 2/2/2; 6/2; 3/3; 4/4 kết hợp với các động từ tình thái mạnh như: "đạp tan phòng", "chết uất thôi"; cùng với những từ cảm thán như "ôi, làm sao, thôi" đã có tác dụng diễn tả tâm trạng uất ức đến tột cùng muốn phá tan cả ngục tù tăm tối. Điều đó cho thấy niềm khát khao tự do luôn thường trực, mạnh mẽ cháy bỏng trong lòng người chiến sĩ trẻ. m thanh tú hú cứ kêu hoài không nghỉ như giục giã, thôi thúc người tù hành động, vẫy gọi người tù trở về cuộc sống tự do, yên ả, thanh bình. Cho nên, nếu tiếng chim tu hú mở đầu bài thơ là tiếng gọi vào hè náo nức, rộn ràng thì tiếng chim tu hú ở câu thơ kết lại là tiếng gọi của khát vọng tự do da diết, cháy bỏng.

Bài thơ được viết theo thể lục bát đậm đà tính dân tộc, kết hợp với một giọng điệu thơ linh hoạt, ngôn ngữ thơ tự nhiên, gần gũi... tất cả đã góp phần tạo nên cảm xúc nhất quán của bài thơ: tình yêu thiên nhiên, tâm trạng ngột ngạt khi phải sống trong cảnh tù đày và khát vọng trở về với cuộc sống tự do, qua đó ta cũng thấy đó là bài ca trữ tình cách mạng

### BT9: Phân tích tình yêu thiên nhiên và khao khát tự do mãnh liệt của người tù cách mạng trong bài thơ Khi con tu hú

Tố Hữu, bằng cảm xúc chân thật của mình, đã cất lên tiếng nói tâm tình tha thiết của người chiến sĩ cộng sản suốt đời chiến đấu cho lí tưởng và tâm hồn khát khao tự do đến cháy bỏng trong bài thơ “Khi con tu hú”.

Nhan đề bài thơ là một sự diễn đạt chưa trọn ý một cách kì lạ. Kì lạ bởi chính chỗ chưa trọn vẹn đó đã mở ra bao nhiêu liên tưởng. Giờ đây, người ta không còn thấy bóng dáng cô đơn, nặng nề của người tù Tố Hữu mà chỉ nghe tiếng lòng nhà thơ đang rộn ràng, ngân vang khi đón nhận lấy tiếng chim tu hú từ xa rộn về. Tu hú gọi bầy là âm thanh hết sức quen thuộc ở chốn làng quê Việt Nam, báo hiệu cho sự chuyển mình của sự sống - mùa hè về. Lúc này, khi con tu hú gọi bầy, trong hoàn cảnh tách biệt với cuộc sống bên ngoài, người chiến sĩ cách mạng càng cảm thấy ngột ngạt hơn, tù túng hơn, vì vậy mà càng thêm khát khao cháy bỏng hướng đến cuộc sống tự do tươi đẹp bên ngoài:

“Khi con tu hú gọi bầy

Lúa chiêm đương chín, trái cây ngọt dần

Vườn râm dậy tiếng ve ngân

Bắp rây vàng hạt đầy sân nắng đào

Trời xanh càng rộng càng cao

Đôi con diều sáo lộn nhào tầng không.”

Mười chín tuổi, còn trẻ trung, bồng bột, người thanh niên Tố Hữu đã tìm thấy cho mình lí tưởng cao đẹp cuộc đời. Những bước đi không mỏi mệt trên chặng đường chông gai, phút chốc phải dừng đột ngột, bị bó buộc tù hãm khiến cho Tố Hữu không khỏi có lúc thốt lên chua xót: “Cô đơn thay là cảnh thân tù”. Nhưng rồi phút giây ấy cũng nhanh chóng đi qua, nhường chỗ cho không gian cảnh vật tràn trề nhựa sống: những bông luá chín, hạt bắp vàng, ánh nắng đào, trời xanh rộng, đôi sáo diều, tiếng ve ngân...

Phải có một sự tưởng tượng lãng mạn, bay bổng và một tâm hồn mến yêu sự sống sâu sắc mới có thể vẽ lại toàn bộ bức tranh phong cảnh mùa hè sống động đến vậy. Thiên nhiên hiện lên tuyệt đẹp kia không phải là hiện thực, tất cả chỉ là sự tưởng tượng của một tâm hồn mơ mộng khi căng tất cả các giác quan để nghe, để nhìn, để ngửi, để cảm nhận không khí hè qua tiếng gọi bầy của tu hú. Chỉ bằng vài đường nét, màu sắc, âm thanh, nhà thơ đã phơi bày một bức tranh đầy nhựa sống với cánh đồng lúa chiêm quen thuộc của quê hương đã bao lần đi vào thơ Tố Hữu:

“Đây từng ô mạ xanh mơn mởn

(...)

Ôi ruộng đồng quê hương thương nhớ ơi!”

Giờ đây lại hiện về trong trạng thái căng đầy nhất, viên mãn nhất, lúa ngả vàng, ngả sang màu niềm vui, là màu vàng rực rỡ của mùa hè, của mồ hôi kết tinh thành hạt thóc.

Với một tâm hồn lãng mạn tinh tế, Tố Hữu đã cảm nhận sự thay đối của màu nắng với nhiều góc độ: từ ánh nắng của “đôi ánh lạt ban chiều” (Tâm tư trong tù), ánh nắng yếu ớt dễ bóp nghẹt bởi bóng tối tới một “ánh nắng đào” giữa mùa hè, lấp đi dấu ấn của “vườn râm”. Câu thơ là một không gian thoải mái với sắc hồng kì lạ. Đó là thứ ánh sáng êm dịu, hiền hậu, vỗ về cho con người trước những mất mát, đau khổ trong cuộc đời. Có lẽ từ chính sự gặp gỡ tuyệt diệu của chàng thanh niên trẻ tuổi:

“Từ ấy trong tôi bừng nắng hạ

Mặt trời chân lí chói qua tim”

Đã khiến cho ánh nắng mùa hè có sự thay đổi tinh tế đến vậy. Và sự xuất hiện của bầu trời trong vắt như mặt nước yên bình nâng tầm bay cho các cánh diều đã đẩy tầm nhìn, tầm nhận thức của nhà thơ lên đến độ sâu nhất, xa nhất, cao nhất:

“Trời xanh càng rộng càng cao

Đôi con diều sáo lộn nhào từng không”

Thấp thoáng trong ánh nhìn người tù, là một không gian mở rộng đến vô cùng vô tận. Mặc dù có thể lúc ấy ánh nhìn của nhà thơ - chiến sĩ có phần bị che khuất đi bởi chấn song nhà tù chật hẹp. Trên bầu trời lúc này không phải là một mình lẻ loi, con sáo diều cũng có đôi, có cặp, có được sự tự do bay lượn trong vùng trời riêng kia. Huống chi là con người. Vậy mà, thực tế thì sao? Con người cô đơn, cô đơn hơn bao giờ hết, và mất tự do.

Không ngẫu nhiên mà bài thơ có sự bổ đôi của hai câu thơ lục bát. Nhà thơ diễn tả bức tranh mùa hè sống động đối lập với cảnh mùa đông trong ngục tối đã làm nổi bật lên khát vọng cháy bỏng của người chiến sĩ trên con đường tìm đến tự do. bốn câu thơ kết đã lắng lại cho tiếng lòng náo nức bật lên:

“Ta nghe hè dậy bên lòng

Mà chân muốn đạp tan phòng, hè ôi!

Ngột làm sao, chết mất thôi

Con chim tu hú ngoài trời cứ kêu”

Khổ thơ là lời bộc lộ trực tiếp cho tâm tư con người. Bốn câu cảm thán là sự dồn nén những cảm xúc mãnh liệt của một trái tim đau khổ, uất hận vì mất tự do. Nhà thơ nghe hè, cảm nhận hè chỉ qua tiếng chim tu hú gọi bầy. Hè đã đến, ba tháng trong ngục tối cũng đã trôi qua, lòng người thanh niên đầy nhiệt huyết càng trỗi dậy mạnh mẽ hơn tiếng gọi lên đường, tiếng gọi của tự do.

Từ trong sâu thẳm tâm tư mình, người tù đã nhận ra tất cả cuộc sống náo nức, vui tươi bên ngoài lúc chỉ là tưởng tượng, bởi đó là tất cả những hình ảnh tồn tại trong trí nhớ của nhà thơ. Đó là những cánh đồng, những vườn cây trái, những vườn râm. Còn hiện tại, kẻ thù đang giày xéo quê hương, đã biến bao đồng quê thành hoang mạc và thực chất không gian tự do mà nhà thơ khát khao bên ngoài kia cũng chỉ là một không gian tù hãm, một cái lồng to giam chí lớn, như chụp lên cuộc sống con người, lên quê hương. Cho nên, khổ thơ là sự bừng tỉnh của lí trí, là tâm trạng uất ức, ngột ngạt muốn đạp bỏ tất cả, tìm đến không gian tự do, tự tại thật sự. Bằng cách ngắt nhịp mạnh kết hợp với những từ ngữ mạnh mẽ: “đạp tan”, “chết uất”, câu thơ đã tập trung cao độ tinh thần yêu đời, yêu người cháy bỏng.

Tiếng kêu tu hú cứ day đi day lại cả bài thơ, như thúc giục, như lời thôi thúc người tù vượt thoát cảnh giam cầm, tìm về với tự do. Có lẽ vì vậy mà ba năm sau, Tố Hữu đã vượt ngục và quay về đội ngũ, để làm tròn ước nguyện cống hiến tất cả cuộc đời cho cách mạng.

“Khi con tu hú” là một bài thơ kết hợp hài hoà của cảnh và tình. Cảnh mở ra rạo rực, tha thiết, tình lắng đọng da diết, trầm buồn. Với tâm hồn dân tộc, ngòi bút linh hoạt, mềm mại, Tố Hữu xứng đáng với danh hiệu con chim đầu đàn trong nền thơ ca cách mạng Việt Nam.

## BT10: Tình yêu quê hương trong bài Khi con tu hú của Tố Hữu

Tố Hữu là chiến sĩ – thi sĩ nổi tiếng trên thi đàn Việt Nam. Con đường thơ ca của ông luôn song hành với con đường Cách mạng của dân tộc. Chính bởi vậy, ông đã để lại cho văn học Cách mạng Việt Nam nhiều tác phẩm hay và đặc sắc. Trong số những bài thơ ấy, “Khi con tu hú" để lại trong em nhiều ấn tượng sâu đậm:

"Khi con tu hú gọi bầy

Lúa chiêm đang chín, trái cây ngọt dần

Vườn râm dậy tiếng ve ngân

Đôi con diều sáo lộn nhào từng không…

Ta nghe hè dậy bên lòng

Mà chân muốn đạp tan phòng,hè ôi!

Ngột làm sao,chết uất thôi

Con chim tu hú ngoài trời cứ kêu!"

Bài thơ được Tố Hữu viết trong khi ông đang bị giam ở nhà tù thực dân. Bởi vậy bài thơ đã thể hiện đậm nét tâm trạng phẫn uất và khát vọng tự do mãnh liệt của nhà thơ.

Phần đầu bài thơ tác giả đã dựng nên một bức tranh mùa hè tươi vui, tràn đầy sức sống với những hình ảnh và âm thanh sinh động. Khi con tu hú cất tiếng gọi bầy, khi ve kêu râm ran dưới những vòm lá cũng là lúc hè sang. Dưới mặt đất, cảnh sắc thiên nhiên đã bắt đầu có sự thay đổi. Trên những cánh đồng lúa chiêm chín vàng óng, "bắp rây" cũng đã vàng ươm, trên cành cây hoa trái cũng "ngọt dần"… Dường như bao trùm cả không gian mùa hè là một màu vàng tươi mới, sáng sủa. Ở trên cao bầu trời xanh trong, cao và rộng hơn với"đôi con diều sáo" đang bay lượn. Màu xanh ấy gợi cho ta cảm giác thanh bình, yên ả của quê hương, đất nước. Sự kết hợp ăn ý giữa màu sắc và âm thanh khiến bức tranh hè sang như hiện hữu trước mắt người đọc, tạo nên ấn tượng khó phai.

Với cảnh sắc và không khí vui tươi như vậy chắc hẳn cuộc sống của con người cũng trở nên tươi trẻ. Nhưng với nhà thơ không khí ấy càng làm ông cảm thấy ngột ngạt, khó chịu. Tâm trạng phẫn uất ấy được thể hiện rõ ở phần cuối bài thơ:

"Ta nghe hè dậy bên lòng

Ma chân muốn đạp tan phòng, hè ôi!

Ngột làm sao chết uất thôi

Con chim tu hú ngoài trời cứ kêu!"

Trong không gian tù túng, chật hẹp với bốn bức tường vôi trắng bao quanh, khi nghe tiếng tu hú kêu khát vọng tự do bỗng trỗi dậy mãnh liệt trong lòng nhà thơ. Và nhà thơ như muốn đạp tan căn phòng ấy để ra ngoài, hoà vào cuộc sống tự do, vui tươi đang chờ đón ngoài kia. Chỉ một từ "Uất" thôi cũng đủ để thể hiện tâm trạng phẫn uất cũng như khát khao tự do của nhà thơ. Kết thúc bài thơ là câu cảm thán: "Con chim tu hú ngoài trời cứ kêu!" càng nhấn mạnh hơn tâm trạng của nhà thơ.

Chắc hẳn phải yêu thiên nhiên lắm Tố Hữu mới có thể vẽ nên một bức tranh mùa hè sống động đến vậy! Hơn nữa, với lòng yêu nước, khát vọng tự do mãnh liệt ông đã đem đến cho người đọc một bài thơ tả cảnh, tả tình đặc sắc.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**THƠ BÁC**

**VĂN BẢN. TỨC CẢNG PAC BO**

**\* Một số ý chính cần lưu ý.**

### Tìm hiểu về tác giả Hồ Chí Minh

Hồ Chí Minh – sinh năm 1890, mất năm 1969, quê ở Nghệ An, tại làng Kim Liên, huyện Nam Đàn. Người chính là một vị lãnh tụ vĩ đại của dân tộc Việt Nam vì có những đóng góp vô cùng quan trọng trong sự nghiệp cách mạng giành lại nền độc lập, tự do cho nhân dân trước sự xâm lược của giặc ngoại xâm.

Lí tưởng đó của Người được hun đúc ngay từ thuở thiếu thời để đến khi bước vào tuổi đôi mươi. Năm 1911, người thanh niên đầy hoài bão của xứ Nghệ ấy đã quyết định ra đi tìm đường cứu nước với hai bàn tay trắng. Có lẽ, khó có thể hình dung được Bác đã phải đối diện với gian lao, khó khăn như thế nào khi một mình bôn ba ở những đất khách quê người và trong khoảng thời gian đằng đẵng đến ba mươi năm.

Thế nhưng vì muốn học tập những điều tiến bộ, hữu ích để vận dụng vào sự nghiệp cách mạng của nước nhà, Người chấp nhận hết tất cả những gian lao, khó khăn ấy. Ngày trở về vào năm 1941, mái đầu đã không còn xuân xanh nhưng trong Người vẫn nhiệt thành với sự nghiệp dân tộc và từng bước dẫn dắt quân dân Việt Nam chinh phục con đường đến với hòa bình, hạnh phúc. Sự thật, những nỗ lực của cả Bác Hồ và toàn thể dân tộc Việt Nam đã hóa thành trái ngọt với thắng lợi vang dội của cuộc Cách mạng tháng Tám 1945.

Thắng lợi đó đã góp phần đưa nước ta đến với độc lập, tự do như cả dân tộc ta vẫn hằng mong mỏi. Ngày 2 tháng 9 năm 1945, sự kiện Hồ Chí Minh đọc bản Tuyên ngôn Độc lập khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã chính thức xác lập nền độc lập, tự do của ta. Đây cũng chính là mốc son chói lọi ở trong trang sử hào hùng của đất nước. Tuy nhiên, khi những ám ảnh của  chiến tranh chống thực dân, phát xít chưa kịp nguôi ngoai thì dân tộc ta lại phải đối diện với một cuNhưng đúng là *“lửa thì vàng, gian nan thử sức”*, chiến tranh càng tàn khốc, ác liệt bao nhiêu thì cũng không thể quật ngã được tinh thần kiên cường, ý chí quyết tâm của ta, nhất là khi có sự đồng hành, sự lãnh đạo của Hồ Chủ tịch. Tiếc thay, khi đất nước vẫn chưa vui niềm vui sum họp, thống nhất thì Người đã ra đi vào một ngày mùa thu năm 1969 để lại niềm đau xót khôn cùng.

Hồ Chí Minh không chỉ được biết đến với cương vị là nhà lãnh đạo cách mạng tài ba mà Người còn là một nhà văn, nhà thơ với nhiều đóng góp cho sự nghiệp thơ văn. Đặc biệt, để thể hiện những nỗi niềm, trăn trở cho sự nghiệp cách mạng mà Người suốt đời theo đuổi.

Người đã gửi gắm chúng phần nào trong những sáng tác của mình ở rất nhiều thể loại. Chẳng hạn, về văn chính luận có thể kể đến: *“Bản án chế độ thực dân Pháp”*(1925), *“Tuyên ngôn Độc lập”*(1945), *“Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến”* (1946), *“Không có gì quý hơn độc lập, tự do”* (1966) …, Người còn viết truyện kí: *“Vi hành”* (1923), *“Những trò lố hay là Va-ren và Phan Bội Châu”* (1925),*“Nhật kí chìm tàu”* (1931) … Về thơ ca, tập thơ *“Ngục trung nhật kí”* (*“Nhật kí trong tù”*) với hàng trăm bài thơ chữ Hán đặc sắc được xem là tác phẩm đặc sắc kết tinh giá trị tư tưởng và nghệ thuật thơ ca của Hồ Chí Minh.

ộc chiến khác cam go hơn, khốc liệt hơn – cuộc chiến chống lại đế quốc Mĩ.

1.Trước khi cảm nhận về bài thơ Tức cảnh Pác Bó, ta cần nắm được hoàn cảnh ra đời của tác phẩm. Bài thơ *“Tức cảnh Pác Bó”* của Hồ Chí Minh là tác phẩm được viết trong một hoàn cảnh đặc biệt. Đó là lúc Hồ Chí Minh trở về Việt Nam sau ba mươi năm bôn ba ở hải ngoại để tìm con đường cứu nước cho dân tộc Việt Nam. Ngày trở về là một ngày tháng 2 năm 1941 và Bác Hồ đã bí mật sống ở hang Pác Bó (hay hang Cốc Bó), mang ý nghĩa là *“đầu nguồn”* thuộc huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng.

Trong thời gian ở đây, Người phải đối mặt với những rất nhiều những khó khăn về điều kiện sinh hoạt. Việc phải ăn cháo bẹ đến hàng tháng trời rồi cả căn bệnh sốt rét rừng đầy nguy hiểm… chỉ là số ít trong những gì mà Bác và các anh em bộ đội phải trải qua. Tuy nhiên, trên tất cả những trở ngại ấy chính là một tinh thần thép rất vững vàng và gan góc ở Bác. Thay vì chua xót, gục ngã vì gian nan, Bác Hồ vẫn tìm thấy niềm vui, sự phấn chấn trong khoảng thời gian hoạt động cách mạng này. Khi cảm nhận về bài thơ Tức cảnh Pác Bó, ta thấy tâm trạng đó đã được Người thể hiện bằng thơ dưới hình thức của thể thất ngôn tứ tuyệt.

2.Em có nhận xét gì về giọng điệu của bài thơ Tức cảnh Pác Bó của Hồ Chí Minh

Giọng điệu chung của bài thơ là giọng sảng khoái, tự nhiên, hóm hỉnh pha chút vui đùa. Điều đó cho thấy, dù sống trong gian khổ nhưng tâm trạng của Bác vẫn rất lạc quan, hơn thế, Bác còn cảm thấy vui thích và thoải mái với cuộc sống nơi rừng núi hoang vu. Làm cách mạng và được sống hoà hợp với thiên nhiên là một niềm vui lớn của nhà cách mạng, nhà thơ Hồ Chí Minh. Những năm tháng sống và làm việc ở Pác Bó, thực tế Bác đã phải trải qua rất nhiều những khó khăn. Thế nhưng những gian khổ ấy, những cháo bẹ, rau măng, bàn đá chông chênh,...không làm mờ đi được niềm tin và niềm vui vì thời cơ của cuộc giải phóng đang tới gần. Có được niềm tin ấy thì những gian khổ nhỏ nhoi trong sinh hoạt cá nhân kia có nghĩa lí gì, thậm chí, tất cả đều trở nên sang trọng cả. Bài thơ cho thấy nhân cách cao khiết của Hồ Chí Minh, cho thấy sự hi sinh thầm lặng của Người cho đất nước.  
  
3.Trong văn bản Côn Sơn ca của Nguyễn Trãi tác giả từng ca ngợi thú lâm tuyền. Niềm vui đó của Nguyễn Trãi có gì giống và khác với Hồ Chí Minh trong bài Tức cảnh Pác Bó?  
Nguyễn Trãi từng ca ngợi “thú lâm tuyền” (niềm vui thú được sống với rừng, suối) trong bài Côn sơn ca. Trong bài thơ này, Hồ Chí Minh cũng cho thấy niềm vui thú đó. Thế nhưng “thú lâm tuyền” của Nguyễn Trãi, ấy là cái “thú lâm tuyền” của người ẩn sĩ bất lực trước thực tế xã hội muốn “lánh đục về trong”, tự tìm đến cuộc sống “an bần lạc đạo”. Ở Hồ Chí Minh, cái “thú lâm tuyền” vẫn gắn với con người hành động, con người chiến sĩ. Nhân vật trữ tình trong bài thơ tuy có dáng vẻ của một ẩn sĩ nhưng thực tế đó lại là một người chiến sĩ đang tận tâm, tận lực vì tự do độc lập của non sông (Bàn đá chông chênh dịch sử Đảng).

**1.PHÂN TÍCH BÀI THƠ TỨC CẢNH PẮC PÓ**

**1. Câu giới thiệu về tác giả:**

- Chủ Tịch Hồ Chí Minh không chỉ là một chiến sĩ cách mạng, nhà ngoại giao lỗi lạc, nhà quân sự tài ba…Người còn là một nhà thơ nổi tiếng trong nền thi ca nhân loại.

**2. Câu giới thiệu về tác phẩm**

- Thơ Bác không chỉ phụ vụ cách mạng mà còn thể hiện một tâm hồn rồng mở, lạc quan yêu đời, một nụ cười hóm hỉnh, tươi vui và đầy niềm tin chiến thắng

**3. Câu giới thiệu về Bài thơ Tức cảnh Pác Pó**

* Bài thơ Tức cảnh Pắc Pó đưa ta về với những năm tháng gian lao của Người nhưng vẫn thể hiện một tâm thế lạc quan yêu đời đầy niềm tin cách mạng

Đây là cách mở bài thông thường và dễ nhất mà các thầy cô thường hướng dẫn.

* **Mở bài:**

Chủ Tịch Hồ Chí Minh không chỉ là một chiến sĩ cách mạng, nhà ngoại giao lỗi lạc, nhà quân sự tài ba…Người còn là một nhà thơ nổi tiếng trong nền thi ca nhân loại. Thơ Bác không chỉ phụ vụ cách mạng mà còn thể hiện một tâm hồn rộng mở, lạc quan yêu đời, một nụ cười hóm hỉnh, tươi vui và đầy niềm tin chiến thắng. Bài thơ Tức cảnh Pắc Pó đưa ta về với những năm tháng gian lao của Người nhưng vẫn thể hiện một tâm thế lạc quan yêu đời đầy niềm tin cách mạng

Sáng ra bờ suối, tối vào hang

Cháo bẹ rau măng vẫn sẵn sàng

Bàn đá chông chênh dịch sử

Đảng Cuộc đời cách mạng thật là sang !

**Luận điểm 1: Hai câu thơ đầu mở ra một không gian - thời gian được cụ thể.Phân tích, đánh giá nội dung🡆**Câu thơ tả sự đi lại, sinh hoạt hàng ngày của Bác ở Pắc Bó, một cuộc sống không chỉ cần giữ bí mật mà còn rất vất vả ; ở thì ở hang, làm việc thì bên suối. Lời thơ cân đối, đều đặn sáng - tối, ra - vào, ra suối - vào hang. Sự đều đặn đổ thể hiện một nếp sống, một thói quen trong một hoàn cảnh đặc biệt.

Cháo bẹ rau mãng vẫn sẵn sàng

**Phân tích, giải thích** 🡆 Cháo bẹ là cháo ngô, rau măng là loại loại măng rừng dùng làm thức ăn. Thật đạm bạc, sơ sài. vẫn sẵn sàng : có thể hiểu là cháo bẹ rau măng lúc nào cũng đầy đủ, cần là có ngay nhưng tinh thần cách mạng vẫn luôn sẵn sàn. **Bình luận** 🡆 Câu thơ toát lên niềm lạc quan với một nụ cưòi hổn "nhiên vượt lên trên gian khổ, khó khăn. Đằng sau câu thơ, ta bắt gặp một phong vị cổ điển truyền thống ẩn sau nụ cười hồn nhiên đó. Nghệ thuật trào lộng để cười cợt khi những thiếu thốn .về- vật chất đã từng có trong thơ cổ khi Nguyễn Khuyến viết :

Đã bấy lâu nay bác tới nhà

‘Trẻ thời đi vắng, chợ thời xa

Ao sâu nước cả, khôn chài cá

Vườn rộng rào thưa, khó đuối gà

**Liên hệ, so sánh** 🡆Hay khi Nguyen Bình Khiêm lự hào với cuộc sống vậl chấl đơn sơ, giản dị :

Thu ăn măng trúc, đông ăn giá

Xuân lắtn hồ sen, hạ lắm ao

Nụ cười vượt lên trên gian khổ ấy là nét truyền thống lạc đạo vong bản của không ít nhân sĩ bao đời, những con người có tâm hồn thang ngay, trong sạch, tự nguyện rời bỏ thế sự, quay lưng lại chốn cóng danh đầy rẫy xấu xa để ưở về với thiên nhiên, cây cỏ, ruộng đồng để giữ trọn tấm lòng thanh cao của mình. Từ chối cái sang giàu mà nhơ bẩn để chọn lấy cái nghèo túng mà trong sạch, hay nói cách khác, đổi cái giàu về vật chất để lấy cái cao sang vẻ đạo lí, tinh thân. Chính cái cao sang về tinh thần đã khiến người xưa ngạo nghễ, khinh thường cái nghèo về vật chất.

Không rời xa truyền thống đó, Bác Hồ của ta vui với cái nghèo của cuộc đời cách mạng, bởi cuộc sống vật chất hiện tại của Bác, dù cồ đơn kơ, khó khăn đến mấy nhưng cuộc sống tinh thần lại là cuộc sổng có lí tưởng, cuộc sống vì tương lai dân tộc, một lí tưởng cao đẹp khiến con người có thể bất chấp, vui đùa với gian khổ, khó khăn.

**Nhận xét, đánh giá** 🡆Nhưng, dường như hai câu đầu của bài thơ không chỉ ẫn nụ cười với gian khổ mà còn bộc lộ một niêm vui sâu kín : hòa mình với cảnh thiên nhiên phóng khoáng trong một phong thái ung dung, nhàn nhã, tự chủ. **Nhận xét, đánh giá** 🡆Hai câu thơ vừa mang hàm nghĩa thực nhưng tự nhiên còn chứa đựng một ý nghĩa vượt lên trên cái cụ thể : có vẻ đây như là cảnh sống của một kẻ du nhàn chốn rừng núi, đang vui với thú lâm tuyền. Mà đâu phải Bác Hồ chỉ viết một lân về điều đó •

Cánh rừng Việt Bắc thật là hay

Vượn hú chim kêu suốt cá ngày

Khách đến thì mời ngô nếp nướng

Săn về thường chén thịt rừng quay

Sự hòa hợp gần gũi với thiên nhiên, với một đòi sống giản dị, thanh sạch lại là một nét đặc thù làm nên thế giới tâm hồn phong phú của Bác. Bởi Bác Hồ đã từng khẳng định : "Bác chỉ có một ham muốn là nước nhà độc lập, đồng bào ấm no, còn thích thú riêng của - Bác thì chỉ muốn một gian nhà cỏ, cuốc vườn, câu cá"

**Nhận xét, đánh giá** 🡆Người và cảnh hòa hợp tạo nên một nhịp điệu sinh hoạt đều đặn. Từ sự đều đặn ấy toát lên một phong cách tự chủ khiến ta cứ nghĩ Bác sống nơi đây như một khách du nhàn, như một nhà hiền triết, một vị đạo sĩ, một tiên ông ẩn dật nào đó, sáng ra bờ suối hái thuốc, đánh cờ, giảng đạo, chiều lại về hang động tu luyện vậy.

.’l i

\*•

**Phân tích từ ngữ, bình luận, đánh giá** 🡆Rồi hình ảnh chiếc bàn đá chông chênh nữa. Nó như là một chí tiết cụ thể làm phong phú thêm khung cảnh chốn thiên nhiên, rừng suối, nơi con người song, làm việc hòa vào thiên nhiên, nơi con ngưòi như nhập hẳn vào thiên nhiên rũhết bụi trần, chẳng khác gì cải thạch bàn phủ rêu của Nguyễn Trãi

Côn Sơn suối chảy rì ram

Ta nghe như tiếng đàn cầm bên tai

Côn Sơn có đá rêu phơi

Ta ngồi trên đá như ngôi chiêu êm

**So sánh, liên hệ** 🡆Nhưng Bác Hồ giống mà lại khác Nguyễn Trãi và các bậc tiên nhân. Giống ở phong thái ung dung, ỏ tư cách tiên phong đạo côt, ở niêm vui thú sống hòa với thiên nhiên, ở sự vượt lên coi thường gian khô. Khác ở chỗ người xưa lui về chốn lâm tuyền là đe lánh xa cõi đời nhơ bẩn, là sự quay lưng với hiện thực, dù sao cũng mang ít nhiêu, khí vị thoát li, còn Bác là người cách mạng (người đang tập hợp lực lượng để chống đe quốc phong kiến, giành độc lập, tự do cho dân tộc đem lại hạnh phúc cho nhàn dân), việc ớ chốn núi rirng hoàn toàn do ị điều kiện hoạt động hí mật lạo nên, dũ có ớ núi rửng nhưng vẩn là dang dấn thản vào hiện thực xã hội, hời làm cách mạng là tiến hành ; cõng cuộc cải tạo xã hội tích cực nhất. Chính vì vậy, từ khung cảnh rừng suối, từ cảnh rau cháo đơn sơ như của kẻ đang ẩn dật, vui những thú vui xa đời, thoát tục, ý thơ vụt đưa con người sang đời sống hoại động cách mạng. Bác Hồ đâu phải là ân sĩ mà là một chiến sĩ.

**Luận điểm 2: Đến câu thơ thứ ba người đọc hiểu được công việc đầy gian khó và cao cả của Người**

Bàn đá chông chênh dịch sứ. Đảng

Câu thơ khắc họa một dáng tạo hình : bàn đá chông chênh. Ai đã từng đến thăm Pắc Bó, sẽ thấy chiếc bàn đá gồm nhiều viên đá ghép lại này bên bờ suối Lê-nin, là nơi Bác thường làm việc. Lúc này, Bác đang dịch cuốn Lịch sử Đảng cộng sản Liên Xô tài Vỉệu huấn luyện cán bộ cách mạng Việt Nam. Hai ý trái ngược được đặt bên nhau. . **Nhận xét đánh giá** 🡆Hình ảnh bàn đá chông chênh tạo một thế không ổn định, không vững vàng ; còn nhóm từ dịch sứ Đảng lại gồm những thanh trắc, mạnh, trầm như rắn đúc lại, chắc như một lời tuyên bố đanh thép. . **Phân tích nghệ thuật** 🡆Nghệ thuật đối chọi hình ảnh, ý, âm điệu này rất có công hiệu trong việc thể hiện bản lĩnh tự chủ, tin tưởng vào mình của con người.

**Luận điểm 3: Câu thơ cuối là một lời kết thúc vui tươi, hóm hỉnh :**

Cuộc đời cách mạng thật là sang.

Hóa ra, cuộc đờí được trình bày ở trên đã được tổng kết lại : cuộc đời cách mạng, một cuộc đời phải sống trong bí mật, chịu đựng gian khổ, thiếu thốn vô ngần, nhưng khi con người đã sống vì một lí tưởng cao đẹp thì cuộc đời ấy vẫn mang một phong vị đặc biệt : thật là sang. **Phân tích từ ngữ** 🡆 Từ sang có nghĩa là sang trọng, giàu có, vừa có nghĩa diễn tả một phong thái vượt lên trên vật chất tầm thường để vươn tới một đời sống tinh thần cao cả đậm phong vị truyền thống. Bởi lẽ, Bác là người hơn ai hết hiểu gian khó, thiếu thốn, nghèo nàn là hiện tại, còn sang giàu là tương lai : hay nói đúng hơn: nghèo là điều kiện vật chất hôm nay còn sang chính là xu thế tất thắng của cách mạng ngày mai

Bài thơ là nụ cười hóm hỉnh vui tươi của người chiến sĩ cách mạng, Người biết rõ mục đích, chí lớn của mình, là nụ cười vui trên gian khổ, coi cái vất vả, gian lao của đời sống cách mạng như đời sống nhàn nhã, ung dung của khách tuyền. Ấy chính là phong thái đặc biệt khó quên cua Chủ tịch Hó Chí Minh.

**2.Con người Hồ Chí Minh hiện lên qua bài thơ Tức cảnh Pác Bó**

**Dàn ý**

**1. Mở bài**

- Giới thiệu sơ lược tác giả, tác phẩm.

- Hình ảnh của Bác hiện lên qua tác phẩm.

**2. Thân bài**

**a. Hoàn cảnh sáng tác bài thơ**

- Bài thơ ra đời năm 1942, một thời gian ngắn sau khi Bác Hồ về nước.

- Trở lại Tổ quốc sau hơn ba mươi năm bôn ba, lặn lội, Bác Hồ ở trong một hang nhỏ tại Pác Bó, Cao Bằng.

- Khung cảnh thiên nhiên và đời sống sinh hoạt nơi đây đã khiến Người “tức cảnh sinh tình” và viết nên bài thơ.

**b. Một tấm lòng dành cho dân cho nước**

\* Câu thơ đầu: 7 chữ khắc họa rõ cuộc sống sinh hoạt thường nhật của vị lãnh tụ:

   + Nơi ở: trong hang

   + Nơi làm việc: suối

   + Thời gian: sáng- tối

   + Hoạt động: ra- vào

⇒ Sử dụng các cặp từ trái nghĩa, nhịp thơ linh hoạt, diễm tả lối sống đều đặn, quy củ của Bác, sự hòa hợp với thiên nhiên, với cuộc sống núi rừng.

\* Câu thơ thứ 2: làm ta hiểu rõ hơn về cách ăn uống của Bác với những đồ ăn giản dị, đặc trưng của núi rừng: cháo bẹ, rau măng.

   + Cháo nấu từ ngô, rau măng thì lấy từ cây măng rừng, của trúc tre trên rừng.

   + Những thức ăn giản dị hằng ngày, mộc mạc, đơn sơ, dân dã ⇒ sự gian nan vất vả.

⇒ Bác vẫn trong tư thế sẵn sàng, bất chấp khó khăn, gian khổ để đạt được mục đích là giải phóng dân tộc.

\* Câu thứ ba:

- Điều kiện làm việc: bàn đá chông chênh ⇒ Khó khăn, thiếu thốn.

- Công việc Bác làm: dịch sử Đảng ⇒ Công việc vĩ đại, quan trọng.

⇒ Phép đối làm nổi bật lên sự khó khăn, Bác yêu thiên nhiên, yêu công việc Cách mạng, luôn làm chủ được cuộc sống dù trong bất kì hoàn cảnh nào.

**c. Tinh thần lạc quan của Bác**

\* Câu cuối

- Cuộc đời cách mạng được nhấn mạnh, Bác hoạt động cách mạng, một công việc không hề dễ dàng và đơn giản, đặc biệt trong hoàn cảnh gian khổ như vậy, thế mà người nghệ sĩ, chiến sĩ vẫn cảm thấy “sang”:

   + “Sang”- sống trong hoàn cảnh khó khăn nhưng Bác luôn cảm thấy thoải mái, sang trong và vui thích

   + Chữ “sang” thể hiện niềm vui, niềm tự hào khi thực hiện được lí tưởng của Bác

⇒ Người có một phong thái ung dung, hiên ngang, chủ động, lạc quan và luôn yêu cuộc sống ⇒ đây chính là nhãn tự của bài thơ (từ quan trọng thể hiện, nổi bật chủ đề cả bài) và cũng chính là của cuộc đời Bác

**3. Kết bài**

- Khái quát những giá trị nội dung, nghệ thuật tiêu biểu của văn bản.

- Cảm nhận của em về vị lãnh tụ kính yêu của dân tộc.

**Gợi ý**

Nhắc đến Bác Hồ là nhắc đến người lãnh đạo thiên tài của Cách mạng Việt Nam, danh nhân văn hóa thế giới.Nhưng nhắc đến Bác, còn là nhắc đến một lối sống thanh bạch, khiêm nhường, suốt đời chỉ chăm lo đến sự nghiệp cách mạng của đất nước. Điều đó được thể hiện rất rõ qua bài thơ “Tức cảnh Pác Bó”:

*“Sáng ra bờ suối tối vào hang*

*Cháo bẹ rau măng vẫn sẵn sàng*

*Bàn đá chông chênh dịch sử Đảng*

*Cuộc đời cách mạng thật là sang”.*

Bài thơ ra đời năm 1942, một thời gian ngắn sau khi Bác Hồ về nước. Trở lại Tổ quốc sau hơn ba mươi năm bôn ba, lặn lội, Bác Hồ ở trong một hang nhỏ tại Pác Bó, Cao Bằng. Khung cảnh thiên nhiên và đời sống sinh hoạt nơi đây đã khiến Người “tức cảnh sinh tình” và viết nên bài thơ này.

*“Sáng ra bờ suối tối vào hang*

*Cháo bẹ rau măng vẫn sẵn sàng*

*Bàn đá chông chênh dịch sử Đảng”*

Trong ba câu đầu của bài thơ, Bác nhắc đến điều kiện ở - ăn - làm việc của mình. Ở và ăn là hai nhu cầu tất yếu của con người. Và riêng với Hồ Chí Minh, khi nói đến đời sống sinh hoạt của mình, Người luôn đề cập thêm vấn đề công việc.Ấy bởi Bác là người luôn luôn làm việc, suốt đời làm việc, suốt đời lo cho dân, cho nước. Với Hồ Chí Minh, làm việc như một nhu cầu tất yếu, một bản năng. Điều đó cho thấy tấm lòng dành cho dân, cho nước của Bác vĩ đại nhường nào!

Nơi thâm sơn cùng cốc ấy, Người ở - ăn - làm việc như thế nào?

“Sáng ra bờ suối tối vào hang”, câu thơ cho biết không gian sống của Bác là không gian núi rừng hoang sơ, dân dã: suối, hang. Không phải là tòa biệt thự đồ sộ, không phải là giường ấm, đệm êm dù Bác đang là một yếu nhân của cuộc cách mạng giải phóng dân tộc. Trong hoàn cảnh khắc nghiệt, gian lao của đất nước, Người sẵn sàng sẻ chia thiếu thốn. Câu thơ có sự đối xứng nhịp nhàng: “sáng” - “tối”, “suối” - “hang”, “ra” - “vào”. Không gian và thời gian khép lại câu thơ đầy bóng tối: “tối”, “vào”, “hang”. Điều đó đã nhấn mạnh những gian khổ trong điều kiện ở của Bác. Chẳng những vậy, điều kiện ăn uống của Bác cũng rất hạn chế: “Cháo bẹ rau măng vẫn sẵn sàng”. “Cháo bẹ “ là cháo ngô, loại thức ăn đạm bạc thường ngày của đồng bào dân tộc Việt Bắc. “Rau măng” cũng vậy. Nhà thơ Phạm Tiến Duật từng viết “Hết rau rồi em có lấy măng không?”, nghĩa là măng còn đạm bạc hơn cả rau rừng (vốn đã bị coi là đạm bạc rồi!). Nhưng dẫu thiếu thốn, gian khổ đến vậy, Người “vẫn sẵn sàng” cho công việc cách mạng, phục vụ cho lợi ích của nước, của dân.

Và điều kiện làm việc của Người cũng không tránh khỏi những thiếu thốn “bàn đá chông chênh dịch sử Đảng”. Từ “chông chênh” là từ láy chỉ tư thế không vững chãi, ở vị trí bấp bênh. Hình ảnh “bàn đá chông chênh” vừa gợi sự gian khổ của điều kiện làm việc vừa gợi tình thế gian nan của sự nghiệp cách mạng nước nhà. Hình ảnh Bác Hồ đăm chiêu làm việc bên một “bàn đá chông chênh” gợi bao niềm cảm động trong lòng độc giả. Nhưng Bác không để cảm hứng bài thơ xuôi theo cảm xúc ủy mị, yếu ớt của sự thiếu thốn, gian khổ. Câu thơ hợp của bài tứ tuyệt thật độc đáo:

*“Cuộc đời cách mạng thật là sang!”*

“Cuộc đời cách mạng'” chính là cuộc sống với cái ở, cái ăn và sự làm việc như ba câu thơ trên. Bác dùng từ “thật là” mượn của khẩu ngữ rất tự nhiên, nó thể hiện sự cảm thán của người viết. Và chữ kết lại bài thơ thật bất ngờ: “thật là sang!”. Chữ “sang” mang ý nghĩa là sang trọng, đầy đủ. Chữ “sang” làm bật lên tiếng cười vui yẻ, niềm lạc quan trước cuộc sống gian khổ, thiếu thốn. Chính tinh thần ấy đã trở thành động lực để Bác cùng những người đồng chí vượt qua sự ngặt nghèo của đời sống và tình thế cách mạng để làm việc và chiến đấu. Chỉ một chữ mà khắc họa chân dung tinh thần của một con người. Chữ “sang” xứng đáng là “nhãn tự” của bài thơ tứ tuyệt “Tức cảnh Pắc Bó”.

“Tức cảnh Pác Bó” của Hồ Chí Minh thể hiện tinh thần lạc quan của Bác Hồ trong những năm tháng khó khăn của đời sống cách mạng. Dù những điều kiện sinh hoạt vô cùng hạn chế song bằng tinh thần làm việc hăng say và niềm tin vào sự nghiệp cách mạng của dân tộc, Bác vẫn lạc quan mỉm cười để lấy đó làm động lực hoạt đông. Bài thơ sử dụng một thể thơ cổ (thất ngôn tứ tuyệt) song ngôn ngữ rất giản dị, gần gũi, thậm chí có cả khẩu ngữ. Điều đó thể hiện tinh thần dân tộc trong ngòi bút thơ ca Hồ Chí Minh.Bài thơ cũng rất tinh tế trong việc lựa chọn trật tự từ, sử dụng từ ngữ... điều đó góp phần không nhỏ trong việc thể hiện chủ đề tác phẩm.

Cùng với “Vọng nguyệt”, “Nguyên tiêu”, “Cảnh khuya”...,“Tức cảnh Pác Bó” xứng đáng là thần xinh xắn của con người vĩ đại Hồ Chí Minh

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**KHÔNG NGỦ ĐƯỢC- HỒ CHÍ MINH**

Nhật kí trong tù là một tác phẩm vãn học lớn, được Bác Hồ viết vào thời kì "Mười bốn trăng tê tái gông cùm" (Tố Hữu) dưới chế độ ngục tù của Tưởng Giói Thạch tại Trung Quốc. Tác phẩm gồm nhiều bài thơ, viết về rất nhiều chủ đẻ : nỗi gian lao vất vả của cuộc đời lao tù, cảnh sinh hoạt ưong tù, những rung động và xúc cảm với thiên nhiên và con người... trong đó, bài thơ về những đêm không ngủ được là một trong số những bài thơ được ra đời trong hoàn cảnh đó.

Cả cuộc đời, Bác Hổ đã trải qua nhiều đêm không ngủ. Điều kiện, hoàn cảnh của những đêm không ngủ ấy rất khác nhau {Cánh khuya - Hồ Chí Minh, Đêm nay Bác không ngủ - Minh Huệ), nhưng nỗi riêng tư sâu thẳm của những đêm (hâu ấy bao giờ cũng hội tụ về một mối : tấm lòng thiết tha đối với nhân dàn và Tổ quốc. Bài thơ không ngủ được cũng nằm chung trong nỗi thao thúc cao cả ấy.

**Luận điểm 1: Bài thơ mở đàu vói dòng thời gian trôi chảy chậm chạp :**

Một canh... hai canh... lại ba canh

**Phân tích nội dung** 🡆Đất trời đi vào đêm. Không gian và thời gian tĩnh mịch, sâu láng. Vì không ngủ được nên con người thường thấy đêm càng dài và càng buồn. Thời gian đã lặng lẽ trôi qua từ canh một đến canh ba. Có vẻ con người thao thức đang đếm dần từng tiếng trống báo sang canh. Những bước đi chậm và buồn của thời gian đêm trường như gõ nhịp vào tận sâu thẳm tâm linh con người, gây cảm giác mệt mỏi kéo dài. Dòng thời gian bị chia thành chuỗi âm hưởng chậm đều. **Phân tích nghệ thuật** 🡆Với nhịp điệu 2/2 / 1 / 2 chậm rãi : một canh / hai canh / lại / ba canh. Dấu chấm lủng trong câu thơ càng làm cho mỗi canh giờ như kéo dài thêm mãi và từ lại càng làm tăng niềm bứt rứt, khó chịu. Thời gian khách quan chuyển thành thời gian tâm lí : thời giờ vẫn trôi qua đều đặn nhưng thời gian tâm lí của con người mới nặng nề, mệt mỏi làm sao.

**Luận điểm 2: Câu thơ thứ 2 được thốt lên như một tiếng thở dài trong sự chậm rãi đếm nhịp thời gian :**

Trằn trọc băn khoăn giấc chẳng thành

Vì sao Bác Hồ không ngủ được ? Những nỗi đau vật chất trong cuộc đời tù đày cũng nhiều lân khiến Bác thức trắng đêm : "Trong tù không đệm cũng không chăn, Gối quắp lưng còng ngủ chẳng an" "Lại khổ thâu đêm không chỗ ngủ, Ngồi trên hố xí đợi ngày mai". **Phân tích nội dung** 🡆Nhưng bài thơ này có lẽ không chỉ có vậy. Nỗi đau tinh thần bộc lộ qua nhịp cầm canh mệt mỏi lại là một nỗi "trằn trọc, bân khoăn" kéo dài. Trằn trọc băn khoăn đến nối giấc không thành là niềm suy nghĩ, day dứt, đây lo âu, những thao thức về tinh thần chứ không phải nỗi đớn đau về vật chất. Dòng trôi của thời gian và nỗi thao thức, lo âu đan quyện trong một âm điệu triền miên, dai dẳng. Liệu đêm nay Bác nghĩ suy gì ? rong ngọn lửa chiến tranh, nước nhà trong cơn nước sôi lửa bỏng. Bác đa từng than thờ "Trong ngục người nhàn nhàn quá đỗi, Chí cao mà chẳng đáng đồng chinh" bởi bất lực vì mất tự do, không thể góp phần vào công cuộc cách mạng trong nước mà Bác đang là người lãnh đạo, người dẫn lối chỉ đường. Niềm thao thức, nỗi trằn trọc, băn khoăn của Bác có liên quan gì đến tâm sự này không ?

**Luận điểm 3: Hai câu thơ cuối khép mở các trạng thái : thức, ngủ, mơ.**

Canh bốn canh năm vừa chợp mắt

Sao vàng năm cánh mộng hồn quanh.

Giấc mộng của Bác chính là lời giải thích rõ ràng về nổi trằn trọc thâu đêm, về nỗi đau tinh thần triền miên, dai dẳng trong tâm hồn Bác : nỗi nước nhà. Hóa ra, Bác không ngủ được vì quá đỗi nghĩ suy, lo lắng về vận mệnh dân tộc. **Bình luận, đánh giá** 🡆Và khi giấc ngủ tới thì hồn lại bay về quê hương, lượn quanh ánh sao vàng, biểu tượng của lá cờ Tổ quốc độc lập tự do mai sau, biểu tượng của tương lai dân tộc, là hình ảnh kết tinh sự chiến thắng của sự nghiệp cách mạng mà cả cuộc đời Bác theo đuổi.

Cả bài thơ là một cuộc độc thoại nội tâm sâu lắng vận động qua các cung bậc cảm xúc. **Bình luận, đánh giá** 🡆Nếu như ở hai câu đầu, cảm xúc như những mạch ngầm lan tỏa, dồn nén, tích tụ thì ở hai câu sau, cảm xúc bột phát ở trạng thái mãnh liệt nhất. **Bình luận, đánh giá về nghệ thuật** 🡆Nếu âm điệu triền miên dai dẳng của thời gian đêm trường nặng nề, của nỗi băn khoăn thao thức là những quãng tĩnh lặng của cảm xúc, thì hình ảnh sao vàng trong giấc mộng là điểm cao trào. Hình ảnh ấy như một vâng sáng rực rỡ bộc lộ một sự thật đặc biệt : Nếu như thể xác nhà thơ vẫn còn bị giam giữ nơi đây, chốn đất khầch quê người, thì tận đáy tâm linh sâu thẳm, hồn Người vẫn luôn dõi về quê cha đất tổ, về quê hương, vẫn chỉ đau đáu một nỗi nước nhà. Trong muôn vàn nỗi lo âu, trằn trọc trong lòng về Tổ quốc ấy, một niềm tin về tương lai tươi sáng của dân tộc thật da diết và thường trực. Nó ám ảnh hồn Bác đến nỗi hóa thân kì diệu thành hình ảnh rực rỡ của lá cờ 'Tổ quốc lộng gió ngay cả trong giấc mộng. Các cung bậc cảm xúc được cấu trúc trên các yếu tố đối lập. nỗi buồn – niềm lạc quan, nỗi đau vật chất - sự vượt ngục tinh thần, bóng tối - ánh sáng, hiện thực - lãng mạn. Niềm lạc quan, sự vượt ngục về tinh thần, ánh sáng cũa niềm tin, chất lãng mạn... trong hình ảnh sao vàng năm cánh đã góp phân xua tan bóng tối, nối buồn, sự đau đón về vật chất, cảnh hiện thực ngục tù tối tăm.

Sự vận động của mạch cảm xúc dựa trên sự vận động của thời gian. Yếu tố thời gian được nhấn mạnh để diễn tả sự chuyển biến của tâm tư. Ở hai câu đầu, thời gian chảy trôi nặng nề, chậm chạp mang chất thâm trầm sâu lắng của tâm linh (đáy sâu thẳm của tâm hồn). Hai câu sau, thời gian vận động nhanh không chỉ diễn tả một thực tế (chợp được mắt thì thời gian trôi nhanh) mà còn bừng lên một cảm xúc mới mẻ, đột xuất: niềm tin mãnh liệt, chí khí lạc quan bay bổng. Thời gian, không gian chuyển dần từ thực sang hư, vượt qua giới hạn khắc nghiệt của thực tại vươn tới một thời gian - không gian mộng tưởng lồng lộng, tràn đây dự cảm tốt đẹp về một ngày mai tươi sáng. Sự chuyển ý đột ngột, độc đáo trong cảm xúc và thời gian đã cho thấy kích thước và ấn tượng về một tình cảm lớn, một tâm hồn lớn

Thức và ngủ, thực và mơ là những biểu hiện khác nhau của trạng thái con người. Nhưng tâm sự, tấm lòng và niềm thao thức của Bác trong dằng dặc những đêm không ngủ ấy, trước sau vẫn nhất quán, bộc lộ nét vĩ đại củà một tâm hồn lớn. •

Trong chốn đọa đày tù ngục, chính tình cảm sâu nặng đối với dân tộc, nhân dân, đất nước là sức mạnh tinh thần mãnh liệt giúp Bác vượt qua những đau đớn về thể xác, những thiếu thốn, bó buộc vì mất tự do, những nỗi đau vật chất. Bài thơ Không ngủ được bộc lộ một tấm lòng đối với Tổ quốc và khẳng định lí tưởng giải phóng dân tộc, lí tưởng của con đường Bác đang đi theo, nhất định sẽ tháng lợi. Chất hàm súc, cổ điển, dồn nén ý và tâm trạng, kết cấu chuyển ý đột ngột, bất ngờ của thể thơ tứ tuyệt đa góp phần nâng cao tầm tư tưởng của bài thơ.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**NGẮM TRĂNG-Hổ CHÍ MINH**

Bác Hồ là người rất mực yêu thiên nhiên, khát khao hòa hợp với thiên nhiên. Nhật kí trong tù là tập thơ tràn ngập thiên nhiên với rất nhiều hình ảnh : nắng sớm, chim hót, hương hoa, núi non, cây cỏ... Mở lòng giao cảm với thiên nhiên là dấu hiệu của một đời sống nội tâm phong phú. Sức sống nội tâm ấy không hề bị trói buộc bởi cảnh sống lao tù. Ngắm trăng là một bài thơ bộc lộ một sức sống vô hạn, một bản lĩnh kiên cường ấy của Bác.

Ngắm trăng là đề tài quen thuộc trong thơ ca phương Đông và Việt Nam. Một trong những thú vui tao nhã của giới văn nhân, tài tử xưa là uống rượu, đánh cờ, xem hoa nở, ngắm trăng lên bên cạnh bạn hiền. Trăng chỉ xuất hiện ban đêm, khi mọi bận rộn mưu sinh thường nhật được tạm ngơi, con người có chút giây phút thảnh thơi cho riêng mình. Trong đêm thanh gió mát, ánh trăng phủ lên cảnh vật, làm mờ đi những cái không đẹp ban ngày, làm cho mọi vật trở nên hư ảo, lung linh và đep đẽ thêm. Cảm hứng thơ do đó thường được gọi về trong những đêm trăng sáng. Từ ánh trăng vàng trong ca dao đến vầng trăng hao khuyết : "Vầng trăng ai xẻ làm đôi" (Nguyễn Du)..., trăng suốt đời vẫn như kể tri âm, như những mảnh hồn con người, như một hình ảnh của đời sống tự nhiên tuyệt đẹp...

Nhưng con người thường chỉ ngắm trăng lúc nhàn nhã, tâm hổn không quá lo lắng và không quá đau khổ. Vậy mà, trong những tháng ngày bị giam cầm, mất tự do, Bác Hồ của chúng ta vẫn ung dung ngắm trăng và làm thơ. Một đêm trăng sáng như hàng ngàn đêm trăng đẹp. Trăng rộng rãi ban phát bình đắng ánh sáng cho mọi con người biết yêu quý và biết thưởng trăng. Và ánh trăng soi vào nhà tù cũng đẹp lung linh như bất kì chốn nào.

**Luận điểm 1: Mở đầu bài thơ là một khung cảnh, một điều kiện khác thường.**

Trong lù không rượu cững không hoa

**Nhận xét,, đánh giá** 🡆Câu thơ miêu tả chân thực cuộc sống trần trụi trong tù. Một sự thiếu thốn, một hoàn cảnh không hề thích hợp với thú vui tao nhã : thưởng trăng. Trong từ, chốn thê thảm, đày đọa, giam hãm, trói buộc con người. Lẽ tất nhiên, noi ấy làm gì có rượu, có hoa. Hai từ không làm chồng chất thêm cái không có ấy.

**Phân tích, đánh giá** 🡆Cuộc sống trong tù đau khổ và thiếu thốn đủ mọi bề : cơm ăn, nước rửa mặt, chỗ ngủ... Vậy sao Bác chỉ nói thiếu rượu và hoa, những thứ xa xỉ làm gì có trong chốn lao tù ? Bởi vì có cảnh đẹp, có trăng sáng đang mời chào thưởng thức. Cảnh đó, trăng đấy, người đấy mà không rượu, không hoa, những vật cân thiết muôn thuở của một lần thưởng trăng. Tất cả đã tô đậm thêm, nhắc nhở lại một hoàn cảnh đặc biệt của lân ngắm trăng này

**Luận điểm 2: Đến câu thơ thứ hai, người đọc phát hiện ra một nỗi suy tử, bẳn khoăn của người tù**

Ị

Cảnh đẹp đêm nay khó hững hờ

Một nỗi băn khoăn, nỗi băn khoăn đầy thơ mộng. Bởi đây là một người tù đặc biệt, một tâm hồn thanh cao, khát khao hòa hợp với thiên nhiên trời đất. Bởi chỉ có con người với tâm hồn nghệ sĩ, biết yêu thương, biết xúc cảm với vẻ đẹp thiên nhiên, vói cảnh đẹp đêm trăng mới có niềm xúc động ấy. "Khó hững hờ" (nại nhược hà : làm 1 thế nào bây giờ ?) nghĩa là có cái lúng túng, băn khoăn bất ngờ khi gặp cảnh trăng đẹp ; nghĩa là cân có sự bộc lộ, giai bày, giao lưu tình cảm trong khi bên mình chẳng có chút gì quen thuộc vốn rất thanh cao, tao nhã cùng để thưởng trăng : hoa và rượu. Niềm băn khoăn rất nghệ sĩ đi bên cạnh cái hiện thực trơ trụi của nhà tù vừa diễn tả nét đùa vui hóm hỉnh vừa bộc lộ một bản lĩnh vững vàng của. Con người, bất chấp cái gian khổ của dời sống ngục tù dể giữ nguyên vẹn một tâm hồn nhạy cảm, tinh tế, luôn biết yêu và rung động với mọi cái đẹp trong cuộc đời. **Phân tích, đánh giá** 🡆 Đứng trước một cảnh đẹp đêm trăng tươi mát như vậy không thể vô tình, không thể bỏ qua. Với Bác đó là sự thờ ơ, vô cảm trước cái đẹp

Cứ tự nhiên, tuân hoàn theo quy luật vũ trụ, trăng sáng vằng vặc, và con người cũng rộng mở tâm hồn chào đón trăng chân thành và tha thiết. Đã xảy ra mối giao hòa thâm lặng.

**Luận điểm 3: Hai câu cuối như mở ra cho người đọc một bức tranh tuyệt vời, đó là sự giao hòa giữa con người với thiên nhiên, trăng**

Người ngắm trăng soi ngoài cửa sổ  
Trăng nhòm khe cửa ngắm nhà thơ

Cảnh thưởng trăng thi vị câu kì muôn thuở, có hoa có rượu, có bạn hiền thu vào chỉ một hành động nhìn, ngắm kì lạ : nhìn nhau qua chấn song sắt nhà tù. Cũng kì lạ cho hai câu thơ nguyên vãn chữ Hán :

Nhân hướng song tiền khán minh nguyệt

Nguyệt tòng song khích khán thi gia.

Hai đâu của cả hai câu là người và trăng (nhân - nguyệt, ngưyệt - thi gia') và giữa hai câu, giữa người và trăng là các song săt chắn giữathật thô bạo. Tất cả đã dựng lên một không gian, cảnh sắc, người và vật thậi rõ ràng. **Bình luận** 🡆Dường như người tù đã quên đi cảnh giam cầm, để tâm hồn bay bổng, siêu thoát, vượt khỏi chốn ngục tù. Tâm mắt con người vượt qua song sắt ghê tởm để thưởng thức vẻ đẹp tự nhiên của đất trời, của tự do. Còn trăng, ánh trăng xuyên thấu nhà tù để nhìn lại, sẻ chia với người tù. Ánh trăng như ánh mắt, như gương mặt con người, có tâm hồn, có niềm đồng cảm. Trăng cũng cảm động vì tình người và nhận ra cốt cách thi nhân. Trăng đâu chỉ còn là đối tượng thiên nhiên, là vẻ đẹp để thưởng thức mà đẫ thành kẻ tâm giao, người tri kỉ, bè bạn của người tù. Trăng nhìn người, người nhìn trăng. Phút giao cảm ấy khiến mọi đau thương, gian khổ, tăm tối của cuộc sống ngục tù, cả cái song sắt nhà tù kia như biến mất, tâm hồn con người trớ nên thanh thản, nhẹ nhõm, thăng hoa, khiến từ nhân thoắt biến thi nhân. Ở câu thơ thứ ba, Bác dùng chữ nhân (người) để chỉ người ngấm trăng, nhưng đến câu cuối, người ngắm trăng đã biến thành thi gia (nhà thơ). Không còn tù ngục, không còn tù nhân, chỉ có người thơ và tri kỉ : vầng trăng. **Bình luận** 🡆 Dường như giữa không gian mênh mông kia ta không bắt gặp sự lạnh lẽo của song sắt nhà tù mà ta như đang lặng ngắm hai người bạn tri kỉ đang trao hồn cho nhau. Giữa người tù và thiên nhiên, trăng không còn khoảng cách chốn lao tù mà hòa quện gắn bó bến nhau, họ như đang thủ thỉ, đang tâm tình, đang trò chuyện cũng nhau. **Đánh giá nghệ thuật**🡆 Nghệ thuật nhân hóa được nhà thơ sử dụng thật tài tình, thật tài hoa khiến hình ảnh trăng trở nên có hồn có cảm. Không yêu thiên nhiên, không xem thiên nhiên như một người bạn e rằng Hồ Chí Minh khó có thể viết được những vần thơ bay bổng có hồn đế như thế.

Tất cả mọi việc đều xảy ra trong im lặng ! Từ nỗi băn khoăn thơ mộng đến sự cảm nhận cái thiếu thốn, trơ trụi của cảnh tù, từ hành động ngắm nhìn, chia sẻ, cảm thông của người với trăng, trăng với người. Nhưng dường như có sự dồn nén một sức sống bên trong, rạo rực và dồi dào, một sức sống của thiên nhiên tràn đây, đẹp đẽ, thơ mộng, đầy ắp hơi thở sự sống. Chẳng thế mà con người không thể nén nổi lòng mình để mà băn khoăn, mà lúng túng, mà bất ngờ đến phải bật câu hỏi trong tâm tư : nại nhược hà ? Bên cạnh sức sống của đất trời ấy là một sức sống thâm trâm, sâu xa mà rất mạnh mẽ của con người đang phải giấu kín, chỉ bộc lộ một cách lặng lẽ bởi hoàn cảnh. Hoàn cảnh là trói buộc, giam câm, nhưng sức sống con người đó là vô hạn. **Bình luận** 🡆Cuộc sống ngục tù là vô nhân đạo. Nhưng đằng sau đó, không đơn giản chỉ là một trái tim biết thưởng thức cái đẹp mà là cái mạnh mẽ, siêu việt của tâm hồn tác giả. Nếu không có con mắt nghệ sĩ và một bản lĩnh chiến sĩ kiên cường, không ai có thể ngắm trăng và làm thơ trong chốn ngục tù. **Bình luận** 🡆Hình như, nếu cuộc đời có nắng lửa, mưa dâu thì lại có gió mát, trăng thanh. Trăng như phân hạnh phúc, ước mơ, lãng mạn của cuộc đời. Trăng đến với con người như một người bạn, như một vẻ đẹp làm dịu bớt đi cái cực nhọc của cuộc sống lao tù. Trong tù mà ngắm được tràng, làm được thơ, đó là một bài học đạo đức, lạc quan, vượt lên trên hoàn cảnh, một tinh thân thép

**Hình ảnh Bác Hồ hiện lên qua bài thơ Ngắm trăng (Hồ Chí Minh)**

**Gợi ý**

Tháng 8-1942, Hồ Chí Minh từ Pác Bó (Cao Bằng) bí mật lên đường sang Trung Quốc để tranh thủ sự viện trợ quốc tế cho cách mạng Việt Nam, nhưng khi đến gần thị trấn Túc Vinh thì Người bị chính quyền địa phượng ở đây bắt giữ, giải đi khắp gần 30 nhà giam của 13 huyện thuộc tỉnh Quảng Tây, bị đày đoạ hơn một năm trời. Thời gian này, Người đã viết *Nhật kítrong tù* bằng thơ chữ Hán, gồm 133 bài, phần lớn là thơ tứ tuyệt.Tập thơ thể hiện một tâmhồn cao đẹp, ý chí cách mạng kiên cường và nghệ thuật thi ca đặc sắc.Bài thơ *Ngắm trăng* được trích trong tập *Nhật kí trong tù* của Hồ Chí Minh.

*“Ngục trung vô tửu diệc vô hoa*

*Đối thử lương tiểu nại nhược hà?*

*Nhân hướng song tiền khán minh nguyệt*

*Nguyệt tòng song khích khán thi gia”*

Bài thơ được dịch là “Ngắm trăng”;

*“Trong tù không rượu cũng không hoa*

*Cảnh đẹp đêm nay khó hững hờ*

*Người ngắm trăng soi ngoài cửa sổ*

*Trăng nhòm khe cửa ngắm nhà thơ”*

Trong các các câu thơ dịch, câu thứ hai trong nguyên tác có nghĩa là “Trước cảnh đẹp đêm nay biết làm thế nào?”. Câu thơ dịch dịch thành: *Cảnh đẹp đêm nay, khó hững hờ* đã làm mất đi cái xốn xang, bối rối của nhân vật trữ tình (cũng là mất đi sự lãng mạn và nhạy cảm trước

thiên nhiên trong tâm hồn của Bác). Hai câu thơ cuối (bản dịch) cũng kém phần đăng đối hơnso với phiên âm. Hơn nữa từ *nhòm và ngắm* trong câu cuối là hai từ đồng nghĩa, khiến cho lời dịch không bảo đảm được sự cô đúc của ý tứ và thể thơ.

Thường người ta ngắm trăng vào những lúc thảnh thơi, thư thái. Thế nhưng ở đây, Hồ Chí Minh lại ngắm trăng trong một hoàn cảnh rất đặc biệt: ở trong tù. Khi Bác nói *“Trong tùkhông rượu cũng không hoa”* thì không có nghĩa là Bác đang than thở cũng không phải đó làmột lời phê phán.Chỉ có thể nghĩ rằng, trước đêm trăng tuyệt đẹp ấy, Bác mong được thưởng trăng một cách trọn vẹn (và đúng là thật tiếc nếu không có rượu, có hoa). Chính việc nhớ đến rượu và hoa trong cảnh ngục tù đày đã cho thấy, người tù không hề vướng bận gì về vật chất và những gian nan mà mình đang phải chịu. Người tù vẫn ung dung tự tại, vẫn thả hồn mình cùng với thiên nhiên.

Hai câu cuối của bài thơ chữ Hán đối nhau rất chỉnh:

*Nhân hướng song tiền khán minh nguyệt,*

*Nguyệt tòng song khích khán thi gia.*

Các từ chỉ người *(nhân, thi gia)* và các từ chỉ trăng *(nguyệt)* đặt ở hai đầu, ở giữa là cửa nhà tù *(song).*Thế nhưng, giữa người và trăng vẫn tìm được sự giao hoà với nhau.Cấu trúc đối này đã làm nổi bật tình cảm mãnh liệt giữa người và trăng, nổi bật sự gắn bó thân thiết của một mối quan hệ từ lâu đã trở thành tri kỉ (Bác với trăng).

Hình ảnh Chủ tịch Hồ Chí Minh hiện lên trong bài thơ nổi bật ở khía cạnh người chiến sĩ không chút bận tâm về gông cùm, đói rét,...Trước khó khăn, Bác vẫn giữ được phong thái ung dung, tự tại. Bài thơ còn thể hiện nổi bật tâm hồn nghệ sĩ của Bác Hồ, một tâm hồn luôn rộng mở với thiên nhiên.

Cuộc ngắm trăng trong bài *Vọng nguyệt* có hoàn cảnh không giống như các cuộc ngắm trăng khác: bài thơ được Bác làm khi phải chịu cảnh tù đày. Và có thể nói, mỗi bài thơ Bác viết về trăng lại có những nét riêng: trăng đầy sức sống, đầy sức xuân trong *Rằm tháng giêng(Nguyền tiêu);* trăng thi vị và tri kỉ trong *Báo tiệp (Tin thắng trận),..Nói* chung, ở tất cả nhữngbài này, Bác đều đã cho người đọc thấy vẻ đẹp của một tâm hồn thi sĩ, luôn mở rộng lòng để giao hoà cùng với thiên nhiên.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**Nguyên tiêu - Cảm nhận từ chữ nghĩa đến câu từ**

**Gợi ý**

Nguyên tiêu (Rằm tháng giêng) là một trong những tác phẩm thơ chữ Hán được xếp vào loại hay nhất của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Đã hơn nửa thế kỉ nhưng chất thơ nồng nàn của nó vẫn luôn có sức lôi cuốn lớn. Theo xuất xứ thì đây là tác phẩm được Hồ Chí Minh ứng tác sau một cuộc họp bàn việc quân giữa "nơi khói sóng" trong đêm rằm và nhà thơ Xuân Thủy dịch ứng khẩu thi nhân trong tứ thơ đã làm nên sự hấp dẫn kì lạ của bài thơ.

Nhan đề của bài thơ - Nguyên tiêu, nghĩa là đêm rằm tháng giêng, đêm rằm mở đầu của mùa xuân đầu tiên, của một năm. Tác giả ở đây không chỉ nhạy cảm nắm bắt cảnh đẹp của đêm trăng rằm tháng giêng mà quan trọng hơn là nắm bắt cái thời điểm đẹp nhất của đêm trăng trong hành trình vận động của nó; để biểu thị cho sức sống của tâm hồn, của con người, của đất trời; tất cả đều tươi mới, đầy sức sống.

Trong thơ văn xưa, thường ta chỉ thấy vầng trăng như là dấu hiệu của cảnh sắc, của không gian vũ trụ, và nhà thơ thường dùng hình ảnh trăng để bộc bạch hoài bão, khát vọng của mình, như Lý Bạch uống rượu, múa kiếm dưới trăng, Đặng Dung mài gươm báu dưới trăng (Cảm hoài). Chúng tôi khảo sát trương Đường thi, trong thơ Nguyễn Trãi, thơ Cao Bá Quát...

nhưng không tìm thấy hình ảnh trăng rằm tháng giêng với ý niệm về thời gian mùa xuân, về sức sống viên mãn của con người và tạo vật. Rõ ràng, ở bài thơ này, nhà thơ đã bất ngờ nắm bắt lấy cái đẹp của tạo vật trong quy luật vận động của nó. Cũng như thế, trong bài thơ còn hai từ chỉ thời điểm cụ thể khác, đều là thể hiện nét đặc trưng trong phong cách Hồ Chí Minh: từ kim dạ (đêm nay) - chỉ một thời khắc hết sức cụ thể, mà bản dịch thơ chuyển dịch bằng cụm từ rằm xuân: từ dạ bán (nửa đêm) - thời khắc chính xác, mà bản dịch thơ chuyển dịch bằng cụm từ khuya về. Vậy là người đọc có thể nhận thấy rất rõ thời điểm thi nhân đang thưởng trăng.

Câu thơ đầu: "Kim dạ nguyệt tiêu nguyệt chính viên" (Đêm nay, đêm rằm tháng giêng, trăng vừa đúng độ tròn đầy) có hai từ đáng chú ý: chính viên. Chính có nghĩa là vừa vặn, vừa đúng, đúng lúc, trong câu thơ này nó làm phó từ, biểu đạt ý niệm về vận động trong thời gian; viên là đầy đặn, tròn trịa, biểu thị ý nghĩa viên mãn, sức sống tràn đầy. Câu thơ này và cả bài thơ nói về cảnh trăng mà không có một tính từ chỉ màu sắc, như trăng sáng, trăng trong, trăng thanh... giống nhiều bài thơ tả cảnh khác. Từ viên trong nguyên tác không chỉ có ý nghĩa chỉ hình dáng bên ngoài, tròn vành vạnh của trăng mà còn là biểu đạt một sức sống, một sự chuyển vận ở bên trong. Câu thơ giản dị, không tả cảnh mà cảnh tự hiển hiện, không cố gắng

glãi bày tìnhcảmmàtìnhchanchứa. Xem thế, câu thơ dịch dẫu hết sức uyển nhã nhưng chưa diễn tả hết cái hay của nguyên tác.

Vẫn tiếp tục hành trình đi tìm và biểu đạt một sức sống căng tràn bên trong tạo vật ở câu thơ đầu, câu thơ thứ hai tiếp nối hết sức bất ngờ để khơi mở một sức sống kì diệu: "Xuân giang xuân thủy tiếp xuân thiên" (Sắc xuân của xuân, vẻ xuân của nước tiếp liền với sức xuân của bầu trời).

Trước hết, ba từ xuân trong một câu thơ bảy chữ được sử dụng một cách hết sức nghệ thuật để diễn tả được khí sắc tươi mới của đất trời.Xuân trong chữ Hán ngoài nghĩa danh từ chỉ mùa xuân còn có nghĩa khác tượng trưng sức sống, tình yêu với ý nghĩa một tính từ.ở đây, ba từ xuân làm định ngữ cho các danh từ giêng, thủy, thiên là muốn biểu đạt cái ý tình tồn tại bên trong sự vật: sắc xuân, vẻ xuân, sức xuân. Có nghĩa là nó không đơn thuần là trạng từ chỉ thời gian: dòng sông mùa xuân, làn nước mùa xuân, bầu trời mùa xuân, nhà thơ không tô điểm cho mùa xuân mà chủ yếu nói đến cái sức sống tiềm ẩn ở bên trong, chỉ có như thế nó mới đủ sức lan tỏa, bao quát một không gian rộng lớn, nối liền đất trời. Cách dùng chữ xuân trong câu thơ dịch đã chuyển tải tinh tế ý vị của nguyên tác: "Sông xuân nước lẫn màu trời đêm xuân". Chỉ tiếc câu dịch khuyết mất một chữ xuân nên khó diễn tả được cảm xúc về một sức sống căng tràn, từ mặt đất tiếp nối với bầu trời một cách tràn đầy.Cũng như thế, chữ tiếp trong nguyên tác chỉ sự tiếp nối, nối liền, nó chỉ xu hướng vận động.Chữ lẫn không diễn tả được ý thơ này.

Và như vậy, logic ngầm giữa câu thơ thứ nhất và câu thơ thứ hai là một mạch vận động không ngừng, của sinh khí, từ bên trong cảnh vật ra tới vũ trụ, cũng như từ bên trong tâm hồn con người chan chứa thành cảnh sắc tự nhiên.NÓI "thi trung hữu họa" tức trong thơ có đường nét, màu sắc, hình khối.Thể hiện đường nét xuân, sự chuyển vận của sức sống mùa xuân như trong hai câu thơ trên thì có lẽ hội họa bất lực.

Hai câu thơ sau hình ảnh của con người xuất hiện trực tiếp. Khi việc quân bàn xong cũng là lúc con người bất chợt nhận ra: trăng tràn đầy thuyền. Như thế là việc quân vừa xong thì thi tứ đêm trăng, cùng một lúc, cũng vừa vặn hoàn thiện.

Câu thơ thứ ba: "Yên ba thân xứ đàm quân sự" (Nói không gian khói sóng tĩnh lặng, bàn việc quân sự) có hai hình ảnh, sự kiện đáng chú ý: Yên ba là khói sóng, hình ảnh này có tính chất ước lệ cổ điển, thường thấy xuất hiện trong thơ ca (Thôi Hiệu: Nhật mộ hương quan hà xứ thị/Yên ba giang thượng sử nhân sầu...). Tuy nhiên trong thơ cổ, nhìn chung hình ảnh khói sóng thường tượng trưng cho một ý niệm phù du, cho tâm trạng u ẩn, khói sóng nơi thâm sơn tượng trưng cho cuộc sống ẩn dật, cô tịch của kẻ sĩ lánh đời, trốn mình vào thiên nhiên; còn hình ảnh yên ba thâm xứ ở đây lại không hề biểu hiện những cảm xúc ấy, vì, đối với nó, vế sau của câu thơ là một sự kiện đầy tính chất thời sự của thực tại: đàm quân sự. Con thuyền ở đây rõ ràng không phải là con thuyền của thi nhân xưa đi tìm thi hứng. Cả câu thơ, vì thế không chạy theo xu hướng nhàn dật, thưởng ngoạn. Một thi tứ cổ điển và một sự nghiệp lớn lao của con người được đan hòa vào nhau hết sức tự nhiên. Nếu như Lý Bạch múa kiếm dưới trăng thì hình ảnh ấy mới chỉ là biểu hiện của ước mơ công lý, khát vọng tung hoành chưa thực hiện được trong cuộc đời; còn việc bàn quân dưới đêm trăng ở đây là hiện thực hóa khát vọng độc lập của cả một dân tộc.nhưng đồng thời cũng hết sức mới mẻ: "Dạ bán quy lai nguyệt mãn thuyền" (Nửa đêm quay trở về, trăng ăm ắp đầy thuyền) đến thi tứ tuyệt bút của thơ Đường: "Nguyệt lạc ô đề sương mãn thiên... Dạ bán chung thanh đáo khách thuyền" (Trăng lặn, quạ kêu, sương đầy trời... Nửa đêm, tiếng chuông chùa vang đến thuyền của khách) (Phong Kiều dạ bạc - Trương Kế)... Trong chữ Hán, mãn có nghĩa là tràn trề, tràn đầy, âm ắp.Sương mãn thiên là sương trắng giăng phủ đầy trời.Hình ảnh trên trong thơ cổ biểu đạt tư thế trầm ngâm, suy tư của con người trước thế giới, trước hiện thực. Hình ảnh con người ở đó, trong sự vây bọc của sương, dường như bị chìm khuất. Hơn thế, xét về hình ảnh thực, sương giăng đầy trời là logic có thể cảm nhận xác thực bằng thị giác, bằng xúc giác, còn hình ảnh nguyệt mãn thuyền lại cho ta nhận biết một logic khác của xúc cảm, tâm hồn. Rõ ràng, ánh trăng vốn vô hình phải chủ động tìm đến như thế nào đó mới có thể tràn ăm ắp thuyền của thi nhân - chiến sĩ. Chính ánh trăng hữu hồn ấy đã biến con thuyền quân sự thành con thuyền thơ, hay chính con thuyền kháng chiến là chất thơ trong trẻo của đêm trăng? Hóa ra, từ trước, người chiến sĩ bàn việc quân là trong sự chứng kiến của một nhân vật thứ ba im lặng. Nhân vật thứ ba ấy hiểu công việc của con người, vì con người mà tỏa sáng. Cũng vì hiểu ý nghĩa của việc quân, hiểu tâm hồn của con người mà khi việc quân kết thúc, trăng chủ động tìm đến với người, trăng tự nhiên ăm ắp đầy thuyền. Tràn đầy, ăm ắp chính là ngôn ngữ của trăng hiểu người. Từ hình ảnh và sự kiện đối xứng nhau đã ngầm ẩn lí giải cái đẹp của sự nghiệp kháng chiến, cái trong sáng của tâm hồn con người kháng chiến. Trăng vì thế mà có ý nghĩa, thơ vì thế mà sinh ra.

Tóm lại, Nguyên tiêu có thể coi là một bài thơ trăng độc đáo trong thơ kháng chiến nói riêng và trong thơ chữ Hán nói chung của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Trăng đã trở thành như một nhân vật, và hơn thế là phân thân của một tâm hồn, để bất cứ lúc nào cũng có thể tự do đi về, gõ cửa căn nhà tâm thức thi nhân. Thơ chữ Hán Hồ Chí Minh, thường thì câu chữ, hình ảnh hết sức giản dị nhưng bao giờ cũng gợi một ý vị, cũng chứa đựng những hàm nghĩa sâu xa.gợi người đọc liên tưởng

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**ĐI ĐƯỜNG**

**Hồ Chí Minh**

Những gian lao trên chặng đường từ nhà tù này sang nhà tù khác trong thời kì Hồ Chí Minh bị chính quyền Tưởng Giới Thạch giam giữ đã được Bâc ghi lại trong nhiều bài thơ : Đi Nam Ninh, Chiêu tối, Giải đi sớm... Bài thơ Đi đưòng không chỉ diễn tả nỗi gian lao của người đi đường, đặc biệt là đường núi mà còn thể hiện một thái độ mang tính triết lí trước những chặng đường đời đầy khó khăn thử thách và một phong thái của một con người có tầm vóc cao cả.

**Luận điểm 1: Câu đầu tiên như một lời khẳng định, suy ngẫm bằng sự trải nghiệm thấm thìa của chính người đi đường về nỗi nhọc nhằn trên con đường giải tù vô tận**.

Đi đường mới biết gian lao

Núi cao rồi lại núi cao trập trùng

Mới biết gian lao : Quả là có đi mới biết. Bài học này không mới nhưng ai cũng vậy, phải bằng chính những thử thách của mình mới nhận thức sâu sắc điều đó. Con đường ở đây lại không phải là con đường bình thường mà là đường núi : lên xuống, gập ghềnh, quanh co, khúc khuỷu. **đánh giá về nghệ thuật** 🡆Điệp ngữ núi cao cộng với từ trập trùng ("Trùng san chi ngoại hựu trùng san") càng nhấn mạnh sự trải dài bất tận của dãy núi, hết núi này đến núi khác. Câu thơ dịch khá hay diễn tả được cảm giác vô tận của người đi đường núi. Vậy mà con người ở đây đâu phải được ngồi yên một chỗ ngắm cảnh núi non, đâu phải đang du ngoạn thảnh thơi băng các phương tiện hiện đại, mà là một người tù đang bị áp giải, và tự bưóc chân mình phải đo từng bưóc trên đường với bao lần lên dốc đá, xuông khe sâu, qua vực thẳm. **Phân tích từ ngữ**🡆Từ lại (hựu) không chỉ diễn tả sự kế tiếp không dứt của núi tiếp núi mà còn nhấn mạnh nỗi gian khổ, vất vả khi con người leo một núi chưa hết, chưa kịp dừng chân nghỉ ngơi, lại tiếp một núi khác với một khó khăn mới, một thử thách mới đang chờ ở phía trước. Như thoảng trong những từ "núi cao rồi lại núi cao" có hơi thở nặng nhọc trong từng bưc chân người đi đường. Cái trập trùng núi non ấy có thể làm người ta mỏi mệt, ngã lòng.

**Luận điểm 2: Hai câu thơ sau thể hiện một tâm hồn phóng khoáng, một tình yêu thiên nhiên, đất trời mãnh liệt.**

Núi cao lên đến tận cùng

Thu vào tâm mắt muôn trùng nước non.

**Phân tích, từ ngữ** 🡆“tận cùng” nó vừa diễn tả cái chiều cao của không gian lại nói được cái dài của thời gian, cái gian lao của con người. Người đi đường phải đi nhiều lắm, xa lắm, cao lắm mới mới lên đến tận cùng được. Ta như gặp ở đây đề tài thơ cổ điển với tứ thơ đăng cao, và một phong thái mang cảm thức vũ trụ của con người : sự chiếm lĩnh không gian ở cả chiều cao, chiều sâu, chiều rộng, sự thưởng ngoạn cái mênh mông của đất trời trong cảm giác chinh phục vũ trụ ("Những khi đỉnh núi trèo lên thẳng, Một tiếng kêu vang lạnh cả trời" - Không Lộ thiền sư . Con người đột nhiên tạo được một dáng vẻ hiên ngang giữa vũ trụ bao la như một dư khách nhàn tản giữa đất trời cao rộng, như một vị tướng chiếm lĩnh cả một vùng trời đất mênh mông, như một nhà hiền triết đang suy ngẫm về cái vô tận của vũ trụ. Đó là tư thế đứng của một tâm hồn rất cao cả, trong tư thế hài hòa với vũ trụ bao la. **Bình luận** 🡆Hai câu thơ con là nỗi mừng vui thanh thản vì đã vượt qua được một chặng dài gian khổ. Câu thơ cuối đẩy đến đỉnh điểm cảm xúc. Tưởng chừng mọi gian khổ đều lùi xa, chỉ còn đây, một con người mang tư thế làm chủ thiên nhiên, làm chủ đất trời : Thu vào tầm mắt muôn trùng nước nom một phong thái ung dung với một tâm hồn nhẹ nhàng, thanh thản, phơi phới. Đất trời và con người hòa quyện trong một cảm hứng rộng mở, kết hợp hài hòa giữa hiện thực và lãng mạn, giữa sự thực khắc nghiệt và cái bay bổng của tâm hồn.

**Bình luận, đánh giá về nghệ thuật** 🡆 Bài thơ Đi đường được làm trong lúc Bác bị giải từ nhà lao này sang nhà lao khác, song không hề có một chi tiết, một hình ảnh về thân phận tù đày. Vượt lên thân phận tù đày, bài thơ mang một triết lí hàm ẩn sâu xa : Đi đến tận cùng đỉnh núi thì tâm mắt được giải phóng, con người làm chủ các đỉnh cao. Như có cuộc thi ngâm giữa núi cao và người đi đường. Lúc đầu con người tưởng bị cầm tù chìm trong các lớp núi, nhưng sau đó, con người đã vượt lên, kiểm soát không gian. Bài thơ còn ngụ ý một niềm tin : **Bình luận**🡆 đường đi cũng như đường đời của con người. Đường đời dù vất vả khó khăn đến đâu, nhưng nếu kiên trì và nhẫn nại, chịu đựng mọi gian khổ, cuối cùng sẽ đến đích. Ây là lúc con người đa đến được "đỉnh cao" của cuộc đời, của kiến thức, của trí tuệ để có thể chiếm lĩnh được bề rộng, bề sâu, bề xa, các chiều mênh mông, muôn trùng của những giá trị đời sống.

Bài thơ nhỏ, lối viết ngắn ngọn, giản dị nhưng mang nhiều tầng nghĩa, hàm súc và sâu xa như một bài học lớn. Nguyên tác bài thơ chữ Hán làm theo thể thất ngôn tứ tuyệt. Dịch thành thơ lục bát, phải chăng phần nào làm giảm bớt âm điệu rắn chắc của bài thơ **Dàn ý phân tích bài thơ Đi đường**

**A. Mở bài:**

- Bài thơ “Đi đường” là một trong những bài thơ thể hiện phẩm chất, tinh thần lạc quan của Hồ Chí Minh - vị lãnh tụ vĩ đại của dân tộc.

>>**Tham khảo**:

**B. Thân bài:**

**Luận điểm 1: Hành trình đi đường núi gian lao**

- Cách nói trực tiếp: đi đường – gian lao: tự bản thân phải được thực hành, được trải nghiệm thì mới hiểu được tính chất sự việc.

- Điệp từ “núi cao” thể hiện sự khúc khuỷu, trùng trùng điệp điệp những ngọn núi nối tiếp nhau.

=> Suy ngẫm về sự khổ ải, khúc khuỷu, đầy trắc trở của cuộc đời; ý chí, nghị lực sẵn sàng vượt qua tất cả.

**Luận điểm 2: Niềm vui sướng khi được đứng trên đỉnh cao của chiến thắng**

- Niềm vui sướng khi chinh phục được độ cao của núi: “lên đến tận cùng”

- Tâm thế, vị thế của con người khi chinh phục được thiên nhiên, vượt qua được giới hạn của bản thân: “thu vào tầm mắt muôn trùng nước non”

=> Niềm vui sướng khi được tự do đứng ngắm nhìn cảnh vật bên dưới. Sự chiêm nghiệm về cuộc đời: vượt qua gian lao sẽ đến được đỉnh cao của chiến thắng.

=> Hình ảnh người chiến sĩ cộng sản trên đỉnh cao của chiến thắng, qua đó thể hiện nghị lực, phong thái lạc quan, yêu đời của Bác dù đó là con đường đầy ải, chân tay bị trói buộc bởi xiềng, xích.

**Luận điểm 3: Nghệ thuật**

- Thể thơ tứ tuyệt giản dị, hàm súc

- Liên tưởng sâu sắc, thể hiện tư tưởng của tác giả.

**C. Kết bài:**

- Khẳng định lại nội dung tác phẩm: Bài thơ “Đi đường” đã thể hiện nghị lực, ý chí và tinh thần lạc quan vượt lên mọi hoàn cảnh của Hồ Chí Minh.

- Liên hệ và đánh giá tác phẩm: Qua những bài thơ như vậy, chúng ta có thể hiểu thêm được về những phẩm chất cao đẹp của Người, từ đó nhắc nhở mỗi thanh niên Việt Nam hcoj tập và noi theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh.

### Bài văn mẫu phân tích bài thơ Đi đường

Bài thơ "Đi đường" được rút ra trong tập "Nhật kí trong tù" của Hồ Chí Minh. Tác phẩm được viết trong hoàn cảnh Bác bị chính quyền Tưởng Giới Thạch bắt giam vô cớ năm 1942 và phải chịu cảnh đày ải hết nhà lao này tới nhà lao khác, vất vả, gian lao vô cùng. Bài thơ không chỉ dừng lại ở bức tranh tả cảnh núi non trên đường chuyển lao mà ẩn chứa trong đó còn chất chứa tư tưởng triết lí đường đời sâu sắc mà Bác đã đúc kết, chiêm nghiêm được từ trong hoàn cảnh đặc biệt này: vượt qua gian lao chồng chất sẽ đi tới thắng lợi vẻ vang.

**Luận điểm 1: Trước hết bài thơ là một câu chuyện nhỏ về việc đi đường của Bác trong những năm tháng bị chính quyền tàu Tưởng bắt giữ:**

Tẩu lộ tài tri tẩu lộ nan

Trùng san chi ngoại hựu trùng san

Trùng san đăng đáo cao phong hậu

Vạn lí dư đồ cố miện gian.

Dịch thơ:

Đi đường mới biết gian lao

Núi cao rồi lại núi cao trập trùng

Núi cao lên đến tận cùng

Thu vào tầm mắt muôn trùng nước non.

**Phân tích, đánh giá 🡆** Ở câu khai đề, nhà thơ đã đưa ngay đến một bài học có tính chất nhận định chắc chắc: có đi đường thì mới biết đường đi khó. Đây không phải là một nhận định mang tính chủ quan mà hoàn toàn xuất phát từ hoàn cảnh thực mà chính Bác đang và đã trải qua. Bởi trong hoàn cảnh đó, ngày nào cũng thế Bác thường xuyên bị áp giải đi hết nơi này đến nhà lao nơi ở khác ở Quảng Tây, nhiều khi tưởng chừng không thể chịu đựng nổi vì phải chịu cảnh đày ải rất khổ cực: "tay bị trói giật cánh khuỷu, cổ mang vòng xích... đi mãi đi mãi mà không biết đi đâu về đâu. Dầm mưa giãi nắng, trèo núi qua truông... qua gần ba mươi nhà tù" (Trần Dân Tiên). Vì thế, câu thơ được viết lên từ một hiện thực trần trụi của một con người từng trải nên vô cùng thuyết phục.

**Luận điểm 2: Tới câu thừa đề, nhà thơ chỉ rõ ra sự vất vả, gian lao của đường đi khó:**

Trùng san chi ngoại hựu trùng san

(Hết lớp núi này lại tiếp đến lớp núi khác)

**Phân tích từ ngữ, nghệ thuật 🡆** Với kết cấu trùng điệp lặp lại hai chữ "trùng san" (hết lớp núi này tới núi lớp khác) kết hợp với từ "hựu" (lại) cho thấy cảnh núi non hiển trở, trùng điệp cứ nối tiếp nhau chạy ra xa tít tắp mà không có điểm dừng. Vượt qua được dãy núi cao chót vót, trập trùng tưởng chừng đã thoát khổ nào ngờ những thử thách mới lại tiếp tục mở ra và đang chờ ở phía trước. Vì thế, chữ "mới biết" ở câu thơ đầu bắt nhịp với câu thơ thứ hai tạo nên chiều sâu cảm xúc suy ngẫm của nhà thơ: Sự thấm thía về những chặng đường đã đi qua và những chặng đường gian nan đang tiếp tục đi tới. Đó là cả một hành trình không chỉ đòi hỏi con người có được một sức khỏe dẻo dai mà cao hơn còn cần có một ý chí, một nghị lực bền bỉ, một tinh thần vượt khó phi thường.

**Luận điểm 3: Và cuối cùng Bác đã nỗ lực vượt lên chính mình để đi tới đỉnh cao chiến thắng thể hiện rõ nét ở câu 3**

Trùng san đăng đáo cao phong hậu

Vạn lí dư đồ cố miện gian.

Vượt qua được biết bao nhiêu là thử thách, vất vả với những chặng đường đi ghệp ghềnh, uốn khúc quanh co, nỗi nhọc nhằn đã lùi lại phía sau và người đi đường đã leo được lên đỉnh cao chót vót. **Đánh giá nghệ thuật 🡆** Biện pháp lặp từ ngữ, nối tiếp vắt dòng ở câu hai và ba qua từ "trùng san" không chỉ cho thấy cảnh núi cao, nối tiếp mà còn như tạo nên những bước chân chắc chắn đặt lên từng bậc thang mà leo tới đỉnh cao muôn trượng. Và khi đó, người đi đường hiện lên thật kì vĩ, hiên ngang, như dang hai tay ra mà làm chủ cả không gian của vũ trụ:

Vạn lí dư đồ cố miện gian.

(Thì muôn dặm nước non thu cả vào trong tầm mắt)

**Luận điểm 3: Câu thơ cuối đã phác họa thành công tư thế của con người chiến thắng.** Tất cả vạn vật đã bỗng chốc thu nhỏ lại vào trong đôi mắt của người anh hùng. Nỗi nhọc nhằn vật vả vừa qua đã tan biến vào hư vô, thay thế vào đó là niềm vui sướng, hạnh phúc và cả sự đắm chìm hồn người vào trong cảnh vật thiên nhiên. Đó là đỉnh cao của sự chiến thắng, của sự vượt lên chiến thắng chính mình trước những vất vả, gian khó.

**Đánh giá, nhận xét 🡆** "Đi đường" là bài thơ có kết cấu chuẩn mực theo trình tự của thể thơ tứ tuyệt (đề - thực – luận – kết) cô đọng, hàm súc; giọng điệu biến chuyển linh hoạt: hai câu đầu rắn rỏi, chậm rãi, đầy suy ngẫm; hai câu sau phóng khoáng, nhẹ nhàng, thư thái... tất cả cả gớp phần diễn tả thành công cảm xúc, suy ngẫm của nhân vật trữ tình trong thơ.

**Đánh giá, nhận xét 🡆** Bài thơ "Đi đường" không đơn giản dừng lại ở việc nói tới chuyện đường đi khó mà hình ảnh núi cao trập trùng còn biểu tượng cho sự khó khăn vất vả trong hành trình cuộc sống và hành trình cách mạng. Người chiến sĩ cách mạng phải trải qua rất nhiều chông gai thử thách nhưng khi đã nếm đủ những trái đắng đó thì sẽ gặt hái được thành công, sẽ đem lại thắng lợi rực rỡ. Và đường đời cũng thế. Khi con người đã vượt qua thách thức thì sẽ đem lại kết quả xứng đáng, tạo nên những giá trị cao đẹp, bất tử, thiêng liêng. Bài thơ "Đi đường" ngắn gọn mà ý thơ mênh mang, gợi cho người đọc nhiều bài học ý nghĩa triết lí sâu sắc.

---------------

**Đề bài: Bài thơ Đi đường của Hồ Chí Minh mang nhiều lớp nghĩa sâu sắc. Em hãy viết đoạn văn lí giải các lớp nghĩa trong bài thơ, từ đó em rút ra được bài học gì trong cuộc sống ?**

**\* Hai lớp ý nghĩa cơ bản trong bài Đi đường (Tẩu Lộ)**

- Nghĩa hiển ngôn nói về việc đi đường núi cùng với đó là những thử thách, chông gai khi leo núi để lên đỉnh. Thành quả đó là chinh phục ngọn núi và thu mọi cảnh vật vào tầm mắt.

- Nghĩa hàm ngôn ngụ ý về con đường cách mạng, con đường đời sẽ gặp phải nhiều khó khăn, chông gai. Nhưng với sự quyết tâm, kiên trì cùng những nỗ lực rồi sẽ nhận được thành quả xứng đáng. Sự nghiệp cách mạng nhất định thắng lợi.

  => Bài thơ đã gợi ra một chân lí: đường đời, đường cách mạng nhiều chông gai, thử thách, nhưng nếu quyết tâm vượt qua, con người nhất định sẽ đạt được những thắng lợi rực rỡ.

### Một số đoạn văn mẫu ngắn lí giải các lớp nghĩa trong bài thơ Đi đường

**Đoạn văn mẫu 1:**

**Đi đường** là bài thơ mang nhiều lớp nghĩa. Ta có thể thấy bài thơ đang nói về chuyện đi đường - Bác đang bị giải từ nhà lao này đến nhà lao khác. Việc đi đường gặp muôn vàn những gian khổ, tuy Bác không nói cụ thể nhưng qua câu thơ: "Đi đường mới biết gian lao" và hình ảnh "Núi cao rồi lại núi cao trập trùng" ta có thể hình dung rõ những trở ngại mà người đi đường phải trải qua. Những trở ngại ấy nếu vượt qua được thì sẽ "Thu vào tầm mắt muôn trùng nước non" - Người bộ hành giờ trở thành khách du lịch đang đắm say trước khung cảnh thiên nhiên. Bài thơ không chỉ dừng lại ở lớp nghĩa tả thực nêu trên, nói về chuyện đi đường mà còn thể hiện những triết lí sâu sắc. Cuộc đời, con đường cách mạng rất nhiều những gian nan thử thách, nếu có ý chí, có lòng quyết tâm con người sẽ gặt hái được nhiều thành công. Bài thơ rất ngắn nhưng chứa đựng được nhiều ý nghĩa, tư tưởng sâu sắc.

**Đoạn văn mẫu 2:**

**Đi đường** là một bài thơ hay có nhiều lớp nghĩa, nghĩa đen, nghĩa bóng. Bài thơ có ý nghĩa đúc kết về kinh nghiệm, kinh nghiệm đi đường, kinh nghiệm đầu tiên của chặng đường cách mạng. Trong mấy câu thơ đầu, thiên nhiên với những vùng núi non hiểm trở như che lấp con người. Nhưng rồi con người đã chủ động vượt qua thử thách và thở thành nhân vật trung tâm của bức tranh. Đường đời gian khổ, đường cách mạng đầy chông gai, nhưng quyết tâm vượt khó và theo đuổi đến cùng thì rồi cũng có ngày đi tới thành công, giành được chiến thắng.

**Đoạn văn mẫu 3:**

   Bài thơ "**Đi đường**" ngắn gọn mà ý thơ mênh mang, gợi cho người đọc nhiều bài học ý nghĩa triết lí sâu sắc. Không đơn giản dừng lại ở việc nói tới chuyện đường đi khó mà hình ảnh núi cao trập trùng còn biểu tượng cho sự khó khăn vất vả trong hành trình cuộc sống và hành trình cách mạng. Người chiến sĩ cách mạng phải trải qua rất nhiều chông gai thử thách nhưng khi đã nếm đủ những trái đắng đó thì sẽ gặt hái được thành công, sẽ đem lại thắng lợi rực rỡ. Và đường đời cũng thế. Khi con người đã vượt qua thách thức thì sẽ đem lại kết quả xứng đáng, tạo nên những giá trị cao đẹp, bất tử, thiêng liêng.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

# **Phân tích bài thơ Đi đường của Hồ Chí Minh để làm sáng tỏ nhận định sau: Từ những bài thơ viết trong hoàn cảnh nhà tù dưới chế độ Tưởng Giới Thạch tàn bạo và mục nát toát ra một phong thái ung dung, một khí phách hào hùng, ý chí sắt đá**

**Bình chọn:**

## *****Từ bài thơ, người đọc có thể cảm nhận hình ảnh Bác vừa có thần thái ung dung, bình tĩnh của một bậc tiên phong đạo cốt vừa có nét kiên cường rắn rỏi, đầy lạc quan của một người chiến sĩ cách mạng*****

Bác Hồ từng tự sự:

"Ngâm thơ ta vốn không ham

Nhưng mà trong ngục biết làm sao đây?".

Trong những năm tháng Bác bị giam cầm, tập thơ "Nhật kí trong tù” từng được ví như một đoá hoa mà vô tình văn học Việt Nam nhặt được bên đường. Toát lên từ tập thơ là một tinh thần "thép" rắn rỏi, lạc quan: “Từ những bài thơ viết trong hoàn cảnh nhà tù dưới chế độ Tưởng Giới Thạch tàn bạo và mục nát toát ra một phong thái ung dung, một khí phách hào hùng, một ý chí sắt đá, một tinh thần lạc quan cách mạng không gì lay chuyển nổi”. Bài thơ "Đi đường" là một trong những số ấy.

“Tài lộ tài tri tẩu lộ nan

Trùng san chi ngoại hựu trùng san

Trùng san đăng đáo cao phong hậu

Vạn lí dư đồ cố miện gian”.

Bài thơ được dịch là:

“Đi đường mới biết gian lao

Núi cao rồi lại núi cao trập trùng

Núi cao lên đến tận cùng

Thu vào tầm mắt muôn trùng nước non”.

Bài thơ ra đời trong những năm tháng Bác Hồ bị bắt giam trong nhà lao Tưởng Giới Thạch. Bác bị chúng giải đi hết nhà lao này đến nhà lao khác. Đường chuyển lao không những dài dặc mà còn vô cùng gian lao, phải trải qua núi non trùng diệp và những vực thẳm hun hút hiểm sâu. Nhưng dẫu vậy, từ trong khổ đau vẫn bừng lên ý chí “thép” mang đậm phong cách Hồ Chí Minh. Bài thơ “Đi đường” - “Tẩu lộ” đã thể hiện rõ điều đó.

**Luận điểm 1: Câu thơ là một nhận định nhưng đồng thời cũng là một chân lí.**

“Đi đường mới biết gian lao”

Có đi đường mới biết những sự vất vả, khó khăn của việc đi đường. Vậy những điều “nan”, “gian lao” ấy là gì?

“Núi cao rồi lại núi cao trập trùng"

Đường chuyển lao là những con đường đi qua các vùng núi hiểm trở của tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc. Tầng tầng lớp lớp những ngọn núi tiếp nối nhau chạy mãi đến chân trời. Hết ngọn núi này lại đến ngọn núi khác. Vậy nên mới có hình ảnh “Núi cao rồi lại núi cao trập trùng”. Trong nguyên văn chữ Hán là “Trùng san chi ngoại hựu trùng san”. **Phan tích từ ngữ 🡆** “Trùng san” có nghĩa là trùng trùng lớp lớp núi cao; “hựu” là “lại", câu thơ mang ý nghía: trùng trùng núi cao bên ngoài lại có núi cao trùng trùng. **Nhận xét, ánh giá 🡆** Một câu thơ mà có tớỉ hai chữ “trùng san", huống chi lại có chữ “hựu”, bởi vậy, câu thơ nguyên gốc gợi nên hình ảnh những đỉnh núi nhọn hoắt cao vút trời xanh trập trùng chạy mãi đến chân trời. Con đường ấy, mới chỉ nhìn thôi đã thấy đáng sợ. Nếu tù nhân là một người tù bình thường, ắt hẳn họ đã bị nỗi sợ hãi làm cho yếu mềm, nhụt chí. Nhưng người tù ấy lại là một người cộng sản vĩ đại Hồ Chí Minh. Và bởi vậy, hai câu thơ cuối bài đã thực sự thăng hoa.

**Luận điểm 2: Hai câu thơ sau thể hiện một tâm thế ung dung, tự tại, niềm tin yêu lạc quan vào cuộc sống.**

“Trùng san đăng đáo cao phong hậu

Vạn lí dư đồ cố miện gian”

Hai câu thơ được dịch khá sát là:

“Núi cao lên đến tận cùng

Thu vào tầm mắt muôn trùng nước non”.

**Nhận xét, đánh giá 🡆** Sau những vẩt vả, nhọc nhằn của con đường leo núi, khi đã lên đến tận đỉnh người tù cách mạng được chứng kiến một hình ảnh vô cùng hùng vi “muôn trùng nước non”. Theo tâm lí thông thường, trên con đường gian lao trập trùng đồi núi, khi lên đến đỉnh, con người dễ lo lắng, mệt mỏi khi nghĩ đến con đường xuống núi dốc thẳm cheo leo và những quả núi ngút ngàn khác. Nhưng Hồ Chí Minh thì ngược lại. **Nhận xét, đánh giá 🡆** Điều Người cảm nhận là niềm tự hào, sung sướng khi được đứng từ trên đỉnh cao chiêm ngưỡng sự hùng vĩ bao la của nước non, vũ trụ. Hình ảnh “thu vào tầm mắt muôn trùng nước non” thật hào sảng. Nó gợi đến hình ảnh bé nhỏ của con người đang đối diện trước cái mênh mông, trập trùng của giang san. Con người ấy không choáng ngợp trước sự kì vĩ của đất trời mà rất vui sướng, bồi hồi như lần đầu tiên được tận mắt nhìn thấy gương mặt của nước non. Chính cảm quan ấy đã nâng vị thế con người sánh ngang tầm non nước. Đứng trước một sự thật khách quan, mỗi con người có một cảm nhận khác nhau. Cảm nhận ấy phụ thuộc vào thế giới quan và bản lĩnh của con người, ở Hồ Chí Minh Người đã có những cảm nhận lạc quan, tươi sáng về cuộc đời. Người không bị cái nhọc nhằn của thể xác lấn át đi ước mơ, khát vọng và lí tưởng mà ngược lại, đã vượt qua gian lao để khẳng định ý chí bền bỉ, sắt đá và niềm lạc quan, tin tưởng vào cách mạng của bản thân mình. Đó là tinh thần thép là vẻ đẹp tâm hồn Bác.

**Nhận xét, đánh giá 🡆** Bài thơ "Đi đường" - "Tẩu lộ" không chỉ là bức tranh về con đường chuyển lao đầy rẫy nhọc nhằn trở ngại, đó còn là bức tranh chân dung tinh thần tự họa Hồ Chí Minh. Từ bài thơ, người đọc có thể cảm nhận hình ảnh Bác vừa có thần thái ung dung, bình tĩnh của một bậc tiên phong đạo cốt vừa có nét kiên cường rắn rỏi, đầy lạc quan của một người chiến sĩ cách mạng. Và như thế, bài thơ "Đi đường" - "Tẩu lộ" cùng với nhiều bài thơ khác trong tập thơ "Nhật kí trong tù" thực sự là một đoá hoa đáng trân trọng của văn học Việt Nam.

# Tỏa sáng tâm hồn và khí phách người cộng sản Hồ Chí Minh

Nhật ký trong tù chẳng nhữnglà một văn kiện lịch sử vô giá về một giai đoạn cách mạng của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh mà còn là một tác phẩm văn học lớn, là bức chân dung tự họa bằng thơ của người chiến sĩ cộng sản Hồ Chí Minh tuy chưa bao giờ Người tự nhận mình là một nhà thơ. Chính vì là “nhật ký” mà chúng ta thấy được trực diện hơn so với những tác phẩm hư cấu khác, lối sống, phép ứng xử hàng ngày của Hồ Chí Minh, đặc biệt là trong tình thế ngặt nghèo của một người tù.

**Thơ Đường luật, nhất là thơ tứ tuyệt, chủ yếu là thơ trữ tình, tả cảnh hoặc kết hợp cả hai.** Ngược lại, thơ tứ tuyệt trong Nhật ký trong tù tuy có những bài trữ tình nhưng lại có tính chất “nhật ký” với sự dung dị, chi tiết đời thường, ví dụ như bài: Chia nước, Lên xe lửa đi Lai Tân, Ghẻ v.v... Tính chất nôm na trong các bài thơ biểu hiện một con người rất gần gũi, đời thường. Chẳng hạn: Oa! Oa! Oa!/ Cha trốn không đi lính nước nhà/ Nên nỗi thân em vừa nửa tuổi/ Phải theo mẹ đến ở nhà pha (Cháu bé trong nhà lao Tân Dương) là một bài ca về lòng nhân ái, đồng thời cũng là một bản cáo trạng đanh thép gián tiếp tố cáo sự vô lý, bất công của chế độ đương thời.

Đằng sau cái đời thường, tâm hồn đồng cảm ấy là một nhân cách lớn, một ý chí và khát vọng tự do. Đó là tư thế ngồi trong nhà lao nhưng vẫn ngắm trăng soi ngoài cửa sổ và mối tương quan giữa vị trí và ý chí: Thân thể ở trong lao/ Tinh thần ở ngoài lao/ Muốn nên sự nghiệp lớn/ Tinh thần càng phải cao. Đó là việc giành thế chủ động nhưng không sa vào thắng lợi tinh thần: Mặc dù bị trói chân tay/ Chim ca rộn núi hương bay ngát rừng/ Mê say ai cấm ta đừng (Trên đường); hoặc: Gà gáy một lần đêm chửa tan/ Chòm sao đưa nguyệt vượt lên ngàn/ Người đi cất bước trên đường thẳm.../ Hơi ấm bao la trùm vũ trụ/ Người đi thi hứng bỗng thêm nồng (Giải đi sớm).

**Bằng chi tiết đời thực trong hoàn cảnh lao tù, bằng ngôn ngữ đời thường, nôm na, nhưng Nhật ký trong tù luôn được coi là áng văn mẫu mực về sự kết hợp giữa lý tưởng và hiện thực, giữa hiện thực với trữ tình và châm biếm, nhiều tầng, nhiều lớp để nhận thức xã hội.** Nhà cách mạng trong hoàn cảnh lao tù đã trở thành nhân vật trữ tình của những bài thơ - nhật ký. Chính trong nhân vật trữ tình, không chỉ phẩm chất cách mạng, mà toàn bộ phẩm chất người ở trạng thái hồn nhiên, trong trẻo, trọn vẹn đã làm tôn lên và hài hòa với phẩm chất cách mạng. Nhiều bài thơ hầu như chỉ nói tới thiên nhiên, cảm hứng lên đường và cảm hứng bình minh lên mà bỏ qua cái chuyện bị tù đày hiện thực. Sự tương phản giữa thực tế khổ ải và tự do nội tâm một lần nữa khẳng định tâm hồn mạnh mẽ, phóng khoáng, tư thế ung dung, chủ động trước mọi nghịch cảnh của nhà thơ Hồ Chí Minh, người luôn nhìn đời tươi sáng, lạc quan.

**Nhật ký trong tù thể hiện lòng yêu nước cháy bỏng, yêu nhân dân, thương cảm đến tận cùng những cảnh đời bất hạnh**. Tác phẩm thể hiện tinh thần cách mạng, ý chí gang thép của Hồ Chí Minh, là nhân cách, phong thái thể hiện trong tâm hồn, khí phách của một con người mà gông cùm, song sắt nhà tù không thể trói buộc, không khóa nổi lời thơ, không ngăn được những rung động tâm hồn tinh tế trước thiên nhiên, tạo vật; là lòng nhân ái bao la đối với con người. Và trên hết, Nhật ký trong tù thể hiện nhất quán tư tưởng đấu tranh cho tự do của con người; là niềm mong mỏi giải phóng đất nước, khát vọng thiết tha giành độc lập, tự do: Một canh... hai canh... lại ba canh/ Trằn trọc băn khoăn giấc chẳng thành/ Canh bốn, canh năm vừa chợp mắt/ Sao vàng năm cánh, mộng hồn quanh (Không ngủ được).

**Nếu như “văn là người” thì Nhật ký trong tù phản ánh trung thực tâm hồn và khí phách người chiến sĩ cộng sản Hồ Chí Minh.** Tập thơ tỏa sáng một nhân cách văn hóa lớn, biết hòa mình vào vũ trụ, vào thân phận những kẻ bất hạnh, những người bị vùi dập trong xã hội bất công và tự nguyện làm người bạn muôn đời của thế giới đau thương. Chất thép hòa quyện với chất thơ trong hồn thơ Hồ Chí Minh là ở đó. Chính vì vậy, 70 năm từ khi ra đời đến nay, Nhật ký trong tù luôn có sức cuốn hút, lan tỏa kỳ diệu. Tác phẩm đã được các tầng lớp nhân dân đón đọc, trở thành món ăn tinh thần của mỗi người dân đất Việt, được đưa vào giảng dạy trong các nhà trường.

Tác phẩm không chỉ được phổ biến sâu rộng trong nước mà còn được đánh giá cao và được giới thiệu bằng nhiều thứ tiếng trên thế giới: Trung Quốc, Nga, Anh, Pháp, Đức, Bồ Đào Nha, Hàn Quốc v.v... Với Nhật ký trong tù, chúng ta may mắn có được bức chân dung tự họa của con người Hồ Chí Minh. Qua cuộc đời Hồ Chí Minh, chúng ta càng hiểu thêm giá trị Nhật ký trong tù. Từ thực tế, có thể khẳng định, 70 năm sau, năng lượng tinh thần ngời sáng, tấm gương đạo đức cách mạng cao cả của bậc minh triết Hồ Chí Minh lan tỏa từ Nhật ký trong tù vẫn “tu dưỡng” hết thảy chúng ta...

**Bài 2**

**Phát biểu về tập “Nhật kí trong tù”, nhà thơ Xuân Diệu có viết: “Cái hay vô song của tập thơ là chất người cộng sản Hồ Chí Minh”. (Yêu thơ Bác, tạp chí văn học số 5/1966). Anh (chị) hiểu ý kiến trên như thế nào? Hãy phân tích các bài thơ trong tập Nhật kí trong tù để chứng minh.**

**Bài làm**

Học tập thơ văn của Chủ tịch Hồ Chí Minh, điều quan trọng nhất là chúng ta học được cách làm người của Bác kính yêu. Thơ Bác đẹp, hấp dẫn chúng ta trước hết bởi vì cuộc đời Bác đẹp, tâm hồn Bác đẹp. Phát biểu về tập Nhật kí trong tù, nhà thơ Xuân Diệu có viết: “Cái hay vô song của tập thơ là chất người cộng sản Hồ Chí Minh”.

Sự nghiệp chính của Bác là hoạt động cách mạng. Bác chưa một lần hối hận mình là nhà văn, nhà thơ. Nhật kí trong tù trước hết là một tập nhật kí của một người tù cộng sản nhằm ghi lại những sự việc bình thường hằng ngày mà tác giả trải qua. Thật may mắn, tập thơ đã đến với chúng ta, giúp chúng ta hiểu thêm một quãng đời gian khổ của vị lãnh tụ vĩ đại.Thông qua tập thơ, ta hiểu thêm về con người Bác. Đúng như nhà thơ Xuân Diệu đã nói” Cai hay vô song của tập thơ”, sợ chỉ đỏ xuyên suốt là phẩm chất cao đẹp của người chiến sĩ cộng sản Hồ Chí Minh.

Nói đến “chất người cộng sản” trước hết nói đến những phẩm chất tốt đẹp của con người chân chính nói chung. Phẩm chất ấy được thể hiện qua tình yêu quê hương, đất nước và tình yêu con người; đấy chính là tình thần căm thù sự bất công tàn bạo. Đặc biệt phẩm chất người cộng sản được thử thách qua việc chiến đấu kiên cường sẵn sàng hy sinh phấn đấu vì lí tưởng cộng sản cao đẹp.

Chúng ta còn nhớ, vào năm 1942 trên đường sang Trung Quốc công tác, Bác đã bị bọn Tưởng Giới Thạch bắt giam. Chúng giải Bác qua nhiều nhà lao, Bác đã phải chịu đựng bao gian khổ của chế độ nhà tù tàn bạo. Bị đọa đày, Bác vẫn bình tĩnh, lạc quan tin tưởng vào sự tất thắng của ...

Trước cách mạng, Bác có một tình yêu bao là rộng lớn. Trước hết, đấy là tình yêu con người. Bác cảm thông sâu sắc với những người bạn tù cùng cảnh ngộ. Nghe tiếng sáo của người bạn tù, Bác viết thành bài thơ:

Bỗng nghe trong ngục sáo vi vu.

Khúc nhạc tình quê chuyển điệu sầu:

Muốn dặm quan hà khôn xiết nỗi.

Lên lầu ai đó ngóng trông nhau.

Qua tiếng sáo, Bác hình dung ra không chỉ nỗi niềm của người thổi sao mà con vẽ lên được ở một vùng quê xa xôi kia có người vợ của người bạn tù dõi mắt ngóng về phía chân trời xa, nơi chồng mình bị giam cầm. Từ tình thương người bạn tù, Bác gửi nỗi niềm cảm thông của mình đến với những người thân của họ. Có lần, bỗng bác nghe thấy một cháu bé khóc, khi biết nguyên nhân phải vào tù, Bác đã xúc động viết bài Cháu bé trong nhà lao Tân Dương:

Oa…!Oa…!Oa…!

Cha trốn không đi lính nước nhà.

Nên nỗi thân em vừa nửa tuổi

Phải theo mẹ đến ở nhà pha.

Trong lao tù, Bác phải chịu biết bao cay đắng cực khổ, nhưng ta ít thấy Bác nói về nỗi khổ của mình, có chăng nỗi khổ ấy được nói đến kèm theo một nụ cười hóm hỉnh, còn chủ yếu Hồ Chủ tịch nói về nỗi khổ của người khác với sự cảm thông chân thành. Đọc lại những bài thơ, chúng ta vô cùng xúc động trước tình thương bao la của Người dành cho những ai cùng cảnh ngộ, những ai bị đày đọa cực khổ trong chế độ xã hội bất công.

Yêu thương con người chân thành tha thiết, đồng thời Hồ Chủ tịch cũng là người yêu quí thiên nhiên. Thiên nhiên đối với Bác vừa gần gũi, vừa sinh động tươi đẹp. Người viết nhiều về thiên nhiên. Dường như, trong thơ Bác, thiên nhiên và con người có sự hòa hợp thật đáng quí. Dưới đây là một bài thơ Bác sáng tác ngay trên đường chuyển nhà lao:

Mặc dù bị trói chân tay,

Chim ca rộn núi hương bay ngát rừng;

Vui say ai cấm ta đừng,

Đường xa âu cũng bớt chừng quạnh hiu.

Vượt lên sự đau khổ về thân xác, Bác hòa tâm ...

Hòa hồn mình vào cảnh đất trời tươi đẹp, thưởng thức tiếng chim ca rộn rã ở chốn núi rừng ngào ngạt hương bay. Bác bị trói, giải đi đường mà ung dung tự tại như một tiên ông say cảnh thiên nhiên. Người đọc cũng cảm thấy lòng mình hứng khởi qua cách nhìn cảnh vật của Bác. Đằng sau vẻ đẹp của thiên nhiên là hình ảnh của một người tù cộng sản với niềm tin vô bờ vào ngày mai tươi sáng của Cách mạng. Người đã từng tâm niệm:

Ví không có cảnh đông tàn

Thì đâu có cảnh huy hoàng ngày xuân

Nghĩ mình trong lúc gian truân.

Tai ương rèn luyện tình thần thêm hăng.

Vì tin tưởng vào tiền đồ của dân tộc, của cách mạng nên Bác Hồ đã vượt qua mọi gian khổ, hy sinh chiến đấu. Bác coi lao tù chính trị là nơi thử thách dũng khí của người cộng sản. Dũng khí ấy được Bác thể hiện qua nhiều bài thơ. Phải chăng đó là những nhân tố tạo nên phẩm chất của người chiến sĩ cộng sản: trung thành với lí tưởng, suốt đời phấn đấu hi sinh vì lí tưởng cao đẹp? Kẻ thù có thể giam cầm được thân thể Bác, nhưng chúng không sao có thể giam cầm được tinh thần Bác. Bác đã nói về điều này một cách ngắn gọn và giản dị:

Thân thể ở trong lao

Tinh thần ở ngoài lao,

Muốn nên sự nghiệp lớn,

Tinh thần càng phải cao.

Ý thức được về hoàn cảnh xung quanh, có ý chí tận dụng mọi cơ hội để phụ sự lí tưởng là một đặc điểm trong nhân cách người cộng sản Hồ Chí Minh vĩ đại. Tổ quốc là hình ảnh luôn thường trực trong tâm trí Bác. Vì Tổ quốc, vì nhân dân, Người ra đi tìm đường cứu nước. Với hai bàn tay trắng, Bác đã đặt chân lên khắp châu Âu, châu Mĩ, đã làm đủ nghề cực nhọc để sinh sống, học hỏi và “tìm hình của nước”. Tổ quốc đây chính là nhân dân lao động, là đất nước đang đau thương đòi giải phóng…Cảm động biết bao khi chúng ta đọc được bài “Không ngủ được”.

Một canh…hai canh…lại ba canh,

Trằn trọc, băn khoăn giấc chẳng thành

Canh bốn, canh ...

... năm vừa chợp mắt,

Sao vàng năm cánh mộng hồn quanh.

Sao vàng, đấy chính là hình ảnh của Tổ quốc, của đất nước. Bác trằn trọc băn khoăn biết bao đêm trường vì Tổ quốc. Vừa chợp mắt, hình ảnh thân thương ấy lại hiện về. Và hạnh phúc cho nhân dân, độc lập tự do cho Tổ quốc chính là khát vọng duy nhất, lớn lao trong suốt cả cuộc đời của Bác, của một người “nâng niu tất cả chỉ quên mình” (Tố Hữu).  
 Trong Nhật kí trong tù, chất người cộng sản thấm đượm vào từng bài thơ, từng câu thơ. Người đọc ngày càng phát hiện rõ chất người cộng sản trong bài Tự khuyên mình, Không ngủ được – những bài Bác viết về chính bản thân mình – và cũng có thể thể thấy được qua những bài ca ngợi thiên nhiên tươi đẹp trên đất nước Trung Hoa như Cảnh ngoài đồng, Chiều tối…những bài viết về những người cùng cảnh ngộ lao tù với Bác: Vợ người tù đến thăm chồng, Cờ bạc…, những người lao động vất vả như Phu làm đường… chất người cộng sản cao quý này đã tạo nên trong thơ Bác chất thép cứng rắn thể hiện qua tình thần chiến đấu không mệt mỏi vì lí tưởng cộng sản “mài chẳng khuyết, nhuộm chẳng đen” (Nguyễn Trãi), đồng thời nó cũng tạo nên tình yêu mênh mông trong thơ Bác, xuất phát từ con tìm thật dễ rung động trước một cuộc đời sẵn lòng chia sẻ niềm vui và nỗi buồn với bao kiếp người cùng khổ. Nhà thơ Hoàng Trung Thông đã nói hộ chúng ta những cảm nghĩ rất sâu sắc và sức hấp dẫn trong thơ của Hồ Chủ tịch:

Tôi đọc trăm bài trăm ý đẹ

Ánh đèn tỏa rạng mái đầu xan

Vần thơ của Bác vần thơ thép

Mà vẫn mênh mông bát ngát tình.

Nhận định của nhà thơ Xuân Diệu có phần thiên về mặt nội dung trong thơ của Bác. Thật ra, chất người cộng sản trong thơ của Bác có thể đến với chúng ta, chinh phục sự ngưỡng mộ của chúng ta lại còn nhờ vào tài năng của người chiến sĩ –thi sĩ Hồ Chí Minh. Thơ Bác thật giản dị, nhưng cũng thật sâu sắc. Thơ Bác nói ...

Lời ít gợi nhiều, Bác đề cập đến mọi đề tài. Từ chiếc gậy, cái răng rụng, đến con muỗi, con rệp…đều có thể đi một cách tự nhiên vào thơ Bác. Nhật kí trong tù tuy viết bằng chữ Hán, đề cập đến nhiều vấn đề hiện đại, thể hiện tư tưởng tình cảm của một chiến sĩ cộng sản, nhưng cả về mặt nội dung cũng như hình thức đều đậm đà tính dân tộc gần gũi với chúng ta, vừa cổ điển vừa hiện đại.

Ngày nay, đọc Nhật kí trong tù, trước hết làm chúng ta nhớ lại một quãng đường hoạt động cách mạng cực kì gian khổ của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Đồng thời chúng ta cũng có điều kiện hiểu biết về những phẩm chất cao đẹp của Bác Hồ. Những phẩm chất này đã được thể hiện khá sinh động qua một số bài thơ của tập Nhật kí trong tù. Tựu trung lại, phẩm chất cao đẹp ấy là “chất người cộng sản” như nhà thơ Xuân Diệu đã nhận xét và chính nó đã tạo nên giá trị vô song cho tác phẩm.

Trước mắt chúng ta hiện nay còn không ít khó khăn gian khổ, thế hệ trẻ tìm thấy trong “chất người cộng sản Hồ Chí Minh” một nguồn cổ vũ lớn lao. Nhiều bài thơ của Bác, khi đọc lên đường như tiếp cho chúng ta sức mạnh để đi tới, để “không ngừng thế tấn công”. Tấn công vào cái tiêu cực của xã hội, tấn công vào nhứng tính toán nhỏ nhen ích kỉ trong lòng mình, hướng tới một điều tốt đẹp hơn, sẵn sàng đón nhận mọi phong ba thử thách…để có thể trở thành một công dân có ích.

Đọc thơ Người, học tập đạo lí làm người của Bác là một điều không phải là dễ dàng, nhất là trong hoàn cảnh hiện nay. Nhưng, phải chăng đấy là cách tốt nhất để chúng ta tu dưỡng, rèn luyện để có thể tự tin bước vào đời với “chất người cộng sản” cao đẹp?

**Đề bài : Khi nói về tập thơ Nhật kí trong tù, nhà thơ Xuân Diệu nhận xét: “ Cái hay vô song của tập thơ là chất người cộng sản Hồ Chí Minh”. Chất người cộng sản ấy đã toả sáng trong mỗi bài thơ, vần thơ tạo thành sức hấp dẫn, sức sống lâu bền trong lòng nhiều thế hệ độc giả.**

**Mở bài**

Chủ Tịch Hồ Chí Minh không chỉ là một chiến sĩ cách mạng, nhà ngoại giao lỗi lạc, nhà quân sự tài ba…Người còn là một nhà thơ nổi tiếng trong nền thi ca nhân loại. Thơ Bác luôn thể hiện một tâm hồn rộng mở, lạc quan yêu đời, một nụ cười hóm hỉnh, tươi vui và đầy niềm tin chiến hơn thế nữa, đàng sau mỗi câu thơ của người còn thể hiện chất người cộng sản kiên trung..Bài thơ đi đương chính la một minh chứng cho điều đó.

**1. Hình tượng người đi đường luôn vận động theo mạch cảm xúc thơ được liên tục gợi mở, triển khai trong bài thơ.** Người xưa có nhắc: Đọc sách người ấy, đọc thơ người ấy phải biết con người ấy là thế. Bài thơ "Đi đường" - Tẩu lộ không chỉ là bức tranh về con đường chuyển lao đầy rẫy nhọc nhằn trở ngại, đó còn là bức tranh chân dung tinh thần tự họa Hồ Chí Minh. Câu mở đầu là nhận xét chung của Bác về chuyện đi đường: Tẩu lộ tài tri tẩu lộ nan

(Đi đường mới biết gian lao).

**Nhận xét, đánh giá 🡆** Câu thơ là một nhận định nhưng đồng thời cũng là một chân lí: Có đi đường mới biết những sự vất vả, khó khăn của việc đi đường. Câu thơ tiếp là hình ảnh miêu tả cụ thể khách quan về đường đi gian khó, cũng là sự phát triển ý thơ, mạch thơ của câu thơ đầu. Nó cụ thể hóa những gian lao trên đường đi thành hình ảnh: Trùng san chi ngoại hựu trùng san ( Núi cao rồi lại núi cao trập trùng). Nó làm sáng tỏ cái ý gian lao ở câu thơ thứ nhất. “Trùng san” có nghĩa là trùng trùng lớp lớp núi cao; “hựu”là “lại, lại lần nữa".

**Bình luận 🡆** Trong một câu thơ mà có tới hai chữ “trùng san" ở đầu và cuối câu, lại có thêm chữ “hựu” tạo nên tiết tấu câu thơ dồn nén, nhanh, mạnh hơn. Không những thế còn tạo nên cấu trúc khép kín, kết cấu trùng lặp tăng tiến cho câu thơ. **Nhận xét, đánh giá 🡆** Câu thơ không chỉ gợi nên hình ảnh những đỉnh núi nhọn hoắt cao vút trời xanh trập trùng, nối tiếp, chồng lên nhau chạy mãi đến chân trời mà còn gợi hình ảnh kẻ chinh nhân bị đẩy vào tình thế bị hãm chặt lại, bị vây bọc bịt bùng giữa ba bề bốn bên là rừng núi.

**Phân tích từ ngữ 🡆** Một chữ “hựu” đơn giản mà gợi được bao nhiêu điều chất chứa, nặng nề trong tâm trí người tù. Bởi vì vừa mới vượt được một dãy núi cao này chưa kịp nghỉ ngơi lại nối tiếp những dãy núi cao khác. Giữa khung cảnh thiên nhiên ấy, con người vốn nhỏ bé, yếu ớt lại càng thêm nhỏ bé, yếu ớt hơn. Đường xa, vực sâu, dốc đứng… biết bao trở ngại, thách thức dễ làm cho con người chán nản, ngã lòng. **Nhận xét, đánh giá 🡆** Nhưng đối với Bác thì hoàn toàn ngược lại. Giữa vòng vây núi non trập trùng, hoang vu đó nổi lên hình ảnh một con người với nghị lực, sức mạnh phi thường. Và bởi vậy, hai câu thơ cuối bài đã thực sự thăng hoa:

“Trùng san đăng đáo cao phong hậu

Vạn lí dư đồ cố miện gian”

Hai câu thơ được dịch khá sát là:

“Núi cao lên đến tận cùng

Thu vào tầm mắt muôn trùng nước non”.

**Phân tích từ ngữ và bình luận🡆** Câu thơ chữ Hán dừng lại ở âm thanh chắc nịch của chữ “hậu”, tạo nên âm hưởng rắn rỏi, mạnh mẽ. Câu thơ dịch có âm điệu dàn trải như tiếng thở phào sung sướng, nhẹ nhõm. Câu thơ thứ hai kết thúc bằng hình ảnh “trùng san”, câu thơ thứ ba mở đầu cũng bằng hình ảnh ấy. Trong thơ dịch không liền như thế nhưng cũng lặp lại từ “núi cao”… “núi cao”…

**Phân tích nghệ thuật, giọng thơ🡆** Âm điệu ấy nâng con người lên cái thế tưởng như bình thường nhưng thực ra lại rất hào hùng. Thêm nữa, hai câu thơ này được cấu trúc trên mối quan hệ điều kiện – hệ quả. Khi đã chiếm lĩnh được đỉnh cao chót (cao phong hậu) thì muôn dặm nước non (vạn lí dư đồ) thu cả vào tầm mắt: **Bình luận**, **liên hệ🡆** Muốn vượt qua các lớp núi lên đến đỉnh cao chót vót thì phải có quyết tâm và nghị lực lớn. Sau những vất vả, nhọc nhằn của con đường leo núi, khi đã lên đến tận đỉnh người tù cách mạng mặc dù cổ đeo gông, chân vướng với một hành trình nặng nề, mệt mỏi được chứng kiến một hình ảnh vô cùng hùng vĩ “muôn trùng nước non”.

Con người đã đến đích sau cuộc hành trình muôn vàn gian khổ. Bài thơ kết thúc ở niềm vui, niềm kiêu hãnh to lớn đó. Âm hưởng câu thơ cuối ngân vang thể hiện niềm lạc quan vô hạn trước tương lai tươi đẹp. Như vậy, ý thơ và mạch thơ luôn đuợc phát triển và mở rộng liên tục một cách vừa tự nhiên, hợp lý vừa bất ngờ, thú vị tạo nên những vỉa tầng ý nghĩa sâu sắc cho văn bản. Theo đó, hình tượng người đi đường cũng dần dần phát lộ những vẻ đẹp riêng, đáng quý của mình.

**2. Hình tượng người đi đường ở đây còn giàu cảm hứng thơ.** Bài thơ ra đời trong những năm tháng Bác Hồ bị bắt giam trong nhà lao Tưởng Giới Thạch. Bác bị chúng giải đi hết nhà lao này đến nhà lao khác. Trong những ngày bị tù đày, Hồ Chí Minh bị áp giải qua nhiều nhà lao. Theo Trần Dân Tiên trong những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch thì Người bị giam giữ trong gần ba mươi nhà lao huyện và xã. Chuyện đi đường là việc xảy ra hằng ngày.

Bác cũng đang bằng cảnh ngộ riêng của mình, rút ra bài học cho chính mình. Nguyên tác bài thơ bằng chữ Hán, theo thể thất ngôn tứ tuyệt (bảy chữ, bốn câu). Sự hàm súc, cô đọng của ngôn từ cùng niêm luật nghiêm ngặt của thơ Đường không bó buộc nổi tứ thơ phóng khoáng và cảm xúc dạt dào của thi nhân trước hiện thực của bản thân. Bản dịch ra tiếng Việt theo thể lục bát tuy có làm mềm đi đôi chút cái âm điệu rắn chắc, khỏe khoắn vốn có của nguyên tác nhưng vẫn thể hiện được nội dung tư tưởng và giá trị nghệ thuật của bài thơ.

Bài thơ Đi đường mở đầu cho hành trình bị áp giải: Tẩu lộ tài tri, tẩu lộ nan (Có đi đường mới biết đường đi khó). Như những nốt nhấn đúng nhịp (nhịp 4/3), câu thơ hàm súc, dồn nén mà chan chứa cảm xúc đúc rút từ hiện thực của bao hành trình vất vả, hiểm nguy mà Bác đã phải trải qua. Đó vừa như một nhận xét vừa như một nghiền ngẫm, suy nghĩ chiêm nghiệm bằng chính mồ hôi, nước mắt, máu thịt của mình. Đó là tinh thần thép, là vẻ đẹp tâm hồn Bác. Người đó là chiến sĩ nhưng cũng là thi sĩ nên đã trải trái tim mình trên suốt chặng đường đi. Người ấy cũng là triết nhân nhưng không hề tư biện, không minh hoạ tư tưởng có sẵn bằng hình ảnh sáo mòn mà suy ngẫm trong sự sống đầy cảm xúc của chính mình. Điều đó làm cho bài thơ triết lý vẫn rung động lòng người và tư tưởng của nó đã đi sâu vào tâm trí người đọc.

Bằng thể thơ nhật kí gần gũi, chân thật, từ ngữ giản dị, quen thuộc, câu thơ đọc lên có một độ ngân rung từ nỗi niềm có thật. Đọc câu thơ tưởng nhẹ nhõm tựa lông hồng này ta thấy một sức mạnh ngàn cân bởi nó được rút ra từ chính cảnh cơ cực của nhà thơ. Câu thơ như một lời nhận xét thốt ra rất tự nhiên của người tù đã thấm mệt trên con đường bị giải đi. Đây chính là một sự trải nghiệm, một câu thơ được đánh đổi bằng chính những ngày đi đường gian khổ vất vả của Bác. Một chữ tài tri ( mới biết) đơn giản vậy thôi mà ẩn chứa bao nhiêu vất vả, nhọc nhằn và bao ý vị cuộc đời ở đó.

**3. Không những thế, hình tượng người đi đường còn đầy chiêm nghiệm, triết lý về cuộc đời.** Bài thơ ghi lại những điều cảm nhận được trên đường đi nhưng khác ở chỗ sự cảm nhận ấy đã được khái quát và nâng cao lên thành triết lí. Do đó, ngoài ý nghĩa hiện thực, bài thơ còn chứa đựng ý nghĩa tượng trưng thâm thúy.

Con đường ấy là con đường chuyển lao nhưng cũng là con đường cách mạng, con đường sự nghiệp, con đường đời. Đi đường đã gợi ra một chân lí: đường đời, đường cách mạng nhiều chông gai, thử thách, nhưng nếu quyết tâm vượt qua, con người nhất định sẽ đạt được những thắng lợi rực rỡ. Bài học đi đường thật là vô giá. Đích của bài thơ là một bài học, một quy luật: Muốn có tầm cao về tâm hồn, trí tuệ phải chịu khó vượt qua nhiều gian lao thử thách. Gian lao càng nhiều, thử thách càng cao thì tâm hồn, trí tuệ càng được nâng cao, mở rộng. Gian khó được coi là cái giá của tầm cao tư tưởng và tâm hồn.

Tóm lại, bằng ngôn từ giản dị và nét bút tài hoa của người nghệ sĩ, Bác đã vẽ nên bức tranh thiên nhiên hùng vĩ và trên cái nền hoành tráng đó, nổi bật lên hình ảnh người đi đường vừa có thần thái ung dung, bình tĩnh của một bậc tiên phong đạo cốt vừa có nét kiên cường rắn rỏi, bản lĩnh, đầy lạc quan của một người chiến sĩ cách mạng. Và trên hết Tẩu lộ (Đi đường) là một bài học triết lý sâu xa về đường đời. Bài thơ hấp dẫn, có sức sống lâu bền trong trái tim người đọc và ở lại đó như một điều tâm đắc, một điều chiêm nghiệm và từ đó trở thành phương châm sống, thành ý chí và hành động của mỗi con người./.

**Hình ảnh Bác Hồ qua những bài thơ em đã học và đọc thêm trong chương trình Ngữ văn THCS**

**Gợi ý**

Thế giới có hơn 6 tỉ người nhưng danh nhân văn hoá là con số đếm được trên đầu ngón tay. Và trong số đó lại càng hiếm hơn những người là danh nhân văn hoá kiệt xuất. Nước Việt Nam của chúng ta tự hào vì đã có một con người như thế. Người là Chủ tịch Hồ Chí Minh, là Bác Hồ giản dị muôn vàn kính yêu của mỗi chúng ta.

*Tháp Mười đẹp nhất bông sen*

*Việt Nam đẹp nhất có tên Bác Hồ*

Bác đã từ lâu đã trở thành nguồn cảm hứng của thơ và nhạc. Hình ảnh Bác, vị lãnh tụ kính yêu từ cuộc đời thật bước vào tác phẩm nghệ thuật đẹp đẽ lạ kì: vừa giản dị, gần gũi vừa vĩ đại thiêng liêng. Hình ảnh Bác là bất tử, là bài ca không bao giờ tắt trong dòng văn học Việt Nam.

Hình ảnh Bác thể hiện ý chí đấu tranh giành độc lập, tự do của dân tộc. Thơ ca Việt Nam theo chân Người trong cuộc ra đi tìm đường cứu nước rồi đến khi Người trở về Tổ quốc thân yêu. Ít có nhà thơ nào lại viết được hay như Chế Lan Viên. Cảm xúc về cuộc hành trình của vị lãnh tụ được nhà thơ diễn tả thật xúc động:

*Đất nước đẹp vô cùng.Nhưng Bác phải ra đi.*

*(Người đi tìm hình của nước)*

Người cất bước ra đi mà lòng nặng trĩu nỗi buồn chia xa đối với quê hương xứ sở, một cuộc hành trình thầm lặng của một con người mà đầy ý nghĩa lớn lao với lịch sử của một dân tộc. Cái tôi vĩ đại ở Bác đã hoà vào cái "ta" chung của dân tộc, đối lập với những "cái tôi" bé nhỏ tầm thường:

*Lũ chúng ta ngủ trong giường chiếu hẹ****p***

*Giấc mơ con đè nát cuộc đời con.*

*Hạnh phúc đựng trong một tà áo đẹp*

*Một mái nhà yên rủ bóng xuống tâm hồn.*

Và sau những tháng năm cay đắng, khổ tận đã đến ngày cam lai, Người đã tìm ra con đường, tìm ra chân lý sống còn cho cả dân tộc.

*Luận cương đến. Và Người đã khóc*

*Lệ Bác Hồ rơi trên chữ Lê-nin*

*Bốn bức tường im nghe Bác lật từng trang sách*

*Tưởng bên ngoài đất nước mong tin*

Trong niềm xúc động nghẹn ngào vì đã tìm ra ánh sáng của con đường cách mạng mà Người đã cố kiếm tìm, Bác đã reo lên với nhiều cảm xúc vui mừng khôn xiết. Từ lời kể chân thành giản dị của Người, Chế Lan Viên đã viết lên nhiều vần thơ như tạc vào lịch sử một sự kiện vô cùng trọng đại:

*Bác reo lên một mình như nói cùng dân tộc*

*"Cơm áo là đây!Hạnh phúc đây rồi!"*

*Hình ảnh Đảng lồng trong hình của nước*

*Phút khóc đầu tiên là phút Bác Hồ cười.*

Còn niềm sung sướng nào hơn niềm sung sướng này? Còn sự xúc động nào ngọt ngào hơn với Bác như lúc này? Người đã phát hiện ra chỉ có con đường cách mạng vô sản mà luận cương của Lê-nin đã chỉ ra mới đem lại hạnh phúc ấm no cho dân tộc. Vậy là dân tộc Việt Nam đã có ánh sáng thái dương đem áng sáng lí tưởng cách mạng soi rọi cho triệu triệu người, là biểu hiện của nỗi khát khao độc lập vô bờ của nước Việt Nam, dân tộc Việt Nam. Cảm xúc của Bác lắng đọng trong từng câu chữ của Chế Lan Viên và hình ảnh Bác trong "Người đi tìm hình của nước" thật vĩ đại, là ước vọng của tự do, độc lập của các dân tộc khắp năm châu.

Không chỉ thế, hình ảnh Bác với tình thương bao la của mình là đề tài chủ yếu của thơ ca Việt Nam.Với toàn thể nhân dân, tình thương của Bác thể hiện thật sâu sắc.Minh Huệ đã phản ánh điều này trong bài thơ "Đêm nay Bác không ngủ" rất chân thực.

*"Rồi Bác đi dém chăn*

*Từng người từng người một*

*Sợ cháu mình giật thột*

*Bác nhón chân nhẹ nhàng."*

Đó là sự chăm sóc ân cần với những người chiến sĩ. Còn đây là tình cảm của Người đối với đoàn dân công vất vả, thiếu thốn, chịu đựng gian khổ khó khăn vì cuộc kháng chiến dân tộc:

*Bác thương đoàn dân công*

*Đêm nay ngủ ngoài rừng*

*Rải lá cây làm chiếu*

*Manh áo phủ làm chăn*

*Trời thì mưa lâm thâm*

*Làm sao cho khỏi ướt*

*Càng thương càng nóng ruột*

*Mong trời sáng mau mau.*

*(Đêm nay Bác không ngủ)*

Tình thương của Bác thể hiện ở nhiều cung bậc khi là sự "nóng ruột" bồn chồn không ngủ được vì lo cho bộ đội, dân công, khi lại thao thức năm canh vì lo vận mệnh đất nước.Đặc biệt tình cảm Bác dành cho đồng bào Miền Nam thật sâu nặng nghĩa tình. Tố Hữu cho ta cảm nhận được điều đó trong bài "Bác ơi":

*Bác nhớ miền Nam nỗi nhớ nhà*

*Miền Nam mong Bác nỗi mong cha.*

Quả là những tình cảm gắn bó máu thịt thiết tha.Tiếc thay đến ngày nước nhà thống nhất thì Bác đã không còn.Người ra đi vĩnh viễn nhưng vẫn để lại muôn vàn tình thương.

Tình thương ấy rõ nét nhất với thiếu niên nhi đồng. Bác thương một cháu bé trong nhà lao Tân Dương của Tưởng Giới Thạch mới nửa tuổi đã phải đến ở chốn tù lao với mẹ vì cha cháu trốn lính:

*Oa...! Oa...! Oa...!*

*Cha trốn không đi lính nước nhà*

*Nên nỗi thân em vừa nửa tuổi*

*Phải theo mẹ đến ở nhà pha.*

*(Nhật kí trong tù -* Hồ Chí Minh)

Nhà thơ Tố Hữu trong "Theo chân Bác" đã nói được niềm sâu thẳm trong, tâm hồn Bác nỗi lòng hướng đến trẻ thơ, đến các cháu thiếu niên nhi đồng:

*Ô! vẫn còn đây của các em*

*Chồng thư mới mở, Bác đang xem*

*Chắc Người thương lắm lòng con trẻ*

*Nên để bâng khuâng gió động rèm.*

Tình thương luôn là vô hình nhưng lại hữu hình trong tình thương của Người với dân tộc.Một tình thương bao la rộng lớn mà ta cảm thấy và muôn triệu lớp lớp người Việt Nam đều cảm thấy ấm lòng khi nghĩ về vị cha già dân tộc Hồ Chí Minh.

Không những thế ta còn cảm nhận qua các bài thơ về Bác nhiều phong cách Hồ Chí Minh rất gần gũi, đặc biệt. Người là con người giản dị thanh đạm.

*Mong manh áo vải hồn muôn trượng*

*Hơn tượng đồng phơi những lối mòn.*

Cuộc đời của vị Chủ tịch nước mà thanh đạm vô cùng.

*Nhà gác đơn sơ một góc vườn*

*Gỗ thường mộc mạc chẳng mùi sơn*

*Giường mây chiếu cói đơn chăn gối*

*Tủ nhỏ vừa treo mấy áo sờn.*

* Bác ta luôn thấy phong cách của một con người bình thường mà vĩ đại, một con người hiểu biết uyên thâm nhưng rất gần gũi, bình dị.

Thêm nữa ta thấy ở Người một bản lĩnh phi thường, một phẩm chất cao quí có sự hoà hợp giữa chất thép và tình.Dẫu hoàn cảnh tù đầy nhưng Người luôn kiên cường bất khuất, giữa chốn địa đầy đau khổ nhưng vẫn yêu thiên nhiên.

*Người ngắm trăng soi ngoài cửa sổ*

*Trăng nhòm khe cửa ngắm nhà thơ.*

Ôi! Thật là sang cuộc đời cách mạng, thơ ca Việt Nam đồng tình với Người, đồng tình với tư tưởng và lòng yêu nước cao cả. Hình ảnh Bác với phong thái của mình sẽ mãi là bài ca yêu nước và tự hào dân tộc mà Viễn Phương đã viết lên bản tình ca về Bác thật sâu sắc, cảm động.

*"Ngày ngày mặt trời đi qua trên lăng*

*Thấy một mặt trời trong lăng rất đỏ*

*Ngày ngày dòng người đi trong thương nhớ*

*Kết tràng hoa dâng bẩy mươi chín mùa xuân.*

(Viếng lăng Bác)

Người đã ra đi nhưng thơ ca Việt Nam, đất nước và con người Việt Nam còn nhắc mãi tên Người: "Hồ Chí Minh tên Người là cả một niềm thơ". Quả như vậy, hình ảnh Bác Hồ là hình của nước là muôn thế hệ sau vẫn ngợi ca tự hào, vẫn mãi là nguồn cảm hứng không nguôi cho mảnh đất văn nuôi dưỡng tâm hồn.

*Đố ai đếm được lá rừng*

*Đố ai đếm được mấy tầng trời cao*

*Đố ai đếm được vì sao*

*Đố ai đếm được công lao Bác Hồ*

*Bác Hồ là vị cha chung*

*Là sao Bắc Đẩu, là vầng Thái Dương.*

**BÀI THƠ: CẢNH KHUYA**

### **Đôi nét về tác phẩm Cảnh khuya**

**1. Hoàn cảnh ra đời bài thơ Cảnh Khuya**

- Thời gian: 1947

- Địa điểm: chiến khu Việt Bắc

- Hoàn cảnh: trong những năm tháng đầu của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 - 1954). Cuối năm 1947, quân Pháp ồ ạt tấn công lên Việt Bắc, hòng tiêu diệt lực lượng chủ yếu và cơ quan đầu não lãnh đạo cuộc kháng chiến. Chiến dịch Việt Bắc của quân và dân ta đã làm thất bại ý đồ của địch và tiêu diệt nhiều lực lượng của chúng. Bài thơ Cảnh khuya đã được Hồ Chí Minh viết trong những đêm sống tại núi rừng Việt Bắc để lãnh đạo chiến dịch.

**2. Thể thơ**

- Bài thơ Cảnh khuya được viết theo thể Thất ngôn tứ tuyệt.

**3. Phương thức biểu đạt**

- Phương thức biểu đạt của bài thơ Cảnh khuya là miêu tả và biểu cảm.

**4. Bố cục bài thơ Cảnh khuya**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***STT*** | ***Giới hạn*** | ***Nội dung*** |
| Phần 1 | Hai câu thơ đầu | * Khung cảnh thiên nhiên, núi rừng Việt Bắc trong đêm trăng. |
| Phần 2 | Hai câu thơ cuối | * Hình ảnh người thi nhân trong đêm trăng sáng với những suy tư. |

**5. Giá trị nội dung bài thơ Cảnh khuya**

Bài thơ miêu tả cảnh trăng sáng ở chiến khu Việt Bắc trong những năm đầu của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, qua đó thể hiện tình yêu thiên nhiên, tâm hồn nhạy cảm, lòng yêu nước sâu nặng và phong thái ung dung, lạc quan của Bác Hồ.

**6. Giá trị nghệ thuật bài thơ Cảnh Khuya**

- Sử dụng lời thơ, hình ảnh thơ tự nhiên, bình dị, gần gũi.

- Ngôn ngữ giản dị, trong sáng, không hoa mĩ, cầu kì.

- Sử dụng các biện pháp tu từ như so sánh, điệp ngữ… đạt hiệu quả nghệ thuật cao.

**III. Dàn ý phân tích tác phẩm Cảnh khuya**

**1. Mở bài:**

– Dẫn dắt: HS giới thiệu về tác giả, tác phẩm để đi đến giới thiệu bài thơ Cảnh khuya.

-Bác Hồ là nhà thơ lớn của dân tộc. Bác vừa đánh giặc vừa làm thơ.

-Trong kháng chiến chống Pháp (1946 – 1954) Hồ Chủ tịch sống và hoạt động tại chiến khu Việt Bắc. Người có viết một số bài thơ chữ Hán (Thu dạ, Nguyên tiêu, Báo tiệp,…) và thơ tiếng Việt (Cảnh rừng Việt Bắc, cảnh khuya, Đi thuyền trên sông Đáy…).

-Thu đông 1947, chiến dịch Việt Bắc diễn ra vô cùng ác liệt. Trong những đêm thao thức vì nỗi lo cho nước nhà ấy, Bác Hồ đã viết bài thơ "Cảnh khuya".

**2. Thân bài**

**a. Hai câu đầu:**Khung cảnh thiên nhiên, núi rừng Việt Bắc trong đêm trăng.

Tiếng suối trong như tiếng hát xa,

Trăng lồng cổ thụ bóng lồng hoa.

- 2 câu thơ đầu miêu tả khung cảnh núi rừng Việt Bắc trong đêm trăng sáng:

Hình ảnh: trăng, hoa, cổ thụ

Âm thanh: tiếng suối

→ Những hình ảnh, âm thanh gần gũi, chân thực ở vùng núi rừng.

- Các biện pháp nghệ thuật:

+ Biện pháp so sánh: so sánh âm thanh của tiếng suối với âm thanh của tiếng hát - tương đồng về đặc điểm âm thanh: hay, thánh thót và văng vẳng mơ hồ từ phía xa vọng lại.

+ Biện pháp điệp từ: từ “lồng” được lặp lại hai lần trong cùng một câu thơ 7 chữ - làm tăng mạnh thêm sự đan xen, chồng chéo, tràn ngập khó phân của ánh trăng và sự vật. Khiến cho cảnh vật xung quanh trở nên quấn quýt, đan bện khó chia lìa.

+ Thủ pháp lấy “bóng tối” để tả “ánh sáng” - thủ pháp nghệ thuật quen thuộc của các tác phẩm Đường thi: dùng hình ảnh bóng của những cây cổ thụ để gợi lên ánh sáng ngập tràn của vầng trăng (chỉ khi trăng sáng mới thấy rõ được bóng cổ thụ) - khác họa một đêm trăng sáng rõ trong rừng.

+ Thủ pháp chấm phá điểm nhãn - thủ pháp nghệ thuật đặc sắc, quen thuộc của thơ văn trung đại: lấy cái tiêu biểu để gợi nên cả một khung cảnh rộng lớn: nhà thơ chỉ sử dụng hình ảnh cây cổ thụ, tiếng suối, bóng cây - đã khắc họa được một đêm trăng ở chốn rừng núi rộng lớn.

+ Biện pháp tu từ chuyển đổi cảm giác:

Tiếng suối: từ chỉ âm thanh - cảm nhận được bằng thính giác

Trong: từ chỉ đặc điểm - cảm nhận được bằng thị giác

→ Vốn ta không thể nào cảm nhận được âm thanh của dòng suối bằng thị giác được - âm thanh vốn không màu, không hình - không thể xác định là trong hay đục được.

→ Nhà thơ đã dùng tâm hồn của mình để lắng nghe, đồng điệu với tiếng suối rừng, đến như tiếng nhạc rừng xanh nay có thực thể, đến làm bạn với nhà thơ. Chi tiết này thể hiện sự tinh tế của tác giả.

→ Cảnh khuya chiến khu Việt Bắc với bốn nét vẽ: suối, trăng, cổ thụ, hoa - những hình ảnh điển hình trong các tác phẩm Đường thi đã gợi lên cái hồn cảnh vật núi rừng một đêm thu về khuya hơn 50 năm về trước. Cảnh khuya mang vẻ đẹp cổ điển. Nó biểu hiện một tâm hồn thanh cao, một phong thái ung dung tự tại, một tình yêu thiên nhiên chan hòa, dào dạt của nhà thơ Hồ Chí Minh trong kháng chiến gian khổ.

- Liên tưởng mở rộng:

+HS so sánh tiếng suối với những câu thơ:

“Côn Sơn suối chảy rì rầm

Ta nghe như tiếng đàn cầm bên tai.”

(Côn Sơn ca – Nguyễn Trãi)

“Cũng có lúc chơi nơi dặm khách

Tiếng suối nghe róc rách lưng đèo.”

(Khóc Dương Khuê – Nguyễn Khuyến)

+HS so sánh hình ảnh trăng - hoa với những câu thơ:

“Hoa giãi nguyệt, nguyệt in một tấm

Nguyệt lồng hoa, hoa thắm từng bông.

Nguyệt hoa hoa nguyệt trùng trùng

Trước hoa dưới nguyệt trong lòng xiết đâu!”

(Chinh phụ ngâm)

**b. Hình ảnh người thi nhân trong đêm trăng sáng với những suy tư:**

Cảnh khuya như vẽ người chưa ngủ,

Chưa ngủ vì lo nỗi nước nhà.

- Hai câu thơ cuối: hình ảnh con người xuất hiện và trở thành trung tâm của bài thơ. Tác giả sử dụng các biện pháp nghệ thuật một cách tinh tế:

+ Biện pháp tu từ so sánh: so sánh khung cảnh đêm khuya như một bức tranh vẽ, có thể hiểu theo hai nghĩa:

+Khung cảnh chốn rừng núi vào đêm trăng tươi đẹp như một bức tranh.

+Khung cảnh đêm khuya cùng con người trầm tư, yên lặng, không chuyển động - luôn tĩnh lặng như một bức tranh.

+ Biện pháp điệp ngữ chuyển tiếp (điệp ngữ vòng): từ “chưa ngủ” ở cuối câu 3 được lặp lại ở đầu câu 4: nhấn mạnh trạng thái của con người - vẫn đang thao thức dù đêm đã khuya. Đồng thời biện pháp điệp ngữ vòng còn gợi lên sự kéo dài, triền miên, lặp lại của hành động thao thức không ngủ của nhân vật trữ tình.

- Hai chữ “chưa ngủ” là nỗi thao thức, là tâm trạng. “Chưa ngủ” vì “cảnh khuya như vẽ” đã dẫn hồn thi nhân vào cõi mộng say trăng, say thiên nhiên. “Chưa ngủ” còn vì một nỗi sâu xa hơn vì “lo nỗi nước nhà”. Hai câu cuối bài Cảnh khuya đã diễn tả một cách bình dị mà thấm thía tình yêu thiên nhiên thiết tha, tình yêu nước sâu nặng của Bác Hồ. Ở đây tâm hồn thi sĩ đã chan hòa với lý tưởng chiến sĩ như Bác đã nói: “Một ngày mà Tổ quốc chưa được thống nhất, đồng bào còn chịu khổ, là một ngày tôi ăn không ngon, ngủ không yên”.

- Tâm trạng “lo nỗi nước nhà” là tình cảm”ưu ái” của Hồ Chủ tịch, rất sâu sắc mãnh liệt, được nói đến nhiều trong thơ văn của Người thời kháng chiến:

“Lòng riêng riêng những bàng hoàng

Lo sao khôi phục giang san Tiên Rồng.”

(Đi thuyền trên sông Đáy – 1949)

**III. Kết bài:**

- Cảnh khuya là một trong những bài thơ trăng đẹp nhất, hay nhất của chủ tịch Hồ Chí Minh.

- Vẻ đẹp màu sắc cổ điển kết hợp tài tình với tính thời đại.

- Cảm hứng thiên nhiên trữ tình hòa hợp, chan hòa với cảm hứng yêu nước.

- Bài thơ phản ánh một tâm hồn thanh cao, một phong thái ung dung tự tại của một nhà thơ chiến sĩ suốt đời hy sinh phấn đấu cho độc lập, tự do của đất nước và hạnh phúc của nhân dân. Cảnh khuya là bài tứ tuyệt kiệt tác mênh mông, bát ngát tình.

**IV. LUYỆN TẬP.**

**BT1.Cảm nhận về hình ảnh người chiến sĩ cộng sản trong bài thơ Cảnh khuya của Hồ Chí Minh**

**Gợi ý**

*Ôi sáng xuân nay xuân bốn mốt*

*Trắng rừng biên giới nở hoa mơ*

*Bác về im lặng con chim hót*

*Thánh thót bờ lau vui ngẩn ngơ*

Đó là những vần thơ của Tố Hữu viết về giây phút kì diệu, Bác trở về sau ba mươi năm bôn ba nước ngoài tìm đường đi cho dân tộc.

Mùa xuân năm 1941 Bác Hồ về nước trực tiếp lãnh đạo phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc. Căn cứ địa Việt Bắc được chọn làm thủ đô kháng chiến. Trong chiến dịch Thu Đông 1947 ta thắng lớn trên chiến trường Việt Bắc. Cùng thời gian này Bác Hồ viết bài thơ Cảnh khuya. Bài thơ tả cảnh núi rừng Việt Bắc trong đêm trăng đẹp và thể hiện ý chí chiến đấu vì dân tộc của người chiến sĩ cộng sản Hồ Chí Minh:

*Tiếng suối trong như tiếng hát xa*

*Trăng lồng cổ thụ bóng lồng hoa*

*Cảnh khuya như vẽ người chưa ngủ,*

*Chưa ngủ vì lo nỗi nước nhà*

Cảnh rừng việt Bắc được mở ra bằng tiếng suối êm đềm trong mát rì rầm ngày đêm vọng đến.Trong đêm thanh vắng, tiếng suối nghe rõ lắm.Tiếng du dương huyền diệu được tác giả cảm nhận như tiếng hát xa. Đây chính là nét nghệ thuật "lấy động tả tĩnh", chỉ có âm thanh của suối chảy trong đêm mọi vật chìm trong giấc ngủ, trong chiến trường máu lửa mà có tiếng suối chảy êm ái như vậy thật là tuyệt vời làm sao. Tiếng suối không đơn thuần là dòng chảy tự nhiên mà nó mang hơi ấm con người. Khi người anh hùng dân tộc Nguyễn Trãi lui về ở

ẩn tại Côn Sơn cũng đã có những cảm nhận rất tinh tế:

*Côn Sơn suối chày rì rầm*

*Ta nghe như tiếng đàn cầm bên tai*

Tiếng suối nghe như tiếng đàn cầm, bản nhạc đưa hồn con người ta vào cõi mông lung, cả hai nhà quân sự, chính trị tuy thời gian sống khác nhau nhưng có những cảm nhận hết sức tinh tế về âm thanh của tiếng suối trong đêm khuya. Sau âm thanh của tiếng suối là ánh trăng chiến khu.Ánh trăng bao phủ khắp không gian, ánh trăng lồng vào cổ thụ, như hòa quyện vào cảnh vật trần gian.Trăng được nhân hóa, được nhắc lại khiến bức tranh, cảnh đẹp đêm trăng lộng lẫy hơn, thơ mộng hơn. Gợi cho ta nhớ đến những câu thơ trong Chinh phụ ngâm:

*Hoa giãi nguyệt, nguyệt in một tấm*

*Nguyệt lồng hoa, hoa thắm từng bông,*

*Nguyệt hoa hoa nguyệt trùng trùng...*

Hai vế đối nhau trăng lồng cổ thụ, bóng lồng hoa tạo cho cảnh vật sự cân xứng hài hòa. Bức tranh đêm chiến khu thật đẹp đầy chất thơ.Thi sĩ với tâm hồn thanh cao đang tận hưởng những giây phút thần tiên của thiên nhiên.

Người nghệ sĩ thổn thức lòng mình trước cảnh đẹp đêm trăng, say sưa ngây ngất:

*Cảnh khuya như vẽ người chưa ngủ Chưa ngủ vì lo nỗi nước nhà*

Chưa ngủ để ngắm trăng, chưa ngủ để lo nỗi nước nhà. Thơ xưa nói nhiều về trăng các thi nhân thường tìm đến chốn lâm tuyền lánh đục, tránh cuộc đời bụi bặm bon chen nhưng Bác Hồ của chúng ta tìm nơi thiên nhên để sống giữa thiên nhiên, để hoạt động cách mạng – bởi Bác là chiến sĩ cộng sản:

*Bàn đá chông chênh dịch sử Đảng*

*Cuộc đời cách mạng thật là sang*

*(Tức cảnh Pắc Bó)*

Sống giữa thiên nhiên bao la bát ngát, say đắm trong ánh trăng nhưng chính trong sự say đắm đó vẫn là đàm quân sự lãnh đạo con thuyền cách mạng của nước nhà. Trong bài thơ này có đầy đủ các yếu tố của một bài thơ cổ thi: có suối, có trăng... Nhưng trong cái cổ đó lại có cái chất hiện đại, chất thép - người chiến sĩ cộng sản Hồ Chí Minh. Đêm trăng nơi chiến khu Việt Bắc thật là đẹp, ngồi ngắm trăng mà lòng tê tái trước nước nhà còn lầm than nô lệ vì lẽ đó nên người:

Chất thép của người chiến sĩ cộng sản còn được thể hiện khá sâu sắc khi bị giam trong tù ngục:

*Trong tù không rượu cũng không hoa*

*Cảnh đẹp đêm nay khó hững hờ*

*Người ngắm trăng soi ngoài cửa sổ*

*Trăng nhòm khe cửa ngắm nhà thơ*

*(Ngắm trăng)*

Người thi sĩ cũng không thể hững hờ trước cảnh đẹp đêm nay, và như vậy ánh trăng đã chủ động tìm đến với thi nhân, vầng trăng dường như biết được và ghi lại tâm trạng băn khoăn thao thức của thi nhân.Tâm trạng đó chính là nỗi nước nhà đang canh cánh bên lòng.

Đêm nay nơi núi rừng chiến khu Việt Bắc, vẫn là ánh trăng ấy, ánh trăng vẫn vằng vặc trên bầu trời, nhưng trăng có biết không trời Nam đang lầm than nô lệ muốn thảnh thơi mà thưởng ngoạn trọn vẹn cảnh đẹp đêm nay sao thể yên lòng. Trong lòng người thi sĩ ấy đang chất chứa bao nỗi niềm, nỗi niềm lo cho nước cho dân. Đây chính là chất "thép”, chất chiến sĩ mà Bác Hồ đã từng nhắc đến:

*Thơ xưa yêu cảnh thiên nhiên đẹp*

*Mây, gió, trăng, hoa, tuyết, núi sông*

*Nay ở trong thơ nên có thép*

*Nhà thơ cũng phải biết xung phong*

Vẻ đẹp người chiến sĩ cộng sản hiện lên trong bài thơ Cảnh khuya thật đẹp, thật ngạo ngữ.

Bác Hồ vừa có tâm hồn thi sĩ lại vừa có cốt cách của người chiến sĩ.

Bác của chúng ta là như vậy, yêu thiên nhiên, chan hòa với thiên nhiên nhưng cũng yêu nước thương dân tha thiết.Bài thơ là bức tranh tràn ngập ánh tráng nơi núi rừng Việt Bắc - nơi ấy người chiến sĩ cộng sản Hồ Chí Minh chưa ngủ vì lo nỗi nước nhà.

vẻ nặng nề, thấm mệt của chiếc thuyền khi chậm chạp neo vào bến đỗ. Nó lặng im "Nghe chất muối thấm dần trong thớ vỏ”.Trong câu thơ này, Tế Hanh đã sử dụng biện pháp ẩn dụ chuyển đổi cảm giác một cách một cách tinh tế."Nghe" là động từ chỉ hoạt động của thính giác, "thấm" lại là cảm nhận của xúc giác. Con thuyền nằm nghỉ đồng thời cảm nhận từng chuyển động tinh vi nhất đang diễn ra trong mình. Cách viết ấy vừa gợi sự mệt nhọc thấm thía của con thuyền vừa thể hiện được sự tinh tế tuyệt vời của nhà thơ, tưởng như Tế Hanh đồng cảm sâu sắc với cảm giác, cảm xúc của con thuyền... Khổ thơ trên là một trong những khổ thơ hay nhất trong bài thơ "Quê hương" của Tế Hanh. Đọc khổ thơ, người đọc có thể cảm nhận trong đó bao nhiêu niềm yêu mến, tự hào về quê hương xứ sở của nhà thơ.

**BT2: Anh chị Chứng minh rằng những bài thơ em đã học như Cảnh khuya của Hồ chủ tịch, Khi con tu hú của Tố Hữu, và Quê hương của Tế Hanh… đều biểu hiện rõ tình cảm tha thiết của các nhà thơ đối với thiên nhiên, đất nước.**

**Hướng dẫn**

**Mở bài**: Chứng minh bài thơ Cảnh Khuya, Khi con tu hú, Quê Hương biểu hiện tình cảm của nhà thơ đối với quê hương đất nước

Thiên nhiên, phong cảnh luôn là đề tài mà được các nhà thơ yêu thích và nhất là khi nói về tình yêu quê hương đất nước. Tình cảm rộng lớn ấy kết hợp với thiên nhiên hùng vĩ dường như là một chủ đề không bao giờ phai nhạt trong nền văn học nước ta. Trong đó phải nhắc tới ba bài thơ được yêu thích nhất đó là Cảnh khuya của Hồ Chí Minh,Khi con tu hú của Tố Hữu và cuối cùng là Quê hương của Tế Hanh.

**Thân bài**: Chứng minh bài thơ Cảnh Khuya, Khi con tu hú, Quê Hương biểu hiện tình cảm của nhà thơ đối với quê hương đất nước

Chỉ có thiên nhiên mới có thể làm tâm hồn ta thư thái, thanh thản, tinh thần sảng khoái. Hòa mình vào thiên nhiên cảm thấy tâm hồn ta nhẹ nhõm, bay bổng thả mình theo những làn gió thổi… tất cả đều có đặc điểm chung là toát lên tình yêu quê hương đất nước tha thiết, đằm thắm. Mỗi bài thơ là một dòng cảm xúc riêng của tác giả, là một bức tranh nhiên nhiên tươi sáng đẹp đẽ dưới con mắt của người thi sĩ đều ẩn chứa tình cảm sâu đậm với quê hương.

“ Tiếng suối trong như tiếng hát xa

Trăng lồng cổ thụ bóng lồng hoa

Cảnh khuya như vẽ người chưa ngủ

Chưa ngủ vì lo nỗi nước nhà”.

( Cảnh khuya – Hồ Chí Minh )

Bốn câu thơ là tâm trạng của người thi sĩ nhớ về quê hương khi bị giam cầm trên nơi đất khách quê người. Tiếng suối,tiếng hát, trăng, hoa đều là những hình ảnh thiên nhiên đẹp nhất được cảm nhận dưới con mắt của con người lạc quan, yêu đời.. và đặc biệt hơn cả là nó ẩn chứa lòng yêu nước sâu sắc: “ chưa ngủ vì lo nỗi nước nhà”. Với bốn câu thơ ngắn ngọn, mà tác giả đã cho ta cảm nhận được lòng yêu nước nồng nàn, dù có bị giam trong ngục tối nhưng tinh thần lạc quan, yêu đời, tin tưởng vào một tương lai tươi sáng vẫn lan tỏa ra khắp không gian nơi đây. Gửi tâm tình của mình vào những hình ảnh vô cùng tươi đẹp, bút pháp ước lệ tô đậm thêm cho tình yêu của Người đối với đất nước. Cũng là viết về quê hương nhưng Tố Hữu lại vẽ một bức tranh vô cùng nhộn nhịp:

“ khi con tu hú gọi bầy

Lúa chiêm đang chín trái cây ngọt dần

Vườn rân dậy tiếng ve ngân

Bắp rây vàng hạt đầy sân nắng đào

Trời xanh càng rộng càng cao

Đôi con diều sáo lộn nhào từng không…”

Bức tranh thiên nhiên đồng quê vui nhộn với những tiếng tu hú gọi bầy, tiếng ve ngân râm ran, trên đồng lúa đã chín vàng rộ gọi theo trái cây bắt đầu căng mọng, ngọt dần. Nền trời xanh trong vắt, lại được điểm thêm đôi con diều nhào lộn trên không….. bức tranh đồng quê như hiện ra trước mắt người đọc, ta lại nhớ về một tuổi thơ đầy áp những tiếng cười và niềm vui. Nhưng đọc đến khổ thứ hai ta cảm nhận được cảm xúc của tác giả được đẩy lên đến đỉnh điểm, dường như tác giả muốn thoát ra khỏi sự kiềm chế, áp bức:

“ Ta nghe hè dây bên lòng

Mà chân muốn đạp tan phòng, hè ơi

Ngột ngạt làm sao, chết uất thôi

Con chim tu hú ngoài trời cứ kêu”

Hình như đây cũng là tâm trạng của người chiến sĩ cách mạng, muốn thoát khỏi sự tù túng, muốn đi đến cái tự do. Muốn đạp tan cánh cửa ngột ngạt để hòa mình với thên nhiên, đó là một tâm hồn yêu thiên nhiên, yêu cái đẹp, mượn tiếng tu hú đến giải tỏa nỗi lòng của mình. Và cái chất muối nồng đậm trong bài thơ quê hương của Tế Hanh lại làm lòng ta càng thêm yêu quê thương tha thiết hơn:

“ làng tôi ở vốn làm nghề chài lưới

Nước bao vây cách biển nửa ngày sông.

Khi trời trong, gió nhẹ sớm mai hồng

Dân trai cháng bơi thuyền đi đánh cá:

Chiếc thuyền nhẹ hăng như con tuấn mã

Phăng mái chèo mạnh mẽ vượt Trường Giang

Cánh buồm trương to như mảnh hồn làng

Rướn thân trắng bao la thâu góp gió…”

Khác với hai bài thơ trên, Quê hương của Tế Hanh lại là một bức tranh phong cảnh tuyệt đẹp của người dân làng chài. Tác giả nhớ đến từng con người, từng khung cảnh khi làm việc bầu trời trong xanh với từng cơn gió thổi nhè nhẹ…. những chàng trai dướn tấm thân rám nắng của mình ra biển đánh cá, tuy chiếc thuyền không to không đẹp nhưng nó vẫn hăng hái ra biển không kém gì những con tuấn mã. Đọc mấy câu thơ đầu mà ta cảm thấy được vị muối nồng mặn trong từng câu từng chữ của thơ Tế Hanh, hiện lên là những con người lao động chất phác, cần cù, chăm chỉ.Tình cảm ấy thấm đượm trong từng câu thơ của ông, và ngẫm lại ta vẫn cảm nhận được vấn vương đâu đó là chất muối nặn của người dân chài lưới.

**Kết bài**: Chứng minh bài thơ Cảnh Khuya, Khi con tu hú, Quê Hương biểu hiện tình cảm của nhà thơ đối với quê hương đất nước

Đều là thiên nhiên, đều là tình yêu quê hương đất nước mà mỗi bài thơ đều có những nét đẹp riêng, một vẻ đẹp riêng biệt. Mỗi bài thơ là mỗi bức tranh tâm trạng mà các nhà thơ gửi gắm, ta hiểu được phần nào tình yêu, tình thương của các tác giả khi hướng về quê hương. Là một đề tài không mới nhưng thiên nhiên, quê hương, đất nước luôn là đề tài mà các tác giả muốn hướng tới, đọc mỗi bài thơ ta càng cảm thấy yêu đất nước mình nhiều hơn.

BT3**Phân tích bức tranh thiên nhiên và bức chân dung tự họa của Hồ Chí Minh trong bài thơ Cảnh Khuya**

Tập thơ Nhật kí trong tù được Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng tác khi Người bị chính quyền Tưởng Giới Thạch giam cầm trong nhà tù Trung Quốc vào những năm 1942, 1943. Người viết tập thơ này dường như không có ý làm nghệ thuật, lưu danh hậu thế mà chỉ cốt để ngâm ngợi cho khuây khỏa những tháng ngày “mất tự do”. Tuy vậy, Nhật kí trong tù đã trở thành một tác phẩm lớn có giá trị về nhiều mặt trong lịch sử văn học Việt Nam cận, hiện đại. Nó có sức hấp dẫn lâu bền với nhiều thế hệ bạn đọc ở cả trong nước lẫn ngoài nước.

Mấy chục năm qua, kể từ khi tập thơ được công bố, nhiều người đã viết về tập thơ này. Họ nhấn mạnh đến giá trị phản ánh hiện thực, sức mạnh tố cáo của Nhật ký trong tù đối với chế độ nhà tù Quốc dân đảng Tưởng Giới Thạch. Tuy vậy, điều quan trọng nhất cần phải thấy: trước sau đây vẫn là một tập nhật kí bằng thơ, một tập nhật kí “hướng nội”, tác giả chủ yếu viết cho mình. Do đó, sức hấp dẫn của tập thơ chính là hình tượng của nhân vật trữ tình – tác giả Hồ Chí Minh, một chiến sĩ – thi sĩ. Vì vậy, hoàn toàn có lý khi sách giáo khoa Văn 12 đã khẳng định:

“Có thể xem Nhật kí trong tù như một bức chân dung tự họa con người tinh thần của Chủ tịch Hồ Chí Minh”

Đọc tác phẩm Nhật kí trong tù, chúng ta bắt gặp con người Hồ Chí Minh với tất cả vẻ đẹp, phong phú, sâu sắc trong tâm hồn, trong tính cách, trong cách nhìn, cách nghĩ suy về cuộc đời và con người. Nhật kí trong tù đúng là một “bức chân dung tự họa” bằng thơ về con người tinh thần của người sáng tạo ra nó.

Qua hơn một trăm bài thơ, ta có thể nhận thấy nỗi khắc khoải nóng lòng, sốt ruột ngóng trông tự do của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Người đọc còn nhớ, mùa thu 1942, với tư cách là đại biểu cho phong trào cách mạng Việt Nam, Hồ Chí Minh có trọng trách tìm sang Trung Hoa để bàn cách phối hợp hành động chống bọn đế quốc, phát xít. Nhưng vô cớ, Người bị bọn mật vụ Quốc dân đảng bắt giữ và sau đó, bị giải đi hết nhà lao này đến nhà lao khác, không được xét xử. Người cũng hoàn toàn không được biết đến bao giờ mình mới được trả tự do. Hồ Chí Minh đau khổ vô hạn và thấm thía sâu sắc nỗi “mất tự do”. Nỗi đau khổ này được tác giả bộc lộ trong khá nhiều bài thơ. Chẳng hạn như trong một lần chuyển đổi nhà lao có bọn “cảnh binh khiêng lợn cùng đi”, Bác đã viết những câu thơ đầy cay đắng, biểu lộ một qui luật trong cuộc sống, mà qui luật này Người đã rút ra một cách thấm thía ngay trong cuộc sống đau khổ của chính mình:

Trên đời ngàn vạn điều cay đắng

Cay đắng chi bằng mất tự do

Hay, trong một bài thơ khác, bài Bị hạn chế, Hồ Chí Minh cũng khẳng định: Đau khổchi bằng mất tự do

Nỗi sốt ruột khắc khoải chờ mong kéo dài theo ngày tháng đã chuyển thành sự giận dữ, phẫn nộ. Người đã đặt cho bài thơ một nhan đề hết sức độc đáo là chỉ có một dấu hỏi chấm (?)

Quảng Tây đi khắp lòng oan ức

Giải đến bao giờ, giải tới đâu?

Bên cạnh con người nóng lòng, sốt ruột, đau khổ vô hạn vì mất tự do, người đọc còn bắt gặp trong Nhật kí trong tù một con người hoàn toàn tự chủ về mặt tinh thần, luôn bình thản ung dung, tự tại, tâm hồn như bay lượn trên bầu trời tự do, không sức mạnh của nhà tù nào giam hãm được. Như vậy, có thể nói chúng có thể giam cầm được thể xác Bác, nhưng không khi nào chúng có thể giam cầm được tinh thần Bác. Điều này đã được chính tác giả thể hiện qua hai câu thơ mở đầu, được xem như lời đề từ của tập Nhật kí trong tù:

Thân thể tại ngục trung

Tinh thần tại ngục ngoại

Có nghĩa là:

Thân thể ở trong lao

Tinh thần ở ngoài lao.

Và không ít lần, Hồ Chí Minh thấy mình là “khách tự do”, thanh thản, ung dung, tự tại như là một khách tiên. Điều này được thể hiện qua khá nhiều bài thơ như Đi Nam Ninh, Giải đi sớm, Vào nhà lao huyện Tỉnh Tây và có lẽ tiêu biểu phải kể đến bài Ngắm trăng sau đây:

Trong tù không rượu cũng không hoa

Cảnh đẹp đêm nay khó hững hờ;

Người ngắm trăng soi ngoài cửa sổ,

Trăng nhòm khe cửa ngắm nhà thơ.

Trong bài thơ này hoàn toàn không thấy tác giả nói đến nỗi đau khổ, bồn chồn vì bị mất tự do, mà chỉ thấy hình tượng một thi sĩ hết sức nhạy cảm và tinh tế trước vẻ đẹp của thiên nhiên.

Thực ra, trong chốn lao tù, ắt hẳn người thi sĩ đâu có được thưởng trăng một cách thoải mái. Có lẽ, song cửa nhà lao chỉ đủ cho lọt qua một chút ánh trăng thấp thoáng mà thôi. Song, cho dù chỉ như thế, nhưng với sức tưởng tượng phong phú, với tâm hồn yêu mến thiên nhiên, Hồ Chí Minh cũng cảm thấy dạt dào thi hứng, cũng cảm thấy bồi hồi xao xuyến trước cảnh đẹp của đêm trăng. Câu thơ thứ hai nguyên văn chữ Hán là:

Đối thử lương tiêu nại nhược hà?

Có nghĩa: Trước cảnh đẹp đêm nay biết thế nào?

Câu thơ dường như có một chút bối rối. Cái bối rối rất thi sĩ… Tiếc rằng câu thơ dịch “Cảnh đẹp đêm nay khó hững hờ” đã làm mất “cái bối rối” rất thi sĩ đó. Người xưa thưởng trăng thường hay có rượu và hoa. Ở trong tù, Hồ Chí Minh làm sao có được những thứ này? Cho dù thế, thi hứng của nhà thơ vẫn dạt dào:

Người ngắm trăng soi ngoài cửa sổ,

Trăng nhòm khe cửa ngắm nhà thơ.

Thi nhân và ánh trăng tựa hồ như đôi bạn tri âm, tri kỉ, có sự giao hòa tuyệt diệu. Ánh trăng vô tri vô giác qua tâm hồn của người tù thi sĩ trở thành một nhân vật đáng yêu, có tâm trạng, có linh hồn. Trên đây là những câu thơ đặc biệt ý vị. Ý vị không phải chỉ xuất phát từ kĩ thuật làm thơ mà điều quan trọng nhất vẫn là tâm hồn, là xúc cảm của người tù – thi sĩ Hồ Chí Minh…

Đúng là đọc Nhật kí trong tù, chúng ta được chứng kiến nhiều cuộc vượt ngục bằng tinh thần của người tù Hồ Chí Minh. Khi thì Người thả hồn theo một áng mây trôi, một cánh chim chiều, một vầng trăng non, lúc thì Người dõi theo một vầng dương buổi sớm, một cảnh làng xóm ven sông, hay cảnh buổi tối khi cô thôn nữ vừa xay xong ngô tối thì lò than đã ửng hồng. Đặc biệt, tâm hồn của Hồ Chí Minh luôn hướng về Tổ quốc, về đồng chí, đồng bào; ngay trong giấc ngủ, Người cũng luôn mơ về đất nước thân yêu. Có những đêm, Bác trằn trọc mãi không sao ngủ được, đến “Canh bốn; canh năm vừa chợp mắt – Sao vàng năm cánh mộng hồn quanh”

Ngoài ra, trong “bức chân dung tự họa” của Hồ Chí Minh ta còn bắt gặp một trí tuệ lớn, một tầm tư tưởng lớn. Trí tuệ lớn trước hết thường được thể hiện qua cái nhìn đối với hiện thực. Hơn ai hết, Bác thấy rõ những bất công vô lí trong nhà tù Quốc dân đảng Tưởng Giới Thạch. Nhà tù này chính là nước Trung Hoa rộng lớn khi đó thu nhỏ. Bên cạnh đó, từ những sự việc nhỏ nhoi, tầm thường hằng ngày, với trí tuệ mẫn tiệp, Hồ Chí Minh rút ra được những khái quát, tìm ra qui luật của cuộc sống thông qua sự từng trải, sự chiêm nghiệm của chính bản thân mình. Vì vậy, một số câu thơ, bài thơ của Người có ý vị triết lí thâm trầm sâu sắc. Chẳng hạn, từ việc “Học đánh cờ”, Người rút ra tầm quan trọng của thời cơ đối với sự thành bại trong hoạt động của con người:

Lạc nước hai xe đành bỏ phí,

Gặp thời một tốt cũng thành công.

Hay, nhà thơ khẳng định bản chất lương thiện của con người và sự ảnh hưởng của hoàn cảnh giáo dục:

Ngủ thì ai cũng như lương thiện

Tỉnh dậy phân ra kẻ dữ, hiền.

Hiền, dữ phải đâu là tính sẵn

Phần nhiều do giáo dục mà nên

Đồng thời, Hồ Chí Minh cũng có những chiêm nghiệm đúng đắn về “Đường đời hiểm trở”, về sự phức tạp khó khăn trong cuộc sống xã hội:

Núi cao gặp hổ mà vô sự

Đường phẳng gặp người bị tống lao

Tuy nhiên, những nhận xét khái quát về cuộc đời, về con người của Hồ Chí Minh không bao giờ có ý vị yếm thế hay hư vô mà Người luôn hướng con người tới những hành động thiết thực để cải tạo con người, cải tạo hoàn cảnh. Điều đó chứng tỏ lòng tin vững chắc của nhà thơ vào bản chất, tốt đẹp của con người. Khi Bác khẳng định “Hiền dữ phải đâu là tính sẵn - Phần nhiều do giáo dục mà nên” tức là Người đặt ra vấn đề giáo dục và tin tưởng ở kết quả xây dựng lực lượng cách mạng về sau. Những ai đã được sống gần Hồ Chí Minh đều nhận thấy sức mạnh cảm hóa của Bác. Niềm tin vào con người là hạt nhân quan trọng tạo nên niềm tin vào sự nghiệp cách mạng ở Hồ Chí Minh. Qua bài Đi đường, Bác thể hiện khá tập trung ý tưởng chinh phục khó khăn, hướng tới cuộc sống, hướng tới tương lai:

Đi đường mới biết gian lao,

Núi cao rồi lại núi cao chập chùng.

Núi cao lên đến tận cùng

Thu vào tầm mắt muôn trùng nước non

Ngay trong cảnh gian khổ, khó khăn, Người vẫn nhìn thấy ánh sáng của tương lai tươi sáng:

Trong ngục giờ đây còn tối mịt

Ánh hồng trước mặt đã bừng soi.

Hồ Chí Minh luôn có cái nhìn biện chứng về sự vận động của đời sống của tự nhiên. Bởi vậy, thơ Người viết trong tù vẫn khiến cho người đọc thêm niềm tin vào cuộc sống, vào con người. Có đêm gà vừa gáy lần đầu tiên, trời tối, gió rét, Hồ Chí Minh đã phải chuyển lao. Nhưng bỗng chốc, dưới con mắt của người tù thi sĩ, cảnh vật liền biến đổi, ánh sáng bình minh ấm áp rực rỡ xua tan bóng tối, người tù bỗng trở thành thi nhân nồng nàn thi hứng… như trong bài thơ Giải đi sớm. Đây là bài thơ quen thuộc với nhiều người

Dẫu sao, vẫn sẽ là một thiếu sót rất lớn, nếu như viết về “bức chân dung tự họa” nói trên, ta không đề cập tới lòng nhân ái bao la, sâu sắc của Bác Hồ.

Trong bài Bác ơi! Tố Hữu đã viết được những câu thơ rất hay, rất đúng về con người Chủ tịch Hồ Chí Minh

Bác ơi, tim Bác mênh mông thế

Ôm cả non sông, mọi kiếp người!

Trước hết trái tim ấy dành cho những người lao khổ dù họ là người Trung Quốc hay người Việt Nam

Nhà thơ dễ dàng quên những đau đớn khổ sở mà mình phải chịu, nhanh chóng đồng cảm sâu sắc và phát hiện ra những bất hạnh, đau khổ của những người xung quanh để thông cảm, chia sẻ với họ. Bác thương cảm Vợ người bạn tù đến thăm chồng, đối với Cháu bé trong nhà lao Tân Dương, hay đối với Một người tù cờ bạc vừa chết… Chỉ cần nghe “Người bạn tù thổi sáo”, Bác chẳng những thấu hiểu nỗi lòng nhớ quê của anh ta, mà còn hình dung thấy ở chốn chân trời xa xôi kia có một phụ nữ bước lên một tầng lầu để ngóng trông chồng:

Bỗng nghe trong ngục sáo vi vu

Khúc nhạc tình quê chuyển điệu sầu.

Muôn đậm quan hà khôn xiết nỗi,

Lên lầu ai đó ngóng trông nhau.

Trong tù Bác gọi những người cùng bị giam là “nạn hữu” (bạn tù) và Người cùng chia sẻ với họ những nỗi niềm sâu kín hay cùng đùa vui trong cảnh ghẻ lở khổ sở:

Mặc gấm bạn tù đều khách quý .

Gảy đàn trong ngục thảy tri âm.

Nhìn bao quát, tình yêu thương của Hồ Chí Minh mang tầm nhân loại rộng lớn. Điều này tạo nên giá trị đặc biệt của tập thơ

Ở con người tác giả, rõ ràng có sự thống nhất giữa các mặt đối lập. Bên cạnh sự nhạy cảm tinh tế, người đọc có thể nhận thấy ý chí sắt son, nghị lực phi thường, lớn lao, bền bỉ. Chất “tình” và chất “thép” được kết hợp một cách tự nhiên, hài hòa trong tập Nhật kí trong tù. Đúng như cách đây mấy chục năm nhà thơ Hoàng Trung Thông đã nhận xét về thơ Hồ Chí Minh: “Vần thơ của Bác vần thơ thép”. “Thép” chính là tinh thần chiến đấu kiên cường, bất khuất. Nhưng điều đáng quý là chất “thép” ấy được toát ra một cách tự nhiên, bình dị trong tư thế ung dung, tự tại của một con người làm chủ mọi tình huống. Có lần chuyển lao, Bác bị bọn lính xích chân vào thuyền, nhưng Người vẫn phát hiện cuộc sống đông đúc vui tươi của làng xóm bên sông, của những thuyền câu nhẹ lướt. Có lần, sau suốt một ngày đi xa vất vả, chiều xuống, Bác tới một xóm núi, gây ấn tượng đối với Người không phải là nỗi gian truân đã qua hoặc sắp tới mà lại chính là cảnh “Cô em xóm núi xay ngô tối – xay hết lò than đã rực hồng”…

Chất “thép” thể hiện đặc biệt rõ ở sự kiên định vững vàng, sẵn sàng chiến thắng mọi gian lao thử thách khắc nghiệt. Đối với Bác, mọi gian lao đều được coi như là những sự thử thách để rèn giũa con người thêm vững vàng kiên định. “Nghe tiếng giã gạo”, Hồ Chí Minh làm thơ như để khuyên mình:

Gạo đem vào giã bao đau đớn,

Gạo giã xong rồi trắng tựa bông.

Sống ở trên đời người cũng vậy,

Gian lao rèn luyện mới thành công.

Ý thơ này, Người vẫn hằng tâm niệm. Bởi vậy, ngay ở lời đề từ của tập thơ Bác đã khẳng định “Muốn nên sự nghiệp lớn – Tinh thần càng phải cao”. Hồ Chí Minh luôn nhấn mạnh đến sự rèn luyện tu dưỡng của con người và Bác là một tấm gương sáng về tu dưỡng và rèn luyện này.

Nhật kí trong tù là một tập thơ có giá trị về nhiều phương diện. Sức hấp dẫn của tập thơ này trước hết đúng là sức hấp dẫn trong bức “chân dung tự họa con người tinh thần của Chủ tịch Hồ Chí Minh”. Hay nói cách khác, sức hấp dẫn của tập thơ chính là sức hấp dẫn của “chất người cộng sản Hồ Chí Minh” (Xuân Diệu) … Là những cách nói khác nhau, nhưng tất cả đều nhằm khẳng định tác giả của Nhật kí trong tù là một nhân vật kiệt xuất, “đại trí”, “đại nhân” và “đại dũng”. Tập thơ thể hiện sinh động nhân vật kiệt xuất này.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**ĐÈ BÀI**

**Sự phát triển của ý thức độc lập và tinh thần tự hào dân tộc qua "Chiếu dời đô" (Lý Công Uẩn), "Hịch tướng sĩ" (Trần Quốc Tuấn) và "Nước Đại Việt ta" (Trích "Bình Ngô đại cáo" - Nguyễn Trãi).**

……………Hết……………..

A. YÊU CẦU:

  a. Kỹ năng:

          - Làm đúng kiểu bài nghị luận văn học.

          - Biết cách xây dựng và trình bày hệ thống luận điểm; sử dụng yếu tố biểu cảm, tự sự và miêu tả một cách hợp lí.

          - Bố cục rõ ràng; kết cấu chặt chẽ; diễn đạt lưu loát, mạch lạc.

          - Không mắc các lỗi: chính tả, dùng từ, ngữ pháp,...

  b. Nội dung:

          \* Làm rõ sự phát triển của ý thức độc lập và tinh thần tự hào dân tộc qua một số tác phẩm văn học yêu nước trung đại (từ thế kỉ XI --> XV): "Chiếu dời đô" (Lý Công Uẩn),"Hịch tướng sĩ" (Trần Quốc Tuấn) và "Nước Đại Việt ta" ("Bình Ngô đại cáo" - Nguyễn Trãi).

\* Học sinh có thể làm bài theo dàn ý sau:

**1. Mở bài: (1đ)**

          - Dẫn dắt vấn đề: Truyền thống lịch sử hào hùng của dân tộc Việt Nam.

          - Nêu vấn đề: ý thức độc lập và tinh thần tự hào dân tộc trong "Chiếu dời đô" (Lý Công Uẩn), "Hịch tướng sĩ" (Trần Quốc Tuấn) và "Nước Đại Việt ta" ("Bình Ngô đại cáo" - Nguyễn Trãi).

**2. Thân bài: (7đ)**

**Luận điểm toàn bài:Sự phát triển của ý thức độc lập và tinh thần tự hào dân tộc trong:"Chiếu dời đô", "Hịch tướng sĩ"  và "Nước Đại Việt ta" là sự phát triển liên tục, ngày càng phong phú, sâu sắc và toàn diện hơn.**

**Luận điểm 1:Trước hết là ý thức về quốc gia độc lập, thống nhất với việc dời đô ra chốn trung tâm thắng địa ở thế kỉ XI** (Chiếu dời đô).

  - Khát vọng xây dựng đất nước hùng cường, vững bền, đời sống nhân dân thanh bình, triều đại thịnh trị:

  + Thể hiện ở mục đích của việc dời đô.

  + Thể hiện ở cách nhìn về mối quan hệ giữa triều đại, đất nước và nhân dân.

- Khí phách của một dân tộc tự cường:

  + Thống nhất giang sơn về một mối.

+ Khẳng định tư cách độc lập ngang hàng với phong kiến phương Bắc.

 + Niềm tin và tương lai bền vững muôn đời của đất nước.

**Luận điểm 2:**. **Sự phát triển của ý thức độc lập và tinh thần tự hào dân tộc được phát triển cao hơn thành quyết tâm chiến đấu, chiến thắng ngoại xâm để bảo toàn giang sơn xã tắc ở thế lỉ XIII**(Hịch tướng sĩ).

          - Lòng yêu nước, căm thù giặc sâu sắc:

          + Ý chí xả thân cứu nước...

          - Tinh thần quyết chiến, quyết thắng:

          + Nâng cao tinh thần cảnh giác, tích cực chăm lo luyện tập võ nghệ.

          + Quyết tâm đánh giặc Mông - Nguyên vì sự sống còn và niềm vinh quang của dân tộc.

**Luận điểm 3:**. **Ý thức độc lập và tinh thần tự hào dân tộc được phát triển cao nhất qua tư tưởng nhân nghĩa vì dân trừ bạo và quan niệm toàn diện sâu sắc về sự tồn tại** độc lập có chủ quyền của dân tộc Đại Việt (Nước Đại Việt ta).

          - Nêu cao tư tưởng "nhân nghĩa", vì dân trừ bạo...

          - Chân lí về sự tồn tại độc lập có chủ quyền của dân tộc:

                   + Có nền văn hiến lâu đời.

                   + Có cương vực lãnh thổ riêng.

                   + Có phong tục tập quán riêng.

                   + Có lịch sử trải qua nhiều triều đại.

                   + Có chế độ chủ quyền riêng với nhiều anh hùng hào kiệt.

          Tất cả tạo nên tầm vóc và sức mạnh Đại Việt để đánh bại mọi âm mưu xâm lược, lập nên bao chiến công oanh liệt...

**c. Kết bài: (1đ)**

          - Khẳng định vấn đề...

          - Suy nghĩ của bản thân....

Năm 1285, Thoát Hoan mang 50 vạn quân sang xâm lược nước ta. Trước đó, tại Hội nghị quân sự Bình Than, Trần Quốc Tuấn được vua nhà Trần trao trọng trách "Tiết chế thống lĩnh ".Ông đã viết “Hịch tướng sĩ” kêu gọi ba quân nâng cao cảnh giác, học tập binh thư, rèn luyện võ nghệ, sẵn sàng chiến đấu đánh thắng quân xâm lược phương Bắc. Cs thể xem "Hịch tướng sĩ" là một văn kiện lịch sử trọng đại hàm chứa tình cảm yêu nước và khí phách anh hùng, đồng thời mang tính nghệ thuật độc đáo, xứng đáng là một kiệt tác trong nền văn học cổ Việt Nam. Vì thế khi nhận xét về tác phẩm này có ý kiến cho rằng "Hịch tướng sĩ" của Trần Quốc Tuấn là văn sôi sục nhiệt huyết, tràn đầy khí thế quyết chiến quyết thắng. Đó là một tác phẩm tiêu biểu cho chủ nghĩa yêu nước cao đẹp nhất của thời đại chống Nguyên - Mông .

**Luận điểm 1: “Hịch tướng sĩ" là tiếng nói của vị Thống soái sục sôi nhiệt huyết.** Cái lo buồn, nỗi căm giận, niềm khao khát của Trần Quốc Tuấn thể hiện trong bài hịch sục sôi một bầu máu nóng. Mối quan hệ của vị Quốc công với tướng sĩ là mối quan hệ "chủ - tớ" nhưng chứa chan tình nghĩa, đồng cam cộng khổ, vào sinh ra tử có nhau: "... lúc mạc xông pha thì cùng nhau sống chết, lúc ở nhà nhàn hạ thì cùng nhau vui cười".

Trước sự hoành hành của sứ giặc, trước họa xâm lăng của đế quốc Nguyên - Mông, ông mang một tâm trạng cay đắng, thao thức suốt những đêm dài. Tâm trạng ấy của ông là cả một bầu nhiệt huyết sôi sục: "Huống chi, ta cùng các ngươi sinh phải thời loạn lạc, lớn lên gặp buổi gian nan. Ngó thấy sứ giặc đi lại nghênh ngang ngoài đường, uốn lưỡi cú diều mà sỉ mắng triều đình, đem thân dê chó mà bắt nạt tể phụ, thác mệnh Hốt Tất Liệt mà đòi ngọc để thỏa lòng tham không cùng, giả hiệu Vân Nam Vương mà thu bạc vàng, để vét của kho có hạn. Thật khác nào như đem thịt mà nuôi hổ đói, sao cho khỏi để tai vạ về sau".

Bằng một nhãn quan chính trị sâu sắc, cảnh giác, vị Tiết chế đã vạch trần dã tâm của bọn bành trướng phương Bắc muốn biến nước ta thành quận huyện của chúng, lên án hành động vơ vét của kho, "đòi ngọc lụa " "thu bạc vàng ” để thỏa lòng tham không cùng của lũ sứ giặc Mông Cổ. Ông nhắc tướng sĩ không được khoanh tay, ngồi nhìn giặc lấn tới, vì như thế "Thật khác nào như đem thịt mà nuôi hổ đói, sao khỏi để tai vạ về sau"

Phần cuối bài hịch, là lời khuyên răn, trách cứ tướng sĩ về việc học tập binh thư cũng sục sôi nhiệt huyết sáng ngời đạo "thần - chủ " và lập trường "nghịch thù". Giọng văn hùng hồn, trang nghiêm, cảm hóa lòng người sâu sắc: "Nếu các ngươi biết chuyên tập sách này theo lời dạy bảo của ta thì mới phải đạo thần chủ, nhược bằng khinh bỏ sách này, trái dạy bảo của ta, tức là kẻ nghịch thù"

**Luận điểm 2:"Hịch tướng sĩ” còn là một tác phẩm tràn đầy khí thế quyết chiến quyết thắng được thể hiện ở thái độ căm thù giặc, quan niệm sống và chết, nô lệ và tự do, v..**v... Ở khía cạnh nào, biểu hiện nào, tác giả cũng biểu lộ một chí khí anh hùng, lẫm liệt và quyết chiến quyết thắng!

Với lũ giặc Nguyên - Mông thì quyết không thể dung tha! Hiện tại chưa xả thịt, lột da, nuốt gan, uống máu quân thù thì đau đớn vô cùng: "tới bữa quên ăn, nửa đêm vổ gối; ruột đau như cắt, nước mắt đầm đìa". Với lũ giặc Nguyên - Mông, tướng sĩ chỉ có một quyết tâm, một hành động, một ý chí: "Dẫu cho thân này phơi ngoài nội cỏ, nghìn xác này gói trong da ngựa, ta cũng vui lòng."

Vì Tổ quốc Đại Việt muôn quý nghìn yêu mà tướng sĩ chỉ có một con đường, một hành động "huấn luyện quân sĩ, tập dượt cung tên khiến cho người giỏi như Bàng Mông, nhà nhà đều là Hậu Nghệ, có thể bêu được đầu Hốt Tất Liệt ở của khuyết làm rữa thịt Vân Nam Vương ở Cảo Nhai...".

Vì Tổ quốc Đại Việt nên không thể mất cảnh giác và chiến bại, để đến nỗi "ta cùng các ngươi sẽ bị giặc bắt, đau xót biết chừng nào" không những thế "ta kiếp này chịu nhục, rồi đến trăm năm sau, tiếng dơ khôn rửa, tên xấu còn lưu, đến gia thanh các ngươi cũng không khỏi mang tiếng là tướng bại trận.."

Vì sự sống còn và niềm vinh quang của dân tộc mà quyết tâm đánh thắng giặc Nguyên - Mông để "tông miếu ... được muôn đời tế lễ ", "tổ tông... được thờ cúng quanh năm ", để tên họ tướng sĩ "sử sách lưu thơm". "Hịch tướng sĩ" truyền đến ba quân khí thế, tinh thần quyết chiến quyết thắng, biến thành sức mạnh sát Thát đưa đến những thắng lợi, những chiến công giòn giã: "Chương Dương cướp giáo giặc -  Hàm Tử bắt quân thù (Trần Quang Khải) bảo toàn sơn hà xã tắc.

**Luận điểm 3:Có thể nói "Hịch tướng sĩ" là một tác phẩm tiêu biểu cho chủ nghĩa yêu nước cao đẹp nhất của thời đại chống Nguyên - Mông.** Thế kỉ XII, XIII trên một vùng địa lý mênh mông, hàng chục quốc gia, hàng trăm thành trì từ Hoa Bắc xuống Hoa Nam, từ Trung Á tới sông Vônga,... đã bị vó ngựa quân xâm lược Mông cổ giày xéo, nghiền nát. Một nhà thơ Ác-mê-ni trong thế kỉ XIII đã viết:

"Không còn một dòng suối, một con sông nào

không tràn dấy nước mắt chúng ta;

Không còn một ngọn núi, một cánh đồng nào

không bị quân Tác-ta giày xéo".

Quân Tác-ta là đoàn kị binh của đế quốc Mông Cổ. Thế mà, cả ba lần, giặc Nguyên - Mông sang xâm lược nước ta đều bị đại bại thảm hại. Quân dân Đại Việt đã đoàn kết một lòng, từ vua tới tướng sĩ đều nêu cao tinh thần quyết chiến quyết thắng. Vai trò của Trần Quốc Tuấn là cực kì to lớn: "Tiếng thơm dồn mãi - Bia miệng không mòn" ( Đằng giang phú).

Các tướng sĩ đời Trần có một số là anh hùng - thi sĩ như Trần Quang Khải, Phi Ngũ Lão, Trần Thánh Tông, Trần Nhân Tông cũng là những vua anh hùng - thi sĩ. Thơ văn của họ chứa chan tinh thần yêu nước:

- "Xã tấc hai phen chồn ngựa đá

Non sông nghìn thuở vững âu vàng

(Trần Nhân Tông)

* "Chương Dương cướp giáo giặc
* Hàm Tử bắt quân thù

Thái bình nên gắng sức

Non nước ấy nghìn thu"

(Trần Quang Khải)

Các bài thơ này đều tiêu biểu cho "Hào khí Đông A". Nhưng như đã phân tích ở trên, nội dung và tác dụng to lớn và sâu sắc của "Hịch tướng sĩ" nó xứng đáng là tác phẩm tiêu biểu cho chủ nghĩa yêu nước cao đẹp nhất thời đại chống Nguyên Mông.

"Hịch tướng sĩ" cùng với các chiến công như Chương Dương, Hàm Tử, Bạch Đằng- đã gắn liền với tên tuổi vị anh hùng Trần Quốc Tuấn, làm sáng ngời sử sách. Nó khúc tráng ca chống xâm lăng. Nó tiêu biểu cho khí phách anh hùng, tư thế hiên ngang, lẫm liệt của đất nước và con người Đại Việt.

Sống trong tư thế hiên ngang! Biết nhìn xa trông rộng, cảnh giác trước âm mưu thâm độc của mọi kẻ thù! Chết vinh còn hơn sống nhục trong kiếp ngựa trâu! v..v... Đó là những tư tưởng lớn nhất, bài học sâu sắc nhất mà Trần Quốc Tuấn muốn bày tỏ với tướng sĩ, với nhân dân ta, với mỗi con người Việt Nam trong mọi thời đại qua "Hịch tướng sĩ".

Trong bài "Bạch Đằng giang phú", Trương Hán Siêu đã viết: trận Bạch Đằng mà dại thắng - Bởi Đại Vương coi thế giặc nhàn". "Thế giặc nhàn" là thế giặc dễ đánh thắng! Đó là một câu nói bất hủ của Hưng Đạo Đại Vương Trần Quốc Tuấn - người anh hùng vĩ đại của dân tộc ta.

Đã trải qua hơn 800 năm nhưng “Hịch tướng sĩ”mãi là bài ca yêu nước và niềm tự hào dân tộc. Đó là áng văn chính luận, hùng hồn đanh thép, sục sôi nhiệt huyết, tràn đầy khí thế quyết chiến quyết thi mang sức mạnh của muôn vạn hùng binh. Mỗi lần đọc lại tác phẩm, lòng em lại có cảm xúc tự hào về truyền thống cha ông, truyền thống yêu nước quật cường, khí phách hiên ngang lừng lẫy.

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**BÀI**

**ĐÁNH NHAU VỚI CỐI XAY GIÓ**

**I.Vài nét về tác giả , tác phẩm:**

Giáo viên cho học sinh nhắc lại những nét cơ bản về tác giả , tác phẩm.

**II.Giáo viên nhắc lại những nội dung chính của văn bản**

**III.Đề văn luyện tập :**

**Đề 1:** Sự tương phản của thầy trò Đôn Ki-hô -têvà Xan – chô -Phan –xa trong đoạn trích Đánh nhau với cối xay gió cho thấy những nết tốt xấu, hay dở của từng người.Phân tích đoạn trích để làm rõ.

Dàn ý

A.Mở bài:

* Giới thiệu tác giả Đôn-ki-hô-tê và đoạn trích Đánh nhau với cối xay gió.
* Hai thầy trò Đôn-ki-hô-tê và xan-cho-Pan-xa có nhiều nét tương phản tạo nên tiếng cười đặc sắc của tác phẩm.

B.Thân bài:

1.Tổng:

- Tóm tắt vị trí đoạn trích trong tác phẩm

- KháI quát ý nghĩa bao trùm trong đoạn trích làm nổi bật sự tương phản của hai thầy trò

2.Phân:

a.Sự khác nhau trong nhận thức: Đôn-ki-hô-tê nhìn những chiếc cối xay gió thành ba bốn chục tên khổng lồ và hăm hở trước thử thách để chứng tỏ lòng can đảm hiệp sĩ.Xan cho-Pan xa tỉnh táo nói rõ cho thầy nhưng không ngăn cản được ý định điên rồ của Đôn-ki-hô-tê

b.Cuộc chiến đấu với những cối xay gió: kết cục đậm tính bi hài kịch, khi ảo tưởng hiệp sỹ chuốc lấy hậu quả thảm thương.Nhưng cũng giúp ta nhận ra lòng quả cảm thực sự của chàng hiệp sĩ đối lập với tháI độ cầu an thản nhiên của giám mã.

c.Lời cảnh tỉnh của Xan chô: TháI độ chế giễu của tác giả trước lí tưởng hiệp sĩ lỗi thời.Sự điên rồ qú mức của Đôn-ki-hô-tê khi không chấp nhận thất bại cũng là minh chứng cho lòng kiên trì, trung thành với lí tưởng cao đẹp

d.Sự khác biệt trong tính cách hai thầy trò: Câu chuyện trên đường đI cùng với những sự phân biệt mang màu sắc hài hước giữa hiệp sĩ và giám mã.Xan cho hiện ra là một gã nông phu tầm thường bị dục vọng chi phối, chỉ lo hưởng thụ.Còn Đôn-ki-hô-tê là hiện thân của một lí tưởng viễn vông thiếu thực tế.

3.Hợp:

- Đánh giá ý nghĩa của đoạn trích, rút ra những nhận xét tốt xấu, hay dở của hai nhân vật.

- Đánh giá tư tưởng của tác giả: Một mặt châm biếm ảo tưởng phi thực tế, mặt khác đối lập giữa lí tưởng nhân văn với dục vọng đậm bản năng.

C.Kết bài: Nêu cảm nhận về ý nghĩa đoạn trích, rút ra bài học từ sự khác biệt của hai nhân vật, hướng tới sự hoàn thiện nhận thức, hành động và tình cảm.

**Đề 2:** Hãy tóm tắt cảnh “ Đánh nhau với cối xay gió” trong tác phẩm Đôn-ki-hô-tê của Xec-van-tex.

Bài làm:

Đôn-ki-hô-tê lại dấn thân vào chinh chiến.Thầy cưỡi ngựa đI trước, trò cưỡi lừa theo sau.Chợt nhìn thấy ba bốn chục cối xay gió giữa đồng, Đôn-ki-hô-tê cho đó là lũ khổng lồ hung tợn phảI xông ra kết liễu đời chúng.Nhất định sẽ giàu to, sau khi đánh thắng thu chiến lợi phẩm.Mặc cho giám mã Xan chô-Pan xa can ngăn, Đôn-ki-hô-tê vẫn hăng máu thúc con chiến mã Rô-xi-nan-tê xông lên.Vừa lúc ấy, gió thổi mỗi lúc một mạnh.Lão hiệp sĩ vừa hét lớn vừa xông vào bắt bọn khổng lồ đền tội! Gió nổi lên dữ dội, cánh quạt quay tít khiến ngọn giáo gãy tan tành, cả người lẫn ngựa ngã chổng kềnh ra đất.Giám mã thúc lừa tới cứu thì thấy chủ nằm không cựa quậy sau cáI ngã như trời giáng.Sau khi hồi tỉnh, Đôn-ki-hô-tê cho rằng Pháp sư Phơ-re-xtôn đã đánh cắp thư phòng và sách vở của mình, nay lại tước mất phần vinh quang chiến thắng.

Xan chô vực Đôn-ki-hô-tê ngồi lên ngựa, hai người lại tiếp tục tiến lên.Tuy buồn phiền về việc mất ngọn giáo, nhưng Đôn-ki-hô-tê vẫn cảm kháI nhắc lại chuyện hiệp sĩ Va-gax lúc chiến đấu bị gãy gươm đã nhổ cây sồi làm vũ khí, giết được bao quân giặc Mô-rô, trở thành ‘hiệp sĩ diệt địch’ lừng danh.Đôn-ki-hô-tê cao hứng nói mình sẽ nhổ một cây sồi làm vũ khí và sẽ lập nên những chiến công mới phi thường.

Hai thầy trò nói chuyện.Thầy tuyên bố mình không kêu đau vì các hiệp sĩ giang hồ có bị thương cũng không được rên rỉ.Còn giám mã thì được Đôn-ki-hô-tê cho phép cứ việc rên la vì cho tới nay chưa thấy sách kiếm hiệp nào ngăn cấm cả.

Đến bữa ăn, thầy bảo chưa muốn ăn ,còn giám mã ngồi trên mình lừa ăn một cách khoáI trá, tu rượu ngon lành.Xan tro Pan xa cảm thấy cáI nghề đI tìm kiếm chuyện phiêu lưu tuy có nguy hiểm song không đến nỗi vất vả!

Đêm đó, hai thầy trò ngủ dưới gốc cây.Đôn bẻ một cành khô lắp vào cán gãy làm thành một ngọn giáo.Suốt đêm thao thức chỉ nhớ tới nàng.Xan thì ngủ một giấc đến sáng, vừa mở mắt đã tu rượu chỉ lo bầu rượu đã vơI khó tìm được nơI mua rượu, còn hiệp sĩ không ăn sáng vì theo lão nói chỉ cần nghĩ đến người yêu cũng no rồi

**Đề 3:** Phân tích và nêu cảm nghĩ về cảnh ‘ đánh nhau với cối xay gió’ trong tác phẩm Đôn-ki-hô-tê của nhà văn Tây Ban Nha Xec-van-tex.

Đề số 3 học sinh làm tại lớp

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**BÀI HAI CÂY PHONG**

**Ai- ma-tốp**

**I.Vài nét về tác giử , tác phẩm**

**1.Tác giả:** Ai-ma-tốp sinh năm 1928, ở làng Sê-ke-rơ ( Cộng hoà Kư-rơ-gư-xtan).Hoạt động văn học của ông bắt đầu từ năm 1952.Tác phẩm đầu tiên khiến Ai-ma-tốp nổi tiếng là tập Chuyện núi đồi và thảo nguyên.Sau đó các tác phẩm: Cánh đồng mẹ, Vĩnh biệt Giun-xa-rư, Con tàu trắng…Đề tài chủ yếu trong các truyện ngắn của Ai-ma-tốp là cuộc sống khắc nghiệt nhưng cũng đầy chất lãng mạn của người dân vùng đồi núi Kư-rơ-gư-xtan; tình yêu; tình bạn; tinh thần dũng cảm vượt qua những thử thách ;hi sinh thời chiến tranh; thái độ tích cực đấu tranh của tầng lớp thanh niên; trước hết là nữ thanh niên để thoát khỏi sự ràng buộc của những tập tục lạc hậu.

**2.Tác phẩm:**

Văn bản Hai cây phong là phần đầu truyện ‘ Người thầy đầu tiên’.

**II.Luyện tập**

**Đề 1**: Hai cây phong – hình ảnh thân thuộc của quê hương đã được cảm nhận bằng tất cả rung động trong trẻo nhất cảu tuổi thơ.Hãy phân tích vẻ đẹp ấy qua tâm hồn của nhân vật “ tôi” – người hoạ sĩ.

Bài viết gợi ý:

Truyện Người thầy đầu tiên của nhà văn Ai-ma-tốp đã đưa chúng ta về với làng nhỏ Ku-ku-rêu của nước cộng hoà Kư-rơ-gư-xtan thuộc Liên Xô( cũ).Câu chuyện về người chiến sĩ Hồng quân, đoàn viên thanh niên cộng sản Đuy-sen – người thầy đầu tiên đã trồng hai cây phong nhỏ cùng cô bé An-tư-nai thửa trước.Bốn chục năm sau, cô bé đã là một viện sĩ danh tiếng, còn Hai cây phong đã trở thành một phần không thể thiếu, trong kí ức làng quê của biết bao thế hệ dân làng Ku-ku-rêu.

Kỷ niệm gắn bó với hai cây phong được kể lại theo hai mạch dẫn lồng vào nhau: mạch dẫn chuyện trực tiếp của nhân vật “ tôi” – một hoạ sĩ đã lớn lên từ chính mảnh đất này và mạch kỉ niệm của cả một thế hệ “ chúng tôi”.Kí ức đậm nét của tuổi thơ đã khiến cho người hoạ sĩ – nhân vật “ tôi” đã tái hiện lại thật đẹp và xúc động hình ảnh hai cây phong – biểu tượng của quê hương, một mảnh hồn làng sống động.

Bắt đầu của những kí ức về làng quê là lời dẫn chuyện đưa người đọc trở về nơi nằm ven chân núi, trên một cao nguyên rộng, có những khe nước ào ào từ nhiều ngách đá đổ xuống.Ku-ru-rêu đã hiện ra với tất cả vẻ hoang sơ của thiên nhiên với thung lũng, thảo nguyên, rặng núi.Hai cây phong không phải là món quà của tự nhiên nhưng đã từ rất lâu, những đứa trẻ đã biết chúng từ thửa bắt đầu biết mình.Để cũng rất tự nhiên, hình ảnh hai cây phong đã trở thành của riêng làng Ku-ru-rêu: “ chúng luôn hiện ra trước mắt hệt như những ngọn hải đăng đặt trên núi”, trở thành mốc định hướng cho mọi người tìm đến.Riêng đối với “ tôi”, “ mỗi lần về quê, khi xuống xe lửa đi qua thảo nguyên về làng, tôi đều coi bổn phận đầu tiên là từ xa đưa mắt tìm hai cây phong thân thuộc ấy.Anh đã dành tình cảm đặc biệt với hai cây phong như với những người bạn, nhìn bằng cặp mắt chan chứa tình cảm yêu thương, nên dù khó nhìn đến mấy, anh bao giờ cũng cảm biết được chúng, lúc nào cũng nhìn rõ.Hai cây phong đã trở thành một phần tâm hồn của anh, chi phối cả niềm vui, nỗi buồn của người hoạ sĩ.

Bằng tình yêu ấy, anh đã tạo nên một bức tranh thật sinh động, đẹp đẽ.Một bức tranh ngân nga cả những giai điệu “ tiếng lá reo cho đến khi say sưa ngây ngất”.Đoạn văn miêu tả hình ảnh hai cây phong đẹp như một bài thơ về một loài cây “ có tiếng nói riêng và hẳn phải có một tâm hồn riêng, chan chứa những lời ca êm dịu”.Có lẽ chính tình yêu quê hương của người hoạ sĩ đã đem đến cảm giác choáng ngợp say sưa ấy: “ Dù ta tới đây vào lúc nào, ban ngày hay ban đêm, chúng cũng vẫn nghiêng ngã thân cây, lay động lá cành, không ngớt tiếng rì rào theo nhiều cung bậc khác nhau.Có khi tưởng chừng như một làn sóng thuỷ triều dâng lên vỗ vào bãi cát, có khi lại nghe như một tiếng thì thầm thiết tha nồng thắm chuyển qua lá cành như một đốm lửa vô hình, có khi hai cây phong bỗng im bặt một thoáng, rồi khắp lá cành lại cất tiếng thở dài một lượt như thương tiếc người nào”.Ngay cả khi thời tiết thay đổi khắc nghiệt, hai cây phong ấy vẫn như một con người bền bỉ kiên cường đối chọi với sức mạnh tàn phá của bão dông, “ nghiêng ngã tấm thân dẻo dai và reo vù vù như một ngọn lửa bốc cháy rừng rực.Cảm nhận của tuổi thơ đã được người hoạ sĩ ấy trân trọng gìn giữ, ngay cả khi khám phá ra điều bí ẩn về hai cây phong bằng những giải thích chính xác khoa học thì: “ việc khám phá ra chân lí giản đơn ấy vẫn không làm tôIi vỡ mộng xưa, không làm tôI bỏ mất cách cảm thụ của tuổi thơ mà tôi còn giữ đến tận ngày nay”.Bởi lẽ cây phong ấy đã gắn với cả một thời tươi đẹp: “ Tuổi trẻ của tôi đã để lại nơi ấy, bên cạnh chúng như một mảnh vỡ của chiếc gương thần xanh…”. Hình ảnh thời ấu thơ đã tạo thành không gian cổ tích rất riêng, phảI chăng chính từ tình yêu và sự gắn bó với hai cây phong, đã làm cậu bé năm xưa lớn lên trở thành hoạ sĩ với mong muốn vẽ lại linh hồn nồng thắm của làng quê?

Hai cây phong ấy còn là kỉ niệm chung của chúng tôI – bọn con trai tinh nghịch ở làng Ku-ru-rêu, những người bạn cùng trang lứa của người họa sĩ.Đó là tất cả những ngày tháng được cui chơI, chạy nhảy giữa núi đồi rộng lớn, trong bóng râm mát rượi và tiếng lá xào xạc dịu hiền của hai cây phong.Đẹp làm sao khoảnh khắc những cậu bé được ấy nâng lên cao từ những cành cao ngất, cao đến ngang tầm chim bay, một thế giới khác đã được mở ra, vượt ra khỏi giới hạn của làng quê Ku-ru-rêu nhỏ bé, “ như có một phép thần thông nào vụt mở ra trước mắt chúng tôI cả một thế giới đẹp đẽ vô ngần của không gian bao la và ánh sáng”.Hai cây phong trở thành bệ đỡ, nâng cánh ước mơ cho những đứa trẻ, mở tầm nhận thức về một thế giới đầy những điều mới lạ cần khám phá, hướng về “ những miền đất bí ẩn đầy sức quyến rũ lẫn sau chân trời xa thẳm biêng biếc kia”.Cũng như bạn bè của mình, “ tôi” – chú bé sau này là hoạ sĩcũng trảI qua cảm giác “ tim đập rộn ràng vì thảng thốt và vui sướng, rồi trong tiếng xào xạc không ngớt ấy, tôI có hình dung ra những miền xa lại kia”,Hai cây phong đã trở thành người bạn lớn, người bạn tâm tình thân thiết đem lại những niềm vui vỡ oà hạnh phúc cho tuổi thơ.

Khi hưởng thụ niềm vui trong bao tháng ngày hồn nhiên thơ mộng bên hai cây phong, không cậu bé nào đặt câu hỏi về người đã vun mầm, ấp ủ những niềm hi vọng, đem lại hạnh phúc tuổi thơ.Đó cũng là điều bình thường với bất cứ em bé nào.Hai cây phong của người chiến sĩ Hồng quân, đoàn viên thanh niên cộng sản Đuy-sen đã cùng trồng với em bé khốn khổ An-tư-nai trong những làng Ku-ru-rêu còn chìm đắm trong lạc hậu tối tăm và những hủ tục còn đè nặng trong đời sống dân làng những năm đầu sau cách mạng tháng Mười đã trở thành chứng nhân cho sự lớn khôn của bao thế hệ.Bản thân người thầy đầu tiên ấy vẫn ở lại với làng, đã trở thành một ông lão đưa thư mẫn cần Đuy-sen, người đem đến ấnh sáng cách mạng góp phần xoá tan đI bóng tối cho bao cuộc đời? Hai cây phong còn là minh chứng cho sự hi sinh lặng thầm của những người cộng sản trẻ tuổi đã không ngại ngần cống hiến thời thanh xuân tươI đẹp cho quê hương thay da đổi thịt.Tình cảm yêu mén hai cây phong của “ tôi” của “ chúng tôI”, của những người dân làng Ku-ru-rêu khiến chúng ta trân trọng chính là vì hai cây phong ấy gắn với câu chuyện về một con ngưòi cao đẹp, người thầy giáo không có bằng sư phạm nhưng đã vun trồng bao ước mơ, hi vọng cho những trò nhỏ của mình.

**Cảm nhận vẻ đẹp thiên nhiên trong đoạn trích “Hai cây phong”**

* **Mở bài:**

Hai cây phong là đoạn trích rút ra từ truyện ngắn Người thầy đầu tiên của nhà văn Ai-ma-tốp. Đoạn trích miêu tả chi tiết và sinh động hình ảnh hai cây phong lực lưỡng đứng trên đồi cao vi vút gió. Nó cũng là kỉ niệm, là dấu vết lưu giữ tình cảm quê hương sâu đậm của nhân vật tôi. Từ điểm nhìn trên ngọn cao hai cây phong, toàn bộ quan cảnh vùng thảo nguyên Ca-dắc-tan cũng được cảm nhận trong tình cảm mến yêu vô bờ. Vẻ đẹp hai cây phong là nội dung chính của đoạn trích này.

**Thân bài:**

Bên cạnh ngòi bút đậm chất hội họa, dòng cảm xúc của nhân vật “tôi” về hình ảnh thiên nhiên với bao sự kì diệu trong sự khám phá vẻ đẹp của nó đã đưa người đọc về miền kí ức xa xăm và rất đỗi tươi đẹp của tuổi thơ nơi làng quê yêu dấu. Điều đó đã tạo nên chất trữ tình xuyên suốt toàn bộ đoạn trích Hai cây phong, làm cho kí ức của nhân vật “tôi” trở nên đằm ngọt và êm đềm…

Bối cảnh của truyện là làng Ku-ku-rêu nằm ở ven chân núi, trên một cao nguyên tươi đẹp. Toàn bộ đoạn trích, nhân vật “tôi” không đi theo lối kể lại một sự việc, một biến cố nào đó mà là dòng tâm sự và dòng kí ức êm trong những khoảnh khắc về làng quê, về hình ảnh hai cây phong thân thuộc.

Hình ảnh hai cây phong được nhân vật “tôi” giới thiệu qua cách nói giàu hình ảnh:… “Chúng luôn hiện ra trước mắt hệt như những ngọn hải đăng đặt trên núi”. Với nhân vật “tôi” và làng Ku-ku-rêu, hai cây phong trở nên gắn bó tự bao giờ. Để mỗi khi đi xa trở về làng, hình ảnh luôn là điểm đến đầu tiên của tâm hồn với bao nhớ nhung, yêu thương và gần gũi.

Khi xa, hình ảnh thân thương ấy để lại trong tâm hồn nhân vật “tôi” “nỗi buồn da diết”. Sự mong ngóng trở về để gặp lại với sự háo hức, nóng lòng: “Ta sắp được thấy chúng chưa, hai cây phong sinh đôi ấy?”. Đặc biệt, trong cảm nhận của nhân vật “tôi”, sự nhận biết về hai cây phong được bắt đầu từ khi mình nhận thức được mình. Mỗi khi đứng dưới gốc cây phong, tâm hồn giàu chất thơ của nhân vật “tôi” như hòa điệu với tiếng reo của lá phong, như cảm nhận được lời thì thầm và ý nghĩ của cây: “Rồi sau đó cứ đứng dưới gốc cây để nghe mãi tiếng lá reo cho đến khi say sưa ngây ngất”.

Không phải là cách quan sát thiên nhiên thông thường, nhân vật “tôi” cảm nhận hai cây phong ở nhiều cung bậc và phát hiện ra những điều kỳ diệu về chúng: “Trong làng tôi không thiếu gì các loại cây, nhưng hai cây phong này khác hẳn – chúng có tiếng nói riêng và hẳn phải có một tâm hồn riêng, chan chứa những lời ca êm dịu”. Những tín hiệu phát ra từ hai cây phong nếu bằng sự cảm nhận thông thường, có lẽ rất khó để thấy và đoán biết đó là tiếng nói riêng, là tâm hồn riêng của loài cây. Đó là sự khơi dòng cho cảm xúc mang tính khám phá chiều sâu bên trong hết sức bí ẩn và tươi đẹp của hai cây phong.

Từ sự lắng nghe những chuyển động của cành lá, “không ngớt tiếng rì rào theo nhiều cung bậc khác nhau”, nhân vật “tôi” đã chuyển hóa thành sự tưởng tượng vô cùng phong phú trong những so sánh, ví von độc đáo: “Có khi tưởng chừng một làn song thủy triều dâng lên vỗ vào bãi cát, có khi lại nghe như một tiếng thì thầm tha thiết nồng thắm truyền qua lá cành như  một đốm lửa vô hình,…”

Hai cây phong trước phong ba bão táp vẫn ngời lên sức mạnh của sự chóng chọi, đứng vững trên đồi cao. “Và khi mây đen kéo đến cùng với bão dông, xô gãy cành, tỉa trụi lá, hai cây phong nghiêng ngả tấm tấm thân dẻo dai và reo vù vù như ngọn lửa bốc cháy rừng rực”. Trường liên tưởng từ cây lá sang sóng thủy triều, đóm lửa, tiếng thở dài đó là sự cảm nhận cây phong có chiều sâu, ở nhiều cung bậc cảm xúc của nhân vật “tôi”, đã biến hình ảnh thiên nhiên thành một sinh thể có tâm hồn, có sức mạnh nội lực đang tỏa ra mãnh liệt tự bên trong.

Đó là sự khám phá cây phong bằng linh cảm, bằng sự tưởng tượng phong phú ẩn sâu trong từng cánh cây, kẽ lá, từ thớ vỏ và như thấm sâu vào từng thớ gỗ. Phải thực sự gắn bó với làng quê, với cảnh vật thân thuộc đến thế nào mới có sự hòa quyện tâm hồn và những cảm xúc vô cùng tinh tế với hai cây phong như thế.

Hình ảnh hai cây phong đã đưa nhân vật “tôi” trở về miền kí ức xa xăm mà vô cùng tươi đẹp. Hình ảnh ấy luôn có sức sống kì diệu trong tâm hồn con người để rồi khi xa làng, cây phong luôn nhắc nhở nhân vật “tôi” về nơi ấy, nơi những đứa trẻ quê ngày nào để lại tuổi thơ dưới tán lá xanh thăm thẳm của hai cây phong như “một mảnh vỡ của chiếc gương thần xanh…”

Khơi dòng cảm xúc từ hai cây phong, dòng tâm tư của nhân vật “tôi” bỗng trở nên ấm áp đến lạ thường khi thức dậy những kí ức tuổi thơ êm đềm. Đó là những lần “reo hò, huýt còi ầm ĩ chạy lên đồi…”. Đó là thú vui trèo lên hai cây phong “cứ leo lên cao nữa, cao nữa…” để bắt tổ chim. Đó là sự vỡ òa đầy thích thú trong cảm nhận của đôi mắt tò mò khám phá khi trèo lên ngọn cây phong cao vút: “bỗng như có một phép thần thông nào vụt mở ra trước mắt chúng tôi cả một thế giới đẹp đẽ vô ngần của không gian bao la và ánh sáng”.

Mỗi lúc ngồi lặng thinh, vô tư lự trên cành cây phong cũng là lúc cả thế giới tươi đẹp như ùa vào tâm hồn nhân vật “tôi” và những đứa trẻ, đó là “nơi thăm biêng biếc của thảo nguyên…”, là “những dòng sông lấp lánh như những sợi chỉ bạc mỏng manh”.

Và ở đó, tâm hồn những đứa trẻ có bao liên tưởng đầy thú vị từ cây phong “lắng nghe tiếng gió ảo huyền, và tiếng lá cây đáp lại lời gió, thì thầm to nhỏ về những miền đất bí ẩn đầy sức quyến rủ ẩn sâu chân trời thẳm biêng biếc kia”. Tiếng của cây lá như reo lên trong tâm hồn nhân vật “tôi” và những đứa trẻ nơi làng quê ngày đó, nhen lên trong chúng sự tưởng tượng về những miền đất xa thẳm. Phải chăng, đó là những ước mơ còn như mới khơi lên mà chưa rõ hình thù về ngày mai. Chúng sẽ tạm biệt làng quê nhỏ bé để đến với những chân trời rộng lớn.

Từ miền kí ức lấp lánh trong tâm hồn nhân vật “tôi”. Một hình ảnh rất đổi ấm áp, thiêng liêng được gợi lên theo dòng tâm tư. Hình ảnh ấy được dấy lên qua hàng loạt câu hỏi mà thuở ấy bản thân không nghĩ đến: “ai là người đã trồng hai cây phong trên này? Người vô danh ấy đã ước mơ gì, đã nói những gì khi vùi hai gốc cây xuống đất…?”. Những  câu hỏi ấy cứ xoáy sâu vào miền kí ức xa thẳm để rồi, trong dòng tâm tư, nhân vật tôi trở về với hình ảnh thầy Đuy- sen kính yêu, người đã mang hai cây phong về trồng ở làng, gieo ước mơ cho nơi đấy.

Chất thơ trong đoạn trích Hai cây phong không chỉ được thể hiện ở phương diện nội dung mà còn in đậm trong phương diện hình thức của truyện. Cốt truyện không hề có những biến cố, những xung đột, ít nhân vật, chủ yếu là nhân vật “tôi”. Tình tiết và diễn biến nhẹ nhàng mà thấm thía. Giọng điệu mềm mại, chậm rãi, ngân dài khiến cho dòng kí ức của nhân vật “tôi” êm đềm, đầm ngọt, gợi lên bao điều thiêng liêng trở thành “gia tài” trong hành trình chinh phục ước mơ cảu nhân vật “tôi”.

Truyện sử dụng phép so sánh kết hợp với nhân hóa độc đáo: “như những ngọn hải đăng đặt trên núi”; “như một làn sóng thủy triều…”; như một tiếng thì thầm tha thiết”, “như một đóm lửa vô hình”; “như một ngọn lửa bốc cháy rừng rực”… làm cho hình ảnh hai cây phong trở nên sinh động, như một sinh thể có hồn, có tính cách.

Phép ẩn dụ chuyển đổi cảm giác tinh tế mà gợi cảm. Từ hình ảnh cây liên tưởng đến thủy triều, lửa đã gợi lên sức sống mãnh liệt của hai cây phong. Trong truyện, tác giả sử dụng nhiều từ láy gợi hình, gợi cảm: “mênh mông, ào ào, rì rào, thì thầm, vù vù, rừng rực, khe khẽ, mỏng manh, rộn ràng, thảng thốt, xào xạc”… có tác dụng gợi lên sức sinh sôi của hai cây phong. Trong mỗi đoạn, việc sử dụng những câu văn dài, trong sáng như ngân dài cảm xúc, nhấn mạnh mức độ cảm nhận từng hình ảnh, chi tiết, khiến cho sự cảm nhận về hai cây phong vừa gần gũi, vừa tinh tế, sâu lắng.

**Kết bài:**

Có thể nói, nhờ chất thơ đậm đà trong từng câu, từng chữ, đoạn trích Hai cây phong nói riêng và truyện ngắn Người thầy đầu tiên nói chung đã có sức truyền cảm lớn trong lòng người đọc, tạo nên sự đồng cảm với nhân vật “tôi”, như được hòa mình vào miền ký ức nơi tuổi thơ, về những hình ảnh thiêng liêng: hai cây phong – người thầy – làng quê. Đọc truyện, độc giả luôn cảm thấy nhẹ nhõm, thêm yêu cuộc sống. Chính vì vậy, chất thơ trong truyện đã có sự lắng đọng và lan tỏa trong lòng người đọc.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**BÀI 10**

**ĐI BỘ NGAO DU**

**Rút –xô**

**I.Tác giả , tác phẩm:**

**1.Tác giả:** G.G Ru xô ( 1712 -1788) là nhà triết học lớn cuả nước Pháp ở thế kỉ ánh sáng.Năm 14 tuổi học nghề thợ chạm, rồi sống lang thang, làm đủ các nghề như dạy nhạc, làm đầy tớ, làm gia sư,…Nhờ thông minh, biết tự học và sáng tạo, ông đã trở thành nổi tiếng với khoảng 10 tác phẩm gồm nhạc kịch, tiểu thuyêt, luận văn, triết học, tiêu biểu nhất là hai tác phẩm: “ khế ước xã hội” và “ Ê-min hay là về giáo dục”.

Quan điểm triết học của Ru xô rất tiến bộ: đề cao con người tự nhiên, chống lại con người xã hội, đấu tranh cho một nền giáo dục dân chủ, tự do, lên án xã hội đương thời đã chà đạp lên, nô dịch và làm tha hoá con người.

**2.Tác phẩm:** “ Ê-min hay là về Giáo dục” được Ru xô viết vào năm 1762; nó là đỉnh cao triết học của ông, gồm có năm cuốn.Ê-min là một nhân vật tượng trưng, được nuôI dưỡng từ thơ bé trong cuộc sống tự nhiên, trong môI trường dân chủ tự do mà trí tuệ, nhân cách và thể lực ngày một phát triển tốt đẹp.

Trích đoạn “ Đi bộ ngao du” rút trong cuốn 5, khi Ê-min đã không lớn, trưởng thành.

**II.Phân tích**

Trích đoạn “ Đi bộ ngao du” gồm có 3 đoạn văn; mỗi đoạn văn là một luận điểm

* Đi bộ ngao du rất thoải mái , chủ động và tự do.
* Đi bộ ngao du rất có ích, vì quan sát, học tập được nhiều kiến thức trong thế giứo tự nhiên bao la.
* Đi bộ ngao du vô cùng thú vị.

a.Đi bộ ngao du rất thoải mái, chủ động và tự do

ở Pháp và Tây Âu trong thế kỉ 18 đi ngựa là sang trọng, văn minh.Nhưng Ru-xô đã so sánh và khăng định: đi bộ ngao du thú vị hơn đI ngựa.Đi bộ ngao du rất thoải mái và chủ động: có thể đI hay dừng, có thể quay phảI quay tráI, quan sát khắp nơi, xem xét tất cả tuỳ thích.Có thể đến với bao cảnh đẹp, cảnh lạ đó đây: một dòng sông, một khu rừng rậm, một hang động, một mỏ đá…Đến đâu ưa thích thì ta lưu lại đấy, lúc nào thấy chán thì bỏ đi.Đi bộ ngao du rất tự do, ta chẳng phụ thuộc vào những con ngựa hay gã phu trạm, có thể đI theo những con đường mà ta thích: Gặp thời tiết xấu thì ta đI ngựa.Chẳng hề vội vã…Ê-min to khoẻ, không mỏi mệt, em tìm được nhiều thú để giải trí , để làm việc, để vận động chận tay.

b.Đi bộ ngao du rất có ích

Đi bộ ngao du là để quan sát, tìm tòi, phát hiện như Ta-lex, Pla-tông và Pi-ta-go, những nhà triết học, toán học vĩ đại của Hi Lạp thời cổ đại.Đi bộ ngao du là để xem xét những tài nguyên, là để biết những đặc sản nông nghiệp và cách thức trồng trọt những đặc sản ấy.Là để phát triển hứng thú với tự nhiên học: xem xét một khoảnh đất mà mình đI qua, ghè một vài mẫu của lèn đá, sưu tập hoa lá, nhũng hòn sỏi, các hoá thạch của những quả núi.Ru-xô so sánh một cách hóm hỉnh để làm nổi bật lí lẽ của mình: phòng sưu tập của “ những triết gia phòng khách” thì có đủ “ các thứ linh tinh”vì họ “ chỉ biết gọi tên” nhưng “ chẳng có một ý niệm gì về tự nhiên cả”. TráI lại, phòng sưu tập của Ê-min là phòng sưu tập “ cả trái đất”, “ phong phú hơn các phòng sưu tập của vua chúa”; có thể so sánh với các công trình của Đô-Băng-Tông ( 1716-1800) nhà tự nhiên học lừng danh của nước Pháp.

Qua đó, Ru-xô đã đề cao con người tự nhiên; ông chỉ rõ phảI dựa vào con người vào trong môI trường tự nhiên để mở mang kiến thức, phát triển nhân cách.Giáo dục không được thoát li tự nhiên, nếu không sẽ trở thành viễn vông, vô nghĩa.Tư tưởng ấy, quan điểm ấy rất tiến bộ, đến nay vẫn có nhiều ý nghĩa.

c. Đi bộ ngao du vô cùng thú vị

Đi bộ ngao du còn làm cho sức khoẻ “ được tăng cuờng”, tính khí trỏ nên “ vui vẽ”.Kẻ xa hoa sống trong tiện nghi sang trọng “ ngồi trong các cỗ xe tốt chạy rất êm” thì tâm hồn bệnh hoạn: “ mơ màng , buồn bã, cáu kỉnh hoặc đau khổ”.Tría lại, Ê-min vì đI bộ nhiều nên lạc quan, yêu đời: “ luôn luôn vui vẻ, khoan khoáI và hài lòng với tất cả”; ăn ngon miệng hơn dù bữa cơm đạm bạc, ngủ ngon giấc hơn, dù cáI giường tồi tàn.Người ta có lúc phảI phóng xe tram cho nhanh, cho được việc, nhưng muốn ngao du thì phảI đI bộ.Thú vị của đI bộ ngao du là làm cho con người trở nên giản dị hơn, biết sống, yêu sống và yêu đời hơn.

Nhận xét đánh giá.

Cách viết của Ru-xô rất thâm trầm, giản dị.Qua các ngôI thứ : “ tôI, ta, Ê-min”, ông đã làm cho giọng văn thay đổi , lúc thì tranh biện, lúc thì tâm sự.Lí lẽ dẫn chứng ông nêu ra là sự thật hiển nhiên, là chân lí đầy sức thuyết phục.Có lúc tác giả sử dụng so sánh một cách hóm hỉnh để khẳng định một chân lí: đi bộ ngao du rất thoảI máI và tự do, rất bổ ích và thú vị.Ai cũng nên biết, cần biết đI bộ ngao du để mở mang kiến thức, mở rộng tầm mắt, phát triển nhân cách, thể lực, làm cho cuộc sống có sắc màu ý vị

Đọc trích đoạn “ Đi bộ ngao du” cua Ru-xô, hơn bao giờ ta thêm sáng tỏ: học trong tự nhiên rộng lớn, học trong cuộc sống muôn màu là một trong những cách học tích cực nhất, có giá trị nhất

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**BÀI**

**ÔNG GIUỐC ĐANH MẶC LỄ PHỤC**

**Mô –lie**

**I.Tìm hiểu vài nết vài nét về tác giả, tác phẩm:**

1.Mô-li-e ( 1662-1673), tên thật là Jean Bảptiste Poquelin, là nhà viết hài kịch nổi tiếng của chủ nghĩa cổ điển Pháp.Tác phẩm đầu tay của ông là vở kịch Chàng Ngốc ( 1655), sau đó là các vở: Ghen ( 1656), Thầy thuốc si tình ( 1658), Nhũng bà đài các rởm(1659), Trường học làm chồng ( 1661), Trường học làm vợ ( 1662), Phê bình trường học làm vợ ( 1663), Kịch ứng tác ở Véc-xây ( 1663).Từ 1664, lần lượt xuất hiện những vở kịch nổi tiếng nhất của Mô-li-e: Tactuyp (1664), Đông Juăng ( 1665), Người ghét đời(1666), Lào hà tiện ( 1668), Trưởng giả học làm sang ( 1670), Những bà thông tháI rởm (1672), Người bệnh tưởng(1673)

Nét độc đáo của kịch Mô-li-e là tác giả luôn phát hiện ra những khía cạnh bi đát của xã hội Pháp thời vua Lu-I XIV và thể hiện chúng dưới hình thức hài kịch.

2.Vở hài kịch Trưởng giả học làm sang của Mô-li-e được trình diễn lần đầu ngày 14-11-1670 tại Sămbơ cho triều đình xem.

Nhân vật trung tâm của vở kịch là Giuốc- đanh, tuổi ngoài 40.Lão nhờ bố mẹ có cửa hiệu buôn bán lớn cạnh cửa ô Xanh Inôxang mà trở nên giàu có.Khao khát muốn trở thành nhà quí tộc, lão kiếm hai tên hầu nhưng chẳng biết sai boả chúng làm gì.Là người hiểu biết tồi, nói năng quàng xiên về tất cả mọi chuyện,lão mời thầy dạy nhạc, thầy dạy múa về dạy cho lão.Để ra dáng nhà quí pháI, lão phảI đặt may bộ lễ phục để mặc nghe nhạc.Giuốc-đanh còn mời cả thầy dạy đánh kiếm, thầy triết học về dạy.Lão tha thiếy mong thầy dạy cho môn chính tả để viết thư cho bà hầu tước Đô-ri-men.Bác phó may mang tới cho Giuốc- đanh bộ lễ phục may hoa ngược, khiến lão tức giận.Nhưng khi bác ta nói những người quí tộc đều mặc như vậy, lão tỏ vẻ rất hài lòng.Lão muốn ra phố để chưng diện bộ quần áo mới cùng với đám người hầu của mình.Bà Giuốc-đanh kinh ngạc trước những trò hề của chồng, tìm mọi cách ngăn cản nhưng vô ích.

Biết Giuốc-đanh hợm hĩnh muốn học đòi làm sang và được liệt vào giới thượng lưu, gã quí tộc bó tước Đô-răng lợi dụng lão, tha hồ xoay tiền để tiêu xài phung phí.Vì muốn kết thân với nữ hầu tước Đô-ri-men ( hiện là tình nhân của Đô-răng), giuốc đanh nhờ Đô-răng môI giới.Lão đã bỏ ra rất nhiều tiền mua quà tặng và tổ chức những cuộc vui tại nhà mong làm đẹp lòng Đô-ri-men.Song gã bá tước Đô-răng gian ngoan đã khiến nữ hầu tước hiểu rằng chính gã đã bỏ tiền chiêu đãI và mua quà cho bà.

Mộng trở thành quí tộc làm cho Giuốc-đanh trở nên mê muội.Lão ngăn cản không cho Luy-xin, con gáI yêu quí của mình lấy Clê-ông chỉ vì chàng không phảI là quí tộc.Lão dự định phảI kiếm cho được một chàng rể thuộc giới thượng lưu.Biết cuồng vọng của Giuốc-đanh, cô-vi-en, đày tớ của Clê-ông, sắp đặt trò phong tước Mamamouchi cao quí của Thổ Nhĩ Kì cho lão để lão bằng lòng gả Luy-xin cho hoàng tử Thổ Nhĩ Kì ( do Clê-ông đóng giả)

Trưởng giả học làm sang là một trong những vở hài kịch thành công nhất của Mô-li-e.Tác giả đã tạo nên bức tranh xã hội Pháp thế kỉ XVII vô cùng sinh động và chân thật: những gã trọc phú học đòi quí tộc một cách ngu ngốc, kệch cỡm; những tên quí tộc kiểu cách rởm đời, giả dối, xảo trá, tham lam.Mô-li-e đặt niềm tin ở thế hệ trẻ, những người có hiểu biết, giàu lòng nhân ái.Ông đề cao giá trị đích thực của cá nhân.Nhà viết kịch đã sử dụng tiếng cười như một vũ khí sắc bén để tấn công lối sống cầu kì rởm của tầng lớp quí tộc Pháp đương thời và đám trưởng giả lố bịch đang quí tộc hoá.

3.Ông Giuốc- đanh mặc lễ phục là lớp kịch kết thúc hồi II của vở kịch 5 hồi Trưởng giả học làm sang.

a.Lớp kịch gồm hai cảnh:

-Cảnh 1: Trong phòng khách nhà ông giuốc-đanh, có một ông Giuốc-đanh, gai nhân, thêm bác phó may và một tay thợ phụ mang lễ phục vào, tất cả là bốn nhân vật.Cảnh này chủ yếu là những lời đối thoại của ông Giuốc-đanh và bác phó may.

-Cảnh 2: Vẫn khung cảnh trên nhưng có thêm bốn tay thợ phụ nữa, tất cả là tám nhân vật.Cảnh này cũng chỉ có hai người là ông Giuốc-đanh và tay thợ phụ đến lúc đầu đối thoại với nhau, nhưng có thêm bốn tay thợ phụ xúm xít xung quanh nên thành ra Giuốc-đanh như nói chuyện với cả năm người.Mà đâu chỉ có miệng nói, ông Giuốc-đanh còn “ cởi áo, mặc áo, chân bước” “ đi đi lại lại giữa đám thợ”, và tất cả những hành động ấy “ đều theo nhịp của dàn nhạc”.Với số lượng nhân vật đông hơn và nhiều hành động hơn, cảnh sau nhộn nhịp, sôI động hơn so với cảnh trước.

b.tính cách trưởng giả học đòi làm sang của ông Giuốc-đanh:

Cảnh 1:Cuộc đối thoại giữa ông Giuốc-đanh và bác phó may xoay quanh một số việc như bộ lễ phục, đôI bít tất, đôI giày, bộ tóc giả và lông đính mũ, nhưng chủ yếu vẫn là bộ lễ phục.

-Ai cũng biết rằng khi may áo, hoa phảI hướng lên trên.Không biết bác phó may do kém cỏi, do sơ suất hay do cố tình biến ông Giuốc-đanh thành trò cười mà lại may bộ lễ phục ngược hoa.Ông Giuốc-đanh còn tỉnh táo nên đã phát hiện ra điều này.Nhưng chỉ cần bác phó may vụng chèo khéo chống, bịa ra lí lẽ những người quí phái đều mặc hoa ngược là ông ưng thuận ngay.Đoạn này có kịch tính cao.Bác phó may đang ở thế bị động( bị chê trách may áo ngược hoa) lại nhanh chóng thuyết phục ông Giuốc-đanh và chuyển sang thế chủ động tấn công bằng hai đề nghị liên tiếp: “ Nếu ngài muốn thì tôI sẽ xin may hoa xuôi lại thôi mà”, “ Xin ngài cứ việc bảo”.Còn ông Giuốc-đanh thì cứ lùi mãi : “ Không, không”, “Tôi đã bảo không mà.Bác may thế này được rồi”, sau đó né tránh bằng cách lảng sang chuyện khác hỏi bộ lễ phục ông mặc có vừa vặn không.

-Ông Giuốc-đanh lại phát hiện ra bác phó may ăn bớt vảI của mình.Ông lại chuyển sang thế chủ động, trách bác phó may bằng hai lời thoại.Bác phó may không giám phủ nhận chỉ chống đỡ yếu ớt : “ Chẳng là thứ hàng đẹp quá nên tôi đã gạn lại một cái áo để mặc”.Nhưng rồi sau đó bác nhanh chóng gỡ thế bí bằng cách gợi ý ông Giuốc-đanh thử bộ lễ phục theo đúng thể thức của các nhà quí phái: mặc áo có người hầu và theo nhịp nhạc.Nước cờ này khá cao tay vì nó đã đánh trúng tâm lí ông Giuốc-đanh đang muốn học đòi làm sang.

Cảnh 2:Tác giả chuyển tiếp từ cảnh trước sang cảnh sau một cách tự nhiên và khéo léo.Khi ông Giuốc-đanh vừa mặc xong bộ lễ phục là tay thợ phụ tôn xưng là “ ông lớn” ngay, khiến ông sung sướng vì tưởng rằng cứ mặc bộ lễ phục vào là nghiễm nhiên trở thành quí phái.Tay thợ phụ ranh mãnh nắm đúng điểm yếu của ông giuốc-đanh nên dùng mánh khoé nịnh hót để moi tiền.Mức độ ranh mãnh của tay thợ phụ và tính cách trưởng giả học làm sang của ông Giuốc-đanh cứ tăng tiến dần qua các danh xưng càng lúc càng tôn cao dần: từ “ ông lớn” đến “ cụ lớn” rồi đến “ đức ông”.

Đoạn này còn hé ra nét tính cách của một gã trọc phú giàu có và keo kiệt.Ngay trong giây phút ngây ngất hạnh phúc, ông Giuốc-đanh vẫn tỉnh táo nghĩ đến túi tiền của mình.Khi tay thợ phụ không tung hô thêm nữa, ông nghĩ ( qua lời nói riêng): “ Nó như thế là phảI chăng, nếu không ta đến mất tong cả tiền cho nó mất thôi”.Nhưng chính qua chi tiết này, tác giả càng tô đậm hơn tính cách trưởng giả học làm sang của ông Giuốc-đanh: dù keo kiệt nhưng lão sẵn sàng cho hết cả tiền để được làm sang.

c.Nghệ thuật gây cười:

Thành công của Mô-li-e là đã xây dựng được nhân vật ông Giuốc-đanh trở thành một nhân vật hài kịch bất hủ, đem lại tiếng cười sảng khoáI cho khán giả.

Khán giả cười ông Giuốc-đanh ngu dốt chẳng biết gì, chỉ vì thói học đòi làm sang mà bị bác phó may và tay thợ phụ lợi dụng để kiếm chác.Tác giả đã xây dựng nhiều tình huống và hành động kịch có tính cường điệu để khắc hoạ đậm nét tính cách này: Ông Giuốc-đanh ngớ ngẩn đến mức tưởng rằng phải mặc áo hoa ngược mới là sang trọng; tung tiền ra để được tôn xưng bằng những cáI danh hão.Khán giả được dịp cười sảng khoáI khi chứng kiến cảnh ông Giuốc-đanh bị bốn tay thợ phụ lột quần áo ra, mặc cho bộ lễ phục lố lăng mà vẫn vênh vang ra vẻ ta đây là nhà quí phái.

Ông Giuốc-đanh mặc lễ phục, một vở kịch trong vở trưởng giả học làm sang của Mô-li-e, được xây dựng hết sức sinh động, khắc hoạ tài tình tính cách lố lăng của một tay trưởng giả muốn học đòi làm sang, tạo nên tiếng cười sảng khoái cho khán giả.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**BÀI**

**LUYỆN ĐỀ**

**1**.Đọc truyện cô bé bán diêmcủa An - đéc –xen ta cảm nhận được mỗi que diêm em đánh lên là em có một giấc mơ đẹp. Hãy:

* Tóm tắt truyện: Cô bé bán diêm của An-đéc –xen
* Kể lại vắn tắt 4 giấc mơ của em

**2**.Phân tích ý nghĩa giấc mơ thứ 4 của em bé trong truyện Cô bé bán diêm của

An- đéc –xen

**3.** Phân tích ý nghĩa hình tượng ngọn lửa diêm trong truyện Cô bé bán diêm

**4**.Cảm nghĩ về truyện cô bé bán diêm

**5.Vì sao có thể nói : « Chiếc lá cuối cùng » là một hình tượng quan trọng, linh hồn của truyện ngắn này ?**

Không phải ngẫu nhiên hình ảnh chiếc lá trường xuân cuối cùng đã trở thành nhan đề một truyện ngắn bất tử của nhà văn Mĩ lừng danh O.Hen ri. Đó là một chi tiết cảm động, biểu tượng nghệ thuật bất ngờ, độc đáo mang ý nghĩa nhân văn sâu sắc

**a.** Chiếc lá trường xuân nhỏ bé tầm thường, do bàn tay một hoạ sĩ « thường thường bậc trung » tạo ra rất giống chiếc lá thật. Bức tranh « lá » thật sinh động đến nỗi con mắt chuyên môn tinh trẻ của Giôn xi nhìn ngắm hoài mà sao không thể phân biệt nổi lá thật hay lá vẽ ? «  Sau trận mưa vùi dập và những cơn gió phũ phàng kéo dài cả một đêm, tưởng chừng không bao giờ dứt, vẫn còn một chiếc lá thường xuân bám trên bức tường gạch. Đó là chiếc lá cuối cùng trên cây. Tuy ở gần cuống lá còn giữ màu xanh sẫm, nhưng rìa lá hình răng cưa đã nhuốm màu vàng úa, tuy vậy chiếc lá dũng cảm vẫn bám vào cành cách mặt đất chừng sáu thước. Và « ngày hôm đó trôi qua và ngay cả trong ánh hoàng hôn, họ vẫn trông thấy chiếc lá thường xuân đơn độc bám lấy cái cuống của nó trên tường và rồi, cùng với màn đêm buông xuống, gió bấc lại lồng lộn, trong khi mưa vẫn đập mạnh vào cửa sổ và mái hiên thấp kiểu Hà Lan mưa rơi lộp độp xuống mặt đất ». Chiếc màn xanh lại được kéo lên khi buổi sáng lại về. Chiếc lá thường xuân vẫn còn đó ».

**b- Chiếc lá dũng cảm đó đã cứu sống một con người.**

- Nhờ chiếc lá giả- lá vẽ (nhưng có thật) vào mặt bức tường trước khuôn cửa sổ mà cô hoạ sĩ trẻ Giôn Xi dần khỏi bệnh . Hoạ sĩ già Bơ men đã cứu được cô gái đáng thương bằng kiệt tác đầu tiên- và cũng là cuối cùng của mình, hay chính cô đã tự cứu cô bởi niềm hi vọng lớn dần, mạnh ấm dần khởi nguồn từ chiếc lá lạ lùng, gan lì bám trụ, quyết không chịu lìa khỏi ngọn dây leo loằng ngoằng.

- Chiếc lá cuối cùng xuất hiện kịp thời đúng lúc đó đã đem lại niềm tin vào sự sống cho Giôn xi, đã thăng hoa nội lực cho Giôn xi, giúp cô chiến thắng gã « viêm phổi » dai dẳng hiểm ác. Cô chợt hiểu ra : « có một cái gì đó làm cho chiếc lá cuối cùng vẫn còn đấy để em thấy rằng mình đã tệ như thế nào » và hi vọng « một ngày nào đó sẽ được vẽ vịnh Na Plơ » lại trỗi dậy trong cô ; cùng với niềm hi vọng ấy nhựa sống lại lên men, nghị lực và mầm sống lại hồi sinh, khiến bác sĩ phải thốt lên : « được năm phần mười rồi. Chăm sóc chu đáo thì chị sẽ thắng và « cô ấy khỏi nguy hiểm rồi, chị đã thắng ». Không hẳn chiếc lá của cụ Bơ men đã cứu Giôn xi khỏi tắt lịm đi như ngọn đèn mờ con con trước gió đông lạnh buốt mà chính bàn tay già nua của người hoạ sĩ láng giềng nghèo, cô đơn trong đêm gió tuyết ấy chỉ cố tạo nên niềm hi vọng, khơi bùng lên ngọn lửa tình đời sắp lụi tàn nơi trái tim người đồng nghiệp trẻ không may

**c. Chiếc lá ấy được vẽ bằng trái tim của tình yêu thương con người.**

- Bác Bơ men vẽ chiếc lá ấy trong cái đêm rét khủng khiếp, khi chiếc lá cuối cùng đã rụng xuống. Do đắm mình trong mưa tuyết giá lạnh, bác Bơ men đã nhiễm bệnh sưng phổi và đã qua đời sau đó hai ngày. Chắc chắn khi dầm mình trong mưa tuyết để vẽ chiếc lá, bác không phải không cảm thấy giá buốt, không phải không cảm thấy nguy hiểm cho tính mạng mình. Nhưng lòng thương yêu Giôn xi, ý muốn dùng cây bút và bảng màu để cứu sống cô đã thúc đẩy bác vượt lên trên giá buốt, hiểm nguy để vẽ chiếc lá cuối cùng.

- Thực ra chiếc lá cuối cùng đã rụng, còn lại mãi trên tường không phải là thần dược, nó là tác phẩm nghệ thuật được tạo nên bởi tình yêu thương con người, của sự hi sinh cao cả, quên mình tuyệt đối, vô tư tuyệt đối, là lòng yêu mến cuộc sống bỏng cháy của người hoạ sĩ già. Chiếc lá cuối cùng,, sáng tạo một đêm kết quả của tình yêu thương trĩu nặng dồn qua ngòi bút xuất thần của cụ Bơ men. « Chiếc lá » nối dài một cuộc đời, cướp đi một cuộc sống, để lại trong bao thế hệ người đọc niềm xót xa, thương kính người hoạ sĩ nghèo không may mắn, đồng thời lại vô cùng kinh ngạc về sức mạnh diệu kì của nghệ thuật- đem lại cuộc sống và hi vọng cho con người. Dù phải đổi giá cực đắt, nhưng nghệ có nghệ sĩ chân chính nào không vui lòng đánh đổi tất cả để lấy một « chiếc lá cuối cùng ».

**6.Từ kiệt tác « chiếc lá cuối cùng, em hiểu thêm ý nghĩa nào của truyện « chiếc lá cuối cùng » ?**

-Nghệ thuật chân chính được tạo ra từ tình yêu thương con người.

- Nghệ thuật chân chính là nghệ thuật của tình yêu thương, vì sự sống của con người.

Bức tranh của hoạ sĩ Bơ men là nghệ thuật chân chính vì nó hướng tới con người, vì con người. Nghệ thuật chân chính mang trong lòng nó chức năng sinh thành và tái tạo để phục vụ con người.Tình yêu thương là nguồn sức mạnh của ông già và tài năng nghệ thuật hướng ngòi bút của ông vào việc hoàn thành một tác phẩm mang thiên chức vĩ đại của nghệ thuật : nghệ thuật vị nhân sinh. Và người nghệ sĩ đã đem cả sinh mệnh của mình để trả lại màu xanh cho chiếc lá đã úa vàng, trả lại màu hồng cho đôi má của người thiếu nữ xanh xao trả lại niềm tin nghị lực cho những người yếu đuối. Chiếc lá cuối cùng trở thành niềm hi vọng của sự hồi sinh được xây dựng bằng tình người.

**Nghệ thuật đặc sắc**

**-** Nét độc đáo của nghệ thuật truyện này là hiện tượng đảo ngược tình huống hai lần khắc sâu trong một câu chuyện đã tạo nên một kết thúc bất ngờ hấp dẫn người đọc. Đọc truyện, lúc đầu người đọc cứ đinh ninh là cô Giôn xi nhất định sẽ chết vì bệnh viêm phổi. Nhưng tình huống đã đảo ngược, giàu kịch tính và kết thúc bất ngờ : Sau một đêm bão tuyết, chiếc lá cuối cùng đã rụng mà chẳng ai hay, bức vẽ « chiếc lá cuối cùng » vẫn bám chắc cây thường xuân, chính chiếc lá ấy, bức vẽ kì diệu ấy đã cứu sống Giôn xi. Cụ Bơ men, tác giả bức vẽ ấy đã chết ở tuổi 60, sau hai ngày bị viêm phổi nặng.

Kết thúc này càng khắc sâu vẻ đẹp tâm hồn của nghệ sĩ già Bơ men và tô đậm giá trị tư tưởng và nghệ thuật của truyện.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**CỤM VĂN BẢN NHẬT DỤNG**

**I.Yêu cầu cần đạt:**

Thông qua các văn bản nhật dụng, giúp học sinh nắm được tác hại của hút thuốc lá đến sức khoẻ con người, đối với những người xung quanh.Từ đó có quyết tâm cao để tranh thuốc lá, chống thuốc lá như chống ôn dịch, biết bảo vệ môi trường có ý thức hạn chế sử dụng những sản phẩm ảnh hưởng đến môI trường.Ngoài ra tăng dân số cũng ảnh hưởng đến tài nguyên làm cạn kiệt tài nguyên cũng là nguy cơ của loài người bởi vì mỗi chúng ta có ý thức về vấn đề dân số và kế hoạch hoá gia đình.

**THÔNG TIN VỀ NGÀY TRÁI ĐẤT**

1.Đề ra: Hãy nêu cảm nhận của em sau khi đọc bài “ Thông tin về ngày tráI đất năm 2000”

2.Bài làm:

Văn bản “ Thông tin về ngày tráI đất năm 2000” đã đem đến cho mỗi chúng ta những kiến thức cần biết, nên biết và phảI biết.

1.Về tổ chức và mục đích

“ Ngày tráI đất” là ngày 22-4 hằng năm, lúc đầu do một tổ chức bảo vệ môI trường của mỹ khởi xướng từ năm 1970, đến nay đã có 141 nước trên thế giới tham gia nhằm mục đích bảo vệ môI trường, những vấn đề môI trường nóng bỏng nhất của từng nước hoặc từng khu vực.

Năm 2000, Việt Nam mới gia nhập tổ chức “ Ngày tráI đất” nước ta đã nêu lên chủ đề : một ngày không sử dụng bao bì, nilon.

2.Tác hại:

Tác giả đã phân tích, đã giải thích một cách sáng tỏ về những tác hại của việc sử dụng bao bi, nilon.Đó là những điều mà số đông người trong chúng ta chưa hề biết.Có năm tác hại đáng sợ như sau:

- Một là, bao bì nilon có chứa chất Pla-xtic, một chất không phân huỷ sẽ gây nguy hại đối với môI trường khi khắp mọi nơI trên đất nước ta, mỗi ngày vứt ra, thải ra hàng triệu bao bi nilon, vứt bừa bãI khắp mọi nơI công cộng, từ ao hồ, sông ngòi đến đường phố, chợ búa, làng mạc…

- Hai là, bao bì ni lon khi lẫn vào đất sẽ làm cản trở quá trình phát triển của các loài thực vật như cây trồng , hoa cỏ…sẽ dẫn đến sự xói mòn của các vùng đồi núi.

- Ba là, bao bì ni lông vứt bừa bãI sẽ làm tắt nghẽn cống rãnh, kênh mương, gây nên cảnh úng đọng, ngập lụt, làm cho ruồi muỗi phát sinh, lây truyền dịch bệnh.Bao bì ni lông trôI ra biển làm chết các sinh vật khi nuốt phải.

- Bốn là, bao bì ni lông màu vốn hàm chứa các chất như chì, ca-đi-min sẽ làm ô nhiễm thực phẩm, gây tác hại cho não và nguyên nhân gây ung thư phổi.

- Năm là, khi đốt các bao bì ni lông phế thảI, khói độc ấy vì có nhiều chất đi-ô-xin sẽ gây ngộ độc, khó thở, ngạt thở, nôn ra máu, gây rói loạn chức năng, gây ung thư và các dị tật bẩm sinh cho trẻ sơ sinh.

Tóm lại, sử dụng và vứt bừa bãI bao bì ni lông sẽ đầu độc môI trường và môI trường sẽ gây nhiều tác hại nguy hiểm cho sức khoẻ và cuộc sống con người.Những điều ấy chúng ta chưa hiểu và chưa hề nghĩ tới.

3.Những kiến nghị:

- Hãy thay đổi thói quen và giảm thiểu bao bì ni lông

- Hãy không sử dụng bao bì ni lông khi không cần thiết

- Hãy dùng giấy, lá để gói thực phẩm.

- Hãy nói cho mọi người trong nhà và bè bạn biết những tác hại ghê gớm về việc sử dụng bao bì ni lông.

Vì bảo vệ TráI Đất, ngôI nhà chung của chúng ta, ai cũng phảI quan tâm tới tráI đất hơn nữa góp phần bảo vệ môI trường.Một trong những việc làm của chúng ta là “ Một ngày không dùng bao bì nilông”.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**BÀI 14 ÔN DỊCH THUỐC LÁ**

1.Đề ra: Phân tích và nêu cảm nghĩ sau khi đọc bài “ Ôn dịch thuốc lá” của Nguyễn Khắc Viện.

2.Bài làm:

Nguyễn Khắc Viện là một trí thức tây học, đỗ bác sĩ tại Pháp trong thập niên 40 của thế kỉ XX.Ông là một nhà hoạt động văn hoá, nhà hoạt động xã hội rất nổi tiếng ở nước ta.

Bài “ Ôn dịch thuốc lá” thể hiện cáI tâm và cách viết, cách nói sắc sảo, độc đoán của Nguyễn Khắc Viện.

Nhan đề rất độc đáo: “ Ôn dịch, thuốc lá”.Độc đáo ở hai chữ ôn dịch, độc đáo về cách dùng dấu phẩy ở đây, dấu phẩy tạo nên ngữ điệu, gợi lên một tình huống nguy cấp, phảI báo động gây ấn tượng mạnh cho người đọc, người nghe…

Mở đầu tác giả dùng phép so sánh đối chiếu để lôI kéo, thu hút ngươì đọc: dịch hạch, thổ tả, những dịch bệnh khủng khiếp từng gây ra và làm chết hàng vạn hàng triệu người.Nhờ tiến bộ y học mà những dịch khủng khiếp ấy đã diệt trừ được.Cuối thế kỉ XX, loài người lại lo âu về nạn AIDS mà chưa tìm ra giảI pháp thì ôn dịch thuốc lá đang đe doạ sức khoẻ và tính mạng loài người còn nặng hơn cả AIDS.Sự thật khủng khiếp được nhiều nhà bác học, sau mấy chục năm và hơn năm vạn công trình nghiên cứu lớn tiếng báo động.Đúng là con số biết nói!

Phần thứ hai bài văn, Nguyễn Khắc Viện phân tích và chứng minh rằng ôn dịch thuốc lá gây ra bao tệ nạn kinh khủng.Trước hết ông nhắc lại một câu nói nổi tiếng của Trần Hưng Đạo căn dặn nhà vua: “ Nừu đánh giặc như vũ bão thì không đáng sợ, đáng sợ là giặc gặm nhấm như tằm ăn dâu” để chỉ rõ ôn dịch thuốc lá là giết dần giết mòn con nghiện, gây ra bao tai hại ghê gớm trong cộng đồng là nguyên nhân, nguồn gốc của mọi tệ nạn xã hội khác.Dẫn câu nói của Trần Hưng Đạo không chỉ làm tiền đề cho lập luận, làm cho luận cứ và luận chứng thêm phần sắc bén chặt chẽ mà òcn tạo cho người đọc bao liên tưởng đầy thuyết phục về ôn dịch thuốc lá.Thuốc lá là ôn dịch, là một thứ giặc rất đáng sợ vì nó gặm nhấm con nghiện và xã hội.

Khói thuốc lá rất độc, chất hắc ín sẽ làm tê liệt những lông rung, lông mao của những tế boà niêm mạc ở nơI vòm họng, ở nơI phế quản, ở nang phổi, chất hắc ín ấy tích tụ lại gây ho hen, đờm dãI, và sau nhiều năm gây viêm phế quản.

Người nghiện thuốc lá sẽ bị chất oxít cacbon trong thuốc lá thấm vào máu làm cho sức khoẻ ngày càng sút kém.

Tác giả nêu lên những số liệu để chứng minh ôn dịch thuốc lá rất đáng sợ.80% bệnh nhân ung thư vòm họng và ung thư phổi ở bệnh viện K là do thuốc lá.Các bệnh huyết áp cao, tắc động mạch, nhồi máu cơ tim đều do chất nicotin của thuốc lá gây ra.Những cáI chết đột xuất về nhồi máu cơ tim, những khối ung thư ghê tởm của con bệnh 40-50 tuổi đều cho thấy “ tác hại ghê gớm của thuốc lá”.Hàng triệu người bị viêm phế quản làm mất bao nhiêu ngày lao động và tổn hao sức khoẻ đều do thuốc lá gây ra.Những số liệu ấy đầy sức thuyết phục vì đó là những căn cứ khoa học, là ý kiến của bác sĩ viện trưởng bệnh viện K, của bác sĩ viện trưởng viện nghiên cứu các bệnh tim mạch nêu lên.

Nguy hại hơn nữa là kẻ nghiện thuốc lá “ đã đầu độc” những người xung quanh do khói thuốc lá.Vợ con…bị nhiễm độc, nhất là những thai nhi.Hiện tượng đẻ non, đẻ ra đã suy yếu…đều do bị nhiễm độc bởi khói thuốc lá.Câu văn: “ Hút thuốc lá cạnh một người đàn bà có thai quả là một tội ác” vang lên như một lời kết tội nghiêm khắc.

Về mặt đạo đức, người lớn nghiện thuốc lá “ không những đầu độc con em mà còn nêu gương xấu”.Cho nên câu nói: “ Tôi hút, tôI bị bệnh, mặc tôi!” chỉ là lời lẽ gàn bướng, của con nghiện!

Phần cuối, tác giả cho biết nghiện thuốc lá là nguyên nhân của các tệ nạn khác như ma túy, trộm cắp.ở Việt Nam ta, một nước thuộc diện nghèo mà tỷ lệ thanh niên hút thuốc ở các thành phố lớn ngang với tỷ lệ các thành phố Âu-Mĩ”.

ở Châu âu, chiến dịch chống thuốc lá rất quyết liệt. Cấm hút thuốc lá ở tất cả những nơI công cộng, phạt nặng những người vi phạm; cấm quảng cáo thuốc lá trên báo chí, vô tuyến.Cuối năm 1990, có thể nêu lên những khẩu hiệu: “ Một châu âu không còn thuốc lá”.

TráI lại, ở Việt Nam, một nơI có nhiều bệnh như sốt rét, bệnh phong, lao, ỉa chảy chưa thanh toán được, lại ôm thêm ôn dịch thuốc lá này.Tệ nạn ấy “ nghĩ đến mà kinh!”.Bằng tấm lòng của người thầy thuốc, Nguyễn Khắc viện thiết tha kêu gọi mọi người Việt Nam “ phảI đứng lên chống lại, ngăn ngừa nạn ôn dịch” thuốc lá.

“ Ôn dịch, thuốc lá” là một văn bản thuyết minh được viết bằng một văn phong hiện đại, độc đáo.Các lí lẽ và dẫn chứng được tác giả nêu lên qua sự phân tích sắc bén, qua sự so sánh liên tưởng đầy sức thuyết phụ.Bài văn đã thể hiện sự quan tâm và lo lắng của Nguyễn Khắc Viện trước tệ nạn “ ôn dịch, thuốc lá”.

Bài văn đã nâng cao nhận thức cho mỗi chúng ta nhất là các bạn trẻ biết về những tác hại ghê gớm của thuốc lá.Và hãy coi chừng ôn dịch, thuốc lá.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**BÀI 15**

**BÀI TOÁN DÂN SỐ**

I.Giáo viên giúp học sinh nắm được: Bài toán dân số là một văn bản thuyết minh về vấn đề dân số, đăng trên báo giáo dục và thời đại chủ nhật số 28, năm 1995.

II.Phần thân bài: Học sinh phảI nắm được các ý lớn sau:

- Giới thiệu bài toán cổ của nhà thông tháI, bài toán cấp số nhân với công bội là 2.

- Chứng minh rằng dân số loài người tăng theo cấp số nhân, công bội là hai; đến năm 1995 đã đạt đến ô thứ 30 trên 64 ô cửa bàn cờ tướng trong bài toán cổ.

- Chứng minh rằng với tỷ lệ gia tăng dân số như hiện tại thì đến năm 2015, dân số thế giới sẽ hơn 7 tỉ người, mon men sang ô thứ 31 của bàn cờ nói trên.

1. Vấn đề chính mà tác giả muốn đặt ra trong văn bản này là sự gia tăng dân số đáng lo ngại của thế giới.Từ câu chuyện về bài toán của nhà thông tháI thời cổ đại, liên tưởng tới vấn đề dân số của hiện tại, tác giả bỗng sáng mắt ra vì hiểu được dân số thế giới đã và đang tăng theo cấp số nhân, rồi sẽ đạt đến một con số khủng khiếp trong tương lai.
2. Câu chuyện kén rể của nhà thông tháI có ý nghĩa thuyết minh một cách cụ thể để làm nổi bật vấn đề chính mà tác giả muốn nói tới.Hình ảnh bàn cờ tướng với 64 ô mà từ ô thứ nhất đến ô cuối cùng, số thóc – có thể hiểu mỗi hạt thóc chỉ một người – tăng theo cấp số nhân với công bội là hai có ý nghĩa giúp cho ngưòi đọc hình dung một cách cụ thể nguy cơ gia tăng dân số loài người.
3. Việc đưa ra những con số về tỉ lệ sinh con của phụ nữ ở một số nước theo thông báo của hội nghị cai-rô nhằm mục đích trình bày nguy cơ gia tăng dân số.Tính trong điều kiện mỗi gia đình chỉ có hai con, dân số thế giới đã tăng đến mức đáng lo ngại.Nhưng trong thực tế, một người phụ nữ có khả năng sinh được nhiều con.Tác giả đưa ra những số liệu cụ thể đê chứng minh cho điều này.Nhìn chung, cá nước châu Phi có tỷ lệ sinh con ở phụ nữ cao hơn các nước châu á.Như vậy phấn đấu mỗi gia đình có một đến hai con là chỉ tiêu rất khó khăn.Nhưng nếu không phấn đấu như vậy, dân số sẽ gia tăng đến con số khủng khiếp.ở các châu lục òn nhiều nước chậm phát triển như châu phi và châu á, nguy cơ đó càng đáng sợ bởi sự phát triển xã hội không theo kịp tốc độ gia tăng dân số, đời sống con người càng khó khăn hơn.Nừu không điều chỉnh được tỷ lệ gia tăng dân số, sẽ đến lúc mỗi con người trên tráI đất này chỉ còn diện tích một hạt thóc, tức là con người không còn đất đai để sinh sống, và cũng không còn cáI để sống.

Đất đai không sinh thêm, con người lại càng nhiều lên gấp bội.Nếu không hạn chế sự gia tăng dân số thì con người sẽ tự làm hại chính mình.Từ câu chuyện một bài toán cổ về cấp số nhân, tác giả đã đưa ra các con số buộc người đọc phảI liên tưởng và suy ngẫm về sự gia tăng dân số đáng lo ngại của thế giới, nhất là ở những nước chậm phát triển.

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**Khái quát văn học Việt Nam từ TK X đến TK XIX**

**I. Các giai đoạn văn học từ TK X đến TKXIX**

1. Giai đoạn từ TK X đến TK XV

- Năm 938, Ngô Quyền đánh tan quân Nam Hán trên sông Bạch Đằng xây dựng đất nước trong đó có một nền văn hoá độc lập tự cường. Chế độ phong kiến phát triển hơn, phải trãi qua các cuộc chiến tranh như chống Tống, Nguyên, Minh, Thanh. Quyền lợi giai cấp thống trị và của nhân dân công bằng, thống nhất được thể hiện qua văn thơ. Mâu thuẫn trong thời kì này không phải giữa giai cấp thống trị với nhân dân mà là mâu thuẫn trong nội bộ giai cấp phong kiến.

- Trước thế kỉ X, văn học nước ta chỉ có nền văn học dân gian. Đến tk X bắt đầu có văn học viết. Đây là một bước nhảy vọt, hoàn chỉnh diện mạo văn học nước nhà.

- Văn học thời kì đầu này được viết bằng chữ Hán. Vấn đề đặt ra là tại sao văn học được viết bằng chữ Hán vẫn được coi là văn học dân tộc. Bởi vù nó phản ánh tâm tư tình cảm.. thiên nhiên, đời sống con người Việt Nam.

- Mở đầu có bài thơ Quốc tộ( Vận nước) của nhà sư Đỗ Pháp Thuận, Nam quốc sơn hà của LTK , Chiếu dời đô của LCU  Thể hiện ý chí tự cường, chống giặc ngoại xâm

- Thời Trần - Hồ : Văn học viết phát triển cả thơ và văn xuôi- văn viết bằng chử Hán là chủ yếu. Đến thế kỉ 13 trong xu thế phục hưng dân tộc mãnh mẽ đã có sự xất hiện và phát triển của chữ Nôm. Văn học thể hiện thế xung trận 3 quân, trách nhiệm làm traicủa người quân tử. Hịch tướng sĩ đó là hình tượng, tấm lòng của người dũng tướngqua những câu văn hào hùng, thể hiện tinh thần yêu nước của văn học thời Trần. Tụng giá hoàn kinh sư của Trần Quang Khải thể hiện thái độ vững vàng, an nhiên của dân tộc tangay cả trong những ngày tháng chiến đấu ác liệt. Thuật hoài của Phạm Ngũ Lão Thể hiện hình tượng con người cầm ngang ngọn giáo để bảo vệ Tổ quốc được đo bằng kích thức của đất trời. Đó là tầm vóc hoành tráng, tư thế vững chắc. Phú sông Bặch Đằng Của Trương Hán Siêu nêu cao truyền thống anh hùngvà tất thắng của dân tộc với hào khí tưng bừngvà niềm sảng khoái vô hạn

- Thời Lê Sơ( TK 5) : có cuộc kháng chiến chống quân Minh do Lê Lợi lãnh đạo Và với sự thắng lợi của nó đã mở đường tiến cho lịch sử dân tộc. Văn học phát triển có thể phú ra đời. Văn học thời kì này viết bằng chữ Nôm là chủ yếu. Nguyễn Trãi với Quốc âm thi tập là moọt bước cách tân trong văn học cổ. Thể hiện tư tưởng thân dân, luôn trăn trở trước tình cảnh của đất nước. Tập thơ là mạch tâm hồn của Nguyễn Trãi giành cho phong cảnh thiên nhiên,gia đình, quê hương. Đó là màu xanh của cỏ, tiếng rì rầm của suối, tiếng thông reo, tiếng cuốc gọi hètình cảm gia đình quê hương. Nguyễn Trãi đã để lại 1 một áng văn chương bất hủ đó là Bình Ngô đại cáo thể hiện tư tưởng nhân nghĩa, lòng yêu nước, ý chí quật cương chống giặc ngoại xâm. đây được xem là bản tuyên ngôn độc lập, văn kiên vô giá. Nguyễn Trãi được đánh giá là Ngôi sao khuê trên bầu trời văn học dân tộc.

**2. Giai đoạn từ thế kỉ 16 đến nữa đầu TK 18**

- Nạn xâm không còn nữa, ktế phát triển, giai cấp thống trị bắt đầu bộc lộ bản chất xấu xa của chúngvà lúc này mâu thuẩn giữa nhân dân và bọn phong kiểntở nên sâu sắcvà gay gắt.

- Đây là giai đoạn chế độ PK vẫn còn khả năng phát triển. Nhưng những mâu thuẫn nội tại của chế đọ PK : g/cấp PK >< nhân dân ; g/cấp PK >< g/cấp PK ngày càng gay gắt đẫn đến 1 số cuộc khởi nghĩa nông dân và những cuộc chiến tranh PK triền miên suốt các thế kỉ XVI, XVII.

- Hậu quả: đời sống nhân dân ngày càng lầm than cơ cực, đất nước tạm thời bị chia cắt.

- VH chữ Nôm phát triển cả ND và hình thức.

🠚VD : Nguyễn Bỉnh Khiêm, - Nguyễn Dữ “Truyền kì mạn lục”...

- Phê phán những tệ nạn của chế độ PK...

**3. Giai đoạn từ nửa cuối thế kỉ XVIII đến nửa đầu thế kỉ XIX*.***

***\****  *Về lịch sử :*

- Đây là giai đoạn bão táp,sôi động chế độ PK khủng hoảng trầm trọng.

- phong trào nông dân khởi nghĩa bùng nổ ở khắp nơi. Cuộc khởi nghĩa Tây Sơn do anh em Nguyễn Huệ cầm đầu, đã lật đổ các tập đoàn PK, đánh thắng quân xâm lược trong Nam, ngoài Bắc, thống nhất đất nước.

***\****  *Về văn học :*

- VH phát triển rầm rộ ở cả 2 loại tác phẩm chữ Hán và chữ Nôm.Văn học chữ Hán có thành tựu nhiều là ở thể truyện kí: Thượng kinh kí sự, Hoàng Lê nhất thống chí.

- Văn hcọ chữ Nôm có những kiệt tác chưa từng thấy, biểu hiện ở 2 thể loại lớn:

+ Truyện Nôm lục bát với truyện Kiều, Hoa tiên.

+ Khúc ngâm song thất lục bát với Chinh phụ ngâm và Cung oán ngâm khúc.

- Các tác giả tiêu biểu: Nguyễn Du, Hồ Xuân Hương, Đoàn Thị Điểm, Nguyễn Gia Thiều, Cao Bá Quát, Nguyễn Công Trứ ...

- Nổi bật trong văn học thời này là trào lưu văn học nhân đạo chủ nghĩa với 2 nội dung lớn:

+ Phê phán những thế lực PK chà đạp con người, phơi trần thực chất xấu xa, tàn bạo của giai cấp PK.

+ Đề cao quyền sống của con người, bảo vệ hạnh phúc lứa đôi, gia đình, đặc biệt đề cao quyền sống của người phụ nữ.

**4. Giai đoạn từ nửa cuối thế kỉ XIX.**

*\* Về lịch sử:*

-Từ giữa TK, đến hết TK XIX thực dân Pháp xâm lược nước ta.

- Cuộc chiến đấu của nhân dân ta chống TD Pháp

Là cuộc chiến đấu gian khổ, anh dũng, nhiều hi sinh, bao đau xót ..., chính là bối cảnh cho sự phát triển của văn học thời kì này.

*\* Về văn học :*

- Văn học chữ Hán và chữ Nôm đều phát triển.

+ Văn học chữ Nôm : tiêu biểu có những tác giả: Nguyễn đình hiểu, Phan Văn Trị, Tú Xương ...

+ Thể loại: phong phú như : vè, hịch, văn tế ...

VD : “ văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc ”

- Nguyễn Đình Chiểu là tác giả lớn nhất thời kì này, cũng là tác giả tiêu biểu của văn học yêu nước chống Pháp, với cống hiến có tính thời đại: sáng tạo hình tượng người anh hùng nông dân trong chiến tranh vệ quốc ; thể hiện lòng yêu nước tha thiết . VD : bài “ xúc cảnh ”, “ Chạy giặc ” ...

- Đóng góp chung vào ND chủ đạo ấy còn có Nguyễn Khuyến và Tú Xương. Cả 2 nhà thơ đều có thơ văn tố cáo, đả kích những cái lố lăng, hủ bại ở buổi giao thời, ở bước đầu của xã hội TD nửa PK.

**II. Cảm hứng chủ đạo**

1. Cảm hướng yêu nước

ý thức tự cường yêu nòi giống, yêu lịch sử, yêu cảnh trí của non sông đất nướcvà yêu tiếng nói của cha ông để xây dựng Tổ quốc phồn vinh

Trong hoàn cảnh có ngoại xâm : căm thù giặc sẵn sàng xả thân vì Tổ quốc và thể hiện trách nhiệm và thái độ của mình trước cảnh nước mất nhà tan.

2. Cảm hướng nhân đạo

Tinh thần yêu nước luôn đi liền vơíư tình yêu thương con người. Tình cảm ấy phát triển thành tư tưởng nhân đạo và đó cũng là nét truyền thông sâu đậm của văn học Việt Nam.

Tư tưởng nhân đảotong thời kì đấu tranh chống kẻ thù xâm lược thì tinh thần nhân đạo hoà vơí chủ nghĩa yêu nước, vì yêu nước cũng là cứu dân, giải phóng dân tộc điều trước tiên là làm để giải phóng con người.

Tu tưởng nhân đạo trong văn học đã phát triển mạnh mẽ ở giai đoạn chế độ PK bộc lộ sự khủng hoảng trầm trọng( TK18-19) văn học lúc này quan tâm đến số phận con người, quyền sống, quyền làm người, bênh vực cho những người bị vùi dậpđặc biệt là những người tài hoa mà bạc mệnh. đề cao phẩm giá con người, lên án thế lực tàn bạo

**\* Bài tập về nhà:** Nắm nội dung kiến thức về văn học trung đại

Nắm lại các bài thơ đã được trong giai đoạn văn học trung đại

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**BÀI 26.**

**Thơ trung đại Việt Nam**

***\*Những điểm cần chú ý:***Là những sáng tác của những trí thức phong kiến. Là những cảm hứng trữ tình về đất nước con người Việt Nam: Anh hùng trong đấu tranh chống giặc ngoại xâm, là niềm tự hào, ý thức tự trọng dân tộc, nỗi lòng riêng với cuộc đời và thế sự…

+ Có nhiều thể loại thơ phong phú viết bằng chữ Nôm và chữ quốc ngữ.

**1)Thơ đường luật:**

*1.1 Thất ngôn bát cú*

a) Là luật thơ do các thi sỹ đời Đường (618-907) Trung Hoa tạo nên. Là một trong những thành tựu kỳ diệu của nền văn minh nhân loại. Hiện còn khoảng 48000 bài của trên

2300 tác giả tiêu biểu như Lý Bạch, Đỗ Phủ, Bạch Cư Dị… Vào nước ta hầu hết các bài làm bằng chữ Nôm hoặc Hán đều theo luật Đường.

b)Phân loại: Căn cứ vào số câu trong mỗi bài và số chữ trong mỗi câu để người ta chia thơ Đường luật ra hai loại: Bát cú. Tứ tuyệt hoặc Ngũ gôn và thất ngôn.

c) Luật thơ-thơ bát cú đường luật.

***+Vần thơ:*** Những chữ những tiếng có thanh âm hoà hiệp đặt vào hai hoặc nhiềucâu thơ để tạo nên âm điệu, nhạc điệu bài thơ.

-Cách gieo vần: phần lớn dùng vần bằng, cả bài dùng một vần gọi là *độc vận*, bát cú có 5 vần chân chữ cuối câu 1 vần với các chữ cuối các câu 2,4,6,8. Các chhwx cuối câu lẻ buộc là thanh trắc.

***+Phép đối:*** Hai câu sóng đôI cho ý và chữ cân xứng, hô ứng hài hoà. Hai câu như thế gọi lag bình đối, hai vế của câu gọi là tiểu đối…

Đối ý nhưng hai câu vẫn thống nhất một ý tưởng diến đạt.

Đối chữ phảI đối từ loại, đối thanh là đối bằng trắc nghiêm chỉnh từng câu.

Thông thường trong bài bát cú thì các câu 3 đối với 4 và 5 đối với 6.

***+Luật thơ:*** Là cách sắp đặt các tiếng bằng, trắc trong bài. có định lệ: *Nhấ.t, tam, ngũ bất luận-Nhị, tứ, lục phân minh.*

-Luật bằng trắc quy định ở chữ thứ hai dòng đầu Ví dụ ao thu (B)… hay Bước tới (Tr)…

Có thể là luật bằng vần bằng, luật bằng vần trắc, luật trắc vần bằng…

***+Niêm*** Niêm là dính là sự liên lạc về âm luật trong hai câu thơ với nhau. Chữ thứ hai của hai câu mà cùng một bậc thì đảm bảo.

***+ bố cục:*** Bát cú thường có 4 phần: Đề (Phá đề và thừa đề), thực, luận, kết. Cả bài 8 câ mỗi câu 7 tiếng.

* 1. thơ tứ tuyệt

KháI niệm; Tứ là bốn, tuyệt là đứt, ngắt: Ngắt ;ấy bốn câu bát cú mà thành

* Thường có 3 vần, hai câu giữa đối nhau

***2) Thơ lục bát;***

là thể thơ độc đáo của văn học Việt Nam, quy định luật bằng trắc. Các tiếng lẻ (1,3,5,7) không bắt buộc theo quy định. Tiếng chắn nếu là tiêng thứ 2 bằng thì tiếng 4 phảI là trắc hoặc ngược lại.

***II. Một số đề*** ***luyện tập***

**Đề số 1:**

*Cảm hứng với thiên nhiên qua các văn bản trữ tình trung đại được học và đọc thêm.?*

***Yêu cầu:***

*+ Thiên nhiên hùng vĩ*

Biển lùa gió bấc thổi bừng bong

*Nhẹ kéo buồm thơ vượt Bạch Đằng* ( cửa biến Bạch Đằng-Nguyễn Trãi)

-Bình lặng hoang dã: *Cỏ cây chen đá, lá chen hoa* (Bà huyện Thanh quan)

-Bốn mùa với sắc mầu riêng nhưng đầy hương sắc;

*+ Mùa xuân:*

-Vẻ đẹp hài hoà *Mùa xuân con én đưa thoi...*

*Cành lê trắng diểm một vài bông hoa*

Nét bút tài hoa của Nguyễn Du tạo nên bức tranh xuân tinh khôI mới mẻ, khoáng đạt, thanh khiết.

- Chiều xuân thoáng nét buồn lưu luyến

*Dưới cầu nước chảy trong veo*

*Bên cầu tơ liễu bang chiều thướt tha.*

Nguyễn TrãI gửi tâm sự u buồn vào cuối xuân:

*Cỏ xuân như khói bến xuân tươi*

*Lại có mưa xuân nước vỗ trời*

*Quạnh quẽ đường dồng thưa vắng khách*

*Con đò gối bãI suốt ngày ngơi*

Hoà vào thiên nhiên, thiên nhiên trở thành bạn tri âm, tiếng suối lúc khoan lúc nhặt như tiếng đàn:

*Côn Sơn có suối rì rầm-*

*Ta nghe như tiếng đàn cầm bên tai(Côn Sơn ca)*

Xuân thanh bình buổi sớm với đôi bướm trắng bay giữa ngàn hoa

*Ngủ dậy ngỏ song mây*

*Xuân về vẫn chửa hay*

*Song song đôi bướm trắng*

*Phất phới sấn hoa bay (Trần Nhân Tông)*

+ Bốn mùa trong sự u buồn nặng trĩu mà Nguyễn Du thổ lộ:

*Sen tàn cúc lại nở hoa*

*Sầu dài ngày ngắn đông đà sang xuân*

Mùa hè: *dưới trăng quên đã gọi hè*

*Đầu tường lửa lựu lập loà đâm bông*

Thu*: Long lanh đáy nước in trời*

*Thành xây khói biếc non phơI bóng vàng*

+ Chiều thu cụ Tam nguyên Yên Đổ ngồi câu cá đắm mình trong cảnh trời nước một màu xanh (Mùa thu câu cá-Nguyễn khuyến)

+Thiên nhiên gợi ra lòng trơ trọi, cô đơn. *Cát vàng cồn nọ bụi hồng dặm kia*

Hoặc *Vầng trăng ai xẻ làm đôi*

*Nửa in gối biếc nửa soi dặm trường*

*+* Trăng sáng nhưng in đậm nỗi côi đơn:

*Vẻ non xa ánh trăng gần ở chung.*

**Đề 2:**

Ca dao có câu:

*Hỡi cô tát nước bên đàng*

*Sao cô múc ánh trăng vàng đổ đi*

Trong truyện Kiều, câu 1603-1604 , Nguyễn Du viết:

*Long lanh đáy nước in trời*

*Thành xây khói biếc, non phơI bang vàng*

Hãy phân tích đặc sắc nghệ thuật trong những câu thơ trên.

**Gợi ý**

+Đây là những cặp lục bát thuộc loại tuyệt bút trong việc tả cảnh thiên nhiên và biểu hiện tình cảm con người: Chỉ có mấy nét đã gợi nên vẻ đẹp huyền ảo, thơ mộng của cảnh tát nước đêm trăng. Mấy chữ *Múc ánh trăng vàng* khiến cả không gian, thời gian, nhân vật, công việc tát nước thấm đẫm trăng vàng. Bài ca lao động hoà quyện vào bài ca giao duyên, tình yêu thiên nhiên, yêu làng quê…

+Cặp lục bát trong truyện Kiều của Nguyễn Duvẽ bức tranh thu kỳ thú mơ màng thần tiên. Nước thu trong lặng, phản chiếu trời mây, sương khói núi non và nắng vàng thu. Câu thơ tĩnh mà động. Hàm ẩn trong đó cả tâm trạng khấp khởi sung sướng của Thúc Sinh khi được trở lại Lâm Tri với Thuý Kiều vì tưởng mình đã lừa được Hoạn Thư

**Đề 3:** Nêu hai tác dụng của việc dùng từ láy trong những câu thơ sau:

*Nao nao dòng nước uốn quanh*

*Dịp cầu nho nhỏ cuối ghềng bắc ngang.*

*Sè sè nấm đất bên đường,*

*Rỗu rầu ngọn cỏ nửa vàng nửa xanh*

*(Nguyễn Du-Truyện Kiều)*

**Gợi ý:** Những từ *nao nao, nho nhỏ, sè sè, rầu rầu* có tác dụng

-Tả hình dáng, sắc thái của sự vật

-Thể hiện tâm trạng của con người

**Đề 4**

Kết thúc hai bài thơ *Bạn đến chơI nhà (Nguyễn Khuyến)* và *Qua dèo Ngang (Bà Huyện Thanh quan)* đều kết thúc bằng cụm từ ***Ta với ta*** . Hãyphan tích nghĩa của cụm từ đó

**Yêu cầu:**

ở bài (1) là hai đối tượng, cách xưng hô thân tình, diễn tả sự cảm thông, đồng cảm của nhà thơ với khách-Một tình bạn tri âm.

Bài (2) Chỉ đối tượng một mình giữ trời non nước, diễn tả tâm trạng cô đơn của nhà thơ.

**Đề 5:** So sánh cách biểu ý và biểu cảm của hai bài thơ: sông núi nước Nam Của lý Thường Kiệt và bài Phò giá về kinh của Trần Quang Khải

Yêu cầu:

Biểu ý: ý kiến rõ ràng cô đúc, thông tin ngắn gọn, lập luận lô gíc: sông núi nước Nam khẳng định sự thất bại tất yếu của giặc. Phò giá về kinh tự hào khí thế chiến thắng vang dội mà động viên xây dung và phát triển đất nước với niềm tin sắt đá.

Biểu cảm: bày tỏ cảm xúc theo cách ẩn kín trong ý tưởng cảm xúc, hoà là một khiến câu thơ mạnh mẽ, sâu lắng.

**+Đề 6** Cảm nghĩ của em về nhân vật “Ta” qua đoạn trích ***Bài ca Côn sơn*** *(Nguyễn Trãi).*

Yêu cầu: *Ta* nói tới 5 lần là nhân vật trữ tình. Ta là Nguyễn TRãI, nhà thơ tự xưng *ta* 🡪 Tâm trạng giữa cảnh trí Côn Sơn

Ta ngồi trên phiến đá tưởng ngồi chiếu êm, ta nằm bóng mát, ta ngâm thơ nhàn: Hoà hợp thiên nhiên, hoà hợp thiên nhiên, thảnh thơI thả hồn vào thiên nhiên🡪 Rất mực thi sỹ. Bởi vậy TN được gợi ra trong hồn thơ thật kỳ thú, có suối chảy rì rầm đá rêu phơI, thông mọc như nêm, có trúc bóng râm, hài hoà khoáng đạt, nên thơ. Sự giao hoà của tâm hồn, cảnh sắc thiên nhiên, Côn Sơn rung động tâm hồn thi sỹ, tâm hồn thi sỹ làm bức tranh Côn sơn nên thơ, nên nhạc, nên hoạ

+Hai câu cuối  *trong rừng có trúc bang râm*

*Trong mầu xanh mát ta ngâm thơ nhàn*

Giao hoà trọn vẹn với thiên nhiên, tìm thấy trong thiên nhiên sự thanh thản cho mình và Côn Sơn như những bạn Tri âm tri kỷ với nhà thơ, nhân cách thanh cao và tâm hồn thi sỹ.

*Ngâm thơ nhàn* không phảI là trốn đời tiêu cực mà chỉ là cốt cách một hồn thơ trước thiên nhiên. Diệp từ Ta tạo nên giọng điệu trữ tình cáI tình tha thiết với thiên nhiên, hoà vào đó chân tình, trọn vẹn.

+Cách nói và so sánh tiếng suối trong bài thơ và bài thơ *Cảnh khuya* của Bác Hồ có nét giống nhau: đó là sản phẩm của tâm hồn thi sỹ, hoà nhập với thiên nhiên, nghe tiếng suối như tiếng nhạc trời, nhạc của thiên nhiên… Tuy vậy có nét khác….

**\*Về nhà :**

***Tìm hiểu một số nội dung cơ bản của cac bài thơ trong chương trình***

***1.Bức tranh buổi chiều*** nơi thôn dã qua

“*Buổi chiều đứng ở phủ Thiên Trường trông ra (Trần Nhân Tông)*

Lưu ý: +Cảnh trời chiều chập chờn man mác

+Trầm lặng mà không đìu hiu, sự sống con người ánh lên trong sự hoà hợp với thiên nhiên (ánh sáng nhạt, mờ ảo khói lồng, âm thanh tiếng sáo vẳng, mầu trắng của cánh cò, mục đồng cưỡi trâu về làng…🡪Bức tranh đậm đà sắc quê.

+ở địa vị tối cao tâm hồn đức vua vẫn gắn bó máu thịt với quê hương ,thôn dã của mình🡪Ta càng thêm trân trọng tác giả cúng như thời đại nhà Trần.

2.Mầu xanh trong ***Sau phút chia ly*** *(Đoàn Thị Điểm dịch)*

+Nói tới 4 lần:

-Tuôn mầu *mây biếc*, trảI ngàn *núi xanh*🡪Nhịp dài không gian bát ngát gợi cáI độ mênh mang cáI tầm vũ trụ trong nỗi sầu chia ly

*-Cùng trông lại mà cùng chẳng thấy*

*Thấy xanh xanh biết mấy ngàn dâu*

*Ngàn dâu xanh ngắt một màu*

*Lòng chàng ý thiếp ai sầu hơn ai*

Màu xanh của ngàn dâu trở thành xanh ngắt như lắng động lại trong nỗi sầu của người chinh phụ🡪Khối sầu, núi sầu.

-Cùng với các điệp ngữ tăng dần các mầu xanh tạo âm điệu da diết, day dứt nỗi sầu đầy ai oán, thương cảm. (Từ mây biếc tươi dưới nắng🡪Xanh trung tính của núi. Từ sự chộn rộn🡪Câm lặng trong đau buồn, nhức nhối.

(Mây biếc: xanh lam đậm áh lên🡪Núi xanh: Mầu của lá cây🡪Xanh xanh: Màu nhạt thiếu ấn tượng🡪Xanh ngắt: Thuần một mầu trên diện rộng-🡪Tất cả đều mô tả tâm trạng)

2.Mối quan hệ giữa ***Bánh trôi nước* với *những câu hát than thân trong ca dao***

đều chỉ người phụ nữ không chủ động cuộc đời mình, bị số phận đưa đẩy may rủi.

+Thơ Hồ Xuân Hương tiếp thu ca dao nhưng khẳng định mạh mẽ nhân cách đáng trân trọng của người phụ nữ xưa

3.Phong cách thơ của hai tác giả ***Bà huyện Thanh quan và Hồ Xuân Hương***, Giữa hai bài thơ được học của ***Nguyễn Khuyến và bài thơ dịch của Đoàn thị Điểm.***

Chú ý giữ ngôn ngữ thuần Việt đạt tới độ trong sáng và ngôn ngữ bác học gắn với những điển tích điển cố, phảI chú thích mới hiểu.

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**BÀI 28**

**Văn nghị luận trung đại**

1. **Lòng yêu nước qua các tác phẩm được học:**

***a) Thể hiện ở niềm tự hào, lòng tự trọng dân tộc.***

+Sau 10 thế kỷ Bắc thuộc, các triều đại PKVN thấm thía hơn hết ý nghĩa của quyềnđộc lập tự chủ.

+Mỗi khi giang sơn bị ngoại xâm thì ý thức dân tộc lại sôi nổi

+Tự hào về nền độc lập chủ quyền: *sông núi nước Nam vua Nam ở…* (sông núi…)

Tư hào bởi dân tộc có núi sông bờ cõi làm thành một Nam Quốc, có Đế (Vua) giới phận rõ ràng không phụ thuộc vào bất cứ quốc gia nào…

+Nguyễn Trãi phát triển và khẳng định rõ hơn về niềm tự hào ấy. Ông đã đứng trên đỉnh cao thời đại *Bình Ngô* để có cáI nhìn sâu sắc và toàn diện

*Như nước Đại Việt ta từ trước…Song đhào kiệt đời nào cũng có*

Rất đáng tự hào bởi có nền văn hiến, có lãnh thổ bờ cõi, có thần phong mĩ tục, có độc lập trảI qua nhiều triều đại, có nhân tài hào kiệt. Cả năm yếu tố họp lại thành Đại Việt lập nên tầm vóc lớn lao, biểu lộ một ý chí tự cường dân tộc

+Không chỉ ở quan niệm, tư tưởng mà đã ở trạng tháI cảm xúc sâu xa, ở hoài bão to lớn:

Tác giả *Hịch Tướng Sỹ* cảm thấy buồn khi thấy tướng sỹ ăn chơi hưởng lạc, hổ thẹn khi nước nhà bị lăng nhục *Ta thường đến bữa không ăn nửa đêm vỗ gối…🡪* nhức nhối đau thương.

+Cảm hứng tự hào về thiên nhiên hùng vĩ, tươI đẹp, những chiến tích anh hùng

Nguyễn Trãi tự hào về một cửa biển Bạch Đằng hùng vĩ. NơI ấy có núi non hùng vĩ nhấp nhô, bang bềnh trôI nổi trên biển cả. Tác giả như còn thấy hàng vạn thây xác quân thù Nam Hán hỉen hiện, di tích của một chiến trường xưa với những chiến công hiển hách thuở nào với bao anh hùng hào kiệt

*Kình ngạc băm vằm non mấy khúc*

*Giáo gươm chìm gãy bãI bao tầng*

*Quan hà hiểm trở trời kia dựng*

*Hào kiệt công danh đất ấy từng*

***b) Tố cáo tội ác của giặc***

+Thói vô đạo coi thường phép tắc không biết thân phận đáng nguyền rủa của mình *Đi lại nghênh ngang ngoài đường...Để thoả lòng tham không cùng thật khác nào như hổ đói...*

*+*Tham lam độc ác

*Quân cuồng minh dã thừa cơ gây hoạ*

*Bọn gian tà còn bán nước cầu vinh*

*Nướng dân đen trên ngọn lửa hung tàn...*

*...Bại nhân nghĩa nát cả đất trời*

*Nặng thuế khoá sạch không đầm núi*

*…Tàn hại cả giống côn trùng cây có*

*Nheo nhóc thay kẻ goá bụa khốn cùng (Nguyễn Trãi)*

***c) ý chí quyết tâm giữ gìn giang sơn tổ quốc***

+ khẳng định chân lý chính nghã sẽ chiến thắng

*Cớ sao lũ giặc sang xâm lược*

*Chúng bây sẽ bị đánh tơi bời*

+Có sức mạnh của chính nghĩa, chủ trương K/C đúng đắn

*việc nhân nghĩa cốt ở yên dân*

*Quân điếu phạt trước lo trừ bạo*

***d) Khí thế giết giặc như trẻ tre, làm nên chiến công chói lọi***

*Lưu cung tham công nên thất bại*

*Triệu tiết thích lớn phảI tiêu vong*

*Cửa Hàm tử bắt sống Toa Đô*

*Sông Bạch Đằng giết tươi Ô Mã*

Bởi chính nghĩa mà đội quân Tây Sơn bừng bừng khí thế, Vào chiếm lại Thăng Long như đội quân thần *Tướng trên trời xuống quân ở dưới dất chui lên,* Làm cho kẻ thù thảm bại kinh hoàng. *quân Thanh cứ cắm đầu mà chạy, giầy xéo lên nhau mà chạy…*

**\* Bài tập về nhà**

1)Đặc điểm các loại Chiếu, Hịch, Cáo, Tấu

2)Kết thúc bài Hịch Tướng sỹ Trần quốc Tuấn viết: *Ta viết bài hịch này để các ngươi biết bụng ta .* Qua trích đoạn được học trên lớp em hãy phân tích làm sáng rõ tấm lòng yêu nước của người chủ tướng trong bài văn.

+Hoàn cảnh đất nước

+Nỗi đau đớn hoà với lòng căm thù quân xâm lược

+Lòng nhân hậu với quân sỹ (tình nghĩa chủ tướng-quân sỹ. Quan tâm chỉ ra những sai lầm của họ, khuyên họ học tập binh thư, khích lệ họ lập công...)

+ý chí quyết tâm ...

3)Phân tích đoạn trích *Ta thường đến bữa quên ăn, nửa đêm vỗ gối...ta cũng vui lòng*

Yêu cầu: +Tâm huyết của chủ soái với tướng sỹ

+Sáng suốt cảh giác🡪Vạch trần bộ mặt tham lam tàn bạo...Tính chất phi nghiã

+sục sôi nhiệt huyết và tinh thần quyết chiến quyết thắng: Đau đớn, đắng cay tủi nhục trước sự tham tàn của giặc. Các động từ mạnh biểu thị lòng căm thù sôi sục *Xẻ, lột, nuốt, uống…*🡪quyết sống mái với quân thù

4)Phân tích đoạn trích *Nước đại Việt ta (Bình Ngô Đại cáo-Nguyễn Trãi)*

+Nêu nguyên lý nhân nghĩa

+Chân lý về nền văn hiến (Độc lập tồn tại)

5)Bàn luận về câu *Đem đại nghĩa để thắng hung tàn*

*Lấy trí nhân để thay cường bạo*

*Yêu cầu:* giải thích Đại nghĩa, chí nhân...--> tình cảm cao đẹp, tiến bộ🡪 cốt lõi của nhân nghĩa +Bàn luận rộng + Chứng minh trong hành động của cuộc đời Nguyễn Trãi...

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**Tuần 29**

**Chiếu dời đô; Hịch tướng sĩ; Nước Đại Việt ta**

**Đề 1: Qua các văn bản: *Chiếu dời đô* ( Lý Công Uẩn); *Hịch t­ướng sĩ* (Trần QuốcTuấn); *Nước Đại Việt ta* Nguyễn Trãi) em hãy chứng minh rằng: Nội dung chủ yếu của văn học viết từ thế kỷ XI đến thế kỷ XV là tinh thần yêu n­ớc, tinh thần quật khởi chống xâm lăng**

**Dàn ý**

**a, Mở bài:**

Giới thiệu khái quát lịch sử Việt Nam từ thế kỷ XI thế kỷ XV Văn học phản ánh hiện thực lên có khá nhiều tác phẩm phản ánh tinh thần yêu n­ớc, tinh thần chống xâm lăng...

**b, Thân bài:**

\* Luận điểm: **Trong các tác phẩm văn học trung đại từ thế kỷ XI đến thế kỷ XV tinh thần yêu n­ớc, tinh thần quật khởi chống xâm lăng đ­ợc thể hiện sinh động phong phú.**

- Luận cứ 1:

**Chiếu dời đô:** Nội dung yêu n­ớc đ­ợc thể hiện qua mục đích dời đô…… Việc dời đô còn thể hiện tinh thần tự lập, tự c­ờng, sẵn sàng chống lại bất kỳ quân xâm l­ợc nào của một triều đại đang lớn mạnh.

- Luận cứ 2:

**Nam quốc sơn hà**: ý thức về độc lập chủ quyền của dân tộc thể hiện rõ. Tác giả khảng định Đại Việt là quốc gia độc lập, có chủ quyền, ông còn cảnh cáo quân giặc…… thể hiện sức mạnh , ý thức quyết tâm bảo vệ độc lập dân tộc.

- Luận cứ 3:

**Tinh thần yêu n­ớc thể hiện sôi sục qua hào khí Đông A của nhà Trần**

* + - Trần Quốc Tuấn căm thù giặc, tố cáo tội ác của giặc Mông Nguyên
    - Quyết tâm chiến đấu, hy sinh vì dân tộc
    - Kêu gọi t­ớng sĩ đoàn kết, cảnh giác, luyện võ nghệ để chuẩn bị chiến đấu chống lại quân thù.

- Luận cứ 4:

B**ình Ngô đại cáo: là bài ca về lòng yêu nư­ớc và tự hào dân tộc.**

* + - Tự hào về đật n­ớc có lền văn hóa riêng, có phong tục tập quán, có truyền thống lịch sử lâu đời
    - Tự hào vể những chiến công hiển hách của dân tộc

**c, Kết bài:**

Văn học viết từ thế kỷ XI đến thế kỷ XV thể hiện tinh thần yêu n­ớc thiết tha, tinh thần quật khởi chống xâm lăng của dân tộc, tinh thần ấy đ­ợc thể hiện cụ thể ở lòng yêu n­ớc, th­ơng dân, lòng căm thù giặc, ý chí quyết tâm chiến đấu….. nó là nguồn cổ vũ động viên cho con cháu muôn đời.

**Đề 2** : Phân **tích tư tưởng yêu nước tong bài ‘ Chiếu dời đô’ của Lý Công Uẩn.**

Dàn ý:

**a, Mở bài:**

* Giới thiệu bài chiếu dời đô của Lý Thái Tổ
* Khẳng định bài chiếu là một bài văn sáng ngời tư tưởng yêu nước.

**b,Thân bài:** biểu hiện của tue tưởng trong bìa chiếu:

1. Khát vọng xây dựng đất nước hùng cường, vững bền, đời sống nhân dân thanh bình, triều đại thịnh trị.

* Thể hiện ở mục đích của việc dời đô
* Thể hiện ở cách nhìn về mối quan hệ giữa triều đại, đất nước và nhân dân.

1. Khí phách của một dân tộc độc lập tự cường:

* Thống nhất giang sơn về một mối
* Khẳng định tư cách độc lập ngang hàng với Trung Hoa.
* Niềm tin vào tương lai muôn đời của đất nước.

**c, Kết bài:**

* Khẳng định tư tưởng yêu nước của bài chiếu
* Nêu ý nghĩa và vị trí của bài chiếu.

**Đề 3:** **Hãy phân tích mục đích việc dời đô của Lý Công Uẩn**.

Bài làm:

Năm 1009, Lê Ngoạ Triều, một tên vua hoang dâm vô độ, tàn bạo cực kỳ đã chết.Quần thần nhà Lê và giới tăng lữ cao cấp đã tôn Lý Công Uẩn, Điện Tiền chỉ huy sứ lên làm vua, mở đầu triều đại nhà Lý (1009 – 1225) đánh dấu bước phát triển mới của chế độ phong kiến Việt Nam.

Năm 1010, Lý Thái Tổ đã dời đô từ Hoa Lư ra Đại La.Có thể nói đây là một kỳ tích đầu tiên của vương triều nhà Lý.Lý Công Uẩn đã tự tay mình thảo ‘ chiếu dời đô’ bằng chữ Hán, một văn kiện có ý nghĩa lịch sử trọng đại. ‘ Chiếu dời đô’ đánh dấu bước phát triển mới của đất nước Đại Việt, thể hiện ý chí tự cường của nhân dân ta trên đà lớn mạnh.

Chiếu là thẻ văn do vua dùng để ban bố mệnh lệnh. ‘ Chiếu dời đô’ được viết bằng văn xuôi cổ, câu văn có vế đối.Các yếu tố nghị luận, miêu tả, tụa sự và trữ tình kết hợp một cách rất chặt chẽ, hài hoà.

Phần đầu bài ‘chiếu’, Lý Công Uẩn giải thích nguyên nhân, mục đích việc dời đô.Tác giả có một lối viết ngắn, lý lẽ sắc sảo, các dẫn chứng nêu ra đầy sức thuyết phục.

Mở bài nêu lên sự kiện lịch sử: nhà Thương đến vua Bàn Canh 5 lần dời đô, nhà Chu đến vua Thành Vương cuãng 3 lần dời đô. Đó là những tiền lệ lịch sử, những kinh nghiệm lịch sử.Việc dời đô của các vua thời Tam Đại( bên Tàu) là do yêu cầu khách quân của xã hội, do xu thế của lịch sử, chứ không phải theo ‘ theo ý riêng mình mà tự tiện chuyển dời?’

Việc dời đô là do mục đích sâu xa tốt đẹp.Lí lẽ nhà vua nêu lên rất sâu sắc, vừa có tình có lí.Dời đô ‘ cỉ vì muốn đóng đô ở nơi trung tâm, mưu toan nghiệp lớn, tính kế muôn đời cho con cháu’.Dời đô là vì nước vì dân, vì đạo nghĩa ‘ trên vâng mệnh trời, dưới theo ý dân’…Dời đô sẽ mang lại lợi ích tốt đẹp: ‘ vận mước lâu dài, phong tục phồn thịnh’.Dời đô là để xây dựng và bảo vệ đất nước giàu đẹp, bền vững đến muôn đời mai sau.

Lý Công Uẩn nhắc đến bài học lịch sử của hai triều đại nhà Đinh và nhà Lê.Từ khi Đinh Bộ Lĩnh lên ngôi hoàng đế năm 968 đến khi Lê Ngoạ Triều chết 1009, hai triều đại Đinh , Lê chỉ tồn tại trong vòng 42 năm.Loạn lạc kéo dài, đất nước không phát triển.Nhà Đinh và nhà Lê đã ‘ theo ý riêng mình, khing thường mệnh trời, không theo dấu của Thương, Chu, cứ đóng yên đô thành’. ở Hoa Lư.Một sự thật cay đắng đã xảy ra: ‘ khiến cho triều đại không được bền lâu, số vận ngắn ngủi, trăm họ phải hao tổn, muôn vật không được thích nghi’.

Tác giả không chỉ giải thích, nêu lên nhiều dẫn chứng lịch sử, làm rõ cái lợi của việc dời đô, cái hại của việc nhà Đinh, nhà Lê ‘ cứ đóng yên đô thành’ ở Hoa Lư…,mà còn biểu lộ cảm xúc của mình trước bài học lịch sử: ‘ Trẫm rất đau xót về việc đó, không thể không dời đổi’.Với Lý Công Uẩn thì việc dời đô từ Hoa Lư ra Đại La là một yêu cầu cấp thiét của lịch sử, là một đời hỏi nóng bỏng của dân tộc và đất nước trên đà phát triển.

Phần đầu ‘Chiếu dời đô’ đã thể hiện tâm hồn và trí tuệ Đại Việt, bản lĩnh đổi mới và vươn lên của Đại Việt.

**Đề 3:** Phân tích giá trị tư tưởng và nghệ thuật trong phần hai bài ‘ Chiếu dời đô’ của Lý Công Uẩn.

Bài làm:

Sau một năm lên làm vua, 1010, Lý Thái Tổ dời đô từ Hoa Lư ra Đại La, sau đổi tên la Thăng Long. Đã ngót một nghìn năm trôi qua, Thăng Long – Hà Nội trở thành trái tim của đất nước Đại Việt, là niềm yêu mến, tự hào của dân tộc Việt Nam chúng ta.

Đọc phần hai ‘ Chiếu dời đô’, ta vô cùng xúc động trước cách nói và cách viết của Lý Thái Tổ về sự thuận lợi của thành Đại La, nơi mà nhà vua dời đô đến để xây dựng sự nghiệp lâu dài.

Lý Công Uẩn đã có một cái nhìn sáng suốt, sâu sắc và toàn diện về Đại La.Miền đất ấy không còn xa lại nữa, vốn là kinh đô cũ của Cao Vương. Đại Việt sử kí toàn thưcho biết Cao Vương là Cao Biển, Đô hộ sứ Giao Châu đã xây thành Đại La vào năm 866.

Về vị trí địa lí, Đại La ‘ở vào nơi trung tâm trời đất…, đã đúng ngôi nam bắc tây đông’.Về mặt địa thế, Đại La rất hùng vĩ bao la ‘được cái thế rộng cuộn hổ ngồi’,lại tiện hướng nhìn sông dựa núi’, địa thế rộng mà bằng, cao mà thoáng’.Là một vùng đất lí tưởng: ‘ dân cư khỏi chịu cảnh khốn khổ ngập lụt; muôn vật cũng rất mực cũng phong phú tốt tươi’.

Từ miêu tả, tác giả bài Chiếu đã dùng lối viết khẳng định và biểu cảm ca ngợi Đại La – kinh đô mới của Đại Việt là ‘ thắng địa’ của đất Việt ta, là ‘ chốn tụ hội trọng yếu của bốn phương đất nước’, là ‘ kinh đô bậc nhất của đế vương muôn đời’.

Về nghệ thuật ‘ Chiếu dời đô ‘được viết bằng văn xuôi cổ, văn biền ngẫu.Ngôn ngữ trang trọng.Lời văn đẹp, giàu hình ảnh.Những vế đối rất chỉnh, gây ấn tượng: ‘Ở vào nơi trung tâm của trời đất; được cái thế rồng cuộn, hổ ngồi’.Hoặc ‘Địa thế rộng mà bằng; đất đai cao mà thoáng’.Các yếu tố miêu tả, tự sự, biểu cảm được kết hợp một cách hài hoà: ‘ Xem khắp đất Việt ta, chỉ nơi này là thắng địa.Thật là chốn tụ hội trọng yếu của bốn phương đất nước, cũng là nơi kinh đô bậc nhất của đế vương muôn đời’.

Thăng Long – Hà Nội là trái tim tổ quốc, nơi ngàn năm văn vật.Thăng Long – Hà Nội là trung tâm chính trị, kinh tế, quốc phòng, văn hoá của đất nước ta. Đọc ‘ Chiếu dời đô’ ta có thêm một cái nhìn sâu sắc , một tình yêu nồng đối với Thăng Long mến yêu.

Nhà thơ Nguyễn Đình Thi có viết:

‘Đêm đêm rì rầm trong tiếng đất

Những buổi ngày xưa vọng nói về…’

(Đất nước)

‘Chiếu dời đô ‘ là tiếng đất’ đang rì rầm’, đã và đang ‘ vọng nói về’ cùng với mỗi chúng ta trên đường đi tới Ngày Mai , ấm no, hoà bình, ca hát.

**BT4.Tư tưởng nhân nghĩa của Nguyễn Trãi qua đoạn trích “Nước Đại Việt ta”**

* **Mở bài:**

**Nhân nghĩa** vốn là một truyền thống quý báu của nền văn hóa dân tộc. Qua mỗi thời đại, tư tưởng ấy không ngừng được nâng cao thể hiện sức mạnh và lòng vị tha của nhân dân ta. Qua đoạn trích ***“Nước Đại Việt ta” (trích “Bình Ngô đại cáo”)*** một lần nữa, Nguyền Trãi đã trình bày thấu suốt đạo lí ấy.

* **Thân bài:**

Mở đầu đoạn trích, Nguyễn Trãi giương cao đạo nghĩa dân tộc:

*“Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân*  
*Quân điếu phạt trước lo trừ bạo”*

Tư tưởng nhân nghĩa của Nguyễn trãi là lấy dân làm gốc rễ. Muốn dân được ấm no và hạnh phúc, xã hội thái bình, thịnh vượng trước hết, phải làm cho cuộc sống nhân dân yên ổn, vì dân mà đánh kẻ hung tàn.

Khẳng định điều ấy, Nguyễn Trãi chỉ ra rất rõ: *“Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân”.*Như vậy, “yên dân” chính là giá trị cốt lõi, giá trị quan trọng nhất của nhân nghĩa. Tất cả các việc điều trị, chính sách của triều đình phải hướng đến mục đích yên dân.

Ông cũng chỉ ra hành động thứ hai cũng hết sức quan trọng: “*Quân điếu phạt trước lo trừ bạo”.*Mỗi quốc gia đều có một lực lượng quân đội. Nhiệm vụ của lực lượng ấy là giữ yên đất nước, chống giặc cứu nước (trừ bạo) chứ không nên dùng để xâm chiếm bờ cõi nước khác, làm tổn hao xương máu dân tộc. Ai cũng cầu muốn một cuộc sống yên ổn, ấm no, hạnh phúc. Đất nước đã trải qua biết bao khổ nạn mới được yên bình. Bậc minh quân nên lấy thái bình của xã tắc làm trọng, chớ động lòng tham mà hành động sai lầm, phạm vào tội ác. Quả thực, tấm lòng của Nguyễn Trãi rộng lớn vô cùng.

Tư tưởng nhân nghĩa của Nguyễn Trãi thật sự rất tiến bộ lúc bấy giờ. Nó đi ngược lại với những suy nghĩ của những vị vua, vị tướng trước đây chỉ biết nghĩ cho bản thân mình, tham danh vọng, thích quyền uy mà bất chấp nhân tâm. Họ chỉ ham mê xây cung cất điện để phụ vụ cho nhu cầu hưởng thụ vô ích của chính họ. Từ đó gây nổi loạn, cuộc sống nhân dân bết bát qua từng ngày đói no trong khi bộ máy nhà nước suy sụp, vua chúa bị gian thần nịnh bợ và đi vào thời kỳ sa đọa.

Việc dân, việc nước là những việc làm cơ bản của một vị vua, vị tướng tài, khi nhân dân có cuộc sống bình yên thì việc thứ hai cần phải làm là xây dựng quân đội để bảo vệ đất nước và chủ quyền độc lập. Đó là thời kỳ thịnh trị của một nhà nước hung mạnh, Nguyễn Trải đã làm một điều đáng để trân trọng mà trước đây ít ai nghĩ được như thế, đó là một lý luận, một định nghĩa đơn giản được áp dụng mà tưởng như không thể nào đơn giản hơn.

Triết lí và tầm nhìn tiến bộ, rộng sâu giúp Nguyễn Trãi có những kế sách đúng đắn giúp vua định yên xã hội rất nhanh chống.  Một khi cuộc sống yên bình, muôn dân ấm no thì nước non tất thịnh cường, sức mạnh quốc gia sẽ được củng cố. Được sống hạnh phúc, con người sẽ yêu nước. Khi có ngoại biến thì sức mạnh chiến đấu và căm thù giặc phụ thuộc rất nhiều vào tình yêu nước của nhân dân, có thể vì nước mà đứng lên kháng chiến và hi sinh vì độc lập chủ quyền của dân tộc. Dưỡng nuôi tình yêu nước của nhân dân, một phần để phòng bị khi có giặc ngoại xâm, phần lớn là để gắn kết con người, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, hướng đến cuộc sống thái bình.

Tinh thần nhân nghĩa cũng đã từng được khẳng định mãnh mẽ trong **Chiếu dời đô** (Lí Công Uẩn) và **Hịch tướng sĩ**(Trần Hưng Đạo). Lòng yêu nước là một lí tưởng lớn chưa bao giờ ngừng chảy trong lòng dân tộc ta. Trải qua lịch sử đấu tranh dụng nước và giữ nước, dân tộc ta lúc nào cũng nêu cao nhân nghĩa. Nó chính là ngọn đuốc sáng dẫn đường dân tộc ta bước qua những tháng năm đen tối, tìm đến ánh sáng của niềm tin và chiến thắng.

Đây là một tư tưởng sáng suốt, khôn ngoan của một nhà chính trị nói cách khác là một bậc quân tử, nhân nghĩa vì dân vì nước, thể hiện tinh thần yêu nước mảnh liệt, bảo vệ cuộc sống hạnh phúc và có thể nói rằng: Tư tưởng của Nguyễn Trải thể hiện trong bài Nước Đại Việt là một bản ***tuyên ngôn độc lập*** khẳng định nền dân chủ của nước Đại Việt ta. Nguyễn Trãi được xem là một bậc kỳ tài nằm trong các vị tướng xuất sắc và ông là một tấm gương của một người nhân nghĩa mà chúng ta cần biết và đáng để hậu thế noi theo.

* **Kết bài:**

Đoạn trích “Nước Đại Việt ta” đúc kết truyền thống mấy trăm năm vẻ vang của dân tộc, nêu cao đạo nghĩa và chân lí vĩnh tồn, khẳng định lập trường chính nghĩa và sức mạnh chiến thắng của dân tộc, đồng thời cũng là lời nhắc nhở nghiêm khắc kẻ thù hung bạo. Nguyễn Trãi là lấy nhâm tâm mà khuất phục lòng người. Đó cũng là một nghệ thuật tâm công, lấy đạo nghĩa để cảm hóa kẻ thù của bậc thánh nhân vậy.

**BT5Chứng minh: “Nước Đại Việt ta” là một áng văn tràn đầy niềm tự hào dân tộc**

* **Mở bài:**

Ngay sau khi cuộc kháng chiến chống quân Minh xâm lược thắng lơi, thừa lệnh Lê Lợi, Nguyễn Trãi bắt tay khảo soạn Bình Ngô đại cáo, bố cáo cùng thiên hạ toàn bộ cuộc chiến đấu gian nan mà hào hùng, lẫm liệt. Đoạn trích Nước Đại Việt ta là đoạn mở đầu bài cáo. Với lời văn hào hùng, thống thiết, Nước Đại Việt ta đã  thể hiện sâu sắc niềm tự hào, khẳng định độc lập chủ quyền và tự cường dân tộc.

* **Thân bài:**

Hơn mười năm trường kì kháng chiến, nghĩa quân Lam sơn đã trải qua biết bao gian khổ, đau thương. Biết bao xương máu đã đổ xuống để chống giặc và bảo vệ đất nước. Với Bình Ngô đại cáo, nước ta đã mở ra một kỉ nguyên mới. Đó là kỉ nguyên hòa bình, độc lập, tự chủ. Từ đây, đất nước bước vào vận hội mới. Từ đây muôn dân no ấm, xã hội thái bình, thịnh trị. Khắp nơi rộn vang tiếng hát ngợi ca bậc minh quân.

Nền hòa bình ấy có được là bởi ta có lòng nhân nghĩa, muôn người biết hợp lực cùng nhau, hết lòng vì nước quên thân, không ngại hi sinh, mất mát. Bởi thế, mở đầu bài đại cáo, Nguyễn Trãi nêu cao lập trường nhân nghĩa của dân tộc với những câu văn hết sức sắc bén trong niềm tự hào lớn lao:

*“Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân*  
*Quân điếu phạt trước lo trừ bạo”.*

Nhân nghĩa vốn là một tư tưởng đã có từ lâu đời. Nhưng ở mỗi thời đại lại có một quan niệm khác nhau. Các thời đại trước chỉ đưa ra một khái niệm chung chung, chưa thực sự rõ ràng.

Với nguyễn Trãi, nhân nghĩa là một khái niệm rất rộng lớn và thiết thực. Ông khẳng định “nhân nghĩa” trước hết là cốt ở “yên dân”, làm cho đời sống nhân dân được yên ổn, ấm no, hạnh phúc. Dân có yên thì xã hội mới thái bình, đất nước hùng mạnh.

Vượt lên trên tất cả, Nguyễn Trãi lấy dân làm cội gốc. Nhà nước vì dân mà phục vụ. Đó là một tư tưởng rất tiến bộ trong thời đại của ông. Nếu đời Đường thấy được vai trò của dân chúng rất quan trọng đối với nền thể chính: *“Vua là thuyền, dân là nước. Nước có thể nâng thuyền lên. Nước cũng có thể làm lật thuyền”.* (Đường Minh Hoàng)

Nhưng đó chỉ mới là nhìn thấy chứ chưa thực sự đề cao và xem trọng. Nguyễn Trãi không chỉ bằng lời nói. Ông thực sự thực hành tư tưởng của mình trong cuộc đời làm quan của ông.

Thấy được vai trò lịch sử của dân chúng, Nguyễn Trãi cũng xác định rõ trách nhiệm của triều đình. Chiến tranh là điều không ai mong muốn. Việc xuất quân trước hết là lo diệt trừ kẻ tàn bạo, bảo vệ kẻ yếu, đem lại công bằng cho muôn người, kỉ cương cho đất nước.

Đó đồng thời cũng là lời khuyên giải đối với Lê Lợi khi lên nắm quyền điều hành đất nước. Quan điểm của Nguyễn Trãi rất rõ ràng là hạn chế chiến chinh, tăng cường sức dân. Kế sách ấy vừa lấy được lòng dân, không lo bạo loạn, vừa làm cho tiềm lực đất nước trở nên hùng mạnh đủ sức gìn giữ hòa bình dài lâu.

Có thể nói tư tưởng nhân nghĩa vốn đã có từ lâu. Nhưng đến thời Nguyễn Trãi, tư tưởng ấy đã nâng cao hơn một bước sáng chói. Ông gắn tư tưởng nhân nghĩa với tinh thần yêu nước chống giặc bảo vệ tổ quốc. Câu văn khảng khái, tràn đầy niềm tự haò về truyền thống tốt đẹp của dân tộc. Nó không phải nằm trên lí thuyết suông mà đã được thực chứng trong cuộc kháng chiến vừa qua.

Tiếp đến, niềm tự hào ấy bùng lên như một lời ca sảng khoái khi ông khẳng định nền độc lập, chủ quyền và sức mạnh tự cường của dân tộc ta trong mấy nghìn năm qua:

*“Như nước Đại Việt ta từ trước*  
*Vốn xưng nền văn hiến đã lâu*  
*Núi sông bờ cõi đã chia*  
*Phong tục Bắc, Nam cũng khác*  
*Từ Triệu, Đinh, Lý, Trần bao đời gây nền độc lập*  
*Cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên mỗi bên xưng đế một phương*  
*Tuy mạnh yếu từng lúc khác nhau*  
*Song hào kiệt đời nào cũng có”.*

Với lời văn rắn rỏi, dẫn chứng thuyết phục, lí lẽ sắc bén, hào hùng, Nguyễn Trãi nêu cao sức mạnh nguồn cội làm nên chiến thắng của đan tộc ta. Suốt mấy trăm năm, thời kì nào đất nước ta cũng bị giặc phương Bắc xâm lược và đặt ách đô hộ. Song, chưa bao giờ dân tộc ta bị khuất phục, chịu kiếp nô lệ. Biết bao cuộc khỡi nghĩa đã nổ ra. Và từng bước ta đã gây dựng được nền độc lập. Nguyễn Trãi khẳng định tuy mạnh yếu từng lúc khác nhau, song hào kiệt anh hùng đời nào cũng có. Các anh hùng hào kiệt lập nên chiến công hiển hách, làm cho quân thù khiếp nhược, tháo chạy bao lần. Đó là niềm tự hào lớn, không thể nào phủ nhận được.

Nền độc lập ấy được duy trì với quốc hiệu Đại Việt, với lịch sử, văn hiến, văn hóa, phong tục tập quán lâu đời, được tôn trọng và gìn giữ. Giặc phương Bắc với âm mưu đồng hóa thâm độc thế nhưng bản sắc dân tộc Việt vẫn âm thầm tồn tại và trỗi dậy mỗi khi đất nước hào bình. Sức mạnh tự cường dân tộc chưa bao giờ bị dập tắt. Càng trong đau thương, dân tộc ta càng tỏa sáng và khẳng định mình mạnh mẽ hơn. Ta cũng có những triều đại vững mạnh nắm quyền điều hành đất nước cùng song song tồn tại với bắc triều.

Đó là niềm tự hào không sao chối cãi được. Không phải là kiêu ngạo, khoe khoang, mà đó là lòng tự hào về sức sống bất diệt. Sức mạnh ây trở thành điểm tựa tinh thần đến muôn đời. Cuối cùng, ông khẳng định sự thất bại của kẻ thù như một quy luật tất yếu:

*“Lưu Cung tham công nên thất bại*  
*Triệu Tiết thích lớn phải tiêu vong*  
*Cửa Hàm Tử bắt sống Toa Đô*  
*Sông Bạch Đằng giết tươi Ô Mã*  
*Việc xưa xem xét*  
*Chứng cớ còn ghi”.*

Kẻ thù tham lam, tàn bạo, lập trường phi nghĩa vốn đã đi ngược lại với đạo lí. Chúng còn viện cớ mà xâm lược cướp bóc nước ta thì nhất định thất bại, diệt vong. Ta vì muôn dân, thuận với ý trời, lập trường chính nghĩa mà kháng chiến, giành lấy thắng lợi vẻ vang. Đó cũng là một lời cảnh tỉnh đanh thép, nhắc nhở, răn dạy kẻ thù chớ vì lòng tham mà trái với mệnh trời, làm điều phi nghĩa.

So với Sông núi nước Nam của Lý Thường Kiệt, ở Nước Đại Việt ta, quan niệm đất nước đã được nâng cao lên nhiều bậc. Chủ quyền đất nước không những gắn với biên cương, lãnh thổ mà còn gắn với lịch sử, văn hóa, phong tục, tập quán và sức mạnh cội nguồn dân tộc. Nó nằm trong tổng hòa các giá trị thiêng liêng, được gìn giữ và phát triển qua nhiều thời đại. Những giá trị quý báu ấy không thể để quân giặc xúc phạm, coi thường và xâm phạm đến. Công việc kháng chiến, tiêu diệt kẻ thù, quét sạch bọn tham tàn ra khởi biên cương, bờ cõi cũng là để khẳng định sức mạnh bất khả khuất phục và lấy lại tôn nghiêm của dân tộc vậy.

Sức mạnh thuyết phục của đoạn trích chính là ở chỗ nhận rõ lập trường của hai bên. Tiếp theo đó là lói lập luận sắc bến, hùng hồn đầy sức mạnh của Nguyễn Trãi. Ông vận dụng ngôn ngữ như đang chỉ đạo một đoàn quân. Mỗi câu, mỗi chữ là một đạo quân tinh nhuệ, thiện chiến tấn công trực diện vào nhân tâm kẻ thù. Trong cuộc chiến này, Nguyễn Trãi là một vị tướng oai dũng phi thường. Kẻ thù dù có gian xảo nhưng cũng không thể nào ngụy biện cho hành động phi nghĩa của mình được.

* **Kết bài:**

Đoạn trích Nước Đại Việt ta là một khúc ca hào hùng, sảng khoái ca ngợi thắng lợi, khẳng định lập trường dân tộc. Đồng thời thể hiện niềm tự hào lớn lao của dân tộc ta về lịch sử dân tộc và sức mạnh chiến thắng kẻ thù. Với giá trị về lịch sử và văn chương, đoạn trích Nước Đại Việt ta và bản hùng ca Bình Ngô đại cáo mãi mãi còn vang vọng đến ngàn năm sau.

**BT6. Chứng minh: Hịch tướng sĩ thể hiện rõ tình yêu nước của vị chủ tướng**

* **Mở bài:**

Hịch tướng sĩ từ xưa đã được xem là một “thiên cổ hùng văn” bất hủ của dân tộc. Bài hịch là sự kết tinh sâu sắc của truyền thống đấu tranh chống giặc ngoại xâm, là kết tinh của ý chí và sức mạnh quật cường của dân tộc qua mấy trăm năm lịch sử. Qua bài hịch, Trần Quốc Tuấn đã thể hiện mạnh mẽ lòng yêu nước thiết tha và căm thù giặc sâu sắc của vị chủ tướng một lòng vì nước vì dân.

* **Thân bài:**

Thành công đầu tiên của Hịch tướng sĩ là chất giọng hùng hồn, thuyết phục hiếm có. Chất hùng văn của Hịch tướng sĩ được tạo nên từ nghệ thuật trữ tình hùng biện và tình cảm mãnh liệt, nồng cháy trong tim người anh hùng dân tộc. Đó ngọn lửa của tình yêu nước thiết tha và ý chí quyết tâm chống giặc cứu nước. Tình cảm sục sôi và nhiệt tình yêu nước cháy bỏng, ý chí quyết chiến quyết thắng giặc thù làm nên chất nhân văn cao đẹp của bài hịch.

Mở đầu bài hịch, vị chủ tướng nêu cao gương sáng các anh hùng nghĩa sĩ đã quên mình vì chúa (Kỉ Tín, Do Vu, Dự Nhượng, Thân Khoái, Kính Đức, Cảo Khanh) hay anh dũng chống giặc hi sinh vì nước (Nguyễn Văn Lập, Xích Tu Tư). Đó là những tấm gương tiêu biểu, được lưu truyền trong nhân gian, không ai mà không biết nhưng dưới lời văn của Trần Quốc Tuấn lại được nâng cao lên nhiều lần, trở thành điều tâm niệm mà mỗi tướng sĩ nên có.

Tình yêu nước theo vị chủ tường, trước hết là phải biết sống anh hùng và lập nên những chiến công hiển hách, lưu danh thiên cổ. Lời văn ngắn gọn, xúc tích nhưng đã đánh động được nỗi lòng của các tướng sĩ, khiến họ biết tự nhìn lại mình.

Tình yêu nước của Trần Quốc Tuấn được bộ lộ rõ ràng hơn khi ông nói về sự ngang ngược và tội ác của quân giặc. Ông đã lột tả bản chất tham lam, hống hách, tàn bạo của đoàn quân xâm lược: Đi lại nghênh ngang ngoài đường, uốn lưỡi cú diều mà sỉ mắng triều đình, đem thân dê chó mà bắt nạt tề phụ, đòi ngọc lụa, thu bạc vàng. Thái độ của Trần Quốc Tuấn vừa tủi nhục, xót xa vừa căm giận, khinh bỉ, coi chúng như những loài cầm thú: cú diều, dê chó, hổ đói, lột rõ bản chất tham lam, tàn bạo của chúng.

Trần Quốc Tuấn đã thấu suốt dã tâm của giặc, nhận thức rõ hiểm họa của Tổ quốc, nguy cơ của sự bại vong. Lời lẽ chân tình, thống thiết, thấu tận nhân tâm khiến ta càng kính trọng hơn người anh hùng đã hết lòng vì nước quên mình. Bởi lo thế giặc mạnh, quân giặc hung bạo, bất nhân còn thế nước lại yếu, tướng sĩ vô tâm, cái nguy cơ mất nước hiện hữu trước mắt khiến cho vị chủ tướng “tới bữa quên ăn, nửa đêm vỗ gối, ruột đau như cắt, nước mắt đầm đìa”, ngày đêm suy nghĩ cách phá giặc bảo vệ non sông.

Trong khi, quân giặc đang giày xéo trên quê hương, muôn dân đang bị chúng cướp bóc, sát hại thảm thiết. Nỗi căm tức dâng lên tột cùng, uất nghẹn: “căm tức chưa xả thịt lột da, nuốt gan uống máu quân thù”. Vì đất nước “dẫu cho trăm thân này phơi ngoài nội cỏ, nghìn xác này gói trong da ngựa”, ông cũng vui lòng.

Với bút pháp khoa trương, tính chất ước lệ, giọng văn nhẹn ngào, thống thiết, hào sảng, phù hợp với ngôn ngữ hùng biện của thể hịch văn, bài hịch có sức ngân vang lớn. Đoạn văn dã thể hiện đậm nét trạng thái sục sôi, hận thù bỏng rát của một trái tim vĩ đại, chất chứa cảm xúc lớn với vận mệnh đất nước, sự tồn vong của dân tộc, số phận của nhân dân. Tất cả những trạng thái cảm xúc ấy đều được đẩy tới cực điểm. Chưa bao giờ trong văn học Việt Nam, lòng căm thù giặc và nỗi đau xót trước vận mệnh dân tộc lại được biểu hiện sâu sắc, mãnh liệt và xúc động lòng người đến thế.

Từ căm thù cháy bỏng đến hành động giết giặc cứu nước là tất yếu và phải được đặt lên hang đầu, thà chết chứ không chịu khuất phục. Đó là khí phách của một dân tộc anh hùng. Hơn ai hết, Trần Quốc Tuấn hiểu rõ ràng ý chí quyết chiến quyết thắng, sẵn sàng xả thân vì nước của vị thống soái toàn quân là yếu tố rất quan trọng, nhưng chưa đủ làm nên chiến thắng, cần có một sức mạnh tổng hợp. Sức mạnh ấy phải được tạo nên từ sự đồng lòng nhất chí, từ ý chí quyết chiến, quyết thắng giặc thù của cả dân tộc.

Trong khi tướng sĩ vẫn còn đang mãi lo cho bản thân, ham mê lạc thú mà quên đi nhiệm vụ bảo vệ nước nhà. Ông đã rất đau xót và nghiêm khắc khi nhắc nhở tướng lĩnh của mình. Đầu tiên ông nhắc lại mối ân tình của mình với tướng sĩ: “không có mặc thì ta cho áo, không có ăn thì ta cho cơm, quan nhỏ thì ta thăng chức, lương ít thì ta cấp bổng, đi thủy thì ta cho thuyền, đi bộ thì ta cho ngựa.

Ông còn nhắc lại mối giao hòa chủ tướng thắm thiết như phụ tử cùng sống chết trong trận mạc, cùng vui vẻ khi bình yên. Ông cũng nghiêm khắc chỉ trích lối sống thờ ơ, hèn nhục của tướng sĩ khi quân giặc giày xéo quê hương: thấy chủ nhục mà không biết lo, thấy nước nhục mà không biết thẹn…, không biết căm,… không biết báo thù rửa nhục.

Mỗi thú vui của tướng sĩ không có gì là xấu nhưng nó không hợp với thời cuộc. Đất nước đang trong nước sôi lửa bỏng, vận mệnh dân tộc đang lâm nguy, kẻ thù thiện chiến và hùng mạnh, mà tướng sĩ vẫn thờ ơ tức là tự đẩy mình vào diệt vong, muôn đời chịu nhục.

Bằng lập luận chặt chẽ, lời lẽ sắc bén, sử dụng nghệ thuật đối lập, cấu trúc câu trùng điệp tạo khí thế hùng hồn, từng lời từng chữ như chảy ra từ trong tim tha thiết vô cùng, Trần Quốc Tuấn đã thức tỉnh toàn quân cầm gươm chống giặc. Đó không phải là một mệnh lệnh cứng nhắc mà là một lời tâm tình rưng rưng nước mắt. Tình yêu thương chân thành, tha thiết dành cho tướng sĩ của Trần Quốc Tuấn đều được xuất phát từ trái tim nhân hậu, từ lòng yêu nước lớn lao.

Không những vạch rõ yếu kém của tướng sĩ, ông còn chỉ ra cái nguy cơ dẫn đến thảm kịch của đất nước, của gia đình, của cá nhân và cách để hóa giải cái nguy cơ ấy. Với bản lĩnh của một vị tướng kiệt xuất có tầm nhìn xa trong rộng và niềm tin tất thắng của dân tộc, ông hoàn toàn tin tưởng vào thắng lợi nếu mỗi binh sĩ đều hết lòng xả thân chống giặc cứu nước. Đó cũng là một lời hứa đinh ninh trước trời đất của vị chủ tướng để huy động toàn bộ sức mạnh dân tộc trong cuộc quyết chiến với kẻ thù xâm lược.

* **Kết bài**

Hịch tướng sĩ của Trần Quốc tuấn đã phản ánh tinh thần yêu nước nồng nàn, lòng căm thù giặc sâu sắc, tinh thần quyết chiến, quyết thắng kẻ thù xâm lược của dân tộc ta. Hịch tướng sĩ là một áng văn nghị luận mẫu mực, bất hủ với kết cấu chặt chẽ, lập luận sắc sảo, lí lẽ sắc bén, dẫn chứng phong phú, sinh động và lời văn khi hùng hồn đanh thép, khi thống thiết chân thành có sức lôi cuốn và sức thuyết phục mạnh mẽ. Với bài hịch ngắn gọn, xúc tích, truyền tải lòng yêu nước sâu sắc của vị chủ tướng, Nước Đại Việt ta như một bản hùng ca vang mãi đến muôn đời.

**BT7. Sự kết hợp giữa lí và tình trong “Chiếu dời đô” của Lí Công Uẩn – Cái hòa quyện thiết tha**

* **Mở bài:**

Không những nêu ra được cái lí đầy thuyết phục tại sao phải dời đô, Chiếu dời đô của Lí Công Uẩn còn thấm đẫm cái tình hòa quyện trong nỗi lòng của vị minh quân một lòng vì dân vì nước.

* **Thân bài**:

Kể chuyện người xưa cũng là để nói lên nỗi lòng và niềm mong mỏi của mình. Lí Công Uẩn đã khéo léo biểu hiện khát vọng dời đô và niềm tin vững chắc của mình vào quy luật của trời đất. Hai nhà Thương, Chu vì tính kế lâu dài, mưu toan nghiệp lớn, muốn cho đất nước phồn thịnh, muôn dân no ấm nên đã nhiều lần dời đô. Đó cũng là điều mà Lí Công Uẩn ngày đêm mong muốn.

Ông khẳng định việc dời đô là vì lợi ích của đất nước, của muôn dân, vì sự phát triển dài lâu của dân tộc chứ không phải là theo sở nguyện của riêng ông. Dời đô là để sửa cái sai của hai nhà Đinh, Lê, hướng đến mở mang đất nước, làm cho đất nước cường thịnh hơn; nhân dân ấm no, hạnh phúc; văn hóa, phong tục vì thế mà được giữ gìn, phát triển.

Bao nhiêu năm nhân dân ta đã chiến đấu gian khổ. Bao nhiêu máu và nước mắt đã từng đổ xuống để giành độc lập, thống nhất. Không thể quên được nỗi nhục của ngàn năm mất nước, nhân dân đòi hỏi người lãnh đạo của mình phải nâng cao hơn nữa truyền thống anh hùng, phải nhanh chóng đưa đất nước trở thành hùng mạnh.

Cũng không thể quên được các triều đại trước vì bất tài vô dụng mà đã gây nên những cuộc nội chiến, nồi da nấu thịt, khiến cho muôn dân hao tổn. Nạn cát cứ đã thành tai họa của dân tộc một thời. Một đất nước sẽ chưa thật sự trưởng thành một khi các vị hoàng đế thắng trận, để củng cố địa vị và lực lượng cứ phải đóng đô trên quê hương mình, cố thủ giữ mình với một tầm nhìn thiển cận. Ngẫm về việc đó, Lí Công Uẩn đã trăn trở: “Trẫm rất đau xót về việc đó, không thể không dời đổi”. Việc dời đô thực sự đã đáp ứng lòng mong mỏi của muôn dân.

Cái tình sâu nặng của Lí Công Uẩn đối với muôn dân, đất nước còn thể hiện ở tầm nhìn xuất sắc của ông về những lợi thế ưu việt của thành Đại La. Để phát triển đất nước, tìm kiếm vùng đất tốt định đô, Lí Công Uẩn đã bỏ biết bao công sức. Bằng trí tuệ phi thường, tầm nhìn xa rộng, lại thông hiểu địa lí, nắm vững thiên thời, địa lợi, thấu hiểu lòng dân, ông đã nhìn thấy cái thế tối ưu của thành Đại La mà không miền đất nào có được.

Đại La là sự hội tụ hiếm có của vị trí, địa thế, phong thủy, kinh tế, giao thương và văn hóa. Lại là vùng đất mà Cao Vương đã từng định đô. Ông đã không chọn Kinh Bắc – quê hương ông mà chọn Đại La cũng là bởi cái thế mạnh bậc nhất của vùng đất này và cũng là vì lợi ích của muôn dân, tránh được cái nhìn ích kỉ, thiển cận của người xưa vậy. Tấm lòng vì nước, vì dân, hi sinh lợi ích riêng, hướng đến sự phồn thịnh đất nước của của Lí Thái Tổ quả thật rất đáng trân trọng và ngưỡng mộ.

Lời lẽ hào hùng, sắc bén, hòa quyện trong cái tình mênh mang, sự suy luận mạch lạc, đem lại cho người nghe, người đọc một nhận thức sâu sắc về lẽ phải và sự hợp lý của việc phải dời đô. Sức thuyết phục của bài chiếu không ở chỗ dài lời, dàn trải mà đánh thẳng vào nhân tâm, tìm kiếm sự đồng tình, ủng hộ.

Thông qua phép đối, dưới hình thức văn biền ngẫu, Lý Công Uẩn đã đưa ra những lập luận, lý lẽ và chứng cứ hết sức thuyết phục. Đó không phải là những lời lẽ cứng nhắc, thuần tuý mệnh lệnh của bậc đế vương (vốn là văn phong quan phương của thể chiếu) mà đó chính là lý lẽ của sự thông tuệ, thấu hiểu, của niềm cảm thông, của nghệ thuật hùng biện xuất phát từ lợi ích chung của dân tộc, là lời tâm tình bộc trực của một vị minh quân.

Sự kết hợp giữa lý và tình có sức thuyết phục cao, giàu cảm xúc, cùng với lối xưng hô thân mật và nỗi niềm đau xót cho dân chúng và giang sơn đất nước là giọng điệu chung xuyên suốt bản hùng văn này.

* **Kết bài:**

Chiếu dời đô là sự thể hiện ý chí của toàn dân tộc, là kết tinh cho tinh thần và văn hóa của thời đại. Đó là tác phẩm đầu tiên mở ra một thời đại thái bình thịnh trị mới của Đại Việt. Chiếu dời đô cũng thể hiện mạnh mẽ tư tưởng dân chủ, là sự kết hợp đỉnh cao của ý thức dân quyền, ý thức độc lập, tự cường dân tộc. Bài chiếu vừa là áng văn chính luận xuất sắc, lời lẽ hùng hồn, lí lẽ sắc bén, kết cấu chặt chẽ, vừa thể hiện lòng nhân ái thiết tha trong cuộc đối thoại dân chủ, vừa thể hiện ý chí, quyết tâm cao độ của dân tộc trong buổi đầu dựng xây đất nước.

**BT8.Sự kết hợp giữa lí và tình trong “Chiếu dời đô” của lí Công Uẩn – Cái lí thuyết phục, tỉnh táo, sắc bén**

**Mở bài:**

Chiếu dời đô (Thiên đô chiếu) được Lý Công Uẩn ban bố năm 1010, trước khi dời đô từ Hoa Lư về thành Đại La. Với ý nghĩa và sự tác động đặc biệt, đã trở thành một văn kiện chính trị, lịch sử, văn hoá quan trọng nổi tiếng trong một nghìn năm qua. Điểm nổi bậc và là yếu tố làm nên sức lôi cuốn mạnh mẽ của bài chiếu này chính là cái lí thuyết phục, sắc bén, trực chỉ nhân tâm, chiếm ngự lòng người bằng những lời lẽ bình dị nhưng hết sức sâu sắc.

**Thân bài:**

Với giọng văn khoan thai mà hùng hồn, lời lẽ bình dị mà thắm thiết, lí lẽ sắc bén mà thiết tha tình cảm, bài chiếu đã khẳng định bản lĩnh và truyền thống lịch sử lâu đời của dân tộc, củng cố khối đoàn kết thống nhất, đem lại cho dân tộc và đất nước một vị thế mới trên bước đường phát triển, mở ra một thời kỳ lớn mạnh hùng cường của dân tộc.

Lấy tư cách một vị hoàng đế, trong một bài chiếu có kết cấu chặt chẽ, ý tứ sâu xa, ngôn từ phong phú và thuyết phục, Lí Công Uẩn đã bày tỏ cùng các quan và thần dân của mình một ý nguyện quan trọng với hai vấn đề chính: lí do cần phải dời đô và việc lựa chọn vùng đất xây dựng kinh đô mới nhằm mở ra một thời đại mới: thời đại thái bình thịnh trị.

Việc dời đô là quốc gia đại sự, là trách nhiệm và sự nghiệp của toàn dân, không thể quyết định hay thực hiện trong một sớm một chiều. Với lại, đất nước vừa đi qua nạn binh đao, nền hòa bình gây dựng chưa được bao lâu, muôn dân còn đang vất vả, muốn dời đô ngay lúc này e rằng càng làm cho dân thêm khốn khổ. Lý công Uẩn rất hiểu điều đó. Bởi thế, trước hết ông nói về cái lí phải dời đô và khẳng định dời đô là tất yếu, thuận theo quy luật của trời đất và nhân tâm.

Bởi thế, mở đầu bài chiếu, ông viện dẫn tấm gương sáng ngời về đức trị của vua Bàn Canh và vua Thành Vương đã nhiều lần dời đô, trên vâng mệnh trời, dưới theo ý dân, thấy thuận tiện thì dời đổi, nhằm mưu toan nghiệp lớn, tính kế muôn đời cho con cháu. Thế nên vận nước được lâu dài, phong tục bởi vậy mà phồn thịnh, lưu truyền. Đó là thành công đáng phải học hỏi.

Cái dụng ý của Lý Công Uẩn muốn nói rằng việc dời đô không phải là không có ở trên đời, người xưa đã làm và thành công, nay ta học tập cái tốt của người xưa cũng là hợp với quy luật của trời đất. Có thể nói, Lý Công Uẩn đã đánh đúng vào tâm lí của muôn dân bởi chuyện của Thương, Chu vốn được truyền tụng khắp nhân gian, ai mà không biết, từ đó có thể gây được sự đồng cảm, thấu hiểu và ủng hộ sâu sắc.

Tiếp đến, ông viện dẫn hai nhà Đinh, Lê – hai triều đại trước, đã không chịu dời đổi, khiến cho triều đại không được lâu bền, số vận ngắn ngủi, trăm họ hao tổn, muôn vật không được thích nghi, đất nước bao năm nằm trong địa thế hạn hẹp, không hội tụ được khí thiêng của trời đất, nên yếu kém, nhu nhược.

Điều ấy, muôn dân cũng đã rất rõ. Hai triều Đinh, Lê trong suốt chiều dài lịch sử, vì đống đô ở Hoa Lư đã không thể mở mang đất nước. Tuy Hoa Lư có lợi thế rừng núi tiện lợi trong việc chống giặc xong sản xuất lại hết sức hạn chế khiến cho đất nước không thể phồn thịnh, muôn dân còn đói khổ.

Trong suốt thời gian tồn tại, hai triều đại đã gây biết bao đau thương cho đất nước. Các vị vua bất tài vô dụng đã để cho quần thần lộng hành, tranh giành quyền lực, chém giết lẫn nhau, dân chúng chưa bao giờ được yên ổn. Đó cũng là do cái thế đất không kết tụ tinh anh. Sự diệt vong của hai triều đại cũng là tất yếu nhưng dưới lời lẽ của Lý công Uẩn càng trở nên thống thiết vô cùng.

Đoạn mở đầu đã đủ sức tạo niềm tin tưởng trong lòng người vào mục đích cao cả cảu việc nhất thiết phải dời đô nhưng đoạn tiếp theo mới thực sự thuyết phục lòng người về ý nguyện lớn lao và sự lựa chon sáng suốt của vị lãnh đạo tài ba, anh minh, lỗi lạc khi quyết định lựa chọn thành Đại La làm nơi định đô mới.

Thành Đại La dưới con mắt của nhà chiến lược thiên tài Lý Công Uẩn có một vị trí thuận lợi hiếm có. Nơi đây đã từng là kinh đô một thuở dưới thời cai trị của Cao Biền, một bậc thầy phong thuỷ, được ca tụng là “đệ nhất địa lí kì sư”.

Nhưng điều quan trọng là bởi Đại La “ở vào nơi trung tâm trời đất; được cái thế rồng cuộn hổ ngồi. Đã đúng ngôi nam bắc đông tây; lại tiện hướng nhìn sông dựa núi. Địa thế rộng mà bằng; đất đai cao mà thoáng. Dân cư khỏi chịu cảnh khốn khổ ngập lụt; muôn vật cũng rất mực phong phú tốt tươi. Xem khắp đất Việt ta, chỉ nơi này là thắng địa. Thật là chốn tụ hội trọng yếu của bốn phương đất nước”.

Bởi thế Đại La xứng đáng “là nơi kinh đô bậc nhất của đế vương muôn đời”. Sự “thắng thế” của thành Đại La so với kinh đô Hoa Lư là quá rõ, lại được nhìn nhận bởi một vì vua anh minh, vì nước vì dân càng làm thuyết phục lòng người. Bởi thế cũng dễ hiểu, khi bài chiếu được ban bố đã nhận được sự ủng hộ lớn lao của quần thần và toàn dân đất nước, khiến cho việc dời đô điễn ra rầm rộ và nhanh chóng ngay sau đó.

Lí Công Uẩn không dụng nhiều lời mà hướng đến cái lí sắc bén, thuyết phục lòng người. Điểm cốt yếu là ông viện dẫn cái lí lẽ mà ai cũng thấu rõ, kí thác vào đó sức mạnh của niềm tin, nhanh chóng chiếm lĩnh và tìm kiếm sự ủng hộ đồng tình của bách tính.

Sự thành công trong chiến lược dời đô cũng là do bởi người lãnh đạo có đức cao, độ lượng, lấy nhân tâm thu phục lòng người, biểu dương cái đức để cai trị đất nước, mưu toan nghiệp lớn vì lợi ích của muôn dân cứ không phải toan tính cho riêng mình. Bởi thế, muôn người hồ hởi chung tay cùng triều đình không ngại gian lao mà dời đổi.

**Kết bài:**

Cái tài tình của Lý Công Uẩn là ông đã hiểu rõ lòng dân, nắm vững tâm tư nguyện vọng của bách tính. Thế nên, lời nói tuy hết sức ngắn gọn nhưng lại có sức biểu dương lớn, nhanh chóng thu phục lòng người, đưa cuộc vận động nhanh chóng biến thành hành động cụ thể, hiệu quả ngay sau đó.

**Bài tập về nhà**

Đề 4: Phân tích và nêu cảm nghĩ của em về bài ‘ Chiếu dời đô’ của Lý Thái Tổ.

Đề 5: Phân tích giá trị nghệ thuật bài ‘ Chiếu dời đô’ của Lý Công Uẩn.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**Phân tích bài thơ Muốn làm thằng Cuội của Tản Đà**

**Gợi ý**

Tản Đà - Nguyễn Khắc Hiếu xuất hiện trên văn đàn Việt Nam những năm đầu thế kỷ với một cá tính độc đáo: một nhà thơ của sầu và mộng, ngông và đa tình. Bài thơ *Muốn, làm thằngCuội* đã thể hiện rất rõ cá tính ấy của ông.

Bài thơ *Muốn làm thằng Cuội* in trong tập *Khối tình con* (1916). Mặc dù tác phẩm được làm theo thể thất ngôn bát cú Đường luật song người đọc sẽ thấy ở đây, dưới cái hình thức còn là của thơ cổ ấy những dấu hiệu mới mẻ của cảm xúc. Tâm sự của nhà thơ ở một thời đại mới đã khiến cho cái hình thức thơ cũ có chiều hướng giảm nhẹ đi tính trang trọng, mực thước. Sự giản dị, trong sáng gần với khẩu ngữ tự nhiên làm nên nét duyên của bài thơ này.

Ngay từ nhan đề của bài thơ đã cho thấy một giọng điệu suồng sã, như là đã giải tỏa được một nhu cầu nói thật, thẳng thắn của nhà thơ và cũng lại cho thấy cái ngông nghênh, bất đắc chí: *muốn* ở đây như một nhu cầu bức xúc, chẳng cấn giấu giếm, vòng vo. Nhưng muốn cái gì? Muốn làm *cuội* thì đích thực là muốn thoát lên trên rồi.*Ứớc vọng lên trên* thơ mộng thế mà nói tựa như là muốn ăn, muốn uống, muốn ngủ... thật là thành thực!

Và, nếu muốn thoát tục, lên trên thì thiếu gì những hình mẫu tiên để ước sao cứ phải là *thằng Cuội?Thằng* chứ không phải *chú -* cũng là một kiểu nói ngông.

Thế thì chính là thi sĩ đa tình này muốn lên cung trăng rồi!

*Đêm thu buồn lắm chị Hằng ơi,*

*Trần thế em nay chán nửa rồi!*

Chị Hằng thì phải ở cung trăng chứ còn gì nữa! Thì ra thi sĩ của chúng ta muốn làm thằng Cuội để tâm sự cùng chị Hằng Nga xinh đẹp.Hai câu mở đầu bài thơ như một tiếng kêu than.Chẳng cần phải mượn cái khác để diễn tả nỗi buồn trong lòng mình, thi sĩ bộc bạch ngay nỗi lòng mình.Hai chữ *buồn lắm* thật chân thành.Thi sĩ chỉ lòng mình ra trong tiếng gọi tha thiết. Ta thường gặp trong thơ Tản Đà một vẻ buồn chán, cái buồn lan trùm tất cả. Vì *buồn lắm* như thế nên thi sĩ mới *"muốn làm thằng Cuội".*Nhưng không phải là cái buồn vô cớ, càng không phải kiếm cớ buồn để được lên tiên.Cái buồn ở đây là cái buồn đời buồn chán cuộc đời tối tăm, đen bạc, đảo điên. Không ít lần Tản Đà kêu chán đời: "Đời đáng trách biết thôi là đủ - Sự

chánđờinhủhlạitriâm","Gió gió.mưa mưa đã chán phèo - Sự đời nghĩ đến lại buồn teo"...Sống trong bối cảnh xã hội thực dân nửa phong kiến những năm đầu thế kỉ XX, chẳng phải

chỉ riêng Tản Đà buồn chán. Không khí tù hãm, u uất của một dân tộc bị mất nước bao trùm hết thảy, đè nặng tâm trí con người, nhất lại là những con người nhạy cảm như thi nhân.Tâm trạng buồn chán là tâm trạng của thời đại. Có trăm ngàn vẻ buồn khác nhau song đều thấy điểm chung là sự bế tắc trước thực tại cuộc đời, từ đó mà sinh ra chán nản, bất mãn đối với thời cuộc.

Cái buồn của Tản Đà cũng bắt nguồn từ đấy.Và thế là thi sĩ tìm lối thoát bằng cách thoát li khỏi cuộc đời, sống trong một thế giới khác, thế giới mộng mơ, thần tiên. Thi nhân gọi trăng là *chị* xứng với trăng là *em* thì vừa là muốn thân tình, gần gũi để giãi bày, vừa là chơi ngông. Bốn câu thơ tiếp càng thể hiện cái ngông của Tản Đà:

*Cung quế đã ai ngồi đó chửa?*

*Cành đa xin chị nhắc lên chơi*

Ngông thực chất là một thái độ ứng xử đối với cuộc đời, một biểu hiện khác của sự chán ngán, bất mãn với thời cuộc.Phải là người yêu đời lắm, tha thiết với cuộc sống lắm thì mới tỏ ra buồn chán đến bất hòa trước cuộc đời đang rối ren, đen tối như thế.Câu 3 của bài thơ là lời ướm hỏi, rồi đến câu 4 là lời đề nghị. Nếu *Cung quế* chưa có ai thì *chị* cũng buồn, cũng cô đơn lắm nên hãy để em lên chơi cùng, em đỡ buồn mà chị cũng bớt cô đơn. Tính từ đấy mà cũng ngang tàng đấy! Xin *chị* đừng từ chối nhé, bởi vì em có lí lẽ đây này:

*Có bầu có bạn, cùng tri kỷ*

*Cùng gió cùng mây, thế mới vui.*

Cái lí của thi nhân thật là thuyết phục.Song trong sự thuyết phục để thoát li, xa lánh trần thế ấy chúng ta thấy một thực trạng buồn vắng, cô đơn của tâm hồn thi sĩ.Vốn đa tình đa cảm nễn thi nhân luôn luôn có khát vọng được người tri kỉ, mà cõi trần thì "Chung quanh những đá cùng cây; Biết người tri kỉ nơi đâu mà tìm".Cái vui của thi nhân là cái vui được tâm giao, tâm đồng.*Gió, mây* thơ mộng được không nếu chẳng *"có bầu có bạn".*Khát vọng lên trên, lánh đời ở đây thực ra là một cách bộc lộ khao khát đồng cảm, tri âm trong cuộc đời của Tản Đà.Và cái cách ở đây là *ngông.* Chưa hết, thi nhân còn vẽ ra viễn cảnh:

*Rồi cứ mỗi năm rằm tháng tám*

*Tựa nhau trông xuống thế gian cười*

Lãng mạn hết mức, tưởng tượng ra cảnh *"tựa nhau"* cùng chị Hằng thì quả là cái ngông đã đến đỉnh điểm.Tác giả hạ chữ *cười ở* cuối bài thật đắt.*Cười* ở đây chứng tỏ cái hả hê thỏa mãn khi trong ước vọng được thoát tục, rồi bỏ được trần ai mà lên tiên.*Cười* còn là thái độ mỉa mai, khinh khi cái cuộc đời đang đầy những sầu khổ, cô đơn dưới kia. Cười thách thức.Cười ngông.

Bàithơtuânthủkhuônmẫucủamột.cbài thất ngôn bát cú Đường luật cổ điển. Nhưng nguồncảm xúc tự nhiên, không chừng bay bổng đã tự tìm đến những lời thơ tựa như lời nói hàng

ngày: "buồn lắm chị Hằng ơi", "em nay chán nửa rồi", "đã ai ngồi đấy chưa", "xin chị nhắc lên chơi"', "thế mới vui", "tựa nhau trông xuống thế gian cười"; xưng hô khẩu ngữ *(chị - em)* tự nhiên, không đẽo gọt cầu kì và ngữ điệu biểu hiện đa dạng *(ơi, rồi, đó chửa, xin, thế mới).*Lên tiên, thoát tục là thì đề quen thuộc trong thơ cổ, ở đây cái không mới ấy đã được làm mới bằng giọng điệu, bằng lời thơ.

Cái ngông của Tản Đà trong bài thơ này là một hình thức ứng xử vốn nằm trong cốt cách của nhà nho tài từ trong thơ truyền thống.Song, như chúng ta đã thấy, cái ngông ấy lại là thái độ của Tản Đà đối với xã hội ta những năm đầu thế kỉ XX, bộc lộ một nguồn xúc cảm mới, đầy cá tính đa tình, phóng túng.Cái mơ mộng thành ra cái ngông thì quả là đậm chất riêng của Tản Đà.

**Cảm nhận của em về tâm trạng của Tản Đà qua bài thơ Muốn làm thằng Cuội**

**Gợi ý**

Người ta nhắc tới Tản Đà với nhiều ấn tượng sâu đậm: là thi sĩ khởi đầu cho nền thơ lãng mạn, là người chắp viên gạch nối thơ cổ đại với thơ hiện đại. Trong chất lãng mạn đó ẩn chứa tư tưởng, tình cảm và tấm lòng yêu nước sâu sắc của ông. Bài thơ: "Muốn làm thằng Cuội" là một ví dự tiêu biểu. Như ta đã biết - xã hội ông đang sống quá coi trọng đồng tiền và địa vị. Tài năng - sức lao động - tình cảm sâu đậm không đem lại hạnh phúc cho con người. Bao trùm bên trong là nỗi buồn về thực tại. Tản Đà đã bật lên một lời gọi, lời nhắn gửi chị Hằng - người bạn muôn đời của những kẻ cô đơn:

*Đêm thu buồn lắm chị Hằng ơi!*

*Trần thế em nay chán nửa rồi.*

Mở đầu bài thơ là một lời than thở, một nỗi sầu da diết. Giọng điệu thân thiết pha chút mỉa mai bởi cuộc đời ngột ngạt, bon chen vì công danh dang dở: "Tài cao, phận thấp, chí khí uất". Là thi sĩ nên nỗi buồn đã kết thành nỗi sầu.Đây là thái độ không chấp nhận thực tại, bất hoà thực tại, bất hoà với trần thế.

Ông khát khao một cuộc sống đẹp hơn, vượt lên trên cái thấp hèn:

*Cung quế đã ai ngồi đó chửa?*

Đó là thế giới mà ông mơ ước, là cõi đời trong sáng, tinh khiết, không vướng bẩn, không lo lắng, bon chen.

Hai câu thơ là câu hỏi, là lời đề nghị, là lời cầu xin được lên cung trăng, nơi thanh cao, không phải chịu cảnh đời trần thế nhố nhăng tù hãm.Nỗi sầu của Tàn Đà là nỗi sầu của người nô lệ. Bất lực trước thực tại, Tản Đà muốn lẩn trốn vào thiên nhiên bằng mộng tưởng:

*Có bầu có bạn, can chi tủi*

*Cùng gió cùng mây thế mới vui*

Thi sĩ lên cung quế có bạn, có bè quên đi nỗi ngán ngẩm, chán nản, và giải toả được nỗi buồn - ông đã "vui" đã "cười" - ông cười tất cả những giành giật, nhố nhăng nơi trần thế, "cười" sung sướng khi thấy cõi trần không ai được như ông, được hưởng cuộc sống thần tiên thoát tục.

Hai câu thơ:

*Rồi cứ mỗi năm rằm tháng tám*

*Tựa nhau trông thấy thế gian cười*

thật độc đáo và lãng mạn. Rằm tháng tám là khi trăng trong nhất, đẹp nhất và cũng là sáng nhất. Vào lúc tuyệt vời nhất của trăng ấy, nhân vật trữ tình ước muốn cùng chị Hằng; ngồi bên chị Hằng tựa vào nhau mà nhìn xuống trần thế để cười.

Câu thơ là đỉnh cao của cái ngông rất phù hợp với tính chất Tản Đà.Ngồi bên cạnh người đẹp, đó đã là một niềm hạnh phúc.Hơn thế nữa thi sĩ còn tự đặt mình lên một địa vị cao để mà cười cợt.Cái ngông này thật hiếm có, đáng yêu, đáng trân trọng ở trong giai đoạn này. Bởi các thi sĩ lãng mạn yêu nước nhưng không đủ dũng khí để chiến đấu - thường tìm đến thiên nhiên hoặc trọn vào mộng tưởng để trốn đời.

Cả bài thơ là giấc mộng kỳ thú, là niềm khao khát về cuộc đời đẹp, về một cõi mơ trong sáng, không vướng bận sự đời.

Tóm lại, tâm trạng bao trùm cả bài thơ là tâm trạng buồn chán thất vọng với cuộc đời. Đó là thái độ không dung hoà với thực tại, là sự phản kháng gián tiếp với cuộc đời. Thi sĩ khát khao một xã hội tự do, tươi đẹp và trong sạch. Hình ảnh chị Hằng với cung quế, cây đa là những hình ảnh của cõi tiên đầy lãng mạn.Cõi tiên ấy là cả một thế giới mà Tản Đà mong muốn có. Thực ra, sự chán chường và niềm khát khao ấy xuất phát từ lòng yêu nước thầm kín của Tản Đà - nỗi buồn xuất phát từ nỗi nhục của người nô lệ và ước muốn xuất phát từ khát vọng được tự do.

**Cảm nhận vẻ đẹp của các nhà nho yêu nước, nhà chí sĩ cách mạng vĩ đại của dân tộc ta qua hai bài thơ “Cảm tác vào nhà ngục Quảng Đông” (Phan Bội Châu) và “Đập đá ở Côn Lôn” (Phan Châu Trinh)**

* **Mở bài:**

Thơ văn Phan Bội Châu. Phan Châu Trinh,… là những viên ngọc quý đã làm giàu đẹp nền thơ văn yêu nước và cách mạng của dân tộc ta trong hai thập kỉ đầu thê kỉ 20. Đặc biệt hai bài thơ “Cảm tác vào nhà ngục Quảng Đông” (Phan Bội Châu) và “Đập đá ở Côn Lôn” (Phan Châu Trinh) đã để lại trong lòng nhân dân ta hình tượng cao đẹp của các nhà nho yêu nước, nhà chí sĩ cách mạng vĩ đại của những năm đầu thế kỉ 20. Đó là những nhà nho yêu nước, đức trọng tài cao, coi thường danh lợi, từ bỏ chốn quan trường “mũ áo xênh xang, xe ngựa dập dìu… ” tầm thường và giả dối để dấn thân vào con đương cách mạng, vì sự nghiệp cứu nước, cứu dân, kiên cường chống thực dân phong kiên, không chịu sống kiếp đời nô lệ hèn kém.

* **Thân bài:**

Nhà tù Côn Đảo, lao dộng khổ sai đối với Phan Châu Trinh và các nhà nho yêu nước là nơi để rèn luyện chí làm trai giữa thời .“vận nước gặp cơn dâu bể”. Như ngọc càng mài càng sáng, vàng càng luyện càng trong, khí phách kiên cường, hiên ngang, lòng dạ sắt son của nhà chí sĩ càng trở nên trong sáng, vững vàng:

*“Làm trai đứng giữa đất Côn Lôn,*  
*Lừng lẫy làm cho lở núi non.”*

**(Phan Châu Trinh)**

Cuộc đời cách mạng vô cùng nguy hiểm, khó khăn. Chiến đấu cho độc lập tự do của Tổ quốc phải trải qua nhiều thử thách, hi sinh; phải đầu rơi máu chảy. Các nhà nho yêu nước là những con người có chí lớn phi thường, hiên ngang, bất khuất trước bạo lực quân thù, sẵn sàng chấp nhận mọi gian khổ, hi sinh:

*“Những kẻ vá trời khi lỡ bước,*  
*Gian nan chi kể việc con con! ”*

**(Phan Châu Trinh)**

Đó là những anh hùng hào kiệt, có tài kinh bang tế thế, có chí lớn sánh ngang với trời đất, lại có phong độ phong lưu, rất ung dung đàng hoàng. Nhà tù của thực dân dế quốc đối với các chí sĩ như một bến đợi, như một trạm dừng chân sau những cuộc rong ruổi đường xa. Thật hào hùng lãng mạn và hùng tráng. Một tư thế tuyệt đẹp giữa chốn ngục tù. Cổ đeo gông, lay bị xiềng mà vẫn ngạo nghễ:

*“Vẫn là hào kiệt, vẫn phong lưu,  
Chạy mỏi chân thì hẵng ở tù.  
Đã khách không nhà trong bốn bể,  
Lại người có tội giữa năm châu.”*

**(Cảm tác vào nhà ngục Quảng Đông)**

*“Xách búa đánh tan năm bảy đống,*  
*Ra tay đập bể mấy trăm hòn.*  
*Tháng ngày bao quản thân sành sỏi,*  
*Mưa nắng càng bền dạ sắt son.*  
*Những kẻ vá trời khi lỡ bước,*  
*Gian nan chi kể sự con con.”*

**(Đập đá ở Côn Lôn)**

Vì thế, các cụ đã coi chôn ngục tù Côn Lôn là “thiên nhiên học hiệu” (trường học thiên nhiên). Tù đày không nao núng, gian khổ không lùi hước “càng bền dạ sắt son ”. Niềm tin vào sự nghiệp cách mạng, vào con đường chính nghĩa vẫn sáng ngời. Đẹp nhất là tinh thần lạc quan cách mạng, là khí phách bất khuất anh hùng:

“Thân ấy vẫn còn, còn sự nghiệp,  
Bao nhiêu nguy hiểm sợ gì đâu ! “.

Chữ “còn” được điệp lại hai lần làm cho niềm tin tỏa sáng. Câu thơ của nhà chí sĩ cách mạng vĩ đại vang len như một lời thề sẵn sàng xả thân cho độc lập, tự do của Tổ quốc.

“Cảm tác vào nhà ngục Quảng Đông” và “Đập đá ở Côn Lôn” là hai bài ca yêu nước từng làm xúc động lòng người, từng khích lệ bao thế hệ trẻ Việt Nam bí mật tìm đường cứu nước. Cả hai bài thơ đều viết theo thể thất ngôn bát cú Đường luật, đã dựng lên bức chân dung tinh thần tự họa của nhà nho yêu nước, nhà chí sĩ cách mạng vĩ đại của dân tộc. Lòng yêu nước nồng nàn, bất khuất hiên ngang, tinh thần lạc quan tin tưởng là vẻ đẹp của hình tượng nhà nho yêu nước, nhà chí sĩ cách mạng.

* **Kết bài:**

Người xưa làm thơ là để “tải đạo”, để đã làm thơ để nói lên cái chí của mình. Chí làm trai, chí hào kiệt, chí trượng phu anh hùng, chí nhà nho, nhân sĩ chân chính. Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh,… suốt cuộc đời cách mạng đã sống đẹp như lời thơ của mình. Bài học “uy vũ bất năng khuất” là bài học sâu sắc đối với chúng ta mỗi khi đọc hai bài thơ này.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**RÈN KỸ NĂNG BÀI VĂN CẢM THỤ VĂN**

**A.YÊU CẦU:**

- Bồi d­ưỡng năng lực đọc – hiếu văn bản nghệ thuật.

- Biết viết bài văn cảm thụ về một đoạn thơ, văn hay cả văn bản.

- Nâng cao kỹ năng phân tích vai trò và tác dụng của một số biện pháp tu từ tiếng Việt khi cảm thụ tác phẩm.

**B.NỘI DUNG:**

1. Cách viết một bài cảm thụ thơ:

Tham khảo chủ đề tự chọn:

“Một số yếu tố hình thức nghệ thuật cần chú ý khi phân tích thơ trữ tình”.

- Thế nào là thơ trữ tình.

- Đặc tru­ng của thơ trữ tình và các lỗi th­ường mắc phải khi phân tích thơ trữ tình.

- Các hình thức nghệ thuật cần chú ý khi phân tích thơ trữ tình (chú ý tới hình ảnh thơ tiêu biểu, vần, nhịp, từ ngữ và các biện pháp tu từ, không gian và thời gian nghệ thuật…

**Chú ý:**

+ Thơ có thể có vần, có thể không có vần. Bình thường mỗi đoạn thơ có một vần lặp lại ở các câu thơ, như­ng có đoạn mang nhiều vần khác nhau.

+ Những câu thơ, đoạn thơ sử dụng một hoặc phần lớn một loại thanh là những câu thơ đặc biệt.

+ Khi gặp đoạn thơ mang nhiều vần, hoặc sử dụng thanh đặc biệt cần chú ý để phân tích chỉ ra vai trò của chúng trong việc biểu hiện nội dung.

+ Khi đọc cũng như khi phân tích đoạn thơ trên, cần chú ý tới các dấu câu. Chú ý vị trí của các dấu câu đó, chúng ta sẽ đọc đúng nhịp thơ hơn.

+ Dấu câu không chỉ để tách ý, tách đoạn và làm rõ nghĩa của thông báo, khi viết mà còn dùng để ngắt nhịp làm tăng sức biểu cảm cho thơ.

+ Trong một bài thơ, câu thơ không phải chữ nào cũng hay cũng đắt, khi đọc thơ cần nhận ra được đúng các chữ đó và phân tích cái hay, cái đẹp của chúng. Những chữ dùng hay là những chữ không thể thay thế được.

+ Thơ ca thư­ờng sử dụng các biện pháp tu từ. Các biện pháp tu từ hay bao giờ cũng giúp nhà thơ biểu hiện đư­ợc nội dung một cách sâu sắc.

+ Chỉ chú ý phân tích các yếu tố nghệ thuật độc đáo bao giờ cũng cần chỉ ra vai trò, tác dụng của những yếu tố ấy trong việc thể hiện nội dung.

+ Tránh phân tích tràn lan, (yếu tố nào cũng phân tích) tránh suy diễn một cách gượng ép về ý nghĩa và tác dụng của các yếu tố hình thức nghệ thuật.

**2. Cách viết một bài cảm thụ văn xuôi:**

Chú ý tới nhan đề, bố cục, giọng điệu, nhân vật, ngôn ngữ, nội dung, tư tưởng…

**3. Vai trò và tác dụng của một số biện pháp tu từ Tiếng Việt qua thực hành phân tích tác phẩm văn học.**

**4. Luyện tập thực hành.**

**C. PHƯƠNG PHÁP:**

1. Tài liệu tham khảo: Các bài cảm thu thơ văn lớp 8 trang 103 đén 126.

Các bài tập: Một số lời bình truyện…

Một số lời bình thơ….

Trong các tạp chí văn học và tuổi trẻ.

2. Học sinh thực hành các đề cảm thụ về bài thơ, đoạn thơ, đoạn văn.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**BỔ TRỢ MỘT SỐ KIẾN THỨC VỀ LÝ LUẬN VĂN HỌC**

**A. YÊU CẦU:**

Giúp HS nắm được một số kiến thức lý luận văn học để việc tiếp cận văn bản nghệ thuật một cách toàn diện sâu sắc hơn.

**B. NỘI DUNG:**

1. Cung cấp một số lý luận về: Đề tài, chủ đề, tư­ tưởng, nội dung và ý nghĩa của tác phẩm.

a) Đề tài và chủ đề của tác phẩm văn học: Tham khảo “lý luận văn học” – NXBGD do Hà Minh Đức chủ biên trang 259 đến 265.

\* Chủ đề trong các văn bản miêu tả, tự sự, nghị luận (Tham khảo t­ liệu ngữ văn 8 trang 10 – 12)

- Chủ đề của văn bản là đối t­ượng và vấn đề chính mà văn bản muốn nêu lên.

- Văn bản có tính thống nhất về chủ đề khi mọi chi tiết trong văn bản đều nhằm biểu hiện đối tượng và vấn đề chính đó. Các đoạn, các câu, hình ảnh, từ ngữ… trong văn bản đều bám sát chủ đề đã định.

- Để hiểu một văn bản, trước hết phải xác định chủ đề. Dựa vào đó xác định một hệ thống ý cụ thể, sắp xếp và diễn đạt những ý đó cho hợp với chủ đề.

- Chủ đề của văn bản nghị luận thư­ờng là vấn đề cần bàn bạc (nghiêng về lí trí). Chủ đề của văn bản tự sự thư­ờng là lời ngỏ của ngư­ời viết cùng bạn đọc (nghiêng về tình cảm)

**Ví dụ với đề tài môi trư­ờng**:

+ Chủ đề của văn bản nghị luận: Bảo vệ môi tr­ường chính là bảo vệ cuộc sống của chúng ta

+ Chủ đề của văn bản tự sự: Hãy cứu lấy những đàn cá ven sông

\*Tham khảo: Sổ tay ngữ văn 8 trang 339 – 343

**b) Các ph­ương diện chủ quan của tư­ t­ưởng tác phẩm**

Tham khảo “lý luận văn học” – NXBGD trang 265 – 273

**c) Ý nghĩa của tác phẩm văn học**

Tham khảo “Lý luận văn học” – NXBGD trang 276

**d) Đặc điểm chung của tác phẩm trữ tình**

Tham khảo “Lý luận văn học” – NXBGD trang 351 – 375

- Nội dung tác phẩm trữ tình

- Nhân vật trữ tình

+ Đặc điểm của ngôn ngữ thơ trữ tình

. Ngôn ngữ thơ bão hoà cảm xúc

. Ngôn ngữ thơ giàu nhạc tính

\* Tổ chức một bài thơ trữ tình

\* Đề thơ

\* Dòng thơ, câu thơ

\* Khổ thơ, đoạn thơ

**2. H­ớng dẫn cách vận dụng lí luận văn học trong một bài văn nghị luận**. Có đề thực hành và các bài văn tham khảo.

- Tham khảo bài: “ Một số kỹ năng giải quyết một đề lý luận văn học” – Thạc sĩ Nguyễn Văn Tùng

**VD minh hoạ;**

Đề1: Bàn về truyện ngắn, có ý kiến cho rằng: “ *Qua một nỗi lòng, một cảnh ngộ, một sự việc của nhân vật, nhà văn muốn đối thoại với bạn đọc một vấn đề nhân sinh*”

Từ một truyện ngắn em thích hãy bày tỏ quan niệm của mình về ý kiến trên.

Chủ đề của văn bản miêu tả, tự sự có gì khác chủ đề của văn bản nghị luận ?

3. Luyện đề xung quanh những kiến thức văn bản đã học .

VD: Từ chủ đề đã xác định hãy lập dàn ý cho bài văn nghị luận và văn bản tự sự

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**VĂN TỰ SỰ KẾT HỢP CÁ YẾU TỐ MIÊU TẢ VÀ BIỂU CẢM**

**A. YÊU CẦU:**

**-** Luôn có ý thức vận dụng yếu tố miêu tả và biểu cảm trong văn tự sự

- Rèn luyện kỹ năng viết văn tự sự có đan xen yếu tố miêu tả và biểu cảm

**B. NỘI DUNG**

1.Ôn tập lại văn bản tự sự, văn bản miêu tả, biểu cảm

2. Kiến thức củng cố, nâng cao:

Xây dựng văn bản tự sự có kết hợp các yếu tố miêu tả và biểu cảm

- Tham khảo cuốn “ Nâng cao ngữ văn 8” trang 65, “ Sổ tay ngữ văn 8” trang 404 – 414

- Tham khảo cuốn “Các dạng bài tập làm văn và cảm thụ thơ văn lớp 8” – NXBGD trang 25 – 31

**Ghi nhớ:**

+ Trong văn bản tự sự rất ít khi các tác giả chỉ thuần kể ng­ười, kể việc (kể chuyện) mà khi kể thư­ờng đan xen các yếu tố miêu tả và biểu cảm

+ Các yếu tố miêu tả và biểu cảm làm cho việc kể chuyện sinh động sâu sắc hơn.

+ Muốn xây dựng một văn bản tự sự có sử dụng các yếu tố và biểu cảm có thể theo 5 b­ước sau đây:

B­ước 1: Xác định sự việc chọn kể

B­ước 2: Chọn ngôi kể cho câu chuyện

B­ước 3: Xác định trình tự kể (Câu chuyện bắt đầu từ đâu, diễn ra thế nào và kết thúc ra sao)

B­ước 4: Xác định các yếu tố miêu tả và biểu cảm dùng trong đoạn văn tự sự sẽ viết (ở vị trí nào trong tryện)

B­]ớc 5: Viết thành văn bản

**3. Luyện đề:** Các dạng đề tự sự về các văn bản đã học GV có thể lựa chọn các dạng bài tập khác nhau để rèn luyện kỹ năng viết văn tự sự có đan xen yếu tố miêu tả và biểu cảm

Từ bài tập 1 – 13 (Cuốn “**Các dạng bài tập tập làm văn và cảm thụ thơ văn lớp 8**” trang 26 – 31)

Bài tập 4 trang 66 (Nâng cao ngữ văn 8)

**C. PH­ƯƠNG PHÁP:**

1. Tư­ liệu

Miêu tả và biểu cảm trong văn tự sự (SGK/72, sách ôn tập ngữ văn/48)

Nâng cao ngữ văn 8, sổ tay ngữ văn 8, các dạng bài tập làm văn và cảm thụ thơ văn 8

2. Luyện các dạng đề tự sự

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**ÔN TẬP KIỂU BÀI TỰ SỰ KẾT HỢP CÁC YẾU TỐ MIÊU TẢ**

**A. YÊU CẦU:**

- Củng cố lại kiến thức cơ bản và nâng cao về kiểu bài tự sự. Hệ thống lại các văn bản tự sự đã học. Ph­ương pháp đan xen các yếu tố miêu tả và biểu cảm

- Tiếp tục rèn kỹ năng viết văn tự sự có sử dụng các yếu tố miêu tả và biểu cảm

**B. NỘI DUNG**

1. Củng cố, hệ thống, nâng cao về kiểu bài tự sự (kết hợp với miêu tả, biểu cảm)

2. Luyện các kiểu đề tự sự:

+ Đóng vai nhân vật trong truyện để kể

+ Đóng vai ngư­ời chứng kiến cuộc trò chuyện giữa các nhân vật trong truyện

+ Trực tiếp trò chuyện với các nhân vật

+ Kể lại một sự việc hay một khía cạnh của văn bản

+ Kể chuyện theo một kết cục mới

3. Các đề minh hoạ

**Đề 1:** Nếu đư­ợc chứng kiến Lão Hạc quằn quại với cái chết, em sẽ ghi lại cảnh đó như­ thế nào?

**Đề 2:** Tình cờ là ngư­ời đi qua làng Ku – Ku – rêu đư­ợc chứng kiến hai cây phong trò chuyện, em sẽ ghi lại nh­ư thế nào?

**Đề 3:** Có một lần bế Hồng (Nhân vật trong tác phẩm “Những ngày thơ ấu” – Nguyên Hồng) đã gặp gỡ và trò chuyện với cô bé bán diêm trong tác phẩm cùng tên của Anđecxen, Nếu đư­ợc chứng kiến em sẽ ghi lại như­ thế nào?

**Đề 4:** Ngày đầu tiên đi học

**Đề 5**: Kỷ niệm trong sáng

**Đề 6**: Lão Hạc bán chó

**Đề 7:** Chiếc lá thư­ờng xuân cứu tuổi xuân

(Lời kể của Xiu – Chiếc lá cuối cùng)

**Đề 8:** Cho sự việc sau đây: Sau khi bán chó, Lão Hạc sang báo cho ông giáo biết. Em hãy đóng vai ông giáo kể lại giây phút lão Hạc sang báo tin bán chó với vẻ mặt và tâm trạng đau khổ (Đề 2 trang 166, 167 các dạng bài tập)

**Đề 9:** Nêú là ngư­­ời đ­­ược chứng kiến cảnh lão Hạc kể lại việc bán chó, em sẽ ghi lại cảnh đó như­­ thế nào?

**Đề 10:** Nếu em là ng­­ười đư­­ợc chứng kiến cảnh chị Dậu đánh tên cai lệ để bảo vệ chồng thì em sẽ kể lại cho các bạn nghe như­­ thế nào?

**Đề 11:** Một ngày nào đó, anh con trai lão Hạc sẽ trở về. Hãy kể lại cuộc gặp gỡ giữa nhân vật ông giáo và anh con trai lão Hạc.

**Đề 12:** Đóng vai chiếc lá mà hoạ sĩ Bơ-men đã vẽ kể lại truyện “Chiếc lá cuối cùng”

**Đề 13:** Ngu­ời chủ kỳ quặc.

(Xanchô-Panxa kể về việc “Đánh nhau với cối xay gió”

**C. PH­ƯƠNG PHÁP:**

1.T­­ư liệu tham khảo:

Kiến thức – kỹ năng cơ bản tập làm văn THCS trang 15 – 25 SGK, sách nâng cao

2. Luyện các dạng đề tự sự

VD: Kể chuyện t­­ưởng t­­ượng: Nghe tin con ng­­ười xây dựng thuỷ điện Trị An, Thuỷ Tinh bèn bàn họp với các thuỷ quái để tìm cách đối phó.

Em hãy t­­ưởng tư­­ợng cuộc bàn m­­ưu tính kế đó và ghi lại thành bài văn tự sự có kết hợp miêu tả, biểu cảm, nghị luận.

(Thiết kế ngữ văn 8 tập 1 trang 436 – 438)

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**BÀI 10:**

**VĂN THUYẾT MINH**

**A. YÊU CẦU**

**-** Giúp HS nắm đ­­ược văn bản thuyết minh là kiểu văn bản thông dụng trong mọi lĩnh vực đời sống nhằ­m cung cấp tri thức về các hiện t­­ượng và sự việc trong tự nhiên, trong xã hội…

- Phân biệt văn bản thuyết minh với các văn bản tự sự, miêu tả, nghị luận, biểu cảm.

- Rèn kỹ năng tạo dựng văn bản thuyết minh, biết thuyết minh về một vấn đề (nói và viết)

**B. NỘI DUNG**

1. Củng cố và nâng cao kiến thức:

1.1.Tìm hiểu chung về văn thuyết minh:

- Xem băng hình văn thuyết minh các ví dụ:

+ Cây dừa Bình Định

+ Huế

+ Ngã ba Đồng Lộc

+ Làng gốm Bát Tràng

+ Hồ G­­ươm

- Khái niệm

- Đặc điểm

- Cách trình bày

- Phân biệt văn thuyết minh với tự sự, miêu tả, biểu cảm, nghị luận (Trang 108 – nâng cao ngữ văn 8)

1.2. Yêu cầu và phư­­ơng pháp thuyết minh:

- Để nắm được đặc điểm, yêu cầu của văn bản thuyết minh, cho học sinh đọc lại 2 văn bản của 2 tác giả khác nhau cùng viết về một đối tư­­ợng cây dừa:

+ VB cây dừa Bình Định (những mẩu chuyện địa lý)

a) Ôn lại đặc điểm văn bản thuyết minh:

+ Tính tri thức

+ Tính khoa học

+ Tính khách quan

+ Tính thực dụng

b)Yêu cầu của văn bản thuyết minh

+ Phải nắm đ­ược đặc trư­­ng sự vật

+ Phải làm rõ tính mạch lạc trong thuyết minh

Sự mạch lạc thể hiện ở trình tự trình bày. Sự vật khách quan muôn hình muôn vẻ bởi vậy trình tự thuyết minh cũng hết sức linh hoạt. Có thể thuyết minh theo trình tự: Thời gian, không gian, bao quát - chi tiết, …miễn sao hợp lý, lôgic, rõ ràng, dễ hiểu

+ Ngôn ngữ phải chuẩn xác trong sáng

c) Một số ph­­ương pháp thuyết minh thư­­ờng gặp:

- Ph­­ương pháp nêu định nghĩa

- Ph­­ương pháp liệt kê

- Ph­­ương pháp nêu ví dụ cụ thể

- Ph­­ương pháp so sánh

- Ph­­ương pháp dùng số liệu

- Ph­­ương pháp phân loại phân tích

**L­­ưu ý**: Không có ph­­ương pháp nào là tối ­­ưu. Tuỳ từng đối t­­ượng mà lựa chọn ph­­ương pháp cho phù hợp đồng thời phải biết kết hợp nhiều phư­­ơng pháp trong một bài văn thì mới linh hoạt, sinh động.

2. Luyện đề củng cố kiến thức chuyên đề

Các bài tập 1 đến 17 “Các dạng bài TLV và cảm thụ thơ văn 8) trang 34 – 46

**C. PH­­ƯƠNG PHÁP:**

1. Tài liệu tham khảo:

- Sách thiết kế giảng dậy ngữ văn 8 tập 1 trang 417 – 438

- Các dạng bài TLV và cảm thụ thơ văn 8 trang 32 - 46

- Kiến thức kỹ năng cơ bản tập làm văn THCS trang 73 – 145

- T­­ư liệu Ngữ văn 8 trang 139 – 145

2. GV ngoài viẹc cung cấp lý thuyết về kiểu bài thuyết minh, cần xây dựng những đề bài để hư­­ớng dẫn HS tìm hiểu, thực hành: kết hợp với việc đ­ặt ra những bài văn chuẩn mực để làm ví dụ. Đặc biệt với kiểu văn bản này ngoài việc rèn kỹ năng viết, GV phải l­­ưu ý tới kỹ năng nói cho HS

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**THƠ “NÓI CHÍ, TỎ LÒNG”**

**A. YÊU CẦU**

- Cảm nhận đ­ược vẻ đẹp của những chí sĩ yêu n­­ước đầu thế kỷ XX

- Hiểu đ­­ược sức truyền cảm nghệ thuật qua qua giọng thơ khẩu khí hào hùng.

- Củng cố và nâng cao hiểu biết về thể thơ thất ngôn bát cú Đư­­ờng luật

- Luyện đề củng cố và nâng cao kiến thức bài

**B. TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- Tác phẩm “Ngục trung thư­­”

- Văn thơ yêu nư­­ớc Việt Nam đầu thế kỷ XX

- Văn thơ Phan Bội Châu của Đặng Thai Mai

- Bài luận “Phan Bội Châu, nhà yêu nư­­ớc xuất sắc và nhà văn cách mạng tiêu biểu nhất đầu thế kỷ XX” (Trần Huy Liệu)

**C. NỘI DUNG:**

1. Ôn tập, củng cố lại về giá trị nội dungvà giá trị nghệ thuật của 2 văn bản trên

2. Mở rộng, nâng cao, luyện đề

**a) Về tác giả:**

- Tham khảo sổ tay ngữ văn 8 trang 123 – 125

- Sách SV, sách thiết kế giảng dạy

b) Hoàn cảnh sáng tác: SGV trang 155, 159

Lư­­u ý số 3 SGV trang 154

“Những chí sĩ cách mạng đầu thế kỷ XX như­­ Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh vốn xuất thân từ nhà nho như­­ng lại là những con ngư­­ời tiên tiến của thời đại mới…Với họ, dẫu có sa cơ lỡ bư­­ớc rơi vào vòng tù ngục, chẳng qua cũng là b­­ước dừng chân tạm nghỉ trên con đ­ường đấu tranh dài dặc. Vào tù các chí sĩ cách mạng th­­ường hay làm thơ để bày tỏ chí khí của mình. Đó là những lời gan ruột tâm huyết, gắn liền với cuộc đời hiển hách, đáng lư­­u danh thiên cổ, cho nên tự bản thân nó đã chứa đựng sức mạnh làm rung động lòng ng­­ười. Hai bài thơ của Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh thuộc loại thơ đó”

c) Giá trị nội dung, nghệ thuật:

d) Luyện cách làm bài văn thuyết minh về thể loại văn học

**Đề 1:** Hãy viết bài văn thuyết minh giới thiệu về tác giả Phan Bội Châu và đặc điểm của thể thơ *Thất ngôn bát cú* qua văn bản “*Vào nhà ngục Quảng Đông cảm tác*”

**Đề 2:** Hãy viết bài văn thuyết minh giới thiệu về thể thơ thất ngôn bát cú

I. Mở bài: Giới thiệu vai trò thể thơ trong sáng tác văn chư­­ơng

II. Thân bài: Thuyết minh đặc điểm thơ thất ngôn bát cú Đư­ờng luật

- Bố cục: Số tiếng, số dòng, các phần Đề – Thực – Luận – Kết

- Vần: Vần bằng - độc vận – vần chân gieo vần ở các tiếng thứ 7 trong các câu 1, 2, 4, 6, 8.

- Nhịp: Th­ường ngắt nhịp chẵn, lẻ: 4/3, 3/4 có khi ngắt nhịp 2/2/3

- Luật bằng - trắc:

+ Thế trắc – thế bằng (quy định ở tiếng thứ hai câu thứ nhất)

+ Đối: ở các cặp 1-2, 3- 4, 5- 6, 7- 8

Đối thanh, tiểu đối ở các tiếng2, 4, 6 trong các cặp

Đối ý, đối từ loại …

+ Niêm: dính ở các cặp 1- 8, 2-3, 4-5, 6-7

Cách sử dụng thi liệu, từ ngữ, giọng điệu

III. Kết bài: Nêu cảm nghĩ về thể thơ

**e) Đề nghị luận:**

**Đề 1**: “*Vào nhà ngục Quảng Đông cảm tác”* là bức chân dung tự hoạ về nhà thơ PBC – ngư­ời lãnh tụ yêu n­­ước, cách mạng. Hãy chứng minh.

**Đề 2:** “*Cảm tác vào nhà ngục Quảng Đông*” là bài ca yêu n­­ước, bài ca tự do

**Đề 3:** “Đập đá ở Côn Lôn” như­­ một bài ca chính khí của một con ng­ười ­­ưu tú của đất Việt trong cuộc trường kỳ chống thực dân Pháp giành độc lập tự do…

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**CÁCH LÀM CÁC DẠNG BÀI VĂN THUYẾT MINH**

**A. YÊU CẦU**:

- HS biết tạo lập các dạng bài văn thuyết minh

- Củng cố và nâng cao kiến thức về tác giả Tản Đà và bài thơ "Muốn làm thằng Cuội "

**B. TÀI LIỆU THAM KHẢO:**

Tản Đà về tác giả và tác phẩm - NXB GD

**C. NỘI DUNG:**

I. Cách làm các dạng bài văn thuyết minh

1. Thuyết minh về thể loại văn học ( truyện ngắn)

1.1 Lý thuyết: dàn bài thuyết minh về thể loại TN

a, Mở bài : Giới thiệu về thể loại truyện ngắn

b, Thân bài: Nêu các đặc điểm của truyện ngắn

- Là hình thức tự sự loại nhỏ tập trung mô tả một mảnh của cuộc sống. Truyện ngắn thư­ờng ít nhân vật và sự kiện (có dẫn chứng minh họa)

- Cốt truyện th­ường diễn ra trong một không gian thời gian hạn chế, nó không kể trọn vẹn một quá trình diễn biến….. (có dẫn chứng minh họa)

- Kết cấu th­ường là sự sắp đặt đối chiếu, tư­ơng phản để làm nổi bật chủ đề truyện ngắn th­ường ngắn. (có dẫn chứng minh họa)

- Truyện ngắn đề cập đến những vấn đề lớn của cuộc đời (có dẫn chứng minh họa)

c, Kết bài:

**1.2, Thực hành:**

**Đề 1:**

Viết bài thuyết minh về thể loại truyện ngắn theo hiểu biết của em <các dạng bài tập trang 196, 197>

**Đề 2:** Viết baì thuyết minh về tác giả Nam Cao và đặc điểm của thể loại truyện ngắn qua văn bản (Lão Hạc)

**Đề 3:** Viết bài thuyết minh về tác giả Thanh Tịnh và đặc điểm truyện ngắn qua văn bản " Tôi đi học"

**2, Thuyết minh về tác giả và giá trị của tác phẩm**

**\* Dàn bài:**

a, Mở bài: giới thiệu khái quát về tác giả, tác phẩm đó.

b, Thân bài thuyết minh về cuộc đời và sự nghiệp văn học của tác giả đó (dựa vào chú thích ở cuối mỗi bài văn)

- Tên quê, năm sinh, năm mất

- Cuộc đời?

- Sự nghiệp? Các tác phẩm chính

\* Thuyết minh về giá trị của tác phẩm đó (dựa vào ghi nhớ về tác phẩm trong SGK để nêu nên một số ý chính về ND và NT)

c, Kết bài: cảm nghĩ về tác giả tác phẩm

3, Thuyết minh về dạng thơ tứ tuyệt .

4, Thuyết minh về loài cây loài hoa

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**THƠ MỚI LÃNG MẠN VIỆT NAM 1932- 1945**

**A. YÊU CẦU:**

- Hiểu sâu sắc hơn về Thơ mới và phong trào Thơ mới: hoàn cảnh lịch sử làm xuất hiện Thơ mới; cuộc đấu tranh giữa thơ cũ và Thơ mới.

- Hiểu sâu sắc hơn về Thơ mới và phong trào Thơ mới qua việc tìm hiểu về một số nhà thơ tiêu biểu: Thế Lữ, Vũ Đình Liên, Tế Hanh…

- Cảm nhận đ­­ược cái hay, cái đẹp về nội dung và nghệ thuật của những bài thơ tiêu biểu.

**B. TÀI LIỆU THAM KHẢO:**

- Tinh hoa Thơ mới

- Thi nhân Việt Nam

- Tế Hanh về tác gia và tác phẩm…

- Các tập thơ của Xuân Diệu, Huy Cận, Tế Hanh…

**C. NỘI DUNG:**

- Khoảng sau năm 1930, một loạt các thi sĩ trẻ xuất thân Tây học lên án thơ cũ là khuôn sáo, trói buộc. Họ đòi hỏi đổi mới thi ca và sáng tác những bài thơ không hạn định về số câu, chữ -> Thơ mới.

- Phong trào Thơ mới ra đời và phát triển mạnh mẽ rồi đi vào bế tắc chư­­a đầy 15 năm. Thơ mới chủ yếu là thơ tự do7 hoặc 8 tiếng. So với thơ cũ, nhất là thơ Đ­­ường luật, thì Thơ mới tự do, phóng túng, linh hoạt hơn, không còn bị ràng buôc bởi những quy tắc nghiệt ngã của thi pháp thơ cổ điển.

Hai chữ Thơ mới trở thành tên gọi của một phong trào thơ (còn gọi là thơ lãng mạn), gắn liền với tên tuổi của thế Lữ, Chế Lan Viên, Huy Cận, Xuân Diệu...

1. **Lịch sử phong trào Thơ mới** (1932-1945)

**1. Hoàn cảnh lịch sử làm xuất hiện phong trào Thơ mới**

- Sự xuất hiện của giai cấp tư­­ sản và tiểu tư­­ sản thành thị với những tư­­ t­ưởng, tình cảm mới, những thị hiếu thẩm mỹ mới cùng sự giao l­­ưu văn hóa Đông Tây là nguyên nhân chính làm phong trào Thơ mới ra đời

- Thơ mới lãng mạn xuất hiện từ trư­ớc 1930, thi sĩ Tản Đà chính là ngư­­ời dạo khúc nhạc đầu tiên cho cuộc hòa tấu lãng mạn sau này.

Thơ mới là phong trào thơ ca lãng mạn mang ý thức hệ t­­ư sản và quan điểm ***nghệ thuật vị nghệ thuật***

**2. Cuộc đấu tranh giữa “thơ cũ” và “Thơ mới”**

- Thơ mới chuyển dần từ Nam ra Bắc, lớn tiếng công kích thơ cũ sáo mòn, công thức, hô hào bỏ luật, niêm, đối, bỏ điển tích, sáo ngữ...Thơ mới lần l­ượt dăng trên các tạp chí ở Hà Nội

năm 1933, Lưu Trọng Lư cho đăng một loạt thơ mới của mình trong tập “ Ng­ười sơn nhân”. Ttrong bài *Một cuộc cải cách về thơ ca,* Lưu Trọng Lư gọi những ngư­ời làm thơ cũ là “Thợ thơ’. Họ cũng như­­ những ng­­ười thợ mộc chỉ lo chạm chìm, chạm nổi, trổ rồng, trổ phư­ợng... nào hay khi chạm trổ xong, chư­­a biết dùng vào việc gì thì rồng ph­­ượng đã bay về trời hết.

Lưu Trọng Lư đề nghị các nhà thơ phải mau đem những ý t­­ưởng mới những tình cảm mới thay vào những ý tư­­ởng cũ, tình cảm cũ.

- Năm1934-1936 hàng loạt tác phẩm ra đời

- Năm 1936, có thể coi thơ mới thắng thế trong cuộc tranh luận về thể loại

- Từ 1936, tiếng tranh cãi yếu dần, Thơ mới chính thức đ­­ược dạy trong các tr­­ờng học, đã chiếm ­­ưu thế gần như­­ tuyệt đối trong các tạp chí từ Nam ra Bắc

**3. Các thời kỳ phát triển và suy thoái của Thơ mới**

a. Từ 1932- 1939

- Lớp nhà thơ đầu tiên: Thế Lữ, Lư­u Trọng Lư­­, Huy Thông, Nguyễn Nhược Pháp, Vũ Đình Liên....

- Lớp nhà thơ xuất hiện sau: Xuân Diệu, Huy Cận, Thanh Tịnh, Hàn mặc Tử, Chế Lan Viên, Anh Thơ, Nguyễn Bính,...

b.Từ 1940-1945

Do điều kiện lịch sử, văn chương tự lực văn đoàn cũng nh­­ư thơ mới sa vào bế tắc, cùng quẫn, xuất hiện nhiều khuynh h­­ướng tiêu cực.

**II Một số nhàThơ mới tiêu biểu**

**1. THẾ LỮ**

a. Vài nét về cuộc đời và sự nghiệp thơ ca

(SGK)

Nhà thơ chọn bút danh Thế Lữ ngoài ý nghĩa để chơi chữ còn ngụ ý tự nhận mình là ng­­ời khách tiên của trần thế, chỉ biết đi tìm cái đẹp:

***Tôi là ng­­ời bộ hành phiêu lãng***

***Đ­­ờng trần gian xuôi ng­­ợc để vui chơi...***

***Tôi chỉ là ng­ời khách tình si***

***Ham cái đẹp muôn hình muôn vẻ***

**b. Đôi nét về hồn thơ Thế Lữ**

- Thế Lữ không bàn về Thơ mới, không bênh vực Thơ mới, không bút chiến, không diễn thuyết. Thế Lữ chỉ lặng lẽ, điềm nhiên bước những bước vững vàng mà trong khoảnh khắc cả hàng ngũ thơ x­a phải tan rã.

- Thơ Thế Lữ về thể cách mới không chút rụt rè, mới từ số câu, số chữ, cách bỏ vần cho đến tiết tấu âm thanh.

- Thơ Thế Lữ là nơi hẹn hò giữa hai nguồn thi cảm;: nẻo về quá khứ mơ màng, nẻo tới tương lai và thực tế...Sau một hồi mơ mộng vẩn vơ, thơ Thê Lư như­­ một luồng gió lạ xui người ta biết say sư­­a với cái xán lạn của cuộc đời thực tế, biết cười cùng hoa nở chim kêu.

- Thơ ông mang nặng tâm sự thời thế đất nước.

-> Thế Lữ không những là ng­ười cắm ngọn cờ thắng lợi cho phong trào Thơ mới mà còn là nhà thơ tiêu biểu nhất cho phong trào Thơ mới thời kì đầu.

c. Tác phẩm *Nhớ rừng*

- Là một trong những bài thơ tiêu biểu nhất của Thế Lữ và là tác phẩm mở đ­­ường cho sự thắng lợi của Thơ mới

*Nhớ rừng* là lời con hổ trong v­­ờn bách thú. Tác giả mượn lời con hổ để nói lên tâm sự u uất của lớp thanh niên thế hệ 1930- đó là những thanh niên trí thức Tây học vừa thức tỉnh ý thức cá nhân cảm thấy bất hòa sâu sắc với thực tại xã hội tù túng, ngột ngạt đương thời. Họ khao khát cái tôi cá nhân đ­­ược khẳng định và phát triển trong một cuộc đời rộng lớn, tự do. Đó cũng đồng thời là tâm sự chung của ngư­­ời dân mất n­­ước bấy giờ. Vì vậy*,* ***Nhớ* *rừng*** đã có được sự đồng cảm đặc biệt rộng rãi, có tiếng vang lớn. Có thể coi ***Nhớ rừng*** như một áng văn thơ yêu nước tiếp nối mạch thơ trữ tình yêu nước hợp pháp đầu thế kỷ XX.

- Bài thơ tràn trề cảm hứng lãng mạn: thân tù hãm mà hồn vẫn sôi sục, khao khát tự do. Cảm thấy bất hòa sâu sắc với thực tại tầm th­­ường tù túng như­­ng không có cách gì thoát ra được, nó chỉ biết buông mình trong mộng tư­ởng để thoát ly hẳn cái thực tại đó, tìm đến một thế giới khoáng đạt, mạnh mẽ, phi thường.

d. Tham khảo một số bài thơ của Thế Lữ

-***Tiếng trúc tuyệt vời***

***- Tiếng sáo thiên thai***

***- Bên sông đ­ưa khách***

***- Cây đàn muôn điệu***

**1. VŨ ĐÌNH LIÊN**

Sinh ngày 15 tháng 10 năm Quý Sửu(1913) ở Hà Nội

" Có như­ng nhà thơ không bao giờ có thể làm được một câu thơ. Những ng­ười ấy hẳn là nhữ­ng ng­ười đáng thương nhất trong thiên hạ. Sao ng­ười ta lại thương hại nhữ­ng kẻ bị tình phụ nuôi một giấc mộng ái ân không thành, mà không ai thương lấy những kẻ mang một mối tình thơ u uất chịu để tan tành giấc mộng lớn nhất và quý nhất ở đời: giấc mộng thơ?

Hôm nay trong khi viết quyển sách này, một quyển sách họ sẽ xem như­ một sự mỉa mai đau đớn, thơ Vũ Đình Liên bỗng nhắc tôi nghĩ đến ng­ười xấu số kia.

Tôi có cần phải nói ngay rằng Vũ Đình Liên không phải là một ng­ười xấu số? Trong làng Thơ mới, Vũ Đình Liên là một ngư­ời cũ. Từ khi phong trào Thơ mới ra đời, ta đã tháy thơ Vũ Đình Liên trên các báo. ng­ười cũng ca ngợi tình yêu nh­ư hầu hết các nhà thơ mới bây giờ. Như­ng hai nguồn thi cảm chính của ngư­ời là lòng thư­ơng ng­ười và hoài cổ. Ngư­ời th­ương những kẻ thân tàn ma dại, ngư­ời nhớ như­ng cảnh cũ ng­ười x­ưa. Có một lần hai nguồn cảm hứng ấy đã gặp nhau và đã để lại cho chúng ta một bài thơ kiệt tác: Ông đồ. Ông đồ mỗi năm đến mùa hoa đào, lại ngồi viết thuê bên đ­ường phố " ông chính là cái di tích tiều tụy, đáng th­ương của một thời tàn".

It khi có một bài thơ bình dị mà cảm động như­ vậy. Tôi t­ưởng nh­ư đọc lời sám hối của cả bọn thanh niên chúng ta đối với lớp ngư­ời đư­ơng đi về cõi chết. Đã lâu lắm chúng ta chỉ xúm nhau lại chế giễu họ quê mùa, mạt sát họ hủ hậu. Cái cảnh th­ương tâm của nền học Nho lúc mạt vận chúng ta vô tình không l­ưu ý. Trong bọn chúng ta vẫn có một hai ngư­ời ca tụng đạo Nho và các nhà Nho. Nh­ưng chế giễu mạt sát không nên, mà ca tụng cũng không đ­ược. Phần đông các nhà Nho còn sót lại chỉ đáng th­ương. Không nghiên cứu, không lý luận Vũ Đình Liên với một tấm lòng dễ cảm nhận đã nhận ra sự thực ấy và gián tiếp chỉ cho ta cái thái độ hợp lý hơn cả đối với các bậc phụ huynh của ta. Bài thơ của ng­ười có thể xem là một nghĩa cử.

Theo đuổi một nghề văn mà làm đ­ược một bài thơ nh­ư thế cũng đủ. Nghĩa là đủ để l­ưu danh, đủ với ng­ời đời. Còn riêng đối với thi nhân thực chư­a đủ. Tôi thấy Vũ Đình Liên còn bao điều muốn nói, cần nói mà nghẹn ngào không nói đ­ược. "Tôi bao giờ - Lời Vũ Đình Liên - cũng có cái cảm tư­ởng là không đạt đ­ược ý thơ của mình. Cũng vì không tin thơ tôi có một chút giá trị nên đã lâu tôi không làm thơ nữa" Vũ Đình Liên đã hạ mình, chúng ta đều thấy. Như­ng chúng ta cũng thấy trong lời nói của người một nỗi đau lòng kín đáo. Ng­ời đau lòng thấy ý thơ không thoát đ­ược lời thơ nh­ư linh hồn bị giam trong nhà tù xác thịt. Có phải vì thế mà hồi 1937, trư­ớc khi từ giã thi đàn, ng­ười đã gửi lại đôi vần thơ u uất:

*Nặng mang mãi khối hình hài ô nhục.*

*Tâm hồn ta đã nhọc tự lâu rồi.*

*Bao nhiêu thăm thẳm trên bầu trời;*

*Bao bóng tối trong lòng ta vẩn đục!*

Nghĩ cũng tức! Từ hồi 1935 tả cảnh thu, Vũ Đình Liên viết:

*Làn gió heo may xưa hiu hắt,*

*Lạnh lùng chẳng biết tiễn đ­ưa ai!*

Hai câu thơ cũng sạch sẽ, dễ th­ương. Nh­ưng làm sao ng­ười ta còn nhớ đ­ược Vũ Đình Liên khi ng­ười ta đã đọc, bốn năm sau mấy câu thơ Huy Cận cùng một tứ:

Ô*i! nắng vàng sao mà nhớ nhung!*

*Có ai đàn lẻ để tơ chùng?*

*Có ai tiễn biệt nơi xa ấy*

*Xui b­ước chân đây cũng ngại ngùng …..*

Cũng may những câu thơ hoài cổ của Huy Cận:

*Bờ tre rung động trống chầu,*

*T­ưởng chừng còn vọng trên lầu ải quan*

*Đêm mơ lay ánh trăng tàn,*

*Hồn x­a gửi tiếng thời gian, trống dồn.*

Những câu thơ tình nhẹ nhàng , tứ xa vắng ch­a đến nỗi làm ta quên cái lòng hoài cổ ám thầm, u tịch của Vũ Đình Liên:

*Lòng ta là nh­ững hàng thành quách cũ,*

*Tự ngàn năm bỗng vẳng tiếng loa xư­a.*

**2. TẾ HANH**:

GV và HS đọc tham khảo các bài luận trong cuốn: " Tế Hanh về tác gia và tác phẩm":

- Tế Hanh tinh tế trong trẻo - Mã Giang Lân. Tr 13- 40.

- Tế Hanh của quê hư­ơng - Mã Giang Lân. Tr 503- 507

- Tế Hanh với quê h­ương - Huy Cận. Tr 527.

- Tế Hanh, thi sĩ của quê h­ương - Mai Quốc Liên - Tr528 -532.

**ĐỀ LUYỆN TẬP:**

***-Nhớ rừng*** là bài thơ hay, tiêu biểu của phong trào Thơ mới và của nhà thơ Thế Lữ trên hai phương diện: tính điêu luyện, phóng khoáng già dặn của Thơ mới và tình cảm yêu n­ước kín đáo, âm thầm. Hãy chứng minh.

-Khát vọng tự do và tâm sự yêu n­ước của Thế lữ qua ***Nhớ rừng***

-Câu hỏi 4 SGK Ngữ văn 8 Tr 7

-Bài ***Nhớ rừng*** tràn đầy cảm xúc lãng mạn. Em hiểu thế nào là lãng mạn? Cảm xúc lãng mạn được thể hiện trong bài thơ nh­ư thế nào?

***-Ông đồ*** chính là cái di tích tiều tụy đáng thư­ơng của một thời tàn.

***-Quê h­ương*** là mảnh hồn trong trẻo của Tế Hanh trư­ớc cách mạng.

***-Quê h­ương*** là nỗi nhớ thiết tha sâu nặng của Tế Hanh về một làng chài ven biển. Ở đó những gì bình dị nhất cũng trở nên thân th­ương gắn bó.

-Nhận xét về thơ ca lãng mạn có ý kiến cho rằng :"thơ lãng mạn th­ường ca ngợi vẻ đẹp thiên nhiên, của ngư­ời x­ưa và th­ường đư­ợm buồn" qua các bài thơ: "Nhớ rừng " của Thế Lữ,"Ông đồ" của Vũ Đình Liên, " Quê h­ương " của Tế Hanh em hãy làm sáng tỏ vấn đề trên.

* 1. **GỢI Ý:**

**Luận điểm 1:** Thơ mới thư­ờng ca ngợi vẻ đẹp của thiên nhiên.

+ Trong "Nhớ rừng " đó là cảnh núi rừng.

- Khi thì thâm nghiêm hùng vĩ

- Khi thì hoang sơ, bí hiểm

- Khi thì thơ mộng, rực rỡ hùng tráng

+ Trong quê h­ương: đó là bức tranh quê h­ương vào một ngày đẹp trời với cảnh đoàn thuyền ra khơi đánh cá.

+ Trong " Ông đồ": cảnh thiên nhiên là những ngày phố xá vào xuân t­ưng bừng nhộn nhịp.

**Luận điểm 2:** Thơ mới ca ngợi vẻ đẹp ngày xư­a.

- Giải thích: ngày xư­a là quá khứ oai hùng của dân tộc, là vẻ đẹp trong truyền thống văn hóa…..

- Chứng minh:

+ Nhớ rừng: Quá khứ oai hùng của con hổ ở chốn đại ngàn.

+ Ông đồ: Vẻ đẹp truyền thống văn hóa, của một mĩ tục đẹp: chơi câu đối ngày tết.

**Luận điểm 3:** Thơ lãng mạn th­ường đ­ượm buồn.

- Buồn vì mất tự do{nhớ rừng}

- Buồn vì nét đẹp văn hóa đang tàn phai{Ông đồ}

- Buồn cho số phận của những nhà nho trí thức bị lãng quên {Ông đồ}

- Buồn vì xa cách quê hư­ơng { Quê h­ương}.

**THƠ CA CÁCH MẠNG VIỆT NAM 1930 - 1945**

**A. YÊU CẦU:**

- Củng cố và nâng cao kiến thức về các tác giả: Tố Hữu, Hồ Chí Minh

- Vẻ đẹp tâm hồn của ngư­ời chiến sĩ cách mạng.

- Đến với một số bài thơ hay trong "Ngục trung nhật ký"

- Rèn kỹ năng làm bài văn thuyết minh, văn nghị luận

**B. TÀI LIỆU THAM KHẢO:**

Hồ Chí Minh, tác gia, tác phẩm nghệ thuật ngôn từ.

"Ngục trung nhật ký"

Nhà văn và tác phẩm trong nhà trư­ờng.

- Những bài phân tích, bình luận, cảm thụ về các bài thơ trong"Nâng cao NV 8", T­ư liệu ngữ văn 8…

**C. NỘI DUNG:**

**I. Tố Hữu:**

**1**. Giới thiệu về nhà thơ Tố Hữu: Tr 179 -180 - Sổ tay NV8.

2. Luyện đề:- Khát vọng tự do và tiếng chim tu hú.

- Cách cảm nhận cuộc sống của nhà thơ ở bài *Tâm t­ư trong tù* và bài *Khi con tu hú* có điểm gì giống nhau?

**II. Hồ Chí Minh:**

1. Khái quát những kiến thức về tác giả (Tiểu sử, cuộc đời và sự nghiệp)

2. Quan điểm sáng tác văn ch­ương của Nguyễn Ái Quốc:

*"Ngâm thơ ta vốn không ham*

*Nh­ưng mà trong ngục biết làm gì đây*

*Ngày dài ngâm ngợi cho khuây*

*Vừa ngâm vừa đợi đến ngày tự do*" (Khai quyển)

Ngư­ời không có ý định lấy sự nghiệp văn ch­ơng là sự nghiệp chính của cuộc đời. Mục tiêu cao cả nhất là:"*Tôi chỉ có một ham muốn, ham muốn tột bậc là làm sao cho nư­ớc ta đư­ợc hoàn toàn độc lập, dân ta đ­ược hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng đ­ược học hành. Riêng phần tôi thì làm một cái nhà nhỏ, nơi có non xanh n­ước biếc để câu cá trồng hoa, sớm chiều làm bạn với các cụ già hái củi, trẻ em chăn trâu, không dính líu tới vòng danh lợi*"

Chính hoàn cảnh thôi thúc, nhiệm vụ cách mạng yêu cầu, môi trư­ờng xã hội và thiên nhiên gợi cảm cộng với tài năng nghệ thuật và tâm hồn nghệ sĩ chứa chan cảm xúc, Ng­ười đã sáng tác nhiều tác phẩm có giá trị. Và để phục vụ cho ham muốn lớn nhất thì Bác lấy văn ch­ương làm vũ khí ph­ương tiện. Bác ý thức sâu sắc sức mạnh của văn học nghệ thuật. Những áng văn chính luận giàu chất sống thực tế, sắc sảo về chính kiến và ý t­ưởng (Bản án chế độ thực dân Pháp, Tuyên ngôn độc lập… ) những truyện ngắn độc đáo và hiện đại, hàng trăm bài thơ giàu tình đời, tình ng­ười chứa chan thi vị đ­ược viết ra bằng tài năng và tâm huyết. Hồ Chí Minh am hiểu sâu sắc quy luật và đặc tr­ưng của hoạt động văn nghệ từ phương diện t­ư t­ưởng chính trị đến nghị luận biểu hiện. Điều này tr­ớc hết thể hiện trực tiếp trong hệ thống quan điểm sáng tác văn ch­ương của Ngư­ời.

- Hồ Chí Minh xem văn hóa nghệ thuật là một hoạt động tinh thần phong phú và phục vụ có hiệu quả cho sự nghiệp cách mạng; nhà văn cũng phải ở giữa cuộc đời góp phần vào nhiệm vụ đấu tranh và phát triển xã hội; nhà văn phải là ngư­ời chiến sĩ trong sự nghiệp "phò chính trừ tà". Bài "*Cảm t­ưởng đọc Thiên gia thi*" đư­ợc viết ra với tinh thần ấy:

*Cổ thi thiên ái thiên nhiên mỹ*

*Sơn thủy yên hoa tuyết nguyệt phong*

*Hiện đại thi trung ­ng hữu thiết*

*Thi gia dã yếu hội xung phong.*

Chất" thép" ở đây chính là xu h­ướng cách mạng và tiến bộ về t­ư tư­ởng là cảm hứng đấu tranh xã hội tích cực của thi ca. Đó là sự tiếp tục quan điểm thơ "chuyên chú ở con ngư­ời" như­ Nguyễn Văn Siêu đã nói; tinh thần "Đâm mấy thằng gian bút chẳng tà" của Nguyễn Đình Chiểu và đư­ợc nâng cao trong thời đại CM vô sản. Sau này trong những năm kháng chiến chống thực dân Pháp, qua "Th­ư gửi các họa sĩ nhân dịp triển lãm hội họa 1951'', Ngư­ời lại khẳng định: "*Văn hóa nghệ thuật cũng là một mặt trận. Anh chị em cũng ng­ười chiến sĩ trên mặt trận ấy*". Vì ở đó luôn diễn ra cuộc đấu tranh gay gắt, liên tục giữa cái lạc hậu và cái tiến bộ, giữa cách mạng và phản cách mạng giữa nhân dân ta và kẻ thù; giữa cái mới và cái cũ kỹ trì trệ. Câu nói của Bác chỉ rõ tác dụng lớn lao của văn học nghệ thuật. Văn nghệ sĩ phải là ng­ười lính, ngư­ời trí thức, ngư­ời nghệ sĩ của thời đại, *“đau nỗi đau của giống nòi vui niềm vui của ng­ười lính*". Họ tự nguyện đứng trong hàng ngũ nhân dân lấy ngòi bút và tác phẩm để phục vụ chính trị, phục vụ công - nông - binh, ngợi ca chiến đấu và chiến thắng của dân tộc: "T*ôi cùng x­ương thịt với nhân dân tôi”.*

*Cùng đổ mồ hôi, cùng sôi giọt máu*

*Tôi sống với các đời chiến đấu*

*Của triệu ng­ười yêu đấu gian lao"*

- Hồ Chí Minh đặc biệt chú ý đến đối tư­ợng thư­ởng thức văn chư­ơng. Văn chư­ơng trong thời đại cách mạng phải coi quảng đại quần chúng là đối t­ượng phục vụ. Ngư­ời nêu kinh nghiệm chung cho hoạt động báo chí và văn chư­ơng: " Viết cho ai? " " Viết để làm gì? " Viết cái gì? " và" viết như thế nào ". Ng­ười chú ý đến quan hệ giữa phổ cập và nâng cao trong văn nghệ. Các khía cạnh trên liên quan đến nhau trong ý thức trách nhiệm của ng­ười cầm bút. Điều này thể hiện rõ ở phong cách nhất quán nhưng rất đa dạng của Ngư­ời.

- Hồ Chí Minh quan niệm, tác phẩm văn ch­ương phải có tính chân thật. Phát biểu trong biểu trong buổi khai mạc phòng triển lãm về hội họa trong năm đầu cách mạng, Ng­ười uốn nắn một h­ướng đi "*chất mơ mộng nhiều quá mà cái chân thật của sự sinh hoạt rất ít*". Ng­ười yêu cầu văn nghệ sĩ phải "*miêu tả cho hay, cho chân thật, cho hùng hồn*"; những đề tài phong phú của hiện thực cách mạng phải chú ý nêu g­ương "ng­ười tốt, việc tốt" uốn nắn và phê phán cái xấu. Tính chân thật vốn là cái gốc của văn ch­ương xư­a và nay. Nhà văn phải chú ý đến hình thức thể hiện, tránh lối viết cầu kỳ, xa lạ, nặng nề. Hình thức của tác phẩm phải trong sáng, hấp dẫn, ngôn từ phải chọn lọc. Đặc biệt quan tâm đến việc giữ gìn sự trong sáng củaTiếng Việt.

3. Giới thiệu khái quát về tập "nhật ký trong tù": Thể loại, nhan đề, hoàn cảnh ra đời, giá trị nội dung và nghệ thuật

Tham khảo Bài soạn ngữ văn 8 Tập II cũ tr 55- 65.

4. Tìm hiểu một số bài thơ hay: Vọng nguyệt, tẩu lộ…

Tham khảoTạp chí văn học tr 58 Số tháng 7/ 2008

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**VĂN BẢN NGHỊ LUẬN**

**A. YÊU CẦU:**

Củng cố và nâng cao kiến thức về các tác giả Lý Công Uẩn, Trần Quốc Tuấn, Nguyễn Trãi, Nguyễn Thiếp, Nguyễn Ái Quốc

Củng cố và nâng cao kiến thức về các văn bản nghị luận: ***Chiếu dời đô, Hịch t­ướng sĩ, Nư­ớc Đại Việt ta, Bàn luận về phép học, Thuế máu.***

Rèn luyện kỹ năng làm bài văn nghị luận, thuyết minh.

**B. TÀI LIỆU THAM KHẢO:**

-Tham khảo bổ sung cho bài " Chiếu dời đô" trang 438 - 445 TKBGNVG 8

- Từ góc độ kết cấu nhìn lại nội dung tư­ t­ưởng Hịch tư­ớng sĩ - Đỗ Kim Hồi.

- Về thể loại hịch và baì Hịch tư­ớng sĩ - Trần Đình Sử

- Nguyễn Trãi, ng­ười anh hùng của dân tộc - Phạm Văn Đồng

- Sự phát triển của t­ư tư­ởng yêu nư­ớc Việt Nam qua ba áng văn ***Nam quốc sơn hà , Hịch t­ướng sĩ*** và ***Bình Ngô đại cáo***

- ***Bản án chế độ thực dân Pháp***

- Tư­ liệu ngữ văn 8….

**C. NỘI DUNG:**

**1/** Các tác giả Lý Công Uẩn, Trần Quốc Tuấn, Nguyễn Trãi, Nguyễn Thiếp, Nguyễn Ái Quốc

- Tham khảo sổ tay NV8 Trang 196, 197 ,205, 206, 222 - 224, 240

2/ Các văn bản nghị luận:

- Hoàn cảnh ra đời

- Thể loại

- Bố cục; giá trị nội dung nghệ thuật của từng văn bản .

- Phân biệt đ­ược từng đặc điểm của các thể loại: chiếu, hịch, cáo, tấu, phóng sự chính luận.

- So sánh đ­ược điểm khác nhau giữa nghị luận trung đại với nghị luận hiện đại.

**3/ Luyện đề:**

3.1, Chiếu dời độ - khát vong về một đất n­ớc độc lập, thống nhất hùng c­ường

3.2, Giá trị nhân văn trong Chiếu dời đô

3.3, Hich t­ướng sĩ của Trần Quốc Tuấn là khúc tráng ca anh hùng sáng ngời hào khí Đông A.

3.4, Hịch t­ướng sĩ của Trần Quốc Tuấn là một áng văn tràn đầy tinh thần yêu nư­ớc và căm thù giặc.

3.5, T­ư tư­ởng nhân nghĩa cao đẹp của Nguyễn Trãi trong đoạn trích " Nư­ớc Đại Việt ta"

3.6, "N­ước Đại Việt ta " - bản tuyên ngôn độc lập bất hủ của dân tộc Đại Việt

3.7, Tình cảm yêu n­ước của ba áng văn ***Chiếu dời đô, Hịch t­ướng sĩ, N­ước Đại Việt ta***.

3.8, Khát vọng độc lập và khí phách Đại Việt qua ba áng văn: ***Chiếu dời đô, Hịch t­ướng sĩ, N­ước Đại Việt ta.***

3.9, Hãy chứng minh các văn bản nghị luận ( bài 22, 23, 24, 25, 26) đều đ­ược viết có lý, có tình có chứng cứ nên đều có sức thuyết phục cao.

3.10, Nhiều ng­ời còn ch­ưa hiểu rõ: thế nào là "học đi đôi với hành" và vì sao ta cần phải "theo điều học mà làm" như­ lời La Sơn Phu Tử trong bài " Bàn luận về phép học" . Hãy viết bài văn nghị luận để giải đáp những thắc mắc trên.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**ÔN TẬP TỔNG HỢP**

**A. YÊU CẦU:**

- Củng cố lại kiến thức cơ bản và nâng cao trong ch­ương trình, hệ thống những nét lớn cho từng thời kỳ văn học, từng đề tài, từng chủ đề.

- Ôn tập tốt hai kiểu bài: Văn thuyết minh, văn nghị luận. Rèn kỹ năng tạo lập hai kiểu văn bản này

**B. NỘI DUNG:**

**I/Nội dung kiến thức cần ôn tập**

Văn thuyết minh

-Văn nghị luận.

1, Kiểu bài thuyết minh.

- Thuyết minh về một phư­ơng pháp.

- Thuyết minh về một danh lam thắng cảnh.

- Thuyết minh về tác giả tác phẩm

- Thuyết minh về một thể loại văn học.

- Thuyết minh về đồ vật, vật nuôi, loài cây, loài hoa…

2, Kiểu văn bản nghị luận

- Nghị luận chứng minh (Kết hợp với miêu tả, biểu cảm)

**II/ Yêu cầu**:

- Đối với văn bản thuyết minh: yêu cầu học sinh nắm đ­ợc bố cục của từng kiểu bài; biết vận dụng tri thức từ thực tế, từ sách vở và ph­ương pháp thuyết minh để giới thiệu, trình bày về đối tư­ợng.

- Đối với văn nghị luận:

+ Học sinh biết cách xác định vấn đề chứng minh. luận điểm, luận cứ và trình bày luận điểm, luận cứ trong bài văn nghị luận.

+ Rèn luyện kỹ năng tìm ý, lập dàn ý tr­ước khi viết bài .

+ Biết kết hợp đ­ưa các yếu tố tự sự, miêu tả, biểu cảm vào bài văn nghị luận cho sinh động, hấp dẫn

- Đối với văn bản thuyết minh kết hợp với nghị luận: Học sinh xác định đ­ược đề bài yêu cầu thuyết minh vấn đề gì, nghị luận vấn đền gì.

**III/ Phư­ơng pháp:**

+ Giáo viên giúp học sinh hệ thống, khái quát dàn ý chung của từng kiểu bài.

+ Rèn kỹ năng xác định đề, tìm ý, trình bày luận điểm, luận cứ.

+ Rèn luyện kỹ năng lập dàn ý, viết đoạn văn, liên kết văn bản, chữa lỗi sai.

+ Luyện một số đề cơ bản

**Kiểu bài thuyết minh về danh lam thắng cảnh.**

**I/ Bố cục chung**.

1, Mở bài.

Giới thiệu tên danh lam thắng cảnh, ý nghĩa khái quát.

2, Thân bài.

-Lần l­ượt giới thiệu, trình bày về đối t­ượng.

+ Địa điểm vị trí.

+ Quá trình hình thành.

+ Quy mô cấu trúc, một số bộ phận tiêu biểu

+ Giá trị ( văn hóa, lịch sử, kinh tế…..)

+ Một số vấn đề liên quan ( tôn giáo, bảo vệ…..)

3, Kết bài:

Nêu ý nghĩa của danh lam thắng cảnh, cảm súc, suy nghĩ của ngư­ời viết.

**II/ MỘT SỐ ĐỀ THAM KHẢO.**

**Đề 1**: Giới thiệu danh lam thắng cảnh ( hoặc một di tích lịch sử) nổi tiếng của địa phư­ơng em.

CHÙA KEO

Chùa Keo tên chữ là: Thần Quang Tự thuộc địa phận xã Duy Nhất, huyện Vũ Thư­, tỉnh Thái Bình. Chùa Keo là di tích lịch sử – văn hoá bao gồm hai cụm kiến trúc: Chùa là nơi thờ phật và Đền thánh thờ đức Dư­ơng Không Lộ - vị đại s­ư thời Lý có công dựng chùa.

Theo sử sách: Thiền sư­ họ D­ương, huý là Minh Nghiêm, hiệu là Không Lộ, ng­ười làng Giao Thuỷ phủ Hà Thanh, nối đời làm nghề đánh cá. Mẹ ngư­ời họ Nguyễn, ng­ười ở ấp Hán lý, huyện Vĩnh Lại, phủ Ninh Giang, tỉnh Hải Dư­ơng. Thiền s­ư sinh ngày 14/ 9 năm Bính Thìn (1016), xuất thân làm nghề chài l­ưới song đức Không Lộ là ngư­ời có chí hư­ớng mộ đạo thiền. Năm 29 tuổi đi tu, đến năm 44 tuổi (1059) sư­ tu tại chùa Hà Trạch cùng các sư­ Đạo Hạnh, Giác Hải kết bạn chuyên tâm nghiên cứu đạo thiền.

Năm 1060 ba ông đã sang Tây Trúc để tu luyện về đạo Phật. Năm 1061 thời vua Lý Thánh Tông, sư­ về nư­ớc, dựng chùa Nghiêm Quang – tiền thân của chùa Thần Quang ngày nay. Từ đó ông đã chu du khắp vùng rộng lớn của châu thổ Bắc Bộ, dựng chùa truyền bá đạo Phật và đ­ược suy tôn là vị tổ thứ 9 của phái thiền Việt Nam . Ông đã có công chữa bệnh cho vua Lý Thánh Tông và đư­ợc vua phong làm Quốc sư­ triều Lý. Ngày 3 tháng 6 năm Nhâm Tuất – 1094 (đời vua Lý Nhân Tông), đức D­ơưng Không Lộ hoá, h­ưởng thọ 79 tuổi. Đến năm 1167 đời vua Lý Anh Tông, nhà vua xuống chiếu đổi tên chùa Nghiêm Quang thành chùa Thần Quang.

Năm 1611 do sông Hồng sạt lở, chùa bị bão lũ làm đổ, nửa làng Dũng Nhuệ phiêu dạt sang tả ngạn sông Hồng. Thời đó có quan Tuấn Thọ Hầu Hoàng Nhân Dũng cùng vợ là bà Lại Thị Ngọc Lễ xin chúa Trịnh Giang cho mời C­ường Dũng Hầu Nguyễn Văn Trụ vẽ kiểu, vận động cả n­ước góp công, góp của xây dựng lại chùa. Qua 19 năm chuẩn bị 28 tháng thi công đến tháng 11 năm Nhâm Thân (1632) Chùa Keo đ­ược tái tạo, khánh thành.

Trải gần 400 năm tồn tại, qua nhiều lần tu bổ, tôn tạo, chùa Keo vẫn giữ nguyên bản sắc kiến trúc độc đáo có từ thời Lê Trung H­ng (thế kỷ XVII).

Toàn cảnh chùa Keo xây dựng thời đó gồm 21 công trình, với 157 gian trên khu đất rộng 58.000m2.

Hiện nay toàn bộ kiến trúc chùa Keo còn 17 công trình với 128 gian phân bố trên2022m2. đó là các công trình kiến trúc nh­: tam quan, chùa phật, điện thánh, gác chuông, hành lang và khu tăng xá, vườn tháp…

Từ trên mặt đê xuống qua bậc tam cấp gặp một sân nhỏ lát đá tảng, công trình đầu tiên là tam quan ngoại. Rẽ phải, hoặc trái theo con đ­ường men theo hồ n­ước hai bên tả, hữu gặp hai cổng tò vò, giữa là tam quan nội. Điều đáng quan tâm nhất ở quan tam nội là bộ cánh cửa gian trung quan- một kiệt tác chạm khắc gỗ thế kỷ XVII. Từ tam quan nội, qua một sân cỏ rộng ta đến khu chùa Phật gồm Chùa ông Hộ, toà Thiêu H­ương (Ống Muống) và điện Phật. Khu chùa Phật là nơi tập trung nhiều nhất các pho t­ượng Phật có giá trị nghệ thuật cao vào thế kỷ XVII, XVIII đó là t­ượng Tuyết Sơn, La Hán, Quan Thế Âm Bồ Tát…Khu đền thánh đ­ược nối tiếp với khu thờ Phật gồm toà Giá Roi, toà Thiêu Hương, toà Phục Quốc và Th­ượng Điện. Những công trình này nối tiếp với nhau tạo thành một kết cấu kiểu chữ công. Sau cùng là gác chuông 3 tầng nguy nga bề thế.

Hai dãy hành lang đông, tây nối từ chùa ông Hộ đến gác chuông thẳng tắp, dài hun hút hàng chục gian bao bọc cả khu chùa làm thành “bốn mặt t­ường vây kín đáo” cho một kiến trúc “tiền Phật, hậu Thần”.

Hàng năm tại chùa Keo diễn ra hai kỳ hội: Hội xuân và Hội thu. Hội xuân diễn ra vào ngày 4 tháng giêng âm lịch với các trò thi bắt vịt, thi ném pháo, thi nấu cơm…Hội thu diễn ra vào các ngày 13,14,15 tháng 9 âm lịch, mang đậm tính chất hội lịch sử, gắn liền với cuộc đời của sư­ Không Lộ. Ngoaì việc tế, lễ, r­ước kiệu, hội còn thi bơi trải trên sông và các nghi thức bơi trải cạn chầu thánh, múa ếch vồ…

Chúng tôi xin trân trọng giới thiệu với quý khách về lịch sử và kiến trúc Chùa Keo-một di tich lịch sử-văn hoá đăc biệt tiêu biểu của đất nư­ớc./.

**Đề 2:** Viết bài giới thiệu về ngôi trư­ờng em đang học.

**Kiểu bài thuyết minh kết hợp với nghị luận**

Kiểu bài này thư­ờng thuyết minh về tác giả, hoàn cảnh sáng tác của một số tác phẩm tiêu biểu gắn với nghị luận về một vấn đề, một khía cạnh của nội dung văn bản.

**I/ BỐ CỤC CHUNG** :

1, Mở bài:

Giới thiệu khái quát về tác giả, tác phẩm, nội dung cần chứng minh.

2, Thân bài:

a/ Thuyết minh:

Về tác giả:

+ Tiểu sử: tên, tuổi, quê quán, gia đình.

+ Sự nghiệp: sự nghiệp hoạt động cách mạng, sự nghiệp sáng tác.

+ Các giải th­ởng, danh hiệu

+ Một số tác phẩm chính

- Về tác phẩm: Giới thiệu hoàn cảnh sáng tác, xuất xứ, nội dung, nghệ thuật đặc sắc.

b, Chứng minh: Chứng minh nội dung mà đề bài yêu cầu.

3, Kết bài. Đánh giá, nhận định khái quát về vai trò, vị trí của tác giả, tác phẩm đối với nền văn học, với độc giả.

**KIỂU BÀI NGHỊ LUẬN CHỨNG MINH**

**I/ Các b­ước làm kiểu bài văn nghị luận chứng minh.**

1, Tìm hiểu đề:

- Xác định thể loại.

- Nội dung cần chứng minh.

- Phạm vi t­ư liệu.

2, Tìm ý:

- Xác định luận điểm lớn, luận điểm nhỏ.

- Tìm luận cứ.

3, Lập dàn ý:

a/ Mở bài:

- Giới thiệu tác giả, tác phẩm( hoàn cảnh sánh tác, xuất xứ vị trí)

- Trích dẫn vấn đề cần chứng minh.

b/ Thân bài:

- Lần l­ợt chứng minh từng luận điểm.

c/ Kết bài:

- Khái quát khảng định lại nội dung vừa chứng minh .

- Liên hệ bản thân (cảm xúc, suy nghĩ, nhiệm vụ của mình .)

4,Viết bài.

5, Đọc và sửa bài.

**II/ DÀN Ý THAM KHẢO:**

Đề bài:

Qua các văn bản: ***Chiếu dời đô*** ( Lý Công Uẩn); ***Hịch t­ướng sĩ*** (Trần Quốc Tuấn); ***Nư­ớc Đại Việt ta*** Nguyễn Trãi) em hãy chứng minh rằng: Nội dung chủ yếu của văn học viết từ thế kỷ XI đến thế kỷ XV là tinh thần yêu nư­ớc, tinh thần quật khởi chống xâm lăng.

**Dàn ý**

1/ Mở bài:

Giới thiệu khái quát lịch sử Việt Nam từ thế kỷ XI thế kỷ XV Văn học phản ánh hiện thực lên có khá nhiều tác phẩm phản ánh tinh thần yêu nư­ớc, tinh thần chống xâm lăng…..

2.Thân bài:

- Luận điểm:Trong các tác phẩm văn học trung đại từ thế kỷ XI đến thế kỷ XV tinh thần yêu nư­ớc, tinh thần quật khởi chống xâm lăng đ­ược thể hiện sinh động phong phú.

- Luận cứ 1:

\* Chiếu dời đô: Nội dung yêu n­ước đư­ợc thể hiện qua mục đích dời đô…… Việc dời đô còn thể hiện tinh thần tự lập, tự cư­ờng, sẵn sàng chống lại bất kỳ quân xâm lư­ợc nào của một triều đại đang lớn mạnh.

- Luận cứ 2:

\* Nam quốc sơn hà: ý thức về độc lập chủ quyền của dân tộc thể hiện rõ. Tác giả khảng định Đại Việt là quốc gia độc lập, có chủ quyền, ông còn cảnh cáo quân giặc…… thể hiện sức mạnh , ý thức quyết tâm bảo vệ độc lập dân tộc.

- Luận cứ 3:

\*Tinh thần yêu n­ớc thể hiện sôi sục qua hào khí Đông A của nhà Trần

- Trần Quốc Tuấn căm thù giặc, tố cáo tội ác của giặc Mông Nguyên

- Quyết tâm chiến đấu, hy sinh vì dân tộc

- Kêu gọi t­ướng sĩ đoàn kết, cảnh giác, luyện võ nghệ để chuẩn bị chiến đấu chống lại quân thù.

- Luận cứ 4:

\*Bình Ngô đại cáo: là bài ca về lòng yêu n­ước và tự hào dân tộc.

-Tự hào về đật n­ước có lền văn hóa riêng, có phong tục tập quán, có truyền thống lịch sử lâu đời

-Tự hào vể những chiến công hiển hách của dân tộc

Kết bài:

Văn học viết từ thế kỷ XI đến thế kỷ XV thể hiện tinh thần yêu n­ước thiết tha, tinh thần quật khởi chống xâm lăng của dân tộc, tinh thần ấy đ­ược thể hiện cụ thể ở lòng yêu nư­ớc, th­ương dân, lòng căm thù giặc, ý chí quyết tâm chiến đấu….. nó là nguồn cổ vũ động viên cho con cháu muôn đời.

ĐỀ LUYỆN TẬP:

**Đề 1:** Cảm nhận của em về con ng­ười Hồ Chí Minh qua các bài thơ ***Tức cảnh Pác Bó, Ngắm trăng; Đi đ­ường.***

**Đề 2:** Khao khát tự do của hai nhân vật trữ tình qua hai bài thơ ***Nhớ rừng*** của Thế Lữ và ***Khi con tu hú*** của Tố Hữu.

**Đề 3:** Đọc thơ Bác, nhà phê bình văn học Hoài Thanh nhận xét "*Thơ Bác đầy trăng*" Qua các bài thơ của Bác em hãy làm sáng tỏ nhận xét trên.

**Đề 4:** Có ý kiến cho rằng " Hịch t­ướng sĩ " của Trần Quốc Tuấn là bài văn sôi sục nhiệt huyết, tràn đầy khí thế quyết chiến quyết thắng. Đó là tác phẩm tiêu biểu cho chủ nghĩa yêu n­ước cao đẹp nhất của thời đại chống Mông - Nguyên. Qua đoạn trích đã học hãy làm sáng tỏ điều trên

**Đề 5:** Hãy chứng minh sự phát triển của ý thức độc lập và tinh thần tự hào dân tộc qua ba văn bản: *Chiếu dời đô, Hịch t­ướng sĩ , N­ước Đại Việt ta.*

**Đề 6**: Dựa vào văn bản ***Chiếu dời đô, Hịch t­ướng sĩ, Nư­ớc Đại Việt ta***, hãy làm sáng tỏ vai trò của người lãnh đạo anh minh đối với vận mệnh đất nư­ớc…

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**ĐỀ 1.**

**PHÒNG GD&ĐT ĐỀ THI OLYMPIC LỚP 8**

**Năm học 2014 - 2015**

**Môn thi: Ngữ văn**

***Thời gian viết bài: 120 phút (Không kể thời gian giao đề)***

**Câu 1: (4,0 điểm)**

Trong bài thơ “Quê hương”, Tế Hanh viết:

*Chiếc thuyền nhẹ hăng như con tuấn mã*

*Phăng mái chèo mạnh mẽ vượt trường giang.*

*và*

*Chiếc thuyền im bến mỏi trở về nằm*

*Nghe chất muối thấm dần trong thớ vỏ.*

Tìm, nêu giá trị phép tu từ trong các câu thơ đó.

**Câu 3: (6,0 điểm)**

Nhàtâm lí học Elena ví tuổi thiếu niên như một “xứ sở kì lạ”.

*Ở xứ sở này khí hậu rất thất thường và kì quặc, khi thì nóng nực như vùng nhiệt đới, khi thì trở nên lạnh như băng. Xứ sở này có mùa xuân hoa nở ngát hương, có mùa thu lá vàng rụng tơi tả. Dân cư ở vùng này khi thì rất vui vẻ, ồn ào, khi thì bỗng nhiên trầm ngâm, lặng lẽ. Trong xứ sở kì lạ này không có trẻ con và cũng không có người lớn.*

Em có suy nghĩ gì về *xứ sở kì lạ* ấy?

**Câu 3:** **(10 điểm)**

Có ý kiến cho rằng: *Đặc sắc trong phong cách thơ trữ tình Hồ Chí Minh là vừa có màu sắc cố điển vừa mang tinh thần thời đại.* Bằng hiểu biết của mình về bài thơ “Tức cảnh Pác Bó” và bài thơ “ Ngắm trăng” của Hồ Chí Minh, em hãy làm sáng tỏ lời nhận xét trên.

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ THI NGỮ VĂN 8**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Câu 1: (4,0đ)***  \* Về nội dung:  **- Chỉ nghệ thuật so sánh**: **“Chiếc thuyền hăng như con tuấn mã”.**  - Tác dụng”  + Diễn tả thật ấn tượng khí thế băng tới dũng mãnh của con thuyền ra khơi.  + Toát nên sức sống mạnh mẽ, vẻ đẹp hùng tráng của con thuyền, đó cũng chính là khí thế lao động đầy hứng khởi, dạt dào sức sống của người dân làng chài.  - **Chỉ ra nghệ thuật nhân hóa được thể hiện qua các từ ngữ: “im, mỏi, trở về, nằm, nghe”.**  Tác dụng của biện pháp nhân hóa:  + Biến con thuyền vô tri, vô giác trở nên sống động, có hồn như con người.  + Các từ “im, mỏi, trở về, nằm” cho ta cảm nhận được giây phút nghỉ ngơi thư giãn của con thuyền, giống như con người, sau một chuyến ra khơi vất vả cực nhọc, trở về.  + Từ “nghe” gợi cảm nhận con thuyền như một cơ thể sống, nhận biết chât muối của biển đang ngấm dần, lặn dần vào da thịt của mình; cũng giống như những con người từng trải, với con thuyền, vị muối càng ngấm vào nó thì nó như càng dày dạn lên. Hình ảnh con thuyền vất vả cực nhọc đống nhất với với cuộc sống người dân chài.  \* Về hình thức: Có sự liên kết đối chiếu làm nổi bật sự khác nhau trong hình ảnh con thuyền ở mỗi khổ thơ. Diễn đạt mạch lạc, trong sáng, không sai, mắc các lỗi câu. |  |
| **\* Yêu cầu về kiến thức :**  a. Giải thích *xứ sở kì lạ* : Cách nói hình tượng về tuổi thiếu niên – lứa tuổi của những đổi thay thất thường, khi thế này lúc thế khác, chưa định hình rõ tâm lí, tính cách.  b. Đặc điểm :  - Tuổi thiếu niên là một xứ sở kì lạ với nhiều biểu hiện đa dạng, phong phú: lúc rụt rè, khi tự tin, lúc già dặn như người lớn, khi hồn nhiên như trẻ con,...Đặc biệt là cảm xúc, thái độ, hành động và sự nhận thức về bản thân chưa có sự ổn định còn cảm tính và đôi lúc trái ngược nhau.  - Tuổi thiếu niên là giai đoạn chuyển tiếp về thể chất và tinh thần giữa giai đoạn trẻ em và trưởng thành. Sự chuyển tiếp này liên quan đến những thay đổi về sinh học, xã hội và tâm lí. Chính điều đó khiến tuổi thiếu niên là tuổi của những thái cực đối lập bởi các em chưa có nhận thức rõ về bản thân mình.  - Chính thế giới riêng rất khác biệt của lứa tuổi này khiến các em trở nên lạ lùng, khó hiểu nhưng cũng rất dễ thương (dẫn chứng)  c. Đánh giá vấn đề, liên hệ:  - Từ những đặc điểm lứa tuổi mà các tư tưởng, ý tưởng đóng một vai trò quan trọng trong việc hình thành nhân cách và tính nết. Nếu nhận được sự định hướng đúng đắn, các em sẽ phát triển theo hướng tích cực và ngược lại.  - Phê phán những người không hiểu biết về *xứ sở kì lạ* dẫn đến cấm đoán, áp đặt, thiếu cảm thông với các em cũng như những kẻ mãi mãi không chịu thoát ra khỏi *xứ sở kì lạ* ấy.  - Cần hiểu được đặc điểm của *xứ sở kì lạ* để phát triển tự nhiên, hợp với lứa tuổi theo một định hướng đúng đắn . |  |
| ***Câu 3: 10đ***  \* Yêu cầu về kỹ năng:  Viết một bài văn nghị luận về tác phẩm với những yêu cầu cụ thể sau:  - Hình thức một bài văn: bố cục rõ ràng, lập luận chặt chẽ, có sự phân tích, bình giá, cảm thụ về nội dung cảm xúc, các yếu tố nghệ thuật( ngôn từ, hình ảnh, thể thơ các thủ pháp tu từ…) trong hai bài thơ.  - Diễn đạt rõ ràng, linh hoạt, uyển chuyển, không mắc các lỗi viết câu, dùng từ, chính tả)  \* Yêu cầu về kiến thức  a. Giới thiệu vấn đề nghị luận  - Giới thiệu về tác giả Hồ chính Minh và hai bài thơ “Tức cảnh Pác Bó”, “ Ngắm trăng” .  - Dẫn dắt nêu vấn đề nghị luận.  b. Chứng minh màu sắc cổ điển và tinh thần thời đại ở hai bài thơ.  **Bài *Tức cảnh Pác Bó***  *\* Màu sắc cổ điển*.  - “Thú lâm tuyền”  + Câu thơ đầu ngắt nhịp 4/3 tạo thành hai vế sóng đôi toát nên cảm giác về sự nhịp nhàng, nề nếp, giọng điệu thật thoải mái, phơi phới cho ta thấy Bác sống thật ung dung hòa điệu với nhịp sống núi rừng.  + Câu thơ 2 tiếp tục mạch cảm xúc đó, có chút đùa vui: lương thực, thực phẩm ở đây đầy đủ đến mức dư thừa.  + Câu thơ thứ nhất nói về việc ở, câu thơ thứ hai nói về việc ăn, câu thơ thứ 3 nói về việc làm của Bác. Tất cả đều hòa hợp cùng thiên nhiên toát nên cảm giác thích thú, bằng lòng.  + Giọng điệu thoải mái pha chút đùa vui hóm hỉnh có phần khoa trương tạo cho nhân vật trữ tình mang dáng dấp một ẩn sĩ, một khách lâm tuyền thực thụ.  *\*Tinh thần thời đại.*  + Bác đến tìm đến thú lâm tuyền không giống với người xưa là để “lánh đục tìm trong” hay tự an ủi mình bằng lối sống” an bần lạc đạo” mà đến với thú lâm tuyền để “dịch sử Đảng” tức là làm cách mạng. Nhân vật trữ tình mang dáng vè một ẩn sĩ song thự chất vẫn là người chiến sĩ.  + Trung tâm của bức tranh Pác Bó là hình tượng người chiến sĩ được đặc tả bằng những nét đậm, khỏe đầy ấn tượng qua tử láy “ chông chênh” và 3 chữ “ dịch sử đảng” toàn vần trắc, toát nên vẻ khỏe khoắn, mạnh mẽ.  + Niềm vui sống giữa thiên nhiên hòa quện trong niềm vui làm cách mạng.  **Bài “Ngắm trăng**”.  *\* Màu sắc cổ điển.*  + Phân tích đề tài “Vọng nguyệt” và thi liệu cổ: “rượu, hoa, trăng”  + Phân tích dáng dấp thi nhân xưa của Bác qua: Cấu trúc đăng đối, nghệ thuật nhân hóa ở hai câu thơ cuối, nhất là chủ thể trữ tình yêu trăng, coi trăng như người bạn gắn bó, tri kỷ.  *\* Tình thần thời đại*:  + Phân tích hồn thơ lạc quan, tinh thần vượt lên trên hoàn cảnh khó khăn gian khổ biểu hiện ở sự tự do nội tại, phong thái ung dung, vượt hẳn lên sự nặng nề, tàn bạo của ngục tù.  + Phân tích tâm hồn thi sĩ hòa quện trong tâm hồn chiến sĩ. |  |

***\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\****

**ĐỀ 2**

**ĐỀ THI HỌC SINH GIỎI CẤP THÀNH PHỐ**

**Môn: NGỮ VĂN – Lớp 8**

**Thời gian: 150 phút** *(Không kể thời gian giao đề)*

**Câu 1.** *(2,0 điểm)*

Đọc đoạn văn sau:

*Nhưng, ô kìa! Sau trận mưa vùi dập và những cơn gió phũ phàng kéo dài suốt cả một đêm, tưởng chừng như không bao giờ dứt, vẫn còn một chiếc lá thường xuân bám trên bức tường gạch. Đó là chiếc lá cuối cùng trên cây. Ở gần cuống lá còn giữ màu xanh sẫm, nhưng với rìa lá hình răng cưa đã nhuốm màu vàng úa, chiếc lá vẫn dũng cảm treo bám vào cành cách mặt đất chừng hai mươi bộ.*

(**Chiếc lá cuối cùng** - ***O Hen-ri*)**

Dựa vào đoạn văn, em hãy viết một đoạn văn cảm nhận về ý nghĩa hình ảnh chiếc lá cuối cùng và sức mạnh của nghệ thuật hội họa.

**Câu 2.** *(8,0 điểm)*

Có ý kiến cho rằng: ***Đọc một câu thơ nghĩa là ta gặp gỡ một tâm hồn con người.***

Qua hai bài thơ **Tức cảnh Pác Bó** và **Ngắm trăng** của ***Hồ Chí Minh***, em hãy phân tích để làm sáng tỏ ý kiến trên.

**Hết**

**HƯỚNG DẪN CHẤM THI HỌC SINH GIỎI NĂM HỌC 2017 – 2018**

**MÔN NGỮ VĂN – LỚP 8**

*(Gồm 02 trang)*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Câu**  **(điểm***)* | **Ý** | **Nội dung** | **Thang**  **điểm** |
| **Câu 1**  (2,0 đ) |  | ***\* Về hình thức***: HS viết thành một đoạn văn hoàn chỉnh.  ***\* Về diễn đạt:*** Bài viết đảm bảo tính mạch lạc, hành văn trong sáng lưu loát làm nổi bật yêu cầu của câu hỏi.  ***\* Về nội dung*: Cần đảm bảo được các ý cơ bản như sau**:  ***- Hình ảnh chiếc lá gợi cho người đọc nhiều liên tưởng:***  + Gợi liên tưởng đến số phận của những con người: nghèo, bệnh tật, tuyệt vọng, bi quan về cuộc sống...  + Liên tưởng đến ý chí, nghị lực của con người. Đặc biệt là tình yêu thương giữa những người nghèo khổ, là một minh chứng cho lòng yêu nghề và tình người cao cả...  ***- Sức mạnh của nghệ thuật hội họa:***  + Tác phẩm nghệ thuật hội họa chân chính có thể làm thay đổi suy nghĩ và hành động của con người...  + “Chiếc lá cuối cùng” trở thành kiệt tác vì nó như liều thần dược đã cứu được Giôn xi, một bệnh nhân đang ở thế tuyệt vọng... | 0,5đ  0,5đ  0,5đ  0,5đ |
| **Câu 2**  (8,0 đ) |  | ***\* Về kỹ năng***: Đảm bảo một bài văn nghị luận văn học, có bố cục và lập luận chặt chẽ. Hệ thống luận điểm rõ ràng, có dẫn chứng linh hoạt, phù hợp. Lời văn trong sáng, mạch lạc…  ***\* Về kiến thức***: Cần đáp ứng được các ý cơ bản như sau: |  |
| **MB** | - Dẫn vào đề một cách hợp lí, logic...  - Giới thiệu vấn đề nghị luận: *Đọc một câu thơ nghĩa là ta gặp gỡ một tâm hồn con người*...khái quát về tác giả, hoàn cảnh ra đời của hai bài thơ Tức cảnh Pác Bó và Ngắm trăng; cảm hứng sáng tác của tác giả... | 0,5đ |
| **TB** | **a) Giải thích ý kiến:** *Đọc một câu thơ nghĩa là ta gặp gỡ một tâm hồn con người*...-> Đọc một câu thơ, chúng ta không chỉ cảm nhận được vẻ đẹp của ngôn từ mà còn cảm nhận được vẻ đẹp tâm hồn của nhà thơ gửi gắm trong đó. Bởi thơ là tiếng nói của tâm hồn, tình cảm con người. Mỗi câu thơ ra đời là kết quả của những trăn trở, suy tư, nung nấu ở người nghệ sĩ...  **b) Phân tích, chứng minh:**  **\* Bài thơ Tức cảnh Pác Bó**  ***- Phong thái ung dung tự tại của Bác:***  + Câu thứ nhất: *Sáng ra bờ suối, tối vào hang*...Giọng điệu thể hiện trong câu thơ rất thoải mái, cho thấy Bác sống thật ung dung, hòa điệu với nhịp sống của núi rừng. Nhịp thơ 4/3 tạo thành hai vế sóng đôi, toát lên cảm giác về sự nhịp nhàng, nề nếp: sáng ra, tối vào…  + Câu thứ hai: *Cháo bẹ rau măng vẫn sẵn sàng*...Niềm vui thích “thú lâm tuyền” đã khiến nhà thơ biến thiếu thốn thành dư thừa, biến kham khổ thành sang trọng...  + Câu thứ ba: *Bàn đá chông chênh dịch sử Đảng*...đây là câu thơ làm nổi bật tư thế, tầm vóc lớn lao của Bác...Ba chữ “dịch sử Đảng” toàn vần trắc, toát lên cái khỏe khoắn, mạnh mẽ, gân guốc. Như vậy, trung tâm của bức tranh Pác Bó là hình tượng người chiến sĩ được khắc họa vừa chân thực, sinh động vừa có tầm vóc lớn lao.  ***- Cái “sang” của cuộc đời cách mạng:*** *Cuộc đời cách mạng thật là sang*. Cái sang của người làm cách mạng, được cống hiến cho dân cho nước...Chữ “sang” kết thúc bài thơ có thể coi là chữ thần, là “nhãn tự” đã kết tinh, tỏa sáng tinh thần...  => Vẻ đẹp tâm hồn Hồ Chí Minh: Dù trong hoàn cảnh gian nan, thiếu thốn vẫn ung dung...Với Người, làm cách mạng và sống hòa nhập với thiên nhiên là một niềm vui lớn...  **\* Bài thơ "Ngắm trăng"**  ***- Hoàn cảnh ngắm trăng của Bác***  + Bác ngắm trăng trong một hoàn cảnh đặc biệt...*Trong tù không rượu cũng không hoa*...  + Cái xốn xang, bối rối rất nghệ sĩ của Bác trước cảnh đẹp của đêm trăng: *Cảnh đẹp đêm nay khó hững hờ...*Bác là một người chiến sĩ cách mạng và cũng là một thi sĩ. Người thi sĩ đã rung động tâm hồn trước vẻ đẹp của trăng dù thân thể đang bị giam cầm trong nhà tù khắc nghiệt, tàn bạo...  ***- Mối giao hòa đặc biệt giữa người tù thi sĩ với trăng:*** *Người ngắm trăng soi ngoài cửa sổ. Trăng nhòm khe cửa ngắm nhà thơ.* Bác thả tâm hồn mình vượt ra ngoài của sắt nhà tù để tìm đến giao hòa với trăng giữa bầu trời tự do...Trăng cũng vượt qua song sắt nhà tù để ngắm nhà thơ...cuộc vượt ngục về tinh thần của Bác...  => Vẻ đẹp tâm hồn Hồ Chí Minh: Tâm hồn tự do, yêu thiên nhiên luôn làm chủ được mọi hoàn cảnh của Bác...  **\* Đánh giá:Nét chung của hai bài thơ**  ***-***  Bác luôn sẵn sàng vượt lên những hoàn cảnh khó khăn, gian khổ, luôn lạc quan...  - Phong cách sống của Bác thể hiện vẻ đẹp của một tâm hồn, nhân cách lớn, mang tinh thần thời đại mới... | 0,5đ  3,0đ  3,0đ  0,5đ |
|  | **KB** | - Khẳng định lại vấn đề...  - Liên hệ (hoặc mở rộng)... | 0,5đ |

**Hết**

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**ĐỀ 4**

**ĐỀ THI CHỌN HỌC SINH NĂNG KHIẾU LỚP 8 THCS**

**MÔN: NGỮ VĂN**

*Thời gian: 150 phút (không kể thời gian giao đề)*

Đề thi có 01 trang

**Câu 1** (*4 điểm*) : Cảm nhận của em về cái hay của đoạn văn sau:

“Hằng năm cứ vào cuối thu, lá ngoài đường rụng nhiều và trên không có những đám mây bàng bạc, lòng tôi lại nao nức những kỉ niệm mơn man của buổi tựu trường.

Tôi quên thế nào được những cảm giác trong sáng ấy nảy nở trong lòng tôi như mấy cành hoa tươi mỉm cười giữa bầu trời quang đãng”.

(Trích “Tôi đi học” - Thanh Tịnh)

Câu 2 ( 4 điểm): Trong truyện ngắn Lão Hạc của Nam Cao, nhân vật ông giáo đã có suy ngẫm:

“ Chao ôi! Đối với những người ở quanh ta, nếu ta không cố tìm mà hiểu họ, thì ta chỉ thấy họ gàn dở, ngu ngốc, bần tiện, xấu xa, bỉ ổi… toàn những cớ để cho ta tàn nhẫn; không bao giờ ta thấy họ là những người đáng thương; không bao giờ ta thương (…). Cái bản tính tốt của người ta bị những nỗi lo lắng, buồn đau, ích kỉ che lấp mất”.

Trình bày cách hiểu của em về suy nghĩ trên của nhân vật ông giáo bằng một bài văn ngắn ?

**Câu 3** (*12 điểm*): Vẻ đẹp tâm hồn Hồ Chí Minh qua các bài thơ của Người: ***Tức cảnh Pác Bó***, ***Ngắm trăng, Cảnh khuya và Rằm tháng giêng.***

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

**1-Câu 1** (*4 điểm*)

\* ***Yêu cầu về kĩ năng*** :

- HS biết trình bày những suy nghĩ, cảm nhận của mình dưới dạng một bài văn ngắn hoặc một đoạn văn, không gạch đầu dòng.

- Bố cục của bài văn hoặc đoạn văn phải hoàn chỉnh.

- Diễn đạt trôi chảy, mạch lạc. Ngôn ngữ trong sáng, chuẩn xác.

- Kĩ năng viết câu phải đúng ngữ pháp.

- Viết đúng dạng bài cảm nhận, không sa đà, lạc sang kể lể, diễn xuôi ý đoạn văn.

\* ***Yêu cầu về nội dung kiến thức***: Cần cảm nhận được cái hay của đoạn văn như sau:

- **Về nghệ thuật** :

+ Cách dẫn dắt cảm xúc rất tự nhiên: từ ngoại cảnh, từ sự thay đổi của thiên nhiên mà gợi nhớ thời điểm tựu trường.

+ Diễn tả hết sức tinh tế tâm trạng náo nức, xốn xang, sự rung động khi hồi tưởng lại kỉ niệm lần đầu tiên đi học, những kỉ niệm nhẹ nhàng trong sáng được diễn tả tinh tế là *những kỉ niệm mơn man*  ...

+ Sử dụng biện pháp tu từ so sánh rất đặc sắc (*hình ảnh những cảm giác trong sáng nảy nở trong lòng được so sánh với mấy cành hoa tươi mỉm cười giữa bầu trời quang đãng: cách so sánh rất gợi cảm, tinh tế, diễn tả cảm xúc tươi sáng trong trẻo đẹp đẽ bừng nở trong tâm hồn nhân vật tôi trong ngày đầu tiên đi học)*.

+ Lựa chọn và sử dụng các từ láy rất tinh tế và giàu sức gợi : *nao nức, mơn man*...

+ Đoạn văn toát lên chất thơ nhẹ nhàng, bay bổng, tinh tế.

- **Về nội dung** : cái hay của đoạn văn là đã diễn tả được những cảm giác nao nức, những rung động nhẹ nhàng mà xốn xang, cảm xúc trong sáng về ngày đầu tiên đi học còn đọng mãi trong tâm hồn.

.**Câu 2** ( *4 điểm*):

***\*Yêu cầu về hình thức :***

- Viết thành bài văn ngắn, bố cục hoàn chỉnh, mạch lạc, lập luận chặt chẽ, diễn đạt lưu loát.

- Viết đúng kĩ năng dạng bài văn nghị luận giải thích, có lập luận lí lẽ để lí giải vấn đề một cách rõ ràng; không lạc sang kể lại câu chuyện, không diễn xuôi ý lôm côm, dông dài.

***\* Yêu cầu về nội dung :***

+ Đây là suy nghĩ có tính triết lý hòa quyện trong cảm xúc xót thương của nhân vật ông giáo đối với người nông dân, đối với con người trong xã hội cũ.

+ Suy nghĩ của nhân vật ông giáo đã khẳng định một thái độ sống, một cách ứng xử, một cách nhìn, cách đánh giá con người mang tinh thần nhân đạo: Không thể nhìn cái vẻ bề ngoài để đánh giá con người; cần phải quan sát, suy nghĩ đầy đủ, sâu sắc về những con người hàng ngày sống quanh mình, cần phải nhìn nhận họ bằng lòng đồng cảm, bằng đôi mắt của tình thương. Khi đó mới biết đồng cảm, mới biết nhìn ra và trân trọng những điều đáng thương, đáng quí ở họ. Nếu không sẽ có ác cảm hoặc đánh giá sai lầm.

***(Ý này cho 2,0 điểm****)*

+ Qua suy nghĩ của nhân vật ông giáo, Nam Cao đã nêu lên một phương pháp đúng đắn, sâu sắc khi đánh giá con người: Ta cần biết đặt mình vào cảnh ngộ cụ thể của họ thì mới có thể hiểu đúng và cảm thông. Vấn đề cách nhìn nhận đánh giá con người đã trở thành một chủ đề sâu sắc, nhất quán trong sáng tác Nam Cao. Ông cho rằng con người chỉ thực sự xứng đáng với danh nghĩa con người khi biết đồng cảm với mọi người xung quanh, khi biết nhận thấy và trân trọng vẻ đẹp đáng quí ở họ*.*

*( Ý này cho 1,5 điểm)*

+ Học sinh có thể tự liên hệ bản thân về vấn đề nhìn nhận, đánh giá những người sống quanh mình, để rút ra bài học cho mình

*( Ý này cho 0,5 điểm)*

**Câu 3** (*12 điểm*):

\* ***Yêu cầu về kĩ năng*** :

- Có kĩ năng viết bài văn nghị luận văn học tổng hợp, biết xâu chuỗi hai tác phẩm sau đó khái quát để hình thành những luận điểm chung. HS có thể trình bày theo từng bài, nhưng đấy không phải là cách tối ưu, không thể hiện được kĩ năng nghị luận chắc chắn. Do vậy nên coi trọng kĩ năng khái quát, tổng hợp và xây dựng luận điểm.

- Bố cục bài hoàn chỉnh, chặt chẽ.

- Biết lập luận hướng vào vấn đề, không sa đà, lan man.

- Diễn đạt trôi chảy, mạch lạc, văn phong trong sáng.

- Dùng từ chuẩn xác, có tính biểu cảm. Đặt câu chuẩn ngữ pháp.

\* ***Yêu cầu về nội dung kiến thức*** : HS hiểu và khái quát được những luận điểm chính sau đây :

(1)- Hồ Chí Minh là một người chiến sĩ yêu nước, luôn đau đáu, trăn trở vì dân, vì nước (*Phân tích dẫn chứng : bài thơ Cảnh khuya và Rằm tháng giêng*)

(2)- Tâm hồn Hồ Chí Minh là tâm hồn tràn đầy lạc quan, luôn biết vượt lên trong mọi hoàn cảnh khó khăn khắc nghiệt nhất. Niềm lạc quan ở Bác là lạc quan cách mạng.

(*Phân tích bài thơ Tức cảnh Pác Bó để làm rõ điều này : phân tích rõ tinh thần lạc quan, nụ cười vui hóm hỉnh của Bác trước hoàn cảnh khó khăn thiếu thốn, Bác đã biến cái nghèo, cái thiếu thành cái sang* ...)

(3)- Hồ Chí Minh có một tâm hồn yêu thiên nhiên tha thiết, say đắm với thiên nhiên. Đối với Bác, thiên nhiên là bạn tri kỉ, tâm giao.

(*Phân tích tình yêu trăng của Hồ Chí Minh thể hiện trong các bài : Vọng nguyệt, Cảnh khuya, Rằm tháng giêng* ...)

(4)- Tâm hồn Hồ Chí Minh là một tâm hồn đầy chất thi sĩ, nghệ sĩ, rất nhạy cảm mà cũng rất phóng khoáng, có những rung cảm tinh tế trước thiên nhiên, vẻ đẹp của cuộc đời. (*P.tích dẫn chứng*)

- Khái quát: Ở Hồ Chí Minh, người ta thấy rất rõ tâm hồn thi sĩ, nghệ sĩ hòa quyện với con người chiến sĩ. Điều này làm nên nét đẹp ở Bác.

- Có thể liên hệ với một số nhà thơ thời trung đại như Nguyễn Trãi, Nguyễn Bỉnh Khiêm …

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**ĐỀ 5.**

**ĐỀ THI CHỌN HỌC SINH NĂNG KHIẾU**

**CẤP HUYỆN**

**NĂM HỌC 2017 - 2018**

**Câu 1** **(8.0 điểm)**

**Vết nứt và con kiến**

*Khi ngồi ở bậc thềm trước nhà, tôi nhìn thấy một con kiến đang tha chiếc lá trên lưng. Chiếc lá lớn hơn con kiến gấp nhiều lần.*

*Bò được một lúc, con kiến chạm phải một vết nứt khá lớn trên nền xi măng. Nó dừng lại giây lát. Tôi tưởng con kiến hoặc là quay lại, hoặc là sẽ một mình bò qua vết nứt đó. Nhưng không. Con kiến đặt chiếc lá ngang qua vết nứt trước, sau đó đến lượt nó vượt qua bằng cách vượt lên trên chiếc lá. Đến bờ bên kia, con kiến lại tha chiếc lá và tiếp tục cuộc hành trình.*

*(Theo****Hạt giống tâm hồn***, tập 5, NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh*)*

Trình bày suy nghĩ của em về câu chuyện trên bằng một bài văn ngắn không quá một trang rưỡi giấy thi.

**Câu 2** **(12.0 đ)**

Đọc thơ Bác, Hoàng Trung Thông có viết:

*“Tôi đọc trăm bài trăm ý đẹp*

*Ánh đèn tỏa rạng mái đầu xanh*

*Vần thơ Bác vần thơ thép*

*Mà vẫn mênh mông bát ngát tình”*

Em hiểu thế nào về *chất thép*, *chất tình* trong đoạn thơ trên? Bằng hai bài thơ *“Ngắm trăng”, “Đi đường”* trích *“Nhật kí trong tù”* của Hồ Chí Minh (Sách Ngữ văn 8, tập 2) em hãy làm sáng tỏ vấn đề trên.

*----------Hết---------*

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

**MÔN: NGỮ VĂN 8**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **1**  **8.0đ** | **\*Yêu cầu chung:**  - Kiểm tra năng lực viết bài nghị luận về một vấn đề xã hội, đòi hỏi thí sinh phải huy động những hiểu biết về đời sống và kĩ năng tạo lập văn bản để làm bài  - Thí sinh có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng phải có lí lẽ và căn cứ xác đáng, có thái độ chân thành, nghiêm túc, phù hợp với chuẩn mực đạo đức xã hội  \* Yêu cầu cụ thể:  HS có thể trình bày bằng nhiều cách nhưng cần làm rõ được các yêu cầu cơ bản sau: |  |
| **1. Giới thiệu vấn đề NL**  - Cuộc sống luôn có những khó khăn, trở ngại, thách thức, con người cần phải biết biến những điều đó thành hành trang quý giá cho ngày mai như câu chuyện trên | **0.5** |
| **2. Phân tích, bàn luận vấn đề**  **\* Ý nghĩa câu chuyện**  - *Chiếc lá và vết nứt*: Tượng trưng cho những khó khăn, thử thách, chông gai, vất vả, những trở ngại, biến cố có thể xảy đến với con người bất cứ lúc nào trong cuộc đời  - *Con kiến đặt ngang chiếc lá qua vết nút, rồi vượt qua bằng cách bò lên trên lá*:... Thái độ biết chấp nhận thử thách, kiên trì, sáng tạo, dũng cảm vượt qua bằng chính sức của mình  => Câu chuyện ngắn gọn những chứa đựng ý nghĩa, bài học lớn lao về cuộc sống. Con người cần phải có ý chí, nghị lực, thông minh, sáng tạo, sẵn sàng đối mặt với những thử thác, khó gian, dũng cảm vượt qua bằng nghị lực, niềm tin | **1.0** |
| **\* Bàn luận**  - Khẳng định câu chuyện trên có ý nghĩa nhân sinh sâu sắc đối với mỗi con người  + Những khó khăn, trở ngại vẫn thường xảy ra trong cuộc sống, nó là một điều tất yếu tồn tại trong cuộc đời. Bởi vậy, mỗi người cần có thái độ sống tích cực, sẵn sàng đối mặt, dũng cảm vượt qua bằng sự tỉnh táo, thông minh, sáng tạo để tìm ra hướng giải quyết tốt nhất. Chỉ có như vậy, con người mới có được bản lĩnh, đứng vững trước mọi khó khăn, thử thách, gặt hái được thành công  *(HS đưa ra dẫn chứng cụ thể, phân tích)*  - Phê phán thái độ sống thiếu tích cực  + Không phải bất cứ ai cũng có thái độ tích cực để vượt qua mọi trở ngại, sóng gió trong cuộc đời. Có người bi quan, tuyệt vọng, chán nản, đầu hàng, bỏ cuộc; có người ỷ lại, đổ lỗi cho số phận...  *(HS đưa ra dẫn chứng cụ thể, phân tích)* | **5.0** |
| **\* Đưa ra bài học nhận thức và hành động**  - Cuộc sống không phải lúc nào cũng trải đầy hoa hồng, bằng phẳng, thuận lợi mà sóng gió có thể ập tới bất cứ lúc nào. Đó là quy luật tất yếu mà con người cần phải đối mặt.  - Phải có ý thức rèn luyện, bồi đắp về trí tuệ, tâm hồn, xây dựng sức mạnh nội tại, ý chí mạnh mẽ để có thể vượt qua mọi khó khăn thử thách | **1.0** |
| **3. Đánh giá**  - Khái quát lại vấn đề, liên hệ bản thân | **0.5** |
| **2**  **12.0đ** | **a) Yêu cầu chung:**  - Kiểm tra năng lực viết bài nghị luận văn học, đòi hỏi thí sinh phải huy động kiến thức về tác giả, tác phẩm và kĩ năng tạo lập văn bản để làm bài  - Thí sinh có thể hiểu và trình bày theo những cách khác nhau, nhưng phải rõ hệ thống luận điểm, có lí lẽ, dẫn chúng cụ thể, lời văn trong sáng, thuyết phục, ít mắc lỗi diễn đạt. |  |
| **b) Yêu cầu cụ thể:**  ***\* Giới thiệu vấn đề nghị luận*** | **0.5** |
| ***\* Khái quát:***  - Hoàn cảnh ra đời, phong cách thơ Hồ Chí Minh.... | **0.5** |
| ***\* Giải thích:***  *- Thép:* Là hợp kim vừa có độ bền, độ cứng và độ dẻo. Tinh thần “thép” trong thơ Bác là sự ung dung, tự tại, lạc quan, vượt lên hoàn cảnh, là sự tự do về mặt tinh thần, luôn tin tưởng và sự thắng lợi của cách mạng, là phong thái của người chiến sĩ cách mạng  - *Tình:* Là những rung cảm của tâm hồn, sự gắn bó, là tình yêu đối với con người, với thiên nhiên. Tình trong thơ Bác chính là vẻ đẹp tâm hồn của người nghệ sĩ, nhạy cảm, dễ rung cảm trước vẻ đẹp của thiên nhiên, con người, yêu thiên nhiên, yêu quê hương, đất nước tha thiết  => Thép và tình trong hai bài thơ vừa thể hiện ở ý chí, bản lĩnh, nghị lực phi thường của người chiến sĩ cách mạng trong cảnh tù đầy, vừa thể hiện ở tình yêu, sự rung cảm trước cái đẹp của thiên nhiên. | **1.0** |
| ***\* Chứng minh:***  *HS có thể trình bày theo nhiều cách nhưng đảm bảo một số ý sau:*  - ***Chất thép trong hai bài thơ “Ngắm trăng’, “Đi đường” thể hiện ở phong thái lạc quan, ung dung, yêu đời dù trong hoàn cảnh tù đày gian khổ***  + Bài *“Ngắm trăng”*  Hai câu đầu với nghệ thuật đối chuẩn, thi sĩ- Hồ Chí Minh đang sống trong nghịch cảnh nơi ngục tù, chân tay bị xiềng xích, nằm trong ngục tối đầy muỗi rệp nhưng luôn khao khát và hướng tới cái đẹp. Người bối rối, xốn xang trước vẻ đẹp của ánh trăng ngoài cửa sổ, khao khát được thưởng trăng một cách trọn vẹn dù không có rượu, không có hoa. Sự rung cảm trước vẻ đẹp thiên nhiên ấy trong chỉ cho thấy tâm hồn nhạy cảm, yêu cái đẹp, yêu thiên nhiên mà còn cho thái sự tự do trong tâm hồn. Cánh song sắt của nhà tù không giam cầm được tình yêu của người thi sĩ- chiến sĩ  *(Phân tích đối sánh hai câu khai thừa phần phiên âm và dịch nghĩa để làm rõ)*  Hai câu chuyển- hợp: Vế đối mẫu mực: *Nhân hướng - Nguyệt tòng* thể hiện tư thế ngắm trăng độc đáo của người tù cách mạng. Không chỉ là thưởng trăng thường tình mà còn là một cuộc vượt ngục bằng tinh thần đích thực. Song sắt nhà tù không thể nào giam cầm được tinh thần lạc quan, tình yêu của Bác đối với vẻ đẹp thiên nhiên  *(Phân tích đối sánh hai câu chuyển- hợp phần phiên âm và dịch nghĩa để làm rõ)*  + Bài *“Đi đường”*  Hai cầu đầu: Lời thơ giản dị như lời kể. Bác nói chuyện đi đường, vượt qua quãng đường đèo núi *“đường đi khó; hết lớp núi này lại tiếp đến lớp núi khác”*, khó khăn chồng chất khó khăn, gian lao tiếp liền gian lao. Điệp từ : *“trùng san”* đã làm nổi bật hình ảnh thơ, làm sâu sắc ý thơ, thấy được sự thấm thía những gian lao, vất vả của người đi đường, cũng là con đường cách mạng, đường đời  Hai câu còn lại: Trèo lên tới đỉnh cao là lúc gian lao nhất nhưng đồng thời là lúc mà mọi khó khăn vừa kết thúc, người đi đường đứng trên đỉnh cao tột cùng. Nỗi gian lao của người đi đường núi được đền đáp bằng việc chinh phục đỉnh cao. Hình ảnh người chiến sĩ say sưa chìm đắm ôm trọn vẻ đẹp của thiên nhiên từ đỉnh cao muôn trượng mang dáng dấp của cả một người thi sĩ  => Phong thái của người tù là cốt cách của người chiến sĩ cách mạng ung dung, tự tại | **2.5**  **2.5** |
| ***- Chất tình thể hiện ở sự say đắm trước vẻ đẹp của thiên nhiên, thể hiện tình yêu thiên nhiên, yêu quê hương, đất nước tha thiết***  + Bài *Ngắm trăng*: Sự rung cảm trước cái đẹp, sự giao hòa giữa con người và thiên nhiên giống như tri âm, tri kỉ  *(Phân tích phần phiên âm và dịch nghĩa để làm rõ)*  + *Đi đường*: Người tù say ngắm, đắm chìm trong cảnh thiên nhiên hùng vĩ, tươi đẹp  *(Phân tích phần phiên âm và dịch nghĩa để làm rõ)*  => Tâm hồn nhạy cảm, tình yêu tha thiết với vẻ đẹp thiên nhiên- trái tim của một thi sĩ | **3.0** |
| **\* Đánh giá**  - Thể thơ tứ tuyệt, kết hợp nhuần nhuyễn giữa cổ điển và hiện đại  - *Ngắm trăng, Đi đường* là những bài thơ tuyệt bút của HCM. Bác không hề nói đến *chất thép*, *lên giọng thép* mà sáng ngời chất thép. Chất thép, chất tình hòa quyện trong thơ Bác, đó chính là sự hòa quyện thống nhất đẹp đẽ giữa tâm hồn thi sĩ và cốt cách chiến sĩ.  - Liên hệ với các bài thơ khác trong *“Nhật kí trong tù”* | **1.0** |
| **\* Kết luận**  - Đánh giá lại vấn đề | **1.0** |

**ĐỀ 6.**

**ĐỀ THI HỌC SINH GIỎI CẤP THÀNH PHỐ**

**Năm học: 2017-2018**

**Môn: Ngữ văn lớp 8**

*Thời gian làm bài: 150 phút*

**Câu 1: (4,0 điểm)**

Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:

*Nhưng, ô kìa! Sau trận mưa vùi dập và những cơn gió phũ phàng kéo dài suốt cả một đêm, tưởng chừng như không bao giờ dứt, vẫn còn một chiếc lá thường xuân bám trên bức tường gạch. Đó là chiếc lá cuối cùng trên cây. Ở gần cuống lá còn giữ màu xanh sẫm, nhưng với rìa là hình răng cưa đã nhuốm màu vàng úa, chiếc lá vẫn dũng cảm treo bám vào cành cách mặt đất chừng hai mươi bộ.*

(Chiếc lá cuối cùng- O Hen-ri)

a. Chỉ rõ thán từ trong đoạn văn trên.

b. Tìm các từ cùng trường từ vựng trong câu văn sau và nêu tác dụng của trường từ vựng đó: Ở gần cuống lá còn giữ màu xanh sẫm, nhưng với rìa là hình răng cưa đã nhuốm màu vàng úa, chiếc lá vẫn dũng cảm treo bám vào cành cách mặt đất chừng hai mươi bộ.

c. Nêu ý nghĩa của hình tượng chiếc lá trong đoạn văn trên.

**Câu 2: (6,0 điểm)**

Trong bài phát biểu nhân kỷ niệm 1000 năm Thăng Long - Hà Nội, giáo sư Vũ Khiêu đã nói:

Để giàu sang, một người có thể chỉ mất vài ba năm, nhưng để trở thành người có văn hóa có thể phải mất hàng chục năm, có khi cả cuộc đời.

Hãy trình bày suy nghĩ của em về ý kiến trên.

**Câu 3: (10,0 điểm)**

Nhà văn A-na tô-li Phơ-răng nói: *Đọc một câu thơ nghĩa là ta gặp gỡ một tâm hồn con người.*

Em hiểu gì về câu nói trên của nhà văn Pháp? Cảm nhận của em về vẻ đẹp tâm hồn của người chiến sĩ cộng sản qua hai bài thơ Ngắm trăng (Hồ Chí Minh) và Khi con tu hú (Tố Hữu).

**......................Hết......................**

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Yêu cầu** | **Điểm** |
| **1**  **4.0đ** | a. Thán từ: ô kìa | **0.5** |
| b. - Trường từ vựng màu sắc: xanh sẫm, vàng úa. | **0.5** |
| - Tác dụng: Miêu tả chiếc lá giống như thật: một chiếc lá thường xuân vừa trải qua một đêm mưa gió tưởng như sắp rụng vẫn dũng cảm đeo bám vào cành. | **0.5** |
| c. Ý nghĩa của hình tượng chiếc lá trong đoạn văn trên:  - Tác dụng trong việc xây dựng tình huống truyện (thắt nút, mở nút bất ngờ mà hứng thú). (0,5 điểm)  - Gợi nhiều liên tưởng:  - Gợi liên tưởng đến số phận con người. Vì nghèo đói và bệnh tật mà Giôn-xi tuyệt vọng, bi quan về cuộc sống. (0,5 điểm)  - Chiếc lá còn gợi liên tưởng đến ý chí, nghị lực của con người. (0,5 điểm)  - Đặc biệt, chiếc lá cuối cùng là hình tượng đẹp thể hiện tình yêu thương giữa những người nghèo khổ. (1 điểm) | **2.5** |
| **2**  **6.0đ** | **a. Về kĩ năng:**  - Biết cách làm bài văn nghị luận xã hội, bố cục rõ ràng, lập luận chặt chẽ, vận dụng tốt các thao tác lập luận, dẫn chứng tiêu biểu, chọn lọc.  - Bài viết trong sáng, mạch lạc, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp. |  |
| **b. Về kiến thức:**  Học sinh có thể bày tỏ những suy nghĩ khác nhau, nhưng cần đảm bảo các ý cơ bản sau:  **1. Dẫn dắt và giới thiệu vấn đề** | **0.5** |
| **2. Giải thích ý kiến**  - Văn hóa: Một khái niệm rộng bao gồm mọi lĩnh vực của đời sống, từ khoa học cho đến nghệ thuật, từ đời sống tâm hồn, tâm linh đến thói quen sinh hoạt, thị hiếu thẩm mĩ, giao tiếp ứng xử,... của con người.  - Khái niệm văn hóa trong câu nói của Vũ Khiêu bàn đến văn hóa của một người. Bằng những mệnh đề tương phản: giàu sang - có văn hóa; ba năm - chục năm, cả cuộc đời, nhà văn hóa Vũ Khiêu muốn khẳng định sự dày công trong việc dạy dỗ, giáo dục, rèn luyện để một con người trở nên có văn hóa. | **1.0** |
| **3. Bàn luận, mở rộng vấn đề**  - Khẳng định ý kiến hoàn toàn đúng đắn và xác đáng.  - Để giàu sang, một người có thể chỉ mất vài ba năm: Với một con người, việc tạo lập một sản nghiệp, một cuộc sống đủ đầy có thể chỉ mất một thời gian ngắn. Sự cần cù và sáng tạo trong lao động có thể khiến họ nhanh chóng trở thành người giàu có. Để trở thành một người có văn hóa, có thể phải mất hàng chục năm, có khi cả cuộc đời:  - Để hình thành nền tảng văn hóa tri thức, con người cần rèn luyện, tích lũy trong khoảng thời gian hàng chục năm khi ngồi trên ghế nhà trường và trong suốt cả cuộc đời, Học, học nữa, học mãi (Lênin).  - Mỗi người phải mất cả cuộc đời để hoàn thiện những giá trị văn hóa tinh thần: Đó là vẻ đẹp tâm hồn với các giá trị đạo đức như: tình yêu thương, nhân ái, lòng vị tha, khoan dung, sự sẻ chia, đồng cảm; lòng yêu nước, ý thức dân tộc, cộng đồng; thái độ trân trọng lịch sử, trân trọng quá khứ; văn hóa giao tiếp ứng xử giữa người với người trong cuộc sống...  - Văn hóa tri thức và đạo đức nhân cách của con người có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Những người có trình độ văn hóa cao thường là những nhân cách đáng trọng. Tuy nhiên điều đó không hoàn toàn đúng với mọi trường hợp bởi trên thực tế, nhiều người có trình độ văn hóa cao vẫn có thể có những suy nghĩ ấu trĩ, vẫn có thể mắc những sai lầm trong giao tiếp ứng xử.  - Vì vậy song song với việc bồi đắp tri thức văn hóa, con người ta còn phải học làm người, tăng cường rèn luyện kĩ năng sống. | **3.0** |
| **4. Bài học nhận thức và hành động**  - Việc rèn luyện để trở thành con người có văn hóa là quan trọng, cần thiết.  - Để đào luyện một con người có văn hóa cần có sự chung tay của cả gia đình, nhà trường, xã hội. Tuy nhiên yếu tố quyết định là ở mỗi người, ở việc trau dồi ý thức làm người. | **1.5** |
| **3**  **10.0đ** | **A. Yêu cầu chung:**  - Về hình thức: trình bày, diễn đạt, liên kết câu...  - Về nội dung: làm rõ vẻ đẹp tâm hồn người chiến sĩ cộng sản trong hai bài thơ. |  |
| **B. Yêu cầu cụ thể:**  Học sinh có thể bày tỏ những suy nghĩ khác nhau, nhưng cần đảm bảo các ý cơ bản sau:  ***I. Mở bài:***  Dẫn dắt, đưa nhận định | **0.5** |
| ***II. Thân bài:***  **1. Giải thích:**  Đúng như nhà văn A-na tô-li Phơ-răng đã nói: “Đọc một câu thơ nghĩa là ta gặp gỡ một tâm hồn con người”. Có nghĩa là đọc một câu thơ, chúng ta không chỉ cảm nhận được vẻ đẹp của ngôn từ mà còn cảm nhận được vẻ đẹp tâm hồn của nhà thơ gửi gắm trong đó. Bởi thơ là tiếng nói của tâm hồn, tình cảm con người. Mỗi câu thơ ra đời là kết quả của những trăn trở, suy tư, nung nấu ở người nghệ sĩ. | **0.5** |
| **2. Chứng minh:**  HS tìm các phương diện vẻ đẹp tâm hồn của người chiến sĩ của cả hai bài thơ để phân tích. (Hoặc có thể phân tích vẻ đẹp tâm hồn người chiến sĩ theo từng bài thơ). Sau đây là gợi ý:  **a. LĐ 1:** Dù sống trong ngục tù nhưng những người chiến sĩ vẫn dành cho thiên nhiên một tình yêu sâu sắc:  - Trong bài thơ “Khi con tu hú”, tình yêu thiên nhiên, yêu cuộc sống khiến người tu tưởng tượng một mùa hè chan hoà ánh sáng, rực rỡ sắc màu rộn ràng âm thanh và ngọt ngào hương vị (dẫn chứng)  - Bài thơ “Ngắm trăng”:  - Bác nghĩ đến trăng và việc ngắm trăng ngay cả khi bản thân bị giam cầm, đày đọa. Người thấy thiếu mọi nghi thức thông thường. Cái thiếu “ rượu” và “hoa” là cái thiếu của một thi nhân chứ không phải là cái thiếu của một tù nhân (dẫn chứng)  - Sự xốn xang, bối rối rất nghệ sĩ trước cảnh đẹp đêm trăng của Bác (dẫn chứng)  - Sự giao hoà tự nhiên, tuyệt vời giữa con người và vầng trăng tri kỷ. Qua nghệ thuật đối và nhân hoá làm nổi bật tình cảm song phương, cho thấy mối quan hệ gắn bó tri âm giữa trăng và người (dẫn chứng) | **3.0** |
| **b. LĐ 2:** Họ luôn khao khát tự do mãnh liệt:  - Niềm khao khát mãnh liệt về với tự do còn được bộc lộ trực tiếp trong những câu cuối: d/c. Cách ngắt nhịp độc đáo, kết hợp với những từ ngữ mạnh (đập tan phòng, chết uất) và những từ cảm thán (ôi, làm sao, thôi) làm nổi bật cái cảm giác ngột ngạt cao độ, niềm khao khát cháy bỏng muốn thoát ra khỏi cảnh ngục tù để trở về với cuộc sống tự do bên ngoài. Tiếng chim tu hú mở đầu và kết thúc bài thơ đã tạo nên một sự hô ứng. Tiếng chim ban đầu là âm thanh đẹp của tự nhiên gợi lên trong tâm hồn người tù cách mạng trẻ tuổi một mùa hè tự do, khoáng đạt đầy sức sống. Còn tiếng chim tu hú ở cuối bài thơ lại là âm thanh giục giã, như thúc giục những hành động sắp tới.  - Còn Bác luôn hướng ra ánh sáng. Đó là vầng trăng, là bầu trời, là tự do và đó cũng là hy vọng, là tương lai. | **3.0** |
| **c. LĐ 3:** Người chiến sĩ cộng sản ấy cũng mang một phong thái ung dung, lạc quan trong bất kỳ hoàn cảnh nào: Hoàn cảnh khắc nghiệt của nhà tù Tưởng Giới Thạch không trói buộc được tinh thần và tâm hồn người tù, không làm mất đi nét thư thái ung dung vốn sẵn có ở Bác. Bác tự do rung động với vầng trăng, với cảnh đẹp bất chấp hoàn cảnh, bất chấp cái song sắt tàn bạo - biểu tượng cụ thể của nhà tù (cuộc vượt ngục tinh thần). | **2.0** |
| **3. Tổng hợp:**  - Như vậy, qua hai bài thơ, người đọc sẽ hiểu hơn về tâm hồn của người chiến sĩ cộng sản khi ở trong tù. Và vẻ đẹp tâm hồn của họ là cội nguồn tạo nên vẻ đẹp, giá trị tác phẩm.  - Đọc thơ hay, gặp gỡ tâm hồn người nghệ sĩ, người đọc thơ được thanh lọc, hoàn thiện tâm hồn mình. | **0.5** |
| ***III. Kết bài:*** Khẳng định lại nhận định và cảm nghĩ, liên hệ… | **0.5** |

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**ĐỀ 7.**

**ĐỀ THI HSG MÔN NGỮ VĂN 8 THÁI THỤY**

**NĂM HỌC 2016- 2017.**

**Câu 1**: *(8 điểm)*

**HỎI**

Tôi hỏi đất: Đất sống với đất như thế nào ?

- Chúng tôi tôn cao nhau.

Tôi hỏi nước: Nước sống với nước như thế nào ?

- Chúng tôi làm đầy nhau.

Tôi hỏi cỏ: Cỏ sống với cỏ như thế nào ?

- Chúng tôi đan vào nhau

Làm nên những chân trời.

Tôi hỏi người: Người sống với người như thế nào ?

Tôi hỏi người: Người sống với người như thế nào ?

Tôi hỏi người: Người sống với người như thế nào ?

Trích trong tập thơ *Thư mùa đông* - Hữu Thỉnh

Trình bày những bài học về lối sống đẹp cho mình, cho mọi người mà em họcđược từ bài thơ trên bằng một bài văn nghị luận ngắn.

**Câu 2**: *(12 điểm)*

**ĐI ĐƯỜNG**

Đi đường mới biết gian lao,

Núi cao rồi lại núi cao trập trùng;

Núi cao lên đến tận cùng,

Thu vào tầm mắt muôn trùng nước non.

*(Bản dịch thơ của Nam Trân)*

Hồ Chí Minh, *Nhật kí trong tù*

Sách *Ngữ văn 8*, tập hai - Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, 2016

Bằng việc phân tích bài thơ *Đi đường*, em hãy làm sáng tỏ ý nghĩa tư tưởng sâu sắc: Từ việc đi đường núi đã gợi ra chân lí đường đời, đường cách mạng của người chiến sĩ cộng sản kiên cường.

--- Hết ---

**HƯỚNG DẪN CHẤM HSG MÔN NGỮ VĂN 8**

**II. Đáp án và thang điểm**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **12 điểm** | ***Bằng việc phân tích bài thơ Đi đường, em hãy làm sáng tỏ ý nghĩa tư tưởng sâu sắc: từ việc đi đường núi đã gợi ra chân lí đường đời, đường cách mạng của người chiến sĩ cộng sản kiên cường.*** |  |
| **Yêu cầu chung:**  - Người xưa nói: "Đi một ngày đàng, học một sàng khôn " - theo quan niệm triết lí Phương Đông, từ việc đi đường thường được liên tưởng, chiêm nghiệm tới đường đời... Trên bước đường gian lao trong thời kì Bác bị giải tới giải lui qua các nhà lao của chế độ nhà tù hà khắc Tưởng Giới Thạch, Bác luôn suy ngẫm để đúc rút cho bản thân mình những bài học sâu sắc ...  - Phân tích bài thơ " Đi đường " (Trích Nhật kí trong tù - Hồ Chí Minh) để làm sáng tỏ ý nghĩa tư tưởng của bài thơ: Từ việc đi đường núi (nghĩa hiển ngôn) đã gợi ra chân lí đường đời, đường cách mạng của người chiến sĩ cộng sản kiên cường (nghĩa hàm ngôn). |  |
| **1. Mở bài:** | **2,0** |
| + Giới thiệu khái quát về hoàn cảnh ra đời của tập thơ. | 1,0 |
| + Giới thiệu bài thơ *" Đi đường "* (Tẩu lộ). | 1,0 |
| **2. Thân bài:** | **8,0** |
| + Việc đi đường thật khó khăn, gian khổ - nhất là với người đi đường núi. Câu thơ đơn sơ nhưng chứa đựng sự suy ngẫm có ý nghĩa khái quát sâu sắc, vượt ra ngoài sự đi đường thông thường: | **4,0** |
| - Vượt qua hết lớp núi này lại đến lớp núi khác cao hơn, khó khăn hơn | 1,0 |
| - Mọi sự gian lao vất và như đã lùi lại phía sau khi người đi đường lên tới đỉnh cao nhất… | 1,0 |
| - Lên tới đỉnh cao chót là lúc gian lao nhất nhưng đồng thời cũng là lúc đã vượt qua mọi khó khăn. Nỗi gian lao của người đi đường núi dù có chồng chất nhưng không phải là vô tận. Con người có quyết tâm sẽ vượt qua, sẽ chiến thắng. | 1,0 |
| - Người đi đường gian lao, vất vả bỗng trở thành người du khách ung dung say đắm trước phong cảnh đẹp. Con đường núi gian lao, hiểm trở trong bài thơ gợi ra hình ảnh con đường cách mạng; hình ảnh con người ung dung thu muôn dặm nước non vào tầm mắt là hình ảnh người chiến sĩ đứng trên đỉnh cao chiến thắng ... | 1,0 |
| + Ý nghĩa tư tưởng sâu sắc được rút ra là: Trải qua chặng đường dài gian lao thì sẽ tới đích, càng gần đích, càng gần thắng lợi thì càng nhiều gian lao. Con người có nghị lực, có quyết tâm vượt khó sẽ giành được thắng lợi vẻ vang. Đó cũng chính là bài học đường đời, đường cách mạng mà bài thơ đã gợi ra ... | **4,0** |
| **3. Kết bài:** | **2,0** |
| - Khẳng định lại ý nghĩa tư tưởng sâu sắc của bài thơ: từ việc đi đường núi đã gợi ra chân lí đường đời, đường cách mạng. | 1,0 |
| - Khẳng định con đường cách mạng lâu dài, gian khổ nhưng nếu kiên trì, bến chí thì nhất định thắng lợi hoàn toàn - đó cũng chính là chân lí mà Bác Hồ đã chỉ ra cho chúng ta... | 1,0 |
|  |  |

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**ĐỀ 8**

**KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI CẤP HUYỆN**

**NĂM HỌC 2019-2020**

**MÔN THI: NGỮ VĂN 8**

**Phần I. Đọc hiểu (4,0 điểm):**

**Đọc đoạn trích sau đây và trả lời các câu hỏi từ Câu 1 đến Câu 4:**

Trong mỗi người chúng ta có chứa đựng hai phần đối lập – bóng tối và ánh sáng. Để hạnh phúc luôn mỉm cười, ta cần phát huy mặt tốt và không phủ nhận mặt xấu trong con người mình. Khi không dám đối diện với nỗi sợ hãi và cơn ác mộng giày vò tâm trí, ta sẽ gián tiếp khước từ những cảm xúc tốt đẹp đang hiện hữu trong trái tim mình. Và cứ thế, bóng tối dần xâm chiếm và bao phủ lên những điều tuyệt vời ta đang có. Ngược lại, nếu ta can đảm đương đầu và chiếu rọi ánh sáng vào những vùng tối tăm, bóng tối sẽ lùi lại và tan biến.

Thật vậy, sự trưởng thành của mỗi người phụ thuộc vào sự dũng cảm đối mặt với thử thách – những thử thách không chỉ ở thế giới bên ngoài mà cả ở thế giới nội tâm. Bóng tối sẽ không thể tồn tại nếu ta phơi bày nó trước ánh sáng của sự thiện tâm, lòng nhân hậu và sự khoan dung, bởi chẳng có bóng tối nào trên thế gian này có sức mạnh và quyền năng to lớn bằng tình yêu.

(Tian Dayton, Ph. D, Quên hôm qua, sống cho ngày mai, NXBTổng hợp TP. HCM, tr.129

 Câu 1. Dựa vào đoạn trích, hãy cho biết để hạnh phúc luôn mỉm cười, ta cần phải làm gì?

Câu 2. Theo tác giả, điều gì sẽ xảy ra nếu mỗi con người không dám đối diện với nỗi sợ hãi?

Câu 3. Em hiểu như nào về lời khuyên: “Ta cần không phủ nhận mặt xấu trong con người mình” ?

Câu 4. Em nhận xét về quan điểm tác giả thể hiện trong đoạn trích.

***(GV có thể thay đổi thêm bớt các câu hỏi đọc hiểu vì là đề luyện nên không nhất thiết phải 4 câu mà càng nhiều câu càng tốt)***

**Phần II: Làm văn** (16,0 điểm):

**Câu 1.** (6 điểm)

Từ nội dung đoạn trích ở phần Đọc hiểu, hãy viết 01 đoạn văn (khoảng 200 chữ) cho biết anh/chị làm thế nào để vượt qua thử thách ở ngay trong chính bản thân mình.

### **Câu 2:** (10,0 điểm):

Tìm những nét giống nhau về nội dung và hình thức nghệ thuật của hai bài Ngắm trăng và Tức cảnh Pắc Bó (Hồ Chí Minh)

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

**Phần I. Đọc hiểu (4,0 điểm)**

**Câu 1.**Để hạnh phúc luôn mỉm cười, ta cần phát huy mặt tốt và không phủ nhận mặt xấu trong con người.

**Câu 2.** Theo tác giả, nếu không dám đối diện với nỗi sợ hãi, con người sẽ gián tiếp khước từ những cảm xúc tốt đẹp đang hiện hữu trong trái tim mình. Và cứ thế, bóng tối dần xâm chiếm và bao phủ lên những điều tuyệt vời ta đang có.

**Câu 3.** Lời khuyên: “Ta cần không phủ nhận mặt xấu trong con người mình” có thể được hiểu là ta không nên né tránh, chối bỏ mặt xấu đang hiện hữu trong con người mình. Việc đối diện với mặt xấu trong mỗi con người sẽ giúp con người có nhận thức đúng về sai lầm, khiếm khuyết của bản thân để tìm cách khắc phục…

**Câu 4.** Quan điểm mà tác giả thể hiện trong đoạn trích: Để trưởng thành, mỗi con người phải dũng cảm đối diện với cái xấu ở ngay trong chính con người mình. Đây là một quan điểm đúng đắn, có ý nghĩ cảnh tỉnh, động viên, khích lệ mỗi người…

***II. Phần làm văn (16 điểm)***

**Câu 1.** (6 điểm)

Yêu cầu: Đảm bảo dung lượng (khoảng 200 chữ); hình thức, nội dung của đoạn văn; HS có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng phân hợp, song hành, móc xích; có thể lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề cần nghị luận: Làm thế nào để vượt qua thử thách ở ngay trong chính bản thân mình?

Sau đây là một gợi ý:

– Để vượt qua thử thách ở ngay trong bản thân mình, mỗi người cần bắt đầu bằng việc không né tránh, dũng cảm đối diện với chính thử thách – sự hèn nhát, thói ích kỉ, sự đố kị, lòng tham…

– Không dễ dãi thỏa hiệp với thói xấu; đấu tranh với chính mình để loại trừ những thói xấu; lắng nghe góp ý, phê bình thẳng thắn từ người khác để khắc phục nhược điểm…

**\*Đoạn văn tham khảo:**

Chúng ta có nhiều cách để vượt qua thử thách ở ngay trong chính bản thân mình. Những thử thách ấy có khi là nỗi sợ hãi, sự lo lắng, hay là những thói xấu, những suy nghĩ tiêu cực tồn tại ngay trong chính chúng ta. Thông thường khi gặp phải một nỗi sợ hãi hay suy nghĩ tiêu cực, ta thường tìm cách trốn tránh hoặc than trách bản thân. Tuy nhiên đó không phải là cách hiệu quả để vượt qua những rào cản. Thay vào đó, ta có tìm cách đối mặt với chính nỗi sợ hãi hay suy nghĩ tiêu cực đó. Hãy mạnhmẽ thách thức những tiếng nói tiêu cực từ nội tâm, đối mặt và bắt tay vào hành động. Khi đối mặt với những thử thách từ trong chính bản thân mình, ta có được sự dũng cảm, quyết tâm, từ đó chiến thắng nỗi sợ hãi. Ta cũng thường né tránh những thói xấu của bản thân như sự ích kỉ, lòng tham… và bao biện cho nó bằng những lí do thiếu thuyết phục. Để giải quyết được vấn đề này, có lẽ cách tốt nhất là mạnh dạn lắng nghe lời phê bình, góp ý từ người khác. Dẹp bỏ cái tôi hẹp hòi là cách ta tự cải thiện mình. Rõ ràng, việc ta không khoanh tay trước những rào cản do chính mình tạo ra có ý nghĩa to lớn trong việc biến ta thành người làm chủ cuộc sống của chính mình, tạo cơ hội cho chính mình để khẳng định bản thân. Hãy tự tin vào chính mình để chiến thắng những thử thách bên trong mỗi con người!

**Câu 2.** (10 điểm)

Hướng dẫn

***- Hoàn cảnh sáng tác hai bài thơ:*** tuy là hai hoàn cảnh riêng nhưng đều có điểm giống nhau đó là những hoàn cảnh khó khăn, gian khổ, thử thách tinh thần con người.

+ Tức cảnh Pác Bó sáng tác khi Người sống và làm việc trong hang Pác Bó, trong một hoàn cảnh hết sức khó khăn, điều kiện sinh hoạt gian khổ, thiếu thốn.

+ Ngắm trăng (vọng nguyệt) được viết trong tù, gian khổ.

***- Nội dung:*** hai bài thơ thể hiện tinh thần lạc quan, phong thái ung dung và tình cảm với thiên nhiên của người chiến sĩ - thi sĩ Hồ Chí Minh.

***+ Tức cảnh Pác Bó thể hiện*** tinh thần lạc quan, phong thái ung dung của người chiến sĩ cách mạng. Bài thơ thể hiện ở niềm vui, sự thích thú trong cuộc sông đầy gian khổ ở núi rừng: ngủ trong hang tối, ăn cháo bẹ rau măng, bàn làm ưiệc là tảng đá chông chênh. Người chiến sĩ không những cảm thấy dồi dào, giàu có về mặt vật chất mà còn cảm thấy sự cao quý, đáng kính trọng bởi cuộc đời làm cách mạng lấy lí tưởng cứu nước làm lẽ sông, không hề bị khó khăn, gian khổ làm cho khuất phục. Người chiến sĩ trong bài thơ là một nhà thơ luôn tìm thấy sự hài hòa với tự nhiên, thư thái với thiên nhiên đặc biệt là luôn vững tinh thần lạc quan, tin tưởng ở sự nghiệp cách mạng gian khổ nhưng sẽ giành thắng lợi.

***+ Ngắm trăng (vọng nguyệt):*** đằng sau những vần thơ là một tinh thần thép, sự tự do nội tại, phong thái ung dung vượt lên trên mọi hoàn cảnh. Bài thơ là một cuộc ngắm trăng rất đặc biệt của Bác Hồ: ngắm trăng trong tù. Trong hoàn cảnh đặc biệt đó, tình yêu thiên nhiên và vẻ đẹp tâm hồn của Hồ Chí Minh được bộc lộ rõ. Người ung dung thưởng thức trăng với một tâm hồn rất nghệ sĩ — sự giao hòa đặc biệt giữa người tù thi sĩ với vầng trăng. Bài thơ cho thấy một cuộc vượt ngục với một sức mạnh tinh thần to lớn của người tù — người chiến sĩ — người thi sĩ.

***+ Hình thức nghệ thuật:*** hai bài thơ sử dụng thành công thể thơ tứ tuyệt, bút pháp giản dị, tự nhiên mà hàm súc.

+ Tức cảnh Pác Bó: bốn câu thơ tứ tuyệt của bài thơ tự nhiên, bình dị thể hiện một giọng điệu vui đùa, hóm hỉnh. Giọng điệu, từ ngữ, hình ảnh thơ và cách nói của Người toát lên một niềm vui thích, sảng khoái cao độ trong tinh thần của nhân vật trữ tình.

+ Ngắm trăng (vọng nguyệt): bài thơ tứ tuyệt giản dị thể hiện vẻ đẹp của một tâm hồn, nhân cách lớn. Bài thơ vừa có màu sắc cổ điển (đề tài: vọng nguyệt và những thi liệu cổ: rượu, hoa, trăng; cấu trúc đăng đối, hình ảnh chủ thể trữ tình: ung dung, giao cảm đặc biệt với thiên nhiên), vừa mang tinh thần thời đại (hồn thơ lạc quan, thể hiện tinh thần thép),...

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**ĐỀ 1:**

**ĐỀ thi OLYMPIC lỚp 8**

Năm học 2013 – 2014

Môn thi : Ngữ văn

*(Thời gian : 120 phút)*

**Câu 1 : (4 điểm)**

Trình bày sự cảm nhận của em về đoạn văn sau :

*" Ta thường tới bữa quên ăn, nửa đêm vỗ gối ; ruột đau như cắt, nước mắt đầm đìa ; chỉ căm tức chưa xả thịt, lột da, nuốt gan uống máu quân thù . Dẫu cho trăm thân này phơi ngoài nội cỏ, nghìn xác này gói trong da ngựa, ta cũng vui lòng" .*

(Trích *Hịch tướng sĩ* – Trần Quốc Tuấn)

**Câu 2 : (6 điểm)**

Nhà viết truyên cổ tích nổi tiếng thế giới An-đéc-xen từng quan niệm :

*"Người sống lâu nhất không phải là người nhiều tuổi nhất mà là người có cảm xúc trước cuộc đời nhiều nhất" .*

Theo em, *cảm xúc* đóng vai trò như thế nào trong việc hoàn thiện nhân cách con người cũng như trong việc học Văn .

**Câu 3: (10 điểm)**

Khát vọng tự do là một trong những tư tưởng phổ biến trong nhiều tác phẩm thơ ca Việt Nam hiện đại trước 1945 . Hãy làm sáng tỏ điều đó qua hai đoạn thơ sau :

*Gậm một khối căm hờn trong cũi sắt,*

*Ta nằm dài trông ngày tháng dần qua,*

*Khinh lũ người kia ngạo mạn ngẩn ngơ,*

*Giương mắt bé giễu oai linh rừng thẳm .*

*Nay sa cơ, bị nhục nhằn tù hãm,*

*Để làm trò lạ mắt thứ đồ chơi,*

*Chịu ngang bầy cùng bọn gấu dở hơi,*

*Với cặp báo chuồng bên vô tư lự .*

(Trích *Nhớ rừng* – Thế Lữ)

Và :

*Ta nghe hè dậy bên lòng*

*Mà chân muốn đạp tan phòng, hè ôi !*

*Ngột làm sao, chết uất thôi*

*Con chim tu hú ngoài trời cứ kêu !*

(Trích *Khi con tu hú* – Tố Hữu)

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

**Câu 1 : (4 điểm)**

\* **Về hình thức (1 điểm) :**

- Có thể trình bày bằng cách viết đoạn văn hoặc bài văn ngắn .

- Lập luận rõ ràng chặt chẽ, có chất văn, không mắc lỗi diễn đạt .

\* **Về nội dung (3 điểm)** :

- HS chỉ rõ đây là đoạn văn hay nhất, hào hùng nhất trong hịch . Từ xưa đến nay được nhiều người truyền tụng .(0,5 điểm)

- Đoạn văn thể hiện rõ nỗi lòng của vị chủ tướng (1điểm) : Yêu nước, căm thù giặc, ý chí quyết tâm chiến đấu chống kẻ thù .

- Các nét đặc sắc về nghệ thuật (1điểm) : Cấu trúc trùng điệp, mạch văn cắt thành nhiều vế cân xứng. Lời văn đanh thép giàu hình ảnh . Hình ảnh ẩn dụ so sánh . Các động từ mạnh . Lối nói khoa trương, các điển tích -> Làm nổi bật nỗi lòng của Trần Quốc Tuấn .

- Đoạn văn dấy lên trong ta lòng yêu nước và ý thức bảo vệ chủ quyền của đất nước trong thời hiện tại . (0,5 điểm)

**Câu 2** **:(6 điểm)**

**\*Về hình thức (1 điểm) :**

Yêu cầu bài viết cần được trình bày dưới dạng một bài văn nghị luận hoàn chỉnh . Bố cục rõ ràng, lập luận chặt chẽ, mắc ít lỗi diễn đạt .

**\*Về nội dung (5 điểm)** : Đảm bảo đầy đủ các ý sau :

1- Cảm xúc đóng vai trò quan trọng trong việc hoàn thiện nhân cách của con người . (3 điểm)

- Cảm xúc là những biểu hiện tình cảm của con người trước cuộc sống, những vui buồn, yêu ghét, mừng lo . Nhờ nó mà cuộc sống của mỗi cá nhân được kết nối với cộng đồng, với xã hội . Lạnh lùng, vô cảm là tự tách mình ra khỏi cuộc sống của con người .

- Cảm xúc dẫn con người tới những hành động, giúp con người có những trải nghiệm về đời sống, nhờ đó mà rút ra những bài học, những kinh nghiệm sống làm trí tuệ ngày càng được mở mang, tâm hồn ngày càng trở nên phong phú (HS cho dẫn chứng). Chính vì lẽ đó mà nhà văn An-đéc-xen mới gọi họ là "những người sống lâu nhất" .

- Tất nhiên không phải cảm xúc nào cũng có tác dụng tích cực đối với đời sống con người . Sự thù hận, thói ganh ghét, kiêu căng, tự phụ có thể đầu độc cuộc sống con người . Chính vì thế mà con người phải biết làm chủ cảm xúc của mình, phải biết trau dồi nuôi dưỡng những cảm xúc tốt đẹp . Đó cũng là một phần trong quá trình hoàn thiện nhân cách con người .

2- Cảm xúc đóng vai trò quan trọng trong việc học văn (2 điểm) :

- Tác phẩm văn học là sự kết tinh trí tuệ, tâm hồn, tình cảm của nhà văn. Không có cảm xúc thật mãnh liệt, nhà văn không thể sáng tác được những tác phẩm có giá trị (dẫn chứng) .

- Đọc tác phẩm văn học, nếu người đọc không có được sự đồng cảm với người viết, không hòa mình vào dòng cảm xúc dâng trào của nhà văn thì sẽ không nghe được cái tiếng nói của nhà văn .

**Câu 3 (10 điểm)**

**I. Yêu cầu chung**

- Học sinh tạo lập được một văn bản nghị luận văn học hoàn chỉnh, bàn, phân tích một nội dung liên quan đến hai tác phẩm đã học.

- Trình bày rõ ràng, ít mắc lỗi diễn đạt, chính tả, có cảm xúc khi viết.

**II. Yêu cầu cụ thể**

Học sinh trình bày được các nội dung chính sau:

**1. Giới thiệu chung:(1 điểm)**

- Giới thiệu được hai tác phẩm, hai tác giả: *Nhớ rừng* của Thế Lữ là tác phẩm tiêu biểu của Thơ mới 1932 - 1945; *Khi con tu hú* là một trong nhiều sáng tác trong tù đặc sắc của Tố Hữu trong tập thơ *Từ ấy,* tiêu biểu cho thơ ca cách mạng trước 1945.

- Vị trí hai đoạn thơ: đoạn thơ trích trong *Nhớ rừng* là đoạn đầu của bài; đoạn thơ trích trong *Khi con tu hú* là phần cuối của bài.

**2. Phân tích, chứng minh: (8 điểm)**

**a. Tổng quát: (1 điểm)**

- Giải thích *khát vọng (khao khát, khát khao) tự do* là khao khát, ước muốn có tự do, thoát khỏi tình cảnh tù túng, mất tự do, mong muốn được sống đúng với lý tưởng, hoài bão, giá trị bản thân, không bị trói buộc bởi ngoại cảnh. Khát vọng tự do là tư tưởng chủ yếu được thể hiện trong hai bài thơ.

- Khái quát về đặc điểm Thơ mới (Văn học lãng mạn) và thơ ca cách mạng trước 1945: Thơ mới là một bộ phận của Văn học lãng mạn trước 1945, xu hướng đổi mới thơ ca về hình thức nghệ thuật và nhất là nội dung tư tưởng; Thơ mới chủ yếu hướng đến giải phóng cái Tôi cá nhân, đề cao bản ngã, tự do cá nhân. Thơ ca cách mạng trước 1945 lại là xu hướng thơ thể hiện tiếng nói đấu tranh cách mạng theo khuynh hướng vô sản, có nội dung tư tưởng tiến bộ, là vũ khí đấu tranh cách mạng của các chiến sỹ cộng sản, thể hiện khát vọng tự do cao cả. Hai đoạn thơ đại diện cho hai khuynh hướng thơ ca Việt Nam trước 1945.

**b. Phân tích hai đoạn thơ để chứng minh: (6 điểm)**

**\* Điểm tương đồng: Khát vọng tự do đều thể hiện ở chỗ:** (2đ)

- Hai đoạn thơ đều thể hiện tâm trạng bức bối, căm uất của những thân phận tù ngục, mất tự do trong cảnh nô lệ tăm tối của đất nước. (dẫn chứng và phân tích)

- Hai đoạn thơ đều hướng đến cuộc sống tự do bên ngoài, đấu tranh để thoát khỏi cảnh ngục tù, mất tự do.

**\* Điểm riêng độc đáo: Cách thể hiện khát vọng tự do, biểu hiện cụ thể của khát vọng này ở hai đoạn thơ khác nhau**:(4đ)

- Đoạn thơ trong *Nhớ rừng* của Thế Lữ: Là những vần thơ đậm chất lãng mạn, dạt dào cảm xúc, rất mới về ngôn từ. Khát vọng tự do thể hiện qua: tình cảnh tù ngục, mất tự do rất đỗi thê thảm của chúa sơn lâm; nỗi căm uất cho thân phận; thể hiện sự ý thức rõ về thân phận *sa cơ*, bị hạ thấp, bị biến thành trò mua vui cho người đời; tâm trạng tủi nhục vì thân phận mất tự do. (dẫn chứng và phân tích).

- Đoạn thơ trong *Khi con tu hú* của Tố Hữu thể hiện khát vọng tự do qua tâm trạng căm uất của một chiến sỹ cộng sản khi bị tù đày mà *nghe* hè về bên ngoài. Thể hiện khát vọng tự do qua cảm giác ngột ngạt, bức bối vì mất tự do. Đặc biệt, khát vọng ấy thể hiện qua

khao khát tung phá, đập tan gông cùm, xiềng xích tù đày để đến với tự do. (dẫn chứng và phân tích).

- Đoạn thơ trong *Nhớ rừng* của Thế Lữ là những vần thơ lãng mạn, đại diện cho khát vọng tự do, tâm sự của cả một lớp trí thức bế tắc trước thời cuộc. Trong khi đó, đoạn thơ trong *Khi con tu hú* của Tố Hữu lại là những vẫn thơ cách mạng đầy nhiệt huyết tuổi trẻ, đại diện cho khát vọng tranh đấu vì độc lập tự do của dân tộc - một lý tưởng cao cả của thời đại, là tiếng nói đấu tranh của những chiến sỹ cộng sản kiên trung.

**c. Đánh giá, mở rộng: (1 điểm)**

- Hai đoạn thơ tuy đại diện cho hai trào lưu khác nhau, cách thức thể hiện khác nhau, nhưng đều hướng đến mong muốn tự do, khao khát tự do cháy bỏng. Đây cũng chính là tâm sự chung, khát vọng chung của một dân tộc đang chìm trong đêm đen nô lệ.

- Có thể liên hệ đến các bài thơ khác thuộc Thơ mới và thơ ca yêu nước, cách mạng trước 1945.

**3. Kết luận chung: (1 điểm)**

Khẳng định lại giá trị hai đoạn thơ, hai tác phẩm và bộc lộc suy nghĩ riêng.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**ĐỀ 2:**

**ĐỀ THI OLYMPIC LỚP 8**

**Năm học: 2014-2015**

**Môn: Ngữ Văn**

*Thời gian làm bài: 120 phút (Không kể thời gian giao đề)*

**Câu 1** (4 điểm) Trình bày cảm nhận của em về đoạn thơ sau:

“ *Chiếc thuyền nhẹ hăng như con tuấn mã*

*Phăng mái chèo mạnh mẽ vượt trường giang*

*Cánh buồm giương to như mảnh hồn làng*

*Rướn thân trắng bao la thâu góp gió…*”

(Quê hương - Tế Hanh)

**Câu 2** (6 điểm)

**TỜ GIẤY TRẮNG**

Có một lần, tại một trường trung học, ngài Hiệu trưởng đến gặp các em học sinh để nói chuyện. Trong khi nói, ông giơ lên cho các em thấy một tờ giấy trắng, trên đó có một chấm tròn đen ở một góc nhỏ và hỏi:

- Các em có thấy đây là gì không ?

Tức thì cả hội trường vang lên:

- Đó là một dấu chấm.

Ngài Hiệu trưởng hỏi lại :

- Thế không ai nhận ra đây là một tờ giấy trắng ư ? Ngài kết luận :

- Thế đấy con người luôn luôn chú ý đến những lỗi nhỏ nhặt mà quên đi tất cả những phẩm chất tốt đẹp còn lại. Khi phải đánh giá một sự việc hay là một con người, thầy mong các em sẽ chú ý đến tờ giấy trắng nhiều hơn là những vết bẩn có trên nó.

( Theo *Quà tặng cuộc sống* )

**Trình bày suy nghĩ của em về câu chuyện trên**

**Câu 3** ( 10 điểm ) Nhận xét về hai bài thơ *Nhớ rừng* (Thế Lữ) và *Khi con tú hú* (Tố Hữu), có ý kiến cho rằng :

*Cả hai bài thơ đều thể hiện lòng yêu nước và niềm khao khát tự do cháy bỏng của tầng lớp thanh niên trí thức. Tuy nhiên thái độ đấu tranh cho tự do ở mỗi bài lại hoàn toàn khác nhau.*

Bằng hiểu biết của mình về hai bài thơ, em hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.

**-----------------** Hết **-------------------**

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

**Câu 1 ( 4 điểm)**

- Yêu cầu chung : HS cảm nhận được cái hay, cái đẹp của đoạn thơ, trình bày dưới dạng một đoạn văn hoặc bài văn ngắn

- Yêu cầu về nội dung : HS nêu được các ý cơ bản sau :

+ Đoạn thơ trên trích trong văn bản Quê hương của Tế Hanh, diễn tả cảnh đoàn thuyền đánh cá ra khơi với sự liên tưởng độc đáo của tác giả. ( 0,5đ)

+ Biện pháp so sánh con thuyền như con tuấn mã cùng với những động từ *phăng*, *vượt* gợi lên hình ảnh con thuyền đang băng mình ra khơi thật dũng mãnh, làm chủ biển khơi bao la. Đó cũng chính là sức sống, khí thế của dân trai tráng – những con người hăng say lao động, tự tin, kiêu hãnh giữa biển cả, đất trời. ( 1 đ)

+ Hình ảnh cánh buồm căng gió biển khơi được so sánh độc đáo, bất ngờ, gợi nhiều liên tưởng thú vị.(1 đ)

+ Nghệ thuật ẩn dụ (*mảnh hồn làng*) cánh buồm trở thành biểu tượng của làng chài.(0,5đ)

+ Nghệ thuật nhân hóa (*Rướn*) cho thấy cánh buồm như có hồn, sức sống riêng. (0,5đ)

+ Đó là tình yêu quê hương của tác giả (1 đ)

**Câu 2 ( 6 điểm)**

*\* Yêu cầu về kĩ năng (1 điểm)*

+ Bài văn nghị luận có bố cục và cách trình bày hợp lí

+ Hệ thống luận điểm rõ ràng, triển khai tốt

+ Diễn đạt tốt, không mắc lỗi chính tả

*\* Yêu cầu về nội dung (5 điểm)*

- Tóm tắt được nội dung câu chuyện : Câu chuyện về một tờ giấy trắng không hoàn hảo vì một dấu chấm đen nhỏ để lại bài học sâu sắc về cách đánh giá và nhìn nhận con người.(1đ)

- Nêu ý nghĩa của câu chuyện :

+ Con người trong cuộc sống không ai là hoàn hảo. Vì một lí do nào đó mà người ta mắc phải sai lầm.(1đ)

+ Vì thế khi đánh giá một con người nào đó ta không nên chỉ nhìn một cách phiến diện, chỉ nhìn vào những sai lầm mà họ vô tình mắc phải mà cần nhìn vào những mặt tốt đẹp của họ cũng giống như tờ giấy trắng chỉ có một chấm đen nhỏ kia.(2đ)

- Lấy được dẫn chứng thực tế, có liên hệ (1đ)

**\* Lưu ý** : HS có thể có nhiều cảm nhận khác nhau nhưng về cơ bản nêu được các ý trên. GV khuyến khích cho điểm những bài viết có sự sáng tạo.

**Câu 3 ( 10 điểm)**

- Yêu cầu về kĩ năng( 1đ)

+ Đúng kiểu văn nghị luận, sử dụng hợp lí các thao tác chứng minh, giải thích.

+ Văn viết lưu loát, không mắc lỗi chính tả

+ Khuyến khích những bài có sự sáng tạo, giàu cảm xúc

- Yêu cầu về nội dung ( 9 điểm)

*1, Mở bài*

- Giới thiệu khái quát bối cảnh Việt Nam trước cách mạng tháng Tám năm 1945 : Dân tộc ta chìm trong ách nô lệ của thực dân Pháp, nhiều thanh niên, trí thức tâm huyết với non sông đất nước đều khao khát tự do.(0,5đ)

- Bài thơ *Nhớ rừng* ( Thế Lữ) *Khi con tu hú* ( Tố Hữu) đều nói lên điều đó.(0,25đ)

- Trích ý kiến...(0,25đ)

*2, Thân bài:*

- HS giải thích được thế nào là lòng yêu nước - Thường được định nghĩa là tình yêu và sự tận tâm với đất nước và lí tưởng của đất nước. Trong từng thời kì lịch sử lòng yêu nước có những biểu hiện khác nhau.(0,5đ)

+ Trong hai văn bản thì lòng yêu nước là ý thức đấu tranh và khao khát tự do mãnh liệt.(0,5đ)

**Lần lượt làm rõ hai luận điểm sau :**

*\* Luận điểm 1 : Cả hai bài thơ đều thể hiện lòng yêu nước và niềm khao khát tự do cháy bỏng :*

- Vì yêu nước nên mới thấy hết nỗi tủi cực của cuộc sống nô lệ ( d/c : *Gậm một khối căm hờn trong cũi sắt.*..), mới uất ức khi bị giam cầm ( d/c *Ngột làm sao, chết uất thôi*..)(1đ)

- Không chấp nhận cuộc sống nô lệ, luôn hướng tới cuộc sống tự do :

+ Trong bài *Nhớ rừng* : Con hổ nhớ về cuộc sống tự do nơi núi rừng đại ngàn : Những đêm trăng đẹp, những ngày mưa, những bình minh, những buổi chiều.. Con hổ lúc mơ màng như một thi sĩ, lúc lại như bậc đế vương đầy quyền uy.(d/c)(1,25đ)

+ Trong bài *Khi con tu hú* : Người thanh niên yêu nước tuy thân bị tù đày nhưng vẫn tâm hồn hướng ra ngoài song sắt để cảm nhận bức tranh mùa hè rực rỡ sắc màu,rực rỡ âm thanh, đấy hương vị ngọt ngào...(d/c)(1,25đ)

*\* Luận điểm 2 : Thái độ đấu tranh tự do khác nhau*

*- Nhớ rừng* là tiếng nói của một tầng lớp thanh niên có tâm sự yêu nước, đau đớn về thân phận nô lệ nhưng chưa tìm được con đường giải thoát...(1đ)

*- Khi con tu hú* là tiếng nói của một chiến sĩ cách mạng trẻ tuổi, biết rõ con đường cứu nước là gian khổ nhưng vẫn kiên quyết theo đuổi, tin ở tương lai chiến thắng của cách mạng, đất nước sẽ độc lập, dân tộc sẽ tự do,...(1đ)

*3, Kết bài*

- Khẳng định lại giá trị của hai bài thơ.(0,5đ)

- Trân trọng nỗi niềm yêu nước sâu kín. Đó là nỗi đau nhức nhối vì thân phận nô lệ, khơi dậy niềm khao khát tự do và nhớ tiếc thời oanh liệt của dân tộc.(0,5đ)

- Tiếng nói khao khát tự do, ý thức đấu tranh giành tự do mạnh mẽ trong *Khi con tu hú* có tác dụng tích cực đối với thanh niên đương thời.(0,5đ)

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**ĐỀ 3:**

**ĐỀ 15**

**Câu 1: (4,0 điểm)**

Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:

Nhưng, ô kìa! Sau trận mưa vùi dập và những cơn gió phũ phàng kéo dài suốt cả một đêm, tưởng chừng như không bao giờ dứt, vẫn còn một chiếc lá thường xuân bám trên bức tường gạch. Đó là chiếc lá cuối cùng trên cây. Ở gần cuống lá còn giữ màu xanh sẫm, nhưng với rìa là hình răng cưa đã nhuốm màu vàng úa, chiếc lá vẫn dũng cảm treo bám vào cành cách mặt đất chừng hai mươi bộ.

(Chiếc lá cuối cùng- O Hen-ri)

a. Chỉ rõ thán từ trong đoạn văn trên.

b. Tìm các từ cùng trường từ vựng trong câu văn sau và nêu tác dụng của trường từ vựng đó: Ở gần cuống lá còn giữ màu xanh sẫm, nhưng với rìa là hình răng cưa đã nhuốm màu vàng úa, chiếc lá vẫn dũng cảm treo bám vào cành cách mặt đất chừng hai mươi bộ.

c. Nêu ý nghĩa của hình tượng chiếc lá trong đoạn văn trên.

**Câu 2: (6,0 điểm)**

Trong bài phát biểu nhân kỷ niệm 1000 năm Thăng Long - Hà Nội, giáo sư Vũ Khiêu đã nói:

Để giàu sang, một người có thể chỉ mất vài ba năm, nhưng để trở thành người có văn hóa có thể phải mất hàng chục năm, có khi cả cuộc đời.

Hãy trình bày suy nghĩ của em về ý kiến trên.

**Câu 3: (10,0 điểm)**

Nhà văn A-na tô-li Phơ-răng nói: Đọc một câu thơ nghĩa là ta gặp gỡ một tâm hồn con người.

Em hiểu gì về câu nói trên của nhà văn Pháp? Cảm nhận của em về vẻ đẹp tâm hồn của người chiến sĩ cộng sản qua hai bài thơ Ngắm trăng (Hồ Chí Minh) và Khi con tu hú (Tố Hữu).

**Câu 1: (4 điểm)**

a. Thán từ: ô kìa (0,5 điểm)

b. - Trường từ vựng màu sắc: xanh sẫm, vàng úa. (0,5 điểm)

- Tác dụng: Miêu tả chiếc lá giống như thật: một chiếc lá thường xuân vừa trải qua một đêm mưa gió tưởng như sắp rụng vẫn dũng cảm đeo bám vào cành. (0,5 điểm)

c. Ý nghĩa của hình tượng chiếc lá trong đoạn văn trên: (2,5 điểm)

-Tác dụng trong việc xây dựng tình huống truyện (thắt nút, mở nút bất ngờ mà hứng thú). (0,5 điểm)

-Gợi nhiều liên tưởng:

-Gợi liên tưởng đến số phận con người. Vì nghèo đói và bệnh tật mà Giôn-xi tuyệt vọng, bi quan về cuộc sống. (0,5 điểm)

-Chiếc lá còn gợi liên tưởng đến ý chí, nghị lực của con người. (0,5 điểm)

-Đặc biệt, chiếc lá cuối cùng là hình tượng đẹp thể hiện tình yêu thương giữa những người nghèo khổ. (1 điểm)

**Câu 2: (6 điểm)**

a. Về kĩ năng:

* Biết cách làm bài văn nghị luận xã hội, bố cục rõ ràng, lập luận chặt chẽ, vận dụng tốt các thao tác lập luận, dẫn chứng tiêu biểu, chọn lọc.
* Bài viết trong sáng, mạch lạc, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp.

b. Về kiến thức:

Học sinh có thể bày tỏ những suy nghĩ khác nhau, nhưng cần đảm bảo các ý cơ bản sau:

1. Dẫn dắt và giới thiệu vấn đề (0,5 điểm)

2. Giải thích ý kiến (1 điểm)

-Văn hóa: Một khái niệm rộng bao gồm mọi lĩnh vực của đời sống, từ khoa học cho đến nghệ thuật, từ đời sống tâm hồn, tâm linh đến thói quen sinh hoạt, thị hiếu thẩm mĩ, giao tiếp ứng xử,... của con người.

-Khái niệm văn hóa trong câu nói của Vũ Khiêu bàn đến văn hóa của một người. Bằng những mệnh đề tương phản: giàu sang - có văn hóa; ba năm - chục năm, cả cuộc đời, nhà văn hóa Vũ Khiêu muốn khẳng định sự dày công trong việc dạy dỗ, giáo dục, rèn luyện để một con người trở nên có văn hóa.

3. Bàn luận, mở rộng vấn đề (3 điểm)

-Khẳng định ý kiến hoàn toàn đúng đắn và xác đáng.

-Để giàu sang, một người có thể chỉ mất vài ba năm: Với một con người, việc tạo lập một sản nghiệp, một cuộc sống đủ đầy có thể chỉ mất một thời gian ngắn. Sự cần cù và sáng tạo trong lao động có thể khiến họ nhanh chóng trở thành người giàu có. Để trở thành một người có văn hóa, có thể phải mất hàng chục năm, có khi cả cuộc đời:

-Để hình thành nền tảng văn hóa tri thức, con người cần rèn luyện, tích lũy trong khoảng thời gian hàng chục năm khi ngồi trên ghế nhà trường và trong suốt cả cuộc đời, Học, học nữa, học mãi (Lênin).

-Mỗi người phải mất cả cuộc đời để hoàn thiện những giá trị văn hóa tinh thần: Đó là vẻ đẹp tâm hồn với các giá trị đạo đức như: tình yêu thương, nhân ái, lòng vị tha, khoan dung, sự sẻ chia, đồng cảm; lòng yêu nước, ý thức dân tộc, cộng đồng; thái độ trân trọng lịch sử, trân trọng quá khứ; văn hóa giao tiếp ứng xử giữa người với người trong cuộc sống...

-Văn hóa tri thức và đạo đức nhân cách của con người có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Những người có trình độ văn hóa cao thường là những nhân cách đáng trọng. Tuy nhiên điều đó không hoàn toàn đúng với mọi trường hợp bởi trên thực tế, nhiều người có trình độ văn hóa cao vẫn có thể có những suy nghĩ ấu trĩ, vẫn có thể mắc những sai lầm trong giao tiếp ứng xử.

-Vì vậy song song với việc bồi đắp tri thức văn hóa, con người ta còn phải học làm người, tăng cường rèn luyện kĩ năng sống.

4. Bài học nhận thức và hành động (1.5 điểm)

- Việc rèn luyện để trở thành con người có văn hóa là quan trọng, cần thiết.

- Để đào luyện một con người có văn hóa cần có sự chung tay của cả gia đình, nhà trường, xã hội. Tuy nhiên yếu tố quyết định là ở mỗi người, ở việc trau dồi ý thức làm người.

**Câu 3: (10 điểm)**

***I. Mở bài: (0,5 điểm)***

Dẫn dắt, đưa nhận định

***II. Thân bài:***

1. Giải thích: (0,5 điểm)

Đúng như nhà văn A-na tô-li Phơ-răng đã nói: “Đọc một câu thơ nghĩa là ta gặp gỡ một tâm hồn con người”. Có nghĩa là đọc một câu thơ, chúng ta không chỉ cảm nhận được vẻ đẹp của ngôn từ mà còn cảm nhận được vẻ đẹp tâm hồn của nhà thơ gửi gắm trong đó. Bởi thơ là tiếng nói của tâm hồn, tình cảm con người. Mỗi câu thơ ra đời là kết quả của những trăn trở, suy tư, nung nấu ở người nghệ sĩ.

2. Chứng minh: (8 điểm)

HS tìm các phương diện vẻ đẹp tâm hồn của người chiến sĩ của cả hai bài thơ để phân tích. (Hoặc có thể phân tích vẻ đẹp tâm hồn người chiến sĩ theo từng bài thơ). Sau đây là gợi ý:

**a. LĐ 1:** Dù sống trong ngục tù nhưng những người chiến sĩ vẫn dành cho thiên nhiên một tình yêu sâu sắc:

-Trong bài thơ “Khi con tu hú”, tình yêu thiên nhiên, yêu cuộc sống khiến người tu tưởng tượng một mùa hè chan hoà ánh sáng, rực rỡ sắc màu rộn ràng âm thanh và ngọt ngào hương vị (dẫn chứng)

-Bài thơ “Ngắm trăng”:

-Bác nghĩ đến trăng và việc ngắm trăng ngay cả khi bản thân bị giam cầm, đày đọa. Người thấy thiếu mọi nghi thức thông thường. Cái thiếu “ rượu” và “hoa” là cái thiếu của một thi nhân chứ không phải là cái thiếu của một tù nhân (dẫn chứng)Sự xốn xang, bối rối rất nghệ sĩ trước cảnh đẹp đêm trăng của Bác (dẫn chứng)

-Sự giao hoà tự nhiên, tuyệt vời giữa con người và vầng trăng tri kỷ. Qua nghệ thuật đối và nhân hoá làm nổi bật tình cảm song phương, cho thấy mối quan hệ gắn bó tri âm giữa trăng và người (dẫn chứng)

**b. LĐ 2:** Họ luôn khao khát tự do mãnh liệt:

-Niềm khao khát mãnh liệt về với tự do còn được bộc lộ trực tiếp trong những câu cuối: d/c. Cách ngắt nhịp độc đáo, kết hợp với những từ ngữ mạnh (đập tan phòng, chết uất) và những từ cảm thán (ôi, làm sao, thôi) làm nổi bật cái cảm giác ngột ngạt cao độ, niềm khao khát cháy bỏng muốn thoát ra khỏi cảnh ngục tù để trở về với cuộc sống tự do bên ngoài. Tiếng chim tu hú mở đầu và kết thúc bài thơ đã tạo nên một sự hô ứng. Tiếng chim ban đầu là âm thanh đẹp của tự nhiên gợi lên trong tâm hồn người tù cách mạng trẻ tuổi một mùa hè tự do, khoáng đạt đầy sức sống. Còn tiếng chim tu hú ở cuối bài thơ lại là âm thanh giục giã, như thúc giục những hành động sắp tới.

-Còn Bác luôn hướng ra ánh sáng. Đó là vầng trăng, là bầu trời, là tự do và đó cũng là hy vọng, là tương lai.

**c. LĐ 3:** Người chiến sĩ cộng sản ấy cũng mang một phong thái ung dung, lạc quan trong bất kỳ hoàn cảnh nào: Hoàn cảnh khắc nghiệt của nhà tù Tưởng Giới Thạch không trói buộc được tinh thần và tâm hồn người tù, không làm mất đi nét thư thái ung dung vốn sẵn có ở Bác. Bác tự do rung động với vầng trăng, với cảnh đẹp bất chấp hoàn cảnh, bất chấp cái song sắt tàn bạo - biểu tượng cụ thể của nhà tù (cuộc vượt ngục tinh thần).

3. Tổng hợp: (0,5 điểm)

-Như vậy, qua hai bài thơ, người đọc sẽ hiểu hơn về tâm hồn của người chiến sĩ cộng sản khi ở trong tù. Và vẻ đẹp tâm hồn của họ là cội nguồn tạo nên vẻ đẹp, giá trị tác phẩm.

-Đọc thơ hay, gặp gỡ tâm hồn người nghệ sĩ, người đọc thơ được thanh lọc, hoàn thiện tâm hồn mình.

***III. Kết bài: (0,5 điểm)*** Khẳng định lại nhận định và cảm nghĩ, liên hệ…

(\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**ĐỀ 4:**

**ĐỀ THI OLYMPIC LỚP 8**

**Môn thi: Ngữ văn**

*Thời gian làm bài :120 phút*

*( Không kể thời gian giao đề)*

**Câu 1: *(4 điểm)***

Trình bày cảm nhận của em về đoạn thơ:

“ Dân chài lưới làn da ngăm rám nắng,

Cả thân hình nồng thở vị xa xăm;

Chiếc thuyền im bến mỏi trở về nằm

Nghe chất muối thấm dần trong thớ vỏ”.

( “Quê hương”- Tế Hanh ).

**Câu 2: *(6 điểm)***

**Nơi dựa**

*“Người đàn bà nào dắt đứa nhỏ đi trên đường kia?*

*Khuôn mặt trẻ đẹp chìm vào những miền xa nào…*

*Đứa bé đang lẫm chẫm muốn chạy lên, hai chân nó cứ ném về phía trước, hai bàn tay hoa hoa một điệu múa kì lạ.*

*Và cái miệng líu lo không thành lời, hát một bài hát chưa từng có.*

*Ai biết đâu, đưa bé bước còn chưa vững lại chính là nơi dựa cho người đàn bà kia sống.*

*Người chiến sĩ nào đỡ bà cụ trên đường kia?*

*Đôi mắt anh có cái ánh riêng của đôi mắt đã nhiều lần nhìn vào cái chết.*

*Bà cụ lưng còng tựa trên cánh tay anh, bước từng bước run rẩy.*

*Trên khuôn mặt già nua, không biết bao nhiêu nếp nhăn đan vào nhau, mỗi nếp nhăn chứa đựng bao nỗi cực nhọc gắng gỏi một đời.*

*Ai biết đâu, bà cụ bước không còn vững lại chính là nơi dựa cho người chiến sĩ kia đi qua những thử thách”.*

( Nguyễn Đình Thi, Tia nắng, NXB văn học, Hà Nội, 1983)

Từ ý nghĩa của văn bản trên, hãy trình bày suy nghĩ của em về nơi dựa của mỗi người trong cuộc sống.

**Câu 3: *( 10 điểm )***

Nhận xét về hai bài thơ “**Nhớ rừng**” ( Thế Lữ ) và “**Khi con tu hú**” (Tố Hữu ), có ý kiến cho rằng:

*“ Cả hai bài thơ đều thể hiện lòng yêu nước và niềm khao khát tự do cháy bỏng của tầng lớp thanh niên trí thức. Tuy nhiên thái độ đấu tranh cho tự do ở mỗi bài lại hoàn toàn khác nhau”.*

Bằng hiểu biết của mình về hai bài thơ, em hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

**Câu 1: (4 điểm)**

**1-Yêu cầu chung:**

Học sinh cảm nhận sâu sắc vẻ đẹp về hình thức và nội dung của bốn câu thơ dưới dạng một đoạn hoặc một bài văn ngắn.

**2-Yêu cầu cụ thể:**

- Giới thiệu tác giả, tác phẩm và hoàn cảnh sáng tác bài thơ, trích dẫn bốn câu thơ.( 0,5 điểm)

- Hai câu thơ “Dân chài lưới làn da ngăm rám nắng. Cả thân hình nồng thở vị xa xăm”. Hình ảnh những chàng trai sức vóc dạn dày sóng gió. Họ là những đứa con thực sự của đại dương “Cả thân hình nồng thở vi xa xăm”. Nếu là những sinh thể được tách ra từ biển, mang theo về cả những hương vị của biển xa.Câu thơ thật lãng mạn, khoáng đạt. Chân dung người dân chài hiện lên thật tầm vóc và hình khối mà lại rất đặc trưng, chỉ có người dân biển mới có được. (1,5điểm)

- Hai câu thơ: “Chiếc thuyền im bến mỏi trở về nằm. Nghe chất muối thấm dần trong thớ vỏ” Nghệ thuật nhân hóa biến con thuyền thành một sinh thể sống.

+ Cụm từ “ im bến mỏi”vừa nói được sự nghỉ ngơi thư giãn của con thuyền sau chuyến đi vất vả trở về, vừa nói được vẻ yên lặng nơi bến đỗ.

+ Con thuyền như “ nghe” thấy vị muối của biển đang râm ran chuyển động trong cơ thể mình.(1,5 điểm)

- Đây là những câu thơ hay trong bài thơ tả cảnh đoàn thuyền đánh cá trở về, vừa diễn tả được vẻ đẹp khỏe khoắn của người dân chài, vừa diễn tả được cuộc sống lao động của người dân chài nơi quê hương. Qua đó, thể hiện tình yêu quê hương của tác giả.(0,5 điểm)

**Câu 2: (6 điểm)**

**\* Yêu cầu về kĩ năng: (1 điểm)**

- Bài viết có bố cục và cách trình bày hợp lí.

- Hệ thống ý ( luận diểm)rõ ràng và được triển khai tốt.

Diễn đạt tốt, không mắc lỗi chính tả, lỗi dùng từ và ngữ pháp.

**\* Yêu cầu về nội dung: (5 điểm)**

- Nhận xét khái quát câu chuyện:

Nguyễn Đình Thi đã ghi lại cảm xúc của mình trong bài thơ “ Tia nắng” về nơi dưa của mỗi người trong cuộc sống bởi vì mỗi người trong chúng ta cũng cần có một điểm tựa hay một nơi dựa để có được một cuộc sống thành đạt, hạnh phúc. **(0,5 điểm)**

* Giải thích được thế nào là nơi dựa và biểu hiện của nơi dựa:

+ Nơi dựa là nơi để mỗi người nương tựa khi gặp khó khăn trong cuộc sống, là nơi tiếp cho họ sức mạnh, niềm tin, động lực trong hoạt động, là nơi mang lại cảm giác ấm áp, bình yên khi gặp sóng gió. **(0,5 điểm)**

+ Nơi dựa trong bài thơ thể hiện ở biểu hiện bên ngoài, người phụ nữ là nơi dựa cho cậu bé, người chiến sĩ là nơi dựa cho bà cụ. Tuy nhiên ở khía cacnhj tinh thần, cậu bé cũng là nơi dựa cho người phụ nữ, bà cụ cũng là nơi dựa cho người chiến sĩ. **(0,5 điểm)**

+ Trong cuộc sống có những nơi dựa khác nhau: về mặt vật chất thì đó là tiền bạc của cải… Xét về mặt tinh thần thì đó là nững người thân yêu trong gia đình như ông bà, cha mẹ, anh chị,… những bạn bè thân thiết, những kỉ niệm, những giá trị thiêng liêng, ưu điểm, mặt mạnh của bản thân…**(0,5 điểm)**

**Chỉ ra được ý nghĩa của nơi dựa:**

+ Giúp con người cảm thấy bình yên, thanh thản, vượt qua mọi khó khăn thử thách, có động lực để phấn đấu vươn lên…Ta cảm thấy vui, hạnh phúc, yên tâm, vững vàng trong cuộc sống (học sinh phân tích lí giải và dẫn chứng) . **(0,5điểm)**

* Bài học về nơi dựa:

+ Bất cứ ai cũng cần có một nơi dựa nhưng đồng thời lại là nơi dựa cho người khác. **(0,5 điểm)**

+ Cần phải có thái độ trân trọng những nơi dựa tốt đẹp mà mình có được, đồng thời cũng là nơi dựa ý nghĩa cho người khác (học sinh phân tích lí giải và dẫn chứng) . **(0,5 điểm)**

+ Phê phán những người chỉ biết dụa dẫm, ỷ thế để làm điều xấu xa: những kiểu con ông cháu cha dựa vào quyền thế, tiền bạc của cha mẹ. Cũng cần lên án những kẻ chỉ biết lệ thuộc vào người khác mà không tin vào sức mình để vươn lên. Hoặc những nười chọn những nơi dựa không tốt để đạt được mục đích bằng bất cứ giá nào…

**(1 điểm)**

+ Qua bài thơ chúng ta thấm thía một điều rằng, sợi dây neo vững chắc nhất với cuộc đời của mỗi con người là sự yêu thương. Đó là chỗ dựa vững chắc nhất của con người trong cuộc đời, giúp con người vượt qua những buồn phiền và cay đắng. và như thế mọi bon chen, toan tính…lùi lại phía sau. **(0,5 điểm)**

**Câu 3: (10 điểm**).

**A-Yêu cầu chung**:

- kiểu bài: Nghị luận chứng minh.

- Vấn đề cần chứng minh: Sự giống và khác nhau về niềm khao khát tự do trong “ Nhớ rừng” (Thế Lữ) và “Khi con tu hú” ( Tố Hữu ).

- Phạm vi dẫn chứng: Hai bài thơ “ Nhớ rừng”, “Khi con tu hú”.

**B- Yêu cầu cụ thể**: Cần đảm bảo được những ý sau.

**I- Mở bài: (1 điểm).**

Giới thiệu khái quát bối cảnh Việt Nam trước Cách mạng tháng tám: Dân tộc ta chìm trong ách nô lệ của Thực Dân Pháp, nhiều thanh niên trí thức có tâm huyết với non sông đất nước đều khao khát tự do.

- Bài thơ “Nhớ rừng” (Thế Lữ), “ Khi con tu hú” (Tố Hữu) đều nói lên điều đó.

- Trích ý kiến…

**II- Thân bài**: ( 8điểm) Lần lượt làm rõ hai luận điểm sau.

***1-Luận điểm 1:(3,5 điểm).***

**Cả hai bài thơ đều thể hiện lòng yêu nước và niềm khao khát tự do cháy bỏng:**

- Vì yêu nước nên mới thấy hết nỗi tủi cực của cuộc sống nô lệ (Dẫn chứng: Gậm một khối căm hờn trong cũi sắt…), mới uất ức khi bị giam cầm ( Dẫn chứng: Ngột làm sao, chết uất thôi…) (1,5điểm).

- Không chấp nhận cuộc sống nô lệ, luôn hướng tới cuộc sống tự do: (2 điểm).

+ Con hổ nhớ về cuộc sống tự do vùng vẫy ở núi rừng đại ngàn: Những đêm trăng đẹp, những ngày mưa, những bình minh rộn rã tưng bừng…Con hổ lúc mơ màng như một thi sĩ, lúc lại như một bậc đế vương đầy quyền uy…( Dẫn chứng ).

+ Người thanh niên yêu nước tuy thân bị tù đầy nhưng tâm hồn vẫn hướng ra ngoài song sắt để cảm nhận bức tranh mùa hè rực rỡ sắc màu, rộn rã âm thanh, đầy hương vị ngọt ngào…( Dẫn chứng ).

***2-Luận điểm 2***: ***(4,5 điểm).***

**Thái độ đấu tranh cho tự do khác nhau.**

- “ Nhớ rừng” là tiếng nói của một tầng lớp thanh niên có tâm sự yêu nước, đau đớn về thân phận nô lệ nhưng chưa tìm được con đường giải thoát, đành buông xuôi, bất lực. Họ đã tuyệt vọng, đã hết ước mơ chiến thắng, đã thôi nghĩ đến hành động… Đây là thái độ đấu tranh tiêu cực…( Dẫn chứng) (2 điểm).

- Khi con tu hú là tiếng nói của một chiến sĩ cách mạng trẻ tuổi, đại diện cho những thanh niên đã đi theo con đường cứu nước mà cách mạng chỉ ra, Biết rõ con đường cứu nước là gian khổ nhưng vẫn kiên quyết theo đuổi. Họ tin ở tương lai chiến thắng của cách mạng, đất nước sẽ độc lập, dân tộc sẽ tự do. Họ không ngừng đấu tranh để giải phóng dân tộc. Đây là thái độ đấu tranh rất tích cực…( Dẫn chứng ) (2 điểm).

- Học sinh có thể liên hệ tới tầng lớp thanh niên hiện nay: (0,5 điểm).

+ Không ngừng học tập, nghiên cứu khoa học…

+ Trở thành những doanh nhân giỏi…

+ Tham gia nghĩa vụ quân sự để bảo vệ đất nước, bảo vệ biển đảo…

**III-Kết bài** (1 điểm): Khẳng định lại giá tri của bài thơ.

- Trân trọng nỗi niềm yêu nước sâu kín. Đó là nỗi đau nhức nhối ví thân phận nô lệ, khơi dậy niềm khao khát tự do và nhớ tiếc thời oanh liệt của dân tộc.

- Tiếng nói khao khát tự do, ý thức đấu tranh giành tự do mạnh mẽ trong “ Khi con tu hú” có tác dụng tích cực đối với thanh niên đương thời.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**ĐỀ 5:**

**ĐỀ THI OLYMPIC LỚP 8**

**Năm học 2014 - 2015**

**Môn thi: Ngữ văn**

***Thời gian viết bài: 120 phút (Không kể thời gian giao đề)***

**Câu 1: (4,0 điểm)**

**Trong bài thơ “Quê hương”, Tế Hanh viết:**

*Chiếc thuyền nhẹ hăng như con tuấn mã*

*Phăng mái chèo mạnh mẽ vượt trường giang.*

*và*

*Chiếc thuyền im bến mỏi trở về nằm*

*Nghe chất muối thấm dần trong thớ vỏ.*

**Tìm, nêu giá trị phép tu từ trong các câu thơ đó.**

**Câu 3: (6,0 điểm)**

Nhàtâm lí học Elena ví tuổi thiếu niên như một “xứ sở kì lạ”.

*Ở xứ sở này khí hậu rất thất thường và kì quặc, khi thì nóng nực như vùng nhiệt đới, khi thì trở nên lạnh như băng. Xứ sở này có mùa xuân hoa nở ngát hương, có mùa thu lá vàng rụng tơi tả. Dân cư ở vùng này khi thì rất vui vẻ, ồn ào, khi thì bỗng nhiên trầm ngâm, lặng lẽ. Trong xứ sở kì lạ này không có trẻ con và cũng không có người lớn.*

Em có suy nghĩ gì về *xứ sở kì lạ* ấy?

**Câu 3: (10 điểm)**

**Có ý kiến cho rằng**: *Đặc sắc trong phong cách thơ trữ tình Hồ Chí Minh là vừa có màu sắc cố điển vừa mang tinh thần thời đại.* Bằng hiểu biết của mình về bài thơ “Tức cảnh Pác Bó” và bài thơ “ Ngắm trăng” của Hồ Chí Minh, em hãy làm sáng tỏ lời nhận xét trên.

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ THI NGỮ VĂN 8**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Câu 1: (4,0đ)***  \* Về nội dung:  **- Chỉ nghệ thuật so sánh**: **“Chiếc thuyền hăng như con tuấn mã”.**  - Tác dụng”  + Diễn tả thật ấn tượng khí thế băng tới dũng mãnh của con thuyền ra khơi.  + Toát nên sức sống mạnh mẽ, vẻ đẹp hùng tráng của con thuyền, đó cũng chính là khí thế lao động đầy hứng khởi, dạt dào sức sống của người dân làng chài.  - **Chỉ ra nghệ thuật nhân hóa được thể hiện qua các từ ngữ: “im, mỏi, trở về, nằm, nghe”.**  Tác dụng của biện pháp nhân hóa:  + Biến con thuyền vô tri, vô giác trở nên sống động, có hồn như con người.  + Các từ “im, mỏi, trở về, nằm” cho ta cảm nhận được giây phút nghỉ ngơi thư giãn của con thuyền, giống như con người, sau một chuyến ra khơi vất vả cực nhọc, trở về.  + Từ “nghe” gợi cảm nhận con thuyền như một cơ thể sống, nhận biết chât muối của biển đang ngấm dần, lặn dần vào da thịt của mình; cũng giống như những con người từng trải, với con thuyền, vị muối càng ngấm vào nó thì nó như càng dày dạn lên. Hình ảnh con thuyền vất vả cực nhọc đống nhất với với cuộc sống người dân chài.  \* Về hình thức: Có sự liên kết đối chiếu làm nổi bật sự khác nhau trong hình ảnh con thuyền ở mỗi khổ thơ. Diễn đạt mạch lạc, trong sáng, không sai, mắc các lỗi câu. | 0,5đ  0,5đ  0,5đ  0,5đ  0,5đ  0,5đ  0,5đ  0,5đ |
| **\* Yêu cầu về kiến thức :**  a. Giải thích *xứ sở kì lạ* : Cách nói hình tượng về tuổi thiếu niên – lứa tuổi của những đổi thay thất thường, khi thế này lúc thế khác, chưa định hình rõ tâm lí, tính cách.  b. Đặc điểm :  - Tuổi thiếu niên là một xứ sở kì lạ với nhiều biểu hiện đa dạng, phong phú: lúc rụt rè, khi tự tin, lúc già dặn như người lớn, khi hồn nhiên như trẻ con,...Đặc biệt là cảm xúc, thái độ, hành động và sự nhận thức về bản thân chưa có sự ổn định còn cảm tính và đôi lúc trái ngược nhau.  - Tuổi thiếu niên là giai đoạn chuyển tiếp về thể chất và tinh thần giữa giai đoạn trẻ em và trưởng thành. Sự chuyển tiếp này liên quan đến những thay đổi về sinh học, xã hội và tâm lí. Chính điều đó khiến tuổi thiếu niên là tuổi của những thái cực đối lập bởi các em chưa có nhận thức rõ về bản thân mình.  - Chính thế giới riêng rất khác biệt của lứa tuổi này khiến các em trở nên lạ lùng, khó hiểu nhưng cũng rất dễ thương (dẫn chứng)  c. Đánh giá vấn đề, liên hệ:  - Từ những đặc điểm lứa tuổi mà các tư tưởng, ý tưởng đóng một vai trò quan trọng trong việc hình thành nhân cách và tính nết. Nếu nhận được sự định hướng đúng đắn, các em sẽ phát triển theo hướng tích cực và ngược lại.  - Phê phán những người không hiểu biết về *xứ sở kì lạ* dẫn đến cấm đoán, áp đặt, thiếu cảm thông với các em cũng như những kẻ mãi mãi không chịu thoát ra khỏi *xứ sở kì lạ* ấy.  - Cần hiểu được đặc điểm của *xứ sở kì lạ* để phát triển tự nhiên, hợp với lứa tuổi theo một định hướng đúng đắn . | **1.0**  **0,75**  **0,75**  **0,5**  **0,5**  **0,5**  **0,5** |
| ***Câu 3: 10đ***  \* Yêu cầu về kỹ năng:  Viết một bài văn nghị luận về tác phẩm với những yêu cầu cụ thể sau:  - Hình thức một bài văn: bố cục rõ ràng, lập luận chặt chẽ, có sự phân tích, bình giá, cảm thụ về nội dung cảm xúc, các yếu tố nghệ thuật( ngôn từ, hình ảnh, thể thơ các thủ pháp tu từ…) trong hai bài thơ.  - Diễn đạt rõ ràng, linh hoạt, uyển chuyển, không mắc các lỗi viết câu, dùng từ, chính tả)  \* Yêu cầu về kiến thức  a. Giới thiệu vấn đề nghị luận  - Giới thiệu về tác giả Hồ chính Minh và hai bài thơ “Tức cảnh Pác Bó”, “ Ngắm trăng” .  - Dẫn dắt nêu vấn đề nghị luận.  b. Chứng minh màu sắc cổ điển và tinh thần thời đại ở hai bài thơ.  **Bài *Tức cảnh Pác Bó***  *\* Màu sắc cổ điển*.  - “Thú lâm tuyền”  + Câu thơ đầu ngắt nhịp 4/3 tạo thành hai vế sóng đôi toát nên cảm giác về sự nhịp nhàng, nề nếp, giọng điệu thật thoải mái, phơi phới cho ta thấy Bác sống thật ung dung hòa điệu với nhịp sống núi rừng.  + Câu thơ 2 tiếp tục mạch cảm xúc đó, có chút đùa vui: lương thực, thực phẩm ở đây đầy đủ đến mức dư thừa.  + Câu thơ thứ nhất nói về việc ở, câu thơ thứ hai nói về việc ăn, câu thơ thứ 3 nói về việc làm của Bác. Tất cả đều hòa hợp cùng thiên nhiên toát nên cảm giác thích thú, bằng lòng.  + Giọng điệu thoải mái pha chút đùa vui hóm hỉnh có phần khoa trương tạo cho nhân vật trữ tình mang dáng dấp một ẩn sĩ, một khách lâm tuyền thực thụ.  *\*Tinh thần thời đại.*  + Bác đến tìm đến thú lâm tuyền không giống với người xưa là để “lánh đục tìm trong” hay tự an ủi mình bằng lối sống” an bần lạc đạo” mà đến với thú lâm tuyền để “dịch sử Đảng” tức là làm cách mạng. Nhân vật trữ tình mang dáng vè một ẩn sĩ song thự chất vẫn là người chiến sĩ.  + Trung tâm của bức tranh Pác Bó là hình tượng người chiến sĩ được đặc tả bằng những nét đậm, khỏe đầy ấn tượng qua tử láy “ chông chênh” và 3 chữ “ dịch sử đảng” toàn vần trắc, toát nên vẻ khỏe khoắn, mạnh mẽ.  + Niềm vui sống giữa thiên nhiên hòa quện trong niềm vui làm cách mạng.    **Bài “Ngắm trăng**”.  *\* Màu sắc cổ điển.*  + Phân tích đề tài “Vọng nguyệt” và thi liệu cổ: “rượu, hoa, trăng”  + Phân tích dáng dấp thi nhân xưa của Bác qua: Cấu trúc đăng đối, nghệ thuật nhân hóa ở hai câu thơ cuối, nhất là chủ thể trữ tình yêu trăng, coi trăng như người bạn gắn bó, tri kỷ.  *\* Tình thần thời đại*:  + Phân tích hồn thơ lạc quan, tinh thần vượt lên trên hoàn cảnh khó khăn gian khổ biểu hiện ở sự tự do nội tại, phong thái ung dung, vượt hẳn lên sự nặng nề, tàn bạo của ngục tù.  + Phân tích tâm hồn thi sĩ hòa quện trong tâm hồn chiến sĩ. | 0.5đ  0,5đ  1,0đ  0,5đ  0,5đ  0,5đ  0,5đ  1đ  1đ  0,5đ  0,75đ  1,0đ  1,0  0,75đ |

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**ĐỀ 6:**

**ĐỀ KHẢO SÁT HỌC SINH GIỎI HUYỆN**

**NĂM HỌC 2016 - 2017**

Môn: **Ngữ văn 8**

**Câu 1**: *(8 điểm)*

**HỎI**

Tôi hỏi đất: Đất sống với đất như thế nào ?  
- Chúng tôi tôn cao nhau.

Tôi hỏi nước: Nước sống với nước như thế nào ?  
- Chúng tôi làm đầy nhau.

Tôi hỏi cỏ: Cỏ sống với cỏ như thế nào ?  
- Chúng tôi đan vào nhau  
Làm nên những chân trời.

Tôi hỏi người: Người sống với người như thế nào ?

Tôi hỏi người: Người sống với người như thế nào ?

Tôi hỏi người: Người sống với người như thế nào ?

Trích trong tập thơ *Thư mùa đông* - Hữu Thỉnh

Trình bày những bài học về lối sống đẹp cho mình, cho mọi người mà em học được từ bài thơ trên bằng một bài văn nghị luận ngắn.

**Câu 2**: *(12 điểm)*

**ĐI ĐƯỜNG**

Đi đường mới biết gian lao,

Núi cao rồi lại núi cao trập trùng;

Núi cao lên đến tận cùng,

Thu vào tầm mắt muôn trùng nước non.

*(Bản dịch thơ của Nam Trân)*

Hồ Chí Minh, *Nhật kí trong tù*

Sách *Ngữ văn 8*, tập hai - Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, 2016

Bằng việc phân tích bài thơ *Đi đường*, em hãy làm sáng tỏ ý nghĩa tư tưởng sâu sắc: Từ việc đi đường núi đã gợi ra chân lí đường đời, đường cách mạng của người chiến sĩ cộng sản kiên cường.

--- Hết ---

###### HƯỚNG DẪN CHẤM

**I. Hướng dẫn chung**

- Giáo viên cần nắm vững yêu cầu của hướng dẫn chấm thi để đánh giá tổng quát bài làm của học sinh, tránh trường hợp đếm ý cho điểm hoặc bỏ sót ý trong bài làm của học sinh.

- Do đặc trưng của môn Ngữ văn nên giáo viên cần chủ động, linh hoạt trong việc vận dụng đáp án và thang điểm; khuyến khích những bài viết có sáng tạo, có ý tưởng riêng và giàu chất văn.

- Giáo viên cần vận dụng đầy đủ các thang điểm. Điểm toàn bài tính đến 0,25 điểm (không làm tròn).

**II. Đáp án và thang điểm**

| **CÂU** | **NỘI DUNG** | **ĐIỂM** |
| --- | --- | --- |
| **Câu**  **1**  **8 điểm** | Trình bày những bài học về lối sống đẹp cho mình, cho mọi người mà em học được từ bài thơ trên bằng một bài văn nghị luận ngắn.  Đây là dạng đề mở, học sinh có thể có nhiều cách trình bày khác nhau, dưới đây là một số gợi ý cần chỉ ra trong bài làm:  *+ Bài học về lối sống đẹp cho mình, cho mọi người:*  - “Chúng tôi tôn cao nhau”: tinh thần vị tha, biết đặt lợi ích của mợi người lên trên lợi ích của mình, thậm chí phải hi sinh thầm lặng.  - “Chúng tôi làm đầy nhau”: tinh thần rộng lượng biết “cho đi”, biết “làm đầy” và hoàn thiện đồng loại, hoàn thiện những gì mà người khác còn thiếu về kiến thức, nhân cách…  - “Chúng tôi đan vào nhau làm nên những chân trời”: tinh thần đoàn kết, tương thân tương ái giữa người với người.  - Khẳng định: Đây những bài học về lối sống đẹp, vượt ra khỏi chủ nghĩa cá nhân, ích kỉ, hẹp hòi, đố kị, bon chen, hướng tới sự khoan dung độ lượng, biết ước mơ, vươn tới, biết hòa nhập cộng đồng, cống hiến cho xã hội góp phần làm đẹp cuộc sống…  *+ Ngợi ca, khẳng định, biểu dương lối sống đẹp* cho cả cộng đồng, đồng thời biết phê phán lối sống vị kỉ, thờ ơ, vô cảm, vô trách nhiệm, thực dụng, cơ hội, cá nhân… trong một bộ phận giới trẻ hiện nay. | **4,0**  1,0  1,0  1,0  1,0  **4,0** |
| **Câu 2**  **12 điểm** | Bằng việc phân tích bài thơ *Đi đường*, em hãy làm sáng tỏ ý nghĩa tư tưởng sâu sắc: từ việc đi đường núi đã gợi ra chân lí đường đời, đường cách mạng của người chiến sĩ cộng sản kiên cường.  **Yêu cầu chung:**  - Người xưa nói: *"Đi một ngày đàng, học một sàng khôn* " - theo quan niệm triết lí Phương Đông, từ việc đi đường thường được liên tưởng, chiêm nghiệm tới đường đời... Trên bước đường gian lao trong thời kì Bác bị giải tới giải lui qua các nhà lao của chế độ nhà tù hà khắc Tưởng Giới Thạch, Bác luôn suy ngẫm để đúc rút cho bản thân mình những bài học sâu sắc ...  - Phân tích bài thơ *" Đi đường "* (Trích *Nhật kí trong tù* - Hồ Chí Minh) để làm sáng tỏ ý nghĩa tư tưởng của bài thơ: Từ việc đi đường núi (nghĩa hiển ngôn) đã gợi ra chân lí đường đời, đường cách mạng của người chiến sĩ cộng sản kiên cường (nghĩa hàm ngôn). |  |
| **Mở bài:**  + Giới thiệu khái quát về hoàn cảnh ra đời của tập thơ.  + Giới thiệu bài thơ *" Đi đường "* (Tẩu lộ). | **2,0**  1,0  1,0 |
| **Thân bài:**  + Việc đi đường thật khó khăn, gian khổ - nhất là với người đi đường núi. Câu thơ đơn sơ nhưng chứa đựng sự suy ngẫm có ý nghĩa khái quát sâu sắc, vượt ra ngoài sự đi đường thông thường:  - Vượt qua hết lớp núi này lại đến lớp núi khác cao hơn, khó khăn hơn.  - Mọi sự gian lao vất và như đã lùi lại phía sau khi người đi đường lên tới đỉnh cao nhất…  - Lên tới đỉnh cao chót là lúc gian lao nhất nhưng đồng thời cũng là lúc đã vượt qua mọi khó khăn. Nỗi gian lao của người đi đường núi dù có chồng chất nhưng không phải là vô tận. Con người có quyết tâm sẽ vượt qua, sẽ chiến thắng.  - Người đi đường gian lao, vất vả bỗng trở thành người du khách ung dung say đắm trước phong cảnh đẹp. Con đường núi gian lao, hiểm trở trong bài thơ gợi ra hình ảnh con đường cách mạng; hình ảnh con người ung dung thu muôn dặm nước non vào tầm mắt là hình ảnh người chiến sĩ đứng trên đỉnh cao chiến thắng ...  + Ý nghĩa tư tưởng sâu sắc được rút ra là: Trải qua chặng đường dài gian lao thì sẽ tới đích, càng gần đích, càng gần thắng lợi thì càng nhiều gian lao. Con người có nghị lực, có quyết tâm vượt khó sẽ giành được thắng lợi vẻ vang. Đó cũng chính là bài học đường đời, đường cách mạng mà bài thơ đã gợi ra ... | **8,0**  4,0  1,0  1,0  1,0  1,0  4,0 |
| **Kết bài:**  -Khẳng định lại ý nghĩa tư tưởng sâu sắc của bài thơ: từ việc đi đường núi đã gợi ra chân lí đường đời, đường cách mạng.  - Khẳng định con đường cách mạng lâu dài, gian khổ nhưng nếu kiên trì, bến chí thì nhất định thắng lợi hoàn toàn - đó cũng chính là chân lí mà Bác Hồ đã chỉ ra cho chúng ta... | **2,0**  1,0  1,0 |

**ĐỀ 8:**

**ĐỀ THI NGỮ VĂN 8**

**Thời gian: 120 phút**

**Câu 1: (4,0)**

**Trong bài thơ “Quê hương”, Tế Hanh viết:**

*Chiếc thuyền nhẹ hăng như con tuấn mã*

*Phăng mái chèo mạnh mẽ vượt trường giang.*

*và*

*Chiếc thuyền im bến mỏi trở về nằm*

*Nghe chất muối thấm dần trong thớ vỏ.*

**Tìm, nêu giá trị phép tu từ trong các câu thơ đó.**

**Câu 2: (6,0)**

**Đọc kỹ đoạn văn sau:**

**“ *Chao ôi! Đối với những người ở xung quanh ta, nếu ta không cố tìm mà hiểu họ, thì ta chỉ thấy gàn dở, ngu ngốc, bần tiện, xấu xa, bỉ ổi… toàn những cớ dể cho ta tàn nhẫn; không bao giờ ta thấy họ là những người đáng thương; không bao giờ ta thương…”.***

**Viết một văn bản ngắn (khoảng 1 trang giấy thi) trình bày hiểu biết của em về ý kiến được nêu trong đoạn văn trên.**

**Câu 3:(10)**

**Có ý kiến cho rằng**: *Đặc sắc trong phong cách thơ trữ tình Hồ Chí Minh là vừa có màu sắc cố điển vừa mang tinh thần thời đại.* Bằng hiểu biết của mình về bài thơ “Tức cảnh Pác Bó” và bài thơ “ Ngắm trăng” của Hồ Chí Minh, em hãy làm sáng tỏ lời nhận xét trên.

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ THI NGỮ VĂN 8**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Câu 1: (4,0đ)***  \* Về nội dung:  **- Chỉ ra nghệ thuật so sánh**: **“Chiếc thuyền****nhẹ hăng như con tuấn mã”.**  - Tác dụng”  + Diễn tả thật ấn tượng khí thế băng tới dũng mãnh của con thuyền ra khơi.  + Toát nên sức sống mạnh mẽ, vẻ đẹp hùng tráng của con thuyền, đó cũng chính là khí thế lao động đầy hứng khởi, dạt dào sức sống của người dân làng chài.  - **Chỉ ra nghệ thuật nhân hóa được thể hiện qua các từ ngữ: “im, mỏi, trở về, nằm, nghe”.**  Tác dụng của biện pháp nhân hóa:  + Biến con thuyền vô tri, vô giác trở nên sống động, có hồn như con người.  + Các từ “im, mỏi, trở về, nằm” cho ta cảm nhận được giây phút nghỉ ngơi thư giãn của con thuyền, giống như con người, sau một chuyến ra khơi vất vả cực nhọc, trở về.  + Từ “nghe” gợi cảm nhận con thuyền như một cơ thể sống, nhận biết chât muối của biển đang ngấm dần, lặn dần vào da thịt của mình; cũng giống như những con người từng trải, với con thuyền, vị muối càng ngấm vào nó thì nó như càng dày dạn lên. Hình ảnh con thuyền vất vả cực nhọc đống nhất với với cuộc sống người dân chài.  \* Về hình thức: Có sự liên kết đối chiếu làm nổi bật sự khác nhau trong hình ảnh con thuyền ở mỗi khổ thơ. Diễn đạt mạch lạc, trong sáng, không sai, mắc các lỗi câu. |  |
| ***Câu 2: 6đ***  \* Về nội dung:  - Giới thiệu khái quát vị trí của đoạn văn nằm ở cuối truyện “ Lão Hạc”.  - Lời nói đó là của ông giáo (thực chất là lời của Nam Cao) khi ông chứng kiến những khổ đau, bất hạnh cũng như vẻ đẹp của Lão Hạc.  - Đây là lời nói có tính triết lý lẫn cảm xúc trữ tình xót xa của Nam Cao.  - Nam Cao muốn khẳng định một thái độ một các ứng xử mang tính nhân đạo, không nhìn những người xung quanh bằng cái nhìn phiến diện, bằng cặp mắt lạnh lùng, vô cảm mà nhìn nhận bằng sự thông cảm thấu hiểu, bằng lòng nhân ái của con người.  - Con người cần biết phát hiện, nâng niu, trân trọng những vẻ đẹp, những điểu đáng quý ẩn sau mỗi con người. Đó là quan niệm đúng đắn khi đánh giá con người.  - Lấy dẫn chứng để phê phán một số quan điểm đánh giá con người bằng cái nhìn phiến diện, bằng cặp mặt lạnh lùng, vô cảm.  - Lấy dẫn chứng và nêu tác dụng của cách nhìn nhận con người bằng cái nhìn cảm thông, thấu hiểu, bằng lòng nhân ái của con người.  - Nêu bài học cho bản thân mình trong cách ứng xử.  \* Về hình thức: Hình thức một bài văn: bố cục rõ ràng, lập luận chặt chẽ. Diễn đạt rõ ràng, linh hoạt, uyển chuyển, không mắc các lỗi viết câu, dùng từ, chính tả) |  |
| ***Câu 3: 10đ***  \* Yêu cầu về kỹ năng:  Viết một bài văn nghị luận về tác phẩm với những yêu cầu cụ thể sau:  - Hình thức một bài văn: bố cục rõ ràng, lập luận chặt chẽ, có sự phân tích, bình giá, cảm thụ về nội dung cảm xúc, các yếu tố nghệ thuật( ngôn từ, hình ảnh, thể thơ các thủ pháp tu từ…) trong hai bài thơ.  - Diễn đạt rõ ràng, linh hoạt, uyển chuyển, không mắc các lỗi viết câu, dùng từ, chính tả)  \* Yêu cầu về kiến thức  a. Giới thiệu vấn đề nghị luận  - Giới thiệu về tác giả Hồ chính Minh và hai bài thơ “Tức cảnh Pác Bó”, “ Ngắm trăng” .  - Dẫn dắt nêu vấn đề nghị luận.  b. Chứng minh màu sắc cổ điển và tinh thần thời đại ở hai bài thơ.  **Bài *Tức cảnh Pác Bó***  *\* Màu sắc cổ điển*.  - “Thú lâm tuyền”  + Câu thơ đầu ngắt nhịp 4/3 tạo thành hai vế sóng đôi toát nên cảm giác về sự nhịp nhàng, nề nếp, giọng điệu thật thoải mái, phơi phới cho ta thấy Bác sống thật ung dung hòa điệu với nhịp sống núi rừng.  + Câu thơ 2 tiếp tục mạch cảm xúc đó, có chút đùa vui: lương thực, thực phẩm ở đây đầy đủ đến mức dư thừa.  + Câu thơ thứ nhất nói về việc ở, câu thơ thứ hai nói về việc ăn, câu thơ thứ 3 nói về việc làm của Bác. Tất cả đều hòa hợp cùng thiên nhiên toát nên cảm giác thích thú, bằng lòng.  + Giọng điệu thoải mái pha chút đùa vui hóm hỉnh có phần khoa trương tạo cho nhân vật trữ tình mang dáng dấp một ẩn sĩ, một khách lâm tuyền thực thụ.  *\*Tinh thần thời đại.*  + Bác đến tìm đến thú lâm tuyền không giống với người xưa là để “lánh đục tìm trong” hay tự an ủi mình bằng lối sống” an bần lạc đạo” mà đến với thú lâm tuyền để “dịch sử Đảng” tức là làm cách mạng. Nhân vật trữ tình mang dáng vè một ẩn sĩ song thự chất vẫn là người chiến sĩ.  + Trung tâm của bức tranh Pác Bó là hình tượng người chiến sĩ được đặc tả bằng những nét đậm, khỏe đầy ấn tượng qua tử láy “ chông chênh” và 3 chữ “ dịch sử đảng” toàn vần trắc, toát nên vẻ khỏe khoắn, mạnh mẽ.  + Niềm vui sống giữa thiên nhiên hòa quện trong niềm vui làm cách mạng.  **Bài “Ngắm trăng**”.  *\* Màu sắc cổ điển.*  + Phân tích đề tài “Vọng nguyệt” và thi liệu cổ: “rượu, hoa, trăng”  + Phân tích dáng dấp thi nhân xưa của Bác qua: Cấu trúc đăng đối, nghệ thuật nhân hóa ở hai câu thơ cuối, nhất là chủ thể trữ tình yêu trăng, coi trăng như người bạn gắn bó, tri kỷ.  *\* Tình thần thời đại*:  + Phân tích hồn thơ lạc quan, tinh thần vượt lên trên hoàn cảnh khó khăn gian khổ biểu hiện ở sự tự do nội tại, phong thái ung dung, vượt hẳn lên sự nặng nề, tàn bạo của ngục tù.  + Phân tích tâm hồn thi sĩ hòa quện trong tâm hồn chiến sĩ. |  |

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**ĐỀ 9:**

**ĐỀ THI OLYMPIC LỚP 8**

**Câu 1: (4,0)**

**Trong bài thơ “Quê hương”, Tế Hanh viết:**

*Chiếc thuyền nhẹ hăng như con tuấn mã*

*Phăng mái chèo mạnh mẽ vượt trường giang.*

*và*

*Chiếc thuyền im bến mỏi trở về nằm*

*Nghe chất muối thấm dần trong thớ vỏ.*

**Tìm, nêu giá trị phép tu từ trong các câu thơ đó.**

**Câu 2(6đ)**

Suy nghĩ của em về ý nghĩa giáo dục của câu chuyện sau đây:

**Bài thuyết giảng**

*Tại ngôi làng nhỏ, vào ngày chủ nhật, có vị giáo sư thường đến nói chuyện về cuộc sống. Hôm nay ông đến thăm nhà của cậu bé vốn không hề muốn chơi hay kết bạn với ai.*

*Cậu bé mời vị giáo sư vào nhà và lấy cho ông một chiếc ghế ngồi bên bếp lửa cho ấm.*

*Trong im lặng, hai người cung ngồi nhìn những ngọn lửa nhảy múa. Sau vài phút, vị giáo sư lấy cái kẹp, cẩn thận nhặt một mẩu than hồng đang cháy sáng ra và đặt nó sang bên cạnh lò sưởi.*

*Rồi ông lại ngồi xuống ghế, vẫn im lặng. Cậu bé cũng im lặng quan sát mọi việc.*

*Cục than đơn lẻ cháy nhỏ dần rồi tắt hẳn.*

*Vị giáo sư nhìn đồng hồ và nhận ra đã đến giờ ông phải đi thăm nhà khác. Ông chậm rãi đứng dậy, nhặt cục than lạnh đặt vào giữa bếp lửa. Ngay lập tức, nó lại bắt đầu cháy, tỏa sáng với ánh sáng và hơi ấm của những cục than xung quanh nó.*

*Khi vị giáo sư đi ra cửa, cậu bé chủ nhà nắm tay ông nói:*

*- Cám ơn bài thuyết giảng của bác!*

**Câu 3 ( 10 điểm)** Chứng minh tình cảm yêu nước của nhân dân ta thể hiện qua ba áng văn: "***Chiếu dời đô***"(*Lý Công Uẩn*); "***Hịch tướng sĩ***" ( *Trần Quốc* *Tuấn*) và " ***Nước Đại Việt ta***" ( Trích ***"Bình Ngô Đại Cáo***" *Nguyễn Trãi*

ĐÁP ÁN VÀ BIỂU ĐIỂM VĂN 8

**Câu 1: *Câu 1: (4,0đ)***

\* Về nội dung:

**- Chỉ nghệ thuật so sánh**: **“Chiếc thuyền hăng như con tuấn mã”.** 0,5đ

- Tác dụng”

+ Diễn tả thật ấn tượng khí thế băng tới dũng mãnh của con thuyền ra khơi. 0,5đ

+ Toát nên sức sống mạnh mẽ, vẻ đẹp hùng tráng của con thuyền, đó cũng chính là khí thế lao động đầy hứng khởi, dạt dào sức sống của người dân làng chài. 0,5đ

- **Chỉ ra nghệ thuật nhân hóa được thể hiện qua các từ ngữ: “im, mỏi, trở về, nằm, nghe”.** 0,5đ

Tác dụng của biện pháp nhân hóa:

+ Biến con thuyền vô tri, vô giác trở nên sống động, có hồn như con người. 0,5đ

+ Các từ “im, mỏi, trở về, nằm” cho ta cảm nhận được giây phút nghỉ ngơi thư giãn của con thuyền, giống như con người, sau một chuyến ra khơi vất vả cực nhọc, trở về. 0,5đ

+ Từ “nghe” gợi cảm nhận con thuyền như một cơ thể sống, nhận biết chât muối của biển đang ngấm dần, lặn dần vào da thịt của mình; cũng giống như những con người từng trải, với con thuyền, vị muối càng ngấm vào nó thì nó như càng dày dạn lên. Hình ảnh con thuyền vất vả cực nhọc đống nhất với với cuộc sống người dân chài. 0,5đ

\* Về hình thức: Có sự liên kết đối chiếu làm nổi bật sự khác nhau trong hình ảnh con thuyền ở mỗi khổ thơ. Diễn đạt mạch lạc, trong sáng, không sai, mắc các lỗi câu. 0,5đ

**Câu 2 (6đ) Bài thuyết giảng:**

**\* Yêu cầu về kĩ năng: (1 điểm )**

- Bài viết có bố cục và cách trình bày hợp lí.

- Hệ thống ý ( luận diểm)rõ ràng và được triển khai tốt.

Diễn đạt tốt, không mắc lỗi chính tả, lỗi dùng từ và ngữ pháp.

**\* Yêu cầu về nội dung: (5 điểm )**

- Nhận xét khái quát câu chuyện:

+ Điều thú vị ở chỗ truyện có tựa đề là *Bài thuyết giảng* nhưng vị giáo sư lại không hề nói một câu nào. Ông trực tiếp dùng cục than hồng trong bếp lò làm một ẩn dụ để kín đáo gửi gắm vào đó những điều muốn nói. Cách thuyết giảng có tính trực quan và đặc biệt đã tác động tích cực và mạnh mẽ đến cậu bé. **(1 điểm )**

* Chỉ ra được ý nghĩa giáo dục của câu chuyện.

+ Khuyên con người phải sống hòa nhập với tập thể, với cộng đồng. Bời vì chỉ như thế mỗi cá nhân mới có thể tồn tại và tỏa sáng. **(1,0 điểm)**

* Bàn luận về ý nghĩa giáo dục và rút ra bài học.

Truyện đã đưa ra một lời khuyên hoàn toàn đúng đán, bởi vì:

+ Chỉ khi hòa nhập mình vào tập thể, cá nhân mới có thể tìm thấy niềm vui, mới phát huy được năng lực, sở trường và sức mạnh của chính mình..

( học sinh phân tích lí giải và dẫn chứng) . **(1 điểm)**

+ Nếu tách rời tập thể thì cá nhân sẽ cô đơn, sẽ không thể và khó phát huy được mình ( học sinh phân tích lí giải và dẫn chứng) . **(1 điểm)**

* Trách nhiệm của cá nhân đối với tập thể và cộng đồng: Trân trọng, bảo vệ và luôn có ý thức hòa mình vào tập thể…**(1 điểm)**

**Câu 3 *(*** 10 điểm **)**

**a. Yêu cầu về kĩ năng: (1đ)**

- Biết vận dụng kiểu bài nghị luận

- Bố cục mạch lạc, các luận điểm, luận cứ rõ ràng.

**-** Cách lập luận chặt chẽ, lô gic.

- Bài viết trong sáng, không mắc lỗi chính tả,dùng từ ngữ pháp.

**b. Yêu cầu về kiến thức:**

**Mở bài**: (1,5đ)

- Dẫn dắt vào đề: Tự nhiên, khéo léo, hơp lí.

- Nêu vấn đề: Sáng, rõ, đúng bản chất của bài văn nghị luận.

**Thân bài ( 6**đ**)**

Tình cảm yêu n­ước đ­ược thể hiện qua các ý sau:

\* Qua ba áng văn ch­úng ta cảm nhận đ­ược tấm lòng của những ng­ười luôn lo lắng, nghĩ suy cho dân, cho n­ước.

+ Vừa lên ngôi, Lý Thái Tổ đã nghĩ đến việc dời đô, chọn một vùng đất mới để xây kinh đô nhằm làm cho n­ước c­ường, dân thịnh. (0,5đ)

+ Trần Quốc Tuấn lo lắng, căm giận, đau xót tr­ước cảnh đất n­ước bị xỉ nhục...(0,5)

+ Nỗi niềm dân n­ước với Nguyễn Trãi không chỉ là niềm trăn trở mà trở thành lý t­ưởng mà ông tôn thờ: “ Việc nhân nghĩa ... trừ bạo.” (0,5đ)

\* Tình cảm yêu n­ước đ­ược phát triển thành một khát vọng lớn lao: Khát vọng về một đất n­ước độc lập, thống nhất hùng c­ường.

+ Trong “ Chiếu dời đô” thể hiện nguyện vọng xây dựng đất n­ước phồn thịnh với sự trị vì của các đế v­ương muôn đời - quyết tâm dời đô…(0,5đ)

+ “Hịch t­ướng sĩ ” biểu thị bằng ý chí quyết chiến, quyết thắng giặc thù, sẵn sàng xả thân vì n­ước…(.0,5đ)

+ “ N­ước Đại Việt ta”, khát vọng ấy đã trở thành chân lý độc lập…(0,5đ)

\* Càng yêu n­ước càng tự hào và tin t­ưởng về dân tộc mình.

+ Nhà Lý tuy mới thành lập như­ng vững tin ở thế và lực của đất n­ước, định đô ở vùng đất “ Rộng mà bằng, cao mà thoáng”...(1đ)

+ Hư­ng Đạo Vư­ơng khẳng định với t­ướng sĩ có thể bêu đầu Hốt Tất Liệt…(1đ.)

+ Nguyễn Trãi tự hào về đất n­ước có nền văn hiến, có truyền thống đánh giặc chống ngoại xâm, có anh hùng hào kiệt.(1đ)

**Kết bài:** (1,5đ)

- Khẳng định khái quát lại vấn đề.

- Suy nghĩ riêng của bản thân.

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**ĐỀ 10**

**KÌ THI HỌC SINH GIỎI LỚP 8 THCS**

**CẤP HUYỆN**

Môn thi: **Ngữ văn**

**Câu 1** **(8.0 điểm)**

**Vết nứt và con kiến**

*Khi ngồi ở bậc thềm trước nhà, tôi nhìn thấy một con kiến đang tha chiếc lá trên lưng. Chiếc lá lớn hơn con kiến gấp nhiều lần.*

*Bò được một lúc, con kiến chạm phải một vết nứt khá lớn trên nền xi măng. Nó dừng lại giây lát. Tôi tưởng con kiến hoặc là quay lại, hoặc là sẽ một mình bò qua vết nứt đó. Nhưng không. Con kiến đặt chiếc lá ngang qua vết nứt trước, sau đó đến lượt nó vượt qua bằng cách vượt lên trên chiếc lá. Đến bờ bên kia, con kiến lại tha chiếc lá và tiếp tục cuộc hành trình.*

*(Theo****Hạt giống tâm hồn***, tập 5, NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh*)*

Trình bày suy nghĩ của em về câu chuyện trên bằng một bài văn ngắn không quá một trang rưỡi giấy thi.

**Câu 2** **(12.0 đ)**

Đọc thơ Bác, Hoàng Trung Thông có viết:

*“Tôi đọc trăm bài trăm ý đẹp*

*Ánh đèn tỏa rạng mái đầu xanh*

*Vần thơ Bác vần thơ thép*

*Mà vẫn mênh mông bát ngát tình”*

Em hiểu thế nào về *chất thép*, *chất tình* trong đoạn thơ trên? Bằng hai bài thơ *“Ngắm trăng”, “Đi đường”* trích *“Nhật kí trong tù”* của Hồ Chí Minh (Sách Ngữ văn 8, tập 2) em hãy làm sáng tỏ vấn đề trên.

*----------Hết---------*

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

**MÔN: NGỮ VĂN 8**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **1**  **8.0đ** | **\*Yêu cầu chung:**  - Kiểm tra năng lực viết bài nghị luận về một vấn đề xã hội, đòi hỏi thí sinh phải huy động những hiểu biết về đời sống và kĩ năng tạo lập văn bản để làm bài  - Thí sinh có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng phải có lí lẽ và căn cứ xác đáng, có thái độ chân thành, nghiêm túc, phù hợp với chuẩn mực đạo đức xã hội  \* Yêu cầu cụ thể:  HS có thể trình bày bằng nhiều cách nhưng cần làm rõ được các yêu cầu cơ bản sau: |  |
| **1. Giới thiệu vấn đề NL**  - Cuộc sống luôn có những khó khăn, trở ngại, thách thức, con người cần phải biết biến những điều đó thành hành trang quý giá cho ngày mai như câu chuyện trên | **0.5** |
| **2. Phân tích, bàn luận vấn đề**  **\* Ý nghĩa câu chuyện**  - *Chiếc lá và vết nứt*: Tượng trưng cho những khó khăn, thử thách, chông gai, vất vả, những trở ngại, biến cố có thể xảy đến với con người bất cứ lúc nào trong cuộc đời  - *Con kiến đặt ngang chiếc lá qua vết nút, rồi vượt qua bằng cách bò lên trên lá*:... Thái độ biết chấp nhận thử thách, kiên trì, sáng tạo, dũng cảm vượt qua bằng chính sức của mình  => Câu chuyện ngắn gọn những chứa đựng ý nghĩa, bài học lớn lao về cuộc sống. Con người cần phải có ý chí, nghị lực, thông minh, sáng tạo, sẵn sàng đối mặt với những thử thác, khó gian, dũng cảm vượt qua bằng nghị lực, niềm tin | **1.0** |
| **\* Bàn luận**  - Khẳng định câu chuyện trên có ý nghĩa nhân sinh sâu sắc đối với mỗi con người  + Những khó khăn, trở ngại vẫn thường xảy ra trong cuộc sống, nó là một điều tất yếu tồn tại trong cuộc đời. Bởi vậy, mỗi người cần có thái độ sống tích cực, sẵn sàng đối mặt, dũng cảm vượt qua bằng sự tỉnh táo, thông minh, sáng tạo để tìm ra hướng giải quyết tốt nhất. Chỉ có như vậy, con người mới có được bản lĩnh, đứng vững trước mọi khó khăn, thử thách, gặt hái được thành công  *(HS đưa ra dẫn chứng cụ thể, phân tích)*  - Phê phán thái độ sống thiếu tích cực  + Không phải bất cứ ai cũng có thái độ tích cực để vượt qua mọi trở ngại, sóng gió trong cuộc đời. Có người bi quan, tuyệt vọng, chán nản, đầu hàng, bỏ cuộc; có người ỷ lại, đổ lỗi cho số phận...  *(HS đưa ra dẫn chứng cụ thể, phân tích)* | **5.0** |
| **\* Đưa ra bài học nhận thức và hành động**  - Cuộc sống không phải lúc nào cũng trải đầy hoa hồng, bằng phẳng, thuận lợi mà sóng gió có thể ập tới bất cứ lúc nào. Đó là quy luật tất yếu mà con người cần phải đối mặt.  - Phải có ý thức rèn luyện, bồi đắp về trí tuệ, tâm hồn, xây dựng sức mạnh nội tại, ý chí mạnh mẽ để có thể vượt qua mọi khó khăn thử thách | **1.0** |
| **3. Đánh giá**  - Khái quát lại vấn đề, liên hệ bản thân | **0.5** |
| **2**  **12.0đ** | **a) Yêu cầu chung:**  - Kiểm tra năng lực viết bài nghị luận văn học, đòi hỏi thí sinh phải huy động kiến thức về tác giả, tác phẩm và kĩ năng tạo lập văn bản để làm bài  - Thí sinh có thể hiểu và trình bày theo những cách khác nhau, nhưng phải rõ hệ thống luận điểm, có lí lẽ, dẫn chúng cụ thể, lời văn trong sáng, thuyết phục, ít mắc lỗi diễn đạt. |  |
| **b) Yêu cầu cụ thể:**  ***\* Giới thiệu vấn đề nghị luận*** | **0.5** |
| ***\* Khái quát:***  - Hoàn cảnh ra đời, phong cách thơ Hồ Chí Minh.... | **0.5** |
| ***\* Giải thích:***  *- Thép:* Là hợp kim vừa có độ bền, độ cứng và độ dẻo. Tinh thần “thép” trong thơ Bác là sự ung dung, tự tại, lạc quan, vượt lên hoàn cảnh, là sự tự do về mặt tinh thần, luôn tin tưởng và sự thắng lợi của cách mạng, là phong thái của người chiến sĩ cách mạng  - *Tình:* Là những rung cảm của tâm hồn, sự gắn bó, là tình yêu đối với con người, với thiên nhiên. Tình trong thơ Bác chính là vẻ đẹp tâm hồn của người nghệ sĩ, nhạy cảm, dễ rung cảm trước vẻ đẹp của thiên nhiên, con người, yêu thiên nhiên, yêu quê hương, đất nước tha thiết  => Thép và tình trong hai bài thơ vừa thể hiện ở ý chí, bản lĩnh, nghị lực phi thường của người chiến sĩ cách mạng trong cảnh tù đầy, vừa thể hiện ở tình yêu, sự rung cảm trước cái đẹp của thiên nhiên. | **1.0** |
| ***\* Chứng minh:***  *HS có thể trình bày theo nhiều cách nhưng đảm bảo một số ý sau:*  - ***Chất thép trong hai bài thơ “Ngắm trăng’, “Đi đường” thể hiện ở phong thái lạc quan, ung dung, yêu đời dù trong hoàn cảnh tù đày gian khổ***  + Bài *“Ngắm trăng”*  Hai câu đầu với nghệ thuật đối chuẩn, thi sĩ- Hồ Chí Minh đang sống trong nghịch cảnh nơi ngục tù, chân tay bị xiềng xích, nằm trong ngục tối đầy muỗi rệp nhưng luôn khao khát và hướng tới cái đẹp. Người bối rối, xốn xang trước vẻ đẹp của ánh trăng ngoài cửa sổ, khao khát được thưởng trăng một cách trọn vẹn dù không có rượu, không có hoa. Sự rung cảm trước vẻ đẹp thiên nhiên ấy trong chỉ cho thấy tâm hồn nhạy cảm, yêu cái đẹp, yêu thiên nhiên mà còn cho thái sự tự do trong tâm hồn. Cánh song sắt của nhà tù không giam cầm được tình yêu của người thi sĩ- chiến sĩ  *(Phân tích đối sánh hai câu khai thừa phần phiên âm và dịch nghĩa để làm rõ)*  Hai câu chuyển- hợp: Vế đối mẫu mực: *Nhân hướng - Nguyệt tòng* thể hiện tư thế ngắm trăng độc đáo của người tù cách mạng. Không chỉ là thưởng trăng thường tình mà còn là một cuộc vượt ngục bằng tinh thần đích thực. Song sắt nhà tù không thể nào giam cầm được tinh thần lạc quan, tình yêu của Bác đối với vẻ đẹp thiên nhiên  *(Phân tích đối sánh hai câu chuyển- hợp phần phiên âm và dịch nghĩa để làm rõ)*  + Bài *“Đi đường”*  Hai cầu đầu: Lời thơ giản dị như lời kể. Bác nói chuyện đi đường, vượt qua quãng đường đèo núi *“đường đi khó; hết lớp núi này lại tiếp đến lớp núi khác”*, khó khăn chồng chất khó khăn, gian lao tiếp liền gian lao. Điệp từ : *“trùng san”* đã làm nổi bật hình ảnh thơ, làm sâu sắc ý thơ, thấy được sự thấm thía những gian lao, vất vả của người đi đường, cũng là con đường cách mạng, đường đời  Hai câu còn lại: Trèo lên tới đỉnh cao là lúc gian lao nhất nhưng đồng thời là lúc mà mọi khó khăn vừa kết thúc, người đi đường đứng trên đỉnh cao tột cùng. Nỗi gian lao của người đi đường núi được đền đáp bằng việc chinh phục đỉnh cao. Hình ảnh người chiến sĩ say sưa chìm đắm ôm trọn vẻ đẹp của thiên nhiên từ đỉnh cao muôn trượng mang dáng dấp của cả một người thi sĩ  => Phong thái của người tù là cốt cách của người chiến sĩ cách mạng ung dung, tự tại | **2.5**  **2.5** |
| ***- Chất tình thể hiện ở sự say đắm trước vẻ đẹp của thiên nhiên, thể hiện tình yêu thiên nhiên, yêu quê hương, đất nước tha thiết***  + Bài *Ngắm trăng*: Sự rung cảm trước cái đẹp, sự giao hòa giữa con người và thiên nhiên giống như tri âm, tri kỉ  *(Phân tích phần phiên âm và dịch nghĩa để làm rõ)*  + *Đi đường*: Người tù say ngắm, đắm chìm trong cảnh thiên nhiên hùng vĩ, tươi đẹp  *(Phân tích phần phiên âm và dịch nghĩa để làm rõ)*  => Tâm hồn nhạy cảm, tình yêu tha thiết với vẻ đẹp thiên nhiên- trái tim của một thi sĩ | **3.0** |
| **\* Đánh giá**  - Thể thơ tứ tuyệt, kết hợp nhuần nhuyễn giữa cổ điển và hiện đại  - *Ngắm trăng, Đi đường* là những bài thơ tuyệt bút của HCM. Bác không hề nói đến *chất thép*, *lên giọng thép* mà sáng ngời chất thép. Chất thép, chất tình hòa quyện trong thơ Bác, đó chính là sự hòa quyện thống nhất đẹp đẽ giữa tâm hồn thi sĩ và cốt cách chiến sĩ.  - Liên hệ với các bài thơ khác trong *“Nhật kí trong tù”* | **1.0** |
| **\* Kết luận**  - Đánh giá lại vấn đề | **1.0** |

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**ĐỀ 11**

**ĐỀ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI LỚP 8 CẤP HUYỆN**

**Môn: Ngữ văn**

**(Đề thi có 01 trang)**

**Câu 1. (8,0 điểm):** Có ý kiến cho rằng: Khi có lỗi, người tử tế thì sẵn sàng nhận lỗi, kẻ ti tiện chỉ tìm cách đổ lỗi.

Hãy viết bài văn nghị luận trình bày suy nghĩ của em về ý kiến trên.

**Câu 2. (12 điểm):** Có ý kiến cho rằng: "Thơ ca Cách mạng Việt Nam trước năm 1945 đã thể hiện sâu sắc vẻ đẹp tâm hồn của người chiến sĩ cách mạng trong cảnh tù đày." Dựa vào bài thơ "Ngắm trăng" của Hồ Chí Minh và "Khi con tú hú" của Tố Hữu hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.

**HƯỚNG DẪN CHẤM THI CHỌN HỌC SINH GIỎI LỚP 9 CẤP HUYỆN**

**Môn: Ngữ văn**

***Thời gian làm bài 150 phút***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung cần đạt** | **Điểm** |
| Có ý kiến cho rằng: Khi có lỗi, người tử tế thì sẵn sàng nhận lỗi, kẻ ti tiện chỉ tìm cách đổ lỗi.  Hãy viết bài văn nghị luận trình bày suy nghĩ của em về ý kiến trên. | | |
| 1 | **\*Về hình thức**  Yêu cầu bài viết cần được trình bày dưới dạng một bài văn nghị luận hoàn chỉnh. Bố cục rõ ràng, lập luận chặt chẽ, mắc ít lỗi diễn đạt. | 1,0 |
| **\* Về nội dung:**  **1. Mở bài:**  Giới thiệu vấn đề: Cuộc sống rộng lớn và phức tạp, đan xen nhiều mối quan hệ, trong những không gian và thời gian vô cùng đa dạng. Trong mối quan hệ đó, con người khó tránh khỏi sai sót, lỗi lầm…  Đưa ra vấn đề: “Khi có lỗi, người tử tế thì sẵn sàng nhận lỗi, kẻ ti tiện chỉ tìm cách đổ lỗi”. | 0,5 |
| **2. Thân bài:**  **\* Giải thích:** *Khi* *có lỗi, người tử tế thì sẵn sàng nhận lỗi, kẻ ti tiện chỉ tìm cách đổ lỗi*.  - Người tử tế: là người có cách đối xử với người khác đàng hoàng, lịch sự, hợp đạo lý và đúng với giá trị của bản thân.  - Kẻ ti tiện: là người có lòng dạ xấu xa, hẹp hòi, có cách đối xử không tốt, không hợp đạo lý, thậm chí tàn ác với người khác.  - Thái độ của bản thân đối với lỗi lầm, nhất là đối với người khác, sẽ cho thấy người ấy là người tử tế hay là kẻ ti tiện: Khi có lỗi, người tử tế thì sẵn sàng nhận lỗi, kẻ ti tiện chỉ tìm cách đổ lỗi.  **\* Bàn luận về vấn đề:**  - Người tử tế thì sẵn sàng nhận lỗi.  + Trong đời người ai cũng có lỗi, “nhân vô thập toàn”. Điều quan trọng là biết nhận lỗi. Do đó, người tử tế thường biết nhận lỗi khi có hành vi hoặc thái độ sai trái đối với người khác.  + Biết nhận lỗi là một thái độ dũng cảm, vì đó là một biểu hiện vượt lên trên lòng tự ái thường có ở nơi con người. Biết nhận lỗi là khởi đầu của sự phục thiện, của lòng tôn trọng sự thật.  + Người tử tế không những biết nhận lỗi, sửa sai, mà còn sẵn sàng chịu trách nhiệm và nhận lãnh hình phạt cho những lỗi lầm của mình.  - Kẻ ti tiện chỉ tìm cách đổ lỗi.  + Kẻ ti tiện thường dối trá, hèn nhát, lấp liếm và che giấu tội lỗi của mình, cho nên thường tìm cách đổ lỗi cho người khác những lỗi lầm sai trái của bản thân mình.  + Kẻ ti tiện thường có suy nghĩ tự đề cao bản thân, nên khó chấp nhận mình là kẻ khiếm khuyết. Vì vậy, họ thường có xu hướng đổ mọi sai sót, lỗi lầm của bản thân mình cho hoàn cảnh, cho người khác.  **\* Rút ra bài học cho bản thân.**  - Đã là người thì phải có lòng tử tế. Do đó, khi có lỗi, phải biết nhận lỗi và nhận một cách thành khẩn, đồng thời cũng phải biết cố gắng hết sức để không tái phạm.  - Chẳng những bản thân nỗ lực đừng mắc lỗi, mà còn phải biết giúp đỡ người khác đừng phạm lỗi.  - Tuy nhiên, con người khó tránh khỏi những lỗi lầm, sai sót. Nếu lỡ mắc phải lỗi lầm, cũng không nên vì thế mà quá mặc cảm, tự ti. Cần tỉnh táo thấy được sai lầm, thành khẩn nhận lỗi, khách quan phân tích rút ra kinh nghiệm để tránh tái phạm, với tinh thần “thất bại là mẹ thành công”.  - Phải dũng cảm đối diện với bản thân, với sự thật, để khi có lỗi dám nhận lỗi; không dối trá, không lấp liếm, vì những điều này có thể dẫn bản thân đi tới những hành vi của kẻ ti tiện, đổ lỗi cho người khác.  - Cần thấy tác hại to lớn của việc đổ lỗi: không dám nhìn thẳng vào sự thật, thiếu khách quan, tự ru ngủ, lừa dối bản thân và dễ đi đến chỗ trở thành kẻ ti tiện. | 0,25  0,25  0,5  0,5  0,5  0,5  0,5  0,5  0,5  0,5  0,5  0,5  0,5 |
| **3. Kết bài:**  - Khẳng định người tử tế thì sẵn sàng nhận lỗi, kẻ ti tiện chỉ tìm cách đổ lỗi. Hãy là người tử tế và giúp người khác trở thành người tử tế trong cuộc đời. Luôn ý thức rằng lỗi lầm là điều thường tình, nhưng phải biết trăn trở và đau đớn với những lỗi lầm của mình để cuộc sống trở nên tốt đẹp hơn. | 0,5 |
| 2 | Chứng minh "Thơ ca Cách mạng Việt Nam trước năm 1945 đã thể hiện sâu sắc vẻ đẹp tâm hồn của người chiến sĩ cách mạng trong cảnh tù đày." qua bài thơ "Ngắm trăng" của Hồ Chí Minh và "Khi con tú hú" của Tố Hữu |  |
| **\* Yêu cầu về hình thức**  - Đảm bảo cấu trúc của bài nghị luận, lập luận chặt chẽ, mắc ít lỗi diễn đạt.  - Có đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài. Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài kết luận được vấn đề | 1,0 |
| **\* Yêu cầu về nội dung:** |  |
| **1. Mở bài:**  Giới thiệu được những nét cơ bản về hai tác giả, hai tác phẩm và khẳng định được hai sáng tác đặc sắc nhất về hình ảnh người tù cách mạng trong các sáng tác thuộc dòng văn học cách mạng Việt Nam trước cách mạng. Nêu được vấn đề nghị luận. | 0,5 |
| **2. Thân bài:**  Bàn luận ý kiến: Vẻ đẹp tâm hồn của người tù cách mạng qua hai bài thơ:  - Trước tiên là *vẻ đẹp về tình yêu thiên nhiên đất nước, yêu cái đẹp* luôn thường trực trong trái tim những người tù cách mạng mà ở đây là ( Hồ Chí Minh, Tố Hữu). Có lẽ, trước hết, họ là những nhà thơ, là những người nghệ sĩ biết trân trọng và sáng tạo cái đẹp. | 1,0 |
| + Ở bài thơ " Khi con tu hú" là bức tranh thiên nhiên đặc sắc mùa hè trong cảnh tù đầy: với tiếng chim tu hú, tiếng ve ngân, hình ảnh đồng lúa chín, sân bắp vàng, nắng hồng, đôi con diều sáo tự do bay lượn.... -> Bức tranh mùa hè được cảm nhận bằng nhiều giác quan, vừa có hình ảnh, màu sắc, lại có cả hương vị, âm thanh -> tâm hồn tinh tế, hòa mình vào không gian tự do, khoáng đạt, thanh bình, nên thơ.  + Dẫn chứng:  + Ở bài thơ " Ngắm trăng" lại là vẻ đẹp không gian đêm trăng sáng giữa chốn lao tù: vô vàn thiếu thốn, gian khổ (không rượu, không hoa, không tự do) nhưng con người và thiên nhiên vẫn có sự giao hòa (người ngắm trăng, trăng ngắm người) nên thơ, thi vị... -> tâm hồn nhạy cảm, tình yêu thiên nhiên tha thiết của Bác.  + Dẫn chứng:  - Vẻ đẹp thứ hai của người chiến sĩ cách mạng trong tù đầy là *khát vọng tự do mãnh liệt:*  + Tâm trạng ngột ngạt, u uất; lòng khao khát tự do, muốn phá tan căn phòng giam chật hẹp, tù túng trở về với tự do, với cuộc sống, về với hoạt động cách mạng còn đang dang dở. (Khi con tu hú)  + Dẫn chứng:  + Cuộc vượt ngục bằng tinh thần, thoát ra khỏi chốn nhà lao tối tăm, chật chội để được thả hồn vào thiên nhiên thơ mộng, làm bạn với vầng trăng, với thiên nhiên. (Ngắm trăng).  + Dẫn chứng:  - Thứ ba đó là vẻ đẹp của *ý chí cách mạng, tinh thần lạc quan* yêu đời.  + Vượt qua mọi khó nhăn gian khổ ,thiếu thốn, giam cầm, tra tấn của trốn lao tù, người tù cách mạng không hề bi quan thoái bộ. Ngược lại họ luôn nghĩ về, tìm về với cuộc sống ,với cái đẹp, đến với con đường cách mạng mà họ đã lựa chọn. Con đường ấy đầy gian khổ hy sinh nhưng là con đường chính nghĩa ,con đường vinh quang.  + Với Hồ Chí Minh, ở trong tù nhưng người luôn tin tưởng vào tương lai tốt đẹp, cách mạng sẽ thành công.  + Dẫn chứng  + Với Tố Hữu “Tiếng chim tu hú ngoài trời cứ kêu” như một lời thúc giục tranh đấu khát vọng tranh đấu.  + Dẫn chứng: | 1,0  0,5  1,0  0,5  1,0  0,5  1,0  0,5  1,0  0,5  0,5  0,5  0,5 |
| **3. Kết bài:**  Khẳng định được hình tượng người tù cách mạng ,với những vẻ đẹp tầm hồn của họ luôn là hình ảnh đẹp nhất, đáng ngợi ca nhất cho thế hệ trẻ đương thời và cả thế hệ trẻ hôm nay.Vì thế, những bài thơ như vây khiến những ai đã từng đọc một lần không thể nào quên, không thể không tự hào và ngưỡng mộ. | 0,5 |

***\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\****

**ĐỀ 12**

**ĐỀ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI LỚP 8**

**NĂM HỌC 2019-2020**

**MÔN: NGỮ VĂN**

**ĐỀ RA**

*(Đề thi có 01 trang)*

**Câu 1.** *(4,0 điểm)*

*Một ngày hè, tôi ngồi trên bãi biển và ngắm nhìn hai đứa trẻ đang chơi trên cát. Chúng say sưa xây một tòa lâu đài có đủ cổng, tháp, hào và có cả khách tham quan. Khi công trình gần hoàn thành thì một con sóng lớn ập đến phá tan tất cả. Giờ thì chỉ còn một đống cát ướt mà thôi. Tôi tưởng bọn trẻ sẽ khóc vì sóng đã phá tan những gì chúng kỳ công xây dựng. Nhưng không ! Chúng lại cùng chạy ra xa con nước, cười giòn, tay nắm tay và … xây dựng một tòa lâu đài mới. Chúng đã dạy tôi một bài học quan trọng. Tất cả mọi thứ trong cuộc sống dù quý giá đến đâu thì cũng không khác gì những tòa lâu đài trên cát. Chỉ có tình yêu, tình bạn là vững bền. Trước sau gì thì cơn sóng cũng sẽ đến và mang đi tất cả những gì chúng ta cố công xây đắp. Nhưng bao giờ thì những con sóng sẽ đến ? Không ai biết trước được ! Chỉ biết rằng với những ai có được bàn tay của người khác để nắm chặt, để cùng chia sẻ những thành công, thất bại thì mới có thể cười vang và vượt qua mọi khó khăn.*

( Theo *Sống đẹp,* tập II, NXB Giáo dục)

Từ văn bản trên, hãy nêu suy nghĩ của em về ý nghĩa của sự đồng cảm và sẻ chia trong cuộc sống.

**Câu 2.** *(6,0 điểm)*

Có ý kiến cho rằng : *« Đọc một câu thơ nghĩa là ta gặp gỡ một tâm hồn con người. »*

Qua hai bài thơ *Ngắm trăng* (Hồ Chí Minh) và *Khi con tu hú* (Tố Hữu) trong chương trình Ngữ văn 8, em hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.

**--------------------------------Hết-------------------------------**

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **1** | **Từ văn bản trên, hãy nêu suy nghĩ của em về ý nghĩa của sự đồng cảm và sẻ chia trong cuộc sống.** |  |
| a. Đảm bảo cấu trúc của một bài văn gồm bố cục: Mở bài, Thân bài, Kết bài theo yêu cầu. |  |
| b. Chính tả, dùng từ đặt câu: đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa Tiếng Việt. |  |
| c. Triển khai vấn đề theo yêu cầu. Học sinh có thể viết bài theo các định hướng sau:  **Ý 1: Giải thích nội dung ý nghĩa câu chuyện và vấn đề nghị luận.**  - Câu chuyện thể hiện tinh thần đoàn kết, gắn bó, sẻ chia, đồng cảm giữa người với người để vượt qua mọi khó khan trong cuộc sống.  - *Đồng cảm:* Là biết rung cảm trước những vui buồn của người khác, đặt mình vào hoàn cảnh của người khác để hiểu và cảm thông với họ.  - *Sẻ chia:* Cùng người khác san sẻ vui buồn, những trạng thái tình cảm, tâm hồn với nhau; cả sự sẻ chia những khó khan về vật chất và giúp nhau trong hoạn nạn…  - Rút ra được ý nghĩa: Khi ta học được cách đồng cảm và sẻ chia tức biết sống vì người khác cũng là lúc mình nhận được niềm vui; ta cảm thấy cuộc đời này thật tuyệt vời. Nếu ai cũng biết “*học cách đồng cảm và sẻ chia”,* trái đất này sẽ thật là “*thiên đường”.*  **Ý 2: Bàn luận**  a) Cuộc sống đầy những khó khan vì vậy cần lắm những tấm long đồng cảm sẻ chia:  - Sẻ chia về vật chất: Giúp đỡ khi khó khăn, hoạn nạn.  - Sẻ chia về tinh thần: Ánh mắt, nụ cười, lời an ủi, chúc mừng, đôi khi chỉ là sự im lặng cảm thông, lắng nghe.  b) Sự đồng cảm, sẻ chia được thể hiện trong những mối quan hệ khác nhau:  - Đối với người nhận  - Đối với người cho  - Đồng cảm, sẻ chia và xã hội ngày nay  c) Phê phán bệnh vô cảm, lối sống ích kỉ, sống thiếu trách nhiệm với đồng loại, với cộng đồng ở một số người.  (*HS lấy dẫn chứng ở văn bản và từ thực tế đời sống để chứng minh)*  **Ý 3: Rút ra bài học nhận thức và hành động**  **-**Nhận thức: Đồng cảm, sẻ chia giúp con người them sức mạnh để vượt qua những thử thách, những nghịch cảnh của cuộc đời. Đó cũng là một trong những phẩm chất “*người”,* kết tinh giá trị nhân văn cao quý ở con người.  - Hành động: Phải học cách đồng cảm, sẻ chia và phân biệt đồng cảm, sẻ chia với sự thương hại, ban ơn… Ai cũng có thể đồng cảm, sẻ chia với những người xung quanh mình với điều kiện và khả năng có thể của mình.  **Ý 4: HS liên hệ**  **-** Trong cuộc sống, trong các tác phẩm văn học.  - Bản thân: Là học sinh, chúng ta cần phải biết đồng cảm, sẻ chia… |  |
|  | d. Sáng tạo: có những quan điểm, suy nghĩ sáng tạo, cách diễn đạt độc đáo, mới mẻ (hợp lý, thuyết phục) phù hợp với chuẩn mực đạo đức, văn hóa, pháp luật. |  |
| **2** | **Làm sáng tỏ ý kiến: *« Đọc một câu thơ nghĩa là ta gặp gỡ một tâm hồn con người. » q*ua hai bài thơ *Ngắm trăng* (Hồ Chí Minh) và *Khi con tu hú* (Tố Hữu) trong chương trình Ngữ văn 8.** |  |
| a. Đảm bảo cấu trúc của một bài văn gồm bố cục: Mở bài, Thân bài, Kết bài theo yêu cầu. |  |
| b. Chính tả, dùng từ đặt câu: đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa Tiếng Việt. |  |
| c. Triển khai vấn đề theo yêu cầu. Học sinh có thể viết bài theo các định hướng sau:  **Ý 1: Giải thích**  **-** *“Đọc một câu thơ nghĩa là ta gặp gỡ một tâm hồn con người » :* có nghĩa là đọc một câu thơ, chúng ta không chỉ cảm nhận được vẻ đẹp của ngôn từ mà còn cảm nhận được vẻ đẹp tâm hồn của nhà thơ gửi gắm trong đó.  - Thơ là tiếng nói của tâm hồn, tình cảm con người. Mỗi câu thơ ra đời là kết quả của những trăn trở, suy tư, nung nấu của người nghệ sĩ.  **Ý 2 : Chứng minh**  \* Giới thiệu sơ lược về hai bài thơ.  \* HS tìm các phương diện để phân tích, chứng minh làm nổi bật vẻ đẹp tâm hồn của những người tù cách mạng qua hai bài thơ :  - *Dù sống trong ngục tù nhưng người chiến sĩ vẫn giành cho thiên nhiên một tình yêu sâu sắc :*  + Ở bài thơ *Khi con tu hú* là bức tranh thiên nhiên đồng quê vô cùng khoáng đạt, thanh bình, nên thơ… Tình yêu thiên nhiên, yêu cuộc sống khiến người tù tưởng tượng một mùa hè chan hòa ánh sáng, rực rỡ sắc màu, rộn ràng âm thanh và ngọt ngào hương vị.  + Ở bài *Ngắm trăng*  là vẻ đẹp của đêm trăng – người bạn cố tri với nhà thơ từ thuở nào. Qua nghệ thuật đối và nhân hóa đã làm nổi bật tình cảm song phương cho thấy mối quan hệ gắn bó tri ân giữa người và trăng. Đó cũng là vẻ đẹp của một thi sĩ nhưng lại là chiến sĩ.  (*HS đưa ra dẫn chứng cụ thể ở mỗi bài thơ)*  *- Họ luôn khao khát tự do mãnh liệt :*  + Niềm khao khát mãnh liệt được tự do bộc lộ trực tiếp trong những câu cuối trong bài thơ *Khi con tu hú.*  + Với Bác, Bác luôn hướng ra ánh sáng. Đó là vầng trăng, bầu trời, là tự do và đó cũng là hy vọng, là tương lai.  (*HS đưa ra dẫn chứng cụ thể ở mỗi bài thơ)*  *- Vẻ đẹp của ý chí cách mạng, phong thái ung dung, tinh thần lạc quan yêu đời :*  *+* Hoàn cảnh khắc nghiệt của nhà tù không trói buộc được tinh thần và tâm hồn người tù, không làm mất đi nét thư thái, ung dung vốn có của Bác. Bác tự do rung động với vầng trăng, với cảnh đẹp (cuộc vượt ngục tinh thần)  + Với Tố Hữu *“Tiếng chim tu hú ngoài trời cứ kêu”* như một lời thúc giục khát vọng tranh đấu.  - *Nghệ thuật thể hiện vẻ đẹp tâm hồn của những người chiến sĩ cộng sản qua hai bài thơ. (*thể thơ tứ tuyệt, phép đối, nhân hóa trong bài *Ngắm trăng;* thể lục bát giàu nhạc điệu, mượt mà, uyển chuyển, các biện pháp tu từ trong bài *Khi con tu hú)*…  (*HS đưa ra dẫn chứng cụ thể ở mỗi bài thơ)*  *- Khẳng định vấn đề :*  + Qua hai bài thơ, người đọc sẽ hiểu hơn về vẻ đẹp tâm hồn của người chiến sĩ cộng sản khi ở trong tù. Vẻ đẹp tâm hồn của họ là cội nguồn tạo nên vẻ đẹp, giá trị tác phẩm.  + Đọc thơ hay, gặp gỡ tâm hồn người nghệ sĩ, bạn đọc được thanh lọc, hoàn thiện tâm hồn mình.  **Ý 3 :** HS liên hệ với những tác phẩm văn học khác. |  |
| d. Sáng tạo: có những quan điểm, suy nghĩ sáng tạo, cách diễn đạt độc đáo, mới mẻ (hợp lý, thuyết phục) phù hợp với chuẩn mực đạo đức, văn hóa, pháp luật. | **0,5** |

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

## ****Hãy phân tích để làm sáng tỏ chất thơ trong truyện ngắn Tôi đi học của Thanh Tịnh – Bài làm 2****

Trong truyện ” tôi đi học” của tác giả Thanh Tịnh, ông đã rất thành công trong việc sử dụng các nghệ thuật tinh tế, nhẹ nhàng, mà vô cùng sâu sắc kết hợp với các ngôn ngữ giàu hình ảnh giàu gợi hình, gợi cảm với giọng điệu nhẹ nhang em dịu đã góp phần tạo nên chất thơ, chất trữ tình trong truyện.

Vậy, chất thơ là thế nào? chất thơ là một nét đẹp tạo nên giá trị tư tưởng và nghệ thuật của truyện ngắn, chất thơ được thể hiện qua những vấn đề nổi bật, đặc sắc, giàu cảm xúc. Trước hết, chất thơ thể hiện ở chỗ truyện ngắn không có cốt truyện mà chỉ là dòng chảy cảm xúc là những tâm tư tình cảm của một tâm hồn trẻ dại trong buổi khai trường đầu tiên với những cảm xúc êm dịu ngọt ngào, man mác buồn thơ ngây trong sáng, cùng tâm trạng tưng bừng, rộn rã, mơn mác, nao nức hồi hộp khi được cắp sách tới trường đã làm rung động lên những cảm xúc. Chất thơ đã toát lên từ những tình tiết sự việc dạt dào cảm xúc bằng những câu văn những hình ảnh hay và sinh động như” mẹ tôi âu yếm nắm tay tôi dẫn đi trên con đường làng dài và hẹp. Con đường này tôi đã đi quen, lại lắm  lần nhưng lần này tự nhiên thấy lạ. Vì chính lòng tôi đang có sự thay đổi lớn: hôm nay tôi đi học, ” mấy cậu học trò mới bỡ ngỡ đứng nép bên người thân chỉ dám nhìn một nửa hay dám đi từng bước nhẹ. Họ như con chim con, nhưng còn ngập ngừng e sợ. Chất thơ toát lên từ cảnh sắc thiên nhiên rất thơ mộng nên thơ trong trẻo, thể hiện qua thời điểm cuối thu và hoàn cảnh lá ngoài đường rụng nhiều và trên không có những đám mây bàng bạc”. Chất thơ tỏa ra từ giọng nói ân cần, cặp mắt hiền từ  và cảm động của ông đốc từ gương mặt tươi cười của thầy giáo trẻ. Tất cả đều dành cho trẻ thơ những tình cảm dịu dàng trìu mến. Chất thơ còn tỏa ra từ tấm lòng yêu thương con hết mực của mẹ trong truyện đã bốn lần Thanh Tịnh nói về bàn tay mẹ qua những câu văn hay như ” mẹ nắm tay tôi”, ” các cậu chỉ theo sức mạnh kéo dìu các cậu từ trước”. ” Tôi cảm thấy sau lưng tôi có một bàn tay dịu dàng đẩy tôi tới trước”, ” một bàn tay quen nhẹ vuốt mái tóc tôi”. Như vậy, hình tượng bàn tay mẹ đã được tác giả thể hiện một cách tinh tế và biểu cảm để nói lên tình thương con bao la vô bờ bến của mẹ. Chất thơ còn được thể hiện qua hình ảnh so sánh đẹp đẽ đầy thú vị.

Trong truyện, tác giả đã đưa ra hình ảnh so sánh đẹp rất hay. Chất thơ được thể hiện ở giọng văn nhẹ nhàng, trong sáng, gợi cảm ở âm điệu tha thiết cũng góp phần diễn tả thành công cảm nghĩ của nhân vật. Chất thơ còn thể hiện ở chỗ tạo được sự đồng cảm đồng điệu của mọi người gợi cho người đọc nhớ lại về những kỉ niệm đẹp đẽ của tuổi thơ khi được cắp sách tới trường vào một mùa thu- mùa tựu trường.

Qua câu truyện tôi đi học giàu chất thơ, tác giả như muốn thể hiện một tâm hồn khao khát bay cao với một niềm hi vọng ước ao hoài bão lớn lao để vươn tới một chân trời mới, một tương lai đang phơi phới chào đón trẻ thơ.

**KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI CẤP HUYỆN**

**NĂM HỌC 2019-2020**

**MÔN THI: NGỮ VĂN 8**

**Phần I: Đọc hiểu** *(4,0 điểm):*

Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:

*Con yêu quý của bố!*

*Học quả là khó khăn gian khổ. Bố muốn con đến trường với lòng hăng say và niềm phấn khởi. Con hãy nghĩ đến những người thợ, tối tối đến trường sau một ngày lao động vất vả. Cả đến những người lính vừa ở thao trường về là ngồi vào bàn đọc đọc, viết viết. Con hãy nghĩ đến các em nhỏ bị câm hoặc điếc mà vẫn thích học.*

*Khi một ngày mới bắt đầu, tất cả trẻ em trên thế giới đều cắp sách tới trường. Những học sinh ấy hối hả bước trên các nẻo đường ở nông thôn, trên những phố dài của các thị trấn đông đúc, dưới trời nắng gay gắt hay trong tuyết rơi. Từ những ngôi trường xa xôi trên miền tuyết phủ của nước Nga cho đến ngôi trường hẻo lánh núp dưới hàng cọ của xứ A-rập, hàng triệu, hàng triệu trẻ em cùng đi học.*

*Con hãy tưởng tượng mà xem, nếu phong trào học tập ấy bị ngừng lại thì nhân loại sẽ chìm đắm trong cảnh ngu dốt, trong sự dã man.*

*Hãy can đảm lên, hỡi người chiến sĩ của đạo quân vĩ đại kia! Sách vở của con là vũ khí, lớp học của con là chiến trường! Hãy coi sự ngu dốt là thù địch. Bố tin rằng con luôn luôn cố gắng và sẽ không bao giờ là người lính hèn nhát trên mặt trận đầy gian khổ ấy.*

***( Trích “ Những tấm lòng cao cả”- A-mi-xi)***

**Câu 1:** Cho biết phương thức biểu đạt chính của văn bản trên.

**Câu 2:**Theo em, *mặt trận đầy gian khổ* mà người cha nhắc đến là gì*?*

**Câu 3:** Phân tích tác dụng của lối chuyển trường từ vựng có trong đoạn trích:

*Hãy can đảm lên, hỡi người chiến sĩ của đạo quân vĩ đại kia! Sách vở của con là vũ khí , lớp học của con là chiến trường! Hãy coi sự ngu dốt là thù địch. Bố tin rằng con luôn luôn cố gắng và sẽ không bao giờ là người lính hèn nhát trên mặt trận đầy gian khổ ấy.*

**Câu 4:**Thay lời em bé nhận thư, em hãy nói lên những suy nghĩ, tình cảm của mình sau khi đọc thư của bố.

**Câu 5:** Hãy cho biết xét theo cấu trúc, câu sau đây thuộc kiểu câu gì?

*Con hãy tưởng tượng mà xem, nếu phong trào học tập ấy bị ngừng lại thì nhân loại sẽ chìm đắm trong cảnh ngu dốt, trong sự dã man.*

**Phần II: Làm văn** (16,0 điểm):

**Câu 2:** Từ văn bản trên, hãy nói về *ý nghĩa của lời động viên* trong một đoạn văn khoảng 400 chữ.

**Câu 3**: Viết bài văn với nhan đề : ***Tôi đi học - một truyện ngắn giàu chất thơ.***

--------------------------------**HẾT**-------------------------------

***Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm***

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Câu 1** | **Ý** | **Hướng dẫn giải** | **(5,0 điểm)** |
|  | 1 | Biểu cảm |  |
|  | 2 | - ***mặt trận đầy gian khổ*** mà người cha nhắc đến là việc học. | 0,5 |
| 3 | - HS chỉ rõ lối chuyển trường từ vựng : Các từ ngữ *chiến sĩ, đạo quân, vũ khí, chiến trường,thù địch, người lính, mặt trận* vốn thuộc trường từ vựng chỉ chiến tranh được chuyển sang trường từ vựng chỉ về học tập .  - Tác dụng : Khẳng định việc học cũng như đánh trận vậy . Rất khó khăn và gian nan. Muốn giành thắng lợi mỗi HS cần có sự nỗ lực, cố gắng không ngừng | 0,5  1,5 |
| 4 | - Thay lời người con, HS cần nói lên được sự xúc động trước tình cảm, những lời động viên của cha và thể hiện quyết tâm học hành . | 2,5 |
|  | 5 | Câu ghép |  |
| **Câu 2** |  |  | **(5,0 điểm)** |
|  | 1 | **Về kĩ năng** |  |
|  | - Biết cách viết một đoạn văn nghị luận xã hội.  - Ý tưởng sáng tạo, thể hiện được quan điểm, suy nghĩ của mình.  - Văn phong trong sáng, có cảm xúc; lập luận chặt chẽ, kết hợp tốt các phương thức biểu đạt trong hành văn. |  |
| 2 | **Về nội dung** |  |
|  | *Thí sinh có thể trình bày quan điểm của mình theo nhiều cách. Nhưng dù viết theo cách nào cũng phải làm rõ được ý nghĩa của lời động viên trong cuộc sống*  *Dưới đây là một số gợi ý định hướng chấm bài*: |  |
|  | * *Giải thích:*   *- Lời động viên là những lời nói khích lệ tinh thần của mọi người dành cho những người gặp khó khăn trong cuộc sống..*  2. *Bàn bạc về ý nghĩa của lời động viên:*  *- Với người trao:Thể hiện sự quan tâm đối với mọi người xung quanh.*  *- Với người nhận :*  *+ Giúp cho người nhận được lời động viên cảm thấy vui vẻ và tin tưởng vào những gì mình làm từ đó cố gắng không ngừng để đạt được mong muốn của họ.*  *+ Một lời động viên chân thành có thể mang đến sức mạnh bất ngờ để vượt qua những khó khăn, nghịch cảnh mà tưởng chừng họ như không thể làm được.*  *- Ngược lại một lời tiêu cực với người đang gặp khó khăn, khủng hoảng có thể giết chết họ.*  *3. Rút ra bài học cho bản thân.* | 1,0  3,0    1,0 |
| **Câu 3** |  |  | **(10,0 điểm)** |
|  | **1** | Về kĩ năng |  |
|  | - Biết cách viết một bài văn nghị luận văn học.  - Thể hiện năng lực cảm thụ văn học.  - Lập luận chặt chẽ, có cảm xúc, hành văn lưu loát, không mắc các lỗi chính tả, diễn đạt. |  |
| **2** | Về kiến thức |  |
|  | Thí sinh có thể trình bày bài viết theo nhiều cách nhưng về cơ bản, cần đảm bảo những yêu cầu sau:  **1. Giới thiệu vấn đề nghị luận.** | **1,0** |
|  |  | **2. Giải thích vấn đề:**  *- Chất thơ là một thuật ngữ lý luận chỉ một phẩm chất đặc biệt của văn xuôi. Tác phẩm văn xuôi được coi là có chất thơ khi nội dung của nó đi sâu vào trạng thái cảm xúc , diễn tả diễn biến biến trong trạng chủ quan vớ những rung động tinh tế . Chất thơ còn nằm trong hình thức thể hiện . Đó là tính nhạc, sự hàm súc của ngôn từ , đó là sự linh hoạt của thủ pháp nghệ thuật tạo cho giọng văn , lời văn có sức truyền cảm lớn.* | **2,0** |
|  | ***3.* Chứng minh *chất thơ* của truyện ngắn*****Tôi đi học***  *- Chất thơ thể hiện ở sự đầy ắp yếu tố trữ tình , trong việc lựa chọn hình ảnh , cảnh sắc thiên nhiên để miêu tả qua việc sử dụng những hình ảnh so sánh , ngôn ngữ biểu cảm tinh tế (dẫn chứng)*  *- Chất thơ ở những trang văn miêu tả miêu tả tâm trạng , những dòng suy nghĩ miên man của kỉ niệm ngày tựu trường thời thơ ấu.( dẫn chứng)*  *- Chât thơ ở giọng văn nhẹ nhàng , truyền cảm.*  *- Chất thơ ở sự lắng đọng và khơi gợi kí ức thời cắp sách trong mỗi chúng ta .*  *-* ***Tôi đi học*** *là một tiếng lòng man mác , bâng khuâng của một thời để nhớ , một thời để yêu.*  *-Nghệ thuật tự sự xen biểu cảm và miêu tả một cách hợp lý ; ngôn ngữ , hình ảnh tinh tế , giàu sức gợi*  **4. Đánh giá**  *-* ***Tôi đi học*** *là truyện ngắn nhưng không xây dựng theo mô hình cốt truyện với hệ thống sự kiện, các nhân vật để pản ánh xung đột xã hội . Tác phẩm được hình thành theo dòng hồi tưởng của nhân vật "tôi" về những kỉ niệm trong sáng , cảm xúc dạt dào trong một thời điểm quan trọng , đáng nhớ: ngày đầu tiên đi học. Vì thế* ***Tôi đi học*** *là tiếng lòng của bất kì ai đã từng cắp sách đến trường. Điều đó khiến cho truyện ngắn thấm đẫm chất thơ, có sức hấp dẫn đặc biệt và sức sống bền lâu trong lòng người đọc.* | **6,0**  1,0 |

**Đề 1:**

**Qua Tức nước vỡ bờ và Lão Hạc, chứng minh rằng: mặc dù gặp nhiều đau khổ bất hạnh, người nông dân trước cách mang tháng Tám vẫn giữ trọn những phẩm chất tốt đẹp của mình**

Việt Nam, đất nước nông nghiệp, cái nôi của nền văn minh lúa nước. Trước cách mạng tháng Tám hơn 90% dân số sống bằng nghề nông. Và từ buổi đầu khi văn học ra đời và phát triển, đề tài người nông dân đã trở thành mảnh đất tốt để ươm lên những mầm cây văn học với những tác phẩm đặc sắc. "Tắt đèn" của Ngô Tất Tố và "Lão Hạc" của Nam Cao là hai tác phẩm như vậy. Đọc những sáng tác này ta thấy vẻ đẹp toả sáng trong tâm hồn của tầng lớp lao động: "Mặc dù gặp nhiều đau khổ bất hạnh nhưng người nông dân trước cách mạng tháng Tám vẫn giữ trọn phẩm chất tốt đẹp của mình".

Trước hết đọc hai văn bản điều làm ta ấn tượng về người nông dân Việt Nam trước cách mạng tháng Tám chính là cuộc sống đau khổ, bất hạnh với cảnh lầm than khổ cực.

Chị Dậu trong "Tắt đèn" của Ngô Tất Tố là một hình tượng tiêu biểu. Chị Dậu đầu tắt mặt tối không dám chơi ngày nào mà vẫn "cơm không đủ no, áo không đủ mặc". Gia đình chị đã "lên đến bậc nhì, bậc nhất trong hạng cùng đinh". Chồng chị ốm đau, vụ thuế đến cùng biết bao tai hoạ... Nào là phải chạy đôn, chạy đáo để cho đủ số tiền nộp sưu cho chồng mà không có một hạt cơm nào vào bụng. Chị như phải mò kim dưới đáy bể, như lạc vào cái sa mạc cát nóng bỏng, gió thổi tạt vào người như lửa. Trong cảnh "nửa đêm thuế thúc trống dồn" không có tiền nộp sưu cho chồng, vay mượn thì đều là bạn nghèo ai cũng không có, kẻ nhà giàu địa chủ thì đòi trả lãi với giá cắt cổ, chị đành phải bán đứa con ngoan ngoãn bé bỏng mà chị đã mang nặng đẻ đau, mà đã đến lúc nó có thể giúp chị rất nhiều. Chúng ta có thể cảm nhận được nỗi đau như đứt từng khúc ruột của chị khi bán cái Tý. Cái cảnh chị nuốt nước mắt vào trong mà van lạy cái Tý, thằng Dần để chúng đồng ý cho chị dẫn cái Tý sang nhà Nghị Quế làm người đọc không cầm lòng được. Cuộc đời chị bất hạnh này lại nối tiếp khổ đau kia. Sau khi bán con và đàn chó mới đẻ, cóp nhặt đem tiềm nộp sưu cho chồng xong tưởng chừng nạn kiếp đã xong mà cố gắng sống những ngày bình yên bên người chồng ốm yếu, nhưng bọn lý trưởng, chánh tổng trong làng lợi dụng thuế má muốn đục nước béo cò bắt chị phải nộp thêm suất sưu cho em chồng đã chết từ năm ngoái. Người đã chết, đã đi vào cõi hư vô, còn đâu mà bắt người ta đóng thuế, thật quá bất công. Rồi chị còn phải chứng kiến cảnh chổng ốm đau bệnh tật, rũ rượi như một chiếc lá héo khô bị ném vào nhà, chị chăm sóc cho anh chưa kịp hoàn hồn thì bọn cai lệ và người nhà lý trưởng xông vào định bắt trói anh điệu ra đình vì thiếu sưu của em mình. Trong hoàn cảnh ấy không thể chịu đựng được nữa, tình yêu thương chồng và nỗi tức giận bị đè nén bấy lâu đã thôi thúc chị hành động. Chị đã xông vào bọn chúng đánh trả quyết liệt sau những lời van xin thiết tha không hiệu nghiệm để rồi kết quả là cả hai vợ chồng chị bị bắt giải ra đình để quan tư phủ xử tội vì đã chống lại "người nhà nước". Những khổ cực mà chị Dậu phải chịu cũng như những tâm lý uất ức trào dâng bột phát thể hiện thành hành động phản kháng của chị chính là hình ảnh chân thực về cuộc sống của người nông dân trước cách mạng tháng Tám.

Nếu đọc "Tắt đèn" của Ngô Tất Tố, ta cảm thương cho thân phận của người phụ nữ nông dân dưới chế độ phong kiến thực dân bao nhiêu thì khi đọc "Lão Hạc" của Nam Cao ta lại càng thương cảm và xót xa cho số phận của người nông dân với cuộc sống mòn mỏi trong chờ đợi và hy vọng mong manh mà cuộc sống cô đơn gặm nhấm tâm hồn và thể xác già nua của lão Hạc. Lão phải sống cô đơn buồn tủi, trong những ngày xa con, lão chỉ có "cậu Vàng" làm bạn. "Vàng" là kỷ niệm thiêng liêng của đứa con để lại, càng thương nhớ con lão càng quý mến con Vàng. Lão âu yếm trò chuyện với nó như người ông hiền hậu ân cần với đứa cháu ngoan. Yêu thương cậu vàng như vậy nhưng bị dồn vào nước đường cùng, lão đành làm một việc nhẫn tâm là phải bán nó đi. Khi kể lại với ông giáo, lão đau đớn xót xa tột cùng: "Mặt lão đột nhiên co rúm lại. Những nếp nhăn xô lại ép cho nước mắt chảy ra. Cái đầu lão ngoẹo về một bên và cái miệng móm mém của lão mếu như con nít...”. Lão khổ tâm dằn vặt vì chuyện bán chó. Và cái đói cứ đeo đẳng làm cho lão dù đã phải bòn củ chuối, rau má, sung luộc để kiếm bữa cho qua ngày mà vẫn không xong. Cuối cùng lão phải kết liễu cuộc đời bằng liều bả chó xin được của Binh Tư. Ôi cái chết thật đau đớn và dữ dội, lão "vật vã trên giường, đầu tóc rũ rượi, áo quần xộc xệch, lão tru tréo, bọt mép sùi ra...". Hình ảnh lão Hạc gợi trong ta ký ức buồn đau của thảm cảnh 2 triệu người chết đói năm 1945 trước khi cách mạng tháng Tám nổ ra.

Người nông dân trong xã hội cũ gặp nhiều đau khổ bất hạnh là thế nhưng vượt lên trên những đau khổ bất hạnh đó, họ vẫn luôn giữ trọn những phẩm chất cao đẹp của mình mà đọc tác phẩm dù hiện thực có buồn thương nhưng nhân cách và phẩm chất cao quý của họ vẫn ngời sáng trong đêm tối khiến ta thêm tin yêu con người, tin yêu cuộc sống.

Ngay trong hoàn cảnh bất hạnh khổ cực vì bị hà hiếp bóc lột chị Dậu vẫn thể hiện vẻ đẹp tâm hồn của người phụ nữ yêu thương chồng con đảm đang tháo vát. Trong văn bản "Tức nước vỡ bờ" hình ảnh chị dùng những lời lẽ van xin thảm thiết và dám xông vào chống trả quyết liệt tên cai lệ và người nhà lý trưởng để cứu chồng là biểu hiện sâu sắc nhất tình cảm yêu thương hy sinh vì chồng con của chị Dậu. Cử chỉ bê bát cháo đến bên chồng với những lời nói tự nhiên như tấm lòng chân thành của chị đối với chồng Thầy em cố dậy húp ít cháo cho đỡ mệt..." đã làm người đọc xúc động thực sự trước tấm lòng thơm thảo, vẻ đẹp nữ tính dịu dàng với tình cảm mộc mạc của người phụ nữ ấy. Ở chị là sự hội tụ những vẻ đẹp tự nhiên của người phụ nữ Việt Nam mà Ngô Tất Tố muốn ngợi ca.

Cũng xuất phát từ tình yêu chồng mà chị đã vùng lên quật ngã tên cai lệ và người nhà lý trưởng để bảo vệ chồng. Hành động của chị dù là bột phát nhưng suy nghĩ đầy ý thức "Thà ngồi tù, để cho nó làm tình làm tội mãi thế tôi không chịu được". Ý thức đó phải chăng là ý thức phản kháng tiềm tàng trong người nông dân mà Ngô Tất Tố dường như đang "xui người nông dân nổi loạn" (theo nhận xét của Nguyễn Tuân) để nhằm phản ánh quy luật: có áp bức có đấu tranh, "Tức nước vỡ bờ".

Nếu như chị Dậu tiêu biểu cho người phụ nữ nông dân trong những vẻ đẹp nhân ái vị tha và tiềm tàng sức sống, sự phản kháng mãnh liệt thì ở nhân vật lão Hạc ta lại cảm nhận được tâm hồn và tình yêu tha thiết, niềm tin cháy bỏng và một nhân cách cao thượng đáng nể trọng của người nông dần già nua nghèo hèn phải tìm đến cõi chết. Nếu nói lão Hạc chết vì đói nghèo quả là hoàn toàn chưa hiểu hết ý đồ của nhà văn. Nam Cao đã khơi vào "luồng chưa ai khơi" trong hiện thực lúc bấy giờ là tinh thần trách nhiệm, tình yêu thương nhân ái, đức hy sinh cao cả của người cha trong hoàn cảnh vật lộn với cái đói. Lão Hạc chết là để bảo toàn danh dự và nhân cách, để giữ trọn tình yêu cho con, để thanh thản ra đi sau những gửi gắm về mảnh vườn, tiền cưới vợ cho con, tiền lo ma chay để khi ra về nơi miền cực lạc xa xôi còn có hàng xóm lo cho. Chính sự chất phác lương thiện đã giúp lão có những hành động đầy tự trọng ấy, lão không muôn liên luỵ đến ai mà chỉ âm thầm chịu khổ một mình.

Lão Hạc còn là người rất đôn hậu và cao cả, lão đã khóc hu hu, đã xót xa đến tột cùng khi phải bán con chó, lão ân hận, lão khóc như người có tội, lương tâm lão bị dày vò, cắn dứt chỉ vì không thuỷ chung với một con chó. Lòng nhân ái của lão khiến ta cảm động biết nhường nào.

Những đức tính khiến chúng ta phải cảm phục nhất ở lão Hạc đó là lòng yêu thương con bao la, đức hy sinh cao cả. Chính tình yêu con đã giúp lão ngăn con không bán vườn. Lúc khoẻ lão cố cày thuê cuốc mướn, đồng áng từ lúc bình minh đến khi hoàng hôn buông xuống, tất cả chỉ để dành dụm cho con ít tiền. Nhưng sau trận ốm, lão đã chẳng còn gì, thương con nên lão không muốn tiêu phạm vào một đồng tiền nào dành cho con. Lão nhịn ăn, nhịn mặc, một lòng vì con: để rồi lão đã chọn con đường quyên sinh để giữ trọn mảnh vườn cho con. Cái chết dữ dội và kinh hoàng lắm. Lão thương con ngay đến những giây phút cuối cùng của cuộc đời, nhưng lòng lão thanh thản đến êm dịu.

Cảm ơn Ngô Tất Tố, cảm ơn Nam Cao! Họ đã cho chúng ta hiểu rõ cái cuộc sống cùng quẫn, bi thảm của người nông dân, làm chúng ta càng cảm phục trước những phẩm chất cảo quý, đẹp đẽ và trong sáng của họ. Giữa bùn đen nhưng tâm hồn họ vẫn toả hương thơm ngát như đoá hoa sen đồng nội. Nhìn vào cuộc sống của người nông dân ngày nay ta càng xót xa cho cha ông thuở trước và thêm tin yêu cuộc sống mới.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**Đề 2:**

**ĐỀ THI OLYMPIC LỚP 8**

**Môn thi: Ngữ văn**

*Thời gian làm bài :150 phút*

*( Không kể thời gian giao đề)*

**Câu 1**. ***(4 điểm)*** Học sinh đọc đoạn thơ sau :

*“Nhưng mỗi năm mỗi vắng*

*Người thuê viết nay đâu?*

*Giấy đỏ buồn không thắm ;*

*Mực đọng trong nghiên sầu”*

*(* Vũ Đình Liên, *Ông đồ)*

a, Phương thức biểu đạt của đoạn thơ ? Xác định các trường từ vựng có trong đoạn thơ ?

b,Chỉ ra các biện pháp nghệ thuật sử dụng trong đoạn thơ. Phân tích giá trị biểu đạt của chúng.

**Câu 2: *(6 điểm)***

**Nơi dựa**

*“Người đàn bà nào dắt đứa nhỏ đi trên đường kia?*

*Khuôn mặt trẻ đẹp chìm vào những miền xa nào…*

*Đứa bé đang lẫm chẫm muốn chạy lên, hai chân nó cứ ném về phía trước, hai bàn tay hoa hoa một điệu múa kì lạ.*

*Và cái miệng líu lo không thành lời, hát một bài hát chưa từng có.*

*Ai biết đâu, đưa bé bước còn chưa vững lại chính là nơi dựa cho người đàn bà kia sống.*

*Người chiến sĩ nào đỡ bà cụ trên đường kia?*

*Đôi mắt anh có cái ánh riêng của đôi mắt đã nhiều lần nhìn vào cái chết.*

*Bà cụ lưng còng tựa trên cánh tay anh, bước từng bước run rẩy.*

*Trên khuôn mặt già nua, không biết bao nhiêu nếp nhăn đan vào nhau, mỗi nếp nhăn chứa đựng bao nỗi cực nhọc gắng gỏi một đời.*

*Ai biết đâu, bà cụ bước không còn vững lại chính là nơi dựa cho người chiến sĩ kia đi qua những thử thách”.*

( Nguyễn Đình Thi, Tia nắng, NXB văn học, Hà Nội, 1983)

***Từ ý nghĩa của văn bản trên, hãy trình bày suy nghĩ của em về nơi dựa của mỗi người trong cuộc sống.***

**Câu 3**  ***(10 điểm)*** Có ý kiến cho rằng *:* ***Chị Dậu và Lão Hạc là những hình tượng tiêu biểu cho******phẩm chất và số phận của người nông dân Việt Nam trước cách mạng tháng Tám.***

Qua đoạn trích: ***Tức nước vỡ bờ*** ( Ngô Tất Tố ),  ***Lão Hạc*** ( Nam Cao ), em hãy làm sáng tỏ nhận định trên.

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

**Câu 1 (4 điểm)**

|  |  |
| --- | --- |
|  | a, Phương thức biểu đạt : Biểu cảm **(0,5 điểm)**  \* Các trường từ vựng : **(1,5 điểm)**  Vật dụng : giấy, mực , nghiên **(0,5 điểm)**  +Tình cảm : buồn, sầu **(0,5 điểm)**  +Màu sắc : đỏ, thắm **(0,5 điểm)**  b. Các biện pháp nghệ thuật sử dụng trong đoạn thơ: Điệp ngữ *(mỗi)*; câu hỏi tu từ *(Người thuê viết nay đâu?)*; nhân hoá*(giấy-buồn, mực-sầu).* **(1 điểm)**  \* Phân tích có các ý :  -Sự sửng sốt trước sự thay đổi quá bất ngờ *mỗi năm mỗi vắng.* **(0,25 điểm)**  -Hình ảnh ông đồ già tiều tuỵ, lặng lẽ bên góc phố , người trên phố vẫn đông nhưng chỗ ông ngồi thì vắng vẻ, thưa thớt người thuê viết.  **(0,25 điểm)**  -Một câu hỏi nghi vấn có từ nghi vấn nhưng không một lời giải đáp, hồi âm tan loãng vào không gian hun hút- tâm trạng xót xa ngao ngán. **(0,25 điểm)**  -Cái buồn, cái sầu như ngấm vào cảnh vật(*giấy, nghiên*), những vật vô tri vô giác ấy cũng buồn cùng ông, như có linh hồn cảm thấy cô đơn lạc lõng. **(0,25 điểm)**  Quá trình phân tích HS có thể chỉ ra biện pháp nghệ thuật kết hợp với phân tích luôn |

**Câu 2: (6 điểm)**

**Nơi dựa**

|  |  |
| --- | --- |
|  | **\* Yêu cầu về kĩ năng: (1 điểm)**  - Bài viết có bố cục và cách trình bày hợp lí.  - Hệ thống ý ( luận diểm)rõ ràng và được triển khai tốt.  Diễn đạt tốt, không mắc lỗi chính tả, lỗi dùng từ và ngữ pháp. |
|  | **\* Yêu cầu về nội dung: (5 điểm)**  -Nhận xét khái quát câu chuyện:  Nguyễn Đình Thi đã ghi lại cảm xúc của mình trong bài thơ “ Tia nắng” về nơi dưa của mỗi người trong cuộc sống bởi vì mỗi người trong chúng ta cũng cần có một điểm tựa hay một nơi dựa để có được một cuộc sống thành đạt, hạnh phúc. **(0,5 điểm)**  - Giải thích được thế nào là nơi dựa và biểu hiện của nơi dựa:  + Nơi dựa là nơi để mỗi người nương tựa khi gặp khó khăn trong cuộc sống, là nơi tiếp cho họ sức mạnh, niềm tin, động lực trong hoạt động, là nơi mang lại cảm giác ấm áp, bình yên khi gặp sóng gió. **(0,5 điểm)**  + Nơi dựa trong bài thơ thể hiện ở biểu hiện bên ngoài, người phụ nữ là nơi dựa cho cậu bé, người chiến sĩ là nơi dựa cho bà cụ. Tuy nhiên ở khía cacnhj tinh thần, cậu bé cũng là nơi dựa cho người phụ nữ, bà cụ cũng là nơi dựa cho người chiến sĩ. **(0,5 điểm)**  + Trong cuộc sống có những nơi dựa khác nhau: về mặt vật chất thì đó là tiền bạc của cải… Xét về mặt tinh thần thì đó là nững người thân yêu trong gia đình như ông bà, cha mẹ, anh chị,… những bạn bè thân thiết, những kỉ niệm, những giá trị thiêng liêng, ưu điểm, mặt mạnh của bản thân… **(0,5 điểm)**  **Chỉ ra được ý nghĩa của nơi dựa:**  + Giúp con người cảm thấy bình yên, thanh thản, vượt qua mọi khó khăn thử thách, có động lực để phấn đấu vươn lên…Ta cảm thấy vui, hạnh phúc, yên tâm, vững vàng trong cuộc sống (học sinh phân tích lí giải và dẫn chứng) . **(0,5điểm)**  -Bài học về nơi dựa:  + Bất cứ ai cũng cần có một nơi dựa nhưng đồng thời lại là nơi dựa cho người khác. **( 0,5 điểm)**  + Cần phải có thái độ trân trọng những nơi dựa tốt đẹp mà mình có được, đồng thời cũng là nơi dựa ý nghĩa cho người khác (học sinh phân tích lí giải và dẫn chứng) .  **(0,5 điểm)**  + Phê phán những người chỉ biết dụa dẫm, ỷ thế để làm điều xấu xa: những kiểu con ông cháu cha dựa vào quyền thế, tiền bạc của cha mẹ. Cũng cần lên án những kẻ chỉ biết lệ thuộc vào người khác mà không tin vào sức mình để vươn lên. Hoặc những nười chọn những nơi dựa không tốt để đạt được mục đích bằng bất cứ giá nào…  **(1 điểm)**  + Qua bài thơ chúng ta thấm thía một điều rằng, sợi dây neo vững chắc nhất với cuộc đời của mỗi con người là sự yêu thương. Đó là chỗ dựa vững chắc nhất của con người trong cuộc đời, giúp con người vượt qua những buồn phiền và cay đắng. và như thế mọi bon chen, toan tính…lùi lại phía sau. **(0,5 điểm)** |

**Câu 3 *(10 điểm)*** Có ý kiến cho rằng *:* ***Chị Dậu và Lão Hạc là những hình tượng tiêu biểu cho******phẩm chất và số phận của người nông dân Việt Nam trước cách mạng tháng Tám.***

Qua đoạn trích: ***Tức nước vỡ bờ*** ( Ngô Tất Tố ),  ***Lão Hạc*** ( Nam Cao ), em hãy làm sáng tỏ nhận định trên.

1) Yêu cầu chung:

- Văn nghị luận chứng minh (làm sáng tỏ một nhận định qua bài văn nghị luận văn học).

- Yêu cầu HS biết vận dụng kiến thức đã học về tập làm văn và văn học để làm bài, trong đó có kết hợp với phát biểu cảm xúc, suy nghĩ và mở rộng bằng một số bài văn, bài thơ khác để làm phong phú thêm cho bài làm.

- Khuyến khích những bài làm có sự sáng tạo, có cảm xúc, giàu chất văn…

**2) Yêu cầu cụ thể:**

|  |  |
| --- | --- |
|  | **1, Mở bài :**  Học sinh dẫn dắt và nêu đ­ược vấn đề nghị luận : Chị Dậu và Lão Hạc là những hình tượng tiêu biểu cho phẩm chất và số phận của người nông dân Việt Nam trư­ớc cách mạng tháng Tám.**(1 điểm)** |
|  | **2, Thân bài:**  *a. Chị Dậu và Lão Hạc là những hình t­ượng tiêu biểu cho phẩm chất tốt đẹp của*  *ng­ười nông dân Việt Nam tr­ước cách mạng .*  **\* Chị Dậu** : Là một mẫu mực vừa gần gũi vừa cao đẹp của ngư­ời phụ nữ nông thôn Việt Nam thời kì trư­ớc cách mạng : Có phẩm chất của ngư­ời phụ nữ truyền thống, có vẻ đẹp của ng­ười phụ nữ hiện đại. Cụ thể :  - Là một người vợ giàu tình thương : Ân cần chăm sóc ng­ười chồng ốm yếu giữa vụ sưu thuế. (học sinh phân tích lí giải và dẫn chứng) . **(1 điểm)**  - Là người phụ nữ cứng cỏi, dũng cảm để bảo vệ chồng . (học sinh phân tích lí giải và dẫn chứng) . **(1 điểm)**  **\* Lão Hạc** :Tiêu biểu cho phẩm chất ngư­ời nông dân thể hiện ở :  - Là một lão nông chất phát, hiền lành, nhân hậu (học sinh phân tích lí giải và dẫn chứng) . **(1 điểm)**  - Là một lão nông nghèo khổ mà trong sạch, giàu lòng tự trọng (học sinh phân tích lí giải và dẫn chứng) . **(1 điểm)**  *b. Họ là những hình tượng tiêu biểu cho số phận đau khổ, bi thảm của ng­ười nông dân Việt Nam trước cách mạng :*  **\* Chị Dậu**  Số phận điêu đứng : Nghèo khổ, bị bóc lột sưu thuế, chồng ốm và có thể bị đánh, bị bắt lại. (học sinh phân tích lí giải và dẫn chứng) . **(1 điểm)**  **\* Lão Hạc :**  Số phận đau khổ, bi thảm : Nhà nghèo, vợ chết sớm, con trai bỏ làng đi làm phu cao su, thui thủi sống cô đơn một mình; tai hoạ dồn dập, đau khổ vì bán cậu vàng; tạo đ­ược món nào ăn món nấy, cuối cùng ăn bả chó để tự tử. (học sinh phân tích lí giải và dẫn chứng) . **(1 điểm)**  c. *Bức chân dung Chị Dậu và Lão Hạc đã tô đậm giá trị hiện thực và tinh thần nhân* *đạo của hai tác phẩm*.  Nó bộc lộ cách nhìn về ngư­ời nông dân của hai tác giả. Cả hai nhà văn đều có sự đồng cảm, xót thương đối với số phận bi kịch của ngư­ời nông dân ; đau đớn, phê phán xã hội bất công, tàn nhẫn. Chính xã hội ấy đã đẩy người nông dân vào hoàn cảnh bần cùng, bi kịch; đều có chung một niềm tin mới về khả năng chuyển biến tốt đẹp của nhân cách con ngư­ời. Tuy vậy, mỗi nhà văn cũng có cách nhìn riêng : Ngô Tất Tố có thiên hư­ớng nhìn người nông dân trên góc độ đấu tranh giai cấp, còn Nam Cao chủ yếu đi sâu vào phản ánh sự thức tỉnh trong nhận thức về nhân cách một con người… Nam Cao đi sâu vào thế giới tâm lý của nhân vật, còn Ngô Tất Tố chủ yếu miêu tả nhân vật qua hành động để bộc lộ phẩm chất… **(1 điểm)** |
|  | **3.Kết bài** : Khẳng định lại vấn đề. (học sinh phân tích lí giải và dẫn chứng) . **(1 điểm)** |
|  | **Về hình thức : (1 điểm)**  Bố cục rõ ràng, đầy đủ, trình bày sạch đẹp, diễn đạt l­ưu loát, ít sai chính tả.  Bài làm đúng thể loại. (học sinh phân tích lí giải và dẫn chứng) . |

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**Đề 3:**

**ĐỀ THI CHỌN H.S.G LỚP 8**

**NĂM HỌC : 2018-2019**

**MÔN : NGỮ VĂN**

**PHẦN I – ĐỌC HIỂU**

## I. ĐỌC - HIỂU (4,0 điểm)

## Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu

Đọc đoạn trích và thực hiện các yêu cầu:

Đọc sách là sinh hoạt và nhu cầu trí tuệ thường trực của con người có cuộc sống trí tuệ. Không đọc sách tức là không còn nhu cầu về cuộc sống trí tuệ nữa. Và khi không còn có nhu cầu đó nữa thì đời sống tinh thần của con người nghèo đi, mòn mỏi đi và cuộc sống đạo đức cũng mất luôn nền tảng. Đây là một câu chuyện nghiêm túc, lâu dài và cần được trao đổi, thảo luận một cách cũng rất nghiêm túc, lâu dài. Tôi chỉ muốn thử nêu lên ở đây một đề nghị: Tôi đề nghị các tổ chức thanh niên của chúng ta, bên cạnh những sinh hoạt thường thấy hiện nay, nên có một cuộc vận động đọc sách trong thanh niên cả nước và vận động từng nhà gây dựng tủ sách gia đình. Gần đây có một nước đã phát động phong trào trong toàn quốc, mỗi người mỗi ngày đọc lấy 20 dòng sách. Chúng ta cũng có thể làm như thế, hoặc vận động mỗi người trong một năm đọc lấy một cuốn sách. Cứ bắt đầu bằng việc rất nhỏ, không quá khó. Việc nhỏ đấy, nhưng rất có thể là việc nhỏ khởi đầu một công việc lớn.

(Theo Nguyên Ngọc, Một đề nghị, Tạp chí điện tử tiasang.com.vn, ngày 19-7-2007)

**Câu 1:** Chỉ ra phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn trích trên?

**Câu 2:** Vì sao tác giả cho rằng: “Không đọc sách tức là không còn nhu cầu về cuộc sống trí tuệ nữa”?

**Câu 3:** Theo em việc nhỏ và công cuộc lớn mà tác giả đề cập đến trong đoạn văn là gì?  
**Câu 4:** Thông điệp mà tác giả gửi gắm qua đoạn trích?

**PHẦN II – LÀM VĂN**

**Câu 1** (6 điểm*)* Người thành công luôn tìm thấy cơ hội trong khó khăn. Kẻ thất bại luôn thấy khó khăn trong mọi cơ hội.

**Câu 2.** (10 điểm)

Có ý kiến cho rằng: “*Dù được sáng tác theo trào lưu lãng mạn hay hiện thực, những trang viết của những nhà văn tài năng và tâm huyết đều thấm đượm tinh thần nhân đạo sâu sắc”*

Qua các văn bản “Tức nước vỡ bờ” của Ngô Tất Tố và văn bản “Lão Hạc” của Nam Cao em hãy làm sáng tỏ ý kiến trên?

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

***I. Đọc hiểu ( 4 đ)***

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu** | Nội dung |
| 1 | Phương thức biểu đạt chính: phương thức nghị luận/ nghị luậ - |
| 2 | “Công cuộc lớn” đọc sách trở thành ý thức, thành nhu cầu của mỗi người, mỗi gia đình trong xã hội, phấn đấu đưa việc đọc sách trở thành văn hóa của quốc gia, dân tộc.  “Đọc sách là sinh hoạt và nhu cầu trí tuệ thường trực của con người có cuộc sống trí tuệ”.  Lí do: vì không đọc sách thì đời sống tinh thần con người\ nghèo đi, mòn mỏi đi, cuộc sống đạo đức cũng mất luôn nền tảng. |
| 3 | - “Việc nhỏ” là vận động đọc sách và gây dựng tủ sách trong mỗi gia đình, mỗi người có thể đọc từ vài chục dòng mỗi ngày đến một cuốn sách trong năm. |
| 4 | Thông điệp: từ việc khẳng định đọc sách là biểu hiện của con người có cuộc sống trí tuệ, không đọc sách sẽ có nhiều tác hại, tác giả đưa ra lời đề nghị về phong trào đọc sách và nâng cao ý thức đọc sách ở mọi người. |

**Câu 1 (6đ)**

|  |  |
| --- | --- |
|  | ***1. Giải thích:***  Người thành công là người đạt được mục đích mà mình đặt ra sau một quá trình nỗ lực, cố gắng.  Kẻ thất bại là người không thực hiện được những mong muốn, dự định đã đặt ra.   Cơ hội:hoàn cảnh thuận tiện gặp được để làm việc gì mình mong ước.  Về thực chất, câu nói khẳng định sự thành bại của mỗi người phụ thuộc vào cách người ấy đón nhận và xử thế trước những vấn đề của đời sống. |
|  | ***2. Bình luận***  - Thành và bại luôn song hành như một thực thể khách quan. Không ai không từng gặp thất bại, ngay cả những người thành công. (dẫn chứng)  - Sự thành bại của mỗi người không chỉ phụ thuộc vào tài năng hay cơ hội mà còn ở thái độ của người đó trước những khó khăn trong cuộc sống:  + Với những người giàu nghị lực, mỗi khó khăn là cơ hội để tích lũy kinh nghiệm, kiểm chứng năng lực của bản thân. Và như thế, họ sẽ luôn tìm thấy cơ hội trong mỗi khó khăn để thành công.    + Với những người bi quan, lười biếng khi gặp khó khăn thử thách vội chán nản, tự tìm thấy lí do để thoái thác công việc, từ bỏ ước mơ. Không vượt qua khó khăn càng khiến họ mất hết niềm tin để rồi chỉ thấy khó khăn trong mọi cơ hội. Và chắc chắn họ sẽ luôn thất bại.  Cuộc sống rất khắc nghiệt nhưng luôn ẩn giấu nhiều cơ hội mà mọi người cần nắm bắt. Sự thành bại ở một giai đoạn không có ý nghĩa trong suốt cả cuộc đời. Mọi người cần có cách ứng xử trước mọi thành bại để đạt được những điều mình mong ước. Thành công chỉ có được sau quá trình học tập, tích lũy, nỗ lực, rèn luyện lâu dài  Phê phán thái độ sống hèn nhát, lười biếng, dễ gục ngã, mất niềm tin sau những lần thất bại. |
|  | ***3. Bài học nhận thức và hành động***  - Cần phải có niềm tin, nghị lực lớn để vượt qua những thử thách khó khăn trong cuộc sống, để luôn tìm thấy cơ hội trong mọi khó khăn.  - Không ngại đối mặt với khó khăn. Coi khó khăn, thử thách như một phần tất yếu của cuộc sống.  - Luôn hành động mạnh mẽ, quyết đoán để khắc phục khó khăn… |

**Câu 2.** (10 điểm)

|  |
| --- |
| **I. Yêu cầu chung**  - Về nội dung: Hiểu yêu cầu đề bài, nắm vững tác phẩm, biết phân tích theo định hướng, văn viết mạch lạc, có cảm xúc.  - Về hình thức: Trình bày ý rõ ràng, biết cân đối với hai câu trên. |
| **II. Yêu cầu cụ thể**  Chấp nhận trình tự, cách thức khai triển khác nhau, miễn là thí sinh có ý thức bám sát và làm sáng rõ định hướng sau: |
| **1. Mở bài:** Dẫn dắt giới thiệu vấn đề nghị luận, trích dẫn và giới hạn vấn đề |
| **2. Thân bài**  **2.1. Giải thích ý kiến**  *\* Học sinh cần giải thích được ý của nhận định*  - Trào lưu lãng mạn? Trào lưu hiện thực?  Tinh thần nhân văn nhân đạo: là nói đến mối quan hệ tốt đẹp giữa con người với con người, những gì vì con người cho con người cho những điều tốt đẹp của bản thân mỗi người. Thường thể hiện ở tiếng nói yêu thương, trân trọng con người, ca ngợi vẻ đẹp của tình người và sự cảm thông với những số phận khổ đau bất hạnh đồng thời lên án phê phán tố cáo cái xấu, cái ác, ngọn nguồn của những đau khổ bất hạnh..  - Ý kiến muốn khẳng định: Trong sáng tác văn học các trào lưu lãng mạn và hiện thực chủ nghĩa có cách thức và nội dung phản ánh hiện thực khác nhau nhưng trên những trang viết các nhà văn tài năng đều thể hiện tinh thần nhân đạo sâu sắc....  **2. 2. Chứng minh*:***  ***a. Giới thiệu ngắn gọn chung về Nam Cao và Ngô Tất Tố cùng hai văn bản để thấy đây là hai nhà văn tài năng và tâm huyết và khẳng định với những cách khác nhau hai văn bản đều tỏa sáng tinh thần nhân văn nhân đạo***  - Nam Cao và Ngô Tất Tố đều là những nhà văn tài năng và tâm huyết của văn học hiện thực của văn học Việt Nam giai đoạn 1930-1945.  + Nam Cao được bạn đọc yêu mến bởi những trang viết chân thực và sâu sắc về người nông dân nghèo đói bị vùi dập và người trí thức cùng phẫn phải sống mòn, bế tắc trong xã hội cũ...Truyện ngắn “Lão Hạc” là truyện tiêu biểu...  + Ngô Tất Tố được coi là “nhà văn của nông dân” là một nhà văn am tường trên nhiều lĩnh vực nghiên cứu, học thuật sáng tác. Văn bản “ Tức nước vỡ bờ” là trang viết sinh động trong Tiểu thuyết “Tắt đèn” nổi tiếng của ông....  - Bằng hai cách viết khác nhau nhưng cùng theo trào lưu hiện thực văn bản “Lão hạc” của Nam Cao và “Tức nước vỡ bờ” của Ngô Tất Tố đều là những trang viết thấm đẫm tinh thần nhân đạo của những nhà văn tài năng và tâm huyết: Đó là tiếng nói đồng cảm với nỗi khổ đau của người nông dân trong xã hội cũ, trân trọng ngợi ca vẻ đẹp của người nông dân và lên án tố cáo các thế lực tàn ác đẩy người nông dân vào bần cùng, khổ đau bất hạnh...  **b. Phân tích, chứng minh tinh thần nhân đạo trong hai văn bản “Lão Hạc” và “Tức nước vỡ bờ”**  ***b.1. Thứ nhất tinh thần nhân đạo thể hiện tiếng nói cảm thông với những khổ đau bất hạnh của con người:***  **\* Truyện “ Lão Hạc**”  + Nam Cao cảm thương cho Lão Hạc một lão nông dân nghèo khổ bất hạnh, đáng thương sống trong thời kì thực dân phong kiến (HS đưa dẫn dẫn chứng về nỗi khổ vật chất, tinh thần của Lão Hạc)  + Cảm thông với tấm lòng của người cha rất mực yêu thương con luôn vun đắp dành dụm những gì có thể có để con có cuộc sống hạnh phúc...  **\* Văn bản“ Tức nước vỡ bờ”**  - Ngô Tất Tố đã thấu hiểu, cảm thông sâu sắc về tình cảnh cơ cực, bế tắc của người nông dân qua tình cảnh thê thảm đáng thương của gia đình chị Dậu trong buổi sáng lúc bọn tay sai ập đến ( HS đưa dẫn chứng về tình thế, hoàn cảnh của gia đình chị Dậu)  ***b.2. Tinh thần nhân đạo ấy còn được thể hiện qua lời ngợi ca trân trọng, tin tưởng những phẩm chất tốt đẹp của con người..***  + Với “Lão Hạc” Nam Cao đã trân trọng ngợi ca lão Hạc lão nông dân nghèo khổ nhưng có phẩm chất vô cùng cao đẹp: tấm lòng đôn hậu, trái tìm giàu tình yêu thương, lối sống tự trọng (HS đưa dẫn chứng phân tích làm rõ lời ngợi ca của tác giả với Lão Hạc)  + Trong “Tức nước vỡ bờ” Ngô Tất Tố với tinh thần nhân đạo của nhà văn đầy tâm huyết đã phát hiện và ngợi ca tâm hồn cao đẹp của chị Dậu người phụ nữ nông dân Việt Nam hiền lành chất phác nhưng giàu tình yêu thương chồng con với tinh thần phản kháng mãnh liệt (HS đưa dẫn dẫn chứng về sự ngợi ca về tình yêu thương chồng con của chị Dậu và sự phản kháng của chị Dậu..)  ***B3. Qua tác phẩm LH và đoạn trích TNVB, nhà văn thể hiện thái độ phản kháng, lên án XH thực dân PK tàn bạo, thối nát đã đẩy người nông dân vào bước đường cùng***  - Văn bản “Lão Hạc” gián tiếp tố cáo xã hôi phong kiến với hủ tục, với chính sách thuế khóa nặng nề khiến con trai Lão Hạc vì nhà nghèo mà không lấy được vợ phải phẫn chí bỏ đi làm đồn điền cao su để Lão Hạc phải sống trong cảnh tuổi già cô đơn không người chăm sóc.(HS đưa dẫn chứng)  - Với “Tức nước vỡ bờ” Ngô Tất Tố đã lên án bộ mặt tàn ác bất nhân của xã hội thực dân nửa phong kiến đương thời qua việc miêu tả lối hành xử của các nhân vật thuộc bộ máy chính quyền thực dân nửa phong kiến, đại diện cho giai cấp thống trị ( HS đưa dẫn về sự lên án tố cáo thái độ hống hách, táng tận lương tâm của nhà văn với tên cai lệ và người nhà lí trưởng)  **c. Nghệ thuật thể hiện tinh thần nhân văn nhân đạo trong hai tác phẩm***.*  - Với Nam Cao qua văn bản “Lão Hạc” bằng nghệ thuật kể chuyện đặc sắc: kết hợp tự sự, trữ tình lập luận thể hiện nhân vật qua chiều sâu tâm lí với diễn biến tâm trạng phức tạp cùng việc lựa chọn ngôi kể hợp lí, sử dụng ngôn ngữ hiệu quả, lối kể chuyện khách quan...  - Còn Ngô Tất Tố qua đoạn tiểu thuyết “Tức nước vỡ bờ” đầy kịch tính, lối kể chuyện, miêu tả nhân vật chân thực sinh động (từ ngoại hình ngôn ngữ, hành động tâm lí...)  Hai nhà văn tài năng, tâm huyết Nam Cao và Ngô Tất Tố đã thể hiện tinh thần nhân đạo theo cách của riêng mình như để khẳng định trong xã hội thực dân phong kiến dù bị đẩy đến bần cùng những người nông dân luôn giữ cho mình phẩm giá cao đẹp không thể bị hoen ố dù phải sống trong cảnh khốn cùng. Họ là những bông sen thơm chốn “bùn lầy nước đọng”  **3. Kết bài**  Ý kiến nhận định cho thấy tinh thần nhân đạo như sợi chỉ xuyên suốt trong sáng tác của những nhà văn có tài năng và tâm huyêt. Nó luôn chi phối các nhà văn cầm bút sáng tác để họ hướng ngòi bút của mình về con người, vì con người. Tinh thần nhân đạo trong các tác phẩm thơ ca chính là tiếng lòng của những nhà văn tài năng tâm huyết góp phần tạo nên sức mạnh của văn chương chân chính của“ Nghệ thuật vị nhân sinh”. ...... |

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

|  |  |
| --- | --- |
| **Đề 4.** | **KÌ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI LỚP 8**  **NĂM HỌC 2018 – 2019**  Môn: **NGỮ VĂN**  Thời gian: **150 phút** *(không kể thời gian phát đề)* |

**Câu 1.** *(8,0 điểm)*

Suy nghĩ của em về thông điệp được rút ra qua câu chuyện sau:

**Bài thuyết giả**

*Tại ngôi làng nhỏ, vào ngày chủ nhật, có vị giáo sư thường đến nói chuyện về cuộc sống. Hôm nay ông đến thăm nhà của cậu bé vốn không hề muốn chơi hay kết bạn với ai. Cậu bé mời vị giáo sư vào nhà và lấy cho ông một chiếc ghế ngồi bên bếp lửa cho ấm.* *Trong im lặng, hai người cùng ngồi nhìn những ngọn lửa nhảy múa. Sau vài phút, vị giáo sư lấy cái kẹp, cẩn thận nhặt một mẩu than hồng đang cháy sáng ra và đặt nó sang bên cạnh lò sưởi.* *Rồi ông lại ngồi xuống ghế, vẫn im lặng. Cậu bé cũng im lặng quan sát mọi việc.* *Cục than đơn lẻ cháy nhỏ dần rồi tắt hẳn.*

*Vị giáo sư nhìn đồng hồ và nhận ra đã đến giờ ông phải đi thăm nhà khác. Ông chậm rãi đứng dậy, nhặt cục than lạnh đặt vào giữa bếp lửa. Ngay lập tức, nó lại bắt đầu cháy, tỏa sáng với ánh sáng và hơi ấm của những cục than xung quanh nó.* *Khi vị giáo sư đi ra cửa, cậu bé chủ nhà nắm tay ông nói:*

*- Cảm ơn bài thuyết giảng của bác!*

(Phỏng theo *Vặt vãnh và hoàn hảo*, NXB Văn hóa Thông tin)

**Câu 2.** *(12,0 điểm)*

Bàn về lao động nghệ thuật của nhà văn, Mác-xen Pruxt cho rằng: “M*ột cuộc thám hiểm thực sự không phải ở chỗ cần một vùng đất mới mà cần một đôi mắt mới*”.

Qua truyện ngắn *Lão Hạc* của Nam Cao, đoạn trích “Tức nước vỡ bờ” trích tiểu thuyết *Tắt đèn* của Ngô Tất Tố, em hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.

…………….......….Hết...........…………………

*(Thí sinh không được sử dụng tài liệu, giám thị không giải thích gì thêm.)*

|  |  |
| --- | --- |
|  | ***HƯỚNG DẪN CHẤM*** |
|  |  |

**II. Đáp án và thang điểm**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **1** | Suy nghĩ về thông điệp được rút ra qua câu chuyện*Bài thuyết giảng.* | **8,0** |
| **1. Yêu cầu về kĩ năng**  - Biết cách làm bài nghị luận xã hội về một vấn đề tư tưởng, đạo lí.  - Biết vận dụng kết hợp các thao tác lập luận để làm sáng tỏ vấn đề.  - Bố cục và luận điểm rõ ràng, diễn đạt lưu loát, cảm xúc chân thành, có sức thuyết phục; không mắc lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp. |
| **2. Yêu cầu về kiến thức**  Thí sinh có nhiều cách trình bày suy nghĩ của mình. Tuy nhiên, bài viết cần thể hiện được các nội dung cơ bản sau: |
| ***a. Giới thiệu vấn đề cần nghị luận (0,5 điểm)***  Sống tách biệt, khép kín thì cuộc sống trở nên vô nghĩa; khi hòa mình với mọi người, cá nhân mới thực sự sống có ý nghĩa. | 0,5 |
| ***b. Giải thích, chứng minh (2,5 điểm)***  - Giải thích  + *Khi đặt mẩu than hồng ra khỏi lò sưởi, nó cháy nhỏ dần rồi tắt hẳn:* con người bị tách ra khỏi môi trường tập thể, cộng đồng, thế giới mà họ cần thuộc về, sự sống của họ sẽ lụi tàn, vô nghĩa | 0,5 |
| + *Mẩu than lạnh khi được đặt lại vào giữa bếp lửa, ngay lập tức bắt cháy, tỏa sáng*: mỗi người khi được hòa mình vào tập thể, được tiếp sức bởi tập thể sẽ có thêm điều kiện để phát huy năng lực, sở trường, khẳng định tài năng, nhân cách. | 0,5 |
| → Thông điệp rút ra: sống tách biệt, đơn độc, khép kín, cuộc sống sẽ lụi tàn, vô nghĩa. Chỉ có hòa mình vào tập thể, cá nhân mới tỏa sáng, cuộc sống khi đó mới thực sự có ý nghĩa. | 0,5 |
| - Chứng minh bằng lập luận và dẫn chứng cụ thể. | 1,0 |
| ***c. Bàn luận, mở rộng vấn đề (3,0 điểm)***  - Hòa mình với mọi người, sẽ có được niềm vui; gắn bó với tập thể sức mạnh của con người sẽ được nhân lên, khi đó tập thể cũng thêm vững mạnh, phát triển. | 0,75 |
| - Thế giới luôn biến động không ngừng, luôn có những điều xảy ra nằm ngoài khả năng giải quyết của một cá nhân, đất nước, nếu không hợp sức, một cá nhân, một đất nước lẻ loi, đơn độc hoàn toàn có thể bị nhấn chìm, đè bẹp. Bởi thế, hội nhập để cùng phát triển là xu thế tất yếu của thời đại hiện nay. | 0,75 |
| - Cần phân biệt giữa lối sống hòa đồng với lối sống a dua theo đám đông. Sự hòa đồng cho ta thêm sức mạnh, khẳng định được bản thân; thói a dua chỉ khiến ta đánh mất chính mình. | 0,75 |
| - Phê phán những người sống khép kín, không hòa nhập với cộng đồng, sống tách rời tập thể... | 0,75 |
| ***d. Bài học nhận thức và hành động (1,5 điểm)***  - Cần có ý thức sống hòa đồng, vì cộng đồng, không nên sống khép kín, tách biệt, cá nhân chủ nghĩa. | 0,75 |
| - Cần có hành động thiết thực, tích cực đóng góp sức mình để xây dựng và phát triển cộng đồng, xã hội ngày càng tốt đẹp hơn. | 0,75 |
| ***e. Khái quát vấn đề nghị luận (0,5 điểm)***  Cuộc sống chỉ thực sự có ý nghĩa khi con người biết sống hòa mình vào tập thể, vì tập thể. Hãy đừng để cuộc sống tàn lụi trong cô độc, lẻ loi. | 0,5 |
| **2** | Bàn về lao động nghệ thuật của nhà văn, Mác-xen Pruxt cho rằng: “M*ột cuộc thám hiểm thực sự không phải ở chỗ cần một vùng đất mới mà cần một đôi mắt mới*”.  Qua truyện ngắn *Lão Hạc* của Nam Cao, đoạn trích “Tức nước vỡ bờ” trích tiểu thuyết *Tắt đèn* của Ngô Tất Tố, em hãy làm sáng tỏ ý kiến trên. | **12,0** |
|  | ***1. Yêu cầu về kĩ năng***  - Hiểu yêu cầu của đề, biết cách làm bài nghị luận một ý kiến bàn về văn học.  - Nắm vững vấn đề nghị luận; biết giải thích, phân tích, chứng minh, đánh giá vấn đề đó qua khả năng cảm thụ tác phẩm văn chương tinh tế, sâu sắc.  - Bố cục rõ ràng, văn viết mạch lạc, có cảm xúc, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp. |
|  | ***2. Yêu cầu về kiến thức***  *Thí sinh có thể trình bày bài làm theo nhiều cách nhưng cần làm rõ những ý cơ bản sau:* |  |
|  | ***a. Xác định vấn đề nghị luận (1,0 điểm)***  Bàn về vấn đề cái nhìn, cách nhìn hiện thực đời sống, con người của nhà văn trong quá trình sáng tạo nghệ thuật. | 1,0 |
|  | ***b. Giải thích vấn đề trên cơ sở lí luận văn học (2,0 điểm)*** |  |
|  | - Lao động nghệ thuật của nhà văn thực chất là quá trình nhà văn *thâm nhập, khám phá, phát hiện* hiện thực đời sống, con người. Tác phẩm văn học là thành quả của hoạt động lao động ấy. Một nhà văn thực sự tài năng khi biết *đào sâu* vào hiện thực, biết *tìm tòi* để “khơi những nguồn chưa ai khơi và sáng tạo những gì chưa có”. Và chỉ khi đó họ mới tạo ra được những tác phẩm thực sự có giá trị, sống mãi với thời gian. | 1,0 |
|  | - Mượn cách nói hình ảnh, Mác-xen Pruxt muốn nhấn mạnh: lao động nghệ thuật thật sự không phải là cần tìm ra những hiện thực mới, đề tài mới mà cần phải có cái nhìn, cách nhìn mới. Hay nói cách khác cùng một hiện thực đời sống, cùng một đề tài phản ánh nhưng nếu nhà văn có cái nhìn, cách nhìn mang tính khám phá, phát hiện mới mẻ, sâu sắc, độc đáo về hiện thực, đề tài đó thì tác phẩm của họ sẽ có giá trị, tài năng của họ sẽ được khẳng định. | 1,0 |
|  | ***c. Phân tích, chứng minh* *(8,0 điểm)***  (Học sinh phân tích đoạn trích “Tức nước vỡ bờ” trích tiểu thuyết *Tắt đèn* của Ngô Tất Tố và truyện ngắn *Lão Hạc* của Nam Cao để làm sáng tỏ vấn đề.) |  |
|  | - Ngô Tất Tố và Nam Cao là hai cây bút xuất sắc của văn học hiện thực Việt Nam giai đoạn 1930 – 1945, cùng phản ánh hiện thực xã hội Việt Nam ở nông thôn những năm trước Cách mạng tháng Tám, cùng viết về đề tài người nông dân nghèo nhưng mỗi tác giả lại có những nét riêng biệt, mới mẻ, độc đáo trong việc lựa chọn vấn đề và cách thức phản ánh. | 1,0 |
|  | - Nam Cao với tác phẩm *Lão Hạc* (3,5)  + Nam Cao phản ánh hiện tượng người nông dân chất phác, hồn hậu bị bần cùng hóa trong đói khổ, quằn quại trong những giằng xé nội tâm, cuối cùng phải chọn cái chết để bảo toàn nhân cách; qua đó ông tố cáo chế độ thực dân phong kiến, ngợi ca những phẩm chất cao đẹp của người nông dân: giàu tình yêu thương, giàu lòng tự trọng. | 2,0 |
|  | + Truyện không có những xung đột căng thẳng, không chọn bối cảnh rộng lớn, chỉ soi chiếu vào không gian nhỏ hẹp nhưng làm nổi bật những vấn đề có ý nghĩa lớn lao; thông qua miêu tả nội tâm để bộc lộ phẩm chất, tính cách nhân vật. | 1,0 |
|  | → Sáng tác của Nam Cao là lời kêu cứu cho nhân phẩm của người nông dân trong xã hội thực dân phong kiến trước hiện tượng bị bần cùng hóa.  (Phân tích dẫn chứng cụ thể trong tác phẩm để làm sáng tỏ.) | 0,5 |
|  | - Ngô Tất Tố với đoạn trích “Tức nước vỡ bờ” (3,5)  + Ngô Tất Tố, phản ánh hiện tượng người nông dân bị áp bức, bóc lột, chà đạp bởi chính sách sưu thuế vô lí và sự bất nhân tàn bạo của xã hội thực dân phong kiến; qua đó ông khẳng định sức sống, sức phản kháng mạnh mẽ của người nông dân. | 2,0 |
|  | + Đoạn trích xây dựng những xung đột gay gắt giữa giai cấp thống trị và nhân dân lao động, bối cảnh hiện thực mang tính điển hình; thông qua hành động khắc họa tính cách nhân vật. | 1,0 |
|  | → Sáng tác của Ngô Tất Tố là tiếng kêu cấp cứu cơm áo cho nông dân cùng khổ, là tiếng nói dõng dạc khẳng định nhân phẩm tốt đẹp của họ trong bùn nhơ của xã hội thực dân phong kiến.  (Phân tích dẫn chứng cụ thể trong tác phẩm để làm sáng tỏ.) | 0,5 |
|  | ***d. Đánh giá chung (1,0 điểm)***  -Nam Cao và Ngô Tất Tố là những cây bút tài năng có nhiều khám phá, phát hiện mới mẻ về hiện thực đời sống ở nông thôn và người nông dân Việt Nam những năm trước Cách mạng tháng Tám. | 0,5 |
|  | - Việc lựa chọn vấn đề và cách thức phản ánh của hai nhà văn khác nhau nhưng đó đều là những vấn đề cốt yếu của hiện thực, có ý nghĩa nhân sinh sâu sắc. Chính điều này đã tạo nên nét riêng, độc đáo cho các sáng tác của họ trong dòng chảy văn học hiện thực Việt Nam giai đoạn từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám 1945. | 0,5 |
| ***Lưu ý:*** | *Giám khảo chỉ cho điểm tối đa ở các ý khi thí sinh đảm bảo đúng kiến thức và đáp ứng tốt các yêu cầu về kĩ năng.* |  |

....…………….Hết…………………

***ĐỀ 5:***

|  |  |
| --- | --- |
|  | **KÌ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI VĂN 8**  **NĂM HỌC 2017 – 2018**  Môn: **NGỮ VĂN**  Thời gian: **150 phút** *(không kể thời gian phát đề)* |

**I. Phần đọc hiểu ( 4 điểm)**

Đọc đoạn thơ sau và trả lời câu hỏi:

*Cả đời ra bể vào ngòi*

Mẹ như cây lá giữa trời gió rung

Cả đời buộc bụng thắt lưng

Mẹ như tằm nhả bỗng dưng tơ vàng

Đường đời còn rộng thênh thang

Mà tóc mẹ đã bạc sang trắng trời

Mẹ đau vẫn giữ tiếng cười

Mẹ vui vẫn để một đời nhớ thương

Bát cơm và nắng chan sương

Đói no con mẹ xẻ nhường cho nhau

Mẹ ra bới gió chân cầu

Tìm câu hát đã từ lâu dập vùi...

( Đồng Đức Bốn, **Trở về với mẹ ta thôi**)

**Câu 1** (1 điểm)**:** Xác định thể thơ và phương thức biểu đạt chủ yếu của đoạn thơ?

**Câu 2**(1.5 điểm)**:** Sự vất vả, tần tảo của mẹ được miêu tả qua những hình ảnh nào?

**Câu 3** (1.5 điểm)**:** Chỉ ra và nêu hiệu quả của 01 biện pháp tu từ trong hai câu thơ:

Cả đời buộc bụng thắt lưng

Mẹ như tằm nhả bỗng dưng tơ vàng

**II. Phần làm văn ( 16 điểm)**

**Câu 1. *(4,0 điểm)***

*“Tôi chọn bài ca của mùa hạ nắng  
Tôi chọn bài ca của người gieo hạt  
Hôm nay là mầm, mai sẽ thành cây  
Khổ đau dẫu nhiều tôi chọn niềm vui  
Là suối mát lòng tôi gửi bạn  
Một cuộc đời - một bài ca duy nhất”*

(Trích trong Tuyển thơ Gió và tình yêu thổi trên đất nước tôi - Lưu Quang Vũ)

Suy nghĩ của em về vấn đề đặt ra trong đoạn thơ trên.

**Câu 2.*****(10,0 điểm)***

Nhà văn Lâm Ngữ Đường (Trung Quốc) cho rằng:

*“Văn chương bất hủ cổ kim đều viết bằng huyết lệ”*

Em hiểu như thế nào về ý kiến trên. Hãy làm sáng rõ qua hai văn bản “Lão Hạc” của Nam Cao, “Tức nước vỡ bờ” (Trích “Tắt đèn”) của Ngô Tất Tố (SGK Ngữ văn 8- Tập 1).

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **HƯỚNG DẪN CHẤM** | | | |
| **A. Hướng dẫn chung**  - Bài làm chỉ đạt điểm tối đa khi đảm bảo đủ các ý và có kĩ năng làm bài, có khả năng diễn đạt tốt.  - Khuyến khích những bài làm sáng tạo, có cách trình bày khoa học, chữ viết sạch đẹp.  - Điểm toàn bài là tổng điểm thành phần từng câu, cho điểm lẻ đến 0,25.  **B- Hướng dẫn cụ thể** | | | |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** | 1 | - Thể thơ: Lục bát  - Phương thức biểu đạt: Biểu cảm | 0,5  0,5 |
| 2 | - Sự vất vả, tần tảo của mẹ được miêu tả qua những hình ảnh: ra bể vào ngòi, buộc bụng thắt lưng, tóc mẹ đã bạc, mẹ đau, đắng cay, gầy. (Mỗi ý đúng cho 0,25 điểm) | 1,5 |
| 3 | - Biện pháp tu từ: So sánh  - Hiệu quả:  + Vẻ đẹp của người mẹ, đó là vẻ đẹp của sự chắt chiu, làm lụng để dành cho con những điều tốt đẹp nhất.  + Cả đời người mẹ tiết kiệm cho con cái, cuộc đời mẹ chỉ có một mong muốn duy nhất là mình sẽ tạo nên những giá trị tốt đẹp nhất cho con, cách so sánh tằm nhả tơ vàng thể hiện tấm lòng cao cả của người mẹ.  -> Đó là điều mà mỗi con người trong xã hội này phải ghi nhớ. | 0,5  0,5  0,5 |

**B. YÊU CẦU CỤ THỂ**

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung đạt được** |
| **Câu 1** | **1. Tiêu chí về nội dung các phần bài viết:** |
| **a. Mở bài:**  - Dẫn dắt, giới thiệu vấn đề nghị luận. |
| **b. Thân bài:** |
| ***\* Giải thích nội dung đoạn thơ:***  - *“Bài ca của mùa hạ nắng”* chỉ cách sống tràn đầy nhiệt huyết để tỏa sáng giá trị của bản thân.  - *“Bài ca người gieo hạt”* là lối sống cống hiến hết mình cho cuộc đời.  - *“Chọn niềm vui”*: đó là phương châm sống tích cực, lạc quan.  🡪 Lưu Quang Vũ đã đưa ra một quan điểm về cách sống đẹp: đó là sống hết mình, tràn đầy nhiệt huyết và biết cống hiến; luôn tích cực và lạc quan trước những buồn đau của cuộc đời. |
| ***\* Lí giải vấn đề***  ***+ Vì sao cần sống hết mình, sống cống hiến:***  - Làm cho cuộc sống của mỗi người trở nên có ý nghĩa.  - Để cho tên tuổi của mỗi người còn mãi với thời gian; được mọi người tôn trọng kính nể.  - Có hướng phấn đấu vươn lên, hoàn thiện bản thân, khẳng định giá trị  của bản thân và đạt được những thành công trong cuộc sống.  - Cũng là một cách để thể hiện lòng biết ơn. |
| **+ *Vì sao phải lựa chọn lối sống tích cực, lạc quan***  - Cuộc sống có sự đan xen niềm vui, nỗi buồn; hạnh phúc, khổ đau.  - Sống tích cực, lạc quan sẽ giúp con người luôn có tâm lí tốt, vượt qua mọi khó khăn, vươn tới thành công.  - Mang lại niềm vui cho người khác cũng là đem lại niềm vui cho chính mình. |
| \* ***Bàn luận mở rộng; liên hệ bản thân***  + Phê phán lối sống mờ nhạt, ích kỉ, sống hờ hững với cuộc đời, không có khát vọng, đam mê; sống bi quan, tiêu cực.  + Bài học: Mỗi người cần biết sống hết mình, sống có trách nhiệm, nhiệt huyết, đam mê, có lý tưởng và nỗ lực hết mình để đạt được nó; cần dấn thân, trải nghiệm dù có thất bại, vấp ngã cũng không hối tiếc ; luôn suy nghĩ tích cực và lạc quan trước cuộc đời. |
|  | **c. Kết bài:**  - Khẳng định, khái quát lại vấn đề.  - Liên hệ bản thân.  *+ Mức tối đa (3,5 điểm):* Đạt các yêu cầu trên.  *+ Mức chưa tối đa (0,25-> 3,25 điểm):* Căn cứ vào bài làm của HS cho điểm hợp lí.  *+ Mức không đạt (0 điểm):* Không làm bài hoặc làm lạc đề. |
|  | **2. Tiêu chí về hình thức:**  - Viết đúng kiểu bài nghị luận xã hội.  - Bố cục ba phần rõ ràng.  - Luận điểm chính xác, thuyết phục; dẫn chứng tiêu biểu, cụ thể; lời văn có cảm xúc; chữ viết sạch đẹp.  - Không mắc lỗi dùng từ, viết câu.  *+ Mức tối đa (0,5 điểm):* Đáp ứng các yêu cầu trên.  *+ Mức chưa tối đa (0,25 điểm):* Căn cứ vào bài làm của HS cho điểm hợp lí. |
| **Câu 2** |  |
|  | **1. Tiêu chí về nội dung:**  *+ Mức tối đa (5,0 điểm):* Đáp ứng tốt các yêu cầu.  *+ Mức chưa tối đa (0,25-> 4,75 điểm):* Căn cứ vào bài làm của HS cho điểm hợp lí.  *+ Mức không đạt (0 điểm):* Không làm bài hoặc làm lạc đề. |
| **a. Mở bài:**  - Dẫn dắt, giới thiệu vấn đề nghị luận.  - Trích dẫn ý kiến, nêu phạm vi dẫn chứng. |
| **b. Thân bài :** |
| ***b1. Giải thích ý kiến :***  - Cổ kim: xưa nay, muôn đời, mọi thời kì.  - Bất hủ: có giá trị, sức sống, tầm vóc.  - Văn chương bất hủ cổ kim: Văn chương có giá trị muôn đời.  - Huyết lệ: máu và nước mắt. Đây là cách nói hình ảnh để chỉ sự xúc động, niềm xót thương, nỗi đau quặn thắt của nhà văn.  🡪 Câu nói của Lâm Ngữ Đường đề cập tới bản chất của văn chương có giá trị muôn đời bao giờ cũng phải được tạo thành từ niềm xúc động mãnh liệt và tình yêu thương của nghệ sĩ.  - Hay nói cách khác, tác phẩm văn chương có tầm vóc phải chứa đựng giá trị nhân đạo sâu sắc. |
| ***b2.*** ***Chứng minh nhận định qua hai tác phẩm :***  *-* ***Giới thiệu chung về Nam Cao và Ngô Tất Tố cùng 2 văn bản*** :  + Hai nhà văn tài năng và tâm huyết  + Khẳng định với những cách thể hiện khác nhau nhưng hai văn bản đều tỏa sáng tinh thần nhân đạo sâu sắc. |
| *-* ***Biểu hiện của tinh thần nhân đạo trong các tác phẩm:***  *+ Tiếng nói cảm thông với những khổ đau, bất hạnh của con người*  - Truyện *“Lão Hạc”:* Nam Cao cảm thương cho lão Hạc, một lão nông dân nghèo khổ bất hạnh, đáng thương; cảm thông với tấm lòng của người cha rất mực yêu thương con,… (phân tích dẫn chứng)  - Văn bản *“Tức nước vỡ bờ”:* Ngô Tất Tố đã thấu hiểu, cảm thông sâu sắc với nỗi cơ cực, bế tắc của người nông dân qua tình cảnh thê thảm đáng thương của gia đình chị Dậu trong buổi sáng lúc bọn tay sai ập đến (phân tích dẫn chứng) |
| *+ Lời ngợi ca trân trọng, tin tưởng những phẩm chất tốt đẹp của con người*  - Với *“Lão Hạc”,* Nam Cao đã trân trọng ngợi ca lão Hạc: tấm lòng đôn hậu, trái tim giàu tình yêu thương, lối sống tự trọng (phân tích dẫn chứng)  - Trong *“Tức nước vỡ bờ”,* Ngô Tất Tố với tinh thần nhân đạo của nhà văn đầy tâm huyết đã phát hiện và ngợi ca tâm hồn cao đẹp của chị Dậu, người phụ nữ nông dân Việt Nam hiền lành chất phác nhưng giàu tình yêu thương chồng con và tinh thần phản kháng mãnh liệt (phân tích dẫn chứng) |
| *+ Tiếng nói lên án, phê phán cái xấu, cái ác, sự bất công*  - Văn bản *“Lão Hạc”* gián tiếp tố cáo xã hội phong kiến với những hủ tục nặng nề đã gây ra bao đau khổ cho con người.  - Với *“Tức nước vỡ bờ”*, Ngô Tất Tố đã lên án bộ mặt tàn ác bất nhân của xã hội thực dân nửa phong kiến đương thời qua hai nhân vật cai lệ và người nhà lí trưởng … |
| *\* Nghệ thuật biểu hiện tinh thần nhân đạo trong hai văn bản*  - Nam Cao qua văn bản *“Lão Hạc”*: Cốt truyện độc đáo, lựa chọn ngôi kể hợp lí, lối kể chuyện tâm tình, thể hiện nhân vật qua chiều sâu tâm lí với diễn biến tâm trạng phức tạp,...  - Ngô Tất Tố qua đoạn trích *“Tức nước vỡ bờ”*: tình huống truyện đầy kịch tính, kết hợp tự sự với trữ tình, thể hiện nhân vật qua ngôn ngữ, cử chỉ, hành động,....  🡺 Cả hai nhà văn, bằng nghệ thuật kể chuyện đặc sắc đã bộc lộ rõ tinh thần nhân đạo sâu sắc của mình trong từng văn bản. |
| ***b3. Đánh giá, mở rộng:***  - Tác phẩm có giá trị là tác phẩm được tạo nên bởi tình yêu thương sâu sắc của nhà văn dành cho con người. Bên cạnh đó, còn cần hình thức nghệ thuật đặc sắc để truyền tải nội dung. Và hai văn bản trên đã đạt được điều đó. |
|  |
|  | **c. Kết bài:**  - Khẳng định lại ý kiến.  - Nêu cảm nghĩ, liên hệ… |
| **2. Tiêu chí về hình thức:**  -Viết đúng kiểu bài nghị luận văn học; sử dụng tốt các thao tác lập luận giải thích, chứng minh, phân tích.  - Bố cục ba phần rõ ràng.  - Luận điểm chính xác, thuyết phục; dẫn chứng tiêu biểu, cụ thể; lời văn có cảm xúc; chữ viết sạch đẹp.  - Không mắc lỗi dùng từ, viết câu.  *+ Mức tối đa (05 điểm):* Đạt các yêu cầu trên.  *+ Mức chưa tối đa (0,25 điểm):* Căn cứ vào bài làm của HS cho điểm hợp lí. |
| **3. Sáng tạo:**  ***+*** *Mức tối đa (0,5 điểm):* Diễn đạt sinh động, giàu hình ảnh, hấp dẫn, biết sử dụng các yếu tố biểu cảm, tự sự, miêu tả trong bài nghị luận một cách hợp lí.  *+ Mức chưa tối đa (0,25 điểm):* Có sáng tạo song chưa đạt các yêu cầu trên. |

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**Đề 6.**

**ĐỀ THI HSG MÔN NGỮ VĂN 8 CẤP HUYỆN**

**NĂM HỌC 2017-2018**

**Thời gian: 150 phút**

**Thời gian: 150 phút**

**Câu 1 (3.0 điểm).** Đọc đoạn thơ sau:

*Cha lại dắt con đi trên cát mịn*

*Ánh nắng chảy đầy vai*

*Cha trầm ngâm nhìn mãi cuối chân trời.*

*Con lại trỏ cánh buồm nói khẽ:*

*Cha mượn cho con cánh buồm trắng nhé,*

*Để con đi...*

(*Những cánh buồm* – Hoàng Trung Thông)

Cho biết: Hình ảnh ánh nắng được diễn tả qua câu thơ nào? Cách diễn tả ấy có gì độc đáo?

**Câu 2 (7.0 điểm).** Suy nghĩ của em về nội dung câu chuyện sau:

**NGƯỜI ĂN XIN**

*Một người ăn xin đã già. Đôi mắt ông đỏ hoe, nước mắt ông giàn giụa, đôi môi tái nhợt, áo quần tả tơi. Ông chìa tay xin tôi.*

*Tôi lục hết túi nọ đến túi kia, không có lấy một xu, không có cả khăn tay, chẳng có gì hết. Ông vẫn đợi tôi. Tôi chẳng biết làm thế nào. Bàn tay tôi run run nắm chặt lấy bàn tay run rẩy của ông:*

*- Xin ông đừng giận cháu! Cháu không có gì cho ông cả.*

*Ông nhìn tôi chăm chăm, đôi môi nở nụ cười:*

*- Cháu ơi, cảm ơn cháu! Như vậy là cháu đã cho lão rồi.*

*Khi ấy, tôi chợt hiểu ra: cả tôi nữa, tôi cũng vừa nhận được cái gì đó của ông*

(Tuốc-ghê-nhép, dẫn theo *Ngữ văn 9*, tập Một, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2005, trang 22).

**Câu 3 (10.0 điểm).** Có ý kiến cho rằng: *“Chị Dậu và lão Hạc là những hình tượng tiêu biểu cho phẩm chất và số phận của người nông dân Việt Nam trước cách mạng tháng Tám”.* Qua đoạn trích “Tức nước vỡ bờ**”** (Ngô Tất Tố) và **“**Lão Hạc” (Nam Cao), em hãy làm sáng tỏ nhận định trên.

*-------------- Hết -------------------*

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **Câu 1** |  | **3.0** |
|  | \* Hình ảnh ánh nắng được diễn tả qua câu thơ “*Ánh nắng chảy đầy vai”*  \* Cách diễn đạt ấy độc đáo. Bởi ánh nắng thường được cảm nhận qua mắt nhìn (thị giác). Trong câu thơ trên, ánh nắng lại được cảm nhận qua đôi vai “chảy đầy vai” (xúc giác).  Qua cách miêu tả ấy, ánh nắng hiện ra thật mềm mại, dịu dàng. | 1.0  1.0  1.0 |
| **Câu 2** |  | **7.0** |
|  | *\* Yêu cầu kỹ năng:*  Biết cách làm bài nghị luận. Kết cấu chặt chẽ, diễn đạt lưu loát, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp | 0.5 |
| *\* Yêu cầu về kiến thức:*  Học sinh có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng cần thể hiện những suy nghĩ chân thành làm nổi bật trọng tâm vấn đề.  *a. Mở bài:*  - Giới thiệu vấn đề nghị luận.  - Giới thiệu câu chuyện “Người ăn xin” | 0.5 |
| *b.Thân bài:*  **Khái quát nội dung câu chuyện:**  - Truyện “Người ăn xin” kể về việc “cho” và “nhận” của anh thanh niên và người ăn xin. | 0.5 |
| **Bàn luận về ý nghĩa của câu chuyện:**  *-* Từ hành động cho và nhận của anh thanh niên và người ăn xin, truyện đã ngợi ca cách ứng xử cao đẹp, nhân ái giữa con người với con người trong cuộc sống.  *-* Câu chuyện “Người ăn xin” là lời khuyên về cách sống, thái độ sống của mỗi con người trong cuộc đời:  + Sự đồng cảm, tình yêu thương chân thành và cách ứng xử lịch sự là món quà quý giá mà ta tặng cho người khác.  + Và khi trao món quà tinh thần ấy cho người khác thì ta cũng nhận được món quà quí giá như vậy.  *- Bàn luận mở rộng* (đặt câu hỏi nêu vấn đề)*:* Câu chuyện gợi suy cho chúng ta suy nghĩ gì về cuộc sống và cách ứng xử của con người trong xã hội hiện tại? | 1.5 |
| + Biểu hiện đẹp: Con người biết yêu thương, chia sẻ, giúp đỡ lẫn nhau trong cuộc sống (truyền thống tương thân, tương ái, đức hi sinh, biết sống vì người khác, có trách nhiệm…).  + Bên cạnh đó có một bộ phận cá nhân trong xã hội còn thờ ơ, vô cảm, thiếu trách nhiệm, sống hưởng thụ hoặc có thái độ khinh miệt đối với những con người nghèo khổ trong xã hội -> cần lên án loại bỏ những hành động và suy nghĩ đó. | 2.0 |
| - Lời khuyên về cách sống và thái độ sống đối với mọi người:  + Đồng cảm, sẻ chia, học cách quan tâm và ứng xử tốt đẹp, có văn hoá để cuộc sống tốt đẹp hơn.  + Câu chuyện có tác dụng giáo dục lòng nhân ái cho mỗi chúng ta. | 1.0 |
| **Bài học nhận thức và hành động:**  - Truyện gợi cho ta nhiều suy ngẫm về việc cho và nhận trong cuộc sống: Cái cho và nhận là gì? Đâu phải chỉ là vật chất, có thể là giá trị tinh thần, có khi chỉ là một câu nói, một cử chỉ hành động hoặc việc làm, một lời động viên chân thành nhưng có ý nghĩa vô cùng lớn lao… nhưng quan trọng nhất chính là *thái độ khi cho và nhận* cần phải chân thành, có văn hoá.  - Liên hệ bản thân: Xác định thái độ sống và cách ứng xử của bản thân: tôn trọng, quan tâm, chia sẻ với mọi người… | 0.5 |
| *c. Kết bài:*  - Đánh giá nội dung câu chuyện: có ý nghĩa sâu sắc, như một thông điệp về cách ứng xử của con người trong cuộc sống.  - Mở rộng nâng cao vấn đề: Câu chuyện là bài học về kĩ năng sống, hàng trang cho mỗi người về cách “cho” và “nhận” (đặc biệt là thế hệ trẻ - qua cách ứng xử của anh thanh niên trong câu chuyện). | 0. 5 |
| **Câu 3** |  | **10.0** |
|  | *\* Yêu cầu kỹ năng:*  Biết cách làm bài văn nghị luận chứng minh; lập luận chặt chẽ, luận điểm rõ ràng, lí lẽ thuyết phục, diễn đạt mạch lạc, không mắc lỗi chính tả, dùng từ. | **1.0** |
|  | *\* Yêu cầu về kiến thức:*  1. Mở bài:  Dẫn dắt và nêu được vấn đề nghị luận: Chị Dậu và Lão Hạc là những hình tượng tiêu biểu cho phẩm chất và số phận của người nông dân Việt Nam trước cách mạng tháng Tám. |  |
|  | 2. Thân bài:  a. Chị Dậu và Lão Hạc là những hình tượng tiêu biểu cho phẩm chất tốt đẹp của người nông dân Việt Nam trước cách mạng:  \* Chị Dậu: là một hình ảnh vừa gần gũi, vừa cao đẹp tượng trưng cho người phụ nữ  nông thôn Việt Nam thời kì trước cách mạng:  - Là một người vợ giàu tình yêu thương (dẫn chứng).  - Là người phụ nữ cứng cỏi, dũng cảm bảo vệ chồng (dẫn chứng).  \* Lão Hạc: tiêu biểu cho phẩm chất người nông dân:  - Là một lão nông chất phát, hiền lành, nhân hậu (dẫn chứng).  - Là một lão nông nghèo khổ mà trong sạch, giàu lòng tự trọng (dẫn chứng). |  |
|  | b. Họ là những hình tượng tiêu biểu cho số phận đau khổ, bi thảm của người nông dân Việt Nam trước cách mạng:  \* Chị Dậu: Số phận điêu đứng: nghèo khổ, bị bóc lột đến tận xương tủy, chồng ốm, có thể bị bắt, bị đánh…  \* Lão Hạc: Số phận đau khổ, bi thảm: nhà nghèo, vợ mất sớm, con trai không cưới được vợ bỏ làng đi làm đồn điền cao su, lão thui thủi sống một mình cô đơn làm bạn với cậu vàng.  - Tai họa dồn dập đổ xuống cuộc đời lão, phải bán cậu vàng, sống trong đau khổ, cuối cùng chọn bả chó để tự tử – một cái chết vô cùng đau đớn và dữ dội. |  |
|  | c. Bức chân dung của chị Dậu và lão Hạc đã tô đậm giá trị hiện thực và nhân đạo của hai tác phẩm:  - Nó bộc lộ cách nhìn về nông dân của hai tác giả. Cả hai nhà văn đều có sự đồng cảm, xót thương đối với bi kịch của người nông dân; đau đớn phê phán xã hội bất công, tàn nhẫn. Chính xã hội ấy đã đẩy người nông dân vào hoàn cảnh bần cùng, bi kịch. Tuy vậy, mỗi nhà văn cũng có cách nhìn riêng: Ngô Tất Tố có thiên hướng nhìn người nông dân trên góc độ đấu tranh giai cấp còn Nam Cao chủ yếu đi sâu vào phản ánh sự thức tỉnh trong nhận thức về nhân cách một con người…. |  |
|  | 3. Kết bài: Khẳng định lại vấn đề. |  |

--------------------------Hết ----------------------

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**ĐỀ 7**

**ĐỀ THI HỌC SINH GIỎI MÔN NGỮ VĂN 8 HUYỆN**

**NĂM HỌC 2018 – 2019**

**Thời gian: 120 phút**

**ĐỀ BÀI**

**Câu 1.(4.0 điểm)**

a. Đặt câu với các tình thái từ *à, đi, thay, ạ* và cho biết chức năng của mỗi tình thái từ trong câu.

b. Chỉ ra và phân tích tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng trong câu ca dao sau:

*Cày đồng đang buổi ban trưa*

*Mồ hôi thánh thót như mưa ruộng cày.*

**Câu 2. (6.0 điểm)**

*Con ong làm mật yêu hoa*

*Con cá bơi, yêu nước; con chim ca, yêu trời*

*Con người muốn sống, con ơi*

*Phải yêu đồng chí, yêu người anh em.*

*Một ngôi sao, chẳng sáng đêm*

*Một thân lúa chín, chẳng nên mùa vàng.*

*Một người - đâu phải nhân gian?*

*Sống chăng, một đốm lửa tàn mà thôi!*

(Tố Hữu, *Tiếng ru*)

Những câu thơ trên gợi cho em suy nghĩ gì về lẽ sống của con người trong xã hội hiện nay ?

**Câu 3.(10.0 điểm)**

*Nguồn gốc cốt yếu của văn chương là lòng thương người và rộng ra thương cả muôn vật, muôn loài…*

(*Ý nghĩa văn chương* – Hoài Thanh, *Ngữ văn 7*, T2,

NXB Giáo dục Việt Nam, 2011, Tr.60)

Em hiểu ý kiến trên như thế nào? Hãy làm sáng tỏ qua đoạn trích *Tức nước vỡ bờ* (trích *Tắt đèn* của Ngô Tất Tố) và tác phẩm *Lão Hạc* (của Nam Cao).

…………………………….. Hết ……………………………………..

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CÂU** | **YÊU CẦU** | **ĐIỂM** |
| **Câu 1** | **a. Đặt câu với các tình thái từ *à, đi, thay, ạ* và cho biết chức năng của mỗi tình thái từ trong câu.**  **b. Chỉ ra và phân tích tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng trong câu ca dao sau:**  ***Cày đồng đang buổi ban trưa***  ***Mồ hôi thánh thót như mưa ruộng cày.*** | **4,0** |
|  | a. - HS tự đặt câu, mỗi câu đúng được 0.25 điểm.  *-* Chức năng của các tình thái từ là tạo các kiểu câu: nghi vấn (*à),* cầu khiến (*đi),* cảm thán *(thay)* và biểu thị thái độ lễ phép của người nói (*ạ).*  b. - Biện pháp tu từ được sử dụng là so sánh và nói quá: *Mồ hôi thánh thót như mưa ruộng cày.*  - Tác dụng:  + Thể hiện nỗi nhọc nhằn, cơ cực, cuộc sống lam lũ của người nông dân với công việc đồng áng vất vả trong thời tiết khắc nghiệt.  + Tạo tính hình tượng, giúp người đọc cảm nhận được cụ thể, sâu sắc nội dung, cảm xúc của câu ca dao. | 1,0  1,0  1,0  1,0 |
| **Câu 2** | Con ong làm mật yêu hoa  Con cá bơi, yêu nước; con chim ca, yêu trời  Con người muốn sống, con ơi  Phải yêu đồng chí, yêu người anh em.  Một ngôi sao, chẳng sáng đêm  Một thân lúa chín, chẳng nên mùa vàng.  Một người - đâu phải nhân gian?  Sống chăng, một đốm lửa tàn mà thôi!  **(Tố Hữu, *Tiếng ru*)**  **Những câu thơ trên gợi cho em suy nghĩ gì về lẽ sống của con người trong xã hội hiện nay ?** | **6,0** |
|  | **1. Giới thiệu:**  - Giới thiệu chính xác vấn đề cần nghị luận.  - Dẫn dắt và trích lại nguyên văn đoạn thơ trong đề bài.  **2. Khái quát về đoạn thơ:**  - Nội dung của đoạn thơ: tả thực một loạt sự vật: *con ong, con cá, con chim* trong mối quan hệ, gắn kết với môi trường sống; triết lí: *một thân lúa chín - chẳng thể làm nên mùa vàng, một người* – không thể tạo thành nhân gian. Từ đó, liên hệ và đúc kết bài học sống cho con người: sống để yêu thương tất thảy; tự nguyện sống hòa nhập, gắn bó cá nhân với cộng đồng.  - Các từ *yêu, một, sống* lặp lại nhiều lần để nhấn mạnh, khẳng định lẽ sống, hành động sống đẹp của cá nhân trong mối quan hệ gắn kết với cộng đồng.  **3. Từ đoạn thơ, khái quát chính xác vấn đề xã hội cần nghị luận:**  Lẽ sống đẹp của con người trong xã hội: sống để yêu thương; dâng hiến ; cá nhân tự nguyện gắn bó với cộng đồng mới hình thành môi trường sống rộng lớn, giàu tính nhân văn.; sống cho những điều lớn lao của xã hội và đất nước.  **4. Bình luận, chỉ ra tầm quan trọng của vấn đề đối với xã hội hiện nay:** Đây là vấn đề có ý nghĩa xã hội, thời sự cập nhật và ý nghĩa nhân sinh sâu sắc, liên quan tới nhận thức, lối sống và hành động sống của con nguời. Đặc biệt là thời kinh tế thị trường, khi mà những giá trị tình cảm của con người với con người trong xã hội đang biến dạng.  **5. Lí giải, phân tích, chứng minh, bình luận :**  - Phân tích những biểu hiện cụ thể, chỉ rõ nguyên nhân, đánh giá hiệu quả tích cực của hành động và lẽ sống yêu thương giữa người với người trong xã hội. Lấy dẫn chứng từ thực tế đời sống để chứng minh từng biểu hiện.  - Phân tích những biểu hiện cụ thể, chỉ rõ nguyên nhân, đánh giá hiệu quả tích cực của hành động và lẽ sống tự nguyện gắn bó cá nhân với cộng đồng. Lấy dẫn chứng từ thực tế đời sống để chứng minh từng biểu hiện.  - Bác bỏ, phê phán, chỉ rõ tác hại của lối sống thờ ơ, dửng dưng, ích kỉ của một số người trong xã hội hiện nay. Lấy dẫn chứng từ thực tế đời sống để chứng minh.  **6. Rút ra bài học:**  - Đoạn thơ là lời giáo dục, là sự triết lí nhẹ nhàng, sâu sắc và thấm thía về lẽ sống đẹp cho mỗi con người trong cuộc đời mà nhà thơ Tố Hữu muốn gửi đến bạn đọc.  - Con người sống cần phải biết yêu thương và sẵn sàng dâng hiến; mỗi cá nhân cần phải có mối liên hệ gắn kết khăng khít với cộng đồng. | 0,75  0,75  0,25  1,0  1,0  0,5  0,5  0,5  0,25  0,5 |
| **Câu 3** | Nguồn gốc cốt yếu của văn chương là lòng thương người và rộng ra thương cả muôn vật, muôn loài…  (Ý nghĩa văn chương – Hoài Thanh, Ngữ văn 7, T2,  NXB Giáo dục Việt Nam, 2011, Tr.60)  Em hiểu ý kiến trên như thế nào? Hãy làm sáng tỏ qua đoạn trích Tức nước vỡ bờ (trích Tắt đèn của Ngô Tất Tố) và tác phẩm Lão Hạc (của Nam Cao). | **10,0** |
|  | **1.Yêu cầu về mặt kỹ năng: v**iết được bài văn nghị luận về một ý kiến bàn về văn học với những yêu cầu cụ thể như sau:  - Kết hợp hài hòa giữa giải thích, trình bày lý luận và vận dụng thực tế phân tích tác phẩm chứng minh theo vấn đề nêu trong ý kiến.  - Bố cục mạch lạc, lập luận chặt chẽ, lô-gic, có sự cảm thụ, phân tích, lý giải qua tác phẩm, đoạn trích cụ thể đã cho ở đề bài.  - Diễn đạt rõ ràng, linh hoạt, uyển chuyển; không mắc các lỗi về câu, dùng từ, chính tả.  **2. Yêu cầu về mặt kiến thức**  **a. Giới thiệu vấn đề nghị luận**  - Vấn đề trung tâm của văn chương là vấn đề con người và nguồn gốc cốt yếu của văn chương chính là lòng thương người.  - Lòng thương người hay nói rộng ra là giá trị nhân đạo là phẩm chất cốt lõi, là tiêu chuẩn cho một tác phẩm văn học chân chính.  **b. Giải thích ý kiến**  - Hoài Thanh đã đưa ra vấn đề quan trọng, bản chất của văn chương, được coi là nguồn gốc cốt yếu của văn chương: *lòng thương người mà rộng ra thương cả muôn vật, muôn loài*. Văn chương chính là tiếng nói của tâm hồn, cảm xúc, chỉ bật ra khi trong tim cuộc sống tràn đầy. Nói chuyện văn chương chính là chuyện của những tâm hồn đồng điệu.  - Lòng thương người, thậm chí thương cả muôn vật, muôn loài là tình cảm rộng lớn, cao cả, mang tầm nhân loại. Tình cảm ấy không chỉ là cội nguồn của văn chương mà còn là thước đo giá trị của tác phẩm văn chương chân chính. Giá trị đó chính là giá trị nhân đạo, là những ý nghĩa nhân văn sâu sắc mà nhà văn gửi gắm trong tác phẩm.  - Giá trị nhân đạo là một phẩm chất cao quý của tác phẩm văn học chân chính. Nói đến giá trị nhân đạo, đến ý nghĩa nhân văn là nói đến vấn đề con người, vấn đề nhân sinh đặt ra trong tác phẩm. Ở đó, con người luôn được đặt ở vị trí hàng đầu, trong mối quan hoài thường trực của các nhà văn.  - Biểu hiện của giá trị nhân đạo rất đa dạng song thường tập trung vào những mặt cụ thể sau: lòng thương yêu, sự cảm thông, xót xa trước những hoàn cảnh, những số phận bất hạnh; lên án, tố cáo các thế lực tàn bạo chà đạp lên quyền sống của con người; ngợi ca, đề cao những vẻ đẹp, phẩm giá cao quý; trân trọng, nâng niu khát vọng sống, khát vọng tình yêu và hạnh phúc của con người.  **c. Giá trị nhân đạo qua đoạn trích *Tức nước vỡ bờ* (trích *Tắt đèn* của Ngô Tất Tố) và tác phẩm *Lão Hạc* (của Nam Cao):**  *- Tấm lòng yêu thương, đồng cảm, xót xa cho cuộc sống nghèo đói, tình cảnh đáng thương của những người nông dân:*  + Chị Dậu thì nhà nghèo, chồng bị bọn lính lệ bắt vì thiếu sưu thuế, chồng ốm đau lại bị đánh đập.  + Lão Hạc thì vợ chết, con bỏ đi biền biệt làm đồn điền cao su, lão cố làm việc, tích cóp tiền cho con, bán con chó yêu rồi chọn cái chết để dành tiền cho con.  *- Khẳng định, ngợi ca vẻ đẹp, phẩm chất cao quý của người nông dân:*  + Chị Dậu yêu chồng, thương con; tinh thần phản kháng mãnh liệt để bảo vệ chồng con (lí lẽ, dẫn chứng).  + Lão Hạc là người cha đáng kính, hết lòng vì con; là người nông dân đôn hậu, giàu tình yêu thương là người nông dân giàu lòng tự trọng (lí lẽ, dẫn chứng).  -*Vạch trần bộ mặt tàn ác, bất nhân của xã hội thực dân phong kiến đương thời, xã hội ấy đã đẩy người dân vào tình trạng vô cùng cực khổ.*  **d. Đánh giá về ý kiến của Hoài Thanh**  - Ý kiến của Hoài Thanh về nguồn gốc, phẩm chất của văn chương là ý kiến đúng đắn, khoa học bởi nó đã nói lên đặc trưng, thuộc tính quan trọng nhất của văn học: Văn học là tiếng nói của tâm hồn, cảm xúc; văn học mang ý nghĩa nhân văn sâu sắc – “Văn học là nhân học” (M. Gorki).  - Đoạn trích *Tức nước vỡ bờ* (trích *Tắt đèn* của Ngô Tất Tố) và tác phẩm *Lão Hạc* (của Nam Cao) đã thể hiện rõ nét quan niệm văn học của Hoài Thanh. Bởi cả hai đều là những tác phẩm mang giá trị nhân đạo cao cả, hướng tới con người, vì con người. | 0,5  0,5  0,5  0,5  0,5  0,5  0,5  2,0  2,0  1,5  0,5  0,5 |

**--------------------------------Hết-------------------------------**

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**ĐỀ 8.**

**ĐỀ THI HSG MÔN NGỮ VĂN 8 CẤP HUYỆN**

**NĂM HỌC: 2018 - 2019**

**Thời gian: 150 phút**

**ĐỀ BÀI**

**Câu 1: (4 điểm) Hãy phân tích giá trị biện pháp tu từ có trong bốn câu thơ sau:**

*"Chúng ta hãy bước nhẹ chân, nhẹ nữa*

*Trăng ơi trăng, hãy yên lặng cúi đầu*

*Suốt cuộc đời Bác có ngủ yên đâu*

*Nay Bác ngủ, chúng ta canh giấc ngủ"*

*("****Chúng con canh giấc ngủ Bác, Bác Hồ ơi****!" -* Hải Như*).*

**Câu 2: (6 điểm)**

*Giữa một vùng sỏi đá khô cằn, cây hoa dại vẫn mọc lên và nở những chùm hoa*

*thật đẹp.*

Trình bày suy nghĩ của em về hiện tượng trên.

**Câu 3. (10.0 điểm):**

Có ý kiến cho rằng: *“Đọc một tác phẩm văn chương, sau mỗi trang sách, ta đọc được cả nỗi niềm băn khoăn, trăn trở của tác giả về số phận con người.”*

Dựa vào hai văn bản: **Lão Hạc** (*Nam Cao*) và **Cô bé bán diêm** (*An - đéc- xen*), em hãy làm sáng tỏ nỗi niềm đó.

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CÂU** | **NỘI DUNG** | **ĐIỂM** |
| **1** | **TIẾNG VIỆT** | **4.0** |
| + Nhân hóa: trăng được gọi như người (trăng ơi trăng), trăng cũng  "bước nhẹ chân", "yên lặng cúi đầu", "canh giấc ngủ" --> Trăng cũng như con người, cùng nhà thơ và dòng người vào lăng viếng Bác;  Trăng là người bạn thuỷ chung suốt chặng đường dài bất tử của Người | ***1.0*** |
| + Điệp ngữ: "nhẹ", "trăng" - "Nhẹ": nhấn mạnh, thể hiện sự xúc động, tình cảm tha thiết của mọi người muốn giữ yên giấc ngủ cho Bác. - "Trăng": Lời nhắn nhủ làm cho trăng trở nên gần gũi với người | ***1.0*** |
| + ẩn dụ: "ngủ" (trong câu thơ thứ ba) --> Tấm lòng lo lắng cho dân cho nước suốt cuộc đời của Bác --> Ca ngợi sự hi sinh quên mình  của Bác. | ***1.0*** |
| + Nói giảm nói tránh: "ngủ" (trong câu thơ thứ tư) --> làm giảm sự đau thương khi nói về việc Bác đã mất --> Ca ngợi sự bất tử, Bác còn sống mãi.  -> Đoạn thơ là cách nói rất riêng và giàu cảm xúc về tình cảm của nhà thơ nói riêng và về của nhân dân ta nói chung đối với Bác Hồ | ***1.0*** |
| **2** | **NGHỊ LUẬN XÃ HỘI** | **6.0** |
| **\*Mở bài:**  -Câu nói miêu tả hiện tượng thiên nhiên mà hàm chứa nhiều ý nghĩa sâu sắc, gợi nhiều suy tưởng đẹp.  -Là biểu tượng của nghị lực, và ý chí vươn lên của con người trong những hoàn cảnh khốc liệt, khó khăn. | ***0.5*** |
| **\*Thân bài:**  ***1. Giải thích:***  -Hình ảnh "vùng sỏi đá khô cằn" gợi liên tưởng, suy nghĩ về điều kiện sống khắc nghiệt, đầy khó khăn. Nói cách khác là nơi sự sống khó sinh sôi, phát triển.  -Hình ảnh “cây hoa dại”: Là loại cây yếu ớt, nhỏ bé, cũng là loại cây bình thường, vô danh, ít người chú ý.  -Hình ảnh "cây hoa dại vẫn mọc lên và nở những chùm hoa thật đẹp": cây hoa dại sống giữa tự nhiên lặng lẽ mà kiên cường, nó tự thích nghi với hoàn cảnh, vượt lên điều kiện khắc nghiệt để sống và nở hoa. Những bông hoa là thành quả đẹp đẽ, kết tinh từ sự chắt chiu, thể hiện sức sống mãnh liệt.  -> Như vậy câu nói mượn hiện tượng thiên nhiên mà gợi suy nghĩ về thái độ sống của con người: cho dù hoàn cảnh có khắc nghiệt đến đâu, sự sống vẫn hiện hữu, cái đẹp vẫn tồn tại. Con người phải có ý chí, nghị lực vươn lên trong cuộc sống. | ***1.0*** |
| **2. Phân tích, chứng minh:**  - Đây là hiện tượng mà ta có thể tìm thấy ở nhiều nơi trong thế giới tự nhiên. Cây cối, cỏ hoa luôn ẩn chứa sức sống mạnh mẽ, bền bỉ, sẵn sàng thích nghi với điều kiện sống khắc nghiệt.  +Nơi sa mạc nóng bỏng, cây xương rồng vẫn mọc lên, vẫn nở hoa, những bông hoa nép mình xù xì gai nhọn.  +Ở cánh đồng băng Nam Cực, các nhà khoa học sững sờ khi thấy dưới lớp băng dày vẫn lấm tấm những đám địa y...  -Từ hiện trượng này, có thể liên hệ với những hiện tượng tồn tại trong cuộc sống con người:  + Những thử thách, những khó khăn của thực tế đời sống luôn đặt ra với mỗi con người. Cuộc sống không bao giờ bằng phẳng, luôn chứa đựng những yếu tố bất ngờ, sự cố ngoài ý muốn. Vì vậy quan trọng là cách nhìn, thái độ sống của con người trước thực tế đó. Ta không nên đầu hàng hoàn cảnh, không buông xuôi phó mặc cho số phận. Trong hoàn cảnh khắc nghiệt vẫn có những con người đích thực vẫn vươn lên.  + Chính trong thách thức của hiện thực cuộc sống, nghị lực và sức sống con người càng được bộc lộ rõ hơn bao giờ hết. Những đóng góp, cống hiến hay những thành tựu, kết quả đạt được trong điều kiện đó rất cần được tôn vinh như những tấm gương sáng cho mọi người học tập.  +Nhà văn Nga vĩ đại M.Go-rơ-ki – một cuộc đời sớm chịu những nỗi đắng cay, nghiệt ngã, đã không ngừng học tập, tự học để vươn lên khẳng định tài năng và đi đến thành công.  +"Hiệp sĩ công nghệ" Nguyễn Công Hoàng sống trong hoàn cảnh nghiệt ngã: không thể tự mình di chuyển, khả năng ngôn ngữ hạn chế. Vậy mà người thanh niên đó đã sống bằng nghị lực, quyết tâm học tập và nghiên cứu phần mềm tin học, cuối cùng anh đã thành công.  +Thầy Nguyễn Ngọc Kí, anh Nguyễn Sơn Lâm…. | ***2.0*** |
| **3. Bình luận, mở rộng**:  -Khẳng định sự sâu sắc của một bài học về thái độ sống tích cực.  -Phê phán một bộ phận người trong xã hội chỉ vì không vượt qua được hoàn cảnh khó khăn mà tự đánh mất mình. | ***1.0*** |
| **4. Bài học nhận thức và hành động: (1 điểm)**  -Bài học rất có ý nghĩa với người trẻ tuổi, nhắc nhở quan niệm sống không đầu hàng số phận, hãy sống như loài hoa kia vượt lên sỏi đá để tồn tại.  -Nhìn tấm gương của những bạn học sinh cùng kiệt vượt khó tự soi lại chính mình. | ***1.0*** |
| **\*Kết bà**i:  - Khẳng định ý nghĩa của hiện tượng trên. | ***0.5*** |
| **3** | **NGHỊ LUẬN VĂN HỌC** | **10.0** |
| **I. Yêu cầu về kỹ năng, hình thức:**  - Kiểu bài: Nghị luận chứng minh.  - Vấn đề cần chứng minh: Nỗi niềm băn khoăn, trăn trở của tác giả về số phận con người.  - Phạm vi dẫn chứng: Hai văn bản: Lão Hạc (Nam Cao) và Cô bé bán diêm ( An-đéc-xen). |  |
| **II. Yêu cầu cơ bản về kiến thức:**  ***1. Mở bài:***  - Dẫn dắt vấn đề: Vai trò, nhiệm vụ của văn chương: Phản ánh cuộc sống thông qua cách nhìn, cách cảm của mỗi nhà văn...về cuộc đời, con người.  - Nêu vấn đề: trích ý kiến...  - Giới hạn phạm vi dẫn chứng: Hai văn bản Lão Hạc (Nam Cao) và Cô bé bán diêm (An-đéc-xen) | ***1.0*** |
| ***2. Thân bài:***  *2.1. Giải thích ý kiến “*nỗi niềm băn khoăn, trăn trở của tác giả về số phận con người” -> Đồng cảm, chia sẻ, tiếng nói đòi quyền sống cho con người, tinh thần nhân đạo cao cả... | ***1.0*** |
| *2.2. Những băn khoăn trăn trở của Nam Cao về số phận những người nông dân qua truyện ngắn Lão Hạc.*  \* Nhân vật lão Hạc:  - Sống lương thiện, trung thực, có nhân cách cao quí nhưng số phận lại nghèo khổ, bất hạnh.  + Sống mòn mỏi, cơ cực: (dẫn chứng)...  + Chết đau đớn, dữ dội, thê thảm: (dẫn chứng)...  - Những băn khoăn thể hiện qua triết lí về con người của lão Hạc: "Nếu kiếp chó là kiếp khổ.... may ra có sướng hơn kiếp người như kiếp tôi chẳng hạn"  - Triết lí của ông giáo: Cuộc đời chưa hẳn...theo một nghĩa khác.  \* Nhân vật con trai lão Hạc: Điển hình cho số phận không lối thoát của tầng lớp thanh niên nông thôn...(dẫn chứng)... | ***2.0*** |
| *2.3. Những băn khoăn trăn trở của Nam Cao về số phận của những trí thức nghèo trong xã hội:*  - Ông giáo là người có nhiều chữ nghĩa, có nhân cách đáng trọng... nhưng phải sống trong cảnh nghèo túng: bán những cuốn sách... | ***2.0*** |
| *2.4. Những băn khoăn của An-đéc-xen về số phận của những trẻ em nghèo trong xã hội:*  - Cô bé bán diêm khổ về vật chất: (dẫn chứng)...  - Cô bé bán diêm khổ về tinh thần, thiếu tình thương, sự quan tâm của gia đình và xã hội: (dẫn chứng)... | ***2.0*** |
| *2.5. Đánh giá chung:*  - Khắc họa những số phận bi kịch... -> giá trị hiện thực sâu sắc  - Đồng cảm, chia sẻ, cất lên tiếng nói đòi quyền sống cho con người ... -> tinh thần nhân đạo cao cả. | ***1.0*** |
| ***3. Kết bài:***  - Khẳng định lại vấn đề.  - Liên hệ bản thân. | ***1.0*** |

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**ĐỀ 9.**

**ĐỀ THI HỌC SINH GIỎI OLYMPIC**

**CẤP HUYỆN**

Môn: **NGỮ VĂN** – Lớp: **8**

Thời gian làm bài: **150** phút (không kể thời gian phát đề)

**Câu 1:** (3 điểm)

Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:

*“[…] Một người đã khóc vì trót lừa một con chó! … Một người nhịn ăn để tiền lại làm ma, bởi không muốn liên lụy đến hàng xóm, láng giềng… Con người đáng kính ấy bây giờ cũng theo gót Binh Tư để có ăn ư? Cuộc đời quả thật cứ mỗi ngày một thêm đáng buồn…*

*Không! Cuộc đời chưa hẳn đã đáng buồn, hay vẫn đáng buồn nhưng lại đáng buồn theo một nghĩa khác […]”*

(Nam Cao – trích *“Lão Hạc”*)

a) Nam Cao cho rằng *“phải có đôi mắt của tình thương mới thấu hiểu được bản chất tốt đẹp của nhân dân lao động”*. Em hãy chỉ rõ *bản chất tốt đẹp* của lão Hạc qua *đôi mắt của tình thương* của nhân vật ông Giáo trong đoạn trích trên. (Đoạn văn 10-15 dòng)

b) Vì sao cái chết đau thương của lão Hạc mang tính chất bi kịch? Nếu gọi tên bi kịch của lão Hạc thì em sẽ chọn cách gọi nào dưới đây:

- Đó là bi kịch của sự đói nghèo.

- Đó là bi kịch của tình phụ tử.

- Đó là bi kịch của phẩm giá làm người.

Tại sao em chọn cách gọi đó?

c) Theo em, bi kịch của lão Hạc tác động như thế nào đến người đọc?

**Câu 2:** (2 điểm)

Đọc đoạn trích bài thơ *“Mẹ và quả”* của nhà thơ Nguyễn Khoa Điềm, viết năm 1982 (in trong tập ***Ngôi nhà có ngọn lửa ấm***, Hội Nhà văn Việt Nam, 1986):

*Và chúng tôi – một thứ quả trên đời*

*Bảy mươi tuổi mẹ đợi chờ được hái*

*Tôi hoảng sợ ngày bàn tay mẹ mỏi*

*Mình vẫn còn một thứ quả non xanh.*

a) Phân tích các biện pháp nghệ thuật được tác giả sử dụng trong đoạn thơ trên.

b) Phát biểu cảm nghĩ của bản thân về ý nghĩa của hai câu thơ cuối. (Đoạn văn 10-15 dòng)

**Câu 3:** (5 điểm)

**Chiếc lá vàng**

*“Một chiếc lá vàng tự bứt khỏi cành rơi xuống gốc. Cái gốc tròn mắt ngạc nhiên hỏi:*

*- Sao sớm thế?*

*Lá vàng giơ tay lên chào, cười và chỉ vào những lộc non.”*

(Những câu chuyện ngụ ngôn chọn lọc – NXB Thanh niên 2003)

Suy nghĩ của em về câu chuyện trên? (Bài viết không quá 02 trang giấy thi)

**Câu 4:** (10 điểm)

Nỗi đau đớn và vẻ đẹp của người nông dân trước Cách mạng tháng Tám qua hình tượng nhân vật lão Hạc (*“Lão Hạc”* – Nam Cao) và Chị Dậu (*“Tắt đèn”* – Ngô Tất Tố).

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐỀ 10**  **PHÒNG GD&ĐT** | **ĐỀ THI KIỂM ĐỊNH CHẤT L­ƯỢNG MŨI NHỌN**  **NĂM HỌC 2020-2021**  **MÔN THI: NGỮ VĂN 8**  ***(Thời gian làm bài: 120 phút)*** |

**Câu 1**:  *(3 điểm)* Đọc khổ thơ sau và trả lời các câu a, b, c, d.

Trái đất rộng giàu sang bao thứ tiếng

Cao quý thâm trầm rực rỡ vui tươi

Tiếng Việt rung rinh nhịp đập trái tim người

Như tiếng sáo như dây đàn máu nhỏ.

*(Trích: Tiếng Việt, Lưu Quang Vũ)*

a, Hãy xác định phương thức biểu đạt chính của khổ thơ.

b, Tìm một trường từ vựng và đặt tên cho trường từ vựng đó.

c, Chỉ ra các từ láy có trong khổ thơ.

d, Hãy chỉ ra một phép tu từ nổi bật trong khổ thơ và phân tích giá trị của phép tu từ.

**Câu 2**: *(6 điểm)* Đọc phần trích câu chuyện sau, em hãy viết tiếp phần kết cho truyện để giúp mọi người hiểu được ý nghĩa của những hành động mà nhà diễn giả đã làm.

Một bữa tối tại một sân vận động của nước Mỹ, một diễn giả nổi tiếng – ông John Keller, được mời thuyết trình trước 100.000 người. Đang diễn thuyết bỗng ông dừng lại và dõng dạc nói:

- Bây giờ xin các bạn đừng sợ! Tôi sắp cho tắt tất cả đèn trong sân vận động này. Đèn tắt. Cả sân vận động chìm sâu trong bóng tối âm u. Ông John Keller nói tiếp:

- Bây giờ tôi đốt lên một que diêm. Những ai nhìn thấy ánh lửa của que diêm đang cháy thì hãy hô to “Đã thấy!”.

Một que diêm được bật lên, cả sân vận động vang lên: “Đã thấy!”.

Một lần nữa, tất cả đèn trong sân vận động lại được tắt. Một giọng nói vang lên:

-Tất cả những ai ở đây có mang theo diêm quẹt, xin hãy đốt cháy lên. Bỗng chốc cả sân vận động rực sáng….

*(Trích: Hãy thắp lên một que diêm, Vũ Hoàng dịch; cuốn sách: Cửa sổ tâm hồn)*

**Câu 3**: (*11 điểm*) Viết về nhà văn Nam Cao, giáo sư Hà Minh Đức đã đánh giá: Toàn bộ tác phẩm của Nam Cao cho dù viết về đề tài gì, loại người nào cũng chỉ xoáy sâu vào một vấn đề: con người phải được sống lương thiện, phải bảo vệ nhân cách tốt đẹp của con người. Bằng sự hiểu biết của em về nhân vật Lão Hạc trong tác phẩm cùng tên của Nam Cao, em hãy làm sáng tỏ nhận định trên.

(Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm)

*Họ và tên thí sinh………………………………………….số báo danh……….*

|  |  |
| --- | --- |
|  | ĐÁP ÁN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG |

**Câu 1**: 3 điểm

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| a | Phương thức: biểu cảm: | 0,5 điểm |
| b | Tìm được 1 trường từ vựng, đặt tên đúng: (cao quý, thâm trầm, rực rỡ, vui tươi: đặc điểm của tiếng nói)… | 1 điểm. |
| c | Từ láy: rực rỡ, rung rinh: 0,5. Tìm sai một từ trừ 0,25 điểm. | 0.5 |
| d | Chỉ ra được 1 phép tu từ: 0,25 điểm. Phân tích được giá trị: 0,75 điểm. ( so sánh như tiếng sáo như dây đàn máu nhỏ. Khẳng định tiếng Việt hay và đẹp, biểu đạt được chiều sâu của những cung bậc tâm hồn một cách hay nhất và tinh tế nhất) | 1 điểm. |

**Câu 2: 6 điểm.**

* Yêu cầu về kỹ năng: học sinh làm bài văn tự sự hoàn chỉnh, diễn đạt mạch lạc, câu văn cơ bản đảm bảo chuẩn cú pháp, chữ viết rõ ràng, nêu lên được những suy nghĩ về vấn đề được đặt ra trong văn bản.
* Yêu cầu về nội dung: học sinh có thể có nhiều cách suy nghĩ khác nhau để viết phần kết cho câu chuyện, khuyến khích suy nghĩ sáng tạo, độc lập, phù hợp với chuẩn mực đạo đức xã hội và lứa tuổi. Khẳng định đây là câu chuyện có ý nghĩa giáo dục cao, có giá trị trong mọi thời đại. Sau đây là một ví dụ về nội dung kết truyện:

+ Ánh sáng của một hành động tốt, nhân ái dù nhỏ bé như một que diêm cũng có tác dụng chiếu sáng cho xã hội cho cuộc đời…

+ Tất cả chúng ta hợp lực nhau sẽ tạo nên một môi trường đầy ánh sáng, chiến thắng bóng tối, chiến thắng cái xấu xa, oán thù, bệnh tật, khủng bố… Những đốm sáng nhỏ của tình yêu thương sẽ luôn tỏa sáng cho xã hội, làm cho xã hội hòa bình thực sự sáng đẹp.

+ Tăng thêm thật nhiều những việc làm tốt hảo tâm cho đồng loại cũng chính là cho mình cho gia đình mình.Hãy chung tay thắp lên những ngọn lửa yêu thương để có đủ sức mạnh xua đuổi bóng đen của cái ác, cái có hại, cái xấu…

+ Học sinh rút ra cho mình bài học làm người.

**Câu 3**: 11 điểm

* Yêu cầu kỹ năng: Làm bài nghị luận văn học hoàn chỉnh, luận điểm rõ ràng, lập luận chặt chẽ, dẫn chứng tiêu biểu thuyết phục, lý lẽ phù hợp làm rõ cho luận điểm. Câu văn, từ ngữ chuẩn. Chữ viết rõ ràng. Không mắc lỗi diễn đạt.
* Yêu cầu nội dung:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Ý | NỘI DUNG | Điểm chung | Điểm chi tiết |
| Ý 1 | * Giải thích lời đánh giá, tìm nội dung   Hà Minh Đức khẳng định: đề tài, nhân vật trong các tác phẩm của Nam Cao có thể khác nhau, nhưng tất cả nội dung tác phẩm đều hướng thiện giúp hoàn thiện nhân cách con người; luôn bảo vệ vẻ đẹp bản chất của con người. Đây là yếu tố làm nên giá trị tác phẩm, để tác phẩm tồn tại lâu bền. | **1 điểm** |  |
| Ý 2: | * Dùng nhân vật Lão Hạc chứng minh   + Giới thiệu về nhân vật lão Hạc và tác phẩm  + Chứng minh Lão Hạc là con người lương thiện  Thông qua tài năng nghệ thuật xuất sắc của Nam Cao, đặc biệt miêu tả tâm lý nhân vật tài tình, qua các tình tiết sự việc, học sinh làm rõ được vẻ đẹp lương thiện của Lão Hạc: Tình yêu thương con, cách biểu hiện tình yêu ấy theo cách riêng trong hoàn cảnh khốn cùng của lão; việc lão đau khổ, dằn vặt, tự trách mình…khi bán chó.  + Nam Cao luôn bảo vệ nhân phẩm con người  Là người nông dân nghèo khổ, côi cút, sức cùng lực kiệt… nhưng Lão Hạc rất giàu lòng tự trọng. Chứng minh thông qua việc lão gửi tiền và nhờ ông giáo nhờ bà con làng xóm lo cho lão khi lão qua đời.  Đến phút cuối cùng tưởng chừng nhân phẩm bị nghi ngờ, nhân vật đứng chênh vênh trên bờ vực thẳm , tác giả đã thể hiện tài năng xây dựng tình huống, sắp xếp tình tiết thông minh…. Độc giả và cả người trong truyện vỡ lẽ ra: Lão Hạc vẫn giữ trọn phẩm chất của người nông dân lương thiện. | **9** điểm**.** | 1 điểm  3điểm  5 điểm |
| Ý 3 | * Đánh giá giá trị hiện thực và nhân đạo | **1 điểm** |  |

ĐỀ 11.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **ĐỀ THI GIAO LƯU HSG CẤP TRƯỜNG**  **Năm học: 2020 – 2021**  **Môn: Ngữ văn 8**  Thời gian làm bài: *90 phút*  *( Không kể thời gian giao đề)* |

**ĐỀ BÀI**

|  |
| --- |
| **Câu 1 ( 8 điểm)**  Vich-to Huy-gô cho rằng:  *“ Con người sống không có tình thương cũng giống như vườn hoa không có ánh nắng mặt trời: không có gì đẹp đẽ và hữu ích có thể nảy nở trong đó được”.*  Suy nghĩ của em về ý kiến trên.  **Câu 2 ( 12 điểm)**  Có ý kiến cho rằng: *“ Đọc một tác phẩm văn chương, sau mỗi trang sách, ta đọc được cả nỗi niềm băn khoăn, trăn trở của tác giả về số phận con người”.*  Dựa vào hai văn bản: **Lão Hạc** (*Nam Cao*) và **Cô bé bán diêm** (*An - đéc- xen*), em hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.  --------------------------------Hết----------------------------- |

**HƯỚNG DẪN CHẤM BÀI THI GIAO LƯU HSG CẤP TRƯỜNG**

**Năm học: 2020 – 2021**

**Môn: Ngữ văn 8**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Hướng dẫn chấm** | **Điểm** |
| 1(8đ) | ***- Yêu cầu về kĩ năng***: Biết cách làm bài văn nghị luận xã hội. Bố cục và hệ thống ý sáng rõ . Biết vận dụng các thao tác giải thích, bình luận, chứng minh. Hành văn trôi chảy, lập luận chặt chẽ. Dẫn chứng chọn lọc, thuyết phục. Không mắc các lỗi diễn đạt, dùng từ , ngữ pháp, chính tả.  ***-Yêu cầu về kiến thức*** :Học sinh có thể trình bày bằng nhiều cách khác nhau nhưng cần đảm bảo cá ý sau:  **1. Giải thích.**  + Tình thương: lòng nhân ái, cảm thông, chia sẻ, giúp đỡ người khác.  + Vườn hoa: nơi nảy sinh, nơi hình thành cái tốt đẹp.  + Không ánh nắng mặt trời: không có ánh sáng, hơi ấm, không có nguồn sống.  + Không có gì: sự phủ định hoàn toàn và triệt để.  + Đẹp đẽ và hữu ích: cái đẹp và cái tốt, cái thiện, cái có ích.  + Nảy nở: nảy sinh, tồn tại và phát triển  => Tóm lại, nếu không có tình thương thì cuộc sống của con người sẽ không thể có được những điều tốt đẹp và có ích. Nói cách khác, tình thương chính là thứ sẽ làm nảy sinh tất cả những điều tốt đẹp cho cuộcsống.   1. **Bình luận**..   **\*. Chứng minh vai trò của tình thương trong cuộc sống**  - Trong cuộc sống, bên cạnh những người may mắn và hạnh phúc, còn có rất nhiều người gặp cảnh đau khổ, bất hạnh, luôn cần sự sẻ chia, giúp đỡ, cần tình thương yêu.  - Nếu thiếu tình thương, con người sẽ không thể làm được những điều tốt đẹp, hữu ích cho người khác: không biết quan tâm, giúp đỡ, chia sẻ và đồng cảm với người khác lúc họ gặp khó khăn, hoạn nạn; thậm chí còn làm những điều xấu xa, tàn ác khiến người khác phải chịu mất mát, đau khổ.  - Khi thiếu tình thương, con người cũng không thể tạo ra và gìn giữ được điều tốt đẹp cho chính mình (biến thành người vô cảm, tàn nhẫn, ích i í kỉ, xấu xa) và cho người khác.  - Ngược lại, con người có tình thương tạo ra nhiều điều tốt đẹp: sự đồng cảm, chia sẻ; sự bao dung,... Nói khác đi, tình thương là nền tảng nuôi dưỡng cho những phẩm chất, tình cảm, suy nghĩ tốt đẹp khác của con người.  **\*Bình luận** .  Trong câu nói, Huy-gô có cái nhìn đầy tính nhân văn, vừa rất mực tin yêu cuộc sống vừa tỉnh táo, sâu sắc.  + Trong xã hội ngày nay, có nhiều người biết mở rộng vòng tay yêu thương và nhân ái làm sáng ngời truyền thống “tương thân tương ái”, “thương người như thể thương thân”, “lá lành đùm lá rách” của dân tộc... Những người như thế đáng được ngợi ca và tôn vinh.  + Song bên cạnh đó, vẫn còn có bao kẻ vô tâm, vô cảm, ích kỉ và xấu xa, độc ác để thỏa mãn những dục vọng tầm thường, đê hèn. Chúng phải bị lên án và trừng trị nghiêm khắc.  **3.Bài học.**  - Cuộc sống chỉ trở nên tốt đẹp và có ý nghĩa khi con người biết yêu thương, chia sẻ, cảm thông với những số phận bất hạnh  - Hãy yêu thương người khác . Đó là cách chăm sóc khu vườn tâm hồn của mỗi người. | 0,5 |
| 1,5  4,0  1,0  1,0 |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | ***I. Yêu cầu về kỹ năng, hình thức:*** | **0.5** |
|  | - Kiểu bài: Nghị luận chứng minh. |  |
|  | - Vấn đề cần chứng minh: Nỗi niềm băn khoăn, trăn trở của tác giả |  |
|  | về số phận con người. |  |
|  | - Phạm vi dẫn chứng: Hai văn bản: Lão Hạc (Nam Cao) và Cô bé bán |  |
|  | diêm ( An-đéc-xen). |  |
|  | ***II. Yêu cầu cơ bản về kiến thức:*** |  |
|  | ***1. Mở bài:*** | **1,0** |
|  | - Dẫn dắt vấn đề: Vai trò, nhiệm vụ của văn chương: Phản ánh cuộc |  |
| ***2*** | sống thông qua cách nhìn, cách cảm của mỗi nhà văn...về cuộc đời, con người.  - Nêu vấn đề: trích ý kiến... |  |
|  | - Giới hạn phạm vi dẫn chứng: Hai văn bản Lão Hạc (Nam Cao) và |  |
|  | Cô bé bán diêm (An-đéc-xen) |  |
|  | ***2. Thân bài:*** | **9.5** |
|  | ***2.1. Giải thích ý kiến*** *“*nỗi niềm băn khoăn, trăn trở của tác giả về số |  |
|  | phận con người” -> Đồng cảm, chia sẻ, tiếng nói đòi quyền sống cho | ***1,0*** |
|  | con người, tinh thần nhân đạo cao cả... |  |
|  | ***2.2. Những băn khoăn trăn trở của Nam Cao về số phận những*** | ***3,5*** |
|  | ***người nông dân qua truyện ngắn Lão Hạc.*** |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | *\* Nhân vật lão Hạc:* | 2,25 |
| - Sống lương thiện, trung thực, có nhân cách cao quí nhưng số phận |  |
| lại nghèo khổ, bất hạnh. |  |
| + Sống mòn mỏi, cơ cực: (dẫn chứng)... |  |
| + Chết đau đớn, dữ dội, thê thảm: (dẫn chứng)... |  |
| - Những băn khoăn thể hiện qua triết lí về con người của lão Hạc: |  |
| "Nếu kiếp chó là kiếp khổ.... may ra có sướng hơn kiếp người như |  |
| kiếp tôi chẳng hạn" |  |
| - Triết lí của ông giáo: Cuộc đời chưa hẳn...theo một nghĩa khác. |  |
| *\* Nhân vật con trai lão Hạc*: Điển hình cho số phận không lối thoát | 1,25 |
| của tầng lớp thanh niên nông thôn...(dẫn chứng)... |  |
| ***2.3. Những băn khoăn trăn trở của Nam Cao về số phận của những*** | ***1,25*** |
| ***trí thức nghèo trong xã hội:*** |  |
| - Ông giáo là người có nhiều chữ nghĩa, có nhân cách đáng trọng... |  |
| nhưng phải sống trong cảnh nghèo túng: bán những cuốn sách... |  |
| ***2.4. Những băn khoăn của An-đéc-xen về số phận của những trẻ em nghèo trong xã hội:*** | ***2,75*** |
|  |  |
| - Cô bé bán diêm khổ về vật chất: (dẫn chứng)... |  |
| - Cô bé bán diêm khổ về tinh thần, thiếu tình thương, sự quan tâm |  |
| của gia đình và xã hội: (dẫn chứng)... |  |
| ***2.5. Đánh giá chung:*** |  |
| - Khắc họa những số phận bi kịch... -> giá trị hiện thực sâu sắc | ***1,0*** |
| - Đồng cảm, chia sẻ, cất lên tiếng nói đòi quyền sống cho con người |  |
| ... -> tinh thần nhân đạo cao cả. |  |
| ***3. Kết bài:*** | **1.0** |
| - Khẳng định lại vấn đề... | *0.5* |
| - Liên hệ... | *0.5* |

**ĐỀ 12**

**PHÒNG GD&ĐT ĐỀ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI LỚP 8**

|  |
| --- |
|  |

**Năm học: 2020 - 2021**

**Môn: Ngữ văn**

**Thời gian: 150 phút***(không kể thời gian giao đề)*

*(Đề thi có 01 trang)*

**Câu 1 *(4,0 điểm)*:**

*" Nếu là con chim, chiếc lá*

*Thì con chim phải hót, chiếc lá phải xanh*

*Lẽ nào vay mà không có trả*

*Sống là cho, đâu chỉ nhận riêng mình?..."*

*( Trích Một khúc ca xuân - Tố Hữu)*

Hãy trình bày suy nghĩ của em về ý nghĩa thông điệp cuộc sống mà nhà thơ gửi gắm qua đoạn thơ trên.

**Câu 2 *(6,0 điểm):***

Bàn về truyện ngắn, Nguyễn Minh Châu cho rằng: *“Dựng được một tình huống đặc sắc là vấn đề sống còn với người viết truyện ngắn”.*

Em hiểu ý kiến trên như thế nào? Hãy làm sáng tỏ qua truyện ngắn *“Lão Hạc*” của Nam Cao, có liên hệ với truyện “*Chiếc lá cuối cùng*” của O Hen-ri .

**--------------------HẾT--------------------**

**HƯỚNG DẪN CHẤM THI CHỌN HSG LỚP 8**

**NĂM HỌC 2020-2021**

**MÔN: NGỮ VĂN**

*(Bản Hướng dẫn chấm có 03 trang)*

**A. HƯỚNG DẪN CHUNG**

- Hướng dẫn chấm chỉ nêu những ý cơ bản, trên cơ sở các ý đó giám khảo có thể vận dụng linh hoạt và cân nhắc từng trường hợp cụ thể để phát hiện những bài làm có tố chất học sinh giỏi (kiến thức vững chắc, năng lực cảm thụ sâu sắc, tinh tế ...).

- Đánh giá bài làm của học sinh trên hai phương diện kiến thức và kĩ năng.

- Khuyến khích những bài viết sáng tạo. Bài viết có thể không giống đáp án, có những ý ngoài đáp án, nhưng phải có căn cứ xác đáng và lí lẽ thuyết phục.

- Giám khảo chấm điểm từng ý lẻ đến 0,25 điểm.

- Điểm toàn bài tính đến 0,25 điểm, không làm tròn điểm.

**B. HƯỚNG DẪN CỤ THỂ**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **1** | **Từ nội dung văn bản, nêu suy nghĩ của bản thân về ý nghĩa thông điệp cuộc sống mà nhà thơ gửi gắm qua đoạn thơ.** | **4,0** |
|  | a. Đảm bảo cấu trúc của một bài văn với các phần Mở bài, Thân bài, Kết bài theo yêu cầu. | 0,5 |
| **b. Chính tả, dùng từ đặt câu: đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa tiếng Việt.** | 0,5 |
| **c.** Triển khai vấn đề theo yêu cầu. Học sinh có thể viết bài theo các định hướng sau:  **Ý 1: Giải thích**  *-Đoạn thơ thể hiện quan niệm sống tích cực, sống đẹp trong mối quan hệ nhân sinh: vay và trả, cho và nhận giữa cộng đồng đối với mọi người, nhất là thế hệ trẻ.*  +"cho" là đem cái mình có tặng người khác mà không đổi lấy cái gì.  +“nhận” là sự đón lấy, hưởng thụ về vật chất hoặc về tinh thần.  +“Sống là cho đâu chỉ nhận riêng mình”: biết cho đi yêu thương, sống tận tâm, có trách nhiệm mà không toan tính vụ lợi. =>Lẽ sống đẹp.  -Rút ra ý nghĩa: Khi ta học được cách cho đi ta sẽ nhận lại được tình cảm yêu thương, quý trọng của người khác: giúp mối quan hệ giữa người và người trở nên tốt đẹp hơn.  **Ý 2: Bàn luận**  - Vì sao “sống là cho không chỉ nhận riêng mình”:  + Bởi hạnh phúc không phải là đích đến mà là quá trình. Mỗi thành quả đều cần trải qua gian nan, vất vả mà có. Vậy nên phải biết trân trọng, và biết ơn bằng cách sống biết "cho" đi.  + "Cho" đi là một biểu hiện của cách sống đẹp, để làm nên sức mạnh duy trì cuộc sống. Có thể “cho” đi về vật chất hoặc tinh thần.  - Biểu hiện của sự cho đi: Biết cống hiến và san sẻ, cho gia đình, ông bà, cha mẹ, cho cộng đồng, cho đất nước những gì tinh túy, tốt đẹp nhất của mình.  + Giúp đỡ những người có số phận bất hạnh bằng tình cảm và tấm lòng  + Quan tâm họ bằng những lời động viên, hỏi han.  - Phê phán lối sống hèn nhát, tầm thường, ích kỉ, vong ân bội nghĩa**,** sống thiếu trách nhiệm với đồng loại, với cộng đồng ở một số người.  *(HS lấy dẫn chứng ở đoạn thơ và từ thực tế đời sống để chứng minh)*  **Ý 3: Rút ra bài học nhận thức và hành động**  **-**Nhận thức: Kết hợp hài hòa giữa quyền lợi và trách nhiệm, giữa “cho” và “nhận”, thấy rõ niềm hạnh phúc khi đem lại hạnh phúc cho người khác.  -Hành động: Ta phải học cách ứng xử một cách đẹp đẽ giữa người với người, giữa cá nhân với cộng đồng, với quê hương đất nước.  **Ý 4: HS liên hệ**  - Trong cuộc sống, trong các tác phẩm văn học.  - Bản thân: Là học sinh, chúng ta cần bồi dưỡng cho mình lẽ sống đẹp: sống có ước mơ, lí tưởng, có tri thức, văn hóa, có nhân cách. | 0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25 |
| d. Sáng tạo: có những quan điểm, suy nghĩ sáng tạo, cách diễn đạt độc đáo, mới mẻ (hợp lý, thuyết phục) phù hợp với chuẩn mực đạo đức, văn hóa, pháp luật. | 0,25 |
| **2** | ***Làm sáng tỏ ý kiến“Dựng được một tình huống đặc sắc là vấn đề sống còn với người viết truyện ngắn” qua truyện ngắn “Lão Hạc”, có liên hệ với truyện “Chiếc lá cuối cùng” của O Hen-ri .*** | **6,0** |
|  | a. Đảm bảo cấu trúc bài văn với các phần Mở bài, Thân bài, Kết bài theo yêu cầu. | 0,5 |
| b. Chính tả, dùng từ, đặt câu: Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu. | 0,5 |
| c. Triển khai vấn đề theo yêu cầu. Học sinh có thể viết bài theo các định hướng sau:  **Ý 1: Giải thích ý kiến:**  ***-*** *Tình huống truyện* là sự kiện đặc biệt của đời sống được nhà văn xây dựng theo lối “lạ hóa”, là hoàn cảnh có vấn đề mà nhà văn đặt nhân vật vào để nhân vật được thử thách và bộc lộ tính cách , số phận…  - *Vấn đề sống còn* : là vấn đề có ý nghĩa quan trọng quyết định nên sự thành công của truyện ngắn.  - Xây dựng được một tình huống truyện độc đáo là chìa khoá để có thể mở được cánh cửa đi vào khám phá giá trị của một tác phẩm văn chương.  =>Đây là nhận định đúng đắn, đặt ra yêu cầu tất yếu đối với một tác phẩm có giá trị và sức sống lâu dài. Giá trị và sức sống ấy chỉ có được khi tác phẩm có chất lượng nghệ thuật cao, đặc biệt là nghệ thuật xây dựng tình huống .  **Ý2: Chứng minh**  \* Giới thiệu sơ lược về hai truyện ngắn.  \* Phân tích, chứng minh tình huống đặc sắc trong truyện ngắn “Lão Hạc”, có liên hệ với truyện “Chiếc lá cuối cùng” của O Hen-ri .  *\*****Truyện Lão Hạc của Nam Cao*** *đã thực sự thành công khi nhà văn xây dựng được các tình huống có giá trị:*  + Tình huống 1: *Nam Cao xây dựng một tình huống truyện bình thường nhưng làm nổi bật một nhân cách phi thường:* Cuộc trò chuyện giữa ông giáo và lão Hạc về chuyện bán con chó Vàng.  => Qua phân tích khái quát được : Lão Hạc, một người nông dân hiền lành, nhân hậu, tốt bụng , có lòng tự trong. Cuộc đời dù gặp nhiều đau khổ ,bất hạnh nhưng nhân cách vẫn cao đẹp, đáng nể phục. + Tình huống 2: *Nam Cao xây dựng một tình huống truyện bất thường ( lão Hạc tự đánh bả chính mình )nhưng làm nổi bật một khát vọng phi thường(quan niệm sống tự trọng, đói cho sạch, rách cho thơm:* Lão Hạc xin bả chó và cái chết đầy bất ngờ, dữ dội.  => Qua phân tích khái quát được: Tác giả đã đặt nhân vật vào những hoàn cảnh éo le nhằm giúp nhân vật tự bộc lộ tính cách bản thân và làm nổi bật chủ đề của tác phẩm: phản ánh hiện thực XHPK đen tối, bất công; cảm thông sâu sắc với số phận bất hạnh của người nông dân trong xã hội cũ.  =>Nam Cao am hiểu sâu sắc cuộc sống và tâm lí người nông dân, chọn được những tình huống độc đáo góp phần làm nổi bật số phận nhân vật và chủ đề tác phẩm.  ***\* Truyện ngắn Chiếc lá cuối cùng****- nhà văn O Hen-ri đã rất khéo léo khi xây dựng nghệ thuật đảo ngược tình huống hai lần.*  + Lần đảo ngược thứ nhất: Giôn-xi bị bệnh hiểm nghèo, cô tuyệt vọng nằm chờ cái chết, bỗng khỏe lại, yêu đời và chiến thắng bệnh tật.  + Lần đảo ngược thứ hai: cụ Bơ-men từ môt người khỏe mạnh đến cuối truyện mắc bệnh và qua đời.  => O Hen- ri cảm thông sâu sắc trước cảnh ngộ éo le của hai cô họa sĩ nghèo. Đặt nhân vật vào tình huống gay cấn, làm nổi bật cảnh ngộ, tính cách nhân vật và chủ đề của tác phẩm...  *HS lí giải được giá trị của tình huống nêu trên để làm nổi bật nhân vật và chủ đề tư tưởng của tác phẩm. (có dẫn chứng cụ thể, phù hợp )*  **\*Khẳng định lại vấn đề:**  - Truyện ngắn rất quan trọng tình huống. "Tình huống truyện như một lát cắt trên thân cây cổ thụ mà qua từng đường vân thớ gỗ, ta có thể thấy được trăm năm của một đời thảo mộc".  - Đối với người sáng tác: Phải có hiểu biết sâu sắc về đặc trưng thể loại, lao động nghệ thuật sáng tạo, đặc biệt chú trọng cách dựng tình huống truyện độc đáo để tác phẩm có ý nghĩa và sức sống lâu dài, vượt tầm thời đại.  - Đối với người đọc: trân trọng giá trị của những tác phẩm truyện ngắn, cảm nhận vể truyện qua phân tích tình huống truyện là một con đường tiếp cận tác phẩm đúng đắn.  **Ý 3: HS liên hệ với các tác phẩm văn học khác.** | 0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,5  0,25  0,5  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25 |
| d. Sáng tạo: có những quan điểm, suy nghĩ sáng tạo, cách diễn đạt độc đáo, mới mẻ (hợp lý, thuyết phục) phù hợp với chuẩn mực đạo đức, văn hóa, pháp luật. | 0,5 |

--------------------**HẾT**--------------------

**ĐỀ 1:**

**ĐỀ THI HỌC SINH GIỎI CẤP HUYỆN NGỮ VĂN 8**

**Năm học 2014 – 2015**

Thời gian: 120 phút.

**Câu 1 (4 điểm).**

Đọc đoạn thơ sau và trả lời câu hỏi:

Nào đâu những đêm vàng bên bờ suối

Ta say mồi đứng uống ánh trăng tan?

Đâu những ngày mưa chuyển bốn phương ngàn

Ta lặng ngắm giang sơn ta đổi mới?

Đâu những bình minh cây xanh nắng gội,

Tiếng chim ca giấc ngủ ta tưng bừng?

Đâu những chiều lênh láng máu sau rừng

Ta đợi chết mảnh mặt trời gay gắt,

Để ta chiếm lấy riêng phần bí mật?

- Than ôi ! Thời oanh liệt nay còn đâu?

*(Trích “Nhớ rừng” của Thế Lữ, Ngữ Văn 8, tập hai).*

1. Nêu phương thức biểu đạt và chỉ ra các biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong đoạn thơ?
2. Viết đoạn văn (có độ dài khoảng 8 - 10 câu) trình bày cảm nhận của em qua đoạn thơ trên? Đoạn văn sử dụng ít nhất một câu ghép chỉ mối quan hệ điều kiện, giả thiết – kết quả.

***Câu 2(6 điểm):*****THẦN GIÓ VÀ THẦN MẶT TRỜI**

Sau khi gây ra thiên tai, bão táp làm đổ sập nhà cửa, cây cối, Thần Gió càng lúc càng tỏ ra ngạo mạn. Một hôm Thần Gió tranh cãi với Mặt Trời xem ai là kẻ mạnh nhất. Nhìn xuống mặt đất, thấy một khách bộ hành khoác chiếc áo tơi đang đi, Mặt Trời bảo: "Chẳng cần cãi nhau làm gì, hễ ai làm cho người khách bộ hành kia phải cởi chiếc áo ra sẽ thắng cuộc và là kẻ mạnh nhất!"   
 Thần Gió bắt đầu dương oai, thổi làm cát bụi bốc lên mù mịt, cây cối đổ rạp. Những cơn cuồng phong liên tiếp nổi lên, kèm với cái lạnh buốt da, buốt thịt. Tuy nhiên, gió càng lớn chừng nào thì người bộ hành càng cố giữ chặt chiếc áo tơi của mình, làm cho Thần Gió không cách nào lột được chiếc áo kia ra.   
 Đến phiên Mặt Trời, từ trong đám mây đen, Mặt Trời từ từ ló dạng. Những tia nắng vàng tỏa ra khắp nơi, làm người bộ hành cảm thấy ấm áp, thoải mái. Mặt Trời càng lúc càng nóng ấm. Thế rồi người bộ hành tự động cởi bỏ chiếc áo tơi vô dụng kia ra.

*(Theo “Hạt giống tâm hồn”).*

Hãy trình bày suy nghĩ của em từ câu chuyện trên bằng bài văn ngắn?

***Câu 3 (10 điểm).***

Có ý kiến cho rằng: “ Bé Hồng sống trong cay đắng, tủi cực, nhưng trong tâm hồn cậu bé luôn ẩn chứa một tình yêu thương mẹ mãnh liệt”.

Qua đoạn trích “Trong lòng mẹ” (Trích “*Những ngày thơ ấu”* của Nguyên Hồng). Em hãy làm sáng tỏ ý kiến trên?

-------- --------- Hết-----------------------

**HƯỚNG DẪN CHẤM – BIỂU ĐIỂM.**

|  |  |
| --- | --- |
| **CÂU** | **YÊU CẦU - NỘI DUNG CẦN ĐẠT** |
| **Câu 1**  **(4 điểm).** | a. - Phương thức biểu đạt: Biểu cảm: (0,25 điểm).  - Nghệ thuật:  + Điệp từ “ta”: (0,25 điểm).  + Câu hỏi tu từ kết hợp với điệp từ “đâu những”:..(0,25 điểm).  + Nhân hóa: Ta say mồi, ta ngắm, ta đợi, ta chiếm lấy... (0,25 điểm).  + Ẩn dụ: Đêm vàng, ánh trăng, chiều lênh láng …(0,25 điểm).  Câu cảm thán: “*Than ôi ! Thời oanh liệt nay còn đâu?”* (0,25 điểm).   1. Đoạn văn (2,5 điểm):   *\* Yêu cầu về kĩ năng (0,5 điểm):*Đúng yêu cầu đoạn văn, sử dụng và chỉ ra câu ghép chỉ mối quan hệ điều kiện, giả thiết – kết quả (Nếu, hễ, giá…thì…).  *\* Yêu cầu về kiến thức:* (*2,0 điểm):*  *-* Khẳng định vị trí, khí phách ngang tàng, được làm chủ cuộc sống của một vị chúa tể sơn lâm, tạo sự rắn rỏi, hào hùng.  - Sự hoài niện về quá khứ, nhớ tiếc đến quặn thắt nỗi lòng, sự tìm kiếm vào hoang vắng xa xôi như một niềm oán than ngơ ngác của con hổ trước vẻ đẹp thiên nhiên tráng lệ.  - Giấc mơ khép lại bằng một tiếng than u uất. Đây cũng là nỗi lòng, là tiếng nói yêu nước thầm kín của người dân mất nước thuở ấy, khao khát trở về với cuộc sống tự do. |
| **Câu 2 :**  ***(6 điểm)*** | - ***Yêu cầu về kĩ năng (1 điểm):*** Kiểu bài văn nghị luận ngắn, bố cục rõ ràng, mạch lạc. lập luận chặt chẽ, lôgíc. Lời văn trong sáng, dễ hiểu, chú ý lỗi chính tả…  ***- Yêu cầu về kiến thức:*** (***5 điểm)*** Nội dung đảm bảo các ý sau:  + Tóm tắt câu chuyện: Thần Gió dùng sức mạnh, uy lực của mình đe dọa làm người bộ hành sợ, với sức mạnh ấy có thể kéo chiếc áo rời khỏi người bộ hành, nhưng sức mạnh ấy không thể làm được điều đó. Còn Thần Mặt Trời bằng những tia nắng ấm áp tỏa ra, làm người bộ hành cảm thấy thoải mái, ấm quá mà tự cởi chiếc áo ra khỏi người không cần một sức mạnh nào cả. Cho nêu câu chuyện cho ta bài học ý nghĩa: *Tình yêu thương bao giờ cũng mạnh hơn vũ lực.* (1 điểm).  + Khái niệm: - Tình yêu thương là tình cảm mà chúng ta không thể đo đếm, cảm nhận bằng tay chân. Tình cảm ấy xuất phát từ tâm hồn và cũng chỉ cảm nhận được bằng tâm hồn của mỗi con người. (0.5 điểm).  + Vũ lực là hành vi sử dụng sức mạnh thể chất với mục đích gây thương vong, tổn hại một ai đó, hay một nhóm người, một cộng đồng người. (0,5 điểm).  + Tình yêu thương có ý nghĩa, vai trò vô cùng lớn lao. Trước hết, tình yêu thương chính là cầu nối, giúp con người tiến lại gần nhau hơn, cùng sẽ chia, vượt qua cơn hoạn nạn, khó khăn trong cuộc sống (dẫn chứng). (1,0 điểm).  + Biểu hiện của tình yêu thương: Sự bao dung, quan tâm, chia sẻ, động viên, giúp đỡ, …. Không ai biết tình yêu thương có từ bao giờ nhưng tình cảm ấy đã trở thành một phần không thể thiếu trong tâm hồn của mỗi con người. (0.5 điểm).  + Lên án, phê phán những hành vi vũ lực đối với người khác. (0,5 điểm).  + Liên hệ bản thân: Chúng ta cần sống thân thiện, bình đắng, biết yêu thương, tôn trọng người khác…(1 điểm).  *( HS có thể xây dựng hệ thống luận điểm làm rõ ý nghĩa câu chuyện, khuyến khích bài viết sáng tạo, nêu cảm nhận sâu sắc của bản thân từ câu chuyện).* |
| **Câu 3:**  ***(10 điểm)*** | **A.Yêu cầu về kĩ năng:**  - Biết cách làm bài nghị luận chứng minh một nhận định về một tác phẩm văn học.  - Các em phải biết lập luận chặt chẽ, dùng lý lẽ sắc sảo, dẫn chứng phong phú, cụ thể để làm sáng tỏ vấn đề.  - Hiểu đúng vấn đề, bố cục mạch lạc, hệ thống luận điểm lôgíc, diễn đạt mạch lạc, quan tâm đến lối viết câu và lỗi chính tả.  - Bố cục bài văn chặt chẽ, phân chia đoạn hợp lý, lời văn trong sáng, dễ hiểu; giữa các phần cần có sự liên kết.  ***B.* Yêu cầu về kiến thức:**  ***a. Mở bài: (1 điểm).***  Giới thiệu nhân bé Hồng trong đoạn trích *Trong lòng mẹ* với hai đặc điểm:  - Những cay đắng, tủi cực thời thơ ấu;  - Tình yêu thương cháy bỏng đối với người mẹ bất hạnh.  **b*. Thân bài: (8 điểm).***  Lần lượt làm sáng tỏ từng luận điểm.  *1. Những cay đắng, tủi cực của bé Hồng*(3 điểm).  - Bố mất, mẹ vì *“cùng túng quá, phải bỏ con cái đi tha hương cầu thực”*, bé Hồng sống bơ vơ giữa sự ghẻ lạnh, cay nghiệt của họ hàng.  - Bị bà cô độc ác gieo rắc vào đầu óc những hoài nghi, những ý nghĩ xấu xa, về người mẹ.  - Bị người cô nhục mạ, hành hạ, bé Hồng *đau đớn, cổ họng nghẹn ứ khóc không ra tiếng, cười dài trong tiếng khóc…*  *2. Tình yêu thương mãnh liệt của bé Hồng với người mẹ bất hạnh*(5 điểm).  - Những ý nghĩ, cảm xúc của chú bé khi trả lời người cô:  + Nhận ra ý nghĩa cay độc trong giọng nói và trên nét mặt của người cô; không muốn tình thương yêu và lòng kính mến mẹ bị những rắp tâm tanh bẩn xâm phạm đến..  + Đau đớn, uất ức đến cực điểm vì cổ tục đã hành hạ, đầy đọa mẹ: *“Giá những cổ tục đã đầy đọa mẹ tôi là một vật như hòn đá hay cục thủy tinh, đầu mẩu gỗ, tôi quyết vồ ngay lấy mà cắn, mà nhai, mà nghiến cho kì nát vụn mới thôi”.*  - Cảm giác sung sướng cực điểm khi ở trong lòng mẹ:  + Chạy đuổi theo chiếc xe. Vừa được ngồi lên xe cùng mẹ đã òa lên khóc nức nở(1 điểm).  + Cảm giác sung sướng đến cực điểm của bé Hồng khi ở trong lòng mẹ là hình ảnh về một thế giới đang bừng nở, đang hồi sinh của tình mẫu tử. Vì thế, những lời cay độc của người cô cũng bị chìm ngay đi, bé Hồng không mảy may nghĩ ngợi gì nữa…  + Đoạn trích *Trong lòng mẹ*, đặc biệt là phần cuối là bài ca chân thành và cảm động về tình mẫu tử thiêng liêng, bất diệt.  ***c. Kết bài: (1 diểm).***  - Khẳng định vấn đề đã chứng minh:  Đoạn trích *Trong lòng mẹ* đã kể lại một cách chân thực và cảm động những cay đắng, tủi cực cùng tình yêu thương mãnh liệt của nhà văn thời thơ ấu đối với người mẹ bất hạnh.  - Nêu thái độ, tình cảm của người viết:  Hồi kí thấm đẫm chất trữ tình. Cách nhìn nhận, đánh giá con người và sự việc và đặc biệt là tình cảm của nhà văn thời ấu thơ dành cho người mẹ thật đáng trân trọng. |

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐỀ 2:** | **ĐỀ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI HUYỆN**  **NĂM HỌC 2018 - 2019**  **MÔN: NGỮ VĂN - LỚP 8**  *(Thời gian làm bài: 120 phút)*  *(Đề bài gồm 01 trang)* |

**Câu 1 (4.0 điểm)**

Nhà thơ Xuân Diệu từng bày tỏ quan niệm của mình như sau:

*Thà một phút huy hoàng rồi chợt tắt*

*Còn hơn buồn le lói suốt trăm năm*

Suy nghĩ của em về quan niệm sống này.

**Câu 2 (6.0 điểm)**

Có ý kiến cho rằng: ***Nguyên Hồng là nhà văn của phụ nữ và nhi đồng.***

Bằng hiểu biết của em, hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.

*--------Hết-------*

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

**Câu 1 (4 điểm)**

a. Yêu cầu về kĩ năng: (0.5 điểm)

- Học sinh biết viết một bài văn nghị luận xã hội về vấn đề tư tưởng, đạo lí, lối sống; có luận điểm rõ ràng, luận cứ xác thực, lập luận chặt chẽ.

- Trình bày khoa học, có tính thẩm mĩ, diễn đạt trôi chảy có yếu tố biểu cảm.

- Bài viết không mắc các lỗi dùng từ, diễn đạt, viết câu, chính tả; chữ viết rõ ràng, sạch đẹp.

b. Yêu cầu về kiến thức: ( 3,5 điểm)

- Bài làm đảm bảo các ý sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Phần** | **Nội dung** | **Điểm** |
|  | MB:  - Dẫn dắt giới thiệu vấn đề cần nghị luận  - Trích dẫn được quan niệm của Xuân Diệu | **0.25** |
| TB:  ***\* Giải thích:***  - Hai câu thơ trên đã thể hiện quan niệm sống của nhà thơ Xuân Diệu đó là *sống cần khẳng định bản thân mình, khẳng định vai trò và vị trí của mình* trước cuộc đời*.* | **0.25** |
| - Sẵn sàng chấp nhận đổi lấy giây phút rực rỡ huy hoàng cho dù đó chỉ là giây phút ngắn ngủi. Nhà thơ không chấp nhận cuộc sống mờ nhạt, âm thầm như những chiếc bóng. | **0.25** |
| ***\*Bàn luận:***  - Đây là một quan niệm sống tích cực, thể hiện ý thức về cái tôi cá nhân trước cộng đồng, vì: | **0.25** |
| + Sống khẳng định mình thể hiện ý chí, nghị lực và khát vọng vươn lên của mỗi người. | **0.25** |
| + Sống khẳng định mình sẽ đem lại ý nghĩa cho đời sống cá nhân mỗi người. | **0.25** |
| + Sống khẳng định mình là hành vi góp phần thúc đẩy sự tiến bộ và phát triển xã hội. | **0.25** |
| + Nếu cuộc sống này không có ước mơ, không có hoài bão và lí tưởng, con người chỉ tồn tại qua ngày thì cuộc sống ấy không còn ý nghĩa. Họ đang sống mòn, một cuộc đời thừa. | **0.25** |
| \****Chứng minh:***  - Hs có thể lấy dẫn chứng tiêu biểu trong đời sống, trong văn học để làm sáng tỏ quan điểm sống nêu trên. | **0.5** |
| ***\* Mở rộng vấn đề:***  - Tuy nhiên chúng ta cũng nên hiểu rằng sống khẳng định mình không có nghĩa là sống tự đề cao mình quá mức sẽ trở thành kiêu căng, ngạo mạn. Cũng không có nghĩa là làm những hành động kì quặc, điên rồ để được nổi tiếng.... | **0.5** |
| ***\* Bài học liên hệ bản thân:***  - Là hs em xác định quan điểm sống đúng đắn, cao đẹp: tích cực học tập và rèn luyện để mang lại vẻ vang cho gia đình, nhà trường, mai sau xây dựng quê hương đất nước... | **0.25** |
| KB:  - Khẳng định ý nghĩa của quan niệm sống.  - Đưa ra định hướng nhận thức và lời khuyên cho mọi người. | **0.25** |

**Câu 2 (6 điểm)**

1. Yêu cầu về kĩ năng: (0,5 điểm)

- Hiểu đúng yêu cầu của đề bài; biết cách làm bài nghị luận văn học dạng giải thích chứng minh ý kiến, nhận định.

- Bố cục rõ ràng, lập luận chặt chẽ.

- Bài viết không mắc các lỗi dùng từ, diễn đạt, viết câu, chính tả; chữ viết rõ ràng, sạch đẹp.

2. Yêu cầu về nội dung: (5,5 điểm)

- Học sinh có thể trình bày theo những cách khác nhau nhưng phải làm sáng tỏ vấn đề nghị luận. Dù triển khai theo trình tự nào cũng cần đạt được các ý sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Phần** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **MB** | - Giới thiệu tác giả tác phẩm.  - Dẫn lời nhận định | **0,5** |
| **TB** | **1. Giải thích nội dung nhận định:**  - Phụ nữ và trẻ em là những đối tượng chủ yếu trong các sáng tác của nhà văn Nguyên Hồng (hồi kí *Những ngày thơ* *ấu*, tiểu thuyết *Bỉ vỏ*, *Khi đứa con ra đời*…) | **0,25** |
| - Nhưng điều quan trọng là ông viết về họ bằng tất cả tấm lòng, tài năng và tâm huyết của một nhà văn chân chính. Mỗi trang viết của ông về phụ nữ và nhi đồng là sự đồng cảm mãnh liệt của người nghệ sĩ, dường như nghệ sĩ đã hòa nhập vào nhân vật mà thương cảm xót xa, đau đớn, hay sung sướng, hả hê cùng họ. | **0,25** |
| **2. Chứng minh.** (qua đoạn trích “ Trong lòng mẹ”)  **a. Nguyên Hồng là nhà văn của phụ nữ.**  ***\* Nhà văn đã thấu hiểu và đồng cảm sâu sắc cho nỗi bất hạnh của người phụ nữ:***  - *Thấu hiểu nỗi khổ về vật chất của người phụ nữ:* Sau khi chồng chết vì nợ nần cùng túng quá, mẹ Hồng phải bỏ đi tha hương cầu thực buôn bán ngược xuôi để kiếm sống. | **0,5** |
| - *Thấu hiểu nỗi đau đớn về tinh thần của người phụ nữ*: Dù khao khát yêu thương nhưng mẹ Hồng phải chấp nhận cuộc hôn nhân không tình yêu với một người đàn ông gấp đôi tuổi mình. Vì sự yên ấm của gia đình, người phụ nữ này phải sống âm thầm như một cái bóng bên người chồng nghiện ngập. Những thành kiến xã hội và gia đình khiến mẹ Hồng phải bỏ đi tha hương cầu thực, sinh nở vụng trộm dấu giếm. | **0,25** |
| ***\* Nhà văn còn ca ngợi vẻ đẹp tâm hồn, đức tính cao quý của người phụ nữ:***  *- Người phụ nữ giàu tình yêu thương con:* Gặp lại con sau bao ngày xa cách, mẹ Hồng xúc động nghẹn ngào. Trong tiếng khóc sụt sùi của người mẹ, người đọc như cảm nhận được nỗi xót xa ân hận cũng như niềm vui sướng vô hạn vì được gặp con. Bằng cử chỉ dịu dàng âu yếm xoa đầu, vuốt ve, gãi rôm…mẹ đã bù đắp cho Hồng những tình cảm thiếu vắng sau bao ngày xa cách. | **0,5** |
| *- Là người phụ nữ trọng tình nghĩa*: Dẫu chẳng mặn mà với người chồng đã mất nhưng gần đến ngày giỗ đầu của cha Hồng, không ai viết thư mẹ Hồng vẫn về để tưởng nhớ người đã khuất, làm trọn đạo làm vợ. | **0,25** |
| ***\* Nhà văn còn bênh vực, bảo vệ phụ nữ:***  Bảo vệ quyền bình đẳng, tự do, thông cảm với mẹ Hồng khi chưa đoạn tang chồng đã tìm hạnh phúc riêng. | **0,25** |
| **b.Nguyên Hồng là nhà văn của nhi đồng.**  ***\* Nhà văn thấu hiểu và đồng cảm sâu sắc cho nỗi khổ, nỗi bất hạnh của trẻ thơ:***  ***-*** *Nhà văn thấu hiểu nỗi thống khổ cả về vật chất lẫn tinh thần* : Cả thời thơ ấu của Hồng được hưởng những dư vị ngọt ngào thì ít mà khổ đau thì không sao kể xiết: Mồ côi cha, thiếu bàn tay chăm sóc của mẹ, phải ăn nhờ ở đậu người thân. Gia đình và xã hội không cho em được sống cuộc sống thực sự của trẻ thơ…(nghĩa là được sống trong tình yêu thương đùm bọc của cha mẹ, người thân). Nhà văn còn thấu hiểu cả những tâm sự đau đớn của chú bé khi bị bà cô xúc phạm… | **0,5** |
| ***\* Nhà văn trân trọng, ngợi ca phẩm chất cao quý của trẻ thơ:***  *- Tình yêu thương mẹ sâu sắc mãnh liệt*: Hồng luôn nhớ về mẹ. Chỉ mới nghe bà cô hỏi “Hồng, mày có muốn vào Thanh Hóa chơi với mợ mày không?” lập tức trong kí ức của Hồng trỗi dậy hình ảnh của người mẹ. | **0,25** |
| *- Hồng luôn tin tưởng, khẳng định tình cảm của mẹ dành* *cho mình*: Dẫu xa cách mẹ cả về thời gian và không gian, dù bà cô có độc địa đến đâu thì Hồng cũng quyết bảo vệ đến cùng tình cảm của mình dành cho mẹ. Hồng luôn luôn hiểu và cảm thông sâu sắc cho tình cảnh cũng như nỗi đau của mẹ. Trong khi xã hội và người thân hùa nhau tìm cách trừng phạt mẹ thì bé Hồng với trái tim bao dung và nhân hậu yêu thương mẹ sâu nặng đã nhận thấy mẹ chỉ là nạn nhân đáng thương của những cổ tục phong kiến kia. Em đã khóc cho nỗi đau của người phụ nữ khát khao yêu thương mà không được trọn vẹn. Hồng căm thù những cổ tục đó “Giá những cổ tục kia…thôi”. | **0,25** |
| *- Hồng luôn khát khao được gặp mẹ*: Nỗi niềm thương nhớ mẹ nung nấu tích tụ qua bao ngày tháng đã khiến tình cảm của đứa con dành cho mẹ như một niềm tín ngưỡng thiêng liêng thành kính. Trái tim Hồng như đang rớm máu, rạn nứt vì nhớ mẹ. Vì thế thoáng thấy người ngồi trên xe, em đã nhận ra mẹ, em vui mừng cất tiếng gọi mẹ mà bấy lâu em đã cất giấu ở trong lòng. | **0,5** |
| - *Sung sướng khi trở về trong lòng mẹ:* Lòng vui sướng được toát lên từ những cử chỉ vội vã bối rối từ giọt nước mắt giận hờn, hạnh phúc, tức tưởi, mãn nguyện ( HS phân tích một số dẫn chứng) | **0,25** |
| ***\* Nhà văn thấu hiểu những khao khát muôn đời của trẻ thơ:***  ***-*** Khao khát được sống trong tình yêu thương che chở của mẹ, được sống trong tình mẫu tử thiêng liêng cao đẹp. | **0,25** |
| **c. Đánh giá, khái quát:**  - Qua những trang viết của Nguyên Hồng, đặc biệt là qua đoạn trích “Trong lòng mẹ” người đọc cảm nhận được “*Nguyên Hồng là nhà văn của phụ nữ và nhi đồng”.* | **0,25** |
| **KB** | - Khẳng định lại vấn đề vừa chứng minh.  - Phát biểu cảm nghĩ: Trân trọng tấm lòng yêu thương, nhân hậu của nhà văn, trân trọng vẻ đẹp của người phụ nữ và trẻ em trong những trang văn của Nguyên Hồng… | **0,5** |

-----------Hết-------------

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |
|  | |

|  |
| --- |
| **ĐỀ 3:**  **ĐỀ THI HSG MÔN NGỮ VĂN 8**  **NĂM HỌC 2018 - 2019**  **Thời gian: 120 phút** |

**Câu 1 (3.0 điểm).** Tả cảnh đẹp Sa Pa, nhà văn Nguyễn Phan Hách đã viết:

*“Thoắt cái, lác đác lá vàng rơi trong khoảnh khắc mùa thu. Thoắt cái, trắng long lanh một cơn mưa tuyết trên những cành đào, lê, mận. Thoắt cái, gió xuân hây hẩy nồng nàn với những bông hoa lay ơn màu đen nhung hiếm quý.”*

*(Đường đi Sa Pa)*

Qua đoạn văn trên, em hãy cho biết:

a. Tác giả sử dụng biện pháp tu từ nào?

b. Tác dụng của những biện pháp tu từ đó?

**Câu 2 (7.0 điểm).**  “*Hãy hướng về phía mặt trời, bóng tối sẽ ngả về sau bạn*”

(*Danh ngôn Nam Phi* - Dẫn theo Quà tặng cuộc sống)

Trình bày suy nghĩ của em về câu danh ngôn trên.

**Câu 3 (10.0 điểm).**

Một trong những điểm sáng làm nên sức hấp dẫn của chương IV (Trích hồi ký *Những ngày thơ ấu* – Nguyên Hồng) là nhà văn đã miêu tả thành công những rung động cực điểm của một tâm hồn trẻ dại. Hãy chứng minh.

-------------------- Hết ----------------------

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **Câu 1** |  | **3.0** |
|  | - Biện pháp:  + Đảo ngữ: *lác đác* lá vàng rơi trong khoảnh khắc mùa thu*, trắng long lanh* một cơn mưa tuyết.  + Điệp từ: *thoắt cái*  - Tác dụng:  + Tác giả đã khéo léo sử dụng biện pháp nghệ thuật đảo ngữ để nhấn mạnh, để làm nổi bật vẻ đẹp nên thơ của cảnh sắc thiên nhiên và thời tiết ở Sa Pa.  + Đồng thời điệp từ “*thoắt cái*” tạo cho chúng ta cái cảm xúc đột ngột, ngỡ ngàng trước sự thay đổi nhanh chóng của thời tiết ở Sa Pa. Sự thay đổi nhanh chóng đến mức bất ngờ ấy khiến người đọc như lạc vàc một tiên cảnh vậy. | 0.5  0.5  1.0  1.0 |
| **Câu 2** |  | **7.0** |
|  | **\* Yêu cầu kỹ năng:** đáp ứng được yêu cầu của bài văn nghị luận.  Bố cục hợp lý, lập luận chặt chẽ, chữ viết rõ ràng, không mắc lỗi diễn đạt, dùng từ. | 1.0 |
| **\* Yêu cầu về kiến thức:** HS cần đáp ứng được một số ý chính sau:  *Giải thích:*  - Mặt trời: ánh sáng rực rỡ, vẻ đẹp; hướng về phía mặt trời: hướng về những điều tốt đẹp.  - Hãy hướng về phía mặt trời, bóng tối sẽ ngả về sau bạn: khi hướng về những điều tốt đẹp, những gì xấu xa, u ám, khó khăn (bóng tối) sẽ lùi lại phía sau.  - Lời khuyên về thái độ sống tích cực, lạc quan. | 1.5 |
| *Chứng minh:*  - Những điều tốt đẹp: lý tưởng, ước mơ, mục đích, việc làm hướng thiện,…  - Khi hướng về phía những điều tốt đẹp: con người có động lực, có mục đích, sự phấn chấn, niềm tin,…đó là sức mạnh giúp họ mau đi đến thành công.  - Liên hệ thực tế để chứng minh. | 3.0 |
| *Khẳng định, đánh giá, bàn bạc mở rộng, rút ra bài học cho bản thân:*  - Câu danh ngôn bao hàm một triết lý, một quan niệm nhân sinh tích cực, một lời khuyên đúng đắn: phải lạc quan, luôn tinh tưởng ở tương lai, ở mục đích sống tốt đẹp.  - Trong thực tế, có người thiếu niềm tin, không dám bước tới để hướng về phía mặt trời - những điều tốt đẹp. Họ dễ bị nhấn chìm trong bóng đêm của sự thất vọng, sợ hãi, trì trệ,…  - Cần rèn luyện cho mình có ý chí, niềm tin, kiến thức,…để có thể luôn hướng về phía mặt trời. | 1.5 |
| **Câu 3** |  | **10.0** |
|  | **\* Yêu cầu kỹ năng:** đáp ứng được yêu cầu của bài văn nghị luận.  Bố cục hợp lý, lập luận chặt chẽ, chữ viết rõ ràng, không mắc lỗi diễn đạt, dùng từ. | 0.5 |
| **\* Yêu cầu về kiến thức:**  **a. Mở bài:**  - Giới thiệu khái quát về tác giả, tác phẩm.  - Nêu nhận định trong đề bài | 0.75 |
| **b. Thân bài:** Chứng minh nhận định qua việc phân tích nhân vật bé Hồng.  - Lòng yêu th­ương mẹ tha thiết của bé Hồng: Xa mẹ, vắng tình thương, thiếu sự chăm sóc, lại phải nghe những lời rèm pha xúc xiểm của ng­ười cô độc ác như­ng tình cảm của bé Hồng h­ướng về mẹ vẫn mãnh liệt không bị “*những rắp tâm tanh bẩn xâm phạm đến”*. | 2.0 |
| - Sự căm thù những cổ tục đã đầy đoạ mẹ: Lòng căm ghét của bé Hồng đ­ược diễn đạt bằng những câu văn có nhiều hình ảnh cụ thể, gợi cảm và có nhịp điệu dồn dập tựa như­ sự uất ức của bé ngày một tăng tiến:*“Cô tôi nói ch­ưa dứt câu, cổ họng tôi đã nghẹn ứ khóc không ra tiếng. Giá những cổ tục đã đầy đoạ mẹ tôi là một vật nh­ư hòn đá, cục thuỷ tinh, đầu mẩu gỗ, tôi quyết vồ ngay lại mà cắn, mà nhai, mà nghiến cho kỳ nát vụn mới thôi”.* | 2.0 |
| - Khát khao gặp mẹ cháy bỏng: Ngòi bút của nhà văn đã thể hiện thành công đặc sắc khi miêu tả với ph­ương pháp so sánh: bé Hồng khát khao gặp mẹ như­ khát khao của ngư­ời bộ hành đi giữa sa mạc nghĩ về bóng râm và dòng n­ước mát. Hình ảnh chú bé phải xa mẹ lâu ngày, hơn nữa phải sống trong sự ghẻ lạnh của những ngư­ời xung quanh được miêu tả thật xúc động. | 2.0 |
| - Sự cảm động, sung s­ướng, bối rối khi gặp mẹ. Niềm hạnh phúc vô bờ khi ở trong lòng mẹ: Để tô đậm niềm sung s­ướng tột độ của em bé mất cha, xa mẹ lâu ngày, nay đư­ợc ngồi bên mẹ, lúc thì nhà văn miêu tả những cảm giác cụ thể: *“Tôi ngồi trên đệm xe, đùi áp vào đùi mẹ tôi, đầu ngả vào cánh tay mẹ … mơn man khắp da thịt*”, lúc thì xen những lời bình luận thấm đẫm chất trữ tình: “*phải bé lại*…”, khi thì nghĩ đến câu nói độc ác, đay nghiến của bà cô và bé Hồng tự nhủ “*không mảy may nghĩ ngợi gì nữa*.” bởi vì bé Hồng đ­ược gặp mẹ rất bất ngờ, niềm vui quá lớn. Nếu chính mình ch­ưa phải trải qua nỗi đau xa mẹ, chư­a có niềm sung s­ướng tột độ khi đ­ược gặp mẹ, chắc Nguyên Hồng khó có đ­ược những đoạn văn gây ấn t­ượng mạnh mẽ cho ngư­ời đọc nh­ư vậy. | 2.0 |
| **c. Kết bài:**  - Khẳng định lại nhận định trên. | 0.75 |

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**ĐỀ 4:**

|  |
| --- |
| **ĐỀ THI HSG NGỮ VĂN 8 HUYỆN**  **NĂM HỌC 2017-2018**  *Thời gian 120 phút không kể thời gian giao đề* |

**Câu 1.** *(1,5 điểm)*

Trình bày cảm nhận của em về hai câu thơ sau:

*“ Chiếc thuyền im bến mỏi trở về nằm*

*Nghe chất muối thấm dần trong thớ vỏ.”*

( *Quê hương*- Tế Hanh)

**Câu 2.** *(3,0 điểm)*

Trong truyện ngắn *“ Chiếc lá cuối cùng”* của O Hen-ri, hình ảnh chiếc lá thường xuân được cụ Bơ-men vẽ trên tường trong đêm mưa tuyết đã giữ lại được sự sống cho Giôn-xi trong lúc cô tuyệt vọng nhất.

Từ câu chuyện cảm động của các họa sĩ nghèo trong truyện ngắn trên, hãy bày *tỏ suy nghĩ của em về vai trò của tình thương trong cuộc sống bằng một bài văn.*

**Câu 3*.*** *(5,5 điểm)*

Đánh giá về văn bản “ Trong lòng mẹ” *( Chương IV)* trích trong thiên hồi kí

*“ Những ngày thơ ấu”* của nhà văn Nguyên Hồng, có ý kiến viết:

*“ Ở chương Trong lòng mẹ, có thể thấy chất trữ tình thấm đượm ở nội dung câu chuyện được kể; ở những cảm xúc căm giận, xót xa và yêu thương đều lên đến cao độ, thống thiết và ở cách thể hiện của tác giả.”*

Bằng hiểu biết của em về văn bản*,* hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.

*…………….…Hết…………………*

*(Cán bộ coi thi, không giải thích gì thêm)*

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung cần đạt** | **Điểm** |
| **Câu 1** |  | **1,5đ** |
|  | \* Hình thức: Học sinh cần viết thành bài văn hoặc đoạn văn cảm thụ có bố cục rõ ràng, diễn đạt lưu loát | 0,25 |
| \* Nội dung: HS nêu được các ý sau  - Hai câu thơ miêu tả chiếc thuyền nằm im trên bến sau khi vật lộn với sóng gió biển khơi trở về.  - Con thuyền cảm nhận thấy sự mệt mỏi, say sưa của nó. Con thuyền được nhân hóa như một sinh thể sống động, một vật vô tri trở nên có hồn, một tâm hồn rất tinh tế: con thuyền nằm yên lặng như đang nghỉ ngơi thư giãn sau một chuyến ra khơi vất vả trở về và như đang lắng nghe nghe vị muối mặn của biển khơi thấm dần trong thớ vỏ của nó. Cụm từ *im bến mỏi* vừa nói được sự nghỉ ngơi của con thuyền, vừa nói được vẻ yên lặng nơi bến đỗ.Chữ *“ nghe”* thể hiện sự chuyển đổi cảm giác rất tinh tế và thi vị. Cũng như người dân chài, con thuyền cũng thấm đẫm hương vị biển, thấy vị mặn mòi của biển đang râm ran trong cơ thể mình.  - Tâm hồn tinh tế, tài hoa, tấm lòng gắn bó sâu nặng với làng quê biển với cuộc sống lao động làng chài của nhà thơ | 0,25  0,75  0,25 |
| **Câu 2** |  | **3,0 đ** |
|  | ***\* Hình thức:***  - HS biết viết bài văn nghị luận xã hội ngắn đúng về hình thức, biết vận dụng một số thao tác lập luận để bày tỏ suy nghĩ, quan niệm của bản thân. |  |
| ***\* Nội dung:*** Cần đảm bảo một số ý sau  **- Mở bài :** Dẫn vấn đề từ câu chuyện của ba họa sĩ nghèo trong truyện “ Chiếc lá cuối cùng” của O Hen-ri để khẳng định tình yêu thương rất cần trong cuộc sống.  - **Thân bài** :  + **Giải thích**: Tình yêu thương là tình cảm tốt đẹp giữa con người với con người. Đó là sự sẻ chia, đồng cảm, yêu thương, giúp đỡ nhau… trong cuộc sống. Là tình cảm thiêng liêng xuất phát từ con tim.  + **Biểu hiện tình yêu thương trong cuộc sống**: Tình yêu thương có vô vàn hình trạng: Tình yêu thương bố mẹ dành cho con cái; anh chị em yêu thương nhau; bạn bè yêu thương nhau; tình yêu thương với những người quen biết và cả với những mảnh đời bất hạnh ngoài xã hội. Tình yêu thương được thể hiện qua sự giúp đỡ về vật chất, sự đồng cảm sẻ chia về tinh thần…  ***+ Bàn luận: Tình yêu thương có ý nghĩa và sức mạnh lớn lao***  - Tình yêu thương đem đến cho con người niềm vui, hạnh phúc, cao hơn là mang lại sự sống, sự cảm hóa kì diệu, tiếp thêm sức mạnh để con người vượt qua mọi thử thách, khó khăn. **( Dẫn chứng)**  - Tình yêu thương làm cho cuộc sống tốt đẹp hơn, giúp con người gần nhau hơn. **( Dẫn chứng)** | 0,25 |
| **-** Một con người biết yêu thương chính là người có nhân cách đẹp. Thật đáng sợ khi thế giới chỉ có sự hận thù, chiến tranh và sự vô cảm.  ***\*Mở rộng***  - Phê phán những kẻ sống ích kỉ, thờ ơ vô cảm với nỗi đau của đồng loại.  - Tình yêu thương không phải có sẵn trong mỗi con người, nó chỉ có khi con người có ý thức nuôi dưỡng. Và tình yêu thương phải trong sáng, không vụ lợi mới có ý nghĩa.  - Bài học nhận thức và hành động: Sống biết yêu thương, chia sẻ…biết trân trọng tình yêu thương của người khác dành cho mình. |  |
|  | **- Kết bài :** Khẳng định lại tình yêu thương là tình cảm không thể thiếu trong cuộc sống con người. | 0,25 |
| **Câu 3** |  | **5,5 đ** |
|  | **\* Mở bài:**  -Giới thiệu vấn đề nghị luận: Chất trữ tình trong văn bản ***“ Trong lòng mẹ***”  - Dẫn ý kiến | **0,25** |
| **\* Thân bài:**  **1.Giải thích:**  - Chất trữ tình (hay còn gọi là chất thơ) trong tác phẩm văn học được thể hiện khá đa dạng ở nhiều yếu tố. Trong tác phẩm, thơ chất trữ tình là những cảm xúc, rung động của tác giả trước cái đẹp của tạo vật, con người.Trong văn xuôi, chất trữ tình được thể hiện chủ yếu trong lời kể ( cách thể hiện), cách sử dụng ngôn ngữ chọn lọc, trau chuốt, giàu cảm xúc và nhạc tính…  => Văn bản *“Trong lòng mẹ”* là một văn bản hồi kí thấm đẫm chất trữ tình. Chất trữ tình ấy được thể hiện ở nội dung câu chuyện được kể; trong dòng cảm xúc, tâm trạng của nhân vật và ở cách thể hiện của nhà văn. | **0,5** |
| **2. Chứng minh**  **a. Luận điểm 1: Chất trữ tình thấm đẫm trong nội dung câu chuyện được kể.**  Nội dung câu chuyện đó là hoàn cảnh đáng thương của mẹ con bé Hồng.  -Mẹ bé Hồng phải âm thầm chịu đựng những cay đắng, những thành kiến tàn ác, rồi nợ nần, cùng túng phải tha hương, cầu thực.  - Chú bé Hồng ra đời là kết quả của một cuộc hôn nhân không có tình yêu . Cha cờ bạc, nghiện ngập rồi mất sớm. Mẹ vì những thành kiến tàn ác, nợ nần cùng túng phải tha hương, cầu thực. Bé Hồng phải sống trong sự ghẻ lạnh của họ hàng bên nội, thiếu thốn tình yêu thương, luôn khao khát gặp mẹ mà luôn bị bà cô tìm mọi cách chia cắt tình mẹ con.  => Cuộc sống đầy bi kịch của một người phụ nữ; tuổi thơ cay đắng, tủi cực, của một đứa trẻ đã được nhà văn Nguyên Hồng thể hiện cảm động trong trang văn đã gây ấn tượng sâu sắc trong lòng người đọc. | **1,0** |
|  |  |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **b. Luận điểm 2**: **Chất trữ tình thấm đẫm trong dòng cảm xúc, tâm trạng phong phú của chú bé Hồng.**  Qua những dòng hồi kí, người đọc như cảm thấu được mọi cung bậc cảm xúc: đau đớn, tủi hận, xót xa, căm giận, yêu thương, hạnh phúc, sung sướng…của bé Hồng đều đến cao độ, thống thiết.  ***\* Trước hết, những cảm xúc ấy ở bé Hồng được thể hiện trong cuộc trò chuyện với bà*** ***cô***: Cuộc trò chuyện là màn đối thoại đầy kịch tính thúc đẩy tâm trạng nhân vật đến những diễn biến phực tạp, căng thẳng cao độ.  - Khi người cô hỏi Hồng có muốn vào Thanh Hóa chơi với mẹ không, với lòng mong mỏi được gặp mẹ, Hồng toan trả lời có nhưng nhận ra những ý nghĩ cay độc trong giọng nói và nét mặt rất kịch của bà cô, Hồng cúi đầu không đáp rồi lại cười đáp“ không”. Khi bà cô vẫn ngọt ngào “ Mày dại quá…thăm em bé chứ”, lòng bé thắt lại, khóe mắt cay cay, nước mắt ròng ròng …rồi chan hòa đầm đìa ở cằm, ở cổ…cười dài trong tiếng khóc. Các từ *rớt, ròng ròng, chan hòa, đầm đìa* cùng một trường nghĩa , miêu tả giọt nước mắt đau đớn của bé Hồng vì thương mẹ đến vô hạn. Nỗi đau bé âm thầm cố kìm nén đã vỡ ra thành nước mắt.  - Từ nỗi đau vì thương mẹ, Hồng căm giận những cổ tục đã đày đọa mẹ qua hình ảnh so sánh dữ dội: *Giá những cổ tục đã đày đọa mẹ tôi là một vật như hòn đá hay cục thủy tinh, đầu mẩu gỗ, tôi quyết vồ ngay lấy mà cắn, mà nhai, mà nghiến cho kì nát vụn mới thôi.*  Nhà văn đã sử dụng những động từ chỉ hành động mạnh: Vồ, cắn, nhai, nghiến với sắc thái biểu cảm ngày càng tăng khiến lời văn dường như sôi sục, tuôn trào đặc tả tâm trạng phẫn uất, căm giận cao độ của bé Hồng với những thành kiến vô hình đã làm khổ mẹ Hồng. Qua đó, ta càng thấu hiểu tình yêu thương mẽ mãnh liệt của Hồng.  ***\*Đặc biệt, những cảm xúc của bé Hồng được thể hiện khi gặp mẹ:*** Có thể nói những cảm xúc, tâm trạng và những rung động về mẹ của Hồng đã đến độ cực điểm qua ngòi bút miêu tả của nhà văn.  - Khi thoáng thấy bóng người ngồi trên xe kéo giống mẹ : Cảm giác bối rối, hồi hộp đến nghẹn ngào của Hồng khi vừa tan trường ra nhìn thấy người ngồi trên xe kéo giống mẹ, Hồng đuổi theo gọi bối rối: *Mợ ơi! Mợ ơi!*  *Mợ ơi!*. Khi đuổi kịp xe, bé thở hồng hộc, trán đẫm mồ hôi, ríu cả chân lại vì mừng, sung sướng, vội vã đến cuống quýt .  -Khi được gặp mẹ, Hồng thấy như quá đột ngột, niềm hạnh phúc được gặp mẹ khiến em bất ngờ không dám tin để nghĩ rằng: *Nếu người quay lại ấy là người khác….Và cái lầm đó không những làm cho tôi thẹn mà còn tủi cực nữa, chẳng khác gì cái ảo ảnh của một dòng nước trong suốt chảy dưới bóng râm đã hiện ra trước con mắt gần rạn nứt của người bộ hành gã gục giữa sa mạc.*  Cách nói so sánh chính xác đã cực tả tâm lí của bé Hồng: hoặc là sung sướng tột đỉnh nếu người ngồi trên xe kéo là mẹ, hoặc thất vọng, đau dớn đến tột cùng nếu em nhìn lầm. Qua đó,thể hiện tình yêu mẹ tha thiết trong lòng chú bé.  -Khi được ngồi trên xe cùng mẹ, Hồng òa khóc nức nở. Nhưng đó không phải là những giọt nước mắt đau đớn mà là những giọt nước mắt của niềm vui, sung sướng tột cùng khi được gặp mẹ.  - Khi được nằm trong lòng mẹ, được tận mắt nhìn thấy mẹ,Hồng có cảm nhận về mẹ *gương* *mặt mẹ tôi vẫn tươi sáng đôi mắt trong và nước da mịn, làm nổi bật màu hồng của hai* *gò má*. Tức là, Hồng thấy mẹ vẫn đẹp chứ không còm cõi, xơ xác như lời người cô.  Không chỉ vậy, Hồng còn có những cảm giác: *Tôi thấy những cảm giác ấm áp đã bao lâu mất đi bỗng lại mơn man khắp da thịt, hơi quần áo của mẹ tôi và những hơi thơ ở khuôn miệng xinh xắn nhai trầu phả ra thơm tho lạ thường.*  Ngôn ngữ của Nguyên Hồng đã diễn tả chính xác, tinh tế những cảm xúc, những rung động cực điểm của một người con xa mẹ, nhớ mẹ, bao ngày mong ngóng nay được gặp mẹ. Được sống trong tình yêu thương của mẹ, Hồng lại khao khát: *Phải bé lại lăn vào lòng một người mẹ, áp mặt vào bầu sữa nóng của người mẹ, để bàn tay của người mẹ vuốt ve, gãi rôm ở sống lưng cho, mới thấy người mẹ có một êm dịu vô cùng.*  thiên nhiên. Đó chính là những rung động chỉ có được ở người con thiết tha yêu kính mẹ.Đó cũng chính là cộng hưởng của cảm xúc, của nỗi khao khát bao ngày được sống trong lòng mẹ.  ***Lưu ý: Ở luận điểm này học sinh có thể chia nhỏ ý để phân tích miễn là làm nổi bật được các cung bậc cảm xúc của bé Hồng.*** | **2,0** |
| **b. Luận điểm 3**: **Chất trữ tình thấm đẫm trong lời kể của nhà văn**  - Kết hợp hài hòa giữa kể, bình luận và bộc lộ cảm xúc.  *“Phải bé lại lăn vào lòng một người mẹ, áp mặt vào bầu sữa nóng của người mẹ, để bàn tay của người mẹ vuốt ve, gãi rôm ở sống lưng cho, mới thấy người mẹ có một êm dịu vô cùng”*  - Xây dựng những hình ảnh so sánh độc đáo:  + Hình ảnh so sánh viết về tâm trạng phẫn uất, căm giận cao độ của bé Hồng với những thành kiến vô hình đã làm khổ mẹ.  *Giá những cổ tục đã đày đọa mẹ tôi là một vật như hòn đá hay cục thủy tinh, đầu mẩu gỗ, tôi quyết vồ ngay lấy mà cắn, mà nhai, mà nghiến cho kì nát vụn mới thôi.*  + Hình ảnh so sánh viết về sự khát khao được gặp mẹ của Hồng khi vừa ở trường ra:  *Nếu người quay lại ấy là người khác….Và cái lầm đó không những làm cho tôi thẹn mà còn tủi cực nữa, chẳng khác gì cái ảo ảnh của một dòng nước trong suốt chảy dưới bóng râm đã hiện ra trước con mắt gần rạn nứt của người bộ hành gã gục giữa sa mạc….*  -Lời văn nhiều khi say mê khác thường như được viết trong dòng cảm xúc mơn man, dạt dào, đặc biệt là đoạn cuối văn bản:  *“Tôi thấy những cảm giác ấm áp đã bao lâu mất đi bỗng lại mơn man khắp da thịt, hơi quần áo của mẹ tôi và những hơi thơ ở khuôn miệng xinh xắn nhai trầu phả ra thơm tho lạ thường.”*  *“Phải bé lại lăn vào lòng một người mẹ, áp mặt vào bầu sữa nóng của người mẹ, để bàn tay của người mẹ vuốt ve, gãi rôm ở sống lưng cho, mới thấy người mẹ có một êm dịu vô cùng”* | **1,0** |
|  | **3. Đánh giá**  - Khẳng định chất trữ tình trong văn bản Trong lòng mẹ thấm đượm ở nội dung truyện, ở nghệ thuật kể chuyện của nhà văn.  - Chất trữ tình ấy không chỉ thể hiện tài năng, phong cách sáng tác của Nguyên Hồng, tấm lòng nhân đạo thống thiết xuất phát từ cuộc đời đầy cay đắng của nhà văn mà còn khẳng định giá trị của tác phẩm. | **0,5** |
|  | **\* Kết bài:** -Khẳng định lại giá trị của văn bản: Trang hồi kí thực sự là tiếng lòng của nhà văn vọng về từ một thời thơ ấu nên nó sẽ còn lay động mãi tới tất cả trái tim bạn đọc.  - Bày tỏ suy nghĩ. | **0,25** |

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**ĐỀ 5:**

**ĐỀ THI HỌC SINH GIỎI MÔN NGỮ VĂN 8 HUYỆN**

**NĂM HỌC 2018 – 2019**

**Thời gian: 120 phút**

**ĐỀ BÀI**

**Câu 1 (4 điểm)**

Viết một bài văn nghị luận trình bày suy ngĩ của em về điều được gợi ra từ hình ảnh sau:



*Cô học trò 8 năm cõng bạn đến trường, Báo Pháp luật Việt Nam.*

**Câu 2 (6 điểm):**

**Trong văn học hiện đại nước ta, có không ít các nhà văn đã thể hiện thành công vẻ đẹp tình mẫu tử, nhưng có lẽ chưa có nhà văn nào diễn tả tình mẹ con một cách chân thật, sâu sắc và thấm thía như Nguyên Hồng. Đằng sau những dòng chữ, những câu văn là những *“rung động cực điểm của một linh hồn trẻ dại****”* (Thạch Lam).

Qua đoạn trích Trong lòng mẹ ( Trích *Những ngày thơ ấu* của Nguyên Hồng) em hãy làm sáng tỏ nhận định trên.

---Hết---

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

**A.YÊU CẦU CHUNG**

- Giám khảo phải nắm được nội dung trình bày trong bài làm của thí sinh, tránh đếm ý cho điểm. Vận dụng linh hoạt Hướng dẫn chấm, sử dụng nhiều mức dộ điểm một cách hợp lí, khuyến khích những bài viết có cảm xúc, sáng tạo.

- Học sinh có thể làm bài theo nhiều cách khác nhưng nếu đáp án những yêu cầu cơ bản của đề, diễn đạt tốt vẫn cho đủ điểm.

- Điểm bài thi có thể cho lẻ đến 0,25 điểm và không làm tròn.

**B. YÊU CẦU CỤ THỂ**

**Câu 1 (4 điểm)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CÂU** | **YÊU CẦU** | **ĐIỂM** |
| **Câu 1** | **Viết một bài văn nghị luận trình bày suy ngĩ của em về điều được gợi ra từ hình ảnh trên:** | **4,0** |
|  | 1. **Về kĩ năng:**   Biết cách viết bài văn nghị luận xã hội, bố cục rõ ràng, lập luận chặt chẽ, có sức thuyết phục, văn viết mạch lạc, trong sáng, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu.   1. **Về kiến thức**   HS có thể trình bày theo nhiều cách nhưng cần đảm bảo các ý cơ bản sau: |  |
|  | \* Những điều có thể được gợi ra từ hình ảnh trong đề:   * + Tình bạn, tình yêu thương, chia sẻ, giúp đỡ bạn bè   + Đôi bạn cùng tiến   + Tình thương người, lòng nhân ái   + Nghị lực   + Tinh thần hiếu học...   Sau khi lựa chọn được vấn đề nghị luận, HS cần tiến hành làm bài luận theo các yêu cầu cơ bản của một bài luận thông thường:   * + Giải thích vấn đề   + Khẳng định vấn đề   + Lý giải vấn đề   + Lấy dẫn chứng cho vấn đề   + Bàn bạc mở rộng vấn đề   + Nêu bài học nhận thức, hành động | 0,5  0,5  0,5  0,5  0,5  0,5 |
|  | \* Riêng bài làm nêu được đa dạng các vấn đề gợi ra từ bức ảnh, sau đó biết lựa chọn bàn một hoặc một số vấn đề trọng tâm, văn viết có các tính, sáng tạo, giọng văn nghị luận sắc sảo... người chấm sẽ cân nhắc cho nốt khung 1 điểm còn lại. | 1,0 |
| **Câu 2** | **Trong văn học hiện đại nước ta, có không ít các nhà văn đã thể hiện thành công vẻ đẹp tình mẫu tử, nhưng có lẽ chưa có nhà văn nào diễn tả tình mẹ con một cách chân thật, sâu sắc và thấm thía như Nguyên Hồng. Đằng sau những dòng chữ, những câu văn là những *“rung động cực điểm của một linh hồn trẻ dại****”* (Thạch Lam).  Qua đoạn trích Trong lòng mẹ ( Trích *Những ngày thơ ấu* của Nguyên Hồng) em hãy làm sáng tỏ nhận định trên. | **6,0** |
|  | **a. Về kĩ năng:**  - Hiểu đúng yêu cầu của đề, có kĩ năng làm bài nghị luận văn học. Biết kết hợp nhuần nhuyễn các phép lập luận đã học, vận dụng tích hợp liên môn  - Có kĩ năng xây dựng luận điểm đúng đắn, sáng tỏ, dẫn chứng chọn lọc, lý lẽ thuyết phục, không mắc lỗi chính tả và lỗi diễn đạt.  - Văn viết trong sáng, có cảm xúc, thể hiện được năng lực cảm nhận sâu sắc.  **b.Về kiến thức (5 điểm):**  HS có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng cần đảm bảo các ý cơ bản sau: | 1,0 |
|  | **\* Giới thiệu vấn đề cần nghị luận.**  **\* Khẳng định vấn đề:** Có nhiều nhà văn viết về tình mẫu tử nhưng có lẽ chưa có nhà văn nào diễn tả tình mẹ con một cách chân thật, sâu sắc và thấm thía như Nguyên Hồng bởi nhà văn đã viết bằng trái tim, chính cuộc đời và sự trải nghiệm của bản thân...  **\* Chứng minh vấn đề:**  - Chứng minh tình cảm của cậu bé Hồng dành cho mẹ kết hợp với làm rõ ý của Thạch Lam: Những rung động cực điểm của một linh hồn trẻ dại.  + Tình cảm Hồng dành cho mẹ đã chiến thng những rắp tâm thâm độc và đầy toan tính ở bà cô ruột của Hồng. *( Cần phân tích những trạng thái cảm xúc, diễn biến tâm lý của Hồng trong cuộc trò chuyện với người cô để thấy sự chin chắn cũng như một tình cảm mãnh liệt không gì làm thay đổi được mà em dành cho mẹ)*  + Tình cảm ấy biểu hiện mãnh liệt bằng việc căm thù cực điểm những thế lực đã đầy đọa mẹ mình.  + Tình cảm mà Hồng dành cho mẹ thể hiện qua lỗi khát khao, mong nhớ đến cực điểm *(qua chi tiết so sánh nỗi khao khát gặp mẹ như người bộ hành trên sa mạc cần nước để duy trì sự sống)*  + Tình cảm của Hồng với mẹ hay những rung động cực điểm của một linh hồn trẻ dại được thể hiện một cách chân thực trong cuộc hội ngộ của Hồng với mẹ *( Những cảm nhận chân thực khi được ở trong lòng mẹ...)*  - Tình cảm của mẹ dành cho Hồng: người mẹ phải xa quê không phải vì không yêu con. Vượt qua mọi đắng cay, ngang trái của đời bà vẫn mong nhớ, vẫn về bên con...  - Khái quát thành công về nghệ thuật: xây dựng tình huống, miêu tả diễn biến tâm lý nhân vật, nghệ thuật đối lập, xây dựng lời thoại...  - Khẳng định:  + Sự bất diệt của tình mẫu tử.  + Giá trị hiện thực, giá trị nhân đạo của đoạn trích.  *\* Lưu ý: Người chấm cần phân biệt rõ bài làm biết xây dựng luận điểm, chứng minh luận điểm để làm sáng tỏ đề bài ( dù chứng minh nông hay sâu, đủ ý hay chưa đủ ý... nhưng có ý thức biện luận), với bài phân tích tác phẩm thông thường. Nếu chỉ phân tích tác phẩm thông thường thì chưa có kĩ năng làm bài nghị luận văn học* | 0,5  0,5  0,5  0,5  0,5  0,5  1,0  0,5  0,25  0,25 |

---Hết---

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**ĐỀ 6:**

**KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI CẤP HUYỆN**

**NĂM HỌC 2019-2020**

**MÔN THI: NGỮ VĂN 8**

**I. Đọc hiểu (4,0 điểm)**

***Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:***

*Bạn không nên để thất bại ngăn mình tiến về phía trước. Hãy suy nghĩ tích cực về thất bại và rút ra kinh nghiệm. Thực tế những người thành công luôn dùng thất bại như là một công cụ để học hỏi và hoàn thiện bản thân. Họ có thể nghi ngờ phương pháp làm việc đã dẫn họ đến thất bại nhưng không bao giờ nghi ngờ khả năng của chính mình.*

*Tôi xin chia sẻ với các bạn về câu chuyện về những người đã tìm cách rút kinh nghiệm từ thất bại của mình để đạt được những thành quả to lớn trong cuộc đời.*

*Thomas Edison đã thất bại gần 10.000 lần trước khi phát minh thành công bóng đèn điện. J.K.Rowling, tác giả của “Harry Potter”, đã bị hơn 10 nhà xuất bản từ chối bản thảo tập 1 của bộ sách. Giờ đây, bộ tiểu thuyết này của bà trở nên vô cùng nổi tiếng và đã được chuyển thể thành loạt phim rất ăn khách. Ngôi sao điện ảnh Thành Long đã không thành công trong lần đóng phim đầu tiên ở Hollywood. Thực tế bộ phim Hollywood đầu tay của anh, thất vọng lắm chứ, nhưng điều đó cũng đâu ngăn được anh vùng lên với những phim cực kì ăn khách sau đó như “Giờ cao điểm” hay “Hiệp sĩ Thượng Hải”.*

*Thất bại không phải là cái cớ để ta chần chừ. Ngược lại nó phải là động lực tiếp thêm sức mạnh để ta vươn tới thành công.*

(Trích ***Tại sao lại chần chừ?***, Tác giả Teo Aik Cher, Người dịch: Cao Xuân Việt Khương, An Bình, NXB Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh, 2016, tr 39,40)

**Câu 1**. Chỉ ra mặt tích cực của thất bại mà “người thành công luôn dùng” được nêu trong đoạn trích.

**Câu 2.** Theo anh/ chị, “*suy nghĩ tích cực về thất bại*” được nói đến trong đoạn trích được hiểu là gì?

**Câu 3.** Việc tác giả trích dẫn các câu chuyện của *Thomas Edison, J.K.Rowling, Ngôi sao điện ảnh Thành Long* có tác dụng gì?

**Câu 4.** Anh/ chị có cho rằng trong cuộc sống thất bại luôn “*là cái cớ để ta chần chừ*” không? Vì sao?

**II. Làm văn (16,0 điểm)**

***Câu 1(6 điểm):*****THẦN GIÓ VÀ THẦN MẶT TRỜI**

Sau khi gây ra thiên tai, bão táp làm đổ sập nhà cửa, cây cối, Thần Gió càng lúc càng tỏ ra ngạo mạn. Một hôm Thần Gió tranh cãi với Mặt Trời xem ai là kẻ mạnh nhất. Nhìn xuống mặt đất, thấy một khách bộ hành khoác chiếc áo tơi đang đi, Mặt Trời bảo: "Chẳng cần cãi nhau làm gì, hễ ai làm cho người khách bộ hành kia phải cởi chiếc áo ra sẽ thắng cuộc và là kẻ mạnh nhất!"   
 Thần Gió bắt đầu dương oai, thổi làm cát bụi bốc lên mù mịt, cây cối đổ rạp. Những cơn cuồng phong liên tiếp nổi lên, kèm với cái lạnh buốt da, buốt thịt. Tuy nhiên, gió càng lớn chừng nào thì người bộ hành càng cố giữ chặt chiếc áo tơi của mình, làm cho Thần Gió không cách nào lột được chiếc áo kia ra.   
 Đến phiên Mặt Trời, từ trong đám mây đen, Mặt Trời từ từ ló dạng. Những tia nắng vàng tỏa ra khắp nơi, làm người bộ hành cảm thấy ấm áp, thoải mái. Mặt Trời càng lúc càng nóng ấm. Thế rồi người bộ hành tự động cởi bỏ chiếc áo tơi vô dụng kia ra.

*(Theo “Hạt giống tâm hồn”).*

Hãy trình bày suy nghĩ của em từ câu chuyện trên bằng bài văn ngắn?

***Câu 2 (10 điểm).***

Có ý kiến cho rằng: “ Bé Hồng sống trong cay đắng, tủi cực, nhưng trong tâm hồn cậu bé luôn ẩn chứa một tình yêu thương mẹ mãnh liệt”.

Qua đoạn trích “Trong lòng mẹ” (Trích “*Những ngày thơ ấu”* của Nguyên Hồng). Em hãy làm sáng tỏ ý kiến trên?

-------- --------- Hết-----------------------

**HƯỚNG DẪN CHẤM – BIỂU ĐIỂM.**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần I** |  | **Yêu cầu** | **Điểm** |
| **Câu** |  |  | **4,0** |
|  | **1** | Những người thành công luôn dùng thất bại như là một công cụ để học hỏi và hoàn thiện bản thân. | ***1*** |
| **2** | “*Suy nghĩ tích cực về thất bại*” được nói đến trong đoạn trích được hiểu là: Thất bại không phải là bước cản mà là động lực để đi tới thành công. | ***1*** |
| **3** | * Việc tác giả trích dẫn các câu chuyện của *Thomas Edison, J.K.Rowling, Ngôi sao điện ảnh Thành Long* có tác dụng: * + Nhấn mạnh ý nghĩa tích cực của thất bại đối với thành công của mỗi người. * + Câu chuyện của *Thomas Edison, J.K.Rowling, Ngôi sao điện ảnh Thành Long* đều là người thật, việc thật được nhiều người biết đến như những “tấm gương sống” nên có giá trị thuyết phục cao cho luận điểm được nêu. | ***1,0*** |
| **4** | * Học sinh có thể đưa ra quan điểm cá nhân, đồng tình hoặc không đồng tình nhưng phải lý giải vì sao. * *Gợi ý:* * - Trong thực tế cuộc sống thất bại nhiều khi đúng là “*cái cớ để ta chần chừ*”. Vì nhiều người thường chùn bước trước khó khăn, cản trở hay vấp ngã; không tự tin vào năng lực bản thân; thấy chán nản,… * - Tuy nhiên *Thất bại không phải là cái cớ để ta chần chừ. Ngược lại nó phải là động lực tiếp thêm sức mạnh để ta vươn tới thành công.* Vì: * + Không có con đường nào đi tới thành công mà dễ dàng, luôn có những khó khăn thử thách nếu ta coi thất bại chỉ như một thử thách, ranh giới cần vượt qua; * + Thực tế chứng minh nhiều người thành công sau thất bại; * + Thất bại còn như một phép thử, là thước đo cho ý chí, nghị lực và lý tưởng, năng lực của bản thân. | ***1,0*** |

**II. Làm văn (16,0 điểm)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu 1 :**  ***(6 điểm)*** | - ***Yêu cầu về kĩ năng (1 điểm):*** Kiểu bài văn nghị luận ngắn, bố cục rõ ràng, mạch lạc. lập luận chặt chẽ, lôgíc. Lời văn trong sáng, dễ hiểu, chú ý lỗi chính tả…  ***- Yêu cầu về kiến thức:*** (***5 điểm)*** Nội dung đảm bảo các ý sau:  + Tóm tắt câu chuyện: Thần Gió dùng sức mạnh, uy lực của mình đe dọa làm người bộ hành sợ, với sức mạnh ấy có thể kéo chiếc áo rời khỏi người bộ hành, nhưng sức mạnh ấy không thể làm được điều đó. Còn Thần Mặt Trời bằng những tia nắng ấm áp tỏa ra, làm người bộ hành cảm thấy thoải mái, ấm quá mà tự cởi chiếc áo ra khỏi người không cần một sức mạnh nào cả. Cho nêu câu chuyện cho ta bài học ý nghĩa: *Tình yêu thương bao giờ cũng mạnh hơn vũ lực.* (1 điểm).  + Khái niệm: - Tình yêu thương là tình cảm mà chúng ta không thể đo đếm, cảm nhận bằng tay chân. Tình cảm ấy xuất phát từ tâm hồn và cũng chỉ cảm nhận được bằng tâm hồn của mỗi con người. (0.5 điểm).  + Vũ lực là hành vi sử dụng sức mạnh thể chất với mục đích gây thương vong, tổn hại một ai đó, hay một nhóm người, một cộng đồng người. (0,5 điểm).  + Tình yêu thương có ý nghĩa, vai trò vô cùng lớn lao. Trước hết, tình yêu thương chính là cầu nối, giúp con người tiến lại gần nhau hơn, cùng sẽ chia, vượt qua cơn hoạn nạn, khó khăn trong cuộc sống (dẫn chứng). (1,0 điểm).  + Biểu hiện của tình yêu thương: Sự bao dung, quan tâm, chia sẻ, động viên, giúp đỡ, …. Không ai biết tình yêu thương có từ bao giờ nhưng tình cảm ấy đã trở thành một phần không thể thiếu trong tâm hồn của mỗi con người. (0.5 điểm).  + Lên án, phê phán những hành vi vũ lực đối với người khác. (0,5 điểm).  + Liên hệ bản thân: Chúng ta cần sống thân thiện, bình đắng, biết yêu thương, tôn trọng người khác…(1 điểm).  *( HS có thể xây dựng hệ thống luận điểm làm rõ ý nghĩa câu chuyện, khuyến khích bài viết sáng tạo, nêu cảm nhận sâu sắc của bản thân từ câu chuyện).* |
| **Câu 2:**  ***(10 điểm)*** | **A.Yêu cầu về kĩ năng:**  - Biết cách làm bài nghị luận chứng minh một nhận định về một tác phẩm văn học.  - Các em phải biết lập luận chặt chẽ, dùng lý lẽ sắc sảo, dẫn chứng phong phú, cụ thể để làm sáng tỏ vấn đề.  - Hiểu đúng vấn đề, bố cục mạch lạc, hệ thống luận điểm lôgíc, diễn đạt mạch lạc, quan tâm đến lối viết câu và lỗi chính tả.  - Bố cục bài văn chặt chẽ, phân chia đoạn hợp lý, lời văn trong sáng, dễ hiểu; giữa các phần cần có sự liên kết.  ***B.* Yêu cầu về kiến thức:**  ***a. Mở bài: (1 điểm).***  Giới thiệu nhân bé Hồng trong đoạn trích *Trong lòng mẹ* với hai đặc điểm:  - Những cay đắng, tủi cực thời thơ ấu;  - Tình yêu thương cháy bỏng đối với người mẹ bất hạnh.  **b*. Thân bài: (8 điểm).***  Lần lượt làm sáng tỏ từng luận điểm.  *1. Những cay đắng, tủi cực của bé Hồng*(3 điểm).  - Bố mất, mẹ vì *“cùng túng quá, phải bỏ con cái đi tha hương cầu thực”*, bé Hồng sống bơ vơ giữa sự ghẻ lạnh, cay nghiệt của họ hàng.  - Bị bà cô độc ác gieo rắc vào đầu óc những hoài nghi, những ý nghĩ xấu xa, về người mẹ.  - Bị người cô nhục mạ, hành hạ, bé Hồng *đau đớn, cổ họng nghẹn ứ khóc không ra tiếng, cười dài trong tiếng khóc…*  *2. Tình yêu thương mãnh liệt của bé Hồng với người mẹ bất hạnh*(5 điểm).  - Những ý nghĩ, cảm xúc của chú bé khi trả lời người cô:  + Nhận ra ý nghĩa cay độc trong giọng nói và trên nét mặt của người cô; không muốn tình thương yêu và lòng kính mến mẹ bị những rắp tâm tanh bẩn xâm phạm đến..  + Đau đớn, uất ức đến cực điểm vì cổ tục đã hành hạ, đầy đọa mẹ: *“Giá những cổ tục đã đầy đọa mẹ tôi là một vật như hòn đá hay cục thủy tinh, đầu mẩu gỗ, tôi quyết vồ ngay lấy mà cắn, mà nhai, mà nghiến cho kì nát vụn mới thôi”.*  - Cảm giác sung sướng cực điểm khi ở trong lòng mẹ:  + Chạy đuổi theo chiếc xe. Vừa được ngồi lên xe cùng mẹ đã òa lên khóc nức nở(1 điểm).  + Cảm giác sung sướng đến cực điểm của bé Hồng khi ở trong lòng mẹ là hình ảnh về một thế giới đang bừng nở, đang hồi sinh của tình mẫu tử. Vì thế, những lời cay độc của người cô cũng bị chìm ngay đi, bé Hồng không mảy may nghĩ ngợi gì nữa…  + Đoạn trích *Trong lòng mẹ*, đặc biệt là phần cuối là bài ca chân thành và cảm động về tình mẫu tử thiêng liêng, bất diệt.  *Lưu ý: Học sinh có thể có những cách chứng minh, làm sáng tỏ vấn đề khác nhau nhưng vẫn đầy đủ, hợp lí thì vẫn cho điểm tối đa.*  ***c. Kết bài: (1 diểm).***  - Khẳng định vấn đề đã chứng minh:  Đoạn trích *Trong lòng mẹ* đã kể lại một cách chân thực và cảm động những cay đắng, tủi cực cùng tình yêu thương mãnh liệt của nhà văn thời thơ ấu đối với người mẹ bất hạnh.  - Nêu thái độ, tình cảm của người viết:  Hồi kí thấm đẫm chất trữ tình. Cách nhìn nhận, đánh giá con người và sự việc và đặc biệt là tình cảm của nhà văn thời ấu thơ dành cho người mẹ thật đáng trân trọng. |

**ĐỀ 7:**

|  |  |
| --- | --- |
|  | **KÌ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI LỚP 8**  **NĂM HỌC 2017 – 2018**  Môn: **NGỮ VĂN**  Thời gian: **150 phút** *(không kể thời gian phát đề)*  Ngày thi: 13/03/2018 |

**I. ĐỌC HIỂU (4 đ).**

**Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:**

*Tổ quốc là tiếng mẹ  
Ru ta từ trong nôi  
Qua nhọc nhằn năm tháng  
Nuôi lớn ta thành người  
  
Tổ quốc là mây trắng  
Trên ngút ngàn Trường Sơn  
Bao người con ngã xuống  
Cho quê hương mãi còn  
  
Tổ quốc là cây lúa  
Chín vàng mùa ca dao  
Như dáng người thôn nữ  
Nghiêng vào mùa chiêm bao …*

*(* Trích *Tổ quốc là tiếng mẹ - Nguyễn Việt Chiến, nguồn:https://www.thivien.net)*

**Câu 1**. ***(1,0 điểm)*** Xác định thể thơ được sử dụng trong đoạn trích trên.

**Câu 2***.* ***(1,0 điểm)***Nêu nội dung chính của đoạn trích.

**Câu 3***.* ***(1,0 điểm)*** Chỉ ra và nêu hiệu quả của một biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn trích.

**Câu 4***.* ***(1,0 điểm)*** Nội dung đoạn thơ đã chạm vào miền cảm xúc nào trong em?

**II. LÀM VĂN***.(16đ)*

Đánh giá về văn bản “ Trong lòng mẹ” *( Chương IV)* trích trong thiên hồi kí

*“ Những ngày thơ ấu”* của nhà văn Nguyên Hồng, có ý kiến viết:

*“ Ở chương Trong lòng mẹ, có thể thấy chất trữ tình thấm đượm ở nội dung câu chuyện được kể; ở những cảm xúc căm giận, xót xa và yêu thương đều lên đến cao độ, thống thiết và ở cách thể hiện của tác giả.”*

Bằng hiểu biết của em về văn bản*,* hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.

**HƯỚNG DẪN CHẤM THI HỌC SINH GIỎI**

**MÔN NGỮ VĂN LỚP 8**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** | | **ĐỌC - HIỂU** | **4,0** |
| **Câu 1** | | Thể thơ: 5 chữ | 1,0 |
| **Câu 2** | | Nội dung: Tổ quốc lớn lao song lại vô cùng giản dị và gần gũi. Đó là tiếng mẹ ta nói hằng ngày, là mây trắng bay trên đỉnh trường sơn, là cây lúa ngoài đồng… | 1,0 |
| **Câu 3** | | Biện pháp tu từ: Điệp ngữ Tổ quốc là”, so sánh  Tác dụng: thể hiện những cảm nhận khác nhau về Tổ quốc của tác giả. | 1,0 |
| **Câu 4** | | Cảm xúc: yêu mến, tự hào…về Tổ quốc. | 1,0 |
| **II** | | **LÀM VĂN** | **16,0** |
| **Câu 3** |  | | |
|  | **\* Mở bài:**  -Giới thiệu vấn đề nghị luận: Chất trữ tình trong văn bản ***“ Trong lòng mẹ***”  - Dẫn ý kiến | | |
| **\* Thân bài:**  **1.Giải thích:**  - Chất trữ tình (hay còn gọi là chất thơ) trong tác phẩm văn học được thể hiện khá đa dạng ở nhiều yếu tố. Trong tác phẩm, thơ chất trữ tình là những cảm xúc, rung động của tác giả trước cái đẹp của tạo vật, con người.Trong văn xuôi, chất trữ tình được thể hiện chủ yếu trong lời kể ( cách thể hiện), cách sử dụng ngôn ngữ chọn lọc, trau chuốt, giàu cảm xúc và nhạc tính…  => Văn bản *“Trong lòng mẹ”* là một văn bản hồi kí thấm đẫm chất trữ tình. Chất trữ tình ấy được thể hiện ở nội dung câu chuyện được kể; trong dòng cảm xúc, tâm trạng của nhân vật và ở cách thể hiện của nhà văn. | | |
| **2. Chứng minh**  **a. Luận điểm 1: Chất trữ tình thấm đẫm trong nội dung câu chuyện được kể.**  Nội dung câu chuyện đó là hoàn cảnh đáng thương của mẹ con bé Hồng.  -Mẹ bé Hồng phải âm thầm chịu đựng những cay đắng, những thành kiến tàn ác, rồi nợ nần, cùng túng phải tha hương, cầu thực.  - Chú bé Hồng ra đời là kết quả của một cuộc hôn nhân không có tình yêu . Cha cờ bạc, nghiện ngập rồi mất sớm. Mẹ vì những thành kiến tàn ác, nợ nần cùng túng phải tha hương, cầu thực. Bé Hồng phải sống trong sự ghẻ lạnh của họ hàng bên nội, thiếu thốn tình yêu thương, luôn khao khát gặp mẹ mà luôn bị bà cô tìm mọi cách chia cắt tình mẹ con.  => Cuộc sống đầy bi kịch của một người phụ nữ; tuổi thơ cay đắng, tủi cực, của một đứa trẻ đã được nhà văn Nguyên Hồng thể hiện cảm động trong trang văn đã gây ấn tượng sâu sắc trong lòng người đọc. | | |
|  | **b. Luận điểm 2**: **Chất trữ tình thấm đẫm trong dòng cảm xúc, tâm trạng phong phú của chú bé Hồng.**  Qua những dòng hồi kí, người đọc như cảm thấu được mọi cung bậc cảm xúc: đau đớn, tủi hận, xót xa, căm giận, yêu thương, hạnh phúc, sung sướng…của bé Hồng đều đến cao độ, thống thiết.  ***\* Trước hết, những cảm xúc ấy ở bé Hồng được thể hiện trong cuộc trò chuyện với bà*** ***cô***: Cuộc trò chuyện là màn đối thoại đầy kịch tính thúc đẩy tâm trạng nhân vật đến những diễn biến phực tạp, căng thẳng cao độ.  - Khi người cô hỏi Hồng có muốn vào Thanh Hóa chơi với mẹ không, với lòng mong mỏi được gặp mẹ, Hồng toan trả lời có nhưng nhận ra những ý nghĩ cay độc trong giọng nói và nét mặt rất kịch của bà cô, Hồng cúi đầu không đáp rồi lại cười đáp  “ không”. Khi bà cô vẫn ngọt ngào “ Mày dại quá…thăm em bé chứ”, lòng bé thắt lại, khóe mắt cay cay, nước mắt ròng ròng …rồi chan hòa đầm đìa ở cằm, ở cổ…cười dài trong tiếng khóc. Các từ *rớt, ròng ròng, chan hòa, đầm đìa* cùng một trường nghĩa , miêu tả giọt nước mắt đau đớn của bé Hồng vì thương mẹ đến vô hạn. Nỗi đau bé âm thầm cố kìm nén đã vỡ ra thành nước mắt.  - Từ nỗi đau vì thương mẹ, Hồng căm giận những cổ tục đã đày đọa mẹ qua hình ảnh so sánh dữ dội: *Giá những cổ tục đã đày đọa mẹ tôi là một vật như hòn đá hay cục thủy tinh, đầu mẩu gỗ, tôi quyết vồ ngay lấy mà cắn, mà nhai, mà nghiến cho kì nát vụn mới thôi.*  Nhà văn đã sử dụng những động từ chỉ hành động mạnh: Vồ, cắn, nhai, nghiến với sắc thái biểu cảm ngày càng tăng khiến lời văn dường như sôi sục, tuôn trào đặc tả tâm trạng phẫn uất, căm giận cao độ của bé Hồng với những thành kiến vô hình đã làm khổ mẹ Hồng. Qua đó, ta càng thấu hiểu tình yêu thương mẽ mãnh liệt của Hồng.  ***\*Đặc biệt, những cảm xúc của bé Hồng được thể hiện khi gặp mẹ:*** Có thể nói những cảm xúc, tâm trạng và những rung động về mẹ của Hồng đã đến độ cực điểm qua ngòi bút miêu tả của nhà văn.  - Khi thoáng thấy bóng người ngồi trên xe kéo giống mẹ : Cảm giác bối rối, hồi hộp đến nghẹn ngào của Hồng khi vừa tan trường ra nhìn thấy người ngồi trên xe kéo giống mẹ, Hồng đuổi theo gọi bối rối: *Mợ ơi! Mợ ơi!*  *Mợ ơi!*. Khi đuổi kịp xe, bé thở hồng hộc, trán đẫm mồ hôi, ríu cả chân lại vì mừng, sung sướng, vội vã đến cuống quýt .  -Khi được gặp mẹ, Hồng thấy như quá đột ngột, niềm hạnh phúc được gặp mẹ khiến em bất ngờ không dám tin để nghĩ rằng: *Nếu người quay lại ấy là người khác….Và cái lầm đó không những làm cho tôi thẹn mà còn tủi cực nữa, chẳng khác gì cái ảo ảnh của một dòng nước trong suốt chảy dưới bóng râm đã hiện ra trước con mắt gần rạn nứt của người bộ hành gã gục giữa sa mạc.*  Cách nói so sánh chính xác đã cực tả tâm lí của bé Hồng: hoặc là sung sướng tột đỉnh nếu người ngồi trên xe kéo là mẹ, hoặc thất vọng, đau dớn đến tột cùng nếu em nhìn lầm. Qua đó,thể hiện tình yêu mẹ tha thiết trong lòng chú bé.  -Khi được ngồi trên xe cùng mẹ, Hồng òa khóc nức nở. Nhưng đó không phải là những giọt nước mắt đau đớn mà là những giọt nước mắt của niềm vui, sung sướng tột cùng khi được gặp mẹ.  - Khi được nằm trong lòng mẹ, được tận mắt nhìn thấy mẹ,Hồng có cảm nhận về mẹ *gương* *mặt mẹ tôi vẫn tươi sáng đôi mắt trong và nước da mịn, làm nổi bật màu hồng của hai* *gò má*. Tức là, Hồng thấy mẹ vẫn đẹp chứ không còm cõi, xơ xác như lời người cô.  Không chỉ vậy, Hồng còn có những cảm giác: *Tôi thấy những cảm giác ấm áp đã bao lâu mất đi bỗng lại mơn man khắp da thịt, hơi quần áo của mẹ tôi và những hơi thơ ở khuôn miệng xinh xắn nhai trầu phả ra thơm tho lạ thường.*  Ngôn ngữ của Nguyên Hồng đã diễn tả chính xác, tinh tế những cảm xúc, những rung động cực điểm của một người con xa mẹ, nhớ mẹ, bao ngày mong ngóng nay được gặp mẹ. Được sống trong tình yêu thương của mẹ, Hồng lại khao khát: *Phải bé lại lăn vào lòng một người mẹ, áp mặt vào bầu sữa nóng của người mẹ, để bàn tay của người mẹ vuốt ve, gãi rôm ở sống lưng cho, mới thấy người mẹ có một êm dịu vô cùng.*  thiên nhiên. Đó chính là những rung động chỉ có được ở người con thiết tha yêu kính mẹ.Đó cũng chính là cộng hưởng của cảm xúc, của nỗi khao khát bao ngày được sống trong lòng mẹ.  ***Lưu ý: Ở luận điểm này học sinh có thể chia nhỏ ý để phân tích miễn là làm nổi bật được các cung bậc cảm xúc của bé Hồng.*** | | |
| **b. Luận điểm 3**: **Chất trữ tình thấm đẫm trong lời kể của nhà văn**  - Kết hợp hài hòa giữa kể, bình luận và bộc lộ cảm xúc.  *“Phải bé lại lăn vào lòng một người mẹ, áp mặt vào bầu sữa nóng của người mẹ, để bàn tay của người mẹ vuốt ve, gãi rôm ở sống lưng cho, mới thấy người mẹ có một êm dịu vô cùng”*  - Xây dựng những hình ảnh so sánh độc đáo:  + Hình ảnh so sánh viết về tâm trạng phẫn uất, căm giận cao độ của bé Hồng với những thành kiến vô hình đã làm khổ mẹ.  *Giá những cổ tục đã đày đọa mẹ tôi là một vật như hòn đá hay cục thủy tinh, đầu mẩu gỗ, tôi quyết vồ ngay lấy mà cắn, mà nhai, mà nghiến cho kì nát vụn mới thôi.*  + Hình ảnh so sánh viết về sự khát khao được gặp mẹ của Hồng khi vừa ở trường ra:  *Nếu người quay lại ấy là người khác….Và cái lầm đó không những làm cho tôi thẹn mà còn tủi cực nữa, chẳng khác gì cái ảo ảnh của một dòng nước trong suốt chảy dưới bóng râm đã hiện ra trước con mắt gần rạn nứt của người bộ hành gã gục giữa sa mạc….*  -Lời văn nhiều khi say mê khác thường như được viết trong dòng cảm xúc mơn man, dạt dào, đặc biệt là đoạn cuối văn bản:  *“Tôi thấy những cảm giác ấm áp đã bao lâu mất đi bỗng lại mơn man khắp da thịt, hơi quần áo của mẹ tôi và những hơi thơ ở khuôn miệng xinh xắn nhai trầu phả ra thơm tho lạ thường.”*  *“Phải bé lại lăn vào lòng một người mẹ, áp mặt vào bầu sữa nóng của người mẹ, để bàn tay của người mẹ vuốt ve, gãi rôm ở sống lưng cho, mới thấy người mẹ có một êm dịu vô cùng”* | | |
|  | **3. Đánh giá**  - Khẳng định chất trữ tình trong văn bản Trong lòng mẹ thấm đượm ở nội dung truyện, ở nghệ thuật kể chuyện của nhà văn.  - Chất trữ tình ấy không chỉ thể hiện tài năng, phong cách sáng tác của Nguyên Hồng, tấm lòng nhân đạo thống thiết xuất phát từ cuộc đời đầy cay đắng của nhà văn mà còn khẳng định giá trị của tác phẩm. | | |
|  | **\* Kết bài:** -Khẳng định lại giá trị của văn bản: Trang hồi kí thực sự là tiếng lòng của nhà văn vọng về từ một thời thơ ấu nên nó sẽ còn lay động mãi tới tất cả trái tim bạn đọc.  - Bày tỏ suy nghĩ. | | |

**ĐỀ 8:**

**Đề bài :** *Có ý kiến cho rằng:* ***Tình mẫu tử là mạch nguồn tình cảm không bao giờ vơi trong tâm hồn mỗi con người.***

*Theo em, mạch nguồn tình cảm ấy được thể hiện như thế nào qua nhân vật bé Hồng qua đoạn trích “Trong lòng mẹ” (trích hồi kí “Những ngày thơ ấu - Nguyên Hồng).*

**Dàn ý bài chi tiết (bài viết bên dưới)**

***Mở bài:***- Dẫn dắt một câu thơ nào đó để làm toát lên vẻ đẹp trong văn của nhà văn Nguyên Hồng hoặc có thể giới thiệu nhà văn Nguyên Hồng.

         - Dẫn dắt vấn đề: ***Tình mẫu tử là mạch nguồn tình cảm không bao giờ vơi trong tâm hồn mỗi con người.***

***Thân bài:***Chứng minh ý kiến trên là đúng thông qua tác phẩm “Trong lòng  mẹ” (trích “Những ngày thơ ấu”) của Nguyên Hồng.

- Luận điểm 1: Đoạn chuyển.

*+* Giải thích thế nào là tình mẫu tử? (khẳng định đó là một thứ tình cảm thiêng liêng và không bao giờ có thể giải thích được - dẫn dắt nhân vật bé Hồng sau phần giải thích - có thể so sánh với các nhân vật khác ở truyện khác).

+ Tóm tắt hay nói cách khác là kể lại một cách thật ngắn gọn hoàn cảnh của bé Hồng và nhắc lại tình cảm của bé Hồng đối với mẹ.

- Luận điểm 2: Chứng minh tình yêu thương của bé Hồng đối với mẹ thông qua cuộc đối thoại với bà cô độc ác.

 + Bà cô: Các câu hỏi của bà cô thì như muốn cắt vào từng miếng thịt cảu bé, bà ta muốn gieo rắc vào tâm trí non nớt của bé những hình ảnh xấu xa nhất, còm cõi nhất về người mẹ đẹp trong lòng cậu bé bây lâu nay (nêu rõ từng cử chỉ, hành động và thái độ của bà cô sau khi nói và trước mặt bé Hồng) - dẫn chứng cụ thể trích từ tác phẩm (các câu hỏi - câu trả lời của bà cô).

 + Bé Hồng: Từng khung bậc cảm xúc của bé được thể hiện ngay trên khuôn mặt và bé đã nấc lên trong tiếng khóc khi những lời nói cảu bà cô nói ra. Bé đã sớm nhận ra những rắp tâm tanh bẩn của bà cô và chính cái rắp tâm đó đã giúp sợi dây mẫu tử kia càng thêm gắn kết - dẫn chứng cụ thể trích từ tác phẩm (các câu trả lời - câu hỏi của bé Hồng và khung bậc cảm xúc nhân vật).

*Lưu ý: Khi chứng minh tình yêu thương qua cuộc đối thoại với bà cô thì nên đan xen những câu hỏi, câu trả lời và khung bậc cảm xúc của nhân vật để nghị luận. Mỗi lần chứng minh thì nên tác đoạn, không nên kể nhiều, cần phải láy lại tình yêu thương của bé Hồng đối với mẹ và khẳng định cuối đoạn.*

- Luận điểm 3: Chứng minh tình yêu thương của bé Hồng đối với mẹ trong hoàn cảnh “mẫu tử đoàn viên”.

*Lưu ý: Trước khi sang luận điểm 3 cần phải có một đoạn chuyển từ luận điểm này sang luận điểm khác. Vì trong hai luận điểm thì đều có cái chung là chứng minh tình yêu thương của bé Hồng đối với mẹ nên cần phải khẳng định lại một lần nữa tình yêu thương nồng nàn, được nén lại rồi bùng lên một cách dữ dội hơn khi bé Hồng gặp mẹ (cần liên kết sang luận điểm 3).*

 + Dường như, lúc cậu gần như là tuyệt vọng thì sợi dây tình mẫu tử lại tiếp thêm sức mạnh cho cậu - mẹ cậu đã về trong sự tha thiết của đứa con khao khát tình mẹ bấy lâu.

 + Chứng minh tình yêu thương của bé Hồng bằng chính khung bậc cảm xúc của bé khi: 1, được gặp mẹ ; 2, được nhìn mẹ ; 3, được ngồi trong lòng mẹ (phải đáp ứng đủ 3 điều trên thông qua các dẫn chứng cụ thể).

 + Khẳng định tình mẫu tử đẹp và tuyệt vời đã giúp bé thoát khỏi đám bùn lầy đau khổ và làm tan biến đi tất cả những ý nghĩ cay độc mà bà cô đã gieo rắc vào đầu cậu bé.

*Lưu ý: Vì đây là trọng tâm của đề bài nên khi làm bài cần xoáy sâu vào luận điểm này, các luận điểm khác tuy phải đầy đủ ý những không nên viết dài và đầu tư, nên tập trung vào luận điểm này vì đây mới là dịp để tình yêu của bé Hồng được thể hiện. Khẳng định tình mẫu tử là tình cảm bất diệt.*

- Luận điểm 4: Mở rộng vấn đề (đánh giá vấn đề, phản đề, liên hệ - mở rộng).

 + Đánh giá vấn đề: Khẳng định, tình mẫu tử sẽ mãi không bao giờ phai trong bé Hồng và đặc biệt hơn là sẽ không bao giờ mất đi trong những con người có trái tim bất tử.

 + Phản đề: Thường có trong văn **nghị luận về tư tưởng đạo lí, đời sống, hiện tượng xã hội**, nếu là học sinh có sức viết tốt, biết cân chỉnh thời gian hợp lí thì nên cho mục phản đề này vào: khẳng định, trong xã hội hiện nay, không có ít những trường hợp “bán rẻ” tình mẫu tử, không coi đó là một tình cảm chân chính và có những hành vi trái ngược với vấn đề chứng minh. Qua đó, ta có thể lên án những hành vi đó ...

 + Liên hệ - mở rộng: bao gồm liên hệ bản thân và liên hệ với các tác phẩm khác. Khi liên hệ bản thân: ta nên liên hệ với thực tế đời sống và với bản thana mình rồi đưa ra những việc làm tốt (những việc làm trái ngược thì đã có ở mục phản đề, nếu không viết mục phản đề thì nên lướt qua). Khi liên hệ với các tác phẩm khác: liện hệ với những tác phẩm có chung chủ đề (vd: Huệ Chi trước lễ cưới, Mợ Du, ... không nhất thiết phải cùng tác giả) và nêu nổi vật những điểm chung của các tác phẩm rồi đánh giá, nhận xét vấn đề chứng minh.

*Lưu ý: Ngoài ra, ta có thể nhận xét nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật, nghệ thuật kể chuyện và đánh giá giọng văn của nhà văn Nguyên Hồng để khẳng định: trong văn ông luôn có tình người ...*

***Kết bài:*** Khẳng định lại vấn đề theo hướng mở rộng của bản thân.

**Bài làm mẫu**

“Con suốt đời vẫn là con của mẹ

       Đi suốt đời, lòng mẹ vẫn theo con”

                                              (Tố Hữu)

 Mẹ dù thế nào đi chăng nữa vẫn mãi theo ta. Chính sợi dây thiêng liêng gắn kết giữa mẹ và con mà được gọi với cái tên thiêng liêng, cao quý - tình mẫu tử đã làm làm nền tảng vững chắc cho con chập chứng bước đi trên con đường đời. Mẹ đã mang đến cho con tình thương da diết, mẹ đã trao cho con trái tim hi vọng, trao cho con hơi thở nồng ấm, ru đời con khôn lớn. Nhà văn Nguyên Hồng cũng vậy, những câu chữ ông viết ra dường như rất thiêng liêng ẩn hằn trong đó là toàn bộ suy nghĩ và cảm xúc về người mẹ bất tận của ông. Đến với đoạn trích “Trong lòng mẹ”, ta bỗng xót xa trước nhân vật bé Hồng, mang theo cái dư vị đắng chát của một tuổi thơ khao khát tình mẹ. Cho đến tận bây giờ, khi đọc lại những trang viết này, người đọc vẫn lây lan cái cảm giác của cậu bé sớm phải chịu cảnh thiếu thốn tình cảm để rồi, những đồng giả chúng ta bất chợt nhận ra rằng: “Tình mẫu tử là mạch nguồn tình cảm không bao giờ vơi trong tâm hồn mỗi con người”.

 Nếu có người hỏi tôi: Tình mẫu tử là gì? thì có lẽ, tôi sẽ đáp lại rằng: tình mẫu tử không thể giải thích được vì đó là thứ tình cảm tuyệt diệu. Nó đơn sơ, giản dị những vẫn thể hiện được cái gì đó phập phồng, thổn thức trong trái tim. Và đặc biệt hơn, nó lại càng phập phồng hơn, thổn thức hơn khi được thể hiện qua nhân vật bé Hồng. Tình cảm ấy như ánh sáng dịu mát, như bóng cây trên cao, như dòng sữa ngọt ngào vẫn chảy mãi trong trái tim những người con như chúng ta. Cuộc đời thật công bằng biết bao khi mỗi người chúng ta vẫn gọi đó là “tình mẫu tử”.

 Tuy đoạn trích với dung lượng không dài nhưng điều ta bắt gặp trong đó không phải là cảnh khốn cùng như trong “Lão Hạc” hay cùng cột như trong “Tức nước vỡ bờ”. Tuy vẫn thể hiện được chất văn của dòng văn hiện thực phê phán nhưng đoạn trích lại ẩn chứa sâu một thứ tình cảm thiêng liêng, mặn        nồng - tình mẫu tử. Và khi đọc những dòng văn như trút cả bao điều đóng đót vào trái tim người đọc để rồi ta mới cảm nhận được thế nào là thứ tình cảm chân chình.

 Với một hoàn cảnh đặc biệt và đáng thương, bé Hồng sinh ra và lớn lên trong một mái gia đình không có hạnh phúc. Bố mất sớm, mẹ phải đành rời bỏ quê hương, rời xa đứa con mà mình đã rứt ruột đẻ ra để đi “tha hương cầu thực” khiến bé Hồng phải cô đơn, tủi cực giữa sự ghẻ lạnh của gia đình họ nội. Và trong tâm trí cậu bé lúc nào cũng luôn tồn đọng cái dư vị đắng cay về một người mẹ hiền hậu, luôn chở che trong quá khứ. Xung quanh cậu, luôn có những rắp tâm tanh bẩn muốn reo rắc vào tâm trí cậu để cậu ruồng rẫy, khinh rẻ mẹ. Nhưng cũng chính từ cái rắp tâm tanh bẩn, cay độc đó, bé Hồng mới có cơ hội bộc lộ rõ những tình cảm của mẹ đối với mẹ đã được ấp ủ bấy lâu.

 “Gần đến giỗ đầu thấy tôi, mợ tôi ở Thanh Hóa vẫn chưa về”. Có lẽ, niềm ước mong mẹ của cậu bé đã đến mức cực độ. Cậu sống giữa cảnh đau đớn về mặt tinh thần: mất cha - thiếu mẹ, vậy mà, luôn có những mối rắp tâm bẩn thỉu muốn dấy vào tâm trí non nớt của cậu bé. Một hình ảnh người mẹ: “bán bóng đèn và những phiên chợ chính còn bán cả vàng hương”. Câu chuyện đã hé lộ ra một bà cô tậm địa độc ác, bà ta cố ý nói cho cậu bé biết những cảnh ngộ đáng thương của mẹ cậu để có thể cười nhạo, giễu cợt mẹ. Nhưng bà ta hoàn toàn không hề biết, càng làm như vậy thì tình cảm của bé Hồng giành cho mẹ lại tăng lên gấp bội, tiếp thêm tình cảm và sức mạnh để cậy vượt qua cái xã hội “hỗn mang”, tàn ác ấy.

 Và rồi, cuộc đối thoại giữa Hồng và bà cô bắt đầu từ những câu hỏi đầy tanh bẩn hằn chứa một rắp tâm phá đi sợ dây tình cảm giữa bé Hồng và mẹ. “Một hôm cô tôi gọi tôi đến và bảo: Hồng! Mày có muốn vào Thanh Hóa chơi với mẹ mày không?”. Một câu hỏi đầy “uy lực”, lay động đến thứ tình cảm thiêng liêng của bé Hồng với mẹ, gợi nên trong chú bao buồn tủi xen lẫn sự nhớ nhung dồn nén bây lâu nay. Cậu bé “định toan trả lời có” nhưng rồi, Hồng lại trả lời một cách chắc chắn “Không! cháu không vào. Cuối năm, thế nào mợ cháu cũng về”. Thật bất ngờ! Có lẽ, Hồng đã sớm nhận ra trong niềm vui “hụt” một điều gì đó tanh bẩn của bà cô. Cậu đã đoán ra được ý định cảu bà cô như “muốn gieo rắc vào đầu óc tôi những hoài nghi để tôi khinh miệt và ruồng rẫy mẹ tôi”. Một ý định tàn bạo! Nhưng may thay, chính cái thiêng liêng, cao quý cảu tình mẫu tử đã kéo cậu lên từ “đám bùn lầy” với những rắp tâm tanh bẩn - “nhưng đời nào lòng yêu thương và sự kính mến mẹ tôi lại bị những rắp tâm tanh bẩn kia xâm phạm đến”. Và những điều đó phần nào đã làm rạng lên một tình cảm cao đẹp.

 Phải chia tay với một cơ hội gặp mẹ “hiếm có”, bé Hồng muốn chạy thật nhanh, tránh đi “câu nói cay độc” của bà cô. Nhưng bà ta lại vẫn chưa tha cho một tâm hồn thơ dại. Bà an ủi bé Hồng bằng một câu nói chứa đầy những ý nghĩ tanh bẩn: “Sao lại không vào? Mợ mày phát tài lắm, có như dạo trước đâu!”. Giọng nói như mỉa mai, giếu cợt, đang “long lanh ... chằm chằm” chờ đợi phản ứng của cậu bé. Đôi mắt cậu đã “khóe cay như muốn khóc”. Dường như, những câu nói đó như “mũi tên” bắng thẳng vào một trái tim khao khát tình mẹ. Liệu rằng, rắp tâm xấu xa, tanh bẩn của bà cô có thực hiện được hay không? Thái độ của bé Hồng ra sao? Tình cảm của bé đối với mẹ có thay đổi hay không?

 Câu chuyện vẫn diên ra và tiếp đó là một ý định cay độc: “Mạy quá, cứ vào đi, tao cho tiền tàu, vào mà bắt mợ mày may vá, sắm sửa rồi còn cho thăm em bé nữa chứ!”. Thật tủi nhục và cau đắng biết bao! Hai tiếng “em bé” được bà cô “ngân ra thật dài” như sự mỉa mai hay điều ám chỉ gì đó. Phải chăng, bà ta muốn “ép” bé Hồng phải nhận ra rằng: “Mợ tôi chưa đoạn tang thầy tôi mà đã chửa đẻ với người khác”. Dường như, tình cảm thiêng liêng đó như “lá bùa” hay là một “tấm bia đỡ đạn” giúp cậu cố cầm cự để hỏi trong tiếng khóc xót xa: “Sao cô biết mợ con?”. Có lẽ, câu nói đó đã nói trúng tim đen tàn ác của bà cô. Nhưng thật đáng khinh bỉ, “cô tôi vẫn cứ cười trong tiếng khóc của tôi”. “Tình cảnh thê thảm của mẹ tôi” như khiến chú như “cắt từng miếng thịt”.

 Đến lúc này, tâm trạng đau đớn, uất ức của bé Hồng xen lẫn tình yêu tha thiết đã lên tới cực điểm. Từ nỗi đau vì thương mẹ và đặc biệt hơn là sợi dây tình cảm đã khiến bé phải thốt lên từng câu chữ ngậm ngùi, xót xa: “Giá mà những cổ tục đã đày đọa mẹ tôi là những thứ như hòn đá hay cục thủy tinh, đầu mẩu gỗ thì tôi quyết vồ lấy mà cắn, mà nhai, mà nghiền cho kì nát vụn mới thôi”. Qua đây, ta mới bất chợt tìm thấy được thứ tình cảm thiêng liêng trong tâm hồn ngây dại. Và cũng có lẽ, bà cô độc ác đã thỏa được ước nguyện nên đã đổi giọng như “nghiêm nghị” và tỏ ra ngậm ngùi, thương xót. Thì ra, nỗi đau đớn mất mát của đứa bé đã lên đến đỉnh điểm, đồng thời, sự tàn nhẫn, thâm hiểm của bà cô đã lên đến mức tận cùng. Hỏi rằng, liệu tình mẫu tử cao quý, thiêng liêng ấy có được trọn vẹn cho đến cuối cùng hay không?

  Và rồi qua đó, tuy ý đồ độc ác của bà cô vẫn chưa thực hiện được nhưng nó vẫn là phần nào giúp bé Hồng vượt lên trên tất cả để hướng đến một chân trời tình yêu thương đích thực. Để rồi điều đó sẽ chứng minh cho ý nghĩa của tình mẫu tử cao quý, vẫn luôn “là mạch nguồn cảm xúc không bao giờ vơi trong tâm hồn mỗi con người”. Dù qua bao chông gai, thử thách, vượt lên những “hố sâu tuyệt vọng”, một “vũng đầm lầy” hằn chứa những xấu xa của một xã hội đen tối, không chút tình người. Chỉ qua những câu nói ngắn gọn, hàm súc được thể hiện qua sự đối thoại với bà cô, Nguyên Hồng đã chứng minh cho ta thấy, sức mạnh của tình mẫu tử không bao giờ kiệt, càng trong cùng cực, cô đơn, sức mạnh đó bị đè nén rồi lại bùng lên dữ dội, ánh lên một sức mạnh bất diệt - và đó cũng chính là triết lí nhân sinh của nhà văn Nguyên Hồng.

 Nhưng rồi, điều đó còn đặc biệt hơn nữa khi người mẹ hiền hậu mà cậu bé mơ ước bấy lâu nay trở về. Dường như, “cái khóa” bị trói buộc lúc trước đang dần dần mở ra. Bóng tối của những ngày qua đã tan biến, nhường chỗ cho ánh sáng diệu kì tràn ngập trong một tâm hồn trong sáng, đi đôi với đó là tiếng gọi khao khát tình mẹ: “Mợ ơi ... mợ ơi ... mợ ơi!”. Ba tiếng gọi cứ ngân dài ra tha thiết mà đằm thắm tột cùng. Dường như, linh cảm xuất phát từ trái tim khao khát của cậu bé hoàn toàn đúng. “Chiếc xe kéo” chỉ vừa “thoáng qua” là chú đã cảm nhận được hương vị ngọt ngào, đằm thắm mà thiếu thốn bấy lấu.

 Nhưng linh cảm đó lại không làm cậu lay động mà xen vào đó là “ảo ảnh của dòng nước trong suốt, chảy dưới bóng râm ... đã hiện ra trước mắt gần rạn nứt của người bộ hành giữa sa mạc”. Có lẽ, niềm tin vững chắc lúc trước của cậu đã cạn kiệt mà đúng hơn là gần tuyệt vọng. Phải chăng, chỉ có dòng sữa ngọt ngào cảu người mẹ mới bồi đắp được vết rạn nứt trong trái tim non nớt ấy.

 Giây phút cậu bé gần như là tuyệt vọng thì bỗng “xe chạy chầm chậm ... mẹ tôi cầm nón vẫy tôi”. Bây giờ thì không còn là những giọt lệ đau đớn nữa mà thay vào đó là những giọt nước mắt chảy dài trên khuôn mặt hạnh phúc, thấm đẫm trong trái tim ấm nồng chứa chan bao niềm hạnh phúc, mãn nguyện. “Vài giây sau, tôi đuổi kịp”, trái tim băng giá sắp được mẹ sưởi ấm đã “trỗi dậy” sâu một giấc ngủ dài. Bao nhiêu mệt nhọc, nỗi giận hờn, đã tan biến. Trong phút chốc đã mở ra một thế giới tình cảm “mơn man” khắp người cậu bé. Trước đây, nước mắt của cậu bé đã từng “chan hòa” bởi sự đau khổ, tủi nhục. Và giờ đây, những giọt nước mặt ấy vẫn tuôn nhưng lại vì một niềm sung sướng bất tận. Đó là dòng nước mắt nhân lên vì niềm vui, nở bừng ánh sáng hạnh phúc tỏa rực tình mẫu tử thiêng liêng, trong sáng.

 Chính xuất phát từ lòng thương, từ tình cảm thiêng liêng, tha thiết, khi ngồi trong lòng mẹ, cậu đã có những cảm hứng rung động lòng người. Và lúc này, một hình ảnh người mẹ khác hẳn lời kể của bà cô đã hiện lên với “gương mặt mẹ tôi vẫn tươi sáng với đôi mắt trong và nước da mịn ... làm nổi bật màu hồng của gò má” - một hình ảnh đẹp như cô Tấm thảo hiền, hoàn toàn trái ngược vời sự “còm cõi, xơ xác như lời nói của bà cô cay độc”. Bé Hồng thấy mẹ không có gì khác xưa, “vẫn tươi đẹp như thuở còn sung túc” - đó cũng là hình ảnh người mẹ lúc nào cũng tồn đọng trong tâm trí cậu bé dù những rắp tâm tanh bẩn vẫn bao quanh cậu.

 Được ôm ấp, được chở che và đặc biệt là được nằm gọn trong lòng mẹ, trái tim cậu đã tràn ngập tình yêu thương, trái tim băng giá đã ấm nồng: “đùi áp đùi mẹ, đầu ngả vào cánh tay mẹ ... tôi thấy những cảm giác ấm áp đã bao lâu mất đi bỗng lại mơn man khắp da thịt”. Từng cử chỉ, hành động của cậu cho ta thấy rõ sự hồi sinh bất diệt cảu tình mẫu tử. Chỉ có như thế, cậu mới nhanaj thấy rõ cái hương vị thiếu thốn lâu nay: “hơi quần áo mẹ tôi và những hơi thở ở khuôn miệng xinh xắn, nhai trầu phả vào lúc thơm tho lạ thường”. Lúc này, ắt hẳn cái ý nghĩ vẫn luôn thoáng qua đầu cậu bé như một cơn gió thoảng qua: “phải chăng, trên đời này không còn phút giây nào hạnh phúc hơn nữa?”. Thật vậy, câu hỏi nghe ngây thơ nhưng cũng xót xa, thương cảm biết chừng nào! Có lẽ, phải bắt nguồn từ tình yêu thương mẹ tha thiết, toát lên một thứu ánh sáng diệu kì mới giúp cậu cảm nhận được cái hương vị mất đi bấy lâu, giờ mới có dịp bộc lộ.

 Thật đẹp làm sao cái giây phút hạnh phúc của một đứa trẻ lâu nay khao khát tình mẹ và giờ đây đã thỏa được ước nguyện: “pahir bé lại và lăn vào lòng một người mẹ, áp mặt vào bầu sữa nóng cảu người mẹ, để mẹ vuốt ve từ trán tới cằm và gãi rôm ở sống lưng cho mới thấy mẹ có một êm dịu vô cùng”. Thật vậy, bao trùm lên tâm trí cậu bé là một nỗi vui sướng khôn xiết. Phải thương nhớ mẹ, yêu quý mẹ, thèm khát được gần mẹ đến chừng nào thì bé Hồng mới cảm thấy sung sướng tột đỉnh khi được ôm ấp trong vòng tay êm dịu của mẹ sau bao ngày trắc trở xa cách.

 Có lẽ, bàn tay người mẹ như sức mạnh thiêng liêng, che chở, ôm ấp con đã tạo thành những “chuỗi giai thoại”. Và chắc có lẽ vậy nên “từ ngã tư đầu trường cho đến về nhà, tôi không còn nhớ mẹ tôi đã hỏi những câu gì và tôi đã trả lời mẹ tôi những câu gì nữa!”. Và thế rồi, những câu nói xúc xiểm, cay độc của bà cô như muốn “gieo rắc vào đầu tôi để tôi ruồng rẫy, khinh miệt mẹ” cũng chỉ là “ù ù bên tai hay thoáng qua như một cơn gió”. Có lẽ, chính vì sợi dây tình mẫu tử gắn kết thiêng liêng hay tình yêu nồng nàn của bé với mẹ mà giúp bé có thể vượt qua từng hố sâu tanh bẩn, nâng đỡ bé thoát khỏi những cái cảnh sống “trườn” qua một cuộc đời bất hạnh với một trái tim khao khát tình mẹ. Dường như, thứ tình cảm thiêng liêng, ấm nồng đó sẽ mãi “không bao giờ vơi” trong trái tim của những con người bất tử. Và rồi, mọi chông gai hay những câu nói đáng “nguyền rủa” kia sẽ mãi không bao giờ bám lên sợi dây “trơn tuột” kia, chứa chan bao niềm tha thiết.

 Qua đấy, ta mới bất chợt hiểu rằng: tình yêu thương mẹ là nét nổi bật trong tâm hồn ta - những con người mang một trái tim thiên thần. Và bé Hồng cũng vậy, tình cảm thiêng liêng, sâu nặng đã giúp bé có những cách nhìn xác thực hơn về con người và cuộc đời “hỗn mang”. Cho dù cảnh ngộ có éo le đến mấy, thứ tình cảm thiêng liêng được gọi với cái tên giản dị - mẫu tử ấy sẽ không bao giờ nhạt phai trong tâm trí những con người mang tâm hồn của một tình yêu đích thực.

 Mỗi dòng văn, câu chữ của tác giả đã “lôi” bối cảnh qua cách kể giản dị, giàu sức sống, thấm dẫm tình người - khác hoàn toàn với “Mợ Du” hay “Huệ Chi trước lễ cưới”. Kết cục của nó hoàn toàn bi thảm, như một sự giải thoát khiến người đọc phải sửng sốt, đau đớn tột cùng. Mặc dù vẫn là những cảm giác êm đềm về mẹ nhưng “Trong lòng mẹ” lại mang một triết li nhân sinh sâu sắc về mẹ, một kết cục tốt đẹp “mẹ con đoàn viên trong một niềm vui tột cùng”. Dường như, đây là sự bồi đắp cho tâm hồn thánh thiện của một đứa con hiếu thảo, khao khát tình mẹ bây lâu.

  Tóm lại, chỉ với những dòng văn giản dị mà thấm đẫm tình người, Nguyên Hồng đã chứng mình cho ta thấy rõ: “Tình mẫu tử là mạch nguồn tình cảm không bao giờ vơi trong tâm hồn mỗi con người”. Khi bài ca về tình mẫu tử cất lên từ tận đáy lòng thì tình cảm ấy sẽ cho ta cái cảm giác thế nào là thứ tình cảm thực sự trong trái tim thực sự.

 Dẫu rằng, thời gian có ngừng trôi, Trái Đất có đổi vòng quay đi chăng nữa, nhưng trong trái tim mỗi con người vẫn dấy lên một thứ tình cảm bất diệt  - tình mẫu tử. Thật vậy, “Trong lòng mẹ” của Nguyên Hồng sẽ mãi là một bài ca bất diệt ẩn hằn một sức mạnh kì diệu, đem ánh sáng tình yêu đến nhân loại để rồi, bất chợt, mỗi con người chúng ta phải suy ngẫm:

“Mẹ có nghĩa là tất cả

Là cho đi không đòi lại bao giờ”

**ĐỀ 9:**

**PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐỀ CHỌN HỌC SINH GIỎI LỚP8**

**HUYỆN HOÀNG HÓANĂM HỌC 2020-2021**

**MÔN: NGỮ VĂN**

**Ngày thi 9/3/2021**

**Thời gian làm bài: 150 phút**

*(Không kể thời gian giao đề)*

*Đề thi gồm 1 trang*

**PHẦN I: ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)**

**Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:**

*“Có một truyền thuyết về con chim chỉ hót một lần trong đời, nhưng nó hót hay nhất thế gian. Có lần nó rời tổ bay đi tìm bụi mận gai và tìm ra bằng được mới thôi. Giữa đám cành gai góc, nó cất tiếng hát bài ca của mình và lao ngực vào chiếc gai dài nhất, nhọn nhất. Vượt lên trên nỗi đau khôn tả, nó vừa hót vừa lịm dần đi và tiếng ca hân hoan ấy đáng cho cả sơn ca và họa mi phải ghen tị.Bài ca duy nhất có một không hai, bài ca phải đổi bằng tính mạng mới có được.Nhưng cả thế gian lặng đi khi lắng nghe, và chính Thượng Đế trên Thiên Đình cũng mỉm cười. Bởi vì tất cả những gì tốt đẹp nhất chỉ có thể có được khi ta chịu trả giá bằng nỗi đau khổ vĩ đại nhất.”*

(Trích ***Tiếng chim hót trong bụi mận gai***, Collen M. Cullough)

***Câu 1***(1,0 điểm) Xác định phương thức biểu đạt chính trong đoạn văn trên

***Câu 2***(1,0 điểm) Nêu nội dung của đoạn trích.

***Câu 3***(2,0 điểm) Hình ảnh “chiếc gai nhọn” và “bài ca duy nhất, có một không hai” trong đoạn trích tượng trưng cho những điều gì trong cuộc sống?

**Câu 4**(2,0 điểm) Trong đoạn trích trên, tác giả muốn gửi đến người đọc điều gì?

**PHẦN II: TẠO LẬP VĂN BẢN (14,0 điểm)**

***Câu 1***(4,0 điểm)

Nhà văn Nga Lép Tôn-xtoi cho rằng: “*Bạn đừng nên chờ đợi những quà tặng bất ngờ của cuộc sống mà hãy tự mình làm nên cuộc sống.”*

Em hãy viết một đoạn văn(khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của mình về ý kiến trên.

***Câu 2***(10,0 điểm)

Theo em, ***hình tượng nước mắt*** trong văn chương có thể hiểu như thế nào?

Hãy trình bày cảm nhận của em về hình tượng ấy qua đoạn trích “*Trong lòng mẹ*” (Nhưng ngày thơ ấu- **Nguyên Hồng**).

**PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**HUYỆN HOÀNG HÓA**

**HƯỚNG DẪN CHẤM (Đề chính thức)**

**Năm học 2020-2021**

**Môn: Ngữ văn 8**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Yêu cầu cần đạt** | **Điểm** |
|  | **ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)** |  |
| **1** | Phương thức biểu đạt chính: tự sự | ***1,0*** |
| **2** | Nội dung của đoạn trích: Để dành được những điều tốt đẹp nhất, quý giá nhất, con người phải trả giá bằng công sức thậm chí cả sinh mệnh của mình. | ***1,0*** |
| **3** | Hình ảnh *chiếc gai nhọn và bài ca duy nhất có một không hai* trong đoạn trích tượng trưng cho: | ***2,0*** |
| * *Chiếc gai nhọn*: Tượng trưng cho những khó khăn, thử thách mà mỗi người phải vượt qua trong cuộc sống | ***1,0*** |
| * *Bài ca duy nhất có một không hai*: Tượng trưng cho những điều tốt đẹp, có giá trị nhất trong cuộc sống mà con người có được nhờ vượt qua khó khăn, thử thách. | ***1,0*** |
| **4** | HS có thể trình bày một trong các ý sau:  - Những gì tốt đẹp trong cuộc sống chỉ có thể có được khi ta trải qua những khó khăn, gian khổ thậm chí phải trả giá bằng chính nỗi đau, bằng cả sự sống và sinh mạng của mình.  - Mỗi người hãy biết vượt lên trên những gian khổ, bất hạnh để khẳng định bản thân mình. | ***2,0*** |
|  | **TẠO LẬP VĂN BẢN (14,0 điểm)** |  |
| **1** | **Viết một đoạn văn(khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của mình về ý kiến:** *Bạn đừng nên chờ đợi những quà tặng bất ngờ của cuộc sống mà hãy tự mình làm nên cuộc sống.”* | **4,0** |
| *a. Đảm bảo thể thức của một đoạn văn*  *b. Xác định đúng vấn đề nghị luận.* | ***0,25***  ***0,25*** |
| c. *Triển khai hợp lí nội dung đoạn văn:* vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. Có thể viết đoạn văn theo hướng sau:  - *Quà tặng bất ngờ của cuộc sống*: là những giá trị vật chất, tinh thần mà người khác cho mình những cơ hội, may mắn bất ngờ do khách quan đem lại.  - *Tự mình làm nên cuộc sống:* Là do chính bản thân mình tự tạo nên.  => Nội dung của câu nói khuyên con người cần có thái độ sống chủ động, không nên trông chờ vào người khác. Cuộc sống của mỗi người do chính chúng ta tạo nên. | ***0,5***  ***0,5*** |
| - Trong cuộc sống mỗi người đôi khi sẽ nhận được quà tặng bất ngờ từ cuộc sống, Khi đó, ta sẽ có may mắn được hưởng niềm vui, hạnh phúc trong cuộc đời. Không thể phủ nhận ý nghĩa và giá trị của quà tặng bất ngờ mà cuộc sống đem lại cho con người, vấn đề là phải biết tận dụng, trân trọng những quà tặng đó như thế nào. Tuy nhiên, cuộc sống không phải lúc nào cũng trải đầy hoa hồng, cuộc sống luôn tiềm ẩn những khó khăn, phức tạp. Muốn cuộc sống của chính mình tốt đẹp thì hãy tự mình làm nên cuộc sống *(dẫn chứng).* | **1,0** |
| - Nhiều người khi nhận được quà tặng bất ngờ thì có tâm lý chờ đợi, ỷ lại, thậm chí vung phí những quà tặng ấy. Phê phán một số người thụ động , thiếu ý chí vươn lên, chỉ chờ đợi vào những quà tặng bất ngờ mà không tự mình làm nên cuộc sống. | **0,5** |
| * Phải chủ động trang bị, rèn luyện cách sống bản lĩnh, có lí tưởng, có ước mơ để làm nên những điều kì diệu của cuộc sống của chính mình. | ***0,5*** |
| d. *Sáng tạo*: Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng về vấn đề nghị luận | ***0,25*** |
| e***.*** *Chính tả, dùng từ đặt câu****:*** đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa tiếng Việt. | ***0,25*** |
| **2** | Theo em, ***hình tượng nước mắt*** trong văn chương có thể hiểu như thế nào?  Hãy trình bày cảm nhận của em về hình tượng ấy qua đoạn trích “*Trong lòng mẹ*” (Nhưng ngày thơ ấu- **Nguyên Hồng**). | **10,0** |
| a. *Đảm bảo thể thức của một bài văn nghị luận có bố cục ba phần*: Mở bài, Thân bài, Kết bài.  b. *Đảm bảo kiến thức về lí luận văn học, tác phẩm văn học, kĩ năng tạo lập văn bản, khả năng cảm nhận văn chương để làm bài.* | **0,5**  **0,5** |
| c. *Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm phù hợp. Các luận điểm được triển khai theo trình tự hợp lý, có liên kết chặt chẽ, sử dụng tốt các thao tác lập luận để triển khai luận điểm.*  ***1.* Giải thích nhận định**:  - Hình tượng giọt nước mắt trong văn chương từ xưa đến nay có rất nhiều cung bậc, nó bộc lộ tâm trạng, cảm xúc góp phần làm sâu sắc hơn tính cách nhân vật.  - Giọt nước mắt ấy có khi cụ thể bật lên từ khổ đau hay vui sướng, từ những khát vọng hay đam mê.  - Giọt nước mắt ấy có khi là sự rò giấu thầm lặng bởi chính nỗi đau khổ, niềm thương cảm nghẹn ngào của người cầm bút. | ***8,0***  ***1,0*** |
| **2. Chứng minh vấn đề**  \* Vài nét về tác giả Nguyên Hồng và tác phẩm “Những ngày thơ ấu”.  \* **Hình tượng giọt nước mắt trong đoạn trích “Trong lòng mẹ” vừa mang ý nghĩa thực vừa mang nghĩa biểu tượng.**  - Hình tượng giọt nước mắt trong đoạn trích mang ý nghĩa thực đó là nỗi niềm,tâm trạng của bé Hồng qua những lần bật khóc.  *+ Lần thứ nhất là giọt nước mắt của sự đau đớn, tủi hờn.*  Từ đầu đoạn trích người cô cố tình châm chọc, miệt thị mỉa mai hình ảnh người mẹ. *“Cô tôi vẫn cứ tươi cười kể chuyện cho tôi nghe”.* Tình cảnh túng quẫn, vẻ gầy guộc, rách rưới của mẹ… Sau lời hỏi thứ hai của bà cô, lòng chú bé thắt lại, khóe mắt cay cay. Đến lời nói thứ ba của bà cô thì “*nước mắt tôi ròng ròng rớt xuống hai bên mép chan hòa đầm đìa ở đầu và ở cổ”.*   * Khi nhắc đến mẹ, nỗi nhớ trào dâng, nhưng những giọt nước mắt sớm được bé Hồng kìm nén. Trong cuộc đối thoại với bà cô, từ sâu thẳm trái tim, những giọt nước mắt của bé Hồng là giọt nước mắt của lòng thương và nỗi hận, thương mẹ bao nhiêu thì hận những cổ tục đã đầy đọa mẹ bấy nhiêu. * *Lần thứ hai là những giọt nước mắt của hạnh phúc của mãn nguyện.* Gặp lại mẹ, những giọt nước mắt cứ vỡ òa tuôn trào không phải kìm nén trông chừng, không nghẹn ngào uất ức. Nước mắt ấy được thoái mái được bật ra thành tiếng nấc, nức nở trong tiếng dỗ dành ấm áp, thân quen của mẹ. Nước mắt tuôn trào từ niềm hạnh phúc, hân hoan, rạo rực trong tình mẫu tử thiêng liêng. * Vẻ đẹp của tâm hồn trẻ thơ. | **1,0**  **2,0**  **1,5** |
| + Hình tượng nước mắt trong đoạn trích mang ý nghĩa biểu tượng.  Qua hình tượng giọt nước mắt thể hiện cách nhìn đời, nhìn người bằng tình yêu thương và lòng nhân ái, sự cảm thông và lòng bao dung. | **0,5** |
| + Chương IV được nhà văn đặt tên “Trong lòng mẹ” Nguyên Hồng đã muốn bất tử hóa cái khoảnh khắc quý giá được ở trong lòng mẹ mà bé Hồng khao khát. |  |
| **3. Đánh giá khái quát:**  - Ngòi bút tinh tế của Nguyên Hồng lách sâu vào nội tâm nhân vật, để giọt nước mắt của nhân vật làm hiện lên trong đoạn trích một bức tranh cuộc sống chân thực và cảm động: đầy cay đắng, tủi cực nhưng cũng ngập tràn khao khát yêu thương, luôn hướng về tình người bao dung ấm áp. Sức hấp dãn của đoạn trích “Trong lòng mẹ” cũng như văn chương của Nguyên Hồng bắt rễ từ những cảm thông.  - Hình tượng nước mắt là hình tượng đẹp, có sức chứa lớn về tư tưởng, cảm xúc. Nó còn cho ta hiểu sâu hơn tài năng và tấm lòng nặng trĩu nhân tình thế thái, nỗi thương đời của nhà văn. | **1,0** |
| **d. *Sáng tạo***: cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng về vấn đề nghị luận. | **0,5** |
| **e. *Chính tả, dùng từ đặt câu****:* đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa tiếng Việt. | **0,5** |

**Lưu ý chung**:

1. Đây là đáp án mở, thang điểm có thể không qui định chi tiết đối với từng ý nhỏ, chỉ nêu mức điểm của phần nội dung lớn nhất thiết phải có.

2. Cho điểm tối đa theo thang điểm với những bài viết đáp ứng đầy đủ những yêu cầu đã nêu ở mỗi câu, đồng thời phải được triển khai chặt chẽ, diễn đạt lưu loát có cảm xúc.

3. Khuyến khích những bài viết có sáng tạo nhưng phải có căn cứ xác đáng và lí lẽ thuyết phục.

4. Không cho điểm cao đối với những bài nêu chung chung, sáo rỗng.

5. Đối với đoạn văn nghị luận xã hội nếu viết dài quá 1,5 trang giấy thi thì trừ 0,5 điểm. Nếu không có dẫn chứng trừ 0,5 điểm.

**ĐỀ 10:**

**KÌ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI**

**Năm học: 2020 - 2021**

**Môn thi: Ngữ văn - Lớp 8**

Thời gian: 150 phút **(**không kể thời gian giao đề)

**Câu 1: (*8,0 điểm*)**

**LỖI LẦM VÀ SỰ BIẾT ƠN**

*Hai người bạn cùng đi qua sa mạc. Trong chuyến đi, giữa hai người xảy ra cuộc tranh luận, một người nổi nóng không kiềm chế được mình đã nặng lời miệt thị người kia. Cảm thấy bị xúc phạm, anh không nói gì chỉ viết lên cát: "Hôm nay người bạn tốt nhất của tôi đã làm khác đi điều tôi suy nghĩ."*

*Họ đi tiếp và tìm thấy một ốc đảo và quyết định đi bơi. Người bị miệt thị lúc nãy bị đuối sức và chìm dần xuống. Người kia tìm cách cứu anh. Thoát khỏi vũng lầy, anh lấy một miếng kim loại khắc lên đá: "Hôm nay người bạn tốt nhất của tôi đã cứu sống tôi."*

*Người kia hỏi: "Tại sao khi tôi xúc phạm anh, anh lại viết lên cát, còn giờ anh lại khắc lên đá."*

*Anh ta trả lời: "Những điều viết lên cát sẽ mau chóng xóa nhòa theo thời gian, nhưng không ai có thể xóa những điều tốt đẹp đã được ghi tạc trên đá và lòng người."*

*Vậy mỗi chúng ta hãy học cách viết những nỗi đau buồn, thù hận lên cát và khắc ghi những ân nghĩa lên đá.*

(Hạt giống tâm hồn, tập 4, NXB Tổng hợp các tác phẩm Hồ Chí Minh, 2004)

**Em hãy trình bày suy nghĩ của mình về** ý nghĩa của câu chuyện trên.

**Câu 2: *(12 điểm)***

“***Những ngày thơ ấu*** *là dòng hồi ức đan xen cay đắng và ngọt ngào của chính nhà văn Nguyên Hồng”.*

Bằng hiểu biết của mình về tác phẩm và đặc biệt là đoạn trích “Trong lòng mẹ” của Nguyên Hồng, em hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.

***-------------------- Hết -------------------------***

**Ghi chú:**

***\* Thí sinh không sử dụng tài liệu.***

***\* Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.***

**HƯỚNG DẪN CHẤM THI HSG**

**Câu 1: *( 8,0 điểm )***

**1. Yêu cầu về kĩ năng**

- Biết cách làm bài nghị luận xã hội, biết kết hợp nhiều thao tác lập luận khác nhau.

- Bài văn có bố cục rõ ràng, mạch lạc. Kết cấu chặt chẽ, dẫn chứng chọn lọc, diễn đạt lưu loát, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp.

**2. Yêu cầu về kiến thức**

Học sinh có thể diễn đạt bằng nhiều cách khác nhau nhưng cần làm rõ được những nội dung cơ bản sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Bố cục** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **Mở bài** | - Dẫn dắt, giới thiệu vấn đề nghị luận chính xác, hấp dẫn.  - Vấn đề nghị luận: hãy học cách tha thứ và biết trân trọng, khắc sâu mãi mãi lòng biết ơn. | **0,75** |
| **Thân bài** | 1. **Giải thích ý nghĩa câu chuyện**   -“Học cách viết nỗi đau buồn, thù hận trên cát” nghĩa là học cách tha thứ cho những ai đó đã gây ra cho ta những đau buồn, tai họa, bất hạnh trong cuộc đời.  -“Học cách khắc ghi những ân nghĩa trên đá” nghĩa là luôn biết trân trọng là khắc sâu mãi mãi lòng biết ơn đối với những ai đã giúp đỡ ta, nhất là trong những hoàn cảnh éo le.  **b. Bàn luận**  - Đau buồn, thù hận là những điều không may, nỗi bất hạnh xảy ra không ai muốn. Đối với mỗi con người, trong cuộc đời ít nhiều cũng trải qua đau buồn, gặp những xung đột, mâu thuẫn có khi dẫn đến thù hận.  - Không tha thứ, bỏ qua, quên đi những chuyện đau buồn, oán hận, lỗi lầm người khác gây ra cho mình thì sẽ mãi gây ra mâu thuẫn, luôn sống trong thù hận, và gây thù hận cho nhau không chỉ ở thế hệ này mà còn ở cả các thế hệ sau.  - Ân nghĩa là những điều tốt, những điều luôn cần có trong mỗi con người. Ghi nhớ, không quên ân nghĩa là truyền thống đạo lí của dân tộc, góp phần xây dựng xã hội tốt đẹp.  - Dân tộc ta sống vốn trọng tình nghĩa, có lòng vị tha (“Đánh kẻ chạy đi không ai đánh người chạy lại”, “mình vì mọi người”)  **c. Đánh giá - mở rộng**  - Lời khuyên trên đúng với mỗi con người và luôn phù hợp với mỗi thời đại. Đây là một lời khuyên mang ý nghĩa nhân sinh sâu sắc. - Phê phán lối sống vô ơn, cũng như những kẻ nuôi dưỡng mầm mống của thù hận.  - Tuy nhiên, cần lưu ý rằng, đối với cái xấu, cái ác lộng hành, chúng ta không nên bàng quan, xem thường mà cần phải đấu tranh không khoan nhượng, có thế mới góp phần cái thiện tồn tại để phát triển và mới tạo điều kiện tốt cho những điều tốt đẹp, cho ân nghĩa trường tồn.  **d. Bài học nhận thức và hành động**  - Sống ân nghĩa và biết tha thứ là cách tốt nhất để nuôi dưỡng tâm hồn và làm cho cuộc sống của tatrở nên đẹp đẽ, thực sự có ý nghĩa. - Bản thân mỗi người cần nỗ lực vượt lên lòng thù hận, sống nhân ái, vị tha, biết trọng ân nghĩa,  - Đó là nét đẹp trong nhân cách làm người là cách ứng xử cao thượng trong cuộc sống thường ngày, từ những điều nhỏ nhất. | **0,75**  **0,75**  **0,5**  **0,5**  **0,5**  **0,5**  **0,75**  **0,5**  **0,5**  **0,75**  **0,25**  **0,25** |
| **Kết bài** | - Khẳng định chung về ý nghĩa mà câu chuyện đã nêu ra: Hãy học cách tha thứ và biết trân trọng, khắc sâu mãi mãi lòng biết ơn.  - Lời nhắn nhủ tới tất cả mọi người. | **0,75** |

**Câu 2 (*12 điểm*)**

**\* Yêu cầu về kỹ năng**

- Hiểu đề, biết cách làm bài văn nghị luận văn học. Bố cục rõ ràng, lập luận chặt chẽ. Hành văn trôi chảy. Bài văn viết có cảm xúc. Không mắc lỗi diễn đạt, dùng từ, ngữ pháp, chính tả.

**\* Yêu cầu về kiến thức**

- Học sinh có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng phải đảm bảo ý cơ bản sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Bè côc** | **Néi dung** | **BiÓu ®iÓm** |
| **Më bµi** | - DÉn d¾t, giíi thiÖu kh¸i qu¸t vÊn ®Ò nghÞ luËn  - Nªu vÊn ®Ò: Kí ức tuổi thơ cay đắng thiếu tình thương, khát khao tình mẹ của chính nhà văn Nguyên Hồng và niềm hạnh phúc ngọt ngào khi được cảm nhận tình mẫu tử thiêng liêng. (TrÝch dÉn ý kiÕn). | **1,0** |
| **Th©n bµi** | **a. Giới thiệu khái quát về tác giả, tác phẩm, đoạn trích.**  **b. Giải thích ý kiến**  - Dòng hồi ức: kí ức tuổi thơ.  - Dòng hồi ức đan xen cay đắng và ngọt ngào: kí ức tuổi thơ cay đắng thiếu tình thương, khát khao tình mẹ của chính nhà văn Nguyên Hồng và niềm hạnh phúc ngọt ngào khi được cảm nhận tình mẫu tử thiêng liêng.  - Ý kiến ngắn gọn nhưng đã nêu bật được giá trị nội dung của tác phẩm cũng như đoạn trích; cho thấy được những lời tâm sự, thiết tha, thầm kín, những hồi ức của một cái tôi đau khổ tự trình bày cuộc đời riêng tư của mình trên trang giấy một cách chân thành, tin cậy.  - Qua đây người đọc có thể cảm nhận được một hồn văn nhân ái.  **c. Phân tích, chứng minh ý kiến**  ***\* Dòng hồi ức cay đắng:***  - Hoàn cảnh nghiệt ngã chia lìa bé Hồng và người mẹ kính yêu:  + Cổ tục, định kiến nghiệt ngã khắt khe của xã hội, người đời.  ***+*** Nỗi khổ tâm của người mẹ: chồng chết rục bên bàn đèn thuốc phiện, con nhỏ, nợ nần cùng túng, chốn chạy cổ tục, định kiến để đi tha hương kiếm sống.  - Hoàn cảnh đáng thương của chú bé Hồng:  + Phải sống trong sự ghẻ lạnh đến cay nghiệt của chính những người họ hàng, thiếu thốn tình thương, khao khát tình mẹ.  + Tâm hồn trẻ thơ phải chịu những vết thương lòng đau nhói.  + D/c: về những lời nói cay nghiệt của bà cô; tâm trạng nhẫn nhục, cam chịu, xót xa cay đắng, tủi nhục của bé Hồng khi phải chịu đựng những tra tấn về tinh thần; cảm giác tủi thân khi không đc sống trong vòng tay yêu thương của mẹ ...  - Từng câu chữ, hình ảnh trong đoạn trích chan chứa nỗi đau, tình cảm chân thành thống thiết.  ***\* Dòng hồi ức ngọt ngào:***  - Giây phút gặp lại mẹ: tiếng gọi mẹ thống thiết và nỗi sợ hãi mơ hồ diễn giải đầy đủ khao khát cháy bỏng trong tâm hồn đứa trẻ thiếu thốn tình thương.  - Niềm hạnh phúc trong lòng mẹ:  + Hình ảnh người mẹ hiện lên đẹp giản dị bằng tất cả cảm xúc ngọt ngào nhất và tấm lòng yêu kính mẹ vô bờ.  + Cảm nhận niềm hp trong vòng tay mẹ: được bảo bọc ôm ấp, được cảm thấy bé bỏng, yếu đuổi cần chở che; thỏa niềm khao khát, nhớ mong mẹ bao ngày. (D/c: những cảm xúc tinh tế...)  - Cảm xúc được đẩy lên cao trào - một nét phong cách “văn nóng” sở trường của Nguyên Hồng, không che đậy được tình cảm thực.  **d. Bình luận, mở rộng**  - Khẳng định ý kiến là đúng đắn.  - Ý kiến đã cho thấy giá trị nhân đạo của tác phẩm...  - Thái độ đối với tác phẩm và nhà văn (với tư cách là bạn đọc). | **0,5**  **0,25**  **0,75**  **0,75**  **0,25**  **1,5**  **1,5**  **0,5**  **1,0**  **1,5**  **0,5**  **1,0** |
| **KÕt bµi** | - Khẳng định lại vẻ đẹp mang tính nhân văn sâu sắc của tp qua đoạn trích “***Những ngày thơ ấu*** *là dòng hồi ức đan xen cay đắng và ngọt ngào của chính nhà văn Nguyên Hồng”.*  - Thông điệp gửi tới người đọc. | **1,0** |

***Lưu ý:***

- Giám khảo nắm vững yêu cầu của hướng dẫn chấm để đánh giá tổng quát bài làm của thí sinh.

- Cần khuyến khích những bài có chất văn, lËp luËn th«ng minh, giµu c¶m xóc, những suy nghĩ và cách trình bày sáng tạo.

- Điểm lẻ toàn bài tính đến 0,25.

**ĐỀ 1:**

**ĐỀ THI HSG NGỮ VĂN 8 HUYỆN**

**NĂM HỌC 2018-2019**

Thời gian: 150 phút (không kể giao đề)

**ĐỀ BÀI**

**Câu 1**: Qua bài thơ *Tức cảnh Pác Bó* (Ngữ văn 8, tập II) có thể thấy rõ Bác Hồ cảm thấy vui thích, thoải mái khi sống giữa thiên nhiên. Nguyễn Trãi cũng đã từng ca ngợi “thú lâm tuyền” trong bài thơ *Côn Sơn ca* (Ngữ văn 7, tập I) mà em đã được học. Em hãy cho biết “thú lâm tuyền” (từ Hán Việt: *lâm* là *rừng*, *tuyền* là *suối*) ở Nguyễn Trãi và ở Hồ Chí Minh có gì giống và khác nhau ?

***Câu 2 :*** *(2 điểm)*

Hãy phân tích giá trị của các biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong khổ thơ sau:

“*Chiếc thuyền nhẹ hăng như con tuấn mã*

*Phăng mái chèo mạnh mẽ vượt trường giang*

*Cánh buồm giương to như mảnh hồn làng*

*Rướn thân trắng bao la thâu góp gió*”.

*(Quê hương - Tế Hanh)*

***Câu 3 :*** *(6 điểm)*

Tiểu thuyết Tắt đèn của nhà văn Ngô Tất Tố có nhiều nhân vật, nhưng chị Dậu là một hình tượng trung tâm, là linh hồn của tác phẩm có giá trị hiện thực. Bởi chị Dậu là hình ảnh chân thực, đẹp đẽ của người phụ nữ nông dân Việt Nam trước cách mạng tháng tám năm 1945.

Bằng những hiểu biết của em về tác phẩm “Tắt đèn” của Ngô Tất Tố, hãy làm sáng tỏ nhận định trên.

**Hướng dẫn làm bài:**

**Câu 1**:

|  |  |
| --- | --- |
|  | - Bài thơ cho ta thấy Bác Hồ cảm thấy vui vẻ, thoải mái, thích thú khi được sống giữa non xanh nước biếc. Niềm vui thích đó, người xưa gọi là “thú lâm tuyền”  - Trong thơ cổ có cả một mảng sáng tác về “thú lâm tuyền”  + Nguyễn Bỉnh Khiêm đã từng viết :  *Trúc biếc nước trong ta sẵn có*  *Phong lưu rất mực khó ai bì.*  + Nguyễn Trãi trong bài *Côn Sơn ca* nổi tiếng đã viết rằng :  *Côn Sơn suối chảy rì rầm*  *Ta nghe như tiếng đàn cầm bên tai.*  *Côn Sơn có đá rêu phơi*  *Ta ngồi trên đá như ngồi chiếu êm*  - Yêu thiên nhiên là một nét đặc trưng bản chất con người Hồ Chí Minh, chỉ có điều “thú lâm tuyền” của Người có những nét giống và khác so với Nguyễn Trãi :  *+ Giống nhau :*  Cả hai đều thích hoà hợp với thiên nhiên, cảnh vật, đều vui thú với rừng núi, suối khe, đều tìm thấy trong chốn lâm tuyền một cuộc sống thanh cao hợp với cách sống của mình  + *Khác nhau :* “Thú lâm tuyền” ở Nguyễn Trãi mang tư tưởng của một ẩn sĩ muốn tìm đến chốn rừng suối để ẩn dật, để quên đi những vinh nhục của đời  người, để lánh xa cõi đời nhơ bẩn và để ngâm thơ nhàn  Còn “thú lâm tuyền” của Hồ Chí Minh lại mang tư tưởng của một người chiến sĩ cách mạng. Ta thấy giữa Pác Bó, Bác vẫn dịch sử Đảng để chuẩn bị cho phong trào cách mạng của dân tộc đang sắp bước sang những trang mới quyết định  - Như vậy, có thể nói, nhận thức sâu sắc về vẻ đẹp của cuộc đời cách mạng cùng với “thú lâm tuyền” đã làm nên giọng điệu đùa vui của bài thơ, từ đó mà ta nhận ra cái hồn của thi nhân trong tác phẩm : với Người, làm cách mạng và sống hoà hợp với thiên nhiên là một niềm vui lớn  **Câu 1 :** (2điểm)  Tác giả sử dụng dụng biện pháp so sánh hùng tráng, bất ngờ ví “*chiếc thuyền”* như *“con tuấn mã”* và cánh buồm như *“mảnh hồn làng”* đã tạo nên hình ảnh độc đáo; sự vật như được thổi thêm linh hồn trở nên đẹp đẽ.  - Phép so sánh đã gợi ra một vẻ đẹp bay bổng, mang ý nghĩa lớn lao thiêng liêng, vừa thơ mộng, vừa hùng tráng. Cánh buồm còn được nhân hóa như một chàng trai lực lưỡng đang “rướn” tấm thân vạm vỡ chống chọi với sóng gió***.*** (1điểm)  - Một loạt từ : Hăng, phăng, vượt... được diễn tả đầy ấn tượng khí thế hăng hái, dũng mãnh của con thuyền ra khơi***.*** (0.5 điểm)  - Việc kết hợp linh hoạt và độc đáo các biện pháp so sánh, nhân hóa , sử dụng các động từ mạnh đã gợi ra trước mắt người đọc một phong cảch thiên nhiên tươi sáng, vừa là bức tranh lao động đầy hứng khởi và dạt dào sức sống của người dân làng chài. (0,5điểm) |

**Câu 2**: (6 điểm)

1.***Yêu cầu về hình thức***

\* Viết đúng thể loại chứng minh về một nhận định văn học.

* Bố cục đảm bảo rõ ràng mạch lạc , lập luận chặt chẽ.
* Trình bày sạch sẽ, chữ viết rõ ràng, đúng chính tả, ngữ pháp.

2.***Yêu cầu về nội dung*** (6 điểm)

Chứng minh làm rõ những phẩm chất của nhân vật chị Dậu, người phụ nữ nông dân Việt Nam dưới chế độ phong kiến trước năm 1945 .

|  |  |
| --- | --- |
|  | a) *Mở bài* (1 điểm):  - Giới thiệu khái quát tác giả , tác phẩm.  - Tiểu thuyết Tắt đèn có nhiều nhân vật nhưng chị Dậu là một hình tượng trung tâm, là linh hồn của tác phẩm Tắt đèn. Bởi chị Dậu là hình ảnh chân thực đẹp đẽ về người phụ nữ nông dân Việt Nam trước cách mạng tháng tám 1945. |
|  | b) *Thân bài* (4 điểm):  \* Làm rõ những phẩm chất đáng quý của chị Dậu.  - Chị Dậu là một người có tinh thần vị tha, yêu thương chồng con tha thiết.  + Khi anh Dậu bị bọn cai lệ và người nhà lí trưởng đánh đập hành hạ chết đi sống lại chị đã chăm sóc chồng chu đáo.  + Chị đã tìm mọi cách để bảo vệ chồng.  + Chị đau đớn đến từng khúc ruột khi phải bán con để có tiền nộp sưu.  - Chị Dậu là một người đảm đang tháo vát: đứng trước khó khăn tưởng chừng  như không thể vượt qua, phải nộp một lúc hai suất sưu, anh Dậu thì ốm đau, đàn con bé dại... tất cả đều trông vào sự chèo chống của chị.  - Chi Dậu là người phụ nữ thông minh sắc sảo:    Khi bọn cai lệ định xông vào trói chồng – Chị đã cố van xin chúng tha cho chồng nhưng không được. => chị đã đấu lý với chúng  “ Chồng tôi đau ốm, các ông không được phép hành hạ”.  - Chị Dậu là người phụ nữ có tinh thần quật khởi, ý thức sâu sắc về nhân phẩm.  + Khi cai lệ và người nhà Lí trưởng có hành động thô bạo với chị, với chồng chị, chị đã vùng lên quật ngã chúng.  + Mặc dù điêu đứng với số tiền sưu nhưng chị vẫn sẵn sàng ném nắm giấy bạc và mặt tên tri phủ Tri Ân. Hai lần bị cưỡng hiếp chị vẫn thoát ra được.Đây chính là biểu hiện đẹp đẽ về nhân phẩm của tinh thần tự trọng. |
|  | c) *Kết bài* (1điểm)  Khái quát khẳng định về phẩn chất nhân vật:  - Yêu thương chồng con, thông minh sắc sảo, đảm đang tháo vát, có tinh thần quật khởi, ý thức sâu sắc về nhân phẩm...  - Nhân vật chị Dậu toát lên vẻ đẹp mộc mạc của người phụ nữ nông dân đẹp người, đẹp nết.  - Hình tượng nhân vật chị Dậu là hình tượng điển hình của phụ nữ Việt Nam trước cách mạng tháng 8 năm 1945.  - Tác phẩm “Tắt đèn” của Ngô Tất Tố không chỉ là tác phẩn có giá trị hiện thực mà còn có giá trị nhân đạo sâu sắc, là tác phẩm tiêu biểu của văn học hiện thực phê phán.  -Liên hệ thực tế. |

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

***ĐỀ SỐ 2***

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐỀ CHÍNH THỨC** | **KÌ THI HỌC SINH GIỎI CẤP HUYỆN**  **Năm học 2018 – 2019**  *Thời gian 150 phút (không kể thời gian phát đề)* |

**PHẦN I. ĐỌC HIỂU** (3.0 điểm)

Đọc bài viết giới thiệu về tiểu thuyết Một lít nước mắt (Aya Kitou) và trả lời các câu hỏi.

"Một lít nước mắt"*kể về cuộc đời của cô bé Aya Kitou. Aya Kitou chỉ sống trên cõi đời vỏn vẹn hơn 20 năm do bản thân mắc phải căn bệnh hiểm nghèo quái ác mang tên “Thoái hóa tiểu não”. Căn bệnh đã khiến tương lai của cô là một con đường hẹp và ngày càng trở nên hẹp hơn. Thậm chí, việc tự mình bước đi, tự tay làm một điều gì đó cũng trở nên quá xa vời đối với cô gái nhỏ. Căn bệnh ngày càng phát triển khiến cô mất đi khả năng kiểm soát cơ thể mình, mới đầu chỉ là khó khăn trong việc đi lại, dần dần Aya phải ngồi xe lăn, không thể cầm đũa hay không phát âm theo ý muốn được nữa. Cuối cùng, cô bé phải nằm liệt giường.*

*Việc viết nhật ký mới đầu chỉ là phương pháp điều trị để Aya có thể phần nào điều khiển cơ thể mình và cũng để bác sĩ theo dõi tốc độ phát triển bệnh. Nhưng dần dần cuốn nhật ký lại trở thành một phần không thể thiếu trong cuộc sống của cô. Trong suốt 6 năm kiên trì viết nhật ký, cô kể về những cảm nhận và suy tư của bản thân trong suốt thời gian chứng kiến cơ thể mình từng bước từng bước gánh lấy một số phận đau đớn.*

*Đọc "*Một lít nước mắt"*, ta thấy hình ảnh một cô bé tật nguyền về cơ thể nhưng lại có sự mạnh mẽ phi thường. Không phải cô cố gắng thể hiện mình như một anh hùng mà nghị lực của Aya chỉ đơn giản là sự cố gắng nhỏ bé nhằm chống chọi lại căn bệnh quái ác đang ngày ngày tàn phá cơ thể mình. Sự yêu đời, nâng niu cuộc sống trong Aya được thể hiện qua những sở thích bình dị nhất như ngắm nhìn bầu trời xanh, đọc sách hay ước mơ nhỏ nhoi được về nhà thăm gia đình… Dù cơ thể tật nguyền nhưng Aya chưa bao giờ từ bỏ con đường tìm kiếm giá trị bản thân.*

"Một lít nước mắt"*– hãy đọc để thấu hiểu, thông cảm cho những người không may mắn và để nhìn lại bản thân mình, để sống trọn vẹn và ý nghĩa hơn.* (Theo Internet)

**Câu 1.** Chỉ ra phương thức biểu đạt chính của văn bản trên.

**Câu 2.** Câu *Căn bệnh đã khiến tương lai của cô là một con đường hẹp và ngày càng trở nên hẹp hơn* sử dụng biện pháp nghệ thuật gì? Tác dụng của biện pháp nghệ thuật đó?

**Câu 3.** Xác định kiểu hành động nói được thực hiện trong câu: "Một lít nước mắt"*– hãy đọc để thấu hiểu, thông cảm cho những người không may mắn và để nhìn lại bản thân mình, để sống trọn vẹn và ý nghĩa hơn.*

**PHẦN II. LÀM VĂN**

**Câu 1.** (7.0 điểm) Qua văn bản ở Phần Đọc hiểu, em có suy nghĩ gì về quan điểm sống: *biết thấu hiểu, cảm thông cho những người không may mắn và từ đó nhìn lại bản thân mình, sống có ý nghĩa hơn*?

**Câu 2.** (10.0 điểm)

*Nhà văn phải biết khơi lên ở con người niềm trắc ẩn, ý thức phản kháng cái ác; cái khát vọng khôi phục và bảo vệ những cái tốt đẹp.* (Ai-ma-tốp)

Hãy làm sáng tỏ ý kiến trên bằng đoạn trích *Tức nước vỡ bờ* (trích *Tắt đèn*)của Ngô Tất Tố (Ngữ văn 8, tập 1, Nxb Giáo dục, 2004).

**------------Hết------------**

*(Thí sinh không được sử dụng tài liệu)*

|  |  |
| --- | --- |
|  | **HƯỚNG DẪN CHẤM** |

**PHẦN I. ĐỌC HIỂU**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung yêu cầu** | **Điểm** |
| **1** | Phương thức biểu đạt chính: thuyết minh | 0.5 |
| **2** | Biện pháp nghệ thuật:  So sánh: *Căn bệnh đã khiến tương lai của cô /* ***là*** */ một con đường hẹp và ngày càng trở nên hẹp hơn*  -> Tác dụng: giúp câu thơ tăng tính hàm súc, gợi cảm, gợi hình, giúp người đọc hình dung rõ về tương lai ngày càng bị bó chặt, giam hãm trong căn bệnh hiểm nghèo của Aya Kitou. | 0.75  0.75 |
| **3** | Hành động nói: điều khiển (cầu khiến) | 1.0 |
| **Tổng điểm** | | **3.0** |

**PHẦN II. LÀM VĂN**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung yêu cầu** | **Điểm** |
|  | **I. Yêu cầu về kĩ năng**  - Học sinh biết cách làm bài văn nghị luận.  - Bài làm có bố cục rõ 3 phần, hệ thống ý sáng tỏ, hợp lí, hoàn chỉnh.  - Diễn đạt chính xác, mạch lạc; lập luận chặt chẽ, thuyết phục; ít mắc lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp. |  |
| **II. Yêu cầu về nội dung**  *Học sinh có thể sắp xếp, kết hợp nhiều thao tác lập luận để làm bài văn nghị luận, sau đây là một số gợi ý mang tính định hướng:* |
| **1** | **a. Giải thích**  - Giải thích:  + Thấu hiểu, cảm thông: đặt mình vào vị trí người khác, nhận biết, hiểu một cách đầy đủ, sâu sắc suy nghĩ, cảm xúc, hoàn cảnh của người đó.  + Nhìn lại bản thân mình: đánh giá lại bản thân (để biết mình đã sống như thế nào, đã làm được gì, có gì...).  + Sống có ý nghĩa: sống có đam mê, hoài bão, có nghị lực, làm được những điều tốt đẹp...  - Ý nghĩa vấn đề (sự thấu hiểu, cảm thông cho những người không may mắn và từ đó nhìn lại bản thân mình, sống có ý nghĩa hơn): Hãy biết quan tâm, yêu thương người khác và trân trọng những gì mình đang có để có cuộc sống tốt đẹp. | 1.5 |
| **b. Bàn luận về vấn đề**  - Xung quanh chúng ta có rất nhiều người kém may mắn, vì vậy, chúng ta cần có sự thấu hiểu, chia sẻ.  +) Ý nghĩa của sự thấu hiểu, chia sẻ:  + Đối với người không may mắn: có thêm động lực, nguồn lực để vượt qua khó khăn.  + Đối với chúng ta: được mọi người yêu thương.  + Đối với xã hội: tạo nên một xã hội nhân văn, gắn kết.  +) Thấu hiểu, chia sẻ không chỉ trong nhận thức mà còn bằng hành động.  - Cần thấy mình may mắn hơn rất nhiều người, từ đó có nghị lực, bản lĩnh, vươn lên vượt qua hoàn cảnh cũng như trân trọng những gì đang có, biết yêu cuộc sống, nhiệt tình học tập, làm việc và cống hiến.  => Khẳng định đây là quan điểm đúng đắn. | 4.0 |
| **c. Bài học, liên hệ mở rộng**  - Bài học:  + Biết đồng cảm, chia sẻ với cộng đồng xung quanh, không nên sống vô cảm, ích kỉ.  + Biết trân trọng bản thân, sống có ích, có ý nghĩa, không đầu hàng số phận, hoàn cảnh.  - Liên hệ bản thân. | 1.5 |
| **2** | **a. Giải thích**  Nhà văn qua tác phẩm - nơi kết tinh tư tưởng, tình cảm và tài năng của mình, sẽ khơi lên ở người đọc:  - sự đồng điệu, đồng cảm để có thể hiểu, chia sẻ, thương xót trước nỗi đau của người khác (niềm trắc ẩn);  - ý thức phản kháng cái ác khi nhà văn phô bày, lên án cái xấu, cái ác;  - sự tự hào về những phẩm chất tốt đẹp của nhân vật, từ đó nảy sinhkhát vọng khôi phục và bảo vệ những điều tốt đẹp của con người.  => Ý nghĩa câu nói của Ai-ma-tốp: Vai trò của nhà văn, của tác phẩm văn học trong việc nhân đạo hóa con người.  **b. Làm sáng tỏ nhận định qua đoạn trích *Tức nước vỡ bờ***  - Hoàn cảnh ngặt nghèo, bế tắc của gia đình chị Dậu (dẫn chứng) => gợi lên sự đồng cảm, xót thương của người đọc về nỗi thống khổ của gia đình chị Dậu, của người nông dân Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám.  - Bọn tay sai: hống hách, hung hãn, thô tục nhưng hèn kém, yếu ớt... (dẫn chứng) -> vạch trần, lên án sự tàn ác của xã hội thực dân phong kiến đương thời.  Chị Dậu: phản kháng khi bị đẩy đến đường cùng (đấu lí, đanh thép cảnh cáo, chống trả) (dẫn chứng). | 2.0  6.0 |
| -> Khơi dậy cảm xúc căm giận trước cái xấu đồng thời thôi thúc, cổ vũ con người hành động chống lại cái xấu, cái ác như hành động của người phụ, người nông dân vốn yếu thế trong xã hội cũ.  - Những phẩm chất tốt đẹp của chị Dậu - người phụ nữ, người nông dân Việt Nam (dẫn chứng) => từ sự cảm thương, căm giận và khâm phục, người đọc có mong muốn, khát vọng chân chính là khôi phục, gìn giữ và bảo vệ những điều tốt đẹp ấy.  => Giá trị nhân đạo của tác phẩm, tinh thần nhân đạo của nhà văn Ngô Tất Tố. |  |
| **c. Đánh giá, mở rộng**  - Khẳng định tính đúng đắn của nhận định; khẳng định lại vai trò, trách nhiệm, phẩm chất của một nhà văn chân chính (kết hợp giữa tâm và tài...); khẳng định giá trị của tác phẩm *Tắt đèn*.  - Liên hệ mở rộng một số tác phẩm khác.  - Liên hệ quan điểm, ứng xử của bản thân trước cái xấu, cái ác cũng như những điều tốt đẹp trong cuộc sống từ những cảm xúc, bài học mà các tác phẩm văn học mang lại (biết yêu, ghét, cổ vũ, phản kháng...). | 2.0 |
| **Tổng điểm** | | **17.0** |

***ĐỀ3* KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI CẤP HUYỆN**

**NĂM HỌC 2018-2019**

**MÔN THI: NGỮ VĂN 8**

**Phần I. Đọc hiểu (4,0 điểm)**

Câu 1 (4,0 điểm)

Có một lần, tại một trường trung học, ngài hiệu trưởng đến gặp các em học sinh để nói chuyện. Trong khi nói, ông giơ lên cho các em thấy một tờ giấy trắng, trên đó có một chấm tròn đen ở một góc nhỏ và hỏi:

- Các em có thấy đây là gì không?

Tức thì cả hội trường vang lên:

- Đó là một dấu chấm.

Ngài hiệu trưởng hỏi lại:

- Thế không ai nhận ra đây là một tờ giấy trắng ư? Ngài kết luận:

- Thế đấy con người luôn luôn chú ý đến những lỗi nhỏ nhặt mà quên đi tất cả những phẩm chất tốt đẹp còn lại. Khi phải đánh giá một sự việc hay là một con người, thầy mong các em sẽ chú ý đến tờ giấy trắng nhiều hơn là những vết bẩn có trên nó.

 (Tờ giấy trắng - Quà tặng cuộc sống)

Câu 1. Xác định những phương thức biểu đạt được sử dụng trong văn bản trên.

Câu 2. Nội dung chính mà văn bản trên muốn đề cập đến là gì? Dựa vào nội dung đó, hãy đặt cho văn bản một nhan đề khác.

Câu 3. Trong lời khuyên của thầy giáo, hình ảnh “vết đen” tượng trưng cho điều gì?

Câu 4. Theo em việc chỉ “chú tâm đến những lỗi lầm nhỏ nhặt của người khác mà quên đi những phẩm chất tốt đẹp của họ” thể hiện một cách đánh giá con người như thế nào?

**II. làm văn (16,0 điểm)**

Câu 1 : (6,0 điểm) Từ câu chuyện trên em hãy viết bài văn nghị luận xã hội (khoảng 500 từ) trình bày suy nghĩ của em về vấn đề được đặt ra từ câu chuyện trên.

Câu 2 (10,0 điểm)

Làm sáng tỏ ý kiến “Với tác phẩm Tắt đèn, Ngô Tất Tố đã xui người nông dân nổi loạn”.

--------------------- Hết ---------------------

(Thí sinh không được sử dụng tài liệu; cán bộ coi thi không giải thích gì thêm)

***HƯỚNG DẪN CHẤM***

|  |
| --- |
| **Viết bài văn nghị luận xã hội trình bày suy nghĩ của em về câu chuyện “Tờ giấy trắng”** |
| **\* Yêu cầu về kỹ năng:**  - Biết cách làm bài văn nghị luận xã hội. Bố cục và hệ thống ý sáng rõ. Biết vận dụng phối hợp nhiều thao tác nghị luận.  - Hành văn trôi chảy, lập luận chặt chẽ, dẫn chứng chọn lọc, thuyết phục. Không mắc các lỗi diễn đạt, dùng từ, ngữ pháp, chính tả.  **\* Yêu cầu về kiến thức:**  Học sinh có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng phải đảm bảo các ý cơ bản sau: |
| **Mở bài:** Dẫn dắt, giới thiệu vấn đề nghị luận |
| **Thân bài:** |
| **- Giải thích ý nghĩa câu chuyện:**  + Câu chuyện về một tờ giấy trắng không hoàn hảo vì có một dấu chấm đen nhỏ. Câu chuyện đem lại bài học sâu sắc về cách đánh giá và nhìn nhận một con người.  + Con người trong cuộc sống không ai là hoàn hảo. Vì thế, khi nhìn nhận đánh giá một con người phải nhìn nhận ở nhiều phương diện: bề nổi, bề sâu, nhất là những mặt tốt mang tính căn bản.  => Phải nhìn cuộc sống bằng tình thương, sự bao dung. |
| **- Bình luận:**  + Trong cuộc sống, con người luôn phải hoạt động và giao tiếp. Quá trình hoạt động và giao tiếp đó, người ta khó tránh khỏi những sai lầm vì một lí do nào đó. (Dẫn chứng).  + Khi phê bình hay đánh giá một con người hay một sự việc nào đó, ta không nên chỉ nhìn một cách phiến diện, hời hợt, chỉ nhằm vào những sai lầm mà họ vô tình mắc phải, mà phải nhìn một cách toàn diện, nhìn bằng đôi mắt của tình thương và lòng vị tha, “cố tìm để hiểu” những mặt tốt đẹp ẩn sâu trong con người. (Dẫn chứng)  + Cách nhìn nhận đa chiều bằng đôi mắt của tình thương và sự bao dung sẽ tích cực giúp con người thức tỉnh, giác ngộ. (Dẫn chứng) |
| ***- Đánh giá, mở rộng vấn đề:***  + Câu chuyện ngắn gọn nhưng đem đến cho ta bài học nhân sinh sâu sắc về cách nhìn nhận đánh giá về con người và cuộc đời bằng đôi mắt của tình thương, bao dung.  + Phê phán những kẻ sống ích kỷ, thiếu thiện chí khi nhìn nhận đánh giá người khác.  + Phê phán người khác thì trước hết bản thân mình phải là người có đạo đức, nhân cách; biết đánh giá đúng lúc, đúng chỗ.  + Đánh giá bằng sự bao dung độ lượng không có nghĩa là thỏa hiệp với cái sai, cái xấu. Trước cái ác, cái xấu cần có thái độ đấu tranh nghiêm túc, triệt để. |
| **Kết bài:**  - Khẳng định lại ý nghĩa câu chuyện  - Bài học nhận thức và hành động cho bản thân. |

*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\**

**ĐỀ 4:**

**ĐỀ THI HSG HUYỆN**

**NGỮ VĂN 8**

**NĂM HỌC 2018-2019**

Thời gian: 150 phút

**Câu 1 (8,0 điểm).** Hãy trình bày suy nghĩ của em sau khi đọc câu chuyện sau:

**Ổ khóa và chìa khóa - Cái nào quan trọng hơn?**

*Một đêm nọ, ổ khóa thức chìa khóa dậy rồi trách móc: "Ngày nào tôi cũng vất vả giữ nhà cho chủ nhân, thế mà chủ nhân lại thích anh, lúc nào cũng mang theo anh bên mình, thật ghen tỵ với anh quá!" Còn chìa khóa cũng không phục: "Ngày nào anh cũng ở nhà, chơi bời thoải mái, thật là nhàn hạ chứ không như tôi cứ lặn lội gió mưa vô cùng cực khổ, tôi càng ghen tỵ với anh hơn đấy!".*

*Có một lần, chìa khóa cũng muốn được hưởng thụ cảm giác nhàn hạ của ổ khóa nên tự mình giấu mình đi. Sau khi chủ nhân về không tìm thấy chìa khóa nên tức giận đập ổ khóa rồi vứt nó vào thùng rác. Sau khi vào phòng, chủ nhân lại tìm thấy chìa, ông ta lại tức giận nói rằng: "Ổ khóa vứt rồi giờ giữ lại nhà ngươi còn có ích gì nữa". Nói xong, chủ nhân liền vứt chìa vào thùng rác.*

*Trong thùng rác, ổ khóa và chìa khóa gặp lại nhau, cả hai cùng than thở: "Hôm nay cả hai chúng ta đều rơi vào hoàn cảnh như thế này là vì chúng ta đều không nhận ra giá trị cũng như công sức của đối phương mà lại đứng núi này trông núi nọ, lúc nào cũng tính toán chi li, đố kỵ lẫn nhau, nghi ngờ lẫn nhau".*

**Câu 2 (12 điểm).** Nhà văn Nguyễn Tuân viết: *“Trên cái tối giời tối đất của đồng lúa ngày xưa, hiện lên một cái chân dung lạc quan của chị Dậu”.*

Qua đoạn trích *“Tức nước vỡ bờ”* và những hiểu biết của em về tác phẩm *“Tắt đèn”* em hãy chứng minh ý kiến trên của nhà văn Nguyễn Tuân.

-------------------- Hết---------------------

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung cần đạt** | **Điểm** |
| **Câu 1** |  | **8,0 đ** |
|  | **A. Về kĩ năng**: Học sinh biết cách làm bài văn nghị luận xã hội: lập luận chặt chẽ, có sức thuyết phục; văn viết mạch lạc, trong sáng; không mắc lỗi chính tả, dùng từ hoặc đặt câu. |  |
|  | **B. Về kiến thức:** Học sinh có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng cần đảm bảo các nội dung cơ bản sau:  1. Giới thiệu được câu chuyện và vấn đề nghị luận | 1,0 đ |
| 2. Phân tích, bàn luận mở rộng vấn đề:  - Câu chuyện ngắn gọn nhưng hàm chứa bao ý nghĩa lớn lao về cuộc sống thông qua hình ảnh cái khóa và chìa khóa. |  |
| *\* Vấn đề nghị luận*: Sự ghen ghét đố kị là tính xấu của con người. | 0,5 đ |
| *\* Biểu hiện của ghen ghét, đố kị:*  - Những người có lòng đố kị thường tỏ ra khó chịu khi người khác hơn mình. Biểu hiện là cảm giác bực bội tức tối khi thấy người khác hơn mình, ghen ghét khi thấy người khác giỏi hơn mình (dẫn chứng) “*ổ khóa thức chìa khóa dậy rồi trách móc: "Ngày nào tôi cũng vất vả giữ nhà cho chủ nhân, thế mà chủ nhân lại thích anh, lúc nào cũng mang theo anh bên mình, thật ghen tỵ với anh quá”. Còn chìa khóa cũng không phục: "Ngày nào anh cũng ở nhà, chơi bời thoải mái, thật là nhàn hạ chứ không như tôi cứ lặn lội gió mưa vô cùng cực khổ, tôi càng ghen tỵ với anh hơn đấy!".*  - Thậm chí người đố kị còn đặt điều nói xấu, bôi nhọ thanh danh và luôn tìm cách hãm hại người tốt hơn, giỏi hơn mình…. | 1,5 đ |
| *\* Nguyên nhân của ghen ghét, đố kị:*  - Nguyên nhân xuất phát từ sự thiếu tự tin, mặc cảm, tự ti nhưng lại tự cao, tự đại. Xuất phát từ những người luôn bất mãn với cuộc sống của bản thân và ghen tị với người khác (dẫn chứng)…... | 2,0 đ |
| *\* Hậu quả của ghen ghét, đố kị*  - Sự ganh ghét, đố kị sẽ có ít thời gian để nhận ra và hưởng thụ những điều tốt đẹp trong cuộc sống của chính mình, người ghen ghét đố kị sống không thoải mái.  - Sự ganh ghét, đố kị sẽ phá hoại mối quan hệ giữa người với người. Vì ganh ghét, đố kị mà hòa khí bị rạn nứt, đổ vỡ gây hậu quả, sức mạnh đoàn kết và sự hợp tác của tập thể bị tổn thương. (dẫn chứng) “*Có một lần, chìa khóa cũng muốn được hưởng thụ cảm giác nhàn hạ của ổ khóa nên tự mình giấu mình đi. Sau khi chủ nhân về không tìm thấy chìa khóa nên tức giận đập ổ khóa rồi vứt nó vào thùng rác. Sau khi vào phòng, chủ nhân lại tìm thấy chìa, ông ta lại tức giận nói rằng: "Ổ khóa vứt rồi giờ giữ lại nhà ngươi còn có ích gì nữa". Nói xong, chủ nhân liền vứt chìa vào thùng rác.”*  - Trong xã hội hiện nay, sự cạnh tranh ngày càng gay gắt, mối quan hệ giữa người với người ngày càng phức tạp, tâm lý ganh ghét, đố kị  càng trở nên phổ biến. Nó xuất hiện ở nhiều nơi, khắp mọi lĩnh vực…  - Lòng ganh ghét, đố kị còn cản trở con người phát triển tài năng. Trong một tập thể chỉ cần nảy sinh một chút lòng ganh ghét, đố kỵ là nội bộ lủng củng, mất đoàn kết, mọi người không sao sống thân thiện, thoải mái, chân tình với nhau, nhân tài sẽ không có môi trường thuận lợi để phát huy tác dụng.  - Trong cuộc sống còn có rất nhiều người sống nhân ái, rộng lượng, giàu tình yêu thương *(dẫn chứng).*  - Con người phải biết sống nhân ái, giàu lòng yêu thương, biết vui với niềm vui, thành quả của người khác. Hãy cố gắng nỗ lực, có động lực, mục tiêu vươn lên trong cuộc sống…. | 2,0 đ |
| \* Bài học cho bản thân | *1,0 đ* |
| **Câu 2** |  | **12 đ** |
|  | **A. Về kĩ năng**: Học sinh biết cách làm bài văn nghị luận: lập luận chặt chẽ, có sức thuyết phục; văn viết mạch lạc, trong sáng; không mắc lỗi chính tả, dùng từ hoặc đặt câu |  |
| **B. Về kiến thức:** Học sinh có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng cần đảm bảo các nội dung cơ bản sau:  ***1. Giới thiệu*** :  - Nhà văn Ngô Tất Tố, tiểu thuyết *“Tắt đèn”,* nhân vật chị Dậu.  - Nhận định về nhận xét của Nguyễn Tuân | 1,0 đ |
|  | ***2. Giải thích, chứng minh, phân tích, bàn luận vấn đề:***  **\* Giải thích** “*cái tối giời tối đất của đồng lúa ngày xưa*”  *+*  Làng Đông Xá giữa mùa sưu thuế (tiếng trống, tiếng tù và, tiếng mõ đốc sưu nổi lên suốt đêm ngày. Cổng làng bị bọn cường hào đóng chặt để tróc sưu. Bọn cai lệ,bọn tay chân người nhà lý trưởng với roi mây, tay thước, dây thừng nghênh ngang đi lại bắt trói kẻ thiếu sưu. Lý trưởng ra lệnh *“ tha hồ đánh, tha hồ trói. Thằng nào bướng bỉnh đánh chết vô tội vạ.”*  + Nhà chị Dậu (nghèo nhất nhì hạng cùng đinh. Anh Dậu vì tội thiếu sưu mà bị *“ như trói chó để giết thịt*”. Em trai anh Dậu chết từ năm ngoái nhưng vẫn phải nộp sưu vì *“Chết cũng không trốn được sưu nhà nước*”. Chị Dậu phải bán khoai, bán ổ chó, bán cả đứa con gái, chị phải đi ở vú… để kiếm đủ số tiền trả 2 suất sưu cho anh Dậu và em trai chồng đã chết.  + Đây là bức tranh chân thực về cuộc sống của người nông dân Việt Nam trước cách mạng , một cuộc sống đen tối hãi hùng. Biết bao gia đình nông dân nghèo khổ bị điêu đứng, bị bắt trói dã man chỉ vì sưu cao thuế nặng, vì những thứ sưu vô cùng vô lý của bọn phong kiến cường quyền…. | 3,0 đ |
|  | **\*Chứng minh,** phân tích, bàn luận vấn đề:“ *hiện lên một cái chân dung lạc quan của chị Dậu***”.**  **- Hoàn cảnh của chị Dậu**  + Chị Dậu cần cù chịu khó làm ăn, *“đầu tắt mặt tối”* mà *“cơm không đủ ăn, áo không đủ mặc”*. Tai họa dồn dập hai cái tang chồng chất: mẹ chồng và em chồng. Anh dậu bị ốm mấy tháng trời, gia đình chị trở thành “cùng đinh”.  + Thiếu sưu, chồng bị bắt trói, bị đánh dã man, một nách ba đứa con thơ, nhà không có lấy một hạt gạo chị tất tả ngược xuôi tìm mọi cách để cứu chồng. Chị phải bán khoai, bán ổ chó, bán cả đứa con gái mới 7 tuổi mới đủ suất sưu cho chồng. Chị phải đi ở vú để *“trang trải món nợ nhà nước”* cho em chồng đã chết. Trước mọi tai họa chị vẫn vững vàng chống đỡ. Trong cảnh “ tức nước vỡ bờ”, chân dung chị đã tỏa sáng | 3,0 đ |
|  | **- Phẩm chất của chị Dậu**  + Dù trong mọi hoàn cảnh, chị Dậu vẫn luôn dành trọn tình cảm đối với chồng, con mà không hề nghĩ đến bản thân mình, không nghĩ đến những khó khăn vất vả mà mình chịu đựng. Sau khi nấu được nồi cháo, chưa nghĩ đến con cái chị múc ngay cháo ra một bát lớn, quạt cho chóng nguội rọi ân cần mời chồng: *“Thầy em hãy cố ngồi dậy húp ít 1cháo cho đỡ xót ruột”. “Rồi chị đón lấy cái Tỉu và ngồi xuống dó như có ý chờ xem chồng chị ăn có ngon miệng hay không?”*  + Chị Dậu là người phụ nữ tiềm tàng tinh thần phản kháng. Khi bọn tay sai, người nhà lí trưởng *"sầm sập"* tiến vào với tay thước, roi song, dây thừng thét trói kẻ thiếu sưu, chị Dậu đã nhẫn nhục chịu đựng, cố van xin tha thiết bằng giọng run run cầu khẩn . Khi tính mạng người chồng đang bị đe doạ, chị Dậu "xám mặt" vội vàng đỡ lấy tay hắn nhưng vẫn cố van xin thảm thiết. Chị Dậu càng nhẫn nhịn, tên cai lệ càng lấn tới, khiến chị thay đổi cách xưng hô từ “ông- cháu” đến “ông - tôi”, rồi “mày -bà”. Rồi chị "túm cổ tên cai lệ, ấn dúi ra cửa... lẳng người nhà lí trưởng ngã nhào ra thềm". Chị vẫn chưa nguôi giận. Với chị, nhà tù thực dân cũng chẳng có thể làm cho chị run sợ, nên trước sự can ngăn của chồng chị vẫn chưa nguôi giận, chị nói với chồng *"Thà ngồi tù. Để chúng nó làm tình, làm tội mãi thế, tôi không chịu được"*  + Phẩm chất trong sạch của chị Dậu . Chị đã vứt toẹt nắm bạc vào mặt tên Tri phủ Tư Ân khi hắn giở trò có má với chị. Chị đã đẩy cụ cố thượng ra khi lão già ôm lấy chị. Bạo lực tù đày chị không hề run sợ. Tiền bạc không mua chuộc được chị. Trong cái đêm tối giời tối đất, *hiện lên một cái chân dung lạc quan của chị Dậu”.* | 4,0 đ |
|  | \* Liên hệ với cuộc sống người nông dân ngày nay | 1,0 đ |

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*